BÌNH GIẢNG LUẬN VỀ LỬA VŨ TRỤ

HỌC KỲ 7 (pgs 679-925)

Michael D. Robbins

TCF 733-747: S7S1

22 March – 6 April 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

1. We now undertake the great theme of *incarnation,* but on a cosmic and planetary scale as well as the human scale.

c. On Incarnation.

(a.) Cosmic, Planetary and Human. We leave now the consideration of self-consciousness, **as it is produced through the medium of the particular type of deva substance which the Agnishvattas provided for the body of the Ego**, and pass on to the study of incarnation, cosmic, planetary and human.

2. If we study these words carefully, certain points emerge.

a. Self-consciousness is produced through the medium of a particular type of deva substance. Self-consciousness is a modification of *consciousness per se*, and without this *type* of deva substance (inducing the quality of "I-ness"), the

22 tháng 3 – 6 tháng 4 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

1. Giờ đây chúng ta đảm nhận chủ đề lớn về *sự nhập thể,* nhưng trên quy mô vũ trụ và hành tinh cũng như trên quy mô con người.

c. Về sự nhập thể.

(a.) Vũ trụ, Hành tinh và Con người. Giờ đây chúng ta rời việc xem xét ngã thức, **như nó được tạo ra qua trung gian của loại chất liệu thiên thần đặc thù mà các Agnishvatta đã cung cấp cho thể của chân ngã**, và chuyển sang nghiên cứu sự nhập thể, ở cấp vũ trụ, hành tinh và con người.

2. Nếu chúng ta nghiên cứu cẩn thận những lời này, một số điểm sẽ nổi lên.

a. Ngã thức được tạo ra qua trung gian của một loại chất liệu thiên thần đặc thù. Ngã thức là một biến đổi của *chính tâm thức*, và nếu không có *loại* chất liệu thiên thần này

resultant consciousness would not be *Self*-consciousness.

(gây ra phẩm tính "tính tôi"), thì tâm thức kết quả sẽ không phải là *ngã*-thức.

b. The Agnishvattas provided this type of substance.

b. Các Agnishvatta đã cung cấp loại chất liệu này.

c. The substance provided is part of the *body* of the Ego.

c. Chất liệu được cung cấp là một phần của *thể* của chân ngã.

d. The Ego is, therefore, not (as usually understood) an Agnishvatta or a collection of Agnishvattas, but is something which uses the substance provided by the Agnishvattas for its body.

d. Vì vậy, chân ngã không phải (như thường được hiểu) là một Agnishvatta hay một tập hợp các Agnishvatta, mà là một cái gì đó sử dụng chất liệu do các Agnishvatta cung cấp làm thể của mình.

e. The Ego, in fact, is the consciousness indwelling the body provided for it by the Agnishvattas. The Ego, really, is the spiritual triad which is an extension of the Monad but is often considered to be that which (as an extension of the Monad/Triad) expresses itself on the higher mental plane through the vehicle which the Agnishvattas have provided.

e. Thật ra, chân ngã là tâm thức ngự bên trong thể được các Agnishvatta cung cấp cho nó. Thực sự, chân ngã là Tam nguyên tinh thần, vốn là một sự mở rộng của chân thần nhưng thường được xem là cái mà (như một sự mở rộng của chân thần/Tam nguyên tinh thần) biểu lộ chính nó trên Cõi thượng trí qua vận cụ mà các Agnishvatta đã cung cấp.

A hint as to the constitution of these solar Pitris **and** Manasadevas may come to the student who ponders upon the place of the egoic unit in the body of the planetary Logos, and in the particular centre of which it forms a component part.

Một gợi ý về cấu tạo của các thái dương tổ phụ này **và** Manasadevas có thể đến với đạo sinh nào suy ngẫm về vị trí của đơn vị chân ngã trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế, và trong trung tâm đặc thù mà nó tạo thành một thành phần cấu thành.

3. Are we to consider Agnishvattas as distinct from Manasadevas? The use of the word "and" strongly suggests this possibility.

3. Chúng ta có nên xem các Agnishvatta là khác biệt với Manasadevas không? Việc dùng chữ "và" gợi ý mạnh mẽ khả năng này.

4. Monads are as cells within the centers of a Planetary Logos. Egoic units are also constituents of the centers of a Planetary Logos, but the centers are of a different (and, probably, lower) order.

4. Các chân thần như những tế bào bên trong các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế. Các đơn vị chân ngã cũng là những thành phần cấu thành của các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế, nhưng các trung

tâm ấy thuộc một cấp khác (và có lẽ thấp hơn).

5. Whereas Monads may form centers found upon the monadic plane, egoic units are constituents of lower centers (on the higher mental plane) which are but reflections of the higher or monadic centers.

5. Trong khi các chân thần có thể tạo thành các trung tâm được tìm thấy trên cõi chân thần, thì các đơn vị chân ngã là những thành phần cấu thành của các trung tâm thấp hơn (trên Cõi thượng trí), vốn chỉ là những phản chiếu của các trung tâm cao hơn hay chân thần.

These Manasadevas and Dhyan Chohans who produce self-consciousness in man **are indeed the energy and substance of the cosmic Man**.

Các Manasadevas và các Dhyan Chohan tạo ra ngã thức nơi con người **quả thật là năng lượng và chất liệu của Đấng Thiên Nhân vũ trụ**.

6. A Heavenly Man is a cosmic Being.

6. Một Đấng Thiên Nhân là một Hữu thể vũ trụ.

7. Since Solar Angels, Manasadevas and Dhyan Chohans *all* produce self-consciousness in man, these three terms must (in this context) refer to the same type of being. We know little, however, about hierarchical rank within the Fifth Creative Hierarchy, so some of the terms we usually think of as identical may indicate beings of differing spiritual status within the same Creative Hierarchy.

7. Vì các Thái dương Thiên Thần, Manasadevas và các Dhyan Chohan *đều* tạo ra ngã thức nơi con người, nên ba thuật ngữ này phải (trong ngữ cảnh này) chỉ cùng một loại hữu thể. Tuy nhiên, chúng ta biết rất ít về thứ bậc huyền giai bên trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm, nên một số thuật ngữ mà chúng ta thường nghĩ là đồng nhất có thể chỉ những hữu thể có địa vị tinh thần khác nhau trong cùng một Huyền Giai Sáng Tạo.

8. As the Solar Angels, Manasadevas and Dhyan Chohans all came into our planet from Venus and from the Heart of the Sun, we must question, "for which of the Heavenly Men are they energy and substance?" If for the Planetary Logos of the Earth-scheme, then it would seem that they would be *appropriated* energy and substance originating, for instance, within Venus or the Heart of the Sun.

8. Vì các Thái dương Thiên Thần, Manasadevas và các Dhyan Chohan đều đến hành tinh chúng ta từ Sao Kim và từ Trái Tim của Mặt Trời, nên chúng ta phải đặt câu hỏi: "chúng là năng lượng và chất liệu cho Đấng Thiên Nhân nào?" Nếu là cho Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Trái Đất, thì dường như chúng sẽ là năng lượng và chất liệu được *chiếm dụng*, chẳng hạn có nguồn gốc từ Sao Kim hay từ Trái Tim của Mặt Trời.

9. The origin (from within the Sun) of these great Beings is well established. The Solar Angels are Beings essentially more *solar* than *planetary* even though, after emanation from the Sun, they function as energy and substance within a Planetary Logos or "cosmic Heavenly Man").

9. Nguồn gốc (từ bên trong Mặt Trời) của các Hữu thể vĩ đại này đã được xác lập rõ. Các Thái dương Thiên Thần về bản chất là những Hữu thể *thái dương* hơn là *hành tinh*, dù sau khi phát xạ từ Mặt Trời, các Ngài hoạt động như năng lượng và chất liệu bên trong một Hành Tinh Thượng Đế hay "Đấng Thiên Nhân vũ trụ").

The word "incarnation" in its root meaning conveys the fundamental truth involved in the taking of a dense physical body, and should technically be applied only to that period of manifestation which concerns the three lower subplanes of the:

Từ "nhập thể" trong ý nghĩa gốc rễ của nó chuyển tải chân lý nềntảng liên quan đến việc tiếp nhận một thể xác đậm đặc, và về mặt kỹ thuật chỉ nên được áp dụng cho giai đoạn biểu hiện liên quan đến ba cõi phụ thấp của:

10. DK places certain limitations upon our understanding of the word "incarnation". The terms always relates to the taking of a dense physical body within the lower three subplanes of a particular kind of etheric-physical plane.

10. Chân sư DK đặt ra một số giới hạn cho sự hiểu biết của chúng ta về từ "nhập thể". Thuật ngữ này luôn liên hệ đến việc tiếp nhận một thể xác đậm đặc trong ba cõi phụ thấp của một loại cõi dĩ thái-hồng trần đặc thù.

a. Cosmic physical plane, in relation to a solar Logos and to a planetary Logos.

a. Cõi hồng trần vũ trụ, liên hệ với một Thái dương Thượng đế và với một Hành Tinh Thượng Đế.

11. For a Solar Logos, we would be dealing with the lower twenty-one subplanes.

11. Đối với một Thái dương Thượng đế, chúng ta sẽ bàn đến hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn.

12. For a Planetary Logos, we would be dealing with the lower *eighteen* subplanes.

12. Đối với một Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta sẽ bàn đến *mười tám* cõi phụ thấp hơn.

b. Systemic physical plane, in relation to man.

b. Cõi hồng trần hệ thống, liên hệ với con người.

13. In this case, we are speaking of the lower three *systemic* subplanes—the densest systemic physical subplane, the liquid

13. Trong trường hợp này, chúng ta đang nói đến ba cõi phụ *hệ thống* thấp hơn — cõi phụ hồng trần hệ thống đậm đặc nhất, cõi phụ

systemic physical subplane, and the gaseous systemic physical subplane.

hồng trần hệ thống lỏng, và cõi phụ hồng trần hệ thống khí.

This connotation has been preserved where the cosmic entities are concerned, but when man is under consideration the **term** [incarnation] has been applied to the unification of the etheric double with the dense physical body, or to the appropriation by man of the vehicle composed of the [Page 733] substance of the lowest subplane of the cosmic physical plane in its lowest aspects.

Hàm nghĩa này đã được giữ nguyên khi liên quan đến các thực thể vũ trụ, nhưng khi xét đến con người thì thuật **ngữ** [incarnation] đã được áp dụng cho sự hợp nhất của bản sao dĩ thái với thể xác đậm đặc, hay cho việc con người chiếm dụng vận cụ được cấu thành từ chất [Trang 733]liệu của cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần vũ trụ trong các phương diện thấp nhất của nó.

14. The meaning of the term "incarnation" as it applies to man is slightly different from the meaning of the term when applied to a Solar Logos or Planetary Logos.

14. Ý nghĩa của thuật ngữ "nhập thể" khi áp dụng cho con người hơi khác với ý nghĩa của thuật ngữ này khi áp dụng cho một Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế.

15. According to this understanding, man is in incarnation when his consciousness is immersed in *both* the lower three (or densest) subplanes of the cosmic physical plane *and* the four etheric subplanes of the physical subplane of the cosmic physical plane.

15. Theo cách hiểu này, con người đang nhập thể khi tâm thức của y chìm đắm trong *cả* ba cõi phụ thấp hơn (hay đậm đặc hơn) của cõi hồng trần vũ trụ *và* bốn cõi phụ dĩ thái của cõi hồng trần thuộc cõi hồng trần vũ trụ.

This distinction has a certain significance and should be remembered. This appropriation is governed by the same laws which governed the appropriation by the Logos of His physical vehicle.

Sự phân biệt này có một ý nghĩa nhấtđịnh và nên được ghi nhớ. Sự chiếm dụng này được chi phối bởi cùng những định luật đã chi phối sự chiếm dụng vận cụ hồng trần của Thượng đế.

16. We are to remember that man's incarnation includes the systemic ethers, but that the incarnation of the Solar Logos or Planetary Logos does *not* include the cosmic ethers.

16. Chúng ta cần nhớ rằng sự nhập thể của con người bao gồm các dĩ thái hệ thống, nhưng sự nhập thể của Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế thì *không* bao gồm các dĩ thái vũ trụ.

In order to get an idea of what the procedure is, it might be of value if **we considered the different kinds of pralaya**, and pondered

Để có được một ý niệm về thủ tục này là gì, sẽ có giá trị nếu **chúng ta xem xét các loại pralaya khác nhau**, và suy ngẫm về những giai đoạn tiếp theo giữa các lần nhậpthể.

upon those periods which ensue between incarnations.

17. There are many such pralayas, the vast majority beyond our range of comprehension. How shall we speak of the pralaya of a Cosmic Logos or of a Super-Cosmic Logos, or of a Galactic Logos, and beyond?

18. Fortunately, we do not have to consider such vast periods.

From the point of view of any unit involved, **a pralaya is a period of quiescence, of cessation from a particular type of activity, involving objectivity**, yet from the point of view of the great whole with which the unit may be involved, a pralaya may be considered merely as **a transference of force from one direction into another**.

19. A pralaya may be no quiescence at all. During pralaya there may be a cessation of *objective* activity, but what of *subjective* activity?

Though the unit may be temporarily devitalised as regards its form, yet the greater Entity persists, and is still active.

20. And the lesser entity who has experienced a transference of force may be active in a new way within that "greater Entity".

21. Pralaya and the dynamic of 'objective devitalization' go hand in hand.

17. Có rất nhiều pralaya như thế, đại đa số vượt ngoài tầm thấu hiểu của chúng ta. Làm sao chúng ta có thể nói về pralaya của một Thượng đế Vũ trụ hay của một Thượng đế Siêu Vũ trụ, hay của một Thượng đế Ngân Hà, và còn hơn thế nữa?

18. May thay, chúng ta không phải xem xét những giai đoạn bao la như vậy.

Theo quan điểm của bất kỳ đơn vị nào có liên quan, **một pralaya là một giai đoạn tĩnh lặng, ngưng dứt một loại hoạt động đặc thù, có liên quan đến tính khách quan**, nhưng theo quan điểm của toàn thể lớn lao mà đơn vị ấy có thể dự phần, một pralaya có thể được xem chỉ đơn thuần như **sự chuyển dịch mãnh lực từ một hướng sang một hướng khác**.

19. Một pralaya có thể hoàn toàn không phải là sự tĩnh lặng. Trong pralaya có thể có sự ngưng dứt hoạt động *khách quan*, nhưng còn hoạt động *chủ quan* thì sao?

Dù đơn vị có thể tạm thời bị mất sinh lực xét về hình tướng của nó, thực thể lớn hơn vẫn tồn tại và vẫn hoạt động.

20. Và thực thể nhỏ hơn đã trải qua một sự chuyển dịch mãnh lực có thể hoạt động theo một cách mới bên trong "thực thể lớn hơn" ấy.

21. Pralaya và động lực của "sự mất sinh lực khách quan" đi đôi với nhau.

Chúng ta hãy bàn đến vấn đề này **trước hết từ quan điểm con người**, và nghiên cứu

Let us take up the matter **first from the human standpoint**, and study pralaya as it affects the Monad in incarnation.

pralaya khi nó ảnh hưởng đến chân thần đang nhập thể.

22. We recall that "incarnation" (as regards the human unit) includes expression within the systemic ethers as well as through the three lowest of the systemic physical subplanes.

22. Chúng ta nhớ rằng "nhập thể" (xét về đơn vị con người) bao gồm sự biểu lộ trong các dĩ thái hệ thống cũng như qua ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần hệ thống.

Footnote 44 (See S. D., I, 397-398.)

Cước chú 44 (Xem G. L. B. N., I, 397-398.)

There are fundamentally three kinds of Pralaya.

Về căn bản có ba loại Pralaya.

1. **Solar pralaya**.This comes at the end of one hundred years of Brahma. It marks reabsorption into unity. It marks end of manifestation of solar system. Concerns the solar Logos.

1. **Thái dương pralaya**.Điều này đến vào cuối một trăm năm của Brahma. Nó đánh dấu sự tái hấp thu vào hợp nhất. Nó đánh dấu sự chấm dứt biểu hiện của hệ mặt trời. Liên quan đến Thái dương Thượng đế.

23. From the human perspective, this is a pralaya of vast duration, but from the truly cosmic perspective, it is a the blinking of an eye.

23. Từ góc nhìn con người, đây là một pralaya có thời lượng vô cùng lớn, nhưng từ góc nhìn thật sự vũ trụ, đó chỉ là một cái chớp mắt.

24. We can see that in this type of occultism, the period known as "one hundred years of Brahma" is taken very seriously. It is hard to conceive of it as a symbolic figure.

24. Chúng ta có thể thấy rằng trong loại huyền bí học này, giai đoạn được biết là "một trăm năm của Brahma" được xem trọng một cách nghiêm túc. Thật khó hình dung đó chỉ là một con số tượng trưng.

25. One the solar system has disappeared, it may be said that solar pralaya has begun, but perhaps the solar pralaya is not completed until the consciousness of the Solar Logos has returned to the solar logoic causal body.

25. Một khi hệ mặt trời đã biến mất, có thể nói rằng thái dương pralaya đã bắt đầu, nhưng có lẽ thái dương pralaya chưa hoàn tất cho đến khi tâm thức của Thái dương Thượng đế đã trở về thể nguyên nhân logoi thái dương.

2. Incidental pralaya.This succeeds the days of Brahma. It marks periods between manvantaras. Temporary form ceases but

2. Pralaya ngẫu phát.Điều này tiếp nối các ngày của Brahma. Nó đánh dấu các giai đoạn giữa các giai kỳ sinh hóa. Hình tướng tạm

duality remains. Concerns a planetary Logos.

thời chấm dứt nhưng nhị nguyên tính vẫn còn. Liên quan đến một Hành Tinh Thượng Đế.

26. We must wonder why the period known as the "year of Brahma" is not mentioned. From this perspective, "manvantaras" are "days of Brahma".

26. Chúng ta phải tự hỏi vì sao giai đoạn được biết là "năm của Brahma" lại không được nhắc đến. Từ góc nhìn này, các "giai kỳ sinh hóa" là các "ngày của Brahma".

27. Although the "day of Brahma" *concerns* a Planetary Logos, it is virtually impossible to think of the duration of a Planetary Logos as being less than a "year of Brahma". In fact, it would seem that most Planetary Logoi must endure for many *years* of Brahma.

27. Mặc dù "ngày của Brahma" *liên quan đến* một Hành Tinh Thượng Đế, nhưng hầu như không thể nghĩ rằng thời lượng của một Hành Tinh Thượng Đế lại ít hơn một "năm của Brahma". Thật ra, dường như phần lớn các Hành Tinh Thượng Đế phải tồn tại qua nhiều *năm* của Brahma.

28. Later, there is a discussion of the interval between globes as a "manvantara". From this perspective, we must link what is here said about "incidental pralaya" with what is later said concerning the interval between globe activity.

28. Về sau, có một cuộc bàn luận về khoảng cách giữa các bầu hành tinh như một "giai kỳ sinh hóa". Từ góc nhìn này, chúng ta phải liên kết điều được nói ở đây về "pralaya ngẫu phát" với điều được nói sau đó liên quan đến khoảng cách giữa hoạt động của các bầu hành tinh.

3. **Individual pralaya**.Achieved by a man at the fifth initiation. Marks attainment of perfection. Concerns the monad.

3. **Cá nhân pralaya**.Đạt được bởi một người ở lần điểm đạo thứ năm. Đánh dấu sự đạt đến hoàn hảo. Liên quan đến chân thần.

29. Mastership is here equated with "perfection". What of Chohanship?

29. Ở đây, địa vị chân sư được đồng nhất với "sự hoàn hảo". Thế còn địa vị Chohan thì sao?

30. What may the individual pralaya here discussed really be? May we say that it is the pralaya following the great cycle of incarnation in the fourth or human kingdom? Following this type of pralaya there would certainly be no need for incarnation in the fourth kingdom (and, thus, the idea of "devitalization" with respect to the lower three worlds). We may wonder why this type of pralaya would not

30. Cá nhân pralaya được bàn ở đây thật sự có thể là gì? Chúng ta có thể nói rằng đó là pralaya tiếp theo sau chu kỳ lớn của sự nhập thể trong giới thứ tư hay giới nhân loại chăng? Sau loại pralaya này chắc chắn sẽ không còn cần sự nhập thể trong giới thứ tư nữa (và do đó, ý niệm về "mất sinh lực" đối với ba cõi thấp). Chúng ta có thể tự hỏi vì sao loại pralaya này lại không bắt đầu từ lần điểm đạo thứ *tư*. Có lẽ chỉ khi đã có một "sự

begin at the *fourth* initiation. Perhaps only when there has been a 'clearing of the debris' remaining from the 'fourth-initiation supernova' is a man truly liberated from the lower twenty-one systemic subplanes.

dọn sạch đống đổ nát" còn lại từ "siêu tân tinh của lần điểm đạo thứ tư" thì con người mới thật sự được giải thoát khỏi hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp hơn.

31. Is much time spent in this particular type of pralaya? If so, how can we incorporate the idea that the duration between the fifth and sixth initiation may not be lengthy, though perhaps it may last a thousand years or two thousand years?

31. Có nhiều thời gian được trải qua trong loại pralaya đặc thù này không? Nếu có, làm sao chúng ta có thể dung hợp ý niệm rằng thời lượng giữa lần điểm đạo thứ năm và thứ sáu có thể không dài, dù có lẽ có thể kéo dài một ngàn năm hay hai ngàn năm?

32. Or, does this type of pralaya simply indicate that, for the human Monad, life has now begun in earnest on the cosmic etheric planes and that life expression within the dense physical body of the Planetary Logos (and even Solar Logos) is no longer necessary. With respect to these lower subplanes, a kind of 'death' has ensued.

32. Hay loại pralaya này chỉ đơn giản cho thấy rằng, đối với chân thần con người, sự sống giờ đây đã thực sự bắt đầu trên các cõi dĩ thái vũ trụ và sự biểu lộ sự sống trong thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế (và ngay cả của Thái dương Thượng đế) không còn cần thiết nữa. Đối với các cõi phụ thấp hơn này, một loại "cái chết" đã xảy ra.

33. Some speculate that Master DK, Who took the fifth initiation in 1875 has already taken the sixth initiation. If this is the case, then the duration between the fifth and sixth initiations could be short, indeed. We may, however, speculate that the type of pralaya here discussed does not end with the onset of the sixth initiation or seventh, etc.

33. Một số người suy đoán rằng Chân sư DK, Đấng đã nhận lần điểm đạo thứ năm vào năm 1875, đã nhận lần điểm đạo thứ sáu rồi. Nếu đúng như vậy, thì thời lượng giữa lần điểm đạo thứ năm và thứ sáu quả thật có thể ngắn. Tuy nhiên, chúng ta có thể suy đoán rằng loại pralaya được bàn ở đây không chấm dứt khi bắt đầu lần điểm đạo thứ sáu hay thứ bảy, v.v.

34. In any case, what is the nature of a pralaya in which there is, apparently, no 'rest'? If we are to consider the period following the fifth initiation as a pralayic period, we can see that within that pralaya there is a great deal of very useful activity, for a Master or Chohan is extremely busy on the cosmic etheric planes, though, perhaps, not so apparently active within the lower three worlds from which the fourth and fifth initiation have freed Him. Thus, He achieves a certain 'rest' with respect to the

34. Dù sao đi nữa, bản chất của một pralaya trong đó dường như không có "nghỉ ngơi" là gì? Nếu chúng ta xem giai đoạn sau lần điểm đạo thứ năm là một giai đoạn pralaya, chúng ta có thể thấy rằng bên trong pralaya ấy có rất nhiều hoạt động hết sức hữu ích, vì một Chân sư hay Chohan cực kỳ bận rộn trên các cõi dĩ thái vũ trụ, dù có lẽ không hoạt động rõ rệt đến thế trong ba cõi thấp mà lần điểm đạo thứ tư và thứ năm đã giải thoát Ngài khỏi đó. Như vậy, Ngài đạt được một sự

lower eighteen or twenty-one systemic subplanes.

“nghỉ ngơi” nhất định đối với mười tám hay hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp hơn.

35. Is this an example of the transference of energy from a sphere of objectivity to one of far deeper subjectivity? It would seem so.

35. Đây có phải là một ví dụ về sự chuyển dịch năng lượng từ một khối cầu khách quan sang một khối cầu chủ quan sâu xa hơn nhiều không? Dường như là như vậy.

36. One cannot specify too many details on these matters which are, at this time, beyond our ken.

36. Không thể nêu quá nhiều chi tiết về những vấn đề hiện nay còn vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

There is also the pralaya in connection with human evolution which we call devachanic. It concerns the personality.

Cũng có pralaya liên quan đến tiến hoá con người mà chúng ta gọi là devachan. Nó liên quan đến phàm ngã.

37. It seemed curious that, when *individual pralaya* was mentioned, it was not the pralaya which occurs between human incarnations. We see that the name for such a pralaya is called “devachanic”.

37. Có vẻ lạ là khi *cá nhân pralaya* được nhắc đến, đó lại không phải là pralaya xảy ra giữa các lần nhập thể của con người. Chúng ta thấy rằng tên gọi của loại pralaya ấy là “devachan”.

38. May we, in a sense, assume that the true “Individual” is the Monad?

38. Theo một nghĩa nào đó, chúng ta có thể giả định rằng “Cá nhân” đích thực là chân thần chăng?

39. Presumably, if a disciple foregoes the type of experience called “devachan”, he does not experience this fourth type of pralaya. Once He is truly “on the Path”, ‘devachanic pralaya’ may become rare of non-existent.

39. Có lẽ, nếu một đệ tử từ bỏ loại kinh nghiệm được gọi là “devachan”, y không trải qua loại pralaya thứ tư này. Một khi Ngài thật sự “ở trên Con Đường”, “devachanic pralaya” có thể trở nên hiếm hoi hoặc không còn nữa.

There are five types of pralaya with which we may legitimately concern ourselves.

Có năm loại pralaya mà chúng ta có thể chính đángly quan tâm đến.

40. Thus far, four types have been mentioned.

40. Cho đến nay, bốn loại đã được nhắc đến.

41. We note the use of the word “legitimately”. Apparently there are types of pralaya which would be *speculatively*

41. Chúng ta lưu ý việc dùng từ “chính đáng”. Rõ ràng có những loại pralaya mà việc quan tâm đến chúng sẽ thú vị về mặt *suy*

interesting, but our interest in them would not be spiritually profitable and, thus, *legitimate*.

đoán, nhưng sự quan tâm ấy sẽ không có lợi về mặt tinh thần và do đó không *chính đáng*.

We should notice first the fact that this condition is primarily one that concerns the relationship between Spirit and matter, in which a condition in substance is brought about through the action of the energising factor, the Spirit.

Trước hết chúng ta nên lưu ý sự kiện rằng trạng thái này chủ yếu là trạng thái liên quan đến mối quan hệ giữa Tinh thần và vật chất, trong đó một trạng thái trong chấtliệu được tạo ra qua tác động của nhân tố tiếp năng lượng, tức Tinh thần.

42. Here is a rather abstract definition of pralaya. Pralaya is a condition of abstraction from one condition of substance into another and higher, and this abstraction is brought about by the relation between Spirit and matter, and, more specifically, by the relationship of Spirit *to* matter.

42. Đây là một định nghĩa khá trừu tượng về pralaya. Pralaya là một trạng thái trừu xuất khỏi một điều kiện chất liệu sang một điều kiện khác và cao hơn, và sự trừu xuất này được tạo ra bởi mối quan hệ giữa Tinh thần và vật chất, và cụ thể hơn là bởi mối quan hệ của Tinh thần *đối với* vật chất.

It has, therefore, to do with the relation of the greater devas as They carry out Their work of form-building [Page 734] under the Law of Will of God to the lesser devas who represent living substance.

Vì vậy, nó liên quan đến mối quan hệ của các thiên thần lớn hơn khi Các Ngài thực hiện công việc kiến tạo hình tướng [Trang 734] dưới Định luật Ý Chí của Thượng Đế đối với các thiên thần nhỏ hơn là những vị đại diện cho chất liệu sống.

43. This is certainly an unusual angle on the subject. It is as if the "greater devas" are responsible for the abstraction of the Monad from the influence of the lesser devas.

43. Đây chắc chắn là một góc nhìn khác thường về chủ đề này. Dường như các "thiên thần lớn hơn" chịu trách nhiệm cho việc trừu xuất chân thần khỏi ảnh hưởng của các thiên thần nhỏ hơn.

44. We have to understand what it means to "represent" living substance. This is not necessarily the same as *being* living substance.

44. Chúng ta phải hiểu "đại diện cho" chất liệu sống có nghĩa là gì. Điều này không nhất thiết giống với *việc là* chất liệu sống.

45. Are the "greater devas" not, themselves, also working through living substance on the cosmic etheric planes?

45. Chẳng phải chính các "thiên thần lớn hơn" cũng đang hoạt động qua chất liệu sống trên các cõi dĩ thái vũ trụ sao?

46. From one perspective, the Solar Angel is a "greater deva", and this Angel is (through

46. Từ một góc nhìn, Thái dương Thiên Thần là một "thiên thần lớn hơn", và Thiên

the *death process*) responsible for cyclically abstracting the human consciousness from engagement with the lesser devas.

Thần này (qua *tiến trình chết*) chịu trách nhiệm trừu xuất theo chu kỳ tâm thức con người khỏi sự dấn nhập với các thiên thần nhỏ hơn.

47. What we call the human personality is, in a way, produced by the engagement of the Solar Angels with the Lunar Lords—i.e., the engagement of "greater devas" with lesser devas.

47. Điều mà chúng ta gọi là phàm ngã con người, theo một cách nào đó, được tạo ra bởi sự dấn nhập của các Thái dương Thiên Thần với các nguyệt tinh quân — tức là, sự dấn nhập của các "thiên thần lớn hơn" với các thiên thần nhỏ hơn.

It will be apparent to the student that it concerns the relation of the Holy Spirit to the Mother in the production of the Son, and then the relation of the Son to the Mother.

Đối với đạo sinh, sẽ hiển nhiên rằng điều này liên quan đến mối quan hệ của Chúa Thánh Thần với Mẹ trong việc tạo ra Người Con, và rồi đến mối quan hệ của Người Con với Mẹ.

48. The Holy Spirit, when compared to the energy or force of the Mother, is *etheric.*

48. Chúa Thánh Thần, khi được so sánh với năng lượng hay mãnh lực của Mẹ, là *dĩ thái.*

49. By means of the Holy Spirit, it becomes possible for the Son to manifest *through* the Mother.

49. Nhờ Chúa Thánh Thần, Người Con có thể biểu hiện *qua* Mẹ.

50. The Holy Spirit acts as a bridge of energy preparing the way for the coming of the Son.

50. Chúa Thánh Thần hoạt động như một cây cầu năng lượng chuẩn bị con đường cho sự xuất hiện của Người Con.

51. We should be alert to the fact that the subject of pralaya is being treated from a devic perspective, which is unusual.

51. Chúng ta nên tỉnh táo trước sự kiện rằng chủ đề pralaya đang được xử lý từ một góc nhìn thiên thần, điều này là khác thường.

52. From another perspective, the Holy Spirit energy is that of the cosmic ethers. When the energy of these ethers engages with the Mother energy (the energy of the lower eighteen systemic subplanes) the vehicle for the "Son" (the egoic lotus on the higher mental plane) is produced.

52. Từ một góc nhìn khác, năng lượng Chúa Thánh Thần là năng lượng của các dĩ thái vũ trụ. Khi năng lượng của các dĩ thái này dấn nhập với năng lượng Mẹ (năng lượng của mười tám cõi phụ hệ thống thấp hơn), vận cụ cho "Người Con" (hoa sen chân ngã trên Cõi thượng trí) được tạo ra.

53. From one perspective, the human physical body is a "son" caused by the interaction of systemic ether and the

53. Từ một góc nhìn, thể xác con người là một "người con" do sự tương tác của dĩ thái hệ thống và các cõi phụ đậm đặc hệ thống

systemic dense subplanes.. From another perspective, the production of the egoic lotus is a "Son".

gây ra. Từ một góc nhìn khác, việc tạo ra hoa sen chân ngã là một "Người Con".

54. There would be no physical body unless the etheric body engaged with Mother substance.

54. Sẽ không có thể xác nếu thể dĩ thái không dấn nhập với chất liệu Mẹ.

55. Analogously, it would seem that there would be no causal body unless cosmic etheric substance engaged with the Mother substance of the higher mental plane. We should perhaps recollect that the "true plane" of the Solar Angels is *not* the higher mental plane but that the Solar Angels are much more at home in the cosmic ethers. They are said, for instance, to embody the buddhic energy.

55. Tương tự, dường như sẽ không có thể nguyên nhân nếu chất liệu dĩ thái vũ trụ không dấn nhập với chất liệu Mẹ của Cõi thượng trí. Có lẽ chúng ta nên nhớ lại rằng "cõi đích thực" của các Thái dương Thiên Thần *không* phải là Cõi thượng trí mà là các Thái dương Thiên Thần ở trong các dĩ thái vũ trụ tự nhiên hơn nhiều. Chẳng hạn, các Ngài được nói là hiện thân của năng lượng Bồ đề.

56. Spirit (as it manifests on the cosmic physical plane) is represented by the higher ethers (the energy of the "Holy Spirit" cosmically considered) and Matter by the lower twenty-one subplanes (the dense physical body of the Solar Logos). The causal "Son"/Sun arises through this interaction expedited by the Solar Angels.

56. Tinh thần (khi biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ) được đại diện bởi các dĩ thái cao hơn (năng lượng của "Chúa Thánh Thần" xét theo vũ trụ) và Vật chất bởi hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn (thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế). "Người Con"/Mặt Trời nguyên nhân phát sinh qua sự tương tác này được các Thái dương Thiên Thần xúc tiến.

If the ideas formulated in this treatise have been carefully followed, it will be obvious that in studying the **question of pralaya**, we are studying the relation (in time and space) of the positive energy of the solar Logos, the planetary Logos, and of Man to the substance through which alone manifestation is possible.

Nếu những ý tưởng được hình thành trong bộ luận này đã được theo dõi cẩn thận, thì sẽ hiển nhiên rằng khi nghiên cứu **vấn đề pralaya**, chúng ta đang nghiên cứu mối quan hệ (trong thời gian và không gian) của năng lượng dương của Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế, và của con người với chất liệu mà chỉ qua đó sự biểu hiện mới có thể có được.

57. In studying pralaya, we are studying a relationship.

57. Khi nghiên cứu pralaya, chúng ta đang nghiên cứu một mối quan hệ.

58. We appear to be discussing the relationship between the etheric energy/

58. Dường như chúng ta đang bàn về mối quan hệ giữa năng lượng/chất liệu dĩ thái và

substance and dense matter. In the case of the section of text above, dense matter (cosmically considered) is named as "substance".

vật chất đậm đặc. Trong trường hợp của đoạn văn trên, vật chất đậm đặc (xét theo vũ trụ) được gọi là "chất liệu".

59. The positive energy of a Solar Logos, Planetary Logos (if we confine our consideration to the cosmic physical plane) or of man (if we confine ourselves to the systemic physical plane) is *etheric*. In this context, however, the "substance through which alone manifestation is possible" is densely material. Technically, however, *substance* is that which *substands* the more material or objective force we know as dense matter.

59. Năng lượng dương của một Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế (nếu chúng ta giới hạn việc xem xét vào cõi hồng trần vũ trụ) hay của con người (nếu chúng ta giới hạn vào cõi hồng trần hệ thống) là *dĩ thái*. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này, "chất liệu mà chỉ qua đó sự biểu hiện mới có thể có được" lại là vật chất đậm đặc. Tuy nhiên, về mặt kỹ thuật, *chất liệu* là cái *nằm bên dưới* mãnh lực vật chất hơn hay khách quan hơn mà chúng ta biết là vật chất đậm đặc.

60. A pralaya is usually (and initially) a withdrawal from out that which is materially dense into that which is etheric in nature.

60. Một pralaya thường là (và lúc đầu là) một sự rút lui ra khỏi cái đậm đặc về vật chất để đi vào cái có bản chất dĩ thái.

Through this relation, existence on the objective planes can be brought about.

Qua mối quan hệ này, sự tồn tại trên các cõi khách quan có thể được tạo ra.

61. We are saying that through the relationship between etheric substance and dense physical matter, existence upon the objective planes can be brought about.

61. Chúng ta đang nói rằng qua mối quan hệ giữa chất liệu dĩ thái và vật chất hồng trần đậm đặc, sự tồn tại trên các cõi khách quan có thể được tạo ra.

62. There will be no existence on the dense physical planes without the engagement of etheric substance with dense physical matter.

62. Sẽ không có sự tồn tại trên các cõi hồng trần đậm đặc nếu không có sự dấn nhập của chất liệu dĩ thái với vật chất hồng trần đậm đặc.

63. The ethers are ultimately the vehicles for the first aspect, for *life* or Spirit.

63. Các dĩ thái rốt cuộc là các vận cụ cho phương diện thứ nhất, cho *Sự sống* hay Tinh thần.

64. The systemic and cosmic dense subplanes are vehicles for the third aspect.

64. Các cõi phụ đậm đặc hệ thống và vũ trụ là các vận cụ cho phương diện thứ ba.

(b.) The Nature of Pralaya. We can view **pralaya as the work of "abstraction,"** and as the method which brings the form under the Destroyer aspect of Spirit, **working ever under the Law of Attraction, of which the Law of Synthesis is but a branch.**

65. We are given some significant relationships and a sense of priorities:

a. The "work of abstraction" brings the form under the "Destroyer aspect of Spirit".

b. The destroyer aspect is under the control of the Law of Attraction

c. The Law of Synthesis is but a "branch" of the Law of Attraction

d. It would seem that the "Destroyer aspect of Spirit" is directly related to the Law of Synthesis and that both are related to the "work of abstraction".

e. Could the hierarchy be as follows?:

i. The Law of Attraction is preeminent

ii. The Law of Synthesis is a branch of the Law of Attraction

iii. The work of abstraction, bringing the form under the influence of the destroyer aspect, is actually working under the Law of Synthesis (as a branch of the Law of Attraction).

(b.) Bản chất của Pralaya. Chúng ta có thể xem **pralaya như công việc "trừu xuất,"** và như phương pháp đưa hình tướng vào dưới phương diện Hủy Diệt của Tinh thần, **luôn luôn hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn, mà Định luật Tổng Hợp chỉ là một nhánh của nó.**

65. Chúng ta được trao cho một số mối liên hệ quan trọng và một ý thức về thứ tự ưu tiên:

a. "Công việc trừu xuất" đưa hình tướng vào dưới "phương diện Hủy Diệt của Tinh thần".

b. phương diện hủy diệt nằm dưới sự kiểm soát của Định luật Hấp Dẫn

c. Định luật Tổng Hợp chỉ là một "nhánh" của Định luật Hấp Dẫn

d. Dường như "phương diện Hủy Diệt của Tinh thần" có liên hệ trực tiếp với Định luật Tổng Hợp và cả hai đều liên hệ với "công việc trừu xuất".

e. Huyền giai có thể như sau chăng?:

i. Định luật Hấp Dẫn là tối thượng

ii. Định luật Tổng Hợp là một nhánh của Định luật Hấp Dẫn

iii. Công việc trừu xuất, đưa hình tướng vào dưới ảnh hưởng của phương diện hủy diệt, thật ra đang hoạt động dưới Định luật Tổng Hợp (như một nhánh của Định luật Hấp Dẫn).

iv. Death and destruction are essentially caused by the urge towards synthesis which arises under the great Law of Attraction

iv. Cái chết và sự hủy diệt về bản chất được gây ra bởi xung lực hướng đến tổng hợp phát sinh dưới Định luật Hấp Dẫn vĩ đại

66. The planet Jupiter is here implicated. Jupiter is the planet, in our solar system, through which the Law of Attraction largely expresses. As the ruler of the monadic plane, Jupiter is also expressive of the Law of Synthesis. The Monad is the synthetic factor in the constitution of man.

66. Hành tinh Sao Mộc được hàm ý ở đây. Sao Mộc là hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta mà qua đó Định luật Hấp Dẫn phần lớn biểu lộ. Là chủ tinh của cõi chân thần, Sao Mộc cũng biểu lộ Định luật Tổng Hợp. Chân thần là nhân tố tổng hợp trong cấu tạo của con người.

The basic law of the system is that which governs the relation of all atoms to the aggregate of atoms, and of the Self to the Not-self.

Định luật căn bản của hệ thống là định luật chi phối mối quan hệ của mọi nguyên tử với tổng thể các nguyên tử, và của Bản Ngã với Phi-ngã.

67. DK is speaking, principally of the Law of Attraction, a great Law of Magnetism.

67. Chân sư DK đang nói chủ yếu về Định luật Hấp Dẫn, một Định luật lớn của từ điện.

It is (from the occult standpoint) the most powerful force-demonstration in the system, and should the law inconceivably cease to work, instantaneously the system and all forms therein, planetary, human and other would cease to be.

Đó là (theo quan điểm huyền bí học) sự biểu hiện mãnh lực mạnh mẽ nhất trong hệ thống, và nếu định luật ấy không thể tưởng tượng nổi mà ngưng hoạt động, thì tức khắc hệ thống và mọi hình tướng trong đó, hành tinh, con người và những loại khác, sẽ không còn hiện hữu nữa.

68. Cosmic and systemic laws sustain and substand the solar systemic form through which a Solar Logos expresses. Such laws are great 'sustainers of relationship and without them, all that is related in a particular way would cease to be related.

68. Các định luật vũ trụ và hệ thống duy trì và làm nền cho hình tướng hệ thống thái dương mà qua đó một Thái dương Thượng đế biểu lộ. Những định luật ấy là những "đấng duy trì" lớn lao của mối quan hệ, và nếu không có chúng, tất cả những gì được liên hệ theo một cách đặc thù sẽ không còn được liên hệ nữa.

By an act of will the planetary schemes persist, by an act of will the system IS;

Bằng một hành vi ý chí, các hệ hành tinh tồn tại; bằng một hành vi ý chí, hệ thống HIỆN HỮU;

69. Laws are *acts of will.* Divine Will sustains Divine Relationship. Should will cease, law would cease. Should law cease, then relationship would cease and chaos ensue.

69. Các định luật là những *hành vi của ý chí.* Ý Chí thiêng liêng duy trì Mối Quan Hệ thiêng liêng. Nếu ý chí ngưng lại, định luật sẽ ngưng. Nếu định luật ngưng, thì mối quan hệ sẽ ngưng và hỗn loạn sẽ xảy ra.

70. That which sustains planetary schemes in existence is the will of the Solar Logos.

70. Điều duy trì các hệ hành tinh trong sự tồn tại là ý chí của Thái dương Thượng đế.

by an act of the egoic will man appears.

bằng một hành vi của ý chí chân ngã, con người xuất hiện.

71. This "egoic will" can be considered the will of the Monad through the spiritual triad, both expressive through the vehicle which the Solar Angel provides, so that monadic will (thus meditated) can create the personality of man.

71. "Ý chí chân ngã" này có thể được xem là ý chí của chân thần qua Tam nguyên tinh thần, cả hai biểu lộ qua vận cụ mà Thái dương Thiên Thần cung cấp, để ý chí chân thần (được tham thiền như thế) có thể tạo ra phàm ngã của con người.

72. Of course, the Solar Angel is involved in the generation of "egoic will".

72. Dĩ nhiên, Thái dương Thiên Thần có dự phần vào việc phát sinh "ý chí chân ngã".

When the **Will** of the Logos, of the Heavenly Man, and of the human divine Ego is turned to other ends, the substance of Their vehicles is affected, and disintegration sets in.

Khi **Ý Chí** của Thượng đế, của Đấng Thiên Nhân, và của chân ngã thiêng liêng con người được hướng đến những mục đích khác, chất liệu của các vận cụ của Các Ngài bị ảnh hưởng, và sự tan rã bắt đầu.

73. From this perspective, pralaya can be considered a *redirection of attention.* The will of any entity reaches the field upon which that will is to be imposed through the medium of directed attention.

73. Từ góc nhìn này, pralaya có thể được xem như một *sự đổi hướng chú ý.* Ý chí của bất kỳ thực thể nào cũng vươn đến trường mà trên đó ý chí ấy sẽ được áp đặt qua trung gian của sự chú ý có định hướng.

74. Will sustains relationship. There is no manifestation without relationship. The withdrawal of will is the removal of that which sustains relationship and "disintegration sets in".

74. Ý chí duy trì mối quan hệ. Không có biểu hiện nếu không có mối quan hệ. Sự rút lại ý chí là sự loại bỏ cái duy trì mối quan hệ và "sự tan rã bắt đầu".

The five types of pralaya which concern the human unit are as follows:

75. Now we enter a more detailed description of the kinds of pralaya which the human unit can experience.

76. We might as well list all five types of pralaya at the outset:

a. The period of pralaya between two incarnations

b. The period between egoic cycles

c. The period wherein the man has attained freedom

d. Planetary pralaya

e. The Great Pralaya

(1) The period of pralaya between two incarnations.

77. This, we remember, is the least of the four types of pralaya originally mentioned:

a. Solar pralaya (concerning occult centuries)

b. Planetary pralaya (concerning manvantaras)

c. Individual pralaya (appearing at the time of the fifth initiation).

d. Finally, "devachanic" pralaya

Năm loại pralaya liên quan đến đơn vị con người như sau:

75. Giờ đây chúng ta đi vào một mô tả chi tiết hơn về các loại pralaya mà đơn vị nhân loại có thể kinh nghiệm.

76. Ngay từ đầu, chúng ta cũng nên liệt kê cả năm loại pralaya:

a. Giai đoạn pralaya giữa hai lần nhập thể

b. Giai đoạn giữa các chu kỳ chân ngã

c. Giai đoạn trong đó con người đã đạt được tự do

d. Pralaya hành tinh

e. Đại Giai kỳ qui nguyên

(1) Giai đoạn pralaya giữa hai lần nhập thể.

77. Như chúng ta nhớ, đây là loại nhỏ nhất trong bốn loại pralaya được nêu ra ban đầu:

a. Thái dương pralaya (liên quan đến các thế kỷ huyền bí)

b. Pralaya hành tinh (liên quan đến các giai kỳ sinh hóa)

c. Pralaya cá nhân (xuất hiện vào lúc lần điểm đạo thứ năm).

d. Sau cùng, pralaya "devachan"

This is of a triple nature and affects the substance of the three vehicles, physical, astral and mental, **reducing the form to its primitive substance**, and dissipating its atomic structure.

Loại này có bản chất tam phân và ảnh hưởng đến chất liệu của ba vận cụ, hồng trần, cảm dục và trí tuệ, **làm giảm hình tướng về chất liệu nguyên sơ của nó**, và làm tiêu tan cấu trúc nguyên tử của nó.

78. The nature of this type of pralaya is "triple" because of the three types of personality vehicles which must undergo disintegration.

78. Bản chất của loại pralaya này là "tam phân" vì ba loại vận cụ phàm ngã phải trải qua sự tan rã.

79. Pralaya seems a very complete process if all substance composing the personality vehicles is to be reduce to "primitive substance".

79. Pralaya dường như là một tiến trình rất triệt để nếu toàn bộ chất liệu cấu thành các vận cụ phàm ngã đều phải bị giảm về "chất liệu nguyên sơ".

80. By primitive substance, do we mean "atomic substance"?

80. Bởi chất liệu nguyên sơ, chúng ta có muốn nói đến "nguyên tử chất liệu" không?

81. There are many types of atoms to be found on the six subsidiary or molecular subplanes of any systemic plane. Are we to suppose that all matter composing the personality vehicles is reduced to *atomic* matter (characteristic of the plane in question) and then returned to the "great reservoir". Or are we to suppose that the atoms of each vehicle are reduced to their original *subplane* nature and thence returned to the great reservoir as atoms of a particular subplane?

81. Có nhiều loại nguyên tử được tìm thấy trên sáu cõi phụ hay cõi phân tử của bất kỳ cõi hệ thống nào. Chúng ta có nên giả định rằng toàn bộ vật chất cấu thành các vận cụ phàm ngã đều được giảm về vật chất *nguyên tử* (đặc trưng cho cõi đang xét) rồi sau đó được hoàn trả về "kho chứa lớn" hay không? Hoặc chúng ta có nên giả định rằng các nguyên tử của mỗi vận cụ được giảm về bản chất *cõi phụ* nguyên thủy của chúng rồi từ đó được hoàn trả về kho chứa lớn như những nguyên tử của một cõi phụ đặc biệt?

82. If the substance of the three vehicles is to have its atomic structure dissipated, how thorough-going is this dissipation? Every subplane of the etheric, astral and lower mental plane (for instance) has its characteristic atomic structure. Is there any reason to suppose that the various types of subplane matter which went to the constitution of the personality vehicles of the human being should be reduced beyond its subplane identity?

82. Nếu chất liệu của ba vận cụ phải bị làm tiêu tan cấu trúc nguyên tử của nó, thì sự tiêu tan này triệt để đến mức nào? Mỗi cõi phụ của cõi dĩ thái, cõi cảm dục và cõi hạ trí chẳng hạn đều có cấu trúc nguyên tử đặc trưng của nó. Có lý do nào để giả định rằng các loại vật chất cõi phụ khác nhau đã góp phần vào sự cấu thành các vận cụ phàm ngã của con người lại phải bị giảm vượt quá bản sắc cõi phụ của chúng không?

83. The clue may lie in the fact that matter on the physical plane, for instance, is composed of vast aggregates of atoms—there are molecules, complex molecules, cells, etc. Such aggregations may also be found on the astral and lower mental plane, and may (through the processes of pralaya) be subjected to a de-aggregation to subplane substance (i.e., to atoms characteristic of the various subplanes) or, in the most drastic case, to the atomic matter of that particular systemic plane.

83. Manh mối có thể nằm trong sự kiện rằng vật chất trên cõi hồng trần, chẳng hạn, được cấu thành bởi những tập hợp nguyên tử khổng lồ—có các phân tử, các phân tử phức hợp, tế bào, v.v. Những sự kết tập như thế cũng có thể được tìm thấy trên cõi cảm dục và cõi hạ trí, và có thể (qua các tiến trình pralaya) bị giải kết tập thành chất liệu cõi phụ (tức là thành các nguyên tử đặc trưng của các cõi phụ khác nhau) hoặc, trong trường hợp quyết liệt nhất, thành vật chất nguyên tử của chính cõi hệ thống đặc biệt đó.

84. The degree to which the atoms characteristic of any particular subplane *may* be de-aggregated will require further investigation. Clearly the types of atomic structures which define the various subplanes of the etheric, astral and lower mental plane do *not* disappear when the human being experiences inter-incarnational pralaya. These subplanes and their unique atomic structure exist independently of the vehicles which are composed of such subplane matter.

84. Mức độ mà các nguyên tử đặc trưng của bất kỳ cõi phụ đặc biệt nào *có thể* bị giải kết tập sẽ cần được khảo cứu thêm. Rõ ràng các loại cấu trúc nguyên tử xác định các cõi phụ khác nhau của cõi dĩ thái, cõi cảm dục và cõi hạ trí *không* biến mất khi con người kinh nghiệm pralaya giữa hai lần nhập thể. Các cõi phụ này và cấu trúc nguyên tử độc đáo của chúng tồn tại độc lập với các vận cụ được cấu thành từ loại vật chất cõi phụ ấy.

85. A close study of pertinent chapters in *Occult Chemistry* and *First Principles of Theosophy* is recommended.

85. Nên nghiên cứu kỹ các chương thích hợp trong *Occult Chemistry* và *First Principles of Theosophy*.

The energy of the second aspect (that of the form-builder) is withdrawn by the **will of the Ego**, [Page 735] and the atoms composing the form become dissociated from each other, and are **resolved into the reservoir of essence to be re-collected again when the hour strikes.**

86. There is reason to believe that the same atoms associated with the human being during incarnation are regathered for building the vehicles of his next incarnation.

87. The following quotation points to this regathering:

The lesser lives (which are governed by the Moon) have been dispersed. They no longer respond to the ancient call of the reincarnating soul**, which again and again has gathered to itself the lives which it has touched and coloured by its quality in the past.** (R&I 101)

88. It seems logical to assume that the "reservoir of essence" includes atoms of *all* kinds—not just atoms of the kind which exist on the atomic subplane.

89. Ever since the Second Logos at the Second Outpouring did His work, atoms for each systemic plane have been built into six types subsidiary to the atoms of the first or atomic subplane (of any particular systemic plane) which Fohat differentiated.

90. We are speaking of the death process. The "will of the Ego" is involved in inducing that dissociation of atoms, which we call "death", by withdrawing the magnetic or second aspect of divinity.

Năng lượng của phương diện thứ hai (phương diện của đấng kiến tạo hình tướng) được rút lại bởi **ý chí của Chân ngã**, [Page 735] và các nguyên tử cấu thành hình tướng trở nên phân ly khỏi nhau, và được **phân giải vào kho chứa tinh chất để được thu gom lại khi giờ điểm đến.**

86. Có lý do để tin rằng chính những nguyên tử đã kết hợp với con người trong thời kỳ nhập thể sẽ được tập hợp lại để xây dựng các vận cụ cho lần nhập thể kế tiếp của y.

87. Đoạn trích dẫn sau đây chỉ ra sự tập hợp lại này:

Các sự sống nhỏ hơn (được Mặt Trăng cai quản) đã bị phân tán. Chúng không còn đáp ứng với tiếng gọi xưa cũ của linh hồn tái sinh**, linh hồn ấy hết lần này đến lần khác đã tập hợp về cho mình những sự sống mà nó đã chạm đến và nhuốm màu bằng phẩm tính của nó trong quá khứ.** (R&I 101)

88. Có vẻ hợp lý khi giả định rằng "kho chứa tinh chất" bao gồm các nguyên tử thuộc *mọi* loại—không chỉ các nguyên tử thuộc loại tồn tại trên cõi phụ nguyên tử.

89. Kể từ khi Thượng đế thứ hai trong Lần tuôn đổ thứ hai thực hiện công việc của Ngài, các nguyên tử cho mỗi cõi hệ thống đã được xây dựng thành sáu loại phụ thuộc vào các nguyên tử của cõi phụ thứ nhất hay cõi phụ nguyên tử (của bất kỳ cõi hệ thống đặc biệt nào) mà Fohat đã biến phân.

90. Chúng ta đang nói về tiến trình chết. "Ý chí của Chân ngã" có liên quan đến việc gây ra sự phân ly các nguyên tử mà chúng ta gọi là "cái chết", bằng cách rút lại phương diện

từ tính hay phương diện thứ hai của thiên tính.

91. It is as if the "will to cohesion" ceases, the subtle energy relationships which *are* the form in essence also cease and the form falls apart.

91. Dường như "ý chí cố kết" chấm dứt, các mối liên hệ năng lượng vi tế mà về bản chất *chính là* hình tướng cũng chấm dứt, và hình tướng tan rã.

This condition is brought about gradually by stages of which we are aware:

Tình trạng này được tạo ra dần dần qua các giai đoạn mà chúng ta ý thức được:

92. DK is beginning a preliminary discussion of the "death" process. As we know, He elaborates on this extensively in *Esoteric Healing.*

92. Chân sư DK đang bắt đầu một cuộc bàn luận sơ bộ về tiến trình "chết". Như chúng ta biết, Ngài khai triển điều này rất rộng trong *Trị Liệu Huyền Môn.*

The first stage is the withdrawal of the life force in the etheric vehicle from the threefold (dense, liquid and gaseous) dense physical body and the consequent "falling into corruption," and becoming "scattered to the elements."

Giai đoạn thứ nhất là sự rút lui của sinh lực trong thể dĩ thái ra khỏi thể xác hồng trần tam phân (đậm đặc, lỏng và khí) và hậu quả là "rơi vào hư hoại", và trở nên "phân tán vào các nguyên tố".

93. This is what we (given our present level of ignorance of the esoteric facts) *usually* call "death". There has been a great search in the occult and spiritual literature for the "body incorruptible". The dense physical body has no part in the manifestation of this incorruptible inner body.

93. Đây là điều mà chúng ta (với trình độ vô minh hiện nay của mình về các sự kiện huyền bí) *thường* gọi là "cái chết". Đã có một cuộc tìm kiếm lớn trong văn học huyền bí và tinh thần về "thể bất hoại". Thể xác hồng trần đậm đặc không có phần nào trong sự biểu hiện của thể bên trong bất hoại này.

94. The strictly physical matter is, by one means or another, "scattered to the elements". Clearly the process of cremation is mores successful at accomplishing this than burial in the earth. Mummification works in the opposite direction.

94. Vật chất thuần hồng trần, bằng cách này hay cách khác, bị "phân tán vào các nguyên tố". Rõ ràng tiến trình hỏa táng thành công hơn việc chôn trong đất trong việc hoàn thành điều này. Ướp xác lại hoạt động theo chiều ngược lại.

Objective man fades out, and is no more seen by the physical eye, **though still in his etheric body**. When etheric vision is developed, the thought of death will assume very different proportions.

Con người khách quan mờ dần đi, và không còn được mắt hồng trần nhìn thấy nữa, **dù vẫn còn trong thể dĩ thái của y**. Khi linh thị dĩ thái được phát triển, ý niệm về cái chết sẽ mang những tỉ lệ rất khác.

95. The development of etheric vision, we are told, is imminent, and so a great change in the attitude to death is also imminent.

95. Chúng ta được bảo rằng sự phát triển của linh thị dĩ thái đang cận kề, và vì thế một thay đổi lớn trong thái độ đối với cái chết cũng đang cận kề.

96. If the thought of death "will assume very different proportions" then, speaking in terms of proportionality, it will not loom so large in the consciousness of man.

96. Nếu ý niệm về cái chết "sẽ mang những tỉ lệ rất khác", thì nói theo ý nghĩa tỉ lệ, nó sẽ không còn hiện lớn đến thế trong tâm thức con người.

97. Much fear will be eliminated and with this elimination will come an effective change in human values.

97. Nhiều sợ hãi sẽ được loại bỏ và cùng với sự loại bỏ này sẽ đến một thay đổi hữu hiệu trong các giá trị của con người.

When a man can be seen functioning in his etheric physical body by the majority of the race, the dropping of the dense body will be considered just a "release."

Khi một người có thể được đa số nhân loại thấy đang hoạt động trong thể hồng trần dĩ thái của y, thì việc buông bỏ thể đậm đặc sẽ được xem chỉ là một "sự giải thoát".

98. We are suffering from a major 'inversion of thought' when it comes to our attitude towards death. We consider it annihilation, whereas etheric vision will reveal it as "release". Already, there are many who understand it to be thus.

98. Chúng ta đang chịu đựng một sự 'đảo ngược tư tưởng' lớn khi nói đến thái độ của mình đối với cái chết. Chúng ta xem nó là sự hủy diệt, trong khi linh thị dĩ thái sẽ cho thấy nó là "sự giải thoát". Ngay từ bây giờ, đã có nhiều người hiểu nó là như vậy.

The next stage is the withdrawal of the life force from the **etheric body or coil**, and its devitalisation. The etheric coil is but **an extension of one aspect of the sutratma** or thread, and **this thread is spun by the Ego from within the causal body** much as a spider spins a thread.

Giai đoạn kế tiếp là sự rút lui của sinh lực khỏi **thể dĩ thái hay cuộn dây**, và sự mất sinh lực của nó. Cuộn dây dĩ thái chỉ là **sự mở rộng của một phương diện của sutratma** hay sợi dây, và **sợi dây này được Chân ngã se ra từ bên trong thể nguyên nhân** giống như con nhện se tơ.

99. Important ideas are here expressed. The etheric body is *of one piece.*

99. Những ý tưởng quan trọng được diễn đạt ở đây. Thể dĩ thái là *một khối thống nhất.*

100. We must not think of the sutratma as completely homogeneous; it has, so we see, more than one aspect.

100. Chúng ta không được nghĩ về sutratma như hoàn toàn đồng nhất; như vậy, ta thấy nó có nhiều hơn một phương diện.

101. Who or what is the "Ego" which spins this thread (which must already be an extension of the life thread emanating from the Monad?) Is this the real man (in the spiritual triad) working within the causal body and under the direction of the Solar Angel?

101. "Chân ngã" se ra sợi dây này là ai hay là gì (sợi dây vốn hẳn đã là một sự mở rộng của sinh mệnh tuyến phát ra từ chân thần)? Đây có phải là con người thực sự (trong Tam Nguyên Tinh Thần) đang hoạt động bên trong thể nguyên nhân và dưới sự chỉ đạo của Thái dương Thiên Thần không?

102. The Ego within the causal body is certainly vitalized from above, for the Monad is, through the Jewel in the Lotus, present within the causal body, and the Solar Angel (whether considered singular or plural) is/are ever sustaining that vehicle.

102. Chân ngã bên trong thể nguyên nhân chắc chắn được tiếp sinh lực từ phía trên, vì chân thần, thông qua Viên Ngọc trong Hoa Sen, hiện diện bên trong thể nguyên nhân, và Thái dương Thiên Thần (dù được xét là số ít hay số nhiều) luôn luôn duy trì vận cụ ấy.

103. We see that the etheric body is really an extension of the life within the causal body and that this life is part of a greater sutratma, ultimately emanating from the Monad.

103. Chúng ta thấy rằng thể dĩ thái thực sự là một sự mở rộng của sự sống bên trong thể nguyên nhân và sự sống này là một phần của một sutratma lớn hơn, rốt cuộc phát ra từ chân thần.

104. It would not be surprising to consider this portion of the sutratma as an extension of the energy and presence of the Jewel in the Lotus which, itself, is an extension of the energy and presence of the Monad.

104. Sẽ không có gì đáng ngạc nhiên nếu xem phần này của sutratma như một sự mở rộng của năng lượng và sự hiện diện của Viên Ngọc trong Hoa Sen, mà chính nó lại là một sự mở rộng của năng lượng và sự hiện diện của chân thần.

105. It is when dealing with the term "Ego" that we find it to deal with a number of structures and centers. The term is, thus, very much "blinded", occultly.

105. Chính khi đề cập đến thuật ngữ "Chân ngã" mà chúng ta thấy nó đề cập đến một số cấu trúc và trung tâm. Vì vậy, theo nghĩa huyền bí, thuật ngữ này rất được "che giấu".

It can be shortened or extended at will,

Nó có thể được rút ngắn hay kéo dài theo ý chí,

106. What is it that can be "shortened or extended at will"? Are we not speaking of the vitalization or devitalization of the etheric body? Of the vitalization or devitalization of the "coil"?

106. Điều gì là cái có thể được "rút ngắn hay kéo dài theo ý chí"? Chẳng phải chúng ta đang nói về sự tiếp sinh lực hay mất sinh lực của thể dĩ thái sao? Về sự tiếp sinh lực hay mất sinh lực của "cuộn dây" sao?

107. We must consider well *whose* will is involved in this shortening or extension.

107. Chúng ta phải cân nhắc kỹ *ý chí của ai* có liên quan trong sự rút ngắn hay kéo dài này.

108. A life can be shortened or extended. A "thread", too can be shortened or extended.

108. Một đời sống có thể bị rút ngắn hay kéo dài. Một "sợi dây" cũng có thể bị rút ngắn hay kéo dài.

109. Is the 'shortening' of the thread another way of speaking of the withdrawal of vitality from the dense physical body?

109. Việc 'rút ngắn' sợi dây có phải là một cách khác để nói về sự rút sinh lực khỏi thể xác hồng trần đậm đặc không?

110. We may judge that the will of the soul has a significant role to play in the shortening or extension of human life upon the physical plane.

110. Chúng ta có thể phán đoán rằng ý chí của linh hồn giữ một vai trò quan trọng trong việc rút ngắn hay kéo dài đời sống con người trên cõi hồng trần.

and when the period of pralaya has been decided upon,

và khi thời kỳ pralaya đã được quyết định,

111. Who is it that decides this? Is it the Monad through the true and the shrouded Ego (i.e., the spiritual triad and the Ego within the causal body)? Is it the Solar Angel who decides or is the decision performed in spiritual consultation with the supervising Solar Angel? Is man the personality (and his personality will) involved to some extent, especially as the personality consciousness begins to identify as the egoic consciousness?

111. Ai là kẻ quyết định điều này? Có phải là chân thần thông qua Chân ngã chân thực và Chân ngã bị che phủ (tức Tam Nguyên Tinh Thần và Chân ngã bên trong thể nguyên nhân) không? Có phải Thái dương Thiên Thần quyết định hay quyết định ấy được thực hiện trong sự tham vấn tinh thần với Thái dương Thiên Thần giám sát? Con người là phàm ngã (và ý chí phàm ngã của y) có tham dự phần nào không, nhất là khi tâm thức phàm ngã bắt đầu đồng hoá với tâm thức chân ngã?

112. We can see that the matter has the potential of being subtle and complex. This

112. Chúng ta có thể thấy rằng vấn đề này có tiềm năng trở nên vi tế và phức tạp. Đây là lý

is why the 'appointed time' of death seems to be rather elastic.

do vì sao 'thời điểm được chỉ định' của cái chết dường như khá co giãn.

this thread of light, or of solar fire (note the word "solar") is withdrawn, and gathered back to the atomic subplane **where it will still vitalise the permanent atom** and hold it connected within the causal body.

sợi dây ánh sáng này, hay sợi dây của lửa thái dương (lưu ý từ "thái dương") được rút lại, và được thu hồi về cõi phụ nguyên tử **nơi nó vẫn sẽ tiếp sinh lực cho nguyên tử trường tồn** và giữ cho nó được nối kết bên trong thể nguyên nhân.

113. Some really important occult detail is given here. The sutratma is to be considered as a "thread of light"—not only a thread of life. Vibratorily, "light" and "life" may be considered equivalent. With regard to manifestation, all is vibration.

113. Ở đây có nêu ra một chi tiết huyền bí thật sự quan trọng. Sutratma phải được xem như một "sợi dây ánh sáng"—không chỉ là một sợi dây sự sống. Về mặt rung động, "ánh sáng" và "sự sống" có thể được xem là tương đương. Xét về biểu hiện, tất cả đều là rung động.

114. We note that, this aspect of the sutratma is composed of "solar fire" and not of electric fire.

114. Chúng ta lưu ý rằng phương diện này của sutratma được cấu thành bằng "lửa thái dương" chứ không phải bằng Lửa Điện.

115. So it is solar fire that vitalizes the etheric body principally and makes of it an extension of that solar vehicle we call the egoic lotus or causal body.

115. Vì vậy, chính lửa thái dương chủ yếu tiếp sinh lực cho thể dĩ thái và biến nó thành một sự mở rộng của vận cụ thái dương mà chúng ta gọi là hoa sen chân ngã hay thể nguyên nhân.

116. The "thread of light", once withdrawn, is to vitalize the physical permanent atom. The permanent atom is not only connected to the causal body but is, in many respects, *within* the causal body. This "thread of light" plays a role, it seems, in sustaining this connection between the physical permanent atom and the causal body.

116. "Sợi dây ánh sáng", một khi đã được rút lại, sẽ tiếp sinh lực cho nguyên tử trường tồn hồng trần. Nguyên tử trường tồn không chỉ được nối kết với thể nguyên nhân mà, trên nhiều phương diện, còn ở *bên trong* thể nguyên nhân. "Sợi dây ánh sáng" này dường như giữ một vai trò trong việc duy trì sự nối kết giữa nguyên tử trường tồn hồng trần và thể nguyên nhân.

The life impulses are then—as far as the physical plane is concerned—centralised within the atomic sphere.

Khi ấy các xung lực sự sống—xét theo phương diện cõi hồng trần—được tập trung bên trong khối cầu nguyên tử.

117. There are "life impulses"—not just a single life impulse. These impulses have reference to all the planes and not just the physical. We are, at present however, speaking of a portion of the withdrawal process which concerns the physical plane.

117. Có những "xung lực sự sống"—không chỉ một xung lực sự sống duy nhất. Những xung lực này liên hệ đến mọi cõi chứ không chỉ cõi hồng trần. Tuy nhiên hiện nay, chúng ta đang nói về một phần của tiến trình rút lui liên quan đến cõi hồng trần.

118. The "thread of light", that portion of the sutratma which is made of *solar* fire, is withdrawn from the strictly physical body and is centralized in the physical permanent atom or atomic sphere where it continues to vitalize that atom.

118. "Sợi dây ánh sáng", phần đó của sutratma được tạo bằng lửa *thái dương*, được rút khỏi thể hồng trần thuần túy và được tập trung trong nguyên tử trường tồn hồng trần hay khối cầu nguyên tử, nơi nó tiếp tục tiếp sinh lực cho nguyên tử ấy.

The third stage is the withdrawal of the life force from the astral form so that it disintegrates in a similar manner and the life is centralised within the astral permanent atom.

Giai đoạn thứ ba là sự rút lui của sinh lực khỏi hình tướng cảm dục để nó tan rã theo cách tương tự và sự sống được tập trung trong nguyên tử trường tồn cảm dục.

119. It is of significance that whenever the life force is withdrawn from a vehicle, the withdrawn life force is centralized in the permanent atom which is responsible for sustaining that particular vehicle.

119. Điều có thâm nghĩa là bất cứ khi nào sinh lực được rút khỏi một vận cụ, sinh lực được rút ấy sẽ được tập trung trong nguyên tử trường tồn chịu trách nhiệm duy trì vận cụ đặc biệt đó.

120. Presumably, the withdrawn life force plays its part in sustaining the connection between the astral permanent atom and the causal body.

120. Có lẽ sinh lực được rút ấy góp phần duy trì sự nối kết giữa nguyên tử trường tồn cảm dục và thể nguyên nhân.

It has gained an **increase of vitality** through physical plane existence, and **added colour** through astral experience.

Nó đã đạt được một **sự gia tăng sinh lực** nhờ sự tồn tại trên cõi hồng trần, và **được thêm màu sắc** nhờ kinh nghiệm cảm dục.

121. We are speaking of how the life force is modified by its expression through the various vehicles of the personality. It appears that the vitality of the life force is always increasing as a result of expression through the physical-etheric vehicle and

121. Chúng ta đang nói về cách sinh lực được biến đổi bởi sự biểu lộ của nó qua các vận cụ khác nhau của phàm ngã. Có vẻ như sinh lực của mãnh lực sự sống luôn gia tăng do kết quả của sự biểu lộ qua vận cụ hồng trần-dĩ thái và rằng nó đạt được màu sắc qua sự biểu lộ cảm dục của nó.

that it gains colour through its astral expression.

122. What really is this gain of color? Perhaps it is the ability to respond and to express itself in a variety of contrasting ways.

122. Sự đạt được màu sắc này thực sự là gì? Có lẽ đó là khả năng đáp ứng và biểu lộ chính nó theo nhiều cách tương phản khác nhau.

The final stage for the human atom is its withdrawal [Page 736] from the mental vehicle.

Giai đoạn cuối cùng đối với nguyên tử nhân loại là sự rút lui của nó [Page 736] khỏi vận cụ trí tuệ.

123. Here we are speaking of the *lower* manasic vehicle.

123. Ở đây chúng ta đang nói về vận cụ manas *hạ*.

The life forces after this fourfold abstraction are centralised entirely within the egoic sphere;

Sau sự trừu xuất tứ phân này, các mãnh lực sự sống được tập trung hoàn toàn trong khối cầu chân ngã;

124. If we follow the analogy thus far established, we would expect some centralization (at least temporary) in the mental unit. Would this not be necessary for the devachanic experience?

124. Nếu chúng ta theo phép loại suy đã được thiết lập cho đến đây, chúng ta sẽ mong đợi có một sự tập trung nào đó (ít nhất là tạm thời) trong đơn vị hạ trí. Điều này chẳng phải cần thiết cho kinh nghiệm devachan sao?

125. Of course, we must remember that the physical permanent atom, the astral permanent atom and the mental unit have an occult 'location' entirely within the egoic sphere.

125. Dĩ nhiên, chúng ta phải nhớ rằng nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí đều có một 'vị trí' huyền bí hoàn toàn bên trong khối cầu chân ngã.

contact with the three lower planes is still inherently possible by means of the permanent atoms, the force centres of the three personality aspects.

sự tiếp xúc với ba cõi thấp vẫn vốn có thể thực hiện được nhờ các nguyên tử trường tồn, các trung tâm mãnh lực của ba phương diện phàm ngã.

126. We see that the Tibetan calls all three points of force by the name "permanent atoms". Technically, the mental unit is not a permanent atom.

126. Chúng ta thấy rằng Chân sư Tây Tạng gọi cả ba điểm mãnh lực bằng tên "các nguyên tử trường tồn". Về mặt kỹ thuật, đơn vị hạ trí không phải là một nguyên tử trường tồn.

127. Each permanent atom represents, as we have been taught, the *seventh principle* of that particular vehicle which it controls.

127. Mỗi nguyên tử trường tồn, như chúng ta đã được dạy, đại diện cho *nguyên khí thứ bảy* của vận cụ đặc biệt mà nó kiểm soát.

In each incarnation the **life forces have gained** through the utilisation of the vehicles,

Trong mỗi lần nhập thể, các **mãnh lực sự sống đã đạt được** nhờ sự sử dụng các vận cụ,

128. We are speaking of the intensification of the life forces through the utilization of the personality vehicles.

128. Chúng ta đang nói về sự tăng cường các mãnh lực sự sống qua việc sử dụng các vận cụ phàm ngã.

a. An **increased activity**, which is stored in the physical permanent atom.

a. Một **hoạt động gia tăng**, được lưu trữ trong nguyên tử trường tồn hồng trần.

b. An **added colouring**, which is stored in the astral permanent atom.

b. Một **sự nhuốm màu thêm**, được lưu trữ trong nguyên tử trường tồn cảm dục.

c. A **developed quality of strength, or purpose in action**, which is stored in the mental unit.

c. Một **phẩm tính sức mạnh được phát triển, hay mục đích trong hành động**, được lưu trữ trong đơn vị hạ trí.

129. Here, we see that DK *does* speak of the life force abstracted from the lower mental body as *centralized in the mental unit* (which is, of course, within the confines of the causal body).

129. Ở đây, chúng ta thấy rằng Chân sư DK quả thật *có* nói về mãnh lực sự sống được trừu xuất khỏi thể hạ trí như là *được tập trung trong đơn vị hạ trí* (dĩ nhiên nằm trong phạm vi của thể nguyên nhân).

130. It is very interesting to see how DK describes the nature of the energy or the quality of the energy which is centralized in the three constituents of the atomic triangle:

130. Thật rất thú vị khi thấy Chân sư DK mô tả bản chất của năng lượng hay phẩm tính của năng lượng được tập trung trong ba thành phần của tam giác nguyên tử như thế nào:

a. Activity or vitality is stored in the physical permanent atom

a. Hoạt động hay sinh lực được lưu trữ trong nguyên tử trường tồn hồng trần

b. Added coloring (presumably the ability to respond to contrasts and express sentient contrasts) is stored in the astral permanent atom

b. Sự nhuốm màu thêm (có lẽ là khả năng đáp ứng với các tương phản và biểu lộ các tương phản cảm thụ) được lưu trữ trong nguyên tử trường tồn cảm dục

c. Strength or purpose in action (qualities related to the will) are stored in the mental unit. The mental unit is, in fact, a vehicle for the personal will and with added soul infusion, for the egoic will.

c. Sức mạnh hay mục đích trong hành động (những phẩm tính liên hệ đến ý chí) được lưu trữ trong đơn vị hạ trí. Thật ra, đơn vị hạ trí là một vận cụ cho ý chí cá nhân và, với sự được linh hồn thấm nhuần nhiều hơn, cho ý chí chân ngã.

These are wrought into faculty in devachan.

Những điều này được chuyển thành năng lực trong devachan.

131. This is a sentence of real importance. It is not that devachan is a period of idle, pleasure-full enjoyment. It has a definite occult purpose—to develop the vitalized, colored, or will-enhanced life force, stored in the members of the atomic triangle, into an increase of faculty.

131. Đây là một câu thật sự quan trọng. Không phải devachan là một giai đoạn hưởng thụ nhàn rỗi, đầy khoái lạc. Nó có một mục đích huyền bí xác định—phát triển mãnh lực sự sống đã được tiếp sinh lực, được nhuốm màu, hay được tăng cường bởi ý chí, được lưu trữ trong các thành viên của tam giác nguyên tử, thành một sự gia tăng năng lực.

132. That increase of faculty can be expressed in the next incarnation. Without the devachanic processes, such expression would not be possible.

132. Sự gia tăng năng lực ấy có thể được biểu lộ trong lần nhập thể kế tiếp. Nếu không có các tiến trình devachan, sự biểu lộ như thế sẽ không thể có được.

133. This calls attention to the sacrifice which disciples undertake when they forego devachan in order to more rapidly re-enter their sphere of service on the dense physical subplane through the process of incarnation.

133. Điều này làm nổi bật sự hi sinh mà các đệ tử đảm nhận khi họ từ bỏ devachan để nhanh chóng tái nhập vào phạm vi phụng sự của mình trên cõi phụ hồng trần đậm đặc qua tiến trình nhập thể.

Devachan [45,46] is a state of consciousness, reflecting, in [Page 737] the life of the Personality, that higher state which we call nirvanic consciousness, and which is brought about by egoic action.

Devachan 45,46 là một trạng thái tâm thức, phản ánh, trong [Page 737] đời sống của Phàm ngã, trạng thái cao hơn mà chúng ta gọi là tâm thức Niết Bàn, và được tạo ra bởi hoạt động chân ngã.

134. Here is an excellent definition of devachan. We see that devachan is not really an egoic state even though it is brought about by egoic action.

134. Đây là một định nghĩa rất hay về devachan. Chúng ta thấy rằng devachan không thực sự là một trạng thái chân ngã dù nó được tạo ra bởi hoạt động chân ngã.

135. If the atmic plane is the "nirvanic plane", then the devachanic state in some manner reflects it. There is a definite connection between the atmic and mental planes.

135. Nếu cõi atma là "cõi Niết Bàn", thì trạng thái devachan phản ánh nó theo một cách nào đó. Có một mối liên hệ xác định giữa cõi atma và cõi trí.

136. Devachan occurs on the lower mental plane (still within the lower three worlds) just below the level of the Ego in the causal body; the atmic plane (still within the lower *five* worlds) is a sphere of consciousness found just 'below' the level of the Monad within the monadic vehicle.

136. Devachan xảy ra trên cõi hạ trí (vẫn ở trong ba cõi thấp) ngay dưới cấp độ của Chân ngã trong thể nguyên nhân; cõi atma (vẫn ở trong *năm* cõi thấp) là một khối cầu tâm thức được tìm thấy ngay 'bên dưới' cấp độ của chân thần trong vận cụ chân thần.

It is but a dim reflection in the separated units (and therefore **tinged with selfishness and separative pleasure**) of the **group condition called nirvanic.**

Nó chỉ là một phản ánh mờ nhạt trong các đơn vị biệt lập (và do đó **nhuốm màu bởi tính ích kỷ và khoái lạc phân ly**) của **trạng thái nhóm được gọi là Niết Bàn.**

137. We learn that for all its value (in the preparation of personal faculty), the devachanic experience is still tinged with selfness and separative pleasure, which is one of the reasons why true disciples forego the experience.

137. Chúng ta học được rằng, dù có giá trị của nó (trong việc chuẩn bị năng lực cá nhân), kinh nghiệm devachan vẫn còn nhuốm màu bởi tính vị ngã và khoái lạc phân ly, đó là một trong những lý do khiến các đệ tử chân chính từ bỏ kinh nghiệm này.

138. We learn, as well, that Nirvana is a *group* experience. It is not just a condition of *individual* release, though it is often discussed in that manner.

138. Chúng ta cũng học được rằng Niết Bàn là một kinh nghiệm *nhóm*. Nó không chỉ là một trạng thái giải thoát *cá nhân*, dù nó thường được bàn đến theo cách ấy.

In this high state of consciousness each separate identity, **though self-realising**, shares in the group realisation, and therein lies bliss for the unit. **Separation is no longer felt, only unity and essential oneness is known.**

Trong trạng thái tâm thức cao này, mỗi bản sắc biệt lập, **dù tựchứng nghiệm**, vẫn chia sẻ trong sự chứng nghiệm của nhóm, và chính trong đó có chí phúc cho đơn vị. **Sự phân ly không còn được cảm thấy nữa, chỉ có hợp nhất và tính nhất thể cốt yếu được biết đến.**

139. Here is an excellent description of nirvanic consciousness. Nirvana is a state of

139. Đây là một mô tả rất hay về tâm thức Niết Bàn. Niết Bàn là một trạng thái tâm

both Self-realization and group realization. It takes tremendous individual effort to achieve Nirvana, but unless the individual is growing in group consciousness at the same time as he attains individually, Nirvana will not be achieved.

cả Tự-chứng-nghiệm lẫn chứng nghiệm nhóm. Cần một nỗ lực cá nhân to lớn để đạt đến Niết Bàn, nhưng nếu cá nhân ấy không tăng trưởng trong tâm thức nhóm đồng thời với việc đạt được một cách cá nhân, thì Niết Bàn sẽ không đạt được.

140. The state of consciousness in which we know there is "no my soul and thine" is a forerunner of the nirvanic consciousness.

140. Trạng thái tâm thức trong đó chúng ta biết rằng không có "linh hồn của tôi và linh hồn của bạn" là một tiền thân của tâm thức Niết Bàn.

141. In Nirvana, one realizes oneself, one's essential unity with others and the whole as well.

141. Trong Niết Bàn, người ta chứng nghiệm chính mình, sự hợp nhất cốt yếu của mình với những người khác và với toàn thể nữa.

142. Group consciousness is the prelude to bliss-consciousness (the consciousness of *oneness*).

142. Tâm thức nhóm là khúc dạo đầu của tâm thức chí phúc (tâm thức của *nhất thể*).

Footnote 45:

Chú thích 45:

Deva-Chan. "(3) 'Who goes to Deva Chan?' The personal Ego, of course, but beatified, purified, holy.

Deva-Chan. "(3) 'Ai đi vào Deva Chan?' Dĩ nhiên là Chân ngã cá nhân, nhưng đã được ban phúc, thanh lọc, thánh thiện.

143. It is significant to realize that devachan is not a state of consciousness of the transpersonal Ego, still less of the transcendental Ego (i.e., the Monad).

143. Điều có ý nghĩa là nhận ra rằng devachan không phải là một trạng thái tâm thức của Chân ngã siêu cá nhân, càng không phải của Chân ngã siêu việt (tức chân thần).

Every **Ego—the combination of the sixth and seventh principles**—which, after the period of unconscious gestation is reborn into the Deva-Chan, is of necessity as innocent and pure as a new-born babe.

Mọi **Chân ngã—sự kết hợp của nguyên khí thứ sáu và thứ bảy**—mà sau giai đoạn thai nghén vô thức được tái sinh vào Deva-Chan, tất yếu đều ngây thơ và thanh khiết như một hài nhi mới sinh.

144. Egos are combinations of atma and buddhi (the seventh and sixth principles, respectively). In this respect the Ego is very much the soul of the human being as it expresses on the levels of the cosmic ethers.

144. Các Chân ngã là những kết hợp của atma và Bồ đề (lần lượt là nguyên khí thứ bảy và thứ sáu). Về phương diện này, Chân ngã rất gần với linh hồn của con người khi

nó biểu lộ trên các cấp độ của các dĩ thái vũ trụ.

145. We note the word "Deva-Chan" suggesting a 'location' in which the higher devic forces are very strong.'

145. Chúng ta lưu ý từ "Deva-Chan" gợi ý một 'địa điểm' trong đó các mãnh lực thiên thần cao hơn rất mạnh.

146. We note that entrance into devachan is a kind of "birth". The lower ego has been purified through its passage through what the Catholics call "Purgatory"—probably a post-mortem astral state involving the purification of desire..

146. Chúng ta lưu ý rằng việc đi vào devachan là một loại "sinh ra". Hạ ngã đã được thanh lọc qua việc đi qua điều mà người Công giáo gọi là "Luyện ngục"—có lẽ là một trạng thái cảm dục hậu tử liên quan đến sự thanh lọc dục vọng..

147. Every entrance into a new field of experience is a kind of "birth". The human being who has died to the dense physical subplanes is faced with a number of births into higher vibratory realms.

147. Mỗi lần đi vào một lĩnh vực kinh nghiệm mới đều là một loại "sinh ra". Con người đã chết đối với các cõi phụ hồng trần đậm đặc phải đối diện với một số lần sinh vào các cảnh giới rung động cao hơn.

The fact of his being reborn at all shows the preponderance of good over evil in his old personality.

Sự kiện y được tái sinh cho thấy sự trội hơn của điều thiện so với điều ác trong phàm ngã cũ của y.

148. The suggestion is that if evil preponderated over good, there would be no rebirth into devachan.

148. Hàm ý ở đây là nếu điều ác trội hơn điều thiện, sẽ không có sự tái sinh vào devachan.

And while the Karma (of evil)

Và trong khi nghiệp quả (của điều ác)

149. And, presumably not the karma of good…

149. Và, có lẽ không phải nghiệp quả của điều thiện…

steps aside for the time being

tạm thời lùi sang một bên

150. i.e., is held in abeyance…

150. tức là bị đình chỉ…

to follow him in his future earth-reincarnation, **he brings along with him but the Karma of his good deeds, words, and thoughts into this Deva-Chan.**

để theo y trong lần tái sinh tương lai trên Trái Đất, **y chỉ mang theo với mình nghiệp quả của những việc làm, lời nói và ý nghĩ tốt lành của mình vào Deva-Chan này.**

151. A beautiful system of compensation is here described. The effects of evil actions temporarily do not reach the 'deceased' in this devachanic condition conducive to the augmentation of faculty and quality.

151. Một hệ thống bù đắp đẹp đẽ được mô tả ở đây. Tác động của những hành động xấu tạm thời không chạm đến người 'đã chết' trong trạng thái devachan này, vốn thuận lợi cho sự gia tăng năng lực và phẩm tính.

152. Thus, it is the goodness in any man that expressed in this relatively blissful state upon the lower mental plane—probably the fourth level of the lower mental plane.

152. Vì vậy, chính điều thiện trong bất kỳ con người nào được biểu lộ trong trạng thái tương đối chí phúc này trên cõi hạ trí—có lẽ là cấp thứ tư của cõi hạ trí.

3. The fourth mental sub-plane is the plane of devachan. (TWM 374)

3. Cõi phụ trí tuệ thứ tư là cõi devachan. (TWM 374)

153. We note, however, that the effect of "evil" still remains and awaits the reincarnating personal ego in the lower worlds

153. Tuy nhiên, chúng ta lưu ý rằng tác động của "điều ác" vẫn còn tồn tại và chờ đợi phàm ngã cá nhân tái sinh trong các cõi thấp

'Bad' is a relative term for us—as you were told more than once before, —and the Law of Retribution is the only law that never errs.

'Xấu' là một thuật ngữ tương đối đối với chúng ta—như bạn đã được nói hơn một lần trước đây,—và Định luật Báo Ứng là định luật duy nhất không bao giờ sai lầm.

154. Is it being suggested that there are other laws which *do* err?

154. Có phải ở đây đang gợi ý rằng có những định luật khác *quả thật* sai lầm không?

155. Sinnett suggests the infallible accuracy of this law. Perhaps such accuracy is the result of the extraordinary mathematical acumen of the Lords of Karma, and of the Lipika Lords especially.

155. Sinnett gợi ý sự chính xác vô ngộ của định luật này. Có lẽ sự chính xác ấy là kết quả của năng lực toán học phi thường của các Đấng Nghiệp Quả, và đặc biệt là các Đấng Lipika.

Hence all those who have not slipped down into the mire of unredeemable sin and bestiality—go to the Deva-Chan.

Do đó tất cả những ai chưa trượt xuống vũng lầy của tội lỗi không thể cứu chuộc và tính thú vật—đều đi vào Deva-Chan.

156. Sinnett seems to be suggesting that those who are not firmly upon the left hand path go to Deva-Chan. It is not clear however that those who tread the left hand path slip into the mire of "bestiality", nor that that

156. Sinnett dường như đang gợi ý rằng những ai không đứng vững trên tả đạo thì đi vào Deva-Chan. Tuy nhiên, không rõ rằng những ai bước trên tả đạo có trượt vào vũng lầy của "tính thú vật" hay không, cũng

their sins astral elemental "unredeemable". Perhaps, of true black magicians, it could be sad that their sins are "unredeemable"—at least temporarily so.

không rõ rằng tội lỗi của hành khí cảm dục của họ là "không thể cứu chuộc". Có lẽ, đối với các nhà hắc thuật chân chính, có thể nói rằng tội lỗi của họ là "không thể cứu chuộc"—ít nhất là tạm thời như vậy.

157. Is there any sin which is *utterly* unredeemable? Redemption depends upon *time.* It would seem that all sin is redeemable in a sufficient length of time. Certainly before the final Universal Pralaya, all sin must be redeemable. This conclusion is based upon philosophical thought which necessitates that no one and nothing can be excluded from a universe's Final Pralaya.

157. Có tội lỗi nào *hoàn toàn* không thể cứu chuộc không? Sự cứu chuộc tùy thuộc vào *thời gian.* Có vẻ như mọi tội lỗi đều có thể được cứu chuộc trong một khoảng thời gian đủ dài. Chắc chắn trước Đại Giai kỳ qui nguyên cuối cùng của Thượng đế Vũ Trụ, mọi tội lỗi đều phải có thể được cứu chuộc. Kết luận này dựa trên tư tưởng triết học, vốn đòi hỏi rằng không ai và không gì có thể bị loại trừ khỏi Giai kỳ qui nguyên Cuối cùng của một vũ trụ.

They will have to pay for their sins, voluntary and involuntary, later on. Meanwhile they are rewarded; receive the effects of the causes produced by them.

Họ sẽ phải trả giá cho những tội lỗi của mình, tự nguyện và không tự nguyện, về sau. Trong khi đó họ được tưởng thưởng; nhận lấy các tác động của những nguyên nhân do chính họ tạo ra.

158. Thus, Deva-Chan is a condition of spiritual reward or compensation. From this perspective, we can think of it as very much under the influence of Jupiter with some admixture of Venusian energy.

158. Vì vậy, Deva-Chan là một trạng thái tưởng thưởng hay bù đắp tinh thần. Từ góc nhìn này, chúng ta có thể nghĩ về nó như chịu ảnh hưởng rất nhiều của Sao Mộc với một ít pha trộn của năng lượng Sao Kim.

"Of course it is a state, one, so to say, of **intense selfishness** during which an Ego reaps the reward of his unselfishness on earth.

"Dĩ nhiên đó là một trạng thái, có thể nói, của **tính ích kỷ mãnh liệt** trong đó một Chân ngã gặt hái phần thưởng cho tính vô ngã của y trên trần thế.

159. This is a paradoxical thought. It becomes clear that in the state of Deva-Chan, one's higher desires are fulfilled, but altruism does not play a big part.

159. Đây là một ý tưởng nghịch lý. Rõ ràng là trong trạng thái Deva-Chan, những khát vọng cao hơn của một người được hoàn thành, nhưng lòng vị tha không giữ vai trò lớn.

He is completely engrossed in the bliss of all his personal earthly affections,

Y hoàn toàn đắm chìm trong chí phúc của mọi tình cảm, sở thích, tư tưởng trần thế cá

preferences, thoughts, and gathers in the fruit of his meritorious actions.

160. We may say that the essential selfishness of Deva-Chan lies in the idea of *engrossment.*

No pain, no grief nor even the shadow of a sorrow comes to darken the bright horizon of his unalloyed happiness; for, it is a state of perpetual 'Maya.',.

161. The term “Maya” is being used in a general rather than specific sense. In a general sense, the term “Maya” means “Illusion” rather than referring to the chaotic patterning of the etheric-physical plane.

162. Because there are, in Deva-Chan, no obstacles to fulfillment of one’s personal earthly affections, preferences, thoughts and enjoyments, we might think of it as a condition in which the influence of the planet Saturn (the major planetary Lord of Karma) has little of its usual effects.

. Since the conscious perception of one's personality on earth is but **an evanescent dream** that sense will be equally that of a dream in the Deva-Chan—only a hundredfold intensified."

163. Life upon the physical plane is as a dream. We learn that Deva-Chan is as a much intensified dream state—far more enjoyable than the often painful ‘dreams’ of earthly life which are confused with realities.

nhân của y,và thu hoạch quả của những hành động công đức của mình.

160. Chúng ta có thể nói rằng tính ích kỷ cốt yếu của Deva-Chan nằm trong ý niệm về sự *đắm chìm.*

Không có đau đớn, không có buồn phiền, thậm chí không có cả bóng dáng của một nỗi sầu nào đến làm u ám chân trời rực sáng của hạnh phúc thuần khiết của y; vì đó là một trạng thái ‘ảo lực’ vĩnh viễn.,.

161. Thuật ngữ “ảo lực” đang được dùng theo nghĩa tổng quát hơn là nghĩa chuyên biệt. Theo nghĩa tổng quát, thuật ngữ “ảo lực” có nghĩa là “ảo tưởng” hơn là chỉ mô thức hỗn loạn của cõi dĩ thái-hồng trần.

162. Bởi vì trong Deva-Chan không có chướng ngại nào đối với việc hoàn thành những tình cảm, sở thích, tư tưởng và sự hưởng thụ trần thế cá nhân của một người, chúng ta có thể nghĩ về nó như một trạng thái trong đó ảnh hưởng của hành tinh Sao Thổ (Đấng Chúa Tể Hành tinh lớn của nghiệp quả) có rất ít tác dụng thông thường của nó.

. Vì sự tri giác có ý thức về phàm ngã của một người trên trần gian chỉ là **một giấc mộng phù du** nên cảm giác ấy trong Deva-Chan cũng sẽ tương tự như một giấc mộng—chỉ là được tăng cường lên gấp trăm lần."

163. Sự sống trên cõi hồng trần giống như một giấc mộng. Chúng ta biết rằng Deva-Chan giống như một trạng thái mộng được tăng cường rất mạnh—dễ chịu hơn nhiều so với những ‘giấc mộng’ thường đau đớn của đời sống trần thế vốn bị lẫn lộn với thực tại.

"'Bardo' is the period between death and rebirth—and **may last from a few years to a kalpa.**

"'Bardo' là giai đoạn giữa cái chết và tái sinh —và **có thể kéo dài từ vài năm đến một kalpa.**

164. What an extraordinary statement! For what type of being may the period between death and rebirth last a kalpa? A *human* being? It would not *usually* seem so.

164. Thật là một phát biểu phi thường! Đối với loại hữu thể nào mà giai đoạn giữa cái chết và tái sinh có thể kéo dài một kalpa? Một hữu thể *nhân loại* chăng? Điều đó *thường* dường như không phải vậy.

165. However, if a kalpa is equal to a manvantara, and a manvantara is designated as a period between the activity of two globes, or even more expansively, as the period between two chains, then we must remember that some human beings who incarnated on the Moon-chain did not reincarnate until they reached the Earth-chain. Under such circumstances, the duration of a kalpa between incarnations would be reasonable

165. Tuy nhiên, nếu một kalpa bằng một Giai kỳ sinh hóa, và một Giai kỳ sinh hóa được chỉ định là một giai đoạn giữa hoạt động của hai bầu hành tinh, hoặc thậm chí rộng hơn nữa, là giai đoạn giữa hai Dãy, thì chúng ta phải nhớ rằng một số con người đã lâm phàm trên Dãy Mặt Trăng đã không tái sinh cho đến khi họ đạt tới Dãy Địa Cầu. Trong những hoàn cảnh như thế, thời lượng của một kalpa giữa các lần lâm phàm sẽ là điều hợp lý

166. As well, we must define the true duration of a kalpa. HPB gives precise figures for the duration of the kalpa but we learn that such units as a kalpa or manvantara can have several meanings. The figure given on TCF 39 is 4,320,000,000 years.

166. Đồng thời, chúng ta cũng phải xác định thời lượng thực sự của một kalpa. HPB đưa ra những con số chính xác cho thời lượng của kalpa nhưng chúng ta biết rằng những đơn vị như một kalpa hay Giai kỳ sinh hóa có thể có nhiều ý nghĩa. Con số được nêu trong TCF 39 là 4.320.000.000 năm.

167. We should also remember that the term “manvantara” may not only equal a period between globes but can be considered the duration of an entire chain round.

167. Chúng ta cũng nên nhớ rằng thuật ngữ “Giai kỳ sinh hóa” không chỉ có thể bằng một giai đoạn giữa các bầu hành tinh mà còn có thể được xem là thời lượng của trọn một cuộc tuần hoàn của Dãy.

It is divided into three sub-periods

Nó được chia thành ba giai đoạn phụ

168. We are here speaking of the divisions of a the Bardo period.

168. Ở đây chúng ta đang nói về các phân chia của giai đoạn Bardo.

(1) when the Ego delivered of its **mortal coil** enters into Kama-Loka (the abode of Elementaries);

169. We are being told that the astral plane is the abode of the earth-bound souls of certain types of deceased human beings. Such souls are called Elementaries.

170. If we remember what DK said about the etheric body as a "coil", the term "mortal coil" becomes very interesting. The coiled thread of energy we understand as the etheric body also becomes 'chains' of a kind or "coils".

171. It would seem, however, that stage (1) may include astral experience, since the abode of "Elementaries" is mentioned.

(2) when it enters into ";

172. It is hinted that this state may be an unconscious one.

173. We may imagine that this gestation period occurs either upon the higher astral plane or upon the lower three subplanes of the mental plane.

174. We gather, from what is said below, that the 'Gestation State' can be a long one.

(3) when it is reborn in the Rupa-Loka of Deva-Chan.

175. A "Rupa-Loka" is still a state of *form*—the meaning of the word "Rupa".

(1) khi chân ngã, được giải thoát khỏi **vỏ bọc phàm tử** của nó, đi vào Kama-Loka (nơi cư ngụ của các Elementaries);

169. Chúng ta được cho biết rằng cõi cảm dục là nơi cư ngụ của những linh hồn bị trói buộc vào trái đất thuộc một số loại người đã chết nhất định. Những linh hồn như thế được gọi là Elementaries.

170. Nếu chúng ta nhớ điều Chân sư DK đã nói về thể dĩ thái như một "vòng cuộn", thì thuật ngữ "vỏ bọc phàm tử" trở nên rất thú vị. Sợi chỉ năng lượng cuộn xoắn mà chúng ta hiểu là thể dĩ thái cũng trở thành những 'chuỗi' theo một nghĩa nào đó hay những "vòng cuộn".

171. Tuy nhiên, dường như giai đoạn (1) có thể bao gồm kinh nghiệm cảm dục, vì nơi cư ngụ của các "Elementaries" được nhắc đến.

(2) khi nó đi vào ";

172. Có ám chỉ rằng trạng thái này có thể là một trạng thái vô thức.

173. Chúng ta có thể hình dung rằng giai đoạn thai nghén này xảy ra hoặc trên cõi cảm dục cao hơn hoặc trên ba cõi phụ thấp của cõi trí.

174. Từ những gì được nói bên dưới, chúng ta rút ra rằng 'Trạng thái Thai nghén' có thể là một trạng thái kéo dài.

(3) khi nó được tái sinh trong Rupa-Loka của Deva-Chan.

175. Một "Rupa-Loka" vẫn là một trạng thái của *hình tướng*—đó là ý nghĩa của từ "Rupa".

176. Not much is made of the personal ego's experience within the etheric body, which is still, relatively, a very physical state. Yet, delivery from the "mortal coil" will necessarily involve etheric experience, however brief.

176. Không có nhiều điều được nói đến về kinh nghiệm của phàm ngã trong thể dĩ thái, vốn vẫn còn, tương đối, là một trạng thái rất hồng trần. Tuy nhiên, việc được giải thoát khỏi "vỏ bọc phàm tử" tất yếu sẽ bao hàm kinh nghiệm dĩ thái, dù ngắn ngủi đến đâu.

Sub-period (1) may last from a few minutes

Giai đoạn phụ (1) có thể kéo dài từ vài phút

177. This would be an *ideal* delivery and may be expected when cremation is practiced.

177. Đây sẽ là một sự giải thoát *lý tưởng* và có thể được mong đợi khi hỏa táng được thực hành.

to a number of years —

đến một số năm —

178. One thinks of hauntings when the disembodied ego hovers near the dense physical plane and within the etheric worlds and the lower astral worlds.

178. Người ta nghĩ đến những sự ám ảnh khi chân ngã không còn thân xác lảng vảng gần cõi hồng trần đậm đặc và trong các thế giới dĩ thái cùng các thế giới cảm dục thấp.

179. It is not entirely clear, however, whether the experience upon the astral plane is meant to be included in period (1). Probably it is since the "abode of the Elementaries" is mentioned. There are some souls who can make short work of the astral experience because their consciousness is so little focussed astrally.

179. Tuy nhiên, vẫn chưa hoàn toàn rõ liệu kinh nghiệm trên cõi cảm dục có được bao gồm trong giai đoạn (1) hay không. Có lẽ là có, vì "nơi cư ngụ của các Elementaries" được nhắc đến. Có một số linh hồn có thể nhanh chóng vượt qua kinh nghiệm cảm dục vì tâm thức của họ rất ít tập trung trên cõi cảm dục.

the phrase 'a few years' becoming puzzling and utterly worthless without a more complete explanation;

cụm từ 'vài năm' trở nên khó hiểu và hoàn toàn vô giá trị nếu không có một lời giải thích đầy đủ hơn;

180. This explanation is not here given.

180. Lời giải thích này không được đưa ra ở đây.

181. If sub-period (1) includes the astral plane, we can speak of "wandering in the wilderness", for forty symbolic 'days'.

181. Nếu giai đoạn phụ (1) bao gồm cõi cảm dục, chúng ta có thể nói đến việc "lang thang trong hoang địa" trong bốn mươi 'ngày' tượng trưng.

Sub-period 2nd is 'very long'; as you say, longer sometimes than you may even imagine, yet proportionate to the Ego's spiritual stamina;

Giai đoạn phụ thứ 2 là 'rất dài'; như bạn nói, đôi khi còn dài hơn cả điều bạn có thể tưởng tượng, tuy vậy vẫn tương xứng với sức bền tinh thần của chân ngã;

182. This second period occurs presumably upon the astral plane or upon the lower three subplanes of the mental plane.

182. Giai đoạn thứ hai này có lẽ xảy ra trên cõi cảm dục hoặc trên ba cõi phụ thấp của cõi trí.

183. The comment about the Ego's "spiritual stamina" is very interesting. We might understand this as meaning that the greater and stronger the personal ego's aspiration and power of thought, the longer the period of preparation for the devachanic period. If this is the case, we are not told why it should be.

183. Lời bình về "sức bền tinh thần" của chân ngã rất đáng chú ý. Chúng ta có thể hiểu điều này là khát vọng và quyền năng tư tưởng của phàm ngã càng lớn và càng mạnh thì giai đoạn chuẩn bị cho thời kỳ devachan càng dài. Nếu đúng như vậy, chúng ta không được cho biết tại sao lại như thế.

184. One must wonder whether it is really a question of the higher *Ego's* spiritual stamina or whether the acquired strength of the higher Ego influences the stamina of the lower personal ego.

184. Người ta phải tự hỏi liệu đây thực sự là vấn đề về sức bền tinh thần của *Chân ngã* cao hơn hay là sức mạnh đã đạt được của chân ngã cao hơn ảnh hưởng đến sức bền của phàm ngã cá nhân thấp hơn.

185. The Teaching of Master DK through AAB corrected a number of theosophical misconceptions. Theosophists had begun to think that the more spiritually developed they were, the longer they would spend in Deva-Chan. DK has informed us that the most spiritually developed human beings forego the Deva-Chan experience for the sake of applied service upon the physical plane. If Deva-Chan is essentially a 'selfish' state, it is inconceivable that those who are highly developed spiritually would *desire* to spend prolonged periods in a state of blissful self-absorption.

185. Giáo huấn của Chân sư DK qua AAB đã sửa chữa một số ngộ nhận của Thông Thiên Học. Những người theo Thông Thiên Học đã bắt đầu nghĩ rằng họ càng phát triển về tinh thần bao nhiêu thì họ sẽ càng ở lâu trong Deva-Chan bấy nhiêu. Chân sư DK đã cho chúng ta biết rằng những con người phát triển tinh thần cao nhất từ bỏ kinh nghiệm Deva-Chan vì mục đích phụng sự được áp dụng trên cõi hồng trần. Nếu Deva-Chan về bản chất là một trạng thái 'ích kỷ', thì không thể hình dung rằng những người phát triển cao về tinh thần lại *mong muốn* trải qua những thời kỳ kéo dài trong một trạng thái tự đắm chìm đầy chí phúc.

186. We are, however, discussing a period of 'Gestation' which is rarely mentioned in

186. Tuy nhiên, ở đây chúng ta đang bàn đến một giai đoạn 'Thai nghén' hiếm khi được nhắc đến trong các mô tả về sự tiến triển của

descriptions of the progress of the human soul after physical plane death.

linh hồn con người sau cái chết trên cõi hồng trần.

Sub-period 3rd lasts in proportion to the good Karma, after which the monad is again reincarnated."

Giai đoạn phụ thứ 3 kéo dài tương ứng với nghiệp quả tốt, sau đó chân thần lại tái sinh."

187. Here we are speaking of Deva-Chan proper. The role of the Ego's "spiritual stamina" in relation to the period of 'gestation' remains, for the moment, uncertain, however, it is clear that the greater the "good Karma", the higher the human soul's aspirations, the greater the wealth of thought generated by human being, the greater the potential length of the devachanic period.

187. Ở đây chúng ta đang nói về Deva-Chan đúng nghĩa. Vai trò của "sức bền tinh thần" của chân ngã liên hệ với giai đoạn 'thai nghén' hiện vẫn chưa chắc chắn, tuy nhiên rõ ràng là "nghiệp quả tốt" càng lớn, khát vọng của linh hồn con người càng cao, sự phong phú của tư tưởng do con người tạo ra càng nhiều, thì thời gian tiềm tàng của giai đoạn devachan càng dài.

188. The remaining mystery concerns the 'Period of Gestation' and the exact meaning of the Ego's "spiritual stamina" in relation to this 'Period of Gestation'.

188. Điều bí ẩn còn lại liên quan đến 'Giai đoạn Thai nghén' và ý nghĩa chính xác của "sức bền tinh thần" của chân ngã trong mối liên hệ với 'Giai đoạn Thai nghén' này.

..."Every effect must be proportionate to the cause. **And, as man's terms of incarnate existence bear but a small proportion to his periods of inter-natal existence in the manvantaric cycle**, so the good thoughts, words, and deeds of any one of these 'lives' on a globe are causative of effects, the working out of which requires far more time than the evolution of the causes occupied."

..."Mọi kết quả phải tương xứng với nguyên nhân. **Và cũng như những thời kỳ tồn tại lâm phàm của con người chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ so với những giai đoạn tồn tại giữa hai lần sinh của y trong chu kỳ Giai kỳ sinh hóa**, thì những tư tưởng, lời nói và hành động tốt đẹp của bất kỳ một 'kiếp sống' nào trong số ấy trên một bầu hành tinh đều là nguyên nhân của những kết quả mà sự triển khai của chúng đòi hỏi thời gian lâu hơn nhiều so với thời gian đã dùng để tiến hoá các nguyên nhân ấy."

189. The idea is clear. It takes a certain amount of time to generate causes and a far greater time (during the period of "inter-natal existence") to work out the effects of those generated causes.

189. Ý tưởng thì rõ ràng. Cần một khoảng thời gian nhất định để tạo ra các nguyên nhân và cần một khoảng thời gian lớn hơn nhiều (trong giai đoạn "tồn tại giữa hai lần sinh") để triển khai các kết quả của những nguyên nhân đã được tạo ra ấy.

190. The following excerpt suggests that when a human being begins to achieve triadal consciousness (which could mean, when the human being cannot only build but use the antahkarana) then the devachanic period is transcended.

190. Đoạn trích sau đây gợi ý rằng khi một con người bắt đầu đạt được tâm thức tam nguyên tinh thần (điều này có thể có nghĩa là khi con người không chỉ có thể xây dựng mà còn có thể sử dụng antahkarana) thì giai đoạn devachan được vượt qua.

The "devachan" of the occult books is connected with the consciousness of the logoic planetary body, and with the gaseous subplane of the cosmic physical plane. **It is, consequently, transcended the moment a man begins to function in the cosmic ethers, such as the fourth cosmic ether, the buddhic plane.** (TCF 1108)

Devachan của các sách huyền bí học có liên hệ với tâm thức của thể hành tinh logoic, và với cõi phụ khí của cõi hồng trần vũ trụ. **Do đó, nó được vượt qua ngay khi con người bắt đầu hoạt động trong các dĩ thái vũ trụ, chẳng hạn như dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề.** (TCF 1108)

191. We must establish what it means to "function in the cosmic ethers". One can be impressionable to the energy of the cosmic ethers before one can truly function *in* them. The building of the antahkarana seems a definite necessity if one is to "function in the cosmic ethers".

191. Chúng ta phải xác định điều có nghĩa là gì khi "hoạt động trong các dĩ thái vũ trụ". Người ta có thể nhạy cảm với năng lượng của các dĩ thái vũ trụ trước khi thật sự có thể hoạt động *trong* chúng. Việc xây dựng antahkarana dường như là một điều kiện tất yếu rõ rệt nếu người ta muốn "hoạt động trong các dĩ thái vũ trụ".

—From Mahatma Letters to A. P. Sinnett, pp. 100, 105-106.

—Trích từ Mahatma Letters to A. P. Sinnett, tr. 100, 105-106.

192. These "Letters", we have been told, contain much of value and yet DK suggests that many of them were penned by HPB, herself. Therefore, it is important to examine their contents very carefully.

192. Chúng ta đã được cho biết rằng những "Lá thư" này chứa đựng nhiều điều có giá trị, tuy nhiên Chân sư DK gợi ý rằng nhiều lá thư trong số đó do chính HPB chấp bút. Vì vậy, điều quan trọng là phải khảo sát nội dung của chúng thật cẩn thận.

Footnote 46:

Devachan. A state intermediate between two earth lives into which the Ego enters after its separation from its lower aspects or sheaths.

Chú thích 46:

Devachan. Một trạng thái trung gian giữa hai kiếp sống trên trái đất mà chân ngã đi vào sau khi tách khỏi các phương diện hay các vỏ bọc thấp của nó.

193. What do we mean by "the lower aspects or sheaths". Apparently, all subplanes with the *exception* of the fourth subplane of the mental plane are included in this description.

193. Chúng ta muốn nói gì bởi "các phương diện hay các vỏ bọc thấp". Rõ ràng, mọi cõi phụ ngoại trừ *cõi phụ thứ tư* của cõi trí đều được bao gồm trong mô tả này.

194. We notice that the term "Ego", as here used, does not distinguish between the Ego in incarnation (the human soul) and the Ego on the higher mental plane. From this perspective, the soul in incarnation may also be considered the "Ego".

194. Chúng ta nhận thấy rằng thuật ngữ "chân ngã", như được dùng ở đây, không phân biệt giữa chân ngã đang lâm phàm (linh hồn con người) và chân ngã trên cõi thượng trí. Từ góc nhìn này, linh hồn đang lâm phàm cũng có thể được xem là "chân ngã".

Therefore, as might be naturally deduced, there is no devachan for the savage or little evolved man, as they merit it not, and have not the mentality to realise it;

Vì vậy, như có thể được suy ra một cách tự nhiên, không có devachan đối với người man dã hay con người ít tiến hoá, vì họ không xứng đáng với nó, và không có đủ trí tuệ để chứng nghiệm nó;

195. We are reminded that the 'bliss' of devachan is based upon *mentality* and the fulfillment of what we might call mental aspirations and objectives.

195. Chúng ta được nhắc rằng 'chí phúc' của devachan dựa trên *trí tuệ* và sự hoàn thành của điều mà chúng ta có thể gọi là những khát vọng và mục tiêu trí tuệ.

hence, therefore, **the rapidity of their incarnations, and the brevity of the pralayic period**. There is little in their case for the Ego, on its own plane, **to assimilate in the residue of incarnations**,

do đó, vì thế, **sự nhanh chóng của các lần lâm phàm của họ, và sự ngắn ngủi của giai đoạn Giai kỳ qui nguyên**. Trong trường hợp của họ, có rất ít điều để chân ngã, trên cõi riêng của nó, **đồng hoá trong phần cặn dư của các lần lâm phàm**,

196. In this case "the Ego on its own plane" is the Ego within the causal body. We could even speak of the 'Ego within the egoic lotus'. The egoic lotus, however, is not the Ego.

196. Trong trường hợp này "chân ngã trên cõi riêng của nó" là chân ngã trong thể nguyên nhân. Chúng ta thậm chí có thể nói đến 'chân ngã trong Hoa Sen Chân Ngã'. Tuy nhiên, Hoa Sen Chân Ngã không phải là chân ngã.

197. The brevity of the intervals between incarnations for those who are little evolved serves the purpose of more rapidly

197. Sự ngắn ngủi của các khoảng cách giữa những lần lâm phàm đối với những người ít tiến hoá phục vụ mục đích nhanh chóng ban

conferring experiences from the three lower worlds upon such souls in incarnation.

cho những linh hồn đang lâm phàm ấy các kinh nghiệm từ ba cõi thấp.

198. Assimilation of the residue of experience occurs, as we can realized, upon the higher mental plane.

198. Sự đồng hoá phần cặn dư của kinh nghiệm xảy ra, như chúng ta có thể chứng nghiệm, trên cõi thượng trí.

and hence **the life principle** withdraws rapidly from out of the mental form,

và do đó **nguyên khí sự sống** rút ra nhanh chóng khỏi hình tướng trí tuệ,

199. Even for such relatively primitive human beings, there *is* a "mental form".

199. Ngay cả đối với những con người tương đối nguyên thủy như vậy, vẫn *có* một "hình tướng trí tuệ".

with **the resulting impulse of the Ego to reincarnate almost immediately**.

với **xung lực kết quả khiến chân ngã tái lâm phàm gần như ngay lập tức**.

200. In the case of all human beings, the life principle withdraws into the Ego demonstrating on the higher mental plane. It is from the Ego on the higher mental plane that the impulse towards incarnation arises.

200. Trong trường hợp của mọi con người, nguyên khí sự sống rút vào chân ngã đang biểu lộ trên cõi thượng trí. Chính từ chân ngã trên cõi thượng trí mà xung lực hướng tới lâm phàm phát sinh.

201. This impulse is associated with the sign Aries, the mantram of which is "I come forth and from the plane of mind, I rule*.

201. Xung lực này gắn liền với dấu hiệu hoàng đạo Bạch Dương, mantram của nó là "Tôi xuất hiện và từ cõi trí Tôi cai quản.*.

When the life of the personality has been full and rich, yet **has not reached the stage wherein the personal self can consciously co-operate with the ego**, periods of personality nirvana are undergone, **their length depending upon the interest of the life, and the ability of the man to meditate upon experience.**

Khi đời sống của phàm ngã đã đầy đủ và phong phú, nhưng **chưa đạt đến giai đoạn mà phàm ngã có thể hợp tác một cách có ý thức với chân ngã**, thì những giai đoạn niết bàn của phàm ngã sẽ được trải qua, **độ dài của chúng tùy thuộc vào mối quan tâm của đời sống, và khả năng của con người trong việc tham thiền về kinh nghiệm.**

202. We are told something of great importance: devachan is foregone when the

202. Chúng ta được cho biết một điều hết sức quan trọng: devachan bị từ bỏ khi phàm

personal self can consciously cooperate with the ego (Ego). This means that when the Spiritual Kingdom is entered, the man foregoes devachan.

203. May we then say that when a personality can consciously cooperate with the Ego he can also function in the cosmic ethers? This link needs close examination.

204. The "personal self" and the "ego" (Ego) are distinct, yet both are projections of the one Monad.

205. An aspect of the Solar Angel is present within the Ego with which the personal self must learn to cooperate.

206. We notice the important statement about the length of the devachanic experience. It depends upon—

a. The "interest of the life"—presumably, that which has interested the human being whilst in incarnation

b. The ability of the human being when focussed on the fourth subplane of the mental plane to meditate upon the experience he has undergone in the previous incarnation.

Later, when the Ego dominates the personality life, the interest of the man is raised to higher levels, and the nirvana of the soul becomes [Page 738] his goal.

207. "Nirvana", we see, is a generic term. The 'nirvana' of the personality is devachan. The "nirvana of the soul" is presumably that

ngã có thể hợp tác một cách có ý thức với chân ngã. Điều này có nghĩa là khi giới tinh thần được bước vào, con người từ bỏ devachan.

203. Vậy chúng ta có thể nói rằng khi một phàm ngã có thể hợp tác một cách có ý thức với chân ngã thì y cũng có thể hoạt động trong các dĩ thái vũ trụ chăng? Mối liên hệ này cần được khảo sát kỹ lưỡng.

204. "Phàm ngã" và "chân ngã" là khác biệt, tuy vậy cả hai đều là những phóng chiếu của một Chân thần duy nhất.

205. Một phương diện của Thái dương Thiên Thần hiện diện trong chân ngã mà phàm ngã phải học cách hợp tác cùng.

206. Chúng ta lưu ý đến phát biểu quan trọng về độ dài của kinh nghiệm devachan. Nó tùy thuộc vào—

a. "mối quan tâm của đời sống"—có lẽ là điều đã khiến con người quan tâm trong khi đang lâm phàm

b. khả năng của con người, khi tập trung trên cõi phụ thứ tư của cõi trí, tham thiền về kinh nghiệm mà y đã trải qua trong lần lâm phàm trước.

Về sau, khi chân ngã chi phối đời sống phàm ngã, mối quan tâm của con người được nâng lên những cấp độ cao hơn, và niết bàn của linh hồn trở thành [Page 738] mục tiêu của y.

207. Chúng ta thấy "Niết bàn" là một thuật ngữ tổng quát. 'Niết bàn' của phàm ngã là devachan. "Niết bàn của linh hồn" có lẽ là

state of consciousness which exists on the *higher* mental plane.

trạng thái tâm thức tồn tại trên cõi *thượng* trí.

208. The Ego dominates the personality life as the antahkarana becomes functional—and we remember that there are two stages to the antahkarana—the first uniting the personality with the Ego in the causal body and the second uniting the soul-infused personality with the spiritual triad.

208. Chân ngã chi phối đời sống phàm ngã khi antahkarana trở nên hoạt động—và chúng ta nhớ rằng antahkarana có hai giai đoạn—giai đoạn thứ nhất hợp nhất phàm ngã với chân ngã trong thể nguyên nhân và giai đoạn thứ hai hợp nhất phàm ngã được linh hồn thấm nhuần với Tam Nguyên Tinh Thần.

209. This domination increases during the period from the first to the fourth initiation. We would expect a third degree initiate to have no interest in devachan. We must remember, however, that the buddhic energy is increasing significantly in the human consciousness from the time of the first initiation.

209. Sự chi phối này gia tăng trong giai đoạn từ lần điểm đạo thứ nhất đến lần điểm đạo thứ tư. Chúng ta sẽ mong đợi một điểm đạo đồ cấp ba không còn quan tâm đến devachan. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng năng lượng Bồ đề đang gia tăng đáng kể trong tâm thức con người kể từ lần điểm đạo thứ nhất.

210. The third degree initiate can consciously focus on the higher mental plane and, presumably, can, therefore, consciously cooperate with the Ego.

210. Điểm đạo đồ cấp ba có thể tập trung một cách có ý thức trên cõi thượng trí và, có lẽ vì vậy, có thể hợp tác một cách có ý thức với chân ngã.

211. Progress towards this achievement begins, however, at the first initiation.

211. Tuy nhiên, sự tiến bộ hướng tới thành tựu này bắt đầu từ lần điểm đạo thứ nhất.

He has no interest in devachan.

Y không còn quan tâm đến devachan.

212. This, of course, reverses the usual position taken in the standard literature of the Theosophical Society.

212. Dĩ nhiên, điều này đảo ngược lập trường thường thấy trong văn liệu tiêu chuẩn của Hội Thông Thiên Học.

Therefore, those upon the Path (either the probationary Path, or the Path of Initiation) do not, as a rule, go to devachan, **but immediate incarnation becomes the rule in the turning of the wheel of life**;

Vì vậy, những người ở trên Con Đường (hoặc là Con Đường Dự Bị, hoặc là Con Đường Điểm Đạo) theo quy luật, không đi vào devachan, **mà sự lâm phàm tức thời trở thành quy luật trong sự xoay chuyển của bánh xe sự sống**;

213. DK suggests that the period of foregoing devachan begins even before the

213. Chân sư DK gợi ý rằng giai đoạn từ bỏ devachan bắt đầu ngay cả trước thời kỳ của

period of the first initiation—in fact, upon the Probationary Path.

214. Of course, the use of the term "Path" can signify the first initiation and, in a sense, a man is said to be on the Probationary Path until the time he becomes an accepted disciple. As one rarely becomes an accepted disciple until several incarnations *after* the taking of the first initiation, we could again say that conscious cooperation with the Ego cannot really begin before the first initiation, even it is definite and achieved at will at the third.

215. Given what is said, we may suppose that for persistent students of the books of the Tibetan, entry into devachan is not the rule.

216. When we focus on the words "as a rule", it may still be possible that some quite advanced people may take a devachanic interlude.

this time it is brought about by the conscious co-operation of the personal Self with the divine Self or Ego.

217. We gather that most incarnations are *not* brought about by the conscious cooperation of the personal self with the divine Self or Ego.

218. As a man becomes capable of registering the impulses of the Solar Angel and carrying out those impulses, we can say that the cooperation of the personal self with the "divine Self or Ego" begins.

lần điểm đạo thứ nhất—thực ra là trên Con Đường Dự Bị.

214. Dĩ nhiên, việc dùng thuật ngữ "Con Đường" có thể biểu thị lần điểm đạo thứ nhất, và theo một nghĩa nào đó, một người được nói là ở trên Con Đường Dự Bị cho đến khi y trở thành một đệ tử được chấp nhận. Vì người ta hiếm khi trở thành một đệ tử được chấp nhận cho đến vài lần lâm phàm *sau* khi nhận lần điểm đạo thứ nhất, nên chúng ta lại có thể nói rằng sự hợp tác có ý thức với chân ngã thực sự không thể bắt đầu trước lần điểm đạo thứ nhất, dù nó trở nên xác định và đạt được theo ý muốn ở lần thứ ba.

215. Với những gì được nói ra, chúng ta có thể giả định rằng đối với những đạo sinh kiên trì của các sách của Chân sư Tây Tạng, việc đi vào devachan không phải là quy luật.

216. Khi chúng ta chú ý đến các từ "theo quy luật", vẫn có thể một số người khá tiến bộ vẫn có một quãng nghỉ devachan.

lần này điều đó được mang lại bởi sự hợp tác có ý thức của phàm ngã với Chân ngã thiêng liêng hay chân ngã.

217. Chúng ta rút ra rằng phần lớn các lần lâm phàm *không* được mang lại bởi sự hợp tác có ý thức của phàm ngã với Chân ngã thiêng liêng hay chân ngã.

218. Khi một người trở nên có khả năng ghi nhận các xung lực của Thái dương Thiên Thần và thực hiện những xung lực ấy, chúng ta có thể nói rằng sự hợp tác của phàm ngã với "Chân ngã thiêng liêng hay chân ngã" bắt đầu.

219. For persistent students of the AAB books this will probably mean that they foresaw the purpose and conditions of their present incarnation and worked (on the inner planes) with the Solar Angel, and in reflection of their own Monad, to plan and engineer the incarnation.

219. Đối với những đạo sinh kiên trì của các sách AAB, điều này có lẽ có nghĩa là họ đã thấy trước mục đích và các điều kiện của lần lâm phàm hiện tại của mình và đã làm việc (trên các cõi bên trong) với Thái dương Thiên Thần, và trong sự phản chiếu của chính Chân thần của họ, để hoạch định và kiến tạo lần lâm phàm ấy.

220. We must realize the implication of the section of text above. The "personal Self" still exists during the period before incarnation. We can think of it as that portion of the higher consciousness which will descend and which is sometimes called "the soul in incarnation".

220. Chúng ta phải chứng nghiệm hàm ý của đoạn văn trên. "Phàm ngã" vẫn tồn tại trong giai đoạn trước khi lâm phàm. Chúng ta có thể nghĩ về nó như phần tâm thức cao hơn sẽ giáng xuống và đôi khi được gọi là "linh hồn đang nhập thể".

221. With whom or with what does this "personal Self" work to plan the next incarnation? May we say that it works in cooperation with the reflection of the Monad/Triad within the etheric body and also in consultation with the supervising Solar Angel which has pervaded the causal body with a fragment of itself.

221. "Phàm ngã" này làm việc với ai hay với điều gì để hoạch định lần lâm phàm kế tiếp? Chúng ta có thể nói rằng nó làm việc trong sự hợp tác với sự phản chiếu của Chân thần/Tam nguyên tinh thần trong thể dĩ thái và cũng tham khảo Thái dương Thiên Thần giám sát, Đấng đã thấm nhuần thể nguyên nhân bằng một mảnh của chính mình chăng.

222. In this process the advanced man intending to reincarnate has *two* Masters—his own higher monadic/triadal nature and the Solar Angel, itself.

222. Trong tiến trình này, người tiến bộ có ý định tái lâm phàm có *hai* Chân sư—bản chất chân thần/tam nguyên tinh thần cao hơn của chính y và bản thân Thái dương Thiên Thần.

(2) The period between egoic Cycles.

(2) Giai đoạn giữa các chu kỳ chân ngã.

223. May we say that the period between personality cycles can be likened to the period between globes in a chain and that the period between egoic cycles can be likened to the period between chains in a scheme. The Monads, it would seem, it related to the planetary scheme itself.

223. Chúng ta có thể nói rằng giai đoạn giữa các chu kỳ phàm ngã có thể được ví với giai đoạn giữa các bầu hành tinh trong một Dãy và giai đoạn giữa các chu kỳ chân ngã có thể được ví với giai đoạn giữa các Dãy trong một hệ hành tinh. Dường như các Chân thần có liên hệ với chính hệ hành tinh ấy.

Herein is hid the mystery of the 777 incarnations and **concerns the relation of the unit to his group on the egoic plane**,

Chính trong đây ẩn giấu bí nhiệm của 777 lần lâm phàm và **liên quan đến mối quan hệ của đơn vị với nhóm của y trên cõi chân ngã**,

224. We should recognize that we are not speaking of those cycles called personality incarnations.

224. Chúng ta nên nhận ra rằng ở đây chúng ta không nói về những chu kỳ được gọi là các lần lâm phàm của phàm ngã.

225. The number 777, while indicative of duration of the entire series of incarnations in the fourth kingdom, is to be considered symbolical. This is, perhaps, one of the reasons why the number 777 is considered a "mystery".

225. Con số 777, tuy biểu thị thời lượng của toàn bộ chuỗi lâm phàm trong giới thứ tư, vẫn phải được xem là có tính biểu tượng. Có lẽ đây là một trong những lý do khiến con số 777 được xem là một "bí nhiệm".

226. Every egoic unit is part of a group of egos on the higher mental plane. What, at any one time, is the relation of any egoic unit to that group. Will such a group contain Egos at many different stages of development?

226. Mỗi đơn vị chân ngã là một phần của một nhóm các chân ngã trên cõi thượng trí. Vào bất kỳ thời điểm nào, mối quan hệ của bất kỳ đơn vị chân ngã nào với nhóm ấy là gì? Một nhóm như vậy có chứa các Chân ngã ở nhiều giai đoạn phát triển rất khác nhau không?

prior to the unfoldment of the fifth petal.

trước sự khai mở của cánh hoa thứ năm.

227. When the fifth petal is unfolding, the Solar Angel takes an active interest in the developing human personality.

227. Khi cánh hoa thứ năm đang khai mở, Thái dương Thiên Thần dành một sự quan tâm tích cực đến phàm ngã nhân loại đang phát triển.

The Ego takes no active interest in the development until the second petal in the second series is beginning to open. (TCF 543)

Chân ngã không dành sự quan tâm tích cực nào đến sự phát triển cho đến khi cánh hoa thứ hai trong chuỗi thứ hai bắt đầu mở ra. (TCF 543)

228. In this case we must consider the Solar Angel's role in creating the manifestation of the Ego on the higher mental plane.

228. Trong trường hợp này, chúng ta phải xem xét vai trò của Thái dương Thiên Thần trong việc tạo ra sự biểu lộ của chân ngã trên cõi thượng trí.

229. During the unfoldment of the fourth and fifth petal, DK tells us that the human unit is in process of entering the fifth or spiritual kingdom.

The fifth or spiritual kingdom is entered when the units of the fourth kingdom have succeeded in vitalizing the fifth spirilla in all the atoms of the threefold lower man; **when they [Page 698] have unfolded three of the egoic petals and are in process of unfolding the fourth and fifth and when they are becoming conscious of the pranic force of the Heavenly Man.**(TCF 697-698)

230. Note in regard to this excerpt, that while the fourth and fifth petals are unfolding, the human being may, in fact, we working at vitalizing and organizing the petals within the sacrifice tier, even if they have not yet been unfolded through the process of the initiation ceremony.

231. The complete unfoldment of the fifth petal may signal the taking of the first initiation at which point a man becomes a true disciple.

On the buddhic plane, when flashing forth at initiation, this number signifies the full development of the fifth principle or quality, the completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan, and the assimilation of all that is to be learned upon them, and the attainment—not only of full self-consciousness, but also of the consciousness of the group wherein a man is found. **It infers the full unfoldment of five of the egoic petals, leaving four to open before the final initiation. (TCF 696)**

229. Trong thời kỳ khai mở cánh hoa thứ tư và thứ năm, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng đơn vị nhân loại đang trong tiến trình bước vào giới thứ năm hay giới tinh thần.

Giới thứ năm hay giới tinh thần được bước vào khi các đơn vị của giới thứ tư đã thành công trong việc tiếp sinh lực cho loa tuyến thứ năm trong mọi nguyên tử của phàm nhân tam phân; **khi họ [Page 698] đã khai mở ba cánh hoa chân ngã và đang trong tiến trình khai mở cánh hoa thứ tư và thứ năm và khi họ đang trở nên có ý thức về mãnh lực prana của Đấng Thiên Nhân.**(TCF 697-698)

230. Xin lưu ý về đoạn trích này rằng trong khi cánh hoa thứ tư và thứ năm đang khai mở, con người trên thực tế có thể đang làm việc để tiếp sinh lực và tổ chức các cánh hoa trong tầng hi sinh, ngay cả khi chúng chưa được khai mở qua tiến trình của nghi lễ điểm đạo.

231. Sự khai mở hoàn toàn của cánh hoa thứ năm có thể báo hiệu việc nhận lần điểm đạo thứ nhất, tại thời điểm đó một người trở thành một đệ tử chân chính.

Trên cõi Bồ đề, khi lóe sáng ra trong điểm đạo, con số này biểu thị sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm, chu kỳ hoàn tất của chân ngã trên năm cung dưới quyền Đức Mahachohan, và sự đồng hoá mọi điều cần được học trên các cung ấy, cùng sự đạt được—không chỉ ngã thức trọn vẹn, mà còn cả tâm thức của nhóm mà trong đó một người được tìm thấy. **Nó hàm ý sự khai mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã, để lại bốn cánh sẽ mở ra trước lần điểm đạo cuối cùng. (TCF 696)**

232. In this context, that "final initiation" must necessarily be the fourth. After that, there are no more petals to open; they have been destroyed.

It concerns man in the period between the savage stage and that of the disciple, when he is an average man but still in the two Halls.

233. We are speaking of those periods of human unfoldment to which the 777 incarnations are relevant.

234. The stage of consciousness immediately above must be closely studied as some apparent contradictions may emerge.

235. Later we will see that the "7 incarnations" are implicated in the processes of the Probationary Path and yet here we are told that all of the 777 incarnations concern a period *before* man becomes a disciple.

236. What we may gather from the above is that the man treading the Probationary Path is still, in a sense, considered an "average man" or, at least, *not* a disciple.

237. Any developmental period preceding the stage of "disciple" is to be considered "average man", yet the term "average man" usually implies some reasonable degree of mental/emotional development.

238. In this context, the disciple is definitely being distinguished from the probationer.

232. Trong ngữ cảnh này, "lần điểm đạo cuối cùng" ấy tất yếu phải là lần thứ tư. Sau đó, không còn cánh hoa nào để mở nữa; chúng đã bị hủy diệt.

Nó liên quan đến con người trong giai đoạn giữa thời kỳ man dã và thời kỳ đệ tử, khi y là một người bình thường nhưng vẫn còn ở trong hai Phòng.

233. Chúng ta đang nói về những giai đoạn khai mở của con người mà 777 lần lâm phàm có liên hệ.

234. Giai đoạn tâm thức ngay bên trên phải được nghiên cứu kỹ, vì có thể xuất hiện một số mâu thuẫn bề ngoài.

235. Về sau chúng ta sẽ thấy rằng "7 lần lâm phàm" có liên can đến các tiến trình của Con Đường Dự Bị, vậy mà ở đây chúng ta lại được cho biết rằng toàn bộ 777 lần lâm phàm đều liên quan đến một giai đoạn *trước khi* con người trở thành một đệ tử.

236. Điều chúng ta có thể rút ra từ trên là người đang bước đi trên Con Đường Dự Bị vẫn, theo một nghĩa nào đó, được xem là một "người bình thường" hoặc ít nhất *không* phải là một đệ tử.

237. Bất kỳ giai đoạn phát triển nào trước giai đoạn "đệ tử" đều được xem là "người bình thường", tuy nhiên thuật ngữ "người bình thường" thường hàm ý một mức độ phát triển cảm xúc/trí tuệ hợp lý nào đó.

238. Trong ngữ cảnh này, đệ tử rõ ràng đang được phân biệt với người dự bị.

239. From the above we may also gather that a disciple is no longer in the "two Halls—either of Ignorance or of Learning.

239. Từ trên, chúng ta cũng có thể rút ra rằng một đệ tử không còn ở trong "hai Phòng"—hoặc Phòng Vô Minh hoặc Phòng Hiểu Biết nữa.

240. Just how many petals have to be organized, awakened and in the process of unfolding before one can be considered as having stepped upon the Probationary Path is a matter for close scrutiny as different references indicate different possibilities. Here is one possibility:

240. Chính xác có bao nhiêu cánh hoa phải được tổ chức, thức tỉnh và đang trong tiến trình khai mở trước khi một người có thể được xem là đã bước lên Con Đường Dự Bị là một vấn đề cần được khảo sát kỹ, vì những dẫn chiếu khác nhau cho thấy những khả năng khác nhau. Đây là một khả năng:

"...pass on to the probationary path, <u>having unfolded one tier of petals, and organised the second.</u>" (TCF 842)

"...bước lên Con Đường Dự Bị, <u>đã khai mở một tầng cánh hoa, và tổ chức tầng thứ hai.</u>" (TCF 842)

The mystery of all root races lies here,

Bí nhiệm của mọi giống dân gốc nằm ở đây,

241. The number 777 concerns egoic cycles, but there are further divisions of such cycles than are expressed in this number.

241. Con số 777 liên quan đến các chu kỳ chân ngã, nhưng còn có những phân chia sâu hơn của các chu kỳ ấy ngoài điều được biểu thị trong con số này.

242. If we divide the number 777 into the suggested categories of 700, 70 and 7, we shall see that there are *three* such cycles, coinciding with divisions given in the excerpt below.

242. Nếu chúng ta chia con số 777 thành các loại được gợi ý là 700, 70 và 7, chúng ta sẽ thấy rằng có *ba* chu kỳ như thế, trùng hợp với các phân chia được nêu trong đoạn trích dưới đây.

<u>The egoic cycles proceed in groups of sevens and of threes</u>, and not in groups of fours and sevens as do the personality cycles, and the same ratio must be predicated of the central cycles of a Heavenly Man and of a solar Logos (TCF 304)

<u>Các chu kỳ chân ngã diễn tiến theo những nhóm bảy và nhóm ba</u>, chứ không theo những nhóm bốn và nhóm bảy như các chu kỳ phàm ngã, và cùng một tỉ lệ ấy phải được khẳng định đối với các chu kỳ trung tâm của một Đấng Thiên Nhân và của một Thái dương Thượng đế (TCF 304)

and the egoic cycles coincide with the building of racial forms, and civilisations.

và các chu kỳ chân ngã trùng hợp với việc xây dựng các hình tướng nhân loại, và các nền văn minh.

243. We have been told that egoic cycles occur in sevens and threes.

243. Chúng ta đã được cho biết rằng các chu kỳ chân ngã xảy ra theo bảy và ba.

244. It is clear that egoic cycles are connected with the emergence with the rootraces of man (the "lesser seven" as distinct from the "greater seven" and the "planetary seven").

244. Rõ ràng là các chu kỳ chân ngã có liên hệ với sự xuất hiện của các giống dân gốc của con người ("bảy nhỏ" phân biệt với "bảy lớn" và "bảy hành tinh").

The causal cycles or the egoic cycles, which include all the groups of lesser cycles in the three worlds correspond to a complete round in the cycles of a Heavenly Man. **There are seven such cycles**, but the number of lesser cycles (included within the seven) is one of the secrets of Initiation. (TCF 303-304)

Các chu kỳ nguyên nhân hay các chu kỳ chân ngã, bao gồm mọi nhóm chu kỳ nhỏ hơn trong ba cõi giới, tương ứng với một cuộc tuần hoàn trọn vẹn trong các chu kỳ của một Đấng Thiên Nhân. **Có bảy chu kỳ như thế**, nhưng số lượng các chu kỳ nhỏ hơn (nằm trong bảy chu kỳ ấy) là một trong những bí mật của Điểm đạo. (TCF 303-304)

245. DK is drawing a correspondence between the seven rounds (whether chain rounds or scheme rounds) experienced by a Planetary Logos and the seven major cycles experienced by an Ego in the higher mental plane.

245. Chân sư DK đang rút ra một sự tương ứng giữa bảy cuộc tuần hoàn (dù là các cuộc tuần hoàn của Dãy hay của hệ hành tinh) mà một Hành Tinh Thượng Đế trải qua và bảy chu kỳ lớn mà một chân ngã trải qua trên cõi thượng trí.

A man will reincarnate again and again in the various subraces of a root race until a certain cycle has been covered;´

Một người sẽ tái lâm phàm hết lần này đến lần khác trong các giống dân phụ khác nhau của một giống dân gốc cho đến khi một chu kỳ nhất định đã được hoàn tất;´

246. We can look at such a cycle as a *developmental* cycle.

246. Chúng ta có thể xem một chu kỳ như thế là một chu kỳ *phát triển*.

247. May we consider the "cycle" here referenced as composed of the *entirety* of seven sub-cycles, with each sub-cycle consisting of a number of incarnations in each sub-race of a rootrace? This is probable.

247. Chúng ta có thể xem "chu kỳ" được nhắc đến ở đây là bao gồm *toàn bộ* bảy chu kỳ phụ, với mỗi chu kỳ phụ gồm một số lần lâm phàm trong mỗi giống dân phụ của một giống dân gốc chăng? Điều này có vẻ đúng.

248. Or shall we consider the words "a certain cycle" as pertaining only to a particular sub-race?

248. Hay chúng ta nên xem các từ "một chu kỳ nhất định" là chỉ riêng một giống dân phụ cụ thể?

249. No doubt there are many incarnations taken in each of the subraces, and the conclusion of each series in each sub-race can be considered a cycle of a kind.

249. Chắc chắn có nhiều lần lâm phàm được thực hiện trong mỗi giống dân phụ, và sự kết thúc của mỗi chuỗi trong từng giống dân phụ có thể được xem là một loại chu kỳ.

then he may undergo a pralayic condition until in a later (and sometimes much later) root race he will respond to its vibratory call, and the egoic impulse to incarnate will again be felt.

sau đó y có thể trải qua một trạng thái Giai kỳ qui nguyên cho đến khi trong một giống dân gốc về sau (và đôi khi muộn hơn rất nhiều) y sẽ đáp ứng với tiếng gọi rung động của nó, và xung lực chân ngã hướng tới lâm phàm sẽ lại được cảm nhận.

250. DK seems to be suggesting that after the completion of all sub-race cycles within a rootrace, a long interval ("a pralayic condition") may elapse before incarnation is again taken, but this time in a succeeding rootrace.

250. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng sau khi hoàn tất mọi chu kỳ giống dân phụ trong một giống dân gốc, có thể trôi qua một khoảng cách dài ("một trạng thái Giai kỳ qui nguyên") trước khi việc lâm phàm lại được thực hiện, nhưng lần này là trong một giống dân gốc kế tiếp.

251. It may be necessary to pay attention to the unusual wording in this excerpt. If we do so, we may perhaps wonder whether there comes a time when a man, now incarnating in a later rootrace, feels the vibratory call to incarnate again in an earlier rootrace. This happens, no doubt, from time to time, but is probably not the major meaning DK means to convey in the above section of text.

251. Có lẽ cần chú ý đến cách diễn đạt khác thường trong đoạn trích này. Nếu làm như vậy, có lẽ chúng ta sẽ tự hỏi liệu có đến một lúc nào đó khi một người, hiện đang lâm phàm trong một giống dân gốc về sau, lại cảm thấy tiếng gọi rung động để lâm phàm lần nữa trong một giống dân gốc sớm hơn hay không. Điều này hẳn thỉnh thoảng có xảy ra, nhưng có lẽ không phải là ý nghĩa chính mà Chân sư DK muốn truyền đạt trong đoạn văn trên.

In illustration of this, we should bear in mind that **the more advanced humanity of today** did not incarnate until the fourth root race.

Để minh hoạ điều này, chúng ta nên ghi nhớ rằng **nhân loại tiến bộ hơn của ngày nay** đã không nhập thể cho đến giống dân gốc thứ tư.

252. In the example DK uses, He seems to emphasize the possibility of a very long interval between incarnations in a earlier type of rootrace and those taken in a much later one—one so 'late', in fact, that it occurs on the chain which succeeds the chain in

252. Trong ví dụ mà Chân sư DK sử dụng, Ngài dường như nhấn mạnh khả năng có một khoảng cách rất dài giữa các lần nhập thể trong một loại giống dân gốc sớm hơn và những lần nhập thể diễn ra trong một giống dân muộn hơn rất nhiều—thực ra "muộn"

which the earlier rootrace incarnations occurred.

đến mức nó xảy ra trên Dãy kế tiếp Dãy mà trong đó các lần nhập thể của giống dân gốc sớm hơn đã xảy ra.

These cycles are one of the mysteries of initiation,

Các chu kỳ này là một trong những huyền nhiệm của điểm đạo,

253. Hence, the obscurity surrounding the subject.

253. Do đó, có sự tối nghĩa bao quanh chủ đề này.

though one of the **earlier** mysteries,

dù là một trong những huyền nhiệm **sớm hơn**,

254. As obscure as the truth of these cycles may be to us, they are still considered relatively early revelations.

254. Dù chân lý về các chu kỳ này có tối nghĩa đối với chúng ta đến đâu, chúng vẫn được xem là những mặc khải tương đối sớm.

and are revealed at the second initiation as they enable the initiate to comprehend his position, to see somewhat the nature of the karmic impulse, and to read his own record in the astral light.

và được tiết lộ vào lần điểm đạo thứ hai vì chúng giúp điểm đạo đồ thấu hiểu vị trí của mình, thấy phần nào bản chất của xung lực nghiệp quả, và đọc hồ sơ của chính mình trong ánh sáng cảm dục.

255. It may reasonably be surmised that much conveyed in the chamber of initiation is not clearly remembered in the brain-consciousness.

255. Có thể suy đoán một cách hợp lý rằng phần lớn những gì được truyền đạt trong phòng điểm đạo không được ghi nhớ rõ ràng trong tâm thức não bộ.

256. At the second initiation one must *express the Plan.* Therefore, we can see why the following achievements are important at that initiation and why reception of information concerning rootrace cycles allows the initiate to--

256. Ở lần điểm đạo thứ hai, người ta phải *biểu đạt Thiên Cơ.* Vì vậy, chúng ta có thể thấy vì sao những thành tựu sau đây lại quan trọng ở lần điểm đạo ấy và vì sao việc tiếp nhận thông tin liên quan đến các chu kỳ giống dân gốc cho phép điểm đạo đồ—

a. Comprehend his position

a. Thấu hiểu vị trí của mình

b. See somewhat the nature of the karmic impulse

b. Thấy phần nào bản chất của xung lực nghiệp quả

c. Read his own record in the astral light

c. Đọc hồ sơ của chính mình trong ánh sáng cảm dục

257. As souls we know somewhat of our own record. It is obvious that in the case of even quite advanced human beings, this record is 'forgotten' in the brain consciousness though, subliminally at least, access to it may certainly exist.

257. Là các linh hồn, chúng ta biết phần nào hồ sơ của chính mình. Rõ ràng là trong trường hợp ngay cả những con người khá tiến bộ, hồ sơ này bị "quên" trong tâm thức não bộ dù, ít nhất ở mức dưới ngưỡng, việc tiếp cận nó chắc chắn có thể tồn tại.

258. We can imagine why, at the second initiation and following, life becomes much more purposeful and directed—*according to the Divine Plan.*

258. Chúng ta có thể hình dung vì sao, bắt đầu từ lần điểm đạo thứ hai và về sau, đời sống trở nên có mục đích và có định hướng hơn nhiều—*theo Thiên Cơ.*

These might be considered the two lesser pralayic periods and concern primarily life in the three worlds.

Những điều này có thể được xem là hai giai kỳ qui nguyên nhỏ hơn và chủ yếu liên quan đến đời sống trong ba cõi giới.

259. We are speaking of: (1) the period between two incarnations and (2) the period between two egoic cycles.

259. Chúng ta đang nói đến: (1) giai đoạn giữa hai lần nhập thể và (2) giai đoạn giữa hai chu kỳ chân ngã.

260. In relation to this latter type of pralaya, it would seem that we must also consider not only pralayas between rootraces, but, perhaps, minor pralayas between subraces before incarnation occurs in the succeeding sub-race of the same rootrace.

260. Liên quan đến loại pralaya sau này, dường như chúng ta cũng phải xét không chỉ các pralaya giữa các giống dân gốc, mà có lẽ cả những pralaya nhỏ giữa các giống dân phụ trước khi sự nhập thể xảy ra trong giống dân phụ kế tiếp của cùng một giống dân gốc.

261. Of course, if certain groups of human beings transfer from an earlier chain to a later one (i.e., one activated later in time), there will naturally be a lengthy pralaya. We could call this an 'inter-chain pralaya'.

261. Dĩ nhiên, nếu một số nhóm người chuyển từ một Dãy sớm hơn sang một Dãy muộn hơn (tức một Dãy được hoạt hóa muộn hơn theo thời gian), thì tự nhiên sẽ có một pralaya kéo dài. Chúng ta có thể gọi đây là một "pralaya liên-Dãy".

262. As well, there are some human beings who transferred from an earlier solar system to the present one. Between these two periods of solar manifestation there will be a *very long* pralaya, relatively speaking. We could call this type of pralaya an 'inter-systemic pralaya'.

262. Ngoài ra, có một số con người đã chuyển từ một hệ mặt trời trước sang hệ hiện tại. Giữa hai thời kỳ biểu hiện mặt trời này sẽ có một pralaya *rất dài*, xét theo tương quan. Chúng ta có thể gọi loại pralaya này là một "pralaya liên-hệ thống".

263. When we consider human pralayas, it is clear that between the rootraces and, perhaps, subraces through which man passes, there will exist pralayas. Are there also pralayas of some kind between the 700, the 70 and the 7 incarnations?

263. Khi xét các pralaya của con người, rõ ràng là giữa các giống dân gốc và có lẽ các giống dân phụ mà con người đi qua, sẽ tồn tại các pralaya. Liệu cũng có những pralaya nào đó giữa 700, 70 và 7 lần nhập thể hay không?

264. It becomes difficult to chart a man's developmental course over millions of years because we are not at all certain concerning the number of intervals of 'rest' or pralaya and their duration.

264. Việc vạch ra tiến trình phát triển của một người qua hàng triệu năm trở nên khó khăn vì chúng ta hoàn toàn không chắc chắn về số lượng các quãng "nghỉ" hay pralaya và thời lượng của chúng.

(3) Next comes the period wherein the man has attained freedom.

(3) Tiếp theo là giai đoạn trong đó con người đã đạt được tự do.

265. During the 777 incarnations he has *not yet* attained freedom. So the number 777 does not indicate *all* of a human being's incarnations.

265. Trong 777 lần nhập thể, y *vẫn chưa* đạt được tự do. Vì vậy, con số 777 không chỉ ra *tất cả* các lần nhập thể của một con người.

266. We remember that his incarnations as a true disciple or initiation are *not* included in the 777.

266. Chúng ta nhớ rằng các lần nhập thể của y với tư cách một đệ tử đích thực hay một điểm đạo đồ *không* được tính trong số 777.

A man has at this stage succeeded, under law, in "abstracting" himself, the freed soul, from out of the matter of the three worlds.

Ở giai đoạn này, con người đã thành công, dưới định luật, trong việc "rút" chính mình, linh hồn được giải thoát, ra khỏi vật chất của ba cõi giới.

267. We may consider the "freed soul" as the spiritual triad or as the unit of consciousness focussed successfully within the spiritual triad.

267. Chúng ta có thể xem "linh hồn được giải thoát" là Tam Nguyên Tinh Thần hoặc là đơn vị tâm thức được tập trung thành công bên trong Tam Nguyên Tinh Thần.

268. If we consider *all* the "matter of the three worlds", we must include the higher mental plane.

268. Nếu chúng ta xét *toàn bộ* "vật chất của ba cõi giới", chúng ta phải bao gồm cả Cõi thượng trí.

269. The consciousness of the MONAD (in a way, the *truest* soul) is not yet "freed" when confined to the higher mental plane.

269. Tâm thức của CHÂN THẦN (theo một nghĩa nào đó, linh hồn *đích thực nhất*) vẫn

chưa được “giải thoát” khi bị giới hạn trong Cõi thượng trí.

He has used and worked with deva substance and has gained all the vibratory [Page 739] contact possible, and has secured all the intended "realisations" and "revelations";

Y đã sử dụng và làm việc với chất liệu thiên thần và đã đạt được mọi tiếp xúc rung động [Page 739] có thể có, và đã đạt được tất cả những “chứng ngộ” và “mặc khải” được dự định;

270. These are the realizations and revelations intended to be gathered from experience within the lower three worlds.

270. Đây là những chứng ngộ và mặc khải được dự định thu thập từ kinh nghiệm trong ba cõi thấp.

he can no longer be held imprisoned by the devas.

y không còn có thể bị các thiên thần giam cầm nữa.

271. Here we are speaking only of the devas of these lower three worlds.

271. Ở đây chúng ta chỉ nói đến các thiên thần của ba cõi thấp này.

272. For the soul of man, all the four lunar elementals and the evolutionary devas which tend them, provide a temporary prison.

272. Đối với linh hồn con người, cả bốn hành khí thái âm và các thiên thần tiến hoá chăm sóc chúng đều tạo nên một nhà tù tạm thời.

273. All these are symbolically ruled by the Moon and the Moon, in esoteric astrology, represents the “prison of the soul”

273. Tất cả những điều này được cai quản một cách biểu tượng bởi Mặt Trăng, và Mặt Trăng, trong Chiêm Tinh Học Nội Môn, tượng trưng cho “nhà tù của linh hồn”

He is free until, consciously and willingly, and in another round, he **can** return **as a member of a Hierarchy** to continue His work of service for the little evolved humanity of that distant time.

Y được tự do cho đến khi, một cách có ý thức và tự nguyện, và trong một cuộc tuần hoàn khác, y **có thể** trở lại **với tư cách là một thành viên của một Huyền Giai** để tiếp tục công việc phụng sự của Ngài cho nhân loại ít tiến hoá của thời kỳ xa xôi ấy.

274. This is an interesting idea. Elsewhere we gather that a man who has achieved the fourth initiation may go on to Mastership and Chohanship, and leave the Earth far behind as he treads the Path of Higher Evolution.

274. Đây là một ý tưởng thú vị. Ở nơi khác, chúng ta thu thập được rằng một người đã đạt lần điểm đạo thứ tư có thể tiếp tục đến Chân sư vị và Chohan vị, và bỏ lại Trái Đất rất xa phía sau khi y bước trên Con đường Tiến Hóa Cao Siêu.

275. Normally, there seems to be no need to wait for another round in order to serve humanity as a member of the Hierarchy.

275. Thông thường, dường như không cần phải chờ một cuộc tuần hoàn khác để phụng sự nhân loại với tư cách một thành viên của Thánh đoàn.

276. Will the man of whom we are speaking come forth to serve as a Solar Angel? We cannot be sure this is possible as, when the "returning Nirvanis" are discussed, we are told that they achieved human status in an *earlier* mahamanvantara. The duration of one round, however, is not sufficient to make a Solar Angel out of a man.

276. Liệu con người mà chúng ta đang nói đến có xuất hiện để phụng sự như một Thái dương Thiên Thần không? Chúng ta không thể chắc rằng điều này là có thể, vì khi các "nirvani trở lại" được bàn đến, chúng ta được cho biết rằng họ đã đạt địa vị con người trong một *sớm hơn* Đại giai kỳ sinh hóa. Tuy nhiên, thời lượng của một cuộc tuần hoàn không đủ để biến một con người thành một Thái dương Thiên Thần.

277. Interestingly, we are not told whether the future service here mentioned is to be service in relation to our planet, Earth.

277. Điều đáng chú ý là chúng ta không được cho biết liệu sự phụng sự tương lai được nhắc đến ở đây có phải là sự phụng sự liên quan đến hành tinh của chúng ta, Trái Đất, hay không.

278. We also note that the liberated human being *can* return. It does not necessarily say that he *will.*

278. Chúng ta cũng lưu ý rằng con người được giải thoát *có thể* trở lại. Điều đó không nhất thiết nói rằng y *sẽ.*

279. The words “as a member of a Hierarchy” may also give us pause. “A Hierarchy” is, perhaps, a Creative Hierarchy *higher* than the present Human Creative Hierarchy. Yet the next higher Creative Hierarchy is the Hierarchy of Solar Angels and it may require an interval *between solar systems* to train a human being as a Solar Angel.

279. Các từ “với tư cách là một thành viên của một Huyền Giai” cũng có thể khiến chúng ta dừng lại suy nghĩ. “Một Huyền Giai” có lẽ là một Huyền Giai Sáng Tạo *cao hơn* Huyền Giai Sáng Tạo Nhân Loại hiện tại. Tuy nhiên, Huyền Giai Sáng Tạo cao hơn kế tiếp là Huyền Giai của các Thái dương Thiên Thần, và có thể cần một khoảng thời gian *giữa các hệ mặt trời* để huấn luyện một con người thành một Thái dương Thiên Thần.

280. In any case, we gather the idea that a liberated human being may be free of involvement with humanity for a very long time—perhaps even until the next round—whether a chain round or a scheme round we are not told.

280. Dù sao đi nữa, chúng ta thu nhận được ý tưởng rằng một con người được giải thoát có thể thoát khỏi sự dính líu với nhân loại trong một thời gian rất dài—có lẽ thậm chí cho đến cuộc tuần hoàn kế tiếp—dù là một cuộc tuần hoàn của Dãy hay của hệ hành tinh thì chúng ta không được cho biết.

As this concerns the seven paths of opportunity for a Master we will not deal with it here.[47]

Vì điều này liên quan đến bảy con đường cơ hội dành cho một Chân sư nên chúng ta sẽ không bàn đến nó ở đây.47

281. In this context we are speaking of the Path of Higher Evolution.

281. Trong ngữ cảnh này, chúng ta đang nói về Con đường Tiến Hóa Cao Siêu.

282. There are probably a number of ways that a liberated human being can ‘return’ to the field of Earth-service in a future round. To return as a Solar Angel is only one possibility and *may* require ‘schooling’ in the stellar system of Sirius. Such re-entry may not occur until the advent of the next mahamanvantara.

282. Có lẽ có một số cách để một con người được giải thoát có thể “trở lại” trường phụng sự Trái Đất trong một cuộc tuần hoàn tương lai. Trở lại như một Thái dương Thiên Thần chỉ là một khả năng và *có thể* đòi hỏi được “đào luyện” trong hệ sao Sirius. Sự tái nhập như vậy có thể không xảy ra cho đến khi cuộc Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp xuất hiện.

283. It is possible that one may tread one of the Seven Paths and make sufficient progress on that Path to return to help a future humanity well before the present solar system has finished its cycle.

283. Có thể một người bước trên một trong Bảy Con Đường và đạt đủ tiến bộ trên Con Đường ấy để trở lại giúp một nhân loại tương lai rất lâu trước khi hệ mặt trời hiện tại hoàn tất chu kỳ của nó.

284. Concerning the Seven Paths, we may have been told something of ‘ultimate

284. Liên quan đến Bảy Con Đường, có thể chúng ta đã được cho biết đôi điều về những

destinations', but we have not been told of all the various substance-periods upon such Paths, nor of the possibility of intermittent 'returns' for the sake of service.

"đích đến tối hậu", nhưng chúng ta chưa được cho biết về tất cả các giai đoạn chất liệu khác nhau trên những Con Đường ấy, cũng như về khả năng có những "sự trở lại" gián đoạn vì mục đích phụng sự.

This is the great human pralaya.

Đây là đại pralaya của con người.

285. The pralaya here under discussion is still a *human* pralaya. It does not concern rootraces or their subraces. It concerns an interval between rounds. This interval can, however, be many millions of years.

285. Pralaya đang được bàn đến ở đây vẫn là một pralaya *của con người*. Nó không liên quan đến các giống dân gốc hay các giống dân phụ của chúng. Nó liên quan đến một khoảng cách giữa các cuộc tuần hoàn. Tuy nhiên, khoảng cách này có thể kéo dài nhiều triệu năm.

286. The "great human pralaya" does not concern intervals between incarnations as a human being; it does not concern intervals between various egoic cycles; rather, it concerns release from the human kingdom at the fourth and fifth initiations.

286. "Đại pralaya của con người" không liên quan đến các khoảng cách giữa những lần nhập thể với tư cách con người; nó không liên quan đến các khoảng cách giữa những chu kỳ chân ngã khác nhau; đúng hơn, nó liên quan đến sự giải thoát khỏi giới nhân loại ở lần điểm đạo thứ tư và thứ năm.

Footnote 47: The seven Paths upon one of which all must pass:—

Chú thích 47: Bảy Con Đường mà trên một trong số đó tất cả đều phải đi qua:—

Path 1. The Path of Earth Service.

Con Đường 1. Con Đường Phụng Sự Trái Đất.

Path 2. The Path of Magnetic Work.

Con Đường 2. Con Đường của Công Tác Từ Tính.

Path 3. The Path of the Planetary Logoi.

Con Đường 3. Con Đường của các Hành Tinh Thượng Đế.

Path 4. The Path to Sirius.

Con Đường 4. Con Đường đến Sirius.

Path 5. The Ray Path.

Con Đường 5. Con Đường Cung.

Path 6. The Path of the Solar Logos.

Con Đường 6. Con Đường của Thái dương Thượng đế.

Path 7. The Path of Absolute Sonship.

Con Đường 7. Con Đường của Tư Cách Con tuyệt đối.

287. These Seven Cosmic Paths are discussed in IHS as well as later in TCF and in R&I. It seems that the Tibetan was given permission to reveal more and more about these Seven Paths.

287. Bảy Con Đường Vũ Trụ này được bàn đến trong IHS cũng như về sau trong TCF và trong R&I. Dường như Chân sư Tây Tạng đã được cho phép tiết lộ ngày càng nhiều hơn về Bảy Con Đường này.

288. While it is a Master Who is concerned with which of the Seven Paths to tread, the idea of the Seven Paths offers a great incentive to those of us who, as disciples, are struggling along the way.

288. Dù chính một Chân sư là Đấng quan tâm đến việc sẽ bước trên Con Đường nào trong Bảy Con Đường, ý tưởng về Bảy Con Đường vẫn mang lại một động lực lớn cho những người trong chúng ta, là các đệ tử, đang nỗ lực tiến bước trên đường.

289. Later in *The Rays and the Initiations,* we learn that two more Paths have been added to the seven, though their names are not given.

289. Về sau trong *Các Cung và Điểm Đạo,* chúng ta biết rằng đã có thêm hai Con Đường được thêm vào bảy Con Đường ấy, dù tên của chúng không được nêu ra.

"...the supreme Directors of the seven cosmic Paths are today in the same position as was the Hierarchy then; the word has gone forth to our three Great Lords—the Manu, the Christ and the Mahachohan—via the three Buddhas of Activity, to act in order to tighten up on requirements, to make the sixth initiation and not the fifth, the decisive one, and to present those on the seven rays with [Page 412] a wider range of choices and a greater diversity of choice. Thus the Masters will have nine choices to face when They face Their decision; there will then be no need for Those on certain rays to pass to certain already determined Paths, but They can move forward under Their Own inspiration and with greater freedom. The cosmic mental plane is not barred to Them, as has hitherto been the case. (R&I 411-412)

"...các Đấng Chỉ Đạo tối cao của bảy Con Đường vũ trụ ngày nay đang ở trong cùng một vị thế như Thánh đoàn khi xưa; mệnh lệnh đã được ban ra cho ba Đấng Lớn của chúng ta—Đức Manu, Đức Christ và Đức Mahachohan—thông qua ba Đức Phật của Hoạt Động, để hành động nhằm siết chặt các yêu cầu, làm cho lần điểm đạo thứ sáu chứ không phải lần thứ năm trở thành quyết định, và trình bày cho những người trên bảy cung một phạm vi lựa chọn rộng lớn hơn [Page 412] và một sự đa dạng lớn hơn trong lựa chọn. Do đó, các Chân sư sẽ có chín lựa chọn để đối diện khi Các Ngài đưa ra quyết định của mình; khi đó sẽ không còn nhu cầu đối với Những Đấng trên một số cung phải đi theo những Con Đường đã được định sẵn, mà Các Ngài có thể tiến bước dưới sự cảm hứng riêng của mình và với tự do lớn hơn. Cõi trí vũ trụ không bị ngăn cản đối với Các Ngài, như đã từng là trường hợp trước đây. (R&I 411-412)"

(4) Planetary Pralaya. Man, after these cyclic happenings, is now a conscious part of his group, **and a vibrant point in a centre in the body of a Heavenly Man,** consciously alive and consciously aware of his place in the great whole.

(4) Pralaya Hành Tinh. Sau những diễn biến chu kỳ này, con người giờ đây là một phần hữu thức của nhóm mình, và là một điểm rung động trong một trung tâm trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân, sống động một cách hữu thức và nhận biết một cách hữu thức vị trí của mình trong toàn thể vĩ đại.

290. At this point we might conclude that man has become a conscious Monad.

290. Ở điểm này, chúng ta có thể kết luận rằng con người đã trở thành một Chân thần hữu thức.

291. The normal centers of the Planetary Logos are not to be found on the systemic *monadic* plane, yet there *are* centers in the Planetary Logos there to be found (follow the inference from TCF, Chart V, 344). What is their nature? Are they to be considered, perhaps, as seven *head* centers?

291. Các trung tâm bình thường của Hành Tinh Thượng Đế không được tìm thấy trên cõi *chân thần* của hệ, tuy nhiên ở đó *có* những trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế có thể được tìm thấy (hãy theo suy luận từ TCF, Biểu đồ V, 344). Bản chất của chúng là gì? Có lẽ chúng nên được xem như bảy trung tâm *đầu* chăng?

292. In this context, we might also ask the relation between the seven stars of the Great Bear and the seven higher centers of the Planetary Logos to be found upon the systemic monadic plane.

292. Trong ngữ cảnh này, chúng ta cũng có thể hỏi về mối liên hệ giữa bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh và bảy trung tâm cao hơn của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên cõi chân thần của hệ.

293. With respect to man, his etheric centers are to be found upon *all* the four systemic ethers. This is probably true of the Solar Logos with respect to the cosmic ethers.

293. Đối với con người, các trung tâm dĩ thái của y được tìm thấy trên *cả* bốn dĩ thái của hệ. Điều này có lẽ cũng đúng đối với Thái dương Thượng đế xét theo các dĩ thái vũ trụ.

294. But what of the Planetary Logos? The structure of man is more directly analogous to the structure of the Solar Logos than to the Planetary Logos. May it be that the etheric centers of the Planetary Logos extend no higher than the second cosmic ether—i.e., the systemic monadic plane?

294. Nhưng còn Hành Tinh Thượng Đế thì sao? Cấu trúc của con người tương đồng trực tiếp với cấu trúc của Thái dương Thượng đế hơn là với Hành Tinh Thượng Đế. Có thể nào các trung tâm dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế không vươn cao hơn dĩ thái vũ trụ thứ hai—tức cõi chân thần của hệ?

295. Since the seven head centers are, in a sense, incorporated within the major head

295. Vì bảy trung tâm đầu, theo một nghĩa nào đó, được bao hàm trong trung tâm đầu

center (itself found *for man* on the systemic atomic ether), it may be that these seven human head centers are located precisely on this systemic atomic ether.

chính (bản thân nó được tìm thấy *đối với con người* trên dĩ thái nguyên tử của hệ), nên có thể bảy trung tâm đầu của con người này nằm chính xác trên dĩ thái nguyên tử của hệ ấy.

296. From the point of view of the Planetary Logos, it may be that His head center is located on the systemic monadic plane and that the seven head centers 'within' (the aura of) that major head center are also there to be located.

296. Từ quan điểm của Hành Tinh Thượng Đế, có thể trung tâm đầu của Ngài nằm trên cõi chân thần của hệ và bảy trung tâm đầu "bên trong" (hào quang của) trung tâm đầu chính ấy cũng nằm ở đó.

297. A little thought about these matters will reveal to us how little we really know about the occult location of these planetary (and solar) energy centers.

297. Chỉ cần suy nghĩ đôi chút về những vấn đề này sẽ cho chúng ta thấy chúng ta thực sự biết ít đến mức nào về vị trí huyền bí của các trung tâm năng lượng hành tinh (và mặt trời) này.

This involves a realisation as to the centre of which he is a point of energy,

Điều này bao hàm một sự chứng nghiệm về trung tâm mà y là một điểm năng lượng của nó,

298. This will involve, initially, three major centres and eventually the possibility of involvement in any of seven subsidiary centers.

298. Điều này lúc đầu sẽ bao hàm ba trung tâm chính và cuối cùng là khả năng tham dự vào bất kỳ một trong bảy trung tâm phụ nào.

299. The Monad may reasonable be considered the "point of energy" here discussed.

299. Chân thần có thể được xem một cách hợp lý là "điểm năng lượng" đang được bàn đến ở đây.

300. From another perspective, man-as-Triad (in any one of his triadal vehicles) can be considered to express himself within one of the centers located on at least three of the cosmic ethers of the cosmic physical plane.

300. Từ một góc nhìn khác, con người-với-tư-cách-Tam nguyên tinh thần (trong bất kỳ một vận cụ tam nguyên nào của mình) có thể được xem là biểu hiện chính mình trong một trong các trung tâm nằm trên ít nhất ba dĩ thái vũ trụ của cõi hồng trần vũ trụ.

301. Just as in the body of a human being there are greater and lesser chakras (seven major chakras and seven superior head centers) so this should, analogously be the

301. Cũng như trong thân thể của một con người có các luân xa lớn và nhỏ (bảy luân xa chính và bảy trung tâm đầu cao hơn), thì theo định luật tương ứng, điều này cũng

case of the Planetary Logos and the Solar Logos.

phải đúng đối với Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

a knowledge of the type of force he is to transmit, and to manipulate from cosmic levels, and a conscious relation with the six other centres in the planetary Life with which he is associated.

một tri thức về loại mãnh lực mà y phải truyền dẫn và thao tác từ các cấp độ vũ trụ, và một mối liên hệ hữu thức với sáu trung tâm khác trong Sự sống hành tinh mà y được liên kết.

302. We seem to be speaking of 'man-the-Monad'.

302. Dường như chúng ta đang nói về "con người-với-tư-cách-Chân thần".

303. Man as a Monad awakens to the knowledge of that center within a Planetary Logos of which he forms a constituent part.

303. Con người như một Chân thần thức tỉnh đối với tri thức về trung tâm ấy bên trong một Hành Tinh Thượng Đế mà y tạo thành một phần cấu thành của nó.

304. Thus man, in a state of high spiritual realization realizes:

304. Như vậy, con người, trong một trạng thái chứng ngộ tinh thần cao, nhận ra:

a. The center within his Planetary Logos in which he has the greatest part to play

a. Trung tâm bên trong Hành Tinh Thượng Đế của mình mà trong đó y có phần vai trò lớn nhất để đảm đương

b. Knowledge of the force which he is to transmit and manipulate from cosmic levels. What are these "cosmic levels"? May we say that we are speaking of the manipulation of force from levels of the *cosmic ethers*?

b. Tri thức về mãnh lực mà y phải truyền dẫn và thao tác từ các cấp độ vũ trụ. Những "cấp độ vũ trụ" này là gì? Chúng ta có thể nói rằng chúng ta đang nói về việc thao tác mãnh lực từ các cấp độ của *các dĩ thái vũ trụ* chăng?

c. A conscious relation with the six other centers in the planetary Life with which he is associated.

c. Một mối liên hệ hữu thức với sáu trung tâm khác trong Sự sống hành tinh mà y được liên kết.

305. We see that even though a liberated human being functions *primarily* through one or other centers of his Planetary Logos, he still has a relation to the other six centers of that Logos.

305. Chúng ta thấy rằng dù một con người được giải thoát hoạt động *chủ yếu* qua một hay một trung tâm khác của Hành Tinh Thượng Đế của mình, y vẫn có một mối liên hệ với sáu trung tâm còn lại của Thượng đế ấy.

306. A human being, having achieved monadic consciousness, is not encapsulated in only one center.

306. Một con người, sau khi đạt được tâm thức chân thần, không bị khép kín chỉ trong một trung tâm duy nhất.

307. According to his monadic ray, man may have a specific focus within his spiritual triad, and through this focus, he may express through one or other of the chakras of his Planetary Logos. We are approaching speculatively and the matter is intricate.

307. Theo cung chân thần của mình, con người có thể có một tiêu điểm đặc thù trong Tam Nguyên Tinh Thần của mình, và qua tiêu điểm này, y có thể biểu hiện qua một hay một luân xa khác của Hành Tinh Thượng Đế của mình. Chúng ta đang tiếp cận theo lối suy đoán và vấn đề này rất phức tạp.

This period of conscious activity in etheric substance (of which the planetary body is formed) persists according to the karma of the planetary Lord, for the **unit** is now consciously associated with planetary karma,

Giai đoạn hoạt động hữu thức này trong chất liệu dĩ thái (mà thể hành tinh được tạo thành từ đó) kéo dài tùy theo nghiệp quả của Chúa Tể hành tinh, vì **đơn vị** giờ đây được liên kết một cách hữu thức với nghiệp quả hành tinh,

308. We are speaking of the *human* unit.

308. Chúng ta đang nói về đơn vị *con người*.

309. The man is associated with planetary karma because he is in process of becoming a "Planetary Life"—a member of the sixth kingdom.

309. Con người được liên kết với nghiệp quả hành tinh vì y đang trong tiến trình trở thành một "Sự Sống Hành Tinh"—một thành viên của giới thứ sáu.

310. A man may spend a long time working in the cosmic ethers of his particular Planetary Logos.

310. Một người có thể trải qua một thời gian dài làm việc trong các dĩ thái vũ trụ của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của mình.

and is a participant in the working out of the will and purpose of the Lord of His Ray.

và là một người tham dự vào sự triển khai ý chí và mục đích của Chúa Tể Cung của Ngài.

311. The "Lord of His Ray" may, from one perspective, be considered the Planetary Logos. From another perspective, each type of human Monad is related to one or other of the seven major Ray Lords (Beings 'resident' in Shamballa and attuned to the still greater Ray Lords Who ensoul the seven sacred planets).

311. "Chúa Tể Cung của Ngài" có thể, từ một góc nhìn, được xem là Hành Tinh Thượng Đế. Từ một góc nhìn khác, mỗi loại Chân thần con người có liên hệ với một hay một Đấng Chúa Tể Cung lớn trong bảy vị (các Đấng "cư ngụ" tại Shamballa và được chỉnh hợp với các Đấng Chúa Tể Cung còn vĩ đại

hơn nữa, là những Đấng phú linh cho bảy hành tinh thiêng liêng).

312. A liberated human being works within the "etheric substance" of a Planetary Logos —i.e., within the cosmic ethers, perhaps with the exception of the first cosmic ether which can be considered more *solar* than planetary.

312. Một con người được giải thoát làm việc bên trong "chất liệu dĩ thái" của một Hành Tinh Thượng Đế—tức bên trong các dĩ thái vũ trụ, có lẽ ngoại trừ dĩ thái vũ trụ thứ nhất, vốn có thể được xem là mang tính *mặt trời* hơn là hành tinh.

313. Such an advanced human being is no longer personal. His entire purpose is to carry out the will and purpose of the Lord of his Ray. We are speaking here of the *impersonal* life of the liberated Arhat, Master or Chohan.

313. Một con người tiến bộ như vậy không còn mang tính cá nhân nữa. Toàn bộ mục đích của y là thực hiện ý chí và mục đích của Chúa Tể Cung của mình. Ở đây chúng ta đang nói về đời sống *phi cá nhân* của vị A La Hán, Chân sư hay Chohan được giải thoát.

314. We are speaking of activity following the "great human pralaya". The term of such activity is at least partially determined by the life-span of a Planetary Logos and the onset of His pralaya. Of course, we remember that incarnation for a Planetary Logos does not include expression on the cosmic ethers, but only expression through His dense physical body. Therefore, when a Planetary Logos withdraws from His dense physical body and focussed instead through His cosmic etheric body, He is technically considered in pralaya or at least in the beginning phases of pralaya.

314. Chúng ta đang nói về hoạt động tiếp theo sau "đại pralaya của con người". Thời hạn của hoạt động như vậy ít nhất phần nào được quyết định bởi tuổi thọ của một Hành Tinh Thượng Đế và sự khởi đầu pralaya của Ngài. Dĩ nhiên, chúng ta nhớ rằng sự nhập thể đối với một Hành Tinh Thượng Đế không bao gồm sự biểu hiện trên các dĩ thái vũ trụ, mà chỉ bao gồm sự biểu hiện qua thể xác đậm đặc của Ngài. Vì vậy, khi một Hành Tinh Thượng Đế rút khỏi thể xác đậm đặc của Ngài và thay vào đó tập trung qua thể dĩ thái vũ trụ của Ngài, về mặt kỹ thuật Ngài được xem là đang ở trong pralaya hoặc ít nhất trong các giai đoạn đầu của pralaya.

On the higher planes of the system, this stage persists for the length of the life of a scheme;

Trên các cõi cao hơn của hệ, giai đoạn này kéo dài suốt thời gian sống của một hệ hành tinh;

315. We are being told of the field of expression of a liberated human being. The cosmic ethers may provide the focus for such a being for the duration of that scheme in which he achieved liberation.

315. Chúng ta đang được cho biết về trường biểu hiện của một con người được giải thoát. Các dĩ thái vũ trụ có thể cung cấp tiêu điểm cho một hữu thể như vậy trong suốt thời lượng của hệ hành tinh mà trong đó y đã đạt được giải thoát.

316. It may be, however, that this is the case only when the human unit is treading the Path of Earth Service. How long this Path lasts we do not know. Some human units may, perhaps, take one or other of the other six Cosmic Paths and then return in a later round for service to that group of lives which has become the humanity of that future period.

316. Tuy nhiên, có thể điều này chỉ đúng khi đơn vị con người đang bước trên Con Đường Phụng Sự Trái Đất. Chúng ta không biết Con Đường này kéo dài bao lâu. Có lẽ một số đơn vị con người đi theo một hay một trong sáu Con Đường Vũ Trụ khác rồi trở lại trong một cuộc tuần hoàn sau để phụng sự nhóm sự sống đã trở thành nhân loại của thời kỳ tương lai ấy.

to which a period of pralaya succeeds **that has its beginning towards the end of the seventh round in any scheme**

mà sau đó là một giai đoạn pralaya tiếp nối **khởi đầu vào gần cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy trong bất kỳ hệ hành tinh nào**

317. It is evident, is it not, that we are speaking of *scheme* rounds and not of chain rounds.

317. Hiển nhiên, phải không, rằng chúng ta đang nói về các cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh* chứ không phải các cuộc tuần hoàn của Dãy.

318. Venus seems exempt from this rule, having achieved in *five* scheme rounds what most other Planetary Logoi usually require seven to achieve.

318. Sao Kim dường như được miễn khỏi quy luật này, vì đã đạt được trong *năm* cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh điều mà hầu hết các Hành Tinh Thượng Đế khác thường cần bảy cuộc tuần hoàn mới đạt được.

319. We are speaking of a scheme pralaya. How many times can this happen during a single mahamanvantara or occult century? The answer is probably *once*.

319. Chúng ta đang nói về một pralaya của hệ hành tinh. Điều này có thể xảy ra bao nhiêu lần trong một Đại giai kỳ sinh hóa hay thế kỷ huyền bí? Câu trả lời có lẽ là *một lần*.

or of the fifth if the Law of Persistence of a scheme is working out through cycles of five.

hoặc vào cuộc tuần hoàn thứ năm nếu Định luật Kiên Trì của một hệ hành tinh đang vận hành qua các chu kỳ năm.

320. We are given the name of a new law—the "Law of Persistence". It is unclear whether this Law working through Venus, for instance, was intended to work out "through cycles of five", or whether the completion of the term of manifestation in five scheme rounds instead of seven occurred as a result of the stupendous and

320. Chúng ta được cho biết tên của một định luật mới—"Định luật Kiên Trì". Không rõ liệu Định luật này vận hành qua Sao Kim, chẳng hạn, có được dự định là sẽ triển khai "qua các chu kỳ năm", hay việc hoàn tất thời kỳ biểu hiện trong năm cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh thay vì bảy đã xảy ra như là kết

successful effort of the Logos of that scheme.

quả của nỗ lực phi thường và thành công của Thượng đế của hệ hành tinh ấy.

321. The pralaya which occurs usually following the seventh scheme round may endure until the following mahamanvantara. It is not indicated whether a scheme can manifest more than once in a mahamanvantara. Since a scheme is, essentially, a solar logoic chakra, manifestation more than once would be highly doubtful. The obscuration of lower chakras, however, occurring but once, is highly probable.

321. Pralaya thường xảy ra sau cuộc tuần hoàn thứ bảy của hệ hành tinh có thể kéo dài cho đến Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp. Không có chỉ dẫn nào cho biết liệu một hệ hành tinh có thể biểu hiện hơn một lần trong một Đại giai kỳ sinh hóa hay không. Vì một hệ hành tinh, về bản chất, là một luân xa của Thái dương Thượng đế, nên việc biểu hiện hơn một lần là điều rất khó có thể xảy ra. Tuy nhiên, sự che khuất của các luân xa thấp hơn, chỉ xảy ra một lần, lại rất có khả năng.

I am [Page 740] here generalising and speaking in broad terms; the karma of the units differ and a man—according to the path he chooses after the fifth initiation

Tôi đang [Page 740] ở đây khái quát hoá và nói theo những nét lớn; nghiệp quả của các đơn vị thì khác nhau và một con người—tùy theo con đường mà y chọn sau lần điểm đạo thứ năm

322. And, as it now stands, presumably *at the time of* the sixth initiation…

322. Và, theo tình hình hiện nay, có lẽ là *vào thời điểm của* lần điểm đạo thứ sáu…

323. The "units" of which we are speaking are human beings.

323. Các "đơn vị" mà chúng ta đang nói đến là những con người.

—stays **and works within his own scheme**,

—ở lại **và làm việc trong hệ hành tinh của chính mình**,

324. Is this the case even if the man is not on the Path of Earth Service?

324. Điều này có đúng ngay cả khi con người ấy không ở trên Con Đường Phụng Sự Trái Đất hay không?

325. While it is probably the case that a man continues to work within his own scheme following the *fifth* initiation, it cannot be said that this is necessarily so following the *sixth*.

325. Dù có lẽ đúng là một con người tiếp tục làm việc trong hệ hành tinh của chính mình sau lần điểm đạo thứ *năm*, nhưng không thể nói rằng điều này nhất thiết cũng đúng sau lần điểm đạo thứ *sáu*.

but changes may occur through the following factors:

nhưng những thay đổi có thể xảy ra qua các yếu tố sau:

a. Planetary karma.

326. This is variable and beyond our ken.

327. Sanat Kumara, for instance, reserves the right to chose for the Path of Earth Service only those human units which He truly *needs.*

b. The will of the Lord of his Ray.

328. Each human being belongs principally to one or other of the Logoi of the seven sacred planets (which Logoi are reflected in the seven Ray Lords found *within* any planetary scheme).

329. A human unit may function, for instance, within the planetary scheme of Earth and yet be even more directly under the supervision of the Logos of one or other of the seven sacred planets.

c. **Orders emanating from the solar Logos** which are conveyed to him after liberation via the planetary Logos and through the medium of the chohan of his Ray.

330. The "chohan of his Ray" is the Head of an entire Ray Ashram.

331. It appears that the Solar Logos reserves the right to intervene in the direction to be taken by a newly made Master.

332. We may assume that a Chohan is a *solar* Being and is receptive to the direction of the Solar Logos (via the Planetary Logos in question and especially that Planetary Logos

a. Nghiệp quả hành tinh.

326. Điều này biến thiên và vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

327. Chẳng hạn, Đức Sanat Kumara giữ quyền chọn cho Con Đường Phụng Sự Trái Đất chỉ những đơn vị con người mà Ngài thực sự *cần.*

b. Ý chí của Chúa Tể Cung của y.

328. Mỗi con người chủ yếu thuộc về một hay một trong các Logoi của bảy hành tinh thiêng liêng (các Logoi này được phản chiếu trong bảy Đấng Chúa Tể Cung được tìm thấy *bên trong* bất kỳ hệ hành tinh nào).

329. Chẳng hạn, một đơn vị con người có thể hoạt động trong hệ hành tinh của Trái Đất mà vẫn còn trực tiếp hơn nữa dưới sự giám sát của Thượng đế của một hay một trong bảy hành tinh thiêng liêng.

c. **Các mệnh lệnh phát ra từ Thái dương Thượng đế** được chuyển đến y sau khi giải thoát qua Hành Tinh Thượng Đế và thông qua trung gian của vị chohan của cung y.

330. "Vị chohan của cung y" là Đầu của toàn bộ một ashram Cung.

331. Dường như Thái dương Thượng đế giữ quyền can thiệp vào định hướng mà một Chân sư mới được thành tựu sẽ đi theo.

332. Chúng ta có thể giả định rằng một Chohan là một Hữu thể *mặt trời* và tiếp nhận định hướng của Thái dương Thượng đế (qua Hành Tinh Thượng Đế liên hệ và đặc biệt là Hành Tinh Thượng Đế biểu hiện cả cung của

Who expresses both the ray of the Chohan and of the human unit in question).

333. We have here another way of saying that 'Shamballa is *solar*'.

He is then "abstracted" under a mysterious planetary law which only works on cosmic etheric levels, and is transferred to his destination.

334. Under the direction of the Solar Logos, the man is abstracted.

335. We are speaking of those conditions under which a Master of the fifth degree may *not* stay to work in relation to His particular planetary scheme, but may be transferred, perhaps, to another due the conditions and interventions dealt with above.

336. We are gathering that the cosmic ethers are usually the scene of much prolonged work of the newly made Master.

If we interpret all the above in terms of energy and of radioactivity and thus avoid the dangers of materialistic interpretation, the meaning will become clearer.

337. DK ever seeks to have us think in terms of energy and not personally.

338. We can gather that the destiny and destination of a human unit who has become a Master is not *necessarily* with His own planetary scheme, though most often it will be—*if*, planetary karma, the will of the

Chohan lẫn của đơn vị con người đang được nói đến).

333. Ở đây chúng ta có một cách khác để nói rằng 'Shamballa mang tính *mặt trời*'.

Khi ấy y được "rút ra" dưới một định luật hành tinh huyền nhiệm chỉ hoạt động trên các cấp độ dĩ thái vũ trụ, và được chuyển đến đích đến của mình.

334. Dưới sự chỉ đạo của Thái dương Thượng đế, con người được rút ra.

335. Chúng ta đang nói về những điều kiện mà dưới đó một Chân sư cấp năm có thể *không* ở lại để làm việc liên quan đến hệ hành tinh đặc thù của Ngài, mà có thể được chuyển đi, có lẽ sang một nơi khác do các điều kiện và sự can thiệp đã được bàn đến ở trên.

336. Chúng ta đang thu nhận rằng các dĩ thái vũ trụ thường là hiện trường của công việc kéo dài rất lâu của vị Chân sư mới được thành tựu.

Nếu chúng ta diễn giải tất cả những điều trên theo năng lượng và tính phóng xạ và nhờ đó tránh được những nguy cơ của lối diễn giải duy vật, ý nghĩa sẽ trở nên rõ ràng hơn.

337. Chân sư DK luôn tìm cách khiến chúng ta suy nghĩ theo năng lượng chứ không theo lối cá nhân.

338. Chúng ta có thể thu nhận rằng số phận và đích đến của một đơn vị con người đã trở thành Chân sư *không nhất thiết* là ở với hệ hành tinh riêng của Ngài, dù phần lớn trường hợp sẽ là như vậy—*nếu* nghiệp quả hành tinh, ý chí của Chúa Tể Cung của Ngài

Lord of His Ray or the Solar Logos do not indicate otherwise.

hay Thái dương Thượng đế không chỉ định אחרת.

(5) The Great Pralaya.

(5) Đại Pralaya.

339. We have been reviewing different types of pralayas—human (of several varieties), planetary, though, not until this point, *solar*.

339. Chúng ta đã điểm lại những loại pralaya khác nhau—pralaya của con người (thuộc nhiều loại), pralaya hành tinh, nhưng cho đến điểm này vẫn chưa phải pralaya *mặt trời*.

This interval comes at the close of every one hundred years of Brahma, and **sweeps into dissolution forms of every kind—subtle and dense**—throughout the entire system.

Khoảng cách này đến vào lúc kết thúc mỗi một trăm năm của Brahma, và **cuốn vào sự tan rã mọi hình tướng—vi tế và đậm đặc**—trong toàn bộ hệ.

340. Whereas it may be philosophically necessary to think that all units of consciousness complete their task before the onset of the *absolutely* ***Universal*** *Pralaya*, we need not think so in relation to that pralaya which occurs between two mahamanvantaras or occult centuries.

340. Trong khi về mặt triết học có thể cần phải nghĩ rằng mọi đơn vị tâm thức đều hoàn tất nhiệm vụ của mình trước khi *Đại Pralaya* ***Vũ Trụ*** *tuyệt đối* khởi sự, chúng ta không cần phải nghĩ như vậy đối với pralaya xảy ra giữa hai Đại giai kỳ sinh hóa hay hai thế kỷ huyền bí.

341. The interval between solar systems is still very minor when compared to the interval between *universes.*

341. Khoảng cách giữa các hệ mặt trời vẫn còn rất nhỏ khi so với khoảng cách giữa các *vũ trụ.*

It is a period analogous to that dealt with when we considered the abstraction of man from his etheric vehicle, and his ability then to function on the astral plane, dissociated from his dual physical form.

Đó là một giai đoạn tương tự với giai đoạn đã được bàn đến khi chúng ta xem xét sự rút con người ra khỏi vận cụ dĩ thái của mình, và khi đó khả năng hoạt động của y trên cõi cảm dục, tách rời khỏi hình tướng hồng trần kép của mình.

342. A solar pralaya signifies the withdrawal of the Solar Logos from His dual physical-etheric vehicle. We remember, however, that for such a great Being, incarnation is a matter of informing a dense physical vehicle and that release from the dense vehicle indicates the onset of pralaya.

342. Một giai kỳ qui nguyên thái dương biểu thị sự rút lui của Thái dương Thượng đế ra khỏi vận cụ hồng trần-dĩ thái kép của Ngài. Tuy nhiên, chúng ta nhớ rằng đối với một Đấng vĩ đại như thế, lâm phàm là vấn đề thấm nhuần một vận cụ hồng trần đậm đặc, và sự giải thoát khỏi vận cụ đậm đặc báo hiệu sự khởi đầu của giai kỳ qui nguyên.

343. In the case of such a pralaya, an occult century will elapse before the Solar Logos again incarnates on the cosmic etheric-physical plane.

343. Trong trường hợp của một giai kỳ qui nguyên như thế, một thế kỷ huyền bí sẽ trôi qua trước khi Thái dương Thượng đế lại lâm phàm trên cõi dĩ thái-hồng trần vũ trụ.

Within the system a process similar to that undergone when man withdraws the etheric body out of the dense physical vehicle, will be seen towards the close of the mahamanvantara.

Bên trong hệ thống, một tiến trình tương tự như tiến trình diễn ra khi con người rút thể dĩ thái ra khỏi vận cụ hồng trần đậm đặc, sẽ được thấy vào lúc gần kết thúc của mahamanvantara.

344. This will signify the physical-etheric 'death' of the Solar Logos:

344. Điều này sẽ biểu thị sự "chết" hồng trần-dĩ thái của Thái dương Thượng đế:

It will cover the period wherein the lesser four Rays merge and blend, seeking duality, and their polar opposites. Eventually the four become two, the two become one, and all are then synthesised into the third major Ray.

Nó sẽ bao trùm giai đoạn trong đó bốn cung thấp hơn dung nhập và hòa trộn, tìm kiếm nhị nguyên tính, và các cực đối nghịch của chúng. Cuối cùng bốn trở thành hai, hai trở thành một, và khi đó tất cả đều được tổng hợp vào cung chính yếu thứ ba.

345. DK is describing the process of obscuration.

345. Chân sư DK đang mô tả tiến trình làm mờ tối.

346. We might enquire—"What of the two higher Rays?" Since these Rays manifest through the major planets Uranus and Neptune (and these planets are in physical incarnation) why are these Rays and their planets not included in the description of the 'death' of the solar system?

346. Chúng ta có thể hỏi—"Thế còn hai cung cao hơn thì sao?" Vì các cung này biểu hiện qua các hành tinh chính yếu là Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương (và các hành tinh này đang lâm phàm hồng trần), tại sao các cung này và các hành tinh của chúng lại không được kể vào trong mô tả về sự "chết" của hệ mặt trời?

347. When DK uses the word "all", He does not appear to include the two highest Rays of Aspect.

347. Khi Chân sư DK dùng từ "tất cả", dường như Ngài không bao gồm hai Cung Trạng Thái cao nhất.

348. Perhaps this is so because we are speaking in cosmic physical terms. Saturn (the vehicle of the third ray) is the correspondence to the physical permanent atom of the Solar Logos and is thus related

348. Có lẽ là như vậy vì chúng ta đang nói theo các thuật ngữ hồng trần vũ trụ. Sao Thổ (vận cụ của cung ba) là tương ứng với Nguyên tử trường tồn hồng trần của Thái dương Thượng đế và do đó liên hệ trực tiếp

directly to the cosmic physical plane. Uranus and Neptune may have closer correspondences to the cosmic mental plane and the cosmic astral plane respectively. The solar system ends, in a way, once the cosmic astral plane is reached.

với cõi hồng trần vũ trụ. Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương có thể lần lượt có những tương ứng gần gũi hơn với cõi trí vũ trụ và cõi cảm dục vũ trụ. Theo một nghĩa nào đó, hệ mặt trời chấm dứt một khi cõi cảm dục vũ trụ được đạt đến.

The time is not yet, but lies countless aeons ahead.

Thời điểm ấy vẫn chưa đến, mà còn ở phía trước vô số đại kiếp.

349. And how long is an "aeon"? From this description we can understand that it is a unit far smaller in duration than a mahamanvantara (when this term means "occult century"—as it only *mostly* does)..

349. Và một "aeon" dài bao lâu? Từ mô tả này chúng ta có thể hiểu rằng đó là một đơn vị có thời lượng nhỏ hơn rất nhiều so với một mahamanvantara (khi thuật ngữ này có nghĩa là "thế kỷ huyền bí"—như phần lớn *thường* là như vậy).

350. Perhaps an aeon is a round or manvantara.

350. Có lẽ một aeon là một cuộc tuần hoàn hay một giai kỳ sinh hóa.

It is the first appearance of the destroyer aspect in connection with the planetary schemes, and marks **the beginning of the [Page 741] time when the "Heavens will melt with fervent heat," and the Sun becomes seven suns**.[48] [See S. D., II, 746, 747.]

Đó là sự xuất hiện đầu tiên của phương diện hủy diệt liên hệ với các hệ hành tinh, và đánh dấu **sự khởi đầu của [Page 741] thời kỳ khi "Các tầng trời sẽ tan chảy trong sức nóng rực cháy," và Mặt Trời trở thành bảy mặt trời**.48 [See S. D., II, 746, 747.]

351. The wording used is important. We are told of the "first" appearance of the destroyer aspect in connection with the planetary schemes. This suggests that there may be *subsequent* appearances of this aspect.

351. Cách dùng từ ở đây rất quan trọng. Chúng ta được nói về sự xuất hiện "đầu tiên" của phương diện hủy diệt liên hệ với các hệ hành tinh. Điều này gợi ý rằng có thể có những lần xuất hiện *tiếp theo* của phương diện này.

352. When we speak of the "seven suns", we do not know whether we are speaking of the major solar orb or of seven of the planets considered as chakras or of some scintillating demonstration related to the seven systemic planes. We can see (in relation to the second option) from the

352. Khi chúng ta nói về "bảy mặt trời", chúng ta không biết liệu mình đang nói về quả cầu thái dương chính yếu hay về bảy hành tinh được xem như các luân xa, hay về một biểu hiện rực sáng nào đó liên hệ với bảy cõi hệ thống. Chúng ta có thể thấy (liên hệ với khả năng thứ hai) từ Biểu đồ VI (TCF

Chart VI (TCF 373) that, associated with 'Greater Saturn', there are *seven* planets.

373) rằng, gắn liền với 'Đại Sao Thổ', có *bảy* hành tinh.

353. From this way of viewing "suns" we will have to state that there are *nine* suns and not only seven, i.e., if we count Uranus and Saturn.

353. Từ cách nhìn này về các "mặt trời", chúng ta sẽ phải nói rằng có *chín* mặt trời chứ không chỉ bảy, tức là nếu chúng ta tính cả Sao Thiên Vương và Sao Thổ.

The microcosmic correspondence can be seen in the following process. The physical permanent atom absorbs the entire life force of the physical body,

Tương ứng vi mô có thể được thấy trong tiến trình sau đây. Nguyên tử trường tồn hồng trần hấp thu toàn bộ sinh lực của thể xác,

354. We remember that Saturn, the monadic and perhaps egoic Lord of the Third Ray, is a correspondence to the *physical permanent atom* of the Solar Logos.

354. Chúng ta nhớ rằng Sao Thổ, Chúa Tể chân thần và có lẽ cả chân ngã của Cung ba, là một tương ứng với *nguyên tử trường tồn hồng trần* của Thái dương Thượng đế.

and its inherent heat and light is thereby increased **until at the fourth initiation the seven spirillae are fully vitalised, and vibrant.**

và nhiệt cùng ánh sáng cố hữu của nó nhờ đó được gia tăng **cho đến khi ở lần điểm đạo thứ tư bảy loa tuyến được tiếp sinh lực đầy đủ và rung động.**

355. Herein lies an important hint, thought there is a suggestion that full vibrancy of the physical permanent atom occurs once the first tier of petals in the egoic lotus are fully opened (which is well *before* the fourth initiation).

355. Chính trong đây có một gợi ý quan trọng, dù có một ám chỉ rằng sự rung động trọn vẹn của nguyên tử trường tồn hồng trần xảy ra một khi tầng cánh hoa thứ nhất trong Hoa Sen Chân Ngã được khai mở hoàn toàn (điều này diễn ra rất lâu *trước* lần điểm đạo thứ tư).

It must be remembered that the three lower petals when fully unfolded affect, through their vitality, the three major spirillae in the physical permanent atom. As the second ring of petals gradually opens, the astral permanent atom undergoes a similar process, leading up to the full arousing of the spirillae within the mental unit. (TCF 545-546)

Phải nhớ rằng ba cánh hoa thấp hơn khi khai mở hoàn toàn sẽ tác động, thông qua sinh lực của chúng, lên ba loa tuyến chính yếu trong nguyên tử trường tồn hồng trần. Khi vòng cánh hoa thứ hai dần dần khai mở, nguyên tử trường tồn cảm dục trải qua một tiến trình tương tự, dẫn đến sự thức tỉnh trọn vẹn của các loa tuyến bên trong đơn vị hạ trí. (TCF 545-546)

356. The necessary clarification enters when we realize that at these earlier stages of unfoldment, only *five* of the spirillae of the physical permanent atom and astral permanent atom are open when petal tiers one and two are fully unfolded.

356. Sự làm sáng tỏ cần thiết xuất hiện khi chúng ta nhận ra rằng ở những giai đoạn khai mở sớm hơn này, chỉ có *năm* loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục là mở ra khi hai tầng cánh hoa thứ nhất và thứ hai được khai mở hoàn toàn.

357. At the fourth degree, however, all *seven* spirillae of these permanent atoms are stimulated.

357. Tuy nhiên, ở cấp độ thứ tư, cả *bảy* loa tuyến của các nguyên tử trường tồn này đều được kích thích.

The astral permanent atom comes into full activity and radiance, as regards **five** of its spirillae, and the two atoms of the physical and the astral planes are equally vibrant. (TCF 541)

Nguyên tử trường tồn cảm dục đi vào hoạt động và bức xạ trọn vẹn, xét về **năm** loa tuyến của nó, và hai nguyên tử của cõi hồng trần và cõi cảm dục rung động ngang nhau. (TCF 541)

358. The following reference is of importance when we think of the meaning of that which has just been imparted:

358. Đoạn trích sau đây rất quan trọng khi chúng ta suy nghĩ về ý nghĩa của điều vừa được truyền đạt:

The Personality Ray deals with the first four spirillae, and is the source of their stimulation. Note here the correspondence to the lower quaternary and its stimulation by the ego. **The Egoic Ray concerns itself with the fifth spirilla and with the sixth, and is the cause of their emerging from latency and potentiality into power and activity.** The Monadic Ray is the source of the stimulation of the seventh spirilla. (TCF 71-72)

Cung phàm ngã xử lý bốn loa tuyến đầu tiên, và là nguồn kích thích của chúng. Hãy lưu ý ở đây sự tương ứng với hạ tứ nguyên và sự kích thích của nó bởi chân ngã. **Cung chân ngã quan tâm đến loa tuyến thứ năm và thứ sáu, và là nguyên nhân khiến chúng từ trạng thái tiềm ẩn và tiềm năng xuất hiện thành quyền năng và hoạt động.** Cung chân thần là nguồn kích thích loa tuyến thứ bảy. (TCF 71-72)

359. The key lies in the idea of "fully vibrant and active".

359. Chìa khóa nằm trong ý tưởng về "hoàn toàn rung động và hoạt động".

360. This full vibrancy and activation may occur by the time the fourth initiation is achieved, but the source of the stimulation is, according to the above excerpt, the "Monadic Ray". We can infer that by the time

360. Sự rung động và hoạt hóa trọn vẹn này có thể xảy ra vào lúc lần điểm đạo thứ tư được đạt đến, nhưng nguồn của sự kích thích, theo đoạn trích trên, là "Cung chân thần". Chúng ta có thể suy ra rằng vào thời

of the fourth initiation, the monadic ray is very potent and active.

361. We have to wonder whether the seven spirillae of the astral permanent atom are also fully vibrant and vitalized by the time of the fourth initiation. It would seem so.

The internal heat of the atom, plus the external heat of the egoic body wherein it has its place, produces then that which destroys the permanent atom.

362. How is a permanent atom destroyed? Both internal heat and the heat of the egoic body have their role to play.

363. When we ask how the causal body is destroyed, we may find a similar method—destruction by both internal and external heat.

Temporarily, and just prior to destruction, it becomes a tiny sevenfold sun owing to the radiation and activity of the spirillae.

364. If every permanent atom becomes a sevenfold sun just before destruction, with the seven spirillae serving as source of those seven tiny suns, then the planes of the solar system (each of them as a spirilla to our Solar Logos) must be involved in the manifestation of the "seven suns" just as the Sun is about to be destroyed.

So with the physical sun of the system; it will in a similar manner become seven suns, **when it has absorbed the life essence of the fully evolved planes**, and of the planetary schemes thereon.

điểm lần điểm đạo thứ tư, cung chân thần rất mạnh mẽ và hoạt động.

361. Chúng ta phải tự hỏi liệu bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn cảm dục cũng có hoàn toàn rung động và được tiếp sinh lực vào lúc lần điểm đạo thứ tư hay không. Có vẻ là như vậy.

Nhiệt nội tại của nguyên tử, cộng với nhiệt bên ngoài của thể chân ngã nơi nó có vị trí của mình, khi đó tạo ra điều hủy diệt nguyên tử trường tồn.

362. Một nguyên tử trường tồn bị hủy diệt như thế nào? Cả nhiệt nội tại lẫn nhiệt của thể chân ngã đều có vai trò của chúng.

363. Khi chúng ta hỏi thể nguyên nhân bị hủy diệt như thế nào, chúng ta có thể thấy một phương pháp tương tự—sự hủy diệt bởi cả nhiệt bên trong lẫn nhiệt bên ngoài.

Tạm thời, và ngay trước khi bị hủy diệt, nó trở thành một mặt trời thất phân tí hon do sự bức xạ và hoạt động của các loa tuyến.

364. Nếu mọi nguyên tử trường tồn đều trở thành một mặt trời thất phân ngay trước khi bị hủy diệt, với bảy loa tuyến đóng vai trò là nguồn của bảy mặt trời tí hon ấy, thì các cõi của hệ mặt trời (mỗi cõi là một loa tuyến đối với Thái dương Thượng đế của chúng ta) hẳn phải tham dự vào sự biểu hiện của "bảy mặt trời" đúng lúc Mặt Trời sắp bị hủy diệt.

Với mặt trời hồng trần của hệ thống cũng vậy; nó sẽ theo cách tương tự trở thành bảy mặt trời, **khi nó đã hấp thu tinh chất sự sống của các cõi đã tiến hóa trọn vẹn**, và của các hệ hành tinh trên đó.

365. We recall that to the Solar Logos, the planes are as spirillae to the tiny atom.

365. Chúng ta nhớ rằng đối với Thái dương Thượng đế, các cõi cũng như các loa tuyến đối với nguyên tử tí hon.

366. What is DK telling us about the 'location' of the planetary schemes?

366. Chân sư DK đang nói cho chúng ta biết điều gì về "vị trí" của các hệ hành tinh?

367. Just as the seven spirillae of an atom have to be fully vitalized and, so to say, 'evolved', the same is true of the seven systemic planes (before the fourth initiation of the Solar Logos can be taken). The central atom absorbs the life essence of the full evolved spirillae and the physical sun absorbs the life essence of the fully evolved planes.

367. Cũng như bảy loa tuyến của một nguyên tử phải được tiếp sinh lực đầy đủ và, có thể nói, "tiến hóa", điều tương tự cũng đúng với bảy cõi hệ thống (trước khi lần điểm đạo thứ tư của Thái dương Thượng đế có thể được tiếp nhận). Nguyên tử trung tâm hấp thu tinh chất sự sống của các loa tuyến đã tiến hóa trọn vẹn và mặt trời hồng trần hấp thu tinh chất sự sống của các cõi đã tiến hóa trọn vẹn.

368. The life essence of the planetary schemes are also being absorbed.

368. Tinh chất sự sống của các hệ hành tinh cũng đang được hấp thu.

369. We are led to consider the vibratory 'height' and 'depth' of the planetary schemes. Perhaps they differ more in 'depth' than in 'height' as each of them is the expression of a Being Who must necessarily express on the highest systemic planes. Their degree of densification may differ however.

369. Chúng ta được dẫn đến việc xem xét "độ cao" và "độ sâu" rung động của các hệ hành tinh. Có lẽ chúng khác nhau về "độ sâu" nhiều hơn là về "độ cao", vì mỗi hệ là biểu hiện của một Đấng nhất thiết phải biểu hiện trên các cõi hệ thống cao nhất. Tuy nhiên, mức độ đậm đặc hóa của chúng có thể khác nhau.

370. We gather that before the "seven suns" blaze forth, the life essence of all planes and all Planetary Logoi must have been absorbed by the Logos.

370. Chúng ta hiểu rằng trước khi "bảy mặt trời" bùng cháy, tinh chất sự sống của mọi cõi và mọi Hành Tinh Thượng Đế phải đã được Thượng đế hấp thu.

The ensuing conflagration is the final work of the Destroyer aspect.

Sự bùng cháy tiếp theo là công việc cuối cùng của phương diện Hủy Diệt.

371. The first aspect of divinity expresses through 'sevenness'.

371. Phương diện thứ nhất của thiên tính biểu lộ qua 'tính bảy'.

It marks the moment of the highest development of deva substance in the system, **the consummation of the work of Agni and his fire angels,** and the initiation of Brahma.

Nó đánh dấu khoảnh khắc của sự phát triển cao nhất của chất liệu thiên thần trong hệ thống, **sự hoàn tất công việc của Agni và các thiên thần lửa của ngài,** và sự điểm đạo của Brahma.

372. We are speaking of the conflagration which occurs at the fourth initiation, for whatever B/being that fourth initiation applies.

372. Chúng ta đang nói về sự bùng cháy xảy ra ở lần điểm đạo thứ tư, đối với bất kỳ Hữu thể/hữu thể nào mà lần điểm đạo thứ tư ấy áp dụng.

373. We still speak in terms of Brahma, as the subject is the absorption of the four Rays of Attribute into the lowest of the Rays of Aspect (the Ray of Brahma).

373. Chúng ta vẫn đang nói theo các thuật ngữ của Brahma, vì chủ đề là sự hấp thu bốn Các Cung Thuộc Tính vào cung thấp nhất của Các Cung Trạng Thái (Cung của Brahma).

374. When considering the subject in terms of the Solar Logos, we are speaking of the withdrawal from the entire cosmic physical plane. From this perspective, the cosmic physical plane is Brahmic; the cosmic astral plane is an expression of Vishnu and the cosmic mental plane of Shiva.

374. Khi xem xét chủ đề theo các thuật ngữ của Thái dương Thượng đế, chúng ta đang nói về sự rút lui khỏi toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ. Từ góc nhìn này, cõi hồng trần vũ trụ là Brahmic; cõi cảm dục vũ trụ là một biểu hiện của Vishnu và cõi trí vũ trụ là của Shiva.

375. At the fourth initiation of man, there is achieved the highest development of deva substance in the tiny human energy system. This is, we are here told, also true of the Solar Logos with respect to His solar system.

375. Ở lần điểm đạo thứ tư của con người, sự phát triển cao nhất của chất liệu thiên thần trong hệ thống năng lượng nhỏ bé của con người được đạt tới. Ở đây chúng ta được cho biết rằng điều này cũng đúng với Thái dương Thượng đế đối với hệ mặt trời của Ngài.

376. Who are the "fire angels" of Agni? In this case, it may be necessary to consider Agni in a much larger context, with the Raja Deva Lord of the cosmic physical plane and all the Deva Lords of the cosmic physical subplanes as "fire devas". We remember that the term Agni can be applied to the ruler of the systemic mental plane, and also the lower cosmic mental plane, but, as well, as the entire personality of the Solar Logos.

376. Ai là các "thiên thần lửa" của Agni? Trong trường hợp này, có thể cần phải xem xét Agni trong một bối cảnh lớn hơn nhiều, với Chúa Tể Raja Deva của cõi hồng trần vũ trụ và tất cả các Chúa Tể Deva của các cõi phụ hồng trần vũ trụ như những "deva lửa". Chúng ta nhớ rằng thuật ngữ Agni có thể được áp dụng cho vị cai quản cõi trí hệ thống, và cả cõi hạ trí vũ trụ, nhưng cũng áp dụng cho toàn bộ phàm ngã của Thái dương Thượng đế.

377. Brahma, as here conceived, and Whose initiation we are discussing, must be considered as one of the Three Logoi (Who are the aspects of the Solar Logos). Brahma, then, will be particularly related to the cosmic physical plane which will be His major area of expression within the logoic personality, just as Vishnu expresses through the cosmic astral body of the Solar Logos and Agni especially through the cosmic mental body (presumably, the *lower* cosmic mental vehicle).

377. Brahma, như được quan niệm ở đây, và Đấng mà sự điểm đạo của Ngài chúng ta đang bàn đến, phải được xem là một trong Ba Ngôi Các Thượng đế (là các phương diện của Thái dương Thượng đế). Khi đó, Brahma sẽ đặc biệt liên hệ với cõi hồng trần vũ trụ, vốn sẽ là lĩnh vực biểu hiện chính của Ngài bên trong phàm ngã logoic, cũng như Vishnu biểu hiện qua thể cảm dục vũ trụ của Thái dương Thượng đế và Agni đặc biệt qua thể trí vũ trụ (có lẽ là vận cụ hạ trí vũ trụ).*lower* cosmic mental vehicle).

Atomic substance will then individualise (which, as we know, is the goal for the atom)

Khi đó chất liệu nguyên tử sẽ biệt ngã hóa (điều mà, như chúng ta biết, là mục tiêu của nguyên tử)

378. The individualization of the "atom" presents a great philosophical problem if a pyramidal view of the universe is accepted. Does the atom (as a tiny unit) *in itself* achieve individualization or does a great congery of atoms achieve this self-defining moment? Does the single atom, per se, become the single *man*? Does a single Solar Angel become a Planetary Logos?

378. Sự biệt ngã hóa của "nguyên tử" đặt ra một vấn đề triết học lớn nếu chấp nhận một quan điểm hình tháp về vũ trụ. Liệu nguyên tử (như một đơn vị nhỏ bé) *tự nó* đạt được sự biệt ngã hóa hay một tập hợp lớn các nguyên tử đạt đến khoảnh khắc tự xác định này? Chính nguyên tử đơn lẻ ấy có trở thành *con người* đơn lẻ hay không? Một Thái dương Thiên Thần đơn lẻ có trở thành một Hành Tinh Thượng Đế không?

379. Rather, it seems that groupings of various beings are *together* raised into a

379. Đúng hơn, dường như các nhóm hữu thể khác nhau được nâng lên *cùng nhau* vào

higher level of consciousness. The problem is not easily solved.

một cấp độ tâm thức cao hơn. Vấn đề này không dễ giải quyết.

and after the great pralaya the next solar system will start with the threefold Spirit manifesting through substance which is essentially distinguished by active intelligent love.

và sau đại giai kỳ qui nguyên, hệ mặt trời kế tiếp sẽ bắt đầu với Tinh thần tam phân biểu hiện qua chất liệu vốn về bản chất được phân biệt bởi bác ái thông minh năng động.

380. The quality of substance is (through progressive solar systems) continually adding divine attributes. Substance which was impressed by intelligence in the first major solar system will, by the close of this solar system, be impressed by *love* as well. By the end of the third major solar system, that substance will be impressed by *will.*

380. Phẩm tính của chất liệu, qua các hệ mặt trời tiến triển, liên tục được thêm vào các thuộc tính thiêng liêng. Chất liệu đã được in dấu bởi trí tuệ trong hệ mặt trời lớn thứ nhất, đến lúc kết thúc hệ mặt trời này sẽ được in dấu bởi cả *bác ái* nữa. Đến cuối hệ mặt trời lớn thứ ba, chất liệu ấy sẽ được in dấu bởi *ý chí.*

This is necessarily incomprehensible to our fourth round minds.

Điều này tất yếu không thể hiểu nổi đối với trí tuệ cuộc tuần hoàn thứ tư của chúng ta.

381. We may use seemingly suitable words to describe what will happen, but we know nothing of what all this *really* means. Perhaps the real meaning has something to do with the receptivity of such substance to the three divine aspects. Probably the mode of relation of the units of that substance will be affected by the progressive impression.

381. Chúng ta có thể dùng những từ có vẻ thích hợp để mô tả điều sẽ xảy ra, nhưng chúng ta không biết gì về việc tất cả điều này *thực sự* hàm ý gì. Có lẽ ý nghĩa thực sự có liên quan đến tính tiếp nhận của chất liệu ấy đối với ba phương diện thiêng liêng. Có lẽ phương thức liên hệ của các đơn vị của chất liệu ấy sẽ bị ảnh hưởng bởi sự in dấu tiến triển.

382. But we do have, as DK states, "fourth round minds" and so are limited in our appreciation of that which is to transpire later in our solar system and in the next.

382. Nhưng như Chân sư DK nói, chúng ta quả thật có "trí tuệ cuộc tuần hoàn thứ tư", và vì thế bị giới hạn trong sự cảm nhận của mình về điều sẽ xảy ra sau này trong hệ mặt trời của chúng ta và trong hệ kế tiếp.

We have thus considered the various types of pralaya, in so far as they affect **the human unit**;

Như vậy chúng ta đã xem xét các loại giai kỳ qui nguyên khác nhau, trong chừng mực chúng ảnh hưởng đến **đơn vị con người**;

383. Again, let us list the pralayas we have considered:

a. The period of pralaya between two incarnations

b. The period between egoic cycles

c. The period wherein the man has attained freedom

d. Planetary pralaya

e. The Great Pralaya

383. Một lần nữa, hãy liệt kê các giai kỳ qui nguyên mà chúng ta đã xem xét:

a. Giai đoạn giai kỳ qui nguyên giữa hai lần nhập thể

b. Giai đoạn giữa các chu kỳ chân ngã

c. Giai đoạn trong đó con người đã đạt được tự do

d. Giai kỳ qui nguyên hành tinh

e. Đại Giai kỳ qui nguyên

384. Of course there is, as well, an effect upon an entire ladder of greater and lesser lives, and there are many more types of pralaya than the five we have considered.

384. Dĩ nhiên, cũng có một tác động lên toàn bộ một thang bậc các sự sống lớn hơn và nhỏ hơn, và có nhiều loại giai kỳ qui nguyên hơn năm loại mà chúng ta đã xem xét.

each unit finds its ways eventually into one of the cosmic astral centres of the particular cosmic Entity Who is the Lord of his Ray, and therefore at the great pralaya those human units who have achieved, and who have not passed to other distant cosmic centres, will find their place there.

mỗi đơn vị cuối cùng đều tìm được con đường của mình vào một trong các trung tâm cảm dục vũ trụ của Thực Thể vũ trụ đặc thù là Chúa Tể của cung của y, và do đó trong đại giai kỳ qui nguyên, những đơn vị con người nào đã đạt được, và chưa đi sang các trung tâm vũ trụ xa xôi khác, sẽ tìm thấy vị trí của mình ở đó.

385. DK is telling us of the destination of human units as solar pralaya supervenes.

385. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về đích đến của các đơn vị con người khi giai kỳ qui nguyên thái dương xảy đến.

386. It would seem that at the end of the last major solar system this did not happen for all human units. Some remained, it seems, to incarnate in this solar system.

386. Có vẻ như vào cuối hệ mặt trời lớn trước đây, điều này đã không xảy ra đối với mọi đơn vị con người. Dường như một số vẫn còn ở lại để nhập thể trong hệ mặt trời này.

387. It also seems that if human units are to re-emerge in a succeeding solar system, the cosmic Entities Who are the Lords of the

387. Cũng có vẻ như nếu các đơn vị con người sẽ tái xuất hiện trong một hệ mặt trời kế tiếp, thì các Thực Thể vũ trụ là các Chúa Tể của các cung (và là những Đấng mà các

Rays (and into which the human units are extracted), must also re-emerge.

388. The extraction of human units is only partial and deals with but one aspect of the 'death' of a Solar Logos between incarnations.

389. We are speaking of "cosmic" Entities and, therefore, minimally, of Planetary Logoi.

390. Each Planetary Logos (we are here speaking principally of the *sacred* Planetary Logoi) has astral chakras just as a man has. Following the analogy, it can be presumed that as the human being dies, the energy invested in his etheric chakras is abstracted into his astral chakras.

391. It is interesting to note that some human units are to remain within the subtle nature of our Solar Logos, but that others may pass to "distant cosmic centers" (presumably as they pursue one or other of the seven or nine Cosmic Paths).

392. It would seem that as obscuration in our solar system proceeds, the units of life (we are speaking here of human beings) find their way into the energy system of the planetary Ray Lord with which they are attuned, and, temporarily at least, into the astral chakras of that Ray Lord (i.e., Planetary Logos).

393. When we think of those "returning Nirvanis) Who are now called Solar Angels, it is very likely that They were extracted in the solar logoic centers on the cosmic astral plane. The Solar Angels, it would seem, have

đơn vị con người được rút vào) cũng phải tái xuất hiện.

388. Sự rút các đơn vị con người chỉ là từng phần và chỉ đề cập đến một phương diện của sự "chết" của một Thái dương Thượng đế giữa các lần nhập thể.

389. Chúng ta đang nói về các Thực Thể "vũ trụ" và do đó, ở mức tối thiểu, là về các Hành Tinh Thượng Đế.

390. Mỗi Hành Tinh Thượng Đế (ở đây chúng ta chủ yếu nói về các Hành Tinh Thượng Đế *thiêng liêng*) đều có các luân xa cảm dục cũng như con người có. Theo phép tương đồng, có thể giả định rằng khi con người chết đi, năng lượng được đầu tư vào các luân xa dĩ thái của y được rút vào các luân xa cảm dục của y.

391. Thật thú vị khi lưu ý rằng một số đơn vị con người sẽ ở lại bên trong bản chất vi tế của Thái dương Thượng đế của chúng ta, nhưng những đơn vị khác có thể đi đến "các trung tâm vũ trụ xa xôi" (có lẽ khi họ theo đuổi một trong bảy hay chín Con Đường Vũ Trụ).

392. Có vẻ như khi sự làm mờ tối trong hệ mặt trời của chúng ta tiến triển, các đơn vị sự sống (ở đây chúng ta đang nói về con người) tìm đường vào hệ thống năng lượng của Chúa Tể Cung hành tinh mà họ được chỉnh hợp với, và, ít nhất là tạm thời, vào các luân xa cảm dục của Chúa Tể Cung ấy (tức Hành Tinh Thượng Đế).

393. Khi chúng ta nghĩ đến những "nirvani trở lại" hiện nay được gọi là các Thái dương Thiên Thần, rất có thể Các Ngài đã được rút vào các trung tâm thái dương logoic trên cõi cảm dục vũ trụ. Các Thái dương Thiên Thần,

a definite connection to the cosmic astral plane. They took, apparently, the Path to Sirius at that distant time when the previous solar system dissolved, and that Path (we are now told) leads to the cosmic astral plane.

dường như, có một liên hệ xác định với cõi cảm dục vũ trụ. Rõ ràng Các Ngài đã đi theo Con đường đến Sirius vào thời xa xưa khi hệ mặt trời trước tan rã, và Con đường ấy (như giờ đây chúng ta được cho biết) dẫn đến cõi cảm dục vũ trụ.

Before we take up **planetary and cosmic pralaya**, we might here consider the relationship of the Agnishvattas [Page 742] (who caused the individualisation of animal man on this planet), to other and previous cycles of evolution, and why we have only dealt with them **from the point of view of a mahamanvantara, and of a kalpa**.

Trước khi chúng ta bàn đến **giai kỳ qui nguyên hành tinh và vũ trụ**, ở đây chúng ta có thể xem xét mối liên hệ của các Agnishvatta [Page 742] (những Đấng đã gây ra sự biệt ngã hóa của người thú trên hành tinh này), với các chu kỳ tiến hóa khác và trước đó, và tại sao chúng ta chỉ mới bàn đến Các Ngài **từ quan điểm của một mahamanvantara, và của một kalpa**.

394. Is DK here distinguishing between a mahamanvantara and a kalpa. It is clear that HPB does so and that a kalpa (in the ordinary sense of the term) is a much shorter time span—namely a "Day of Brahma" compared to an "occult century".

394. Ở đây Chân sư DK có đang phân biệt giữa một mahamanvantara và một kalpa không? Rõ ràng HPB có làm như vậy và một kalpa (theo nghĩa thông thường của thuật ngữ này) là một khoảng thời gian ngắn hơn nhiều—cụ thể là một "Ngày của Brahma" so với một "thế kỷ huyền bí".

395. Later in this text we will learn that a mahamanvantara is not necessarily the immense span we call an occult century, but may have a planetary chain significance—i.e., as the duration between the activation of two planetary chains.

395. Về sau trong bản văn này chúng ta sẽ biết rằng một mahamanvantara không nhất thiết là khoảng thời gian mênh mông mà chúng ta gọi là một thế kỷ huyền bí, mà có thể mang ý nghĩa dãy hành tinh—tức là, như khoảng thời gian giữa sự hoạt hóa của hai dãy hành tinh.

396. We remember that the Agnishvattas for different planets have their differences and similarities. The only ones about which we can learn very much are those who individualized animal man on our planet.

396. Chúng ta nhớ rằng các Agnishvatta đối với những hành tinh khác nhau có những điểm khác biệt và tương đồng. Những vị duy nhất mà chúng ta có thể biết được nhiều là những vị đã biệt ngã hóa người thú trên hành tinh của chúng ta.

The reason we have not considered specifically the group of Agnishvattas, Kumaras and Rudras connected with the Earth has been because **we have handled**

Lý do chúng ta chưa xem xét một cách chuyên biệt nhóm Agnishvatta, Kumara và Rudra liên hệ với Trái Đất là vì **chúng ta đã**

the entire subject from the planetary standpoint, and not from that of the human family.

397. Master DK has enlarged the consideration giving us a view of the Agnishvattas related to the planetary schemes and to the solar system.

398. Reading *The Secret Doctrine* for the details of the 'agnishvattic' process as it applies to our particular chain and globe is indispensable.

The student who seeks detailed information as to the Agnishvattas of the Earth chain has but to study the *Secret Doctrine*.

399. To do so is strongly recommended to all students of the Tibetan through AAB. Profound students of AAB embrace all the best that HPB has offered.

We have attempted to carry the thought of the student beyond his own tiny sphere to the consideration of the work of the Manasadevas in the solar system.

400. It is always philosophically salubrious to do this. To live within a tiny world view can breed many illusions, leading to actions based upon those illusions.

In every scheme They have Their place, but in some—as in the Jupiter scheme—They are just beginning Their work,

xử lý toàn bộ chủ đề từ quan điểm hành tinh, chứ không phải từ quan điểm của gia đình nhân loại.

397. Chân sư DK đã mở rộng sự xem xét, cho chúng ta một cái nhìn về các Agnishvatta liên hệ với các hệ hành tinh và với hệ mặt trời.

398. Việc đọc *Giáo Lý Bí Nhiệm* để biết các chi tiết của tiến trình 'agnishvattic' khi nó áp dụng cho dãy và bầu hành tinh đặc thù của chúng ta là điều không thể thiếu.

Đạo sinh nào tìm kiếm thông tin chi tiết về các Agnishvatta của Dãy Địa Cầu chỉ cần nghiên cứu *Giáo Lý Bí Nhiệm*.

399. Điều đó được khuyến nghị mạnh mẽ cho mọi đạo sinh của Chân sư Tây Tạng qua AAB. Những đạo sinh uyên thâm của AAB đón nhận tất cả những gì tốt đẹp nhất mà HPB đã cống hiến.

Chúng ta đã cố gắng đưa tư tưởng của đạo sinh vượt ra ngoài khối cầu nhỏ bé của chính y để xem xét công việc của các Manasadevas trong hệ mặt trời.

400. Về mặt triết học, làm như vậy luôn là điều lành mạnh. Sống trong một thế giới quan nhỏ hẹp có thể sinh ra nhiều ảo tưởng, dẫn đến những hành động dựa trên các ảo tưởng ấy.

Trong mọi hệ hành tinh Các Ngài đều có vị trí của mình, nhưng trong một số hệ—như trong hệ Sao Mộc—Các Ngài chỉ mới bắt đầu công việc của mình,

401. We might wonder what other planets keep Jupiter company. Does Saturn? What about Uranus and Neptune—two planets beyond the Saturnian sphere?

401. Chúng ta có thể tự hỏi những hành tinh nào khác đồng hành với Sao Mộc. Sao Thổ chăng? Còn Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương—hai hành tinh vượt ra ngoài phạm vi của Sao Thổ—thì sao?

402. When studying the physical planets we note that Jupiter is focussed in its third chain as is Saturn, but, then, so is Vulcan on which the Agnishvattas are said to have almost completed Their work.

402. Khi nghiên cứu các hành tinh hồng trần, chúng ta lưu ý rằng Sao Mộc tập trung trong dãy thứ ba của nó cũng như Sao Thổ, nhưng rồi Vulcan cũng vậy, nơi các Agnishvatta được nói là đã gần hoàn tất công việc của Các Ngài.

403. We are *not,* however, told which scheme round is in process within these schemes. We have a pretty good idea that Venus is in its fifth scheme round and the Earth in its fourth. Beyond this, it is hard to say.

403. Tuy nhiên, chúng ta *không* được cho biết cuộc tuần hoàn hệ hành tinh nào đang diễn ra trong các hệ này. Chúng ta có một ý niệm khá rõ rằng Sao Kim đang ở cuộc tuần hoàn hệ hành tinh thứ năm và Trái Đất ở cuộc tuần hoàn thứ tư. Ngoài điều đó ra, thật khó mà nói.

and in others —as in the Vulcan and Venus schemes—Their work is nearly completed.

và trong những hệ khác —như các hệ Vulcan và Sao Kim—công việc của Các Ngài gần hoàn tất.

404. We must wonder about this statement with respect to Vulcan as on that planet only two-fifths of human units have achieved transmutation.

404. Chúng ta phải tự hỏi về phát biểu này đối với Vulcan vì trên hành tinh đó chỉ có hai phần năm các đơn vị con người đã đạt được sự chuyển hoá.

405. It would seem that the Mercury scheme should have been listed instead of Vulcan.

405. Có vẻ như lẽ ra hệ Sao Thủy nên được liệt kê thay cho Vulcan.

When three fifths of the units (deva and human) that go to the composition of the vehicles of any planetary Logos **are entering upon the Path**, then the process of transmutation is entered upon. (TCF 403)

Khi ba phần năm các đơn vị (thiên thần và con người) góp phần cấu thành các vận cụ của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào **đang bước vào Con Đường**, khi đó tiến trình chuyển hoá được bắt đầu. (TCF 403)

Again, it must be noted that Earth, Mars, Jupiter, Saturn, and Vulcan are as yet developing manas, and the stage achieved in

Một lần nữa, cần lưu ý rằng Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Mộc, Sao Thổ và Vulcan hiện vẫn đang phát triển manas, và giai đoạn đạt

each varies, and is not for exoteric publication. The Heavenly Men of these schemes have not yet succeeded in bringing Their bodies to the stage where transmutation on a large scale is possible. They are approaching it, and when the necessary three fifths is reached, then They will begin to transmute on a larger scale. **The Earth scheme has about one fifth in process of transmutation in one or other of the globes at this time and Vulcan has very nearly two fifths.** (TCF 403)

được trong mỗi hệ là khác nhau, không dành cho việc công bố ngoại môn. Các Đấng Thiên Nhân của các hệ này vẫn chưa thành công trong việc đưa các thể của Các Ngài đến giai đoạn mà sự chuyển hoá trên quy mô lớn là có thể. Các Ngài đang tiến gần đến điều đó, và khi đạt đến ba phần năm cần thiết, khi đó Các Ngài sẽ bắt đầu chuyển hoá trên quy mô lớn hơn. **Hệ Trái Đất hiện có khoảng một phần năm đang trong tiến trình chuyển hoá ở một hay một số bầu hành tinh, và Vulcan có gần hai phần năm.** (TCF 403)

406. It is difficult to understand how the work of the Agnishvattas on Vulcan could be completed if only two-fifths of its human and deva units have entered upon the Path or are undergoing transmutation.

406. Thật khó hiểu làm sao công việc của các Agnishvatta trên Vulcan có thể hoàn tất nếu chỉ có hai phần năm các đơn vị con người và thiên thần của nó đã bước vào Con Đường hoặc đang trải qua sự chuyển hoá.

Venus is in her last round,

Sao Kim đang ở cuộc tuần hoàn cuối cùng của nó,

407. The fifth *scheme* round, we may reasonably presume. We see that if we are told that "Venus is in her last round" it must necessarily be a *scheme* round to which we are referring, otherwise we would speak of a certain *chain* in the Venus-scheme being in a particular round.

407. Chúng ta có thể hợp lý giả định là cuộc tuần hoàn *hệ hành tinh* thứ năm. Chúng ta thấy rằng nếu được nói rằng "Sao Kim đang ở cuộc tuần hoàn cuối cùng của nó" thì tất yếu đó phải là một cuộc tuần hoàn *hệ hành tinh* mà chúng ta đang nói đến, nếu không chúng ta đã phải nói về một *dãy* nào đó trong hệ Sao Kim đang ở một cuộc tuần hoàn đặc thù.

and has **nearly developed her fourth kingdom to perfection**, or as much as it is possible in the system.

và đã **gần phát triển giới thứ tư của nó đến mức hoàn hảo**, hay đến mức tối đa có thể trong hệ thống này.

408. We are being told that the humanity to be found on Venus is nearly perfected—at least in terms of *this* solar system.

408. Chúng ta đang được cho biết rằng nhân loại được tìm thấy trên Sao Kim gần như đã hoàn thiện—ít nhất là theo các thuật ngữ của hệ mặt trời *này*.

409. Significantly we learn that a type of humanity does, indeed, exist on Venus.

409. Một cách đầy ý nghĩa, chúng ta biết rằng quả thực có một loại nhân loại tồn tại trên Sao Kim.

410. Actually, this is true or will be true of all planets.

410. Thực ra, điều này đúng hoặc sẽ đúng đối với mọi hành tinh.

In the Earth scheme, They are in full tide of work, and **only in the next round will They demonstrate the height of Their activity.**

Trong hệ Trái Đất, Các Ngài đang ở giữa triều công việc sung mãn, và **chỉ trong cuộc tuần hoàn kế tiếp Các Ngài mới biểu lộ đỉnh cao của hoạt động của mình.**

411. This is fitting, as the Agnishvattas are members of the *Fifth* Creative Hierarchy and the next round is the fifth.

411. Điều này là thích hợp, vì các Agnishvatta là thành viên của *Huyền Giai Sáng Tạo* thứ năm và cuộc tuần hoàn kế tiếp là cuộc tuần hoàn thứ năm.

412. Again, we do not know whether we are speaking of the fifth round in relation to the fourth chain or of the fifth scheme round for the Earth-scheme.

412. Một lần nữa, chúng ta không biết liệu mình đang nói về cuộc tuần hoàn thứ năm liên hệ với dãy thứ tư hay về cuộc tuần hoàn hệ hành tinh thứ năm của hệ Trái Đất.

413. One has to be cautious in this question of chain and scheme rounds. There are many who are unaware of the fact that there even are *scheme* rounds. But, if there were not, many processes within planetary development would remain unexplained.

413. Người ta phải thận trọng trong vấn đề các cuộc tuần hoàn dãy và hệ hành tinh này. Có nhiều người thậm chí không biết rằng có các cuộc tuần hoàn *hệ hành tinh*. Nhưng nếu không có chúng, nhiều tiến trình trong sự phát triển hành tinh sẽ vẫn không thể giải thích được.

They pass cyclically through the schemes and under Law—the Law of Karma for the planetary Logos, for They are essentially concerned with His Life as it actuates His centres.

Các Ngài đi qua các hệ hành tinh theo chu kỳ và dưới Định luật—Định luật Nghiệp quả đối với Hành Tinh Thượng Đế, vì về bản chất Các Ngài liên hệ với Sự sống của Ngài khi nó tác động các trung tâm của Ngài.

414. The Solar Angels are not essentially concerned with the development of man as he emerges from the animal kingdom, but with the Life of the Planetary Logos as that life actuates His centers.

414. Các Thái dương Thiên Thần về bản chất không liên hệ với sự phát triển của con người khi y xuất hiện từ giới động vật, mà với Sự sống của Hành Tinh Thượng Đế khi sự sống ấy tác động các trung tâm của Ngài.

415. The Solar Angels emanate originally from Sirius, which system imposes the Law of Karma on our solar system. It makes sense that they would cycle thought the

415. Các Thái dương Thiên Thần nguyên thủy xuất lộ từ Sirius, hệ thống áp đặt Định luật Nghiệp quả lên hệ mặt trời của chúng ta. Điều hợp lý là họ sẽ luân chuyển qua các

systems of the various Planetary Logoi according to the Law of Karma.

hệ thống của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau theo Định luật Nghiệp quả.

416. Where are the "centres" of a Planetary Logos to be found? In one sense, the egoic groups on the higher mental plane are centres. It is with these egoic groups that the Solar Angels definitely have a relation.

416. Các "trung tâm" của một Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy ở đâu? Theo một nghĩa nào đó, các nhóm chân ngã trên Cõi thượng trí là các trung tâm. Chính với các nhóm chân ngã này mà các Thái dương Thiên Thần có một mối liên hệ xác định.

417. If they have any relation to the higher etheric centers of a Planetary Logos, the mechanism by which this is accomplished has not be discussed.

417. Nếu họ có bất kỳ liên hệ nào với các trung tâm dĩ thái cao hơn của một Hành Tinh Thượng Đế, thì cơ chế nhờ đó điều này được thực hiện vẫn chưa được bàn đến.

They come into a scheme on a wave of manasic energy from the head centre of the Logos,

Các Ngài đi vào một hệ hành tinh trên một làn sóng năng lượng manas từ trung tâm đầu của Thượng đế,

418. From that portion of the head center which is connected with the heart center.

418. Từ phần của trung tâm đầu được nối kết với trung tâm tim.

and in the process of passing through his Heart centre three things occur:

và trong tiến trình đi qua trung tâm Tim của ngài, ba điều xảy ra:

419. Some very important information about Agnishvattas is being offered.

419. Một số thông tin rất quan trọng về các Agnishvatta đang được đưa ra.

420. The Logos to which this section of text refers is the Solar Logos.

420. Thượng đế mà phần văn bản này đề cập đến là Thái dương Thượng đế.

421. We have been told that some Agnishvattas emanate from the head center of the Logos and some from the heart center. Here it seems *the point of emanation* is the logoic head center.

421. Chúng ta đã được cho biết rằng một số Agnishvatta xuất lộ từ trung tâm đầu của Thượng đế và một số từ trung tâm tim. Ở đây dường như *điểm xuất lộ* là trung tâm đầu logoic.

422. But let us compare another reference:

422. Nhưng hãy so sánh một đoạn tham chiếu khác:

They are connected in their highest groups with that portion of the logoic head centre

Ở các nhóm cao nhất của mình, Các Ngài được nối kết với phần đó của trung tâm đầu

which corresponds to the heart, and here is the clue to the mystery of kama-manas. The kamic angels are vitalised from the "heart" centre and the manasic angels from the logoic head centre, via the point within that centre connected with the heart. These two dominating groups are the sumtotal of kama-manas in all its manifestations. The solar angels exist in three groups, all of which are concerned with the self-consciousness aspect, all of which are energised and connected with the fifth spirilla of the logoic permanent atom, and all of which work as a unit. (TCF 698)

logoic tương ứng với tim, và ở đây có đầu mối cho huyền nhiệm của kama-manas. Các thiên thần kamic được tiếp sinh lực từ trung tâm "tim" và các thiên thần manas từ trung tâm đầu logoic, qua điểm bên trong trung tâm ấy được nối kết với tim. Hai nhóm chi phối này là tổng thể của kama-manas trong mọi biểu hiện của nó. Các thái dương thiên thần tồn tại trong ba nhóm, tất cả đều liên quan đến phương diện ngã thức, tất cả đều được tiếp năng lượng và được nối kết với loa tuyến thứ năm của nguyên tử trường tồn logoic, và tất cả đều hoạt động như một đơn vị. (TCF 698)

1. They become differentiated into seven groups.

1. Các Ngài trở nên được biến phân thành bảy nhóm.

423. We are speaking of seven groups of Solar Angels. These groupings may (at least potentially) be discriminated in various ways:

423. Chúng ta đang nói về bảy nhóm Thái dương Thiên Thần. Các nhóm này có thể (ít nhất là về mặt tiềm năng) được phân biện theo nhiều cách khác nhau:

a. According to ray

a. Theo cung

b. According to function. We have, for instance, seen that there are Solar Angels connected with the manasic permanent atom, some with the petals of the egoic lotus and others with the members of the atomic triangle. We have also seen that there are those who incarnate and mould the racial form; those who implant the spark of mind in animal man and those who fan the latent germ of mentality in animal man.

b. Theo chức năng. Chẳng hạn, chúng ta đã thấy rằng có những Thái dương Thiên Thần liên hệ với nguyên tử trường tồn manas, một số liên hệ với các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã và những vị khác liên hệ với các thành phần của tam giác nguyên tử. Chúng ta cũng đã thấy rằng có những vị nhập thể và nắn đúc hình tướng chủng tộc; những vị cấy tia lửa trí tuệ vào người thú và những vị quạt bùng mầm trí tuệ tiềm ẩn trong người thú.

c. According to a particular planetary scheme to which they are directed or direct Themselves.

c. Theo một hệ hành tinh đặc thù mà Các Ngài được hướng đến hoặc tự hướng mình đến.

2. They direct Themselves as streams of energy to some particular scheme.

2. Các Ngài tự hướng mình như những dòng năng lượng đến một hệ hành tinh đặc thù nào đó.

424. How interesting that the Solar Angels "direct Themselves" to some particular planetary scheme. Of course, such Self-direction has to be part of a larger Plan.

424. Thật thú vị biết bao khi các Thái dương Thiên Thần "tự hướng mình" đến một hệ hành tinh đặc thù nào đó. Dĩ nhiên, sự tự định hướng như thế phải là một phần của một Thiên Cơ lớn hơn.

425. Let us always remember that Solar Angels *are energy.* We may, perhaps, personalize them too much. But then *every entity* is also an *energy.*

425. Chúng ta hãy luôn nhớ rằng các Thái dương Thiên Thần *là năng lượng.* Có lẽ chúng ta nhân cách hóa Các Ngài quá nhiều. Nhưng rồi thì *mọi thực thể* cũng là một *năng lượng.*

3. Their contact with a scheme is that which produces the manifestation of the fourth Creative Hierarchy, and leads to the Monads taking form in the three worlds.

3. Sự tiếp xúc của Các Ngài với một hệ hành tinh là điều tạo ra sự biểu hiện của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, và dẫn đến việc các chân thần mang lấy hình tướng trong ba cõi thấp.

426. And this, apparently, occurs in *all* planetary schemes at some point in the development of the Planetary Logos concerned. This is another way of saying that in the expression of all Planetary Logoi, the human kingdom must one day emerge.

426. Và điều này, dường như, xảy ra trong *mọi* hệ hành tinh tại một thời điểm nào đó trong sự phát triển của Đức Hành Tinh Thượng Đế liên hệ. Đây là một cách khác để nói rằng trong sự biểu lộ của mọi Hành Tinh Thượng Đế, giới nhân loại một ngày kia phải xuất hiện.

[Page 743]

[Page 743]

These entities who sacrifice Themselves for the human Hierarchy (and we must note here the accuracy of the fact that **They emanate from the logoic head centre, or from the will aspect), are the true Saviours who give Their lives for the good of the race.**

Những thực thể này, những vị hy sinh chính mình cho Huyền Giai nhân loại (và ở đây chúng ta phải lưu ý tính chính xác của sự kiện rằng **Các Ngài xuất lộ từ trung tâm đầu logoic, hay từ phương diện ý chí), là những Đấng Cứu Rỗi chân chính hiến dâng sự sống của Các Ngài vì lợi ích của nhân loại.**

427. Here it is firmly established that these Beings (the Solar Angels) emanate from the logoic *head* center.

427. Ở đây điều đó được xác lập vững chắc rằng các Đấng này (các Thái dương Thiên Thần) xuất lộ từ trung tâm *đầu* logoic.

428. It is clear that the Solar Angels are *distinct* from the Fourth Creative Hierarchy. In other references They seem to be

428. Rõ ràng là các Thái dương Thiên Thần *khác biệt* với Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Trong những đoạn tham chiếu khác, Các

identified with the human Ego in its higher aspects (either within the causal body or considering the spiritual triad as the true Ego).

Ngài dường như được đồng nhất với chân ngã con người trong các phương diện cao hơn của nó (hoặc bên trong thể nguyên nhân hoặc khi xem Tam Nguyên Tinh Thần là chân ngã đích thực).

429. In what sense do the Solar Angels give their "lives" for the good of the race? To what degree do They sacrifice? Are They unable to do other than supervise man or is the supervision of man but one small part of what They do?

429. Theo nghĩa nào mà các Thái dương Thiên Thần hiến dâng "sự sống" của mình vì lợi ích của nhân loại? Các Ngài hy sinh đến mức độ nào? Các Ngài không thể làm gì khác ngoài việc giám sát con người hay việc giám sát con người chỉ là một phần nhỏ trong những gì Các Ngài làm?

430. The fact that They are "Saviours" is only possible because of their superior development, achieved in large measure in the last major solar system.

430. Sự kiện rằng Các Ngài là những "Đấng Cứu Rỗi" chỉ có thể có được vì sự phát triển vượt trội của Các Ngài, đạt được phần lớn trong hệ mặt trời lớn trước đây.

They stand in relation to the totality of the schemes as the Occult Hierarchy of any particular planet stands to men upon that planet.

Các Ngài đứng trong tương quan với tổng thể các hệ hành tinh như Thánh đoàn Huyền bí của bất kỳ hành tinh đặc thù nào đứng trong tương quan với những người nam và nữ trên hành tinh ấy.

431. Here we have another amazing statement. It is as if the Solar Angels or Agnishvattas are a ***Solar**-Systemic Occult Hierarchy* in relation to the totality of planetary schemes.

431. Ở đây chúng ta có một phát biểu đáng kinh ngạc khác. Dường như các Thái dương Thiên Thần hay Agnishvatta là một ***Thánh đoàn Huyền bí của Hệ** Mặt trời* trong tương quan với tổng thể các hệ hành tinh.

432. These Beings are definitely in advance of the Members of any particular planetary Hierarchy. The analogy gives an astonishing sense of proportion. We must remember that Solar Angels are, indeed, *solar,* and have a place within the "council of the solar Logos"..

432. Các Đấng này chắc chắn vượt trước các Thành Viên của bất kỳ Thánh đoàn hành tinh đặc thù nào. Sự tương đồng này đem lại một Ý thức về tỉ lệ đáng kinh ngạc. Chúng ta phải nhớ rằng các Thái dương Thiên Thần quả thực là *thái dương,* và có một vị trí trong "hội đồng của Thái dương Thượng đế"..

Perfected men are in the councils of the planetary Logos of their particular ray; the solar Pitris are in the council of the solar Logos.[69] (TCF 843)

Những con người toàn thiện ở trong các hội đồng của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung đặc thù của mình; các thái dương tổ phụ ở

trong hội đồng của Thái dương Thượng đế.69 (TCF 843)

433. Considering Their exalted rank, it is difficult to imagine how They can involve themselves directly with a tiny human unit. There is, it seems, a mystery here concealed.

433. Xét đến địa vị cao cả của Các Ngài, thật khó hình dung làm sao Các Ngài có thể trực tiếp can dự với một đơn vị nhân loại nhỏ bé. Dường như ở đây có một huyền nhiệm được che giấu.

During pralaya They are withdrawn (as all else), from manifestation, **and return to a cosmic centre of which the logoic head centre is but a dim reflection**; they return the richer for experience.

Trong pralaya, Các Ngài được rút khỏi biểu hiện (như mọi thứ khác), **và trở về một trung tâm vũ trụ mà trung tâm đầu logoic chỉ là một phản ánh mờ nhạt**; Các Ngài trở về phong phú hơn nhờ kinh nghiệm.

434. Can this “cosmic centre” be Sirius? Sirius was, after all, Their emanating point, from whence They were “breathed out”.

434. “Trung tâm vũ trụ” này có thể là Sirius chăng? Xét cho cùng, Sirius là điểm xuất lộ của Các Ngài, nơi từ đó Các Ngài được “thở ra”.

Those who become solar Pitris, being the bulk of humanity, return to Sirius to be breathed out again into activity. (TCF 844)

Những vị trở thành thái dương tổ phụ, vốn là phần lớn nhân loại, trở về Sirius để lại được thở ra vào hoạt động. (TCF 844)

435. It is not unreasonable to identify Sirius as a head center within the "Seven Solar Systems of Which Ours is One". Thus, the head center of our Solar Logos would be a reflection of that greater head center.

435. Không phải là vô lý khi đồng nhất Sirius như một trung tâm đầu bên trong "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một". Do đó, trung tâm đầu của Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ là một phản ánh của trung tâm đầu lớn hơn ấy.

436. Some, however, identify Sirius as an ajna center and there is justification for such an identification.

436. Tuy nhiên, một số người đồng nhất Sirius như một trung tâm ajna và có cơ sở cho sự đồng nhất như vậy.

437. From another perspective, the Central Spiritual Sun of our Solar Logos (i.e., His monadic nature) can be considered prototypical of the logoic head center.

437. Từ một góc nhìn khác, Mặt trời Tinh thần Trung Ương của Thái dương Thượng đế của chúng ta (tức là bản chất chân thần của Ngài) có thể được xem là nguyên mẫu của trung tâm đầu logoic.

The old Commentary says:

Cổ Luận nói rằng:

"The deva shineth with added light when the virtue of the will hath entered.

438. The "deva" here mentioned is a Solar Angel.

439. One may imagine that as the human being becomes more responsive to the Spiritual Will, the causal body shines more brightly.

He garnereth colour as the reaper garners wheat, and storeth it up for the feeding of the multitude.

440. The storage occurs, from the human point of view, in the causal body.

Over all this deva host the **mystic Goat presideth**.

441. We may presume that the "mystic Goat" is the Constellational Lord of Capricorn.

Makara is, and is not, yet the link persisteth."

442. The final sentence is enigmatical. The egoic lotus or causal body is, in a way, the "Middle One" which both *is* (temporarily) and *is not* (finally).

443. Capricorn conceals and reveals the "Secret of the Soul" and is directly linked with these Beings (the Members of the Fifth Creative Hierarchy) through Whose agency the soul of man is expressed on the higher mental plane.

Rounds come and go but (except from the standpoint of a particular planet), **the**

"Thiên thần tỏa sáng với ánh sáng gia tăng khi đức tính của ý chí đã đi vào.

438. "Thiên thần" được nhắc đến ở đây là một Thái dương Thiên Thần.

439. Người ta có thể hình dung rằng khi con người trở nên đáp ứng hơn với Ý Chí Tinh thần, thể nguyên nhân tỏa sáng rực rỡ hơn.

Y thu góp màu sắc như người gặt thu góp lúa mì, và tích trữ nó để nuôi dưỡng số đông.

440. Sự tích trữ này, từ quan điểm con người, xảy ra trong thể nguyên nhân.

Trên toàn thể đạo binh thiên thần này, **Dê thần bí ngự trị**.

441. Chúng ta có thể giả định rằng "Dê thần bí" là Chúa Tể Chòm Sao của Ma Kết.

Makara là, và không là, tuy nhiên mối liên kết vẫn tồn tại."

442. Câu cuối cùng đầy bí ẩn. Hoa Sen Chân Ngã hay thể nguyên nhân, theo một nghĩa nào đó, là "Đấng Ở Giữa", vừa *là* (tạm thời) vừa *không là* (rốt ráo).

443. Ma Kết che giấu và mặc khải "Bí Mật của Linh Hồn" và được nối kết trực tiếp với các Đấng này (các Thành Viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm), qua tác nhân của Các Ngài mà linh hồn con người được biểu lộ trên Cõi thượng trí.

Các cuộc tuần hoàn đến rồi đi nhưng (ngoại trừ từ quan điểm của một hành tinh đặc

Manasadevas are forever present, but their influence is not forever felt.

444. It is being said that throughout the solar system, the Manasadevas are forever present. From the perspective of a particular planet, They may not be present at all times. Within the solar system considered as a unit, the Manasadevas are always present.

445. There is a certain point in the development of each Planetary Logos when the influence of the Manasadevas is felt—not before and not after.

In considering planetary pralaya we might briefly enumerate the following periods of quiescence:

446. Pralaya is "quiescence", especially from the perspective of that sphere of activity from which the life essence has been abstracted.

447. Although it may appear that much of a factual nature is offered below, we will have to be careful lest we jump to conclusions.

Between Two Globes in a Chain.

448. We appear to be speaking of the sequential activation of two contiguous globes in a chain.

449. Must we suppose that each globe is only activated sequentially, or may it be supposed that all globes are simultaneously active, though in differing degrees? The latter supposition seems more correct (especially if we conceive of globes as chakras).

thù), **các Manasadeva hiện diện mãi mãi, nhưng ảnh hưởng của Các Ngài không được cảm nhận mãi mãi.**

444. Điều đang được nói là trong toàn bộ hệ mặt trời, các Manasadeva hiện diện mãi mãi. Từ góc nhìn của một hành tinh đặc thù, Các Ngài có thể không hiện diện vào mọi lúc. Trong hệ mặt trời được xét như một đơn vị, các Manasadeva luôn luôn hiện diện.

445. Có một điểm nhất định trong sự phát triển của mỗi Hành Tinh Thượng Đế khi ảnh hưởng của các Manasadeva được cảm nhận —không trước đó và cũng không sau đó.

Khi xét đến pralaya hành tinh, chúng ta có thể ngắn gọn liệt kê các giai đoạn tĩnh lặng sau đây:

446. Pralaya là "sự tĩnh lặng", đặc biệt từ góc nhìn của khối cầu hoạt động mà từ đó tinh túy sự sống đã được rút ra.

447. Mặc dù có vẻ như nhiều dữ kiện thực tế được đưa ra dưới đây, chúng ta sẽ phải cẩn thận kẻo vội kết luận.

Giữa Hai Bầu hành tinh trong một Dãy.

448. Dường như chúng ta đang nói về sự kích hoạt tuần tự của hai bầu hành tinh tiếp giáp trong một dãy.

449. Chúng ta có phải giả định rằng mỗi bầu hành tinh chỉ được kích hoạt tuần tự hay có thể giả định rằng mọi bầu hành tinh đều đồng thời hoạt động, dù ở những mức độ khác nhau? Giả định sau dường như đúng hơn (đặc biệt nếu chúng ta quan niệm các bầu hành tinh như các luân xa).

This covers the period of abstraction of the seeds of all life, and its transference from one sphere to another.

Điều này bao trùm giai đoạn rút ra các hạt giống của mọi sự sống, và sự chuyển dịch chúng từ khối cầu này sang khối cầu khác.

450. Is *all* life transferred from one globe to another? Or does some life remain on a globe when the majority of life is transferred to another and succeeding globe?

450. Có phải *mọi* sự sống đều được chuyển từ bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác không? Hay có một phần sự sống vẫn còn lại trên một bầu hành tinh khi phần lớn sự sống được chuyển sang bầu hành tinh kế tiếp?

The seed manu of a globe gathers all the life forces into Himself, as does the Logos at the close of a system, and as also transpires at the close of a chain, and holds them quiescent in His aura.

Đức manu hạt giống của một bầu hành tinh thu gom mọi mãnh lực sự sống vào trong Chính Ngài, cũng như Thượng đế làm vào lúc kết thúc một hệ, và cũng như điều xảy ra vào lúc kết thúc một dãy, và giữ chúng trong trạng thái tĩnh lặng trong hào quang của Ngài.

451. There is an analogy between three types of Beings:

451. Có một sự tương đồng giữa ba loại Đấng:

a. A Solar Logos

a. Một Thái dương Thượng đế

b. A Chain Manu

b. Một Đức Manu của Dãy

c. A seed manu of a globe

c. Một manu hạt giống của một bầu hành tinh

452. Every sphere of experience has its type of abstracting center

452. Mỗi khối cầu kinh nghiệm đều có loại trung tâm rút ra của riêng nó

This covers a period of a manvantara, or of one day of Brahma.

Điều này bao trùm một giai đoạn của một manvantara, hay một ngày của Brahma.

453. We recall that one "day of Brahma" is a "kalpa" and endures, according to the chronology given, some 4,320,000,000 years.

453. Chúng ta nhớ rằng một "ngày của Brahma" là một "kalpa" và kéo dài, theo niên đại được đưa ra, khoảng 4.320.000.000 năm.

454. We could say that the interval between the activation of every globe within a chain

454. Chúng ta có thể nói rằng khoảng cách giữa sự kích hoạt của mỗi bầu hành tinh

is some four billion, three hundred twenty million years.

455. We will proceed in this manner and see what kinds of figures arise, all the time knowing that there are at least two different kinds of "manvantaras" and that the interval between globes is very unlikely to be of this length. An entire chain round is also a "manvantara" and the figure which HBP gives for such a period is some three hundred million years and does not number in the billions.

456. Given seven rounds (in the average planet) and seven globes (usually) we would have (if we remain strictly linear—which may or may not be justified) some 211,680,000,000 years for the duration of a planetary chain. It would be twice as long if we allow for a pralaya after every round, or about 423,360,000,000 years. (Of course, our figure cannot really be correct, as we are not calculating the globe periods during the round, but only the intervals between globes.) If we assume that the globe period (during which the life wave passes through any of the seven globes) is the same as the period between globes, then we start to get a figure for a round which is even more at odds with the figure presented by HPB.

457. Continuing nonetheless, if we assume that each of seven chains endures for the same number of years, we will have 2,963,520,000,000—years numbering in the trillions. And if we assume that there will be a pralaya after every scheme round, it is possible that the figure may be 2,963,520,000,000 x 7 or

trong một dãy là khoảng bốn tỷ ba trăm hai mươi triệu năm.

455. Chúng ta sẽ tiếp tục theo cách này và xem những loại con số nào xuất hiện, trong khi luôn biết rằng có ít nhất hai loại "manvantara" khác nhau và rằng khoảng cách giữa các bầu hành tinh rất khó có thể dài đến thế. Toàn bộ một cuộc tuần hoàn của dãy cũng là một "manvantara" và con số mà HPB đưa ra cho một giai đoạn như vậy là khoảng ba trăm triệu năm chứ không phải hàng tỷ.

456. Với bảy cuộc tuần hoàn (trong hành tinh trung bình) và bảy bầu hành tinh (thường là vậy), chúng ta sẽ có (nếu giữ cách tính hoàn toàn tuyến tính—điều này có thể đúng hoặc không) khoảng 211.680.000.000 năm cho thời lượng của một dãy hành tinh. Nó sẽ dài gấp đôi nếu chúng ta tính thêm một pralaya sau mỗi cuộc tuần hoàn, tức khoảng 423.360.000.000 năm. (Dĩ nhiên, con số của chúng ta không thể thực sự đúng, vì chúng ta không tính các giai đoạn của bầu hành tinh trong cuộc tuần hoàn, mà chỉ tính các khoảng cách giữa các bầu hành tinh.) Nếu chúng ta giả định rằng giai đoạn của bầu hành tinh (trong đó làn sóng sự sống đi qua bất kỳ bầu hành tinh nào trong bảy bầu hành tinh) bằng với giai đoạn giữa các bầu hành tinh, thì chúng ta bắt đầu có được một con số cho một cuộc tuần hoàn còn mâu thuẫn hơn nữa với con số do HPB trình bày.

457. Tuy vậy, tiếp tục nữa, nếu chúng ta giả định rằng mỗi trong bảy dãy kéo dài cùng một số năm, chúng ta sẽ có 2.963.520.000.000—những năm được tính bằng hàng nghìn tỷ. Và nếu chúng ta giả định rằng sẽ có một pralaya sau mỗi cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh, thì có thể con số sẽ là 2.963.520.000.000 x 7 hay

20,744,640,000,000—almost twenty-one trillion years.

458. We would multiply this entire figure by two if we were to assume that globe periods and chain periods were of equal length to the intervals between globes and the intervals between chains. Our figure would then be 41,489,280,000,000 or more that forty-one trillion hears.

459. Of course, we cannot assume strict sequentiality in any of these calculations. They are meant to be indications of magnitude but, given what we presently know, there is no hope for their strict accuracy.

460. In fact, our exercise here, is meant to demonstrate the probability of gross inaccuracy and to reveal to us how little we really know.

461. Further, we are told that some planets last throughout the *entire* mahamanvantara of 311,040,000,000,000 Earth-years. Therefore, our figure, in excess of twenty trillion (or, doubled, forty-one trillion), is still much too small for the duration of such planets.

462. And we must keep firmly in mind that the term “manvantara” may mean an entire chain round and not just a period between two globes in a chain.

463. The duration of such cycles is tremendously blinded. We can realize this if we consider that in *The Secret Doctrine*, duration of a chain round is some three

20.744.640.000.000—gần hai mươi mốt nghìn tỷ năm.

458. Chúng ta sẽ nhân toàn bộ con số này lên hai nếu giả định rằng các giai đoạn của bầu hành tinh và các giai đoạn của dãy có độ dài bằng với các khoảng cách giữa các bầu hành tinh và các khoảng cách giữa các dãy. Khi đó con số của chúng ta sẽ là 41.489.280.000.000 hay hơn bốn mươi mốt nghìn tỷ năm.

459. Dĩ nhiên, chúng ta không thể giả định tính tuần tự nghiêm ngặt trong bất kỳ phép tính nào như thế này. Chúng chỉ nhằm chỉ ra cấp độ lớn nhỏ nhưng, với những gì hiện nay chúng ta biết, không có hy vọng nào về độ chính xác nghiêm ngặt của chúng.

460. Thật ra, bài tập của chúng ta ở đây nhằm chứng minh khả năng sai lệch lớn và cho thấy chúng ta thực sự biết ít đến mức nào.

461. Hơn nữa, chúng ta được cho biết rằng một số hành tinh tồn tại suốt *toàn bộ* Đại giai kỳ sinh hóa gồm 311.040.000.000.000 năm Trái Đất. Vì vậy, con số của chúng ta, vượt quá hai mươi nghìn tỷ (hay nếu nhân đôi, bốn mươi mốt nghìn tỷ), vẫn còn quá nhỏ đối với thời lượng của những hành tinh như thế.

462. Và chúng ta phải luôn ghi nhớ chắc chắn rằng thuật ngữ “manvantara” có thể có nghĩa là toàn bộ một cuộc tuần hoàn của dãy chứ không chỉ là một giai đoạn giữa hai bầu hành tinh trong một dãy.

463. Thời lượng của những chu kỳ như thế bị che mờ rất nhiều. Chúng ta có thể nhận ra điều này nếu xét rằng trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, thời lượng của một cuộc tuần hoàn

hundred million (plus) years. How can an entire round, moving from globe to globe be far less than the period between globes—over four billions years (i.e., a "manvantara" when that term is equivalent to a kalpa)?

của dãy là khoảng ba trăm triệu năm (hơn một chút). Làm sao một cuộc tuần hoàn trọn vẹn, di chuyển từ bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác, lại có thể ít hơn rất nhiều so với giai đoạn giữa các bầu hành tinh—hơn bốn tỷ năm (tức một "manvantara" khi thuật ngữ đó tương đương với một kalpa)?

464. It is unquestionably illegitimate to assign the same figure to *both* kinds of "manvantaras". We are given figures for only *one* kind of manvantara—a full Day of Brahma—more than four billion years. The manvantara between globes is undoubtedly a period much shorter.

464. Rõ ràng là không chính đáng khi gán cùng một con số cho *cả hai* loại "manvantara". Chúng ta chỉ được cho các con số cho *một* loại manvantara—một Ngày trọn vẹn của Brahma—hơn bốn tỷ năm. Manvantara giữa các bầu hành tinh chắc chắn là một giai đoạn ngắn hơn nhiều.

465. But if we use some shorter figure to define that manvantara which is the period between globes, the duration of a planetary scheme (even if we include scheme rounds) becomes much shorter than our figures of twenty trillion or forty-one trillion years—perhaps as much as twelve times shorter. As a result we would have planetary schemes lasting a very short time during the 311,040,000,000,000 years in a occult century. This would contradict what DK had said about such planets as Venus (enduring throughout the mahamanvantara). We must also remember that in The Secret Doctrine, a number of the planets came to birth physically at the same time as did our Sun. So, they were in manifestation (as comets) at the beginning. As we are some half way through our solar systemic process, and they have not disappeared, figures which indicate for them a short duration must not be accurate.

465. Nhưng nếu chúng ta dùng một con số ngắn hơn để xác định manvantara là giai đoạn giữa các bầu hành tinh, thì thời lượng của một hệ hành tinh (ngay cả nếu chúng ta tính cả các cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh) sẽ ngắn hơn rất nhiều so với các con số hai mươi nghìn tỷ hay bốn mươi mốt nghìn tỷ năm của chúng ta—có lẽ ngắn hơn đến mười hai lần. Kết quả là chúng ta sẽ có các hệ hành tinh tồn tại trong một thời gian rất ngắn trong 311.040.000.000.000 năm của một thế kỷ huyền bí. Điều này sẽ mâu thuẫn với điều Chân sư DK đã nói về những hành tinh như Sao Kim (tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa). Chúng ta cũng phải nhớ rằng trong Giáo Lý Bí Nhiệm, một số hành tinh đã ra đời về mặt hồng trần cùng lúc với Mặt Trời của chúng ta. Vì vậy, chúng đã ở trong biểu hiện (như các sao chổi) ngay từ lúc khởi đầu. Vì chúng ta đang ở khoảng nửa chặng đường của tiến trình hệ mặt trời, và chúng vẫn chưa biến mất, nên những con số cho thấy chúng có thời lượng ngắn hẳn không thể chính xác.

466. The only value of this line of thought is to reveal many things we do *not* know.

466. Giá trị duy nhất của lối suy nghĩ này là cho thấy nhiều điều mà chúng ta *không* biết.

467. To our type of intellect, the calculations are impenetrable. We can only assume that we are not working with the correct figures, that figures many figures have been withheld and that the figures presented to us may be quite symbolic, and that even if we knew the correct figures, we do not know enough about planetary dynamics and solar-systemic dynamics to apply them correctly.

467. Đối với loại trí tuệ của chúng ta, các phép tính này không thể xuyên thấu. Chúng ta chỉ có thể giả định rằng mình không làm việc với những con số đúng, rằng rất nhiều con số đã bị giữ lại, rằng những con số được trình bày cho chúng ta có thể mang tính biểu tượng khá nhiều, và rằng ngay cả nếu chúng ta biết các con số đúng, chúng ta cũng không biết đủ về động lực học hành tinh và động lực học hệ mặt trời để áp dụng chúng một cách chính xác.

468. For instance, there may be dynamics in planetary and solar-systemic development which demand accelerating and decelerating cycles. We would have no idea of the formulas for such cyclic dynamics.

468. Chẳng hạn, có thể có những động lực trong sự phát triển hành tinh và hệ mặt trời đòi hỏi các chu kỳ tăng tốc và giảm tốc. Chúng ta sẽ không hề biết các công thức cho những động lực chu kỳ như thế.

Between Two Chains. This covers the period of a mahamanvantara, or of **one year** of Brahma.

Giữa Hai Dãy. Điều này bao trùm giai đoạn của một mahamanvantara, hay **một năm** của Brahma.

469. If we consider what is said elsewhere about mahamanvantaras and occult centuries, we see that *this use* of the term "mahamanvantara" makes it a period of far less duration than an occult century (the duration of an entire solar system).

469. Nếu chúng ta xét điều được nói ở nơi khác về mahamanvantara và các thế kỷ huyền bí, chúng ta thấy rằng *cách dùng này* của thuật ngữ "mahamanvantara" khiến nó trở thành một giai đoạn có thời lượng ngắn hơn rất nhiều so với một thế kỷ huyền bí (thời lượng của toàn bộ một hệ mặt trời).

470. We can, however, proceed somewhat as in the last example and see what kinds of figures arise.

470. Tuy nhiên, chúng ta có thể tiếp tục phần nào như trong ví dụ trước và xem những loại con số nào xuất hiện.

471. If we preserve the strictly sequential approach and assume seven years of Brahma for each complete ***scheme*** *round* (and an equal measure of rest), *then* we have some fourteen years of Brahma for each scheme round and its appropriate pralaya. If we multiply 14 x 7, we arrive at the figure 98 years of Brahma which is very close to an occult century. (HPB has given us no figure

471. Nếu chúng ta giữ cách tiếp cận hoàn toàn tuần tự và giả định bảy năm của Brahma cho mỗi ***cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh*** *trọn vẹn* (và một khoảng nghỉ tương đương), *thì* chúng ta có khoảng mười bốn năm của Brahma cho mỗi cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh và pralaya tương ứng của nó. Nếu nhân 14 x 7, chúng ta đạt được con số 98 năm của Brahma, rất gần với một thế

for a scheme round and did not, as far as I know, discuss the possibility of such a cycle).

kỷ huyền bí. (HPB không cho chúng ta con số nào cho một cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh và, theo như tôi biết, cũng không bàn đến khả năng của một chu kỳ như thế).

472. If the duration of a planetary scheme is some 98 years of Brahma, we are in the vicinity of an occult century. Some attention should be paid to this alternate type of mahamanvantara or "year of Brahma", as the collection of 98 of them will equate almost to a mahamanvantara considered as an occult century.

472. Nếu thời lượng của một hệ hành tinh là khoảng 98 năm của Brahma, chúng ta đang ở gần một thế kỷ huyền bí. Cần chú ý phần nào đến loại mahamanvantara thay thế này hay "năm của Brahma", vì tập hợp 98 đơn vị như thế sẽ gần như tương đương với một mahamanvantara được xét như một thế kỷ huyền bí.

473. We should note that if we keep to the measure of a day to a year (1/360), we shall not find in the usual planetary process a way to spend 360 Brahmic-day periods (when dealing with globes in a chain) to build up to a "year of Brahma" (a figure here associated with chains as a whole, or more specifically, the period between chains.

473. Chúng ta nên lưu ý rằng nếu giữ theo tỉ lệ một ngày với một năm (1/360), chúng ta sẽ không tìm thấy trong tiến trình hành tinh thông thường một cách nào để dùng hết 360 giai đoạn-ngày của Brahma (khi xét các bầu hành tinh trong một dãy) để xây dựng thành một "năm của Brahma" (một con số ở đây được gắn với các dãy như một toàn thể, hay cụ thể hơn, giai đoạn giữa các dãy.

474. One could begin to wonder whether the term "Brahma" is not somewhat elastic—referring not only to the Solar Logos (as we have been shown in ftn. 6 on TCF 39) and also to the various Planetary Logoi, each of them to be considered as "Brahma". Within the system of any particular Planetary Logos, the term "year" or "day" would, therefore, have variable meanings. The only solution would be to understand exactly how long each planetary scheme endured during an occult century.

474. Người ta có thể bắt đầu tự hỏi liệu thuật ngữ "Brahma" có phần nào co giãn hay không—không chỉ quy chiếu đến Thái dương Thượng đế (như chúng ta đã được chỉ ra trong ftn. 6 ở TCF 39) mà còn đến các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau, mỗi vị trong số đó đều được xem là "Brahma". Do đó, trong hệ của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào, thuật ngữ "năm" hay "ngày" sẽ có những ý nghĩa biến đổi. Giải pháp duy nhất là hiểu chính xác mỗi hệ hành tinh kéo dài bao lâu trong một thế kỷ huyền bí.

475. One other very significant problem is that the duration of an occult century may be grossly exaggerated—at least this is what Yogananda's Teacher, SRI Yukteswar believes. Again, given our present knowledge, we have no way to resolve the issue. HPB says one thing and Yukteswar

475. Một vấn đề rất quan trọng khác là thời lượng của một thế kỷ huyền bí có thể đã bị phóng đại rất nhiều—ít nhất đó là điều Huấn sư của Yogananda, SRI Yukteswar tin như vậy. Một lần nữa, với tri thức hiện nay của chúng ta, chúng ta không có cách nào giải quyết vấn đề này. HPB nói một đằng và

(presumably one who is a Master or almost so) says another.

476. We have all probably noticed that the occult figures offered for the duration of our solar system and its planets are extremely long when compared to modern scientific estimates.. The scientific figures naturally do not take into account subjective processes. Even so, the problems of reconciliation are presently insuperable, as the proposed duration of *the entire universe* is far, far less that the occult proposals regarding the duration of our solar system or of the planetary schemes within it. For the time being we have no choice but to recognize these astonishing discrepancies without being able to solve the apparent contradictions.

There are many ways of arriving at the greater cycles,

477. Of these ways we know very little if anything, but a hint is given warning us to retain mental flexibility and not to adhere rigidly to any figure with which we have been presented.

but there is no need to confuse with the intricacies of figures.

478. This, unfortunately, has already been accomplished!

479. Yet, the hints are given and from them, something of value may emerge.

The ten Prajapatis or Rishis, or [Page 744] the ten planetary Logoi, manifest through Their ten schemes in time and space, **the hour of Their appearing differing**.

Yukteswar (có lẽ là một Chân sư hoặc gần như vậy) nói một nẻo khác.

476. Có lẽ tất cả chúng ta đều đã nhận thấy rằng những con số huyền bí được đưa ra cho thời lượng của hệ mặt trời và các hành tinh của nó là cực kỳ dài khi so với các ước tính khoa học hiện đại.. Dĩ nhiên, các con số khoa học không tính đến các tiến trình chủ quan. Dù vậy, những vấn đề hòa giải hiện nay là không thể vượt qua, vì thời lượng được đề xuất của *toàn thể vũ trụ* còn nhỏ hơn rất, rất nhiều so với những đề xuất huyền bí liên quan đến thời lượng của hệ mặt trời của chúng ta hay của các hệ hành tinh bên trong nó. Hiện thời, chúng ta không còn lựa chọn nào khác ngoài việc thừa nhận những sai biệt đáng kinh ngạc này mà không thể giải quyết những mâu thuẫn bề ngoài ấy.

Có nhiều cách để đi đến các chu kỳ lớn hơn,

477. Về những cách ấy, chúng ta biết rất ít, nếu có biết gì, nhưng một gợi ý đã được đưa ra để cảnh báo chúng ta phải giữ sự linh hoạt trí tuệ và không bám chặt một cách cứng nhắc vào bất kỳ con số nào đã được trình bày cho chúng ta.

nhưng không cần phải làm rối trí bởi những phức tạp của các con số.

478. Tiếc thay, điều này đã xảy ra rồi!

479. Tuy vậy, các gợi ý đã được đưa ra và từ đó, điều gì đó có giá trị có thể xuất hiện.

Mười Prajapati hay Rishi, hay [Page 744] mười Hành Tinh Thượng Đế, biểu hiện qua mười hệ của Các Ngài trong thời gian và

không gian, **với giờ xuất hiện của Các Ngài khác nhau**.

480. We are given the hint that **the duration within the solar system of the different Planetary Logoi is distinctive because They emerge at different times,** and none can endure *beyond* the occult century given to a Solar Logos in which these Planetary Logoi form chakras.

480. Chúng ta được cho một gợi ý rằng **thời lượng bên trong hệ mặt trời của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau là đặc thù vì Các Ngài xuất hiện vào những thời điểm khác nhau,** và không vị nào có thể tồn tại *vượt quá* thế kỷ huyền bí được dành cho một Thái dương Thượng đế mà trong đó các Hành Tinh Thượng Đế này tạo thành các luân xa.

481. Another problem arises as, as we have stated, ***The Secret Doctrine* shows Martanda (the Sun) and His seven Brothers arising *at the same time***.

481. Một vấn đề khác nảy sinh vì, như chúng ta đã nói, ***Giáo Lý Bí Nhiệm* cho thấy Martanda (Mặt Trời) và bảy Huynh Đệ của Ngài xuất hiện *cùng một lúc***.

Each likewise manifests as does the Logos through a septenate and a triad, making again a ten of perfection.

Mỗi vị cũng biểu hiện như Thượng đế biểu hiện qua một thất phân và một tam nguyên tinh thần, lại tạo thành một mười của sự toàn hảo.

482. The figure of the Kabbalistic Tree of Life has relevance to the manifestation of both the Planetary Logoi and the Solar Logos.

482. Hình tượng Cây Sự Sống của Kabbalah có liên quan đến sự biểu hiện của cả các Hành Tinh Thượng Đế lẫn Thái dương Thượng đế.

483. When it comes to describing the Solar Logos and the Planetary Logoi, the number ten is frequently used. We must not forget, however, that there are twelve signs of the zodiac and that each of them will eventually be shown to have its own ruling planet. As well, we have been assured that within our solar system there are many more than ten or twelve Planetary Logoi.

483. Khi nói đến việc mô tả Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế, số mười thường được dùng. Tuy nhiên, chúng ta không được quên rằng có mười hai dấu hiệu hoàng đạo và rằng mỗi dấu hiệu trong số đó cuối cùng sẽ được cho thấy là có hành tinh cai quản riêng của nó. Hơn nữa, chúng ta đã được bảo đảm rằng bên trong hệ mặt trời của chúng ta có nhiều hơn rất nhiều so với mười hay mười hai Hành Tinh Thượng Đế.

Between Two Solar Systems. This covers the period of one hundred years of Brahma, and through the study of the planetary cycles

Giữa Hai Hệ Mặt Trời. Điều này bao trùm giai đoạn của một trăm năm của Brahma, và qua việc nghiên cứu các chu kỳ hành tinh sự

comprehension of these greater cycles may come.

484. DK has already told us something of the planetary cycles—of periods between globes and between chains.

485. It is very difficult, however, to move from one level of magnitude to another. As we begin to sum the durations of chain rounds and the given durations between globes in a chain, we cannot easily arrive at a figure which equals the pralayic period assigned to the period between chains.

486. We have been given a general principle, however—a period of activity should be equaled by a comparable period of rest, but any period of "days of Brahma" which we can gather in relation to the activity on a planetary chain always falls far short of the 360 "days of Brahma" which DK says must exist between the activation of each chain within a string of seven chains

487. In other words, unless we can spend 360 kalpas on the development of any chain, the period between chains (stated to be 360 kalpas or a Brahmic Year) will be far greater than the time spent in developing the chain in question. This would also apply even if the term "manvantara" (when used in relation to globes) does not equal a full kalpa. If such were the case, then a "year of Brahma" (in relation to chains) would also not equal 360 kalpas. Given what we know about globe and chain dynamics, the numbers just do not add up.

488. BUT—are pralayas longer than the incarnate period preceding them. If so, a

thấu hiểu về những chu kỳ lớn hơn này có thể đến.

484. Chân sư DK đã nói với chúng ta đôi điều về các chu kỳ hành tinh—về các giai đoạn giữa các bầu hành tinh và giữa các dãy.

485. Tuy nhiên, rất khó chuyển từ một cấp độ lớn nhỏ này sang một cấp độ khác. Khi chúng ta bắt đầu cộng dồn thời lượng của các cuộc tuần hoàn của dãy và các thời lượng đã cho giữa các bầu hành tinh trong một dãy, chúng ta không thể dễ dàng đi đến một con số bằng với giai đoạn pralaya được gán cho khoảng thời gian giữa các dãy.

486. Tuy nhiên, chúng ta đã được cho một nguyên lý tổng quát—một giai đoạn hoạt động nên được cân bằng bằng một giai đoạn nghỉ ngơi tương đương, nhưng bất kỳ giai đoạn nào của "những ngày của Brahma" mà chúng ta có thể tập hợp liên quan đến hoạt động trên một dãy hành tinh đều luôn kém rất xa 360 "ngày của Brahma" mà Chân sư DK nói phải tồn tại giữa sự kích hoạt của mỗi dãy trong một chuỗi bảy dãy

487. Nói cách khác, trừ phi chúng ta có thể dùng 360 kalpa cho sự phát triển của bất kỳ dãy nào, thì giai đoạn giữa các dãy (được nói là 360 kalpa hay một Năm Brahma) sẽ lớn hơn rất nhiều so với thời gian dùng để phát triển dãy đang xét. Điều này cũng sẽ đúng ngay cả nếu thuật ngữ "manvantara" (khi dùng liên hệ với các bầu hành tinh) không bằng một kalpa trọn vẹn. Nếu đúng như vậy, thì một "năm của Brahma" (liên hệ với các dãy) cũng sẽ không bằng 360 kalpa. Với những gì chúng ta biết về động lực học của bầu hành tinh và dãy, các con số đơn giản là không khớp.

488. NHƯNG—có phải các pralaya dài hơn giai đoạn nhập thể đi trước chúng không?

solution might be found, and yet, when discussing the occult century, **DK seems to suggest that the period of solar systemic manifestation (an occult century) is just the same as the interval between two such manifestations (also an occult century).** This must be solved.

Nếu vậy, có thể tìm ra một giải pháp, nhưng khi bàn về thế kỷ huyền bí, **Chân sư DK dường như gợi ý rằng giai đoạn biểu hiện của hệ mặt trời (một thế kỷ huyền bí) đúng bằng khoảng cách giữa hai biểu hiện như thế (cũng là một thế kỷ huyền bí).** Điều này phải được giải quyết.

489. Obviously, **there is a gross deficiency in our understanding of globe and chain dynamics, and scheme and system dynamics as well**.

489. Hiển nhiên, **có một sự thiếu hụt nghiêm trọng trong sự thấu hiểu của chúng ta về động lực học của bầu hành tinh và dãy, cũng như về động lực học của hệ hành tinh và hệ mặt trời**.

Complication comes to the student

Sự phức tạp đến với đạo sinh

490. As if there were not already sufficient complication!

490. Như thể chưa có đủ phức tạp vậy!

nevertheless in the fact that two of the schemes cover their cyclic periods in five rounds,

tuy nhiên còn ở chỗ hai hệ hành tinh trải qua các chu kỳ của mình trong năm cuộc tuần hoàn,

491. One of these is Venus. Is Mercury the other?

491. Một trong hai hệ ấy là Sao Kim. Hệ kia có phải là Sao Thủy không?

while others have seven;

trong khi những hệ khác có bảy;

492. The Earth was meant, it seems, to have a number of scheme rounds equal to the scheme rounds of Venus. But it is still uncertain whether it was solar logoically ordained that Venus have only five scheme rounds or whether the prodigious progress of the Planetary Logos of Venus made it possible to complete the series of rounds in five rather than seven.

492. Dường như Trái Đất được dự định có số cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh bằng với số cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh Sao Kim. Nhưng vẫn chưa chắc liệu theo sự an bài của Thái dương Thượng đế mà Sao Kim chỉ có năm cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh, hay chính sự tiến bộ phi thường của Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim đã khiến có thể hoàn tất chuỗi cuộc tuần hoàn trong năm thay vì bảy.

one scheme has but three rounds,

một hệ chỉ có ba cuộc tuần hoàn,

493. May we assume this to be one of the synthesizing planets?

but a mystery is hidden here: on the inner round one planet has nine cycles to run before the purpose of its Lord is completed.

494. How many planets are involved in the "inner round"? We know of Mercury's involvement, but are there others?

495. There are so many different kinds of cycles that we cannot be sure which cycles are meant.

496. When we encounter such statements, we must remember that the number of chains in manifestation in any planetary scheme at any given time are variable.

497. Do we gather the sense that we are in the presence of some of the most profound secrets of the initiatory process?

Certain lesser periods of pralaya do not concern man at all, but concern *the atom of matter as it is released from form of any kind in the subhuman kingdoms.* ***Pralaya is the result of radioactivity carried to a conclusion.***

498. Here we have a very technical definition of pralaya. Without radioactivity there will never be a destruction of the confining wall and the liberation of the life into a higher dimension (pralaya).

493. Chúng ta có thể giả định đây là một trong các hành tinh tổng hợp chăng?

nhưng ở đây có một huyền nhiệm được che giấu: trong cuộc tuần hoàn bên trong, một hành tinh có chín chu kỳ phải trải qua trước khi mục đích của Chúa Tể của nó được hoàn tất.

494. Có bao nhiêu hành tinh liên quan trong "cuộc tuần hoàn bên trong"? Chúng ta biết về sự tham dự của Sao Thủy, nhưng còn có những hành tinh khác không?

495. Có quá nhiều loại chu kỳ khác nhau đến nỗi chúng ta không thể chắc những chu kỳ nào đang được nói đến.

496. Khi gặp những phát biểu như thế, chúng ta phải nhớ rằng số lượng các dãy đang biểu hiện trong bất kỳ hệ hành tinh nào vào bất kỳ thời điểm nào đều biến đổi.

497. Chúng ta có cảm nhận được rằng mình đang ở trước một số bí mật sâu xa nhất của tiến trình điểm đạo chăng?

Một số giai kỳ qui nguyên nhỏ hơn hoàn toàn không liên quan đến con người, mà liên quan đến *nguyên tử vật chất khi nó được giải thoát khỏi hình tướng thuộc bất kỳ loại nào trong các giới dưới nhân loại.* ***Giai kỳ qui nguyên là kết quả của tính phóng xạ được đưa đến chỗ hoàn tất.***

498. Ở đây chúng ta có một định nghĩa rất kỹ thuật về giai kỳ qui nguyên. Không có tính phóng xạ thì sẽ không bao giờ có sự phá hủy bức tường giam hãm và sự giải thoát sự sống vào một chiều kích cao hơn (giai kỳ qui nguyên).

499. Another way of saying this is that there is no 'rest' without achievement.

499. Một cách khác để nói điều này là không có "sự nghỉ ngơi" nào mà không có thành tựu.

(c.) Types of Human Rebirth. In our study of the building of thought-forms

(c.) Các Loại Tái Sinh của Con Người. Trong nghiên cứu của chúng ta về việc xây dựng các Hình tư tưởng

500. We have been working ourselves up to a consideration of the magical process.

500. Chúng ta đã dần tiến đến việc xem xét tiến trình huyền thuật.

and the agencies for their construction, we have considered:

và các tác nhân cho sự kiến tạo của chúng, chúng ta đã xem xét:

1. The deva substance out of which they are constructed.

1. Chất liệu thiên thần mà từ đó chúng được kiến tạo.

501. We are dealing mostly with the lower devas.

501. Chúng ta chủ yếu đang bàn đến các thiên thần thấp.

2. The energy which animates them and its source.

2. Năng lượng làm sinh động chúng và nguồn gốc của năng lượng ấy.

502. Devas are associated with various planes and various Raja Deva Lords.

502. Các thiên thần liên kết với nhiều cõi khác nhau và nhiều Chúa Tể Raja Deva khác nhau.

3. Their appearance in time and space, or their incarnation.

3. Sự xuất hiện của chúng trong thời gian và không gian, hay sự nhập thể của chúng.

503. We are dealing with the appearance of various E/entities in time and space. These E/entities are human, planetary and solar. The manifestation of a man, planet or solar system is, from the occult perspective, a thoughtform.

503. Chúng ta đang bàn đến sự xuất hiện của nhiều Thực thể khác nhau trong thời gian và không gian. Những Thực thể này là nhân loại, hành tinh và thái dương. Sự biểu hiện của một con người, một hành tinh hay một hệ mặt trời, theo quan điểm huyền bí học, là một Hình tư tưởng.

4. Their disappearance or pralaya.

4. Sự biến mất của chúng hay giai kỳ qui nguyên.

504. We have considered some of the different forms of pralaya.

5. The **constructing entities** who in a threefold manner produce these forms, utilising the process of:

a. Meditation, which is ever the preliminary to construction.

505. All of the constructing E/entities (whether man, Planetary Logos or Solar Logos) utilize meditation to prepare for manifestation.

b. Dynamic force, or the positive energy which seizes upon its polar opposite (negative substance), and utilises it. [Page 745]

506. This is the necessary descent of the Spirit aspect and its engagement with matter.

c. The impartation of colour or quality, which moulds that which has been prepared.

507. Here we speak of the *egoic* aspect or the middle principle shaping the prepared form and gradually enduing it with quality.

508. Let us think of the role of Vulcan as it represents the power of the soul to mould the form.

d. A secondary vitalisation, which sets in separate motion the thought-form thus created.

504. Chúng ta đã xem xét một số hình thức khác nhau của giai kỳ qui nguyên.

5. Các **thực thể kiến tạo** là những đấng theo cách tam phân tạo ra các hình tướng này, sử dụng tiến trình:

a. Tham thiền, vốn luôn là bước chuẩn bị cho sự kiến tạo.

505. Tất cả các Thực thể kiến tạo (dù là con người, Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế) đều sử dụng tham thiền để chuẩn bị cho sự biểu hiện.

b. Mãnh lực năng động, hay năng lượng dương tính nắm lấy cực đối nghịch của nó (chất liệu âm), và sử dụng nó. [Page 745]

506. Đây là sự giáng hạ cần thiết của phương diện tinh thần và sự dấn thân của nó vào vật chất.

c. Sự truyền đạt màu sắc hay phẩm tính, điều uốn nắn cái đã được chuẩn bị.

507. Ở đây chúng ta nói đến phương diện *chân ngã* hay nguyên khí trung gian đang định hình hình tướng đã được chuẩn bị và dần dần phú cho nó phẩm tính.

508. Hãy nghĩ đến vai trò của Vulcan khi nó biểu thị quyền năng của linh hồn để uốn nắn hình tướng.

d. Một sự tiếp sinh lực thứ cấp, làm cho Hình tư tưởng được tạo ra như thế vận động riêng biệt.

509. We may consider this the *personal* impulse. It is related to the Brahmic aspect.

509. Chúng ta có thể xem đây là xung lực *cá nhân*. Nó liên hệ với phương diện Brahma.

510. From another perspective, the soul or Ego provides (at each rebirth) a fresh impulse to galvanize the thoughtform it is using to manifest.

510. Từ một góc nhìn khác, linh hồn hay chân ngã cung cấp (trong mỗi lần tái sinh) một xung lực mới để kích hoạt Hình tư tưởng mà nó đang dùng để biểu hiện.

We will now consider the mystery of rebirth, or the incarnation of those **lives which exist in subtler matter**, and yet which seek form according to law, and touch upon their specific intent on dense physical levels.

Giờ đây chúng ta sẽ xem xét huyền nhiệm của tái sinh, hay sự nhập thể của những **sự sống tồn tại trong vật chất vi tế hơn**, và tuy vậy vẫn tìm kiếm hình tướng theo định luật, và chạm đến ý định đặc thù của chúng trên các cấp độ hồng trần đậm đặc.

511. The lives which exist in subtler matter are human, planetary and solar (and beyond). Subtler matter may be etheric, but astral, mental and causal as well.

511. Những sự sống tồn tại trong vật chất vi tế hơn là nhân loại, hành tinh và thái dương (và còn vượt hơn nữa). Vật chất vi tế hơn có thể là dĩ thái, nhưng cũng có thể là cảm dục, trí tuệ và nguyên nhân.

We can consider this in connection with the **cosmic entities who seek existence on the physical plane of the cosmos**, our solar systemic planes,

Chúng ta có thể xem xét điều này trong liên hệ với các **thực thể vũ trụ tìm kiếm sự hiện hữu trên cõi hồng trần của vũ trụ**, các cõi của hệ mặt trời của chúng ta,

512. Such are Planetary Logoi and Solar Logoi and, perhaps, Beings greater still

512. Đó là các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế, và có lẽ còn những Đấng vĩ đại hơn nữa

or the reincarnating jivas who are driven by the Law towards earthly manifestation in order to become fully conscious, and acquire (by means of sentient existence), added faculty and power.

hoặc các jiva tái sinh bị Định luật thúc đẩy hướng đến sự biểu hiện trên trần thế để trở nên hoàn toàn hữu thức, và đạt được (nhờ sự hiện hữu có tri giác) thêm năng lực và quyền năng.

513. DK alerts us to the wide range of possibilities. We can consider the rebirth of Planetary Logoi and Solar Logoi or human beings.

513. Chân sư DK lưu ý chúng ta về phạm vi rộng lớn của các khả năng. Chúng ta có thể xem xét sự tái sinh của các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế hoặc của con người.

514. He is telling us why we (as jivas) are seeking incarnation:

514. Ngài đang cho chúng ta biết vì sao chúng ta (với tư cách là các jiva) tìm kiếm sự nhập thể:

a. We are doing so to become fully conscious (presumably on the lower planes)

a. Chúng ta làm như vậy để trở nên hoàn toàn hữu thức (có lẽ trên các cõi thấp)

b. We are doing this to achieve added faculty and power

b. Chúng ta làm điều này để đạt thêm năng lực và quyền năng

c. Our method is to experience sentient existence in the lower three worlds

c. Phương pháp của chúng ta là trải nghiệm sự hiện hữu có tri giác trong ba cõi thấp

H. P. B. [49: See S.D., III, 364, 365, 367] has said that rebirths may be divided into three classes:

H. P. B. [49: Xem S.D., III, 364, 365, 367] đã nói rằng các lần tái sinh có thể được chia thành ba loại:

a. Those of Avatars.

a. Những lần tái sinh của các Đấng Hoá Thân.

b. Those of Adepts.

b. Những lần tái sinh của các chân sư.

c. Those of jivas seeking development.

c. Những lần tái sinh của các jiva đang tìm kiếm sự phát triển.

515. The first two types of rebirth are voluntary. The third type is compelled.

515. Hai loại tái sinh đầu là tự nguyện. Loại thứ ba là bị cưỡng bách.

516. Rebirth is a cyclic entry into either a lower or higher field of experience.

516. Tái sinh là sự đi vào có chu kỳ trong một trường kinh nghiệm thấp hơn hoặc cao hơn.

To those who are endeavouring to grasp somewhat the mystery of rebirth and its laws and purpose, and who are confused when considering the mystery of the Buddha, and the secret purpose of that mysterious Entity, the Silent Watcher; to those who find the problem of understanding the position of the Kumaras

Đối với những ai đang nỗ lực nắm bắt phần nào huyền nhiệm của tái sinh cùng các định luật và mục đích của nó, và bị bối rối khi xem xét huyền nhiệm của Đức Phật, và mục đích bí mật của Thực Thể huyền bí ấy, Đấng Quan Sát Thầm Lặng; đối với những ai thấy vấn đề thấu hiểu vị trí của các Kumaras và mối liên hệ của Các Ngài với Hành Tinh Thượng Đế gần như không thể vượt qua,

and Their relation to the planetary Logos almost an insuperable one,

517. We will find ourselves in this category.

517. Chúng ta sẽ thấy mình thuộc vào loại này.

518. We are given a number of mysteries. Let us tabulate them for clarity:

518. Chúng ta được trao cho một số huyền nhiệm. Hãy liệt kê chúng để rõ ràng hơn:

- The mystery of rebirth

- huyền nhiệm của tái sinh

b. The mystery of the Buddha

b. huyền nhiệm của Đức Phật

c. The secret purpose of the Silent Watcher

c. mục đích bí mật của Đấng Quan Sát Thầm Lặng

d. The mystery of the position of the Kumaras and Their relation to the Planetary Logos

d. huyền nhiệm về vị trí của các Kumaras và mối liên hệ của Các Ngài với Hành Tinh Thượng Đế

it might be wise to say: **Study and meditate upon the difference existing between the lower principles and the higher three**; study and meditate upon the place and position of these lower principles in the body of the planetary Logos and ponder upon the correspondence between:

có lẽ nên nói rằng: **Hãy nghiên cứu và tham thiền về sự khác biệt hiện hữu giữa các nguyên khí thấp và ba nguyên khí cao**; hãy nghiên cứu và tham thiền về chỗ đứng và vị trí của các nguyên khí thấp này trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế và suy ngẫm về sự tương ứng giữa:

a. The devachan of the reincarnating jiva.

a. devachan của jiva tái sinh.

519. This concerns the mystery of rebirth

519. Điều này liên quan đến huyền nhiệm của tái sinh

b. The nirvana of the Adept. [Page 746]

b. niết bàn của chân sư. [Page 746]

520. This concerns the mystery of the Buddha. Is this mystery closely connected with the nirvanic interval?

520. Điều này liên quan đến huyền nhiệm của Đức Phật. Huyền nhiệm này có liên hệ chặt chẽ với khoảng gián đoạn Niết Bàn chăng?

c. pralaya of a cosmic Entity, such as the Lord of a chain, the Lord of a scheme, and the Lord of a Ray.

c. giai kỳ qui nguyên của một Thực Thể vũ trụ, như Chúa Tể của một dãy, Chúa Tể của một hệ hành tinh, và Chúa Tể của một cung.

521. These concern the "Silent Watcher" and the Kumaras. Sanat Kumara is now in incarnation. Are we to expect some sort of pralaya for this great Entity following the "Judgment Day"?

521. Những điều này liên quan đến "Đấng Quan Sát Thầm Lặng" và các Kumaras. Đức Sanat Kumara hiện đang lâm phàm. Chúng ta có nên chờ đợi một loại giai kỳ qui nguyên nào đó cho Thực Thể vĩ đại này sau "Ngày Phán Xét" chăng?

522. Apparently there are three intervals to be considered: devachan, nirvana and the pralaya of a cosmic Entity. Had we considered "nirvana" to be an interval?

522. Rõ ràng có ba khoảng gián đoạn cần được xem xét: devachan, niết bàn và giai kỳ qui nguyên của một Thực Thể vũ trụ. Chúng ta đã từng xem "niết bàn" là một khoảng gián đoạn chưa?

523. Usually, the "Lord of a scheme" is considered to be a Ray Life or "Lord of a Ray". Perhaps, in this listing, DK is giving the "Lord of a Ray" an even greater status than that of a Planetary Logos. After all, our Solar Logos is a Lord of a Ray and so is our Cosmic Logos.

523. Thông thường, "Chúa Tể của một hệ hành tinh" được xem là một Sự Sống cung hay "Chúa Tể của một cung". Có lẽ, trong bảng liệt kê này, Chân sư DK đang trao cho "Chúa Tể của một cung" một địa vị còn cao hơn cả Hành Tinh Thượng Đế. Rốt cuộc, Thái dương Thượng đế của chúng ta là một Chúa Tể của một cung và Thượng đế Vũ trụ của chúng ta cũng vậy.

I say **correspondence in its esoteric significance**, and do not seek to infer analogy in detail, but only in purpose and in experience. **It may be said of all three states that they are periods of development, long cycles of meditation, and interludes between stages of activity**.

Tôi nói về **sự tương ứng trong thâm nghĩa huyền bí của nó**, và đừng tìm cách suy ra sự tương đồng trong chi tiết, mà chỉ trong mục đích và trong kinh nghiệm. **Có thể nói về cả ba trạng thái này rằng chúng là những giai đoạn phát triển, những chu kỳ dài của tham thiền, và những khoảng xen giữa các giai đoạn hoạt động**.

524. This is an important statement about devachan, nirvana and a cosmic pralaya. Are they *all*, in a sense, illusory?

524. Đây là một phát biểu quan trọng về devachan, niết bàn và một giai kỳ qui nguyên vũ trụ. Có phải *tất cả* chúng, theo một nghĩa nào đó, đều là ảo tưởng không?

525. Let us list the three factors involved in each of these three states:

a. They are periods of development

b. They are long cycles of meditation

c. They are interludes between stages of activity

526. DK is doing much to counter the idea that pralayic periods are periods of nullity.

Hence the emphasis laid in the East and in all occult schools of development upon meditation, for it is the means of bringing to the unit under development the capacity which will produce:

a. Abstraction, or liberation from form.

b. Creative power.

c. Direction of energy, through an act of the will.

d. Future constructive activity.

527. We are given four virtues of meditation, whether for a man or a Logos. There are four factors listed. Two of them correlate with the first ray and one each with the second and third rays.

528. Final abstraction through meditation is not to be pursued before creativity, construction and direction have been somewhat mastered.

525. Hãy liệt kê ba yếu tố liên quan trong mỗi một trong ba trạng thái này:

a. Chúng là những giai đoạn phát triển

b. Chúng là những chu kỳ dài của tham thiền

c. Chúng là những khoảng xen giữa các giai đoạn hoạt động

526. Chân sư DK đang làm rất nhiều để phản bác ý tưởng cho rằng các giai đoạn pralayic là những giai đoạn hư vô.

Do đó có sự nhấn mạnh ở phương Đông và trong mọi trường phái huyền bí học phát triển vào tham thiền, vì đó là phương tiện mang lại cho đơn vị đang phát triển năng lực sẽ tạo ra:

a. Sự trừu xuất, hay giải thoát khỏi hình tướng.

b. Quyền năng sáng tạo.

c. Sự định hướng năng lượng, thông qua một hành vi của ý chí.

d. Hoạt động kiến tạo trong tương lai.

527. Chúng ta được trao cho bốn đức tính của tham thiền, dù đối với con người hay một Thượng đế. Có bốn yếu tố được liệt kê. Hai trong số đó tương quan với cung một và mỗi cung hai và cung ba có một yếu tố.

528. Sự trừu xuất tối hậu thông qua tham thiền không nên được theo đuổi trước khi tính sáng tạo, sự kiến tạo và sự định hướng đã phần nào được làm chủ.

529. It seems that as we learn the art and science of meditation, we are preparing for the periods of pralaya of different kinds which we will inevitably encounter through our aeons of unfoldment. Pralaya is a meditative period!

529. Có vẻ như khi chúng ta học nghệ thuật và khoa học của tham thiền, chúng ta đang chuẩn bị cho những giai đoạn giai kỳ qui nguyên thuộc nhiều loại khác nhau mà chắc chắn chúng ta sẽ gặp qua các đại kiếp khai mở của mình. Giai kỳ qui nguyên là một giai đoạn tham thiền!

By means of meditation, a man finds freedom from the delusion of the senses, and their vibratory lure;

Nhờ tham thiền, con người tìm thấy tự do khỏi sự mê lầm của các giác quan, và sức quyến rũ rung động của chúng;

530. Meditation frees from delusion.

530. Tham thiền giải thoát khỏi mê lầm.

he finds his own positive centre of energy and becomes consciously able to use it;

y tìm thấy trung tâm năng lượng dương tính của chính mình và trở nên có khả năng hữu thức sử dụng nó;

531. Through meditation man finds and employs his true *Self.*

531. Qua tham thiền, con người tìm thấy và sử dụng *Bản Ngã Cao Siêu* thực sự của mình.

he becomes, therefore, aware of his real Self, functioning freely and consciously beyond the planes of sense;

do đó y trở nên nhận biết Bản Ngã Cao Siêu thực sự của mình, đang hoạt động tự do và hữu thức vượt ngoài các cõi của giác quan;

532. This Self can be construed as the higher Ego on causal levels, that Ego on triadal levels and finally the true Self on monadic levels.

532. Bản Ngã này có thể được hiểu là chân ngã cao hơn trên các cấp độ nguyên nhân, chân ngã ấy trên các cấp độ tam nguyên tinh thần, và cuối cùng là Bản Ngã thực sự trên các cấp độ chân thần.

he enters into the plans of the greater Entity within Whose radiatory capacity he has a place; he can then consciously proceed to carry out those plans as he can grasp them at varying stages of realisation; and he becomes aware of essential unity.

y đi vào các Thiên Cơ của Thực Thể lớn lao hơn mà trong khả năng phát xạ của Thực Thể ấy y có một chỗ đứng; khi đó y có thể hữu thức tiến hành thực hiện các Thiên Cơ ấy tùy theo mức độ chứng nghiệm khác nhau mà y có thể nắm bắt; và y trở nên nhận biết sự hợp nhất cốt yếu.

533. Through meditation, increasing identification with a greater and inclusive Being is achieved.

533. Qua tham thiền, sự đồng hoá ngày càng tăng với một Hữu thể lớn lao hơn và bao gồm hơn được thành tựu.

534. Meditation, rightly pursued, leads to identification and synthetic realization.

534. Tham thiền, nếu được theo đuổi đúng đắn, dẫn đến sự đồng hoá và sự chứng nghiệm tổng hợp.

But when a man has thus freed himself from the objects of sense in the three worlds he again becomes aware of the need of further meditation, and it is this (to man in the three worlds), inconceivable form of meditation that engrosses the attention of the Adept,

Nhưng khi một người đã tự giải thoát mình như thế khỏi các đối tượng của giác quan trong ba cõi giới, y lại nhận biết nhu cầu phải tham thiền thêm nữa, và chính hình thức tham thiền không thể nghĩ bàn này (đối với con người trong ba cõi giới) thu hút sự chú ý của chân sư,

535. Such would have been the meditation of the Buddha.

535. Đó hẳn là sự tham thiền của Đức Phật.

536. Each union achieved reveals unions yet to be achieved. The method of achievement is *meditation,* even if we do not understand the nature of the meditation of an Adept, Chohan or Planetary Logos.

536. Mỗi sự hợp nhất đạt được lại hé lộ những sự hợp nhất còn phải đạt được. Phương pháp thành tựu là *tham thiền,* ngay cả khi chúng ta không hiểu bản chất của sự tham thiền của một chân sư, một Chohan hay một Hành Tinh Thượng Đế.

and which is undertaken by Him in two great stages, each preceding the two final Initiations, the sixth and the seventh.

và được Ngài thực hiện trong hai giai đoạn lớn, mỗi giai đoạn đi trước hai Cuộc Điểm Đạo cuối cùng, lần điểm đạo thứ sáu và lần điểm đạo thứ bảy.

537. DK is telling us that meditation as practiced by the Chohans of the sixth and seventh degree is inconceivable to us.

537. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng sự tham thiền như được các Chohan bậc sáu và bảy thực hành là điều không thể nghĩ bàn đối với chúng ta.

I refer not here only to Adepts who "make the sacrifice," and choose rebirth for service on the planet, but to all adepts.

Ở đây tôi không chỉ nói đến các chân sư "thực hiện sự hi sinh", và chọn tái sinh để phụng sự trên hành tinh, mà nói đến mọi chân sư.

538. DK is illustrating the universal value of meditation.

538. Chân sư DK đang minh họa giá trị phổ quát của tham thiền.

539. His use of the word "rebirth" is interesting, for we know that an Adept does not take "rebirth" in the conventional manner. Perhaps any re-entry for service purposes into a field of vibration formerly transcended can be considered rebirth.

539. Việc Ngài dùng từ "tái sinh" thật đáng chú ý, vì chúng ta biết rằng một chân sư không "tái sinh" theo cách thông thường. Có lẽ bất kỳ sự tái nhập nào vì mục đích phụng sự vào một trường rung động trước đây đã được siêu vượt đều có thể được xem là tái sinh.

Freedom to work on any Path must be gained by occult [Page 747] meditation;

Tự do để hoạt động trên bất kỳ Con Đường nào phải được giành lấy bằng tham thiền huyền bí [Page 747];

540. From this perspective, the liberated Master *meditates* Himself onto one of the seven cosmic Paths and pursued His work on one of those Paths through the method of meditation.

540. Từ góc nhìn này, Chân sư được giải thoát *tham thiền* để đưa chính Ngài vào một trong bảy Con Đường vũ trụ và theo đuổi công việc của Ngài trên một trong những Con Đường ấy bằng phương pháp tham thiền.

freedom to escape beyond the ring-pass-not is also thus attained,

tự do để thoát ra ngoài vòng-giới-hạn cũng được đạt đến như thế,

541. If we wish to know how to break through the barriers with which we are presented, meditation is the method.

541. Nếu chúng ta muốn biết làm thế nào để xuyên thủng những rào cản đang được đặt ra trước mình, thì tham thiền là phương pháp.

542. Meditation is the method of dynamic growth and of achieving freedom.

542. Tham thiền là phương pháp của sự tăng trưởng năng động và của việc đạt đến tự do.

and likewise the **curious state of quiescence** which is achieved by Those **Who have offered for service as the occult Hierarchy in the next round.**

và cũng vậy, **trạng thái tĩnh lặng kỳ lạ** được đạt đến bởi những Đấng **đã hiến mình để phụng sự như Thánh đoàn huyền bí trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.**

543. This does not mean that They offer Themselves as Solar Angels, because they probably have not yet had time to achieve that status.

543. Điều này không có nghĩa là Các Ngài hiến mình làm Thái dương Thiên Thần, vì có lẽ Các Ngài chưa có đủ thời gian để đạt được địa vị ấy.

544. We usually do not think of service in the next round. There are so many Earth-years remaining in the *present* round that most service of which we can conceive could easily be offered in the millions of years remaining to the present round.

544. Chúng ta thường không nghĩ đến việc phụng sự trong cuộc tuần hoàn kế tiếp. Còn quá nhiều năm Trái Đất trong cuộc tuần hoàn *hiện tại* đến nỗi hầu hết mọi sự phụng sự mà chúng ta có thể hình dung đều có thể dễ dàng được cống hiến trong hàng triệu năm còn lại của cuộc tuần hoàn hiện tại.

545. Is DK telling us that Masters Who achieve presently may offer Themselves for service (presumably in relation to this planet) in the next round?

545. Có phải Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng các Chân sư hiện nay đạt thành có thể hiến mình để phụng sự (có lẽ liên quan đến hành tinh này) trong cuộc tuần hoàn kế tiếp chăng?

546. There is suggestion of a pralayic period of preparation for such service.

546. Có gợi ý về một giai đoạn pralayic chuẩn bị cho sự phụng sự như thế.

In Them have to be stored the psychic seeds of knowledge which will be available in the fifth round;

Trong Các Ngài phải được lưu giữ những hạt giống thông linh của tri thức sẽ sẵn có trong cuộc tuần hoàn thứ năm;

547. Presumably, DK is speaking of the fifth chain round of our present fourth chain.

547. Có lẽ Chân sư DK đang nói về cuộc tuần hoàn thứ năm của dãy thứ tư hiện tại của chúng ta.

548. We are not told, however, whether the service for which They are offering Themselves is to occur only in relation to our present globe.

548. Tuy nhiên, chúng ta không được cho biết liệu sự phụng sự mà Các Ngài đang hiến mình cho có chỉ xảy ra liên quan đến bầu hành tinh hiện tại của chúng ta hay không.

this necessitates for Them an attitude of receptivity to occurrences at the close of each root-race, when there is, on subtler levels, **a gathering in of psychic force, and its storing with Those prepared for its reception**.

điều này đòi hỏi nơi Các Ngài một thái độ tiếp nhận đối với các biến cố vào lúc kết thúc mỗi giống dân gốc, khi trên các cấp độ vi tế hơn có **sự thu gom mãnh lực thông linh, và sự lưu giữ nó nơi những Đấng đã chuẩn bị để tiếp nhận nó**.

549. In our present round and through attentiveness to the various rootraces, and the absorption of rootrace quality, these Masters are preparing for the future round.

549. Trong cuộc tuần hoàn hiện tại của chúng ta và qua sự chú tâm đến các giống dân gốc khác nhau, cùng sự hấp thụ phẩm tính của giống dân gốc, các Chân sư này đang chuẩn bị cho cuộc tuần hoàn tương lai.

550. Tremendous attentiveness in the present is needed for Them to prepare for Their hierarchical function in the future.

550. Các Ngài cần một sự chú tâm to lớn trong hiện tại để chuẩn bị cho chức năng thứ bậc của Các Ngài trong tương lai.

551. We have been speaking very much of the synthetic process of ingathering.

551. Chúng ta đã nói rất nhiều về tiến trình tổng hợp của sự thu gom.

552. Earlier we referred to the "Gestation Period" in the Bardo. Are these ingathering Masters involved in such a gestation as they prepare for future service?

552. Trước đây chúng ta đã nhắc đến "Thời Kỳ Thai Nghén" trong Bardo. Có phải các Chân sư thu gom này đang tham dự vào một sự thai nghén như thế khi Các Ngài chuẩn bị cho sự phụng sự tương lai không?

553. Perhaps we gather some sense of the vast periods of preparation required for future activity.

553. Có lẽ chúng ta cảm nhận được phần nào những thời kỳ chuẩn bị bao la cần thiết cho hoạt động tương lai.

Their work is analogous to that of the Seed-Manu, Who Himself works through a septenate as **do these storers of the psychic life-forces.**

Công việc của Các Ngài tương tự với công việc của Đức Manu Hạt Giống, chính Ngài cũng hoạt động qua một bộ bảy như vậy đối với những **đấng lưu giữ các sinh lực thông linh này.**

554. Both types of ingatherers participate in a sevenfold gathering. For the "storers" there are seven rootraces which require their absorptive attention.

554. Cả hai loại đấng thu gom đều tham gia vào một sự thu gom thất phân. Đối với các "đấng lưu giữ", có bảy giống dân gốc đòi hỏi sự chú ý hấp thụ của họ.

555. The period to be spent before the onset of their future service is a meditative one.

555. Thời kỳ phải trải qua trước khi bắt đầu sự phụng sự tương lai của họ là một thời kỳ tham thiền.

556. We see that there are many types of possible service in the future, types which are to us, inconceivable.

556. Chúng ta thấy rằng có nhiều loại phụng sự khả hữu trong tương lai, những loại mà đối với chúng ta là không thể nghĩ bàn.

Again for such cosmic Entities as the planetary Logoi periods of meditation transpire, but these concern Them on the cosmic planes, and only the effects are felt on this.

Lại nữa, đối với những Thực Thể vũ trụ như các Hành Tinh Thượng Đế, những thời kỳ tham thiền diễn ra, nhưng những thời kỳ này liên quan đến Các Ngài trên các cõi vũ trụ, và chỉ các hiệu quả mới được cảm nhận trên cõi này.

557. These periods of mediation probably concern globe and chain cycles.

557. Những thời kỳ tham thiền này có lẽ liên quan đến các chu kỳ bầu hành tinh và dãy.

558. If a Planetary Logos meditates in His mind, that meditation will occur on the cosmic mental plane. But there are lower cosmic planes on which meditation can also occur, as we see below.

558. Nếu một Hành Tinh Thượng Đế tham thiền trong trí tuệ của Ngài, thì sự tham thiền ấy sẽ diễn ra trên cõi trí vũ trụ. Nhưng cũng có những cõi vũ trụ thấp hơn nơi sự tham thiền có thể xảy ra, như chúng ta sẽ thấy dưới đây.

559. We are being informed that pralayic periods are most necessary meditative periods linked to future service and future progress.

559. Chúng ta đang được cho biết rằng các giai đoạn pralayic là những giai đoạn tham thiền hết sức cần thiết, gắn liền với sự phụng sự tương lai và sự tiến bộ tương lai.

560. We have seen this to be the case even in regard to the devachan of the tiny unit, man.

560. Chúng ta đã thấy điều này đúng ngay cả đối với devachan của đơn vị nhỏ bé là con người.

They meditate in Their physical brains, and therefore in substance as does man, **but the process is carried on in the etheric brain.** This should be pondered on, for it holds the mystery hid.

Các Ngài tham thiền trong bộ não hồng trần của Các Ngài, và do đó trong chất liệu như con người, **nhưng tiến trình được thực hiện trong bộ não dĩ thái.** Điều này cần được suy ngẫm, vì nó che giấu huyền nhiệm.

561. DK brings the process more "down to earth"—*cosmically speaking.*

561. Chân sư DK đưa tiến trình này "xuống gần mặt đất" hơn—*xét theo nghĩa vũ trụ.*

562. The *physical* brains of these great Entities will be found in the lower three worlds and, in the case of the Solar Logos, within the lower twenty-one subplanes.

562. Bộ não *hồng trần* của các Thực Thể vĩ đại này sẽ được tìm thấy trong ba cõi thấp và, trong trường hợp của Thái dương Thượng đế, ở trong hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn.

563. The real process (physically speaking) occurs within the cosmic ethers.

563. Tiến trình thực sự (xét theo phương diện hồng trần) diễn ra trong các dĩ thái vũ trụ.

564. It would seem by analogy that man, too, must learn to carry on a meditative process within his etheric brain.

564. Theo định luật tương đồng, dường như con người cũng phải học cách tiến hành một tiến trình tham thiền trong bộ não dĩ thái của mình.

Also, the fact that **some of these Lords of the Rays are more proficient in meditation than others**, and thus achieve differing results which work out in Their schemes, should be carefully borne in mind.

Ngoài ra, sự kiện rằng **một số Chúa Tể của các cung này thành thạo tham thiền hơn những vị khác**, và do đó đạt được những kết quả khác nhau được thể hiện trong các hệ hành tinh của Các Ngài, cần phải được ghi nhớ cẩn thận.

565. In this reference, the Lords of the Rays are given an equivalence with Planetary Logoi. Earlier it seemed that the Lord of a Scheme and a Lord of a Ray were being differentiated. The term "Lord of a Ray" is, as we have indicated,

565. Trong chỗ dẫn này, các Chúa Tể của các cung được đặt ngang hàng với các Hành Tinh Thượng Đế. Trước đó dường như Chúa Tể của một hệ hành tinh và Chúa Tể của một cung đã được phân biệt. Thuật ngữ "Chúa Tể của một cung", như chúng ta đã chỉ ra,

566. The various Planetary Logoi have differing abilities, and, overall, a differing spiritual status. This spiritual status depends largely on Their proficiency in meditation

566. Các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau có những khả năng khác nhau, và nhìn chung có địa vị tinh thần khác nhau. Địa vị tinh thần này phần lớn tùy thuộc vào mức độ thành thạo của Các Ngài trong tham thiền

TCF 748-765: S7S2

6 - 20 April 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

6 - 20 tháng 4 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

Có đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

(d.) The Future Coming of the Avatar.

1. Our task is to carefully consider the symbolic language in the following excerpt.

2. Shall we consider this "Coming Avatar" as the Christ or One Who is still greater?

3. Whoever it may be, we can see that His coming has been long foretold in the Archives of the Masters.

4. We note that the stanzas fall into two parts. In one part there is a description of tribulation. In the other part, redemption and resurrection.

5. Let us open to our intuition to determine whether these stanzas seem to refer to this time and to conditions now apparent in humanity and on our Earth.

6. If we determine that they do, we will be judging that much of dire consequence is imminent upon our planet.

(d.) Sự Xuất Hiện Trong Tương Lai của Đấng Hoá Thân.

1. Nhiệm vụ của chúng ta là cẩn thận xem xét ngôn ngữ biểu tượng trong đoạn trích sau đây.

2. Chúng ta có nên xem "Đấng Hoá Thân Đang Đến" này là Đức Christ hay là một Đấng còn vĩ đại hơn nữa không?

3. Dù đó là ai đi nữa, chúng ta có thể thấy rằng sự quang lâm của Ngài đã được báo trước từ lâu trong Văn Khố của các Chân sư.

4. Chúng ta lưu ý rằng các bài kệ chia thành hai phần. Trong một phần có sự mô tả về hoạn nạn. Trong phần kia là cứu chuộc và phục sinh.

5. Hãy mở trực giác của chúng ta để xác định xem những bài kệ này có vẻ đang nói đến thời điểm này và những điều kiện hiện đang hiển lộ trong nhân loại và trên Trái Đất của chúng ta hay không.

6. Nếu chúng ta xác định là có, thì chúng ta sẽ phán đoán rằng nhiều hậu quả nghiêm trọng đang cận kề hành tinh của chúng ta.

THE COMING AVATAR

"From the zenith to the nadir, from dawn to fall of night, from the emergence into being of all that is or may be to the passing into

ĐẤNG HOÁ THÂN ĐANG ĐẾN

"Từ thiên đỉnh đến cực hạ, từ bình minh đến lúc đêm buông, từ sự xuất hiện vào hiện hữu của mọi điều đang là hay có thể là cho đến sự

peace of all that hath achieved, gleameth the orb of blue and the inner radiant fire.

đi vào an bình của mọi điều đã thành tựu, rực sáng là quả cầu xanh lam và ngọn lửa rạng ngời bên trong.

9. Here, we must determine whether we are speaking of our present solar system. The "orb of blue" suggests the second ray nature of our "Blue Logos"—the Lord of this second ray solar system.

9. Ở đây, chúng ta phải xác định xem có phải chúng ta đang nói về hệ mặt trời hiện tại của mình hay không. "Quả cầu xanh lam" gợi ý bản chất cung hai của "Logos Xanh Lam" của chúng ta—Đức Chúa Tể của hệ mặt trời cung hai này.

10. Since our Planetary Logos has a second ray soul (blue being the colour of the second ray) it may be that the stanzas can refer to this great Being as well.

10. Vì Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có linh hồn cung hai (xanh lam là màu của cung hai), nên có thể các bài kệ cũng có thể nói đến Hữu thể vĩ đại này.

11. We seem to be speaking of an abiding condition, of an "orb of blue" existing from beginning to the end.

11. Dường như chúng ta đang nói đến một trạng thái thường tồn, về một "quả cầu xanh lam" hiện hữu từ đầu đến cuối.

From the gates of gold down to the pit of earth, out from the flaming fire down to the circle of gloom, rideth the secret Avatar, bearing the sword that pierceth.

Từ những cổng vàng xuống đến vực đất, từ ngọn lửa rực cháy xuống đến vòng tròn u ám, cưỡi đi Đấng Hoá Thân bí mật, mang thanh gươm đâm thấu.

11. We will have to determine whether the "gates of gold" have a solar connotation and whether we are describing a relationship between the Sun and the Earth.

11. Chúng ta sẽ phải xác định xem "những cổng vàng" có hàm ý thái dương hay không và liệu chúng ta có đang mô tả một mối liên hệ giữa Mặt Trời và Trái Đất hay không.

12. IF the "gates of gold" do not signify an aspect of the Solar Logos or of the Sun, per se, they certainly represent on or within the Earth that which represents the Solar Logos or the Sun.

12. NẾU "những cổng vàng" không biểu thị một phương diện của Thái dương Thượng đế hay của chính Mặt Trời, thì chắc chắn chúng biểu thị trên hoặc trong Trái Đất điều gì đó đại diện cho Thái dương Thượng đế hay Mặt Trời.

13. We may also imagine the "gates of gold" to represent the portal into the highest kingdom—the Kingdom of Solar Lives.

13. Chúng ta cũng có thể hình dung "những cổng vàng" là cánh cổng đi vào giới cao nhất —Giới của các Sự sống Thái Dương.

14. The “flaming circle” suggests the orbit of the higher worlds and the “circle of gloom” the confines of the lower worlds.

14. “Vòng tròn rực cháy” gợi ý quỹ đạo của các thế giới cao hơn và “vòng tròn u ám” là ranh giới của các thế giới thấp hơn.

15. We note that the Avatar is a “secret Avatar” and that He “rideth”, bearing a sword.

15. Chúng ta lưu ý rằng Đấng Hoá Thân là một “Đấng Hoá Thân bí mật” và rằng Ngài “cưỡi đi”, mang theo một thanh gươm.

16. We are reminded of the “Rider on the White Horse”—another name for the “Kalki Avatar” or the Christ when He returns to save humanity.

16. Chúng ta được nhắc đến “Đấng Kỵ Sĩ trên Bạch Mã”—một tên gọi khác của “Kalki Avatar” hay Đức Christ khi Ngài trở lại để cứu nhân loại.

Naught can arrest His approach, and none may say Him nay.

Không gì có thể ngăn cản sự tiếp cận của Ngài, và không ai có thể bảo Ngài dừng lại.

17. The coming of the Avatar is inevitable. This inevitability has long been foretold. He comes in a time of the “withering of the Law”.

17. Sự quang lâm của Đấng Hoá Thân là điều không thể tránh khỏi. Tính tất yếu này đã được báo trước từ lâu. Ngài đến vào thời kỳ “Định luật héo tàn”.

To the darkness of our sphere He rideth alone,

Đến với bóng tối của khối cầu chúng ta, Ngài cưỡi đi một mình,

18. “Our sphere” can be reasonably interpreted as our globe, the fourth globe in the Earth-chain.

18. “Khối cầu của chúng ta” có thể được giải thích hợp lý là bầu hành tinh của chúng ta, bầu hành tinh thứ tư trong Dãy Địa Cầu.

19. Or we may see it as the sphere of the lower eighteen subplanes.

19. Hoặc chúng ta có thể xem đó là khối cầu của mười tám cõi phụ thấp hơn.

20. He seems to come as the sole Savior, and yet we know He is to be accompanied by the Avatar of Synthesis, the Spirit of Peace and the Buddha—IF this Avatar is the Christ, which seems to be the case

20. Dường như Ngài đến như Đấng Cứu Thế duy nhất, tuy vậy chúng ta biết rằng Ngài sẽ được đi kèm bởi Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp, Đấng Tinh thần Hòa Bình và Đức Phật —NẾU Đấng Hoá Thân này là Đức Christ, điều dường như đúng như vậy

and on His approach is seen the uttermost disaster, and the chaos of that which seeketh to withstand. [Page 748]

và khi Ngài đến gần, người ta thấy tai họa tột cùng, và sự hỗn loạn của cái đang tìm cách chống lại. [Page 748]

21. The first initiation in the life of the disciple is preceded by great disaster brought about through the process of cleansing and purging. All this is ruled by two first ray planets, Vulcan and Pluto, the influence of which ever precede the first initiation.

21. lần điểm đạo thứ nhất trong đời sống của đệ tử được đi trước bởi tai họa lớn do tiến trình thanh tẩy và gột sạch mang lại. Tất cả điều này được cai quản bởi hai hành tinh cung một, Vulcan và Sao Diêm Vương, mà ảnh hưởng của chúng luôn luôn đi trước lần điểm đạo thứ nhất.

22. These same two planets (and the disaster they will bring) will be active before humanity (in its upper brackets) takes its first initiation, but all of humanity will be affected.

22. Chính hai hành tinh này (và tai họa mà chúng sẽ mang đến) sẽ hoạt động trước khi nhân loại (trong thành phần cao hơn của mình) nhận lần điểm đạo thứ nhất, nhưng toàn thể nhân loại sẽ bị ảnh hưởng.

23. Some forces (whether cooperative with the Avatar or antagonistic) will seek to withstand the destructive force of His coming. These forces will be reduced to chaos.

23. Một số mãnh lực (dù hợp tác với Đấng Hoá Thân hay đối kháng) sẽ tìm cách chống lại mãnh lực hủy diệt của sự giáng lâm của Ngài. Những mãnh lực này sẽ bị đưa vào hỗn loạn.

24. The sense of inevitability is irresistibly present.

24. Cảm thức về tính tất yếu hiện diện một cách không thể cưỡng lại được.

The Asuras veil their faces,

Các Asura che mặt mình,

25. The Asuras are the Solar Angels. May it be that They will take pity on that which is transpiring? May it be that They cannot intervene? May it be that humanity will not be able to reach Them as, heretofore, it has? May it be that through this crisis, humanity will be very much on its own.

25. Các Asura là các Thái dương Thiên Thần. Phải chăng Các Ngài sẽ động lòng thương xót trước điều đang xảy ra? Phải chăng Các Ngài không thể can thiệp? Phải chăng nhân loại sẽ không thể vươn tới Các Ngài như trước đây vẫn làm được? Phải chăng qua cơn khủng hoảng này, nhân loại sẽ phần lớn phải tự mình xoay xở.

and the pit of maya reeleth to the foundation.

và hố ảo lực chao đảo đến tận nền móng.

26. We judge that there will be great disturbance especially upon the etheric-physical subplanes.

26. Chúng ta phán đoán rằng sẽ có sự xáo trộn lớn đặc biệt trên các cõi phụ dĩ thái-hồng trần.

27. From another perspective, the “pit of maya” is all the illusory lower worlds—the eighteen lower subplanes.

27. Từ một góc nhìn khác, “hố ảo lực” là toàn bộ các thế giới thấp đầy ảo tưởng—mười tám cõi phụ thấp.

The stars of the eternal Lhas vibrate to that sound,

Những ngôi sao của các Lha vĩnh cửu rung động theo âm thanh ấy,

28. This is curious and enigmatic phrase. The “Lhas” are usually high Spirits found upon the higher cosmic etheric planes of our solar system.

28. Đây là một cụm từ thần bí kỳ lạ và bí ẩn. Các “Lha” thường là những Đấng Tinh thần cao cả hiện diện trên các cõi dĩ thái vũ trụ cao hơn của hệ mặt trời chúng ta.

29. Are Their “stars” Their Monads?

29. Phải chăng “những ngôi sao” của Các Ngài là các Chân thần của Các Ngài?

30. In any case, high Beings respond to the distress occurring ‘below’.

30. Dù sao đi nữa, các Đấng cao cả đáp ứng với nỗi khốn khó đang xảy ra ở ‘bên dưới’.

31. There are also occasions in which the Solar Angels are called “Lhas”.

31. Cũng có những trường hợp trong đó các Thái dương Thiên Thần được gọi là “Lha”.

—the WORD uttered with sevenfold intensity.

—Linh từ được thốt ra với cường độ thất phân.

32. The “WORD” is generally the Word of the second aspect of divinity and it can be assumed that the coming Avatar is a representative of the second aspect.

32. “Linh từ” nói chung là Linh từ của phương diện thứ hai của thiên tính và có thể giả định rằng Đấng Hoá Thân sắp đến là một đại diện của phương diện thứ hai.

33. The second aspect of divinity is sevenfold. The Seven Rays are particularly associated with the second aspect and the greater Second Ray.

33. Phương diện thứ hai của thiên tính là thất phân. Bảy Cung đặc biệt gắn liền với phương diện thứ hai và với cung hai lớn lao hơn.

34. Yet, the “WORD” can also represent the “Word of Power” enunciated on the first ray —the Ray of the Destroyer.

34. Tuy nhiên, “Linh từ” cũng có thể tượng trưng cho “Quyền năng từ” được phát biểu trên cung một—Cung của Đấng Hủy Diệt.

Greater the chaos becometh;

Hỗn loạn càng trở nên lớn hơn;

35. If we are speaking of the coming years, we have much for which to prepare.

35. Nếu chúng ta đang nói về những năm sắp tới, thì có rất nhiều điều chúng ta phải chuẩn bị.

36. Before there can be a reformulation according to the intended Archetype, the old patterns must be destroyed—reduced to chaos.

36. Trước khi có thể có một sự tái định thức theo Nguyên mẫu đã được dự định, các mô hình cũ phải bị phá hủy—bị giảm xuống thành hỗn loạn.

the major centre with all the seven circulating spheres rock with the echoes of disintegration.

trung tâm lớn cùng với cả bảy khối cầu tuần hoàn rung chuyển bởi những tiếng vọng của sự phân rã.

37. It does not seem appropriate to consider this “major center” as either the Hierarchy or Shamballa. These two centers, so it would seem, would have to retain their integrity. If the Avatar is the Christ, He sets forth from the Hierarchy inspired by Shamballa.

37. Có vẻ không thích hợp khi xem “trung tâm lớn” này là hoặc Thánh đoàn hoặc Shamballa. Dường như hai trung tâm này phải giữ được tính toàn vẹn của mình. Nếu Đấng Hoá Thân là Đức Christ, Ngài xuất phát từ Thánh đoàn dưới cảm hứng của Shamballa.

38. Perhaps, then, we must consider the “major centre” as humanity; it is “major” to all the lower kingdoms.

38. Có lẽ, vậy thì, chúng ta phải xem “trung tâm lớn” là nhân loại; nó là “lớn” đối với tất cả các giới thấp hơn.

39. From another perspective, the “major center” could be considered the Planetary Logos with its seven schemes as “circling spheres”.

39. Từ một góc nhìn khác, “trung tâm lớn” có thể được xem là Hành Tinh Thượng Đế với bảy hệ hành tinh của Ngài như những “khối cầu quay quanh”.

40. More locally, the scene of the greatest upheaval within our planetary scheme will be our fourth chain.

40. Ở phạm vi gần hơn, cảnh tượng biến động lớn nhất trong hệ hành tinh của chúng ta sẽ là dãy thứ tư của chúng ta.

The fumes of utter blackness mount upwards in dissipation.

Những làn khói của bóng tối tuyệt đối bốc lên trên trong sự làm tiêu tan.

41. These mounting fumes are evidence of that which is being destroyed below.

41. Những làn khói bốc lên này là bằng chứng của điều đang bị hủy diệt ở bên dưới.

42. Sight and understanding below will be obscured by the smoke of destruction.

42. Thị giác và sự thấu hiểu ở bên dưới sẽ bị che mờ bởi khói của sự hủy diệt.

The noise discordant of the warring elements greets the oncoming One,

Tiếng ồn chói tai của các nguyên tố đang giao tranh chào đón Đấng đang đến,

43. The "oncoming One" seeks to enter a sphere of life in which no harmony is to be found. We remember that the fourth ray (the ray of the human kingdom) is the ray of strife as well as the ray of harmony.

43. "Đấng đang đến" tìm cách đi vào một khối cầu sự sống trong đó không thể tìm thấy sự hài hòa. Chúng ta nhớ rằng cung bốn (cung của giới nhân loại) là cung của xung đột cũng như cung của hài hòa.

44. It would appear that the four elements—fire, earth, air and water—are at war upon the planes which the "oncoming One" intends to enter.

44. Có vẻ như bốn nguyên tố—lửa, đất, khí và nước—đang giao chiến trên các cõi mà "Đấng đang đến" dự định đi vào.

and deters Him not.

và điều đó không ngăn trở Ngài.

45. Such is the shamballically inspired will of the "oncoming One".

45. Đó là ý chí được truyền cảm hứng một cách Shamballa của "Đấng đang đến".

The strife and cries of the fourth great Hierarchy, blending with the softer note of the Builders of the fifth and sixth, meet His approach.

Sự xung đột và những tiếng kêu của Huyền Giai lớn thứ tư, hòa lẫn với âm điệu dịu hơn của các đấng kiến tạo của Huyền Giai thứ năm và thứ sáu, đón gặp sự tiếp cận của Ngài.

46. Some of the Creative Hierarchies will be greatly affected by the coming of this Avatar.

46. Một số Huyền Giai Sáng Tạo sẽ bị ảnh hưởng rất lớn bởi sự giáng lâm của Đấng Hoá Thân này.

47. We are certain from what is said that *humanity* will be greatly affected—we would think *most* affected.

47. Từ những gì được nói ra, chúng ta chắc chắn rằng *nhân loại* sẽ bị ảnh hưởng rất lớn—chúng ta nghĩ là bị ảnh hưởng *nhiều nhất*.

48. Are the "Builders of the fifth and sixth" the members of the fifth and sixth Creative Hierarchies? Why would their note be softer? Is it that they are *subsidiary* to the process of human manifestation?

48. Phải chăng "các đấng kiến tạo của Huyền Giai thứ năm và thứ sáu" là các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm và thứ sáu? Tại sao âm điệu của họ lại dịu hơn? Phải

chăng vì họ *phụ thuộc* vào tiến trình biểu hiện của con người?

Yet He passeth on His way, sweeping the circle of the spheres, and sounding forth the WORD.

Tuy vậy Ngài vẫn tiếp tục trên con đường của Ngài, quét qua vòng tròn các khối cầu, và xướng lên Linh từ.

49. The "WORD", it seems, will be the great Word of the second aspect but empowered by the first ray. It seems intended to have both a destructive and constructive effect.

49. "Linh từ", dường như, sẽ là Linh từ lớn lao của phương diện thứ hai nhưng được cung một trao quyền năng. Dường như nó được dự định để có cả tác động hủy diệt lẫn kiến tạo.

50. The planes are spherical and the planes, especially the lower planes, must be cleansed.

50. Các cõi là hình cầu và các cõi, đặc biệt là các cõi thấp, phải được thanh tẩy.

51. This section of text may refer to the penetrating of the planes through which the Avatar must descend. The great "WORD" must penetrate through all the lower planes.

51. Phần văn bản này có thể nói đến việc xuyên thấu các cõi mà Đấng Hoá Thân phải giáng xuống. "Linh từ" lớn lao phải xuyên thấu qua tất cả các cõi thấp.

52. The Avatar descends from the higher planes—presumably the cosmic ethers. His major redemptive mission is on the lower planes.

52. Đấng Hoá Thân giáng xuống từ các cõi cao hơn—có lẽ là các dĩ thái vũ trụ. Sứ mệnh cứu chuộc chính yếu của Ngài là trên các cõi thấp.

53. As the Avatar descends from very high levels, quite a number of the subplanes of the cosmic physical plane may be involved.

53. Khi Đấng Hoá Thân giáng xuống từ những cấp độ rất cao, khá nhiều cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ có thể sẽ liên quan.

* * *

* * *

54. The first section of this section of the Old Commentary described processes which originated from 'above' and descended to lower spheres.

54. Phần đầu của đoạn này trong Cổ Luận mô tả những tiến trình khởi phát từ 'bên trên' và giáng xuống các khối cầu thấp hơn.

55. The opposite now seems to be the case.

55. Giờ đây điều ngược lại dường như đang là trường hợp.

From the nadir to the zenith, from eve unto the Day be with us,

Từ điểm thấp nhất đến đỉnh cao nhất, từ chiều tà cho đến Ngày ở cùng chúng ta,

56. We are moving from that which is 'below' to that which is 'above' and from darkness to light.

56. Chúng ta đang chuyển từ điều ở 'bên dưới' đến điều ở 'bên trên' và từ bóng tối đến ánh sáng.

57. The "Day be with us" is the moment of consummation—for a Planetary Logos, a Solar Logos and, ultimately, for the Entire Universe.

57. "Ngày ở cùng chúng ta" là khoảnh khắc viên mãn—đối với một Hành Tinh Thượng Đế, một Thái dương Thượng đế và, rốt ráo, đối với toàn thể Vũ Trụ.

from the circle of manifestation to the centre of pralayic peace,

từ vòng tròn biểu hiện đến trung tâm của sự bình an pralayic,

58. The movement is from that which is tangible and material to the climaxing moment of dissolution and pralaya.

58. Sự chuyển động là từ điều hữu hình và vật chất đến khoảnh khắc cực điểm của sự tan rã và giai kỳ qui nguyên.

59. We are moving from the periphery to the center.

59. Chúng ta đang chuyển từ chu vi đến trung tâm.

is seen the enveloping blue, lost in the flame of achievement.

người ta thấy màu xanh bao bọc, tan mất trong ngọn lửa của thành tựu.

60. The "blue" has substanded the entire process. Because of the "enveloping", all-pervading blue (the presence of the redemptive second ray) achievement results.

60. "Màu xanh" đã nâng đỡ toàn bộ tiến trình. Chính vì màu xanh bao bọc, thấm khắp mọi nơi ấy (sự hiện diện của cung hai cứu chuộc) mà thành tựu xuất hiện.

61. Whatever the outer conditions, the "blue" endured behind the scenes.

61. Dù các điều kiện bên ngoài ra sao, "màu xanh" vẫn bền vững phía sau hậu trường.

Up from the pit of maya back to the portals of gold, forth from the gloom and darkness back to the splendour of day, rideth the Manifested One, the Avatar, bearing the shattered Cross.

Từ hố ảo lực đi lên trở lại các cổng vàng, từ u ám và bóng tối đi ra trở lại huy hoàng của ban ngày, cưỡi đi Đấng Biểu Hiện, Đấng Hoá Thân, mang theo Thập Giá đã vỡ tan.

62. The "oncoming One" returns, perhaps to the 'Gates of Shamballa'.

62. "Đấng đang đến" quay trở lại, có lẽ là về 'Cổng Shamballa'.

63. He has descended into the depths of darkness and now rides towards the Great Light.

63. Ngài đã giáng xuống những vực sâu của bóng tối và giờ đây cưỡi đi về phía Đại Quang Minh.

64. He has *manifested* Himself for the redemption of the Fourth Creative Hierarchy.

64. Ngài đã *biểu hiện* chính Ngài để cứu chuộc Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

65. In earlier times, His symbol has been the Cross upon which the fourth kingdom has been crucified in various ways.

65. Trong những thời kỳ trước, biểu tượng của Ngài là Thập Giá, trên đó giới thứ tư đã bị đóng đinh theo nhiều cách khác nhau.

66. Now the Cross is shattered, indicating that man has overcome it and can no longer be bound by materiality. This is the case because the Avatar has come.

66. Giờ đây Thập Giá đã vỡ tan, cho thấy con người đã vượt thắng nó và không còn có thể bị trói buộc bởi vật chất tính nữa. Điều này là như vậy vì Đấng Hoá Thân đã đến.

67. The movement is like that of the Monad —descent and ascent.

67. Sự chuyển động này giống như của Chân thần—giáng xuống và đi lên.

Naught can arrest His return, none can impede His Path,

Không gì có thể ngăn cản sự trở về của Ngài, không ai có thể cản trở Con Đường của Ngài,

68. Just as naught could arrest or impede His coming.

68. Cũng như không gì có thể ngăn cản hay cản trở sự giáng lâm của Ngài.

69. There is a great inevitability in the entire process of “oncoming” and ‘outgoing’ or ‘uprising’.

69. Có một tính tất yếu lớn lao trong toàn bộ tiến trình “đang đến” và ‘đi ra’ hay ‘trỗi dậy’.

for He passeth along the upper way, bearing His people with Him.

vì Ngài đi dọc theo con đường cao, mang dân của Ngài theo cùng.

70. We are reminded of the twelfth Labor of Hercules in Pisces. Hercules saves the red cattle of Geryon—humanity conditioned by desire.

70. Chúng ta được nhắc đến Lao Công thứ mười hai của Hercules trong Song Ngư. Hercules cứu đàn bò đỏ của Geryon—nhân loại bị dục vọng tác động.

71. The Avatar wields the energies of the spiritual triad which are found in the higher worlds of the cosmic ethers. He teaches

71. Đấng Hoá Thân vận dụng các năng lượng của Tam Nguyên Tinh Thần vốn hiện diện trong các thế giới cao hơn của các dĩ thái vũ

humanity to do the same and, thus, to free itself.

trụ. Ngài dạy nhân loại cũng làm như vậy và nhờ đó tự giải thoát.

Cometh the dissolution of pain, cometh the end of strife, cometh the merging of the spheres and the blending of the hierarchies.

Sự tan biến của đau khổ đến, sự chấm dứt của xung đột đến, sự hợp nhất của các khối cầu và sự hòa trộn của các huyền giai đến.

72. The Avatar works under the influence of the Avatar of Synthesis, and succeeds in resolving all into harmony, peace and unity.

72. Đấng Hoá Thân hoạt động dưới ảnh hưởng của Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp, và thành công trong việc giải quyết mọi sự vào hài hòa, bình an và hợp nhất.

73. We are speaking of the process of synthesis, obscuration, dissolution.

73. Chúng ta đang nói về tiến trình tổng hợp, che khuất, tan rã.

74. It would seem that these ancient stanza could refer to more than one type of Avatar. The words concerning the "merging of the spheres" and "the blending of the hierarchies" seem rather ultimate for an Avatar such as the Christ.

74. Có vẻ như những bài kệ cổ này có thể nói đến hơn một loại Đấng Hoá Thân. Những lời liên quan đến "sự hợp nhất của các khối cầu" và "sự hòa trộn của các huyền giai" dường như khá tối hậu đối với một Đấng Hoá Thân như Đức Christ.

All then is re-absorbed within the orb,

Khi ấy mọi sự đều được tái hấp thu vào trong quỹ cầu,

75. Are we speaking here of the "orb of blue". We could consider this orb as he soul nature of the Planetary Logos.

75. Phải chăng ở đây chúng ta đang nói về "quỹ cầu xanh lam"? Chúng ta có thể xem quỹ cầu này là bản chất linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế.

76. Ultimately this sentence could refer to the "orb of blue" of the Blue Logos.

76. Rốt ráo câu này có thể nói đến "quỹ cầu xanh lam" của Blue Logos.

the circle of manifestation.

vòng tròn biểu hiện.

77. It is as if all within the circle of manifestation is absorbed within the orb and, thereby, transformed.

77. Dường như mọi sự trong vòng tròn biểu hiện đều được hấp thu vào trong quỹ cầu và nhờ đó được chuyển đổi.

The forms that exist in maya, and the flame that devoureth all, are garnered by the One

Các hình tướng hiện hữu trong ảo lực, và ngọn lửa nuốt chửng tất cả, đều được thu

Who rideth the Heavens and entereth into the timeless AEon."

gom bởi Đấng cưỡi đi các Tầng Trời và đi vào AEon vô thời gian."

78. It is as if the great Avatar absorbs the essence of all that which has existed within the World of Maya. He uplifts the lower energies of humanity and delivers them into the realm of higher energies.

78. Dường như Đấng Hoá Thân vĩ đại hấp thu tinh túy của tất cả những gì đã hiện hữu trong Thế Giới Ảo Lực. Ngài nâng các năng lượng thấp của nhân loại lên và chuyển chúng vào cõi giới của các năng lượng cao hơn.

79. Both fire by friction and solar fire can devour, but ultimately electric fire is the “flame that devoureth all”

79. Cả Lửa ma sát lẫn Lửa Thái dương đều có thể nuốt chửng, nhưng rốt ráo Lửa Điện mới là “ngọn lửa nuốt chửng tất cả”

(From the Archives of the Lodge.)

(Từ Văn Khố của Thánh đoàn.)

80. One suspects that this process could be descriptive of a number of Avatars. Since so many in the world are now expecting the coming of the Kalki Avatar, the Christ, Lord Maitreya, it is tempting to interpret the words of the Commentary in such terms.

80. Người ta có thể ngờ rằng tiến trình này có thể mô tả một số Đấng Hoá Thân. Vì hiện nay rất nhiều người trên thế giới đang mong đợi sự giáng lâm của Kalki Avatar, Đức Christ, Chúa Tể Maitreya, nên thật dễ bị cám dỗ để diễn giải những lời của Cổ Luận theo các thuật ngữ ấy.

81. If we are justified in doing do, the humanity and the planet face grave tests immediately ahead. It does seem, however, that the outcome is sure and spiritually splendid.

81. Nếu chúng ta có lý khi làm như vậy, thì nhân loại và hành tinh đang đối diện với những thử thách nghiêm trọng ngay phía trước. Tuy nhiên, dường như kết quả là chắc chắn và huy hoàng về mặt tinh thần.

We have touched upon the subject of Avatars and the various classes into which they might be divided.

Chúng ta đã đề cập đến chủ đề các Đấng Hoá Thân và các loại khác nhau mà các Ngài có thể được phân chia vào.

82. We divided the various Avatars into five classes:

82. Chúng ta đã chia các Đấng Hoá Thân khác nhau thành năm loại:

a. Cosmic Avatars

a. Các Đấng Hoá Thân Vũ Trụ

b. Solar Avatars.

b. Các Đấng Hoá Thân Thái Dương.

c. Inter-planetary Avatars.

c. Các Đấng Hoá Thân Liên-hành-tinh.

d. Planetary Avatars.

e. Human Avatars.

83. Racial Avatars have not been discussed in this context.

We might now enlarge somewhat more upon the methods.

84. We will be speaking of methods of manifestation.

85. Divine intervention is not a fantasy but a very real possibility.

86. Interestingly, such 'moments' of divine intervention are often foretold long before they occur. It is as if they are part of the Divine Plan.

The methods whereby certain cosmic Existences and certain highly evolved Entities appear among men to do a specific work might be very inadequately, and cursorily summarised, as follows:

87. In relation to Avatars, we are given four methods of appearance among men.

88. We note that such appearances are definitely *purposeful.* Avatars come for the carrying out of "specific work". The energy which they embody is needed to carry forth the Plan.-

The method of overshadowing.

d. Các Đấng Hoá Thân Hành Tinh.

e. Các Đấng Hoá Thân Nhân Loại.

83. Các Đấng Hoá Thân Chủng tộc chưa được bàn đến trong ngữ cảnh này.

Giờ đây chúng ta có thể khai triển thêm đôi chút về các phương pháp.

84. Chúng ta sẽ nói về các phương pháp biểu hiện.

85. Sự can thiệp thiêng liêng không phải là một điều huyễn tưởng mà là một khả năng rất thực.

86. Điều thú vị là những 'khoảnh khắc' can thiệp thiêng liêng như vậy thường được báo trước rất lâu trước khi chúng xảy ra. Dường như chúng là một phần của Thiên Cơ.

Các phương pháp nhờ đó một số Hiện Hữu vũ trụ và một số Thực Thể tiến hóa rất cao xuất hiện giữa loài người để thực hiện một công việc đặc thù có thể được tóm lược rất thiếu sót và sơ lược như sau:

87. Liên quan đến các Đấng Hoá Thân, chúng ta được cho biết bốn phương pháp xuất hiện giữa loài người.

88. Chúng ta lưu ý rằng những sự xuất hiện như vậy rõ ràng là *có mục đích.* Các Đấng Hoá Thân đến để thực hiện "công việc đặc thù". Năng lượng mà các Ngài hiện thân là cần thiết để xúc tiến Thiên Cơ.-

Phương pháp phủ bóng.

89. Some prefer to call this method 'over-lighting'.

The method of embodying some principle. [Page 749]

90. Is the Christ a person or a principle? We know that, at this time, and in His Person, He is the embodiment of the "Principle of Love".

The method seen in the mystery of the Bodhisattva, or the Christ.

91. The two terms, "Bodhisattva" and "Christ" are equivalent. The Dalai Lama is said to the direct expression of a great and compassionate Being.

The method of direct incarnation.

The handicap of words is great, and the above phrases but convey a hint as to the true meaning.

92. We exist in a time when the advent of Avatars may be expected. It helps us to know the manner of their possible appearance so that we do not fall into glamor and illusion with respect to their nature.

Therein lies safety for the student, **for the real significance would be incomprehensible to him**, and would but mislead him and guide him along the path of misunderstanding.

93. An unusual idea is advanced. If the real significance of Avatars and the real significance of their methods of appearance

89. Một số người thích gọi phương pháp này là 'chiếu rọi từ trên'.

Phương pháp hiện thân một nguyên khí nào đó. [Page 749]

90. Đức Christ là một con người hay một nguyên khí? Chúng ta biết rằng vào lúc này, và trong chính Thân vị của Ngài, Ngài là hiện thân của "Nguyên Khí Bác Ái".

Phương pháp được thấy trong huyền nhiệm của Đức Bồ Tát, hay Đức Christ.

91. Hai thuật ngữ "Bodhisattva" và "Christ" là tương đương. Đức Dalai Lama được nói là biểu hiện trực tiếp của một Đấng vĩ đại và từ bi.

Phương pháp trực tiếp lâm phàm.

Sự hạn chế của ngôn từ là rất lớn, và những cụm từ trên chỉ chuyển tải một gợi ý về ý nghĩa chân thực.

92. Chúng ta đang sống trong một thời kỳ khi có thể mong đợi sự xuất hiện của các Đấng Hoá Thân. Việc biết cách thức các Ngài có thể xuất hiện giúp chúng ta không rơi vào ảo cảm và ảo tưởng liên quan đến bản chất của các Ngài.

Chính trong đó có sự an toàn cho đạo sinh, **vì thâm nghĩa thực sự sẽ không thể hiểu nổi đối với y**, và chỉ làm cho y lầm lạc và dẫn y đi trên con đường hiểu lầm.

93. Một ý tưởng khác thường được đưa ra. Nếu thâm nghĩa thực sự của các Đấng Hoá Thân và thâm nghĩa thực sự của các phương pháp xuất hiện của các Ngài được trình bày

were advanced, man could not understand and would be misled.

ra, con người sẽ không thể hiểu và sẽ bị dẫn lạc.

94. If, however, man is presented with hints regarding the methods of avataric appearance and the significance of such appearance, he may follow such hints to a truer meaning.

94. Tuy nhiên, nếu con người được trình bày những gợi ý liên quan đến các phương pháp xuất hiện có tính avatar và thâm nghĩa của sự xuất hiện ấy, y có thể lần theo những gợi ý đó đến một ý nghĩa chân thực hơn.

95. DK seems to be saying that the pure truth must not, in certain instances, be delivered too directly. The premature delivery of the pure truth may be destructive in its effects.

95. Chân sư DK dường như đang nói rằng chân lý thuần túy trong một số trường hợp nhất định không được truyền đạt quá trực tiếp. Việc truyền đạt sớm chân lý thuần túy có thể mang tác động hủy diệt.

96. Principally, this section of text confirms the value of *hints* given man's present state of evolution.

96. Chủ yếu, phần văn bản này xác nhận giá trị của những *gợi ý* xét theo trạng thái tiến hoá hiện nay của con người.

Until a man is a pledged initiate, he cannot comprehend the matter. Of these, the **most ordinary method** is the first.

Cho đến khi một người là một điểm đạo đồ đã phát nguyện, y không thể hiểu được vấn đề này. Trong số các phương pháp ấy, phương pháp **thông thường nhất** là phương pháp thứ nhất.

97. What is a "pledged initiate"? We know something of a "pledged disciple". Such a person, the "pledged disciple", is likely to be found following the first initiation and, perhaps, before the second.

97. "Điểm đạo đồ đã phát nguyện" là gì? Chúng ta biết đôi điều về một "đệ tử đã phát nguyện". Một người như thế, "đệ tử đã phát nguyện", có lẽ được thấy sau lần điểm đạo thứ nhất và có thể trước lần điểm đạo thứ hai.

98. Is a "pledged initiate" one who has taken the second initiation? The idea of the pledge is easily related to the solar plexus center and the second initiation.

98. Phải chăng một "điểm đạo đồ đã phát nguyện" là người đã nhận lần điểm đạo thứ hai? Ý niệm về lời phát nguyện dễ dàng được liên hệ với trung tâm tùng thái dương và lần điểm đạo thứ hai.

99. The first method is the method of "overshadowing".

99. Phương pháp thứ nhất là phương pháp "phủ bóng".

All these methods of manifestation will perhaps be better understood by the student

Tất cả những phương pháp biểu hiện này có lẽ sẽ được đạo sinh hiểu rõ hơn *nếu y luôn*

if he interprets them always in terms of force and energy,

diễn giải chúng theo các thuật ngữ của mãnh lực và năng lượng,

100. This is an approach which DK always emphasizes, seeking to depersonalize our methods of interpretation.

100. Đây là một cách tiếp cận mà Chân sư DK luôn nhấn mạnh, nhằm phi tập trung vào bản thân trong các phương pháp diễn giải của chúng ta.

101. He wishes that we think less in terms of personalities and more in terms of energy and polarity.

101. Ngài muốn chúng ta suy nghĩ ít hơn theo các thuật ngữ của phàm ngã và nhiều hơn theo các thuật ngữ của năng lượng và sự phân cực.

and if he notes that **dim reflections of the same processes, and faint analogies can be traced among the reincarnating jivas.**

và nếu y lưu ý rằng **những phản chiếu mờ nhạt của cùng các tiến trình ấy, và những tương đồng lờ mờ, có thể được truy ra nơi các jiva tái sinh.**

102. The process of the reincarnation of human beings has its parallels to the process of the descent of the Avatars.

102. Tiến trình tái sinh của con người có những điểm song hành với tiến trình giáng xuống của các Đấng Hoá Thân.

103. The human jiva on its way into incarnation, also descends from a high place with the intention of bringing benefit to a lower place. Of course, the jiva also receives benefit.

103. Jiva nhân loại trên đường đi vào lâm phàm cũng giáng xuống từ một nơi cao với ý định mang lợi ích đến một nơi thấp hơn. Dĩ nhiên, jiva cũng nhận được lợi ích.

When a man has reached a certain development and can be of service to the world,

Khi một người đã đạt đến một mức phát triển nhất định và có thể phụng sự thế gian,

104. Overshadowing of a positive kind can never occur unless service to the world is heightened thereby.

104. Sự phủ bóng theo nghĩa tích cực không bao giờ có thể xảy ra trừ khi nhờ đó việc phụng sự thế gian được tăng cường.

cases occur when he is overshadowed by a great adept, **or—as in the case of H. P. B.—by One greater than an adept.**

những trường hợp xảy ra khi y được một chân sư vĩ đại phủ bóng, **hoặc—như trong trường hợp của H. P. B.—bởi một Đấng còn cao hơn một chân sư.**

105. There is the suggestion that HPB may have been overshadowed by a Chohan—perhaps Master Morya, her Master.

105. Có một gợi ý rằng HPB có thể đã được một Chohan phủ bóng—có lẽ là Chân sư Morya, Chân sư của bà.

106. It would seem that HPB worked with a number of the Great Ones—for instance, with Master M., Master KH and Master DK—all in different ways.

106. Dường như HPB đã làm việc với một số Các Đấng Cao Cả—chẳng hạn với Chân sư M., Chân sư KH và Chân sư DK—mỗi vị theo những cách khác nhau.

A chela can be a centre through which his master can pour His energy and force for the helping of the world, and in certain important crises men have been overshadowed by more than one of the Great Ones.[50] [Page 750]

Một đệ tử có thể là một trung tâm mà qua đó Chân sư của y có thể tuôn đổ năng lượng và mãnh lực của Ngài để giúp đỡ thế gian, và trong một số khủng hoảng quan trọng, con người đã được phủbóng bởi hơn một trong Các Đấng Cao Cả.50 [Page 750]

107. On a much higher turn of the spiral, we find the Christ presently being overshadowed by the Buddha, the Spirit of Peace, and the Avatar of Synthesis.

107. Trên một vòng xoắn cao hơn rất nhiều, chúng ta thấy hiện nay Đức Christ đang được Đức Phật, Đấng Tinh thần Hòa Bình, và Đấng Hoá Thân của Tổng Hợp phủ bóng.

108. As noted, HPB was one such chela. We do not know how many of the Great Ones overshadowed her and on what occasions.

108. Như đã lưu ý, HPB là một đệ tử như thế. Chúng ta không biết có bao nhiêu Đấng Cao Cả đã phủ bóng bà và vào những dịp nào.

109. We must not think of overshadowing in personal terms but of units of energy which are receptive to and potentially transmissive of still greater energies which are to reach the world through them.

109. Chúng ta không được nghĩ về sự phủ bóng theo các thuật ngữ cá nhân, mà phải nghĩ về những đơn vị năng lượng có tính tiếp nhận và có tiềm năng truyền dẫn những năng lượng còn lớn hơn nữa sẽ đến với thế gian qua chúng.

Footnote 50: Discipleship or Chelaship.

Cước chú 50: Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới hay địa vị đệ tử.

...The ancient mysteries were but a school of spiritual training and perfection in true wisdom; that the preliminary qualification was the **purification of the heart from all sensual passions** and false preconceptions; that, while the hand of the Master might lead the neophyte through the dangers of

...Các huyền nhiệm cổ xưa chỉ là một trường học của sự huấn luyện tinh thần và sự hoàn thiện trong minh triết chân chính; rằng điều kiện sơ khởi là **sự thanh tẩy trái tim khỏi mọi đam mê nhục dục** và những định kiến sai lầm; rằng, trong khi bàn tay của Chân sư có thể dẫn dắt người sơ cơ vượt qua những

the stage where, like the infant, he could not walk alone he was obliged, in the higher paths, to learn to guide and guard himself, as the adult man has to do in ordinary life; that the ultimate goal was the expansion of the self into infinite existence and potentialities; and, lastly, that, however the initial forms and ceremonies may have differed in appearance, an identical aim was in view.

hiểm nguy của giai đoạn mà, như trẻ thơ, y chưa thể tự đi một mình, thì trên những con đường cao hơn, y buộc phải học cách tự hướng dẫn và tự bảo vệ mình, như người trưởng thành phải làm trong đời sống thường nhật; rằng mục tiêu tối hậu là sự mở rộng của bản ngã vào sự hiện hữu và các tiềm năng vô hạn; và sau cùng, rằng dù các hình thức và nghi lễ ban đầu có thể khác nhau về vẻ ngoài, thì một mục tiêu đồng nhất vẫn được nhắm đến.

— The Theosophist, Vol. IX, p. 246.

— The Theosophist, Tập IX, tr. 246.

110. It is important to think of the Ancient Mysteries as *schools.*

110. Điều quan trọng là phải nghĩ về các Huyền Nhiệm Cổ Xưa như những *trường học.*

111. It is interesting that, in regard to being rid of sensual passions, it is the “heart” which must be purified. The heart can be conceived as the seat of all desires.

111. Điều thú vị là, liên quan đến việc loại bỏ các đam mê nhục dục, chính “trái tim” phải được thanh tẩy. Trái tim có thể được quan niệm như chỗ ngự của mọi dục vọng.

112. Just as the Buddha called for the chela to become self-reliant, so do the ancient methods of training. A man becomes a Master by mastering himself.

112. Cũng như Đức Phật kêu gọi đệ tử trở nên tự lực, các phương pháp huấn luyện cổ xưa cũng vậy. Một người trở thành Chân sư bằng cách làm chủ chính mình.

113. The valuable ancient religions were all the same in essence and so were the ancient methods of spiritual training, regardless of apparent differences in technique.

113. Các tôn giáo cổ xưa có giá trị đều giống nhau về bản chất, và các phương pháp huấn luyện tinh thần cổ xưa cũng vậy, bất kể những khác biệt bề ngoài về kỹ thuật.

The pure heart and clean mind alone permit one to attain salvation.

Chỉ trái tim thanh khiết và trí tuệ trong sạch mới cho phép con người đạt được sự cứu rỗi.

114. This can never be forgotten. Knowledge becomes a menace unless the heart is pure and mind clean.

114. Điều này không bao giờ được quên. Tri thức trở thành một mối đe dọa trừ khi trái tim thanh khiết và trí tuệ trong sạch.

This was his doctrine. So, likewise, is it taught in the Aryan Mahabharata *(Sec. CXCIX. Vana Parva)* which says: "**Those high**

Đó là giáo lý của ông. Tương tự như vậy, điều ấy cũng được dạy trong Mahabharata Arya *(Mục CXCIX. Vana Parva)* có nói: "**Những**

souled persons that do not commit sins in word, deed, heart and soul, are said to undergo ascetic austerities, and not that they suffer their bodies to be wasted by fasts and penances.

người có tâm hồn cao thượng không phạm tội bằng lời nói, hành động, trái tim và linh hồn, được nói là đang trải qua những khổ hạnh tu trì, chứ không phải vì họ để cho thân thể mình hao mòn bởi chay tịnh và khổ hạnh.

115. We all understand how one can commit sins in word and deed. How does one commit sins in heart and soul?

115. Tất cả chúng ta đều hiểu làm sao người ta có thể phạm tội bằng lời nói và hành động. Nhưng làm sao người ta phạm tội bằng trái tim và linh hồn?

116. The true “ascetic austerities” are not really of a physical nature.

116. Những “khổ hạnh tu trì” chân chính thực ra không thuộc bản chất thể xác.

He that hath no feeling of kindness for relatives cannot be free from sin, even if his body be pure. **That hard-heartedness of his is the enemy of his asceticism.**

Người nào không có lòng tử tế đối với thân quyến thì không thể thoát khỏi tội lỗi, dù thể xác của y có thanh sạch. **Sự cứng lòng ấy là kẻ thù của đời sống khổ hạnh của y.**

117. We are given the proper sense of proportion. One cannot be spiritual if one evades the demonstration of love and kindness in the immediate surrounding.

117. Chúng ta được trao cho ý thức về tỉ lệ đúng đắn. Người ta không thể là tinh thần nếu né tránh việc biểu lộ tình thương và lòng tử tế trong môi trường gần gũi trước mắt.

118. Thus, asceticism demands softness of heart.

118. Vì vậy, khổ hạnh đòi hỏi sự mềm mại của trái tim.

119. Asceticism is a commitment to the reception and expression of spiritual energies.

119. Khổ hạnh là một sự cam kết đối với việc tiếp nhận và biểu lộ các năng lượng tinh thần.

Asceticism, again, is not mere abstinence from the pleasures of the world. He that is always pure and decked with virtues, he that practices kindness all his life, is a Muni, even though he lead a domestic life."

Hơn nữa, khổ hạnh không chỉ đơn thuần là kiêng các thú vui của thế gian. Người nào luôn thanh khiết và được trang sức bằng các đức hạnh, người nào thực hành lòng tử tế suốt đời mình, là một Muni, dù y sống đời gia chủ."

120. These are excellent balancing thoughts. We physicalize our notions so easily and constantly forget that that from which we

120. Đây là những tư tưởng quân bình tuyệt vời. Chúng ta quá dễ vật chất hóa các quan niệm của mình và liên tục quên rằng điều

must abstain is more often of a psychological than a physical nature.

—The Theosophist, Vol. XIII, p. 259.

What occurs on lower planes is but a reflection of higher processes, and in this thought may lie illumination.

121. Understanding this, we use the principle of analogy to generalize from our better understanding of lower processes to an increased understanding of higher processes.

A man is a force centre, either for his Ego, when sufficiently evolved, or, via his Ego, of his group force; **when very highly developed he can consciously be overshadowed by an exponent of a different type of force**, which blends with his group, or Ray force, and produces significant results in his life on earth.

122. Let us look at the various ways in which a man may be overshadowed:

a. By his own Ego, for which man acts as a force center. The process of overshadowing begins here, and it is futile for the disciple to expect to be overshadowed by one of the Great Ones until he can sense the overshadowing of his own Ego. Even to be consciously overshadowed by one's own Ego requires sufficient evolvement.

b. By the group to which he belongs, via his Ego. He becomes then an exponent of his soul group, or ray group.

chúng ta phải kiêng tránh thường mang bản chất tâm lý hơn là thể xác.

—The Theosophist, Tập XIII, tr. 259.

Điều xảy ra trên các cõi thấp chỉ là một phản chiếu của các tiến trình cao hơn, và chính trong tư tưởng này có thể có sự soi sáng.

121. Hiểu được điều này, chúng ta dùng định luật tương đồng để khái quát hóa từ sự hiểu biết tốt hơn của mình về các tiến trình thấp đến một sự thấu hiểu gia tăng về các tiến trình cao hơn.

Một người là một trung tâm mãnh lực, hoặc cho chân ngã của y, khi đã tiến hóa đầy đủ, hoặc, thông qua chân ngã của y, cho mãnh lực nhóm của y; **khi được phát triển rất cao, y có thể một cách hữu thức được phủ bóng bởi một vị biểu hiện của một loại mãnh lực khác**, mãnh lực này hòa trộn với mãnh lực nhóm hay mãnh lực cung của y, và tạo ra những kết quả có ý nghĩa trong đời sống của y trên Trái Đất.

122. Chúng ta hãy xem những cách khác nhau mà một người có thể được phủ bóng:

a. Bởi chính chân ngã của mình, mà đối với chân ngã ấy con người hành động như một trung tâm mãnh lực. Tiến trình phủ bóng bắt đầu ở đây, và thật vô ích nếu đệ tử mong đợi được một trong Các Đấng Cao Cả phủ bóng cho đến khi y có thể cảm nhận sự phủ bóng của chính chân ngã mình. Ngay cả việc được chính chân ngã của mình phủ bóng một cách hữu thức cũng đòi hỏi sự tiến hóa đầy đủ.

b. Bởi nhóm mà y thuộc về, thông qua chân ngã của y. Khi ấy y trở thành một vị biểu

hiện của nhóm linh hồn của mình, hay nhóm cung của mình.

c. By an exponent of a different (and, presumably, higher) force

c. Bởi một vị biểu hiện của một mãnh lực khác (và có lẽ cao hơn)

123. It is interesting that the external overshadowing force does not negate or offset the force of a man's Ego or group, but blends with this forces which are closer to a man's own energy system.

123. Điều thú vị là mãnh lực phủ bóng từ bên ngoài không phủ nhận hay hóa giải mãnh lực của chân ngã hay nhóm của một người, mà hòa trộn với những mãnh lực này, vốn gần hơn với hệ thống năng lượng riêng của người ấy.

Again when an Ego is highly evolved he may choose during any particular incarnation to work paramountly through any one principle among the lower four;

Lại nữa, khi một chân ngã đã tiến hóa cao, y có thể chọn trong bất kỳ kiếp lâm phàm đặc biệt nào để hoạt động chủ yếu qua bất kỳ một nguyên khí nào trong bốn nguyên khí thấp;

124. The term "Ego" does not here signify a Solar Angel as a "returning Nirvani", but the man himself.

124. Thuật ngữ "chân ngã" ở đây không có nghĩa là một Thái dương Thiên Thần như một "nirvani trở về", mà là chính con người.

125. The Ego can express on its own plane or also work through the principles of the personality.

125. Chân ngã có thể biểu lộ trên cõi riêng của nó hoặc cũng có thể hoạt động qua các nguyên khí của phàm ngã.

126. Presumably, the principle among the lower four are prana and the etheric body, kama, kama-manas and lower manas.

126. Có lẽ các nguyên khí trong bốn nguyên khí thấp là prana và thể dĩ thái, kama, kama-manas và hạ trí.

127. The Ego can also work for maximum physical impact on the physical plane, but the physical body is not a principle.

127. Chân ngã cũng có thể hoạt động để tạo tác động hồng trần tối đa trên cõi hồng trần, nhưng thể xác không phải là một nguyên khí.

when this is the case the man's life on earth is significantly that of *an embodied principle.*

khi điều này xảy ra, đời sống của con người trên Trái Đất mang ý nghĩa nổi bật là đời sống của *một nguyên khí nhập thể.*

128. Becoming an embodied principle, therefore, is a matter of egoic choice and emphasis.

128. Do đó, việc trở thành một nguyên khí nhập thể là vấn đề của sự lựa chọn và sự nhấn mạnh của chân ngã.

129. We might wonder why none of the higher principles is mentioned. We may think that the Ego, inspired by a higher principle, works through the lower principle which is correlated tot it.

129. Chúng ta có thể tự hỏi vì sao không nguyên khí cao nào được nhắc đến. Chúng ta có thể nghĩ rằng chân ngã, được cảm hứng bởi một nguyên khí cao hơn, hoạt động thông qua nguyên khí thấp tương ứng với nó.

130. In any case, the Ego's emphasis emphasizes one of the lower four principles.

130. Dù sao đi nữa, sự nhấn mạnh của chân ngã làm nổi bật một trong bốn nguyên khí thấp.

He seems to strike one note and to sound out one tone. His work is clearly to be seen along one line.

Dường như y chỉ gõ lên một nốt và chỉ xướng ra một âm điệu. Công việc của y rõ ràng được thấy theo một đường lối duy nhất.

131. The Ego's choice may have much to do with the quality of the vehicle through which the chosen principle is expressed. The higher the quality of the vehicle, the more easily the Ego can express through it.

131. Sự lựa chọn của chân ngã có thể liên hệ rất nhiều đến phẩm tính của vận cụ mà qua đó nguyên khí được chọn được biểu lộ. Phẩm tính của vận cụ càng cao, chân ngã càng có thể biểu lộ qua nó một cách dễ dàng hơn.

He is a fanatic of high degree, but accomplishes big things for his subrace, even though the physical brain may not be consciously aware of the egoic impulse.

Y là một kẻ cuồng tín ở mức độ cao, nhưng hoàn thành những việc lớn lao cho giống dân phụ của mình, dù bộ não hồng trần có thể không hữu thức nhận biết xung động chân ngã.

132. We are being shown the causes of one kind of noticeable imbalance.

132. Chúng ta đang được chỉ cho thấy các nguyên nhân của một loại mất quân bình dễ nhận thấy.

133. A fanatic is one who emphasizes but one direction and the expression of but one line of energy or force.

133. Kẻ cuồng tín là người chỉ nhấn mạnh một hướng duy nhất và sự biểu lộ của chỉ một đường năng lượng hay mãnh lực duy nhất.

134. It is being suggested that a man may not know or realize the cause for his own

134. Ở đây hàm ý rằng một người có thể không biết hay không chứng nghiệm được

fanaticism. He may feel inclined to work only in a specific manner little realizing that it is his Ego (or Himself-as-an-Ego) which has inclined him thus.

nguyên nhân của chính sự cuồng tín của mình. Y có thể cảm thấy chỉ nghiêng về việc hoạt động theo một cách thức đặc thù nào đó mà ít nhận ra rằng chính chân ngã của y (hay chính y-trong-tư-cách-một-chân-ngã) đã khiến y nghiêng theo như vậy.

135. The sixth ray may be involved in such a canalized choice; it has been called the "ray of undue emphasis" (cf. DINA I 322-323).

135. Cung sáu có thể có liên quan trong một sự lựa chọn được dẫn kênh như thế; nó đã được gọi là "cung của sự nhấn mạnh quá mức" (x. DINA I 322-323).

This process has a curious **relation to the obscuration**, or **fading out, of the personality**, **for the particular principle embodied works through a corresponding permanent atom**, and its spirillae become over-rapidly developed, and hence their term of service wears to a close.

Tiến trình này có một **liên hệ kỳ lạ với sự che mờ**, hay **sự phai mờ của phàm ngã**, **vì nguyên khí đặc thù được nhập thể hoạt động qua một nguyên tử trường tồn tương ứng**, và các loa tuyến của nó phát triển quá nhanh, và do đó thời kỳ phụng sự của chúng đi đến chỗ kết thúc.

136. This is an important piece of occult detail.

136. Đây là một chi tiết huyền bí học quan trọng.

137. That which is intensely used or over-used, may 'burn out' and move towards obscuration.

137. Điều gì được sử dụng mãnh liệt hay lạm dụng quá mức có thể "cháy cạn" và tiến đến sự che mờ.

138. DK is saying that intense, one-pointed emphasis may lead to obscuration and may be a signal that obscuration is drawing near.

138. Chân sư DK đang nói rằng sự nhấn mạnh mãnh liệt, nhất tâm có thể dẫn đến sự che mờ và có thể là dấu hiệu cho thấy sự che mờ đang đến gần.

139. What a man can do a Planetary Logos or Solar Logos can do. If a particular permanent atom and the plane associated with it are overemphasized, the vehicle associated with that permanent atom and plane may begin to enter obscuration.

139. Điều gì một Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế có thể làm thì con người cũng có thể làm. Nếu một nguyên tử trường tồn đặc thù và cõi gắn liền với nó bị nhấn mạnh quá mức, vận cụ gắn với nguyên tử trường tồn và cõi ấy có thể bắt đầu đi vào sự che mờ.

140. DK seems to be suggesting that if one atom or principle is over-rapidly developed through excessive stimulation, the entire

140. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng nếu một nguyên tử hay nguyên khí bị phát triển quá nhanh do sự kích thích quá mức,

personality may, thereby, be pushed towards a fading out or obscuration.

thì toàn bộ phàm ngã vì thế có thể bị đẩy đến chỗ phai mờ hay che mờ.

141. It may be thought that a substantial degree of development must be achieved before such quasi-divine fanaticism may be undertaken by the Ego. Otherwise, balance might be entirely lost.

141. Có thể nghĩ rằng phải đạt được một mức phát triển đáng kể trước khi chân ngã có thể đảm nhận loại cuồng tín gần như thiêng liêng này. Nếu không, sự quân bình có thể bị mất hoàn toàn.

This is a fact which is nevertheless taken advantage of when a superman, or great adept, becomes the embodiment (during a rootrace) of a principle;

Tuy nhiên, đây là một sự kiện được tận dụng khi một siêu nhân, hay một chân sư vĩ đại, trở thành hiện thân (trong suốt một giống dân gốc) của một nguyên khí;

142. We learn that a sub-race or rootrace may benefit from the application of such fanaticism.

142. Chúng ta biết rằng một giống dân phụ hay giống dân gốc có thể được lợi nhờ việc áp dụng loại cuồng tín này.

143. Is DK hinting that it is more likely for an initiate or great adept to pass through such an experience of one-pointed, exclusive emphasis? It seems so. In the average man, such excessive directed influence from Ego might well lead to personality destruction.

143. Có phải Chân sư DK đang ám chỉ rằng một điểm đạo đồ hay một chân sư vĩ đại có nhiều khả năng trải qua kinh nghiệm nhấn mạnh nhất tâm, loại trừ như thế hơn không? Dường như là vậy. Ở người trung bình, ảnh hưởng được định hướng quá mức như thế từ chân ngã rất có thể sẽ dẫn đến sự hủy diệt phàm ngã.

144. We are well aware of how terribly distorted the idea of the "superman" became during the rise of Nazism.

144. Chúng ta đều biết rõ ý niệm về "siêu nhân" đã bị bóp méo khủng khiếp như thế nào trong thời kỳ chủ nghĩa Quốc xã trỗi dậy.

the vestures or sheaths of which the permanent atom is the nucleus (through the innate strength of the developed spirillae) are preserved by the aid of mantric formulas.

các y phục hay các thể mà nguyên tử trường tồn là hạt nhân của chúng (nhờ sức mạnh bẩm sinh của các loa tuyến đã phát triển) được bảo tồn nhờ sự trợ giúp của các công thức mantram.

145. DK is telling us of a method (preservation by mantric formulas) which will hold the permanent atom and its vesture in incarnation even though excessive stimulation would usually promote a fading out.

145. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về một phương pháp (bảo tồn bằng các công thức mantram) sẽ giữ nguyên tử trường tồn và y phục của nó đang lâm phàm, dù sự kích thích quá mức thường sẽ thúc đẩy sự phai mờ.

146. Mantric formulae are used as means of preservation.

146. Các công thức mantram được dùng như những phương tiện bảo tồn.

The vibration is perpetuated for a specific length of time, and for as long as the vesture or sheath may be required. A hint is here conveyed which may be of service.

Rung động được duy trì trong một thời gian xác định, và lâu chừng nào y phục hay thể còn được cần đến. Ở đây có truyền đạt một gợi ý có thể hữu ích.

147. We seem to be given a method by which to avoid the destructive effects of over-stimulation.

147. Dường như chúng ta được trao cho một phương pháp để tránh các tác động hủy diệt của sự kích thích quá mức.

148. The hint suggests that just as the threat to disintegration comes from 'above' (from the Ego's exclusivistic focus), so effective means of preservation may also come from above.

148. Gợi ý này cho thấy rằng cũng như mối đe dọa tan rã đến từ "bên trên" (từ sự tập trung loại trừ của chân ngã), thì những phương tiện bảo tồn hữu hiệu cũng có thể đến từ bên trên.

149. What type of mantrams could we, as disciples, use when we are involved in some powerful, canalized emphasis? What, for us, would preserve balance?

149. Chúng ta, với tư cách là các đệ tử, có thể dùng loại mantram nào khi đang dính dự vào một sự nhấn mạnh mạnh mẽ, được dẫn kênh? Điều gì sẽ bảo tồn sự quân bình cho chúng ta?

Again, when a man has become a disciple he may, if he so wish, remain upon the astral plane and work there,

Một lần nữa, khi một người đã trở thành đệ tử, y có thể, nếu muốn, ở lại trên cõi cảm dục và làm việc tại đó,

150. This could take place in the post mortem phase, and probably does so, but the next section of text offers another alternative.

150. Điều này có thể xảy ra trong giai đoạn sau khi chết, và có lẽ thực sự xảy ra như vậy, nhưng phần văn bản kế tiếp đưa ra một khả năng khác nữa.

and—at his pleasure, and under the adjustment of karma by [Page 751] his Guru—he may take immediate physical birth.

và—tùy theo ý muốn của y, và dưới sự điều chỉnh nghiệp quả bởi [Page 751] Chân sư của y—y có thể lập tức tái sinh hồng trần.

151. Is it also possible that one may descend towards incarnation but pause on the astral plane for a certain kind of work. From that position (if his Guru makes certain arrangements) he may take immediate physical birth if he wills to.

151. Có phải cũng có thể là một người đi xuống hướng về nhập thể nhưng tạm dừng trên cõi cảm dục để làm một loại công việc nào đó? Từ vị trí ấy (nếu Chân sư của y có những sắp đặt nhất định), y có thể lập tức tái sinh hồng trần nếu y muốn như vậy.

152. Yet, from the original perspective, it is possible that after death, a man may work upon the astral plane, preserving that vehicle from the disintegration which it usually undergoes, and then, without moving still further inward to the mental and higher mental planes, the man may again move into incarnation "under the adjustment of karma by his Guru".

152. Tuy nhiên, từ quan điểm ban đầu, có thể là sau khi chết, một người có thể làm việc trên cõi cảm dục, bảo tồn vận cụ ấy khỏi sự tan rã mà nó thường phải trải qua, rồi sau đó, không đi sâu thêm vào các cõi trí và cõi thượng trí, người ấy lại đi vào nhập thể "dưới sự điều chỉnh nghiệp quả bởi Chân sư của y".

153. We must be careful about becoming rigid in our generalizations. There seem to be a number of ways in which a man may continue or prolong his work on one plane or another.

153. Chúng ta phải cẩn thận để không trở nên cứng nhắc trong các khái quát hóa của mình. Dường như có một số cách mà một người có thể tiếp tục hay kéo dài công việc của mình trên cõi này hay cõi khác.

A hint as to the *mystery of the Bodhisattva* may be found in these two thoughts, provided the student transfers the whole concept to the etheric levels of the cosmic physical plane,

Một gợi ý về *huyền nhiệm của Đức Bồ Tát* có thể được tìm thấy trong hai ý tưởng này, miễn là đạo sinh chuyển toàn bộ khái niệm ấy lên các cấp dĩ thái của cõi hồng trần vũ trụ,

154. The transference will involve the buddhic, atmic, monadic and perhaps logoic planes.

154. Sự chuyển dịch này sẽ liên quan đến các cõi Bồ đề, atma, chân thần và có lẽ cả cõi logoi.

155. Is DK suggesting that the true Bodhisattva withdraws from the lower three planes and then focusses on the buddhic plane (preserving His 'position' there through the use of certain mantrams—able

155. Có phải Chân sư DK đang gợi ý rằng Đức Bồ Tát chân chính rút khỏi ba cõi thấp rồi tập trung trên cõi Bồ đề (bảo tồn "vị trí" của Ngài ở đó qua việc sử dụng một số mantram

at any point to take incarnation in the lower three worlds according to will)?

156. Normally, the Bodhisattva would 'move on', but may stay upon the buddhic plane for the sake of continued close work with humanity.

157. In this case, His Guru would be Sanat Kumara.

158. It would seem that a Bodhisattva *could* seek release, if He wished, but, instead, insists (through sacrifice) on remaining "on call" as an expression of buddhic energy.

and remembers that on these levels the adept works altogether as a part of a group, and not as a separated Identity, as does the ego in the three worlds.

159. The true Bodhisattva is an Adept.

160. A Bodhisattva emerges into usefulness as a result of *group* impulse.

161. We are seeing that rather than follow the normal cycle, some human units, for special purposes, choose to sustain their involvement with a particular energy, principle or plane, all for the sake of service.

162. Mantrams help them accomplish this. Mantric formulations come in the second ray (as we have recently been taught) and thus have magnetic *holding power.*

Therefore, the energy pouring through Him may be:

nhất định—và có thể ở bất kỳ thời điểm nào cũng nhập thể vào ba cõi thấp theo ý muốn)?

156. Bình thường, Đức Bồ Tát sẽ "tiến lên", nhưng có thể lưu lại trên cõi Bồ đề vì mục đích tiếp tục công việc gần gũi với nhân loại.

157. Trong trường hợp này, Chân sư của Ngài sẽ là Đức Sanat Kumara.

158. Dường như một Đức Bồ Tát *có thể* tìm kiếm sự giải thoát, nếu Ngài muốn, nhưng thay vào đó lại khăng khăng (qua sự hi sinh) ở lại trong tư thế "sẵn sàng đáp ứng" như một biểu hiện của năng lượng Bồ đề.

và nhớ rằng trên các cấp này chân sư làm việc hoàn toàn như một phần của một nhóm, chứ không như một Bản Sắc Cô Lập tách biệt, như chân ngã vẫn làm trong ba cõi giới.

159. Đức Bồ Tát chân chính là một chân sư.

160. Một Đức Bồ Tát xuất hiện trong tính hữu dụng như kết quả của xung động *nhóm*.

161. Chúng ta đang thấy rằng thay vì đi theo chu kỳ thông thường, một số đơn vị nhân loại, vì những mục đích đặc biệt, chọn duy trì sự dính dự của mình với một năng lượng, nguyên khí hay cõi đặc thù nào đó, tất cả đều vì mục đích phụng sự.

162. Các mantram giúp họ hoàn thành điều này. Các công thức mantram thuộc cung hai (như gần đây chúng ta đã được dạy) và do đó có *năng lực giữ vững* từ tính.

Do đó, năng lượng tuôn đổ qua Ngài có thể là:

163. We are speaking of a Bodhisattva or an Adept as He sustains Himself in readiness for particularized service.

163. Chúng ta đang nói về một Đức Bồ Tát hay một chân sư khi Ngài duy trì chính mình trong trạng thái sẵn sàng cho một sự phụng sự chuyên biệt.

a. That of a particular centre in the body of the planetary Logos in its total force.

a. Năng lượng của một trung tâm đặc thù trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế trong toàn bộ mãnh lực của nó.

164. An Adept Who is an Avatar is the expression of a higher force center. Advanced Adepts may represent the "total force" of a particular center in the Planetary Logos.

164. Một chân sư là một Đấng Hoá Thân là biểu hiện của một trung tâm mãnh lực cao hơn. Các chân sư cao cấp có thể đại diện cho "toàn bộ mãnh lực" của một trung tâm đặc thù trong Hành Tinh Thượng Đế.

165. What might be the relation of the Avatar (Bodhisattva) the Christ in relation to the heart center of the Planetary Logos?

165. Đấng Hoá Thân (Đức Bồ Tát) là Đức Christ có thể có liên hệ gì với trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế?

b. That of a particular set of vibrations within that centre, or a part of its vibratory force.

b. Năng lượng của một tập hợp rung động đặc thù trong trung tâm ấy, hay một phần của mãnh lực rung động của nó.

166. Some Adepts or Bodhisattvas may not express the "total force" of a center within a Planetary Logos, but only *part* of that force.

166. Một số chân sư hay Đức Bồ Tát có thể không biểu lộ "toàn bộ mãnh lực" của một trung tâm trong một Hành Tinh Thượng Đế, mà chỉ biểu lộ *một phần* của mãnh lực ấy.

167. Although we really don't know how to do so, it is possible to subdivide the forces within any particular planetary center. As planetary centers are chakras, and as chakras have petals, the natural subdivisions of the chakra's total energy are indicated.

167. Dù thực sự chúng ta chưa biết cách làm điều đó, vẫn có thể phân chia nhỏ các mãnh lực trong bất kỳ trung tâm hành tinh nào. Vì các trung tâm hành tinh là các luân xa, và vì các luân xa có các cánh hoa, nên các phân chia tự nhiên của tổng năng lượng luân xa được chỉ ra.

c. **That of the energy of a particular principle**, either one of His own higher principles which He is seeking to bring to bear upon the earth, by taking incarnation for that specific purpose, **or the energy of one of the planetary logoic principles**, as it

c. **Năng lượng của một nguyên khí đặc thù**, hoặc là một trong các nguyên khí cao của chính Ngài mà Ngài đang tìm cách đem tác động lên Trái Đất bằng cách nhập thể vì mục đích đặc thù ấy, **hoặc là năng lượng của một trong các nguyên khí của Hành Tinh**

pours through Him via a particular **spirilla or life current** in the permanent atom of the planetary Logos.

Thượng Đế, khi nó tuôn qua Ngài thông qua một đặc thù **loa tuyến hay dòng sự sống** trong nguyên tử trường tồn của Hành Tinh Thượng Đế.

168. We should remember that a principle and a chakra are not exactly the same. A principle is a greater energy, and a number of chakras on a particular plane may be, especially, given to the expression of that principle through a certain number of modifications, up to seven.

168. Chúng ta nên nhớ rằng một nguyên khí và một luân xa không hoàn toàn giống nhau. Một nguyên khí là một năng lượng lớn hơn, và một số luân xa trên một cõi đặc thù có thể đặc biệt được dành cho sự biểu lộ nguyên khí ấy qua một số biến thái nhất định, lên đến bảy.

169. An Adept or Bodhisattva may express a particular principle:

169. Một chân sư hay Đức Bồ Tát có thể biểu lộ một nguyên khí đặc thù:

a. It may be one of his own higher principles

a. Đó có thể là một trong các nguyên khí cao của chính ngài

b. It may be one of the principles of His Planetary Logos. This principle will reach the Avatar via a particular planetary logoic spirilla and, thus, a certain *plane* will be involved.

b. Đó có thể là một trong các nguyên khí của Hành Tinh Thượng Đế của Ngài. Nguyên khí này sẽ đến với Đấng Hoá Thân qua một loa tuyến hành tinh đặc thù của Hành Tinh Thượng Đế và, do đó, một *cõi* nhất định sẽ được liên hệ.

i. A planetary logoic principle comes to the Adept

i. Một nguyên khí của Hành Tinh Thượng Đế đến với chân sư

ii. It is transmitted via a particular permanent atom in the energy body of the Planetary Logos

ii. Nó được truyền qua một nguyên tử trường tồn đặc thù trong thể năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế

iii. It is further transmitted via a particular spirilla or life current within that particular permanent atom. We must remember that for these great Beings, spirillae are *planes*.

iii. Nó lại được truyền tiếp qua một loa tuyến hay dòng sự sống đặc thù trong nguyên tử trường tồn đặc thù ấy. Chúng ta phải nhớ rằng đối với các Đấng vĩ đại này, các loa tuyến là các *cõi*.

When these types of force are centralised in any particular adept, **and He is expressing**

Khi các loại mãnh lực này được tập trung trong một chân sư đặc thù nào đó, **và Ngài**

simply that extraneous force and nothing else, the effect is shown on the physical plane in the appearance of an avatar.

170. We have here a still more technical definition of an Avatar.

171. We see that when divine force is canalized through a particular Adept, the effect upon the physical plane is the appearance of an Avatar.

172. The force expressed by an Avatar is, therefore, *exclusive*.

173. In this respect, one things of the Ray Path, the Adepts on which practice a certain kind of occult insulation to ensure that They express only one type of energy.

An avatar is, but an adept is made, but frequently the force, energy, purpose or will of a cosmic Entity will utilise the vehicles of an adept in order to contact the physical planes.

174. We are being given an important distinction. An Adept is *in process.* An Avatar has 'arrived'.

175. Of His own free will and accord, an Avatar may decide to descend.

176. Once an Adept has achieved His Adeptship, He may revolve upon the 'pedestal of attainment' and descend to the

chỉ biểu lộ mãnh lực ngoại lai ấy mà không biểu lộ gì khác, thì hiệu quả được biểu lộ trên cõi hồng trần là sự xuất hiện của một Đấng Hoá Thân.

170. Ở đây chúng ta có một định nghĩa còn kỹ thuật hơn về một Đấng Hoá Thân.

171. Chúng ta thấy rằng khi mãnh lực thiêng liêng được dẫn kênh qua một chân sư đặc thù, hiệu quả trên cõi hồng trần là sự xuất hiện của một Đấng Hoá Thân.

172. Do đó, mãnh lực được biểu lộ bởi một Đấng Hoá Thân là *loại trừ*.

173. Về phương diện này, người ta nghĩ đến Con Đường Cung, nơi các chân sư trên đó thực hành một loại cách ly huyền bí nào đó để bảo đảm rằng Các Ngài chỉ biểu lộ một loại năng lượng duy nhất.

Một Đấng Hoá Thân là, còn một chân sư thì được tạo thành, nhưng thường thì mãnh lực, năng lượng, mục đích hay ý chí của một Thực Thể vũ trụ sẽ sử dụng các vận cụ của một chân sư để tiếp xúc với các cõi hồng trần.

174. Chúng ta đang được trao cho một sự phân biệt quan trọng. Một chân sư là *đang trong tiến trình*. Một Đấng Hoá Thân thì đã "đến nơi".

175. Do ý chí và sự tự nguyện của chính mình, một Đấng Hoá Thân có thể quyết định giáng hạ.

176. Một khi một chân sư đã đạt được địa vị chân sư, Ngài có thể xoay chuyển trên "bệ thành tựu" và giáng xuống nơi mà Ngài đã đi

place from which He came. If so, this re-descent is avataric.

177. We also learn that, with a somewhat similar result to the descent of one Who is an Avatar, an Adept Who is not an Avatar may be, as it were, *commissioned* to offer his vehicles for the transmission of the force, energy, purpose or will of a cosmic Entity Who seeks to utilize that Adept.

178. A Kumara, for instance, can utilize an Adept and express through an Adept. In a sense, this occurs in the relationship between Sanat Kumara and the Lord Maitreya.

179. An Avatar seeks not to gain anything from the sphere to which He descends. His descent is an act of pure benevolence.

180. From this perspective, the solar angelic Host is not avataric, as it descends also to gain.

This method **whereby cosmic Existences make Their power felt** can be seen working out on all the planes of the cosmic physical plane.

181. We are speaking of methods whereby cosmic Existence can make Their presence felt on all planes of the cosmic physical plane.

182. Greater energies are constantly with us through the 'Will-to-Share" of great cosmic Existences.

ra từ đó. Nếu vậy, sự tái giáng hạ này mang tính avataric.

177. Chúng ta cũng biết rằng, với một kết quả phần nào tương tự như sự giáng hạ của một Đấng là Đấng Hoá Thân, một chân sư không phải là Đấng Hoá Thân có thể, nói như vậy, được *ủy thác* để hiến dâng các vận cụ của mình cho sự truyền dẫn mãnh lực, năng lượng, mục đích hay ý chí của một Thực Thể vũ trụ đang tìm cách sử dụng vị chân sư ấy.

178. Chẳng hạn, một Kumara có thể sử dụng một chân sư và biểu lộ qua một chân sư. Theo một nghĩa nào đó, điều này xảy ra trong mối liên hệ giữa Đức Sanat Kumara và Chúa Tể Maitreya.

179. Một Đấng Hoá Thân không tìm cách đạt được điều gì từ khối cầu mà Ngài giáng xuống. Sự giáng hạ của Ngài là một hành vi thuần túy từ tâm.

180. Từ góc nhìn này, Đạo Quân Thái dương Thiên Thần không mang tính avataric, vì họ cũng giáng xuống để đạt được điều gì đó.

Phương pháp này **nhờ đó các Hiện Hữu vũ trụ làm cho quyền năng của Các Ngài được cảm nhận** có thể được thấy đang vận hành trên mọi cõi của cõi hồng trần vũ trụ.

181. Chúng ta đang nói về những phương pháp nhờ đó các Hiện Hữu vũ trụ có thể làm cho sự hiện diện của Các Ngài được cảm nhận trên mọi cõi của cõi hồng trần vũ trụ.

182. Những năng lượng lớn lao hơn luôn ở cùng chúng ta nhờ "Ý Chí-Chia Sẻ" của các Hiện Hữu vũ trụ vĩ đại.

A striking instance of this can be seen in the case of the Kumaras, Who, under certain planetary forces,

183. Forces, presumably, which prompted the Kumaras to impulse the process of individualization…

and through the formation of a **systemic** triangle,

184. This is the formation of a triangle other than a Kumaric triangle. Likely, it is a triangle consisting of three Planetary Logoi, each one of which would be connected to one of the Kumaras.

185. These Kumaras are the three Buddha of Activity.

gave the impulse to the third kingdom

186. The *three* Kumaras gave an impulse to the *third* kingdom.

which produced the fourth by bringing it into conjunction with the fifth.

187. The Kumaras brought the fifth and third kingdoms together to produce the fourth. Usually, we think that the Fifth *Creative Hierarchy* was that which was brought into conjunction with the third *kingdom*.

188. The Kumaras are, however, greater Beings than the members of the Fifth Creative Hierarchy and may be considered as Directors of that Hierarchy.

189. One wonders what the fifth *kingdom* of spiritual human beings could do to produce

Một ví dụ nổi bật về điều này có thể được thấy trong trường hợp các Kumara, Các Ngài, dưới những mãnh lực hành tinh nhất định,

183. Có lẽ đó là những mãnh lực đã thúc đẩy các Kumara tạo xung lực cho tiến trình biệt ngã hóa…

và thông qua việc hình thành một **tam giác** hệ thống,

184. Đây là sự hình thành một tam giác khác với tam giác Kumaric. Có lẽ đó là một tam giác gồm ba Hành Tinh Thượng Đế, mỗi vị trong số đó sẽ được nối kết với một trong các Kumara.

185. Các Kumara này là ba Đức Phật Hoạt Động.

đã tạo xung lực cho giới thứ ba

186. *Ba* Kumara đã tạo xung lực cho *giới* thứ 2355§*ba*.

điều đã tạo ra giới thứ tư bằng cách đưa nó vào sự đồng vị với giới thứ năm.

187. Các Kumara đã đưa giới thứ năm và giới thứ ba lại với nhau để tạo ra giới thứ tư. Thông thường, chúng ta nghĩ rằng Huyền Giai Sáng Tạo *thứ năm* là điều đã được đưa vào sự đồng vị với *giới* thứ ba.

188. Tuy nhiên, các Kumara là những Đấng vĩ đại hơn các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm và có thể được xem như các Đấng Điều Hành của Huyền Giai ấy.

189. Người ta tự hỏi giới *thứ năm* gồm những con người tinh thần có thể làm gì để tạo ra

individualization. It was not the fifth *kingdom* which produced the implantation of the spark of mind, but rather the Fifth Creative Hierarchy.

sự biệt ngã hóa. Không phải giới *thứ năm* đã tạo ra việc cấy vào tia lửa trí tuệ, mà đúng hơn là Huyền Giai Sáng Tạo Thứ Năm.

190. The Kumaras also work through the Ashrams and are, as it were, the 'Ray-power' vitalizing the Ashrams.

190. Các Kumara cũng hoạt động qua các ashram và, nói như vậy, là "quyền năng Cung" tiếp sinh lực cho các ashram.

These Kumaras, Sanat Kumara and [Page 752] His three pupils, having achieved the **highest initiation possible** in the **last great cycle**,

Các Kumara này, Đức Sanat Kumara và [Page 752] ba đệ tử của Ngài, đã đạt được **lần điểm đạo cao nhất có thể có** trong **đại chu kỳ cuối cùng**,

191. We are not sure which cycle is being referenced, but because it is called a "great cycle", it is possible we are speaking of a mahamanvantara as a on "occult century". A mahamanvantara sometimes means an inter-chain period.

191. Chúng ta không chắc chu kỳ nào đang được nói đến, nhưng vì nó được gọi là một "đại chu kỳ", có thể chúng ta đang nói đến một mahamanvantara như một "thế kỷ huyền bí". Một mahamanvantara đôi khi có nghĩa là một thời kỳ liên-Dãy.

192. By this, do we mean the "highest initiation possible" in the previous solar system?

192. Bởi điều này, có phải chúng ta muốn nói đến "lần điểm đạo cao nhất có thể có" trong hệ mặt trời trước không?

193. The Three Kumaras were Planetary Logoi in the last mahamanvantara. What types of initiations were open to the Planetary Logoi of that earlier period.

193. Ba Kumara là các Hành Tinh Thượng Đế trong mahamanvantara cuối cùng. Những loại điểm đạo nào đã mở ra cho các Hành Tinh Thượng Đế của thời kỳ sớm hơn ấy?

194. We are not told through what form Sanat Kumara expressed Himself, whether through a planetary scheme or otherwise. It would seem that He would have to have been treading the Path of the Planetary Logoi. Now, it seems that He is on the Path of the Solar Logoi.

194. Chúng ta không được cho biết Đức Sanat Kumara đã biểu lộ qua hình tướng nào, dù là qua một hệ hành tinh hay cách nào khác. Dường như Ngài hẳn đã phải bước trên Con đường của các Hành Tinh Thượng Đế. Giờ đây, dường như Ngài đang ở trên Con đường của các Thái dương Thượng đế.

195. We note that the Three Kumaras (the Buddhas of Activity) are "pupils" of Sanat Kumara.

195. Chúng ta lưu ý rằng Ba Kumara (các Đức Phật Hoạt Động) là "đệ tử" của Đức Sanat Kumara.

but having as yet (from Their standpoint) another step to take, **offered Themselves to the planetary Logos of Their Ray as "focal points" for His force**, so that thereby **He might hasten and perfect His plans on Earth** within the cycle of manifestation.

196. Much is here said between the lines.

197. Are the Buddhas of Activity on the same ray as Sanat Kumara? It would seem that They share at least one Ray of importance and that all four of Them share at least one Ray of importance with the Planetary Logos.

198. We may suspect that this is the *second* ray, which is the soul ray of the Planetary Logos.

199. There is often a question whether Sanat Kumara is to be considered the Planetary Logos or a Representative of the Planetary Logos. In this instance, Sanat Kumara *and* the three Buddhas of Activity *all* offered Themselves to the Planetary Logos of Their Ray, and so the Planetary Logos must be, from this perspective, distinct from Sanat Kumara.

200. Do all these five Beings somehow share the same monadic ray or soul ray, even though each of the Buddhas of Activity is associated with either the first, second or third rays?

201. Even though all four of the Kumaras (including Sanat Kumara) have offered Themselves to the Planetary Logos of Their Ray, the three Buddhas of Activity are *also*

nhưng vì vẫn còn (theo quan điểm của Các Ngài) một bước nữa phải đi, **đã hiến dâng chính mình cho Hành Tinh Thượng Đế của Cung của Các Ngài như những "điểm hội tụ" cho mãnh lực của Ngài**, để nhờ đó **Ngài có thể xúc tiến và hoàn thiện các kế hoạch của Ngài trên Trái Đất** trong chu kỳ biểu hiện.

196. Ở đây có rất nhiều điều được nói giữa các dòng chữ.

197. Có phải các Đức Phật Hoạt Động ở cùng một cung với Đức Sanat Kumara không? Dường như Các Ngài chia sẻ ít nhất một Cung quan trọng, và cả bốn vị chia sẻ ít nhất một Cung quan trọng với Hành Tinh Thượng Đế.

198. Chúng ta có thể ngờ rằng đó là cung *hai*, vốn là cung linh hồn của Hành Tinh Thượng Đế.

199. Thường có câu hỏi liệu Đức Sanat Kumara có nên được xem là Hành Tinh Thượng Đế hay là một Đấng Đại Diện của Hành Tinh Thượng Đế. Trong trường hợp này, Đức Sanat Kumara *và* ba Đức Phật Hoạt Động *đều* đã hiến dâng chính mình cho Hành Tinh Thượng Đế của Cung của Các Ngài, và vì vậy Hành Tinh Thượng Đế, từ góc nhìn này, phải là một Đấng tách biệt với Đức Sanat Kumara.

200. Có phải cả năm Đấng này bằng cách nào đó đều chia sẻ cùng một cung chân thần hay cung linh hồn, dù mỗi Đức Phật Hoạt Động lại được liên kết với cung một, hai hoặc ba?

201. Dù cả bốn Kumara (kể cả Đức Sanat Kumara) đã hiến dâng chính mình cho Hành Tinh Thượng Đế của Cung của Các Ngài, ba Đức Phật Hoạt Động *cũng* là các đệ tử của

Pupil of Sanat Kumara and are directed by Him as well as by the Planetary Logos.

Đức Sanat Kumara và cũng được Ngài chỉ đạo cũng như được Hành Tinh Thượng Đế chỉ đạo.

202. Perhaps the Three Buddhas are:

202. Có lẽ Ba Đức Phật là:

a. Directed by Sanat Kumara

a. Được Đức Sanat Kumara chỉ đạo

b. Directed by Sanat Kumara when the Planetary Logos is working through Sanat Kumara

b. Được Đức Sanat Kumara chỉ đạo khi Hành Tinh Thượng Đế đang hoạt động qua Đức Sanat Kumara

c. Directed by the Planetary Logos pure and simple

c. Được Hành Tinh Thượng Đế trực tiếp chỉ đạo

203. We can gather that all five of these beings:

203. Chúng ta có thể suy ra rằng cả năm Đấng này:

a. The Planetary Logos

a. Hành Tinh Thượng Đế

b. Sanat Kumara

b. Đức Sanat Kumara

c. The three Buddhas of Activity

c. ba Đức Phật Hoạt Động

all share one important ray in common—ether the soul or monadic ray. One of these rays (either soul or monadic) seems to be the same for all five of them, and probably the soul ray.

đều chia sẻ chung một cung quan trọng—hoặc cung linh hồn hoặc cung chân thần. Một trong hai cung này dường như là giống nhau nơi cả năm vị, và có lẽ là cung linh hồn.

204. The three Buddhas of Activity, it appears, have offered Themselves as "focal points" for the force of Sanat Kumara (apparently Their Teacher) *and also,* on a still higher turn of the spiral, for force of the Planetary Logos.

204. Ba Đức Phật Hoạt Động, dường như, đã hiến dâng chính mình như những "điểm hội tụ" cho mãnh lực của Đức Sanat Kumara (rõ ràng là Huấn sư của Các Ngài) *và cũng vậy,* trên một vòng xoắn còn cao hơn nữa, cho mãnh lực của Hành Tinh Thượng Đế.

205. Clearly, the Planetary Logos of the Ray of the three Buddhas of Activity is but *One* Being, and not three Beings as might have been inferred.

205. Rõ ràng, Hành Tinh Thượng Đế của Cung của ba Đức Phật Hoạt Động chỉ là *Một* Đấng, chứ không phải ba Đấng như người ta có thể đã suy ra.

They have demonstrated three out of the four methods.

206. We see that, given the four methods of avataric demonstration, more than one method can be used at the same time.

They are *overshadowed* by the planetary Logos, and **He works directly as the Initiator (in relation to man) through Sanat Kumara,** and with the three kingdoms in nature through the three Buddhas of Activity,—**Sanat Kumara, being thus concerned directly with the ego on the mental plane, and His three Pupils being concerned with the other three types of consciousness, of which man is the summation.**

207. So much occultism is being hinted in such paragraphs.

208. In this section of text, the Planetary Logos is definitely differentiated from Sanat Kumara.

209. The Planetary Logos is the true Initiator for man, though working *through* Sanat Kumara (Who is often considered as the Initiator).

210. While the Planetary Logos through Sanat Kumara is the true Initiator of man, the Buddhas of Activity are the Initiators of the three lower kingdoms.

211. The three Buddhas of Activity are overshadowed by the Planetary Logos.

212. When Sanat Kumara serves as the Initiator (with the Planetary Logos working through Him), He is concerned with that

Các Ngài đã biểu lộ ba trong bốn phương pháp.

206. Chúng ta thấy rằng, với bốn phương pháp biểu lộ avataric, có thể dùng hơn một phương pháp cùng một lúc.

Các Ngài được *phủ bóng* bởi Hành Tinh Thượng Đế, và **Ngài trực tiếp hoạt động như Đấng Điểm đạo (liên hệ với con người) qua Đức Sanat Kumara,** và với ba giới trong thiên nhiên qua ba Đức Phật Hoạt Động,—**Đức Sanat Kumara, do đó, trực tiếp liên hệ với chân ngã trên cõi trí, còn ba Đệ tử của Ngài thì liên hệ với ba loại tâm thức khác, mà con người là tổng hợp của chúng.**

207. Quá nhiều huyền bí học đang được gợi ra trong những đoạn như thế.

208. Trong phần văn bản này, Hành Tinh Thượng Đế rõ ràng được phân biệt với Đức Sanat Kumara.

209. Hành Tinh Thượng Đế là Đấng Điểm đạo chân chính cho con người, dù hoạt động *qua* Đức Sanat Kumara (Đấng thường được xem là Đấng Điểm đạo).

210. Trong khi Hành Tinh Thượng Đế qua Đức Sanat Kumara là Đấng Điểm đạo chân chính của con người, thì các Đức Phật Hoạt Động là các Đấng Điểm đạo của ba giới thấp.

211. Ba Đức Phật Hoạt Động được phủ bóng bởi Hành Tinh Thượng Đế.

212. Khi Đức Sanat Kumara phụng sự như Đấng Điểm đạo (với Hành Tinh Thượng Đế hoạt động qua Ngài), Ngài liên hệ đến phần

part of man which is called the “ego on the mental plane”.

213. We are being shown that *all* the Kumaras are overshadowed by the Planetary Logos, though each has a different function in relation to the microcosm man, who is the macrocosm for the lower three kingdoms.

At the moment of initiation (after the second Initiation) **Sanat Kumara becomes the direct mouthpiece and agent of the Planetary Logos.**

214. The initiation in question of the *third* initiation.

215. When Sanat Kumara serves as the Initiator at the third initiation, He does not act *in His own right alone*, but as “the direct mouthpieces and agent of the Planetary Logos”.

216. This statement would seem to lay to rest those speculations that Sanat Kumara is the Planetary Logos, Himself.

217. They may at times, however, become so identified that it seems correct to speak of Them as if They were *one* Being.

nơi con người được gọi là “chân ngã trên cõi trí”.

213. Chúng ta đang được chỉ cho thấy rằng *tất cả* các Kumara đều được phủ bóng bởi Hành Tinh Thượng Đế, dù mỗi vị có một chức năng khác nhau liên hệ với tiểu thiên địa là con người, vốn là đại thiên địa đối với ba giới thấp.

Vào lúc điểm đạo (sau lần điểm đạo thứ hai) **Đức Sanat Kumara trở thành phát ngôn viên và tác nhân trực tiếp của Hành Tinh Thượng Đế.**

214. Lần điểm đạo được nói đến ở đây là lần điểm đạo *thứ ba*.

215. Khi Đức Sanat Kumara phụng sự như Đấng Điểm đạo trong lần điểm đạo thứ ba, Ngài không hành động *chỉ với tư cách riêng của chính Ngài*, mà như “phát ngôn viên và tác nhân trực tiếp của Hành Tinh Thượng Đế”.

216. Phát biểu này dường như chấm dứt những suy đoán cho rằng chính Đức Sanat Kumara là Hành Tinh Thượng Đế.

217. Tuy nhiên, đôi khi Các Ngài có thể trở nên đồng hoá với nhau đến mức dường như đúng khi nói về Các Ngài như thể Các Ngài là *một* Đấng.

That great Entity speaks through Him and for one brief second (if one can use such a term in connection with a plane whereon time, **as we understand it**, is not) the planetary Logos of a man's Ray consciously —via His etheric brain—turns His thought upon the Initiate, and "calls him by His Name."

Thực Thể vĩ đại ấy phán qua Ngài và trong một giây ngắn ngủi (nếu có thể dùng một thuật ngữ như vậy khi liên hệ với một cõi nơi thời gian, **theo như chúng ta hiểu về nó**, là không có) Hành Tinh Thượng Đế của cung của một người một cách hữu thức—qua bộ não dĩ thái của Ngài—hướng tư tưởng của Ngài đến điểm đạo đồ, và "gọi y bằng Danh của Ngài."

218. This is a magnificent and revelatory definition of initiation.

218. Đây là một định nghĩa tráng lệ và đầy mặc khải về điểm đạo.

219. It is the Planetary Logos Who is here called "that great Entity".

219. Chính Hành Tinh Thượng Đế là Đấng ở đây được gọi là "Thực Thể vĩ đại ấy".

220. We note that DK is not saying that on the higher mental plane time does not exist, but only that on that plane, time "as we understand it" is not.

220. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không nói rằng trên cõi thượng trí thời gian không tồn tại, mà chỉ nói rằng trên cõi ấy, thời gian "theo như chúng ta hiểu về nó" là không có.

221. There is another possible implication which should not be overlooked:

221. Có một hàm ý khả dĩ khác không nên bị bỏ qua:

a. Is *our* Planetary Logos necessarily the Planetary Logos of a man's ray?

a. Phải chăng *Đức* Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta nhất thiết là Đức Hành Tinh Thượng Đế của cung của một người?

b. Or, is it that the Planetary Logos of a man's ray (in most cases a *different* Planetary Logos than *our* Planetary Logos) in some manner manages to work *through our* Planetary Logos and thus reach the initiate as He stands before Sanat Kumara (though Whom *our* Planetary Logos works)?

b. Hay phải chăng Đức Hành Tinh Thượng Đế của cung của một người (trong đa số trường hợp là một Đức Hành Tinh Thượng Đế *khác* với *Đức* Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta) bằng cách nào đó xoay xở để hoạt động *thông qua Đức* Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và nhờ đó tiếp cận điểm đạo đồ khi Ngài đứng trước Đức Sanat Kumara (Đấng mà qua Ngài đó *Đức* Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta hoạt động)?

222. If we are talking of the third initiation, then the monadic ray is not the only ray in question (though it has become of

222. Nếu chúng ta đang nói về lần điểm đạo thứ ba, thì cung chân thần không phải là cung duy nhất được xét đến (dù nó đã trở

importance). Rather the ray of the soul is *still* of importance at the third initiation and there are seven such rays. So *our* Planetary Logos cannot be the Planetary Logos of a man's ray for *all* the human beings who seek initiation upon this planet—IF the ray of the soul is the ray meant by "a man's Ray".

nên quan trọng). Đúng hơn, cung linh hồn *vẫn* còn quan trọng ở lần điểm đạo thứ ba và có bảy cung như thế. Vì vậy *Đức* Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta không thể là Đức Hành Tinh Thượng Đế của cung của một người đối với *mọi* con người tìm kiếm điểm đạo trên hành tinh này—NẾU cung linh hồn là cung được hàm ý bởi "cung của một người".

223. Or may it be the case that if a member of the Fourth Creative Hierarchy works upon this planet, one of his major rays is definitely the same as one of the major rays of the Planetary Logos of Earth?

223. Hay có thể là trường hợp rằng nếu một thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư hoạt động trên hành tinh này, thì một trong các cung chính của y nhất định cũng là một trong các cung chính của Đức Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất?

224. We have been told that those who pass through the Earth-scheme are, for the most part, Monads on the third ray, even though the third ray is only the *personality* ray of our Planetary Logos.

224. Chúng ta đã được cho biết rằng những ai đi qua hệ hành tinh Địa Cầu, phần lớn là các chân thần trên cung ba, mặc dù cung ba chỉ là cung *phàm ngã* của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

225. We note that in the initiation process, the etheric brain of the initiating Logos is involved. We might wonder whether the pertinent statement means that the etheric brain of the *man* is involved (and no doubt it will be). However, it is the Planetary Logos who is implicated otherwise the word "His" would not be capitalized.

225. Chúng ta lưu ý rằng trong tiến trình điểm đạo, bộ não dĩ thái của Thượng đế điểm đạo có liên quan. Chúng ta có thể tự hỏi liệu phát biểu thích đáng ấy có nghĩa là bộ não dĩ thái của *con người* có liên quan hay không (và hẳn là có). Tuy nhiên, chính Đức Hành Tinh Thượng Đế mới là Đấng được hàm ý, nếu không thì từ "Ngài" đã không được viết hoa.

226. (In this Commentary, when one sees the word "Ray" or "ray", nothing should be made of the distinction. Sometimes "Ray" is used if that capitalization is used in the text. Most often, however, the lower case "ray" is used. This is the author's preference except when Ray Lords and Their names are being discussed.

226. (Trong phần Bình luận này, khi thấy từ "Ray" hay "ray", không nên suy diễn gì từ sự khác biệt ấy. Đôi khi "Ray" được dùng nếu trong nguyên văn nó được viết hoa. Tuy nhiên, thường nhất là dùng "ray" viết thường. Đó là sở thích của tác giả, trừ khi đang bàn về các Đấng Chúa Tể Cung và danh xưng của Các Ngài.

227. We note that it is not so much the "Word" uttered by a Planetary Logos that

227. Chúng ta lưu ý rằng không hẳn là "Linh từ" do một Đức Hành Tinh Thượng Đế thốt

reaches the initiate but that the initiate is reached by the Planetary Logos' *thought.* On that level (the level of the Planetary Logos), perhaps, word and thought are identical.

ra chạm đến điểm đạo đồ, mà đúng hơn điểm đạo đồ được tiếp cận bởi *tư tưởng* của Đức Hành Tinh Thượng Đế. Ở cấp độ đó (cấp độ của Đức Hành Tinh Thượng Đế), có lẽ linh từ và tư tưởng là đồng nhất.

228. It is suggested that a significant part of the initiatory process is the calling of the initiate by his name.

228. Có điều được gợi ý rằng một phần quan trọng của tiến trình điểm đạo là việc gọi điểm đạo đồ bằng tên của y.

229. We note that the term "Initiate" is capitalized, suggesting something of the status of one who can be initiated by the Planetary Logos through Sanat Kumara. One must be, minimally, a third degree initiate.

229. Chúng ta lưu ý rằng từ "Initiate" được viết hoa, gợi ý phần nào về địa vị của một người có thể được Đức Hành Tinh Thượng Đế điểm đạo thông qua Đức Sanat Kumara. Tối thiểu, người ấy phải là một điểm đạo đồ bậc ba.

Again the Kumaras are *embodied principles,* but in this connection we must remember that this means that the force and **energy of one of the principles of the Logos are pouring through Them via that which—to Them—corresponds to the Monad.**

Một lần nữa các Kumaras là những *nguyên khí nhập thể,* nhưng trong mối liênhệ này chúng ta phải nhớ rằng điều đó có nghĩa là mãnh lực và **năng lượng của một trong các nguyên khí của Thượng đế đang tuôn qua Các Ngài thông qua điều mà—đối với Các Ngài—tương ứng với chân thần.**

230. Here we are given a significant relationship between the Kumaras and our Planetary Logos. Presumably, the Logos in question is the *Planetary* Logos.

230. Ở đây chúng ta được cho thấy một mối liên hệ quan trọng giữa các Kumaras và Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Có lẽ Thượng đế được nói đến ở đây là *Đức Hành Tinh* Thượng Đế.

231. Each Kumara embodies, it seems, one of the three major principles. The Kumaras are each embodying one of the principles of the Logos.

231. Mỗi Kumara, dường như, nhập thể một trong ba nguyên khí chính. Mỗi Kumara đều đang nhập thể một trong các nguyên khí của Thượng đế.

232. It is of significance that the principle pours through the Kumara through the Kumara's *Monad*.

232. Điều có ý nghĩa là nguyên khí tuôn qua Kumara thông qua *chân thần* của Kumara.

233. Is it suggested that the monadic ray of the Kumara and that of the Planetary Logos is the same? Perhaps not.

233. Có phải ở đây gợi ý rằng cung chân thần của Kumara và của Đức Hành Tinh Thượng Đế là cùng một cung? Có lẽ không.

234. Is it suggested that each Kumara has a distinct monadic ray and is thus receptive of one of the major three principles of the Planetary Logos (each principle being correlated with one of the major three rays)?

234. Có phải ở đây gợi ý rằng mỗi Kumara có một cung chân thần riêng biệt và do đó tiếp nhận một trong ba nguyên khí chính của Đức Hành Tinh Thượng Đế (mỗi nguyên khí tương ứng với một trong ba cung chính)?

235. From another perspective, it could be one of the principles of the *Solar* Logos which is making its influence felt through Their Monad—this, if the term "Logos" means Solar Logos as it so often does.

235. Từ một góc nhìn khác, có thể đó là một trong các nguyên khí của *Thái dương* Thượng đế đang làm cho ảnh hưởng của nó được cảm nhận thông qua chân thần của Các Ngài—điều này, nếu từ "Thượng đế" ở đây có nghĩa là Thái dương Thượng đế như nó thường có.

236. We do have to ask, however, why DK does not speak about their "Monad" rather than "…that—which to Them—corresponds to the Monad". Planetary Logoi, Solar Logoi and Beings of the nature of the Kumaras all have Monads, so is there a blind here?

236. Tuy nhiên, chúng ta quả thật phải hỏi vì sao Chân sư DK không nói về "chân thần" của các Ngài mà lại nói "…điều mà—đối với Các Ngài—tương ứng với chân thần". Các Hành Tinh Thượng Đế, các Thái dương Thượng đế và các Hữu thể có bản chất như các Kumaras đều có chân thần, vậy ở đây có phải là một bức màn che không?

Through Them, during Their period of incarnation and voluntary sacrifice, **the great Prototype of the planetary Logos begins to make His Presence felt, and force from the constellation of the Great Bear faintly vibrates on earth**.

Thông qua Các Ngài, trong thời kỳ lâm phàm và hi sinh tự nguyện của Các Ngài, **Nguyên Mẫu vĩ đại của Hành Tinh Thượng Đế bắt đầu làm cho Sự Hiện Diện của Ngài được cảm nhận, và mãnh lực từ chòm sao Đại Hùng Tinh mơ hồ rung động trên địa cầu**.

237. Who or what is the Prototype of our Planetary Logos?

237. Ai hay điều gì là Nguyên Mẫu của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta?

238. From one perspective we could think of it as our Solar Logos. Yet what is here suggested is that the Prototype is one of the stars in the Great Bear.

238. Từ một góc nhìn, chúng ta có thể nghĩ đó là Thái dương Thượng đế của chúng ta. Tuy nhiên, điều được gợi ý ở đây là Nguyên

Mẫu ấy là một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh.

239. In speaking or the Kumaras, DK means all four, and is suggesting that one of the stars of the Great Bear (is it Benetnasch or Mizar) makes His Presence felt. It is quite impressive to think of the four Kumaras as conduits for the force of one of the Rishis of the Great Bear.

239. Khi nói về các Kumaras, Chân sư DK muốn nói đến cả bốn vị, và đang gợi ý rằng một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh (là Benetnasch hay Mizar?) làm cho Sự Hiện Diện của Ngài được cảm nhận. Thật ấn tượng khi nghĩ đến bốn Kumaras như những ống dẫn cho mãnh lực của một trong các Rishi của Đại Hùng Tinh.

240. The three Buddhas of Activity or Kumaras are in the process of a voluntary sacrifice.

240. Ba Đức Phật Hoạt Động hay các Kumaras đang ở trong tiến trình hi sinh tự nguyện.

241. The following excerpt gives additional information about the sacrifice of the three Buddhas of Activity:

241. Đoạn trích sau đây cho thêm thông tin về sự hi sinh của ba Đức Phật Hoạt Động:

Sanat Kumara has now moved one step ahead of Them upon the great cosmic ladder of evolution, for an aspect of the Law of Sacrifice has conditioned Them. However, within the planetary consciousness and among Those Who work out the divine purposes, there are none Who approach the Eternal Youth and these three Buddhas in point of Evolution. They work out Their plans—these four Great Lives—through the medium of the Lords of the Seven Rays. Under the Law of Analogy, They are to Sanat Kumara what the three mind aspects upon the mental plane are to the disciple and the initiate. (R&I 268)

Đức Sanat Kumara nay đã tiến lên trước Các Ngài một bước trên chiếc thang tiến hoá vũ trụ vĩ đại, vì một phương diện của Định luật Hi Sinh đã tác động lên Các Ngài. Tuy nhiên, trong tâm thức hành tinh và giữa Những Đấng đang thực hiện các mục đích thiêng liêng, không có Đấng nào sánh kịp Thanh Niên Vĩnh Cửu và ba Đức Phật này về điểm tiến hoá. Bốn Sự Sống Vĩ Đại này thực hiện các kế hoạch của Các Ngài thông qua các Đấng Chúa Tể của Bảy Cung. Theo định luật tương đồng, Các Ngài đối với Đức Sanat Kumara cũng như ba phương diện của trí tuệ trên cõi trí đối với đệ tử và điểm đạo đồ. (R&I 268)

At initiation, man becomes aware consciously of the Presence of the planetary Logos **through self-induced contact with his own divine Spirit.**

Khi điểm đạo, con người trở nên hữu thức về Sự Hiện Diện của Đức Hành Tinh Thượng Đế **thông qua sự tiếp xúc do chính mình tạo ra với Tinh thần thiêng liêng của mình.**

242. We can judge that the Tibetan is speaking of the *third* initiation. This is the

242. Chúng ta có thể phán đoán rằng Chân sư Tây Tạng đang nói về lần điểm đạo *thứ ba*.

time when self-induced contact with the Spirit is possible.

Đây là lúc sự tiếp xúc do chính mình tạo ra với tinh thần trở nên khả hữu.

243. The Presence of the Planetary Logos is appreciated through the Presence of Sanat Kumara officiating at the third initiation.

243. Sự Hiện Diện của Đức Hành Tinh Thượng Đế được cảm nhận thông qua Sự Hiện Diện của Đức Sanat Kumara chủ trì lần điểm đạo thứ ba.

244. We should notice that a man's contact with the Monad comes through "self-induced" effort. Unless a man struggles towards the Spirit, there will body no initiation for him.

244. Chúng ta nên lưu ý rằng sự tiếp xúc của một người với chân thần đến qua nỗ lực "do chính mình tạo ra". Trừ phi một người phấn đấu hướng về tinh thần, sẽ không có điểm đạo nào cho y.

245. Another way of seeing this is that a man has to force his was forward into the Presence of the One Initiator through Whom the Presence of the Planetary Logos makes itself felt.

245. Một cách khác để nhìn điều này là một người phải tự thúc đẩy mình tiến vào Sự Hiện Diện của Đấng Điểm đạo Duy Nhất, qua Ngài Sự Hiện Diện của Đức Hành Tinh Thượng Đế được cảm nhận.

At the fifth Initiation he becomes aware of the full extent of this planetary group influence, and [Page 753] of his part in the great whole.

Ở lần Điểm đạo thứ năm y trở nên hữu thức về toàn bộ phạm vi của ảnh hưởng nhóm hành tinh này, và [Page 753] về phần của y trong toàn thể vĩ đại.

246. Mention of the fifth initiation at this point confirms the thought that "initiation" in the previous section of text means the third initiation.

246. Việc nhắc đến lần điểm đạo thứ năm ở điểm này xác nhận ý nghĩ rằng "điểm đạo" trong phần văn bản trước có nghĩa là lần điểm đạo thứ ba.

247. Might we say that at the fifth initiation, the initiate becomes aware of those lives upon the planet Who are members of the Kingdom of Planetary Lives?

247. Chúng ta có thể nói rằng ở lần điểm đạo thứ năm, điểm đạo đồ trở nên hữu thức về những sự sống trên hành tinh là thành viên của Giới các Sự Sống Hành tinh chăng?

248. At the fifth initiation the sense of wholeness increases greatly when compared to the third initiation.

248. Ở lần điểm đạo thứ năm, cảm thức về tính toàn thể gia tăng rất lớn so với lần điểm đạo thứ ba.

249. We have to remember that in some way difficult to understand, the Planetary Logos

249. Chúng ta phải nhớ rằng theo một cách khó hiểu, Đức Hành Tinh Thượng Đế *là một*

is a group. The mysteries of the One and the Many are many!

At the sixth and seventh Initiations the influence of the planetary Prototype is sensed, reaching him via the planetary Logos working through the Initiator.

250. This is a potent statement rich with possible implications.

251. The "planetary Prototype" is one of the stars in the Great Bear or, rather, of the Logoi of the seven major stars of the Great Bear.

252. Is it here implied that there is a difference between the Planetary Logos and the Initiator.

253. When considering Who officiates at the sixth and seventh initiations, the following section of text is necessary to consider:

At the sixth initiation the expression of this Existence on an intermediate plane, a Being Who must at present remain nameless, wields the Rod and administers the oath and secret. In these three expressions of hierarchical government—**Sanat Kumara on the periphery of the three worlds, the Nameless One on the confines of the high planes of human evolution, and the planetary Spirit himself at the final stage—we have the three great manifestations of the Planetary Logos Himself. Through the Planetary Logos at the final great initiation flows the power of the Solar Logos, and He it is Who reveals to the initiate that the Absolute is consciousness in its fullest expression, though at the stage of human existence the**

nhóm. Những huyền nhiệm của Đấng Duy Nhất và Số Đông thật là nhiều!

Ở lần Điểm đạo thứ sáu và thứ bảy, ảnh hưởng của Nguyên Mẫu hành tinh được cảm nhận, đến với y qua Đức Hành Tinh Thượng Đế hoạt động thông qua Đấng Điểm đạo.

250. Đây là một phát biểu mạnh mẽ, phong phú những hàm ý khả dĩ.

251. "Nguyên Mẫu hành tinh" là một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh, hay đúng hơn, là một trong các Thượng đế của bảy ngôi sao chính của Đại Hùng Tinh.

252. Có phải ở đây hàm ý rằng có một sự khác biệt giữa Đức Hành Tinh Thượng Đế và Đấng Điểm đạo.

253. Khi xét xem ai chủ trì lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy, đoạn văn sau đây cần được xem xét:

Ở lần điểm đạo thứ sáu, biểu hiện của Sự Tồn Tại này trên một cõi trung gian, một Hữu Thể hiện nay phải còn vô danh, cầm Thần Trượng và ban lời thề cùng bí mật. Trong ba biểu hiện này của chính quyền huyền giai—**Đức Sanat Kumara ở chu vi của ba cõi thấp, Đấng Vô Danh ở ranh giới của các cõi cao của tiến hoá nhân loại, và chính Chân Linh Hành Tinh ở giai đoạn cuối cùng—chúng ta có ba biểu hiện lớn của chính Đức Hành Tinh Thượng Đế. Qua Đức Hành Tinh Thượng Đế ở lần điểm đạo lớn cuối cùng tuôn chảy quyền năng của Thái dương Thượng đế, và chính Ngài là Đấng mặc khải cho điểm đạo đồ rằng Tuyệt Đối là tâm thức trong biểu hiện đầy đủ nhất của nó, mặc dù ở giai đoạn tồn tại của con**

Absolute must be regarded as unconsciousness. (IHS 92)

254. From what is here said, it is clear that Sanat Kumara does not officiate at the sixth and seventh initiations.

255. A Nameless One officiates at the sixth, and so the Planetary Logos could work through that One at that initiation.

256. However, at the seventh initiation, it appears that the Planetary Logos, Himself, officiates, and that the Solar Logos works through *Him*.

257. So we have an apparent contradiction. In such cases it is always wise to use the word "apparent", as further pondering and the linking of other sections of text (and, better, other intuitive insights), may clarify the issue and resolve what appears to be a contradiction.

258. We might suggest that Sanat Kumara works in relation to the higher mental plane and in relation to the causal body; that the Nameless One works in relation to the atmic plane; and that the Planetary Logos or Planetary Spirit works in relation to the monadic plane.

The method of *direct incarnation* was earlier seen when the Kumaras were in physical form.

259. The suggestion is that Sanat Kumara and the Buddhas of Activity are *still* in physical form, if we consider the systemic ethers physical.

người, Tuyệt Đối phải được xem như vô thức. (IHS 92)

254. Từ điều được nói ở đây, rõ ràng là Đức Sanat Kumara không chủ trì lần điểm đạo thứ sáu và thứ bảy.

255. Một Đấng Vô Danh chủ trì lần thứ sáu, và như vậy Đức Hành Tinh Thượng Đế có thể hoạt động thông qua Đấng ấy trong lần điểm đạo đó.

256. Tuy nhiên, ở lần điểm đạo thứ bảy, dường như chính Đức Hành Tinh Thượng Đế chủ trì, và Thái dương Thượng đế hoạt động thông qua *Ngài*.

257. Vì vậy chúng ta có một mâu thuẫn bề ngoài. Trong những trường hợp như thế, luôn luôn khôn ngoan khi dùng từ "bề ngoài", vì sự suy ngẫm thêm và việc liên kết các đoạn văn khác (và tốt hơn nữa, các linh thị trực giác khác) có thể làm sáng tỏ vấn đề và giải quyết điều có vẻ là một mâu thuẫn.

258. Chúng ta có thể gợi ý rằng Đức Sanat Kumara hoạt động trong liên hệ với Cõi thượng trí và với thể nguyên nhân; rằng Đấng Vô Danh hoạt động trong liên hệ với cõi atma; và rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Chân Linh Hành Tinh hoạt động trong liên hệ với cõi chân thần.

Phương pháp *lâm phàm trực tiếp* đã được thấy trước đó khi các Kumaras ở trong hình tướng hồng trần.

259. Điều được gợi ý là Đức Sanat Kumara và các Đệ tử của Ngài *vẫn* ở trong hình tướng hồng trần, nếu chúng ta xem các dĩ thái hệ thống là hồng trần.

This only applied to some of Them;

Điều này chỉ áp dụng cho một số vị trong Các Ngài;

260. DK is telling us that the statement does not apply to the Esoteric Kumaras Who have not descended to the same dimensional depth of immersion.

260. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng phát biểu này không áp dụng cho các Kumaras Nội Môn, những vị chưa giáng xuống cùng một độ sâu chiều kích của sự nhập chìm.

Sanat Kumara and His Pupils are in physical form, but have not taken dense physical bodies. **They work on the vital etheric levels, and dwell in etheric bodies.**

Đức Sanat Kumara và các Đệ tử của Ngài ở trong hình tướng hồng trần, nhưng không mang các thể xác đậm đặc. **Các Ngài hoạt động trên các cấp độ dĩ thái sinh lực, và cư ngụ trong các thể dĩ thái.**

261. It has long been debated whether Sanat Kumara and His Pupils are to be found only on the cosmic etheric planes or on the *systemic* ethers as well. What is given here and following suggests that the systemic ethers are definitely involved.

261. Từ lâu đã có tranh luận liệu Đức Sanat Kumara và các Đệ tử của Ngài chỉ hiện diện trên các cõi dĩ thái vũ trụ hay còn trên các dĩ thái *hệ thống* nữa. Điều được nêu ở đây và tiếp sau cho thấy các dĩ thái hệ thống chắc chắn có liên quan.

Shamballa, where They dwell, exists in physical matter as do the Kumaras, **but it is matter of the higher ethers of the physical plane,**

Shamballa, nơi Các Ngài cư ngụ, tồn tại trong vật chất hồng trần cũng như các Kumaras, **nhưng đó là vật chất của các dĩ thái cao của cõi hồng trần,**

262. Presumably, this means the *systemic physical plane* and not the cosmic physical plane.

262. Có lẽ điều này có nghĩa là *cõi hồng trần hệ thống* chứ không phải cõi hồng trần vũ trụ.

and **only when man has developed etheric vision will the mystery lying beyond the be revealed.**

và **chỉ khi con người đã phát triển linh thị dĩ thái thì huyền nhiệm nằm bên kia mới được mặc khải.**

263. What is said here is of great importance. Shamballa is usually conceived as existing on the cosmic ethers and this is true as far as it goes.

263. Điều được nói ở đây có tầm quan trọng lớn. Shamballa thường được quan niệm là tồn tại trên các dĩ thái vũ trụ và điều đó đúng trong chừng mực của nó.

264. Here its seems we are being told that Shamballa exists on the higher *systemic* ethers, and not only on the cosmic ethers.

264. Ở đây dường như chúng ta đang được cho biết rằng Shamballa tồn tại trên các dĩ thái *hệ thống* cao hơn, chứ không chỉ trên các dĩ thái vũ trụ.

265. This must necessarily be the case because *etheric vision* pertains to the *systemic* ethers and not to the cosmic ethers. The kind of vision pertaining to the *cosmic* ethers is entirely different and has nothing to do with the systemic physical plane and with the powers of the physical eye. Such powers are to be found in the list of higher sense (TCF 188-189)

265. Điều này tất yếu phải như vậy vì *linh thị dĩ thái* thuộc về các dĩ thái *hệ thống* chứ không thuộc về các dĩ thái vũ trụ. Loại linh thị thuộc về các dĩ thái *vũ trụ* hoàn toàn khác và không liên quan gì đến cõi hồng trần hệ thống và các năng lực của mắt hồng trần. Những năng lực như thế được tìm thấy trong danh sách các giác quan cao hơn (TCF 188-189)

Therefore, *Sanat Kumara is the planetary logos yet He is not.*

Vì vậy, *Đức Sanat Kumara là Hành Tinh Thượng Đế nhưng Ngài lại không phải.*

266. This is somehow the most explicit (and enigmatical) statement made by the Tibetan regarding the identity of Sanat Kumara.

266. Đây theo một cách nào đó là phát biểu minh nhiên nhất (và bí ẩn nhất) mà Chân sư Tây Tạng đã đưa ra liên quan đến căn tính của Đức Sanat Kumara.

267. When we deal with this statement, we have to think of form and identity—they are different. In one way, everything manifesting through our planet *is* the Planetary Logos. But forms of expression vary and some forms are much closer to the archetypal form of the Planetary Logos than other forms.

267. Khi bàn đến phát biểu này, chúng ta phải nghĩ đến hình tướng và căn tính—chúng khác nhau. Theo một cách, mọi thứ biểu hiện qua hành tinh chúng ta *đều là* Đức Hành Tinh Thượng Đế. Nhưng các hình thức biểu đạt thì khác nhau, và một số hình thức gần với hình tướng nguyên mẫu của Đức Hành Tinh Thượng Đế hơn nhiều so với những hình thức khác.

A reflection of this method of direct incarnation can be seen when a disciple steps out of his body and permits his Guru, or a more advanced chela, to use it.

Một phản ánh của phương pháp lâm phàm trực tiếp này có thể được thấy khi một đệ tử bước ra khỏi thể của mình và cho phép Guru của mình, hay một đệ tử cao cấp hơn, sử dụng nó.

268. This was the method used during the cooperation the Initiate, Jesus, with the

268. Đây là phương pháp được dùng trong sự hợp tác giữa điểm đạo đồ Đức Jesus với Đức

Christ, and perhaps of the Initiate Jesus with His disciple Apollonius of Tyana.

Christ, và có lẽ giữa điểm đạo đồ Jesus với đệ tử của Ngài là Apollonius xứ Tyana.

269. Is DK suggesting that the Planetary Logos can 'step into' the body of Sanat Kumara and that the Being, Sanat Kumara, deliberately gives up His vehicle so that the Planetary Logos can do this?

269. Có phải Chân sư DK đang gợi ý rằng Đức Hành Tinh Thượng Đế có thể 'bước vào' thể của Đức Sanat Kumara và rằng Hữu Thể Sanat Kumara cố ý từ bỏ vận cụ của Ngài để Đức Hành Tinh Thượng Đế có thể làm điều này?

270. This would provide a very interesting angle on the Identities and interplay of these two great Beings.

270. Điều này sẽ cung cấp một góc nhìn rất thú vị về các Căn Tính và sự tương tác của hai Hữu Thể Vĩ Đại này.

The mystery of the Bodhisattvas [Footnote 51: S. D., I, 82, 83] has been touched upon by H. P. B. and until students have assimilated and studied what she has said, there is no more to add.

H. P. B. đã chạm đến huyền nhiệm của các Đức Bồ Tát [Footnote 51: S. D., I, 82, 83] và cho đến khi các đạo sinh đồng hoá và nghiên cứu điều bà đã nói, thì không có gì thêm để bổ sung.

271. It is recommended, then, that we pursue this. A search through The Secret Doctrine will reveal a number of profound references which would provide a study in itself

271. Vậy thì, điều được khuyến nghị là chúng ta theo đuổi việc này. Một cuộc tìm kiếm trong Giáo Lý Bí Nhiệm sẽ phơi bày một số tham chiếu sâu sắc, tự chúng đã đủ làm thành một công trình nghiên cứu

272. One sample reference from The Secret Doctrine I, 571, will give an idea of the kind of thought required:

272. Một tham chiếu mẫu từ Giáo Lý Bí Nhiệm I, 571, sẽ cho thấy loại tư tưởng được đòi hỏi:

This is the Logos (the first), or Vajradhara, the Supreme Buddha (also called Dorjechang). As the Lord of all Mysteries he cannot manifest, but sends into the world of manifestation his heart -- the "diamond heart," Vajrasattva (Dorjesempa). This is the second logos of creation, from whom emanate the seven (in the exoteric blind the five) Dhyani Buddhas, called the Anupadaka, "the parentless." These Buddhas are the primeval monads from the world of incorporeal being, the Arupa world, wherein the Intelligences (on that plane only) have

Đây là Thượng đế (đấng thứ nhất), hay Vajradhara, Đức Phật Tối Thượng (cũng được gọi là Dorjechang). Là Chúa Tể của mọi Huyền Nhiệm, Ngài không thể biểu hiện, nhưng gửi vào thế giới biểu hiện trái tim của Ngài -- "trái tim kim cương," Vajrasattva (Dorjesempa). Đây là thượng đế thứ hai của sáng tạo, từ Ngài phát xuất bảy vị (trong bức màn che ngoại môn là năm vị) Dhyani Buddhas, được gọi là Anupadaka, "vô phụ mẫu". Các Đức Phật này là những chân thần nguyên sơ từ thế giới của hữu thể vô hình thể, thế giới Arupa, nơi các Trí Tuệ (chỉ trên

neither shape nor name, in the exoteric system, but have their distinct seven names in esoteric philosophy. These Dhyani Buddhas emanate, or create from themselves, by virtue of Dhyana, celestial Selves -- the super-human **Bodhisattvas**. These incarnating at the beginning of every human cycle on earth as mortal men, become occasionally, owing to their personal merit, **Bodhisattvas** among the Sons of Humanity, after which they may re-appear as Manushi (human) Buddhas. The Anupadaka (or Dhyani-Buddhas) are thus identical with the Brahminical Manasaputra, "mind-born sons" -- whether of Brahma or either of the other two Trimurtian Hypostases, hence identical also with the Rishis and Prajapatis. Thus, a passage is found in Anugita, which, read esoterically, shows plainly, though under another imagery, the same idea and system. It says: "Whatever entities there are in this world, moveable or immoveable, they are the very first to be dissolved (at pralaya); and next the developments produced from the elements (from which the visible Universe is fashioned); and, after these developments (evolved entities), all the elements. Such is the upperward gradation among entities. Gods, Men, Gandharvas, Pisachas, Asuras, Rakshasas, all have been created by Svabhava (Prakriti, or plastic nature), not by actions, nor by a cause" -- i.e., not by any physical cause.

cõi ấy) không có hình dạng cũng không có tên gọi trong hệ thống ngoại môn, nhưng có bảy danh xưng riêng biệt trong triết học bí truyền. Các Dhyani Buddhas này phát xuất, hay tạo ra từ chính mình, nhờ năng lực của Dhyana, các Bản Ngã thiên giới -- các **Đức Bồ Tát** siêu nhân. Những vị này nhập thể vào đầu mỗi chu kỳ nhân loại trên địa cầu như những con người phàm trần, và đôi khi, nhờ công đức cá nhân của mình, trở thành **Đức Bồ Tát** giữa các Con của Nhân Loại, sau đó các vị ấy có thể tái xuất hiện như các Đức Phật Manushi (nhân loại). Các Anupadaka (hay Dhyani-Buddhas) vì thế đồng nhất với các Manasaputra Bà-la-môn giáo, "những người con sinh ra từ trí tuệ" -- dù là của Brahma hay của một trong hai Ngôi vị Trimurtian kia, do đó cũng đồng nhất với các Rishis và Prajapatis. Vì vậy, một đoạn được tìm thấy trong Anugita, mà khi đọc theo huyền nghĩa, cho thấy rõ ràng, dù dưới một hình ảnh khác, cùng một ý tưởng và cùng một hệ thống. Đoạn ấy nói: "Bất cứ thực thể nào có trong thế giới này, động hay bất động, chúng là những thứ đầu tiên bị tan rã (vào pralaya); rồi đến những phát triển được tạo ra từ các nguyên tố (từ đó Vũ Trụ hữu hình được cấu thành); và sau những phát triển này (các thực thể đã tiến hoá), là tất cả các nguyên tố. Đó là sự phân cấp đi lên trên giữa các thực thể. Chư thần, con người, Gandharvas, Pisachas, Asuras, Rakshasas, tất cả đều đã được tạo ra bởi Svabhava (Prakriti, hay bản chất tạo hình), chứ không phải bởi hành động, cũng không phải bởi một nguyên nhân" -- nghĩa là, không phải bởi bất kỳ nguyên nhân hồng trần nào.

Apprehension of truth is ever the factor that calls for fresh revelation.

Sự lĩnh hội chân lý luôn luôn là yếu tố kêu gọi sự mặc khải mới mẻ.

273. This is to be remembered at a time when assimilation of the Teaching already given is required. Assimilation is our duty

273. Điều này cần được ghi nhớ vào lúc việc đồng hoá Giáo Huấn đã được ban ra là điều cần thiết. Đồng hoá là bổn phận của chúng

and a pressing duty at a time when a still greater revelation is imminent (2025 and after)

ta, và là một bổn phận cấp bách vào lúc một sự mặc khải còn lớn hơn nữa đang cận kề (2025 và sau đó)

A very interesting period will come about the year 1966 and persist to the end of the century.

Một thời kỳ rất thú vị sẽ đến vào khoảng năm 1966 và kéo dài đến cuối thế kỷ.

274. We can date the emerge of the wide-spread Hippy movement from this time—and the "Summer of Love" the very next year.

274. Chúng ta có thể xác định sự xuất hiện của phong trào Hippy lan rộng từ thời điểm này—và "Mùa Hè Tình Yêu" ngay năm sau đó.

275. The year 1966 was the year in which the Christ appropriated the "Vestures of the Buddha"—**presumably the permanent atoms of the Buddhas spiritual triad, left for the use of the Christ**.

275. Năm 1966 là năm Đức Christ tiếp nhận "Pháp y của Đức Phật"—**có lẽ là các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần của Đức Phật, được để lại cho Đức Christ sử dụng**.

276. These higher permanent atoms still allow for the expression of faculty in the lower realms usually ruled by the atomic triangle.

276. Các nguyên tử trường tồn cao hơn này vẫn cho phép biểu hiện năng lực trong các cõi thấp thường được cai quản bởi tam giác nguyên tử.

It is one for which the Great Ones are already making due preparation.

Đó là một thời kỳ mà Các Đấng Cao Cả đã và đang chuẩn bị thích đáng.

277. This book was written some forty years before the year 1966. We are given an idea of how far ahead the Great Ones plan.

277. Quyển sách này được viết trước năm 1966 khoảng bốn mươi năm. Chúng ta được cho một ý niệm về việc Các Đấng Cao Cả hoạch định xa đến mức nào.

278. Along this line, we are told that ever since the founding of the Spiritual Hierarchy some eighteen and a half million years its Members have been planning for the days which are now upon us.

278. Theo đường hướng này, chúng ta được cho biết rằng kể từ khi Thánh đoàn tinh thần được thành lập cách đây khoảng mười tám triệu rưỡi năm, các Thành viên của Thánh đoàn đã hoạch định cho những ngày hiện đang ở trước mắt chúng ta.

It concerns a centennial effort of the Lodge and of the Personages taking part therein. **Each century sees a centennial effort of the**

Điều này liên quan đến một nỗ lực bách niên của Thánh đoàn và của các Đấng tham dự trong đó. **Mỗi thế kỷ đều chứng kiến một nỗ lực bách niên của Thánh đoàn dọc theo một**

Lodge along a particular line of force made to forward the ends of evolution,

279. Usually, toward the end of a century, the effort is made upon the *first ray* line.

280. However, judging from the great Consciousness Movement which has transpired during the latter third of the 20th century, there would be good reason to judge that the particular line of force was the *second* ray.

and the effort for the twentieth century will be upon a larger scale than has been the case for a very long time, and will involve a number of Great Ones.

281. With the Reappearance of the Christ imminent, there must have been good reason for an effort upon a much larger scale.

282. We witnessed in the last thirty-five years of the 20th century a phenomenal growth of the consciousness movement, of the sense of unity, of the sense of the One Humanity (conveyed through the growth of the telecommunications network).

283. We must judge whether that centennial effort has been a success, yet perhaps we are not qualified to judge. Certainly, human consciousness and interdependence have made great strides.

In a similar effort during the nineteenth century, H. P. B. was concerned, and a fairly large number of chelas.

284. This effort came at the close of the 19th century. Perhaps we can date the "push"

đường mãnh lực đặc biệt nhằm thúc đẩy các mục tiêu của tiến hoá,

279. Thông thường, vào cuối một thế kỷ, nỗ lực ấy được thực hiện trên đường *cung một*.

280. Tuy nhiên, xét theo phong trào Tâm thức vĩ đại đã diễn ra trong một phần ba cuối của thế kỷ 20th, có lý do chính đáng để phán đoán rằng đường mãnh lực đặc biệt ấy là cung *hai*.

và nỗ lực cho thế kỷ hai mươi sẽ ở trên một quy mô lớn hơn so với trường hợp đã có trong một thời gian rất dài, và sẽ liên quan đến một số Đấng Cao Cả.

281. Với sự Tái Lâm của Đức Christ đang cận kề, hẳn phải có lý do chính đáng cho một nỗ lực trên quy mô lớn hơn nhiều.

282. Trong ba mươi lăm năm cuối của thế kỷ 20th, chúng ta đã chứng kiến sự tăng trưởng phi thường của phong trào tâm thức, của cảm thức hợp nhất, của cảm thức về Một Nhân Loại (được chuyển tải qua sự phát triển của mạng lưới viễn thông).

283. Chúng ta phải phán đoán xem nỗ lực bách niên ấy có thành công hay không, tuy nhiên có lẽ chúng ta không đủ tư cách để phán đoán. Chắc chắn, tâm thức nhân loại và tính tương thuộc đã có những bước tiến lớn.

Trong một nỗ lực tương tự trong thế kỷ mười chín, H. P. B. có liên quan, cùng với một số khá lớn các đệ tử.

284. Nỗ lực này đến vào cuối thế kỷ 19th. Có lẽ chúng ta có thể xác định cú "thúc đẩy" từ

from the time *Isis Unveiled* was prepared and published. The founding of the Theosophical Society and the writing of *The Secret Doctrine* were part of this same effort.

lúc *Isis Unveiled* được chuẩn bị và xuất bản. Việc thành lập Hội Thông Thiên Học và việc viết *Giáo Lý Bí Nhiệm* là một phần của cùng nỗ lực này.

285. Given HPB as the 'leader' of this effort, there is every reason to consider that the push occurred along the first ray line.

285. Với HPB là 'người lãnh đạo' của nỗ lực này, hoàn toàn có lý do để xem cú thúc đẩy ấy đã xảy ra dọc theo đường cung một.

In the effort immediately ahead, [Page 754] several of the Great Ones are concerned and the Master of the Masters Himself;

Trong nỗ lực ngay phía trước, [Page 754] một số Đấng Cao Cả có liên quan và chính Chân sư của các Chân sư;

286. Here, again, we are speaking of the effort which was launched in 1966.

286. Ở đây, một lần nữa, chúng ta đang nói về nỗ lực đã được khởi động vào năm 1966.

287. It is fascinating to realize that the Christ, Himself, was intimately involved in this effort.

287. Thật hấp dẫn khi nhận ra rằng chính Đức Christ đã mật thiết tham gia vào nỗ lực này.

288. When *Initiation: Human and Solar* was written, it was anticipated that the Christ, Himself, might appear in the middle or later part of the 20th century. Could that possible Reappearance have been 'scheduled' for the time He was to appropriate the "Vestures of the Buddha"? It is possible but, probably, the appearance of atomic energy in the form of atomic weapons of mass destruction changed everything.

288. Khi *Điểm Đạo: Nhân Loại và Thái Dương* được viết, người ta dự đoán rằng chính Đức Christ có thể xuất hiện vào phần giữa hay phần sau của thế kỷ 20th. Có thể nào sự Tái Lâm khả dĩ ấy đã được 'ấn định' vào lúc Ngài sẽ tiếp nhận "Pháp y của Đức Phật"? Điều đó là có thể nhưng, có lẽ, sự xuất hiện của năng lượng nguyên tử dưới hình thức các vũ khí nguyên tử hủy diệt hàng loạt đã thay đổi mọi sự.

in Their "forthcoming" for work three out of the various methods of appearing mentioned earlier will be seen in full activity, and it is on these three that we might now touch.

trong sự "sắp đến" của Các Ngài để làm việc, ba trong số các phương pháp xuất hiện khác nhau đã được nhắc đến trước đây sẽ được thấy trong hoạt động trọn vẹn, và giờ đây chúng ta có thể chạm đến ba phương pháp ấy.

289. We may suspect that the methods concerned could be named as:

289. Chúng ta có thể ngờ rằng các phương pháp được nói đến có thể được nêu tên như sau:

a. Overshadowing

b. The method of embodying some principle

c. The method of "Direct Incarnation", wherein certain Masters may initially work through certain of Their high chelas.

290. As for the "method seen in the mystery of the Bodhisattva, or the Christ.", we still await the Reappearance of the Christ, and yet, some of the references seem to suggest that the Christ Himself was expected to externalize in the middle of the 20th century, or if not, then perhaps at the end as the following quotation indicates:

Certain facts concerning these Masters, and Their work in the present and in the future, may be in place here. First, the work of training Their pupils and disciples to fit them to be of use in two great events, **one, the coming of the World Teacher towards the middle or close of this present century,** and the other, the training of them to be of use in the founding of the new sixth sub-race and in the reconstruction of the present world conditions. (IHS 60-61)

In the appearing of the Bodhisattva Himself, the mystery of the Bodhisattva will be seen in its fullest sense, and it is not for us here to enlarge upon it.

291. We still await the coming of the "oncoming One" (as the Old Commentary describes Him).

a. Phủ bóng

b. Phương pháp nhập thể một nguyên khí nào đó

c. Phương pháp "Lâm Phàm Trực Tiếp", trong đó một số Chân sư lúc đầu có thể hoạt động thông qua một số đệ tử cao cấp của Các Ngài.

290. Còn về "phương pháp được thấy trong huyền nhiệm của Đức Bồ Tát, hay Đức Christ.", chúng ta vẫn đang chờ đợi sự Tái Lâm của Đức Christ, tuy nhiên một số tham chiếu dường như gợi ý rằng chính Đức Christ đã được mong đợi sẽ ngoại hiện vào giữa thế kỷ 20th, hoặc nếu không, thì có lẽ vào cuối thế kỷ như trích dẫn sau cho thấy:

Một số sự kiện liên quan đến các Chân sư này, và công việc của Các Ngài trong hiện tại và tương lai, có thể thích hợp được nêu ra ở đây. Trước hết, công việc huấn luyện các học trò và đệ tử của Các Ngài để làm cho họ thích hợp hữu dụng trong hai biến cố lớn, **một là sự đến của Đức Chưởng Giáo vào khoảng giữa hoặc cuối thế kỷ hiện tại này,** và biến cố kia là huấn luyện họ để hữu dụng trong việc thành lập giống dân phụ thứ sáu mới và trong việc tái thiết các điều kiện thế giới hiện nay. (IHS 60-61)

Trong sự xuất hiện của chính Đức Bồ Tát, huyền nhiệm của Đức Bồ Tát sẽ được thấy trong ý nghĩa đầy đủ nhất của nó, và ở đây chúng ta không nên khai triển thêm về điều đó.

291. Chúng ta vẫn đang chờ đợi sự đến của "Đấng đang đến" (như Cổ Luận mô tả Ngài).

292. There is much more to this Reappearance than esotericists usually suspect.

292. Có nhiều điều hơn nữa trong sự Tái Lâm này so với điều các nhà bí truyền học thường ngờ tới.

293. Later in His writings (and once the Lord Maitreya had decided to return to our globe in *apparently* 'dense' physical incarnation) the Tibetan explored the subject of the "appearing of the Bodhisattva Himself" in much greater detail

293. Về sau trong các trước tác của mình (và một khi Đức Maitreya đã quyết định trở lại bầu hành tinh của chúng ta trong sự lâm phàm hồng trần 'đậm đặc' một cách *bề ngoài*) Chân sư Tây Tạng đã khảo sát chủ đề "sự xuất hiện của chính Đức Bồ Tát" chi tiết hơn rất nhiều

Suffice it to say that the vestures of the GREAT ONE will be used,

Chỉ cần nói rằng pháp y của ĐẤNG VĨ ĐẠI sẽ được sử dụng,

294. We are speaking of the vestures of the Buddha. Their appropriation dated from 1966, but their use in an *externalized* state still looms head,The Christ, as far as we know, has not specified the exact *date* of His Reappearance, but He has surely specified the requirements.

294. Chúng ta đang nói về pháp y của Đức Phật. Việc tiếp nhận chúng có từ năm 1966, nhưng việc sử dụng chúng trong một trạng thái *ngoại hiện* vẫn còn ở phía trước,Đức Christ, theo điều chúng ta biết, chưa xác định *ngày tháng* chính xác của sự Tái Lâm của Ngài, nhưng chắc chắn Ngài đã xác định các điều kiện cần thiết.

295. We must also remember that when *A Treatise on Cosmic Fire* was written, it was not yet decided in what mode the Christ would return—whether in physical incarnation or only on the subtler planes.

295. Chúng ta cũng phải nhớ rằng khi *Luận về Lửa Vũ Trụ* được viết, khi ấy vẫn chưa quyết định Đức Christ sẽ trở lại theo phương thức nào—trong lâm phàm hồng trần hay chỉ trên các cõi vi tế hơn.

but time will show whether the coming Lord will clothe upon those vestures a physical vehicle at this particular juncture, or whether the astral plane may not be the field of His activity.

nhưng thời gian sẽ cho thấy liệu Đấng Chúa Tể đang đến có khoác lên những y phục ấy một hiện thể hồng trần vào đúng thời điểm đặc biệt này hay không, hay liệu cõi cảm dục mới là lĩnh vực hoạt động của Ngài.

296. Some twenty years after the publication of *A Treatise on Cosmic Fire*, the decision was made to "clothe upon those vestures a physical vehicle".

296. Khoảng hai mươi năm sau khi xuất bản *Luận về Lửa Vũ Trụ*, quyết định đã được đưa ra là "khoác lên những y phục ấy một hiện thể hồng trần".

297. We must remember that anything that can be accomplished by a unit within the atomic triangle can be accomplished by the permanent atoms of the spiritual triad which, from the time of the fourth initiation onwards, contain the content of the lower units 'translated' to the spiritual triad.

297. Chúng ta phải nhớ rằng bất cứ điều gì có thể được hoàn thành bởi một đơn vị trong tam giác nguyên tử thì cũng có thể được hoàn thành bởi các Nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần; từ lần điểm đạo thứ tư trở đi, chúng chứa đựng nội dung của các đơn vị thấp đã được "chuyển dịch" vào Tam Nguyên Tinh Thần.

If the student ponders upon the consequences entailed in the appropriation of this vesture, much light upon probable happenings will be thrown.

Nếu đạo sinh suy ngẫm về những hệ quả bao hàm trong việc tiếp nhận y phục này, thì nhiều ánh sáng sẽ được soi rọi lên những biến cố có thể xảy ra.

298. The union of the East and West will be more readily achieved. The Christ will become an embodiment on Earth of that which the Buddha brought to humanity as well as of His own Doctrine of Love. Two hemispheres of our planet will be linked.

298. Sự hợp nhất Đông và Tây sẽ được thực hiện dễ dàng hơn. Đức Christ sẽ trở thành một hiện thân trên Trái Đất của điều mà Đức Phật đã mang đến cho nhân loại cũng như của chính Giáo lý Bác ái của Ngài. Hai bán cầu của hành tinh chúng ta sẽ được nối kết.

299. The use of the vestures will bring much closer the day of the One Humanity *consciously appreciated* by the human race.

299. Việc sử dụng các y phục sẽ đưa ngày của Nhất Nhân Loại đến gần hơn nhiều, ngày mà nhân loại sẽ *có ý thức trân trọng* điều ấy.

The vestures act in a dual capacity:

Các y phục hoạt động trong hai năng lực:

a. They are very highly magnetised, and therefore have a profound and far-reaching effect when utilised.

a. Chúng được từ hóa ở mức rất cao, và vì vậy tạo ra một tác động sâu xa và rộng lớn khi được sử dụng.

300. The Christ (already supremely magnetic in His own right) will have to act as a tremendous magnet within the human race and on the planet. The highly magnetized vestures of the Buddha will help with this task making His appeal even greater, if that can be imagined.

300. Đức Christ (vốn đã có từ tính tối thượng nơi chính Ngài) sẽ phải hoạt động như một nam châm mãnh liệt trong lòng nhân loại và trên hành tinh. Những y phục được từ hóa cao độ của Đức Phật sẽ giúp trong nhiệm vụ này, làm cho sức hấp dẫn của Ngài còn lớn hơn nữa, nếu điều đó có thể hình dung được.

b. They act as a focal point for the force of the Lord Buddha and link up the coming Lord with Him, enabling Him to increase His

b. Chúng hoạt động như một tiêu điểm cho mãnh lực của Đức Phật và nối kết Đấng Chúa Tể đang đến với Ngài, giúp Ngài gia tăng

Own stupendous resources by drawing upon still higher force centres, via the Lord Buddha.

301. The Buddha, presently, is a 'Resident' of Shamballa and remains as a key Figure in the coming redemption of the human race.

302. The Buddha is the Lord of Light and of Wisdom. It is the Light and Wisdom of Shamballa which the Christ will be able to draw upon through the utilization of the Buddha's vestures.

303. We see what a combining of forces is planned for the Reappearance of the Christ.

This force will find its expression upon the astral plane, producing **vast results of a quieting nature** and bringing, by reflex action, peace on earth.

304. The Buddha was known for His astonishing equanimity.

305. We may assume that with the addition of this type of buddhic force to the planetary psyche, it will become much easier for many to take the second initiation.

306. We remember that Venus, the planet ruling Taurus—so identified with the Buddha—is one of the major planets involved in the taking of the second initiation and is a planet of tranquility.

307. Presumably by the time these energies can be applied to the astral body of humanity and the planet, many of the

những nguồn lực phi thường của Chính Ngài bằng cách rút lấy từ các trung tâm mãnh lực còn cao hơn nữa, thông qua Đức Phật.

301. Hiện nay, Đức Phật là một "Đấng Thường Trú" của Shamballa và vẫn là một Nhân Vật chủ chốt trong sự cứu chuộc sắp đến của nhân loại.

302. Đức Phật là Chúa Tể của Ánh sáng và của minh triết. Chính Ánh sáng và minh triết của Shamballa mà Đức Christ sẽ có thể rút lấy thông qua việc sử dụng các y phục của Đức Phật.

303. Chúng ta thấy sự phối hợp các mãnh lực được hoạch định cho Sự Tái Lâm của Đức Christ.

Mãnh lực này sẽ tìm được sự biểu lộ của nó trên cõi cảm dục, tạo ra **những kết quả to lớn có tính chất làm lắng dịu** và, qua phản ứng dội lại, mang hòa bình đến thế gian.

304. Đức Phật được biết đến vì sự bình thản đáng kinh ngạc của Ngài.

305. Chúng ta có thể giả định rằng với việc bổ sung loại mãnh lực Bồ đề này vào tâm lý hành tinh, nhiều người sẽ dễ dàng hơn rất nhiều trong việc tiếp nhận lần điểm đạo thứ hai.

306. Chúng ta nhớ rằng Sao Kim, hành tinh cai quản Kim Ngưu—vốn được đồng nhất rất nhiều với Đức Phật—là một trong những hành tinh chính liên quan đến việc tiếp nhận lần điểm đạo thứ hai và là một hành tinh của sự tĩnh lặng.

307. Có lẽ vào lúc các năng lượng này có thể được áp dụng vào thể cảm dục của nhân loại và của hành tinh, nhiều linh hồn cung sáu

tumultuous sixth rays souls will have been temporarily abstracted into the state of pralaya. We look forward to the conclusion of this abstraction shortly after the beginning of the Aquarian Age in 2117.

đầy xáo động sẽ tạm thời được rút vào trạng thái Giai kỳ qui nguyên. Chúng ta mong đợi sự kết thúc của sự rút lui này không lâu sau khi bắt đầu Kỷ Nguyên Bảo Bình vào năm 2117.

The transmutation of desire into aspiration, and the transformation of low desire into high desire, will be some of the effects,

Sự chuyển hoá dục vọng thành khát vọng, và sự chuyển đổi dục vọng thấp thành dục vọng cao, sẽ là một vài trong những kết quả ấy,

308. We may remember that the highest type of aspirational idealism is associated with Taurus, the astrological sign most associated with the Buddha.

308. Chúng ta có thể nhớ rằng loại lý tưởng khát vọng cao nhất được liên kết với Kim Ngưu, dấu hiệu hoàng đạo gắn bó nhiều nhất với Đức Phật.

Desire in its lowest expression is linked with the form in Taurus. **Aspirational idealism in its highest possible expression is also achieved in Taurus**. Aspiration is linked, however, in its lowest expression with the soul and in its highest with spirit. Self-will relates man to form; the will of God relates the soul of the man to the spirit. It takes three initiations to make this clear to the disciple. (EA 391)

Dục vọng trong biểu hiện thấp nhất của nó được nối kết với hình tướng trong Kim Ngưu. **Chủ nghĩa lý tưởng khát vọng trong biểu hiện cao nhất có thể có của nó cũng đạt được trong Kim Ngưu**. Tuy nhiên, khát vọng trong biểu hiện thấp nhất của nó được nối kết với linh hồn và trong biểu hiện cao nhất của nó với tinh thần. Ý chí vị kỷ liên hệ con người với hình tướng; Ý Chí của Thượng Đế liên hệ linh hồn của con người với tinh thần. Cần ba lần điểm đạo để làm rõ điều này cho đệ tử. (EA 391)

309. The Buddha's Venusian effect working through the highly Venusian Christ, plus the power of Neptune (associated with Christ-Vishnu), will stimulate the higher point in the solar plexus center and will reduce proportionally the Martian response of the lower point in the solar plexus center.

309. Ảnh hưởng Kim tinh của Đức Phật hoạt động qua Đức Christ mang tính Kim tinh rất cao, cộng với quyền năng của Sao Hải Vương (gắn với Christ-Vishnu), sẽ kích thích điểm cao hơn trong trung tâm tùng thái dương và sẽ làm giảm theo tỉ lệ sự đáp ứng Hỏa tinh của điểm thấp hơn trong trung tâm tùng thái dương.

while the result of the force flowing through will produce profound reactions of the deva denizens of that plane.

trong khi kết quả của mãnh lực tuôn chảy qua đó sẽ tạo ra những phản ứng sâu sắc nơi các thiên thần cư dân của cõi ấy.

310. Presumably, there will be a most beneficent tranquilization.

310. Có lẽ sẽ có một sự làm lắng dịu cực kỳ từ lành.

311. The astral plane is presently the plane of the greatest illusion and presents the greatest difficulty to humanity. There must come, before long, an assault upon the glamor of the astral plane staged by the Forces of Light.

311. Hiện nay, cõi cảm dục là cõi của ảo tưởng lớn nhất và gây ra khó khăn lớn nhất cho nhân loại. Chẳng bao lâu nữa, phải có một cuộc tấn công vào ảo cảm của cõi cảm dục do Các Mãnh Lực của Ánh sáng phát động.

Through the vibration thus set up will come the possibility of many (who would otherwise not do so) taking the first initiation.

Qua rung động được thiết lập như vậy sẽ xuất hiện khả năng để nhiều người (những người nếu không thì đã không làm được) tiếp nhận lần điểm đạo thứ nhất.

312. This is the initiation immediately before humanity. We can see that it is not only the Reappearance of the Christ that will facilitate the widespread taking of the first initiation, but the received and transmitted energy of the Buddha (via His vestures) will assist.

312. Đây là lần điểm đạo ngay trước mắt nhân loại. Chúng ta có thể thấy rằng không chỉ Sự Tái Lâm của Đức Christ mới tạo điều kiện cho việc tiếp nhận rộng rãi lần điểm đạo thứ nhất, mà năng lượng của Đức Phật được tiếp nhận và truyền dẫn (qua các y phục của Ngài) cũng sẽ trợ giúp.

313. We see how much help humanity is about to receive from 'above'.'

313. Chúng ta thấy nhân loại sắp nhận được biết bao trợ giúp từ "trên cao".

314. Elsewhere, we have been told that when the Christ reappears, it will signal that humanity has taken the first initiation. We must not think too rigidly in terms of events. The approach of the Christ (having now appropriated the vestures of the Buddha) will certainly facilitate humanity's initiatory process, nor will the taking of the first initiation cease after His coming; no doubt it will be further stimulated, as will the taking by many, of the second.

314. Ở nơi khác, chúng ta đã được cho biết rằng khi Đức Christ tái lâm, điều đó sẽ báo hiệu rằng nhân loại đã tiếp nhận lần điểm đạo thứ nhất. Chúng ta không được suy nghĩ quá cứng nhắc theo kiểu các biến cố. Sự tiếp cận của Đức Christ (nay đã tiếp nhận các y phục của Đức Phật) chắc chắn sẽ tạo điều kiện cho tiến trình điểm đạo của nhân loại, và việc tiếp nhận lần điểm đạo thứ nhất cũng sẽ không chấm dứt sau khi Ngài đến; hẳn nhiên nó sẽ còn được kích thích thêm, cũng như việc nhiều người tiếp nhận lần điểm đạo thứ hai.

You will see, therefore, why the Christ must come at this time, for He is the One Who presides at the first and second initiations, and **it is His coming which will indicate that humanity has taken the first initiation,** which will confirm and

Bạn sẽ thấy, vì vậy, vì sao Đức Christ phải đến vào lúc này, vì Ngài là Đấng chủ trì lần điểm đạo thứ nhất và thứ hai, và **chính sự đến của Ngài sẽ cho thấy rằng nhân loại đã tiếp nhận lần điểm đạo thứ nhất,** điều sẽ xác nhận và củng cố công việc đã làm và sẽ

consolidate the work done and which will inaugurate the world cycle and period in which the task of reorganising the emotional and psychic life of humanity will take place; this period will release the energy of goodwill and thus automatically bring about right human relations. (R&I 578)

khai mở chu kỳ thế giới và thời kỳ trong đó nhiệm vụ tái tổ chức đời sống cảm xúc và thông linh của nhân loại sẽ diễn ra; thời kỳ này sẽ giải phóng năng lượng thiện chí và như thế tự động mang lại những tương quan nhân loại đúng đắn. (R&I 578)

Later, **towards the end of the greater cycle**,

Về sau, **vào cuối đại chu kỳ**,

315. We cannot know the meaning of the term "greater cycle". It could represent a climactic moment in the development of our planetary scheme in this solar system.

315. Chúng ta không thể biết ý nghĩa của thuật ngữ "đại chu kỳ". Nó có thể tượng trưng cho một thời điểm cực đỉnh trong sự phát triển của hệ hành tinh chúng ta trong hệ mặt trời này.

316. The ambiguity of this terms helps to conceal that which cannot be revealed.

316. Tính mơ hồ của thuật ngữ này giúp che giấu điều không thể được tiết lộ.

the coming Avatar

Đấng Hoá Thân đang đến

317. This is not likely to be the Christ, but rather the Planetary Logos Himself or One Who represents Him.

317. Điều này khó có thể là Đức Christ, mà đúng hơn là chính Hành Tinh Thượng Đế hoặc Đấng đại diện cho Ngài.

will again employ the vestures [Page 755] with all that is entailed thereby,

sẽ lại sử dụng các y phục [Page 755] cùng với tất cả những gì được bao hàm bởi điều đó,

318. Is DK suggesting that the vestures of the Buddha will remain accessible to a future Avatar for future use?

318. Phải chăng Chân sư DK đang gợi ý rằng các y phục của Đức Phật sẽ vẫn còn khả dụng cho một Đấng Hoá Thân tương lai sử dụng về sau?

and will take a physical body, **thus demonstrating on the physical plane the force of the Logos in the administration of the Law.**

và sẽ mang lấy một thể xác, **như thế biểulộ trên cõi hồng trần mãnh lực của Thượng đế trong việc quản trị Định luật.**

319. It appears that the Avatar referenced will come along the first ray line and will wield the Law. This thought suggests the

319. Có vẻ như Đấng Hoá Thân được nhắc đến sẽ đến theo tuyến cung một và sẽ vận dụng Định luật. Ý tưởng này gợi ra sự hiện

descending presence of the Planetary Logos in physical form.

320. Will this descent occur at the end of seven scheme rounds, when the development of our planetary scheme is complete? Or will the "greater cycle" end after five scheme rounds, as it appears is happening within the Venus-scheme?

321. Or could the "greater cycle" signify the end of the greater Age of Pisces (soon to end) and could the Avatar (presumably upon the seventh ray) Who is due following the Coming of the Christ (when we do not know —only the word "later" is used)?

322. We must assume that the "Logos" in the paragraph above is the *Planetary* Logos because we have been speaking in terms of the planet, but it is also possible that we could be speaking of the Solar Logos and of One Who will represent Him. This, however, is far less likely.

323. That One must not be *too* exalted or the use of the vestures of the Buddha would not be appropriate. They would be appropriate for a seventh ray *human* Avatar Who is considered a "brother" of the Buddha and the Christ.

324. However, if the seventh ray Avatar is due to appear before very long (let us say, during the Aquarian Age) and yet the Christ is still with us, most probably, until the end of the Aquarian Age—we could see a potential problem. Could They *both* avail Themselves of the vestures of the Buddha?

325. If not, the coming of the materializing Avatar would have to wait until the Christ

diện giáng hạ của Hành Tinh Thượng Đế trong hình tướng hồng trần.

320. Liệu sự giáng hạ này sẽ xảy ra vào cuối bảy cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh, khi sự phát triển của hệ hành tinh chúng ta hoàn tất? Hay "đại chu kỳ" sẽ kết thúc sau năm cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh, như dường như đang xảy ra trong hệ Sao Kim?

321. Hay "đại chu kỳ" có thể biểu thị sự kết thúc của Đại Kỷ Nguyên Song Ngư (sắp chấm dứt), và Đấng Hoá Thân (có lẽ thuộc cung bảy) sẽ đến sau Sự Quang Lâm của Đức Christ (khi nào thì chúng ta không biết—chỉ có từ "về sau" được dùng)?

322. Chúng ta phải giả định rằng "Thượng đế" trong đoạn trên là Hành Tinh *Thượng Đế* vì chúng ta đã nói theo thuật ngữ của hành tinh, nhưng cũng có thể là chúng ta đang nói về Thái dương Thượng đế và về Đấng sẽ đại diện cho Ngài. Tuy nhiên, điều này ít có khả năng hơn nhiều.

323. Đấng ấy không được *quá* cao siêu, nếu không thì việc sử dụng các y phục của Đức Phật sẽ không thích hợp. Chúng sẽ thích hợp cho một Đấng Hoá Thân *nhân loại* cung bảy, được xem là một "huynh đệ" của Đức Phật và Đức Christ.

324. Tuy nhiên, nếu Đấng Hoá Thân cung bảy sẽ xuất hiện chẳng bao lâu nữa (chúng ta hãy nói là trong Kỷ Nguyên Bảo Bình) mà Đức Christ vẫn còn ở với chúng ta, rất có thể là cho đến cuối Kỷ Nguyên Bảo Bình—thì chúng ta có thể thấy một vấn đề tiềm tàng. Liệu Cả Hai *đều* có thể sử dụng các y phục của Đức Phật chăng?

325. Nếu không, sự xuất hiện của Đấng Hoá Thân hiện hình sẽ phải chờ cho đến khi Đức

had departed following the fulfillment of His mission. This, however, seems unlikely, as the sign Aquarius and the seventh ray will coincide for the next two thousand or so years and a great manifestation of the Plan upon the physical plane seems to be indicated. Just how long during the Aquarian Age the Christ will remain with us is uncertain, but His term as World Saviour is some 5000 years—presumably until the end of the Age of Aquarius.

Christ rời đi sau khi hoàn tất sứ mệnh của Ngài. Tuy nhiên, điều này có vẻ không có khả năng, vì dấu hiệu Bảo Bình và cung bảy sẽ trùng hợp trong khoảng hai ngàn năm tới, và một sự biểu lộ lớn lao của Thiên Cơ trên cõi hồng trần dường như được chỉ ra. Chính xác Đức Christ sẽ ở với chúng ta bao lâu trong Kỷ Nguyên Bảo Bình thì chưa chắc chắn, nhưng nhiệm kỳ của Ngài với tư cách Đấng Cứu Thế Gian là khoảng 5000 năm—có lẽ cho đến cuối Kỷ Nguyên Bảo Bình.

326. From the next section of text, it appears that DK is again speaking of the Christ as an Avatar. The end of the 20th century was not the end of "the greater cycle".

326. Từ phần văn bản kế tiếp, có vẻ như Chân sư DK lại đang nói về Đức Christ như một Đấng Hoá Thân. Cuối thế kỷ 20 không phải là kết thúc của "đại chu kỳ".

When He comes at the close of this century and makes His power felt,

Khi Ngài đến vào lúc kết thúc thế kỷ này và làm cho quyền năng của Ngài được cảm nhận,

327. At the time of the writing of A Treatise on Cosmic Fire, it was anticipated that the Christ might appear towards the close of the 20th century.

327. Vào thời điểm viết Luận về Lửa Vũ Trụ, người ta dự đoán rằng Đức Christ có thể xuất hiện vào khoảng cuối thế kỷ 20.

328. In *Initiation: Human and Solar,* it was anticipated that He might come even in the middle of the 20th century, as we see below.

328. Trong *Điểm Đạo: Nhân Loại và Thái Dương,* người ta dự đoán rằng Ngài thậm chí có thể đến vào giữa thế kỷ 20, như chúng ta thấy dưới đây.

Certain facts concerning these Masters, and Their work in the present and in the future, may be in place here. First, the work of training Their pupils and disciples to fit them to be of use in two great events, **one, the coming of the World Teacher towards the middle or close of this present century,** and the other, the training of them to be of use in the founding of the new sixth sub-race and in the reconstruction of the present world conditions. (IHS 60-61)

Một số sự kiện liên quan đến các Chân sư này, và công việc của Các Ngài trong hiện tại và tương lai, có thể thích hợp được nêu ra ở đây. Trước hết, công việc huấn luyện các môn sinh và đệ tử của Các Ngài để làm cho họ thích hợp hữu dụng trong hai biến cố lớn, **một là sự đến của Đức Chưởng Giáo vào khoảng giữa hoặc cuối thế kỷ hiện tại này,** và điều kia là huấn luyện họ để hữu dụng trong việc thiết lập giống dân phụ thứ sáu mới và trong việc tái thiết các điều kiện thế giới hiện nay. (IHS 60-61)

329. We note above that it was anticipated that the Christ would come and "make His power felt". We have learned that when He comes He will be linked to Shamballa (the planetary Center of Power) via the Three Who surround Him.

He will come as the Teacher of Love and Unity, **and the keynote He will strike will be regeneration through love poured forth on all.**

330. We have a most uplifting prophecy, poignant in that it was written before the Second World War.

331. It reminds us that love is the great regenerating force.

As He will work primarily on the astral plane, this will demonstrate on the physical plane in the formation of active groups in every city of any size, and in every country, which will **work aggressively for unity, co-operation and brotherhood in every department of life—economic, religious, social and scientific.**

332. Already in the New Group of World Servers, this tendency can be seen.

333. At the writing of A *Treatise on Cosmic Fire*, DK did not extend our expectation towards a physical Reappearance.

334. Christ as a representative of Neptunian Vishnu is deeply associated with the astral plane. It is reasonable to conclude that, even if He is now expected in physical form, a

329. Chúng ta lưu ý ở trên rằng người ta dự đoán Đức Christ sẽ đến và "làm cho quyền năng của Ngài được cảm nhận". Chúng ta đã biết rằng khi Ngài đến, Ngài sẽ được nối kết với Shamballa (Trung tâm Quyền năng của hành tinh) qua Ba Đấng bao quanh Ngài.

Ngài sẽ đến như Huấn sư của Tình thương và Hợp nhất, **và chủ âm mà Ngài sẽ xướng lên sẽ là sự tái sinh thông qua tình thương tuôn đổ trên tất cả.**

330. Chúng ta có một lời tiên tri hết sức nâng cao, đầy xúc động vì nó được viết trước Thế chiến thứ hai.

331. Nó nhắc chúng ta rằng tình thương là mãnh lực tái sinh vĩ đại.

Vì Ngài sẽ hoạt động chủ yếu trên cõi cảm dục, điều này sẽ biểu lộ trên cõi hồng trần qua việc hình thành những nhóm hoạt động trong mọi thành phố có quy mô đáng kể, và trong mọi quốc gia, những nhóm sẽ **hoạt động mạnh mẽ vì sự hợp nhất, hợp tác và huynh đệ trong mọi lĩnh vực của đời sống —kinh tế, tôn giáo, xã hội và khoa học.**

332. Ngay trong Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, khuynh hướng này đã có thể được thấy.

333. Vào lúc viết *Luận về Lửa Vũ Trụ*, Chân sư DK chưa mở rộng kỳ vọng của chúng ta đến một Sự Tái Lâm hữu hình trên cõi hồng trần.

334. Đức Christ với tư cách một đại diện của Vishnu thuộc Hải Vương tinh có liên hệ sâu sắc với cõi cảm dục. Thật hợp lý khi kết luận rằng, ngay cả nếu nay Ngài được mong đợi trong hình tướng hồng trần, phần lớn công

great deal of His work will be focussed on the regeneration of the astral plane.

việc của Ngài sẽ tập trung vào sự tái sinh của cõi cảm dục.

335. In a way the Dalai Lama (with his message of love and positive emotion) is one the Lord Maitreya's Forerunners. The Dalai Lama seems to be a servant in Spirit of the Maitreya Buddha.

335. Theo một cách nào đó, Đức Đạt Lai Lạt Ma (với thông điệp về tình thương và cảm xúc tích cực của ngài) là một trong những vị Tiền Khu của Đức Maitreya. Đức Đạt Lai Lạt Ma dường như là một người phụng sự trong tinh thần của Đức Phật Maitreya.

These groups will achieve results now impossible, **owing to the retention of buddhic force**,

Các nhóm này sẽ đạt được những kết quả hiện nay là bất khả, **nhờ sự lưu giữ mãnh lực Bồ đề**,

336. At the time of this writing, the New Group of World Servers had not quite yet been formed.

336. Vào lúc viết đoạn này, Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian vẫn chưa thực sự được hình thành.

337. The New Group of World Servers ruled by the fourth ray and Taurus, is closely associated with the buddhic energy.

337. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, được cai quản bởi cung bốn và Kim Ngưu, có liên hệ chặt chẽ với năng lượng Bồ đề.

338. While the New Group of World Servers has access to the buddhic force, it has not yet been thoroughly released into expression —i.e., it is still somewhat retained.

338. Dù Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian có tiếp cận với mãnh lực Bồ đề, nó vẫn chưa được giải phóng hoàn toàn vào biểu hiện— nghĩa là, nó vẫn còn phần nào bị lưu giữ.

but later this force will be set loose on earth via the medium of the Great Lord,

nhưng về sau mãnh lực này sẽ được giải phóng trên Trái Đất qua trung gian của Đấng Chúa Tể Vĩ Đại,

339. The release of the buddhic force depends upon the coming of the Great Lord.

339. Sự giải phóng mãnh lực Bồ đề tùy thuộc vào sự đến của Đấng Chúa Tể Vĩ Đại.

340. The wonder of that release can only be imaginatively anticipated—*in the heart.*

340. Điều kỳ diệu của sự giải phóng ấy chỉ có thể được dự cảm bằng sự tưởng tượng— *trong tim.*

operating as an aspect of the Logos, and as a focal point for the consciousness and energy of the Buddha.

hoạt động như một phương diện của Thượng đế, và như một tiêu điểm cho tâmthức và năng lượng của Đức Phật.

341. When the Christ returns He will

a. Act as an aspect of the Logos. Are we speaking of the Planetary Logos or the Solar Logos. In either case, the aspect of which we are speaking would be the *second* aspect.

b. The consciousness and energy of the Buddha will also pour through the Great Lord. This represents a type of spiritual cooperation of the highest kind. We have already learned something of the manner in which the Christ and the Buddha cooperate in relation to the Wesak Festival and the Festival of the Christ (of Humanity and Goodwill).

It is this impending probability which is held in mind during the century at the annual recurrence of the Wesak festival.

342. DK does not call it a *certainty,* but the later phases of His writing emphasized the certainty of the Christ's decision to reappear in physical form.

Students would do well to further the ends of the occult Hierarchy by a similar concentration at the time of the festival, thus setting up currents of thought which will have **a great appeal in the occult sense of that term.**

343. Here we are being asked to cooperate as fully as possible with the Wesak Festival (and presumably with the other Full Moon Festivals).

341. Khi Đức Christ trở lại, Ngài sẽ

a. Hoạt động như một phương diện của Thượng đế. Chúng ta đang nói về Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế? Trong cả hai trường hợp, phương diện mà chúng ta đang nói đến sẽ là phương diện *thứ hai*.

b. Tâm thức và năng lượng của Đức Phật cũng sẽ tuôn qua Đấng Chúa Tể Vĩ Đại. Điều này biểu thị một loại hợp tác tinh thần ở mức cao nhất. Chúng ta đã học được phần nào về cách thức Đức Christ và Đức Phật hợp tác liên quan đến Lễ Hội Wesak và Lễ Hội của Đức Christ (của Nhân Loại và Thiện Chí).

Chính xác suất sắp đến này được giữ trong tâm trí trong suốt thế kỷ vào mỗi lần tái diễn hằng năm của lễ hội Wesak.

342. Chân sư DK không gọi đó là một *sự chắc chắn,* nhưng các giai đoạn sau trong trước tác của Ngài đã nhấn mạnh tính chắc chắn của quyết định tái lâm trong hình tướng hồng trần của Đức Christ.

Các đạo sinh nên làm tốt nếu thúc đẩy các mục tiêu của Thánh đoàn huyền bí bằng một sự tập trung tương tự vào thời điểm lễ hội, nhờ đó thiết lập những dòng tư tưởng sẽ có **một sức hấp dẫn lớn theo nghĩa huyền bí của thuật ngữ ấy.**

343. Ở đây chúng ta được yêu cầu hợp tác hết mức có thể với Lễ Hội Wesak (và có lẽ với các Lễ Hội Trăng Tròn khác).

344. We are being asked to participate in the evocation of the Coming One.

344. Chúng ta đang được yêu cầu tham gia vào việc gợi lên Đấng Đang Đến.

Indication of the nearing of this event will be seen in the reaction which will be set up during the next twenty-five years against crime, sovietism, and **the extreme radicalism which is now being made use of by certain powers to achieve ends contrary to the plans of the Lord.**

Dấu hiệu cho thấy biến cố này đang đến gần sẽ được thấy trong phản ứng sẽ được khơi dậy trong hai mươi lăm năm tới chống lại tội ác, chủ nghĩa Xô viết, và **chủ nghĩa cực đoan quá khích hiện đang được một số quyền lực sử dụng để đạt những mục đích trái với các kế hoạch của Chúa Tể.**

345. This reaction has occurred. The period discussed takes us to 1950, approximately. Part of the expected reaction saw the formation of the United Nations in the 1940's.

345. Phản ứng này đã xảy ra. Giai đoạn được bàn đến đưa chúng ta đến khoảng năm 1950. Một phần của phản ứng được mong đợi đã chứng kiến sự hình thành Liên Hiệp Quốc trong thập niên 1940.

346. The extreme radicalism may be associated with the reactionary forces which found expression through the Nazi and other fascist movements.

346. Chủ nghĩa cực đoan quá khích có thể gắn với các lực lượng phản động đã biểu lộ qua phong trào Quốc xã và các phong trào phát xít khác.

The era of peace will be ushered in by a gathering together on earth of the forces **which stand for construction**, and development, and by a conscious deliberate banding together of groups in every land who embody the principle (as far as they can vision it) of Brotherhood.

Kỷ nguyên hòa bình sẽ được mở ra bằng sự tập hợp trên Trái Đất của các lực lượng **đứng về phía kiến tạo**, và pháttriển, và bằng sự liên kết có ý thức và có chủ đích của các nhóm trong mọi quốc gia, những nhóm thể hiện nguyên khí Huynh Đệ (theo mức họ có thể có linh thị về nó).

347. DK is speaking of a kind of movement to be inspired by the energies the second ray and the sign Gemini—one of the major signs of Brotherhood.

347. Chân sư DK đang nói về một loại phong trào sẽ được truyền cảm hứng bởi các năng lượng của cung hai và dấu hiệu Song Tử—một trong những dấu hiệu chính của Huynh Đệ.

348. Gemini expresses the Forces of Reconstruction. The Second World War was not foreseen with certainty at the time of this writing, but immediately following the war (and even during the latter part of the war), DK laid emphasis upon three types of

348. Song Tử biểu lộ Các Mãnh Lực Tái Thiết. Thế chiến thứ hai chưa được thấy trước một cách chắc chắn vào lúc viết đoạn này, nhưng ngay sau chiến tranh (và ngay cả trong phần sau của chiến tranh), Chân sư DK đã nhấn

forces associated with the three signs which rule the Higher Interlude of the year:

a. The Forces of Restoration through Aries

b. The Forces of Enlightenment through Taurus

c. The Forces of *Reconstruction* through Gemini

mạnh ba loại mãnh lực gắn với ba dấu hiệu cai quản Quãng Chuyển Tiếp Cao của năm:

a. Các Mãnh Lực Phục Hồi qua Bạch Dương

b. Các Mãnh Lực Soi Sáng qua Kim Ngưu

c. Các Mãnh Lực *Tái Thiết* qua Song Tử

349. It is clear that humanity needs the intelligent application of second ray forces.

Watch [Page 756] the signs of the times, and be not discouraged over the immediate future.

349. Rõ ràng là nhân loại cần sự vận dụng thông minh các mãnh lực cung hai.

Hãy theo dõi [Page 756] các dấu hiệu của thời đại, và đừng nản lòng trước tương lai gần.

350. Ever wise advice…wise also in these times of gathering menace.

350. Lời khuyên luôn luôn minh triết… cũng minh triết trong những thời kỳ hiểm họa đang tụ lại này.

351. Humanity's sight is short and its problems immense, but the spiritual future is sure (though delay, as in the past, is possible).

351. Tầm nhìn của nhân loại thì ngắn và các vấn đề của nó thì mênh mông, nhưng tương lai tinh thần là chắc chắn (dù sự trì hoãn, như trong quá khứ, vẫn có thể xảy ra).

The appearance of the Great Lord on the astral plane (whether followed by His physical incarnation or not)

Sự xuất hiện của Đấng Chúa Tể Vĩ Đại trên cõi cảm dục (dù có được tiếp theo bằng sự nhập thể hồng trần của Ngài hay không)

352. DK is cautious in His predictions…

352. Chân sư DK thận trọng trong các dự đoán của Ngài…

353. Yet He does hold out the possibility of a physical incarnation.

353. Tuy vậy, Ngài vẫn nêu ra khả năng có một sự nhập thể hồng trần.

will date from a certain Wesak festival at which a mantram (**known only to those attaining the seventh Initiation**) will be pronounced by the Buddha, thus setting

sẽ được tính từ một lễ hội Wesak nhất định mà tại đó một mantram (**chỉ được biết đến bởi những ai đạt lần Điểm đạo thứ bảy**) sẽ được Đức Phật xướng lên, nhờ đó giải phóng

loose force, and enabling His great Brother to fulfil his mission.

354. We must wonder whether this Wesak Full Moon was that which occurred in 1946. DK spoke of the formation of the Ashram of Synthesis in His message for the 1946 Wesak Full Moon.

355. The implication of this section of text is that the Buddha has attained the seventh initiation.

356. Elsewhere, we are given to understand that neither the Buddha nor the Christ has *completed* the seventh initiation but will do so during the Aquarian Age.

That will be heard when the Christ completes His work at the time of the Second Coming. **Then the great seventh initiation, which is a dual one (love-wisdom in full manifestation motivated by power and will), will be consummated,** and the Buddha and the Christ will together pass before the Lord of the World, together see the glory of the Lord, and together pass to higher service of a nature and calibre unknown to us. (R&I 83-84)

Hence the gradual recognition of the Wesak festival, and its true significance in the occident is desirable, and opportunity will be offered to all who are willing to place themselves in the line of this force, and thus become vitalised by it, and consequently available for service.

357. When *A Treatise on Cosmic Fire* was written, it was still early days in the AAB Movement. DK went on to emphasize the

mãnh lực, và giúp vị Huynh Trưởng vĩ đại của Ngài hoàn thành sứ mệnh.

354. Chúng ta phải tự hỏi liệu kỳ Trăng Tròn Wesak này có phải là kỳ đã xảy ra vào năm 1946 hay không. Chân sư DK đã nói về sự hình thành của ashram Tổng Hợp trong thông điệp của Ngài cho kỳ Trăng Tròn Wesak năm 1946.

355. Hàm ý của phần văn bản này là Đức Phật đã đạt lần điểm đạo thứ bảy.

356. Ở nơi khác, chúng ta được hiểu rằng cả Đức Phật lẫn Đức Christ đều chưa *hoàn tất* lần điểm đạo thứ bảy nhưng sẽ làm như vậy trong Kỷ Nguyên Bảo Bình.

Điều đó sẽ được nghe thấy khi Đức Christ hoàn tất công việc của Ngài vào thời điểm Tái Lâm. **Khi ấy lần điểm đạo thứ bảy vĩ đại, vốn là một lần điểm đạo kép (Bác Ái – Minh Triết trong biểu lộ trọn vẹn được thúc đẩy bởi quyền năng và ý chí), sẽ được hoàn tất,** và Đức Phật cùng Đức Christ sẽ cùng nhau đi qua trước Đức Chúa Tể Thế Giới, cùng nhau chiêm ngưỡng vinh quang của Chúa Tể, và cùng nhau bước vào một sự phụng sự cao hơn có bản chất và tầm mức mà chúng ta không biết. (R&I 83-84)

Do đó, sự công nhận dần dần lễ hội Wesak và thâm nghĩa chân thực của nó tại phương Tây là điều đáng mong muốn, và cơ hội sẽ được trao cho tất cả những ai sẵn lòng đặt mình vào đường đi của mãnh lực này, nhờ đó được tiếp sinh lực bởi nó, và vì thế trở nên sẵn sàng cho sự phụng sự.

357. Khi *Luận về Lửa Vũ Trụ* được viết, phong trào AAB vẫn còn ở giai đoạn đầu. Chân sư DK tiếp tục nhấn mạnh tầm quan

importance of the Wesak Festival and His students upheld its celebration in a consistent and attentive manner.

trọng của Lễ Hội Wesak và các đạo sinh của Ngài đã duy trì việc cử hành lễ này một cách nhất quán và chú tâm.

358. As the Wesak is the high point of the spiritual year, all sincere students of the Wisdom must avail themselves of its unique opportunities.

358. Vì Wesak là đỉnh cao của năm tinh thần, mọi đạo sinh chân thành của Minh Triết đều phải tận dụng những cơ hội độc đáo của nó.

The reaction mentioned above, will also become possible through the pressure brought to bear by the present children, [of 1925] many of whom are chelas and some initiates. They have come in to prepare the way for the coming of His Feet.

Phản ứng được nhắc đến ở trên cũng sẽ trở nên khả hữu nhờ áp lực do những đứa trẻ hiện nay [của năm 1925] tạo ra, nhiều em trong số đó là đệ tử và một số là điểm đạo đồ. Các em đã đến để chuẩn bị con đường cho sự đến của Bước Chân Ngài.

359. True disciples and initiates will not tolerate a compromising of their consciousness—which movements like sovietism and Nazism represent.

359. Các đệ tử và điểm đạo đồ chân chính sẽ không dung thứ cho sự thỏa hiệp tâm thức của họ—điều mà những phong trào như chủ nghĩa Xô viết và chủ nghĩa Quốc xã biểu hiện.

360. They have certainly come and in many ways that *way* has been prepared. But it may well be that complications arose due to the discovery of the power of atomic energy and plans had to be delayed.

360. Họ chắc chắn đã đến và theo nhiều cách con *đường* ấy đã được chuẩn bị. Nhưng cũng rất có thể là các biến chứng đã nảy sinh do việc khám phá ra quyền năng của năng lượng nguyên tử và các kế hoạch đã phải trì hoãn.

When the hour strikes (five years prior to the date of His descent)

Khi giờ điểm đến (năm năm trước ngày Ngài giáng hạ)

361. A descent (at the time of this writing) anticipated in relation to the astral plane…

361. Một sự giáng hạ (vào thời điểm viết đoạn này) được dự đoán trong liên hệ với cõi cảm dục…

362. So, then, the descent would have been from the plane of mind.

362. Như vậy, sự giáng hạ khi đó hẳn là từ cõi trí.

they will be in the full flower of their service and will have recognised their

họ sẽ ở trong thời kỳ nở rộ trọn vẹn của sự phụng sự và sẽ nhận ra công việc của mình,

work, even though they may not be conscious of that which the future holds hid.

dù họ có thể không ý thức được điều mà tương lai còn che giấu.

363. These words seem to refer to the possibility of the Christ's Reappearance towards the middle or, at latest, the close of the 20th century.

363. Những lời này dường như nói đến khả năng Đức Christ Tái Lâm vào khoảng giữa hoặc chậm nhất là cuối thế kỷ 20.

364. At the end of the century those who were children in 1925 (when the book was published) would be quite old to be seen as "in the full flower of their service". So we may presume that, before WWII, the Reappearance of the Christ was anticipated somewhat *before* the close of the century.

364. Vào cuối thế kỷ, những người là trẻ em vào năm 1925 (khi cuốn sách được xuất bản) sẽ khá cao tuổi để được xem là "đang ở trong thời kỳ nở rộ trọn vẹn của sự phụng sự". Vì vậy chúng ta có thể giả định rằng, trước Thế chiến thứ hai, Sự Tái Lâm của Đức Christ được dự đoán là sẽ xảy ra phần nào *sớm hơn* cuối thế kỷ.

365. In a much later essay in the late 1940's, when the Tibetan describes the Christ coming on a "wave of expectancy", His Coming is predicated on the work of disciples (disciples outwardly working in relation to externalized Masters Who will be recognized and consulted by the governments of the period). It is obvious that the period lies somewhat ahead. It becomes clear that hierarchical hopes for visible emergence have been somewhat delayed.

365. Trong một tiểu luận muộn hơn nhiều vào cuối thập niên 1940, khi Chân sư Tây Tạng mô tả Đức Christ đến trên một "làn sóng mong đợi", Sự Quang Lâm của Ngài được đặt nền trên công việc của các đệ tử (các đệ tử hoạt động bên ngoài trong liên hệ với các Chân sư đã ngoại hiện, những Đấng sẽ được các chính phủ của thời kỳ ấy công nhận và tham khảo). Rõ ràng là thời kỳ đó còn ở phía trước. Điều trở nên rõ ràng là những hy vọng của Thánh đoàn về sự xuất hiện hữu hình đã bị trì hoãn phần nào.

When the hour has come (and already a few cases are to be found), **many cases of *overshadowing* will be seen and will demonstrate in a threefold manner**.

Khi giờ đã đến (và ngay từ bây giờ đã có thể tìm thấy một vài trường hợp), **nhiều trường hợp *phủ bóng* sẽ được thấy và sẽ biểu lộ theo cách tam phân**.

366. DK is speaking of the few cases of overshadowing which had occurred by the time of the writing of *A Treatise on Cosmic Fire*, The overshadowing or intended overshadowing of Krishnamurti, may have been a case in point. Some of the accounts point to the year 1925 as important in this process.

366. Chân sư DK đang nói về một vài trường hợp phủ bóng đã xảy ra vào lúc viết *Luận về Lửa Vũ Trụ*, Việc phủ bóng hoặc dự định phủ bóng Krishnamurti có thể là một trường hợp như vậy. Một số tường thuật cho thấy năm 1925 là quan trọng trong tiến trình này.

In all countries, in the orient and the occident, **prepared disciples and highly evolved men and women, will be found who will be doing the work along the lines intended**, and who will be occupying places of prominence which will make them available for the reaching of the many; **their bodies also will be sufficiently pure to permit of the overshadowing**.

Trong mọi quốc gia, ở phương Đông và phương Tây, **những đệ tử đã được chuẩn bị và những người nam và nữ tiến hoá cao sẽ được tìm thấy, những người sẽ làm công việc theo các đường lối đã được dự định**, và sẽ giữ những vị trí nổi bật khiến họ có thể tiếp cận được với số đông; **các thể của họ cũng sẽ đủ thanh khiết để cho phép sự phủ bóng**.

367. We note the requirement of "reaching the many". The Spiritual Hierarchy is practical and realizes that large numbers of people must be reached if hierarchical plans for humanity's upliftment are to be successful

367. Chúng ta lưu ý yêu cầu "vươn tới số đông". Thánh đoàn tinh thần có tính thực tiễn và nhận ra rằng phải vươn tới số lượng lớn người nếu các kế hoạch của Thánh đoàn nhằm nâng cao nhân loại muốn thành công

It will **only be possible in the case of those who have been consecrated since childhood, who have been servers of the race all their lives, or who, in previous lives, have acquired the right by karma.**

Điều đó **chỉ có thể xảy ra trong trường hợp những người đã được thánh hiến từ thời thơ ấu, đã là những người phụng sự nhân loại suốt cả đời, hoặc trong các kiếp trước đã đạt được quyền ấy nhờ nghiệp quả.**

368. Let us look at the requirements of those who will be in fit condition to be overshadowed by the Christ:

368. Chúng ta hãy xem các yêu cầu đối với những người sẽ ở trong tình trạng thích hợp để được Đức Christ phủ bóng:

a. They will be disciples and highly evolved men and women

a. Họ sẽ là các đệ tử và những người nam và nữ tiến hoá cao

b. The will be working along the lines intended

b. Họ sẽ làm việc theo các đường lối đã được dự định

c. They will be occupying places of prominence so that they can reach many

c. Họ sẽ giữ những vị trí nổi bật để có thể vươn tới nhiều người

d. Their bodies will of sufficient purity to permit the overshadowing

d. Các thể của họ sẽ đủ thanh khiết để cho phép sự phủ bóng

e. They will have been consecrated since childhood

e. Họ sẽ đã được thánh hiến từ thời thơ ấu

f. They will have been servers of the race all of their lives

f. Họ sẽ đã là những người phụng sự nhân loại suốt cả đời mình

g. Or, they will have acquired in previous lives the karmic right to be overshadowed. (These last three requirements are exacting.)

g. Hoặc, họ sẽ đã đạt được trong các kiếp trước quyền nghiệp quả để được phủ bóng. (Ba yêu cầu cuối này rất khắt khe.)

369. DK is speaking of a definite way in which the Christ will make His influence felt upon the Earth. Perhaps on the way to our present era, waves of His influence have been felt in the manner here predicted.

369. Chân sư DK đang nói về một cách thức xác định mà qua đó Đức Christ sẽ làm cho ảnh hưởng của Ngài được cảm nhận trên Trái Đất. Có lẽ trên đường dẫn đến thời đại hiện nay của chúng ta, những làn sóng ảnh hưởng của Ngài đã được cảm nhận theo cách được tiên đoán ở đây.

This threefold overshadowing will manifest as:

Sự phủ bóng tam phân này sẽ biểu lộ như sau:

370. DK becomes more technical now concerning the manner of the overshadowing. Three instances are described.

370. Giờ đây Chân sư DK trở nên chuyên biệt hơn về cách thức phủ bóng. Ba trường hợp được mô tả.

First. **An impression upon the physical brain** of the [Page 757] man or woman, of thoughts, plans for work, ideals and intentions which (emanating from the Avatar)

Thứ nhất. **Một ấn tượng lên bộ não hồng trần** của người nam hay người nữ, về những tư tưởng, kế hoạch công việc, lý tưởng và ý định mà (phát ra từ Đấng Hoá Thân) [Page 757]

371. In this context, Christ is called "the Avatar".

371. Trong bối cảnh này, Đức Christ được gọi là "Đấng Hoá Thân".

will yet be unrecognised by him as being other than his own; he will proceed to put them into action, unconsciously helped by the force flowing in. **This is literally a form of higher mental telepathy working out on physical levels.**

rồi sẽ được khôngnhậnra bởi y như là điều gì khác với cái của chính y; y sẽ tiếnhành đem chúng vào hành động, được trợ giúp một cách vô thức bởi mãnh lực tuôn chảy vào. **Điều này theo nghĩa đen là một hình thức Giao tiếp viễn cảm thượng trí đang vận hành trên các cấp độ hồng trần.**

372. Có lẽ nhiều ý tưởng tốt đẹp nhằm cứu vãn nhân loại đã đến theo cách này.

372. Perhaps many fine ideas for the salvaging of the race have come in this manner.

373. DK is telling us that this method of overshadowing involves a telepathic contact between the Christ and the one being overshadowed.

374. We must conclude that there are many who are consciously helped in their discipleship endeavors.

375. We must also think that a successfully build antahkarana is required for this type of overshadowing.

376. Impression seems to come from the buddhic plane via the abstract mind.

377. We are reminded that on the atomic subplane of the mental plane the faculty of "spiritual telepathy" is to be found.

Second. The overshadowing of the chela **during his work** (such as lecturing, writing, or teaching), and his illumination for service. He will be conscious of this, though perhaps unable to explain it, and will seek more and more to be available for use, **rendering himself up in utter selflessness to the inspiration of His Lord.**

378. Here we have a method of "inspiration". During work and service the disciple becomes inspired in a manner he does not understand.

379. The greater the degree of selflessness, the greater the influence and inspiration of the Great Lord.

373. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng phương pháp phủ bóng này bao hàm một tiếp xúc viễn cảm giữa Đức Christ và người đang được phủ bóng.

374. Chúng ta phải kết luận rằng có nhiều người được trợ giúp một cách hữu thức trong những nỗ lực địa vị đệ tử của họ.

375. Chúng ta cũng phải nghĩ rằng một antahkarana được xây dựng thành công là điều cần thiết cho loại phủ bóng này.

376. Sự ấn tượng dường như đến từ cõi Bồ đề qua trí trừu tượng.

377. Chúng ta được nhắc rằng trên cõi phụ nguyên tử của cõi trí có thể tìm thấy năng lực "viễn cảm tinh thần".

Thứ hai. Sự phủ bóng của đệ tử **trong khi làm việc** (chẳng hạn như thuyết giảng, viết lách, hay giảng dạy), và sự soi sáng của y để phụng sự. Y sẽ ý thức được điều này, dù có lẽ không thể giải thích được, và sẽ ngày càng tìm cách trở nên sẵnsàng để được sử dụng, **hiến dâng chính mình trong sự vô ngã hoàn toàn cho cảm hứng của Chúa Tể của Ngài.**

378. Ở đây chúng ta có một phương pháp "cảm hứng". Trong khi làm việc và phụng sự, đệ tử trở nên được truyền cảm hứng theo một cách mà y không hiểu.

379. Mức độ vô ngã càng lớn thì ảnh hưởng và cảm hứng của Chúa Tể Vĩ Đại càng lớn.

380. We can be sure that the Great Lord seeks to avail Himself of every possible suitable avenue of expression.

380. Chúng ta có thể chắc chắn rằng Chúa Tể Vĩ Đại tìm cách tận dụng mọi kênh biểu đạt thích hợp có thể có.

This is effected via the chela's Ego, the force flowing through his astral permanent atom; **and it is only possible when the fifth petal is unfolded**.

Điều này được thực hiện qua chân ngã của đệ tử, mãnh lực tuôn chảy qua Nguyên tử trường tồn cảm dục của y; **và điều đó chỉ có thể khi cánh hoa thứ năm đã khai mở**.

381. We are speaking, it seems, of the influence of the Ego on the higher mental plane. The Ego (soul) we realize is connected with the astral body, just as is the personality with the physical body and the Monad with the mental body.

381. Dường như chúng ta đang nói về ảnh hưởng của chân ngã trên Cõi thượng trí. Chúng ta chứng nghiệm rằng chân ngã (linh hồn) được nối kết với thể cảm dục, cũng như phàm ngã được nối kết với thể xác và chân thần được nối kết với thể trí.

382. The true unfoldment of the fifth petal occurs at the time of the first initiation. We might say that its *complete* unfoldment occurs even a bit afterwards.

382. Sự khai mở đích thực của cánh hoa thứ năm xảy ra vào thời điểm lần điểm đạo thứ nhất. Chúng ta có thể nói rằng sự *khai mở hoàn toàn* của nó còn xảy ra muộn hơn một chút nữa.

On the buddhic plane, when **flashing forth at initiation**, this number signifies the full development of the fifth principle or quality, the completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan, and the assimilation of all that is to be learned upon them, and the attainment—not only of full self-consciousness, but also of the consciousness of the group wherein a man is found. **It infers the full unfoldment of five of the egoic petals, leaving four to open before the final initiation. (TCF 696)**

Trên cõi Bồ đề, khi **lóe sáng ra vào lúc điểm đạo**, con số này biểu thị sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm, chu kỳ hoàn tất của chân ngã trên năm cung dưới Đức Mahachohan, và sự đồng hoá tất cả những gì phải học trên các cung ấy, cùng sự đạt được—không chỉ ngã thức trọn vẹn, mà còn cả tâm thức của nhóm mà một người được tìm thấy trong đó. **Điều này hàm ý sự khai mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã, để lại bốn cánh sẽ mở ra trước lần điểm đạo cuối cùng. (TCF 696)**

383. Are we saying that only an initiate of the first degree who has stood before the Christ is available for this type of inspiration? It would seem so.

383. Có phải chúng ta đang nói rằng chỉ một điểm đạo đồ bậc một đã đứng trước Đức Christ mới sẵn sàng cho loại cảm hứng này? Dường như là vậy.

Third. The conscious co-operation of the chela is necessitated in the third method of overshadowing. In this case he will (with

Thứ ba. Sự hợp tác hữu thức của đệ tử là điều cầnthiết trong phương pháp phủ bóng thứ ba. Trong trường hợp này y sẽ (với sự hiểu

full knowledge of the laws of his being and nature) **surrender himself and step out of his physical body**, handing it over for the use of the Great Lord or one of His Masters.

384. We can see that this is a *very* advanced method, and requires initiate status.

This is only possible in the case of a chela who has brought all the three lower bodies into alignment, and necessitates the unfolding of the sixth petal.

385. The sixth petal will be completely unfolded by the time of the second initiation, at which time it may be possible for the disciple to leave his body at will, leaving the etheric-physical body intact.

386. Neptune, Pisces, Virgo and conscious mediumship are reasonably associated with the complete unfoldment of this petal.

Through the action of the Rod as **wielded at the first two Initiations, the two outer circles unfold, the energy of the two is set free** and the two sets of force as embodied in the six petals are co-ordinated and become interactive. **This stage of petal adjustment succeeds upon that called earlier "unfoldment" and has to do with the simultaneous action of the two tiers of petals**. (TCF 883)

387. This is a very important quotation showing us the degree of causal advancement of one who could successfully attempt to offer His body to His Master or Teacher.

biết đầy đủ về các quy luật của hữu thể và bản chất của mình) **hiến dâng chính mình và bước ra khỏi thể xác của mình**, trao nó cho Chúa Tể Vĩ Đại hay một trong các Chân sư của Ngài sử dụng.

384. Chúng ta có thể thấy rằng đây là một phương pháp *rất* cao cấp, và đòi hỏi địa vị điểm đạo đồ.

Điều này chỉ có thể trong trường hợp một đệ tử đã đưa cả ba thể thấp vào chỉnh hợp, và đòi hỏi sự khai mở của cánh hoa thứ sáu.

385. Cánh hoa thứ sáu sẽ được khai mở hoàn toàn vào thời điểm lần điểm đạo thứ hai, khi ấy có thể đệ tử sẽ có khả năng rời khỏi thể của mình theo ý muốn, để lại thể dĩ thái-hồng trần nguyên vẹn.

386. Sao Hải Vương, Song Ngư, Xử Nữ và đồng tử hữu thức có liên hệ khá hợp lý với sự khai mở hoàn toàn của cánh hoa này.

Qua tác động của Thần Trượng Điểm đạo khi được **vận dụng trong hai lần Điểm đạo đầu tiên, hai vòng ngoài khai mở, năng lượng của hai vòng được giải phóng** và hai tập hợp mãnh lực được thể hiện trong sáu cánh hoa được phối hợp và trở nên tương tác. **Giai đoạn điều chỉnh cánh hoa này tiếp theo giai đoạn trước đó được gọi là "khai mở" và liên quan đến hoạt động đồng thời của hai tầng cánh hoa**. (TCF 883)

387. Đây là một trích dẫn rất quan trọng cho chúng ta thấy mức độ tiến bộ nguyên nhân của một người có thể thành công khi cố gắng dâng thể của mình cho Chân sư hay huấn sư của mình.

388. In fact, it seems like the ability to offer such a service is occurring rather early; the second initiation is a high stage of evolution but not that high.

388. Thật ra, dường như khả năng dâng hiến một sự phụng sự như thế xuất hiện khá sớm; lần điểm đạo thứ hai là một giai đoạn tiến hoá cao nhưng không đến mức quá cao.

389. Yet, we will have accept what the Tibetan has said here until we know enough either to recognize the truth of His assertion or to dispute it through experience (a most unlikely prospect).

389. Tuy nhiên, chúng ta sẽ phải chấp nhận điều Chân sư Tây Tạng đã nói ở đây cho đến khi chúng ta biết đủ để hoặc nhận ra chân lý trong khẳng định của Ngài hoặc bác bỏ nó bằng kinh nghiệm (một triển vọng rất khó xảy ra).

By an act of conscious will he renders up his body, and stands aside for a specific length of time.

Bằng một hành vi của ý chí hữu thức, y hiến dâng thể của mình, và đứng sang một bên trong một khoảng thời gian nhất định.

390. The Initiate Jesus had all nine petals unfolded when He stood aside so that Christ could utilize His body. Of this we are assured because He took the third initiation as Joshua the Priest in a previous incarnation.

390. Điểm đạo đồ Jesus đã có cả chín cánh hoa khai mở khi Ngài đứng sang một bên để Đức Christ có thể sử dụng thân thể của Ngài. Chúng ta được bảo đảm về điều này vì Ngài đã nhận lần điểm đạo thứ ba với tư cách Joshua the Priest trong một kiếp trước.

He is well known in the Bible history, coming before us first as Joshua the Son of Nun, appearing again in the time of Ezra as Jeshua, **taking the third initiation, as related in the book of Zechariah, as Joshua**, and in the Gospel story He is known for two great sacrifices, that in which He handed over His body for the use of the Christ, and for the great renunciation which is the characteristic of the fourth initiation. (IHS 56)

Ngài nổi tiếng trong lịch sử Kinh Thánh, trước hết xuất hiện trước chúng ta với tên Joshua con trai của Nun, lại xuất hiện vào thời Ezra với tên Jeshua, **nhận lần điểm đạo thứ ba, như được thuật lại trong sách Zechariah, với tên Joshua**, và trong câu chuyện Phúc Âm Ngài được biết đến vì hai sự hi sinh lớn lao, một là khi Ngài trao thể của mình cho Đức Christ sử dụng, và một là sự từ bỏ lớn lao vốn là đặc trưng của lần điểm đạo thứ tư. (IHS 56)

These methods of overshadowing will be largely the ones **used by the Great Lord and His Masters at the end of the century**,

Những phương pháp phủ bóng này phần lớn sẽ là những phương pháp **được Chúa Tể Vĩ Đại và các Chân sư của Ngài sử dụng vào cuối thế kỷ**,

391. The methods will be used not only by the Great Lord but by the Masters as well.

391. Những phương pháp này sẽ được sử dụng không chỉ bởi Chúa Tể Vĩ Đại mà còn bởi các Chân sư nữa.

392. We can see that much was planned for the end of the 20th century. Probably much of what was intended had not transpired.

392. Chúng ta có thể thấy rằng nhiều điều đã được hoạch định cho cuối thế kỷ 20th. Có lẽ phần lớn những gì được dự định đã không xảy ra.

393. Reviewing, we have:

393. Xét lại, chúng ta có:

a. The telepathic communication of ideas for service

a. Sự giao tiếp viễn cảm các ý tưởng để phụng sự

b. The inspiration of the chela as he is engaged in various kinds of service work

b. Sự truyền cảm hứng cho đệ tử khi y đang tham gia nhiều loại công việc phụng sự khác nhau

c. The actual standing aside by the chela (out of his body) so that the Master or the Great Lord can utilize that body.

c. Việc đệ tử thực sự đứng sang một bên (ra khỏi thể của mình) để Chân sư hay Chúa Tể Vĩ Đại có thể sử dụng thể ấy.

and for this reason **They are sending into incarnation, in every country, disciples who have the opportunity offered them to respond to the need of humanity.**

và vì lý do này **Các Ngài đang gửi vào lâm phàm, ở mọi quốc gia, những đệ tử được trao cơ hội đáp ứng nhu cầu của nhân loại.**

394. We may question ourselves—were *we* sent in this manner?

394. Chúng ta có thể tự hỏi—phải chăng *chúng ta* đã được gửi đến theo cách này?

Hence the need of training men and women to recognise the higher psychism, and the true inspiration and mediumship, and to do this scientifically.

Do đó cần phải huấn luyện những người nam và nữ để nhận ra thông linh cao hơn, cảm hứng chân chính và đồng tử chân chính, và làm điều này một cách khoa học.

395. DK never exhorts towards the development of the lower psychism. He seeks that we be trained in…

395. Chân sư DK không bao giờ khuyến khích sự phát triển của thông linh thấp. Ngài tìm cách để chúng ta được huấn luyện trong…

a. Higher psychism

a. Thông linh cao hơn

b. True inspiration

b. Cảm hứng chân chính

c. True mediumship

c. Đồng tử chân chính

396. The Master H. has applied Himself to the scientific training of those who can develop these types of sensitivity.

396. Chân sư H. đã chuyên tâm vào việc huấn luyện khoa học những người có thể phát triển các loại nhạy cảm này.

In fifty years time, [roughly 1975] the need for true psychics and conscious mediums (such as H. P. B., for instance) will be very great [Page 758] if the Master's plans are to be carried to fruition,

Trong vòng năm mươi năm, [roughly 1975] nhu cầu về những nhà thông linh chân chính và những đồng tử hữu thức (chẳng hạn như H. P. B.) sẽ rất lớn [Page 758] nếu các kế hoạch của Chân sư muốn được thựchiện đến thành tựu,

397. This is the only way to guarantee (in a timely manner) that the intentions of the Great Ones will be accurately received in the brain consciousness of a sufficient number of human beings.

397. Đây là cách duy nhất để bảo đảm (một cách kịp thời) rằng các ý định của Các Đấng Cao Cả sẽ được tiếp nhận chính xác trong tâm thức bộ não của một số lượng đầy đủ những con người.

and the movement must be set on foot in preparation for the coming of Him for Whom all nations wait.

và phong trào phải được khởi xướng để chuẩn bị cho sự quang lâm của Đấng mà mọi quốc gia đều chờ đợi.

398. To prepare men's minds and hearts for the Reappearance of the Christ is the greatest of our duties.

398. Chuẩn bị tâm trí và trái tim của con người cho Sự Tái Lâm của Đức Christ là nghĩa vụ lớn nhất của chúng ta.

Prepare men for the reappearance of the Christ. This is your first and greatest duty. The most important part of that work is teaching men—on a large scale—to use the Invocation so that it becomes a world prayer and focusses the invocative demand of humanity. (EXH 641)

Hãy chuẩn bị con người cho sự tái lâm của Đức Christ. Đây là nghĩa vụ đầu tiên và lớn nhất của bạn. Phần quan trọng nhất của công việc đó là dạy con người—trên quy mô lớn—sử dụng Khẩn Cầu để nó trở thành một lời cầu nguyện thế giới và tập trung nhu cầu khẩn cầu của nhân loại. (EXH 641)

In this work many have their share, provided they demonstrate the necessary endurance.

Trong công việc này nhiều người có phần của mình, miễn là họ biểulộ sức bền cần thiết.

399. We notice the Vulcanian requirement —"endurance". Many possible requirements might have been named. How interesting that endurance was singled out! We are assured that the task of preparing for His Coming will not be easy and will require sustained application.

399. Chúng ta lưu ý đến đòi hỏi mang tính Vulcan—"sức bền". Nhiều đòi hỏi khả dĩ khác có thể đã được nêu ra. Thật thú vị khi sức bền lại được nhấn mạnh riêng! Chúng ta được bảo đảm rằng nhiệm vụ chuẩn bị cho Sự Quang Lâm của Ngài sẽ không dễ dàng và sẽ đòi hỏi sự áp dụng bền bỉ.

Naturally, the first group will be the largest, for it does not necessitate so much knowledge, but more risk is entailed with them than with the others—**the risk of a perversion of the plans, and of disaster to the unit involved**.

Đương nhiên, nhóm thứ nhất sẽ là nhóm lớn nhất, vì nó không đòi hỏi quá nhiều tri thức, nhưng rủi ro liên quan đến họ lại lớn hơn so với các nhóm khác—**rủi ro làm sai lệch các kế hoạch, và tai họa cho đơn vị liên hệ**.

400. Here we are speaking of that form of telepathic impression which suggests ideas and plans for service.

400. Ở đây chúng ta đang nói về hình thức ấn tượng viễn cảm gợi ra các ý tưởng và kế hoạch để phụng sự.

401. We note the dual risk:

401. Chúng ta lưu ý rủi ro kép:

a. The impressed idea may become subject to illusion, glamor and maya

a. Ý tưởng được ghi nhận có thể trở thành đối tượng của ảo tưởng, ảo cảm và ảo lực

b. The unit receiving impression may be damaged through the energy impressed.

b. Đơn vị tiếp nhận ấn tượng có thể bị tổn hại bởi năng lượng được ghi nhận.

402. Few there are who realize that risks involved in attempting to carry out even a small portion of the Plan. High energies may descend and the unit (the human being) may not know how to handle them. Further, opposition may be expected from the Forces of Opposition.

402. Rất ít người nhận ra những rủi ro liên quan đến việc cố gắng thực hiện dù chỉ một phần nhỏ của Thiên Cơ. Những năng lượng cao có thể giáng xuống và đơn vị ấy (con người) có thể không biết cách xử lý chúng. Hơn nữa, có thể chờ đợi sự chống đối từ các Mãnh lực Đối kháng.

The second group will be less numerous, and the last group will involve only a handful, or two or three in certain countries.

Nhóm thứ hai sẽ ít đông hơn, và nhóm cuối cùng sẽ chỉ bao gồm một số ít, hay hai hoặc ba người ở một số quốc gia nhất định.

403. We can see that the requirements are very high. Two to three in a given country is

403. Chúng ta có thể thấy rằng các đòi hỏi là rất cao. Hai đến ba người trong một quốc gia

a tiny fraction. Apparently the countries involved are known.

nhất định là một phần rất nhỏ. Rõ ràng các quốc gia liên hệ đều đã được biết.

404. Is it really necessary, do we feel, that all three types of chelas be prepared and consecrated from the very beginning of their lives, or is this requirement only necessary for the last two types of overshadowing, and especially the last type?

404. Chúng ta có thực sự cảm thấy rằng cả ba loại đệ tử đều phải được chuẩn bị và thánh hiến ngay từ đầu đời sống của họ hay không, hay đòi hỏi này chỉ cần thiết cho hai loại phủ bóng sau, và đặc biệt là loại cuối cùng?

In this case, it will be verily true that, through sacrifice, the Son of Man will again tread the highways of men, **and His physical incarnation be a fact.**

Trong trường hợp này, quả thật sẽ đúng rằng, nhờ sự hi sinh, Con của Người sẽ lại bước đi trên những nẻo đường của loài người, **và sự nhập thể hồng trần của Ngài sẽ là một sự kiện.**

405. The sacrifices of the ones who can form a energy-channel for the Great Lord will be considerable.

405. Những hi sinh của những người có thể tạo thành một kênh năng lượng cho Chúa Tể Vĩ Đại sẽ rất đáng kể.

406. Through such prepared vessels, it is as if the Christ is again incarnating on the Earth. There was a time when the "physical incarnation" of the Christ was conceived as taking place *through* His physically incarnated disciples.

406. Qua những vận cụ đã được chuẩn bị như thế, dường như Đức Christ lại đang nhập thể trên Trái Đất. Đã có một thời sự "nhập thể hồng trần" của Đức Christ được quan niệm là diễn ra *qua* các đệ tử đang lâm phàm của Ngài.

407. Rigorous consecration, cleansing and purification will be required of those in this second group.

407. Sự thánh hiến nghiêm ngặt, sự tẩy sạch và thanh luyện sẽ được đòi hỏi nơi những người trong nhóm thứ hai này.

Very few will be thus available for His use, **as the force He carries requires a peculiarly resilient instrument,** but due preparation is being made.

Rất ít người sẽ sẵn sàng như thế để Ngài sử dụng, **vì mãnh lực Ngài mang theo đòi hỏi một công cụ có sức đàn hồi đặc biệt,** nhưng sự chuẩn bị thích đáng đang được tiến hành.

408. From all accounts, Krishnamurti underwent a very long and painful preparation process for the reception of the Christ's overshadowing energy.

408. Theo mọi tường thuật, Krishnamurti đã trải qua một tiến trình chuẩn bị rất dài và đau đớn để tiếp nhận năng lượng phủ bóng của Đức Christ.

409. This method of overshadowing is available to very few—far fewer than some

409. Phương pháp phủ bóng này chỉ dành cho rất ít người—ít hơn nhiều so với điều

may think however many claims may be made.

một số người có thể nghĩ, bất chấp bao nhiêu lời tuyên bố đi nữa.

Again the method of *direct incarnation* will be employed by certain of the Masters and initiates through the process of:

Một lần nữa, phương pháp *nhập thể trực tiếp* sẽ được một số Chân sư và điểm đạo đồ sử dụng qua tiến trình:

410. In this method of appearance, only Masters and initiates are involved.

410. Trong phương pháp xuất hiện này, chỉ có các Chân sư và các điểm đạo đồ liên hệ.

a. Physical birth.

a. Sinh ra về mặt hồng trần.

411. Initiates incarnate. Arhats and Masters need not incarnate through the normal processes of generation.

411. Các điểm đạo đồ nhập thể. Các A la hán và các Chân sư không cần phải nhập thể qua các tiến trình sinh sản thông thường.

b. Appropriation of a suitable vehicle, or body.

b. Tiếp nhận một vận cụ hay thể thích hợp.

412. This is the method of "standing aside"(requiring the opened sixth petal), as we have been discussing.

412. Đây là phương pháp "đứng sang một bên" (đòi hỏi cánh hoa thứ sáu đã mở), như chúng ta đã bàn đến.

c. Direct creation by an act of will. This will be rare.

c. Sáng tạo trực tiếp bằng một hành vi của ý chí. Điều này sẽ hiếm.

413. This very last method is that of creating a mayavirupa, or will-created body.

413. Phương pháp cuối cùng này là phương pháp tạo ra một mayavirupa, hay một thể được tạo ra bởi ý chí.

The second, or middle, method will be the one most frequently employed.

Phương pháp thứ hai, hay phương pháp ở giữa, sẽ là phương pháp được dùng thườngxuyên nhất.

414. This is the method of "standing aside" and rendering up the body for the use by a higher spiritual agency.

414. Đây là phương pháp "đứng sang một bên" và hiến dâng thể cho một tác nhân tinh thần cao hơn sử dụng.

Six of the Masters, as yet quite unknown to the average occult student by name, have already sought physical incarnation—one in India, another in England, two in

Sáu vị Chân sư, cho đến nay vẫn hoàn toàn chưa được đạo sinh huyền bí học trung bình biết đến bằng tên gọi, đã tìm cách nhập thể hồng trần—một vị ở Ấn Độ, một

northern America, and one in central Europe, whilst another has made a great sacrifice, and taken a Russian body in the desire to act as a peace centre in that distracted land.

vị khác ở Anh, hai vị ở Bắc Mỹ, và một vị ở Trung Âu, trong khi một vị khác đã thực hiện một sự hi sinh lớn lao, và nhận một thể Nga với mong muốn hành động như một trung tâm hòa bình trong vùng đất rối loạn ấy.

415. This material above is quite astonishing. Obviously such efforts escape the detection of the average student.

415. Tư liệu trên thật đáng kinh ngạc. Rõ ràng những nỗ lực như thế thoát khỏi sự phát hiện của đạo sinh trung bình.

416. Let us list the places in which these Masters have sought incarnation (through the second method—appropriation of a suitable vehicle or body):

416. Chúng ta hãy liệt kê những nơi mà các Chân sư này đã tìm cách nhập thể (qua phương pháp thứ hai—tiếp nhận một vận cụ hay thể thích hợp):

a. One in India

a. Một vị ở Ấn Độ

b. One in England

b. Một vị ở Anh

c. Two in Northern America

c. Hai vị ở Bắc Mỹ

d. One in central Europe

d. Một vị ở Trung Âu

e. One in Russia (or at least in a Russian body).

e. Một vị ở Nga (hay ít nhất là trong một thể Nga).

417. We see that there is no need for a Master to be born in the ordinary way. Such would be a considerable waste of time.

417. Chúng ta thấy rằng một Chân sư không cần phải được sinh ra theo cách thông thường. Điều đó sẽ là một sự lãng phí thời gian đáng kể.

418. With careful and searching thought it may be possible to trace one or two of those who have sought incarnation.

418. Với sự suy nghĩ cẩn trọng và truy xét, có thể lần ra một hay hai vị trong số những vị đã tìm cách nhập thể.

419. It is interesting to hear Master DK calling Russia a “distracted land”. It is as if (in 1925) that great nation had strayed from its intended path.

419. Thật thú vị khi nghe Chân sư DK gọi Nga là một “vùng đất rối loạn”. Dường như (vào năm 1925) quốc gia lớn ấy đã đi chệch khỏi con đường dự định của mình.

Certain initiates of the third Initiation have taken feminine bodies,

420. The implication is that the Masters listed above have chosen to work through *masculine* bodies—otherwise, why would DK mention the difference?

421. This is one of the references which suggest the necessity of a masculine body for the fifth initiation.

—one in will in due time do much toward the emancipation of the women of, whilst another has a peculiar work to do in connection with the animal kingdom **which likewise is awaiting the day of His appearing**. [Page 759]

422. Even the animal kingdom is being prepared for the Reappearance of the Christ.

423. Given the barbaric relations between human beings and many members of the animal kingdom, we can understand why this might be the case.

424. Probably if we think carefully (and review the last hundred years or so) we will find high souls who have contributed to both these areas of service.

The Master Jesus will take a physical vehicle, and with certain of His chelas effect a re-spiritualisation of the Catholic churches,

Một số điểm đạo đồ của lần Điểm đạo thứ ba đã nhận những thể nữ,

420. Hàm ý ở đây là các Chân sư được liệt kê ở trên đã chọn làm việc qua những *thể nam* —nếu không, tại sao Chân sư DK lại nhắc đến sự khác biệt này?

421. Đây là một trong những chỗ gợi ý sự cần thiết của một thể nam cho lần điểm đạo thứ năm.

—một vị trong đến đúng lúc sẽ làm nhiều điều cho sự giải phóng phụ nữ của, trong khi một vị khác có một công việc đặc biệt phải làm liên quan đến giới động vật **giới này cũng đang chờ đợi ngày Ngài xuất hiện**. [Page 759]

422. Ngay cả giới động vật cũng đang được chuẩn bị cho Sự Tái Lâm của Đức Christ.

423. Xét đến những quan hệ man rợ giữa con người và nhiều thành viên của giới động vật, chúng ta có thể hiểu vì sao điều này có thể là như vậy.

424. Có lẽ nếu suy nghĩ cẩn thận (và xem lại khoảng một trăm năm qua) chúng ta sẽ tìm thấy những linh hồn cao cả đã đóng góp cho cả hai lĩnh vực phụng sự này.

Chân sư Jesus sẽ nhận một vận cụ hồng trần, và cùng với một số đệ tử của Ngài thực hiện một sự tái-tinh thần hóa các giáo hội Công giáo,

425. Presumably this would require finding and working through an appropriate vehicle. We are not here speaking, I think, of the creation of a mayavirupa though we cannot be certain.

425. Có lẽ điều này sẽ đòi hỏi phải tìm ra và hoạt động qua một vận cụ thích hợp. Tôi nghĩ ở đây chúng ta không nói về việc tạo ra một mayavirupa, dù chúng ta không thể chắc chắn.

426. It is interesting that DK does not speak of the Catholic Church (singular) so He must include a number of "churches" under the general category of Catholic Church.

426. Thật thú vị khi Chân sư DK không nói đến Giáo hội Công giáo (số ít), vì vậy Ngài hẳn phải bao gồm một số "giáo hội" dưới phạm trù chung là Giáo hội Công giáo.

427. The suggestion of the word "re-spiritualisation" is that at one time the "Catholic churches" may have been spiritual.

427. Gợi ý của từ "tái-tinh thần hóa" là vào một thời nào đó các "giáo hội Công giáo" có thể đã từng mang tính tinh thần.

428. We note that certain chelas of the Master Jesus will be necessary to accomplish the task.

428. Chúng ta lưu ý rằng một số đệ tử của Chân sư Jesus sẽ cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ này.

429. Some of those in Master Jesus' group are indicated in the following:

429. Một số người trong nhóm của Chân sư Jesus được nêu ra trong đoạn sau:

Certain great prelates of the Anglican and are wise agents of His. (IHS 57)

Một số giáo phẩm cao cấp của Anh giáo và là những tác nhân khôn ngoan của Ngài. (IHS 57)

breaking down the barrier separating the Episcopal and Greek churches from the Roman.

phá bỏ hàng rào ngăn cách các giáo hội Giámmục và Hy Lạp với Giáo hội La Mã.

430. Yes, this is precisely the idea: The Episcopal, Greek (and presumably Russian Orthodox Churches) and the Roman Church are all to be considered "Catholic".

430. Đúng vậy, đây chính xác là ý tưởng: Giáo hội Giám mục, Hy Lạp (và có lẽ cả Chính Thống giáo Nga) cùng với Giáo hội La Mã đều được xem là "Công giáo".

431. We seem to be discussing the ecumenical movement which from the early 1960's became a force to be reckoned with. Presently, there is some back-sliding along this line.

431. Dường như chúng ta đang bàn đến phong trào đại kết, phong trào từ đầu thập niên 1960 đã trở thành một lực lượng đáng kể. Hiện nay, có một số sự thụt lùi theo hướng này.

This may be looked for, should plans progress as hoped, about the year 1980.

Điều này có thể được mong đợi, nếu các kế hoạch tiến triển như hy vọng, vào khoảng năm 1980.

432. Did plans progress as hoped? We are not in a position to ascertain the facts of the matter. We do know that Pope John Paul I came to power in 1980 and had, so we hear, many reformist tendencies, but lived only a short time. Was he murdered? There is much speculation which points in that direction.

432. Các kế hoạch có tiến triển như hy vọng không? Chúng ta không ở vị thế để xác định sự thật của vấn đề. Chúng ta biết rằng Giáo hoàng John Paul I lên nắm quyền vào năm 1980 và, như chúng ta nghe nói, có nhiều khuynh hướng cải cách, nhưng chỉ sống trong một thời gian ngắn. Ông có bị ám sát không? Có nhiều suy đoán theo hướng đó.

433. When considering the predications set forth around the year 1925, we see that there may have been a considerable alteration of the time schedule. As stated, it may be that the advent of atomic energy has changed everything.

433. Khi xem xét những dự báo được đưa ra vào khoảng năm 1925, chúng ta thấy rằng có thể đã có một sự thay đổi đáng kể trong thời biểu. Như đã nói, có thể sự xuất hiện của năng lượng nguyên tử đã thay đổi mọi thứ.

The Master Hilarion will also come forth, and **become a focal point of buddhic energy** in the vast spiritualistic movement, whilst another Master is working with the Christian Science endeavour in an effort to swing it on to sounder lines.

Chân sư Hilarion cũng sẽ xuất hiện, và **trở thành một tiêu điểm của năng lượng Bồ đề** trong phong trào thần linh học rộng lớn, trong khi một Chân sư khác đang làm việc với nỗ lực Christian Science nhằm đưa nó vào những đường hướng lành mạnh hơn.

434. These would be subtle comings forth. Perhaps these Masters (along with the Christ) were expected to take incarnation in the latter part of the 20th century. Certainly it would have been possible had there not been a Second World War.

434. Đây hẳn là những sự xuất hiện tinh tế. Có lẽ các Chân sư này (cùng với Đức Christ) đã được kỳ vọng sẽ nhập thể vào nửa sau của thế kỷ 20th. Chắc chắn điều đó đã có thể xảy ra nếu không có Chiến tranh Thế giới thứ hai.

435. Apparently, that which was expected has not occurred, at least externally.

435. Rõ ràng điều được mong đợi đã không xảy ra, ít nhất là về mặt bên ngoài.

436. With regard to progress in the "spiritualistic movement" and within the field of Christian Science, the results appear not to have been dramatic.

436. Xét về sự tiến bộ trong "phong trào thần linh học" và trong lĩnh vực Christian Science, các kết quả dường như không mang tính nổi bật.

437. The association of Master H. with the buddhic plane and the buddhic energy, suggests the importance of soft-line rays in his makeup—His soul make-up, most probably.

437. Sự liên hệ của Chân sư H. với cõi Bồ đề và năng lượng Bồ đề gợi ý tầm quan trọng của các cung mềm trong cấu tạo của Ngài—rất có thể là cấu tạo linh hồn của Ngài.

438. Although it can be reasonably speculated that His Monad is upon rays one and five, could He have been a sixth ray soul transferring eventually to the second ray?

438. Mặc dù có thể suy đoán khá hợp lý rằng Chân thần của Ngài thuộc các cung một và năm, liệu Ngài có thể đã là một linh hồn cung sáu rồi cuối cùng chuyển sang cung hai không?

439. The ray history of the Masters is most interesting though obscure to us.

439. Lịch sử cung của các Chân sư thật hết sức thú vị dù vẫn mờ tối đối với chúng ta.

It is interesting to note that **those movements which have laid the emphasis so strongly on the heart or love aspect, may respond more rapidly to the inflow of force at the Coming** than other movements which consider themselves very advanced.

Thật thú vị khi lưu ý rằng **những phong trào đã nhấn mạnh rất mạnh vào phương diện tim hay bác ái, có thể đáp ứng nhanh hơn với dòng mãnh lực tuôn vào lúc Đấng ĐangĐến** so với những phong trào khác vốn tự xemmình là rất tiến bộ.

440. DK may be pointing to the Theosophical Movement (and even to the movement which He stimulated through AAB). Such movements are very “mental” and their adherents tend to consider themselves quite “advanced”. However, they may not be in a position to take advantage of the tremendous *heart* simulation which may be offered.

440. Chân sư DK có thể đang chỉ đến Phong trào Thông Thiên Học (và thậm chí cả phong trào mà Ngài đã kích thích qua AAB). Những phong trào như thế rất “trí tuệ” và những người theo chúng có khuynh hướng xem mình là khá “tiến bộ”. Tuy nhiên, họ có thể không ở vị thế để tận dụng sự kích thích *tim* to lớn có thể được ban ra.

441. We recall that the Christ is coming to stimulate the energy of love within the human race.

441. Chúng ta nhớ rằng Đức Christ đang đến để kích thích năng lượng bác ái trong nhân loại.

The "mind may slay" the recognition of the Real, **and hatred between brothers swing the tide of love-force away.**

“trí tuệ có thể giết chết” sự nhận biết về Thực Tại, **và sự thù ghét giữa các huynh đệ làm lệch dòng mãnh lực bác ái đi nơi khác.**

442. DK is warning His own students and also students of various occult organizations

442. Chân sư DK đang cảnh báo chính các đạo sinh của Ngài và cả các đạo sinh của

against their tendency to wield the forces of hatred and separatism through the lower mind.

443. This warning must be taken to heart. A little investigation of conditions as they exist in various occult groups and in the relations between such groups will reveal that DK's warning is well-founded.

The three Masters so closely allied with the theosophical movement are already making Their preparations, and will also move among men, recognised by Their Own and by those who have eyes to see.

444. These Masters are Master Morya, Master Koot-Hoomi and Master Djwhal Khul.

445. It is also possible that Master DK may be leaving Himself out of the picture and may be referencing Master R.

446. DK is telling us that these three Masters will be taking incarnation. As They already have vehicles of expression, there will be no need for them to ask one of Their chelas to "stand aside".

447. We must remember that Master DK was, at this time, signing Himself only as the Tibetan. The link between the Tibetan and Master DK had not yet been ascertained (by most) nor affirmed by Him.

To those of Their chelas on earth who undergo the necessary discipline, opportunity will be offered to work on the astral plane and, should they so choose, an

nhiều tổ chức huyền bí học khác chống lại khuynh hướng vận dụng các mãnh lực thù ghét và chia rẽ qua hạ trí.

443. Cảnh báo này phải được ghi lòng. Chỉ cần khảo sát đôi chút các điều kiện đang tồn tại trong nhiều nhóm huyền bí học và trong các mối quan hệ giữa những nhóm ấy sẽ cho thấy lời cảnh báo của Chân sư DK là có cơ sở vững chắc.

Ba vị Chân sư gắn bó mật thiết với phong trào Thông Thiên Học đã đang thực hiện những sự chuẩn bị của Các Ngài, và cũng sẽ đi lại giữa loài người, đượcnhận ra bởi người của Chính Các Ngài và bởi những ai có mắt để thấy.

444. Ba vị Chân sư này là Chân sư Morya, Chân sư Koot-Hoomi và Chân sư Djwhal Khul.

445. Cũng có thể Chân sư DK đang để chính Ngài ra ngoài bức tranh và có thể đang ám chỉ Chân sư R.

446. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng ba vị Chân sư này sẽ nhập thể. Vì Các Ngài đã có những vận cụ biểu đạt, nên sẽ không cần phải yêu cầu một trong các đệ tử của Các Ngài "đứng sang một bên".

447. Chúng ta phải nhớ rằng vào thời điểm này Chân sư DK chỉ ký tên là Chân sư Tây Tạng. Mối liên hệ giữa Chân sư Tây Tạng và Chân sư DK khi ấy chưa được xác định (đối với đa số) cũng chưa được chính Ngài xác nhận.

Đối với những đệ tử của Các Ngài trên Trái Đất, những người trải qua kỷ luật cần thiết, cơ hội sẽ được trao để làm việc trên cõi cảm dục và, nếu họ chọn như vậy, được nhập thể

immediate incarnation, **provided they have achieved continuity of consciousness**.

448. This work on the astral plane will proceed during incarnated life.

449. That work will continue following etheric-physical death and an immediate incarnation will follow—such is the emergency and, thus, the need for incarnated disciples.

450. How interesting that an "immediate incarnation" is available only to those who have achieved continuity of consciousness. DK encourages us in this cultivation, advising us to learn to fall asleep consciously.

He Who is known as D. K. is planning to restore—via His students—some of the old and occult methods of healing and to demonstrate:

a. The place of the etheric body.

b. The effect of pranic force.

c. The opening up of etheric vision.

451. From what is here said, we cannot tell whether Master DK is numbering Himself among the three Masters intimately associated with the Theosophical Society, and yet, it seems He must be, as He assisted HPB with much of the information found *The Secret Doctrine* and took His fifth initiation in the year the Theosophical Society was founded.

452. DK (without stating that He, as the Tibetan, actually *is* DK) is telling what He

ngay lập tức, **miễn là họ đã đạt được sự liên tục của tâm thức**.

448. Công việc trên cõi cảm dục này sẽ tiếp diễn trong đời sống nhập thể.

449. Công việc ấy sẽ tiếp tục sau cái chết dĩ thái-hồng trần và một sự nhập thể tức thời sẽ tiếp theo—đó là tình trạng khẩn cấp và do đó là nhu cầu về các đệ tử đang lâm phàm.

450. Thật thú vị khi một "sự nhập thể tức thời" chỉ dành cho những ai đã đạt được sự liên tục của tâm thức. Chân sư DK khuyến khích chúng ta trong việc tu dưỡng này, khuyên chúng ta học cách đi vào giấc ngủ một cách hữu thức.

Đấng được biết đến là D. K. đang dự định phục hồi—qua các đạo sinh của Ngài—một số phương pháp trị liệu cổ xưa và huyền bí, và chứng minh:

a. vị trí của thể dĩ thái.

b. tác động của mãnh lực prana.

c. sự khai mở linh thị dĩ thái.

451. Từ những gì được nói ở đây, chúng ta không thể biết liệu Chân sư DK có tự xếp mình vào ba vị Chân sư gắn bó mật thiết với Hội Thông Thiên Học hay không; tuy nhiên, dường như Ngài phải là một trong số đó, vì Ngài đã trợ giúp HPB với phần lớn thông tin được tìm thấy trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* và đã nhận lần điểm đạo thứ năm vào năm Hội Thông Thiên Học được thành lập.

452. Chân sư DK (không nói rằng Ngài, với tư cách Chân sư Tây Tạng, thực sự *là* DK) đang

will do when He externalizes or takes incarnation. At the time of this writing, He was not using a mayavirupa, though we cannot be certain that such is now the case.

cho biết Ngài sẽ làm gì khi Ngài ngoại hiện hay nhập thể. Vào lúc viết điều này, Ngài không sử dụng một mayavirupa, dù chúng ta không thể chắc chắn rằng hiện nay không phải như vậy.

453. DK went on to write *Esoteric Healing,* discussing the place of the etheric body and the effect of pranic force. He also hinted at the possibility of opening up etheric vision.

453. Chân sư DK tiếp tục viết *Trị Liệu Huyền Môn,* bàn đến vị trí của thể dĩ thái và tác động của mãnh lực prana. Ngài cũng gợi ý về khả năng khai mở linh thị dĩ thái.

454. He seems to be telling us that He is definitely one of the Masters Who plans to externalize. He may also be hinting that He is one of the Masters closely associated with the Theosophical Society.

454. Dường như Ngài đang nói với chúng ta rằng Ngài chắc chắn là một trong những Chân sư dự định ngoại hiện. Ngài cũng có thể đang gợi ý rằng Ngài là một trong những Chân sư gắn bó mật thiết với Hội Thông Thiên Học.

455. Students of AAB may be quite convinced that this is the case, but the thought is still violently rejected by many members of the TS.

455. Các đạo sinh của AAB có thể khá tin chắc rằng đúng là như vậy, nhưng ý tưởng này vẫn bị nhiều thành viên của TS bác bỏ dữ dội.

It is not permissible to say more in connection with the plans of the Great Ones.

Không được phép nói thêm gì liên quan đến các kế hoạch của Các Đấng Cao Cả.

456. Already, tremendous distortion has set in and has confused many well-meaning seekers.

456. Ngay từ bấy giờ, sự bóp méo ghê gớm đã xuất hiện và đã làm rối trí nhiều người tìm đạo đầy thiện chí.

Their appearing will not be simultaneous in time, for **the people could not stand the tremendously increased inflow of force,** and recognition of Them and of Their methods will depend upon the intuition,

Sự xuất hiện của Các Ngài sẽ không đồng thời về mặt thời gian, vì **con người không thể chịu đựng nổi sự tuôn đổ mãnh lựcgia tăng vô cùng lớn lao ấy,** và việc nhận biết Các Ngài cùng các phương pháp của Các Ngài sẽ tùy thuộc vào trực giác,

457. Such recognition will certainly not depend upon Their Self-proclamation.

457. Sự nhận biết ấy chắc chắn sẽ không tùy thuộc vào việc Các Ngài tự xưng danh.

458. Amalgamation around a Master will depend upon the Law of Recognition.

458. Sự tập hợp quanh một Chân sư sẽ tùy thuộc vào Định luật Nhận Biết.

459. The Higher Powers have ever to be cognizant of Their impact upon unprepared humanity. All plans for externalization are exquisitely co-measured.

459. Các Quyền Năng Cao Cả luôn phải ý thức về tác động của Các Ngài lên nhân loại chưa được chuẩn bị. Mọi kế hoạch cho sự ngoại hiện đều được cân định một cách tinh tế.

[Page 760] and the training of the inner senses. **They come with no herald, and only Their works will proclaim Them.**

[Page 760] và sự huấn luyện các giác quan bên trong. **Các Ngài đến mà không có người báo trước, và chỉ các công việc của Các Ngài mới sẽ công bố Các Ngài.**

460. If the Masters stand ready to be proclaimed by Their Work, an example is set for disciples in the world. Disciples must not proclaim themselves as disciples and certainly not as initiates.

460. Nếu các Chân sư sẵn sàng được công bố bởi Công Trình của Các Ngài, thì đó là một tấm gương được đặt ra cho các đệ tử trong thế gian. Các đệ tử không được tự xưng mình là đệ tử và chắc chắn lại càng không được tự xưng là điểm đạo đồ.

461. The use of "fanfares" certainly inhibits the work from going forward as it should.

461. Việc dùng những "lời phô trương" chắc chắn cản trở công việc tiến triển như đáng lẽ phải thế.

(e.) Impulse and Incarnation. Perhaps light upon this very difficult question of the incarnating jivas, of adepts and of avatars

(e.) Xung lực và sự nhập thể. Có lẽ ánh sáng về vấn đề rất khó này liên quan đến các jivas đang nhập thể, các chân sư và các Đấng Hoá Thân

462. DK calls it a difficult subject. It is difficult, perhaps, because it is so subject to glamour.

462. Chân sư DK gọi đây là một chủ đề khó. Có lẽ nó khó vì quá dễ bị ảo cảm chi phối.

may come if the student remembers that:

có thể đến nếu đạo sinh nhớ rằng:

1. An ordinary man demonstrates the third aspect of intelligent activity in his personality life, and is evolving consciously the second aspect, or the egoic manifestation on the physical plane.

1. Một người bình thường biểu lộ phương diện thứ ba của hoạt động thông tuệ trong đời sống phàm ngã của y, và đang tiến hoá một cách hữu thức phương diện thứ hai, hay sự biểu lộ chân ngã trên cõi hồng trần.

463. This is the position in which most of us find ourselves. We are attempting to move from intelligence to love; from the third

463. Đây là vị trí mà phần lớn chúng ta thấy mình đang ở trong đó. Chúng ta đang cố gắng chuyển từ trí tuệ sang bác ái; từ

aspect of divinity to the second. We are trying to bring our Ego through into physical plane expression.

phương diện thứ ba của thiên tính sang phương diện thứ hai. Chúng ta đang cố gắng đưa Chân ngã của mình vào sự biểu lộ trên cõi hồng trần.

2. *An adept* in incarnation is demonstrating fully the second aspect as well as the third, **and in his own internal life is in process of evolving the first aspect**, or is **endeavouring to bring through the monadic life** into conscious activity on the buddhic plane.

2. *Một chân sư* đang lâm phàm đang biểu lộ trọn vẹn phương diện thứ hai cũng như phương diện thứ ba, **và trong đời sống nội tại riêng của ông đang ở trong tiến trình tiến hoá phương diện thứ nhất**, hay đang **nỗlực đưa sự sống chân thần** vào hoạt độnghữu thức trên cõi Bồ đề.

464. While an Adept does have access to the first aspect, this section of text seems to suggest that that access if not yet *full.*

464. Dù một Chân sư quả thật có tiếp cận với phương diện thứ nhất, phần văn bản này dường như gợi ý rằng sự tiếp cận ấy vẫn chưa *trọn vẹn.*

465. Only a Chohan is fully expressing the monadic life.

465. Chỉ một Chohan mới đang biểu lộ trọn vẹn sự sống chân thần.

466. But let us notice that the monadic life is to express on the fourth or buddhic plane which is numerically resonant of the second plane, the plane of the Monad.

466. Nhưng hãy lưu ý rằng sự sống chân thần sẽ biểu lộ trên cõi thứ tư hay cõi Bồ đề, vốn cộng hưởng về mặt số học với cõi thứ hai, cõi của chân thần.

467. A Master is a Master of buddhic life.

467. Một Chân sư là bậc làm chủ sự sống Bồ đề.

3. *An avatar* demonstrates one of two things, according to his peculiar karma:

3. *Một Đấng Hoá Thân* biểu lộ một trong hai điều, tùy theo nghiệp quả đặc thù của Ngài:

468. An Avatar (as here considered) is of higher spiritual status than an Adept.

468. Một Đấng Hoá Thân (như được xét ở đây) có địa vị tinh thần cao hơn một chân sư.

469. Let us note that an Avatar (although He has naught to gain from the sphere to which He benevolently descends) still has karma—a peculiar one.

469. Chúng ta hãy lưu ý rằng một Đấng Hoá Thân (dù Ngài không có gì để đạt được từ khối cầu mà Ngài từ bi giáng hạ xuống) vẫn còn nghiệp quả—một loại nghiệp quả đặc thù.

a. The pure light of the Monad, brought through **by means of the perfected Ego and personality** on to the physical plane.

a. Ánh sáng thuần khiết của chân thần, được đưa xuống **qua trung gian của Chân ngã và phàm ngã đã được hoàn thiện** đến cõi hồng trần.

470. The "Ego" in this instance, will be the spiritual triad and not the Ego within the causal body which will no longer exist. We understand this to be the case because the Ego is called the "perfected Ego".

470. "Chân ngã" trong trường hợp này sẽ là Tam Nguyên Tinh Thần chứ không phải Chân ngã bên trong thể nguyên nhân, vốn sẽ không còn tồn tại nữa. Chúng ta hiểu là như vậy vì Chân ngã được gọi là "Chân ngã đã được hoàn thiện".

471. We also realize that an Avatar would no longer have a causal body and thus, the Ego would not be confined to the higher mental plane.

471. Chúng ta cũng nhận ra rằng một Đấng Hoá Thân sẽ không còn thể nguyên nhân nữa và do đó, Chân ngã sẽ không bị giới hạn trong Cõi thượng trí.

The line of force extends straight through from monadic levels to the physical.

Đường mãnh lực kéo dài thẳng suốt từ các cấp độ chân thần xuống cõi hồng trần.

472. This is a straight and uninterrupted line of expression.

472. Đây là một đường biểu lộ thẳng và không gián đoạn.

473. An Avatar of this kind (even though a "Human Avatar") is a Monad in expression.

473. Một Đấng Hoá Thân thuộc loại này (dù là một "Đấng Hoá Thân Nhân Loại") là một chân thần đang biểu lộ.

b. The light of the Logos Himself in one or other aspect, **this being transmitted consciously via the Monad straight through to the physical plane from the planetary Logos**, or even from the solar Logos Himself.

b. Ánh sáng của Thượng đế Chính Ngài trong phương diện này hay phương diện khác, **ánh sáng này được truyền đạt một cách hữu thức qua chân thần đi thẳng từ Đức Hành Tinh Thượng Đế đến cõi hồng trần**, hoặc thậm chí từ chính Thái dương Thượng đế.

474. An Avatar may convey not only the light of His own Monad, but the "light of the Logos" *through* that Monad.

474. Một Đấng Hoá Thân có thể chuyển tải không chỉ ánh sáng của chính chân thần của Ngài, mà còn cả "ánh sáng của Thượng đế" *qua* chân thần ấy.

475. Some Avatars may be so advanced that the light of the *Solar* Logos may be transmitted through Their Monad. It would

475. Một số Đấng Hoá Thân có thể tiến hoá cao đến mức ánh sáng của *Thái dương* Thượng đế có thể được truyền qua chân thần

seem that Sanat Kumara is one such Avatar, for indeed, He has descended onto the systemic etheric plane within the sphere of our Earth-globe.

của Các Ngài. Dường như Đức Sanat Kumara là một Đấng Hoá Thân như thế, vì quả thật, Ngài đã giáng hạ xuống cõi dĩ thái hệ thống bên trong khối cầu Địa Cầu của chúng ta.

In the first two cases, **desire** for sentient existence, or **desire** for service to humanity, are the factors which produce physical manifestation (one through the force of evolution itself, the other through a conscious act of the will).

Trong hai trường hợp đầu, **dục vọng** đối với sự tồn tại hữu cảm, hay **dục vọng** phụng sự nhân loại, là những yếu tố tạo ra sự biểu hiện hồngtrần (một bên qua chính mãnh lực của tiến hoá, bên kia qua một hành vi hữu thức của ý chí).

476. In the first two cases, there is an emphasis upon the factor of *desire*—ordinary desire in the case of the "ordinary man" and high and selfless desire in the case of the adept.

476. Trong hai trường hợp đầu, có sự nhấn mạnh vào yếu tố *dục vọng*—dục vọng thông thường trong trường hợp "người bình thường" và dục vọng cao cả, vô ngã trong trường hợp chân sư.

Desire for sentient existence is but the latent second aspect seeking expression by means of the Not-Self, and in the other case the manifested second aspect consciously utilises form as a means to an end.

Dục vọng đối với sự tồn tại hữucảm chỉ là phương diện thứ hai tiềm ẩn đang tìm cách biểu lộ qua Phi-Ngã, và trong trường hợp kia phương diện thứ hai đã biểu lộ một cách hữu thức sử dụng hình tướng như một phương tiện để đạt cứu cánh.

477. DK elaborates on the two aspects of desire—one for the ordinary man and the other for the Adept.

477. Chân sư DK khai triển về hai phương diện của dục vọng—một dành cho người bình thường và một dành cho Chân sư.

478. Desire is directly connected to the second aspect of divinity. The energy of the astral body is based upon the energy of love.

478. Dục vọng liên hệ trực tiếp với phương diện thứ hai của thiên tính. Năng lượng của thể cảm dục dựa trên năng lượng của bác ái.

479. The Master is already manifesting the second divine aspect and seeks to express that aspect through the medium of the form. The Master, unlike the ordinary man, is not seeking to *develop* the second aspect.

479. Chân sư đã biểu lộ phương diện thiêng liêng thứ hai và tìm cách biểu lộ phương diện ấy qua trung gian của hình tướng. Chân sư, không giống người bình thường, không tìm cách *phát triển* phương diện thứ hai.

In the case [Page 761] of all avatars it is the will aspect which is brought into play,

Trong trường hợp [Page 761] của mọi Đấng Hoá Thân, chính phương diện ý chí được vận dụng,

480. The progression is clear:

a. An ordinary man seeks to develop the second aspect in the midst of the third to which he is habituated

b. The Adept seeks to express the already developed second divine aspect through the third, developing the first aspect.

c. The Avatar seeks to express the already developed first aspect through the second and third aspects (also developed).

and which produces appearance either the will of the perfected adept, such as the Buddha Himself, or (as in the case of the true Avatar, Who is, and Who has not achieved) the will of the planetary Logos or of the solar Logos, taking form for a specific purpose.

481. We are speaking here of three kinds of Avatars:

a. Avatars like the Buddha Who have achieved. The Buddha is not just an Adept, but a "perfected" Adept.

b. An Avatar like the Planetary Logos Who *is*

c. An Avatar like the Solar Logos, Who *is*.

482. It is sometimes questioned whether the Buddha is an Avatar, or the Christ for that

480. Sự tiến triển thật rõ ràng:

a. Một người bình thường tìm cách phát triển phương diện thứ hai ở giữa phương diện thứ ba mà y đã quen thuộc

b. Chân sư tìm cách biểu lộ phương diện thiêng liêng thứ hai đã được phát triển qua phương diện thứ ba, đồng thời phát triển phương diện thứ nhất.

c. Đấng Hoá Thân tìm cách biểu lộ phương diện thứ nhất đã được phát triển qua các phương diện thứ hai và thứ ba (cũng đã được phát triển).

và điều tạo ra sắc tướng là hoặc ý chí của chân sư đã được hoàn thiện, như chính Đức Phật, hoặc (như trong trường hợp của Đấng Hoá Thân chân chính, Đấng hiện hữu, và Đấng chưa từng phải thành tựu) ý chí của Đức Hành Tinh Thượng Đế hay của Thái dương Thượng đế, mang lấy hình tướng vì một mục đích đặc biệt.

481. Ở đây chúng ta đang nói đến ba loại Đấng Hoá Thân:

a. Những Đấng Hoá Thân như Đức Phật, Đấng đã thành tựu. Đức Phật không chỉ là một chân sư, mà là một chân sư "đã được hoàn thiện".

b. Một Đấng Hoá Thân như Đức Hành Tinh Thượng Đế, Đấng *hiện hữu*

c. Một Đấng Hoá Thân như Thái dương Thượng đế, Đấng *hiện hữu*.

482. Đôi khi người ta đặt câu hỏi liệu Đức Phật có phải là một Đấng Hoá Thân hay không, hay Đức Christ cũng vậy. Có nhiều

matter. There are a number of references which explicitly depict Them as Avatars.

483. The following statement (one among several) confirms it.

The Avatars most easily known and recognised are the Buddha in the East and the Christ in the West. (ROC 10)

484. We have to wonder how the taking of form by a Planetary Logos or a Solar Logos would appear.

It involves a higher display of the creative faculty than that displayed by the Adept in the creation of His body of manifestation, the Mayavirupa.[52]

485. The coming in of a true Avatar (one Who *is*) involves a still higher expression of creativity than is expressed in the making of a mayavirupa.

486. The day will come when such exalted Beings as a Planetary Logos or Solar Logos may be considered (with respect to Their systems or schemes) Avatars. Their Coming is always preceded by the coming in of lesser Avatars Who prepare the field for Their ultimate appearance.

đoạn dẫn minh nhiên mô tả Các Ngài là những Đấng Hoá Thân.

483. Phát biểu sau đây (một trong nhiều phát biểu) xác nhận điều đó.

Những Đấng Hoá Thân dễ được biết đến và nhận ra nhất là Đức Phật ở phương Đông và Đức Christ ở phương Tây. (ROC 10)

484. Chúng ta phải tự hỏi việc một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế mang lấy hình tướng sẽ xuất hiện như thế nào.

Điều đó bao hàm một sự biểu lộ cao hơn của năng lực sáng tạo so với năng lực được Chân sư biểu lộ trong việc tạo ra thể biểu lộ của Ngài, Mayavirupa.[52]

485. Sự giáng lâm của một Đấng Hoá Thân chân chính (Đấng *hiện hữu*) bao hàm một biểu lộ sáng tạo còn cao hơn nữa so với điều được biểu lộ trong việc tạo ra một mayavirupa.

486. Sẽ đến ngày những Đấng cao cả như một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế có thể được xem là (xét theo các hệ thống hay các hệ hành tinh của Các Ngài) những Đấng Hoá Thân. Sự Giáng Lâm của Các Ngài luôn được đi trước bởi sự giáng lâm của những Đấng Hoá Thân nhỏ hơn, những Đấng chuẩn bị cánh đồng cho sự xuất hiện tối hậu của Các Ngài.

Footnote 52: The Mayavirupa is literally the illusory form; it is the body of **temporary manifestation** which the Adept creates **on occasion** and in which He functions in order to make certain contacts on the physical plane and to engage in certain work for the race.

Chú thích 52: Mayavirupa theo nghĩa đen là hình tướng ảo huyễn; đó là thể **biểu lộ tạm thời** mà Chân sư tạo ra **khi cần** và trong đó Ngài hoạt động để tạo ra một số tiếp xúc nhất định trên cõi hồng trần và đảm nhận một số công việc nhất định cho nhân loại.

487. It seems that a number of the Masters utilize a mayavirupa. It is the case with Master M. and KH though not yet (at the time of this writing) with Master DK.

487. Dường như một số Chân sư sử dụng một mayavirupa. Điều này đúng với Chân sư M. và Chân sư KH, dù chưa đúng (vào thời điểm bài viết này) với Chân sư DK.

488. The Christ also has a physical body which we may assume is a mayavirupa.

488. Đức Christ cũng có một thể xác mà chúng ta có thể giả định là một mayavirupa.

489. The terms “temporary” and “on occasion” are of interest. It seems that a mayavirupa can be generated at will, on occasion as needed.

489. Các từ “tạm thời” và “khi cần” rất đáng chú ý. Dường như một mayavirupa có thể được tạo ra theo ý chí, khi cần thiết.

490. There is a question whether such a vehicle is sustained over a prolonged period of time or whether it is more convenient simply to generate it as needed.

490. Có một câu hỏi là liệu một vận cụ như thế có được duy trì trong một thời gian kéo dài hay không, hay đơn giản là thuận tiện hơn nếu chỉ tạo ra nó khi cần.

491. We noted that this method of incarnation was the rarest.

491. Chúng ta đã lưu ý rằng đây là phương pháp nhập thể hiếm nhất.

The terms "appropriation of a physical body"

Các thuật ngữ "chiếm dụng một thể xác"

492. Usually the physical body of a chela of a Master…

492. Thông thường thể xác của một đệ tử của một Chân sư…

and "creation of a physical body"

và "tạo ra một thể xác"

493. This is the creation of a mayavirupa…

493. Đây là việc tạo ra một mayavirupa…

must be extended to include all the planes of the solar system, and not just our

phải được mở rộng để bao gồm mọi cõi của hệ mặt trời, chứ không chỉ cõi hồng trần của

physical plane, the seventh subplane of the cosmic physical.

494. If the Being concerned is a Planetary Logos or Solar Logos, then *all* the planes of the our solar system could be involved in the generation of a mayavirupa. As the majority of Logoi are out of incarnation at any one time, a temporary generation of such a vehicle could happen as larger needs are made apparent. We can only speculate according to the Law of Analogy and really can know nothing of such large-scale mayavirupic creations.

495. When a mayavirupa is created, there must also be created the semblance of an astral and mental vehicle. The usual mayavirupa of a Master is meant to function in the worlds usually controlled by the units in the atomic triangle and its vehicles. A Master creating a mayavirupa already possesses His triadal and monadic vehicles.

496. When an appropriate body is appropriated by a Master (rather than created by will), we might assume that it is principally the etheric-physical body which is appropriated and that a Master brings His own subtle vehicles into the body appropriated.

497. If the chela of the Master stands aside, the chela is standing aside in his subtle vehicles, leaving his etheric-physical vehicle for the Master.

498. The Master (Who may no longer have an astral permanent atom and mental unit) must in some way approximate these tiny energy centers and the vehicles generated

chúng ta, cõi phụ thứ bảy của cõi hồng trần vũ trụ.

494. Nếu Hữu Thể liên hệ là một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế, thì *tất cả* các cõi của hệ mặt trời chúng ta đều có thể liên quan đến việc tạo ra một mayavirupa. Vì đa số các Thượng đế đều không lâm phàm tại bất kỳ thời điểm nào, nên việc tạm thời tạo ra một vận cụ như thế có thể xảy ra khi những nhu cầu lớn hơn trở nên hiển nhiên. Chúng ta chỉ có thể suy đoán theo định luật tương đồng và thực sự không thể biết gì về những sự sáng tạo mayavirupa ở quy mô lớn như vậy.

495. Khi một mayavirupa được tạo ra, thì vẻ tương tự của một vận cụ cảm dục và trí tuệ cũng phải được tạo ra. Mayavirupa thông thường của một Chân sư được dự định để hoạt động trong các thế giới thường được kiểm soát bởi các đơn vị trong tam giác nguyên tử và các vận cụ của nó. Một Chân sư tạo ra mayavirupa đã sở hữu sẵn các vận cụ tam nguyên tinh thần và chân thần của Ngài.

496. Khi một thể thích hợp được một Chân sư chiếm dụng (thay vì được tạo ra bằng ý chí), chúng ta có thể giả định rằng chủ yếu là thể dĩ thái-hồng trần được chiếm dụng và rằng một Chân sư mang các vận cụ vi tế riêng của Ngài vào thể được chiếm dụng ấy.

497. Nếu đệ tử của Chân sư đứng sang một bên, thì đệ tử ấy đang đứng sang một bên trong các vận cụ vi tế của y, để lại vận cụ dĩ thái-hồng trần của mình cho Chân sư.

498. Chân sư (Đấng có thể không còn nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí nữa) phải bằng cách nào đó tạo ra sự tương tự của các trung tâm năng lượng nhỏ

around them. This is a matter for technical research and discussion.

bé này và các vận cụ được tạo ra quanh chúng. Đây là một vấn đề dành cho nghiên cứu và thảo luận kỹ thuật.

The causes which combine to produce incarnation, are seen to be three:

Các nguyên nhân kết hợp để tạo ra sự nhập thể được thấy là có ba:

1. Egoic impulse.

1. Xung lực chân ngã.

2. The activity of the solar and lunar Angels.

2. Hoạt động của các Thái dương Thiên Thần và các thái âm Thiên Thần.

3. Karma, or the place which antecedent action plays in producing manifestation.

3. Nghiệp quả, hay vai trò mà hành động đi trước giữ trong việc tạo ra biểu lộ.

499. Here we have three antecedents to incarnation.

499. Ở đây chúng ta có ba tiền đề của sự nhập thể.

500. When we speak of "Egoic impulse", are we speaking of the Ego within the egoic lotus; of the Ego as spiritual triad; or of both? There are many mysteries concerning the Ego. In one chart (EA 35) man on the buddhic level is called the "Solar Angel".

500. Khi chúng ta nói đến "xung lực chân ngã", chúng ta đang nói đến Chân ngã bên trong Hoa Sen Chân Ngã; đến Chân ngã như Tam Nguyên Tinh Thần; hay đến cả hai? Có nhiều huyền nhiệm liên quan đến Chân ngã. Trong một biểu đồ (EA 35), con người ở cấp độ Bồ đề được gọi là "Thái dương Thiên Thần".

501. It would seem that the activity of the Solar Angels is part of Egoic impulse. This matter can only be clarified when the role of the rather many solar angels constituting the egoic nature of man and the relation of those man to the *one* Solar Angel is more completely understood. At the moment, this relationship is something of a mystery.

501. Dường như hoạt động của các Thái dương Thiên Thần là một phần của xung lực chân ngã. Vấn đề này chỉ có thể được làm sáng tỏ khi vai trò của khá nhiều thái dương thiên thần cấu thành bản chất chân ngã của con người và mối liên hệ của những con người ấy với *một* Thái dương Thiên Thần được hiểu đầy đủ hơn. Hiện nay, mối liên hệ này phần nào vẫn là một huyền nhiệm.

502. We are told that all Agnishvattas have passed through the human stage and that the egoic lotus is composed of Agnishvattas the energy of which creates and sustains the petals of the egoic lotus. What we have to understand is the relationship between the

502. Chúng ta được cho biết rằng mọi Agnishvattas đều đã đi qua giai đoạn nhân loại và rằng Hoa Sen Chân Ngã được cấu thành bởi các Agnishvattas mà năng lượng của chúng tạo ra và duy trì các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã. Điều chúng ta phải hiểu

devas which normally inhabit the higher mental plane and the Agnishvattas, or whether such devas (which presumably have *not* necessarily been men previously—this must be researched) are sometimes called by the name "Agnishvattas".

là mối liên hệ giữa các thiên thần vốn thường cư ngụ trên Cõi thượng trí và các Agnishvattas, hay liệu những thiên thần như thế (mà có lẽ *không* nhất thiết trước đây đã từng là con người—điều này cần được nghiên cứu) đôi khi có được gọi bằng tên "Agnishvattas" hay không.

503. The factor of karma involves the units of the atomic triangle and the role which the past has upon the building of the vehicles of the personality.

503. Yếu tố nghiệp quả liên quan đến các đơn vị của tam giác nguyên tử và vai trò mà quá khứ giữ trong việc xây dựng các vận cụ của phàm ngã.

We can hardly dissociate them in the consideration of our subject owing to the innate constitution of the egoic body itself

Chúng ta hầu như không thể tách rời chúng ra khi xem xét chủ đề của mình do cấu tạo bẩm sinh của chính thể chân ngã

504. This is exactly the case. The Solar Angel or solar angels are intimately involved in that which we call "Ego".

504. Đây chính xác là trường hợp như vậy. Thái dương Thiên Thần hay các thái dương thiên thần liên hệ mật thiết với điều mà chúng ta gọi là "Chân ngã".

and the factor **the indwelling consciousness plays in producing appearance through an act of will**.

và yếu tố mà **tâm thức nội tại đóng vai trò trong việc tạo ra sắc tướng qua một hành vi của ý chí**.

505. The "indwelling consciousness" is the consciousness within the Egoic body. The "Ego" is, in a way, more a state of identity and consciousness than a vehicle.

505. "Tâm thức nội tại" là tâm thức bên trong thể chân ngã. "Chân ngã", theo một cách nào đó, là một trạng thái bản sắc và tâm thức hơn là một vận cụ.

506. As the Solar Angels are a part of the egoic lotus, and as the lower permanent atoms and mental unit are considered to be *within* the causal body (and are the points through which the lunar angels work in the creation of the personality vehicles), and as the indwelling consciousness dwells within the vehicle on the higher mental plane made by the Solar Angels, we can see how inseparably they must all work together.

506. Vì các Thái dương Thiên Thần là một phần của Hoa Sen Chân Ngã, và vì các nguyên tử trường tồn thấp cùng đơn vị hạ trí được xem là ở *bên trong* thể nguyên nhân (và là những điểm mà qua đó các thái âm thiên thần hoạt động trong việc tạo ra các vận cụ phàm ngã), và vì tâm thức nội tại cư ngụ bên trong vận cụ trên Cõi thượng trí do các Thái dương Thiên Thần tạo nên, nên chúng ta có thể thấy tất cả chúng phải cùng hoạt động với nhau một cách bất khả phân ly như thế nào.

Let us briefly, therefore, reconsider what we have learned anent the egoic body and its constitution, and then take up the steps followed by the Ego in producing results in the three worlds.

Vì vậy, hãy ngắn gọn xét lại điều chúng ta đã học liên quan đến thể chân ngã và cấu tạo của nó, rồi sau đó bàn đến các bước mà Chân ngã theo để tạo ra kết quả trong ba cõi thấp.

507. We must continue to differentiate between the Ego and the egoic body. The Ego is an Identity with a state of consciousness. The egoic body is the vehicle in which that Identity and its state of consciousness 'resides' or focuses.

507. Chúng ta phải tiếp tục phân biệt giữa Chân ngã và thể chân ngã. Chân ngã là một Bản Sắc với một trạng thái tâm thức. Thể chân ngã là vận cụ trong đó Bản Sắc ấy và trạng thái tâm thức của nó "cư ngụ" hay tập trung.

We have seen that on the third level of the mental plane, the egoic lotus is found and the student should picture it to himself as follows:

Chúng ta đã thấy rằng trên cấp độ thứ ba của cõi trí, Hoa Sen Chân Ngã được tìm thấy, và đạo sinh nên hình dung nó cho mình như sau:

508. Here follows one of the brilliant descriptions of the egoic lotus.

508. Sau đây là một trong những mô tả xuất sắc về Hoa Sen Chân Ngã.

509. DK speaks of the egoic lotus as on the *third* level of the mental plane because that is where the majority of egoic lotuses are to be found and that is where it is first created.

509. Chân sư DK nói về Hoa Sen Chân Ngã như ở cấp độ *thứ ba* của cõi trí vì đó là nơi phần lớn các Hoa Sen Chân Ngã được tìm thấy và cũng là nơi nó được tạo ra đầu tiên.

Concealed at the very centre or heart of the lotus is a brilliant point of electric fire of a blue-white hue (the [Page 762] jewel in the lotus) surrounded, and completely hidden, by three closely folded petals.

Ẩn kín tại chính trung tâm hay trái tim của hoa sen là một điểm rực rỡ của lửa điện mang sắc xanh-trắng (viên [Page 762] ngọc trong hoa sen) được bao quanh, và hoàn toàn che khuất, bởi ba cánh hoa khép chặt.

510. Blue-white is a color closely associated with Sirius.

510. Xanh-trắng là một màu gắn bó mật thiết với Sirius.

511. We note that the point of electric fire is "completely hidden" by the three closely folded petals.

511. Chúng ta lưu ý rằng điểm lửa điện được ba cánh hoa khép chặt "hoàn toàn che khuất".

512. We are describing a period in the history of the egoic lotus when this is the case. As one enters the process of initiation,

512. Chúng ta đang mô tả một giai đoạn trong lịch sử của Hoa Sen Chân Ngã khi điều này là như vậy. Khi một người bước vào tiến

the Jewel in the Lotus is no longer completely hidden.

trình điểm đạo, Viên Ngọc trong Hoa Sen không còn bị che khuất hoàn toàn nữa.

Around this central nucleus, or inner flame,

Quanh hạt nhân trung tâm này, hay ngọn lửa nội tại,

513. The combination of the brilliant point of electric fire and the three closely folded petals are, *together*, the "central nucleus or inner flame".

513. Sự kết hợp của điểm rực rỡ lửa điện và ba cánh hoa khép chặt, *cùng nhau*, là "hạt nhân trung tâm hay ngọn lửa nội tại".

514. Petals, we remember, are whorls of energy.

514. Chúng ta nhớ rằng các cánh hoa là những vòng xoáy năng lượng.

are arranged the nine petals in circles of three petals each, making three circles in all.

được sắp xếp chín cánh hoa thành các vòng tròn, mỗi vòng ba cánh, tổng cộng thành ba vòng.

515. Around the central nucleus are arranged the three circles of three petals each—nine in all.

515. Quanh hạt nhân trung tâm được sắp xếp ba vòng, mỗi vòng ba cánh—tổng cộng là chín.

516. Nine is a number closely connected with the third aspect and, thus, the nine petals represent the Brahma aspect of the egoic lotus, the three innermost petals the Vishnu aspect and the Jewel in the Lotus the Shiva aspect.

516. Chín là một con số gắn bó mật thiết với phương diện thứ ba và do đó, chín cánh hoa tượng trưng cho phương diện Brahma của Hoa Sen Chân Ngã, ba cánh trong cùng tượng trưng cho phương diện Vishnu và Viên Ngọc trong Hoa Sen tượng trưng cho phương diện Shiva.

These petals are formed out of the substance of the solar angels, as are the central three,—substance which is not only sentient as is the substance of the forms in the three worlds and the lunar bodies, but which has an added quality of "I-ness" or of self-consciousness, **enabling the spiritual unity at the centre (by means of it) to acquire knowledge, awareness, and self-realisation.**

Những cánh hoa này được hình thành từ chất liệu của các thái dương thiên thần, cũng như ba cánh trung tâm,—một chất liệu không chỉ hữu cảm như chất liệu của các hình tướng trong ba cõi thấp và các thể thái âm, mà còn có thêm phẩm tính "tính tôi" hay ngã thức, **giúp cho hợp nhất tinh thần ở trung tâm (qua phương tiện ấy) có thể đạt được tri thức, nhận biết, và (sự)chứng nghiệm bản thân.**

517. Here is one of the most important paragraphs relating to the Solar Angel or

517. Đây là một trong những đoạn quan trọng nhất liên quan đến Thái dương Thiên

solar angels and the development of ahamkara, or "I-consciousness".

518. In one way, the petals must necessarily be formed of the matter of the higher mental plane, but in another way, this higher mental substance, is moulded and substanded by solar angelic energy. Let us remember that substance is *energy*-substance. The higher mental plane experiences an infusion of solar angelic energy.

519. We note that the term "solar angels" is plural and this plural hints at the *mystery* of the solar angels, for we have the Solar Angel and the "solar angels".

520. There must necessarily be a Hierarchy of Solar Angels though any thorough description of this Hierarchy is not within our grasp.

521. At the center of the egoic lotus resides the "spiritual unity", which we may think of as the consciousness of the Monad, projected through the spiritual triad and into the Jewel in the Lotus.

522. The quality of "I-ness" possessed by the energy-substance of the petals is an energy which *compels reflexive perception*. It draws perception from extension always back toward a *center of perception* which is increasingly felt to be real—an "I" or "Ego"—a center of identity.

523. Sentiency is not, per se, 'center-referencing'. Energy-whorls endued with the quality of "I-ness" are, however, center-referencing. It is as if such energy compels the Perceiver at the heart of the lotus always

Thần hay các thái dương thiên thần và sự phát triển của ahamkara, hay "tâm thức tôi".

518. Theo một cách, các cánh hoa tất yếu phải được hình thành từ vật chất của Cõi thượng trí, nhưng theo một cách khác, chất liệu thượng trí này được uốn nắn và được chống đỡ bởi năng lượng thái dương thiên thần. Hãy nhớ rằng chất liệu là *năng lượng*-chất liệu. Cõi thượng trí tiếp nhận một sự thấm nhập của năng lượng thái dương thiên thần.

519. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ "các thái dương thiên thần" ở số nhiều và số nhiều này gợi ra *huyền nhiệm* của các thái dương thiên thần, vì chúng ta có Thái dương Thiên Thần và "các thái dương thiên thần".

520. Tất yếu phải có một Huyền Giai của các Thái dương Thiên Thần, dù bất kỳ mô tả thấu đáo nào về Huyền Giai này đều vượt ngoài tầm nắm bắt của chúng ta.

521. Ở trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã cư ngụ "hợp nhất tinh thần", mà chúng ta có thể nghĩ đến như tâm thức của chân thần, được phóng chiếu qua Tam Nguyên Tinh Thần và vào Viên Ngọc trong Hoa Sen.

522. Phẩm tính "tính tôi" mà năng lượng-chất liệu của các cánh hoa sở hữu là một năng lượng *buộc phải có tri giác phản chiếu*. Nó luôn kéo tri giác từ sự mở rộng trở lại về một *trung tâm tri giác* ngày càng được cảm nhận là có thực—một "Tôi" hay "Chân ngã"—một trung tâm bản sắc.

523. Hữu cảm tính, chính nó, không phải là sự quy chiếu về trung tâm. Tuy nhiên, các vòng xoáy năng lượng được phú cho phẩm tính "tính tôi" thì lại là như vậy. Dường như năng lượng ấy buộc Đấng Tri Giác ở trái tim

to 'see itself reflected as if in a mirror'. Thus, the one at the center becomes an increasingly 'real' or central factor in the field of consciousness, and can never be forgotten.

hoa sen luôn "thấy chính mình được phản chiếu như trong gương". Vì thế, đấng ở trung tâm trở thành một yếu tố ngày càng "thực" hơn hay trung tâm hơn trong trường tâm thức, và không bao giờ có thể bị quên lãng.

These nine petals are of a predominant orange hue,

Chín cánh hoa này có sắc cam chiếm ưu thế,

524. Orange is the predominant color of the petals and perhaps of the flame-colored Solar Angels. This type of orange, we have been told, has a lighter or more golden color than conventional orange.

524. Cam là màu chiếm ưu thế của các cánh hoa và có lẽ cũng của các Thái dương Thiên Thần mang màu lửa. Chúng ta đã được cho biết rằng loại màu cam này nhạt hơn hay ánh vàng hơn màu cam thông thường.

525. Orange, so fundamental to the nature of the Solar Angel or solar angels, is the only color which appears in *all* the petals.

525. Màu cam, vốn nền tảng đến thế đối với bản chất của Thái dương Thiên Thần hay các thái dương thiên thần, là màu duy nhất xuất hiện trong *mọi* cánh hoa.

though the six other colours are found as secondary colours in a varying degree.

dù sáu màu khác cũng được tìm thấy như những màu phụ với mức độ khác nhau.

526. DK speaks of *the* six other colors. We would normally understand which colors He means, except that there is no red in the egoic lotus.

526. Chân sư DK nói đến *sáu* màu khác. Thông thường chúng ta sẽ hiểu Ngài muốn nói đến những màu nào, ngoại trừ việc không có màu đỏ trong Hoa Sen Chân Ngã.

527. The six other colours include two shades of blue. This is probably because our solar system tends to deflect red so that a certain rounding out may be achieved.

527. Sáu màu khác bao gồm hai sắc độ xanh lam. Có lẽ điều này là vì hệ mặt trời của chúng ta có khuynh hướng làm lệch màu đỏ để có thể đạt được một sự viên mãn nhất định.

The inner three petals are of a **lovely lemon-yellow hue.**

Ba cánh hoa bên trong có một sắc **vàng chanh tuyệt đẹp.**

528. This color is especially associated with buddhi and Mercury and so are the innermost three petals.

528. Màu này đặc biệt gắn liền với Bồ đề và Sao Thủy, và ba cánh trong cùng cũng vậy.

529. We can learn much from contrasting orange and yellow—the first belonging more to manas and the second to the intuition or pure reason.

529. Chúng ta có thể học được nhiều điều từ việc đối chiếu màu cam và màu vàng—màu thứ nhất thuộc về manas nhiều hơn và màu thứ hai thuộc về trực giác hay lý trí thuần túy.

At the base of the lotus petals are the three points of light **which mark the position of the permanent atoms**,

Ở đáy các cánh hoa sen là ba điểm sáng **đánh dấu vị trí của các nguyên tử trường tồn**,

530. As we have often stated, not all of these points of light are permanent atoms. One of them is a mental unit.

530. Như chúng ta thường nói, không phải tất cả các điểm sáng này đều là nguyên tử trường tồn. Một trong số đó là một đơn vị hạ trí.

531. The phrase "marks the position of" is interesting. Are the three points of light the permanent atoms, per se, or do these points only indicate the location where the permanent atoms may be found.

531. Cụm từ "đánh dấu vị trí của" thật đáng chú ý. Ba điểm sáng ấy có phải, chính chúng, là các nguyên tử trường tồn hay không, hay những điểm này chỉ cho biết nơi có thể tìm thấy các nguyên tử trường tồn.

and which are the medium of communication between the solar Angels and the lunar Pitris.

và là môi giới truyền thông giữa các Thái dương Thiên Thần và các thái âm tổ phụ.

532. This is an important idea. The Solar Angels are to influence and control the Lunar Pitris. The permanent atoms are the conduit through which this is done.

532. Đây là một ý tưởng quan trọng. Các Thái dương Thiên Thần phải ảnh hưởng và kiểm soát các thái âm tổ phụ. Các nguyên tử trường tồn là đường dẫn qua đó điều này được thực hiện.

533. From various references we find that *both* the Lunar Pitris and the Solar Angels manipulate or work through the units in the atomic triangle—two permanent atoms and one mental unit.

533. Từ nhiều chỗ dẫn khác nhau, chúng ta thấy rằng *cả* các thái âm tổ phụ lẫn các Thái dương Thiên Thần đều thao tác hay hoạt động qua các đơn vị trong tam giác nguyên tử—hai nguyên tử trường tồn và một đơn vị hạ trí.

By means of these permanent atoms the Ego, according to its state of evolution can construct his lunar bodies,

534. This Ego involves the monadic consciousness at the heart of the lotus; the triadal consciousness reflected in the egoic lotus; the Ego within the causal body; and the Solar Angel (solar angels) contributing its/their reflexive consciousness to the consciousness of the Ego.

535. We must not forget that of the three major kinds of Lunar Pitris, the second kind is also involved in the construction of the egoic body.

acquire knowledge on the lower three planes, and thus buy his experience, and becomes *aware*.

536. To "buy" ones experience is to spend energy in a certain direction and in a certain way to acquire certain experience. Buying is a an outflow of energy which results in the acquisition of other energies and energy patterns.

537. Let us tabulate that which the members of the atomic triangle permit the Ego to accomplish in the three lower worlds:

a. The Ego can construct the lunar bodies

b. The Ego can acquire knowledge on the lower three planes

c. The Ego can thus "buy his experience".

Nhờ các nguyên tử trường tồn này Chân ngã, tùy theo trạng thái tiến hoá của mình, có thể kiến tạo các thể thái âm của y,

534. Chân ngã này bao gồm tâm thức chân thần ở trái tim hoa sen; tâm thức tam nguyên tinh thần được phản chiếu trong Hoa Sen Chân Ngã; Chân ngã bên trong thể nguyên nhân; và Thái dương Thiên Thần (các thái dương thiên thần) đóng góp tâm thức phản chiếu của nó/của các vị ấy vào tâm thức của Chân ngã.

535. Chúng ta không được quên rằng trong ba loại lớn các thái âm tổ phụ, loại thứ hai cũng liên quan đến việc kiến tạo thể chân ngã.

đạt được tri thức trên ba cõi thấp, và như thế mua lấy kinh nghiệm của y, và trở nên *nhận biết*.

536. "Mua" kinh nghiệm của một người là tiêu hao năng lượng theo một hướng và một cách nhất định để đạt được một số kinh nghiệm nhất định. Việc mua là một sự tuôn ra của năng lượng dẫn đến việc thu nhận những năng lượng và mô hình năng lượng khác.

537. Hãy lập bảng điều mà các thành viên của tam giác nguyên tử cho phép Chân ngã hoàn thành trong ba cõi thấp:

a. Chân ngã có thể kiến tạo các thể thái âm

b. Chân ngã có thể đạt được tri thức trên ba cõi thấp

c. Như thế Chân ngã có thể "mua lấy kinh nghiệm của y".

d. The Ego can become *aware*.

d. Chân ngã có thể trở nên *nhận biết*.

On a higher turn of the spiral, **the Monad through the egoic petals, and thus with the aid of the solar Angels**, acquires knowledge and equally on more exalted levels becomes aware.

Ở một vòng xoắn cao hơn của đường xoắn ốc, **chân thần qua các cánh hoa chân ngã, và như thế với sự trợ giúp của các Thái dương Thiên Thần**, đạt được tri thức và cũng trở nên nhận biết trên những cấp độ cao siêu hơn.

538. We have two type of awareness developing—egoic and monadic.

538. Chúng ta có hai loại nhận biết đang phát triển—chân ngã và chân thần.

539. It seems that the Solar Angel(s)(or solar angels) are inseparable from the egoic petals. This can be explained by the idea that *some* of the energy-substance of the Solar Angel/ solar angels is/are invested in the petal substance. This does not mean that the Solar Angel or solar angels is/are *entirely* invested in the petals of the egoic lotus.

539. Dường như Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần không thể tách rời khỏi các cánh hoa chân ngã. Điều này có thể được giải thích bằng ý tưởng rằng *một phần* năng lượng-chất liệu của Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần được đầu tư vào chất liệu của các cánh hoa. Điều này không có nghĩa là Thái dương Thiên Thần hay các thái dương thiên thần được đầu tư *hoàn toàn* vào các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã.

540. Always a higher agency uses a lower agency in order to increased its consciousness.

540. Luôn luôn một tác nhân cao hơn sử dụng một tác nhân thấp hơn để gia tăng tâm thức của nó.

541. The Monad *needs* the Solar Angel/solar angels to acquire new kinds of knowledge and awareness.

541. Chân thần *cần* Thái dương Thiên Thần/ các thái dương thiên thần để đạt được những loại tri thức và nhận biết mới.

The light within these permanent atoms has a dull red glow

Ánh sáng bên trong các nguyên tử trường tồn này có một ánh đỏ mờ đục

542. This is especially so at the beginning of the evolutionary process.

542. Điều này đặc biệt đúng vào lúc khởi đầu của tiến trình tiến hoá.

and we have, therefore, all the three fires demonstrating in the causal body

và vì vậy chúng ta có đủ cả ba loại lửa biểu lộ trong thể nguyên nhân

543. While the units in the atomic triangle are each found upon their own plane, they are also (due to the pervasive extension of the causal body), found 'spatially' *within* that causal body.

543. Trong khi các đơn vị trong tam giác nguyên tử mỗi đơn vị đều được tìm thấy trên cõi riêng của mình, chúng cũng (do sự mở rộng lan tỏa của thể nguyên nhân) được tìm thấy "về mặt không gian" *bên trong* thể nguyên nhân đó.

—*electric fire* at the centre,

—*Lửa Điện* ở trung tâm,

544. This is demonstrating in the blue–white light of the Jewel in the Lotus, especially. We cannot really say that electric fire demonstrates through the three petals of lovely yellow hue.

544. Điều này đặc biệt biểu lộ trong ánh sáng lam-trắng của Bảo Châu trong Hoa Sen. Chúng ta không thể thực sự nói rằng Lửa Điện biểu lộ qua ba cánh hoa có sắc vàng mỹ lệ.

545. To some extent, the innermost petals may be considered as related to electric fire just as the spiritual triad can be considered so related. Really, the spiritual triad is related to *both* solar fire and electric fire. We can say the same of the three innermost petals.

545. Ở một mức độ nào đó, các cánh hoa trong cùng nhất có thể được xem là liên hệ với Lửa Điện cũng như Tam nguyên tinh thần có thể được xem là liên hệ như vậy. Thực ra, Tam nguyên tinh thần liên hệ với *cả* Lửa Thái dương lẫn Lửa Điện. Chúng ta có thể nói điều tương tự về ba cánh hoa trong cùng nhất.

solar fire enclosing it as the flame encloses the central nucleus or essence in a candle flame,

Lửa Thái dương bao bọc nó như ngọn lửa bao bọc hạt nhân trung tâm hay tinh chất trong ngọn lửa của cây nến,

546. By "central nucleus", we mean both the brilliant point at the center and the three petals closed down upon the point.

546. Khi nói "hạt nhân trung tâm", chúng ta muốn nói cả điểm sáng rực ở trung tâm lẫn ba cánh hoa khép xuống trên điểm đó.

547. It is significant that an orange flame encloses a blue and more central flame.

547. Điều đáng chú ý là một ngọn lửa màu cam bao bọc một ngọn lửa xanh lam và trung tâm hơn.

548. All nine petals of the three tiers are examples of solar fire, yet if we think of only the Jewel in the Lotus and the twelve petals, the nine petals represent the third aspect of divinity.

548. Cả chín cánh hoa của ba tầng đều là những ví dụ của Lửa Thái dương, tuy nhiên nếu chúng ta chỉ nghĩ đến Bảo Châu trong Hoa Sen và mười hai cánh hoa, thì chín cánh hoa tượng trưng cho phương diện thứ ba của thiên tính.

and *fire by friction,* this latter fire resembling the glowing red wick which lies at the base of the higher flame.

549. The candle analogy is important and should be pondered.

550. Fire by friction is represented by the three points of fire in the atomic triangle.

551. The units in the atomic triangle are often likened to the material wick.

552. We can see that the ordinary candle is, in its structure, very much like the egoic lotus. To realize this is a simplification.

553. Three colors, principally, are involved—blue, orange and red. The very center of the flame can be considered as demonstrating no color at all.

These three types of fire on the mental plane

554. No matter how diverse the types of fire, they are, still, all of them, found upon the mental plane.

—meeting and unified in the egoic body—produce in time a radiation or warmth

555. With respect to the egoic body, the type of streaming radiation is solar fire. Although all three types of fire are found on the mental plane, the fires of the members of the atomic triangle are not found in that part of the mental plane ruled by solar fire.

và *Lửa ma sát,* loại lửa sau này giống như tim nến đỏ rực nằm ở đáy của ngọn lửa cao hơn.

549. Phép loại suy về cây nến là quan trọng và nên được chiêm ngưỡng.

550. Lửa ma sát được biểu thị bởi ba điểm lửa trong tam giác nguyên tử.

551. Các đơn vị trong tam giác nguyên tử thường được ví với tim nến vật chất.

552. Chúng ta có thể thấy rằng cây nến thông thường, trong cấu trúc của nó, rất giống Hoa Sen Chân Ngã. Chứng nghiệm điều này là một sự đơn giản hóa.

553. Về cơ bản có ba màu liên quan—xanh lam, cam và đỏ. Chính trung tâm của ngọn lửa có thể được xem là không biểu lộ màu sắc nào cả.

Ba loại lửa này trên cõi trí

554. Dù các loại lửa có đa dạng đến đâu, tất cả chúng vẫn đều được tìm thấy trên cõi trí.

—gặp nhau và hợp nhất trong thể chân ngã —sẽ theo thời gian tạo ra một sự bức xạ hay hơi ấm

555. Xét về thể chân ngã, loại bức xạ tuôn chảy là Lửa Thái dương. Mặc dù cả ba loại lửa đều được tìm thấy trên cõi trí, các ngọn lửa của những thành phần trong tam giác nguyên tử không được tìm thấy trong phần của cõi trí do Lửa Thái dương cai quản.

556. Mặc dù cả ba loại lửa đều được tìm thấy trong toàn bộ Hoa Sen Chân Ngã, Lửa Thái

556. Although all three fires are to be found within the full egoic lotus, solar fire is the fire most characteristic of the egoic lotus.

dương là ngọn lửa đặc trưng nhất của Hoa Sen Chân Ngã.

which streams out from all sides of the lotus, and forms that spheroidal shape noted by investigators.

ngọn lửa này tuôn ra từ mọi phía của hoa sen, và tạo thành hình cầu được các nhà quan sát ghi nhận.

557. DK is teaching us how to account for the spheroidal shape of the causal body.

557. Chân sư DK đang dạy chúng ta cách lý giải hình cầu của thể nguyên nhân.

558. When thinking of the spheroidal shape, we must differentiate the egoic lotus from the causal body.

558. Khi nghĩ về hình cầu, chúng ta phải phân biệt Hoa Sen Chân Ngã với thể nguyên nhân.

[Page 763] The more fully developed the Ego may be,

[Page 763] Chân ngã càng phát triển đầy đủ bao nhiêu,

559. Presumably, we mean both the consciousness of the Ego and its vehicle.

559. Có lẽ ở đây chúng ta muốn nói đến cả tâm thức của Chân ngã lẫn vận cụ của nó.

and the more the petals are unfolded,

và các cánh hoa càng khai mở hơn bao nhiêu,

560. This is the vehicular response to the unfoldment of the consciousness of the Ego.

560. Đây là sự đáp ứng của vận cụ đối với sự khai mở của tâm thức Chân ngã.

the greater the beauty of the surrounding sphere, and the more refined its colouring.

thì vẻ đẹp của khối cầu bao quanh càng lớn hơn, và sắc thái của nó càng tinh tế hơn.

561. Some of the major goals of evolution is beauty and refinement—both qualities related especially to the fourth and seventh rays, with some of the second ray included.

561. Một số mục tiêu lớn của tiến hoá là vẻ đẹp và sự tinh luyện—cả hai phẩm tính này đặc biệt liên hệ với cung bốn và cung bảy, cùng với một phần của cung hai.

562. We are all in the process of unfoldment —in terms of our consciousness and in terms of the vehicles of consciousness.

562. Tất cả chúng ta đều đang trong tiến trình khai mở—xét theo tâm thức của mình và xét theo các vận cụ của tâm thức.

At the early stages after individualisation, the egoic body has the appearance of a bud.

Ở các giai đoạn đầu sau khi biệt ngã hóa, thể chân ngã có dáng vẻ của một nụ hoa.

563. We have been told that there are, technically speaking, no more bud lotuses *at this time.* Perhaps a bit later in the fourth round, when a few of the higher animals are allowed to cross over into the human kingdom, there will be bud lotuses again.

563. Chúng ta đã được cho biết rằng, nói theo nghĩa kỹ thuật, hiện nay không còn các hoa sen nụ nữa *vào lúc này.* Có lẽ muộn hơn một chút trong cuộc tuần hoàn thứ tư, khi một vài động vật cao hơn được phép vượt sang giới nhân loại, sẽ lại có các hoa sen nụ.

The door of individualisation or of entrance into the human kingdom has been closed since Atlantean times, **but under the new influence it will be partially opened; it will be set ajar, so that a few animals will respond to soul stimulation and discover that their rightful place is on the human side of the dividing door.** Part of the reorganisation which will go on as a result of the seventh ray activity will concern the relation of humanity to the animal kingdom and the establishing of better and of closer relations. (EP I 371)

Cánh cửa của sự biệt ngã hóa hay của việc bước vào giới nhân loại đã khép lại từ thời Atlantis, **nhưng dưới ảnh hưởng mới, nó sẽ được mở ra một phần; nó sẽ được hé mở, để một vài động vật đáp ứng với sự kích thích của linh hồn và khám phá rằng chỗ đứng chính đáng của chúng là ở phía nhân loại của cánh cửa phân chia.** Một phần của sự tái tổ chức sẽ diễn ra do kết quả của hoạt động cung bảy sẽ liên quan đến mối quan hệ của nhân loại với giới động vật và việc thiết lập những quan hệ tốt đẹp hơn và gần gũi hơn. (EP I 371)

The electric fire at the centre is not apparent,

Lửa Điện ở trung tâm không hiển lộ rõ,

564. Though it is *there*. The three petals which have been created by the downflow of buddhic energy are, at this stage, folded down upon the electric center.

564. Dù nó *ở đó*. Ba cánh hoa đã được tạo ra bởi dòng năng lượng Bồ đề tuôn xuống, ở giai đoạn này, đang gấp xuống trên trung tâm điện.

and all the nine petals are closed down upon the inner three;

và cả chín cánh hoa đều khép xuống trên ba cánh bên trong;

565. Yes, the inner three are there, but all is in an embryonic state.

565. Đúng vậy, ba cánh bên trong ở đó, nhưng tất cả vẫn còn trong trạng thái phôi thai.

the orange colour has a dead aspect

màu cam có một vẻ chết lặng

566. The egoic lotus grows in its livingness as time progresses, and its appearance reflects this through an increasing vitality of color.

566. Hoa Sen Chân Ngã tăng trưởng về sức sống khi thời gian trôi qua, và vẻ ngoài của nó phản ánh điều này qua sinh lực màu sắc ngày càng tăng.

and the three points of light at the base are just points and nothing more;

và ba điểm sáng ở đáy chỉ là những điểm sáng và không hơn gì nữa;

567. These three points of light are indicators of the permanent atoms and mental unit comprising the atomic triangle, but, indicate that the atomic triangle is in an unstimulated state.

567. Ba điểm sáng này là những chỉ dấu của các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí hợp thành tam giác nguyên tử, nhưng cho thấy tam giác nguyên tử đang ở trong trạng thái chưa được kích thích.

the triangle which is later seen connecting the points is not demonstrated.

tam giác mà về sau được thấy nối liền các điểm ấy thì chưa biểu lộ.

568. Each point of energy must achieve a certain degree of stimulation before there can be a reciprocal relationship between the stimulated points and triangles forming between the energy point as a result.

568. Mỗi điểm năng lượng phải đạt đến một mức độ kích thích nhất định trước khi có thể có một mối quan hệ tương hỗ giữa các điểm đã được kích thích và các tam giác được hình thành giữa các điểm năng lượng như một kết quả.

The surrounding sphere is colourless and is only to be appreciated as undulatory vibrations (like waves in the air or ether) reaching barely beyond the petal outline.

Khối cầu bao quanh thì không màu và chỉ có thể được cảm nhận như những rung động gợn sóng (như sóng trong không khí hay dĩ thái) chỉ vươn ra vừa quá đường viền cánh hoa.

569. There is virtually no radiation at this point.

569. Hầu như chưa có bức xạ nào ở điểm này.

570. The fundamental wave motion is present, reflective of the Law of Vibration. These undulations have very little extension.

570. Chuyển động sóng căn bản hiện diện, phản ánh Định luật Rung động. Những gợn sóng này có độ lan tỏa rất ít.

571. Quality is not yet inbuilt.

571. Phẩm tính vẫn chưa được xây dựng vào bên trong.

572. Later the radiation of the causal body will reach well beyond the “petal outline” and so the appearance of the causal body will be of a vehicle larger than the egoic lotus.

572. Về sau bức xạ của thể nguyên nhân sẽ vươn xa vượt quá “đường viền cánh hoa” và vì vậy dáng vẻ của thể nguyên nhân sẽ là một vận cụ lớn hơn Hoa Sen Chân Ngã.

By the time the third Initiation is reached, a wondrous transformation has transpired.

573. DK shows us a tremendous contrast.

574. It is clear that by this time the egoic lotus has become a thing of beauty.

575. In this case the word "transformation" means an enhancement of the form.

The outer sphere is palpitating

576. The palpitating motion shows a great deal more stimulation than an undulatory motion.

577. This palpitation is probably correlated with the pulsations we can expect at the center of the lotus.

with every colour in the rainbow,

578. We must ask if the color *red* is included, given that it does not appear in any of the petals of the egoic lotus.

579. Yet, if the soul in question is on the first ray, will not red appear in the causal body in some manner?

and is of wide radius;

580. Certainly extending beyond the petals. We remember above that the undulatory vibration reached barely beyond the petal outline.

Đến khi lần điểm đạo thứ ba đạt tới, một sự chuyểnđổi kỳ diệu đã xảy ra.

573. Chân sư DK cho chúng ta thấy một sự tương phản to lớn.

574. Rõ ràng đến lúc này Hoa Sen Chân Ngã đã trở thành một vật thể đẹp đẽ.

575. Trong trường hợp này, từ "chuyển đổi" có nghĩa là sự tăng cường của hình tướng.

Khối cầu bên ngoài đang rung động mạnh

576. Chuyển động rung động mạnh cho thấy mức kích thích lớn hơn nhiều so với chuyển động gợn sóng.

577. Sự rung động này có lẽ tương quan với các nhịp đập mà chúng ta có thể mong đợi ở trung tâm của hoa sen.

với mọi màu sắc trong cầu vồng,

578. Chúng ta phải hỏi liệu màu *đỏ* có được bao gồm hay không, vì nó không xuất hiện trong bất kỳ cánh hoa nào của Hoa Sen Chân Ngã.

579. Tuy nhiên, nếu linh hồn đang xét thuộc cung một, chẳng phải màu đỏ sẽ xuất hiện trong thể nguyên nhân theo một cách nào đó sao?

và có bán kính rộng;

580. Chắc chắn là vươn ra ngoài các cánh hoa. Chúng ta nhớ ở trên rằng rung động gợn sóng chỉ vươn ra vừa quá đường viền cánh hoa.

the streams of electrical energy circulating in it are so powerful that they are **escaping beyond the periphery of the circle, resembling the rays of the sun.**

581. DK calls the circulating energy "electrical energy". This is probably a generalization, as all energy is, in a sense, *electrical* energy. Probably we are not speaking exclusively of electric fire.

582. At this stage of development, three factors are to be found in relation to the egoic lotus:

a. The egoic lotus, per se

b. The causal sphere with its periphery

c. The streams of electrical energy circulating within the periphery and escaping beyond it

583. We are witnessing a display of considerable intensity of radiation.

The nine petals are fully unfolded,

584. We are speaking of the developments as they have occurred by the time the third initiation has been reached. This has to be remembered. While it is often difficult at the earlier two initiations to determine exactly how many petals are unfolded and to what extent, the unfoldment of nine petals at the third degree is a definite achievement.

forming a gracious setting for the central jewel,

585. In this case the three petals surrounding the jewel are not mentioned. It

các dòng năng lượng điện lưu chuyển trong đó mạnh đến mức chúng đang **thoát ra ngoài chu vi của vòng tròn, giống như các tia của mặt trời.**

581. Chân sư DK gọi năng lượng lưu chuyển là "năng lượng điện". Đây có lẽ là một sự khái quát hóa, vì mọi năng lượng, theo một nghĩa nào đó, đều là *năng lượng điện*. Có lẽ chúng ta không đang nói riêng về Lửa Điện.

582. Ở giai đoạn phát triển này, có ba yếu tố được tìm thấy liên hệ với Hoa Sen Chân Ngã:

a. Chính Hoa Sen Chân Ngã

b. Khối cầu nguyên nhân với chu vi của nó

c. Các dòng năng lượng điện lưu chuyển trong chu vi và thoát ra ngoài nó

583. Chúng ta đang chứng kiến một sự biểu lộ cường độ bức xạ đáng kể.

Chín cánh hoa đã hoàn toàn khai mở,

584. Chúng ta đang nói về những phát triển đã xảy ra vào lúc lần điểm đạo thứ ba được đạt tới. Điều này phải được ghi nhớ. Trong khi ở hai lần điểm đạo đầu thường khó xác định chính xác có bao nhiêu cánh hoa đã khai mở và đến mức nào, thì sự khai mở của chín cánh hoa ở cấp độ thứ ba là một thành tựu xác định.

tạo thành một khung cảnh duyên dáng cho bảo châu trung tâm,

585. Trong trường hợp này, ba cánh hoa bao quanh bảo châu không được nhắc đến.

is as if the jewel and those three inmost petals are considered as a unit.

Dường như bảo châu và ba cánh hoa trong cùng ấy được xem như một đơn vị.

586. The three innermost petals have been called “enshrining petals”.

586. Ba cánh hoa trong cùng nhất đã được gọi là “các cánh hoa tôn trí”.

and their orange hue is now of a gorgeous translucence, shot with many colours,

và sắc cam của chúng giờ đây có một độ trong suốt lộng lẫy, điểm xuyết nhiều màu sắc,

587. We remember that, initially, the orange was rather dead in appearance.

587. Chúng ta nhớ rằng lúc đầu màu cam có vẻ khá chết lặng.

588. To the fundamental orange (so closely related to the flame color of the solar angels) many qualities represented by many colors have been added. The colors of absorbed rays and astrological factors have also been built in.

588. Vào màu cam căn bản (liên hệ rất chặt với màu lửa của các Thái dương Thiên Thần), nhiều phẩm tính được biểu thị bởi nhiều màu sắc đã được thêm vào. Các màu của những cung được hấp thụ và các yếu tố chiêm tinh cũng đã được xây dựng vào đó.

589. The appearance of opacity has been transcended. It is as if the petals glow from within.

589. Vẻ đục mờ đã được vượt qua. Dường như các cánh hoa phát sáng từ bên trong.

that of the egoic ray predominating.

trong đó màu của cung chân ngã chiếm ưu thế.

590. DK is telling us that, once this high stage of evolution has been reached, the color of the egoic ray predominates in the petals.

590. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng, một khi giai đoạn tiến hoá cao này đã đạt tới, màu của cung chân ngã chiếm ưu thế trong các cánh hoa.

591. If the egoic ray is the first, again, will the color red be present or will the color blue take its place?

591. Nếu cung chân ngã là cung một, thì một lần nữa, liệu màu đỏ sẽ hiện diện hay màu xanh lam sẽ thay thế nó?

The triangle at the base is now quickened and scintillating, and the three points are small blazing fires, showing to the eye of the clairvoyant **as sevenfold whorls of light**, circulating their light from point to point of a rapidly moving triangle.

Tam giác ở đáy giờ đây được làm cho sinh động và lấp lánh, và ba điểm là những ngọn lửa nhỏ rực cháy, hiện ra trước mắt nhà thông nhãn **như nhữngxoáy sáng thất phân**, lưu chuyển ánh sáng của chúng từ

điểm này sang điểm khác của một tam giác chuyển động nhanh chóng.

592. The triangular formation is now in full demonstration. The points are no longer dimension but blazing and the points are no longer isolated but triangularly connected.

592. Cấu trúc tam giác giờ đây biểu lộ trọn vẹn. Các điểm không còn chỉ là những điểm nữa mà là những ngọn lửa rực cháy, và các điểm không còn cô lập mà được nối kết theo hình tam giác.

593. Perhaps there is a geometry to this triangle which may reveal something about the deeper structure of the Ego or of the Monad.

593. Có lẽ có một hình học nơi tam giác này có thể tiết lộ điều gì đó về cấu trúc sâu xa hơn của Chân ngã hay của chân thần.

594. We are told that the three points demonstrate as "sevenfold whorls of light". This would be true in relation to the physical permanent atom and the astral permanent atom, but could not be true in relation to the mental unit which has only *four* spirillae or whorls.

594. Chúng ta được cho biết rằng ba điểm biểu lộ như "những xoáy sáng thất phân". Điều này sẽ đúng liên hệ với nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục, nhưng không thể đúng liên hệ với đơn vị hạ trí vốn chỉ có *bốn* loa tuyến hay xoáy.

By the time the fourth Initiation is reached, the activity of this triangle is so great that it looks more like a wheel in rapid revolution.

Đến khi lần điểm đạo thứ tư đạt tới, hoạt động của tam giác này lớn đến mức nó trông giống như một bánh xe quay nhanh.

595. The appearance of a wheel demonstrates that the consciousness is in process of overcoming the illusion of time and space.

595. Dáng vẻ của một bánh xe cho thấy tâm thức đang trong tiến trình vượt thắng ảo tưởng về thời gian và không gian.

596. The sphere is the perfect figure (three dimensionally) and the circle, if we deal with only two dimensions.

596. Khối cầu là hình thể hoàn hảo (theo ba chiều), còn vòng tròn là như vậy nếu chúng ta chỉ đề cập đến hai chiều.

It has a fourth dimensional aspect.

Nó có một phương diện thứ tư.

597. The sphere or wheel has a "fourth dimensional aspect" because it seems to turn on itself.

597. Khối cầu hay bánh xe có một "phương diện thứ tư" vì nó dường như tự quay trên chính nó.

598. In a certain respect, the buddhic plane is the fourth dimension, and the consciousness characteristic of it can perceive the simultaneity of processes which were hitherto conceived as sequential and linear.

598. Theo một phương diện nào đó, cõi Bồ đề là chiều thứ tư, và tâm thức đặc trưng của cõi này có thể tri nhận tính đồng thời của các tiến trình mà trước đây được quan niệm là tuần tự và tuyến tính.

599. We may recall that as the various initiations are approached, different sets of chakras (depending on the initiation) begin a process of fourth-dimensional rotation—the etheric chakras before the first initiation; the astral chakras before the second initiation; the chakras on the lower mental plane before the third initiation.

599. Chúng ta có thể nhớ rằng khi các lần điểm đạo khác nhau đến gần, những bộ luân xa khác nhau (tùy theo lần điểm đạo) bắt đầu một tiến trình quay bốn chiều—các luân xa dĩ thái trước lần điểm đạo thứ nhất; các luân xa cảm dục trước lần điểm đạo thứ hai; các luân xa trên cõi hạ trí trước lần điểm đạo thứ ba.

600. The fourth dimensional rotation here referenced concerns the entire atomic triangle rather than chakras of the etheric, astral or lower mental vehicles (which also achieve their fourth-dimensional appearance at the appropriate time).

600. Sự quay bốn chiều được nhắc đến ở đây liên quan đến toàn bộ tam giác nguyên tử hơn là các luân xa của các vận cụ dĩ thái, cảm dục hay hạ trí (vốn cũng đạt được dáng vẻ bốn chiều của chúng vào thời điểm thích hợp).

The three petals at the centre are opening up, revealing the "blazing jewel."

Ba cánh hoa ở trung tâm đang mở ra, để lộ “bảo châu rực cháy.”

601. These are the synthesis petals. Their opening began with the first initiation, but it can be presumed that the opening is now (as the fourth initiation is approached) greater and more revelatory of the jewel. At one point these three petals are said to “burst open”.

601. Đây là các cánh hoa tổng hợp. Sự mở ra của chúng bắt đầu từ lần điểm đạo thứ nhất, nhưng có thể giả định rằng sự mở ra giờ đây (khi lần điểm đạo thứ tư đang đến gần) lớn hơn và mặc khải bảo châu nhiều hơn. Ở một điểm nào đó, ba cánh hoa này được nói là “bung mở”.

At this initiation, through the action of the Hierophant wielding the electric Rod of Power,

Trong lần điểm đạo này, qua tác động của Đấng Điểm đạo cầm Thần Trượng Điểm đạo điện,

602. This electric Rod of Power is the "Flaming Diamond". The Initiator is the Lord of the World.

602. Thần Trượng Điểm đạo điện này là “Kim Cương Rực Lửa”. Đấng Điểm đạo là Đức Chúa Tể Thế Giới.

the three fires are suddenly stimulated by a downflow of electric, or positive force, from the [Page 764] Monad,

603. Note the monadic involvement in the destruction of the causal body.

and their blazing out in response produces that merging

604. Buddhic energy is involved in the merging. Buddhi is the energy of merging.

which destroys the entire sphere, **dissipates all appearance of form**, and produces a moment of equilibrium, or of **suspension,** in which the "elements are consumed with fervent heat." The moment of highest radiation is known.

605. It seems to take all three fires to destroy the egoic lotus though the fire of the will (and especially the *second* aspect of that will) is the most impulsive in the process.

606. The application of the Rod of Power causes the necessary activation of the three fires.

607. The three fires are found as follows:

a. Fire by friction within the three members of the atomic triangle

b. Solar fire within the petals of the lotus

c. Electric fire within the Jewel in the Lotus.

ba ngọn lửa đột nhiên được kích thích bởi một dòng mãnh lực điện, hay dương, tuôn xuống từ [Page 764] chân thần,

603. Hãy lưu ý sự tham dự của chân thần trong việc hủy diệt thể nguyên nhân.

và sự bùng cháy đáp ứng của chúng tạo ra sự hợp nhất

604. Năng lượng Bồ đề tham dự vào sự hợp nhất. Bồ đề là năng lượng của sự hợp nhất.

sự hợp nhất này hủy diệt toàn bộ khối cầu, **làmtiêutan mọi sắc tướng của hình tướng**, và tạo ra một khoảnh khắc quân bình, hay **đình chỉ,** trong đó "các nguyên tố bị thiêu đốt bởi sức nóng mãnh liệt." Khoảnh khắc bức xạ cao nhất được biết đến.

605. Dường như cần đến cả ba loại lửa để hủy diệt Hoa Sen Chân Ngã mặc dù lửa của ý chí (và đặc biệt là phương diện *thứ hai* của ý chí đó) là xung lực mạnh nhất trong tiến trình này.

606. Việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo gây ra sự hoạt hóa cần thiết của ba loại lửa.

607. Ba loại lửa được tìm thấy như sau:

a. Lửa ma sát trong ba thành phần của tam giác nguyên tử

b. Lửa Thái dương trong các cánh hoa của hoa sen

c. Lửa Điện trong Bảo Châu trong Hoa Sen.

608. We may presume that the three fires blend and merge under the influence of the Rod of Power and the downflow of monadic energy.

608. Chúng ta có thể giả định rằng ba loại lửa hòa trộn và hợp nhất dưới ảnh hưởng của Thần Trượng Điểm đạo và dòng năng lượng chân thần tuôn xuống.

609. We notice that the *appearance* of form is entirely dissipated (though some kind of inchoate form remains). This does not mean, however, that the matter/substance which composed the form is entirely dispersed. This must happen before the fifth initiation can be taken.

609. Chúng ta lưu ý rằng *sắc tướng* của hình tướng bị làm tiêu tan hoàn toàn (dù một loại hình tướng phôi sơ nào đó vẫn còn). Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là vật chất/chất liệu đã cấu thành hình tướng bị phân tán hoàn toàn. Điều này phải xảy ra trước khi lần điểm đạo thứ năm có thể được tiếp nhận.

610. We are being told of the climactic moment, and yet it is a moment of equilibrium, suggesting the influence of the sign Libra.

610. Chúng ta đang được kể về khoảnh khắc cao trào, vậy mà đó lại là một khoảnh khắc quân bình, gợi ý ảnh hưởng của dấu hiệu hoàng đạo Libra.

611. Libra, as well, is a sign associated with consummated beauty and with the harmonizing power of the buddhic plane.

611. Libra cũng là một dấu hiệu gắn liền với vẻ đẹp viên mãn và với quyền năng điều hòa của cõi Bồ đề.

612. The moment of "suspension" suggests both consummation and pause before entry into an entirely new state.

612. Khoảnh khắc "đình chỉ" gợi ý cả sự hoàn tất lẫn sự tạm dừng trước khi bước vào một trạng thái hoàn toàn mới.

Then—through the pronouncement of a certain Word of Power—

Rồi—qua sự phát âm một Quyền năng từ nhất định—

613. Who or what pronounces this word? It would seem that a Solar Angel does or that solar angels do.

613. Ai hay điều gì phát ra linh từ này? Có vẻ như một Thái dương Thiên Thần làm điều đó hoặc các Thái dương Thiên Thần làm điều đó.

614. It is clear that the Solar Angels (whether plural or singular) are great Magicians and have within the consciousness the necessary understanding of the control of matter through sound.

614. Rõ ràng các Thái dương Thiên Thần (dù số nhiều hay số ít) là những nhà huyền thuật vĩ đại và có trong tâm thức sự thấu hiểu cần thiết về việc kiểm soát vật chất qua âm thanh.

the great solar Angels gather back into themselves the solar fire, thus producing the final dissipation of the form,

các Thái dương Thiên Thần vĩ đại thu hồi Lửa Thái dương trở lại vào chính mình, nhờ đó tạo ra sự làm tiêu tan cuối cùng của hình tướng,

615. Something of real moment is being said here and it may touch upon one aspect of the Mystery of the Solar Angels.

615. Ở đây một điều thực sự trọng đại đang được nói ra và điều đó có thể chạm đến một phương diện của Huyền Nhiệm về các Thái dương Thiên Thần.

616. We note (and must determine the reason) that it is not *the* Solar Angel (singular) which gathers back the solar fire, but the *Solar Angels,* (plural). DK is talking about a specific instance of the fourth initiation and not about many human beings passing through the fourth initiation. Therefore solar angels (plural) are involved with a specific human being.

616. Chúng ta lưu ý (và phải xác định lý do) rằng không phải *Thái dương Thiên Thần* (số ít) thu hồi Lửa Thái dương, mà là *các Thái dương Thiên Thần,* (số nhiều). Chân sư DK đang nói về một trường hợp cụ thể của lần điểm đạo thứ tư chứ không phải về nhiều con người đi qua lần điểm đạo thứ tư. Vì vậy các Thái dương Thiên Thần (số nhiều) có liên hệ với một con người cụ thể.

617. How many solar angels are involved in the building of a causal body? And if there are a number of them, what is their relation to a singular Solar Angel (from which, perhaps, they may emanate)?

617. Có bao nhiêu Thái dương Thiên Thần tham dự vào việc xây dựng một thể nguyên nhân? Và nếu có một số vị như vậy, mối liên hệ của họ với một Thái dương Thiên Thần đơn nhất là gì (mà có lẽ từ đó họ có thể phát xạ ra)?

618. It also becomes very clear from this section of text that it is *solar fire* which produces the form of the egoic lotus. Unless the matter of the higher mental plane were underlain by solar fire, there could not be that form we identify as the egoic lotus,

618. Cũng trở nên rất rõ từ phần văn bản này rằng chính *Lửa Thái dương* tạo ra hình tướng của Hoa Sen Chân Ngã. Nếu vật chất của cõi thượng trí không được Lửa Thái dương làm nền, thì không thể có hình tướng mà chúng ta đồng hoá với Hoa Sen Chân Ngã,

619. This means that *solar fire has a structural or structuring aspect to it*. It is as if solar fire *geometrizes* the substance of the higher mental plane in creating the egoic lotus.

619. Điều này có nghĩa là *Lửa Thái dương có một phương diện cấu trúc hay tạo cấu trúc*. Dường như Lửa Thái dương *hình học hóa* chất liệu của cõi thượng trí khi tạo ra Hoa Sen Chân Ngã.

620. Solar fire, it seems, is the very *substance* of the Solar Angel or solar angels, and it is that which goes forth from it/them to

620. Dường như Lửa Thái dương chính là *chất liệu* của Thái dương Thiên Thần hay các Thái dương Thiên Thần, và chính điều đó

create, substand and sustain the egoic lotus form.

621. Through the extension of solar fire from the Solar Angel or solar angels, these Beings *participate in* the consciousness of man and are a *presence within his Self-consciousness*—which they, themselves, induced.

622. We note that DK calls these Angels "great solar angels". This speaks to their spiritual status. They are, it would seem, far above the human being in their developmental status.

623. Solar fire is the means of their participation in the life of the individualizing human being. They must, however, be significantly involved in other matters and do not have the entirety of their life invested in the human project.

624. The thing I am trying to emphasize is that solar fire is an extension of the energy of the Solar Angel or solar angels, and it is their means of being *present* in the being called man (as that man manifests on the higher mental plane).

625. Some of the great problems to solve are:

a. The number of solar angels involved in the creation of individualized man

b. The status of such angels relative to each other and relative to man

c. The "true plane" of the Solar Angel or solar angels

phát ra từ vị ấy/các vị ấy để tạo ra, làm nền và duy trì hình tướng Hoa Sen Chân Ngã.

621. Qua sự mở rộng của Lửa Thái dương từ Thái dương Thiên Thần hay các Thái dương Thiên Thần, các Đấng này *tham dự vào* tâm thức của con người và là một *sự hiện diện trong ngã thức của y*—điều mà chính các vị ấy đã gây ra.

622. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK gọi các Thiên Thần này là "các Thái dương Thiên Thần vĩ đại". Điều này nói lên địa vị tinh thần của các vị ấy. Dường như các vị ấy vượt xa con người về địa vị phát triển.

623. Lửa Thái dương là phương tiện để các vị ấy tham dự vào sự sống của con người đang biệt ngã hóa. Tuy nhiên, các vị ấy hẳn còn tham dự đáng kể vào những vấn đề khác và không đặt toàn bộ sự sống của mình vào dự án con người.

624. Điều tôi đang cố nhấn mạnh là Lửa Thái dương là một sự mở rộng của năng lượng của Thái dương Thiên Thần hay các Thái dương Thiên Thần, và đó là phương tiện để các vị ấy *hiện diện* trong hữu thể được gọi là con người (khi con người ấy biểu lộ trên cõi thượng trí).

625. Một số vấn đề lớn cần giải quyết là:

a. Số lượng các Thái dương Thiên Thần tham dự vào việc tạo ra con người biệt ngã hóa

b. Địa vị của các thiên thần ấy tương đối với nhau và tương đối với con người

c. "Cõi thực sự" của Thái dương Thiên Thần hay các Thái dương Thiên Thần

d. The method of solar angelic participation in the consciousness and vehicle of man on the higher mental plane—the technicalities of this process

e. Etc.

626. We could even ask if all of the devas of the cosmic ethers are to be called "Solar Angels". The members of the Creative Hierarchies after all come from a certain tier of petals in the causal body of the Solar Logos, hence they are *solar.*

627. We often try to confine the locus of the term "Solar Angel" but discover that it is not given a satisfying specificity in the Teaching —and this is probably, deliberately the case.

and hence the separation of the life from the form;

628. The Solar Angel or solar angels separate their life (or the solar fire by which they are principally animated) from the form of the egoic lotus and all that remains is rather amorphous matter of the higher mental plane still somewhat agglomerated—*not* thoroughly dispersed to the waiting reservoir of substance..

629. As well the life of the Monad and spiritual triad which have been animating that egoic lotus now has another line of expression via the antahkarana, and so, equally, is withdrawn from the dissipating form of the egoic lotus.

d. Phương pháp tham dự của các Thái dương Thiên Thần vào tâm thức và vận cụ của con người trên cõi thượng trí—các chi tiết kỹ thuật của tiến trình này

e. Vân vân.

626. Chúng ta thậm chí có thể hỏi liệu tất cả các thiên thần của các dĩ thái vũ trụ có được gọi là "các Thái dương Thiên Thần" hay không. Xét cho cùng, các thành viên của các Huyền Giai Sáng Tạo đến từ một tầng cánh hoa nhất định trong thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế, vì thế họ là *thái dương.*

627. Chúng ta thường cố giới hạn vị trí của thuật ngữ "Thái dương Thiên Thần" nhưng lại phát hiện rằng trong Giáo Huấn, nó không được cho một tính xác định thỏa đáng —và có lẽ điều này là có chủ ý.

và do đó có sự tách rời của sự sống khỏi hình tướng;

628. Thái dương Thiên Thần hay các Thái dương Thiên Thần tách sự sống của mình (hay Lửa Thái dương mà nhờ đó các vị ấy chủ yếu được tiếp sinh lực) khỏi hình tướng của Hoa Sen Chân Ngã và tất cả những gì còn lại là vật chất khá vô định hình của cõi thượng trí vẫn còn phần nào kết tụ lại—*chưa* được phân tán hoàn toàn vào kho chất liệu đang chờ đợi.

629. Đồng thời sự sống của chân thần và Tam nguyên tinh thần vốn đã tiếp sinh lực cho Hoa Sen Chân Ngã ấy nay có một đường biểu lộ khác qua antahkarana, và vì vậy cũng được rút khỏi hình tướng đang tiêu tan của Hoa Sen Chân Ngã.

630. We may have noticed that both the Monad and the permanent atoms of the spiritual triad are depicted as sending lines of energy into the petals (and Jewel) of the egoic lotus.

630. Có lẽ chúng ta đã nhận thấy rằng cả chân thần lẫn các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần đều được mô tả như gửi các đường năng lượng vào các cánh hoa (và Bảo Châu) của Hoa Sen Chân Ngã.

the fire of matter returns to the general reservoir,

lửa của vật chất trở về kho chứa chung,

631. Here we are speaking especially of the matter of the higher mental plane, but the matter which composed the vehicles in the lower three worlds may also return if the taking of the fourth initiation has meant the physical death of the initiate.

631. Ở đây chúng ta đặc biệt nói đến vật chất của cõi thượng trí, nhưng vật chất đã cấu thành các vận cụ trong ba cõi thấp cũng có thể trở về nếu việc tiếp nhận lần điểm đạo thứ tư đã hàm ý cái chết thể xác của điểm đạo đồ.

632. The return of the matter of the higher mental plane to the "general reservoir" may not be an immediate process, but should be completed by the time the fifth initiation is achieved.

632. Sự trở về của vật chất cõi thượng trí vào "kho chứa chung" có thể không phải là một tiến trình tức thời, nhưng nên được hoàn tất vào lúc lần điểm đạo thứ năm đạt được.

and the permanent atoms and the causal body are no more.

và các nguyên tử trường tồn cùng thể nguyên nhân không còn nữa.

633. Here we must be careful. The *triadal permanent atoms* still exist, but the permanent atoms of the atomic triangle and, also, the mental unit are no more.

633. Ở đây chúng ta phải cẩn thận. Các *nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần* vẫn còn tồn tại, nhưng các nguyên tử trường tồn của tam giác nguyên tử và cả đơn vị hạ trí thì không còn nữa.

634. These permanent atoms and mental unit, however, transfer their content and their memories to the permanent atoms of the spiritual triad. Thus their capacities are retained within permanent atoms of a higher order.

634. Tuy nhiên, các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí này chuyển nội dung và ký ức của chúng sang các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần. Vì vậy các năng lực của chúng được giữ lại trong các nguyên tử trường tồn thuộc một cấp cao hơn.

635. This fact will be important when it comes to understanding how a mayavirupa is created.

635. Sự kiện này sẽ quan trọng khi đi đến việc thấu hiểu cách một mayavirupa được tạo ra.

The central electric fire becomes centralised in atma-buddhi.

636. This is a very important statement. Many may have wondered: "What happens to the central electric fire, the interior flame, the extension of the Monad when the fourth initiation occurs? Does it return *directly* to the Monad?"

637. This may not be easy to answer, but from what is here said, it seems that the fire in the Jewel in the Lotus is centralized in the spiritual triad *before* it returns to the Monad, proper, on the monadic plane.

638. Of course, the Monad is often referred to as atma-buddhi, so a return to atma-buddhi is like a return to the Monad, but not *completely* so.

Let the group together move the fire within the Jewel in the Lotus into the Triad and let them find the Word which will carry out that task. (R&I 22-23)

639. The "fire within the Jewel in the Lotus" definitely goes into the Triad first. Perhaps only when the Initiate is a liberated Chohan is the transference of triadal fire into the Monad on its own plane complete.

The Thinker or spiritual entity stands free of the three worlds, and functions consciously on the buddhic plane.

640. The true Ego (the consciousness of the Monad in the spiritual triad) stands free of

Lửa Điện trung tâm trở nên được tập trung trong atma-buddhi.

636. Đây là một phát biểu rất quan trọng. Nhiều người có thể đã tự hỏi: "Điều gì xảy ra với Lửa Điện trung tâm, ngọn lửa nội tại, sự mở rộng của chân thần khi lần điểm đạo thứ tư xảy ra? Nó có trở về *trực tiếp* với chân thần không?"

637. Điều này có thể không dễ trả lời, nhưng từ những gì được nói ở đây, dường như ngọn lửa trong Bảo Châu trong Hoa Sen được tập trung trong Tam nguyên tinh thần *trước khi* nó trở về với chính chân thần trên cõi chân thần.

638. Dĩ nhiên, chân thần thường được gọi là atma-buddhi, vì vậy sự trở về với atma-buddhi cũng giống như sự trở về với chân thần, nhưng không *hoàn toàn* là như vậy.

Hãy để nhóm cùng nhau chuyển lửa bên trong Bảo Châu trong Hoa Sen vào Tam nguyên tinh thần và hãy để họ tìm ra Quyền năng từ sẽ thực hiện nhiệm vụ đó. (R&I 22-23)

639. "Lửa bên trong Bảo Châu trong Hoa Sen" chắc chắn đi vào Tam nguyên tinh thần trước tiên. Có lẽ chỉ khi Điểm đạo đồ là một Chohan được giải thoát thì sự chuyển dịch lửa tam nguyên tinh thần vào chân thần trên cõi riêng của nó mới hoàn tất.

Đấng Tư Tưởng hay thực thể tinh thần đứng tự do khỏi ba cõi giới, và hoạt động một cách hữu thức trên cõi Bồ đề.

640. Chân ngã đích thực (tâm thức của chân thần trong Tam nguyên tinh thần) đứng tự

all aspects of the three worlds, including the higher mental plane.

641. The Thinker at this point (not yet a Master) has some atmic consciousness and can still use the abstract mind, but his major focus is the buddhic plane and he functions through a coordinated buddhic vehicle.

Between these two stages of quiescent (though self-conscious) inertia and of that radiant activity which produces a balancing of forces, is a long series of lives.

642. Even in the stage of "quiescent inertia" self-consciousness exists.

643. How long is this series of lives and into how many divisions is the series divided—we do not yet know with certainty.

644. The symbolic number of lives is 777, but this is no true indication of the actual number which is necessarily in the thousands, as DK has told us.

What the Personality spends **many thousands of lives** in establishing is not going to be lightly altered when the Ego—working in the lower consciousness—seeks to effect a change. (LOM 82)

In our consideration of the **subject of the reincarnating jivas**, we have touched upon three subjects:

645. We are now being given a necessary summary.

do khỏi mọi phương diện của ba cõi giới, kể cả cõi thượng trí.

641. Đấng Tư Tưởng ở điểm này (chưa phải là Chân sư) có một ít tâm thức atma và vẫn có thể sử dụng trí trừu tượng, nhưng trọng tâm chính của y là cõi Bồ đề và y hoạt động qua một vận cụ Bồ đề được phối hợp.

Giữa hai giai đoạn này của quán tính tĩnh lặng (dù vẫn có ngã thức) và của hoạt động rạng ngời tạo ra sự quân bình các mãnh lực, là một chuỗi dài các kiếp sống.

642. Ngay cả trong giai đoạn "quán tính tĩnh lặng", ngã thức vẫn tồn tại.

643. Chuỗi kiếp sống này dài bao lâu và được chia thành bao nhiêu phần—chúng ta vẫn chưa biết chắc chắn.

644. Con số biểu tượng của các kiếp sống là 777, nhưng đây không phải là chỉ dấu thực sự về con số thực tế vốn tất yếu nằm trong hàng ngàn, như Chân sư DK đã nói với chúng ta.

Điều mà phàm ngã đã dùng **nhiều ngàn kiếp sống** để thiết lập sẽ không dễ gì bị thay đổi khi Chân ngã—hoạt động trong tâm thức thấp—tìm cách tạo ra một sự thay đổi. (LOM 82)

Trong khi xem xét **chủ đề về các jiva tái sinh**, chúng ta đã chạm đến ba chủ đề:

645. Giờ đây chúng ta đang được cung cấp một bản tóm lược cần thiết.

646. Our subject, for all its variety, has been the "subject of the reincarnating jivas"—on many levels.

646. Chủ đề của chúng ta, dù rất đa dạng, vẫn là "chủ đề về các jiva tái sinh"—trên nhiều cấp độ.

647. DK tells us what we have covered and *why* we have covered it. The "why" is equally as important as the "what".

647. Chân sư DK cho chúng ta biết chúng ta đã đề cập đến điều gì và *vì sao* chúng ta đã đề cập đến nó. Cái "vì sao" cũng quan trọng ngang với cái "điều gì".

a. Avatars, with the intent of disposing of the confusion in the minds of students as to certain types of appearances. In our present study we shall deal only with the process followed by ordinary men.

a. Các Đấng Hoá Thân, với ý định giải toả sự lẫn lộn trong trí tuệ của các đạo sinh liên quan đến một số loại sắc tướng xuất hiện. Trong nghiên cứu hiện nay của chúng ta, chúng ta sẽ chỉ bàn đến tiến trình được những người nam và nữ bình thường tuân theo.

648. We have covered many kinds of Avatars —principally five.

648. Chúng ta đã đề cập đến nhiều loại Đấng Hoá Thân—chủ yếu là năm loại.

649. Man, as a spiritual being, is something of an Avatar to the lower worlds in which he manifests.

649. Con người, như một hữu thể tinh thần, phần nào là một Đấng Hoá Thân đối với các cõi thấp nơi y biểu hiện.

650. We recognize that Avatars are particularly connected to monadic energy or even with the energy of the Planetary Logos as it manifests through the Avatar's Monad.

650. Chúng ta nhận ra rằng các Đấng Hoá Thân đặc biệt liên hệ với năng lượng chân thần hoặc thậm chí với năng lượng của Đức Hành Tinh Thượng Đế khi năng lượng ấy biểu hiện qua Chân thần của Đấng Hoá Thân.

b. Pralayas, with the intent of arousing in the mind of the student the idea of **interludes of quiescence** dependent upon the intervening periods of activity.

b. Các giai kỳ qui nguyên, với ý định khơi dậy trong trí tuệ của đạo sinh ý tưởng về những **quãng xen kẽ tĩnh lặng** tùy thuộc vào các giai đoạn hoạt động xen giữa.

651. Activity and quiescence seem dependent upon one another.

651. Hoạt động và tĩnh lặng dường như tùy thuộc lẫn nhau.

652. Every period of apparent quiescence is really a period of activity on a higher level

652. Mỗi giai đoạn tĩnh lặng biểu kiến thật ra là một giai đoạn hoạt động trên một cấp độ

usually inaccessible to the lower consciousness.

cao hơn, thường không thể tiếp cận đối với tâm thức thấp.

653. The study of interludes is indispensable to an understanding of occultism, whether interludes in the meditative process, interludes in the rhythms of daily and yearly life, or those interludes we call pralayas.

653. Việc nghiên cứu các quãng xen kẽ là điều không thể thiếu để thấu hiểu huyền bí học, dù là các quãng xen kẽ trong tiến trình tham thiền, các quãng xen kẽ trong nhịp điệu của đời sống hằng ngày và hằng năm, hay những quãng xen kẽ mà chúng ta gọi là các giai kỳ qui nguyên.

c. The appearance of the body egoic and its general conformation, **with the intent of awakening the realisation of the student to the fact that evolution affects that body also**, and not only man's forms in the three worlds.

c. Sự xuất hiện của thể chân ngã và cấu tạo tổng quát của nó, **với ý định đánh thức sự chứng nghiệm nơi đạo sinh về sự kiện rằng tiến hoá cũng tác động lên thể ấy,** chứ không chỉ lên các hình tướng của con người trong ba cõi giới.

654. Somehow this is a very important idea. We tend to look at our personality as if it were the most real (and even *only*) part of our nature. The sense that there is an inner evolution occurring on the higher mental plane is of great significance to the student of occultism. We cannot forever be “pulling ourselves up by the roots” to see whether we are growing, nor can we remain attached to results we cannot easily see. A degree of trust in inner growth is required in the life of discipleship.

654. Bằng cách nào đó đây là một ý tưởng rất quan trọng. Chúng ta có khuynh hướng nhìn phàm ngã của mình như thể đó là phần chân thực nhất (và thậm chí là phần *duy nhất*) của bản chất chúng ta. Cảm nhận rằng có một sự tiến hoá nội tại đang diễn ra trên Cõi thượng trí có ý nghĩa rất lớn đối với đạo sinh huyền bí học. Chúng ta không thể mãi “tự nhổ mình lên bằng rễ” để xem mình có đang tăng trưởng hay không, cũng không thể cứ bám chặt vào những kết quả mà chúng ta không dễ thấy. Một mức độ tín nhiệm vào sự tăng trưởng bên trong là điều cần thiết trong đời sống địa vị đệ tử.

The effects of the process are interdependent, and as the lower self develops, or the personality becomes more active and intelligent, results are produced in the higher body.

Các hiệu quả của tiến trình này phụ thuộc lẫn nhau, và khi phàm ngã phát triển, hay phàm ngã trở nên hoạt động hơn và thông minh hơn, thì các kết quả được tạo ra trong thể cao hơn.

655. We learn of the reciprocal development of the inner and outer vehicles. Probably we can more easily act upon the outer vehicles than the inner ones, but as students of occultism, we should learn to work with the

655. Chúng ta học được về sự phát triển hỗ tương của các vận cụ bên trong và bên ngoài. Có lẽ chúng ta có thể tác động lên các vận cụ bên ngoài dễ hơn các vận cụ bên trong, nhưng với tư cách là các đạo sinh huyền bí

building of *quality*. This method signifies relatively direct work upon the egoic lotus.

học, chúng ta nên học cách làm việc với việc xây dựng *phẩm tính*. Phương pháp này hàm ý công việc tương đối trực tiếp lên Hoa Sen Chân Ngã.

As these effects are cumulative, and not ephemeral [Page 765] as are the lower results, the egoic body becomes equally more active and its manifestation of energy is increased.

Vì các hiệu quả này có tính tích lũy, chứ không phù du [Page 765] như các kết quả thấp, nên thể chân ngã cũng trở nên hoạt động hơn tương ứng và sự biểu hiện năng lượng của nó được gia tăng.

656. The egoic body does not last forever, but compared to the duration of a single personality, it is virtually eternal.

656. Thể chân ngã không tồn tại mãi mãi, nhưng so với thời lượng của một phàm ngã đơn lẻ, nó hầu như là vĩnh cửu.

657. Egoic activity constantly increases and the personality vehicles are more easily and deliberately brought into a state of quiescence—depending upon the need.

657. Hoạt động chân ngã không ngừng gia tăng và các vận cụ phàm ngã được đưa vào trạng thái tĩnh lặng dễ dàng hơn và có chủ ý hơn—tùy theo nhu cầu.

Towards the close of the evolutionary period in the three worlds a constant interchange of energy is seen to be taking place;

Về cuối thời kỳ tiến hoá trong ba cõi giới người ta thấy có một sự trao đổi năng lượng liên tục đang diễn ra;

658. We can look at this as a Geminian, Mercurian process. In the beginning the personality experiences silence from above (and even fails to realize that there is an 'above'). Later, the reciprocity becomes real, living and induced at will.

658. Chúng ta có thể nhìn điều này như một tiến trình Song Tử, Sao Thủy. Lúc ban đầu phàm ngã trải nghiệm sự im lặng từ bên trên (và thậm chí không nhận ra rằng có một "bên trên"). Về sau, tính hỗ tương trở nên thực, sống động và được khơi lên theo ý muốn.

659. Have we achieved this? Let us ponder.

659. Chúng ta đã đạt được điều này chưa? Hãy suy ngẫm.

the lower forms become irradiated with light, and reflect the higher radiance;

các hình tướng thấp trở nên được chiếu rọi bằng ánh sáng, và phản chiếu sự rạng ngời cao hơn;

660. When looking at the lower forms, the spiritually cultured eye can detect the development of the inner vehicles.

660. Khi nhìn vào các hình tướng thấp, con mắt đã được văn hoá tinh thần có thể nhận ra sự phát triển của các vận cụ bên trong.

661. As the inner form becomes more radiant, the outer form becomes more irradiated with light. Through correct "spiritual reading" this can be seen.

661. Khi hình tướng bên trong trở nên rạng ngời hơn, hình tướng bên ngoài trở nên được chiếu rọi bằng ánh sáng hơn. Điều này có thể được thấy qua việc "đọc" tinh thần đúng đắn.

the egoic body is the Sun of the lower system,

thể chân ngã là Mặt Trời của hệ thống thấp,

662. We are dealing with solar fire and its expression in the solar and lunar worlds.

662. Chúng ta đang đề cập đến Lửa Thái dương và sự biểu hiện của nó trong các thế giới thái dương và thái âm.

663. The Sun stands for so many things, but in this case, it is the center of Self-consciousness.

663. Mặt Trời tượng trưng cho rất nhiều điều, nhưng trong trường hợp này, nó là trung tâm của ngã thức.

664. The "Sun" also symbolizes the source of sustaining power which abides at the center of the personality vehicles. In this respect the "Sun" is the integrated personality and stands for an integrated sense of "I-ness"—lower ahamkara.

664. "Mặt Trời" cũng tượng trưng cho nguồn quyền năng duy trì ngự tại trung tâm của các vận cụ phàm ngã. Xét theo phương diện này, "Mặt Trời" là Phàm ngã tích hợp và tượng trưng cho một cảm thức "tôi tính" tích hợp—ahamkara thấp.

665. In other and higher respects, the "Sun" can symbolize the Monad.

665. Ở những phương diện khác và cao hơn, "Mặt Trời" có thể tượng trưng cho Chân thần.

and its bodies reflect its rays, as the moon reflects the light of the solar sun.

và các thể của nó phản chiếu các tia của nó, như mặt trăng phản chiếu ánh sáng của mặt trời thái dương.

666. The analogy is a simple one, easy to understand. We have to make it real in our lives. The solar "Sun" and the lunar vehicles must be united, with the soul achieving prominence.

666. Sự tương đồng này rất đơn giản, dễ hiểu. Chúng ta phải làm cho nó trở thành thực tại trong đời sống mình. "Mặt Trời" thái dương và các vận cụ thái âm phải được hợp nhất, với linh hồn đạt được vị thế nổi trội.

667. The soul is to become the "sole luminary in the microcosmic sky". (Rule V for Applicants, IHS)

667. Linh hồn phải trở thành "nguồn sáng duy nhất trong bầu trời vi mô". (Quy luật V cho Người Chí Nguyện, IHS)

Similarly the **egoic Sun**,—through the interaction—shines with ever greater intensity and glory.

668. This is the developing consummation towards which we all aspire.

669. A manner of glorification occurs at the third initiation. The fourth initiation becomes even more glorious, and with respect to the glory of the egoic body, *final.*

On the higher levels a similar interaction takes place for a brief period between the Monad and its reflection the Ego,

670. The Ego, in this instance, may be the reflection of the spiritual triad within the egoic body on the higher mental plane, *or*, the liberated Ego itself, on triadal levels.

671. Hierarchy is looking towards Shamballa, but a liberated Spiritual Hierarchy has not yet *merged with* Shamballa.

but only in the coming solar system will this interaction be carried to its logical conclusion.

672. The next (and probably final) solar system, will be the solar system of the Spirit. During that system the full revelation of the powers of the Monad may be expected.

Tương tự, **Mặt Trời chân ngã**—thông qua sự tương tác—chiếu sáng với cường độ và vinh quang ngày càng lớn hơn.

668. Đây là sự viên mãn đang phát triển mà tất cả chúng ta đều khát vọng hướng tới.

669. Một cách thức vinh hiển hóa xảy ra ở lần điểm đạo thứ ba. Lần điểm đạo thứ tư còn vinh hiển hơn nữa, và xét về vinh quang của thể chân ngã, thì đó là *cuối cùng.*

Trên các cấp độ cao hơn, một sự tương tác tương tự diễn ra trong một thời gian ngắn giữa Chân thần và sự phản chiếu của nó là Chân ngã,

670. Chân ngã, trong trường hợp này, có thể là sự phản chiếu của Tam Nguyên Tinh Thần trong thể chân ngã trên Cõi thượng trí, *hoặc*, chính Chân ngã đã được giải thoát trên các cấp độ tam nguyên tinh thần.

671. Thánh đoàn đang hướng về Shamballa, nhưng một Thánh đoàn tinh thần đã được giải thoát vẫn chưa *hợp nhất với* Shamballa.

nhưng chỉ trong hệ mặt trời sắp đến, sự tương tác này mới được đưa đến kết luận hợp lý của nó.clusion.

672. Hệ mặt trời kế tiếp (và có lẽ là cuối cùng) sẽ là hệ mặt trời của tinh thần. Trong hệ ấy, có thể chờ đợi sự mặc khải trọn vẹn về các quyền năng của Chân thần.

TCF 766-775: S7S3

20 April – 6 May 2008

20 tháng 4 – 6 tháng 5 năm 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

1. We continue from our last section on the reincarnating jivas and Avatars.

1. Chúng ta tiếp tục từ phần trước về các jiva tái sinh và các Đấng Hoá Thân.

Having, therefore, very briefly dealt with these three topics, we can now proceed to consider the process followed by the Ego when seeking manifestation in the three worlds.

Vì vậy, sau khi đã rất ngắn gọn đề cập đến ba chủ đề này, giờ đây chúng ta có thể tiếp tục xem xét tiến trình được Chân ngã tuân theo khi tìm cách biểu hiện trong ba cõi giới.

2. The three topics we have dealt with are.

2. Ba chủ đề mà chúng ta đã đề cập là.

a. Avatars

a. Các Đấng Hoá Thân

b. Pralayas

b. Các giai kỳ qui nguyên

c. The appearance of the body egoic

c. Sự xuất hiện của thể chân ngã

3. We will now consider the process followed by the Ego when seeking manifestation in the three worlds.

3. Giờ đây chúng ta sẽ xem xét tiến trình được Chân ngã tuân theo khi tìm cách biểu hiện trong ba cõi giới.

4. In this case, we must consider the Ego as the "Ego in the causal body" (to which there are six references in the Teaching) and not the 'Ego-as-spiritual triad'—indicated as follows:

4. Trong trường hợp này, chúng ta phải xem xét Chân ngã như "Chân ngã trong thể nguyên nhân" (được nhắc đến sáu lần trong Giáo Huấn) chứ không phải "Chân ngã-như-tam nguyên tinh thần"—được chỉ ra như sau:

"...flashes of real illumination or intuition from the spiritual Triad or **the true threefold Ego itself"**(LOM 4)

"...những lóe sáng của sự soi sáng thực sự hay trực giác từ Tam Nguyên Tinh Thần hay **chính Chân ngã tam phân đích thực"**(LOM 4)

"The spiritual Triad, **the Ego**." (LOM 228)

"Tam Nguyên Tinh Thần, **Chân ngã**." (LOM 228)

"Here again I would draw attention to the fact that this triple demonstration can be seen under three forms, making in all **a ninefold choice of rays for the Ego**:" (TCF 177)

"Ở đây một lần nữa tôi muốn lưu ý đến sự kiện rằng sự biểu lộ tam phân này có thể được thấy dưới ba hình thức, tạo thành tất cả **một sự lựa chọn cung thất phân cho Chân ngã**:" (TCF 177)

"Division 4 can be grasped as the student arrives at a comprehension of his own nature as a spiritual triad, an egoic body and a threefold lower man. He can likewise approach the first division in a similar manner, and view himself as a primary force or Monad, **a triple secondary force or Ego**, and a threefold lower energy, or personality, remembering that we are here dealing only with creative energy and with the Brahma aspect of manifestation as it co-ordinates itself with the Vishnu aspect." (TCF 923-924)

"Phân bộ 4 có thể được nắm bắt khi đạo sinh đi đến chỗ thấu hiểu bản chất riêng của mình như một tam nguyên tinh thần, một thể chân ngã và một phàm nhân tam phân. Tương tự, y cũng có thể tiếp cận phân bộ thứ nhất theo cách tương tự, và xem mình như một mãnh lực sơ cấp hay Chân thần, **một mãnh lực thứ cấp tam phân hay Chân ngã**, và một năng lượng thấp tam phân, hay phàm ngã, nhớ rằng ở đây chúng ta chỉ đề cập đến năng lượng sáng tạo và đến phương diện Brahma của biểu hiện khi nó tự phối hợp với phương diện Vishnu." (TCF 923-924)

5. It is the "Ego in the causal body" that seeks incarnation. This is not the Ego liberated onto the planes of the spiritual triad.

5. Chính "Chân ngã trong thể nguyên nhân" tìm kiếm sự nhập thể. Đây không phải là Chân ngã đã được giải thoát lên các cõi của tam nguyên tinh thần.

Let us endeavour in our thoughts to interpret all these processes in terms of energy and of force.

Chúng ta hãy cố gắng trong tư tưởng của mình diễn giải tất cả các tiến trình này theo thuật ngữ của năng lượng và mãnh lực.

6. This is ever Master DK's exhortation—to think in terms of energy or force; to think in terms of polarity; and no so much to *personalize* E/entities.

6. Đây luôn là lời khuyến dụ của Chân sư DK —hãy suy nghĩ theo thuật ngữ của năng lượng hay mãnh lực; hãy suy nghĩ theo thuật ngữ của cực tính; và đừng *cá nhân hoá* các Thực Thể quá nhiều.

The old Commentary says:

"When the Spark is touched to the four wicks, and when spiritual Fire in its threefold essence meets with that which is combustible, the Flame bursts forth.

7. We seem to be speaking of the birth of the causal body.

8. The "Spark" can be seen as the influence of the Solar Angel, often called the "spark of mind" but having the potency of love and will as well.

9. The wicks represents the quaternary or square of personality. The wicks are considered "combustible".

10. "Spiritual fire" is the threefold fire of the Monad, expressing as the threefold fire of the spiritual triad, and anchored as a triple fire in the Ego on the higher mental plane.

11. The "Flame" which bursts forth is the fire demonstration as and within the causal body. It is a reflection of the "Flame of Spirit".

12. We will have to distinguish this from the "flame" (lower case) which burns the four wicks.

13. If we wish to look at this section of text still more deeply, we can consider the "Spark" as the influence of the Monad itself, descending as "spiritual Fire in its threefold essence" with the assistance of the Solar Angel/solar angels to inaugurate the individualization process. The Monad is

Cổ Luận nói:

"Khi Tia Lửa được chạm vào bốn tim đèn, và khi Lửa tinh thần trong bản chất tam phân của nó gặp điều có thể cháy được, thì Ngọn Lửa bùng lên.

7. Dường như chúng ta đang nói về sự ra đời của thể nguyên nhân.

8. "Tia Lửa" có thể được xem là ảnh hưởng của Thái dương Thiên Thần, thường được gọi là "tia lửa của trí tuệ" nhưng cũng có tiềm năng của bác ái và ý chí.

9. Các tim đèn tượng trưng cho bộ tứ hay hình vuông của phàm ngã. Các tim đèn được xem là "có thể cháy được".

10. "Lửa tinh thần" là lửa tam phân của Chân thần, biểu hiện thành lửa tam phân của Tam Nguyên Tinh Thần, và được neo như một ngọn lửa tam phân trong Chân ngã trên Cõi thượng trí.

11. "Ngọn Lửa" bùng lên là sự biểu lộ của lửa như và trong thể nguyên nhân. Nó là sự phản chiếu của "Ngọn Lửa của Tinh thần".

12. Chúng ta sẽ phải phân biệt điều này với "ngọn lửa" (chữ thường) đốt cháy bốn tim đèn.

13. Nếu muốn nhìn phần văn bản này sâu hơn nữa, chúng ta có thể xem "Tia Lửa" là ảnh hưởng của chính Chân thần, giáng xuống như "Lửa tinh thần trong bản chất tam phân của nó" với sự trợ giúp của Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần để khai mở tiến trình biệt ngã hóa.

sometimes known as an “undetached Spark”.

Chân thần đôi khi được biết đến như một “Tia Lửa không tách rời”.

14. Although the Solar Angel/solar angels are intimately involved with the individualization process, they serve the intention of the Monad, and both serve the intention of the Planetary Logos Who has reached that point in His development when the heart must be further awakened.

14. Mặc dù Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần liên hệ mật thiết với tiến trình biệt ngã hóa, các vị phụng sự ý định của Chân thần, và cả hai cùng phụng sự ý định của Đức Hành Tinh Thượng Đế, Đấng đã đạt đến điểm trong sự phát triển của Ngài khi trái tim phải được đánh thức thêm nữa.

The centre within the One Life which we call by the unmeaning word "Monad," the spark within the one Flame. (DINA II 291)

Trung tâm bên trong Sự sống Duy Nhất mà chúng ta gọi bằng từ vô nghĩa “Chân thần”, tia lửa bên trong một Ngọn Lửa duy nhất. (DINA II 291)

"The spark hangs from the flame by the finest thread of Fohat.

"Tia lửa treo từ ngọn lửa bằng sợi chỉ Fohat mảnh nhất.

a. The three-tongued flame that never dies… Triad.

a. Ngọn lửa ba lưỡi không bao giờ tắt…Tam nguyên tinh thần.

b. The four wicks… … Quaternary.

b. Bốn tim đèn… … Bộ tứ.

c. The thread of Fohat… … Thread of Life. (TCF 773)

c. Sợi chỉ Fohat… … Sinh Mệnh Tuyến. (TCF 773)

"I sense one Flame, O Gurudeva; I see countless Undetached sparks shining in it."

"Tôi cảm nhận một Ngọn Lửa, hỡi Gurudeva; tôi thấy vô số tia lửa Không Tách Rời đang chiếu sáng trong đó."

— 145. (TCF xvii)

— 145. (TCF xvii)

15. In this case “spiritual Fire” will be the threefold fire of the Monad working through the spiritual triad and, through the agency of the Solar Angel/solar angels, igniting the four wicks—the lower quaternary.

15. Trong trường hợp này “Lửa tinh thần” sẽ là lửa tam phân của Chân thần hoạt động qua Tam Nguyên Tinh Thần và, thông qua tác nhân của Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần, đốt cháy bốn tim đèn —bộ tứ thấp.

Faint the flicker at the first appearing,

Sự lập loè thật yếu ớt trong lần xuất hiện đầu tiên,ing,

16. The “first appearing” is the time of the “Bud Egos”.

16. “Lần xuất hiện đầu tiên” là thời kỳ của các “Bud Egos”.

and near to death it seems,

và dường như gần tắt,

17. There is some burning of the wicks but it is hardly appreciable.

17. Có một ít sự cháy của các tim đèn nhưng hầu như không đáng kể.

18. It seems as if it could be extinguished.

18. Dường như nó có thể bị dập tắt.

19. There is also not much light evidenced within the “Bud Ego”.

19. Cũng không có nhiều ánh sáng được biểu lộ trong “Bud Ego”.

but the wicks smoulder and glow,

nhưng các tim đèn âm ỉ và rực sáng,

20. As the wicks are repeatedly consumed…

20. Khi các tim đèn liên tục bị tiêu hao…

21. The wicks or lower quaternary are sustained by fire from above.

21. Các tim đèn hay bộ tứ thấp được duy trì bởi lửa từ bên trên.

and the heat is retained.

và nhiệt được giữ lại.

22. The resultant heat is retained first within the permanent atoms and then within the causal body which grows and expands under the influence of the heat.

22. Nhiệt phát sinh được giữ lại trước hết trong các Nguyên tử trường tồn và sau đó trong thể nguyên nhân, thể này tăng trưởng và mở rộng dưới ảnh hưởng của nhiệt.

23. The retention of heat is equivalent to the gradual accumulation of faculty.

23. Việc giữ lại nhiệt tương đương với sự tích lũy dần dần các năng lực.

This is cycle the first, and is called that of the *glowing* wheel.

Đây là chu kỳ thứ nhất, và được gọi là chu kỳ của bánh xe *rực đỏ*.

24. We can remember some of the descriptions of chakras in their early phases of expression.

24. Chúng ta có thể nhớ lại một số mô tả về các luân xa trong những giai đoạn biểu hiện ban đầu của chúng.

25. This phase coverers the earliest stages of chakric unfoldment. (cf. TCF 171-172 for fivefold chakric development).

25. Giai đoạn này bao trùm những bước đầu tiên của sự khai mở luân xa. (xem TCF 171-172 về sự phát triển luân xa ngũ phân).

The flicker grows into a tiny flame and the four wicks burn,

Sự lập loè lớn dần thành một ngọn lửa nhỏ và bốn tim đèn cháy,

26. Fire is at work within the lower quaternary (the four vehicles of the personality—considering the dense physical body as one of the four vehicles of the lower quaternary).

26. Lửa đang hoạt động trong bộ tứ thấp (bốn vận cụ của phàm ngã—xem thể xác đậm đặc như một trong bốn vận cụ của bộ tứ thấp).

27. The light within the egoic lotus will also increase.

27. Ánh sáng trong Hoa Sen Chân Ngã cũng sẽ gia tăng.

but are not consumed, for the heat does not suffice.

nhưng không bị tiêu hao hết, vì nhiệt chưa đủ.

28. Burning takes place for a very long time. There is only true consumption when the fourth initiation is reached.

28. Sự cháy diễn ra trong một thời gian rất dài. Chỉ có sự tiêu hao thực sự khi lần điểm đạo thứ tư đạt đến.

The **light of these three fires** is yet so small that the cave is not illumined.

Ánh sáng của ba ngọn lửa này vẫn còn quá nhỏ nên hang động chưa được soi sáng.

29. Notice that fire produces light. The purificatory burning in the lower vehicles produces increasing light, illumination.

29. Hãy lưu ý rằng lửa tạo ra ánh sáng. Sự đốt cháy thanh lọc trong các vận cụ thấp tạo ra ánh sáng ngày càng tăng, sự soi sáng.

30. We have been speaking of four wicks but only of three fires. We may view these fires as

30. Chúng ta đã nói về bốn tim đèn nhưng chỉ nói về ba ngọn lửa. Chúng ta có thể xem các ngọn lửa này là

a. Latent fire (fire within dense physical matter and also within the three dense subplanes of any systemic plane)

a. Lửa tiềm ẩn (lửa trong vật chất hồng trần đậm đặc và cũng trong ba cõi phụ đậm đặc của bất kỳ cõi hệ thống nào)

b. Active fire (etheric fire or fire located within the 'etheric' portions of every systemic plane—i.e., within the higher four subplanes)

b. Lửa hoạt động (lửa dĩ thái hay lửa nằm trong các phần 'dĩ thái' của mọi cõi hệ thống —tức là trong bốn cõi phụ cao hơn)

c. Lower mental fire (the fire which animates the devas of the concrete mind. This is not agnishvattic fire or solar fire).

c. Lửa hạ trí (ngọn lửa làm sinh động các thiên thần của trí cụ thể. Đây không phải là lửa agnishvattic hay Lửa Thái dương).

31. The three fires are *all* fire by friction.

31. Cả ba ngọn lửa này đều là *toàn bộ* Lửa ma sát.

32. The "cave" is the description of lower consciousness which is blind to all truly subjective energies and impressions.

32. "Hang động" là mô tả về tâm thức thấp vốn mù lòa trước mọi năng lượng và ấn tượng thực sự chủ quan.

33. There are several uses of the term "cave". One anatomical use relates to one or more of the ventricles of the brain.

33. Có một số cách dùng của thuật ngữ "hang động". Một cách dùng về giải phẫu liên hệ đến một hay nhiều não thất của bộ não.

34. "Illumination of the cave" occurs at the time of initiation. Immediately preceding the process of initiation, one enters the "cave". (cf. DINA I 675)

34. "Sự soi sáng hang động" xảy ra vào lúc điểm đạo. Ngay trước tiến trình điểm đạo, người ta bước vào "hang động". (xem DINA I 675)

Nevertheless, the flame and the essential heat can be felt by the One Who approaches and watches.

Tuy nhiên, Ngọn Lửa và nhiệt thiết yếu có thể được cảm nhận bởi Đấng đang đến gần và quan sát.

35. May we say that "the One Who approaches and watches" is the supervising Solar Angel? Or can it be considered the Master?

35. Chúng ta có thể nói rằng "Đấng đang đến gần và quan sát" là Thái dương Thiên Thần giám sát chăng? Hay có thể xem đó là Chân sư?

This is the second cycle, and is called that of the *warming* wheel.

Đây là chu kỳ thứ hai, và được gọi là chu kỳ của bánh xe *sưởi ấm*.

36. We have had so far the "glowing wheel" and the "warming wheel".

36. Cho đến nay chúng ta đã có "bánh xe rực đỏ" và "bánh xe sưởi ấm".

37. When we speak of "heat" we are speaking of spiritual energy.

37. Khi nói đến "nhiệt", chúng ta đang nói đến năng lượng tinh thần.

38. In this story of egoic progress, light precedes heat.

38. Trong câu chuyện về sự tiến bộ chân ngã này, ánh sáng đi trước nhiệt.

39. The “wheel” is the egoic lotus or causal body.

Another way of emphasising the same truth is to regard the egoic body as a centre of force, **a wheel of energy**, or a lotus, and to picture it as a lotus with nine petals, hiding within these petals a central unit of three petals; these in their turn secrete the central life, or the "jewel in the lotus." (IHS 137)

40. There is an increase of light and heat in two ‘places’:

a. Within the lower quaternary, represented by the four wicks

b. Within the egoic lotus or causal body on the higher mental plane. The “wheel” on the higher mental plane is showing increasing signs of vitality and vibrancy

The tiny flame becomes a lighted lamp.

41. We have moved from the inconsistent flame to the tiny flame to the lighted lamp.

42. More light appears in the lower worlds.

The fire flares up,

43. We are dealing here with the fire from above as it begins to consume the four wicks.

44. The fire consuming the four wicks and fed by the Ego is intensifying.

39. “Bánh xe” là Hoa Sen Chân Ngã hay thể nguyên nhân.

Một cách khác để nhấn mạnh cùng một chân lý là xem thể chân ngã như một trung tâm mãnh lực, **một bánh xe năng lượng**, hay một hoa sen, và hình dung nó như một hoa sen chín cánh, ẩn bên trong các cánh ấy một đơn vị trung tâm gồm ba cánh; đến lượt chúng, các cánh này che giấu sự sống trung tâm, hay “ngọc trong hoa sen”. (IHS 137)

40. Có sự gia tăng ánh sáng và nhiệt ở hai ‘nơi’:

a. Trong bộ tứ thấp, được tượng trưng bởi bốn tim đèn

b. Trong Hoa Sen Chân Ngã hay thể nguyên nhân trên Cõi thượng trí. “Bánh xe” trên Cõi thượng trí đang cho thấy những dấu hiệu ngày càng tăng của sinh lực và tính rung động

Ngọn lửa nhỏ trở thành một ngọn đèn sáng.

41. Chúng ta đã đi từ ngọn lửa không ổn định đến ngọn lửa nhỏ rồi đến ngọn đèn sáng.

42. Nhiều ánh sáng hơn xuất hiện trong các thế giới thấp.

Lửa bùng lên,

43. Ở đây chúng ta đang đề cập đến lửa từ bên trên khi nó bắt đầu tiêu hao bốn tim đèn.

44. Ngọn lửa tiêu hao bốn tim đèn và được Chân ngã nuôi dưỡng đang tăng cường.

but much smoke is there,

45. We can consider the “smoke” as maya, glamor and illusion.

46. Smoke will arise through the fiery purification process. Many impurities are being extracted from the composition of the matter/substance of the lower vehicles.

for the wicks are burning fast, and the heat suffices for their quick destruction.

47. We are reaching later stages of evolution, before the wicks will be entirely destroyed at the fourth initiation.

48. As the evolutionary period advances the movement towards the destruction of the lower quaternary becomes increasingly rapid.

The lamp, set in the midst of darkness, makes the thick blackness manifest itself;

49. The “lamp” is often the symbol of the consciousness of the lower concrete mind or the consciousness of the *soul-in-incarnation* and not the soul on its own plane.

50. The greater the light, the more intense the surrounding darkness seems. A clear contrast between light and dark is achieved.

the light and warmth are felt.

51. Light and warmth are felt, presumably, by the surrounding environment.

nhưng có nhiều khói,

45. Chúng ta có thể xem “khói” là ảo lực, ảo cảm và ảo tưởng.

46. Khói sẽ bốc lên qua tiến trình thanh lọc bằng lửa. Nhiều tạp chất đang được rút ra khỏi thành phần của vật chất/chất liệu của các vận cụ thấp.

vì các tim đèn đang cháy nhanh, và nhiệt đủ cho sự hủy diệt mau chóng của chúng.

47. Chúng ta đang tiến đến các giai đoạn sau của tiến hoá, trước khi các tim đèn bị hủy diệt hoàn toàn ở lần điểm đạo thứ tư.

48. Khi thời kỳ tiến hoá tiến triển, sự chuyển động hướng đến việc hủy diệt bộ tứ thấp trở nên ngày càng nhanh hơn.

Ngọn đèn, được đặt giữa bóng tối, làm cho sự đen đặc hiện rõ ra;

49. “Ngọn đèn” thường là biểu tượng của tâm thức của hạ trí cụ thể hoặc tâm thức của *linh hồn đang nhập thể* chứ không phải linh hồn trên cõi riêng của nó.

50. Ánh sáng càng lớn thì bóng tối chung quanh dường như càng mãnh liệt. Một sự tương phản rõ rệt giữa sáng và tối được tạo ra.

ánh sáng và hơi ấm được cảm nhận.

51. Ánh sáng và hơi ấm được cảm nhận, có lẽ là bởi môi trường chung quanh.

52. Because there is warmth, there is an increasing influence of solar fire—the fire which warms rather than burns.

52. Bởi vì có hơi ấm, nên có ảnh hưởng ngày càng tăng của Lửa Thái dương—ngọn lửa sưởi ấm hơn là thiêu đốt.

V. Each Pilgrim on the Road must carry with him what he needs: a pot of fire, to warm his fellowmen; **a lamp, to cast its rays upon his heart and show his fellowmen the nature of his hidden life**; a purse of gold, which he scatters not upon the Road but shares with others; a sealed vase, wherein he carries all his aspiration to cast before the feet of Him Who waits to greet him at the gate—a sealed vase. (GWP 51)

V. Mỗi Khách hành hương trên Đường đạo phải mang theo những gì y cần: một bầu lửa, để sưởi ấm các bạn đồng hành; **một ngọn đèn với những tia sáng hắt lên trái tim của y và cho các bạn đồng hành thấy bản tính sự sống ẩn tàng nơi mình**; một túi vàng, y không vung vãi trên Đường, mà để chia sẻ cho người khác; một chiếc bình niêm kín, trong đó y mang theo toàn cả tâm nguyện của mình để đặt dưới chân Đấng đang chờ chào đón y ở cửa Đạo—một chiếc bình niêm kín. (GWP 51)

This, the third cycle, is called that of the *lighted* wheel. [Page 766]

Đây, chu kỳ thứ ba, được gọi là chu kỳ của bánh xe *được thắp sáng*. [Page 766]

53. We have thus far the *glowing* wheel, the *warming* wheel and, now, the *lighted* wheel.

53. Như vậy cho đến nay chúng ta có bánh xe *rực đỏ*, bánh xe *sưởi ấm* và giờ đây là bánh xe *được thắp sáng*.

The four wicks and the flame appear as one,

Bốn tim đèn và ngọn lửa xuất hiện như một,

54. We have reached the stage of personality integration and, even, of soul infusion.

54. Chúng ta đã đạt đến giai đoạn tích hợp phàm ngã và thậm chí là được linh hồn thấm nhuần.

and nearly all the smoke is gone, for flame is mostly seen.

và gần như mọi khói đều tan biến, vì phần lớn chỉ còn thấy ngọn lửa.

55. Maya, glamor and illusion have been mostly dissipated.

55. Ảo lực, ảo cảm và ảo tưởng phần lớn đã được làm tiêu tan.

The cave itself is lighted up,

Chính hang động cũng được thắp sáng, ed up,

56. We can consider the “cave” as the personality consciousness. The state of the illumination of the mind is evident.

56. Chúng ta có thể xem “hang động” là tâm thức phàm ngã. Trạng thái soi sáng của trí tuệ là điều hiển nhiên.

though the lamp is yet apparent.

dù ngọn đèn vẫn còn rõ.

57. The “lamp” is the vessel within the personality of the higher Flame.

57. “Ngọn đèn” là chiếc bình chứa Ngọn Lửa cao hơn bên trong phàm ngã.

58. Often the concrete mind is called the “lamp”, and it is carried upon one’s head.

58. Thường thì trí cụ thể được gọi là “ngọn đèn”, và nó được mang trên đầu người ta.

59. If the “lamp is yet apparent”, the three aspects of mind have not yet united. The lower concrete mind is still a separate vehicle.

59. Nếu “ngọn đèn vẫn còn rõ”, thì ba trí chưa hợp nhất. Hạ trí cụ thể vẫn còn là một vận cụ riêng biệt.

Cycle the fourth is called the hour of the *flaming* wheel.

Chu kỳ thứ tư được gọi là giờ của bánh xe led the hour of the *bốc lửa*.

60. Spiritual fire is raging within the personality and beginning to consume it.

60. Lửa tinh thần đang bùng cháy dữ dội trong phàm ngã và bắt đầu tiêu hao nó.

61. We have thus far: the *glowing* wheel, the *warming* wheel, the *lighted* wheel and, now, the *flaming* wheel.

61. Cho đến nay chúng ta có: bánh xe *rực đỏ*, bánh xe *sưởi ấm*, bánh xe *được thắp sáng* và giờ đây là bánh xe *bốc lửa*.

62. We can imagine that, at this point, many active chakric triangles are ablaze within the energy system and that pathways of fire-light are to be seen uniting the three units in the atomic triangle atomic triangle.

62. Chúng ta có thể hình dung rằng, vào thời điểm này, nhiều tam giác luân xa hoạt động đang bốc cháy trong hệ thống năng lượng và có thể thấy những lộ trình lửa-ánh sáng nối kết ba đơn vị trong tam giác nguyên tử tam giác nguyên tử.

The final cycle comes when even the lamp itself is burned, destroyed through the intensity of heat.

Chu kỳ cuối cùng đến khi ngay cả chính ngọn đèn cũng bị đốt cháy, bị hủy diệt bởi cường độ của nhiệt.stroyed through the intensity of heat.

63. That which in the personality is the vehicle of the higher Light and Flame is, itself, destroyed.

63. Điều trong phàm ngã vốn là vận cụ của Ánh Sáng và Ngọn Lửa cao hơn, tự nó cũng bị hủy diệt.

64. The "lamp" is no longer "apparent". Higher mind and, then, the intuition replaces the lamp of lower concrete mind.

64. "Ngọn đèn" không còn "rõ" nữa. Thượng trí và rồi trực giác thay thế ngọn đèn của hạ trí cụ thể.

65. There comes a time when there is no more need of a mediator between the Light of the Soul and the personality vehicles. Soul-infusion is becoming complete.

65. Sẽ đến một thời điểm khi không còn cần một trung gian nào giữa Ánh Sáng của Linh hồn và các vận cụ phàm ngã. Sự được linh hồn thấm nhuần đang trở nên hoàn toàn.

66. The soul in incarnation realizes itself to be, essentially, the soul on its own plane.

66. Linh hồn đang nhập thể chứng nghiệm rằng về bản chất, nó chính là linh hồn trên cõi riêng của nó.

67. We are into the final and destructive phase of the lengthy process by which Spirit and matter first engage and finally merge.

67. Chúng ta đang đi vào giai đoạn cuối cùng và có tính hủy diệt của tiến trình lâu dài, nhờ đó Tinh thần và vật chất trước hết giao tiếp rồi cuối cùng hợp nhất.

The One Who watches, seeing the work accomplished, **fans the central point of fire and produces a sudden flaming.**

Đấng quan sát, thấy công việc đã hoàn tất, **quạt điểm lửa trung tâm và tạo ra một sự bùng cháy đột ngột.**

68. This One Who watches can be considered the One Initiator.

68. Đấng quan sát này có thể được xem là Đấng Điểm đạo duy nhất.

69. There are several watchers:

69. Có một số đấng quan sát:

a. The Solar Angel

a. Thái dương Thiên Thần

b. The Master

b. Chân sư

c. The Initiator

c. Đấng Điểm đạo

70. The "central point of fire" is the fire in the Jewel in the Lotus, which is set ablaze.

70. "Điểm lửa trung tâm" là ngọn lửa trong Viên Ngọc trong Hoa Sen, được làm bùng cháy.

71. The fanning of the central point of fire is the application of the Rod of the Initiator.

71. Sự quạt bùng điểm lửa trung tâm là việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo của Đấng Điểm đạo.

72. The “sudden flaming” fed also by the downpouring power of the Monad will produce the destruction of the causal body.

72. “Sự bùng cháy đột ngột”, cũng được nuôi dưỡng bởi quyền năng tuôn đổ xuống của chân thần, sẽ tạo ra sự hủy diệt thể nguyên nhân.

73. It is important to realize that so many of the processes described for us find their climax in the destruction of the causal body.

73. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng rất nhiều tiến trình được mô tả cho chúng ta đạt đến cao điểm của chúng trong sự hủy diệt thể nguyên nhân.

The wicks are naught—the flame is all.

Các tim đèn chẳng là gì cả—ngọn lửa là tất cả.

74. The personality vehicles are destroyed; the lunar lords are liberated.

74. Các vận cụ phàm ngã bị hủy diệt; các nguyệt tinh quân được giải thoát.

75. Fire by friction is consumed by solar fire.

75. Lửa ma sát bị Lửa Thái dương thiêu rụi.

76. We read of a body of flame which is the eventual result of the process of soul infusion and Spirit-impulsion.

76. Chúng ta đọc thấy nói về một thể lửa, là kết quả tối hậu của tiến trình linh hồn thấm nhuần và sự thúc đẩy của Tinh thần.

Fire and flame destroy the body of an Arhat; their essence makes him immortal. (35., TCF xvii)

Lửa và ngọn lửa hủy diệt thể của một A La Hán; tinh túy của chúng làm cho ông trở nên bất tử. (35., TCF xvii)

The centres, therefore, when functioning properly, form the "body of fire" which eventually is all that is left, first to man in the three worlds, and later to the Monad. This body of fire is "the body incorruptible"[72] or indestructible, spoken of by, and is the product of evolution, of the perfect blending of the three fires, which ultimately destroy the form. **When the form is destroyed there is left this intangible spiritual body of fire, one pure flame, distinguished by seven brilliant centres of**

Vì vậy, các trung tâm, khi hoạt động đúng đắn, tạo thành “thể lửa”, là điều rốt cuộc còn lại duy nhất, trước hết đối với con người trong ba cõi giới, và về sau đối với chân thần. Thể lửa này là “thể bất hoại”72 hay bất khả hủy diệt, được nói đến bởi, và là sản phẩm của tiến hoá, của sự hòa trộn hoàn hảo của ba ngọn lửa, những ngọn lửa rốt cuộc hủy diệt hình tướng. **Khi hình tướng bị hủy diệt, còn lại thể lửa tinh thần vô hình này, một ngọn lửa thuần khiết, được phân biệt bởi bảy trung tâm rực sáng với sự cháy mãnh**

intenser burning. This electric fire is the result of the bringing together of the two poles and demonstrates at the moment of complete at-one-ment, the occult truth of the words "Our God is a consuming Fire."[73] (TCF 166-167)

liệt hơn. Lửa Điện này là kết quả của việc đưa hai cực lại với nhau và chứng minh, vào lúc hoàn toàn hợp nhất, chân lý huyền bí của lời nói: "Thượng đế của chúng ta là một Ngọn Lửa thiêu đốt."73 (TCF 166-167)

This, so the Sacred Science says, is called the cycle of the *wheel consumed*."

Điều này, theo Khoa Học Thiêng Liêng nói, được gọi là chu kỳ của *bánh xe bị thiêu rụi*."

77. We have been given important ways of describing the appearance and development of the wheel.

77. Chúng ta đã được trao cho những cách quan trọng để mô tả sắc tướng và sự phát triển của bánh xe.

a. The *glowing* wheel

a. Bánh xe *rực sáng*

b. The *warming* wheel

b. Bánh xe *ấm lên*

c. The *lighted* wheel

c. Bánh xe *được thắp sáng*

d. The *flaming* wheel

d. Bánh xe *bốc lửa*

e. The wheel *consumed*.

e. Bánh xe *bị thiêu rụi*.

78. For every change occurring in the wheel of the egoic lotus/causal body, there are corresponding changes occurring in the realm of the four wicks (the world of the lower quaternary).

78. Với mỗi thay đổi xảy ra trong bánh xe của Hoa Sen Chân Ngã/thể nguyên nhân, đều có những thay đổi tương ứng xảy ra trong lĩnh vực của bốn tim đèn (thế giới của tứ phân thấp).

79. We can see how useful and how evocative of understanding these descriptions are.

79. Chúng ta có thể thấy những mô tả này hữu ích và gợi lên sự thấu hiểu biết bao.

80. We should compare these descriptions with the five "cosmic symbols":

80. Chúng ta nên so sánh những mô tả này với năm "biểu tượng vũ trụ":

a. The circle

a. Hình tròn

b. The circle with the point at the center

b. Hình tròn với điểm ở trung tâm

c. The divided circle

d. The circle divided into four

e. The swastika (TCF 159-161)

81. Comparison should also be made with the description of the five phases of chakric development: (TCF 171-172)

a. The circle

b. The circle with the point in the centre

c. The divided circle

d. The circle divided into four

e. The swastika

82. Although the headings are similar, the descriptions are sufficiently different to warrant careful study.

Here in the arcane symbology is hid (in terms of energy and of radiant activity) the whole secret of egoic energy, and of **impulse** making its presence felt in the substance of the lower planes;

83. Impulse, in this case, is that which arises from higher energy sources. Impulse is a term frequently associated with "Spirit".

84. In the section of text above we have affirmed the fact that we have been offered a description of a twofold process: the growth of vibrancy in the world of the Ego on the

c. Hình tròn bị chia đôi

d. Hình tròn chia thành bốn

e. Chữ vạn (TCF 159-161)

81. Cũng nên so sánh với mô tả về năm giai đoạn phát triển luân xa: (TCF 171-172)

a. Hình tròn

b. Hình tròn với điểm ở trung tâm

c. Hình tròn bị chia đôi

d. Hình tròn chia thành bốn

e. Chữ vạn

82. Mặc dù các tiêu đề tương tự nhau, các mô tả đủ khác biệt để cần được nghiên cứu cẩn thận.

Chính trong biểu tượng học huyền bí này ẩn giấu (xét theo năng lượng và hoạt động bức xạ) toàn bộ bí mật của năng lượng chân ngã, và của **xung lực** làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận trong chất liệu của các cõi thấp;

83. Xung lực, trong trường hợp này, là điều phát sinh từ các nguồn năng lượng cao hơn. Xung lực là một thuật ngữ thường được liên kết với "Tinh thần".

84. Trong đoạn văn trên, chúng ta đã khẳng định sự kiện rằng chúng ta đã được trao cho một mô tả về một tiến trình nhị phân: sự tăng trưởng tính rung động trong thế giới của Chân ngã trên cõi thượng trí và sự tăng

higher mental plane and the growth of vibrancy in the personality vehicles.

trưởng tính rung động trong các vận cụ phàm ngã.

the student should interpret the above sentences both macrocosmically and microcosmically.

đạo sinh nên diễn giải những câu trên cả theo đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa.

85. This is sound advice and exactly what we did in relation to the five cosmic symbols and in relation to the fivefold description of chakric growth.

85. Đây là lời khuyên đúng đắn và chính xác là điều chúng ta đã làm liên hệ đến năm biểu tượng vũ trụ và liên hệ đến mô tả ngũ phân về sự tăng trưởng luân xa.

86. Whatever can be said about the human egoic lotus can be said, with analogical accuracy, about the egoic lotus of the Planetary Logos and the egoic lotus of the Solar Logos, etc. We may consider the same to be true when comparing personality development in a human being, a Planetary Logos or Solar Logos. And, when we know more, the analogies can be extended macrocosmically and microcosmically.

86. Bất cứ điều gì có thể được nói về Hoa Sen Chân Ngã của con người cũng có thể được nói, với độ chính xác theo định luật tương đồng, về Hoa Sen Chân Ngã của Đức Hành Tinh Thượng Đế và Hoa Sen Chân Ngã của Thái dương Thượng đế, v.v. Chúng ta có thể xem điều tương tự cũng đúng khi so sánh sự phát triển phàm ngã nơi một con người, một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế. Và khi chúng ta biết nhiều hơn, các tương đồng có thể được mở rộng theo đại thiên địa và tiểu thiên địa.

In all manifestation, the **originating impulse** comes from the first aspect which is **hidden at the heart of the egoic lotus**,

Trong mọi biểu hiện, **xung lực khởi nguyên** đến từ phương diện thứ nhất, phương diện **ẩn giấu nơi trái tim của Hoa Sen Chân Ngã**,

87. “Impulse” comes from the first aspect hidden in the Jewel in the Lotus.

87. “Xung lực” đến từ phương diện thứ nhất ẩn giấu trong Viên Ngọc trong Hoa Sen.

88. The Jewel in the Lotus is the “heart of the egoic lotus”.

88. Viên Ngọc trong Hoa Sen là “trái tim của Hoa Sen Chân Ngã”.

89. We notice again the identification of the heart with the first aspect and not only with the second.

89. Chúng ta lại lưu ý sự đồng nhất trái tim với phương diện thứ nhất chứ không chỉ với phương diện thứ hai.

but this hidden Identity works under law,

nhưng Bản Sắc ẩn giấu này hoạt động dưới định luật,

90. This is ever the case when dealing with the first aspect of divinity—the aspect of *law.*

90. Đây luôn là trường hợp khi đề cập đến phương diện thứ nhất của thiên tính—phương diện của *định luật.*

91. Law is the expression of will which is the force which implements purpose.

91. Định luật là sự biểu lộ của ý chí, là mãnh lực thực thi mục đích.

and in the earlier stages **(the first three cycles) the process goes on under the Law of Economy**,

và trong các giai đoạn đầu **(ba chu kỳ đầu tiên) tiến trình diễn ra dưới Định luật Tiết Kiệm**,

92. The Law of Economy is the law of the third aspect.

92. Định luật Tiết Kiệm là định luật của phương diện thứ ba.

93. DK is telling us that the first three cycles (the *glowing*, the *warming* and the *lighting*) all have relation to the slow development of the personality. The second aspect of divinity is not yet noticeably engaged.

93. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng ba chu kỳ đầu tiên (chu kỳ *rực sáng*, chu kỳ *ấm lên* và chu kỳ *được thắp sáng*) đều có liên hệ với sự phát triển chậm chạp của phàm ngã. Phương diện thứ hai của thiên tính vẫn chưa tham dự một cách đáng kể.

94. We could say these developments occur during 700 of the 777 symbolic incarnations of man.

94. Chúng ta có thể nói rằng những phát triển này xảy ra trong 700 của 777 lần nhập thể biểu tượng của con người.

which is the law of substance itself;

là định luật của chính chất liệu;

95. Substance is the energy which is characteristic of the lower three worlds.

95. Chất liệu là năng lượng đặc trưng cho ba cõi thấp.

96. Technically, the matter of the three lowest systemic subplanes is not *substance* for it does not *substand* anything more dense than itself.

96. Về mặt kỹ thuật, vật chất của ba cõi phụ thấp nhất của hệ thống không phải là *chất liệu* vì nó không *nâng đỡ* bất cứ điều gì đậm đặc hơn chính nó.

in the final two cycles this law becomes merged (though not superseded, being still potent) with the Law of Attraction, which is the fundamental law of the divine Self.

trong hai chu kỳ cuối cùng, định luật này hòa nhập (dù không bị thay thế, vì vẫn còn hữu hiệu) với Định luật Hấp Dẫn, là định luật căn bản của Bản Ngã thiêng liêng.

97. There is a division of the 5 into a 3 and a 2. The three relates to the third aspect of

97. Có một sự phân chia của 5 thành 3 và 2. Ba liên hệ với phương diện thứ ba của thiên

divinity and the two to the second aspect of divinity.

tính và hai liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính.

98. In this solar system, the "fundamental law of the divine Self" is the Law of Attraction, because the Law of Synthesis is not yet really in expression.

98. Trong hệ mặt trời này, "định luật căn bản của Bản Ngã thiêng liêng" là Định luật Hấp Dẫn, bởi vì Định luật Tổng Hợp vẫn chưa thực sự biểu lộ.

99. In the cycle of flaming and the cycle of consumption, the Law of Attraction is merged with the Law of Economy, but the Law of Economy is *not superseded.*

99. Trong chu kỳ bốc lửa và chu kỳ thiêu rụi, Định luật Hấp Dẫn hòa nhập với Định luật Tiết Kiệm, nhưng Định luật Tiết Kiệm *không bị thay thế.*

100. This merging is similar to the merging of the influence of the esoteric rulers of the astrological chart with the influence of the exoteric rulers which are not, thereby, entirely superseded.

100. Sự hòa nhập này tương tự như sự hòa nhập ảnh hưởng của các chủ tinh bí truyền trong lá số chiêm tinh với ảnh hưởng của các chủ tinh ngoại môn, những ảnh hưởng này vì thế không hoàn toàn bị thay thế.

101. It is only through a gradual process that the second aspect of divinity takes over and supplants the third.

101. Chỉ qua một tiến trình dần dần mà phương diện thứ hai của thiên tính mới tiếp quản và thay thế phương diện thứ ba.

It is the failure to realise this [that merging does not necessary indicate supersession] which has resulted in the confusion existing in the minds of many metaphysicians as to which demonstrated first, desire or will, and as to the distinction between them, between impulse and purpose, and between instinct and intention.

Chính sự không chứng nghiệm điều [rằng hòa nhập không nhất thiết hàm ý sự thay thế] này đã dẫn đến sự lẫn lộn tồn tại trong tâm trí của nhiều nhà siêu hình học về điều gì biểu lộ trước, dục vọng hay ý chí, và về sự phân biệt giữa chúng, giữa xung lực và mục đích, và giữa bản năng và chủ ý.

102. DK seems to be telling us of the close relation between

102. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết về mối liên hệ chặt chẽ giữa

a. Desire and will

a. Dục vọng và ý chí

b. Impulse and purpose

b. Xung lực và mục đích

c. Instinct and intention

c. Bản năng và chủ ý

103. The relationships can be solved when the relationship between the third and second aspects of divinity is understood.

104. Desire represents, in this case, the third aspect and will (modified because we are in a second ray solar system) the second. And so for the other factors usually associated with the first aspect of divinity. In this solar system and, at this time, on this planet, they are meditated through the second aspect.

105. Impulse can also be associated with the will aspect, in which case, impulse is Spirit-in-action.

In the earlier stages man reincarnates under the Law of Economy, and though the will aspect lies back of the process, yet for a long time it is the **pull of sensation and its reflex in consciousness, desire,** which produces rebirth.

106. We seem to be discussing the difference between rebirth taken under the impulse of desire and incarnation taken consciously—i.e., conscious rebirth.

107. The idea suggested is that it is a long time before the self-conscious unit has conscious control over the incarnation to come.

108. An interesting dynamic is here presented. Sensation has its pull and, in consciousness, desire arises as a reflex response to this pull.

103. Các mối liên hệ này có thể được giải quyết khi mối liên hệ giữa phương diện thứ ba và thứ hai của thiên tính được thấu hiểu.

104. Dục vọng, trong trường hợp này, tượng trưng cho phương diện thứ ba và ý chí (được biến đổi vì chúng ta đang ở trong một hệ mặt trời cung hai) tượng trưng cho phương diện thứ hai. Và cũng như vậy đối với các yếu tố khác thường gắn với phương diện thứ nhất của thiên tính. Trong hệ mặt trời này và hiện nay trên hành tinh này, chúng được tham thiền qua trung gian của phương diện thứ hai.

105. Xung lực cũng có thể được liên kết với phương diện ý chí, trong trường hợp đó, xung lực là Tinh thần-trong-hành-động.

Trong các giai đoạn đầu con người tái sinh dưới Định luật Tiết Kiệm, và dù phương diện ý chí nằm phía sau tiến trình, nhưng trong một thời gian dài, chính **sức hút của cảm giác và phản xạ của nó trong tâm thức, là dục vọng,** tạo ra tái sinh.

106. Dường như chúng ta đang bàn đến sự khác biệt giữa tái sinh diễn ra dưới xung lực của dục vọng và nhập thể được thực hiện một cách có ý thức—tức là tái sinh có ý thức.

107. Ý tưởng được gợi ra là phải mất một thời gian rất dài trước khi đơn vị ngã thức có được sự kiểm soát có ý thức đối với lần nhập thể sắp đến.

108. Ở đây trình bày một động lực học thú vị. Cảm giác có sức hút của nó và, trong tâm thức, dục vọng phát sinh như một đáp ứng phản xạ đối với sức hút này.

109. In early days conscious responds desirously to the impact of sensation. Later, under the Law of Repulse, conscious rejects the lure of sensation (rejection beginning on the lower planes and moving gradually to the higher).

109. Trong những ngày đầu, tâm thức đáp ứng một cách dục vọng với tác động của cảm giác. Về sau, dưới Định luật Đẩy Lùi, tâm thức khước từ sự quyến rũ của cảm giác (sự khước từ bắt đầu trên các cõi thấp và dần dần chuyển lên các cõi cao hơn).

Sensation, being a quality in matter or substance, the Self in the beginning identifies Itself with sensation.

Cảm giác, vốn là một phẩm tính trong vật chất hay chất liệu, nên Bản Ngã lúc ban đầu đồng hoá chính Nó với cảm giác.

110. We can call sensation the registration of the impact of the "Not-Self".

110. Chúng ta có thể gọi cảm giác là sự ghi nhận tác động của "Phi-Ngã".

111. The "Self" cannot *practically*, at this time, be considered pure Spirit or Monad but must be associated with the second or consciousness aspect.

111. "Bản Ngã" không thể *trên thực tế*, vào lúc này, được xem là Tinh thần thuần túy hay chân thần mà phải được liên kết với phương diện thứ hai hay phương diện tâm thức.

112. What is being said is that consciousness, at first, identifies itself with sensation.

112. Điều đang được nói là lúc đầu tâm thức đồng hoá chính nó với cảm giác.

113. Sensation (as usually conceived and in relation to the physical plane) is, however, a category of consciousness produced by contact with the lowest orders of substance.

113. Tuy nhiên, cảm giác (theo cách thường được quan niệm và trong liên hệ với cõi hồng trần) là một phạm trù của tâm thức được tạo ra bởi sự tiếp xúc với những cấp chất liệu thấp nhất.

Later, when the Self is beginning to **identify Itself with Itself**,

Về sau, khi Bản Ngã bắt đầu **đồng hoá chính Nó với chính Nó**,

114. And this would mean, when consciousness becomes more preoccupied with the egoic lotus, the causal body and the kind of point of tension which such preoccupation brings…

114. Và điều này có nghĩa là khi tâm thức trở nên bận tâm hơn với Hoa Sen Chân Ngã, thể nguyên nhân và loại điểm tập trung nhất tâm mà sự bận tâm ấy mang lại…

and to recognise the nature of the Not-Self,

và nhận ra bản chất của Phi-Ngã,

115. All *vehicles* are of the "Not-Self", no matter how high the vehicle. But we will not concern ourselves with this philosophical point.

115. Mọi *vận cụ* đều thuộc về "Phi-Ngã", bất kể vận cụ ấy cao đến đâu. Nhưng chúng ta sẽ không bận tâm đến điểm triết học này.

116. The "Not-Self" as recognized at this point, is the personal self—the self which consciousness conceives as real when identified with the substance of the lower three worlds.

116. "Phi-Ngã" như được nhận ra ở điểm này là bản ngã cá nhân—bản ngã mà tâm thức quan niệm là thực khi đồng hoá với chất liệu của ba cõi thấp.

the Law of Attraction and Repulsion becomes [Page 767] more active, **and conscious will and purpose are displayed.**

Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi trở nên [Page 767] hoạt động mạnh hơn, **và ý chí cùng mục đích có ý thức được biểu lộ.**

117. The Law of Attraction is associated with the energy of solar fire which under the Techniques of Integration first unifies the personality and then relates it to the Ego in the egoic lotus and causal body.

117. Định luật Hấp Dẫn được liên kết với năng lượng của Lửa Thái dương, năng lượng này dưới các Kỹ Thuật Tích Hợp trước hết hợp nhất phàm ngã rồi sau đó liên hệ nó với Chân ngã trong Hoa Sen Chân Ngã và thể nguyên nhân.

118. The personality begins to understand and express the will of the Ego which stands 'behind' and 'within' the personality.

118. Phàm ngã bắt đầu thấu hiểu và biểu lộ ý chí của Chân ngã, Đấng đứng "phía sau" và "bên trong" phàm ngã.

Here it should be remembered that a profound difference in time and space exists between the Logos, or Macrocosm, and Man, the Microcosm.

Ở đây cần nhớ rằng có một sự khác biệt sâu xa về thời gian và không gian giữa Thượng đế, hay Đại thiên địa, và Con Người, Tiểu thiên địa.

119. There is sometimes speculation about how long ago the Planetary Logos (or the Solar Logos) was as a man is now. This question is fraught with difficulty, because it seems to assume that a man (as he is now) can, himself, become a Planetary Logos or a Solar Logos.

119. Đôi khi có sự suy đoán về việc Đức Hành Tinh Thượng Đế (hay Thái dương Thượng đế) đã từng ở vào trạng thái như con người hiện nay từ bao lâu trước đây. Câu hỏi này đầy khó khăn, vì dường như nó giả định rằng một con người (như hiện nay) tự mình có thể trở thành một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế.

120. The process of group amalgamation within higher Identities is overlooked.

120. Tiến trình hòa nhập nhóm bên trong các Bản Sắc cao hơn đã bị bỏ qua.

121. In practical terms, the temporal and spatial gulf between a Solar Logos or Planetary Logos and man is very great.

121. Xét theo phương diện thực tiễn, vực cách biệt về thời gian và không gian giữa một Thái dương Thượng đế hay Đức Hành Tinh Thượng Đế với con người là rất lớn.

Man is repeating His endeavor up to the fifth Initiation which will bring him to a stage of consciousness achieved by a Heavenly Man in a much earlier mahamanvantara. (TCF 272)

Con người đang lặp lại nỗ lực của Ngài cho đến lần điểm đạo thứ năm, điều sẽ đưa y đến một giai đoạn tâm thức mà một Đấng Thiên Nhân đã đạt được trong một Đại giai kỳ sinh hóa sớm hơn rất nhiều. (TCF 272)

Average man comes into incarnation through egoic impulse, based on desire and on the relation of the second aspect to the third aspect or of the Self to the Not-Self.

Con người trung bình đi vào nhập thể qua xung lực chân ngã, dựa trên dục vọng và trên mối liên hệ của phương diện thứ hai với phương diện thứ ba hay của Bản Ngã với Phi-Ngã.

122. We have here an important description of how man enters into incarnation.

122. Ở đây chúng ta có một mô tả quan trọng về cách con người đi vào nhập thể.

123. Not desire along, but egoic impulse is involved.

123. Không phải chỉ riêng dục vọng, mà xung lực chân ngã cũng có liên quan.

124. When incarnation occurs, the second aspect of divinity is relating itself to the third aspect of divinity. We note here how the second aspect of divinity is associated with the Self (usually that part of man which is closest to the first aspect). In this identification of the second aspect with the Self, the first aspect is implicit.

124. Khi nhập thể xảy ra, phương diện thứ hai của thiên tính đang liên hệ chính nó với phương diện thứ ba của thiên tính. Ở đây chúng ta lưu ý cách phương diện thứ hai của thiên tính được liên kết với Bản Ngã (thường là phần của con người gần nhất với phương diện thứ nhất). Trong sự đồng nhất phương diện thứ hai với Bản Ngã này, phương diện thứ nhất là hàm ẩn.

125. The Self is most associated with the second aspect because we live in the second of three major solar systems in which the second aspect and second ray are emphasized.

125. Bản Ngã được liên kết nhiều nhất với phương diện thứ hai vì chúng ta đang sống trong hệ mặt trời thứ hai trong ba hệ mặt trời chính, nơi phương diện thứ hai và cung hai được nhấn mạnh.

He will eventually bring about (through evolution) the revelation of the first aspect,

Rốt cuộc y sẽ mang lại (qua tiến hoá) sự mặc khải của phương diện thứ nhất,

126. This will begin in earnest with the destruction of the causal body and the representation of the first aspect through a liberated spiritual triad.

126. Điều này sẽ thực sự bắt đầu với sự hủy diệt thể nguyên nhân và sự biểu hiện của phương diện thứ nhất qua một Tam Nguyên Tinh Thần được giải thoát.

127. The first aspect of divinity is never *fully* revealed in this solar system and on this planet (a second ray planet from the soul perspective).

127. Phương diện thứ nhất của thiên tính không bao giờ được *hoàn toàn* mặc khải trong hệ mặt trời này và trên hành tinh này (một hành tinh cung hai từ góc độ linh hồn).

128. What we could call a full revelation of the first aspect will come in the next solar system when, so we can reason, the Planetary Logos of our planetary scheme will play a role in accordance with the expression of His first ray Monad.

128. Điều mà chúng ta có thể gọi là sự mặc khải trọn vẹn của phương diện thứ nhất sẽ đến trong hệ mặt trời kế tiếp khi, như chúng ta có thể suy luận, Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta sẽ đóng một vai trò phù hợp với sự biểu lộ của chân thần cung một của Ngài.

and then egoic impulse (based on conscious mental apprehension of the purpose in view) will be the dominant factor, and **will demonstrate through a definite will to act**.

và khi đó xung lực chân ngã (dựa trên sự nắm bắt trí tuệ có ý thức về mục đích được nhắm tới) sẽ là yếu tố chi phối, và **sẽ biểu lộ qua một ý chí hành động rõ rệt**.

129. As initiation progresses, the will (representing the spiritual will) increases in potency.

129. Khi điểm đạo tiến triển, ý chí (đại diện cho ý chí tinh thần) gia tăng về hiệu lực.

130. When the egoic influence begins to dominate the lower man, it can be seen as an expression of the spiritual will.

130. Khi ảnh hưởng chân ngã bắt đầu chi phối phàm nhân, nó có thể được xem như một biểu hiện của ý chí tinh thần.

131. Egoic impulse can never dominate the lower man unless there is "conscious mental apprehension of the purpose in view". The mind must be involved and it must become the agent of the spiritual will (at this time still buffered in expression by the energies of the egoic lotus).

131. Xung lực chân ngã không bao giờ có thể chi phối phàm nhân trừ khi có "sự nắm bắt trí tuệ có ý thức về mục đích được nhắm tới". Trí tuệ phải được dự phần và nó phải trở thành tác nhân của ý chí tinh thần (vào lúc này vẫn còn được làm dịu trong biểu lộ bởi các năng lượng của Hoa Sen Chân Ngã).

132. The action to be taken will be based on egoic purpose and not on personality desire.

132. Hành động sẽ được thực hiện sẽ dựa trên mục đích chân ngã chứ không dựa trên dục vọng phàm ngã.

133. The building of the antahkarana and the activation of the Jewel in the Lotus will both be required if this "will to act" sponsored by the spiritual will is to emerge.

133. Việc xây dựng antahkarana và sự hoạt hóa Viên Ngọc trong Hoa Sen đều sẽ cần thiết nếu "ý chí hành động" này do ý chí tinh thần bảo trợ muốn xuất hiện.

134. The "revelation of the first aspect" coincides with the revelation of the Jewel in the Lotus, which begins to occur once the first initiation has occurred and the synthesis petals begin to unfold. By the time the first initiation has taken place the Monad (first aspect) has made a renewed and stronger impact upon the soul.

134. "Sự mặc khải của phương diện thứ nhất" trùng hợp với sự mặc khải của Viên Ngọc trong Hoa Sen, điều bắt đầu xảy ra một khi lần điểm đạo thứ nhất đã diễn ra và các cánh hoa tổng hợp bắt đầu khai mở. Vào lúc lần điểm đạo thứ nhất đã diễn ra, chân thần (phương diện thứ nhất) đã tạo ra một tác động mới mẻ và mạnh mẽ hơn lên linh hồn.

The first faint tremor of the impact of monadic "destiny" (I know not how else to express this concept) makes itself felt, **but is registered *only* by the soul of the initiate and on the level of soul consciousness;** it is never registered by the man on the physical plane who is taking the first initiation; his brain cannot respond to this high vibration. (R&I 312-313)

Sự rung động mờ nhạt đầu tiên của tác động từ "định mệnh" chân thần (tôi không biết diễn tả khái niệm này cách nào khác) bắt đầu được cảm nhận, **nhưng chỉ được ghi nhận *duy nhất* bởi linh hồn của điểm đạo đồ và trên cấp độ tâm thức linh hồn;** nó không bao giờ được ghi nhận bởi con người trên cõi hồng trần đang trải qua lần điểm đạo thứ nhất; bộ não của y không thể đáp ứng với rung động cao này. (R&I 312-313)

135. We should note that the "Will-to-Act" is especially associated with the fifth ray and can be considered the fifth ray aspect of the Divine Will.

135. Chúng ta nên lưu ý rằng "Ý Chí-hành động" đặc biệt được liên kết với cung năm và có thể được xem là phương diện cung năm của Ý Chí thiêng liêng.

In connection with the Logos, the first stage has been left far behind,

Liên hệ với Thượng đế, giai đoạn đầu tiên đã bị bỏ lại rất xa,

136. Here we are speaking of the Solar Logos and the development of His Will.

136. Ở đây chúng ta đang nói về Thái dương Thượng đế và sự phát triển Ý Chí của Ngài.

and logoic manifestation is based on will and purpose and on conscious intelligent activity.

và biểu hiện logoic dựa trên ý chí và mục đích cùng trên hoạt động thông minh có ý thức.

137. Our Solar Logos is in process of becoming a "Lion of Cosmic Will" (if He is

137. Thái dương Thượng đế của chúng ta đang trong tiến trình trở thành một "Sư Tử

not already so, from a certain perspective). This does not supplant the fact the He is not yet mentally polarized from the cosmic point of view.

của Ý Chí Vũ Trụ" (nếu từ một góc nhìn nào đó Ngài chưa phải là như vậy). Điều này không thay thế sự kiện rằng từ quan điểm vũ trụ, Ngài vẫn chưa phân cực trí tuệ.

The reason for this is that the Logos, and the planetary Logoi likewise, are on the path of cosmic initiation.

Lý do của điều này là Thượng đế, và các Hành Tinh Thượng Đế cũng vậy, đang ở trên con đường điểm đạo vũ trụ.

138. We are confirmed that DK was, indeed, speaking of the Solar Logos when speaking of the stage which had been left far behind.

138. Chúng ta được xác nhận rằng quả thật Chân sư DK đang nói về Thái dương Thượng đế khi nói về giai đoạn đã bị bỏ lại rất xa.

139. If we wish to see something more about Their progress on this cosmic path of initiation we should consult, TCF, 384.

139. Nếu chúng ta muốn thấy thêm điều gì đó về sự tiến bộ của Các Ngài trên con đường điểm đạo vũ trụ này, chúng ta nên tham khảo TCF, 384.

140. The human being is not yet on the path of cosmic initiation, but, interestingly, it is possible for the human being to attain what has been called (in relation to the human being) the "first cosmic initiation". It must not be supposed that this cosmic initiation is the same type of cosmic initiation which the Solar Logos and Planetary Logoi are experiencing. (cf. TCF 384)

140. Con người chưa ở trên con đường điểm đạo vũ trụ, nhưng điều thú vị là con người có thể đạt tới điều đã được gọi (trong liên hệ với con người) là "lần điểm đạo vũ trụ thứ nhất". Không nên giả định rằng lần điểm đạo vũ trụ này là cùng một loại điểm đạo vũ trụ mà Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế đang trải qua. (xem TCF 384)

Therefore, though the originating impulse comes from the central point, it is not at first apparent.

Do đó, dù xung lực khởi nguyên đến từ điểm trung tâm, lúc đầu nó không hiển nhiên.

141. For man, Spirit remains implicate. It is always present and, in the last analysis, impulsive (from the first) but it is not apparent or visible in early processes (except to the eye of the initiate).

141. Đối với con người, Tinh thần vẫn còn hàm ẩn. Nó luôn hiện diện và, xét đến cùng, luôn có tính xung lực (ngay từ đầu) nhưng không hiển nhiên hay hữu hình trong các tiến trình ban đầu (ngoại trừ đối với con mắt của điểm đạo đồ).

At the moment of individualisation, the dim outline of a form such as earlier described **has made its appearance on mental levels**,

Vào lúc biệt ngã hóa, đường nét mờ nhạt của một hình tướng như đã mô tả trước đây **đã xuất hiện trên các cấp độ trí tuệ**,

142. We must gather that at the moment if individualization, that form is rather inchoate-not clearly delineated.

142. Chúng ta phải kết luận rằng vào lúc biệt ngã hóa, hình tướng ấy còn khá phôi thai—chưa được phác họa rõ ràng.

143. This section of text is interesting, however, in possibly suggesting that the causal form appears *at the moment of* individualization.

143. Tuy nhiên, đoạn văn này thật thú vị vì có thể gợi ý rằng hình tướng nguyên nhân xuất hiện *vào đúng lúc* biệt ngã hóa.

144. But we must not jump to conclusions, as we will learn below. A long process of preparation seems to have preceded the appearance of the dimly outlined of form. The clue is in the words "has made its appearance" rather than 'makes its appearance'.

144. Nhưng chúng ta không được vội kết luận, vì bên dưới chúng ta sẽ biết thêm. Dường như một tiến trình chuẩn bị dài đã đi trước sự xuất hiện của hình tướng được phác họa mờ nhạt. Manh mối nằm trong các từ "đã xuất hiện" hơn là "xuất hiện".

and (which is a point not as yet recognised by students) **it becomes apparent that a period on mental levels has transpired given over to a preparation for the imminent event.**

và (đây là một điểm mà các đạo sinh vẫn chưa nhận ra) **thì trở nên hiển nhiên rằng đã có một thời kỳ trên các cấp độ trí tuệ trôi qua được dành cho sự chuẩn bị cho biến cố sắp xảy ra.**

145. A period of preparation on mental levels (probably higher mental levels, but perhaps the fourth subplane of the mental plane is also involved) precedes the actual appearance of the form.

145. Một thời kỳ chuẩn bị trên các cấp độ trí tuệ (có lẽ là các cấp độ thượng trí, nhưng cũng có thể cõi phụ thứ tư của cõi trí cũng liên quan) đi trước sự xuất hiện thực sự của hình tướng.

146. We are not told how long this preparatory period lasts.

146. Chúng ta không được cho biết thời kỳ chuẩn bị này kéo dài bao lâu.

147. All these matters of timing in the earliest processes of the making of man (the member of the fourth kingdom) are of great interest and will be in our hands when we

147. Tất cả những vấn đề về thời điểm trong các tiến trình sớm nhất của việc tạo nên con người (thành viên của giới thứ tư) đều rất đáng quan tâm và sẽ nằm trong tay chúng ta

are in a position to use the knowledge constructively.

khi chúng ta ở vào vị thế có thể sử dụng tri thức ấy một cách xây dựng.

Through the activity of the solar Angels the twelve petals have gradually taken form,

Qua hoạt động của các Thái dương Thiên Thần, mười hai cánh hoa đã dần dần thành hình,

148. We appear to be speaking of the earliest formation of the twelve petals.

148. Dường như chúng ta đang nói về sự hình thành sớm nhất của mười hai cánh hoa.

149. The discrepancy between *the* Solar Angel and the "solar Angels"/"solar angels" (plural) simply must be solved. DK seems to be speaking of one individual human being and a number of "solar Angels" (or solar angels) associated with the causal body of that human being. (There is no consistency of orthography in TCF. In this case, we have both "solar Angels" and "solar angels". I usually write "Solar Angel" or "Solar Angels". Do the differences in capitalization mean anything? Sometimes they do, but often do not. It is our task to determine when such differences convey thought.)

149. Sự không nhất quán giữa *Thái dương Thiên Thần* và "các Thái dương Thiên Thần"/"các thái dương thiên thần" (số nhiều) đơn giản là phải được giải quyết. Chân sư DK dường như đang nói về một cá nhân con người riêng biệt và một số "Thái dương Thiên Thần" (hay thái dương thiên thần) liên kết với thể nguyên nhân của cá nhân ấy. (Không có sự nhất quán về chính tả trong TCF. Trong trường hợp này, chúng ta có cả "solar Angels" lẫn "solar angels". Tôi thường viết "Thái dương Thiên Thần" hay "Các Thái dương Thiên Thần". Những khác biệt về viết hoa có mang ý nghĩa gì không? Đôi khi có, nhưng thường thì không. Nhiệm vụ của chúng ta là xác định khi nào những khác biệt ấy chuyển tải tư tưởng.)

150. It would seem that there are different types of solar angels (perhaps one can use the lower case *for those associated with the petals*) involved with each of the three tiers of petals and even with each of the twelve petals.

150. Dường như có những loại thái dương thiên thần khác nhau (có lẽ có thể dùng chữ thường *cho những vị liên kết với các cánh hoa*) liên quan đến mỗi một trong ba tầng cánh hoa và thậm chí với từng cánh trong mười hai cánh hoa.

151. In this context such solar angels tend to be called manasadevas.

151. Trong ngữ cảnh này, những thái dương thiên thần như thế có khuynh hướng được gọi là manasadevas.

152. We are limited because we know so little of the structure of the solar angelic Creative Hierarchy.

152. Chúng ta bị giới hạn vì biết quá ít về cấu trúc của Huyền Giai Sáng Tạo thiên thần thái dương.

153. The petals and the solar angels (of the petals) are not the same. The solar fire emanating from the solar angels is that which structures and sustains the form of the egoic lotus and makes it possible for the solar angels to be, as it were, 'present in consciousness' within the Ego in the causal body.

153. Các cánh hoa và các thái dương thiên thần (của các cánh hoa) không phải là một. Chính Lửa Thái dương phát ra từ các thái dương thiên thần là điều cấu trúc và duy trì hình tướng của Hoa Sen Chân Ngã và làm cho các thái dương thiên thần có thể, như thể, 'hiện diện trong tâm thức' bên trong Chân ngã trong thể nguyên nhân.

154. What does it mean to be 'in the consciousness of another'? Perhaps we all have had this kind of experience to a greater or lesser degree. This is what is happening all the time in relation to the kind of consciousness we, the human soul, have within the egoic lotus or causal body. It is as if *our* consciousness is mixed and blended with the presence and consciousness of the Solar Angel or solar angels.

154. 'Ở trong tâm thức của một hữu thể khác' có nghĩa là gì? Có lẽ tất cả chúng ta đều đã có loại kinh nghiệm này ở mức độ nhiều hay ít. Đây là điều đang xảy ra mọi lúc trong liên hệ với loại tâm thức mà chúng ta, linh hồn con người, có bên trong Hoa Sen Chân Ngã hay thể nguyên nhân. Dường như tâm thức của *chúng ta* được pha trộn và hòa nhập với sự hiện diện và tâm thức của Thái dương Thiên Thần hay các thái dương thiên thần.

155. When we become "outposts" of the Master's consciousness, we may find that the that greater consciousness is participating within our own, *substanding* it, *present* within it.

155. Khi chúng ta trở thành những "tiền đồn" của tâm thức Chân sư, chúng ta có thể thấy rằng tâm thức lớn lao hơn ấy đang tham dự bên trong tâm thức của chính chúng ta, *nâng đỡ* nó, *hiện diện* bên trong nó.

as the point of electric fire at the heart has begun to make itself felt even though not as yet localised.

khi điểm Lửa Điện nơi trái tim đã bắt đầu làm cho sự hiện diện của nó được cảm nhận dù vẫn chưa định vị.

156. An ongoing question presents itself: " Does the Jewel in the Lotus exist from the earliest formation of the egoic lotus *in bud*, or does an inner fire at the heart of the lotus only later become "localised" and condense into the Jewel in the Lotus?"

156. Một câu hỏi liên tục được đặt ra: "Viên Ngọc trong Hoa Sen có tồn tại từ sự hình thành sớm nhất của Hoa Sen Chân Ngã *trong nụ*, hay một ngọn lửa bên trong nơi trái tim của hoa sen chỉ về sau mới trở nên "định vị" và ngưng tụ thành Viên Ngọc trong Hoa Sen?"

157. It is apparent that the energy at the heart of the lotus has much to do with the gradual unfoldment of the twelve petals.

157. Rõ ràng là năng lượng nơi trái tim của hoa sen có liên hệ rất nhiều với sự khai mở dần dần của mười hai cánh hoa.

Then the first three petals take shape, and close down upon the vibrant point, or "jewel" under the potency of the Law of Attraction.

Khi đó ba cánh hoa đầu tiên thành hình, và khép lại trên điểm rung động, hay “viên ngọc”, dưới uy lực của Định luật Hấp Dẫn.

158. DK is somewhat ambiguous over whether the “jewel” exists from the first.

158. Chân sư DK có phần mơ hồ về việc liệu “viên ngọc” có tồn tại ngay từ đầu hay không.

159. There are a number of terms which are more or less equivalent in describing the Jewel in the Lotus:

159. Có một số thuật ngữ ít nhiều tương đương trong việc mô tả Viên Ngọc trong Hoa Sen:

a. The Jewel in the Lotus

a. Viên Ngọc trong Hoa Sen

b. The central point

b. Điểm trung tâm

c. The vibrant point

c. Điểm rung động

d. The central fire

d. Lửa trung tâm

e. The point of electric fire

e. Điểm Lửa Điện

f. Etc.

f. Vân vân.

160. We are looking to see whether we have an ‘amorphous’, unlocalized fire, or whether we have a formation of a “jewel” from the first.

160. Chúng ta đang tìm xem liệu chúng ta có một ngọn lửa ‘vô định hình’, không định vị, hay liệu chúng ta có sự hình thành của một “viên ngọc” ngay từ đầu.

161. We must remember that there is a reference which suggests that the Monad is the true Jewel in the Lotus. That higher monadic “Jewel” certainly pre-exists the formation of the egoic lotus, so perhaps the Jewel in the Lotus (i.e., the Jewel found within the egoic lotus) is present from the first as a reflection of the higher monadic Jewel.

161. Chúng ta phải nhớ rằng có một dẫn chiếu gợi ý rằng chân thần là Viên Ngọc trong Hoa Sen đích thực. “Viên Ngọc” chân thần cao hơn ấy chắc chắn có trước sự hình thành của Hoa Sen Chân Ngã, vì vậy có lẽ Viên Ngọc trong Hoa Sen (tức là Viên Ngọc được tìm thấy bên trong Hoa Sen Chân Ngã) hiện diện ngay từ đầu như một phản chiếu của Viên Ngọc chân thần cao hơn.

162. It is interesting that the three innermost petals (created under the impulse

162. Điều thú vị là ba cánh hoa trong cùng nhất (được tạo ra dưới xung lực của Bồ đề)

of buddhi) close down upon the inner fire or "jewel" under the Law of Attraction. It is as if they are attracted to the nascent Spirit.

khép lại trên ngọn lửa bên trong hay "viên ngọc" dưới Định luật Hấp Dẫn. Dường như chúng bị thu hút về phía Tinh thần đang phôi thai.

163. There is some question concerning the order of their appearance—whether before or after the other nine petals.

163. Có một số nghi vấn liên quan đến thứ tự xuất hiện của chúng—liệu trước hay sau chín cánh hoa kia.

A downflow of buddhi takes place along the line of the manasic triangle until it reaches a point at the very centre of the lotus. There, by the power of its own vibration, it causes a change in the appearance of the lotus**. At the very heart of the lotus, three more petals appear which close in on the central flame, covering it closely, and remaining closed until the time comes for the revelation of the "jewel in the Lotus."** (TCF 709)

Một dòng Bồ đề chảy xuống diễn ra dọc theo đường của tam giác manas cho đến khi nó đạt tới một điểm ngay tại trung tâm của hoa sen. Ở đó, bằng quyền năng của chính rung động của nó, nó gây ra một sự thay đổi trong sắc tướng của hoa sen**. Ngay nơi trái tim của hoa sen, ba cánh hoa nữa xuất hiện, khép lại quanh ngọn lửa trung tâm, che phủ nó sát kín, và vẫn khép kín cho đến khi thời điểm đến cho sự mặc khải của "Viên Ngọc trong Hoa Sen."** (TCF 709)

164. The phrase "three more petals appear" designates the appearance of the synthesis petals as *after* the appearance of the nine.

164. Cụm từ "ba cánh hoa nữa xuất hiện" chỉ sự xuất hiện của các cánh hoa tổng hợp *sau* sự xuất hiện của chín cánh hoa.

165. The present section of text we are studying seems to put the appearance of the synthesis petals *before* the appearance of the nine.

165. Phần văn bản hiện tại mà chúng ta đang nghiên cứu dường như đặt sự xuất hiện của các cánh hoa tổng hợp *trước* sự xuất hiện của chín cánh hoa.

One by one the nine other petals take shape as the vibrations begin to affect solar substance,

Từng cánh một, chín cánh hoa kia định hình khi các rung động bắt đầu tác động đến chất liệu thái dương,

166. Yet, from what is said here, it would seem that the central fire and the three innermost petals are in form first, before the other nine petals take shape.

166. Tuy nhiên, từ những gì được nói ở đây, dường như lửa trung tâm và ba cánh hoa nội tại nhất có hình tướng trước, trước khi chín cánh hoa kia định hình.

167. Yet we would have to contrast the following excerpt with this idea in which the nine petals seem to appear first. As we can see from the first section of text below,

167. Tuy nhiên, chúng ta phải đối chiếu đoạn trích sau đây với ý tưởng này, trong đó chín cánh hoa dường như xuất hiện trước. Như chúng ta có thể thấy từ phần văn bản

they definitely have taken shape as “nine petals folded one upon the other”, and this before the innermost three have appeared.

đầu tiên dưới đây, chúng chắc chắn đã định hình thành “chín cánh hoa xếp chồng lên nhau”, và điều này xảy ra trước khi ba cánh hoa nội tại nhất xuất hiện.

168. We are faced with what seems like a direct contradiction, but like all apparent contradictions, it must be capable of solution.

168. Chúng ta đang đối diện với điều có vẻ như là một mâu thuẫn trực tiếp, nhưng như mọi mâu thuẫn bề ngoài, nó hẳn phải có thể được giải quyết.

First. **There appear** upon the third subplane of the mental plane certain vibratory impulses—**nine in number**—corresponding to the fivefold vibration of these Manasadevas in conjunction with the fourfold vibration set up from below and inherent in the matter of this subplane, the fifth from the lower standpoint. This produces "the ninefold egoic lotus," which is at this stage tightly closed, the nine petals folded one upon the other. (TCF 708)

Thứ nhất. **Xuất hiện** trên cõi phụ thứ ba của cõi trí một số xung lực rung động—**chín về số lượng**—tương ứng với rung động ngũ phân của các Manasadeva này kết hợp với rung động tứ phân được thiết lập từ bên dưới và vốn có trong vật chất của cõi phụ này, là cõi phụ thứ năm nếu nhìn từ quan điểm bên dưới. Điều này tạo ra “Hoa Sen Chân Ngã cửu phân”, mà ở giai đoạn này khép kín chặt chẽ, chín cánh hoa xếp chồng lên nhau. (TCF 708)

Third. At a certain stage of vibratory activity, the work of the Lords of the Flame having produced a body or form and a vibration calling for response, there occurs a practically simultaneous happening.

Thứ ba. Ở một giai đoạn nhất định của hoạt động rung động, khi công việc của các Đấng Chúa Tể của Lửa đã tạo ra một thể hay hình tướng và một rung động kêu gọi sự đáp ứng, thì xảy ra một biến cố gần như đồng thời.

A downflow of buddhi takes place along the line of the manasic triangle until it reaches a point at the very centre of the lotus. There, by the power of its own vibration, it causes a change in the appearance of the lotus. At the very heart of the lotus, **three more petals appear which close in on the central flame**, covering it closely, and remaining closed until the time comes for the revelation of the "jewel in the Lotus." (TCF 709)

Một dòng tuôn đổ của Bồ đề diễn ra dọc theo đường của tam giác manas cho đến khi nó đạt tới một điểm ngay tại trung tâm của hoa sen. Ở đó, bằng quyền năng của chính rung động của nó, nó gây ra một sự thay đổi trong sắc tướng của hoa sen. Ngay tại trái tim của hoa sen, **ba cánh hoa nữa xuất hiện khép lại quanh ngọn lửa trung tâm**, che phủ nó sít sao, và vẫn khép kín cho đến khi đến lúc mặc khải “ngọc châu trong Hoa Sen.” (TCF 709)

169. What is important, however, is that the “vibrant point” (the present or future Jewel in the Lotus) has an effect upon the nine

169. Tuy nhiên, điều quan trọng là “điểm rung động” (Ngọc Châu trong Hoa Sen hiện tại hay tương lai) có tác động lên chín cánh

petals and that they begin to “take shape” under this vibration.

hoa và chúng bắt đầu “định hình” dưới rung động này.

170. Perhaps, to reconcile, there is difference between *taking shape* and the original creation of the nine petals, which may be at first, perhaps, quite amorphous.

170. Có lẽ, để dung hòa, có sự khác biệt giữa việc *định hình* và sự tạo thành ban đầu của chín cánh hoa, mà lúc đầu có lẽ khá vô định hình.

the three types of petals being each under the influence of one or other of the major Rays;

ba loại cánh hoa, mỗi loại đều ở dưới ảnh hưởng của một trong các cung chính;

171. We have just spoken of nine petals “taking shape”. These nine petals are of three types: Knowledge Petals, Love Petals, Sacrifice Petals.

171. Chúng ta vừa nói về chín cánh hoa “định hình”. Chín cánh hoa này thuộc ba loại: cánh hoa tri thức, cánh hoa bác ái, cánh hoa hi sinh.

172. The knowledge petals are under the influence of the third ray; the love petals are under the influence of the second ray; the sacrifice petals are under the influence of the first ray.

172. Các cánh hoa tri thức ở dưới ảnh hưởng của cung ba; các cánh hoa bác ái ở dưới ảnh hưởng của cung hai; các cánh hoa hi sinh ở dưới ảnh hưởng của cung một.

173. As well, each of the synthesis petals is under the influence of either rays one, two or three. This will connect them directly with the threefold spiritual triad ruled principally by atma, buddhi or manas.

173. Ngoài ra, mỗi cánh hoa tổng hợp cũng ở dưới ảnh hưởng của một trong ba cung một, hai hoặc ba. Điều này sẽ nối kết chúng trực tiếp với Tam Nguyên Tinh Thần tam phân được cai quản chủ yếu bởi atma, Bồ đề hay manas.

174. We may assume, then, that according to the major emphasis of the spiritual triad which reflects the major ray of the Monad, so a different type of synthesis will be easiest to achieve—either synthesis of knowledge, synthesis within the field of love, or the synthesis of will.

174. Vậy thì chúng ta có thể giả định rằng, tùy theo sự nhấn mạnh chính yếu của Tam nguyên tinh thần phản chiếu cung chính của chân thần, mà một loại tổng hợp khác nhau sẽ dễ đạt được nhất—hoặc tổng hợp tri thức, tổng hợp trong lĩnh vực bác ái, hoặc tổng hợp của ý chí.

175. The speed of opening of the three tiers of petals within the nine will also be affected by the major monadic ray and the major triadal polarization which is determined by the number of that ray.

these, in their turn, come under the influence of force from cosmic centres. [Page 768]

176. Of what "cosmic centers" may we be speaking. The three synthesizing planets are, in a sense, *cosmic* centers, because the Planetary Logoi are *cosmic* Beings. Other extra systemic centers may also be indicated.

177. In attempting to understand the quality of the three tiers of nine petals, we have assigned each tier to one of the synthesizing planets. This should also be done for each of the synthesis petals

As earlier said, **these petals form a bud**, each being closely folded.

178. We remind ourselves that we are speaking of the initial formation of the egoic lotus.

179. At first the synthesis petals form a bud.

Only faint vibrations are to be seen pulsating in the bud, just enough to testify to its being a living organism.

180. We have read of undulatory motion within the newly formed egoic lotus. Now we read of pulsations within the bud.

175. Tốc độ khai mở của ba tầng cánh hoa trong chín cánh cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi cung chân thần chính yếu và sự phân cực tam nguyên chính yếu được quyết định bởi số của cung đó.

đến lượt chúng, những cánh hoa này chịu ảnh hưởng của mãnh lực từ các trung tâm vũ trụ. [Page 768]

176. Chúng ta có thể đang nói đến những "trung tâm vũ trụ" nào? Ba hành tinh tổng hợp, theo một nghĩa nào đó, là những trung tâm *vũ trụ*, bởi vì các Hành Tinh Thượng Đế là những Hữu thể *vũ trụ*. Những trung tâm ngoài hệ khác cũng có thể được hàm ý.

177. Khi cố gắng thấu hiểu phẩm tính của ba tầng chín cánh hoa, chúng ta đã gán mỗi tầng cho một trong các hành tinh tổng hợp. Điều này cũng nên được thực hiện cho từng cánh hoa tổng hợp

Như đã nói trước đây, **những cánh hoa này tạo thành một nụ**, mỗi cánh đều khép chặt.

178. Chúng ta tự nhắc mình rằng chúng ta đang nói về sự hình thành ban đầu của Hoa Sen Chân Ngã.

179. Lúc đầu các cánh hoa tổng hợp tạo thành một nụ.

Chỉ có những rung động mờ nhạt được thấy đang đập nhịp trong nụ, vừa đủ để chứng tỏ nó là một cơ thể sống.

180. Chúng ta đã đọc về chuyển động gợn sóng bên trong Hoa Sen Chân Ngã vừa được hình thành. Giờ đây chúng ta đọc về những nhịp đập bên trong nụ.

At the early stages after individualisation, the egoic body has the appearance of a bud. The electric fire at the centre is not apparent, and all the nine petals are closed down upon the inner three; the orange colour has a dead aspect and the three points of light at the base are just points and nothing more; the triangle which is later seen connecting the points is not demonstrated. **The surrounding sphere is colourless and is only to be appreciated as undulatory vibrations (like waves in the air or ether) reaching barely beyond the petal outline.** (TCF 763)

Trong các giai đoạn đầu sau biệt ngã hóa, thể chân ngã có sắc tướng của một nụ. Lửa điện ở trung tâm không biểu lộ, và cả chín cánh hoa đều khép xuống trên ba cánh hoa bên trong; màu cam có vẻ chết lặng và ba điểm sáng ở đáy chỉ là những điểm sáng mà thôi; tam giác về sau được thấy nối liền các điểm ấy thì chưa biểu lộ. **Khối cầu bao quanh không màu và chỉ có thể được nhận biết như những rung động gợn sóng (như sóng trong không khí hay dĩ thái) chỉ vươn ra vừa quá đường viền cánh hoa.** (TCF 763)

181. The first ray operates through *pulsation* and so this is the type of energy dynamic we would expect, at least from the center of the bud ruled essentially by the first ray.

181. Cung một vận hành qua *sự đập nhịp* và vì vậy đây là loại động lực năng lượng mà chúng ta có thể chờ đợi, ít nhất từ trung tâm của nụ vốn chủ yếu được cai quản bởi cung một.

Shadowy and dim can the ring-pass-not be seen,

Mờ tối và lờ mờ, vòng-giới-hạn có thể được nhìn thấy,

182. We are continually given the impression of an amorphous structure.

182. Chúng ta liên tục được gợi ấn tượng về một cấu trúc vô định hình.

183. We would not expect to see clear outlines in relation to the bud lotus—at least at first.

183. Chúng ta sẽ không mong thấy những đường nét rõ ràng liên quan đến hoa sen-nụ —ít nhất là lúc đầu.

the encircling limit of the activity of the coming Consciousness.

giới hạn bao quanh hoạt động của tâm thức đang đến.

184. The coming *individual* consciousness has its ring-pass-not initially described.

184. Tâm thức *cá nhân* đang đến có vòng-giới-hạn được mô tả ban đầu.

185. We have become familiar with the idea that the causal body (no matter how highly developed) represents a limitation upon monadic consciousness—an *individual* limitation.

185. Chúng ta đã quen thuộc với ý tưởng rằng thể nguyên nhân (dù phát triển cao đến đâu) vẫn biểu thị một giới hạn đối với tâm thức chân thần—một giới hạn *cá nhân*.

186. The causal body of highly developed souls is, of course, much larger.

186. Dĩ nhiên, thể nguyên nhân của những linh hồn phát triển cao thì lớn hơn nhiều.

It is an ovoid or sphere, and very small as yet.

Nó là một hình trứng hay một khối cầu, và hiện vẫn còn rất nhỏ.

187. Which is it? An ovoid or a sphere? Are these different kinds of causal bodies, some of them ovoidal and some spherical? There may be basis for this thought.

187. Vậy là gì? Một hình trứng hay một khối cầu? Đây có phải là những loại thể nguyên nhân khác nhau, một số có dạng hình trứng và một số có dạng hình cầu không? Có thể có cơ sở cho ý nghĩ này.

Briefly and in conclusion of this matter, **I would seek to point out that the circumference of the causal body varies according to type and ray. Some egoic bodies are of a form more circular than others; some are more ovoid, and others more elongated in shape.** (LOM 32)

Nói vắn tắt và để kết thúc vấn đề này, **tôi muốn chỉ ra rằng chu vi của thể nguyên nhân thay đổi tùy theo loại và cung. Một số thể chân ngã có hình dạng tròn hơn những thể khác; một số có dạng hình trứng hơn, và những thể khác lại thuôn dài hơn.** (LOM 32)

This process of forming the egoic lotus has gone on silently from the moment that the lower animal man, or the lower four principles, had reached a point where the energy (generated by him) could begin to make itself felt on mental levels.

Tiến trình hình thành Hoa Sen Chân Ngã này đã diễn ra âm thầm từ thời điểm con người thú thấp hơn, hay bốn nguyên khí thấp hơn, đạt đến một điểm mà năng lượng (do y tạo ra) có thể bắt đầu tự làm cho mình được cảm nhận trên các cấp độ trí tuệ.

188. We must contrast what is said here when the earlier quotation about the appearance of the causal body and the moment of individualization. It becomes apparent that we cannot entertain as factual the thought that the causal body appears suddenly at the moment of individualization.

188. Chúng ta phải đối chiếu điều được nói ở đây với trích dẫn trước đó về sự xuất hiện của thể nguyên nhân và thời điểm biệt ngã hóa. Rõ ràng là chúng ta không thể xem ý nghĩ cho rằng thể nguyên nhân xuất hiện đột ngột vào thời điểm biệt ngã hóa là một sự kiện.

At the moment of individualisation, the dim outline of a form such as earlier described has made its appearance on mental levels,...(TCF 767)

Vào thời điểm biệt ngã hóa, đường nét mờ nhạt của một hình tướng như đã mô tả trước đó xuất hiện trên các cấp độ trí tuệ,...(TCF 767)

189. We seem to be speaking of the emergence of the mental unit which emerged on the fourth subplane of the mental plane as instinct approximated mentality. This is the same thing as saying that the energy generated by animal man can make itself felt on mental levels.

189. Dường như chúng ta đang nói về sự xuất hiện của đơn vị hạ trí, vốn xuất hiện trên cõi phụ thứ tư của cõi trí khi bản năng tiến gần đến trí tuệ. Điều này cũng chính là nói rằng năng lượng do người thú tạo ra có thể tự làm cho mình được cảm nhận trên các cấp độ trí tuệ.

190. However, we must not assume that the energy generated by animal man necessarily makes itself felt on the *fourth* level of the lower mental plane. There are other and lower levels where this rising mental energy could have an initial influence.

190. Tuy nhiên, chúng ta không được giả định rằng năng lượng do người thú tạo ra nhất thiết tự làm cho mình được cảm nhận trên cấp độ *thứ tư* của cõi hạ trí. Có những cấp độ khác và thấp hơn nơi năng lượng trí tuệ đang vươn lên này có thể có ảnh hưởng ban đầu.

191. Below, we review the manner in which the mental unit arose.

191. Dưới đây, chúng ta xem lại cách thức đơn vị hạ trí phát sinh.

There appears a triangle on the mental plane, produced by manasic activity, and this triangle of fire begins slowly to circulate between the manasic permanent atom, and a point at the centre of the egoic lotus, and thence to the mental unit, which has appeared upon the fourth subplane **through innate instinct approximating mentality**. (TCF 709)

Một tam giác xuất hiện trên cõi trí, được tạo ra bởi hoạt động manas, và tam giác lửa này bắt đầu tuần hoàn chậm rãi giữa nguyên tử trường tồn manas, và một điểm ở trung tâm Hoa Sen Chân Ngã, rồi từ đó đến đơn vị hạ trí, vốn đã xuất hiện trên cõi phụ thứ tư **nhờ bản năng bẩm sinh tiến gần đến trí tuệ**. (TCF 709)

192. The section of text we are dealing with suggests that the process of preparing and forming an egoic lotus is a very long one which may coincide with the energy of animal man making itself felt on levels *lower* that the fourth subplane of the mental plane.

192. Phần văn bản mà chúng ta đang xử lý gợi ý rằng tiến trình chuẩn bị và hình thành một Hoa Sen Chân Ngã là một tiến trình rất dài, có thể trùng hợp với việc năng lượng của người thú tự làm cho mình được cảm nhận trên những cấp độ *thấp hơn* cõi phụ thứ tư của cõi trí.

193. Is that moment when the energy of animal man could make itself felt on the mental plane to be considered the same as the moment of individualization? One process seems quite gradual and the other (individualization) rather sudden.

193. Có phải thời điểm khi năng lượng của người thú có thể tự làm cho mình được cảm nhận trên cõi trí nên được xem là cùng một thời điểm với thời điểm biệt ngã hóa không? Một tiến trình dường như khá tiệm tiến còn tiến trình kia (biệt ngã hóa) lại khá đột ngột.

194. From the description above, we have to ask whether the egoic lotus begins to be formed quite a while *before* the moment of individualization, before the implantation of the spark of mind, which is probably another way of describing a special stimulation of the mental unit. Of course, the mental unit must be present on the fourth subplane of the mental plane before it can be stimulated!

194. Từ mô tả trên, chúng ta phải tự hỏi liệu Hoa Sen Chân Ngã có bắt đầu được hình thành khá lâu *trước* thời điểm biệt ngã hóa, trước khi tia lửa trí tuệ được cấy vào, điều này có lẽ là một cách khác để mô tả một sự kích thích đặc biệt đối với đơn vị hạ trí. Dĩ nhiên, đơn vị hạ trí phải hiện diện trên cõi phụ thứ tư của cõi trí trước khi nó có thể được kích thích!

195. The following may be the case:

195. Điều sau đây có thể là trường hợp:

a. The energy generated by animal man is gradually making itself felt first on the lower levels of the mental plane

a. Năng lượng do người thú tạo ra dần dần tự làm cho mình được cảm nhận trước hết trên các cấp độ thấp của cõi trí

b. As this happens the egoic lotus is gradually being formed on the third subplane of the higher mental plane

b. Khi điều này xảy ra, Hoa Sen Chân Ngã dần dần được hình thành trên cõi phụ thứ ba của Cõi thượng trí

c. At the moment of individualization, the generated energy of animal man has caused a mental unit to appear on the fourth subplane of the mental plane

c. Vào thời điểm biệt ngã hóa, năng lượng do người thú tạo ra đã khiến một đơn vị hạ trí xuất hiện trên cõi phụ thứ tư của cõi trí

d. Once this appearance of the mental unit has occurred, the actual *act* of individualization can occur

d. Một khi sự xuất hiện này của đơn vị hạ trí đã xảy ra, *hành vi* biệt ngã hóa thực sự có thể xảy ra

196. Of course, DK does speak of a “moment” when animal man reaches the necessary point of development for individualization to occur. We must watch words like “moment” so that we can understand

196. Dĩ nhiên, Chân sư DK có nói về một “thời điểm” khi người thú đạt đến điểm phát triển cần thiết để biệt ngã hóa có thể xảy ra. Chúng ta phải lưu ý những từ như “thời điểm” để có thể hiểu biệt ngã hóa vừa là một

individualization both as a critical moment in time and, yet, a process long in preparation.

thời điểm then chốt trong thời gian, vừa là một tiến trình đã được chuẩn bị từ lâu.

197. We are going to learn that there is a preparation for individualization *before* individualization, per se, is effected. This may call for an adjustment of ideas.

197. Chúng ta sẽ học rằng có một sự chuẩn bị cho biệt ngã hóa *trước khi* chính biệt ngã hóa được thực hiện. Điều này có thể đòi hỏi một sự điều chỉnh các ý tưởng.

When the fire of the lower prepared sheaths (the threefold fire of substance itself) becomes radioactive, this nebulous appearance on the third subplane of the mental plane begins to be organised,

Khi lửa của các thể thấp đã được chuẩn bị (tam phân lửa của chính chất liệu) trở nên có tính phóng xạ, sắc tướng tinh vân này trên cõi phụ thứ ba của cõi trí bắt đầu được tổ chức lại,

198. We are now speaking of the *organization* of that which has already appeared in nebulous form upon the higher mental plane.

198. Giờ đây chúng ta đang nói về *sự tổ chức* của điều đã xuất hiện dưới dạng tinh vân trên cõi thượng trí.

199. We seem to be speaking about the points within the atomic triangle, of fire by friction demonstrating through those points.

199. Dường như chúng ta đang nói về các điểm bên trong tam giác nguyên tử, về lửa ma sát đang biểu lộ qua các điểm ấy.

200. The use of the term "radioactive" is surprising because, at first, the permanent atoms and the mental unit are usually said to shine with a very dim light.

200. Việc dùng thuật ngữ "có tính phóng xạ" thật đáng ngạc nhiên, bởi vì lúc đầu, các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí thường được nói là chỉ chiếu sáng bằng một ánh sáng rất mờ.

201. We are also learning something important about the preparation of the lower sheaths of the man-to-be *before* the actual moment of individualization.

201. Chúng ta cũng đang học được điều gì đó quan trọng về sự chuẩn bị các thể thấp của con người-sắp-thành *trước* thời điểm biệt ngã hóa thực sự.

202. What is important to notice is that there is a relationship between the organization and delineation of the egoic lotus and the growing radioactivity of the lower sheath (and presumably the degree of vibrancy of the units within the atomic triangle within the lower sheaths).

202. Điều quan trọng cần lưu ý là có một mối liên hệ giữa sự tổ chức và phân định của Hoa Sen Chân Ngã với tư cách một hình tướng trên cõi thượng trí, và tính phóng xạ ngày càng tăng của thể thấp (và có lẽ là mức độ rung động của các đơn vị trong tam giác nguyên tử bên trong các thể thấp).

as the result of the downward pull of the higher by the lower,

do kết quả của sức kéo xuống của cái cao bởi cái thấp,

203. We have been told that "animal man aspired" and this downward pull of the higher is a kind of evocation or descent of the higher aspects by the aspiring or up-reaching lower aspects.

203. Chúng ta đã được cho biết rằng "người thú đã khát vọng" và sức kéo xuống của cái cao này là một loại gợi lên hay giáng hạ của các phương diện cao hơn bởi các phương diện thấp hơn đang khát vọng hay vươn lên.

and as the response of the Spirit aspect to the radiations, or attraction, of matter.

và như sự đáp ứng của phương diện tinh thần đối với các bức xạ, hay sức hút, của vật chất.

204. Lower matter is becoming more radioactive and, hence, more attractive to (and attractive of) the Spirit aspect.

204. Vật chất thấp đang trở nên có tính phóng xạ hơn và do đó hấp dẫn hơn đối với (và có sức hút đối với) phương diện tinh thần.

205. We are being told so much about the formation of the egoic lotus and its delineation as a form on the higher mental plane, that it may be difficult to keep the sequence of all these complex activities clearly in mind.

205. Chúng ta đang được cho biết quá nhiều về sự hình thành của Hoa Sen Chân Ngã và sự phân định của nó như một hình tướng trên cõi thượng trí, đến nỗi có thể khó giữ rõ trong tâm trí trình tự của tất cả những hoạt động phức tạp này.

a. Animal man is unconsciously aspiring below

a. Người thú đang vô thức khát vọng từ bên dưới

b. The energy he generates begins to be felt on the lower mental plane

b. Năng lượng mà y tạo ra bắt đầu được cảm nhận trên cõi hạ trí

c. Under the Will of the Solar Logos and Planetary Logos, the Agnishvattas have descended and are now beginning to work

c. Dưới Ý Chí của Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế, các Agnishvatta đã giáng xuống và nay bắt đầu hoạt động thay

on behalf of a human Monad, making it possible for that Monad to begin to affect the lower vehicles in which its lower permanent atoms are 'invested'—i.e., the Monad can (through the intermediation of the Solar Angel) begin to affect animal man

mặt cho một chân thần nhân loại, khiến cho chân thần ấy có thể bắt đầu tác động đến các vận cụ thấp trong đó các nguyên tử trường tồn thấp của nó được 'đầu tư'—nghĩa là, chân thần có thể (thông qua sự trung gian của Thái dương Thiên Thần) bắt đầu tác động đến người thú

d. As the energy of animal man tends towards mentality, the Agnishvattas begin the process of formulating the egoic lotus on the higher mental plane

d. Khi năng lượng của người thú có khuynh hướng tiến về trí tuệ, các Agnishvatta bắt đầu tiến trình hình thành Hoa Sen Chân Ngã trên cõi thượng trí

e. As the mentality of animal man rises on the lower mental plane, the organization of the egoic lotus on the higher mental plane proceeds

e. Khi trí tuệ của người thú tăng lên trên cõi hạ trí, sự tổ chức của Hoa Sen Chân Ngã trên cõi thượng trí tiếp diễn

f. When through the efforts of animal man, a mental unit has arises on the fourth subplane of the lower mental plane, the moment for actual individualization has arrived

f. Khi nhờ những nỗ lực của người thú, một đơn vị hạ trí đã xuất hiện trên cõi phụ thứ tư của cõi hạ trí, thì thời điểm cho biệt ngã hóa thực sự đã đến

206. As much as we can speculate about these things, it would be best to observe the process directly for ourselves.

206. Dù chúng ta có thể suy đoán về những điều này đến đâu, tốt nhất vẫn là tự mình quan sát trực tiếp tiến trình ấy.

207. From a different angle, we are discussing the attraction which exists between Spirit and matter and how the "middle principle" is involved in this attraction and its development promoted by this attraction.

207. Từ một góc độ khác, chúng ta đang bàn đến sức hút tồn tại giữa tinh thần và vật chất, và cách "nguyên khí trung gian" dự phần vào sức hút này và sự phát triển của nó được thúc đẩy bởi sức hút ấy.

But individualisation as we understand it is not yet effected.

Nhưng biệt ngã hóa như chúng ta hiểu thì vẫn chưa được thực hiện.

208. This is quite a dynamite sentence. We have been offered a description of processes which occur on the higher mental plane and in the lower three worlds *before* individualization occurs.

208. Đây là một câu thật bùng nổ. Chúng ta đã được trao cho một mô tả về các tiến trình xảy ra trên cõi thượng trí và trong ba cõi thấp *trước khi* biệt ngã hóa xảy ra.

209. The time equation is still not in our hands. Many of us will one day become Solar Angels and at such a time, we will have to be *masters* of the process in all its sequentiality.

209. Phương trình thời gian vẫn chưa nằm trong tay chúng ta. Một ngày nào đó nhiều người trong chúng ta sẽ trở thành Thái dương Thiên Thần, và vào lúc ấy, chúng ta sẽ phải là những *bậc thầy* của tiến trình này trong toàn bộ tính tuần tự của nó.

This process of radioactivity on the part of the lower, and of a downflow of energy from the higher, **covers a long period wherein the solar Angels are working on Their Own plane and the lower Pitris are also working on theirs;**

Tiến trình có tính phóng xạ này nơi cái thấp, và dòng năng lượng tuôn xuống từ cái cao, **bao trùm một thời kỳ dài trong đó các Thái dương Thiên Thần đang hoạt động trên cõi riêng của Các Ngài và các thái âm tổ phụ thấp cũng đang hoạt động trên cõi của họ;**

210. We seem to be told that the process of pre-individualization lasts a very long time.

210. Dường như chúng ta được cho biết rằng tiến trình tiền-biệt-ngã-hóa kéo dài rất lâu.

211. The lower Pitris are working in the lower three worlds, but the ongoing mystery regards the true plane of the "solar Angels".

211. Các thái âm tổ phụ thấp đang hoạt động trong ba cõi thấp, nhưng điều bí ẩn còn tiếp diễn liên quan đến cõi thực sự của các "Thái dương Thiên Thần".

212. During this stage preparatory to individualization, there is a form of 'distant cooperation' between the Solar Pitris and Lunar Pitris.

212. Trong giai đoạn chuẩn bị cho biệt ngã hóa này, có một hình thức "hợp tác từ xa" giữa các thái dương tổ phụ và thái âm tổ phụ.

213. From some perspectives the true plane of the Solar Angels or Solar Pitris could be understood as the higher mental plane, but from other perspectives this conclusion seems to break down. Considering the degree of advancement of the Solar Angels (as "returning Nirvanis from a previous mahamanvantara"), the higher mental plane seems too *low* a plane to be their own true plane. Could it, provisionally, be the buddhic

213. Từ một số góc nhìn, cõi thực sự của các Thái dương Thiên Thần hay thái dương tổ phụ có thể được hiểu là cõi thượng trí, nhưng từ những góc nhìn khác thì kết luận này dường như không đứng vững. Xét đến mức độ tiến hóa của các Thái dương Thiên Thần (với tư cách là "những nirvani trở về từ một Đại giai kỳ sinh hóa trước"), cõi thượng trí dường như là một cõi quá *thấp* để là cõi thực sự riêng của Các Ngài. Có thể, tạm thời,

plane, for the Solar Angels are the embodiment of buddhic energy?

đó là cõi Bồ đề chăng, vì các Thái dương Thiên Thần là hiện thân của năng lượng Bồ đề?

214. We may be dealing with one of those instances in which a form must be built before it can be indwelt.

214. Chúng ta có thể đang xử lý một trong những trường hợp mà một hình tướng phải được xây dựng trước khi nó có thể được phú linh.

one group is **producing the nucleus of the egoic body**,

một nhóm đang **tạo ra hạt nhân của thể chân ngã**,

215. From this perspective, the Solar Angels are working on the higher mental plane building the "nucleus of the egoic body"—whether or not they are working on Their own true plane.

215. Từ góc nhìn này, các Thái dương Thiên Thần đang hoạt động trên cõi thượng trí để xây dựng "hạt nhân của thể chân ngã"—dù Các Ngài có đang hoạt động trên cõi thực sự riêng của mình hay không.

216. It is only the nucleus which is being created in these early days. A very lengthy unfoldment spanning millions of years lies ahead.

216. Chỉ có hạt nhân là đang được tạo ra trong những ngày đầu này. Một sự khai mở rất dài kéo dài hàng triệu năm còn ở phía trước.

and the other the receptacle for the life of God, or the Monad in the three worlds.

và nhóm kia tạo ra vật chứa cho sự sống của Thượng đế, hay chân thần trong ba cõi.

217. This is an interesting way to describe the personality. The personality is a "receptacle for the life of God, or the Monad in the three worlds".

217. Đây là một cách thú vị để mô tả phàm ngã. Phàm ngã là một "vật chứa cho sự sống của Thượng đế, hay chân thần trong ba cõi".

218. It is the Lunar Pitris that are building the "receptacle" for the life of the Monad in the three worlds. From another perspective, the egoic body is also a receptacle for monadic energy.

218. Chính các thái âm tổ phụ đang xây dựng "vật chứa" cho sự sống của chân thần trong ba cõi. Từ một góc nhìn khác, thể chân ngã cũng là một vật chứa cho năng lượng chân thần.

219. When we are speaking of the Pitris, we are speaking of building and "Builders", and we all know that it takes a long time to build anything in nature—far longer than it takes

219. Khi chúng ta nói về các Pitri, chúng ta đang nói về việc xây dựng và các "Đấng kiến tạo", và tất cả chúng ta đều biết rằng phải mất rất nhiều thời gian để xây dựng bất cứ điều gì trong bản chất—lâu hơn rất nhiều so

to inform through implantation that which is built.

với thời gian cần để thấm nhuần qua sự cấy vào điều đã được xây dựng.

Then comes a set time in the life of the planetary Logos wherein **His centres become active in a particular manner**;

Rồi đến một thời điểm định sẵn trong sự sống của Hành Tinh Thượng Đế khi **các trung tâm của Ngài trở nên hoạt động theo một cách đặc biệt**;

220. We must always remind ourselves that the process of individualization is a *planetary logoic matter* impulsed by the Solar Logos as part of His own initiatory process.

220. Chúng ta phải luôn tự nhắc mình rằng tiến trình biệt ngã hóa là một *vấn đề của Hành Tinh Thượng Đế* được thúc đẩy bởi Thái dương Thượng đế như một phần trong chính tiến trình điểm đạo của Ngài.

221. Of which centers are we speaking? We recall the association of the individualization process with the awakening of the heart of the Planetary Logos:

221. Chúng ta đang nói đến những trung tâm nào? Chúng ta nhớ lại sự liên hệ của tiến trình biệt ngã hóa với sự thức tỉnh của tim của Hành Tinh Thượng Đế:

When a certain point is reached and the lower three planes are vibrating, or energised, then cosmic incarnation becomes a possibility; **the "Heart" occultly awakens**, and the "Son of God," the expression of the desire and love of the Logos, is born.[24,25] **The cosmic incarnation of certain exalted Beings is consummated, and one of the indications of this is the appearance of the egoic groups on mental levels, and the resultant individualisation.** Method and time may vary according to the nature of any particular planetary Logos, but for each and all the "Heart of the Body" has to thrill with awakening life before the response comes from the lower. (TCF 685-686)

Khi một điểm nhất định được đạt tới và ba cõi thấp đang rung động, hay được tiếp năng lượng, thì sự lâm phàm vũ trụ trở thành một khả năng; **"Trái Tim" huyền bí thức tỉnh**, và "Con của Thượng đế", biểu hiện của dục vọng và tình thương của Thượng đế, được sinh ra.24,25 **Sự lâm phàm vũ trụ của một số Hữu thể cao cả được hoàn tất, và một trong những dấu hiệu của điều này là sự xuất hiện của các nhóm chân ngã trên các cấp độ trí tuệ, và kết quả là biệt ngã hóa.** Phương pháp và thời gian có thể thay đổi tùy theo bản chất của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế cụ thể nào, nhưng đối với từng vị và tất cả, "Trái Tim của Thể" phải rung lên với sự sống thức tỉnh trước khi sự đáp ứng đến từ bên dưới. (TCF 685-686)

this is coincident with the incarnation of the Monads, and their descent into the three worlds.

điều này trùng hợp với sự lâm phàm của các chân thần, và sự giáng xuống của chúng vào ba cõi.

222. Though there has been much preparation before this descent.

222. Dù đã có rất nhiều sự chuẩn bị trước sự giáng xuống này.

223. We should realize that the Monads both descend and do not descend. The "jiva" goes forth from the Monad, but the Monad, per se, remains on its own high plane—the second cosmic ether.

223. Chúng ta nên nhận ra rằng các chân thần vừa giáng xuống vừa không giáng xuống. "jiva" đi ra từ chân thần, nhưng chính chân thần thì vẫn ở trên cõi cao riêng của nó—dĩ thái vũ trụ thứ hai.

224. We might see the following process:

224. Chúng ta có thể thấy tiến trình sau đây:

a. The Solar Angels are active on the higher mental plane preparing the initial form of the egoic lotus

a. Các Thái dương Thiên Thần hoạt động trên cõi thượng trí để chuẩn bị hình tướng ban đầu của Hoa Sen Chân Ngã

b. The Lunar Pitris are active in the lower three worlds preparing the vessel for human incarnation

b. Các thái âm tổ phụ hoạt động trong ba cõi thấp để chuẩn bị chiếc bình cho sự lâm phàm của con người

c. The Planetary Logos reaches a point in His development in which certain centers are to awaken or come into new relationship. (Perhaps we should remember the relationship between the animal kingdom and the solar plexus, and humanity with the throat center—as greater intelligence is about to be 'born' within matter.)

c. Hành Tinh Thượng Đế đạt đến một điểm trong sự phát triển của Ngài tại đó một số trung tâm phải thức tỉnh hoặc đi vào mối liên hệ mới. (Có lẽ chúng ta nên nhớ mối liên hệ giữa giới động vật và tùng thái dương, và giữa nhân loại với trung tâm cổ họng—khi trí tuệ lớn hơn sắp được 'sinh ra' trong vật chất.)

d. The moment of individualization comes and the human Monads incarnate or descend into the three worlds.

d. Thời điểm biệt ngã hóa đến và các chân thần nhân loại lâm phàm hay giáng xuống ba cõi.

A systemic triangle is formed (for ever the three produce the seven), and through this setting loose of threefold energy, the work of the solar and lunar Pitris is co-ordinated,

Một tam giác hệ thống được hình thành (vì mãi mãi bộ ba sản sinh ra bộ bảy), và thông qua sự giải phóng năng lượng tam phân này, công việc của các thái dương tổ phụ và thái âm tổ phụ được phối hợp,

225. The preparatory or building work is coordinated.

225. Công việc chuẩn bị hay xây dựng được phối hợp.

226. We remarked on the 'distant cooperation' of the solar and lunar builders. We now have the coordination of their work —another phase of development.

226. Chúng ta đã nhận xét về "sự hợp tác từ xa" của các đấng kiến tạo thái dương và thái âm. Giờ đây chúng ta có sự phối hợp công việc của họ—một giai đoạn phát triển khác.

227. The formation of a systemic triangle suggests the coming into a new type of rapport of three planets—perhaps Venus, Earth and Mars.

227. Sự hình thành một tam giác hệ thống gợi ý sự đi vào một loại tương giao mới của ba hành tinh—có lẽ là Sao Kim, Trái Đất và Sao Hỏa.

228. The formation of a "systemic triangle" is the result of inter-planetary and intra-systemic affairs. The individualization of animal man is only an effect of these solar systemic affairs.

228. Sự hình thành một "tam giác hệ thống" là kết quả của những sự vụ liên-hành-tinh và nội-hệ-thống. Sự biệt ngã hóa của người thú chỉ là một hiệu quả của những sự vụ thuộc hệ thái dương này.

and the three permanent atoms are appropriated by the jiva concerned, and appear at the base of the egoic lotus.

và ba nguyên tử trường tồn được jiva liên hệ chiếm hữu, và xuất hiện ở đáy Hoa Sen Chân Ngã.

229. We know that the jiva, as representative of the Monad, has already appropriated the three *triadal* permanent atoms.

229. Chúng ta biết rằng jiva, với tư cách đại diện của chân thần, đã chiếm hữu ba nguyên tử trường tồn *tam nguyên*.

230. From the jiva's long sojourn in the lower kingdoms (mineral, vegetable and animal), we would also think that the physical permanent atom and the astral permanent atom had been appropriated before the group soul process began.

230. Từ cuộc lưu trú lâu dài của jiva trong các giới thấp (kim thạch, thực vật và động vật), chúng ta cũng sẽ nghĩ rằng nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục đã được chiếm hữu trước khi tiến trình hồn nhóm bắt đầu.

231. It was at the Second Outpouring that the three triadal permanent atoms were appropriated. Can this be said also for the physical permanent atom and the astral permanent atom? If not, we will have to explore the manner in which the Monad could possibly have participated in the processes called:

231. Chính vào Lần tuôn đổ thứ hai mà ba nguyên tử trường tồn tam nguyên đã được chiếm hữu. Điều này có thể được nói tương tự đối với nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục không? Nếu không, chúng ta sẽ phải khảo sát cách thức mà chân thần có thể đã tham dự vào các tiến trình được gọi là:

a. The in-mineralization of the Monad

a. sự khoáng vật hóa chân thần

b. The in-vegetalization of the Monad

c. The in-zoonation of the Monad (which may be in a different category)

232. But the mental unit has only recently emerged and so it would certainly have to be appropriated.

233. We could question whether there would have to be a precursor of the mental unit in order to make possible the in-zoonation of the Monad *before* the high stage of development in the animal kingdom called the stage of "animal man" had been reached.

234. Perhaps there is a special definition of the word "appropriate". It may be that the physical permanent atom and the astral permanent atom were already associated with the Monad, but that these permanent atoms had to be *taken in* and *incorporated* into the newly formed egoic lotus.

235. It would seem that the members of the group soul (during the processes of the in-mineralization of the Monad, and the in-vegetalization of the Monad, and even the in-zoonation of the Monad) must have been possessed, minimally, of a physical permanent atom and an astral permanent atom—which were appropriated/created (in a way perhaps different to that here meant) at the time of the Second Outpouring.

236. We have to watch carefully. We note that it is the "jiva" that is appropriating the three permanent atoms (really the units in the atomic triangle). The "jiva" is distinct from the Monad, of which the "jiva" is only the representative.

b. sự thực vật hóa chân thần

c. sự động vật hóa chân thần (điều này có thể thuộc một phạm trù khác)

232. Nhưng đơn vị hạ trí chỉ mới xuất hiện gần đây và vì vậy chắc chắn nó phải được chiếm hữu.

233. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu có cần phải có một tiền thân của đơn vị hạ trí để làm cho sự động vật hóa chân thần có thể xảy ra *trước khi* giai đoạn phát triển cao trong giới động vật được gọi là giai đoạn "người thú" đã đạt tới hay không.

234. Có lẽ có một định nghĩa đặc biệt cho từ "chiếm hữu". Có thể nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục đã gắn liền với chân thần rồi, nhưng các nguyên tử trường tồn này phải được *thu nhận vào* và *kết hợp* vào Hoa Sen Chân Ngã vừa được hình thành.

235. Dường như các thành viên của hồn nhóm (trong các tiến trình khoáng vật hóa chân thần, và thực vật hóa chân thần, và thậm chí cả động vật hóa chân thần) hẳn đã sở hữu, tối thiểu, một nguyên tử trường tồn hồng trần và một nguyên tử trường tồn cảm dục—những nguyên tử này đã được chiếm hữu/tạo ra (theo một cách có lẽ khác với ý nghĩa ở đây) vào thời điểm của Lần tuôn đổ thứ hai.

236. Chúng ta phải lưu ý cẩn thận. Chúng ta nhận thấy rằng chính "jiva" đang chiếm hữu ba nguyên tử trường tồn (thực ra là các đơn vị trong tam giác nguyên tử). "jiva" khác với chân thần, mà "jiva" chỉ là đại diện của nó.

237. Thus, if the Monad appropriated five permanent atoms at the time of the Second Outpouring, the jiva would have to re-appropriate the lower two, plus the mental unit at the time when individualization became possible.

237. Vì vậy, nếu chân thần đã chiếm hữu năm nguyên tử trường tồn vào thời điểm của Lần tuôn đổ thứ hai, thì jiva sẽ phải tái-chiếm-hữu hai nguyên tử thấp, cộng với đơn vị hạ trí vào thời điểm khi biệt ngã hóa trở nên khả hữu.

238. We could call this appropriation by the jiva of the three units of the atomic triangle (and a drawing them into their correct placement within the causal body) a kind of 're-grasp' of these units—a 're-grasp' different in important particulars from the first association of the Monad at least with the physical permanent atom and the astral permanent atom.

238. Chúng ta có thể gọi việc jiva chiếm hữu ba đơn vị của tam giác nguyên tử (và kéo chúng vào đúng vị trí của chúng trong thể nguyên nhân) là một loại "nắm lại" các đơn vị này—một sự "nắm lại" khác biệt ở những điểm quan trọng so với sự liên kết đầu tiên của chân thần ít nhất với nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục.

239. As stated, there must have been some 'mental point' to be used during the in-zoonation of the Monad.

239. Như đã nói, hẳn phải có một "điểm trí tuệ" nào đó để được sử dụng trong sự động vật hóa chân thần.

240. We note the placement of the points in the atomic triangle—the *base* of the egoic lotus, illustrating the third aspect nature of these points.

240. Chúng ta lưu ý vị trí của các điểm trong tam giác nguyên tử—ở *đáy* của Hoa Sen Chân Ngã, minh họa bản chất phương diện thứ ba của các điểm này.

Individualisation has taken place and the work of at-one-ment is completed;

Biệt ngã hóa đã diễn ra và công việc hợp nhất đã hoàn tất;

241. We have discussed the slow, preparatory build-up to the moment of individualization. Apparently, this build-up takes a *long* time.

241. Chúng ta đã bàn về sự tích lũy chuẩn bị chậm chạp dẫn đến thời điểm biệt ngã hóa. Rõ ràng sự tích lũy này mất một thời gian *dài*.

242. We are reminded from *The Secret Doctrine*, that the Solar Pitris looked in as early as the second round and judged that the forms They were to eventually inhabit were not ready.

242. Chúng ta được nhắc nhở từ *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng các thái dương tổ phụ đã nhìn vào ngay từ cuộc tuần hoàn thứ hai và phán đoán rằng các hình tướng mà cuối cùng Các Ngài sẽ cư ngụ vẫn chưa sẵn sàng.

the fourth kingdom [Page 769] in nature is a "fait accompli;"

giới thứ tư [Page 769] trong bản chất là một "sự việc đã hoàn tất";

243. A “fait accompli” is an accomplished fact.

243. Một “sự việc đã hoàn tất” là một sự kiện đã được hoàn thành.

244. It is the Fourth Creative Hierarchy in cooperation with the Fifth Creative Hierarchy and the Sixth Creative Hierarchy which created the fourth kingdom of nature. As much as possible, we have to keep Hierarchies and Kingdoms distinct.

244. Chính Huyền Giai Sáng Tạo thứ Tư hợp tác với Huyền Giai Sáng Tạo thứ Năm và Huyền Giai Sáng Tạo thứ Sáu đã tạo ra giới thứ tư trong bản chất. Càng nhiều càng tốt, chúng ta phải giữ cho Huyền Giai và Giới được phân biệt rõ.

245. When we think of the Planetary Logos, there occurs with individualization a major bridging between the centers above the diaphragm and those below.

245. Khi nghĩ đến Hành Tinh Thượng Đế, cùng với biệt ngã hóa xảy ra một sự bắt cầu lớn giữa các trung tâm ở trên cơ hoành và các trung tâm ở dưới.

246. A vitalization of the planetary logoic heart center had been established and with that vitalization, the possibility of uplifting those forms of life expressing through His substance-diaphragmatic centers.

246. Một sự tiếp sinh lực cho trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế đã được thiết lập và cùng với sự tiếp sinh lực ấy là khả năng nâng cao những hình tướng sự sống đang biểu lộ qua các trung tâm dưới cơ hoành trong chất liệu của Ngài.

the Monad has clothed itself in material sheaths,

chân thần đã khoác lên mình các thể vật chất,

247. We do not forget that that which is present as an identity in the personality is really the Monad. Whatever we call the lower types of consciousness, they are all, essentially, monadic consciousness.

247. Chúng ta không quên rằng điều hiện diện như một bản sắc trong phàm ngã thực ra là chân thần. Dù chúng ta gọi các loại tâm thức thấp là gì đi nữa, tất cả chúng, về bản chất, đều là tâm thức chân thần.

248. Yet, the Monad remained on His own plane, the second systemic, and really, it was the jiva, as representative of the Monad, which clothed itself in material sheaths.

248. Tuy nhiên, chân thần vẫn ở trên cõi riêng của Ngài, cõi hệ thống thứ hai, và thực sự chính jiva, với tư cách đại diện của chân thần, đã khoác lấy các vỏ bọc vật chất.

and **the self conscious unit appears on the physical plane**.

và **đơn vị ngã thức xuất hiện trên cõi hồng trần**.

249. This is the case, but it may take a while for the self-conscious unit to “wake up” to its own self-consciousness. A period of some

249. Đây là trường hợp như vậy, nhưng có thể phải mất một thời gian để đơn vị ngã thức “thức tỉnh” đối với chính ngã thức của

two and a half million years is given as the duration of this awakening.

nó. Một thời kỳ khoảng hai triệu rưỡi năm được nêu ra là thời lượng của sự thức tỉnh này.

250. We have been given a description, from a different angle, about much that goes on subjectively to prepare animal man and the higher triad for the moment of individualization. We see the groundwork has been laid thoroughly.

250. Chúng ta đã được cung cấp một mô tả, từ một góc độ khác, về nhiều điều diễn ra một cách chủ quan để chuẩn bị người thú và tam nguyên tinh thần cao hơn cho khoảnh khắc biệt ngã hóa. Chúng ta thấy nền tảng đã được đặt xuống hết sức kỹ lưỡng.

If all that H. P. B. has to say anent the first three rounds of our Earth scheme is read as dealing with the period of condensation of the causal body upon the mental level, and as covering the time leading up to the appearance in the fourth round of man as we now have him, some light may be thrown upon this difficult matter.

Nếu tất cả những gì H. P. B. nói liên quan đến ba cuộc tuần hoàn đầu tiên của hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta được đọc như bàn đến thời kỳ ngưng tụ củathể nguyên nhân trên cấp độ trí tuệ, và như bao quát thời gian dẫn đến sự xuất hiện trong cuộc tuần hoàn thứ tư của con người như hiện nay chúng ta có, thì có thể có chút ánh sáng được soi rọi lên vấn đề khó khăn này.

251. Can DK possibly mean that it took the duration of the first three rounds upon our globe to condense the causal body? We gathered from a number of statements that it took a long time for what we might call 'causal condensation', but a duration of three rounds is quite astonishing.

251. Liệu Chân sư DK có thể thực sự muốn nói rằng phải mất thời lượng của ba cuộc tuần hoàn đầu tiên trên bầu hành tinh của chúng ta để ngưng tụ thể nguyên nhân chăng? Từ một số phát biểu, chúng ta hiểu rằng điều có thể gọi là "sự ngưng tụ nguyên nhân" đã mất một thời gian dài, nhưng thời lượng ba cuộc tuần hoàn quả thật hết sức đáng kinh ngạc.

252. Would this mean that the Solar Angels/ solar angels had been involved with the 'human project' for hundreds of millions of years?

252. Điều này có nghĩa là các Thái dương Thiên Thần/thiên thần thái dương đã tham dự vào "dự án nhân loại" suốt hàng trăm triệu năm sao?

253. We do know that *The Secret Doctrine* shows the Lhas/Solar Angels examining the development of that which was intended to become the vehicles for a future human race and rejecting those vehicles; all this happened apparently millions of years before individualization actually occurred.

253. Chúng ta quả có biết rằng *Giáo Lý Bí Nhiệm* cho thấy các Lhas/Thái dương Thiên Thần khảo sát sự phát triển của điều được dự định sẽ trở thành các vận cụ cho một nhân loại tương lai rồi loại bỏ các vận cụ ấy; tất cả điều này dường như đã xảy ra hàng triệu năm trước khi biệt ngã hóa thực sự diễn ra.

254. We have been repeatedly told of its dim and vague outlines and apparently of the need for its sharper delineation which we can think of as “condensation”.

254. Chúng ta đã nhiều lần được bảo về những đường nét mờ nhạt và mơ hồ của nó, và dường như về nhu cầu phải có sự phân định sắc nét hơn của nó, điều mà chúng ta có thể nghĩ đến như là “sự ngưng tụ”.

255. One wonders, in this respect, whether if during the *entire time* of the journey of the Monad (via group soul formation) through the three lower kingdoms, the causal body could have been taking shape upon the higher mental plane.

255. Về phương diện này, người ta tự hỏi liệu trong *toàn bộ thời gian* cuộc hành trình của chân thần (thông qua sự hình thành hồn nhóm) đi qua ba giới thấp, thể nguyên nhân có thể đã dần thành hình trên cõi thượng trí hay không.

256. Perhaps we should not jump too rapidly at this quite drastic solution. A degree of pondering is required.

256. Có lẽ chúng ta không nên quá vội vàng chấp nhận giải pháp khá quyết liệt này. Cần có một mức độ suy ngẫm nhất định.

The egoic lotuses can be seen grouped together, and each of them forms part of a group.

Các hoa sen chân ngã có thể được thấy tụ lại thành nhóm, và mỗi hoa sen trong số đó tạo thành một phần của một nhóm.

257. There are egoic groups with varying qualities. These groupings are determined by ray and astrological differences and also by place and time of origin.

257. Có những nhóm chân ngã với các phẩm tính khác nhau. Những sự tập hợp này được quyết định bởi các khác biệt về cung và chiêm tinh, cũng như bởi nơi chốn và thời điểm phát sinh.

258. The consciousness of the soul is *group* consciousness, and every egoic lotus is a part of a group.

258. Tâm thức của linh hồn là tâm thức *nhóm*, và mỗi hoa sen chân ngã là một phần của một nhóm.

These groups in their turn form part of a vaster lotus which **embodies the consciousness of a still greater Entity whose "jewel" may be found on the second subplane.**

Đến lượt mình, các nhóm này tạo thành một phần của một hoa sen bao la hơn, hoa sen này **thể hiện tâm thứccủa một Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa, mà “bảo châu” của Ngài có thể được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai.**

259. This is really of interest and extremely occult. We seem to be given the structure of egoic groups, each lesser one of which forms but a part of a greater.

259. Điều này thực sự đáng quan tâm và cực kỳ huyền bí. Dường như chúng ta được cho biết cấu trúc của các nhóm chân ngã, trong

đó mỗi nhóm nhỏ hơn chỉ tạo thành một phần của một nhóm lớn hơn.

260. It would seem that all egos and egoic groups form part of one great lotus which is the vehicle of expression for the a "still greater Entity".

260. Có vẻ như tất cả các chân ngã và các nhóm chân ngã đều tạo thành một phần của một hoa sen vĩ đại, là vận cụ biểu lộ cho "một Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa".

261. Quite a number of E/entities (composed of egoic lotuses) seem to be involved in the egoic manifestation of the entirety of human units. We could expect that different strata of the Creative Hierarchy of Solar Angels are also involved in this hierarchicalized manifestation.

261. Khá nhiều Thực Thể/thực thể (được cấu thành từ các hoa sen chân ngã) dường như có liên quan đến sự biểu hiện chân ngã của toàn thể các đơn vị nhân loại. Chúng ta có thể chờ đợi rằng các tầng lớp khác nhau của Huyền Giai Sáng Tạo các Thái dương Thiên Thần cũng có liên quan đến sự biểu hiện được phân cấp theo huyền giai này.

262. Where really is the Jewel in the Lotus of the average or advanced Ego to be located? It would seem that it is on the same subplane as that upon which the Ego is focussed—i.e., in early days, the Jewel in the Lotus would be located on the third subplane of the mental plane and in later and more advanced days, upon the second subplane.

262. Thực sự thì Bảo Châu trong Hoa Sen của chân ngã trung bình hay tiến bộ nằm ở đâu? Có vẻ như nó nằm trên cùng cõi phụ với cõi mà chân ngã được tập trung vào—tức là, trong những ngày đầu, Bảo Châu trong Hoa Sen sẽ nằm trên cõi phụ thứ ba của cõi trí, và trong những ngày sau này, tiến bộ hơn, trên cõi phụ thứ hai.

263. The "still greater Entity" here mentioned must be advanced as its "jewel" (and, therefore, presumably, its entire lotus) is on the second subplane of the mental plane.

263. "Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa" được nhắc đến ở đây hẳn phải tiến bộ, vì "bảo châu" của Ngài (và do đó, có lẽ, toàn bộ hoa sen của Ngài) nằm trên cõi phụ thứ hai của cõi trí.

264. We can wonder whether we are speaking of the 'collective Egoic Lotus' for the *entire human kingdom* and whether its "Jewel" is to be found on the second subplane of the mental plane.

264. Chúng ta có thể tự hỏi liệu ở đây chúng ta đang nói đến 'Hoa Sen Chân Ngã tập thể' của *toàn bộ giới nhân loại* hay không, và liệu "Bảo Châu" của nó có được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai của cõi trí hay không.

265. Humanity is one. All human personalities are as one vast Personality of one vast Soul of the human kingdom. There is no reason to doubt the possibility of one

265. Nhân loại là một. Tất cả các phàm ngã nhân loại đều như một Phàm ngã bao la của một Linh hồn bao la của giới nhân loại. Không có lý do gì để nghi ngờ khả năng tồn

vast Egoic Lotus for at entity we call Humanity.

tại của một Hoa Sen Chân Ngã bao la cho thực thể mà chúng ta gọi là Nhân Loại.

266. However, we do not know if this "still greater Entity" whose Jewel is on the second subplane of the mental plane is large enough to be the Egoic Lotus of Humanity.

266. Tuy nhiên, chúng ta không biết liệu "Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa" này, mà Bảo Châu của nó ở trên cõi phụ thứ hai của cõi trí, có đủ lớn để là Hoa Sen Chân Ngã của Nhân Loại hay không.

267. We have to read carefully to see whether this may be the case or not.

267. Chúng ta phải đọc cẩn thận để xem liệu điều này có thể là trường hợp ấy hay không.

268. In any case, we are not speaking of the Fourth Creative Hierarchy which has a still vaster scope than the human kingdom.

268. Dù sao đi nữa, chúng ta không nói về Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, vốn có một phạm vi còn bao la hơn giới nhân loại.

269. We simply have to learn more about group-hierarchical structure—how lesser entities are hierarchically incorporated into greater Entities.

269. Chúng ta đơn giản phải học thêm về cấu trúc phân cấp theo nhóm—về cách các thực thể nhỏ hơn được kết hợp theo huyền giai vào trong các Thực Thể lớn hơn.

All these

Tất cả những

270. We are speaking of the lotuses which comprise the "still greater Entity".

270. Chúng ta đang nói về các hoa sen cấu thành nên "Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa".

in their turn may be divided into seven fundamental groups.

đến lượt mình có thể được chia thành bảy nhóm căn bản.

271. It is as this point that we must decide between the following:

271. Chính tại điểm này chúng ta phải quyết định giữa những điều sau đây:

a. Whether the "still greater Entity" is the sum of all the egoic lotuses of humanity and whether the seven fundamental groups are division of this Egoic Lotus

a. Liệu "Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa" có phải là tổng số tất cả các hoa sen chân ngã của nhân loại hay không, và liệu bảy nhóm căn bản có phải là các phân chia của Hoa Sen Chân Ngã này hay không

b. Or—whether the seven fundamental groups are composed of Entities like those which DK has called "still greater Entity"

b. Hay—liệu bảy nhóm căn bản có được cấu thành từ những Thực Thể giống như điều Chân sư DK đã gọi là "Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa" hay không

c. It would seem that the first option makes more sense and fits with the phrase "in their turn may be divided…"

272. We are speaking of the combination of many of these Entities "still greater" than the individual Ego or than initial groups of Egos.

273. We would have, therefore:

a. An egoic lotus

b. Groups of egoic lotuses

c. Still vaster groups of egoic lotuses forming the egoic lotus of "a still greater Entity" Whose "jewel" is on the second subplane

d. Seven fundamental groups, created by dividing all lotuses collected in this "still greater Entity" into seven categories.

These seven groups or aggregates of egoic lotuses form the seven types of consciousness of those Entities Who are **the seven centres of force for our own planetary Logos.**

274. There are seven major groupings of egoic lotuses on the higher mental plane. These probably correlate to the seven Ashrams though, obviously, not all egoic lotuses are yet sufficiently developed to be included in the seven Ashrams.

275. Each grouping is the vehicle for an Entity or chakra in our Planetary Logos. We

c. Có vẻ như lựa chọn thứ nhất hợp lý hơn và phù hợp với cụm từ "đến lượt mình có thể được chia…"

272. Chúng ta đang nói về sự kết hợp của nhiều Thực Thể như thế, "vĩ đại hơn nữa" so với chân ngã cá nhân hay so với các nhóm chân ngã ban đầu.

273. Do đó, chúng ta sẽ có:

a. Một hoa sen chân ngã

b. Các nhóm hoa sen chân ngã

c. Những nhóm hoa sen chân ngã còn bao la hơn nữa, tạo thành hoa sen chân ngã của "một Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa", mà "bảo châu" của Ngài ở trên cõi phụ thứ hai

d. Bảy nhóm căn bản, được tạo ra bằng cách chia tất cả các hoa sen được tập hợp trong "Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa" này thành bảy loại.

Bảy nhóm hay tập hợp các hoa sen chân ngã này tạo thành bảy loại tâmthức của những Thực Thể là **bảy trung tâm mãnh lực cho Hành Tinh Thượng Đế của chính chúng ta.**

274. Có bảy sự tập hợp chính của các hoa sen chân ngã trên cõi thượng trí. Chúng có lẽ tương quan với bảy ashram, dù rõ ràng không phải tất cả các hoa sen chân ngã đều đã phát triển đủ để được bao gồm trong bảy ashram.

275. Mỗi sự tập hợp là vận cụ cho một Thực Thể hay một luân xa trong Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Dường như chúng

seem to be discussing *our* particular Planetary Logos.

276. Will notice here that seven Entities form seven force centers in our Planetary Logos; but usually the seven chakras (if this is what we can call these seven groupings) are to be found upon the cosmic etheric planes.

277. For a Planetary Logos, however, the seven groupings are as centers or chakras and are to be found upon the higher mental plane.

278. We will recall how often we have discussed the question of whether the chakric structure of a Planetary Logos might not *begin* on the higher mental plane instead of upon the first cosmic ether, considering the higher mental plane analogous to the fourth or lowest ether (at least for a Planetary Logos).

279. In any case, there is a close connection between the planetary logoic chakras to be found on the cosmic ethers and the seven groups of egoic lotuses on the higher mental plane.

280. Our real problem is to discover exactly where the chakras of (let us say) *our* Planetary Logos are located:

a. Are some of the planetary logoic chakras to be found on the higher mental plane, or should these egoic structures be considered analogous to *glands* which are *physical externalizations* of chakras?

ta đang bàn đến *Hành Tinh Thượng Đế* đặc thù của

276. Cần lưu ý ở đây rằng bảy Thực Thể tạo thành bảy trung tâm mãnh lực trong Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta; nhưng thông thường bảy luân xa (nếu đây là điều chúng ta có thể gọi bảy sự tập hợp này) được tìm thấy trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

277. Tuy nhiên, đối với một Hành Tinh Thượng Đế, bảy sự tập hợp này giống như các trung tâm hay luân xa và được tìm thấy trên cõi thượng trí.

278. Chúng ta sẽ nhớ lại đã nhiều lần bàn đến câu hỏi liệu cấu trúc luân xa của một Hành Tinh Thượng Đế có thể không *bắt đầu* trên cõi thượng trí thay vì trên dĩ thái vũ trụ thứ nhất hay không, xét rằng cõi thượng trí tương tự với dĩ thái thứ tư hay thấp nhất (ít nhất đối với một Hành Tinh Thượng Đế).

279. Dù sao đi nữa, có một mối liên hệ chặt chẽ giữa các luân xa của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên các cõi dĩ thái vũ trụ và bảy nhóm hoa sen chân ngã trên cõi thượng trí.

280. Vấn đề thực sự của chúng ta là khám phá chính xác các luân xa của (giả sử) *Hành Tinh Thượng Đế* của chúng ta nằm ở đâu:

a. Có phải một số luân xa của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên cõi thượng trí, hay các cấu trúc chân ngã này nên được xem là tương tự với các *tuyến* là những *sự ngoại hiện hồng trần* của các luân xa?

b. Are all the chakras of the Planetary Logos to be found on the buddhic plane, the fourth cosmic ether?

b. Có phải tất cả các luân xa của Hành Tinh Thượng Đế đều được tìm thấy trên cõi Bồ đề, dĩ thái vũ trụ thứ tư?

c. Are four lower chakras of the Planetary Logos to be on the higher mental plane, and the higher three distributed over the buddhic, atmic and monadic planes?

c. Có phải bốn luân xa thấp của Hành Tinh Thượng Đế ở trên cõi thượng trí, còn ba luân xa cao hơn được phân bố trên các cõi Bồ đề, atma và chân thần?

d. Are four lower chakras of the Planetary Logos to be found on the fourth cosmic ether and the other three chakras distributed over the atmic and monadic planes, or over the atmic, monadic, and logoic planes.

d. Có phải bốn luân xa thấp của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên dĩ thái vũ trụ thứ tư và ba luân xa kia được phân bố trên các cõi atma và chân thần, hoặc trên các cõi atma, chân thần và logoic?

e. These are not easy questions and are based on the difficulty of truly understanding the 'position' of our Planetary Logos with respect to the cosmic physical plane, since He is somewhat lower than our Solar Logos Whose 'position' with respect to the cosmic physical plane is much easier to understand.

e. Đây không phải là những câu hỏi dễ, và chúng dựa trên khó khăn trong việc thực sự thấu hiểu "vị trí" của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đối với cõi hồng trần vũ trụ, vì Ngài thấp hơn phần nào so với Thái dương Thượng đế của chúng ta, mà "vị trí" của Ngài đối với cõi hồng trần vũ trụ thì dễ hiểu hơn nhiều.

281. We are still speaking of groups of egoic lotuses and, now, of their amalgamation on higher levels.

281. Chúng ta vẫn đang nói về các nhóm hoa sen chân ngã và giờ đây là về sự hợp nhất của chúng trên các cấp độ cao hơn.

These seven in their turn will be synthesised **on higher levels** into the three higher centres,

Đến lượt mình, bảy nhóm này sẽ được tổng hợp **trên các cấp độ cao hơn** thành ba trung tâm cao hơn,

282. The occultism is really deepening here. So much is being said. Can we, however, grasp it?

282. Huyền bí học ở đây thực sự đang trở nên sâu sắc hơn. Rất nhiều điều đang được nói ra. Tuy nhiên, liệu chúng ta có thể nắm bắt được chăng?

283. We have sometimes noticed on the larger charts, that on a second systemic subplane seven entities are to be found, and on the first subplane, three. We may be

283. Đôi khi chúng ta đã nhận thấy trên các biểu đồ lớn hơn rằng trên một cõi phụ hệ thống thứ hai có thể tìm thấy bảy thực thể, và trên cõi phụ thứ nhất, ba thực thể. Có thể

dealing with a similar division here? (cf. TCF, Chart V, 344)

ở đây chúng ta đang xử lý một sự phân chia tương tự chăng? (xem TCF, Chart V, 344)

284. Are we still dealing with the higher mental subplane, or have we graduated to the other and planes.

284. Liệu chúng ta vẫn đang xử lý cõi phụ thượng trí, hay đã chuyển sang các cõi khác?

285. If we are speaking only of seven fundamental groups of egoic lotuses, we cannot really elevate them 'higher' than the higher mental plane and have them remain egoic *lotuses.* They can remain, however, as Egos for the true (and liberated Ego) is situated on the cosmic ethers.

285. Nếu chúng ta chỉ đang nói về bảy nhóm căn bản của các hoa sen chân ngã, chúng ta thực sự không thể nâng chúng lên "cao hơn" cõi thượng trí mà vẫn để chúng còn là các *hoa sen* chân ngã. Tuy nhiên, chúng có thể vẫn tồn tại như các chân ngã, vì chân ngã đích thực (và được giải thoát) nằm trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

286. From *Letters on Occult Meditation*, some tabulations are to be seen

286. Từ *Letters on Occult Meditation*, có thể thấy một số bảng liệt kê

(1st subplane35 groups, 7 x 5

(cõi phụ thứ nhất35 nhóm, 7 x 5

Mental plane (2nd subplane42 groups, 7 x 6

Cõi trí (cõi phụ thứ hai42 nhóm, 7 x 6

(3rd subplane49 groups, 7 x 7

(cõi phụ thứ ba49 nhóm, 7 x 7

[39]

[39]

(3rd subplane28 groups, 7 x 4

(cõi phụ thứ ba28 nhóm, 7 x 4

Buddhic plane(1st subplane21 groups, 7 x 3

Cõi Bồ đề(cõi phụ thứ nhất21 nhóm, 7 x 3

Atmic planeAtomic subplane14 groups, 7 x 2

Cõi atma cõi phụ nguyên tử14 nhóm, 7 x 2

Monadic plane**7 great groups** (LOM 38-39)

Cõi chân thần**7 nhóm lớn** (LOM 38-39)

287. We can see that there are seven great groups on the monadic plane which, cosmically, is the second subplane of the cosmic physical plane, so perhaps there are

287. Chúng ta có thể thấy rằng có bảy nhóm lớn trên cõi chân thần, mà xét theo vũ trụ là cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ, vì vậy có lẽ có *ba nhóm lớn* trên cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

three great groups on the highest subplane of the cosmic physical plane.

288. In this tabulation we have to be speaking of Egos and not of egoic lotuses, the reasons stated.

289. Whether we are talking about the atomic level of the higher mental plane or about still higher planes, the principle is clear: seven on the second subplane and three on the first subplane.

290. It is tempting, however, to think that we are still dealing with egoic lotuses on the higher mental plane and that we are noting the kinds of aggregations of such lotuses that can be found.

291. The causal bodies of the Three Logoi Who surround our Solar Logos are found in the first subplane of the cosmic mental plane just as His (the Solar Logos') is. Here we have an example of a threefold structure on the highest of the cosmic mental subplanes. There would naturally be a reflection on the highest subplane of the systemic mental plane.

292. If there are three great groups on the first subplane of the higher mental plane, the Jewel in the Lotus of such entities will also be on the first subplane.

293. HOWEVER, there is one problem which should be considered: the fourth initiation is taken when the egoic lotus is *still found* upon the second subplane. How, then, can there be egoic lotuses forming part of three vast lotuses on the *first* or *atomic subplane* when the egoic lotus is destroyed on the *second* subplane.

288. Trong bảng liệt kê này, chúng ta phải đang nói về các chân ngã chứ không phải các hoa sen chân ngã, vì những lý do đã nêu.

289. Dù chúng ta đang nói về cấp độ nguyên tử của cõi thượng trí hay về những cõi còn cao hơn, nguyên lý vẫn rõ ràng: bảy trên cõi phụ thứ hai và ba trên cõi phụ thứ nhất.

290. Tuy nhiên, thật hấp dẫn khi nghĩ rằng chúng ta vẫn đang xử lý các hoa sen chân ngã trên cõi thượng trí và đang ghi nhận các loại tập hợp của những hoa sen như thế có thể được tìm thấy.

291. Các thể nguyên nhân của Ba Thượng đế bao quanh Thái dương Thượng đế của chúng ta được tìm thấy trên cõi phụ thứ nhất của cõi trí vũ trụ, cũng như của Ngài (của Thái dương Thượng đế) vậy. Ở đây chúng ta có một ví dụ về cấu trúc tam phân trên cõi phụ cao nhất của cõi trí vũ trụ. Tự nhiên sẽ có một sự phản chiếu trên cõi phụ cao nhất của cõi trí hệ thống.

292. Nếu có ba nhóm lớn trên cõi phụ thứ nhất của cõi thượng trí, thì Bảo Châu trong Hoa Sen của các thực thể như thế cũng sẽ ở trên cõi phụ thứ nhất.

293. TUY NHIÊN, có một vấn đề cần được xem xét: lần điểm đạo thứ tư được tiếp nhận khi hoa sen chân ngã *vẫn còn được tìm thấy* trên cõi phụ thứ hai. Vậy thì làm sao có thể có các hoa sen chân ngã tạo thành một phần của ba hoa sen bao la trên cõi phụ *thứ nhất* hay *cõi phụ nguyên tử* khi hoa sen chân ngã bị hủy diệt trên cõi phụ *thứ hai*.

294. Of course, if we are speaking of the location of the Egoic Lotus of much greater Entities Who have many lesser egoic lotuses constituting them, the rules might change.

294. Dĩ nhiên, nếu chúng ta đang nói về vị trí của Hoa Sen Chân Ngã của những Thực Thể lớn lao hơn nhiều, mà được cấu thành bởi nhiều hoa sen chân ngã nhỏ hơn, thì các quy luật có thể thay đổi.

295. We will have to ponder awaiting further light.

295. Chúng ta sẽ phải suy ngẫm trong khi chờ đợi thêm ánh sáng.

till the entire energy and force which they represent is gathered up, and absorbed by the centre corresponding to the highest head centre of the planetary Logos.

cho đến khi toàn bộ năng lượng và mãnh lực mà chúng đại diện được thu gom lại và được hấp thụ bởi trung tâm tương ứng với trung tâm đầu cao nhất của Hành Tinh Thượng Đế.

296. When we speak of the "highest head centre of the planetary Logos" we expect to find this within the cosmic ethers. Are we speaking of the entire thousand petalled lotus of the Planetary Logos or even more specifically of the heart within the head of the Planetary Logos?

296. Khi chúng ta nói về "trung tâm đầu cao nhất của Hành Tinh Thượng Đế", chúng ta mong đợi tìm thấy điều này trong các cõi dĩ thái vũ trụ. Có phải chúng ta đang nói về toàn bộ hoa sen ngàn cánh của Hành Tinh Thượng Đế hay thậm chí cụ thể hơn là trái tim trong đầu của Hành Tinh Thượng Đế?

297. May it be that the head centers of the Planetary Logos go no higher than the systemic monadic plane?

297. Có thể nào các trung tâm đầu của Hành Tinh Thượng Đế không vượt cao hơn cõi chân thần hệ thống?

298. Or because Sanat Kumara is already focussed on the cosmic atomic ether, and because Shamballa is the head center of the Planetary Logos, must we think that the first cosmic ether is, indeed, open for the expression of the head center of the Planetary Logos?

298. Hay bởi vì Đức Sanat Kumara đã được tập trung trên dĩ thái nguyên tử vũ trụ, và bởi vì Shamballa là trung tâm đầu của Hành Tinh Thượng Đế, nên chúng ta phải nghĩ rằng dĩ thái vũ trụ thứ nhất quả thực mở ra cho sự biểu lộ của trung tâm đầu của Hành Tinh Thượng Đế?

299. In the following quotation we find "God" (Sanat Kumara, and thus, necessarily, the Planetary Logos) located etherically on the logoic plane.

299. Trong đoạn trích dẫn sau đây, chúng ta thấy "Thượng đế" (Đức Sanat Kumara, và do đó tất yếu là Hành Tinh Thượng Đế) được định vị một cách dĩ thái trên cõi logoic.

300. It would not make sense that the Christ or any seventh degree Chohan could focus

300. Sẽ không hợp lý nếu Đức Christ hay bất kỳ Chohan cấp bảy nào có thể tập trung ở nơi

where Sanat Kumara or the Planetary Logos could not.

mà Đức Sanat Kumara hay Hành Tinh Thượng Đế không thể.

There then follows, as a result of this, what is called the true Transfiguration. This enables the initiate to function upon the logoic or highest plane of the cosmic physical plane. This—in Christian phraseology—is called the "sitting down upon the right hand of God in Heaven." There the man who has attained this seventh initiation is transfigured. The first contact comes along the line which he has projected as a result of transformation; it is made with [Page 285] That which has ever overshadowed Sanat Kumara. The Chohan has now taken the seventh initiation. (R.&I 284-285)

Khi đó tiếp theo, như là kết quả của điều này, là điều được gọi là Biến hình đích thực. Điều này giúp cho điểm đạo đồ có thể hoạt động trên cõi logoic hay cõi cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ. Điều này—theo cách diễn đạt của Cơ Đốc giáo—được gọi là "ngồi bên hữu Thượng đế trên Thiên Đàng". Ở đó con người đã đạt đến lần điểm đạo thứ bảy này được Biến hình. Sự tiếp xúc đầu tiên đến theo đường mà y đã phóng chiếu như là kết quả của sự chuyển đổi; nó được thực hiện với [Page 285] Điều đã từng phủ bóng lên Đức Sanat Kumara. Chohan nay đã tiếp nhận lần điểm đạo thứ bảy. (R.&I 284-285)

301. The following tabulation, however, makes us question whether the electrical vibration of the head center of the Planetary Logos is to be found on the logoic plane or the monadic plane. For a Solar Logos there is no question—the logoic plane is involved.

301. Tuy nhiên, bảng liệt kê sau đây khiến chúng ta phải đặt câu hỏi liệu rung động điện của trung tâm đầu của Hành Tinh Thượng Đế được tìm thấy trên cõi logoic hay cõi chân thần. Đối với một Thái dương Thượng đế thì không có nghi vấn gì—cõi logoic có liên quan.

A SOLAR LOGOS

MỘT THÁI DƯƠNG THƯỢNG ĐẾ

1. Electrical vibration**the plane logoic or adi**.

1. Rung động điện**cõi logoic hay adi**.

2. Electrical lightthe plane monadic or anupadaka.

2. Ánh sáng điệncõi chân thần hay anupadaka.

3. Electrical soundthe plane of atma.

3. Âm thanh điệncõi atma.

4. Electrical colourthe plane of buddhi.

4. Màu sắc điệncõi Bồ đề.

A HEAVENLY MAN

MỘT ĐẤNG THIÊN NHÂN

1. Electrical vibration**the plane monadic**.

1. Rung động điện**cõi chân thần**.

2. Electrical lightthe plane of atma.

3. Electrical soundthe plane of buddhi.

4. Electrical colourthe mental plane. (TCF 231)

302. We are presented with a definite problem, as we have found Sanat Kumara and our Planetary Logos able to polarize on the logoic plane if the Christ can, for the Christ is sitting "at the right hand of God".

303. Yet, we have seen that for the Planetary Logos; electrical vibration focuses on the monadic plane and not on the logoic plane.

304. It would not make sense that the highest head center of the Planetary Logos (or of Sanat Kumara) would be located only on the fourth cosmic ether—the systemic buddhic plane.

305. There are a number of mysteries concerning the relationship between the Solar Logos and our Planetary Logos, and their relationship to the logoic plane is one of them.

Each Logos embodies one type of cosmic energy.

306. DK seems to be speaking of *seven* Planetary Logoi.

Each of His centres embodies this type of energy in one of its seven differentiations.

2. Ánh sáng điệncõi atma.

3. Âm thanh điệncõi Bồ đề.

4. Màu sắc điệncõi trí. (TCF 231)

302. Chúng ta được đặt trước một vấn đề xác định, vì chúng ta đã thấy Đức Sanat Kumara và Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có thể phân cực trên cõi logoic nếu Đức Christ có thể, vì Đức Christ đang ngồi "bên hữu Thượng đế".

303. Tuy nhiên, chúng ta đã thấy rằng đối với Hành Tinh Thượng Đế, rung động điện tập trung trên cõi chân thần chứ không phải trên cõi logoic.

304. Sẽ không hợp lý nếu trung tâm đầu cao nhất của Hành Tinh Thượng Đế (hay của Đức Sanat Kumara) chỉ nằm trên dĩ thái vũ trụ thứ tư—cõi Bồ đề hệ thống.

305. Có một số huyền nhiệm liên quan đến mối quan hệ giữa Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, và mối quan hệ của các Ngài với cõi logoic là một trong số đó.

Mỗi Thượng đế thể hiện một loại năng lượng vũ trụ.

306. Chân sư DK dường như đang nói về *bảy* Hành Tinh Thượng Đế.

Mỗi trung tâm của Ngài thể hiện loại năng lượng này trong một trong bảy sự biến phân của nó.

307. The seven major centers of a Planetary Logos are all of them principally qualified by one ray—the major ray of the Planetary Logos.

307. Bảy trung tâm chính của một Hành Tinh Thượng Đế, tất cả về căn bản đều được định tính bởi một cung—cung chính của Hành Tinh Thượng Đế.

308. Yet each center *qualifies* the major ray of the Planetary Logos with one of the seven subrays.

308. Tuy nhiên, mỗi trung tâm lại *định tính* cung chính của Hành Tinh Thượng Đế bằng một trong bảy cung phụ.

309. The question is, "*Which* is the major ray of a particular Planetary Logos?"

309. Câu hỏi là, "*Cung nào* là cung chính của một Hành Tinh Thượng Đế đặc thù?"

310. Perhaps this depends on the time equation. When a Planetary Logos is truly a *soul,* then the major ray may be His soul ray, but when the Planetary Logos is within reach of His Monad, then the major ray may be His monadic ray. And when a Planetary Logos is expressing as a personality (as the Logoi of non-sacred planets tend to do), then, perhaps, the major ray is the personality ray.

310. Có lẽ điều này tùy thuộc vào phương trình thời gian. Khi một Hành Tinh Thượng Đế thực sự là một *linh hồn,* thì cung chính có thể là cung linh hồn của Ngài, nhưng khi Hành Tinh Thượng Đế ở trong tầm với của chân thần của Ngài, thì cung chính có thể là cung chân thần của Ngài. Và khi một Hành Tinh Thượng Đế đang biểu lộ như một phàm ngã (như các Thượng đế của các hành tinh không thiêng liêng có khuynh hướng làm), thì có lẽ cung chính là cung phàm ngã.

Each of these seven in turn manifests through egoic groups, and these again are composed of those points of energy we call Egos.

Đến lượt mình, mỗi một trong bảy vị này biểu lộ thông qua các nhóm chân ngã, và các nhóm này lại được cấu thành từ những điểm năng lượng mà chúng ta gọi là các chân ngã.

311. It may be useful to think of an identity as a "point of energy". Devas are thought of as energy points.

311. Có thể hữu ích khi nghĩ về một bản sắc như là một "điểm năng lượng". Các thiên thần được nghĩ đến như những điểm năng lượng.

312. The picture is becoming clearer. The seven energy-qualifications of the major ray of the Planetary Logos each manifests through certain egoic groups (seven of them, presumably) and each of these groups is composed of the points or units we call Egos.

312. Bức tranh đang trở nên rõ ràng hơn. Mỗi một trong bảy sự định tính năng lượng của cung chính của Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ thông qua những nhóm chân ngã nhất định (có lẽ là bảy nhóm), và mỗi nhóm trong số này được cấu thành từ các điểm hay đơn vị mà chúng ta gọi là các chân ngã.

313. We have, therefore:

a. The major ray of the Planetary Logos

b. Seven differentiations of that major ray, the differentiations caused by transmission through seven major planetary logoic centers and qualified thereby. Where are these centers to be found since they are major? Presumably, upon the cosmic ethers (though we still have not resolved the issue of whether, for a Planetary Logos, the higher mental plane is to be considered 'etheric').

c. Seven major egoic groups on the higher mental plane, each of them responsive to one or other of the Planetary Logos' seven major *etheric* centers

d. The billions of points (upon the higher mental plane) which we call Egos

These multitudes of egoic groups form a radiant interlocking whole,

314. Here, we are touching on one of the secrets of initiation. How many egoic groups? We are only told there are multitudes, and they all must, it would seem, be organized according to their energy complement or formula, or according to degrees of unfoldment, or both.

315. DK seems to be suggesting the type of splendour we might find on the higher mental plane.

313. Do đó, chúng ta có:

a. Cung chính của Hành Tinh Thượng Đế

b. Bảy sự biến phân của cung chính ấy, những sự biến phân do sự truyền dẫn qua bảy trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế và nhờ đó được định tính. Những trung tâm này được tìm thấy ở đâu vì chúng là những trung tâm chính? Có lẽ là trên các cõi dĩ thái vũ trụ (dù chúng ta vẫn chưa giải quyết được vấn đề liệu, đối với một Hành Tinh Thượng Đế, cõi thượng trí có nên được xem là 'dĩ thái' hay không).

c. Bảy nhóm chân ngã chính trên cõi thượng trí, mỗi nhóm trong số đó đáp ứng với một hay một trung tâm *dĩ thái* chính nào đó trong bảy trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế

d. Hàng tỉ điểm (trên cõi thượng trí) mà chúng ta gọi là các chân ngã

Những vô số nhóm chân ngã này tạo thành một toàn thể rực rỡ, đan xen lẫn nhau,

314. Ở đây, chúng ta đang chạm đến một trong những bí mật của điểm đạo. Có bao nhiêu nhóm chân ngã? Chúng ta chỉ được cho biết rằng có vô số, và dường như tất cả chúng đều phải được tổ chức theo bổ thể năng lượng hay công thức của chúng, hoặc theo các mức độ khai mở, hoặc theo cả hai.

315. Chân sư DK dường như đang gợi ý loại huy hoàng mà chúng ta có thể tìm thấy trên cõi thượng trí.

though all are diverse and differing, both as to their point of development, and **their secondary colouring**.

316. The primary coloring of the seven major egoic groups would be a reflection of the seven qualifications of the major ray of the Planetary Logos (as it expresses through His seven major etheric centers—on the cosmic ethers).

317. No one group would be exactly like another. If there is something which is similar about two groups, there must also be something secondary which differentiates them.

318. Perhaps every group is monadically affected and also egoically affected. In other words the monadic ray and the triadal ray are distinct in nature (though they may not always be different). Perhaps the egoic groups are qualified by both the monadic ray of the constituent Egos and also the triadal ray (in this case the *secondary* triadal ray) of the constituent Egos. The secondary triadal ray (as we have discussed on numerous occasions) is what we call the "soul ray".

319. We have many times discussed major and minor monadic rays and major and minor triadal rays. It is on the basis of such rays that egoic groups would find their distinction from each other.

320. Presumably there would be forty-nine distinctions.

321. We may be able to relate the subray of the major ray of the Planetary Logos to the

mặc dù tất cả đều đa dạng và khác biệt, cả về điểm phát triển của chúng lẫn về **sự tô màu thứ yếu của chúng**.

316. Sự tô màu sơ cấp của bảy nhóm chân ngã chính sẽ là một phản chiếu của bảy sự định tính của cung chính của Hành Tinh Thượng Đế (khi nó biểu lộ qua bảy trung tâm dĩ thái chính của Ngài—trên các cõi dĩ thái vũ trụ).

317. Không một nhóm nào sẽ hoàn toàn giống một nhóm khác. Nếu có điều gì tương tự giữa hai nhóm, thì cũng phải có điều gì đó thứ yếu làm cho chúng khác biệt.

318. Có lẽ mỗi nhóm đều bị tác động theo chân thần và cũng bị tác động theo chân ngã. Nói cách khác, cung chân thần và cung tam nguyên tinh thần khác biệt về bản chất (dù không phải lúc nào cũng khác nhau). Có lẽ các nhóm chân ngã được định tính bởi cả cung chân thần của các chân ngã cấu thành lẫn cung tam nguyên tinh thần (trong trường hợp này là cung tam nguyên tinh thần *thứ yếu*) của các chân ngã cấu thành. Cung tam nguyên tinh thần thứ yếu (như chúng ta đã bàn đến trong nhiều dịp) là điều chúng ta gọi là "cung linh hồn".

319. Chúng ta đã nhiều lần bàn đến các cung chân thần chính và phụ, và các cung tam nguyên tinh thần chính và phụ. Chính trên cơ sở những cung như thế mà các nhóm chân ngã sẽ tìm thấy sự phân biệt của chúng với nhau.

320. Có lẽ sẽ có bốn mươi chín sự phân biệt.

321. Chúng ta có thể có khả năng liên hệ cung phụ của cung chính của Hành Tinh

monadic subray of the Egos involved in any group of egoic lotuses.

Thượng Đế với cung phụ chân thần của các chân ngã có liên quan trong bất kỳ nhóm hoa sen chân ngã nào.

322. The matter is not easy. Groups of egoic lotuses can be aggregated according to the ray of the soul, but it would seem that the ray of the Monad (and there are *two* such rays expressing on the monadic plane for every Monad) would also be an important means of differentiating one egoic group from another.

322. Vấn đề này không dễ. Các nhóm hoa sen chân ngã có thể được tập hợp theo cung của linh hồn, nhưng dường như cung của chân thần (và có *hai* cung như thế biểu lộ trên cõi chân thần đối với mỗi chân thần) cũng sẽ là một phương tiện quan trọng để phân biệt nhóm chân ngã này với nhóm chân ngã khác.

323. And into this picture we would have to introduce the major ray of the Planetary Logos and the seven subsidiary, chakric qualifications of that major ray. Those qualifications (coloring as they do each of the seven fundamental egoic groups) might have a relation to the monadic rays and subrays and the egoic rays and subrays of the Egos participating in those egoic groups).

323. Và vào trong bức tranh này, chúng ta sẽ phải đưa vào cung chính của Hành Tinh Thượng Đế và bảy sự định tính phụ thuộc, có tính luân xa, của cung chính ấy. Những sự định tính đó (vì chúng tô màu cho mỗi một trong bảy nhóm chân ngã căn bản) có thể có một mối liên hệ với các cung chân thần và cung phụ chân thần, cũng như các cung chân ngã và cung phụ chân ngã của các chân ngã tham dự vào những nhóm chân ngã ấy).

324. Of one thing we can be sure: all of these divisions and subdivisions are superbly organized.

324. Có một điều chúng ta có thể chắc chắn: tất cả những phân chia và phân chia phụ này đều được tổ chức tuyệt vời.

Just as the petals in the egoic lotus of the incarnating jivas unfold in differing order and at different periods,

Cũng như các cánh hoa trong hoa sen chân ngã của các jiva đang nhập thể khai mở theo thứ tự khác nhau và vào những thời kỳ khác nhau,

325. This would depend upon the monadic ray of the Ego concerned and also upon the type of energies available at any one time of unfoldment. The intricacy of this must be amazing to understand.

325. Điều này sẽ tùy thuộc vào cung chân thần của chân ngã liên hệ và cũng tùy thuộc vào loại năng lượng sẵn có tại bất kỳ thời điểm khai mở nào. Sự phức tạp của điều này hẳn phải đáng kinh ngạc nếu thấu hiểu được.

so the egoic groups also unfold diversely as to time and sequence.

thì các nhóm chân ngã cũng khai mở một cách đa dạng về thời gian và trình tự.

326. This would be so if egoic groups were differentiated largely according to the monadic rays and subrays of the constituent Egos and also the egoic ray (which is really the *secondary* ray of the spiritual triad). Egoic subrays (which differentiate the seven Ashrams in any major Ashram) could also be a factor in the process of differentiating egoic groups from one another.

326. Điều này sẽ đúng nếu các nhóm chân ngã được phân biệt phần lớn theo các cung chân thần và cung phụ chân thần của các chân ngã cấu thành, và cũng theo cung chân ngã (thực ra là cung *thứ yếu* của Tam Nguyên Tinh Thần). Các cung phụ chân ngã (phân biệt bảy ashram trong bất kỳ ashram chính nào) cũng có thể là một yếu tố trong tiến trình phân biệt các nhóm chân ngã với nhau.

This produces a wonderful appearance.

Điều này tạo ra một sắc tướng kỳ diệu.

327. Clearly Master DK *sees* these things *as they are* and without distortion. The day will come when through proper training and much patience, we will see as well.

327. Rõ ràng Chân sư DK *thấy* những điều này *như chúng là* và không có sự méo mó. Ngày ấy sẽ đến khi, qua sự huấn luyện đúng đắn và nhiều kiên nhẫn, chúng ta cũng sẽ thấy như vậy.

328. A report on the beauty of the higher worlds is an incentive to us as we progress.

328. Một tường thuật về vẻ đẹp của các thế giới cao hơn là một sự khích lệ đối với chúng ta khi chúng ta tiến bước.

Again just as the Master can (by [Page 770] studying the group or larger lotus of which He is a part),

Lại nữa, cũng như Chân sư có thể (bằng cách [Page 770] nghiên cứu nhóm hay hoa sen lớn hơn mà Ngài là một phần của nó),

329. Are we speaking of the "larger lotus of which He [the Master] is a part"? If so, we will not be speaking of an egoic lotus (for that has already disappeared for a Master) but of a lotus which represents that chakra in the Planetary Logos of which the Master is a part.

329. Có phải chúng ta đang nói về "hoa sen lớn hơn mà Ngài [Chân sư] là một phần của nó" không? Nếu vậy, chúng ta sẽ không nói về một hoa sen chân ngã (vì điều đó đã biến mất đối với một Chân sư) mà là về một hoa sen tượng trưng cho luân xa ấy trong Hành Tinh Thượng Đế mà Chân sư là một phần của nó.

ascertain the condition of the human units who go to its constitution,

xác định tình trạng của các đơn vị nhân loại tạo nên cấu thành của nó,

330. The suggestion is that not only is a human being a member of an egoic group on the higher mental plane, but also of a chakric lotus on the cosmic etheric planes—

330. Gợi ý ở đây là không những con người là một thành viên của một nhóm chân ngã trên cõi thượng trí, mà còn là thành viên của một hoa sen luân xa trên các cõi dĩ thái vũ

a center within the etheric constitution of his Planetary Logos.

331. If a Master is still a part of a larger lotus which is still to be found on the higher mental plane, then (though He is free from that lotus because He no longer has a causal body) He is related to that large group lotus through His participation in that one of the planetary logoic centers on the cosmic ethers which is directly related with that group egoic lotus (still on the higher mental plane).

332. As well, each human unit may be a member of one of seven major chakras to be found on the monadic plane—perhaps the seven etheric head centers within his particular Planetary Logos.

333. For analogy, we should attempt to locate on the systemic etheric plane the seven head centers of a human being.

334. Of what types of lotuses can a human being be considered a member:

a. Of one of the seven major etheric of His Planetary Logos, found probably on the cosmic ethers

b. Of one of the seven group centers found upon the monadic plane

c. Of one of the seven fundamental centers found on the higher mental plane (each of these reflective of one of the seven major etheric centers of his Planetary Logos.

so the planetary Logos can ascertain through *conscious identification* (note the term) **the condition of the various groups**

trụ—một trung tâm trong cấu tạo dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế của y.

331. Nếu một Chân sư vẫn là một phần của một hoa sen lớn hơn vẫn còn được tìm thấy trên cõi thượng trí, thì (dù Ngài tự do khỏi hoa sen ấy vì Ngài không còn thể nguyên nhân nữa) Ngài vẫn liên hệ với hoa sen nhóm lớn đó thông qua sự tham dự của Ngài vào một trong các trung tâm của Hành Tinh Thượng Đế trên các cõi dĩ thái vũ trụ, trung tâm trực tiếp liên hệ với hoa sen chân ngã nhóm ấy (vẫn còn trên cõi thượng trí).

332. Ngoài ra, mỗi đơn vị nhân loại có thể là một thành viên của một trong bảy luân xa chính được tìm thấy trên cõi chân thần—có lẽ là bảy trung tâm đầu dĩ thái trong Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của y.

333. Theo phép tương đồng, chúng ta nên cố gắng định vị trên cõi dĩ thái hệ thống bảy trung tâm đầu của một con người.

334. Một con người có thể được xem là thành viên của những loại hoa sen nào:

a. Của một trong bảy trung tâm dĩ thái chính của Hành Tinh Thượng Đế của Ngài, có lẽ được tìm thấy trên các cõi dĩ thái vũ trụ

b. Của một trong bảy trung tâm nhóm được tìm thấy trên cõi chân thần

c. Của một trong bảy trung tâm căn bản được tìm thấy trên Cõi thượng trí (mỗi trung tâm này phản chiếu một trong bảy trung tâm dĩ thái chính của Hành Tinh Thượng Đế của y.

để Hành Tinh Thượng Đế có thể nhận biết qua sự *đồng hoá có ý thức* (lưu ý thuật ngữ này) **tình trạng của các nhóm khác nhau**

through whom His work must be accomplished.

335. When we considered the Master, we saw Him studying the larger lotus of which He was a part and thus learning something of the human units that went to the composition of that lotus.

336. When we study the Planetary Logos, we find Him, as it were, 'looking below' to learn about the egoic groups through which He is working.

337. The Planetary Logos' method of ascertainment is through *identification.* This speaks to the much greater degree of development possessed by the Planetary Logos when compared to the Master. The Master is still learning identification.

338. Thus, when we compare the two approaches, we see that the Master is looking upwards and the Planetary Logos downwards. For the Planetary Logos the issue is one of purposeful expression through human units and groups of human units on various planes and subplanes.

339. This is also true, to some extent, of the Master in the Ashram.

340. The Planetary Logos could also 'look above' to still greater groups of which He was a part.

It will now be apparent to the student that the appearance of the incarnating jivas on the physical plane will be governed by three things

mà qua đó công việc của Ngài phải được hoàn thành.

335. Khi chúng ta khảo sát Chân sư, chúng ta thấy Ngài nghiên cứu hoa sen lớn hơn mà Ngài là một phần của nó và nhờ đó học được điều gì đó về các đơn vị nhân loại cấu thành hoa sen ấy.

336. Khi chúng ta nghiên cứu Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta thấy Ngài, theo một nghĩa nào đó, "nhìn xuống dưới" để tìm hiểu về các nhóm chân ngã mà qua đó Ngài đang hoạt động.

337. Phương pháp nhận biết của Hành Tinh Thượng Đế là thông qua sự *đồng hoá.* Điều này nói lên mức độ phát triển lớn lao hơn nhiều mà Hành Tinh Thượng Đế sở hữu khi so với Chân sư. Chân sư vẫn còn đang học sự đồng hoá.

338. Vì vậy, khi chúng ta so sánh hai cách tiếp cận, chúng ta thấy rằng Chân sư đang nhìn lên trên còn Hành Tinh Thượng Đế thì nhìn xuống dưới. Đối với Hành Tinh Thượng Đế, vấn đề là sự biểu lộ có chủ đích thông qua các đơn vị nhân loại và các nhóm đơn vị nhân loại trên những cõi và cõi phụ khác nhau.

339. Điều này cũng đúng, ở một mức độ nào đó, đối với Chân sư trong Ashram.

340. Hành Tinh Thượng Đế cũng có thể "nhìn lên trên" đến những nhóm còn lớn lao hơn nữa mà Ngài là một phần của chúng.

Giờ đây đạo sinh sẽ thấy rõ rằng sự sắc tướng của các jiva đang nhập thể trên cõi hồng trần sẽ được chi phối bởi ba điều

341. We seem to be speaking of appearance of the jiva on the systemic physical plane.

341. Dường như chúng ta đang nói về sắc tướng của jiva trên cõi hồng trần của hệ thống.

342. We will speak of what drives the jiva into incarnation.

342. Chúng ta sẽ nói về điều gì thúc đẩy jiva đi vào lâm phàm.

First of all, **on impulse based on the will-purpose** of the Life animating the aggregate of groups on any subray, or one of the seven larger groups.

Trước hết, **bởi xung lực dựa trên ý chí-mục đích** của Sự sống đang làm sinh động tổng thể các nhóm trên bất kỳ cung phụ nào, hay một trong bảy nhóm lớn hơn.

343. The seven larger groups would have an *cosmic etheric* basis rather than a higher mental basis. They would be conditioned by one or other of the seven subrays of the major planetary Ray—as we have been discussing.

343. Bảy nhóm lớn hơn sẽ có một nền tảng *dĩ thái vũ trụ* hơn là một nền tảng thượng trí. Chúng sẽ bị tác động bởi một hay một cung phụ khác trong bảy cung phụ của cung hành tinh chính—như chúng ta đã bàn đến.

344. The “Life” is the life of the Planetary Logos.

344. “Sự sống” là sự sống của Hành Tinh Thượng Đế.

345. The seven major centers of the Planetary Logos (presumably the chakras that are not the seven major head centers) are the seven major influences influencing the human unit even on the physical plane.

345. Bảy trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế (có lẽ là các luân xa không phải bảy trung tâm đầu chính) là bảy ảnh hưởng chính đang tác động lên đơn vị nhân loại ngay cả trên cõi hồng trần.

346. Presumably, every human unit that has an egoic body, is a member of one of seven fundamental centers each of which is resonantly responsive to one of the seven major centers of his Planetary Logos.

346. Có lẽ, mọi đơn vị nhân loại có thể chân ngã đều là thành viên của một trong bảy trung tâm căn bản, mỗi trung tâm trong số đó đáp ứng cộng hưởng với một trong bảy trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế của y.

347. Such distinctions as would appear on the physical plane are based on the major ray of the Planetary Logos and one of the seven major qualifications of that ray.

347. Những phân biệt như xuất hiện trên cõi hồng trần đều dựa trên cung chính của Hành Tinh Thượng Đế và một trong bảy phẩm tính chính của cung ấy.

348. We remember that for a Planetary Logos, the physical plane is not the systemic

348. Chúng ta nhớ rằng đối với một Hành Tinh Thượng Đế, cõi hồng trần không phải là

physical plane, but the dense portion of the cosmic physical plane—the lower eighteen systemic subplanes.

cõi hồng trần của hệ thống, mà là phần đậm đặc của cõi hồng trần vũ trụ—mười tám cõi phụ thấp của hệ thống.

349. In short, the qualified life of the Planetary Logos is driving the jiva into incarnation.

349. Tóm lại, sự sống đã được phẩm định của Hành Tinh Thượng Đế đang thúc đẩy jiva đi vào lâm phàm.

Second, **on impulse based on the will, tinged by desire, of the Life animating a man's egoic group**.

Thứ hai, **bởi xung lực dựa trên ý chí, nhuốm màu dục vọng, của Sự sống đang làm sinh động nhóm chân ngã của một người**.

350. The seven centers qualifying the major ray of the Planetary Logos, are not found on the higher mental plane, but on the cosmic ethers.

350. Bảy trung tâm phẩm định cung chính của Hành Tinh Thượng Đế không được tìm thấy trên Cõi thượng trí, mà trên các dĩ thái vũ trụ.

351. But there are seven major egoic groups on the higher mental plane, each reflecting of the Planetary Logos' major etheric centers (if we presume such planetary logoic centers to be on the cosmic ethers), and probably, reflecting as well, one of the Planetary Logos' seven major head centers.

351. Nhưng có bảy nhóm chân ngã chính trên Cõi thượng trí, mỗi nhóm phản chiếu các trung tâm dĩ thái chính của Hành Tinh Thượng Đế (nếu chúng ta giả định các trung tâm hành tinh thượng đế ấy nằm trên các dĩ thái vũ trụ), và có lẽ cũng phản chiếu một trong bảy trung tâm đầu chính của Hành Tinh Thượng Đế.

352. Notice that when it comes to the energy of the egoic groups, the factor of desire is present.

352. Hãy lưu ý rằng khi nói đến năng lượng của các nhóm chân ngã, yếu tố dục vọng hiện diện.

353. Men on the outer plane are, thus, differentiated by will impulses which originate on the cosmic ethers and also by will/desire impulses which originate on the higher mental plane.

353. Vì vậy, những người nam và nữ trên cõi bên ngoài được phân biệt bởi các xung lực ý chí bắt nguồn trên các dĩ thái vũ trụ và cũng bởi các xung lực ý chí/dục vọng bắt nguồn trên Cõi thượng trí.

354. We have probably gathered that egoic groups are informed by and expressions of Entities than are greater than any of the Egos within such groups.

354. Có lẽ chúng ta đã nhận ra rằng các nhóm chân ngã được thấm nhuần bởi và là những biểu lộ của các Thực Thể lớn lao hơn bất kỳ chân ngã nào bên trong các nhóm ấy.

355. We are being told how an hierarchy of Beings impels the human jiva into incarnation:

a. The Planetary Logos Himself

b. The Lords of the seven fundamental 'etheric' centers of the Planetary Logos

c. The Beings or Entities Who inform the seven groups of Egos on the higher mental plane to which any Ego before the fourth initiation, must belong.

Third, on impulse, based on the desire of the Ego for physical plane manifestation.

356. Now we are discussing an *individual* phenomenon and not a group phenomenon.

357. Each individual Ego has its own desires and tendencies.

358. We note here that this impulse is not based on will but only on desire.

359. Differentiations on human beings on the physical plane are also caused by egoic desires for particular types of physical manifestation.

360. The Entities involved, thus far, in impelling the Jiva into incarnation are:

a. The Planetary Logos Himself

b. The Lords of the seven fundamental 'etheric' centers of the Planetary Logos

355. Chúng ta đang được cho biết một huyền giai các Đấng đang thúc đẩy jiva nhân loại đi vào lâm phàm như thế nào:

a. Chính Hành Tinh Thượng Đế

b. Các Đấng Giải Thoát của bảy trung tâm "dĩ thái" căn bản của Hành Tinh Thượng Đế

c. Các Đấng hay các Thực Thể thấm nhuần bảy nhóm chân ngã trên Cõi thượng trí mà bất kỳ chân ngã nào trước lần điểm đạo thứ tư đều phải thuộc về.

Thứ ba, bởi xung lực dựa trên dục vọng của chân ngã đối với sự biểu hiện trên cõi hồng trần.

356. Giờ đây chúng ta đang bàn về một hiện tượng *cá nhân* chứ không phải một hiện tượng nhóm.

357. Mỗi chân ngã cá nhân đều có những dục vọng và khuynh hướng riêng của nó.

358. Ở đây chúng ta lưu ý rằng xung lực này không dựa trên ý chí mà chỉ dựa trên dục vọng.

359. Những sự phân biệt nơi con người trên cõi hồng trần cũng do các dục vọng chân ngã đối với những loại biểu hiện hồng trần đặc thù gây ra.

360. Các Thực Thể cho đến nay có liên quan trong việc thúc đẩy Jiva đi vào lâm phàm là:

a. Chính Hành Tinh Thượng Đế

b. Các Đấng Giải Thoát của bảy trung tâm "dĩ thái" căn bản của Hành Tinh Thượng Đế

c. The Beings or Entities Who inform the seven groups of Egos on the higher mental plane to which any Ego before the fourth initiation, must belong.

c. Các Đấng hay các Thực Thể thấm nhuần bảy nhóm chân ngã trên Cõi thượng trí mà bất kỳ chân ngã nào trước lần điểm đạo thứ tư đều phải thuộc về.

d. The individual Ego itself

d. Chính chân ngã cá nhân

As identification of a man with his group becomes matured the desire impulse becomes modified until it is eventually superseded by group will.

Khi sự đồng hoá của một người với nhóm của y trở nên chín muồi, xung lực dục vọng sẽ được biến đổi cho đến khi cuối cùng bị thay thế bởi ý chí nhóm.

361. We note that egoic desire does not forever remain the individual driving impulse for manifestation.

361. Chúng ta lưu ý rằng dục vọng chân ngã không mãi mãi là xung lực thúc đẩy cá nhân đối với sự biểu hiện.

362. The group impulse (motivated by *will* rather than *desire*) supersedes individual egoic desire.

362. Xung lực nhóm (được thúc đẩy bởi *ý chí* hơn là *dục vọng*) thay thế dục vọng chân ngã cá nhân.

363. Attentiveness to the energy streams of the Solar Angel contributes to this growing group identification.

363. Sự chú tâm đến các dòng năng lượng của Thái dương Thiên Thần góp phần vào sự đồng hoá nhóm ngày càng tăng này.

364. We have still to determine the degree to which the Solar Angel/solar angels are involved in impelling a jiva into incarnation.

364. Chúng ta vẫn còn phải xác định mức độ mà Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần có liên quan trong việc thúc đẩy một jiva đi vào lâm phàm.

If these facts are pondered **upon it will be apparent that Egos come into incarnation therefore not singly but according to group urge,** and thus collectively.

Nếu những sự kiện này được suy ngẫm **thì sẽ rõ rằng các chân ngã đi vào lâm phàm không phải đơn lẻ mà theo sự thôi thúc của nhóm,** và do đó một cách tập thể.

365. On the surface this seems an incontrovertible statement. We must ask, however, whether group incarnation is the law and rule *before* the man begins to identify with his inner group?

365. Trên bề mặt, điều này dường như là một phát biểu không thể bác bỏ. Tuy nhiên, chúng ta phải hỏi liệu sự nhập thể theo nhóm có phải là định luật và quy luật *trước khi* con người bắt đầu đồng hoá với nhóm bên trong của y hay không?

366. Probably, man always incarnates in groups, but does not *realize* he is doing so until he is much more matured in the process of group identification.

366. Có lẽ, con người luôn nhập thể theo nhóm, nhưng không *chứng nghiệm* rằng mình đang làm như vậy cho đến khi y chín muồi hơn nhiều trong tiến trình đồng hoá nhóm.

367. A knowledge of group incarnational cycles must be of great importance to the Masters when They attempt to determine how to manifest the Divine Plan. The human 'materials' with which They have to work are only available at certain times and for certain durations.

367. Sự hiểu biết về các chu kỳ nhập thể theo nhóm hẳn có tầm quan trọng lớn lao đối với các Chân sư khi Các Ngài cố gắng xác định cách biểu lộ Thiên Cơ. Những "vật liệu" nhân loại mà Các Ngài phải làm việc cùng chỉ sẵn có vào những thời điểm nhất định và trong những khoảng thời gian nhất định.

This is the basis of collective karma, and of family karma.

Đây là cơ sở của nghiệp quả tập thể và nghiệp quả gia đình.

368. The groups as units have their own karma and, in this karma, all the units within the groups share.

368. Các nhóm như những đơn vị có nghiệp quả riêng của chúng và trong nghiệp quả này, mọi đơn vị bên trong các nhóm đều cùng chia sẻ.

369. Collectives and families commit certain deeds (good or bad) together. They will, therefore, also *reap* effects together.

369. Các tập thể và gia đình cùng nhau thực hiện những hành vi nhất định (tốt hay xấu). Vì vậy, họ cũng sẽ cùng nhau *gặt hái* các kết quả.

370. Here we are not speaking of the seven fundamental groups of Egos, but of far smaller groupings which have arisen largely through interaction on the lower planes.

370. Ở đây chúng ta không nói về bảy nhóm chân ngã căn bản, mà nói về những tập hợp nhỏ hơn rất nhiều, phần lớn phát sinh qua sự tương tác trên các cõi thấp.

The individual urge, which is, of course, a reaction to group urge, is the result of personal karma.

Sự thôi thúc cá nhân, dĩ nhiên là một phản ứng đối với sự thôi thúc của nhóm, là kết quả của nghiệp quả cá nhân.

371. The group "urge" is not the same as "group will". The person is still captivated by the lower aspects of desire which bind him to the lower worlds.

371. "Sự thôi thúc" của nhóm không giống với "ý chí nhóm". Người ấy vẫn còn bị mê hoặc bởi các phương diện thấp của dục vọng vốn trói buộc y vào các ba cõi thấp.

372. According to the karma generated so will the individual be prompted to re-enter the lower worlds.

372. Theo nghiệp quả đã được tạo ra, cá nhân sẽ được thúc đẩy tái nhập các cõi thấp đúng như vậy.

373. We are gathering that many types of impulses drive the human unit into incarnation: some are individual, personal and based largely on desire, and some the result of wills much higher than his own personal, individual will.

373. Chúng ta đang nhận ra rằng nhiều loại xung lực thúc đẩy đơn vị nhân loại đi vào lâm phàm: một số là cá nhân, riêng tư và phần lớn dựa trên dục vọng, và một số là kết quả của những ý chí cao hơn rất nhiều so với ý chí cá nhân riêng của y.

374. There is "group will" and 'group urge'. The individual first identifies with the latter and only later with the former.

374. Có "ý chí nhóm" và "sự thôi thúc của nhóm". Cá nhân trước hết đồng hoá với điều sau và chỉ về sau mới đồng hoá với điều trước.

Hence, though we may by these reflections, have thrown some light upon this question of reincarnation, we have nevertheless said much to increase the magnitude of the question, and its complexity.

Do đó, dù qua những suy tư này chúng ta có thể đã soi sáng phần nào vấn đề tái sinh này, nhưng đồng thời chúng ta cũng đã nói nhiều điều làm tăng thêm tầm vóc của vấn đề và tính phức tạp của nó.

375. How true this is! At our stage in the understanding of the Ageless Wisdom, we must proceed slowly, knowing that we are only being given the ABC's.

375. Điều này thật đúng biết bao! Ở giai đoạn thấu hiểu Minh Triết Ngàn Đời của chúng ta, chúng ta phải tiến bước chậm rãi, biết rằng chúng ta chỉ đang được trao cho những chữ cái ABC.

376. If we thought of incarnation as purely an individual/personal choice, we now see how much more is involved, and the manner in which we are receiving promptings and impulsions from larger spheres in which our individual sphere forms only a very small part.

376. Nếu trước đây chúng ta nghĩ về lâm phàm như một lựa chọn hoàn toàn cá nhân/riêng tư, thì giờ đây chúng ta thấy còn bao nhiêu điều khác liên quan, và cách thức chúng ta đang nhận những sự thúc đẩy và xung động từ những khối cầu lớn hơn, trong đó khối cầu cá nhân của chúng ta chỉ tạo thành một phần rất nhỏ.

Average man is confined to the use of the physical brain, and is, therefore, unable to think in group terms.

Con người trung bình bị giới hạn trong việc sử dụng bộ não hồng trần, và vì vậy không thể suy nghĩ theo những thuật ngữ nhóm.

377. This, the Coming of the Christ is intended to rectify.

377. Đây chính là điều mà Sự Đến của Đức Christ nhằm sửa chữa.

378. When the second aspect plays a bigger role in the life of man, the ability to think of group terms grows.

378. Khi phương diện thứ hai đóng vai trò lớn hơn trong đời sống con người, khả năng suy nghĩ theo những thuật ngữ nhóm sẽ tăng trưởng.

379. From the time that man is organizing the fifth petal of the egoic lotus (and especially from the time that it is unfolding) the ability to think in group terms is definitely and rapidly growing.

379. Từ lúc con người đang tổ chức cánh hoa thứ năm của Hoa Sen Chân Ngã (và đặc biệt từ lúc nó đang khai mở), khả năng suy nghĩ theo những thuật ngữ nhóm chắc chắn tăng trưởng nhanh chóng.

This **egoic impulse** in any group or any group unit **makes itself felt as a pulsation,** or access of energy, **emanating from the central point.**

Xung lực **chân ngã** này trong bất kỳ nhóm nào hay bất kỳ đơn vị nhóm nào **tự làm cho mình được cảm nhận như một nhịp đập,** hay một đợt năng lượng tăng vọt, **phát ra từ điểm trung tâm.**

380. There are many 'central points'. One such is the Jewel in the Lotus (within the human egoic lotus), but we have seen that man is a member of a number of aggregations of lotuses and even of aggregations of triads and Monads which all have their central point.

380. Có nhiều "điểm trung tâm". Một điểm như thế là Ngọc trong Hoa Sen (bên trong hoa sen chân ngã của con người), nhưng chúng ta đã thấy rằng con người là thành viên của một số tập hợp các hoa sen và thậm chí của các tập hợp các tam nguyên tinh thần và các chân thần, tất cả đều có điểm trung tâm của chúng.

381. One of our tasks in attempting to respond to egoic impulse is to note the ebb and flow of egoic pulsation. This has much to do with right timing and should be assisted during the coming seventh ray Age as the principle of rhythm will be so much better understood.

381. Một trong những nhiệm vụ của chúng ta khi cố gắng đáp ứng xung lực chân ngã là ghi nhận sự lên xuống của nhịp đập chân ngã. Điều này liên quan rất nhiều đến thời điểm đúng đắn và sẽ được hỗ trợ trong Kỷ nguyên cung bảy sắp đến vì nguyên khí nhịp điệu sẽ được thấu hiểu tốt hơn rất nhiều.

382. Such pulsations may be recognized by us as our 'higher impulses'—naturally enough.

382. Những nhịp đập như thế có thể được chúng ta nhận ra như những "xung lực cao hơn" của mình—điều này dĩ nhiên là tự nhiên.

This central activity is produced by the action of the planetary Logos working through the groups in His centres,

383. We are speaking of the origin of egoic impulse. We see that it comes, essentially, from the Planetary Logos, as He works through His seven major centers, the energy of which is transmitted into seven major egoic centers on the higher mental plane and, thence, to the individual Egos within those seven egoic groups.

384. In a way, impulse can be traced back to the One Central Being in the entire universe.

385. It is interesting, however, to realize that when we sense the presence of a higher energy (and especially when this is sensed by many) the impulsive cause may be our Planetary Logos.

and according to the [Page 771] centre under stimulation so will the groups concerned be affected.

386. If we are looking for the reason for the more rapid progress of one group over another, it has to do with dynamics occurring within the energy system of the Planetary Logos (and even of the Solar Logos).

387. It would seem important to know to which center we, as Egos, belong. Perhaps our egoic ray (or perhaps our monadic and substance-monadic rays) can give us some hint.

Hoạt động trung tâm này được tạo ra bởi tác động của Hành Tinh Thượng Đế hoạt động qua các nhóm trong các trung tâm của Ngài,

383. Chúng ta đang nói về nguồn gốc của xung lực chân ngã. Chúng ta thấy rằng về bản chất nó đến từ Hành Tinh Thượng Đế, khi Ngài hoạt động qua bảy trung tâm chính của Ngài, mà năng lượng của chúng được truyền vào bảy trung tâm chân ngã chính trên Cõi thượng trí và từ đó đến các chân ngã cá nhân bên trong bảy nhóm chân ngã ấy.

384. Theo một nghĩa nào đó, xung lực có thể được truy nguyên trở lại Đấng Trung Tâm Duy Nhất trong toàn thể vũ trụ.

385. Tuy nhiên, thật thú vị khi nhận ra rằng khi chúng ta cảm nhận sự hiện diện của một năng lượng cao hơn (và đặc biệt khi điều này được nhiều người cảm nhận), nguyên nhân xung động có thể là Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

và tùy theo [Page 771] trung tâm đang được kích thích mà các nhóm liên quan sẽ bị ảnh hưởng như vậy.

386. Nếu chúng ta tìm lý do cho sự tiến bộ nhanh hơn của nhóm này so với nhóm khác, thì điều đó liên quan đến những động lực xảy ra bên trong hệ thống năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế (và thậm chí của Thái dương Thượng đế).

387. Dường như điều quan trọng là phải biết chúng ta, với tư cách các chân ngã, thuộc về trung tâm nào. Có lẽ cung chân ngã của chúng ta (hay có lẽ các cung chân thần và chân thần-chất liệu của chúng ta) có thể cho chúng ta một vài gợi ý.

388. A fourth initiation is occurring, planetarily, in our chain and globe. Which centers in the Planetary Logos are being affected? Could we not say that (within the chain) the *heart center* must be receiving considerable stimulation?

388. Một lần điểm đạo thứ tư đang diễn ra, trên bình diện hành tinh, trong dãy và bầu hành tinh của chúng ta. Những trung tâm nào trong Hành Tinh Thượng Đế đang bị tác động? Chẳng phải chúng ta có thể nói rằng (bên trong dãy) *trung tâm tim* hẳn đang nhận được sự kích thích đáng kể sao?

389. Our fourth globe and chain also have some resonance with the function of the base of the spine center. Our planet is being stimulated very much by systemic kundalini at this time. It is likely, then, that the planetary base of the spine center is being stimulated to a degree. During the fourth initiation for man, it is stimulated and we simply follow the analogy.

389. Bầu hành tinh và dãy thứ tư của chúng ta cũng có một số cộng hưởng với chức năng của trung tâm đáy cột sống. Hành tinh của chúng ta hiện đang được kích thích rất mạnh bởi kundalini của hệ thống. Vì vậy, có khả năng trung tâm đáy cột sống hành tinh đang được kích thích ở một mức độ nào đó. Trong lần điểm đạo thứ tư của con người, nó được kích thích và chúng ta chỉ đơn giản theo phép tương đồng.

Beyond mentioning this fact, we cannot enlarge, for the subject is stupendous,

Ngoài việc nêu ra sự kiện này, chúng ta không thể bàn rộng hơn, vì chủ đề này thật mênh mông,

390. Beyond our ken, certainly, but we can be grateful for the Tibetan's efforts to help us trace the origin or egoic impulse and the manner in which it arises within the energy system of our Planetary Logos.

390. Chắc chắn vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, nhưng chúng ta có thể biết ơn những nỗ lực của Chân sư Tây Tạng trong việc giúp chúng ta truy nguyên nguồn gốc của xung lực chân ngã và cách thức nó phát sinh trong hệ thống năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

391. Master DK touches on the fringes of one stupendous subject after another. We have to approach our learning with humility. The books He has written offer us a tremendous challenge if we wish to assimilate them, but far, far more is indicated and hinted, as AAB suggested when she described the vast vistas which appeared to her when taking dictation for the Tibetan.

391. Chân sư DK chạm đến rìa của hết chủ đề mênh mông này đến chủ đề mênh mông khác. Chúng ta phải tiếp cận việc học của mình với lòng khiêm nhường. Những quyển sách Ngài đã viết đặt ra cho chúng ta một thách thức to lớn nếu chúng ta muốn đồng hoá chúng, nhưng còn nhiều, rất nhiều điều hơn nữa được chỉ ra và gợi ý, như AAB đã nói khi bà mô tả những viễn tượng bao la hiện ra với bà khi ghi chép lời đọc của Chân sư Tây Tạng.

and beyond a man's comprehension; **it is only necessary for him to appreciate his dependence in this matter upon the planetary Logos.**

392. This is the point, isn't it? The study of spiritual occultism gives us a profound sense of interdependence and also a sense of dependency upon the energy impulses originating in Those within Whom "we live and move and have our being".

393. Any encapsulated sense of ourselves as 'granular individuals' is rapidly concluded.

From the group centre, therefore, emanates an urge to renewed activity, and **this spreads throughout the group lotus until the units who respond to that particular ray vibration occultly "awaken.**"

394. This is another way of saying the same thing.

395. Impulse operates from the center to the periphery and impulse goes forward selectively stimulating those who respond particularly to the ray which qualifies the impulse.

396. There is never a time when Egos fail to receive stimulation from the Life-giving Planetary Logos, but the intensity and timing of the stimulation vary according to the developmental laws under which the Planetary Logos is functioning.

397. What does it mean, in this context, to "occultly awaken"? May we say that it means

và vượt ngoài sự thấu hiểu của con người; **điều cần thiết duy nhất đối với y là nhận ra sự lệ thuộc của mình trong vấn đề này vào Hành Tinh Thượng Đế.**

392. Đây chính là điểm cốt yếu, phải không? Việc nghiên cứu huyền bí học tinh thần đem lại cho chúng ta một cảm nhận sâu sắc về tính tương thuộc và cả cảm nhận về sự lệ thuộc vào các xung lực năng lượng phát sinh từ Những Đấng bên trong Các Ngài mà "chúng ta sống, chuyển động và hiện hữu".

393. Bất kỳ cảm nhận khép kín nào về chính mình như những "cá nhân dạng hạt" đều nhanh chóng chấm dứt.

Từ trung tâm nhóm, do đó, phát ra một sự thôi thúc hướng đến hoạt động được đổi mới, và **điều này lan khắp hoa sen nhóm cho đến khi các đơn vị đáp ứng với rung động cung đặc thù ấy một cách huyền bí "thức tỉnh.**"

394. Đây là một cách khác để nói cùng một điều.

395. Xung lực vận hành từ trung tâm ra chu vi và xung lực tiến tới bằng cách kích thích có chọn lọc những ai đặc biệt đáp ứng với cung phẩm định xung lực ấy.

396. Không bao giờ có lúc các chân ngã không nhận được sự kích thích từ Hành Tinh Thượng Đế ban sự sống, nhưng cường độ và thời điểm của sự kích thích thay đổi tùy theo các định luật phát triển mà dưới đó Hành Tinh Thượng Đế đang vận hành.

397. Trong ngữ cảnh này, "thức tỉnh một cách huyền bí" có nghĩa là gì? Chúng ta có

to awaken to the urge to reincarnate? Probably many of those who thus awaken have been in the blissful state of devachan, asleep to all else but the fulfilling of their desires and aspirations.

thể nói rằng điều đó có nghĩa là thức tỉnh trước sự thôi thúc tái sinh chăng? Có lẽ nhiều người trong số những kẻ thức tỉnh như vậy đã ở trong trạng thái chí phúc của devachan, ngủ say trước mọi điều khác ngoài việc hoàn thành các dục vọng và khát vọng của mình.

398. DK is describing some of the initial dynamics of group incarnation.

398. Chân sư DK đang mô tả một số động lực ban đầu của sự nhập thể theo nhóm.

All this time (as far as the jivas are concerned) this aspect of force has been that of the first aspect, and has passed from the central points to other central points.

Suốt thời gian này (xét theo phương diện các jiva) phương diện mãnh lực này đã là phương diện thứ nhất, và đã truyền từ các điểm trung tâm đến các điểm trung tâm khác.

399. Essentially, we are speaking of forces which emanate from central points—from "jewels".

399. Về bản chất, chúng ta đang nói đến những mãnh lực phát ra từ các điểm trung tâm—từ những "viên ngọc".

400. When the first ray is involved, applied forces pulsate.

400. Khi cung một có liên quan, các mãnh lực được áp dụng sẽ đập nhịp.

401. There is a direct conduit which connects central points with each other, just as all the atomic planes and subplanes are directly connected.

401. Có một đường dẫn trực tiếp nối các điểm trung tâm với nhau, cũng như mọi cõi nguyên tử và cõi phụ nguyên tử đều được nối trực tiếp với nhau.

402. The awakening of the urge to reincarnate is a first ray urge. Interestingly such an urge relates to the astrological sign Aries, which sign/constellation through which (at this time) the first ray pours in greatest strength.

402. Sự thức tỉnh của thôi thúc tái sinh là một thôi thúc cung một. Thật thú vị, một thôi thúc như vậy liên hệ với dấu hiệu hoàng đạo Bạch Dương, là dấu hiệu/chòm sao mà qua đó (vào lúc này) cung một tuôn đổ với sức mạnh lớn nhất.

403. We see that it is the correspondence to Spirit which first feels the urge to reincarnate.

403. Chúng ta thấy rằng chính đối phần với tinh thần là điều đầu tiên cảm nhận thôi thúc tái sinh.

The positive nuclei in each case are affected by this flashing forth of electric fire, or energy.

Các hạt nhân dương tính trong mỗi trường hợp đều bị tác động bởi sự lóe phát này của Lửa Điện, hay năng lượng.

404. We are speaking of the transmission of electric fire even if within a very strong second ray context—that of the egoic lotuses.

404. Chúng ta đang nói về sự truyền dẫn Lửa Điện ngay cả trong một bối cảnh cung hai rất mạnh—đó là bối cảnh của các hoa sen chân ngã.

405. We gather that the transmission of electric fire is through pulsation and that it affects directly the nuclei of those centers to which it is transmitted.

405. Chúng ta nhận ra rằng sự truyền dẫn Lửa Điện diễn ra qua nhịp đập và nó tác động trực tiếp lên các hạt nhân của những trung tâm mà nó được truyền đến.

Each point concerned responds by a primary contraction followed by an outgoing or expansive display of energy.

Mỗi điểm liên quan đáp ứng bằng một sự co rút sơ khởi, tiếp theo là một sự biểu lộ năng lượng hướng ngoại hay mở rộng.

406. We seem to be told that when a lesser center receives an impulse of electric fire from a higher center (of which it is a part), the first response is of *contraction* followed by a response of expression.

406. Dường như chúng ta được cho biết rằng khi một trung tâm nhỏ hơn nhận một xung lực Lửa Điện từ một trung tâm cao hơn (mà nó là một phần của trung tâm ấy), đáp ứng đầu tiên là sự *co rút* tiếp theo là một đáp ứng biểu lộ.

407. There must be a gathering of the forces received and a concentration of those forces before it is possible to send them forth in expression.

407. Phải có sự tập hợp các mãnh lực đã nhận và sự tập trung các mãnh lực ấy trước khi có thể phóng chúng ra trong biểu lộ.

408. As we are increasingly interested in the reception and expression of energy, we can ponder this process.

408. Khi chúng ta ngày càng quan tâm đến việc tiếp nhận và biểu lộ năng lượng, chúng ta có thể suy ngẫm về tiến trình này.

Each Identity concerned proceeds to sound a WORD.

Mỗi Bản Sắc liên quan tiến hành xướng một LINH TỪ.

409. When the energy pulsation is received, a WORD is sounded in the expressive phase.

409. Khi nhịp đập năng lượng được tiếp nhận, một LINH TỪ được xướng lên trong giai đoạn biểu lộ.

410. Is the "WORD" a Word of Power on the first ray, or a "Word" related to the second ray?

This sound expands into a mantram and the solar angels vibrate in response.

411. When speaking of these solar angels (we note the lower case used—although there is no consistency in TCF—nor even in my own commentaries), we may be speaking of the individual Egos (sometimes called a Solar Angel—for man is a Manasaputra) and even of the different types of angels within each egoic lotus.

412. We could, however, be speaking of the greater Solar Angels Who express through the greater aggregations of which Egoic groups and groups of Egos and groups and groups of Egos, etc., are a part.

There is a point of interest to be noted here.

413. We will be told of the various methods through which the different aspects of divinity work.

414. This has many applications beyond the immediate context.

a. The first aspect works through a Word of Power.

415. We note that in building the antahkarana, when it comes to the first ray

410. "LINH TỪ" có phải là một Quyền năng từ trên cung một, hay là một "Linh từ" liên hệ với cung hai?

Âm thanh này mở rộng thành một mantram và các thái dương thiên thần rung động để đáp ứng.

411. Khi nói về các thái dương thiên thần này (chúng ta lưu ý cách viết thường được dùng—dù trong TCF không hề nhất quán—ngay cả trong các phần bình giải của riêng tôi cũng vậy), chúng ta có thể đang nói về các chân ngã cá nhân (đôi khi được gọi là một Thái dương Thiên Thần—vì con người là một Manasaputra) và thậm chí về các loại thiên thần khác nhau bên trong mỗi hoa sen chân ngã.

412. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể đang nói về các Thái dương Thiên Thần lớn hơn, các Đấng biểu lộ qua những tập hợp lớn hơn mà các nhóm chân ngã và các nhóm các chân ngã và các nhóm và các nhóm các chân ngã, v.v., là một phần của chúng.

Có một điểm đáng chú ý ở đây.

413. Chúng ta sẽ được cho biết về những phương pháp khác nhau mà qua đó các phương diện khác nhau của thiên tính hoạt động.

414. Điều này có nhiều ứng dụng vượt ra ngoài ngữ cảnh trực tiếp.

a. Phương diện thứ nhất hoạt động qua một Quyền năng từ.

415. Chúng ta lưu ý rằng trong việc xây dựng antahkarana, khi nói đến cụm từ cung

phrase known as “Projection”, seven Words of Power are given.

một được biết là “Phóng chiếu”, bảy Quyền năng từ được ban ra.

416. Through these Words of Power, power is concentrated in the most economical and effective manner.

416. Qua những Quyền năng từ này, quyền năng được tập trung theo cách tiết kiệm và hữu hiệu nhất.

417. We have just been told of the sounding of a “WORD”. Can we think of this “WORD” as a “Word of Power” and related to the first ray.

417. Chúng ta vừa được cho biết về việc xướng một “LINH TỪ”. Chúng ta có thể nghĩ về “LINH TỪ” này như một “Quyền năng từ” và liên hệ với cung một chăng.

b The second aspect works through mantric combinations.

b Phương diện thứ hai hoạt động qua các kết hợp mantram.

418. Interestingly, we are often told that the third ray works through mantra and the word “combinations” often suggests the third ray.

418. Thật thú vị, chúng ta thường được cho biết rằng cung ba hoạt động qua mantra và từ “kết hợp” thường gợi ý cung ba.

419. However, the “Word”, per se, is ruled by the second ray, and thus word formulations will, necessarily, have a close relation to the second ray.

419. Tuy nhiên, chính “Linh từ”, tự nó, được cung hai cai quản, và vì vậy các công thức ngôn từ tất yếu sẽ có liên hệ mật thiết với cung hai.

c. The third aspect works through mathematical formulas.

c. Phương diện thứ ba hoạt động qua các công thức toán học.

420. There is a type of mathematics which is associated with the second ray. Perhaps we can call it the ‘mathematics of meaning’.

420. Có một loại toán học gắn liền với cung hai. Có lẽ chúng ta có thể gọi đó là “toán học của ý nghĩa”.

421. To the third ray is given the task of handling the complexity of Creation. Without mathematics, and mathematical formulae, this cannot be accomplished.

421. Cung ba được giao nhiệm vụ xử lý tính phức tạp của Sáng Tạo. Nếu không có toán học và các công thức toán học, điều này không thể được hoàn thành.

422. We have just been given an important sequence:

422. Chúng ta vừa được trao cho một chuỗi quan trọng:

a. The impulse travelling from central point to central point

a. Xung lực di chuyển từ điểm trung tâm đến điểm trung tâm

b. The “WORD” which sounds as a result of an identity’s reception of the impulse

b. “LINH TỪ” vang lên như kết quả của việc một bản sắc tiếp nhận xung lực

c. The “Words” or mantric combinations which arise

c. Những “Linh từ” hay các kết hợp mantram phát sinh

d. The mathematical formulas which follow as the processes of manifestation are attempted

d. Những công thức toán học tiếp theo khi các tiến trình biểu hiện được cố gắng thực hiện

Having sounded the Word the first aspect,

Sau khi đã xướng Linh từ, phương diện thứ nhất,

423. Here is a definite confirmation. The sounding “WORD” (here, paradoxically in lower case) definitely occurs upon the first ray. It is a “Word of Power”.

423. Đây là một xác nhận rõ ràng. “LINH TỪ” được xướng lên (ở đây, nghịch lý thay, lại viết thường) chắc chắn xảy ra trên cung một. Nó là một “Quyền năng từ”.

represented by the electric fire at the centre of the lotus,

được biểu trưng bởi Lửa Điện ở trung tâm hoa sen,

424. It is confirmed—electric fire is found at the “centre of the lotus”. The Jewel in the Lotus is an expression of electric fire.

424. Điều này được xác nhận—Lửa Điện được tìm thấy tại “trung tâm hoa sen”. Ngọc trong Hoa Sen là một biểu lộ của Lửa Điện.

sinks back into quiescence,

lại chìm vào tĩnh lặng,

425. This is the abiding silence of the first ray.

425. Đây là sự im lặng thường hằng của cung một.

and becomes an abstraction as far as the self-conscious unit is concerned.

và trở thành một sự trừu tượng xét theo phương diện đơn vị ngã thức.

426. The first ray impels all—especially at the outset. The First Ray Lord has been called “The Power that touches and then withdraws”.

426. Cung một thúc đẩy tất cả—đặc biệt lúc khởi đầu. Đấng Chúa Tể Cung một đã được gọi là “Quyền năng chạm đến rồi rút lui”.

427. A Word of Power has been sounded and there is no need for its continual sounding.

427. Một Quyền năng từ đã được xướng lên và không cần phải tiếp tục xướng nó mãi. Xung lực cần thiết đã được khởi động.

The necessary impulse has been set in motion.

428. The self-conscious unit loses touch with the first aspect, only to regain contact at a much later phase of development.

429. If we stop to think about it, we shall find the first aspect largely quiescent within us, awaiting its proper time for expression.

The work has been begun, the necessary vibration has been set up, and the whole process then proceeds under law.

430. Law being one of the prime characteristics of the first ray.

The **solar angels** have begun their activity,

431. In the AAB CDRom there are 148 instances of the term “Solar Angel” and 63 instances of “solar Angels/solar angels” (plural).

432. In this distinction, some important information must be hidden.

and until their work has reached a very high stage, **the Spirit aspect must become, in the causal body, an analogy to the Silent Watcher.**

433. The Solar Angels or solar angels have begun Their activity under the impulsion of Spirit, but Spirit does not work closely with the effects of the activity it has impulsed.

428. Đơn vị ngã thức mất tiếp xúc với phương diện thứ nhất, chỉ để tái lập tiếp xúc ở một giai đoạn phát triển muộn hơn rất nhiều.

429. Nếu chúng ta dừng lại để suy nghĩ về điều đó, chúng ta sẽ thấy phương diện thứ nhất phần lớn ở trong trạng thái tĩnh lặng bên trong chúng ta, chờ đợi thời điểm thích hợp để biểu lộ.

Công việc đã được bắt đầu, rung động cần thiết đã được thiết lập, và toàn bộ tiến trình sau đó diễn ra dưới định luật.

430. Vì Định luật là một trong những đặc tính chủ yếu của cung một.

Các **thái dương thiên thần** đã bắt đầu hoạt động của mình,

431. Trong CDRom của AAB có 148 trường hợp của thuật ngữ “Solar Angel” và 63 trường hợp của “solar Angels/solar angels” (số nhiều).

432. Trong sự phân biệt này, hẳn phải có một số thông tin quan trọng được ẩn giấu.

và cho đến khi công việc của các vị ấy đạt đến một giai đoạn rất cao, **phương diện Tinh thần phải trở thành, trong thể nguyên nhân, một sự tương đồng với Đấng Quan Sát Thầm Lặng.**

433. Các Thái dương Thiên Thần hay các thái dương thiên thần đã bắt đầu hoạt động của Các Ngài dưới sự thúc đẩy của Tinh thần, nhưng Tinh thần không làm việc chặt chẽ

Rather, it 'stands back' and lets the Solar Angel or solar angels continue to work.

với các hiệu quả của hoạt động mà nó đã thúc đẩy. Đúng hơn, nó "đứng lùi lại" và để cho Thái dương Thiên Thần hay các thái dương thiên thần tiếp tục làm việc.

434. We can gather however that the Solar Angel/solar angels work closely in cooperation with the intent of the Spirit or Monad.

434. Tuy nhiên, chúng ta có thể nhận ra rằng Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần làm việc trong sự hợp tác chặt chẽ với ý định của Tinh thần hay chân thần.

435. We note that the Spirit aspect is actually *within* the causal body. We can say that it is focussed in the Jewel in the Lotus. From that point in the Jewel in the Lotus, it becomes the Silent Watcher.

435. Chúng ta lưu ý rằng phương diện Tinh thần thực sự *ở bên trong* thể nguyên nhân. Chúng ta có thể nói rằng nó được tập trung trong Ngọc trong Hoa Sen. Từ điểm đó trong Ngọc trong Hoa Sen, nó trở thành Đấng Quan Sát Thầm Lặng.

436. When we achieve at last the "attitude of the observer" it may be that we are learning to identify with this central point of identity within the Jewel in the Lotus:

436. Khi cuối cùng chúng ta đạt được "thái độ của người quan sát", có thể là chúng ta đang học cách đồng hoá với điểm trung tâm của bản sắc này bên trong Ngọc trong Hoa Sen:

As the solar Angels continue **sounding out the mantram** which is the basis of their work,

Khi các Thái dương Thiên Thần tiếp tục **xướng lên mantram** là nền tảng công việc của Các Ngài,

437. We remember that the first aspect sounded the "WORD" or Word of Power. The Solar Angels are the exemplification of the *second aspect,* and They sound a mantram which is the basis of Their work.

437. Chúng ta nhớ rằng phương diện thứ nhất đã xướng "LINH TỪ" hay Quyền năng từ. Các Thái dương Thiên Thần là sự biểu hiện mẫu mực của *phương diện thứ hai,* và Các Ngài xướng một mantram là nền tảng công việc của Các Ngài.

438. These mantrams are, we may infer, *building* mantrams.

438. Chúng ta có thể suy ra rằng các mantram này là những mantram *kiến tạo*.

the lunar Pitris respond [Page 772] to certain sounds in that mantram (not to all by any means at first)

các thái âm tổ phụ đáp ứng [Page 772] với một số âm thanh nhất định trong mantram ấy (dĩ nhiên lúc đầu không phải với tất cả)

439. Such is the early lack of sensitivity of the Lunar Lords or Lunar Pitris. (Shall we

439. Đó là sự thiếu nhạy cảm ban đầu của các nguyệt tinh quân hay các thái âm tổ phụ.

capitalize these terms of not? There is no real consistency in the books)

(Chúng ta có nên viết hoa các thuật ngữ này hay không? Trong các sách không có sự nhất quán thực sự)

440. Rendering (symbolically) the Moon responsive to the Sun is a lengthy procedure.

440. Việc làm cho Mặt Trăng đáp ứng với Mặt Trời (một cách biểu tượng) là một tiến trình lâu dài.

and gather out of those sounds the formula under which their work must proceed.

và rút ra từ những âm thanh ấy công thức mà theo đó công việc của họ phải tiến hành.

441. The lunar lords are an exemplification of the third aspect of divinity, and work with formulas (which must, necessarily, be related to the mathematical formulas to which DK referred above).

441. Các nguyệt tinh quân là một sự biểu hiện mẫu mực của phương diện thứ ba của thiên tính, và làm việc với các công thức (mà tất yếu phải liên hệ với các công thức toán học mà Chân sư DK đã nhắc đến ở trên).

442. It is as if the lunar lords are look for 'hints' and gather from the entirety of sound to which they are exposed, certain formulae (inherent in those sounds or mantrams) with which they can work. This is done, of course, unconsciously at first.

442. Dường như các nguyệt tinh quân đang tìm kiếm những "gợi ý" và rút ra từ toàn bộ âm thanh mà họ tiếp xúc những công thức nhất định (nội tại trong các âm thanh hay mantram ấy) để họ có thể làm việc với chúng. Dĩ nhiên, lúc đầu điều này được thực hiện một cách vô thức.

So the Word is the basis of the mantram, and the mantram is the basis of the formula.

Vì vậy Linh từ là nền tảng của mantram, và mantram là nền tảng của công thức.

443. This is as clearly stated as possible. We have the one-two-three of the process of manifestation: from the Spirit or Monad, to the Solar Angels to the lunar angels.

443. Điều này đã được phát biểu rõ ràng đến mức tối đa. Chúng ta có một-hai-ba của tiến trình biểu hiện: từ Tinh thần hay Chân thần, đến các Thái dương Thiên Thần rồi đến các thiên thần nguyệt.

At each incarnation, finer forms are required, and the formulas therefore grow more complicated,

Trong mỗi lần nhập thể, các hình tướng tinh tế hơn được đòi hỏi, và các công thức hình tướng vì thế trở nên phức tạp hơn,

444. This is an important statement. If there is to be refinement of the form, there must be a '*form*-ula' which can impel the

444. Đây là một phát biểu quan trọng. Nếu phải có sự tinh luyện của hình tướng, thì phải có một '*công thức*-hình tướng' có thể thúc đẩy việc thao tác chất liệu bởi một số

manipulation of substance by certain devas and that such refinement occurs.

thiên thần nào đó và khiến sự tinh luyện ấy xảy ra.

445. Even complicated formulas can be derived from the mantric combinations sounded by the Solar Angels.

445. Ngay cả những công thức phức tạp cũng có thể được rút ra từ các tổ hợp mantram do các Thái dương Thiên Thần xướng lên.

446. We assume that as the elemental substance of the vehicles becomes more refined, and as the Lunar Pitris extracting formulas from the solar angelic mantrams become more experienced and skillful, that more complicated formulas can be extracted from the mantrams.

446. Chúng ta giả định rằng khi chất liệu hành khí của các vận cụ trở nên tinh luyện hơn, và khi các thái âm tổ phụ rút các công thức từ những mantram thiên thần thái dương trở nên giàu kinh nghiệm và khéo léo hơn, thì những công thức phức tạp hơn có thể được rút ra từ các mantram.

and the sounds on which they are based become more numerous.

và các âm thanh làm nền tảng cho chúng trở nên nhiều hơn.

447. DK is speaking of the growing complexity of the mantric sounds sounded by the Solar Angel and solar angels.

447. Chân sư DK đang nói về sự phức tạp ngày càng tăng của các âm thanh mantram do Thái dương Thiên Thần và các thái dương thiên thần xướng lên.

448. The evolutionary process is simultaneously one of growing complexity and simplicity (unification/synthesis).

448. Tiến trình tiến hoá đồng thời là tiến trình của sự phức tạp ngày càng tăng và sự đơn giản ngày càng tăng (hợp nhất/tổng hợp).

In time, the formulas are completed, and the lunar Pitris respond no more to the sounds or mantrams chanted on the mental plane.

Theo thời gian, các công thức được hoàn tất, và các thái âm tổ phụ không còn đáp ứng với các âm thanh hay mantram được tụng trên cõi trí nữa.

449. The Solar Pitris are sounding their mantrams on the mental plane.

449. Các thái dương tổ phụ đang xướng các mantram của các Ngài trên cõi trí.

450. When all combinations which can be extracted from these mantrams have been extracted, the Lunar Pitris no longer respond (or, probably no longer *can* respond) to these mantrams.

450. Khi mọi tổ hợp có thể được rút ra từ các mantram này đã được rút ra hết, các thái âm tổ phụ không còn đáp ứng (hoặc có lẽ không còn *thể* đáp ứng) với các mantram này nữa.

This is indicative of the stage of perfection,

451. All possible combinations have been exhausted—at least all formulas which Lunar Pitris can extract.

and shows that **the three worlds have no more a downward pull for the jiva concerned.**

452. We remember that the entire incarnational process began with a downward pull upon the Spirit into form (caused by the increasing radioactivity of the form).

453. We are speaking again of that climactic moment we call the fourth initiation.

454. We see, however, that only completion of a process truly *ends* a process. If the lunar formulas have not been worked out completely, the downward pull exerted by form upon the jiva will continue.

Desire for lower manifestation and experience has no more sway, and **only conscious purpose is left**.

455. There has been a transition from desire to purpose.

456. Desire for that which can be found in the lower worlds is exhausted. There is no longer magnetism between matter and Spirit as matter and Spirit are embodied in the vehicles of the E/entity in question.

Điều này biểu thị giai đoạn toàn thiện,

451. Mọi tổ hợp khả hữu đã được dùng cạn—ít nhất là mọi công thức mà các thái âm tổ phụ có thể rút ra.

và cho thấy rằng **ba cõi thấp không còn sức hút đi xuống nào nữa đối với jiva liên hệ.**

452. Chúng ta nhớ rằng toàn bộ tiến trình nhập thể đã bắt đầu bằng một sức hút đi xuống tác động lên Tinh thần vào trong hình tướng (do tính phóng xạ ngày càng tăng của hình tướng gây ra).

453. Chúng ta lại đang nói về khoảnh khắc cao trào mà chúng ta gọi là lần điểm đạo thứ tư.

454. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng chỉ sự hoàn tất của một tiến trình mới thật sự *chấm dứt* một tiến trình. Nếu các công thức nguyệt chưa được triển khai trọn vẹn, sức hút đi xuống do hình tướng tác động lên jiva sẽ tiếp tục.

Ham muốn đối với biểu hiện và kinh nghiệm thấp không còn chi phối nữa, và **chỉ còn lại mục đích có ý thức**.

455. Đã có một sự chuyển tiếp từ ham muốn sang mục đích.

456. Ham muốn đối với điều có thể tìm thấy trong các cõi thấp đã cạn kiệt. Không còn từ lực nào giữa vật chất và Tinh thần khi vật chất và Tinh thần được thể hiện trong các vận cụ của Thực thể đang được xét.

457. The stage is set for a process of abstraction.

457. Bối cảnh đã được chuẩn bị cho một tiến trình trừu xuất.

Then, and only then, can the true Mayavirupa be constructed;

Khi đó, và chỉ khi đó, Mayavirupa chân chính mới có thể được kiến tạo;

458. DK is telling us that after the fourth initiation, when all formulas have been worked out (which is indicated by the complete unfoldment of the synthesis petals), can the true Mayavirupa be built.

458. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng sau lần điểm đạo thứ tư, khi mọi công thức đã được triển khai xong (điều này được biểu thị bằng sự khai mở trọn vẹn của các cánh hoa tổng hợp), thì Mayavirupa chân chính mới có thể được xây dựng.

the Master then sounds the mantram for Himself, and **builds without formulas** in the three worlds.

khi ấy Chân sư tự mình xướng mantram, và **xây dựng mà không cần công thức** trong ba cõi thấp.

459. There are no more lunar lords to deal with so no more formulas are needed.

459. Không còn các nguyệt tinh quân nào để xử lý nữa nên không cần thêm công thức nào nữa.

460. The implication is that the Master (identified as the Ego on the cosmic ethers) builds with the sounds of mantrams and not with formulas. His power using the second aspect of divinity (in which He is now polarized) obviates any necessity to use third aspect methods and patterns.

460. Hàm ý là Chân sư (được đồng hoá với chân ngã trên các cõi dĩ thái vũ trụ) xây dựng bằng các âm thanh của mantram chứ không bằng công thức. Quyền năng của Ngài khi sử dụng phương diện thứ hai của thiên tính (trong đó Ngài hiện đang phân cực) làm cho mọi nhu cầu phải dùng các phương pháp và mô hình của phương diện thứ ba trở nên không cần thiết.

At the time too that man begins to tread the Probationary Path, the mantrams of the solar Angels begin to die down,

Cũng vào lúc con người bắt đầu bước đi trên Con Đường Dự Bị, các mantram của các Thái dương Thiên Thần bắt đầu lắng xuống,

461. This is most interesting. One might think that as a man treads the Path of Discipleship, the mantrams of the Solar Angels would be increasingly needed.

461. Điều này hết sức thú vị. Người ta có thể nghĩ rằng khi một người bước đi trên Con Đường Đệ Tử, các mantram của các Thái dương Thiên Thần sẽ ngày càng cần thiết hơn.

462. It is as if when the human soul becomes more fit to control his own destiny (which is the case as it begins to tread the Path of Probation), the more the Solar Angel/solar angels begins to hand the task over to him.

462. Dường như khi linh hồn con người trở nên thích hợp hơn để kiểm soát định mệnh của chính y (điều này xảy ra khi y bắt đầu bước đi trên Con Đường Dự Bị), thì Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần càng bắt đầu trao dần nhiệm vụ ấy cho y.

463. We began this section with an impulsion from the central life and the sounding of an impulsive "WORD" or "Word of Power", followed by the temporarily abstraction of That which sounded the "WORD".

463. Chúng ta đã bắt đầu phần này bằng một xung lực từ sự sống trung tâm và việc xướng một "WORD" hay "Quyền năng từ" có tính thúc đẩy, tiếp theo là sự trừu xuất tạm thời của Đấng đã xướng "WORD" ấy.

and slowly (as the petals of the inner circle open up)

và chậm rãi (khi các cánh hoa của vòng trong mở ra)

464. By "petals of the inner circle" DK seems to mean the sacrifice petals.

464. Qua "các cánh hoa của vòng trong", Chân sư DK dường như muốn nói đến các cánh hoa hi sinh.

465. There seems to be a difference between "inner circle" opening up and the *bursting open* of the "enshrining petals".

465. Dường như có một sự khác biệt giữa việc "vòng trong" mở ra và sự *bật tung* của "các cánh hoa bao bọc".

466. So we have the "inner circle" and the "three enshrining petals" as different and distinct.

466. Vì vậy chúng ta có "vòng trong" và "ba cánh hoa bao bọc" như những điều khác nhau và riêng biệt.

the true Word emerges

Linh từ chân chính xuất hiện

467. This is another way of saying that as the process of initiation occurs (with the opening of the three inner or sacrifice petals), the "true Word" of the soul emerges.

467. Đây là một cách khác để nói rằng khi tiến trình điểm đạo diễn ra (với sự mở ra của ba cánh hoa bên trong hay cánh hoa hi sinh), "Linh từ" chân chính của linh hồn xuất hiện.

468. Below, we learn that this "Word" is to be associated with the first aspect—as the mantrams and formulas are no longer operative.

468. Ở dưới, chúng ta biết rằng "Linh từ" này phải được liên kết với phương diện thứ nhất —vì các mantram và công thức không còn hoạt động nữa.

469. This continues well after the third initiation and the, at the fourth initiation, the results indicated immediately below, are achieved.

469. Điều này tiếp tục rất lâu sau lần điểm đạo thứ ba và rồi, ở lần điểm đạo thứ tư, các kết quả được nêu ngay bên dưới sẽ đạt được.

until the three enshrining petals burst open, and **the central spark** is revealed.

cho đến khi ba cánh hoa bao bọc bật tung, và **tia lửa trung tâm** được hiển lộ.

470. The "three enshrining petals" have been slowly opening, one at each of the first three initiations.

470. "Ba cánh hoa bao bọc" đã từ từ mở ra, mỗi cánh một lần ở mỗi một trong ba lần điểm đạo đầu tiên.

471. As we approach the fourth initiation, the bursting occurs.

471. Khi chúng ta tiến gần lần điểm đạo thứ tư, sự bật tung xảy ra.

472. The term "central spark" is important. It stands for the Jewel in the Lotus, the central flame, the nucleus, and, in general, suggests the presence of the monadic influence (itself a "spark") within the Jewel in the Lotus.

472. Thuật ngữ "tia lửa trung tâm" rất quan trọng. Nó tượng trưng cho Bảo Châu trong Hoa Sen, ngọn lửa trung tâm, hạt nhân, và nói chung gợi ý sự hiện diện của ảnh hưởng chân thần (bản thân nó là một "tia lửa") bên trong Bảo Châu trong Hoa Sen.

473. The Monad is both a "Jewel" and a "spark". We are told here that the Jewel in the Lotus is to be considered a "spark".

473. Chân thần vừa là một "Bảo Châu" vừa là một "tia lửa". Ở đây chúng ta được cho biết rằng Bảo Châu trong Hoa Sen phải được xem như một "tia lửa".

474. The initial influence of the Solar Angel is called the "spark of mind" and the Monad is the "spark" hanging from the Flame.

474. Ảnh hưởng ban đầu của Thái dương Thiên Thần được gọi là "tia lửa của trí tuệ" và Chân thần là "tia lửa" treo từ Ngọn Lửa xuống.

475. When dealing with electric fire, the term "spark" is suitable.

475. Khi đề cập đến Lửa Điện, thuật ngữ "tia lửa" là thích hợp.

Then the Word is fully known, and mantrams and formulas have no further use. Thus is the beauty of the scheme revealed.

Khi ấy Linh từ được biết trọn vẹn, và mantram cùng công thức không còn công dụng gì nữa. Như thế vẻ đẹp của hệ hành tinh được hiển lộ.

476. The "Word" (as the term is used here) is of the first aspect. The "three enshrining

476. "Linh từ" (theo cách thuật ngữ này được dùng ở đây) thuộc về phương diện thứ

petals" express both the second and first aspects.

nhất. "Ba cánh hoa bao bọc" biểu lộ cả phương diện thứ hai lẫn phương diện thứ nhất.

477. When the first aspect is completely revealed through the Jewel in the Lotus, there is no need for the means utilized by the second aspect—mantrams, and certainly not of formulas which were the modus operandi of the third aspect.

477. Khi phương diện thứ nhất được hiển lộ hoàn toàn qua Bảo Châu trong Hoa Sen, thì không còn cần đến những phương tiện được phương diện thứ hai sử dụng—các mantram, và chắc chắn càng không cần đến các công thức vốn là phương thức hoạt động của phương diện thứ ba.

478. The word "scheme" may be either a general descriptor of the process of the development and consummation of the egoic lotus, or may signify the planetary scheme.

478. Từ "hệ hành tinh" có thể hoặc là một mô tả tổng quát về tiến trình phát triển và hoàn tất của hoa sen chân ngã, hoặc có thể biểu thị hệ hành tinh của hành tinh.

479. When buddhic energy is directly accessed, perhaps the *beauty of the planetary scheme* is, in fact, revealed. Buddhi is the principle of beauty.'

479. Khi năng lượng Bồ đề được tiếp cận trực tiếp, có lẽ *vẻ đẹp của hệ hành tinh* quả thật được hiển lộ. Bồ đề là nguyên khí của cái đẹp.'

480. When the "Word" is fully known, both the Solar Pitris and the lunar pitris return to their reservoirs, and the central Life can express in as much fulness as may be possible on this second ray planet and within the second ray solar system.

480. Khi "Linh từ" được biết trọn vẹn, cả các thái dương tổ phụ lẫn các thái âm tổ phụ đều trở về các kho chứa của mình, và Sự sống trung tâm có thể biểu lộ với mức viên mãn lớn nhất có thể trên hành tinh cung hai này và trong hệ mặt trời cung hai này.

When the planetary Logos is concerned,

Khi Hành Tinh Thượng Đế được xét đến,

481. We have now raised our level and scope of consideration…

481. Giờ đây chúng ta đã nâng cấp độ và phạm vi xem xét của mình lên…

the Word sounded on cosmic levels

Linh từ được xướng trên các cấp độ vũ trụ

482. We seem to be speaking of a sounding on the cosmic mental plane and perhaps, the cosmic astral plane.

482. Dường như chúng ta đang nói đến một sự xướng trên cõi trí vũ trụ và có lẽ cả cõi cảm dục vũ trụ.

483. This “Word”, it is suggested, is of the first aspect.

483. “Linh từ” này, như được gợi ý, thuộc về phương diện thứ nhất.

is being resolved into mantrams on the cosmic etheric planes, for He is in a position to create consciously on those levels;

đang được phân giải thành các mantram trên các cõi dĩ thái vũ trụ, vì Ngài ở trong vị thế có thể sáng tạo một cách hữu thức trên các cấp độ ấy;

484. Planetary Logoi and Solar Logoi have cosmic Solar Angels involved in Their Egoic expression on the cosmic mental plane.

484. Các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế có các Thái dương Thiên Thần vũ trụ tham dự vào sự biểu lộ chân ngã của Các Ngài trên cõi trí vũ trụ.

485. We must assume that it is these *cosmic* Solar Angels Who sound the mantrams which are the higher correspondence of the mantrams sounded by the Solar Angel and solar angels associated with humanity.’

485. Chúng ta phải giả định rằng chính các Thái dương Thiên Thần *vũ trụ* này xướng các mantram là tương ứng cao hơn của các mantram do Thái dương Thiên Thần và các thái dương thiên thần liên hệ với nhân loại xướng lên.’

486. For the Planetary Logos, the Solar Angel/solar angels express through the cosmic ethers. Do the mantrams which the Solar Angel/solar angels of man sound express through the *systemic* ethers?

486. Đối với Hành Tinh Thượng Đế, Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần biểu lộ qua các cõi dĩ thái vũ trụ. Phải chăng các mantram mà Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần của con người xướng lên biểu lộ qua các cõi dĩ thái *hệ thống*?

He works nevertheless through formulas on the dense physical planes of His scheme, our three worlds of endeavour.

Ngài tuy nhiên vẫn hoạt động qua các công thức trên các cõi hồng trần đậm đặc của hệ hành tinh của Ngài, tức ba cõi thấp của nỗ lực chúng ta.

487. It seems that the formulas of the Lunar Pitris (in the planetary logoic vehicles) also work out within the lower three worlds.

487. Dường như các công thức của các thái âm tổ phụ (trong các vận cụ hành tinh thượng đế) cũng được triển khai trong ba cõi thấp.

488. If we preserve the analogy strictly, there should be great Lunar Pitris for the Planetary Logos which express their formulas not only on the cosmic physical

488. Nếu chúng ta giữ phép tương đồng một cách nghiêm ngặt, thì phải có các thái âm tổ phụ vĩ đại đối với Hành Tinh Thượng Đế, những vị biểu lộ các công thức của mình

plane but on the cosmic astral plane and the lower part of the cosmic mental plane.

không chỉ trên cõi hồng trần vũ trụ mà còn trên cõi cảm dục vũ trụ và phần thấp của cõi trí vũ trụ.

489. If we follow the analogy in another way, the formulas used by the lunar pitris of the human being should be especially associated with the three lowest systemic physical subplanes.

489. Nếu chúng ta theo phép tương đồng theo một cách khác, thì các công thức được các thái âm tổ phụ của con người sử dụng phải đặc biệt liên hệ với ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần hệ thống.

490. If we search for the best way to capitalize, perhaps we should use lunar pitris for those associated with humanity and Lunar Pitris for those greater lunar lives associated with the Planetary Logos and Solar Logos.

490. Nếu chúng ta tìm cách viết hoa tốt nhất, có lẽ nên dùng thái âm tổ phụ cho những vị liên hệ với nhân loại và Thái Âm Tổ Phụ cho những sự sống nguyệt lớn hơn liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế.

To return to the reincarnating jivas: When the initiatory impulse has been given,

Trở lại với các jiva tái sinh: Khi xung lực điểm đạo đã được ban ra,

491. This impulse coming as we have seen, initially, from the Planetary Logos—the impulse passing from nucleus to nucleus of groups of E/entities of ever-smaller scope and inclusiveness…

491. Xung lực này, như chúng ta đã thấy, ban đầu đến từ Hành Tinh Thượng Đế—xung lực truyền từ hạt nhân này sang hạt nhân khác của các nhóm Thực thể có phạm vi và tính bao gồm ngày càng nhỏ hơn…

the vibration thrills through the petals, [greater and smaller] **and activity starts in those of them which respond to the note of that Word**.

rung động truyền qua các cánh hoa, [greater and smaller] **và hoạt động khởi sự trong những cánh hoa nào đáp ứng với âm điệu của Linh từ ấy**.

492. That “Word” or “WORD” is from the Planetary Logos and appears as a first ray impulse or “Word of Power”.

492. “Linh từ” hay “WORD” ấy đến từ Hành Tinh Thượng Đế và xuất hiện như một xung lực cung một hay “Quyền năng từ”.

493. We seem to have returned to the process of reincarnation, itself, and perhaps to the very beginning of that process ages ago.

493. Dường như chúng ta đã quay trở lại chính tiến trình tái sinh, và có lẽ trở lại ngay khởi đầu của tiến trình ấy từ nhiều thời đại trước.

494. It is here that we may be dealing with the secret of the cyclic incarnation of various egoic groups. We know there are

494. Chính ở đây chúng ta có thể đang đề cập đến bí mật của sự nhập thể theo chu kỳ của các nhóm chân ngã khác nhau. Chúng ta biết

egoic cycles, and here we are learning that these cycles may be due to planetary logoic impulsion.

495. There are certainly ray cycles which depend upon a Planetary Logos and those, larger, which depend upon the Solar Logos, etc. and beyond.

496. If there are egoic groups which do not respond to the "initiatory impulse", it would seem that they would not incarnate.

497. We are perhaps, also, dealing with the *origin of ray cycles*; the timing appears to be in the consciousness of the Planetary Logos.

498. Our attention, the, is on:

a. The impulsion of ray cycles (on a racial level)

b. The impulsion of the incarnation of various kinds of egoic groups, greater and lesser.

499. We are also here speaking of certain *petals* which respond to the initiatory impulse. We may see that the unfoldment of the petals arises from 'above' as well as 'below'.

500. If we deal with the individual egoic lotus, the response of individual petals, probably from the nucleus of the individual egoic lotus, would determine the nature of the incarnation to be taken.

501. In the very large picture presented, we must remember that *groups are as petals in larger lotuses*. We are not necessarily

có các chu kỳ chân ngã, và ở đây chúng ta đang học rằng các chu kỳ này có thể là do xung lực hành tinh thượng đế.

495. Chắc chắn có các chu kỳ cung tùy thuộc vào một Hành Tinh Thượng Đế và những chu kỳ lớn hơn tùy thuộc vào Thái dương Thượng đế, v.v. và còn vượt xa hơn nữa.

496. Nếu có những nhóm chân ngã không đáp ứng với "xung lực điểm đạo", thì dường như họ sẽ không nhập thể.

497. Có lẽ chúng ta cũng đang đề cập đến *nguồn gốc của các chu kỳ cung*; thời điểm dường như nằm trong tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế.

498. Vậy sự chú ý của chúng ta đặt vào:

a. Sự thúc đẩy của các chu kỳ cung (ở cấp độ nhân loại)

b. Sự thúc đẩy sự nhập thể của các loại nhóm chân ngã khác nhau, lớn và nhỏ.

499. Ở đây chúng ta cũng đang nói về một số *cánh hoa* đáp ứng với xung lực điểm đạo. Chúng ta có thể thấy rằng sự khai mở của các cánh hoa phát sinh từ 'trên' cũng như từ 'dưới'.

500. Nếu chúng ta bàn đến hoa sen chân ngã cá nhân, thì sự đáp ứng của từng cánh hoa riêng lẻ, có lẽ từ hạt nhân của hoa sen chân ngã cá nhân, sẽ quyết định bản chất của lần nhập thể sẽ được đảm nhận.

501. Trong bức tranh rất lớn được trình bày ở đây, chúng ta phải nhớ rằng *các nhóm cũng như những cánh hoa trong các hoa sen lớn hơn*.

speaking only of the response made by the individual petals in the egoic body of a human being.

Chúng ta không nhất thiết chỉ đang nói về sự đáp ứng do các cánh hoa cá nhân trong thể chân ngã của một con người tạo ra.

502. One must remember this—that chakras with many lotus petals are simply as petals to larger chakras. Thus the scope of egoic lotuses ascends.

502. Cần nhớ điều này—rằng các luân xa có nhiều cánh hoa sen chỉ đơn giản cũng như những cánh hoa đối với các luân xa lớn hơn. Vì vậy phạm vi của các hoa sen chân ngã đi lên dần.

The solar Angels direct the vibration, and the mantram for that particular [Page 773] type of Ego is begun.

Các thái dương thiên thần định hướng rung động, và mantram dành cho loại Chân ngã [Page 773] đặc thù ấy được bắt đầu.

503. Is there only *one* type of mantram for that particular kind of Ego.

503. Có phải chỉ có *một* loại mantram cho loại Chân ngã đặc thù ấy hay không.

504. A Word of Power has sounded (as a first ray impulse) and now the solar angels (under a second ray impulse) direct the vibration through the creation of an appropriate mantram.

504. Một Quyền năng từ đã được xướng lên (như một xung lực cung một) và giờ đây các thái dương thiên thần (dưới một xung lực cung hai) định hướng rung động qua việc tạo ra một mantram thích hợp.

505. Anyway, we see the relation existing between the Planetary Logos (Who impels) and the groups of Solar Angels/solar angels Who direct the vibration of the "Word" through the utilization of specific mantrams.

505. Dù sao, chúng ta thấy mối liên hệ hiện hữu giữa Hành Tinh Thượng Đế (Đấng thúc đẩy) và các nhóm Thái dương Thiên Thần/ các thái dương thiên thần định hướng rung động của "Linh từ" qua việc sử dụng các mantram đặc thù.

506. But, first the "Word of Power" and only then the mantrams.

506. Nhưng trước hết là "Quyền năng từ" và chỉ sau đó mới đến các mantram.

Finally the vibration reaches the mental unit at the base of the lotus bud, and the lunar Pitris are called into activity.

Cuối cùng rung động chạm đến đơn vị hạ trí ở đáy nụ hoa sen, và các thái âm tổ phụ được gọi vào hoạt động.

507. The lunar pitris work in connection with the three points in the atomic triangle. It is specifically through the physical permanent atom, the astral permanent atom and the mental unit that they work.

507. Các thái âm tổ phụ hoạt động liên hệ với ba điểm trong tam giác nguyên tử. Chính qua nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí mà họ hoạt động.

508. Their first activation, however, occurs in relation to the mental unit.

They begin to work out their formulas for the particular type of vehicle which is required.

509. Are the lunar pitris so intelligent that they can do this? Or are they guided in their work by greater forces. There are probably self-conscious Lunar Lords of which they are an aspect. When we think of Jehovah as a Lunar Lord, certainly He had Self-consciousness if very little of the second aspect.

510. It is assumed that the lunar pitris are not yet self-conscious.

(f.) Activity of the Pitris. The joint activity of the solar and the lunar Pitris[53] in the process pursued by the reincarnating Ego is our next subject of consideration.

511. We see that we are entering the technicalities of the process of reincarnation.

512. We note that the Ego is called the "reincarnating Ego" and, so, such an Ego cannot really be considered the Solar Angel as a great, returning Nirvani.

Footnote 53:

The joint activity of solar and lunar Pitris.—S. D., II, 258.

508. Tuy nhiên, sự hoạt hóa đầu tiên của họ xảy ra trong liên hệ với đơn vị hạ trí.

Họ bắt đầu triển khai các công thức của mình cho loại vận cụ đặc thù được đòi hỏi.

509. Phải chăng các thái âm tổ phụ thông minh đến mức có thể làm điều này? Hay họ được các mãnh lực lớn hơn hướng dẫn trong công việc của mình? Có lẽ có những Nguyệt Tinh Quân có ngã thức mà họ là một phương diện của các vị ấy. Khi chúng ta nghĩ đến Jehovah như một Nguyệt Tinh Quân, chắc chắn Ngài có ngã thức dù rất ít phương diện thứ hai.

510. Người ta giả định rằng các thái âm tổ phụ chưa có ngã thức.

(f.) Hoạt động của các Pitri. Hoạt động phối hợp của các thái dương tổ phụ và các thái âm tổ phụ53 trong tiến trình do chân ngã tái sinh theo đuổi là chủ đề xem xét kế tiếp của chúng ta.

511. Chúng ta thấy rằng mình đang đi vào các chi tiết kỹ thuật của tiến trình tái sinh.

512. Chúng ta lưu ý rằng chân ngã được gọi là "chân ngã tái sinh" và vì vậy một chân ngã như thế thực sự không thể được xem là Thái dương Thiên Thần như một nirvani vĩ đại quay trở lại.

Chú thích 53:

Hoạt động phối hợp của các thái dương tổ phụ và các thái âm tổ phụ.—S. D., II, 258.

1. "The spark hangs from the flame by the finest thread of Fohat.

a. The three-tongued flame that never dies… Triad.

b. The four wicks… … Quaternary.

c. The thread of Fohat… … Thread of Life.

513. The “spark”, in this case, is the Monad hanging from the flame which is the “Sea of Fire”. The Flame can also be considered the ‘Flame of Being’.

514. We might also consider the “spark” (as we have seen) as that which finds it place at the center of the egoic lotus. The “flame” is then the Monad.

515. From another perspective, the “spark” is the journeying Jiva.

516. The “thread of Fohat” is the sutratma or “thread of life”.

517. The Triad is spiritual triad. From the form perspective, it is a “Triple Flower”. Viewed as fire, it is a triple fire or “three tongued flame”. It never dies because it represents the triple fire of the immortal Monad.

2. It journeys through the seven worlds of maya.

518. Did we begin with the logoic plane?

1. "Tia lửa treo từ Ngọn Lửa bằng sợi dây Fohat tinh tế nhất.

a. Ngọn lửa ba lưỡi không bao giờ tắt…Tam nguyên tinh thần.

b. Bốn tim đèn… … Bộ bốn.

c. Sợi dây Fohat… … Sinh Mệnh Tuyến.

513. “Tia lửa”, trong trường hợp này, là Chân thần treo từ ngọn lửa là “Biển Lửa”. Ngọn Lửa cũng có thể được xem là ‘Ngọn Lửa của Bản Thể’.

514. Chúng ta cũng có thể xem “tia lửa” (như đã thấy) là điều tìm được vị trí của nó ở trung tâm hoa sen chân ngã. Khi ấy “ngọn lửa” là Chân thần.

515. Từ một góc nhìn khác, “tia lửa” là Jiva đang du hành.

516. “Sợi dây Fohat” là sutratma hay “sợi dây sự sống”.

517. Tam nguyên tinh thần là Tam Nguyên Tinh Thần. Từ góc độ hình tướng, nó là một “Bông Hoa Tam Phân”. Được nhìn như lửa, nó là ngọn lửa tam phân hay “ngọn lửa ba lưỡi”. Nó không bao giờ chết vì nó tượng trưng cho ngọn lửa tam phân của Chân thần bất tử.

2. Nó du hành qua bảy thế giới của ảo lực.

518. Phải chăng chúng ta bắt đầu từ cõi thượng đế?

519. Perhaps the entire cosmic physical plane is considered the 'World of Maya'.

519. Có lẽ toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ được xem là 'Thế Giới của Ảo Lực'.

Macrocosmically... the seven planetary schemes.

Về mặt đại thiên địa... bảy hệ hành tinh.

520. These are, macrocosmically, considered mayavic worlds. All of them are on the cosmic physical plane.

520. Về mặt đại thiên địa, các hệ này được xem là những thế giới ảo lực. Tất cả đều ở trên cõi hồng trần vũ trụ.

Planetary... the seven chains of a scheme.

Về mặt hành tinh... bảy dãy của một hệ hành tinh.

521. These are the reflections of the schemes. They are also within the confines of the cosmic physical plane.

521. Đây là những phản ánh của các hệ hành tinh. Chúng cũng ở trong giới hạn của cõi hồng trần vũ trụ.

Microcosmically... the seven globes of a chain.

Về mặt tiểu thiên địa... bảy bầu hành tinh của một dãy.

522. The jiva or "spark" journeys through schemes, chains and globes in an organized, cyclic and predetermined manner.

522. Jiva hay "tia lửa" du hành qua các hệ hành tinh, các dãy và các bầu hành tinh theo một cách có tổ chức, theo chu kỳ và đã được định trước.

Note and meditate upon:—

Hãy lưu ý và tham thiền về điều sau:—

"...the divine Septenary hanging from the triad, thus forming the Decad and its permutations.

"...bộ bảy thiêng liêng treo từ tam nguyên tinh thần, nhờ đó hình thành nên Mười và các hoán vị của nó.

523. From this perspective, the triad could be considered the three points of focus within the Monad. There would be three 'above' and seven below.

523. Từ góc nhìn này, tam nguyên tinh thần có thể được xem là ba điểm tập trung bên trong Chân thần. Sẽ có ba ở 'trên' và bảy ở dưới.

524. Even the spiritual triad would be part of the lower seven.

524. Ngay cả Tam Nguyên Tinh Thần cũng sẽ là một phần của bảy thấp.

525. Mười của Kabbala vì thế được tạo thành. Trên các Biểu đồ lớn trong TCF, thí dụ

525. The Kabalistic Ten is thus created. On the large Charts in TCF, e.g. Chart V, 344, we see the lower seven and the higher three.

Biểu đồ V, 344, chúng ta thấy bảy thấp và ba cao.

Seven, five and three."

Bảy, năm và ba."

526. We must find the way in which the seven, the five and the three are the permutations of the ten.

526. Chúng ta phải tìm ra cách mà bảy, năm và ba là các hoán vị của mười.

527. We do know that when it comes to the manifestation of chains within a planetary scheme, the seven and three are often to be seen in connection with the ten. As for the five, it is certainly related to the ten as a half.

527. Chúng ta biết rằng khi nói đến sự biểu hiện của các dãy trong một hệ hành tinh, bảy và ba thường được thấy liên hệ với mười. Còn đối với năm, chắc chắn nó liên hệ với mười như một nửa.

528. Perhaps there are stages in scheme development when five chains exist.

528. Có lẽ có những giai đoạn trong sự phát triển của hệ hành tinh khi năm dãy tồn tại.

529. Can we apply the 10-7-/(5)-3 to the appearance of globes within a chain?

529. Chúng ta có thể áp dụng 10-7-/(5)-3 vào sự xuất hiện của các bầu hành tinh trong một dãy không?

530. Next we have a pattern of thought which all occultists should have in mind when thinking of the Divine Pilgrimage of the Monad (in the form of the jiva or 'descending spark'.

530. Tiếp theo chúng ta có một mô hình tư tưởng mà mọi nhà huyền bí học nên ghi nhớ khi suy nghĩ về Cuộc Hành Hương Thiêng Liêng của Chân thần (dưới hình thức jiva hay 'tia lửa giáng xuống'.

3. It stops in the first, and is a metal and a stone;

3. Nó dừng lại trong giới thứ nhất, và là một kim loại và một hòn đá;

531. This is the in-mineralization of the Monad, or perhaps its 'in-metalization'.

531. Đây là sự đi vào giới kim thạch của Chân thần, hay có lẽ là sự 'đi vào-kim loại'.

it passes into the second and behold—a plant;

nó đi vào giới thứ hai và kìa—một thực vật;

532. This is the in-vegetalization of the Monad.

532. Đây là sự đi vào-thực vật của Chân thần.

the plant whirls through seven forms and becomes a sacred animal."

533. We see here an example of the seven types of form to be found within each kingdom of nature.

534. It would be of great value if experts in the structure of the kingdoms could isolate the seven forms in each kingdom. As well, will presume that within each Creative Hierarchy there are also seven forms.

535. The use of the word “whirl” may be revelatory.

536. Progression is achieved through rotation and spiral ascent.

537. Here we deal with the in-zoonation of the Monad.

Compare S. D., I, 266.

Note the kabalistic aphorism:—"A stone becomes a plant; a plant, a beast; a beast, a man; a man, a spirit; and the spirit, God.—S. D., I, 267.

538. This is a great progressive statement showing the ascent of Sprit through the forms of matter. We note that there are *six* stages of ascent and so must ask what shall be designated as the seventh?

539. The incarnated monadic *life* moves through the various kingdoms and from one to the others, ever achieving greater freedom.

thực vật xoay chuyển qua bảy hình tướng và trở thành một con vật thiêng liêng."

533. Ở đây chúng ta thấy một ví dụ về bảy loại hình tướng được tìm thấy trong mỗi giới tự nhiên.

534. Sẽ rất có giá trị nếu các chuyên gia về cấu trúc của các giới có thể cô lập bảy hình tướng trong mỗi giới. Đồng thời, chúng ta sẽ giả định rằng trong mỗi Huyền Giai Sáng Tạo cũng có bảy hình tướng.

535. Việc dùng từ “xoay chuyển” có thể mang tính mặc khải.

536. Sự tiến triển đạt được qua sự quay tròn và sự đi lên theo xoắn ốc.

537. Ở đây chúng ta đề cập đến sự đi vào-động vật của Chân thần.

So sánh S. D., I, 266.

Hãy lưu ý châm ngôn Kabbala:—"Một hòn đá trở thành một thực vật; một thực vật, một con thú; một con thú, một con người; một con người, một tinh thần; và tinh thần, Thượng đế.—S. D., I, 267.

538. Đây là một phát biểu tiến triển vĩ đại cho thấy sự đi lên của Tinh thần qua các hình tướng của vật chất. Chúng ta lưu ý rằng có *sáu* giai đoạn đi lên và vì vậy phải hỏi điều gì sẽ được chỉ định là giai đoạn thứ bảy?

539. *Sự sống* chân thần đang nhập thể di chuyển qua các giới khác nhau và từ giới này sang giới khác, luôn đạt được tự do lớn hơn.

4. From the combined attributes of these, Manu, the Thinker, is formed.—See S. D., II, 179, 187.

540. "Manu, the Thinker" is another way of describing the human race.

541. The human being is the macrocosm for all the three lower kingdoms. Thus from their "combined attributes" He, humanity, is formed.

5. Who forms him? The seven lives and the One Life.—See S. D., II. 268.

542. This is reminiscent of the impulsion from the one Planetary Logos being qualified by the seven major centers or chakras of that Logos.

The seven groups of lives who form the three lower bodies. The lunar Pitris or fathers of the material forms.

543. We are dealing with a kind of catechism. The lunar pitris bestow the material form. Thus, indeed, they *form* man.

544. In *The Secret Doctrine*, we learn that the Lunar Pitris are of seven varieties and, at first, create seven types of men.

6. Who completes him? The fivefold Lha.

545. Here and elsewhere we gather that the Solar Angels or Lha are *fivefold.*

It is in fact, as earlier pointed out, the result of the dual vibration of the **fivefold Dhyanis** or Gods in conjunction with the fourfold

4. Từ các thuộc tính kết hợp của những giới này, Đức Manu, Đấng Tư Tưởng, được hình thành.—Xem S. D., II, 179, 187.

540. "Đức Manu, Đấng Tư Tưởng" là một cách khác để mô tả giới nhân loại.

541. Con người là đại thiên địa đối với cả ba giới thấp. Vì vậy từ các "thuộc tính kết hợp" của chúng, Ngài, nhân loại, được hình thành.

5. Ai tạo thành y? Bảy sự sống và Một Sự Sống.—Xem S. D., II. 268.

542. Điều này gợi nhớ đến xung lực từ một Hành Tinh Thượng Đế được định tính bởi bảy trung tâm lớn hay luân xa của Thượng đế ấy.

Bảy nhóm sự sống tạo thành ba thể thấp. Các thái âm tổ phụ hay những người cha của các hình tướng vật chất.

543. Chúng ta đang đề cập đến một loại giáo lý vấn đáp. Các thái âm tổ phụ ban cho hình tướng vật chất. Vì vậy quả thật họ *tạo thành* con người.

544. Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, chúng ta biết rằng các Thái Âm Tổ Phụ có bảy loại và lúc đầu tạo ra bảy loại người.

6. Ai hoàn tất y? Lha ngũ phân.

545. Ở đây và ở nơi khác chúng ta thu thập được rằng các Thái dương Thiên Thần hay Lha là *ngũ phân.*

Chính như đã được chỉ ra trước đây, đó là kết quả của rung động kép của các **Dhyanis ngũ phân** hay các Thượng đế kết hợp với Bộ bốn

Quaternary, or the Pitris of the lower vehicles. (TCF 816)

546. The structure of the egoic lotus can be analyzed in such a manner that it appears fivefold.

547. In *The Secret Doctrine* a search on the words "Lha" or "Lhas" may reveal much concerning the Agnishvattas or Solar Angels. We may infer that at least some Lhas are also Dhyanis.

Who unites the higher Spiritual Triad and the lower self?

a. The fivefold Gods of the intelligence.

b. The fifth principle of mind.

548. These are simply various names for the Solar Angels. We remember that we have collected a number of such names, each of them revealing a distinct aspect of these great fivefold Beings—members of the Fifth Creative Hierarchy.

7. Who perfects the last body? Fish, sin, and soma.

549. We are looking at a combination of vehicles under symbolic terms.

a. Fish, sin and soma collectively compose the three symbols of the immortal being.

550. It is strange that we should speak here of the "immortal" being, when some of that which is symbolized seems very *mortal.*

tứ phân, hay các Pitri của các vận cụ thấp. (TCF 816)

546. Cấu trúc của hoa sen chân ngã có thể được phân tích theo cách như vậy đến mức nó xuất hiện là ngũ phân.

547. Trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* việc tra cứu các từ "Lha" hay "Lhas" có thể tiết lộ nhiều điều liên quan đến các Agnishvatta hay các Thái dương Thiên Thần. Chúng ta có thể suy ra rằng ít nhất một số Lhas cũng là các Dhyanis.

Ai hợp nhất Tam Nguyên Tinh Thần cao hơn và phàm ngã?

a. Các Thượng đế ngũ phân của trí tuệ.

b. Nguyên khí thứ năm của trí tuệ.

548. Đây chỉ đơn giản là những tên gọi khác nhau của các Thái dương Thiên Thần. Chúng ta nhớ rằng mình đã thu thập được một số tên như thế, mỗi tên đều biểu lộ một phương diện riêng biệt của các Đấng ngũ phân vĩ đại này—những thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm.

7. Ai làm hoàn thiện thể cuối cùng? Cá, tội lỗi, và soma.

549. Chúng ta đang nhìn vào một tổ hợp các vận cụ dưới những thuật ngữ biểu tượng.

a. Cá, tội lỗi và soma cùng nhau cấu thành ba biểu tượng của hữu thể bất tử.

550. Thật lạ khi ở đây chúng ta nói đến hữu thể "bất tử", trong khi một phần của điều được biểu tượng hoá dường như rất *hữu tử.*

b. Fish—symbol of the buddhic principle, the manifested life on earth. Note the avatara of Vishnu. The sign of Pisces, the fish. Jesus the fisher of men.

551. Jesus (through His Great Renunciation) and the Christ were expressions of the buddhic principle. The buddhic plane is an 'ocean of love and compassion'. The symbol of the "fish" is apt.

c. Sin—The fall of man, involution of Spirit.

552. "Sin" stands not so much for the Sprit as for its fall into matter.

c. Soma—Moon. The work of lunar Pitris, providing bodies. Read stanza VII, 6, S. D., I, 285.

553. This symbol, "Soma" certainly deals with the mortal aspect of man.

554. It would seem that only the buddhic part of man—"Fish" is relatively immortal, being an expression of one flame of the "three-tongued flame that never dies".

555. The words "Fish", "Sin" and "Soma" are sequential and portray the descent of embodiment of the Ego (which has its true home on the triadal level—especially, at first, the buddhic level).

556. Immediately below we study the process of the incarnation of the Ego on the higher mental plane.

The Ego, driven by desire for physical experience,

b. Cá—biểu tượng của nguyên khí Bồ đề, sự sống biểu hiện trên trần gian. Hãy lưu ý avatara của Vishnu. Dấu hiệu Song Ngư, con cá. Đức Jesus, người đánh cá của nhân loại.

551. Đức Jesus (qua Sự từ bỏ Vĩ Đại của Ngài) và Đức Christ là những biểu lộ của nguyên khí Bồ đề. Cõi Bồ đề là một 'đại dương của tình thương và lòng từ bi'. Biểu tượng "con cá" là thích hợp.

c. Tội lỗi—sự sa ngã của con người, giáng hạ tiến hoá của Tinh thần.

552. "Tội lỗi" không hẳn chỉ Tinh thần cho bằng sự sa ngã của nó vào vật chất.

c. Soma—Mặt Trăng. Công việc của thái âm tổ phụ, cung cấp các thể. Đọc bài kệ VII, 6, S. D., I, 285.

553. Biểu tượng này, "Soma", chắc chắn đề cập đến phương diện tử sinh của con người.

554. Có vẻ như chỉ phần Bồ đề của con người —"Cá"—là tương đối bất tử, vì là biểu hiện của một ngọn lửa thuộc "ngọn lửa ba lưỡi không bao giờ tắt".

555. Các từ "Cá", "Tội lỗi" và "Soma" nối tiếp nhau và mô tả sự giáng hạ nhập thể của Chân ngã (vốn có quê hương đích thực ở cấp độ tam nguyên tinh thần—đặc biệt, lúc đầu, là ở cấp độ Bồ đề).

556. Ngay bên dưới, chúng ta khảo cứu tiến trình nhập thể của Chân ngã trên cõi thượng trí.

Chân ngã, bị thúc đẩy bởi ham muốn có kinh nghiệm hồng trần,

557. This is the *human* Ego and not the Divine Ego. The type of Ego here mentioned is still under the sway of ignorance.

557. Đây là Chân ngã *nhân loại* chứ không phải Chân ngã Thiêng liêng. Loại Chân ngã được nhắc đến ở đây vẫn còn dưới sự chi phối của vô minh.

558. We are again speaking of the 'Individual Ego' and not of Entities expressing through groups of egoic lotuses.

558. Chúng ta lại đang nói về 'Chân ngã Cá biệt' chứ không phải các Thực Thể biểu lộ qua những nhóm Hoa Sen Chân Ngã.

has made the initial move and a vibration, emanating from the centre of the lotus bud,

đã thực hiện chuyển động ban đầu và một rung động, phát ra từ trung tâm của nụ hoa sen,

559. I.e., from the central fire of obscured Jewel in the Lotus.

559. Tức là, từ ngọn lửa trung tâm của Ngọc trong Hoa Sen còn bị che khuất.

has reached the lotus petals, and has consequently vibrated in deva substance,

đã chạm đến các cánh hoa sen, và do đóquent đã làm rung động chất liệu thiên thần,

560. The lotus petals are composed of deva substance. The substance, however, is that of *solar* devas and thus, of Agnishvattas (though, perhaps, of a lesser kind than what we might call the great Solar Angel).

560. Các cánh hoa sen được cấu thành bằng chất liệu thiên thần. Tuy nhiên, chất liệu ấy là của các thiên thần *thái dương* và vì thế, thuộc về các Agnishvatta (dù có lẽ thuộc loại thấp hơn điều mà chúng ta có thể gọi là Thái dương Thiên Thần vĩ đại).

561. Can we not say that the Jewel in the Lotus is also composed of deva substance?

561. Chúng ta chẳng thể nói rằng Ngọc trong Hoa Sen cũng được cấu thành bằng chất liệu thiên thần sao?

or in [Page 774] matter vitalised by the Agnishvattas.

hay trong [Page 774] vật chất được các Agnishvatta tiếp sinh lực.

562. There is also deva substance of the higher mental plane to be considered.

562. Cũng cần xét đến chất liệu thiên thần của cõi thượng trí.

563. This type of mental matter is vitalized by the solar fire of the Agnishvattas.

563. Loại vật chất trí tuệ này được tiếp sinh lực bởi lửa thái dương của các Agnishvatta.

564. The matter of the lotus petals is *not* the Agnishvattas themselves.

564. Vật chất của các cánh hoa sen *không* phải là chính các Agnishvatta.

565. We are reminded that all impulse (think of the relation between the word "impulse" and "pulsation"—the *pulse* is there) emanates, initially, from the first aspect of divinity.

565. Chúng ta được nhắc rằng mọi xung động (hãy nghĩ đến mối liên hệ giữa từ "xung động" và "nhịp đập"—ở đó có *mạch đập*) ban đầu đều phát ra từ phương diện thứ nhất của thiên tính.

As they are galvanised into activity (according to the group affected)

Khi chúng được kích hoạt mạnh vào hoạt động (tùy theo nhóm bị tác động)

566. Here we may be speaking of the tiers of petals affected.

566. Ở đây chúng ta có thể đang nói đến các tầng cánh hoa bị tác động.

the vibration is increased, and a dual sound is emitted.

rung động được gia tăng, và một âm thanh nhị nguyên được phát ra.

567. We are reminded that mantras (in this context) are related to the *second* aspect of divinity.

567. Chúng ta được nhắc rằng các mantram (trong ngữ cảnh này) liên hệ với phương diện *thứ hai* của thiên tính.

568. The mantrams generated with the Solar Angels or solar angels, arises because of a dual sound.

568. Các mantram được tạo ra cùng với các Thái dương Thiên Thần hay các thiên thần thái dương phát sinh do một âm thanh nhị nguyên.

569. One sound may be the sound of the 'Impulsive Word' or Word of Power. The other sound may arise according to the "group affected"—the group of Agnishvattas affected.

569. Một âm thanh có thể là âm thanh của 'Linh từ Xung Động' hay Quyền năng từ. Âm thanh kia có thể phát sinh tùy theo "nhóm bị tác động"—nhóm các Agnishvatta bị tác động.

This dual sound is the basis of the mantram upon which the Ego's cycle of incarnation is founded.

Âm thanh nhị nguyên này là nền tảng của mantram trên đó chu kỳ nhập thể của Chân ngã được đặt cơ sở.

570. This is an amazing piece of occultism.

570. Đây là một đoạn huyền bí học đáng kinh ngạc.

571. We can think of the idea of contrasts which characterizes life in the three worlds.

571. Chúng ta có thể nghĩ đến ý niệm về các tương phản vốn đặc trưng cho sự sống trong

The many variations between the opposites may have its fundamental basis in the "dual sound" which is the **basis of the mantram** upon which the Ego's cycle of manifestation is founded.

ba cõi thấp. Nhiều biến thể giữa các cặp đối cực có thể có nền tảng căn bản của chúng trong "âm thanh nhị nguyên", vốn là **nền tảng của mantram** trên đó chu kỳ biểu lộ của Chân ngã được đặt cơ sở.

572. We have a pulsating "Word" from the center or the first aspect; and a "dual sound" in relation to the Solar Angel or solar angels; and the mantram they sound and by means of which the personality in the three worlds is sustained (once the lunar pitris have extracted from the mantram the formula they can use to promote incarnation).

572. Chúng ta có một "Linh từ" đang mạch động từ trung tâm hay phương diện thứ nhất; và một "âm thanh nhị nguyên" liên hệ với Thái dương Thiên Thần hay các thiên thần thái dương; và mantram mà các vị ấy xướng lên và nhờ đó phàm ngã trong ba cõi giới được duy trì (một khi các thái âm tổ phụ đã rút ra từ mantram công thức mà họ có thể dùng để thúc đẩy sự nhập thể).pitris have extracted from the mantram the formula they can use to promote incarnation).

573. In the Third Rule for Disciples and Initiates we read "Dual the moving forward." Here, we find a pivotal aspect of the process of incarnation based upon a "dual sound".

573. Trong Quy luật thứ ba dành cho các đệ tử và điểm đạo đồ, chúng ta đọc thấy "Tiến bước là nhị nguyên". Ở đây, chúng ta thấy một phương diện then chốt của tiến trình nhập thể dựa trên một "âm thanh nhị nguyên".

The vibration, **pulsating through the outer circle of petals** (for the two inner circles and the three central petals are not as yet responsive)

Rung động, **mạch động xuyên qua vòng ngoài của các cánh hoa** (vì hai vòng trong và ba cánh hoa trung tâm vẫn chưa đáp ứng)

574. We are still speaking about very early days in the development of man (or of a greater Logos).

574. Chúng ta vẫn đang nói về những ngày rất sớm trong sự phát triển của con người (hay của một Thượng đế lớn hơn).

575. First the vibration of the central Life works through the outer whorls—the knowledge petals.

575. Trước hết, rung động của Sự sống trung tâm hoạt động qua các vòng xoáy bên ngoài —các cánh hoa tri thức.

576. Petals will not unfold unless they are responsive to the energy which seeks to impact and stimulate them.

576. Các cánh hoa sẽ không khai mở trừ phi chúng đáp ứng với năng lượng tìm cách tác động và kích thích chúng.

577. Probably the early egoic mantram or mantrams are less complex than later ones.

577. Có lẽ mantram hay các mantram chân ngã thời kỳ đầu ít phức tạp hơn những mantram về sau.

arrives at the triangle formed by the three permanent atoms,

đến tam giác được tạo thành bởi ba nguyên tử trường tồn,

578. I.e., the points or units in the atomic triangle…

578. Tức là, các điểm hay đơn vị trong tam giác nguyên tử…

and vivifies the three lower spirillae,

và làm sống động ba loa tuyến thấp,

579. Because the three lower kingdoms have already been traversed.

579. Bởi vì ba giới thấp đã được đi qua rồi.

causing a slight response in the fourth, and leaving the higher three yet dormant.

gây ramột đáp ứng nhẹ nơi loa tuyến thứ tư, và để ba loa tuyến cao hơn vẫn còn ngủ yên.

580. In this case of man, the fourth spirilla will be developed with progress in human development.

580. Trong trường hợp con người này, loa tuyến thứ tư sẽ được phát triển cùng với sự tiến bộ trong sự phát triển nhân loại.

581. The higher three spirillae are developed in the Kingdom of Souls and also when the Monad comes into expression (the seventh spirilla).

581. Ba loa tuyến cao hơn được phát triển trong Thiên Giới và cả khi Chân thần đi vào biểu lộ (loa tuyến thứ bảy).

582. We note, importantly, that although the fourth spirilla is stimulated, it is not yet *vigorously* or completely stimulated.

582. Chúng ta lưu ý, một cách quan trọng, rằng dù loa tuyến thứ tư được kích thích, nó vẫn chưa được kích thích *mạnh mẽ* hay hoàn toàn.

In each round one of the spirillae has been 'created,'

Trong mỗi cuộc tuần hoàn, một trong các loa tuyến đã được "tạo ra",

583. These three spirillae correspond to the mineral, vegetable and animal kingdoms.

583. Ba loa tuyến này tương ứng với giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật.

584. One wonders about the contrast between *creation* of spirillae and *stimulation* of spirillae.

584. Người ta tự hỏi về sự tương phản giữa việc *tạo ra* các loa tuyến và việc *kích thích* các loa tuyến.

585. If we are dealing with the *creation* of spirillae, then we are dealing with the evolution of the atom. Of course, in man, the seven principles exist from the first even though dormant, so it would be reasonable to expect that the germ of the seven spirillae also exists from the first.

585. Nếu chúng ta đang bàn đến việc *tạo ra* các loa tuyến, thì chúng ta đang bàn đến sự tiến hoá của nguyên tử. Dĩ nhiên, nơi con người, bảy nguyên khí hiện hữu ngay từ đầu dù còn ngủ yên, nên hợp lý khi mong đợi rằng mầm của bảy loa tuyến cũng hiện hữu ngay từ đầu.

586. As, macrocosmically, the spirillae are planes, is it not so that the seven planes created by Fohat are an early and abiding creation and that they are created from 'top' to 'bottom'—the highest vibratory levels being created or generated first and the lowest last?

586. Vì, xét theo đại thiên địa, các loa tuyến là các cõi, chẳng phải bảy cõi do Fohat tạo ra là một sáng tạo sớm và bền vững, và chúng được tạo ra từ "trên" xuống "dưới"—các cấp độ rung động cao nhất được tạo ra hay phát sinh trước và thấp nhất sau cùng sao?

587. One suspects that the atoms of the systemic atomic planes were created by the First Outpouring and did not need to be created during a much later process we call the rounds of our Planetary Logos.

587. Người ta ngờ rằng các nguyên tử của các cõi nguyên tử trong hệ thống đã được tạo ra bởi lần tuôn đổ thứ nhất và không cần phải được tạo ra trong một tiến trình muộn hơn rất nhiều mà chúng ta gọi là các cuộc tuần hoàn của Đức Hành Tinh Thượng Đế שלנו.

and in this fourth round (through the creation of the fourth spirilla) the fourth or human kingdom can come into being.

và trong cuộc tuần hoàn thứ tư này (qua việc tạo ra loa tuyến thứ tư), giới thứ tư hay giới nhân loại có thể xuất hiện.

588. We have to wonder about the appearance a latent spirilla and one that is fully stimulated. We would have to get into the intricacies of occult chemistry and physics to track this type of development.

588. Chúng ta phải tự hỏi về vẻ ngoài của một loa tuyến tiềm ẩn và một loa tuyến đã được kích thích hoàn toàn. Chúng ta sẽ phải đi vào những phức tạp của hóa học và vật lý huyền bí để theo dõi loại phát triển này.

589. We must ponder whether "creation" and "activation" do not mean essentially the same thing.

589. Chúng ta phải suy ngẫm xem "sáng tạo" và "kích hoạt" có phải về bản chất là cùng một điều hay không.

The word 'creation' must be occultly understood, and means the appearance in active manifestation of some form of energy.

590. Here DK is explaining the matter more deeply. It is easier to understand the **energizing** of spirillic structures than their 'creation' and it is at this energizing, or activation that He seems to be hinting.

Only in the next round will the fifth spirilla be an active functioning unit in a sense incomprehensible now.

591. There are some in the present round (those who have truly entered the Kingdom of God) who have the fifth spirilla functioning. These people may be called "fifth rounders". Pythagoras, Plato and Confucius were such.

592. Of course, in the fifth round, the fifth spirilla of the atoms of the human being may function in a manner much different to its functioning at present. Perhaps it is this to which the Tibetan is hinting.

593. For some, however, even in this round, the fifth spirilla is or will be an active functioning unity. We seek to be disciples in whom this is the case.

Students should bear in mind that this applies primarily to the humanity individualised on this globe,

Từ "sáng tạo" phải được thấu hiểu theo nghĩa huyền bí, và có nghĩa là sự xuất hiện trong biểu lộ hoạt động của một dạng năng lượng nào đó.

590. Ở đây Chân sư DK đang giải thích vấn đề sâu hơn. Dễ hiểu hơn khi nói đến việc **nạp năng lượng** cho các cấu trúc loa tuyến hơn là "tạo ra" chúng, và dường như chính việc nạp năng lượng, hay kích hoạt này, là điều Ngài đang ám chỉ.

Chỉ trong cuộc tuần hoàn kế tiếp, loa tuyến thứ năm mới là một đơn vị hoạt động chức năng theo một nghĩa hiện nay không thể hiểu được.

591. Có một số người trong cuộc tuần hoàn hiện nay (những ai thực sự đã bước vào Thiên Giới) có loa tuyến thứ năm đang hoạt động. Những người này có thể được gọi là "những người của cuộc tuần hoàn thứ năm". Pythagoras, Plato và Confucius là những người như vậy.

592. Dĩ nhiên, trong cuộc tuần hoàn thứ năm, loa tuyến thứ năm của các nguyên tử nơi con người có thể hoạt động theo một cách rất khác với cách nó hoạt động hiện nay. Có lẽ đó là điều mà Chân sư Tây Tạng đang ám chỉ.

593. Tuy nhiên, đối với một số người, ngay trong cuộc tuần hoàn này, loa tuyến thứ năm đang hoặc sẽ là một đơn vị hoạt động chức năng. Chúng ta tìm cách trở thành những đệ tử nơi đó là trường hợp như vậy.

Các đạo sinh nên ghi nhớ rằng điều này chủ yếu áp dụng cho nhân loại đã được biệt ngã hóa trên bầu hành tinh này,

594. The fourth globe of the fourth chain.

and was also equally true in the earlier chain;

595. Just because a human unit entered from the Moon-chain does not mean that that unit is highly developed. Two fifth of the Lotuses of Passion or Desire (the most advanced of which will not be on the Path until the end of the seventh rootrace of this round), came from the Moon-chain.

596. One wonders about the condition of those human beings who individualization in the previous solar system. Presumably they should be far ahead, but such has been their karma (and their many errors) that they are indeed "laggards" compared to where they should be.

units, however, which come into this fourth or Earth Chain **from the earlier ones are much ahead of earth's humanity**,

597. This is a broad generalization. There are members of Earth humanity who are presently members of the Spiritual Hierarchy, and those who individualized on the Moon-chain, who are not yet even on the Path.

598. Yet, as a generalization, it holds.

and their fifth spirilla is **awakening into organised activity** in this round.

599. The archetypal moment allotted for the awakening of the fifth spirilla is the next

594. Bầu hành tinh thứ tư của dãy thứ tư.

và cũng đúng như vậy trong dãy trước đó;

595. Chỉ vì một đơn vị nhân loại đi vào từ Dãy Mặt Trăng không có nghĩa là đơn vị ấy phát triển cao. Hai phần năm các Hoa Sen của Đam Mê hay Ham Muốn (những hoa sen tiến bộ nhất trong số đó sẽ không ở trên Con Đường cho đến cuối giống dân gốc thứ bảy của cuộc tuần hoàn này) đã đến từ Dãy Mặt Trăng.

596. Người ta tự hỏi về tình trạng của những con người đã biệt ngã hóa trong hệ mặt trời trước. Có lẽ họ phải ở rất xa phía trước, nhưng nghiệp quả của họ (và nhiều sai lầm của họ) đã khiến họ thực sự là những "kẻ chậm tiến" so với vị trí lẽ ra họ phải đạt được.

tuy nhiên, các đơn vị đi vào Dãy thứ tư hay Dãy Địa Cầu này **từ các dãy trước thì vượt xa nhân loại địa cầu**,

597. Đây là một khái quát rộng. Có những thành viên của nhân loại địa cầu hiện đang là thành viên của Thánh đoàn tinh thần, và có những người đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng mà vẫn chưa ở trên Con Đường.

598. Tuy nhiên, như một khái quát, điều đó vẫn đúng.

và loa tuyến thứ năm của họ đang **thức tỉnh vào hoạt động có tổ chức** trong cuộc tuần hoàn này.

599. Thời điểm nguyên mẫu được ấn định cho sự thức tỉnh của loa tuyến thứ năm là

round of this chain, but Moon-chain humanity began its individualized life so long ago, that it is only natural that some of them, at least, would be ready to awaken the fifth spirilla and thus enter the Kingdom of God.

cuộc tuần hoàn kế tiếp của dãy này, nhưng nhân loại Dãy Mặt Trăng đã bắt đầu đời sống biệt ngã hóa của họ từ quá lâu rồi, nên hoàn toàn tự nhiên là ít nhất một số người trong họ đã sẵn sàng thức tỉnh loa tuyến thứ năm và nhờ đó bước vào Thiên Giới.

600. Notice that in this context, we are not speaking of 'creating' the fifth spirilla but of awakening it. Occultly, "creating" the spirillae is closer to awakening them.

600. Hãy lưu ý rằng trong ngữ cảnh này, chúng ta không nói đến việc "tạo ra" loa tuyến thứ năm mà là thức tỉnh nó. Theo nghĩa huyền bí, "tạo ra" các loa tuyến gần với việc thức tỉnh chúng hơn.

601. And there is more; it is not just a question of "awakening" the spirilla, but of "awakening it to organized activity"—which may indicate a stage in advance of simple awakening.

601. Và còn hơn thế nữa; không chỉ là vấn đề "thức tỉnh" loa tuyến, mà là "thức tỉnh nó vào hoạt động có tổ chức"—điều này có thể chỉ ra một giai đoạn vượt trước sự thức tỉnh đơn thuần.

All in Nature overlaps.

Mọi sự trong Thiên Nhiên đều chồng lấn lên nhau.

602. This is an outstandingly important principle. It applies to rootraces, to cycles and ages, and to developmental periods in general.

602. Đây là một nguyên lý cực kỳ quan trọng. Nó áp dụng cho các giống dân gốc, cho các chu kỳ và thời đại, và cho các giai đoạn phát triển nói chung.

When therefore this vibration from the central Will has arrived at the atomic triangle

Do đó, khi rung động này từ Ý Chí trung tâm đã đến tam giác nguyên tử

603. Having passed through the petals of the egoic lotus…

603. Sau khi đã đi qua các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã…

it is an indication that the entire lotus is turning its <u>force</u> *downwards,*

đó là một dấu hiệu cho thấy toàn bộ hoa sen đang hướng <u>mãnh lực</u> của nó *xuống dưới,*

604. We could call this the 'period of incarnation' or 'manifestation'.

604. Chúng ta có thể gọi đây là "thời kỳ nhập thể" hay "biểu lộ".

605. This is not quite the same state, however, as a "downward gazing soul".

605. Tuy nhiên, đây không hoàn toàn là cùng một trạng thái như một "linh hồn nhìn xuống dưới".

606. Though its "force" may turn downwards to sustain the instrument in the three worlds, how much of its *consciousness* is also turned downwards?

606. Dù "mãnh lực" của nó có thể hướng xuống dưới để duy trì công cụ trong ba cõi giới, nhưng bao nhiêu *tâm thức* của nó cũng hướng xuống dưới?

You have been told that the soul is in deep meditation for the greater part of the cycle of lives of any one individual, and that it is only when a fair measure of personality integration is set up that the soul's attention is drawn away from its own interior considerations and egoic affairs to those of its shadow. When this happens, the egoic group is definitely affected **and the Master (upon the same ray as that of the soul concerned) becomes aware of what is esoterically called "a downward gazing soul.**" On the Path of Discipleship, the ego is all the time consciously aware of the striving personality…(DINA I 714)

Bạn đã được bảo rằng linh hồn ở trong trạng thái tham thiền sâu trong phần lớn chu kỳ các kiếp sống của bất kỳ cá nhân nào, và chỉ khi một mức độ tích hợp phàm ngã khá đáng kể được thiết lập thì sự chú ý của linh hồn mới bị kéo ra khỏi những suy tư nội tại và những công việc chân ngã của chính nó để hướng đến cái bóng của nó. Khi điều này xảy ra, nhóm chân ngã chắc chắn bị tác động **và Chân sư (trên cùng cung với linh hồn liên hệ) nhận biết điều được gọi một cách huyền bí là "một linh hồn nhìn xuống dưới.**" Trên Con Đường Đệ Tử, chân ngã luôn luôn có ý thức rõ ràng về phàm ngã đang nỗ lực… (DINA I 714)

and for the period of manifestation the flow of egoic energy is towards the lower, and consequently away from the higher.

và trong thời kỳ biểu lộ, dòng năng lượng chân ngã hướng về phía thấp hơn, và do đó rời xa phía cao hơn.

607. We may presume that between incarnations the attention of the Ego is toward the 'higher'.

607. Chúng ta có thể giả định rằng giữa các lần nhập thể, sự chú ý của Chân ngã hướng về phía 'cao hơn'.

608. This is the period of the development of the human race, especially in its earlier stages. Much has to be developed in the three lower worlds before any movement towards emancipation is possible.

608. Đây là thời kỳ phát triển của nhân loại, đặc biệt trong các giai đoạn đầu của nó. Nhiều điều phải được phát triển trong ba cõi thấp trước khi bất kỳ chuyển động nào hướng tới giải thoát có thể xảy ra.

There is at this stage very little turning of egoic energy in the direction of the Monad,

Ở giai đoạn này có rất ít sự chuyển hướng năng lượng chân ngã về phía Chân thần,

609. The analogy of which is Hierarchy turning towards Shamballa—something that is happening intensively in this period of history.

609. Sự tương đồng của điều này là Thánh đoàn hướng về Shamballa—điều đang diễn ra một cách mãnh liệt trong giai đoạn lịch sử này.

for it has not yet generated enough force, and is not as yet radioactive towards the Spirit aspect.

vì nó chưa tạo ra đủ mãnh lực, và vẫn chưa có tính phóng xạ đối với phương diện Tinh thần.

610. In order to turn towards the Monad, the Ego must—

610. Để quay về phía Chân thần, Chân ngã phải—

a. Generate sufficient force

a. Tạo ra đủ mãnh lực

b. Become radioactive towards the Spirit aspect

b. Trở nên có tính phóng xạ đối với phương diện Tinh thần

611. We judge then, that Hierarchy is *now* becoming radioactive towards Shamballa.

611. Vậy thì chúng ta phán đoán rằng Thánh đoàn *nay* đang trở nên có tính phóng xạ đối với Shamballa.

612. It is suggested that the Ego may become radioactive towards the personality aspect and not yet be radioactive towards the Spirit aspect.

612. Có ý cho rằng Chân ngã có thể trở nên có tính phóng xạ đối với phương diện phàm ngã mà vẫn chưa có tính phóng xạ đối với phương diện Tinh thần.

613. The Ego on the higher mental plane is developing and must become "Janus"—the two-faced God.

613. Chân ngã trên cõi thượng trí đang phát triển và phải trở thành "Janus"—vị thần hai mặt.

Its activities are primarily internal and self-centred for the greater part of the time,

Các hoạt động của nó chủ yếu là nội tại và tập trung vào bản thân trong phần lớn thời gian,

614. With what is the Ego preoccupied when its activities are internal and self-centered?

614. Chân ngã bận tâm với điều gì khi các hoạt động của nó là nội tại và tập trung vào bản thân?

615. Does this correspond to the Ego being active "on its own plane" and attending to its own affairs?

615. Điều này có tương ứng với việc Chân ngã hoạt động "trên cõi riêng của nó" và chăm lo công việc riêng của nó không?

or are directed towards arousing the permanent atoms,

616. The process of arousing the permanent atoms is undertaken in the earlier days of evolution when the personality is simply being built up.

617. During the cycles of incarnation, the Ego is attentive in this direction, though does not concern itself overmuch with the affairs of the personality in incarnation.

[Page 775] and **not towards the unfolding of the petals.**

618. There is a period, then, of relatively early stimulation, when the objective of the Ego or Solar Angel is not the unfolding of the petals but simply establishing a viable instrument of expression in the lower three worlds.

619. It is suggested that there may be three egoic enterprises and that they are distinct from each other

a. ´The effort to arouse the permanent atoms and mental unit of the atomic triangle

b. The effort to unfold the petals

c. The effort to turn towards the Monad.

This should be carefully borne in mind.

620. Progress is long and slow—especially at the beginning. We must not look at the unfoldment of the egoic lotus as an easily measured linear process. The first phases,

hoặc được hướng tới việc khơi dậy các nguyên tử trường tồn,

616. Tiến trình khơi dậy các nguyên tử trường tồn được thực hiện trong những ngày đầu của tiến hoá khi phàm ngã chỉ mới đang được xây dựng.

617. Trong các chu kỳ nhập thể, Chân ngã chú ý theo hướng này, dù không quá bận tâm đến các công việc của phàm ngã đang lâm phàm.

[Page 775] và **không hướng tới sự khai mở của các cánh hoa.**

618. Vậy thì có một giai đoạn kích thích tương đối sớm, khi mục tiêu của Chân ngã hay Thái dương Thiên Thần không phải là sự khai mở của các cánh hoa mà chỉ đơn giản là thiết lập một công cụ biểu lộ khả dụng trong ba cõi thấp.

619. Có ý cho rằng có thể có ba công việc chân ngã và chúng khác biệt với nhau

a. Nỗ lực khơi dậy các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí của tam giác nguyên tử

b. Nỗ lực khai mở các cánh hoa

c. Nỗ lực quay về phía Chân thần.

Điều này nên được ghi nhớ cẩn thận.

620. Tiến bộ là lâu dài và chậm chạp—đặc biệt lúc khởi đầu. Chúng ta không được nhìn sự khai mở của Hoa Sen Chân Ngã như một tiến trình tuyến tính dễ đo lường. Các giai

are from our present personal perspective, inordinately slow.

đoạn đầu, từ góc nhìn cá nhân hiện nay của chúng ta, chậm một cách quá mức.

TCF 776-791: S7S4

6 May – 20 May 2008

6 tháng 5 – 20 tháng 5 năm 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

Có ý rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

1. We continue our close look at the work of the Solar Angel/solar angels in relation to the lower aspects of the human being.

1. Chúng ta tiếp tục xem xét kỹ công việc của Thái dương Thiên Thần/các thiên thần thái dương liên hệ với các phương diện thấp của con người.

The work of the solar Angels is of a triple nature:

Công việc của các Thái dương Thiên Thần có tính tam phân:

(1.) <u>Directing the vibration</u> towards the atomic triangle. Here a very interesting fact must be borne in mind. The three permanent atoms, or the three points of the triangle, **<u>do not always hold the same relative position as regards the centre of the lotus</u>**,

(1.) <u>Hướng rung động</u> về tam giác nguyên tử. Ở đây cần ghi nhớ một sự kiện rất thú vị. Ba nguyên tử trường tồn, hay ba điểm của tam giác, **<u>không phải lúc nào cũng giữ cùng một vị trí tương đối đối với trung tâm của hoa sen</u>**,

2. When studying the Science of Triangles, we discover that triangles are always in rotation, wherever they are found.

2. Khi nghiên cứu Khoa Học về các Tam Giác, chúng ta khám phá rằng các tam giác luôn luôn quay, ở bất cứ nơi nào chúng được tìm thấy.

3. Here we are talking about those tiny points of force to be found within the atomic triangle, but we might as well be talking about planetary triangles, solar triangles, or even constellational triangles. Emphasis is progressive in every type of triangle; in other words, all triangles are in rotation.

3. Ở đây chúng ta đang nói về những điểm mãnh lực nhỏ bé được tìm thấy trong tam giác nguyên tử, nhưng cũng có thể đang nói về các tam giác hành tinh, tam giác thái dương, hay thậm chí các tam giác chòm sao. Sự nhấn mạnh là tiến triển trong mọi loại tam giác; nói cách khác, mọi tam giác đều đang quay.

but according to the stage of development **so will be the position of the atoms,** and so will be the apprehension of the inflowing force.

nhưng tùy theo giai đoạn phát triển **vị trí của các nguyên tử sẽ như thế,** và sự lĩnh hội mãnh lực tuôn vào cũng sẽ như thế.

4. We can understand the idea of *emphasis;* according to the stage of development so would be the relative emphasis of the atoms.

4. Chúng ta có thể hiểu ý niệm về *sự nhấn mạnh;* tùy theo giai đoạn phát triển mà sự nhấn mạnh tương đối của các nguyên tử cũng sẽ như vậy.

5. Now we must consider the question of "position" of the units in the atomic triangle within the causal body. Along with this consideration is the thought that the three units within the atomic triangle are each found on different planes and even subplanes.

5. Giờ đây chúng ta phải xét đến vấn đề "vị trí" của các đơn vị trong tam giác nguyên tử bên trong thể nguyên nhân. Cùng với sự xem xét này là ý nghĩ rằng ba đơn vị trong tam giác nguyên tử mỗi đơn vị đều được tìm thấy trên những cõi và thậm chí những cõi phụ khác nhau.

6. The "position" here referenced, may have to do with their 'position in time'—i.e., the order in which they are contacted.

6. "Vị trí" được nhắc đến ở đây có thể liên quan đến 'vị trí trong thời gian' của chúng—tức là, thứ tự mà chúng được tiếp xúc.

In the earlier stages, **the physical permanent atom is the first to receive the inflow**, passing it through its system to the astral permanent atom and the mental unit.

Trong các giai đoạn đầu, **nguyên tử trường tồn hồng trần là cái đầu tiên nhận luồng tuôn vào**, truyền nó qua hệ thống của nó đến nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí.

7. Symbolically, this places the physical permanent atom at the apex of the atomic triangle during the beginning stages of evolution.

7. Theo biểu tượng, điều này đặt nguyên tử trường tồn hồng trần ở đỉnh của tam giác nguyên tử trong các giai đoạn đầu của tiến hoá.

8. The 'passage' here discussed is a kind of 'upward passage'. The "vibration" from the Solar Angel/solar angels is directed to the solar systemic-etheric level first and thence to the astral permanent atom and the mental unit.

8. "Sự truyền qua" được bàn đến ở đây là một loại "sự truyền lên trên". "Rung động" từ Thái dương Thiên Thần/các thiên thần thái dương được hướng đến cấp độ dĩ thái-hệ thống thái dương trước tiên và từ đó đến nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí.

This force is circulated **four times around the triangle** (this being the fourth round)

Mãnh lực này được lưu chuyển **bốn lần quanh tam giác** (đây là cuộc tuần hoàn thứ tư)

9. We note that there is circulation of vibrational force of the Solar Angel/solar angels *around* the triangle even though we are speaking of the early days of evolution when the astral permanent atom and the mental unit are hardly stimulated.

9. Chúng ta lưu ý rằng có sự lưu chuyển của mãnh lực rung động của Thái dương Thiên Thần/các thiên thần thái dương *quanh* tam giác dù chúng ta đang nói về những ngày đầu của tiến hoá khi nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí hầu như chưa được kích thích.

10. Sacred geometry and numerology are inescapable in the dynamics of cosmic structure.

10. Hình học thiêng liêng và số học huyền bí là điều không thể tránh khỏi trong động lực học của cấu trúc vũ trụ.

until the mental unit is again contacted and the energy becomes centralised in the fourth spirilla of the mental unit.

cho đến khi đơn vị hạ trí lại được tiếp xúc và năng lượng trở nên tập trung trong loa tuyến thứ tư của đơn vị hạ trí.

11. We have seen that a very long period of preparing the egoic lotus occurs before individualization truly beings and the process of incarnation as a human being is launched.

11. Chúng ta đã thấy rằng một thời kỳ rất dài chuẩn bị cho Hoa Sen Chân Ngã diễn ra trước khi sự biệt ngã hóa thực sự bắt đầu và tiến trình nhập thể như một con người được khởi động.

12. Here we are speaking of the centralization of the force of the Solar Angel/solar angels in the mental unit prior to the process of incarnation undertaken in the very earliest days of humanity's history.

12. Ở đây chúng ta đang nói về sự tập trung mãnh lực của Thái dương Thiên Thần/các thiên thần thái dương trong đơn vị hạ trí trước tiến trình nhập thể được thực hiện trong những ngày đầu tiên của lịch sử nhân loại.

13. That the fourth spirilla is stimulated indicates that the progressive life force of the Planetary Logos has reached the *human* stage.

13. Việc loa tuyến thứ tư được kích thích cho thấy sự sống tiến hóa tiến bộ của Đức Hành Tinh Thượng Đế đã đạt đến giai đoạn *nhân loại*.

14. While the energy may be centralized there (and notice that DK now calls it "energy" rather than "force") does not mean that the mental unit is greatly stimulated.

14. Dù năng lượng có thể được tập trung ở đó (và lưu ý rằng giờ đây Chân sư DK gọi nó là "năng lượng" thay vì "mãnh lực") không có nghĩa là đơn vị hạ trí được kích thích mạnh mẽ.

Then and only then do the lunar Pitris begin their work, and commence the co-ordination of the substance which will form the mental sheath, next working with the astral body and finally with the etheric body.

Khi đó và chỉ khi đó các thái âm tổ phụ mới bắt đầu công việc của họ, và khởi sự sự phối hợp chất liệu sẽ tạo thành thể trí, rồi tiếp theo làm việc với thể cảm dục và cuối cùng với thể dĩ thái.

15. After the vibratory energy of the Solar Angel/solar angels has been circulated four times around the atomic triangle, the process of sheath building begins and the construction begins in the usual order—from the mental body, to the astral body to the etheric body.

15. Sau khi năng lượng rung động của Thái dương Thiên Thần/các thiên thần thái dương đã được lưu chuyển bốn lần quanh tam giác nguyên tử, tiến trình xây dựng các thể bắt đầu và sự kiến tạo khởi sự theo thứ tự thông thường—từ thể trí, đến thể cảm dục rồi đến thể dĩ thái.

16. In this particular section of text, we seem to be discussing a process which occurs immediately before an incarnation. It is the thought of progressively forming the mental, then astral, then etheric sheaths that indicates we a process immediately preceding an incarnation is being described, as before each incarnation the sheaths have to be reformed anew.

16. Trong phần văn bản đặc biệt này, dường như chúng ta đang bàn đến một tiến trình xảy ra ngay trước một lần nhập thể. Chính ý tưởng về việc dần dần hình thành các thể trí, rồi cảm dục, rồi dĩ thái cho thấy một tiến trình ngay trước nhập thể đang được mô tả, vì trước mỗi lần nhập thể các thể phải được tái tạo lại từ đầu.

17. We remember that the lunar pitris work through the units in the atomic triangle; this is how they contribute to the building process.

17. Chúng ta nhớ rằng các thái âm tổ phụ pitris làm việc qua các đơn vị trong tam giác nguyên tử; đó là cách họ góp phần vào tiến trình xây dựng.

At a later stage in the evolution of man (the stage wherein the average man is now)

Ở một giai đoạn muộn hơn trong tiến hoá của con người (giai đoạn mà con người trung bình hiện nay đang ở)

18. The average man is, today, emotionally polarized.

18. Con người trung bình ngày nay phân cực cảm xúc.

the astral permanent atom is the first contacted, and the energy circulates through it to the other two.

nguyên tử trường tồn cảm dục là cái được tiếp xúc đầu tiên, và năng lượng lưu chuyển qua nó đến hai cái kia.

19. The "position" in time of the astral permanent atom is altered and it receives the energy from the Solar Angel/solar angels first.

19. "Vị trí" trong thời gian của nguyên tử trường tồn cảm dục đã thay đổi và nó nhận năng lượng từ Thái dương Thiên Thần/các thiên thần thái dương trước tiên.

20. In this case, we are not told the order in which this circulation occurs—whether the physical permanent atom or the mental unit receives stimulation immediately after the astral permanent atom.

20. Trong trường hợp này, chúng ta không được cho biết thứ tự mà sự lưu chuyển này diễn ra—liệu nguyên tử trường tồn hồng trần hay đơn vị hạ trí nhận kích thích ngay sau nguyên tử trường tồn cảm dục.

At the stage of advanced intellectual man, the mental unit takes the primary place. **In this case there is now the possibility of the alignment of the three bodies which will later be an accomplished fact**.

Ở giai đoạn con người trí thức tiến bộ, đơn vị hạ trí giữ vị trí chủ yếu. **Trong trường hợp này giờ đây có khả năng chỉnh hợp ba thể, điều về sau sẽ trở thành một sự kiện đã hoàn tất**.

21. The taking of "primary place" means, apparently, that the mental unit is the first to receive the vibrational impulse from the Solar Angel/solar angels.

21. Việc giữ "vị trí chủ yếu" rõ ràng có nghĩa là đơn vị hạ trí là cái đầu tiên nhận xung động rung động từ Thái dương Thiên Thần/ các thiên thần thái dương.

22. The alignment of the three personality vehicles requires the prominence of the mental unit. From this perspective, alignment is a task facilitated by the mind.

22. Sự chỉnh hợp của ba vận cụ phàm ngã đòi hỏi sự nổi trội của đơn vị hạ trí. Từ góc nhìn này, chỉnh hợp là một nhiệm vụ được trí tuệ tạo điều kiện thuận lợi.

The fifth spirilla in the lower two atoms increases its vibration.

Loa tuyến thứ năm trong hai nguyên tử thấp gia tăng rungđộng của nó.

23. The period of mental focus has occurred and this period suggests the possibility of entering the Kingdom of Souls (for the egoic lotus is also on the mental plane).

23. Thời kỳ tập trung trí tuệ đã xảy ra và thời kỳ này gợi ý khả năng bước vào Thiên Giới (vì Hoa Sen Chân Ngã cũng ở trên cõi trí).

24. There is probably a resonance between the fifth spirilla and the fifth petal of the egoic lotus. We remember that the fifth petal is associated particularly with the fifth kingdom and that its complete opening suggests that the first initiation has been taken.

24. Có lẽ có một sự cộng hưởng giữa loa tuyến thứ năm và cánh hoa thứ năm của Hoa Sen Chân Ngã. Chúng ta nhớ rằng cánh hoa thứ năm đặc biệt gắn với giới thứ năm và sự mở hoàn toàn của nó gợi ý rằng lần điểm đạo thứ nhất đã được tiếp nhận.

The fifth or spiritual kingdom is entered when the units of the fourth kingdom have **succeeded in vitalizing the fifth spirilla** in all the atoms of the threefold lower man; (TCF 697)

Giới thứ năm hay giới tinh thần được bước vào khi các đơn vị của giới thứ tư đã **thành công trong việc tiếp sinh lực cho loa tuyến thứ năm** trong mọi nguyên tử của phàm nhân tam phân; (TCF 697)

25. But at the third stage described (that in which the mental unit becomes primary) we are not yet at the point when the fifth spirilla (though increasing its vibration) is truly *vitalized.* Thus, it would indicate that the fifth petal, though being organized is not yet completely unfolded.

25. Nhưng ở giai đoạn thứ ba được mô tả (giai đoạn trong đó đơn vị hạ trí trở nên chủ yếu) chúng ta vẫn chưa ở điểm mà loa tuyến thứ năm (dù đang gia tăng rung động) thực sự được *tiếp sinh lực.* Vì vậy, điều đó cho thấy cánh hoa thứ năm, dù đang được tổ chức, vẫn chưa hoàn toàn khai mở.

As we know, there are only four spirillae in the mental unit and the **moment that that is in full activity, the co-ordination of the antaskarana becomes a possibility**.

Như chúng ta biết, chỉ có bốn loa tuyến trong đơn vị hạ trí và vào **lúc mà điều đó hoạt động trọn vẹn, sự phối hợp của antaskarana trở thành một khả năng**.

26. Here we have a very important statement, informing us, as it does, of the moment when the coordination of the antahkarana becomes a possibility.

26. Ở đây chúng ta có một phát biểu rất quan trọng, vì nó cho chúng ta biết thời điểm khi sự phối hợp của antahkarana trở thành một khả năng.

27. When is the mental unit and, thus, its four spirillae, “in full activity”? Here are two references which point to that time.

27. Khi nào đơn vị hạ trí và như vậy, bốn loa tuyến của nó, “hoạt động trọn vẹn”? Dưới đây là hai trích dẫn chỉ đến thời điểm ấy.

Here I would point out that there is a slight difference in the case of the mental unit, for **the four spirillae of the mental unit are aroused to full activity when the knowledge petal of the final three opens. (TCF 546)**

Ở đây tôi muốn chỉ ra rằng có một khác biệt nhỏ trong trường hợp của đơn vị hạ trí, vì **bốn loa tuyến của đơn vị hạ trí được khơi dậy đến mức hoạt động trọn vẹn khi cánh hoa tri thức của ba cánh cuối cùng mở ra. (TCF 546)**

3. The Petal of Sacrifice for the mental plane: demonstrates as the predominant bias of the soul as seen in a series of many lives spent by the initiate prior to his final emancipation. He becomes in his sphere the "Great Sacrifice."

3. Cánh hoa Hi sinh cho cõi trí: biểu lộ như khuynh hướng nổi trội của linh hồn như được thấy qua một chuỗi nhiều kiếp sống mà điểm đạo đồ trải qua trước khi được giải thoát sau cùng. Trong phạm vi của mình, y trở thành "Đại Hi Sinh".

This stage can be seen objectively to the eye of the clairvoyant as dual in effect:

Giai đoạn này có thể được thấy một cách khách quan đối với con mắt của nhà thông nhãn như có tác dụng nhị nguyên:

a. **The mental unit becomes a radiant point of light**; its four spirillae transmit force with intense rapidity.

a. **Đơn vị hạ trí trở thành một điểm sáng rực rỡ**; bốn loa tuyến của nó truyền mãnh lực với tốc độ cực kỳ mãnh liệt.

b. The three higher petals unfold, and the nine-petalled lotus is seen perfected. (TCF 542)

b. Ba cánh hoa cao hơn khai mở, và hoa sen chín cánh được thấy là đã hoàn thiện. (TCF 542)

28. The two references point to two different times: the first instance sees the seventh petal unfolded and the second instance, the ninth.

28. Hai trích dẫn này chỉ đến hai thời điểm khác nhau: trường hợp thứ nhất cho thấy cánh hoa thứ bảy khai mở và trường hợp thứ hai là cánh hoa thứ chín.

29. Perhaps there is a difference between the state of "full activity" of the mental unit and its four spirillae, found after the seventh petal has been unfolded, and the stage of "a radiant point of light" which occurs when, apparently, nine petals are unfolded.

29. Có lẽ có một khác biệt giữa trạng thái "hoạt động trọn vẹn" của đơn vị hạ trí và bốn loa tuyến của nó, được thấy sau khi cánh hoa thứ bảy đã khai mở, và giai đoạn của "một điểm sáng rực rỡ" xảy ra khi, dường như, chín cánh hoa đã khai mở.

30. Even if we focus on the earlier instance—the unfolding of the seventh petal, we realize that the coordination of the antaskarana can

30. Ngay cả nếu chúng ta tập trung vào trường hợp sớm hơn—sự khai mở của cánh hoa thứ bảy, chúng ta nhận ra rằng sự phối

only come *after* the first initiation has been taken, because the seventh petal (and all the sacrifice petals for that matter) can only unfold under the influence of the Rod. So if the seventh petal is fully unfolded, the Rod has *definitely* been applied.

hợp của antaskarana chỉ có thể đến *sau khi* lần điểm đạo thứ nhất đã được tiếp nhận, bởi vì cánh hoa thứ bảy (và mọi cánh hoa hi sinh nói chung) chỉ có thể khai mở dưới ảnh hưởng của Thần Trượng. Vì vậy nếu cánh hoa thứ bảy đã khai mở hoàn toàn, thì Thần Trượng *chắc chắn* đã được áp dụng.

31. There is every reason to believe that the touch of the Rod at the first initiation does *lead to* full unfoldment of the seventh petal (while not immediately causing it) and, therefore, that the stage we are talking about (full unfoldment of the seventh petal) is occurring at a time closer to the second initiation.

31. Có mọi lý do để tin rằng sự chạm của Thần Trượng ở lần điểm đạo thứ nhất quả thật *dẫn đến* sự khai mở hoàn toàn của cánh hoa thứ bảy (dù không gây ra điều đó ngay lập tức) và, do đó, giai đoạn mà chúng ta đang nói đến (sự khai mở hoàn toàn của cánh hoa thứ bảy) đang xảy ra vào một thời điểm gần hơn với lần điểm đạo thứ hai.

32. This helps pin-point the time at which the antahkarana can be successfully built and coordinated (though, I suspect the building occurs before the coordinating).

32. Điều này giúp xác định chính xác thời điểm mà antahkarana có thể được xây dựng và phối hợp thành công (dù tôi ngờ rằng việc xây dựng xảy ra trước việc phối hợp).

33. The second initiation is much associated with the power of Mercury, so powerful in Scorpio, the sign intimately associated with the second initiation and with the eighth petal.

33. Lần điểm đạo thứ hai gắn liền rất nhiều với quyền năng của Sao Thủy, vốn rất mạnh trong Hổ Cáp, dấu hiệu hoàng đạo gắn bó mật thiết với lần điểm đạo thứ hai và với cánh hoa thứ tám.

34. We can gather that from the time the mental unit is "fully active" is energy only increases in intensity and in relationship to the other two permanent atoms until the great destruction of the causal body occurs at the fourth initiation.

34. Chúng ta có thể suy ra rằng từ lúc đơn vị hạ trí "hoạt động trọn vẹn", năng lượng chỉ gia tăng về cường độ và trong mối liên hệ với hai nguyên tử trường tồn kia cho đến khi sự hủy diệt lớn của thể nguyên nhân xảy ra ở lần điểm đạo thứ tư.

Changes are now taking place in the egoic lotus, and the petals are unfolding, that **unfoldment being partially dependent upon the vibration in the spirillae and their awakening.** [Page 776]

Những thay đổi hiện đang diễn ra trong Hoa Sen Chân Ngã, và các cánh hoa đang khai mở, sự **khai mở ấy một phần tùy thuộc vào rung động trong các loa tuyến và sự thức tỉnh của chúng.** [Page 776]

35. This is a somewhat vague statement, but what we extract from it is there is a kind of

35. Đây là một phát biểu hơi mơ hồ, nhưng điều chúng ta rút ra từ đó là có một loại trao

reciprocal exchange between the awakening spirillae and the unfolding petals, just as, presumably, between the Solar Pitris and the lunar pitris. (I have finally decided on the orthography of "lunar pitris"—lower case. It is difficult to know why the name of devas which are not yet self-conscious should be capitalized.)

đổi hỗ tương giữa các loa tuyến đang thức tỉnh và các cánh hoa đang khai mở, cũng như, có lẽ, giữa các thái dương tổ phụ và các thái âm tổ phụ. (Cuối cùng tôi đã quyết định cách viết của "lunar pitris"—viết thường. Thật khó biết vì sao tên của các thiên thần chưa có ngã thức lại phải được viết hoa.)

36. When we read that the petals are unfolding, we are reminded that the stages of vitalization and organization take place well before petal unfoldment.

36. Khi chúng ta đọc rằng các cánh hoa đang khai mở, chúng ta được nhắc rằng các giai đoạn tiếp sinh lực và tổ chức diễn ra rất lâu trước khi cánh hoa khai mở.

37. Working in a petal (vitalizing and organizing) is preparation for an unfoldment. If we remember that old saying that "the initiate is initiate before he is initiated", we can see that to become an initiate the disciple must vitalize and organize (for instance, one or other of the three sacrifice petals) but to be *initiated* the Rod must be applied at the point of *sufficient petal unfoldment*, this application of the Rod confirming the degree of organization and initial unfoldment achieved and starting the process of rapid unfoldment through a threefold descent of additional force.

37. Làm việc trong một cánh hoa (tiếp sinh lực và tổ chức) là sự chuẩn bị cho một lần khai mở. Nếu chúng ta nhớ câu nói xưa rằng "điểm đạo đồ là điểm đạo đồ trước khi được điểm đạo", chúng ta có thể thấy rằng để trở thành một điểm đạo đồ, đệ tử phải tiếp sinh lực và tổ chức (chẳng hạn, một hay cánh nào đó trong ba cánh hoa hi sinh) nhưng để được *điểm đạo* thì Thần Trượng phải được áp dụng tại điểm *cánh hoa khai mở đầy đủ*, việc áp dụng Thần Trượng này xác nhận mức độ tổ chức và sự khai mở ban đầu đã đạt được và khởi động tiến trình khai mở nhanh chóng qua một sự giáng hạ tam phân của mãnh lực bổ sung.

38. Petal unfoldment is never the task of the human being, per se. We might wonder whether *any* petal unfoldment can occur in the sacrifice tier without the application of the Rod. The following potent reference points to the fact that it can:

38. Sự khai mở cánh hoa không bao giờ là công việc của chính con người. Chúng ta có thể tự hỏi liệu *bất kỳ* sự khai mở cánh hoa nào có thể xảy ra trong tầng hi sinh mà không có sự áp dụng của Thần Trượng hay không. Trích dẫn mạnh mẽ sau đây chỉ ra rằng điều đó có thể:

This inner circle of petals is organised and vitalised in the Hall of Wisdom, and simultaneously the middle circle unfolds, so that two rows of petals are duly opened, and only the third remains to be unclosed. **This final opening is effected during the period**

Vòng cánh hoa bên trong này được tổ chức và tiếp sinh lực trong Phòng Minh triết, và đồng thời vòng giữa khai mở, đến nỗi hai hàng cánh hoa được mở ra đúng mức, và chỉ còn hàng thứ ba là chưa mở. **Sự mở ra sau cùng này được thực hiện trong thời kỳ bước**

of treading the stages of the Path of Initiation, and in this round it is hastened by the rites of initiation and by the strenuous and abnormal efforts of the man himself, aided by the electrical work of the Initiator, wielding the Rod of Power. (TCF 824)

đi qua các giai đoạn của Con Đường Điểm Đạo, và trong cuộc tuần hoàn này nó được thúc đẩy bởi các nghi lễ điểm đạo và bởi những nỗ lực mãnh liệt và bất thường của chính con người, được trợ giúp bởi công việc điện lực của Đấng Điểm đạo, Đấng cầm Thần Trượng Quyền Năng. (TCF 824)

39. It is clear that the strenuous and abnormal efforts of the man contributes to petal unfoldment in the Hall of Wisdom; that this accounts for some degree of unfoldment; and that the Rod of Initiation is applied when a certain amount of unfoldment must occur before the Rod is applied.

39. Rõ ràng là những nỗ lực mãnh liệt và bất thường của con người góp phần vào sự khai mở cánh hoa trong Phòng Minh triết; rằng điều này tạo nên một mức độ khai mở nào đó; và rằng Thần Trượng Điểm đạo được áp dụng khi một lượng khai mở nhất định phải xảy ra trước khi Thần Trượng được áp dụng.

40. Another sentence telling us how petals are unfolded before the application of the Rod is as follows:

40. Một câu khác cho chúng ta biết cách các cánh hoa được khai mở trước khi Thần Trượng được áp dụng như sau:

The act of organising and preparing for unfoldment is the most important stage, and that with which man is the most concerned. The act of petal opening is of briefer duration, **and is produced by the pouring in of solar heat or fire**, and thus bringing about a fresh access of energy. (TCF 869)

Hành động tổ chức và chuẩn bị cho sự khai mở là giai đoạn quan trọng nhất, và là điều mà con người quan tâm nhiều nhất. Hành động mở cánh hoa có thời gian ngắn hơn, **và được tạo ra bởi sự tuôn đổ của nhiệt thái dương hay lửa**, và như thế đem lại một sự gia tăng mới của năng lượng. (TCF 869)

41. In this case is would seem that the Solar Pitris are involved in facilitating the pouring in of solar heat or fire.

41. Trong trường hợp này dường như các thái dương tổ phụ có liên quan đến việc tạo điều kiện cho sự tuôn đổ của nhiệt thái dương hay lửa.

42. The following is also important regarding petal unfoldment:

42. Điều sau đây cũng quan trọng liên quan đến sự khai mở cánh hoa:

The Ego takes no active interest in the development until the second petal in the second series is beginning to open. Before that time, the work proceeds under the [Page 544] law of its being and through the

Chân ngã không chủ động quan tâm đến sự phát triển cho đến khi cánh hoa thứ hai trong loạt thứ hai bắt đầu mở ra. Trước thời điểm đó, công việc tiến hành dưới [Page 544] định luật của bản thể nó và thông qua **sự**

inherent life of the second Logos which is the life of the petals of the lotus. (TCF 543-544)

43. We may then judge the following causes to be involved in the unfoldment of the petals of the egoic lotus:

a. The inherent life of the Second Logos

b. The work of the Solar Pitris or Solar Angel/solar angels pouring in solar heat or fire

c. The abnormal and strenuous work of the man as he approaches the period of possible initiation

d. The Initiator and the application of the Rod of Initiation

The student should bear in mind the fact that as soon as the mental unit has become the apex

44. This is the first time such a spatially significant word as "apex" has been used, suggesting an actual revolution of the atomic triangle.

45. The term "apex", however, can be either literal or symbolic. We will have to see for ourselves or be told explicitly.

of the atomic triangle a condition is brought about wherein force in **the future will enter the three atoms simultaneously through the three unfolded petals of the outer circle**, and the man has therefore reached a very definite stage in evolution.

sống cố hữu của Thượng đế thứ hai, vốn là sự sống của các cánh hoa của hoa sen. (TCF 543-544)

43. Khi đó chúng ta có thể xét rằng các nguyên nhân sau đây có liên quan đến sự khai mở các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã:

a. Sự sống cố hữu của Thượng đế thứ hai

b. Công việc của các thái dương tổ phụ hay Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần tuôn đổ nhiệt thái dương hay lửa

c. Công việc bất thường và mãnh liệt của con người khi y tiến gần thời kỳ có thể được điểm đạo

d. Đấng Điểm đạo và sự áp dụng của Thần Trượng Điểm đạo

Đạo sinh nên ghi nhớ sự kiện rằng ngay khi đơn vị hạ trí đã trở thành đỉnh

44. Đây là lần đầu tiên một từ có ý nghĩa không gian rõ rệt như "đỉnh" được dùng, gợi ý một sự xoay chuyển thực sự của tam giác nguyên tử.

45. Tuy nhiên, thuật ngữ "đỉnh" có thể là nghĩa đen hoặc biểu tượng. Chúng ta sẽ phải tự mình thấy hoặc được nói rõ.

của tam giác nguyên tử, một điều kiện được tạo ra trong đó mãnh lực trong **tương lai sẽ đi vào ba nguyên tử đồng thời qua ba cánh hoa đã khai mở của vòng ngoài**, và do đó con người đã đạt tới một giai đoạn rất xác định trong tiến hoá.

46. We have to proceed carefully.

a. The mental unit is at the apex of the atomic triangle

b. The three vehicles can be aligned

c. The four spirillae of the mental unit are increasing their vibration

d. There was a time when the force from the Solar Angel/solar angels entered the mental unit first and then the other two permanent atoms. This is not now the case.

e. Now we are speaking of a later condition in which the mental unit is at the apex of the atomic triangle and the force from the Solar Angel/solar angels is entering all three points in the atomic triangle *simultaneously*

f. The force is entering the three points in the triangle simultaneously *through* the three unfolded petals of the outer circle

g. It is my impression that not only are these three petals fully unfolded, but that the entire tier is functioning in a new and highly coordinated way.

h. When the three petals are simply fully unfolded, it would seem that the man had reached the point of taking one of the minor tier initiations in which some degree of somewhat selfish *group consciousness* is reached.

a form of initiation then takes place which is a reflection (on a lower plane) of the great manasic initiations. The **energy in**

46. Chúng ta phải tiến hành cẩn thận.

a. Đơn vị hạ trí ở đỉnh của tam giác nguyên tử

b. Ba vận cụ có thể được chỉnh hợp

c. Bốn loa tuyến của đơn vị hạ trí đang gia tăng rung động của chúng

d. Đã có một thời khi mãnh lực từ Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần đi vào đơn vị hạ trí trước rồi mới đến hai nguyên tử trường tồn kia. Nay không còn như vậy nữa.

e. Giờ đây chúng ta đang nói đến một điều kiện muộn hơn trong đó đơn vị hạ trí ở đỉnh của tam giác nguyên tử và mãnh lực từ Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần đang đi vào cả ba điểm trong tam giác nguyên tử *đồng thời*

f. Mãnh lực đang đi vào ba điểm trong tam giác đồng thời *qua* ba cánh hoa đã khai mở của vòng ngoài

g. Ấn tượng của tôi là không những ba cánh hoa này đã khai mở hoàn toàn, mà toàn bộ tầng ấy còn đang vận hành theo một cách mới và được phối hợp cao độ.

h. Khi ba cánh hoa chỉ đơn thuần khai mở hoàn toàn, dường như con người đã đạt đến điểm tiếp nhận một trong những điểm đạo của tầng nhỏ, trong đó đạt được một mức độ nào đó của *tâm thức nhóm* còn phần nào ích kỷ.

khi ấy một hình thức điểm đạo diễn ra, là sự phản chiếu (trên một cõi thấp hơn) của các điểm đạo manas lớn. Năng lượng trong

the outer circle of petals causes it to spring apart from the **next circle, and to unfold**. This threefold energy becomes interactive and a very definite stage is thus reached. **This series of initiations is seldom recognised within the physical brain consciousness owing to the relatively inchoate stage of the bodies**, and the unresponsiveness of the brain matter. Yet they are nevertheless initiations of a definite though less important character, **and they involve primarily the display (within the personal life of the man) of an intelligent recognition of his group relationships on earth.** This recognition is frequently selfish in character, as, for instance, that which the union worker displays, but it is indicative of group interplay. (TCF 869-870)

vòng ngoài của các cánh hoa khiến nó bung ra khỏi **vòng kế tiếp, và khai mở**. Năng lượng tam phân này trở nên tương tác và như thế một giai đoạn rất xác định được đạt tới. **Loạt điểm đạo này hiếm khi được nhận biết trong tâm thức bộ não hồng trần do giai đoạn còn tương đối chưa định hình của các thể**, và sự không đáp ứng của vật chất não bộ. Tuy nhiên, chúng vẫn là những điểm đạo có tính chất xác định dù kém quan trọng hơn, **và chúng chủ yếu liên quan đến sự biểu lộ (trong đời sống cá nhân của con người) của một sự nhận biết thông minh về các mối liên hệ nhóm của y trên Trái Đất.** Sự nhận biết này thường có tính ích kỷ, chẳng hạn như điều mà người hoạt động công đoàn biểu lộ, nhưng nó là dấu hiệu của sự tương tác nhóm. (TCF 869-870)

i. But if we speak of the tier *as acting as a fully coordinated unit*, we may be speaking of approaching the first manasic initiation, *in which the fifth petal is also unfolding.* The mental unit, however, is not yet *fully* active, because, as we have seen, this requires the full unfoldment of the seventh petal.

i. Nhưng nếu chúng ta nói về tầng ấy *như hoạt động như một đơn vị được phối hợp hoàn toàn*, thì có thể chúng ta đang nói đến việc tiến gần lần điểm đạo manas thứ nhất, *trong đó cánh hoa thứ năm cũng đang khai mở.* Tuy nhiên, đơn vị hạ trí vẫn chưa *hoàn toàn* hoạt động, bởi vì như chúng ta đã thấy, điều này đòi hỏi sự khai mở hoàn toàn của cánh hoa thứ bảy.

The two outer rings of petals are stimulated in a new and special sense through the conscious act of the probationary disciple. Much of the work hitherto has been pursued under the ordinary laws of evolution and has been unconscious. (TCF 828)

Hai vòng cánh hoa bên ngoài được kích thích theo một ý nghĩa mới và đặc biệt thông qua hành động có ý thức của đệ tử dự bị. Phần lớn công việc cho đến nay đã được tiến hành dưới các định luật thông thường của tiến hoá và đã là vô thức. (TCF 828)

j. So much depends upon what is meant by a "probationary disciple". Until a disciple is a accepted disciple, well after the first initiation, he may still be considered a "probationary disciple".

j. Rất nhiều điều tùy thuộc vào ý nghĩa của "đệ tử dự bị". Cho đến khi một đệ tử là một đệ tử được chấp nhận, khá lâu sau lần điểm đạo thứ nhất, y vẫn có thể được xem là một "đệ tử dự bị".

k. Or if the special stimulation (stimulation "in a new and special sense") does not occur at the first initiation, at least it is leading to the first initiation.

k. Hoặc nếu sự kích thích đặc biệt (sự kích thích "theo một ý nghĩa mới và đặc biệt") không xảy ra ở lần điểm đạo thứ nhất, thì ít nhất nó cũng đang dẫn đến lần điểm đạo thứ nhất.

l. The following shows how the energy of the first tier of petals is "set free" at the first initiation and, probably, this is because stimulation "in a new and special sense" has been applied.

l. Điều sau đây cho thấy năng lượng của tầng cánh hoa thứ nhất được "giải phóng" ở lần điểm đạo thứ nhất và, có lẽ, điều này là vì sự kích thích "theo một ý nghĩa mới và đặc biệt" đã được áp dụng.

Through the action of the Rod as wielded at the first two Initiations, the two outer circles unfold, the energy of the two is set free the two sets of force as embodied in the six petals are co-ordinated and become interactive. This stage of petal adjustment succeeds upon that called earlier "unfoldment" and has to do with the simultaneous action of the two tiers of petals. (TCF 883-884)

Qua tác động của Thần Trượng như được sử dụng tại hai lần Điểm đạo đầu tiên, hai vòng ngoài khai mở, năng lượng của hai vòng được giải phóng, hai tập hợp mãnh lực như được thể hiện trong sáu cánh hoa được phối hợp và trở nên tương tác. Giai đoạn điều chỉnh cánh hoa này tiếp nối giai đoạn trước đó được gọi là "khai mở" và liên quan đến hoạt động đồng thời của hai tầng cánh hoa. (TCF 883-884)

m. We have the following stages for the outer tier. (What is said here can also be applied to the second tier leading to the second initiation when the energy of the second tier is "set free".)

m. Chúng ta có các giai đoạn sau cho tầng ngoài. (Điều được nói ở đây cũng có thể áp dụng cho tầng thứ hai dẫn đến lần điểm đạo thứ hai khi năng lượng của tầng thứ hai được "giải phóng".)

i. The *unfoldment* of the three petals of the outer tier

i. Sự *khai mở* của ba cánh hoa của tầng ngoài

ii. The *springing* apart of the outer three petals

ii. Sự *bung* ra của ba cánh hoa ngoài

iii. The stimulation of the outer tier of petals "in a new and special sense"

iii. Sự kích thích tầng cánh hoa ngoài "theo một ý nghĩa mới và đặc biệt"

iv. The energy of the outer tier of petals is "adjusted", "coordinated" and "set free"

iv. Năng lượng của tầng cánh hoa ngoài được "điều chỉnh", "phối hợp" và "giải phóng"

n. The tiers of the egoic lotus become means of conduit of solar angelic energy from the egoic lotus to the personality (through the units in the atomic triangle). The following excerpt demonstrates this:

n. Các tầng của Hoa Sen Chân Ngã trở thành phương tiện dẫn truyền năng lượng thái dương thiên thần từ Hoa Sen Chân Ngã đến phàm ngã (qua các đơn vị trong tam giác nguyên tử). Đoạn trích sau chứng minh điều này:

On the Path of Probation, the ray of the physical body must become subordinated to the potencies emanating from those soul rays which stream forth from the outer tier of petals in the egoic lotus. (See *A Treatise on Cosmic Fire*.) These are the knowledge petals. On the Path of Discipleship, the astral body is brought into subjection by the ray of the soul as it pours through the second tier of petals, the love petals. Upon the Path of Initiation, until the third initiation, the ray of the mental body is subdued by the force of the petals of sacrifice, found in the third tier of petals. (EP. II 22-23)

Trên Con Đường Dự Bị, cung thể xác phải trở nên lệ thuộc vào các năng lực phát ra từ những cung linh hồn tuôn ra từ tầng cánh hoa ngoài của Hoa Sen Chân Ngã. (Xem *Luận về Lửa Vũ Trụ*.) Đó là các cánh hoa tri thức. Trên Con Đường Đệ Tử, thể cảm dục được đặt dưới sự chế ngự của cung linh hồn khi nó tuôn qua tầng cánh hoa thứ hai, các cánh hoa bác ái. Trên Con Đường Điểm Đạo, cho đến lần điểm đạo thứ ba, cung thể trí bị khuất phục bởi mãnh lực của các cánh hoa hi sinh, được tìm thấy trong tầng cánh hoa thứ ba. (EP. II 22-23)

o. We can see how intricate is this process of the opening of the petals and how many stages there are.

o. Chúng ta có thể thấy tiến trình mở các cánh hoa này phức tạp đến mức nào và có bao nhiêu giai đoạn.

p. DK scatters the information in various places, so it is hard to get a clear sense of the sequence.

p. Chân sư DK rải thông tin ở nhiều nơi khác nhau, nên khó có được một cảm nhận rõ ràng về trình tự.

q. At the first initiation

q. Ở lần điểm đạo thứ nhất

i. The petals in the outer tier of petals (having sprung open) are coordinated, adjusted and their energies are set free

i. Các cánh hoa trong tầng cánh hoa ngoài (sau khi đã bung mở) được phối hợp, điều chỉnh và năng lượng của chúng được giải phóng

ii. The fifth petal is completely unfolded

ii. Cánh hoa thứ năm được khai mở hoàn toàn

iii. The Rod is applied to the seventh petal which has reached a certain degree of

iii. Thần Trượng được áp dụng vào cánh hoa thứ bảy, cánh hoa này đã đạt đến một mức

unfoldment through the abnormal and strenuous effort of the candidate, and the unfoldment of the seventh petal is then accelerated through the application of the Rod

độ khai mở nhất định nhờ nỗ lực bất thường và mãnh liệt của ứng viên, và sự khai mở của cánh hoa thứ bảy sau đó được tăng tốc qua việc áp dụng Thần Trượng

r. At the second initiation

r. Ở lần điểm đạo thứ hai

i. The sixth petal is completely unfolded—in fact this has occurred before the second initiation.

i. Cánh hoa thứ sáu được khai mở hoàn toàn —thực ra điều này đã xảy ra trước lần điểm đạo thứ hai.

ii. The petals in the second tier of petals (having sprung open) are coordinated, adjusted and their energies are set free

ii. Các cánh hoa trong tầng cánh hoa thứ hai (sau khi đã bung mở) được phối hợp, điều chỉnh và năng lượng của chúng được giải phóng

iii. The Rod is applied to the eighth petal which has reached a certain degree of unfoldment through the abnormal and strenuous effort of the candidate, and the unfoldment of the eighth petal is then accelerated through the application of the Rod

iii. Thần Trượng được áp dụng vào cánh hoa thứ tám, cánh hoa này đã đạt đến một mức độ khai mở nhất định nhờ nỗ lực bất thường và mãnh liệt của ứng viên, và sự khai mở của cánh hoa thứ tám sau đó được tăng tốc qua việc áp dụng Thần Trượng

s. Meanwhile there is a growing and intensified interplay between the Solar Pitris and the lunar pitris, and between the unfolded petals and the spirillae of the permanent atoms and mental unit of the atomic triangle.

s. Trong khi đó có một sự tương tác ngày càng tăng và mạnh hơn giữa các thái dương tổ phụ và các thái âm tổ phụ, và giữa các cánh hoa đã khai mở với các loa tuyến của các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí của tam giác nguyên tử.

The direction of force, and its application to the atoms is the work of the solar Pitris.

Sự định hướng của mãnh lực, và sự áp dụng của nó vào các nguyên tử là công việc của các thái dương tổ phụ.

47. Here we have an important statement concerning the responsibility of the Solar Pitris: They are responsible for directing force and applying force to the lower permanent atoms and mental unit.

47. Ở đây chúng ta có một phát biểu quan trọng liên quan đến trách nhiệm của các thái dương tổ phụ: Các Ngài chịu trách nhiệm định hướng mãnh lực và áp dụng mãnh lực vào các nguyên tử trường tồn thấp và đơn vị hạ trí.

48. This statement should be correlated with the statement that the three vehicles (one at each initiation) are being subordinated and subdued by the energies emanating from the three tiers of petals—essentially the energies of the Solar Angels/solar angels or Solar Pitris.

48. Phát biểu này nên được liên hệ với phát biểu rằng ba vận cụ (mỗi vận cụ tại một lần điểm đạo) đang được đặt dưới quyền và chế ngự bởi các năng lượng phát ra từ ba tầng cánh hoa—về bản chất là các năng lượng của các Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần hay các thái dương tổ phụ.

49. Thus, in many ways they are responsible for unfoldments within the personality.

49. Vì vậy, theo nhiều cách, các Ngài chịu trách nhiệm về những sự khai mở bên trong phàm ngã.

As evolution proceeds, their work in this connection becomes more complex, for the petals are unfolding, and the triangle is revolving more rapidly.

Khi tiến hoá tiếp diễn, công việc của các Ngài trong mối liên hệ này trở nên phức tạp hơn, vì các cánh hoa đang khai mở, và tam giác đang quay nhanh hơn.

50. The Solar Pitris are highly knowledgeable and occultly schooled. Their task of directing and applying their force to the atomic triangle becomes more demanding as the unfoldment of man proceeds.

50. Các thái dương tổ phụ có tri thức rất sâu rộng và được huấn luyện huyền bí. Nhiệm vụ định hướng và áp dụng mãnh lực của các Ngài vào tam giác nguyên tử trở nên đòi hỏi hơn khi sự khai mở của con người tiến triển.

51. We remember (as we read in the last commentary) that their mantrams are becoming more complex as are the formulas which the lunar pitris can extract from such formulas

51. Chúng ta nhớ (như đã đọc trong phần bình luận trước) rằng các mantram của các Ngài đang trở nên phức tạp hơn, cũng như các công thức mà các thái âm tổ phụ pitris có thể rút ra từ những công thức ấy

52. We can hardly imagine the kind of knowledge which is required for the task which they seek to accomplish.

52. Chúng ta khó có thể hình dung loại tri thức nào được đòi hỏi cho nhiệm vụ mà các Ngài tìm cách hoàn thành.

(2.) Pronouncing the mantram which will make possible the 777 incarnations.

(2.) Xướng mantram sẽ làm cho 777 lần lâm phàm trở nên khả hữu.

53. We recall how the second aspect of divinity is connected with the formulation of mantrams and that the Solar Angel/solar angels are directly connected to this second aspect.

53. Chúng ta nhớ rằng phương diện thứ hai của thiên tính gắn liền với việc hình thành các mantram và rằng Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần trực tiếp gắn liền với phương diện thứ hai này.

54. The word “pronouncing” suggests the voice and also a connection with the “Word”, which is not the same thing as the “WORD” or Word of Power expressed by the first aspect of divinity.

54. Từ “xướng” gợi ý tiếng nói và cũng gợi một mối liên hệ với “Linh từ”, vốn không phải là cùng một điều với “WORD” hay Quyền năng từ được biểu lộ bởi phương diện thứ nhất của thiên tính.

55. We recall again, that the 777 incarnations, do not symbolize the *entirety* of human incarnations, but only those which, starting from the very beginning of human evolution eventually including the Probationary Path.

55. Chúng ta lại nhớ rằng 777 lần lâm phàm không tượng trưng cho *toàn bộ* các lần lâm phàm của con người, mà chỉ cho những lần bắt đầu từ chính khởi đầu của tiến hoá nhân loại và cuối cùng bao gồm cả Con Đường Dự Bị.

56. The incarnations during which the Path of Initiation is pursued are not included in the 777, so, in a way, the third tier (which we might be tempted to correlate with the number 7) is not to be included among the 777.

56. Những lần lâm phàm trong đó Con Đường Điểm Đạo được theo đuổi không được tính trong 777, vì vậy, theo một nghĩa nào đó, tầng thứ ba (mà chúng ta có thể bị cám dỗ liên hệ với số 7) không được tính trong 777.

Each of the figures in this triplicity stands for:

Mỗi con số trong bộ ba này tượng trưng cho:

57. By “figures in this triplicity” we probably mean 700, 70 and 7.

57. Bởi “các con số trong bộ ba này” có lẽ chúng ta muốn nói đến 700, 70 và 7.

a. A cycle of **egoic** manifestation.

a. Một chu kỳ biểu hiện **chân ngã**.

58. We note that we are not speaking of a cycle of personal manifestation but of *egoic* manifestation. We are speaking in large terms of egoic cycles.

58. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta không nói về một chu kỳ biểu hiện cá nhân mà là biểu hiện *chân ngã*. Chúng ta đang nói theo nghĩa rộng về các chu kỳ chân ngã.

b. A particular sound which will enable the Ego to express **some subray of this egoic ray.**

b. Một âm thanh đặc biệt sẽ giúp Chân ngã biểu lộ **một cung phụ nào đó của cung chân ngã này.**

59. We suspect that this type of expression means the production of a personality ray of a certain quality.

59. Chúng ta ngờ rằng kiểu biểu lộ này có nghĩa là việc tạo ra một cung phàm ngã có một phẩm tính nhất định.

60. What we may gather is that 700, 70 and 7 are *each* connected with "a particular sound".

60. Điều chúng ta có thể suy ra là 700, 70 và 7 *mỗi* đều gắn với "một âm thanh đặc biệt".

61. There is different kind of subray of the Ego (different from the personality ray), but it is of more permanent duration and has to do with the quality of a particular sub-Ashram within a great Ray Ashram. The subray which is the personality ray is expressed on the lower mental plane, and the subray which qualified a sub-Ashram is expressed upon the higher mental plane.

61. Có những loại cung phụ khác nhau của Chân ngã (khác với cung phàm ngã), nhưng nó có thời lượng bền vững hơn và liên quan đến phẩm tính của một phân ashram đặc thù trong một ashram Cung lớn. Cung phụ là cung phàm ngã được biểu lộ trên cõi hạ trí, còn cung phụ định tính một phân ashram được biểu lộ trên Cõi thượng trí.

c. The three circles of petals which will unfold as the result of incarnation [and the application of the Rod, may it be added].

c. Ba vòng cánh hoa sẽ khai mở như là kết quả của lâm phàm [và sự áp dụng của Thần Trượng, xin được thêm vào như vậy].

62. We have to be cautious in relation to this last statement, as the third circle of petals only unfolds during the period of initiation which the number 777 does *not* include.

62. Chúng ta phải thận trọng đối với phát biểu cuối cùng này, vì vòng cánh hoa thứ ba chỉ khai mở trong thời kỳ điểm đạo mà con số 777 *không* bao gồm.

63. The third circle of petals unfolds not so much as a result of incarnation but as a result of the strenuous and abnormal efforts of the disciple and also through the application of the Rod of Power.

63. Vòng cánh hoa thứ ba khai mở không hẳn là kết quả của lâm phàm mà là kết quả của những nỗ lực mãnh liệt và bất thường của đệ tử và cũng qua sự áp dụng của Thần Trượng Quyền Năng.

64. The following excerpts are of great importance when trying to understand that the 777 incarnations have little to do with the third tier of petals:

64. Những đoạn trích sau đây có tầm quan trọng lớn khi cố gắng hiểu rằng 777 lần lâm phàm ít liên quan đến tầng cánh hoa thứ ba:

At the termination of the 777 incarnations, a man passes through the door of initiation and enters upon a brief synthesising process, or a final period in which he garners the fruits of the experience in the two first halls, and transmutes knowledge into wisdom, transforms the shadow of things seen into the energy of that which is, and achieves the

Khi kết thúc 777 lần lâm phàm, con người đi qua cánh cửa điểm đạo và bước vào một tiến trình tổng hợp ngắn ngủi, hay một giai đoạn cuối cùng trong đó y thu hoạch các thành quả của kinh nghiệm trong hai phòng đầu tiên, và chuyển hoá tri thức thành minh triết, chuyển đổi cái bóng của những điều được thấy thành năng lượng của cái đang hiện hữu, và đạt được sự giải thoát

final liberation from all the lower forms which seek to hold him prisoner. (TCF 829)

(2) The period between egoic Cycles. **Herein is hid the mystery of the 777 incarnations and concerns the relation of the unit to his group on the egoic plane, prior to the unfoldment of the fifth petal. It concerns man in the period between the savage stage and that of the disciple, when he is an average man but still in the two Halls**. (TCF 738)

65. The full unfoldment of the fifth petal depends upon the completion of the first initiation.

d. **The particular group of manasadevas** who form the causal body of the Ego concerned.

66. Not only does each term in the 777 stand for a period in the manifestational life of the Ego but for a particular group of manasadevas.

67. One of the mysteries confronting us is the nature and quality of the various manasadevas which form either the tiers or the separate petals.

68. Presumably, the 700, the 70 and the 7 all stand for a particular group of manasadevas who are active at the periods represented by each of these three figures.

69. However, because the 70 and 7 refer for the most part to the second tier of petals, the manasadevas who are concerned with the embodiment of the third tier are not included in the figure 777.

sau cùng khỏi mọi hình tướng thấp đang tìm cách giam giữ y làm tù nhân. (TCF 829)

(2) Giai đoạn giữa các chu kỳ chân ngã. **Chính trong đây ẩn giấu huyền nhiệm của 777 lần lâm phàm và liên quan đến mối quan hệ của đơn vị với nhóm của y trên cõi chân ngã, trước khi cánh hoa thứ năm khai mở. Nó liên quan đến con người trong giai đoạn giữa tình trạng hoang dã và tình trạng đệ tử, khi y là một người bình thường nhưng vẫn còn ở trong hai Phòng**. (TCF 738)

65. Sự khai mở hoàn toàn của cánh hoa thứ năm tùy thuộc vào việc hoàn tất lần điểm đạo thứ nhất.

d. **Nhóm manasadevas đặc thù** tạo thành thể nguyên nhân của Chân ngã liên hệ.

66. Không những mỗi hạng mục trong 777 tượng trưng cho một giai đoạn trong đời sống biểu hiện của Chân ngã mà còn tượng trưng cho một nhóm manasadevas đặc thù.

67. Một trong những huyền nhiệm đối diện với chúng ta là bản chất và phẩm tính của các manasadevas khác nhau tạo thành hoặc các tầng hoặc các cánh hoa riêng biệt.

68. Có lẽ 700, 70 và 7 đều tượng trưng cho một nhóm manasadevas đặc thù hoạt động trong các giai đoạn được biểu thị bởi mỗi một trong ba con số này.

69. Tuy nhiên, bởi vì 70 và 7 phần lớn quy chiếu đến tầng cánh hoa thứ hai, nên các manasadevas liên quan đến sự hiện thể hóa của tầng thứ ba không được bao gồm trong con số 777.

The mantric sounds are therefore based on these figures,

70. This is interesting—that the mantric sounds sounded by the manasadevas—contributing to various types of unfoldment in the personality and also to developments within the causal body are based upon the figure, 777.

71. We can divide the figure 777 in an easy and primitive way, but perhaps there are other mathematical approaches to this figure.

and **through the mantram** (which grows in volume, depth and number of sounds involved as time elapses)

72. And as unfoldment becomes more complex…

73. We recall that the formulas which the lunar pitris can extract from the mantram grow more complex as the number of sounds in the mantram increase and a the arrangement of those sounds becomes more complex.

74. We can see how ever much the Solar Angel/solar angels are involved with the actual unfoldment of both the personality vehicles and the petals of the egoic lotus.

75. We cannot say that man, as a higher Ego on the triadal levels, is controlling this unfoldment.

76. Also, in the process of white magic, the Solar Angel/solar angels must play a

Do đó các âm thanh mantram được đặt nền trên những con số này,

70. Điều này thật thú vị—rằng các âm thanh mantram được xướng bởi các manasadevas—góp phần vào nhiều loại khai mở khác nhau trong phàm ngã và cũng vào những phát triển bên trong thể nguyên nhân—được đặt nền trên con số 777.

71. Chúng ta có thể phân chia con số 777 theo một cách dễ dàng và sơ đẳng, nhưng có lẽ còn có những cách tiếp cận toán học khác đối với con số này.

và **thông qua mantram** (mantram này tăng về âm lượng, chiều sâu và số lượng âm thanh liên hệ khi thời gian trôi qua)

72. Và khi sự khai mở trở nên phức tạp hơn…

73. Chúng ta nhớ rằng các công thức mà các thái âm tổ phụ pitris có thể rút ra từ mantram trở nên phức tạp hơn khi số lượng âm thanh trong mantram tăng lên và sự sắp xếp của những âm thanh ấy trở nên phức tạp hơn.

74. Chúng ta có thể thấy các Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần liên quan đến mức nào với sự khai mở thực sự của cả các vận cụ phàm ngã lẫn các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã.

75. Chúng ta không thể nói rằng con người, như một Chân ngã cao hơn trên các cấp độ tam nguyên tinh thần, đang kiểm soát sự khai mở này.

76. Ngoài ra, trong tiến trình chánh thuật, các Thái dương Thiên Thần/các thái dương

considerable role, since they have so much control over the lunar pitris and the units of the atomic triangle.

thiên thần hẳn phải đóng một vai trò đáng kể, vì các Ngài có quá nhiều quyền kiểm soát đối với các thái âm tổ phụ pitris và các đơn vị của tam giác nguyên tử.

the force is directed, the petals concerned are stimulated into activity, and the lunar Pitris become aware of the work to be done in preparation for any incarnation.

mãnh lực được định hướng, các cánh hoa liên hệ được kích thích vào hoạt động, và các thái âm tổ phụ trở nên nhận biết công việc phải làm để chuẩn bị cho bất kỳ lần lâm phàm nào.

77. We are learning that the Solar Pitris are communicating with the lunar pitris through ever stronger, ever deeper, ever more complexifying mantric sounds (not through Words of Power or formulas).

77. Chúng ta đang học rằng các thái dương tổ phụ đang truyền đạt với các thái âm tổ phụ pitris qua những âm thanh mantram ngày càng mạnh hơn, sâu hơn, và ngày càng phức tạp hơn (không phải qua các Quyền năng từ hay các công thức).

78. Let us tabulate what happens through the sounding of a mantram by the Solar Angel/solar angels (i.e., the greater and the lesser manasadevas).

78. Chúng ta hãy lập bảng điều xảy ra qua việc xướng một mantram bởi Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần (tức các manasadevas lớn và nhỏ).

a. The solar force is directed

a. Mãnh lực thái dương được định hướng

b. The petals concerned are stimulated into activity

b. Các cánh hoa liên hệ được kích thích vào hoạt động

c. The lunar pitris become aware of the work to be done in preparation for the next incarnation and formulas are extracted and devised which make that incarnation possible

c. Các thái âm tổ phụ pitris trở nên nhận biết công việc phải làm để chuẩn bị cho lần lâm phàm kế tiếp và các công thức được rút ra và hình thành để làm cho lần lâm phàm ấy trở nên khả hữu

79. Thus far we have dealt with two aspects of the work of the Solar Angel/solar angels:

79. Cho đến đây chúng ta đã bàn đến hai phương diện của công việc của Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần:

a. Directing the vibration towards the atomic triangle

a. Định hướng rung động về phía tam giác nguyên tử

b. Pronouncing the mantram (made, apparently, of an ever changing number of sounds) which will make possible the 777 incarnations

b. Xướng mantram (rõ ràng được tạo thành từ một số lượng âm thanh luôn thay đổi) sẽ làm cho 777 lần lâm phàm trở nên khả hữu

(3.) Building into the causal body that which is required for its completion.

(3.) Xây dựng vào thể nguyên nhân điều cần thiết cho sự hoàn tất của nó.

80. It is clear that the Solar Angel/solar angels build the causal body into a state of completion. This is not undertaken by the higher Ego of man on triadal levels or by the Monad.

80. Rõ ràng là Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần xây dựng thể nguyên nhân đến trạng thái hoàn tất. Điều này không do Chân ngã cao hơn của con người trên các cấp độ tam nguyên tinh thần hay do chân thần đảm nhiệm.

81. The Solar Angel cannot be entirely equivalent with the Ego on triadal levels because after the fourth initiation the higher Ego still exists, but the Solar Angel/ solar angels are liberated to return to the subtle levels of the Solar Logos.

81. Thái dương Thiên Thần không thể hoàn toàn tương đương với Chân ngã trên các cấp độ tam nguyên tinh thần bởi vì sau lần điểm đạo thứ tư, Chân ngã cao hơn vẫn còn tồn tại, nhưng Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần được giải thoát để trở về các cấp độ vi tế của Thái dương Thượng đế.

In the early stages this work is comparatively small but as the third stage of development is reached,

Trong các giai đoạn đầu công việc này tương đối nhỏ nhưng khi giai đoạn phát triển thứ ba đạt tới,

82. This third stage involves mental development and the primary place of the mental unit in the atomic triangle.

82. Giai đoạn thứ ba này liên quan đến sự phát triển trí tuệ và vị trí chủ yếu của đơn vị hạ trí trong tam giác nguyên tử.

and the man is demonstrating character and ability, <u>their work is rapidly increased</u>,

và con người đang biểu lộ Tính cách và năng lực, <u>công việc của các Ngài tăng lên nhanh chóng</u>,

83. The work of the solar angels rapidly increases as man emerges with character, ability and quality—in other words, by the time man is advanced man, even one who is, perhaps, approaching the Path of Probation.

83. Công việc của các thái dương thiên thần tăng lên nhanh chóng khi con người xuất hiện với tính cách, năng lực và phẩm tính—nói cách khác, vào lúc con người là người tiến bộ, thậm chí có lẽ đang tiến gần Con Đường Dự Bị.

84. And yet, elsewhere we are told that as the man reaches the Path of Probation, the mantrams of the Solar Angel/solar angels dies down.

84. Tuy nhiên, ở nơi khác chúng ta được cho biết rằng khi con người đạt đến Con Đường Dự Bị, các mantram của Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần lắng xuống.

At the time too that man begins to tread the Probationary Path, the mantrams of the solar Angels begin to die down, and slowly (as the petals of the inner circle open up) the true Word emerges until the three enshrining petals burst open, and the central spark is revealed.(TCF 772)

Vào lúc con người bắt đầu bước lên Con Đường Dự Bị, các mantram của các thái dương Thiên Thần bắt đầu lắng xuống, và chậm rãi (khi các cánh hoa của vòng trong hé mở) Linh từ chân thực xuất hiện cho đến khi ba cánh hoa bao bọc bung ra, và tia lửa trung tâm được hiển lộ.(TCF 772)

85. Although the mantrams "die down", the work of the Solar Pitris apparently increases as the "true Word" emerges. The "true Word" may be the 'central Word' and have much to do with the first aspect within the egoic lotus.

85. Dù các mantram "lắng xuống", công việc của các thái dương tổ phụ dường như lại gia tăng khi "Linh từ" chân thực xuất hiện. "Linh từ" chân thực có thể là 'Linh từ trung tâm' và liên hệ rất nhiều đến phương diện thứ nhất bên trong hoa sen chân ngã.

86. We cannot know the nature of the solar pitric work as the mantram dies down.

86. Chúng ta không thể biết bản chất của công việc của các thái dương pitric khi mantram lắng xuống.

87. Could the dying down of the mantram have to do with the idea that the soul or egoic lotus is being "bypassed" through the building of the antahkarana? The interplay would then involve the spiritual triad directly with the soul-infused personality of man. This should be pondered.

87. Liệu sự lắng xuống của mantram có liên quan đến ý tưởng rằng linh hồn hay hoa sen chân ngã đang bị "vượt qua" nhờ việc xây dựng antahkarana chăng? Khi ấy, sự tương tác sẽ liên hệ trực tiếp Tam nguyên tinh thần với phàm ngã được linh hồn thấm nhuần của con người. Điều này nên được suy ngẫm.

88. Another way of explaining this is the Path of Probation follows that stage in the life of man when "the man is demonstrating character and ability", although we must be careful about making distinctions which are too fine.

88. Một cách khác để giải thích điều này là Con Đường Dự Bị tiếp theo giai đoạn trong đời sống con người khi "con người đang biểu lộ tính cách và năng lực", dù chúng ta phải cẩn thận khi đưa ra những phân biệt quá tinh vi.

and they are kept fully occupied in the work of perfecting the egoic body, in

và Các Ngài được giữ cho hoàn toàn bận rộn trong công việc hoàn thiện thể chân ngã,

expanding the egoic consciousness, if metaphysical terms are preferred.

89. In the beginning of human evolution, the Solar Angel/solar angels do not have so much to do regarding the building in of quality into the egoic body.

90. Later, when the stage of advanced man is reached, we are told that They are kept "fully occupied" in this perfecting work.

91. This means that a considerable sacrifice is involved and that They can no longer be so involved in pursuing Their own work on Their own plane—whichever plane that is.

92. Does it also mean that they stop sounding their mantram so strongly?

93. The perfecting of the egoic lotus sounds like a task which must continue until the fourth initiation. So although it appears that the mantram they are sounding does "die down", their "work" seems to continue intensively until the moment of liberation and perfection.

All [Page 777] this is accomplished by means of the material furnished by the lower self.

94. The lower self or personality brings stones from the quarry of experiential life, and these are polished and built into the eternal structure by the Solar Angel or solar angels.

trong việc mở rộng tâm thức chân ngã, nếu ưa dùng các thuật ngữ siêu hình học.

89. Vào buổi đầu của tiến hoá nhân loại, Thái dương Thiên Thần/các thái dương Thiên Thần không phải làm quá nhiều liên quan đến việc xây dựng phẩm tính vào trong thể chân ngã.

90. Về sau, khi đạt đến giai đoạn con người tiến bộ, chúng ta được cho biết rằng Các Ngài bị giữ cho "hoàn toàn bận rộn" trong công việc hoàn thiện này.

91. Điều này có nghĩa là có một sự hi sinh đáng kể liên hệ ở đây và rằng Các Ngài không còn có thể dấn thân nhiều như thế vào việc theo đuổi công việc riêng của Các Ngài trên cõi riêng của Các Ngài—dù đó là cõi nào đi nữa.

92. Điều đó cũng có nghĩa là các Ngài ngừng xướng mantram của mình một cách mạnh mẽ như trước chăng?

93. Việc hoàn thiện hoa sen chân ngã nghe như một nhiệm vụ phải tiếp tục cho đến lần điểm đạo thứ tư. Vì vậy, dù có vẻ như mantram mà các Ngài đang xướng quả thật "lắng xuống", "công việc" của các Ngài dường như vẫn tiếp tục một cách mãnh liệt cho đến khoảnh khắc giải thoát và hoàn thiện.

Tất cả [Trang 777] điều này được hoàn thành nhờ chất liệu do phàm ngã cung cấp.

94. Phàm ngã hay phàm nhân mang những viên đá từ mỏ đá của đời sống kinh nghiệm đến, và chúng được mài giũa rồi xây vào cấu trúc vĩnh cửu bởi Thái dương Thiên Thần hay các thái dương Thiên Thần.

When that lower Personality becomes gradually radioactive, these radiations are attracted to the positive ego, **and are absorbed into its nature through the activity of the solar Angels**.

95. This is such an important section of the book. We learn, quite technically, how the Solar Angel or solar angels influence the personality through the atomic triangle. We also learn that the permanent atoms and mental unit reciprocally influence the unfoldment of the causal body.

96. The radioactivity of the personality is related to the degree of stimulation of the permanent atoms and mental unit.

97. The Ego in the causal body is *positive* to the personality.

98. It is the Solar Angel or solar angels which see to the absorption into the causal body of personality radiation. This probably has a stimulating effect.

99. There seems to be a degree of reciprocity between the increasingly radiatory permanent atoms and mental, and the unfolding petals of the egoic lotus.

100. Constructive work and behaviour within the lower three worlds increases the radiatory activity of the permanent atoms and mental unit.

These three activities are the main work of the solar Pitris where man is concerned.

Khi Phàm Ngã thấp ấy dần dần trở nên có tính phóng xạ, các bức xạ này bị hút về chân ngã dương tính, **và được hấp thụ vào bản chất của nó qua hoạt động của các thái dương Thiên Thần**.

95. Đây là một phần rất quan trọng của cuốn sách. Chúng ta học được, khá mang tính kỹ thuật, cách Thái dương Thiên Thần hay các thái dương Thiên Thần ảnh hưởng đến phàm ngã qua tam giác nguyên tử. Chúng ta cũng học được rằng các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí ảnh hưởng qua lại đến sự khai mở của thể nguyên nhân.

96. Tính phóng xạ của phàm ngã liên hệ với mức độ kích thích của các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí.

97. Chân ngã trong thể nguyên nhân là *dương tính* đối với phàm ngã.

98. Chính Thái dương Thiên Thần hay các thái dương Thiên Thần đảm trách việc hấp thụ bức xạ của phàm ngã vào thể nguyên nhân. Điều này có lẽ tạo ra một tác dụng kích thích.

99. Dường như có một mức độ tương hỗ nào đó giữa các nguyên tử trường tồn và yếu tố trí tuệ ngày càng có tính phóng xạ, với các cánh hoa đang khai mở của hoa sen chân ngã.

100. Công việc có tính xây dựng và hành vi trong ba cõi thấp làm gia tăng hoạt động phóng xạ của các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí.

Ba hoạt động này là công việc chính của các thái dương tổ phụ trong chừng mực liên quan đến con người.

101. These three activities are:

a. Directing the vibration towards the atomic triangle

b. Pronouncing the mantram which will make possible the 777 incarnations

c. Building into the causal body that which is required for its completion

102. The suggestion is that there are other activities which do not concern the human individual as an individual.

Where the group, and not the individual, is concerned, their work lies along the line of adjusting the egoic units in their groups, and of making them group conscious, but this is only possible towards the final stages of evolution **when the work of the highest group of Agnishvattas is in order**.

103. Again for the sake of clarity let us list these two group-orientated tasks undertaken by the Solar Angel or solar angels:

a. The adjusting of the egoic units in their groups

b. Making the egoic units group conscious

104. One might think that the egoic units were *naturally* group conscious, but we see that the Solar Angel or solar angels contribute to the cultivation of this quality —which They so readily possess.

101. Ba hoạt động này là:

a. Điều hướng rung động về phía tam giác nguyên tử

b. Xướng mantram sẽ làm cho 777 lần lâm phàm trở nên khả hữu

c. Xây vào thể nguyên nhân điều cần thiết cho sự hoàn tất của nó

102. Hàm ý ở đây là còn có những hoạt động khác không liên quan đến cá nhân con người như một cá nhân.

Khi liên quan đến nhóm, chứ không phải cá nhân, công việc của các Ngài nằm theo đường hướng điều chỉnh các đơn vị chân ngã trong các nhóm của chúng, và làm cho chúng có tâm thức nhóm, nhưng điều này chỉ có thể thực hiện được vào các giai đoạn cuối của tiến hoá **khi công việc của nhóm Agnishvatta cao nhất được đặt đúng chỗ**.

103. Một lần nữa, để cho rõ ràng, chúng ta hãy liệt kê hai nhiệm vụ định hướng nhóm này do Thái dương Thiên Thần hay các thái dương Thiên Thần đảm nhận:

a. Điều chỉnh các đơn vị chân ngã trong các nhóm của chúng

b. Làm cho các đơn vị chân ngã có tâm thức nhóm

104. Người ta có thể nghĩ rằng các đơn vị chân ngã *tự nhiên* đã có tâm thức nhóm, nhưng chúng ta thấy rằng Thái dương Thiên Thần hay các thái dương Thiên Thần góp phần vào việc vun bồi phẩm tính này—

phẩm tính mà Các Ngài vốn sở hữu một cách dễ dàng.

105. The highest group of Agnishvattas work on the highest two subplanes of the mental plane and are concerned largely with the manasic permanent atom.

105. Nhóm Agnishvatta cao nhất hoạt động trên hai cõi phụ cao nhất của cõi trí và phần lớn liên hệ với nguyên tử trường tồn manas.

106. We do know that group consciousness arises only when the Ego has refocussed upon the second subplane of the mental plane—one of the subplanes on which the highest group of Agnishvattas is active.

106. Chúng ta biết rằng tâm thức nhóm chỉ phát sinh khi chân ngã đã tái tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi trí—một trong những cõi phụ mà nhóm Agnishvatta cao nhất hoạt động.

The middle group who form the nine petals **are always the most active**.

Nhóm trung gian tạo thành chín cánh hoa **luôn luôn hoạt động mạnh nhất**.

107. There are principally *three* groups of Solar Angels:

107. Về căn bản có *ba* nhóm thái dương Thiên Thần:

a. Those associated with the manasic permanent atom on the atomic subplane of the higher mental plane, and also with the second subplane

a. Những vị liên hệ với nguyên tử trường tồn manas trên cõi phụ nguyên tử của Cõi thượng trí, và cũng với cõi phụ thứ hai

b. Those associated with the nine petals

b. Những vị liên hệ với chín cánh hoa

c. Those who tend the permanent atoms and mental unit within the atomic triangle

c. Những vị chăm nom các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí bên trong tam giác nguyên tử

108. Since we live upon a planet and within a solar system which emphasize the second aspect of divinity, it is the middle or second group which, naturally, is the most active

108. Vì chúng ta sống trên một hành tinh và trong một hệ mặt trời nhấn mạnh phương diện thứ hai của thiên tính, nên nhóm trung gian hay nhóm thứ hai, một cách tự nhiên, là nhóm hoạt động mạnh nhất

They work in connection with **the lower group who are the direct transmitters of energy to the atomic triangle**, receiving it from the middle group.

Các Ngài làm việc liên hệ với **nhóm thấp hơn là những vị truyền dẫn trực tiếp năng lượng đến tam giác nguyên tử**, tiếp nhận năng lượng ấy từ nhóm trung gian.

109. Two groups of Agnishvattas work together: the middle group and the lower group which, we see, transmit vibrational energy directly to the atomic triangle.'

109. Hai nhóm Agnishvatta cùng làm việc với nhau: nhóm trung gian và nhóm thấp hơn, mà như chúng ta thấy, truyền trực tiếp năng lượng rung động đến tam giác nguyên tử.'

110. There is a Hierarchy here, as the lowest group receives its force from the middle group before transmitting it.

110. Ở đây có một hệ thống thứ bậc, vì nhóm thấp nhất nhận mãnh lực của mình từ nhóm trung gian trước khi truyền đi.

111. It is vitally important to realize the interdependence of the various orders of Agnishvattas and the dependency of the lunar pitris upon them.

111. Điều tối quan trọng là phải nhận ra sự phụ thuộc lẫn nhau của các cấp bậc Agnishvatta khác nhau và sự lệ thuộc của các thái âm pitris vào các vị ấy.

More of their work it is not possible to detail, for **the work of the Agnishvattas is vast and intricate**, and differs also in the various schemes in certain particulars.

Không thể trình bày chi tiết hơn về công việc của các vị, vì **công việc của các Agnishvatta thì bao la và phức tạp**, và cũng khác nhau trong các hệ hành tinh khác nhau ở một số chi tiết nhất định.

112. Do we ever pause to think about how little we know?

112. Có bao giờ chúng ta dừng lại để nghĩ xem mình biết ít đến thế nào không?

113. We 'know' about inner things only in the vaguest detail. It is a start but certainly not a conclusion.

113. Chúng ta chỉ 'biết' về những điều bên trong theo cách mơ hồ nhất. Đó là một khởi đầu nhưng chắc chắn không phải là kết luận.

114. We certainly grasp the idea that high Intelligences are at work in the development of man and that their intelligence is absolutely needed if man is to progress in an accelerated manner—as has been the case since the intervention of the Agnishvattas.

114. Chúng ta chắc chắn nắm được ý tưởng rằng các Trí Tuệ cao cả đang hoạt động trong sự phát triển của con người và rằng trí tuệ của các vị ấy tuyệt đối cần thiết nếu con người muốn tiến bộ theo cách được gia tốc—như đã xảy ra kể từ sự can thiệp của các Agnishvatta.

Those who are working in the Uranus, the Neptune, and the Saturn scheme work somewhat differently to those functioning in the Venus, the Vulcan, the Mars, the Mercury, the Jupiter, the Earth **and the**

Những vị đang làm việc trong hệ hành tinh Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương, và Sao Thổ làm việc hơi khác với những vị hoạt động trong Sao Kim, Vulcan, Sao Hỏa, Sao Thủy, Sao Mộc, Trái Đất **và hệ hành tinh Sao Thổ**

exoteric Saturn scheme, and so do the Manasadevas of the inner round.

ngoại môn, và các Manasadevas của cuộc tuần hoàn nội tại cũng vậy.

115. Another profoundly occult statement. The work of Agnishvattas within the synthesizing schemes is being contrasted with work on or within the other schemes.

115. Một phát biểu huyền bí học sâu sắc khác. Công việc của các Agnishvatta trong các hệ hành tinh tổng hợp đang được đối chiếu với công việc trên hay trong các hệ hành tinh khác.

116. The work done by the manasadevas of the inner round seems to be likened in one particular with the work done in Uranus, Neptune and Saturn.

116. Công việc do các manasadevas của cuộc tuần hoàn nội tại thực hiện dường như được ví, ở một phương diện nào đó, với công việc được thực hiện trong Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ.

117. We note that there is an "exoteric Saturn scheme", so presumably Saturn, when first mentioned in this paragraph, refers to an *esoteric* Saturn scheme.

117. Chúng ta lưu ý rằng có một "hệ hành tinh Sao Thổ ngoại môn", vì vậy có lẽ Sao Thổ, khi được nhắc đến lần đầu trong đoạn này, ám chỉ một hệ hành tinh Sao Thổ *nội môn*.

118. We recall from TCF, Chart VI, that there is a *greater* Saturn-scheme inclusive of seven schemes including one of them which is named "Saturn". (cf. TCF 373).

118. Chúng ta nhớ từ TCF, Biểu đồ VI, rằng có một hệ Sao Thổ *lớn hơn* bao gồm bảy hệ hành tinh, trong đó có một hệ được gọi là "Sao Thổ". (xem TCF 373).

119. This greater Saturn-scheme may well be an *esoteric* Saturn-scheme.

119. Hệ Sao Thổ lớn hơn này rất có thể là một hệ Sao Thổ *nội môn*.

120. Others identify Esoteric Saturn with the undiscovered planet, Sigma and seem to have their good reasons for doing so.

120. Những người khác đồng nhất Sao Thổ Nội Môn với hành tinh chưa được khám phá, Sigma, và dường như có những lý do xác đáng để làm như vậy.

121. From the section of text above, we can gather that different kinds of Agnishvattas work within different categories of planets—synthesizing, sacred and non-sacred.

121. Từ phần văn bản trên, chúng ta có thể suy ra rằng những loại Agnishvatta khác nhau hoạt động trong những loại hành tinh khác nhau—tổng hợp, thiêng liêng và không thiêng liêng.

122. Naturally, no details are given.

122. Một cách tự nhiên, không có chi tiết nào được đưa ra.

We should note here that we again have a triplicity of groups, representing a triplicity of force, and herein lies a hint.

123. How shall we derive a "triplicity of groups" from the planets mentioned?

124. One triplicity is easy to derive—the triplicity of the synthesizing planets.

125. There are, however, *seven* other planets mentioned, including one which repeats the name "Saturn".

126. We might include Vulcan, Mercury and Venus together.

127. We might also include Mars, Jupiter and Saturn.

128. Only Earth would be excluded from this grouping, as it is our own planet.

129. Or we could exclude the exoteric Saturn, subsuming it in the greater Saturn-scheme. In this case the last triplicity would be Earth, Mars and Jupiter.

130. Pluto, so important in Esoteric Astrology, is not mentioned as the book was written before its discovery.

131. From another perspective, the triplicity of groups could be, very simply:

a. The synthesizing planets

b. The other sacred planets including the Earth

Chúng ta nên lưu ý ở đây rằng một lần nữa chúng ta có một bộ ba nhóm, biểu thị một bộ ba mãnh lực, và chính trong đó có một gợi ý.

123. Chúng ta sẽ rút ra một "bộ ba nhóm" từ các hành tinh được nhắc đến như thế nào?

124. Có một bộ ba dễ rút ra—bộ ba của các hành tinh tổng hợp.

125. Tuy nhiên, còn có *bảy* hành tinh khác được nhắc đến, kể cả một hành tinh lặp lại tên "Sao Thổ".

126. Chúng ta có thể xếp Vulcan, Sao Thủy và Sao Kim vào cùng một nhóm.

127. Chúng ta cũng có thể xếp Sao Hỏa, Sao Mộc và Sao Thổ vào cùng một nhóm.

128. Chỉ có Trái Đất sẽ bị loại khỏi cách nhóm này, vì đó là hành tinh của chúng ta.

129. Hoặc chúng ta có thể loại Sao Thổ ngoại môn, gộp nó vào hệ Sao Thổ lớn hơn. Trong trường hợp này, bộ ba cuối cùng sẽ là Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Mộc.

130. Sao Diêm Vương, rất quan trọng trong Chiêm Tinh Học Nội Môn, không được nhắc đến vì cuốn sách được viết trước khi nó được khám phá.

131. Từ một góc nhìn khác, bộ ba nhóm có thể, rất đơn giản, là:

a. Các hành tinh tổng hợp

b. Các hành tinh thiêng liêng khác kể cả Trái Đất

c. The planets and/or inner planets involved in the “Inner Round”

c. Các hành tinh và/hoặc các hành tinh nội tại liên hệ đến “Cuộc Tuần Hoàn Nội Tại”

132. These solutions, however, are not really entirely satisfactory and we must remain uncertain at to the Tibetan’s exact meaning.

132. Tuy nhiên, các lời giải này thật ra không hoàn toàn thỏa đáng và chúng ta phải tiếp tục không chắc chắn về ý nghĩa chính xác của Chân sư Tây Tạng.

In the central list of schemes the middle and lower group of Agnishvattas are active.

Trong danh sách trung tâm của các hệ hành tinh, nhóm trung gian và nhóm thấp hơn của các Agnishvatta hoạt động.

133. What actually is, the “central list of schemes”? The planets are not listed in such a way that any central list is easy to determine.

133. Thực ra “danh sách trung tâm của các hệ hành tinh” là gì? Các hành tinh không được liệt kê theo cách khiến bất kỳ danh sách trung tâm nào cũng dễ xác định.

134. We only know that Uranus, Neptune and (greater) Saturn are not included in the central list.

134. Chúng ta chỉ biết rằng Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ (lớn hơn) không được bao gồm trong danh sách trung tâm.

135. We also gather that Mars and Earth must be included in the “central list” as they are non-sacred planets.

135. Chúng ta cũng suy ra rằng Sao Hỏa và Trái Đất phải được bao gồm trong “danh sách trung tâm” vì chúng là các hành tinh không thiêng liêng.

136. In any case, we have the middle and lower group of Agnishvattas. Presumably we cannot be talking about Uranus, Neptune and greater Saturn.

136. Dù sao đi nữa, chúng ta có nhóm trung gian và nhóm thấp hơn của các Agnishvatta. Có lẽ chúng ta không thể đang nói về Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ lớn hơn.

137. Really, in the kinds of planets listed there are:

137. Thật ra, trong các loại hành tinh được liệt kê có:

a. Synthesizing planets

a. Các hành tinh tổng hợp

b. Sacred planets which are not synthesizing planets

b. Các hành tinh thiêng liêng không phải là các hành tinh tổng hợp

c. Non-sacred planets.

d. Planets or inner planetary structures involved in the "inner round".

In the others the higher group and middle group hold sway as these planets are **the most occult and sacred in manifestation**,

138. Which planets can be considered the "most occult and sacred in manifestation"—

a. Uranus, definitely

b. Neptune, definitely

c. Greater Saturn, definitely

d. Venus?

e. Mercury?

f. Jupiter?

139. What to do with Vulcan is problematic. It *is* a sacred planet but the degree of transmutation on it is more comparable to the level of the transmutation process of Earth than on Venus or Mercury.

140. What to do with exoteric Saturn (if it should be singled out from Saturn) is also problematic.

c. Các hành tinh không thiêng liêng.

d. Các hành tinh hay các cấu trúc hành tinh nội tại liên hệ đến "cuộc tuần hoàn nội tại".

Trong các hành tinh khác, nhóm cao hơn và nhóm trung gian nắm quyền chi phối vì các hành tinh này là **những hành tinh huyền bí và thiêng liêng nhất trong biểu hiện**,

138. Những hành tinh nào có thể được xem là "huyền bí và thiêng liêng nhất trong biểu hiện"—

a. Sao Thiên Vương, chắc chắn

b. Sao Hải Vương, chắc chắn

c. Sao Thổ lớn hơn, chắc chắn

d. Sao Kim?

e. Sao Thủy?

f. Sao Mộc?

139. Phải xử lý Vulcan thế nào là một vấn đề nan giải. Nó *là* một hành tinh thiêng liêng nhưng mức độ chuyển hoá trên đó lại tương đương với cấp độ của tiến trình chuyển hoá trên Trái Đất hơn là trên Sao Kim hay Sao Thủy.

140. Phải xử lý Sao Thổ ngoại môn thế nào (nếu nó cần được tách riêng khỏi Sao Thổ) cũng là một vấn đề nan giải.

141. On at least some of these planets, the higher and middle group of Agnishvattas will hold sway.

141. Trên ít nhất một số hành tinh này, nhóm cao hơn và nhóm trung gian của các Agnishvatta sẽ nắm quyền chi phối.

142. If we look for planets which are called non-sacred or exoteric, we will have Earth, Mars and exoteric Saturn, and on them, it could reasonably seem that the lowest group of Agnishvattas would express, though the middle group would also be present in some degree.

142. Nếu chúng ta tìm các hành tinh được gọi là không thiêng liêng hay ngoại môn, chúng ta sẽ có Trái Đất, Sao Hỏa và Sao Thổ ngoại môn, và trên các hành tinh ấy, có vẻ hợp lý khi nhóm thấp nhất của các Agnishvatta sẽ biểu lộ, dù nhóm trung gian cũng sẽ hiện diện ở một mức độ nào đó.

143. The "others" (including synthesizing planets and sacred planets) are Vulcan, Mercury, Venus, Jupiter, greater Saturn, Uranus and Neptune.

143. Các "hành tinh khác" (bao gồm các hành tinh tổng hợp và các hành tinh thiêng liêng) là Vulcan, Sao Thủy, Sao Kim, Sao Mộc, Sao Thổ lớn hơn, Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương.

144. Is it on *these* planets that the higher and middle groups of Agnishvattas are at work? If so, on the sacred but non-synthesizing planets the middle group of Agnishvattas would probably be more powerful than the highest group, while on the synthesizing planets, the highest group (when their time comes) would be the most powerful. The synthesizing planets do not seem to be the most unfolded in our solar system even though the spiritual status of their Logoi is the highest.

144. Có phải trên *những* hành tinh này mà nhóm cao hơn và nhóm trung gian của các Agnishvatta đang hoạt động không? Nếu vậy, trên các hành tinh thiêng liêng nhưng không tổng hợp, nhóm trung gian của các Agnishvatta có lẽ sẽ mạnh hơn nhóm cao nhất, trong khi trên các hành tinh tổng hợp, nhóm cao nhất (khi thời của họ đến) sẽ là mạnh nhất. Các hành tinh tổng hợp dường như không phải là những hành tinh khai mở nhất trong hệ mặt trời của chúng ta dù địa vị tinh thần của các Logoi của chúng là cao nhất.

145. In the last analysis, it seems clear that we must consider the synthesizing planets as the most occult and sacred in manifestation. We could imagine that the highest group of Agnishvattas have the most powerful presence on these three planets.

145. Xét đến cùng, dường như rõ ràng rằng chúng ta phải xem các hành tinh tổng hợp là những hành tinh huyền bí và thiêng liêng nhất trong biểu hiện. Chúng ta có thể hình dung rằng nhóm Agnishvatta cao nhất có sự hiện diện mạnh mẽ nhất trên ba hành tinh này.

and are concerned only with egos who are on the Path, and who are therefore group-active.

và chỉ liên hệ với những chân ngã đang ở trên Con Đường, và vì thế đang hoạt động theo nhóm.

146. This is an important statement. If one is an ego "on the Path" one is "group active".

146. Đây là một phát biểu quan trọng. Nếu một người là một chân ngã "ở trên Con Đường" thì người ấy "hoạt động theo nhóm".

147. The non-sacred planets have many egos which are *not* group active. Hence the lowest and middle group of Agnishvattas would find suitable expression.

147. Các hành tinh không thiêng liêng có nhiều chân ngã *không* hoạt động theo nhóm. Vì thế nhóm thấp nhất và nhóm trung gian của các Agnishvatta sẽ tìm được sự biểu lộ thích hợp.

148. The synthesizing planets and sacred planets have only E/egos which "on the Path" and, hence, "group active".

148. Các hành tinh tổng hợp và các hành tinh thiêng liêng chỉ có những chân ngã "ở trên Con Đường" và do đó "hoạt động theo nhóm".

149. Those E/egos who 'survive' the "Judgment Day" on Earth (i.e., remain on Earth) will be, presumably, "group active".

149. Những chân ngã 'sống sót' qua "Ngày Phán Xét" trên Trái Đất (tức là còn ở lại Trái Đất) hẳn sẽ là những chân ngã "hoạt động theo nhóm".

150. The distinction between Saturn and exoteric Saturn is looking important and, it seems, different kinds of Agnishvattas are at work on these two different 'schemes'.

150. Sự phân biệt giữa Sao Thổ và Sao Thổ ngoại môn có vẻ quan trọng và dường như những loại Agnishvatta khác nhau đang hoạt động trên hai 'hệ hành tinh' khác nhau này.

In connection with Uranus, Neptune and Saturn, this might be expected as they are the synthesising planetary schemes, **and provide conditions suitable only for the very advanced stages**. They are the "reaping" planets. [Page 778]

Liên hệ với Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ, điều này có thể được chờ đợi vì chúng là các hệ hành tinh tổng hợp, **và chỉ cung cấp những điều kiện thích hợp cho các giai đoạn rất tiến bộ**. Chúng là những hành tinh "thu hoạch". [Trang 778]

151. We would expect the Egos on these planets to be very advanced and the Agnishvattas concerned of the highest order. However, it may be necessary to consider

151. Chúng ta sẽ mong đợi các chân ngã trên những hành tinh này rất tiến bộ và các Agnishvatta liên hệ thuộc cấp bậc cao nhất. Tuy nhiên, có lẽ cần xét đến khả năng rằng các hành tinh tổng hợp này vẫn chưa khai

that these synthesizing planets are not yet very unfolded in their total process.

mở nhiều trong toàn bộ tiến trình của chúng.

152. We are, in our solar system, quite a distance from the period of "reaping". Our solar systemic process is only half completed, so we are told.

152. Trong hệ mặt trời của chúng ta, chúng ta còn cách khá xa thời kỳ "thu hoạch". Tiến trình hệ mặt trời của chúng ta mới chỉ hoàn tất một nửa, như chúng ta được cho biết.

Much confusion in connection with Egos exists in the minds of our students on account of their failure to realise that (as H. P. B. has pointed out)[54] [S. D., I, 41, 83] the *Secret Doctrine* **is primarily concerned with the planetary scheme of our Earth,**

Nhiều sự lẫn lộn liên quan đến các chân ngã tồn tại trong tâm trí các đạo sinh của chúng ta vì họ không chứng nghiệm rằng (như H. P. B. đã chỉ ra)54 [S. D., I, 41, 83] *Giáo Lý Bí Nhiệm* **trước hết chủ yếu liên hệ đến hệ hành tinh của Trái Đất chúng ta,**

153. The confusion exists for many reasons, including the fact that the term "Ego" can mean a number of things.

153. Sự lẫn lộn tồn tại vì nhiều lý do, kể cả sự kiện rằng thuật ngữ "Chân ngã" có thể mang một số ý nghĩa khác nhau.

154. It is natural that *The Secret Doctrine* would focus in this manner, given its scope and the fact that it was the first installment of Teaching in a series of three installments. Few students realize, perhaps, how much *A Treatise on Cosmic Fire* is, from the cosmo-psychological perspective, an extension beyond *The Secret Doctrine*. Some devotees of *The Secret Doctrine* fight this thought strenuously.

154. Điều tự nhiên là *Giáo Lý Bí Nhiệm* lại tập trung theo cách này, xét đến phạm vi của nó và sự kiện rằng đó là phần đầu tiên của Giáo Huấn trong một loạt ba phần. Có lẽ ít đạo sinh nhận ra rằng *Luận về Lửa Vũ Trụ*, từ góc nhìn vũ trụ-tâm lý học, là một sự mở rộng vượt ra ngoài *Giáo Lý Bí Nhiệm* đến mức nào. Một số người sùng mộ *Giáo Lý Bí Nhiệm* chống lại ý nghĩ này một cách quyết liệt.

and has little to impart anent the other schemes, and their methods of evolving self-consciousness.

và có rất ít điều để truyền đạt liên quan đến các hệ hành tinh khác, và các phương pháp tiến hoá ngã thức của chúng.

155. So, as the installments of the Teaching arrive, the extent of the revelation expands and deepens.

155. Vì vậy, khi các phần của Giáo Huấn lần lượt đến, mức độ của sự mặc khải được mở rộng và đào sâu.

The general procedure on the mental levels is the same, but as each scheme embodies one particular type of force,

Thủ tục tổng quát trên các cấp độ trí tuệ là như nhau, nhưng vì mỗi hệ hành tinh thể hiện một loại mãnh lực đặc thù,

156. This is the force of that aspect of the Planetary Logos which is most prominent at the time.

156. Đây là mãnh lực của phương diện nơi Đức Hành Tinh Thượng Đế nổi bật nhất vào thời điểm đó.

the peculiarity of that force will colour all its evolution, **and the work of the Agnishvattas will correspond**.

tính đặc thù của mãnh lực ấy sẽ nhuốm màu toàn bộ tiến hoá của nó, **và công việc của các Agnishvatta sẽ tương ứng**.

157. The work of the Agnishvattas connected within a particular planetary scheme corresponds to the quality of the Planetary Logos in question.

157. Công việc của các Agnishvatta liên hệ trong một hệ hành tinh nhất định tương ứng với phẩm tính của Đức Hành Tinh Thượng Đế đang được nói đến.

158. The Agnishvattas working on any particular planet are probably colored by the most prominent ray of the Planetary Logos Who expresses through that planet.

158. Các Agnishvatta hoạt động trên bất kỳ hành tinh nào có lẽ được nhuốm màu bởi cung nổi trội nhất của Đức Hành Tinh Thượng Đế biểu lộ qua hành tinh ấy.

It is not possible to state what is the peculiar colouring of the Ray which is embodied in our scheme, as it is one of the most secret of the mysteries revealed at initiation,

Không thể nói ra màu sắc đặc thù của Cung được thể hiện trong hệ hành tinh của chúng ta là gì, vì đó là một trong những bí nhiệm bí mật nhất được tiết lộ lúc điểm đạo,

159. Later, however, DK seems to reveal it.

159. Tuy nhiên, về sau, DK dường như tiết lộ điều đó.

ARIES is the constellation through which initiating conditions will stream into our solar system. It embodies the will-to-create that which will express the will-to-good. **It is the monadic ray of our planetary Logos, Whose Soul ray is the second and the personality ray the third.** You can note here, therefore, **how the transmitting ray of our planetary Logos is the first; and hence the place which the will plays in our human evolutionary process; His transforming ray is the second and that eventually brings transfiguration through the medium of the third... (EA 619)**

BẠCH DƯƠNG là chòm sao qua đó các điều kiện khai mở sẽ tuôn vào hệ mặt trời của chúng ta. Nó thể hiện ý chí-sáng tạo ra điều sẽ biểu lộ Ý Chí-hướng Thiện. **Đó là cung chân thần của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, Đấng có cung linh hồn là cung hai và cung phàm ngã là cung ba.** Vì vậy, ở đây bạn có thể lưu ý **cung truyền dẫn của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là cung một như thế nào; và do đó ý chí giữ vị trí ra sao trong tiến trình tiến hoá nhân loại của chúng ta; cung chuyển đổi của Ngài là cung hai và điều đó cuối cùng mang lại sự Biến hình qua trung gian của cung ba... (EA 619)**

160. Simply because the monadic ray of our Planetary Logos is the first does not mean that the first ray coloring is, presently, the "peculiar coloring" of our scheme.

160. Chỉ vì cung chân thần của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là cung một không có nghĩa là sắc thái cung một hiện nay là "màu sắc đặc thù" của hệ hành tinh chúng ta.

161. For that matter, the second ray soul of our Planetary Logos may not yet be strong enough to give our Planetary Logos His peculiar coloring—*at this time.*

161. Về điểm đó, linh hồn cung hai của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có thể vẫn chưa đủ mạnh để ban cho Đức Hành Tinh Thượng Đế màu sắc đặc thù của Ngài—*vào lúc này.*

but students must bear in mind that in the fundamentals laid down here we are not dealing specifically with our scheme.

nhưng các đạo sinh phải ghi nhớ rằng trong những nền tảng được đặt ra ở đây, chúng ta không đang bàn riêng về hệ hành tinh của chúng ta.

162. The picture offered is vast and little appreciated by those who make of *The Secret Doctrine* the one and only 'Bible of Occultism'.

162. Bức tranh được đưa ra thì bao la và ít được trân trọng bởi những người biến *Giáo Lý Bí Nhiệm* thành 'Kinh Thánh của Huyền Bí Học' duy nhất và độc tôn.

A great deal has been said in modern occult literature anent the process followed in **the perfecting of those Egos who choose to remain with the Hierarchy of our planet**, and their methods of development (through chelaship to adeptship).

Rất nhiều điều đã được nói trong văn học huyền bí học hiện đại liên quan đến tiến trình được theo đuổi trong **việc hoàn thiện những Chân ngã chọn ở lại với Thánh đoàn của hành tinh chúng ta**, và các phương pháp phát triển của các vị ấy (qua địa vị đệ tử đến chân sư vị).

163. We know, relatively, a great deal concerning those Egos Who choose the Path of Earth Service, or who are approaching, in emulation, Those upon that Path.

163. Chúng ta biết, một cách tương đối, khá nhiều về những Chân ngã chọn Con Đường Phụng Sự Trái Đất, hay đang tiến gần, trong sự noi theo, đến Những Đấng ở trên Con Đường ấy.

But nothing practically has been imparted anent the many egos **who reach a certain high stage of evolution in our scheme**

Nhưng thực tế hầu như không có gì được truyền đạt liên quan đến nhiều chân ngã **đạt đến một giai đoạn tiến hoá cao nào đó trong hệ hành tinh của chúng ta**

164. This may well be the sixth initiation.

164. This is very possibly the sixth point of interest.

164. Điều này rất có thể là lần điểm đạo thứ sáu.

and who are then transferred to one of the three synthesising schemes, passing first to the scheme which is the polar opposite to ours, and from thence to the synthesising scheme

và rồi được chuyển sang một trong ba hệ hành tinh tổng hợp, trước hết đi đến hệ hành tinh là cực đối nghịch với hệ của chúng ta, rồi từ đó đến hệ hành tinh tổnghợp

165. What is said here is of great interest. We have a Path to be taken by certain Egos:

165. Điều được nói ở đây rất đáng quan tâm. Chúng ta có một Con Đường để một số Chân ngã đi theo:

a. These Egos reach, perhaps, the sixth initiation on Earth. Note, that in doing so, they are still called “Ego”, even though the egoic body has long since disappeared and even though their polarization is ostensibly, in the Monad. From this, and a few other references, the Monad can also be called an “Ego”.

a. Những Chân ngã này đạt đến, có lẽ, lần điểm đạo thứ sáu trên Trái Đất. Lưu ý rằng khi làm như vậy, các vị ấy vẫn được gọi là “Chân ngã”, dù thể chân ngã từ lâu đã biến mất và dù sự phân cực của các vị ấy bề ngoài là ở trong chân thần. Từ điều này, và một vài tham chiếu khác, chân thần cũng có thể được gọi là một “Chân ngã”.

b. They are transferred to Venus, the polar opposite of the Earth

b. Các vị ấy được chuyển sang Sao Kim, cực đối nghịch của Trái Đất

c. They are transferred thence to the synthesizing planets—probably to one or other of the three.

c. Từ đó các vị ấy được chuyển sang các hành tinh tổng hợp—có lẽ đến một trong ba hành tinh ấy.

d. They then pursue their way onto one of the Cosmic Paths.

d. Sau đó các vị ấy tiếp tục con đường của mình trên một trong các Con Đường Vũ Trụ.

e. It is possible that we could here be talking about the Path to Sirius, since Venus is so closely related to Sirius and since the three synthesizing planets are conduits of Sirian force.

e. Có thể ở đây chúng ta đang nói về Con Đường đến Sirius, vì Sao Kim liên hệ rất mật thiết với Sirius và vì ba hành tinh tổng hợp là những kênh dẫn của mãnh lực Sirian.

"Our solar system is negatively polarised as regards the sun Sirius, which influences our entire system psychically, via the three

“Hệ mặt trời của chúng ta phân cực âm tính đối với mặt trời Sirius, vốn ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống của chúng ta một cách thông linh, qua ba hệ hành tinh tổng hợp:

synthesising schemes: Uranus, Neptune and Saturn." (TCF 378)

They are numerically more than those who remain within the Earth scheme.

166. The percentage of those who move on to one of the six (or eight) Paths other than the Path of Earth Service, must be quite a bit larger than those who stay. We are told that, in fact, very few stay, and must be especially selected by Sanat Kumara so to do.

Whichever may be the synthesising scheme to which they are attracted, it marks and **initiates their start upon one of the three cosmic paths**.

167. These high Initiates are, we see, attracted to one or other of the synthesizing schemes.

168. From the synthesizing schemes, these Chohans are ready to start upon one of the *three* cosmic paths.

169. How interesting that only three are mentioned! Which three? The first three other than the Path of Earth Service?

a. Path II: The Path of Magnetic Work

b. Path III: The Path of the Planetary Logoi

c. Path IV: The Path to Sirius.

170. We have a hypothesis here, but we cannot be sure it is correct.

Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ." (TCF 378)

Về số lượng, họ nhiều hơn những vị ở lại trong hệ Địa Cầu.

166. Tỷ lệ những vị tiến lên một trong sáu (hay tám) Con Đường khác ngoài Con Đường Phụng Sự Trái Đất hẳn lớn hơn khá nhiều so với những vị ở lại. Chúng ta được cho biết rằng thật ra rất ít vị ở lại, và phải được Đức Sanat Kumara đặc biệt tuyển chọn để làm như vậy.

Dù họ bị thu hút đến hệ hành tinh tổng hợp nào đi nữa, điều đó đánh dấu và **khai mở sự khởi đầu của họ trên một trong ba con đường vũ trụ**.

167. Chúng ta thấy những Điểm đạo đồ cao cấp này bị thu hút đến một hay một hệ hành tinh tổng hợp khác.

168. Từ các hệ hành tinh tổng hợp, các Chohan này sẵn sàng bắt đầu trên một trong *ba* con đường vũ trụ.

169. Thật thú vị biết bao khi chỉ có ba con đường được nhắc đến! Ba con đường nào? Ba con đường đầu tiên ngoài Con Đường Phụng Sự Trái Đất chăng?

a. Con Đường II: Con Đường của Công Tác Từ Tính

b. Con Đường III: Con Đường của các Hành Tinh Thượng Đế

c. Con Đường IV: Con Đường đến Sirius.

170. Ở đây chúng ta có một giả thuyết, nhưng không thể chắc rằng nó đúng.

171. We can easily associated Neptune with the Path to Sirius (though *all three* synthesizing planets have a close association with Sirius).

171. Chúng ta có thể dễ dàng liên kết Sao Hải Vương với Con Đường đến Sirius (dù *cả ba* hành tinh tổng hợp đều có liên hệ mật thiết với Sirius).

172. The Path of the Planetary Logoi seems Saturnian.

172. Con Đường của các Hành Tinh Thượng Đế dường như mang tính Sao Thổ.

173. Is the Path of Magnetic Work Uranian? Many of a scientific, fifth ray disposition are said to take this Path. Although since this Path conditions the systemic astral plane from the cosmic astral plane, the planet Neptune could easily be involved.

173. Con Đường của Công Tác Từ Tính có phải mang tính Sao Thiên Vương không? Nhiều người có khuynh hướng khoa học, cung năm được cho là đi theo Con Đường này. Dù vậy, vì Con Đường này tác động lên cõi cảm dục hệ thống từ cõi cảm dục vũ trụ, hành tinh Sao Hải Vương hoàn toàn có thể liên hệ ở đây.

174. Perhaps, it is more likely that from any of the synthesizing planets, any of three cosmic paths can be trodden.

174. Có lẽ, nhiều khả năng hơn là từ bất kỳ hành tinh tổng hợp nào, bất kỳ một trong ba con đường vũ trụ đều có thể được bước đi.

The work of the Manasadevas is carried on throughout the entire system, and a constant circulation transpires, **and a constant transmission of energy, and of force units embodying that energy, goes on throughout the entire system.**

Công việc của các Manasadevas được tiếp tục trong toàn bộ hệ thống, và một sự lưu chuyển không ngừng diễn ra, **và một sự truyền dẫn năng lượng không ngừng, cùng các đơn vị mãnh lực thể hiện năng lượng ấy, tiếp diễn trong toàn bộ hệ thống.**

175. This is the large picture. Manasadevic force is in constant circulation throughout the solar system.

175. Đây là bức tranh lớn. Mãnh lực Manasadevic luôn lưu chuyển không ngừng trong toàn bộ hệ mặt trời.

176. We have been shown how when individualization was stopped on our planet, energy flows of force units from the Heart of the Sun were suspended.

176. Chúng ta đã được chỉ cho thấy rằng khi tiến trình biệt ngã hóa bị ngưng lại trên hành tinh chúng ta, các luồng năng lượng của những đơn vị lực từ Trái Tim Mặt Trời đã bị đình chỉ.

This transmission becomes possible in any scheme **when the [Page 779] fourth or human kingdom becomes radioactive;** it

Sự truyền dẫn này trở nên khả hữu trong bất kỳ hệ hành tinh nào **khi [Trang 779] giới thứ tư hay giới nhân loại trở nên phóng xạ;**

really marks the setting in of the period of obscuration.

177. The initiatory process is that which induces radioactivity in the human unit.

178. The initiatory period is very short compared with the periods of preparation for the initiatory phrase. This period leads to the fourth initiation, at which time (for man or a Planetary Logos) the obscuration process is significantly consummated. The fifth initiation signals the final end of this process. Even at the third initiation, obscuration has begun (witness the disintegration of the knowledge petals in the egoic lotus).

179. The radioactivity of human units and the Planetary Logos' "transmutation" of such units seem equivalent. Both terms —"radioactivity" and "transmutation" indicate human units *on the Path.*

Venus is a case in point.

180. Venus seems more in line for experiencing the fifth initiation in the same series of initiations in which the Planetary Logos of the Earth is experiencing the fourth.

Metaphysically stated, it marks the point when the Logoi begin to dissociate Themselves from Their dense physical bodies, or from the three worlds of human endeavour.

điều đó thực sự đánh dấu sự khởi đầu của thời kỳ mờ tối.

177. Tiến trình điểm đạo là điều gây ra tính phóng xạ trong đơn vị nhân loại.

178. Thời kỳ điểm đạo rất ngắn so với các thời kỳ chuẩn bị cho cụm từ điểm đạo. Thời kỳ này dẫn đến lần điểm đạo thứ tư, vào lúc đó (đối với con người hay một Hành Tinh Thượng Đế) tiến trình mờ tối được hoàn tất một cách đáng kể. Lần điểm đạo thứ năm báo hiệu sự chấm dứt cuối cùng của tiến trình này. Ngay cả ở lần điểm đạo thứ ba, sự mờ tối đã bắt đầu (hãy lưu ý sự tan rã của các cánh hoa tri thức trong Hoa Sen Chân Ngã).

179. Tính phóng xạ của các đơn vị nhân loại và sự "chuyển hoá" của Hành Tinh Thượng Đế đối với các đơn vị ấy dường như tương đương nhau. Cả hai thuật ngữ—"tính phóng xạ" và "chuyển hoá"—đều chỉ các đơn vị nhân loại *trên Con Đường.*

Sao Kim là một trường hợp điển hình.

180. Sao Kim dường như phù hợp hơn để trải qua lần điểm đạo thứ năm trong cùng chuỗi điểm đạo mà trong đó Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất đang trải qua lần điểm đạo thứ tư.

Nói theo lối siêu hình học, điều đó đánh dấu điểm mà các Thượng đế bắt đầu tách chính Các Ngài ra khỏi các thể xác hồng trần đậm đặc của Các Ngài, hay khỏi ba cõi của nỗ lực nhân loại.

181. At the fourth initiation, the human being dissociates himself from his dense physical body and, for that matter, from the three worlds of human evolution.

181. Ở lần điểm đạo thứ tư, con người tự tách mình ra khỏi thể xác hồng trần đậm đặc của mình và, xét cho cùng, khỏi ba cõi của tiến hoá nhân loại.

182. Analogically, this would be the same for a Planetary Logos, dissociating itself from the three lower worlds (His physical body) and, perhaps, from certain of the cosmic planes which are analogous to the eighteen lower systemic planes and which contain his astral and lower mental bodies.

182. Theo phép loại suy, điều này cũng sẽ như vậy đối với một Hành Tinh Thượng Đế, tự tách mình ra khỏi ba cõi thấp (thể xác của Ngài) và, có lẽ, khỏi một số cõi vũ trụ tương tự với mười tám cõi phụ thấp của hệ thống và chứa thể cảm dục cùng thể trí thấp của Ngài.

183. As far as most of the Planetary Logoi are concerned, we are still far from the kind of fourth initiation (a *cosmic* fourth initiation) which would see this type of dissociation.

183. Xét theo phần lớn các Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta vẫn còn rất xa loại lần điểm đạo thứ tư (một lần điểm đạo thứ tư *vũ trụ*) mà trong đó kiểu tách rời này sẽ diễn ra.

184. From the scheme perspective, the Planetary Logos of the Earth-scheme, for instance, has not yet taken the *second* cosmic initiation. Perhaps, however, He will take the fourth cosmic (or even fifth) scheme initiation in this mahamanvantara, even as He is taking the fourth *chain* initiation at the present time. He, too, is only half way through His evolutionary progress in this mahamanvantara.

184. Từ góc nhìn của hệ hành tinh, chẳng hạn, Hành Tinh Thượng Đế của hệ Trái Đất vẫn chưa nhận lần điểm đạo vũ trụ thứ *hai*. Tuy nhiên, có lẽ Ngài sẽ nhận lần điểm đạo hệ hành tinh vũ trụ thứ tư (hay thậm chí thứ năm) trong Đại giai kỳ sinh hóa này, cũng như hiện nay Ngài đang nhận lần điểm đạo *Dãy* thứ tư. Ngài cũng chỉ mới đi được nửa chặng đường trong tiến trình tiến hoá của Ngài trong Đại giai kỳ sinh hóa này.

The three groups of Agnishvattas concerned with the evolution of man on the mental level have each a specific function,

Ba nhóm Agnishvatta liên quan đến sự tiến hoá của con người trên cấp độ trí tuệ, mỗi nhóm đều có một chức năng đặc thù,

185. All the Agnishvattas are focussed on the mental plane. Yet the lowest group has to contend with all three units of the atomic triangle (two of which units are *not* focussed on the mental plane). Yet, they *are* said to be within the causal body.

185. Tất cả các Agnishvatta đều tập trung trên cõi trí. Tuy nhiên, nhóm thấp nhất phải xử lý cả ba đơn vị của tam giác nguyên tử (trong đó hai đơn vị *không* tập trung trên cõi trí). Tuy nhiên, họ *được* nói là ở trong thể nguyên nhân.

as we have already seen, and **the lowest of the three deal primarily with the**

như chúng ta đã thấy, và **nhóm thấp nhất trong ba nhóm chủ yếu đề cập đến việc**

transmission of force or energy to the three permanent atoms.

186. We may gather that the lowest group of Agnishvattas are still to be found on the higher mental plane even though their supervision is of the units of the atomic triangle lying 'below' the higher mental plane, and two of which units lie 'below' the mental plane altogether.

In the **dual sounding of the egoic mantram** by the lowest of the three groups changes are brought about and the lunar Pitris (who concern themselves with the lower three vehicles) enter upon their work, **the key being given to them by the solar Angels**.

187. More occultism of a profound nature.

188. The egoic mantram sounded by the lowest group is *dual.* This is probably the case for the mantrams sounded by the other groups also.

189. The lunar pitris work according to a "key" (of music) and that key is communicated to them by the solar angels—in this case, the lowest group of solar angels.

These lunar Pitris **embody the substance of man's lower bodies**, just as the solar Pitris sacrifice themselves to give him his egoic body, and his consciousness.[55,56,57]

190. How shall we understand this idea of *embodiment?*

191. Devas are *suppliant,* but the matter of the higher mental plane is underlay by the substance-energy of solar fire of the

truyền lực hay năng lượng đến ba nguyên tử trường tồn.

186. Chúng ta có thể suy ra rằng nhóm Agnishvatta thấp nhất vẫn được tìm thấy trên Cõi thượng trí dù sự giám sát của họ là đối với các đơn vị của tam giác nguyên tử nằm "bên dưới" Cõi thượng trí, và trong đó hai đơn vị nằm "bên dưới" hẳn cõi trí.

Trong **sự xướng kép của mantram chân ngã** bởi nhóm thấp nhất trong ba nhóm, những thay đổi được tạo ra và các thái âm tổ phụ (những vị liên quan đến ba vận cụ thấp) bắt đầu công việc của mình, **chìa khóa được các Thái dương Thiên Thần trao cho họ**.

187. Đây là huyền bí học còn sâu xa hơn nữa.

188. Mantram chân ngã do nhóm thấp nhất xướng lên là *kép.* Có lẽ điều này cũng đúng đối với các mantram do những nhóm khác xướng lên.

189. Các thái âm tổ phụ pitris hoạt động theo một "chìa khóa" (âm nhạc), và chìa khóa ấy được các thái dương thiên thần truyền cho họ—trong trường hợp này là nhóm thái dương thiên thần thấp nhất.

Các thái âm tổ phụ này **hiện thân chất liệu của các thể thấp của con người**, cũng như các thái dương tổ phụ hi sinh chính mình để ban cho y thể chân ngã và tâm thức của y.[55,56,57]

190. Chúng ta nên hiểu ý niệm về sự *hiện thân* này như thế nào?

191. Các thiên thần là *khẩn cầu,* nhưng vật chất của Cõi thượng trí được nâng đỡ bởi năng lượng-chất liệu của Lửa Thái dương

manasadevas and the matter of the lower eighteen subplanes is underlay by the substance-energy of the lunar pitris. We remember, perhaps, that the lower of three groups of lunar pitris should not be called lunar pitris at all, but rather elemental substance. This very lowest group is structured by the second group which builds the vehicles of the personality.

của các manasadevas, còn vật chất của mười tám cõi phụ thấp được nâng đỡ bởi năng lượng-chất liệu của các thái âm pitris. Có lẽ chúng ta nhớ rằng nhóm thấp nhất trong ba nhóm thái âm pitris không nên được gọi là thái âm pitris chút nào, mà đúng hơn là chất liệu hành khí. Chính nhóm thấp nhất này được cấu trúc bởi nhóm thứ hai, nhóm xây dựng các vận cụ của phàm ngã.

192. When dealing with the formation of the causal vehicle or the lunar vehicles, it is the substance-energy of the Pitris involve which shape the substance of the higher mental plane or the lower eighteen subplanes into the forms with which we are familiar. It is a case of deliberately patterned energy substanding amorphous substance. The higher type of substance-energy interpenetrates and moulds the lower and amorphous substance-energy.

192. Khi bàn đến sự hình thành vận cụ nguyên nhân hay các vận cụ thái âm, thì chính năng lượng-chất liệu của các Pitris liên quan đã định hình chất liệu của Cõi thượng trí hay của mười tám cõi phụ thấp thành những hình tướng mà chúng ta quen thuộc. Đây là trường hợp năng lượng được mô hình hóa một cách có chủ ý nâng đỡ chất liệu vô định hình. Loại năng lượng-chất liệu cao hơn xuyên thấm và nắn đúc loại năng lượng-chất liệu thấp hơn và vô định hình.

Footnote 55: The Ego is described thus in the *Secret Doctrine:* **Each is a pillar of Light.**

Chú thích 55: Chân ngã được mô tả như sau trong *Giáo Lý Bí Nhiệm:* **Mỗi vị là một Trụ Cột Ánh Sáng.**

193. Are we, in this instance, speaking of the Solar Angel? Or of all the Agnishvattas, even the ones which superintend individual petals.

193. Trong trường hợp này, chúng ta đang nói về Thái dương Thiên Thần chăng? Hay về tất cả các Agnishvatta, kể cả những vị giám quản từng cánh hoa riêng biệt.

194. The image of a “pillar of Light” is arresting.

194. Hình ảnh “một Trụ Cột Ánh Sáng” thật gây ấn tượng mạnh.

Having chosen its vehicle, it expanded, surrounding with an akashic aura the human animal, with the Divine Principle settled within the human form."—S. D., III, 494.

Sau khi chọn vận cụ của mình, nó mở rộng ra, bao quanh người thú bằng một hào quang akasha, với Nguyên Khí thiêng liêng an định bên trong hình tướng con người."—S. D., III, 494.

195. We seem to be speaking of one greater Solar Angel Who approaches to substand the entire human animal.

195. Dường như chúng ta đang nói về một Thái dương Thiên Thần lớn hơn, Đấng tiến đến để nâng đỡ toàn bộ người thú.

196. Here we have one way of describing the interaction between the Solar Angel and the human animal which is to be individualized.

They are the Fire Dhyanis, and emanate from the Heart of the Sun."—S. D., II, 96.

197. DK has elaborated upon the nature of these Fire Dhyanis and traced some of them, even more deeply, to the Central Spiritual Sun.

Read the words of the Commentary on S. D., II, 96.

They are the Sons of Fire and fashion inner man.—S. D., II, 114.

198. In thinking of the Fire Dhyanis as "fashioners" we have a reason to connect them with Vulcan, the planet behind processes of *shaping.*

199. Vulcan is also directly connected, esoterically with the Heart of the Sun.

2. Vulcan.—The one who reveals that which is deeply hidden and brings it up into the light. Esoterically—the heart of the Sun. (EA 393)

200. Matter prepared by the First Outpouring on systemic atomic levels and rendered molecular by the Second Outpouring on substance-atomic subplanes, is shaped and moulded into form by whatever deva agencies are working upon the plane or subplane where that type of matter is located.

196. Ở đây chúng ta có một cách mô tả sự tương tác giữa Thái dương Thiên Thần và người thú sẽ được biệt ngã hóa.

Các Ngài là các Hỏa Dhyani, và phát xuất từ Trái Tim Mặt Trời."—S. D., II, 96.

197. Chân sư DK đã khai triển về bản chất của các Hỏa Dhyani này và lần theo một số vị trong các Ngài, còn sâu hơn nữa, đến Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

Hãy đọc những lời trong Cổ Luận về S. D., II, 96.

Các Ngài là Các Con của Lửa và tạo tác con người bên trong.—S. D., II, 114.

198. Khi nghĩ về các Hỏa Dhyani như những "đấng tạo tác", chúng ta có lý do để liên kết các Ngài với Vulcan, hành tinh đứng sau các tiến trình *định hình.*

199. Vulcan cũng được nối kết trực tiếp, một cách huyền bí, với Trái Tim Mặt Trời.

2. Vulcan.—Đấng mặc khải điều được ẩn giấu sâu kín và đưa nó ra ánh sáng. Về mặt huyền bí—trái tim của Mặt Trời. (EA 393)

200. Vật chất được chuẩn bị bởi Lần tuôn đổ thứ nhất trên các cấp độ nguyên tử của hệ thống và được làm thành phân tử bởi Lần tuôn đổ thứ hai trên các cõi phụ nguyên tử của chất liệu, được định hình và nắn đúc thành hình tướng bởi bất cứ cơ quan thiên thần nào đang hoạt động trên cõi hay cõi phụ nơi loại vật chất ấy tọa lạc.

Chú thích 56: Các Thái dương Thiên Thần (Các Con của Minh Triết) là những thực thể

Footnote 56: The solar Angels (Sons of Wisdom) are entities seeking fuller consciousness.—S. D., II, 176, 177; II, 643.

đang tìm kiếm tâm thức đầy đủ hơn.—S. D., II, 176, 177; II, 643.

201. So great is their development in the past that we must wonder what type of consciousness they might be able to develop in relation to the lower planes of the cosmic physical plane.

201. Sự phát triển của các Ngài trong quá khứ lớn lao đến mức chúng ta phải tự hỏi loại tâm thức nào mà các Ngài có thể phát triển được trong liên hệ với các cõi thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

202. Reminding ourselves of the many names for these types of Beings, we have in this section of text:

202. Khi nhắc lại nhiều danh xưng của các loại Hữu thể này, trong phần văn bản này chúng ta có:

a. Pillar of Light

a. Trụ Cột Ánh Sáng

b. Fire Dhyani

b. Hỏa Dhyani

c. Son of Wisdom. This is distinct from the appellation sometimes use for the human being, the “Son of Man”.

c. Con của Minh Triết. Danh xưng này khác với danh xưng đôi khi được dùng cho con người, “Con của Người”.

a. They had intellect through previous contact with matter.

a. Các Ngài có trí tuệ nhờ sự tiếp xúc trước kia với vật chất.

203. Presumably, this contact occurred in a previous mahamanvantara, which we interpret as an “occult century”. There is a shorter span of time (between chains) also associated with the term “mahamanvantara”.

203. Có lẽ sự tiếp xúc này đã xảy ra trong một Đại giai kỳ sinh hóa trước, mà chúng ta diễn giải như một “thế kỷ huyền bí”. Cũng có một khoảng thời gian ngắn hơn (giữa các Dãy) gắn với thuật ngữ “Đại giai kỳ sinh hóa”.

b. They were incarnated under the law of Karma.—S. D., III, 517.

b. Các Ngài nhập thể dưới định luật nghiệp quả.—S. D., III, 517.

204. As it appears They emanated from the star Sirius, and as that Star is the home of the Law of Karma as far as our solar system is concerned, this statement would make sense.

204. Vì dường như Các Ngài phát xuất từ sao Sirius, và vì Ngôi Sao ấy là nơi cư ngụ của Định luật Nghiệp Quả đối với hệ mặt trời của chúng ta, nên phát biểu này có ý nghĩa.

205. It appears that the Solar Angels had some unredeemed karma to deal with.

205. Dường như các Thái dương Thiên Thần có một số nghiệp quả chưa được cứu chuộc để xử lý.

c. They had to become all wise.

c. Các Ngài phải trở nên toàn minh triết.

206. They were wise following Their development in the previous solar system, and Their task was to become *all* wise.

206. Các Ngài đã minh triết sau sự phát triển của Các Ngài trong hệ mặt trời trước, và nhiệm vụ của Các Ngài là trở nên *toàn* minh triết.

207. We must view the term "all wise" in a relative light. Perhaps they had become all wise with respect to that which should be gained upon the cosmic physical plane, or at least with respect to the *five* lower cosmic subplanes of the cosmic physical plane during the last solar system. The present solar system offers them, apparently, opportunity for an increase in wisdom.

207. Chúng ta phải nhìn thuật ngữ "toàn minh triết" trong ánh sáng tương đối. Có lẽ các Ngài đã trở nên toàn minh triết đối với điều cần phải đạt được trên cõi hồng trần vũ trụ, hay ít nhất đối với *năm* cõi phụ vũ trụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ trong hệ mặt trời trước. Hệ mặt trời hiện tại rõ ràng đem lại cho các Ngài cơ hội gia tăng minh triết.

Read carefully S. D., II, 243 note.

Hãy đọc cẩn thận ghi chú S. D., II, 243.

d. These solar Angels are high intelligences. —S. D., II, 259.

d. Các Thái dương Thiên Thần này là những trí tuệ cao.—S. D., II, 259.

208. This we gather from the manner they are able to manipulate the permanent atoms and mental unit in the atomic triangle. They are capable of accomplishing many things which man, as presently constituted, cannot possibly accomplish.

208. Chúng ta suy ra điều này từ cách các Ngài có thể thao tác các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí trong tam giác nguyên tử. Các Ngài có khả năng hoàn thành nhiều điều mà con người, với cấu tạo hiện nay, tuyệt đối không thể hoàn thành.

e. They are Nirmanakayas.—S. D., II, 266.

e. Các Ngài là các Nirmanakaya.—S. D., II, 266.

209. Interestingly, our usual understanding of the term "Nirmanakayas" casts them in the role of Divine Intermediaries, having achieved the sixth or seventh degree—and perhaps still higher degrees, as they are called "an initiate of all degrees".

209. Điều thú vị là cách hiểu thông thường của chúng ta về thuật ngữ "Nirmanakaya" đặt các Ngài vào vai trò những Đấng Trung Gian thiêng liêng, đã đạt đến cấp độ thứ sáu hay thứ bảy—và có lẽ còn những cấp độ cao

hơn nữa, vì các Ngài được gọi là "một điểm đạo đồ của mọi cấp độ".

The applicant has become soul conscious, and is therefore an initiate; remember always that *the soul on its own plane is an initiate of all degrees.* (R&I 247)

Người thỉnh cầu đã trở nên có tâm thức linh hồn, và do đó là một điểm đạo đồ; hãy luôn nhớ rằng *linh hồn trên cõi riêng của nó là một điểm đạo đồ của mọi cấp độ.* (R&I 247)

f. They are the celestial yogis.—S. D., I

f. Các Ngài là những yogi thiên giới.—S. D., I

210. If They are yogis They are Masters of some form of *union*. Another of Their names, the "Benign Uniters" suggests this.

210. Nếu Các Ngài là yogi thì Các Ngài là những bậc thầy của một hình thức *hợp nhất* nào đó. Một danh xưng khác của Các Ngài, "Những Đấng Hợp Nhất Từ Hòa", gợi ý điều này.

57: "Nirmanakaya" is a name made up of two words which signify **"having no body,"** and has no reference whatever to moral qualities. **It is a state of consciousness**. **The great Teachers of Nirvanic spheres are called by this name**.

57: "Nirmanakaya" là một danh xưng gồm hai từ có nghĩa là **"không có thể,"** và hoàn toàn không liên hệ gì đến các phẩm tính đạo đức. **Đó là một trạng thái tâm thức**. **Các Huấn sư vĩ đại của các khối cầu Niết Bàn được gọi bằng danh xưng này**.

211. This derivation of the term "Nirmanakaya" suggests the 'dimensional height' upon which such Beings function.

211. Cách giải thích từ nguyên này của thuật ngữ "Nirmanakaya" gợi ra "chiều cao chiều kích" mà trên đó các Hữu thể như thế hoạt động.

212. As Nirmanakayas are, minimally, Initiates of the sixth degree, it can be said that They have relinquished any bodies that can be found within the five lower subplanes of the cosmic physical plane.

212. Vì các Nirmanakaya, ở mức tối thiểu, là các Điểm đạo đồ cấp sáu, nên có thể nói rằng Các Ngài đã từ bỏ bất kỳ thể nào có thể được tìm thấy trong năm cõi phụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

213. We see that the term "Nirmanakaya" is general, and can refer to high Initiates in either the human or deva kingdom.

213. Chúng ta thấy rằng thuật ngữ "Nirmanakaya" có tính tổng quát, và có thể chỉ các Điểm đạo đồ cao trong cả giới nhân loại lẫn giới thiên thần.

214. The state we refer to as "Nirvana" beings on the third, Atmic or nirvanic plane.

214. Trạng thái mà chúng ta gọi là "Niết Bàn" bắt đầu trên cõi thứ ba, cõi atma hay cõi Niết Bàn.

215. When we encounter the term "Nirvanic spheres" we may infer that levels beyond the atmic may also be indicated. The monadic plane is a nirvanic sphere and so may the logoic plane be considered.

215. Khi gặp thuật ngữ "các khối cầu Niết Bàn", chúng ta có thể suy ra rằng những cấp độ vượt quá cõi atma cũng có thể được hàm ý. Cõi chân thần là một khối cầu Niết Bàn, và cõi logoic cũng có thể được xem như vậy.

216. In a sense, we are being told that the Solar Angels "have no body" and that They are Nirmanakayas. This means that the body They produce for man is not really *Their* body at all, but simply a creative act accomplished for purposes of service (accomplished through the agency of solar fire).

216. Theo một nghĩa nào đó, chúng ta đang được bảo rằng các Thái dương Thiên Thần "không có thể" và rằng Các Ngài là các Nirmanakaya. Điều này có nghĩa là thể mà Các Ngài tạo ra cho con người thực ra hoàn toàn không phải là thể của *Các Ngài*, mà chỉ đơn giản là một hành vi sáng tạo được thực hiện vì mục đích phụng sự (được hoàn thành thông qua tác nhân của Lửa Thái dương).

217. We must remember that from the perspective of Agni, solar fire is to be found on the buddhic, atmic and monadic planes.

217. Chúng ta phải nhớ rằng từ góc nhìn của Agni, Lửa Thái dương được tìm thấy trên các cõi Bồ đề, atma và chân thần.

218. We have often looked for the "true plane of the soul" or the location of the "soul on its own plane". If the Solar Angels are really Nirmanakayas and have no body, it may be that Their *own true plane* is the true plane of One (a Nirmanakaya) Who is at least an Initiate of the sixth degree—i.e., the monadic plane, or perhaps, planes still higher.

218. Chúng ta thường tìm kiếm "cõi đích thực của linh hồn" hay vị trí của "linh hồn trên cõi riêng của nó". Nếu các Thái dương Thiên Thần thực sự là các Nirmanakaya và không có thể, thì có thể *cõi đích thực riêng của Các Ngài* là cõi đích thực của một Đấng (một Nirmanakaya) ít nhất là một Điểm đạo đồ cấp sáu—tức là cõi chân thần, hay có lẽ những cõi còn cao hơn nữa.

219. Even the buddhic plane would be too low, because no Nirmanakayas have Their 'home' on that plane. Besides there are buddhic vehicles. Are buddhic vehicles to be considered as "bodies"? There would be reason to suspect so. Are atmic and monadic vehicles also "bodies"—perhaps. Only on the logoic plane is there no vehicle (at least none that we are aware of), and yet on the cosmic physical plane (and from the cosmic perspective) there must always be bodies.

219. Ngay cả cõi Bồ đề cũng sẽ còn quá thấp, vì không có Nirmanakaya nào có "quê nhà" của Các Ngài trên cõi ấy. Hơn nữa còn có các vận cụ Bồ đề. Có nên xem các vận cụ Bồ đề là "các thể" không? Có lý do để nghi như vậy. Các vận cụ atma và chân thần cũng là "các thể" chăng—có lẽ thế. Chỉ trên cõi logoic mới không có vận cụ nào (ít nhất không có vận cụ nào mà chúng ta biết), thế nhưng trên cõi hồng trần vũ trụ (và từ góc nhìn vũ trụ) luôn luôn phải có các thể.

220. Of course, when we say a Nirmanakaya has no body, we could be speaking only of a body within the dense physical body of the Solar Logos, the lower three cosmic subplanes of the cosmic physical plane.

220. Dĩ nhiên, khi chúng ta nói một Nirmanakaya không có thể, có thể chúng ta chỉ đang nói về một thể bên trong thể xác hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế, tức ba cõi phụ vũ trụ thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

221. We must make a decision concerning whether the phrase "having no body" refers to the lower three cosmic subplanes or the lower *five* cosmic subplanes or even to the monadic plane.

221. Chúng ta phải quyết định xem cụm từ "không có thể" ám chỉ ba cõi phụ vũ trụ thấp, hay năm cõi phụ vũ trụ thấp, hay thậm chí cả cõi chân thần.*năm*

222. If we succeed in 'locating' the planar focus on Nirmanakayas, we may come closer to discovering the "true plane" of the Solar Angel.

222. Nếu chúng ta thành công trong việc "định vị" tiêu điểm cõi giới của các Nirmanakaya, chúng ta có thể tiến gần hơn đến việc khám phá "cõi đích thực" của Thái dương Thiên Thần.

223. We carry on from this point:

223. Chúng ta tiếp tục từ điểm này:

These lunar Pitris **embody the substance of man's lower bodies**, just as the solar Pitris sacrifice themselves to give him his egoic body, and his consciousness.[55,56,57]

Các thái âm tổ phụ này **hiện thân chất liệu của các thể thấp của con người**, cũng như các thái dương tổ phụ hi sinh chính mình để ban cho y thể chân ngã và tâm thức của y.55,56,57

They are substance in its dual aspect, and the Lunar Pitris in their higher grades are the positive energy of atomic substance, and in their lower are the negative [Page 780] aspect of the same substance.

Các vị là chất liệu trong phương diện kép của nó, và các Thái âm tổ phụ ở các cấp cao hơn của họ là năng lượng dương của chất liệu nguyên tử phụ, còn ở các cấp thấp hơn là phương diện âm [Trang 780] của cùng chất liệu ấy.

224. The statement immediately above must be compared with the statement regarding the Seventh Creative Hierarchy. The similarity is remarkable.

224. Phát biểu ngay trên đây phải được so sánh với phát biểu liên quan đến Huyền Giai Sáng Tạo thứ bảy. Sự tương đồng thật đáng chú ý.

For purposes of clarification and of generalisation, it might be noted that the seventh Hierarchy is the life or energy found

Vì mục đích làm sáng tỏ và khái quát hóa, cần lưu ý rằng Huyền Giai thứ bảy là sự sống hay năng lượng được tìm thấy nơi trái tim

at the heart of every atom, its positive aspect, and the sixth Hierarchy is the life of the forms of all the etheric bodies of every tangible object. (TCF 1207)

They might be considered, in connection with man, as triple in their ranks:

225. Here follows an important description of the lunar pitris, enlarging and diversifying our understanding of the term.

226. We see why the lunar pitris have been considered both positive and negative, both devic *and* elemental.

227. We note the use of the word "ranks" reminding us the "the devas in their serried ranks". ´

228. Lunar pitris which are not to be understood "in connection with man" may *not* be "triple in their ranks".

a. The highest group of all receives the energy from the higher levels,

229. Presumably, from the Agnishvattas on the higher mental plane

and ensouls the spirillae of the three permanent atoms.

230. We may presume that the permanent atoms (made permanent through the process of appropriation by the Monad) have been built by the time of the First Outpouring, and, presumably have had spirillae since that time as part of their structure.

của mọi nguyên tử, phương diện dương của nó, và Huyền Giai thứ sáu là sự sống của các hình tướng của mọi thể dĩ thái của mọi vật hữu hình. (TCF 1207)

Chúng có thể được xem, trong mối liên hệ với con người, như tam phân trong hàng ngũ của chúng:

225. Sau đây là một mô tả quan trọng về các thái âm pitris, mở rộng và làm đa dạng thêm sự hiểu biết của chúng ta về thuật ngữ này.

226. Chúng ta thấy vì sao các thái âm pitris đã được xem là vừa dương vừa âm, vừa thiên thần *vừa* hành khí.

227. Chúng ta lưu ý việc dùng từ "hàng ngũ", gợi cho chúng ta nhớ đến "các thiên thần trong những hàng ngũ chỉnh tề của họ". ´

228. Các thái âm pitris không được hiểu "trong mối liên hệ với con người" có thể *không* "tam phân trong hàng ngũ của chúng".

a. Nhóm cao nhất trong tất cả tiếp nhận năng lượng từ các cấp độ cao hơn,

229. Có lẽ từ các Agnishvatta trên Cõi thượng trí

và phú linh các loa tuyến của ba nguyên tử trường tồn.

230. Chúng ta có thể giả định rằng các nguyên tử trường tồn (được làm cho trường tồn qua tiến trình được Chân thần chiếm dụng) đã được xây dựng vào thời điểm của Lần tuôn đổ thứ nhất, và có lẽ đã có các loa tuyến từ lúc đó như một phần trong cấu trúc của chúng.

231. Fohat is responsible for building the matter/atoms of the systemic atomic subplanes. Presumably, the atoms of that matter are given at the first the number of spirillae which is found in their structure—seven spirillae for the lower permanent atoms and perhaps only three for the higher permanent atoms.

231. Fohat chịu trách nhiệm xây dựng vật chất/các nguyên tử của các cõi phụ nguyên tử của hệ thống. Có lẽ ngay từ đầu, các nguyên tử của vật chất ấy đã được ban cho số lượng loa tuyến có trong cấu trúc của chúng —bảy loa tuyến đối với các nguyên tử trường tồn thấp và có lẽ chỉ ba đối với các nguyên tử trường tồn cao hơn.

232. To ensoul the spirillae means **to merge with them, stimulate them and direct their development.** These highest of the lunar pitris are the directing consciousness within the spirillae.

232. Phú linh các loa tuyến có nghĩa là **hòa nhập với chúng, kích thích chúng và hướng dẫn sự phát triển của chúng.** Các thái âm pitris cao nhất này là tâm thức chỉ đạo bên trong các loa tuyến.

b. The second group, being the positive energy that attracts, builds and forms the body of man on the three planes.

b. Nhóm thứ hai, là năng lượng dương thu hút, xây dựng và tạo thành thân thể của con người trên ba cõi.

233. The lunar pitris are an *energy,* and in this category, a *positive* energy. This group works in the substance of the planes and subplanes attracting, building and forming the threefold body of man.

233. Các thái âm pitris là một *năng lượng,* và trong phạm trù này, là một năng lượng *dương*. Nhóm này hoạt động trong chất liệu của các cõi và cõi phụ, thu hút, xây dựng và tạo thành thể tam phân của con người.

234. We may say that they correlate with the second aspect of divinity.

234. Chúng ta có thể nói rằng họ tương ứng với phương diện thứ hai của thiên tính.

c. The lowest group are the negative aspect of energised substance and the matter of the three sheaths.

c. Nhóm thấp nhất là phương diện âm của chất liệu được tiếp năng lượng và là vật chất của ba lớp vỏ.

235. The lunar pitris are also *matter,* and not just the directing intelligences manipulating matter. This is an important consideration.

235. Các thái âm pitris cũng là *vật chất,* chứ không chỉ là những trí tuệ chỉ đạo thao tác vật chất. Đây là một điều cần cân nhắc quan trọng.

236. Another name for this lunar pitric substance (so it appears) is elemental essence or elemental substance.

236. Một tên gọi khác của chất liệu thái âm pitric này (dường như là vậy) là Tinh chất hành khí hay chất liệu hành khí.

237. Discrimination between the devas the elementals must be approached cautiously. Different types of entities and substances often have similar names attached to them.

237. Sự phân biện giữa các thiên thần và các hành khí phải được tiếp cận một cách thận trọng. Những loại thực thể và chất liệu khác nhau thường mang những tên gọi tương tự nhau.

238. Elemental essence is negative and passive in comparison with the higher lunar pitris.

238. Tinh chất hành khí là âm và thụ động so với các thái âm pitris cao hơn.

In connection with the solar system they embody the Brahma aspect, being the product of earlier cycles **wherein conscious activity was achieved**,

Trong liên hệ với hệ mặt trời, chúng hiện thân phương diện Brahma, là sản phẩm của các chu kỳ trước **trong đó hoạt động hữu thức đã được đạt tới**,

239. Is the "earlier cycle" the previous mahamanvantara?

239. "Chu kỳ trước" có phải là Đại giai kỳ sinh hóa trước không?

240. Bodies within the Brahmic aspect are created of this lowest form of lunar pitri.

240. Các thể trong phương diện Brahma được tạo ra từ hình thức thấp nhất này của thái âm pitri.

but self-consciousness was only arrived at by certain cosmic entities who passed through conscious substance,

nhưng ngã thức chỉ được đạt tới bởi một số thực thể vũ trụ nhất định, những vị đã đi qua chất liệu hữu thức,

241. Consciousness and self-consciousness must be discriminated. Substance is conscious, but, in the beginning, not *self*-conscious.

241. Tâm thức và ngã thức phải được phân biện. Chất liệu là hữu thức, nhưng lúc ban đầu không *tự*-ý thức.

and gave to it that potentiality **which will enable atomic substance**—after many kalpas—to develop self-consciousness.

và ban cho nó tiềm năng ấy, **tiềm năng sẽ giúp chất liệu nguyên tử**—sau nhiều kalpa—phát triển ngã thức.

242. We see the manner in which conscious substance is given the potentiality to achieve (after many kalpas—presumably, *maha*kalpas) self-consciousness. Cosmic Entities bestow this capacity. We can only accept the assertion without knowing the technicalities of how it was done.

242. Chúng ta thấy cách mà chất liệu hữu thức được ban cho tiềm năng để đạt đến (sau nhiều kalpa—có lẽ là *maha*kalpa) ngã thức. Các Thực Thể Vũ Trụ ban cho năng lực này. Chúng ta chỉ có thể chấp nhận khẳng định ấy mà không biết các chi tiết kỹ thuật về cách điều đó đã được thực hiện.

243. The entire question of how un-self-conscious substance achieves self-consciousness is fraught with difficulty. Does every atom of substance achieve, in its own right, self-consciousness, or is there an amalgamation of such atoms as they ascend towards the stage of self-consciousness? The latter method, although its modus operandi can hardly be explained by students with our type of consciousness, seems the preferable hypothesis for many reasons.

243. Toàn bộ vấn đề về cách chất liệu chưa có ngã thức đạt được ngã thức đầy khó khăn. Có phải mỗi nguyên tử chất liệu tự mình đạt được ngã thức, hay có một sự hợp nhất của các nguyên tử như thế khi chúng thăng lên hướng tới giai đoạn ngã thức? Phương pháp sau, dù phương thức hoạt động của nó khó lòng được giải thích bởi các đạo sinh có loại tâm thức như chúng ta, dường như là giả thuyết đáng chấp nhận hơn vì nhiều lý do.

244. We note that we are speaking of "atomic substance" Do we mean substance of atomic subplanes, or *any* kind of substance which has the atom of matter (any kind of matter) as its primary unit?

244. Chúng ta lưu ý rằng mình đang nói về "chất liệu nguyên tử". Chúng ta có ý nói chất liệu của các cõi phụ nguyên tử, hay *bất kỳ* loại chất liệu nào mà nguyên tử vật chất (bất kỳ loại vật chất nào) là đơn vị cơ bản của nó?

245. May we say that these great Cosmic Entities had a type of avataric function in relation to elemental, lunar-pitric substance?

245. Chúng ta có thể nói rằng các Thực Thể Vũ Trụ vĩ đại này có một loại chức năng avataric trong liên hệ với chất liệu hành khí, thái âm-pitric không?

246. The great Entities must have connected Themselves to atomic substance and at the same time exerted a mighty 'upward pull' on the atomic units.

246. Các Thực Thể vĩ đại hẳn đã nối kết chính Các Ngài với chất liệu nguyên tử và đồng thời tác động một lực kéo "đi lên" mạnh mẽ lên các đơn vị nguyên tử.

In connection with a planet, **they are called by a mysterious name which may not be revealed**,

Trong liên hệ với một hành tinh, **chúng được gọi bằng một danh xưng huyền nhiệm không thể tiết lộ**,

247. We seem to be speaking of certain great Cosmic Entities which have a connection

247. Dường như chúng ta đang nói về một số Thực Thể Vũ Trụ vĩ đại có liên hệ với lần lâm

with the present incarnation of a Planetary Logos.

as it conceals the mystery of the scheme which preceded ours, and of which ours is a reproduction.

248. The suggestion is that in a previous mahamanvantara, our Planetary Logos created and worked through a specific scheme and that our scheme is a kind of reincarnation of that scheme, just as the personality of man is a kind of reproduction of the personality through which he worked in the immediately previous incarnation (while not being strictly identical with that personality).

249. The term "reproduction" is arresting. Every indication is that we are speaking of planetary logoic reincarnation.

250. We can wonder whether there is a parallel between our scheme and the scheme which preceded ours, and our chain and the Moon-chain which preceded ours (at least in activation).

There are Pitris who work in connection with a planet, and with a solar system as well as those working in connection with the human kingdom. **They embody the energy of substance as demonstrated in a system, a scheme and a human cycle.**

251. This is a fairly vague statement. We are not told anything about these Pitris, their status, their function, etc.—only that they exist.

phàm hiện nay của một Hành Tinh Thượng Đế.

vì nó che giấu huyền nhiệm của hệ hành tinh đã có trước hệ của chúng ta, và hệ của chúng ta là một sự tái tạo của hệ ấy.

248. Gợi ý ở đây là trong một Đại giai kỳ sinh hóa trước, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã tạo ra và hoạt động qua một hệ hành tinh đặc thù, và hệ của chúng ta là một loại tái sinh của hệ ấy, cũng như phàm ngã của con người là một loại tái tạo của phàm ngã mà qua đó y đã hoạt động trong lần nhập thể ngay trước đó (dù không hoàn toàn đồng nhất với phàm ngã ấy).

249. Thuật ngữ "tái tạo" thật gây ấn tượng. Mọi dấu hiệu đều cho thấy chúng ta đang nói về sự tái sinh của Hành Tinh Thượng Đế.

250. Chúng ta có thể tự hỏi liệu có một sự song hành giữa hệ hành tinh của chúng ta và hệ hành tinh đã có trước nó, cũng như giữa Dãy của chúng ta và Dãy Mặt Trăng đã có trước nó (ít nhất về mặt hoạt hóa) hay không.

Có những Pitris hoạt động trong liên hệ với một hành tinh, với một hệ mặt trời cũng như những vị hoạt động trong liên hệ với giới nhân loại. **Chúng hiện thân năng lượng của chất liệu như được biểu lộ trong một hệ thống, một hệ hành tinh và một chu kỳ nhân loại.**

251. Đây là một phát biểu khá mơ hồ. Chúng ta không được cho biết gì về các Pitris này, địa vị của họ, chức năng của họ, v.v.—chỉ biết rằng họ hiện hữu.

252. We can infer that there is a Hierarchy of Lunar Pitris just as is Hierarchy of Solar Pitris.

252. Chúng ta có thể suy ra rằng có một Huyền Giai các Thái âm tổ phụ cũng như có một Huyền Giai các Thái dương tổ phụ.

There are also in connection with our peculiar Earth scheme, **those lunar Pitris who reached their present stage of activity in the moon chain**.

Cũng có, trong liên hệ với hệ Trái Đất đặc thù của chúng ta, **những thái âm tổ phụ đã đạt đến giai đoạn hoạt động hiện nay của họ trong Dãy Mặt Trăng**.

253. Is the implication that there are lunar pitris who originated on the Earth-chain rather than the Moon-chain?

253. Có phải hàm ý ở đây là có những thái âm pitris phát sinh trên Dãy Địa Cầu thay vì Dãy Mặt Trăng không?

254. Our chain is intimately connected with Moon-chain, to such an extent that one may hypothesize that the 'dispossessed' Chain Lord of the Moon-chain is cooperating with the Chain Lord of the Earth-chain in the administration of this fourth chain in the Earth-scheme.

254. Dãy của chúng ta liên hệ mật thiết với Dãy Mặt Trăng đến mức người ta có thể giả thuyết rằng Chúa Tể Dãy bị "truất quyền" của Dãy Mặt Trăng đang hợp tác với Chúa Tể Dãy của Dãy Địa Cầu trong việc quản trị dãy thứ tư này trong hệ Trái Đất.

255. Reasoning from the next two excerpts we may arrive at this conclusion.

255. Suy luận từ hai đoạn trích tiếp theo, chúng ta có thể đi đến kết luận này.

This can be seen in the Moon in a most interesting way. **The desire of its Occupant was no longer for physical manifestation; He therefore withdrew His life. All that is left is the devitalised shell; the two other aspects have gone and only the third aspect, the inherent life of matter itself, remains...(TCF 558)**

Điều này có thể được thấy nơi Mặt Trăng theo một cách hết sức thú vị. **Ham muốn của Đấng Cư Ngụ trong nó không còn hướng đến sự biểu hiện hồng trần nữa; vì thế Ngài đã rút sự sống của Ngài lại. Tất cả những gì còn lại chỉ là cái vỏ đã mất sinh lực; hai phương diện kia đã ra đi và chỉ còn phương diện thứ ba, sự sống cố hữu của chính vật chất, còn lại...(TCF 558)**

256. The Lord of the Moon-chain is called "its Occupant".

256. Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng được gọi là "Đấng Cư Ngụ trong nó".

The Moon chain with the Earth chain formed two units, or two polarities, negative and positive. The point of merging was reached, and the Earth chain absorbed or synthesised the moon chain in

Dãy Mặt Trăng cùng với Dãy Địa Cầu tạo thành hai đơn vị, hay hai cực tính, âm và dương. Điểm dung hợp đã đạt tới, và Dãy Địa Cầu đã hấp thu hay tổng hợp Dãy Mặt Trăng theo cùng ý nghĩa như một số hệ

the same sense as certain of the schemes will merge until only three will apparently be left. Therefore the Earth chain is essentially dual in its nature, being the sumtotal of a male and a female chain. This is a mystery impossible to elucidate further, but it is dealt with in certain occult books, and hinted at by H. P. B.[47] (TCF 414)

hành tinh sẽ dung hợp cho đến khi dường như chỉ còn lại ba hệ. Vì vậy Dãy Địa Cầu về bản chất là nhị nguyên, là tổng thể của một dãy nam tính và một dãy nữ tính. Đây là một huyền nhiệm không thể làm sáng tỏ thêm, nhưng được bàn đến trong một số sách huyền bí học, và được H. P. B.47 ám chỉ. (TCF 414)

They are deva groups but (**unlike the Agnishvattas) they have not passed through the human stage;**

Đó là các nhóm thiên thần nhưng (**không giống như các Agnishvatta) họ chưa đi qua giai đoạn nhân loại;**

257. We are here assured that Agnishvattas (apparently all of them—all manasadevas to be found within the egoic lotus) have passed through the human stage.

257. Ở đây chúng ta được xác nhận rằng các Agnishvatta (dường như tất cả các vị—mọi manasadeva được tìm thấy trong hoa sen chân ngã) đều đã đi qua giai đoạn nhân loại.

258. This is most important, as the egoic lotus seems to have many different kinds of solar angels (Agnishvattas) within its structure, even though, perhaps, only *one* supervising Solar Angel—the head of a solar angelic hierarchy which composes the egoic lotus of man.

258. Điều này hết sức quan trọng, vì hoa sen chân ngã dường như có nhiều loại thái dương Thiên Thần khác nhau (Agnishvatta) trong cấu trúc của nó, mặc dù có lẽ chỉ có *một* Thái dương Thiên Thần giám quản—vị đứng đầu của một huyền giai thái dương thiên thần cấu thành hoa sen chân ngã của con người.

for them it has yet to be achieved, and their present **experience in connection with the human Hierarchy has that end in view**.

đối với họ, điều đó vẫn còn phải đạt được, và **kinh nghiệm hiện tại của họ trong sự liên hệ với Huyền Giai nhân loại nhắm đến mục đích ấy**.

259. Here we may be speaking of those lunar pitris who originated on the Moon-chain, achieving their present point of development there.

259. Ở đây chúng ta có thể đang nói đến những thái âm tổ phụ pitris đã phát nguyên trên Dãy Mặt Trăng, đạt đến điểm phát triển hiện tại của họ tại đó.

260. If we study the Tabulation on TCF, 844, we will see something of the future of the Lunar Pitris. Becoming a self-conscious human being is an objective.

260. Nếu nghiên cứu Bảng Tổng Kết trong TCF, 844, chúng ta sẽ thấy phần nào tương lai của các thái âm tổ phụ. Trở thành một con người ngã thức là một mục tiêu.

261. From that Tabulation we see that there are different varieties of lunar pitris involve with man, and some of them have other tasks to accomplish before they can achieve self-consciousness. Some have to move up a rank within their own lunar-pitric Hierarchy.

261. Từ Bảng Tổng Kết ấy, chúng ta thấy rằng có những loại thái âm tổ phụ pitris khác nhau liên hệ với con người, và một số trong họ còn có những nhiệm vụ khác phải hoàn thành trước khi có thể đạt được ngã thức. Một số phải thăng lên một cấp trong chính Huyền Giai thái âm tổ phụ của họ.

It should be remembered that it is a fundamental law in occult development **that any life can only give out that [Page 781] which it has possessed**,

Cần ghi nhớ rằng đó là một định luật căn bản trong sự phát triển huyền bí học **rằng bất kỳ sự sống nào cũng chỉ có thể ban ra điều [Trang 781] mà nó đã sở hữu**,

262. HPB makes much of this very point when she describes how the lunar pitris could not possibly complete man. They had not the inner principles to bestow upon him.

262. HPB đặc biệt nhấn mạnh chính điểm này khi bà mô tả việc các thái âm tổ phụ pitris tuyệt đối không thể hoàn tất con người. Họ không có các nguyên khí nội tại để ban cho y.

263. The Agnishvattas had.

263. Các Agnishvatta thì có.

and **possession of the varying attributes of consciousness from that of the atom up to the consciousness of a solar Logos, is the result of long cycles of acquirement.**

và **sự sở hữu những thuộc tính tâm thức khác nhau, từ tâm thức của nguyên tử cho đến tâm thức của một Thái dương Thượng đế, là kết quả của những chu kỳ dài thu đạt.**

264. All development in nature proceeds slowly. Instances of apparently very rapid development have a long and unknown history of slow preparation.

264. Mọi sự phát triển trong thiên nhiên đều tiến hành chậm chạp. Những trường hợp dường như phát triển rất nhanh đều có một lịch sử dài lâu và không được biết đến của sự chuẩn bị chậm rãi.

The solar Pitris, therefore, could give to man his consciousness; ´

Vì vậy, các thái dương tổ phụ có thể ban cho con người tâm thức của yness; ´

265. This, because, having been men in a previous mahamanvantara, they were possessed of individualized consciousnesses.

265. Điều này là vì, đã từng là con người trong một Đại giai kỳ sinh hóa trước, họ sở hữu những tâm thức đã được biệt ngã hóa.

266. Họ ở vào vị thế có thể làm cho tâm thức đang hướng ngoại của y trở nên *phản chiếu*

266. They were in a position to render his outgoing consciousness *reflexive* so that the center of perception became objectified.

để trung tâm tri giác trở thành khách thể hóa.

the **lunar Pitris could give to him the instinctual consciousness of his vehicles**.

các **thái âm tổ phụ có thể ban cho y tâm thức bản năng của các vận cụ của y**.

267. This is a type of consciousness possessed of intelligence, but there is no centralized awareness of the intelligent functioning of these lower vehicles.

267. Đây là một loại tâm thức có trí thông minh, nhưng không có sự nhận biết tập trung về hoạt động thông minh của các vận cụ thấp này.

268. Instinct is intelligence without self-consciousness.

268. Bản năng là trí thông minh không có ngã thức.

In their aggregate in all the kingdoms of nature, on this planet and elsewhere, **they give to the planetary Logos and to the solar Logos the sumtotal of the form consciousness of Their respective bodies.**

Trong tổng thể của họ trong mọi giới của thiên nhiên, trên hành tinh này và ở nơi khác, **họ ban cho Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế tổng thể tâm thức hình tướng của các thể tương ứng của Các Ngài.**

269. Just as the Solar Angels/solar angels are everywhere to be found throughout our solar system (on all planetary schemes), so are the Lunar Pitris/lunar pitris ubiquitous in our solar system.

269. Cũng như các Thái dương Thiên Thần/thái dương thiên thần hiện diện khắp nơi trong toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta (trên mọi hệ hành tinh), thì các thái âm tổ phụ/thái âm pitris cũng hiện diện khắp nơi trong hệ mặt trời của chúng ta.

270. The bestowal of the Lunar Pitris/lunar pitris is the form consciousness of the vehicles of the Planetary Logoi, the Solar Logoi and man. They render the B/beings in our solar system *sentient,* sensorily responsive. They are also responsible for impulsing inherent, instinctual desire.

270. Điều mà các thái âm tổ phụ/thái âm pitris ban cho là tâm thức hình tướng của các vận cụ của các Hành Tinh Thượng Đế, các Thái dương Thượng đế và con người. Họ làm cho các H/hữu thể trong hệ mặt trời của chúng ta trở nên *có cảm giác,* có khả năng đáp ứng cảm quan. Họ cũng chịu trách nhiệm về việc thúc đẩy dục vọng cố hữu, bản năng.

This is the case in every scheme in the system, **but in the Earth chain a peculiar condition of affairs was brought about**

Đây là trường hợp trong mọi hệ hành tinh trong hệ mặt trời, **nhưng trong Dãy Địa Cầu, một tình trạng đặc biệt đã được tạo ra do sự**

through the planetary failure coincident with the moon chain;

271. DK emphasizes the fact that the Lunar Pitris/lunar pitris are found everywhere throughout our solar system.

272. Certain special circumstances exist on our planet because of the Moon-chain failure.

273. DK speaks of "planetary failure". We may suppose that the failure really involves the entire planetary scheme, for it is the Planetary Logos Who, in a sense, 'failed' *through* one of His extensions—the Lord of the Moon-chain.

274. The failure (though a *scheme* failure) was centralized most acutely in one of the chains of our Earth-scheme.

275. A human being, for instance, may experience failure in one of his incarnations through the improper use or expression through one of his chakras.

this is the cause of the present balancing of forces on this chain.

276. Forces of the third chain (or Moon-chain) are being balanced against the forces of the Earth-chain (the development of which are both held back and promoted by the presence in the fourth chain of many E/ entities from the Moon-chain).

277. We can imagine that the influence of the constellation Libra, so connected with

thất bại hành tinh trùng hợp với Dãy Mặt Trăng;

271. Chân sư DK nhấn mạnh sự kiện rằng các thái âm tổ phụ/thái âm pitris được tìm thấy khắp nơi trong toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta.

272. Một số hoàn cảnh đặc biệt tồn tại trên hành tinh chúng ta do sự thất bại của Dãy Mặt Trăng.

273. Chân sư DK nói đến "sự thất bại hành tinh". Chúng ta có thể giả định rằng sự thất bại ấy thực sự liên quan đến toàn bộ hệ hành tinh, vì chính Hành Tinh Thượng Đế là Đấng, theo một nghĩa nào đó, đã "thất bại" *qua* một trong những sự mở rộng của Ngài—Chúa Tể của Dãy Mặt Trăng.

274. Sự thất bại ấy (dù là một sự thất bại của *hệ hành tinh*) tập trung gay gắt nhất nơi một trong các dãy của hệ Địa Cầu chúng ta.

275. Chẳng hạn, một con người có thể trải qua thất bại trong một kiếp sống của y do sử dụng hay biểu lộ không đúng qua một trong các luân xa của y.

đây là nguyên nhân của sự quân bình các mãnh lực hiện nay trên dãy này.

276. Các mãnh lực của dãy thứ ba (hay Dãy Mặt Trăng) đang được quân bình với các mãnh lực của Dãy Địa Cầu (mà sự phát triển của dãy này vừa bị trì hoãn vừa được thúc đẩy bởi sự hiện diện trong dãy thứ tư của nhiều T/thực thể từ Dãy Mặt Trăng).

277. Chúng ta có thể hình dung rằng ảnh hưởng của chòm sao Thiên Bình, vốn liên hệ

karma, is instrumental in facilitating this balancing.

278. The Lord of the Third Ray is much associated with balance as well. It is this aspect of the third ray which is so badly needed on our planet today.

279. We can imagine that some type of compromise is being worked out between the former "Occupant" of the Moon-chain and the Lord of the Earth-chain.

The fourth chain **in every scheme** sees the work of the solar Pitris in connection with man begun.

280. To what extent, then, does the fourth chain in a scheme coincide with the heart center of the Planetary Logos concerned, for it is when the Planetary Heart awakens that the Solar Pitris begin Their work on behalf of any particular Planetary Logos.

281. The heart center is also, we should remember, a *balancing* center.

282. We may assume from the statement above, that the Solar Pitris were not present, or at least not active, in relation to the Moon-chain because it was the *third* chain.

It sees also the Pitris of his sheaths in activity through the impulse given by the solar Angels.

283. We are being told that the lunar pitris of the sheaths of a man are newly activated due to the impulse given to them by the Solar Angels or Agnishvattas.

mật thiết với nghiệp quả, có vai trò hỗ trợ cho sự quân bình này.

278. Đấng Chúa Tể Cung ba cũng gắn liền nhiều với sự quân bình. Chính phương diện này của cung ba là điều đang rất cần thiết trên hành tinh chúng ta ngày nay.

279. Chúng ta có thể hình dung rằng một loại thỏa hiệp nào đó đang được thực hiện giữa "Đấng Cư Ngụ" trước đây của Dãy Mặt Trăng và Chúa Tể của Dãy Địa Cầu.

Dãy thứ tư **trong mọi hệ hành tinh** chứng kiến công việc của các thái dương tổ phụ liên hệ với con người được bắt đầu.

280. Vậy thì, dãy thứ tư trong một hệ hành tinh tương ứng đến mức nào với trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế liên hệ, vì chính khi Tim Hành Tinh thức tỉnh thì các thái dương tổ phụ bắt đầu công việc của Các Ngài thay cho bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào.

281. Chúng ta cũng nên nhớ rằng trung tâm tim là một trung tâm *quân bình*.

282. Từ phát biểu trên, chúng ta có thể giả định rằng các thái dương tổ phụ không hiện diện, hoặc ít nhất không hoạt động, liên hệ với Dãy Mặt Trăng vì đó là dãy *thứ ba*.

Nó cũng chứng kiến các pitris của những thể vỏ của con người hoạt động nhờ xung lực do các thái dương thiên thần ban ra.

283. Chúng ta được cho biết rằng các thái âm tổ phụ pitris của các thể vỏ của một người được hoạt hóa mới mẻ do xung lực ban cho họ bởi các Thái dương Thiên Thần hay các Agnishvatta.

284. One would think, however, that the lunar pitris would have been very active *on the Moon-chain* in relation to the vehicles of the human beings who individualization on the Moon-chain.

284. Tuy nhiên, người ta sẽ nghĩ rằng các thái âm tổ phụ pitris hẳn đã rất hoạt động *trên Dãy Mặt Trăng* liên hệ với các vận cụ của những con người đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng.

285. We are gathering how very dependent for purposeful action are the lunar pitris upon the Solar Pitris. We may remember in *The Secret Doctrine* what happened when the forces of nature attempted to created the vehicles of man without the guidance of solar energies.

285. Chúng ta đang nhận ra rằng các thái âm tổ phụ pitris lệ thuộc rất nhiều vào các thái dương tổ phụ trong hành động có mục đích. Chúng ta có thể nhớ trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* điều gì đã xảy ra khi các lực của thiên nhiên cố tạo ra các vận cụ của con người mà không có sự hướng dẫn của các năng lượng thái dương.

The matter of those sheaths has passed through three chains and three rounds and is vibrant to a note which is tuned to the....

Vật chất của những thể vỏ ấy đã đi qua ba dãy và ba cuộc tuần hoàn và rung động theo một âm điệu được chỉnh theo....

286. DK is speaking simultaneously of "every scheme", and yet most focally of our Earth-scheme and its fourth chain, which has experienced three and a half chain rounds.

286. Chân sư DK đang đồng thời nói về "mọi hệ hành tinh", nhưng tập trung nhất vẫn là hệ Địa Cầu của chúng ta và dãy thứ tư của nó, vốn đã trải qua ba vòng rưỡi của dãy.

287. Some other Planetary Logoi are not yet working in Their fourth chain, though at least one is working in His fifth.

287. Một số Hành Tinh Thượng Đế khác chưa hoạt động trong dãy thứ tư của Các Ngài, dù ít nhất có một vị đang hoạt động trong dãy thứ năm của Ngài.

288. The lunar matter composing the lunar sheaths of the human being of our present globe and chain is very old, reputedly as old as the Moon-chain Even if older than the Earth-chain, it has certainly been developing since the very first chain of our planetary scheme was activated.

288. Vật chất thái âm cấu thành các thể vỏ thái âm của con người trên bầu hành tinh và dãy hiện tại của chúng ta là rất cổ xưa, được cho là cổ xưa như Dãy Mặt Trăng. Dù có cổ hơn Dãy Địa Cầu, nó chắc chắn đã phát triển từ khi dãy đầu tiên của hệ hành tinh chúng ta được hoạt hóa.

289. Thus, this type of matter is, for our planetary scheme, (minimally) *three chains old,* and has been developing through all the

289. Vì vậy, loại vật chất này, đối với hệ hành tinh của chúng ta, ít nhất là *cổ ba dãy,* và đã phát triển qua mọi cuộc tuần hoàn trong ba

rounds in the first three chains as well as through three rounds in the fourth chain.

290. And what of its development in *scheme* rounds, for within this Earth-scheme we appear to be in our fourth scheme round?

291. In this section of text we encounter an ellipse—missing information. We can only hypothesize concerning that to which the note (to which the conditioned matter) is tuned. It will be a keynote. Will it be to the Key of F, which is the key of matter based upon the note FA? (The mythical "green cheese" of which the Moon is made may have derived from some semblance of truth.)

292. The key of the previous solar system, the 'Green System' is FA or F. This could be a reasonable assumption.

293. We must remember that we are not here speaking *only* of our particular planet but of all planets and their relation to the Lunar Pitris/lunar pitris, though it seems that *our* planetary situation is emphasized.

294. Of course, every Planetary Logos has His own notes and there is probably a special 'substance-tuning' according to the nature of the Planetary Logos.

To word it otherwise, **the third can be clearly sounded**, and is followed naturally by the fifth, or the dominant.

dãy đầu cũng như qua ba cuộc tuần hoàn trong dãy thứ tư.

290. Và còn sự phát triển của nó trong các cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh* thì sao, vì trong hệ Địa Cầu này chúng ta dường như đang ở cuộc tuần hoàn hệ hành tinh thứ tư?

291. Trong phần văn bản này chúng ta gặp một dấu lửng—thông tin bị thiếu. Chúng ta chỉ có thể giả thuyết về điều mà âm điệu ấy (điều mà vật chất đã được tác động ấy) được chỉnh theo. Nó sẽ là một chủ âm. Liệu đó có phải là khóa F, là khóa của vật chất dựa trên nốt FA chăng? (Loại "pho mát xanh" huyền thoại mà Mặt Trăng được làm bằng có thể đã bắt nguồn từ một nét tương tự nào đó của chân lý.)

292. Khóa của hệ mặt trời trước, "Hệ Xanh", là FA hay F. Đây có thể là một giả định hợp lý.

293. Chúng ta phải nhớ rằng ở đây chúng ta không nói *chỉ* về hành tinh riêng của chúng ta mà còn về mọi hành tinh và mối liên hệ của chúng với các thái âm tổ phụ/thái âm pitris, dù dường như tình huống hành tinh của *chúng ta* được nhấn mạnh.

294. Dĩ nhiên, mỗi Hành Tinh Thượng Đế đều có những âm điệu riêng của Ngài và có lẽ có một sự "chỉnh âm chất liệu" đặc biệt tùy theo bản chất của Hành Tinh Thượng Đế.

Nói theo cách khác, **âm thứ ba có thể được xướng lên rõ ràng**, và tự nhiên được tiếp theo bởi âm thứ năm, hay âm chủ đạo.

295. This is saying the same thing in a different way. The third is the note of the personality which represents the matter aspect. The personality is tuned to F or FA.

295. Điều này đang nói cùng một điều theo cách khác. Âm thứ ba là nốt của phàm ngã, vốn biểu hiện phương diện vật chất. Phàm ngã được chỉnh theo F hay FA.

296. Once the third is tuned, the fifth, representing the soul, can be sounded. Sometimes by sounding the fifth correctly, one is assisted to tune the third. The psychological applications can be readily seen.

296. Một khi âm thứ ba được chỉnh, âm thứ năm, biểu hiện linh hồn, có thể được xướng lên. Đôi khi bằng cách xướng đúng âm thứ năm, người ta được hỗ trợ để chỉnh âm thứ ba. Những ứng dụng tâm lý học có thể dễ dàng được thấy.

297. The soul note is intended to be the "dominant" note; the term "dominant" has a specific musical meaning and also a general meaning. Both senses of the word apply here.

297. Nốt của linh hồn được dự định là nốt "chủ đạo"; thuật ngữ "chủ đạo" có một ý nghĩa âm nhạc đặc thù và cũng có một ý nghĩa tổng quát. Cả hai nghĩa của từ này đều áp dụng ở đây.

298. Everything depends upon the key. The keynote of each Planetary Logos will be different, and so will the third and the fifth, therefore.

298. Mọi sự đều tùy thuộc vào khóa. Chủ âm của mỗi Hành Tinh Thượng Đế sẽ khác nhau, và vì vậy âm thứ ba và âm thứ năm cũng sẽ khác.

299. Monadically we live upon a *red* planet, for red is the esoteric color of the first ray which is the monadic ray of our Planetary Logos.

299. Về mặt chân thần, chúng ta sống trên một hành tinh *đỏ*, vì đỏ là màu sắc huyền bí của cung một, vốn là cung chân thần của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

300. The base of fundamental note of the planetary chord is an 'octave' lower than the monadic note and so would be C or Do.

300. Nốt nền của hợp âm hành tinh thấp hơn một "quãng tám" so với nốt chân thần và vì vậy sẽ là C hay Do.

301. If we base the fundamental tone upon the lower octave of our monadic note, then the third will be MI or yellow and the fifth will be SOL or blue.

301. Nếu chúng ta đặt âm nền trên quãng tám thấp hơn của nốt chân thần của mình, thì âm thứ ba sẽ là MI hay vàng và âm thứ năm sẽ là SOL hay xanh lam.

302. Our situation (and that of Uranus) is unique because our fundamental tone begins with esoteric red. If the monadic ray is other, then the base note will be other, and

302. Tình huống của chúng ta (và của Sao Thiên Vương) là độc nhất vì âm nền của chúng ta bắt đầu bằng màu đỏ huyền bí. Nếu cung chân thần là cung khác, thì nốt nền sẽ

the third and fifth will be represented by other colors.

The simultaneous sounding of the third and the fifth, basing it upon the planetary keynote, produces the effect of a threefold chord, or a fourth tone, a complex sound.

303. If three notes are sounded together and a fourth note arises creating a threefold chord, then an overtone is suggested.

304. It may be implied that as the third and the fifth are together sounded, the bass or fundamental is also being sounded—the root of the chord.

305. The fourth note may be thought of as one octave higher than the fundamental. It is the note of the Monad where as the fundamental is the note of matter. Monad and matter are, we know, intimately.

306. We do not know whether the "planetary keynote" should be based upon the monadic note or color. Surely, most planets do not yet function in a way fully expressive of the Monad such that it is the major sound heard.

307. Perhaps, the planetary keynote can be based upon the soul note or even the personality note, *depending upon the degree of evolution* of the Planetary Logos in question.

I am here dealing with the chord of the human hierarchy as a whole.

khác, và âm thứ ba cùng âm thứ năm sẽ được biểu hiện bằng những màu khác.

Sự xướng lên đồng thời âm thứ ba và âm thứ năm, dựa trên chủ âm hành tinh, tạo ra hiệu quả của một hợp âm tam phân, hay một âm thứ tư, một âm thanh phức hợp.

303. Nếu ba nốt được xướng cùng nhau và một nốt thứ tư phát sinh tạo nên một hợp âm tam phân, thì điều đó gợi ý về một bồi âm.

304. Có thể được hàm ý rằng khi âm thứ ba và âm thứ năm được cùng xướng lên, thì âm trầm hay âm nền cũng đang được xướng lên —gốc của hợp âm.

305. Nốt thứ tư có thể được xem là cao hơn âm nền một quãng tám. Đó là nốt của Chân thần, trong khi âm nền là nốt của vật chất. Chân thần và vật chất, như chúng ta biết, gắn bó mật thiết.

306. Chúng ta không biết liệu "chủ âm hành tinh" nên dựa trên nốt hay màu chân thần hay không. Chắc chắn, phần lớn các hành tinh chưa hoạt động theo cách biểu lộ trọn vẹn Chân thần đến mức đó là âm thanh chủ yếu được nghe thấy.

307. Có lẽ chủ âm hành tinh có thể dựa trên nốt linh hồn hay thậm chí nốt phàm ngã, *tùy theo mức độ tiến hoá* của Hành Tinh Thượng Đế được nói đến.

Ở đây tôi đang bàn đến hợp âm của toàn thể huyền giai nhân loại.

308. One could wonder at the relation between the Fourth Creative Hierarchy and the *fourth note* which arises.

309. DK affirms the group context in which He is considering these ideas.

310. Would we have to know the monadic or soul note of the human Hierarchy in order to understand the nature of the third and the fifth? This seems likely.

311. Fortunately or unfortunately, the soul ray of Humanity changes from time to time. Now it is ray four but towards the end of human development it will be ray two.

312. However, Humanity as the human kingdom and Humanity as the Fourth Creative Hierarchy are two different things and the notes may be different.

313. When it comes to humanity the notes corresponding to rays five, four and one will be important. Also ray two must not be excluded.

314. With the coming of the Christ the "dominant" or soul note of humanity will be emergent, yet much will depend upon what we consider humanity's key note to be.

315. We do not yet know the monadic ray of the human kingdom or of the Fourth Creative Hierarchy. In one respect we must think of ray one as associated with humanity because humanity evolves through the destruction of form.

Within the hierarchy [the human hierarchy]**there is again diversity, based**

308. Người ta có thể tự hỏi về mối liên hệ giữa Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư và *nốt thứ tư* phát sinh.

309. Chân sư DK xác nhận bối cảnh nhóm trong đó Ngài đang xem xét các ý tưởng này.

310. Liệu chúng ta có phải biết nốt chân thần hay nốt linh hồn của Huyền Giai nhân loại để hiểu bản chất của âm thứ ba và âm thứ năm không? Điều này có vẻ đúng.

311. May mắn hay không may, cung linh hồn của Nhân loại thay đổi theo thời gian. Hiện nay đó là cung bốn nhưng về cuối sự phát triển của nhân loại nó sẽ là cung hai.

312. Tuy nhiên, Nhân loại với tư cách là giới nhân loại và Nhân loại với tư cách là Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư là hai điều khác nhau và các nốt có thể khác nhau.

313. Khi nói đến nhân loại, các nốt tương ứng với cung năm, cung bốn và cung một sẽ quan trọng. Cung hai cũng không được loại trừ.

314. Với sự quang lâm của Đức Christ, nốt "chủ đạo" hay nốt linh hồn của nhân loại sẽ xuất hiện, tuy nhiên nhiều điều sẽ tùy thuộc vào điều chúng ta xem là chủ âm của nhân loại.

315. Chúng ta chưa biết cung chân thần của giới nhân loại hay của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư. Ở một phương diện, chúng ta phải nghĩ đến cung một như gắn liền với nhân loại vì nhân loại tiến hoá qua sự hủy diệt hình tướng.

Bên trong huyền giai [huyền giai nhân loại] **lại có sự đa dạng, dựa trên hợp âm huyền**

upon the hierarchical chord, and this produces the many egoic chords and notes; these produce in their turn objective manifestation.

giai, và điều này tạo ra nhiều hợp âm và nốt chân ngã; đến lượt chúng, chúng tạo ra sự biểu hiện khách quan.

316. We are being given a lesson on music and occultism.

316. Chúng ta đang được ban cho một bài học về âm nhạc và huyền bí học.

317. We can always expect a sevenfold diversity in any H/hierarchy.

317. Chúng ta luôn có thể chờ đợi một sự đa dạng thất phân trong bất kỳ H/huyền giai nào.

318. The seven different Ashrams consisting of seven different types of Egos will each have their type of note and, thus, different kinds of "egoic chords and notes" will be produced.

318. Bảy ashram khác nhau gồm bảy loại Chân ngã khác nhau sẽ mỗi ashram có loại âm điệu riêng của mình và do đó những loại "hợp âm và nốt chân ngã" khác nhau sẽ được tạo ra.

319. All these variations will take place within the One Hierarchical Chord of the Human Creative Hierarchy.

319. Tất cả những biến thiên này sẽ diễn ra trong Hợp Âm Huyền Giai Duy Nhất của Huyền Giai Sáng Tạo Nhân loại.

320. The human kingdom is not a hierarchy.

320. Giới nhân loại không phải là một huyền giai.

321. If we were able to listen to the chord of any human being, it would have many overlays from a number of different levels—personal, egoic, egoic group, Monad, monadic group, planetary, etc.

321. Nếu chúng ta có thể lắng nghe hợp âm của bất kỳ con người nào, nó sẽ có nhiều lớp chồng phủ từ một số cấp độ khác nhau—cá nhân, chân ngã, nhóm chân ngã, chân thần, nhóm chân thần, hành tinh, v.v.

322. Recognition of the chords, the tuning of chords and the tuning of chords with other chords are all necessary (as evolution proceeds) for the fulfillment of the Grand Design.

322. Sự nhận biết các hợp âm, sự chỉnh các hợp âm và sự chỉnh các hợp âm với những hợp âm khác đều cần thiết (khi tiến hoá tiếp diễn) cho sự hoàn thành của Thiết Kế Vĩ Đại.

323. In this respect, the goal of the Divine Plan is *attunement,* which is another way of saying "Right Relations".

323. Về phương diện này, mục tiêu của Thiên Cơ là *sự hòa điệu,* đó là một cách khác để nói "Những Tương Quan Đúng Đắn".

We can now trace the **progress of egoic energy as it passes down from the abstract levels to the permanent atoms.**

Giờ đây chúng ta có thể lần theo **sự tiến triển của năng lượng chân ngã khi nó đi xuống từ các cấp độ trừu tượng đến các nguyên tử trường tồn.**

324. What do we mean here by "abstract levels"? Presumably the three highest subplanes of the mental plane are called "abstract levels". It is not only the very highest subplane which represents abstraction, though that subplane *most* represents it.

324. Ở đây chúng ta muốn nói gì bởi "các cấp độ trừu tượng"? Có lẽ ba cõi phụ cao nhất của cõi trí được gọi là "các cấp độ trừu tượng". Không chỉ cõi phụ cao nhất mới biểu hiện tính trừu tượng, dù cõi phụ ấy *biểu hiện* nó nhiều nhất.

325. We continue to speak of the descent of egoic vibration into the lower worlds, affecting first and primarily, the two lower permanent atoms and the mental unit.

325. Chúng ta tiếp tục nói về sự giáng xuống của rung động chân ngã vào các cõi thấp, trước hết và chủ yếu tác động đến hai nguyên tử trường tồn thấp hơn và đơn vị hạ trí.

326. We note in this instance that that which descends is called "energy" rather than force.

326. Chúng ta lưu ý rằng trong trường hợp này, điều giáng xuống được gọi là "năng lượng" thay vì mãnh lực.

On each plane the work is threefold, and might be tabulated as follows:

Trên mỗi cõi, công việc là tam phân, và có thể được lập bảng như sau:

327. Perhaps we have noticed the wealth of detail imparted concerning the influence of the Agnishvattas upon the personality through impact upon the units in the atomic triangle.

327. Có lẽ chúng ta đã nhận thấy sự phong phú của chi tiết được truyền đạt liên quan đến ảnh hưởng của các Agnishvatta lên phàm ngã thông qua tác động vào các đơn vị trong tam giác nguyên tử.

1. **The response within the permanent atom to the vibration set up by the solar Pitris**; to word it otherwise: [Page 782] **the response of the highest group of lunar Pitris to the chord of the Ego.** This definitely affects the spirillae of the atom, **according to the stage of evolution of the Ego concerned.**

1. **Sự đáp ứng bên trong nguyên tử trường tồn đối với rung động do các thái dương tổ phụ thiết lập**; nói theo cách khác: [Trang 782] **sự đáp ứng của nhóm thái âm tổ phụ cao nhất đối với hợp âm của Chân ngã.** Điều này chắc chắn ảnh hưởng đến các loa tuyến của nguyên tử, **tùy theo giai đoạn tiến hoá của Chân ngã liên hệ.**

328. We remember that the highest group of Lunar Pitris ensouls the spirillae of the permanent atoms.

328. Chúng ta nhớ rằng nhóm thái âm tổ phụ cao nhất phú linh cho các loa tuyến của các nguyên tử trường tồn.

329. We think of the seven spirillae and Apollo's Harp of seven strings—the "Aeolian Harp" played without a player, by the Breath of Spirit.

329. Chúng ta nghĩ đến bảy loa tuyến và cây đàn bảy dây của Apollo—"Cây đàn Aeolian" được chơi không cần người chơi, bởi Hơi Thở của Tinh thần.

330. The Solar Pitris set up a vibration or chord and to this chord the highest group of Lunar Pitris responds.

330. Các thái dương tổ phụ thiết lập một rung động hay hợp âm và nhóm thái âm tổ phụ cao nhất đáp ứng với hợp âm này.

331. We can gather that the stimulation of the spirillae is done musically, *chordally*

331. Chúng ta có thể nhận ra rằng sự kích thích các loa tuyến được thực hiện theo cách âm nhạc, *theo hợp âm*

332. We have the hint here that the chord of the Ego will vary according to the degree of evolution it has achieved.

332. Ở đây chúng ta có gợi ý rằng hợp âm của Chân ngã sẽ thay đổi tùy theo mức độ tiến hoá mà nó đã đạt được.

333. Depending upon the chord, so will be the activation of the spirillae (which are 'ensouled' and thus stimulated by the highest group of lunar pitris—the ones responding to the egoic chord).

333. Tùy theo hợp âm, sự hoạt hóa các loa tuyến cũng sẽ như vậy (các loa tuyến này được 'phú linh' và do đó được kích thích bởi nhóm thái âm tổ phụ pitris cao nhất—những vị đáp ứng với hợp âm chân ngã).

334. We can see that the activation of the spirillae originates within the Ego and that such activation is carried out through the agency of sound.

334. Chúng ta có thể thấy rằng sự hoạt hóa các loa tuyến phát nguyên bên trong Chân ngã và sự hoạt hóa ấy được thực hiện qua tác nhân của âm thanh.

335. The sound progresses from the Solar Pitris, through the highest group of lunar pitris and, thence, into the spirillae, stimulating them according to musical design.

335. Âm thanh tiến từ các thái dương tổ phụ, qua nhóm thái âm tổ phụ pitris cao nhất, rồi từ đó đi vào các loa tuyến, kích thích chúng theo thiết kế âm nhạc.

336. The sounding of the primary note is a first ray function. It is analogous to the sounding of a Word of Power, which we have been recently studying—followed by

336. Việc xướng lên nốt sơ khởi là một chức năng của cung một. Nó tương tự với việc xướng lên một Quyền năng từ, điều mà gần đây chúng ta đã nghiên cứu—tiếp theo là

mantric soundings of the Solar Pitris and formulas of the lunar pitris.

những sự xướng mantram của các thái dương tổ phụ và những công thức của các thái âm tổ phụ pitris.

2. **The response of the substance to the atomic vibration upon the particular plane involved**. This concerns the second group of Pitris, **whose function it is to gather together the substance attuned to any particular key, and to aggregate it around the permanent atom.**

2. **Sự đáp ứng của chất liệu đối với rung động nguyên tử trên cõi đặc thù liên hệ**. Điều này liên quan đến nhóm Pitris thứ hai, **mà chức năng của họ là tập hợp chất liệu được chỉnh theo bất kỳ khóa đặc thù nào, và kết tập nó quanh nguyên tử trường tồn.**

337. This process is correlated to the second ray—the *magnetic* and *building* ray.

337. Tiến trình này tương quan với cung hai —cung *từ tính* và *kiến tạo*.

338. We remind ourselves of the following with respect to this group of Lunar Pitris:

338. Chúng ta hãy tự nhắc mình điều sau đây liên quan đến nhóm thái âm tổ phụ này:

The second group, being the positive energy that attracts, builds and forms the body of man on the three planes.

Nhóm thứ hai, là năng lượng dương thu hút, kiến tạo và tạo thành thân thể của con người trên ba cõi.

339. This second group of Pitris is concerned with the fundamental vibration of the atomic subplane.

339. Nhóm Pitris thứ hai này liên hệ với rung động căn bản của cõi phụ nguyên tử.

340. The gathering of substance around the permanent atom, is also a musical process. The substance gathered is attuned to a particular key. Thus is the quality of the vehicle determined because substance of a particular kind is gathered.

340. Việc tập hợp chất liệu quanh nguyên tử trường tồn cũng là một tiến trình âm nhạc. Chất liệu được tập hợp được chỉnh theo một khóa đặc thù. Nhờ đó phẩm tính của vận cụ được xác định vì chất liệu thuộc một loại đặc thù được tập hợp lại.

341. We could infer that the ray quality of the vehicle created is determined by this process.

341. Chúng ta có thể suy ra rằng phẩm tính cung của vận cụ được tạo ra được xác định bởi tiến trình này.

342. This second group of lunar pitris functions, it would seem, on the higher levels of the plane on which the process is occurring—in fact, on the atomic plane where the permanent atom is located.

342. Nhóm thái âm tổ phụ pitris thứ hai này, dường như, hoạt động trên các cấp độ cao hơn của cõi nơi tiến trình đang diễn ra—thực ra là trên cõi nguyên tử nơi nguyên tử trường tồn tọa lạc.

343. Are the three different lunar vehicles composed of only one type of matter, responsive to one key? What of the subrays of the various vehicles and, presumably, of the types of matter which respond to those subrays? It would be difficult to conceive of the lunar vehicles as homogeneous, especially as the matter of so many subplanes goes to their composition.

343. Ba vận cụ thái âm khác nhau có phải chỉ được cấu thành từ một loại vật chất duy nhất, đáp ứng với một khóa duy nhất không? Còn các cung phụ của các vận cụ khác nhau và, có lẽ, các loại vật chất đáp ứng với các cung phụ ấy thì sao? Thật khó hình dung các vận cụ thái âm là đồng nhất, nhất là khi vật chất của rất nhiều cõi phụ góp phần vào sự cấu thành của chúng.

344. Perhaps matter of all seven types of vibration are found in each lunar vehicle, but perhaps the matter is arranged hierarchically with one type of matter holding a disproportionately large emphasis.

344. Có lẽ vật chất của cả bảy loại rung động đều hiện diện trong mỗi vận cụ thái âm, nhưng có lẽ vật chất được sắp xếp theo thứ bậc với một loại vật chất giữ sự nhấn mạnh lớn hơn hẳn.

They work under the Law of Magnetic Attraction, and **are the attractive energy of the permanent atom.**

Họ hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn Từ Tính, và **là năng lượng hấp dẫn của nguyên tử trường tồn.**

345. This is an excellent definition of the second group of lunar pitris.

345. Đây là một định nghĩa rất xuất sắc về nhóm thái âm tổ phụ pitris thứ hai.

346. Pitris *are* energy and must be defined as such.

346. Pitris *là* năng lượng và phải được định nghĩa như thế.

347. The first group of Pitris ensouls the spirillae of the permanent atoms (or mental unit) and the second group are the attractive energy of the permanent atoms. We have to try to have a very clear idea of the process and relationships.

347. Nhóm Pitris thứ nhất phú linh cho các loa tuyến của các nguyên tử trường tồn (hay đơn vị hạ trí) và nhóm thứ hai là năng lượng hấp dẫn của các nguyên tử trường tồn. Chúng ta phải cố có một ý niệm thật rõ ràng về tiến trình và các mối liên hệ.

348. In another way, however, these lunar pitris work with the spirillae and permanent atoms and, while substanding them and pervading them, are not them.

348. Tuy nhiên, theo một cách khác, các thái âm tổ phụ pitris này làm việc với các loa tuyến và các nguyên tử trường tồn và, trong khi nâng đỡ nền tảng cho chúng và thấm khắp chúng, lại không phải là chính chúng.

On a tiny scale each permanent atom has (to the substance of a man's sheaths) **a position relative to that which the physical sun**

Ở một quy mô rất nhỏ, mỗi nguyên tử trường tồn có (đối với chất liệu của các thể vỏ của một người) **một vị trí tương đối với**

holds to the substance of the system. It is the nucleus of attractive force.

điều mà mặt trời vật lý giữ đối với chất liệu của hệ mặt trời. Nó là hạt nhân của mãnh lực hấp dẫn.

349. Each permanent atom has also been called the "seventh principle" in relation to the sheath.

349. Mỗi nguyên tử trường tồn cũng đã được gọi là "nguyên khí thứ bảy" trong liên hệ với thể vỏ.

The same idea can be worked out in connection with the awakening of the life forces within the permanent atoms, viewing each atom as the seventh principle in each of the three aspects of the personality. (TCF 510)

Cùng một ý tưởng ấy có thể được triển khai liên hệ với sự thức tỉnh của các lực sự sống bên trong các nguyên tử trường tồn, khi xem mỗi nguyên tử như nguyên khí thứ bảy trong mỗi một của ba phương diện của phàm ngã. (TCF 510)

350. We must, therefore, view the physical Sun as a nucleus of attractive force.

350. Vì vậy, chúng ta phải xem Mặt Trời vật lý như một hạt nhân của mãnh lực hấp dẫn.

351. By analogy, there must be greater Lunar Pitris Who work through the permanent atoms of the Solar Logos or the Planetary Logos, just as tiny lunar pitris work through the permanent atoms and mental unit of the human being.

351. Theo định luật tương đồng, hẳn phải có những thái âm tổ phụ lớn hơn hoạt động qua các nguyên tử trường tồn của Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế, cũng như những thái âm tổ phụ nhỏ bé pitris hoạt động qua các nguyên tử trường tồn và đơn vị hạ trí của con người.

3. The response of the **negative substance** concerned and **its moulding into the desired form through the dual energy of the two higher groups of Pitris**.

3. Sự đáp ứng của **chất liệu âm** liên hệ và **sự nắn khuôn nó thành hình tướng mong muốn nhờ năng lượng kép của hai nhóm Pitris cao hơn**.

352. The third group of Lunar Pitris *is* "negative substance". It is *moulded* rather than *moulding.*

352. Nhóm thái âm tổ phụ thứ ba *là* "chất liệu âm". Nó được *nắn khuôn* chứ không phải *nắn khuôn.*

353. The two higher groups of lunar pitris are the *moulding* pitris and are positive to the negative substance.

353. Hai nhóm thái âm tổ phụ pitris cao hơn là các *pitris nắn khuôn* pitris và là dương đối với chất liệu âm.

354. If we interpret all life process in terms of the Science of Triangles, we will have an invaluable key for clarifying such process.

354. Nếu chúng ta diễn giải mọi tiến trình sự sống theo Khoa Học Tam Giác, chúng ta sẽ có

một chìa khóa vô giá để làm sáng tỏ những tiến trình như thế.

Some thought of the unity of this threefold work has been given in the differentiation of the substance of any plane into:

Một số suy nghĩ về tính hợp nhất của công việc tam phân này đã được đưa ra trong sự biến phân của chất liệu của bất kỳ cõi nào thành:

a. Atomic substance.

a. Chất liệu nguyên tử.

b. Molecular substance.

b. Chất liệu phân tử.

c. Elemental essence.

c. Tinh chất hành khí.

355. We can easily see the differentiation of substance into atomic and molecular substance.

355. Chúng ta có thể dễ dàng thấy sự biến phân của chất liệu thành chất liệu nguyên tử và chất liệu phân tử.

356. However, molecular substance *is* elemental essence and atomic substance is "monadic essence".

356. Tuy nhiên, chất liệu phân tử *là* tinh chất hành khí và chất liệu nguyên tử là "chân thần tinh chất".

64: **Elemental Essence** is seen to consist of aggregations of matter, on one of the six non-atomic subplanes of the mental and the desire planes—aggregations which do not themselves serve as forms for any entity to inhabit, but as the material out of which such forms may be built.

64: **Tinh chất hành khí** được thấy là gồm những tập hợp vật chất, trên một trong sáu cõi phụ không-nguyên-tử của cõi trí và cõi cảm dục—những tập hợp mà bản thân chúng không làm thành hình tướng cho bất kỳ thực thể nào cư ngụ, mà là vật liệu từ đó các hình tướng như thế có thể được xây dựng.

Monadic Essence, the matter of the atomic (or highest) subplane of each plane. Elemental Essence, the matter of the six subplanes which are non atomic. It is molecular matter. (TCF ftn. 2, 75)

Chân thần tinh chất, vật chất của cõi phụ nguyên tử (hay cao nhất) của mỗi cõi. Tinh chất hành khí, vật chất của sáu cõi phụ không phải nguyên tử. Nó là vật chất phân tử. (TCF ftn. 2, 75)

This differentiation is not entirely accurate,

Sự biến phân này không hoàn toàn chính xác,

357. This we may have suspected when looking at the list of three.

357. Điều này có lẽ chúng ta đã ngờ ra khi nhìn vào danh sách ba loại.

358. Is this lack of accuracy for the reasons just pointed out—that molecular substance and elemental essence are one and the same, just as atomic substance and monadic essence are one and the same?

358. Có phải sự thiếu chính xác này là vì những lý do vừa được chỉ ra—rằng chất liệu phân tử và tinh chất hành khí là một và như nhau, cũng như chất liệu nguyên tử và chân thần tinh chất là một và như nhau?

and a truer idea of the underlying concept might be conveyed if the word "energy" took the place of "substance and essence."

và một ý niệm chân thực hơn về khái niệm nền tảng có thể được truyền đạt nếu từ “năng lượng” thay thế cho “chất liệu và tinh chất.”

359. DK is trying to bring our thoughts in line with more contemporary thinking.

359. Chân sư DK đang cố gắng đưa tư tưởng của chúng ta phù hợp với lối suy nghĩ đương đại hơn.

360. Devas and elementas are energy-substance. Substance is energy. From another perspective, “essence” is energy.

360. Các thiên thần và elementas là chất liệu-năng lượng. Chất liệu là năng lượng. Từ một góc nhìn khác, “tinh chất” là năng lượng.

361. Substance and essence underlie matter, yet both are a kind of more subtle matter. Yet, all is energy, even the densest matter.

361. Chất liệu và tinh chất nằm bên dưới vật chất, tuy nhiên cả hai đều là một loại vật chất vi tế hơn. Tuy vậy, tất cả đều là năng lượng, ngay cả vật chất đậm đặc nhất.

362. Energy is that which moves or is moved; or it is that which has the potential to move or be moved.

362. Năng lượng là cái chuyển động hoặc được chuyển động; hay là cái có tiềm năng chuyển động hoặc được chuyển động.

This third group of Pitris is really not correctly termed Pitris at all. **The true lunar Pitris are those of the first and highest group, for they embody one aspect of the intelligent will of Brahma, or of God-in-substance**.

Nhóm Pitris thứ ba này thật ra hoàn toàn không được gọi là Pitris một cách chính xác. **Các thái âm tổ phụ đích thực là những vị thuộc nhóm thứ nhất và cao nhất, vì các vị ấy thể hiện một phương diện của ý chí thông tuệ của Brahma, hay của Thượng đế-trong-chất liệu**.

363. Đây là một phát biểu rất đáng hoan nghênh. Pitris là các thực thể thăng thượng

363. This is a most welcome statement. Pitris are evolutionary (though non-self-conscious entities).

363. Đây là một tuyên bố rất đáng hoan nghênh. Pitris là tiến hoá (dù là những thực thể không có ngã thức).

364. The lowest or third group is really elemental essence, or elemental energy.

364. Nhóm thấp nhất hay nhóm thứ ba thật ra là tinh chất hành khí, hay năng lượng hành khí.

365. If the "true lunar Pitris" are the first group, and the third group are not really Lunar Pitris, then what of the second group? What shall we call them?

365. Nếu "các thái âm tổ phụ đích thực" là nhóm thứ nhất, và nhóm thứ ba thật ra không phải là thái âm tổ phụ, vậy còn nhóm thứ hai thì sao? Chúng ta sẽ gọi họ là gì?

366. It is clear that greater directive intelligence pertains to the first group of lunar pitris even though they are not yet self-conscious.

366. Rõ ràng là trí tuệ chỉ đạo lớn hơn thuộc về nhóm thứ nhất của các thái âm tổ phụ pitris dù các vị ấy vẫn chưa có ngã thức.

The third group are literally the lesser Builders,

Nhóm thứ ba theo nghĩa đen là các vị tiểu kiến tạo,

367. Not to be confused with the *greater* "Lesser Builders" on the atmic plane, Creative Hierarchy Three…

367. Không nên nhầm lẫn với các "vị Tiểu Kiến Tạo" *lớn hơn* trên cõi atma, Huyền Giai Sáng Tạo Ba…

and are blind incoherent forces, subject to the energy emanating from the two higher groups.

và là những mãnh lực mù quáng, rời rạc, phục tùng năng lượng phát ra từ hai nhóm cao hơn.

368. This is one of the most important and memorable definitions of the third and lowest group of "lunar pitris" (even if they are not really "pitris"). It is also a definition of the lesser builders and elemental essences.

368. Đây là một trong những định nghĩa quan trọng và đáng nhớ nhất về nhóm thứ ba và thấp nhất của các "thái âm tổ phụ pitris" (dù họ thật ra không phải là "pitris"). Đây cũng là một định nghĩa về các vị tiểu kiến tạo và các tinh chất hành khí.

369. The elementals are "blind incoherent forces". We can wonder whether these forces are even listed among the seven manifested Creative Hierarchies. The definition of the Seventh and lowest Creative Hierarchy makes it seem that such a Hierarchy is of

369. Các hành khí là "những mãnh lực mù quáng, rời rạc". Chúng ta có thể tự hỏi liệu các mãnh lực này có được liệt kê trong bảy Huyền Giai Sáng Tạo biểu hiện hay không. Định nghĩa về Huyền Giai Sáng Tạo thứ bảy và thấp nhất khiến người ta có cảm giác rằng

higher status than these "blind, incoherent forces".

một Huyền Giai như thế có địa vị cao hơn những "mãnh lực mù quáng, rời rạc" này.

For purposes of clarification and of generalisation, it might be noted that the seventh Hierarchy is the life or energy found at the heart of every atom, its positive aspect, and the sixth Hierarchy is the life of the forms of all the etheric bodies of every tangible object. (EA 49-50)

Vì mục đích làm sáng tỏ và khái quát hóa, cần lưu ý rằng Huyền Giai thứ bảy là sự sống hay năng lượng được tìm thấy nơi trung tâm của mọi nguyên tử, phương diện dương của nó, và Huyền Giai thứ sáu là sự sống của các hình tướng của mọi thể dĩ thái của mọi vật hữu hình. (EA 49-50)

370. There seems to be a similarity between the Seventh Creative Hierarchy and the second group of Lunar Pitris as we are told that…

370. Dường như có một sự tương đồng giữa Huyền Giai Sáng Tạo thứ bảy và nhóm thứ hai của các thái âm tổ phụ, vì chúng ta được bảo rằng…

They work under the Law of Magnetic Attraction, and **are the attractive energy of the permanent atom.**

Họ hoạt động dưới Định luật Hấp Dẫn Từ Tính, và **là năng lượng hấp dẫn của nguyên tử trường tồn.**

371. The second group of Lunar Pitris being as well…

371. Nhóm thứ hai của các thái âm tổ phụ cũng là…

the **positive energy** that attracts, builds and forms the body of man on the three planes.

năng lượng dương thu hút, xây dựng và tạo thành thân thể của con người trên ba cõi.

372. They could be seen as having a close relation to the "heart of every atom, its positive aspect".

372. Có thể xem họ là có liên hệ mật thiết với "trung tâm của mọi nguyên tử, phương diện dương của nó".

373. We can imagine that it is the heart of every permanent atom which is the attractive aspect of the atom.

373. Chúng ta có thể hình dung rằng chính trung tâm của mọi nguyên tử trường tồn là phương diện hấp dẫn của nguyên tử.

Occultly these three groups are divided into the following: [Page 783]

Về mặt huyền bí, ba nhóm này được chia như sau: [Page 783]

a. The Pitris who see, but touch nor handle not.

a. Các Pitris nhìn thấy, nhưng không chạm cũng không cầm nắm.

374. Of the three lower senses, sight is considered the highest and most closely associated with mind and the will.

374. Trong ba giác quan thấp, thị giác được xem là cao nhất và gắn bó mật thiết nhất với trí tuệ và ý chí.

375. These are the true lunar pitris who carry forward, however unconsciously, the Will of Brahma.

375. Đây là các thái âm tổ phụ đích thực pitris, những vị chuyển tải, dù vô thức, Ý Chí của Brahma.

376. We note that these Pitris must direct through the *eye,* though it is evident that they can hear.

376. Chúng ta lưu ý rằng các Pitris này hẳn phải chỉ đạo qua *mắt,* dù rõ ràng là họ có thể nghe.

b. The Pitris who touch but see not.

b. Các Pitris chạm nhưng không thấy.

377. We are not told that the second group of Pitris does not *handle.*

377. Chúng ta không được bảo rằng nhóm Pitris thứ hai không *cầm nắm.*

378. Touching and handling are quite similar.

378. Chạm và cầm nắm khá giống nhau.

379. These are the magnetic Lunar Pitris who magnetically attract and build the lower sheaths.

379. Đây là các thái âm tổ phụ từ tính, những vị thu hút bằng từ tính và xây dựng các thể vỏ thấp.

380. The sense of touch is the second sense and is associated with the second ray.

380. Xúc giác là giác quan thứ hai và gắn với cung hai.

381. When our heart is 'touched' we call the experience which induced the touch, *touching.*

381. Khi trái tim chúng ta bị 'chạm đến', chúng ta gọi kinh nghiệm gây ra sự chạm đó là *cảm động.*

c. The Pitris who hear but neither see nor touch.

c. Các Pitris nghe nhưng không thấy cũng không chạm.

382. This is the lowest group of Pitris (really "blind, incoherent forces).

382. Đây là nhóm Pitris thấp nhất (thật ra là "những mãnh lực mù quáng, rời rạc).

383. They are, in a way, responsive to the Army of the Voice, and respond to sound and words.

383. Theo một cách nào đó, họ đáp ứng với Đạo Quân của Âm Thanh, và đáp ứng với âm thanh và lời nói.

384. The sense of hearing is the first sense to appear and the most primitive. It is suitably connected with the lowest group of Lunar Pitris (which are not really Lunar Pitris).

384. Thính giác là giác quan đầu tiên xuất hiện và nguyên sơ nhất. Nó được nối kết thích đáng với nhóm thái âm tổ phụ thấp nhất (vốn thật ra không phải là thái âm tổ phụ).

As they **all have the gift of occult hearing**, they are characterised as the **"Pitris with the open ear";** they work entirely under the **influence of the egoic mantram**.

Vì tất cả họ **đều có ân huệ của thông nhĩ huyền bí**, nên họ characterised là **"các Pitris với tai mở";** họ hoạt động hoàn toàn dưới **ảnh hưởng của mantram chân ngã**.

385. All three types of Lunar Pitris are called "Pitris with the open ear", and thus all three types *hear.* From this perspective, all three can be called members of the Army of the Voice.

385. Cả ba loại thái âm tổ phụ đều được gọi là "các Pitris với tai mở", và vì thế cả ba loại đều *nghe.* Từ góc độ này, cả ba đều có thể được gọi là thành viên của Đạo Quân của Âm Thanh.

386. The sense of hearing is most associated with the eighteen lower subplanes whereon these pitris work.

386. Thính giác gắn bó nhiều nhất với mười tám cõi phụ thấp nơi các pitris này hoạt động.

387. The Agnishvattas are, as a group, more associated with the sense of sight.

387. Các Agnishvattas, với tư cách một nhóm, gắn bó nhiều hơn với thị giác.

388. Mantrams descend from the Ego and are 'heard' by these "Pitris with the open ear". They are directed through sound and word by the Ego (by the chord of the Agnishvattas which go to the composition of the Ego).

388. Các mantram giáng xuống từ Chân ngã và được các "Pitris với tai mở" này 'nghe' thấy. Họ được Chân ngã chỉ đạo qua âm thanh và linh từ (qua hợp âm của các Agnishvattas góp phần vào sự cấu thành của Chân ngã).

389. All of them, are in a way, the Army of the Voice.

389. Tất cả họ, theo một cách nào đó, đều là Đạo Quân của Âm Thanh.

If these differentiations are studied a great deal may become apparent anent **a very important group of deva workers**.

Nếu những sự phân biệt này được nghiên cứu, nhiều điều có thể trở nên hiển nhiên liên quan đến **một nhóm rất quan trọng các thiên thần hoạt động**.

390. DK is giving information of great discriminative value. So often we use a single term "Lunar Pitris" or "Lunar Lords")

390. Chân sư DK đang đưa ra thông tin có giá trị phân biện rất lớn. Quá thường khi chúng ta dùng một thuật ngữ duy nhất "Thái Âm

and think of them only in terms of the different personality vehicles they rule.

Tổ Phụ" hay "Nguyệt Tinh Quân") và chỉ nghĩ về họ theo các vận cụ phàm ngã khác nhau mà họ cai quản.

391. Here, their function within *each* personality vehicle is given, and the functions are definitely distinct.

391. Ở đây, chức năng của họ bên trong *mỗi* vận cụ phàm ngã được nêu ra, và các chức năng ấy rõ ràng là khác biệt.

392. Perhaps the last and lowest group cannot really be called "deva workers" if we wish to discriminate devas from elementals.

392. Có lẽ nhóm cuối cùng và thấp nhất thật ra không thể được gọi là "các thiên thần hoạt động" nếu chúng ta muốn phân biện thiên thần với hành khí.

393. They are more worked upon than working.

393. Họ bị tác động nhiều hơn là hoạt động.

They are a group who only come into manifestation as a co-ordinated triplicity in the fourth round in order to provide vehicles for man;

Họ là một nhóm chỉ đi vào biểu hiện như một bộ ba phối hợp trong cuộc tuần hoàn thứ tư để cung cấp các vận cụ cho con người;

394. Presumably we mean the fourth round of the fourth chain.

394. Có lẽ ở đây chúng ta muốn nói đến cuộc tuần hoàn thứ tư của dãy thứ tư.

395. If some men were individualized on the third chain and became human beings, of what could their vehicles have been composed if not of lunar pitris and lunar pitric substance—elemental essence?

395. Nếu một số người đã được biệt ngã hóa trên dãy thứ ba và trở thành con người, thì các vận cụ của họ có thể đã được cấu thành từ gì nếu không phải từ các thái âm tổ phụ pitris và chất liệu thái âm pitric—tinh chất hành khí?

396. Maybe the hint lies in the phase "as a coordinated triplicity". Perhaps they were present in the earlier chain providing lunar vehicles as needed, but not as a coordinated triplicity.

396. Có lẽ đầu mối nằm trong cụm từ "như một bộ ba phối hợp". Có lẽ họ đã hiện diện trong dãy trước đó, cung cấp các vận cụ thái âm khi cần, nhưng không phải như một bộ ba phối hợp.

397. The number *four* in this case, is the number of coordination. The fourth factor associated with the personality coordinates the other three factors (the thee lower vehicles of the personality).

397. Trong trường hợp này, con số *bốn* là con số của sự phối hợp. Yếu tố thứ tư gắn với phàm ngã phối hợp ba yếu tố kia (ba vận cụ thấp của phàm ngã).

the reason for this lies hid in the karma of the seven Logoi, as They energise the **fourth, fifth and sixth Hierarchies**.

lý do của điều này ẩn kín trong nghiệp quả của bảy Các Thượng đế, vì Các Ngài tiếp sinh lực cho **các Huyền Giai thứ tư, thứ năm và thứ sáu**.

398. ´The hint to be gathered is that all the seven Logoi energize the fourth, fifth and sixth Hierarchies.

398. Gợi ý cần rút ra là cả bảy Các Thượng đế đều tiếp sinh lực cho các Huyền Giai thứ tư, thứ năm và thứ sáu.

399. The Human Creative Hierarchy is the fourth; **the Hierarchy of Solar Angels is the fifth** (thought its nature as a *dual* Hierarchy leaves many questions unanswered; **the Hierarchy of Lunar Lords or Lunar Pitris is the sixth.**

399. Huyền Giai Sáng Tạo Nhân Loại là thứ tư; **Huyền Giai của các Thái dương Thiên Thần là thứ năm** (dù bản chất của nó như một Huyền Giai *kép* để lại nhiều câu hỏi chưa được giải đáp; **Huyền Giai của các Nguyệt Tinh Quân hay các Thái Âm Tổ Phụ là thứ sáu.**

400. If the Solar Angels enter only in the fourth round, then the lunar group through which they work would also be needed at that time.

400. Nếu các Thái dương Thiên Thần chỉ đi vào trong cuộc tuần hoàn thứ tư, thì nhóm thái âm mà qua đó các vị ấy hoạt động cũng sẽ cần thiết vào thời điểm đó.

In the earlier **round in each scheme** these three groups attain a certain stage of necessitated growth, **and embody the highest evolution of the substance aspect**.

Trong **cuộc tuần hoàn trước trong mỗi hệ hành tinh**, ba nhóm này đạt đến một giai đoạn tăng trưởng tất yếu nào đó, **và thể hiện sự tiến hoá cao nhất của phương diện chất liệu**.

401. This statement needs careful examination because we appear to be talking about a *round* in a *scheme* (however we may wish to define that type of cycle about which practically nothing is said except for the hints that it exists).

401. Phát biểu này cần được khảo sát cẩn thận vì dường như chúng ta đang nói về một *cuộc tuần hoàn* trong một *hệ hành tinh* (dù chúng ta có thể muốn định nghĩa loại chu kỳ ấy thế nào đi nữa, về nó hầu như không có gì được nói ra ngoại trừ những gợi ý rằng nó tồn tại).

402. However, even though there are such things as *scheme* rounds, the sense of the sentence could be interpreted as follows: 'in each scheme' in the earlier chain round, these three groups attain a certain stage… etc.

402. Tuy nhiên, dù có những thứ như các cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh*, ý nghĩa của câu có thể được diễn giải như sau: 'trong mỗi hệ hành tinh', trong cuộc tuần hoàn dãy trước đó, ba nhóm này đạt đến một giai đoạn nào đó…v.v.

403. So is it the earlier scheme-round or the earlier chain-round?

403. Vậy đó là cuộc tuần hoàn-hệ trước hay cuộc tuần hoàn-dãy trước?

404. In any case, these groups of lunar pitris are evolving.

404. Dù sao đi nữa, các nhóm thái âm tổ phụ pitris này đang tiến hoá.

405. Is it possible that there is a lower evolution of the substance aspect than the one they embody? Occasionally, we read of an eighth level of matter which is exceedingly primitive and much related to previous evolutionary cycles.

405. Có thể nào có một sự tiến hoá thấp hơn của phương diện chất liệu so với sự tiến hoá mà họ thể hiện không? Thỉnh thoảng, chúng ta đọc thấy một cấp độ vật chất thứ tám cực kỳ nguyên sơ và liên hệ nhiều với các chu kỳ tiến hoá trước.

Only the highest and most perfected of the atoms of substance find their way into the vehicles of man,—those which have been the integral parts of the higher evolutionary forms.

Chỉ những nguyên tử chất liệu cao nhất và hoàn thiện nhất mới tìm được đường vào các vận cụ của con người,—những nguyên tử đã từng là các phần cấu thành toàn vẹn của các hình tướng tiến hoá cao hơn.

406. The implication is that lower types of atoms of substance find their way into the vehicles of animals, and perhaps of plants and minerals.

406. Hàm ý ở đây là các loại nguyên tử chất liệu thấp hơn đi vào các vận cụ của động vật, và có lẽ của thực vật và khoáng vật.

407. Even so, the atoms which find their way into man must still evolve and man must eject, eventually, all but atomic substance, which must be the very highest type of matter on each plane.

407. Dù vậy, các nguyên tử đi vào con người vẫn còn phải tiến hoá, và cuối cùng con người phải loại bỏ tất cả trừ chất liệu nguyên tử, vốn hẳn phải là loại vật chất cao nhất trên mỗi cõi.

408. Apparently, we must judge that determining the quality of an atom has more to do that the type of subplane on which (according to its structure) it is found.

408. Rõ ràng, chúng ta phải phán đoán rằng việc xác định phẩm tính của một nguyên tử liên quan nhiều hơn đến loại cõi phụ mà trên đó (theo cấu trúc của nó) nó được tìm thấy.

409. From where come these atoms which make their way into the vehicles of man? From the "higher evolutionary forms"—presumably of other kingdoms.

409. Những nguyên tử đi vào các vận cụ của con người này đến từ đâu? Từ "các hình tướng tiến hoá cao hơn"—có lẽ là của các giới khác.

(g.) The Work of Form-building. This work of form-building proceeds under definite laws,

(g.) Công việc xây dựng hình tướng. Công việc xây dựng hình tướng này tiến hành dưới

which are the laws of substance itself; the effect is the same for human, planetary and solar vehicles.

410. We now start a new section.

411. Now that we have learned something about the builders (the building devas), we must learn about the *process* of building.

412. We will learn of the "laws of substance" on a few different levels—those of the Solar Logos and Planetary Logoi as well as the human level.

The different stages might be enumerated as follows:

413. We will be dealing with the Laws of Manifestation.

414. Students of Alchemy will find much here that they can relate to the Alchemical Art.

1. The Nebulous. **The stage wherein the matter of the coming sheath begins to separate itself gradually from the aggregate of plane substance, and to assume a nebulous or milky aspect.**

415. This stage of separation is accomplished through rotary motion.

416. We remember that it is the second type of Lunar Pitris, principally, who are involved (through magnetism) in creating the lunar vehicles for the E/entity in question.

những định luật xác định, **là các định luật của chính chấtliệu**; hiệu quả là như nhau đối với các vận cụ nhân loại, hành tinh và thái dương.

410. Giờ đây chúng ta bắt đầu một phần mới.

411. Giờ đây khi đã học được đôi điều về các đấng kiến tạo (các thiên thần xây dựng), chúng ta phải học về *tiến trình* xây dựng.

412. Chúng ta sẽ học về "các định luật của chất liệu" trên một vài cấp độ khác nhau—của Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế cũng như cấp độ con người.

Các giai đoạn khác nhau có thể được liệt kê như sau:

413. Chúng ta sẽ bàn đến các Định luật của Biểu hiện.

414. Các đạo sinh của thuật luyện kim sẽ thấy ở đây nhiều điều mà họ có thể liên hệ với Nghệ Thuật Luyện Kim.

1. Tinh vân. **Giai đoạn trong đó vật chất của thể vỏ sắp đến bắt đầu dần dần tách chính nó ra khỏi tổng thể chất liệu của cõi, và mang lấy một sắc thái tinh vân hay như sữa.**

415. Giai đoạn tách rời này được hoàn thành nhờ chuyển động quay.

416. Chúng ta nhớ rằng chủ yếu chính loại thái âm tổ phụ thứ hai tham gia (qua từ điện) vào việc tạo ra các vận cụ thái âm cho Thực thể/thực thể đang được xét.

This corresponds to the "fire-mist" stage in the formation of a solar system and of a planet.

Điều này tương ứng với giai đoạn “sương lửa” trong sự hình thành một hệ mặt trời và một hành tinh.

417. When we think of the “fire-mist” stage we will also have to associate with it the "Sea of Fire".

417. Khi nghĩ đến giai đoạn “sương lửa”, chúng ta cũng sẽ phải liên kết với nó “Biển Lửa”.

418. The terms “fire mist”, "Sea of Fire", and “sea of electrical fire” have to be considered related. The fact that this dimension of cosmic is a “sea” means that there must be a great deal of movement and that we will not find “form*--at least form as we usually think of it.

418. Các thuật ngữ “sương lửa”, “Biển Lửa”, và “biển lửa điện” phải được xem là có liên hệ với nhau. Việc chiều kích vũ trụ này là một “biển” có nghĩa là phải có rất nhiều chuyển động và rằng chúng ta sẽ không tìm thấy “hình tướng”—ít nhất là hình tướng như chúng ta thường nghĩ về nó.

Here on the second plane, the sea of electrical fire, which distinguished the first plane, is transformed into the akasha, or burning etheric matter. It is the plane of the flaming Sun, **just as the first plane is that of the fire mist or the nebulae.** This idea will be easier to comprehend if it is borne in mind that we are dealing with the cosmic physical plane. (TCF 311-312)

Ở đây trên cõi thứ hai, biển lửa điện, vốn phân biệt cõi thứ nhất, được chuyển đổi thành akasha, hay vật chất dĩ thái cháy bỏng. Đó là cõi của Mặt Trời rực lửa, **cũng như cõi thứ nhất là cõi của sương lửa hay các tinh vân.** Ý tưởng này sẽ dễ hiểu hơn nếu ghi nhớ rằng chúng ta đang bàn đến cõi hồng trần vũ trụ. (TCF 311-312)

The Pitris of the Mist are then active as one of the many subsidiary groups of the three major groups.

Các Pitris của Sương Mù khi ấy hoạt động như một trong nhiều nhóm phụ của ba nhóm chính.

419. An important idea is given: each of the three major groups (to be found, presumably, on each systemic plane) has many subsidiary groups.

419. Một ý tưởng quan trọng được đưa ra: mỗi một trong ba nhóm chính (có lẽ được tìm thấy trên mỗi cõi hệ thống) đều có nhiều nhóm phụ.

420. That which we can apply to planes we can also apply to subplanes, and so the atomic subplane of every systemic plane can be considered related to the “fire-mist” and to the "Sea of Fire".

420. Điều chúng ta có thể áp dụng cho các cõi, chúng ta cũng có thể áp dụng cho các cõi phụ, và vì thế cõi phụ nguyên tử của mọi cõi hệ thống có thể được xem là có liên hệ với “sương lửa” và với “Biển Lửa”.

421. The three major builders are:

421. Ba nhóm kiến tạo chính là:

a. The highest order of lunar builders who ensoul the spirillae

a. Cấp bậc cao nhất của các đấng kiến tạo thái âm phú linh cho các loa tuyến

b. The middle order of lunar builders who, through the permanent atom, attract the substance into the form of a lunar vehicle

b. Cấp bậc trung gian của các đấng kiến tạo thái âm, những vị qua nguyên tử trường tồn thu hút chất liệu vào hình tướng của một vận cụ thái âm

c. The lowest order of lunar pitris who are, essentially, receptive substance and represent blind force—built rather than building

c. Cấp bậc thấp nhất của các thái âm tổ phụ pitris, về bản chất là chất liệu tiếp nhận và biểu trưng cho mãnh lực mù quáng—được xây dựng hơn là xây dựng

2. The Inchoate. Condensation has set in but all is as yet inchoate,

2. Vô định hình. Sự ngưng tụ đã bắt đầu nhưng mọi sự vẫn còn vô định hình,

422. The stage of the “fire-mist” is, so it is suggested, completely uncondensed.

422. Giai đoạn “sương lửa”, như được gợi ý, hoàn toàn chưa ngưng tụ.

and the condition is chaotic; there is no definite form.

và tình trạng là hỗn mang; không có hình tướng xác định.

423. If there is no definite form in the second stage of the building process (and by analogy on the second dimension of the cosmic physical plane or of the various systemic planes) how much more so is this the case for the "Sea of Fire". Yet, if Shamballa is found principally upon the highest cosmic ether, the organized lines of energy within Shamballa will have to be accounted for.

423. Nếu trong giai đoạn thứ hai của tiến trình xây dựng không có hình tướng xác định (và theo phép tương đồng, trên chiều kích thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ hay của các cõi hệ thống khác nhau), thì điều này lại càng đúng hơn đối với “Biển Lửa”. Tuy nhiên, nếu Shamballa được tìm thấy chủ yếu trên dĩ thái vũ trụ cao nhất, thì các đường năng lượng có tổ chức bên trong Shamballa sẽ phải được giải thích.

424. The degree to which we can correlate the stages of the building process with the different planes and subplanes is not fully ascertained, but the analogy in convincing and a number of references see to support this correlation.

424. Mức độ mà chúng ta có thể tương quan các giai đoạn của tiến trình xây dựng với các cõi và cõi phụ khác nhau vẫn chưa được xác định đầy đủ, nhưng phép tương đồng thì thuyết phục và một số dẫn chiếu dường như ủng hộ sự tương quan này.

425. There is a 'thickening' of the substance but no real formal relations.

425. Có một sự 'dày lên' của chất liệu nhưng chưa có các tương quan hình tướng thực sự.

426. Relations are still inchoate and chaotic.

426. Các tương quan vẫn còn vô định hình và hỗn mang.

427. If there were a one-to-one correlation between stages of the building process and subplanes (for instance) of the cosmic physical plane, then we would have to contrast that which is inchoate with certain types of formulation on the monadic plane —the formation of seven originant Spirit-groups.

427. Nếu có một sự tương quan một-một giữa các giai đoạn của tiến trình xây dựng và các cõi phụ (chẳng hạn) của cõi hồng trần vũ trụ, thì chúng ta sẽ phải đối chiếu cái vô định hình với một số loại hình thành nào đó trên cõi chân thần—sự hình thành của bảy nhóm Tinh thần originant.

"*The Pitris of the Chaos*" hold sway, and are characterised by excessive energy, and violent activity,

"Các Pitris của Hỗn Mang" nắm quyền chi phối, và characterised bởi năng lượng quá mức, và hoạt động dữ dội,

428. This is a very rajasic stage.

428. Đây là một giai đoạn rất rajas.

for the **greater the condensation prior to co-ordination** [Page 784] **the more terrific are the effects of activity**. This is true of Gods, of men, and of atoms.

vì **sự ngưng tụ càng lớn trước khi có sự phối hợp** [Page 784] **thì các hiệu quả của hoạt động càng khủng khiếp**. Điều này đúng với các Thượng đế, với con người, và với các nguyên tử.

429. The pressure of condensation increases activation. This we understand when studying the behaviour of gases.

429. Áp lực của sự ngưng tụ làm tăng sự hoạt hóa. Điều này chúng ta hiểu khi nghiên cứu hành vi của các chất khí.

430. Although this is the *second* group, the qualities which characterize this group of devas seem very correlated to the third ray.

430. Dù đây là nhóm *thứ hai*, các phẩm tính đặc trưng cho nhóm thiên thần này dường như tương quan rất nhiều với cung ba.

431. Perhaps, there is no strict ray or plane correlation with the groups of devas here presented. There are suggestive analogies and some of them will 'work'; other analogies may not be as convincing.

431. Có lẽ ở đây không có sự tương quan nghiêm ngặt nào giữa cung hay cõi với các nhóm thiên thần được trình bày. Có những phép tương đồng gợi ý và một số trong đó sẽ 'hoạt động'; những phép tương đồng khác có thể không thuyết phục bằng.

3. The Fiery. The internal energy of the rapidly congregating atoms and their effect upon each other produces an increase of heat,

3. Rực lửa. Năng lượng nội tại của các nguyên tử đang tụ lại nhanh chóng và tác động của chúng lên nhau tạo ra sự gia tăng nhiệt,

432. Condensation produces activation and heat. The greater the atomic or molecular activation (we know from chemistry and physics) the greater the heat.

432. Sự ngưng tụ tạo ra sự hoạt hóa và nhiệt. Sự hoạt hóa nguyên tử hay phân tử càng lớn (như chúng ta biết từ hóa học và vật lý) thì nhiệt càng lớn.

and a consequent demonstration of the spheroidal form,

và một sự biểu lộ kéo theo của hình tướng cầu thể,

433. We emerge from an inchoate state into a spheroidal form.

433. Chúng ta đi ra khỏi trạng thái vô định hình để vào một hình tướng cầu thể.

434. Sphericity correlates with the second ray and with the second or monadic plane, whereon spheres are first to be noticed. It is possible that on the second subplane, of the various systemic planes, sphericity is to be accentuated.

434. Tính cầu thể tương quan với cung hai và với cõi thứ hai hay cõi chân thần, nơi các khối cầu lần đầu tiên được nhận thấy. Có thể là trên cõi phụ thứ hai của các cõi hệ thống khác nhau, tính cầu thể được nhấn mạnh hơn.

435. If this were the case, then the "fire-mist" stage and the "inchoate" stage might *both* be associated with the first planes and subplanes.

435. Nếu đúng như vậy, thì giai đoạn "sương lửa" và giai đoạn "vô định hình" có thể *đều* được liên kết với các cõi và cõi phụ thứ nhất.

so that the vehicle of all entities is seen to be fundamentally **a sphere, rolling upon itself and attracting and repulsing other spheres**.

đến nỗi vận cụ của mọi thực thể được thấy là về căn bản mentally **một khối cầu, tự lăn trên chính nó và thu hút cũng như đẩy lùi các khối cầu khác**.

436. We have moved from:

436. Chúng ta đã chuyển từ:

a. The "Fire-Mist" Stage and the "Pitris of the Mist"

a. Giai đoạn "Sương Lửa" và "Các Pitris của Sương Mù"

b. To the Inchoate Stage with the "Pitris of Chaos"

b. Sang giai đoạn Vô định hình với "Các Pitris của Hỗn Mang"

c. To the fiery and spherical stage of "Pitris of the Fiery Sphere"

437. We can see that between spheres the Law of Attraction and Repulsion is operative, again linking this fiery, spherical stage with the second ray.

"Pitris of the Fiery Spheres" add their labours to those of the earlier two and a very definite stage is reached.

438. A stage of fiery condensation into spherical form has been reached.

439. DK speaks of a very "definite" stage; there is a *definition* of form.

440. Yet the idea of spheres is also to be correlated with "Rotary Motion"

The lunar Pitris on every scheme, and throughout the system, are **literally the active agents in the building of the dense physical body of the Logos**;

441. The Lunar Pitris are builders of the dense physical body of the Logos. This means that they are especially active on lower eighteen systemic subplanes.

442. Although twenty-one subplanes are to be found within the dense physical body of the Solar Logos, the upper three subplanes cannot be seen as related to the *Lunar* Pitris.

c. Sang giai đoạn rực lửa và cầu thể của "Các Pitris của Khối Cầu Rực Lửa"

437. Chúng ta có thể thấy rằng giữa các khối cầu, Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi đang vận hành, một lần nữa nối kết giai đoạn rực lửa, cầu thể này với cung hai.

"Các Pitris của các Khối Cầu Rực Lửa" góp thêm công lao của họ vào công lao của hai nhóm trước và một giai đoạn rất xác định được đạt tới.

438. Một giai đoạn ngưng tụ rực lửa thành hình cầu thể đã đạt được.

439. Chân sư DK nói đến một giai đoạn rất "xác định"; có một sự *định hình* của hình tướng.

440. Tuy nhiên, ý niệm về các khối cầu cũng phải được tương quan với "Chuyển Động Quay"

Các thái âm tổ phụ trong mọi hệ hành tinh, và khắp hệ thống, theo nghĩa đen là **những tác nhân hoạt động trong việc xây dựng thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế**;

441. Các thái âm tổ phụ là những đấng kiến tạo thể xác hồng trần đậm đặc của Thượng đế. Điều này có nghĩa là họ đặc biệt hoạt động trên mười tám cõi phụ hệ thống thấp hơn.

442. Dù có hai mươi mốt cõi phụ được tìm thấy trong thể xác hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế, ba cõi phụ trên không thể được xem là có liên hệ với các thái âm tổ phụ *Thái Âm* Pitris.

443. The Lunar Pitris are certainly the active agents in building the dense physical body of the *Planetary* Logoi, the dense physical body of Whom consists of the matter of only eighteen systemic subplanes.

443. Các thái âm tổ phụ chắc chắn là những tác nhân hoạt động trong việc xây dựng thể xác hồng trần đậm đặc của các Hành Tinh Thượng Đế, mà thể xác hồng trần đậm đặc của Các Ngài chỉ gồm vật chất của mười tám cõi phụ hệ thống.

they energise the substance of the three planes in the three worlds, the mental, the astral and the dense physical planes of the system. This needs much pondering upon.

họ tiếp sinh lực cho chấtliệu của ba cõi trong ba cõi giới, tức cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần đậm đặc của hệ thống. Điều này cần được suy ngẫm rất nhiều.

444. For one reason, because the higher three subplanes are part of the dense physical body of the Solar Logos, but the Lunar Pitris are not involve on those planes.

444. Vì một lý do là ba cõi phụ cao hơn là một phần của thể xác hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế, nhưng các thái âm tổ phụ không tham gia trên những cõi ấy.

445. The *substance* of the three planes *is,* according to what we have been reading, the lowest group of Lunar Pitris which are not really Lunar Pitris at all, but elemental substance—"blind, incoherent forces".

445. *Chất liệu* của ba cõi *là,* theo điều chúng ta đã đọc, nhóm thái âm tổ phụ thấp nhất vốn thật ra hoàn toàn không phải là thái âm tổ phụ, mà là chất liệu hành khí—"những mãnh lực mù quáng, rời rạc".

446. The other two groups of Lunar Pitris build, mould and do so by substanding the lesser group with their energy fields.

446. Hai nhóm thái âm tổ phụ kia xây dựng, nắn đúc, và làm như vậy bằng cách nắn đúc và bằng cách nâng đỡ nhóm nhỏ hơn bằng các trường năng lượng của họ.

4. The Watery. The ball or sphere of gaseous fiery essence becomes still more condensed and liquefied;

4. Thuỷ tính. Khối cầu hay hình cầu của tinh chất rực lửa thể khí trở nên ngưng tụ hơn nữa và hóa lỏng;

447. We can associated the "gaseous fiery essence" with the mental plane, and condensation and liquefaction with the watery or astral plane.

447. Chúng ta có thể liên kết "tinh chất rực lửa thể khí" với cõi trí, và sự ngưng tụ cùng hóa lỏng với cõi cảm dục hay cõi nước.

448. From a higher perspective, the gaseous fiery essence can be considered atmic and condensation and liquefaction, buddhic.

448. Từ một góc nhìn cao hơn, tinh chất rực lửa thể khí có thể được xem là atma, còn sự ngưng tụ và hóa lỏng là Bồ đề.

449. Those who have studied the white magical process will see that the process we are describing is closely parallel to that magical process.

449. Những ai đã nghiên cứu tiến trình huyền thuật chánh đạo sẽ thấy rằng tiến trình chúng ta đang mô tả song song rất chặt chẽ với tiến trình huyền thuật ấy.

it begins to solidify on its outer surface and the ring-pass-not of each sheath is more clearly defined.

nó bắt đầu đông đặc trên bề mặt ngoài của nó và vòng-giới-hạn của mỗi thể vỏ được xác định rõ ràng hơn.

450. One would think a cooling would occur, but this is not the case.

450. Người ta có thể nghĩ rằng sẽ có sự nguội đi, nhưng không phải vậy.

The **heat of the sphere becomes increased and is centralised at the core or heart of the sphere**

Nhiệt của khối cầu gia tăng và được tập trunghoá tại lõi hay tim của khối cầu

451. The centralization of heat occurs at the core or heart of the sphere. Is the outer surface of the sphere cooled?

451. Sự tập trung hoá nhiệt xảy ra tại lõi hay tim của khối cầu. Bề mặt ngoài của khối cầu có bị nguội đi không?

452. Thinking of the process as it parallels the creation of the egoic lotus, will this represent an increasing heat in the heart of fire at the core of the lotus?

452. Khi nghĩ về tiến trình này như song hành với sự tạo thành Hoa Sen Chân Ngã, liệu điều này có biểu thị sự gia tăng nhiệt trong tim lửa tại lõi của hoa sen không?

where it produces that **pulsation** at the centre which characterises the sun, the planet, and the various vehicles of all incarnating entities.

nơi nó tạo ra sự **dao động** tại trung tâm vốn đặc trưng hoá mặt trời, hành tinh, và các vận cụ khác nhau của mọi thực thể đang lâm phàm.

453. This fourth phase of the process produces a dynamic which can be likened to the pulsation of the first ray.

453. Giai đoạn thứ tư này của tiến trình tạo ra một động lực có thể được ví với sự dao động của cung một.

454. It is the increasing heat of the sphere and its centralization at the heart or core of the sphere which produces the pulsation.

454. Chính sự gia tăng nhiệt của khối cầu và sự tập trung hoá của nó tại tim hay lõi của khối cầu tạo ra sự dao động.

455. Every core of this nature is like a beating heart.

455. Mọi lõi thuộc bản chất này đều giống như một trái tim đang đập.

456. The Jewel in the Lotus functions also through pulsation.

456. Bảo Châu trong Hoa Sen cũng vận hành qua sự dao động.

The Jewel itself remains occultly static, and does not circulate. It is a point of peace; **it pulsates rhythmically as does the heart of man**, and from it ray forth eight streams of living fire which extend to the tips of the four love petals and the four sacrifice petals. This eight-fold energy is atma-buddhi. It is this final raying forth which produces the eventual disintegration of the body of the Ego. (TCF 1118-1119)

Bản thân Bảo Châu vẫn bất động một cách huyền bí, và không tuần hoàn. Nó là một điểm bình an; **nó dao động theo nhịp điệu như trái tim con người**, và từ đó phóng ra tám dòng lửa sống động vươn đến chót của bốn cánh hoa bác ái và bốn cánh hoa hi sinh. Năng lượng bát phân này là atma-buddhi. Chính sự phóng xạ cuối cùng này tạo ra sự tan rã sau cùng của thể của Chân ngã. (TCF 1118-1119)

It is an analogous stage to that of the awakening of life in the foetus during the prenatal stage,

Đây là một giai đoạn tương tự với giai đoạn sự sống thức tỉnh trong thai nhi trong thời kỳ tiền sản,

457. This awakening occurs between the third and fourth month.

457. Sự thức tỉnh này xảy ra giữa tháng thứ ba và tháng thứ tư.

The physical plane analogy is seen at the life stimulation which is felt **between the third and fourth month** during the prenatal period, when the heart of the child thrills with life and individual existence becomes a possibility. (TCF 685)

Sự tương đồng trên cõi hồng trần được thấy nơi sự kích thích sự sống được cảm nhận **giữa tháng thứ ba và tháng thứ tư** trong thời kỳ tiền sản, khi tim của đứa trẻ rung lên với sự sống và sự tồn tại cá biệt trở thành một khả năng. (TCF 685)

Very reverently might it be said that the first three rounds and the **two** succeeding root-races in this chain correspond to the period prior to birth; and that His coming in the fourth round with the subsequent awakening of manas in the human units find their analogy in the awakening of the life principle in the unborn infant **at the fourth month**. (TCF 371)

Một cách hết sức cung kính, có thể nói rằng ba cuộc tuần hoàn đầu tiên và **hai** giống dân gốc kế tiếp trong dãy này tương ứng với thời kỳ trước khi sinh; và rằng sự giáng lâm của Ngài trong cuộc tuần hoàn thứ tư cùng với sự thức tỉnh tiếp theo của manas trong các đơn vị nhân loại tìm thấy sự tương đồng của nó trong sự thức tỉnh của nguyên khí sự sống nơi thai nhi chưa sinh **vào tháng thứ tư**. (TCF 371)

and this analogy can be seen working out in the form-building which proceeds on every plane.

và sự tương đồng này có thể được thấy đang triển khai trong sự xây dựng hình tướng diễn ra trên mọi cõi.

458. We are being told that *pulsation* due to condensation and centralization proceeds on every plane as the forms appropriate to each plane are prepared.

458. Chúng ta được cho biết rằng *sự dao động* do sự ngưng tụ và tập trung hoá gây ra diễn ra trên mọi cõi khi các hình tướng thích hợp với mỗi cõi được chuẩn bị.

459. We may consider that on every plane a spherical form is to be created, and must move from a nebulous, though an inchoate, through a fiery and then more watery stage. In every form a center of pulsation will be created. If the form is multiple, there will be a collection of pulsations the lower ones reflective on the inmost one.

459. Chúng ta có thể xem rằng trên mọi cõi, một hình tướng cầu thể sẽ được tạo ra, và phải chuyển từ trạng thái tinh vân, tuy còn sơ khai, qua một giai đoạn rực lửa rồi đến một giai đoạn nhiều nước hơn. Trong mọi hình tướng, một trung tâm dao động sẽ được tạo ra. Nếu hình tướng là đa hợp, sẽ có một tập hợp các dao động, những dao động thấp hơn phản chiếu dao động thâm nội nhất.

460. We might wonder, from this perspective, whether the Monad, itself, operates through pulsation. Analogy would require it.

460. Từ góc nhìn này, chúng ta có thể tự hỏi liệu chính chân thần có vận hành qua sự dao động hay không. Sự tương đồng đòi hỏi điều đó.

This stage marks the co-ordination of the work of the two higher groups of lunar Pitris, and the *"Pitris of the Dual Heat"* are now intelligently co-operating.

Giai đoạn này đánh dấu sự phối hợp công việc của hai nhóm cao hơn của các thái âm tổ phụ, và *"các Pitris của Song Nhiệt"* nay đang cộng tác một cách thông minh.

461. The two higher groups of Pitris are associated with rays one and two.

461. Hai nhóm Pitris cao hơn được liên kết với cung một và cung hai.

462. At the fourth stage we see the cooperation of the “Pitris of the Dual Heat”. Vitalization is expressed as pulsation and magnetic form-building is in process.

462. Ở giai đoạn thứ tư, chúng ta thấy sự hợp tác của “các Pitris của Song Nhiệt”. Sự tiếp sinh lực được biểu lộ thành sự dao động và sự xây dựng hình tướng từ tính đang diễn ra.

463. We remember that these Pitris, particularly, are the building Pitris.

463. Chúng ta nhớ rằng đặc biệt các Pitris này là các Pitris kiến tạo.

464. In all truly advanced B/beings (advanced in terms of this solar system) it is the first and second rays that must cooperate, with the third ray considered as

464. Trong mọi hữu thể thực sự tiến bộ (tiến bộ xét theo hệ mặt trời này), cung một và cung hai phải hợp tác, còn cung ba được xem như một nền tảng hỗ trợ mặc nhiên cho tiến trình cao hơn.

an assumed foundational support to the higher process.

The heart and brain of the substance of the slowly evolving form are linked.

465. The “dual heat” represents the energy of the brain (the first group of Lunar Pitris connected with the first ray—the ray of the “Director”—and the heart (the second group).

466. The awakening, pulsating heart would seem connected especially with the second group of Lunar Pitris.

The student will find it interesting to trace the analogy of this, the watery stage, to the place the astral plane holds in the planetary and systemic body, and the **alliance between mind and heart which is hidden in the term "kama-manas**."

467. It is somewhat as we said above: manas is fire and kama water. The two stages of fiery/spherical and watery/heated/condensed/pulsating are intimately connected, just as are, presently, kama and manas.

468. We find that kama-manas suggests more that lower mind and desire. On a higher turn of the spiral it suggests the union of mind (perhaps higher mind) and heart. Of this, the lower kama-manas would be only a reflection.

469. We can say that heart and mind unite on the buddhic plane. The transcendental mind is buddhi and pure love plays its part as well.

Tim và não của chất liệu của hình tướng đang tiến hoá chậm chạp được nối kết.

465. “Song nhiệt” biểu thị năng lượng của não (nhóm thứ nhất của các thái âm tổ phụ liên kết với cung một—cung của “Đấng Chỉ Đạo”) và tim (nhóm thứ hai).

466. Trái tim thức tỉnh, đang dao động dường như đặc biệt liên hệ với nhóm thứ hai của các thái âm tổ phụ.

Đạo sinh sẽ thấy thú vị khi truy tìm sự tương đồng của điều này, tức giai đoạn nước, với vị trí mà cõi cảm dục giữ trong thể hành tinh và thể hệ thống, và **sự liên minh giữa trí tuệ và tim được ẩn giấu trong thuật ngữ "kama-manas**."

467. Điều này phần nào giống như chúng ta đã nói ở trên: manas là lửa và kama là nước. Hai giai đoạn rực lửa/hình cầu và nước/nóng/ngưng tụ/dao động liên hệ mật thiết với nhau, cũng như hiện nay kama và manas liên hệ mật thiết với nhau.

468. Chúng ta thấy rằng kama-manas gợi nhiều hơn về hạ trí và dục vọng. Ở một vòng xoắn cao hơn, nó gợi sự hợp nhất của trí tuệ (có lẽ là thượng trí) và tim. Kama-manas thấp hơn chỉ là một phản chiếu của điều này.

469. Chúng ta có thể nói rằng tim và trí tuệ hợp nhất trên cõi Bồ đề. Trí Tuệ Siêu Việt là buddhi và bác ái thuần khiết cũng giữ phần của nó.

470. The idea of pulsation (generated in the watery but heated phase) also suggests the pulsation of desire—attraction and repulsion; longing and the ebb of that longing.

470. Ý niệm về sự dao động (được tạo ra trong giai đoạn nước nhưng nóng) cũng gợi đến sự dao động của dục vọng—hấp dẫn và đẩy lùi; khát khao và sự rút lui của khát khao ấy.

471. To solve the mystery of kama-manas is to solve the mystery of Venus and, eventually, of Sirius.

471. Giải được huyền nhiệm của kama-manas là giải được huyền nhiệm của Sao Kim và cuối cùng là của Sirius.

One [Page 785] of the profoundest occult mysteries will be revealed to the consciousness of man when he has solved the secret of the building of his astral vehicle, and the forming of the link which exists between that sheath and the astral light in its totality on the astral plane.

Một [Page 785] trong những huyền nhiệm huyền bí sâu xa nhất sẽ được mặc khải cho tâm thức con người khi y đã giải được bí mật về sự xây dựng vận cụ cảm dục của mình, và sự hình thành mối liên kết tồn tại giữa lớp vỏ đó với ánh sáng cảm dục trong tính toàn thể của nó trên cõi cảm dục.

472. In one respect, we are told that the astral body does not even exist, yet here we see that the astral vehicle is very definitely built and that the astral body is linked to the astral light.

472. Ở một phương diện, chúng ta được cho biết rằng thể cảm dục thậm chí không hề tồn tại, nhưng ở đây chúng ta thấy rằng vận cụ cảm dục quả thực được xây dựng rất rõ rệt và thể cảm dục được nối kết với ánh sáng cảm dục.

473. The secret involved seems to be one of the relationship between fire and water.

473. Bí mật liên quan dường như là bí mật về mối liên hệ giữa lửa và nước.

474. In the astral light is found the mystery of the past. The more that love supersedes desire, the more faithfully the astral light reflects the record of nature.

474. Trong ánh sáng cảm dục có thể tìm thấy huyền nhiệm của quá khứ. Bác ái càng thay thế dục vọng bao nhiêu, ánh sáng cảm dục càng phản chiếu trung thực hồ sơ của bản chất bấy nhiêu.

5. The Etheric. The stage is not to be confined to the building of the physical body in its etheric division, **for its counterpart is found on all the planes with which man is concerned in the three worlds.**

5. Dĩ thái. Giai đoạn này không nên chỉ giới hạn vào việc xây dựng thể xác trong phân bộ dĩ thái của nó, **vì đối phần của nó được tìm thấy trên mọi cõi mà con người có liên hệ trong ba cõi thấp.**

475. We have sometimes spoken of the etheric counterpart on any of the systemic planes.

475. Đôi khi chúng ta đã nói về đối phần dĩ thái trên bất kỳ cõi nào của hệ thống.

476. From this perspective, the four higher subplanes of any plane are to be considered etheric. This means that the fourth subplane of the mental plane, on which the mental unit is located, is, according to this analogy, *etheric.*

476. Từ góc nhìn này, bốn cõi phụ cao hơn của bất kỳ cõi nào đều được xem là dĩ thái. Điều này có nghĩa là cõi phụ thứ tư của cõi trí, nơi đơn vị hạ trí tọa lạc, theo sự tương đồng này, là *dĩ thái.*

477. It is not that the manifestational processes we are here discussing occur, each one of them on only one of the systemic planes; rather, all of the phases, it appears, occur on every one of the subplanes.

477. Không phải là các tiến trình biểu hiện mà ở đây chúng ta đang bàn đến, mỗi tiến trình chỉ xảy ra trên một cõi nào đó của hệ thống; đúng hơn, dường như mọi giai đoạn đều xảy ra trên từng cõi phụ.

The condensation and the solidification of the material has proceeded till now **the three groups of Pitris form a unity in work.**

Sự ngưng tụ và sự đông đặc của vật chất đã tiến triển cho đến nay **ba nhóm Pitris hợp thành một nhất thể trong công việc.**

478. The three groups of Pitris are the two positive groups (brain and heart) and the third, or negative-substantial group—the least developed group.

478. Ba nhóm Pitris là hai nhóm dương tính (não và tim) và nhóm thứ ba, hay nhóm âm tính-thuộc chất liệu—nhóm kém phát triển nhất.

The rhythm set up has been established and the work synchronised.

Nhịp điệu được thiết lập đã được xác lập và công việc đã được đồngbộhoá.

479. Five steps have been traversed, and the condensation and solidification of material is proceeding apace.

479. Năm bước đã được vượt qua, và sự ngưng tụ cùng sự đông đặc của vật chất đang tiến hành rất nhanh.

The lesser builders work systematically

Các vị tiểu kiến tạo làm việc một cách có hệ thống

480. The seventh ray strongly conditions their modus operandi.

480. Cung bảy tác động mạnh mẽ lên phương thức hoạt động của họ.

and the law of Karma is demonstrating actively, **for it should be remembered that it is the inherent karma, colouring, or**

và định luật nghiệp quả đang biểu lộ một cách tích cực, **vì cần phải ghi nhớ rằng chính nghiệp quả nội tại, sắc thái, hay sự**

vibratory response of the substance itself which is the selective reaction to the egoic note.

481. In this case, the "lesser builders" are the third group of Lunar Pitris.

482. The egoic note is sounding but substance responds to that note selectively, according to the inherent karma, coloring and vibratory response of that substance. In other words, the response of substance to the egoic note is based on the *conditioning* of substance.

483. It is as if the lesser builders, which are substantial, have no will of their own, but respond to the positive influence of the two higher groups of lunar pitris in a lawful and predictable manner according to the condition established within this lower group.

484. Above all, it is the egoic note which is the impelling cause of the changes of personality substance.

Only that substance which has (through past utilisation) been keyed to a certain note and vibration will respond to the mantram and to the subsequent vibrations issuing from the permanent atom.

485. The entity seeking expression gathers that substance which has already been in association with itself in previous incarnations. This is what is meant by "past utilisation".

486. The following excerpt tells us something about this regathering process:

đáp ứng rung động của chính chất liệu là phản ứng chọn lọc đối với âm điệu chân ngã.

481. Trong trường hợp này, "các vị tiểu kiến tạo" là nhóm thứ ba của các thái âm tổ phụ.

482. Âm điệu chân ngã đang được xướng lên nhưng chất liệu đáp ứng với âm điệu ấy một cách chọn lọc, tùy theo nghiệp quả nội tại, sắc thái và sự đáp ứng rung động của chất liệu đó. Nói cách khác, sự đáp ứng của chất liệu đối với âm điệu chân ngã dựa trên sự *tác động định hình* của chất liệu.

483. Dường như các vị tiểu kiến tạo, vốn thuộc về chất liệu, không có ý chí riêng, mà đáp ứng với ảnh hưởng dương tính của hai nhóm cao hơn của các thái âm tổ phụ một cách hợp luật và có thể dự đoán được, tùy theo tình trạng đã được thiết lập bên trong nhóm thấp hơn này.

484. Trên hết, chính âm điệu chân ngã là nguyên nhân thúc đẩy những biến đổi của chất liệu phàm ngã.

Chỉ chất liệu nào đã (qua sự sử dụng trong quá khứ) được chỉnh theo một âm điệu và rung động nhất định mới đáp ứng với mantram và với những rung động tiếp theo phát ra từ nguyên tử trường tồn.

485. Thực thể đang tìm cách biểu lộ tập hợp chất liệu đã từng liên kết với chính nó trong các kiếp trước. Đó là điều được hàm ý bởi "sự sử dụng trong quá khứ".

486. Đoạn trích sau cho chúng ta biết đôi điều về tiến trình tái tập hợp này:

The lesser lives (which are governed by the Moon) have been dispersed. They no longer respond to the ancient call of the reincarnating soul, **which again and again has gathered to itself the lives which it has touched and coloured by its quality in the past**. (R&I 101)

Các sự sống nhỏ hơn (được Mặt Trăng cai quản) đã bị phân tán. Chúng không còn đáp ứng với tiếng gọi xưa của linh hồn tái sinh nữa, **linh hồn ấy hết lần này đến lần khác đã tập hợp về mình những sự sống mà nó đã chạm đến và nhuốm màu bằng phẩm tính của nó trong quá khứ**. (R&I 101)

487. First comes the egoic mantram and then the permanent atom (responding to that mantram) issues vibrations to which the substance to be gathered responds—or not.

487. Trước hết là mantram chân ngã, rồi nguyên tử trường tồn (đáp ứng với mantram ấy) phát ra những rung động mà chất liệu cần được tập hợp sẽ đáp ứng—hoặc không.

488. The vibrations issuing from the permanent atom are *subsequent* to the mantram of the Ego.

488. Những rung động phát ra từ nguyên tử trường tồn là *tiếp theo* mantram của Chân ngã.

This stage is one of great importance, **for it marks the vital circulation throughout the entire vehicle of a particular type of force.**

Giai đoạn này có tầm quan trọng lớn, **vì nó đánh dấu sự tuần hoàn sinh lực xuyên suốt toàn bộ vận cụ của một loại mãnh lực đặc thù.**

489. It is a stage in which the three groups of pitris have coordinated their work.

489. Đây là một giai đoạn trong đó ba nhóm pitris đã phối hợp công việc của mình.

This can be clearly seen in relation to the etheric body which circulates the vital force or prana of the sun.

Điều này có thể được thấy rõ trong liên hệ với thể dĩ thái, thể lưu chuyển sinh lực hay prana của mặt trời.

490. It appears that a vitalizing force is circulated.

490. Dường như một mãnh lực tiếp sinh lực đang được lưu chuyển.

491. The etheric part of any system is particularly concerned with force circulation.

491. Phần dĩ thái của bất kỳ hệ thống nào đặc biệt liên quan đến sự lưu chuyển mãnh lực.

492. The rapidly condensing form must be properly vitalized, and it is this that is accomplished in the etheric phase of response to the egoic mantram. IF there is to be vitalization, that which stands for the

492. Hình tướng đang ngưng tụ nhanh chóng phải được tiếp sinh lực đúng cách, và chính điều này được hoàn thành trong giai đoạn dĩ thái của sự đáp ứng với mantram chân ngã. Nếu phải có sự tiếp sinh lực, thì

etheric section of any vehicle must be vitalized.

493. We may presume that this circulation in the ethers is not confined to the systemic physical plane.

A similar linking up with the force concerned is to be seen on the astral and the mental planes.

494. As suggested above.

495. When linkage occurs, more power is generated.

"The Pitris of the Triple Heat" are now working synthetically, **and the brain, the heart and the lower centres are co-ordinated.**

496. The process we are studying is the archetype of the creative or magical process.

497. The *"Pitris of the Triple Heat"* are perhaps those which are concerned with the etheric counterparts of the personality vehicles.

498. Or, perhaps, when the three types of Pitris are *functioning together* in a coordinated manner, they are to be called "The Pitris of the Triple Heat".

499. The brain and heart are correlated to the to higher forms of lunar pitris, respectively. The lower group of Lunar Pitris are correlated with the lower centres.

500. The higher two forms of pitris, when working on a different task, can be called,

điều tượng trưng cho phần dĩ thái của bất kỳ vận cụ nào cũng phải được tiếp sinh lực.

493. Chúng ta có thể giả định rằng sự lưu chuyển này trong các dĩ thái không chỉ giới hạn ở cõi hồng trần của hệ thống.

Một sự nối kết tương tự với mãnh lực liên quan cũng được thấy trên cõi cảm dục và cõi trí.

494. Như đã gợi ý ở trên.

495. Khi sự nối kết xảy ra, nhiều quyền năng hơn được tạo ra.

"Các Pitris của Tam Nhiệt" nay đang làm việc một cách tổng hợp, **và não, tim cùng các trung tâm thấp hơn đã được phối hợp.**

496. Tiến trình chúng ta đang nghiên cứu là nguyên mẫu của tiến trình sáng tạo hay huyền thuật.

497. *"Các Pitris của Tam Nhiệt"* có lẽ là những vị liên quan đến các đối phần dĩ thái của các vận cụ phàm ngã.

498. Hoặc có lẽ, khi ba loại Pitris *cùng vận hành* theo cách phối hợp, thì chúng được gọi là "Các Pitris của Tam Nhiệt".

499. Não và tim lần lượt tương quan với hai hình thức cao hơn của các thái âm tổ phụ. Nhóm thấp hơn của các thái âm tổ phụ tương quan với các trung tâm thấp hơn.

500. Hai hình thức cao hơn của pitris, khi làm việc trên một nhiệm vụ khác, có thể

when united in process to the lowest pitris, *"Pitris of the Triple Heat".* At least this is a hypothesis.

The lower and the higher are linked, and the channels are unimpeded so that the circulation of the triple energy is possible.

501. We are now far progressed in the building process. Not only has the form condensed into a well defined state, but vitalizing, sustaining energy is circulating throughout it.

502. From another perspective, the devic and elemental lives are linked.

503. It seems that we have been told that this could only happen in the fourth chain of any planetary system.

This is true of the form building of all entities, macrocosmic and microcosmic.

504. The analogy is carried forth and a task could be presented to all students: describe the five stages thus far discussed in terms of the Solar Logos and Planetary Logoi.

505. These are the kinds of tasks which will be set before students in the new schools of occultism.

It is marked by the active co-operation of another group of Pitris, termed *"The Pitris of Vitality"* in connection with the others.

được gọi, khi hợp nhất trong tiến trình với các pitris thấp nhất, là *"Các Pitris của Tam Nhiệt".* Ít nhất đây là một giả thuyết.

Cái thấp và cái cao được nối kết, và các kênh không bị ngăn trở để sự lưu chuyển của năng lượng tam phân trở nên có thể.

501. Hiện nay chúng ta đã tiến rất xa trong tiến trình xây dựng. Không những hình tướng đã ngưng tụ thành một trạng thái được xác định rõ, mà năng lượng tiếp sinh lực, duy trì cũng đang lưu chuyển xuyên suốt nó.

502. Từ một góc nhìn khác, các sự sống thiên thần và hành khí được nối kết.

503. Dường như chúng ta đã được cho biết rằng điều này chỉ có thể xảy ra trong dãy thứ tư của bất kỳ hệ hành tinh nào.

Điều này đúng đối với sự xây dựng hình tướng của mọi thực thể, đại thiên địa và tiểu thiênđịa.

504. Sự tương đồng được tiếp tục và có thể giao cho mọi đạo sinh một nhiệm vụ: mô tả năm giai đoạn đã được bàn đến cho đến nay theo thuật ngữ của Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế.

505. Đây là những loại nhiệm vụ sẽ được đặt ra trước các đạo sinh trong những trường phái huyền bí học mới.

Nó được đánh dấu bằng sự hợp tác tích cực của một nhóm Pitris khác, được gọi là *"Các Pitris của Sinh Lực"* trong liên hệ với các nhóm khác.

506. We have to find the manner in which "The Pitris of Vitality" are to be distinguished from "The Pitris of the Triple Heat", *if they are.*

506. Chúng ta phải tìm ra cách thức để phân biệt "Các Pitris của Sinh Lực" với "Các Pitris của Tam Nhiệt", *nếu quả có sự phân biệt ấy.*

507. We note that the two lowest principles of man (as described in most of the tabulations of principles) are the prana and the etheric body (even though the etheric body is not really a principle).

507. Chúng ta lưu ý rằng hai nguyên khí thấp nhất của con người (như được mô tả trong hầu hết các bảng liệt kê các nguyên khí) là prana và thể dĩ thái (dù thể dĩ thái thực ra không phải là một nguyên khí).

508. Can it be that "The Pitris of the Triple Heat" are to be associated with the etheric channels of circulation in the etheric portion of the three lower bodies; and that "The Pitris of Vitality" represent the energy to be circulated?

508. Có thể chăng "Các Pitris của Tam Nhiệt" được liên kết với các kênh lưu chuyển dĩ thái trong phần dĩ thái của ba thể thấp; còn "Các Pitris của Sinh Lực" biểu thị năng lượng cần được lưu chuyển?

509. Can "The Pitris of Vitality" be an additional group, standing in contrast to the three main types of pitris we have been discussing.

509. "Các Pitris của Sinh Lực" có thể là một nhóm bổ sung, đứng đối lập với ba loại pitris chính mà chúng ta đã bàn đến chăng.

510. The enumeration of groups involved in complex and beyond our ken until we can observe of ourselves or are instructed in this matter.

510. Việc liệt kê các nhóm liên quan thì phức tạp và vượt ngoài tầm hiểu biết của chúng ta cho đến khi chúng ta có thể tự mình quan sát hoặc được chỉ dạy về vấn đề này.

Group after group co-operate, [Page 786] for the **three main bodies are distributed among many lesser**.

Hết nhóm này đến nhóm khác cùng hợp tác, [Page 786] vì **ba thể chính được phân bố giữa nhiều thể nhỏ hơn**.

511. We can see the growing cooperation of many different groups of pitris. This is why when the Tibetan introduces a new term we must wonder whether He is speaking of another of the many groups of pitris which are involved in this general process of creation.

511. Chúng ta có thể thấy sự hợp tác ngày càng tăng của nhiều nhóm pitris khác nhau. Đây là lý do khi Chân sư Tây Tạng đưa ra một thuật ngữ mới, chúng ta phải tự hỏi liệu Ngài có đang nói về một nhóm pitris khác trong số nhiều nhóm tham gia vào tiến trình sáng tạo tổng quát này hay không.

512. By the three main bodies we may mean the three periodical vehicles—the monadic

vehicle, the egoic vehicle and the personality vehicle.

512. Bởi ba thể chính, chúng ta có thể muốn nói đến ba vận cụ chu kỳ—vận cụ chân thần, vận cụ chân ngã và vận cụ phàm ngã.

513. The lesser bodies are such as the etheric-physical vehicle, the astral vehicle and the lower manasic vehicle.

513. Các thể nhỏ hơn là như vận cụ dĩ thái-hồng trần, vận cụ cảm dục và vận cụ manas thấp.

514. From a higher point of view, the higher mental body, the buddhic vehicle and the atmic vehicle are all lesser vehicles compared to the Monad.

514. Từ một quan điểm cao hơn, thể thượng trí, vận cụ Bồ đề và vận cụ atma đều là những vận cụ nhỏ hơn so với chân thần.

6. The Solid. This marks the final stage in actual form building, and signifies the moment wherein the work is done as regards the aggregating and shaping of substance.

6. Rắn chắc. Điều này đánh dấu giai đoạn cuối cùng trong việc xây dựng hình tướng thực sự, và biểu thị thời điểm công việc đã hoàn tất xét về việc tập hợp và định hình chất liệu.

515. This is the climax and conclusion of the downward-tending form-building process.

515. Đây là cao điểm và sự kết thúc của tiến trình xây dựng hình tướng theo chiều hướng đi xuống.

516. We must remember that “substance” (though technically a relative term) stands for that which substands dense physical matter.

516. Chúng ta phải nhớ rằng “chất liệu” (dù về mặt kỹ thuật là một thuật ngữ tương đối) biểu thị cái làm nền cho vật chất hồng trần đậm đặc.

The greater part of the work of the lunar Pitris stands now accomplished.

Phần lớn công việc của các thái âm tổ phụ giờ đây đã được hoàn thành.

517. Do we mean that it stands accomplished just on the eve of reaching the “Solid” state, or that once the “Solid” state is reached, form building is almost completed?

517. Có phải chúng ta muốn nói rằng công việc ấy đã hoàn thành ngay trước khi đạt đến trạng thái “Rắn chắc”, hay rằng một khi trạng thái “Rắn chắc” đạt được thì việc xây dựng hình tướng hầu như đã hoàn tất?

518. The former possibility seems more accurate.

518. Khả năng thứ nhất dường như chính xác hơn.

The word "solid" refers not solely to the lowest objective manifestation, **for a solid**

Từ “rắn chắc” không chỉ nói đến biểu hiện khách quan thấp nhất, vì **một hình tướng**

form may be ethereal, and only the stage of evolution of the entity involved will reveal its relative significance.

519. We are gathering, then, that the term "solid" is relative—relative to the stage of evolution of the E/entity concerned.

520. Just as the term "etheric" did not refer only to the systemic etheric plane but also to the 'etheric' part of the astral even the mental plane, so the term "solid" or "dense", does not refer only to dense objectivity. There is a level on *each* of the systemic planes which could be considered, relative to the four higher subplanes of each plane, *dense.*

521. When considering the true physical bodies of the Planetary Logoi, we find that the etheric body is considered physical—in fact Their densest *true* body.

All that has been here laid down as to the **progressive stages of form construction** on every plane is true of all forms in all systems and schemes, and is true of all thought-form building.

522. We have really been given a marvellous formula with which to understand the magical process as it applies to all kinds of E/entities.

523. A close study of the sequence of stages will reveal how applicable they are to all manner of building—the building of systems, schemes and thoughtforms in general.

rắn chắc có thể là dĩ thái, và chỉ giai đoạn tiến hoá của thực thể liên quan mới bộc lộ ý nghĩa tương đối của nó.

519. Như vậy, chúng ta hiểu rằng thuật ngữ "rắn chắc" là tương đối—tương đối với giai đoạn tiến hoá của thực thể liên quan.

520. Cũng như thuật ngữ "dĩ thái" không chỉ nói đến cõi dĩ thái của hệ thống mà còn nói đến phần 'dĩ thái' của cõi cảm dục và cả cõi trí, thì thuật ngữ "rắn chắc" hay "đậm đặc" cũng không chỉ nói đến tính khách quan đậm đặc. Có một cấp độ trên *mỗi* cõi của hệ thống có thể được xem, tương đối với bốn cõi phụ cao hơn của mỗi cõi, là *đậm đặc.*

521. Khi xem xét các thể hồng trần đích thực của các Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta thấy rằng thể dĩ thái được xem là hồng trần—thật ra là thể *đích thực* đậm đặc nhất của Các Ngài.

Mọi điều đã được trình bày ở đây liên quan đến **các giai đoạn tiến triển của sự kiến tạo hình tướng** trên mọi cõi đều đúng với mọi hình tướng trong mọi hệ thống và hệ hành tinh, và cũng đúng với mọi sự xây dựng hình tư tưởng.

522. Thật sự chúng ta đã được trao cho một công thức kỳ diệu để thấu hiểu tiến trình huyền thuật khi nó áp dụng cho mọi loại thực thể.

523. Nghiên cứu kỹ chuỗi các giai đoạn sẽ cho thấy chúng có thể áp dụng đến mức nào cho mọi loại kiến tạo—việc xây dựng các hệ thống, các hệ hành tinh và các hình tư tưởng nói chung.

524. We realize that what has just been given here should be read in conjunction with *A Treatise on White Magic* because the Fifteen Rules for Magic are really an elaboration on these six stages.

524. Chúng ta nhận ra rằng điều vừa được trình bày ở đây nên được đọc cùng với *Luận về Chánh Thuật* vì Mười Lăm Quy Luật Huyền Thuật thực sự là sự khai triển của sáu giai đoạn này.

525. When the magician deliberately builds his thoughtform does he also work *deliberately, consciously and purposefully* with the various kinds of Pitris which have been here discussed.

525. Khi nhà huyền thuật cố ý xây dựng hình tư tưởng của mình, liệu y cũng làm việc *một cách cố ý, có ý thức và có mục đích* với các loại Pitris khác nhau đã được bàn đến ở đây chăng.

526. Let us list the stages through which the process passes:

526. Chúng ta hãy liệt kê các giai đoạn mà tiến trình đi qua:

a. The Nebulous—"The Pitris of the Mist"

a. Tinh vân—"Các Pitris của Sương Mù"

b. The Inchoate—"The Pitris of the Chaos"

b. Sơ khai—"Các Pitris của Hỗn Mang"

c. The Fiery—"The Pitris of the Fiery Spheres"

c. Rực lửa—"Các Pitris của các Khối Cầu Rực Lửa"

d. The Watery—"The Pitris of the Dual Heat"

d. Nước—"Các Pitris của Song Nhiệt"

e. The Etheric—"The Pitris of the Triple Heat", also, the "Pitris of Vitality"

e. Dĩ thái—"Các Pitris của Tam Nhiệt", và cả "Các Pitris của Sinh Lực"

f. The Solid

f. Rắn chắc

527. From what is said, we may judge that each of these kinds of processes is active on each systemic plane. Overall, looking at the cosmic physical plane as composed of seven subplanes, we could see these pitris and processes active on each subplane of the cosmic physical plane—though we have six processes and seven subplanes.

527. Từ những gì được nói ra, chúng ta có thể phán đoán rằng mỗi loại tiến trình này đều hoạt động trên mỗi cõi của hệ thống. Nhìn tổng quát, khi xem cõi hồng trần vũ trụ như gồm bảy cõi phụ, chúng ta có thể thấy các pitris này và các tiến trình này hoạt động trên mỗi cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ—dù chúng ta có sáu tiến trình và bảy cõi phụ.

528. The fact that there are two kinds of pitris to be found in connection with the etheric phase raises to seven the kinds of

528. Sự kiện có hai loại pitris được tìm thấy liên hệ với giai đoạn dĩ thái nâng số loại

pitris active in the magical, manifestational process.

529. There is not exactly an even spread of pitris and processes across all subplanes. The method of distribution is somewhat other than the normal, linear descent of subplane after subplane.

Man is constructing thoughtforms all the time, and **is following unconsciously the same method** as his Ego pursues in building his bodies, as the Logos follows in building His system, and as a planetary Logos uses in constructing His scheme.

530. Our task would be to turn unconscious following of the process into a *conscious* following, so that errors, distortions, exaggerations and minimizations could be avoided.

531. Perhaps, when we approach the task of building thoughtforms, we can remember these phases and apply them to thoughtform construction. There is, however, so much to learn and it will take hundreds of years for those who are intent on becoming true white magicians.

532. We wish for our thoughtforms to live and to manifest according to original intent. The phases of the process can help us gain a sense of scientific control as we proceed.

A man speaks, and a very **diversified mantram** is the result.

pitris hoạt động trong tiến trình huyền thuật, biểu hiện lên thành bảy.

529. Không hẳn có một sự phân bố đồng đều của pitris và các tiến trình trên mọi cõi phụ. Phương pháp phân bố phần nào khác với sự giáng xuống tuyến tính thông thường từ cõi phụ này sang cõi phụ khác.

Con người luôn luôn kiến tạo các hình tư tưởng, và **đang vô thức đi theo cùng một phương pháp** như Chân ngã của y theo đuổi khi xây dựng các thể của y, như Thượng đế đi theo khi xây dựng hệ thống của Ngài, và như một Hành Tinh Thượng Đế sử dụng khi kiến tạo hệ hành tinh của Ngài.

530. Nhiệm vụ của chúng ta là biến việc đi theo tiến trình một cách vô thức thành việc đi theo một cách *có ý thức*, để có thể tránh được sai lầm, méo mó, phóng đại và giảm thiểu.

531. Có lẽ khi tiếp cận nhiệm vụ xây dựng hình tư tưởng, chúng ta có thể nhớ các giai đoạn này và áp dụng chúng vào việc kiến tạo hình tư tưởng. Tuy nhiên, còn quá nhiều điều phải học và sẽ cần hàng trăm năm cho những ai quyết tâm trở thành các nhà huyền thuật chánh đạo chân chính.

532. Chúng ta muốn các hình tư tưởng của mình sống và biểu hiện đúng theo ý định ban đầu. Các giai đoạn của tiến trình có thể giúp chúng ta đạt được một cảm nhận về sự kiểm soát khoa học khi tiến hành.

Con người nói ra, và một **mantram rất đa dạng** là kết quả.

533. Had we thought that every instance of speech is actually a mantram?

533. Liệu chúng ta đã từng nghĩ rằng mọi trường hợp lời nói thực ra đều là một mantram chưa?

534. Compared with sanctioned spiritual mantrams our common speech must necessarily be far weaker in effect.

534. So với các mantram tinh thần được chuẩn nhận, lời nói thông thường của chúng ta tất yếu yếu hơn rất nhiều về hiệu quả.

535. Compared with the mantrams of the Ego, our common speech is weak, indeed. Diversification is an expression of the third ray (the ray ruling the throat center of most human beings). The Ego, however, 'speaks' very much in the "Word" and as the "Word" and, thus, closely in compliance with the second aspect of divinity.

535. So với các mantram của Chân ngã, lời nói thông thường của chúng ta quả thật yếu ớt. Tính đa dạng là một biểu hiện của cung ba (cung cai quản trung tâm cổ họng của đa số con người). Tuy nhiên, Chân ngã 'nói' rất nhiều trong "Linh từ" và như là "Linh từ", và do đó tuân theo rất sát phương diện thứ hai của thiên tính.

536. Nevertheless, that which is spoken by man, especially average man, is a mantram and has a magical effect, however weak, distorted or undesirable.

536. Tuy nhiên, điều được con người nói ra, đặc biệt là con người trung bình, vẫn là một mantram và có một hiệu quả huyền thuật, dù yếu, méo mó hay không mong muốn đến đâu.

The energy thus generated swings into activity a multitude of little lives which proceed to build a form for his thought; they pursue analogous stages to those just outlined.

Năng lượng được tạo ra như thế làm cho vô số sự sống nhỏ bé hoạt động; chúng tiến hành xây dựng một hình tướng cho tư tưởng của y; chúng theo đuổi những giai đoạn tương tự như vừa được phác hoạ.

537. The responsibility of speech is far greater than we usually understand. As he speaks, the human being is constantly working with the Army of the Voice.

537. Trách nhiệm của lời nói lớn hơn rất nhiều so với điều chúng ta thường hiểu. Khi nói, con người liên tục làm việc với Đạo Quân của Âm Thanh.

538. The analogous stages pursued are not yet *consciously* pursued. There are conscious and unconscious creators. Man stands at the very lowest rung of the ladder of *conscious* creators. As far as the magical process is concerned, man is *just learning* to be conscious.

538. Những giai đoạn tương tự được theo đuổi ấy vẫn chưa được theo đuổi một cách *có ý thức*. Có những đấng sáng tạo có ý thức và vô thức. Con người đứng ở nấc thang thấp nhất của chiếc thang những đấng sáng tạo *có ý thức*. Xét theo tiến trình huyền thuật, con người *mới chỉ đang học* để trở nên có ý thức.

539. We are being told that the Army of the Voice, as it responds to the speech of man, passes through the same six stages as have been outlined.

539. Chúng ta được cho biết rằng Đạo Quân của Âm Thanh, khi đáp ứng với lời nói của con người, đi qua cùng sáu giai đoạn như đã được phác hoạ.

At this time, man sets up these mantric vibrations unconsciously, and in ignorance of the laws of sound and of their effect. The occult work that he is carrying on is thus unknown to him.

Hiện nay, con người thiết lập những rung động mantram này một cách vô thức, và trong vô minh về các định luật của âm thanh cùng các hiệu quả của chúng. Vì thế công việc huyền bí mà y đang tiến hành vẫn không được y biết đến.

540. All this notwithstanding, man is working *occultly*. He cannot help but do so. This should give us pause.

540. Dù vậy, con người vẫn đang làm việc *một cách huyền bí*. Y không thể không làm như vậy. Điều này nên khiến chúng ta dừng lại suy ngẫm.

One of the greatest instruments for practical development lying in the hands of small and great, is the instrument of SPEECH. He who guards his words, and who only speaks with altruistic purpose, in order to carry the energy of Love through the medium of the tongue, is one who is mastering rapidly the initial steps to be taken in preparation for initiation. **Speech is the most occult manifestation in existence; it is the means of creation and the vehicle for force.** In the reservation of words, esoterically understood, lies the conservation of force; in the utilisation of words, justly chosen and spoken, lies the distribution of the love force of the solar system,—that force which preserves, strengthens, and stimulates. Only he who knows somewhat of these two aspects of speech can be trusted to stand before the Initiator and to carry out from that Presence certain sounds and secrets imparted to him under the pledge of silence. (IHS 74)

Một trong những công cụ lớn lao nhất cho sự phát triển thực tiễn nằm trong tay cả nhỏ lẫn lớn, là công cụ NGÔN NGỮ. Kẻ nào giữ gìn lời nói của mình, và chỉ nói với mục đích vị tha, để chuyển tải năng lượng của Bác ái qua phương tiện là lưỡi, là kẻ đang nhanh chóng làm chủ những bước đầu tiên cần được thực hiện để chuẩn bị cho điểm đạo. **Ngôn ngữ là biểu hiện huyền bí nhất đang hiện hữu; nó là phương tiện của sáng tạo và là vận cụ của mãnh lực.** Chính trong sự dè dặt lời nói, được hiểu theo nghĩa huyền bí, có sự bảo tồn mãnh lực; còn trong sự sử dụng lời nói, được chọn lựa đúng đắn và được phát biểu đúng cách, có sự phân phối mãnh lực bác ái của hệ mặt trời,—mãnh lực bảo tồn, tăng cường và kích thích. Chỉ kẻ nào biết phần nào về hai phương diện này của ngôn ngữ mới có thể được tin cậy để đứng trước Đấng Điểm đạo và mang ra từ Hiện Diện ấy một số âm thanh và bí mật được truyền cho y dưới lời thệ nguyện im lặng. (IHS 74)

Về sau y sẽ nói ít hơn, biết nhiều hơn, và kiến tạo những hình tướng chính xác hơn, những

Later he will speak less, know more, and construct more accurate forms, which will produce powerful effects on physical levels.

hình tướng sẽ tạo ra những hiệu quả mạnh mẽ trên các cấp độ hồng trần.

541. The advice given is to the point. Less speech and better is called for.

541. Lời khuyên được đưa ra rất đúng trọng tâm. Điều được đòi hỏi là nói ít hơn và nói tốt hơn.

542. Not only must man take responsibility for what he says, but he must *know* what to say and *how* to say it.

542. Con người không những phải chịu trách nhiệm về điều mình nói, mà còn phải *biết* phải nói gì và *nói* như thế nào.

543. Saturn and Mercury are the planets of discipleship and they also have much to do with the throat center and with speech. Saturn induces one to stop and Mercury to reflect. Both processes are needed for the wise use of speech.

543. Sao Thổ và Sao Thủy là các hành tinh của địa vị đệ tử và chúng cũng liên hệ rất nhiều đến trung tâm cổ họng và lời nói. Sao Thổ khiến người ta dừng lại và Sao Thủy khiến người ta suy ngẫm. Cả hai tiến trình đều cần thiết cho việc sử dụng lời nói một cách minh triết.

544. Saturn informs one of the karmic result of what one may say. It ensures that speech is in line with the Plan (which Saturn, Lord of the atmic plane rules above all). Saturn helps create thought with clear outlines.

544. Sao Thổ thấm nhuần cho con người biết kết quả nghiệp quả của điều mình có thể nói ra. Nó bảo đảm rằng lời nói phù hợp với Thiên Cơ (mà trên hết Sao Thổ, Đấng Chúa Tể của cõi atma, cai quản). Sao Thổ giúp tạo ra tư tưởng với những đường nét rõ ràng.

545. Mercury gives facility in clothing ideas with the proper energy and shows the relation of a thought-to-be-created to the mental field.

545. Sao Thủy ban cho sự dễ dàng trong việc khoác cho các ý tưởng năng lượng thích hợp và cho thấy mối liên hệ của một tư tưởng-sắp-được-tạo-ra với lĩnh vực trí tuệ.

546. One could ponder long on the relationship of these two planets to the entire process of thought and speech. Eventually, Uranus and Venus will also have to be involved.

546. Người ta có thể suy ngẫm rất lâu về mối liên hệ của hai hành tinh này với toàn bộ tiến trình tư tưởng và ngôn ngữ. Cuối cùng, Sao Thiên Vương và Sao Kim cũng sẽ phải được đưa vào.

Thus eventually in distant cycles will the world be "saved," and not just a unit here and there.

Như thế, cuối cùng trong những chu kỳ xa xôi, thế giới sẽ được “cứu rỗi”, chứ không chỉ một đơn vị ở đây hay ở kia.

547. This is certainly worth pondering—the saving or redemption of the world through right speech (which is certainly based upon right thought).

547. Điều này chắc chắn đáng để suy ngẫm —sự cứu rỗi hay cứu chuộc thế giới qua lời nói đúng đắn (mà chắc chắn dựa trên tư tưởng đúng đắn).

548. The speech of the Buddha and the Christ have saved millions.

548. Lời nói của Đức Phật và Đức Christ đã cứu rỗi hàng triệu người.

In connection with this building of man's sheaths certain interesting points of manifestation occur which might be dealt with now, leaving the student to work out the correspondences in relation to the system and the planet, and giving only general indications which may be of use to him in his conclusions. [Page 787]

Liên quan đến việc kiến tạo các thể của con người này, có một số điểm biểuhiện thú vị xuất hiện mà giờ đây có thể được bàn đến, để lại cho đạo sinh tự tìm ra các tươngứng trong liên hệ với hệ mặt trời và hành tinh, và chỉ đưa ra những chỉ dẫn tổng quát có thể hữu ích cho y trong các kết luận của mình. [Page 787]

549. Master DK always leaves plenty of work to be done by the student. He sets a pattern of thought and indicates the way in which the pattern may be developed and its relationships extended.

549. Chân sư DK luôn để lại rất nhiều việc cho đạo sinh phải làm. Ngài đặt ra một mô hình tư tưởng và chỉ ra cách thức mà mô hình ấy có thể được phát triển và các mối liên hệ của nó được mở rộng.

550. No matter how much information is shared, however, it always points to more that is available. One can treat imparted information as a strait-jacket by refusing to use one's imagination and intuition, or one can use it as a platform to penetrate into the unknown.

550. Tuy nhiên, dù có chia sẻ bao nhiêu thông tin đi nữa, nó luôn chỉ đến nhiều điều hơn nữa đang sẵn có. Người ta có thể xem thông tin được truyền đạt như một chiếc áo bó bằng cách từ chối sử dụng sự tưởng tượng và trực giác của mình, hoặc có thể dùng nó như một nền tảng để thâm nhập vào điều chưa biết.

In all the work of form-building, certain **very vital occasions** occur which concern the Ego even more than the sheaths themselves, though the reflex action between the lower personal self and the higher is so close as to be well nigh inseparable.

Trong toàn bộ công việc kiến tạo hình tướng, có những **thời điểm rất hệ trọng** xảy ra liên quan đến chân ngã còn nhiều hơn chính các thể ấy, mặc dù tác động phản xạ giữa phàm ngã cá nhân thấp và phần cao hơn gần gũi đến mức hầu như không thể tách rời.

551. These are arresting words—"very vital occasions". We will explore their meaning.

551. Đây là những lời gây chú ý—"những thời điểm rất hệ trọng". Chúng ta sẽ khảo sát ý nghĩa của chúng.

552. The interplay between the two "Brothers" (soul and personality) is close and "well nigh inseparable". The concrete mind wants always to separate this from that. The "eye" however can follow complex interplay and does not have the same need to separate. Through the eye comes understanding through synthetic perception.

552. Sự tương tác giữa hai "Huynh Đệ" (linh hồn và phàm ngã) là gần gũi và "hầu như không thể tách rời". Trí cụ thể luôn muốn tách cái này khỏi cái kia. Tuy nhiên, "mắt" có thể theo dõi sự tương tác phức tạp và không có cùng nhu cầu phải tách biệt. Qua mắt đến sự thấu hiểu thông qua tri giác tổng hợp.

553. When we talk about a close, almost inseparable reflex interplay, we are speaking in terms of Gemini (a sign which describes the two brothers and their intimate relationship).

553. Khi chúng ta nói về một sự tương tác phản xạ gần gũi, gần như không thể tách rời, chúng ta đang nói theo thuật ngữ của Song Tử (một dấu hiệu mô tả hai huynh đệ và mối liên hệ mật thiết của họ).

The moment wherein the Ego appropriates the sheath.

Thời điểm trong đó chân ngã chiếm hữu thể.

554. We being our tabulation of "vital occasions".

554. Chúng ta bắt đầu bảng liệt kê của mình về các "thời điểm hệ trọng".

555. We could be, perhaps, speaking of the very beginning of the incarnational process.

555. Có lẽ chúng ta đang nói đến chính sự khởi đầu của tiến trình nhập thể.

556. On the other hand, the term the idea of appropriation could signal the Ego's management and control of a sheath already involved in an incarnation. The sheath, for instance, might already be functioning within the personality and still not appropriated by the Ego.

556. Mặt khác, ý niệm chiếm hữu có thể báo hiệu sự quản trị và kiểm soát của chân ngã đối với một thể đã tham dự vào một lần lâm phàm. Chẳng hạn, thể ấy có thể đã hoạt động trong phàm ngã mà vẫn chưa được chân ngã chiếm hữu.

This takes place only after the fourth spirilla is beginning to vibrate, and **the period differs according to the power of the ego over the lower self.**

Điều này chỉ diễn ra sau khi loa tuyến thứ tư bắt đầu rung động, và **thời kỳ này khác nhau tùy theo quyền năng của chân ngã đối với phàm ngã.**

557. The fourth spirilla is that spirilla which develops during the evolutionary process through which the human being passes. It is the spirilla specifically related to the human kingdom and human development.

557. Loa tuyến thứ tư là loa tuyến phát triển trong tiến trình tiến hoá mà con người trải qua. Đó là loa tuyến đặc biệt liên hệ với giới nhân loại và sự phát triển của con người.

558. It would seem that the four spirilla has to be at least somewhat stimulated if animal man is to become a human being.

558. Có vẻ như bốn loa tuyến phải được kích thích ít nhiều nếu người thú muốn trở thành một con người.

559. Egoic appropriation of vehicles and the Ego's power over the lower self proceed together.

559. Sự chiếm hữu các vận cụ của chân ngã và quyền năng của chân ngã đối với phàm ngã cùng tiến triển song song.

In connection with the dense physical vehicle, an analogy can be seen when the **Ego ceases from his work of overshadowing**, and at some period between the fourth and seventh year makes his contact with the physical brain of the child.

Liên quan đến vận cụ hồng trần đậm đặc, có thể thấy một sự tương đồng khi **chân ngã chấm dứt công việc phủbóng** của mình, và vào một thời điểm nào đó giữa năm thứ tư và năm thứ bảy tạo ra sự tiếp xúc của mình với bộ não hồng trần của đứa trẻ.

560. The child between the years of four and seven is (usually) not yet expressive of the higher Ego. DK is calling the relationship between the ego and the incarnated human during those year a period of "overshadowing".

560. Đứa trẻ trong khoảng từ bốn đến bảy tuổi (thường) vẫn chưa biểu lộ chân ngã cao hơn. DK gọi mối liên hệ giữa chân ngã và con người đang nhập thể trong những năm ấy là một thời kỳ "phủ bóng".

561. But what is this Ego? Are we speaking of the child's own causal nature which will restore to the personality in its brain consciousness much of that which had been cumulatively achieved in former lives.

561. Nhưng chân ngã này là gì? Chúng ta có đang nói về bản chất nguyên nhân riêng của đứa trẻ, vốn sẽ phục hồi cho phàm ngã trong tâm thức não bộ của nó phần lớn những gì đã được tích lũy đạt tới trong các kiếp trước chăng?

562. Or are we speaking of the Solar Angel or solar angels which have their own ability to uplift and inspire?

562. Hay chúng ta đang nói về Thái dương Thiên Thần hay các thái dương thiên thần, những vị có năng lực riêng để nâng cao và truyền cảm hứng?

563. Or are we speaking of *both*?

563. Hay chúng ta đang nói về *cả hai*?

564. It would seem that the Ego (as it exists and expresses on the higher mental plane) requires the presence of the Solar Angel/ solar angels to act as it must in the human developmental process.

564. Có vẻ như chân ngã (như nó hiện hữu và biểu lộ trên Cõi thượng trí) đòi hỏi sự hiện diện của Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần để hành động như nó phải hành động trong tiến trình phát triển của con người.

A similar occurrence takes place in connection with the etheric vehicle, the astral, and the mental.

Một sự việc tương tự diễn ra liên quan đến vận cụ dĩ thái, cảm dục và trí tuệ.

565. Appropriation (or the effective exertion of egoic influence) is not a sudden matter.

565. Sự chiếm hữu (hay sự vận dụng hữu hiệu ảnh hưởng chân ngã) không phải là một việc đột ngột.

566. The vehicles may 'go their own way' (a *lunar* way) for quite a time before the inner Thinker (which the man truly *is*) asserts its control and makes the vehicles His *own.*

566. Các vận cụ có thể 'đi theo con đường riêng của chúng' (một con đường *thái âm*) trong một thời gian khá lâu trước khi Đấng Tư Tưởng bên trong (mà con người thật sự *là*) khẳng định sự kiểm soát của mình và biến các vận cụ thành *của riêng Ngài.*

567. We have spoken of the moment wherein the Ego appropriates the sheath.

567. Chúng ta đã nói về thời điểm trong đó chân ngã chiếm hữu thể.

568. In this context, this is a process which occurs *during* incarnation.

568. Trong ngữ cảnh này, đây là một tiến trình xảy ra *trong khi* lâm phàm.

569. Next comes the second "vital occasion".

569. Kế đến là "thời điểm hệ trọng" thứ hai.

The moment wherein the energy of the Ego is transmitted from one sheath to a lower one.

Thời điểm trong đó năng lượng của chân ngã được truyền từ một thể xuống một thể thấp hơn.

570. We seem to be told that the Ego gradually transfers is attention from one sheath to another.

570. Dường như chúng ta được cho biết rằng chân ngã dần dần chuyển sự chú ý của nó từ thể này sang thể khác.

571. It is especially before incarnation that the Ego creates the higher sheaths first and then each succeeding lower one. In this context, however, we are not speaking of the

571. Đặc biệt trước khi lâm phàm, chân ngã tạo ra các thể cao trước rồi đến từng thể thấp kế tiếp. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này,

period between incarnations, as DK tells us below.

It is often overlooked that the path of incarnation is not a quick one, but that the Ego descends very slowly and takes possession gradually of his vehicles; **the less evolved the man, the slower is the process.**

572. While the Ego descends slowly to take possession of its vehicles, the appropriation will usually occur in reverse order, with the appropriation of the physical body coming first and the appropriation of the mind, last.

573. The Ego, however, may have to, as it were, *descend through* the vehicles, moving first in its descent through the higher vehicles, to the lowest vehicle, which it then appropriates and then rises in its appropriation.

574. There are those for whom, in any one incarnation, the appropriation process cannot be completed—they are not sufficiently evolved. For instance, the Ego may be able to appropriate the physical body but not the astral or mental. Or it may be able to appropriate the physical body and the astral body but not the mental, etc. There could also be *degrees of appropriation.* The Ego might be more successful at appropriating one vehicle rather than another.

We are dealing here with the period of time which transpires after the Ego has made the first move towards descent,

575. Descent *through* the mental body, the astral body and finally to the etheric-

chúng ta không nói về thời kỳ giữa các lần lâm phàm, như DK cho chúng ta biết ở dưới.

Người ta thường bỏ qua rằng con đường nhập thể không phải là một con đường nhanh chóng, mà chân ngã giáng xuống rất chậm và dần dần chiếm hữu các vận cụ của mình; **con người càng kém tiến hoá thì tiếntrình càng chậm.**

572. Trong khi chân ngã giáng xuống chậm rãi để chiếm hữu các vận cụ của mình, sự chiếm hữu thường sẽ xảy ra theo thứ tự ngược lại, với sự chiếm hữu thể xác đến trước và sự chiếm hữu thể trí đến sau cùng.

573. Tuy nhiên, chân ngã có thể phải, nói như vậy, *giáng xuống xuyên qua* các vận cụ, trước tiên di chuyển trong sự giáng xuống của nó qua các vận cụ cao hơn đến vận cụ thấp nhất, rồi chiếm hữu vận cụ ấy và sau đó đi lên trong sự chiếm hữu của mình.

574. Có những người mà trong bất kỳ một lần lâm phàm nào, tiến trình chiếm hữu không thể hoàn tất—họ chưa đủ tiến hoá. Chẳng hạn, chân ngã có thể chiếm hữu được thể xác nhưng không chiếm hữu được thể cảm dục hay thể trí. Hoặc nó có thể chiếm hữu được thể xác và thể cảm dục nhưng không chiếm hữu được thể trí, v.v. Cũng có thể có *những mức độ chiếm hữu.* Chân ngã có thể thành công hơn trong việc chiếm hữu vận cụ này hơn là vận cụ khác.

Ở đây chúng ta đang đề cập đến khoảng thời gian trôi qua sau khi chân ngã đã thực hiện động thái đầu tiên hướng tới sự giáng xuống,

575. Sự giáng xuống *xuyên qua* thể trí, thể cảm dục và cuối cùng đến thể dĩ thái-hồng

physical body (which it always appropriates or *re*-appropriates first—rising in its appropriative task 'upwards').

trần (thể mà nó luôn luôn chiếm hữu hay *tái*-chiếm hữu trước tiên—rồi đi lên trong nhiệm vụ chiếm hữu của mình 'hướng thượng').

576. First the Ego overshadows the child and then makes a move towards descent.

576. Trước hết chân ngã phủ bóng đứa trẻ rồi sau đó thực hiện một động thái hướng tới sự giáng xuống.

577. The greater the degree of the evolution of the human being (and of the causal body) the more rapid the appropriation process.

577. Mức độ tiến hoá của con người (và của thể nguyên nhân) càng lớn thì tiến trình chiếm hữu càng nhanh.

and not with the time which elapses between two incarnations.

và không phải với khoảng thời gian trôi qua giữa hai lần lâm phàm.

578. It is good that DK clarified this, as there is an important appropriation process which occurs *before* physical birth and may last a period of years. DK discusses this other process in *Esoteric Psychology II.*

578. Thật tốt khi DK đã làm rõ điều này, vì có một tiến trình chiếm hữu quan trọng xảy ra *trước* khi sinh ra về mặt hồng trần và có thể kéo dài trong một thời kỳ nhiều năm. DK bàn về tiến trình khác này trong *Tâm Lý Học Nội Môn II.*

This work of passing on to a plane for purposes of incarnation marks a definite crisis, and is characterised by the exertion of the will in sacrifice, the appropriation of the substance in love, and its energising into activity.

Công việc đi xuống một cõi vì các mục đích nhậpthể này đánh dấu một cuộc khủng hoảng xác định, và được đặctrưng bởi sự vận dụng ý chí trong hi sinh, sự chiếm hữu chất liệu trong bác ái, và sự tiếp năng lượng cho nó đi vào hoạt động.

579. Here DK *is* speaking of the appropriation process as it exists *between* incarnations.

579. Ở đây DK *đang* nói về tiến trình chiếm hữu như nó tồn tại *giữa* các lần lâm phàm.

580. The Ego sounding its mantram stimulates one unit or permanent atom after another so that the task of regathering the vehicles of manifestation can be accomplished. This, no doubt, requires much attention from the Solar Angel and solar angels and also from the true man, the Thinker, on the higher mental plane. The Thinker is the projection of the spiritual

580. Chân ngã xướng mantram của nó kích thích đơn vị hạ trí này đến nguyên tử trường tồn khác để nhiệm vụ tập hợp lại các vận cụ biểu hiện có thể được hoàn thành. Điều này, không nghi ngờ gì, đòi hỏi rất nhiều sự chú ý từ Thái dương Thiên Thần và các thái dương thiên thần, và cũng từ con người đích thực, Đấng Tư Tưởng, trên Cõi thượng trí. Đấng Tư Tưởng là sự phóng chiếu của Tam

triad into the higher mental plane assisted by the presence-in-consciousness of the Solar Angel/solar angels.

Nguyên Tinh Thần vào Cõi thượng trí, được hỗ trợ bởi sự hiện diện-trong-tâm thức của Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần.

581. Let us remember that we are speaking of "very vital occasions" in the relationship of the Ego to its sheaths.

581. Chúng ta hãy nhớ rằng chúng ta đang nói về "những thời điểm rất hệ trọng" trong mối liên hệ của chân ngã với các thể của nó.

582. The third "vital occasion" is listed next.

582. "Thời điểm hệ trọng" thứ ba được liệt kê tiếp theo.

The moment wherein the particular type of force with which any particular sheath is energised is appropriated.

Thời điểm trong đó loại mãnh lực đặc thù mà bất kỳ thể nào được tiếp năng lượng được chiếm hữu.

583. We are dealing with *three moments* which we must have in mind:

583. Chúng ta đang đề cập đến *ba thời điểm* mà chúng ta phải ghi nhớ:

a. The moment wherein the Ego appropriates the sheath.

a. Thời điểm trong đó chân ngã chiếm hữu thể.

b. The moment wherein the energy of the Ego is transmitted from one sheath to a lower one. Even though the process of appropriation seems to move from lower to higher sheaths, when a higher sheath is appropriated the Ego must fuse that higher sheath with the lower one. Thus, in this context, will egoic energy be transmitted from one sheath to a lower one. There are parallels in the transfer of energy from chakra to chakra.

b. Thời điểm trong đó năng lượng của chân ngã được truyền từ một thể xuống một thể thấp hơn. Dù tiến trình chiếm hữu dường như di chuyển từ các thể thấp lên các thể cao, khi một thể cao hơn được chiếm hữu, chân ngã phải dung hợp thể cao hơn ấy với thể thấp hơn. Vì vậy, trong ngữ cảnh này, năng lượng chân ngã sẽ được truyền từ một thể xuống một thể thấp hơn. Có những tương đồng trong sự chuyển dịch năng lượng từ luân xa này sang luân xa khác.

i. Egoic involvement in a lower chakra

i. Sự tham dự của chân ngã vào một luân xa thấp hơn

ii. Transfer of interest to a higher chakra

ii. Sự chuyển dịch mối quan tâm sang một luân xa cao hơn

iii. Expression through the higher chakra to blend its energy with the lower chakra at first left behind

iii. Sự biểu lộ qua luân xa cao hơn để hòa trộn năng lượng của nó với luân xa thấp hơn lúc đầu bị bỏ lại phía sau

c. The moment wherein the particular type of force with which any particular sheath is energised is appropriated

c. Thời điểm trong đó loại mãnh lực đặc thù mà bất kỳ thể nào được tiếp năng lượng được chiếm hữu

584. It is interesting that we are speaking of "moments". These are particular small periods of time in which some sort of crisis or turning point is undergone.

584. Thật thú vị khi chúng ta đang nói về "những thời điểm". Đây là những khoảng thời gian nhỏ đặc biệt trong đó một loại khủng hoảng hay bước ngoặt nào đó được trải qua.

585. The appropriation of the specific *energy* of the sheath is a kind of blending of egoic energy with personal (lunar) energy. As well, it can be conceived as the blending of the soul ray with the ray of the particular sheath appropriated.

585. Sự chiếm hữu *năng lượng* đặc thù của thể là một loại hòa trộn giữa năng lượng chân ngã và năng lượng cá nhân (thái âm). Đồng thời, nó cũng có thể được quan niệm như sự hòa trộn giữa cung linh hồn và cung của thể đặc thù được chiếm hữu.

586. A number of different impressions upon the natural energy of the sheath are listed below. The impressed energy is blended with the energy characteristic of the sheath.

586. Một số loại ấn tượng khác nhau tác động lên năng lượng tự nhiên của thể được liệt kê dưới đây. Năng lượng được in dấu được hòa trộn với năng lượng đặc trưng của thể.

This brings the sheath concerned:

Điều này đưa thể liên hệ:

a. Under the influence of the egoic ray,

a. Dưới ảnh hưởng của cung chân ngã,

587. The energy characteristic of every sheath must eventually come under the influence of the egoic ray.

587. Năng lượng đặc trưng của mọi thể cuối cùng đều phải nằm dưới ảnh hưởng của cung chân ngã.

b. Under the influence of a particular subray of the egoic ray,

b. Dưới ảnh hưởng của một cung phụ đặc thù của cung chân ngã,

588. Every vehicle of the personality must also come under the influence of a particular subray of the egoic ray. In this case, it probably means that every vehicle must

588. Mọi vận cụ của phàm ngã cũng phải nằm dưới ảnh hưởng của một cung phụ đặc thù của cung chân ngã. Trong trường hợp này, điều đó có lẽ có nghĩa là mọi vận cụ phải

come under the influence of the personality ray as well as the soul ray (i.e., egoic ray).

nằm dưới ảnh hưởng của cung phàm ngã cũng như cung linh hồn (tức cung chân ngã).

c. And through that influence,— [Page 788]

c. Và thông qua ảnh hưởng ấy,— [Page 788]

589. This influence being the influence of the personality ray…

589. Ảnh hưởng này là ảnh hưởng của cung phàm ngã…

Under certain astrological influences,

Dưới những ảnh hưởng chiêm tinh nhất định,

590. We are speaking of the influences of the personal horoscope, and, in this instance, of the *signs* prominent in the personal horoscope.

590. Chúng ta đang nói về những ảnh hưởng của lá số chiêm tinh cá nhân, và trong trường hợp này, là các *dấu hiệu* nổi bật trong lá số chiêm tinh cá nhân.

591. We cannot speak of the personality coming under the influences of the signs prominent in the horoscope of the soul, as these signs are not known to us.

591. Chúng ta không thể nói về phàm ngã nằm dưới những ảnh hưởng của các dấu hiệu nổi bật trong lá số chiêm tinh của linh hồn, vì những dấu hiệu ấy không được chúng ta biết đến.

592. A close reading of *Esoteric Psychology I, 168-169,* will reveal how closely linked the personality ray is to astrological factors.

592. Việc đọc kỹ *Tâm Lý Học Nội Môn I, 168-169,* sẽ cho thấy cung phàm ngã gắn bó chặt chẽ đến mức nào với các yếu tố chiêm tinh.

But there is still another influence to be spoken of. **This is the planetary ray under which each human being is born, It must of course be understood that the so-called influence of a planet is really the influence of the Hierarchy ruling over that planet. This personal ray is an important factor in the character of a man during the one lifetime of its operation.** I say one lifetime, but it may of course be one or more, if the karmic conditions demand it, for the moment of birth for every individual is fixed in accordance with karmic necessities, and probably all of us—whatever our primary or individual rays—have passed lifetimes again

Nhưng vẫn còn một ảnh hưởng khác cần được nói đến. **Đó là cung hành tinh mà dưới đó mỗi con người được sinh ra. Dĩ nhiên phải hiểu rằng cái gọi là ảnh hưởng của một hành tinh thật ra là ảnh hưởng của Thánh đoàn cai quản hành tinh ấy. Cung cá nhân này là một yếu tố quan trọng trong tính cách của một con người trong một kiếp sống mà nó hoạt động.** Tôi nói một kiếp sống, nhưng dĩ nhiên có thể là một hay nhiều hơn, nếu các điều kiện nghiệp quả đòi hỏi như vậy, vì thời điểm sinh ra của mỗi cá nhân được ấn định phù hợp với những nhu cầu nghiệp quả, và có lẽ tất cả chúng ta—dù các cung chính yếu hay cá nhân của mình là

and again under the personal influence of all the seven rays. (EP I, 169)

gì—đều đã trải qua hết kiếp này đến kiếp khác dưới ảnh hưởng cá nhân của cả bảy cung. (EP I, 169)

Under certain planetary radiations,

Dưới những bức xạ hành tinh nhất định,

593. There are planetary radiations to be found in the personal horoscope, such as the ruler of the Sun-sign or the ruler of the Ascendant—whether these influences are orthodox or esoteric.

593. Có những bức xạ hành tinh được tìm thấy trong lá số chiêm tinh cá nhân, chẳng hạn như chủ tinh của dấu hiệu Mặt Trời hay chủ tinh của Ascendant—dù những ảnh hưởng này là chính thống hay huyền bí.

Under the influences of certain force currents, emanating from certain constellations.

Dưới những ảnh hưởng của một số dòng mãnh lực, phát ra từ một số chòm sao nhất định.

594. These may or may not be the zodiacal influences. They could also be the influences of certain greater constellations or associated constellations. (cf. *The Labor of Hercules* for thirty-six associated constellations.)

594. Những ảnh hưởng này có thể là hoặc không phải là các ảnh hưởng hoàng đạo. Chúng cũng có thể là ảnh hưởng của một số chòm sao lớn hơn hay các chòm sao liên kết. (xem *Công Lao của Hercules* về ba mươi sáu chòm sao liên kết.)

These three events

Ba biến cố này

595. “Vital moments”.

595. “Những thời điểm hệ trọng”.

have a very interesting analogy in connection with the work of the Logos in the construction of His physical body, the solar system,

có một sự tương đồng rất thú vị liênquan đến công việc của Thượng đế trong việc kiến tạo thể xác của Ngài, tức hệ mặt trời,

596. All seven systemic planes go the construction of the solar system. We are not simply speaking of the dense matter which is the outer shell of the solar system.

596. Cả bảy cõi hệ thống đều tham gia vào việc kiến tạo hệ mặt trời. Chúng ta không chỉ nói về vật chất đậm đặc là lớp vỏ bên ngoài của hệ mặt trời.

and also in certain correspondences which can be seen embodied in facts dealt with at the first three Initiations.

và cũng trong một số tươngứng nhất định có thể thấy được thể hiện trong các sự kiện được bàn đến ở ba lần điểm đạo đầu tiên.

597. It seems that we are being invited to compare these three vital moments or events with processes occurring in the first three initiations.

598. It would seem that *all three moments* could be referred to each of the first three initiations and to processes which must occur before these initiations can be 'taken'.

From the standpoint of the lower self, the two most vital moments in the work of the reincarnating Ego, are those in which the **mental unit is re-energised into cyclic activity, and in which the etheric body is vitalised**.

599. It is very interesting that the astral body is excluded. It is, after all, a reactive vehicle associated with glamor.

600. We are soften told of the necessity of aligning soul/mind/brain. In this case we may be speaking of the *etheric* brain. We seem be speaking of an important relationship between the mental unit and the physical permanent atom on the systemic atomic ether.

601. The three "moments" we have been discussing refer to the work of the reincarnating Ego. We notice that this work is not accomplished suddenly, but at various points within the incarnational process.

602. Some appropriations may occur only relatively later in life, if at all (in a given life).

597. Có vẻ như chúng ta được mời gọi so sánh ba thời điểm hay biến cố hệ trọng này với các tiến trình xảy ra trong ba lần điểm đạo đầu tiên.

598. Có vẻ như *cả ba thời điểm* đều có thể được quy chiếu đến mỗi một trong ba lần điểm đạo đầu tiên và đến những tiến trình phải xảy ra trước khi các lần điểm đạo này có thể được 'tiếp nhận'.

Từ quan điểm của phàm ngã, hai thời điểm hệ trọng nhất trong công việc của chân ngã tái sinh là những thời điểm mà **đơn vị hạ trí được tái-tiếp năng lượng vào hoạt động chu kỳ, và thể dĩ thái được tiếp sinh lực**.

599. Điều rất thú vị là thể cảm dục bị loại ra. Xét cho cùng, đó là một vận cụ phản ứng gắn liền với ảo cảm.

600. Chúng ta thường được bảo rằng cần phải chỉnh hợp linh hồn/trí tuệ/bộ não. Trong trường hợp này, có thể chúng ta đang nói về bộ não *dĩ thái*. Dường như chúng ta đang nói về một mối liên hệ quan trọng giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn hồng trần trên dĩ thái nguyên tử của hệ thống.

601. Ba "thời điểm" mà chúng ta đã bàn đến quy chiếu đến công việc của chân ngã tái sinh. Chúng ta nhận thấy rằng công việc này không được hoàn thành một cách đột ngột, mà tại nhiều điểm khác nhau trong tiến trình nhập thể.

602. Một số sự chiếm hữu có thể chỉ xảy ra tương đối muộn hơn trong đời, nếu có xảy ra đi nữa (trong một đời sống nhất định).

603. The relative strength of the various appropriations is also different.

It concerns that which links the centre at the base of the spine with a certain point within the physical brain via the spleen. This is dealing purely with the physiological key.

604. In the matter of re-energizing the mental unit and vitalizing the etheric body, a certain linking within the physical-etheric body is required:

a. Linking the base of the spine center with the spleen (whether the physical spleen or the splenic center or both).

b. Linking the spleen with a certain point in the *physical* brain (presumably correlated with the mental unit). If the physical brain is involved, however, we cannot say that the etheric brain is not.

605. The base of the spine center, we remember, is directly correlated with the etheric body. The spleen is the center of vitalization. That certain center in the head must be linked with the mental unit.

606. Thus is a triangle formed between the base of the spine center, the spleen and a center within the brain.

607. This arrangement is being framed in terms of *vitalization.*

608. We have been told that the etheric body is vitalized by thought. This type of triangle could be part of that vitalization—from a point within the brain, to the spleen, to the

603. Sức mạnh tương đối của các sự chiếm hữu khác nhau cũng khác nhau.

Nó liên quan đến điều nối kết trung tâm ở đáy cột sống với một điểm nào đó trong bộ não hồng trần qua lá lách. Điều này hoàn toàn được bàn đến theo chìa khóa sinh lý học.

604. Trong vấn đề tái tiếp năng lượng cho đơn vị hạ trí và tiếp sinh lực cho thể dĩ thái, cần có một sự nối kết nhất định bên trong thể hồng trần-dĩ thái:

a. Nối kết trung tâm đáy cột sống với lá lách (dù là lá lách hồng trần hay trung tâm lá lách hay cả hai).

b. Nối kết lá lách với một điểm nào đó trong bộ não *hồng trần* (có lẽ tương ứng với đơn vị hạ trí). Tuy nhiên, nếu bộ não hồng trần có liên quan, chúng ta không thể nói rằng bộ não dĩ thái không có liên quan.

605. Chúng ta nhớ rằng trung tâm đáy cột sống có tương quan trực tiếp với thể dĩ thái. Lá lách là trung tâm của sự tiếp sinh lực. Trung tâm nào đó trong đầu ấy hẳn phải được nối kết với đơn vị hạ trí.

606. Như vậy một tam giác được hình thành giữa trung tâm đáy cột sống, lá lách và một trung tâm bên trong bộ não.

607. Sự sắp xếp này đang được trình bày theo phương diện *tiếp sinh lực.*

608. Chúng ta đã được cho biết rằng thể dĩ thái được tiếp sinh lực bởi tư tưởng. Loại tam giác này có thể là một phần của sự tiếp sinh lực ấy—từ một điểm trong bộ não, đến lá

base of the spine center—reaching the entire etheric body via these two centers.

609. We have also been told that the kundalini is directed by the will working through the mind.

610. One must pause to reflect: "What a piece of work is man!"

We might now touch upon a very interesting point concerning the dense physical body, dealing therefore with that which is **not considered a principle** either in the macrocosm or the microcosm.

611. In the serious study of occultism, we are constantly reminded that the dense physical body is *not* a principle. This seems to be something which our modern civilization has forgotten entirely.

As we know, man is essentially mental man, and astral man; then the two take to themselves an etheric sheath for purposes of objective work.

612. From what is said here, it seems that the two (the mental man and the astral man, in combination) take to themselves a etheric sheath.

613. This is all part of the magical process.

That is the true lower man, these two in the etheric body.

614. We must understand that the dense physical body is not part of the "true lower

lách, đến trung tâm đáy cột sống—vươn tới toàn bộ thể dĩ thái qua hai trung tâm này.

609. Chúng ta cũng đã được cho biết rằng kundalini được định hướng bởi ý chí hoạt động qua trí tuệ.

610. Người ta phải dừng lại để suy ngẫm: "Con người là một công trình kỳ diệu biết bao!"

Giờ đây chúng ta có thể đề cập đến một điểm rất thú vị liênquan đến thể xác đậm đặc, do đó bàn đến điều **không được xem là một nguyên khí** trong cả đại thiên địa lẫn tiểu thiên địa.

611. Trong việc nghiên cứu nghiêm túc huyền bí học, chúng ta liên tục được nhắc nhở rằng thể xác đậm đặc *không* phải là một nguyên khí. Đây dường như là điều mà nền văn minh hiện đại của chúng ta đã hoàn toàn quên mất.

Như chúng ta biết, con người về bản chất là con người trí tuệ và con người cảm dục; rồi cả hai khoác lấy cho mình một thể dĩ thái nhằm các mục đích công việc kháchquan.

612. Từ điều được nói ở đây, có vẻ như hai phần ấy (con người trí tuệ và con người cảm dục, kết hợp với nhau) khoác lấy cho mình một thể dĩ thái.

613. Tất cả điều này đều là một phần của tiến trình huyền thuật.

Đó là phàm nhân đích thực, hai phần này trong thể dĩ thái.

614. Chúng ta phải hiểu rằng thể xác đậm đặc không phải là một phần của "phàm nhân

man", which given customary attitudes to the dense physical body, is quite remarkable.

đích thực", điều này, xét theo những thái độ thông thường đối với thể xác đậm đặc, quả thật rất đáng chú ý.

615. The phrase "in the etheric body" is interesting. It is as if these two aspects of man (his mental-emotional and, thus, psychological nature) are the types of energy usually found within the etheric body.

615. Cụm từ "trong thể dĩ thái" thật thú vị. Dường như hai phương diện này của con người (bản chất trí tuệ-cảm xúc của y, và do đó là bản chất tâm lý của y) là những loại năng lượng thường được tìm thấy bên trong thể dĩ thái.

616. Of course, we know that the etheric body can carry many other kinds of energies as well. But what does it really mean, technically, for the etheric body to 'carry' or 'express' such energies? Somehow, higher energies 'come into association' with etheric energies, interpenetrating them in ways we cannot yet understand.

616. Dĩ nhiên, chúng ta biết rằng thể dĩ thái cũng có thể mang nhiều loại năng lượng khác nữa. Nhưng về mặt kỹ thuật, thật sự có nghĩa gì khi thể dĩ thái 'mang' hay 'biểu lộ' những năng lượng như thế? Bằng cách nào đó, các năng lượng cao hơn 'đi vào liên kết' với các năng lượng dĩ thái, xuyên nhập chúng theo những cách mà chúng ta chưa thể hiểu được.

But later—in order to know even on the lowest plane of all—man takes to himself **a coat of skin**, as the Bible expresses it, and puts on (over his etheric body) that outer illusory form we know so well.

Nhưng về sau—để biết ngay cả trên cõi thấp nhất trong tất cả các cõi—con người khoác lấy cho mình **một áo da**, như Kinh Thánh diễn tả, và mặc vào (bên ngoài thể dĩ thái của mình) hình tướng ảo tưởng bên ngoài mà chúng ta biết rất rõ.

617. Our outer, physical form is *especially* illusory.

617. Hình tướng hồng trần bên ngoài của chúng ta *đặc biệt* là ảo tưởng.

618. Our task as human beings is to know not only on the etheric substance-planes but in and through the dense physical sub-planes as well.

618. Nhiệm vụ của chúng ta với tư cách con người là biết không chỉ trên các cõi chất liệu dĩ thái mà còn trong và xuyên qua các cõi phụ hồng trần đậm đặc nữa.

619. The real tragedy of human consciousness is that most human beings identify themselves with this "coat of skin".

619. Bi kịch thực sự của tâm thức con người là phần lớn con người đồng hoá mình với "áo da" này.

It is his lowest point of objectivity and his direct "imprisoning."

Đó là điểm khách quan thấp nhất của y và là sự "giam hãm" trực tiếp của y.

620. Thus is the Moon (which of the five non-sacred 'planets' indicates the dense physical vehicle) "the prison of the soul".

620. Như vậy Mặt Trăng (hành tinh trong năm hành tinh không thiêng liêng chỉ ra vận cụ hồng trần đậm đặc) là "nhà tù của linh hồn".

621. We can see how the planet Saturn when in the sign Cancer (ruled by the Moon) puts a definite focus on imprisonment in matter.

621. Chúng ta có thể thấy cách mà hành tinh Sao Thổ khi ở trong dấu hiệu Cự Giải (do Mặt Trăng cai quản) đặt một trọng tâm xác định lên sự giam hãm trong vật chất.

This appropriation of a dense sheath by the Ego is subject to **a very peculiar piece of karma** connected with the four Kumaras, or Heavenly Men, Who form the logoic Quarternary.

Sự chiếm hữu một thể đậm đặc bởi chân ngã này chịu sự chi phối của **một loại nghiệp quả rất đặc biệt** liênquan đến bốn Đấng Kumaras, hay các Đấng Thiên Nhân, Các Ngài tạo thành Bộ Tứ của Thượng đế.

622. Because the logoic Quaternary is directly connected with the personality of the Solar Logos and the personality is that composite elemental most associated with the dense physical body, we can see the connection between the logoic Quaternary and the dense physical sheath.

622. Bởi vì Bộ Tứ của Thượng đế được nối kết trực tiếp với phàm ngã của Thái dương Thượng đế, và phàm ngã là hành khí tổng hợp gắn bó nhất với thể xác đậm đặc, chúng ta có thể thấy mối liên hệ giữa Bộ Tứ của Thượng đế và thể đậm đặc hồng trần.

623. We know that Earth and Venus both belong to the logoic Quaternary. We can suspect that the same is true for Mars. Of the other non-sacred planets frequently brought to our attention, it would seem that Pluto must also belong to this Quaternary, but Pluto is not mentioned in *A Treatise on Cosmic Fire* because it had not yet been discovered by humanity at this time this treatise was written.

623. Chúng ta biết rằng Trái Đất và Sao Kim đều thuộc về Bộ Tứ của Thượng đế. Chúng ta có thể nghi ngờ rằng điều tương tự cũng đúng với Sao Hỏa. Trong số các hành tinh không thiêng liêng khác thường được đưa ra trước sự chú ý của chúng ta, có vẻ như Sao Diêm Vương cũng phải thuộc về Bộ Tứ này, nhưng Sao Diêm Vương không được nhắc đến trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* vì vào thời điểm bộ luận này được viết, nhân loại vẫn chưa khám phá ra nó.

In the schemes which concern the logoic Triad (or those of the three major Rays or Heavenly Men) dense physical incarnation is not the appointed [Page 789] lot, and **man functions in his lowest manifestation in etheric matter.**

Trong các hệ hành tinh liên quan đến Tam nguyên tinh thần của Thượng đế (hay những hệ thuộc ba Cung chính yếu hoặc các Đấng Thiên Nhân) sự lâm phàm hồng trần đậm đặc không phải là số phận đã được chỉ định, và [Page 789] con người hoạt động

trong biểu hiện thấp nhất của mình bằng vật chất dĩ thái.

624. Within some planetary schemes dense physical incarnation is not now to be seen.

624. Trong một số hệ hành tinh, hiện nay không thấy có sự lâm phàm hồng trần đậm đặc.

625. DK speaks of "schemes which concern the logoic Triad". These will be schemes which concern the "three major Rays".

625. DK nói về "các hệ hành tinh liên quan đến Tam nguyên tinh thần của Thượng đế". Đây sẽ là những hệ hành tinh liên quan đến "ba Cung chính yếu".

626. From one point of view, these are the three synthesizing schemes—Uranus, Neptune and Saturn (probably what we have been calling 'Greater Saturn').

626. Theo một quan điểm, đây là ba hệ hành tinh tổng hợp—Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ (có lẽ là điều mà chúng ta đã gọi là 'Sao Thổ Lớn hơn').

627. From another point of view, Saturn, Jupiter and Venus are *presently* the three schemes which express the three "super-principles". This we have discussed at length in an earlier commentary, deciding, in this context, that Saturn was best suited as an expression of the first ray, Jupiter of the second and Venus of the third.

627. Theo một quan điểm khác, Sao Thổ, Sao Mộc và Sao Kim *hiện nay* là ba hệ hành tinh biểu lộ ba "siêu-nguyên-khí". Chúng ta đã bàn điều này khá dài trong một phần bình giải trước, và trong ngữ cảnh này đã quyết định rằng Sao Thổ thích hợp nhất như một biểu hiện của cung một, Sao Mộc của cung hai và Sao Kim của cung ba.

628. Conditions on most if not all planets with the exception of the Earth are such that dense physical vehicles, as we know them, could not exist. But we are in no position to state with certainty that some kind of dense physical vehicles could *not* exist in conditions very different from our own on Earth.

628. Các điều kiện trên hầu hết, nếu không phải là tất cả, các hành tinh ngoại trừ Trái Đất đều khiến cho các vận cụ hồng trần đậm đặc như chúng ta biết không thể tồn tại. Nhưng chúng ta không ở vị thế có thể khẳng định chắc chắn rằng một loại vận cụ hồng trần đậm đặc nào đó *không* thể tồn tại trong những điều kiện rất khác với điều kiện của chúng ta trên Trái Đất.

629. While allowing that dense physical vehicles might not exist on Saturn (whether "exoteric Saturn" or 'Greater Saturn') and on Jupiter, Neptune and Uranus, are we definitely in a position to say that this has to be the case in relation to Venus?

629. Dù chấp nhận rằng các vận cụ hồng trần đậm đặc có thể không hiện hữu trên Sao Thổ (dù là "Sao Thổ ngoại môn" hay "Sao Thổ Lớn Hơn") và trên Sao Mộc, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương, liệu chúng ta có thực sự ở vào vị thế để nói rằng điều này

nhất thiết cũng phải đúng đối với Sao Kim hay không?

630. Venus is that planet which, while not a planet in the ultimate Logoic Planetary Triad, is presently expressing one of the "super-principles".

630. Sao Kim là hành tinh mà, tuy không phải là một hành tinh trong Tam nguyên tinh thần Hành Tinh Thượng Đế tối hậu, hiện đang biểu lộ một trong các "siêu-nguyên khí".

631. In an ultimate sense, it is easy to see how Uranus, Neptune and Saturn would concern the "logoic Triad". From another perspective, they could concern the three aspects of the logoic Monad, but it seems more fitting to consider the Three Logoi (Shiva, Vishnu and Brahma) as most related to the solar logoic Monad.

631. Theo nghĩa tối hậu, thật dễ thấy Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và Sao Thổ sẽ liên quan đến "Tam nguyên tinh thần Thượng đế". Từ một góc nhìn khác, chúng có thể liên quan đến ba phương diện của chân thần Thượng đế, nhưng dường như thích hợp hơn khi xem Ba Thượng đế (Shiva, Vishnu và Brahma) là liên hệ mật thiết nhất với chân thần Thượng đế thái dương.

This appropriation of the lowest body is distinguished in several ways from the approach to the other sheaths.

Sự chiếm hữu thể thấp nhất này được phân biệt theo nhiều cách với sự tiếp cận đối với các thể khác.

632. If we pay attention here, we may be able to understand how the dense physical body of the Solar Logos, the Planetary Logos and man is appropriated.

632. Nếu ở đây chúng ta chú ý, chúng ta có thể hiểu được cách thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế và con người được chiếm hữu.

For one thing, there is no permanent atom to be vitalised.

Thứ nhất, không có nguyên tử trường tồn nào để được tiếp sinh lực.

633. This makes complete sense. The physical permanent atom is found on the highest or atomic *ether* and is involved with the appropriation of the etheric body.

633. Điều này hoàn toàn hợp lý. Nguyên tử trường tồn hồng trần được tìm thấy trên dĩ thái cao nhất hay dĩ thái nguyên tử *ether* và có liên quan đến sự chiếm hữu thể dĩ thái.

634. The type of appropriation here discussed (i.e., appropriation of the dense physical vehicle) would be relevant in the discussion of the modus operandi of creating the mayavirupa.

634. Loại chiếm hữu đang được bàn đến ở đây (tức là, sự chiếm hữu vận cụ hồng trần đậm đặc) sẽ thích hợp trong việc bàn đến phương thức vận hành của việc tạo ra mayavirupa.

The physical plane is a complete reflection of the mental; the lowest three subplanes reflect the abstract subplanes and the four etheric subplanes reflect the four mental concrete planes.

Cõi hồng trần là một sự phản chiếu hoàn chỉnh của cõi trí; ba cõi phụ thấp nhất phản chiếu các cõi phụ trừu tượng và bốn cõi phụ dĩ thái phản chiếu bốn cõi trí cụ thể.

635. The term is "reflection" and not "correspondence". If it were an exact correspondence, the higher aspects of the mental plane would be reflected in the higher aspects of the physical plane, and the lowest in the lowest.

635. Thuật ngữ ở đây là "sự phản chiếu" chứ không phải "sự tương ứng". Nếu đó là một sự tương ứng chính xác, thì các phương diện cao hơn của cõi trí sẽ được phản chiếu trong các phương diện cao hơn của cõi hồng trần, và các phương diện thấp nhất trong các phương diện thấp nhất.

The manifestation of the Ego on the mental plane (or the causal body) is not the result of energy emanating from the permanent atoms as a nucleus of force but is the result of different forces, and primarily of group force.

Sự biểu lộ của Chân ngã trên cõi trí (hay thể nguyên nhân) không phải là kết quả của năng lượng phát ra từ các nguyên tử trường tồn như một hạt nhân của mãnh lực mà là kết quả của các mãnh lực khác nhau, và chủ yếu là của mãnh lực nhóm.

636. DK is likening the causal body to the dense physical body. Neither one is produced through the agency of a permanent atom (though the ray of the manasic permanent atom conditions the ray of the Ego on the third and second planes of the mental plane).

636. Chân sư DK đang ví thể nguyên nhân với thể xác đậm đặc. Không cái nào được tạo ra thông qua tác nhân của một nguyên tử trường tồn (dù cung của nguyên tử trường tồn manas tác động lên cung của chân ngã trên cõi thứ ba và thứ hai của cõi trí).

637. The causal body is produced by the intervention of Solar Angel/solar angels or Agnishvattas.

637. Thể nguyên nhân được tạo ra bởi sự can thiệp của Thái dương Thiên Thần/các thái dương thiên thần hay các Agnishvatta.

638. Are we being told that the building of the dense physical body is also a *group* process?

638. Có phải chúng ta đang được cho biết rằng việc xây dựng thể xác đậm đặc cũng là một tiến trình *nhóm* hay không?

It is predominantly marked by an act of an exterior force, and is lost in the mysteries of planetary karma.

Nó chủ yếu được đánh dấu bởi một hành động của một mãnh lực bên ngoài, và bị mất hút trong các huyền nhiệm của nghiệp quả hành tinh.

639. The intervention of the Solar Angels is, in this instance, “an act…exterior force… lost in the mysteries of planetary karma”.

639. Sự can thiệp của các Thái dương Thiên Thần, trong trường hợp này, là “một hành động… của mãnh lực bên ngoài… bị mất hút trong các huyền nhiệm của nghiệp quả hành tinh”.

640. We are in no position to reveal or untangle the planetary karma that brought the Solar Angels to our planet and which directs them to function in a certain manner.

640. Chúng ta không ở vào vị thế để tiết lộ hay tháo gỡ nghiệp quả hành tinh đã đưa các Thái dương Thiên Thần đến hành tinh của chúng ta và chỉ đạo Các Ngài hoạt động theo một cách nhất định.

This is equally true of man's lowest manifestations.

Điều này cũng đúng như vậy đối với các biểu lộ thấp nhất của con người.

641. We are again speaking of the dense physical body—the lower reflection of the causal body.

641. Chúng ta lại đang nói về thể xác đậm đặc—sự phản chiếu thấp hơn của thể nguyên nhân.

642. The formation of the dense physical body is also an act of an exterior force and is lost in the mysteries of planetary karma.

642. Sự hình thành thể xác đậm đặc cũng là một hành động của một mãnh lực bên ngoài và bị mất hút trong các huyền nhiệm của nghiệp quả hành tinh.

It is the result of reflex action, and is **based on the force of the group of etheric centres through which man (as an aggregate of lives) is functioning**.

Nó là kết quả của tác động phản xạ, và **dựa trên mãnh lực của nhóm các trung tâm dĩ thái mà qua đó con người (như một tập hợp các sự sống) đang hoạt động**.

643. The building of the dense physical body “is the result of reflex action”.

643. Việc xây dựng thể xác đậm đặc “là kết quả của tác động phản xạ”.

644. The etheric centers are definitely involved in the building of the dense physical body, but the building occurs as an automatic reflex.

644. Các trung tâm dĩ thái chắc chắn có liên quan đến việc xây dựng thể xác đậm đặc, nhưng việc xây dựng diễn ra như một phản xạ tự động.

645. According to the condition of his etheric centers so will be the dense physical vehicle that is magnetically gathered by them.

645. Tùy theo tình trạng các trung tâm dĩ thái của y mà vận cụ hồng trần đậm đặc được chúng tập hợp bằng từ tính cũng sẽ như vậy.

646. We are reminded that man is a "aggregate of lives". This must be increasingly obvious.

646. Chúng ta được nhắc rằng con người là một "tập hợp các sự sống". Điều này hẳn phải ngày càng hiển nhiên.

647. When it comes to the building of the causal body through the intervention of the Agnishvattas (a group of them, it seems), are there certain centers in the body of the Planetary Logos involved in this process and does the term "reflex" apply?

647. Khi nói đến việc xây dựng thể nguyên nhân thông qua sự can thiệp của các Agnishvatta (dường như là một nhóm các vị ấy), có phải có những trung tâm nào đó trong thân thể của Hành Tinh Thượng Đế liên quan đến tiến trình này và thuật ngữ "phản xạ" có được áp dụng hay không?

648. Is it certain centers within the Planetary Logos the activity of which evoked the entry of the Solar Angels? This would be the higher analogy.

648. Có phải chính những trung tâm nào đó bên trong Hành Tinh Thượng Đế mà hoạt động của chúng đã gợi lên sự nhập vào của các Thái dương Thiên Thần? Đây sẽ là sự tương đồng cao hơn.

The activity of these centres sets up an answering vibration in the three lowest subplanes of the physical plane,

Hoạt động của các trung tâm này tạo nên một rung động đáp ứng trong ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần,

649. We are speaking of the solid, liquid and gaseous subplanes—all of them *dense* when compared to the etheric subplanes.

649. Chúng ta đang nói đến các cõi phụ rắn, lỏng và khí—tất cả chúng đều *đậm đặc* khi so với các cõi phụ dĩ thái.

and the interaction between the two causes an adherence to, or aggregation around, the etheric body of particles of what we erroneously term "dense substance."

và sự tương tác giữa hai bên gây ra sự bám dính vào, hay sự tụ tập quanh, thể dĩ thái của các hạt của cái mà chúng ta gọi một cách sai lầm là "chất liệu đậm đặc".

650. This is one of the best descriptions of how the dense physical body is built.

650. Đây là một trong những mô tả hay nhất về cách thể xác đậm đặc được xây dựng.

651. The particles of dense physical matter are attracted to the particle-energies of etheric substance. Perhaps we can never call the densest form of matter by the name "substance" as it does not *substand* any kind of still denser matter (though there may be a still denser eighth level of matter with

651. Các hạt vật chất hồng trần đậm đặc bị hút vào các năng lượng-hạt của chất liệu dĩ thái. Có lẽ chúng ta không bao giờ có thể gọi hình thức vật chất đậm đặc nhất bằng tên "chất liệu" vì nó không *nâng đỡ từ dưới* bất kỳ loại vật chất nào còn đậm đặc hơn nữa (dù có thể có một cấp độ vật chất thứ tám còn đậm

which we have nothing to do during this solar system).

đặc hơn mà chúng ta không có liên hệ gì trong hệ mặt trời này).

This type of energised substance is swept up in the vortex of force currents issuing from the centres and cannot escape.

Loại chất liệu được nạp năng lượng này bị cuốn vào trong xoáy lốc của các dòng mãnh lực phát ra từ các trung tâm và không thể thoát ra.

652. This lowest form of energized substance is utterly negative and responsive to the higher force of the ethers.

652. Hình thức thấp nhất này của chất liệu được nạp năng lượng hoàn toàn thụ động và đáp ứng với mãnh lực cao hơn của các dĩ thái.

These units of force, therefore,

Do đó, các đơn vị mãnh lực này,

653. Dense particles are to be considered as "units of force".

653. Các hạt đậm đặc phải được xem như "các đơn vị mãnh lực".

pile up according to the energy direction around and within the etheric sheath till it is hidden and concealed, yet interpenetrating.

chất đống lên theo hướng năng lượng quanh và bên trong thể dĩ thái cho đến khi nó bị che giấu và khuất lấp, tuy vậy vẫn xuyên thấm.

654. Here we learn of the concealment of the etheric body due to the piling up of dense matter upon the substance of the etheric sheath. The term "piling up" is most interesting as we consider the process.

654. Ở đây chúng ta biết được sự che giấu của thể dĩ thái do vật chất đậm đặc chất đống lên trên chất liệu của thể dĩ thái. Thuật ngữ "chất đống lên" rất đáng chú ý khi chúng ta xem xét tiến trình này.

655. Although the etheric body is "hidden and concealed", still it interpenetrates the "coat of skin"—the dense physical sheath.

655. Mặc dù thể dĩ thái "bị che giấu và khuất lấp", nó vẫn xuyên thấm "lớp áo da"—thể hồng trần đậm đặc.

656. The energy-flows within the etheric body determine the conformation taken by dense matter as it 'piles up'.

656. Các dòng năng lượng bên trong thể dĩ thái quyết định hình dạng mà vật chất đậm đặc mang lấy khi nó "chất đống lên".

657. The negative units of matter are overpowered by the greater magnetic forces emanating from the etheric body and its centers.

657. Các đơn vị vật chất thụ động bị áp đảo bởi các mãnh lực từ tính lớn hơn phát ra từ thể dĩ thái và các trung tâm của nó.

An inexorable law, the law of matter itself, brings this about, and only those can escape the effect of the vitality of their own centres who are definitely "Lords of Yoga" and can—through the conscious will of their own being—escape the **compelling force** of the Law of Attraction working on the lowest cosmic physical subplane.

Một định luật không thể cưỡng lại, chính định luật của bản thân vật chất, tạo ra điều này, và chỉ những ai có thể thoát khỏi tác động của sinh lực nơi chính các trung tâm của mình mới là những vị chắc chắn là "các Đấng Giải Thoát của Yoga", và có thể—thông qua ý chí hữu thức của chính bản thể mình—thoát khỏi **mãnh lực cưỡng bách** của Định luật Hấp Dẫn đang hoạt động trên cõi phụ hồng trần vũ trụ thấp nhất.

658. We may think of "Lords of Yoga" as initiates of the fourth degree or as Masters, and also as those who are closely approaching these stages.

658. Chúng ta có thể nghĩ về "các Đấng Giải Thoát của Yoga" như các điểm đạo đồ cấp bốn hay các Chân sư, và cả những vị đang tiến rất gần đến các giai đoạn này.

659. Third degree initiates are rapidly reaching the point when they no longer need to incarnate, and their etheric bodies are rapidly refining the dense physical matter gathered around them. Only higher forms of dense matter are selected.

659. Các điểm đạo đồ cấp ba đang nhanh chóng đạt đến điểm mà họ không còn cần phải nhập thể nữa, và các thể dĩ thái của họ đang nhanh chóng tinh luyện vật chất hồng trần đậm đặc được tập hợp quanh họ. Chỉ những hình thức cao hơn của vật chất đậm đặc mới được chọn lựa.

660. Fourth degree Initiates and Masters, no longer need to reincarnate in dense physical matter or even in the dense physical body of the Planetary Logos or Solar Logos. After the fourth degree (if it is followed by physical plane death) there are no lower chakras except those that are willfully generated through the creation of a mayavirupa. When a Master takes over the body of one of His initiates, He probably utilized the chakra system of the willing initiate, but subjects such chakras to His own energy.

660. Các Điểm đạo đồ cấp bốn và các Chân sư không còn cần phải tái sinh trong vật chất hồng trần đậm đặc hay ngay cả trong thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế hoặc Thái dương Thượng đế. Sau cấp bốn (nếu tiếp theo là cái chết trên cõi hồng trần) thì không còn các luân xa thấp nào ngoại trừ những luân xa được tạo ra một cách có chủ ý thông qua việc tạo dựng một mayavirupa. Khi một Chân sư tiếp quản thể của một điểm đạo đồ của Ngài, có lẽ Ngài sử dụng hệ thống luân xa của điểm đạo đồ tự nguyện ấy, nhưng đặt các luân xa đó dưới năng lượng riêng của Ngài.

661. Initiates of the fourth and fifth degrees and beyond can offset the reflex action which builds the dense physical sheath through the "compelling force of the Law of

661. Các điểm đạo đồ cấp bốn và cấp năm trở lên có thể hóa giải tác động phản xạ vốn xây dựng thể hồng trần đậm đặc thông qua "mãnh lực cưỡng bách của Định luật Hấp

Attraction". This Law is in powerful effect on the buddhic plane whereon They are now focussed. Part of the reason they no longer need to incarnate is Their ability to offset the effect of the vitality of etheric body in relation to dense physical matter. Their will control the process. They can repulse and repel. Their power to express the buddhic nature makes this possible. Their attraction is only to the second aspect.

Dẫn". Định luật này có hiệu lực mạnh mẽ trên cõi Bồ đề, nơi Các Ngài hiện đang tập trung. Một phần lý do khiến Các Ngài không còn cần phải nhập thể nữa là khả năng của Các Ngài trong việc hóa giải tác động của sinh lực của thể dĩ thái đối với vật chất hồng trần đậm đặc. Ý chí của Các Ngài kiểm soát tiến trình ấy. Các Ngài có thể đẩy lùi và xua ra. Quyền năng biểu lộ bản chất Bồ đề của Các Ngài khiến điều này trở nên khả hữu. Sự hấp dẫn của Các Ngài chỉ hướng về phương diện thứ hai.

662. The offsetting of the vitality of the centers of the etheric-physical body can begin in earnest at the time of the third initiation and last until the fourth. After the fourth, these advanced human beings have escaped utterly from the compulsion of the matter in the dense physical body of both the Planetary Logos and Solar Logos:

662. Việc hóa giải sinh lực của các trung tâm của thể dĩ thái-hồng trần có thể thực sự bắt đầu vào thời điểm lần điểm đạo thứ ba và kéo dài cho đến lần thứ tư. Sau lần thứ tư, những con người tiến hóa cao này đã hoàn toàn thoát khỏi sự cưỡng bách của vật chất trong thể xác đậm đặc của cả Hành Tinh Thượng Đế lẫn Thái dương Thượng đế:

663. From a higher point of view, we might say that Sanat Kumara and Those Who dwell with Him on the etheric planes of our lowest cosmic subplane, are *always* offsetting the vitality of Their own chakras (buddhic chakras and those still higher) in relation to the three lowest cosmic physical subplanes. Just because they are not shown on our usual charts, does not mean that there are not seven chakras of the buddhic, atmic, monadic and, even, logoic planes (for certain types of Beings).

663. Từ một quan điểm cao hơn, chúng ta có thể nói rằng Đức Sanat Kumara và những Đấng cư ngụ cùng Ngài trên các cõi dĩ thái của cõi phụ vũ trụ thấp nhất của chúng ta, *luôn luôn* đang hóa giải sinh lực của chính các luân xa của Các Ngài (các luân xa Bồ đề và những luân xa còn cao hơn nữa) trong liên hệ với ba cõi phụ hồng trần vũ trụ thấp nhất. Chỉ vì chúng không được thể hiện trên các biểu đồ thông thường của chúng ta không có nghĩa là không có bảy luân xa của các cõi Bồ đề, atma, chân thần và thậm chí cả cõi Thượng đế (đối với một số loại Hữu thể nhất định).

An interesting analogy (accurate on general lines [Page 790] though in detail not so apparent) exists between the building of the antaskarana on mental levels between the mental unit and the manasic permanent atom (whereby the Path of Liberation is travelled, and man set free) and the opening

Có một sự tương đồng thú vị (đúng trên những nét tổng quát [Page 790] dù chi tiết thì không rõ ràng bằng) giữa việc xây dựng antaskarana trên các cấp độ trí tuệ giữa đơn vị hạ trí và nguyên tử trường tồn manas (nhờ đó Con Đường Giải Thoát được đi qua, và con người được giải phóng) và sự khai mở

up of the channel between the centre at the base of the spine and the brain and thence to the head centre.

664. DK is pointing out an analogy between the structure of the antahkarana and the line of relationship existing between the base of the spine center and the head center.

665. In this instance, the base of the spine center and the mental unit will be analogous. Interestingly, they both have four divisions.

666. The manasic permanent atom and the brain/head center are also seen as analogous.

667. Is DK pointing to a usually unavoidable interaction or interplay which exists between the higher and lower centers of both structures?

Through this latter channel man escapes out of the dense physical body, and continuity of consciousness (between the astral and the physical planes) is reached.

668. This escape is achieved through the head center (in the case of highly developed man. DK has told of in TWM of 'escapes' through the solar plexus center and the heart center in those who are less developed.

In the one case, through right direction of force, **the etheric web no longer forms a barrier;**

669. Given that the base of the spine center is usually not sufficiently activated to reach in any direct manner the head center until the third initiation, and given that the

kênh giữa trung tâm ở đáy cột sống và bộ não rồi từ đó đến trung tâm đầu.

664. Chân sư DK đang chỉ ra một sự tương đồng giữa cấu trúc của antahkarana và đường liên hệ hiện hữu giữa trung tâm đáy cột sống và trung tâm đầu.

665. Trong trường hợp này, trung tâm đáy cột sống và đơn vị hạ trí sẽ là những yếu tố tương đồng. Điều thú vị là cả hai đều có bốn phân khu.

666. Nguyên tử trường tồn manas và bộ não/trung tâm đầu cũng được xem là tương đồng.

667. Có phải Chân sư DK đang chỉ đến một sự tương tác hay giao thoa thường là không thể tránh khỏi giữa các trung tâm cao hơn và thấp hơn của cả hai cấu trúc hay không?

Qua kênh sau này, con người thoát ra khỏi thể xác đậm đặc, và đạt được sự liên tục của tâm thức (giữa cõi cảm dục và cõi hồng trần).

668. Sự thoát ra này được thực hiện qua trung tâm đầu (trong trường hợp con người phát triển cao). Chân sư DK đã nói trong Luận về Chánh Thuật về những sự "thoát ra" qua trung tâm tùng thái dương và trung tâm tim nơi những người kém phát triển hơn.

Trong trường hợp thứ nhất, nhờ sự định hướng đúng đắn của mãnh lực, **mạng dĩ thái không còn tạo thành một rào cản nữa;**

669. Xét rằng trung tâm đáy cột sống thường không được hoạt hóa đầy đủ để vươn tới trung tâm đầu theo bất kỳ cách trực tiếp nào cho đến lần điểm đạo thứ ba, và xét rằng

relationship between the base of the spine center, the brain and the head center is the line through which conscious escape onto the astral plane is achieved, we may assume that this type of continuity of consciousness (at least in full) does not usually occur until the third initiation.

mối liên hệ giữa trung tâm đáy cột sống, bộ não và trung tâm đầu là đường mà qua đó sự thoát ra có ý thức lên cõi cảm dục được thực hiện, chúng ta có thể giả định rằng loại liên tục tâm thức này (ít nhất là ở mức đầy đủ) thường không xảy ra cho đến lần điểm đạo thứ ba.

670. The third initiation is also the moment when "higher psychism" makes it appearance.

670. Lần điểm đạo thứ ba cũng là thời điểm mà "thông linh cao hơn" xuất hiện.

671. We are dealing with an important piece of information regarding right direction of force.

671. Chúng ta đang xử lý một mẩu thông tin quan trọng liên quan đến sự định hướng đúng đắn của mãnh lực.

672. It is important to understand the conditions under which the etheric web separating the dense physical plane and the etheric-physical can be breached or burnt through. This section of text gives of part of that information.

672. Điều quan trọng là phải hiểu những điều kiện mà dưới đó mạng dĩ thái ngăn cách cõi hồng trần đậm đặc và cõi dĩ thái-hồng trần có thể bị xuyên thủng hay bị đốt cháy xuyên qua. Phần văn bản này cung cấp một phần thông tin ấy.

it is destroyed and the man is fully conscious in the physical brain of what transpires on the astral plane.

nó bị phá hủy và con người hoàn toàn có ý thức trong bộ não hồng trần về những gì diễn ra trên cõi cảm dục.

673. This not only occurs at night in the dream state, but at any moment of full consciousness on the physical plane.

673. Điều này không chỉ xảy ra vào ban đêm trong trạng thái mộng, mà còn vào bất kỳ lúc nào trong trạng thái hoàn toàn tỉnh thức trên cõi hồng trần.

674. We can infer that as the *second* initiation is approached continuity of conscious with respect to the astral plane begins to emerge. The same must be true of continuity of consciousness with respect to the lower mental plane as the *third* initiation is approached.

674. Chúng ta có thể suy ra rằng khi *lần* điểm đạo thứ hai đến gần, sự liên tục của tâm thức đối với cõi cảm dục bắt đầu xuất hiện. Điều tương tự hẳn cũng đúng đối với sự liên tục của tâm thức đối với cõi hạ trí khi *lần* điểm đạo thứ ba đến gần.

In the other case, the causal body also is eventually destroyed **through the right direction of force.**

Trong trường hợp kia, thể nguyên nhân cuối cùng cũng bị phá hủy **nhờ sự định hướng đúng đắn của mãnh lực.**

675. In both cases of destruction, the destruction comes about through right direction of force. Obviously the will is involved.

675. Trong cả hai trường hợp phá hủy, sự phá hủy xảy ra nhờ sự định hướng đúng đắn của mãnh lực. Rõ ràng ý chí có liên quan.

676. DK seems to be hinting that the antahkarana, as an energy channel, contributes to the destruction of the causal body.

676. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng antahkarana, như một kênh năng lượng, góp phần vào sự phá hủy thể nguyên nhân.

677. From another perspective, the causal body is being likened to an etheric web which prevents (while it exists) the liberation of consciousness onto the buddhic plane.

677. Từ một góc nhìn khác, thể nguyên nhân đang được ví như một mạng dĩ thái ngăn cản (chừng nào nó còn tồn tại) sự giải phóng tâm thức lên cõi Bồ đề.

We will not here take up the specific work of **building upon the scaffolding of the etheric body the dense physical form.** It has been sufficiently dealt with in other books.

Ở đây chúng ta sẽ không bàn đến công việc đặc thù của việc **xây dựng trên bộ khung của thể dĩ thái hình tướng hồng trần đậm đặc.** Điều đó đã được bàn đến đầy đủ trong các sách khác.

678. We may wonder whether DK is referencing His own books or the books of other Theosophists.

678. Chúng ta có thể tự hỏi liệu Chân sư DK đang nhắc đến các sách của chính Ngài hay các sách của những nhà Thông Thiên Học khác.

We will only want to touch upon two more points which are of interest in this consideration of the work of the lunar Pitris in building man's body.

Chúng ta chỉ muốn chạm đến thêm hai điểm nữa có điều đáng quan tâm trong việc xem xét này về công việc của các thái âm tổ phụ trong việc xây dựng thân thể của con người.

679. This, after all, is our point of discussion —"the work of the lunar Pitris in building man's body". We are discussing the building process under the 'management' of the lesser builders, even though they build

679. Rốt cuộc, đây chính là điểm chúng ta đang bàn đến—"công việc của các thái âm tổ phụ trong việc xây dựng thân thể của con người". Chúng ta đang bàn về tiến trình xây dựng dưới sự "quản lý" của các vị tiểu kiến

unconsciously and under the direction of the Agnishvattas.

tạo, dù họ xây dựng một cách vô thức và dưới sự chỉ đạo của các Agnishvatta.

In connection with the building of the dense body, it should be stated that it appears as a human form, much in the nature of a cross within the ovoid of the other spheres.

Liên quan đến việc xây dựng thể đậm đặc, cần nói rằng nó xuất hiện như một hình thể người, phần lớn có bản chất của một thập giá bên trong hình trứng của các khối cầu khác.

680. This statement is of great interest because the symbol for matter is so often the *cross*.

680. Phát biểu này rất đáng chú ý vì biểu tượng của vật chất thường là *thập giá*.

681. We can see how astrology (with its evident major Crosses and their energies) could be directly applied to the cross representing the human body. Will can understand how astrology directly conditions this cross contained within the ovoid. The Mutable Cross would be especially connected with this material cross within the ovoid.

681. Chúng ta có thể thấy chiêm tinh học (với các Thập Giá lớn hiển nhiên và các năng lượng của chúng) có thể được áp dụng trực tiếp như thế nào vào thập giá tượng trưng cho thể người. Chúng ta sẽ hiểu được chiêm tinh học trực tiếp tác động lên thập giá được chứa trong hình trứng này như thế nào. Thập Giá Biến đổi sẽ đặc biệt liên hệ với thập giá vật chất này bên trong hình trứng.

It is notably of a fivefold nature:

Nó rõ rệt có bản chất ngũ phân:

Head.

Đầu.

Two Arms.

Hai tay.

Two Legs.

Hai chân.

682. Yet, it the two legs are put together, the cross appears.

682. Tuy nhiên, nếu hai chân được đặt sát vào nhau, thập giá xuất hiện.

683. In spreading the legs, the cross turns into a five-pointed star.

683. Khi dang hai chân ra, thập giá biến thành một ngôi sao năm cánh.

According to the position assumed by the man, he is seen as a symbol of the cross and is then fourfold (the two legs being considered as one lower limb)

Tùy theo tư thế mà con người đảm nhận, y được thấy như một biểu tượng của thập giá và khi ấy là tứ phân (hai chân được xem như một chi dưới)

684. Some sort of dualism is thereby overcome. A more powerful alignment is symbolically and, probably, actually created. It is the fourth initiation that may be suggested and the straight line or sushumna channel up the spine.

684. Nhờ đó một loại nhị nguyên nào đó được vượt qua. Một sự chỉnh hợp mạnh mẽ hơn được tạo ra một cách biểu tượng và có lẽ cả trên thực tế. Điều này có thể gợi đến lần điểm đạo thứ tư và đường thẳng hay kênh sushumna dọc theo cột sống.

or, if separated, as fivefold, and has been then considered as the symbol of the five-pointed star.

hoặc, nếu tách rời, là ngũ phân, và khi ấy đã được xem như biểu tượng của ngôi sao năm cánh.

685. Which is the higher of the two symbols? Sometimes the five is higher than the four and, sometimes, the opposite is the case.

685. Trong hai biểu tượng ấy, biểu tượng nào cao hơn? Đôi khi số năm cao hơn số bốn và đôi khi điều ngược lại mới đúng.

686. The fivefold form is natural. To hold the two legs together to form a cross in an act of will and suggests the man about to become the triangle (the liberated soul) at the fourth initiation and is freed from the form of dualistic consciousness which holds him in the lower worlds. The position is a willful one.

686. Hình thức ngũ phân là tự nhiên. Giữ hai chân sát vào nhau để tạo thành một thập giá là một hành vi của ý chí và gợi đến con người sắp trở thành tam giác (linh hồn được giải phóng) trong lần điểm đạo thứ tư và được giải thoát khỏi hình thức tâm thức nhị nguyên giữ y trong các cõi thấp. Tư thế này là một tư thế có chủ ý.

687. As a higher form of fourfold being, will man refuse to reproduce and reincarnate? The unifying of energies suggested by the two legs together may suggest that man is no longer bound by the urge towards generation.

687. Với tư cách là một hình thức cao hơn của hữu thể tứ phân, liệu con người có từ chối sinh sản và tái sinh hay không? Sự hợp nhất các năng lượng được gợi ý bởi hai chân đặt sát vào nhau có thể gợi rằng con người không còn bị ràng buộc bởi thôi thúc hướng đến sự sinh thành nữa.

688. In the flexible combination of the two 'positions' of man, man is buddhi-manas, and also kama-manas.

688. Trong sự kết hợp linh hoạt của hai "tư thế" của con người, con người là buddhi-manas, và cũng là kama-manas.

689. Various postures and positions of the physical body suggest underlying psycho-spiritual states.

689. Nhiều tư thế và vị trí khác nhau của thể xác gợi ra những trạng thái tâm lý-tinh thần nền tảng.

This fivefold nature of the dense physical body is brought about through the fact that only five centres primarily are really active in average man [Page 791] up to the third Initiation;

690. The base of the spine center and the major head center are excluded. This is also the case in relation to geographical continents—two are not yet spiritually active. They are, as it were, 'slumbering chakras'.

all are there, and all are vitalised, but only five in this fivefold normal evolution are dominant.

691. What, then, will be the appearance of man as six centers become active or seven?

The force emanating from these five, therefore, sweeps the dense substance into a close aggregation.

692. This aggregation is our illusory dense physical body.

As two of the centres are not functioning as actively as the other five, an ovoid is not formed as in the case of the etheric, astral and mental sheaths.

693. This little section of text hints at the formation of man in the future. For now, he is a biped and his form represents a five-pointed star or a cross.

Bản chất ngũ phân này của thể xác đậm đặc được tạo ra bởi sự kiện rằng chỉ có năm trung tâm chủ yếu là thực sự hoạt động nơi con người trung bình [Page 791] cho đến lần điểm đạo thứ ba;

690. Trung tâm đáy cột sống và trung tâm đầu chính yếu bị loại ra. Điều này cũng đúng trong liên hệ với các lục địa địa lý—hai lục địa chưa hoạt động về mặt tinh thần. Có thể nói, chúng là những "luân xa đang ngủ".

tất cả đều hiện diện, và tất cả đều được tiếp sinh lực, nhưng chỉ có năm trung tâm trong tiến hóa bình thường ngũ phân này là trội hơn.

691. Vậy thì, sắc tướng của con người sẽ ra sao khi sáu trung tâm trở nên hoạt động hay bảy trung tâm?

Do đó, mãnh lực phát ra từ năm trung tâm này cuốn chất liệu đậm đặc vào một sự tụ tập chặt chẽ.

692. Sự tụ tập này là thể xác đậm đặc ảo tưởng của chúng ta.

Vì hai trung tâm không hoạt động tích cực như năm trung tâm kia, nên một hình trứng không được hình thành như trong trường hợp của các thể dĩ thái, cảm dục và trí.

693. Đoạn văn nhỏ này gợi ý về sự hình thành của con người trong tương lai. Hiện nay, y là một sinh vật hai chân và hình thể của y tượng trưng cho một ngôi sao năm cánh hay một thập giá.

694. Về sau, có lẽ khi giống dân gốc thứ sáu và thứ bảy rootraces được đạt đến, ngay cả

694. Later, perhaps, as the sixth and seventh rootraces are reached, even his outer form will be than of an ovoid.

hình tướng bên ngoài của y cũng sẽ là hình trứng.

695. In the very beginning of his evolution, man was said to be a great *rolling* figure—in the form more of a sphere than in the fivefold form through which he presently expresses. It would seem that fewer of his chakric centers were then active.

695. Vào lúc khởi đầu của tiến hóa, con người được nói là một hình thể lớn *lăn tròn* —về hình dạng thì giống một khối cầu hơn là hình thức ngũ phân mà hiện nay y biểu lộ qua đó. Dường như khi ấy có ít trung tâm luân xa của y hoạt động hơn.

696. When we study the throat centers of animals, we see that they are active but in a manner very primitive when compared to the manner in which man uses his throat center. Through expression of the animal through its throat center is primitive, it can be beautiful as in the case of many songbirds.

696. Khi chúng ta nghiên cứu các trung tâm cổ họng của động vật, chúng ta thấy chúng hoạt động nhưng theo một cách rất nguyên sơ khi so với cách con người sử dụng trung tâm cổ họng của mình. Dù sự biểu lộ của động vật qua trung tâm cổ họng là nguyên sơ, nó vẫn có thể đẹp đẽ như trong trường hợp của nhiều loài chim hót.

The fivefold shape of physical man is the result of the fivefold direction of force currents from five centres.

Hình dạng ngũ phân của con người hồng trần là kết quả của sự định hướng ngũ phân của các dòng mãnh lực từ năm trung tâm.

697. We probably take the fivefold appearance of man for granted.

697. Có lẽ chúng ta xem diện mạo ngũ phân của con người là điều đương nhiên.

698. All outer shape is etherically determined.

698. Mọi hình dạng bên ngoài đều được quyết định về mặt dĩ thái.

699. There is probably a five-pointed star manifesting etherically before the dense physical form of man is created

699. Có lẽ có một ngôi sao năm cánh biểu lộ về mặt dĩ thái trước khi hình tướng hồng trần đậm đặc của con người được tạo ra

It might be interesting also to point out that the interaction of the energy of the solar Pitris and of the lunar Pitris produces **a very definite effect upon the lower group of lunar Pitris**, and is one of the means whereby they will eventually reach the stage at which the solar Pitris are.

Cũng có thể thú vị khi chỉ ra rằng sự tương tác của năng lượng của các thái dương tổ phụ và các thái âm tổ phụ tạo ra **một tác động rất xác định lên nhóm thấp hơn của các thái âm tổ phụ**, và là một trong những phương tiện nhờ đó cuối cùng họ sẽ đạt đến giai đoạn mà các thái dương tổ phụ đang ở.

700. Here we are speaking of the elevation of the lunar pitris through the impact of energy from the Solar Pitris.

700. Ở đây chúng ta đang nói về sự nâng cao các thái âm tổ phụ pitris nhờ tác động của năng lượng từ các Thái dương Tổ phụ.

701. DK singles out the very lowest type of lunar pitri associated with elemental substance or essence. Eventually, He says, they will be as the Solar Pitris are. Of course, they will have to pass through the human stage in order to become so and such an advance will not be their next evolutionary step.

701. Chân sư DK đặc biệt nói đến loại thái âm pitri thấp nhất gắn liền với chất liệu hay tinh chất hành khí. Cuối cùng, Ngài nói, họ sẽ trở nên như các Thái dương Tổ phụ. Dĩ nhiên, họ sẽ phải đi qua giai đoạn nhân loại để trở thành như thế và một bước tiến như vậy sẽ không phải là bước tiến hóa kế tiếp của họ.

This (if fully realised by man) will bring him to a very careful control of his sheaths, and to a close attention to the direction in which his force or energy is turned.

Điều này (nếu được con người chứng nghiệm đầy đủ) sẽ đưa y đến sự kiểm soát rất cẩn trọng đối với các thể của mình, và đến sự chú ý sát sao đến hướng mà mãnh lực hay năng lượng của y được chuyển về.

702. We as human beings are responsible for the development of the lesser lives contained within the composite expression we are.

702. Chúng ta, với tư cách những con người, chịu trách nhiệm về sự phát triển của các sự sống nhỏ hơn được chứa trong biểu hiện tổng hợp mà chúng ta là.

He is responsible for the work of aiding in the evolution of substance, being himself a manasaputra.

Y chịu trách nhiệm về công việc trợ giúp trong sự tiến hoá của chất liệu, vì chính y là một manasaputra.

703. Usually, the Solar Angels or Agnishvattas are considered to be manasaputras and not man.

703. Thông thường, các Thái dương Thiên Thần hay các Agnishvatta được xem là các manasaputras chứ không phải con người.

704. But in man's relationship to the elemental substance which composes his vehicles, he is taking on a role similar to that of the Agnishvattas or Manasaputras as They supervise the development of man's personality.

704. Nhưng trong mối liên hệ của con người với chất liệu hành khí cấu thành các vận cụ của y, y đang đảm nhận một vai trò tương tự vai trò của các Agnishvatta hay các Manasaputras khi Các Ngài giám sát sự phát triển của phàm ngã con người.

705. Because of the infusion into man of the energy and consciousness of the Solar Angel or Manasaputra on the higher mental plane,

705. Bởi sự truyền nhập vào con người của năng lượng và tâm thức của Thái dương Thiên Thần hay Manasaputra trên cõi

man, through this intervention, becomes in his egoic nature a kind of manasaputra.

thượng trí, con người, thông qua sự can thiệp này, trở thành trong bản chất chân ngã của mình một loại manasaputra.

TCF 792- 807: S7S5

20 May – 4 June 2008

20 tháng 5 – 4 tháng 6 năm 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

Đề nghị nên **đọc phần Bình luận này với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ được tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

(h.) Incarnation and Karma. In resuming our consideration of the process pursued by the reincarnating Ego,

(h.) Nhập thể và nghiệp quả. Khi tiếp tục việc xem xét của chúng ta về tiến trình được Chân ngã tái sinh theo đuổi,

1. The process under discussion is one of movement *towards* incarnation.

1. Tiến trình đang được bàn đến là một tiến trình vận động *hướng tới* nhập thể.

it is necessary to point out that the entire subject radically concerns *energy*,

cần phải chỉ ra rằng toàn bộ chủ đề này về căn bản liên quan đến *năng lượng*,

2. The term "radically" means essentially and fundamentally.

2. Thuật ngữ "về căn bản" ở đây có nghĩa là một cách cốt yếu và nền tảng.

and that <u>according to the place in evolution of the unit of force involved, so will the length of time required for the process be brief, or the reverse</u>.

và rằng <u>tùy theo vị trí trong tiến hoá của đơn vị mãnh lực liên quan mà khoảng thời gian cần thiết cho tiến trình sẽ ngắn hay ngược lại</u>.

3. The “unit of force” in this instance is the reincarnating human being—technically, the “Jiva”.

3. “Đơn vị mãnh lực” trong trường hợp này là con người tái sinh—về mặt kỹ thuật là “Jiva”.

In the early stages, the initiatory impulse is heavy and slow,

Trong các giai đoạn đầu, xung lực khởi đầu rất nặng nề và chậm chạp,

4. By “the initiatory impulse” is meant the impulse which initiates incarnation.

4. “Xung lực khởi đầu” có nghĩa là xung lực khởi sự sự nhập thể.

and the matter required for the sheaths is of a correspondingly "low" grade, that is, it is of low vibratory capacity,

và vật chất cần thiết cho các thể có phẩm cấp “thấp” tương ứng, nghĩa là nó có khả năng rung động thấp,

5. By “low vibratory capacity” is meant the incapacity of such matter to achieve a relatively high frequency of vibration.

5. “Khả năng rung động thấp” có nghĩa là sự bất lực của loại vật chất ấy trong việc đạt đến một tần số rung động tương đối cao.

6. We note that matter of “low vibratory capacity” is *required*. Matter of higher vibratory capacity would not be suitable for the kinds of developments to be achieved a that early stage.

6. Chúng ta lưu ý rằng vật chất có “khả năng rung động thấp” là điều *cần thiết*. Vật chất có khả năng rung động cao hơn sẽ không thích hợp cho những loại phát triển cần đạt được ở giai đoạn đầu ấy.

and the time elapsing between the first vibration outwards on the mental plane,

và khoảng thời gian trôi qua giữa rung động đầu tiên hướng ra ngoài trên cõi trí,

7. That vibration comes from the higher mental plane. The lower mental subplanes are, with respect to the higher subplanes, in a direction esoterically “outwards”.

7. Rung động ấy đến từ cõi thượng trí. Các cõi phụ hạ trí, so với các cõi phụ cao hơn, nằm theo một hướng được gọi một cách huyền bí là “hướng ra ngoài”.

and the coordination of the dense physical body is a long one.

và sự phối hợp của thể xác đậm đặc là một khoảng thời gian dài.

8. We may often think of the interval lasting from the time of physical death to the time of reabsorption into the causal body as lengthy or the reverse, but perhaps we do not so often think of the great period of time which can be spent from the moment of the initial impulse towards incarnation and the

8. Chúng ta thường có thể nghĩ đến khoảng thời gian kéo dài từ lúc chết trên cõi hồng trần đến lúc được tái hấp thu vào thể nguyên nhân là dài hay ngắn, nhưng có lẽ chúng ta không thường nghĩ đến khoảng thời gian rất lớn có thể trôi qua từ khoảnh khắc của xung

time of the coordination of the dense physical body.

lực ban đầu hướng tới nhập thể cho đến lúc thể xác đậm đặc được phối hợp.

Later on, the vibration becomes more powerful and the effects therefore are more rapidly felt.

Về sau, rung động trở nên mạnh hơn và do đó các hiệu quả được cảm nhận nhanh hơn.

9. A more powerful vibration initiated from the Ego on the higher mental plane results in a shorter time period between the initiation of that vibration and the coordination of the dense physical body.

9. Một rung động mạnh hơn được khởi phát từ chân ngã trên cõi thượng trí dẫn đến một khoảng thời gian ngắn hơn giữa sự khởi phát rung động ấy và sự phối hợp của thể xác đậm đặc.

At the close of evolution, when the human unit is upon the Path and consciously controlling his destiny, and working off [Page 792] karma,

Vào lúc kết thúc tiến hoá, khi đơn vị nhân loại ở trên Con Đường và đang hữu thức kiểm soát số phận của mình, và đang giải trừ [Page 792] nghiệp quả,

10. The implication is that the human unit of low development does not consciously control his destiny and cannot consciously work off karma.

10. Hàm ý ở đây là đơn vị nhân loại kém phát triển không kiểm soát số phận của mình một cách hữu thức và không thể giải trừ nghiệp quả một cách hữu thức.

11. Disciples and initiates, it seems, are, before birth, consciously involved in arranging the destiny of their impending incarnation as a human being in the three lower worlds. They are also, it seems, consciously aware of the potential for the working off of karma in that impending incarnation.

11. Dường như các đệ tử và các điểm đạo đồ, trước khi sinh ra, có tham gia một cách hữu thức vào việc sắp xếp số phận của lần nhập thể sắp đến của mình như một con người trong ba cõi thấp. Dường như họ cũng hữu thức nhận biết tiềm năng giải trừ nghiệp quả trong lần nhập thể sắp đến ấy.

the intervals intervening between two incarnations are brief or not as the man may choose in the interests of the work to be done, and according to his intention to achieve liberation from form.

các khoảng cách xen giữa hai lần nhập thể ngắn hay không là tùy theo con người lựa chọn vì lợi ích của công việc cần được thực hiện, và tùy theo ý định của y nhằm đạt được sự giải thoát khỏi hình tướng.

12. It would seem that, in the interests of the work to be done, or to achieve the capacity to be liberated from form, the intervals between two incarnation can be brief or not. The man, himself, chooses and the choice is

12. Dường như, vì lợi ích của công việc phải được thực hiện, hoặc để đạt được năng lực được giải thoát khỏi hình tướng, các khoảng cách giữa hai lần nhập thể có thể ngắn hoặc không. Chính con người tự chọn, và sự chọn

not made *for* him as in earlier incarnations. Perhaps, for such reasons, a lengthy interval might be chosen. There appears to be *no hard and fast rule* that disciples must necessarily return to incarnation very rapidly, though DK seems to indicate this as desirable and customary.

lựa ấy không được thực hiện *cho* y như trong các lần nhập thể trước đây. Có lẽ, vì những lý do như thế, một khoảng cách dài có thể được chọn. Dường như *không có quy luật cứng nhắc* nào rằng các đệ tử nhất thiết phải trở lại nhập thể thật nhanh, dù Chân sư DK dường như chỉ ra điều này là điều đáng mong muốn và thông thường.

It must also be remembered that as the evolutionary process proceeds, the egoic activity calls out response not only from substance in the three worlds, but also from the formless levels of the system.

Cũng phải nhớ rằng khi tiến trình tiến hoá tiếp diễn, hoạt động chân ngã khơi dậy sự đáp ứng không chỉ từ chất liệu trong ba cõi giới, mà còn từ các cấp độ vô tướng của hệ thống.

13. DK is calling our attention to a type of dual evocation. The intensifying egoic vibration evokes response not only from the lower three worlds but from the levels of the cosmic ethers.

13. Chân sư DK đang hướng sự chú ý của chúng ta đến một loại gợi lên nhị nguyên. Sự rung động chân ngã được tăng cường khơi dậy sự đáp ứng không chỉ từ ba cõi thấp mà còn từ các cấp độ của các dĩ thái vũ trụ.

14. These higher energies become increasingly influential in the life of the man in the three lower worlds as egoic activity intensifies.

14. Các năng lượng cao hơn này ngày càng trở nên có ảnh hưởng trong đời sống của con người trong ba cõi thấp khi hoạt động chân ngã tăng cường.

The response will be felt finally on monadic levels. Then, after **a moment of equilibrium**, the effect of the rhythm is felt entirely on the higher planes, and leaves the lower.

Sự đáp ứng rốt cuộc sẽ được cảm nhận trên các cấp độ chân thần. Khi đó, sau một **khoảnh khắc quân bình**, tác động của nhịp điệu được cảm nhận hoàn toàn trên các cõi cao hơn, và rời khỏi các cõi thấp.

15. This “moment of equilibrium” may well be another name for the state which develops during the destruction of the causal body.

15. “Khoảnh khắc quân bình” này rất có thể là một tên gọi khác cho trạng thái phát triển trong khi thể nguyên nhân bị hủy diệt.

16. Of which “rhythm” are we speaking—the beat of the egoic ‘heart’? A transference is in process and a refocussing on higher planes. We have here yet another way of describing the process of the fourth initiation.

16. Chúng ta đang nói đến “nhịp điệu” nào—nhịp đập của “trái tim” chân ngã chăng? Một sự chuyển dịch đang diễn ra và một sự tái tập trung trên các cõi cao hơn. Ở đây chúng ta lại có thêm một cách khác để mô tả tiến trình của lần điểm đạo thứ tư.

17. Interestingly enough, we learn on TCF 1081 that the thirteenth category of Monads (corresponding to the Monads who are expressing the Jewel in the Lotus fully) is called “the equilibrised atoms”.

17. Điều thú vị là, chúng ta học được trong TCF 1081 rằng loại Monads thứ mười ba (tương ứng với các chân thần đang biểu lộ đầy đủ Viên Ngọc trong Hoa Sen) được gọi là “các nguyên tử được quân bình”.

The word "moment" is used here in its occult significance to **specify a period of time**, and must be considered as a period relative to a day or year of Brahma.

Từ “moment” ở đây được dùng theo thâm nghĩa huyền bí của nó để **chỉ định một khoảng thời gian**, và phải được xem như một khoảng thời gian tương đối so với một ngày hay một năm của Brahma.

18. If the hypothesis offered above (regarding the period of the fourth initiation) is correct, the period concerning the destruction of the causal body and a refocussing on the cosmic ethers would still be very brief in relation to a day or year of Brahma.

18. Nếu giả thuyết được nêu ở trên (liên quan đến giai đoạn của lần điểm đạo thứ tư) là đúng, thì giai đoạn liên quan đến sự hủy diệt của thể nguyên nhân và một sự tái tập trung trên các dĩ thái vũ trụ vẫn sẽ rất ngắn so với một ngày hay một năm của Brahma.

19. We will want to note that, below, DK uses the term “Brahmic moment” to indicate processes which concern the egoic groups specifically. A “moment” however is an imprecise term and there may be many “moments” of greater and lesser duration. The period of the destruction of the causal body may be considered one such “moment” in the life of the Ego.

19. Chúng ta sẽ muốn lưu ý rằng, ở dưới, Chân sư DK dùng thuật ngữ “Brahmic moment” để chỉ các tiến trình đặc biệt liên quan đến các nhóm chân ngã. Tuy nhiên, một “moment” là một thuật ngữ không chính xác và có thể có nhiều “moment” với độ dài lớn nhỏ khác nhau. Giai đoạn hủy diệt thể nguyên nhân có thể được xem là một “moment” như thế trong đời sống của Chân ngã.

20. Of course, the duration of the period when consciousness is focussed on the cosmic ethers would not be brief—at least from our present human perspective.

20. Dĩ nhiên, thời lượng của giai đoạn khi tâm thức được tập trung trên các dĩ thái vũ trụ sẽ không ngắn—ít nhất là từ quan điểm nhân loại hiện tại của chúng ta.

One of the secrets of initiation is concerned with the apprehension of cycles, and with their duration, and the following terms have to be appreciated, their duration recognised, and their antithesis (an intervening pralaya) duly considered before a man is considered a true occultist.

Một trong những bí mật của điểm đạo liên quan đến sự lĩnh hội các chu kỳ, và thời lượng của chúng, và các thuật ngữ sau đây phải được trân trọng, thời lượng của chúng phải được nhận biết, và phản đề của chúng (một giai kỳ qui nguyên xen giữa) phải được cân nhắc đúng mức trước khi một người

được xem là một nhà huyền bí học chân chính.

21. We cannot realistically expect that we will fully fathom the meaning of the cycles discussed below. What is important, is to realize that if a disciple or probationary initiate does *not* appreciate the significance of the terms offered, understanding both their duration and the pralayic periods associated with each cycle, he cannot be considered a "true occultist".

21. Chúng ta không thể thực tế mà mong đợi rằng mình sẽ hoàn toàn thấu triệt ý nghĩa của các chu kỳ được bàn đến dưới đây. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng nếu một đệ tử hay một điểm đạo đồ dự bị *không* trân trọng thâm nghĩa của các thuật ngữ được đưa ra, thấu hiểu cả thời lượng của chúng lẫn các giai kỳ qui nguyên gắn liền với mỗi chu kỳ, thì y không thể được xem là một "nhà huyền bí học chân chính".

22. We do register the fact that our knowledge of cycles is presently scant and patchy. This will gradually be remedied by the knowledge conveyed during the initiatory process.

22. Chúng ta quả có ghi nhận sự kiện rằng tri thức của mình về các chu kỳ hiện nay còn ít ỏi và rời rạc. Điều này sẽ dần dần được khắc phục nhờ tri thức được truyền đạt trong tiến trình điểm đạo.

23. We may find that some of the terms offered below correspond well to the thoughts we have, thus far, built up concerning certain cycles and their duration. Some definitions below may, however, be at variance with those already established in our minds.

23. Chúng ta có thể thấy rằng một số thuật ngữ được đưa ra dưới đây tương ứng khá tốt với những tư tưởng mà cho đến nay chúng ta đã xây dựng về một số chu kỳ và thời lượng của chúng. Tuy nhiên, một số định nghĩa dưới đây có thể khác với những gì đã được thiết lập trong tâm trí chúng ta.

a. 100 years of Brahma… An occult century. The period of a solar system.

a. 100 năm của Brahma… Một thế kỷ huyền bí. Giai đoạn của một hệ mặt trời.

24. This is the standard definition.

24. Đây là định nghĩa tiêu chuẩn.

25. We must pause to realize, however, that the estimate for the duration of a solar system hypothesized by modern scientific thought and the duration asserted by the Ageless Wisdom are, to put it mildly, *vastly* different.

25. Tuy nhiên, chúng ta phải dừng lại để chứng nghiệm rằng ước tính về thời lượng của một hệ mặt trời theo giả thuyết của tư tưởng khoa học hiện đại và thời lượng được Minh Triết Ngàn Đời khẳng định, nói nhẹ đi, là *khác biệt vô cùng lớn*.

26. Are all periods of "100 years of Brahma" exactly equal. There are hints which point in this direction, and yet we may also

26. Có phải mọi giai đoạn "100 năm của Brahma" đều hoàn toàn bằng nhau không? Có những gợi ý chỉ theo hướng này, nhưng

reasonably infer that the previous solar system, said to have lasted an "occult century" or "100 years of Brahma" was greater in duration than the present solar system will be. What we are asking is whether all "occult centuries" are equal.

chúng ta cũng có thể suy ra một cách hợp lý rằng hệ mặt trời trước, được nói là đã kéo dài một "thế kỷ huyền bí" hay "100 năm của Brahma", có thời lượng lớn hơn hệ mặt trời hiện tại sẽ có. Điều chúng ta đang hỏi là liệu mọi "thế kỷ huyền bí" có bằng nhau hay không.

b. One year of Brahma… The period of seven chains, where the seven planetary schemes are concerned.

b. Một năm của Brahma… Giai đoạn của bảy dãy, xét nơi bảy hệ hành tinh.

27. Is this "period of seven chains" the same as the duration of an *entire* planetary scheme? If this is the case, we have a great discrepancy, for it is said that some of the planetary schemes endure *throughout* the mahamanvantara, and a "Year of Brahma" is but one one-hundredth of a mahamanvantara!

27. "Giai đoạn của bảy dãy" này có phải là cùng một thời lượng với toàn bộ thời gian của một *toàn thể* hệ hành tinh không? Nếu đúng như vậy, chúng ta có một sự chênh lệch lớn, vì có nói rằng một số hệ hành tinh tồn tại *suốt* Đại giai kỳ sinh hóa, trong khi một "Năm của Brahma" chỉ là một phần một trăm của một Đại giai kỳ sinh hóa!

In connection with these two planets, it must be remembered that Venus is a sacred planet and the Earth is not. This means that certain of the planets are to the Logos what the permanent atoms are to man. They embody principles. Certain planets afford only temporary homes to these principles. Others persist throughout the mahamanvantara. Of these Venus is one. (TCF 298-299)

Liên quan đến hai hành tinh này, phải nhớ rằng Sao Kim là một hành tinh thiêng liêng còn Trái Đất thì không. Điều này có nghĩa là một số hành tinh đối với Thượng đế cũng giống như các Nguyên tử trường tồn đối với con người. Chúng thể hiện các nguyên khí. Một số hành tinh chỉ cung cấp những nơi cư ngụ tạm thời cho các nguyên khí này. Những hành tinh khác tồn tại suốt Đại giai kỳ sinh hóa. Sao Kim là một trong số đó. (TCF 298-299)

28. Certainly, if planetary schemes are as chakras to the Solar Logos, then it would be impossible that they endure for only *one* Year of Brahma. In any living B/being the seven major chakras must be fully functioning (so it would reasonably seem), for all or, at least, the greater part of its manifestational life.

28. Chắc chắn, nếu các hệ hành tinh là các luân xa đối với Thái dương Thượng đế, thì không thể nào chúng chỉ tồn tại trong *một* Năm của Brahma. Trong bất kỳ B/bản thể sống nào, bảy luân xa chính phải hoạt động đầy đủ (ít ra dường như là như vậy) trong toàn bộ hoặc ít nhất phần lớn đời sống biểu hiện của nó.

29. Hay phải chăng một "giai đoạn của bảy dãy" chỉ là một phần bảy của bảy giai đoạn

29. Or is a “period of seven chains” but one seventh of seven such periods to be experienced by a Planetary Logos?

như thế mà một Hành Tinh Thượng Đế phải trải qua?

30. Is it significant that a period equating to a “Month of Brahma” is missing?

30. Có phải điều đáng chú ý là thiếu mất một giai đoạn tương đương với một “Tháng của Brahma” không?

31. As the number twelve is so important in occultism, relating closely to the number seven, we would hardly expect it to be dissociated from the figure of a year—and a year *is* one of the fundamental ‘Brahmic’ measures.

31. Vì số mười hai rất quan trọng trong huyền bí học, liên hệ chặt chẽ với số bảy, nên chúng ta khó có thể mong đợi nó bị tách rời khỏi hình tượng của một năm—và một năm *quả thật là* một trong những đơn vị đo lường “Brahmic” căn bản.

32. One more point: sometimes planetary *schemes* are called “chains”. They were so in the old theosophical writings. If, in this context, by “chains”, DK actually means planetary schemes, then an entirely different interpretation would be suggested.

32. Thêm một điểm nữa: đôi khi các hệ hành tinh *được gọi* là “dãy”. Chúng đã được gọi như thế trong các trước tác Thông Thiên Học xưa. Nếu, trong ngữ cảnh này, Chân sư DK thực sự muốn nói các hệ hành tinh khi dùng từ “dãy”, thì một cách diễn giải hoàn toàn khác sẽ được gợi ra.

33. If we examine closely what DK has said above, we will note that it is perhaps purposely vague and can be interpreted in diverse ways. We also know that this whole matter of schemes, chains, globes and the rounds which emphasize them apparently in sequential order is *very blinded.* Much caution is needed, therefore, if we are to have any hope of penetrating the occult blinds.

33. Nếu xem xét kỹ điều Chân sư DK đã nói ở trên, chúng ta sẽ lưu ý rằng có lẽ điều đó cố ý mơ hồ và có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau. Chúng ta cũng biết rằng toàn bộ vấn đề về các hệ hành tinh, các dãy, các bầu hành tinh và các cuộc tuần hoàn nhấn mạnh chúng theo thứ tự tuần tự dường như là *rất bị che mờ.* Vì vậy, cần hết sức thận trọng nếu chúng ta còn hy vọng xuyên thấu các bức màn huyền bí.

34. How many periods of seven chains are there where the planetary schemes are concerned? One way of interpreting a *scheme round* is that it is precisely one of seven periods of seven chains (i.e., seven periods of sequential emphasis upon each of the seven chains).

34. Có bao nhiêu giai đoạn của bảy dãy xét nơi các hệ hành tinh? Một cách diễn giải một *cuộc tuần hoàn hệ hành tinh* là nó chính xác là một trong bảy giai đoạn của bảy dãy (tức bảy giai đoạn nhấn mạnh tuần tự trên mỗi một trong bảy dãy).

35. Could it be, however, that this figure of a "Year of Brahma" refers not to the completion of a planetary scheme's *entire process,* but merely to the period of *focus* upon a planetary scheme as a *solar systemic round* passes through it, activating in some manner all of its seven chains, thus stimulating a "period of seven chains where the seven planetary schemes are concerned"?

35. Tuy nhiên, có thể chăng con số "Một Năm của Brahma" này không chỉ đến sự hoàn tất của *toàn bộ tiến trình* của một hệ hành tinh, mà chỉ đến giai đoạn *tập trung* vào một hệ hành tinh khi một *cuộc tuần hoàn hệ mặt trời* đi qua nó, hoạt hóa theo một cách nào đó cả bảy dãy của nó, nhờ đó kích thích một "giai đoạn của bảy dãy xét nơi bảy hệ hành tinh"?

36. We must remember that if a Logos (of any kind) *focuses* upon a particular chain (or chakra), it is not the same as saying that *only that chakra* is active within the energy body of that Logos. A Logos may have multiple simultaneous foci, with *one* of them being the *major* focus.

36. Chúng ta phải nhớ rằng nếu một Thượng đế (thuộc bất kỳ loại nào) *tập trung* vào một dãy đặc biệt (hay một luân xa), điều đó không đồng nghĩa với việc *chỉ luân xa ấy* hoạt động trong thể năng lượng của Thượng đế ấy. Một Thượng đế có thể có nhiều tiêu điểm đồng thời, trong đó *một* tiêu điểm là tiêu điểm *chính*.

37. The following could occur in relation to a *solar systemic round*:

37. Điều sau đây có thể xảy ra liên quan đến một *cuộc tuần hoàn hệ mặt trời*:

a. Each planetary scheme could be activated sequentially in a focal way

a. Mỗi hệ hành tinh có thể được hoạt hóa tuần tự theo cách tiêu điểm

b. A pralaya of the same duration as the activation could occur following the activation

b. Một giai kỳ qui nguyên có cùng thời lượng với sự hoạt hóa có thể xảy ra sau sự hoạt hóa đó

c. Thus, in all, there would be seven activations and seven pralayas for each *solar systemic round*, (That there are presently ten well-designated planetary schemes will have to be reckoned with. Seven of the ten are fundamental.)

c. Như vậy, tổng cộng sẽ có bảy lần hoạt hóa và bảy giai kỳ qui nguyên cho mỗi *cuộc tuần hoàn hệ mặt trời*, (Việc hiện nay có mười hệ hành tinh được xác định rõ sẽ phải được tính đến. Bảy trong mười hệ là căn bản.)

d. Given <u>seven</u> *solar systemic round*s, there would be ninety-eight (7 x 14) activation periods during that lengthy and solar-systemically complete period, and each

d. Với <u>bảy</u> *cuộc tuần hoàn hệ mặt trời*, sẽ có chín mươi tám (7 x 14) giai đoạn hoạt hóa trong suốt giai đoạn dài lâu và hoàn chỉnh theo hệ mặt trời ấy, và mỗi giai đoạn hoạt hóa sẽ kéo dài một Năm của Brahma.

activation period would last one Year of Brahma.

e. The figure ninety-eight is approaching the period of an Occult Century, or 100 Years of Brahma.

f. To speak of a *solar systemic round* in this way does not, however, reveal the *manner* in which these activations would occur or whether they would be strictly sequential or some combination of sequential and simultaneous—a more likely option given the necessity of equating planetary schemes with solar systemic chakras.

38. In any case, it is unlikely that the entire duration of *any* planetary scheme would be only *one* Year of Brahma or one one-hundreth of an occult century.

39. If this caveat is correct, we have to find some method of explaining point "b." other than the obvious method.

40. Let us recapitulate the kinds of rounds there may be:

a. The ordinary *chain round,* with which we are so familiar. The life emphasis of the Logos in question (whether Solar Logos, Planetary Logos or Man) passes through seven globes.

b. A *scheme round* in which the life emphasis of a Logos passes (in a manner not yet to be ascertained) through seven *chains*.

e. Con số chín mươi tám đang tiến gần đến giai đoạn của một Thế Kỷ Huyền Bí, hay 100 Năm của Brahma.

f. Tuy nhiên, nói về một *cuộc tuần hoàn hệ mặt trời* theo cách này không cho thấy *cách thức* mà các sự hoạt hóa này sẽ xảy ra, hay liệu chúng sẽ hoàn toàn tuần tự hay là một sự kết hợp giữa tuần tự và đồng thời—một lựa chọn có vẻ khả dĩ hơn, xét đến sự cần thiết phải đồng nhất các hệ hành tinh với các luân xa của hệ mặt trời.

38. Dù sao đi nữa, khó có khả năng toàn bộ thời lượng của *bất kỳ* hệ hành tinh nào chỉ là *một* Năm của Brahma hay một phần một trăm của một thế kỷ huyền bí.trăm.

39. Nếu lời cảnh báo này là đúng, chúng ta phải tìm một phương pháp nào đó để giải thích điểm "b." ngoài phương pháp hiển nhiên.

40. Chúng ta hãy tóm lược các loại cuộc tuần hoàn có thể có:

a. *Cuộc tuần hoàn dãy* thông thường, mà chúng ta rất quen thuộc. Sự nhấn mạnh sự sống của Thượng đế được nói đến (dù là Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế hay Con Người) đi qua bảy bầu hành tinh.

b. Một *cuộc tuần hoàn hệ hành tinh* trong đó sự nhấn mạnh sự sống của một Thượng đế đi qua (theo một cách chưa thể xác định) bảy *dãy*.

c. A *solar systemic round* in which the life emphasis of the Solar Logos passes through seven *schemes*.

41. When examining the figure "7" and the 343 globes in a solar system consisting of seven major schemes, each with seven chains, each chain having, according to the usual method of counting, seven globes, we would have 7x7x7=343=10=1. There is something about these figures requiring close analysis.

c. One week of Brahma… The period of seven rounds **in one scheme**. It has a chain significance.

42. It may be that the reason why DK tells us that a "week of Brahma" has a *chain* significance is that there may be a period of seven rounds which has a *scheme* significance. (This would mean that within the solar system as a whole, each scheme is to the Solar Logos as a chain is to a Planetary Logos.)

43. It is probable here that DK could here be speaking of seven *scheme* rounds, presumably involving each of the chains in a planetary scheme *seven times,* just as, when considering *chain* rounds, each *globe* is activated seven times—once during each one of the seven chain rounds.

44. (Were this the case, then one "Day of Brahma"—a measure seven times smaller than a "week"—would pertain to a period of seven rounds in one *chain* and would have a 'globe significance'.)

45. However, a period of seven scheme rounds (with the life wave passing through and activating planetary chains instead of

c. Một *cuộc tuần hoàn hệ mặt trời* trong đó sự nhấn mạnh sự sống của Thái dương Thượng đế đi qua bảy *hệ hành tinh*.

41. Khi khảo sát con số "7" và 343 bầu hành tinh trong một hệ mặt trời gồm bảy hệ lớn, mỗi hệ có bảy dãy, mỗi dãy có, theo cách đếm thông thường, bảy bầu hành tinh, chúng ta sẽ có 7x7x7=343=10=1. Có điều gì đó nơi các con số này đòi hỏi phải được phân tích kỹ lưỡng.

c. Một tuần của Brahma… Giai đoạn của bảy cuộc tuần hoàn **trong một hệ hành tinh**. Nó có ý nghĩa dãy.

42. Có thể lý do Chân sư DK nói với chúng ta rằng một "tuần của Brahma" có ý nghĩa *dãy* là vì có thể có một giai đoạn của bảy cuộc tuần hoàn mang ý nghĩa *hệ hành tinh*. (Điều này có nghĩa là trong toàn bộ hệ mặt trời, mỗi hệ hành tinh đối với Thái dương Thượng đế cũng như một dãy đối với một Hành Tinh Thượng Đế.)

43. Ở đây có lẽ Chân sư DK có thể đang nói đến bảy *cuộc tuần hoàn hệ hành tinh*, có lẽ liên quan đến mỗi dãy trong một hệ hành tinh *bảy lần,* cũng như khi xét các *cuộc tuần hoàn dãy*, mỗi *bầu hành tinh* được hoạt hóa bảy lần—một lần trong mỗi một của bảy cuộc tuần hoàn dãy.

44. (Nếu đúng như vậy, thì một "Ngày của Brahma"—một đơn vị đo nhỏ hơn "tuần" bảy lần—sẽ liên quan đến một giai đoạn của bảy cuộc tuần hoàn trong một *dãy* và sẽ có 'ý nghĩa bầu hành tinh'.)

45. Tuy nhiên, một giai đoạn của bảy cuộc tuần hoàn hệ hành tinh (với làn sóng sự sống đi qua và hoạt hóa các dãy hành tinh

planetary globes) would probably signify the entire duration of a planetary scheme and so, according to what is said in point "b.", should equate to a "Year of Brahma" and not to a "Week of Brahma".

thay vì các bầu hành tinh) có lẽ sẽ biểu thị toàn bộ thời lượng của một hệ hành tinh và như thế, theo điều được nói trong điểm "b.", phải tương đương với một "Năm của Brahma" chứ không phải một "Tuần của Brahma".

46. It remains necessary for us to establish (and it will not be any time soon, at least with certainty) whether scheme rounds entail sequential activity on one chain after another—the simple way of explaining a scheme round—or whether scheme rounds occur simultaneously, with chain rounds occurring simultaneously on all chains which, when taken together, constitute a scheme round.

46. Chúng ta vẫn cần phải xác lập (và điều đó sẽ không sớm xảy ra, ít nhất là với sự chắc chắn) liệu các cuộc tuần hoàn hệ hành tinh có bao hàm hoạt động tuần tự trên hết dãy này đến dãy khác—cách giải thích đơn giản về một cuộc tuần hoàn hệ hành tinh—hay liệu các cuộc tuần hoàn hệ hành tinh xảy ra đồng thời, với các cuộc tuần hoàn dãy xảy ra đồng thời trên mọi dãy mà khi gộp lại cấu thành một cuộc tuần hoàn hệ hành tinh.

47. In one manner of considering the sequential option (and it is not likely to be true however much it suggests itself to the concrete mind—that great generator of sequences) we would have, for instance, seven chain rounds on chain one (involving perhaps a "Week of Brahma", followed by an equal period of pralaya. Then seven chain rounds on chain two would occur. By the end of the process we would have fourteen weeks of Brahma—far too few to constitute the "Year of Brahma" necessary for the duration of an entire planetary scheme. Yet if we repeat the process seven times, we have ninety-eight "Weeks of Brahma", which is a period far more than the fifty-two weeks which are, supposedly, in a Year of Brahma".

47. Theo một cách xem xét phương án tuần tự (và điều này khó có thể đúng dù nó gợi ra mạnh mẽ đến đâu cho trí cụ thể—kẻ sản sinh lớn lao của các chuỗi tuần tự), chẳng hạn chúng ta sẽ có bảy cuộc tuần hoàn dãy trên dãy một (có lẽ liên quan đến một "Tuần của Brahma"), tiếp theo là một giai đoạn giai kỳ qui nguyên bằng như thế. Sau đó bảy cuộc tuần hoàn dãy trên dãy hai sẽ xảy ra. Đến cuối tiến trình, chúng ta sẽ có mười bốn tuần của Brahma—quá ít để cấu thành "Năm của Brahma" cần thiết cho thời lượng của toàn bộ một hệ hành tinh. Tuy nhiên, nếu chúng ta lặp lại tiến trình ấy bảy lần, chúng ta sẽ có chín mươi tám "Tuần của Brahma", một giai đoạn lớn hơn rất nhiều so với năm mươi hai tuần được cho là có trong một Năm của Brahma".

48. Some other way of understanding scheme rounds (other than strictly sequential) must be the correct one. The whole matter may be far more complex. **Since planetary chains are chakras with the Planetary Logos, we would expect *simultaneous activity* on all of them (though**

48. Một cách hiểu nào khác về các cuộc tuần hoàn hệ hành tinh (ngoài cách hoàn toàn tuần tự) hẳn phải là cách đúng. Toàn bộ vấn đề có thể phức tạp hơn nhiều. **Vì các dãy hành tinh là các luân xa nơi Hành Tinh Thượng Đế, chúng ta sẽ mong đợi *hoạt động đồng thời* trên tất cả chúng (dù ở những**

to differing degrees). It may well be that before the round activity on one chain has elapsed, round activity on the succeeding chain (and, in fact, on *all* succeeding chains) may have, to some extent, begun.

49. Our deficiency, is that we do not really know the nature of a *scheme* round, while we do *suppose* that we know the nature of a *chain* round. Even the simpler design of a chain round may not take place precisely as we imagine, **for globes, too, are as chakras, and must be *simultaneously active* in the life of a Globe Lord**.

50. The great problem of how to reconcile simultaneity and sequentiality has not been solved—by *us.*

51. Is there chain round activity on, say, chain five, six or seven of our Earth-scheme even *now*? If chains are chakras and chakras function simultaneously, and their functioning involves chain-round activity, **we would have to say, "Yes"**.

52. The standard theosophical presentation (when describing the progress of a life-wave) gives us a picture of strict sequentiality, but this seems to discount the type of energy movements which would necessarily arise if globes were chakras and chains were chakras (and, further, if schemes were chakras)

53. Another associated question could be presented as follows: "**Are there seven chain rounds per chain or are there forty-nine**?"

mức độ khác nhau). Rất có thể trước khi hoạt động cuộc tuần hoàn trên một dãy chấm dứt, hoạt động cuộc tuần hoàn trên dãy kế tiếp (và thật ra trên *mọi* dãy kế tiếp) có thể, ở một mức độ nào đó, đã bắt đầu.

49. Sự thiếu sót của chúng ta là chúng ta không thật sự biết bản chất của một cuộc tuần hoàn *hệ hành tinh*, trong khi chúng ta lại *cho rằng* mình biết bản chất của một cuộc tuần hoàn *dãy*. Ngay cả mô hình đơn giản hơn của một cuộc tuần hoàn dãy cũng có thể không diễn ra chính xác như chúng ta tưởng tượng, **vì các bầu hành tinh cũng là các luân xa, và phải *đồng thời hoạt động* trong đời sống của một Chúa Tể Bầu Hành Tinh**.

50. Vấn đề lớn lao về cách dung hòa tính đồng thời và tính tuần tự vẫn chưa được giải quyết—bởi *chúng ta.*

51. Có hoạt động cuộc tuần hoàn dãy nào trên, chẳng hạn, dãy năm, sáu hay bảy của hệ Địa Cầu của chúng ta ngay cả *bây giờ* không? Nếu các dãy là các luân xa và các luân xa hoạt động đồng thời, và hoạt động của chúng bao hàm hoạt động cuộc tuần hoàn dãy, thì **chúng ta sẽ phải nói, "Có"**.

52. Cách trình bày tiêu chuẩn của Thông Thiên Học (khi mô tả sự tiến triển của một làn sóng sự sống) cho chúng ta một bức tranh về tính tuần tự nghiêm ngặt, nhưng điều này dường như không tính đến loại chuyển động năng lượng tất yếu sẽ phát sinh nếu các bầu hành tinh là các luân xa và các dãy là các luân xa (và hơn nữa, nếu các hệ hành tinh là các luân xa)

53. Một câu hỏi liên hệ khác có thể được nêu như sau: "**Mỗi dãy có bảy cuộc tuần hoàn dãy hay có bốn mươi chín**?" Câu trả lời sẽ

The answer will depend upon how we define a *scheme round.*

54. One fairly intricate conception which may be worth consideration (for its indications rather than its strict accuracy) is as follows, though some contradiction with the usual present conceptions will arise:

a. Seven chains exist simultaneously.

b. When round one on chain one begins there is no chain round activity on any of the other six chains.

c. When round two on chain one begins, round one on chain two begins.

d. When round three on chain one begins, round two on chain two begins and round one of chain three begins.

e. Thus round one on chain seven will begin with round seven on chain one is beginning.

f. When round seven on chain one is completed, round one of chain seven will be completed.

g. Chain one may then go into pralaya, and will only emerge from pralaya after chain seven has completed all of its seven rounds, for each globe, chain, and scheme must have (we have been taught) a period of pralaya commensurate with the period of activity which has just elapsed.

tùy thuộc vào cách chúng ta định nghĩa một *cuộc tuần hoàn hệ hành tinh.*

54. Một quan niệm khá phức tạp có thể đáng để xem xét (vì các chỉ dấu của nó hơn là vì tính chính xác nghiêm ngặt của nó) như sau, dù sẽ nảy sinh một số mâu thuẫn với các quan niệm thông thường hiện nay:

a. Bảy dãy tồn tại đồng thời.

b. Khi cuộc tuần hoàn một trên dãy một bắt đầu thì không có hoạt động cuộc tuần hoàn dãy nào trên bất kỳ dãy nào khác trong sáu dãy còn lại.

c. Khi cuộc tuần hoàn hai trên dãy một bắt đầu, cuộc tuần hoàn một trên dãy hai bắt đầu.

d. Khi cuộc tuần hoàn ba trên dãy một bắt đầu, cuộc tuần hoàn hai trên dãy hai bắt đầu và cuộc tuần hoàn một của dãy ba bắt đầu.

e. Như vậy cuộc tuần hoàn một trên dãy bảy sẽ bắt đầu khi cuộc tuần hoàn bảy trên dãy một đang bắt đầu.

f. Khi cuộc tuần hoàn bảy trên dãy một hoàn tất, cuộc tuần hoàn một của dãy bảy sẽ hoàn tất.

g. Khi đó dãy một có thể đi vào giai kỳ qui nguyên, và sẽ chỉ xuất hiện trở lại từ giai kỳ qui nguyên sau khi dãy bảy đã hoàn tất cả bảy cuộc tuần hoàn của nó, vì mỗi bầu hành tinh, dãy và hệ hành tinh đều phải có (như chúng ta đã được dạy) một giai đoạn giai kỳ qui nguyên tương xứng với giai đoạn hoạt động vừa trôi qua.

55. If we retain the chakra analogy, however, **this solution is *not entirely satisfactory*,** as there will need to be a time when both chain seven and chain one are *fully* active—for instance at the fifth initiation of the Entity concerned—in this case a Planetary Logos. (At the fifth initiation the crown center and base of the spine center are intimately engaged with each other.)

55. Tuy nhiên, nếu chúng ta giữ phép loại suy về luân xa, thì **giải pháp này *không hoàn toàn thỏa đáng*,** vì sẽ cần có một thời điểm khi cả dãy bảy lẫn dãy một đều hoạt động *đầy đủ*—chẳng hạn vào lần điểm đạo thứ năm của Thực Thể liên hệ—trong trường hợp này là một Hành Tinh Thượng Đế. (Ở lần điểm đạo thứ năm, trung tâm đỉnh đầu và trung tâm đáy cột sống gắn bó mật thiết với nhau.)

56. The further we go into the analysis, the more it appears that a very complex type of mathematics is involved, and one that we cannot possibly grasp at present.

56. Chúng ta càng đi sâu vào phân tích, càng thấy dường như có liên quan đến một loại toán học rất phức tạp, và là loại mà hiện nay chúng ta hoàn toàn không thể nắm bắt được.

57. One additional solution which may well bear good fruit is as follows: the chain rounds in the earlier chains would proceed much more slowly than the chain rounds in subsequent chains, so that the chain rounds in the seventh chain would be the very fastest of all, and would be coming to fruition only as the chain rounds in the first chain would be reaching fulfillment. This would necessitate that chain rounds in the later chains would begin much later than chain rounds in the earlier chains. Could chakric functioning, however (and chakric functioning is, in some measure necessary from the first) be sustained if there were no round activity? This has to be determined.

57. Một giải pháp bổ sung nữa có thể rất sinh quả tốt là như sau: các cuộc tuần hoàn dãy trong các dãy trước sẽ tiến hành chậm hơn nhiều so với các cuộc tuần hoàn dãy trong các dãy sau, đến nỗi các cuộc tuần hoàn dãy trong dãy thứ bảy sẽ là nhanh nhất trong tất cả, và sẽ đi đến kết quả chỉ khi các cuộc tuần hoàn dãy trong dãy thứ nhất đang đạt đến sự hoàn tất. Điều này sẽ đòi hỏi rằng các cuộc tuần hoàn dãy trong các dãy sau sẽ bắt đầu muộn hơn rất nhiều so với các cuộc tuần hoàn dãy trong các dãy trước. Tuy nhiên, liệu hoạt động luân xa có thể được duy trì không (và hoạt động luân xa, ở một mức độ nào đó, là cần thiết ngay từ đầu) nếu không có hoạt động cuộc tuần hoàn? Điều này phải được xác định.

58. OR, it could be **that *each type of chain round has its own rate and measure*** and that the duration of chain rounds not only varies within every planetary scheme but is not equal at all *on any chain* within a given planetary scheme. There are many indications to suggest that on or within each chain, the sequence of seven chain rounds accelerates, but there is no guarantee of this. If, for instance, **the base of the spine center**

58. HOẶC, có thể là **mỗi loại cuộc tuần hoàn dãy đều có nhịp độ và thước đo riêng của nó** và thời lượng của các cuộc tuần hoàn dãy không những thay đổi trong mỗi hệ hành tinh mà còn hoàn toàn không bằng nhau *trên bất kỳ dãy nào* trong một hệ hành tinh nhất định. Có nhiều chỉ dấu cho thấy rằng trên hay trong mỗi dãy, chuỗi bảy cuộc tuần hoàn dãy tăng tốc, nhưng không có gì bảo đảm điều này. Chẳng hạn, nếu **trung tâm**

is *both* the first to develop and one of the last to complete its development, there may be an interesting variation in the relative speed of its seven chain rounds—assuming that there are only seven.

đáy cột sống *vừa* là trung tâm đầu tiên phát triển vừa là một trong những trung tâm cuối cùng hoàn tất sự phát triển của nó, thì có thể có một biến thiên thú vị trong tốc độ tương đối của bảy cuộc tuần hoàn dãy của nó—giả sử rằng chỉ có bảy cuộc tuần hoàn như thế.

59. Let us propose the following as important factors for the eventual formation of a comprehensive hypothesis concerning rounds of all kinds:

59. Chúng ta hãy đề nghị những điều sau đây như các yếu tố quan trọng cho sự hình thành sau cùng của một giả thuyết toàn diện về các cuộc tuần hoàn thuộc mọi loại:

a. There are planetary schemes which represent the lower chakras and those which represents middle and higher chakras.

a. Có những hệ hành tinh đại diện cho các luân xa thấp và những hệ đại diện cho các luân xa trung gian và cao hơn.

b. All chakras in the Solar Logos exist simultaneously and function (at least to some extent) simultaneously. ***If all did not function simultaneously, then the organs and/or glands associated with each chakra would not function and life could not be sustained***.

b. Mọi luân xa trong Thái dương Thượng đế đều tồn tại đồng thời và hoạt động (ít nhất ở một mức độ nào đó) đồng thời. ***Nếu tất cả không hoạt động đồng thời, thì các cơ quan và/hoặc các tuyến liên kết với mỗi luân xa sẽ không hoạt động và sự sống không thể được duy trì***.

c. Does round activity within all planetary schemes, however, exist simultaneously? I.e., is it possible for the chakras to exist and to function *without* round activity occurring? *This is a very important question.* Can these chakras uphold their function within any system without the presence of round activity?

c. Tuy nhiên, liệu hoạt động cuộc tuần hoàn trong mọi hệ hành tinh có tồn tại đồng thời không? Tức là, liệu các luân xa có thể tồn tại và hoạt động *mà không* có hoạt động cuộc tuần hoàn xảy ra không? *Đây là một câu hỏi rất quan trọng.* Các luân xa này có thể duy trì chức năng của chúng trong bất kỳ hệ thống nào mà không có sự hiện diện của hoạt động cuộc tuần hoàn không?

d. We can hypothesize that round activity can be correlated with the unfoldment of the petals of any lotus. All chakras (thus all globes, chains and schemes) have a petal formation which must gradually unfold. At least we will hypothesize that as round activity proceeds within any chakra it is accompanied by the petal unfoldment within that chakra. (This hypothesis could,

d. Chúng ta có thể giả thuyết rằng hoạt động cuộc tuần hoàn có thể được tương quan với sự khai mở các cánh hoa của bất kỳ hoa sen nào. Mọi luân xa (do đó mọi bầu hành tinh, dãy và hệ hành tinh) đều có một cấu tạo cánh hoa phải dần dần khai mở. Ít nhất chúng ta sẽ giả thuyết rằng khi hoạt động cuộc tuần hoàn tiến hành trong bất kỳ luân xa nào thì nó đi kèm với sự khai mở

however, be incorrect, but there is probably more indication that it is more correct than that it is not. The other alternative is that petal unfoldment within a chakra proceeds *without* the benefit of round activity, thus there could be chakric unfoldment *without* round activity. But really, it seems anti-intuitive to separate the two. Round activity is really a form of *energy circulation* within a chakra, this circulation being necessary to the chakra's petal unfoldment—so it reasonably seems.)

cánh hoa trong luân xa ấy. (Tuy nhiên, giả thuyết này có thể không đúng, nhưng có lẽ có nhiều chỉ dấu cho thấy nó đúng hơn là không đúng. Giải pháp thay thế kia là sự khai mở cánh hoa trong một luân xa tiến hành *không có* lợi ích của hoạt động cuộc tuần hoàn, do đó có thể có sự khai mở luân xa *không có* hoạt động cuộc tuần hoàn. Nhưng thật sự, dường như trái với trực giác khi tách rời hai điều ấy. Hoạt động cuộc tuần hoàn thật ra là một hình thức *tuần hoàn năng lượng* trong một luân xa, và sự tuần hoàn này là cần thiết cho sự khai mở cánh hoa của luân xa—ít nhất dường như hợp lý là như vậy.)

e. Assuming that round activity and petal unfoldment proceed in a parallel manner, and assuming that the lower chakras would begin unfolding their petals and would more rapidly unfold those petals well before the middle and higher chakras do, then round activity with its parallel petal unfoldment within the lower chakras would (from one perspective) begin well before such activity in the higher chakras.

e. Giả sử rằng hoạt động cuộc tuần hoàn và sự khai mở cánh hoa tiến hành song song, và giả sử rằng các luân xa thấp sẽ bắt đầu khai mở cánh hoa của chúng và sẽ khai mở các cánh hoa ấy nhanh hơn nhiều trước khi các luân xa trung gian và cao hơn làm như vậy, thì hoạt động cuộc tuần hoàn cùng với sự khai mở cánh hoa song song của nó trong các luân xa thấp sẽ (từ một góc nhìn) bắt đầu sớm hơn nhiều so với hoạt động như thế trong các luân xa cao hơn.

f. From this perspective, the round activity within the planets representing say, the base of the spine center, the sacral center and the solar plexus center would begin much earlier than round activity on those planets representing the heart, ajna or crown centers. There would be, eventually, simultaneity of different phases of round activity on all planetary schemes, however the round activity on planetary schemes representing higher centers would be far behind the round activity within those planetary schemes representing the lower chakras. The mathematics of such a consideration are staggering to consider.

f. Từ góc nhìn này, hoạt động cuộc tuần hoàn trong các hành tinh đại diện, chẳng hạn, cho trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng và trung tâm tùng thái dương sẽ bắt đầu sớm hơn nhiều so với hoạt động cuộc tuần hoàn trên những hành tinh đại diện cho các trung tâm tim, ajna hay đỉnh đầu. Tuy nhiên, rốt cuộc sẽ có tính đồng thời của các giai đoạn khác nhau của hoạt động cuộc tuần hoàn trên mọi hệ hành tinh, nhưng hoạt động cuộc tuần hoàn trên các hệ hành tinh đại diện cho các trung tâm cao hơn sẽ ở rất xa phía sau hoạt động cuộc tuần hoàn trong những hệ hành tinh đại diện cho các luân xa thấp. Toán học của một cách xem xét như thế thật choáng ngợp.

g. Yet, there may be a flaw in the consideration just offered, as, for instance, the heart center must be functioning even during early stages of activity, and such functioning probably means a degree of petal unfoldment.

Tuy nhiên, có thể có một khiếm khuyết trong cách xem xét vừa được nêu ra, vì chẳng hạn trung tâm tim phải hoạt động ngay cả trong các giai đoạn đầu của hoạt động, và sự hoạt động như thế có lẽ hàm ý một mức độ khai mở cánh hoa nào đó.

h. Although the earlier chakras would very reasonably unfold their petals more rapidly than the later chakras, there is no certainty that the higher/later chakras would *begin* stimulating their first petal only well *after* the earlier chakras began the process of petal stimulation. It might be so. It might not be so. Maybe the pulsation of life alone would be enough to keep a higher chakra functioning until the time arrived for petal unfoldment (and round activity), but maybe not. One thing we know is that all chakras must function to some minimal degree at all times (except during the very last phases of chakra absorption).

h. Mặc dù các luân xa trước sẽ rất hợp lý khi khai mở cánh hoa của chúng nhanh hơn các luân xa sau, nhưng không có gì chắc chắn rằng các luân xa cao hơn/sau hơn sẽ *bắt đầu* kích thích cánh hoa đầu tiên của chúng chỉ rất lâu *sau khi* các luân xa trước bắt đầu tiến trình kích thích cánh hoa. Có thể là như vậy. Cũng có thể không. Có lẽ chỉ riêng sự rung động của sự sống cũng đủ để giữ cho một luân xa cao hơn hoạt động cho đến khi thời điểm khai mở cánh hoa (và hoạt động cuộc tuần hoàn) đến, nhưng cũng có thể không. Một điều chúng ta biết là mọi luân xa phải hoạt động ở một mức độ tối thiểu nào đó trong mọi lúc (ngoại trừ trong các giai đoạn cuối cùng của sự hấp thu luân xa).

i. What we must establish is whether chakric functioning equates with round activity for that chakra—i.e., is there chakric functioning *before* there is round activity or is the beginning of round activity equivalent to chakric functioning?

i. Điều chúng ta phải xác lập là liệu hoạt động luân xa có tương đương với hoạt động cuộc tuần hoàn của luân xa ấy hay không—tức là, có hoạt động luân xa *trước khi* có hoạt động cuộc tuần hoàn hay không, hay sự bắt đầu của hoạt động cuộc tuần hoàn tương đương với hoạt động luân xa?

j. Three possibilities exist:

j. Có ba khả năng:

i. The pulsation of life could alone be sufficient to sustain a chakra at a necessary vehicle-maintenance level

i. Chỉ riêng sự rung động của sự sống có thể đủ để duy trì một luân xa ở mức cần thiết cho việc duy trì vận cụ

ii. Petal unfoldment beings with the onset of round activity

ii. Sự khai mở cánh hoa bắt đầu cùng với sự khởi phát của hoạt động cuộc tuần hoàn

iii. Petal unfoldment begins before the onset of round activity.

iii. Sự khai mở cánh hoa bắt đầu trước sự khởi phát của hoạt động cuộc tuần hoàn.

k. If we wish to assume that there must be round activity if there is to be chakric functioning (i.e., petal unfoldment—assuming that chakric functioning requires petal unfoldment), and if we assume that all chakras must function *from the first* (as seems organically necessary) and that the only way that chakras can really function is if there is round activity and, thus, petal unfoldment, then we could assume the following. *All chakras would begin their activation* (however slow or fast) *simultaneously*, because no chakra could really function without life-wave activity, THEN—

k. Nếu chúng ta muốn giả định rằng phải có hoạt động cuộc tuần hoàn thì mới có hoạt động luân xa (tức là sự khai mở cánh hoa—giả sử rằng hoạt động luân xa đòi hỏi sự khai mở cánh hoa), và nếu chúng ta giả định rằng mọi luân xa phải hoạt động *ngay từ đầu* (như dường như là cần thiết về mặt hữu cơ) và rằng cách duy nhất để các luân xa thật sự hoạt động là phải có hoạt động cuộc tuần hoàn và do đó có sự khai mở cánh hoa, thì chúng ta có thể giả định điều sau đây. *Mọi luân xa sẽ bắt đầu sự hoạt hóa của chúng* (dù chậm hay nhanh) *đồng thời*, vì không luân xa nào có thể thật sự hoạt động nếu không có hoạt động của làn sóng sự sống, RỒI—

i. Round activity would begin in every planetary scheme *at the same time,* and, thus, within every chakra, petal unfoldment (however slow or fast) would begin *at the same time*.

i. Hoạt động cuộc tuần hoàn sẽ bắt đầu trong mọi hệ hành tinh *cùng một lúc,* và do đó, trong mọi luân xa, sự khai mở cánh hoa (dù chậm hay nhanh) sẽ bắt đầu *cùng một lúc*.

ii. But, when comparing, for instance, the first round on a planet representing a lower chakra with the first round on a planet representing a higher, then the first round on the higher planet (and thus the rate of unfoldment of its first petal) will be *very* slow compared with the first round on a lower planet, and, in parallel, the unfoldment of the first petal of a higher chakra would be *much slower* than the unfoldment of the first petal in a lower chakra.

ii. Nhưng, khi so sánh, chẳng hạn, cuộc tuần hoàn thứ nhất trên một hành tinh tượng trưng cho một luân xa thấp với cuộc tuần hoàn thứ nhất trên một hành tinh tượng trưng cho một luân xa cao hơn, thì cuộc tuần hoàn thứ nhất trên hành tinh cao hơn ấy (và do đó tốc độ khai mở cánh hoa thứ nhất của nó) sẽ là *rất* chậm so với cuộc tuần hoàn thứ nhất trên một hành tinh thấp hơn, và song song với điều đó, sự khai mở cánh hoa thứ nhất của một luân xa cao hơn sẽ *chậm hơn nhiều* so với sự khai mở cánh hoa thứ nhất trong một luân xa thấp hơn.

iii. Some lower planets would finish their round activity long before the higher planets do.

iii. Một số hành tinh thấp hơn sẽ hoàn tất hoạt động cuộc tuần hoàn của chúng rất lâu trước khi các hành tinh cao hơn làm được điều đó.

iv. Yet for a planet such as the one representing the base of the spine center, there may be initially rapid round activity, and yet, since the full development of the base of the spine center must only be concluded at the fifth initiation, perhaps, later rounds on that planet will again be slower.

iv. Tuy nhiên, đối với một hành tinh như hành tinh tượng trưng cho trung tâm đáy cột sống, lúc đầu có thể có hoạt động cuộc tuần hoàn nhanh, nhưng vì sự phát triển trọn vẹn của trung tâm đáy cột sống chỉ phải được hoàn tất vào lần điểm đạo thứ năm, nên có lẽ các cuộc tuần hoàn sau này trên hành tinh ấy lại sẽ chậm hơn.

v. We must ask ourselves whether, for instance, our own base of the spine center is now *fully* developed in terms of petal unfoldment (and the equivalent in that chakra of round activity) or whether there is still some final petal unfoldment impending (since we are not yet initiates of the fifth degree).

v. Chúng ta phải tự hỏi liệu, chẳng hạn, trung tâm đáy cột sống của chính chúng ta hiện nay có *hoàn toàn* phát triển xét theo sự khai mở cánh hoa (và điều tương đương trong luân xa đó của hoạt động cuộc tuần hoàn) hay chưa, hoặc liệu vẫn còn một sự khai mở cánh hoa cuối cùng sắp xảy ra hay không (vì chúng ta chưa phải là các điểm đạo đồ cấp năm).

vi. We hypothesized, then, that 'round rates' would be different upon every planetary scheme and even different from each other *within* a specific planetary scheme, and also different from chain to chain. *There seems to be no analogical justification for complete regularity of round duration from scheme to scheme, from chain to chain, and even within the same chain.*

vi. Khi ấy, chúng ta đã giả thuyết rằng các "tốc độ cuộc tuần hoàn" sẽ khác nhau trên mọi hệ hành tinh và thậm chí còn khác nhau với nhau *trong nội bộ* một hệ hành tinh nhất định, và cũng khác nhau từ dãy này sang dãy khác. *Dường như không có sự biện minh nào theo định luật tương đồng cho một tính đều đặn hoàn toàn của thời lượng cuộc tuần hoàn từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác, từ dãy này sang dãy khác, và ngay cả trong cùng một dãy.*

vii. Rounds may, we hypothesize:

vii. Chúng ta giả thuyết rằng các cuộc tuần hoàn có thể:

1. Start slowly, speed up and then slow down again.

1. Bắt đầu chậm, tăng tốc rồi lại chậm xuống.

2. Start slowly and then speed up

2. Bắt đầu chậm rồi tăng tốc

3. Start rapidly and then slow down

3. Bắt đầu nhanh rồi chậm lại

4. Start rapidly, then slow down and then speed up again

4. Bắt đầu nhanh, rồi chậm lại, rồi lại tăng tốc

viii. The mathematics of relative round speed and duration (assuming that there are a number of good reasons to believe that they are not simply uniform and sequential) is certainly one of the deep secrets of initiation. Within each system (whether a chain, a scheme or a solar system) it would seem that a unique algorithm is being worked out.

viii. Toán học về tốc độ và thời lượng tương đối của các cuộc tuần hoàn (giả sử rằng có nhiều lý do xác đáng để tin rằng chúng không đơn giản là đồng đều và tuần tự) chắc chắn là một trong những bí mật sâu xa của điểm đạo. Trong mỗi hệ thống (dù là một dãy, một hệ hành tinh hay một hệ mặt trời), dường như một thuật toán độc nhất đang được triển khai.

ix. All we can hope to do is understand, however vaguely, the principles involved.

ix. Tất cả những gì chúng ta có thể hy vọng làm là thấu hiểu, dù mơ hồ đến đâu, các nguyên lý liên hệ.

l. It also seems likely that round activity *continues* within higher chakras after it has ceased on the lower.

l. Dường như cũng có khả năng là hoạt động cuộc tuần hoàn *tiếp tục* trong các luân xa cao hơn sau khi nó đã chấm dứt ở các luân xa thấp hơn.

m. As well, we must determine whether the full activation of a lower chakra depends upon *its own internal development* or upon stimulation from other parts of the larger system in which it is imbedded.

m. Ngoài ra, chúng ta phải xác định liệu sự hoạt hóa trọn vẹn của một luân xa thấp có tùy thuộc vào *sự phát triển nội tại của chính nó* hay vào sự kích thích từ những phần khác của hệ thống lớn hơn mà nó được đặt trong đó.

n. For instance, could it be that the petals of the base of the spine center may be fully unfolded long before the full development of the petals of the head center, and yet that the base of the spine center would not be fully activated until receiving stimulation from the head center or other higher centers?

n. Chẳng hạn, có thể nào các cánh hoa của trung tâm đáy cột sống có thể khai mở hoàn toàn rất lâu trước khi các cánh hoa của trung tâm đầu phát triển trọn vẹn, nhưng trung tâm đáy cột sống vẫn chưa được hoạt hóa hoàn toàn cho đến khi nhận được sự kích thích từ trung tâm đầu hoặc các trung tâm cao hơn khác?

o. Perhaps, the full activation of any chakra depends not so much on petal unfoldment as on a particular type of activation of the central jewel. I.e., perhaps many chakras are *already* fully activated from the perspective

o. Có lẽ sự hoạt hóa trọn vẹn của bất kỳ luân xa nào không tùy thuộc nhiều vào sự khai mở cánh hoa bằng vào một loại hoạt hóa đặc biệt của viên ngọc trung tâm. Tức là, có lẽ nhiều luân xa *đã* được hoạt hóa hoàn toàn

of petal unfoldment but *not* activated in terms of the stimulation of the central jewel.

xét từ góc độ khai mở cánh hoa nhưng *không* được hoạt hóa xét theo sự kích thích của viên ngọc trung tâm.

p. Once full round development on any planetary scheme has been achieved, how long could it be sustained before stimulation came from elsewhere in the larger system of chakras (bringing, perhaps, final and full activation of the chakra concerned).

p. Một khi sự phát triển cuộc tuần hoàn trọn vẹn trên bất kỳ hệ hành tinh nào đã đạt được, nó có thể được duy trì bao lâu trước khi sự kích thích đến từ nơi khác trong hệ thống luân xa lớn hơn (có lẽ mang lại sự hoạt hóa cuối cùng và trọn vẹn của luân xa liên hệ).

q. OR, does the *fullest* activation for *all* chakras occur simultaneously towards the end of the development of the larger system? This latter seems unlikely, as Venus, it seems is presently very near to full unfoldment whereas other, greater planets are very far from full unfoldment. (Permanent atoms, we notice, achieve full activation sequentially and *not* all at the same time). Yet, who among us is to speak authoritatively of final 'jewel dynamics'?

q. HAY, phải chăng sự hoạt hóa *đầy đủ nhất* cho *mọi* luân xa xảy ra đồng thời vào gần cuối sự phát triển của hệ thống lớn hơn? Điều sau này có vẻ không chắc, vì Sao Kim dường như hiện đang rất gần sự khai mở trọn vẹn, trong khi các hành tinh khác lớn hơn lại còn rất xa sự khai mở trọn vẹn. (Các Nguyên tử trường tồn, như chúng ta nhận thấy, đạt đến sự hoạt hóa trọn vẹn một cách tuần tự chứ *không* phải tất cả cùng một lúc). Tuy nhiên, ai trong chúng ta có thể nói một cách có thẩm quyền về "động lực học của viên ngọc" tối hậu?

r. Probably, the various planetary schemes reach full petal unfoldment at different times, and thus, reach full completing of round cycles at different times. Yet, because planets are chakras, they must remain functional until the very latter days of solar systemic development. Perhaps, then, full activation of the central jewel is withheld until the later stages of solar systemic development, OR, perhaps the fullest activation of any chakra occurs as a result of relationship between the chakras and not because of the chakras own internal processes.

r. Có lẽ các hệ hành tinh khác nhau đạt đến sự khai mở cánh hoa trọn vẹn vào những thời điểm khác nhau, và do đó hoàn tất các chu kỳ cuộc tuần hoàn trọn vẹn vào những thời điểm khác nhau. Tuy nhiên, vì các hành tinh là các luân xa, chúng phải vẫn còn hoạt động cho đến những ngày rất muộn của sự phát triển hệ mặt trời. Vậy thì có lẽ sự hoạt hóa trọn vẹn của viên ngọc trung tâm bị trì hoãn cho đến các giai đoạn sau của sự phát triển hệ mặt trời, HOẶC, có lẽ sự hoạt hóa đầy đủ nhất của bất kỳ luân xa nào xảy ra như là kết quả của mối liên hệ giữa các luân xa chứ không phải do các tiến trình nội tại của chính luân xa đó.

60. The mysteries (to us) are many and the possible intricacies staggering. What is

60. Những huyền nhiệm (đối với chúng ta) thì nhiều, và những phức tạp khả dĩ thì

being suggested here are factors which may have to be taken into consideration. There are still (for us) too many uncertainties to offer just *one* reasonably coherent hypothesis regarding

choáng ngợp. Điều được gợi ý ở đây là những yếu tố có thể phải được đem vào cân nhắc. Vẫn còn (đối với chúng ta) quá nhiều điều bất định để đưa ra chỉ *một* giả thuyết tương đối mạch lạc về

a. round activity,

a. hoạt động cuộc tuần hoàn,

b. petal unfoldment,

b. sự khai mở cánh hoa,

c. sequence of chakra development,

c. trình tự phát triển luân xa,

d. sequence or simultaneity of *final* chakra development,

d. trình tự hay tính đồng thời của sự phát triển luân xa *cuối cùng*,

e. inter-chakra dynamics which may contribute to *final* chakra unfoldment.

e. động lực liên-luân-xa có thể góp phần vào sự khai mở luân xa *cuối cùng*.

61. Probably, we shall achieve some greater degree of understanding if we think that a combination of simultaneity and sequentiality is always occurring. All chakras (i.e., all globes, chains and schemes) exist and function simultaneously, but the L/logos in question directs His principal focus to the various parts of His system in a sequential process.

61. Có lẽ, chúng ta sẽ đạt được một mức độ thấu hiểu lớn hơn nào đó nếu nghĩ rằng một sự kết hợp giữa tính đồng thời và tính tuần tự luôn luôn đang xảy ra. Mọi luân xa (tức là mọi bầu hành tinh, dãy và hệ hành tinh) đều tồn tại và hoạt động đồng thời, nhưng L/logos liên hệ lại hướng sự tập trung chính của Ngài đến các phần khác nhau của hệ thống của Ngài trong một tiến trình tuần tự.

62. A further refinement of this principle of simultaneity is to consider *overlapping activity.* In other words, though activity upon/within all seven chakras of a seven-chakra system may be simultaneous, it may not be of the same intensity and speed within each chakra. This seems very likely.

62. Một sự tinh luyện thêm của nguyên lý đồng thời này là xét đến *hoạt động chồng lấn.* Nói cách khác, dù hoạt động trên/trong cả bảy luân xa của một hệ thống bảy luân xa có thể là đồng thời, nhưng nó có thể không có cùng cường độ và tốc độ trong mỗi luân xa. Điều này có vẻ rất có khả năng.

d. One day of Brahma… The occult period of a round.

d. Một ngày của Brahma… Chu kỳ huyền bí của một cuộc tuần hoàn.

63. Again, we are familiar with this idea.

63. Một lần nữa, chúng ta quen thuộc với ý tưởng này.

64. Probably, we are speaking of a round which occurs within chains and involves progress from globe to globe (within a chain of, normally, seven globes).

64. Có lẽ, chúng ta đang nói về một cuộc tuần hoàn xảy ra trong các dãy và bao gồm sự tiến triển từ bầu hành tinh này sang bầu hành tinh khác (trong một dãy, thông thường, gồm bảy bầu hành tinh).

65. We might also wonder what is being hinted by the term "occult period". Is there an *exoteric* "period" of a round and, also, something different called an "occult period"?

65. Chúng ta cũng có thể tự hỏi điều gì đang được ám chỉ bởi thuật ngữ "chu kỳ huyền bí". Có phải có một "chu kỳ" *ngoại môn* của một cuộc tuần hoàn và đồng thời cũng có một điều gì khác được gọi là một "chu kỳ huyền bí" hay không?

66. In this context, a "round" is a "manvantara"—though the latter term is often used with some elasticity.

66. Trong ngữ cảnh này, một "cuộc tuần hoàn" là một "Giai kỳ sinh hóa"—dù thuật ngữ sau thường được dùng với một độ co giãn nào đó.

67. If a Year of Brahma represents the completion of the development of a planetary scheme, then, the usual method of counting forty-nine rounds per scheme (a nominal seven per chain in the scheme), plus equal rest periods, does not give us enough "Brahmic Days" to complete the "Brahmic Year". We would have 98 time periods ("Days") and would be in need of approximately 360.

67. Nếu một Năm của Brahma tượng trưng cho sự hoàn tất sự phát triển của một hệ hành tinh, thì phương pháp thông thường tính bốn mươi chín cuộc tuần hoàn cho mỗi hệ hành tinh (danh nghĩa là bảy cho mỗi dãy trong hệ hành tinh), cộng với các thời kỳ nghỉ bằng nhau, không cho chúng ta đủ số "Ngày Brahma" để hoàn tất "Năm Brahma". Chúng ta sẽ có 98 thời kỳ ("Ngày") và sẽ cần khoảng 360.

68. If a "Year of Brahma" represented (as suggested in one of the hypotheses above which considered schemes as solar systemic "chains") but one 'touch' of the solar systemic life-wave (i.e., the solar systemic life wave touching one scheme, with seven such touches eventually necessary) then the discrepancy between "Days" elapsed during one such 'touch' and the number of "Days" in a "Year" grows far greater. We are assuming that 360 "Days of Brahma" complete one "Year of Brahma". If a "Year of Brahma" represents, perhaps, only one one-hundreth of the total completion of a planetary

68. Nếu một "Năm của Brahma" tượng trưng (như được gợi ý trong một trong các giả thuyết trên, giả thuyết xem các hệ hành tinh như những "dãy" của hệ mặt trời) chỉ cho một lần "chạm" của làn sóng sự sống hệ mặt trời (tức là làn sóng sự sống hệ mặt trời chạm vào một hệ hành tinh, và rốt cuộc cần đến bảy lần chạm như thế) thì sự chênh lệch giữa các "Ngày" trôi qua trong một lần "chạm" như vậy và số "Ngày" trong một "Năm" còn lớn hơn rất nhiều. Chúng ta giả định rằng 360 "Ngày của Brahma" hoàn tất một "Năm của Brahma". Nếu một "Năm của Brahma" có lẽ chỉ tượng trưng cho một phần

scheme, then only a very few planetary "Days" would elapse in such a "Year" (representing, as it does, but a fraction of the total development of a planetary scheme).

một-trăm của toàn bộ sự hoàn tất của một hệ hành tinh, thì chỉ có rất ít "Ngày" hành tinh trôi qua trong một "Năm" như vậy (vì nó chỉ tượng trưng cho một phần nhỏ của toàn bộ sự phát triển của một hệ hành tinh).

e. One hour of Brahma… Concerns interchain affairs.

e. Một giờ của Brahma… Liên quan đến các công việc liên-dãy.

69. There are twenty-four hours in a day. Perhaps interchain contacts are expressed in such "hours".

69. Có hai mươi bốn giờ trong một ngày. Có lẽ các tiếp xúc liên-dãy được biểu hiện bằng những "giờ" như thế.

70. If a "Day of Brahma" entails the progress of a life-wave through seven globes, perhaps a certain number of such "Hours" are spent in relation to each globe (and the pralaya of that globe), with the number of "Hours" not necessarily equally apportioned.

70. Nếu một "Ngày của Brahma" bao hàm sự tiến triển của một làn sóng sự sống qua bảy bầu hành tinh, thì có lẽ một số "Giờ" như vậy được dành cho mỗi bầu hành tinh (và giai kỳ qui nguyên của bầu hành tinh đó), với số "Giờ" không nhất thiết được phân chia bằng nhau.

f. One Brahmic minute…Concerns the planetary centres, and therefore egoic groups.

f. Một phút Brahma… Liên quan đến các trung tâm hành tinh, và do đó đến các nhóm chân ngã.

71. Here the word "planetary" seems to refer to the "globe" level.

71. Ở đây từ "hành tinh" dường như ám chỉ cấp độ "bầu hành tinh".

72. The cycles of egoic groups would then be expressed in terms of "Brahmic Minutes".

72. Khi ấy, các chu kỳ của các nhóm chân ngã sẽ được biểu hiện bằng "Những Phút Brahma".

73. We must remember, to retain the operative analogy, that there are sixty minutes in every hour and 1440 minutes in every day. We might be able to determine how many egoic group periods there are on every globe (probably seven), and then, perhaps, some approximation of their duration. We must not necessarily assume, however, that they would be of equal duration.

73. Chúng ta phải nhớ, để giữ phép loại suy còn hiệu lực, rằng có sáu mươi phút trong mỗi giờ và 1440 phút trong mỗi ngày. Chúng ta có thể xác định được có bao nhiêu thời kỳ nhóm chân ngã trên mỗi bầu hành tinh (có lẽ là bảy), và rồi có lẽ ước lượng được phần nào thời lượng của chúng. Tuy nhiên, chúng ta không nhất thiết phải giả định rằng chúng có thời lượng bằng nhau.

74. Perhaps some new respect for the intricacy of the planetary and systemic arrangement will be gathered from these considerations.

74. Có lẽ từ những suy xét này sẽ nảy sinh một sự kính trọng mới đối với tính phức tạp của sự sắp xếp hành tinh và hệ thống.

g. One Brahmic moment…Concerns an egoic group, and its relation to the whole.

g. Một khoảnh khắc Brahma… Liên quan đến một nhóm chân ngã, và mối liên hệ của nó với toàn thể.

75. Large groups consisting of many egoic groups are expressed in terms of "Brahmic Minutes". The affairs of a particular egoic group are expressed its 'Brahmic Moments'.

75. Những nhóm lớn gồm nhiều nhóm chân ngã được biểu hiện bằng "Những Phút Brahma". Các công việc của một nhóm chân ngã riêng biệt được biểu hiện bằng các 'Khoảnh Khắc Brahma' của nó.

76. The term "moment" is very vague and could be a *second* of time, shorter or longer. Probably there are many categories of "Brahmic moments".

76. Thuật ngữ "khoảnh khắc" rất mơ hồ và có thể là một *giây* thời gian, ngắn hơn hoặc dài hơn. Có lẽ có nhiều loại "khoảnh khắc Brahma".

77. All these periods are expressed in terms of Earth cycles and so, although referring to processes within the larger system, are somehow relative to our planet and its rates of motion (relative to itself and relative to the Sun).

77. Tất cả những thời kỳ này đều được biểu hiện theo các chu kỳ của Trái Đất và vì vậy, dù ám chỉ các tiến trình trong hệ thống lớn hơn, chúng bằng cách nào đó vẫn tương đối với hành tinh của chúng ta và các tốc độ chuyển động của nó (tương đối với chính nó và tương đối với Mặt Trời).

78. If such cycles were considered from the perspective of other planets, the number of "Years", "Months", "Weeks" and "Days", etc., would be different, IF we consider that an "Occult Century" (as this period applies to a particular solar system) has the *same duration* for all units of life within the solar system (which is reasonable to assume).

78. Nếu các chu kỳ như vậy được xét từ góc nhìn của các hành tinh khác, thì số "Năm", "Tháng", "Tuần" và "Ngày", v.v., sẽ khác đi, NẾU chúng ta cho rằng một "Thế Kỷ Huyền Bí" (vì thời kỳ này áp dụng cho một hệ mặt trời nhất định) có *cùng thời lượng* đối với mọi đơn vị sự sống trong hệ mặt trời (điều này là hợp lý để giả định).

These are the greater periods of time, and when their significance is comprehended, much that is now obscure [Page 793] will be revealed.

Đây là những thời kỳ lớn của thời gian, và khi thâm nghĩa của chúng được thấu hiểu, nhiều điều hiện nay còn tối nghĩa sẽ được mặc khải [Page 793].

79. These are the periods of time as seen from the perspective of "Brahma" conceived as the Solar Logos.

79. Đây là những thời kỳ thời gian được nhìn từ góc độ của "Brahma" được quan niệm như Thái dương Thượng đế.

80. It seems we are a long way from *truly* comprehending these greater periods of time. Therefore, much will remain obscure, it seems, for some time.

80. Dường như chúng ta còn rất xa mới *thực sự* thấu hiểu được những thời kỳ lớn lao này của thời gian. Vì vậy, dường như còn nhiều điều sẽ vẫn tối nghĩa trong một thời gian nữa.

81. Yet, if we understand the apparent contradictions and take note of that which we do not understand, we are coming closer to understanding.

81. Tuy nhiên, nếu chúng ta hiểu được những mâu thuẫn bề ngoài và lưu ý đến điều mình không hiểu, thì chúng ta đang tiến gần hơn đến sự thấu hiểu.

As yet, it is only to initiates that the true figures are given, the figures in the *Secret Doctrine,* such as the 100 years of Brahma, strike the *general average*

Cho đến nay, chỉ các điểm đạo đồ mới được trao cho những con số chân thực; các con số trong *Giáo Lý Bí Nhiệm,* chẳng hạn như 100 năm của Brahma, chỉ đánh trúng *mức trung bình tổng quát*

82. There are no doubt: we are *not* given the true figures for the actual number of Earth-years in any of these greater cycles. We are only given an indication which helps us understand at least something of their relative duration.

82. Hẳn nhiên là: chúng ta *không* được trao cho những con số chân thực về số năm Trái Đất thực sự trong bất kỳ chu kỳ lớn nào trong số này. Chúng ta chỉ được trao một chỉ dẫn giúp chúng ta hiểu ít nhất điều gì đó về thời lượng tương đối của chúng.

but it must be ever remembered that in considering the figures where a scheme, for instance, is concerned, much latitude has to be allowed for individual planetary karma, and idiosyncrasy.

nhưng phải luôn luôn ghi nhớ rằng khi xét đến các con số ở nơi, chẳng hạn, một hệ hành tinh được bàn đến, thì phải chừa ra một khoảng co giãn lớn cho nghiệp quả hành tinh cá biệt và tính đặc thù riêng.

83. We suggested this in our foregoing discussion. In relation to the manifestation of the Planetary Logos of the Earth-scheme, for instance, we do not know whether that manifestation lasts throughout the mahamanvantara or not. We do not know (from the occult perspective) the period of its inception or its termination. We also do not know the speed or duration of chain

83. Chúng ta đã gợi ý điều này trong phần thảo luận trước. Chẳng hạn, liên quan đến sự biểu hiện của Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu, chúng ta không biết liệu sự biểu hiện ấy có kéo dài suốt Đại giai kỳ sinh hóa hay không. Chúng ta không biết (từ góc độ huyền bí) thời kỳ khởi đầu hay chấm dứt của nó. Chúng ta cũng không biết tốc độ hay thời lượng của các chu kỳ cuộc tuần hoàn của dãy

round cycles or the various chains (whether they are uniform from chain to chain or, even, uniform within the Earth-scheme's seven chains) of the Earth-scheme nor the duration of scheme round cycles.

hoặc của các dãy khác nhau (liệu chúng có đồng đều từ dãy này sang dãy khác hay thậm chí đồng đều trong bảy dãy của hệ Địa Cầu hay không) của hệ Địa Cầu, cũng như thời lượng của các chu kỳ cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh.

84. Naturally, for students at our stage of unfoldment, these secrets of initiate will not be imparted—especially not in a printed book which can be read by the general public.

84. Đương nhiên, đối với các đạo sinh ở giai đoạn khai mở như chúng ta, những bí mật của điểm đạo này sẽ không được truyền đạt —đặc biệt không phải trong một cuốn sách in mà công chúng nói chung có thể đọc được.

The following points are worthy of consideration when upon this subject, and deal with some interesting factors.

Những điểm sau đây đáng được suy xét khi bàn đến chủ đề này, và đề cập đến một số yếu tố thú vị.

All the planetary Rishis are not equally "long-lived," in the occult sense of the term,

Không phải mọi Rishi hành tinh đều "sống lâu" như nhau, theo nghĩa huyền bí của thuật ngữ ấy,

85. We must pause when DK uses the phrase, "in the occult sense of the term". We must remember from *The Secret Doctrine* that Martanda (the Sun) and His seven Brothers all came into physical existence *at the same time*.

85. Chúng ta phải dừng lại khi Chân sư DK dùng cụm từ "theo nghĩa huyền bí của thuật ngữ ấy". Chúng ta phải nhớ từ *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng Martanda (Mặt Trời) và bảy Huynh Đệ của Ngài đều đi vào sự tồn tại hồng trần *cùng một lúc*.

86. With regard, at least, to seven major planets, we may have an apparent contradiction on our hands.

86. Ít nhất đối với bảy hành tinh chính, có thể chúng ta đang đối diện với một mâu thuẫn bề ngoài.

87. Note the use of the term "Rishis": it applies to the Logoi of planets as well as to the Logoi of great stars such as the seven major stars of the Great Bear.

87. Hãy lưu ý việc dùng thuật ngữ "Rishis": nó áp dụng cho các Thượng đế của các hành tinh cũng như cho các Thượng đế của những ngôi sao lớn như bảy ngôi sao chính của Đại Hùng Tinh.

and the seven planetary Logoi of the seven sacred planets are at different stages of evolution;

và bảy Hành Tinh Thượng Đế của bảy hành tinh thiêng liêng đang ở những giai đoạn tiến hoá khác nhau;

88. This we well understand by consulting the following chart:

"The Dense Physical Planets:

Earth4th Chain4th Globe

Jupiter3rd Chain4th Globe

Saturn3rd Chain4th Globe

Mars4th Chain4th Globe

Vulcan3rd Chain4th Globe

Venus5th Chain5th Globe

Mercury4th Chain5th Globe" (EA 673)

89. We notice how the Planetary Logoi representing the lower solar systemic chakras, such as the Earth and Mars, are farther ahead in Their development than the far greater Planetary Logoi of Jupiter and Saturn.

90. We also notice that the Planetary Logoi of Mercury and, above all, of Venus, are most fully developed. In the case of Venus, representing, we hypothesize, the solar plexus (and eventually the heart center) of our astral-buddhic Solar Logos, this could be expected.

Their vibratory response, therefore, differs, producing varying effects in time.

88. Điều này chúng ta hiểu rõ khi tham khảo biểu đồ sau:

"Các Hành Tinh Hồng Trần Đậm Đặc:

Trái ĐấtDãy Thứ TưBầu Hành Tinh Thứ Tư

Sao MộcDãy thứ baBầu Hành Tinh Thứ Tư

Sao ThổDãy thứ baBầu Hành Tinh Thứ Tư

Sao HỏaDãy Thứ TưBầu Hành Tinh Thứ Tư

VulcanDãy thứ baBầu Hành Tinh Thứ Tư

Sao KimDãy thứ nămBầu Hành Tinh Thứ Năm

Sao ThủyDãy Thứ TưBầu Hành Tinh Thứ Năm" (EA 673)

89. Chúng ta nhận thấy các Hành Tinh Thượng Đế tượng trưng cho các luân xa thấp của hệ mặt trời, như Trái Đất và Sao Hỏa, lại tiến xa hơn trong sự phát triển của Các Ngài so với các Hành Tinh Thượng Đế vĩ đại hơn nhiều là Sao Mộc và Sao Thổ.

90. Chúng ta cũng nhận thấy các Hành Tinh Thượng Đế của Sao Thủy và trên hết là của Sao Kim là phát triển đầy đủ nhất. Trong trường hợp Sao Kim, theo giả thuyết của chúng ta, tượng trưng cho tùng thái dương (và cuối cùng là trung tâm tim) của Thái dương Thượng đế cảm dục-Bồ đề của chúng ta, điều này có thể được trông đợi.

Do đó, đáp ứng rung động của Các Ngài khác nhau, tạo ra những hiệu quả khác nhau trong thời gian.

91. The vibratory response is, presumably, the response of the various Planetary Logoi to the energy of the Solar Logos.

91. Đáp ứng rung động ấy, có lẽ, là đáp ứng của các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau đối với năng lượng của Thái dương Thượng đế.

92. From the tabulation given in TCF 373, may we infer that the planets Uranus and Neptune are the least unfolded though, spiritually, the most developed Planetary Logoi?

92. Từ bảng liệt kê được đưa ra trong TCF 373, liệu chúng ta có thể suy ra rằng các hành tinh Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương là ít khai mở nhất dù, về mặt tinh thần, lại là các Hành Tinh Thượng Đế phát triển nhất chăng?

The three major planetary schemes (Uranus, Neptune, and Saturn) have not, as yet, received their fullest stimulation,

Ba hệ hành tinh chính (Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương, và Sao Thổ) cho đến nay vẫn chưa nhận được sự kích thích đầy đủ nhất của Các Ngài,

93. These are the synthesizing planets.

93. Đây là các hành tinh tổng hợp.

94. Why is there no information given on Uranus and Neptune? May we assume, because They are mentioned in the same breath as Saturn, that They are unfolded to the same extent as Saturn is?

94. Tại sao không có thông tin nào được đưa ra về Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương? Liệu chúng ta có thể giả định rằng, vì Các Ngài được nhắc đến cùng một hơi với Sao Thổ, nên Các Ngài được khai mở đến cùng mức độ như Sao Thổ chăng?

95. Or is the planet Saturn, for which we are given the knowledge that it is in its third chain, fourth globe, not the *same Saturn* as is here being discussed? (c.f. Chart VI, TCF 373, for indications of two or even *three* Saturns).

95. Hay hành tinh Sao Thổ, mà chúng ta được cho biết là ở dãy thứ ba, bầu hành tinh thứ tư, lại không phải là *cùng một Sao Thổ* như Sao Thổ đang được bàn đến ở đây? (xem Biểu đồ VI, TCF 373, để thấy những chỉ dấu về hai hay thậm chí *ba* Sao Thổ).

96. Presumably, the stimulation to be received comes from the Solar Logos.

96. Có lẽ, sự kích thích sẽ được tiếp nhận đến từ Thái dương Thượng đế.

97. As none of the planets (discounting, for the moment, Saturn, Neptune and Uranus) except Venus are really anywhere nearly fully unfolded, can it really be assumed that *any* of them have, indeed, received "their fullest stimulation". Perhaps They have, but

97. Vì không hành tinh nào (tạm thời không kể Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương) ngoại trừ Sao Kim thực sự ở gần đâu mức khai mở trọn vẹn, nên liệu có thể thật sự giả định rằng *bất kỳ* hành tinh nào trong số đó quả thực đã nhận được "sự kích thích đầy đủ nhất của chúng" hay không? Có lẽ

have not yet responded *fully* to the fulness of stimulation They have received.

Các Ngài đã nhận được, nhưng chưa đáp ứng *trọn vẹn* với sự đầy đủ của kích thích mà Các Ngài đã tiếp nhận.

and will not do so until the "energy of the sacred seven" has been transferred to Them.

và sẽ không làm như vậy cho đến khi "năng lượng của bảy hành tinh thiêng liêng" được chuyển dịch đến Các Ngài.

98. The planet Saturn, here mentioned alongside Uranus and Neptune, must be that which we have been calling 'Greater Saturn'—a greater Being which, according to the chart on TCF 373, includes seven lesser planets, including the planet we normally call Saturn.

98. Hành tinh Sao Thổ, ở đây được nhắc đến bên cạnh Sao Thiên Vương và Sao Hải Vương, hẳn phải là điều mà chúng ta đã gọi là 'Đại Sao Thổ'—một Hữu thể lớn hơn mà, theo biểu đồ ở TCF 373, bao gồm bảy hành tinh nhỏ hơn, kể cả hành tinh mà chúng ta thường gọi là Sao Thổ.

Figures, therefore, as regards their duration and persistence are not in order.

Do đó, các con số liên quan đến thời lượng và sự tồn tại bền lâu của Các Ngài không phải là điều có thể xác định đúng đắn.

99. Will may infer that the three synthesizing planets endure beyond the point when the lesser planets 'disappear' into Them. It seems reasonable to conclude that They 'outlast' the planets they absorb—at least in physical or physical-etheric form.

99. Chúng ta có thể suy ra rằng ba hành tinh tổng hợp tồn tại vượt quá điểm mà các hành tinh nhỏ hơn "biến mất" vào trong Các Ngài. Có vẻ hợp lý để kết luận rằng Các Ngài "sống lâu hơn" các hành tinh mà Các Ngài hấp thu—ít nhất là trong hình thức hồng trần hay hồng trần-dĩ thái.

100. May we also assume that Saturn (probably 'Greater Saturn'), Neptune and Uranus were present since the beginning of the solar system? One cannot imagine a Being in which the highest chakras are not present and functioning from the first—functioning, at least, at a maintenance level.

100. Liệu chúng ta cũng có thể giả định rằng Sao Thổ (có lẽ là 'Đại Sao Thổ'), Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương đã hiện diện từ lúc khởi đầu của hệ mặt trời hay không? Người ta khó có thể hình dung một Hữu thể mà trong đó các luân xa cao nhất lại không hiện diện và hoạt động ngay từ đầu—ít nhất hoạt động ở mức duy trì.

The figures for the planets concerned with the "inner round" differ as to *length of time* but not as to space location from those of other planets.

Các con số đối với những hành tinh liên hệ đến "cuộc tuần hoàn nội tại" khác nhau về *độ dài thời gian* nhưng không khác về vị trí trong không gian so với những hành tinh khác.

101. The inner round concerns, in one respect, etheric development.

101. Cuộc tuần hoàn nội tại, ở một phương diện, liên quan đến sự phát triển dĩ thái.

102. DK seems to be telling us that the 'spatial location' of the inner round is not separate from that of the planets with which we are familiar.

102. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng "vị trí không gian" của cuộc tuần hoàn nội tại không tách biệt khỏi vị trí của những hành tinh mà chúng ta quen thuộc.

103. In any case, the cycles we call the 'cycles of the inner round' have their own duration, the figures of which will not be given out.

103. Dù sao đi nữa, các chu kỳ mà chúng ta gọi là "các chu kỳ của cuộc tuần hoàn nội tại" có thời lượng riêng của chúng, và các con số ấy sẽ không được tiết lộ.

The true figures in connection with any planetary scheme and its occult activity are not ascertainable by the man who cannot be trusted with the significance of the other planetary bodies (of great number) within the solar ring-pass-not.

Những con số chân thực liên quan đến bất kỳ hệ hành tinh nào và hoạt động huyền bí của nó không thể được xác định bởi con người không thể được tín nhiệm với thâm nghĩa của các thiên thể hành tinh khác (với số lượng lớn) bên trong vòng-giới-hạn mặt trời.

104. DK is telling us that there are a "great number" of planetary bodies within the "solar ring-pass-not". He would not mention them if they were not significant. The term "great number" suggests, one would think, at least a hundred or more.

104. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng có một "số lượng lớn" các thiên thể hành tinh bên trong "vòng-giới-hạn mặt trời". Ngài hẳn đã không nhắc đến chúng nếu chúng không có ý nghĩa. Thuật ngữ "số lượng lớn" gợi ý, người ta sẽ nghĩ, ít nhất là một trăm hay hơn.

105. It would seem that until we know what these bodies are, their location and significance, we will not be given the "true figures" regarding the planetary schemes which are more familiar to us.

105. Dường như cho đến khi chúng ta biết những thiên thể này là gì, vị trí và thâm nghĩa của chúng ra sao, thì chúng ta sẽ không được trao cho "những con số chân thực" liên quan đến các hệ hành tinh quen thuộc hơn với chúng ta.

106. Anyone who wishes to ascertain the true figures as regards any planetary scheme must study the solar system (visible and invisible) with occult care. This is not yet possible to us.

106. Bất kỳ ai muốn xác định những con số chân thực liên quan đến bất kỳ hệ hành tinh nào đều phải nghiên cứu hệ mặt trời (hữu hình và vô hình) bằng sự cẩn trọng huyền bí. Điều này hiện chưa thể đối với chúng ta.

107. We understand something of the exoteric activity of various of the planetary schemes, but not the "occult activity" of those schemes.

107. Chúng ta hiểu đôi điều về hoạt động ngoại môn của nhiều hệ hành tinh khác nhau, nhưng không hiểu "hoạt động huyền bí" của các hệ hành tinh ấy.

108. It is also clear that information regarding the other planetary bodies within our solar ring-pass-not is contained within the secrets of initiation, because the 'initiatory word' "trusted" is used.

108. Cũng rõ ràng rằng thông tin liên quan đến các thiên thể hành tinh khác trong vòng-giới-hạn mặt trời của chúng ta nằm trong các bí mật của điểm đạo, bởi vì từ ngữ mang tính điểm đạo "được tín nhiệm" đã được dùng.

The entire solar sphere is full of such bodies, characterised by the same features as are the seven and the ten, and each of them in some degree has an effect upon the whole.

Toàn bộ khối cầu mặt trời đầy những thiên thể như thế, được đặc trưng bởi cùng những nét như bảy và mười, và mỗi thiên thể trong một mức độ nào đó đều có ảnh hưởng lên toàn thể.

109. The "seven and the ten" are probably the ten planets with which we are now familiar if Vulcan is included. The "ten" would include the three synthesizing planets.

109. "Bảy và mười" có lẽ là mười hành tinh mà hiện nay chúng ta quen thuộc nếu kể cả Vulcan. "Mười" sẽ bao gồm ba hành tinh tổng hợp.

110. We must remember, however, that this book was written before Pluto was discovered, and so Saturn may be counted twice—once in its exoteric aspect and once as 'Greater Saturn', as we have called it.

110. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng cuốn sách này được viết trước khi Sao Diêm Vương được khám phá, và vì vậy Sao Thổ có thể được tính hai lần—một lần trong phương diện ngoại môn của nó và một lần như 'Đại Sao Thổ', như chúng ta đã gọi.

Figures, therefore, cannot be considered as final until the effect of the lesser planetary bodies upon their immediate neighbours is known,

Do đó, các con số không thể được xem là tối hậu cho đến khi ảnh hưởng của các thiên thể hành tinh nhỏ hơn lên các láng giềng gần nhất của chúng được biết đến,

111. Among these "immediate neighbors" may be the normally considered planets.

111. Trong số những "láng giềng gần nhất" này có thể có các hành tinh thường được xét đến.

112. These lesser planetary bodies probably affect each other as well.

112. Những thiên thể hành tinh nhỏ hơn này có lẽ cũng ảnh hưởng lẫn nhau.

and the extent of their planetary radiation has been gauged.

và mức độ bức xạ hành tinh của chúng đã được đo lường.

113. These lesser planetary bodies are certainly not dead or ineffective. They have their effective radiation and their influence.

113. Những thiên thể hành tinh nhỏ hơn này chắc chắn không chết hay vô hiệu lực. Chúng có bức xạ hữu hiệu và ảnh hưởng của chúng.

114. Any complete understanding of esoteric psychology must take their influence into consideration.

114. Bất kỳ sự thấu hiểu trọn vẹn nào về Tâm Lý Học Nội Môn đều phải đem ảnh hưởng của chúng vào cân nhắc.

There are more than 115 of such bodies to be reckoned with, and all are at varying stages of vibratory [Page 794] impulse.

Có hơn 115 thiên thể như thế phải được tính đến, và tất cả đều ở những giai đoạn khác nhau của xung động rung động [Page 794].

115. We note that DK tells us that there are *more* than 115. Somehow the number 115 must be significant if it is singled out.

115. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK cho chúng ta biết là có *hơn* 115. Bằng cách nào đó con số 115 hẳn phải có ý nghĩa nếu nó được nêu riêng ra.

116. From one perspective, 115 suggests Uranus, Neptune and the other five sacred planets which include Brahma and come under Brahma.

116. Từ một góc nhìn, 115 gợi đến Sao Thiên Vương, Sao Hải Vương và năm hành tinh thiêng liêng khác bao gồm Brahma và thuộc dưới Brahma.

117. This number also suggests a way of highlighting the highest two subplanes of any seven plane system, and distinguishing them from the lower five subplanes.

117. Con số này cũng gợi ra một cách làm nổi bật hai cõi phụ cao nhất của bất kỳ hệ thống bảy cõi nào, và phân biệt chúng với năm cõi phụ thấp hơn.

118. We are learning that the more than 115 planetary bodies are all at different stages of unfoldment or of "vibratory impulse".

118. Chúng ta đang học rằng hơn 115 thiên thể hành tinh ấy đều ở những giai đoạn khác nhau của sự khai mở hay của "xung động rung động".

119. We would imagine that, among the 115, planetoids are to be included, but not necessarily moons.

119. Chúng ta sẽ hình dung rằng, trong số 115 ấy, các tiểu hành tinh được bao gồm, nhưng không nhất thiết là các mặt trăng.

120. We also think that the asteroids are *not* included as they are mentioned separately below (as are moons).

120. Chúng ta cũng nghĩ rằng các asteroid *không* được bao gồm vì chúng được nhắc đến riêng ở dưới (cũng như các mặt trăng).

121. If we add the number of known planets (excluding those few recently discovered) to the number 115, we have 125, and clearly there are more planets and planetoids than this relatively larger figure indicates.

121. Nếu chúng ta cộng số hành tinh đã biết (không kể vài hành tinh mới được khám phá gần đây) vào con số 115, chúng ta có 125, và rõ ràng là có nhiều hành tinh và tiểu hành tinh hơn con số tương đối lớn hơn này biểu thị.

They have definite orbits,

Chúng có những quỹ đạo xác định,

122. The orbits of some may be around the conventionally known planets, or perhaps, around some larger planets (perhaps beyond the orbit of Pluto) not yet discovered.

122. Quỹ đạo của một số thiên thể có thể ở quanh các hành tinh được biết đến theo quy ước, hoặc có lẽ quanh một số hành tinh lớn hơn (có lẽ vượt ngoài quỹ đạo của Sao Diêm Vương) chưa được khám phá.

123. On the other hand, their orbits may be around the Sun, as are the orbits of conventionally known planets.

123. Mặt khác, quỹ đạo của chúng có thể quanh Mặt Trời, như quỹ đạo của các hành tinh được biết đến theo quy ước.

they turn upon their axis, they draw their "life" and substance from the sun,

chúng quay trên trục của mình, chúng rút lấy “sự sống” và chất liệu của mình từ mặt trời,

124. Does the fact that the Lives informing these lesser planetary bodies “draw their ‘life’ and substance from the sun” indicate that their orbits are principally around the sun?

124. Việc các Sự Sống phú linh cho những thiên thể hành tinh nhỏ hơn này “rút lấy ‘sự sống’ và chất liệu của chúng từ mặt trời” có cho thấy rằng quỹ đạo của chúng chủ yếu là quanh mặt trời hay không?

but owing to their relative insignificance, they have not yet been considered factors of moment.

nhưng do tính không đáng kể tương đối của chúng, chúng chưa được xem là những yếu tố quan trọng.

125. DK is not telling us that the radiation of these lesser planetary bodies is insignificant, but only that these Lives and the planets or planetoids through which they function are *relatively* insignificant. They will still have to

125. Chân sư DK không nói với chúng ta rằng bức xạ của những thiên thể hành tinh nhỏ hơn này là không đáng kể, mà chỉ nói rằng các Sự Sống này và các hành tinh hay tiểu hành tinh mà qua đó chúng hoạt động

be factored-in to any true psychological assessment of self-conscious beings within our solar system.

là *tương đối* không đáng kể. Dù vậy, chúng vẫn sẽ phải được tính đến trong bất kỳ sự đánh giá tâm lý chân thực nào về các hữu thể có ngã thức trong hệ mặt trời của chúng ta.

126. They have also not been considered "factors of moment" because the vast majority of them has not yet been discovered.

126. Chúng cũng chưa được xem là "những yếu tố quan trọng" vì đại đa số trong số chúng vẫn chưa được khám phá.

This attitude of mind will change when etheric vision is a fact, and the reality of the existence of an etheric double of all that is in manifestation will be recognised by scientists.

Thái độ trí tuệ này sẽ thay đổi khi linh thị dĩ thái trở thành một sự kiện, và thực tại về sự hiện hữu của một bản sao dĩ thái của mọi sự trong biểu hiện sẽ được các nhà khoa học công nhận.

127. DK is telling us, it seems, that many of these planetary bodies do not have dense physical bodies but only etheric bodies as their lowest vehicle.

127. Dường như Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng nhiều thiên thể hành tinh này không có thể hồng trần đậm đặc mà chỉ có thể dĩ thái như vận cụ thấp nhất của chúng.

This fact will be demonstrated towards the close of the century, and, during the early part of the next century a revolution in astronomical circles will occur which will result in the study of the "etheric planets."

Sự kiện này sẽ được chứng minh vào gần cuối thế kỷ, và, trong phần đầu của thế kỷ kế tiếp, một cuộc cách mạng trong giới thiên văn học sẽ xảy ra, đưa đến việc nghiên cứu các "hành tinh dĩ thái".

128. We cannot fully know to what extent such a demonstration has been made in inner astronomical circles. Perhaps, there are some astronomers who are working on planetary energy sources which are not associated with apparent dense physical vehicles.

128. Chúng ta không thể biết trọn vẹn sự chứng minh như vậy đã được thực hiện đến mức nào trong các giới thiên văn học nội môn. Có lẽ có một số nhà thiên văn đang nghiên cứu các nguồn năng lượng hành tinh không gắn với những vận cụ hồng trần đậm đặc biểu kiến.

129. The phrase "revolution in astronomical circles" may have more than one meaning. Could DK be referring to a deeper understanding of the orbital dynamics of apparently 'hidden' planets?

129. Cụm từ "cuộc cách mạng trong giới thiên văn học" có thể có hơn một nghĩa. Liệu Chân sư DK có đang ám chỉ đến một sự thấu hiểu sâu hơn về động lực quỹ đạo của những hành tinh dường như 'ẩn giấu' hay không?

130. We know that radio sources far outside our solar system are presently studied by certain astronomers. Often astronomers are far more interested in what is occurring in “deep space” than they are in what is occurring within the confines of our solar system. It would seem that even now, they would have the capacity to detect etheric planets within the solar system.

130. Chúng ta biết rằng hiện nay một số nhà thiên văn đang nghiên cứu các nguồn vô tuyến ở rất xa ngoài hệ mặt trời của chúng ta. Các nhà thiên văn thường quan tâm đến điều đang xảy ra trong “không gian sâu” hơn là điều đang xảy ra trong giới hạn của hệ mặt trời chúng ta. Dường như ngay cả bây giờ họ cũng có khả năng phát hiện các hành tinh dĩ thái trong hệ mặt trời.

As these bodies are organs of energy,

Vì những thiên thể này là những cơ quan năng lượng,

131. Chakras are “organs of energy”. These lesser bodies represent, then, lesser chakras within the chakric system of our Solar Logos.

131. Các luân xa là “những cơ quan năng lượng”. Vậy thì những thiên thể nhỏ hơn này tượng trưng cho những luân xa nhỏ hơn trong hệ thống luân xa của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

permeating the dense form,

thấm nhập hình tướng đậm đặc,

132. Chakras permeate the dense form. Some of them have noticeable externalizations in the form of organs and glands.

132. Các luân xa thấm nhập hình tướng đậm đặc. Một số trong chúng có những sự ngoại hiện đáng chú ý dưới hình thức các cơ quan và tuyến.

the study of the interaction of solar energy, and the occult "give and take" of planetary bodies will assume a new significance.

việc nghiên cứu sự tương tác của năng lượng mặt trời, và sự “cho và nhận” huyền bí của các thiên thể hành tinh sẽ mang một thâm nghĩa mới.

133. DK is pointing to a new science for the future.

133. Chân sư DK đang chỉ ra một khoa học mới cho tương lai.

134. We know, for instance, that there has been a significant interplay or “give and take” between Venus and the Earth. This type of interchange probably occurs on a wide scale throughout the solar system between many of the known and presently unknown planetary bodies.

134. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng đã có một sự tương tác đáng kể hay “cho và nhận” giữa Sao Kim và Trái Đất. Loại trao đổi này có lẽ xảy ra trên quy mô rộng khắp hệ mặt trời giữa nhiều thiên thể hành tinh đã biết và hiện chưa biết.

135. It will become evident to analogical thinkers that to study the exoteric and esoteric solar system, we are studying a vast system of interrelated chakras and their externalizations.

135. Đối với những nhà tư tưởng theo định luật tương đồng, sẽ trở nên hiển nhiên rằng khi nghiên cứu hệ mặt trời ngoại môn và nội môn, chúng ta đang nghiên cứu một hệ thống bao la gồm những luân xa liên hệ lẫn nhau và các sự ngoại hiện của chúng.

Certain planetary bodies (both greater and lesser) are "absorbers,"

Một số thiên thể hành tinh (cả lớn lẫn nhỏ) là những "kẻ hấp thu",

136. The "take", occultly.

136. "Nhận", theo nghĩa huyền bí.

others are "radiators,"

những thiên thể khác là những "kẻ bức xạ",

137. The "give" occultly.

137. "Cho", theo nghĩa huyền bí.

while some are in the stage of demonstrating a dual activity, and are being "transmuted."

trong khi một số đang ở giai đoạn biểu lộ một hoạt động kép, và đang được "chuyển hoá".

138. Is DK saying that some of these lesser bodies are both giving and taking? Venus and the Earth both give and take—at least They did so at the time of the individualization of animal man upon this planet.

138. Có phải Chân sư DK đang nói rằng một số thiên thể nhỏ hơn này vừa cho vừa nhận hay không? Sao Kim và Trái Đất đều cho và nhận—ít nhất Các Ngài đã làm như vậy vào thời kỳ biệt ngã hóa của người thú trên hành tinh này.

139. In any case, transmutation occurs on a planet when its life forms (and especially its *self-conscious* life forms) are being 'solarized'.

139. Dù sao đi nữa, sự chuyển hoá xảy ra trên một hành tinh khi các hình tướng sự sống của nó (và đặc biệt là các hình tướng sự sống *có ngã thức* của nó) đang được 'thái dương hóa'.

140. For instance, while only one fifth of the human units on Earth have been transmuted, two-fifths of the units on Vulcan have been so. Each planet (and probably each planetoid) has a fraction which describes the degree to which the process of transmutation has occurred upon or within it.

140. Thí dụ, trong khi chỉ một phần năm các đơn vị nhân loại trên Trái Đất đã được chuyển hoá, thì hai phần năm các đơn vị trên Vulcan đã như vậy. Mỗi hành tinh (và có lẽ mỗi tiểu hành tinh) đều có một phân số mô tả mức độ mà tiến trình chuyển hoá đã xảy ra trên hoặc bên trong nó.

141. A planetary or planetoid which has been completed "transmuted" is, we would infer, ready for absorption.

141. Một hành tinh hay tiểu hành tinh đã được "chuyển hoá" hoàn tất thì, chúng ta có thể suy ra, đã sẵn sàng để được hấp thu.

All these circumstances require to be considered by the initiate who is dealing with cycles.

Tất cả những hoàn cảnh này cần được điểm đạo đồ đang bàn đến các chu kỳ xem xét.

142. The initiate who is dealing with cycles must be both an astronomer and an astrologer.

142. Điểm đạo đồ đang bàn đến các chu kỳ phải vừa là một nhà thiên văn học vừa là một nhà chiêm tinh học.

143. To achieve "All Knowledge" on the third level of the atmic plane is to have a great and extensive knowledge of the Science of Cycles. May we say that the most advanced form of the study of astrology and astronomy possible to us *as man* is *atmic* in nature and requires atmic consciousness?

143. Đạt được "Mọi Tri Thức" trên cấp độ thứ ba của cõi atma là có được một tri thức lớn lao và bao quát về Khoa Học về các Chu Kỳ. Chúng ta có thể nói rằng hình thức nghiên cứu chiêm tinh học và thiên văn học cao cấp nhất có thể có đối với chúng ta *với tư cách con người* có bản chất *atma* và đòi hỏi tâm thức atma chăng?

Figures also must be computed when **the effect** upon the planets of what are called "asteroids" is known.

Các con số cũng phải được tính đến khi **ảnh hưởng** của những gì được gọi là "các tiểu hành tinh" lên các hành tinh được biết đến.

144. It is clear that DK is distinguishing the "asteroids" from the more than 115 lesser planetary bodies within the solar ring-pass-not.

144. Rõ ràng là Chân sư DK đang phân biệt "các tiểu hành tinh" với hơn 115 thiên thể hành tinh nhỏ hơn bên trong vòng-giới-hạn của hệ mặt trời.

145. Just because these bodies are called "asteroids" does not mean that this is the best or most indicative name for them.

145. Chỉ vì những thiên thể này được gọi là "các tiểu hành tinh" không có nghĩa rằng đó là tên gọi tốt nhất hay có tính chỉ dấu nhất cho chúng.

This is much greater than exoteric science has so far admitted,

Điều này lớn hơn rất nhiều so với những gì khoa học ngoại môn cho đến nay đã thừa nhận,

146. Exoteric science hardly acknowledges the "effect" of the asteroids, and certainly not any psychological effect.

146. Khoa học ngoại môn hầu như không thừa nhận "ảnh hưởng" của các tiểu hành

tinh, và chắc chắn không thừa nhận bất kỳ ảnh hưởng tâm lý nào.

147. Could DK be speaking of exoteric *astrological* science? In some forms of exoteric astrology, the asteroids are considered effective, and perhaps we, too, have noticed their effects in our own astrological charts and the charts of those we know.

147. Có thể Chân sư DK đang nói về khoa học ngoại môn *chiêm tinh học* chăng? Trong một số hình thức chiêm tinh học ngoại môn, các tiểu hành tinh được xem là có hiệu lực, và có lẽ chính chúng ta cũng đã nhận thấy các ảnh hưởng của chúng trong các lá số chiêm tinh của mình và của những người chúng ta quen biết.

but the significance of this must eventually be interpreted in terms of energy and on etheric levels.

nhưng ý nghĩa của điều này rốt cuộc phải được diễn giải theo phương diện năng lượng và trên các cấp độ dĩ thái.

148. Really, the effect of all astrological factors is far more *etheric* than physical.

148. Thật ra, ảnh hưởng của mọi yếu tố chiêm tinh mang tính *dĩ thái* nhiều hơn là hồng trần.

149. Our microcosmic energy system reflects the energy system of the macrocosm in which we live. Every factor within that macrocosm must, eventually, be considered, but we are not yet in a position to do so.

149. Hệ thống năng lượng vi mô của chúng ta phản chiếu hệ thống năng lượng của đại thiên địa mà trong đó chúng ta sống. Mọi yếu tố bên trong đại thiên địa ấy rốt cuộc đều phải được xem xét, nhưng chúng ta chưa ở vào vị thế để làm điều đó.

150. It is clear that we will not completely *know ourselves* until we know far more about the macrocosm in which we live and move and have our being.

150. Rõ ràng là chúng ta sẽ không hoàn toàn *biết chính mình* cho đến khi biết nhiều hơn nữa về đại thiên địa mà trong đó chúng ta sống, vận động và hiện hữu.

Another factor in computation which must also be considered is the effect of the various moons upon any planetary scheme,

Một yếu tố khác trong sự tính toán cũng phải được xem xét là ảnh hưởng của các mặt trăng khác nhau lên bất kỳ hệ hành tinh nào,

151. Let us be clear that DK is bringing three different factors into consideration:

151. Chúng ta hãy rõ ràng rằng Chân sư DK đang đưa ba yếu tố khác nhau vào sự xem xét:

a. The effect of the lesser planetary bodies of which there are more than 115

a. Ảnh hưởng của các thiên thể hành tinh nhỏ hơn mà có hơn 115 thiên thể như vậy

b. The effect of the asteroids

c. The effect of the “various moons”.

152. It becomes clear that all three are distinct from each other.

and the true meaning of the eighth sphere in connection with dense substance.

153. We cannot dissociate the nature of the “eighth sphere” from our Moon.

154. Our Moon is a “point of corruption” and so is the “eighth sphere” (a sphere of limitless decay and decomposition)

155. There is probably an interesting link between the “eighth sphere”, the Moon and Saturn.

Every moon is occultly a "point of corruption," or that which is passing off in noxious gases.

156. Our Moon and every other moon is in process of decomposition.

157. With regard to moons in general, there are no longer internal principles (expressing the second and first aspects) to hold them in healthy coherence.

The transmutation of the form has been proceeded with in their case to a point where all that represents *vital* energy has left,

b. Ảnh hưởng của các tiểu hành tinh

c. Ảnh hưởng của “các mặt trăng khác nhau”.

152. Rõ ràng là cả ba đều khác biệt với nhau.

và ý nghĩa chân thực của khối cầu thứ tám trong mối liên hệ với chất liệu đậm đặc.

153. Chúng ta không thể tách rời bản chất của “khối cầu thứ tám” khỏi Mặt Trăng của chúng ta.

154. Mặt Trăng của chúng ta là một “điểm hư hoại” và “khối cầu thứ tám” cũng vậy (một khối cầu của sự mục rữa và phân huỷ vô hạn)

155. Có lẽ có một mối liên hệ thú vị giữa “khối cầu thứ tám”, Mặt Trăng và Sao Thổ.

Mỗi mặt trăng, về mặt huyền bí, là một “điểm hư hoại”, hay cái đang tan biến thành những khí độc hại.

156. Mặt Trăng của chúng ta và mọi mặt trăng khác đều đang trong tiến trình phân huỷ.

157. Đối với các mặt trăng nói chung, không còn những nguyên khí nội tại nào nữa (biểu lộ phương diện thứ hai và thứ nhất) để giữ chúng trong sự cố kết lành mạnh.

Sự chuyển hoá của hình tướng trong trường hợp của chúng đã được tiến hành đến một điểm mà mọi điều biểu hiện cho năng lượng *sinh động* đều đã rời đi,

158. All “solar” energy has left them. They are no longer *animated.* The soul factor is now absent. They are like decaying, dead bodies.

158. Mọi năng lượng “thái dương” đã rời khỏi chúng. Chúng không còn được *linh hoạt hoá* nữa. Yếu tố linh hồn nay vắng mặt. Chúng giống như những tử thi đang phân rã.

159. The Logos informing our Moon had His life-course interrupted by the timely interference of the Solar Logos. This has probably not been the case for *all* moons. Some may be the result of successful transmutation and the natural departure of the vital and coherent solar principles.

159. Thượng đế phú linh cho Mặt Trăng của chúng ta đã bị gián đoạn lộ trình sự sống của Ngài bởi sự can thiệp đúng lúc của Thái dương Thượng đế. Điều này có lẽ không phải là trường hợp của *mọi* mặt trăng. Một số có thể là kết quả của sự chuyển hoá thành công và sự ra đi tự nhiên của các nguyên khí thái dương sinh động và cố kết.

all solar life has passed off, no remnants of pranic energy remain,

mọi sự sống thái dương đã rời đi, không còn tàn dư nào của năng lượng prana,

160. Prana, in this context, is to be considered as “solar”.

160. Trong ngữ cảnh này, prana phải được xem là “thái dương”.

161. We must remember how prana contributes to the just coherence of the form it animates.

161. Chúng ta phải nhớ prana góp phần như thế nào vào sự cố kết đúng đắn của hình tướng mà nó linh hoạt hoá.

and that which is to be seen is simply the decay of the physical body,—a decay which is proceeding on etheric levels as well as [Page 795] on physical.

và điều có thể được thấy chỉ đơn giản là sự phân rã của thể xác,—một sự phân rã đang diễn ra trên các cấp độ dĩ thái cũng như [Page 795] trên hồng trần.

162. With respect to any moon, we are witnessing not only *physical* decay but *etheric* decay as well.

162. Đối với bất kỳ mặt trăng nào, chúng ta đang chứng kiến không chỉ sự phân rã *hồng trần* mà còn cả sự phân rã *dĩ thái* nữa.

163. We might remember here that when occult principles are listed, the etheric body and prana are usually *both* listed and differentiated from each other. Of these two principles, it seems that prana is the higher and, abstracting itself from the etheric body of a moon, causes that etheric body to decay and with that decay, the decay of the physical vehicle as well.

163. Ở đây chúng ta có thể nhớ rằng khi các nguyên khí huyền bí được liệt kê, thể dĩ thái và prana thường đều được liệt kê *cả hai* và được phân biệt với nhau. Trong hai nguyên khí này, dường như prana là cao hơn và, khi tự rút ra khỏi thể dĩ thái của một mặt trăng, gây ra sự phân rã của thể dĩ thái ấy và cùng với sự phân rã đó là sự phân rã của vận cụ hồng trần nữa.

The decay of a moon has as great an evil effect upon all that contacts it as a decaying body on earth has upon its surroundings.

Sự phân rã của một mặt trăng có ảnh hưởng xấu lớn lao lên mọi thứ tiếp xúc với nó, cũng như một tử thi đang phân rã trên Trái Đất có ảnh hưởng lên môi trường xung quanh nó.

164. This must be obvious. Does our Moon in our astrological chart represent that in us which is in process of decay and decomposition? Or, perhaps, that which *should be* in process of decay or decomposition?

164. Điều này hẳn phải hiển nhiên. Phải chăng Mặt Trăng trong lá số chiêm tinh của chúng ta biểu thị điều gì đó trong chúng ta đang trong tiến trình phân rã và phân huỷ? Hoặc có lẽ, điều gì đó *nên được* đặt vào tiến trình phân rã hay phân huỷ?

It is occultly "offensive."

Về mặt huyền bí, nó là “xúc phạm”.

165. This means that such an influence challenges the integrity of that which is spiritually legitimate. Moons are no longer ‘spiritually legitimate’. They are no longer principled and, instead, correlate with that which is no longer ‘lawful’ and, in the moral sense, ‘principled’.

165. Điều này có nghĩa là một ảnh hưởng như vậy thách thức tính toàn vẹn của điều gì là hợp pháp về mặt tinh thần. Các mặt trăng không còn ‘hợp pháp về mặt tinh thần’ nữa. Chúng không còn có nguyên khí nữa, và thay vào đó tương ứng với điều gì không còn ‘hợp luật’ và, theo nghĩa đạo đức, không còn ‘nguyên khí’.

This will be more truly apprehended when the etheric double of our moon is studied.

Điều này sẽ được lĩnh hội chân thực hơn khi bản sao dĩ thái của Mặt Trăng chúng ta được nghiên cứu.

166. This type of study lies ahead.

166. Loại nghiên cứu này còn ở phía trước.

167. Within us and contravening our best efforts is a kind of “death instinct” which will one day be proved to be associated with the Earth’s decaying Moon. There may be other, now invisible, moons in our local vicinity, each with its own deleterious effect. Some astrologers work with such invisible bodies. One such is called the “black moon”, and attracts the attention of those interested in morbidity.

167. Bên trong chúng ta và đi ngược lại những nỗ lực tốt đẹp nhất của chúng ta là một loại “bản năng chết” mà một ngày kia sẽ được chứng minh là có liên hệ với Mặt Trăng đang phân rã của Trái Đất. Có thể còn có những mặt trăng khác, hiện nay vô hình, trong vùng lân cận địa phương của chúng ta, mỗi mặt trăng đều có ảnh hưởng tai hại riêng. Một số nhà chiêm tinh làm việc với những thiên thể vô hình như vậy. Một trong số đó được gọi là “mặt trăng đen”, và thu hút sự chú ý của những người quan tâm đến tính bệnh hoạn.

As the moon becomes small through the process of disintegration,

Khi mặt trăng trở nên nhỏ bé qua tiến trình tan rã,

168. By the end of the seven round (probably *scheme round*) of our planetary scheme, it will have disappeared; so we learn below.

168. Vào cuối cuộc tuần hoàn thứ bảy (có lẽ là *cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh*) của hệ hành tinh chúng ta, nó sẽ biến mất; như vậy chúng ta sẽ biết ở dưới.

its effect upon the Earth will be correspondingly lessened, and this stage will be paralleled by a consequent greater freedom from evil impulse of the sons of men.

ảnh hưởng của nó lên Trái Đất sẽ tương ứng giảm đi, và giai đoạn này sẽ song hành với một sự giải thoát lớn hơn khỏi xung lực xấu xa nơi những người con của nhân loại.

169. As the sacral center of our planet becomes less energized (its energy transferred to the solar plexus center) much criminal activity upon our planet will lessen.

169. Khi trung tâm xương cùng của hành tinh chúng ta trở nên ít được tiếp năng lượng hơn (năng lượng của nó được chuyển dịch đến trung tâm tùng thái dương), nhiều hoạt động tội phạm trên hành tinh chúng ta sẽ giảm bớt.

170. These two processes may be considered correlated:

170. Hai tiến trình này có thể được xem là có tương quan:

a. The gradual minimizing and disappearance of the Moon

a. Sự giảm thiểu dần dần và biến mất của Mặt Trăng

b. The transfer of energy from the planetary sacral center to the planetary solar plexus center.

b. Sự chuyển dịch năng lượng từ trung tâm xương cùng của hành tinh đến trung tâm tùng thái dương của hành tinh.

g. When the Heavenly Man, Who is at present demonstrating through the Earth scheme, has succeeded in vitalising His middle centre, or in directing the force of planetary kundalini away from the lower centres to the solar plexus centre, a new cycle will be reached, and much of the present distress will be ended. (TCF 297)

g. Khi Đấng Thiên Nhân, Đấng hiện đang biểu lộ qua hệ Địa Cầu, đã thành công trong việc tiếp sinh lực cho trung tâm giữa của Ngài, hay trong việc hướng mãnh lực kundalini hành tinh ra khỏi các trung tâm thấp đến trung tâm tùng thái dương, một chu kỳ mới sẽ đạt tới, và phần lớn nỗi khốn khổ hiện nay sẽ chấm dứt. (TCF 297)

Better conditions among the animals will be another result above all else, and the dying

Những điều kiện tốt đẹp hơn nơi giới động vật sẽ là một kết quả khác trên hết mọi sự, và

out of that which is noxious in the animal kingdom.

171. Here we have the suggestion that the Moon is associated with the poisons found in some species in the animal kingdom.

172. The Moon and Mars are definitely associated with the animal kingdom and with all that is 'animal' and 'animal-like' in man.

173. The effect of cosmic evil upon our planet (a process, from one perspective, through which the third ray inhibits the expression of the second) is reflected in the poor relations between the animal and human kingdoms. The animal kingdom is, we know, the *third* kingdom. The animal nature within man inhibits the expression of his soul nature (vibrating to the second aspect or ray).

By the time the seventh round is reached, the evil effect of the then moon (which will have to all intents and purposes practically disappeared) will be finished.

174. It is not that we can ever expect *good* effects from the Moon. It is simply that the physical and etheric decomposition of the Moon will be, for all practical purposes, completed.

175. Every planet must outlive its moon or moons and so must every human being on our planet.

During the fifth round, men will discover how to neutralise any remaining effects through scientific achievement and knowledge of the necessary sounds and mantrams, and thus much evil will be offset.

sự diệt mất của điều gì độc hại trong giới động vật.

171. Ở đây chúng ta có gợi ý rằng Mặt Trăng có liên hệ với các chất độc được tìm thấy trong một số loài thuộc giới động vật.

172. Mặt Trăng và Sao Hỏa chắc chắn có liên hệ với giới động vật và với mọi điều 'thú tính' và 'giống thú' trong con người.

173. Ảnh hưởng của cái ác vũ trụ lên hành tinh chúng ta (một tiến trình mà, từ một góc nhìn, qua đó cung ba ức chế sự biểu lộ của cung hai) được phản chiếu trong các quan hệ kém cỏi giữa giới động vật và giới nhân loại. Giới động vật, như chúng ta biết, là giới *thứ ba*. Bản chất thú tính bên trong con người ức chế sự biểu lộ của bản chất linh hồn của y (rung động theo phương diện hay cung thứ hai).

Vào lúc cuộc tuần hoàn thứ bảy đạt tới, ảnh hưởng xấu của mặt trăng khi ấy (vốn trên thực tế hầu như đã biến mất) sẽ chấm dứt.

174. Không phải là chúng ta có thể mong đợi những ảnh hưởng *tốt* từ Mặt Trăng. Chỉ là sự phân huỷ hồng trần và dĩ thái của Mặt Trăng, trên thực tế, sẽ được hoàn tất.

175. Mọi hành tinh đều phải sống lâu hơn mặt trăng hay các mặt trăng của nó, và mọi con người trên hành tinh chúng ta cũng vậy.

Trong cuộc tuần hoàn thứ năm, con người sẽ khám phá cách hóa giải bất kỳ ảnh hưởng còn lại nào nhờ thành tựu khoa học và tri thức về những âm thanh và mantram cần

thiết, và như thế nhiều điều ác sẽ được hóa giải.

176. Here we have the fifth round and, thus, the fifth ray engaged in the neutralizing of evil. The fifth round will reflect, very much, both Mercury and Venus (advanced planets and Planetary Logoi) conveying the power to offset evil.

176. Ở đây chúng ta có cuộc tuần hoàn thứ năm và, như vậy, cung năm tham gia vào việc hóa giải điều ác. Cuộc tuần hoàn thứ năm sẽ phản chiếu rất nhiều cả Sao Thủy lẫn Sao Kim (những hành tinh và các Hành Tinh Thượng Đế tiến bộ) truyền đạt quyền năng để hóa giải điều ác.

177. It seems a long wait—millions of years, really.

177. Điều đó dường như là một sự chờ đợi dài—thật sự là hàng triệu năm.

178. A hint is given, however, which may be utilized even now. By the correct use of thought and speech much evil (unnecessary even now) may be offset.

178. Tuy nhiên, một gợi ý đã được đưa ra, và có thể được sử dụng ngay cả bây giờ. Bằng cách sử dụng đúng đắn tư tưởng và lời nói, nhiều điều ác (ngay cả bây giờ là không cần thiết) có thể được hóa giải.

The etheric moon is included in these remarks.

Mặt trăng dĩ thái được bao gồm trong những nhận xét này.

179. DK seeks to have us remember that the effects of the Moon are not only densely physical but etheric as well.

179. Chân sư DK muốn chúng ta nhớ rằng các ảnh hưởng của Mặt Trăng không chỉ đậm đặc hồng trần mà còn dĩ thái nữa.

180. We know that black magicians work with etheric energies and with certain devas of the ether who carry out their behests. Understanding that there are negative etheric conditions associated with our Moon helps us understand why the Moon figures in certain types of black magic.

180. Chúng ta biết rằng các nhà hắc thuật làm việc với các năng lượng dĩ thái và với một số thiên thần của dĩ thái, những vị thực hiện mệnh lệnh của họ. Hiểu rằng có những điều kiện dĩ thái tiêu cực gắn liền với Mặt Trăng của chúng ta giúp chúng ta hiểu vì sao Mặt Trăng xuất hiện trong một số loại hắc thuật nhất định.

The greatest effect of moon conditions is to be seen working out predominantly in the terror, and present distress in the animal kingdom.[58] [Bible. Romans, 8:22]

Ảnh hưởng lớn nhất của các điều kiện mặt trăng được thấy biểu hiện chủ yếu trong nỗi kinh hoàng, và sự khốn khổ hiện nay trong giới động vật.58 [Bible. Romans, 8:22]

181. Ảnh hưởng gây kinh hoàng này của Mặt Trăng khiến người ta nhớ đến hai vệ tinh của

181. This terrorizing effect of the Moon reminds one of the two satellites of Mars—Phobos and Demos—"fear" and "dread".

Sao Hỏa—Phobos và Demos—"sợ hãi" và "kinh hoàng".

182. Mars and the Moon are intimately related to the animal nature in man.

182. Sao Hỏa và Mặt Trăng có liên hệ mật thiết với bản chất động vật trong con người.

A further factor in cyclic computation lies in the effect of the following stars and constellations upon our system and upon any particular scheme within the system:

Một yếu tố nữa trong sự tính toán chu kỳ nằm ở ảnh hưởng của các ngôi sao và chòm sao sau đây lên hệ thống chúng ta và lên bất kỳ hệ hành tinh đặc thù nào bên trong hệ thống:

183. Here are listed effects of far greater moment that the effect of the Moon (which, we are told, has no true radiation).

183. Ở đây liệt kê những ảnh hưởng có tầm quan trọng lớn hơn nhiều so với ảnh hưởng của Mặt Trăng (mà chúng ta được bảo là không có bức xạ chân thực).

184. The great sources listed below affect not only the solar system but particular planetary schemes within the solar system.

184. Những nguồn lớn được liệt kê dưới đây không chỉ ảnh hưởng đến hệ mặt trời mà còn đến các hệ hành tinh đặc thù bên trong hệ mặt trời.

a. The Great Bear.

a. Đại Hùng Tinh.

185. The will aspect of the seven rays emanate from this source.

185. Phương diện ý chí của bảy cung phát xuất từ nguồn này.

b. The Little Bear.

b. Tiểu Hùng Tinh.

186. The Little Bear is the correspondence to the "Son" just as the Great Bear is to the "Father".

186. Tiểu Hùng Tinh là sự tương ứng với "Người Con" cũng như Đại Hùng Tinh là với "Người Cha".

187. The connection between the Little Bear, Sirius and Leo (all of them related to the second aspect) is to be explored.

187. Mối liên hệ giữa Tiểu Hùng Tinh, Sirius và Leo (tất cả đều liên hệ với phương diện thứ hai) cần được khảo cứu.

c. The Pole Star, especially where our planet is concerned.

c. Sao Bắc Cực, đặc biệt khi liên quan đến hành tinh chúng ta.

188. Our present Pole Star is found within the Little Bear. Naturally the Polar Star changes with the gyration of the axis of our Earth. Presently the Polar Star is “Polaris”. What may be its other names?

188. Sao Bắc Cực hiện nay của chúng ta nằm trong Tiểu Hùng Tinh. Đương nhiên, sao cực thay đổi theo sự quay lắc của trục Trái Đất chúng ta. Hiện nay sao cực là “Polaris”. Những tên gọi khác của nó có thể là gì?

d. The Pleiades.

d. Pleiades.

189. The feminine aspect of the seven rays emanates from this source. It is also the Hub of the Wheel as far as our local cosmo system is concerned. With respect to our local cosmo-system, probably no influence is more powerful than that of the Pleiades.

189. Phương diện nữ tính của bảy cung phát xuất từ nguồn này. Nó cũng là Trục của Bánh Xe xét theo hệ vũ trụ địa phương của chúng ta. Đối với hệ vũ trụ địa phương của chúng ta, có lẽ không có ảnh hưởng nào mạnh hơn ảnh hưởng của Pleiades.

e. The constellation of Capricorn.

e. Chòm sao Ma Kết.

190. This is one of the twelve signs of the zodiac and, one may infer, a senior Constellational Logos among the twelve.

190. Đây là một trong mười hai dấu hiệu hoàng đạo và, người ta có thể suy ra, là một Thượng đế Chòm Sao cao cấp trong số mười hai vị.

191. Just as not all the Planetary Logoi are equally evolved, so not all the Constellational Lords are equally evolved.

191. Cũng như không phải mọi Hành Tinh Thượng Đế đều tiến hoá ngang nhau, thì không phải mọi Chúa Tể Chòm Sao đều tiến hoá ngang nhau.

f. Draco.

f. Draco.

192. Draco is to be associated with cosmic kundalini—risen into the area of the Head of the "One About Whom Naught May Be Said".

192. Draco phải được liên kết với kundalini vũ trụ—đã dâng lên vùng Đầu của “Đấng Bất Khả Tư Nghị”.

193. Draco is, for us, the ultimate source of “Serpent Power” within our solar system.

193. Đối với chúng ta, Draco là nguồn tối hậu của “Hỏa Xà” bên trong hệ mặt trời của chúng ta.

g. Sirius.

g. Sirius.

194. So much is said about the power of Sirius in relation to our solar system and our planet. Yet, when compared to the other

194. Rất nhiều điều được nói về quyền năng của Sirius trong liên hệ với hệ mặt trời và hành tinh chúng ta. Tuy nhiên, khi so với

sources here listed, it is, overall, a relatively minor one.

h. The various constellations and stars of the Zodiac.

195. So much attention is usually given to the twelve signs of the zodiac. Yet, for a more complete picture of sources which are effective in influencing our planet and humanity, a number of extra-zodiacal sources must be included.

196. These twelve, constellations, we remember are the heart within the head center of the "One About Whom Naught May Be Said".

[Page 796]

The mystery is hidden in esoteric astrology, and until the subject of energy working through the etheric body, of radioactivity, and of the transmutation of all bodies from a lower state into a higher is better comprehended, the true mystery of the "influence" of these various bodies upon each other will remain at its present stage—an unrevealed secret.

197. We may presume then, that there are *revealed* secrets.

198. An “unrevealed secret” is doubly hidden.

199. Let us remember with the writing of *A Treatise on Cosmic Fire* the Tibetan had not yet written *Esoteric Astrology.*

các nguồn khác được liệt kê ở đây, nhìn chung nó là một nguồn tương đối nhỏ.

h. Các chòm sao và ngôi sao khác nhau của Hoàng Đạo.

195. Thông thường người ta dành rất nhiều chú ý cho mười hai dấu hiệu hoàng đạo. Tuy nhiên, để có một bức tranh đầy đủ hơn về các nguồn có hiệu lực trong việc ảnh hưởng đến hành tinh chúng ta và nhân loại, cần phải bao gồm một số nguồn ngoài hoàng đạo.

196. Chúng ta nhớ rằng mười hai chòm sao này là trái tim bên trong trung tâm đầu của “Đấng Bất Khả Tư Nghị”.

[Page 796]

Mầu nhiệm được ẩn giấu trong Chiêm Tinh Học Nội Môn, và cho đến khi chủ đề năng lượng vận hành qua thể dĩ thái, phóng xạ, và sự chuyển hoá của mọi thể từ một trạng thái thấp lên một trạng thái cao được thấu hiểu tốt hơn, thì mầu nhiệm chân thực về “ảnh hưởng” của các thiên thể khác nhau này lên nhau sẽ vẫn ở nguyên giai đoạn hiện tại của nó—một bí mật chưa được mặc khải.

197. Vậy thì chúng ta có thể giả định rằng có những bí mật *đã được mặc khải.*

198. Một “bí mật chưa được mặc khải” bị che giấu gấp đôi.

199. Chúng ta hãy nhớ rằng khi viết *Luận về Lửa Vũ Trụ*, Chân sư Tây Tạng vẫn chưa viết *Chiêm Tinh Học Nội Môn.*

200. What must be known before the true mystery of the "influence" of the various bodies upon each other may be more fully understood?:

a. Energy as it works through the etheric body

b. Radioactivity

c. Knowledge concerning transmutation of all bodies from a lower state into a higher

If the radiatory effect of a human being or of a group of human beings upon each other is as yet practically an unknown thing from the standpoint of practical science, **so the occult effect of these greater forms upon each other remains unknown.**

201. This is obvious. DK is giving us some extraordinary material for our contemplation. Much remedial work remains to be done within the realm of humanity before any wide registration of these greater influences comes into human consciousness.

202. As we are unaware of the effect of these great sources *upon ourselves,* how much less so are we aware of their effect upon each other!

Science recognises certain effects, leading and tending to the general coherence of the universe, just as the general laws of the social order among men are theoretically apprehended,

200. Điều gì phải được biết trước khi mầu nhiệm chân thực về "ảnh hưởng" của các thiên thể khác nhau lên nhau có thể được thấu hiểu đầy đủ hơn?:

a. Năng lượng khi nó vận hành qua thể dĩ thái

b. Phóng xạ

c. Tri thức liên quan đến sự chuyển hoá của mọi thể từ một trạng thái thấp lên một trạng thái cao hơn

Nếu hiệu quả bức xạ của một con người hay của một nhóm người lên nhau, xét từ quan điểm của khoa học thực tiễn, vẫn còn thực tế là một điều chưa được biết đến, thì **ảnh hưởng huyền bí của những hình tướng lớn hơn này lên nhau cũng vẫn chưa được biết đến.**

201. Điều này là hiển nhiên. Chân sư DK đang trao cho chúng ta một số chất liệu phi thường để chiêm ngưỡng. Còn rất nhiều công việc chữa lành phải được thực hiện trong phạm vi nhân loại trước khi có bất kỳ sự ghi nhận rộng rãi nào về những ảnh hưởng lớn lao hơn này đi vào tâm thức con người.

202. Vì chúng ta không nhận biết ảnh hưởng của những nguồn lớn này *lên chính mình,* thì chúng ta lại càng ít nhận biết ảnh hưởng của chúng lên nhau biết bao!

Khoa học thừa nhận một số hiệu quả nhất định, dẫn đến và hướng về sự cố kết tổng quát của vũ trụ, cũng như các định luật tổng quát của trật tự xã hội giữa con người về mặt lý thuyết được lĩnh hội,

203. Science knows that the universe is coherent, but does not know the inner, subjective causes of such coherence.

203. Khoa học biết rằng vũ trụ có tính cố kết, nhưng không biết các nguyên nhân nội tại, chủ quan của sự cố kết ấy.

204. Man is aware of certain generalities but not of deep causes.

204. Con người nhận biết một số tính khái quát nhưng không nhận biết các nguyên nhân sâu xa.

but the true scientific realisation of energy-radiations emanating from the etheric bodies of all these suns and groups of suns, and from all these planets and groups of planets is little understood.

nhưng sự chứng nghiệm khoa học chân thực về các bức xạ năng lượng phát ra từ các thể dĩ thái của tất cả những mặt trời và nhóm mặt trời này, và từ tất cả những hành tinh và nhóm hành tinh này thì ít được thấu hiểu.

205. We might say that among the ranks of conventional scientists it is not understood at all.

205. Chúng ta có thể nói rằng trong hàng ngũ các nhà khoa học quy ước, điều này hoàn toàn không được thấu hiểu.

206. Even astrologers who should understand something more about the sources and effects of these energies, understand but little—from the *occult* perspective.,

206. Ngay cả các nhà chiêm tinh, những người lẽ ra phải hiểu thêm phần nào về các nguồn và hiệu quả của những năng lượng này, cũng hiểu rất ít—từ góc nhìn *huyền bí*.,

Their atomic activity is recognised, but that department of their being, which finds its correspondence in "animal magnetism" in man, is little realised,

Hoạt động nguyên tử của chúng được thừa nhận, nhưng phương diện ấy trong bản thể của chúng, phương diện tìm thấy sự tương ứng của nó trong "từ điện động vật" nơi con người, thì ít được chứng nghiệm,

207. The outer and material effect of such sources is comprehended to a degree. The subjective nature of the sources is not understood at all.

207. Hiệu quả bên ngoài và vật chất của những nguồn như vậy được hiểu đến một mức độ nào đó. Bản chất chủ quan của các nguồn ấy thì hoàn toàn không được hiểu.

208. Animal magnetism, we can understand as a kind of 'etheric magnetism'.

208. Chúng ta có thể hiểu từ điện động vật như một loại 'từ điện dĩ thái'.

while the even more potent factor of the magnetic radiation of their astral bodies is totally uncalculated, nor is it admitted.

trong khi yếu tố còn mạnh hơn nữa là bức xạ từ tính của các thể cảm dục của chúng thì hoàn toàn không được tính đến, cũng không được thừa nhận.

209. These sources also all have astral bodies, the effect of which is magnetic. This is not registered, or the possibility of its existence acknowledged.

209. Những nguồn này cũng đều có các thể cảm dục, mà ảnh hưởng của chúng là từ tính. Điều này không được ghi nhận, cũng không được thừa nhận khả năng tồn tại của nó.

210. As modern scientists are mostly materialists, etheric energy (which is closer to material energy than is astral energy) may begin to be acknowledged.

210. Vì các nhà khoa học hiện đại phần lớn là những người duy vật, năng lượng dĩ thái (gần với năng lượng vật chất hơn năng lượng cảm dục) có thể bắt đầu được thừa nhận.

All these factors have to be allowed for in any consideration of the factor of time and cycles, and the true esoteric knowledge is not to be gained by the study of figures by the lower mind.

Tất cả những yếu tố này đều phải được tính đến trong bất kỳ sự xem xét nào về yếu tố thời gian và các chu kỳ, và tri thức huyền bí chân thực không thể đạt được bằng việc nghiên cứu các con số bằng hạ trí.

211. DK is telling us that without the antahkarana, we will not attain "true esoteric knowledge".

211. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng nếu không có antahkarana, chúng ta sẽ không đạt được "tri thức huyền bí chân thực".

212. Really, He is telling us of the various factors which must be grasped if we are to make our way to that highest of all presented siddhis, "All Knowledge" (cf. TCF 188-189)

212. Thật ra, Ngài đang nói với chúng ta về các yếu tố khác nhau phải được nắm bắt nếu chúng ta muốn tiến đến siddhi cao nhất trong tất cả các siddhi được trình bày, "Mọi Tri Thức" (xem TCF 188-189)

213. DK is warning us concerning the strictly mathematical, concrete-minded approach.

213. Chân sư DK đang cảnh báo chúng ta về cách tiếp cận thuần túy toán học, thiên về trí cụ thể.

It comes as the result of the intuition and is stimulated at initiation.

Nó đến như kết quả của trực giác và được kích thích vào lúc điểm đạo.

214. We require the buddhic sense to fathom the secrets of cycles. Without passing through initiation, these secrets will evade our grasp.

214. Chúng ta cần cảm quan Bồ đề để thấu suốt các bí mật của các chu kỳ. Nếu không đi qua điểm đạo, những bí mật này sẽ thoát khỏi sự nắm bắt của chúng ta.

215. The opening of the heart is related both to initiation and to intuition. The heart is a 'rhythmic organ' and we are here speaking of the fundamental rhythms of the great energy sources related to our solar system and the Earth.

215. Sự khai mở của trái tim có liên hệ cả với điểm đạo lẫn trực giác. Trái tim là một 'cơ quan nhịp điệu' và ở đây chúng ta đang nói về những nhịp điệu căn bản của các nguồn năng lượng lớn liên hệ với hệ mặt trời và Trái Đất.

All that has here been pointed out, can be applied equally (though in a very finite sense) to the ego and its cycles, and also equally, considerations other than the purely "personal" will enter into its time periods.

Tất cả những gì đã được chỉ ra ở đây có thể được áp dụng tương tự (dù theo một nghĩa rất hữu hạn) cho chân ngã và các chu kỳ của nó, và cũng tương tự như vậy, những sự xem xét khác ngoài cái thuần túy "cá nhân" sẽ đi vào các chu kỳ thời gian của nó.

216. For every star or source in the heavens there is a star or source in man. The analogies can be drawn. The various great stellar sources will have their analogies in the chakra system of man.

216. Với mỗi ngôi sao hay nguồn trên trời đều có một ngôi sao hay nguồn trong con người. Có thể rút ra các tương đồng. Những nguồn sao lớn khác nhau sẽ có các tương đồng của chúng trong hệ thống luân xa của con người.

217. We recall that cycles of planetary centers/egoic groups and specific, egoic groups (and their constituent Egos) were related to Brahmic "minutes" and "moments" respectively. The great sources have an effect even upon our egoic nature.

217. Chúng ta nhớ rằng các chu kỳ của các trung tâm hành tinh/các nhóm chân ngã và các nhóm chân ngã đặc thù (và các Chân ngã cấu thành của chúng) lần lượt liên hệ với các "phút" và "khoảnh khắc" Brahma. Những nguồn lớn có ảnh hưởng ngay cả lên bản chất chân ngã của chúng ta.

218. The time cycles of our Ego are not dictated by purely personal considerations. Impulsions from great sources are also involved. At this, DK hints.

218. Các chu kỳ thời gian của Chân ngã chúng ta không bị quyết định bởi những xem xét thuần túy cá nhân. Những xung lực từ các nguồn lớn cũng có liên quan. Chân sư DK gợi ý điều này.

219. "Personal" factors are *lunar* factors; DK, however, has been speaking of the

219. Những yếu tố "cá nhân" là những yếu tố *nguyệt*; tuy nhiên, Chân sư DK đã nói về những ảnh hưởng xung động, có tác động

impulsive, influential effects of stellar (thus solar) sources. We are connected to the stars.

của các nguồn sao (do đó là thái dương). Chúng ta được nối kết với các vì sao.

The influence of other groups and of other units, the effects of radiation from other rays, and of certain types of force as yet unrevealed, and thus outside our consideration, are concerned with its appearing, with the duration of its [Page 797] manifestation, its subsequent obscuration, and final pralayic interval.

Ảnh hưởng của các nhóm khác và của các đơn vị khác, các hiệu quả của bức xạ từ các cung khác, và của một số loại mãnh lực hiện còn chưa được mặc khải, do đó nằm ngoài sự xem xét của chúng ta, đều liên quan đến sự xuất hiện của nó, thời lượng của sự [Page 797] biểu lộ của nó, sự che khuất tiếp theo của nó, và khoảng pralaya cuối cùng.

220. DK is speaking of that which influences the Ego—influences other than those which are "purely personal". Let us list these for easier apprehension:

220. Chân sư DK đang nói về điều gì ảnh hưởng đến Chân ngã—những ảnh hưởng khác với những gì là "thuần túy cá nhân". Chúng ta hãy liệt kê chúng để dễ lĩnh hội hơn:

a. The influence of other groups

a. Ảnh hưởng của các nhóm khác

b. The influence of other units

b. Ảnh hưởng của các đơn vị khác

c. The effects of radiation from other rays

c. Các hiệu quả của bức xạ từ các cung khác

d. The effects of certain types of force as yet unrevealed

d. Các hiệu quả của một số loại mãnh lực hiện còn chưa được mặc khải

221. The effects upon the human Ego of greater sources are many, most of them not to be ascertained by the human mind in its present inadequate state of development.

221. Những ảnh hưởng của các nguồn lớn hơn lên Chân ngã con người thì rất nhiều, phần lớn không thể được trí tuệ con người xác định trong tình trạng phát triển hiện nay còn bất toàn của nó.

As the Ego has time periods corresponding to those of Brahma, and its "100 years", and its "777 incarnations" have a solar analogy, so equally groups of Egos differ as to time, just as the planetary schemes are analogous in evolution **but differ where their periods are concerned.**

Cũng như Chân ngã có những chu kỳ thời gian tương ứng với các chu kỳ của Brahma, và "100 năm" cùng "777 lần nhập thể" của nó có một sự tương đồng thái dương, thì tương tự như vậy các nhóm Chân ngã cũng khác nhau về thời gian, cũng như các hệ hành tinh tương đồng trong tiến hoá **nhưng khác nhau về các chu kỳ của chúng.**

222. DK is telling us something of importance.

222. Chân sư DK đang nói với chúng ta điều gì đó quan trọng.

223. One hundred "Years of Brahma" correspond to the incarnation of a Solar Logos upon the eighteen lower cosmic subplanes. It does not seem accurate to say that this period corresponds only to the duration of the physical-etheric solar system.

223. Một trăm "Năm của Brahma" tương ứng với sự nhập thể của một Thái dương Thượng đế trên mười tám cõi phụ vũ trụ thấp. Có vẻ không chính xác khi nói rằng giai đoạn này chỉ tương ứng với thời lượng của hệ mặt trời hồng trần-dĩ thái.

224. It may be that our Solar Logos, through His present solar system, passes through an analogy to the "777 incarnations" through which the incarnating human being passes.

224. Có thể là Thái dương Thượng đế của chúng ta, qua hệ mặt trời hiện tại của Ngài, đi qua một sự tương đồng với "777 lần nhập thể" mà con người đang nhập thể trải qua.

225. Interestingly, the number 777 corresponds particularly to the Earth-scheme. Why then, should it have a "solar analogy"? Is there some particular connection between our Solar Logos and the Earth-scheme?

225. Điều thú vị là con số 777 đặc biệt tương ứng với hệ Địa Cầu. Vậy tại sao nó lại có một "sự tương đồng thái dương"? Có phải có một mối liên hệ đặc biệt nào đó giữa Thái dương Thượng đế của chúng ta và hệ Địa Cầu chăng?

226. May we say that "100 years of Brahma" correspond to the *entire* incarnational cycle of a human being? Or should we shorten the period to which 100 Brahmic years applies to the period of one incarnation? After all, 100 Years of Brahma applies only to *one* solar systemic incarnation! Yet, such a shortening does not seem quite legitimate.

226. Chúng ta có thể nói rằng "100 năm của Brahma" tương ứng với toàn bộ *trọn vẹn* chu kỳ nhập thể của một con người chăng? Hay chúng ta nên rút ngắn giai đoạn mà 100 năm Brahma áp dụng vào giai đoạn của một lần nhập thể? Rốt cuộc, 100 Năm của Brahma chỉ áp dụng cho *một* lần nhập thể hệ mặt trời mà thôi! Tuy nhiên, sự rút ngắn như vậy dường như không hoàn toàn chính đáng.

227. In any case, between similar E/entities, there may be a general similarity of process, but the details of the cyclic duration of their expression in manifestation may differ greatly. Each egoic group is conditioned by a different ray and substance-ray, and each ray has its own distinctive cycles.

227. Dù sao đi nữa, giữa các Thực thể/thực thể tương tự, có thể có một sự tương đồng tổng quát về tiến trình, nhưng các chi tiết về thời lượng chu kỳ của sự biểu lộ của chúng trong biểu hiện có thể khác nhau rất nhiều. Mỗi nhóm chân ngã được tác động bởi một cung khác nhau và cung-chất liệu khác nhau, và mỗi cung có các chu kỳ đặc thù riêng của nó.

The Law of Periodicity is one,

Định luật Chu Kỳ là một,

228. That is, the Law of Periodicity applies to all human beings, Egos, Planetary Logoi and Solar Logos—*in general.*

228. Nghĩa là, Định luật Chu Kỳ áp dụng cho mọi con người, các Chân ngã, các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế—*nói chung.*

but as it is based upon initial impulse, and upon the rhythmic beat of the "central heart" or the "central sun" of any organism (solar system, planetary scheme, planetary chain, egoic group or individual egoic life)

nhưng vì nó dựa trên xung lực ban đầu, và trên nhịp đập của "trái tim trung tâm" hay "mặt trời trung tâm" của bất kỳ cơ thể sống nào (hệ mặt trời, hệ hành tinh, dãy hành tinh, nhóm chân ngã hay sự sống chân ngã cá biệt)

229. The expression of the Law of Periodicity through any particular being depends upon the rhythm of the heart beat of the 'central sun' of that being.

229. Sự biểu lộ của Định luật Chu Kỳ qua bất kỳ hữu thể đặc thù nào tùy thuộc vào nhịp điệu của nhịp tim của "mặt trời trung tâm" của hữu thể ấy.

230. When we speak of the "central sun" or "central heart" we may be speaking of a monadic pulsation which is reflected in the egoic nature—specifically in the Jewel in the Lotus.

230. Khi chúng ta nói về "mặt trời trung tâm" hay "trái tim trung tâm", có thể chúng ta đang nói về một sự rung động của chân thần được phản chiếu trong bản chất chân ngã—cụ thể là trong Bảo Châu trong Hoa Sen.

the true nature or "family" of any such organism must be ascertained before cyclic pronouncements can be made with any hope of approximate accuracy.

thì bản chất chân thực hay "gia đình" của bất kỳ cơ thể sống nào như vậy phải được xác định trước khi có thể đưa ra những tuyên bố về chu kỳ với bất kỳ hy vọng nào về độ chính xác gần đúng.

231. To which particular “central heart” does any B/being respond? This must be ascertained, along with the rhythm of the “beat” of that “central heart”.

231. Bất kỳ Hữu thể/hữu thể nào đáp ứng với “trái tim trung tâm” đặc thù nào? Điều này phải được xác định, cùng với nhịp điệu của “nhịp đập” của “trái tim trung tâm” ấy.

232. All cyclic pronouncement must be based upon the ascertainment of a fundamental frequency or beat. This differs for each B/being.

232. Mọi tuyên bố theo chu kỳ đều phải dựa trên sự xác định một tần số hay nhịp đập căn bản. Điều này khác nhau đối với mỗi B/sự sống.

233. Another way of saying this is that our knowledge of ray cycles is, thus far, scant. We may know something about ray cycles as presented in EP I, 26, but how can we generalize about the starting or ending points of vaster and vaster ray cycles (even though they may be based upon expansions or reductions of the same numbers found in the lesser ones)? For instance, while we may know that the 500 year cycle of the second ray began in 1575 AD, how do we know the starting point of a 5000 year or 50,000 year, or 500,000 year ray cycle also related to the second ray?

233. Một cách khác để nói điều này là: cho đến nay, tri thức của chúng ta về các chu kỳ cung vẫn còn ít ỏi. Chúng ta có thể biết đôi điều về các chu kỳ cung như được trình bày trong EP I, 26, nhưng làm sao chúng ta có thể khái quát hóa về những điểm khởi đầu hay kết thúc của các chu kỳ cung ngày càng lớn hơn nữa (dù chúng có thể dựa trên sự mở rộng hay thu giảm của cùng những con số được tìm thấy trong các chu kỳ nhỏ hơn)? Chẳng hạn, trong khi chúng ta có thể biết rằng chu kỳ 500 năm của cung hai bắt đầu vào năm 1575 SCN, thì làm sao chúng ta biết được điểm khởi đầu của một chu kỳ cung 5.000 năm, hay 50.000 năm, hay 500.000 năm cũng liên hệ với cung hai?

This was why H.P.B. sought to emphasise the need of studying the "astral family" and occult heredity of any person, for in the astral is to be found the clue to the "egoic family or group."

Đó là lý do vì sao H.P.B. đã tìm cách nhấn mạnh nhu cầu phải nghiên cứu “gia đình cảm dục” và di truyền huyền bí của bất kỳ người nào, vì trong cõi cảm dục có thể tìm thấy đầu mối dẫn đến “gia đình hay nhóm chân ngã”.”

234. The astral body *reflects* the egoic body, just as the lower mind reflects the monadic nature.

234. Thể cảm dục *phản chiếu* thể chân ngã, cũng như hạ trí phản chiếu bản chất chân thần.

235. Once the “egoic family or group” is ascertained, something about the ray cycle to which that family responds may be known. Incarnation, we realize, is not

235. Một khi “gia đình hay nhóm chân ngã” được xác định, thì có thể biết được đôi điều về chu kỳ cung mà gia đình ấy đáp ứng. Chúng ta nhận ra rằng sự nhập thể không

strictly an individual matter. Egoic groups incarnate together.

hoàn toàn là một vấn đề cá nhân. Các nhóm chân ngã cùng nhập thể với nhau.

With this clue the student can then ascertain the characteristics of his group on egoic levels, its place among other egoic groups, and eventually his ray or group centre.

Với đầu mối này, đạo sinh khi ấy có thể xác định các đặc tính của nhóm mình trên các cấp độ chân ngã, vị trí của nó giữa các nhóm chân ngã khác, và cuối cùng là cung của mình hay trung tâm nhóm của mình.

236. With a knowledge of one's astral family, what may be ascertained?:

236. Với tri thức về gia đình cảm dục của mình, điều gì có thể được xác định?:

a. The characteristics of one's group on egoic levels

a. Các đặc tính của nhóm mình trên các cấp độ chân ngã

b. The place of one's egoic group among other egoic groups

b. Vị trí của nhóm chân ngã của mình giữa các nhóm chân ngã khác

c. One's ray

c. Cung của mình

d. The ray of one's group center. (Here we may be speaking of lesser and greater Ashrams.)

d. Cung của trung tâm nhóm của mình. (Ở đây chúng ta có thể đang nói đến các ashram nhỏ hơn và lớn hơn.)

As time elapses, the true study of heredity and esoteric transmission will open up, and the whole fabric of thought built up around such modern expressions as:

Khi thời gian trôi qua, sự nghiên cứu chân chính về di truyền và sự truyền đạt huyền bí sẽ được khai mở, và toàn bộ cấu trúc tư tưởng được xây dựng quanh những cách diễn đạt hiện đại như:

237. "Esoteric transmission" is something deeper than "heredity" as heredity is usually understood.

237. "Sự truyền đạt huyền bí" là điều gì đó sâu xa hơn "di truyền" như di truyền thường được hiểu.

a. Consanguinity or blood ties

a. Huyết thống hay ràng buộc máu mủ

238. Blood ties run deeper than physical relationships. They are to some extent based upon inner, subjective relations. Blood and water (i.e., the astral nature, as it reflects the egoic nature) are here related.

238. Những ràng buộc máu mủ đi sâu hơn các quan hệ thể xác. Ở một mức độ nào đó, chúng dựa trên những quan hệ nội tại, chủ quan. Máu và nước (tức bản chất cảm dục, khi nó phản chiếu bản chất chân ngã) ở đây có liên hệ với nhau.

b. Physical heredity

239. Some find themselves *physically* related to those to whom they have no strong inner or subjective relationship.

240. Psychologically and spiritually, even human being inherits himself! Physically, there is inheritance from parents.

c. Atavism

241. This suggests the idea of a "throw back"—the demonstration of traits which are ancient and should long have been outlived.

242. Egoic groups are not all equally evolved. Some groups still demonstrate characteristics which have a dwindling place in humanity's modern expression.

d. Intermarriage

243. This is not just a question of blending differing races in the physical marriage relationship. There are inner groups which differ greatly from each other. When one marries into a group which, subjectively, is very different from the group to which he or she belongs spiritually and psychologically, then one may speak occultly of "intermarriage".

e. Family relationships

244. Such relationships are certainly physical but they may be, as well, emotional, mental or egoic. Usually, with the average

b. Di truyền thể xác

239. Một số người thấy mình *về mặt thể xác* có liên hệ với những người mà họ không có mối quan hệ nội tại hay chủ quan mạnh mẽ.

240. Về mặt tâm lý và tinh thần, ngay cả con người cũng thừa hưởng chính mình! Về mặt thể xác, có sự thừa hưởng từ cha mẹ.

c. Hiện tượng hồi tổ

241. Điều này gợi ra ý niệm về một "sự thoái lui" — sự biểu lộ những đặc tính cổ xưa lẽ ra từ lâu đã phải được vượt qua.

242. Các nhóm chân ngã không phải tất cả đều tiến hóa ngang nhau. Một số nhóm vẫn còn biểu lộ những đặc tính chỉ còn giữ một vị trí ngày càng thu hẹp trong sự biểu hiện hiện đại của nhân loại.

d. Hôn phối khác nhóm

243. Đây không chỉ là vấn đề hòa trộn các nhân loại khác nhau trong quan hệ hôn nhân thể xác. Có những nhóm nội tại rất khác biệt nhau. Khi một người kết hôn vào một nhóm mà, về mặt chủ quan, rất khác với nhóm mà y thuộc về về mặt tinh thần và tâm lý, thì khi ấy người ta có thể nói theo huyền bí học là "hôn phối khác nhóm".

e. Quan hệ gia đình

244. Những quan hệ như thế chắc chắn là thể xác, nhưng cũng có thể là cảm xúc, trí tuệ hay chân ngã. Thông thường, trong gia

family, it is rare to find relationship based upon all four criteria.

đình trung bình, hiếm khi tìm thấy mối quan hệ dựa trên cả bốn tiêu chuẩn ấy.

f. The family unit

f. Đơn vị gia đình

245. Such a unit may be draw together for reasons which are principally karmic. Such a unit, later in the process of evolution, may also reflect established *inner* relationships.

245. Một đơn vị như thế có thể được tập hợp lại vì những lý do chủ yếu là nghiệp quả. Về sau trong tiến trình tiến hoá, một đơn vị như thế cũng có thể phản chiếu những mối quan hệ đã được thiết lập ở *bên trong*.

g. Soul mates

g. Bạn đồng điệu linh hồn

246. There is much glamor surrounding this subject. When individuals representing the same soul group, partner, merge or marry on the outer planes, they have more than usual justification for considering themselves "soul mates".

246. Có rất nhiều ảo cảm bao quanh chủ đề này. Khi những cá nhân đại diện cho cùng một nhóm linh hồn, cùng bạn đồng hành, hòa nhập hay kết hôn trên các cõi bên ngoài, họ có nhiều cơ sở hơn bình thường để xem mình là "bạn đồng điệu linh hồn".

247. It may also be that long and close incarnational association contributes to the sense of being "soul mates".

247. Cũng có thể là sự gắn bó lâu dài và gần gũi qua nhiều lần nhập thể góp phần tạo nên cảm giác là "bạn đồng điệu linh hồn".

h. Divorce and many other terms

h. Ly hôn và nhiều thuật ngữ khác

248. While there arise many reasons for divorce, it frequently occurs when the souls of the individuals involved remove these individuals from each others influence because the possibility for soul growth no longer exists.

248. Dù có nhiều lý do dẫn đến ly hôn, điều này thường xảy ra khi linh hồn của những cá nhân liên hệ rút những cá nhân ấy ra khỏi ảnh hưởng của nhau vì khả năng tăng trưởng linh hồn không còn nữa.

will be shifted to higher planes, and will be recognised and used in connection with soul relationships.

sẽ được chuyển lên các cõi cao hơn, và sẽ được nhìn nhận và sử dụng trong mối liên hệ với các quan hệ linh hồn.

249. We need a higher perspective from which to interpret these subjects. When the human being understands himself principally *as a soul,* new light will be shed

249. Chúng ta cần một quan điểm cao hơn để diễn giải những chủ đề này. Khi con người hiểu chính mình chủ yếu *như một linh hồn,* ánh sáng mới sẽ được rọi vào sự hình thành, duy trì và cắt đứt các mối quan hệ của y.

upon the formation, sustainment and severing of his relationship.

They are, as yet, but a faint realisation on the physical plane of [Page 798] certain inner relations, which are seeking outer response.

Cho đến nay, chúng chỉ là một sự chứng nghiệm mờ nhạt trên cõi hồng trần về [Page 798] một số quan hệ nội tại đang tìm kiếm sự đáp ứng bên ngoài.

250. As human beings, our attitude to life developments and events is insufficiently subjective. This is in process of remedy. When looking for the reasons why our relationships change, we have to look largely to inner causes.

250. Là những con người, thái độ của chúng ta đối với các diễn biến và biến cố của đời sống chưa đủ tính chủ quan. Điều này đang được sửa chữa. Khi tìm lý do vì sao các mối quan hệ của chúng ta thay đổi, chúng ta phần lớn phải nhìn vào các nguyên nhân bên trong.

When all aggregates of ideas are interpreted in terms of force and energy, in terms of attraction and repulsion, or the vibratory response of units to each other, and of aggregates of units to other groups, we shall have the clearing up of many problems and a simplification of life.

Khi mọi tập hợp ý tưởng đều được diễn giải theo mãnh lực và năng lượng, theo hấp dẫn và đẩy lùi, hay theo sự đáp ứng rung động của các đơn vị với nhau, và của các tập hợp đơn vị với các nhóm khác, thì chúng ta sẽ làm sáng tỏ được nhiều vấn đề và đơn giản hóa đời sống.

251. DK is asking us to interpret “aggregates of ideas” in certain terms. Which terms?

251. Chân sư DK đang yêu cầu chúng ta diễn giải “các tập hợp ý tưởng” theo một số thuật ngữ nhất định. Đó là những thuật ngữ nào?

a. In terms of force and energy

a. Theo mãnh lực và năng lượng

b. In terms of attraction and repulsion

b. Theo hấp dẫn và đẩy lùi

c. In terms of the vibratory response of units to each other

c. Theo sự đáp ứng rung động của các đơn vị với nhau

d. In terms of the vibrator response of aggregates of units to other groups

d. Theo sự đáp ứng rung động của các tập hợp đơn vị đối với các nhóm khác

252. In short, we are to interpret all life in terms of the “language of energy”. This will lead to a clarification of all our relationships.

252. Tóm lại, chúng ta phải diễn giải toàn bộ đời sống theo “ngôn ngữ của năng lượng”. Điều này sẽ dẫn đến sự làm sáng tỏ mọi mối quan hệ của chúng ta.

253. What are "things", really, but "aggregates of ideas" and, more specifically, aggregations of thoughts which represent those ideas.

Men will be true to their group affiliations, and the present misgrouping and mismating will gradually, through knowledge, die out.

254. Misgrouping and mismating turns out to be an impediment to spiritual progress and, essentially, a waste of time.

255. "Let the disciple merge himself within the circle of his other selves. Let but one colour blend them and their unity appear. Only when the group is known and sensed can energy be wisely emanated." (Rule 9 for Applicants to Initiation—IHS 202)

256. DK is telling us that aggregation and de-aggregation must be based upon occult knowledge. Presently, this is far from the case.

We can now take up the consideration of karma in its relation to the act of reincarnation.

257. Notice that we speak of the "act of reincarnation" and not, generally, of the process.

As we are well aware, the law of karma is the most stupendous law of the system and one which it is impossible for the average man in any way to comprehend, for, if traced back along its central root and its many

253. Rốt cuộc, "sự vật" là gì nếu không phải là "các tập hợp ý tưởng", và cụ thể hơn, là những tập hợp tư tưởng biểu hiện các ý tưởng ấy.

Con người sẽ trung thành với những liên hệ nhóm của mình, và sự xếp nhóm sai sai nhóm và kết đôi sai hiện nay sẽ dần dần, nhờ tri thức, biến mất.

254. Sự xếp nhóm sai và kết đôi sai hóa ra là một chướng ngại đối với tiến bộ tinh thần và, về bản chất, là một sự phí thời gian.

255. "Hãy để người đệ tử hòa nhập chính mình vào trong vòng tròn của những bản ngã khác của y. Hãy để chỉ một màu sắc hòa trộn họ và sự hợp nhất của họ xuất hiện. Chỉ khi nhóm được biết đến và được cảm nhận thì năng lượng mới có thể được phát xạ một cách khôn ngoan." (Quy luật 9 dành cho những người Thỉnh Cầu Điểm Đạo—IHS 202)

256. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng sự kết tập và giải kết tập phải dựa trên tri thức huyền bí. Hiện nay, điều này còn rất xa thực tế.

Giờ đây chúng ta có thể bàn đến việc xem xét nghiệp quả trong mối liên hệ của nó với hành vi tái sinh.

257. Hãy lưu ý rằng chúng ta nói về "hành vi tái sinh" chứ không nói, nói chung, về tiến trình.

Như chúng ta đều biết rõ, định luật nghiệp quả là định luật kỳ vĩ nhất của hệ thống và là điều mà con người trung bình không thể nào thấu hiểu được theo bất kỳ cách nào, vì nếu lần ngược theo cội rễ trung tâm của nó và vô

ramifications, one eventually reaches the position where causes antedating the solar system have to be dealt with,

số nhánh phụ của nó, thì cuối cùng người ta sẽ đi đến chỗ phải đề cập đến những nguyên nhân có trước cả hệ mặt trời,

258. We are even now acting on effects which antedate our present solar system.

258. Ngay cả lúc này, chúng ta vẫn đang hành động dưới những hiệu quả có trước hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

259. Some of our most pressing and immediate international problems are based upon such ancient causes.

259. Một số vấn đề quốc tế cấp bách và trực tiếp nhất của chúng ta dựa trên những nguyên nhân cổ xưa như thế.

260. Therefore, we should not consider what is here said merely as an abstraction. It has very immediate and pressing effects.

260. Vì vậy, chúng ta không nên xem điều được nói ở đây chỉ như một sự trừu tượng. Nó có những hiệu quả rất trực tiếp và cấp bách.

and this point of view can only be usefully grasped by a high initiate.

và quan điểm này chỉ có thể được nắm bắt một cách hữu ích bởi một điểm đạo đồ cao cấp.

261. We presume that it is not enough to be simply an initiate of the third degree, but either an Arhat or a Master—one who has transcended karma as it is applied in the three lower worlds.

261. Chúng ta giả định rằng chỉ là một điểm đạo đồ bậc ba thì chưa đủ, mà phải là một Arhat hay một Chân sư — một Đấng đã vượt qua nghiệp quả như nó được áp dụng trong ba cõi thấp.

262. Some of lower rank may grasp something of the subject but not "usefully"—that is, they will not be in any position, really, to do anything about what they faintly understand.

262. Một số người ở cấp thấp hơn có thể nắm bắt được phần nào chủ đề này nhưng không phải một cách "hữu ích" — nghĩa là, họ thực sự sẽ không ở vào vị thế có thể làm được điều gì đối với điều họ chỉ hiểu lờ mờ.

This great law really concerns, or is based on causes which are inherent in the constitution of matter itself

Định luật vĩ đại này thực sự liên quan đến, hay dựa trên, những nguyên nhân cố hữu trong chính cấu tạo của vật chất

263. Karma and the law that wields it are closely related to the effect of the already conditioned matter aspect (condition in the first solar system) upon the life and

263. Nghiệp quả và định luật vận dụng nó có liên hệ chặt chẽ với tác động của phương diện vật chất đã được định hình từ trước (được định hình trong hệ mặt trời thứ nhất)

consciousness attempting to express itself in the present solar system.

lên sự sống và tâm thức đang cố gắng biểu hiện trong hệ mặt trời hiện tại.

and on the interaction between atomic units whether we use this expression in connection with an atom of substance, a human being, a planetary atom or a solar atom.

và trên sự tương tác giữa các đơn vị nguyên tử dù chúng ta dùng cách diễn đạt này trong mối liên hệ với một nguyên tử chất liệu, một con người, một nguyên tử hành tinh hay một nguyên tử thái dương.

264. The Law of Karma concerns not only the conditioning of matter, but the quality of relationship. It is the purpose of the Law of Karma to improve the quality of all relationship so that such relationship corresponds to archetypes meant to condition and control the present solar system.

264. Định luật Nghiệp quả không chỉ liên quan đến sự định hình của vật chất, mà còn liên quan đến phẩm tính của mối quan hệ. Mục đích của Định luật Nghiệp quả là cải thiện phẩm tính của mọi mối quan hệ để mối quan hệ ấy tương ứng với những nguyên mẫu vốn được dự định để tác động lên và kiểm soát hệ mặt trời hiện tại.

265. The condition of matter is related to the third aspect of divinity, and relationship (and its quality) to the second aspect.

265. Tình trạng của vật chất liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính, còn mối quan hệ (và phẩm tính của nó) liên hệ với phương diện thứ hai.

266. As we presently experience karma on this planet and this solar system, we might say that its function is to bring the third aspect into right relationship with the second.

266. Khi xét nghiệp quả như chúng ta hiện đang trải nghiệm trên hành tinh này và trong hệ mặt trời này, chúng ta có thể nói rằng chức năng của nó là đưa phương diện thứ ba vào mối quan hệ đúng đắn với phương diện thứ hai.

We might express it also in saying that the will aspect or initiatory impulse is primarily that which produces cause, which is cause itself.

Chúng ta cũng có thể diễn đạt điều đó bằng cách nói rằng phương diện ý chí hay xung lực khởi phát trước hết chính là điều tạo ra nguyên nhân, chính là nguyên nhân tự thân.

267. The first aspect of divinity is impulsive and causal.

267. Phương diện thứ nhất của thiên tính có tính xung động và nhân quả.

It should be remembered ever that cause *involves* the idea of duality, i.e., that which initiates, and that which is produced simultaneously by the initiation.

Cần luôn ghi nhớ rằng nguyên nhân *bao hàm* ý niệm về nhị nguyên tính, tức là điều khởi phát, và điều được tạo ra đồng thời bởi sự khởi phát ấy.

268. From one perspective, we are being told that the first aspect of divinity (when exercised) leads inevitably to the appearance of the second aspect—i.e., to the appearance of duality.

268. Từ một góc nhìn, chúng ta đang được cho biết rằng phương diện thứ nhất của thiên tính (khi được vận dụng) tất yếu dẫn đến sự xuất hiện của phương diện thứ hai — tức là, dẫn đến sự xuất hiện của nhị nguyên tính.

269. We note the virtual simultaneity of the two—of that which initiates and that which is produced by the act of initiation.

269. Chúng ta lưu ý tính gần như đồng thời của hai điều ấy — của điều khởi phát và điều được tạo ra bởi hành vi khởi phát.

The two ideas are inseparable,

Hai ý niệm này không thể tách rời,

270. We are dealing with the cause and that which is caused—with the act of initiation and that which results from the act of initiation.

270. Chúng ta đang bàn đến nguyên nhân và điều được gây ra — đến hành vi khởi phát và điều phát sinh từ hành vi khởi phát.

yet nevertheless the second idea in its most abstract connotation must not be considered literally as an *effect*; true effect involves a third idea.

tuy nhiên ý niệm thứ hai, trong hàm nghĩa trừu tượng nhất của nó, không được hiểu theo nghĩa đen như một *hiệu quả*; hiệu quả đích thực bao hàm một ý niệm thứ ba.

271. DK is here entering an abstruse consideration.

271. Ở đây Chân sư DK đang đi vào một sự khảo sát thâm áo.

272. We are not to consider the second idea in any *concrete* connotation, but only "in its most abstract connotation". Abstractly, according to the Tibetan, that which is "produced simultaneously by the initiation" is not a true "effect".

272. Chúng ta không được hiểu ý niệm thứ hai theo bất kỳ hàm nghĩa *cụ thể* nào, mà chỉ "trong hàm nghĩa trừu tượng nhất của nó". Theo cách trừu tượng, theo Chân sư Tây Tạng, điều "được tạo ra đồng thời bởi sự khởi phát" không phải là một "hiệu quả" đích thực.

273. Let us search for this third idea.

273. Hãy tìm kiếm ý niệm thứ ba này.

Some appreciation of the problem may be gleaned by a consideration of phenomena which ever involves this dual initiatory cause and its objective effect: [Page 799]

Một phần sự cảm nhận về vấn đề có thể được rút ra bằng cách xem xét những hiện tượng vốn luôn bao hàm nguyên nhân khởi phát nhị nguyên này và hiệu quả khách quan của nó: [Page 799]

a. Spirit-matter in dual activity produces the objective universe.

274. From this perspective, the objective universe is the "Son" and is related to the second aspect of divinity embodied by the third.

275. We will learn that a dual activity is associated with *both* Spirit and matter—two activities for each, making four.

b. Electric fire and fire by friction when brought into contact produce solar fire; **it flashes forth from darkness, yet a darkness which is potent with energy**.

276. To us, Shamballa is inconceivably potent yet also resides (for us) in darkness.

277. It is evident that, in looking for the third factor, that which arises from the interaction of the principal duality (Spirit/Matter) must be considered.

c. Will-desire is the cause of incarnation; the will-to-be reacting on substance (whose main quality is desire or responsiveness to sensation) produces the forms through which the central Life or Existence seeks expression.

278. DK is expressing the same idea in a number of different ways.

279. We note here, interestingly, that the "Will-to-Be" is contrasted with desire. The Will-to-Be is connected with Spirit and desire with substance.

a. Tinh thần-vật chất trong hoạt động nhị nguyên tạo ra vũ trụ khách quan.

274. Từ góc nhìn này, vũ trụ khách quan là "Con" và liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính được hiện thân qua phương diện thứ ba.

275. Chúng ta sẽ học rằng một hoạt động nhị nguyên gắn liền với *cả* tinh thần lẫn vật chất — hai hoạt động cho mỗi bên, thành bốn.

b. Lửa Điện và Lửa ma sát khi được đưa vào tiếp xúc sẽ tạo ra Lửa Thái dương; **nó bừng lóe ra từ bóng tối, nhưng là một bóng tối đầy quyền năng với năng lượng**.

276. Đối với chúng ta, Shamballa có quyền năng không thể nghĩ bàn nhưng cũng ngự trong bóng tối (đối với chúng ta).

277. Rõ ràng là, khi tìm kiếm yếu tố thứ ba, phải xét đến điều phát sinh từ sự tương tác của nhị nguyên tính chính yếu (Tinh thần/Vật chất).

c. Ý chí-dục vọng là nguyên nhân của sự nhập thể; ý chí-tồn tại tác động lên chất liệu (mà phẩm tính chính của nó là dục vọng hay sự đáp ứng với cảm giác) tạo ra những hình tướng qua đó Sự sống trung tâm hay Hiện hữu tìm cách biểu hiện.

278. Chân sư DK đang diễn đạt cùng một ý tưởng theo nhiều cách khác nhau.

279. Ở đây, điều thú vị là chúng ta lưu ý rằng "Ý chí-Tồn tại" được đặt đối lập với dục vọng. Ý chí-Tồn tại liên hệ với Tinh thần còn dục vọng liên hệ với chất liệu.

280. Form is that which arises as the third in a sequence of three, and yet is most closely related to the *second* aspect of divinity.

280. Hình tướng là điều phát sinh như yếu tố thứ ba trong một chuỗi ba, nhưng lại liên hệ mật thiết nhất với phương diện *thứ hai* của thiên tính.

d. Ideas and thought-matter together produce thoughtforms.

d. Ý tưởng và vật chất tư tưởng cùng nhau tạo ra các Hình tư tưởng.

281. Ideas pertain to the first aspect and thought-matter to the third. The thoughtform represents the second aspect.

281. Ý tưởng thuộc về phương diện thứ nhất và vật chất tư tưởng thuộc về phương diện thứ ba. Hình tư tưởng biểu hiện phương diện thứ hai.

If the student considers these points, it will become apparent that **it is not possible for him to do more than study the *effects* produced by the juxtaposition of the pairs of opposites;**

Nếu đạo sinh suy xét những điểm này, sẽ trở nên hiển nhiên rằng **y không thể làm gì hơn ngoài việc nghiên cứu những *hiệu quả* được tạo ra bởi sự đặt kề nhau của các cặp đối lập;**

282. Spirit in its purity *and* matter in its pure essence are beyond his comprehension.

282. Tinh thần trong sự thuần khiết của nó *và* vật chất trong tinh túy thuần khiết của nó đều vượt ngoài sự thấu hiểu của y.

he cannot dissociate them in his mind and deal with Spirit *per se,* or with matter per se any more than the atom of substance in man's physical body can dissociate itself from that body, and consider itself independently of form influences.

y không thể tách chúng ra trong trí tuệ của mình và đề cập đến Tinh thần *chính nó,* hay đến chính vật chất, cũng như nguyên tử chất liệu trong thể xác của con người không thể tách chính nó ra khỏi thể ấy và xem xét chính nó một cách độc lập với các ảnh hưởng của hình tướng.

283. DK is telling us that (at our present stage of unfoldment) we cannot dissociate Spirit from matter and study the two independently.

283. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng (ở giai đoạn khai mở hiện nay của chúng ta) chúng ta không thể tách Tinh thần khỏi vật chất và nghiên cứu hai điều ấy một cách độc lập.

284. If the student cannot dissociate Spirit and matter "in his mind", is there any vehicle through which this dissociation can be achieved, or is it just that the mind of

284. Nếu đạo sinh không thể tách Tinh thần và vật chất "trong trí tuệ của mình", thì có hiện thể nào qua đó sự tách biệt này có thể đạt được chăng, hay chỉ là trí tuệ của con

man, as presently developed, is inadequate to the task?

285. DK is telling us that we are too imbedded in matter to study the true nature of matter or of Spirit. If we were deeply and consciously imbedded in Spirit we *could* study the nature of both Spirit *and* matter.

All atoms are always controlled by the following factors, just as a man in the body of a planetary Logos, and a planetary Logos within His greater Whole will be equally controlled by the same basic principles:

286. We are examining the factors which control man, a Planetary Logos or a Solar Logos. These controlling factors arise within a number of dimensions.

287. In the following list of influences, influences playing upon the atom of substance are compared with influences playing upon the atom, man.

The influence and quality of the organ or unit in which it finds a place. In the human atom this means his group force or influence.

288. The larger and embracing whole controls that which it includes and embraces.

289. The larger group controls the units which comprise it. This applies to the tiny atom of substance, to man, to a Planetary

người, như hiện đang phát triển, không đủ cho nhiệm vụ ấy?

285. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng chúng ta bị cắm quá sâu trong vật chất nên không thể nghiên cứu bản chất đích thực của vật chất hay của Tinh thần. Nếu chúng ta được cắm sâu và có ý thức trong Tinh thần thì chúng ta *có thể* nghiên cứu bản chất của cả Tinh thần *lẫn* vật chất.

Mọi nguyên tử luôn luôn bị kiểm soát bởi những yếu tố sau đây, cũng như một con người trong thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế, và một Hành Tinh Thượng Đế trong Toàn Thể lớn hơn của Ngài cũng sẽ bị kiểm soát tương tự bởi cùng những nguyên lý căn bản ấy:

286. Chúng ta đang khảo sát những yếu tố kiểm soát con người, một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế. Những yếu tố kiểm soát này phát sinh trong một số chiều kích.

287. Trong danh sách các ảnh hưởng sau đây, những ảnh hưởng tác động lên nguyên tử chất liệu được so sánh với những ảnh hưởng tác động lên nguyên tử là con người.

Ảnh hưởng và phẩm tính của cơ quan hay đơn vị mà trong đó nó tìm thấy vị trí của mình. Trong nguyên tử con người, điều này có nghĩa là mãnh lực hay ảnh hưởng nhóm của y.

288. Toàn thể lớn hơn và bao trùm kiểm soát điều mà nó bao gồm và ôm chứa.

289. Nhóm lớn hơn kiểm soát các đơn vị cấu thành nó. Điều này áp dụng cho nguyên tử chất liệu cực nhỏ, cho con người, cho một

Logos, a Solar Logos, and Entities of still greater scope.

Hành Tinh Thượng Đế, một Thái dương Thượng đế, và cho các Thực Thể có tầm mức còn lớn hơn nữa.

290. Man, for instance, is affected by the *group* or *groups* to which he belongs egoically and monadically.

290. Chẳng hạn, con người bị ảnh hưởng bởi *nhóm* hay *các nhóm* mà y thuộc về về mặt chân ngã và chân thần.

The life influence of the entire physical body of which any atom is a corporate part. In the human atom this means the influence of the particular centre in which his egoic group has a place, and the type of energy which it embodies.

Ảnh hưởng sự sống của toàn bộ thể xác mà bất kỳ nguyên tử nào cũng là một phần hợp thành của nó. Trong nguyên tử con người, điều này có nghĩa là ảnh hưởng của trung tâm đặc thù mà nhóm chân ngã của y có một vị trí trong đó, và loại năng lượng mà nó hiện thân.

291. The tiny atom of substance is influenced powerfully by the quality of the physical body of which that atom is a corporate part. It lives not unto itself alone.

291. Nguyên tử chất liệu cực nhỏ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi phẩm tính của thể xác mà nguyên tử ấy là một phần hợp thành của nó. Nó không sống chỉ cho riêng mình.

292. Similarly, each group of human egos is a part of a certain centre in a Globe Lord, Chain Lord or a Planetary Logos.

292. Tương tự như vậy, mỗi nhóm chân ngã nhân loại là một phần của một trung tâm nào đó trong một Chúa Tể của Bầu hành tinh, Chúa Tể của Dãy hay một Hành Tinh Thượng Đế.

293. Can human egoic groups be found in all seven major centers of any of these entities, or only in the highest three? Probably, all seven, but one of those centers in the Planetary Logos which are comprised of Monads?

293. Có thể tìm thấy các nhóm chân ngã nhân loại trong cả bảy trung tâm chính của bất kỳ thực thể nào trong số này không, hay chỉ trong ba trung tâm cao nhất? Có lẽ là cả bảy, nhưng một trong những trung tâm ấy trong Hành Tinh Thượng Đế lại được cấu thành bởi các Chân thần chăng?

294. The human unit is, of course, physically, part of the physical body of humanity as a whole. This greater physical aggregation naturally has an effect upon the individual human unit.

294. Dĩ nhiên, đơn vị nhân loại, về mặt thể xác, là một phần của thể xác của toàn thể nhân loại. Sự kết tập thể xác lớn hơn này tự nhiên có ảnh hưởng lên đơn vị nhân loại cá biệt.

The life influence of the desire or astral body, the strongest karmic agency which has to be considered.

295. The atom of substance in the human physical body is strongly affected by the influence of the human astral body. The frequency of vibration and the quality of relationship experienced by that tiny atom (whether karmically desirable or not) is largely affected by the quality of emotion or desire demonstrated in the human astral body.

[Page 800] In the human atom, this involves the influence of the three centres in the body of the Heavenly Man which form any specific "force triangle," and which have much to do with the liberation of groups of Egos from manifestation.

296. When speaking of the “entire physical body of the which any atom is a corporate part”, it could be inferred that each atom had a particularly close relationship with one or other of the seven centers in such a body, but we did not specifically isolate “three centres in the body of the Heavenly Man”.

297. The *desire* or *aspiration* for liberation is an important ingredient in the liberation process.

298. When looking for the three centers in the body of a Heavenly Man which have to do with the liberation of egoic groups from manifestation, should we choose those centers closely related to the astral body—such as the solar plexus center, the heart center and, perhaps, the ajna center?

Ảnh hưởng sự sống của thể dục vọng hay thể cảm dục, tác nhân nghiệp quả mạnh nhất cần phải được xem xét.

295. Nguyên tử chất liệu trong thể xác con người bị ảnh hưởng mạnh bởi ảnh hưởng của thể cảm dục con người. Tần số rung động và phẩm tính của mối quan hệ mà nguyên tử cực nhỏ ấy trải nghiệm (dù có đáng mong muốn về mặt nghiệp quả hay không) phần lớn bị ảnh hưởng bởi phẩm tính của cảm xúc hay dục vọng được biểu lộ trong thể cảm dục con người.

[Page 800] Trong nguyên tử con người, điều này bao hàm ảnh hưởng của ba trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân tạo thành bất kỳ “tam giác lực” đặc thù nào, và có liên quan rất nhiều đến sự giải thoát các nhóm Chân ngã khỏi biểu hiện.

296. Khi nói về “toàn bộ thể xác mà bất kỳ nguyên tử nào cũng là một phần hợp thành của nó”, có thể suy ra rằng mỗi nguyên tử có một mối liên hệ đặc biệt gần gũi với một hay trung tâm nào đó trong bảy trung tâm của một thể như thế, nhưng chúng ta đã không đặc biệt tách riêng “ba trung tâm trong thân thể của Đấng Thiên Nhân”.

297. *Dục vọng* hay *khát vọng* giải thoát là một thành phần quan trọng trong tiến trình giải thoát.

298. Khi tìm ba trung tâm trong thân thể của một Đấng Thiên Nhân có liên quan đến sự giải thoát các nhóm chân ngã khỏi biểu hiện, liệu chúng ta có nên chọn những trung tâm liên hệ chặt chẽ với thể cảm dục — như trung tâm tùng thái dương, trung tâm tim và, có lẽ, trung tâm ajna?

299. In what is said by the Tibetan above, there are levels of obscurity which are not easy to penetrate.

299. Trong điều được Chân sư Tây Tạng nói ở trên, có những mức độ tối nghĩa không dễ xuyên thấu.

300. Egos and egoic groups are liberated at the fourth initiation. We may presume that the triangles here discussed (perhaps one triangle, perhaps more than one) are influential in helping Egos and egoic groups achieve their fourth initiation and, thus, liberation from what is usually considered "manifestation".

300. Các Chân ngã và các nhóm chân ngã được giải thoát ở lần điểm đạo thứ tư. Chúng ta có thể giả định rằng các tam giác được bàn đến ở đây (có lẽ một tam giác, có lẽ nhiều hơn một) có ảnh hưởng trong việc giúp các Chân ngã và các nhóm chân ngã đạt đến lần điểm đạo thứ tư của mình và do đó được giải thoát khỏi điều thường được xem là "biểu hiện".

301. If we were to try to arrive at one particular triangle involved in liberation, we might choose crown, ajna and alta, or head, heart and throat.

301. Nếu chúng ta cố gắng đi đến một tam giác đặc thù liên quan đến sự giải thoát, chúng ta có thể chọn đỉnh đầu, ajna và alta major, hoặc đầu, tim và cổ họng.

The life influences of the mental body, or of that principle which imposes upon the atom the quality of activity in form, which governs the reaction of the atom to its group life, and which enables the quality of its life to be demonstrated.

Những ảnh hưởng sự sống của thể trí, hay của nguyên khí áp đặt lên nguyên tử phẩm tính hoạt động trong hình tướng, điều chi phối phản ứng của nguyên tử đối với sự sống nhóm của nó, và điều làm cho phẩm tính của sự sống nó có thể được biểu lộ.

302. We note that each influence controlling the atom of substance or the human unit is called a "life" influence

302. Chúng ta lưu ý rằng mỗi ảnh hưởng kiểm soát nguyên tử chất liệu hay đơn vị nhân loại đều được gọi là một ảnh hưởng "sự sống"

303. We must note that the "life influences of the mental body" are closely associated with the quality of *imposition.* The mind conveys the will.

303. Chúng ta phải lưu ý rằng "những ảnh hưởng sự sống của thể trí" gắn liền chặt chẽ với phẩm tính của *sự áp đặt.* Trí tuệ chuyển tải ý chí.

304. The mind aspect is also closely related to the activity aspect.

304. Phương diện trí tuệ cũng liên hệ chặt chẽ với phương diện hoạt động.

305. The mind is closely related to the unit's *group* functioning, whether that unit is a tiny atom or a human being.

305. Trí tuệ liên hệ chặt chẽ với chức năng *nhóm* của đơn vị, dù đơn vị ấy là một nguyên tử cực nhỏ hay một con người.

306. The mental nature of the human being is decisively impressive upon the tiny atom of substance in the human body. The tiny atom has its own type of "group life". The mental nature of the human being imposes upon that tiny atom a certain "quality of activity in form", affecting the aggregations and de-aggregations of that atom of substance. The mind is, after all, closely associated with the third aspect of divinity and so is the tiny atom.

306. Bản chất trí tuệ của con người tạo ấn tượng quyết định lên nguyên tử chất liệu cực nhỏ trong thể người. Nguyên tử cực nhỏ ấy có loại "sự sống nhóm" riêng của nó. Bản chất trí tuệ của con người áp đặt lên nguyên tử cực nhỏ ấy một "phẩm tính hoạt động trong hình tướng" nào đó, ảnh hưởng đến các sự kết tập và giải kết tập của nguyên tử chất liệu ấy. Rốt cuộc, trí tuệ liên hệ chặt chẽ với phương diện thứ ba của thiên tính và nguyên tử cực nhỏ ấy cũng vậy.

In the human atom this concerns those causes which are incident to a man's Ray, or literally the influence of the life of the planetary Logos as He functions as a self-conscious Life on His Own plane, as He works out His Own plans, and consequently sweeps into activity the cells of His body as mere incidents where He (the basic central life) is concerned.

Trong nguyên tử con người, điều này liên quan đến những nguyên nhân gắn liền với cung của một người, hay theo nghĩa đen là ảnh hưởng của sự sống của Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài hoạt động như một Sự sống tự ý thức trên cõi riêng của Ngài, khi Ngài triển khai các kế hoạch riêng của Ngài, và do đó cuốn các tế bào trong thể Ngài vào hoạt động như những sự việc phụ thuộc đơn thuần xét theo phương diện Ngài (Sự sống trung tâm căn bản).

307. As we consider the analogue in human life of the "life influences of the mental body", we may infer that the *monadic* ray is involved. Usually when we speak of "a man's Ray", the monadic ray is meant. The lower mind, we remember, is (in some fundamental sense) an expression of the monadic ray just as the astral body expresses the soul ray.

307. Khi xem xét sự tương đồng trong đời sống con người của "những ảnh hưởng sự sống của thể trí", chúng ta có thể suy ra rằng cung *chân thần* có liên quan. Thông thường khi chúng ta nói về "cung của một người", cung chân thần được hàm ý. Chúng ta nhớ rằng hạ trí (theo một ý nghĩa căn bản nào đó) là một biểu hiện của cung chân thần cũng như thể cảm dục biểu hiện cung linh hồn.

308. It is the monadic ray which connects the human unit specifically to the Planetary Logos, for the human Monad is a "cell" in one of the centers of his Planetary Logos.

308. Chính cung chân thần nối kết đơn vị nhân loại một cách đặc thù với Hành Tinh Thượng Đế, vì Chân thần nhân loại là một "tế bào" trong một trong các trung tâm của Hành Tinh Thượng Đế của y.

309. We can see that monadic impulsions, which affect matters egoic and personal, are

309. Chúng ta có thể thấy rằng những xung lực chân thần, vốn ảnh hưởng đến các vấn

impelled by the Planetary Logos as He seeks to work out His own plans. The Monads are driven into activity simply the Planetary Logos' act of will. They have, it seems, no 'say' about being driven forward. They are mere "incidents" in the willed-impulsions emanating from the Planetary Logos.

đề chân ngã và cá nhân, được Hành Tinh Thượng Đế thúc đẩy khi Ngài tìm cách triển khai các kế hoạch riêng của Ngài. Các Chân thần bị đẩy vào hoạt động đơn giản bởi hành vi ý chí của Hành Tinh Thượng Đế. Có vẻ như họ không có "tiếng nói" nào về việc bị thúc đẩy tiến lên. Họ chỉ là những "sự việc phụ thuộc" trong các xung lực ý chí phát ra từ Hành Tinh Thượng Đế.

310. The causes with which we are here concerned originate with the Planetary Logos, affect the Monad and are mediated through the lower mental nature which, in turn, affects the tiny atoms of substance.

310. Những nguyên nhân mà ở đây chúng ta quan tâm phát sinh từ Hành Tinh Thượng Đế, ảnh hưởng đến Chân thần và được trung giới qua bản chất hạ trí, rồi đến lượt nó ảnh hưởng đến các nguyên tử chất liệu cực nhỏ.

311. We see, therefore, a line emanating from the Planetary Logos all the way 'down' to the tiny atom of substance.

311. Vì vậy, chúng ta thấy một đường phát xuất từ Hành Tinh Thượng Đế đi suốt xuống tới nguyên tử chất liệu cực nhỏ.

The life impulse of the Thinker functioning in the causal body who—**though a great abstraction or the Absolute where the cellular life is concerned**—is nevertheless a potent and active factor in the imposition of rhythm upon the atom in every body.

Xung lực sự sống của Đấng Tư Tưởng hoạt động trong thể nguyên nhân, Đấng mà—**dù là một sự trừu tượng lớn lao hay Đấng Tuyệt Đối xét theo sự sống tế bào**—vẫn là một yếu tố mạnh mẽ và hoạt động trong việc áp đặt nhịp điệu lên nguyên tử trong mọi thể.

312. We have, we see, being considering a basic analogy: how the atom in the human being responds to impulses originating within the higher aspects of the human being, expressing through the physical body of which the cell is a part; and, also, how the human unit responds to the impulsions arising from the greater Life of which it is a corporate part.

312. Như vậy, chúng ta đã xét đến một sự tương đồng căn bản: nguyên tử trong con người đáp ứng thế nào với những xung lực phát sinh trong các phương diện cao hơn của con người, biểu hiện qua thể xác mà tế bào là một phần của nó; và đồng thời, đơn vị nhân loại đáp ứng thế nào với những xung lực phát sinh từ Sự sống lớn hơn mà nó là một phần hợp thành của Sự sống ấy.

313. We note that the Tibetan has introduced the term "cellular life" when speaking of the atom of substance. Surely, they are related, but the atom is tiny constituent of the physical cell.

313. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư Tây Tạng đã đưa vào thuật ngữ "sự sống tế bào" khi nói về nguyên tử chất liệu. Chắc chắn chúng có liên hệ với nhau, nhưng nguyên tử là thành phần cực nhỏ của tế bào thể xác.

314. As the Thinker in the causal body is to the tiny atom in the human body, so the Solar Logos on the cosmic mental plane is to the human unit in its entirety.

314. Cũng như Đấng Tư Tưởng trong thể nguyên nhân đối với nguyên tử cực nhỏ trong thể người, thì Thái dương Thượng đế trên cõi trí vũ trụ cũng như vậy đối với toàn bộ đơn vị nhân loại.

315. DK is telling us that the atom in the human body experiences an imposition of rhythm emanating from the Thinker in the causal body. For that tiny atom, the Thinker in the causal body is as the "Absolute".

315. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng nguyên tử trong thể người trải nghiệm một sự áp đặt nhịp điệu phát ra từ Đấng Tư Tưởng trong thể nguyên nhân. Đối với nguyên tử cực nhỏ ấy, Đấng Tư Tưởng trong thể nguyên nhân giống như "Đấng Tuyệt Đối".

316. If we extend the analogy, we will find the Solar Logos serving in the role of "Absolute" for the human atom. We will also find that the Solar Logos is responsible for the imposition of certain rhythms upon the life of the human unit in the three worlds.

316. Nếu mở rộng sự tương đồng, chúng ta sẽ thấy Thái dương Thượng đế đảm nhiệm vai trò của "Đấng Tuyệt Đối" đối với nguyên tử con người. Chúng ta cũng sẽ thấy rằng Thái dương Thượng đế chịu trách nhiệm áp đặt những nhịp điệu nhất định lên sự sống của đơn vị nhân loại trong ba cõi giới.

In the human atom, this brings in the influence of the life of the solar Logos, for that Life imposes rhythm upon every human atom in the system, and does so **through the agency of substance and its inherent quality, sensation**.

Trong nguyên tử con người, điều này đưa vào ảnh hưởng của sự sống của Thái dương Thượng đế, vì Sự sống ấy áp đặt nhịp điệu lên mọi nguyên tử con người trong hệ thống, và làm như vậy **thông qua tác nhân của chất liệu và phẩm tính cố hữu của nó là cảm giác**.

317. DK affirms that, a human units, we are greatly affected by the Solar Logos through the rhythms that the Logos imposes. We think immediately of the "heart beat" of the Solar Logos as a fundamental rhythm which is, in some mediated manner, imposed. In our solar system, we are dealing with the occult rhythm of the heartbeat of the Heart of the Sun.

317. Chân sư DK khẳng định rằng, với tư cách các đơn vị nhân loại, chúng ta bị ảnh hưởng rất lớn bởi Thái dương Thượng đế thông qua những nhịp điệu mà Ngài áp đặt. Chúng ta lập tức nghĩ đến "nhịp tim" của Thái dương Thượng đế như một nhịp điệu căn bản được áp đặt theo một cách trung giới nào đó. Trong hệ mặt trời của chúng ta, chúng ta đang xử lý nhịp điệu huyền bí của nhịp tim của Trái Tim Mặt Trời.

318. The solar logoic rhythm reaches the human being through the "agency of

318. Nhịp điệu logoi thái dương đến với con người qua "môi giới của chất liệu và phẩm

substance and its inherent quality, sensation". We may infer that the human astral body is involved in mediating these rhythms to the human being on the physical plane.

tính cố hữu, cảm giác của nó". Chúng ta có thể suy ra rằng thể cảm dục của con người có liên quan đến việc trung gian các nhịp điệu này đến con người trên cõi hồng trần.

In these thoughts, we have but approached the study of karma from a fresh angle, and endeavoured to show the sources of the "influences" which play upon all atomic lives.

Trong những tư tưởng này, chúng ta chỉ mới tiếp cận việc nghiên cứu nghiệp quả từ một góc độ mới mẻ, và đã nỗ lực chỉ ra các nguồn của những "ảnh hưởng" tác động lên mọi sự sống nguyên tử.

319. Indeed, the angle is "fresh" and requiring much reconfiguration of customary thought.

319. Quả thật, góc độ này "mới mẻ" và đòi hỏi phải tái cấu hình rất nhiều lối tư duy quen thuộc.

320. Just at the tiny atom of matter is conditioned karmically, so is the tiny unit man karmically conditioned by influences emanating from much greater sources.

320. Cũng như nguyên tử vật chất nhỏ bé bị nghiệp quả tác động, thì đơn vị con người nhỏ bé cũng bị nghiệp quả tác động bởi những ảnh hưởng phát ra từ các nguồn lớn lao hơn nhiều.

321. "Karma" means action, and DK is informing us of various relatively subjective actions which impact the unit experiencing karma.

321. "Nghiệp quả" có nghĩa là hành động, và Chân sư DK đang cho chúng ta biết về nhiều hành động tương đối chủ quan khác nhau tác động đến đơn vị đang kinh nghiệm nghiệp quả.

322. The principle is simple: all lives are atoms embedded within the body corporate of still greater atoms. Influences emanating from these still greater atoms affect the lesser atoms. In such cases the karma experienced cannot be called strictly individual. The human unit, as part of larger corporate units, experiences the karma due such larger units.

322. Nguyên lý thì đơn giản: mọi sự sống đều là những nguyên tử được bao hàm trong cơ thể tập thể của những nguyên tử còn lớn hơn nữa. Những ảnh hưởng phát ra từ các nguyên tử còn lớn hơn ấy tác động đến các nguyên tử nhỏ hơn. Trong những trường hợp như thế, nghiệp quả được kinh nghiệm không thể được gọi là hoàn toàn cá nhân. Đơn vị con người, với tư cách là một phần của những đơn vị tập thể lớn hơn, kinh nghiệm nghiệp quả thuộc về các đơn vị lớn hơn ấy.

The atom likewise is controlled by its own "esse," or by **its own inherent nature or**

Nguyên tử cũng vậy, bị kiểm soát bởi "esse" riêng của nó, hay bởi **bản chất hay rung**

vibration, which was the quality of matter itself before it was aggregated into a solar system,

323. This quality of vibration resonates to the note of the solar system which preceded our own.

and which was the vibratory activity produced through the rhythmic life of an earlier solar system.

324. Greater rhythms are imposed upon lesser beings with their own lesser rhythms.

325. All life in the previous solar system vibrated in some manner to the note FA or F.

326. The human unit has its own inherent "esse", inherited from a previous incarnation.

[Page 801] This is equally true of all atoms of all grades, but only in connection with the atom of substance, and to some degree with the human atom, is it in any way possible to ascertain the predisposing causes.

327. We can only *imagine* the nature of the larger systems of which our Solar Logos and His fellow Logoi are a part. As to the antecedents of these Entities and systems of Entities, we can have no reasonable notion.

328. It is being impressed upon us that predisposing causes conditioning the human atom are many are often remote from our understanding. Still more remote

động cố hữu riêng của nó, vốn là phẩm tính của chính vật chất trước khi nó được kết tập thành một hệ mặt trời,

323. Phẩm tính rung động này cộng hưởng với âm điệu của hệ mặt trời đã có trước hệ mặt trời của chúng ta.

và vốn là hoạt động rung động được tạo ra qua sự sống nhịp điệu của một hệ mặt trời trước đó.

324. Những nhịp điệu lớn hơn được áp đặt lên những hữu thể nhỏ hơn với các nhịp điệu nhỏ hơn riêng của chúng.

325. Mọi sự sống trong hệ mặt trời trước đây đã rung động theo một cách nào đó với nốt FA hay F.

326. Đơn vị con người có "esse" cố hữu riêng của mình, được thừa hưởng từ một kiếp lâm phàm trước.

[Page 801] Điều này cũng đúng như vậy đối với mọi nguyên tử ở mọi cấp độ, nhưng chỉ liên quan đến nguyên tử của chất liệu, và ở một mức độ nào đó với nguyên tử con người, thì mới có thể bằng cách nào đó xác định được các nguyên nhân tiềnđịnh.

327. Chúng ta chỉ có thể *hình dung* bản chất của những hệ thống lớn hơn mà Thái dương Thượng đế của chúng ta và các Thượng đế đồng hàng của Ngài là một phần trong đó. Còn về các tiền thân của những Thực Thể và những hệ thống các Thực Thể này, chúng ta không thể có một quan niệm hợp lý nào.

328. Điều đang được nhấn mạnh nơi chúng ta là các nguyên nhân tiền định tác động lên nguyên tử con người thì rất nhiều và thường xa ngoài sự thấu hiểu của chúng ta. Còn xa

are the predisposing causes which condition a Planetary Logos, a Solar Logos or a Cosmic Logos, etc.

hơn nữa là các nguyên nhân tiền định tác động lên một Hành Tinh Thượng Đế, một Thái dương Thượng đế hay một Vũ trụ Thượng đế, v.v.

329. We may judge that all in cosmos is in some *condition* or other and there are predisposing causes for such a condition.

329. Chúng ta có thể phán đoán rằng mọi sự trong vũ trụ đều ở trong một *điều kiện* nào đó, và đều có những nguyên nhân tiền định cho điều kiện ấy.

330. While the principle may be clear to us, the ability to trace such causes in the case of greater Entities is necessarily lacking.

330. Tuy nguyên lý có thể rõ ràng đối với chúng ta, nhưng khả năng truy nguyên những nguyên nhân như thế trong trường hợp các Thực Thể lớn hơn thì tất yếu là không có.

331. We may emerge from this discussion with the sense that our human lives, here and now, are greatly affected by causes which lie far beyond our own Ego and the egoic group to which it belongs. Even the Solar Logos is involved in the imposition upon our lives of certain basic rhythms, and upon that Logos, still greater rhythms, of far more remote origin, are imposed.

331. Chúng ta có thể bước ra khỏi cuộc thảo luận này với cảm nhận rằng đời sống con người của chúng ta, ở đây và ngay lúc này, bị tác động rất lớn bởi những nguyên nhân nằm vượt xa ngoài chân ngã riêng của chúng ta và nhóm chân ngã mà nó thuộc về. Ngay cả Thái dương Thượng đế cũng có liên quan đến việc áp đặt lên đời sống chúng ta một số nhịp điệu căn bản, và lên Thượng đế ấy, những nhịp điệu còn lớn hơn nữa, có nguồn gốc xa xôi hơn nhiều, cũng được áp đặt.

Until the mystery of the Great Bear is revealed and is known as it is, and until the influence of the Pleiades is comprehended, and the true significance of the cosmic triangle formed by

Cho đến khi huyền nhiệm của Đại Hùng Tinh được mặc khải và được biết đúng như nó là, và cho đến khi ảnh hưởng của Thất Nữ Tinh được thấuhiểu, và thâm nghĩa chân thực của tam giác vũ trụ được hìnhthành bởi

a. The seven Rishis of the Great Bear,

a. bảy Rishi của Đại Hùng Tinh,

b. The seven planetary Logoi of our solar system,

b. bảy Hành Tinh Thượng Đế của hệ mặt trời chúng ta,

c. The seven Pleiades or Sisters,

c. bảy Thất Nữ Tinh hay bảy Chị Em,

is revealed, the karma of the seven sacred planets will remain unknown.

332. This is an amazingly abstruse section of prophecy.

333. Three things must occur before the karma of the seven sacred planets can be known:

a. The mystery of the Great Bear must be revealed and known as it is

b. The influence of the Pleiades must be comprehended

c. The true significance of the cosmic triangle formed between the Great Bear, the seven Planetary Logoi of our solar system and the Pleiades must be understood. This is, in a sense, a *constellational* triangle.

334. Such knowledge is not to be ascertained in our present round. Who knows whether it will be ascertainable in the next when these deeper cosmic matters will be more assiduously studied?

All that we can see is its working out in the solar system.

335. Obviously, the source of such causes lies far 'above' (or interior to) our solar system, on the cosmic astral plane, cosmic mental plane and beyond.

The intricacy of the whole subject will be apparent when it is borne in mind that not only do these three groups form a cosmic

được mặc khải, thì nghiệp quả của bảy hành tinh thiêng liêng sẽ vẫn còn chưa được biết.

332. Đây là một đoạn tiên tri cực kỳ thâm áo.

333. Ba điều phải xảy ra trước khi nghiệp quả của bảy hành tinh thiêng liêng có thể được biết đến:

a. Huyền nhiệm của Đại Hùng Tinh phải được mặc khải và được biết đúng như nó là

b. Ảnh hưởng của Thất Nữ Tinh phải được thấu hiểu

c. Thâm nghĩa chân thực của tam giác vũ trụ được hình thành giữa Đại Hùng Tinh, bảy Hành Tinh Thượng Đế của hệ mặt trời chúng ta và Thất Nữ Tinh phải được thấu hiểu. Theo một nghĩa nào đó, đây là một tam giác *thuộc chòm sao*.

334. Tri thức như thế không thể được xác định trong cuộc tuần hoàn hiện nay của chúng ta. Ai biết được liệu nó có thể được xác định trong cuộc tuần hoàn kế tiếp hay không, khi những vấn đề vũ trụ sâu xa hơn này sẽ được nghiên cứu chuyên cần hơn?

Tất cả những gì chúng ta có thể thấy là sự triển khai của nó trong hệ mặt trời.

335. Hiển nhiên, nguồn gốc của những nguyên nhân như thế nằm rất xa "bên trên" (hay bên trong) hệ mặt trời của chúng ta, trên cõi cảm dục vũ trụ, cõi trí vũ trụ và vượt xa hơn nữa.

Sự phức tạp của toàn bộ chủ đề sẽ trở nên hiển nhiên khi ghi nhớ rằng không những ba nhóm này tạo thành một tam giác vũtrụ, mà

triangle, but that within that triangle many lesser triangles have to be studied.

336. The lesser triangles involve, for instance, one of the stars in the Great Bear, one of the stars the Pleiades and one (or other) of the Seven Heavenly Men. We can see that a great number of secondary triangles could emerge from such combinations.

337. There is probably one star in the Great Bear *most* related to one star in the Pleiades and these two are probably *most* related to only one of the seven principal Heavenly Men, however, the two stars could have a relationship which each and *every one* of the Seven Heavenly Men. Not only that, but each star in the Great Bear (though most related to only one of the stars in the Pleiades) has a relationship with each and every star in the Pleiades, and vise versa.

338. Effective studies of this nature lie far into the future.

Any one of the seven Rishis with one of our planetary Logoi and one of the seven Sisters may form a subsidiary triangle, and all must thus be studied.

339. DK informs us of some of the possible combinations—the most powerful subsidiary triangles.

340. We do not know that all of these subsidiary triangles are of equal strength or even fully formed, but at some point in time, all such triangles will be fully functioning.

bên trong tam giác đó còn có nhiều tam giác nhỏ hơn phải được nghiên cứu.

336. Chẳng hạn, các tam giác nhỏ hơn liên quan đến một trong các ngôi sao của Đại Hùng Tinh, một trong các ngôi sao của Thất Nữ Tinh và một (hay một vị khác) trong Bảy Đấng Thiên Nhân. Chúng ta có thể thấy rằng một số lượng rất lớn các tam giác thứ cấp có thể xuất hiện từ những tổ hợp như thế.

337. Có lẽ có một ngôi sao trong Đại Hùng Tinh *liên hệ nhiều nhất* với một ngôi sao trong Thất Nữ Tinh, và hai ngôi sao này có lẽ *liên hệ nhiều nhất* chỉ với một trong bảy Đấng Thiên Nhân chính yếu; tuy nhiên, hai ngôi sao ấy có thể có một mối liên hệ với từng *và mọi* Đấng Thiên Nhân trong Bảy Đấng. Không chỉ vậy, mà mỗi ngôi sao trong Đại Hùng Tinh (dù liên hệ nhiều nhất chỉ với một trong các ngôi sao của Thất Nữ Tinh) vẫn có một mối liên hệ với từng và mọi ngôi sao trong Thất Nữ Tinh, và ngược lại.

338. Những nghiên cứu hữu hiệu thuộc loại này còn nằm rất xa trong tương lai.

Bất kỳ một trong bảy Rishi nào cùng với một trong các Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và một trong bảy Chị Em đều có thể tạo thành một tam giác phụ, và vì thế tất cả đều phải được nghiên cứu.

339. Chân sư DK cho chúng ta biết một số tổ hợp khả dĩ—những tam giác phụ mạnh mẽ nhất.

340. Chúng ta không biết rằng tất cả các tam giác phụ này có sức mạnh ngang nhau hay thậm chí đã hoàn toàn thành hình hay chưa, nhưng vào một thời điểm nào đó, mọi tam giác như thế sẽ vận hành trọn vẹn.

341. Before we can study the triangles, we must understand the qualitative nature the stars and planets involved, which is, thus far, hardly the case.

341. Trước khi có thể nghiên cứu các tam giác, chúng ta phải hiểu bản chất phẩm tính của các ngôi sao và hành tinh liên quan, điều mà cho đến nay hầu như chưa phải là trường hợp.

In connection with the karma of the solar Logos, the subject is even more abstract and incomprehensible.

Liên quan đến nghiệp quả của Thái dương Thượng đế, chủ đề này còn trừu tượng và bất khả hiểu hơn nữa.

342. We have discussed the relationship between the stars in the Great Bear, the stars in the Pleiades and the various Planetary Logoi.

342. Chúng ta đã bàn đến mối liên hệ giữa các ngôi sao trong Đại Hùng Tinh, các ngôi sao trong Thất Nữ Tinh và các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau.

343. There are certainly triangles, as well, between certain stars in the Great Bear, stars in the Pleiades and our Solar Logos, but these are not the relationships which DK is about to discuss.

343. Chắc chắn cũng có những tam giác giữa một số ngôi sao trong Đại Hùng Tinh, các ngôi sao trong Thất Nữ Tinh và Thái dương Thượng đế của chúng ta, nhưng đó không phải là những mối liên hệ mà Chân sư DK sắp bàn đến.

344. In the examples above involving the Heavenly Men, we discussed the relationship between certain *stars* and our Heavenly Men (Planetary Logoi). Below, we shall discuss the relationship between certain *constellations* (not simply *stars* taken singly) and our Solar Logos (a Solar God)

344. Trong các ví dụ trên liên quan đến các Đấng Thiên Nhân, chúng ta đã bàn đến mối liên hệ giữa một số *ngôi sao* và các Đấng Thiên Nhân của chúng ta (các Hành Tinh Thượng Đế). Bên dưới, chúng ta sẽ bàn đến mối liên hệ giữa một số *chòm sao* (không chỉ đơn giản là các *ngôi sao* được xét riêng lẻ) và Thái dương Thượng đế của chúng ta (một Thượng đế Thái dương)

It lies hidden —not in the seven constellations—**but in the three constellations which concern the three bodies of His Personality and which in themselves are but manifestations of a central LIFE past our concept and our recognition.**

Nó ẩn giấu —không phải trong bảy chòm sao —**mà trong ba chòmsao liên quan đến ba thể của Phàm ngã của Ngài và tự chúng chỉ là những biểu hiện của một SỰ SỐNG trung tâm vượt ngoài khái niệm và sự nhận biết của chúng ta.**

345. Our Solar Logos has a physical body, an astral body and a lower mental body.

345. Thái dương Thượng đế của chúng ta có một thể xác, một thể cảm dục và một thể hạ trí.

346. There are three entire constellations, which are probably chakras in the "One About Whom Naught May Be Said", which are specifically related to the three personality vehicles of our Solar Logos.

346. Có ba chòm sao trọn vẹn, có lẽ là các luân xa trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị", có liên hệ đặc biệt với ba vận cụ phàm ngã của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

347. May these be the Great Bear, the Sirian System and the Pleiades or, perhaps, the Great Bear, the Little Bear and the Pleiades—considered as *constellations* and not from the perspective of the individual stars within these constellations?

347. Có thể đó là Đại Hùng Tinh, Hệ Sirius và Thất Nữ Tinh, hoặc có lẽ là Đại Hùng Tinh, Tiểu Hùng Tinh và Thất Nữ Tinh—được xét như những *chòm sao* chứ không phải từ góc nhìn của các ngôi sao riêng lẻ bên trong những chòm sao này chăng?

It concerns the manifestation in time and space of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, and Whose relationship to the solar Logos finds a faint analogy in that of the planetary Logos to man, the human unit.

Điều này liên quan đến sự biểuhiện trong thời gian và không gian của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, và mối liên hệ của Ngài với Thái dương Thượng đế có một sự tương đồng mờ nhạt với mối liên hệ của Hành Tinh Thượng Đế với con người, đơn vị nhân loại.

348. If man as a Monad is but a *cell* in a Heavenly Man, is DK suggesting that the Solar Logos is as a *cell* when compared to the "One About Whom Naught May Be Said"?

348. Nếu con người với tư cách là một chân thần chỉ là một *tế bào* trong một Đấng Thiên Nhân, thì Chân sư DK có đang gợi ý rằng Thái dương Thượng đế cũng như một *tế bào* khi so với "Đấng Bất Khả Tư Nghị" chăng?

349. This seems quite a reduction of the status of the Solar Logos, for usually the Solar Logos is considered as a chakra within a chakra (which chakra is one of the major centers in the "One About Whom Naught May Be Said"). Thus, the Solar Logos would be as a *minor chakra* which is certainly far greater than a cell.

349. Điều này dường như làm giảm khá nhiều địa vị của Thái dương Thượng đế, vì thông thường Thái dương Thượng đế được xem như một luân xa bên trong một luân xa (mà luân xa ấy là một trong những trung tâm chính yếu trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị"). Như vậy, Thái dương Thượng đế sẽ như một *luân xa nhỏ*, điều chắc chắn lớn lao hơn nhiều so với một tế bào.

350. HOWEVER, if the "One About Whom Naught May Be Said" here referenced is a Galactic Logos, then it would make sense (in

350. TUY NHIÊN, nếu "Đấng Bất Khả Tư Nghị" được nhắc đến ở đây là một Thượng đế Ngân Hà, thì sẽ hợp lý (xét theo quy mô) khi

terms of scale) for our Solar Logos to be considered as a *cell* in the expression of such a great BEING.

Thái dương Thượng đế của chúng ta được xem như một *tế bào* trong sự biểu lộ của một HỮU THỂ vĩ đại như thế.

351. Certainly our GALACTIC LOGOS is ***a*** "One About Whom Naught May Be Said".

351. Chắc chắn THƯỢNG ĐẾ NGÂN HÀ của chúng ta là ***một*** "Đấng Bất Khả Tư Nghị".

352. We must note, however, that the analogy is “faint” and thus, must not be pressed too far.

352. Tuy nhiên, chúng ta phải lưu ý rằng sự tương đồng này là “mờ nhạt” và vì thế không được đẩy đi quá xa.

353. Nevertheless, it is important to note the problem of *scale* with which we seem to be presented.

353. Dẫu vậy, điều quan trọng là phải lưu ý đến vấn đề về *quy mô* mà dường như chúng ta đang được đặt trước.

It profits not to extend the thought any further.

Không ích gì khi mở rộng tư tưởng này thêm nữa.

354. DK well knows the limits of our minds.

354. Chân sư DK biết rất rõ những giới hạn của trí tuệ chúng ta.

We are but seeking to emphasise the fact of the interdependence of all atoms and forms,

Chúng ta chỉ đang tìm cách nhấn mạnh sự kiện về tính phụ thuộc lẫnnhau của mọi nguyên tử và hình tướng,

355. If an atom is included in a form, it is conditioned by the energy which the form expresses.

355. Nếu một nguyên tử được bao hàm trong một hình tướng, nó bị tác động bởi năng lượng mà hình tướng ấy biểu lộ.

to lay stress upon the reality of the variety of influences which play upon all [Page 802] that is manifesting,

để nhấn mạnh thực tại của sự đa dạng các ảnh hưởng tác động lên mọi [Page 802] đang biểu hiện,

356. So that we may be more alert to the reasons for the effects we experience in the three lower worlds…

356. Để chúng ta có thể tỉnh thức hơn đối với những lý do của các hiệu quả mà chúng ta kinh nghiệm trong ba cõi thấp…

357. Usually, we think there are far *fewer* effective influences that there really are.

357. Thông thường, chúng ta nghĩ rằng có ít ảnh hưởng hữu hiệu hơn *nhiều* so với thực tế.

and to call attention to the fact of the karma of the past aeons, kalpas and **that unknowable period** in which the initiatory impulses were set up which are still persisting, and which God, man and atoms are still working out and off.

358. We are presented with many impulsive effects which (now serving as causes) have been generated in circumstances which cannot possibly be understood—they occurred so long ago.

359. In the distant, remote past, patterns of energy and force interaction have arisen and still have not been neutralized or brought into conformity with the prevailing archetypes of our present solar system. Imbalance still exists.

360. In summary, DK has just called our attention to three factors:

a. The interdependence of all atoms and forms

b. The great variety of influences which play upon all that is manifesting

c. The remote arising of still persistent effective causes and causative effects

Influences or vibrations, calling forth response, play upon every form and atom in the solar system and all that can be predicated of them is that **they tend to develop consciousness of some kind, impose certain rhythms according to that conscious response, and produce aggregations or group activity.**

và để lưu ý đến sự kiện về nghiệp quả của các đại kiếp quá khứ, các kalpa và **thời kỳ bất khả tri ấy** trong đó các xung lực điểm đạo đã được thiết lập, vẫn còn đang tồn tại, và Thượng đế, con người và các nguyên tử vẫn còn đang giải quyết và thanh toán.

358. Chúng ta được đặt trước nhiều hiệu quả xung động mà (nay đang phục vụ như những nguyên nhân) đã được tạo ra trong những hoàn cảnh hoàn toàn không thể hiểu được—chúng đã xảy ra từ quá lâu rồi.

359. Trong quá khứ xa xăm, những mô hình tương tác của năng lượng và mãnh lực đã phát sinh và vẫn chưa được trung hòa hay đưa vào sự phù hợp với các nguyên mẫu đang chi phối của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta. Sự mất cân bằng vẫn còn tồn tại.

360. Tóm lại, Chân sư DK vừa lưu ý chúng ta đến ba yếu tố:

a. Tính phụ thuộc lẫn nhau của mọi nguyên tử và hình tướng

b. Sự đa dạng lớn lao của các ảnh hưởng tác động lên mọi sự đang biểu hiện

c. Sự phát sinh xa xôi của những nguyên nhân hữu hiệu và những hiệu quả nhân quả vẫn còn tồn tại

Những ảnh hưởng hay rung động, khơi dậy sự đáp ứng, tác động lên mọi hình tướng và nguyên tử trong hệ mặt trời, và tất cả những gì có thể được nói về chúng là rằng **chúng có khuynh hướng phát triển một loại tâm thức nào đó, áp đặt những nhịp điệu nhất định tùy theo sự đáp ứng có ý thức ấy, và tạo ra những sự kết tập hay hoạt động nhóm.**

361. What can be said of the influences or vibrations (often very subtle and undetectable) which play upon every form and atom in the solar system?

361. Có thể nói gì về những ảnh hưởng hay rung động (thường rất vi tế và không thể phát hiện) tác động lên mọi hình tướng và nguyên tử trong hệ mặt trời?

a. They tend to develop consciousness of some kind. Although we cannot trace the origins of these influences and vibrations, we must use their impact wisely for the development of consciousness. Every encounter with energy and force (whether considered constructive or destructive) can be *used* to augment the extent and quality of consciousness.

a. Chúng có khuynh hướng phát triển một loại tâm thức nào đó. Dù chúng ta không thể truy nguyên nguồn gốc của những ảnh hưởng và rung động này, chúng ta vẫn phải sử dụng tác động của chúng một cách khôn ngoan cho sự phát triển của tâm thức. Mọi cuộc gặp gỡ với năng lượng và mãnh lực (dù được xem là xây dựng hay phá hoại) đều có thể được *sử dụng* để tăng cường phạm vi và phẩm tính của tâm thức.

b. These influences and forces impose certain rhythms upon our lives and upon the conditions which surround us—i.e., upon circumstance. Depending upon the nature of the conscious response with which we meet these influences and forces, so will be the nature of the rhythms imposed.

b. Những ảnh hưởng và mãnh lực này áp đặt những nhịp điệu nhất định lên đời sống chúng ta và lên những điều kiện bao quanh chúng ta—tức là lên hoàn cảnh. Tùy theo bản chất của sự đáp ứng có ý thức mà chúng ta dùng để gặp gỡ những ảnh hưởng và mãnh lực này, bản chất của các nhịp điệu được áp đặt cũng sẽ như thế.

c. These influences and forces affect all relationships: they produce aggregations and group activity. Can we meet them with such intelligence that the aggregations and group activity produced serve the Plan?

c. Những ảnh hưởng và mãnh lực này tác động đến mọi mối liên hệ: chúng tạo ra những sự kết tập và hoạt động nhóm. Chúng ta có thể gặp gỡ chúng với một trí tuệ như thế nào để những sự kết tập và hoạt động nhóm được tạo ra có thể phụng sự Thiên Cơ?

362. In short, all that we encounter can be *used* to promote an enhanced quality of life or consciousness.

362. Nói ngắn gọn, mọi điều chúng ta gặp phải đều có thể được *sử dụng* để thúc đẩy một phẩm tính cao hơn của sự sống hay tâm thức.

The liberation from karma about which would-be occult students so glibly talk

Sự giải thoát khỏi nghiệp quả mà những đạo sinh huyền bí học tương lai thường nói đến một cách quá dễ dãi

363. Notice, that not only is DK not taking about “occultists”, per se, but He is not even

363. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK không chỉ không nói về các “nhà huyền bí học”, chính

talking about “occult students”. He speaks only of “would-be occult students”…quite a reduction from the genuine article—the occultist.

họ, mà Ngài thậm chí cũng không nói về “đạo sinh huyền bí học”. Ngài chỉ nói về “những đạo sinh huyền bí học tương lai”… một sự hạ thấp khá nhiều so với hàng thật—nhà huyền bí học.

is after all but the freeing of the atom from its own personal problem (the problem of response to unitary sensation), and its conscious acquiescence in group response and work.

rốt cuộc chỉ là sự giải thoát nguyên tử khỏi vấn đề cá nhân riêng của nó (vấn đề đáp ứng với cảm giác đơn nhất), và sự thuận nhận có ý thức của nó đối với sự đáp ứng nhóm và công việc nhóm.

364. DK offers us another slant on the meaning of liberation from karma.

364. Chân sư DK cống hiến cho chúng ta một cách nhìn khác về ý nghĩa của sự giải thoát khỏi nghiệp quả.

365. The atom is enmeshed in a certain context from which its usual, individual responses do not serve to free it. Instead, it must generate those kinds of responses which extricate it from that particular context. Eventually, the unit achieves a necessary degree of harmony with and imperviousness to his previously imprisoning context. One of the methods to achieve this, is to acquiesce in the necessity for *group* response and *group* work.

365. Nguyên tử bị mắc kẹt trong một bối cảnh nhất định mà từ đó những đáp ứng cá nhân thông thường của nó không giúp giải thoát nó. Thay vào đó, nó phải tạo ra những loại đáp ứng có thể đưa nó ra khỏi bối cảnh đặc thù ấy. Cuối cùng, đơn vị đạt được một mức độ cần thiết của sự hài hòa với, và tính không bị xuyên thấu bởi, bối cảnh trước đây đã giam hãm nó. Một trong những phương pháp để đạt được điều này là thuận nhận sự cần thiết của sự đáp ứng *nhóm* và công việc *nhóm*.

366. Another way of saying this is that strictly selfish, individualistic response will not achieve for the unit harmony with its environment. Without harmony with the environment and with the group life, which necessarily surrounds and enfolds the unit, there can be no true, karmically effective liberation from that environment.

366. Một cách khác để nói điều này là: sự đáp ứng hoàn toàn ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa sẽ không đem lại cho đơn vị sự hài hòa với môi trường của nó. Không có sự hài hòa với môi trường và với sự sống nhóm, vốn tất yếu bao quanh và bao bọc đơn vị, thì không thể có sự giải thoát chân thực, có hiệu lực về mặt nghiệp quả, khỏi môi trường ấy.

367. The unit which achieves true harmony with its environment and with its group owes nothing more to either its environment or group. That unit is free—

367. Đơn vị đạt được sự hài hòa chân thực với môi trường và với nhóm của mình không còn nợ gì nữa đối với cả môi trường lẫn nhóm. Đơn vị ấy được tự do—tự do để phụng sự cả môi trường lẫn nhóm.

free to serve both the environment and the group.

It marks the dissociation

368. Hence, the ongoing necessity for detachment…

of the human atom from the rhythm imposed upon him by the lower "influences" which find their channel of approach through his vehicles, or lunar bodies, and **his consequent willing recognition of the will-impulse of his greater whole, or the life of the egoic group—a centre in the planetary body**.

369. The liberated human unit is freed from the confines of lunar life. That unit recognizes *within himself* the solar, will-impulse which emanates from the greater whole of which it is a part. That will-impulse is really the impulse emanating from the life of the egoic group which includes the unit.

370. Notice that DK speaks of a "willing recognition" of higher will-impulses. It is not enough simply to *recognize* these impulses. One must be ready and willing to carry them out *as if they were one's own.*

371. To live as a selfish individual is to live a life prompted by *lunar* impulse. To live harmoniously and in group consciousness is to live the solar or egoically-impulsed life. The Ego serves the will of the greater whole. It is responsive to the will of the Planetary Logos and seeks to promote the proper functioning of that center within the Planetary Logos of which it forms a corporate part.

Điều đó đánh dấu sự tách rời

368. Do đó, có sự cần thiết liên tục của việc tách rời…

của nguyên tử con người khỏi nhịp điệu bị áp đặt lên y bởi những "ảnh hưởng" thấp hơn tìm thấy kênh tiếp cận qua các vận cụ của y, hay các thể thái âm, và **sự nhận biết đầy thiện chí tiếp theo của y đối với xung lực-ý chí của toàn thể lớn hơn của y, hay sự sống của nhóm chân ngã—một trung tâm trong thể hành tinh**.

369. Đơn vị con người được giải thoát thì thoát khỏi những giới hạn của sự sống thái âm. Đơn vị ấy nhận ra *bên trong chính mình* xung lực-ý chí thái dương phát ra từ toàn thể lớn hơn mà nó là một phần trong đó. Xung lực-ý chí ấy thực ra là xung lực phát ra từ sự sống của nhóm chân ngã bao gồm đơn vị ấy.

370. Hãy lưu ý rằng Chân sư DK nói đến một "sự nhận biết đầy thiện chí" đối với các xung lực ý chí cao hơn. Chỉ đơn giản *nhận ra* những xung lực này thì chưa đủ. Người ta phải sẵn sàng và thiện chí thực hiện chúng *như thể chúng là của chính mình.*

371. Sống như một cá nhân ích kỷ là sống một đời sống được thúc đẩy bởi xung lực *thái âm*. Sống hài hòa và trong tâm thức nhóm là sống đời sống thái dương hay được thúc đẩy bởi chân ngã. Chân ngã phụng sự ý chí của toàn thể lớn hơn. Nó đáp ứng với ý chí của Hành Tinh Thượng Đế và tìm cách thúc đẩy sự vận hành đúng đắn của trung tâm ấy bên trong Hành Tinh Thượng Đế mà nó tạo thành một phần tập thể.

372. When lunar selfishness ceases, the human unit can become increasingly responsive to the higher will impulses which emanate from its egoic nature.

372. Khi tính ích kỷ thái âm chấm dứt, đơn vị con người có thể ngày càng đáp ứng với các xung lực ý chí cao hơn phát ra từ bản chất chân ngã của nó.

373. Let us impress upon ourselves that an egoic group is a center (probably very minor) in the planetary body. An egoic group is a relatively greater center in the body of a Globe-Lord, a smaller center in the body of the Chain-Lord and a still smaller center in the body of the Heavenly Man or Planetary Logos.

373. Chúng ta hãy khắc sâu nơi mình rằng một nhóm chân ngã là một trung tâm (có lẽ rất nhỏ) trong thể hành tinh. Một nhóm chân ngã là một trung tâm tương đối lớn hơn trong thể của một Chúa Tể bầu hành tinh, một trung tâm nhỏ hơn trong thể của Chúa Tể Dãy và một trung tâm còn nhỏ hơn nữa trong thân thể của Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế.

It involves atomic control, but involves also conscious subjection to the karma of the Heavenly Man.

Điều này bao hàm sự kiểm soát nguyên tử, nhưng cũng bao hàm sự quy phục có ý thức đối với nghiệp quả của Đấng Thiên Nhân.

374. The human unit in process of liberation is no longer enmeshed by karma of its own making. Since that unit has begun to identify with the life of the Heavenly Man Who includes it, the unit can begin to play a role in working out the karma of the Heavenly Man. Only human beings who can begin to live the *impersonal life* can become constructively involved in neutralizing the karma of the Heavenly Man.

374. Đơn vị con người trong tiến trình giải thoát không còn bị mắc kẹt bởi nghiệp quả do chính mình tạo ra nữa. Vì đơn vị ấy đã bắt đầu đồng hoá với sự sống của Đấng Thiên Nhân bao gồm nó, nên đơn vị ấy có thể bắt đầu đóng một vai trò trong việc giải quyết nghiệp quả của Đấng Thiên Nhân. Chỉ những con người có thể bắt đầu sống đời sống *vô ngã* mới có thể tham gia một cách xây dựng vào việc trung hòa nghiệp quả của Đấng Thiên Nhân.

Man is no longer the slave of the rhythm of matter per se,

Con người không còn là nô lệ của nhịp điệu của chính vật chất,

375. A close understanding of what is here said will reveal that we are enslaved by *rhythms.* We are also liberated through the expression of more goalfitting rhythms.

375. Sự thấu hiểu sát sao điều được nói ở đây sẽ cho thấy rằng chúng ta bị nô dịch bởi những *nhịp điệu.* Chúng ta cũng được giải thoát nhờ sự biểu lộ của những nhịp điệu phù hợp với mục tiêu hơn.

but controls it in the three worlds of his endeavour; **he is still nevertheless controlled by the group karma of the**

mà kiểm soát nó trong ba cõi giới của nỗ lực của y; **tuy nhiên, y vẫn còn bị kiểm soát bởi nghiệp quả nhóm của trung tâm hành tinh,**

planetary centre, by its influence, life and vibratory impulse.

376. It is clear that a Master or Chohan (both of Them still very much part of the planetary process) are controlled by the "group karma of the planetary centre) of which They form a part. A Chohan is, after all, a "Planetary Life".

377. At the onset of what we usually call "liberation" there is no true escape from karma. There is only escape from *personal* karma generated within the three lower worlds. Working constructively with planetary karma is very much focus of the Master or the Chohan.

The same can be predicated of a Heavenly Man, and of a solar Logos.

378. These great Beings also achieve liberation and free themselves from a relatively individual context. They do *not* free themselves from the influence and karma of still greater Beings Who include them as centers, cells and atoms.

379. The purpose of all self-conscious B/ beings is to free themselves from limiting karma, and through the freedom achieved, attain a greater expression of intended dharma.

380. Masters and Chohans serve the Planetary Logos as both karmic and dharmic agents.

We might, in closing, express the same thought in terms of fire, remembering that

bởi ảnh hưởng, sự sống và xung lực rung động của nó.

376. Rõ ràng là một Chân sư hay một Chohan (cả hai Vị này vẫn còn là phần rất lớn của tiến trình hành tinh) đều bị kiểm soát bởi "nghiệp quả nhóm của trung tâm hành tinh" mà Các Ngài là một phần trong đó. Rốt cuộc, một Chohan là một "Sự Sống Hành tinh".

377. Khi khởi đầu điều mà chúng ta thường gọi là "giải thoát", không có sự thoát khỏi nghiệp quả theo nghĩa chân thực. Chỉ có sự thoát khỏi nghiệp quả *cá nhân* được tạo ra trong ba cõi thấp. Làm việc một cách xây dựng với nghiệp quả hành tinh chính là trọng tâm của Chân sư hay Chohan.

Điều tương tự cũng có thể được nói về một Đấng Thiên Nhân và về một Thái dương Thượng đế.

378. Những Hữu Thể vĩ đại này cũng đạt được sự giải thoát và tự giải phóng mình khỏi một bối cảnh tương đối cá biệt. Các Ngài *không* tự giải phóng khỏi ảnh hưởng và nghiệp quả của những Hữu Thể còn lớn hơn nữa, là những Đấng bao gồm Các Ngài như những trung tâm, tế bào và nguyên tử.

379. Mục đích của mọi hữu thể tự ý thức là tự giải phóng mình khỏi nghiệp quả giới hạn, và qua sự tự do đạt được, đạt đến một sự biểu lộ lớn hơn của dharma dự định.

380. Các Chân sư và Chohan phụng sự Hành Tinh Thượng Đế như những tác nhân vừa nghiệp quả vừa dharma.

Khi kết thúc, chúng ta có thể diễn đạt cùng một tư tưởng theo thuật ngữ của lửa, nhớ

words only limit and confine the thought, and that the main reason for this mode of approach is to bring pictorially before man some aspects of the central idea.

rằng ngôn từ chỉ giới hạn và giam hãm tư tưởng, và rằng lý do chính của lối tiếp cận này là để đưa ra trước con người một cách hình tượng một số phương diện của ý tưởng trung tâm.

381. DK, we see, tries many ways to impress the true nature of His thought upon us. There are so many different kinds of minds. Some will grasp the idea behind the thought through one presentation and some through another.

381. Như chúng ta thấy, Chân sư DK thử nhiều cách để khắc ghi bản chất chân thực của tư tưởng Ngài vào chúng ta. Có rất nhiều loại trí tuệ khác nhau. Một số người sẽ nắm được ý tưởng đằng sau tư tưởng qua cách trình bày này, và một số khác qua cách trình bày khác.

"Electric fire, or will-impulse" in conjunction with "fire by friction" produces light or "solar fire."

"Lửa Điện, hay xung lực-ý chí" kết hợp với "Lửa masát" tạo ra ánh sáng hay "Lửa Thái dương."

382. This is the ongoing and familiar presentation.

382. Đây là cách trình bày quen thuộc và liên tục.

Electric fire is force or energy of some kind,

Lửa Điện là mãnh lực hay năng lượng thuộc một loại nào đó,

383. Here, DK does not differentiate between force and energy.

383. Ở đây, Chân sư DK không phân biệt giữa mãnh lực và năng lượng.

and hence in itself [Page 803] is fundamentally an emanation.

và do đó tự nó [Page 803] về căn bản là một phát xạ.

384. Electric fire is a radiation or emanation. It *goes forth* from a *source*.

384. Lửa Điện là một bức xạ hay một phát xạ. Nó *phát ra* từ một *nguồn*.

"Fire by friction" is substance with the quality of heat as its predominant characteristic;

"Lửa ma sát" là chất liệu với phẩm tính nhiệt là đặc tính nổi trội của nó;

385. It is heat which produces *activity* (the nature of the third aspect of divinity), and heat which, from another perspective, *is* activity.

385. Chính nhiệt tạo ra *hoạt động* (bản chất của phương diện thứ ba của thiên tính), và nhiệt cũng là, từ một góc nhìn khác, *chính* hoạt động.

it is latent heat or sensation.

nó là nhiệt tiềm ẩn hay cảm giác.

386. Because of heat/activity, there exists the power to respond. Response involves movement and movement implies activity which does not exist unless there is heat (at least this is so within our three lower worlds).

386. Vì có nhiệt/hoạt động nên tồn tại quyền năng đáp ứng. Đáp ứng bao hàm chuyển động, và chuyển động hàm ý hoạt động, điều không tồn tại nếu không có nhiệt (ít nhất điều này đúng trong ba cõi thấp của chúng ta).

Both these ideas, therefore, convey the idea of duality.

Do đó, cả hai ý tưởng này đều chuyển tải ý niệm về nhị nguyên tính.

387. In the first instance and concerning electric fire, we have the source and that force or energy which emanates from the source.

387. Trong trường hợp thứ nhất và liên quan đến Lửa Điện, chúng ta có nguồn và mãnh lực hay năng lượng phát ra từ nguồn ấy.

388. In relation to fire by friction, we have both latent heat and sensation.

388. Liên quan đến Lửa ma sát, chúng ta có cả nhiệt tiềm ẩn lẫn cảm giác.

389. What we have to grasp is that without heat/activity, sensation cannot exist. When something is “cold and lifeless” there is no sensation or response.

389. Điều chúng ta phải nắm bắt là: không có nhiệt/hoạt động thì cảm giác không thể tồn tại. Khi một cái gì đó “lạnh và vô sinh”, sẽ không có cảm giác hay đáp ứng.

390. The factor of sensation also implies the presence of a conscious, experiencing E/entity which is impressed by a form of activity.

390. Yếu tố cảm giác cũng hàm ý sự hiện diện của một Thực Thể có ý thức, đang kinh nghiệm, bị gây ấn tượng bởi một hình thức hoạt động.

An emanation must have its originating source,

Một phát xạ phải có nguồn phát sinh của nó,

391. Hence the duality.

391. Do đó có nhị nguyên tính.

and heat is but the result of friction,

và nhiệt chỉ là kết quả của ma sát,

392. From one perspective, heat is based upon activity and that disruptive interplay we call “friction”. Friction, of course, necessitates motion.

392. Từ một góc nhìn, nhiệt dựa trên hoạt động và sự tương tác gây xáo trộn mà chúng ta gọi là “ma sát”. Dĩ nhiên, ma sát đòi hỏi chuyển động.

and is necessarily dual.

393. DK seems to be telling us that heat is necessarily dual.

Both these concepts involve facts long antedating the solar system, and hidden in the Universal Mind.

394. Electric fire and fire by friction are energy states which long antedate the arising of the solar system. They are understood from the perspective of the Universal Mind (presumably on the cosmic mental plane).

395. DK seems to be suggesting that unless we can penetrate the Universal Mind, we will not understand electric fire or fire by friction, *per se*.

All that we can scientifically ascertain is the nature of that which is produced by their approximation, and this is solar fire or light.

396. DK is telling us that electric fire, per se, and fire by friction, per se and in its own essence, are not ascertainable by our science. That which science can register is the result of the approximation of electric fire and fire by friction—namely, the solar system, demonstrating solar fire or light.

397. We note that, in this context, solar fire and light are equated.

These thoughts may make clear somewhat the significance of the number five, esoterically considered. Electric fire, being

và tất yếu là nhị nguyên.

393. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng nhiệt tất yếu là nhị nguyên.

Cả hai khái niệm này đều bao hàm những sự kiện có trước hệ mặt trời từ rất lâu, và ẩn giấu trong Vũ Trụ Trí.

394. Lửa Điện và Lửa ma sát là những trạng thái năng lượng có trước rất lâu sự xuất hiện của hệ mặt trời. Chúng được thấu hiểu từ góc nhìn của Vũ Trụ Trí (có lẽ trên cõi trí vũ trụ).

395. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng trừ phi chúng ta có thể xuyên nhập vào Vũ Trụ Trí, chúng ta sẽ không hiểu Lửa Điện hay Lửa ma sát, *chính chúng.*

Tất cả những gì chúng ta có thể xác định một cách khoa học là bản chất của điều được tạo ra bởi sự tiếp cận gần của chúng, và đó là Lửa Thái dương hay ánh sáng.

396. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng Lửa Điện, chính nó, và Lửa ma sát, chính nó và trong bản chất riêng của nó, không thể được khoa học của chúng ta xác định. Điều mà khoa học có thể ghi nhận là kết quả của sự tiếp cận gần giữa Lửa Điện và Lửa ma sát —tức là hệ mặt trời, biểu lộ Lửa Thái dương hay ánh sáng.

397. Chúng ta lưu ý rằng, trong bối cảnh này, Lửa Thái dương và ánh sáng được đồng nhất với nhau.

Những tư tưởng này có thể phần nào làm sáng tỏ thâm nghĩa của số năm, khi được xét một cách huyền bí. Lửa Điện, vì là một phát

an emanation is essentially dual in concept, and so is fire by friction; **they together produce solar fire, and thus the esoteric fifth.**

xạ, về bản chất là nhị nguyên trong khái niệm, và Lửa ma sát cũng vậy; **cả hai cùng nhau tạo ra Lửa Thái dương, và như thế tạo nên số năm huyền bí.**

398. Here we have dual Spirit and dual substance, producing a unitary vehicle. Earlier in TCF we had dual material fire (latent and active), dual mental fire (mental elemental fire and solar fire), and *unitary* Spirit!

398. Ở đây chúng ta có tinh thần nhị nguyên và chất liệu nhị nguyên, tạo ra một vận cụ đơn nhất. Trước đó trong Luận về Lửa Vũ Trụ, chúng ta đã có lửa vật chất nhị nguyên (tiềm ẩn và hoạt động), lửa trí tuệ nhị nguyên (lửa của hành khí trí tuệ và Lửa Thái dương), và Tinh thần *đơn nhất*!

399. There are many ways of deriving numbers. In the foregoing discussion both electric fire and fire by friction have been considered dual, and solar fire (deriving from the approximation and interplay of the two) is considered unitary. Sometimes, however, solar fire is also considered dual, for it represents the dualistic second ray.

399. Có nhiều cách để suy ra các con số. Trong cuộc thảo luận trên, cả Lửa Điện lẫn Lửa ma sát đều được xem là nhị nguyên, còn Lửa Thái dương (phát sinh từ sự tiếp cận gần và tương tác của hai thứ ấy) được xem là đơn nhất. Tuy nhiên, đôi khi Lửa Thái dương cũng được xem là nhị nguyên, vì nó biểu hiện cung hai nhị nguyên.

400. Solar fire is the *second* which arises third in order. The numbers *two* and *five* are closely related, and here we see one reason why this should be the case. That which represents the second aspect (i.e., solar fire) is the "esoteric fifth".

400. Lửa Thái dương là cái *thứ hai* xuất hiện thứ ba theo thứ tự. Các số *hai* và *năm* có liên hệ mật thiết với nhau, và ở đây chúng ta thấy một lý do vì sao điều này lại như vậy. Điều biểu hiện phương diện thứ hai (tức là Lửa Thái dương) là "số năm huyền bí".

401. Interestingly, the second Cosmic Path (of Magnetic Work), which relates to the reconditioning of the second or astral plane, is pursued by man of those whose monadic ray is the *fifth.*

401. Điều thú vị là Con đường Vũ trụ thứ hai (của Công Tác Từ Tính), liên quan đến việc tái tác động lên cõi thứ hai hay cõi cảm dục, được theo đuổi bởi những con người có cung chân thần là cung *năm.*

402. The numbers *two* and *five* are also closely related in the expression of the Fifth Creative Hierarchy of Solar Angels.

402. Các số *hai* và *năm* cũng liên hệ mật thiết với nhau trong sự biểu lộ của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm của các Thái dương Thiên Thần.

It will be apparent that when a man speaks of karma, he is dealing with **something much wider than the interplay of effect**

Cần lưu ý rằng khi con người nói về nghiệp quả, y đang bàn đến **một điều rộng lớn hơn rất nhiều so với sự tương tác giữa kết quả**

and cause within the sphere of his own individual routine. He is, in all things, governed by causes originating in the aggregate of lives which form his egoic group, by **the aggregate of groups which form one petal in a centre of a Heavenly Man**, by force or purpose circulating through a triangle of centres, and by the life energy or purposeful will of the planetary Logos Himself.

Finally he is governed by the will of the solar Logos as it demonstrates itself in initiatory activity.

403. DK has immensely extended the consideration of the origins of karma and the forces by which man is governed and conditioned. Let us tabulate:

a. Man is conditioned by those karmic forces which are the result of the interplay of cause and effect within the sphere of his own individual routine

b. Man is karmically governed by causes originating in the aggregate of lives which form his egoic group

c. Man is karmically governed by the aggregate of groups which form one petal in a centre of a Heavenly Man. Here we have fresh light upon the manner in which egoic groups participate in the life of a center of a Heavenly Man: they form one petal in such a center.

d. Man is karmically governed by force or purpose circulating through a triangle of centres

và nguyên nhân trong phạm vi nếp sống cá nhân riêng của y. Trong mọi sự, y đều bị chi phối bởi các nguyên nhân phát sinh từ tổng thể các sự sống tạo thành nhóm chân ngã của y, bởi **tổng thể các nhóm tạo thành một cánh hoa trong một trung tâm của một Đấng Thiên Nhân**, bởi mãnh lực hay mục đích lưu chuyển qua một tam giác các trung tâm, và bởi năng lượng sự sống hay ý chí có mục đích của chính Hành Tinh Thượng Đế.

Sau cùng, y bị chi phối bởi ý chí của Thái dương Thượng đế khi ý chí ấy biểu lộ trong hoạt động điểm đạo.

403. Chân sư DK đã mở rộng vô cùng lớn việc xem xét các nguồn gốc của nghiệp quả và các mãnh lực chi phối và tác động lên con người. Chúng ta hãy lập bảng:

a. Con người bị tác động bởi những mãnh lực nghiệp quả là kết quả của sự tương tác giữa nguyên nhân và kết quả trong phạm vi nếp sống cá nhân riêng của y

b. Con người bị chi phối về mặt nghiệp quả bởi các nguyên nhân phát sinh từ tổng thể các sự sống tạo thành nhóm chân ngã của y

c. Con người bị chi phối về mặt nghiệp quả bởi tổng thể các nhóm tạo thành một cánh hoa trong một trung tâm của một Đấng Thiên Nhân. Ở đây chúng ta có ánh sáng mới về cách các nhóm chân ngã tham dự vào sự sống của một trung tâm của một Đấng Thiên Nhân: chúng tạo thành một cánh hoa trong trung tâm ấy.

d. Con người bị chi phối về mặt nghiệp quả bởi mãnh lực hay mục đích lưu chuyển qua một tam giác các trung tâm

e. Man is karmically governed by the life energy or purposeful will of the planetary Logos Himself.

e. Con người bị chi phối về mặt nghiệp quả bởi năng lượng sự sống hay ý chí có mục đích của chính Hành Tinh Thượng Đế.

f. Finally man is karmically governed by the will of the Solar Logos as it demonstrates itself in initiatory activity—setting fundamental rhythms to which all lives within a solar system must, perforce, respond.

f. Sau cùng, con người bị chi phối về mặt nghiệp quả bởi ý chí của Thái dương Thượng đế khi ý chí ấy biểu lộ trong hoạt động điểm đạo—thiết lập những nhịp điệu căn bản mà mọi sự sống trong một hệ mặt trời đều buộc phải đáp ứng.

Beyond this we need hardly go, **but enough has been said to show that every human atom is under the dominance of forces outside his own consciousness, which sweep him and others into situations from which there is no escape, and which are to him incomprehensible.**

Vượt quá điều này, chúng ta hầu như không cần đi xa hơn, **nhưng như thế cũng đủ để cho thấy rằng mỗi nguyên tử nhân loại đều nằm dưới sự thống trị của những mãnh lực ở ngoài tâm thức riêng của y, cuốn y và những người khác vào những tình huốngkhông thể thoát ra, và đối với y thì không thể nào hiểu nổi.**

404. There is no freewill in relation to such governance. There is no escape from it. And, there is no understanding of the true nature and origin of such karmic causes. Man has, perforce, to accept them and make the best of them, using them to improve the quality of his consciousness and skillful response to circumstance.

404. Không có tự do ý chí nào liên hệ đến sự chi phối như thế. Không có sự thoát khỏi nó. Và cũng không có sự thấu hiểu bản chất và nguồn gốc đích thực của những nguyên nhân nghiệp quả như thế. Con người, do bắt buộc, phải chấp nhận chúng và tận dụng tốt nhất có thể, dùng chúng để cải thiện phẩm tính tâm thức của mình và khả năng đáp ứng khéo léo với hoàn cảnh.

This has been at no time better illustrated than in the event of the late war and in present world conditions; these are effects of causes having their origin in the renewed activity of a certain planetary triangle, **and in the vibration set up by our planetary Logos on the moon-chain, [Page 804] and which had a faint beginning in an earlier solar system**.

Điều này chưa từng được minh họa rõ hơn qua biến cố của cuộc chiến vừa qua và trong các điều kiện thế giới hiện nay; đó là những kết quả của các nguyên nhân có nguồn gốc trong hoạt động được đổi mới của một tam giác hành tinh nào đó, **và trong rung động do Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta thiết lập trên Dãy Mặt Trăng, [Page 804] và đã có một khởi đầu mờ nhạt trong một hệ mặt trời trước đây**.

405. When DK speaks here of a “certain planetary triangle” we do not know whether

405. Khi Chân sư DK nói ở đây về “một tam giác hành tinh nào đó”, chúng ta không biết

the triangle is *intra*-planetary (and thus within the planetary scheme and perchance involving planetary chains or certain globes) or extra-planetary (thus involving the Earth and two to three other Planetary Logoi.

tam giác ấy là tam giác *nội*-hành tinh (và như thế ở trong hệ hành tinh, có lẽ liên quan đến các Dãy hành tinh hay một số bầu hành tinh nào đó) hay ngoại-hành tinh (như thế liên quan đến Trái Đất và hai đến ba Hành Tinh Thượng Đế khác).

406. We are alerted to the fact that this triangle was active prior to the period of the First WW, perhaps ages ago for the activity of this triangle has been "renewed".

406. Chúng ta được báo cho biết rằng tam giác này đã hoạt động trước thời kỳ Thế Chiến thứ Nhất, có lẽ từ nhiều thời đại trước, vì hoạt động của tam giác này đã được "đổi mới".

407. We might expect that such planets as Mars, Vulcan and Pluto were active, and Venus as well (offering the ideal of the soul).

407. Chúng ta có thể chờ đợi rằng những hành tinh như Sao Hỏa, Vulcan và Sao Diêm Vương đã hoạt động, và cả Sao Kim nữa (cung ứng lý tưởng của linh hồn).

408. The vibration established upon on the Moon-chain was probably *not* a positive vibration and may have had its effective origin in the previous solar system.

408. Rung động được thiết lập trên Dãy Mặt Trăng có lẽ *không* phải là một rung động tích cực và có thể đã có nguồn gốc hữu hiệu của nó trong hệ mặt trời trước.

409. Thus, another triangle can be inferred: influences from the previous solar system; influences originating on the Moon-chain; conditions (resonant to both these antecedent causes) existent on our planet at the time of the war.

409. Như vậy, có thể suy ra một tam giác khác: các ảnh hưởng từ hệ mặt trời trước; các ảnh hưởng phát sinh trên Dãy Mặt Trăng; các điều kiện (cộng hưởng với cả hai nguyên nhân tiền nhiệm này) hiện hữu trên hành tinh chúng ta vào thời chiến tranh.

410. Is DK suggesting something about the functioning of our Planetary Logos in a previous solar system? We have many times gathered that the Planetary Logos of the Earth did, indeed, exist in the immediately previous solar system as did certain other planets, such as Mercury and, certainly, Saturn.

410. Có phải Chân sư DK đang gợi ý điều gì đó về hoạt động của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trong một hệ mặt trời trước đây chăng? Chúng ta đã nhiều lần nhận thấy rằng Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất quả thực đã hiện hữu trong hệ mặt trời ngay trước đó, cũng như một số hành tinh khác, như Sao Thủy và chắc chắn là Sao Thổ.

411. We gather that the forceful arising of certain ancient vibrations (possibly evoked by the approach of the Good—as "Perfection calls imperfection to the surface") were

411. Chúng ta hiểu rằng sự trỗi dậy mãnh liệt của một số rung động cổ xưa nào đó (có thể được gợi lên bởi sự tiếp cận của Điều Thiện—vì "Sự Toàn Thiện gọi sự bất toàn

responsible for WWI and its continuation as WWII—both constituting the "Great War".

trồi lên bề mặt") đã chịu trách nhiệm cho Thế Chiến I và sự tiếp diễn của nó thành Thế Chiến II—cả hai cùng cấu thành "Đại Chiến".

This vibration impinged primarily upon certain atoms and groups of atoms in His body, principally those composing the human and animal kingdoms, and produced the apparently dire results which we have been witnessing.

Rung động này tác động chủ yếu lên một số nguyên tử và nhóm nguyên tử nào đó trong thân thể của Ngài, chủ yếu là những nguyên tử cấu thành giới nhân loại và giới động vật, và đã tạo ra những kết quả có vẻ thảm khốc mà chúng ta đã chứng kiến.

412. The atoms here mentioned are human and animal units.

412. Những nguyên tử được nhắc đến ở đây là các đơn vị người và động vật.

413. The atoms upon which the vibration impinged must have been peculiarly responsive to that vibration. May they have been atoms characterized to a high degree by selfishness (i.e., atoms highly conditioned by the lunar nature rather than the solar)?

413. Những nguyên tử mà rung động ấy tác động vào hẳn phải đáp ứng một cách đặc biệt với rung động đó. Có thể nào đó là những nguyên tử được đặc trưng ở mức độ cao bởi tính ích kỷ (tức là những nguyên tử bị tác động mạnh bởi bản chất nguyệt hơn là bản chất thái dương) chăng?

So great was **the effect of His energy**, that the vegetable kingdom was somewhat (though not so much) affected, and the mineral kingdom felt the effect in a startling manner,

Ảnh hưởng của năng lượng của Ngài **lớn lao đến mức**, giới thực vật cũng bị ảnh hưởng phần nào (dù không nhiều đến thế), và giới kim thạch cảm nhận ảnh hưởng ấy một cách đáng kinh ngạc,

414. Nuclear chain reactions are "startling".

414. Các phản ứng dây chuyền hạt nhân là "đáng kinh ngạc".

far more than the vegetable kingdom and almost as much as the animal.

nhiều hơn giới thực vật rất nhiều và gần như nhiều bằng giới động vật.

415. Mars is largely the ruler of the animal kingdom, and, thus, the thought of its involvement as part of the planetary triangle mentioned.

415. Sao Hỏa phần lớn là chủ tinh của giới động vật, và do đó có ý nghĩ rằng nó có liên hệ như một phần của tam giác hành tinh được nhắc đến.

416. Vulcan is the ruler of the mineral kingdom, hence, likewise, the reason for

416. Vulcan là chủ tinh của giới kim thạch, vì thế cũng là lý do để đưa nó vào trong tam giác hành tinh được đề nghị.

including it within the proposed planetary triangle.

417. Or, perhaps there have been chains and globes responsive to such planetary influences.

418. The vegetable kingdom is ruled by Venus. To what extent should Venus be implicated in that war, except for the fact that it represents the emergent soul in humanity?

419. We may further conclude that our Planetary Logos, Himself, was very much involved in impulsing the first phase of the Great War.

Here we have a setting of circumstances outside human and even group control, which illustrates **the helplessness of man in certain conditions,**

420. Millions of human beings were the victims of an enforced sacrifice, necessitated through the imposition of the Will of the Planetary Logos, and other equally high (and probably still greater) sources of Will.

421. Not only could man not control the circumstances which drove him into inevitable sacrifice, but groups, as well, could not exert any control.

and which serves to bring in factors apparently apart from the individual vibration of the fourth kingdom.

422. DK has been enumerating various energies and forces which affect the human unit and the human kingdom and over

417. Hoặc có lẽ đã có những Dãy và những bầu hành tinh đáp ứng với các ảnh hưởng hành tinh như thế.

418. Giới thực vật được cai quản bởi Sao Kim. Sao Kim nên bị quy vào cuộc chiến ấy đến mức nào, ngoại trừ sự kiện rằng nó tượng trưng cho linh hồn đang nổi lên trong nhân loại?

419. Chúng ta còn có thể kết luận thêm rằng chính Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã can dự rất nhiều vào việc thúc đẩy giai đoạn đầu của Đại Chiến.

Ở đây chúng ta có một sự an bài các hoàn cảnh nằm ngoài sự kiểm soát của con người và ngay cả của nhóm, điều này minh họa **sự bất lực của con người trong một số điều kiện nhất định,**

420. Hàng triệu con người là nạn nhân của một sự hi sinh bị cưỡng bách, cần thiết do sự áp đặt của Ý Chí của Hành Tinh Thượng Đế, và của những nguồn Ý Chí cao cả khác tương đương (và có lẽ còn lớn hơn nữa).

421. Không những con người không thể kiểm soát các hoàn cảnh đã đẩy y vào sự hi sinh không thể tránh khỏi, mà các nhóm cũng không thể thực hiện bất kỳ sự kiểm soát nào.

và điều này giúp đưa vào những yếu tố dường như tách biệt khỏi rung động cá nhân của giới thứ tư.

422. Chân sư DK đã liệt kê nhiều năng lượng và mãnh lực khác nhau ảnh hưởng đến đơn vị người và giới nhân loại, và trên đó không

which no human control can possibly be exerted. This is part of His attempt to indicate the greater and often more remote causes of the karmic conditions presently facing the human kingdom and the individual human being.

thể nào có bất kỳ sự kiểm soát nào của con người. Đây là một phần trong nỗ lực của Ngài nhằm chỉ ra những nguyên nhân lớn hơn và thường xa hơn của các điều kiện nghiệp quả hiện đang đối diện giới nhân loại và từng con người.

Nevertheless, within limits, man definitely does "control his destiny," **and can initiate action which produces effects recognisable by him as being dependent upon his activity along a particular line**.

Tuy nhiên, trong những giới hạn nhất định, con người quả thực "kiểm soát số phận của mình," **và có thể khởi xướng hành động tạo ra những kết quả có thể nhậnbiết đối với y như là tùy thuộc vào hoạt động của y theo một đường lối nhất định**.

423. Though individual man is helpless to alter the course of great causes arising from great systemic and cosmic sources, he does, at least, have some control over his individual destiny.

423. Dù cá nhân con người bất lực trong việc thay đổi tiến trình của những nguyên nhân lớn phát sinh từ các nguồn hệ thống và vũ trụ lớn lao, ít nhất y vẫn có một mức độ kiểm soát nào đó đối với số phận cá nhân của mình.

424. When dealing with karma, we are always dealing with the principle of limitation and the energy and force of the planet which sets limits—Saturn.

424. Khi bàn đến nghiệp quả, chúng ta luôn luôn đang bàn đến nguyên khí của sự giới hạn và năng lượng cùng mãnh lực của hành tinh đặt ra các giới hạn—Sao Thổ.

425. It is important for the human being to develop a balanced attitude, recognizing those conditions and circumstances over which he has no possible control and those over which he may exert a degree of control.

425. Điều quan trọng đối với con người là phát triển một thái độ quân bình, nhận ra những điều kiện và hoàn cảnh mà y hoàn toàn không thể kiểm soát, và những điều mà y có thể thực hiện một mức độ kiểm soát nào đó.

426. To say this reminds one of the Serenity Prayer of St. Francis, who, according to reasonable astrological hypothesis was a Libran—perhaps the major sign of karma and one in which the planet Saturn has unique potency.

426. Nói điều này khiến người ta nhớ đến Lời Cầu Nguyện về sự Tĩnh Lặng của Thánh Francis, người mà theo giả thuyết chiêm tinh hợp lý là một người Thiên Bình—có lẽ là dấu hiệu hoàng đạo chính yếu của nghiệp quả và là một dấu hiệu trong đó hành tinh Sao Thổ có uy lực độc đáo.

He does, on a miniature scale, repeat the procedure of the Logos on a vaster scale, and

Y quả thực, trên một quy mô thu nhỏ, lặp lại tiến trình của Thượng đế trên một quy mô

thus is the arbiter of his own destiny, the producer of his own drama, the architect of his own home, and the initiator of his own affairs.

rộng lớn hơn, và do đó là người phân xử số phận của chính mình, người tạo ra vở kịch của chính mình, kiến trúc sư của chính ngôi nhà mình, và người khởi xướng những công việc của chính mình.

427. DK discusses the control which man may exert upon his own destiny in a variety of ways. Let us tabulate them for impact: Within limits, man is—

427. Chân sư DK bàn về sự kiểm soát mà con người có thể thực hiện đối với số phận của chính mình theo nhiều cách khác nhau. Chúng ta hãy lập bảng để tạo ấn tượng: Trong những giới hạn nhất định, con người là—

a. The arbiter of his own destiny

a. Người phân xử số phận của chính mình

b. The producer of his own drama. Is he the author and director as well?

b. Người tạo ra vở kịch của chính mình. Y có phải là tác giả và đạo diễn nữa không?

c. The architect of his own home. 'You built your house. Now live in it.' 'You made your own bed. No lie in it.'

c. Kiến trúc sư của chính ngôi nhà mình. 'Bạn đã xây ngôi nhà của mình. Giờ hãy sống trong đó.' 'Bạn đã tự dọn giường cho mình. Giờ hãy nằm trên đó.'

d. The initiator of his own affairs.

d. Người khởi xướng những công việc của chính mình.

428. We gather from what is said that, as human beings, we are both controlling and controlled and that we must understand the balance between these two conditions.

428. Từ những gì được nói ra, chúng ta hiểu rằng, với tư cách những con người, chúng ta vừa kiểm soát vừa bị kiểm soát, và rằng chúng ta phải hiểu sự quân bình giữa hai điều kiện này.

429. It would behoove us to make lists of those conditions and circumstances over which we seem to have a degree of control and those over which we have none.

429. Chúng ta nên lập danh sách những điều kiện và hoàn cảnh mà dường như chúng ta có một mức độ kiểm soát nào đó, và những điều mà chúng ta không có chút nào.

Though he may be the meeting place of forces outside his control, yet he can utilize force, circumstance and environment and can turn them, if he so will, to his own ends.

Dù y có thể là nơi gặp gỡ của những mãnh lực nằm ngoài sự kiểm soát của mình, nhưng y vẫn có thể sử dụng mãnh lực, hoàn cảnh và môitrường, và có thể xoay chuyển

chúng, nếu y muốn, theo những mục đích riêng của mình.

430. We are reminded of the sailor who must sail into the wind. If he knows what he is doing, he may utilize this counterforce to his advantage, thus propelling his craft forward.

430. Điều này nhắc chúng ta nhớ đến người thủy thủ phải chèo thuyền ngược gió. Nếu biết mình đang làm gì, ông có thể sử dụng phản lực này để có lợi cho mình, nhờ đó đẩy con thuyền tiến lên phía trước.

431. Thus, even if man cannot stem the forces which will impact him, he can, to a degree, utilize such forces in a constructive manner. In his own little sphere, he can turn evil into good, and adversity into advantage.

431. Như vậy, ngay cả nếu con người không thể ngăn chặn những mãnh lực sẽ tác động đến mình, y vẫn có thể, ở một mức độ nào đó, sử dụng những mãnh lực ấy theo cách xây dựng. Trong khối cầu nhỏ bé của riêng mình, y có thể biến điều ác thành điều thiện, và nghịch cảnh thành lợi thế.

The working out of karmic law in a man's own life might be broadly divided into three divisions, in each of which a different type of energy is demonstrating, producing effects upon the lower and higher bodies of a definite nature.

Sự vận hành của định luật nghiệp quả trong đời sống riêng của một người có thể được chia rộng ra thành ba phần, trong mỗi phần một loại năng lượng khác nhau đang biểu lộ, tạo ra những kết quả có bản chất xác định trên các thể thấp và cao.

432. In this entire commentary we have been dealing with karma and its working out.

432. Trong toàn bộ phần bình luận này, chúng ta đã bàn đến nghiệp quả và sự vận hành của nó.

433. DK seeks to help us structure our thought process in relation to this subject.

433. Chân sư DK tìm cách giúp chúng ta cấu trúc tiến trình tư tưởng của mình liên hệ đến chủ đề này.

434. Now we are to consider three divisions applicable to the working out of karmic law in a man's life.

434. Giờ đây chúng ta sẽ xem xét ba phần áp dụng cho sự vận hành của định luật nghiệp quả trong đời sống của một người.

435. Division One:

435. Phần Một:

In the very early stages, when man is scarcely more than an animal,

436. This is the stage of individualized "animal-man".

the vibratory activity of the atoms of his three sheaths (and of the lowest primarily)

437. The physical body, primarily…

governs all actions on his part.

438. Man is entirely governed by his lunar nature and, especially, by the lowest of the four elementals—the physical elemental.

He is the victim of the vibratory activity of physical substance, and much that occurs is the [Page 805] **consequence of the interaction between the Ego and its lowest manifestation, the physical sheath**.

439. Though the stage is primitive, the Ego nevertheless interacts with the man's life in the three worlds.

440. The attention of the Ego on its own plane (such attention as there is) is directed to the physical vehicle.

441. We note that the man is considered a "victim". He has very little or no control over his physical substance. He is not self-directing.

Trong những giai đoạn rất sớm, khi con người hầu như chưa hơn gì một con vật,

436. Đây là giai đoạn của "người thú" đã được biệt ngã hóa.

hoạt động rung động của các nguyên tử trong ba thể của y (và chủ yếu là thể thấp nhất)

437. Chủ yếu là thể xác…

chi phối mọi hành động của y.

438. Con người hoàn toàn bị chi phối bởi bản chất nguyệt của mình và đặc biệt bởi hành khí thấp nhất trong bốn hành khí—tinh linh thể xác.

Y là nạn nhân của hoạt động rung động của chất liệu hồng trần, và phần lớn những gì xảy ra là [Page 805] **hệ quả của sự tương tác giữa Chân ngã và biểu hiện thấp nhất của nó, thể xác**.

439. Dù giai đoạn này còn nguyên sơ, Chân ngã vẫn tương tác với đời sống của con người trong ba cõi giới.

440. Sự chú ý của Chân ngã trên cõi riêng của nó (chừng nào còn có sự chú ý ấy) được hướng về vận cụ hồng trần.

441. Chúng ta lưu ý rằng con người được xem là một "nạn nhân". Y có rất ít hoặc không có sự kiểm soát nào đối với chất liệu hồng trần của mình. Y không tự định hướng được.

The centre of attention is the physical body and only faintly are the two subtler bodies responding.

Trung tâm của sự chú ý là thể xác và chỉ một cách mờ nhạt hai thể vi tế hơn mới đang đáp ứng.

442. The period of development indicated is principally that of the organizing and unfoldment of the first petal of the egoic lotus. The focus is definitely within the first tier of petals. The man is engaged in work within the Hall of Ignorance.

442. Thời kỳ phát triển được chỉ ra chủ yếu là thời kỳ tổ chức và khai mở cánh hoa thứ nhất của Hoa Sen Chân Ngã. Trọng điểm rõ rệt nằm trong tầng cánh hoa thứ nhất. Con người đang dấn thân vào công việc trong Phòng Vô Minh.

443. There is response from the astral body and mental body while within the Hall of Ignorance, but the astral and mental natures are not fully developed until subsequent tiers are unfolded.

443. Có sự đáp ứng từ thể cảm dục và thể trí khi còn ở trong Phòng Vô Minh, nhưng bản chất cảm dục và trí tuệ chưa phát triển đầy đủ cho đến khi các tầng tiếp theo được khai mở.

The egoic impulse is slow and heavy,

Xung lực chân ngã chậm chạp và nặng nề,

444. This means that the Ego is only rarely attending to the outer personality and that its impacts are not aimed at producing delicacy of response but only in establishing basic, necessitous conditions.

444. Điều này có nghĩa là Chân ngã chỉ hiếm khi chú ý đến phàm ngã bên ngoài và các tác động của nó không nhằm tạo ra sự tinh tế trong đáp ứng mà chỉ nhằm thiết lập những điều kiện căn bản và cần thiết.

and the vibration is directed to producing response between the egoic consciousness and the atoms of the physical body.

và rung động được hướng đến việc tạo ra sự đáp ứng giữa tâm thức chân ngã và các nguyên tử của thể xác.

445. The Ego is not attempting to influence or refine the astral and mental bodies. Its work is concentrated upon rendering the physical body increasingly responsive (albeit crudely responsive) to egoic impulses.

445. Chân ngã không tìm cách ảnh hưởng hay tinh luyện thể cảm dục và thể trí. Công việc của nó tập trung vào việc làm cho thể xác ngày càng đáp ứng hơn (dù là đáp ứng một cách thô sơ) với các xung lực chân ngã.

The physical permanent atom is more active than the other two.

Nguyên tử trường tồn hồng trần hoạt động mạnh hơn hai nguyên tử kia.

446. This is the case throughout development in the first tier of petals, and, in fact, even until the sixth petal is unfolded, at which time the astral permanent atom is

446. Điều này đúng trong suốt quá trình phát triển ở tầng cánh hoa thứ nhất, và thật ra còn kéo dài cho đến khi cánh hoa thứ sáu được khai mở; lúc ấy nguyên tử trường tồn

equally vibrant as the physical permanent atom.

cảm dục rung động ngang bằng với nguyên tử trường tồn hồng trần.

It is the aspect of "fire by friction" which is **fanned by the egoic breath,** with a triple object in view:

Đó là phương diện của "Lửa ma sát" được **quạt lên bởi hơi thở chân ngã,** với ba mục tiêu được nhắm đến:

447. We note the interesting term “egoic breath” connoting the outgoing influence of the Ego upon the lower sheaths.

447. Chúng ta lưu ý thuật ngữ thú vị “hơi thở chân ngã”, hàm ý ảnh hưởng hướng ngoại của Chân ngã lên các thể thấp.

448. The term “fanned” is also used. We recall the “fanning of the spark of mind” for which the Solar Angel is responsible.

448. Thuật ngữ “quạt lên” cũng được dùng. Chúng ta nhớ đến việc “quạt lên tia lửa của trí tuệ” mà Thái dương Thiên Thần chịu trách nhiệm.

449. We can conclude that the *fanning* which occurs in those early days occurs through the emanation of the egoic breath (or, perhaps we could call it the ‘Breath of the Solar Angel’). In this context, *egoic breathing is fanning.*

449. Chúng ta có thể kết luận rằng sự *quạt lên* xảy ra trong những ngày đầu ấy diễn ra qua sự phát xạ của hơi thở chân ngã (hay có lẽ chúng ta có thể gọi đó là ‘Hơi Thở của Thái dương Thiên Thần’). Trong bối cảnh này, *hơi thở chân ngã là sự quạt lên.*

450. We must remember that fire by friction is not only *physical,* but is an aspect of energy found within the astral body and lower mental body as well.

450. Chúng ta phải nhớ rằng Lửa ma sát không chỉ là *hồng trần,* mà còn là một phương diện của năng lượng được tìm thấy trong thể cảm dục và thể hạ trí nữa.

451. In the early days of the working out of karmic law, the Ego seeks to achieve three results.

451. Trong những ngày đầu của sự vận hành định luật nghiệp quả, Chân ngã tìm cách đạt được ba kết quả.

a. Co-ordinating the physical body.

a. Phối hợp thể xác.

452. The physical body of early man was, we are told, ill-coordinated. One of the first necessities was the coordination of the physical body with the etheric body. Success with respect to this coordination was the mark of an early form of initiation.

452. Thể xác của con người thời kỳ đầu, như chúng ta được cho biết, là thiếu phối hợp. Một trong những nhu cầu đầu tiên là sự phối hợp thể xác với thể dĩ thái. Thành công đối với sự phối hợp này là dấu hiệu của một hình thức điểm đạo sơ kỳ.

b. Increasing the resistance of the etheric web, a work which was only carried to the desired point by the middle of the Atlantean root-race.

453. We see that millions of years were required to strengthen the resistance of the etheric web.

454. If the etheric web was not sufficiently resistant, may we conclude that man was very passive to influences reaching him via the astral plane. Such a condition may well have furthered the psychism for which the Atlanteans were renowned.

455. May the sufficient strengthening of the etheric web have coincided with that period of man's development when his mental apparatus was growing in strength. We have read that in the middle of the Atlantean rootrace, the foremost members of the human race were becoming increasingly mentally focussed.

c. Bringing certain of the lower centres to the necessary stage of expression.

456. Why does DK not specify *which* centers? He may mean the base of the spine center, the sacral center and the solar plexus center, but He may also be including the spleen. There are other, lesser and more ancient centers which it would not be the goal of early man to cultivate but, rather, to see subdued.

The heat of the atoms in the bodies is increased during this stage, and their atomic life co-ordinated, while the triangle between

b. Gia tăng sức kháng cự của màng dĩ thái, một công việc chỉ được đưa đến mức mong muốn vào khoảng giữa giống dân gốc Atlantis.

453. Chúng ta thấy rằng cần đến hàng triệu năm để tăng cường sức kháng cự của màng dĩ thái.

454. Nếu màng dĩ thái không đủ sức kháng cự, liệu chúng ta có thể kết luận rằng con người đã rất thụ động trước những ảnh hưởng đến với mình qua cõi cảm dục không? Một điều kiện như thế rất có thể đã thúc đẩy tính thông linh mà người Atlantis nổi tiếng.

455. Liệu việc tăng cường đầy đủ màng dĩ thái có trùng hợp với thời kỳ phát triển của con người khi bộ máy trí tuệ của y đang tăng trưởng sức mạnh không? Chúng ta đã đọc rằng vào giữa giống dân gốc Atlantis, những thành viên tiên tiến nhất của nhân loại ngày càng trở nên tập trung trí tuệ hơn.

c. Đưa một số trung tâm thấp đến giai đoạn biểu lộ cần thiết.

456. Tại sao Chân sư DK không chỉ rõ là những trung tâm *nào*? Ngài có thể muốn nói đến trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng và trung tâm tùng thái dương, nhưng Ngài cũng có thể bao gồm cả luân xa lá lách. Còn có những trung tâm khác, nhỏ hơn và cổ xưa hơn, mà mục tiêu của con người thời kỳ đầu không phải là vun bồi, mà đúng hơn là thấy chúng bị chế ngự.

Nhiệt của các nguyên tử trong các thể được gia tăng trong giai đoạn này, và sự sống nguyên tử của chúng được phối hợp, trong khi tam giác giữa ba nguyên tử trường tồn trở thành một sự kiện có thể chứng minh

the three permanent atoms becomes a demonstrable fact and not a faint indication.

457. Three more effects are found during this first phase of the outworking of karmic law:

a. The heat of the atoms in the three bodies in increased.

b. The atomic life of these atoms is coordinated

c. The three permanent atoms are related in triangular formation. The triangle, however, is still weak, and will not be strong until the phase of initiation is reached.

458. Thus, six developments in all occur during this first period of karmic expression:

a. The physical body is coordinated

b. The resistance of the etheric web is increased

c. Certain of the lower centers are brought to a necessary level of expression

d. The heat of the atoms in the three bodies is increased.

e. The atomic life of these atoms is coordinated

d. The three permanent atoms are related in triangular formation

459. We are reminded that in each of these three phases, the law of karma or of karmic influence is seeking to effect certain ends

được chứ không còn là một dấu hiệu mờ nhạt..

457. Ba hiệu quả nữa được tìm thấy trong giai đoạn đầu tiên này của sự vận hành định luật nghiệp quả:

a. Nhiệt của các nguyên tử trong ba thể được gia tăng.

b. Sự sống nguyên tử của các nguyên tử này được phối hợp

c. Ba nguyên tử trường tồn được liên hệ trong sự hình thành tam giác. Tuy nhiên, tam giác này vẫn còn yếu, và sẽ không mạnh cho đến khi đạt đến giai đoạn điểm đạo.

458. Như vậy, tổng cộng có sáu sự phát triển xảy ra trong thời kỳ đầu tiên này của sự biểu lộ nghiệp quả:

a. Thể xác được phối hợp

b. Sức kháng cự của màng dĩ thái được gia tăng

c. Một số trung tâm thấp được đưa đến mức biểu lộ cần thiết

d. Nhiệt của các nguyên tử trong ba thể được gia tăng.

e. Sự sống nguyên tử của các nguyên tử này được phối hợp

d. Ba nguyên tử trường tồn được liên hệ trong sự hình thành tam giác

459. Chúng ta được nhắc rằng trong mỗi một trong ba giai đoạn này, định luật nghiệp quả hay ảnh hưởng nghiệp quả đang tìm

within the vehicles of man in the lower three worlds.

460. Division Two:

During the second stage, the law of karma or karmic influence (through the inevitable reflex action produced by the increased activity of the sheaths) **turns its attention to the working out of desire, and its transmutation into the higher aspiration**.

461. When the outworking with respect to the physical body has been sufficiently accomplished, a reflex action turns the direction and application of the law of karmic influence towards the astral body. The goal is the "working out of desire and its transmutation into the higher aspiration".

462. We may judge that the major focus of egoic attention is the love petals (for the astral plane).

Through experience, the pairs of opposites are recognised by the Thinker, and he becomes no longer the victim of the vibratory impulses of his physical body;

463. We may recall that the recognition of the pairs of opposites is particularly associated with the development and unfoldment of the fourth petal.

1. The Petal of Knowledge, for the astral plane; unfoldment is brought about by the conscious balancing of the pairs of opposites, and the gradual utilisation of the Law of Attraction and Repulsion. (TCF 540)

464. The astral plane is particularly that dimension in the life of man which presents

cách thực hiện những mục đích nhất định trong các vận cụ của con người ở ba cõi thấp.

460. Phần Hai:

Trong giai đoạn thứ hai, định luật nghiệp quả hay ảnh hưởng nghiệp quả (qua phản ứng phản hồi tất yếu do hoạt động gia tăng của các thể tạo ra) **chuyển sự chú ý của nó sang sự vận hành của dục vọng, và sự chuyển hoá của nó thành khát vọng cao hơn**.

461. Khi sự vận hành liên quan đến thể xác đã được hoàn thành đầy đủ, một phản ứng phản hồi sẽ chuyển hướng và sự áp dụng của định luật ảnh hưởng nghiệp quả về phía thể cảm dục. Mục tiêu là "sự vận hành của dục vọng và sự chuyển hoá của nó thành khát vọng cao hơn".

462. Chúng ta có thể phán đoán rằng trọng tâm chính của sự chú ý chân ngã là các cánh hoa bác ái (đối với cõi cảm dục).

Qua kinh nghiệm, các cặp đối đãi được nhận ra bởi Kẻ Tư Tưởng, và y không còn là nạn nhân của các xung lực rung động của thể xác nữa;

463. Chúng ta có thể nhớ rằng sự nhận ra các cặp đối đãi đặc biệt gắn liền với sự phát triển và khai mở cánh hoa thứ tư.

1. Cánh hoa tri thức, đối với cõi cảm dục; sự khai mở được mang lại bởi sự quân bình có ý thức các cặp đối đãi, và sự sử dụng dần dần Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. (TCF 540)

464. Cõi cảm dục đặc biệt là chiều kích trong đời sống con người trình bày thách thức của

the challenge of duality, and this even though it is the only *unitary body* of the three personality vehicles.

nhị nguyên tính, dù rằng nó là *thể duy nhất* trong ba vận cụ phàm ngã.

the factor of intelligent choice becomes apparent.

yếu tố của sự lựa chọn thông minh trở nên hiển nhiên.

465. We will naturally find the presence of Libra, Saturn and the third ray.

465. Chúng ta tự nhiên sẽ thấy sự hiện diện của Thiên Bình, Sao Thổ và cung ba.

466. Man is no longer ignorant. He understands that there are a higher and lower pair of opposites and that he has the choice regarding which of these he will emphasize.

466. Con người không còn vô minh nữa. Y hiểu rằng có một cặp đối đãi cao và thấp, và rằng y có sự lựa chọn về việc mình sẽ nhấn mạnh bên nào.

467. His first work is with horizontal pairs of opposites. Later he becomes aware of the vertical pair of opposites—soul and personality.

467. Công việc đầu tiên của y là với các cặp đối đãi theo chiều ngang. Về sau y nhận biết cặp đối đãi theo chiều dọc—linh hồn và phàm ngã.

The man begins to discriminate between the pairs of opposites, choosing ever in the early stages that which appeals most to his lower nature and that which he believes will bring him pleasure.

Con người bắt đầu phân biện giữa các cặp đối đãi, trong những giai đoạn đầu luôn chọn điều hấp dẫn nhất đối với bản chất thấp của mình và điều mà y tin sẽ đem lại khoái lạc cho mình.

468. Man is confronted with the choice between pleasure and responsibility (which leads ever to the soul).

468. Con người đối diện với sự lựa chọn giữa khoái lạc và trách nhiệm (điều luôn dẫn đến linh hồn).

469. DK emphasizes the thought that, in the beginning, man almost always fails to choose aright. He has not yet learned through bitter experience, to do otherwise.

469. Chân sư DK nhấn mạnh ý tưởng rằng, lúc ban đầu, con người hầu như luôn luôn không chọn đúng. Y chưa học được qua kinh nghiệm cay đắng để làm khác đi.

The centre of the attention of the Ego is the astral body,

Trung tâm chú ý của Chân ngã là thể cảm dục,

470. We note that the Ego (in this instance the Solar Angel as the Divine Supervisor) will concentrate progressively upon the

470. Chúng ta lưu ý rằng Chân ngã (trong trường hợp này là Thái dương Thiên Thần với tư cách Đấng Giám Sát thiêng liêng) sẽ

different vehicles in ascending order. Now the solar angelic attention is focussed on the astral body.

dần dần tập trung vào các vận cụ khác nhau theo thứ tự đi lên. Giờ đây sự chú ý của thiên thần thái dương được tập trung vào thể cảm dục.

and it becomes so closely co-ordinated with the physical body that the two form one united expression of desire.

và nó trở nên được phối hợp chặt chẽ với thể xác đến nỗi cả hai tạo thành một biểu hiện hợp nhất của dục vọng.

471. We witness the close coordination of the etheric-physical body and the astral body. This is completed in fulness when the sixth petal is opened, but that lies relatively far ahead of this stage.

471. Chúng ta chứng kiến sự phối hợp chặt chẽ của thể dĩ thái-hồng trần và thể cảm dục. Điều này được hoàn tất trọn vẹn khi cánh hoa thứ sáu mở ra, nhưng điều đó còn ở khá xa phía trước giai đoạn này.

472. At the stage under discussion, the physical body serves the behests of the astral body. The physical nature becomes the immediate servant of desire. Mind, however, slowly enters and provides the necessary "checks and balances". Mind becomes the instrument of conscious choice.

472. Ở giai đoạn đang được bàn đến, thể xác phục vụ các đòi hỏi của thể cảm dục. Bản chất hồng trần trở thành người phục vụ trực tiếp của dục vọng. Tuy nhiên, trí tuệ chậm rãi đi vào và cung cấp những "kiểm soát và cân bằng" cần thiết. Trí tuệ trở thành công cụ của sự lựa chọn có ý thức.

The mental body [Page 806] remains comparatively inactive at this stage.

Thể trí [Page 806] vẫn còn tương đối bất hoạt ở giai đoạn này.

473. Yet, we have been told that the man is confronted with choice between the pairs of opposites, and this must be a growing tendency, even if, in the beginning, the outcome is a foregone conclusion.

473. Tuy nhiên, chúng ta đã được cho biết rằng con người đối diện với sự lựa chọn giữa các cặp đối đãi, và đây hẳn phải là một khuynh hướng đang tăng trưởng, dù rằng lúc ban đầu kết quả gần như đã được định sẵn.

The love nature of the Ego is in process of being developed, and this stage is the longest of the three.

Bản chất bác ái của Chân ngã đang trong tiến trình được phát triển, và đây là giai đoạn dài nhất trong ba giai đoạn.

474. We live within a *love* solar system and upon a planet which, under its second ray soul, will be expressive of love.

474. Chúng ta sống trong một hệ mặt trời *bác ái* và trên một hành tinh mà, dưới cung linh hồn cung hai của nó, sẽ biểu lộ bác ái.

475. The love nature of the Ego begins its development even in the second petal (and

475. Bản chất bác ái của Chân ngã bắt đầu phát triển ngay từ cánh hoa thứ hai (và

in the Hall of Ignorance) and continues through the development of the sixth petal (the last of the petals of love for the astral plane). In fact the love nature continues to grow through the opening of all twelve petals.

trong Phòng Vô Minh) và tiếp tục qua sự phát triển của cánh hoa thứ sáu (cánh hoa cuối cùng trong các cánh hoa bác ái đối với cõi cảm dục). Thật ra, bản chất bác ái tiếp tục tăng trưởng qua sự mở ra của cả mười hai cánh hoa.

It deals with the evolution of the petals of the egoic lotus, and with the blending of solar fire and of fire by friction.

Nó liên quan đến sự tiến hoá của các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã, và với sự hòa trộn của Lửa Thái dương và Lửa ma sát.

476. To a certain extent, *all* the petals of the egoic lotus relate to the love nature, just as the three permanent atoms (i.e., the atomic triangle) relate to the intelligence aspect and the Jewel in the Lotus to the will aspect.

476. Ở một mức độ nào đó, *mọi* cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã đều liên hệ đến bản chất bác ái, cũng như ba nguyên tử trường tồn (tức tam giác nguyên tử) liên hệ đến phương diện trí tuệ và Bảo Châu trong Hoa Sen liên hệ đến phương diện ý chí.

477. With the unfolding of the second tier of petals, solar fire is blended with fire by friction, but this blending continues throughout the unfoldment of the sacrifice petals during which the process of initiation commands the attention of the human being. Even between the third and fourth initiation, when the synthesizing planets are opening completely, the quality of love continues to grow.

477. Với sự khai mở tầng cánh hoa thứ hai, Lửa Thái dương được hòa trộn với Lửa ma sát, nhưng sự hòa trộn này tiếp tục suốt sự khai mở các cánh hoa hi sinh, trong thời gian đó tiến trình điểm đạo thu hút sự chú ý của con người. Ngay cả giữa lần điểm đạo thứ ba và lần điểm đạo thứ tư, khi các hành tinh tổng hợp đang mở ra hoàn toàn, phẩm tính bác ái vẫn tiếp tục tăng trưởng.

Reflex action between the lower and the higher during this middle period produces three effects, which will be seen, if carefully studied to convey much information anent the working out of the law of Karma.

Phản ứng phản hồi giữa cái thấp và cái cao trong thời kỳ giữa này tạo ra ba hiệu quả, mà nếu được nghiên cứu cẩn thận, sẽ thấy là chuyển tải nhiều thông tin liên quan đến sự vận hành của định luật nghiệp quả.

478. During this second phase, man is far more conscious of karmic law and of the manner in which the quality of his choices determine the effects which he experiences as karmic repercussion or beneficence.

478. Trong giai đoạn thứ hai này, con người ý thức nhiều hơn về định luật nghiệp quả và về cách phẩm tính của những lựa chọn của mình quyết định các kết quả mà y trải nghiệm như sự dội lại nghiệp quả hay ân phúc.

479. During this stage man becomes increasingly aware of being torn between the pairs of opposites. He also recognizes that he need not be helplessly torn, but, upon the Battlefield of Kurukshetra, may throw his will upon the side of the soul and of spiritual values.

479. Trong giai đoạn này con người ngày càng ý thức hơn về việc bị giằng xé giữa các cặp đối đãi. Y cũng nhận ra rằng mình không nhất thiết phải bị giằng xé một cách bất lực, mà trên Chiến Trường Kurukshetra, có thể đặt ý chí của mình về phía linh hồn và các giá trị tinh thần.

These three effects are:

Ba hiệu quả này là:

1. The development of the astral permanent atom with a concurrent stimulation of the physical permanent atom, and thus the growth and evolution of the two sheaths concerned.

1. Sự phát triển của nguyên tử trường tồn cảm dục cùng với sự kích thích đồng thời của nguyên tử trường tồn hồng trần, và do đó là sự tăng trưởng và tiến hoá của hai thể liên quan.

480. In this second phase of the expression of karmic law, both the astral permanent atom and physical permanent atom are stimulated.

480. Trong giai đoạn thứ hai này của sự biểu lộ định luật nghiệp quả, cả nguyên tử trường tồn cảm dục lẫn nguyên tử trường tồn hồng trần đều được kích thích.

481. The astral permanent atom is stimulated to the fullest extent by the time the second tier is fully opened.

481. Nguyên tử trường tồn cảm dục được kích thích đến mức tối đa vào lúc tầng thứ hai được mở ra hoàn toàn.

2. The co-ordination of the threefold man through the innate vitality of the astral body and its effect upon the mental and the physical.

2. Sự phối hợp của con người tam phân qua sinh lực bẩm sinh của thể cảm dục và ảnh hưởng của nó lên thể trí và thể xác.

482. The first stages of personality integration are reached.

482. Những giai đoạn đầu của sự tích hợp phàm ngã đã đạt tới.

483. We note that the astral body has an effect *both* upon the physical body and mental body. The physical body is compelled by desire and the mental body is stimulated by focused desire and then aspiration.

483. Chúng ta lưu ý rằng thể cảm dục có ảnh hưởng *cả* lên thể xác lẫn thể trí. Thể xác bị dục vọng cưỡng bách và thể trí được kích thích bởi dục vọng tập trung rồi đến khát vọng.

484. In our study of the petals we noticed that a high stage of personality integration

484. Trong nghiên cứu của chúng ta về các cánh hoa, chúng ta nhận thấy rằng một giai đoạn cao của sự tích hợp phàm ngã đã đạt

was reached with the development of the fifth petal.

được với sự phát triển của cánh hoa thứ năm.

This is the kama-manasic period,

Đây là thời kỳ trí-cảm,

485. Thus it is ruled by Venus, just as the first period was ruled by Mars.

485. Vì vậy nó được cai quản bởi Sao Kim, cũng như thời kỳ thứ nhất được cai quản bởi Sao Hỏa.

and as this body is the only complete sphere in the threefold lower man,

và vì thể này là khối cầu hoàn chỉnh duy nhất trong phàm nhân tam phân,

486. The physical body and mental body are, we realize, divided into physical and etheric sections and into lower and higher mental sections.

486. Chúng ta nhận ra rằng thể xác và thể trí được phân chia thành các phần hồng trần và dĩ thái, và thành các phần hạ trí và thượng trí.

it is the most powerful body inherently for it embodies (as does the solar system) the heart aspect, or embryonic love nature,

nên tự thân nó là thể mạnh nhất vì nó thể hiện (cũng như hệ mặt trời) phương diện tim, hay bản chất bác ái phôi thai,

487. The soul nature is reflected in the astral body as the personality is in the physical body and the Monad in the mental body.

487. Bản chất linh hồn được phản chiếu trong thể cảm dục cũng như phàm ngã được phản chiếu trong thể xác và chân thần trong thể trí.

which it is the object of macrocosmic and microcosmic evolution to develop.

mà đó là mục tiêu của tiến hoá đại thiên địa và tiểu thiên địa nhằm phát triển.

488. Generically, the astral body is most attuned with the quality which the Planetary Logos seeks to develop upon the planet and which the Solar Logos seeks to express throughout His solar system—the quality of Love.

488. Nói chung, thể cảm dục hòa điệu nhất với phẩm tính mà Hành Tinh Thượng Đế tìm cách phát triển trên hành tinh và mà Thái dương Thượng đế tìm cách biểu lộ khắp hệ mặt trời của Ngài—phẩm tính Bác ái.

3. Finally the unfoldment of the nine egoic petals in three stages.

3. Sau cùng là sự khai mở của chín cánh hoa chân ngã trong ba giai đoạn.

489. The second division of karmic expression includes, it seems, the

489. Phân bộ thứ hai của sự biểu lộ nghiệp quả dường như bao gồm sự phát triển của

development of the nine petals of the egoic lotus, and thus leads to the third initiation.

490. This second division or phase is, we see, not a *strictly* emotional phase, as during the stage of the unfoldment of the sacrifice petals, initiation is pursued and the mental nature is brought to a high stage of development.

491. Yet from a higher perspective, this phase may still be called "kama-manas", and that stage may end only with the fourth initiation, when the causal body (under Venus, the planet of kama-manas) disappears.

In the working out of the law we must therefore note that man is **first of all the victim of the impulses** of dense substance or of the brahma aspect, and thus repeats rapidly the evolutionary process of the preceding solar system; in the second stage he is the **victim** of desire, or of his own love nature.

492. In both phases thus far under discussion, the man if the *victim* of impulses he cannot control.

493. In the Hall of Ignorance the man recapitulates the development pursued during the previous solar system (and for some, upon the Moon-chain).

494. In the second phase of the working out of karmic law, the man is the victim of his desire nature, a reflection of his love nature.

495. Shall we say that this is the case even as the last tier of petals is being unfolded? Until the will aspect comes strongly into

chín cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã, và do đó dẫn đến lần điểm đạo thứ ba.

490. Phân bộ hay giai đoạn thứ hai này, như chúng ta thấy, không phải là một giai đoạn *hoàn toàn* cảm xúc, vì trong giai đoạn khai mở các cánh hoa hi sinh, điểm đạo được theo đuổi và bản chất trí tuệ được đưa đến một giai đoạn phát triển cao.

491. Tuy nhiên, từ một viễn tượng cao hơn, giai đoạn này vẫn có thể được gọi là "trí-cảm", và giai đoạn ấy có thể chỉ chấm dứt với lần điểm đạo thứ tư, khi thể nguyên nhân (dưới Sao Kim, hành tinh của trí-cảm) biến mất.

Trong sự vận hành của định luật vì vậy chúng ta phải lưu ý rằng con người trước hết là **nạn nhân của các xung lực** của chất liệu đậm đặc hay của phương diện brahma, và do đó nhanh chóng lặp lại tiến trình tiến hoá của hệ mặt trời trước; trong giai đoạn thứ hai, y là **nạn nhân** của dục vọng, hay của chính bản chất bác ái của mình.

492. Trong cả hai giai đoạn được bàn đến cho đến nay, con người là *nạn nhân* của những xung lực mà y không thể kiểm soát.

493. Trong Phòng Vô Minh, con người lặp lại tóm tắt sự phát triển đã được theo đuổi trong hệ mặt trời trước (và đối với một số người, trên Dãy Mặt Trăng).

494. Trong giai đoạn thứ hai của sự vận hành của định luật nghiệp quả, con người là nạn nhân của bản chất dục vọng của mình, một phản ảnh của bản chất bác ái của mình.

495. Chúng ta có nên nói rằng điều này vẫn đúng ngay cả khi tầng cánh hoa cuối cùng đang được khai mở chăng? Cho đến khi

prominence, it is, indeed, the case, even though during the development of the sacrifice tier, the man is developing a high mentality and responsiveness to the soul.

phương diện ý chí nổi bật mạnh mẽ, quả thật vẫn là như vậy, dù rằng trong khi phát triển tầng hi sinh, con người đang phát triển một trí tuệ cao và khả năng đáp ứng với linh hồn.

496. Division Three:

496. Phân bộ Ba:

In the third stage, the law of karma works through a man's mental nature, and **awakens in him recognition of the law, and an intellectual apprehension of cause and of effect**.

Trong giai đoạn thứ ba, định luật nghiệp quả vận hành qua bản chất trí tuệ của một người, và **đánh thức trong y sự nhận biết về định luật, và một sự nắm bắt bằng trí tuệ về nguyên nhân và kết quả**.

497. To a certain extent, this stage of development is occurring during the development of the final tier of petals, the sacrifice tier, yet there may be sufficient mentality even during the development of the second tier for a useful apprehension of cause and of effect to occur.

497. Ở một mức độ nào đó, giai đoạn phát triển này diễn ra trong khi tầng cánh hoa cuối cùng, tầng hi sinh, đang phát triển, tuy nhiên có thể có đủ trí tuệ ngay cả trong khi tầng thứ hai đang phát triển để một sự nắm bắt hữu ích về nguyên nhân và kết quả xuất hiện.

498. The man is becoming responsive to a higher will than his personal will, and is able to restrain both his desire and aspiration by conscious, intellectual realization reinforced by the power of spiritual will.

498. Con người đang trở nên đáp ứng với một ý chí cao hơn ý chí cá nhân của mình, và có thể kiềm chế cả dục vọng lẫn khát vọng của mình bằng sự chứng nghiệm trí tuệ có ý thức, được tăng cường bởi quyền năng của ý chí tinh thần.

This is the shortest stage but is also the most powerful; **it concerns the evolution of the three inner [Page 807] petals shielding the "jewel,"**

Đây là giai đoạn ngắn nhất nhưng cũng là giai đoạn mạnh mẽ nhất; **nó liên quan đến sự tiến hoá của ba cánh hoa bên trong [Page 807] che chở "viên ngọc",**

499. If the second phase in the working out of karma leads to the unfoldment of all nine petals of the egoic lotus, then the final stage (concerned with the evolution of the three synthesis petals shielding the Jewel in the Lotus) must necessarily occur from the period of the third initiation until the fourth. At least this will be the focal period for stage three.

499. Nếu giai đoạn thứ hai trong sự vận hành của nghiệp quả dẫn đến sự khai mở của cả chín cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã, thì giai đoạn cuối cùng (liên quan đến sự tiến hoá của ba cánh hoa tổng hợp che chở Viên Ngọc trong Hoa Sen) tất yếu phải diễn ra từ thời kỳ lần điểm đạo thứ ba cho đến lần điểm đạo thứ tư. Ít nhất đây sẽ là thời kỳ trọng tâm của giai đoạn ba.

500. This is the period of *true* mental polarization during which the man can actually *spiritually* discern causes and their effects—karmically considered.

500. Đây là thời kỳ của sự phân cực trí tuệ *đích thực* trong đó con người thực sự có thể *một cách tinh thần* phân biện các nguyên nhân và các kết quả của chúng—xét theo nghiệp quả.

501. We see that the period following the third initiation is highly mental in nature, even though the intuition is being cultivated.

501. Chúng ta thấy rằng thời kỳ tiếp theo sau lần điểm đạo thứ ba có bản chất rất trí tuệ, dù trực giác đang được vun bồi.

and their ability to disclose at the right moment that which lies hidden.

và khả năng của chúng trong việc tiết lộ vào đúng lúc điều đang ẩn giấu.

502. That "right moment" occurs just before the fourth initiation.

502. "Đúng lúc" ấy xảy ra ngay trước lần điểm đạo thứ tư.

It covers the period of the evolution of advanced man, and of the man upon the Path.

Nó bao trùm thời kỳ tiến hoá của con người tiến bộ, và của con người trên Con Đường.

503. In DK's presentation of this subject we see that there is some overlap between the phases.

503. Trong cách trình bày của Chân sư DK về chủ đề này, chúng ta thấy rằng có một số chồng lấn giữa các giai đoạn.

504. Phase two takes a man to the unfoldment of nine of the petals and thus to the third initiation.

504. Giai đoạn hai đưa con người đến sự khai mở của chín cánh hoa và do đó đến lần điểm đạo thứ ba.

505. Yet, if it is true that phase three covers the period of evolution of "advanced man and of man upon the Path", it includes all the work done on the sacrifice petals, at which time the first three initiations are experienced and the synthesis petals begin to open, disclosing as they do ever more of the central Jewel.

505. Tuy nhiên, nếu đúng là giai đoạn ba bao trùm thời kỳ tiến hoá của "con người tiến bộ và con người trên Con Đường", thì nó bao gồm toàn bộ công việc được thực hiện trên các cánh hoa hi sinh, vào lúc mà ba lần điểm đạo đầu tiên được trải qua và các cánh hoa tổng hợp bắt đầu mở ra, nhờ đó ngày càng để lộ nhiều hơn Viên Ngọc trung tâm.

506. We can divide the three stages, *basically*, into physical, emotional and mental, but DK extends the second period to the third initiation, and includes in the third

506. Về cơ bản, chúng ta có thể chia ba giai đoạn thành hồng trần, cảm xúc và trí tuệ, nhưng Chân sư DK kéo dài thời kỳ thứ hai đến lần điểm đạo thứ ba, và bao gồm trong

period those phases of development which begin *even before* the first initiation, for it is advance man who makes application to the first initiation.

thời kỳ thứ ba những giai đoạn phát triển bắt đầu *ngay cả trước* lần điểm đạo thứ nhất, vì chính con người tiến bộ là người nộp đơn cho lần điểm đạo thứ nhất.

507. The general picture, however, remains clear, if we retain the divisions of physical, emotional, mental.

507. Tuy nhiên, bức tranh tổng quát vẫn rõ ràng, nếu chúng ta giữ các phân chia thành hồng trần, cảm xúc, trí tuệ.

In connection with the human family it covers the first half of the next round, prior to the great separation.

Liên hệ với gia đình nhân loại, nó bao trùm nửa đầu của cuộc tuần hoàn kế tiếp, trước cuộc phân ly lớn.

508. It is at that time that man will truly be able to discriminate cause from effect and will be truly mentally focussed.

508. Chính vào lúc đó con người mới thực sự có thể phân biện nguyên nhân với kết quả và sẽ thực sự được tập trung trí tuệ.

509. This realization may cause us to pause and reflect. At his present stage of development, man is, largely, a very emotional being.

509. Sự chứng nghiệm này có thể khiến chúng ta dừng lại và suy ngẫm. Ở giai đoạn phát triển hiện nay, con người phần lớn là một hữu thể rất cảm xúc.

Electric fire is beginning to make its radiations felt,

Lửa Điện đang bắt đầu làm cho các bức xạ của nó được cảm nhận,

510. It does so at the first initiation, but even more emphatically at the third.

510. Điều này diễn ra ở lần điểm đạo thứ nhất, nhưng còn nhấn mạnh hơn ở lần điểm đạo thứ ba.

and the will or purpose of the Ego is now consciously realised upon the physical plane.

và ý chí hay mục đích của chân ngã giờ đây được chứng nghiệm một cách có ý thức trên cõi hồng trần.

511. It is the initiate of the third degree who realizes the will or purpose of the Ego while in his physical plane consciousness.

511. Chính điểm đạo đồ cấp ba là người chứng nghiệm ý chí hay mục đích của chân ngã trong khi ở trong tâm thức cõi hồng trần của mình.

The three permanent atoms form a triangle of light, and the petals of the lotus are rapidly unfolding.

Ba nguyên tử trường tồn tạo thành một tam giác ánh sáng, và các cánh hoa của hoa sen đang nhanh chóng khai mở.

512. This rapid unfoldment occurs as the third initiation is approached, with the synthesis petals unfolding more fully after the third degree.

512. Sự khai mở nhanh chóng này diễn ra khi lần điểm đạo thứ ba đang đến gần, với các cánh hoa tổng hợp khai mở đầy đủ hơn sau cấp ba.

When the will and purpose of the Ego are realised by man in his waking consciousness in the physical brain, then the law of karma in the three worlds is becoming neutralised, and man is on the verge of liberation.

Khi ý chí và mục đích của chân ngã được chứng nghiệm bởi con người trong tâm thức tỉnh thức của y nơi bộ não hồng trần, thì định luật nghiệp quả trong ba cõi giới đang được hoá giải, và con người đang ở bên bờ giải thoát.

513. To be "on the verge of liberation" is to have achieved the third degree and to be moving towards the fourth.

513. "Ở bên bờ giải thoát" là đã đạt đến cấp ba và đang tiến về cấp bốn.

514. It is not that the will and purpose of the Ego are inferred or imagined; they are actually *realized.* The power of Venus is (in relation to Capricorn) offsetting the personality effects of Saturn. Man is becoming a conscious soul in incarnation.

514. Không phải là ý chí và mục đích của chân ngã được suy ra hay tưởng tượng; chúng thực sự được *chứng nghiệm.* Quyền năng của Sao Kim (liên hệ với Ma Kết) đang hóa giải các hiệu ứng phàm ngã của Sao Thổ. Con người đang trở thành một linh hồn đang nhập thể có ý thức.

He has exhausted the initial vibration,

Y đã làm cạn kiệt rung động ban đầu,

515. This is the *lunar* vibration.

515. Đây là rung động *thái âm.*

and there is no response within his sheaths to the threefold vibration of the three worlds; he stands freed from the three kingdoms and the fourth.

và không còn sự đáp ứng nào trong các thể của y đối với rung động tam phân của ba cõi giới; y đứng giải thoát khỏi ba giới và giới thứ tư.

516. The last sentence tells us that the man has achieved the fourth degree because even the initiate of the third degree does not stand free of the three kingdoms and the fourth.

516. Câu cuối cho chúng ta biết rằng con người đã đạt đến cấp bốn bởi vì ngay cả điểm đạo đồ cấp ba cũng chưa đứng giải thoát khỏi ba giới và giới thứ tư.

TCF 808- 816: S7S6

4 - 19 June 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

d. On the building of the Causal Body.

We enter now upon one of the most vitally practical parts of our Treatise on Fire, that which deals with the building of the causal body, or body of manifestation of the Ego.

1. From this we see that the Ego is that center of power and consciousness which *uses* the causal body. What we may understand is that the Ego *would exist* without its body of manifestation.

2. Following the destruction of the causal body, the spiritual triad still exists.

It concerns the work of the solar Angels, or the true self-conscious Identity, man.

3. We ask, "Is Master DK telling us that the Solar Angels *are* the "true self-conscious Identity, man? Is man to be considered a "Solar Angel", and if so in what respect (that would contrast the nature of man from the

4 - 19 tháng Sáu 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị rằng phần Bình giải này được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

d. Về việc xây dựng thể nguyên nhân.

Giờ đây chúng ta bước vào một trong những phần thực tiễn thiết yếu nhất của Luận về Lửa Vũ Trụ, phần bàn về việc xây dựng thể nguyên nhân, hay thể biểu lộ của chân ngã.

1. Từ đây chúng ta thấy rằng chân ngã là trung tâm quyền năng và tâm thức *sử dụng* thể nguyên nhân. Điều chúng ta có thể hiểu là chân ngã *vẫn sẽ hiện hữu* mà không cần thể biểu lộ của nó.

2. Sau khi thể nguyên nhân bị hủy diệt, Tam Nguyên Tinh Thần vẫn còn tồn tại.

Điều này liên quan đến công việc của các Thái dương Thiên Thần, hay Bản Sắc ngã thức chân thực, con người.

3. Chúng ta hỏi: "Có phải Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng các Thái dương Thiên Thần *là* "Bản Sắc ngã thức chân thực, con người" không? Có phải con người được xem là một "Thái dương Thiên Thần" không, và

nature of a "returning Nirvani" from a previous mahamanvantara) would this be so?

nếu vậy thì theo phương diện nào (điều này sẽ đối chiếu bản chất của con người với bản chất của một "nirvani hồi quy" từ một Đại giai kỳ sinh hóa trước đó) điều này mới đúng?

If the student has in any way apprehended the general trend of the earlier pages, he will now be in a condition of mind which will enable him to interpret all that is said in terms of energy,

Nếu đạo sinh bằng cách nào đó đã nắm bắt được xu hướng tổng quát của các trang trước, thì giờ đây y sẽ ở trong một trạng thái trí tuệ cho phép y diễn giải mọi điều được nói đến theo thuật ngữ năng lượng,

4. And this, rather than 'anthropomorphizing'.

4. Và điều này, thay vì "nhân hình hóa".

5. We see that DK builds certain conditions within the apprehending mind, so that a structure of knowledge may be progressively absorbed.

5. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK xây dựng những điều kiện nhất định trong trí tuệ đang nắm bắt, để một cấu trúc tri thức có thể được hấp thụ dần dần.

or of that vibratory activity which is produced by the three major phases of electrical phenomena,

hay theo hoạt động rung động được tạo ra bởi ba giai đoạn chính của các hiện tượng điện,

6. One suspects that there are also *other* phases of electrical phenomena.

6. Người ta ngờ rằng cũng còn có những giai đoạn *khác* của các hiện tượng điện.

7. All energy demonstrations associated with everyone of the seven rays are electrical.

7. Mọi biểu hiện năng lượng gắn liền với từng cung trong bảy cung đều có tính điện.

the union which produces that divine manifestation called Man, or, when the aggregated units are considered, the human kingdom.

sự hợp nhất tạo ra biểu lộ thiêng liêng được gọi là Con Người, hay, khi xét các đơn vị được tập hợp, là giới nhân loại.

8. If man is to be produced, it seems that all "major phases of electrical phenomena" must be present simultaneously.

8. Nếu con người được tạo ra, dường như mọi "giai đoạn chính của các hiện tượng điện" đều phải hiện diện đồng thời.

(a) Introductory remarks. We have studied somewhat the constitution of **the Triangles,**

(a) Những nhận xét mở đầu. Chúng ta đã nghiên cứu phần nào cấu tạo của **các Tam**

or Pitris, Who, **through self-sacrifice**, endow man with self-consciousness, building his egoic vehicle out of Their own essence.

Giác, hay các Pitri, Các Ngài, **qua sự hi sinh bản thân**, ban cho con người ngã thức, xây dựng vận cụ chân ngã của y từ chính tinh chất của Các Ngài.

9. These are the Solar Pitris, also called Solar Angels and Agnishvattas.

9. Đây là các thái dương tổ phụ, cũng được gọi là các Thái dương Thiên Thần và các Agnishvatta.

10. The Solar Pitris are called "Triangles". In general, *souls* are called "Triangles".

10. Các thái dương tổ phụ được gọi là "Tam Giác". Nói chung, các linh hồn được gọi là "Tam Giác".

11. The "essence" of these Pitris is a kind of energy, perhaps the energy which most distinguishes them. When we speak of "essence" we are speaking of an energy which is very close to the center of a particular being.

11. "Tinh chất" của các Pitri này là một loại năng lượng, có lẽ là năng lượng phân biệt các Ngài nhiều nhất. Khi chúng ta nói về "tinh chất", chúng ta đang nói về một năng lượng rất gần với trung tâm của một hữu thể đặc thù.

We [Page 808] have touched briefly upon the lunar Pitris, **who endow man with his lower sheaths and principles**

Chúng ta [Page 808] đã chạm đến ngắn gọn các thái âm tổ phụ, **những vị ban cho con người các thể và các nguyên khí thấp của y**

12. We can see that the lunar pitris would definitely provide man with his lower *sheaths*, but principles are faculties which are essential aspects of man the Monad. So in what sense can it be said that the lunar pitris provide man with his lower "principles"? They certainly endow may with the vehicles for the expression of those lower principles.

12. Chúng ta có thể thấy rằng các thái âm tổ phụ chắc chắn sẽ cung cấp cho con người các thể thấp của y, nhưng các nguyên khí là những năng lực vốn là các phương diện thiết yếu của con người là chân thần. Vậy theo nghĩa nào có thể nói rằng các thái âm tổ phụ cung cấp cho con người các "nguyên khí" thấp của y? Chắc chắn các vị ấy ban cho con người các vận cụ để biểu lộ các nguyên khí thấp ấy.

through which the energy of the solar Lords may make itself felt, and we shall now proceed to **study three things:**

qua đó năng lượng của các nhật tinh quân có thể được cảm nhận, và giờ đây chúng ta sẽ tiến hành **nghiên cứu ba điều:**

13. The Solar Pitris are "solar Lords", apparently. We want to assure ourselves that DK does not mean to differentiate the Solar Pitris from the "solar Lords".

13. Các thái dương tổ phụ hiển nhiên là các "nhật tinh quân". Chúng ta muốn tự bảo đảm rằng Chân sư DK không có ý phân biệt

các thái dương tổ phụ với các "nhật tinh quân".

14. Through the sheaths provided by the lunar pitris and through mans lower principles, the "solar Lords" are to express themselves.

14. Qua các thể do các thái âm tổ phụ cung cấp và qua các nguyên khí thấp của con người, các "nhật tinh quân" sẽ tự biểu lộ.

15. Three things are now to be studied.

15. Giờ đây sẽ nghiên cứu ba điều.

First, the effect **of the higher energy upon the lower bodies,** as it gradually makes itself felt during the evolutionary process, and thus simultaneously "redeems" man in an occult sense, and also "elevates" the lunar Pitris.

Thứ nhất, hiệu quả **của năng lượng cao hơn lên các thể thấp,** khi nó dần dần được cảm nhận trong tiến trình tiến hoá, và do đó đồng thời "cứu chuộc" con người theo nghĩa huyền bí, và cũng "nâng cao" các thái âm tổ phụ.

16. Two factors occur simultaneously:

16. Hai yếu tố xảy ra đồng thời:

a. The redemption of man. The consciousness of man is to be freed from attachment to and preoccupation with the lower vehicles.

a. Sự cứu chuộc con người. Tâm thức của con người sẽ được giải thoát khỏi sự gắn chặt vào và bận tâm với các vận cụ thấp.

b. The elevation of the lunar pitris

b. Sự nâng cao các thái âm tổ phụ

Second, the effect of this energy on the mental plane in the development and unfoldment of the egoic lotus.

Thứ hai, hiệu quả của năng lượng này trên cõi trí trong sự phát triển và khai mở của Hoa Sen Chân Ngã.

17. We are speaking of the effect of a higher energy, presumably upon the *higher* mental plane, contributing to the unfoldment of the egoic lotus.

17. Chúng ta đang nói về hiệu quả của một năng lượng cao hơn, có lẽ là trên Cõi thượng trí, góp phần vào sự khai mở của Hoa Sen Chân Ngã.

18. It is clear that the "solar Lords" are *not* the egoic lotus, per se.

18. Rõ ràng là các "nhật tinh quân" *không* phải là chính Hoa Sen Chân Ngã.

Third, **the awakening to activity of the central Life within the lotus.**

Thứ ba, **sự thức tỉnh vào hoạt động của Sự sống trung tâm bên trong hoa sen.**

19. Presumably, the central life within the lotus is that energy center known as the "Jewel in the Lotus".

19. Có lẽ sự sống trung tâm bên trong hoa sen là trung tâm năng lượng được biết đến như "Viên Ngọc trong Hoa Sen".

20. Again, it is clear that the "solar Lords" are *not* the "central Life within the lotus".

20. Một lần nữa, rõ ràng là các "nhật tinh quân" *không* phải là "Sự sống trung tâm bên trong hoa sen".

21. We see, then, that the higher energy of the "solar Lords" contributes to the awakening and unfoldment of all three aspects of the Ego—the members of the atomic triangle, the petals of the egoic lotus and the central "Jewel".

21. Như vậy, chúng ta thấy rằng năng lượng cao hơn của các "nhật tinh quân" góp phần vào sự thức tỉnh và khai mở của cả ba phương diện của chân ngã—các thành viên của tam giác nguyên tử, các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã và "Viên Ngọc" trung tâm.

This **activity** demonstrates in a twofold manner:

Hoạt động này biểu lộ theo cách nhị phân:

22. It seems that we are now speaking of the effect of the "activity" of the Jewel in the Lotus.

22. Dường như giờ đây chúng ta đang nói về hiệu quả của "hoạt động" của Viên Ngọc trong Hoa Sen.

a. As the realisation by the man on the physical plane within the physical brain of his divine nature, resulting in a consequent demonstration of divinity upon earth, prior to liberation.

a. Như sự chứng nghiệm của con người trên cõi hồng trần trong bộ não hồng trần về bản chất thiêng liêng của mình, dẫn đến sự biểu lộ thiên tính trên Trái Đất trước khi giải thoát.

23. Apparently, it is only as the central life within the lotus awakens that man on the physical plane becomes truly aware *within his physical brain* of his divine nature. The Jewel in the Lotus is an identity point and physical brain awareness of man's divine nature is *also* a matter of the realization of identity.

23. Hiển nhiên chỉ khi sự sống trung tâm bên trong hoa sen thức tỉnh thì con người trên cõi hồng trần mới thực sự nhận biết *trong bộ não hồng trần của mình* về bản chất thiêng liêng của mình. Viên Ngọc trong Hoa Sen là một điểm bản sắc và sự nhận biết trong bộ não hồng trần về bản chất thiêng liêng của con người *cũng* là một vấn đề của sự chứng nghiệm bản sắc.

24. As this type of awareness arises, divinity is demonstrated upon the physical plane.

24. Khi loại nhận biết này phát sinh, thiên tính được biểu lộ trên cõi hồng trần.

25. DK seems to be saying that during to this realization of one's divine nature within the physical brain (a realization which precedes liberation) divinity is demonstrated on earth as it never before had been previously.

25. Chân sư DK dường như đang nói rằng trong sự chứng nghiệm bản chất thiêng liêng của mình trong bộ não hồng trần này (một sự chứng nghiệm đi trước giải thoát), thiên tính được biểu lộ trên Trái Đất theo cách chưa từng có trước đây.

b. As the conscious activity of the individual Ego on the mental plane in co-operation with its group or groups.

b. Như hoạt động có ý thức của chân ngã cá nhân trên cõi trí trong sự hợp tác với nhóm hay các nhóm của nó.

26. As the central life within the lotus awakens, 'man-as-Ego' becomes cooperative with his own egoic group or with other egoic groups.

26. Khi sự sống trung tâm bên trong hoa sen thức tỉnh, 'con người-như-chân-ngã' trở nên hợp tác với nhóm chân ngã riêng của mình hay với các nhóm chân ngã khác.

27. DK seems to be telling us that the awakening to activity of the central Life within the lotus produces a certain capacity to work subjectively upon the higher mental plane within an egoic group and/or in relation to other egoic groups.

27. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng sự thức tỉnh vào hoạt động của Sự sống trung tâm bên trong hoa sen tạo ra một năng lực nhất định để làm việc một cách chủ quan trên Cõi thượng trí trong một nhóm chân ngã và/hoặc trong liên hệ với các nhóm chân ngã khác.

In the first case, [of the demonstration of the Life activity of the central life within the lotus] we have the effect of the egoic life upon its sheaths, and their subsequent control, and in the second case we have the self-awakening of the egoic unit on its own plane; in the third case, we have a group realisation, or the entrance by the unit into the consciousness of the Heavenly Man.

Trong trường hợp thứ nhất, [of the demonstration of the Life activity of the central life within the lotus] chúng ta có hiệu quả của sự sống chân ngã lên các thể của nó, và sự kiểm soát tiếp theo của chúng; trong trường hợp thứ hai, chúng ta có sự tự thức tỉnh của đơn vị chân ngã trên chính cõi của nó; trong trường hợp thứ ba, chúng ta có một sự chứng nghiệm nhóm, hay sự đi vào của đơn vị ấy trong tâm thức của Đấng Thiên Nhân.

28. Here is the necessary summary.

28. Đây là phần tóm lược cần thiết.

29. Point "b." it seems, contains both the second and third cases.

29. Điểm "b." dường như bao gồm cả trường hợp thứ hai lẫn thứ ba.

30. As the man-as-Ego on the higher mental plane becomes interactive with the Egos within his own group or with other groups of Egos (which are centres within the energy system of the Heavenly Man), man-as-Ego is entering into the consciousness of the Heavenly Man. Egoic groups are lesser centers within the energy body of the Heavenly Man.

30. Khi con người-như-chân-ngã trên Cõi thượng trí trở nên tương tác với các chân ngã trong nhóm riêng của mình hay với các nhóm chân ngã khác (là những trung tâm trong hệ thống năng lượng của Đấng Thiên Nhân), con người-như-chân-ngã đang đi vào tâm thức của Đấng Thiên Nhân. Các nhóm chân ngã là những trung tâm nhỏ hơn trong thể năng lượng của Đấng Thiên Nhân.

31. It is interesting that true group activity arises as the central Life within the lotus awakens—the aspect of the lotus which corresponds to the first ray.

31. Thật thú vị khi hoạt động nhóm đích thực phát sinh khi Sự sống trung tâm bên trong hoa sen thức tỉnh—phương diện của hoa sen tương ứng với cung một.

32. We can see that the radiating energy of the "solar Lords" has a powerful effect. Progress of the egoic unit is dependent upon the reception of such energy.

32. Chúng ta có thể thấy rằng năng lượng bức xạ của các "nhật tinh quân" có một hiệu quả mạnh mẽ. Sự tiến bộ của đơn vị chân ngã tùy thuộc vào việc tiếp nhận năng lượng như thế.

It will not be possible to do more than indicate broad general lines of development. The subject of egoic evolution cannot be fully comprehended until after initiation,

Sẽ không thể làm gì hơn ngoài việc chỉ ra những đường nét phát triển tổng quát rộng lớn. Chủ đề về sự tiến hoá chân ngã không thể được thấu hiểu đầy đủ cho đến sau điểm đạo,

33. By this is meant the *third* initiation. This is the stage of development which very few of those surrounding the Bailey Work (during the time AAB was alive) had achieved.

33. Điều này có nghĩa là lần điểm đạo *thứ ba*. Đây là giai đoạn phát triển mà rất ít người trong số những người quanh Công việc Bailey (vào thời AAB còn sống) đã đạt được.

34. Thus, we are offered the opportunity to comprehend, but only in part.

34. Vì vậy, chúng ta được trao cơ hội để thấu hiểu, nhưng chỉ một phần.

but it is felt now by the Teachers on the inner side that **the main principles had better be given out at once in view of the unexpected development**

nhưng hiện nay các Huấn sư ở phía bên trong cảm thấy rằng **các nguyên lý chính tốt hơn nên được công bố ngay lập tức vì sự phát triển bất ngờ (kể từ đầu thế kỷ này) của hai khoa học lớn:**

(since the opening of this century) of two great sciences:

35. DK is telling us that even the Hierarchy did not expect such developments.

35. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng ngay cả Thánh đoàn cũng không ngờ những sự phát triển như vậy.

36. We see how *adaptive* is the Hierarchy of *Adepts*. Because of the factor of free-will inherent in the unit, man, Hierarchy never knows *exactly* what *will* happen.

36. Chúng ta thấy Thánh đoàn các *chân sư* có tính *thích ứng* như thế nào. Vì yếu tố ý chí tự do vốn có trong đơn vị là con người, Thánh đoàn không bao giờ biết *chính xác* điều gì *sẽ* xảy ra.

37. In the following, the first of the great sciences is discussed.. Developments within the Science of Electricity have prompted the Masters to give out the main principles of egoic evolution.

37. Trong phần sau đây, khoa học lớn thứ nhất được bàn đến. Những phát triển trong Khoa Học Điện đã thúc đẩy các Chân sư công bố các nguyên lý chính của sự tiến hoá chân ngã.

The Science of Electricity. The investigations of scientists [Page 809] have been greatly stimulated by the discovery of radium, which is an electrical phenomenon of a certain kind,

Khoa Học Điện. Những cuộc khảo cứu của các nhà khoa học [Page 809] đã được kích thích mạnh mẽ bởi việc khám phá ra radium, vốn là một hiện tượng điện thuộc một loại nào đó,

38. This may be regarded as an unusual statement, as radioactivity is usually not considered related to what is scientifically known, conventionally, as “electricity”.

38. Điều này có thể được xem là một phát biểu khác thường, vì tính phóng xạ thường không được xem là có liên hệ với điều mà khoa học theo quy ước gọi là “điện”.

and by the knowledge this discovery brought of the radioactive substances;

và bởi tri thức mà khám phá này mang lại về các chất phóng xạ;

39. DK is speaking of the discovery of radium and other radioactive substances.

39. Chân sư DK đang nói về việc khám phá ra radium và các chất phóng xạ khác.

40. Are the major characteristics of these substances the result of the influence of electric fire? Since radioactive substances have a highly activated atomic nucleus, the link with electric fire may be warranted.

40. Có phải các đặc tính chính của những chất này là kết quả của ảnh hưởng của Lửa Điện không? Vì các chất phóng xạ có một hạt nhân nguyên tử được hoạt hóa cao, mối liên hệ với Lửa Điện có thể là hợp lý.

41. If so, it may have been regarded as necessary to balance the influence of electric fire by a growing knowledge of the central importance of solar fire in the life of man.

41. Nếu vậy, có thể điều đó đã được xem là cần thiết để quân bình ảnh hưởng của Lửa Điện bằng một tri thức ngày càng tăng về tầm quan trọng trung tâm của Lửa Thái dương trong đời sống con người.

the development of the many methods of utilising electricity has also greatly aided.

sự phát triển của nhiều phương pháp sử dụng điện cũng đã hỗ trợ rất nhiều.

42. What has been aided?

42. Điều gì đã được hỗ trợ?

This science [presumably, the science of electricity] has brought man to the threshold of a discovery which will revolutionise world thought on these matters, and which **will eventually solve a great part of the economic problem, thus leaving many more persons free for mental growth and work**.

Khoa học này [có lẽ là khoa học điện] đã đưa con người đến ngưỡng của một khám phá sẽ cách mạng hóa tư tưởng thế giới về những vấn đề này, và điều đó **cuối cùng sẽ giải quyết một phần lớn vấn đề kinh tế, nhờ đó để lại nhiều người hơn được tự do cho sự phát triển trí tuệ và công việc**.

43. This foreseen development has not yet occurred.

43. Sự phát triển được tiên liệu này vẫn chưa xảy ra.

44. The fifth ray Ashram will contribute to the imminent creation of far more leisure time. It would seem that humanity has "paid its dues" in relation to the struggle for mere existence. The prevailing question, however, is whether man can yet be trusted with new sources of cheap and abundant energy. The lower ego has not yet been subdued, and for many, not even built.

44. Ashram cung năm sẽ góp phần vào việc sắp tạo ra nhiều thời gian nhàn rỗi hơn rất nhiều. Dường như nhân loại đã "trả xong món nợ" liên quan đến cuộc đấu tranh chỉ để tồn tại. Tuy nhiên, câu hỏi đang chi phối là liệu con người đã có thể được tin cậy với những nguồn năng lượng mới rẻ và dồi dào hay chưa. Phàm ngã vẫn chưa bị khuất phục, và đối với nhiều người, thậm chí còn chưa được xây dựng.

This expansion of knowledge can be looked for before one hundred and fifty years have transpired.

Có thể mong đợi sự mở rộng tri thức này trước khi một trăm năm mươi năm trôi qua.

45. One hundred fifty years is a relatively short time as the Masters count time. Since the writing of *A Treatise on Cosmic Fire*, eighty years have already transpired. Only

45. Một trăm năm mươi năm là một thời gian tương đối ngắn theo cách các Chân sư tính thời gian. Kể từ khi viết *Luận về Lửa Vũ Trụ*, tám mươi năm đã trôi qua. Chỉ còn bảy

seventy years remain before the discovery prophesied may be expected.

mươi năm trước khi khám phá được tiên tri có thể được mong đợi.

46. This following discussion concerns the second of the great sciences, and apparently, from what is said below, somewhat adverse developments within the Science of Psychology have also prompted the Masters to give out the main principles of egoic evolution.

46. Phần thảo luận tiếp theo này liên quan đến khoa học lớn thứ hai, và hiển nhiên, từ những gì được nói dưới đây, những phát triển phần nào bất lợi trong Khoa Học Tâm Lý cũng đã thúc đẩy các Chân sư công bố các nguyên lý chính của sự tiến hoá chân ngã.

The Science of Psychology. The psycho-analytic theories which (though indicative of progress) are yet tending in a wrong direction,

Khoa Học Tâm Lý. Các lý thuyết phân tâm học, tuy có chỉ ra sự tiến bộ, nhưng vẫn đang có khuynh hướng đi sai hướng,

47. DK is even-handed in His assessment.

47. Chân sư DK rất công bằng trong sự đánh giá của Ngài.

48. At least psychoanalysis has brought “the unconscious” to man’s attention. He can no longer quite so conveniently overlook his lower nature.

48. Ít nhất phân tâm học đã đưa “vô thức” vào sự chú ý của con người. Y không còn có thể dễ dàng bỏ qua bản chất thấp của mình như trước nữa.

may prove disastrous to the higher development of the race unless the true nature of the "psyche" is elucidated.

có thể chứng tỏ là tai hại cho sự phát triển cao hơn của nhân loại trừ khi bản chất chân thực của “psyche” được làm sáng tỏ.

49. Why would this be the case? What could the ‘disaster’ be?

49. Tại sao điều này lại như vậy? “Tai họa” ấy có thể là gì?

50. Might we say that the concept of the higher reaches of “psyche” are completely ignored by the purely psycho-analytic approach, or explained away as illusory and representative of psycho-pathology?

50. Chúng ta có thể nói rằng khái niệm về những tầng cao hơn của “psyche” bị cách tiếp cận thuần phân tâm học hoàn toàn phớt lờ, hoặc bị giải thích đi như là ảo tưởng và là biểu hiện của bệnh lý tâm thần chăng?

51. Given the prevalence of the psychoanalytic approach, man could come to be conceived as a strictly material/ personal being, devoid of any truly spiritual dimension. In the case of the great

51. Với sự phổ biến của cách tiếp cận phân tâm học, con người có thể bị quan niệm như một hữu thể thuần vật chất/cá nhân, không có bất kỳ chiều kích tinh thần đích thực nào. Trong trường hợp các cuộc thử nghiệm Cộng

Communist experiments of the 20th century, this actually did occur.

sản lớn của thế kỷ 20th, điều này thực sự đã xảy ra.

52. It is interesting that in the Agni Yoga books the founder of Psychoanalysis was referred to as "the materialist".

52. Thật thú vị khi trong các sách Agni Yoga, người sáng lập Phân tâm học được gọi là "nhà duy vật".

53. When man is considered a strictly material entity, morality and social cohesion decline.

53. Khi con người được xem là một thực thể thuần vật chất, đạo đức và sự cố kết xã hội suy giảm.

When the public mind has apprehended, even cursorily, **the following briefly stated facts**, **the trend of popular education, the object of political science, and the goal of economic and social endeavour will take a new and better direction.**

Khi trí tuệ công chúng đã nắm bắt, dù chỉ sơ lược, **những sự kiện được phát biểu ngắn gọn sau đây**, **xu hướng của giáo dục đại chúng, mục tiêu của khoa học chính trị, và mục đích của nỗ lực kinh tế và xã hội sẽ đi theo một hướng mới và tốt đẹp hơn.**

54. The trend of education, politics, economics and social endeavor—four vital areas of human expression—will be enhanced by even a minimal understanding of the following facts:

54. Xu hướng của giáo dục, chính trị, kinh tế và nỗ lực xã hội—bốn lĩnh vực thiết yếu của sự biểu lộ nhân loại—sẽ được nâng cao chỉ nhờ một sự thấu hiểu tối thiểu về các sự kiện sau đây:

These facts might be summed up in the following postulates:

Những sự kiện này có thể được tóm tắt trong các định đề sau đây:

I. Man is in *essence* divine.[59]

I. Con người về *tinh chất* là thiêng liêng.59

55. It is clear that a materialistic concept of the human being works in opposition to the apprehension of man as "in *essence* divine".

55. Rõ ràng là một quan niệm duy vật về con người đi ngược lại với sự nắm bắt con người như là "về *tinh chất* là thiêng liêng".

Footnote [59]:

Chú thích 59:

Each human being is an incarnation of God. —S. D., III, 449.

Mỗi con người là một sự nhập thể của Thượng đế.—S. D., III, 449.

56. To accept this premise or postulate would enhance man's conception of the value or sanctity of human life. This is, as yet, far from the case in any larger sense.

56. Chấp nhận tiền đề hay định đề này sẽ nâng cao quan niệm của con người về giá trị hay tính thiêng liêng của sự sống con người. Tuy nhiên, cho đến nay, điều này vẫn còn rất

xa mới thành hiện thực theo bất kỳ ý nghĩa rộng lớn nào.

Compare:—S. D., II, 541; S. D., III, 475, and the Biblical words: "I have said, Ye are Gods." "Know ye not that ye are the of the Holy Spirit?"

So sánh:—S. D., II, 541; S. D., III, 475, và những lời trong Kinh Thánh: "Ta đã phán, các ngươi là những Thượng đế." "Các ngươi há chẳng biết rằng các ngươi là của Chúa Thánh Thần sao?"

57. This important concept is found within the Christian portion of the Bible, but is implications are largely ignored or wrongly interpreted.

57. Khái niệm quan trọng này được tìm thấy trong phần Kinh Thánh Cơ Đốc giáo, nhưng các hàm ý của nó phần lớn bị phớt lờ hoặc bị diễn giải sai.

No Being can become a God without passing through the human cycles.—S. D., II, 336.

Không một Hữu thể nào có thể trở thành một Thượng đế mà không đi qua các chu kỳ nhân loại.—S. D., II, 336.

58. Apparently this applies to members of the deva evolution and to the members of the three kingdoms of nature lower than the human kingdom.

58. Hiển nhiên điều này áp dụng cho các thành viên của tiến hoá thiên thần và cho các thành viên của ba giới tự nhiên thấp hơn giới nhân loại.

59. The following statement adds light to the statement above:

59. Phát biểu sau đây soi sáng thêm cho phát biểu trên:

"...the usual method is for the devas gradually **to work themselves towards individualisation through expansive feeling**, but in the cases which do occur these devas pass several cycles in the bird kingdom, **building in a response to a vibration which will ultimately swing them into the human family**". (TCF 895)

"...phương pháp thông thường là các thiên thần dần dần **tự tiến tới biệt ngã hóa qua cảm nhận mở rộng**, nhưng trong những trường hợp có xảy ra, các thiên thần này trải qua nhiều chu kỳ trong giới chim, **xây dựng nơi mình một sự đáp ứng với một rung động mà rốt cuộc sẽ đưa họ vào gia đình nhân loại**". (TCF 895)

60. So much depends upon what DK means by a "God". Monadically, both devas and humans are "Gods".

60. Rất nhiều điều tùy thuộc vào việc Chân sư DK muốn nói gì khi dùng từ "Thượng đế". Xét theo chân thần, cả thiên thần lẫn con người đều là "những Thượng đế".

61. It seems that progress through individualization requires passage through the human kingdom. Is it possible for devas

61. Dường như sự tiến bộ qua biệt ngã hóa đòi hỏi phải đi qua giới nhân loại. Liệu thiên

and other beings, to individualize otherwise?

thần và các hữu thể khác có thể biệt ngã hóa bằng cách khác chăng?

Man therefore is like God in that he represents the pairs of opposites, good and evil, light and darkness, male and female, etc. He is a duality.

Vì vậy con người giống như Thượng đế ở chỗ y biểu hiện các cặp đối cực, thiện và ác, ánh sáng và bóng tối, nam và nữ, v.v. Y là một Nhị nguyên tính.

62. This says, does it not, that *God is duality*? Such a thought is, at least, partially true. God is evil and darkness and female, as well as good and light and male. Of course we have to be very careful not to equate the "good" with the word "male" and "evil" with the word "female". The receptive polarity has been all-too-frequently dishonored in this way.

62. Điều này chẳng phải đang nói rằng *Thượng đế là nhị nguyên tính* đó sao? Ít nhất, tư tưởng ấy đúng một phần. Thượng đế là ác và bóng tối và nữ, cũng như là thiện và ánh sáng và nam. Dĩ nhiên chúng ta phải hết sức cẩn trọng để không đồng nhất "thiện" với từ "nam" và "ác" với từ "nữ". Cực tính tiếp nhận đã quá thường xuyên bị hạ thấp theo cách này.

63. Perhaps a "God" is both a deva and a human as is our Planetary Logos:

63. Có lẽ một "Thượng đế" vừa là một thiên thần vừa là một con người, như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta:

He represents also God in that He is a triplicity, being three in one, and one in three.—See S. D., II, 553.

Ngài cũng biểu hiện Thượng đế ở chỗ Ngài là một bộ ba, là ba trong một, và một trong ba. —Xem S. D., II, 553.

64. This statement confirms the thought that "man is made in the image of God".

64. Phát biểu này xác nhận tư tưởng rằng "con người được tạo ra theo hình ảnh của Thượng đế".

By man the divine Monad is meant.—S. D., II, 196.

Bởi con người ở đây muốn nói đến chân thần thiêng liêng.—S. D., II, 196.

65. The *true* man is the "divine Monad". Of course, *all* Monads are divine.

65. Con người *đích thực* là "chân thần thiêng liêng". Dĩ nhiên, *mọi* chân thần đều thiêng liêng.

This has ever been enunciated throughout the ages, but remains as yet a beautiful theory or belief, and not a proven scientific fact, nor is it universally held. [Page 810]

Điều này đã luôn được tuyên xướng qua các thời đại, nhưng cho đến nay vẫn chỉ là một lý thuyết hay niềm tin đẹp đẽ, chứ chưa phải là một sự kiện khoa học đã được chứng minh,

và cũng chưa được chấp nhận phổ quát. [Page 810]

66. The divinity of man must be confirmed. It is vitally important that there evolve a lofty conception of the human being.

66. Thiên tính của con người phải được xác nhận. Điều tối quan trọng là phải phát triển một quan niệm cao cả về con người.

67. We begin to grasp something of the necessity of a vast spiritual propaganda effort. What the majority of human beings *think*, the images they entertain and the values they hold affect significantly the process of the human race.

67. Chúng ta bắt đầu nắm bắt phần nào sự cần thiết của một nỗ lực tuyên truyền tinh thần rộng lớn. Điều mà đa số con người *nghĩ*, những hình ảnh họ nuôi dưỡng và những giá trị họ nắm giữ ảnh hưởng đáng kể đến tiến trình của nhân loại.

II. Man is in fact a fragment of the Universal Mind, or world soul,[60] and as a fragment is thus partaker of the instincts and quality of that soul, as it manifests through the human family.

II. Con người thực ra là một mảnh của Vũ Trụ Trí, hay hồn thế giới,60 và với tư cách là một mảnh như thế, do đó dự phần vào các bản năng và phẩm tính của hồn ấy, khi nó biểu hiện qua gia đình nhân loại.

68. Here we have a statement which is almost identical with the Third Fundamental of *The Secret Doctrine,* which affirms the identity of all souls with the Oversoul.

68. Ở đây chúng ta có một phát biểu gần như đồng nhất với Điểm Căn Bản Thứ Ba của *Giáo Lý Bí Nhiệm,* khẳng định sự đồng nhất của mọi linh hồn với đại hồn.

69. It is interesting that the Universal Mind is seen as identical with the “world soul”. Perhaps this is so because that which we normally call “soul” is focussed on the mental plane. Soul is usually considered a form of sentient, intelligent self-consciousness.

69. Điều thú vị là Vũ Trụ Trí được xem là đồng nhất với “hồn thế giới”. Có lẽ là như vậy vì điều mà chúng ta thường gọi là “linh hồn” được tập trung trên cõi trí. Linh hồn thường được xem là một hình thức ngã thức có cảm nhận và trí tuệ.

70. Another way of understanding this postulate is that the entire human family *has* soul, that there is such an ‘Entity’ as the soul of humanity.

70. Một cách khác để hiểu định đề này là toàn thể gia đình nhân loại *có* linh hồn, rằng có một “Thực Thể” như linh hồn của nhân loại.

71. Even more true is that the human being *is* soul—entified consciousness focusing its identity upon the higher mental plane and beyond.

71. Còn đúng hơn nữa là con người *là* linh hồn—đồng nhất tâm thức đang tập trung bản sắc của mình trên cõi thượng trí và vượt lên trên nữa.

Therefore, unity is only possible upon the plane of mind.

Vì vậy, sự hợp nhất chỉ có thể có trên cõi trí.

72. Soul is the sponsor of unity and soul is found on the plane of mind.

72. Linh hồn là tác nhân bảo trợ cho sự hợp nhất và linh hồn được tìm thấy trên cõi trí.

73. Venus is the plane of "true unity" and a planet closely correlated with the higher mental plane.

73. Sao Kim là cõi của "sự hợp nhất đích thực" và là một hành tinh có tương quan mật thiết với cõi thượng trí.

74. The *feeling* of unity which arises on the astral plane is not a true unity.

74. *Cảm giác* hợp nhất phát sinh trên cõi cảm dục không phải là sự hợp nhất đích thực.

75. Unanimity has a definite mental content.

75. Sự nhất trí có một nội dung trí tuệ xác định.

76. DK tells us the world scientists work much more harmoniously and cooperatively than the world religionists (animated as they are by separative beliefs which cannot yet be mentally bridged—at least not easily.)

76. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các nhà khoa học thế giới làm việc hài hòa và hợp tác với nhau hơn nhiều so với những người theo tôn giáo trên thế giới (vốn bị thúc đẩy bởi những niềm tin chia rẽ mà hiện chưa thể bắt cầu bằng trí tuệ—ít nhất là không dễ dàng.)

77. If, however, we seek to understand the proposed postulate in a manner truly *technical*, it might be possible to discriminate the Universal Mind from the "World Soul".

77. Tuy nhiên, nếu chúng ta tìm cách hiểu định đề được đề xuất này theo một cách thực sự *kỹ thuật*, thì có thể phân biện Vũ Trụ Trí với "Hồn Thế Giới".

This, if true, must lead to the tendency to develop within the physical brain a conscious realisation of group affiliations on the mental plane, a conscious recognition of group relationships, ideals and goal, and a conscious manifestation of that continuity

Nếu điều này đúng, thì điều đó hẳn phải dẫn đến xu hướng phát triển trong bộ não hồng trần một sự chứng nghiệm có ý thức về các liên hệ nhóm trên cõi trí, một sự nhận biết có ý thức về các tương quan nhóm, các lý tưởng và mục tiêu, và một sự biểu hiện có ý

of consciousness which is the object of evolution at this time.

thức của sự liên tục của tâm thức vốn là mục tiêu của tiến hoá vào lúc này.

78. A very salutary psycho-spiritual tendency is in process of development.

78. Một xu hướng tâm lý-tinh thần rất lành mạnh đang trong tiến trình phát triển.

79. Let us tabulate the results which would arise, were it realized that "unity is only possible on the plane of mind".

79. Chúng ta hãy lập bảng những kết quả sẽ phát sinh nếu người ta chứng nghiệm rằng "sự hợp nhất chỉ có thể có trên cõi trí".

a. The tendency to develop within the physical brain a conscious realisation of group affiliations on the mental plane. Man would become aware of his egoic group and of affiliated egoic groups.

a. Xu hướng phát triển trong bộ não hồng trần một sự chứng nghiệm có ý thức về các liên hệ nhóm trên cõi trí. Con người sẽ trở nên nhận biết nhóm chân ngã của mình và các nhóm chân ngã liên hệ.

b. A conscious recognition of group relationships, ideals and goals. This would lead to cooperation and the reduction of selfishness.

b. Một sự nhận biết có ý thức về các tương quan nhóm, các lý tưởng và các mục tiêu. Điều này sẽ dẫn đến hợp tác và giảm bớt tính ích kỷ.

c. A conscious manifestation of that continuity of consciousness which is the object of evolution at this time. Relationships discovered upon the mental plane would be brought through in the physical brain consciousness.

c. Một sự biểu hiện có ý thức của sự liên tục tâm thức vốn là mục tiêu của tiến hoá vào lúc này. Những tương quan được khám phá trên cõi trí sẽ được đưa xuyên qua vào tâm thức bộ não hồng trần.

d. And, as stated below, a transference of race consciousness from the physical plane to the mental.

d. Và, như được nói dưới đây, một sự chuyển dịch tâm thức nhân loại từ cõi hồng trần lên cõi trí.

80. Even in our physical brain consciousness, we begin to recognize each other as souls and our inner affiliations become more tangible.

80. Ngay cả trong tâm thức bộ não hồng trần của mình, chúng ta bắt đầu nhận ra nhau như những linh hồn và các liên hệ bên trong của chúng ta trở nên hữu hình hơn.

It will further produce the transference of the race consciousness from the physical plane to the mental, **and a consequent solving through "knowledge, love, and sacrifice" of all present problems.**

Điều này còn sẽ tạo ra sự chuyển dịch tâm thức nhân loại từ cõi hồng trần lên cõi trí, **và do đó giải quyết bằng "tri thức, bác ái và hi sinh" mọi vấn đề hiện tại.**

81. It becomes evident that humanity's problems cannot be solved without the application of soul faculties and powers.

81. Rõ ràng là các vấn đề của nhân loại không thể được giải quyết nếu không vận dụng các năng lực và quyền năng của linh hồn.

82. A mental focus for the race will give access to the necessary "knowledge, love and sacrifice".

82. Một tập trung trí tuệ cho nhân loại sẽ cho phép tiếp cận "tri thức, bác ái và hi sinh" cần thiết.

83. Under the growing power of Venus (the planet of soul culture) this will be achieved.

83. Dưới quyền năng ngày càng tăng của Sao Kim (hành tinh của sự vun bồi linh hồn), điều này sẽ được thực hiện.

This will bring about emancipation from the present physical plane disorder.

Điều này sẽ mang lại sự giải phóng khỏi tình trạng hỗn loạn hiện nay trên cõi hồng trần.

84. The advent of the seventh Ray of Order, will surely assist this, and will assist the bringing through of mental realizations into the physical brain.

84. Sự xuất hiện của cung bảy của Trật Tự chắc chắn sẽ hỗ trợ điều này, và sẽ hỗ trợ việc đưa các chứng nghiệm trí tuệ xuyên qua vào bộ não hồng trần.

85. Had we thought that disorder is enslaving? The Forces of Darkness attempt to create disorder in normal human living whenever possible to cause a reversion to *unprincipled* methods of behaviour and expression.

85. Phải chăng chúng ta đã nghĩ rằng hỗn loạn là một hình thức nô dịch? Các Lực Lượng Bóng Tối tìm cách tạo ra hỗn loạn trong đời sống bình thường của con người bất cứ khi nào có thể để gây ra sự thoái lui về những phương pháp *không nguyên khí* của hành vi và biểu hiện.

It must lead to the education of the public as to the nature of man, and the **development of the powers latent within him**—powers which will set him free from his present limitations, and which will produce in the human family a collective repudiation of the present conditions.

Điều này hẳn phải dẫn đến việc giáo dục công chúng về bản chất của con người, và **sự phát triển các quyền năng tiềm ẩn bên trong y**—những quyền năng sẽ giải phóng y khỏi các giới hạn hiện tại của mình, và sẽ tạo ra trong gia đình nhân loại một sự bác bỏ tập thể đối với các điều kiện hiện tại.

86. This form of education is already well is process. The growth and success of the Human Potential Movement is a testimony to the fulfillment of Master DK's prophecy.

86. Hình thức giáo dục này đã đang được tiến hành khá tốt. Sự tăng trưởng và thành công của Phong Trào Tiềm Năng Con Người là một minh chứng cho sự ứng nghiệm lời tiên tri của Chân sư DK.

87. Groups of children with unusual "powers" are already being widely recognized. What man *can* be is now far better understood by millions of individuals the world over.

87. Các nhóm trẻ em với những "quyền năng" khác thường đã được công nhận rộng rãi. Điều mà con người *có thể* trở thành hiện nay được hàng triệu cá nhân trên khắp thế giới hiểu rõ hơn nhiều.

88. All that we need for our emancipation is resident within our nature.

88. Tất cả những gì chúng ta cần cho sự giải phóng của mình đều cư ngụ trong bản chất của chúng ta.

When men everywhere recognise themselves and each other, as divine self-conscious units, functioning **primarily** in the causal body but utilising the three lower vehicles only as a means of contact with the three lower planes, **we will have government, politics, economics and the social order readjusted upon sound, sane and divine lines.**

Khi những người nam và nữ ở khắp nơi nhận ra chính mình và nhau như những đơn vị ngã thức thiêng liêng, hoạt động **chủ yếu** trong thể nguyên nhân nhưng sử dụng ba vận cụ thấp chỉ như một phương tiện tiếp xúc với ba cõi thấp, **chúng ta sẽ có chính quyền, chính trị, kinh tế và trật tự xã hội được điều chỉnh lại theo những đường lối lành mạnh, sáng suốt và thiêng liêng.**

89. We see how important it is, then, that human beings become *informed* of the truth in this regard. The readjustment of human living along "sound, sane and divine lines" is predicated upon the recognition of the divinity of all human beings. It is impossible to mistreat one's fellowmen (as is so outrageously the case today) if all human beings are seen as "divine self-conscious units". We must come to realize who we really *are.*

89. Như vậy, chúng ta thấy việc con người được *thấm nhuần* chân lý về phương diện này quan trọng biết bao. Sự điều chỉnh lại đời sống con người theo những "đường lối lành mạnh, sáng suốt và thiêng liêng" được đặt nền trên sự nhận biết thiên tính của mọi con người. Không thể ngược đãi đồng loại của mình (như đang diễn ra một cách quá sức trắng trợn ngày nay) nếu mọi con người được nhìn như "những đơn vị ngã thức thiêng liêng". Chúng ta phải đi đến chỗ chứng nghiệm mình thực sự *là ai.*

90. For this reason, spiritual education on a broad scale is now indispensable.

90. Vì lý do này, giáo dục tinh thần trên quy mô rộng hiện nay là điều không thể thiếu.

III. Man in his lower nature, and in his three vehicles, is an aggregate of lesser lives, dependent upon him for their group nature, for their type of activity, and collective response, and who— [Page 811] through the energy or activity of the solar Lord—will

III. Con người trong bản chất thấp của mình, và trong ba vận cụ của mình, là một tập hợp những sự sống nhỏ hơn, lệ thuộc vào y về bản chất nhóm của chúng, về loại hoạt động của chúng, và sự đáp ứng tập thể của chúng, và những sự sống ấy— [Page 811] nhờ năng lượng hay hoạt động của nhật tinh

themselves later be raised, and developed to the human stage.

quân—về sau chính chúng sẽ được nâng lên và phát triển đến giai đoạn nhân loại.

91. In what ways are the aggregate of lesser lives depending upon the indwelling human being?

91. Những tập hợp sự sống nhỏ hơn ấy lệ thuộc vào con người nội tại theo những cách nào?

a. They are dependent upon him for their group nature

a. Chúng lệ thuộc vào y về bản chất nhóm của chúng

b. They are dependent upon him for their type of activity

b. Chúng lệ thuộc vào y về loại hoạt động của chúng

c. They are dependent upon him for their collective response

c. Chúng lệ thuộc vào y về sự đáp ứng tập thể của chúng

d. They are dependent upon him and upon the Solar Angel working through him for their eventual elevation in the human kingdom.

d. Chúng lệ thuộc vào y và vào Thái dương Thiên Thần đang hoạt động qua y để cuối cùng được nâng lên trong giới nhân loại.

92. Why is it so important for humanity to understand the relationship between man and the lesser lives which constitute his vehicles of expression? Can we anticipate what the Tibetan will say?

92. Vì sao điều tối quan trọng là nhân loại phải hiểu mối liên hệ giữa con người và những sự sống nhỏ hơn cấu thành các vận cụ biểu hiện của y? Chúng ta có thể đoán trước Chân sư Tây Tạng sẽ nói gì không?

93. Perhaps, this realization is meant to induce in man a sense of responsibility for the lesser lives. His relations must not only be right and correct with his fellow human beings, but with the tiny unconscious lives as well, for they, too, are on their way to becoming human beings.

93. Có lẽ sự chứng nghiệm này nhằm khơi dậy nơi con người một ý thức trách nhiệm đối với những sự sống nhỏ hơn. Các mối quan hệ của y không chỉ phải đúng đắn và chính xác với đồng loại, mà còn với cả những sự sống nhỏ bé vô thức ấy nữa, vì chúng cũng đang trên đường trở thành con người.

94. We note that the “lesser lives” are dependent upon man “for their group nature”. We can follow the analogy: is man dependent upon, for instance, the Planetary Logos, for his own group nature? Group identification if caused by the cohesive pervasion of a larger, inclusive life.

94. Chúng ta lưu ý rằng những “sự sống nhỏ hơn” lệ thuộc vào con người “về bản chất nhóm của chúng”. Chúng ta có thể theo phép loại suy: chẳng hạn, con người có lệ thuộc vào Hành Tinh Thượng Đế về bản chất nhóm của chính mình hay không? Sự đồng nhất nhóm được gây ra bởi sự thấm nhuần

cố kết của một sự sống lớn hơn, bao gồm hơn.

95. We note again that it is the “solar Lord” who will raise this aggregate of lesser lives and draw them towards the human stage of consciousness. The analogy suggests that that "solar Lord" known as the Planetary Logos will raise the aggregate of human beings and draw them towards the planetary logoic consciousness.

95. Chúng ta lại lưu ý rằng chính “nhật tinh quân” sẽ nâng tập hợp những sự sống nhỏ hơn này lên và kéo chúng về phía giai đoạn tâm thức nhân loại. Phép loại suy gợi ý rằng “nhật tinh quân” được biết như Hành Tinh Thượng Đế sẽ nâng tập hợp loài người lên và kéo họ về phía tâm thức hành tinh logoic.

When these **three facts** are understood, then and only then will we have a right and just comprehension of the nature of man.

Khi **ba sự kiện** này được thấu hiểu, thì khi ấy và chỉ khi ấy chúng ta mới có được một sự hiểu biết đúng đắn và công bằng về bản chất của con người.

96. The divinity of man; his union in soul with the World Soul; and his responsibility to the lesser lives which comprise his vehicles—these are the “three facts” which will bring to us “a right and just comprehension of the nature of man”. These are the facts which, when truly accepted and understood, will lead to the improving of every aspect of human living.

96. Thiên tính của con người; sự hợp nhất của y trong linh hồn với Hồn Thế Giới; và trách nhiệm của y đối với những sự sống nhỏ hơn cấu thành các vận cụ của y—đó là “ba sự kiện” sẽ mang đến cho chúng ta “một sự hiểu biết đúng đắn và công bằng về bản chất của con người”. Đây là những sự kiện mà khi thực sự được chấp nhận và thấu hiểu, sẽ dẫn đến việc cải thiện mọi phương diện của đời sống con người.

Again, this realisation [the understanding of the “three facts” discussed above] will bring about three changes in the thought of the age:

Một lần nữa, sự chứng nghiệm này [sự thấu hiểu về “ba sự kiện” được bàn đến ở trên] sẽ mang lại ba thay đổi trong tư tưởng của thời đại:

(1) A readjustment of the medical knowledge of man, resulting in a truer understanding of the physical body, of its treatment, and of its protection, and thus producing a juster apprehension of the laws of health.

(1) Một sự điều chỉnh lại tri thức y học về con người, dẫn đến một sự thấu hiểu chân thực hơn về thể xác, về việc điều trị nó, và về việc bảo vệ nó, và do đó tạo ra một sự lĩnh hội đúng đắn hơn về các định luật sức khỏe.

97. A deeper understanding of man and his relation to the “lesser lives” which constitute his lower nature will lead to this improved medical knowledge.

97. Một sự thấu hiểu sâu sắc hơn về con người và mối liên hệ của y với những “sự sống nhỏ hơn” cấu thành bản chất thấp của

y sẽ dẫn đến tri thức y học được cải thiện này.

98. We see in these thoughts that the seed of the Tibetan's book *Esoteric Healing* was being planted.

98. Chúng ta thấy trong những tư tưởng này hạt giống của cuốn sách *Trị Liệu Huyền Môn* của Chân sư Tây Tạng đang được gieo trồng.

The aim of the physician **will then be to find out what it is in a man's life which is preventing egoic energy from flooding every part of his being**;

Mục tiêu của thầy thuốc **khi ấy sẽ là tìm ra điều gì trong đời sống của một người đang ngăn cản năng lượng chân ngã tràn ngập mọi phần trong hữu thể của y**;

99. The inhibition of the flow of soul life is the major cause of disease. The very first Law of Healing, expresses this truth:

99. Sự ngăn trở dòng chảy của sự sống linh hồn là nguyên nhân chủ yếu của bệnh tật. Chính Định luật Chữa Lành đầu tiên đã diễn tả chân lý này:

All disease is the result of inhibited soul life, and that is true of all forms in all kingdoms. The art of the healer consists in releasing the soul, so that its life can flow through the aggregate of organisms which constitute any particular form. (EH 5)

Mọi bệnh tật đều là kết quả của sự sống linh hồn bị ngăn trở, và điều đó đúng với mọi hình tướng trong mọi giới. Nghệ thuật của người chữa lành nằm ở chỗ giải phóng linh hồn, để sự sống của nó có thể chảy qua tập hợp các cơ thể cấu thành bất kỳ hình tướng riêng biệt nào. (EH 5)

100. In the following, DK will describe mental and psychological weaknesses which bring disease to the lower nature.

100. Trong phần sau, Chân sư DK sẽ mô tả những yếu kém trí tuệ và tâm lý gây bệnh cho bản chất thấp.

to find out what lines of thought are being indulged in which are causing that **inertia of the will** aspect which is so conducive to wrongdoing;

tìm ra những đường lối tư tưởng nào đang được nuông chiều gây nên **quán tính của phương diện ý chí** vốn rất dễ dẫn đến hành vi sai trái;

101. The implication here is that the proper lines of thought are conducive to the right activation of the will aspect. Further, DK seems to imply that "inertia of the will aspect" is closely related to the prevention of egoic energy from flooding every aspect of a man's being.

101. Hàm ý ở đây là những đường lối tư tưởng đúng đắn sẽ dẫn đến sự hoạt hóa đúng đắn của phương diện ý chí. Hơn nữa, Chân sư DK dường như hàm ý rằng "quán tính của phương diện ý chí" có liên hệ mật thiết với việc ngăn cản năng lượng chân ngã tràn ngập mọi phương diện trong hữu thể của một người.

102. "Inertia of the will aspect" promotes not only active wrongdoing, but a failure to prevent the occurrence of wrongdoing.

102. "Quán tính của phương diện ý chí" không chỉ thúc đẩy hành vi sai trái tích cực, mà còn gây ra sự thất bại trong việc ngăn chặn hành vi sai trái xảy ra.

103. The conclusion may well be that "right thought" is critical in establishing good health.

103. Kết luận rất có thể là "tư tưởng đúng đắn" giữ vai trò quyết định trong việc thiết lập sức khỏe tốt.

to **ascertain what it is in the emotional body which is affecting the nervous system**, and thus obstructing the flow of energy from the love petals of the egoic lotus (via the astral permanent atom) to the astral body, and from thence to the nervous system;

xác định **điều gì trong thể cảm dục đang tác động lên hệ thần kinh**, và do đó cản trở dòng chảy năng lượng từ các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã (qua nguyên tử trường tồn cảm dục) đến thể cảm dục, rồi từ đó đến hệ thần kinh;

104. The line of force described is both interesting and important—from the love petals, to the astral body to the nervous system.

104. Đường lực được mô tả ở đây vừa thú vị vừa quan trọng—từ các cánh hoa bác ái, đến thể cảm dục rồi đến hệ thần kinh.

105. The energy of the love petals is meant to flow *through* the astral body to the nervous system. When there is an obstruction in this flow, it is obvious that nervous difficulties arise.

105. Năng lượng của các cánh hoa bác ái được dự định chảy *qua* thể cảm dục đến hệ thần kinh. Khi có sự tắc nghẽn trong dòng chảy này, hiển nhiên là các khó khăn thần kinh sẽ phát sinh.

106. Interestingly enough, we have the following relating Venus to the nervous system:

106. Điều khá thú vị là chúng ta có đoạn sau liên hệ Sao Kim với hệ thần kinh:

The nervous system is ruled by Venus. (EH 143)

Hệ thần kinh do Sao Kim cai quản. (EH 143)

107. The love petals of the egoic lotus are certainly related to Venus as the intended functioning of the astral body—i.e., what the astral body must become after the second initiation.

107. Các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã chắc chắn có liên hệ với Sao Kim như chức năng được dự định của thể cảm dục—tức là, điều mà thể cảm dục phải trở thành sau lần điểm đạo thứ hai.

108. We have been told that the color *rose* has a good effect on the nervous system and, thus, we may propose, is useful in promoting this flow from the love petals through the astral body to the nervous system.

108. Chúng ta đã được cho biết rằng màu *hồng* có tác dụng tốt lên hệ thần kinh và, do đó, chúng ta có thể đề nghị rằng nó hữu ích trong việc thúc đẩy dòng chảy này từ các cánh hoa bác ái qua thể cảm dục đến hệ thần kinh.

2. Rose acts upon the nervous system and tends to vitalisation, and to the removal of depression, and symptoms of debilitation; it increases the will to live. (LOM 247-248)

2. Màu hồng tác động lên hệ thần kinh và có khuynh hướng tiếp sinh lực, cũng như loại bỏ sự trầm uất và các triệu chứng suy nhược; nó làm tăng ý chí sống. (LOM 247-248)

109. It is also important to conceive one of the major colors of Venus as "rose".

109. Cũng quan trọng là phải hình dung một trong những màu chính của Sao Kim là "hồng".

to discover what is the hindrance in the etheric body which is preventing the right flow of prana, or of solar vitality to every part of the body.

khám phá điều gì là chướng ngại trong thể dĩ thái đang ngăn cản dòng chảy đúng đắn của prana, hay của sinh lực thái dương, đến mọi phần của thể.

110. In each of these three cases we are dealing with a kind of blockage or obstruction. Repetitive lines of thought in the mental body can also be understood as a form of inertia—a tendency, either towards activity or inactivity, which resists constructive change and which thwarts the establishment of more wholesome conditions.

110. Trong cả ba trường hợp này, chúng ta đang xử lý một loại bế tắc hay tắc nghẽn. Những đường lối tư tưởng lặp đi lặp lại trong thể trí cũng có thể được hiểu như một hình thức quán tính—một khuynh hướng, hoặc hướng tới hoạt động hoặc hướng tới bất động, chống lại sự thay đổi có tính xây dựng và cản trở việc thiết lập những điều kiện lành mạnh hơn.

111. Crystallized emotional patterns of response are also potentially blockages.

111. Những mô hình đáp ứng cảm xúc bị kết tinh cũng có thể là những sự bế tắc.

It is essential that in days to come medical men should realise that disease in **the physical body is incidental to wrong internal conditions.**

Điều thiết yếu là trong những ngày sắp tới các thầy thuốc phải chứngnghiệm rằng bệnh tật trong **thể xác chỉ là hệ quả phụ của những điều kiện nội tại sai lầm.**

112. It would seem that this realization has now taken root in the diagnoses offered by quite a number of more enlightened

112. Có vẻ như sự chứng nghiệm này nay đã bén rễ trong các chẩn đoán do khá nhiều thầy thuốc sáng suốt hơn đưa ra. *Luận về Lửa*

physicians. *A Treatise on Cosmic Fire* was written over eighty years ago and there have been many constructive changes of attitude.

Vũ Trụ đã được viết hơn tám mươi năm trước và đã có nhiều thay đổi thái độ mang tính xây dựng.

This is already being somewhat considered

Điều này đã phần nào được xem xét

113. Considered, yes, but not yet really widely accepted.

113. Đúng, đã được xem xét, nhưng vẫn chưa thực sự được chấp nhận rộng rãi.

but the whole question will remain but a beautiful theory (even though an incontrovertible one in view of the achievements of mental scientists and of the various faith healers)

nhưng toàn bộ vấn đề sẽ vẫn chỉ là một lý thuyết đẹp đẽ (dù là một lý thuyết không thể bác bỏ xét theo những thành tựu của các nhà khoa học trí tuệ và của nhiều nhà chữa bệnh bằng đức tin khác nhau)

114. DK is suggesting that a fair-minded physician cannot resist the reasonableness of this theory since it has been so convincingly demonstrated as accurate by mental scientists and faith healers.

114. Chân sư DK đang gợi ý rằng một thầy thuốc công tâm không thể cưỡng lại tính hợp lý của lý thuyết này, vì nó đã được các nhà khoa học trí tuệ và các nhà chữa bệnh bằng đức tin chứng minh một cách đầy thuyết phục là chính xác.

until the true nature of the ego, its constitution, its powers, and its field of influence are duly apprehended.

cho đến khi bản chất đích thực của chân ngã, cấu tạo của nó, các quyền năng của nó, và trường ảnh hưởng của nó được lĩnh hội đúng mức.

115. The theory that "internal conditions" are responsible for the health of the physical body depends, we are being told, upon a realization of the existence of the higher Ego, its constitution, powers and field of influence.

115. Chúng ta được cho biết rằng lý thuyết cho rằng "những điều kiện nội tại" chịu trách nhiệm về sức khỏe của thể xác phụ thuộc vào sự chứng nghiệm về sự hiện hữu của Chân ngã cao hơn, cấu tạo, quyền năng và trường ảnh hưởng của nó.

116. In short, there is no healing of the *outer* man until an understanding of the *inner* man (the true ego, or Ego) is properly understood.

116. Tóm lại, không có sự chữa lành nào cho con người *bên ngoài* cho đến khi con người *bên trong* (chân ngã đích thực, hay Chân ngã) được thấu hiểu đúng đắn.

117. (In the matter of capitalization, it seems best to use the term "Ego" when speaking of man's existence upon the higher mental plane. Nevertheless, the lower case

117. (Về vấn đề viết hoa, dường như tốt nhất là dùng thuật ngữ "Ego" khi nói về sự hiện hữu của con người trên cõi thượng trí. Tuy nhiên, chữ thường "ego" cũng thường được

"ego" is often used to indicated the same, and so caution is advised and an clear understanding of context.

dùng để chỉ cùng một điều, vì vậy cần thận trọng và phải có sự hiểu rõ bối cảnh.

This revelation will come when medical men accept this [Page 812] teaching as a working hypothesis, and then begin to note, for instance, **the powers of endurance shown by the great souls of the earth, and their capacity to work at high pressure, and to remain practically immune from disease until (at the close of a long life of usefulness) the Ego deliberately chooses to "die-out" of physical existence**.

Sự mặc khải này sẽ đến khi các thầy thuốc chấp nhận giáo huấn này như một giả thuyết làm việc, rồi bắt đầu lưu ý, chẳng hạn, [Page 812] **quyền năng chịu đựng được biểu lộ bởi những linh hồn vĩ đại của Trái Đất, và khả năng làm việc dưới áp lực cao của họ, và việc họ hầu như miễn nhiễm với bệnh tật cho đến khi (vào cuối một đời sống hữu ích lâu dài) Chân ngã cố ý chọn "rút khỏi" sự tồn tại hồng trần**.

118. DK is telling us that the power of the Ego (as exhibited by great souls) is responsible for their staying power and proverbial immunity from disease. Obviously, the source of their strength is far from strictly physical.

118. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng quyền năng của Chân ngã (như được biểu lộ nơi những linh hồn vĩ đại) chịu trách nhiệm cho sức bền và khả năng miễn nhiễm bệnh tật nổi tiếng của họ. Hiển nhiên nguồn sức mạnh của họ hoàn toàn không chỉ là hồng trần.

119. Earlier we read of the "staying power" of those who had united the fires of matter with the fires of mind:

119. Trước đó chúng ta đã đọc về "sức bền" của những người đã hợp nhất các lửa của vật chất với các lửa của trí tuệ:

The merging of the fires of matter and the fires of mind results in the energising of the sumtotal of the atoms of the matter of the body. This is the secret of the immense staying power of the great thinkers and workers of the race. It results also in a tremendous stimulation of the three higher centres in the body, the head, the heart, the throat and in the electrification of this area of the body. These higher centres then form a field of attraction for the downflow of the third fire, that of Spirit. (TCF 136)

Sự hòa nhập các lửa của vật chất và các lửa của trí tuệ dẫn đến sự tiếp sinh lực cho tổng thể các nguyên tử của vật chất trong thể. Đây là bí mật của sức bền to lớn nơi các nhà tư tưởng và người hoạt động vĩ đại của nhân loại. Nó cũng dẫn đến một sự kích thích mạnh mẽ ba trung tâm cao hơn trong thể, đầu, tim, cổ họng, và đến sự điện hóa khu vực này của thể. Khi ấy các trung tâm cao hơn này tạo thành một trường hấp dẫn cho sự tuôn xuống của ngọn lửa thứ ba, tức ngọn lửa của Tinh thần. (TCF 136)

120. The following quotation also tells us something of how these "great souls" work:

120. Trích dẫn sau đây cũng cho chúng ta biết đôi điều về cách những "linh hồn vĩ đại" này làm việc:

A brief period of organised effort and, at the end, death, is of more vital usefulness today than a futile doing of the things a man feels like doing in a leisurely way, and then meandering feebly down the years. (EXH 382)

Một giai đoạn ngắn của nỗ lực có tổ chức và, ở cuối giai đoạn ấy, cái chết, ngày nay có ích lợi thiết yếu hơn nhiều so với việc làm vô ích những điều mà một người cảm thấy thích làm theo cách thong thả, rồi yếu ớt lê bước qua năm tháng. (EXH 382)

It will come when the medical profession concentrates upon preventative action, substituting **sunshine, a vegetarian diet, and the application of the laws of magnetic vibration and vitality** for the present regimen of drugs and surgical operations.

Điều đó sẽ đến khi ngành y tập trung vào hành động phòng ngừa, thay thế **ánh nắng mặt trời, chế độ ăn chay, và việc áp dụng các định luật rung động từ tính và sinh lực** cho chế độ hiện nay gồm thuốc men và các ca phẫu thuật.

121. The approach to healing is to be *solar* and Venusian (Venus being not only the ruler of the vegetable kingdom, but the planet particularly associated with the Solar Angels, who convey ameliorative *solar fire* to man). As well, the "laws of magnetic vibration and vitality" will be seen to have a close connection with the deeper Law of Magnetic Impulse, the *second* law of the soul, related to the second ray and to Venus (the ruler of Libra, the astrological sign signifying this law).

121. Cách tiếp cận chữa lành phải mang tính *thái dương* và Sao Kim (Sao Kim không chỉ là chủ tinh của giới thực vật, mà còn là hành tinh đặc biệt gắn với các Thái dương Thiên Thần, những Đấng truyền đạt *Lửa Thái dương* có tính cải thiện cho con người). Đồng thời, "các định luật rung động từ tính và sinh lực" sẽ được thấy là có liên hệ mật thiết với Định luật Xung Động Từ Tính sâu xa hơn, định luật *thứ hai* của linh hồn, liên hệ với cung hai và với Sao Kim (chủ tinh của Thiên Bình, dấu hiệu hoàng đạo biểu thị định luật này).

Then will come the time when **finer and better human beings** will manifest on earth.

Rồi sẽ đến lúc **những con người tinh tế hơn và tốt đẹp hơn** sẽ biểu hiện trên Trái Đất.

122. "Finer" human beings will manifest on Earth when their vehicles are *refined*—as they will be through sunshine, a vegetable diet and recourse to the laws of magnetic vibration and vitality.

122. Những con người "tinh tế hơn" sẽ biểu hiện trên Trái Đất khi các vận cụ của họ được *tinh luyện*—như chúng sẽ được tinh luyện qua ánh nắng mặt trời, chế độ ăn thực vật và việc vận dụng các định luật rung động từ tính và sinh lực.

When also physicians learn the nature of the etheric body, and the work of the spleen as a focal point for pranic emanations, then **sound principles** and methods will be

Khi các thầy thuốc cũng học được bản chất của thể dĩ thái, và công việc của lá lách như một tiêu điểm cho các phát xạ prana, khi ấy **những nguyên lý đúng đắn** và những

introduced which will do away with such diseases as tuberculosis, debility, malnutrition and the diseases of the blood and of the kidneys.

phương pháp sẽ được đưa vào áp dụng, những điều sẽ loại bỏ các bệnh như bệnh lao, suy nhược, suy dinh dưỡng và các bệnh về máu cũng như về thận.

123. DK is telling us that a healthy spleen able to rightly distribute pranic emanations will end a number of diseases:

123. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng một lá lách khỏe mạnh có khả năng phân phối đúng đắn các phát xạ prana sẽ chấm dứt một số bệnh:

a. Tuberculosis

a. Bệnh lao

b. Debility

b. Suy nhược

c. Malnutrition

c. Suy dinh dưỡng

d. Diseases of the blood

d. Các bệnh về máu

e. Diseases of the kidneys

e. Các bệnh về thận

124. Each of these diseases, apparently, is related to insufficient vitalization of the dense physical body by the etheric body.

124. Hiển nhiên mỗi bệnh trong số này đều liên hệ với sự tiếp sinh lực không đầy đủ cho thể xác đậm đặc bởi thể dĩ thái.

125. When we hear of the coming utilization of “sound principles”, are we also being sold something of the use of sound in healing techniques.

125. Khi nghe nói đến việc sử dụng sắp tới các “nguyên lý đúng đắn”, liệu chúng ta cũng đang được cho biết phần nào về việc sử dụng âm thanh trong các kỹ thuật chữa lành chăng.

When doctors comprehend the effect of the emotions upon the nervous system, **they will turn their attention to the amelioration of environal conditions**,

Khi các bác sĩ hiểu được tác động của cảm xúc lên hệ thần kinh, **họ sẽ hướng sự chú ý đến việc cải thiện các điều kiện môi trường**,

126. Poor environal conditions, apparently, are responsible for inducing the kind of emotional stress which affects the emotions (and hence the nervous system) adversely.

126. Hiển nhiên các điều kiện môi trường kém chịu trách nhiệm gây ra loại căng thẳng cảm xúc tác động bất lợi lên cảm xúc (và do đó lên hệ thần kinh).

127. What is needed is the harmonization of man and his environal conditions.

127. Điều cần thiết là sự hài hòa hóa giữa con người và các điều kiện môi trường của y.

128. From the planetary perspective, we need more Venus and less Mars.

128. Từ quan điểm hành tinh, chúng ta cần nhiều Sao Kim hơn và ít Sao Hỏa hơn.

and will study the effects of the emotional currents upon the fluids of the body, and primarily upon the great nerve centres, and the spinal column.

và sẽ nghiên cứu các tác động của các dòng cảm xúc lên các lưu chất của thể, và chủ yếu lên các trung tâm thần kinh lớn, và cột sống.

129. We are receiving many important medical hints.

129. Chúng ta đang nhận được nhiều gợi ý y học quan trọng.

130. We know that wrong emotion proves itself to be debilitating. We are given some of the specifics. Emotional currents affect:

130. Chúng ta biết rằng cảm xúc sai lầm tỏ ra là làm suy nhược. Chúng ta được cho biết một số chi tiết cụ thể. Các dòng cảm xúc tác động lên:

a. The fluids of the body

a. Các lưu chất của thể

b. Great nerve centers

b. Các trung tâm thần kinh lớn

c. The spinal column

c. Cột sống

131. From this we may gather that the condition of the chakras and their right interplay is also significantly affected by the quality of emotional currents.

131. Từ đây chúng ta có thể suy ra rằng tình trạng của các luân xa và sự tương tác đúng đắn của chúng cũng bị ảnh hưởng đáng kể bởi phẩm tính của các dòng cảm xúc.

When the connection between the dense physical and the subtler bodies is a fact established in medical circles, then will the right treatment of **lunacy, of obsessions, and of wrong mental conditions** be better comprehended, and the results more successful;

Khi mối liên hệ giữa thể xác đậm đặc và các thể vi tế hơn trở thành một sự kiện được xác lập trong giới y học, khi ấy việc điều trị đúng đắn **bệnh điên loạn, sự ám nhập, và các tình trạng trí tuệ sai lệch** sẽ được hiểu rõ hơn, và kết quả sẽ thành công hơn;

132. Here DK speaks of certain diseases which are usually under the province of psychiatry and psychology.

132. Ở đây Chân sư DK nói về một số bệnh thường thuộc phạm vi của tâm thần học và tâm lý học.

133. The premature tearing of the etheric web (or its weak connection to the physical vehicle) and the subsequent vulnerability of the man to destructive astral currents, result in lunacy, obsessions and wrong mental conditions.

133. Sự rách sớm của màng dĩ thái (hoặc sự liên kết yếu của nó với vận cụ hồng trần) và sự dễ tổn thương tiếp theo của con người trước các dòng cảm dục phá hoại, dẫn đến điên loạn, ám nhập và các tình trạng trí tuệ sai lệch.

134. In a way, DK is laying down some of the ABC's of esoteric healing.

134. Theo một nghĩa nào đó, Chân sư DK đang đặt ra một số ABC của trị liệu huyền môn.

finally, when **the nature of egoic force, or of energy is studied**, and the **function of the physical brain as the transmitter of egoic intent** is better comprehended, then the coordination of man's entire being will be studied, and illness, debility and disease, will be traced to their just cause, and will be treated through the cause and not just through the effect.

sau cùng, khi **bản chất của mãnh lực chân ngã, hay của năng lượng được nghiên cứu**, và **chức năng của bộ não hồng trần như là cơ quan truyền đạt ý định của chân ngã** được thấu hiểu rõ hơn, khi đó sự phối hợp toàn bộ bản thể của con người sẽ được nghiên cứu, và sự đau yếu, suy nhược và bệnh tật sẽ được truy nguyên về đúng nguyên nhân của chúng, và sẽ được chữa trị thông qua nguyên nhân chứ không chỉ qua hậu quả.

135. The Ego is causal in relation to the personality of man.

135. Chân ngã là nguyên nhân đối với phàm ngã của con người.

136. DK is speaking of the Ego in relation to the coordination of a man's entire being. It is the relationship between egoic force and the physical brain as the transmitter of the intention of the Ego which so strongly affects the coordination of man vehicles.

136. Chân sư DK đang nói về chân ngã trong liên hệ với sự phối hợp toàn bộ bản thể của con người. Chính mối liên hệ giữa mãnh lực chân ngã và bộ não hồng trần như là cơ quan truyền đạt ý định của Chân ngã đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phối hợp các vận cụ của con người.

137. For the great majority of human beings the physical brain does not presently transmit "egoic intent", and man's expression as a personality does not reflect and express egoic energy and force.

137. Đối với đại đa số nhân loại, hiện nay bộ não hồng trần chưa truyền đạt "ý định của chân ngã", và sự biểu lộ của con người như một phàm ngã không phản ánh và biểu hiện năng lượng và mãnh lực chân ngã.

138. In the foregoing, we have been speaking of improving the quality and functioning of the vehicles of the microcosm within itself. Now we address ourselves to man social relations.

138. Trong phần trên, chúng ta đã bàn đến việc cải thiện phẩm tính và hoạt động của các vận cụ của tiểu thiên địa trong chính nó. Giờ đây chúng ta đề cập đến các quan hệ xã hội của con người.

(2) *The entire social world of thought* will apply itself to the **understanding of the emotional nature** of [Page 813] humanity, to the group relationships involved, and to the interaction between individuals and other individuals, between groups and other groups.

(2) *Toàn bộ thế giới tư tưởng xã hội* sẽ chuyên tâm vào **việc thấu hiểu bản chất cảm xúc** của [Page 813] nhân loại, vào các mối quan hệ nhóm có liên quan, và vào sự tương tác giữa cá nhân với cá nhân khác, giữa nhóm với nhóm khác.

139. DK seems to be speaking of the science of Sociology.

139. Chân sư DK dường như đang nói về khoa học Xã hội học.

140. Let us tabulate those factors which have to be considered together in order to induce Right Human Relations:

140. Chúng ta hãy lập bảng những yếu tố phải được xem xét cùng nhau để tạo ra Quan Hệ Đúng Đắn giữa Người với Người:

a. The understanding of the emotional nature of humanity

a. Sự thấu hiểu bản chất cảm xúc của nhân loại

b. The understanding of the group relationships involved in human interplay

b. Sự thấu hiểu các mối quan hệ nhóm có liên quan trong sự tương tác của con người

c. The understanding of the interaction between individuals and other individuals

c. Sự thấu hiểu sự tương tác giữa cá nhân với cá nhân khác

d. The understanding of the interaction between groups and other groups.

d. Sự thấu hiểu sự tương tác giữa nhóm với nhóm khác.

These relationships will be interpreted wisely and broadly and a man will be taught his responsibility to the lesser lives which he ensouls.

Những mối quan hệ này sẽ được giải thích một cách minh triết và bao quát và con người sẽ được dạy về trách nhiệm của mình đối với những sự sống nhỏ bé hơn mà y phú linh.

141. We have just spoken of horizontal relationships between human beings and groups of human beings.

141. Chúng ta vừa nói về những mối quan hệ theo chiều ngang giữa con người với nhau và giữa các nhóm người.

142. Vertical relationships are of equal importance, as man learns of his responsibility "to the lesser lives which he ensouls" and for whom he is as the macrocosm.

142. Những mối quan hệ theo chiều dọc cũng quan trọng không kém, khi con người học biết trách nhiệm của mình "đối với những sự sống nhỏ bé hơn mà y phú linh" và đối với chúng, y là đại thiên địa.

143. The Science of Right Relations is even broader than the Science of Right *Human* Relations—it includes relationships of all kinds. All such relationships are to be qualified by the energy of the soul, i.e., by the energy of love.

143. Khoa Học về Những Quan Hệ Đúng Đắn còn rộng hơn cả Khoa Học về Những Quan Hệ Đúng Đắn giữa *Người* với Người—nó bao gồm mọi loại quan hệ. Tất cả những quan hệ ấy đều phải được phẩm định bởi năng lượng của linh hồn, tức là bởi năng lượng của tình thương.

This will produce a just direction of individual force, and its utilisation for the **stabilisation, the development, and the refining** of the substance of the different vehicles.

Điều này sẽ tạo ra sự định hướng đúng đắn cho mãnh lực cá nhân, và việc sử dụng nó cho **sự ổn định, sự phát triển, và sự tinh luyện** chất liệu của các vận cụ khác nhau.

144. When social relations are rightly adjusted, the force of the individual will find its right direction, and this will bring an improved condition within the microcosm concerned.

144. Khi các quan hệ xã hội được điều chỉnh đúng đắn, mãnh lực của cá nhân sẽ tìm được hướng đi đúng của nó, và điều này sẽ mang lại một tình trạng được cải thiện trong tiểu thiên địa liên hệ.

145. Another way of saying this, is that when the individual is harmonious within society, he more easily achieves harmony within his own microcosmic nature.

145. Một cách khác để nói điều này là, khi cá nhân hài hòa trong xã hội, y dễ đạt được sự hài hòa hơn trong bản chất tiểu thiên địa của chính mình.

Men will also be taught their definite responsibility under law to their own individual families.

Con người cũng sẽ được dạy về trách nhiệm xác định của mình theo luật pháp đối với chính gia đình cá nhân của mình.

146. We see that during the Aquarian Age, the value of the family unit will not be overlooked or minimized. In some Aquarian

146. Chúng ta thấy rằng trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, giá trị của đơn vị gia đình sẽ không bị bỏ qua hay xem nhẹ. Trong một số thử

experiments during the 20th century, the family has been neglected in favor of "society".

147. We have presented here an interesting relationship between the signs Cancer (the sign of the family) and Capricorn (the sign of the enforcement of the Law).

This will bring about the protection of the family unit, and its scientific development;

148. The scientific development of the family unit will, in part, depend upon an understanding of the energy units involved *within* the family.

149. Already, in some of the more enlightened legislation in more enlightened countries, one can see this movement towards the protection of the family. One would think that a reasonable duration for "maternity leave" from the work force would be a foregone conclusion, but it is not so in many societies.

it will cause the elimination of marital troubles, and the abolition of abuses of different kinds, so prevalent now in many family circles.

150. From an astrological perspective, the influence of Venus in Cancer will take the place of the fall position of Mars in Cancer (author of so much family friction, distress and abuse).

151. The elimination of marital troubles will only come when marriage partners are correctly matched. Correct matching will necessitate a far deeper understanding of the ray and astrological formulas of the

nghiệm Bảo Bình trong thế kỷ 20th, gia đình đã bị sao lãng để ưu tiên cho "xã hội".

147. Ở đây chúng ta đã trình bày một mối liên hệ thú vị giữa các dấu hiệu hoàng đạo Cự Giải (dấu hiệu của gia đình) và Ma Kết (dấu hiệu của việc thực thi Định luật).

Điều này sẽ mang lại sự bảo vệ đơn vị gia đình, và sự phát triển có tính khoa học của nó;

148. Sự phát triển có tính khoa học của đơn vị gia đình, một phần, sẽ tùy thuộc vào sự thấu hiểu các đơn vị năng lượng có liên quan *bên trong* gia đình.

149. Ngay từ bây giờ, trong một số luật pháp tiến bộ hơn tại những quốc gia tiến bộ hơn, người ta có thể thấy sự chuyển động hướng tới việc bảo vệ gia đình. Người ta hẳn sẽ nghĩ rằng một thời hạn hợp lý cho "nghỉ thai sản" khỏi lực lượng lao động là điều hiển nhiên, nhưng trong nhiều xã hội lại không phải như vậy.

điều đó sẽ dẫn đến việc loại bỏ những rắc rối hôn nhân, và việc bãi bỏ những lạm dụng thuộc nhiều loại khác nhau, hiện đang rất phổ biến trong nhiều vòng gia đình.

150. Từ góc độ chiêm tinh học, ảnh hưởng của Sao Kim trong Cự Giải sẽ thay thế vị trí suy yếu của Sao Hỏa trong Cự Giải (tác nhân gây ra biết bao xung đột, đau khổ và lạm dụng trong gia đình).

151. Việc loại bỏ những rắc rối hôn nhân sẽ chỉ đến khi các bạn đời được ghép đôi đúng đắn. Sự ghép đôi đúng đắn sẽ đòi hỏi một sự thấu hiểu sâu xa hơn nhiều về các công thức cung và chiêm tinh của những người dự

partners intending marriage, and also an understanding of their relative levels of evolutionary unfoldment.

định kết hôn, và cả sự thấu hiểu về các cấp độ khai mở tiến hoá tương đối của họ.

152. We see that Master DK is paving the way for a far happier and saner way of human living—one which seems so elusive at present.

152. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đang mở đường cho một lối sống nhân loại hạnh phúc hơn và lành mạnh hơn nhiều—một lối sống hiện nay dường như còn rất khó nắm bắt.

Responsibility to the community in which a man is placed will likewise be emphasised. Men will be taught the true esoteric meaning of citizenship—**a citizenship based upon egoic group relations, the law of rebirth, and the real meaning of the law of karma.**

Trách nhiệm đối với cộng đồng mà một người được đặt vào cũng sẽ được nhấn mạnh. Con người sẽ được dạy về ý nghĩa huyền bí chân chính của quyền công dân—**một quyền công dân đặt nền trên các quan hệ nhóm chân ngã, định luật tái sinh, và ý nghĩa thực sự của định luật nghiệp quả.**

153. The present standards of citizenship seem shallow by comparison. An understanding of the "esoteric meaning of citizenship" demands are understanding of the Ego and of egoic group relations.

153. Những tiêu chuẩn hiện nay về quyền công dân dường như nông cạn nếu so sánh. Sự thấu hiểu "ý nghĩa huyền bí của quyền công dân" đòi hỏi phải thấu hiểu chân ngã và các quan hệ nhóm chân ngã.

154. We know that human beings are born in groups according to soul ray, but also according to national affiliation—a deeply esoteric matter, as we learn in *The Destiny of the Nations.* Man will come to know why, as a soul, he is *drawn* to a certain country and into affiliation with groups of souls who are likewise drawn.

154. Chúng ta biết rằng con người được sinh ra theo nhóm tùy theo cung linh hồn, nhưng cũng tùy theo sự gắn bó quốc gia—một vấn đề huyền bí sâu xa, như chúng ta học được trong *Vận Mệnh của Các Quốc Gia.* Con người sẽ đi đến chỗ biết vì sao, với tư cách một linh hồn, y bị *thu hút* đến một quốc gia nào đó và đi vào sự liên kết với những nhóm linh hồn cũng bị thu hút như vậy.

155. As well, it is probable that man shares group karma with those who magnetically belong to his nation. An understanding of citizenship will be lifted far *above the personal level* and man will come to understand the esoteric nature of nationhood and his esoteric affiliation with and his karmic relation to his present nation (and certain other nations).

155. Hơn nữa, có lẽ con người chia sẻ nghiệp nhóm với những ai thuộc về quốc gia của y theo từ tính. Sự thấu hiểu về quyền công dân sẽ được nâng lên rất xa *trên cấp độ cá nhân* và con người sẽ đi đến chỗ hiểu bản chất huyền bí của quốc gia tính và sự liên kết huyền bí của y với, cũng như mối liên hệ nghiệp quả của y đối với quốc gia hiện tại của mình (và một số quốc gia khác).

156. We see that if citizenship is to be understood properly (i.e., *esoterically*) the *group idea* is inescapable.

156. Chúng ta thấy rằng nếu quyền công dân được hiểu đúng đắn (tức là, *một cách huyền bí*) thì *ý tưởng nhóm* là điều không thể tránh khỏi.

They will be taught national responsibility, and the place of the community within the nation, and of the nation within the comity of nations.

Họ sẽ được dạy về trách nhiệm quốc gia, và về vị trí của cộng đồng trong quốc gia, và của quốc gia trong cộng đồng các quốc gia.

157. DK sets forth a *hierarchical* perspective —individuals within groups; groups within greater and still greater groups. The understanding of nationhood and citizenship will have an organic and holistic quality.

157. Chân sư DK trình bày một quan điểm *về thứ bậc* —cá nhân trong nhóm; nhóm trong những nhóm lớn hơn và còn lớn hơn nữa. Sự thấu hiểu về quốc gia tính và quyền công dân sẽ có phẩm tính hữu cơ và toàn thể.

158. The formula proposed will bring harmony intra-personally, inter-personally, within groups and nations, and between groups and nations. The full meaning of the term "comity" will prevail.

158. Công thức được đề xuất sẽ mang lại sự hài hòa trong nội tâm cá nhân, giữa các cá nhân, trong các nhóm và quốc gia, và giữa các nhóm và quốc gia. Ý nghĩa trọn vẹn của thuật ngữ "hòa hiếu" sẽ thắng thế.

159. As we study DK's prophecies, something of the wonder of the New Age begins to emerge. He is being very specific about the modes of betterment He expects.

159. Khi chúng ta nghiên cứu những lời tiên tri của Chân sư DK, điều kỳ diệu nào đó của Kỷ Nguyên Mới bắt đầu hiện ra. Ngài đang rất cụ thể về những phương thức cải thiện mà Ngài mong đợi.

Men will finally be taught their responsibility to the animal kingdom.

Con người sau cùng sẽ được dạy về trách nhiệm của mình đối với giới động vật.

160. The word "finally" tells quite a story. Human beings have, en mass, resisted assuming their responsibility to the kingdom immediately below their own.

160. Từ "sau cùng" kể lên cả một câu chuyện. Nhân loại, xét trên quy mô lớn, đã kháng cự việc nhận lấy trách nhiệm của mình đối với giới ngay dưới giới của mình.

This will be brought about in three ways:

Điều này sẽ được thực hiện theo ba cách:

1. Man's truer understanding of his own animal nature.

1. Sự thấu hiểu chân thực hơn của con người về bản chất động vật của chính mình.

161. Perhaps it is the fact that man's lower nature is an "animal nature" that has created a relationship with the animal kingdom which is abusive in so many instances. Could this abuse be related to man's desire to distance himself from his own animal nature, and from his sensed difficulty in doing so?

161. Có lẽ chính sự kiện rằng bản chất thấp của con người là một bản chất "động vật" đã tạo ra một mối quan hệ với giới động vật vốn đầy lạm dụng trong rất nhiều trường hợp. Liệu sự lạm dụng này có liên hệ đến mong muốn của con người muốn tách mình ra khỏi chính bản chất động vật của mình, và khỏi khó khăn mà y cảm nhận được trong việc làm như thế chăng?

162. Of course, that shared condition which has caused so much difficulty between men and animals could also be a bridge to their reconciliation.

162. Dĩ nhiên, chính tình trạng chung ấy, vốn đã gây ra quá nhiều khó khăn giữa con người và động vật, cũng có thể là một cây cầu dẫn đến sự hòa giải của họ.

2. A comprehension of the laws of individualisation, and the effect of the influence of the fourth, or human, kingdom upon the third, or animal, kingdom.

2. Sự thấu hiểu các định luật của biệt ngã hóa, và ảnh hưởng của tác động của giới thứ tư, hay giới nhân loại, lên giới thứ ba, hay giới động vật.

163. It is important for human beings to realize that the members of the animal kingdom are, indeed, on their way to individualization. They are different from a human being only in degree of consciousness. They too possess the same inner Spirit possess by man, though self-consciousness is lacking.

163. Điều quan trọng là con người phải chứng nghiệm rằng các thành viên của giới động vật quả thực đang trên đường đi đến biệt ngã hóa. Chúng chỉ khác con người về mức độ tâm thức. Chúng cũng sở hữu cùng một Tinh thần nội tại như con người sở hữu, dù ngã thức còn thiếu.

164. Presently, man believes it is his right to *use* the members of the animal kingdom as he sees fit, which is often selfishly and abusively.

164. Hiện nay, con người tin rằng mình có quyền *sử dụng* các thành viên của giới động vật theo cách y thấy phù hợp, mà thường là một cách ích kỷ và lạm dụng.

165. The matter under discussion is really a form of 'esoteric ecology'. It speaks of the interdependence of all existences expressing through all manner of forms, and the responsibility of those in a higher 'position', hierarchically, for the welfare of those in a lower position. Certainly this is so once self-consciousness is attained.

165. Vấn đề đang được bàn đến thực sự là một hình thức 'sinh thái học huyền bí'. Nó nói về sự tương thuộc của mọi hiện hữu biểu lộ qua mọi loại hình tướng, và về trách nhiệm của những ai ở một 'vị trí' cao hơn, theo thứ bậc, đối với phúc lợi của những ai ở vị trí thấp hơn. Chắc chắn là như vậy một khi ngã thức đã đạt được.

3. The work of an Avatar of a lesser order Who will come in the beginning of the next century to reveal to man his relationship to the third kingdom. His way is being prepared by the many who in these days are developing public interest through the [Page 814] various societies for the benefit and protection of animals, and through the many stories to be found in books and current periodicals.

166. We have definitely seen positive developments in this direction. The "animal rights" movement has gained considerable momentum and is now a force to be reckoned with. Every time an endangered specie is protected, we see evidence of the necessary and growing awareness which is leading to the coming of the Avatar here prophesied and his probable effectiveness in bettering relations between the human and animal kingdoms.

167. So many positive developments in the world are rooted in an esoteric cause. This must be realized.

We are told by H. P. B.[61] [S. D., III, 580] that the sense of responsibility is one of the first indications of egoic control, and as more and more of the human family come under egoic influence, conditions will be bettered slowly and steadily in every department of life.

168. If life conditions for human beings are to be improved, soul-culture is indispensable. With respect to our "younger brothers" (the members of the animal kingdom and even of the planet and mineral kingdoms) we are, indeed, "our brother's

3. Công việc của một Đấng Hoá Thân thuộc một cấp bậc thấp hơn, Đấng sẽ đến vào đầu thế kỷ tới để mặc khải cho con người mối liên hệ của mình với giới thứ ba. Con đường của Ngài đang được chuẩn bị bởi nhiều người hiện nay đang phát triển sự quan tâm của công chúng thông qua [Page 814] các hội đoàn khác nhau vì lợi ích và sự bảo vệ động vật, và thông qua nhiều câu chuyện được tìm thấy trong sách và các tạp chí đương thời.

166. Chúng ta chắc chắn đã thấy những phát triển tích cực theo hướng này. Phong trào "quyền động vật" đã đạt được động lực đáng kể và hiện nay là một lực lượng phải được tính đến. Mỗi khi một loài đang bị đe dọa được bảo vệ, chúng ta thấy bằng chứng của sự nhận biết cần thiết và ngày càng tăng đang dẫn đến sự xuất hiện của Đấng Hoá Thân được tiên tri ở đây và hiệu quả có thể có của ngài trong việc cải thiện quan hệ giữa giới nhân loại và giới động vật.

167. Rất nhiều phát triển tích cực trong thế giới bắt nguồn từ một nguyên nhân huyền bí. Điều này phải được chứng nghiệm.

Chúng ta được H. P. B. cho biết61 [S. D., III, 580] rằng ý thức trách nhiệm là một trong những dấu hiệu đầu tiên của sự kiểm soát của chân ngã, và khi ngày càng nhiều thành viên của gia đình nhân loại chịu dưới ảnh hưởng chân ngã, các điều kiện sẽ được cải thiện chậm rãi và vững chắc trong mọi lĩnh vực của đời sống.

168. Nếu các điều kiện sống của con người phải được cải thiện, thì việc vun bồi linh hồn là điều không thể thiếu. Đối với những "người em nhỏ hơn" của chúng ta (các thành viên của giới động vật và thậm chí của các giới hành tinh và kim thạch), quả thật chúng

keeper". The growing awareness of our planet as a living Being is facilitating the awareness of our responsibility to all life expressions upon and within the planet—including responsibility to the mineral kingdom (which, though it appears "inanimate", is not so).

ta là "người giữ gìn huynh đệ mình". Sự nhận biết ngày càng tăng về hành tinh của chúng ta như một Hữu thể sống đang tạo điều kiện cho sự nhận biết về trách nhiệm của chúng ta đối với mọi biểu hiện sự sống trên và trong hành tinh—bao gồm cả trách nhiệm đối với giới kim thạch (giới này, dù có vẻ "vô tri", thực ra không phải vậy).

169. The fact which we have to keep in mind is that the downpouring of egoic influence brings betterment—for all.

169. Sự kiện mà chúng ta phải ghi nhớ là sự tuôn đổ của ảnh hưởng chân ngã mang lại sự cải thiện—cho tất cả.

(3) In the educational world an apprehension of man's true nature will bring about a fundamental change in the methods of teaching.

(3) Trong thế giới giáo dục sự lĩnh hội về bản chất chân thực của con người sẽ mang lại một thay đổi căn bản trong các phương pháp giảng dạy.

170. We are faced with a large educational task. Humanity does not yet understand its true nature. With that understanding and with the possibility of purposefully and skillfully expressing its inner and higher nature, all manner of human and planetary betterment may be expected.

170. Chúng ta đang đối diện với một nhiệm vụ giáo dục lớn lao. Nhân loại chưa hiểu bản chất chân thực của mình. Với sự thấu hiểu ấy và với khả năng biểu hiện một cách có mục đích và khéo léo bản chất nội tại và cao hơn của mình, mọi loại cải thiện của con người và hành tinh đều có thể được mong đợi.

The emphasis will be laid upon teaching people the *fact* of the Ego on its own plane, the nature of the lunar bodies, and the methods of aligning the lower bodies so that the Ego can communicate direct with the physical brain, and thus control the lower nature and work out its purposes.

Sự nhấn mạnh sẽ được đặt vào việc dạy cho con người *sự kiện* về chân ngã trên cõi riêng của nó, bản chất của các thể nguyệt tinh quân, và các phương pháp chỉnh hợp các thể thấp để chân ngã có thể giao tiếp trực tiếp với bộ não hồng trần, và nhờ đó kiểm soát bản chất thấp và thực hiện các mục đích của nó.

Men will be taught how, through concentration and meditation, they can ascertain knowledge for themselves, can develop the intuition, and thus draw upon the resources of the Ego. Then will men be taught to *think*, to assume control of the

Con người sẽ được dạy cách, thông qua tập trung và tham thiền, họ có thể tự mình xác định tri thức, có thể phát triển trực giác, và nhờ đó rút ra từ các nguồn lực của chân ngã. Khi đó con người sẽ được dạy *suy nghĩ*, đảm nhận sự kiểm soát thể trí, và nhờ đó phát triển các quyền năng tiềm ẩn của mình.

mental body, and thus develop their latent powers.

171. Let us tabulate the sequence of teachings which must reach humanity if the desired improvements are to take place:

a. The teaching of the *fact* of the Ego on its own plane

b. The teaching of the nature of the lunar bodies

c. The teaching of the methods of aligning of the lower bodies so that the Ego can communicate directly with the physical brain, thus controlling the lower nature and working out its purposes

d. The teaching of the methods of concentration and meditation

e. The teaching of the methods of ascertaining knowledge for oneself

f. The teaching of methods of developing the intuition

g. The teaching of methods of drawing upon the resources of the Ego

h. The teaching of men to *think*

i. The teaching of assuming control of the mental body

j. The teaching of methods of developing one's latent powers.

In the above few remarks are indicated very briefly and inadequately **the results which may be looked for from a true**

171. Chúng ta hãy lập bảng trình tự những giáo huấn phải đến với nhân loại nếu những cải thiện mong muốn muốn diễn ra:

a. Giáo huấn về *sự kiện* của chân ngã trên cõi riêng của nó

b. Giáo huấn về bản chất của các thể nguyệt tinh quân

c. Giáo huấn về các phương pháp chỉnh hợp các thể thấp để chân ngã có thể giao tiếp trực tiếp với bộ não hồng trần, nhờ đó kiểm soát bản chất thấp và thực hiện các mục đích của nó

d. Giáo huấn về các phương pháp tập trung và tham thiền

e. Giáo huấn về các phương pháp tự mình xác định tri thức

f. Giáo huấn về các phương pháp phát triển trực giác

g. Giáo huấn về các phương pháp rút ra từ các nguồn lực của chân ngã

h. Giáo huấn dạy con người *suy nghĩ*

i. Giáo huấn về việc đảm nhận sự kiểm soát thể trí

j. Giáo huấn về các phương pháp phát triển những quyền năng tiềm ẩn của mình.

Trong vài nhận xét trên đây, đã được chỉ ra rất vắn tắt và chưa đầy đủ **những kết quả có thể được mong đợi từ một sự thấu hiểu**

understanding of the essential nature of man.

172. This entire section of text is directed to the necessity that man understand more deeply and accurately his own essential nature.

173. Those whose task it is to convey something of this understanding are undertaking a very necessary effort.

It has been written in view of **the necessity these days of a statement as to the real or inner man, and as to the laws of the**.

174. Certain developments within human consciousness (potentially problematic or misleading developments) necessitated a clearer and more direct explanation of man's inner nature and the law of the Kingdom of God. We can see that this explanation is meant to offset many dangers arising from materialistic misconceptions concerning man's true nature.

That inner man has ever been known to be there, and the "kingdom within" has ever been proclaimed until H. P. B. came and gave out the **same old truths from a new angle, giving an occult turn to mystic thought**.

175. HPB came as an "occultist", not a mystic. The ageless truths had not yet been presented to the general public in anything but mystical garb.

176. The essential truths are ever identical, but cannot always be properly assimilated if

chân chính về bản chất cốt yếu của con người.

172. Toàn bộ phần văn bản này hướng đến sự cần thiết để con người hiểu sâu sắc và chính xác hơn về bản chất cốt yếu của chính mình.

173. Những ai có nhiệm vụ truyền đạt phần nào sự thấu hiểu này đang đảm nhận một nỗ lực rất cần thiết.

Nó đã được viết ra vì **sự cần thiết trong những ngày này phải có một tuyên bố về con người chân thực hay nội tại, và về các định luật của**.

174. Một số phát triển nào đó trong tâm thức con người (những phát triển có thể gây vấn đề hoặc gây ngộ nhận) đã khiến cần phải có một sự giải thích rõ ràng và trực tiếp hơn về bản chất nội tại của con người và định luật của Thiên Giới. Chúng ta có thể thấy rằng sự giải thích này nhằm hóa giải nhiều nguy cơ phát sinh từ những ngộ nhận duy vật về bản chất chân thực của con người.

Con người nội tại ấy từ lâu vẫn được biết là hiện hữu, và "vương quốc bên trong" từ lâu vẫn được công bố cho đến khi H. P. B. xuất hiện và đưa ra **những chân lý xưa cũ ấy từ một góc độ mới, đem lại một chiều hướng huyền bí học cho tư tưởng thần bí**.

175. HPB đến như một "nhà huyền bí học", không phải một nhà thần bí. Những chân lý của Minh Triết Ngàn Đời trước đó chưa được trình bày cho công chúng nói chung ngoài lớp áo thần bí.

176. Những chân lý cốt yếu luôn luôn đồng nhất, nhưng không phải lúc nào cũng có thể được đồng hóa đúng đắn nếu chúng vẫn

they remain clothed in thought which does not appeal to the mentality of the age.

Now comes the opportunity for man to realise the laws of his own being, and in that realisation those who stand on the verge of intuitional apprehension of knowledge and those of scientific bent who are willing to accept these truths as a working [Page 815] hypothesis to be utilised as a basis for experiment until proven false, **will have the chance to solve the world problems from within**.

177. A considerable opportunity is being offered. The majority of the human race has lived in great ignorance concerning the true nature of the human being. This ignorance can now be dispelled if certain people who can function as disciples act in a responsible manner.

178. According to DK, two kinds of individuals are needed: those who are becoming intuitive and those of scientific bent who are sufficiently open-minded. DK is clearly appealing to the intelligentsia and, perhaps, not to the usual adherents to various esoteric groups.

Thus will the Christ principle be manifested upon earth, and thus will the Christ nature be demonstrated to be a fact in nature itself.

179. With the manifesting of the nature and powers of the Ego, the Christ principle will have a conduit for expression upon Earth.

180. The Reappearance of the Christ is dependent, in large measure, upon those changes within the advanced human beings

được khoác trong lối tư tưởng không hấp dẫn đối với trí tuệ của thời đại.

Giờ đây đến cơ hội để con người chứng nghiệm các định luật của chính bản thể mình, và trong sự chứng nghiệm đó, những ai đang đứng trên ngưỡng của sự lĩnh hội tri thức bằng trực giác và những ai có khuynh hướng khoa học, sẵn lòng chấp nhận những chân lý này như một giả thuyết công tác để được [Page 815] sử dụng làm cơ sở cho thực nghiệm cho đến khi bị chứng minh là sai, sẽ có cơ hội giải quyết các vấn đề của thế giới từ bên trong.

177. Một cơ hội đáng kể đang được trao ra. Đại đa số nhân loại đã sống trong sự vô minh lớn lao về bản chất chân thực của con người. Sự vô minh này giờ đây có thể được xua tan nếu một số người có thể hoạt động như các đệ tử hành xử một cách có trách nhiệm.

178. Theo Chân sư DK, cần có hai loại cá nhân: những người đang trở nên trực giác và những người có khuynh hướng khoa học đủ cởi mở. Chân sư DK rõ ràng đang kêu gọi giới trí thức và có lẽ không nhắm đến những người thường theo các nhóm huyền bí khác nhau.

Như thế nguyên khí Christ sẽ được biểu lộ trên Trái Đất, và như thế bản chất Christ sẽ được chứng minh là một sự kiện trong chính bản chất.

179. Với sự biểu lộ của bản chất và các quyền năng của chân ngã, nguyên khí Christ sẽ có một kênh dẫn để biểu hiện trên Trái Đất.

180. Sự Tái Lâm của Đức Christ tùy thuộc, ở mức độ lớn, vào những thay đổi trong những con người tiến bộ của thế giới, những thay

of the world which will allow them to express their egoic nature through their personality nature.

đổi sẽ cho phép họ biểu hiện bản chất chân ngã của mình qua bản chất phàm ngã.

The value to the public thought of a true explanation of the evolution of the Ego, and its gradually developing power on earth is very great.

Giá trị đối với tư tưởng công chúng của một sự giải thích chân chính về sự tiến hoá của chân ngã, và quyền năng đang dần phát triển của nó trên Trái Đất là rất lớn.

181. The value of the education which thoughtful students of esotericism can impart is considerable. Humanity simply does not understand the nature and evolution of the Ego, and this understanding is indispensable if the quality of human life upon out planet is to be improved.

181. Giá trị của nền giáo dục mà những đạo sinh huyền bí học biết suy tư có thể truyền đạt là rất đáng kể. Nhân loại đơn giản là không hiểu bản chất và sự tiến hoá của chân ngã, và sự thấu hiểu này là điều không thể thiếu nếu phẩm tính của đời sống con người trên hành tinh của chúng ta phải được cải thiện.

182. Thus, the responsibility of qualified teachers of esotericism is evident. If we had wondered what good could arise through the impartation the esoteric teaching, we can put our doubts aside.

182. Vì vậy, trách nhiệm của những huấn sư huyền bí học đủ phẩm chất là điều hiển nhiên. Nếu chúng ta từng tự hỏi điều tốt lành nào có thể phát sinh qua việc truyền đạt giáo huấn huyền bí, thì giờ đây chúng ta có thể gạt bỏ những nghi ngờ ấy.

There are two ways in which man may view this matter, both of which provide food for meditation, and well merit serious consideration. Both of them have been somewhat dealt with by thinkers of many schools of thought, and hence do not require any lengthy elucidation.

Có hai cách mà con người có thể nhìn vấn đề này, cả hai đều cung cấp nhiều điều đáng suy ngẫm trong tham thiền, và rất đáng được xem xét nghiêm túc. Cả hai đã phần nào được các nhà tư tưởng của nhiều trường phái tư tưởng bàn đến, và vì thế không cần giải thích dài dòng.

183. We are considering two ways to understanding the nature of the Ego and the methods by which its powers may be expressed on Earth.

183. Chúng ta đang xem xét hai cách để hiểu bản chất của chân ngã và những phương pháp nhờ đó các quyền năng của nó có thể được biểu hiện trên Trái Đất.

184. It is likely that the Tibetan is speaking of the mystical and occult approaches.

184. Có lẽ Chân sư Tây Tạng đang nói về các tiếp cận thần bí và huyền bí học.

The problem may be regarded as one calling for the elevation of the inner consciousness of the human unit (functioning in the physical body) to the higher levels of the mental plane, and therefore involves a raising or expansion of his waking consciousness till it becomes aware of this higher life.

Vấn đề có thể được xem như một vấn đề đòi hỏi sự nâng cao tâm thức nội tại của đơn vị nhân loại (đang hoạt động trong thể xác) lên các cấp độ cao hơn của cõi trí, và do đó bao hàm sự nâng lên hay mở rộng tâm thức thức tỉnh của y cho đến khi nó trở nên nhận biết được sự sống cao hơn này.

185. This is an approach to the soul through meditation.

185. Đây là một tiếp cận đến linh hồn thông qua tham thiền.

186. When we speak of "elevation", we think of the aspiration provided by the powers of Mars and Neptune—two planets distributing the sixth ray of aspirational idealism and devotion.

186. Khi chúng ta nói đến "sự nâng cao", chúng ta nghĩ đến khát vọng do các quyền năng của Sao Hỏa và Sao Hải Vương cung cấp—hai hành tinh phân phối cung sáu của chủ nghĩa lý tưởng khát vọng và lòng sùng tín.

187. By this means the awakening consciousness can become soul consciousness. Human consciousness will be transported to the higher mental plane.

187. Bằng phương tiện này, tâm thức đang thức tỉnh có thể trở thành tâm thức linh hồn. Tâm thức con người sẽ được chuyển lên Cõi thượng trí.

This is the way of mystical approach, and many instances of its successful accomplishment can be studied in the lives of the mystics of all ages.

Đây là con đường tiếp cận thần bí, và nhiều trường hợp thành công của nó có thể được nghiên cứu trong đời sống của các nhà thần bí thuộc mọi thời đại.

188. There is a well established tradition of mystical attainment and, although we now seek to study the Path of Occultism, attainment on the Path of Mysticism is not to be minimized. The mystic sleeps in the heart of every would-be occultist and must re-awaken before full attainment is possible.

188. Có một truyền thống thành tựu thần bí đã được xác lập vững chắc và, dù hiện nay chúng ta tìm cách nghiên cứu Con Đường Huyền Bí Học, thành tựu trên Con Đường Thần Bí Học không nên bị xem nhẹ. Nhà thần bí ngủ yên trong trái tim của mọi người muốn trở thành nhà huyền bí học và phải thức dậy trở lại trước khi có thể đạt thành tựu trọn vẹn.

By sheer devotion and strenuous application, and **by a severe disciplining of the physical body**, the mystic effects his

Bằng lòng sùng tín thuần túy và sự chuyên cần mãnh liệt, và **bằng sự kỷ luật nghiêm**

entrance into the heart centre of his little system,

189. We see that it is no easy matter to enter the microcosmic heart center.

190. Needed are:

a. Uncontaminated devotion

b. Strenuous application

c. Severe disciplining of the physical body

191. The Tibetan is not expressing Himself in gentle terms.

and his life becomes irradiated by the beams of his own central sun—the egoic light divine.

192. The mystic, as does the occultist, seeks illumination—irradiation by the egoic light divine (the "beams of his own central sun").

193. In this case, the "central sun" of the mystic is not the "central spiritual sun". It is the Ego rather than the Monad.

194. There follows a description of the occult approach.

The problem may again be regarded as one in which the **effort of the man is concentrated in an attempt to bring down into the physical brain consciousness, and thus on to the physical plane, the life and**

khắc đối với thể xác, nhà thần bí đi vào trung tâm tim của tiểu hệ thống của mình,

189. Chúng ta thấy rằng đi vào trung tâm tim của tiểu thiên địa không phải là việc dễ dàng.

190. Điều cần có là:

a. Lòng sùng tín không bị ô nhiễm

b. Sự chuyên cần mãnh liệt

c. Sự kỷ luật nghiêm khắc đối với thể xác

191. Chân sư Tây Tạng không diễn đạt bằng những lời lẽ nhẹ nhàng.

và đời sống của y trở nên được chiếu rạng bởi những tia sáng từ mặt trời trung tâm của chính mình—ánh sáng thiêng liêng của chân ngã.

192. Nhà thần bí, cũng như nhà huyền bí học, tìm kiếm sự soi sáng—sự chiếu rạng bởi ánh sáng thiêng liêng của chân ngã ("những tia sáng từ mặt trời trung tâm của chính mình").

193. Trong trường hợp này, "mặt trời trung tâm" của nhà thần bí không phải là "Mặt trời Tinh thần Trung Ương". Đó là chân ngã chứ không phải chân thần.

194. Tiếp theo là một mô tả về tiếp cận huyền bí học.

Vấn đề lại có thể được xem như một vấn đề trong đó **nỗ lực của con người được tập trung vào việc cố gắng đem xuống tâm thức bộ não hồng trần, và nhờ đó xuống cõi**

power and energy of the inner centre, the Ego.

195. The simple expedient of considering the mystical approach as one of *elevation* and the occult approach as one of *descent* is clarifying.

196. The rays of the mystic are the so-called "soft-line" rays (two, four and six) and incline towards elevation. The rays of the occultist are on the "hard-line", and contribute to the descent of subjective energies *into manifestation.*

This involves necessarily **a scientific apprehension of the laws of being, and a recognition of the dual nature of the Self. It involves a devotion to the work of bringing about a domination of the lunar lords through the radiant control of the solar Lord.** This is the occult method.

197. Let us tabulate the steps involved in the "occult method":

a. A scientific apprehension of the laws of being

b. A recognition of the dual nature of the Self

c. A "devotion" (note this) to the work of bringing about a domination of the lunar lords through the radiant control of the "solar Lord"

198. We might say that the mystical approach is an 'art' and the occult approach, a 'science', but, truly, there will be many

hồng trần, sự sống, quyền năng và năng lượng của trung tâm nội tại, tức chân ngã.

195. Biện pháp đơn giản là xem tiếp cận thần bí như một tiếp cận của *sự nâng lên* và tiếp cận huyền bí học như một tiếp cận của *sự đi xuống* là điều làm sáng tỏ.

196. Các cung của nhà thần bí là những cung được gọi là "đường mềm" (hai, bốn và sáu) và nghiêng về sự nâng lên. Các cung của nhà huyền bí học thuộc "đường cứng", và góp phần vào sự đi xuống của các năng lượng chủ quan *vào biểu hiện.*

Điều này tất yếu bao hàm **sự lĩnh hội có tính khoa học về các định luật của bản thể, và sự nhận biết bản chất nhị nguyên tính của Bản Ngã. Nó bao hàm sự sùng tín đối với công việc đem lại sự thống trị các nguyệt tinh quân thông qua sự kiểm soát rạng ngời của nhật tinh quân.** Đây là phương pháp huyền bí học.

197. Chúng ta hãy lập bảng các bước liên quan trong "phương pháp huyền bí học":

a. Một sự lĩnh hội có tính khoa học về các định luật của bản thể

b. Một sự nhận biết bản chất nhị nguyên tính của Bản Ngã

c. Một sự "sùng tín" (hãy lưu ý điều này) đối với công việc đem lại sự thống trị các nguyệt tinh quân thông qua sự kiểm soát rạng ngời của "nhật tinh quân"

198. Chúng ta có thể nói rằng tiếp cận thần bí là một 'nghệ thuật' và tiếp cận huyền bí học là một 'khoa học', nhưng thật ra sẽ có

opportunities for overlap and the mutual supplementation of parallel methods.

nhiều cơ hội chồng lấn và bổ sung lẫn nhau giữa các phương pháp song hành.

It is the method of studying the constitution of those entities who form the [Page 816] fourfold lower nature, the personality, and a close investigation of those divine Essences Who build the body of the Ego or higher self.

Đó là phương pháp nghiên cứu cấu tạo của những thực thể tạo thành [Page 816] bản chất thấp tứ phân, phàm ngã, và sự khảo sát chặt chẽ những Tinh Chất thiêng liêng xây dựng thể của chân ngã hay chân ngã cao hơn.

199. A close study of the entities which constitute and underlie the vehicles of man is undertaken. The matter of form and its function is of considerable importance.

199. Một sự nghiên cứu kỹ lưỡng về những thực thể cấu thành và làm nền cho các vận cụ của con người được tiến hành. Vấn đề hình tướng và chức năng của nó có tầm quan trọng đáng kể.

200. We note that the lunar lords are called "entities", and the Agnishvattas "Essences"—"divine Essences". Since the word "Essences" seems to be deliberately capitalized, something of the spiritual status of the Agnishvattas is conveyed.

200. Chúng ta lưu ý rằng các nguyệt tinh quân được gọi là "những thực thể", còn các Agnishvatta được gọi là "Tinh Chất"—"Tinh Chất thiêng liêng". Vì từ "Tinh Chất" dường như được viết hoa một cách có chủ ý, nên phần nào địa vị tinh thần của các Agnishvatta được truyền đạt.

201. Again, we seem to have a *plural* to consider, indicating that the egoic body of the human being is built by a number of "divine Essences"—perhaps, a number of Solar Angels Who function in close cooperation with each other. Perhaps each of them may be considered an emanation of a greater and presiding Solar Angel.

201. Một lần nữa, dường như chúng ta phải xét đến một dạng *số nhiều*, cho thấy rằng thể chân ngã của con người được xây dựng bởi một số "Tinh Chất thiêng liêng"—có lẽ là một số Thái dương Thiên Thần hoạt động trong sự hợp tác chặt chẽ với nhau. Có lẽ mỗi vị trong số họ có thể được xem là một phát xạ của một Thái dương Thiên Thần lớn hơn và chủ trì.

To this must be added a severe application of the laws of nature to the individual problem.

Vào đó phải thêm sự áp dụng nghiêm khắc các định luật của bản chất vào vấn đề cá nhân.

202. The laws of nature relate to the third aspect of divinity. Presumably, the application of the Laws of the Soul must also be applied though the foundational laws of nature cannot be ignored.

202. Các định luật của bản chất liên hệ đến phương diện thứ ba của thiên tính. Có lẽ các Định luật của Linh hồn cũng phải được áp dụng, dù các định luật nền tảng của bản chất không thể bị bỏ qua.

203. We simply must not gloss over the word "severe" which appears, not only in this context, but in the text discussing the approach of the mystic. Master DK is not given to overstatement, so when He uses a term like "severe" it should alert us to the demands of occult *and* mystical attainment.

203. Chúng ta tuyệt đối không được lướt qua từ "nghiêm khắc", từ này xuất hiện không chỉ trong ngữ cảnh này mà còn trong đoạn văn bàn về tiếp cận của nhà thần bí. Chân sư DK không có thói quen cường điệu, vì thế khi Ngài dùng một thuật ngữ như "nghiêm khắc", điều đó phải cảnh báo chúng ta về những đòi hỏi của thành tựu huyền bí học *và* thần bí.

What is proposed in this *Treatise* is to follow the latter method, as the aim is to make clear the rationale of the process.

Điều được đề xuất trong *Luận* này là theo phương pháp sau, vì mục tiêu là làm sáng tỏ cơ sở hợp lý của tiến trình.

204. A Treatise on Cosmic Fire is a book which sets forth a decidedly *occult* perspective and offers, for the sincere student, tried and true methods of *occult* practice.

204. Luận về Lửa Vũ Trụ là một cuốn sách trình bày một quan điểm rõ rệt *huyền bí học* và cống hiến, cho đạo sinh chân thành, những phương pháp thực hành *huyền bí học* đã được thử nghiệm và xác thực.

205. The earnest and persistent student of this book will have been a sincere mystic in earlier times. Such a student will have little more to learn from the strictly mystical approach, but much to learn from the Science of Occultism. Through a close study of *A Treatise on Cosmic Fire* he has the opportunity to learn that approach in considerable detail.

205. Đạo sinh nghiêm túc và kiên trì của cuốn sách này hẳn đã từng là một nhà thần bí chân thành trong những thời kỳ trước. Một đạo sinh như vậy sẽ không còn nhiều điều để học từ tiếp cận thuần thần bí, nhưng còn nhiều điều để học từ Khoa Học Huyền Bí Học. Qua việc nghiên cứu kỹ *Luận về Lửa Vũ Trụ*, y có cơ hội học tiếp cận ấy một cách khá chi tiết.

TCF 817-822: S7S7 Part I

Part I

19 June – 3 Jul 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

Phần I

19 tháng 6 – 3 tháng 7 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi được chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ

chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

1. During the past year seven classes have been given exclusively on the subject of the egoic lotus. This material is being worked into a book, and so what is said below will be an indicative rather than exhaustive treatment of the subject.

1. Trong năm qua đã có bảy lớp học được dành riêng cho chủ đề Hoa Sen Chân Ngã. Tài liệu này đang được biên soạn thành một quyển sách, vì thế những gì được nói dưới đây sẽ là một cách xử lý có tính chỉ dẫn hơn là bao quát trọn vẹn chủ đề.

2. When looking in the Commentaries to round out our consideration of the subject, the Commentary for S5S9 deals with the subject of the egoic lotus extensively.

2. Khi xem trong các phần Bình Luận để hoàn chỉnh việc khảo cứu của chúng ta về chủ đề này, phần Bình Luận cho S5S9 bàn đến chủ đề Hoa Sen Chân Ngã một cách rộng rãi.

(b) The evolution of the petals.

(b) Sự tiến hoá của các cánh hoa.

The building of the causal body is the result of dual energy, that of the lower self with its reflex action upon the higher unit,

Việc kiến tạo thể nguyên nhân là kết quả của năng lượng kép, năng lượng của phàm ngã với tác động phản chiếu của nó lên đơn vị cao hơn,

3. The ”higher unit”, in this case, is the egoic lotus which, in itself, is an integral unity. That which occurs ‘below’ is registered ‘above’. Every worthy thought, feeling or action goes automatically to the building the causal body.

3. “Đơn vị cao hơn”, trong trường hợp này, là Hoa Sen Chân Ngã, vốn tự nó là một hợp nhất toàn vẹn. Điều gì xảy ra “bên dưới” đều được ghi nhận “bên trên”. Mọi tư tưởng, cảm xúc hay hành động xứng đáng đều tự động góp phần xây dựng thể nguyên nhân.

and that of the natural energy of the self as it makes its direct impress upon the substance of the egoic lotus.

và năng lượng tự nhiên của bản ngã khi nó tạo ấn tượng trực tiếp lên chất liệu của Hoa Sen Chân Ngã.

4. The “self” is other than the substance of the egoic lotus. The true Self is the Monad and it has an ‘extension-in-presence’ into the egoic lotus (as the Jewel in the Lotus) and, for that matter, into all the vehicles of the personality.

4. “Bản ngã” là cái khác với chất liệu của Hoa Sen Chân Ngã. Chân Ngã đích thực là chân thần và nó có một “sự mở-rộng-trong-hiện-diện” vào trong Hoa Sen Chân Ngã (như Viên Ngọc trong Hoa Sen) và, xét rộng ra, vào trong mọi vận cụ của phàm ngã.

5. It is important to remember that the causal body is a sheath for the true Ego and the Ego is an expression of the EGO or the Self (Monad).

5. Điều quan trọng là phải nhớ rằng thể nguyên nhân là một vỏ bọc cho chân ngã đích thực và chân ngã là một biểu hiện của CHÂN NGÃ hay Bản Ngã (chân thần).

6. We cannot assume that every time we see the word “EGO” in full capitals it means the Monad, but that would be a good way of representing our highest center.

6. Chúng ta không thể giả định rằng mỗi khi thấy từ “EGO” viết toàn chữ hoa thì nó đều có nghĩa là chân thần, nhưng đó sẽ là một cách tốt để biểu thị trung tâm cao nhất của chúng ta.

It should here be remembered that, subtle though the material may be, the egoic lotus is as truly substance of a particular vibration as is the physical body,

Ở đây cần nhớ rằng, dù chất liệu có vi tế đến đâu, Hoa Sen Chân Ngã cũng thật sự là chất liệu của một rung động đặc thù chẳng khác gì thể xác,

7. The relative physicality of the egoic lotus is to be remembered. Compared with the matter of the cosmic ethers, it is very tangible (in fact, physical—from the solar logoic perspective).

7. Cần ghi nhớ tính chất tương đối hồng trần của Hoa Sen Chân Ngã. So với vật chất của các dĩ thái vũ trụ, nó rất hữu hình (thật ra là hồng trần—từ quan điểm của Thái dương Thượng đế).

only (owing to its rarity) physical plane man regards it practically as nonsubstantial.

chỉ vì con người cõi hồng trần (do tính hiếm của nó) mới xem nó trên thực tế là phi chất thể.

8. “Practically” as nonsubstantial, but not *entirely* so. The deeper the human being penetrates into the world of occult energies, the more tangible the causal body seems.

8. “Trên thực tế” là phi chất thể, nhưng không phải *hoàn toàn* như vậy. Con người càng thâm nhập sâu vào thế giới của các năng lượng huyền bí, thể nguyên nhân càng có vẻ hữu hình hơn.

It is in fact,

Thật ra, nó là,

9. We are speaking of the causal body or egoic lotus…

as earlier pointed out, the result of the dual vibration of **the fivefold Dhyanis or Gods** in conjunction with the fourfold Quaternary, or the Pitris of the lower vehicles.

10. The "fivefold Dhyanis" are the Solar Angels. Their status is very high relative to man's, or they would not be called "Gods".

11. The Dhyanis or Gods are also Pitris, but *Solar* Pitris. The Pitris of the "fourfold Quaternary" are *lunar* pitris.

12. It must be evident that something other than man's higher Ego is at work in the creation of the causal body. Man, per se, does not create the causal body of egoic lotus. If he were capable of doing so, there would be no need for the divine intervention of the Solar Angels.

Through a conscious effort of the planetary **Logoi**, these Dhyanis and lower Pitris are brought into a close relationship.

13. The Solar Angels, "Gods" or Dhyanis do not, of their own volition only, decide to enter into close relationship with the lunar pitris. A Planetary Logos is the deeper cause of such a union. It is the will of a Planetary Logos that the two orders of Pitris enter into cooperation.

9. Chúng ta đang nói về thể nguyên nhân hay Hoa Sen Chân Ngã…

như đã chỉ ra trước đây, kết quả của rung động kép của **năm vị Dhyanis hay các Thượng đế** kết hợp với Bộ Tứ tứ phân, hay các tổ phụ của các vận cụ thấp.

10. "Năm vị Dhyanis" là các Thái dương Thiên Thần. Địa vị của các Ngài rất cao so với con người, nếu không thì các Ngài đã không được gọi là "các Thượng đế".

11. Các Dhyanis hay các Thượng đế cũng là các tổ phụ, nhưng là các *thái dương* tổ phụ. Các tổ phụ của "Bộ Tứ tứ phân" là các *thái âm* tổ phụ.

12. Hiển nhiên phải thấy rằng có một điều gì khác ngoài chân ngã cao hơn của con người đang hoạt động trong việc tạo ra thể nguyên nhân. Chính con người không tạo ra thể nguyên nhân hay Hoa Sen Chân Ngã. Nếu y có khả năng làm như vậy, thì đã không cần đến sự can thiệp thiêng liêng của các Thái dương Thiên Thần.

Qua một nỗ lực có ý thức của các **Các Thượng đế** hành tinh, các Dhyanis này và các tổ phụ thấp được đưa vào một mối liên hệ mật thiết.

13. Các Thái dương Thiên Thần, "các Thượng đế" hay các Dhyanis không chỉ do ý chí riêng của các Ngài mà quyết định đi vào mối liên hệ mật thiết với các thái âm tổ phụ. Một Hành Tinh Thượng Đế là nguyên nhân sâu xa hơn của sự kết hợp ấy. Chính ý chí của một Hành Tinh Thượng Đế khiến hai cấp tổ phụ đi vào hợp tác.

This produces (upon the third subplane of the mental plane) a ninefold vibration or whorl in the gaseous matter of the plane—

Điều này tạo ra (trên cõi phụ thứ ba của cõi trí) một rung động hay xoáy lực cửu phân trong vật chất thể khí của cõi ấy—

14. We see that the ninefold vibration is the result of the union of the five and the four vibrations.

14. Chúng ta thấy rằng rung động cửu phân là kết quả của sự hợp nhất giữa năm rung động và bốn rung động.

15. Of the nine usual vibrations within the egoic lotus, we may infer that five of them are solar and four of them are more closely related to the lunar pitris. This would discriminate the modus operandi of the first four petals from that of the latter five.

15. Trong chín rung động thông thường bên trong Hoa Sen Chân Ngã, chúng ta có thể suy ra rằng năm trong số đó là thái dương và bốn rung động kia liên hệ mật thiết hơn với các thái âm tổ phụ. Điều này sẽ phân biệt phương thức hoạt động của bốn cánh hoa đầu với năm cánh hoa sau.

16. In this instance, the terms "vibration" and "whorl" are equivalent.

16. Trong trường hợp này, các thuật ngữ "rung động" và "xoáy lực" là tương đương.

17. Below, we are not speaking of the third *systemic* subplane as "gaseous" but of the entire mental plane.

17. Ở dưới đây, chúng ta không nói về cõi phụ thứ ba *của hệ thống* như là "thể khí" mà nói về toàn bộ cõi trí.

for this is the cosmic gaseous subplane—which, after a certain period of persistence, assumes the form of a nine-petalled lotus.

vì đây là cõi phụ thể khí vũ trụ—cõi mà, sau một thời kỳ tồn tại nhất định, mang hình thức của một hoa sen chín cánh.

18. The form of the egoic lotus does not appear immediately. The vibrations or whorls must first assume the form of petals.

18. Hình thức của Hoa Sen Chân Ngã không xuất hiện ngay lập tức. Trước hết các rung động hay xoáy lực phải mang hình thức của các cánh hoa.

19. What is the duration of this "certain period of persistence"? Of that we can hardly be certain. The stage of "lotus in bud" is probably the period of which we are speaking—*before* the appearance of the form of petals.

19. "Thời kỳ tồn tại nhất định" này kéo dài bao lâu? Chúng ta khó có thể chắc chắn về điều đó. Giai đoạn "hoa sen còn nụ" có lẽ là thời kỳ mà chúng ta đang nói đến—*trước* khi hình thức các cánh hoa xuất hiện.

This lotus is folded over in bud shape upon the central point, or heart of the lotus—that spark of electric fire

Hoa sen này khép lại trong hình nụ quanh điểm trung tâm, hay trái tim của hoa sen—tia lửa của Lửa Điện ấy

20. Let us seek to understand some of the different names (gathered above and from other sections of text) for the center of the lotus:

20. Chúng ta hãy tìm cách hiểu một số tên gọi khác nhau (được tập hợp ở trên và từ các phần khác của văn bản) dành cho trung tâm của hoa sen:

a. The central point

a. Điểm trung tâm

b. The “heart of the lotus”

b. “Trái tim của hoa sen”

c. The spark of electric fire

c. Tia lửa của Lửa Điện

d. The Jewel in the Lotus

d. Viên Ngọc trong Hoa Sen

e. The central flame

e. Ngọn lửa trung tâm

f. The central energy (appearing later in text)

f. Năng lượng trung tâm (xuất hiện về sau trong văn bản)

g. The “dynamo of force” (appearing later in text)

g. “Máy phát lực” (xuất hiện về sau trong văn bản)

h. The “generator of activity” (appearing later in text)

h. “Nguồn phát sinh mọi hoạt động” (xuất hiện về sau trong văn bản)

i. A “central unit of force” (appearing later in text)

i. “Một đơn vị lực trung tâm” (xuất hiện về sau trong văn bản)

21. In all cases this central energy represents the Spirit (the Monad), as that Spirit expresses itself within its “heart center”, the egoic lotus

21. Trong mọi trường hợp, năng lượng trung tâm này biểu thị Tinh thần (chân thần), khi Tinh thần ấy biểu lộ chính nó bên trong “trung tâm tim” của nó, tức Hoa Sen Chân Ngã

22. The evolution of form and consciousness is out-pictured through the unfolding of the lotus.

22. Sự tiến hoá của hình tướng và tâm thức được biểu hiện ra ngoài qua sự khai mở của hoa sen.

which by its [i.e., the spark of electric fire] action or innate vitality working upon the substance of the lotus, **attracts to itself sufficient of that substance** [of the higher mental plane] **to form three inner petals**, which closely shield the central spark; these are nevertheless **of the same substance or essence as the nine other petals**.

mà bằng [tức là tia lửa của Lửa Điện] tác động hay sinh lực bẩm sinh của nó hoạt động trên chất liệu của hoa sen, **hút về phía nó đủ chất liệu ấy** [của Cõi thượng trí] **để tạo thành ba cánh hoa bên trong**, che chở sát sao tia lửa trung tâm; tuy vậy, các cánh hoa này vẫn **cùng một chất liệu hay tinh chất như chín cánh hoa kia**.

23. This is a most important little section of text. Elsewhere we have learned that the three innermost petals, the petals of synthesis, are formed (in pat, at least) under buddhic influence:

23. Đây là một đoạn văn ngắn cực kỳ quan trọng. Ở nơi khác chúng ta đã học rằng ba cánh hoa trong cùng nhất, tức các cánh hoa tổng hợp, được hình thành (ít nhất là một phần) dưới ảnh hưởng Bồ đề:

A downflow of buddhi takes place along the line of the manasic triangle until it reaches a point at the very centre of the lotus. There, by the power of its own vibration, it causes a change in the appearance of the lotus**. At the very heart of the lotus, three more petals appear which close in on the central flame, covering it closely, and remaining closed until the time comes for the revelation of the "jewel in the Lotus."** (TCF 709)

Một dòng tuôn đổ của Bồ đề diễn ra dọc theo đường của tam giác manas cho đến khi nó đạt tới một điểm ngay tại trung tâm của hoa sen. Tại đó, bằng quyền năng của chính rung động của nó, nó gây ra một sự thay đổi trong sắc tướng của hoa sen**. Ngay nơi trái tim của hoa sen, ba cánh hoa nữa xuất hiện, khép lại quanh ngọn lửa trung tâm, che phủ nó sát sao, và vẫn khép kín cho đến khi thời điểm đến cho sự mặc khải của "Viên Ngọc trong Hoa Sen."** (TCF 709)

24. In the section of text we are now considering, we receive an additional hint concerning the formation of the innermost, or synthesis petals. Even though they might be formed under the impulse of buddhi (as buddhi impacts the very center of the lotus), these innermost petals are formed of the *same substance* or essence as the other nine petals.

24. Trong phần văn bản mà hiện nay chúng ta đang khảo cứu, chúng ta nhận được một gợi ý bổ sung liên quan đến sự hình thành của các cánh hoa trong cùng nhất, hay các cánh hoa tổng hợp. Dù chúng có thể được hình thành dưới xung lực của Bồ đề (khi Bồ đề tác động vào chính trung tâm của hoa sen), các cánh hoa trong cùng nhất này vẫn được tạo thành từ *cùng một chất liệu* hay tinh chất như chín cánh hoa kia.

25. Sometimes it is advisable to remember that, as so often presented, there is no great difference between "substance" and "essence". "Devic substance" is sometimes

25. Đôi khi nên nhớ rằng, như thường được trình bày, không có khác biệt lớn giữa "chất liệu" và "tinh chất". "Chất liệu thiên thần" đôi khi được gọi là "tinh chất thiên thần" và

called “devic essence” and devas are frequently called “essences”.

các thiên thần thường được gọi là các “tinh chất”.

26. It is the innate vitality of the “spark of electric fire” which attracts from the substance of the higher mental plane sufficient material for the formation of the innermost petals.

26. Chính sinh lực bẩm sinh của “tia lửa của Lửa Điện” hút từ chất liệu của Cõi thượng trí đủ vật liệu để hình thành các cánh hoa trong cùng nhất.

27. We do not know from what subplane such substance is attracted, but we may infer that (at first at least) the subplane is the third. We may also gather that the substance of the petals changes subplane as the egoic lotus as a whole ‘move up’—i.e., refocuses upon the second subplane.

27. Chúng ta không biết chất liệu ấy được hút từ cõi phụ nào, nhưng có thể suy ra rằng (ít nhất lúc đầu) đó là cõi phụ thứ ba. Chúng ta cũng có thể nhận thấy rằng chất liệu của các cánh hoa thay đổi cõi phụ khi toàn bộ Hoa Sen Chân Ngã “đi lên”—tức là tái tập trung trên cõi phụ thứ hai.

28. The final three petals, however, would not be formed without the buddhic stimulation conveyed to the manasic permanent atom and the central point.

28. Tuy nhiên, ba cánh hoa cuối cùng sẽ không được hình thành nếu không có sự kích thích Bồ đề được truyền đến nguyên tử trường tồn manas và điểm trung tâm.

29. We should note carefully the phrase “spark of electric fire” as it seems to suggest not only the Jewel in the Lotus (which at this stage of egoic-lotus development, may be more in process of formation than formed) but also the Monad, itself. The true “Jewel” is the Monad, and the Jewel in the Lotus is only a representation within the lotus of the true “Jewel” of Spirit.

29. Chúng ta nên lưu ý cẩn thận cụm từ “tia lửa của Lửa Điện” vì dường như nó không chỉ gợi đến Viên Ngọc trong Hoa Sen (vào giai đoạn phát triển này của Hoa Sen Chân Ngã, có thể đang trong tiến trình hình thành hơn là đã hình thành) mà còn gợi đến chính chân thần. “Viên Ngọc” đích thực là chân thần, và Viên Ngọc trong Hoa Sen chỉ là một biểu tượng bên trong hoa sen của “Viên Ngọc” đích thực của Tinh thần.

This identification does not concern the form nor the soul but only **the spiritual point of positive life which in the human unit we call the "Jewel in the Lotus."** It should be remembered in this connection that there is a jewel at the heart of every atom. Every jewel has seven facets which are the seven doorways to the seven Paths (TCF 1245)

Sự đồng hoá này không liên quan đến hình tướng cũng không liên quan đến linh hồn mà chỉ liên quan **đến điểm tinh thần của sự sống dương tính mà trong đơn vị nhân loại chúng ta gọi là "Viên Ngọc trong Hoa Sen."** Cần nhớ trong mối liên hệ này rằng có một viên ngọc ở trái tim của mỗi nguyên tử. Mỗi viên ngọc có bảy mặt, là bảy cửa ngõ dẫn đến bảy Con Đường (TCF 1245)

30. The following chart, Chart VIII, is one of the most useful in *A Treatise on Cosmic Fire*—useful, especially, for understanding the nature of man.

[Page 817]

CHART VIII—THE EGOIC LOTUS AND THE CENTRES

30. Biểu đồ sau đây, Biểu đồ VIII, là một trong những biểu đồ hữu ích nhất trong *Luận về Lửa Vũ Trụ*—đặc biệt hữu ích cho việc hiểu bản chất của con người.

[Page 817]

BIỂU ĐỒ VIII—HOA SEN CHÂN NGÃ VÀ CÁC TRUNG TÂM

CHART VII

THE EGOIC LOTUS AND THE CENTERS

COSMIC PHYSICAL PLANE

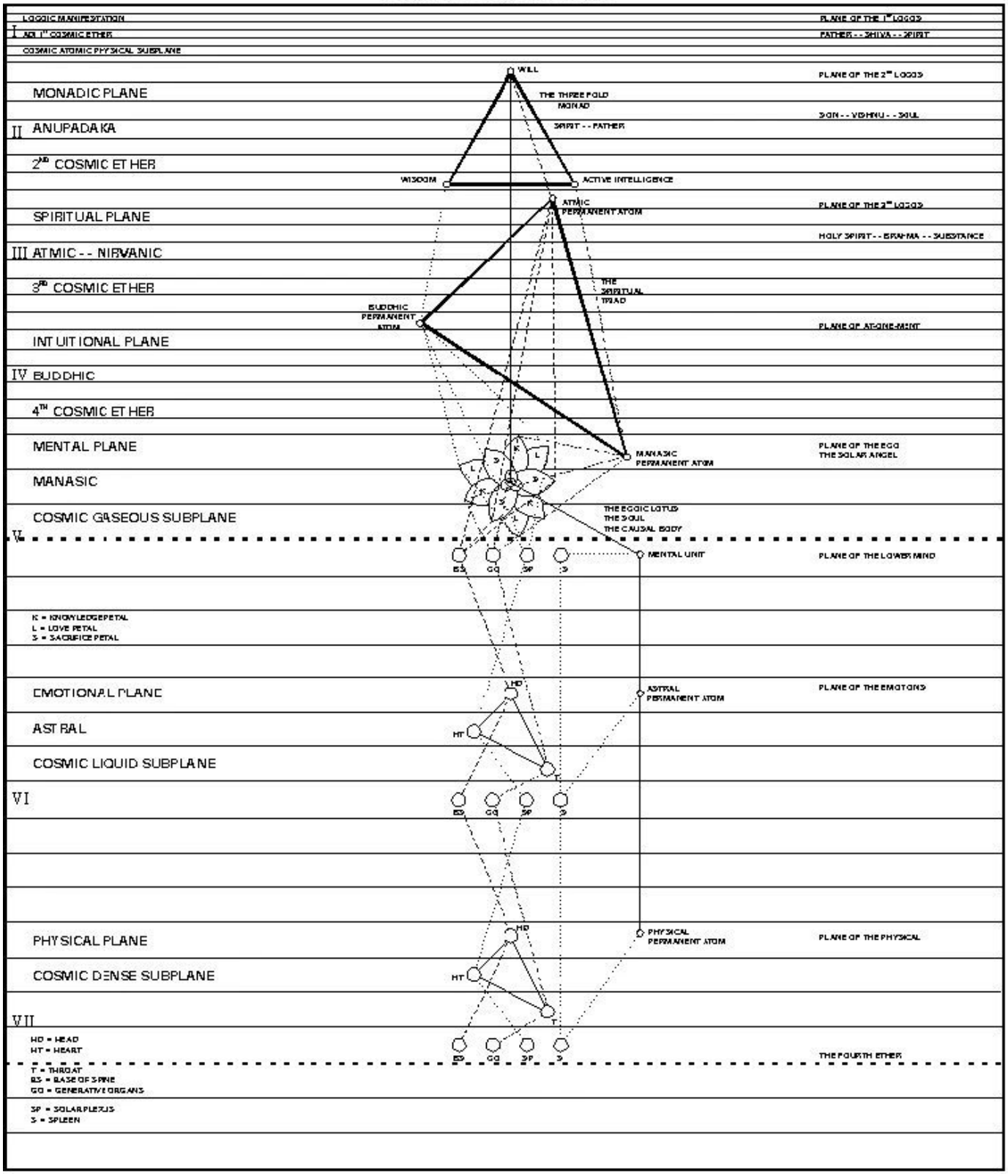

31. One could write extensively about this Chart, but perhaps it will serve just to draw

31. Người ta có thể viết rất nhiều về Biểu đồ này, nhưng có lẽ chỉ cần lưu ý đến một vài đặc điểm chính cần được chú ý.

attention to a few of the main features which should be noticed.

a. The Monad is threefold and is reflected in the spiritual triad.

b. For man, the Monad is the supreme 'Higher Triad'.

c. The monadic triangle seems to span the entire monadic plane with the two faculties of Wisdom and Activity drawn on the lowest monadic subplane.

d. The "heart of the Monad"(i.e., the center of the egoic lotus) receives a direct line of communication from the Monad.

e. The highest subplane of the mental plane is called "the Plane of the Ego; the Solar Angel". We must ask whether this highest subplane has a particular connection to the *major* Solar Angel involved in the manifestation of the egoic lotus. We have often searched for the true plane of the soul, and the true plane of the Solar Angel. Are we being given a hint?

f. It appears that the third subplane of the mental plane is identified with "The Egoic Lotus; the Soul; the Causal Body". Yet, for advanced man, the egoic lotus is focussed on the *second* subplane.

a. Chân thần là tam phân và được phản chiếu trong Tam Nguyên Tinh Thần.

b. Đối với con người, chân thần là "Tam Nguyên Cao Hơn" tối thượng.

c. Tam giác chân thần dường như trải rộng trên toàn bộ cõi chân thần với hai năng lực Minh triết và Hoạt động được vẽ trên cõi phụ chân thần thấp nhất.

d. "Trái tim của chân thần" (tức trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã) nhận một đường giao tiếp trực tiếp từ chân thần.

e. Cõi phụ cao nhất của cõi trí được gọi là "Cõi của Chân ngã; Thái dương Thiên Thần". Chúng ta phải tự hỏi liệu cõi phụ cao nhất này có một liên hệ đặc biệt nào với Thái dương Thiên Thần *chính yếu* tham gia vào sự biểu hiện của Hoa Sen Chân Ngã hay không. Chúng ta thường tìm kiếm cõi thực sự của linh hồn, và cõi thực sự của Thái dương Thiên Thần. Phải chăng ở đây chúng ta đang được cho một gợi ý?

f. Có vẻ như cõi phụ thứ ba của cõi trí được đồng nhất với "Hoa Sen Chân Ngã; linh hồn; thể nguyên nhân". Tuy nhiên, đối với con người tiến hoá cao, Hoa Sen Chân Ngã được tập trung trên cõi phụ *thứ hai*.

g. If we consider the wording related to the first subplane and that related to the second, is there a significant difference? It seems that the "Ego", per se, is found upon the first subplane and the egoic lotus or causal body upon the third. The first is an *identity*; the second is a *vehicle*.

g. Nếu chúng ta xét cách diễn đạt liên quan đến cõi phụ thứ nhất và cách diễn đạt liên quan đến cõi phụ thứ hai, có sự khác biệt đáng kể nào không? Có vẻ như chính "Chân ngã" được tìm thấy trên cõi phụ thứ nhất và Hoa Sen Chân Ngã hay thể nguyên nhân trên cõi phụ thứ ba. Cái thứ nhất là một *bản sắc*; cái thứ hai là một *vận cụ*.

h. Another point which has often been brought forward is the suggestion that not all chakras are found upon the fourth ether of the etheric-physical plane and the astral plane. The head, heart and throat centers are found on the first, second and third subplanes, respectively. The remaining chakras (excluding the ajna center—which may be 'mobile', as one could convincingly connect its function with all the four etheric subplanes) are all found upon the fourth subplane, with the spleen introduced here, even though it is not a major chakra.

h. Một điểm khác thường được nêu ra là gợi ý rằng không phải mọi luân xa đều được tìm thấy trên dĩ thái thứ tư của cõi dĩ thái-hồng trần và cõi cảm dục. Các trung tâm đầu, tim và cổ họng lần lượt được tìm thấy trên các cõi phụ thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Các luân xa còn lại (không kể trung tâm ajna—có thể là "linh động", vì người ta có thể nối chức năng của nó một cách thuyết phục với cả bốn cõi phụ dĩ thái) đều được tìm thấy trên cõi phụ thứ tư, với luân xa lá lách được đưa vào đây, dù nó không phải là một luân xa chính.

i. The reason the subplane location of the chakras is important is that this pattern of location may tell us something about the location of the chakras of our Planetary Logos and those of the Solar Logos.

i. Lý do vị trí cõi phụ của các luân xa là quan trọng là vì mô hình vị trí này có thể cho chúng ta biết điều gì đó về vị trí của các luân xa của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và của Thái dương Thượng đế.

j. We cannot be sure about the vibrational 'location' of the three sets of petals of the egoic lotus. It would seem that all three petals are located on whatever mental subplane may be the focus of the soul—ostensibly the third or the second. We may gather this because all the nine whorls in the bud lotus are originally found upon the *third* subplane. The inference is that when the lotus 'moves' or is 'moved' to the second subplane, *all* parts of the lotus including the Jewel in the Lotus move or are moved as well. This may well be the case, but we do not know to what extent the first subplane of the mental plane is 'out of bounds' for the

j. Chúng ta không thể chắc chắn về "vị trí" rung động của ba bộ cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã. Có vẻ như cả ba bộ cánh hoa đều nằm trên bất cứ cõi phụ trí tuệ nào có thể là tiêu điểm của linh hồn—bề ngoài là cõi phụ thứ ba hoặc thứ hai. Chúng ta có thể suy ra điều này vì cả chín xoáy lực trong hoa sen nụ ban đầu đều được tìm thấy trên cõi phụ *thứ ba*. Suy luận là khi hoa sen "di chuyển" hay được "di chuyển" lên cõi phụ thứ hai, thì *mọi* phần của hoa sen, kể cả Viên Ngọc trong Hoa Sen, cũng di chuyển hay được di chuyển theo. Điều này rất có thể là như vậy, nhưng chúng ta không biết đến mức nào cõi phụ thứ nhất của cõi trí là "ngoài giới hạn" đối

egoic lotus or aspects of it, such as the "Jewel". This has yet to be determined, even though the probability is that the egoic lotus ends its career as an integrated structure on the second subplane.

với Hoa Sen Chân Ngã hay các phương diện của nó, chẳng hạn như "Viên Ngọc". Điều này vẫn còn phải được xác định, dù khả năng lớn là Hoa Sen Chân Ngã kết thúc sự nghiệp của nó như một cấu trúc tích hợp trên cõi phụ thứ hai.

The student must be careful not to materialise his concept too much and it might therefore be wise for him to view [Page 818] this manifestation from other angles and employ other terms to express the same idea.

Đạo sinh phải cẩn thận đừng hiện hình khái niệm của mình quá mức và vì vậy có lẽ sẽ khôn ngoan nếu y nhìn [Page 818] sự biểu hiện này từ những góc độ khác và dùng những thuật ngữ khác để diễn đạt cùng một ý tưởng.

32. DK is watchful lest we use certain words which are unsuitable in our attempt to convey the true reality of the energy structure of the egoic lotus.

32. Chân sư DK cảnh giác để chúng ta không dùng một số từ ngữ không thích hợp trong nỗ lực truyền đạt thực tại chân chính của cấu trúc năng lượng của Hoa Sen Chân Ngã.

33. To materialize a concept is to prevent the apprehension of truth.

33. Hiện hình một khái niệm là ngăn cản sự nắm bắt chân lý.

For instance, the body of the Ego may be viewed in the following four ways:

Chẳng hạn, thể của chân ngã có thể được nhìn theo bốn cách sau đây:

34. The information presented here should be combined with that offered in IHS on the manner in which the Solar Angel is 'seen' by the candidate during the initiation ceremony.

34. Thông tin được trình bày ở đây nên được kết hợp với thông tin được đưa ra trong IHS về cách Thái dương Thiên Thần được ứng viên "nhìn thấy" trong nghi lễ điểm đạo.

35. DK speaks of vibration, petals, spokes and types.

35. Chân sư DK nói về rung động, cánh hoa, nan hoa và các loại.

As nine vibrations, emanating from a central point, which, in its pulsation or radiations produces three major vibrations of great force pursuing a circular activity around the centre;

Như chín rung động, phát ra từ một điểm trung tâm, mà trong sự rung nhịp hay các phát xạ của nó tạo ra ba rung động chính có mãnh lực lớn vận hành theo vòng tròn quanh trung tâm;

36. The three tiers of petals are to be considered "three major vibrations of great

force pursuing a circular activity around the centre."

36. Ba tầng cánh hoa phải được xem là "ba rung động chính có mãnh lực lớn vận hành theo vòng tròn quanh trung tâm."

37. It is the pulsations of the central point which produce the three major vibrations pursuing their circular activity around the center.

37. Chính những rung nhịp của điểm trung tâm tạo ra ba rung động chính đang vận hành theo hoạt động vòng tròn quanh trung tâm.

38. There is something about this definition which suggests the *first* ray.

38. Có điều gì đó trong định nghĩa này gợi đến cung *một*.

39. The terms "vibrations", "pulsation" and "radiations" all have a first ray character, as does the term "point", especially "central point".

39. Các thuật ngữ "rung động", "rung nhịp" và "phát xạ" đều mang tính chất cung một, cũng như thuật ngữ "điểm", đặc biệt là "điểm trung tâm".

the **nine vibrations pursue a diagonal path** until they reach the periphery of the egoic sphere of influence. At this point they swing around, thus forming the well-known spheroidal form of the causal body.

chín rung động **đi theo một đường chéo** cho đến khi chúng đạt tới chu vi của khối cầu ảnh hưởng chân ngã. Tại điểm này chúng xoay vòng lại, nhờ đó tạo thành hình cầu quen thuộc của thể nguyên nhân.

40. This is a most important and technical statement regarding the formation of the causal body.

40. Đây là một phát biểu cực kỳ quan trọng và có tính kỹ thuật liên quan đến sự hình thành của thể nguyên nhân.

41. We learn that it is the original nine vibrations which cause the spheroidal form of the causal body.

41. Chúng ta học được rằng chính chín rung động nguyên thủy gây ra hình cầu của thể nguyên nhân.

42. If we think clearly, we will realize that the number *nine,* as the number of completeness, is closely related to the sphere when understood as the geometric shape representing completeness.

42. Nếu suy nghĩ rõ ràng, chúng ta sẽ nhận ra rằng con số *chín,* với tư cách là con số của sự hoàn chỉnh, liên hệ mật thiết với khối cầu khi được hiểu như hình dạng hình học biểu thị sự hoàn chỉnh.

43. Can we find a way to relate the number nine to the meaning of the planet Jupiter?

43. Chúng ta có thể tìm ra một cách để liên hệ số chín với ý nghĩa của Sao Mộc không?

As nine petals of a lotus, radiating from a common centre,

44. It is important to realize that the nine petals all radiate from a common center just as the nine vibrations did.

45. When we speak of "petals" we are referencing a form or symbol which suggests the *second* ray more than the first.

and hiding within themselves three central petals, which conceal a central point of fire.

46. The three central petals remain hidden until the initiation process begins, and are only fully revealed following the third initiation. The outer nine petals hide the three inner petals.

47. Philosophically considered, the reality of synthesis is 'hidden' within the process of sequential development.

48. The phrase "central point of fire" is synonymous with the Jewel in the Lotus.

The radiations from the tip of each petal are those which cause the **illusion** of a spheroidal shape.

49. Here we have another important piece of technical information. We must combine it with the statement that the nine vibrations pursue a "diagonal path" towards the periphery of the lotus, swinging around which they reach the periphery of the egoic sphere of influence.

Như chín cánh hoa của một hoa sen, toả ra từ một trung tâm chung,

44. Điều quan trọng là phải nhận ra rằng cả chín cánh hoa đều toả ra từ một trung tâm chung, cũng như chín rung động đã làm như vậy.

45. Khi nói đến "cánh hoa", chúng ta đang quy chiếu đến một hình thức hay biểu tượng gợi đến cung *hai* nhiều hơn cung một.

và che giấu bên trong chúng ba cánh hoa trung tâm, những cánh hoa che khuất một điểm lửa trung tâm.

46. Ba cánh hoa trung tâm vẫn ẩn kín cho đến khi tiến trình điểm đạo bắt đầu, và chỉ được bộc lộ trọn vẹn sau lần điểm đạo thứ ba. Chín cánh hoa bên ngoài che giấu ba cánh hoa bên trong.

47. Xét về mặt triết học, thực tại của sự tổng hợp được "ẩn giấu" bên trong tiến trình phát triển tuần tự.

48. Cụm từ "điểm lửa trung tâm" đồng nghĩa với Viên Ngọc trong Hoa Sen.

Các phát xạ từ đầu nhọn của mỗi cánh hoa là những gì gây ra **ảo tưởng** về một hình cầu.

49. Ở đây chúng ta có thêm một mẩu thông tin kỹ thuật quan trọng. Chúng ta phải kết hợp nó với phát biểu rằng chín rung động đi theo một "đường chéo" hướng về chu vi của hoa sen, rồi xoay vòng lại khi chúng đạt tới chu vi của khối cầu ảnh hưởng chân ngã.

50. Interestingly, DK speaks of the "illusion" of the spheroidal shape of the egoic lotus. It seems more a visual phenomenon than a reality in any deeper sense.

50. Điều thú vị là Chân sư DK nói về "ảo tưởng" của hình cầu của Hoa Sen Chân Ngã. Nó dường như là một hiện tượng thị giác hơn là một thực tại theo bất kỳ ý nghĩa sâu xa nào.

As nine spokes of a wheel,

Như chín nan hoa của một bánh xe,

51. This formation suggests the third ray. A wheel turns and is the embodiment of rotary motion.

51. Cấu tạo này gợi đến cung ba. Một bánh xe quay và là hiện thân của chuyển động xoay tròn.

52. The term "spokes" suggests a connection from the center to the periphery, just like the radiations and the diagonal paths. The center is always connected to the periphery of the sphere.

52. Thuật ngữ "nan hoa" gợi ý một sự nối kết từ trung tâm đến chu vi, cũng như các phát xạ và các đường chéo. Trung tâm luôn luôn được nối với chu vi của khối cầu.

converging towards a central hub,

hội tụ về một trục trung tâm,

53. We have here the idea that the lines of force emanate from the periphery and converge towards a central hub, but such a thought is more pictorial than factual. All energy within a sphere must necessarily emanate from a center.

53. Ở đây chúng ta có ý tưởng rằng các đường lực phát ra từ chu vi và hội tụ về một trục trung tâm, nhưng ý tưởng ấy mang tính hình ảnh hơn là thực tế. Mọi năng lượng bên trong một khối cầu tất yếu phải phát ra từ một trung tâm.

54. Yet, when considering the manner in which those conditioned by the third ray pursue development, it is so often from the center to the periphery.

54. Tuy nhiên, khi xét cách những người được cung ba tác động theo đuổi sự phát triển, thì rất thường là từ trung tâm ra chu vi.

which is in itself threefold,

mà tự nó là tam phân,

55. In this case the "central hub" is equivalent to the three synthesis petals surrounding the "Jewel".

55. Trong trường hợp này "trục trung tâm" tương đương với ba cánh hoa tổng hợp bao quanh "Viên Ngọc".

56. We see that DK is giving us many different images by means of which we may grasp the nature of this heavenly structure.

56. Chúng ta thấy rằng Chân sư DK đang cho chúng ta nhiều hình ảnh khác nhau nhờ đó

chúng ta có thể nắm bắt bản chất của cấu trúc thiên thượng này.

and which hides the **central energy or dynamo of force**—the **generator of all the activity**.

và che giấu **năng lượng trung tâm hay máy phát lực**—**nguồn phát sinh mọi hoạt động**.

57. Here we have additional names for the central factor within the egoic lotus. Each of the various names proposed gives us different insights into the nature of the central energy.

57. Ở đây chúng ta có thêm những tên gọi cho yếu tố trung tâm bên trong Hoa Sen Chân Ngã. Mỗi tên gọi khác nhau được đề xuất đều cho chúng ta những nhận thức khác nhau về bản chất của năng lượng trung tâm.

58. Such words, obviously, suggest the presence and influence of the Monad.

58. Hiển nhiên, những từ ngữ như thế gợi đến sự hiện diện và ảnh hưởng của chân thần.

As nine types of energy which produce definite emanations from a threefold unit, again itself an outgoing from a central unit of force.

Như chín loại năng lượng tạo ra những xuất lộ xác định từ một đơn vị tam phân, mà bản thân nó lại là một sự phát ra từ một đơn vị lực trung tâm.

59. The term "energy" is generic and seems to repeat the general trend expressed in the three previous formulations of the *nine.*

59. Thuật ngữ "năng lượng" là tổng quát và dường như lặp lại xu hướng chung được diễn tả trong ba công thức trước về *chín.*

For all purposes, the second definition will be the one of the most use to us in our attempt to picture the constitution, nature, method of development and true evolution of the Ego, functioning in the causal body.

Xét về mọi phương diện, định nghĩa thứ hai sẽ là định nghĩa hữu ích nhất cho chúng ta trong nỗ lực hình dung cấu tạo, bản chất, phương pháp phát triển và sự tiến hoá đích thực của chân ngã, đang hoạt động trong thể nguyên nhân.

60. This second definition is of the nine *petals* of a lotus.

60. Định nghĩa thứ hai này là về chín *cánh hoa* của một hoa sen.

61. Since our approach is largely upon the second ray, and since the unfoldment of petals suggest the unfoldment of consciousness, it seems most evocative to use the *petal approach.*

61. Vì cách tiếp cận của chúng ta phần lớn là theo cung hai, và vì sự khai mở của các cánh hoa gợi đến sự khai mở của tâm thức, nên có vẻ gợi mở nhất là dùng *cách tiếp cận bằng cánh hoa.*

In terms of fire, the same truths may be expressed as follows, and this should be carefully pondered upon by the student of this Treatise:

1. Electric fire.....Spirit.....Will aspect.....Jewel in the lotus.

2. Solar fire.....Consciousness.Love aspect....The nine petals.

3. Fire by friction..Substance.....Activity aspect..The three permanent atoms.

62. This is a fundamental division and has been either hinted or discussed in numerous contexts.

63. The egoic lotus contains the trinity. It may seem strange to include the members of the atomic triangle in the egoic lotus, but this is the case. We note here that, apparently for convenience, DK calls the three members of the atomic triangle "the three permanent atoms".

64. In a deeper meaning of the term "substance", we must recognize that both Spirit and Consciousness are *substantial.*

[Page 819]

In *electric fire,* the Monad is represented in its threefold nature,

65. The threefold nature of the Monad must not be forgotten.

66. Is electric fire, itself, to be considered threefold?

Xét theo lửa, những chân lý ấy có thể được diễn đạt như sau, và điều này cần được đạo sinh của bộ Luận này suy ngẫm cẩn thận:

1. Lửa Điện.....Tinh thần.....Phương diện Ý chí.....Viên Ngọc trong hoa sen.

2. Lửa Thái dương.....Tâm thức.Phương diện Bác ái....Chín cánh hoa.

3. Lửa ma sát..Chất liệu.....Phương diện Hoạt động..Ba nguyên tử trường tồn.

62. Đây là một phân chia căn bản và đã được gợi ý hoặc bàn đến trong nhiều bối cảnh.

63. Hoa Sen Chân Ngã chứa đựng tam vị. Có thể có vẻ lạ khi bao gồm các thành viên của tam giác nguyên tử trong Hoa Sen Chân Ngã, nhưng đúng là như vậy. Chúng ta lưu ý ở đây rằng, dường như để tiện lợi, Chân sư DK gọi ba thành viên của tam giác nguyên tử là "ba nguyên tử trường tồn".

64. Trong một ý nghĩa sâu hơn của thuật ngữ "chất liệu", chúng ta phải nhận ra rằng cả Tinh thần lẫn Tâm thức đều là *thực chất.*

[Page 819]

Trong *Lửa Điện,* chân thần được biểu thị trong bản chất tam phân của nó,

65. Bản chất tam phân của chân thần không được quên.

66. Bản thân Lửa Điện có phải được xem là tam phân không?

and stands for that type of manifestation which will be brought to its highest stage of development in the next solar system.

và tượng trưng cho loại biểu hiện sẽ được đưa đến giai đoạn phát triển cao nhất của nó trong hệ mặt trời kế tiếp.

67. This does not mean that the type of manifestation under discussion will not be brought to *some* stage of development in the *present* solar system.

67. Điều này không có nghĩa là loại biểu hiện đang được bàn đến sẽ không được đưa đến *một vài* giai đoạn phát triển nào đó trong hệ mặt trời *hiện tại*.

In *solar fire,* **these solar Pitris in their ninefold formation** represent and make possible the unfolding of the consciousness of the Monad through the medium of the Ego in the three worlds of human evolution.

Trong *Lửa Thái dương,* **các thái dương tổ phụ này trong cấu tạo cửu phân của các Ngài** biểu thị và làm cho có thể sự khai mở của tâm thức của chân thần qua trung gian của chân ngã trong ba cõi thấp của sự tiến hoá nhân loại.

68. Here we have an excellent summary statement.

68. Ở đây chúng ta có một phát biểu tóm lược rất xuất sắc.

69. The petals of the egoic lotus are definitely formed by a combination of solar pitric essence/substance and the matter of the higher mental plane.

69. Các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã chắc chắn được hình thành bởi sự kết hợp giữa tinh chất/chất liệu thái dương tổ phụ và vật chất của Cõi thượng trí.

70. When DK speaks of the "solar Pitris in their ninefold formation" He is speaking of the forms through which these great beings express. He is not saying that they *are* form.

70. Khi Chân sư DK nói về "các thái dương tổ phụ trong cấu tạo cửu phân của các Ngài", Ngài đang nói về những hình tướng qua đó các hữu thể vĩ đại này biểu lộ. Ngài không nói rằng các Ngài *là* hình tướng.

71. We note here that the Monad does, indeed, have *consciousness.* Sometimes it is suggested that high beings posses the life aspect but not the consciousness aspect.

71. Chúng ta lưu ý ở đây rằng chân thần quả thật có *tâm thức.* Đôi khi người ta gợi ý rằng các hữu thể cao cả sở hữu phương diện sự sống nhưng không có phương diện tâm thức.

72. We see that it is not only the consciousness of the Ego which unfolds but the consciousness of the Monad as well.

72. Chúng ta thấy rằng không chỉ tâm thức của chân ngã khai mở mà cả tâm thức của chân thần cũng vậy.

73. Chân ngã là một "trung gian" cho chân thần—một phương tiện để khai mở tâm thức

73. The Ego is a "medium" for the Monad—a means of unfolding monadic consciousness or "awareness" as it is sometimes called.

chân thần hay "sự nhận biết" như đôi khi nó được gọi như vậy.

In *fire by friction,* the lunar Pitris are represented and constitute the lower self, the personality, **or those vehicles by means of which the Ego in turn is to acquire experience on the lower planes.**

Trong *Lửa ma sát,* các thái âm tổ phụ được biểu hiện và cấu thành phàm ngã, phàm ngã, **hay những vận cụ nhờ đó chân ngã đến lượt mình sẽ thu nhận kinh nghiệm trên các cõi thấp.**

74. The personality is more than form. It is, as well, consciousness of a definite type—a type which is a limitation upon the *egoic* consciousness.

74. Phàm ngã còn hơn cả hình tướng. Nó cũng là tâm thức của một loại xác định—một loại là sự giới hạn đối với tâm thức *chân ngã.*

75. When the Ego acquires experience on the lower planes, it is not the Solar Angel that is doing so (i.e., acquiring human consciousness). Long ago (in another mahamanvantara we are told) the Solar Angel acquired human experience.

75. Khi chân ngã thu nhận kinh nghiệm trên các cõi thấp, không phải Thái dương Thiên Thần đang làm điều đó (tức là đang thu nhận tâm thức nhân loại). Từ lâu rồi (trong một Đại giai kỳ sinh hóa khác như chúng ta được cho biết) Thái dương Thiên Thần đã thu nhận kinh nghiệm nhân loại.

76. The Ego is man as a higher being. The nature of the Ego includes the conscious presence of the Solar Angel but not its full consciousness.

76. Chân ngã là con người như một hữu thể cao hơn. Bản chất của chân ngã bao gồm sự hiện diện hữu thức của Thái dương Thiên Thần nhưng không bao gồm toàn bộ tâm thức của nó.

Yet **these three are one in manifestation within the egoic auric egg**, and the interchange of energy and vitality proceeds steadily.

Tuy nhiên **ba điều này là một trong biểu hiện bên trong noãn hào quang chân ngã**, và sự trao đổi năng lượng cùng sinh lực vẫn tiếpdiễn đều đặn.

77. We have an important statement suggesting that electric fire, solar fire and fire by friction are *one*—at least "in manifestation within the egoic auric egg".

77. Chúng ta có một phát biểu quan trọng gợi ý rằng lửa điện, lửa thái dương và lửa ma sát là *một*—ít nhất là "trong biểu hiện bên trong noãn hào quang chân ngã".

78. We note that manifestation is not confined to the lowest systemic planes (with the very lowest of the systemic planes usually know as "the plane of

78. Chúng ta lưu ý rằng biểu hiện không bị giới hạn trong các cõi thấp nhất của hệ thống (trong đó cõi thấp nhất của hệ thống thường được biết là "cõi biểu hiện") mà còn

manifestation") but occurs upon the higher mental plane as well, which (as seen from a higher perspective) is a plane of manifestation as well. The egoic body is to spiritual triad what the dense physical body is to the lower mental, astral an etheric-physical vehicles.

xảy ra trên Cõi thượng trí nữa, cõi này (khi được nhìn từ một viễn tượng cao hơn) cũng là một cõi biểu hiện. Thể chân ngã đối với Tam Nguyên Tinh Thần cũng như thể xác đậm đặc đối với các vận cụ hạ trí, cảm dục và dĩ thái-hồng trần.

Spirit uses the Soul, or the Ego, as a vehicle of enlightenment, and the Ego uses the lower Quaternary as its medium of expression.

Tinh thần dùng linh hồn, hay chân ngã, như một vận cụ của giác ngộ, và chân ngã dùng Bộ Tứ thấp làm trung gian biểu lộ của nó.

79. Here the contrast is most interesting. Generically, it is reasonable to think of the Ego as a medium of expression for the Spirit or Monad, but DK is more specific. He tells us the Ego becomes a "vehicle of enlightenment" for the Spirit. Via the Ego, the Monad experiences a growing light within the lower worlds. These lower worlds "come to light" through egoically induced reincarnation.

79. Ở đây sự tương phản thật đáng chú ý. Nói chung, hợp lý khi nghĩ về chân ngã như một trung gian biểu lộ cho tinh thần hay chân thần, nhưng Chân sư DK còn nói cụ thể hơn. Ngài cho chúng ta biết chân ngã trở thành một "vận cụ của giác ngộ" cho tinh thần. Thông qua chân ngã, chân thần kinh nghiệm một ánh sáng ngày càng tăng trong các thế giới thấp. Những thế giới thấp này "được đưa ra ánh sáng" nhờ sự tái sinh do chân ngã gây ra một cách chân ngã.

80. We can understand this contrast between enlightenment and expression by thinking that the Spirit must learn to *see* (within the world of Soul and the world of personality) and the Ego must learn to *act*—in the lower three worlds.

80. Chúng ta có thể hiểu sự tương phản này giữa giác ngộ và biểu lộ bằng cách nghĩ rằng tinh thần phải học cách *thấy* (trong thế giới của linh hồn và thế giới của phàm ngã) còn chân ngã phải học cách *hành động*—trong ba cõi thấp.

81. The most important function of the Ego is as the Knower. It acts through the power of meditation.

81. Chức năng quan trọng nhất của chân ngã là như thức giả. Nó hành động qua quyền năng của tham thiền.

82. One day the mayavirupic reproduction of the lower quaternary may serve as the means of the Monad to *act* as well.

82. Một ngày kia sự tái tạo mayavirupa của bộ tứ thấp cũng có thể phục vụ như phương tiện để chân thần *hành động* nữa.

The evolution of Spirit can really therefore be divided into three stages:

Vì vậy, sự tiến hoá của tinh thần thực sự có thể được chia thành ba giai đoạn:

83. Even in the earliest stages of evolution, it is really the Spirit which is *evolving.* Every evolution of lower consciousness is really an evolution of *Spirit* consciousness. Every evolution of lower form it really an evolution of *Spirit* form.

83. Ngay cả trong những giai đoạn sớm nhất của tiến hoá, thực ra chính tinh thần đang *tiến hoá.* Mọi sự tiến hoá của tâm thức thấp thực ra là một sự tiến hoá của tâm thức *tinh thần.* Mọi sự tiến hoá của hình tướng thấp thực ra là một sự tiến hoá của hình tướng *tinh thần.*

84. Spirit is the great "Common Denominator" in all lower forms of expression.

84. Tinh thần là "Mẫu số chung" vĩ đại trong mọi hình thức biểu lộ thấp hơn.

First. The stage in which the lunar Pitris function primarily, **and prepare the lower sheaths for occupancy**.

Thứ nhất. Giai đoạn trong đó các thái âm tổ phụ hoạt động chủ yếu, **và chuẩn bị các thể vỏ thấp cho sự cư ngụ**.

85. The lunar pitris both are and are not the lower sheaths. We recall sections of the book in which the two higher classes of lunar pitris work *upon* the lower sheaths via the permanent atoms and their spirillae.

85. Các thái âm tổ phụ vừa là vừa không là các thể vỏ thấp. Chúng ta nhớ lại những phần trong sách nơi hai lớp cao hơn của các thái âm tổ phụ pitris làm việc *trên* các thể vỏ thấp thông qua các nguyên tử trường tồn và các loa tuyến của chúng.

86. The substance of the sheaths, we may recall, is composed of certain relatively negative lives which are somewhat mistakenly called "lunar pitris".

86. Chúng ta có thể nhớ rằng chất liệu của các thể vỏ được cấu thành bởi một số sự sống tương đối âm tính, phần nào bị gọi nhầm là các "thái âm tổ phụ".

87. The impending occupancy is of the higher consciousness. The process of soul-infusion is the process by means of which the higher consciousness 'occupies' and expresses through the lower vehicles.

87. Sự cư ngụ sắp đến là của tâm thức cao hơn. Tiến trình được linh hồn thấm nhuần là tiến trình nhờ đó tâm thức cao hơn "cư ngụ" và biểu lộ qua các vận cụ thấp.

The lower vibrations control, and "fire by friction" is that which warms and nourishes to the practical exclusion of all else.

Các rung động thấp kiểm soát, và "lửa ma sát" là điều sưởi ấm và nuôi dưỡng, trên thực tế loại trừ hầu như mọi thứ khác.

88. Here is one of the important functions of "fire by friction". It both "warms" and "nourishes". This type of fire sustains the self-development of all lower forms of live

88. Đây là một trong những chức năng quan trọng của "lửa ma sát". Nó vừa "sưởi ấm" vừa "nuôi dưỡng". Loại lửa này duy trì sự tự phát triển của mọi hình thức sự sống thấp nhưng

but not so much their affiliation (soul affiliation) with other groups of lives.

89. The warming and nourishing function is directly related to the function of "latent heat", even more than to "active heat", for the description of which we may carefully examine the early sections of *A Treatise on Cosmic Fire*.

Second. The stage in which the solar Pitris gradually become predominant, in which the egoic consciousness is developed.

90. There has been a type of consciousness characterizing the human being but it has not been *egoic* consciousness.

91. We note the plural, "solar Pitris".

92. The Solar Pitris have been active, in some significant respect, from the first but they have been subservient (in expression, at least) to the lunar lords

The sheaths are occupied by the Thinker,

93. Occupation and control are two different issues. We recall that the lunar lords *prepare* the sheaths of occupancy.

94. The Thinker occupies the sheaths when the Solar Pitris become predominant.

are gradually controlled by him, are bent to his will and purpose, and are eventually discarded.

95. The Ego on the higher mental plane is the "Thinker".

không nhiều lắm sự liên kết của chúng (sự liên kết linh hồn) với các nhóm sự sống khác.

89. Chức năng sưởi ấm và nuôi dưỡng liên hệ trực tiếp với chức năng của "nhiệt ẩn", thậm chí còn hơn với "nhiệt hoạt động"; để mô tả điều này, chúng ta có thể khảo sát cẩn thận những phần đầu của *Luận về Lửa Vũ Trụ*.

Thứ hai. Giai đoạn trong đó các thái dương tổ phụ dần dần trở nên trội hơn, trong đó tâm thức chân ngã được phát triển.

90. Đã có một loại tâm thức đặc trưng cho con người nhưng đó chưa phải là tâm thức *chân ngã*.

91. Chúng ta lưu ý số nhiều, "thái dương tổ phụs".

92. Các thái dương tổ phụ đã hoạt động, trong một phương diện quan trọng nào đó, ngay từ đầu nhưng chúng đã ở vị thế phụ thuộc (ít nhất là trong biểu lộ) đối với các nguyệt tinh quân

Các thể vỏ được thức giả cư ngụ,

93. Sự cư ngụ và sự kiểm soát là hai vấn đề khác nhau. Chúng ta nhớ rằng các nguyệt tinh quân *chuẩn bị* các thể vỏ cho sự cư ngụ.

94. Thức giả cư ngụ trong các thể vỏ khi các thái dương tổ phụ trở nên trội hơn.

dần dần được y kiểm soát, được uốn theo ý chí và mục đích của y, và cuối cùng bị loại bỏ.

95. Chân ngã trên Cõi thượng trí là "Thức giả".

96. The operative sequence presented is: occupation, control and discarding. At what stage in this sequence do we find ourselves?

96. Trình tự tác động được nêu ra là: cư ngụ, kiểm soát và loại bỏ. Chúng ta đang ở giai đoạn nào trong trình tự này?

The middle vibrations control and solar fire irradiates;

Các rung động trung gian kiểm soát và lửa thái dương chiếu rọi;

97. This is the goal of all spiritually advancing human beings. The origin of solar fire is high indeed—a cosmic mental origin, in fact.

97. Đây là mục tiêu của mọi con người đang tiến bộ về tinh thần. Nguồn gốc của lửa thái dương quả thật rất cao—thực ra là một nguồn gốc trí tuệ vũ trụ.

it lights up in due course of evolution the lower sheaths;

đến đúng tiến trình tiến hoá, nó soi sáng các thể vỏ thấp;

98. Long before the lower sheaths are set alight, they are influenced by the irradiation of solar fire. The substance of those sheaths is at first resistant to this unifying fire.

98. Từ rất lâu trước khi các thể vỏ thấp được bốc cháy, chúng đã chịu ảnh hưởng bởi sự chiếu rọi của lửa thái dương. Chất liệu của các thể vỏ ấy lúc đầu kháng cự loại lửa hợp nhất này.

it gradually increases its heat, and **eventually aids in the destruction of the forms**.

nó dần dần gia tăng nhiệt của mình, và **cuối cùng trợ giúp vào sự hủy diệt các hình tướng**.

99. “The heat induced by the group love permits the warmth of energetic moving out.”

99. “Nhiệt do tình thương nhóm gây ra cho phép sự ấm áp của năng lượng chuyển động đi ra ngoài.”

100. It is interesting that solar fire is closely involved in the destruction of both the lunar and egoic forms. We should remember that, from the perspective of Agni, solar fire is ‘located’ on the monadic, atmic and buddhic planes.

100. Thật thú vị khi lửa thái dương liên hệ mật thiết với sự hủy diệt cả các hình tướng thái âm lẫn chân ngã. Chúng ta nên nhớ rằng, từ viễn tượng của Agni, lửa thái dương được ‘định vị’ trên các cõi chân thần, atma và Bồ đề.

He [Lord Agni] shows forth as solar fire on the second, third and fourth, and as 'fire by friction' on the fifth, sixth and seventh. (TCF 521-522)

Ngài [Chúa Tể Agni] biểu hiện như lửa thái dương trên cõi thứ hai, thứ ba và thứ tư, và như 'lửa ma sát' trên cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. (TCF 521-522)

Third. The stage in which electric fire is revealed,

101. Electric fire is always 'there' but needs to be disclosed or revealed at the right moment—which is long, long into the developmental process of the egoic lotus.

102. The factor of timing is intimately related to the first ray which controls the beginning and ending of all cycles.

and **through the intensity of its blaze puts out the other fires**.

103. We may judge that the destruction of the causal body is caused by a union of electric fire and solar fire (which "aids in the destruction of the forms").

104. A principle emerges here: an energy of greater intensity vanquishes or extinguishes an energy of lesser intensity. Or, intense light subdues or renders invisible, light of a lesser intensity.

The lunar Pitris have fulfilled their work, the solar Pitris [Page 820] have developed the self-conscious unit, man, and the monad (having utilised both) discards both, **and withdraws into itself**, this time plus the gain of material existence, and plus developed love-wisdom.

105. Here we have one of those excellent summaries which epitomizes the work of millions of years.

106. The phrase "withdraws into itself" is important and signals a period of post-triadal development. We cannot expect that

Thứ ba. Giai đoạn trong đó lửa điện được mặc khải,

101. Lửa điện luôn luôn 'ở đó' nhưng cần được bộc lộ hay mặc khải vào đúng thời điểm—một thời điểm rất, rất xa trong tiến trình phát triển của Hoa Sen Chân Ngã.

102. Yếu tố thời điểm liên hệ mật thiết với cung một, cung kiểm soát sự bắt đầu và kết thúc của mọi chu kỳ.

và **qua cường độ bùng cháy của nó dập tắt các lửa khác**.

103. Chúng ta có thể phán đoán rằng sự hủy diệt thể nguyên nhân là do sự hợp nhất của lửa điện và lửa thái dương (lửa này "trợ giúp vào sự hủy diệt các hình tướng").

104. Ở đây xuất hiện một nguyên lý: một năng lượng có cường độ lớn hơn sẽ chế ngự hay dập tắt một năng lượng có cường độ thấp hơn. Hoặc, ánh sáng mãnh liệt khuất phục hay làm cho vô hình ánh sáng có cường độ thấp hơn.

Các thái âm tổ phụ đã hoàn tất công việc của mình, các thái dương tổ phụ [Page 820] đã phát triển đơn vị tự ý thức, con người, và chân thần (sau khi đã sử dụng cả hai) loại bỏ cả hai, **và rút vào chính nó**, lần này cộng thêm thành quả của sự tồn tại vật chất, và cộng thêm Bác Ái – Minh Triết đã phát triển.

105. Ở đây chúng ta có một trong những bản tóm lược tuyệt vời cô đọng công việc của hàng triệu năm.

106. Cụm từ "rút vào chính nó" rất quan trọng và báo hiệu một giai đoạn phát triển hậu tam nguyên tinh thần. Chúng ta không

immediately following the fourth initiation the Monad will withdraw into itself. At the fourth initiation, the fire within the Jewel in the Lotus is moved into the Triad and not immediately into the Monad.

thể mong rằng ngay sau lần điểm đạo thứ tư chân thần sẽ rút vào chính nó. Ở lần điểm đạo thứ tư, lửa bên trong Viên Ngọc trong Hoa Sen được chuyển vào Tam nguyên tinh thần chứ không lập tức vào chân thần.

“Let the group together move the fire within the Jewel in the Lotus into the Triad,…” (R&I 22)

“Hãy để nhóm cùng nhau chuyển ngọn lửa bên trong Viên Ngọc trong Hoa Sen vào Tam nguyên tinh thần,…” (R&I 22)

In terms of the old Commentary, the truth is thus stated:

Theo Cổ Luận, chân lý được phát biểu như sau:

107. Here we have a marvelously poetic and fully descriptive rendition of the process through which three Creative Hierarchies (principally important to man) pass in the development and transcendence of the human kingdom.

107. Ở đây chúng ta có một bản diễn đạt đầy chất thơ và hoàn toàn mô tả tiến trình mà ba Huyền Giai Sáng Tạo (chủ yếu quan trọng đối với con người) đi qua trong sự phát triển và siêu vượt giới nhân loại.

"The Lord of Life Himself sits at the heart and watches.

"Chúa Tể của Sự sống đích thân ngự tại tim và quan sát.

108. The Monad is the “Lord of Life” and it “sits” at the heart of the egoic lotus.

108. Chân thần là “Chúa Tể của Sự sống” và nó “ngự” tại tim của Hoa Sen Chân Ngã.

109. From a still higher perspective, we might think of the Monad on its own permanent atom as the ‘Great Observer’.

109. Từ một viễn tượng còn cao hơn nữa, chúng ta có thể nghĩ về chân thần trên nguyên tử trường tồn riêng của nó như ‘Đấng Quan Sát Vĩ Đại’.

The Lords of solar fire pursue their task and sacrifice themselves to the lunar Lords of all the lower planes.

Các chúa tể của lửa thái dương theo đuổi nhiệm vụ của mình và hi sinh chính mình cho các chúa tể thái âm của mọi cõi thấp.

110. The Agnishvattas are ‘Lords of Sacrificial Love’. In one respect, they are deeply involved in the process of elevating human consciousness and the vibrational level of the “lunar Lords”.

110. Các Agnishvatta là ‘Các Chúa Tể của Tình Thương Hi Sinh’. Trong một phương diện, các ngài can dự sâu xa vào tiến trình nâng cao tâm thức nhân loại và cấp độ rung động của các “chúa tể thái âm”.

111. These Agnishvattas ‘tend’ the lower fires, and their attentiveness is a form of sacrifice.

111. Các Agnishvatta này “chăm nom” các lửa thấp, và sự chuyên chú của các ngài là một hình thức hi sinh.

They die, but resurrect. They pass without, and come again. Yet the Lord of Life sits still.

Các ngài chết, nhưng phục sinh. Các ngài đi ra ngoài, rồi lại đến. Tuy nhiên Chúa Tể của Sự sống vẫn ngồi yên.

112. There is perpetual stillness at the center, for much work must be accomplished before the Monad (working through the Jewel in the Lotus) can assert its power.

112. Có sự tĩnh tại vĩnh viễn tại trung tâm, vì còn phải hoàn thành nhiều công việc trước khi chân thần (hoạt động qua Viên Ngọc trong Hoa Sen) có thể khẳng định quyền năng của nó.

113. Certainly the lunar lords apparently die and resurrect (or come again to life). Can this be said of the "solar Lords”? At the very end of development in the human kingdom there is a resurrection of the "solar Lords"—they return to the Heart of the Sun or to the Central Spiritual Sun, but they are not resurrected following *every* human incarnation.

113. Chắc chắn các chúa tể thái âm dường như chết và phục sinh (hay sống lại). Điều này có thể nói về các "chúa tể thái dương" không? Vào chính lúc kết thúc sự phát triển trong giới nhân loại có một sự phục sinh của các "chúa tể thái dương"—các ngài trở về Tim Mặt Trời hay Mặt trời Tinh thần Trung Ương, nhưng các ngài không phục sinh sau *mỗi* lần lâm phàm của con người.

114. The "solar Lords" do appear again through every re-incarnated form and this is a ‘kind’ of resurrection.

114. Các "chúa tể thái dương" quả thật xuất hiện trở lại qua mỗi hình tướng tái sinh và đây là một ‘loại’ phục sinh.

115. Probably we know very little concerning the life cycle of devic lives and the degree to which they experience “death”.

115. Có lẽ chúng ta biết rất ít về chu kỳ sống của các sự sống thiên thần và mức độ mà chúng kinh nghiệm “cái chết”.

116. In any case, it seems to be the reincarnational process which is discussed and, especially in relation to the revitalization and re-association of the lunar lords with every fresh incarnation.

116. Dù sao đi nữa, dường như điều đang được bàn đến là tiến trình tái sinh, và đặc biệt là liên hệ đến sự tiếp sinh lực và tái liên kết của các chúa tể thái âm với mỗi lần lâm phàm mới.

117. When the lunar lords “pass without” they return to the reservoir of substance which pertains to them. When they “come again”, they are drawn back into association

117. Khi các chúa tể thái âm “đi ra ngoài”, chúng trở về kho chứa chất liệu thuộc về chúng. Khi chúng “lại đến”, chúng bị kéo trở lại vào sự liên kết với nhau và với chân ngã

with each other and with the Ego (with whom they are associated life after life).

(mà chúng liên kết cùng qua hết đời này sang đời khác).

The lunar Lords begin to die;

Các chúa tể thái âm bắt đầu chết;

118. This happens at a later stage in the developmental process.

118. Điều này xảy ra ở một giai đoạn muộn hơn trong tiến trình phát triển.

119. They "die" in terms of their influence on human consciousness.

119. Chúng "chết" xét theo ảnh hưởng của chúng lên tâm thức nhân loại.

their power begins to wane with each successive cycle.

quyền năng của chúng bắt đầu suy giảm qua mỗi chu kỳ kế tiếp.

120. We are speaking of incarnational cycles.

120. Chúng ta đang nói về các chu kỳ lâm phàm.

The solar Lords shine forth in triumph and consign the fourfold ones to fire,—the fire which burns and dissipates the form.

Các chúa tể thái dương chiếu sáng trong chiến thắng và giao phó những kẻ tứ phân cho lửa,—ngọn lửa thiêu đốt và làm tiêu tan hình tướng.

121. The fourfold ones can be considered the four types of elemental lives composing the personality of man.

121. Những kẻ tứ phân có thể được xem là bốn loại sự sống hành khí cấu thành phàm ngã của con người.

122. Shining forth in triumph occurs as soul-infusion increases.

122. Sự chiếu sáng trong chiến thắng xảy ra khi tiến trình được linh hồn thấm nhuần gia tăng.

123. It is not clear whether we are speaking of a gradual process or a dynamic, climactic process or both. Perhaps, over time, the "solar Lords" gradually consign the fourfold ones to fire, and finally, do so climactically. This is another way of saying that the experience of the burning ground does not occur all at once, but there is a climactic conflagration on the "final burning ground".

123. Không rõ liệu chúng ta đang nói về một tiến trình dần dần hay một tiến trình năng động, cao trào, hay cả hai. Có lẽ theo thời gian, các "chúa tể thái dương" dần dần giao phó những kẻ tứ phân cho lửa, và cuối cùng làm như vậy một cách cao trào. Đây là một cách khác để nói rằng kinh nghiệm của vùng đất cháy không xảy ra tất cả cùng một lúc, nhưng có một trận bùng cháy cao trào trên "vùng đất cháy cuối cùng".

124. A fiery process of refinement is,thus, steadily occurring in the personality, but as for the final burning and dissipation of the personality form, it occurs but once.

124. Vì vậy, một tiến trình tinh luyện bằng lửa vẫn đang diễn ra,đều đặn trong phàm ngã, nhưng còn sự thiêu đốt và làm tiêu tan cuối cùng của hình tướng phàm ngã thì chỉ xảy ra một lần mà thôi.

125. Please note that in the section of text above the plural, “solar Lords” are used while, below, “the solar Lord”.

125. Xin lưu ý rằng trong đoạn văn trên, số nhiều “các chúa tể thái dương” được dùng, trong khi bên dưới là “chúa tể thái dương”.

126. The structure of the egoic lotus is a combination of a number of "solar Lords" (Agnishvattas) and one "solar Lord" (a “solar Pitri” or, as well, an Agnishvatta). This is a mystery, but the multiplicity and yet the unity of the egoic lotus structure and of the solar lives which create and tend that structure seems inescapable.

126. Cấu trúc của Hoa Sen Chân Ngã là sự kết hợp của một số "chúa tể thái dương" (Agnishvattas) và một "chúa tể thái dương" (một “thái dương tổ phụ” hay cũng là một Agnishvatta). Đây là một huyền nhiệm, nhưng tính đa thể nhưng vẫn là đơn vị của cấu trúc Hoa Sen Chân Ngã và của các sự sống thái dương tạo ra và chăm nom cấu trúc ấy dường như không thể phủ nhận.

Many times the work repeats itself; the cycles wax and wane, **until the day triumphant when the solar Lord acclaims himself and knows himself the ruler.**

Nhiều lần công việc lặp lại; các chu kỳ tăng rồi giảm, **cho đến ngày chiến thắng khi chúa tể thái dương tự xưng mình và biết chính mìnhlà kẻ cai quản.**

127. The one "solar Lord", who is, we hypothesize, the emanative Source of all the participating "solar Lords", now dominates the lunar lords and has imparted the pre-intended measure of His egoic power to the human egoic consciousness.

127. Một "chúa tể thái dương", mà theo giả thuyết của chúng ta là Nguồn phát xạ của mọi "chúa tể thái dương" tham dự, giờ đây thống trị các chúa tể thái âm và đã truyền đạt mức quyền năng chân ngã đã được dự định từ trước của Ngài vào tâm thức chân ngã của con người.

128. This is a brilliant Leo phase and one that occurs from the time of the transfiguration onwards, with increasing intensity.

128. Đây là một giai đoạn Sư Tử rực rỡ và là giai đoạn xảy ra từ lúc Biến hình trở đi, với cường độ ngày càng tăng.

129. Is the “day triumphant” the microcosmic “Day Be With Us”? It may well be.

129. “Ngày chiến thắng” có phải là “Ngày Hãy Ở Cùng Chúng Ta” ở cấp vi mô không? Rất có thể là như vậy.

130. Really, once the third initiation is reached the "solar Lord acclaims himself and knows himself as the ruler".

130. Thực ra, một khi lần điểm đạo thứ ba đạt được thì "chúa tể thái dương tự xưng mình và biết mình là kẻ cai quản".

The Lord of Life then turns Himself,

Khi ấy Chúa Tể của Sự sống quay Chính Ngài,

131. This phrase may have something to do with the 'orientation' of monadic consciousness within the Jewel in the Lotus. It is not said for poetic reasons only.

131. Cụm từ này có thể liên quan đến "định hướng" của tâm thức chân thần bên trong Viên Ngọc trong Hoa Sen. Nó không chỉ được nói ra vì lý do thi vị.

132. The Lord of Life is the Monad or the Monad as represented within the egoic lotus through the Jewel in the Lotus.

132. Chúa Tể của Sự sống là chân thần hay chân thần như được biểu hiện bên trong Hoa Sen Chân Ngã qua Viên Ngọc trong Hoa Sen.

133. The turning of Himself is to impulse the process of liberation.

133. Sự quay Chính Ngài là để thúc đẩy tiến trình giải thoát.

and arises in His might.

và đứng dậy trong quyền năng của Ngài.

134. We are dealing with the first aspect of divinity—the will and power aspect.

134. Chúng ta đang bàn đến phương diện thứ nhất của thiên tính—phương diện ý chí và quyền năng.

135. There is an intensification of the power pouring through the Jewel in the Lotus within the egoic lotus.

135. Có một sự tăng cường quyền năng tuôn qua Viên Ngọc trong Hoa Sen bên trong Hoa Sen Chân Ngã.

He consumes the solar Lords, and they perish as did the lunar Lords.

Ngài thiêu hủy các chúa tể thái dương, và các ngài tiêu vong như các chúa tể thái âm đã tiêu vong.

136. It is as if the lunar lords have died *first*. Certainly their power has *waned* first, even though the final dying of both "solar Lords" and lunar lords (so we are told) occurs at the time of the final destruction of the causal body.

136. Dường như các chúa tể thái âm đã chết *trước hết*. Chắc chắn quyền năng của chúng đã *suy giảm* trước hết, mặc dù sự chết cuối cùng của cả "các chúa tể thái dương" lẫn các chúa tể thái âm (như chúng ta được cho biết) xảy ra vào lúc sự hủy diệt cuối cùng của thể nguyên nhân.

137. We have to balance the thought that the Monad or the representation of the

137. Chúng ta phải cân bằng tư tưởng rằng chân thần hay sự biểu hiện của chân thần

Monad within the Jewel in the Lotus "consumes the solar Lords", with the thought that they return to the Heart of the Sun and the Central Spiritual Sun (the major periodical vehicles within the Solar Logos).

bên trong Viên Ngọc trong Hoa Sen "thiêu hủy các chúa tể thái dương", với tư tưởng rằng các ngài trở về Tim Mặt Trời và Mặt trời Tinh thần Trung Ương (những vận cụ tuần hoàn lớn bên trong Thái dương Thượng đế).

138. Certainly the forms in which the "solar Lords" had invested themselves perish. As *essences* they do not perish, but rather are released into greater life. We remember, again, that the "solar Lords" (the Agnishvattas) are more than the petals of the egoic lotus which they inform).

138. Chắc chắn các hình tướng mà trong đó các "chúa tể thái dương" đã đầu tư chính mình đều tiêu vong. Với tư cách là các *tinh túy*, các ngài không tiêu vong mà đúng hơn được giải phóng vào sự sống lớn hơn. Chúng ta lại nhớ rằng các "chúa tể thái dương" (các Agnishvattas) còn hơn cả những cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã mà các ngài thấm nhuần).

He speaks a Word; the fire descends.

Ngài nói ra một Linh từ; lửa giáng xuống.

139. This is the manner in which destruction descends from the heart of the lotus.

139. Đây là cách mà sự hủy diệt giáng xuống từ tim của hoa sen.

140. That 'Word of destruction' comes only when there is full readiness for it. Again, the beginning and ending of cycles is controlled by the first ray.

140. "Quyền năng từ" hủy diệt ấy chỉ đến khi có sự sẵn sàng trọn vẹn cho nó. Một lần nữa, sự bắt đầu và kết thúc của các chu kỳ được kiểm soát bởi cung một.

141. This 'Word of Death' here suggested is a higher correspondence of the 'Word of Death' spoken by the Ego/Soul at the point of termination of each human incarnation, assuming that the end of purposeful.

141. "Linh từ của Cái Chết" được gợi ý ở đây là một tương ứng cao hơn của "Linh từ của Cái Chết" do chân ngã/linh hồn phát ra tại điểm chấm dứt của mỗi lần lâm phàm của con người, giả sử rằng sự kết thúc là có chủ đích.

The blaze bursts forth.

Ngọn lửa bùng phát.

142. This is the consuming of the causal body.

142. Đây là sự thiêu hủy thể nguyên nhân.

Gone is the lower fire through the flame of solar burning, gone is the middle fire through the intensity of fire from Heaven.

Lửa thấp đã mất qua ngọn lửa thiêu đốt thái dương, lửa trung gian đã mất qua cường độ của lửa từ Thiên giới.

143. When speaking of the fiery consumption of various types of vehicles, it is the "solar Lords" who consume the lower fires by friction and the fire of the Lord of Life, electric fire, (that Lord of Life being seated at the heart of the lotus) which consumes the middle fire.

143. Khi nói về sự thiêu hủy bằng lửa của các loại vận cụ khác nhau, chính các "chúa tể thái dương" thiêu hủy các lửa thấp do ma sát, còn lửa của Chúa Tể của Sự sống, lửa điện, (Chúa Tể của Sự sống ấy ngự tại tim của hoa sen) thiêu hủy lửa trung gian.

144. It is interesting and instructive to see electric fire discussed as “fire from Heaven”. When we see this descriptive phrase, we are forced to think of the energy of Uranus—the “Heavenly One” Who is the “home of electric fire”.

144. Thật thú vị và giàu tính chỉ dạy khi thấy lửa điện được bàn đến như “lửa từ Thiên giới”. Khi thấy cụm từ mô tả này, chúng ta buộc phải nghĩ đến năng lượng của Sao Thiên Vương—“Đấng Thiên Thượng” là “nơi cư ngụ của lửa điện”.

Naught remaineth save a threefold flame of violet, indigo and yellow.

Không gì còn lại ngoài một ngọn lửa tam phân màu tím, chàm và vàng.

145. The remaining colors are interesting and seem to suggest the three colors which the Tibetan has associated with buddhi

145. Những màu còn lại thật đáng chú ý và dường như gợi ý ba màu mà Chân sư Tây Tạng đã liên kết với Bồ đề

a. Violet—the color of buddhi in relation to the Solar Logos

a. Tím—màu của Bồ đề trong liên hệ với Thái dương Thượng đế

b. Blue or (in this case, perhaps indigo)—the color of buddhi in relation to the Planetary Logos

b. Xanh lam hay (trong trường hợp này, có lẽ là chàm)—màu của Bồ đề trong liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế

c. Yellow—the color of buddhi in relation to the human being.

c. Vàng—màu của Bồ đề trong liên hệ với con người.

146. It is as if the threefold flame which is, we have learned, buddhic in origin, carries a representation of buddhic man, and, as well, of the buddhic natures of both the Planetary Logos and the Solar Logos.

146. Dường như ngọn lửa tam phân này, mà như chúng ta đã biết, có nguồn gốc Bồ đề, mang một sự biểu hiện của con người Bồ đề, và đồng thời cả bản chất Bồ đề của Hành Tinh Thượng Đế lẫn Thái dương Thượng đế.

THAT disappears. Then darkness reigns.

ĐIỀU ĐÓ biến mất. Rồi bóng tối ngự trị.

147. Darkness reigns upon the higher mental plane at least.

147. Ít nhất bóng tối ngự trị trên Cõi thượng trí.

148. May we say that "THAT" is the Monad and its representation within the Jewel in the Lotus, which is absorbed into the spiritual triad?

148. Chúng ta có thể nói rằng "ĐIỀU ĐÓ" là chân thần và sự biểu hiện của nó bên trong Viên Ngọc trong Hoa Sen, vốn được hấp thu vào Tam Nguyên Tinh Thần chăng?

149. When "THAT" disappears, it only disappears from a certain dimension on the higher mental plane. It does not disappear entirely. It cannot.

149. Khi "ĐIỀU ĐÓ" biến mất, nó chỉ biến mất khỏi một chiều kích nào đó trên Cõi thượng trí. Nó không biến mất hoàn toàn. Nó không thể.

150. When "THAT" is considered "LIFE ITSELF" it can *never* disappear.

150. Khi "ĐIỀU ĐÓ" được xem là "CHÍNH SỰ SỐNG" thì nó *không bao giờ* có thể biến mất.

Yet the Lord of Life persists, though invisible."

Tuy nhiên Chúa Tể của Sự sống vẫn tồn tại, dù vô hình."

151. The Lord of Life persists upon the monadic plane and still within and behind the points of focus within the spiritual triad into which the fire of the Jewel in the Lotus has been 'translated'.

151. Chúa Tể của Sự sống vẫn tồn tại trên cõi chân thần và vẫn ở bên trong cũng như phía sau các điểm tập trung trong Tam Nguyên Tinh Thần, nơi ngọn lửa của Viên Ngọc trong Hoa Sen đã được 'chuyển dịch' vào.

152. Invisibility is only valid (with respect to "THAT") from the perspective of the physical body of the Solar Logos, which includes the higher mental plane.

152. Tính vô hình chỉ có giá trị (đối với "ĐIỀU ĐÓ") từ viễn tượng của thể xác của Thái dương Thượng đế, vốn bao gồm Cõi thượng trí.

153. It does not make sense to think that the Monad, withdrawing from the egoic lotus (by means of the process of destruction) returns entirely to a subjective state un-invested within the spiritual triad. It would make more sense to think of the monadic withdrawal as gradual, awaiting the day of the destruction of the spiritual triad for its final withdrawal within itself.

153. Thật không hợp lý khi nghĩ rằng chân thần, rút khỏi Hoa Sen Chân Ngã (bằng tiến trình hủy diệt), lại hoàn toàn trở về một trạng thái chủ quan không đầu tư vào Tam Nguyên Tinh Thần. Hợp lý hơn nếu nghĩ về sự rút lui của chân thần như một tiến trình dần dần, chờ đến ngày sự hủy diệt của Tam Nguyên Tinh Thần để có sự rút lui cuối cùng vào chính nó.

154. VSK remarks: "Interesting, these three colours are those of the sacrifice/sacrifice

154. VSK nhận xét: "Thật thú vị, ba màu này là những màu của cánh hoa hi sinh/sự hi

petal, minus the rose and orange (which …? may remain fallen? As said, gone is the lower and middle, so the orange and rose are burned, and all that remains is an essentialized 'utter sacrifice of all forever')".

sinh, trừ màu hồng và cam (những màu này …? có thể vẫn còn sa ngã? Như đã nói, cái thấp và cái trung gian đã mất, nên màu cam và hồng bị thiêu cháy, và tất cả những gì còn lại là một 'sự hi sinh tuyệt đối của tất cả mãi mãi' đã được tinh túy hóa)".

155. The petal for which this is focally true is the *eighth* petal. Of its five colors, orange and rose are gone, and only yellow, violet and blue remain.

155. Cánh hoa mà điều này đúng một cách tiêu điểm là cánh hoa *thứ tám*. Trong năm màu của nó, màu cam và hồng đã mất, và chỉ còn vàng, tím và xanh lam.

As we know, the egoic lotus consists of three circles,—each circle being composed of three petals, and all shielding the inner bud where hides the jewel.

Như chúng ta biết, Hoa Sen Chân Ngã gồm ba vòng,—mỗi vòng gồm ba cánh hoa, và tất cả đều che chở nụ bên trong nơi viên ngọc ẩn náu.

156. This is a review statement.

156. Đây là một phát biểu ôn tập.

157. We are dealing with three circles of differentiated energy, each circle an emanation of the central fire or nucleus within the lotus.

157. Chúng ta đang bàn đến ba vòng năng lượng biến phân, mỗi vòng là một phát xạ của lửa trung tâm hay hạt nhân bên trong hoa sen.

158. We have already reviewed names of the central fire sometimes identified as the "Jewel".

158. Chúng ta đã ôn lại các tên gọi của lửa trung tâm đôi khi được đồng nhất với "Viên Ngọc".

It is with the evolution of these petals that we are concerned, with their formation, their vitalisation, their nurturing, and eventual unfoldment.

Chính với sự tiến hoá của các cánh hoa này mà chúng ta quan tâm, với sự hình thành của chúng, sự tiếp sinh lực, sự nuôi dưỡng, và sự khai mở cuối cùng của chúng.

159. Let us list the types of processes through which the petals pass, as understanding their sequence is very important. The last word is not said here, but something of importance is said, and can be collated with other statements for a more complete picture:

159. Hãy liệt kê các loại tiến trình mà các cánh hoa đi qua, vì việc hiểu trình tự của chúng là rất quan trọng. Lời cuối cùng chưa được nói ra ở đây, nhưng có điều gì đó quan trọng đã được nói ra, và có thể được đối chiếu với những phát biểu khác để có một bức tranh đầy đủ hơn:

a. The formation of the petals

a. Sự hình thành của các cánh hoa

b. The vitalisation of the petals

c. The nurturing of the petals (mostly accomplished by solar fire).

d. The eventual unfoldment of the petals.

e. Not mentioned is their "organization" which either follows the state of vitalization or precedes it.

It will be useful for the student at this stage to remember that we are primarily dealing with the development of the second aspect in man,

160. The entire egoic lotus reflects the second aspect in man, but especially the petals within the egoic lotus reflect this aspect. "Vibrations" and "spokes" we may remember reflect the first and third aspects respectively.

the love-wisdom aspect, and are only secondarily considering the third aspect,

161. Yet, compared with solar fire and with consciousness in general, the egoic lotus is a third aspect structure (representing an internal environment qualified by the second aspect).

162. Throughout this treatise, the third aspect is considered secondary.

that of activity which finds its energising centres in the three permanent atoms.

163. We are not really dealing with "three permanent atoms", but with two permanent

b. Sự tiếp sinh lực của các cánh hoa

c. Sự nuôi dưỡng các cánh hoa (phần lớn được hoàn thành bởi lửa thái dương).

d. Sự khai mở cuối cùng của các cánh hoa.

e. Không được nhắc đến là sự "tổ chức" của chúng, điều này hoặc theo sau trạng thái tiếp sinh lực hoặc đi trước nó.

Ở giai đoạn này, điều hữu ích cho đạo sinh là nhớ rằng chúng ta chủ yếu đang bàn đến sự phát triển của phương diện thứ hai trong con người,

160. Toàn bộ Hoa Sen Chân Ngã phản ánh phương diện thứ hai trong con người, nhưng đặc biệt các cánh hoa bên trong Hoa Sen Chân Ngã phản ánh phương diện này. Chúng ta có thể nhớ rằng "các rung động" và "các nan hoa" lần lượt phản ánh phương diện thứ nhất và thứ ba.

phương diện bác ái-minh triết, và chỉ xét đến phương diện thứ ba một cách thứ yếu,

161. Tuy nhiên, so với lửa thái dương và với tâm thức nói chung, Hoa Sen Chân Ngã là một cấu trúc phương diện thứ ba (biểu hiện một môi trường nội tại được phẩm định bởi phương diện thứ hai).

162. Xuyên suốt luận thuyết này, phương diện thứ ba được xem là thứ yếu.

đó là phương diện hoạt động, tìm thấy các trung tâm tiếp năng lượng của nó trong ba nguyên tử trường tồn.

163. Thực ra chúng ta không bàn đến "ba nguyên tử trường tồn", mà là hai nguyên tử

atoms and one mental unit, yet for convenience of speech and writing they are often referred to as the three permanent atoms.

trường tồn và một đơn vị hạ trí, tuy nhiên để tiện nói và viết, chúng thường được gọi là ba nguyên tử trường tồn.

164. The “three permanent atoms” (the lower ones) are, all of them, a part of the structure of the egoic lotus—finding their place in the lower part of the lotus which is symbolically correct.

164. “Ba nguyên tử trường tồn” (những nguyên tử thấp) tất cả đều là một phần của cấu trúc Hoa Sen Chân Ngã—tìm thấy vị trí của chúng ở phần dưới của hoa sen, điều này là đúng về mặt biểu tượng.

165. There follows much review material considering what we have been covering in even greater detail in our various in-person classes. The structure must be held, however, firmly in mind.

165. Tiếp theo là nhiều tài liệu ôn tập bàn đến những gì chúng ta đã đề cập với chi tiết còn lớn hơn nữa trong các lớp học trực tiếp khác nhau của chúng ta. Tuy nhiên, cấu trúc này phải được giữ vững chắc trong tâm trí.

[Page 821]

[Page 821]

These three circles of petals are called in the esoteric terminology:

Ba vòng cánh hoa này được gọi trong thuật ngữ huyền bí là:

1. The "outer knowledge" triad, or the **lords of active wisdom**.

1. Tam nguyên "tri thức bên ngoài", hay **các chúa tể của minh triết hoạt động**.

166. We seem to be speaking of "solar Lords" or Agnishvattas who are “Lords” or supervisors of an activity process within the generally second ray focus of the egoic lotus.

166. Dường như chúng ta đang nói về các "chúa tể thái dương" hay các Agnishvatta, là những “Chúa Tể” hay những vị giám quản của một tiến trình hoạt động bên trong tiêu điểm nói chung là cung hai của Hoa Sen Chân Ngã.

167. The word “wisdom” is to be noted. We are not only dealing with knowledge, but it is possible to forget this as these three petals are so often called “Knowledge Petals”.

167. Cần lưu ý từ “minh triết”. Chúng ta không chỉ đang bàn đến tri thức, nhưng điều này có thể bị quên đi vì ba cánh hoa này thường được gọi là “các cánh hoa tri thức”.

168. The factor of “wisdom” finds its affiliation with all three aspects of divinity —‘knowledge-wisdom’, “love-wisdom”, ‘will-wisdom’.

168. Yếu tố “minh triết” tìm thấy sự liên kết của nó với cả ba phương diện của thiên tính —‘tri thức-minh triết’, “bác ái-minh triết”, ‘ý chí-minh triết’.

169. The emphasis on its association with knowledge (as here given) is, however, unmistakable.

169. Tuy nhiên, sự nhấn mạnh vào mối liên hệ của nó với tri thức (như được nêu ở đây) là không thể nhầm lẫn.

2. The middle "love" triad, or the lords of active love.

2. Tam nguyên "bác ái" ở giữa, hay các chúa tể của bác ái hoạt động.

170. Love is differentiated from “wisdom”, and, *in this instance*, “wisdom” is closely linked with knowledge whereas love is less so.

170. Bác ái được phân biệt với “minh triết”, và, *trong trường hợp này*, “minh triết” được liên kết chặt chẽ với tri thức, trong khi bác ái thì ít hơn.

171. In all cases *the activity aspect* is present. Devic lives which function upon the mental plane are automatically linked with “activity”, for the mental plane is the *third* plane and the *third* ray is the ray of activity. Further these “Lords” actively engage with the third aspect of divinity expressing through the lunar vehicles.

171. Trong mọi trường hợp, *phương diện hoạt động* đều hiện diện. Các sự sống thiên thần hoạt động trên cõi trí tự động được liên kết với “hoạt động”, vì cõi trí là cõi *thứ ba* và cung *thứ ba* là cung của hoạt động. Hơn nữa, các “Đấng” này tích cực tham dự vào phương diện thứ ba của thiên tính đang biểu lộ qua các vận cụ nguyệt tinh quân.

3. The inner "sacrificial" triad, or the lords of active will.

3. Bộ ba "hi sinh" nội tại, hay các chúa tể của ý chí hoạt động.

172. The same applies to the “Lords” of the third tier of petals. Activity is, again, especially accentuated.

172. Điều tương tự cũng áp dụng cho các “Đấng” của tầng cánh hoa thứ ba. Hoạt động, một lần nữa, được nhấn mạnh đặc biệt.

173. If we list the three aspects of divinity we find respectively:

173. Nếu liệt kê ba phương diện của thiên tính, chúng ta lần lượt thấy:

a. Wisdom connected with the third aspect

a. Minh triết gắn với phương diện thứ ba

b. Love connected with the second aspect

b. Bác ái gắn với phương diện thứ hai

c. Will connected with the first aspect

c. Ý chí gắn với phương diện thứ nhất

174. Sometimes wisdom is connected with the first aspect rather than the third.

174. Đôi khi minh triết được gắn với phương diện thứ nhất thay vì phương diện thứ ba.

175. In the case of the Buddha—the "Lord of Light and Wisdom", wisdom is connected primarily with the first aspect of divinity but *also* with the third.

175. Trong trường hợp của Đức Phật—"Chúa Tể của Ánh sáng và Minh triết", minh triết trước hết được gắn với phương diện thứ nhất của thiên tính nhưng *cũng* với phương diện thứ ba.

176. Below we have a very concise description of the meanings and functions of the three tiers of petals.

176. Dưới đây chúng ta có một mô tả rất súc tích về ý nghĩa và chức năng của ba tầng cánh hoa.

The first [triad] is the summation of experience and developed consciousness;

Bộ ba [cánh hoa] thứ nhất là tổng hợp của kinh nghiệm và tâm thức đã phát triển;

177. Here we are speaking of the first tier of petals.

177. Ở đây chúng ta đang nói về tầng cánh hoa thứ nhất.

178. The first tier deals with much 'outer' experience in the three lower worlds. The human being is not yet subjectively oriented and the consciousness developed concerns, primarily, the life of the five normal physical senses.

178. Tầng thứ nhất liên quan đến nhiều kinh nghiệm 'bên ngoài' trong ba cõi thấp. Con người chưa định hướng một cách chủ quan, và tâm thức được phát triển chủ yếu liên quan đến đời sống của năm giác quan hồng trần thông thường.

179. Yet, the astral body and mental body are definitely growing in power and influence. They are not, however, consciously and wisely used (as occurs when the human being can focus as a soul in incarnation).

179. Tuy nhiên, thể cảm dục và thể trí chắc chắn đang tăng trưởng về quyền năng và ảnh hưởng. Dầu vậy, chúng chưa được sử dụng một cách hữu thức và minh triết (như xảy ra khi con người có thể tập trung như một linh hồn đang nhập thể).

the second [tier] **is the application of that knowledge in love and service, or the expression of the Self and the Not-Self in reciprocal vibration**;

tầng [cánh hoa] **thứ hai là sự áp dụng tri thức ấy trong bác ái và phụng sự, hay sự biểu lộ của Bản Ngã và phi-ngã trong rung động hỗ tương**;

180. Such important and essentialized thoughts are being expressed. If there was any confusion about what occurs during the organization, vitalization and unfoldment of the second tier of petals, it is clarified here.

180. Những tư tưởng quan trọng và được tinh yếu như vậy đang được diễn đạt. Nếu có bất kỳ sự lẫn lộn nào về điều xảy ra trong tiến trình tổ chức, tiếp sinh lực và khai mở tầng cánh hoa thứ hai, thì ở đây điều đó được làm sáng tỏ.

181. Knowledge has been gained through experience during the opening of the first tier of petals. Now that knowledge is expressed in love and service. Perhaps this does not occur immediately as the second tier of petals are being organized. As the Tibetan tells us, the expression of love and service in this tier is still tainted by various degrees of selfishness.

181. Tri thức đã được thu nhận qua kinh nghiệm trong khi tầng cánh hoa thứ nhất mở ra. Giờ đây tri thức ấy được biểu lộ trong bác ái và phụng sự. Có lẽ điều này không xảy ra ngay lập tức khi tầng cánh hoa thứ hai đang được tổ chức. Như Chân sư Tây Tạng cho chúng ta biết, sự biểu lộ bác ái và phụng sự trong tầng này vẫn còn bị nhuốm bởi nhiều mức độ ích kỷ khác nhau.

182. One of the distinguishing characteristics of the second tier of petals is duality and reciprocity between the pairs of opposites—Self and Not-Self, soul and personality.

182. Một trong những đặc điểm phân biệt của tầng cánh hoa thứ hai là nhị nguyên tính và tính hỗ tương giữa các cặp đối cực—Bản Ngã và phi-ngã, linh hồn và phàm ngã.

183. During the focus of consciousness within the first three petals, there is no sense of God immanent, of the Self-within as distinct from the form. In the second tier of petals, there is.

183. Trong khi tâm thức tập trung trong ba cánh hoa đầu tiên, không có cảm nhận nào về Thượng đế nội tại, về Bản Ngã-bên-trong như khác biệt với hình tướng. Trong tầng cánh hoa thứ hai thì có.

and the third [tier] **is the full expression of knowledge and love turned toward the conscious sacrifice of all to the furthering of the plans of the planetary Logos**, and to the carrying out of His purposes in group work.

và tầng [cánh hoa] **thứ ba là sự biểu lộ trọn vẹn của tri thức và bác ái được hướng đến sự hi sinh hữu thức mọi sự nhằm thúc đẩy các kế hoạch của Hành Tinh Thượng Đế**, và để thực hiện các mục đích của Ngài trong công việc nhóm.

184. The work accomplished during the organization, vitalization and unfoldment of the third tier of petals is high indeed.

184. Công việc được hoàn thành trong tiến trình tổ chức, tiếp sinh lực và khai mở tầng cánh hoa thứ ba quả thật rất cao cả.

185. Knowledge and love are quite fully developed and now they are blended and turned towards furthering the further of the plans (i.e., the Plan) of the Planetary Logos. This requires the *sacrificial use* of knowledge and love.

185. Tri thức và bác ái đã được phát triển khá đầy đủ, và giờ đây chúng được hòa trộn và hướng đến việc thúc đẩy hơn nữa các kế hoạch (tức Thiên Cơ) của Hành Tinh Thượng Đế. Điều này đòi hỏi việc *sử dụng có tính hi sinh* tri thức và bác ái.

186. During the experience of the third tier, group consciousness comes into effect and one consciously and willingly begins to live

186. Trong kinh nghiệm của tầng thứ ba, tâm thức nhóm bắt đầu có hiệu lực và người ta một cách hữu thức và tự nguyện bắt đầu

for a purpose beyond the individual purpose.

187. The individual is rapidly becoming the soul in incarnation.

Each of these three groups of petals come under the definite guidance of three groups of Agnishvattas, who form them out of their own substance and who in essence are the threefold Ego during its manifestation.

188. Much about the functioning of the Agnishvattas is here revealed:

a. Each of the three groups of petals come under the definite guidance of three groups of Agnishvattas. The word "guidance" is important

b. The Agnishvattas form the petals out of their own substance

c. The Agnishvattas are, *in essence* the "threefold Ego during its manifestation".

189. Substance, of course, is *energy.* The energy-substance of the higher mental plane is informed by the energy-substance of the Agnishvattas which, we infer, is higher still. Because the energy of the Agnishvattas substands the substance of the higher mental plane (out of which the petals are actually formed) the Agnishvattas are said to be the *essence* of the threefold Ego during its manifestation. It is the *essence* which substands the form.

sống cho một mục đích vượt quá mục đích cá nhân.

187. Cá nhân đang nhanh chóng trở thành linh hồn đang nhập thể.

Mỗi một trong ba nhóm cánh hoa này đều nằm dưới sự hướng dẫn xác định của ba nhóm Agnishvatta, các vị tạo thành chúng từ chính chất liệu của mình và về bản chất là chân ngã tam phân trong khi biểu hiện.

188. Nhiều điều về chức năng của các Agnishvatta ở đây được tiết lộ:

a. Mỗi một trong ba nhóm cánh hoa đều nằm dưới sự hướng dẫn xác định của ba nhóm Agnishvatta. Từ "hướng dẫn" là quan trọng

b. Các Agnishvatta tạo thành các cánh hoa từ chính chất liệu của mình

c. Các Agnishvatta, *về bản chất*, là "chân ngã tam phân trong khi biểu hiện".

189. Chất liệu, dĩ nhiên, là *năng lượng.* Chất liệu-năng lượng của cõi thượng trí được thấm nhuần bởi chất liệu-năng lượng của các Agnishvatta mà chúng ta suy ra còn cao hơn nữa. Bởi vì năng lượng của các Agnishvatta làm nền cho chất liệu của cõi thượng trí (từ đó các cánh hoa thực sự được tạo thành), nên các Agnishvatta được nói là *bản chất cốt yếu* của chân ngã tam phân trong khi biểu hiện. Chính *bản chất cốt yếu* ấy làm nền cho hình tướng.

190. From the usual perspective, 'essence substands substance', yet, philosophically, 'essence is substance'.

Through them [the Agnishvattas] flows the force and coherent energy of those mysterious Entities whom (when considering the human family as a whole) we call—

191. We learn that the Agnishvattas are conduits for the flow of energy from still greater Entities.

192. Every E/entity, really, is along the line of an energy-flow from higher centers of energy through to lower centers.

193. We find that three tiers of petals are responsive to three different kinds of Buddhas. With one of these categories of Buddhas, we are familiar.

a. The Buddhas or Lords of Activity.

194. These are what are familiarly called the "Buddhas of Activity".

195. Such Buddhas operate on a *globe* level. They are strictly related to the activity aspect of divinity. (cf. TCF 873)

b. The Buddhas or Lords of Compassionate Love.

196. We do not know the 'location' or associations of these "Lords of Compassionate Love", but we may find that they are associated with the *chain* level of

190. Theo quan điểm thông thường, 'bản chất cốt yếu làm nền cho chất liệu', nhưng về mặt triết học, 'bản chất cốt yếu là chất liệu'.

Qua các vị ấy [các Agnishvatta] tuôn chảy mãnh lực và năng lượng cố kết của những Thực Thể huyền nhiệm ấy, những Đấng mà (khi xét gia đình nhân loại như một toàn thể) chúng ta gọi là—

191. Chúng ta biết rằng các Agnishvatta là những kênh dẫn cho dòng năng lượng từ các Thực Thể còn vĩ đại hơn nữa.

192. Thật ra, mọi thực thể đều nằm trên đường của một dòng năng lượng từ các trung tâm năng lượng cao hơn đi xuống các trung tâm thấp hơn.

193. Chúng ta thấy rằng ba tầng cánh hoa đáp ứng với ba loại Phật khác nhau. Với một trong các loại Phật này, chúng ta đã quen thuộc.

a. Các Đức Phật hay các Chúa Tể của Hoạt Động.

194. Đây là những vị thường được gọi là "các Đức Phật của Hoạt Động".

195. Các Đức Phật như vậy hoạt động ở cấp độ *bầu hành tinh*. Các Ngài liên hệ chặt chẽ với phương diện hoạt động của thiên tính. (x. TCF 873)

b. Các Đức Phật hay các Chúa Tể của Bác Ái Từ Bi.

196. Chúng ta không biết 'vị trí' hay các liên hệ của những "Chúa Tể của Bác Ái Từ Bi" này, nhưng có thể thấy rằng các Ngài được liên

the planetary expression rather than the globe level.

197. If we consult TCF 873, we find three different orders of Buddha, and it these kinds which may here be referenced.

c. Buddhas of Sacrifice, of Whom the Lord of the World is, to man, the best known exponent.

198. One wonder about how many of these "Buddhas of Sacrifice" exist, when compared to the number of the other types of Buddhas. In relation to our Planetary Logos, there seems to be only *one* Buddha of Sacrifice—Sanat Kumara. He is surrounded by three Buddhas of Activity.

199. Yet are Sanat Kumara and the three Buddhas of Activity active only at the globe level, or also at the chain and scheme levels. Careful thought on the matter shows Sanat Kumara to be active on all three levels.

200. We could ask if there are different kinds of Buddhas of Activity—the foremost of which surround Sanat Kumara. The Esoteric Kumaras may also be considered a higher category of Buddha of Activity.

201. Clearly there is a planetary multiplicity of such great Lives (graduated in an hierarchical sequence). Yet, through the process of emanation, they are all a part of each other and, essentially, of one emanating Source.

202. From VSK's perspective: This shows clearly enough that the Knowledge Petals are made up of the 'orange' of the Lords of

kết với cấp độ *Dãy* của biểu hiện hành tinh hơn là cấp độ bầu hành tinh.

197. Nếu tham khảo TCF 873, chúng ta thấy ba đẳng cấp Phật khác nhau, và chính các loại này có thể được nhắc đến ở đây.

c. Các Đức Phật của Hi Sinh, mà Đức Chúa Tể Thế Giới là vị biểu hiện được con người biết đến rõ nhất.

198. Người ta tự hỏi có bao nhiêu "Đức Phật của Hi Sinh" như thế tồn tại, khi so với số lượng của các loại Phật khác. Liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, dường như chỉ có *một* Đức Phật của Hi Sinh—Đức Sanat Kumara. Ngài được bao quanh bởi ba Đức Phật của Hoạt Động.

199. Tuy nhiên, liệu Đức Sanat Kumara và ba Đức Phật của Hoạt Động chỉ hoạt động ở cấp độ bầu hành tinh, hay còn ở các cấp độ Dãy và hệ hành tinh nữa? Suy nghĩ cẩn trọng về vấn đề này cho thấy Đức Sanat Kumara hoạt động trên cả ba cấp độ.

200. Chúng ta có thể hỏi liệu có những loại Đức Phật của Hoạt Động khác nhau hay không—mà những vị hàng đầu trong số đó bao quanh Đức Sanat Kumara. Các Kumaras Nội Môn cũng có thể được xem là một loại Đức Phật của Hoạt Động cao hơn.

201. Rõ ràng có một tính đa dạng hành tinh của những Sự Sống vĩ đại như thế (được phân bậc trong một chuỗi thứ bậc). Tuy nhiên, qua tiến trình phát xạ, tất cả các vị đều là một phần của nhau và, về bản chất, là của một Nguồn phát xạ duy nhất.

202. Theo quan điểm của VSK: Điều này cho thấy khá rõ rằng các cánh hoa tri thức được cấu thành từ màu 'cam' của các Chúa Tể của

Activity; the Love Petals are of the 'rose' substance of the Lords of Compassionate Love; and the substance of sacrifice, 'yellow', is that provided by those of Sacrifice, such as the Lord of the World.

Hoạt Động; các cánh hoa bác ái thuộc về chất liệu 'hồng' của các Chúa Tể của Bác Ái Từ Bi; và chất liệu của hi sinh, 'vàng', là do các Đấng của Hi Sinh cung cấp, như Đức Chúa Tể Thế Giới.

203. The link between the three types of Buddhas, the Agnishvattas and the quality and color of the petals is evident. VSK brings forward an important hint.

203. Mối liên hệ giữa ba loại Phật, các Agnishvatta, và phẩm tính cùng màu sắc của các cánh hoa là hiển nhiên. VSK đưa ra một gợi ý quan trọng.

Through these three groups flows that threefold energy which, on the mental plane, finds its medium of expression in connection with the human kingdom, in the three groups of Agnishvattas or solar Pitris above referred to.

Qua ba nhóm này tuôn chảy năng lượng tam phân ấy, năng lượng mà trên cõi trí tìm thấy môi trường biểu lộ của nó liên hệ với giới nhân loại, trong ba nhóm Agnishvatta hay thái dương tổ phụ đã được nhắc đến ở trên.

204. From the three types of Buddhas flow three types of energy which express through three types of Agnishvattas or "solar Pitris". We see that there is definitely an equivalence between Agnishvattas and "solar Pitris".

204. Từ ba loại Phật tuôn chảy ba loại năng lượng, biểu lộ qua ba loại Agnishvatta hay "thái dương tổ phụ". Chúng ta thấy rằng chắc chắn có một sự tương đương giữa Agnishvatta và "thái dương tổ phụ".

205. Agnishvattas and "solar Pitris" are always to be considered beings in advance of man and it is difficult to discriminate them hierarchically. It is not as if "solar Pitris" are in some manner higher than Agnishvattas. We have an example of different names of the same type of Entity.

205. Agnishvatta và "thái dương tổ phụ" luôn phải được xem là những hữu thể tiến hóa vượt trước con người, và khó có thể phân biện chúng theo thứ bậc. Không phải là "thái dương tổ phụ" theo cách nào đó cao hơn Agnishvatta. Ở đây chúng ta có một ví dụ về những tên gọi khác nhau của cùng một loại Thực Thể.

206. All the Buddhas have expressive outlets upon the mental plane (the higher mental plane) because the three types of Agnishvattas or "solar Pitris" are expressive on that plane.

206. Tất cả các Đức Phật đều có những lối biểu lộ trên cõi trí (cõi thượng trí) bởi vì ba loại Agnishvatta hay "thái dương tổ phụ" đều biểu lộ trên cõi ấy.

These groups form the substance of the three circles of petals, **and each group has also a special influence upon the particular**

Các nhóm này tạo thành chất liệu của ba vòng cánh hoa, **và mỗi nhóm cũng có một ảnh hưởng đặc biệt lên cánh hoa riêng biệt**

petal belonging to their especial scale of vibrations.

207. So we have three groups of Agnishvattas or "solar Pitris" who, in general, guide and inform three groups of petals.

208. The second part of the statement above suggests that each group of Agnishvattas has a special influence upon the particular petal belonging to their especial scale of vibrations. Presumably this would mean that the Agnishvattas of the knowledge petals would have an especial influence upon the knowledge/knowledge petal; that the Agnishvattas substanding the love petals would have an especial influence upon the love/love petal; that the Agnishvattas substanding the sacrifice petals would have an especial influence upon the sacrifice/sacrifice petal.

209. Some additional influence might be expected in relation to that petal in each of the other tiers which accords with the nature of the Agnishvattas concerned.

210. Further, we might infer that one particular kind of Agnishvatta of the three influences that particular characteristic petal the most. In other words, one Agnishvatta of the group of Agnishvattas most attuned to and influencing the knowledge petals, influences the knowledge/knowledge petal most. It seems that all is organized clearly and that different petal functions are definitively apportioned to the appropriate kind of Agnishvatta.

thuộc về thang rung động đặc thù của mình.

207. Vì vậy, chúng ta có ba nhóm Agnishvatta hay "thái dương tổ phụ", những vị nói chung hướng dẫn và thấm nhuần ba nhóm cánh hoa.

208. Phần thứ hai của phát biểu trên gợi ý rằng mỗi nhóm Agnishvatta có một ảnh hưởng đặc biệt lên cánh hoa riêng biệt thuộc về thang rung động đặc thù của mình. Có lẽ điều này có nghĩa là các Agnishvatta của các cánh hoa tri thức sẽ có một ảnh hưởng đặc biệt lên cánh hoa tri thức/tri thức; rằng các Agnishvatta làm nền cho các cánh hoa bác ái sẽ có một ảnh hưởng đặc biệt lên cánh hoa bác ái/bác ái; rằng các Agnishvatta làm nền cho các cánh hoa hi sinh sẽ có một ảnh hưởng đặc biệt lên cánh hoa hi sinh/hi sinh.

209. Có thể chờ đợi một số ảnh hưởng bổ sung liên hệ với cánh hoa trong mỗi tầng khác phù hợp với bản chất của các Agnishvatta liên quan.

210. Hơn nữa, chúng ta có thể suy ra rằng một loại Agnishvatta đặc biệt trong ba loại ảnh hưởng cánh hoa đặc trưng ấy nhiều nhất. Nói cách khác, một Agnishvatta trong nhóm Agnishvatta được chỉnh hợp nhiều nhất với và ảnh hưởng đến các cánh hoa tri thức sẽ ảnh hưởng đến cánh hoa tri thức/tri thức nhiều nhất. Có vẻ như mọi sự đều được tổ chức rõ ràng và các chức năng cánh hoa khác nhau được phân bổ dứt khoát cho loại Agnishvatta thích hợp.

211. Thuật ngữ "thang rung động" dường như gợi ý một âm giai trong âm nhạc. Tất cả

211. The term “scale of vibrations” seems to suggest a key of music. All these energies can be expressed in musical terms.

các năng lượng này đều có thể được diễn đạt bằng các thuật ngữ âm nhạc.

For the sake of clarity, we might tabulate the various petals so that the student may [Page 822] get a clearer comprehension of the conformation of his own causal vehicle, and some idea of the various triangular relationships:

Để cho rõ ràng, chúng ta có thể lập bảng các cánh hoa khác nhau để đạo sinh có thể [Page 822] có được sự hiểu biết rõ ràng hơn về cấu tạo của vận cụ nguyên nhân của chính mình, và một số ý niệm về các mối liên hệ tam giác khác nhau:

212. Now we get into the details concerning each petal. Much has already been said, both in an earlier commentary (cf. S5S9) and in the detailed papers prepared during seven in-person TCF classes.

212. Giờ đây chúng ta đi vào các chi tiết liên quan đến từng cánh hoa. Nhiều điều đã được nói đến, cả trong một phần bình giải trước đây (x. S5S9) lẫn trong các bài viết chi tiết được chuẩn bị trong bảy lớp TCF trực tiếp.

213. We are to study what is here given in order to understand our own causal body more specifically and also something of how the Science of Triangles applies to the dynamics of the egoic lotus.

213. Chúng ta phải nghiên cứu điều được nêu ở đây để hiểu thể nguyên nhân của chính mình một cách cụ thể hơn và cũng hiểu phần nào cách Khoa Học Tam Giác áp dụng vào động lực của hoa sen chân ngã.

I. The outer "knowledge" triad:

I. Bộ ba "tri thức" bên ngoài:

214. We remember that this type of knowledge has been called “active wisdom” and operates progressively in relation to the three lower worlds but not in relation to the subjective Self—the higher of the pairs of opposites.

214. Chúng ta nhớ rằng loại tri thức này đã được gọi là “minh triết hoạt động” và vận hành dần dần liên hệ với ba cõi thấp nhưng không liên hệ với Bản Ngã chủ quan—phần cao hơn của các cặp đối cực.

a. Petal 1...Knowledge on the physical plane.

a. Cánh hoa 1...Tri thức trên cõi hồng trần.

215. This petal expresses itself particularly in relation to the five outer senses.

215. Cánh hoa này biểu lộ đặc biệt trong mối liên hệ với năm giác quan bên ngoài.

216. Man emerges from a state of total unconsciousness of himself as a distinct unit and begins, at great cost, to acquire knowledge of the physical plane.

216. Con người xuất hiện từ một trạng thái hoàn toàn vô thức về chính mình như một đơn vị riêng biệt và bắt đầu, với cái giá rất lớn, thu nhận tri thức về cõi hồng trần.

Colours: Orange, green and violet.

Màu sắc: Cam, lục và tím.

217. The presence of these colors suggests the following:

217. Sự hiện diện của các màu sắc này gợi ý điều sau đây:

a. Orange signifying the early development of the concrete mind. Within the egoic lotus, orange is the constant color, a constituent in every one of the first nine petals.

a. Màu cam biểu thị sự phát triển ban đầu của trí cụ thể. Trong hoa sen chân ngã, màu cam là màu thường hằng, là một thành phần trong mỗi một cánh hoa của chín cánh đầu tiên.

b. Green suggests the third ray and the activity of active intelligence within natural surroundings. Early man is active and is rapidly learning about relationships within his outer environment.

b. Màu lục gợi ý cung ba và hoạt động của trí tuệ hoạt động trong môi trường tự nhiên. Con người thời kỳ đầu hoạt động mạnh và đang nhanh chóng học hỏi về các mối liên hệ trong môi trường bên ngoài của mình.

c. Violet, the color of the seventh ray, suggests the rhythms of the dense physical plane to which early man is subject, and the repetitive rhythms of early traditional society.

c. Màu tím, màu của cung bảy, gợi ý các nhịp điệu của cõi hồng trần đậm đặc mà con người thời kỳ đầu phải chịu, và các nhịp điệu lặp đi lặp lại của xã hội truyền thống sơ khai.

d. The ray line is entirely "hard". There is no color for the *first* ray even though this is the *first* petal. Throughout the color scheme of the egoic lotus, the color red of the first ray is not to be found. Perhaps, the color blue is meant to take its place. There is on tabulation within LOM where blue represents the first ray and red the sixth—an apparent inversion, but perhaps not without reason.

d. Tuyến cung hoàn toàn là "cứng". Không có màu nào cho cung *một* dù đây là cánh hoa *thứ nhất*. Trong toàn bộ sơ đồ màu sắc của hoa sen chân ngã, không thấy màu đỏ của cung một. Có lẽ màu lam được dùng để thay thế nó. Có một bảng trong LOM nơi màu lam biểu thị cung một và màu đỏ biểu thị cung sáu—một sự đảo ngược bề ngoài, nhưng có lẽ không phải không có lý do.

e. Violet, however, is related to the first ray. The seventh ray is the concrete expression of the first ray.

e. Tuy nhiên, màu tím có liên hệ với cung một. Cung bảy là biểu hiện cụ thể của cung một.

b. Petal 2...Love on the physical plane.

b. Cánh hoa 2...Bác ái trên cõi hồng trần.

218. This petal represents the gradual unfoldment of the astral body.

218. Cánh hoa này biểu thị sự khai mở dần dần của thể cảm dục.

219. The love here found expresses itself as desire and emotion and not as love, per se, but it does contribute to a growing degree of interpersonal harmony and right relations.

219. Bác ái được tìm thấy ở đây biểu lộ như dục vọng và cảm xúc chứ không phải là chính bác ái, nhưng nó góp phần vào một mức độ ngày càng tăng của sự hài hòa giữa người với người và các mối liên hệ đúng đắn.

Colours: Orange, rose and blue.

Màu sắc: Cam, hồng và lam.

220. The presence of these colors suggests the following:

220. Sự hiện diện của các màu sắc này gợi ý điều sau đây:

a. The continuing growth of the concrete mind even though the physical nature and emotional nature are still overwhelmingly the more powerful. Even the Aboriginals of the Australia, it can be inferred, have something of the second petal in process of development, or they could not produce the art they do.

a. Sự tăng trưởng liên tục của trí cụ thể dù bản chất hồng trần và bản chất cảm xúc vẫn còn mạnh hơn áp đảo. Có thể suy ra rằng ngay cả những người thổ dân Úc cũng có phần nào cánh hoa thứ hai đang trong tiến trình phát triển, nếu không họ đã không thể tạo ra nghệ thuật như họ đã làm.

b. Rose suggests that within the astral body a form of love is expressing itself. The persistent self-love characterizing P1 gives way to increasing love of others. Rose represents more delicate vibrations within the astral body. The astral body of one who is entirely savage is, we are told, shot through which red.

b. Màu hồng gợi ý rằng trong thể cảm dục, một hình thức bác ái đang biểu lộ. Tình yêu bản thân dai dẳng đặc trưng cho P1 nhường chỗ cho tình thương ngày càng tăng đối với người khác. Màu hồng biểu thị những rung động tinh tế hơn trong thể cảm dục. Chúng ta được cho biết rằng thể cảm dục của một người hoàn toàn man dã bị xuyên thấm bởi màu đỏ.

c. Blue, in this instance, a color of the sixth ray, (although the shade of blue is not specified) represents an elevation of astral sensitivity and a raising of the quality of desire. Blue may be considered a color of aspiration, though this blue is still deeply imbedded within the form life.

c. Màu lam, trong trường hợp này là một màu của cung sáu, (dù sắc độ lam không được chỉ rõ) biểu thị sự nâng cao tính nhạy cảm cảm dục và sự nâng cao phẩm tính của dục vọng. Màu lam có thể được xem là màu của khát vọng, dù màu lam này vẫn còn cắm sâu trong đời sống hình tướng.

221. We find that many of the same colors are found in both lower and higher petals. We may assume that their appearance and quality is more refined in the higher than in the lower petals, even though the color is the same.

c. Petal 3...Sacrifice on the physical plane.

222. The human being is forced to pass through sacrifices, the causes of which are beyond his understanding. He is compelled by "circumstances beyond his control" and cannot escape the forced relinquishment of his physical body under most trying circumstances. Forced participation in war or in the necessity to "make a living" under difficult circumstances are two examples.

Colours: Orange, yellow and indigo.

223. The details concerning these petals is dealt with in the commentary for S5S9 and in a forthcoming comprehensive book on the subject.

224. The presence of these colors above suggests the following:

a. Orange is becoming more intense as the concrete mind takes on a definite focus in P3. The human being is becoming definitely intelligent. Intelligent Primary Lotuses have the third petal unfolding (thought the second is dormant).

b. Yellow emphasizes the growing mentality but also the sacrifice which the human being is called upon to make, though it is largely an unconscious sacrifice. Yellow linked to red (first aspect) produces the orange (by means of which individualization occurs).

221. Chúng ta thấy rằng nhiều màu giống nhau xuất hiện trong cả các cánh hoa thấp lẫn cao. Chúng ta có thể giả định rằng sự xuất hiện và phẩm tính của chúng tinh luyện hơn trong các cánh hoa cao so với các cánh hoa thấp, dù màu sắc là như nhau.

c. Cánh hoa 3...Hi sinh trên cõi hồng trần.

222. Con người bị buộc phải đi qua những sự hi sinh mà nguyên nhân của chúng vượt ngoài sự thấu hiểu của y. Y bị cưỡng bách bởi "những hoàn cảnh ngoài tầm kiểm soát của mình" và không thể thoát khỏi việc buộc phải từ bỏ thể xác của mình trong những hoàn cảnh đầy thử thách nhất. Việc bị ép buộc tham gia chiến tranh hoặc phải "kiếm sống" trong hoàn cảnh khó khăn là hai ví dụ.

Màu sắc: Cam, vàng và chàm.

223. Các chi tiết liên quan đến những cánh hoa này được bàn đến trong phần bình giải cho S5S9 và trong một cuốn sách toàn diện sắp xuất bản về chủ đề này.

224. Sự hiện diện của các màu sắc trên gợi ý điều sau đây:

a. Màu cam đang trở nên mãnh liệt hơn khi trí cụ thể đảm nhận một sự tập trung xác định trong P3. Con người đang trở nên rõ rệt là thông minh. Các Hoa Sen Sơ Cấp thông minh có cánh hoa thứ ba đang khai mở (dù cánh thứ hai còn ngủ yên).

b. Màu vàng nhấn mạnh tính trí tuệ đang tăng trưởng nhưng cũng nhấn mạnh sự hi sinh mà con người được kêu gọi phải thực hiện, dù phần lớn đó là sự hi sinh vô thức. Màu vàng liên kết với màu đỏ (phương diện

thứ nhất) tạo ra màu cam (nhờ đó sự biệt ngã hóa xảy ra).

c. Indigo is the color of synthesis and is found in the third petal of every series of three. It may be thought to gather within itself all the qualities generated during the millions of years of evolution required to organize, vitalize and unfold the first tier of petals.

c. Màu chàm là màu của tổng hợp và được tìm thấy trong cánh hoa thứ ba của mỗi bộ ba. Có thể xem nó như thu góp vào trong chính nó mọi phẩm tính được tạo ra trong hàng triệu năm tiến hoá cần thiết để tổ chức, tiếp sinh lực và khai mở tầng cánh hoa thứ nhất.

d. Indigo also suggests the esoteric color of the fifth ray which is accentuated in this third and concrete-minded petal.

d. Màu chàm cũng gợi ý màu sắc huyền bí của cung năm, được nhấn mạnh trong cánh hoa thứ ba và thiên về trí cụ thể này.

225. Although the various colors in each petal function simultaneously, the sequence in which they are presented may be considered significant. It is, we may presume, largely a *developmental* sequence.

225. Mặc dù các màu sắc khác nhau trong mỗi cánh hoa hoạt động đồng thời, trình tự mà chúng được trình bày có thể được xem là có ý nghĩa. Có thể giả định rằng đó phần lớn là một trình tự *phát triển*.

These three petals are organised and vitalised in the *Hall of Ignorance,* but remain unopened and only begin to unfold as the second circle is organised.

Ba cánh hoa này được tổ chức và tiếp sinh lực trong *Phòng Vô Minh,* nhưng vẫn chưa mở và chỉ bắt đầu khai mở khi vòng thứ hai được tổ chức.

226. Such statements as this are important for giving an image of the developmental process of the petals.

226. Những phát biểu như thế này rất quan trọng trong việc đem lại một hình ảnh về tiến trình phát triển của các cánh hoa.

227. We must remember that the work of man is largely to organize the petals. Agencies other than the human provide for the unfoldment of the petals.

227. Chúng ta phải nhớ rằng công việc của con người phần lớn là tổ chức các cánh hoa. Những tác nhân khác ngoài con người đảm trách sự khai mở của các cánh hoa.

The act of organising and preparing for unfoldment is the most important stage, and that with which man is the most concerned. The act of petal opening is of briefer duration, and is **produced by the pouring in of solar heat or fire**, and thus bringing about a fresh access of energy. (TCF 869)

Hành động tổ chức và chuẩn bị cho sự khai mở là giai đoạn quan trọng nhất, và là điều mà con người quan tâm nhiều nhất. Hành động mở cánh hoa có thời lượng ngắn hơn, và **được tạo ra bởi sự tuôn đổ của nhiệt hay lửa thái dương**, và như thế đem lại một sự gia tăng mới của năng lượng. (TCF 869)

The Ego takes no active interest in the development until the second petal in the second series is beginning to open._Before that time, the work proceeds under the [Page 544] law of its being and through the **inherent life of the second Logos which is the life of the petals of the lotus. (TCF 543-544)**

Chân ngã không quan tâm một cách tích cực đến sự phát triển cho đến khi cánh hoa thứ hai trong bộ thứ hai bắt đầu mở._Trước thời điểm đó, công việc tiến hành dưới [Page 544] định luật của chính sự hiện hữu của nó và qua **sự sống cố hữu của Thượng đế thứ hai, vốn là sự sống của các cánh hoa của hoa sen. (TCF 543-544)**

This final opening is effected during the period of treading the stages of the Path of Initiation, and in this round it is hastened by the rites of initiation and by the strenuous and abnormal efforts of the man himself, aided by the electrical work of the Initiator, wielding the Rod of Power. (TCF 824)

Sự mở ra cuối cùng này được thực hiện trong thời kỳ bước đi qua các giai đoạn của Con Đường Điểm Đạo, và trong cuộc tuần hoàn này nó được thúc đẩy bởi các nghi lễ điểm đạo và bởi những nỗ lực mãnh liệt và bất thường của chính con người, được trợ giúp bởi công việc điện lực của Đấng Điểm đạo, Đấng cầm Thần Trượng Điểm đạo. (TCF 824)

228. We gather that the petals representing the Hall of Ignorance only unfold when a man is actually *working* in the Hall of Learning.

228. Chúng ta rút ra rằng các cánh hoa biểu thị Phòng Vô Minh chỉ khai mở khi một người thực sự đang *hoạt động* trong Phòng Hiểu Biết.

229. Does organization precede vitalization or is it the other way around? Or do they occur rather simultaneously. The sequence of words seems ever to be the same —"organised" preceding "vitalised". Perhaps in this natural building process, it does not serve Nature to *vitalize* that which has not been properly *organized*. Yet the act of organization, itself, requires at least a requisite degree of vitalization to proceed.

229. Liệu sự tổ chức có đi trước sự tiếp sinh lực hay ngược lại? Hay chúng xảy ra khá đồng thời? Trình tự từ ngữ dường như luôn luôn như nhau—"được tổ chức" đi trước "được tiếp sinh lực". Có lẽ trong tiến trình kiến tạo tự nhiên này, không phục vụ cho Thiên Nhiên nếu *tiếp sinh lực* cho điều chưa được *tổ chức* đúng đắn. Tuy nhiên, chính hành động tổ chức tự nó cũng đòi hỏi ít nhất

một mức độ tiếp sinh lực cần thiết để tiến hành.

230. The opening of the petals suggests that the qualities represented are quite strongly expressing. When the stages of organization and vitalization are active, the qualities and pertinent abilities are being built and are not yet fully formed and expressive.

230. Sự mở ra của các cánh hoa gợi ý rằng các phẩm tính được biểu thị đang biểu lộ khá mạnh mẽ. Khi các giai đoạn tổ chức và tiếp sinh lực đang hoạt động, các phẩm tính và năng lực liên hệ đang được xây dựng và chưa hoàn toàn thành hình và biểu lộ.

II. The middle "love" triad:

II. Bộ ba "bác ái" ở giữa:

231. We now make the transition to the triad or tier in which the second aspect of divinity is especially expressive, but still in a quite *personal* manner rather than as an example of pure, altruistic soul love.

231. Giờ đây chúng ta thực hiện sự chuyển tiếp sang bộ ba hay tầng trong đó phương diện thứ hai của thiên tính biểu lộ đặc biệt, nhưng vẫn theo một cách khá *cá nhân* hơn là như một ví dụ của bác ái linh hồn thuần khiết, vị tha.

232. During the unfoldment of this tier, the develop of the astral body is especially emphasized, as well as the emerging presence in consciousness of the higher of the pairs of opposites—the soul, inner self or "higher power"—however the man may choose to name it.

232. Trong khi tầng này khai mở, sự phát triển của thể cảm dục được nhấn mạnh đặc biệt, cũng như sự hiện diện đang nổi lên trong tâm thức của phần cao hơn trong các cặp đối cực—linh hồn, bản ngã bên trong hay "quyền năng cao hơn"—dù con người có thể chọn gọi nó bằng tên nào đi nữa.

a. Petal 1...Higher Knowledge applied through love on the physical and astral planes.

a. Cánh hoa 1...Tri thức cao hơn được áp dụng qua bác ái trên cõi hồng trần và cõi cảm dục.

233. The knowledge here gained is no longer entirely concrete.

233. Tri thức thu được ở đây không còn hoàn toàn cụ thể nữa.

234. The man is dealing with *both* the physical and astral planes, whereas during his experience within the first tier, he focused principally upon that which the normal senses revealed to him and, thus, upon the dense physical plane.

234. Con người đang xử lý *cả* cõi hồng trần lẫn cõi cảm dục, trong khi trong kinh nghiệm của mình ở tầng thứ nhất, y tập trung chủ yếu vào điều mà các giác quan thông thường tiết lộ cho y và do đó vào cõi hồng trần đậm đặc.

235. Knowledge is gained as a result of the sensed relationship between an 'inner' and

235. Tri thức được thu nhận như là kết quả của mối liên hệ được cảm nhận giữa một bản

'outer' self. Knowledge which is based on astral sentiency begins to accumulate. The man's attitude is no longer entirely extroverted and objective. He is becoming aware of the "Self" within, though his knowledge of that Self may remain for a long time vague.

ngã 'bên trong' và 'bên ngoài'. Tri thức dựa trên cảm nhận cảm dục bắt đầu tích lũy. Thái độ của con người không còn hoàn toàn hướng ngoại và khách quan nữa. Y đang trở nên nhận biết "Bản Ngã" bên trong, dù tri thức của y về Bản Ngã ấy có thể còn mơ hồ trong một thời gian dài.

Colours: Rose, and the original three.

Màu sắc: Hồng, và ba màu nguyên thủy.

236. The presence of these colors above suggests the following:

236. Sự hiện diện của các màu sắc trên gợi ý điều sau đây:

a. Rose suggests the intensification of the strength of desire-love. The veil of ignorance is lifting and the man becomes aware of the higher of the pairs of opposites. Rose is related to the Law of Attraction which is utilized in consciously balancing the pairs of opposites of which the man is becoming increasingly aware.

a. Màu hồng gợi ý sự tăng cường sức mạnh của dục vọng-bác ái. Tấm màn vô minh đang được nâng lên và con người trở nên nhận biết phần cao hơn của các cặp đối cực. Màu hồng liên hệ với Định luật Hấp Dẫn, được sử dụng trong việc cân bằng một cách hữu thức các cặp đối cực mà con người ngày càng nhận biết rõ hơn.

b. Orange is found again indicating the growing power of observation as man begins to view his life and himself from a more interior position. He begins to understand cause and effect, not only as they are revealed in the lower three worlds, but the manner in which he, as an 'inner self' is causative in relation to the environment.

b. Màu cam lại xuất hiện, cho thấy quyền năng quan sát đang tăng lên khi con người bắt đầu nhìn đời sống và chính mình từ một vị trí nội tại hơn. Y bắt đầu hiểu nhân và quả, không chỉ như chúng được bộc lộ trong ba cõi thấp, mà còn hiểu cách y, như một 'bản ngã bên trong', là nguyên nhân đối với môi trường.

c. Green is again present signifying the active intelligence by means of which the man beings to integrate his personality.

c. Màu lục lại hiện diện, biểu thị trí tuệ hoạt động nhờ đó con người bắt đầu tích hợp phàm ngã của mình.

d. Violet occurs on a higher turn of the spiral indicating the personal stability which man gradually achieves as he brings his increasingly integrated personality life into order and rhythm. Violet, the color of the seventh ray, suggests the use of this ray to

d. Màu tím xuất hiện ở một vòng xoắn cao hơn, cho thấy sự ổn định cá nhân mà con người dần dần đạt được khi y đưa đời sống phàm ngã ngày càng tích hợp của mình vào trật tự và nhịp điệu. Màu tím, màu của cung bảy, gợi ý việc sử dụng cung này để liên kết các cặp đối cực bên trong và bên ngoài, thái

link the inner and outer pairs of opposites, the subjective and strictly objective attitude.

b. Petal 2...Higher intelligent love on the physical and astral planes.

237. We move from the expression of higher knowledge, only, to the expression of a love which is higher than that found in the first tier and which is intelligent as well.

238. Sometimes we hear of so-called "emotional intelligence" which is intelligence applied to an understanding of human relations and relations in general. The astral body is in process of refinement under the influence of the emerging inner Self or soul, even though the true nature of that subjective center may not be understood.

239. Man begins to appreciate (i.e., love) other beings intelligently, with some degree of appreciation for who they are *in themselves.* Other selves are no longer considered simply as 'objects' for his gratification or as objects inimical to his objectives.

240. He is in process of transforming his love nature. A truer sense of values is emerging and he begins to love with the love of his inner subjective Self. Desire is in process of transmutation.

241. Soul attitudes have the potential to develop during the organization, vitalization and unfoldment of this petal.

độ chủ quan và thái độ hoàn toàn khách quan.

b. Cánh hoa 2...Bác ái trí tuệ cao hơn trên cõi hồng trần và cõi cảm dục.

237. Chúng ta chuyển từ sự biểu lộ chỉ của tri thức cao hơn sang sự biểu lộ của một bác ái cao hơn loại được tìm thấy trong tầng thứ nhất và cũng có tính trí tuệ nữa.

238. Đôi khi chúng ta nghe nói đến cái gọi là "trí tuệ cảm xúc", tức là trí tuệ được áp dụng vào sự thấu hiểu các mối liên hệ nhân loại và các mối liên hệ nói chung. Thể cảm dục đang trong tiến trình tinh luyện dưới ảnh hưởng của Bản Ngã bên trong hay linh hồn đang nổi lên, dù bản chất thật sự của trung tâm chủ quan ấy có thể chưa được hiểu rõ.

239. Con người bắt đầu trân trọng (tức là yêu thương) các hữu thể khác một cách thông minh, với một mức độ trân trọng nào đó đối với con người thật của họ *tự nơi chính họ.* Các bản ngã khác không còn bị xem đơn thuần như những 'đối tượng' để thỏa mãn y hay như những đối tượng đối nghịch với các mục tiêu của y nữa.

240. Y đang trong tiến trình chuyển đổi bản chất bác ái của mình. Một ý thức chân thực hơn về các giá trị đang xuất hiện và y bắt đầu yêu thương bằng bác ái của Bản Ngã chủ quan bên trong của mình. Dục vọng đang trong tiến trình chuyển hoá.

241. Các thái độ linh hồn có tiềm năng phát triển trong tiến trình tổ chức, tiếp sinh lực và khai mở cánh hoa này.

242. The love of the inner Self is emerging—IF all goes well.

243. If not, destructively egotistical attitudes may here develop and lead to considerable trouble both in relation to the expression of the fifth petal and later in the developmental process.

Colours: Rose and the corresponding three.

244. The presence of these colors above suggests the following:

a. In this petal the color rose appears *two times* giving evidence of the emotional/aspirational intensity here experienced.

b. Orange is important here for is a "Leo" petal and the color of Leo is orange. The intellect is becoming 'bright' and the concrete mind is ready to be illumined by the inner source of light—the soul. This may not happen, however, until well into the petal process.

c. The color blue repeats itself indicating the growing love and aspiration stimulated by contact with the Higher Self.

d. Many struggles are experienced in the development of this petal which is characterized by extremely sensitive sentiency. The pairs of opposites, the inner and outer members of the fundamental human duality (soul and personality) are, eventually, clearly evident and man (if he becomes rightly oriented here) is reaching intensively from the lower to the higher—from the lunar self to the solar Self.

242. Bác ái của Bản Ngã bên trong đang nổi lên—NẾU mọi sự diễn ra tốt đẹp.

243. Nếu không, các thái độ vị ngã có tính hủy hoại có thể phát triển ở đây và dẫn đến nhiều rắc rối đáng kể cả trong liên hệ với sự biểu lộ của cánh hoa thứ năm lẫn về sau trong tiến trình phát triển.

Màu sắc: Hồng và ba màu tương ứng.

244. Sự hiện diện của các màu sắc trên gợi ý điều sau đây:

a. Trong cánh hoa này, màu hồng xuất hiện *hai lần*, cho thấy cường độ cảm xúc/khát vọng được trải nghiệm ở đây.

b. Màu cam ở đây quan trọng vì đây là một cánh hoa "Sư Tử" và màu của Sư Tử là màu cam. Trí năng đang trở nên 'sáng' và trí cụ thể sẵn sàng được soi sáng bởi nguồn ánh sáng bên trong—linh hồn. Tuy nhiên, điều này có thể không xảy ra cho đến khá sâu trong tiến trình của cánh hoa.

c. Màu lam lặp lại, cho thấy bác ái và khát vọng đang tăng trưởng được kích thích bởi sự tiếp xúc với Bản Ngã Cao Siêu.

d. Nhiều cuộc đấu tranh được trải nghiệm trong sự phát triển của cánh hoa này, vốn được đặc trưng bởi tính cảm nhận cực kỳ nhạy bén. Các cặp đối cực, các thành phần bên trong và bên ngoài của nhị nguyên tính căn bản nơi con người (linh hồn và phàm ngã), cuối cùng trở nên rõ ràng hiển nhiên, và con người (nếu y định hướng đúng ở đây) đang vươn lên mãnh liệt từ thấp lên cao—từ bản ngã nguyệt tinh quân đến Bản Ngã thái dương.

c. Petal 3...Loving intelligent sacrifice on the physical and astral planes.

c. Cánh hoa 3...Hi sinh trí tuệ đầy bác ái trên cõi hồng trần và cõi cảm dục.

245. We note how the qualities become cumulative. Love and intelligence are added to the sacrificial attitude to be found in relation to all *third petals* of each tier, and it is a *higher* form of sacrifice (higher than that experienced a P3) that is here to be experienced; it is purposeful and no longer unconscious, though characterized by mixed motive.

245. Chúng ta lưu ý cách các phẩm tính trở nên tích lũy. Bác ái và trí tuệ được thêm vào thái độ hi sinh được tìm thấy trong mối liên hệ với mọi *cánh hoa thứ ba* của mỗi tầng, và đây là một hình thức hi sinh *cao hơn* (cao hơn hình thức được kinh nghiệm nơi P3) sẽ được kinh nghiệm ở đây; nó có mục đích và không còn vô thức nữa, dù vẫn được đặc trưng bởi động cơ pha trộn.

Colours: Rose and the same three.

Màu sắc: Hồng và cùng ba màu ấy.

246. The presence of these colors above suggests the following:

246. Sự hiện diện của các màu sắc này ở trên gợi ý điều sau đây:

a. Rose is precisely the color which fits with the sixth ray attitude of this sixth petal.

a. Hồng chính xác là màu phù hợp với thái độ cung sáu của cánh hoa thứ sáu này.

b. Under the influence of rose the man is endeavoring to give up selfish desire (though he does not entirely succeed). He attempt to give up his own personal desire for the sake of his group.

b. Dưới ảnh hưởng của màu hồng, con người đang nỗ lực từ bỏ dục vọng ích kỷ (dù y không hoàn toàn thành công). Y cố gắng từ bỏ dục vọng cá nhân riêng của mình vì lợi ích của nhóm mình.

c. Orange is, as usual, repeated and assists in the discrimination between that which truly sacrificial and of the soul, and that which is still tainted by personality attitude.

c. Màu cam, như thường lệ, được lặp lại và hỗ trợ sự phân biện giữa điều gì thực sự có tính hi sinh và thuộc về linh hồn, với điều gì vẫn còn bị nhuốm bởi thái độ phàm ngã.

d. Yellow enters on a higher turn of the spiral and represents *conscious* response to the Law of Sacrifice—a law emanating from the soul, the energy of which is now being strongly sensed.

d. Màu vàng xuất hiện ở một vòng xoắn cao hơn và biểu thị sự đáp ứng *có ý thức* đối với Định luật Hi sinh—một định luật phát xạ từ linh hồn, mà năng lượng của nó hiện đang được cảm nhận mạnh mẽ.

e. Indigo arises again on a higher turn of the spiral and represents the synthesis of all that has been learned about the nature of emerging subjective love as it conditions,

e. Màu chàm lại xuất hiện ở một vòng xoắn cao hơn và biểu thị sự tổng hợp của tất cả những gì đã được học về bản chất của bác ái chủ quan đang nổi lên khi nó tác động, đặc

particularly, the astral body and begins to unite the pairs of opposites—soul and personality.

biệt, lên thể cảm dục và bắt đầu hợp nhất các cặp đối cực—linh hồn và phàm ngã.

f. Each time indigo appears, the man becomes more inclusive.

f. Mỗi lần màu chàm xuất hiện, con người trở nên bao gồm hơn.

These three petals preserve the fundamental orange

Ba cánh hoa này giữ lại màu cam căn bản

247. Orange is the color of concrete intelligence and represents the fundamental endowment imparted to animal man by the Agnishvattas.

247. Màu cam là màu của trí tuệ cụ thể và biểu thị thiên phú căn bản được các Agnishvatta ban cho người thú.

248. Orange (of whatever shade it truly is) is also the fundamental color of the Agnishvattas.

248. Màu cam (dù thực sự là sắc độ nào đi nữa) cũng là màu căn bản của các Agnishvatta.

249. An intensity of orange must continue to grow all through the development of the first nine petals as the Solar Angel/solar angels increase their influence over the personality.

249. Cường độ của màu cam phải tiếp tục tăng trưởng trong suốt sự phát triển của chín cánh hoa đầu tiên khi Thái dương Thiên Thần/các Thái dương Thiên Thần gia tăng ảnh hưởng của mình lên phàm ngã.

but add the colour rose in every petal,

nhưng thêm vào màu hồng trong mọi cánh hoa,

250. This corresponds to the refinement of the astral body and the growth of an increasingly real *love.* Throughout the development of the second tier the love nature is refined, becoming less and less the slave of form-based desire.

250. Điều này tương ứng với sự tinh luyện của thể cảm dục và sự tăng trưởng của một *bác ái* ngày càng chân thực. Trong suốt sự phát triển của tầng thứ hai, bản chất bác ái được tinh luyện, ngày càng bớt là nô lệ của dục vọng dựa trên hình tướng.

so that four colours are now seen.

đến nỗi giờ đây thấy được bốn màu.

251. When there are three colors, intelligence is emphasized. When there are four, the interplay between the pairs of opposites is accentuated. Four suggests

251. Khi có ba màu, trí tuệ được nhấn mạnh. Khi có bốn màu, sự tương tác giữa các cặp đối cực được nhấn mạnh hơn. Số bốn gợi ý sự phân cực và xung đột giữa các cực tính nhằm đạt đến hài hòa.

polarity and conflict between the polarities with the purpose of achieving harmony.

252. The fourth chakra is the heart center which, in this context, is not insignificant.

These petals are organised and vitalised in the *Hall of Learning,* but remain unopened.

253. We must ask whether, in fact, *all* the petals of the love tier remain unopened while there is progress in the Hall of Learning.

254. The first initiation occurs upon graduation from the Hall of Learning and the first initiation requires the unfoldment of the fifth petal.

On the buddhic plane, when flashing forth at initiation, this number signifies the full development of the fifth principle or quality, the completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan, and the assimilation of all that is to be learned upon them, and the attainment—not only of full self-consciousness, but also of the consciousness of the group wherein a man is found. **It infers the full unfoldment of five of the egoic petals, leaving four to open before the final initiation. (TCF 696)**

On the buddhic plane, when flashing forth at initiation, this number signifies the full development of the fifth principle or quality, the completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan, and the assimilation of all that is to be learned upon them, and the attainment—not only of full self-consciousness, but also of the consciousness of the group wherein a man is

252. Luân xa thứ tư là trung tâm tim, điều này, trong bối cảnh này, không phải là không đáng kể.

Các cánh hoa này được tổ chức và tiếp sinh lực trong *Phòng Hiểu Biết,* nhưng vẫn chưa mở ra.

253. Chúng ta phải tự hỏi liệu trên thực tế *tất cả* các cánh hoa của tầng bác ái có vẫn chưa mở ra trong khi có sự tiến bộ trong Phòng Hiểu Biết hay không.

254. Lần điểm đạo thứ nhất xảy ra khi tốt nghiệp khỏi Phòng Hiểu Biết, và lần điểm đạo thứ nhất đòi hỏi sự khai mở của cánh hoa thứ năm.

Trên cõi Bồ đề, khi lóe sáng ra lúc điểm đạo, con số này biểu thị sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm, chu kỳ hoàn tất của Chân ngã trên năm Cung dưới Đức Mahachohan, và sự đồng hóa tất cả những gì phải được học trên các cung ấy, cùng sự đạt được—không chỉ ngã thức trọn vẹn, mà còn cả tâm thức của nhóm trong đó con người được tìm thấy. **Nó hàm ý sự khai mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã, để lại bốn cánh phải mở trước lần điểm đạo cuối cùng. (TCF 696)**

Trên cõi Bồ đề, khi lóe sáng ra lúc điểm đạo, con số này biểu thị sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm, chu kỳ hoàn tất của Chân ngã trên năm Cung dưới Đức Mahachohan, và sự đồng hóa tất cả những gì phải được học trên các cung ấy, cùng sự đạt được—không chỉ ngã thức trọn vẹn, mà còn cả tâm thức của nhóm trong đó con người được tìm thấy. **Nó hàm ý sự khai**

found. **It infers the full unfoldment of five of the egoic petals, leaving four to open before the final initiation. (TCF 696)**

255. These two references show that there is quite a bit of petal unfoldment as the Kingdom of God is entered, and this is *not* done in the Hall of Learning.

256. It becomes clear that a process of overlapping opening is complex and individual. Without having the actual process clearly before the inner eye, any description will be only an approximation.

257. The Hall of Learning is that period of human development wherein a man participates intelligently in world affairs, and learns, also, about the existence of his inner nature.

The outer tier of petals simultaneously unfolds till it is open entirely, revealing the second circle;

258. Must the outer tier unfold if the second circle is to be revealed? This is the implication.

259. So, during the organization of the second tier, the outer tier unfolds entirely.

260. If the unfoldment of the outer circle signals the taking of a kind of initiation (not necessarily one of the great "Manasic Initiations"), this initiation is taken when organizational process in the Hall of Learning has been completed.

261. In general the *very complete* and integrated unfoldment of the first tier corresponds to the first initiation and the fullest unfoldment of the second tier

mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã, để lại bốn cánh phải mở trước lần điểm đạo cuối cùng. (TCF 696)

255. Hai trích dẫn này cho thấy có khá nhiều sự khai mở cánh hoa khi Thiên Giới được bước vào, và điều này *không* được thực hiện trong Phòng Hiểu Biết.

256. Rõ ràng là một tiến trình mở chồng lấn thì phức tạp và có tính cá nhân. Nếu không thấy rõ tiến trình thực sự trước nội nhãn, bất kỳ mô tả nào cũng chỉ là gần đúng.

257. Phòng Hiểu Biết là giai đoạn phát triển nhân loại trong đó con người tham gia một cách trí tuệ vào các công việc thế gian, và cũng học về sự hiện hữu của bản chất bên trong của mình.

Vòng ngoài của các cánh hoa đồng thời khai mở cho đến khi hoàn toàn mở ra, để lộ vòng thứ hai;

258. Vòng ngoài có phải khai mở nếu vòng thứ hai được để lộ ra không? Đó là hàm ý.

259. Vì vậy, trong khi tầng thứ hai được tổ chức, tầng ngoài khai mở hoàn toàn.

260. Nếu sự khai mở của vòng ngoài báo hiệu việc tiếp nhận một loại điểm đạo nào đó (không nhất thiết là một trong những "Điểm Đạo Manas" lớn), thì điểm đạo này được tiếp nhận khi tiến trình tổ chức trong Phòng Hiểu Biết đã hoàn tất.

261. Nói chung, sự khai mở *rất hoàn chỉnh* và tích hợp của tầng thứ nhất tương ứng với lần điểm đạo thứ nhất, còn sự khai mở đầy đủ nhất của tầng thứ hai (đi kèm với sự tương

(accompanied by its interplay with the first tire), the second initiation.

tác của nó với tầng thứ nhất) tương ứng với lần điểm đạo thứ hai.

the third remains shielded.

tầng thứ ba vẫn còn được che kín.

262. We are learning about the unfoldment process *in general,* but not all the details are being imparted—nor the apparent exceptions.

262. Chúng ta đang học về tiến trình khai mở *nói chung,* nhưng không phải mọi chi tiết —cũng không phải các ngoại lệ biểu kiến— đều được truyền đạt.

263. DK is telling us that as the knowledge tier unfolds revealing the second tier, the inner or sacrifice tier still is not to be seen.

263. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng khi tầng tri thức khai mở để lộ tầng thứ hai, thì tầng bên trong hay tầng hi sinh vẫn chưa thể được thấy.

264. When we think of the picture of the full blown egoic lotus usually presented for study, we can understand that it represents an individual who is very highly developed —in fact, one who is virtually an initiate of the fourth degree.

264. Khi chúng ta nghĩ đến hình ảnh hoa sen chân ngã nở trọn thường được trình bày để nghiên cứu, chúng ta có thể hiểu rằng nó biểu thị một cá nhân đã phát triển rất cao— thực ra là một người hầu như là điểm đạo đồ cấp bốn.

TCF 823-825: S7S7 Part II

Part II

19 June – 3 Jul 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

Phần II

19 tháng 6 – 3 tháng 7 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

III. The inner "sacrificial" triad:

1. This is the triad which specifically concerns the initiation process.

2. There is no initiation without the Will-to-Sacrifice and there is no Will-to-Sacrifice unless soul love is establishing itself as influential within the consciousness.

a. Petal 1...The Will to sacrifice through knowledge on the mental plane, and thus intelligently to dominate the entire threefold lower man.

3. The descriptions of the meaning of the petals become increasingly complex as we move into the third tier.

4. Throughout the expression of the third tier the factor of sacrifice is to be found.

5. In the first of the sacrifice petals the kind of sacrifice to be made requires *knowledge*, and it is not only concrete knowledge but the kind which arises through soul culture.

6. The domination of the threefold lower man is not completed with the completion of the major focus upon the first of the sacrifice petals. Not until the *final* sacrifice petal is opened is this threefold domination of the vehicles of the lower man complete, but, we must remember that the seventh petal may not be *fully* opened until the very last sacrifice petal is opened, so, indeed, the domination of the entire lower man through sacrificial knowledge may proceed in relation to the general 'program' controlling seventh petal processes.

III. Bộ ba "hi sinh" bên trong:

1. Đây là bộ ba đặc biệt liên quan đến tiến trình điểm đạo.

2. Không có điểm đạo nếu không có Ý Chí-Từ Bỏ, và không có Ý Chí-Từ Bỏ nếu bác ái của linh hồn không đang thiết lập chính mình như một ảnh hưởng trong tâm thức.

a. Cánh hoa 1...Ý chí hi sinh thông qua tri thức trên cõi trí, và do đó một cách trí tuệ để chi phối toàn bộ phàm nhân tam phân.

3. Các mô tả về ý nghĩa của các cánh hoa trở nên ngày càng phức tạp khi chúng ta tiến vào tầng thứ ba.

4. Trong suốt sự biểu lộ của tầng thứ ba, yếu tố hi sinh luôn hiện diện.

5. Trong cánh hoa hi sinh thứ nhất, loại hi sinh phải được thực hiện đòi hỏi *tri thức*, và đó không chỉ là tri thức cụ thể mà còn là loại phát sinh qua sự tu dưỡng linh hồn.

6. Sự chi phối phàm nhân tam phân không hoàn tất cùng với việc hoàn tất trọng tâm chính nơi cánh hoa hi sinh thứ nhất. Chỉ khi cánh hoa hi sinh *cuối cùng* được mở ra thì sự chi phối tam phân này đối với các vận cụ của phàm nhân mới hoàn tất, nhưng chúng ta phải nhớ rằng cánh hoa thứ bảy có thể chưa được *hoàn toàn* mở ra cho đến khi cánh hoa hi sinh cuối cùng được mở ra, vì vậy quả thật sự chi phối toàn bộ phàm nhân thông qua tri thức hi sinh có thể tiến hành trong mối liên hệ với "chương trình" tổng quát kiểm soát các tiến trình của cánh hoa thứ bảy.

7. We note that the entire lower man (etheric-physical, emotional and mental) must be dominated *intelligently.* Also, that domination will not occur unless the spirit of sacrifice is active, because that which must be dominated must be sacrificed to that which is to dominate.

7. Chúng ta lưu ý rằng toàn bộ phàm nhân (dĩ thái-hồng trần, cảm xúc và trí tuệ) phải được chi phối *một cách trí tuệ.* Ngoài ra, sự chi phối ấy sẽ không xảy ra nếu tinh thần hi sinh không hoạt động, bởi vì điều phải bị chi phối phải được hi sinh cho điều sẽ chi phối nó.

Colours: Yellow and the four colours, orange, green, violet and rose.

Màu sắc: Vàng và bốn màu, cam, lục, tím và hồng.

8. The presence of these colors above suggests the following:

8. Sự hiện diện của các màu sắc này ở trên gợi ý điều sau đây:

a. Yellow is particularly the color of sacrifice and is the color which appears in all three of the sacrifice petals, having appeared twice before—once in each of the lower tiers, in the third petal of each.

a. Màu vàng đặc biệt là màu của hi sinh và là màu xuất hiện trong cả ba cánh hoa hi sinh, đã xuất hiện hai lần trước đó—một lần trong mỗi tầng thấp hơn, ở cánh hoa thứ ba của mỗi tầng.

b. Orange represents the increasing influence of the Solar Angel and the infusion of the concrete mind by the light of the soul and, following, increasingly by the antahkarana.

b. Màu cam biểu thị ảnh hưởng ngày càng tăng của Thái dương Thiên Thần và sự thấm nhuần của trí cụ thể bởi ánh sáng của linh hồn và tiếp theo đó, ngày càng nhiều bởi antahkarana.

c. Green correlates with the third ray and abstract mind which characterizes the function of this first the sacrifice petals. All the energies of the human energy system must be intelligently coordinated if the inner man is to control and eventually dominate them.

c. Màu lục tương ứng với cung ba và trí trừu tượng, vốn đặc trưng cho chức năng của cánh hoa hi sinh thứ nhất này. Mọi năng lượng của hệ thống năng lượng con người phải được phối hợp một cách trí tuệ nếu con người nội tại muốn kiểm soát và cuối cùng chi phối chúng.

d. Immediately before and at the time of the first initiation, the third ray (the color of which is green) characteristically rules the personality of the candidate for initiation.

d. Ngay trước và vào thời điểm lần điểm đạo thứ nhất, cung ba (màu của nó là lục) đặc trưng cai quản phàm ngã của ứng viên điểm đạo.

e. Violet suggests a higher expression of the seventh ray, helping to bring the personality under rule and order. The ‘de-mayafication’

e. Màu tím gợi ý một biểu hiện cao hơn của cung bảy, giúp đưa phàm ngã vào dưới quy luật và trật tự. Sự “khử-ảo lực” và sự phối

and spiritually-responsive coordination of the etheric body is the focus of the first initiation. The seventh ray generically rules the etheric body and the color of the seventh ray is violet. Devas of violet hue characteristically rule the four systemic ethers.

hợp đáp ứng tinh thần của thể dĩ thái là trọng tâm của lần điểm đạo thứ nhất. Cung bảy nói chung cai quản thể dĩ thái và màu của cung bảy là tím. Các thiên thần mang sắc tím đặc trưng cai quản bốn dĩ thái hệ thống.

f. There is a close connection between the abstract mind (in the triad) and the etheric nature. In this method of examining correspondence, the buddhic plane would be reflected in the astral body and the atmic plane in the lower mind.

f. Có một mối liên hệ chặt chẽ giữa trí trừu tượng (trong tam nguyên tinh thần) và bản chất dĩ thái. Trong phương pháp khảo sát định luật tương ứng này, cõi Bồ đề sẽ được phản chiếu trong thể cảm dục và cõi atma trong hạ trí.

g. The rose of aspiration and purified emotion continues to express as spiritual aspiration becomes intelligently directed and the urge to transcend entrapment by the form intensifies.

g. Màu hồng của khát vọng và cảm xúc được thanh luyện tiếp tục biểu lộ khi khát vọng tinh thần trở nên được định hướng một cách trí tuệ và sự thôi thúc vượt qua sự mắc kẹt bởi hình tướng tăng cường.

b. Petal 2...The will to sacrifice through love on the mental plane, and thus to serve.

b. Cánh hoa 2...Ý chí hi sinh thông qua bác ái trên cõi trí, và do đó để phụng sự.

9. For the kind of sacrifice necessitated at the seventh petal, knowledge was required.

9. Đối với loại hi sinh cần thiết nơi cánh hoa thứ bảy, tri thức là điều được đòi hỏi.

10. Now the Will-to-Sacrifice is supported by the presence of love.

10. Giờ đây Ý Chí-Từ Bỏ được nâng đỡ bởi sự hiện diện của bác ái.

11. There is no real service without love, because love is the generic quality of the soul and service is the spontaneous radiation of soul energy.

11. Không có phụng sự thực sự nếu không có bác ái, bởi vì bác ái là phẩm tính tổng quát của linh hồn và phụng sự là sự bức xạ tự phát của năng lượng linh hồn.

12. Knowledge of higher truth and soul destiny served as motivations at the seventh petal. Love of others (and oneself) *as souls* motivates the sacrifices undertaken at this eighth and crucially important petal.

12. Tri thức về chân lý cao hơn và định mệnh linh hồn đã phục vụ như những động cơ nơi cánh hoa thứ bảy. Bác ái đối với người khác (và với chính mình) *như những linh hồn* là động lực cho những hi sinh được đảm nhận nơi cánh hoa thứ tám quan trọng then chốt này.

13. One of the important realizations in relation to this petal is that love must express itself on the mental plane. This requirement brings in the need for the Venusian energy which blends love and mind or heart and mind.

13. Một trong những chứng nghiệm quan trọng liên quan đến cánh hoa này là bác ái phải biểu lộ trên cõi trí. Đòi hỏi này đưa vào nhu cầu về năng lượng Kim Tinh, năng lượng hòa trộn bác ái và trí tuệ hay tim và trí tuệ.

14. The sentimental type of love (related to the astral body) is transcended, and increasingly impersonal *soul* love takes its place. Rose in relation to Venus and the love of the soul will be important.

14. Loại bác ái cảm tính (liên hệ với thể cảm dục) được vượt qua, và bác ái *linh hồn* ngày càng vô ngã thay thế nó. Màu hồng trong liên hệ với Sao Kim và bác ái của linh hồn sẽ là điều quan trọng.

Colours: Yellow and the four colours, orange, violet, rose and blue.

Màu sắc: Vàng và bốn màu, cam, tím, hồng và lam.

15. The presence of these colors above suggests the following:

15. Sự hiện diện của các màu sắc này ở trên gợi ý điều sau đây:

a. Yellow is pervasive throughout this final tier of the first nine petals.

a. Màu vàng lan tỏa khắp tầng cuối cùng này của chín cánh hoa đầu tiên.

b. Yellow represents the growing Will-to-Sacrifice motivated by buddhi (one of the colors of which is yellow even as one of the major planets of buddhi, Mercury, expresses the color yellow).

b. Màu vàng biểu thị Ý Chí-Từ Bỏ đang tăng trưởng được thúc đẩy bởi Bồ đề (một trong các màu của Bồ đề là vàng cũng như một trong các hành tinh chính của Bồ đề, Sao Thủy, biểu lộ màu vàng).

c. Yellow is a generic color for the linking antahkarana, and during the processes associated with this petal (strongly under the influence of Mercury) the antahkarana can be built seriously.

c. Màu vàng là một màu tổng quát của antahkarana nối kết, và trong các tiến trình liên hệ với cánh hoa này (chịu ảnh hưởng mạnh của Sao Thủy), antahkarana có thể được xây dựng một cách nghiêm túc.

d. It is also possible to achieve a degree of fusion of buddhi and manas, and yellow is representative of this fusion, for yellow is both a buddhic and manasic color (exoterically associated with the fifth ray).

d. Cũng có thể đạt được một mức độ dung hợp giữa Bồ đề và manas, và màu vàng là đại diện cho sự dung hợp này, vì màu vàng vừa là màu Bồ đề vừa là màu manas (ngoại môn liên hệ với cung năm).

e. Orange continues to intensify as the concrete mind is used as an instrument of

e. Màu cam tiếp tục tăng cường khi trí cụ thể được dùng như một công cụ của sự phân

instrument of keen discrimination between soul and personality energies.

biện sắc bén giữa các năng lượng linh hồn và phàm ngã.

f. The eighth petal is a Scorpio petal and the concrete mind comes under special cultivation as an organ to be used in the control of the astral body and as an instrument receptive to the soul light.

f. Cánh hoa thứ tám là một cánh hoa Hổ Cáp và trí cụ thể được đặc biệt tu dưỡng như một cơ quan được dùng trong việc kiểm soát thể cảm dục và như một công cụ tiếp nhận ánh sáng linh hồn.

g. Violet is mentioned for the second time in the third tier (it does not appear twice in any of the preceding tiers) and signifies the will of the probationary initiate to bring his personality life under rule and order. The Path of Initiation is ruled by though first and seventh ray and so upon the Path of Probationary Initiation, the *seventh* ray (conducting the first) will be useful.

g. Màu tím được nhắc đến lần thứ hai trong tầng thứ ba (nó không xuất hiện hai lần trong bất kỳ tầng nào trước đó) và biểu thị ý chí của điểm đạo đồ dự bị muốn đưa đời sống phàm ngã của mình vào dưới quy luật và trật tự. Con Đường Điểm Đạo được cai quản bởi cung một và cung bảy, vì vậy trên Con Đường Điểm Đạo Dự Bị, cung *bảy* (dẫn truyền cung một) sẽ hữu ích.

h. The seventh ray under violet is also useful in linking the two 'ends' of the antahkarana.

h. Cung bảy dưới màu tím cũng hữu ích trong việc nối kết hai "đầu mút" của antahkarana.

i. Blue appears as it did in P2 and P5 signaling the growing power of the combination of second and sixth rays. From another perspective, blue can stand (in our solar system) for the first ray.

i. Màu lam xuất hiện như đã xuất hiện trong P2 và P5, báo hiệu quyền năng ngày càng tăng của sự kết hợp giữa cung hai và cung sáu. Từ một góc nhìn khác, màu lam có thể tượng trưng (trong hệ mặt trời của chúng ta) cho cung một.

j. Within the process of this petal, much work is done upon the astral body and the second initiation becomes a possibility (a process supported by three planets—Venus, Jupiter and Neptune). Both blue and rose represent these three planets in part.

j. Trong tiến trình của cánh hoa này, nhiều công việc được thực hiện trên thể cảm dục và lần điểm đạo thứ hai trở thành một khả năng (một tiến trình được hỗ trợ bởi ba hành tinh—Sao Kim, Sao Mộc và Sao Hải Vương). Cả màu lam lẫn màu hồng đều phần nào đại diện cho ba hành tinh này.

c. Petal 3...The utter sacrifice of all forever.

c. Cánh hoa 3...Sự hi sinh trọn vẹn của tất cả mãi mãi.

16. This is an all-inclusive statement, and would seem even more fitting at the fourth

16. Đây là một phát biểu bao gồm tất cả, và dường như còn thích hợp hơn ở cấp bốn so

degree than the third (when only nine of the twelve petals are seen to be fully open).

17. Perhaps at the third degree there is established that orientation which leads inevitably to "the utter sacrifice of all forever".

Colours: Yellow, orange, rose, blue and indigo.

18. The presence of these colors above suggests the following:

a. Yellow reaches its strongest intensity (within the nine petals) within this sacrifice/sacrifice petal. Yellow is the color of sacrifice and the bridge from manas to buddhi, which is precisely the task of the initiation of the third degree.

b. We have the ninth repetition of orange which, we can expect, will be at its most intense (for the following three petals do not carry the color orange—only a "lovely lemon-yellow hue").

c. The orange of concrete mind is brilliant and soul infused. The Solar Angels have completed the majority of their work for the unit, man.

d. Rose represents pure love as it conditions the now purified astral nature. Here rose links easily to buddhi.

e. Interestingly, both blue *and* indigo are found in this petal.

f. Just as violet was un-characteristically repeated in P7 and P8 so blue is un-

với cấp ba (khi chỉ có chín trong mười hai cánh hoa được thấy là mở hoàn toàn).

17. Có lẽ ở cấp ba, sự định hướng dẫn tất yếu đến "sự hi sinh trọn vẹn của tất cả mãi mãi" được thiết lập.

Màu sắc: Vàng, cam, hồng, lam và chàm.

18. Sự hiện diện của các màu sắc này ở trên gợi ý điều sau đây:

a. Màu vàng đạt đến cường độ mạnh nhất của nó (trong chín cánh hoa) trong cánh hoa hi sinh/hi sinh này. Màu vàng là màu của hi sinh và của cây cầu từ manas đến Bồ đề, chính xác là nhiệm vụ của điểm đạo cấp ba.

b. Chúng ta có lần lặp lại thứ chín của màu cam mà, như có thể dự đoán, sẽ ở cường độ mạnh nhất của nó (vì ba cánh hoa tiếp theo không mang màu cam—chỉ có một "sắc vàng chanh đáng yêu").

c. Màu cam của trí cụ thể rực rỡ và được linh hồn thấm nhuần. Các Thái dương Thiên Thần đã hoàn tất phần lớn công việc của Các Ngài đối với đơn vị là con người.

d. Màu hồng biểu thị bác ái thuần khiết khi nó tác động lên bản chất cảm dục nay đã được thanh luyện. Ở đây màu hồng dễ dàng nối kết với Bồ đề.

e. Điều thú vị là cả màu lam *và* màu chàm đều được tìm thấy trong cánh hoa này.

f. Cũng như màu tím đã được lặp lại một cách không đặc trưng trong P7 và P8, thì

characteristically repeated in P8 and P9. When such repetitions occur between adjacent petals, a bridge is created.

màu lam cũng được lặp lại một cách không đặc trưng trong P8 và P9. Khi những sự lặp lại như thế xảy ra giữa các cánh hoa kề nhau, một cây cầu được tạo ra.

g. Indigo represents both the second ray (of which it is the generally accepted color) and the fifth ray (of which it is the esoteric color). Emphasis upon the esoteric nature of the fifth ray makes sense in relation to a petal, the opening of which signifies the taking of the third initiation at which time the fifth ray rules.

g. Màu chàm biểu thị cả cung hai (mà nó là màu thường được chấp nhận) lẫn cung năm (mà nó là màu huyền bí). Việc nhấn mạnh bản chất huyền bí của cung năm là hợp lý trong liên hệ với một cánh hoa mà sự mở ra của nó biểu thị việc tiếp nhận lần điểm đạo thứ ba, vào lúc cung năm cai quản.

h. Blue opens the door to the influence of the "Blue Logos" at this first *solar* initiation. If blue is to carry some meaning of the first ray (as that ray functions in this Love-Wisdom solar system), then its appearance here is significant because at the third degree the initiate experiences the Monad *consciously* for the first time.

h. Màu lam mở cánh cửa cho ảnh hưởng của "Thượng đế Lam" trong lần điểm đạo *thái dương* đầu tiên này. Nếu màu lam mang một ý nghĩa nào đó của cung một (như cung ấy vận hành trong hệ mặt trời Bác Ái – Minh Triết này), thì sự xuất hiện của nó ở đây là có ý nghĩa, bởi vì ở cấp ba điểm đạo đồ kinh nghiệm chân thần *một cách có ý thức* lần đầu tiên.

In the mystery of these subsidiary colours and of the gradual shining forth within the lotus of five colours in any one petal at one time,

Trong huyền nhiệm của các màu phụ này và của sự tỏa sáng dần dần bên trong hoa sen của năm màu trong bất kỳ một cánh hoa nào vào cùng một lúc,

19. As is the case when dealing with the sacrifice petals…

19. Như trường hợp khi bàn đến các cánh hoa hi sinh…

20. Mercury (a fourth ray planet from the soul perspective) is a planet of sacrifice and is even more deeply related to the number *five* than to the number *four.*

20. Sao Thủy (một hành tinh cung bốn từ góc độ linh hồn) là một hành tinh của hi sinh và còn liên hệ sâu xa hơn với con số *năm* hơn là với con số *bốn.*

21. Five is a Kumaric number but so is *fifteen*, the sum of the three fives, each found in a single sacrifice petal.

21. Năm là một con số Kumaric nhưng *mười lăm* cũng vậy, là tổng của ba số năm, mỗi số được tìm thấy trong một cánh hoa hi sinh đơn lẻ.

is veiled the mystery of the five Kumaras [62] [S. D., I, 483.]

22. When we deal with the Five Kumaras, the three Buddha of Activity are included, Sanat Kumara also, and one of the Esoteric Kumaras as well.

23. The five liberated Creative Hierarchies will also be brought to mind as well as the meaning of the number *five* in relation to the previous solar system.

24. Below, VSK shares some interesting speculations on color in relation to the Kumaras.

25. The colours of the five kumaras therefore may be corresponded to colours. If so, we look at the five liberated lives (E.A. 34).

a. One suggestion: the 5th Kumara, Cancer, that of the 7th ray, is violet – but notice VIOLET is NOT in the last petal, the 9th. We have INDIGO INSTEAD. (Perhaps at the stage of the 9th petal activation, violet is transcended as the orb of purple dark, or earthly realm, may be said to be). Alternately, the yet-unliberated 5th kumara is not involved? Or, as it says He is "active on the intellectual plane" (EA. 34); this is more logically, perhaps, knowledge on the physical plane, and the Cancer Kumara is ORANGE. The 7th ray being the densest of the Kumaric lives, still immersed in matter of the cosmic physical plane, and wearing, therefore, the robes of orange, of the lords of flame and a colour of mind.

b. The Gemini Kumara, the 6th ray, that of ROSE. (And, perhaps, that 'also' of BLUE?) Somehow, the 'two who fell' seems to relate

được che giấu là huyền nhiệm của năm Kumaras 62 [S. D., I, 483.]

22. Khi chúng ta bàn đến Năm Kumaras, ba Đức Phật Hoạt Động được bao gồm, cả Đức Sanat Kumara nữa, và thêm một trong các Kumaras Nội Môn.

23. Năm Huyền Giai Sáng Tạo được giải thoát cũng sẽ được gợi nhớ, cũng như ý nghĩa của con số *năm* trong liên hệ với hệ mặt trời trước.

24. Dưới đây, VSK chia sẻ một số suy đoán thú vị về màu sắc trong liên hệ với các Kumaras.

25. Vì vậy, các màu sắc của năm kumaras có thể được đối chiếu với các màu. Nếu vậy, chúng ta nhìn vào năm sự sống được giải thoát (E.A. 34).

a. Một gợi ý: Kumara thứ 5th, Cự Giải, thuộc cung 7th, là màu tím – nhưng lưu ý rằng TÍM KHÔNG có trong cánh hoa cuối cùng, cánh thứ 9th. Thay vào đó chúng ta có CHÀM. (Có lẽ ở giai đoạn hoạt hóa cánh hoa thứ 9th, màu tím được vượt qua như quỹ cầu màu tím sẫm, hay cõi trần thế, có thể được nói là như vậy). Hoặc, kumara thứ 5th chưa được giải thoát không tham dự? Hoặc, như đã nói Ngài "hoạt động trên cõi trí tuệ" (EA. 34); điều này có lẽ hợp lý hơn là tri thức trên cõi hồng trần, và Kumara Cự Giải là CAM. Cung 7th là cung đậm đặc nhất trong các sự sống Kumaric, vẫn còn chìm trong vật chất của cõi hồng trần vũ trụ, và do đó khoác áo màu cam, của các chúa tể của lửa và là một màu của trí tuệ.

b. Kumara Song Tử, cung 6th, là màu HỒNG. (Và có lẽ cũng là màu LAM?) Bằng cách nào đó, "hai vị đã sa ngã" dường như liên hệ với

to Gemini and Cancer. If we translate the influence of the Kumaras to the Creative Hierarchies down to the cosmic physical plane, these two would relate to Aquarius, the lunar 7th ray Hierarchy, and Sagittarius, the martian 6th ray Hierarchy. If 'unprincipled matter' can be referred to as 'fallen', then ROSE and ORANGE Kumaras may have 'fallen' (sacrificed themselves, as fuel for the flame?, or were inadvertently drawn into indulging in?)

Song Tử và Cự Giải. Nếu chúng ta chuyển dịch ảnh hưởng của các Kumaras sang các Huyền Giai Sáng Tạo xuống cõi hồng trần vũ trụ, thì hai vị này sẽ liên hệ với Bảo Bình, Huyền Giai cung 7th nguyệt tính, và Nhân Mã, Huyền Giai cung 6martian 6th. Nếu "vật chất vô nguyên khí" có thể được gọi là "sa ngã", thì các Kumaras HỒNG và CAM có thể đã "sa ngã" (hi sinh chính mình, như nhiên liệu cho ngọn lửa chăng?, hay vô tình bị lôi kéo vào sự buông thả chăng?)

c. Next 'up' the Taurus Kumara is the 5th ray and in relation to color could be INDIGO or BLUE, or ORANGE, or YELLOW. If we surmise that the physical/knowledge petals on the physical plane are ORANGE, and the Love Petals related to the Gemini Kumara ROSE, it may be that YELLOW most relates to this 3rd Kumara, or the 5th Ray Kumara, Taurus (a 4th ray sign). (Note too, for fun, It's Hierarchical symbol is that of the bird, which, same as the symbol for all five liberated hierarchies, is the bird escaping from the flaming pyre.) This is the mind set free?

c. Kế tiếp "ở trên", Kumara Kim Ngưu là cung 5th và trong liên hệ với màu sắc có thể là CHÀM hoặc LAM, hoặc CAM, hoặc VÀNG. Nếu chúng ta giả định rằng các cánh hoa hồng trần/tri thức trên cõi hồng trần là CAM, và các cánh hoa Bác ái liên hệ với Kumara Song Tử là HỒNG, thì có thể VÀNG liên hệ nhiều nhất với Kumara thứ 3rd này, hay Kumara Cung 5th, Kim Ngưu (một dấu hiệu cung 4th). (Cũng lưu ý thêm cho vui, biểu tượng huyền giai của Nó là chim, cũng như biểu tượng của cả năm huyền giai được giải thoát, là con chim thoát ra khỏi giàn hỏa thiêu.) Đây là trí tuệ được giải phóng chăng?

d. BLUE or INDIGO could be sufficiently justified to relate to both the 'top two' Kumaras. And, I think there's the reference in *The Secret Doctrine* which suggests the kumaras who fell were the 'top two'.

d. Màu LAM hoặc CHÀM có thể được biện minh đầy đủ để liên hệ với cả "hai vị cao nhất" Kumaras. Và, tôi nghĩ có tham chiếu trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* gợi ý rằng các kumaras đã sa ngã là "hai vị cao nhất".

The student who seeks the significance of the preponderance of orange and of rose is approaching the secret of the two Kumaras Who fell.

Đạo sinh tìm kiếm ý nghĩa của sự trội hơner của màu cam và của màu hồng đang tiến gần đến bí mật của hai Kumaras đã sa ngã.

26. Among the nine petals, the color orange appears nine times and the color rose eight times, if we count it twice in the fifth petal.

26. Trong chín cánh hoa, màu cam xuất hiện chín lần và màu hồng xuất hiện tám lần, nếu chúng ta tính nó hai lần trong cánh hoa thứ năm.

27. Orange is particularly the color of the Solar Angels and rose is to be associated with the astral plane and the redemption of the lunar lords there found.

27. Màu cam đặc biệt là màu của các Thái dương Thiên Thần và màu hồng được liên hệ với cõi cảm dục và sự cứu chuộc các nguyệt tinh quân được tìm thấy ở đó.

28. We must trace this "Fall". Is it from the cosmic astral plane onto the cosmic physical plane? Or is it from the higher levels of the cosmic physical plane to the lower levels. Both changes of focus would constitute a "Fall".

28. Chúng ta phải truy nguyên "Sự Sa Ngã" này. Có phải từ cõi cảm dục vũ trụ xuống cõi hồng trần vũ trụ không? Hay là từ các cấp cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ xuống các cấp thấp hơn? Cả hai sự thay đổi trọng tâm ấy đều sẽ cấu thành một "Sự Sa Ngã".

29. A question arises. Do the Esoteric Kumaras express themselves only on the cosmic astral plane (as Their lowest plane of expression) while Sanat Kumara and the three Buddha of Activity express upon the cosmic physical plane? This is a possibility.

29. Một câu hỏi nảy sinh. Có phải các Kumaras Nội Môn chỉ biểu lộ trên cõi cảm dục vũ trụ (như cõi biểu lộ thấp nhất của Các Ngài), trong khi Đức Sanat Kumara và ba Đức Phật Hoạt Động biểu lộ trên cõi hồng trần vũ trụ? Đây là một khả năng.

30. Can we, however, equate any Kumara with a Creative Hierarchy of the kind represented in EA, 35. Are not these Creative Hierarchies too 'low', relatively, to equate with the seven intra-planetary Kumaras? This needs careful investigation.

30. Tuy nhiên, liệu chúng ta có thể đồng nhất bất kỳ Kumara nào với một Huyền Giai Sáng Tạo thuộc loại được trình bày trong EA, 35 không? Chẳng phải các Huyền Giai Sáng Tạo này tương đối quá "thấp" để đồng nhất với bảy Kumaras nội hành tinh sao? Điều này cần được khảo sát cẩn thận.

More it is not possible to say, but the colours hold the esoteric key to this great occurrence.

Không thể nói thêm nữa, nhưng các màu sắc nắm giữ chiếc chìa khóa huyền bí cho biến cố lớn lao này.

31. Interestingly, Kumaras Who fall do so for redemptive purposes. The Kumaras and the Solar Angels are directly related to Venus (which is, for the Earth, a planet of redemption). Given the fifth ray/sixth ray nature of Venus, the colors orange and rose are peculiarly fitting.

31. Điều thú vị là các Kumaras sa ngã làm như vậy vì những mục đích cứu chuộc. Các Kumaras và các Thái dương Thiên Thần liên hệ trực tiếp với Sao Kim (đối với Trái Đất, là một hành tinh cứu chuộc). Với bản chất cung năm/cung sáu của Sao Kim, các màu cam và hồng đặc biệt thích hợp.

32. VSK comments again:

32. VSK lại bình luận:

33. This tabulation most clearly shows that the knowledge petals are effective only on the physical plane; the love petals on the physical *and* astral planes, and the sacrifice petals are mentioned as dominating from the mental plane (not, as could be surmised, 'active on the mental, astral, and physical').

33. Bảng này cho thấy rất rõ rằng các cánh hoa tri thức chỉ hữu hiệu trên cõi hồng trần; các cánh hoa bác ái trên cõi hồng trần *và* cõi cảm dục, còn các cánh hoa hi sinh được nhắc đến như chi phối từ cõi trí (không phải, như có thể suy ra, là "hoạt động trên cõi trí, cảm dục và hồng trần").

34. This may be another hint regarding the orange and rose Kumaras as the 'two who fell', as They are the ones no longer connected to the spiritual triad, whereas the mental-yellow-sacrifice petals ARE. Thus, perhaps, indicating the sacrifice (or gift or realm of responsibility) by each of these Buddhas.

34. Đây có thể là một gợi ý khác liên quan đến các Kumaras cam và hồng như "hai vị đã sa ngã", vì Các Ngài là những vị không còn nối kết với Tam Nguyên Tinh Thần nữa, trong khi các cánh hoa hi sinh-vàng-trí tuệ THÌ CÓ. Vì vậy, có lẽ điều này chỉ ra sự hi sinh (hay tặng phẩm hoặc lĩnh vực trách nhiệm) của mỗi vị trong các Đức Phật này.

35. It may be necessary to study our TCF Charts closely to see in what manner the permanent atoms of the spiritual triad are related to the three tiers of petals.

35. Có thể cần nghiên cứu kỹ các Biểu Đồ TCF của chúng ta để thấy các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần liên hệ với ba tầng cánh hoa theo cách nào.

36. It is at this point that we should recall the Buddhas of Activity, the Buddhas of Love and the Buddhas of Sacrifice mentioned earlier in the text.

36. Chính tại điểm này chúng ta nên nhớ lại các Đức Phật Hoạt Động, các Đức Phật Bác Ái và các Đức Phật Hi Sinh đã được nhắc đến trước đó trong văn bản.

This inner circle of petals is organised and vitalised in the Hall of Wisdom, and simultaneously the middle circle unfolds,

Vòng cánh hoa bên trong này được tổ chức và tiếp sinh lực trong Phòng Minh triết, và đồng thời vòng giữa khai mở,

37. The middle circle unfolds as the third tier of petals is being organized and vitalized, just as the first tier of petals unfolded as the second tier was being organized and vitalized.

37. Vòng tròn ở giữa khai mở khi tầng cánh hoa thứ ba đang được tổ chức và tiếp sinh lực, cũng như tầng cánh hoa thứ nhất đã khai mở khi tầng thứ hai đang được tổ chức và tiếp sinh lực.

38. The Hall of Wisdom is an area of experience which may be considered as beginning with the Probationary Path and continuing until Mastership. In some

38. Phòng Minh triết là một lĩnh vực kinh nghiệm có thể được xem như bắt đầu với Con Đường Dự Bị và tiếp tục cho đến Chân sư quả. Trong một số chỗ tham chiếu, dường

references it seems that the Hall of Wisdom begins with the first initiation.

như Phòng Minh triết bắt đầu với lần điểm đạo thứ nhất.

Graduation results when initiation is taken and the initiate passes into the Hall of Wisdom. (IHS 65)

Việc tốt nghiệp xảy ra khi điểm đạo được tiếp nhận và điểm đạo đồ bước vào Phòng Minh triết. (IHS 65)

39. When thinking of the Hall of Wisdom and the processes which occur during that stage, we must include not only the organization and vitalization of the petals but also their unfoldment, for the Hall of Wisdom continues certainly beyond the third initiation, at which time all three of the sacrifice petals are necessarily unfolded.

39. Khi suy nghĩ về Phòng Minh triết và các tiến trình xảy ra trong giai đoạn đó, chúng ta không chỉ phải bao gồm sự tổ chức và tiếp sinh lực của các cánh hoa mà còn cả sự khai mở của chúng, vì Phòng Minh triết chắc chắn còn tiếp tục vượt quá lần điểm đạo thứ ba, vào lúc mà cả ba cánh hoa hi sinh đều tất yếu đã khai mở.

40. The Halls of Initiation are entered *during* passage through Hall of Wisdom.

40. Các Phòng Điểm đạo được bước vào *trong khi* đi qua Phòng Minh triết.

so that two rows of petals are duly opened, and only the third remains to be unclosed.

đến nỗi hai hàng cánh hoa được mở ra đúng mức, và chỉ còn hàng thứ ba là chưa được mở.

41. Two rows of petals (i.e., the petals of the first two tiers) have been opened by the time the candidate treads the passages of the Hall of Wisdom. The opening of the first two tiers —as 'interactive entireties', however, corresponds with a degree of opening of the seventh and eighth petals, and thus, with the first two initiations.

41. Hai hàng cánh hoa (tức các cánh hoa của hai tầng đầu) đã được mở vào lúc ứng viên bước đi trên các lối của Phòng Minh triết. Tuy nhiên, việc mở hai tầng đầu ấy—như những "toàn thể tương tác"—tương ứng với một mức độ mở của cánh hoa thứ bảy và thứ tám, và do đó, với hai lần điểm đạo đầu tiên.

42. We must discriminate between the following:

42. Chúng ta phải phân biện giữa những điều sau đây:

a. The opening of three petals

a. Sự mở của ba cánh hoa

b. The unifying of the three petals in a tier

b. Sự hợp nhất của ba cánh hoa trong một tầng

c. The synthesizing of the three petals as a complete unity ready for interactivity with the next higher tier of petals.

c. Sự tổng hợp của ba cánh hoa như một hợp nhất hoàn chỉnh, sẵn sàng cho sự tương tác với tầng cánh hoa cao hơn kế tiếp.

43. If we think of the knowledge petals:

43. Nếu chúng ta nghĩ về các cánh hoa tri thức:

a. The opening of three petals of the knowledge tier represents a readiness to move out of the Hall of Ignorance

a. Sự mở của ba cánh hoa thuộc tầng tri thức biểu thị sự sẵn sàng rời khỏi Phòng Vô Minh

b. The unifying of the three petals in that tier represents the taking of a lesser initiation emphasizing some type of preliminary group awareness. When this happens the fourth and fifth petals have not been fully unfolded.

b. Sự hợp nhất của ba cánh hoa trong tầng ấy biểu thị việc tiếp nhận một điểm đạo nhỏ hơn, nhấn mạnh một loại ngã thức nhóm sơ khởi nào đó. Khi điều này xảy ra, cánh hoa thứ tư và thứ năm chưa hoàn toàn khai mở.

c. The synthesizing of the three petals of the knowledge tier and their readiness, as a unit, for interactivity with the unfolding petals of the light may be found at the first initiation, at which time the fourth and fifth petals are completely unfolded, and the seventh petal is in process of unfolding having been 'touched' by the Rod of Initiation.

c. Sự tổng hợp của ba cánh hoa thuộc tầng tri thức và sự sẵn sàng của chúng, như một đơn vị, cho sự tương tác với các cánh hoa ánh sáng đang khai mở có thể được thấy nơi lần điểm đạo thứ nhất, vào lúc mà cánh hoa thứ tư và thứ năm đã hoàn toàn khai mở, và cánh hoa thứ bảy đang trong tiến trình khai mở vì đã được Thần Trượng Điểm đạo "chạm" đến.

44. So we have a contradiction *unless* we allow that at some time *during* the Hall of Wisdom process, the sacrifice petals can being to open, which, indeed *does* seem to be the case.

44. Vì vậy chúng ta có một mâu thuẫn *trừ phi* chúng ta chấp nhận rằng vào một lúc nào đó *trong* tiến trình của Phòng Minh triết, các cánh hoa hi sinh có thể bắt đầu khai mở, điều mà quả thật *đúng là* dường như xảy ra.

45. We might say that during the Hall of Wisdom experience, the petals of the third tier are organized and vitalized, and later in the Hall of Wisdom the petals of the third tier are unfolded as well.

45. Chúng ta có thể nói rằng trong kinh nghiệm của Phòng Minh triết, các cánh hoa của tầng thứ ba được tổ chức và tiếp sinh lực, và về sau trong Phòng Minh triết, các cánh hoa của tầng thứ ba cũng được khai mở.

46. Trying to find the exact point at which the Hall of Wisdom is entered is elusive.

46. Việc cố tìm ra chính xác điểm mà tại đó Phòng Minh triết được bước vào là điều khó nắm bắt.

This final opening

Sự mở cuối cùng này

47. Presumably, in this context, the opening of the final tier or the tier of sacrifice petals...

47. Có lẽ, trong ngữ cảnh này, sự mở của tầng cuối cùng hay tầng các cánh hoa hi sinh...

is effected during the period of treading the stages of the Path of Initiation,

được thực hiện trong thời kỳ bước đi qua các giai đoạn của Con Đường Điểm Đạo,

48. Yet, it would seem that one treads the Path of Initiation *within* the Hall of Wisdom.

48. Tuy nhiên, dường như người ta bước đi trên Con Đường Điểm Đạo *bên trong* Phòng Minh triết.

and in this round it is hastened by the rites of initiation and by the strenuous and abnormal efforts of the man himself, aided by the electrical work of the Initiator, wielding the Rod of Power.

và trong cuộc tuần hoàn này, nó được thúc đẩy nhanh bởi các nghi lễ điểm đạo và bởi những nỗ lực mãnh liệt và bất thường của chính con người, được trợ giúp bởi công việc điện lực của Đấng Điểm đạo, Đấng vận dụng Quyền năng trượng.

49. This is one of the very important statements, telling us that an opening which might occur slowly and normally under the influence of the Solar Angels and the Second Logos is hastened by the rites of initiation and the application of the Rod of Initiation. The man, too, because he is working strenuously and with abnormal effort, hastens the otherwise slower opening of the petals. Though, we must remember that the man, per se and unaided, does not *open* the petals and especially the sacrifice petals. The opening occurs either automatically (under the influence of the Solar Angels and the Second Logos) following the man's efforts to organize and vitalize, or under the influence of the applied Rod.

49. Đây là một trong những phát biểu rất quan trọng, cho chúng ta biết rằng một sự mở vốn có thể xảy ra chậm chạp và bình thường dưới ảnh hưởng của các Thái dương Thiên Thần và Đấng Logos thứ hai, lại được thúc đẩy nhanh bởi các nghi lễ điểm đạo và việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo. Con người cũng vậy, bởi vì y đang làm việc một cách mãnh liệt và với nỗ lực bất thường, nên thúc đẩy nhanh sự mở cánh hoa vốn chậm hơn trong trường hợp khác. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng con người, chính y và không được trợ giúp, không *mở* các cánh hoa, đặc biệt là các cánh hoa hi sinh. Sự mở xảy ra hoặc tự động (dưới ảnh hưởng của các Thái dương Thiên Thần và Đấng Logos thứ hai) theo sau những nỗ lực của con người nhằm tổ chức và tiếp sinh lực, hoặc dưới ảnh hưởng của Thần Trượng được áp dụng.

50. We note that this method of seeing to the opening of the final tier of the nine applies particularly during this fourth round. Perhaps it did not or will not apply at other times.

50. Chúng ta lưu ý rằng phương pháp bảo đảm sự mở của tầng cuối cùng trong chín cánh này đặc biệt được áp dụng trong cuộc tuần hoàn thứ tư này. Có lẽ nó đã không áp dụng hoặc sẽ không áp dụng vào những thời điểm khác.

51. The fourth ray is a bridging ray and the Solar Angels are bridging Entities.

51. cung bốn là một cung bắt cầu và các Thái dương Thiên Thần là những Thực Thể bắt cầu.

52. Below is a new version of the Chart of the Egoic Lotus. It has been Earth-designed by Tuija Robbins and careful attention has been paid to the quality of the colors presented and the numerical order of the nine petals.

52. Dưới đây là một phiên bản mới của Biểu Đồ Hoa Sen Chân Ngã. Nó đã được Tuija Robbins thiết kế trên Trái Đất và sự chú ý cẩn trọng đã được dành cho phẩm tính của các màu sắc được trình bày cũng như thứ tự số học của chín cánh hoa.

53. The white appearance of the synthesis petals will be changed to the lemon-yellow hue DK indicates.

53. Sắc trắng của các cánh hoa tổng hợp sẽ được đổi thành sắc vàng chanh mà Chân sư DK chỉ ra.

[Page 823] **CHART IX—THE EGOIC LOTUS**

[Page 823] **BIỂU ĐỒ IX—HOA SEN CHÂN NGÃ**

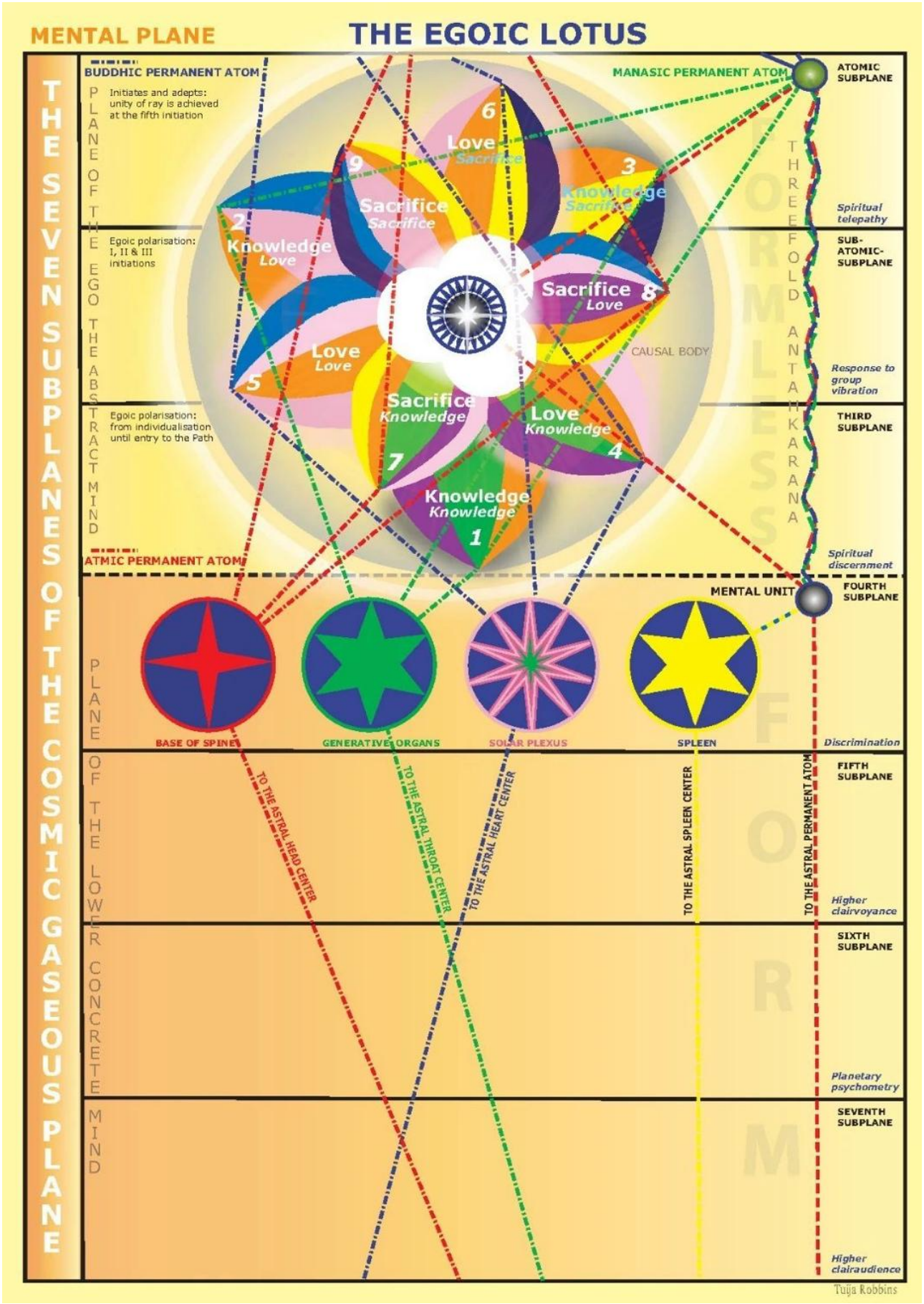

—

[Page 824] Though we have thus divided off the different stages of development, we have but dealt with the general average,

[Page 824] Mặc dù như thế chúng ta đã phân chia các giai đoạn phát triển khác nhau, chúng ta chỉ mới bàn đến mức trung bình tổng quát,

54. To divide the different stages of development, one from the other, is something of a distortion as it does not emphasize the very obvious factor of simultaneous, multi-leveled unfoldment.

54. Việc phân chia các giai đoạn phát triển khác nhau, giai đoạn này với giai đoạn kia, phần nào là một sự bóp méo vì nó không nhấn mạnh yếu tố rất hiển nhiên là sự khai mở đồng thời trên nhiều cấp độ.

55. As well, the mode, manner, order and speed of unfoldment will be a very individual matter for each disciple/initiate. It would be impossible to cover all the possible variations, but as time elapses, and we gain intuitive and sentient insight, the details of the process (as regards both others and ourselves) will be revealed.

55. Hơn nữa, phương thức, cách thức, trật tự và tốc độ khai mở sẽ là một vấn đề rất cá biệt đối với mỗi đệ tử/điểm đạo đồ. Không thể nào bao quát hết mọi biến thể có thể có, nhưng khi thời gian trôi qua, và chúng ta đạt được linh thị và sự thấu cảm, các chi tiết của tiến trình (liên quan đến cả người khác lẫn chính chúng ta) sẽ được mặc khải.

gathering our facts from the records to which we have access and which are grouped in relation to this subject into the three groups, related to:

thu thập các dữ kiện của chúng ta từ những hồ sơ mà chúng ta có thể tiếp cận và được nhóm lại liên hệ với chủ đề này thành ba nhóm, liên quan đến:

56. DK is telling us how the records to which He has access are grouped.

56. Chân sư DK đang cho chúng ta biết các hồ sơ mà Ngài có thể tiếp cận được nhóm lại như thế nào.

57. We can see how much there is to know and how little anent these matters we *can* know until we have access (and, therefore, deserve) access to the same records.

57. Chúng ta có thể thấy có biết bao điều cần biết và chúng ta *có thể* biết ít đến mức nào về những vấn đề này cho đến khi chúng ta có quyền tiếp cận (và do đó, xứng đáng được tiếp cận) cùng những hồ sơ ấy.

58. We will note that DK is studying the subject according to monadic groupings. This is fitting as the petals unfold in order (and perhaps in intensity of radiation) according to the monadic ray.

a. The Monads of power.

b. The Monads of love.

c. The Monads of activity.

The student must remember that according to these groupings, so will be the tendency of the petals to unfold. For instance, in the case of the majority of men, being [Page 825] Monads of Love, the love petals are more easily awakened, for love is the nature of the present manifestation and the line of love in some direction (low, high, or spiritual) is the line of least resistance for the many.

59. We have discussed this type of sequence on many occasions. The unfoldment of chakric triangles is also related to the monadic ray.

60. Eventually, it becomes necessary to know one's monadic ray as the specific dynamics of one's energy-unfoldment process is determined thereby.

61. We can hypothesize that the Monads of Intelligence have the most difficult time unfolding the sacrifice petals; the Monads of Love, the knowledge petals; the Monads of Will, the love petals (even though, relatively, the knowledge petals are the easiest for all to unfold and the sacrifice petals the most difficult—generally.

58. Chúng ta sẽ lưu ý rằng Chân sư DK đang nghiên cứu chủ đề này theo các nhóm chân thần. Điều này là thích hợp vì các cánh hoa khai mở theo trật tự (và có lẽ theo cường độ bức xạ) tùy theo cung chân thần.

a. Các chân thần quyền lực.

b. Các chân thần bác ái.

c. Các chân thần hoạt động.

Đạo sinh phải nhớ rằng tùy theo các sự nhóm này, xu hướng khai mở của các cánh hoa cũng sẽ như vậy. Chẳng hạn, trong trường hợp đa số những người nam và nữ, vốn là các chân thần Bác Ái, các cánh hoa bác ái dễ được đánh thức hơn, vì bác ái là bản chất của biểu hiện hiện nay và đường bác ái theo một hướng nào đó (thấp, cao, hay tinh thần) là con đường ít trở ngại nhất đối với số đông.

59. Chúng ta đã bàn đến loại trình tự này trong nhiều dịp. Sự khai mở của các tam giác luân xa cũng liên hệ với cung chân thần.

60. Cuối cùng, việc biết cung chân thần của mình trở nên cần thiết vì động lực chuyên biệt của tiến trình khai mở năng lượng của mình được quyết định bởi điều đó.

61. Chúng ta có thể giả thuyết rằng các chân thần Trí Tuệ gặp khó khăn nhất trong việc khai mở các cánh hoa hi sinh; các chân thần Bác Ái, các cánh hoa tri thức; các chân thần Ý Chí, các cánh hoa bác ái (mặc dù, tương đối mà nói, các cánh hoa tri thức là dễ khai mở nhất đối với tất cả, còn các cánh hoa hi sinh là khó nhất—nói chung).

62. In our solar system, the great majority of Monads are Monads of Love and the expression of love is, therefore, for them, the line of least resistance.

62. Trong hệ mặt trời của chúng ta, đại đa số chân thần là các chân thần Bác Ái và vì vậy, đối với họ, sự biểu lộ bác ái là con đường ít trở ngại nhất.

Yet the Monads of activity are numerous and influential

Tuy nhiên các chân thần hoạt động thì đông đảo và có ảnh hưởng

63. Especially is this so upon our planet as well as Mars and Saturn.

63. Điều này đặc biệt đúng trên hành tinh của chúng ta cũng như trên Sao Hỏa và Sao Thổ.

64. Because the Monads of Activity are the "oldest" in terms of incarnational experience they are "influential". They can more easily arrange circumstances to conform to desired outcome.

64. Bởi vì các chân thần Hoạt Động là những chân thần "cổ xưa" nhất xét theo kinh nghiệm lâm phàm nên họ "có ảnh hưởng". Họ có thể dễ dàng hơn trong việc sắp xếp hoàn cảnh để phù hợp với kết quả mong muốn.

and the first petal in each ring is for them the easiest to unfold.

và cánh hoa đầu tiên trong mỗi vòng là cánh hoa dễ khai mở nhất đối với họ.

65. It seems that the Monads of Activity have much resistance to both love and will, but (even though will is found on their own line of energy) it seems that will is most difficult for them to unfold, perhaps because it is most easy for them to evade through the misuse of intelligence.

65. Dường như các chân thần Hoạt Động có nhiều sự kháng cự đối với cả bác ái lẫn ý chí, nhưng (dù ý chí được tìm thấy trên chính tuyến năng lượng của họ) dường như ý chí là điều khó khai mở nhất đối với họ, có lẽ vì họ dễ né tránh nó nhất qua việc lạm dụng trí tuệ.

For both groups the "knowledge" petal is the first opened, owing to the inherent nature of the Manasadevas themselves, and their basic vibration.

Đối với cả hai nhóm, cánh hoa "tri thức" là cánh hoa đầu tiên được mở, do bản chất cố hữu của chính các Manasadevas, và rung động căn bản của các Ngài.

66. The basic vibration of the Manasadevas is divine knowledge represented by orange.

66. Rung động căn bản của các Manasadevas là tri thức thiêng liêng được biểu thị bằng màu cam.

67. Manasadevas respond most, therefore, and most immediately, to the knowledge

67. Vì vậy, các Manasadevas đáp ứng nhiều nhất, và tức thì nhất, với rung động tri thức,

vibration, though their capacity to embody love is exceedingly strong.

For all, sacrifice is the hardest, for it involves ever the two factors of intelligence and love,—intelligent knowledge and a love that goes out to that which must be saved through sacrifice.

68. Thus we have a situation in which knowledge is generally easiest and will/sacrifice is hardest. We may presume that will/sacrifice is easiest of for the Monads of Power, even though, for them as well, it is difficult—apparently more difficult, in general, than opening the knowledge petals.

69. It is interesting that there is no true sacrifice unless supported by both intelligence and love. So there is much assimilation to be accomplished *before* sacrifice can really be achieved and expressed, thus accounting for the *relative* difficulty in opening the sacrifice petals.

70. We are leaning why it is so difficult to read the Path of Initiation—for *all* types, even though the Path of Initiation is ruled generically by the first and seventh rays (so presumably these types should find it easier to tread), and the second ray types are adept at teaching the science of initiation.

71. For third ray types it may be fairly easy to be responsive to will and power, as that will and power express in personal/individual ways, but not so easy to be responsive to the *loving* expression of will and power.

mặc dù năng lực thể hiện bác ái của các Ngài là vô cùng mạnh mẽ.

Đối với tất cả, hi sinh là khó nhất, vì nó luôn luôn bao hàm hai yếu tố trí tuệ và bác ái,—tri thức thông tuệ và một tình thương hướng ra ngoài đến điều phải được cứu vớt qua hi sinh.

68. Như vậy chúng ta có một tình huống trong đó tri thức nói chung là dễ nhất còn ý chí/hi sinh là khó nhất. Chúng ta có thể giả định rằng ý chí/hi sinh là dễ nhất đối với các chân thần Quyền Lực, mặc dù ngay cả đối với họ, nó cũng khó—rõ ràng nói chung còn khó hơn việc mở các cánh hoa tri thức.

69. Điều đáng chú ý là không có sự hi sinh đích thực nào nếu không được nâng đỡ bởi cả trí tuệ lẫn bác ái. Vì thế có rất nhiều sự đồng hoá phải được hoàn thành *trước khi* hi sinh thực sự có thể được đạt đến và biểu lộ, do đó giải thích cho sự khó khăn *tương đối* trong việc mở các cánh hoa hi sinh.

70. Chúng ta đang học vì sao việc bước đi trên Con Đường Điểm Đạo lại khó đến thế—đối với *mọi* loại người, dù rằng Con Đường Điểm Đạo được cai quản một cách tổng quát bởi cung một và cung bảy (nên có lẽ các loại người này phải thấy dễ bước đi hơn), và những người cung hai thì thiện nghệ trong việc giảng dạy khoa học điểm đạo.

71. Đối với những người cung ba, có thể khá dễ để đáp ứng với ý chí và quyền lực, khi ý chí và quyền lực ấy biểu lộ theo những cách cá nhân/cá thể, nhưng không dễ đến thế để đáp ứng với sự biểu lộ *đầy bác ái* của ý chí và quyền lực.

TCF 826-831: S7S8 Part I

3 - 10 July 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the analysis**.

In these three circles of petals lies concealed another clue to the mystery of the 777 incarnations.

1. As we look at the number 777, we must remember that it is used to symbolize our Earth, just as other numbers like 555, 666 and 888 can reasonably be thought to symbolize Venus, Mars and Mercury respectively.

It has been stated that a mystery lies hid in the 777 incarnations. This figure provides room for much speculation.[19] It should be pointed out that it does not hold the number of a stated cycle of incarnations through which a man must pass, but holds the key to the three major cycles previously mentioned. Primarily this number applies to the planetary Logos of our scheme and not so much to other schemes. Each Heavenly Man has His number and the number of our Heavenly Man lies hid in the above three figures, just as 666 and 888 holds the

3 - 10 tháng 7 năm 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục mạch văn. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần phân tích**.

Trong ba vòng tròn cánh hoa này có ẩn giấu một đầu mối khác về huyền nhiệm của 777 lần lâm phàm.

1. Khi chúng ta nhìn vào con số 777, chúng ta phải nhớ rằng nó được dùng để tượng trưng cho Trái Đất của chúng ta, cũng như những con số khác như 555, 666 và 888 có thể được xem một cách hợp lý là tượng trưng lần lượt cho Sao Kim, Sao Hỏa và Sao Thủy.

Người ta đã nói rằng có một huyền nhiệm ẩn giấu trong 777 lần lâm phàm. Con số này mở ra chỗ cho rất nhiều suy đoán.19 Cần chỉ ra rằng nó không nắm giữ số lượng của một chu kỳ lâm phàm xác định mà con người phải trải qua, mà nắm giữ chìa khóa của ba chu kỳ lớn đã được nhắc đến trước đây. Trước hết, con số này áp dụng cho Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh chúng ta chứ không nhiều lắm cho các hệ hành tinh khác. Mỗi Đấng Thiên Nhân đều có con số của Ngài và con số của Đấng Thiên Nhân của chúng ta được ẩn giấu trong ba con số trên, cũng như 666 và 888 giữ huyền nhiệm ẩn

mystery hid of two other Heavenly Men. (TCF 306)

giấu của hai Đấng Thiên Nhân khác. (TCF 306)

The figures **do not convey an exact number of years,** but are **figurative and symbolical**;

Các con số ấy **không truyền đạt một số năm chính xác,** mà là **hình tượng và biểu tượng**;

2. This must be evident when the figure 777 is applied to the number of incarnations of the average human being. DK tells us we have had "thousands" of incarnations.

2. Điều này hẳn phải rõ khi con số 777 được áp dụng vào số lần lâm phàm của con người trung bình. Chân sư DK cho biết chúng ta đã có "hàng ngàn" lần lâm phàm.

they are **intended to convey the thought of three cycles of varying duration,**

chúng **nhằm truyền đạt ý tưởng về ba chu kỳ có thời lượng khác nhau,**

3. The three figures contained in this figures are 700, 70 and 7. Each succeeding cycle is ten times shorter than the preceding, though this multiple, too, must be taken as symbolic.

3. Ba con số chứa trong con số này là 700, 70 và 7. Mỗi chu kỳ kế tiếp ngắn hơn chu kỳ trước mười lần, mặc dù bội số này cũng phải được xem là có tính biểu tượng.

based upon the septenary nature of the manifesting monad.

dựa trên bản chất thất phân của chân thần biểu hiện.

4. Man is usually conceived as having *seven* principles and each of these principles is derived from the Monad and is, in fact, a fundamental faculty of the Monad expressing most characteristically on a particular dimension of the cosmic physical plane.

4. Con người thường được quan niệm là có *bảy* nguyên khí và mỗi nguyên khí này đều phát sinh từ Chân thần và thật ra là một năng lực căn bản của Chân thần, biểu lộ một cách đặc trưng nhất trên một chiều kích đặc thù của cõi hồng trần vũ trụ.

5. Within the "septenary nature" are found personality, soul and spirit. Although there is not an exact correspondence, 700 can be seen to reflect personality development, 70 soul development (as experienced in the relational etheric body) and 7, Spirit-expression as that expression works through the Will-to-Sacrifice which begins in earnest on the Path of Probation.

5. Bên trong "bản chất thất phân" có phàm ngã, linh hồn và tinh thần. Dù không có sự tương ứng chính xác, 700 có thể được xem là phản ánh sự phát triển của phàm ngã, 70 là sự phát triển của linh hồn (như được kinh nghiệm trong thể dĩ thái quan hệ), và 7 là sự biểu lộ của Tinh thần khi sự biểu lộ ấy vận hành qua Ý Chí-Từ Bỏ, vốn bắt đầu một cách nghiêm túc trên Con Đường Dự Bị.

6. From another perspective, the 777 incarnations end after the conclusion of the Path of Probation.

6. Từ một góc nhìn khác, 777 lần lâm phàm chấm dứt sau khi Con Đường Dự Bị kết thúc.

First. The 700 incarnations. These concern the unfoldment of the outer circle. This is the longest period.

Thứ nhất. 700 lần lâm phàm. Những lần này liên quan đến sự khai mở của vòng ngoài. Đây là thời kỳ dài nhất.

7. From all reasonable calculations, it is millions of years long.

7. Theo mọi tính toán hợp lý, nó dài hàng triệu năm.

The initial vibration is slow and heavy, and millenia of lives have to elapse

Rung động ban đầu thì chậm và nặng, và hàng thiên niên kỷ của các kiếp sống phải trôi qua

8. This does not necessarily mean thousands of lives but it could.

8. Điều này không nhất thiết có nghĩa là hàng ngàn kiếp sống, nhưng có thể là như vậy.

What the Personality spends many thousands of lives in establishing is not going to be lightly altered when the Ego—working in the lower consciousness—seeks to effect a change. (LOM 82)

Điều mà phàm ngã phải mất nhiều ngàn kiếp sống để thiết lập sẽ không dễ dàng bị thay đổi khi chân ngã—đang hoạt động trong tâm thức thấp—tìm cách tạo ra một sự thay đổi. (LOM 82)

before the interchange of energy between the Ego and its reflection, the personal self (the lower threefold man) is such **that the consciousness of the man occultly "awakens" in the Hall of Learning**.

trước khi sự trao đổi năng lượng giữa chân ngã và phản chiếu của nó, phàm ngã cá nhân (con người tam phân thấp) đạt đến mức **mà tâm thức của con người một cách huyền bí "thức tỉnh" trong Phòng Hiểu Biết**.

9. Here we have a very important statement about what transpires in the Hall of Learning

9. Ở đây chúng ta có một phát biểu rất quan trọng về điều diễn ra trong Phòng Hiểu Biết

a. There is an intensified interchange of energy between the Ego and its reflection, the personal self

a. Có một sự trao đổi năng lượng tăng cường giữa chân ngã và phản chiếu của nó, phàm ngã cá nhân

b. The consciousness of the man occultly "awakens"

b. Tâm thức của con người một cách huyền bí "thức tỉnh"

10. It is clear that the interplay between the psychological pairs of opposites becomes very strong in the Hall of Learning. The soul, or Higher Self becomes a noticeable factor in consciousness, however it may be named.

10. Rõ ràng là sự tương tác giữa các cặp đối cực tâm lý trở nên rất mạnh trong Phòng Hiểu Biết. Linh hồn, hay Bản Ngã Cao Siêu, trở thành một yếu tố đáng chú ý trong tâm thức, dù nó có thể được gọi bằng tên gì đi nữa.

11. Occult awakening means to awaken to the inner, subjective factor.

11. Sự thức tỉnh huyền bí có nghĩa là thức tỉnh đối với yếu tố bên trong, chủ quan.

For advanced man at this time these incarnations took place upon the moon chain and in some cases upon certain planets connected with the inner round.

Đối với con người tiến bộ vào thời đó, các lần lâm phàm này đã diễn ra trên Dãy Mặt Trăng và trong một số trường hợp trên những hành tinh nhất định có liên hệ với cuộc tuần hoàn bên trong.

12. Advanced man at this time (at least the majority of such human beings) has a very different history from those who individualized on the Earth-chain.

12. Con người tiến bộ vào thời đó (ít nhất là đa số những con người như vậy) có một lịch sử rất khác với những người đã biệt ngã hóa trên Dãy Địa Cầu.

13. DK seems to be telling us that for advanced man, the incarnations which correspond to the number 700 may have taken place on the Moon-chain. This could mean even thousands of Moon-chain incarnations—a staggering thought.

13. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng đối với con người tiến bộ, các lần lâm phàm tương ứng với con số 700 có thể đã diễn ra trên Dãy Mặt Trăng. Điều này thậm chí có thể có nghĩa là hàng ngàn lần lâm phàm trên Dãy Mặt Trăng—một ý nghĩ gây choáng ngợp.

14. As for incarnations on certain planets "connected with the inner round" there is probably little we can say about this. Mercury, however—a planetary closely related to the Moon (in one respect, through the third ray) is also related to the "inner round". Mercury also has a close energetic relation to the previous solar system which, itself, is related to the Moon-chain. So at least one line of thought could follow this supposition.

14. Còn về các lần lâm phàm trên những hành tinh nhất định "có liên hệ với cuộc tuần hoàn bên trong" thì có lẽ chúng ta không thể nói được nhiều. Tuy nhiên, Sao Thủy—một hành tinh có liên hệ rất gần với Mặt Trăng (ở một phương diện, qua cung ba)—cũng liên hệ với "cuộc tuần hoàn bên trong". Sao Thủy cũng có một liên hệ năng lượng mật thiết với hệ mặt trời trước, mà chính hệ ấy lại liên hệ với Dãy Mặt Trăng. Vì vậy ít nhất một tuyến suy nghĩ có thể đi theo giả thuyết này.

15. However, it is clear that a number of planets are connected with what DK calls the “inner round”.

15. Tuy nhiên, rõ ràng là có một số hành tinh liên hệ với điều mà Chân sư DK gọi là “cuộc tuần hoàn bên trong”.

16. Considering how many incarnations presently advanced man may have taken on the Moon-chain, and where he now stands in his evolution, we can see that progress has been very slow.

16. Xét đến số lần lâm phàm mà con người hiện nay tiến bộ có thể đã trải qua trên Dãy Mặt Trăng, và vị trí hiện nay của y trong tiến hoá, chúng ta có thể thấy rằng sự tiến bộ đã rất chậm.

17. We can see that the advanced people of the present period may have quite distinct origins and this may account for different types among them.

17. Chúng ta có thể thấy rằng những người tiến bộ của thời kỳ hiện nay có thể có những nguồn gốc khá khác biệt và điều này có thể giải thích cho những loại hình khác nhau nơi họ.

This is the circumstance which necessitated his "coming-in" during the Atlantean root-race.

Đây là hoàn cảnh đã khiến y phải “đi vào” trong giống dân gốc Atlantis.

18. Which is the circumstance which necessitated the coming in of advanced man in the Atlantean rootrace?

18. Điều gì là hoàn cảnh đã khiến con người tiến bộ đi vào trong giống dân gốc Atlantis?

19. Was it his ‘occult awakening’ which made the entry into Earth-chain incarnation at the time of the Atlantean rootrace propitious?

19. Có phải chính sự “thức tỉnh huyền bí” của y đã khiến việc đi vào lâm phàm trên Dãy Địa Cầu vào thời giống dân gốc Atlantis trở nên thuận lợi?

20. The implication is that bodies of the Lemurian type were too crude to offer advancement beyond the kind of consciousness these relatively advanced egos already possessed. The analogue to Lemurian and even Atlantean development seems to have occurred in those many incarnations they experienced upon the Moon-chain.

20. Hàm ý ở đây là các thể thuộc loại Lemuria quá thô trược để có thể đem lại sự tiến bộ vượt quá loại tâm thức mà các chân ngã tương đối tiến bộ này đã sở hữu. Sự tương đồng với sự phát triển Lemuria và thậm chí Atlantis dường như đã xảy ra trong rất nhiều lần lâm phàm mà họ đã kinh qua trên Dãy Mặt Trăng.

Men of this type refused to incarnate earlier, as the bodies were too coarse;

Những người thuộc loại này đã từ chối lâm phàm sớm hơn, vì các thể quá thô trược;

21. This is an interesting statement, as such men seem to have been *self-determining* in relation to their incarnational process.

21. Đây là một phát biểu thú vị, vì những người như vậy dường như đã *tự quyết định* đối với tiến trình lâm phàm của mình.

22. When thinking of man during early evolution, one imagines that he, as a *human* consciousness, does not have much 'say' about the nature, quality and placement of his forthcoming incarnation. But, perhaps, Moon-chain men of this type were sufficiently advanced and self-conscious to be part of the planning of the incarnations they were to take on the Earth-chain.

22. Khi nghĩ về con người trong thời kỳ tiến hoá sớm, người ta tưởng rằng y, với tư cách một tâm thức *nhân loại*, không có nhiều "tiếng nói" về bản chất, phẩm tính và vị trí của lần lâm phàm sắp tới của mình. Nhưng có lẽ những người thuộc loại này trên Dãy Mặt Trăng đã đủ tiến bộ và đủ ngã thức để tham gia vào việc hoạch định những lần lâm phàm mà họ sẽ đảm nhận trên Dãy Địa Cầu.

23. If they "refused", the refusal was probably made upon the plane of soul and from a vantage point which was far greater than the limited consciousness they probably possessed when immersed within physical plane incarnation.

23. Nếu họ đã "từ chối", thì sự từ chối ấy có lẽ được thực hiện trên cõi linh hồn và từ một điểm nhìn lớn lao hơn rất nhiều so với tâm thức hạn hẹp mà có lẽ họ sở hữu khi chìm đắm trong lâm phàm trên cõi hồng trần.

24. Nature, we understand, is economical and does not arrange for situations which are wasteful of energy and unnecessarily repetitious.

24. Như chúng ta hiểu, bản chất thì tiết kiệm và không sắp đặt những tình huống lãng phí năng lượng và lặp lại một cách không cần thiết.

25. The whole question of how and by what conscious agencies human incarnations are arranged is very problematic and probably subject to change as the human being evolves.

25. Toàn bộ vấn đề về cách thức và bởi những tác nhân hữu thức nào mà các lần lâm phàm của con người được sắp xếp là điều rất nan giải và có lẽ thay đổi khi con người tiến hoá.

this was the cyclic reflection (on the lowest plane)

đây là sự phản chiếu theo chu kỳ (trên cõi thấp nhất)

26. Presumably, the dense physical plane.

26. Có lẽ là cõi hồng trần đậm đặc.

of the refusal of the Monads to incarnate at the dawn of manvantaric opportunity.

của sự từ chối lâm phàm của các chân thần vào buổi bình minh của cơ hội giai kỳ sinh hóa.

27. We have to be cautious here. Was it the *Monads* who refused to incarnate or was it the Solar Angels, or *both*? Certainly, there are discussions in *The Secret Doctrine* about the refusal of certain groups of Solar Angels to associate themselves with the animal men of that period and, thus, infuse the vehicles of such crude beings. This refusal could have been identical with a refusal of the Monads to do the same, as when the Solar Angel allies itself with a human Monad, the Monad must also be involved (taking its place as a living fire right at the very center of the egoic vehicle which the Solar Angel builds).

27. Chúng ta phải thận trọng ở đây. Có phải chính các *chân thần* đã từ chối lâm phàm, hay là các Thái dương Thiên Thần, hay *cả hai*? Chắc chắn có những bàn luận trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* về việc một số nhóm Thái dương Thiên Thần từ chối liên kết với những người thú của thời kỳ đó và do vậy phú linh các vận cụ của những hữu thể thô trược như thế. Sự từ chối này có thể đồng nhất với sự từ chối của các chân thần làm điều tương tự, vì khi Thái dương Thiên Thần liên minh với một chân thần nhân loại, chân thần ấy cũng phải được dự phần (đảm nhận vị trí của nó như một ngọn lửa sống ngay tại trung tâm của vận cụ chân ngã mà Thái dương Thiên Thần xây dựng).

28. Shamballa, we are told, has an exquisite sense of timing and this must be true for Monads (who, in essence, are 'members' of Shamballa).

28. Chúng ta được bảo rằng Shamballa có một ý thức về thời điểm vô cùng tinh tế và điều này hẳn cũng đúng đối với các chân thần (vốn, về bản chất, là những "thành viên" của Shamballa).

No real "sin" was committed; it was their privilege to discriminate**, and this refusal has its** [Page 826] **bearing upon conditions upon Earth, being the basis of the great class distinctions which—in every land—have been so fruitful of trouble and the esoteric foundation of the "caste" system,** so abused now in India.

Không có "tội lỗi" thực sự nào được phạm; đó là đặc quyền của họ trong việc phân biện**, và sự từ chối này có** [Page 826] **liên hệ đến các điều kiện trên Trái Đất, là cơ sở của những phân biệt giai cấp lớn lao mà—ở mọi xứ sở—đã sinh ra rất nhiều rắc rối và là nền tảng huyền bí của hệ thống "đẳng cấp",** hiện nay bị lạm dụng quá mức ở Ấn Độ.

29. Much of interest is here being communicated.

29. Ở đây đang được truyền đạt nhiều điều đáng quan tâm.

30. We have read of the "sin" of those who refused to incarnate and also of the, apparently resultant, "sin of the mindless".

30. Chúng ta đã đọc về "tội lỗi" của những kẻ từ chối lâm phàm và cả "tội lỗi của những kẻ vô trí", dường như là kết quả phát sinh từ đó.

31. Could Monads have incarnated in the second round or the third? There are references in *The Secret Doctrine* which suggest that the Solar Angels "looked in"

31. Liệu các chân thần có thể đã lâm phàm trong cuộc tuần hoàn thứ hai hay thứ ba không? Có những tham chiếu trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* gợi ý rằng các Thái dương Thiên

upon planetary process and the type of vehicles they might expect to animate, and found those vehicles wanting. They, therefore, delayed their association with the evolving human unit until a more propitious time.

Thần đã "nhìn vào" tiến trình hành tinh và loại vận cụ mà các Ngài có thể mong đợi sẽ hoạt hóa, và thấy rằng những vận cụ ấy không đạt yêu cầu. Vì vậy, các Ngài đã trì hoãn sự liên kết của mình với đơn vị nhân loại đang tiến hoá cho đến một thời điểm thuận lợi hơn.

32. From studying the text above, it is difficult to know who should have incarnated, and at what time, in order to have ameliorated the class distinctions of which DK speaks. If the Monads of the Earth-chain had incarnated earlier (though it is hard to imagine how this would have been possible) their developmental period would have been longer and their unfoldment would have been more equal to that of the incoming Monads from the Moon-chain.

32. Từ việc nghiên cứu đoạn văn trên, thật khó biết ai lẽ ra phải lâm phàm, và vào thời điểm nào, để có thể làm giảm bớt những phân biệt giai cấp mà Chân sư DK nói đến. Nếu các chân thần của Dãy Địa Cầu đã lâm phàm sớm hơn (dù khó hình dung điều này có thể xảy ra như thế nào) thì thời kỳ phát triển của họ đã dài hơn và sự khai mở của họ đã cân bằng hơn với sự khai mở của các chân thần đi vào từ Dãy Mặt Trăng.

33. Maybe, had the Earth-chain Monads incarnated earlier, the vehicles which were deemed too crude for the incoming Moon-chain Monads would not have been quite so crude and Lemurian incarnations could have been advantageous for them.

33. Có lẽ, nếu các chân thần Dãy Địa Cầu đã lâm phàm sớm hơn, thì những vận cụ bị xem là quá thô trược đối với các chân thần Dãy Mặt Trăng đi vào đã không quá thô trược đến thế và các lần lâm phàm Lemuria có thể đã có lợi cho họ.

34. As it now stands, the Moon-chain Monads are far in advance of *most* of those who experienced their first human incarnation on the Earth-chain. The great gulf existing between "Capital" and "Labour" is the result of the unequal development of these Monads, one group of which incarnated as a human being on the Moon-chain and the other not until the Earth-chain.

34. Trong tình trạng hiện nay, các chân thần Dãy Mặt Trăng vượt xa *đa số* những người đã trải qua lần lâm phàm nhân loại đầu tiên của mình trên Dãy Địa Cầu. Hố sâu lớn tồn tại giữa "Tư Bản" và "Lao Động" là kết quả của sự phát triển không đồng đều của các chân thần này, trong đó một nhóm đã lâm phàm như con người trên Dãy Mặt Trăng còn nhóm kia thì mãi đến Dãy Địa Cầu mới làm như vậy.

35. Had the Moon-chain Monads incarnated even earlier (i.e. in Lemuria and despite the crudity of the available vehicles) chances are that they would be even more developed than they are now and the gap between

35. Nếu các chân thần Dãy Mặt Trăng đã lâm phàm còn sớm hơn nữa (tức là trong Lemuria và bất chấp sự thô trược của các vận cụ sẵn có) thì rất có thể họ còn phát triển hơn hiện nay, và khoảng cách giữa họ với các chân thần Dãy Địa Cầu sẽ còn lớn hơn nữa.

them and Earth-chain Monads would be even greater.

36. We can see that occult timing is a matter of profound importance when determining whether harmony and Right Human Relations will be facilitated or inhibited.

36. Chúng ta có thể thấy rằng thời điểm huyền bí là một vấn đề có tầm quan trọng sâu xa khi xác định liệu sự hài hòa và các Quan Hệ Đúng Đắn giữa Người với Người sẽ được tạo điều kiện hay bị cản trở.

The problem of labor and capital has its roots in the subjective distinction between "equipped and unequipped" Egos,

Vấn đề lao động và tư bản có cội rễ trong sự phân biệt chủ quan giữa các chân ngã "được trang bị" và "không được trang bị",

37. As stated above…

37. Như đã nói ở trên…

38. Time is needed in order to equip an Ego for reasonably full expression within the lower three worlds. If entry into incarnation is delayed, there is insufficient time for the equipping.

38. Cần có thời gian để trang bị cho một chân ngã khả năng biểu lộ tương đối đầy đủ trong ba cõi thấp. Nếu việc đi vào lâm phàm bị trì hoãn, sẽ không có đủ thời gian cho sự trang bị ấy.

39. Of course, on the Moon-chain, we understand that there was delay and failure and so the Moon-chain Monads were less developmentally equipped than they would have been had not their process of evolution been interrupted by the “timely” interference of the Solar Logos in the affairs of our Planetary Logos (and the expression of our Planetary Logos through one of His chakras, the Moon-chain.).

39. Dĩ nhiên, trên Dãy Mặt Trăng, như chúng ta hiểu, đã có sự trì hoãn và thất bại, nên các chân thần Dãy Mặt Trăng được trang bị kém hơn về mặt phát triển so với trường hợp tiến trình tiến hoá của họ không bị gián đoạn bởi sự can thiệp “đúng lúc” của Thái dương Thượng đế vào công việc của Chân Linh Hành Tinh của chúng ta (và sự biểu lộ của Chân Linh Hành Tinh của chúng ta qua một trong các luân xa của Ngài, tức Dãy Mặt Trăng).

between those units of the human family on earth who have passed out of the Hall of Ignorance, and those who are yet groping in its dark and gloomy corridors;

giữa những đơn vị của gia đình nhân loại trên Trái Đất đã vượt ra khỏi Phòng Vô Minh, và những người vẫn còn đang mò mẫm trong những hành lang tối tăm và ảm đạm của nó;

40. The implication here is that many of those who incarnated for the first time on the Earth-chain are still working with the Hall of Ignorance, whereas those who

40. Hàm ý ở đây là nhiều người trong số những người lâm phàm lần đầu trên Dãy Địa Cầu vẫn còn đang làm việc với Phòng Vô Minh, trong khi những người đã lâm phàm

incarnated on the Moon-chain have, by and large, moved into the Hall of Learning.

trên Dãy Mặt Trăng thì nhìn chung đã chuyển vào Phòng Hiểu Biết.

41. There is a significant distinction between modern, intelligent humanity working with the love petals of the egoic lotus and those who are still absorbed with the requirements of organizing and unfolding the knowledge petals.

41. Có một sự phân biệt đáng kể giữa nhân loại hiện đại, thông minh, đang làm việc với các cánh hoa bác ái của Hoa Sen Chân Ngã và những người vẫn còn bị cuốn hút vào các đòi hỏi của việc tổ chức và khai mở các cánh hoa tri thức.

42. Another distinction, of course, involves those who are in process of unfolding the sacrifice petals. They are far fewer and are distinct from those working in either the knowledge tier or the love tier.

42. Một sự phân biệt khác, dĩ nhiên, liên quan đến những người đang trong tiến trình khai mở các cánh hoa hi sinh. Họ ít hơn rất nhiều và khác biệt với những người đang làm việc trong tầng tri thức hay tầng bác ái.

between those Egos who are only "bud" Egos,

giữa những chân ngã chỉ mới là các chân ngã "nụ",

43. DK tells us, in fact, that at this time, there are no more “bud” Egos. All have at least one petal open. To me it makes the most sense to think that the most primitive Egos, at present, have at least the first petal *in process* of opening. This might apply to some members of the aboriginal groups, but certain of their members must necessarily be in process of working on the second petal —such are their artistic abilities and community orientations.

43. Thật ra Chân sư DK cho chúng ta biết rằng vào thời điểm này không còn các chân ngã “nụ” nữa. Tất cả đều có ít nhất một cánh hoa mở. Theo tôi, hợp lý nhất là nghĩ rằng các chân ngã nguyên thủy nhất hiện nay có ít nhất cánh hoa thứ nhất *đang trong tiến trình* mở. Điều này có thể áp dụng cho một số thành viên của các nhóm thổ dân, nhưng một số thành viên của họ tất yếu phải đang trong tiến trình làm việc trên cánh hoa thứ hai—đó là do các năng lực nghệ thuật và khuynh hướng cộng đồng của họ.

44. DK spoke of certain people who are strongly atavistic and are a natural burden upon humanity. (cf. EP. II, 203). It could be that these are those who are still in process of opening the first petal.

44. Chân sư DK đã nói về một số người có tính thoái hóa di truyền rất mạnh và là một gánh nặng tự nhiên đối với nhân loại. (xem EP. II, 203). Có thể đó là những người vẫn còn đang trong tiến trình mở cánh hoa thứ nhất.

1. The souls who live but whose consciousness sleeps. These are the dormant human beings whose intelligence is of such a low order, and their awareness of

1. Những linh hồn sống nhưng tâm thức ngủ yên. Đây là những con người ngủ yên mà trí tuệ của họ ở mức thấp đến nỗi, và sự nhận biết của họ về bản thân và về sự sống mờ

themselves and of life is so dim and nebulous, that only the lowest forms of human existence come into this category. Racially, nationally, and tribally they do not exist as pure types, but occasionally such a person emerges in the slums of our great cities. They are like a "throw back" and never appear among what are called the natural savages, or the peasantry. (EP. II, 203)

nhạt và mơ hồ đến nỗi chỉ những hình thức tồn tại thấp nhất của con người mới thuộc vào loại này. Xét về chủng tộc, quốc gia và bộ lạc, họ không tồn tại như những loại thuần túy, nhưng đôi khi một người như thế xuất hiện trong các khu ổ chuột của những thành phố lớn của chúng ta. Họ giống như một "sự thoái lui" và không bao giờ xuất hiện giữa những người được gọi là dân man dã tự nhiên, hay tầng lớp nông dân. (EP. II, 203)

45. Yet, the fact remains: He has said that all Egos today have at least one petal open. Whether "open" means *completely* open, we do not know.

45. Tuy nhiên, sự thật vẫn còn đó: Ngài đã nói rằng mọi chân ngã ngày nay đều có ít nhất một cánh hoa mở. Liệu "mở" có nghĩa là mở *hoàn toàn* hay không, chúng ta không biết.

and those who have organised the outer circle of petals, and whose petals are ready to open up.

và những chân ngã đã tổ chức vòng cánh hoa ngoài, và các cánh hoa của họ đã sẵn sàng để mở ra.

46. It is clear that the stages of organization and vitalization precede, technically, the stages of "ready to open up".

46. Rõ ràng là các giai đoạn tổ chức và tiếp sinh lực, về mặt kỹ thuật, đi trước các giai đoạn "sẵn sàng để mở ra".

47. This last distinction that DK makes—between "bud Egos" and those whose outer circle of petals are ready to open up—seems very *wide*. If there were any "bud Egos" they would certainly be, relatively "unequipped". But are those who have opened the first tier of petals to be considered "equipped" or "unequipped"?

47. Sự phân biệt cuối cùng này mà Chân sư DK đưa ra—giữa "các chân ngã nụ" và những chân ngã có vòng cánh hoa bên ngoài đã sẵn sàng khai mở—dường như rất *rộng*. Nếu có bất kỳ "chân ngã nụ" nào, thì tương đối mà nói, chúng hẳn là "chưa được trang bị". Nhưng những chân ngã đã khai mở tầng cánh hoa thứ nhất có được xem là "được trang bị" hay "chưa được trang bị" không?

48. Perhaps, relatively equipped. The truly "equipped" Ego, who, for instance, is a member of the class known as "Capital", might very well have petals in the second tier opened. Some of the most selfish people (yet accomplished in their own way) could have the fifth petal quite open, making them "egos" (lower case) to be reckoned with.

48. Có lẽ là tương đối được trang bị. Chân ngã thật sự "được trang bị", chẳng hạn là một thành viên của lớp được gọi là "Capital", rất có thể đã có các cánh hoa ở tầng thứ hai khai mở. Một số người ích kỷ nhất (nhưng vẫn thành đạt theo cách riêng của họ) có thể đã có cánh hoa thứ năm mở khá trọn vẹn,

khiến họ trở thành những "ego" (viết thường) đáng phải kể đến.

The idea of a septenate of centuries must be carefully pondered upon,

Ý tưởng về một chu kỳ bảy trăm năm phải được suy ngẫm cẩn thận,

49. By this, does DK mean 700 years? Let us see.

49. Bởi điều này, Chân sư DK có muốn nói là 700 năm không? Hãy xem.

and as ever in all occult matters, the idea of triplicity must be also borne in mind with a synthesising period, which is a summation of the triple coordination:

và như mọi khi trong mọi vấn đề huyền bí học, ý tưởng về bộ ba cũng phải được ghi nhớ cùng với một giai đoạn tổng hợp, là sự tổng kết của sự phối hợp tam phân:

50. When this type of sequence is applied to the egoic lotus as a whole, each of the tiers will represent a thirty year period and the final unit of three synthesis petals plus the Jewel will represent the ten year period. Of course, the relative proportion of the periods must not be taken literally.

50. Khi loại trình tự này được áp dụng cho toàn bộ Hoa Sen Chân Ngã, mỗi tầng sẽ tượng trưng cho một giai đoạn ba mươi năm và đơn vị cuối cùng gồm ba cánh hoa tổng hợp cộng với Ngọc Châu sẽ tượng trưng cho giai đoạn mười năm. Dĩ nhiên, tỉ lệ tương đối của các giai đoạn không được hiểu theo nghĩa đen.

3 periods of 3 tens..... 90 years.

3 giai đoạn của 3 chục..... 90 năm.

1 synthesising period..... 10 years.

1 giai đoạn tổng hợp..... 10 năm.

100 years.

100 năm.

This seven times repeated... 7

Điều này được lặp lại bảy lần... 7

700 years.

700 năm.

51. The 700 hundred year period applies symbolically to the unfoldment of the knowledge petals.

51. Giai đoạn 700 năm áp dụng một cách biểu tượng cho sự khai mở của các cánh hoa tri thức.

52. We have to ask if, within the period of unfoldment of the knowledge petals, seven periods are to be found, each period with its synthesizing period?

52. Chúng ta phải hỏi liệu, trong giai đoạn khai mở của các cánh hoa tri thức, có thể tìm thấy bảy giai đoạn hay không, mỗi giai đoạn đều có giai đoạn tổng hợp của nó?

53. We could also apply the 30+30+30+10 model to the unfoldment of the three knowledge petals, with a kind of synthesizing period bringing them all into a new and completely unified relationship.

53. Chúng ta cũng có thể áp dụng mô hình 30+30+30+10 cho sự khai mở của ba cánh hoa tri thức, với một loại giai đoạn tổng hợp đưa tất cả chúng vào một tương quan mới và hoàn toàn hợp nhất.

Each cycle (again figurative cycles) leaves one of the petals more vitalised, and has a definite effect on each.

Mỗi chu kỳ (một lần nữa, các chu kỳ có tính tượng trưng) để lại một trong các cánh hoa được tiếp sinh lực nhiều hơn, và có một tác động xác định lên mỗi cánh.

54. Here, it seems that DK is speaking of the 30+30+30+10 model.

54. Ở đây, dường như Chân sư DK đang nói về mô hình 30+30+30+10.

55. It would be a mistake, I feel, to think of each petal as taking approximately the same amount to time to unfold. The earliest of the three knowledge petals must, so it seems, take far longer than the third petal.

55. Theo tôi, sẽ là một sai lầm nếu nghĩ rằng mỗi cánh hoa mất xấp xỉ cùng một khoảng thời gian để khai mở. Cánh hoa tri thức sớm nhất trong ba cánh hẳn phải, dường như là vậy, mất thời gian lâu hơn nhiều so với cánh hoa thứ ba.

56. A general mathematical model for unfoldment surely exists, but as always, the free will of the human being can make a big difference and account for a large deviation from the norm.

56. Chắc chắn có tồn tại một mô hình toán học tổng quát cho sự khai mở, nhưng như mọi khi, ý chí tự do của con người có thể tạo nên khác biệt lớn và giải thích cho sự lệch xa đáng kể khỏi chuẩn mực.

57. Also, we see that periods of increasing vitalization precede unfoldment, per se.

57. Ngoài ra, chúng ta thấy rằng các giai đoạn tiếp sinh lực ngày càng tăng đi trước chính sự khai mở.

58. If we look at the total number of periods involved in the unfoldment of the knowledge petals we will have 4 x 7 = 28, considering three periods of 30 years and one period of 10 years, multiplied by 7.

58. Nếu chúng ta xét tổng số các giai đoạn liên quan đến sự khai mở của các cánh hoa tri thức, chúng ta sẽ có 4 x 7 = 28, xét ba giai đoạn 30 năm và một giai đoạn 10 năm, nhân với 7.

59. If we further subdivide, we will find 3 groups of 3 tens, plus a final period—all this multiplied by 7, and thus, in all, 70 shorter periods rather than 28 mostly larger ones.

59. Nếu tiếp tục phân chia nhỏ hơn, chúng ta sẽ thấy 3 nhóm gồm 3 chục, cộng với một giai đoạn cuối—tất cả điều này nhân với 7, và như vậy, tổng cộng là 70 giai đoạn ngắn hơn thay vì 28 giai đoạn phần lớn dài hơn.

60. As for three groups of three tens, there are three colors to be associated with each of the knowledge petals, and, thus, subdividing into tens makes sense. Perhaps the unfoldment of each color, i.e., of each ten, takes place somewhat sequentially.

60. Về ba nhóm gồm ba chục, có ba màu được liên kết với mỗi cánh hoa tri thức, và như vậy, việc chia nhỏ thành các chục là hợp lý. Có lẽ sự khai mở của mỗi màu, tức của mỗi chục, diễn ra phần nào theo trình tự.

61. The key to cyclic unfoldment in the Hall of Ignorance are contained in these numbers —so we may infer—but the key is not yet convincingly in our possession.

61. Chìa khóa của sự khai mở theo chu kỳ trong Phòng Vô Minh được chứa trong các con số này—ít nhất chúng ta có thể suy ra như vậy—nhưng chìa khóa ấy vẫn chưa thực sự nằm trong tay chúng ta một cách thuyết phục.

Second. The 70 incarnations. These concern the unfoldment of the middle circle.

Thứ hai. 70 lần nhập thể. Những lần này liên quan đến sự khai mở của vòng tròn giữa.

62. This is generally the case. Our task will be to confirm whether the period of 7 symbolic incarnations occurs during the opening of the *later middle* circle or apply directly to the final, sacrifice circle, as is generally stated.

62. Đây nói chung là trường hợp như vậy. Nhiệm vụ của chúng ta sẽ là xác nhận xem giai đoạn 7 lần nhập thể biểu tượng có xảy ra trong khi khai mở vòng tròn *giữa về sau* hay áp dụng trực tiếp cho vòng tròn cuối cùng, vòng hi sinh, như thường được nói đến.

63. We are not to presume that the opening of the middle circle occur ten times more rapidly than the opening of the outer circle. The period may be even *more* rapid. The figures given are, obviously, symbolic.

63. Chúng ta không được giả định rằng sự khai mở của vòng tròn giữa diễn ra nhanh gấp mười lần sự khai mở của vòng tròn ngoài. Giai đoạn ấy thậm chí có thể còn *nhanh hơn*. Các con số được đưa ra rõ ràng là có tính biểu tượng.

Much may be learned from a consideration of the occult significance involved in the sending out of their followers by any initiate (such as the Christ) in groups of seventy, going two and two.

Có thể học được nhiều điều từ việc xem xét ý nghĩa huyền bí học liên quan đến việc bất kỳ điểm đạo đồ nào (như Đức Christ) sai các môn đồ của mình đi theo từng nhóm bảy mươi người, đi từng đôi một.

64. The important number 35 is also implicated.

64. Con số quan trọng 35 cũng được hàm ý ở đây.

65. Seventy also indicates the proverbial "three score and ten" which is said to be the duration of man's life.

65. Bảy mươi cũng chỉ đến câu ngạn ngữ "ba lần hai mươi cộng mười", được nói là thời lượng đời người.

66. Thirty-five is the number of the atmic plane (7 x 5, or 7 subplanes x five systemic planes). The polarities are represented by the duad—"two and two". The positive and negative (i.e., receptive) are, thus, represented, and, perhaps, the polarities of man and deva (again positive and negative/ receptive).

66. Ba mươi lăm là con số của cõi atma (7 x 5, hay 7 cõi phụ x năm cõi của hệ). Các cực tính được biểu thị bằng nhị nguyên—"từng đôi một". Do đó, dương và âm (tức tiếp nhận) được biểu thị, và có lẽ cả các cực tính của người và thiên thần (một lần nữa là dương và âm/tiếp nhận).

67. The number 70 is to be associated with the second aspect of divinity.

67. Con số 70 phải được liên kết với phương diện thứ hai của thiên tính.

68. There is, we realize, a close connection between the numbers seven and two, most clearly represented in the nature of Jupiter.

68. Chúng ta nhận ra rằng có một liên hệ mật thiết giữa các con số bảy và hai, được biểu hiện rõ nhất trong bản chất của Sao Mộc.

69. Those who go forth "two and two" are to preach the Word (the Word represents the second aspect). They are to *teach* and, thus, to represent the second ray.

69. Những ai ra đi "từng đôi một" là để giảng Linh từ (Linh từ biểu thị phương diện thứ hai). Họ phải *dạy dỗ* và như vậy biểu hiện cung hai.

70. In the number 35 the Divine Will is represented, for this number reaches all the way to the top of the atmic plane through which the Divine Will manifests.

70. Trong con số 35, Ý Chí thiêng liêng được biểu thị, vì con số này vươn lên tận đỉnh cõi atma, qua đó Ý Chí thiêng liêng biểu lộ.

These seventy incarnations primarily effect the development of love in the personal life,

Bảy mươi lần nhập thể này chủ yếu tác động đến sự phát triển của bác ái trong đời sống phàm ngã,

71. This is such an important summary statement regarding that which is to be achieve in the 70 incarnations.

71. Đây là một phát biểu tổng kết rất quan trọng liên quan đến điều phải được thành tựu trong 70 lần nhập thể.

72. We must remember that the love petals are called deal with love in relation to the astral plane.

72. Chúng ta phải nhớ rằng các cánh hoa bác ái được gọi là bàn đến bác ái trong liên hệ với cõi cảm dục.

73. When we use the term "personal" the idea of astrality must never be far from our consideration. That which is *personal* involves the solar plexus center and the astral plane.

73. Khi chúng ta dùng thuật ngữ "phàm ngã", ý niệm về tính cảm dục không bao giờ được ở xa sự xem xét của chúng ta. Điều gì là *phàm ngã* thì liên quan đến trung tâm tùng thái dương và cõi cảm dục.

the evolution of the astral nature,

sự tiến hoá của bản chất cảm dục,

74. The petals are a source of high energy, and the flow of this energy into the personality brings about the evolution of the personality.

74. Các cánh hoa là một nguồn năng lượng cao, và dòng năng lượng này chảy vào phàm ngã đem lại sự tiến hoá của phàm ngã.

based on **the recognition of the pairs of opposites, and their equilibrising in love and service**.

dựa trên **sự nhận biết các cặp đối cực, và sự quân bình hóa chúng trong bác ái và phụng sự**.

75. Here we are given how the astral nature evolves and also an indication of that which is accomplished through the evolution of the love petals.

75. Ở đây chúng ta được cho biết cách bản chất cảm dục tiến hoá và cũng có một chỉ dẫn về điều được hoàn thành qua sự tiến hoá của các cánh hoa bác ái.

76. In the middle tier the pairs of opposites on the astral plane are recognized (including the recognition of the greater pairs of opposites, soul and personality).

76. Trong tầng giữa, các cặp đối cực trên cõi cảm dục được nhận biết (bao gồm cả sự nhận biết cặp đối cực lớn hơn là linh hồn và phàm ngã).

77. What does it take to equilibrise the pairs of opposites? "Love and service" we are told.

77. Cần điều gì để quân bình hóa các cặp đối cực? Chúng ta được bảo là "bác ái và phụng sự".

78. We can see that the ability to integrate soul and personality is at least somewhat achieved during the processes of the second tier. An act of harmonization must occur and each of the opposites must be given its due.

78. Chúng ta có thể thấy rằng khả năng tích hợp linh hồn và phàm ngã ít nhất cũng được đạt tới phần nào trong các tiến trình của tầng thứ hai. Một hành vi điều hòa phải xảy ra và mỗi cực đối lập phải được dành cho phần thích đáng của nó.

79. During the process of initiation, the greater of the pairs of opposites dominates and the lower of the pair is sacrificed. This is the work of the sacrifice petals.

79. Trong tiến trình điểm đạo, cực lớn hơn trong cặp đối cực chi phối và cực thấp hơn bị hi sinh. Đây là công việc của các cánh hoa hi sinh.

80. We note the importance of the sign Libra throughout the second petal processes. Libra is intimately connected with the second ray and inferentially connected with the fourth. It certainly represents the kind of "love of others" which it is the object of the individual to cultivate during the organization, vitalization and unfoldment of the second tier.

80. Chúng ta lưu ý tầm quan trọng của dấu hiệu hoàng đạo Thiên Bình xuyên suốt các tiến trình của cánh hoa thứ hai. Thiên Bình gắn bó mật thiết với cung hai và theo suy luận thì liên hệ với cung bốn. Nó chắc chắn biểu thị loại "bác ái đối với người khác" mà cá nhân phải vun bồi trong suốt sự tổ chức, tiếp sinh lực và khai mở của tầng thứ hai.

This cycle covers the period passed by the man in the [Page 827] Hall of Learning

Chu kỳ này bao trùm giai đoạn con người trải qua trong [Page 827] Phòng Hiểu Biết

81. Often the work done during the entire second tier is associated with the Hall of Learning. We must determine whether the Hall of Wisdom is entered *before* work is done upon the third and final tier within the nine.

81. Công việc được thực hiện trong toàn bộ tầng thứ hai thường được liên kết với Phòng Hiểu Biết. Chúng ta phải xác định liệu Phòng Minh triết có được bước vào *trước khi* công việc được thực hiện trên tầng thứ ba và cuối cùng trong chín cánh hay không.

and has its correspondence in the Atlantean root-race

và có sự tương ứng của nó trong giống dân gốc Atlantis

82. By the time an individual is working within the sixth petal and unfolding the fifth and sixth, he is certainly more than an Atlantean. Yet the correspondence is there.

82. Vào lúc một cá nhân đang hoạt động trong cánh hoa thứ sáu và khai mở cánh thứ năm và thứ sáu, y chắc chắn không còn chỉ là một người Atlantis nữa. Tuy nhiên, sự tương ứng vẫn có đó.

and its conflict between the Lords of the Dark Face and the Brotherhood of Light.

và cuộc xung đột của nó giữa các Đấng của Khuôn Mặt Tối và Huynh đệ Đoàn Chánh đạo.

83. The middle petal within the second tier represents experiences which are the *most* conflicted.

83. Cánh hoa giữa trong tầng thứ hai biểu thị những kinh nghiệm *xung đột* nhất.

84. In general the entire second tier represents the symbolic battle between the Sun and the Moon—respectively the orb which represents the Brotherhood of Light and the orb representing the Lords of the Dark Face.

84. Nói chung, toàn bộ tầng thứ hai biểu thị trận chiến tượng trưng giữa Mặt Trời và Mặt Trăng—lần lượt là thiên thể biểu thị Huynh đệ Đoàn Chánh đạo và thiên thể biểu thị các Đấng của Khuôn Mặt Tối.

85. The fact that we see only one side of our Moon, perpetually, and that there is a "dark face" or dark side of the Moon, is a fact which might be related to the nature of the Black Lodge.

85. Sự kiện chúng ta chỉ luôn luôn nhìn thấy một mặt của Mặt Trăng, và rằng có một "khuôn mặt tối" hay mặt tối của Mặt Trăng, là một sự kiện có thể liên hệ với bản chất của Hắc đoàn.

86. In any case, all intermediate processes are fraught with conflict.

86. Dù sao đi nữa, mọi tiến trình trung gian đều đầy dẫy xung đột.

Within the life of each individual, a similar conflict wages during this period, ending with the final kurukshetra or battle-ground which earns for the man the right to tread the Probationary Path,

Trong đời sống của mỗi cá nhân, một xung đột tương tự diễn ra trong giai đoạn này, kết thúc bằng kurukshetra hay bãi chiến trường cuối cùng, nhờ đó con người giành được quyền bước lên Con Đường Dự Bị,bationary Path,

87. Interestingly, a man enters the initial stages of the Probationary Path during the last stages of organizing and vitalizing petal five.

87. Điều thú vị là một người bước vào các giai đoạn đầu của Con Đường Dự Bị trong các giai đoạn cuối của việc tổ chức và tiếp sinh lực cho cánh hoa thứ năm.

88. The following quotation expresses the attitude of a probationer:

88. Trích dẫn sau đây diễn tả thái độ của một người dự bị:

2. The Petal of Love for the astral plane; unfoldment is brought about through the process of gradually transmuting the love of the subjective nature or of the Self within. This has a dual effect and works through on to the physical plane in many lives of turmoil, of endeavour and of failure as a man strives to turn his attention to the love of the Real. (TCF 540)

2. Cánh hoa Bác ái đối với cõi cảm dục; sự khai mở được đem lại qua tiến trình dần dần chuyển hoá tình yêu đối với bản chất chủ quan hay đối với Bản Ngã bên trong. Điều này có một tác động kép và tác động xuyên xuống cõi hồng trần qua nhiều kiếp sống đầy xáo trộn, nỗ lực và thất bại khi con người cố gắng chuyển sự chú ý của mình sang tình yêu đối với Cái Thực. (TCF 540)

89. We note that "many lives" are involved in the unfoldment of the fifth petal.

89. Chúng ta lưu ý rằng "nhiều kiếp sống" có liên quan đến sự khai mở của cánh hoa thứ năm.

90. We may conclude that even during work upon the second tier, the Path of Probation may be entered. If the period of "7 Incarnations" refers in any way to the Path of Probation, we will be forced to judge that these seven symbolic incarnations occur while the second tier of petals are being organized, vitalized and unfolded. In this case, we will not be able to reserve the period of "7 Incarnations" for the organizing, vitalizing and unfolding of the sacrifice tier of petals alone.

90. Chúng ta có thể kết luận rằng ngay cả trong khi làm việc trên tầng thứ hai, Con Đường Dự Bị vẫn có thể được bước vào. Nếu giai đoạn "7 lần nhập thể" theo bất kỳ cách nào liên quan đến Con Đường Dự Bị, chúng ta sẽ buộc phải phán đoán rằng bảy lần nhập thể biểu tượng này xảy ra trong khi tầng cánh hoa thứ hai đang được tổ chức, tiếp sinh lực và khai mở. Trong trường hợp này, chúng ta sẽ không thể dành riêng giai đoạn "7 lần nhập thể" chỉ cho việc tổ chức, tiếp sinh lực và khai mở tầng cánh hoa hi sinh mà thôi.

and eventually the privilege to stand before the Portal of Initiation.

và cuối cùng là đặc ân được đứng trước Cổng Điểm đạo.

91. Presumably, to stand before the "Portal of Initiation" is to be working upon the sacrifice tier of petals, as during the initiatory process they unfold.

91. Có lẽ, đứng trước "Cổng Điểm đạo" là đang làm việc trên tầng cánh hoa hi sinh, vì trong tiến trình điểm đạo, chúng khai mở.

92. May it be that not only must the 70 incarnations be experienced, but the 7 incarnations as well, if a man is to stand before the Portal of Initiation? May it be that the "7 Incarnations" have elapsed before the initiatory process begins?

92. Có thể nào không chỉ 70 lần nhập thể phải được trải qua, mà cả 7 lần nhập thể nữa, nếu một người muốn đứng trước Cổng Điểm đạo? Có thể nào "7 lần nhập thể" đã trôi qua trước khi tiến trình điểm đạo bắt đầu?

At the termination of the 777 incarnations, a man passes through the door of initiation and enters upon a brief synthesising process, or a final period in which he garners the fruits of the experience in the two first halls, and transmutes knowledge into wisdom, transforms the shadow of things seen into the energy of that which is, and achieves the

Khi chấm dứt 777 lần nhập thể, con người đi qua cánh cửa điểm đạo và bước vào một tiến trình tổng hợp ngắn ngủi, hay một giai đoạn cuối cùng trong đó y thu hoạch các thành quả kinh nghiệm trong hai phòng đầu tiên, và chuyển hoá tri thức thành minh triết, chuyển đổi cái bóng của những điều được thấy thành năng lượng của cái đang hiện hữu, và đạt được sự giải thoát cuối cùng

final liberation from all the lower forms which seek to hold him prisoner. (TCF 829)

(2) The period between egoic Cycles. **Herein is hid the mystery of the 777 incarnations and concerns the relation of the unit to his group on the egoic plane, prior to the unfoldment of the fifth petal. It concerns man in the period between the savage stage and that of the disciple, when he is an average man but still in the two Halls**. (TCF 738)

93. The two quotations above indicate this: To be a disciple, to unfold the fifth petal and to take the first initiation are all equivalent. By the time that this has taken place the 777 incarnations have elapsed.'

94. Of course, for the fifth petal to *fully* unfold, as we infer it does by the time of the first initiation, does not mean the sixth petal is not quite fully unfolded and that the seventh petal is not unfolding under the application of the Rod of Initiation and hastened by the strenuous and abnormal effort of the disciple.

95. We note that the 777 incarnations do not merely concern external affairs but the "relation of the unit to his group on the egoic plane". Probably the most significant developments are there to be seen.

Again the numerical significance of the numbers must be studied; this time

96. As there are other ways of determining "numerical significance"…

they are hid in the number ten, or three cycles of three lesser periods, each making

khỏi mọi hình tướng thấp vốn tìm cách giam giữ y làm tù nhân. (TCF 829)

(2) Giai đoạn giữa các Chu kỳ chân ngã. **Chính trong đây ẩn giấu huyền nhiệm của 777 lần nhập thể và liên quan đến mối quan hệ của đơn vị với nhóm của y trên cõi chân ngã, trước khi cánh hoa thứ năm khai mở. Nó liên quan đến con người trong giai đoạn giữa thời kỳ man dã và thời kỳ đệ tử, khi y là một người trung bình nhưng vẫn còn ở trong hai Phòng**. (TCF 738)

93. Hai đoạn trích trên chỉ ra điều này: trở thành một đệ tử, khai mở cánh hoa thứ năm và nhận lần điểm đạo thứ nhất đều là tương đương. Vào lúc điều này xảy ra thì 777 lần nhập thể đã trôi qua.

94. Dĩ nhiên, việc cánh hoa thứ năm khai mở *hoàn toàn*, như chúng ta suy ra là xảy ra vào lúc lần điểm đạo thứ nhất, không có nghĩa là cánh hoa thứ sáu chưa gần như hoàn toàn khai mở và cánh hoa thứ bảy không đang khai mở dưới sự áp dụng của Thần Trượng Điểm đạo và được thúc đẩy nhanh bởi nỗ lực mãnh liệt và bất thường của đệ tử.

95. Chúng ta lưu ý rằng 777 lần nhập thể không chỉ liên quan đến các sự vụ bên ngoài mà còn liên quan đến "mối quan hệ của đơn vị với nhóm của y trên cõi chân ngã". Có lẽ những phát triển quan trọng nhất phải được thấy ở đó.

Một lần nữa, ý nghĩa số học của các con số phải được nghiên cứu; lần này

96. Vì còn có những cách khác để xác định "ý nghĩa số học"…

chúng được ẩn trong số mười, hay ba chu kỳ gồm ba giai đoạn nhỏ hơn, mỗi chu kỳ thành

nine, and one synthesising period, leading up to the consummation of one period within the greater cycle;

chín, và một giai đoạn tổng hợp, dẫn đến sự hoàn tất của một giai đoạn trong chu kỳ lớn hơn;

97. With respect to the egoic lotus, we can be fairly certain that the consummating period of which DK speaks, according as it does with the number 10, is that following the third initiation and leading to the fourth initiation.

97. Đối với Hoa Sen Chân Ngã, chúng ta có thể khá chắc chắn rằng giai đoạn hoàn tất mà Chân sư DK nói đến, vì nó liên hệ với số 10, là giai đoạn theo sau lần điểm đạo thứ ba và dẫn đến lần điểm đạo thứ tư.

98. When it comes to the unfoldment of the egoic lotus, the "three lesser periods", though each indicated by the number 30, are not (actually in time and space) of equal duration.

98. Khi nói đến sự khai mở của Hoa Sen Chân Ngã, "ba giai đoạn nhỏ hơn", dù mỗi giai đoạn đều được chỉ bằng số 30, không có thời lượng bằng nhau (trong thời gian và không gian thực tế).

this is signified by the ten of relative perfection.[63,64] [64: S. D., I, 214; II, 393, 445, 446.]

điều này được biểu thị bằng số mười của sự toàn thiện tương đối.63,64 [64: S. D., I, 214; II, 393, 445, 446.]

99. Here the number ten is called a number of "relative perfection". Elsewhere the number seven is associated with relative perfection and ten is considered the number of perfection:

99. Ở đây số mười được gọi là con số của "sự toàn thiện tương đối". Ở nơi khác, số bảy được liên kết với sự toàn thiện tương đối và mười được xem là con số của sự toàn thiện:

These, with the totality of manifestation or the Whole, **produce the ten (10) of perfect manifestation of the perfect MAN**. (TCF 4)

Những điều này, cùng với toàn thể biểu hiện hay Toàn Thể, **tạo ra số mười (10) của sự biểu hiện hoàn hảo của CON NGƯỜI hoàn hảo**. (TCF 4)

c. A man contains within himself three major principles,—will, love-wisdom, active intelligence or adaptability—and their differentiation into the seven principles. **These, making the eventual ten of perfected manifestation**,...(TCF 248)

c. Một con người chứa trong chính mình ba nguyên khí chính,—ý chí, bác ái-minh triết, trí tuệ linh hoạt hay khả năng thích ứng—và sự biến phân của chúng thành bảy nguyên khí. **Những điều này, tạo thành số mười cuối cùng của sự biểu hiện đã được hoàn thiện**,...(TCF 248)

c. The solar plexus centre and the heart, in which **the ten of the perfect man** in this

c. Trung tâm tùng thái dương và tim, trong đó **số mười của con người hoàn hảo** trong

solar system is lost in the consummated twelve. (TWM 87)

hệ mặt trời này bị mất đi trong số mười hai đã được hoàn tất. (TWM 87)

The five centres with their forty-eight petals are synthesised therefore into the two-petalled lotus, and then we have forty-eight plus two equals fifty, the number of the perfected personality, for five is the number of man and ten is that of perfection. (TWM 199)

Năm trung tâm với bốn mươi tám cánh hoa của chúng do đó được tổng hợp vào hoa sen hai cánh, và khi ấy chúng ta có bốn mươi tám cộng hai bằng năm mươi, con số của phàm ngã đã được hoàn thiện, vì năm là con số của con người và mười là con số của sự toàn thiện. (TWM 199)

FOOTNOTE 63: The Number 10.—See S. D., I, 125, 126.

CHÚ THÍCH 63: Số 10.—Xem S. D., I, 125, 126.

1. The three, enclosed within the circle are the sacred Four.

1. Bộ ba, được bao bọc trong vòng tròn, là Bộ Bốn thiêng liêng.

100. The circle is the circle of synthesis. With respect to the Tetraktys, the four are the ten.

100. Vòng tròn là vòng tròn tổng hợp. Đối với Tetraktys, bốn là mười.

a. Adi-Sanat, the Number, Unity.

a. Adi-Sanat, Con Số, Hợp Nhất.

101. Adi is the first plane, representing the Father aspect, the first aspect.

101. Adi là cõi thứ nhất, biểu thị phương diện Cha, phương diện thứ nhất.

102. Interestingly, the name “Sanat” sums to 55 or 10 or 1.

102. Điều thú vị là tên “Sanat” cộng lại thành 55 hay 10 hay 1.

The Logos, or the One in physical incarnation. God and man function as unities on their respective physical planes.

Logos, hay Đấng Duy Nhất trong nhập thể hồng trần. Thượng đế và con người hoạt động như những hợp nhất trên các cõi hồng trần tương ứng của mình.

103. For man, the physical plane consists of the three lowest systemic subplanes.

103. Đối với con người, cõi hồng trần gồm ba cõi phụ thấp nhất của hệ.

104. For the Logos, the physical plane consists of the twenty-one lowest systemic subplanes.

104. Đối với Logos, cõi hồng trần gồm hai mươi mốt cõi phụ thấp nhất của hệ.

b. The Voice of the Word, the Numbers, for He is one and nine. The second aspect. The embodied Idea. Consciousness.

105. The nine may be considered as consciousness or the embodied idea.

106. There are nine initiations or states of consciousness.

107. In the system we use for enumeration, there are but nine numbers. The zero cannot be considered a number and the number ten is but the number one, again.

108. Vishnu is the Divine Singer and can be correlated with the "Voice" of the "Word" (considering the Word as the first aspect). The "Word" or "WORD" can be correlated with respect to either the first or second aspect. In the appearance of the aspects, Sound precedes Light.

c. The formless Square,

109. Form and matter are distinct. Matter is formless unless magnetized by the formative powers of the second aspect.

110. It is the "Square" because it is of four varieties: dense physical, etheric, astral and lower mental. Yet, without the structuring powers of that which produces form, this matter will remain formless.

the matter aspect, substance and form. Limitation.

111. Substance can be equated with matter, but not with form. That which substands is

b. Tiếng Nói của Linh từ, các Con Số, vì Ngài là một và chín. Phương diện thứ hai. Ý Tưởng nhập thể. Tâm thức.

105. Số chín có thể được xem là tâm thức hay ý tưởng nhập thể.

106. Có chín lần điểm đạo hay chín trạng thái tâm thức.

107. Trong hệ thống chúng ta dùng để đếm, chỉ có chín con số. Số không không thể được xem là một con số và số mười chỉ là số một, một lần nữa.

108. Vishnu là Đấng Ca Xướng thiêng liêng và có thể được tương liên với "Tiếng Nói" của "Linh từ" (nếu xem Linh từ là phương diện thứ nhất). "Linh từ" hay "WORD" có thể được tương liên với cả phương diện thứ nhất lẫn thứ hai. Trong sự xuất hiện của các phương diện, Âm thanh đi trước Ánh sáng.

c. Hình Vuông vô tướng,

109. Hình tướng và vật chất là khác nhau. Vật chất là vô tướng trừ phi được từ hóa bởi các quyền năng tạo hình của phương diện thứ hai.

110. Nó là "Hình Vuông" vì có bốn loại: hồng trần đậm đặc, dĩ thái, cảm dục và hạ trí. Tuy nhiên, nếu không có các quyền năng cấu trúc của cái tạo ra hình tướng, vật chất này sẽ vẫn vô tướng.

phương diện vật chất, chất liệu và hình tướng. Sự giới hạn.

111. Chất liệu có thể được đồng nhất với vật chất, nhưng không phải với hình tướng. Cái

substance. That which is 'substanded' (or 'substood') is matter.

nâng đỡ bên dưới là chất liệu. Cái được 'nâng đỡ bên dưới' (hay 'substood') là vật chất.

Trace these out in connection with:—

Hãy truy xét những điều này trong liên hệ với:—

a. A solar Logos informing a solar system.

a. Một Thái dương Thượng đế thấm nhuần một hệ mặt trời.

b. A planetary Logos, informing a planetary scheme.

b. Một Hành Tinh Thượng Đế, thấm nhuần một hệ hành tinh.

c. Man, informing his bodies of manifestation.

c. Con người, thấm nhuần các thể biểu hiện của mình.

112. For a human being, the form-making power resides upon the etheric subplanes. Dense matter is of the lower three systemic subplanes.

112. Đối với một con người, quyền năng tạo hình cư ngụ trên các cõi phụ dĩ thái. Vật chất đậm đặc thuộc về ba cõi phụ thấp hơn của hệ.

113. For a Solar Logos, matter is of the lower twenty-one systemic subplanes, and the formative potencies reside upon the cosmic ethers.

113. Đối với một Thái dương Thượng đế, vật chất thuộc về hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn của hệ, và các tiềm năng tạo hình cư ngụ trên các dĩ thái vũ trụ.

114. For a Planetary Logos, matter is definitely of the lowest eighteen systemic subplanes, and the realm of the Ego on the higher mental plane may be considered a field wherefrom formative potencies are expressed. All cosmic ethers except the logoic plane are also formative for a Planetary Logos:

114. Đối với một Hành Tinh Thượng Đế, vật chất chắc chắn thuộc về mười tám cõi phụ thấp nhất của hệ, và lĩnh vực của chân ngã trên Cõi thượng trí có thể được xem là một trường từ đó các tiềm năng tạo hình được biểu lộ. Tất cả các dĩ thái vũ trụ ngoại trừ cõi logoic cũng đều có tính tạo hình đối với một Hành Tinh Thượng Đế:

2. The ten are the arupa universe.

2. Mười là vũ trụ arupa.

115. "Arupa" is a relative term.

115. "Arupa" là một thuật ngữ tương đối.

116. Seven is a number often associated with rupa and three 'above' the seven (thus making ten) with the concept of arupa.

116. Bảy là một con số thường được liên kết với rupa và ba số 'ở trên' bảy (như vậy thành mười) với khái niệm arupa.

117. Principles are formative. That which is unprincipled is not form-bestowing but, rather, is formed.

117. Các nguyên khí có tính tạo hình. Cái không có nguyên khí thì không ban hình tướng mà đúng hơn là được tạo hình.

The emphasis here is laid upon the subjective Lives, or the Intelligent Consciousness within the forms.

Ở đây trọng tâm được đặt vào các Sự Sống chủ quan, hay Tâm thức Trí Tuệ bên trong các hình tướng.

118. Consciousness is subjective. Forms are objective.

118. Tâm thức là chủ quan. Hình tướng là khách quan.

These ten might be called:—

Mười điều này có thể được gọi là:—

I. The first LogosShivaFatherWill.

I. LogosShivaFatherWill đầu tiên.

119. We can associate Shiva with the logoic plane.

119. Chúng ta có thể liên kết Shiva với cõi logoic.

II. The second LogosVishnuSonLove-wisdom.

II. LogosVishnuSonLove-minh triết thứ hai.

120. We can associate Vishnu with the monadic plane.

120. Chúng ta có thể liên kết Vishnu với cõi chân thần.

III. The third LogosBrahmaHoly GhostIntelligence - overshadowing Matter, Mother.

III. LogosBrahmaHoly GhostIntelligence thứ ba - phủ bóng lên Vật chất, Mẹ.

121. We can associate Brahma with the five lowest systemic planes, two of which are cosmic ethers and three of which are dense physical subplanes to the Solar Logos.

121. Chúng ta có thể liên kết Brahma với năm cõi thấp nhất của hệ, trong đó hai cõi là các dĩ thái vũ trụ và ba cõi là các cõi phụ hồng trần đậm đặc đối với Thái dương Thượng đế.

122. We note that three hover ‘above’ the seven.

122. Chúng ta lưu ý rằng ba số lơ lửng ‘trên’ bảy.

123. Whenever considering seven planes, we must wonder whether there should not be ten.

123. Mỗi khi xét đến bảy cõi, chúng ta phải tự hỏi liệu có nên là mười hay không.

124. Each of these subsidiary seven Ray Lords are definitely connected with each of the seven systemic planes.

124. Mỗi một trong bảy Đấng Chúa Tể Cung phụ này chắc chắn được nối kết với mỗi một trong bảy cõi của hệ.

125. The use of the word "Cosmic" suggests Planetary Logoi Who are *cosmic* Beings. DK often describes Them as such—not just *systemic* Beings. They are, however, not greater than the Three Logoi, Who are subsidiary Entities (immediately subsidiary) to our Solar Logos. Note that the Three Logoi are not called, in this case, *Cosmic* Logoi—a name reserved for an Entity with seven Solar Logoi as His major chakras.

125. Việc dùng từ "Vũ Trụ" gợi ý đến các Hành Tinh Thượng Đế là những Hữu thể *vũ trụ*. Chân sư DK thường mô tả Các Ngài như thế—không chỉ là những Hữu thể *của hệ*. Tuy nhiên, Các Ngài không lớn hơn Ba Logos, là những Thực Thể phụ thuộc (phụ thuộc trực tiếp) vào Thái dương Thượng đế của chúng ta. Lưu ý rằng Ba Logos trong trường hợp này không được gọi là các *Logos Vũ Trụ* —một danh xưng dành riêng cho một Thực Thể có bảy Thái dương Thượng đế là các luân xa chính của Ngài.

1. The Lord of Cosmic WillFirst Ray.

1. Chúa Tể của Ý Chí Vũ TrụCung một.

2. The Lord of Cosmic LoveSecond Ray.

2. Chúa Tể của Bác Ái Vũ TrụCung hai.

3. The Lord of Cosmic IntelligenceThird Ray.

3. Chúa Tể của Trí Tuệ Vũ TrụCung ba.

4. The Lord of Cosmic HarmonyFourth Ray.

4. Chúa Tể của Hài Hòa Vũ TrụCung bốn.

5. The Lord of Cosmic KnowledgeFifth Ray.

5. Chúa Tể của Tri Thức Vũ TrụCung năm.

6. The Lord of Cosmic DevotionSixth Ray.

6. Chúa Tể của Sùng Tín Vũ TrụCung sáu.

7. The Lord of Cosmic CeremonialSeventh Ray.

7. Chúa Tể của Nghi Lễ Vũ TrụCung bảy.

They are the subjective consciousness, the cause of manifestation.

Các Ngài là tâm thức chủ quan, nguyên nhân của biểu hiện.

126. We are speaking of the Ray Lords as great Entities Who are the subjective Consciousnesses within planetary forms.

126. Chúng ta đang nói về các Đấng Chúa Tể Cung như những Thực Thể vĩ đại là các Tâm thức chủ quan bên trong các hình tướng hành tinh.

127. If we consider this enumeration carefully, we would find ourselves adding the Solar Logos as the eleventh member of the group.

127. Nếu xem xét cách liệt kê này cẩn thận, chúng ta sẽ thấy mình thêm Thái dương Thượng đế như thành viên thứ mười một của nhóm.

128. We now return to a consideration of the human being unfolding the second tier of petals.

128. Giờ đây chúng ta quay lại việc xem xét con người đang khai mở tầng cánh hoa thứ hai.

The interplay between kamic impulse and manasic energy

Sự tương tác giữa xung lực kamic và năng lượng manas

129. We are speaking here of kama-manas—a quality of energy related to Venus (which is planet most conditioning the second tier, whereas Mars conditions the first and Mercury the third).

129. Ở đây chúng ta đang nói về kama-manas—một phẩm tính năng lượng liên hệ với Sao Kim (là hành tinh tác động nhiều nhất lên tầng thứ hai, trong khi Sao Hỏa tác động lên tầng thứ nhất và Sao Thủy lên tầng thứ ba).

has produced a realisation within the consciousness of the Ego of that [Page 828] which he has learned within the two Halls;

đã tạo ra một sự chứng nghiệm trong tâm thức của chân ngã về điều [Page 828] mà y đã học được trong hai Phòng;

130. We are speaking of the Hall of Ignorance and the Hall of Learning.

130. Chúng ta đang nói về Phòng Vô Minh và Phòng Hiểu Biết.

131. Manas has entered into the life of the individual working upon the second tier, but not as fully as it will during work upon the third tier.

131. Manas đã đi vào đời sống của cá nhân đang làm việc trên tầng thứ hai, nhưng chưa trọn vẹn như sẽ xảy ra trong khi làm việc trên tầng thứ ba.

132. Mind and desire functioning together have conferred a degree of psychological realization (not available during first tier processes).

132. Trí tuệ và dục vọng cùng hoạt động đã ban cho một mức độ chứng nghiệm tâm lý (không có được trong các tiến trình của tầng thứ nhất).

133. The Ego (here, the man in incarnation) is no longer ignorant of himself as a dual being. He has the sense of gathered faculty and of expanding consciousness.

133. Chân ngã (ở đây là con người đang lâm phàm) không còn vô minh về chính mình như một hữu thể nhị nguyên nữa. Y có cảm nhận về năng lực được tập hợp và về tâm thức đang mở rộng.

134. The Ego-as-the-personality has become increasingly *Self*-aware *and self*-aware.

134. Chân ngã-trong-vai-trò-phàm ngã đã ngày càng ý thức về *Bản Ngã và bản thân* hơn.

the outer circle of petals is unfolded, and the central ring is ready to open.

vòng cánh hoa bên ngoài đã khai mở, và vòng trung tâm đã sẵn sàng mở ra.

135. Organizational and vitalizing work has been done upon the second tier of petals or it would not be ready to open.

135. Công việc tổ chức và tiếp sinh lực đã được thực hiện trên tầng cánh hoa thứ hai, nếu không nó đã không sẵn sàng để khai mở.

136. If the outer circle of petals is completely unfolded, the man stands upon the Probationary Path, for definite work is being done within the fifth petal.

136. Nếu vòng cánh hoa bên ngoài hoàn toàn khai mở, con người đứng trên Con Đường Dự Bị, vì công việc xác định đang được thực hiện trong cánh hoa thứ năm.

137. When the outer circle of petals is completely *unified*—three as one and one as three—petals within the central ring are opening.

137. Khi vòng cánh hoa bên ngoài hoàn toàn *hợp nhất*—ba là một và một là ba—thì các cánh hoa trong vòng trung tâm đang khai mở.

138. When the outer circle of petals becomes activated in a new way, revolving as a unit and capable of being interactive within the second tier (when that tier is fully integrated, unified and activated in a new way) the man is an initiate of the first degree.

138. Khi vòng cánh hoa bên ngoài được hoạt hóa theo một cách mới, quay như một đơn vị và có khả năng tương tác trong tầng thứ hai (khi tầng ấy được tích hợp hoàn toàn, hợp nhất và hoạt hóa theo một cách mới), con người là một điểm đạo đồ bậc một.

139. Until the fifth petal within the second tier is *fully* open, there can be no first initiation. When the fifth petal is ready to open but is not open, we can assume that the man is passing through phases of experience which proceed the first initiation —namely the Path of Probation.

139. Chừng nào cánh hoa thứ năm trong tầng thứ hai chưa *hoàn toàn* mở ra, thì chưa thể có lần điểm đạo thứ nhất. Khi cánh hoa thứ năm đã sẵn sàng mở ra nhưng chưa mở, chúng ta có thể giả định rằng con người đang trải qua các giai đoạn kinh nghiệm đi trước lần điểm đạo thứ nhất—tức là Con Đường Dự Bị.

Third. The 7 incarnations. These are those passed upon the Probationary Path.

Thứ ba. 7 lần nhập thể. Đây là những lần được trải qua trên Con Đường Dự Bị.

140. This is clear. The "7 incarnations" are not passed upon the Path of Initiation (nor on the Path of *Probationary* Initiation).

140. Điều này rõ ràng. "7 lần nhập thể" không được trải qua trên Con Đường Điểm Đạo (cũng không trên Con Đường của *Điểm Đạo Dự Bị*).

141. In this context, we can infer that the Probationary Path begins *before* the first initiation even though, on some occasions, anyone who is not an accepted disciple is called probationary disciple, and the stage of accepted discipleship almost always follows the first initiation.

141. Trong bối cảnh này, chúng ta có thể suy ra rằng Con Đường Dự Bị bắt đầu *trước* lần điểm đạo thứ nhất, dù rằng trong một số trường hợp, bất kỳ ai chưa là đệ tử được chấp nhận đều được gọi là đệ tử dự bị, và giai đoạn địa vị đệ tử được chấp nhận hầu như luôn theo sau lần điểm đạo thứ nhất.

142. When there is full unfoldment of the fifth petal (at the first degree), there is at least some unfoldment of the seventh (and thus, naturally, a considerable degree of unfoldment of the sixth).

142. Khi có sự khai mở trọn vẹn của cánh hoa thứ năm (ở cấp độ thứ nhất), thì ít nhất cũng có một mức độ khai mở nào đó của cánh hoa thứ bảy (và do đó, một cách tự nhiên, là một mức độ khai mở đáng kể của cánh hoa thứ sáu).

143. When there is organization and vitalizing *work* upon the later fifth and also upon the sixth petal (but prior to their unfoldment) the man is upon the Path of Probation.

143. Khi có sự tổ chức và tiếp sinh lực cho *công việc* trên cánh hoa thứ năm về sau và cả cánh hoa thứ sáu nữa (nhưng trước khi chúng khai mở), con người đang ở trên Con Đường Dự Bị.

144. When there is full unfoldment of the second tier, and the complete unification of that tier and its rotation as a unit, then the second initiation is being taken. And this will coincide with at least some unfoldment of the eighth petal.

144. Khi có sự khai mở trọn vẹn của vòng thứ hai, và sự hợp nhất hoàn toàn của vòng ấy cùng sự quay của nó như một đơn vị, thì lần điểm đạo thứ hai đang được tiếp nhận. Và điều này sẽ trùng hợp với ít nhất một mức độ khai mở nào đó của cánh hoa thứ tám.

This is an interesting period in which certain things are effected which might be described in the following terms:

Đây là một giai đoạn lý thú trong đó một số điều được thực hiện, có thể được mô tả bằng những thuật ngữ sau đây:

The two outer rings of petals are stimulated in a new and special sense through the conscious act of the probationary disciple.

Hai vòng cánh hoa bên ngoài được kích thích theo một ý nghĩa mới mẻ và đặc biệt thông qua hành vi có ý thức của đệ tử dựbị.

145. This stimulation in a "new and special sense" deserves attention.

145. Sự kích thích theo một "ý nghĩa mới mẻ và đặc biệt" này đáng được lưu ý.

146. We note that even the first tier of petals is thus stimulated. In other words, the outer ring is still receiving stimulation during the period of probationary discipleship. This is important to realize. The man continues to improve his skill in relation to the outer world.

146. Chúng ta lưu ý rằng ngay cả vòng cánh hoa thứ nhất cũng được kích thích như vậy. Nói cách khác, vòng ngoài vẫn đang tiếp nhận sự kích thích trong thời kỳ địa vị đệ tử dự bị. Điều này rất quan trọng cần chứng nghiệm. Con người tiếp tục cải thiện kỹ năng của mình trong mối liên hệ với thế giới bên ngoài.

147. At this period, however, the outer tier is in a condition of much fuller unfoldment than the second tier.

147. Tuy nhiên, vào giai đoạn này, vòng ngoài ở trong tình trạng khai mở đầy đủ hơn nhiều so với vòng thứ hai.

Much of the work hitherto has been pursued under the ordinary laws of evolution and has been unconscious.

Phần lớn công việc cho đến nay đã được theo đuổi dưới các định luật thông thường của tiến hoá và đã là vôthức.

148. The work of unfoldment is not undertaken by the man. The energy of the Second Logos and of the Solar Angel is responsible for earlier unfoldments.

148. Công việc khai mở không do con người đảm nhận. Năng lượng của Thượng đế thứ hai và của Thái dương Thiên Thần chịu trách nhiệm cho những sự khai mở trước đó.

149. Now the stimulation of petals (and even of tiers of petals) is a "conscious act of the probationary disciple".

149. Giờ đây sự kích thích các cánh hoa (và ngay cả các vòng cánh hoa) là một hành vi "có ý thức của đệ tử dự bị".

150. We may find that we have to discriminate between activity upon the Path of Probation (which aspirants can tread) and the Path of Probationary Discipleship—with this latter path signaling a higher type of activity. We may remember that, technically, on is a probationary disciple until one is an accepted disciple, and so it is possible to continue the Path of Probationary Discipleship *after* the first initiation. We have to study context very carefully to see if and when this is indicated.

150. Chúng ta có thể thấy rằng mình phải phân biện giữa hoạt động trên Con Đường Dự Bị (mà những người chí nguyện có thể bước đi) và Con Đường của Địa Vị Đệ Tử Dự Bị—trong đó con đường sau này báo hiệu một loại hoạt động cao hơn. Chúng ta có thể nhớ rằng, về mặt kỹ thuật, một người là đệ tử dự bị cho đến khi trở thành đệ tử được chấp nhận, và vì vậy có thể tiếp tục Con Đường của Địa Vị Đệ Tử Dự Bị *sau* lần điểm đạo thứ nhất. Chúng ta phải nghiên cứu ngữ cảnh thật cẩn thận để thấy liệu và khi nào điều này được chỉ ra.

151. We are presently discussing that which occurs on the Path of Probationary Discipleship.

151. Hiện nay chúng ta đang bàn đến điều xảy ra trên Con Đường của Địa Vị Đệ Tử Dự Bị.

Now

Giờ đây

152. This "now" presumably refers to the period, of or immediately preceding, the first initiation.

152. "Giờ đây" này hẳn là nói đến giai đoạn của, hoặc ngay trước, lần điểm đạo thứ nhất.

all that changes as the mental body becomes active,

mọi điều đều thay đổi khi thể trí trở nên hoạt động,

153. If the mental body becomes active, then there will be organization and vitalization occurring in the petals associated with the mental body—the petals of sacrifice (for the mental plane).

153. Nếu thể trí trở nên hoạt động, thì sẽ có sự tổ chức và tiếp sinh lực diễn ra trong các cánh hoa liên kết với thể trí—các cánh hoa hi sinh (đối với cõi trí).

and two of the will petals are co-ordinated, and one "awakes" vitality and unfolds.

và hai cánh hoa ý chí được phối hợp, và một cánh "đánh thức" sinh lực và khai mở.

154. We have to study what is here said very carefully:

154. Chúng ta phải nghiên cứu thật cẩn thận điều được nói ở đây:

a. Does it mean that all three will petals are stimulated in such a way that two of them are coordinated and one of them "awakes" vitality and unfolds?

a. Điều đó có nghĩa là cả ba cánh hoa ý chí đều được kích thích theo cách mà hai cánh trong số đó được phối hợp và một cánh trong số đó "đánh thức" sinh lực và khai mở chăng?

b. Or does it mean that *only* two petals are stimulated, one of which becomes coordinated and the other of which "awakes vitality and unfolds"?

b. Hay điều đó có nghĩa là *chỉ* có hai cánh hoa được kích thích, trong đó một cánh trở nên được phối hợp và cánh kia thì "đánh thức sinh lực và khai mở"?

c. If the first option is true, then the two that are coordinated are the eighth and ninth petals, with the seventh petal awakening vitality and unfolding. This would be suitable at the first initiation which

c. Nếu phương án thứ nhất là đúng, thì hai cánh được phối hợp là cánh hoa thứ tám và thứ chín, còn cánh hoa thứ bảy đánh thức sinh lực và khai mở. Điều này sẽ thích hợp

certainly requires the activation of the mental vehicle.

với lần điểm đạo thứ nhất, vốn chắc chắn đòi hỏi sự hoạt hóa của vận cụ trí tuệ.

d. We can see here that if "awakes vitality" means the same as "vitalisation", then the stage of vitalization truly precedes unfoldment.

d. Ở đây chúng ta có thể thấy rằng nếu "đánh thức sinh lực" có nghĩa giống như "tiếp sinh lực", thì giai đoạn tiếp sinh lực quả thật đi trước sự khai mở.

The **fire or energy from these two rings begins to circulate along the atomic triangle** and when this is the case it marks a very momentous epoch;

Lửa hay năng lượng từ hai vòng này bắt đầu lưu chuyển dọc theo tam giác nguyên tử và khi điều này xảy ra, nó đánh dấu một thời kỳ cực kỳ trọng đại;

155. Two tiers are specially stimulated and the fire from them circulates along the atomic triangle.

155. Hai vòng được kích thích đặc biệt và lửa từ chúng lưu chuyển dọc theo tam giác nguyên tử.

156. We have to decide whether the stage discussed immediately above—the circulation of the energy in the atomic triangle—is the same as or precedes the following:

156. Chúng ta phải quyết định xem giai đoạn vừa được bàn đến ngay trên đây—sự lưu chuyển của năng lượng trong tam giác nguyên tử—có phải là cùng một điều hay đi trước điều sau đây:

Each circle of petals becomes, as evolution proceeds, likewise active, and revolves around the central Jewel, so that we have, not only the activity of the petals, not only the activity of the living points or the deva lives within the petal circumference, but likewise **the unified activity of each tier of the threefold lotus.** (TCF 1118)

Mỗi vòng cánh hoa, khi tiến hoá tiếp diễn, cũng trở nên hoạt động và quay quanh Bảo Châu trung tâm, để chúng ta không chỉ có hoạt động của các cánh hoa, không chỉ có hoạt động của các điểm sống hay các sự sống thiên thần bên trong chu vi cánh hoa, mà còn có cả **hoạt động hợp nhất của mỗi vòng trong hoa sen tam phân.** (TCF 1118)

157. When we finally achieve a "unified activity" of a specific tier, does it represent an initiation?

157. Khi cuối cùng chúng ta đạt được một "hoạt động hợp nhất" của một vòng cụ thể, điều đó có biểu thị một lần điểm đạo không?

158. When the first tier not only unfolds, not only integrates, but demonstrates a unified rotary activity around the central nucleus, does that represent the first initiation?

158. Khi vòng thứ nhất không chỉ khai mở, không chỉ tích hợp, mà còn biểu lộ một hoạt động quay hợp nhất quanh hạt nhân trung tâm, điều đó có biểu thị lần điểm đạo thứ nhất không?

159. When the second tier begins *its* unified activity, does it do so in conjunction with the first tier; do they rotate together and does that dual rotation indicate the second initiation?

159. Khi vòng thứ hai bắt đầu hoạt động hợp nhất *của nó*, nó có làm như vậy cùng với vòng thứ nhất không; chúng có quay cùng nhau không và sự quay kép ấy có chỉ ra lần điểm đạo thứ hai không?

160. And so for the third tier, when it achieves not only unfoldment and integration but *integrated activity*?

160. Và cũng vậy đối với vòng thứ ba, khi nó đạt được không chỉ sự khai mở và sự tích hợp mà còn cả *hoạt động tích hợp*?

161. There is much to recommend the value of such thoughts.

161. Có rất nhiều điều khiến những tư tưởng như thế có giá trị đáng kể.

a dual work has been consummated in the personal lower life and in the egoic:

một công việc kép đã được hoàntất trong đời sống thấp của phàm ngã và trong chân ngã:

162. But, perhaps, for purposes of this discussion, we are not yet at that point at which any tier of petals in revolving around the center.

162. Nhưng có lẽ, vì mục đích của cuộc thảo luận này, chúng ta vẫn chưa đến điểm mà tại đó bất kỳ vòng cánh hoa nào quay quanh trung tâm.

163. We do not know for certain whether such revolution occurs at each initiation, but it is an attractive hypothesis.

163. Chúng ta không biết chắc liệu sự quay như vậy có xảy ra ở mỗi lần điểm đạo hay không, nhưng đó là một giả thuyết hấp dẫn.

164. By examining the dual work which has been consummated in the lotus when the fire begins to circulate through the atomic triangle, we will learn more about whether or not we are now discussing a phase preceding the first initiation.

164. Bằng cách khảo sát công việc kép đã được hoàn tất trong hoa sen khi lửa bắt đầu lưu chuyển qua tam giác nguyên tử, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn liệu hiện nay chúng ta có đang bàn đến một giai đoạn đi trước lần điểm đạo thứ nhất hay không.

a. The permanent atoms have the four lower spirillae fully active (two groups of two each) and the fifth is in process of arousement into equal activity.

a. Các nguyên tử trường tồn có bốn loa tuyến thấp hoạt động hoàn toàn (mỗi nhóm hai loa tuyến) và loa tuyến thứ năm đang trong tiến trình được đánh thức để đạt đến hoạt động ngang bằng.

165. DK seems to be telling us that the spirillae function in pairs—i.e., in groups of two.

165. DK dường như đang cho chúng ta biết rằng các loa tuyến vận hành theo từng cặp—tức là theo nhóm hai.

166. At this stage we are either rapidly approaching entry into the Kingdom of God or have entered. Hence, the arousement into equal activity of the fifth petal.

166. Ở giai đoạn này, chúng ta hoặc đang nhanh chóng tiến gần đến việc bước vào Thiên Giới hoặc đã bước vào rồi. Do đó, có sự đánh thức để đạt đến hoạt động ngang bằng của cánh hoa thứ năm.

The **triangle is in circulatory action but has not yet achieved its full brightness nor its rotary or fourth dimensional revolution.**

Tam giác đang ở trong hoạt động lưu chuyển nhưng chưa đạt đến độ sáng trọn vẹn cũng như sự quay hay cuộc cách mạng bốn chiều của nó.

167. The circulatory action within the atomic triangle is significant but not full.

167. Hoạt động lưu chuyển bên trong tam giác nguyên tử là quan trọng nhưng chưa trọn vẹn.

a. It has not achieved full brightness

a. Nó chưa đạt đến độ sáng trọn vẹn

b. It has not achieved its rotary, fourth dimensional revolution

b. Nó chưa đạt đến sự quay, cuộc cách mạng bốn chiều của nó

b. The two circles of petals are "awake," one being wide open and the other on the verge of opening.

b. Hai vòng cánh hoa đều “thức tỉnh”, một vòng mở rộng hoàn toàn và vòng kia ở bên bờ mở ra.

168. If the circles are “awake” they are vitalized, which, as presented in these pages, is a step beyond organization.

168. Nếu các vòng là “thức tỉnh” thì chúng đã được tiếp sinh lực, mà như được trình bày trong những trang này, là một bước vượt quá sự tổ chức.

169. It does appear that, although petals open one by one, as a tier, they open *fully* all together.

169. Quả thật dường như, mặc dù các cánh hoa mở ra từng cái một, nhưng với tư cách một vòng, chúng mở ra *trọn vẹn* cùng nhau.

Thus in the life of the probationer two aspects of the divine life are making themselves apparent,

Vì vậy trong đời sống của người dự bị, hai phương diện của sự sống thiêng liêng đang tự biểu lộ,

170. The knowledge aspect and the love aspect—both expressed through the personality form…

170. phương diện tri thức và phương diện bác ái—cả hai đều được biểu lộ qua hình tướng phàm ngã…

and though as yet much remains to be done,

171. The awakening of the sacrifice petals…

nevertheless when the inner circle of petals is awakened—through the instrumentality of the curious and abnormal process of initiation—the remaining aspect will be brought into similar prominence, and produce the perfected man in the three [Page 829] worlds. Thus is the work of the Solar Pitris consummated.

172. This is one of the most important paragraphs for the understanding of the egoic lotus.

173. How are the inner circle of petals awakened? Let us tabulate for clarity.

a. Through the curious and abnormal process of initiation. (That is all that is given here, but also…

b. …by the strenuous and abnormal efforts of the man himself, aided by the electrical work of the Initiator, wielding the Rod of Power. (TCF 825)

174. The perfected man seems related to the unfolding of all nine petals, but really true perfection must extend to the unfolding of the twelve.

The fact of the abnormality of the process of initiation must here be emphasised.

175. Initiation is not for one and all. Many human beings will grow naturally without participation in the abnormal process of

và dù hiện vẫn còn nhiều điều phải làm,

171. sự thức tỉnh của các cánh hoa hi sinh…

tuy nhiên khi vòng cánh hoa bên trong được đánh thức—thông qua công cụ của tiến trình kỳ lạ và bất thường của điểm đạo—thì phương diện còn lại sẽ được đưa vào sự nổi bật tương tự, và tạo ra con người hoàn thiện trong ba [Page 829] cõi giới. Như thế công việc của các thái dương tổ phụ được hoàn tất.

172. Đây là một trong những đoạn quan trọng nhất để thấu hiểu hoa sen chân ngã.

173. Vòng cánh hoa bên trong được đánh thức như thế nào? Chúng ta hãy lập bảng cho rõ ràng.

a. Thông qua tiến trình kỳ lạ và bất thường của điểm đạo. (Đó là tất cả những gì được nêu ở đây, nhưng còn…

b. …bằng những nỗ lực mãnh liệt và bất thường của chính con người, được trợ giúp bởi công việc điện lực của Đấng Điểm đạo, sử dụng Thần Trượng Điểm đạo. (TCF 825)

174. Con người hoàn thiện dường như liên hệ với sự khai mở của cả chín cánh hoa, nhưng thật ra sự hoàn thiện chân chính phải mở rộng đến sự khai mở của mười hai cánh.

Sự kiện về tính bất thường của tiến trình điểm đạo ở đây phải được nhấn mạnh.

175. Điểm đạo không dành cho tất cả mọi người. Nhiều con người sẽ tăng trưởng một cách tự nhiên mà không tham dự vào tiến

initiation—an intervention in the life of man by certain high spiritual agencies.

trình bất thường của điểm đạo—một sự can thiệp vào đời sống con người bởi những tác nhân tinh thần cao cả nào đó.

176. Initiation is a hastening process, speeding human unfoldment. It is most necessary at this time in human development as a great failure in the past has delayed the normal process of human (and planetary) development.

176. Điểm đạo là một tiến trình thúc đẩy nhanh, gia tốc sự khai mở của con người. Điều đó rất cần thiết vào lúc này trong sự phát triển của nhân loại vì một thất bại lớn trong quá khứ đã làm chậm tiến trình bình thường của sự phát triển con người (và hành tinh).

Initiation is in the nature of a great experiment which our planetary Logos is making during this round.

Điểm đạo có bản chất của một cuộc thí nghiệm lớn mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang thực hiện trong cuộc tuần hoàn này.

177. VSK inquires: "How is it then that He refers to cosmic initiations, other entities well beyond Earth Logos only in this round?"

177. VSK hỏi: "Vậy thì làm sao mà Ngài lại đề cập đến các điểm đạo vũ trụ, các thực thể khác vượt xa Earth Logos, chỉ trong cuộc tuần hoàn này?"

178. Initiation is a *universal* process. The Logos of Sirius, for instance, is the Initiator of our Solar Logos, and so it goes.

178. Điểm đạo là một tiến trình *phổ quát*. Thượng đế của Sirius, chẳng hạn, là Đấng Điểm đạo của Thái dương Thượng đế của chúng ta, và cứ thế tiếp diễn.

179. As concerns man, his process of initiation is *planetary* in nature. Man's first five initiations are called "planetary", even though initiations three through seven are considered "solar". Thus, there is an overlap. Initiations, three, four and five are planetary as well as solar.

179. Xét về con người, tiến trình điểm đạo của y có bản chất *hành tinh*. Năm lần điểm đạo đầu tiên của con người được gọi là "hành tinh", dù rằng các lần điểm đạo từ ba đến bảy được xem là "thái dương". Vì vậy, có sự chồng lấn. Các lần điểm đạo ba, bốn và năm vừa là hành tinh vừa là thái dương.

In earlier and perhaps in later rounds the whole process will follow natural law.

Trong các cuộc tuần hoàn trước đây và có lẽ trong các cuộc tuần hoàn sau này, toàn bộ tiến trình sẽ tuân theo định luật tự nhiên.

180. There is some uncertainty here. That which will be is not yet determined. Earlier rounds, however, did not exhibit the process of initiation.

180. Ở đây có một mức độ bất định nào đó. Điều sẽ xảy ra vẫn chưa được quyết định. Tuy nhiên, các cuộc tuần hoàn trước đây không biểu lộ tiến trình điểm đạo.

181. It is also evident that the process of initiation is *not* part of the flow of natural law. This should be pondered.

181. Cũng hiển nhiên rằng tiến trình điểm đạo *không* phải là một phần của dòng chảy của định luật tự nhiên. Điều này cần được suy ngẫm.

In this round and on this chain, our planetary Logos on His high level

Trong cuộc tuần hoàn này và trên dãy này, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta trên cấp độ cao của Ngài

182. By this, we mean the cosmic mental plane…

182. Bởi điều này, chúng ta muốn nói đến cõi trí vũ trụ…

is what is esoterically called "sitting for yoga,"

đang ở trong điều được gọi một cách huyền bí là “ngồi để yoga”,

183. He is seeking a higher degree of soul-infusion.

183. Ngài đang tìm kiếm một mức độ được linh hồn thấm nhuần cao hơn.

and is definitely undergoing certain processes of training in order to stimulate His centres.

và chắc chắn đang trải qua một số tiến trình huấn luyện nào đó để kích thích các trung tâm của Ngài.

184. Given the minor and major initiations He is undergoing (cf. TCF 384), both the heart center (for the fourth *minor* initiation) and the solar plexus center (for the second *cosmic* initiation) are stimulated.

184. Xét đến các lần điểm đạo nhỏ và lớn mà Ngài đang trải qua (xem TCF 384), cả trung tâm tim (đối với lần điểm đạo *nhỏ* thứ tư) lẫn tùng thái dương (đối với lần điểm đạo *vũ trụ* thứ hai) đều được kích thích.

185. There is also a strong possibility that our particular planetary chain (the fourth) may be considered a base of the spine center as it is positioned ‘lowest’ among the chains of the Earth-scheme. Each chain is, of course, an important planetary center or chakra.

185. Cũng có một khả năng mạnh mẽ rằng dãy hành tinh riêng của chúng ta (dãy thứ tư) có thể được xem là một trung tâm đáy cột sống vì nó được đặt ở vị trí ‘thấp nhất’ trong số các dãy của hệ hành tinh Địa Cầu. Dĩ nhiên, mỗi dãy là một trung tâm hành tinh hay luân xa quan trọng.

186. Also, solar systemic kundalini is being directed towards the Earth-scheme (and presumably including that part of the Earth-scheme which corresponds to the base of the spine center of the Earth-scheme). It would seem that our particular chain and globe in the Earth-scheme are receiving a strong current of solar systemic kundalini.

186. Ngoài ra, kundalini của hệ mặt trời đang được hướng về hệ hành tinh Địa Cầu (và hẳn nhiên bao gồm phần của hệ hành tinh Địa Cầu tương ứng với trung tâm đáy cột sống của hệ hành tinh Địa Cầu). Có vẻ như dãy và bầu hành tinh riêng của chúng ta trong hệ hành tinh Địa Cầu đang tiếp nhận một dòng kundalini hệ mặt trời mạnh mẽ.

This fact is being taken advantage of by the Hierarchy on Earth to produce certain results in the races under Their guidance.

Sự kiện này đang được Thánh đoàn trên Trái Đất tận dụng để tạo ra một số kết quả trong các nhân loại dưới sự hướng dẫn của Các Ngài.

187. Are not *all* races under the guidance of the Spiritual Hierarchy? Perhaps only the members of the fourth and fifth rootraces. Those who can still be considered as members of the third rootrace are pursuing evolution without participation in the interventive process we call initiation.

187. Chẳng phải *mọi* nhân loại đều ở dưới sự hướng dẫn của Thánh đoàn tinh thần sao? Có lẽ chỉ các thành viên của giống dân gốc thứ tư và thứ năm mà thôi. Những ai vẫn còn có thể được xem là thành viên của giống dân gốc thứ ba đang theo đuổi tiến hoá mà không tham dự vào tiến trình can thiệp mà chúng ta gọi là điểm đạo.

The whole process is optional, and a man may—if he so choose—follow the normal process, and take aeons of time to effect what some are choosing to do **in a briefer period, through a self-chosen forcing process.**

Toàn bộ tiến trình là tùy chọn, và một người có thể—nếu y chọn như vậy—đi theo tiến trình bình thường, và mất những đại kiếp thời gian để thực hiện điều mà một số người đang chọn làm **trong một thời kỳ ngắn hơn, thông qua một tiến trình thúc ép do chính mình lựa chọn.**

188. The briefer period is not defined, but we can imagine that it is considerably briefer.

188. Thời kỳ ngắn hơn ấy không được xác định, nhưng chúng ta có thể hình dung rằng nó ngắn hơn đáng kể.

189. Even though the first initiation is imminent for relatively *many* human beings, far more will choose the normal process which is not initiatory.

189. Dù lần điểm đạo thứ nhất đang cận kề đối với tương đối *nhiều* con người, thì còn nhiều hơn nữa sẽ chọn tiến trình bình thường vốn không có tính điểm đạo.

190. We also see that initiation, though a forcing process, is not *forced* upon us. One cannot pass through the process of

190. Chúng ta cũng thấy rằng điểm đạo, dù là một tiến trình thúc ép, vẫn không bị *áp đặt* lên chúng ta. Không ai có thể đi qua tiến

initiation unless one *chooses* to do so and forces oneself to do so. Abnormally strenuous effort is required.

trình điểm đạo trừ phi người ấy *chọn* làm như vậy và tự thúc ép mình làm như vậy. Cần có nỗ lực mãnh liệt bất thường.

191. The obvious question for all of us: "Am I choosing to tread the Path of Initiation and am forcing myself forward accordingly?"

191. Câu hỏi hiển nhiên cho tất cả chúng ta: "Tôi có đang chọn bước đi trên Con Đường Điểm Đạo và đang tự thúc đẩy mình tiến lên tương ứng hay không?"

192. How long is an "aeon"? Perhaps an aeon can be considered a "world period" or the duration of a round as it passes through the life of a globe in a planetary chain. It is possible that a human being can evolve fully and enter the fifth kingdom of nature is the process of one round, but for quite a number, it will require two rounds.

192. Một "đại kiếp" dài bao lâu? Có lẽ một đại kiếp có thể được xem là một "thời kỳ thế giới" hay thời lượng của một cuộc tuần hoàn khi nó đi qua đời sống của một bầu hành tinh trong một dãy hành tinh. Có thể một con người có thể tiến hoá trọn vẹn và bước vào giới thứ năm của bản chất trong tiến trình của một cuộc tuần hoàn, nhưng đối với khá nhiều người, điều đó sẽ đòi hỏi hai cuộc tuần hoàn.

193. An "aeon" may also be a shorter period of time such as a Platonic Year of approximately 25,000 years.

193. Một "đại kiếp" cũng có thể là một khoảng thời gian ngắn hơn như một Năm Plato khoảng 25.000 năm.

At the termination of the 777 incarnations, a man passes through the door of initiation and enters upon a brief synthesising process,

Khi chấm dứt 777 lần nhập thể, con người đi qua cánh cửa điểm đạo và bước vào một tiến trình tổnghợp ngắn ngủi,

194. The "door of initiation" is entered as a human begins to work within the sacrifice petals of the egoic lotus.

194. "Cánh cửa điểm đạo" được bước vào khi một con người bắt đầu hoạt động trong các cánh hoa hi sinh của hoa sen chân ngã.

195. We are here reminded that initiation connotes *synthesis.*

195. Ở đây chúng ta được nhắc rằng điểm đạo hàm ý *sự tổng hợp.*

196. The 777 incarnations expire *before* the human being enters upon the Path of Initiation and so, technically, those incarnations occurring upon the Path of Initiation are not included *within* the 777 incarnations.

196. 777 lần nhập thể kết thúc *trước* khi con người bước vào Con Đường Điểm Đạo và vì vậy, về mặt kỹ thuật, những lần nhập thể xảy ra trên Con Đường Điểm Đạo không được tính *trong* 777 lần nhập thể ấy.

or a final period

197. Presumably involving solar initiations…

in which he garners the fruits of the experience in the two first halls,

198. The Hall of Ignorance and the Hall of Learning…

and transmutes knowledge into wisdom,

199. Wisdom is truly buddhi…

transforms the shadow of things seen into the energy of that which is,

200. That which *is*, is apprehended upon the levels of the spiritual triad…

and achieves the final liberation from all the lower forms which seek to hold him prisoner.

201. That liberation occurs at the fourth initiation, in the later stages of the Hall of Wisdom. If there were such a thing as the "Hall of Life", it would be entered at this point—the point of the fourth initiation.

This period of initiation itself is divided into seven stages,

202. These are the seven initiations which are discussed in many of DK's books. The last and highest two initiations (the eighth and ninth) are not mentioned in this context.

hay một giai đoạn cuối cùng

197. Hẳn là liên quan đến các điểm đạo thái dương…

trong đó y thu hoạch các hoa trái của kinh nghiệm trong hai phòng đầu tiên,

198. Phòng Vô Minh và Phòng Hiểu Biết…

và chuyển hoá trithức thành minh triết,

199. Minh triết thật sự là Bồ đề…

chuyển đổi cái bóng của những sự vật được thấy thành năng lượng của cái đang hiện hữu,

200. Cái *đang hiện hữu* được lĩnh hội trên các cấp độ của Tam Nguyên Tinh Thần…

và đạt đến sự giảithoát cuối cùng khỏi mọi hình tướng thấp đang tìm cách giam giữ y làm tù nhân.

201. Sự giải thoát ấy xảy ra ở lần điểm đạo thứ tư, trong các giai đoạn sau của Phòng Minh triết. Nếu có một điều như "Phòng Sự Sống", thì nó sẽ được bước vào tại điểm này —điểm của lần điểm đạo thứ tư.

Chính giai đoạn điểm đạo này được chia thành bảy giai đoạn,

202. Đó là bảy lần điểm đạo được bàn đến trong nhiều sách của DK. Hai lần điểm đạo cuối cùng và cao nhất (thứ tám và thứ chín) không được nhắc đến trong bối cảnh này.

but only five of these concern the evolution of the Ego,

203. Here the "Ego" simply cannot mean the causal body as that is destroyed at the fourth, whereas, here DK speaks of *five* initiations (including the initiation of Mastership).

204. The "Ego", then, is the spiritual triad. While the causal body exists we can speak of the Ego *within* the causal body. When liberation occurs at the fourth initiation, the Ego is liberated from the causal body and functions in a more unobstructed manner on its own planes—the planes of the spiritual triad.

just as the five Kumaras concern primarily the evolution of Humanity <u>in the system</u> and on this planet.

205. Humanity is (at this time) an example primarily of the third aspect. Five is the number of the Brahmic aspect and thus *five* Kumaras concern primarily the evolution of humanity.

206. This leaves open the questions of the work of the higher two Kumaras.

Thus again we have the four exoteric Kumaras, of Whom two fell, and the three esoteric, of whom One gathers the life forces of the four exoteric, making with Them the five above mentioned.

207. Seven Kumaras are mentioned.

208. It is not easy to understand whether we are speaking in a planetary sense of intra-

nhưng chỉ có năm trong số đó liên quan đến sự tiến hoá của Chân ngã,

203. Ở đây "Chân ngã" đơn giản không thể có nghĩa là thể nguyên nhân vì thể ấy bị hủy diệt ở lần điểm đạo thứ tư, trong khi ở đây DK nói đến *năm* lần điểm đạo (bao gồm điểm đạo Chân sư).

204. Vậy thì "Chân ngã" là Tam Nguyên Tinh Thần. Chừng nào thể nguyên nhân còn tồn tại, chúng ta có thể nói đến Chân ngã *bên trong* thể nguyên nhân. Khi sự giải thoát xảy ra ở lần điểm đạo thứ tư, Chân ngã được giải thoát khỏi thể nguyên nhân và hoạt động một cách ít bị cản trở hơn trên các cõi riêng của nó—các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần.

cũng như năm Kumaras chủ yếu liên quan đến sự tiến hoá của Nhân Loại <u>trong hệ thống</u> và trên hành tinh này.

205. Nhân Loại (vào lúc này) chủ yếu là một thí dụ của phương diện thứ ba. Năm là con số của phương diện Brahma và vì vậy *năm* Kumaras chủ yếu liên quan đến sự tiến hoá của nhân loại.

206. Điều này để ngỏ các câu hỏi về công việc của hai Kumaras cao hơn.

Vì vậy một lần nữa chúng ta có bốn Kumaras ngoại môn, trong số Các Ngài có hai vị sa ngã, và ba vị nộimôn, trong số Các Ngài có Một vị thu tập các lực sự sống của bốn vị ngoạimôn, cùng với Các Ngài tạo thành năm vị đã nói ở trên.

207. Bảy Kumaras được nhắc đến.

208. Không dễ hiểu liệu chúng ta đang nói theo nghĩa hành tinh về các Kumaras nội

planetary Kumaras or in a systemic sense of Planetary Ray Lords Who are greater Kumaras.

209. Apparently the lowest of the three Esoteric Kumaras (corresponding to Brahma) is the one that synthesizes the lower four.

210. The "fall" of Kumaras refers to Their ability to incarnate on planes lower than the ones on which They usually express.

211. In the following suggestions VSK equates the Kumaras here discussed with the Five Liberated Creative Hierarchies (illustrated in *Esoteric Astrology*, 34). This is justified if one examines the left side of the tabulation closely.

212. VSK offers: "This suggests the two who fell are the lowest two, which is contradictory to the *Secret Doctrine* reference (not currently located!) which suggests, if I recall, that it was the 'top two' who fell (i.e., cosmic astral subplanes 1 and 2, not 6 and 7.)"

213. VSK: "Further, the One who gathers, is either the top of the five (Pisces, on the third subplane of cosmic astral), or Taurus, the fifth ray Kumara, whose symbol seems to synthesize the five Kumaras symbol, and the fifth ray as the largest during the second system."

214. This information must be correlated with the thought that the intra-planetary Kumaras were (at least some of them) Planetary Logoi in a previous solar system. The Creative Hierarchies on the other hand emanate from the second tier of petals in the

hành tinh hay theo nghĩa hệ thống về các Đấng Chúa Tể Cung Hành Tinh là những Kumaras lớn hơn.

209. Rõ ràng vị thấp nhất trong ba Kumaras Nội Môn (tương ứng với Brahma) là vị tổng hợp bốn vị thấp hơn.

210. "Sự sa ngã" của các Kumaras nói đến khả năng của Các Ngài nhập thể trên những cõi thấp hơn các cõi mà Các Ngài thường biểu lộ.

211. Trong những gợi ý sau đây, VSK đồng nhất các Kumaras được bàn ở đây với Năm Huyền Giai Sáng Tạo Giải Thoát (được minh họa trong *Chiêm Tinh Học Nội Môn*, 34). Điều này là chính đáng nếu khảo sát kỹ phía bên trái của bảng.

212. VSK nêu: "Điều này gợi ý rằng hai vị sa ngã là hai vị thấp nhất, điều này mâu thuẫn với chỗ dẫn trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* (hiện chưa tìm ra!) vốn gợi ý, nếu tôi nhớ không lầm, rằng chính 'hai vị cao nhất' đã sa ngã (tức các cõi phụ 1 và 2 của cõi cảm dục vũ trụ, chứ không phải 6 và 7.)"

213. VSK: "Hơn nữa, Đấng thu tập hoặc là vị cao nhất trong năm vị (Song Ngư, trên cõi phụ thứ ba của cõi cảm dục vũ trụ), hoặc là Kim Ngưu, Kumara cung năm, mà biểu tượng của Ngài dường như tổng hợp biểu tượng của năm Kumaras, và cung năm là cung lớn nhất trong hệ thống thứ hai."

214. Thông tin này phải được liên hệ với tư tưởng rằng các Kumaras nội hành tinh đã từng là (ít nhất một số vị trong Các Ngài) các Hành Tinh Thượng Đế trong một hệ mặt trời trước đây. Mặt khác, các Huyền Giai Sáng Tạo phát ra từ vòng cánh hoa thứ hai trong hoa

egoic lotus of the Solar Logos. Can we say that former Planetary Logoi are "the expression of a vibration emanating from the second row of petals in the logoic Lotus on the cosmic mental plane" (TCF 1225). Perhaps. If we cannot, it will be difficult to assume that *intra*-planetary Kumaras are the liberated Creative Hierarchies. This is still more the case if we attempt to associate the Five Liberated Hierarchies with the great systemic Kumaras or Ray Lords. If, however, we are able to make this correlation successfully, we will learn something new about the relationships of Planetary Logoi to the egoic lotus of the Solar Logos.

sen chân ngã của Thái dương Thượng đế. Chúng ta có thể nói rằng các Hành Tinh Thượng Đế trước kia là "sự biểu lộ của một rung động phát ra từ hàng cánh hoa thứ hai trong Hoa Sen logoic trên cõi trí vũ trụ" (TCF 1225) không? Có lẽ. Nếu không thể, sẽ khó mà giả định rằng các Kumaras *nội* hành tinh là các Huyền Giai Sáng Tạo giải thoát. Điều này lại càng đúng hơn nếu chúng ta cố gắng liên kết Năm Huyền Giai Giải Thoát với các Kumaras hệ thống lớn hay các Đấng Chúa Tể Cung. Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể thực hiện sự tương liên này một cách thành công, chúng ta sẽ học được điều gì đó mới về các mối quan hệ của các Hành Tinh Thượng Đế với hoa sen chân ngã của Thái dương Thượng đế.

215. DK says the following of the Kumaras and Their relation to the Creative Hierarchies:

215. DK nói như sau về các Kumaras và mối liên hệ của Các Ngài với các Huyền Giai Sáng Tạo:

The statement has been made with entire accuracy that five Hierarchies out of the twelve have passed out and that seven remain. Of these seven, our human Hierarchy is the fourth, making it literally the ninth when counting the entire twelve. In **this connection it would be well to link up the statements that have been made to the effect that the five Kumaras or Heavenly Men Who definitely embody the manasic principle (or the five Rays over which the systemic correspondence to the Mahachohan presides) developed [Page 364] manas in an earlier system; They passed out of the wave of manasic influence as far as their own Nature is concerned.** (TCF 363-364)

Lời phát biểu đã được đưa ra hoàn toàn chính xác rằng năm Huyền Giai trong số mười hai đã vượt ra ngoài và bảy Huyền Giai còn lại. Trong bảy Huyền Giai này, Huyền Giai nhân loại của chúng ta là Huyền Giai thứ tư, khiến nó theo nghĩa đen là thứ chín khi tính toàn bộ mười hai. Trong **mối liên hệ này, sẽ là điều tốt nếu liên kết các phát biểu đã được đưa ra theo đó năm Kumaras hay các Đấng Thiên Nhân là những Đấng chắc chắn hiện thân nguyên khí manas (hay năm Cung mà sự tương ứng hệ thống với Đức Mahachohan chủ trì) đã phát triển [Page 364] manas trong một hệ thống trước đây; Các Ngài đã vượt ra ngoài làn sóng ảnh hưởng manas xét theo bản chất riêng của Các Ngài.** (TCF 363-364)

216. Our question is as follows: "Are we dealing here with a correspondence or an identicality?

216. Câu hỏi của chúng ta là như sau: "Ở đây chúng ta đang xử lý một sự tương ứng hay một sự đồng nhất?

217. These "five Kumaras or Heavenly Men" are Planetary Logoi and are now working upon the development of the love nature. These Planetary Kumaras *are* Kumaras of sacred planets, apparently, and, therefore, though embodying the manasic principle are no longer focussed upon manas in terms of acquisition.

217. Những "năm Kumaras hay các Đấng Thiên Nhân" này là các Hành Tinh Thượng Đế và hiện nay đang hoạt động trên sự phát triển của bản chất bác ái. Những Kumaras Hành Tinh này *là* các Kumaras của các hành tinh thiêng liêng, rõ ràng là như vậy, và do đó, dù hiện thân nguyên khí manas, Các Ngài không còn tập trung vào manas theo nghĩa thủ đắc nữa.

The student must study this question from the point of view of energy or life force, considering it from the aspect of polarity and of the mystic marriage,

Đạo sinh phải nghiên cứu câu hỏi này từ quan điểm của năng lượng hay lực sự sống, xét nó từ phương diện phân cực và hôn phối thần bí,

218. The study of cosmic electricity is required.

218. Cần phải nghiên cứu điện lực vũ trụ.

from [Page 830] the comprehension of the real meaning of the sex relation,

từ [Page 830] sự thấu hiểu ý nghĩa thực sự của quan hệ tính dục,

219. Based upon bi-polar interplay…

219. Dựa trên sự tương tác lưỡng cực…

of the meeting and merging of the pairs of opposites, and the work of the one who synthesises where every type of energy is concerned.

về sự gặp gỡ và dung hợp của các cặp đối cực, và công việc của đấng tổnghợp trong mọi trường hợp liên quan đến mọi loại năng lượng.

220. VSK suggests: "The sex relation meaning may be tied up with Gemini, and that Kumara's Desire for Duality, the sixth cosmic plane, sixth subplane—the astral subplane of the cosmic astral plane."

220. VSK gợi ý: "Ý nghĩa của quan hệ tính dục có thể gắn với Song Tử, và Dục vọng về Nhị nguyên tính của Kumara ấy, cõi vũ trụ thứ sáu, cõi phụ thứ sáu—cõi phụ cảm dục của cõi cảm dục vũ trụ."

221. VSK asks: "Could this be related to 'love love' petal?"

221. VSK hỏi: "Điều này có thể liên hệ với cánh hoa 'bác ái bác ái' không?"

For instance:

Chẳng hạn:

a. The Ego synthesises or gathers in the life forces of the fourfold lower man.

a. Chân ngã tổng hợp hay thu tập các lực sự sống của phàm nhân tứ phân.

222. VSK: "This suggests the Kumara who synthesizes is Pisces, the Third Ray Kumara, on plane 6.3 (occultly counting—from above to below)."

222. VSK: "Điều này gợi ý rằng Kumara tổng hợp là Song Ngư, Kumara Cung ba, trên cõi 6.3 (tính theo huyền bí học—từ trên xuống dưới)."

223. The fourfold lower man consists of the dense-physical, etheric, astral and lower mental man.

223. Phàm nhân tứ phân gồm con người hồng trần đậm đặc, dĩ thái, cảm dục và hạ trí.

b. The Mahachohan's Ray on Earth synthesises the life forces of the lower four. This Ray is the third subray of our planetary Ray.

b. Cung của Đức Mahachohan trên Trái Đất tổng hợp các lực sự sống của bốn cõi thấp. Cung này là cung phụ thứ ba của cung hành tinh của chúng ta.

224. VSK: "This reinforces this idea (that the third ray synthesizes the fourth, fifth, sixth and seventh rays)."

224. VSK: "Điều này củng cố ý tưởng này (rằng cung ba tổng hợp các cung bốn, năm, sáu và bảy)."

225. Our planetary ray is at this time the second, or shortly will be.

225. Cung hành tinh của chúng ta hiện nay là cung hai, hoặc chẳng bao lâu nữa sẽ là như vậy.

226. The Mahachohan's Ray is the *third.*

226. Cung của Đức Mahachohan là cung *ba.*

227. We may be speaking of the relations of the Ray Lords within Shamballa. Within Shamballa, the Third Ray Lord synthesizes the Ray Lords of Attribute.

227. Có thể chúng ta đang nói đến các mối quan hệ của các Đấng Chúa Tể Cung bên trong Shamballa. Trong Shamballa, Đấng Chúa Tể Cung ba tổng hợp các Đấng Chúa Tể Cung Thuộc Tính.

c. The third major Ray of the solar system blends the minor four.

c. Cung chính thứ ba của hệ mặt trời hòa trộn bốn cung phụ.

228. VSK: "This also: Pisces is, in this reference, the "fifth kumara', the Third Ray Kumara."

228. VSK: "Điều này cũng vậy: Song Ngư, trong chỗ dẫn này, là 'kumara thứ năm', Kumara Cung ba."

d. The fifth Kumara blends and unites in Himself the work of the lower four.

d. Kumara thứ năm hòa trộn và hợp nhất trong chính Ngài công việc của bốn vị thấp hơn.

229. The "fifth Kumara" is the fifth numbered from below. This is the only way it would be possible to speak of Him as embodying the work of the lower four.

229. "Kumara thứ năm" là vị thứ năm tính từ dưới lên. Đây là cách duy nhất có thể nói về Ngài như hiện thân công việc của bốn vị thấp hơn.

230. It is always necessary to think carefully about the direction of numbering—whether from 'below' or 'above'.

230. Luôn luôn cần suy nghĩ cẩn thận về chiều hướng đánh số—liệu từ 'dưới' lên hay từ 'trên' xuống.

231. If, however, we number Brahmically, beginning with the lowest of the Esoteric Kumaras, then the fifth Kumara is the seventh (or lowest), and would, in a sense, be the embodied expression of a number of higher Kumaras.

231. Tuy nhiên, nếu chúng ta đánh số theo cách Brahma, bắt đầu với vị thấp nhất trong các Kumaras Nội Môn, thì Kumara thứ năm là vị thứ bảy (hay thấp nhất), và theo một nghĩa nào đó, sẽ là biểu lộ hiện thân của một số Kumaras cao hơn.

The reflection of all this in the Microcosm can be studied by the man who understands how the physical body is the vehicle of all the principles.

Sự phản ánh của tất cả điều này trong Tiểu thiên địa có thể được nghiên cứu bởi con người hiểu được thể xác là vận cụ của mọi nguyên khí như thế nào.

232. The physical body is a lower field of synthesis. All the seven principles are, eventually, expressed through it, or, more properly, through the etheric body (which is the *true* physical body) and to which the dense physical body responds automatically.

232. Thể xác là một trường tổng hợp thấp hơn. Rốt cuộc, mọi bảy nguyên khí đều được biểu lộ qua nó, hay đúng hơn, qua thể dĩ thái (là thể *đích thực* hồng trần) và thể xác đậm đặc tự động đáp ứng với thể ấy.

233. Thus, we have synthesis 'above' and synthesis 'below'. Higher principles 'gather up' lower ones, and lower principles or vehicles become the vehicles of expression for higher principles.

233. Như vậy, chúng ta có sự tổng hợp "ở trên" và sự tổng hợp "ở dưới". Các nguyên khí cao hơn "thu gom" các nguyên khí thấp hơn, và các nguyên khí hay các vận cụ thấp hơn trở thành những vận cụ biểu lộ cho các nguyên khí cao hơn.

By the time the third Initiation is taken, the inner circle of petals is opened and the full-blown lotus in all its beauty can be seen.

Vào lúc lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận, vòng cánh hoa bên trong được khai mở và hoa sen nở trọn trong toàn bộ vẻ đẹp của nó có thể được nhìn thấy.

234. This is a statement *of critical importance*. The inner circle of petals, in this

234. Đây là một phát biểu *có tầm quan trọng then chốt*. Trong trường hợp này, vòng cánh

case, are the sacrifice petals and not the synthesis petals.

235. It can be questioned whether, at the point of the third initiation, the group of three synthesis petals is fully unfolded and whether the Jewel in the Lotus is to be seen fully revealed. Probably this is not yet the case and, rather, is a condition which requires the onset of the fourth initiation or, at least, entry upon the period immediately before the taking of the fourth initiation.

236. Yet it is curious that DK refers to the period of the third initiation as the period in which the "full-blown lotus in all its beauty can be seen".

At the fourth Initiation the inner bud bursts open through the effect of the electrical force of the Rod, **which brings in the power of the synthetic ray of the solar system itself**; the inner jewel is thus revealed.

237. So, that which is to be seen at the third initiation is not the full revelation of the synthesizing petals nor of the Jewel.

238. We notice that the *bursting* of the innermost bud requires the application of the Rod of Initiation.

239. We also notice that it is the energy of the second ray (the "synthetic ray of the solar system itself") which is being transmitted via the Rod at the fourth initiation. Elsewhere, we have learned that the fourth ray rules the fourth initiation. The extent to which the fourth ray is also

hoa bên trong là các cánh hoa hi sinh chứ không phải các cánh hoa tổng hợp.

235. Có thể đặt câu hỏi liệu, tại điểm của lần điểm đạo thứ ba, nhóm ba cánh hoa tổng hợp đã hoàn toàn khai mở hay chưa và liệu Ngọc trong Hoa Sen đã được thấy trong sự mặc khải trọn vẹn hay chưa. Có lẽ điều này chưa phải như vậy, mà đúng hơn là một tình trạng đòi hỏi sự khởi đầu của lần điểm đạo thứ tư hoặc ít nhất là sự bước vào giai đoạn ngay trước khi tiếp nhận lần điểm đạo thứ tư.

236. Tuy nhiên, thật kỳ lạ khi Chân sư DK nói đến giai đoạn của lần điểm đạo thứ ba như là giai đoạn trong đó "hoa sen nở trọn trong toàn bộ vẻ đẹp của nó có thể được nhìn thấy".

Ở lần điểm đạo thứ tư, nụ bên trong bừng nở ra do tác động của mãnh lực điện của Thần Trượng, **mang vào quyền năng của cung tổng hợp của chính hệ mặt trời**; vì thế viên ngọc bên trong được mặc khải.

237. Vì vậy, điều được thấy ở lần điểm đạo thứ ba không phải là sự mặc khải trọn vẹn của các cánh hoa tổng hợp cũng không phải của Ngọc.

238. Chúng ta lưu ý rằng sự *bừng nở* của nụ trong cùng đòi hỏi việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo.

239. Chúng ta cũng lưu ý rằng chính năng lượng của cung hai ("cung tổng hợp của chính hệ mặt trời") được truyền qua Thần Trượng ở lần điểm đạo thứ tư. Ở nơi khác, chúng ta đã học rằng cung bốn cai quản lần điểm đạo thứ tư. Mức độ mà cung bốn cũng

transmitted by the Rod of Initiation is not discussed.

240. There is here an implication that the "synthetic ray of the solar system itself" is not brought into the initiation process before this point. We are lead to believe that the crucifixion initiation brings with it a much fuller access to the energy of Love-Wisdom.

241. We also see that the revelation of the Jewel in the Lotus requires the application of the energy of the *second* ray. In fact, we find buddhi and the second ray to be very much involved in the destruction of the egoic lotus.

242. Achievement in the process of initiation depends upon at least two factors; the abnormal and strenuous effort of the would-be initiation and also the application of the Rod of Initiation. Both, it seems, are indispensable.

The work has been accomplished; **the energy resident in the permanent atoms, has vitalised all the spirillae** whilst the perfected force of the lotus, and the dynamic will of the central spark are brought into full and united activity.

243. How are the spirillae vitalized? The "energy resident in the permanent atoms" is largely responsible for this vitalization.

244. What condition do we now have:

a. All the spirillae are vitalized through acquisition of force resident within the permanent atoms

được truyền bởi Thần Trượng Điểm đạo thì không được bàn đến.

240. Ở đây có một hàm ý rằng "cung tổng hợp của chính hệ mặt trời" không được đưa vào tiến trình điểm đạo trước thời điểm này. Chúng ta được dẫn đến chỗ tin rằng cuộc điểm đạo đóng đinh mang theo nó sự tiếp cận đầy đủ hơn rất nhiều đối với năng lượng Bác Ái – Minh Triết.

241. Chúng ta cũng thấy rằng sự mặc khải của Ngọc trong Hoa Sen đòi hỏi việc áp dụng năng lượng của cung *hai*. Thật vậy, chúng ta thấy Bồ đề và cung hai dự phần rất nhiều vào sự hủy diệt Hoa Sen Chân Ngã.

242. Thành tựu trong tiến trình điểm đạo tùy thuộc vào ít nhất hai yếu tố; nỗ lực phi thường và căng thẳng của người sắp được điểm đạo, và cả việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo. Dường như cả hai đều không thể thiếu.

Công việc đã được hoàn tất; **năng lượng cư ngụ trong các nguyên tử trường tồn đã tiếp sinh lực cho mọi loa tuyến** trong khi mãnhlực hoàn thiện của hoa sen, và ý chí năng động của tia lửa trung tâm được đưa vào hoạt động trọn vẹn và hợp nhất.

243. Các loa tuyến được tiếp sinh lực như thế nào? "Năng lượng cư ngụ trong các nguyên tử trường tồn" chịu trách nhiệm phần lớn cho sự tiếp sinh lực này.

244. Giờ đây chúng ta có điều kiện nào:

a. Mọi loa tuyến đều được tiếp sinh lực nhờ tiếp nhận mãnh lực cư ngụ trong các nguyên tử trường tồn

b. The perfected force of the lotus is now demonstrating

b. Mãnh lực hoàn thiện của hoa sen hiện đang biểu lộ

c. The dynamic will of the central spark is now demonstrating

c. Ý chí năng động của tia lửa trung tâm hiện đang biểu lộ

d. The perfected force of the lotus and the dynamic will of the central spark are now brought into united activity.

d. Mãnh lực hoàn thiện của hoa sen và ý chí năng động của tia lửa trung tâm hiện được đưa vào hoạt động hợp nhất.

245. We might also gather that the seven spirillae of the physical permanent atom and the astral permanent atom are vitalized if not *fully* vitalized. Yet, the *seventh* spirilla is related to the Monad and we are not yet at the point of development in which the Monad is expressing fully.

245. Chúng ta cũng có thể suy ra rằng bảy loa tuyến của nguyên tử trường tồn hồng trần và nguyên tử trường tồn cảm dục được tiếp sinh lực, nếu chưa được tiếp sinh lực *hoàn toàn*. Tuy nhiên, loa tuyến *thứ bảy* có liên hệ với chân thần và chúng ta chưa ở tại điểm phát triển mà trong đó chân thần đang biểu lộ trọn vẹn.

The Personality Ray deals with the first four spirillae, and is the source of their stimulation. Note here the correspondence to the lower quaternary and its stimulation by the ego. The Egoic Ray concerns itself with the fifth spirilla and with the sixth, and is the cause of their emerging from latency and potentiality into power and activity. **The Monadic Ray is the source of the stimulation of the seventh spirilla**. (TCF 71-72)

Cung phàm ngã đề cập đến bốn loa tuyến đầu tiên, và là nguồn kích thích của chúng. Hãy lưu ý ở đây sự tương ứng với bộ tứ thấp và sự kích thích của nó bởi chân ngã. Cung chân ngã quan tâm đến loa tuyến thứ năm và thứ sáu, và là nguyên nhân khiến chúng xuất hiện từ trạng thái tiềm ẩn và tiềm năng vào quyền năng và hoạt động. **Cung chân thần là nguồn kích thích loa tuyến thứ bảy**. (TCF 71-72)

246. We are still within the curriculum of the Fifth Kingdom to which the vitalization of the fifth and sixth spirillae applies.

246. Chúng ta vẫn còn ở trong chương trình học của giới thứ năm, nơi việc tiếp sinh lực cho loa tuyến thứ năm và thứ sáu được áp dụng.

247. Yet we also read the following which suggests the *full* vitalization of the seventh spirilla as well.

247. Tuy nhiên chúng ta cũng đọc thấy điều sau đây, gợi ý sự tiếp sinh lực *hoàn toàn* cho cả loa tuyến thứ bảy nữa.

The microcosmic correspondence can be seen in the following process. The physical

Sự tương ứng vi mô có thể được thấy trong tiến trình sau đây. Nguyên tử trường tồn

permanent atom absorbs the entire life force of the physical body, and its inherent heat and light is thereby increased **until at the fourth initiation the seven spirillae are fully vitalised, and vibrant.** The internal heat of the atom, plus the external heat of the egoic body wherein it has its place, produces then that which destroys the permanent atom. (TCF 741)

hồng trần hấp thu toàn bộ sinh lực của thể xác, và nhiệt cùng ánh sáng cố hữu của nó nhờ đó gia tăng **cho đến khi ở lần điểm đạo thứ tư bảy loa tuyến được tiếp sinh lực hoàn toàn, và rung động.** Khi ấy nhiệt bên trong của nguyên tử, cộng với nhiệt bên ngoài của thể chân ngã nơi nó có vị trí của mình, tạo ra điều hủy diệt nguyên tử trường tồn. (TCF 741)

248. This is all a little mysterious, as the physical permanent atom, astral permanent atom and mental unit must disappear in the general conflagration at this point.

248. Tất cả điều này có phần bí ẩn, vì nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí đều phải biến mất trong cuộc đại hỏa hoạn tổng quát tại điểm này.

249. Because monadic expression cannot yet be *full* at the fourth initiation, we could wonder how the seventh spirilla could be fully aroused. And yet, it has no further time for full arousal, as both the physical permanent atom and the astral permanent atom disappear (in most cases) at the fourth initiation.

249. Bởi vì sự biểu lộ chân thần chưa thể *trọn vẹn* ở lần điểm đạo thứ tư, chúng ta có thể tự hỏi làm sao loa tuyến thứ bảy có thể được đánh thức hoàn toàn. Tuy nhiên, nó không còn thời gian nào nữa để được đánh thức hoàn toàn, vì cả nguyên tử trường tồn hồng trần lẫn nguyên tử trường tồn cảm dục đều biến mất (trong hầu hết các trường hợp) ở lần điểm đạo thứ tư.

250. We do realize, however, that the Monad has been *strongly contacted* by the time of the fourth initiation, even if it is not in full expression. Thus, its effect upon the seventh spirilla could be seen as considerable.

250. Tuy nhiên, chúng ta quả thật nhận ra rằng chân thần đã được *tiếp xúc mạnh mẽ* vào thời điểm của lần điểm đạo thứ tư, dù chưa ở trong sự biểu lộ trọn vẹn. Vì vậy, ảnh hưởng của nó lên loa tuyến thứ bảy có thể được xem là đáng kể.

This brings about **a threefold display** of vital force which causes the disintegration of the form and the following results:

Điều này mang lại **một sự biểu lộ tam phân** của sinh lực, gây ra sự tan rã của hình tướng và các kết quả sau đây:

251. We are being told that three factors are responsible for the disintegration of the form.

251. Chúng ta được cho biết rằng ba yếu tố chịu trách nhiệm cho sự tan rã của hình tướng.

a. Các nguyên tử trường tồn trở nên có tính phóng xạ, và vì thế vòng-giới-hạn của chúng

a. The permanent atoms become radioactive, and their ring-pass-not is therefore no longer a barrier to the lesser units within;

252. The force of the permanent atoms has been holding in containment the lesser electronic units.

the electronic lives in their various groups escape, and return to the eternal reservoir.

253. Such a reservoir is called by the name, "reservoir of life".

254. The little lives return greatly enriched by their experience within a particular permanent atom.

They form substance of a very high [Page 831] order,

255. This is because they have passed through a long period of evolution within the substantial (i.e., lunar) nature of a human being.

and will produce the forms of those existences who, in another cycle, will seek vehicles.

256. These existences will, necessarily, be of a higher order than the existence in whose substantial system the "electronic lives" have just participated.

257. Under point "a." we are dealing with fire by friction.

b. The petals are destroyed by the action of fire, and **the multiplicity of deva lives**

không còn là một rào cản đối với các đơn vị nhỏ hơn bên trong nữa;

252. Mãnh lực của các nguyên tử trường tồn đã giữ các đơn vị điện tử nhỏ hơn trong sự bao chứa.

các sự sống điện tử trong những nhóm khác nhau của chúng thoát ra, và trở về hồ chứa vĩnh cửu.

253. Một hồ chứa như thế được gọi bằng tên "hồ chứa của sự sống".

254. Những sự sống nhỏ bé trở về, được làm phong phú rất nhiều nhờ kinh nghiệm của chúng bên trong một nguyên tử trường tồn đặc thù.

Chúng tạo thành chất liệu của một trật tự rất cao [Page 831],

255. Điều này là vì chúng đã đi qua một thời kỳ tiến hoá dài trong bản chất chất liệu (tức nguyệt tính) của một con người.

và sẽ tạo ra các hình tướng của những hiện hữu mà trong một chu kỳ khác sẽ tìm kiếm các vận cụ.

256. Những hiện hữu này tất yếu sẽ thuộc một trật tự cao hơn hiện hữu mà trong hệ thống chất liệu của nó các "sự sống điện tử" vừa mới tham dự.

257. Dưới điểm "a." chúng ta đang đề cập đến Lửa ma sát.

b. Các cánh hoa bị hủy diệt bởi tác động của lửa, và **tính đa tạp của các sự sống thiên**

which form them and give to them their coherence and quality are gathered back by the solar Pitris of the highest order into the Heart of the Sun; they will be directed outward again in another solar system.

thần tạo thành chúng và ban cho chúng sự cố kết cùng phẩm tính của chúng được các thái dương tổ phụ thuộc trật tự cao nhất thu hồi vào Tâm Mặt Trời; chúng sẽ lại được hướng ra ngoài trong một hệ mặt trời khác.

258. Many important things are revealed here.

258. Nhiều điều quan trọng được mặc khải ở đây.

259. We may assume that the type of destructive fire here involved is a variety of *solar* fire. We remember that it is the energy of the second ray which is imparted by the Rod of Initiation at the fourth initiation.

259. Chúng ta có thể giả định rằng loại lửa hủy diệt ở đây là một biến thể của Lửa Thái dương. Chúng ta nhớ rằng chính năng lượng của cung hai được truyền bởi Thần Trượng Điểm đạo ở lần điểm đạo thứ tư.

260. The petals are formed by a "multiplicity of deva lives".

260. Các cánh hoa được tạo thành bởi một "tính đa tạp của các sự sống thiên thần".

261. If there is a multiplicity of devic lives going to the formation of the petals, we might conclude that these devic lives could not, per se, be the Solar Pitris because, though there are a *number* of them, there is not a "multiplicity" of them. Perhaps, however, DK is using the word "multiplicity" simply to mean "multiple"—several. This is probably the only way that the term "multiplicity" would make sense.

261. Nếu có một tính đa tạp của các sự sống thiên thần đi vào việc hình thành các cánh hoa, chúng ta có thể kết luận rằng tự chính các sự sống thiên thần này không thể là các thái dương tổ phụ bởi vì, dù có một *số lượng* nào đó, vẫn không có một "tính đa tạp" của họ. Tuy nhiên, có lẽ Chân sư DK đang dùng từ "tính đa tạp" chỉ đơn giản để có nghĩa là "nhiều"—một vài. Có lẽ đây là cách duy nhất khiến thuật ngữ "tính đa tạp" có ý nghĩa.

262. We could presume that the "deva lives" here mentioned are those which are *naturally* found on the higher mental plane, yet are such lives really gathered back to the Heart of the Sun?

262. Chúng ta có thể giả định rằng các "sự sống thiên thần" được nhắc đến ở đây là những sự sống *tự nhiên* được tìm thấy trên Cõi thượng trí, nhưng liệu những sự sống như vậy thật sự được thu hồi vào Tâm Mặt Trời chăng?

263. And yet, if the "multiplicity" are gathered back into the Heart of the Sun by "the solar Pitris of the highest order", they must necessarily be *solar,* and so have a claim to being lesser solar Pitris. This we cannot confirm and it seems doubtful.

263. Tuy nhiên, nếu "tính đa tạp" được "các thái dương tổ phụ thuộc trật tự cao nhất" thu hồi vào Tâm Mặt Trời, thì chúng tất yếu phải là *thái dương,* và do đó có cơ sở để được xem là các thái dương tổ phụ thấp hơn. Điều này chúng ta không thể xác nhận và dường như đáng ngờ.

264. Probably we must distinguish between the ordinary substance of the higher mental plane and the solar pitric substance which gives quality and coherence to the petals of the egoic lotus.

264. Có lẽ chúng ta phải phân biệt giữa chất liệu thông thường của Cõi thượng trí và chất liệu thái dương pitri ban cho các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã phẩm tính và sự cố kết.

265. It is clear that when discussing those lives which give quality and coherence to the petal of the egoic lotus, the Solar Pitris are, indeed, such.

265. Rõ ràng là khi bàn đến những sự sống ban cho cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã phẩm tính và sự cố kết, thì các thái dương tổ phụ quả thật là như vậy.

266. This could be another reason why the "multiplicity of deva lives" which form the petals and which are gathered back into the Heart of the Sun would, after all, have to be considered Solar Pitris of some kind. Still the word "multiplicity" seems excessive when describing the solar lives which substand the petals.

266. Đây có thể là một lý do khác khiến "tính đa tạp của các sự sống thiên thần" tạo thành các cánh hoa và được thu hồi vào Tâm Mặt Trời rốt cuộc vẫn phải được xem là các thái dương tổ phụ thuộc một loại nào đó. Tuy nhiên từ "tính đa tạp" vẫn có vẻ quá mức khi mô tả các sự sống thái dương làm nền cho các cánh hoa.

267. That there are different orders of Solar Pitris is also evident. The highest of the Solar Pitris regather the lesser ones.

267. Việc có những trật tự khác nhau của các thái dương tổ phụ cũng là điều hiển nhiên. Những thái dương tổ phụ cao nhất thu gom lại những vị thấp hơn.

268. If we consult TCF 844, we will find that those human beings that become Solar Pitris on Sirius are "breathed out again into activity". This type of motion sounds similar to being "directed outward again into another solar system".

268. Nếu chúng ta tham khảo TCF 844, chúng ta sẽ thấy rằng những con người trở thành các thái dương tổ phụ trên Sirius sẽ lại được "thở ra vào hoạt động". Kiểu chuyển động này nghe tương tự như việc "lại được hướng ra ngoài vào một hệ mặt trời khác".

269. At that time (a forthcoming solar system) will the lesser Solar Pitris become greater ones?

269. Vào lúc đó (một hệ mặt trời tương lai), liệu các thái dương tổ phụ thấp hơn có trở thành những vị cao hơn không?

270. The mystery of the *hierarchical nature* of the Creative Hierarchy of Solar Angels definitely remains to be solved—at least by students of our calibre.

270. Bí ẩn về *bản chất có tính thứ bậc* của Huyền Giai Sáng Tạo các Thái dương Thiên Thần chắc chắn vẫn còn phải được giải đáp —ít nhất là đối với các đạo sinh ở tầm mức của chúng ta.

The atomic substance will be used for another manvantara,

271. In this case the term "manvantara" apparently means something less than a mahamanvantara.

272. The atomic substance is the matter of the higher mental plane, but the Solar Pitris are something more and other. Whereas the atomic substance will be used again in, perhaps, another round, the Solar Pitris will only come forth again in the next mahamanvantara to express in the solar system of that mahamanvantara.

but the solar Pitris will not again be called upon to sacrifice themselves

273. The coming forth of Solar Pitris is, we have confirmed, a *sacrifice.*

until the next solar system when they will come in as planetary Rays,

274. Now what, exactly, is a "planetary Ray". We are not necessarily speaking *only* of Planetary Logoi though DK, below, does mention this category of Being The Ray Lords of *planetary* Shamballa (and also Ray Lords of globes and chains) are probably developing along the line of Planetary Logoi, but have not yet achieved that degree of development.

275. So we cannot be certain of the category of being which, exactly, is the next developmental step for those Solar Pitris who are inbreathed into the Heart of the Sun when the causal body of a human being is destroyed.

Chất liệu nguyên tử sẽ được dùng cho một giai kỳ sinh hóa khác,

271. Trong trường hợp này, thuật ngữ "giai kỳ sinh hóa" rõ ràng có nghĩa là điều gì đó nhỏ hơn một Đại giai kỳ sinh hóa.

272. Chất liệu nguyên tử là vật chất của Cõi thượng trí, nhưng các thái dương tổ phụ là một điều gì đó hơn và khác. Trong khi chất liệu nguyên tử sẽ lại được dùng trong, có lẽ, một cuộc tuần hoàn khác, thì các thái dương tổ phụ chỉ xuất hiện trở lại trong Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp để biểu lộ trong hệ mặt trời của Đại giai kỳ sinh hóa đó.

nhưng các thái dương tổ phụ sẽ không lại được kêu gọi để hi sinh chính mình

273. Sự xuất hiện của các thái dương tổ phụ, như chúng ta đã xác nhận, là một *sự hi sinh.*

cho đến hệ mặt trời kế tiếp khi họ sẽ đi vào như các Cung hành tinh,

274. Vậy chính xác "Cung hành tinh" là gì? Chúng ta không nhất thiết đang nói *chỉ* về các Hành Tinh Thượng Đế, dù bên dưới Chân sư DK có nhắc đến loại Hữu thể này. Các Đấng Chúa Tể Cung của Shamballa *hành tinh* (và cả các Đấng Chúa Tể Cung của các bầu hành tinh và các dãy) có lẽ đang phát triển theo tuyến của các Hành Tinh Thượng Đế, nhưng chưa đạt đến mức phát triển đó.

275. Vì vậy, chúng ta không thể chắc chắn về loại hữu thể nào chính xác là bước phát triển kế tiếp đối với những thái dương tổ phụ được hít vào Tâm Mặt Trời khi thể nguyên nhân của một con người bị hủy diệt.

thus repeating upon monadic levels in the next system what they have done in this.

như thế lặp lại trên các cấp chân thần trong hệ thống kế tiếp điều họ đã làm trong hệ thống này.

276. These Beings have worked upon higher mental levels in solar system. When the next solar system arrives They will be in a far more advanced condition and will work upon a solar systemic level higher but analogous to Their present level of expression.

276. Những Hữu thể này đã hoạt động trên các cấp thượng trí trong hệ mặt trời. Khi hệ mặt trời kế tiếp xuất hiện, Các Ngài sẽ ở trong một tình trạng tiến bộ hơn rất nhiều và sẽ hoạt động trên một cấp độ hệ thống mặt trời cao hơn nhưng tương đồng với cấp độ biểu lộ hiện tại của Các Ngài.

They will then be the planetary Logoi.

Khi ấy Các Ngài sẽ là các Hành Tinh Thượng Đế.

277. It is at this point that we must remember that Solar Angels or Solar Pitris do not *individually* become Planetary Logoi, but, rather, do so in groups.

277. Chính tại điểm này chúng ta phải nhớ rằng các Thái dương Thiên Thần hay các thái dương tổ phụ không *riêng lẻ* trở thành các Hành Tinh Thượng Đế, mà đúng hơn là làm như vậy theo nhóm.

278. We recall that our present Planetary Logoi have a major focal point upon monadic levels.

278. Chúng ta nhớ rằng các Hành Tinh Thượng Đế hiện tại của chúng ta có một tiêu điểm chính trên các cấp chân thần.

279. We remember that there are many steps between the stage of development of a Solar Angel and the stage of Planetary Logos.

279. Chúng ta nhớ rằng có nhiều bước giữa giai đoạn phát triển của một Thái dương Thiên Thần và giai đoạn của một Hành Tinh Thượng Đế.

280. Sometimes only great categories are mentioned and the interim steps are not emphasized.

280. Đôi khi chỉ những loại lớn được nhắc đến và các bước trung gian không được nhấn mạnh.

TCF 832-840: S7S8 Part II

10 - 18 July 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of

10 - 18 tháng Bảy 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ

TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the**

Đề nghị rằng phần Bình Luận này được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu**

*a. The central Life electric returns to its source, escaping out of prison and functioning as a centre of energy on **planes** of cosmic etheric energy.*

*a. Sự sống trung tâm điện trở về nguồn của nó, thoát ra khỏi ngục tù và hoạt động như một trung tâm năng lượng trên các **cõi** của năng lượng dĩ thái vũ trụ.*

1. VSK suggests: "This 'escaping out of prison' is part of the symbol (see p. 1221) for 'all the liberated lives'."

1. VSK gợi ý: "Sự 'thoát ra khỏi ngục tù' này là một phần của biểu tượng (xem tr. 1221) dành cho 'mọi sự sống được giải thoát'."

2. Again, an important statement. The source of the "central Life" is, ultimately, the monadic plane. However, it is suggested that before the "central Life" 'returns' completely to its source, it may function for a time on more than one of the cosmic etheric planes —buddhic and atmic functioning preceding full functioning upon the monadic plane.

2. Lại một lần nữa, đây là một phát biểu quan trọng. Nguồn của "Sự sống trung tâm", rốt cuộc, là cõi chân thần. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng trước khi "Sự sống trung tâm" hoàn toàn 'trở về' nguồn của nó, nó có thể hoạt động trong một thời gian trên nhiều hơn một cõi dĩ thái vũ trụ—sự hoạt động Bồ đề và atma đi trước sự hoạt động trọn vẹn trên cõi chân thần.

The Chohans of the sixth Initiation work in the fourth and fifth ethers of the logoic etheric body (the buddhic and atmic planes), and deal with the passage of the life of Spirit from form to form in those worlds, having in view the transmutation of units in the spiritual kingdom **into the monadic**.

Các Chohan của lần điểm đạo thứ sáu hoạt động trong dĩ thái thứ tư và thứ năm của thể dĩ thái của Thượng đế (các cõi Bồ đề và atma), và đề cập đến sự chuyển dịch của sự sống của tinh thần từ hình tướng này sang hình tướng khác trong những thế giới ấy, với mục tiêu chuyển hoá các đơn vị trong giới tinh thần **thành chân thần**.

3. Life in the triadal worlds is life within the "spiritual kingdom".

3. Sự sống trong các thế giới tam nguyên tinh thần là sự sống bên trong "giới tinh thần".

4. We are led to this conclusion by the use of the plural, "planes".

4. Chúng ta được dẫn đến kết luận này bởi việc dùng số nhiều, "cõis".

5. The "central Life" must necessarily return to its source. The question is, "Is the return an *immediate* return or a 'mediated' return?"

5. "Sự sống trung tâm" tất yếu phải trở về nguồn của nó. Câu hỏi là, "Sự trở về ấy có phải là một sự trở về *ngay tức thì* hay là một sự trở về 'qua trung gian'?"

6. If certain devic lives return to the Heart of the Sun, would we not think that still higher devic lives composing the Jewel would return to the Central Spiritual Sun? Perhaps, such a return will occur only after the monadic vehicle is destroyed. The Monad upon the monadic plane is, in an important sense, the true "Jewel".

6. Nếu một số sự sống thiên thần nào đó trở về Tâm Mặt Trời, chẳng phải chúng ta sẽ nghĩ rằng những sự sống thiên thần còn cao hơn cấu thành Ngọc sẽ trở về Mặt trời Tinh thần Trung Ương sao? Có lẽ sự trở về như thế chỉ xảy ra sau khi vận cụ chân thần bị hủy diệt. Chân thần trên cõi chân thần, theo một ý nghĩa quan trọng, chính là "Ngọc" đích thực.

7. In any case we have three forms of destruction:

7. Trong mọi trường hợp, chúng ta có ba hình thức hủy diệt:

a. Of the members of the atomic triangle

a. Của các thành viên của tam giác nguyên tử

b. Of the petals

b. Của các cánh hoa

c. Of the Jewel in the Lotus

c. Của Ngọc trong Hoa Sen

8. It is probable that three types of fire are responsible for these three types of destruction.

8. Có lẽ ba loại lửa chịu trách nhiệm cho ba loại hủy diệt này.

9. Certain forms of life are released at the three destructions which are part of one great destruction.

9. Một số hình thức sự sống được giải phóng trong ba sự hủy diệt vốn là những phần của một sự hủy diệt lớn.

We have endeavoured above to convey a general idea of the evolutionary process in connection with the Ego, and its progression under **karmic and cyclic law**.

Ở trên chúng ta đã cố gắng chuyển tải một ý niệm tổng quát về tiến trình tiến hoá liên hệ với chân ngã, và sự tiến triển của nó dưới **định luật nghiệp quả và định luật chu kỳ**.

10. Karmic law and cyclic law are to be differentiated.

If the student ponders upon these two laws [karmic and cyclic law] it will become apparent to him that both might be summed up under the generic term of the *Law of Rhythm.*

11. Karmic law is administered rhythmically. Cyclic law, as well, is precisely rhythmic.

All manifestation is the result of active energy producing certain results, and expenditure of energy in any one direction will necessitate **an equal expenditure in an opposit**e.

12. This law has extraordinary implications when we consider the relationship which exists between the Lords of Light and the Lords of Form.

13. Perhaps the principle here expressed tells us something about the "Noble Middle Path".

14. An individual in process of spiritual evolution must take this principle strongly into consideration.

This in terms of the Ego and its life experience brings about three stages:

First. The stage wherein the energy manifested acts outwardly. The Self becomes identified with its sheaths. **This is the strictly personal stage.**

10. Định luật nghiệp quả và định luật chu kỳ cần được phân biệt.

Nếu đạo sinh suy ngẫm về hai định luật này [định luật nghiệp quả và định luật chu kỳ] thì sẽ trở nên hiển nhiên với y rằng cả hai có thể được tóm lại dưới thuật ngữ tổng quát là *Định luật Nhịp điệu.*

11. Định luật nghiệp quả được quản trị theo nhịp điệu. Định luật chu kỳ cũng vậy, chính xác là có tính nhịp điệu.

Mọi biểu hiện là kết quả của năng lượng hoạt động tạo ra những kết quả nhất định, và sự tiêu hao năng lượng theo bất kỳ hướng nào sẽ tất yếu đòi hỏi **một sự tiêu hao tương đương theo hướng đối nghịch**.

12. Định luật này có những hàm ý phi thường khi chúng ta xét đến mối liên hệ tồn tại giữa các Đấng Chúa Tể của Ánh sáng và các Đấng Chúa Tể của Hình Tướng.

13. Có lẽ nguyên lý được diễn đạt ở đây cho chúng ta biết điều gì đó về "Con Đường Trung Đạo Cao Quý".

14. Một cá nhân đang trong tiến trình tiến hoá tinh thần phải đặc biệt lưu ý đến nguyên lý này.

Điều này, xét theo chân ngã và kinh nghiệm sống của nó, tạo ra ba giai đoạn:

Thứ nhất. Giai đoạn trong đó năng lượng biểu lộ ra bên ngoài. Bản Ngã đồng hoá với các vỏ bọc của mình. **Đây là giai đoạn hoàn toàn cá nhân.**

15. The Self does not discriminate itself as different from that with which it identifies.

15. Bản Ngã không phân biện chính nó là khác với điều mà nó đồng hoá cùng.

Second. The stage wherein adjustment under law is being sought,

Thứ hai. Giai đoạn trong đó sự điều chỉnh theo quy luật đang được tìm kiếm,

16. This is balancing stage under the energy of Libra.

16. Đây là giai đoạn quân bình dưới năng lượng của Thiên Bình.

and the Self is neither entirely identified with its sheaths, nor identified entirely with Itself.

và Bản Ngã không hoàn toàn đồng hoá với các vỏ bọc của mình, cũng không hoàn toàn đồng hoá với chính Nó.

17. Here we have the stage of the aspirant and disciple. Increasingly, the initiate distances himself from this middle stage, disidentifying with his sheaths.

17. Ở đây chúng ta có giai đoạn của người chí nguyện và đệ tử. Càng lúc điểm đạo đồ càng rời xa giai đoạn trung gian này, không còn đồng hoá với các vỏ bọc của mình.

It is [Page 832] learning to choose between the pairs of opposites.

Y đang [Page 832] học cách chọn lựa giữa các cặp đối cực.

18. This type of activity is particularly associated with development within the middle tier of petals, just as the first sphere of activity concerns the development of the outer tier.

18. Loại hoạt động này đặc biệt gắn liền với sự phát triển trong tầng cánh hoa giữa, cũng như khối cầu hoạt động thứ nhất liên quan đến sự phát triển của tầng ngoài.

This is the period of the fiercest strife and turmoil, and the battlefield wherein the adjustment has to be made;

Đây là giai đoạn của sự tranh đấu và hỗn loạn dữ dội nhất, và là chiến trường nơi sự điều chỉnh phải được thực hiện;

19. The central petal of the central tier may display this period of conflict to the most intense degree.

19. Cánh hoa trung tâm của tầng trung tâm có thể biểu lộ giai đoạn xung đột này ở mức mãnh liệt nhất.

it is the laboratory period wherein enough transmutative force is generated by the disciple to carry him to the opposite extreme of the earlier stage,

đó là giai đoạn phòng thí nghiệm trong đó đủ mãnh lực chuyển hoá được đệ tử tạo ra để đưa y đến cực đối nghịch của giai đoạn trước đó,

20. And this would be the third stage…

20. Và đây sẽ là giai đoạn thứ ba…

—that stage wherein the energy will manifest within and not without.

21. That which is here anticipated is a deeply subjective stage which lies beyond the transitional third phase.

Third. The stage wherein the energy of the Ego is centred at the heart of the circle, and not in the periphery, being applied from thence through the conscious effort of the Ego in group service. The pull of the lower nature is superseded, and the attraction of that which is higher even than the Ego is felt.

22. Here the life of the initiate is described and even, eventually, of the Master who is the point at the heart of the circle.

23. The Master is truly and fully the Ego or spiritual triad. Only a Chohan *is,* in full expression, the Monad.

24. DK speaks of the "attraction of that which is higher even than the Ego". This, obviously, is the attraction of the Monad.

25. The initiate has "come to himself" and discovered himself as Spirit, identified with that which he truly is—*essence.*

26. The higher levels of this stage extend far beyond the development of the third tier of petals and even beyond the destruction of the causal body.

The earlier process has then to be repeated on a higher turn of the spiral, and monadic energy begins to work upon the Ego as the egoic worked upon the personality.

—giai đoạn trong đó năng lượng sẽ biểu lộ bên trong chứ không phải bên ngoài.

21. Điều được dự báo ở đây là một giai đoạn hết sức chủ quan nằm vượt quá giai đoạn thứ ba có tính chuyển tiếp.

Thứ ba. Giai đoạn trong đó năng lượng của chân ngã được định tâm tại tâm điểm của vòng tròn, chứ không ở chu vi, từ đó được áp dụng qua nỗ lực hữu thức của chân ngã trong phụng sự nhóm. Sức hút của bản chất thấp hơn bị vượt qua, và sức hấp dẫn của điều còn cao hơn cả chân ngã được cảm nhận.

22. Ở đây đời sống của điểm đạo đồ được mô tả, và thậm chí cuối cùng là của Chân sư, Đấng là điểm tại tâm của vòng tròn.

23. Chân sư thật sự và trọn vẹn là chân ngã hay tam nguyên tinh thần. Chỉ một Chohan *mới là,* trong sự biểu lộ trọn vẹn, chân thần.

24. Chân sư DK nói về "sức hấp dẫn của điều còn cao hơn cả chân ngã". Điều này hiển nhiên là sức hấp dẫn của chân thần.

25. Điểm đạo đồ đã "trở về với chính mình" và khám phá chính mình như tinh thần, đồng hoá với điều mà y thật sự là—*bản chất tinh túy.*

26. Các cấp độ cao hơn của giai đoạn này mở rộng vượt xa sự phát triển của tầng cánh hoa thứ ba và thậm chí vượt quá cả sự hủy diệt thể nguyên nhân.

Khi ấy tiến trình trước đó phải được lặp lại trên một vòng xoắn ốc cao hơn, và năng lượng chân thần bắt đầu tác động lên chân

ngã như năng lượng chân ngã đã tác động lên phàm ngã.

27. This type of work begins subjectively at the first initiation, but is not noticeably in expression until the third initiation is reached.

27. Loại công việc này bắt đầu một cách chủ quan ở lần điểm đạo thứ nhất, nhưng không biểu lộ rõ rệt cho đến khi đạt đến lần điểm đạo thứ ba.

28. At the third initiation the first truly conscious touch of the Monad is achieved and a man may begin to find himself upon his monadic ray. The Monad-in-incarnation knows that monadic force is working through his egoic nature.

28. Ở lần điểm đạo thứ ba, sự chạm tiếp xúc đầu tiên thật sự hữu thức với chân thần được đạt tới và một người có thể bắt đầu thấy mình trên cung chân thần của mình. Chân Thần-trong-sự-mở-rộng đang lâm phàm biết rằng mãnh lực chân thần đang hoạt động qua bản chất chân ngã của y.

The Monad, which has been identifying Itself with the Ego (its outer manifestation) begins again to seek its own true centre "within the Heart,"

Chân thần, vốn đã đồng hoá Chính Nó với chân ngã (biểu hiện bên ngoài của nó) lại bắt đầu tìm kiếm trung tâm chân thực của chính nó "bên trong Tâm,"

29. Usually the Ego is considered the “heart” of the Monad. Here, however, we see that the Monad in its own central essence is considered the “Heart”.

29. Thông thường chân ngã được xem là “tâm” của chân thần. Tuy nhiên, ở đây chúng ta thấy rằng chân thần trong tinh túy trung tâm riêng của nó được xem là “Tâm”.

30. The Prodigal Son’s journey of return (which began with the assertion—“I must arise and go to my Father”) ends with a return to the monadic plane. The Prodigal Son, all along, has been but the ‘Monad-in-extension’.

30. Hành trình trở về của Người Con Hoang Đàng (bắt đầu với lời khẳng định—“Tôi phải đứng dậy và đi về với Cha tôi”) kết thúc bằng sự trở về cõi chân thần. Người Con Hoang Đàng, suốt từ đầu đến cuối, chỉ là ‘Chân Thần-trong-sự-mở-rộng’.

31. It is interesting to consider the Ego as the outer manifestation of the Monad even as the personality is the outer manifestation of the Ego.

31. Thật thú vị khi xem chân ngã là biểu hiện bên ngoài của chân thần cũng như phàm ngã là biểu hiện bên ngoài của chân ngã.

and on the higher levels results affecting distribution and conservation of energy may again be seen.

và trên các cấp độ cao hơn, những kết quả ảnh hưởng đến sự phân phối và bảo tồn năng lượng lại có thể được thấy.

32. The issue of energy distribution has been paramount throughout the long pilgrimage of the Monad.

32. Vấn đề phân phối năng lượng đã là điều tối quan trọng xuyên suốt cuộc hành hương dài của chân thần.

33. Just as at death all energy is gathered up into the head center, so at the end of the long monadic pilgrimage, all energy is gathered into the center of synthesis—the Monad.

33. Cũng như khi chết mọi năng lượng được thu gom vào trung tâm đầu, thì vào cuối cuộc hành hương dài của chân thần, mọi năng lượng được thu gom vào trung tâm tổng hợp—chân thần.

It is necessary to emphasise this procedure because it is important that all occultists should learn to interpret and to **think in terms of energy and of force**,

Cần phải nhấn mạnh thủ tục này bởi vì điều quan trọng là mọi nhà huyền bí học phải học cách diễn giải và **suy nghĩ theo các thuật ngữ năng lượng và mãnh lực**,

34. This point is almost interminably emphasized by the Master, it is of such great importance.

34. Điểm này được Chân sư nhấn mạnh gần như không dứt, vì nó vô cùng quan trọng.

in contradistinction to the sheaths or instruments employed.

đối lập với các vỏ bọc hay công cụ được sử dụng.

35. The perception of density is really an illusion. The sheaths or instruments are simply composed of energies and forces although they appear to be ‘solid’.

35. Sự tri giác về tính đậm đặc thật ra là một ảo tưởng. Các vỏ bọc hay công cụ chỉ đơn giản được cấu thành từ các năng lượng và mãnh lực dù chúng có vẻ ‘rắn chắc’.

The mystic has recognised this "force" factor, but has only worked with the positive force aspect.

Nhà thần bí đã nhận ra yếu tố “mãnh lực” này, nhưng chỉ làm việc với phương diện mãnh lực dương.

36. The mystic has not worked with that aspect of “force” which represents the vehicles or forms. The mystic is interested in the qualitative expression and not the *formal* expression of energy and force.

36. Nhà thần bí đã không làm việc với phương diện của “mãnh lực” đại diện cho các vận cụ hay các hình tướng. Nhà thần bí quan tâm đến sự biểu lộ phẩm tính chứ không phải sự biểu lộ *hình tướng* của năng lượng và mãnh lực.

The occultist must recognise and work with three types of force, or energy, and therein lies the distinction between his work and that of the mystic. He recognises:

Nhà huyền bí học phải nhận ra và làm việc với ba loại mãnh lực, hay năng lượng, và chính trong đó có sự khác biệt giữa công việc

của y và công việc của nhà thần bí. Y nhận ra:

37. The occultist still retains the mystic's perception but adds to this perception.

37. Nhà huyền bí học vẫn giữ lại tri giác của nhà thần bí nhưng bổ sung thêm vào tri giác ấy.

1. Positive force.....Or that which energises.

1. Mãnh lực dương.....Hay điều làm phát sinh năng lượng.

38. Let us notice that positive force "energises". Positive force suggests energy which has not yet taken form but which animates form.

38. Chúng ta hãy lưu ý rằng mãnh lực dương "tiếp sinh lực". Mãnh lực dương gợi ý năng lượng chưa mang hình tướng nhưng làm sinh động hình tướng.

2. Negative force.....Or that which is the recipient of energy; that which acts or assumes form under the impact of positive force. [Page 833]

2. Mãnh lực âm.....Hay cái tiếp nhận năng lượng; cái hành động hoặc mang lấy hình tướng dưới tác động của mãnh lực dương. [Page 833]

39. Negative force is perceived as in a congealed state. Negative force demonstrates as form.

39. Mãnh lực âm được cảm nhận như ở trong một trạng thái đông đặc. Mãnh lực âm biểu hiện thành hình tướng.

3. Light, or harmonic force.....That which is produced by the union of these two. The result is radiant energy, and is the result of the equilibrising of the two others.

3. Ánh sáng, hay mãnh lực hài hòa.....Cái được tạo ra bởi sự hợp nhất của hai cái này. Kết quả là năng lượng bức xạ, và là kết quả của sự cân bằng hóa của hai cái kia.

40. We may equate light, harmonic force and that form of electricity which is called "equilibrising".

40. Chúng ta có thể đồng nhất ánh sáng, mãnh lực hài hòa và loại điện được gọi là "cân bằng hóa".

41. It is important to dwell upon the harmonizing, equilibrizing, balancing power of *light*. We see that illumination can stabilize a system of energies.

41. Điều quan trọng là phải suy xét về quyền năng điều hòa, cân bằng hóa, quân bình của *ánh sáng*. Chúng ta thấy rằng sự soi sáng có thể ổn định một hệ thống các năng lượng.

42. In relating light to harmonic force, the second ray is related to the fourth.

42. Khi liên hệ ánh sáng với mãnh lực hài hòa, cung hai được liên hệ với cung bốn.

These three aspects of energy have been called, as has been often said:

a. Electric fire.....positive energy.....Father

b. Fire by friction....negative energy....Mother

c. Solar fire.....radiant energy.....Sun or Son

43. If we equate the following terms, we shall learn much:

a. Radiant enegy

b. Solar fire

c. Light

d. Harmonic Force

e. Equilibrizing electricity

Each of these two last aspects demonstrates within itself in a dual manner, but the effect is a unified whole as regards the great Unity in which they are demonstrating.

44. As we may remember from studying this subject in the beginning of the treatise, physical and mental fire are divided into two sections. At this time, only electric fire remains unitary.

a. Latent heat or fire

b. Radiatory heat or fire

c. Mental elemental fire

Ba phương diện năng lượng này đã được gọi, như thường được nói, là:

a. Lửa Điện.....năng lượng dương.....Cha

b. Lửa ma sát....năng lượng âm....Mẹ

c. Lửa Thái dương.....năng lượng bức xạ.....Mặt Trời hay Con

43. Nếu chúng ta đồng nhất các thuật ngữ sau đây, chúng ta sẽ học được nhiều điều:

a. Năng lượng bức xạ

b. Lửa Thái dương

c. Ánh sáng

d. Mãnh lực hài hòa

e. Điện cân bằng hóa

Mỗi phương diện trong hai phương diện cuối này tự biểu lộ bên trong chính nó theo cách nhị phân, nhưng hiệu quả là một toàn thể hợp nhất xét theo Đại Nhất Thể trong đó chúng đang biểu lộ.

44. Như chúng ta có thể nhớ từ việc nghiên cứu chủ đề này ở phần đầu của bộ luận, lửa hồng trần và lửa trí tuệ được chia thành hai phần. Hiện nay, chỉ Lửa Điện còn giữ tính đơn nhất.

a. Nhiệt hay lửa tiềm ẩn

b. Nhiệt hay lửa bức xạ

c. Lửa hành khí trí tuệ

d. Solar fire—higher mental fire

e. Electric fire

45. Thus, we have a fivefold unity.

46. In the next solar system, the highest fire may also be dual, and all six fires may be unified by "life itself".

The problem of the devas may be somewhat better understood if it is remembered that **they in themselves embody the two types of energy.**

47. The two major types of energy are solar and lunar.

48. From another perspective, the devas embody the third and second rays.

For instance, **the solar Pitris are the substance of the egoic bodies and groups**, and the medium of expression for the Spirit aspect, for Spirit manifests by means of soul.

49. There are two types of substances which comprise egoic bodies and groups:

a. Devic substance of the higher mental plane

b. Solar pitric substance which substands, moulds and brings coherence to the devic substance of the higher mental plane.

50. Clearly, solar pitric substance is far more advanced than the normal devic substance of the higher mental plane.

d. Lửa Thái dương—lửa thượng trí

e. Lửa Điện

45. Như vậy, chúng ta có một hợp nhất ngũ phân.

46. Trong hệ mặt trời kế tiếp, lửa cao nhất cũng có thể là nhị phân, và cả sáu loại lửa có thể được hợp nhất bởi "chính sự sống".

Vấn đề về các thiên thần có thể được thấu hiểu phần nào rõ hơn nếu nhớ rằng **tự bản thân họ hiện thân cho hai loại năng lượng.**

47. Hai loại năng lượng chính là thái dương và thái âm.

48. Từ một góc nhìn khác, các thiên thần hiện thân cho cung ba và cung hai.

Chẳng hạn, **các thái dương tổ phụ là chất liệu của các thể chân ngã và các nhóm**, và là môi giới biểu lộ cho phương diện tinh thần, vì tinh thần biểu lộ bằng linh hồn.

49. Có hai loại chất liệu cấu thành các thể chân ngã và các nhóm:

a. Chất liệu thiên thần của Cõi thượng trí

b. Chất liệu thái dương pitric làm nền tảng, nắn khuôn và đem lại sự cố kết cho chất liệu thiên thần của Cõi thượng trí.

50. Rõ ràng, chất liệu thái dương pitric tiến hóa cao hơn rất nhiều so với chất liệu thiên thần thông thường của Cõi thượng trí.

51. We see that the Spirit expresses through the causal body and, therefore, through solar pitric substance.

51. Chúng ta thấy rằng tinh thần biểu lộ qua thể nguyên nhân và, do đó, qua chất liệu thái dương pitric.

The lunar Pitris, who form the personal lower self, being the aggregate of the lower sheaths, are energised and used by the solar Lords.

Các thái âm tổ phụ, những vị tạo thành phàm ngã thấp, là tổng thể của các thể vỏ thấp, được tiếp sinh lực và được các nhật tinh quân sử dụng.

52. The Solar Pitris use and energize the lunar pitris which form of their own substance the lower sheaths.

52. Các thái dương tổ phụ sử dụng và tiếp sinh lực cho các thái âm tổ phụ, những vị tạo nên từ chính chất liệu của mình các thể vỏ thấp.

53. Lunar pitris are naturally subservient to Solar Pitris.

53. Các thái âm tổ phụ tự nhiên là phụ thuộc vào các thái dương tổ phụ.

54. The effort of the man to approach the soul and soul consciousness through occult meditation, furthers this process of energizing and utilization.

54. Nỗ lực của con người nhằm tiếp cận linh hồn và tâm thức linh hồn qua tham thiền huyền bí học thúc đẩy tiến trình tiếp sinh lực và sử dụng này.

These solar Angels

Các Thái dương Thiên Thần này

55. Here we have the equivalence of Solar Pitris, Solar Lords and Solar Angels, though some thinkers attempt to discriminate them from each other (and, in some cases, perhaps they can be).

55. Ở đây chúng ta có sự tương đương giữa các thái dương tổ phụ, các nhật tinh quân và các Thái dương Thiên Thần, dù một số nhà tư tưởng cố phân biện chúng với nhau (và, trong vài trường hợp, có lẽ họ có thể làm được).

again **are in many groups** and express within their own ranks a dual energy, both positive and negative.

lại **ở trong nhiều nhóm** và biểu lộ trong hàng ngũ riêng của mình một năng lượng kép, vừa dương vừa âm.

56. Here we have an important idea which will help us differentiate broadly between the various categories of Solar Angels.

56. Ở đây chúng ta có một ý tưởng quan trọng sẽ giúp chúng ta phân biệt một cách khái quát giữa các loại Thái dương Thiên Thần khác nhau.

57. We have been introduced to only a few of the many types. During the Aquarian Age

57. Chúng ta mới chỉ được giới thiệu với một vài trong rất nhiều loại. Trong Kỷ Nguyên

our knowledge of the deva kingdom will grow immensely, and then, perhaps the various categories of devas will stand out with greater clarity.

Bảo Bình, tri thức của chúng ta về giới thiên thần sẽ tăng trưởng vô cùng, và khi đó, có lẽ các loại thiên thần khác nhau sẽ nổi bật với sự rõ ràng lớn hơn.

58. Aquarius is the sign of “wings” and, so, we can see how it relates to the winged deva kingdom.

58. Bảo Bình là dấu hiệu của “đôi cánh”, và vì vậy, chúng ta có thể thấy nó liên hệ thế nào với giới thiên thần có cánh.

There is the **positive life of the egoic lotus** which co-ordinates, preserves, and actuates the petals, and there is also the **energy of the petal substance itself**, or the negative aspect which is swept by the **positive force of the greater solar Lords** into living whorls or wheels which we symbolically call "petals."

Có **sự sống dương của Hoa Sen Chân Ngã** điều phối, bảo tồn và làm cho các cánh hoa hoạt động, và cũng có **năng lượng của chính chất liệu cánh hoa**, hay phương diện âm bị **mãnh lực dương của các nhật tinh quân lớn hơn** cuốn vào những vòng xoáy hay bánh xe sống động mà chúng ta gọi một cách biểu tượng là "các cánh hoa".

59. We are being told that thee are greater and lesser “solar Lords”.

59. Chúng ta được cho biết rằng có những “nhật tinh quân” lớn hơn và nhỏ hơn.

60. We may find the positive life of the egoic lotus within the Jewel in the Lotus.

60. Chúng ta có thể tìm thấy sự sống dương của Hoa Sen Chân Ngã trong Ngọc trong Hoa Sen.

61. When we speak of “petal substance”, we are speaking, it seems, of lesser Solar Pitris, but Solar Pitris nonetheless.

61. Khi nói về “chất liệu cánh hoa”, dường như chúng ta đang nói về các thái dương tổ phụ nhỏ hơn, nhưng dẫu sao vẫn là các thái dương tổ phụ.

62. There are, we find, even ‘within’ the egoic lotus, both greater and lesser “solar Lords”.

62. Chúng ta thấy rằng ngay cả ‘bên trong’ Hoa Sen Chân Ngã cũng có cả những “nhật tinh quân” lớn hơn lẫn nhỏ hơn.

63. We find that the greater “solar Lords” are synthetic and absorptive.

63. Chúng ta thấy rằng các “nhật tinh quân” lớn hơn có tính tổng hợp và hấp thụ.

64. The lesser “solar Lords” are responsive to the greater.

64. Các “nhật tinh quân” nhỏ hơn đáp ứng với các vị lớn hơn.

65. We are reminded that the term “petals” is symbolic of certain energy configurations.

65. Chúng ta được nhắc rằng thuật ngữ “các cánh hoa” là biểu tượng cho những cấu hình

"Petals", then, is simply a convenient term—a suggestive mental image meant to assist the growth of our understanding.

năng lượng nào đó. Vậy nên, "các cánh hoa" chỉ đơn giản là một thuật ngữ thuận tiện—một hình ảnh trí tuệ gợi ý nhằm hỗ trợ sự tăng trưởng trong thấu hiểu của chúng ta.

66. "Petals" are also called "whorls" or "wheels", terms which suggest motions related to chakric behavior.

66. "Các cánh hoa" cũng được gọi là "những vòng xoáy" hay "những bánh xe", những thuật ngữ gợi ý các chuyển động liên hệ đến hoạt động của các luân xa.

There is a close analogy in connection with the planetary Logos, and the solar Logos between ***prana***, the life force which animates the etheric body of man, and by means of that [Page 834] force coheres the dense physical body, and **that synthesising life force of the Logos** which animates every atom on every plane of the system. If this is meditated upon, and the fact of all our planes being the etheric and dense manifestation of the solar Logos is realised, **then the place played by the solar Angels may become somewhat elucidated, and their relation to the planetary Logos and to the solar Logos may become also clearer**.

Có một sự tương đồng gần gũi liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế và Thái dương Thượng đế giữa ***prana***, mãnh lực sự sống làm sinh động thể dĩ thái của con người, và nhờ mãnh lực đó mà [Page 834] thể xác đậm đặc được cố kết, và **mãnh lực sự sống tổng hợp ấy của Thượng đế** làm sinh động mọi nguyên tử trên mọi cõi của hệ thống. Nếu điều này được tham thiền, và sự kiện rằng mọi cõi của chúng ta đều là biểu hiện dĩ thái và đậm đặc của Thái dương Thượng đế được chứng nghiệm, **thì vai trò do các Thái dương Thiên Thần đảm nhiệm có thể trở nên phần nào sáng tỏ hơn, và mối liên hệ của họ với Hành Tinh Thượng Đế và với Thái dương Thượng đế cũng có thể trở nên rõ ràng hơn**.

67. From what is said above we can think of the Solar Angels as analogous to *prana*—the force which coheres the etheric body of man. We may consider the Solar Angel as representing the "synthesising life force of the Logos", as that which *animates.* They are 'animators' of the dense physical body of the Logos

67. Từ điều được nói ở trên, chúng ta có thể nghĩ về các Thái dương Thiên Thần như tương tự với *prana*—mãnh lực cố kết thể dĩ thái của con người. Chúng ta có thể xem Thái dương Thiên Thần như đại diện cho "mãnh lực sự sống tổng hợp của Thượng đế", như cái *làm sinh động.* Họ là những 'đấng làm sinh động' thể xác đậm đặc của Thượng đế

68. Solar Angels bridge between the cosmic ethers and the dense physical plane of the Logos. They bring triadal life into that lower triangle represented by the personality.

68. Các Thái dương Thiên Thần bắt cầu giữa các dĩ thái vũ trụ và cõi hồng trần đậm đặc của Thượng đế. Họ mang sự sống tam nguyên tinh thần vào tam giác thấp được biểu hiện bởi phàm ngã.

We must not only study them in connection with ourselves

Chúng ta không chỉ phải nghiên cứu họ trong mối liên hệ với chính mình

69. This would be the strictly microcosmic approach. We need the larger picture as well.

69. Đây sẽ là cách tiếp cận hoàn toàn theo tiểu thiên địa. Chúng ta cũng cần bức tranh lớn hơn.

and with our effort to identify ourselves with the solar Lords of the lunar Pitris, but must recognise also:

và với nỗ lực của chúng ta nhằm đồng hoá với các nhật tinh quân của các thái âm tổ phụ, mà còn phải nhận ra nữa rằng:

70. Note the interesting phrase—"the solar Lords of the lunar Pitris". We see clearly what is meant to be the relationship between these two types of Pitris.

70. Hãy lưu ý cụm từ thú vị—"các nhật tinh quân của các thái âm tổ phụ". Chúng ta thấy rõ mối liên hệ giữa hai loại tổ phụ này được hàm ý là gì.

a. The solar Angels of a planetary scheme.

a. Các Thái dương Thiên Thần của một hệ hành tinh.

71. A Planetary Logos has a great Solar Angel (in fact probably a number of great Solar Pitris) which form His egoic lotus.

71. Một Hành Tinh Thượng Đế có một Thái dương Thiên Thần vĩ đại (thực ra có lẽ là một số thái dương tổ phụ vĩ đại) tạo thành Hoa Sen Chân Ngã của Ngài.

b. The solar Angels of the solar system.

b. Các Thái dương Thiên Thần của hệ mặt trời.

72. The same can be said with respect to a Solar Logos, but the type of Solar Angel will be even greater and, again, will be the creator and sustainer of the causal body of the Solar Logos.

72. Điều tương tự có thể được nói đối với một Thái dương Thượng đế, nhưng loại Thái dương Thiên Thần sẽ còn vĩ đại hơn nữa và, một lần nữa, sẽ là đấng sáng tạo và duy trì thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế.

c. The lunar lords of the scheme and system.

c. Các nguyệt tinh quân của hệ hành tinh và hệ thống.

73. We are dealing with greater lunar lords and not only with those which go to the constitution of the lunar vehicles of man,

73. Chúng ta đang bàn đến các nguyệt tinh quân lớn hơn chứ không chỉ những vị góp phần vào cấu tạo các vận cụ thái âm của con

and which work upon and within those vehicles.

người và hoạt động trên và trong các vận cụ ấy.

The word "lunar" is here an anachronism and is technically inaccurate.

Từ "thái âm" ở đây là một từ lỗi thời và về mặt kỹ thuật là không chính xác.

74. The term “lunar” applies to lower vehicles of man. The Solar Logos and Planetary Logos also have lower vehicles but have little to do with the Moon of the Earth-scheme. Hence, from the technical standpoint, the inappropriateness of the term “lunar”.

74. Thuật ngữ “thái âm” áp dụng cho các vận cụ thấp của con người. Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế cũng có các vận cụ thấp nhưng ít liên hệ với Mặt Trăng của hệ Địa Cầu. Vì thế, xét theo quan điểm kỹ thuật, thuật ngữ “thái âm” là không thích hợp.

The moon or moons in any scheme are **systemic effects, and are not causes.**

Mặt trăng hay các mặt trăng trong bất kỳ hệ hành tinh nào đều là **những hiệu quả hệ thống, chứ không phải nguyên nhân.**

75. Moons, having no true remaining *higher* life of their own, are not, in general, causative.

75. Các mặt trăng, không còn sự sống *cao hơn* đích thực của riêng mình, nói chung không có tính nhân quả.

76. We notice that DK speaks of them in terms of the solar system and not only of planetary systems. He calls them “systemic” effects.

76. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK nói về chúng theo phương diện hệ mặt trời chứ không chỉ các hệ hành tinh. Ngài gọi chúng là những hiệu quả “hệ thống”.

77. Crystallized states of energy relationship representing the *past* are *effects.*

77. Những trạng thái kết tinh của các mối liên hệ năng lượng đại diện cho *quá khứ* là những *hiệu quả.*

In certain planetary relationships, they are considered causes,

Trong một số mối liên hệ hành tinh nhất định, chúng được xem là nguyên nhân,

78. They certainly have their effects.

78. Chắc chắn chúng có những tác động của mình.

but in connection with our solar system they are not.

nhưng liên hệ với hệ mặt trời của chúng ta thì không phải vậy.

79. There are many Moons within the periphery of the solar system and outside

79. Có nhiều Mặt Trăng trong chu vi của hệ mặt trời và bên ngoài chu vi ấy có ít nhất

the periphery there is at least one “cosmic Moon” which acts in relation to the solar system as the Earth’s Moon acts in relation to the Earth-scheme.

một “Mặt Trăng vũ trụ” hành động đối với hệ mặt trời giống như Mặt Trăng của Trái Đất hành động đối với hệ Địa Cầu.

Yet also, in connection with a system, **there exist cosmically certain bodies in space which have as definite an effect upon the system as the moon has upon the earth**.

Tuy nhiên, liên hệ với một hệ thống, **về mặt vũ trụ vẫn tồn tại những thiên thể nào đó trong không gian có tác động lên hệ thống cũng xác định như tác động của mặt trăng lên trái đất**.

80. As stated above. Microcosmically and macrocosmically, ‘lunar effects’ have been created and linger as unresolved karmic factors

80. Như đã nói ở trên. Ở cấp tiểu thiên địa và đại thiên địa, các ‘hiệu quả thái âm’ đã được tạo ra và còn lưu lại như những yếu tố nghiệp quả chưa được giải quyết

This is something as yet unknown and incomprehensible to metaphysicians, scientists and astronomers.

Điều này hiện vẫn còn là điều chưa được biết đến và không thể hiểu nổi đối với các nhà siêu hình học, các nhà khoa học và các nhà thiên văn học.

81. We are probably dealing with the disintegrating vehicle of the previous solar system as well as with greater ‘lunar’ constellations.

81. Có lẽ chúng ta đang bàn đến vận cụ đang tan rã của hệ mặt trời trước cũng như những chòm sao ‘thái âm’ lớn hơn.

War wages cosmically as yet between the systemic "lunar" lords, and **those Entities who are analogous to the solar Lords on cosmic levels.**

Chiến tranh vẫn đang diễn ra ở cấp vũ trụ giữa các chúa tể "thái âm" của hệ thống, và **những Thực Thể tương tự với các nhật tinh quân ở các cấp độ vũ trụ.**

82. Our Solar Logos is not yet a “sacred” Solar Logos. This state of non-sacredness is also true for those human beings in whom the analogy to this cosmic war rages.

82. Thái dương Thượng đế của chúng ta chưa phải là một Thái dương Thượng đế “thiêng liêng”. Tình trạng chưa thiêng liêng này cũng đúng đối với những con người trong đó sự tương tự với cuộc chiến vũ trụ này đang diễn ra.

83. The cosmic Solar Angels are “those Entities who are analogous to the solar Lords on cosmic levels”.

83. Các Thái dương Thiên Thần vũ trụ là “những Thực Thể tương tự với các nhật tinh quân ở các cấp độ vũ trụ”.

84. If the analogy holds good, such "Entities" sacrifice themselves to descend to the higher levels of the cosmic mental plane! This means that they are minimally super-cosmic etheric Beings and may even derive from the Super-Cosmic Astral Plane (the existence of which can only be inferred as it is not shown on any chart or otherwise described).

84. Nếu sự tương đồng này là đúng, những "Thực Thể" như thế hy sinh chính mình để giáng xuống các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ! Điều này có nghĩa là tối thiểu họ là các Hữu thể dĩ thái siêu-vũ-trụ và thậm chí có thể xuất phát từ Cõi Cảm Dục Siêu-Vũ-Trụ (sự hiện hữu của cõi này chỉ có thể được suy ra vì nó không được trình bày trên bất kỳ biểu đồ nào hay được mô tả theo cách khác).

Until our students extend their concept to **include in their calculations the logoic astral and mental bodies** as the Logos seeks to express emotion and mind on the physical plane (through His physical body, a solar system) **they will not progress far towards the heart of the solar mystery.**

Cho đến khi các đạo sinh của chúng ta mở rộng khái niệm của mình để **bao gồm trong những tính toán của họ thể cảm dục và thể trí của Thượng đế** khi Thượng đế tìm cách biểu lộ cảm xúc và trí tuệ trên cõi hồng trần (qua thể xác của Ngài, một hệ mặt trời) **thì họ sẽ không tiến xa về phía trái tim của huyền nhiệm thái dương.**

85. We are being advised concerning a perspective necessary for all those who wish to progress "towards the heart of the solar mystery".

85. Chúng ta đang được chỉ dạy về một góc nhìn cần thiết cho tất cả những ai muốn tiến bộ "về phía trái tim của huyền nhiệm thái dương".

86. We live within a great macrocosm and must attempt to remain somewhat aware of its scope. It is, of course, a great stretch, but, imaginatively, we are capable of it.

86. Chúng ta sống trong một đại thiên địa vĩ đại và phải cố gắng duy trì phần nào sự nhận biết về tầm vóc của nó. Dĩ nhiên, đó là một sự vươn tới rất lớn, nhưng bằng sự tưởng tượng, chúng ta có khả năng làm được điều đó.

Until the force of the cosmic lunar Lords is sought for, the fact of **there being entire constellations beyond our solar system in process of disintegration in time and space in a manner similar to** [Page 835] **the disintegration of the moon will not be known nor the effects of this traced.**

Cho đến khi mãnh lực của các chúa tể thái âm vũ trụ được truy tìm, sự kiện rằng **có những chòm sao trọn vẹn bên ngoài hệ mặt trời của chúng ta đang trong tiến trình tan rã trong thời gian và không gian theo cách tương tự như** [Page 835] **sự tan rã của mặt trăng sẽ không được biết đến, và các tác động của điều này cũng sẽ không được truy ra.**

87. We note the use of the word "constellations" is important. DK is here speaking of more than a kind of "cosmic Moon" (a former sun, now turned 'lunar') related to our solar system. Constellations, themselves, go through various incarnations (we may infer) and there may be 'constellational Moons' as well as residual 'solar systemic Moons'.

87. Chúng ta lưu ý rằng việc dùng từ "chòm sao" là quan trọng. Ở đây Chân sư DK đang nói đến nhiều hơn một loại "Mặt Trăng vũ trụ" (một mặt trời trước kia, nay đã trở thành 'thái âm') liên hệ với hệ mặt trời của chúng ta. Bản thân các chòm sao cũng trải qua nhiều lần lâm phàm khác nhau (chúng ta có thể suy ra như vậy) và có thể có những 'Mặt Trăng của chòm sao' cũng như những 'Mặt Trăng hệ mặt trời' còn sót lại.

88. For practical purposes, there is a kind of "cosmic Moon" related to our present solar system and it exerts a backward-pulling, negative effect upon our solar system just as our Moon does with respect to our planet.

88. Xét theo mục đích thực tiễn, có một loại "Mặt Trăng vũ trụ" liên hệ với hệ mặt trời hiện tại của chúng ta và nó gây một tác động âm, kéo lùi lên hệ mặt trời của chúng ta giống như Mặt Trăng của chúng ta gây ra đối với hành tinh của chúng ta.

Eventually our solar system will pass into a similar state.

Cuối cùng hệ mặt trời của chúng ta sẽ đi vào một trạng thái tương tự.

89. Can our solar system be considered a "constellation"? Not as the word "constellation" is usually defined. However, a complex aggregation of planets and a sun is, from one perspective, a constellated aggregate of heavenly bodies or "constellation".

89. Hệ mặt trời của chúng ta có thể được xem là một "chòm sao" không? Không, nếu từ "chòm sao" được định nghĩa theo cách thông thường. Tuy nhiên, một tập hợp phức hợp gồm các hành tinh và một mặt trời, từ một góc nhìn nào đó, là một tập hợp thiên thể kết chòm hay một "chòm sao".

90. When the period of synthesis, obscuration and absorption is reached, the higher principles will be withdrawn from the external vehicles of the Solar Logos and those vehicles will begin to disintegrate.

90. Khi chu kỳ tổng hợp, che khuất và hấp thụ đạt tới, các nguyên khí cao hơn sẽ được rút khỏi các vận cụ bên ngoài của Thái dương Thượng đế và các vận cụ ấy sẽ bắt đầu tan rã.

The true mystery of evil[65] lies here, and the true reality of the "War in Heaven" must here be sought.

Chính trong đây có huyền nhiệm đích thực của điều ác65, và chính ở đây phải tìm kiếm thực tại đích thực của "Chiến Tranh trên Thiên Đàng".

91. Chúng ta có thể nói rằng nếu không có thời gian và tiến hoá, sẽ không có điều ác.

91. We might say that were there no time and evolutionary progress, there would be no evil.

92. The “War in Heaven” is solar systemic and even cosmic in scope. The Planetary Logoi and Solar Logoi are involved, and perhaps Beings of even larger scope.

92. “Chiến Tranh trên Thiên Đàng” có tầm mức hệ mặt trời và thậm chí vũ trụ. Các Hành Tinh Thượng Đế và các Thái dương Thượng đế đều liên quan, và có lẽ cả những Hữu thể có tầm mức còn lớn hơn.

65*: Problem of Evil.*

65*: Vấn đề về Điều Ác.*

The following quotation is from a trance writing, given through Dr. Anna Kingsford;

Trích dẫn sau đây là từ một bản viết trong trạng thái xuất thần, được truyền qua Bác sĩ Anna Kingsford;

93. VSK inquires: “Who was the source for her trance?”

93. VSK hỏi: “Ai là nguồn cho trạng thái xuất thần của bà?”

94. The response is so philosophical and the source, it seems, is quite high.

94. Lời đáp rất triết học và nguồn ấy, dường như, khá cao.

it runs thus:

nó như sau:

"You have demanded also the origin of evil. This is a great subject and we should have withheld it from you longer, but that it seems to us now that you are in need of it.

"Bạn cũng đã đòi hỏi nguồn gốc của điều ác. Đây là một chủ đề lớn và lẽ ra chúng tôi còn phải giữ lại nó với bạn lâu hơn, nhưng hiện nay dường như với chúng tôi rằng bạn đang cần đến nó.

95. Those who understand are cautious about how much they reveal. They do not reveal information simply because the recipient ‘wants’ to know, but only if there is a true *need* for the information.

95. Những ai thấu hiểu đều thận trọng về mức độ họ tiết lộ. Họ không tiết lộ thông tin chỉ vì người tiếp nhận ‘muốn’ biết, mà chỉ khi thật sự có *nhu cầu* đối với thông tin ấy.

96. The revealing sources are always judging the readiness of those who would receive.

96. Các nguồn mặc khải luôn luôn đánh giá mức độ sẵn sàng của những người sẽ tiếp nhận.

Understand then that Evil is the result of Creation.

Vậy hãy hiểu rằng Điều Ác là kết quả của Sáng Tạo.

97. "2. Time IS. Being descends to manifest. **Creation is**. Time then and form agree. Being and time do not agree." (DINA II 284-285)

97. "2. Thời gian LÀ. Bản Thể giáng xuống để biểu lộ. **Sáng Tạo là**. Khi đó thời gian và hình tướng hòa hợp. Bản Thể và thời gian không hòa hợp." (DINA II 284-285)

98. DK is telling us that in the Archetypal World (the World of Being) 'above' the World of Becoming (i.e., the World of Creation), evil (at least as we understand it) does not exist.

98. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng trong Thế Giới Nguyên Mẫu (Thế Giới Bản Thể) 'ở trên' Thế Giới Đang Trở Thành (tức là Thế Giới của Sáng Tạo), điều ác (ít nhất như chúng ta hiểu) không tồn tại.

For Creation is the result of the projection of Spirit into matter; and with this projection came the first germ of evil. We would have you know that there is no such thing as a purely spiritual evil, but evil is the result of the materialisation of Spirit

Vì Sáng Tạo là kết quả của sự phóng chiếu tinh thần vào vật chất; và cùng với sự phóng chiếu này đã đến mầm mống đầu tiên của điều ác. Chúng tôi muốn bạn biết rằng không có cái gọi là điều ác thuần túy tinh thần, nhưng điều ác là kết quả của sự hiện hình của tinh thần

99. Creation carries the seeds of evil because with it comes a limitation of perception. The act of creation must perforce exclude all possibilities except one. Evil is the result, therefore, of making a choice. Evil is, always, "the other". Its existence rests upon the existence of duality.

99. Sáng Tạo mang theo các hạt giống của điều ác vì cùng với nó xuất hiện một sự giới hạn trong tri giác. Hành vi sáng tạo tất yếu phải loại trừ mọi khả thể ngoại trừ một. Vì vậy, điều ác là kết quả của việc đưa ra một lựa chọn. Điều ác luôn luôn là "cái khác". Sự tồn tại của nó dựa trên sự tồn tại của nhị nguyên tính.

100. Evil and materialization are inseparable. But materialization of the Spirit is always part of the Universal Divine Plan, so evil (though it is not a "purely spiritual evil") is also part of the Divine Plan. This is the evil based on *ignorance* and not the far more severe and malignant evil based on willful refusal to keep pace with the schedule and objectives of the Divine Plan.

100. Điều ác và sự hiện hình là không thể tách rời. Nhưng sự hiện hình của tinh thần luôn luôn là một phần của Thiên Cơ thiêng liêng phổ quát, vì thế điều ác (dù không phải là một "điều ác thuần túy tinh thần") cũng là một phần của Thiên Cơ thiêng liêng. Đây là điều ác dựa trên *vô minh* chứ không phải điều ác nghiêm trọng và độc hại hơn nhiều dựa trên sự từ chối cố ý không theo kịp tiến trình và các mục tiêu của Thiên Cơ thiêng liêng.

. If you examine carefully all we have said to you concerning the various forms of evil, you will see that every one is the result of the **limitation of the power to perceive** that **the whole Universe is but the Larger Self....**

. Nếu bạn khảo xét cẩn thận tất cả những gì chúng tôi đã nói với bạn về các hình thức điều ác khác nhau, bạn sẽ thấy rằng mỗi hình thức đều là kết quả của **sự giới hạn của năng lực tri giác** rằng **toàn thể Vũ Trụ chỉ là Đại Ngã....**

101. This is a statement of the most profound importance. In Buddhism, the one great Evil is *ignorance.* Here, the same thought is expressed in explicit terms.

101. Đây là một phát biểu có tầm quan trọng sâu xa nhất. Trong Phật giáo, điều Ác lớn duy nhất là *vô minh.* Ở đây, cùng một tư tưởng được diễn đạt bằng những từ ngữ minh nhiên.

102. Limited perception results in evil. This is, perhaps, why the Brothers of the Black Lodge are said to be victims of "unique blindness".

102. Tri giác giới hạn dẫn đến điều ác. Có lẽ đây là lý do vì sao các Huynh Đệ của Hắc đoàn được nói là nạn nhân của "sự mù lòa độc nhất".

Forget not that these Lords of Form are **souls of great age and unique blindness.** But that later, in some far distant cycle, and when karma has worked upon them and the Great Law has exacted full payment for all wrong done, that they too will begin to develop the love aspect and to transmute their motives. (DINA I 64)

Đừng quên rằng các Chúa Tể của Hình Tướng này là **những linh hồn rất cổ xưa và có sự mù lòa độc nhất.** Nhưng về sau, trong một chu kỳ xa xôi nào đó, và khi nghiệp quả đã tác động lên họ và Đại Định luật đã đòi đủ sự thanh toán cho mọi điều sai trái đã gây ra, thì chính họ cũng sẽ bắt đầu phát triển phương diện bác ái và chuyển hoá các động cơ của mình. (DINA I 64)

103. But, it is not just any kind of perception that is missing but what might be called '*holistic* perception'. Evil results in the inability to perceive that the 'Whole is One'. "Let the group know that life is one and naught can ever take or touch that life". "Let the group know there are no other selves". Could these injunctions be realized by those with sufficient development to realize them, certainly *willful evil* would cease and the evil born of ignorance be much reduced.

103. Nhưng điều thiếu vắng không chỉ là bất kỳ loại tri giác nào mà là điều có thể được gọi là tri giác '*toàn thể*'. Điều ác dẫn đến sự bất lực trong việc tri giác rằng 'Toàn Thể là Một'. "Hãy để nhóm biết rằng sự sống là một và không gì có thể lấy đi hay chạm đến sự sống ấy". "Hãy để nhóm biết rằng không có những bản ngã khác". Nếu những huấn lệnh này được chứng nghiệm bởi những ai có đủ sự phát triển để chứng nghiệm chúng, chắc chắn *điều ác cố ý* sẽ chấm dứt và điều ác sinh ra từ vô minh sẽ giảm đi rất nhiều.

104. It is really an amazing thought—"the whole Universe is but the Larger Self". With

104. Thật là một tư tưởng đáng kinh ngạc —"toàn thể Vũ Trụ chỉ là Đại Ngã". Với sự

this realization, the Great Heresy of Separateness comes to an end.

chứng nghiệm này, Đại Tà thuyết về Tính Tách Biệt đi đến chấm dứt.

It is, then, true that God created evil;

Vậy thì, quả thật Thượng đế đã tạo ra điều ác;

105. This occurs simply when "Being descends to manifest". (DINA II 284) It is inevitable.

105. Điều này xảy ra đơn giản khi "Bản Thể giáng xuống để biểu lộ". (DINA II 284) Điều đó là không thể tránh khỏi.

but yet it is true that God is Spirit, and being Spirit is incapable of evil.

nhưng cũng đúng rằng Thượng đế là tinh thần, và là tinh thần nên không thể có điều ác.

106. Thus, is an apparent paradox stated.

106. Như vậy, một nghịch lý bề ngoài được nêu ra.

107. Spirit, being 'Wholeness Itself", cannot be partial, cannot be anything less than it is —pure Essence. Spirit, per se, is not subject to limitation.

107. Tinh thần, là 'Chính Tính Toàn Thể', không thể là cục bộ, không thể là bất cứ gì kém hơn chính nó—Tinh Túy thuần khiết. Tinh thần, chính nó, không chịu sự giới hạn.

Evil is then purely and solely the result of the materialisation of God.

Vậy thì điều ác hoàn toàn và duy nhất là kết quả của sự hiện hình của Thượng đế.

108. An inevitable materialization, occurring cyclically forever, without beginning and without end. The Universe, from this perspective, is inseparable from evil. As the "materialization of God" occurs forever, evil (by this definition) will recur forever.

108. Một sự hiện hình tất yếu, xảy ra theo chu kỳ mãi mãi, không có khởi đầu và không có kết thúc. Từ góc nhìn này, Vũ Trụ không thể tách rời khỏi điều ác. Khi "sự hiện hình của Thượng đế" xảy ra mãi mãi, điều ác (theo định nghĩa này) cũng sẽ tái diễn mãi mãi.

109. It is obvious that a quite high philosophical 'Spirit' is speaking through Dr. Kingsford.

109. Rõ ràng là một 'Tinh thần' triết học khá cao đang nói qua Bác sĩ Kingsford.

This is a great mystery.

Đây là một huyền nhiệm lớn.

110. Perhaps the greatest of them all. Perhaps an even greater mystery is why the materialization of Spirit should occur at all.

110. Có lẽ là lớn nhất trong tất cả. Có lẽ một huyền nhiệm còn lớn hơn nữa là tại sao sự

hiện hình của tinh thần lại phải xảy ra ngay từ đầu.

We can but indicate it tonight... God is perception itself. God is universal percipience.

Tối nay chúng tôi chỉ có thể chỉ ra điều đó... Thượng đế chính là tri giác. Thượng đế là năng lực tri giác phổ quát.

111. From one perspective (the consciousness perspective) this is true. Our question is whether Universal Essence is the same as universal perception or percipience.

111. Từ một góc nhìn (góc nhìn tâm thức), điều này là đúng. Câu hỏi của chúng ta là liệu Tinh Túy Phổ Quát có đồng nhất với tri giác phổ quát hay năng lực tri giác hay không.

God is that which sees and that which is seen.

Thượng đế là cái thấy và cái được thấy.

112. There is none other than "God"—the Seer and the Seen.

112. Không có gì khác ngoài "Thượng đế"—Đấng Tri Kiến và cái được thấy.

If we could see all, hear all, touch all, and so forth, there would be no evil, for evil comes of the limitation of perception.

Nếu chúng ta có thể thấy tất cả, nghe tất cả, chạm đến tất cả, v.v., sẽ không có điều ác, vì điều ác phát sinh từ sự giới hạn của tri giác.

113. Here we have *a crowning statement.* Evil is to act as the ignorant *part* rather than the omniscient *Whole.*

113. Ở đây chúng ta có *một phát biểu tối hậu.* Điều ác là hành động như *phần* vô minh thay vì *Toàn Thể* toàn tri.

Such limitation was necessary if God was to produce aught other than God.

Sự giới hạn như thế là cần thiết nếu Thượng đế muốn tạo ra bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế.

114. And, this, of course, is the Great Mystery. Why should God wish to produce aught other than God? When we seek for the answer, we are in danger of anthropomorphizing.

114. Và dĩ nhiên, đây là Huyền Nhiệm Lớn. Tại sao Thượng đế lại muốn tạo ra bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế? Khi tìm câu trả lời, chúng ta có nguy cơ nhân cách hóa Thượng đế.

Aught other than God must be less than God. Without evil, therefore, God would have remained alone.

Bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế đều phải kém hơn Thượng đế. Vì vậy, nếu không có điều ác, Thượng đế hẳn đã vẫn ở một mình.

115. Well, this is a rather anthropomorphic explanation. Can God be 'lonely'?

115. Đây là một cách giải thích khá nhân cách hóa. Thượng đế có thể 'cô đơn' chăng?

116. Fascinating though: "aught other than God", since it is, necessarily, *less* than God and, therefore, limitation itself (and also subject to limitation) must be inseparable to evil.

116. Tuy vậy thật hấp dẫn: "bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế", vì nó tất yếu *kém hơn* Thượng đế và, do đó, chính sự giới hạn (và cũng chịu sự giới hạn) phải là điều không thể tách rời khỏi điều ác.

117. Limitation is inseparable from evil. "Aught other than God" is always less than God, is limitation itself, and is, thus, inseparable from evil. Creation being "other than God" is always inseparable from evil.

117. Sự giới hạn không thể tách rời khỏi điều ác. "Bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế" luôn luôn kém hơn Thượng đế, chính là sự giới hạn, và do đó không thể tách rời khỏi điều ác. Sáng Tạo, là "khác ngoài Thượng đế", luôn luôn không thể tách rời khỏi điều ác.

All things are God according to the measure of the Spirit in them."

Mọi sự vật đều là Thượng đế tùy theo mức độ tinh thần ở trong chúng."

118. If the fulness of Spirit is present, the fulness of God is present. But can anything which is "aught other than God" contain the fulness of Spirit? But, in another way, can anything which is "aught other than God" *not* contain the fulness of God? This is another way of asking if there can really be *anything* which is, *essentially*, "aught other than God".

118. Nếu sự viên mãn của tinh thần hiện diện, thì sự viên mãn của Thượng đế hiện diện. Nhưng liệu bất cứ điều gì là "bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế" có thể chứa đựng sự viên mãn của tinh thần không? Nhưng theo một cách khác, liệu bất cứ điều gì là "bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế" lại có thể *không* chứa đựng sự viên mãn của Thượng đế không? Đây là một cách khác để hỏi liệu thực sự có thể có *bất cứ điều gì* mà, về bản chất, là *thật sự* "bất cứ điều gì khác ngoài Thượng đế" hay không.

119. In any case, we are more 'God-like' when we 'contain' a greater measure of Spirit.

119. Dù sao đi nữa, chúng ta 'giống Thượng đế' hơn khi chúng ta 'chứa đựng' một mức độ tinh thần lớn hơn.

That is to say, a perfected humanity will be a perfect vehicle of the divine Spirit (see the Mercaba of Ezekiel, 1st Chapter).

Nghĩa là, một nhân loại được hoàn thiện sẽ là một vận cụ hoàn hảo của tinh thần thiêng liêng (xem Mercaba của Ezekiel, Chương 1).

120. This, of course, is a relative statement. In a way, there can be no *perfected* vehicle of

120. Dĩ nhiên, đây là một phát biểu tương đối. Theo một nghĩa nào đó, không thể có

the Divine Spirit. Only a very relative perfection can be reached.

một vận cụ *được hoàn thiện* của Tinh thần thiêng liêng. Chỉ có thể đạt tới một sự hoàn thiện rất tương đối.

Great is our indebtedness to the Seers who throw out for us flashes of light on the darkness and mystery of human life, where the struggling Spirit within is so often buried in the depths of this mysterious Chaos,

Lớn lao thay món nợ tri ân của chúng ta đối với các nhà thông nhãn, những vị đã tung ra cho chúng ta những tia chớp ánh sáng trên bóng tối và huyền nhiệm của đời sống con người, nơi Tinh thần đang tranh đấu bên trong thường bị chôn vùi sâu trong lòng Hỗn Mang huyền bí này,

121. It is "Chaos" which gives the illusion of mystery. It is only the limited perception which perceives chaos and obscurity. For the God Who is "All-in-All" there are no mysteries—at least no intra-cosmic mysteries, for the state of Absoluteness must ever remain a mystery to any and all Body/beings.

121. Chính "Hỗn Mang" tạo ra ảo tưởng về huyền nhiệm. Chỉ có tri giác hạn hẹp mới nhận thấy hỗn mang và tối tăm. Đối với Thượng đế là "Tất Cả-trong-Tất Cả", không có huyền nhiệm nào—ít nhất không có huyền nhiệm nội vũ trụ, vì trạng thái Tuyệt Đối tính phải mãi mãi vẫn là một huyền nhiệm đối với bất kỳ và mọi Thể/thực thể nào.

122. In any case, we are indebted to the Seers such as the one speaking through Dr. Kingsford.

122. Dù sao đi nữa, chúng ta mang ơn các nhà thông nhãn như vị đang phát ngôn qua Tiến sĩ Kingsford.

thereby making visible the darkness, so that we are enabled to see a few steps of the Way ahead, thus encouraging us to press forward with renewed assurance that the mists and clouds will be dispelled, and we shall in due time enter the fulness of the divine Presence.

nhờ đó làm cho bóng tối trở nên hữu hình, để chúng ta có thể thấy được vài bước của Con Đường phía trước, nhờ vậy khích lệ chúng ta tiến lên với sự vững tin được đổi mới rằng sương mù và mây che sẽ bị xua tan, và đến đúng thời chúng ta sẽ đi vào sự viên mãn của Hiện Diện thiêng liêng.

—*The Theosophist*, Vol. XXIX, p. 50.

—*The Theosophist*, Tập XXIX, tr. 50.

123. This marvelous little piece ends with an exhortation to press forward towards the "fulness of the divine Presence".

123. Mẩu văn tuyệt diệu này kết thúc bằng một lời khuyến dụ hãy tiến lên hướng tới "sự viên mãn của Hiện Diện thiêng liêng".

124. From all we have read, we may conclude that 'All is Divine', and that even that which appears to be "other than God" or

124. Từ tất cả những gì chúng ta đã đọc, chúng ta có thể kết luận rằng 'Tất Cả đều là thiêng liêng', và ngay cả điều có vẻ là "khác với Thượng đế" hay "kém hơn Thượng đế"

"less than God" is, in fact, God, per se, though in form disguised.

thì thật ra cũng chính là Thượng đế, chính nó, dù được ngụy trang trong hình tướng.

125. We are encouraged to enhance our perception, thus, gradually overcoming limitation of perception and, thus, by definition, overcoming the evil which arises through limitation of perception.

125. Chúng ta được khuyến khích tăng cường tri giác của mình, nhờ đó dần dần vượt qua sự hạn chế của tri giác và, như vậy, theo định nghĩa, vượt qua điều ác phát sinh từ sự hạn chế của tri giác.

Similarly it must be remembered that planetary schemes pass into obscuration and "die out,"

Tương tự, cũng phải nhớ rằng các hệ hành tinh đi vào sự che mờ và "tắt lịm",

126. This is true of all spherical expressions of life—globes, chains, solar systems, cosmic systems and beyond.

126. Điều này đúng với mọi biểu hiện hình cầu của sự sống—các bầu hành tinh, các Dãy, các hệ mặt trời, các hệ vũ trụ và còn vượt xa hơn nữa.

127. The sequence of terminal processes is: synthesis, obscuration, absorption and dying out. There are, of course, overlaps.

127. Trình tự của các tiến trình kết thúc là: tổng hợp, che mờ, hấp thụ và tắt lịm. Dĩ nhiên, có những chỗ chồng lấn.

through the withdrawal in all cases of the positive life and energy and of the electric fire which is the animating principle of every system, scheme, globe, kingdom in nature, and human unit.

qua sự rút lui trong mọi trường hợp của sự sống và năng lượng dương, và của Lửa Điện là nguyên khí linh hoạt của mọi hệ thống, hệ hành tinh, bầu hành tinh, giới trong thiên nhiên, và đơn vị nhân loại.

128. Is "positive life" to be discriminated from "electric fire"? Usually, they are one and the same. It could be that the "positive life" includes, as well, the *soul* life of each of the types of entities here mentioned. It would seem reasonable that when the dying out occurs, both life and consciousness will be withdrawn.

128. Có nên phân biện "sự sống dương" với "Lửa Điện" hay không? Thông thường, chúng là một và cùng một điều. Có thể "sự sống dương" cũng bao gồm cả sự sống của *linh hồn* của mỗi loại thực thể được nêu ở đây. Có vẻ hợp lý khi cho rằng khi sự tắt lịm xảy ra, cả sự sống lẫn tâm thức đều sẽ được rút đi.

129. From another perspective, electric fire may be considered related to the first aspect of divinity, and the "positive life and energy" as *beyond identification with any of the aspects* and as substanding all three of them.

129. Từ một góc nhìn khác, Lửa Điện có thể được xem là liên hệ với phương diện thứ nhất của thiên tính, còn "sự sống và năng lượng dương" thì *vượt ngoài sự đồng hoá với bất kỳ phương diện nào* và nâng đỡ cả ba phương diện ấy.

This produces again in every case the dying out of the "solar radiance," or of the light produced by the commingling of the negative and positive energy.

Điều này lại tạo ra trong mọi trường hợp sự tắt lịm của "ánh quang thái dương", hay của ánh sáng được tạo ra bởi sự hòa trộn của năng lượng âm và dương.

130. So, consciousness, light or "solar radiance" dies out when electric fire is withdrawn. If the positive energy is withdrawn, the resultant light of consciousness disappears.

130. Vậy nên, tâm thức, ánh sáng hay "ánh quang thái dương" tắt lịm khi Lửa Điện bị rút đi. Nếu năng lượng dương bị rút đi, ánh sáng tâm thức phát sinh sẽ biến mất.

All that is left in every case again is the **habitual energy of the substance** upon which, and through which, the positive energy has had such a remarkable [Page 836] effect.

Trong mọi trường hợp, điều còn lại chỉ là **năng lượng tập quán của chất liệu** mà trên đó, và thông qua đó, năng lượng dương đã có một tác động [Page 836] đáng kể như thế.

131. The phrase "habitual energy of the substance" is noteworthy. Such substantial energy is subject to rotary motion and it is this type of motion which defines the repetitive action of habit.

131. Cụm từ "năng lượng tập quán của chất liệu" rất đáng chú ý. Loại năng lượng chất liệu này chịu sự chi phối của chuyển động quay, và chính loại chuyển động này xác định hành động lặp đi lặp lại của thói quen.

132. The higher energies engage with such substance to recondition the habitual energy patterns displayed by that substance.

132. Các năng lượng cao hơn tương tác với chất liệu như thế để tái định hình các mô hình năng lượng tập quán do chất liệu ấy biểu lộ.

133. The Moon (in its present condition) displays only I energy patterns, since it is now devoid of first and second aspect energies and principles which could move it beyond the rotary motion now constantly and habitually displayed.

133. Mặt Trăng (trong tình trạng hiện nay) chỉ biểu lộ các mô hình năng lượng I, vì hiện nay nó không còn các năng lượng và nguyên khí của phương diện thứ nhất và thứ hai, những thứ có thể đưa nó vượt khỏi chuyển động quay mà giờ đây nó liên tục và theo tập quán biểu lộ.

This negative type of force gradually dissipates, or disperses itself, and seeks the **central reservoir of energy**.

Loại mãnh lực âm này dần dần tiêu tan, hay tự phân tán, và tìm đến **bể chứa năng lượng trung tâm**.

134. Negative forces return to what is here called the "central reservoir of energy". Elsewhere, it is called the "reservoir of life". This reservoir is a field of energies and forces released from aggregative relationship, i.e., from form.

134. Các mãnh lực âm quay về điều ở đây được gọi là "bể chứa năng lượng trung tâm". Ở nơi khác, nó được gọi là "bể chứa sự sống". Bể chứa này là một trường năng lượng và mãnh lực được giải phóng khỏi mối liên hệ kết tập, tức là khỏi hình tướng.

135. Reservoirs are magnetic 'holding fields' which act magnetically upon substance liberated from form.

135. Các bể chứa là những 'trường giữ' từ tính, tác động một cách từ tính lên chất liệu được giải phóng khỏi hình tướng.

The spheroidal form is thus disintegrated. This can be seen working out now in the case of the moon, and the same rule holds good for all bodies.

Hình tướng cầu do đó bị tan rã. Điều này hiện có thể thấy đang diễn ra trong trường hợp của Mặt Trăng, và cùng một quy luật ấy cũng đúng cho mọi thể.

136. Sphericity arises through the force of the second ray. It is, in planetary terms, "Jupiterian". When the second aspect vanishes through the extraction of the first aspect, spheroidal form gradually disintegrates.

136. Tính cầu phát sinh nhờ mãnh lực của cung hai. Xét theo thuật ngữ hành tinh, nó mang tính "Sao Mộc". Khi phương diện thứ hai biến mất do sự rút ra của phương diện thứ nhất, hình tướng cầu dần dần tan rã.

We might word it otherwise:—**The solar Devas (or radiant energy) return to the central Heart** or to the source which breathed them out.

Chúng ta có thể diễn đạt theo cách khác:—**Các thiên thần thái dương (hay năng lượng rạng ngời) trở về Trái Tim trung tâm** hay về nguồn đã thở chúng ra.

137. Another way of considering the identity of "solar Devas" is as "radiant energy". We should always attempt to think in terms of force and energy and not in terms of personal identities.

137. Một cách khác để xét về đồng nhất tính của "các thiên thần thái dương" là xem chúng như "năng lượng rạng ngời". Chúng ta nên luôn cố gắng suy nghĩ theo thuật ngữ mãnh lực và năng lượng chứ không theo các đồng nhất tính có tính cách cá nhân.

138. The "central Heart" is a point of origin different from the "central reservoir of energy". The "central Heart" is, we may infer,

138. "Trái Tim trung tâm" là một điểm xuất phát khác với "bể chứa năng lượng trung tâm". "Trái Tim trung tâm", như chúng ta có

the Heart of the Sun. "Solar Devas" were breathed out from the Heart of the Sun (and, some, from the Central Spiritual Sun).

thể suy ra, là Trái Tim của Mặt Trời. "Các thiên thần thái dương" đã được thở ra từ Trái Tim của Mặt Trời (và một số từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương).

139. When speaking of the Moon-chain, the 'heart' of the Planetary Logos may also be involved in this withdrawal.

139. Khi nói về Dãy Mặt Trăng, 'trái tim' của Hành Tinh Thượng Đế cũng có thể liên quan đến sự rút lui này.

This leaves the lesser deva substance dependent upon its own internal heat, as it involves the withdrawal of **that** which built substance into form.

Điều này để lại chất liệu thiên thần thấp hơn phụ thuộc vào nhiệt nội tại của chính nó, vì nó bao hàm sự rút lui của **điều** đã xây chất liệu thành hình tướng.

140. The second aspect is the form-building aspect. "Deva substance" (as here considered) belongs to the *third* aspect.

140. Phương diện thứ hai là phương diện xây dựng hình tướng. "Chất liệu thiên thần" (như được xét ở đây) thuộc về phương diện *thứ ba*.

141. Internal heat consists of both "latent heat" and "active heat".

141. Nhiệt nội tại gồm cả "nhiệt tiềm ẩn" lẫn "nhiệt hoạt động".

142. The ongoing realization to be emphasized is that "substance" is built into "form" as the second aspect acts upon the third aspect.

142. Điều cần nhấn mạnh trong sự chứng nghiệm liên tục này là "chất liệu" được xây thành "hình tướng" khi phương diện thứ hai tác động lên phương diện thứ ba.

143. The second aspect is inherently geometrical, and in the building of substance into form, "God geometrizes".

143. Phương diện thứ hai vốn có tính hình học, và trong việc xây chất liệu thành hình tướng, "Thượng đế hình học hóa".

This deva substance is of many kinds and perhaps the consequent procedure can be more clearly understood if we say **that as the form breaks up the lesser builders and devas return to their group soul.**

Chất liệu thiên thần này có nhiều loại, và có lẽ thủ tục hệ quả sẽ được hiểu rõ hơn nếu chúng ta nói **rằng khi hình tướng tan vỡ, các vị tiểu kiến tạo và các thiên thần thấp hơn trở về hồn nhóm của chúng.**

144. We may gather that the group souls are part of the central reservoir of substance/energy or at least intimately and magnetically related.

144. Chúng ta có thể suy ra rằng các hồn nhóm là một phần của bể chứa trung tâm của chất liệu/năng lượng, hoặc ít nhất có liên hệ mật thiết và từ tính với nó.

145. For these devas the return to the reservoir is a sort of "home-coming" in a state of higher 'qualification'.

145. Đối với các thiên thần này, sự trở về bể chứa là một loại "trở về nhà" trong một trạng thái 'được định tính' cao hơn.

146. Like seeks like. Substances of similar kinds are drawn to a specific type of energy field or reservoir where they await the cyclically magnetic call of the form-building energies and forces.

146. Đồng loại tìm đến đồng loại. Các chất liệu cùng loại bị hút về một loại trường năng lượng hay bể chứa đặc thù, nơi chúng chờ đợi tiếng gọi từ tính theo chu kỳ của các năng lượng và mãnh lực xây dựng hình tướng.

147. The whole story is one of association, disassociation and re-association.

147. Toàn bộ câu chuyện là câu chuyện của sự kết hợp, phân ly và tái kết hợp.

Certain of them, those who form the bodies of the fourth kingdom in nature, and who are therefore the highest kind of substance through which consciousness can manifest in the three worlds, are **on the road towards individualisation**,

Một số trong chúng, những thực thể tạo nên các thể của giới thứ tư trong thiên nhiên, và do đó là loại chất liệu cao nhất mà qua đó tâm thức có thể biểu lộ trong ba cõi giới, đang **trên con đường tiến tới biệt ngã hóa**,

148. DK is telling us that certain "lesser builders and devas" are on the road towards individualization. This is not *yet* true of those lesser builder and devas who form the vehicles for the members of the three lower kingdoms.

148. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng một số "vị tiểu kiến tạo và thiên thần thấp hơn" đang trên con đường tiến tới biệt ngã hóa. Điều này *chưa* đúng đối với những vị tiểu kiến tạo và thiên thần thấp hơn tạo nên các vận cụ cho các thành viên của ba giới thấp.

—they are nearer the human stage than the substance of the three other kingdoms.

—chúng gần giai đoạn nhân loại hơn chất liệu của ba giới kia.

149. Let all such lesser builders and devas will, at length, achieve.

149. Rốt cuộc, tất cả những vị tiểu kiến tạo và thiên thần thấp hơn như thế đều sẽ thành tựu.

They occupy a place in the deva evolution analogous to that which a man holds in the human kingdom (note that I say kingdom, not evolution)

Chúng chiếm một vị trí trong tiến hóa thiên thần tương tự với vị trí mà một con người giữ trong giới nhân loại (lưu ý rằng tôi nói là giới, không phải tiến hoá)

150. For the human *evolution* (the evolution of the Fourth Creative Hierarchy) can manifest in a number of kingdoms.

150. Vì tiến hoá *nhân loại* (sự tiến hoá của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư) có thể biểu lộ trong một số giới.

who is nearing the Path.

là kẻ đang tiến gần Con Đường.

151. The lesser builders and devas who go to the formation of the personality vehicles of the human being are (within their own type of Creative Hierarchy) "nearing the Path".

151. Những vị tiểu kiến tạo và thiên thần thấp hơn góp phần vào việc hình thành các vận cụ phàm ngã của con người thì (trong loại Huyền Giai Sáng Tạo riêng của chúng) đang "tiến gần Con Đường".

152. We can apply this type of analogy to the members of various kingdoms, higher and lower, who stand at that transitional point when they can begin to 'apply' to the next higher kingdom in their evolutionary trajectory.

152. Chúng ta có thể áp dụng loại tương đồng này cho các thành viên của nhiều giới khác nhau, cao hơn và thấp hơn, những kẻ đang đứng tại điểm chuyển tiếp khi họ có thể bắt đầu 'nộp đơn' vào giới cao hơn kế tiếp trong quỹ đạo tiến hoá của mình.

153. What, then, for such lives is the analogy to the first initiation?

153. Vậy thì, đối với những sự sống như thế, điều gì là tương đồng với lần điểm đạo thứ nhất?

The goal for the devas (below the rank of solar Pitris) **is individualisation,** and their objective is to become men in some future cycle.

Mục tiêu của các thiên thần (dưới cấp bậc thái dương tổ phụ) **là biệt ngã hóa,** và mục đích của chúng là trở thành con người trong một chu kỳ tương lai nào đó.

154. We are not told what type of cycle or when it will occur. It may well be a future mahamanvantara. Consult TCF 844 for hints concerning the path and evolutionary unfoldment of such lives.

154. Chúng ta không được cho biết đó là loại chu kỳ nào hay khi nào nó sẽ xảy ra. Rất có thể đó là một Đại giai kỳ sinh hóa trong tương lai. Hãy tham khảo TCF 844 để tìm những gợi ý liên quan đến con đường và sự khai mở tiến hoá của những sự sống như thế.

155. The point of human individualization is a great initiation for such blind devic lives.

155. Điểm biệt ngã hóa của con người là một cuộc điểm đạo lớn đối với những sự sống thiên thần mù quáng như thế.

The goal for a man is initiation, or to become a conscious Dhyan Chohan,

156. Is a true initiate a "conscious Dhyan Chohan"? A Solar Angel (being an initiate of all degrees with respect to the system of *human* initiation) certainly is.

and **in some distant cycle** to do for the humanity of that age what the solar Pitris have done for him, and make their self-conscious expression a possibility.

157. Perhaps not all humanities (on all planets and on various globes and chains within our own Earth-scheme) need the intervention of Solar Pitris. Some may proceed towards individualization in the more normal, evolutionary manner.

158. The "distant cycle" may be next solar system or mahamanvantara. Looming ahead is the individualization of many who are now animals and this will occur (with respect to the Earth) in the fifth round of our present chain (or perhaps, scheme).Will those who are presently evolving men be involved in facilitating this individualization as Solar Angels? It would seem that there would not be sufficient time for them to develop solar angelic knowledge and power, since training for such work is undertaken on Sirius.

The goal for a solar Pitri is, as said earlier, to become a logoic Ray.[66] [Page 837]

159. Let us impress this thought upon our minds. We know that Solar Angels, *in groups,*

Mục tiêu của con người là điểm đạo, hay trở thành một Dhyan Chohan có ý thức,

156. Một điểm đạo đồ đích thực có phải là một "Dhyan Chohan có ý thức" không? Một Thái dương Thiên Thần (vốn là một điểm đạo đồ ở mọi cấp độ xét theo hệ thống điểm đạo *nhân loại*) chắc chắn là như vậy.

và **trong một chu kỳ xa xôi nào đó** làm cho nhân loại của thời đại ấy điều mà các thái dương tổ phụ đã làm cho y, và khiến sự biểu hiện ngã thức của họ trở thành khả hữu.

157. Có lẽ không phải mọi nhân loại (trên mọi hành tinh và trên nhiều bầu hành tinh và Dãy khác nhau trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta) đều cần đến sự can thiệp của các thái dương tổ phụ. Một số có thể tiến tới biệt ngã hóa theo cách tiến hoá bình thường hơn.

158. "Chu kỳ xa xôi" ấy có thể là hệ mặt trời kế tiếp hoặc Đại giai kỳ sinh hóa. Đang hiện ra phía trước là sự biệt ngã hóa của nhiều thực thể hiện nay là động vật, và điều này sẽ xảy ra (đối với Trái Đất) trong cuộc tuần hoàn thứ năm của Dãy hiện tại của chúng ta (hoặc có lẽ là hệ hành tinh). Liệu những kẻ hiện đang tiến hoá thành người có tham gia vào việc tạo điều kiện cho sự biệt ngã hóa này với tư cách các Thái dương Thiên Thần không? Có vẻ như sẽ không có đủ thời gian để họ phát triển tri thức và quyền năng thiên thần thái dương, vì việc huấn luyện cho công tác ấy được tiến hành trên Sirius.

Mục tiêu của một thái dương tổ phụ, như đã nói trước đây, là trở thành một cung logoic.66 [Page 837]

159. Hãy khắc sâu tư tưởng này vào trí óc chúng ta. Chúng ta biết rằng các Thái dương

become, eventually, Planetary Logoi. At least this is one line of development which lies open to them. Planetary Logoi are systemic Ray Lords, and hence may be considered "logoic Rays".

Thiên Thần, *theo nhóm,* cuối cùng trở thành các Hành Tinh Thượng Đế. Ít nhất đây là một đường phát triển mở ra cho họ. Các Hành Tinh Thượng Đế là các Đấng Chúa Tể Cung có tính hệ thống, và do đó có thể được xem là "các cung logoic".

160. All this tells us that quite a number of human beings (for many of them will become Solar Angels on Sirius) will be destined to form, in groups, Planetary Logoi or logoic Rays.

160. Tất cả điều này cho chúng ta biết rằng khá nhiều con người (vì nhiều người trong số họ sẽ trở thành các Thái dương Thiên Thần trên Sirius) sẽ được định sẵn để hợp thành, theo nhóm, các Hành Tinh Thượng Đế hay các cung logoic.

161. How this formation occurs is necessarily mysterious. Do mind-born Sons arise from 'below' or are they emanated from 'above'? Both possibilities seem to exist. Perhaps all becomings (all formations of greater units out of a composite of lesser units) are really 're-becomings'. Perhaps all consolidative amalgamations are really retractions.

161. Việc sự hình thành này xảy ra như thế nào tất yếu vẫn là điều huyền nhiệm. Các Con sinh bởi trí có phát sinh từ 'bên dưới' hay được phát xạ từ 'bên trên'? Cả hai khả năng dường như đều tồn tại. Có lẽ mọi sự trở thành (mọi sự hình thành các đơn vị lớn hơn từ một tổ hợp các đơn vị nhỏ hơn) thật ra đều là những 'sự tái-trở thành'. Có lẽ mọi sự hòa nhập củng cố thật ra đều là những sự co rút trở lại.

Footnote 66: The Goal for the Pitris:

Cước chú 66: Mục tiêu của các Pitri:

The lunar Pitris are on a level with the lower Principles.

Các thái âm tổ phụ ở cùng một cấp độ với các nguyên khí thấp.

—S. D., II, 82.

—S. D., II, 82.

162. Yet, lunar pitris are *not* the lower principles, per se. Principles are energy aspects of the Monad in differentiated expression. Perhaps, this is why the phrase "on a level with" is used.

162. Tuy nhiên, các thái âm tổ phụ *không* phải chính là các nguyên khí thấp. Các nguyên khí là những phương diện năng lượng của chân thần trong biểu hiện đã biến phân. Có lẽ vì thế mà cụm từ "ở cùng một cấp độ với" được dùng.

a. They create our lower principlesS. D., II, 92.

a. Chúng tạo ra các nguyên khí thấp của chúng taS. D., II, 92.

163. If vehicles can be called "principles", then we can understand how this can be so, for the lunar pitris, working through permanent atoms, do create our lower *vehicles*—the lowest of them being elemental substance which the very substance of the vehicles.

163. Nếu các vận cụ có thể được gọi là "nguyên khí", thì chúng ta có thể hiểu làm sao điều này có thể đúng, vì các thái âm tổ phụ, hoạt động thông qua các Nguyên tử trường tồn, quả thật tạo ra các *vận cụ* thấp của chúng ta—thấp nhất trong số đó là chất liệu hành khí, vốn là chính chất liệu của các vận cụ ấy.

164. And we do find that sometimes vehicles *are* called principles.

164. Và quả thật chúng ta thấy rằng đôi khi các vận cụ *được* gọi là các nguyên khí.

165. Yet, principles are inherent in the life of the Monad and cannot be said to be *created* by lower orders of life, howevermuch the vehicles of expression for these principles are thus created.

165. Tuy nhiên, các nguyên khí vốn tiềm tàng trong sự sống của chân thần và không thể nói là được *tạo ra* bởi các cấp sự sống thấp hơn, dù cho các vận cụ biểu hiện của những nguyên khí này quả thật được tạo ra như thế.

b. They possess creative fire but not divine fire

b. Chúng sở hữu lửa sáng tạo nhưng không có lửa thiêng liêng

S. D., II, 81, 82.

S. D., II, 81, 82.

166. Creativity is to be associated with the third aspect of divinity as are the lunar pitris.

166. Tính sáng tạo phải được liên kết với phương diện thứ ba của thiên tính, cũng như các thái âm tổ phụ.

167. "Divine fire" in this context, may be considered the fire of self-consciousness and also the fire of Spirit. From this perspective, Venus is a home of "divine fire".

167. "Lửa thiêng liêng" trong ngữ cảnh này có thể được xem là lửa của ngã thức và cũng là lửa của Tinh thần. Từ góc nhìn này, Sao Kim là một nơi cư ngụ của "lửa thiêng liêng".

c. They evolve the human formS. D., I, 203.

c. Chúng tiến hoá các hình tướng con ngườiS. D., I, 203.

168. Although they are not yet self-conscious, they are *evolutionary* devas and work progressively upon the form to refine it. As we have learned, they respond to evolutionary mantrams sounded by Solar Pitris.

d. They will eventually become menS. D., I, 203.

Compare S. D., II, 99.

169. This is the case for the time being. There will probably come a time in the overall systemic process, then lunar life will have been extinguished and there will be no more lunar pitris remaining.

The higher Principles are latent in the animals.

—S. D., II, 266, 279

170. All forms of life are, essentially, *monad* or Spirit.

a. The solar Pitris embody the fifth principle

b. S. D., I, 241.

171. This is the principle of manas or solar fire.

c. They give consciousness to man

d. S. D., I, 204.

168. Dù chúng chưa có ngã thức, chúng là các thiên thần *thăng thượng tiến hoá* và làm việc một cách tiến bộ trên hình tướng để tinh luyện nó. Như chúng ta đã học, chúng đáp ứng với các mantram tiến hoá do các thái dương tổ phụ xướng lên.

d. Cuối cùng chúng sẽ trở thành con ngườiS. D., I, 203.

So sánh S. D., II, 99.

169. Hiện thời là như vậy. Có lẽ sẽ đến một lúc trong toàn bộ tiến trình hệ thống khi đó sự sống thái âm sẽ bị dập tắt và sẽ không còn các thái âm tổ phụ nào tồn tại nữa.

Các nguyên khí cao hơn tiềm ẩn trong động vật.

—S. D., II, 266, 279

170. Mọi hình thái sự sống, về bản chất, đều là *chân thần* hay Tinh thần.

a. Các thái dương tổ phụ thể hiện nguyên khí thứ năm

b. S. D., I, 241.

171. Đây là nguyên khí của manas hay Lửa Thái dương.

c. Chúng ban tâm thức cho con người

d. S. D., I, 204.

172. It would be more accurate to say that they induce "*Self*-consciousness" in animal man.

172. Sẽ chính xác hơn nếu nói rằng chúng khơi dậy "ngã*thức*" trong người thú.

e. They furnish the vehicle for the incarnating Monad, forming the egoic body

e. Chúng cung cấp vận cụ cho chân thần đang nhập thể, hình thành thể chân ngã

f. S. D., I, 237.

f. S. D., I, 237.

173. The egoic body is at once a kind of heart center for the Monad and, in another way, a kind of dense physical body.

173. Thể chân ngã vừa là một loại trung tâm tim đối với chân thần, vừa theo một cách khác là một loại thể xác đậm đặc.

g. They develop the human type

g. Chúng phát triển loại hình con người

h. S. D., II, 243. --- Compare S. D., II, 96.

h. S. D., II, 243. --- So sánh S. D., II, 96.

174. Human types reflect egoic types, of which there are seven.

174. Các loại hình con người phản ánh các loại hình chân ngã, mà có bảy loại.

To return to the matter which we were considering:

Trở lại vấn đề mà chúng ta đang xét:

—Just as the moon is a deterrent or malefic force

—Cũng như Mặt Trăng là một mãnh lực ngăn trở hay hung hại

175. Obviously, lunar influence deflects and deters us from our goal.

175. Hiển nhiên, ảnh hưởng thái âm làm lệch hướng và ngăn trở chúng ta khỏi mục tiêu của mình.

where the Earth is concerned,

xét theo Trái Đất,

176. ...and, deflects and deters the progress of the Earth as a whole.

176. ...và làm lệch hướng, ngăn trở sự tiến bộ của toàn thể Trái Đất.

and productive of evil "influences,"

và tạo ra những "ảnh hưởng" xấu xa,

177. Such influences must be, essentially, 'form-binding' influences.

177. Về bản chất, những ảnh hưởng như thế hẳn phải là những ảnh hưởng 'trói buộc vào hình tướng'.

so all such disintegrating bodies are equally destructive.

178. This is true of dead 'Moon-stars' (where Solar Logoi are concerned) and dead human bodies or corpses where living human beings are concerned. One cannot keep the bodies of deceased parents in one's home, though I have heard that some who simply can't let go have taken to stuffing them (in weird taxidermical processes). Such are the incredible aberrations of the unillumined mind.

Such bodies exist within the solar ring-pass-not,[67] unrecognised as yet,

179. Apparently, even with regard to the Earth, there are several moons—some call them "black moons". Could these be disintegrating bodies which once housed living principles for the planetary Life?

and disintegrating constellations (of which there are many in the universe, unknown and unrecognised by scientists)

180. A fascinating thought. Apparently, they have not been detected, or, if so, have not been recognized as disintegrating.

have **an equally malefic effect upon our system**, and upon all that passes into their sphere of influence.

181. The principle involved here is that the past cannot be allowed to corrupt the present. Disintegrating relics of the past

thì mọi thể đang tan rã như thế đều phá hoại như nhau.

178. Điều này đúng với các 'Mặt Trăng-ngôi sao' đã chết (xét theo các Thái dương Thượng đế) và với các thể người đã chết hay tử thi xét theo những con người đang sống. Người ta không thể giữ thi thể của cha mẹ đã qua đời trong nhà mình, mặc dù tôi có nghe rằng một số người đơn giản là không thể buông bỏ đã đem đi nhồi xác họ (trong những quy trình nhồi xác kỳ quái). Đó là những lệch lạc khó tin của trí tuệ chưa được soi sáng.

Những thể như thế tồn tại trong vòng-giới-hạn thái dương,67 chưa được nhận ra cho đến nay,

179. Hiển nhiên, ngay cả đối với Trái Đất, cũng có vài mặt trăng—một số người gọi chúng là "các mặt trăng đen". Liệu đây có thể là những thể đang tan rã từng một thời chứa đựng các nguyên khí sống cho Sự sống hành tinh hay không?

và các chòm sao đang tan rã (mà có rất nhiều trong vũ trụ, chưa được biết đến và chưa được nhận ra bởi các nhà khoa học)

180. Một ý tưởng thật hấp dẫn. Hiển nhiên, chúng chưa được phát hiện, hoặc nếu có thì cũng chưa được nhận ra là đang tan rã.

đều có **một tác động hung hại tương đương lên hệ thống của chúng ta**, và lên mọi thứ đi vào phạm vi ảnh hưởng của chúng.

181. Nguyên lý ở đây là quá khứ không thể được phép làm băng hoại hiện tại. Những tàn tích đang tan rã của quá khứ có một tác

have a nefarious effect upon the structures which should be expressing in the present.

182. We must all learn to leave the past behind. The power of the planet Pluto assists us with this.

Footnote 67: Unseen Planets:

"Not all of the Intra-Mercurial planets,

183. We usually suspect that there is but *one* intra-Mercurial planet—Vulcan. Certain astrological researches have suggested we look for another—Adonis.

nor yet those in the orbit of, are yet discovered, although they are strongly suspected.

184. At the time the footnote was written Pluto had not been discovered. In 1977 Chiron was discovered. New asteroids are constantly being discovered. Other hidden planets, still closer to Earth are suspected.

We know that such exist and where they exist; and that there are innumerable planets "burnt out" they say,—in Obscuration we say;—planets in formation and not yet luminous, etc."...

185. Hidden planets are of various kinds—some deceased and some in process of formation and, thus, not yet luminous. It will be the task of *occult* scientists to determine the nature of such planets—whether rising, in decline, in temporary

động hiểm độc lên các cấu trúc lẽ ra phải biểu hiện trong hiện tại.

182. Tất cả chúng ta đều phải học cách bỏ lại quá khứ phía sau. Quyền năng của hành tinh Sao Diêm Vương giúp chúng ta trong việc này.

Cước chú 67: Các Hành Tinh Vô Hình:

"Không phải tất cả các hành tinh nội Sao Thủy,

183. Chúng ta thường nghi rằng chỉ có *một* hành tinh nội Sao Thủy—Vulcan. Một số nghiên cứu chiêm tinh đã gợi ý rằng chúng ta nên tìm thêm một hành tinh khác—Adonis.

cũng chưa phải những hành tinh trong quỹ đạo của, đều đã được khám phá, mặc dù chúng bị nghi ngờ mạnh mẽ là có tồn tại.

184. Vào thời điểm cước chú này được viết, Sao Diêm Vương chưa được khám phá. Năm 1977, Chiron được khám phá. Các tiểu hành tinh mới liên tục được phát hiện. Những hành tinh ẩn khác, còn gần Trái Đất hơn nữa, cũng bị nghi là có tồn tại.

Chúng tôi biết rằng những hành tinh như thế tồn tại và tồn tại ở đâu; và rằng có vô số hành tinh “đã cháy hết” như họ nói,—còn chúng tôi nói là trong trạng thái Che Mờ;—những hành tinh đang hình thành và chưa phát sáng, v.v."...

185. Các hành tinh ẩn có nhiều loại—một số đã chết và một số đang trong tiến trình hình thành và do đó chưa phát sáng. Sẽ là nhiệm vụ của các nhà khoa học *huyền bí học* xác định bản chất của những hành tinh như thế—liệu chúng đang trỗi dậy, suy tàn, trong

obscuration or simply dead and “burnt out”. At the moment, our type of science does not allow us to discriminate between them.

trạng thái che mờ tạm thời hay đơn giản là đã chết và “cháy hết”. Hiện nay, loại khoa học của chúng ta không cho phép chúng ta phân biện giữa chúng.

"When so attached the 'tasimeter' will afford the possibility not only to measure the heat of the remotest of visible stars, but to detect by their invisible radiations stars that are unseen and otherwise undetectable, hence planets also.

"Khi được gắn như thế, 'tasimeter' sẽ tạo khả năng không chỉ đo nhiệt của những ngôi sao nhìn thấy xa nhất, mà còn phát hiện qua các bức xạ vô hình của chúng những ngôi sao không nhìn thấy và không thể phát hiện bằng cách khác, do đó cả các hành tinh nữa.

186. Great progress has been made along this line. Radio astronomy allows for such detections, not only of stars but of otherwise invisible galaxies and other kinds of stellar objects. The relative heat of objects can also be measured with considerable accuracy, so it seems.

186. Đã có tiến bộ lớn theo hướng này. Thiên văn vô tuyến cho phép những sự phát hiện như thế, không chỉ đối với các ngôi sao mà còn với các thiên hà vốn vô hình và các loại thiên thể khác. Nhiệt tương đối của các vật thể cũng có thể được đo với độ chính xác đáng kể, dường như là vậy.

The discoverer, an F.T.S., a good deal protected by M.,

Người phát minh, một F.T.S., được M. bảo vệ khá nhiều,

187. Master M., through His Agni Yoga books, demonstrated a great deal of interest in science. We have little idea of the diversity of work (including protective work) demonstrated by the Masters.

187. Chân sư M., qua các sách Agni Yoga của Ngài, đã cho thấy mối quan tâm rất lớn đối với khoa học. Chúng ta hầu như không biết gì về tính đa dạng trong công việc (kể cả công việc bảo hộ) mà các Chân sư biểu lộ.

thinks that if, at any point in a blank space of heavens—a space that appears blank even through a telescope of the highest power—the tasimeter indicates an accession of temperature and does so invariably;

cho rằng nếu, tại bất kỳ điểm nào trong một khoảng trống của bầu trời—một khoảng trống có vẻ trống rỗng ngay cả qua kính thiên văn mạnh nhất—mà tasimeter cho thấy có sự gia tăng nhiệt độ và luôn luôn như vậy;

188. This is another way of confirming the ‘fulness’ of space. Is there any true vacuum in space? We are consistently told “Space is an Entity”. Within any E/entity, is there any true vacuum?

188. Đây là một cách khác để xác nhận ‘sự viên mãn’ của Không Gian. Có chân không thực sự nào trong không gian không? Chúng ta liên tục được bảo rằng “Không Gian là một Thực Thể”. Trong bất kỳ thực thể E/thực thể nào, có chân không thực sự nào không?

this will be a regular proof that the instrument is in range with the stellar body either non-luminous or so distant as to be beyond the reach of telescopic vision. His tasimeter, he says, 'is affected by a wider range of etheric undulations than the Eye can take cognisance of.'

189. Modern science has 'done away with' the ether, apparently accepted as a reality at the time of the writing of this footnote. If the ether (as proposed by the occultist) is a reality, the scientific restoration of the ether is imminent.

Science will Hear sounds from certain planets before she Sees them. This is a Prophecy."

190. This prophecy, of course, is constantly fulfilled in astronomy as presently practiced.

—Mahatma Letters to A. P. Sinnett, p. 169.

There is one such constellation, situated between the lesser Dipper and our system, and another, interrelated with the Pleiades and our system which still have a profound effect upon the physical body of the solar Logos.

191. DK, it seems, is still speaking of *disintegrating* constellations.

192. Given the apparent accuracy of the statement above, we might wonder whether influence from Ursa Minor or from the Pleiades can reach our solar system in pure form.

thì đó sẽ là bằng chứng chắc chắn rằng dụng cụ ấy đang ở trong tầm của một thiên thể hoặc không phát sáng hoặc ở xa đến mức vượt ngoài tầm nhìn của kính thiên văn. tasimeter của ông, theo lời ông, "bị tác động bởi một phạm vi rộng hơn của các dao động dĩ thái so với điều mà Mắt có thể nhận biết."

189. Khoa học hiện đại hiển nhiên đã 'loại bỏ' dĩ thái, vốn được chấp nhận như một thực tại vào thời điểm cước chú này được viết. Nếu dĩ thái (như nhà huyền bí học đề xuất) là một thực tại, thì việc khoa học phục hồi dĩ thái đang ở rất gần.

Khoa học sẽ Nghe những âm thanh từ một số hành tinh trước khi nàng Thấy chúng. Đây là một Lời Tiên Tri."

190. Dĩ nhiên, lời tiên tri này liên tục được ứng nghiệm trong ngành thiên văn học như hiện đang được thực hành.

—Mahatma Letters to A. P. Sinnett, tr. 169.

Có một chòm sao như thế, nằm giữa Tiểu Hùng Tinh và hệ thống của chúng ta, và một chòm sao khác, có liên hệ với Thất Nữ Tinh và hệ thống của chúng ta, vẫn còn có một ảnh hưởng sâu sắc lên thể xác của Thái dương Thượng đế.

191. Có vẻ như Chân sư DK vẫn đang nói về các chòm sao *đang tan rã*.

192. Với độ chính xác có vẻ có của phát biểu trên, chúng ta có thể tự hỏi liệu ảnh hưởng từ Tiểu Hùng Tinh hay từ Thất Nữ Tinh có thể đến được hệ mặt trời của chúng ta trong dạng thuần khiết hay không.

193. The Pleiades are frequently associated with the third aspect of divinity and with the material nature. Can such influence also involve the disintegrating constellation here referenced?

193. Thất Nữ Tinh thường được liên kết với phương diện thứ ba của thiên tính và với bản chất vật chất. Liệu ảnh hưởng như thế cũng có thể bao hàm chòm sao đang tan rã được nhắc đến ở đây không?

The above paragraph is specifically worded thus because **the effects are felt in the lowest sheath of all, and are responsible for much that is ignorantly termed "black magic**."

Đoạn trên được diễn đạt đặc biệt như vậy vì **các tác động được cảm nhận trong lớp vỏ thấp nhất của tất cả, và chịu trách nhiệm cho nhiều điều bị gọi một cách ngu dốt là "hắc thuật**."

194. We must remember that the physical body is *not* a principle, and that those whom we term "black magicians" frequently work in relation to dense physical matter, attempting to increase the hold of matter upon the true principles.

194. Chúng ta phải nhớ rằng thể xác *không* phải là một nguyên khí, và rằng những kẻ mà chúng ta gọi là "các nhà hắc thuật" thường làm việc liên hệ với vật chất hồng trần đậm đặc, cố gắng gia tăng sự kềm giữ của vật chất lên các nguyên khí chân thực.

195. The "lowest sheath of all" (in this context, however) may be the lowest twenty-one systemic subplanes which comprise the physical body of the Solar Logos. The province of those we call "black magicians" is within these lowest subplanes and, even more specifically, within the lowest eighteen.

195. Tuy nhiên, "lớp vỏ thấp nhất của tất cả" (trong ngữ cảnh này) có thể là hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp nhất cấu thành thể xác của Thái dương Thượng đế. Phạm vi của những kẻ chúng ta gọi là "các nhà hắc thuật" nằm trong các cõi phụ thấp nhất này, và còn cụ thể hơn nữa là trong mười tám cõi thấp nhất.

These two constellations have run their cycles and are "dissolving."

Hai chòm sao này đã hoàn tất các chu kỳ của chúng và đang "tan rã."

196. When the term "dissolving" is used, the influence of the planet Neptune (or of higher forces analogous to Neptunian forces) is suggested.

196. Khi thuật ngữ "tan rã" được dùng, ảnh hưởng của hành tinh Sao Hải Vương (hay của các mãnh lực cao hơn tương tự với các mãnh lực Hải Vương tinh) được gợi ý.

Some of their life force and energy has been transferred to our solar system, [Page 838] just as the lunar life force was transferred to our earth, and **this it is that is the cause of much cyclic evil.**

Một phần sinh lực và năng lượng của chúng đã được chuyển dịch sang hệ mặt trời của chúng ta, [Page 838] cũng như sinh lực thái âm đã được chuyển dịch sang Trái Đất của chúng ta, và **chính điều này là**

nguyên nhân của nhiều điều ác có tính chu kỳ.

197. When we read this, may we infer that the evolutionary process within such constellations was interrupted just as was the evolutionary process going on upon our Moon? Or shall we assume that such transferences from an older system to a newer are the modus operandi of the cosmic evolutionary process?

197. Khi đọc điều này, liệu chúng ta có thể suy ra rằng tiến trình tiến hoá trong các chòm sao như thế đã bị gián đoạn giống như tiến trình tiến hoá diễn ra trên Mặt Trăng của chúng ta hay không? Hay chúng ta nên giả định rằng những sự chuyển dịch từ một hệ thống cũ sang một hệ thống mới hơn là phương thức vận hành của tiến trình tiến hoá vũ trụ?

198. Why "cyclic" evil? If these dying constellations are more or less "between" our solar system and both Ursa Minor and the Pleiades, they cannot be *constantly* in alignment with our revolving system and these greater (and vitally living) constellations. In saying this, we presume that our solar system (and other associated stars) revolves around the Pleiades and in so doing, changes its orientation to the dying constellation associated with the Pleiades and to Ursa Minor as well. Any cyclic phenomenon depends upon revolution, rotation or pulsation.

198. Tại sao lại là điều ác "theo chu kỳ"? Nếu các chòm sao đang tàn lụi này ít nhiều nằm "giữa" hệ mặt trời của chúng ta với cả Tiểu Hùng Tinh lẫn Pleiades, thì chúng không thể *liên tục* chỉnh hợp với hệ thống đang quay của chúng ta và với các chòm sao lớn hơn này (và đang sống một cách sinh động). Khi nói điều này, chúng ta giả định rằng hệ mặt trời của chúng ta (và các sao liên kết khác) quay quanh Pleiades và khi làm như vậy, thay đổi sự định hướng của nó đối với chòm sao đang tàn lụi liên kết với Pleiades và cả đối với Tiểu Hùng Tinh nữa. Bất kỳ hiện tượng chu kỳ nào cũng tùy thuộc vào sự quay vòng, tự quay hoặc dao động.

199. Cyclic evil overflows not only our planet but our solar system. About such overflow, we can do nothing.

199. Điều ác theo chu kỳ tràn ngập không chỉ hành tinh chúng ta mà cả hệ mặt trời của chúng ta. Về sự tràn ngập như thế, chúng ta không thể làm gì được.

The process of decay and the evil emanations induced still have power to influence forms which are responsive to what was for them an earlier vibration.

Tiến trình phân rã và các phát xạ xấu ác do đó gây ra vẫn còn quyền năng ảnh hưởng đến các hình tướng vốn đáp ứng với điều từng là một rung động sớm hơn đối với chúng.

200. The problem is excessive responsiveness to an earlier vibration. With regard to our solar system, those whom we deem exponents of cosmic evil, are *unduly*

200. Vấn đề là sự đáp ứng quá mức đối với một rung động sớm hơn. Liên quan đến hệ mặt trời của chúng ta, những kẻ mà chúng ta xem là những kẻ biểu hiện điều ác vũ trụ thì

responsive to retrogressive vibrations (which, long ago should have been outlived). They are far too minimally responsive to the vibrations of our present solar system.

quá mức đáp ứng với các rung động thoái hóa (đáng lẽ từ lâu đã phải được vượt qua). Chúng đáp ứng quá ít đối với các rung động của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

201. We note that it is "forms" which are influenced. Souls and Monads are (in essence) not influenced.

201. Chúng ta lưu ý rằng chính "các hình tướng" là điều bị ảnh hưởng. Các linh hồn và các chân thần thì (về bản chất) không bị ảnh hưởng.

The substance of these forms is magnetically linked with the decaying body, much as the etheric double is connected with its dense sheath, and effects are therefore manifested.

Chất liệu của các hình tướng này được nối kết bằng từ tính với thể đang phân rã, cũng như bản sao dĩ thái được nối kết với lớp vỏ đậm đặc của nó, và vì thế các hiệu quả được biểu lộ.

202. The technical occultism here offered is of very great interest. All beings will be resonantly influenced by qualities of matter/vibration to which their forms are magnetically linked.

202. Huyền bí học kỹ thuật được trình bày ở đây rất đáng quan tâm. Mọi hữu thể sẽ bị ảnh hưởng theo cộng hưởng bởi các phẩm tính của vật chất/rung động mà các hình tướng của họ được nối kết bằng từ tính với chúng.

203. It is inferred that evil people and members of the Black Lodge are agents of decay and disintegration. Analogies from normal human life are easy to find and compelling.

203. Có thể suy ra rằng những người xấu ác và các thành viên của Hắc đoàn là những tác nhân của sự phân rã và tan rã. Những tương đồng từ đời sống con người bình thường rất dễ tìm thấy và đầy sức thuyết phục.

204. The physical body would certainly be a decaying body if not for the cohering presence within it of the vital, etheric field.

204. Thể xác chắc chắn sẽ là một thể đang phân rã nếu không có sự hiện diện cố kết bên trong nó của trường sinh lực dĩ thái.

Purificatory fire is the only cure for this magnetic corruption, and this is being utilised freely by the planetary Logoi in Their schemes, and by the solar Logos in the system.

Lửa thanh luyện là phương thuốc duy nhất cho sự bại hoại từ tính này, và điều này đang được sử dụng một cách tự do bởi các Hành Tinh Thượng Đế trong các hệ hành tinh của Các Ngài, và bởi Thái dương Thượng đế trong hệ thống này.

205. "Fire from Heaven" can and must relieve these highly undesirable, retrogressive conditions. Amidst the

205. "Lửa từ Thiên Đàng" có thể và phải làm nhẹ bớt những tình trạng thoái hóa cực kỳ không mong muốn này. Giữa sự bại hoại của

corruption of the present era the fire is being invoked and its descent cannot long be withheld.

206. One wonders about the meaning and purpose of the two World Wars in relation to "purificatory fire".

207. We are reminded that fire restores relations to an archetypal condition by burning away the forces configured in wrong relationship. If we have created wrong relations and relationships in our life, the fire must inevitably descend. This will be fire directed from soul levels and even from the levels of Spirit.

208. While we cannot hope to interpret with any real accuracy the selection below from the Archives of the Masters, perhaps some thoughtful suggestions may be offered.

PURIFICATORY FIRE

"The fire burned low. A dull red glow slumbered within the Heart of Mother.

209. Here we have the fire of "latent heat". "Mother" is the matter aspect. We are dealing with the fires of matter.

Its warmth was scarcely felt. The first and second of the inner lines throbbed with the burning, but the rest were cold.

210. We remember how the growth of fire (within a chakra, or any sphere) was described in terms of circles, the point and a number of lines.

kỷ nguyên hiện tại, lửa đang được khẩn cầu và sự giáng xuống của nó không thể còn bị trì hoãn lâu nữa.

206. Người ta tự hỏi về ý nghĩa và mục đích của hai cuộc Thế chiến liên hệ với "lửa thanh luyện".

207. Chúng ta được nhắc rằng lửa phục hồi các liên hệ về một trạng thái nguyên mẫu bằng cách thiêu rụi các mãnh lực được cấu hình trong tương quan sai lầm. Nếu chúng ta đã tạo ra những liên hệ và tương quan sai lầm trong đời mình, lửa tất yếu phải giáng xuống. Đây sẽ là lửa được hướng dẫn từ các cấp độ linh hồn và thậm chí từ các cấp độ của tinh thần.

208. Dù chúng ta không thể hy vọng diễn giải với bất kỳ độ chính xác thực sự nào đoạn trích dưới đây từ Văn Khố của các Chân sư, có lẽ vẫn có thể đưa ra một vài gợi ý đáng suy ngẫm.

LỬA THANH LUYỆN

"Ngọn lửa cháy thấp. Một ánh đỏ mờ ngủ yên trong Trái Tim của Mẹ.

209. Ở đây chúng ta có lửa của "nhiệt tiềm ẩn". "Mẹ" là phương diện vật chất. Chúng ta đang bàn đến các lửa của vật chất.

Hơi ấm của nó hầu như không cảm thấy được. Đường thứ nhất và thứ hai của các đường bên trong rung động với sự cháy, nhưng phần còn lại thì lạnh.

210. Chúng ta nhớ cách sự tăng trưởng của lửa (bên trong một luân xa, hay bất kỳ khối cầu nào) đã được mô tả theo các vòng tròn, điểm và một số đường.

211. We do not yet know the particular sphere to which the text refers.

211. Chúng ta vẫn chưa biết khối cầu đặc thù mà bản văn đang nói đến là gì.

212. Evolutionary development is represented by the growth of warmth.

212. Sự phát triển tiến hoá được biểu thị bằng sự gia tăng của hơi ấm.

213. The first and second of the "inner lines" may be associated with physical (and at that time, largely, etheric) and emotional development.

213. Đường thứ nhất và thứ hai của các "đường bên trong" có thể được liên kết với sự phát triển hồng trần (và vào thời đó phần lớn là dĩ thái) và cảm xúc.

214. This seems to be a process which we could associate with the coming of individualization. Before the period of individualization, the physical vehicle of man was more etheric than it is now.

214. Điều này dường như là một tiến trình mà chúng ta có thể liên hệ với sự xuất hiện của biệt ngã hóa. Trước thời kỳ biệt ngã hóa, vận cụ hồng trần của con người mang tính dĩ thái nhiều hơn hiện nay.

215. We remember that there were two and a half races of man *before* the moment of individualization. It could be that we are discussing the gradual growth of these early races and the relationship of the Monads and "solar Lords" to these races, both before and after the moment of individualization.

215. Chúng ta nhớ rằng đã có hai giống dân rưỡi của loài người *trước* thời điểm biệt ngã hóa. Có thể ở đây chúng ta đang bàn đến sự tăng trưởng dần dần của các giống dân sơ khai ấy và mối liên hệ của các chân thần và các "nhật tinh quân" với các giống dân này, cả trước lẫn sau thời điểm biệt ngã hóa.

The Sons of God looked down from the innermost centre.

Các Con của Thượng đế nhìn xuống từ trung tâm nội tại nhất.

216. These "Sons of God" could be considered the human Monads and their presence in triadal realms.

216. Các "Con của Thượng đế" này có thể được xem là các chân thần nhân loại và sự hiện diện của chúng trong các cõi tam nguyên tinh thần.

217. The "innermost center" can be considered the monadic center.

217. "Trung tâm nội tại nhất" có thể được xem là trung tâm chân thần.

They looked, then turned away Their gaze and thoughts to other spheres.

Các Ngài nhìn, rồi quay ánh nhìn và tư tưởng của Các Ngài sang những khối cầu khác.

218. Ultimately, the Monads are the supervisors of the entire process of

individualization and evolutionary progression.

218. Rốt cuộc, các chân thần là những đấng giám sát toàn bộ tiến trình biệt ngã hóa và sự tiến triển tiến hoá.

219. Another name for supervising Beings (a name appearing in *The Secret Doctrine*) is "Lhas".

219. Một tên gọi khác dành cho các Hữu thể giám sát (một tên gọi xuất hiện trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*) là "Lhas".

220. We have been told that during the process which resulted in the making of man, the great Lhas looked down and found the growing forms unsuitable for the coming of the "solar Lords".

220. Chúng ta đã được cho biết rằng trong tiến trình dẫn đến việc tạo thành con người, các Lhas vĩ đại đã nhìn xuống và thấy các hình tướng đang tăng trưởng không thích hợp cho sự giáng lâm của các "nhật tinh quân".

221. The terms "Sons of God", "eternal Lhas", and "solar Lords" are sometimes not easy to distinguish, but we must endeavor to keep them distinct if we can. In this section from the Archives of the Masters these three seem to be discriminated but sometimes there appears the suggestion of the overlap of their identities.

221. Các thuật ngữ "Con của Thượng đế", "các Lhas vĩnh cửu", và "nhật tinh quân" đôi khi không dễ phân biệt, nhưng chúng ta phải cố gắng giữ chúng tách biệt nếu có thể. Trong phần này từ Văn Khố của các Chân sư, ba thuật ngữ ấy dường như được phân biệt, nhưng đôi khi vẫn có gợi ý về sự chồng lấn căn tính của chúng.

Their hour had not yet come.

Giờ của Các Ngài vẫn chưa đến.

222. In all spiritual-evolutionary processes, the sequence of events is meticulously timed. If the time sequence is violated (and on certain occasions during the unfoldment of Earth-humanity it has been) the result is the creation of unsuitable forms which must later be destroyed.

222. Trong mọi tiến trình tinh thần-tiến hoá, trình tự các biến cố được định thời một cách hết sức chính xác. Nếu trình tự thời gian bị vi phạm (và trong một số dịp trong sự khai mở của nhân loại Trái Đất điều này đã xảy ra) thì kết quả là tạo ra những hình tướng không thích hợp, về sau phải bị hủy diệt.

The elemental fires had not prepared the altar for the Lords.

Các lửa hành khí vẫn chưa chuẩn bị bàn thờ cho các Chúa Tể.

223. We are speaking of the preparation of the lunar vehicles which are nourished by those lesser builders/devas called "elemental fires".

223. Chúng ta đang nói về sự chuẩn bị các vận cụ nguyệt vốn được nuôi dưỡng bởi những vị tiểu kiến tạo/thiên thần thấp hơn được gọi là "các lửa hành khí".

224. The “Lords” are the “solar Lords” or Solar Angels, the Solar Pitris who will descend to create man of the animal.

224. Các “Chúa Tể” là các “nhật tinh quân” hay các Thái dương Thiên Thần, các thái dương tổ phụ sẽ giáng xuống để tạo nên con người từ loài vật.

225. From all appearances, that which we call individualization had not yet occurred.

225. Theo mọi dấu hiệu, điều mà chúng ta gọi là biệt ngã hóa vẫn chưa xảy ra.

The sacrificial fire waited in its high place and the steady glow beneath increased.

Ngọn lửa hi sinh chờ đợi ở chốn cao của nó và ánh sáng ổn định bên dưới gia tăng.

226. Elemental fire must reach a certain intensity before it is timely for the Lords of the Flame to descend.

226. Lửa hành khí phải đạt đến một cường độ nhất định trước khi thời điểm thích hợp cho các Chúa Tể của Lửa giáng xuống.

227. It is interesting and appropriate that the Lords of Flame are called “the sacrificial fire”. This tells us something about their essential nature and the tendencies which, eventually, they induce in the kingdom they are responsible for creating.

227. Thật thú vị và thích đáng khi các Chúa Tể của Lửa được gọi là “ngọn lửa hi sinh”. Điều này cho chúng ta biết điều gì đó về bản chất cốt yếu của các Ngài và những khuynh hướng mà cuối cùng các Ngài gây ra trong giới mà các Ngài chịu trách nhiệm tạo dựng.

228. If the “Sons of God” are Monads, they are also sacrificial, but in a different sense that the “solar Lords”, the Lords of the Flame.

228. Nếu các “Con của Thượng đế” là các chân thần, thì chúng cũng có tính hi sinh, nhưng theo một ý nghĩa khác với các “nhật tinh quân”, các Chúa Tể của Lửa.

The fire burned clearer, and the first and second slowly lighted up.

Ngọn lửa cháy sáng rõ hơn, và đường thứ nhất cùng thứ hai từ từ bừng sáng.

229. We are speaking of fire by friction, and of the gradual growth in expression of the lowest principles.

229. Chúng ta đang nói về Lửa ma sát, và về sự tăng trưởng dần dần trong biểu hiện của các nguyên khí thấp nhất.

230. The lower flame burns clearer as lower matter is refined.

230. Ngọn lửa thấp cháy sáng rõ hơn khi vật chất thấp được tinh luyện.

231. Chakric development is also implied, some of the lower fires lighting up.

231. Sự phát triển luân xa cũng được hàm ý, với một số lửa thấp đang bừng sáng.

232. Trung tâm xương cùng là chỗ ngự *đầu tiên* của hành khí trí tuệ, nhưng các chức

232. The sacral center is the *first* seat of the mental elemental, but its initial functions are not related to self-consciousness mind.

năng ban đầu của nó không liên hệ với trí tuệ ngã thức.

Their glow became a line of brilliant fire **yet the five remained untouched.**

Ánh sáng của chúng trở thành một đường lửa rực rỡ **nhưng năm cái vẫn cònkhông bị chạm đến.**

233. There are seven major chakras and seven major principles. We may assume that only the lowest chakras and principles have been vitalized at this point.

233. Có bảy luân xa chính và bảy nguyên khí chính. Chúng ta có thể giả định rằng vào thời điểm này chỉ những luân xa và nguyên khí thấp nhất đã được tiếp sinh lực.

234. The "line of brilliant fire" suggests the connection of two chakras or the functioning together of two principles.

234. "Đường lửa rực rỡ" gợi ý sự nối kết của hai luân xa hoặc sự vận hành cùng nhau của hai nguyên khí.

235. It is difficult to say exactly which. We are, so it would seem, dealing with a period preceding individualization. During such a period, both vitality and sentient response could be activated.

235. Thật khó nói chính xác là cái nào. Dường như chúng ta đang bàn đến một thời kỳ trước biệt ngã hóa. Trong một thời kỳ như thế, cả sinh lực lẫn sự đáp ứng cảm giác đều có thể được hoạt hóa.

236. Perhaps, we are dealing with only the base of the spine center and the sacral center (considered as the center of reproduction and as the seat of the very primitive desires and fears).

236. Có lẽ chúng ta chỉ đang bàn đến trung tâm đáy cột sống và trung tâm xương cùng (được xem là trung tâm sinh sản và là chỗ ngự của những ham muốn và sợ hãi rất nguyên thủy).

237. As far as principles are concerned, the two principles involving the ethers and that principle concerned with the desire body are likely to be the ones indicated.

237. Xét về các nguyên khí, hai nguyên khí liên quan đến các dĩ thái và nguyên khí liên quan đến thể ham muốn có lẽ là những nguyên khí được chỉ ra.

The Sons of God again looked down**. For one brief second They thought upon the Mother, and as They thought the third caught fire.**

Các Con của Thượng đế lại nhìn xuống**. Trong một giây ngắn ngủi Các Ngài nghĩ đến Mẹ, và khi Các Ngài nghĩ thì cái thứ ba bắt lửa.**

238. This is quite an amazing statement.

238. Đây quả là một phát biểu đáng kinh ngạc.

239. The Monads directed their attention to the matter aspect (that which manifests upon the lower eighteen subplanes).

239. Các chân thần hướng sự chú ý của chúng đến phương diện vật chất (điều biểu lộ trên mười tám cõi phụ thấp).

240. The "third" here mentioned seems to be the lower manasic principle. If, however, we count the dense physical body as a principle (as, strangely, sometimes it is) then the third would be the astral body. Yet, from what has been said previously, it seems that the astral nature had been previously activated.

240. "Cái thứ ba" được nhắc đến ở đây dường như là nguyên khí manas thấp. Tuy nhiên, nếu chúng ta tính thể xác đậm đặc như một nguyên khí (dù kỳ lạ thay đôi khi đúng là như vậy) thì cái thứ ba sẽ là thể cảm dục. Tuy thế, từ những gì đã được nói trước đó, dường như bản chất cảm dục đã được hoạt hóa từ trước rồi.

241. We see that the Monads (and the Solar Angels, too) *act through thought*. When a great Being turns His thoughtful attention in the direction of a lesser being, that turning is an *effective act.*

241. Chúng ta thấy rằng các chân thần (và cả các Thái dương Thiên Thần nữa) *hành động qua tư tưởng*. Khi một Hữu thể vĩ đại quay sự chú ý đầy suy tư của Ngài về phía một hữu thể thấp hơn, sự quay ấy là một *hành động hữu hiệu.*

242. Let us continue with the idea that "the third" represents the lower mind. Mind is latent in all forms of life, but at a certain point in its unfoldment, it must 'catch fire'.

242. Chúng ta hãy tiếp tục với ý tưởng rằng "cái thứ ba" tượng trưng cho hạ trí. Trí tuệ tiềm ẩn trong mọi hình thức sự sống, nhưng tại một điểm nhất định trong sự khai mở của nó, nó phải 'bắt lửa'.

243. Are we dealing here with the *process of individualization*? We must not jump to conclusions but, also, remain open to the possibility.

243. Ở đây chúng ta có đang bàn đến *tiến trình biệt ngã hóa* không? Chúng ta không được vội kết luận, nhưng cũng phải để ngỏ khả năng ấy.

244. If this moment, as related in the text, indicates individualization, not very much is made of it, and the role of the Solar Angels is minimized.

244. Nếu khoảnh khắc này, như được kể trong bản văn, chỉ ra biệt ngã hóa, thì điều đó không được nhấn mạnh nhiều, và vai trò của các Thái dương Thiên Thần bị giảm nhẹ.

245. Later in the text there come statements which are more suggestive of individualization.

245. Về sau trong bản văn có những phát biểu gợi ý biệt ngã hóa nhiều hơn.

246. In any case, we are dealing with a stimulation of the mental principle which,

246. Dù sao đi nữa, chúng ta đang bàn đến một sự kích thích nguyên khí trí tuệ vốn,

exists, we are aware, in the animal as well as in the human being.

như chúng ta biết, hiện hữu nơi loài vật cũng như nơi con người.

247. We have been considering the Monad/triad as the "Son of God". We must realize that the Monad is, indeed, significantly involved in the individualization process and that, in a way, the Monad as an aspect of a particular Planetary Logos, inaugurates the process. As well, the Monad establishes itself at the heart of the newly forming egoic lotus and, thus, could be said to take its place at the "heart" of the process.

247. Chúng ta đã xem chân thần/tam nguyên tinh thần như là "Con của Thượng đế". Chúng ta phải nhận ra rằng chân thần quả thực có liên hệ đáng kể với tiến trình biệt ngã hóa và rằng, theo một cách nào đó, chân thần như một phương diện của một Hành Tinh Thượng Đế nhất định, khai mở tiến trình ấy. Đồng thời, chân thần tự thiết lập ở trung tâm của hoa sen chân ngã mới đang hình thành và do đó có thể được nói là chiếm chỗ ở "trái tim" của tiến trình.

248. The section of text here under analysis does not suggest, however, something quite so dramatic as individualization. It would seem that for individualization to occur, the "solar Lords" would have to be much more involved than is here indicated.

248. Tuy nhiên, phần bản văn đang được phân tích ở đây không gợi ý điều gì kịch tính đến thế như biệt ngã hóa. Dường như để biệt ngã hóa xảy ra, các "nhật tinh quân" hẳn phải can dự nhiều hơn điều được chỉ ra ở đây.

249. This selection from the Archive is subject to a number of interpretations and does not present its narrative in an entirely obvious or straightforward manner.

249. Đoạn trích này từ Văn Khố có thể được diễn giải theo nhiều cách và không trình bày câu chuyện của nó theo một lối hoàn toàn hiển nhiên hay trực tiếp.

Swiftly They looked away for the form as yet relayed to Them no call.

Nhanh chóng Các Ngài ngoảnh đi vì hình tướng ấy vẫn chưa chuyển đến cho Các Ngài một tiếng gọi nào.

250. All takes place under the Law of Economy. No energy is wasted.

250. Mọi sự đều diễn ra dưới Định luật Tiết Kiệm. Không năng lượng nào bị lãng phí.

251. The lower form (which the "solar Lords" would one day 'inform') was not yet invocative. The call 'from below' had not yet been 'sent up'.

251. Hình tướng thấp hơn (mà một ngày kia các "nhật tinh quân" sẽ 'thấm nhuần') vẫn chưa có tính khẩn cầu. Tiếng gọi 'từ bên dưới' vẫn chưa được 'gửi lên'.

252. We are also reminded, with regard to the Solar Angels that for a long period of time (even after individualization) they do not involve themselves in the affairs of the

252. Chúng ta cũng được nhắc rằng, liên quan đến các Thái dương Thiên Thần, trong một thời gian dài (ngay cả sau biệt ngã hóa) các Ngài không can dự vào công việc của bản

slowly growing lunar nature, the personality. On behalf of the Monad, they maintain the process but remain aloof.

chất nguyệt đang tăng trưởng chậm chạp, tức phàm ngã. Thay mặt cho chân thần, các Ngài duy trì tiến trình nhưng vẫn đứng tách biệt.

253. With regard to the Monad, we know that one day, the Monad will infuse the personality nature, but for many cycles the Monad (even more than the Solar Angels) remains in a state of abstraction with respect to its "shadow", the personality.

253. Liên quan đến chân thần, chúng ta biết rằng một ngày kia chân thần sẽ thấm nhuần bản chất phàm ngã, nhưng trong nhiều chu kỳ chân thần (thậm chí còn hơn cả các Thái dương Thiên Thần) vẫn ở trong trạng thái trừu xuất đối với "cái bóng" của nó là phàm ngã.

The heat was latent and no outer warmth ascended to Their place.

Nhiệt vẫn tiềm ẩn và không có hơi ấm bên ngoài nào bốc lên đến chỗ của Các Ngài.

254. The technical term, "latent heat" is used.

254. Thuật ngữ kỹ thuật "nhiệt tiềm ẩn" được dùng ở đây.

255. "Their place" is presumably a 'location' within the cosmic ethers. If the "Sons of God" are the Monads, then "Their place" is the monadic plane.

255. "Chỗ của Các Ngài" hẳn là một 'vị trí' trong các dĩ thái vũ trụ. Nếu các "Con của Thượng đế" là các chân thần, thì "chỗ của Các Ngài" là cõi chân thần.

256. The spiritual triad is the extension of the Monad and its place is on the cosmic ethers also, except that the manasic permanent atom is located on the very highest subplane of the mental plane.

256. Tam Nguyên Tinh Thần là sự mở rộng của chân thần và chỗ của nó cũng ở trên các dĩ thái vũ trụ, ngoại trừ nguyên tử trường tồn manas nằm trên cõi phụ cao nhất của cõi trí.

257. If we decide that (as regard the text thus far presented) individualization has not yet occurred, then we seem to be anticipating the manner in which animal man sent forth a call to his Spirit aspect. For that type of invocation to occur (as it did on the Moon-chain and perhaps in the first solar system) the unconscious 'aspiration' of the form must reach up to the level of the Monad or Spirit.

257. Nếu chúng ta quyết định rằng (xét theo bản văn được trình bày cho đến đây) biệt ngã hóa vẫn chưa xảy ra, thì dường như chúng ta đang dự báo cách mà người thú đã phát ra một tiếng gọi đến phương diện Tinh thần của mình. Để loại khẩn cầu đó xảy ra (như đã xảy ra trên Dãy Mặt Trăng và có lẽ trong hệ mặt trời thứ nhất), "khát vọng" vô thức của hình tướng phải vươn lên đến cấp độ của chân thần hay tinh thần.

The aeons passed.

Các đại kiếp trôi qua.

258. We could be speaking of Platonic Years. "Rounds" seems a rather long period given the nature of this process, but there was a "Dragon" or "serpent" influence (occultly considered) in the second round of our Earth-scheme.

258. Chúng ta có thể đang nói đến các Năm Plato. "Các cuộc tuần hoàn" dường như là một thời kỳ khá dài xét theo bản chất của tiến trình này, nhưng đã có một ảnh hưởng của "Rồng" hay "rắn" (xét theo huyền bí học) trong cuộc tuần hoàn thứ hai của hệ Địa Cầu chúng ta.

The glow increased.

Ánh sáng tăng lên.

259. Latent fire increases in intensity. We can also be speaking of the "glow" of the developing chakras, of which two have definitely been stimulated. The stimulation of the other and higher chakras follows gradually.

259. Lửa tiềm ẩn tăng cường độ. Chúng ta cũng có thể đang nói đến "ánh sáng" của các luân xa đang phát triển, trong đó hai luân xa chắc chắn đã được kích thích. Sự kích thích các luân xa khác và cao hơn diễn ra dần dần.

260. Animals have chakras, certainly. As well, there is no reason why we should not think that pre-individualized man (no matter how strange his form) did not have chakras.

260. Loài vật chắc chắn có các luân xa. Đồng thời, không có lý do gì khiến chúng ta không nghĩ rằng con người trước biệt ngã hóa (dù hình tướng của y kỳ lạ đến đâu) lại không có các luân xa.

The Spheres took form, but dissipated rapidly, lacking coherent force.

Các Khối Cầu thành hình, nhưng tan biến nhanh chóng vì thiếu mãnh lực cố kết.

261. We may infer that the "Spheres" are the lower vehicles in man's constitution.

261. Chúng ta có thể suy ra rằng các "Khối Cầu" là các vận cụ thấp trong cấu tạo của con người.

They passed. They came again.

Chúng qua đi. Chúng lại đến.

262. Here we speak of the process of reincarnation—of the building, dissipation and rebuilding of the "Spheres".

262. Ở đây chúng ta đang nói đến tiến trình tái sinh—sự xây dựng, tan rã và tái xây dựng các "Khối Cầu".

Action incessant, noise and fire and smouldering heat characterised Their cycles.

Hoạt động không ngừng, tiếng ồn và lửa cùng sức nóng âm ỉ đặc trưng cho các chu kỳ của chúng.

263. Work is proceeding within the realm of the third aspect which is known for its

263. Công việc đang tiến hành trong phạm vi của phương diện thứ ba vốn được biết đến

"noise". The fire is fire by friction and the heat is that which arises within the form.

bởi "tiếng ồn" của nó. Lửa là Lửa ma sát và nhiệt là điều phát sinh bên trong hình tướng.

264. All these cycles have a significant duration, but in this selection of the *Old Commentary* we are not given any hint of that duration.

264. Tất cả các chu kỳ này đều có một thời lượng đáng kể, nhưng trong đoạn trích này của *Cổ Luận* chúng ta không được cho bất kỳ gợi ý nào về thời lượng ấy.

265. It is clear that all is proceeding largely under the influence of the third aspect of divinity and of fire by friction. Friction and "noise", we realize, go together.

265. Rõ ràng là mọi sự đang diễn ra phần lớn dưới ảnh hưởng của phương diện thứ ba của thiên tính và của Lửa ma sát. Ma sát và "tiếng ồn", như chúng ta nhận ra, đi cùng nhau.

266. We will remain with the hypothesis that we are speaking of a development period *preceding* individualization, though it could also be thought that we might be speaking of a developmental period following individualization during which time the lower vehicles would be growing in strength, capacity and refinement.

266. Chúng ta sẽ giữ giả thuyết rằng mình đang nói về một thời kỳ phát triển *trước* biệt ngã hóa, dù cũng có thể nghĩ rằng chúng ta đang nói về một thời kỳ phát triển sau biệt ngã hóa, trong đó các vận cụ thấp sẽ tăng trưởng về sức mạnh, năng lực và sự tinh luyện.

But **the Lhas in Their high heaven spurned this elemental work** and gazed within Themselves. They meditated.

Nhưng **các Lhas trong cõi thượng thiên cao của Các Ngài đã khước từ công việc hành khí này** và nhìn vào bên trong chính mình. Các Ngài tham thiền.

267. We may consider the Lhas as Monads Who go to the formation of Planetary Logoi, or, by extension as the Planetary Logoi themselves.

267. Chúng ta có thể xem các Lhas như các chân thần góp phần vào sự hình thành các Hành Tinh Thượng Đế, hoặc theo nghĩa mở rộng, như chính các Hành Tinh Thượng Đế.

268. We must learn whether we have to distinguish between the "Lhas" and the "eternal Lhas" later mentioned.

268. Chúng ta phải tìm hiểu xem về sau có cần phân biệt giữa các "Lhas" và "các Lhas vĩnh cửu" được nhắc đến sau này hay không.

269. When we study the third Cosmic Path, much is said of Planetary Logoi and Their inward and meditative attitudes. This inward meditative attitude can also be applied to the abstracted Monad before the

269. Khi nghiên cứu Con đường Vũ Trụ thứ ba, rất nhiều điều được nói về các Hành Tinh Thượng Đế và thái độ nội tại, tham thiền của Các Ngài. Thái độ tham thiền nội tại này cũng có thể được áp dụng cho chân thần

time comes for its forceful engagement in the development of personality and soul.

đang ở trạng thái trừu xuất trước khi đến lúc nó can dự mạnh mẽ vào sự phát triển của phàm ngã và linh hồn.

270. We learn that the "elemental work" is proceeding according to its own laws. The Lhas (on planes which are relatively very high) need not be involved and, apparently, do not 'wish' to be involved.

270. Chúng ta biết rằng "công việc hành khí" đang tiến hành theo các quy luật riêng của nó. Các Lhas (trên những cõi tương đối rất cao) không cần phải can dự và dường như cũng không 'muốn' can dự.

271. There is ambiguity in the use of the term "Lhas". They may very well be the Monads and the "eternal Lhas", Planetary Logoi, but we cannot discount the possible association of the term "Lhas" with Solar Angels.

271. Có sự mơ hồ trong việc dùng thuật ngữ "Lhas". Chúng rất có thể là các chân thần và "các Lhas vĩnh cửu" là các Hành Tinh Thượng Đế, nhưng chúng ta không thể loại trừ khả năng thuật ngữ "Lhas" có liên hệ với các Thái dương Thiên Thần.

272. They are "mind-born Sons" and represent the second aspect of divinity and only the highest aspect of the third aspect.

272. Các Ngài là những "Người Con sinh ra từ trí tuệ" và tượng trưng cho phương diện thứ hai của thiên tính và chỉ cho phương diện cao nhất của phương diện thứ ba.

The glow became a steady burning and tiny flames were seen. The first, the second, and the third became three lines of fire and one triangle was consummated.

Ánh sáng trở thành một ngọn cháy ổn định và những ngọn lửa nhỏ được nhìn thấy. Cái thứ nhất, thứ hai và thứ ba trở thành ba đường lửa và một tam giác được hoàn tất.

273. We are reminded of the appearance of "lines" or "spokes" within the causal body (in one of its modes of appearance). However, (if we are dealing with a development period preceding individualization) the causal body is not yet constructed.

273. Chúng ta được nhắc đến sự xuất hiện của các "đường" hay "nan hoa" bên trong thể nguyên nhân (trong một trong các cách biểu hiện của nó). Tuy nhiên, nếu chúng ta đang bàn đến một thời kỳ phát triển trước biệt ngã hóa, thì thể nguyên nhân vẫn chưa được kiến tạo.

274. The first, second and third seem to be three vehicles (physical-etheric, emotional and mental). The animal (especially, early pre-individualized animal man) has all of these vehicles, but lack self-consciousness.

274. Cái thứ nhất, thứ hai và thứ ba dường như là ba vận cụ (hồng trần-dĩ thái, cảm xúc và trí tuệ). Loài vật (đặc biệt là người thú sơ khai trước biệt ngã hóa) có tất cả các vận cụ này, nhưng thiếu ngã thức.

275. If we are dealing with the period of un-individualized animal man, it seems

275. Nếu chúng ta đang bàn đến thời kỳ của người thú chưa biệt ngã hóa, thì có vẻ lạ khi

peculiar that we should speak of the *consummation* of the triangle. Generally, this consummation is said to occur at the time immediately preceding the fourth initiation —presumably much, much later in the evolutionary process.

chúng ta lại nói đến sự *hoàn tất* của tam giác. Nói chung, sự hoàn tất này được cho là xảy ra vào thời điểm ngay trước lần điểm đạo thứ tư—hẳn là muộn hơn rất, rất nhiều trong tiến trình tiến hoá.

276. Our interpretive task at this point is to determine whether individualization has occurred (at this point in the text description) or not.

276. Nhiệm vụ diễn giải của chúng ta ở điểm này là xác định xem biệt ngã hóa đã xảy ra (ở điểm này trong phần mô tả của bản văn) hay chưa.

277. Whether or not it had, there is no doubt, however, that in early Lemurian times, a kind of instinctive intelligence was growing in animal man.

277. Dù đã xảy ra hay chưa, tuy nhiên không còn nghi ngờ gì rằng trong thời Lemuria sơ kỳ, một loại trí thông minh bản năng đã tăng trưởng trong người thú.

278. When we study the third Cosmic Path, much is said of Planetary Logoi and Their inward and meditative attitudes. This inward meditative attitude can also be applied to the abstracted Monad before the time comes for its forceful engagement in the development of personality and soul.

278. Khi nghiên cứu Con đường Vũ Trụ thứ ba, rất nhiều điều được nói về các Hành Tinh Thượng Đế và thái độ nội tại, tham thiền của Các Ngài. Thái độ tham thiền nội tại này cũng có thể được áp dụng cho chân thần đang ở trạng thái trừu xuất trước khi đến lúc nó can dự mạnh mẽ vào sự phát triển của phàm ngã và linh hồn.

279. We learn that the “elemental work” is proceeding according to its own laws. The Lhas (on planes which are relatively very high) need not be involved and, apparently, do not ‘wish’ to be involved.

279. Chúng ta biết rằng “công việc hành khí” đang tiến hành theo các quy luật riêng của nó. Các Lhas (trên những cõi tương đối rất cao) không cần phải can dự và dường như cũng không ‘muốn’ can dự.

280. Until the moment of individualization, both the Monads and the “solar Lords” are abstracted from the elemental processes occurring within the proto-personality.

280. Cho đến thời điểm biệt ngã hóa, cả các chân thần lẫn các “nhật tinh quân” đều ở trạng thái trừu xuất khỏi các tiến trình hành khí đang diễn ra bên trong phàm ngã sơ khai.

281. There is ambiguity in the use of the term “Lhas”. They may very well be the Monads and the “eternal Lhas”, Planetary Logoi, but we cannot discount the possible

281. Có sự mơ hồ trong việc dùng thuật ngữ “Lhas”. Chúng rất có thể là các chân thần và “các Lhas vĩnh cửu” là các Hành Tinh Thượng Đế, nhưng chúng ta không thể loại

association of the term “Lhas” with Solar Angels.

trừ khả năng thuật ngữ “Lhas” có liên hệ với các Thái dương Thiên Thần.

Yet the four are seen quiescent [Page 839] and respond not to the heat.

Tuy nhiên bốn cái được thấy là tĩnh lặng [Page 839] và không đáp ứng với nhiệt.

282. The number “four” suggests the personality which, as individualization has not occurred, does not exist.

282. Con số “bốn” gợi ý phàm ngã, mà vì biệt ngã hóa chưa xảy ra nên chưa tồn tại.

283. From another perspective, the four lower vehicles (physical, etheric, astral and mental) may, from the perspective of the Solar Angels, appear quiescent.

283. Từ một góc nhìn khác, bốn vận cụ thấp (hồng trần, dĩ thái, cảm dục và trí tuệ) có thể, từ góc nhìn của các Thái dương Thiên Thần, có vẻ tĩnh lặng.

284. To which type of “heat” are the four *not* yet responding, remember that “heat” is sometimes a term used for “spiritual energy”. Some heat has entered the elemental world when the Lhas *thought* in the direction of these worlds. But it cannot be said that solar fire is yet really at work within the lower worlds of form.

284. Bốn cái ấy vẫn chưa đáp ứng với loại “nhiệt” nào? Hãy nhớ rằng “nhiệt” đôi khi là một thuật ngữ được dùng cho “năng lượng tinh thần”. Một ít nhiệt đã đi vào thế giới hành khí khi các *không* Lhas *nghĩ* theo hướng các thế giới này. Nhưng chưa thể nói rằng Lửa Thái dương thực sự đang hoạt động trong các thế giới thấp của hình tướng.

285. Nor can we say with certainty that the mind is in any appreciable way, active. If we are dealing with a development period preceding individualization, the being concerned is still, principally, physical-etheric-astral.

285. Chúng ta cũng không thể nói chắc rằng trí tuệ đang hoạt động theo bất kỳ cách đáng kể nào. Nếu chúng ta đang bàn đến một thời kỳ phát triển trước biệt ngã hóa, thì hữu thể liên hệ vẫn chủ yếu là hồng trần-dĩ thái-cảm dục.

Thus do the cycles and the elemental lives pass and repass, and their work continues.

Cứ thế các chu kỳ và các sự sống hành khí trôi qua rồi trở lại, và công việc của chúng tiếp tục.

286. The terminology (“pass and repass”) is definitely Masonic.

286. Thuật ngữ (“trôi qua rồi trở lại”) rõ ràng mang tính Tam Điểm.

287. We are speaking of elemental development over many cycles and the forms are prepared for the entry of the Lhas

287. Chúng ta đang nói về sự phát triển hành khí qua nhiều chu kỳ và các hình tướng được chuẩn bị cho sự nhập vào của

rather than, merely, their thought-directed stimulation from 'afar'.

288. In early Lemuria is would appear that the animal man of that period was substantially fourfold—physical, etheric, astral and proto-mental. It would appear that the mental unit (arising as instinct approximated intelligence) had been evoked.

The forms are set, yet brief their span.

289. The lower forms have their allotted cycle of duration. The structure of these forms is well-established.

290. Compared to the eternal consciousness of the Lhas that span is "brief".

291. Compared to the duration of our lunar vehicles at present, the span may have been quite long.

They move not, yet they pass.

292. In what way do they not "move"? Do they simply 'hold their assigned form'? It would seem that they do progress in their degree of refinement.

293. The term "pass" seems to indicate progression through reincarnation.

294. It would seem that the forms pass to and fro, from manifestation as form to the central reservoir and back.

The hour has come for **the great awakening**.

các Lhas hơn là chỉ cho sự kích thích được hướng bằng tư tưởng của các Ngài từ 'xa'.

288. Trong thời Lemuria sơ kỳ, dường như người thú của thời đó về cơ bản là tứ phân—hồng trần, dĩ thái, cảm dục và tiền-trí tuệ. Dường như đơn vị hạ trí (xuất hiện khi bản năng tiến gần đến trí thông minh) đã được gợi lên.

Các hình tướng được thiết lập, nhưng thời hạn của chúng ngắn ngủi.

289. Các hình tướng thấp có chu kỳ tồn tại được phân định cho chúng. Cấu trúc của các hình tướng này đã được xác lập vững chắc.

290. So với tâm thức vĩnh cửu của các Lhas, thời hạn ấy là "ngắn ngủi".

291. So với thời lượng của các vận cụ nguyệt của chúng ta hiện nay, thời hạn ấy có thể đã khá dài.

Chúng không chuyển động, nhưng chúng trôi qua.

292. Chúng không "chuyển động" theo cách nào? Chúng chỉ đơn giản 'giữ hình tướng được chỉ định' của mình chăng? Dường như chúng vẫn tiến bộ trong mức độ tinh luyện của mình.

293. Thuật ngữ "trôi qua" dường như chỉ sự tiến triển qua tái sinh.

294. Dường như các hình tướng đi qua đi lại, qua lại, từ biểu hiện thành hình tướng đến kho chứa trung tâm rồi trở lại.

Giờ đã đến cho **sự thức tỉnh lớn lao**.

295. Presumably, we can consider this as individualization.

295. Hẳn là chúng ta có thể xem đây là biệt ngã hóa.

296. Individualization is, indeed, an awakening to self-consciousness and represents a great vitalization of the relatively dormant mental principle.

296. Quả thật, biệt ngã hóa là một sự thức tỉnh vào ngã thức và tượng trưng cho một sự tiếp sinh lực lớn lao của nguyên khí trí tuệ vốn tương đối ngủ yên.

They pass no longer down but mount.

Chúng không còn đi xuống nữa mà đi lên.

297. There comes a time when the united forms invoke the Spirit. As is stated in certain sections of TCF, they "aspire", however unconsciously.

297. Có một thời điểm khi các hình tướng hợp nhất khẩn cầu Tinh thần. Như được nói trong một số phần của TCF, chúng "khát vọng", dù là một cách vô thức.

298. We have the third aspect of divinity reaching unconsciously towards the first.

298. Chúng ta có phương diện thứ ba của thiên tính đang vô thức vươn tới phương diện thứ nhất.

This is the interlude for which the Lhas in Their high place have waited.

Đây là quãng chuyển tiếp mà các Lhas ở chốn cao của Các Ngài đã chờ đợi.

299. The lower forms send forth a "cry". It is an upreaching, unconscious cry of aspiration. It is a reaching from the lowest aspect of the Monad to the highest.

299. Các hình tướng thấp phát ra một "tiếng kêu". Đó là một tiếng kêu khát vọng vô thức vươn lên. Đó là một sự vươn tới từ phương diện thấp nhất của chân thần đến phương diện cao nhất.

300. The Lhas could not act until this moment came. That which is to be invoked cannot respond in evocation until invocation arises.

300. Các Lhas không thể hành động cho đến khi khoảnh khắc này đến. Điều sẽ được khẩn cầu không thể đáp ứng trong sự gợi lên cho đến khi khẩn cầu phát sinh.

301. As we examine the coming sections of text, we have to determine whether the term "Lhas" relates to the Monads, to the "solar Lords" or both.

301. Khi khảo sát các phần bản văn sắp tới, chúng ta phải xác định xem thuật ngữ "Lhas" liên hệ đến các chân thần, đến các "nhật tinh quân" hay đến cả hai.

They may not enter yet the forms prepared, but feel Their hour approaching.

Các Ngài vẫn chưa thể đi vào các hình tướng đã được chuẩn bị, nhưng cảm thấy giờ của Các Ngài đang đến gần.

302. At one point they *will* enter the forms prepared. The point is—the forms *are prepared.*

302. Đến một lúc nào đó các Ngài *sẽ* đi vào các hình tướng đã được chuẩn bị. Điểm chính là—các hình tướng *đã được chuẩn bị.*

303. If the Lhas are to be considered the Monads, their entry into the prepared forms which be an entry into the causal body, taking up their place as the central fire or Jewel in the Lotus.

303. Nếu các Lhas được xem là các chân thần, thì sự nhập vào của chúng vào các hình tướng đã được chuẩn bị sẽ là sự nhập vào thể nguyên nhân, chiếm chỗ như ngọn lửa trung tâm hay Ngọc trong Hoa Sen.

They meditate anew,

Các Ngài lại tham thiền,

304. The Lhas are Divine Contemplatives and their 'action' is meditation.

304. Các Lhas là những Đấng Chiêm Ngưỡng thiêng liêng và 'hành động' của các Ngài là tham thiền.

305. It would not surprise me to find that the "solar Lords" are also in meditation prior to their full descent.

305. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu thấy rằng các "nhật tinh quân" cũng đang tham thiền trước khi giáng xuống trọn vẹn.

and for a minute gaze upon the myriad threefold fires until the fourth responds.

và trong một phút nhìn vào vô số các lửa tam phân cho đến khi cái thứ tư đáp ứng.

306. The "gaze" of the Lhas *is action.*

306. "Ánh nhìn" của các Lhas *là hành động.*

307. There are many fires within the three principal fires.

307. Có nhiều lửa bên trong ba lửa chính.

308. If we divide the elemental fires as follows—physical fires, etheric fires, astral fires and mental fires—the threefold fires do not yet involve the mind. In one way, this would make sense, for a really strong stimulation of the mind by the Lhas has not yet occurred even though, under their gaze, the "third" has awakened.

308. Nếu chúng ta phân chia các lửa hành khí như sau—các lửa hồng trần, các lửa dĩ thái, các lửa cảm dục và các lửa trí tuệ—thì các lửa tam phân vẫn chưa bao gồm trí tuệ. Theo một cách nào đó, điều này có lý, vì một sự kích thích thực sự mạnh mẽ của trí tuệ bởi các Lhas vẫn chưa xảy ra dù dưới ánh nhìn của các Ngài, "cái thứ ba" đã thức tỉnh.

309. The term "minute" is divided below into "seconds". These figures are not meaningless or merely metaphoric. It is certain that they have occult significance

309. Thuật ngữ "phút" được chia bên dưới thành "giây". Những con số này không vô nghĩa hay chỉ mang tính ẩn dụ. Chắc chắn chúng có ý nghĩa huyền bí liên quan đến

regarding the duration of solar angelic concentration.

thời lượng tập trung của thiên thần thái dương.

The sixty seconds passed in dynamic concentration produce forms of triple kind,

Sáu mươi giây trôi qua trong sự tập trung năng động tạo ra các hình tướng thuộc loại tam phân,

310. We are given significant yogic hints.

310. Chúng ta được trao cho những gợi ý du già quan trọng.

311. We have to consider planetary time and, maybe, solar systemic time, when considering the actual duration of "sixty seconds".

311. Chúng ta phải xét đến thời gian hành tinh và có lẽ cả thời gian của hệ mặt trời khi xem xét thời lượng thực sự của "sáu mươi giây".

312. What might a human being accomplish if capable of giving sixty seconds (second of clock-time) to "dynamic concentration"?

312. Một con người có thể hoàn thành điều gì nếu có khả năng dành sáu mươi giây (giây đồng hồ) cho "sự tập trung năng động"?

313. In the entire creative process of form-creation, the number *six* is significant.

313. Trong toàn bộ tiến trình sáng tạo của sự tạo hình tướng, con số *sáu* có ý nghĩa quan trọng.

three sets of forms, and myriads in the three.

ba bộ hình tướng, và vô số trong bộ ba ấy.

314. Here we are probably referencing the three usual vehicles of the personality—the physical-etheric body, the astral body and the mental body.

314. Ở đây có lẽ chúng ta đang nói đến ba vận cụ thông thường của phàm ngã—thể xác-dĩ thái, thể cảm dục và thể trí.

315. We note that there are myriads of elemental lives within the three sets of forms.

315. Chúng ta lưu ý rằng có vô số sự sống hành khí bên trong ba bộ hình tướng ấy.

The Heart of Mother contracts, and expands with these sixty fiery breaths.

Trái Tim của Mẹ co lại, rồi giãn nở cùng với sáu mươi hơi thở rực lửa này.

316. More occult hints are given.

316. Nhiều gợi ý huyền bí hơn nữa được đưa ra.

317. We are speaking of developments within the soul of matter.

317. Chúng ta đang nói về những phát triển bên trong linh hồn của vật chất.

318. Within the “sixty seconds passed in dynamic concentration” “sixty fiery breaths” are imparted.

318. Trong “sáu mươi giây trôi qua trong sự tập trung năng động”, “sáu mươi hơi thở rực lửa” được truyền ban.

319. DK seems to be telling us that each unit of concentration is as a fiery breath. The concentration, therefore, must be ‘life-giving’. This we should remember when enacting concentration in our meditative practice. In concentration we bestow the breath of life.

319. Chân sư DK dường như đang cho chúng ta biết rằng mỗi đơn vị tập trung giống như một hơi thở rực lửa. Vì vậy, sự tập trung hẳn phải là điều ‘ban sự sống’. Điều này chúng ta nên ghi nhớ khi thực hành sự tập trung trong việc tham thiền của mình. Trong sự tập trung, chúng ta ban phát hơi thở của sự sống.

The lines become allied, and cubes are formed, shielding the inner fire.

Các đường trở nên liên kết, và các khối lập phương được hình thành, che chở ngọn lửa bên trong.

320. We are speaking of a process of alignment.

320. Chúng ta đang nói về một tiến trình chỉnh hợp.

321. We are reminded of the cube of space. Its six sides refer to the world of time and space, to the world governed by Mars and the senses.

321. Chúng ta được nhắc nhớ về khối lập phương của không gian. Sáu mặt của nó quy chiếu đến thế giới thời gian và không gian, đến thế giới do Sao Hỏa và các giác quan chi phối.

322. The following quotation should be borne in mind when considering this subject:

322. Nên ghi nhớ trích dẫn sau đây khi xem xét chủ đề này:

These four lunar lords constitute what the Ageless Wisdom teaching calls "the four sides of the square." They are the "lower quaternary," "**the imprisoning cubes**," or the cross upon which the inner spiritual Man is to be crucified. These four elementals have an intelligence all their own, are upon the involutionary arc, are following the law of their own being when they tend to become

Bốn nguyệt tinh quân này cấu thành điều mà giáo huấn Minh Triết Ngàn Đời gọi là "bốn cạnh của hình vuông". Chúng là "tứ nguyên thấp hơn", "**những khối lập phương giam hãm**", hay thập giá mà trên đó Con Người tinh thần nội tại sẽ bị đóng đinh. Bốn hành khí này có một trí tuệ riêng của chúng, đang ở trên cung giáng hạ tiến hoá, đang tuân theo định luật của chính bản thể chúng

powerful, and thereby fully express that which is in them. (R&I 9)

khi chúng có xu hướng trở nên mạnh mẽ, và nhờ đó biểu lộ trọn vẹn điều ở trong chúng. (R&I 9)

5. Mars was called the six-faced planet. (II. 399.)

5. Sao Hỏa được gọi là hành tinh sáu mặt. (II. 399.)

The altar is prepared, and four square stands.

Bàn thờ được chuẩn bị, và bốn hình vuông đứng vững.

323. We must now question whether the "inner fire" refers to a fire created on the higher mental plane (an extended monadic fire) which is 'shielded' by the construction of the egoic lotus.

323. Giờ đây chúng ta phải đặt câu hỏi liệu "ngọn lửa bên trong" có chỉ một ngọn lửa được tạo ra trên Cõi thượng trí (một lửa chân thần mở rộng) được 'che chở' bởi sự kiến tạo Hoa Sen Chân Ngã hay không.

324. Prior to the creation of the causal body, a number of alignments must occur and the members of the atomic triangle must be gathered into the newly forming egoic lotus (causal body).

324. Trước khi thể nguyên nhân được tạo ra, một số sự chỉnh hợp phải xảy ra và các thành viên của tam giác nguyên tử phải được tập hợp vào Hoa Sen Chân Ngã đang thành hình (thể nguyên nhân).

325. An altar suggests the need for fire. In this case it will be rising fire by friction and descending solar fire.

325. Một bàn thờ gợi ý nhu cầu về lửa. Trong trường hợp này, đó sẽ là Lửa ma sát đang bốc lên và Lửa Thái dương đang giáng xuống.

326. The "four square" represents the completion of the work of the elementals in preparing the lunar form for association with the higher fires.

326. "Bốn hình vuông" tượng trưng cho sự hoàn tất công việc của các hành khí trong việc chuẩn bị hình tướng nguyệt cho sự kết hợp với các lửa cao hơn.

The altar glows, red at the centre and warm without.

Bàn thờ rực sáng, đỏ ở trung tâm và ấm ở bên ngoài.

327. At last warmth has come. We recall that the Lhas looked away earlier as there was no rising, ascending outer warmth.

327. Cuối cùng hơi ấm đã đến. Chúng ta nhớ rằng các Lhas trước đó đã ngoảnh đi vì không có hơi ấm bên ngoài đang bốc lên, đang thăng lên.

328. The entire lower nature is, in a sense, an "altar".

328. Toàn bộ bản chất thấp hơn, theo một nghĩa nào đó, là một "bàn thờ".

The altar flames. Its heat mounts up, yet it burns not, nor is consumed. Its heat, which has no flame, reaches a higher sphere; **the Sons of God for a brief period warm Themselves, yet approach not nearer to it until the passing of another cycle**. They await the hour, the hour of sacrifice.

Bàn thờ bốc lửa. Nhiệt của nó bốc lên, nhưng nó không cháy bùng, cũng không bị thiêu hủy. Nhiệt của nó, vốn không có ngọn lửa, vươn tới một khối cầu cao hơn; **các Con của Thượng đế trong một thời gian ngắn tự sưởi ấm, nhưng không đến gần nó hơn cho đến khi một chu kỳ khác trôi qua**. Các Ngài chờ đợi giờ ấy, giờ của sự hi sinh.

329. These words are another way to describe the aspiration of animal man to his own Spirit aspect. The third aspect of divinity is reaching out and up to the first.

329. Những lời này là một cách khác để mô tả khát vọng của người thú hướng tới chính phương diện tinh thần của y. Phương diện thứ ba của thiên tính đang vươn ra và vươn lên tới phương diện thứ nhất.

330. The time for the consuming of the altar lies far in the future, at the point of human liberation.

330. Thời điểm để bàn thờ bị thiêu hủy hoàn toàn còn ở rất xa trong tương lai, tại điểm giải thoát của con người.

331. We might say that "flame" is of the higher spheres. Heat is the possession of the form.

331. Chúng ta có thể nói rằng "ngọn lửa" thuộc về các khối cầu cao hơn. Nhiệt là sở hữu của hình tướng.

332. The "Sons of God" hover around the rising fire. It is curious to read that they "warm themselves". Perhaps it is a moment of appreciation for the rising unconscious aspiration and of dedication to the length task ahead.

332. Các "Con của Thượng đế" lơ lửng quanh ngọn lửa đang bốc lên. Thật lạ khi đọc rằng Các Ngài "tự sưởi ấm". Có lẽ đó là một khoảnh khắc trân trọng đối với khát vọng vô thức đang dâng lên và là sự hiến mình cho nhiệm vụ dài lâu phía trước.

333. The entire process is, from the human perspective, very slow. Cycle after cycle must pass before individualization can even being.

333. Toàn bộ tiến trình này, từ góc nhìn của con người, diễn ra rất chậm. Hết chu kỳ này đến chu kỳ khác phải trôi qua trước khi ngay cả sự biệt ngã hóa cũng có thể bắt đầu.

334. The "hour of sacrifice" is the hour of individualization.

334. "Giờ của sự hi sinh" là giờ của sự biệt ngã hóa.

335. The aspiration of animal man is obviously an energy-event of which the pre-human unit is unconscious.

335. Khát vọng của người thú hiển nhiên là một biến cố năng lượng mà đơn vị tiền nhân loại không hề có ý thức.

336. We are given some idea of the process in relation to the method of Moon-chain individualization in the following:

This spark of mind, working through the instinct, drove the material form or substance, into such activity that it was enabled to reach up to heights where its opposite pole could be contacted. **Animal-man aspired; Spirit answered**; the vibration of the germ of mentality had permeated the substance like yeast. Thus was consciousness awakened. (TCF 346)

337. Some recapitulation of this process must occur even in the second solar system and upon the Earth-chain.

338. Sometimes, when speaking of the Lhas, it is difficult to know whether the Solar Angels are meant or a man's own Monad.

339. Probably during the process of individualization and subsequent evolution, there is an effective fusion of the two energy streams—man's Spirit and the energy of the beneficently intervening "solar Lords".

The solar Lords, taking the Word as sounded by the Sons of God, arise in the fierceness of their solar life and approach the altar.

340. Here is a significant differentiation—the "Sons of God" are being discriminated form the "solar Lords".

341. It seems that we will have to interpret the "solar Lords" as Solar Angels.

336. Chúng ta được cho một vài ý niệm về tiến trình này liên hệ với phương pháp biệt ngã hóa của Dãy Mặt Trăng trong đoạn sau:

Tia lửa trí tuệ này, hoạt động thông qua bản năng, đã thúc đẩy hình tướng vật chất hay chất liệu vào một hoạt động đến mức nó có thể vươn lên tới những độ cao nơi cực đối nghịch của nó có thể được tiếp xúc. **Người-thú khát vọng; Tinh thần đáp ứng**; rung động của mầm trí tuệ đã thấm vào chất liệu như men. Nhờ đó tâm thức được đánh thức. (TCF 346)

337. Một sự tái diễn nào đó của tiến trình này phải xảy ra ngay cả trong hệ mặt trời thứ hai và trên Dãy Địa Cầu.

338. Đôi khi, khi nói về các Lhas, thật khó biết liệu điều được hàm ý là các Thái dương Thiên Thần hay chính Chân thần của một người.

339. Có lẽ trong tiến trình biệt ngã hóa và sự tiến hoá tiếp theo, có một sự dung hợp hữu hiệu của hai dòng năng lượng—Tinh thần của con người và năng lượng của các "nhật tinh quân" can thiệp một cách từ ái.

Các nhật tinh quân, tiếp nhận Linh từ như được xướng lên bởi các Con của Thượng đế, trỗi dậy trong sự mãnh liệt của sự sống thái dương của Các Ngài và tiến đến bàn thờ.

340. Ở đây có một sự biến phân quan trọng —"các Con của Thượng đế" đang được phân biệt khỏi "các nhật tinh quân".

341. Dường như chúng ta sẽ phải diễn giải "các nhật tinh quân" là các Thái dương Thiên Thần.

342. The “solar Lords” seek to conform themselves to the “Word” as sounded by the Monad (with which the “solar Lord” or Solar Angel seeks to cooperate).

342. “Các nhật tinh quân” tìm cách tự điều chỉnh theo “Linh từ” như được xướng lên bởi Chân thần (mà “nhật tinh quân” hay Thái dương Thiên Thần tìm cách cộng tác cùng).

343. Solar fire must descend upon the altar. The highest point upon the altar is the mental unit which is to be stimulated by the descent of the “solar Lords”.

343. Lửa Thái dương phải giáng xuống bàn thờ. Điểm cao nhất trên bàn thờ là đơn vị hạ trí, vốn sẽ được kích thích bởi sự giáng xuống của “các nhật tinh quân”.

344. We should not overlook the word “fierceness” which we can correlated with the fact that when individualization occurred there was a massive death of animal forms who could not withstand the descent of solar energy.

344. Chúng ta không nên bỏ qua từ “mãnh liệt”, điều mà chúng ta có thể liên hệ với sự kiện rằng khi sự biệt ngã hóa xảy ra đã có một cái chết hàng loạt của các hình tướng động vật không thể chịu đựng được sự giáng xuống của năng lượng thái dương.

The four lines glow and burn.

Bốn đường rực sáng và cháy lên.

345. We may be speaking of certain lines of the cube or, also, of four chakras.

345. Chúng ta có thể đang nói về một số đường của khối lập phương hoặc cũng có thể là bốn luân xa.

346. If we are speaking of chakras, should the four chakras below the diaphragm be designated (i.e., including the spleen) or should the heart center also enter our consideration? The Solar Angels or “solar Lords” are “Hearts of Fiery Love” and the heart of animal man must surely be stimulated by their coming. We are told that the soul is anchored in both the head *and the heart.*

346. Nếu chúng ta đang nói về các luân xa, thì có nên chỉ định bốn luân xa bên dưới cơ hoành (tức là gồm cả luân xa lá lách) hay trung tâm tim cũng nên được đưa vào sự xem xét của chúng ta? Các Thái dương Thiên Thần hay “các nhật tinh quân” là “Những Trái Tim của Bác Ái Rực Lửa” và trái tim của người thú hẳn phải được kích thích bởi sự đến của các Ngài. Chúng ta được bảo rằng linh hồn được neo giữ trong cả đầu *và tim.*

347. From another perspective, the Planetary Logoi, Themselves, are “solar Lords” and individualization is definitely a process involving the Planetary Logoi.

347. Từ một góc nhìn khác, chính các Hành Tinh Thượng Đế, Các Ngài, là “các nhật tinh quân” và sự biệt ngã hóa chắc chắn là một tiến trình có liên quan đến các Hành Tinh Thượng Đế.

The sun applies a ray;

Mặt trời áp dụng một tia;

348. Can we say that the process of individualization involves not only the Planetary Logoi as "solar Lords" but the Solar Logos, Himself. The individualizing energies do stream forth from the Solar Logos (or, as here abbreviated, from the "sun").

348. Chúng ta có thể nói rằng tiến trình biệt ngã hóa không chỉ liên quan đến các Hành Tinh Thượng Đế như những "nhật tinh quân" mà còn liên quan đến chính Thái dương Thượng đế hay không. Các năng lượng biệt ngã hóa quả thật tuôn ra từ Thái dương Thượng đế (hay, như được viết tắt ở đây, từ "mặt trời").

the solar Lords pass it through Their substance and again approach the altar.

các nhật tinh quân truyền nó qua chất liệu của Các Ngài rồi lại tiến đến bàn thờ.

349. The Solar Angels are definitely related to the "sun" and, especially, the Heart of the Sun.

349. Các Thái dương Thiên Thần chắc chắn có liên hệ với "mặt trời" và đặc biệt là Trái Tim của Mặt Trời.

350. The Solar Angels are inspired by the "sun" and, when their task is completed, return to it.

350. Các Thái dương Thiên Thần được "mặt trời" truyền cảm hứng và khi nhiệm vụ của các Ngài hoàn tất, các Ngài trở về đó.

351. The Solar Angels, however, do not act independently. They act in concert with the Planetary Logoi they are serving.

351. Tuy nhiên, các Thái dương Thiên Thần không hành động độc lập. Các Ngài hành động hòa điệu với các Hành Tinh Thượng Đế mà các Ngài đang phụng sự.

The fifth line awakens and becomes a glowing point, and then **a dull red line**, measuring the distance 'twixt the altar and the One Who watches.

Đường thứ năm thức tỉnh và trở thành một điểm rực sáng, rồi sau đó **một đường đỏ xỉn**, đo lường khoảng cách giữa bàn thờ và Đấng đang quan sát.

352. More astonishing occultism.

352. Huyền bí học còn đáng kinh ngạc hơn nữa.

353. Four lines pertain to the four elementals of the lower animal man or to the four vehicles (naming the physical body and the etheric body as separate) which comprise the nascent personality.

353. Bốn đường liên quan đến bốn hành khí của người thú thấp hơn hoặc đến bốn vận cụ (gọi thể xác và thể dĩ thái là riêng biệt) hợp thành phàm ngã đang manh nha.

354. DK is speaking of points as if they were "lines" because every point is *in relationship,* and lines portray relationship.

354. Chân sư DK đang nói về các điểm như thể chúng là "các đường" bởi vì mọi điểm

đều *ở trong tương quan,* và các đường biểu thị tương quan.

355. The number *five* becomes very significant at individualization. Upon the higher mental plane a fifth point is formed. It is the center of the egoic lotus and, represents, in a way, the span between the elemental altar (the fourfold lunar vehicles) and the "One Who watches"—the Monad considered as a kind of "Silent Watcher".

355. Con số *năm* trở nên rất quan trọng vào lúc biệt ngã hóa. Trên Cõi thượng trí, một điểm thứ năm được hình thành. Đó là trung tâm của Hoa Sen Chân Ngã và, theo một cách nào đó, tượng trưng cho khoảng nối giữa bàn thờ hành khí (bốn vận cụ nguyệt tứ phân) và "Đấng đang quan sát"—Chân thần được xem như một loại "Đấng Quan Sát Thầm Lặng".

356. We cannot dismiss the 'position' of the Monad in the individualization process.

356. Chúng ta không thể gạt bỏ 'vị trí' của Chân thần trong tiến trình biệt ngã hóa.

357. (We must also remember that the preeminent Solar Pitri is also watching.

357. (Chúng ta cũng phải nhớ rằng Thái dương tổ phụ ưu việt nhất cũng đang quan sát.

358. We can imagine that the "dull red line" would reach to the Monad and would be the prototype of the antahkarana which eventually would do the same.

358. Chúng ta có thể hình dung rằng "đường đỏ xỉn" sẽ vươn tới Chân thần và sẽ là nguyên mẫu của antahkarana mà cuối cùng cũng sẽ làm điều tương tự.

359. In a way, the lower mind is the fifth principle (counting from below). This would be the case if the physical body is counted as a primitive principle, and both the etheric body and prana are counted as principles as well (as sometimes they are).

359. Theo một cách nào đó, hạ trí là nguyên khí thứ năm (đếm từ dưới lên). Điều này sẽ đúng nếu thể xác được tính như một nguyên khí sơ đẳng, và cả thể dĩ thái lẫn prana cũng được tính là các nguyên khí (như đôi khi vẫn vậy).

360. Thus, the lower mind can be correlated with the number *five* and so can the egoic lotus/causal body. The first represents a lower expression of the fifth principle and the second a higher expression.

360. Như vậy, hạ trí có thể được liên hệ với con số *năm* và Hoa Sen Chân Ngã/thể nguyên nhân cũng vậy. Cái thứ nhất tượng trưng cho một biểu hiện thấp hơn của nguyên khí thứ năm và cái thứ hai là một biểu hiện cao hơn.

The fivefold fire dynamic begins to flicker and to burn. It lights not yet without; it simply glows.

Ngọn lửa ngũ phân năng động bắt đầu chập chờn và bốc cháy. Nó chưa soi sáng ra bên ngoài; nó chỉ đơn thuần rực lên.

361. Are we here speaking of the *slow* creation of the causal body? It would seem so..

361. Ở đây có phải chúng ta đang nói về sự tạo thành *chậm chạp* của thể nguyên nhân không? Có vẻ là như vậy..

362. The Dhyanis are fivefold. The Solar Angel is fivefold.

362. Các Dhyanis là ngũ phân. Thái dương Thiên Thần là ngũ phân.

363. We are also told that during the initial stages of the construction of the causal body, it is only dimly lit.

363. Chúng ta cũng được cho biết rằng trong các giai đoạn đầu của việc kiến tạo thể nguyên nhân, nó chỉ được chiếu sáng một cách mờ nhạt.

364. So in this section of text is described the demonstration by the causal body of increasing light and fire.

364. Vì vậy trong phần văn bản này mô tả sự biểu lộ của ánh sáng và lửa ngày càng tăng bởi thể nguyên nhân.

This process of radioactivity on the part of the lower, and of a downflow of energy from the higher, **covers a long period** wherein the solar Angels are working on Their Own plane and the lower Pitris are also working on theirs;

Tiến trình phóng xạ này từ phía cái thấp hơn, và sự tuôn xuống của năng lượng từ cái cao hơn, **kéo dài trong một thời kỳ lâu dài** trong đó các Thái dương Thiên Thần đang hoạt động trên cõi riêng của Các Ngài và các thái âm tổ phụ thấp hơn cũng đang hoạt động trên cõi của họ;

one group is producing the nucleus of the egoic body, and the other the receptacle for the life of God, or the Monad in the three worlds. (TCF 768)

một nhóm tạo ra hạt nhân của thể chân ngã, và nhóm kia tạo ra vật chứa cho sự sống của Thượng đế, hay Chân thần trong ba cõi thấp. (TCF 768)

The aeons pass away, the cycles come and go.

Các đại kiếp trôi qua, các chu kỳ đến rồi đi.

365. We must be impressed by the slowness of this process of construction.

365. Chúng ta phải ấn tượng trước sự chậm chạp của tiến trình kiến tạo này.

366. The aeons, in this case, cannot be rounds, as the duration for preparing for individualization would then be far too long. Really, the individualization process here discussed can be considered as occurring within one round—in this case, the *fourth*.

366. Trong trường hợp này, các đại kiếp không thể là các cuộc tuần hoàn, vì như thế thời lượng chuẩn bị cho sự biệt ngã hóa sẽ quá dài. Thực ra, tiến trình biệt ngã hóa được bàn đến ở đây có thể được xem là xảy ra trong một cuộc tuần hoàn—trong trường hợp này là cuộc tuần hoàn *thứ tư*.

Steadily the solar Lords sacrifice Themselves; They are the fire upon the altar. The fourth provides the fuel.

Một cách đều đặn các nhật tinh quân hi sinh chính mình; các Ngài là ngọn lửa trên bàn thờ. Cái thứ tư cung cấp nhiên liệu.

367. As it now appears, the "solar Lords" are apparently the Solar Pitris or Solar Angels of different types.

367. Như hiện nay có vẻ như vậy, "các nhật tinh quân" hiển nhiên là các thái dương tổ phụ hay các Thái dương Thiên Thần thuộc những loại khác nhau.

368. The term "steadily" describes the long process of development following individualization. A long period of development is here described.

368. Từ "một cách đều đặn" mô tả tiến trình phát triển lâu dài tiếp theo sau sự biệt ngã hóa. Ở đây một thời kỳ phát triển dài đang được mô tả.

369. The process of developing the human personality is predicated upon the ongoing sacrifice of the "solar Lords".

369. Tiến trình phát triển phàm ngã con người được đặt nền trên sự hi sinh liên tục của "các nhật tinh quân".

370. The "fourth" in this case is the emerging fourth kingdom of nature expressing through four elemental lives in the lower three worlds.

370. "Cái thứ tư" trong trường hợp này là giới thứ tư của bản chất đang xuất hiện, biểu lộ qua bốn sự sống hành khí trong ba cõi thấp.

371. Solar fire is combining with fire by friction upon the altar, and the human personality is gradually refined, purified and made ready for eventual liberation.

371. Lửa Thái dương đang kết hợp với Lửa ma sát trên bàn thờ, và phàm ngã con người dần dần được tinh luyện, thanh lọc và được chuẩn bị cho sự giải thoát cuối cùng.

372. It is said that the "fifth feed on the fourth". To consume the "fuel" offered by the fourth is a kind of feeding process.

372. Người ta nói rằng "cái thứ năm ăn cái thứ tư". Tiêu thụ "nhiên liệu" do cái thứ tư cung cấp là một loại tiến trình nuôi dưỡng.

373. Upon the altar, it seems that solar fire is burning.

373. Trên bàn thờ, dường như Lửa Thái dương đang cháy.

374. It seems clear that as we try to differentiate the terms used, the term "solar Lords" must be differentiated from "Sons of God", who are our very selves.

374. Có vẻ rõ ràng rằng khi chúng ta cố gắng phân biệt các thuật ngữ được dùng, thuật ngữ "các nhật tinh quân" phải được phân biệt với "các Con của Thượng đế", vốn là chính bản thân cao hơn của chúng ta.

The Sons of God still watch.

Các Con của Thượng đế vẫn quan sát.

375. The "Sons of God" seem to have a very high 'position' in this process. They seem to be the microcosmic analogue to the "Silent Watcher".

375. "Các Con của Thượng đế" dường như có một 'vị trí' rất cao trong tiến trình này. Các Ngài dường như là tương đồng vi mô với "Đấng Quan Sát Thầm Lặng".

376. The "Sons of God" represent man *in his higher nature*—Monad/triad.

376. "Các Con của Thượng đế" tượng trưng cho con người *trong bản chất cao hơn của y*—chân thần/tam nguyên tinh thần.

377. The "Sons of God" are, in a way, the higher Ego of man, dissociated from involvement with the higher mental plane.

377. "Các Con của Thượng đế", theo một cách nào đó, là chân ngã cao hơn của con người, tách rời khỏi sự dính líu với Cõi thượng trí.

The work nears its final consummation.

Công việc tiến gần đến sự hoàn tất cuối cùng.

378. Much time has passed since individualization occurred and much development has occurred.

378. Nhiều thời gian đã trôi qua kể từ khi sự biệt ngã hóa xảy ra và nhiều sự phát triển đã diễn ra.

379. The term "consummation" suggests the processes of the fourth initiation.

379. Thuật ngữ "sự hoàn tất" gợi ý các tiến trình của lần điểm đạo thứ tư.

380. Let us recall that this work began *before* individualization, passed through the stage of individualization, and now seems to be terminating at the fourth initiation.

380. Chúng ta hãy nhớ rằng công việc này đã bắt đầu *trước* sự biệt ngã hóa, đi qua giai đoạn biệt ngã hóa, và giờ đây dường như đang chấm dứt ở lần điểm đạo thứ tư.

The Eternal Lhas in Their high place call each to each, and four take up the cry: "The

fire is burning. Does the heat suffice?" [Page 840]

Các Lhas Vĩnh Cửu ở nơi cao của Các Ngài gọi nhau, và bốn vị cất tiếng đáp: "Lửa đang cháy. Nhiệt đã đủ chưa?" [Page 840]

381. We may have to differentiate between “Lhas” and “Eternal Lhas”.

381. Chúng ta có thể phải phân biệt giữa “Lhas” và “các Lhas Vĩnh Cửu”.

382. The “Eternal Lhas” in Their high place seem to be both more and other than the “solar Lords” who sacrifice themselves. These Lhas function on the level of Sprit. The “Eternal Lhas” may be Planetary Logoi, for *four* of Them take up the cry.

382. Các “Lhas Vĩnh Cửu” ở nơi cao của Các Ngài dường như vừa nhiều hơn vừa khác với “các nhật tinh quân” đang hi sinh chính mình. Các Lhas này hoạt động trên cấp độ tinh thần. Các “Lhas Vĩnh Cửu” có thể là các Hành Tinh Thượng Đế, vì *bốn* vị trong số Các Ngài cất tiếng đáp.

383. Are these four the ‘Lhas of Attribute or the Ray Lords Who express through the Rays of Aspect? It seems that the Rays of Attribute are active until the time of the fourth initiation. The initiations, successively, are ruled by the seventh, sixth, fifth and fourth rays emanating from the Ray Lords of Attribute.

383. Bốn vị này có phải là các ‘Lhas của Thuộc Tính’ hay các Đấng Chúa Tể Cung biểu lộ qua Các Cung Trạng Thái không? Dường như Các Cung Thuộc Tính hoạt động cho đến thời điểm của lần điểm đạo thứ tư. Các lần điểm đạo, kế tiếp nhau, được cai quản bởi cung bảy, cung sáu, cung năm và cung bốn phát ra từ các Đấng Chúa Tể Cung Thuộc Tính.

384. If the heat suffices, the causal body can be destroyed.

384. Nếu nhiệt đã đủ, thể nguyên nhân có thể bị hủy diệt.

Two answer to each other:

Hai vị đáp lại nhau:

385. Why “two”? Are we dealing with certain Planetary Logoi (“Eternal Lhas”) Who have supervision over the entire process?

385. Tại sao là “hai”? Có phải chúng ta đang xét đến một số Hành Tinh Thượng Đế nào đó (“các Lhas Vĩnh Cửu”) có sự giám sát đối với toàn bộ tiến trình không?

386. One is also inclined to think of the two Kumaras Who “fell”.

386. Người ta cũng có khuynh hướng nghĩ đến hai Kumaras đã “sa ngã”.

"'The fire is burning; the altar is well-nigh destroyed.

"'Lửa đang cháy; bàn thờ gần như bị hủy diệt.

387. The personality as an independent and material unit is well-nigh destroyed.

388. The Commentary tells us that the time for the fourth initiation is fast approaching.

What happens next?'" "Add to the fire with fuel from Heaven. Breathe on the blazing fire and fan its flame to utter fierceness."

389. This is a call for the energy of the first aspect of divinity. Presumably, it comes from the Monad.

390. Is Uranus involved? Perhaps so, as it is a monadically first ray planet which rules the "final burning ground" and is also called the "Heavenly One", thus having its home in "Heaven".

Thus the command goes out from One Who watches, silent hitherto, through countless aeons.

391. We may consider the "One Who watches" as the Monad, the home of which is in Shamballa.

392. On a higher turn of the spiral, the "One Who watches" is the One Initiator, Sanat Kumara, Who, perhaps, must give His permission for the initiatory descent of higher and destructive fire. It is the application of the Rod by the One Initiator which brings in the descent of the fire which reveals the Jewel in the Lotus in fulness and which initiates the fiery destruction of the causal body.

387. Phàm ngã như một đơn vị độc lập và vật chất gần như bị hủy diệt.

388. Cổ Luận cho chúng ta biết rằng thời điểm của lần điểm đạo thứ tư đang đến rất nhanh.

Điều gì xảy ra tiếp theo?'" "Hãy thêm vào lửa nhiên liệu từ Thiên giới. Hãy thổi vào ngọn lửa rực cháy và quạt ngọn lửa của nó đến mức mãnh liệt tột cùng."

389. Đây là một lời kêu gọi năng lượng của phương diện thứ nhất của thiên tính. Có lẽ nó đến từ Chân thần.

390. Uranus có liên quan chăng? Có lẽ là vậy, vì đó là một hành tinh cung một theo chân thần, cai quản "vùng đất cháy cuối cùng" và cũng được gọi là "Đấng Thiên Thượng", do đó có nơi cư ngụ trong "Thiên giới".

Như thế mệnh lệnh được phát ra từ Đấng đang quan sát, trước đó vẫn im lặng, qua vô số đại kiếp.

391. Chúng ta có thể xem "Đấng đang quan sát" là Chân thần, nơi cư ngụ của nó ở Shamballa.

392. Ở một vòng xoắn cao hơn của đường xoắn ốc, "Đấng đang quan sát" là Đấng Điểm đạo Duy Nhất, Đức Sanat Kumara, Đấng mà có lẽ phải ban phép cho sự giáng xuống có tính điểm đạo của ngọn lửa cao hơn và có tính hủy diệt. Chính sự áp dụng Thần Trượng Điểm đạo bởi Đấng Điểm đạo Duy Nhất mang đến sự giáng xuống của ngọn lửa làm hiển lộ Bảo Châu trong Hoa Sen một cách viên mãn và khởi động sự hủy diệt bằng lửa của thể nguyên nhân.

393. If the aeons here referenced are "countless", they certainly cannot be rounds. More likely they are great turnings of the Earth (Platonic Years of 25,000 years, approximately).

393. Nếu các đại kiếp được nhắc đến ở đây là "vô số", thì chắc chắn chúng không thể là các cuộc tuần hoàn. Có nhiều khả năng hơn chúng là những vòng quay lớn của Trái Đất (Các Năm Plato khoảng 25.000 năm).

They send forth breath.

Các vị phát ra hơi thở.

394. The "breath of fire" is descending from the Monad.

394. "Hơi thở của lửa" đang giáng xuống từ Chân thần.

395. The Monad certainly has its role in the destruction of the causal body. The three members of the atomic triangle also have their role as does the One Initiator. The "solar Lords" also are not neutral in this task.

395. Chân thần chắc chắn có vai trò của nó trong sự hủy diệt thể nguyên nhân. Ba thành viên của tam giác nguyên tử cũng có vai trò của chúng, cũng như Đấng Điểm đạo Duy Nhất. "Các nhật tinh quân" cũng không trung lập trong nhiệm vụ này.

Something prevents the passage of the breath.

Có điều gì đó ngăn cản sự đi qua của hơi thở.

396. There is resistance to the "fire from Heaven".

396. Có sự kháng cự đối với "lửa từ Thiên giới".

397. Can the resistance arise from the substance of the causal body which resists consumption by the flame.

397. Liệu sự kháng cự có thể phát sinh từ chất liệu của thể nguyên nhân, vốn chống lại việc bị ngọn lửa thiêu hủy hay không.

398. We all know how difficult it is to sacrifice the causal body for it is a sphere of energy which seeks to maintain its own integrity.

398. Tất cả chúng ta đều biết khó khăn biết bao khi hi sinh thể nguyên nhân, vì nó là một khối cầu năng lượng tìm cách duy trì tính toàn vẹn riêng của nó.

They call for aid. One makes His appearance Who has not yet been seen.

Các vị kêu gọi sự trợ giúp. Một Đấng xuất hiện mà trước đây chưa từng được thấy.

399. Presumably, this "One" who "makes His appearance" is a source of great authority and far more powerful than the Monad (the "One Who watches").

399. Có lẽ "Đấng" này, Đấng "xuất hiện", là một nguồn thẩm quyền lớn lao và mạnh mẽ hơn Chân thần nhiều (tức "Đấng đang quan sát").

400. This “One” can be Sanat Kumara—the “One Initiator”.

400. “Đấng” này có thể là Đức Sanat Kumara —“Đấng Điểm đạo Duy Nhất”.

He lifts His hand.

Ngài nâng tay lên.

401. This is ever the sign for the directed release of power.

401. Đây luôn là dấu hiệu cho sự giải phóng quyền năng có định hướng.

402. The lifting of the hand is like the lifting of the Rod of Power by the One Initiator.

402. Việc nâng tay lên giống như việc nâng Thần Trượng Điểm đạo bởi Đấng Điểm đạo Duy Nhất.

The one, the two, the three, the four and five merge into one and mingle with the sixth.

một, hai, ba, bốn và năm hòa nhập thành một và hòa lẫn với sáu.

403. Here it is likely that we are speaking of principles. The raised hand (or Rod) indicates a power to align all principles in the process of necessary destruction.

403. Ở đây có lẽ chúng ta đang nói về các nguyên khí. Bàn tay được nâng lên (hay Thần Trượng) biểu thị một quyền năng chỉnh hợp mọi nguyên khí trong tiến trình hủy diệt cần thiết.

404. VSK suggests: “These may well be correlated to the Stanzas, such as TCF Stanzas XIII, and the petals in the lotus. (Need more context for exactly which stage this is.)”

404. VSK gợi ý: “Những điều này rất có thể được liên hệ với các Bài Kệ, như các Bài Kệ XIII của TCF, và các cánh hoa trong hoa sen. (Cần thêm ngữ cảnh để biết chính xác đây là giai đoạn nào.)”

The flame mounts up, responding to the breath.

Ngọn lửa bốc cao, đáp ứng với hơi thở.

405. The “breath of fire” from the Monad has been sent forth.

405. “Hơi thở của lửa” từ Chân thần đã được phát ra.

406. The flame upon the altar mounts up responding to the facilitated “breath” of the Monad.

406. Ngọn lửa trên bàn thờ bốc cao lên, đáp ứng với “hơi thở” được tạo điều kiện của Chân thần.

407. We remember that at the point of destruction of the causal body, the fire within the Jewel in the Lotus enters into the spiritual triad.

407. Chúng ta nhớ rằng tại điểm hủy diệt thể nguyên nhân, ngọn lửa bên trong Bảo Châu trong Hoa Sen đi vào tam nguyên tinh thần.

408. We remember that the individual or the group has to move the fire within the Jewel in the Lotus into the triad. From what is said here, it seems that this is done under the inspiration of the Monad.

408. Chúng ta nhớ rằng cá nhân hay nhóm phải chuyển ngọn lửa bên trong Bảo Châu trong Hoa Sen vào tam nguyên tinh thần. Từ điều được nói ở đây, dường như việc này được thực hiện dưới cảm hứng của Chân thần.

409. The intensely circulating fire by friction of the members of the atomic triangle also rises to play its part in the destruction of the causal periphery.

409. Lửa ma sát lưu chuyển mãnh liệt của các thành viên trong tam giác nguyên tử cũng bốc lên để góp phần của nó vào sự hủy diệt chu vi nhân thể.

The final disappearance of the cube is needed and then the work stands forth."

Sự biến mất cuối cùng của khối lập phương là điều cần thiết, và khi đó công việc hiện rõ."

410. The “cube” may be considered the entire personality. We have earlier seen that the four lunar lords have been associated with the cube.

410. “Khối lập phương” có thể được xem là toàn bộ phàm ngã. Trước đó chúng ta đã thấy bốn nguyệt tinh quân được liên hệ với khối lập phương.

411. From another perspective, if we are speaking of the fourth initiation, the “cube” must include the causal body.

411. Từ một góc nhìn khác, nếu chúng ta đang nói về lần điểm đạo thứ tư, “khối lập phương” phải bao gồm thể nguyên nhân.

412. Whatever sphere of energy promotes the continuation of the illusion of time and space is the cube.

412. Bất kỳ khối cầu năng lượng nào thúc đẩy sự tiếp diễn của ảo tưởng về thời gian và không gian đều là khối lập phương.

413. Ultimately, the cube can represent all that transpires within the five worlds of human and super-human evolution. At last, the cube may suggest all the six planes below the logoic.

413. Cuối cùng, khối lập phương có thể tượng trưng cho mọi điều diễn ra trong năm thế giới của sự tiến hoá nhân loại và siêu nhân loại. Rốt cuộc, khối lập phương có thể gợi ý toàn bộ sáu cõi dưới cõi logoi.

414. The alchemical work is now complete and liberation has occurred.

414. Công việc luyện kim giờ đây đã hoàn tất và sự giải thoát đã xảy ra.

From the archives of The Lodge.

Từ văn khố của Thánh đoàn.

415. The foregoing selection from the Archives is remarkable in its universality. Sometimes the symbolism is not easy to

415. Đoạn trích dẫn trên từ Văn Khố thật đáng chú ý vì tính phổ quát của nó. Đôi khi biểu tượng học không dễ giải mã và chúng ta

decipher and we cannot be completely certain of all interpretations. Enough has been suggested, however, for the student to ponder the matter with hope of clarifying for himself deeper meanings.

không thể hoàn toàn chắc chắn về mọi cách diễn giải. Tuy nhiên, đã có đủ điều được gợi ra để đạo sinh suy ngẫm về vấn đề này với hy vọng tự mình làm sáng tỏ những ý nghĩa sâu xa hơn.

TCF 841-843: S7S9, Part I

18 July – 1 August 2008

18 tháng Bảy – 1 tháng Tám 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the**

Đề nghị rằng phần Bình Luận này được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu**

(c) The Names of the Egoic Lotuses. We might consider briefly the work of forming the egoic lotus on its own plane;

(c) Các Tên của các Hoa Sen Chân Ngã. Chúng ta có thể xem xét ngắn gọn công việc hình thành Hoa Sen Chân Ngã trên chính cõi của nó;

1. This plane is, of course, the higher mental plane.

1. Dĩ nhiên, cõi này là Cõi thượng trí.

this is as the result of the work of the Agnishvattas,

điều này là kết quả của công việc của các Agnishvattas,

2. The Agnishvattas form the egoic lotus on the higher mental plane. They do so by substantially substanding the substance there already to be found.

2. Các Agnishvattas hình thành Hoa Sen Chân Ngã trên Cõi thượng trí. Các vị làm điều đó bằng cách về thực chất nâng đỡ từ bên dưới chất liệu vốn đã hiện hữu ở đó.

3. The Agnishvattas are, we remember, "solar Lords", "Solar Pitris" and Solar Angels.

3. Chúng ta nhớ rằng các Agnishvattas là "các nhật tinh quân", "các thái dương tổ phụ"

While attempts are made to discriminate the meaning of these different names, in most cases they are interchangeable.

và các Thái dương Thiên Thần. Dù có những nỗ lực nhằm phân biệt ý nghĩa của các tên gọi khác nhau này, trong đa số trường hợp chúng có thể dùng thay thế cho nhau.

4. In the following, from TCF 869, the names are discriminated in relation to the three tiers of petals.

4. Trong đoạn sau, từ TCF 869, các tên gọi được phân biệt liên hệ với ba tầng cánh hoa.

c. ...The third group of **solar Pitris** affected. (First Tier)...

c. ...Nhóm thứ ba của **các thái dương tổ phụ** bị tác động. (Tầng thứ nhất)...

c. ...The second group of **solar Lords** affected. (Second Tier)...

c. ...Nhóm thứ hai của **các nhật tinh quân** bị tác động. (Tầng thứ hai)...

c. ...The first group of **solar Angels** affected. (Third Tier) (TCF 869)...

c. ...Nhóm thứ nhất của **các Thái dương Thiên Thần** bị tác động. (Tầng thứ ba) (TCF 869)...

5. Obviously, this use of differentiated words cannot be accidental. We have to examine carefully whether DK generalizes the use of these words (as a rule) or whether He remains consistent. Here the use is most specific. Elsewhere it may be generalized.

5. Hiển nhiên, việc dùng các từ ngữ phân biệt như thế này không thể là ngẫu nhiên. Chúng ta phải xem xét cẩn thận liệu Chân sư DK có khái quát hóa cách dùng các từ này (như một quy luật) hay Ngài vẫn giữ tính nhất quán. Ở đây cách dùng là hết sức chuyên biệt. Ở nơi khác nó có thể được khái quát hóa.

after its segregation in space,

sau khi nó được tách biệt trong không gian,

6. The higher mental plane is still within the world of time and space. It is difficult to know exactly when perception can move beyond time and space—perhaps (in a limited sense) once the cosmic ethers become the focus of perception, yet even the cosmic ethers are cosmically *physical* second, hence, *cosmically considered* within the worlds of time and space. Indeed, time and space are *categories of perception.*

6. Cõi thượng trí vẫn còn ở trong thế giới thời gian và không gian. Thật khó biết chính xác khi nào tri giác có thể vượt ra ngoài thời gian và không gian—có lẽ (theo một nghĩa hạn chế) một khi các dĩ thái vũ trụ trở thành tiêu điểm của tri giác, tuy nhiên ngay cả các dĩ thái vũ trụ cũng là hồng trần *vũ trụ* thứ hai, do đó, *xét theo vũ trụ* vẫn ở trong các thế giới của thời gian và không gian. Thật vậy, thời gian và không gian là những *phạm trù của tri giác.*

and the formation of its ring-pass-not.

7. We have gathered that the formation of the initial form of the egoic lotus is not an instantaneous happening, but occur over long cycles.

We have touched upon the remotest and earliest stages.

8. This is the stage during which the "bud lotus" is formed. It seems to precede the exact moment of individualization.

One point we have not yet emphasised but which is of interest to the thoughtful student. This is the fact of **the difference existing between the egoic bodies owing to their varying stages of development**.

This process of forming the egoic lotus has gone on silently from the moment that the lower animal man, or the lower four principles, had reached a point where the energy (generated by him) could begin to make itself felt on mental levels. (TCF 768)

9. We have discussed this difference egoic lotuses frequently throughout these commentaries and during various classes.

10. The differences between egoic bodies are seen and understood by the Masters when They assess the development of an individual.

For instance, up till the middle of the Atlantean rootrace [68] [S.D., I, 196] (when the door of individualisation was closed),

và sự hình thành vòng-giới-hạn của nó.

7. Chúng ta đã hiểu rằng sự hình thành hình thức ban đầu của Hoa Sen Chân Ngã không phải là một sự kiện tức thời, mà diễn ra qua những chu kỳ dài.

Chúng ta đã chạm đến những giai đoạn xa xưa và sớm nhất.

8. Đây là giai đoạn trong đó "nụ hoa sen" được hình thành. Dường như nó đi trước thời điểm chính xác của sự biệt ngã hóa.

Một điểm mà chúng ta chưa nhấn mạnh nhưng lại đáng quan tâm đối với đạo sinh biết suy tư. Đó là sự kiện về **sự khác biệt tồn tại giữa các thể chân ngã do các giai đoạn phát triển khác nhau của chúng**.

Tiến trình hình thành Hoa Sen Chân Ngã này đã diễn ra âm thầm từ lúc người thú thấp hơn, hay bốn nguyên khí thấp hơn, đã đạt đến một điểm mà năng lượng (do y tạora) có thể bắt đầu làm cho chính nó được cảm nhận trên các cấp độ trí tuệ. (TCF 768)

9. Chúng ta đã thường xuyên bàn đến sự khác biệt này giữa các hoa sen chân ngã xuyên suốt các phần bình giải này và trong nhiều lớp học khác nhau.

10. Những khác biệt giữa các thể chân ngã được các Chân sư nhìn thấy và thấu hiểu khi Các Ngài đánh giá sự phát triển của một cá nhân.

Chẳng hạn, cho đến giữa giống dân gốc Atlantis 68 [S.D., I, 196] (khi cánh cửa biệt ngã hóa đã khép lại),

11. We may presume that this occurred during the 4.5 (or perhaps, 4.4) section of Atlantean development. During 4.3 (the third sub-race of the Atlantean rootrace) it is inferred that the door to many Moon-chain Egos was opened.

11. Chúng ta có thể giả định rằng điều này đã xảy ra trong phân đoạn 4.5 (hoặc có lẽ 4.4) của sự phát triển Atlantis. Trong 4.3 (giống dân phụ thứ ba của giống dân gốc Atlantis), có thể suy ra rằng cánh cửa đã được mở ra cho nhiều Chân ngã của Dãy Mặt Trăng.

12. As the subtone was the third, progressive activity in the animal kingdom (the third kingdom) must have been considerable.

12. Vì chủ âm phụ là cung ba, nên hoạt động tiến hoá trong giới động vật (giới thứ ba) hẳn đã rất đáng kể.

Egos were to be seen at many differing stages from the newly organised "buds," representing **freshly** individualised men,

Có thể thấy các Chân ngã ở nhiều giai đoạn rất khác nhau, từ những "nụ" vừa được tổ chức, tượng trưng cho những **mới** biệt ngã hóa thành người,

13. The process of individualization was still actively occurring.

13. Tiến trình biệt ngã hóa khi ấy vẫn đang diễn ra một cách tích cực.

14. The word "freshly" suggests individualization as a living, organic process.

14. Từ "mới" gợi ý biệt ngã hóa như một tiến trình sống động, hữu cơ.

15. The formation of "bud-Egos" now no longer occurs. We are not told exactly when the "door of individualization" was closed, but we can imagine that it may well have been in the fifth sub-section of the Atlantean root race (4.5), when it may be presumed that the process of initiation was made available to spiritually capable Atlanteans.

15. Sự hình thành các "Chân ngã-nụ" nay không còn xảy ra nữa. Chúng ta không được cho biết chính xác khi nào "cánh cửa biệt ngã hóa" khép lại, nhưng có thể hình dung rằng điều đó rất có thể đã diễn ra trong tiểu phân đoạn thứ năm của giống dân gốc Atlantis (4.5), khi có thể giả định rằng tiến trình điểm đạo đã được mở ra cho những người Atlantis có năng lực tinh thần.

to the highly developed causal bodies of the different disciples and initiates, who were superintending the evolution of the race.

cho đến các thể nguyên nhân phát triển cao của những đệ tử và điểm đạo đồ khác nhau, là những người đang giám sát sự tiến hoá của nhân loại.

16. The fourth initiation *could* be taken in Atlantean days, and so, presumably, the full-blown egoic lotus could be seen.

16. Lần điểm đạo thứ tư *có thể* được tiếp nhận vào thời Atlantis, và vì thế, có thể giả

định rằng hoa sen chân ngã nở trọn vẹn đã có thể được nhìn thấy.

17. Masters do not have causal bodies and, thus, technically, should not be included among the "initiates" here mentioned. Yet, it should not be suggested that Masters were not at that time also involved in superintending the race. Just as is the case today, it appears that lesser initiates and disciples were very much involved in guiding the race.

17. Các Chân sư không có thể nguyên nhân và do đó, về mặt kỹ thuật, không nên được kể vào số các "điểm đạo đồ" được nhắc đến ở đây. Tuy nhiên, không nên vì thế mà gợi ý rằng các Chân sư vào thời đó không tham gia giám sát nhân loại. Cũng như trường hợp ngày nay, có vẻ như các điểm đạo đồ thấp hơn và các đệ tử đã tham gia rất nhiều vào việc hướng dẫn nhân loại.

18. VSK states and questions: "This mid-Atlantean individualisation door refers to the time when animals were segregated from humans, at 4.4 – the midway point (in the Earth-cycle of 7 rounds). But, does the Earth-scheme complete its process in five rounds and not seven?)

18. VSK nêu và hỏi: "Cánh cửa biệt ngã hóa giữa thời Atlantis này nói đến thời điểm khi động vật được tách biệt khỏi con người, tại 4.4 – điểm ở giữa (trong chu kỳ Trái Đất gồm 7 cuộc tuần hoàn). Nhưng, có phải hệ hành tinh Địa Cầu hoàn tất tiến trình của nó trong năm cuộc tuần hoàn chứ không phải bảy không?"

19. May it be suggested in the attempt to address VSK's inquiry that the situation on Venus (a planet which is completing its evolution in five scheme-rounds and not seven) is highly unusual. In TCF, significant developments are predicted for the Earth-scheme's sixth and seventh rounds. It is, thus, highly unlikely that the Earth will parallel the shortened developmental trajectory of Venus though, originally, a shortened period may have been part of the Divine Plan.

19. Có thể gợi ý, trong nỗ lực trả lời câu hỏi của VSK, rằng tình hình trên Sao Kim (một hành tinh đang hoàn tất sự tiến hoá của nó trong năm cuộc tuần hoàn của hệ hành tinh chứ không phải bảy) là hết sức khác thường. Trong TCF, những phát triển quan trọng được dự báo cho cuộc tuần hoàn thứ sáu và thứ bảy của hệ hành tinh Địa Cầu. Vì vậy, rất khó có khả năng Trái Đất sẽ song hành với quỹ đạo phát triển rút ngắn của Sao Kim, mặc dù ban đầu một giai đoạn rút ngắn có thể đã là một phần của Thiên Cơ.

20. VSK further states and questions: “The World Period referred to in EA 34-35, and in Earth Scheme/Moon chain configuration TCF charts, etc., is rootrace 3.5 to 5.5. Was this, then, a time of the transition from deva/lunar to human/soul; the mitosis of non-individualized animal men to ‘buds’?

20. VSK còn nêu và hỏi thêm: “Thời Kỳ Thế Gian được nói đến trong EA 34-35, và trong các biểu đồ TCF về cấu hình Hệ Địa Cầu/Dãy Mặt Trăng, v.v., là từ giống dân gốc 3.5 đến 5.5. Vậy thì đây có phải là thời kỳ chuyển tiếp từ thiên thần/nguyệt tinh quân sang con người/linh hồn; sự phân đôi từ những người thú chưa biệt ngã hóa thành các ‘nụ’ không?

21. A period which began in the fifth sub-race of the third rootrace seems a propitious time for individualization. The number five would provide a ‘resonant opportunity’ for the coming in the Lords of the Flame, the nature of whom corresponds closely with the number *five.*

21. Một thời kỳ bắt đầu trong giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ ba dường như là thời điểm thuận lợi cho biệt ngã hóa. Số năm sẽ tạo ra một “cơ hội cộng hưởng” cho sự giáng lâm của các Đấng Chúa Tể của Ngọn Lửa, mà bản chất của các Ngài tương ứng chặt chẽ với số *năm.*

22. It is presumed that VSK is speaking of rootrace and sub-race development and not of rounds. If she is speaking of rounds the question will have to be addressed differently. We would be dealing with the period dating from the individualization of animal man on the Moon-chain to the period of the "Judgment Day" in the middle of the fifth round.

22. Có thể giả định rằng VSK đang nói về sự phát triển của giống dân gốc và giống dân phụ chứ không phải các cuộc tuần hoàn. Nếu bà đang nói về các cuộc tuần hoàn thì câu hỏi sẽ phải được giải quyết theo cách khác. Khi ấy chúng ta sẽ bàn đến giai đoạn tính từ sự biệt ngã hóa của người thú trên Dãy Mặt Trăng cho đến thời kỳ “Ngày Phán Xét” ở giữa cuộc tuần hoàn thứ năm.

23. However, fresh individualization is to occur even in the next *chain*, the occurrence of which has to be calculated in terms of *scheme*-rounds.

23. Tuy nhiên, sự biệt ngã hóa mới mẻ sẽ còn xảy ra ngay cả trong *Dãy* kế tiếp, mà sự xuất hiện của nó phải được tính theo các cuộc tuần hoàn của *hệ hành tinh.*

24. Thus, there are two periods involved: one which dates from the middle of the third rootrace and lasts until the "Judgment Day"; and the other which begins earlier (in the fifth sub-race of the third rootrace of the Moon-chain and lasts at least until developments upon the Mercury-chain, in the sixth race of its second chain-round.

24. Vì vậy, có hai thời kỳ liên quan: một thời kỳ bắt đầu từ giữa giống dân gốc thứ ba và kéo dài cho đến “Ngày Phán Xét”; và thời kỳ kia bắt đầu sớm hơn (trong giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc thứ ba của Dãy Mặt Trăng và kéo dài ít nhất cho đến những phát triển trên Dãy Sao Thủy, trong nhân loại thứ sáu của cuộc tuần hoàn thứ hai của dãy ấy.

25. Simply to know when 'ego budding' occurs on our fourth chain is not the same as knowing when it will occur within the Earth-scheme (on chains other than our own).

25. Chỉ biết khi nào "sự nảy nụ của chân ngã" xảy ra trên dãy thứ tư của chúng ta không đồng nghĩa với việc biết khi nào nó sẽ xảy ra trong hệ hành tinh Địa Cầu (trên những dãy khác ngoài dãy của chúng ta).

26. VSK further questions: "Does this suggest the new humanity, the 'buds' at that time, over one full rootrace ago (5.5 – 4.4) were 'men' just one step removed from animal consciousness?"

26. VSK còn hỏi thêm: "Điều này có gợi ý rằng nhân loại mới, các 'nụ' vào thời đó, hơn một giống dân gốc trọn vẹn trước đây (5.5 – 4.4), là những 'con người' chỉ mới cách tâm thức động vật một bước không?"

27. It does make sense to think of the "buds" as one step removed from animal consciousness.

27. Quả thật hợp lý khi nghĩ về các "nụ" như chỉ cách tâm thức động vật một bước.

28. VSK continues: "If so, were these animal individualizers at that time the four we know of? (Elephants, for 1st ray souls; Dogs, for 2nd ray; Cats, for 3rd; and Horses for 6th ray souls?)

28. VSK tiếp tục: "Nếu vậy, những động vật biệt ngã hóa vào thời đó có phải là bốn loài mà chúng ta biết không? (Voi, cho các linh hồn cung một; Chó, cho cung 1st ray souls; Dogs, for 2nd ray; Cats, for 3rd; and Horses for 6th ray souls?)

29. This is a very interesting question. We recall that after the cycle of Lemurian individualization, another period occurred with the Atlantean period. Because we are dealing with the fourth rootrace, can we presume that the time of the most active individualization of animals occurred during the fourth subsection of that race? If we did, then following the analogy, the fifth subsection of the Aryan race would be the time indicated for many human beings to enter the *fifth* kingdom, just as animal individualizers entered the *fourth.*

29. Đây là một câu hỏi rất thú vị. Chúng ta nhớ rằng sau chu kỳ biệt ngã hóa thời Lemuria, một thời kỳ khác đã xảy ra vào thời Atlantis. Vì chúng ta đang xét giống dân gốc thứ tư, liệu có thể giả định rằng thời kỳ biệt ngã hóa động vật hoạt động mạnh nhất đã xảy ra trong tiểu phân đoạn thứ tư của giống dân đó không? Nếu vậy, thì theo phép tương đồng, tiểu phân đoạn thứ năm của nhân loại Arya sẽ là thời điểm được chỉ ra để nhiều con người bước vào *giới thứ năm*, cũng như các động vật biệt ngã hóa đã bước vào *giới thứ tư.*

30. From one perspective we could gather that the four types of animals listed were the four most probable as candidates for entry into the human kingdom. We cannot, however, say with certainty that there were not other type of animal candidates.

30. Từ một góc độ, chúng ta có thể kết luận rằng bốn loại động vật được liệt kê là bốn loại có khả năng cao nhất như những ứng viên bước vào giới nhân loại. Tuy nhiên, chúng ta không thể khẳng định chắc chắn

rằng không có những loại động vật ứng viên khác.

31. It must be remarked that elephants are on the first subray of the second ray, and that no truly first ray animals exist at this time, and probably did not exist at the time of Atlantean individualization.

31. Cần lưu ý rằng voi thuộc cung phụ một của cung hai, và hiện nay không có động vật thực sự thuộc cung một, và có lẽ cũng đã không có vào thời biệt ngã hóa Atlantis.

32. We could question why lions and tigers might not be included. Frequently, when referring to human beings who are power types, Master M. calls them "lions" or "tigers". Many first ray Monads individualized in Atlantean times (rather than in Lemurian times) but, in their own way, lions and tigers are just as developed today as are dogs, cats, elephants and horses. So it might be inferred that the prototypes of these animals (at the time when these prototypes were individualized) were equally developed.

32. Chúng ta có thể đặt câu hỏi vì sao sư tử và hổ lại không được kể đến. Thường khi nói đến những con người thuộc loại quyền lực, Chân sư M. gọi họ là "sư tử" hoặc "hổ". Nhiều chân thần cung một đã biệt ngã hóa vào thời Atlantis (thay vì thời Lemuria), nhưng theo cách riêng của chúng, sư tử và hổ ngày nay cũng phát triển không kém chó, mèo, voi và ngựa. Vì vậy có thể suy ra rằng các nguyên mẫu của những loài vật này (vào thời các nguyên mẫu ấy được biệt ngã hóa) cũng phát triển ngang nhau.

33. Another point, however, is up for consideration. No human being can individualize as a first, second or third ray soul. So, the fact that dogs are fundamentally upon the second ray does not mean that when they become human beings they will be second ray souls. The newly individualized human being can be only upon the fourth, fifth, sixth or seventh rays.

33. Tuy nhiên, còn một điểm khác cần được xem xét. Không một con người nào có thể biệt ngã hóa như một linh hồn cung một, hai hay ba. Vì thế, việc chó về căn bản thuộc cung hai không có nghĩa rằng khi chúng trở thành con người, chúng sẽ là các linh hồn cung hai. Con người vừa mới biệt ngã hóa chỉ có thể thuộc các cung bốn, năm, sáu hoặc bảy.

Now the egoic bodies might be grouped from the evolutionary standpoint as follows:

Giờ đây các thể chân ngã có thể được nhóm lại theo quan điểm tiến hoá như sau:

On the third subplane of the mental plane:

Trên cõi phụ thứ ba của cõi trí:

34. This is the lowest subplane of the higher mental plane and the one on which egoic lotuses are first to be found. When the egoic lotus is first formed, it is formed on this subplane.

34. Đây là cõi phụ thấp nhất của Cõi thượng trí và là cõi mà trên đó các hoa sen chân ngã trước tiên được tìm thấy. Khi hoa sen chân ngã lần đầu được hình thành, nó được hình thành trên cõi phụ này.

35. We can infer what is said that there are *various* ways of grouping egoic bodies. Grouping by rays and astrological conditioning (on the soul level) are probably other ways.

35. Từ điều được nói ở đây, chúng ta có thể suy ra rằng có *nhiều* cách khác nhau để nhóm các thể chân ngã. Nhóm theo các cung và theo sự tác động chiêm tinh (ở cấp độ linh hồn) có lẽ là những cách khác.

Bud egos.

Các chân ngã-nụ.

36. We note that a terminology related to the development of plants is used to describe the development of the human being. The human being is sometimes called the “Saptaparna”—the “sevenfold plant”.

36. Chúng ta lưu ý rằng một thuật ngữ liên quan đến sự phát triển của thực vật được dùng để mô tả sự phát triển của con người. Con người đôi khi được gọi là “Saptaparna”—“cây thất phân”.

Our planetary scheme, being at the midway point in its evolution, there are therefore no unopened "buds" strictly speaking.

Hệ hành tinh của chúng ta đang ở điểm ở giữa trong sự tiến hoá của nó, vì thế nói một cách nghiêm ngặt thì không có những “nụ” chưa mở nào.

37. When individualization continues within our planetary chain during the fifth round (presumably the fifth *chain* round) will there be no “buds” “strictly speaking”?

37. Khi sự biệt ngã hóa tiếp tục trong dãy hành tinh của chúng ta trong cuộc tuần hoàn thứ năm (có lẽ là cuộc tuần hoàn thứ năm của *Dãy*) thì sẽ không có các “nụ” “nói một cách nghiêm ngặt” sao?

38. Yet, will there not be “Bud Egos” when individualization occurs in the sixth rootrace of the second round of the Mercury-chain?

38. Tuy nhiên, sẽ chẳng có các “Chân ngã-Nụ” khi sự biệt ngã hóa xảy ra trong giống dân gốc thứ sáu của cuộc tuần hoàn thứ hai của Dãy Sao Thủy sao?

39. Could DK be referring to development within our *fourth chain-round*? At least we can find it logical that during the rest of the development of our present round there will be no more unopened buds “strictly speaking”.

39. Có thể Chân sư DK đang nói đến sự phát triển trong *cuộc tuần hoàn thứ tư của dãy thứ tư* của chúng ta chăng? Ít nhất chúng ta có thể thấy hợp lý rằng trong phần còn lại của sự phát triển của cuộc tuần hoàn hiện tại sẽ không còn những nụ chưa mở nào nữa “nói một cách nghiêm ngặt”.

40. What is said here about our planetary scheme being at its “midway point” should be compared with a similar statement on TCF 384.

40. Điều được nói ở đây về việc hệ hành tinh của chúng ta đang ở “điểm ở giữa” của nó nên được so sánh với một phát biểu tương tự trong TCF 384.

All the egoic lotuses have at least one petal open.

Tất cả các hoa sen chân ngã đều có ít nhất một cánh hoa mở.

41. We may inquire whether that petal is *fully* open. To say that all egoic lotuses have one petal "open" does not suggest the *extent* to which that petal is open.

41. Chúng ta có thể hỏi liệu cánh hoa ấy có mở *hoàn toàn* hay không. Nói rằng tất cả các hoa sen chân ngã đều có một cánh hoa "mở" không gợi ra *mức độ* mà cánh hoa ấy đã mở.

All the lotuses are organised,

Tất cả các hoa sen đều đã được tổ chức,

42. Again, to say that "all the lotuses are organised" does not necessarily suggest that *all* the nine petals of all egoic lotuses are *completely* organised. It seems (from what is said when describing egoic lotus development) that organization of petals is a gradual and successive matter.

42. Một lần nữa, nói rằng "tất cả các hoa sen đều đã được tổ chức" không nhất thiết gợi ý rằng *tất cả* chín cánh hoa của mọi hoa sen chân ngã đều đã được tổ chức *hoàn toàn*. Có vẻ như (từ những gì được nói khi mô tả sự phát triển của hoa sen chân ngã) việc tổ chức các cánh hoa là một vấn đề diễn ra dần dần và kế tiếp nhau.

43. As the petals are initially formed ('within bud' as it were) there would have to be a *type* of organization of the petals preceding their unfoldment, but it does not seem that this is the type of *organization-formation* to which DK is referring.

43. Khi các cánh hoa ban đầu được hình thành ("bên trong nụ", có thể nói như vậy) hẳn phải có một *loại* tổ chức nào đó của các cánh hoa đi trước sự khai mở của chúng, nhưng dường như đây không phải là loại *sự tổ chức-hình thành* mà Chân sư DK đang nói đến.

but there are vast differences among those of small development, [Page 841] showing forth in the brilliancy of the permanent atoms, and in the stage of petal unfoldment.

nhưng có những khác biệt rất lớn giữa những hoa sen còn ít phát triển, [Page 841] được biểu lộ qua độ rực sáng của các nguyên tử trường tồn, và qua giai đoạn khai mở của các cánh hoa.

44. These are, apparently, the two foremost criteria to determine the degree of unfoldment of egoic lotuses.

44. Rõ ràng đây là hai tiêu chí hàng đầu để xác định mức độ khai mở của các hoa sen chân ngã.

Brahmic lotuses in which the first or knowledge petal is fully unfolded.

Các hoa sen Brahmic trong đó cánh hoa thứ nhất hay cánh hoa tri thức đã khai mở hoàn toàn.

45. DK advises us that egoic lotuses are to be found at *many* stages of unfoldment, including, presumably, many transitional and overlapping stages. The types and stages here discussed, therefore, are to be understood as indicating certain large and significant categories. The many possible distinctions within such categories are not discussed and, probably, are so numerous that they *cannot* be discussed in any detail.

45. Chân sư DK cho chúng ta biết rằng các hoa sen chân ngã được tìm thấy ở *nhiều* giai đoạn khai mở, bao gồm, có thể giả định, nhiều giai đoạn chuyển tiếp và chồng lấn. Vì vậy, các loại và các giai đoạn được bàn đến ở đây nên được hiểu là chỉ ra một số phạm trù lớn và quan trọng. Nhiều phân biệt khả hữu bên trong các phạm trù ấy không được bàn đến và có lẽ quá nhiều đến nỗi chúng *không thể* được thảo luận chi tiết.

46. We note that the term "Brahmic" suggests the third aspect of divinity which is that aspect undergoing development in the early stages of petal unfoldment.

46. Chúng ta lưu ý rằng thuật ngữ "Brahmic" gợi ý phương diện thứ ba của thiên tính, là phương diện đang trải qua sự phát triển trong các giai đoạn đầu của sự khai mở cánh hoa.

47. When we read that for "Brahmic lotuses" the "first or knowledge petal is fully unfolded", we may infer that there are lotuses for which the first petal is *partially* unfolded.

47. Khi đọc rằng đối với "các hoa sen Brahmic", "cánh hoa thứ nhất hay cánh hoa tri thức đã hoàn toàn khai mở", chúng ta có thể suy ra rằng có những hoa sen mà cánh hoa thứ nhất chỉ mới khai mở *một phần*.

They are so called as they represent on the physical plane the fully active intelligent unity,

Chúng được gọi như vậy vì chúng biểu hiện trên cõi hồng trần sự hợp nhất trí tuệ hoạt động trọn vẹn,

48. Even at this early stage, the man is considered fully active. He cannot, however, be considered fully *intelligent.*

48. Ngay ở giai đoạn sớm này, con người đã được xem là hoạt động trọn vẹn. Tuy nhiên, y không thể được xem là hoàn toàn *thông minh.*

49. The life-focus of such lotuses (i.e., of the human beings representing such lotuses) is, of course, the physical plane.

49. Trọng tâm sự sống của những hoa sen như thế (tức của những con người biểu hiện các hoa sen ấy) dĩ nhiên là cõi hồng trần.

the man of small mental development, the lowest type of workers, agriculturists, and peasants on every continent.

con người có sự phát triển trí tuệ ít ỏi, loại người hoạt động thấp nhất, những người làm nông và nông dân trên mọi châu lục.

50. Such human beings perform physical work, but not mental work, per se, even

50. Những con người như thế thực hiện công việc thể xác, chứ không phải chính công việc

though they are endowed with a functioning mind.

trí tuệ, dù họ được phú cho một trí tuệ đang hoạt động.

51. The various egoic lotuses here listed should be compared with the type of human souls discussed in EP II, 203-207 and with the eight "Stages of Adaptation" found in EP I, 323-326.

51. Những loại hoa sen chân ngã khác nhau được liệt kê ở đây nên được so sánh với các loại linh hồn con người được bàn đến trong EP II, 203-207 và với tám "Giai Đoạn Thích Ứng" được nêu trong EP I, 323-326.

52. The meaning of the term "agriculturalists" has changed considerably since this text was written. DK appears to be speaking of those who can work *only* with their hands and feet and who are not capable of skilled physical labor.

52. Ý nghĩa của thuật ngữ "những người làm nông" đã thay đổi đáng kể kể từ khi văn bản này được viết. Chân sư DK dường như đang nói đến những người chỉ có thể làm việc *duy nhất* bằng tay và chân, và không có khả năng lao động thể xác có kỹ năng.

53. A definite 'material heaviness' is suggested in the description of the Brahmic Lotuses.

53. Một sự "nặng nề vật chất" rõ rệt được gợi ra trong mô tả về các Hoa Sen Brahmic.

54. We note that this type of human being is found "on every continent". Their wide distribution should be noted.

54. Chúng ta lưu ý rằng loại người này được tìm thấy "trên mọi châu lục". Sự phân bố rộng khắp của họ cần được ghi nhận.

They are also called "third class creators,"

Chúng cũng được gọi là "những nhà sáng tạo hạng ba",

55. VSK inquires whether their low degree of development also makes of them "third class citizens".

55. VSK hỏi liệu mức độ phát triển thấp của họ có khiến họ cũng trở thành "công dân hạng ba" hay không.

56. We will note, in connection with this type of egoic lotus, that the number *three* is constantly repeated. The number *three* obviously suggests the material aspect of divinity.

56. Chúng ta sẽ lưu ý, liên hệ với loại hoa sen chân ngã này, rằng số *ba* được lặp đi lặp lại liên tục. Số *ba* hiển nhiên gợi ý phương diện vật chất của thiên tính.

as they express themselves only through the act of physical creation on the physical plane,

vì họ biểu hiện chỉ qua hành vi sáng tạo thể xác trên cõi hồng trần,

57. This is an important statement as it differentiates the type of creation of which Brahmic Lotuses are capable from the more advanced artistic, aesthetic creation of which the next category of lotuses is capable.

57. Đây là một phát biểu quan trọng vì nó phân biệt loại sáng tạo mà các Hoa Sen Brahmic có khả năng thực hiện với loại sáng tạo nghệ thuật, thẩm mỹ cao cấp hơn mà phạm trù hoa sen kế tiếp có thể thực hiện.

58. We note the limiting implications of the word "only".

58. Chúng ta lưu ý những hàm ý giới hạn của từ "chỉ".

and their function is largely to provide vehicles for those of their own group.

và chức năng của họ phần lớn là cung cấp các vận cụ cho những người thuộc chính nhóm của họ.

59. Strong sacral center development is suggested. Many incarnations are required before human beings of this category can rise to the next level. Thus, many *repeated* incarnations as Brahmic Lotuses are required. This requires the constant availability of bodies, presumably sturdy if unrefined.

59. Điều này gợi ý sự phát triển mạnh của trung tâm xương cùng. Cần rất nhiều lần lâm phàm trước khi những con người thuộc phạm trù này có thể vươn lên cấp độ kế tiếp. Vì vậy, cần nhiều lần lâm phàm *lặp đi lặp lại* như những Hoa Sen Brahmic. Điều này đòi hỏi sự sẵn có liên tục của các thể, có lẽ là vững chắc dù thô ráp.

60. It seems to be suggested that higher orders of Egos would not be inclined to incarnate in the type of bodies provided by Brahmic Lotuses through their reproductive process.

60. Dường như có ý gợi rằng các cấp Chân ngã cao hơn sẽ không có khuynh hướng lâm phàm vào loại thể được các Hoa Sen Brahmic cung cấp qua tiến trình sinh sản của họ.

61. Though not much is said about these lotuses, much more can be gathered from DK's other discussions on the stages of human development, especially from the pages recommended above.

61. Dù không nói nhiều về các hoa sen này, vẫn có thể rút ra nhiều điều hơn từ những bàn luận khác của Chân sư DK về các giai đoạn phát triển của con người, đặc biệt từ những trang được đề nghị ở trên.

62. A book on the Egoic Lotus is in process of preparation and will focus on important details concerning major developmental stages, as well as on the energies and forces involved in the processes which characterize the development of the various types of lotuses and of the various types of petals.

62. Một cuốn sách về Hoa Sen Chân Ngã đang trong quá trình chuẩn bị và sẽ tập trung vào những chi tiết quan trọng liên quan đến các giai đoạn phát triển chính, cũng như các năng lượng và mãnh lực liên quan trong những tiến trình đặc trưng cho

sự phát triển của các loại hoa sen khác nhau và của các loại cánh hoa khác nhau.

The lotuses of Brahman,

Các hoa sen của Brahman,

63. We note that a word based on the root "Brahm" is again used. This suggests a continuing emphasis upon the third aspect of divinity.

63. Chúng ta lưu ý rằng một từ dựa trên gốc "Brahm" lại được dùng lần nữa. Điều này gợi ý sự nhấn mạnh tiếp tục vào phương diện thứ ba của thiên tính.

64. The term "Brahman", in other contexts, suggests the ABSOLUTE BEING—the ONE from WHOM the God "Brahma" (and all others Gods) derives.

64. Thuật ngữ "Brahman", trong những ngữ cảnh khác, gợi ý HỮU THỂ TUYỆT ĐỐI—ĐẤNG DUY NHẤT mà từ Đấng ấy Thượng đế "Brahma" (và mọi Thượng đế khác) phát sinh.

in which the second petal is showing signs of opening

trong đó cánh hoa thứ hai đang cho thấydấu hiệu mở ra

65. We should remember that the developmental stages of "organization" and "vitalization" precede the stage of petal "opening".

65. Chúng ta nên nhớ rằng các giai đoạn phát triển của "sự tổ chức" và "sự tiếp sinh lực" đi trước giai đoạn "mở" của cánh hoa.

66. From what is here said, we may gather that for "Lotuses of Brahman", the second petal has been both organized and vitalized, as it shows signs of opening.

66. Từ điều được nói ở đây, chúng ta có thể kết luận rằng đối với "Các hoa sen của Brahman", cánh hoa thứ hai đã vừa được tổ chức vừa được tiếp sinh lực, vì nó cho thấy dấu hiệu mở ra.

67. This may not mean that it is *truly open,* but only "showing signs" of opening. DK's words must be watched very carefully. We must beware of jumping to conclusions.

67. Điều này có thể không có nghĩa rằng nó *thực sự đã mở,* mà chỉ "cho thấy dấu hiệu" mở ra. Cần theo dõi lời của Chân sư DK thật cẩn thận. Chúng ta phải đề phòng việc vội vàng kết luận.

68. In His descriptions of various egoic lotuses, we find that DK leaves out certain stages. He does not, for instance, describe any group of lotuses in which *only* the first two petals are open, and so it goes with

68. Trong các mô tả của Ngài về những hoa sen chân ngã khác nhau, chúng ta thấy Chân sư DK bỏ qua một số giai đoạn nhất định. Chẳng hạn, Ngài không mô tả bất kỳ nhóm hoa sen nào trong đó *chỉ* hai cánh hoa đầu tiên mở ra, và điều này cũng xảy ra với các phạm trù hoa sen chân ngã khác. Ngài để lại

other categories of egoic lotus. He leaves much to our inference and intuition.

nhiều điều cho sự suy luận và trực giác của chúng ta.

and the second aspect **in its lowest manifestation** is showing signs of demonstration.

và phương diện thứ hai **trong biểu hiện thấp nhất của nó** đang cho thấy những dấu hiệu biểu lộ.

69. It is fitting that the *second* aspect of divinity should express through the *second* petal. It is to be noted, however, that only the "lowest manifestation" of the second aspect is expressing. It is that aspect which is still deeply concerned with and imbedded in form.

69. Thật thích hợp khi phương diện *thứ hai* của thiên tính biểu hiện qua cánh hoa *thứ hai*. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng chỉ có "biểu hiện thấp nhất" của phương diện thứ hai đang biểu hiện. Đó là phương diện vẫn còn quan tâm sâu đậm đến hình tướng và còn cắm rễ trong hình tướng.

They stand as representing certain groups of Egos from certain planetary schemes, notably Jupiter and Venus,

Chúng đứng như đại diện cho một số nhóm Chân ngã từ một số hệ hành tinh nhất định, đáng chú ý là Sao Mộc và Sao Kim,

70. It can be presumed that (at least from one perspective) the term "Egos", as here used, means "Monads". The egoic lotuses here described are those of Earth-chain humanity. Individualization for these Egos took place within the Earth-chain—at least this is one line of interpretation. Following this line, they would not have entered the Earth-chain with several petals unfolded, which was the case for many of the Moon-chain Egos. Following another line of interpretation, however, they may have entered with *one* petal open or in process of opening.

70. Có thể giả định rằng (ít nhất từ một góc nhìn) thuật ngữ "Chân ngã", như được dùng ở đây, có nghĩa là "chân thần". Những hoa sen chân ngã được mô tả ở đây là của nhân loại Dãy Địa Cầu. Sự biệt ngã hóa của các Chân ngã này đã diễn ra trong Dãy Địa Cầu—ít nhất đó là một hướng giải thích. Theo hướng này, họ đã không bước vào Dãy Địa Cầu với nhiều cánh hoa đã khai mở, như trường hợp của nhiều Chân ngã Dãy Mặt Trăng. Tuy nhiên, theo một hướng giải thích khác, họ có thể đã bước vào với *một* cánh hoa mở hoặc đang trong tiến trình mở.

71. DK is not telling us that such Egos came *exclusively* from Jupiter and Venus, but only "notably" so. This means that the majority of the Lotuses of Brahman was from these two planets.

71. Chân sư DK không nói với chúng ta rằng những Chân ngã như thế đến *chỉ riêng* từ Sao Mộc và Sao Kim, mà chỉ nói là "đáng chú ý" như vậy. Điều này có nghĩa là đa số các hoa sen của Brahman đến từ hai hành tinh này.

72. Such an origin accord with the Law of Correspondences, as each of these planets is strongly characterized by the second ray of

72. Nguồn gốc như thế phù hợp với định luật tương ứng, vì mỗi hành tinh này đều được đặc trưng mạnh mẽ bởi cung hai của Bác Ái –

Love-Wisdom—Venus hypothetically in its personality and monadic aspect, and Jupiter in at least its soul aspect. Such Egos would naturally have a close connection with an aspect of form through which the second ray could demonstrate with relative ease.

Minh Triết—Sao Kim theo giả thuyết trong phương diện phàm ngã và chân thần của nó, và Sao Mộc ít nhất trong phương diện linh hồn của nó. Những Chân ngã như thế tự nhiên sẽ có một liên hệ gần gũi với một phương diện của hình tướng, qua đó cung hai có thể biểu lộ tương đối dễ dàng.

73. Of course, it should not necessarily be inferred that Egos from Jupiter and Venus did *not* pass through the stages of "Bud Ego" and "Brahmic Lotus". It is simply that their nature is resonantly correlated with the qualities to be expressed through the second petal.

73. Dĩ nhiên, không nhất thiết phải suy ra rằng các Chân ngã từ Sao Mộc và Sao Kim đã *không* trải qua các giai đoạn "Chân ngã-Nụ" và "Hoa Sen Brahmic". Chỉ là bản chất của họ có sự tương quan cộng hưởng với các phẩm tính sẽ được biểu lộ qua cánh hoa thứ hai.

74. Such Egos surely passed through such earlier stages. The question remains however whether this passage was made within the Earth-scheme or upon their planet of origin.

74. Chắc chắn những Chân ngã như thế đã trải qua các giai đoạn sớm hơn ấy. Tuy nhiên, câu hỏi còn lại là liệu sự chuyển qua đó đã diễn ra trong hệ hành tinh Địa Cầu hay trên hành tinh nguyên quán của họ.

75. In case we had wondered, this section of text makes it clear that Egos originating on other planets are probably to be found within our Earth-scheme—at least this is one reasonable conclusion. We must learn to distinguish between those Egos which truly originated within the Earth-scheme (if such *actually* do exist) and those which originated on other planetary schemes. In a way, all Monads originate within our Sun (i.e., within the Heart of the Sun or the Central Spiritual Sun) and, so it may be inferred, from beyond.

75. Trong trường hợp chúng ta từng thắc mắc, phần văn bản này làm rõ rằng các Chân ngã có nguồn gốc từ những hành tinh khác có lẽ được tìm thấy trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta—ít nhất đó là một kết luận hợp lý. Chúng ta phải học cách phân biệt giữa những Chân ngã thực sự phát sinh trong hệ hành tinh Địa Cầu (nếu những Chân ngã như thế *thật sự* tồn tại) và những Chân ngã phát sinh trên các hệ hành tinh khác. Theo một nghĩa nào đó, mọi chân thần đều phát sinh trong Mặt Trời của chúng ta (tức trong Trái Tim của Mặt Trời hay Mặt trời Tinh thần Trung Ương) và, có thể suy ra như vậy, từ bên ngoài nữa.

who are a grade higher than the class above,

những Chân ngã cao hơn một bậc so với loại ở trên,

76. All evolution is *graded* and evolutionary progress is *gradual.*

76. Mọi tiến hoá đều có *cấp bậc* và sự tiến bộ tiến hoá thì *tuần tự.*

but which have as yet a long way to go.

77. Millions of years are spent unfolding the first tier of petals.

78. Since there are many human beings who have only the first two petals unfolded or in process of unfoldment, DK is telling us that the majority of humanity has "a long way to go".

79. Let us take note of the phrase "they stand as representing". We should not pass over it lightly. In connection with this phrase we must ask:

a. Are Egos from Venus and Jupiter actually to be found within out Earth-scheme?

b. Or do these Egos (which are really Earth-scheme Egos) merely *represent* Egos that are found on Jupiter and Venus, having with such extra-planetary Egos a magnetic connection?

c. Or are there *some* Egos from Venus and Jupiter which have come to our Earth-scheme, these Egos being *representatives* of groups of Egos which still remain on Venus and Jupiter and are still developing there? This last solution may offer the real explanation. Indeed, from what is said (later) about Primary Lotuses, it seems unquestionable that Egos from other planets are to be found within our Earth-scheme.

80. VSK inquires: "Why would these beneficent schemes signify only the *second*

nhưng vẫn còn một chặng đường dài phải đi.

77. Hàng triệu năm được dùng để khai mở tầng cánh hoa thứ nhất.

78. Vì có nhiều con người chỉ mới có hai cánh hoa đầu tiên khai mở hoặc đang trong tiến trình khai mở, Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng đa số nhân loại vẫn còn "một chặng đường dài phải đi".

79. Chúng ta hãy lưu ý cụm từ "chúng đứng như đại diện cho". Chúng ta không nên lướt qua nó một cách hời hợt. Liên hệ với cụm từ này, chúng ta phải hỏi:

a. Có phải các Chân ngã từ Sao Kim và Sao Mộc thực sự được tìm thấy trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta không?

b. Hay những Chân ngã này (vốn thực sự là các Chân ngã của hệ hành tinh Địa Cầu) chỉ đơn thuần *đại diện cho* các Chân ngã được tìm thấy trên Sao Mộc và Sao Kim, và có với những Chân ngã ngoài hành tinh ấy một liên hệ từ tính?

c. Hay có *một số* Chân ngã từ Sao Kim và Sao Mộc đã đến hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta, những Chân ngã này là các *đại diện* của những nhóm Chân ngã vẫn còn ở lại trên Sao Kim và Sao Mộc và vẫn đang phát triển tại đó? Giải pháp cuối cùng này có thể đưa ra lời giải thích thực sự. Quả thật, từ những gì được nói (về sau) về các Hoa Sen Sơ Cấp, dường như không thể nghi ngờ rằng các Chân ngã từ những hành tinh khác được tìm thấy trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta.

80. VSK hỏi: "Vì sao những hệ hành tinh từ thiện này lại chỉ biểu thị loại người-nụ đã

most evolved of individualized bud men? Must it be that these are the most retarded of the Jupiter and Venus schemes? Would they still have such tardy fellows?"

biệt ngã hóa tiến hoá thứ *hai*? Có phải điều đó có nghĩa rằng đây là những kẻ chậm tiến nhất của các hệ hành tinh Sao Mộc và Sao Kim? Liệu họ vẫn còn có những đồng loại chậm chạp như thế sao?"

81. This is an interesting question. With regard to Venus, it is possible that the "Lotuses of Brahman" on our planet which are of Venusian origin are relatively retarded Egos *from the Venusian perspective.*

81. Đây là một câu hỏi thú vị. Đối với Sao Kim, có thể các "hoa sen của Brahman" trên hành tinh chúng ta có nguồn gốc từ Sao Kim là những Chân ngã tương đối chậm tiến *theo quan điểm của Sao Kim.*

82. With regard to Jupiter, its unfoldment is behind that of Venus (though its essential spiritual status is not) and even behind that of Earth. Such is usually the case for those planets which, like Jupiter, represent one of the higher chakras, just as the full development of the higher chakras in the human energy system comes after the development of the lower chakras.

82. Đối với Sao Mộc, sự khai mở của nó đứng sau Sao Kim (dù địa vị tinh thần cốt yếu của nó thì không) và thậm chí còn sau cả Trái Đất. Điều này thường là trường hợp đối với những hành tinh mà, như Sao Mộc, biểu hiện một trong các luân xa cao hơn, cũng như sự phát triển trọn vẹn của các luân xa cao hơn trong hệ thống năng lượng con người đến sau sự phát triển của các luân xa thấp hơn.

83. We cannot know, however, whether there might not be found within our Earth-scheme certain more highly unfolded Egos also from Venus and perhaps from Jupiter.

83. Tuy nhiên, chúng ta không thể biết liệu trong hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta có thể còn có những Chân ngã khác từ Sao Kim và có lẽ từ Sao Mộc đã khai mở cao hơn hay không.

84. From another perspective, we know that the majority of second ray Monads are farther behind in their development than the majority of third ray Monads. Third ray Monads, it may be presumed, predominated in the solar system preceding ours and, thus, have had far more time to unfold the egoic lotuses which represent them.

84. Từ một góc nhìn khác, chúng ta biết rằng đa số các chân thần cung hai chậm hơn trong sự phát triển của mình so với đa số các chân thần cung ba. Có thể giả định rằng các chân thần cung ba chiếm ưu thế trong hệ mặt trời trước hệ của chúng ta và vì vậy đã có nhiều thời gian hơn rất nhiều để khai mở các hoa sen chân ngã biểu hiện cho họ.

85. If we think carefully, we will realize that it is far more likely that second ray Monads predominate on the Venus and Jupiter schemes. With regard to the emergence of humanity on our Earth-scheme, such Monads would more naturally have

85. Nếu suy nghĩ cẩn thận, chúng ta sẽ nhận ra rằng rất có khả năng các chân thần cung hai chiếm ưu thế trên các hệ hành tinh Sao Kim và Sao Mộc. Liên quan đến sự xuất hiện của nhân loại trên hệ hành tinh Địa Cầu của chúng ta, những chân thần như thế tự nhiên

individualized in Lemuria (where 75% of individualizing Monads were *on the second ray*). Thus, finding monadic representatives from Jupiter and Venus within the more primitive Earth-chain Egos is to be expected.

hơn sẽ biệt ngã hóa tại Lemuria (nơi 75% các chân thần đang biệt ngã hóa là *thuộc cung hai*). Vì vậy, việc tìm thấy các đại diện chân thần từ Sao Mộc và Sao Kim trong số các Chân ngã Dãy Địa Cầu còn nguyên sơ hơn là điều có thể chờ đợi.

86. VSK inquires: "What are the schemes from which the buds and Brahmic Lotuses originate?"

86. VSK hỏi: "Các nụ và các Hoa Sen Brahmic phát sinh từ những hệ hành tinh nào?"

87. This is a good question and one that it is not easy to answer. As earlier stated, we cannot suggest that Egos from Jupiter and Venus did *not* at one point pass through the stage of "Bud Ego" or "Brahmic Lotus" (whether on our planet or on their planet of origin). In fact, it seems natural that they would do so.

87. Đây là một câu hỏi hay và không dễ trả lời. Như đã nói trước đó, chúng ta không thể cho rằng các Chân ngã từ Sao Mộc và Sao Kim đã *không* từng trải qua giai đoạn "Chân ngã-Nụ" hay "Hoa Sen Brahmic" (dù là trên hành tinh của chúng ta hay trên hành tinh nguyên quán của họ). Thật ra, điều đó dường như là tự nhiên.

88. Presuming that Earth-scheme Monads came originally *from other planets*, we may imagine that they did so long before the period of their individualization began. Perhaps *all* human Monads are originally from other planets.

88. Giả sử rằng các chân thần của hệ hành tinh Địa Cầu ban đầu đến *từ những hành tinh khác*, chúng ta có thể hình dung rằng điều này đã xảy ra rất lâu trước khi thời kỳ biệt ngã hóa của họ bắt đầu. Có lẽ *mọi* chân thần nhân loại ban đầu đều đến từ những hành tinh khác.

89. The Egos/Monads from Venus, Jupiter and (later as we will see) Vulcan, however, may be more recent 'transplants'. Almost certainly, this is true for those from Vulcan.

89. Tuy nhiên, các Chân ngã/chân thần từ Sao Kim, Sao Mộc và (về sau như chúng ta sẽ thấy) Vulcan có thể là những "cây ghép" gần đây hơn. Gần như chắc chắn điều này đúng đối với những vị từ Vulcan.

90. If (excluding Moon-chain Monads) we think of Monads which were *not* 'recent transplants', we might (for practical purposes) think of them as *Earth-scheme Monads* (even if *originally* they came from elsewhere). Even Moon-chain Monads could be considered as *coming* ***originally*** *from elsewhere*—for the Moon-chain was in the Earth-scheme. Perhaps, even on the Moon-chain, some Monads had relatively recently

90. Nếu (loại trừ các chân thần Dãy Mặt Trăng) chúng ta nghĩ đến những chân thần *không* phải là những "cây ghép" gần đây, thì chúng ta có thể (vì mục đích thực tiễn) xem họ như các *chân thần của hệ hành tinh Địa Cầu* (ngay cả nếu *ban đầu* họ đến từ nơi khác). Ngay cả các chân thần Dãy Mặt Trăng cũng có thể được xem là *đến* ***ban đầu*** *từ nơi khác*—vì Dãy Mặt Trăng nằm trong hệ hành tinh Địa Cầu. Có lẽ, ngay cả trên Dãy Mặt

come from other planets and were, relative to that earlier chain, 'recent transplants'. We cannot know at this time.

Trăng, một số chân thần cũng đã tương đối gần đây đến từ những hành tinh khác và, so với dãy trước đó, là những "cây ghép" gần đây. Hiện nay chúng ta không thể biết.

91. It may be that Monads (now forming part of the centers of our Planetary Logos of the Earth-scheme) which were originally from *all* the planets, undertook individualization in the Earth-scheme but only *some* of them were relatively recent transplants—i.e., Monads/Egos which 'came in' to our planetary scheme approximately at the time individualization was to occur. We must remember that the existence of the Monad far antedates the point in evolution at which it individualizes. Those taking individualization on the Moon-chain or in Lemuria could have been present on the monadic plane of the Earth-chain for many ages before descending to take individualization.

91. Có thể các chân thần (nay tạo thành một phần các trung tâm của Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Địa Cầu chúng ta) vốn ban đầu đến từ *mọi* hành tinh, đã thực hiện sự biệt ngã hóa trong hệ hành tinh Địa Cầu nhưng chỉ *một số* trong họ là những "cây ghép" tương đối gần đây—tức là những chân thần/Chân ngã "đi vào" hệ hành tinh của chúng ta xấp xỉ vào thời điểm sự biệt ngã hóa sắp xảy ra. Chúng ta phải nhớ rằng sự tồn tại của chân thần có trước rất xa điểm tiến hoá mà tại đó nó biệt ngã hóa. Những vị đã tiếp nhận sự biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng hay tại Lemuria có thể đã hiện diện trên cõi chân thần của Dãy Địa Cầu suốt nhiều thời đại trước khi giáng xuống để tiếp nhận sự biệt ngã hóa.

92. It does seem that Vulcanian Egos (inferentially those who comprise the "Primary Lotuses") could be called 'recent transplants' because they *entered as Egos* with some degree of petal unfoldment.

92. Quả thật dường như các Chân ngã Vulcan (theo suy luận là những vị cấu thành "Các Hoa Sen Sơ Cấp") có thể được gọi là những "cây ghép" gần đây vì họ đã *đi vào như các Chân ngã* với một mức độ khai mở cánh hoa nào đó.

93. From what is said about Egos from Venus and Jupiter, however, *we cannot be sure* that they entered with any petal unfoldment or whether they simply were incoming Monads (whether much earlier in Earth-scheme history or proximate to the time of Lemurian individualization) who individualized within the Earth-scheme and upon the Earth-chain. Entry from Venus and Jupiter with the first petal unfolded *is* a possibility, in which case such Egos would have entered the Earth-scheme/Earth-chain *as Egos* and not just as Monads waiting to be individualized.

93. Tuy nhiên, từ những gì được nói về các chân ngã từ Sao Kim và Sao Mộc, *chúng ta không thể chắc chắn* rằng họ đã đi vào với bất kỳ sự khai mở cánh hoa nào hay chỉ đơn giản là các chân thần đang đi vào (dù là sớm hơn nhiều trong lịch sử của hệ hành tinh Trái Đất hay gần với thời kỳ biệt ngã hóa ở Lemuria) đã biệt ngã hóa trong hệ hành tinh Trái Đất và trên Dãy Địa Cầu. Việc đi vào từ Sao Kim và Sao Mộc với cánh hoa thứ nhất đã khai mở *là* một khả năng; trong trường hợp đó, các chân ngã như thế hẳn đã đi vào hệ hành tinh Trái Đất/Dãy Địa Cầu *với tư cách là*

các chân ngã chứ không chỉ như các chân thần đang chờ được biệt ngã hóa.

94. In summary:

94. Tóm lại:

a. Monads from many different planetary schemes could have entered our Earth-scheme long ago—long before their individualization. In fact, *all* Monads which are found within the Earth-scheme could *originally* have come from sacred planets and, before that, from our Sun (i.e., from the Heart of the Sun or the Central Spiritual Sun).

a. Các chân thần từ nhiều hệ hành tinh khác nhau có thể đã đi vào hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta từ lâu—rất lâu trước khi biệt ngã hóa. Thật vậy, *mọi* chân thần được tìm thấy trong hệ hành tinh Trái Đất đều có thể *nguyên thủy* đã đến từ các hành tinh thiêng liêng và, trước đó nữa, từ Mặt Trời của chúng ta (tức là từ Trái Tim của Mặt Trời hay Mặt trời Tinh thần Trung Ương).

b. In this case, *any* type of Monad (originally from another sacred planet) could become on Earth a "Bud Ego" or develop into a "Brahmic Lotus" etc.

b. Trong trường hợp này, *bất kỳ* loại chân thần nào (nguyên thủy từ một hành tinh thiêng liêng khác) cũng có thể trở thành trên Trái Đất một "Bud Ego" hay phát triển thành một "Brahmic Lotus", v.v.

c. However, there could also be what we can call 'recent transplants'. Such would be:

c. Tuy nhiên, cũng có thể có điều mà chúng ta có thể gọi là những 'sự cấy chuyển gần đây'. Đó sẽ là:

i. Very partially developed Egos from Vulcan and, perhaps, from Mercury.

i. Những chân ngã phát triển rất ít phần từ Vulcan và, có lẽ, từ Sao Thủy.

ii. Egos coming in "notably" from Venus and Jupiter and having one petal unfolded. This would mean that they had actually individualized on Venus or Jupiter instead of on our planet.

ii. Những chân ngã đi vào một cách "đáng kể" từ Sao Kim và Sao Mộc và có một cánh hoa đã khai mở. Điều này có nghĩa là họ thực sự đã biệt ngã hóa trên Sao Kim hay Sao Mộc thay vì trên hành tinh của chúng ta.

iii. Egos (really Monads) coming in from Venus and Jupiter but not yet individualized. Their individualization would occur within the Earth-scheme, but they would carry the Venus or Jupiter vibration.

iii. Những chân ngã (thực ra là các chân thần) đi vào từ Sao Kim và Sao Mộc nhưng chưa biệt ngã hóa. Sự biệt ngã hóa của họ sẽ xảy ra trong hệ hành tinh Trái Đất, nhưng họ sẽ mang rung động của Sao Kim hay Sao Mộc.

iv. These Venus or Jupiter Monads would (because of their relatively 'recent arrival') be

iv. Các chân thần Sao Kim hay Sao Mộc này sẽ (do 'đến tương đối gần đây') được phân

distinguished from Venus or Jupiter Monads who might have come far earlier in the Earth-scheme's development. (Of course, we still have to determine the exact meaning of "representing". We have a theory, as stated above, but it might not be correct.)

biệt với các chân thần Sao Kim hay Sao Mộc có thể đã đến sớm hơn rất nhiều trong sự phát triển của hệ hành tinh Trái Đất. (Dĩ nhiên, chúng ta vẫn phải xác định ý nghĩa chính xác của từ "representing". Chúng ta có một giả thuyết, như đã nêu ở trên, nhưng có thể nó không đúng.)

d. In any case, we can say with fair confidence that:

d. Dù sao đi nữa, chúng ta có thể nói với mức độ tin cậy khá cao rằng:

i. Monads found within the Earth-scheme almost certainly have their origin on other planets, probably *sacred* planets, which, we may infer, endure for a longer time within the great mahamanvantara of the Solar Logos. Under this assumption, the emergence into manifestation of the sacred planets antedated the emergence into manifestation of the Earth.

i. Các chân thần được tìm thấy trong hệ hành tinh Trái Đất gần như chắc chắn có nguồn gốc từ các hành tinh khác, có lẽ là các hành tinh *thiêng liêng*, mà chúng ta có thể suy ra là tồn tại lâu hơn trong Đại giai kỳ sinh hóa vĩ đại của Thái dương Thượng đế. Theo giả định này, sự xuất hiện vào biểu hiện của các hành tinh thiêng liêng có trước sự xuất hiện vào biểu hiện của Trái Đất.

ii. Some Egos came into the Earth-chain *as Egos.* This is definitely the case with the Moon-chain Egos (often with several egoic petals developed), and seems definitely to be the case with Vulcanian Egos (relative to the Earth-scheme, though we discuss them in relation to the Earth-*chain*.)

ii. Một số chân ngã đã đi vào Dãy Địa Cầu *với tư cách là các chân ngã.* Điều này chắc chắn đúng đối với các chân ngã Dãy Mặt Trăng (thường với vài cánh hoa chân ngã đã phát triển), và dường như cũng chắc chắn đúng đối với các chân ngã Vulcan (xét theo hệ hành tinh Trái Đất, dù chúng ta bàn về họ trong liên hệ với Dãy Địa*Cầu*.)

e. Pre-formed Egos may also have come from Venus and Jupiter. If so, their 'Egoity' (i.e., the formation of their egoic lotus) would carry the quality of their planet.

e. Các chân ngã đã được hình thành từ trước cũng có thể đã đến từ Sao Kim và Sao Mộc. Nếu vậy, 'tính chân ngã' của họ (tức là sự hình thành hoa sen chân ngã của họ) sẽ mang phẩm tính của hành tinh họ.

i. Since these Egos are discussed largely in relation to the present "Lotuses of Brahman", we may infer that *many* of the present "Lotuses of Brahman" have Venusian or Jupiterian origin, but not necessarily *all,* as *all* "Bud Egos" have

i. Vì các chân ngã này được bàn đến phần lớn trong liên hệ với các "Lotuses of Brahman" hiện nay, chúng ta có thể suy ra rằng *nhiều* "Lotuses of Brahman" hiện nay có nguồn gốc từ Sao Kim hay Sao Mộc, nhưng không nhất thiết là *tất cả,* vì *mọi* "Bud Egos" cuối cùng

eventually to pass through the stage of "Lotus of Brahman".

ii. On the other hand, when DK speaks of "Egos" coming in from Venus and Jupiter, He may, after all, *really* mean "Monads" (and not pre-formed Egos) in which case, such Monads would individualize within the Earth-scheme and develop normally through the stages of "Bud Ego" and "Brahmic Lotus". At present however, the majority of those within the stage of "Lotuses of Brahman" would have a Venusian or Jupiterian origin.

iii. It may be that when, in Lemuria, the time for individualization came, many of those who undertook it were Monads from Venus and Jupiter, *or,* that of the Monads who individualized in Lemuria, the ones who were from Venus and Jupiter (or who *represented* Egos from Venus or Jupiter) are *presently* largely found within that group called "Lotuses of Brahman".

95. We can see that the matter is somewhat complex and that many possibilities lie behind apparently simple and straightforward statements by the Tibetan.

96. DK has hinted that the whole matter of monadic origin is a very abstruse subject.

97. Perhaps we are interested in tracing our own monadic origin. We certainly have one and, ultimately and originally, it is most probable that the origin of our Monad is not within the Earth-scheme.

đều phải đi qua giai đoạn "Lotus of Brahman".

ii. Mặt khác, khi Chân sư DK nói về các "Egos" đi vào từ Sao Kim và Sao Mộc, rốt cuộc Ngài có thể *thực sự* muốn nói đến các "Monads" (chứ không phải các chân ngã đã được hình thành từ trước); trong trường hợp đó, các chân thần như thế sẽ biệt ngã hóa trong hệ hành tinh Trái Đất và phát triển bình thường qua các giai đoạn "Bud Ego" và "Brahmic Lotus". Tuy nhiên, hiện nay đa số những ai ở trong giai đoạn "Lotuses of Brahman" sẽ có nguồn gốc từ Sao Kim hay Sao Mộc.

iii. Có thể là khi, tại Lemuria, thời điểm biệt ngã hóa đến, nhiều người trong số những kẻ đảm nhận việc ấy là các chân thần từ Sao Kim và Sao Mộc, *hoặc* trong số các chân thần đã biệt ngã hóa tại Lemuria, những vị đến từ Sao Kim và Sao Mộc (hay những vị *đại diện cho* các chân ngã từ Sao Kim hay Sao Mộc) hiện *nay* phần lớn được tìm thấy trong nhóm được gọi là "Lotuses of Brahman".

95. Chúng ta có thể thấy rằng vấn đề này phần nào phức tạp và có nhiều khả năng nằm sau những phát biểu có vẻ đơn giản và trực tiếp của Chân sư Tây Tạng.

96. Chân sư DK đã gợi ý rằng toàn bộ vấn đề về nguồn gốc chân thần là một chủ đề rất thâm áo.

97. Có lẽ chúng ta quan tâm đến việc truy tìm nguồn gốc chân thần của chính mình. Chắc chắn chúng ta có một nguồn gốc như thế, và rốt ráo cũng như nguyên thủy, rất có thể nguồn gốc chân thần của chúng ta không nằm trong hệ hành tinh Trái Đất.

They are called "second class creators," for though they demonstrate on the physical plane in the act of physical creation,

98. For them the sacral center necessarily remains very active. They are strongly associated with the energy of Taurus which, in its lower expression, has a strong sacral effect.

yet they are more swayed by love than by animal instinct as in the first case.

99. The phrase “swayed by love” is very important when thinking of the nature and character of such human beings.

100. Although the second petal is only “showing signs of opening”, such lotus types are more “swayed by love” than strictly by animal instinct.

101. We can see that love develops relatively early in the human evolutionary process.

102. We also gather the importance of both Venus and Jupiter in the development of love within the human being.

They are to be found incarnating at this time in the Orient, particularly in and in the Latin countries, and just lately in.

103. The personality of India is found on the fourth ray and the Latin countries have a definite two-four-six ray emphasis.

104. “The Orient” may, however, include China which has very little soft line

Họ được gọi là "những đấng sáng tạo hạng hai," vì dù họ biểu hiện trên cõi hồng trần trong hành vi sáng tạo thể xác,

98. Đối với họ, trung tâm xương cùng tất yếu vẫn rất hoạt động. Họ liên kết mạnh mẽ với năng lượng của Kim Ngưu, vốn trong biểu hiện thấp của nó có một tác động xương cùng rất mạnh.

nhưng họ bị tình thương chi phối nhiều hơn là bởi bản năng thú vật như trong trường hợp thứ nhất.

99. Cụm từ “bị tình thương chi phối” rất quan trọng khi suy nghĩ về bản chất và tính cách của những con người như thế.

100. Mặc dù cánh hoa thứ hai mới chỉ “cho thấy dấu hiệu mở ra”, các loại hoa sen như thế bị “tình thương chi phối” nhiều hơn là bị bản năng thú vật chi phối một cách nghiêm ngặt.

101. Chúng ta có thể thấy rằng tình thương phát triển tương đối sớm trong tiến trình tiến hoá của con người.

102. Chúng ta cũng nhận ra tầm quan trọng của cả Sao Kim lẫn Sao Mộc trong sự phát triển của tình thương bên trong con người.

Hiện nay họ được thấy đang lâm phàm tại Phương Đông, đặc biệt tại và trong các quốc gia La-tinh, và mới đây tại.

103. Phàm ngã của Ấn Độ được tìm thấy trên cung bốn và các quốc gia La-tinh có một sự nhấn mạnh rõ rệt cung hai-bốn-sáu.

104. Tuy nhiên, “Phương Đông” có thể bao gồm cả Trung Hoa, quốc gia có rất ít nhấn

emphasis. It does, however, have a soul conditioned by the sign Taurus, and we have already noted the relation of Taurus to the development of the second petal. This reason, however, may not be sufficient as other countries which do not have a great representation of "Lotuses of Brahman" also have a strong Taurus emphasis (such as Canada).

mạnh thuộc đường mềm. Dẫu vậy, quốc gia này có một linh hồn được dấu hiệu Kim Ngưu tác động, và chúng ta đã lưu ý mối liên hệ của Kim Ngưu với sự phát triển của cánh hoa thứ hai. Tuy nhiên, lý do này có thể không đủ, vì những quốc gia khác không có sự hiện diện lớn của các "Lotuses of Brahman" cũng có một nhấn mạnh mạnh về Kim Ngưu (chẳng hạn như Canada).

105. It is probably the tremendous influx of immigrants into America, at the close of the 19th century and beginning of the 20th, which accounted for the greatly increased incarnation of "Lotuses of Brahman" in America.

105. Có lẽ chính là làn sóng nhập cư to lớn vào nước Mỹ vào cuối thế kỷ 19th và đầu thế kỷ 20th đã giải thích cho sự lâm phàm gia tăng rất lớn của các "Lotuses of Brahman" tại Mỹ.

106. By "America", it seems that DK means the United States and not Latin America which, we can infer, had a great number of "Lotuses of Brahman" for millenia. Presumably, South America and Mexico are included in what DK calls the "Latin Countries". Are Italy and Spain to be included?

106. Dường như bởi "America", Chân sư DK muốn nói đến Hoa Kỳ chứ không phải Mỹ La-tinh; chúng ta có thể suy ra rằng nơi này đã có một số lượng lớn các "Lotuses of Brahman" trong hàng thiên niên kỷ. Có lẽ Nam Mỹ và Mexico được bao gồm trong điều Chân sư DK gọi là các "quốc gia La-tinh". Ý và Tây Ban Nha có được bao gồm không?

107. Although Lotuses of Brahman are plentiful upon our planet, they are still less plentiful than the fifth category of souls (cf. EP II, 205) which constitutes the "bulk of modern humanity at this time". Of course, it is necessary to understanding what DK means by *modern* humanity. Does He mean *all* human beings found upon our planet *at this time,* or only those who are relatively more advanced in terms of civilized development.

107. Mặc dù các Lotuses of Brahman rất nhiều trên hành tinh chúng ta, chúng vẫn ít hơn loại linh hồn thứ năm (xem EP II, 205), vốn cấu thành "phần lớn nhân loại hiện đại vào lúc này". Dĩ nhiên, cần phải hiểu Chân sư DK muốn nói gì bởi *nhân loại hiện đại*. Ngài có muốn nói đến *mọi* con người được tìm thấy trên hành tinh chúng ta *vào lúc này,* hay chỉ những người tương đối tiến bộ hơn xét theo sự phát triển văn minh.

108. We can assume that those who have fully two petals open or some third petal development as well, constitute the *bulk* of modern humanity.

108. Chúng ta có thể giả định rằng những ai có trọn vẹn hai cánh hoa mở ra hoặc có thêm một ít sự phát triển của cánh hoa thứ ba, cấu thành *phần lớn* của nhân loại hiện đại.

Primary lotuses. These are a group of special interest brought in under the influence of the Lord of the fifth Ray,

Hoa sen sơ cấp. Đây là một nhóm đặc biệt đáng quan tâm, được đưa vào dưới ảnh hưởng của Đấng Chúa Tể Cung năm,

109. The "Lord of the fifth Ray", in this instance, may be the fifth Ray Lord *within* the Earth-scheme. It may also be a particular Planetary Logos (perhaps the Logos of Mercury or Venus), but there are problems in considering either one as the "Lord of the fifth Ray" in this particular context.

109. "Đấng Chúa Tể Cung năm", trong trường hợp này, có thể là Đấng Chúa Tể Cung năm *trong* hệ hành tinh Trái Đất. Cũng có thể là một Hành Tinh Thượng Đế đặc biệt nào đó (có lẽ là Thượng đế của Sao Thủy hay Sao Kim), nhưng có những khó khăn khi xem một trong hai vị là "Đấng Chúa Tể Cung năm" trong ngữ cảnh đặc biệt này.

110. The planet of origin for the types of lotuses here discussed is very probably Vulcan, but we cannot really consider Vulcan as the "Lord of the fifth Ray", although Vulcan is closely associated with the mineral kingdom as are many souls upon the fifth ray.

110. Hành tinh nguồn gốc của các loại hoa sen đang được bàn ở đây rất có thể là Vulcan, nhưng chúng ta thực sự không thể xem Vulcan là "Đấng Chúa Tể Cung năm", mặc dù Vulcan liên kết chặt chẽ với giới kim thạch như nhiều linh hồn trên cung năm.

and therefore **fundamentally allied to** the energy which is the special manifestation in this system and the basis of all achievement, that is, **manas**.

và vì vậy **về căn bản liên minh với** năng lượng là biểu hiện đặc biệt trong hệ này và là nền tảng của mọi thành tựu, tức là, **manas**.

111. DK is speaking of a fundamental alliance between these types of Egos and the energy of manas.

111. Chân sư DK đang nói về một sự liên minh căn bản giữa các loại chân ngã này và năng lượng của manas.

112. Venus is a planet the influence of which is directed particularly to the *vegetable kingdom.* The influence of Mercury is particularly upon the human kingdom. Its influence is particularly *mental.* The influence of Vulcan, however, is very material and concerns the mineral kingdom particularly.

112. Sao Kim là một hành tinh mà ảnh hưởng của nó được hướng đặc biệt đến *giới thực vật.* Ảnh hưởng của Sao Thủy đặc biệt lên giới nhân loại. Ảnh hưởng của nó đặc biệt mang tính *trí tuệ.* Tuy nhiên, ảnh hưởng của Vulcan lại rất vật chất và đặc biệt liên quan đến giới kim thạch.

113. Let us notice the relationship between manas and achievement. Will (the propelling force behind achievement) works

113. Chúng ta hãy lưu ý mối liên hệ giữa manas và thành tựu. Ý chí (mãnh lực thúc đẩy đằng sau thành tựu) hoạt động qua manas. Manas và ý chí, theo tất cả những gì

through manas. Manas and will are, from all the Tibetan has said, quite inseparable.

Chân sư Tây Tạng đã nói, là khá bất khả phân.

They were quiescent during the Atlantean root-race but have come in during the fourth and fifth subraces of this rootrace.

Họ đã ở trong trạng thái tĩnh trong giống dân gốc Atlantis nhưng đã đi vào trong giống dân phụ thứ tư và thứ năm của giống dân gốc này.

114. We are told that "Primary Lotuses" were "quiescent" during the Atlantean root race. Does this mean that they were already 'here' (on our planet) but "quiescent" (not expressing) or that they simply were *not* 'here' (but still within and upon their planet of origin) coming in *as Egos* only during the Aryan root race.

114. Chúng ta được bảo rằng các "Primary Lotuses" đã "ở trong trạng thái tĩnh" trong giống dân gốc Atlantis. Điều này có nghĩa là họ đã 'ở đây' (trên hành tinh chúng ta) nhưng "tĩnh" (không biểu lộ), hay đơn giản là họ *không* 'ở đây' (mà vẫn còn trong và trên hành tinh nguồn gốc của họ), chỉ đi vào *với tư cách là các chân ngã* trong giống dân gốc Arya.

115. Interestingly, they came in not only the fifth sub-race of our present (fifth) rootrace, but also during the *fourth.* The fourth subrace (the Celtic) must necessarily have been partially under the fourth ray planet Mercury, and Mercury *is* a very mental planet. So the entry of this very mental/ physical group is appropriate during the *fourth* sub-race.

115. Điều thú vị là họ đi vào không chỉ trong giống dân phụ thứ năm của giống dân gốc hiện nay (thứ năm) của chúng ta, mà còn trong giống dân phụ *thứ tư.* Giống dân phụ thứ tư (Celtic) tất yếu phải phần nào ở dưới hành tinh cung bốn là Sao Thủy, và Sao Thủy *là* một hành tinh rất trí tuệ. Vì vậy, sự đi vào của nhóm rất trí tuệ/hồng trần này là thích hợp trong giống dân phụ *thứ tư.*

116. The numbers most logically associated with Mercury are three, four and five. It is fitting, then, that the entry of Primary Lotuses be during sub-race four and five, though one could question why they did not enter during sub-race three. Perhaps is it because of their close relation with Vulcan (most probably their planet of origin)—Vulcan having only indirect relation to the third ray.

116. Các con số hợp lý nhất gắn với Sao Thủy là ba, bốn và năm. Do đó, việc Hoa sen sơ cấp đi vào trong giống dân phụ bốn và năm là thích hợp, dù người ta có thể đặt câu hỏi vì sao họ không đi vào trong giống dân phụ ba. Có lẽ là vì mối liên hệ chặt chẽ của họ với Vulcan (rất có thể là hành tinh nguồn gốc của họ)—Vulcan chỉ có liên hệ gián tiếp với cung ba.

They are a group a good deal more advanced than the earlier classes

Họ là một nhóm tiến bộ hơn khá nhiều so với các loại trước đó

117. This includes both “Brahmic Lotuses” and “Lotuses of Brahman”. Probably another class of lotuses than which the Primary Lotuses are more advanced consists of those we might call ‘Atlantean Lotuses’, having, presumably, two petals open to a great extent.

117. Điều này bao gồm cả “Brahmic Lotuses” lẫn “Lotuses of Brahman”. Có lẽ một loại hoa sen khác mà Hoa sen sơ cấp tiến bộ hơn là những gì chúng ta có thể gọi là ‘Hoa sen Atlantis’, có lẽ với hai cánh hoa mở ra ở mức độ lớn.

but need much to develop the second petal.

nhưng cần rất nhiều để phát triển cánh hoa thứ hai.

118. We have already seen that the energy of love is clearly associated with the second petal.

118. Chúng ta đã thấy rằng năng lượng của tình thương rõ ràng gắn liền với cánh hoa thứ hai.

119. We remember that one of the projects of development in the second petal phase was to transform “love of self into love of others” (TCF 539), so the potential for the expression of a relatively pure love (through form) exists in relation to this second petal.

119. Chúng ta nhớ rằng một trong những dự án phát triển trong giai đoạn cánh hoa thứ hai là chuyển đổi “tình yêu bản thân thành tình yêu người khác” (TCF 539), vì vậy tiềm năng biểu lộ một tình thương tương đối thuần khiết (qua hình tướng) tồn tại trong liên hệ với cánh hoa thứ hai này.

With them the **first and the third petals in the first circle are opening**,

Đối với họ, **cánh hoa thứ nhất và thứ ba trong vòng tròn thứ nhất đang mở ra**,

120. We note—the first and third petals “are opening” but not are not fully opened. The full opening of the first tier of petals signifies the moment of an earlier type of initiation preceding the great manasic initiations (beginning with the Birth of the Christ in the Heart).

120. Chúng ta lưu ý—cánh hoa thứ nhất và thứ ba “đang mở ra” chứ chưa mở hoàn toàn. Sự mở hoàn toàn của tầng cánh hoa thứ nhất biểu thị thời điểm của một loại điểm đạo sớm hơn, đi trước các cuộc điểm đạo manas lớn (bắt đầu bằng Sự Giáng Sinh của Đức Christ trong Tim).

121. One would expect that the first petal would be fully open in such rather advanced human types (i.e., in the transplanted “Primary Lotuses”). There may, however, be some types of first petal response which were not fully developed upon their planet of origin, especially response which involves rapid activity.

121. Người ta sẽ mong đợi rằng cánh hoa thứ nhất phải mở hoàn toàn nơi những loại người khá tiến bộ như thế (tức là trong các “Primary Lotuses” được cấy chuyển). Tuy nhiên, có thể có một số loại đáp ứng của cánh hoa thứ nhất chưa được phát triển đầy đủ trên hành tinh nguồn gốc của họ, đặc biệt

là đáp ứng liên quan đến hoạt động nhanh chóng.

but the middle petal is yet shut.

nhưng cánh hoa giữa vẫn còn khép kín.

122. That the middle petal is "shut" does not mean that it is not somewhat organized. The implication below, however, is that the middle petal of the first tier (if somewhat organized, which is not certain) is not "vitalised". In the usual sequence of unfoldment "vitalization" follows "organisation".

122. Việc cánh hoa giữa "khép kín" không có nghĩa là nó không được tổ chức phần nào. Tuy nhiên, hàm ý ở dưới là cánh hoa giữa của tầng thứ nhất (nếu có phần nào được tổ chức, điều này chưa chắc chắn) chưa được "tiếp sinh lực". Trong trình tự khai mở thông thường, "tiếp sinh lực" theo sau "tổ chức".

123. If Vulcan is the planet of origin for Primary Lotuses, it should be remember that it represents the Heart of the Sun (but the soft-line energy of Vulcan is found principally in the very highest reaches of its energy system). The lower aspects of Vulcan appear to be on the hard line involving the fifth and seventh rays in relation to the personality vehicles and the first ray in relation to its soul.

123. Nếu Vulcan là hành tinh nguồn gốc của Hoa sen sơ cấp, cần nhớ rằng nó đại diện cho Trái Tim của Mặt Trời (nhưng năng lượng đường mềm của Vulcan chủ yếu được tìm thấy trong những tầng rất cao của hệ năng lượng của nó). Các phương diện thấp của Vulcan dường như thuộc đường cứng, liên quan đến cung năm và cung bảy đối với các vận cụ phàm ngã, và cung một đối với linh hồn của nó.

The middle tier <u>also</u> shows no signs of vitality.

Tầng giữa <u>cũng</u> không cho thấy dấu hiệu sinh lực nào.

124. The word "also" suggests (as mentioned above) that the second petals of the first tier (even if "organised") has not been "vitalised".

124. Từ "cũng" gợi ý (như đã nói ở trên) rằng các cánh hoa thứ hai của tầng thứ nhất (ngay cả nếu đã được "tổ chức") cũng chưa được "tiếp sinh lực".

125. The entire middle tier is, we remember, a *love* tier.

125. Chúng ta nhớ rằng toàn bộ tầng giữa là một tầng *bác ái*.

126. We can question whether DK is differentiating between "organisation" and "vitalisation". Could the middle tier of some Primary Lotuses be in process of *organization* but not of *vitalization*. Or is He simply using the term "vitality" in a general

126. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu Chân sư DK có đang phân biệt giữa "tổ chức" và "tiếp sinh lực" hay không. Liệu tầng giữa của một số Primary Lotuses có thể đang trong tiến trình *tổ chức* nhưng chưa trong tiến trình *tiếp sinh lực* chăng? Hay Ngài chỉ đơn giản dùng từ "sinh lực" theo nghĩa tổng quát, cho

way, indicating that neither “organisation” or “vitalisation” are proceeding?

thấy rằng cả “tổ chức” lẫn “tiếp sinh lực” đều không tiến hành?

Owing [Page 842] to conditions in their emanating planet,

Do [Page 842] các điều kiện trên hành tinh phát xạ của họ,

127. …hypothesized to be Vulcan.

127. …được giả định là Vulcan.

128. We note the word “emanating”. In this context, it probably means simply ‘the planet from which those Egos, who manifest on Earth as Primary Lotuses, came forth”.

128. Chúng ta lưu ý từ “phát xạ”. Trong ngữ cảnh này, có lẽ nó chỉ đơn giản có nghĩa là ‘hành tinh mà từ đó những chân ngã, những vị biểu hiện trên Trái Đất như các Primary Lotuses, đã đi ra’.

129. The process of *emanation* probably has much to do with the manner in which such Egos reached the Earth-scheme.

129. Tiến trình *phát xạ* có lẽ liên quan rất nhiều đến cách thức mà các chân ngã như thế đã đến được hệ hành tinh Trái Đất.

their development has been one-sided,

sự phát triển của họ đã mang tính một chiều,

130. This is the very thing which cannot be permitted indefinitely.

130. Đây chính là điều không thể được cho phép kéo dài vô thời hạn.

131. What such planetary conditions were, we cannot know. It is interesting, however, that tutelage on *other* planets can be used to supplement an incomplete developmental process occurring on any particular planet.

131. Chúng ta không thể biết những điều kiện hành tinh như thế là gì. Tuy nhiên, điều thú vị là sự dìu dắt trên các hành tinh *khác* có thể được dùng để bổ sung cho một tiến trình phát triển chưa hoàn chỉnh xảy ra trên bất kỳ hành tinh đặc thù nào.

132. If Vulcanian Egos can be sent to Earth for “rounding out”, perhaps Earth-scheme Egos can be sent to Venus, or Martian to the Earth-scheme or to other schemes.

132. Nếu các chân ngã Vulcan có thể được gửi đến Trái Đất để được “làm tròn đầy”, thì có lẽ các chân ngã của hệ hành tinh Trái Đất có thể được gửi đến Sao Kim, hay các chân ngã Sao Hỏa đến hệ hành tinh Trái Đất hoặc đến các hệ khác.

and hence their entering on a wave of energy into this scheme in order to "round" themselves out, as it is called.

và do đó họ đi vào trên một làn sóng năng lượng vào hệ này để “làm tròn đầy” chính mình, như cách gọi đó.

133. So, when Egos are transferred from one scheme to another, they enter "on a wave of energy". The whole process is naturally *purposeful.*

133. Vì vậy, khi các chân ngã được chuyển dịch từ hệ này sang hệ khác, họ đi vào "trên một làn sóng năng lượng". Toàn bộ tiến trình ấy tự nhiên là có *mục đích.*

134. While we are dealing largely with specific Egos and groups of Egos, the process involved depends upon a purposeful relationship between the Planetary Logoi in Whom these Egos find their originating and transitional placement. For example, the Logos of the Vulcan-scheme and that of the Earth-scheme would have to have been in collaboration for such an egoic transfer to occur.

134. Trong khi chúng ta phần lớn đang bàn về các chân ngã cụ thể và các nhóm chân ngã, tiến trình liên hệ tùy thuộc vào một mối quan hệ có chủ đích giữa các Hành Tinh Thượng Đế, trong Các Ngài các chân ngã này tìm thấy vị trí nguyên thủy và chuyển tiếp của mình. Chẳng hạn, Thượng đế của hệ Vulcan và Thượng đế của hệ hành tinh Trái Đất hẳn phải có sự cộng tác để một sự chuyển dịch chân ngã như thế có thể xảy ra.

They may be seen in the purely intellectual selfish scientific type.

Họ có thể được thấy nơi loại người khoa học thuần trí tuệ ích kỷ.

135. The implication is that such Egos have, usually, no *conscious* soul contact.

135. Hàm ý là các chân ngã như thế thường không có sự tiếp xúc linh hồn *có ý thức.*

136. These types are all mind and activity.

136. Các loại người này hoàn toàn là trí tuệ và hoạt động.

They are **responsible** for much of the advanced application of mechanical science to the needs of men,

Họ **chịu trách nhiệm** cho phần lớn sự ứng dụng tiên tiến của khoa học cơ khí vào các nhu cầu của những người nam và nữ,

137. Such application clearly involves the mineral kingdom. During the past two hundred years, the development of machines has made enormous strides.

137. Sự ứng dụng như thế rõ ràng liên quan đến giới kim thạch. Trong hai trăm năm qua, sự phát triển của máy móc đã tiến những bước khổng lồ.

138. In order to be thus responsible, they would necessarily have to have a high *concrete* intelligence.

138. Để có thể chịu trách nhiệm như vậy, tất yếu họ phải có một trí thông minh *cụ thể* cao.

and for the introduction of certain types of machinery;

và cho việc đưa vào một số loại máy móc nhất định;

139. We could wonder just *what* "types of machinery". From what is said below, we would have to include weaponry.

139. Chúng ta có thể tự hỏi chính xác là những "loại máy móc" *nào*. Từ những gì được nói ở dưới, chúng ta hẳn phải bao gồm cả vũ khí.

they work largely in connection with the energy of the mineral kingdom.

họ hoạt động phần lớn trong liên hệ với năng lượng của giới kim thạch.

140. This is a very important statements in relation to Primary Lotuses. If we think of the efforts of modern scientists, we can see how very much this statement is true. They are strongly involved with utilizing and manipulating the mineral kingdom.

140. Đây là một phát biểu rất quan trọng liên quan đến Primary Lotuses. Nếu nghĩ đến những nỗ lực của các nhà khoa học hiện đại, chúng ta có thể thấy phát biểu này đúng đến mức nào. Họ can dự mạnh mẽ vào việc sử dụng và thao tác giới kim thạch.

141. Since no planet is as closely associated with the mineral kingdom as is Vulcan, the presumption that Vulcan is the planet of origin is reasonable.

141. Vì không có hành tinh nào liên kết chặt chẽ với giới kim thạch như Vulcan, nên giả định rằng Vulcan là hành tinh nguồn gốc là hợp lý.

142. Saturn can also be linked to the mineral kingdom, and does have a close relationship with the Logos of the Earth-scheme, but is in an altogether higher class of planets than the Earth and probably is not the planet which emanated the Primary Lotuses.

142. Sao Thổ cũng có thể được liên kết với giới kim thạch, và quả thật có một mối liên hệ chặt chẽ với Thượng đế của hệ hành tinh Trái Đất, nhưng nó thuộc một đẳng cấp hành tinh cao hơn hẳn Trái Đất và có lẽ không phải là hành tinh đã phát xạ ra các Primary Lotuses.

By this it must be inferred that the solar Lords who embody this type are linked with a group of lunar Lords who respond magnetically to the devas of the mineral kingdom.

Từ điều này phải suy ra rằng các nhật tinh quân hiện thân loại này được liên kết với một nhóm nguyệt tinh quân đáp ứng một cách từ tính với các thiên thần của giới kim thạch.

143. There is much occultism concealed in the statement above.

143. Có rất nhiều huyền bí học được che giấu trong phát biểu trên.

144. It appears that DK is using the term "solar Lords" generically and not in distinction to "Solar Pitris" and "Solar Angels". Since (on TCF, 869), the term "solar Lords" is used in connection with the *second*

144. Dường như Chân sư DK đang dùng thuật ngữ "solar Lords" theo nghĩa tổng quát chứ không phải để phân biệt với "Solar Pitris" và "Solar Angels". Vì (trong TCF, 869), thuật ngữ "solar Lords" được dùng trong liên

tier of petals, and since for Primary Lotuses there is no development within the second tier (at least no vitalization or unfoldment), the term "solar Lords" is most probably generic instead of specific.

hệ với tầng cánh hoa *thứ hai*, và vì đối với Primary Lotuses không có sự phát triển nào trong tầng thứ hai (ít nhất là không có sự tiếp sinh lực hay khai mở), nên thuật ngữ "solar Lords" rất có thể là tổng quát thay vì đặc thù.

145. We know that, in general, "solar Lords" and "lunar lords" are linked, the "solar Lords" eventually influencing and re-conditioning the lunar lords.

145. Chúng ta biết rằng, nói chung, "solar Lords" và "lunar lords" được liên kết với nhau, các "solar Lords" cuối cùng ảnh hưởng và tác động lại lên các nguyệt tinh quân.

146. But DK distinguishes between "lunar lords" and the "devas of the mineral kingdom". Lunar lords (within the body of man) *are* devas—devas which, via the permanent atoms, control the development of the three personality vehicles of the man and also of the composite vehicle, the personality.

146. Nhưng Chân sư DK phân biệt giữa "nguyệt tinh quân" và "các thiên thần của giới kim thạch". Các nguyệt tinh quân (trong thân thể của con người) *là* các thiên thần—những thiên thần mà, thông qua các nguyên tử trường tồn, kiểm soát sự phát triển của ba vận cụ phàm ngã của con người và cả vận cụ tổng hợp, tức phàm ngã.

147. It appears that the mineral aspect of man (related necessarily to his physical body) is controlled by a certain group of lunar lords which are linked to the devas working within the mineral kingdom. It appears that the energy of the planet Vulcan stands behind these relationships.

147. Dường như phương diện kim thạch của con người (tất yếu liên hệ với thể xác của y) được kiểm soát bởi một nhóm nguyệt tinh quân nào đó, những vị được liên kết với các thiên thần hoạt động trong giới kim thạch. Dường như năng lượng của hành tinh Vulcan đứng đằng sau các mối liên hệ này.

148. There is, therefore, a *triple* link: certain "solar Lords" (embodying the Primary Lotuses on the higher mental plane) are linked to certain lunar lords (conditioning the personality elementals of the personalities of such Egos) which are linked to certain lesser physical plane devas which work in connection with the mineral kingdom.

148. Vì vậy, có một mối liên kết *tam phân*: một số "solar Lords" (hiện thân các Primary Lotuses trên Cõi thượng trí) được liên kết với một số nguyệt tinh quân (tác động lên các hành khí phàm ngã của các phàm ngã thuộc các chân ngã như thế), những vị này lại được liên kết với một số thiên thần hồng trần nhỏ hơn hoạt động trong liên hệ với giới kim thạch.

149. There is an implied suggestion that, for certain types of human beings, the "solar Lords" who embody them egoically, may be linked to types of lunar lords which are

149. Có một gợi ý hàm ẩn rằng, đối với một số loại người nhất định, các "solar Lords" hiện thân họ một cách chân ngã có thể được liên kết với những loại nguyệt tinh quân đặc

particularly linked either to the vegetable kingdom or the animal kingdom.

biệt liên hệ hoặc với giới thực vật hoặc với giới động vật.

150. One thinks of the old game, "Twenty Questions" and its emphasis upon "animal, vegetable or mineral". It may be found (when classifying human beings) that their major link is to one of these three or another.

150. Người ta nghĩ đến trò chơi cũ "Hai Mươi Câu Hỏi" và sự nhấn mạnh của nó vào "động vật, thực vật hay khoáng vật". Có thể thấy rằng (khi phân loại con người), mối liên kết chính của họ là với một trong ba giới này hay với một giới khác.

Their work for the race has at present a deleterious effect,

Công việc của họ đối với nhân loại hiện nay có một tác động tai hại,

151. We may presume that their work involves destruction through weaponry. Even if weaponry is not involved, the type of machinery created may induce the human being to become preoccupied with concrete and material affairs to the detriment of his intended involvement with higher aspects of life.

151. Chúng ta có thể giả định rằng công việc của họ liên quan đến sự hủy diệt thông qua vũ khí. Ngay cả nếu không liên quan đến vũ khí, loại máy móc được tạo ra cũng có thể khiến con người trở nên bận tâm với các vấn đề cụ thể và vật chất, gây tổn hại cho sự dấn thân đáng lẽ phải có của y với các phương diện cao hơn của sự sống.

152. We could call this 'preoccupation with technology'.

152. Chúng ta có thể gọi điều này là 'sự bận tâm với công nghệ'.

but when the second petal is opened, the wonders then to be achieved by them **in loving service** along their own particular line will be one of the factors which will regenerate the fourth kingdom.

nhưng khi cánh hoa thứ hai được mở ra, những kỳ công khi ấy sẽ được họ đạt được **trong phụng sự đầy bác ái** theo đường lối đặc thù của riêng họ sẽ là một trong những yếu tố sẽ tái sinh giới thứ tư.

153. A great and very beautiful destiny is held before the Primary Lotuses.

153. Một định mệnh lớn lao và rất đẹp đẽ đang được đặt trước các Primary Lotuses.

154. It is of significance to realize that the expression of "loving service" requires the opening of the second petal.

154. Điều có thâm nghĩa là nhận ra rằng sự biểu lộ của "phụng sự đầy bác ái" đòi hỏi cánh hoa thứ hai phải mở ra.

155. It takes more than intelligence to regenerate the fourth kingdom. Humanity is in a dangerous condition and much in need of *regeneration through love.*

155. Chỉ trí thông minh thôi thì không đủ để tái sinh giới thứ tư. Nhân loại đang ở trong một tình trạng nguy hiểm và rất cần được *tái sinh qua tình thương.*

156. Psychologically, one of the objectives set before the race is to use the second petal to full advantage. Right now, second petal energies are not being used wisely.

156. Về mặt tâm lý học, một trong những mục tiêu được đặt ra trước nhân loại là sử dụng cánh hoa thứ hai đến mức tối đa. Ngay lúc này, các năng lượng của cánh hoa thứ hai chưa được sử dụng một cách minh triết.

157. As for those who could be wiser because they are more intelligent (members of the Primary Lotus group, for instance), they do not have enough second petal development to express their intelligence lovingly.

157. Còn đối với những ai có thể minh triết hơn vì họ thông minh hơn (chẳng hạn các thành viên của nhóm Primary Lotus), họ không có đủ sự phát triển của cánh hoa thứ hai để biểu lộ trí thông minh của mình một cách đầy bác ái.

158. Much beneficial exchange of energies between contrasting types (for instance, between passional types and strictly intellectual types) is needed if the necessary rounding out (of *both* kinds of groups) is to be achieved.

158. Cần có nhiều sự trao đổi năng lượng hữu ích giữa các loại tương phản nhau (chẳng hạn giữa các loại đầy đam mê và các loại thuần trí tuệ) nếu sự làm tròn đầy cần thiết (của *cả hai* loại nhóm) muốn được đạt tới.

They will achieve emancipation in the fifth round,

Họ sẽ đạt được sự giải thoát trong cuộc tuần hoàn thứ năm,

159. By emancipation is probably meant the fourth initiation.

159. Bởi sự giải thoát ở đây có lẽ muốn nói đến lần điểm đạo thứ tư.

four fifths of them passing on to the Path and one fifth set back for another cycle.

bốn phần năm trong số họ sẽ bước lên Con Đường và một phần năm bị lùi lại cho một chu kỳ khác.

160. Presumably, it is in the fifth round that four fifths of the Primary Lotuses will both step onto the Path and later in that round achieve emancipation.

160. Có lẽ chính trong cuộc tuần hoàn thứ năm mà bốn phần năm các Primary Lotuses vừa sẽ bước lên Con Đường vừa sau đó trong cuộc tuần hoàn ấy đạt được sự giải thoát.

161. In this context, it appears that “rounds” are called “cycles”. From the context given, it appears that “another cycle” cannot be occurring *within* the fifth round.

161. Trong ngữ cảnh này, dường như “rounds” được gọi là “cycles”. Từ ngữ cảnh đã cho, dường như “một chu kỳ khác” không thể xảy ra *trong* cuộc tuần hoàn thứ năm.

162. We are probably speaking of *chain*-rounds occurring within the Earth-

162. Có lẽ chúng ta đang nói đến các cuộc tuần hoàn của *Dãy* xảy ra trong Dãy Địa Cầu.

chain. Could it be, then, that as regards the development of Primary Lotuses, one fifth of them will achieve emancipation in the *sixth* chain-round?

Vậy có thể chăng, xét về sự phát triển của Primary Lotuses, một phần năm trong số họ sẽ đạt được sự giải thoát trong cuộc tuần hoàn Dãy *thứ sáu*?

163. As advanced as they are (mentally), we see that it will take a long time before they are ready for release from the human kingdom—many millions of years, in fact.

163. Dù họ tiến bộ đến đâu (về mặt trí tuệ), chúng ta vẫn thấy rằng sẽ cần một thời gian dài trước khi họ sẵn sàng được giải thoát khỏi giới nhân loại—thật vậy, là nhiều triệu năm.

164. As regards all of us, the "rounding out" process can be a lengthy one.

164. Đối với tất cả chúng ta, tiến trình "làm tròn đầy" có thể là một tiến trình lâu dài.

165. When we ponder on the term "Primary Lotuses", we see that they are still focussed within the *primary* tier of petals (rather than the secondary or tertiary). They are in process of developing the material foundation for the more spiritual phases of living.

165. Khi suy ngẫm về thuật ngữ "Primary Lotuses", chúng ta thấy rằng họ vẫn còn tập trung trong tầng cánh hoa *sơ cấp* (thay vì thứ cấp hay tam cấp). Họ đang trong tiến trình phát triển nền tảng vật chất cho các giai đoạn sống tinh thần hơn.

Lotuses of passion or desire.

Hoa sen của đam mê hay dục vọng.

166. Obviously, we are speaking of the development of the soft-line energies within the human being.

166. Hiển nhiên, chúng ta đang nói về sự phát triển của các năng lượng đường mềm trong con người.

167. Such lotuses stand in strong contrast to the "Primary Lotuses", for they are not especially endowed with keen (if limited) intellect as are the "Primary Lotuses".

167. Những hoa sen như thế tương phản mạnh với các "Primary Lotuses", vì chúng không đặc biệt được phú cho trí năng sắc bén (dù có giới hạn) như các "Primary Lotuses".

They are so called because their fundamental nature is embodied love in some one or other form.

Chúng được gọi như vậy vì bản chất căn bản của chúng là tình thương hiện thân trong hình thức này hay hình thức khác.

168. DK speaks of "embodied love" because the focus is still upon the third aspect of divinity and the first or very material tier.

168. Chân sư DK nói đến "tình thương hiện thân" vì trọng tâm vẫn còn đặt trên phương diện thứ ba của thiên tính và tầng thứ nhất, hay tầng rất vật chất.

169. These lotuses still love form, and that which demonstrates principally through the form is loved in relation to the form through which it demonstrates.

169. Những hoa sen này vẫn còn yêu hình tướng, và điều biểu lộ chủ yếu qua hình tướng được yêu trong liên hệ với hình tướng mà qua đó nó biểu lộ.

The bulk of the Monads of Love are among this large group

Phần lớn các chân thần Bác Ái nằm trong nhóm lớn này

170. We remember that within our solar system, the Monads of Love preponderate. They account for 7/12^{ths} of the Monads found within the system.

170. Chúng ta nhớ rằng trong hệ mặt trời của chúng ta, các chân thần Bác Ái chiếm ưu thế. Chúng chiếm 7/12ths số chân thần được tìm thấy trong hệ này.

171. We note that the Lotuses of Passion or Desire are a "large group". In fact, they are probably the largest group to be found when the categories of incarnating Egos are compared with each other.

171. Chúng ta lưu ý rằng các Lotuses of Passion or Desire là một "nhóm lớn". Thật vậy, có lẽ đây là nhóm lớn nhất được tìm thấy khi các loại chân ngã lâm phàm được so sánh với nhau.

and they are to be seen incarnating in the bulk of the well-to-do, kindly people of the world.

và họ được thấy đang lâm phàm trong phần lớn những người khá giả, tử tế trên thế giới.

172. DK is not telling us that the "well-to-do, kindly people of the world" constitute the bulk of humanity, but that is, indeed, the suggestion found in EP II, 205. Are the "well-to-do, kindly people of the world", who are also the "nice good people", really the *bulk* of modern humanity? DK seems to tell us that they are in the majority. Certainly, when combined with more Atlantean humanity, the majority is accounted for.

172. Chân sư DK không nói với chúng ta rằng "những người khá giả, tử tế trên thế giới" cấu thành phần lớn nhân loại, nhưng quả thật đó là điều được gợi ý trong EP II, 205. Liệu "những người khá giả, tử tế trên thế giới", cũng là những "người tốt đẹp dễ mến", có thật sự là *phần lớn* của nhân loại hiện đại hay không? Chân sư DK dường như cho chúng ta biết rằng họ chiếm đa số. Chắc chắn, khi kết hợp với nhân loại Atlantis hơn, thì đa số ấy được tính đến.

173. If humanity is about to become the "World Disciples", certainly some movement into the organization and vitalization of the second tier of petals would be required for the majority of human beings.

173. Nếu nhân loại sắp trở thành "Các Đệ Tử Thế Gian", thì chắc chắn cần có một sự chuyển động vào việc tổ chức và tiếp sinh lực cho tầng cánh hoa thứ hai đối với đa số con người.

174. If the majority of modern humanity is found in these "nice good people" (these second ray Monads) how is it that the majority of those Monads who pass through the Earth-scheme are ***third*** *ray Monads.* Maybe it is a question of timing. While within *modern* humanity the bulk may be the second ray Monads, perhaps when we consider human evolution on this planet as a whole, the idea that the majority who pass through the Earth-scheme are third ray Monads will be upheld.

174. Nếu đa số nhân loại hiện đại được thấy trong những "người tốt đẹp dễ mến" này (những chân thần cung hai này), thì tại sao đa số những chân thần đi qua hệ hành tinh Địa Cầu lại là ***các chân thần cung*** *ba.* Có lẽ đó là vấn đề thời điểm. Trong khi bên trong nhân loại *hiện đại* phần lớn có thể là các chân thần cung hai, thì có lẽ khi chúng ta xét toàn bộ tiến hoá nhân loại trên hành tinh này, ý tưởng rằng đa số những ai đi qua hệ hành tinh Địa Cầu là các chân thần cung ba sẽ được xác nhận.

Only those units of life who are coloured predominantly by the third ray of activity pass for any length of time through these three schemes. **A hint is here conveyed as to the prevalence of third ray Monads among the sons of men**. (EP II 101)

Chỉ những đơn vị sự sống nào được nhuốm màu chủ yếu bởi cung ba của hoạt động mới đi qua ba hệ hành tinh này trong một khoảng thời gian đáng kể. **Ở đây có một gợi ý được truyền đạt về sự phổ biến của các chân thần cung ba giữa những người con của nhân loại**. (EP II 101)

175. It is interesting that those second ray Monads who are passing through the Earth-scheme (and the Saturn and Mars schemes) will probably not be passing through such schemes "for any length of time", unless, being second ray Monads, they are also *third* ray souls.

175. Thật thú vị khi những chân thần cung hai đang đi qua hệ hành tinh Địa Cầu (và các hệ hành tinh Thổ Tinh và Hỏa Tinh) có lẽ sẽ không đi qua những hệ như thế "trong một khoảng thời gian đáng kể", trừ phi, là các chân thần cung hai, họ cũng là các linh hồn cung *ba*.

They are divided into five groups,

Chúng được chia thành năm nhóm,

176. We are speaking of the Lotuses of Passion or Desire, their origins and their divisions.

176. Chúng ta đang nói về các Hoa Sen Đam Mê hay Dục Vọng, nguồn gốc và các phân chia của chúng.

of whom three individualised upon this planet, and two were the very latest to individualise upon the moon chain.

trong số đó ba biệt ngã hóa trên hành tinh này, và hai là những nhóm muộn nhất biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng.

177. This is quite an extraordinary statement. It tells us that even those who are Moon-chain humanity many not be especially developed. The very latest to

177. Đây là một phát biểu khá phi thường. Nó cho chúng ta biết rằng ngay cả những ai là nhân loại Dãy Mặt Trăng cũng có thể không đặc biệt phát triển. Những nhóm

individualize on the Moon-chain may *still* be largely emotionally focussed as Lotuses of Passion or Desire.

178. We note the customary division into fifths and the usual three fifths/two fifths division.

179. Apparently, it takes a very long time to emerge from emotional focus, even for those who are strongly colored by the intelligence of the third ray. The Moon-chain, we realize, was a chain on which the intelligence aspect expressed strongly. It was the *third* chain of the Earth-scheme though it is no longer so. Hence, those who individualized upon it were colored by the third ray.

180. We are also learning that three-fifths of those who are numbered as Lotuses of Passion or Desire individualized on the Earth-chain. It would seem that they would necessarily be less advanced than the Lotuses of Passion or Desire who individualized on the Moon-chain.

They have two petals unfolded and the third is for them at this time **the object of their attention**.

181. We must contrast the petal unfoldment of the Lotuses of Passion or Desire with the unfoldment displayed by the Lotuses of Brahman. The Lotuses of Brahman are only "showing signs" of unfolding the second petal. For the Lotuses of Passion or Desire, the second petal is already unfolded (though probably not *completely* unfolded). Thus, there is a very big difference.

182. If for the Lotuses of Passion or Desire the *third* petal is the "object of their

muộn nhất biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng có thể *vẫn* còn phần lớn tập trung cảm xúc như các Hoa Sen Đam Mê hay Dục Vọng.

178. Chúng ta lưu ý sự phân chia quen thuộc thành các nhóm năm và sự phân chia thường thấy ba phần năm/hai phần năm.

179. Rõ ràng, cần một thời gian rất dài để vượt ra khỏi sự tập trung cảm xúc, ngay cả đối với những ai được nhuốm màu mạnh bởi trí tuệ của cung ba. Chúng ta nhận ra rằng Dãy Mặt Trăng là một dãy trên đó phương diện trí tuệ biểu lộ mạnh mẽ. Nó là dãy *thứ ba* của hệ hành tinh Địa Cầu dù nay không còn như vậy nữa. Do đó, những ai biệt ngã hóa trên đó đều được nhuốm màu bởi cung ba.

180. Chúng ta cũng đang học được rằng ba phần năm những ai được xếp là Hoa Sen Đam Mê hay Dục Vọng đã biệt ngã hóa trên Dãy Địa Cầu. Có vẻ như họ tất yếu sẽ kém tiến hóa hơn các Hoa Sen Đam Mê hay Dục Vọng đã biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng.

Chúng có hai cánh hoa đã khai mở và cánh hoa thứ ba hiện nay đối với chúng là **đối tượng của sự chú ý**.

181. Chúng ta phải đối chiếu sự khai mở cánh hoa của các Hoa Sen Đam Mê hay Dục Vọng với sự khai mở được biểu lộ bởi các Hoa Sen Brahman. Các Hoa Sen Brahman chỉ mới "cho thấy dấu hiệu" khai mở cánh hoa thứ hai. Đối với các Hoa Sen Đam Mê hay Dục Vọng, cánh hoa thứ hai đã được khai mở rồi (dù có lẽ chưa *hoàn toàn* khai mở). Vì vậy, có một khác biệt rất lớn.

182. Nếu đối với các Hoa Sen Đam Mê hay Dục Vọng, cánh hoa *thứ ba* là "đối tượng của

attention", we can presume that they are involved in organizing and vitalizing that petal which is, to some extent, unfolding as well.

sự chú ý" của chúng, chúng ta có thể giả định rằng chúng đang tham gia vào việc tổ chức và tiếp sinh lực cho cánh hoa ấy, cánh hoa này cũng đang khai mở ở một mức độ nào đó.

183. We remember that for the Primary Lotuses, the third petal is "opening", but this is *not* said for the Lotuses of Passion or Desire—but only, that for them, the third petal is an object of attention.

183. Chúng ta nhớ rằng đối với các Hoa Sen Sơ Cấp, cánh hoa thứ ba đang "mở ra", nhưng điều này *không* được nói về các Hoa Sen Đam Mê hay Dục Vọng—mà chỉ nói rằng đối với chúng, cánh hoa thứ ba là một đối tượng chú ý.

Many may succeed in unfolding it before the seventh rootrace of this round

Nhiều nhóm có thể thành công trong việc khai mở nó trước giống dân gốc thứ bảy của cuộc tuần hoàn này

184. This may come as a surprising statement. The seventh rootrace of this round lies millions of years into the future, as the end of the sixth rootrace of this round lies about ten million years ahead of the present era.

184. Điều này có thể là một phát biểu đáng ngạc nhiên. Giống dân gốc thứ bảy của cuộc tuần hoàn này còn cách tương lai hàng triệu năm, cũng như sự kết thúc của giống dân gốc thứ sáu của cuộc tuần hoàn này còn ở phía trước thời đại hiện nay khoảng mười triệu năm.

185. These "many" are probably derived from the two-fifths which are the Lotuses of Passion or Desire which were the *latest* to individualize on the Moon-chain.

185. Những "nhiều" này có lẽ xuất phát từ hai phần năm là các Hoa Sen Đam Mê hay Dục Vọng đã biệt ngã hóa *muộn nhất* trên Dãy Mặt Trăng.

but the bulk of them will unfold it in the second rootrace of the next round,

nhưng phần lớn trong số chúng sẽ khai mở nó trong giống dân gốc thứ hai của cuộc tuần hoàn kế tiếp,

186. This "bulk", in the main, may be inferred to come from the three fifths who individualized on the Earth-chain.

186. "Phần lớn" này, về cơ bản, có thể được suy ra là đến từ ba phần năm đã biệt ngã hóa trên Dãy Địa Cầu.

187. We note the numbers two and five which are characteristic of the major energies of the Solar Angels.

187. Chúng ta lưu ý các con số hai và năm, vốn là đặc trưng của các năng lượng chính yếu của các Thái dương Thiên Thần.

188. It is very interesting to realize that (unless the time table has altered greatly since Master DK wrote this text) the majority of the "well-to-do, kindly people of the world" will only be unfolding the third petal in the next round.

188. Thật rất thú vị khi nhận ra rằng (trừ phi thời biểu đã thay đổi rất nhiều kể từ khi Chân sư DK viết đoạn này) đa số "những người khá giả, tử tế trên thế giới" sẽ chỉ khai mở cánh hoa thứ ba trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.

189. Does this mean that they will be on the Path at that time? One might think so, but the section of text below seems to contradict though thought.

189. Điều này có nghĩa là khi ấy họ sẽ ở trên Con Đường chăng? Người ta có thể nghĩ như vậy, nhưng đoạn văn bên dưới dường như mâu thuẫn với ý nghĩ ấy.

190. Probably the unfoldment of the third petal signifies that much organizational and vitalizing work is going on in the second tier and, thus, the Path of Aspiration may be entered, if not the Path proper. In the closing organizational and vitalizing processes of the fifth Petal (i.e., the later fifth petal processes), the evolving human being may step upon the Path or Aspiration.

190. Có lẽ sự khai mở cánh hoa thứ ba biểu thị rằng rất nhiều công việc tổ chức và tiếp sinh lực đang diễn ra trong tầng thứ hai và, do đó, Con Đường Chí Nguyện có thể được bước vào, nếu chưa phải là Con Đường đúng nghĩa. Trong các tiến trình tổ chức và tiếp sinh lực kết thúc của cánh hoa thứ năm (tức các tiến trình muộn của cánh hoa thứ năm), con người đang tiến hoá có thể bước lên Con Đường Chí Nguyện.

and will stand ready before the close of the round

và sẽ sẵn sàng trước khi cuộc tuần hoàn kết thúc

191. Remember that we are speaking of the "fifth round". This almost certainly means the fifth *chain*-round and not the fifth *scheme*-round. The "nice good people of the world" are far too evolved to have to wait until the fifth *scheme*-round is in process in order for them to enter the Path.

191. Hãy nhớ rằng chúng ta đang nói về "cuộc tuần hoàn thứ năm". Điều này gần như chắc chắn có nghĩa là cuộc tuần hoàn *của dãy* thứ năm chứ không phải cuộc tuần hoàn *của hệ hành tinh* thứ năm. "Những người tốt đẹp dễ mến trên thế giới" đã quá tiến hóa để phải chờ cho đến khi cuộc tuần hoàn thứ năm của *hệ hành tinh* diễn ra thì họ mới bước vào Con Đường.

to pass on to the probationary path, having unfolded one tier of petals, and organised the second.

để chuyển sang Con Đường Dự Bị, sau khi đã khai mở một tầng cánh hoa và tổ chức tầng thứ hai.

192. The Path of Aspiration is one thing; the Path of Probation is another—a rather more

192. Con Đường Chí Nguyện là một chuyện; Con Đường Dự Bị là chuyện khác—một công

serious undertaking than the Path of Aspiration.

193. It seems possible to step upon the Path of Aspiration when one has organized the fifth petal and is working at vitalizing it. As for stepping upon the Path of Probation, one must have organized the sixth petal as well.

194. When stepping upon the Path proper (which can be thought of as beginning with the first initiation) sufficient work must have been done within the seventh petal area to allow the application of the Rod of Initiation, at which time a certain (and fairly considerable) degree of unfoldment of the seventh petal is to be expected

195. The section of text immediately above is useful in describing certain minimal requirements for stepping upon the Path of Probation.

196. When one steps upon the Path of Probation, how much petal *unfoldment* is to be found within the second tier? We are not told. But we may gather some intimation of the correct thought when we realize that when the first initiation is taken the fifth petal is *completely* unfolded. Presumably upon the Path of Probation, the fourth petal would be rather fully unfolded and the fifth petal somewhat less so, though unfolded to a degree. Minimally, all the petals of the second tier would be organized and, to a required degree, vitalized.

All these lotuses of the first circle are divided into groups

cuộc nghiêm túc hơn khá nhiều so với Con Đường Chí Nguyện.

193. Có vẻ có thể bước lên Con Đường Chí Nguyện khi người ta đã tổ chức cánh hoa thứ năm và đang làm việc để tiếp sinh lực cho nó. Còn để bước lên Con Đường Dự Bị, người ta cũng phải đã tổ chức cánh hoa thứ sáu nữa.

194. Khi bước lên Con Đường đúng nghĩa (có thể được xem là bắt đầu với lần điểm đạo thứ nhất), phải có đủ công việc đã được thực hiện trong khu vực cánh hoa thứ bảy để cho phép áp dụng Thần Trượng Điểm đạo, vào lúc đó có thể chờ đợi một mức độ khai mở nhất định (và khá đáng kể) của cánh hoa thứ bảy

195. Đoạn văn ngay phía trên hữu ích trong việc mô tả một số yêu cầu tối thiểu để bước lên Con Đường Dự Bị.

196. Khi một người bước lên Con Đường Dự Bị, có bao nhiêu sự khai mở cánh hoa được thấy trong tầng thứ hai? Chúng ta không được cho biết. Nhưng chúng ta có thể thu nhận một vài gợi ý về ý tưởng đúng khi nhận ra rằng khi lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận thì cánh hoa thứ năm đã *hoàn toàn* khai mở. Có lẽ trên Con Đường Dự Bị, cánh hoa thứ tư sẽ được khai mở khá đầy đủ và cánh hoa thứ năm ít hơn đôi chút, dù vẫn được khai mở ở một mức độ nào đó. Tối thiểu, tất cả các cánh hoa của tầng thứ hai đều phải được tổ chức và, ở mức độ cần thiết, được tiếp sinh lực.

Tất cả những hoa sen của vòng thứ nhất này đều được chia thành các nhóm

197. Presumably, the number of groups is rather greater than the five categories to which we have, thus far, been introduced.

197. Có lẽ số nhóm lớn hơn khá nhiều so với năm loại mà cho đến nay chúng ta đã được giới thiệu.

but interplay goes on between them;

nhưng sự tương tác vẫn diễn ra giữa chúng;

198. DK is telling us that interplay goes on between the different kinds of lotuses of the first circle and, hence, between the human beings who are representatives of the different groupings.

198. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng sự tương tác diễn ra giữa các loại hoa sen khác nhau của vòng thứ nhất và, do đó, giữa những con người là đại diện của các nhóm khác nhau.

energy in any centre [Page 843] produces reflex energy in another.

năng lượng trong bất kỳ trung tâm nào [Page 843] đều tạo ra năng lượng phản xạ trong một trung tâm khác.

199. Each group of lotuses may be considered, in the larger planetary context, as a kind of center of chakra. Just as there is an interplay between chakras in the human energy system, so there is an interplay between the various lotus groups.

199. Mỗi nhóm hoa sen có thể được xem, trong bối cảnh hành tinh lớn hơn, như một loại trung tâm luân xa. Cũng như có sự tương tác giữa các luân xa trong hệ năng lượng con người, thì cũng có sự tương tác giữa các nhóm hoa sen khác nhau.

200. We know that different groupings of human beings interplay with one another and influence one another.

200. Chúng ta biết rằng các nhóm người khác nhau tương tác với nhau và ảnh hưởng lẫn nhau.

It must be remembered that in closing the door in Atlantean times to the animal kingdom,

Phải nhớ rằng khi cánh cửa vào thời Atlantis được đóng lại đối với giới động vật,

201. We are presuming that this “closing” occurred in the fifth division of the fourth rootrace when it became possible for the a significant number of members of the human kingdom to approach the Door of Initiation.

201. Chúng ta giả định rằng sự “đóng lại” này xảy ra trong phân bộ thứ năm của giống dân gốc thứ tư khi một số lượng đáng kể thành viên của giới nhân loại có thể tiến gần Cánh Cửa Điểm Đạo.

202. The number *five* is a number of *cleavage,* and thus the moment for distinctly separating the human from the animal

202. Con số *năm* là một con số của sự *phân tách,* và vì thế thời điểm để tách biệt rõ rệt giới nhân loại khỏi giới động vật rất có thể đã

kingdom very likely occurred under the influence of the fifth vibration.

xảy ra dưới ảnh hưởng của rung động thứ năm.

and the consequent temporary cessation of the forming of any more ***"bud lotuses"*** the effect was dual, **in directions other than the human or the animal**.

và sự chấm dứt tạm thời kéo theo của việc hình thành thêm bất kỳ ***"hoa sen nụ"*** nào, hiệu quả là nhị phân, **theo những hướng khác ngoài nhân loại hay động vật**.

203. We are told that once again (later in the development of our Planetary Logos) "bud lotuses" will be formed. For all practical purposes, however, the forming of "bud lotuses" has been discontinued during the fourth chain-round, though, during this round, just a few of the most advanced animals will become effectively human.

203. Chúng ta được cho biết rằng một lần nữa (về sau trong sự phát triển của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta) các "hoa sen nụ" sẽ được hình thành. Tuy nhiên, về mọi phương diện thực tiễn, việc hình thành các "hoa sen nụ" đã bị ngưng lại trong cuộc tuần hoàn-dãy thứ tư, dù trong cuộc tuần hoàn này chỉ một vài động vật tiến hóa nhất mới trở thành con người một cách hữu hiệu.

204. Let us attempt to understand the effects of this "closing". We know without complication that the closing affected both the animal and human kingdoms. But the effect was wider, so we are led to believe.

204. Chúng ta hãy cố gắng hiểu các hiệu quả của sự "đóng lại" này. Chúng ta biết một cách không phức tạp rằng sự đóng lại ấy ảnh hưởng đến cả giới động vật lẫn giới nhân loại. Nhưng hiệu quả còn rộng hơn thế, như chúng ta được dẫn đến để tin như vậy.

It was the result of the **internal decision** on the part of the planetary Logos to turn His attention away from the act of **creation** on the systemic mental plane to the work of **progressive evolution**.

Đó là kết quả của **quyết định nội tại** từ phía Hành Tinh Thượng Đế muốn chuyển sự chú ý của Ngài ra khỏi hành vi sáng tạo trên cõi trí của hệ thống để hướng vào công việc của **tiến hoá tiến bộ**.

205. We are instructed that the coming of the Solar Angels from the Heart of the Sun and the Central Spiritual Sun was an act of planetary logoic *attention.*

205. Chúng ta được chỉ dạy rằng sự giáng lâm của các Thái dương Thiên Thần từ Trái Tim Mặt Trời và Mặt trời Tinh thần Trung Ương là một hành vi của sự *chú ý* mang tính hành tinh-thượng đế.

206. Our Planetary Logos turned His attention from an act of *creation* and focussed it upon *development*—on "progressive evolution".

206. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã chuyển sự chú ý của Ngài khỏi một hành vi *sáng tạo* và tập trung nó vào *sự phát triển*—vào "tiến hoá tiến bộ".

This caused a cessation of certain types of activity, producing a quiescence in certain of His centres, and an increased activity in others.

Điều này gây ra sự chấm dứt của một số loại hoạt động, tạo nên sự tĩnh lặng trong một số trung tâm của Ngài, và sự gia tăng hoạt động trong những trung tâm khác.

207. Our Planetary Logos' redirection of attention had a pronounced effect within His chakric system.

207. Sự tái định hướng chú ý của Hành Tinh Thượng Đế chúng ta đã tạo ra một hiệu quả rõ rệt trong hệ thống luân xa của Ngài.

208. We might presume to associate the animal kingdom with the Planetary Logos' solar plexus center, and the human kingdom with His throat center.

208. Chúng ta có thể giả định gắn giới động vật với trung tâm tùng thái dương của Hành Tinh Thượng Đế, và giới nhân loại với trung tâm cổ họng của Ngài.

209. Preceding individualization of the higher animals, there must have been a considerable energizing of the animal kingdom (and, hence, of the solar plexus center). Once animal units (by becoming human) were passed over into the throat center of the Planetary Logos, the increasing activation of that throat center was in order.

209. Trước khi các động vật cao cấp biệt ngã hóa, hẳn phải có một sự tiếp năng lượng đáng kể cho giới động vật (và do đó cho trung tâm tùng thái dương). Một khi các đơn vị động vật (bằng cách trở thành con người) được chuyển sang trung tâm cổ họng của Hành Tinh Thượng Đế, thì sự hoạt hóa ngày càng tăng của trung tâm cổ họng ấy là điều thích đáng.

210. So we see that one of the effects of closing the "door" was upon the Planetary Logos, Himself—specifically upon His chakric system.

210. Vì vậy chúng ta thấy rằng một trong những hiệu quả của việc đóng "cánh cửa" là tác động lên chính Hành Tinh Thượng Đế—cụ thể là lên hệ thống luân xa của Ngài.

It also had an effect upon the solar Angels, and consequently upon the **Heart of the solar system** from whence they are drawn.

Nó cũng có ảnh hưởng lên các Thái dương Thiên Thần, và do đó lên **Trái Tim của hệ mặt trời**, nơi từ đó các Ngài được rút ra.

211. We may consider the Sun as the "Heart of the solar system", but more specifically that "Heart" is the "Heart of the Sun".

211. Chúng ta có thể xem Mặt Trời là "Trái Tim của hệ mặt trời", nhưng cụ thể hơn thì "Trái Tim" ấy là "Trái Tim của Mặt Trời".

212. The origin of the Solar Angels may *originally* be *from Sirius,* but a more immediate source is the solar systemic Heart of the Sun.

212. Nguồn gốc của các Thái dương Thiên Thần *nguyên thủy* có thể là *từ Sirius,* nhưng một nguồn gần hơn là Trái Tim của Mặt Trời trong hệ mặt trời.

Floods of energy or streams of force from the heart of the sun (the subjective Sun) were arrested and directed elsewhere,

Những dòng năng lượng hay những luồng mãnh lực từ trái tim mặt trời (Mặt Trời chủ quan) đã bị chặn lại và chuyển hướng sang nơi khác,

213. In this section of text, the "heart of the sun" and the "subjective Sun" are equated. One can only wonder why the word "S/sun" is capitalized in one instance and not in the other.

213. Trong đoạn văn này, "trái tim mặt trời" và "Mặt Trời chủ quan" được đồng nhất. Người ta chỉ có thể tự hỏi vì sao từ "M/mặt trời" lại được viết hoa trong một trường hợp mà không viết hoa trong trường hợp kia.

214. So a second effect (other than the obvious effect upon animal and man) was upon the Solar Angels and their streaming forth from the Heart of the Sun.

214. Vì vậy một hiệu quả thứ hai (ngoài hiệu quả hiển nhiên lên động vật và con người) là lên các Thái dương Thiên Thần và sự tuôn đổ của các Ngài từ Trái Tim Mặt Trời.

while the Pitris already active began to centre their attention upon the work begun, **and temporarily new beginnings were out of order**.

trong khi các thái âm tổ phụ đã hoạt động thì bắt đầu tập trung sự chú ý của họ vào công việc đã khởi sự, **và tạm thời những khởi đầu mới là không thích hợp**.

215. Solar angelic essence ceased to stream forth principally from the Heart of the Sun, and the Pitris which had already begun their work intensified it. Man was to be *developed as man.* There was to be no further continuation of a process which transformed animal units into human units.

215. Tinh chất thái dương thiên thần thôi không còn tuôn ra chủ yếu từ Trái Tim Mặt Trời nữa, và các tổ phụ đã bắt đầu công việc của mình thì tăng cường nó. Con người phải được *phát triển như con người.* Sẽ không còn sự tiếp tục nào nữa của một tiến trình biến đổi các đơn vị động vật thành các đơn vị nhân loại.

It must not be forgotten here that the work of the solar Pitris *from their point of view,* is not primarily the evolution of man, but is the process of their own development within the plan of the solar Logos.

Ở đây không được quên rằng công việc của các thái dương tổ phụ, *từ quan điểm của các Ngài,* không chủ yếu là sự tiến hoá của con người, mà là tiến trình phát triển của chính các Ngài trong Thiên Cơ của Thái dương Thượng đế.

216. This is a humbling thought. Naturally, human beings see from an anthropocentric point of view. The Solar Angels, however, are in the service of the Solar Logos and Planetary Logos and have their own affairs to manage. It seems that human

216. Đây là một ý nghĩ khiến người ta khiêm nhường. Tự nhiên, con người nhìn từ quan điểm lấy con người làm trung tâm. Tuy nhiên, các Thái dương Thiên Thần đang phụng sự Thái dương Thượng đế và Hành Tinh Thượng Đế, và có những công việc

development is a kind of incidental to their larger process.

riêng của các Ngài phải quản lý. Có vẻ như sự phát triển của con người là một loại điều phụ thuộc vào tiến trình lớn hơn của các Ngài.

The evolution of the human race is, for them, **but a method**.

Sự tiến hoá của nhân loại, đối với các Ngài, **chỉ là một phương pháp**.

217. We can imagine how members of the animal kingdom (were they self-conscious) might look at man's effort to domesticate them. The implication, however, is that the process of domestication of the animals is, analogously, but a *method* (however serviceable) for the development of man and for the further development of the Planetary Logos.

217. Chúng ta có thể hình dung các thành viên của giới động vật (nếu chúng có ngã thức) có thể nhìn nỗ lực thuần hóa chúng của con người như thế nào. Tuy nhiên, hàm ý là tiến trình thuần hóa động vật, theo cách tương tự, cũng chỉ là một *phương pháp* (dù hữu ích đến đâu) cho sự phát triển của con người và cho sự phát triển tiếp theo của Hành Tinh Thượng Đế.

218. It seems that each Kingdom of God is responsible for its own development, even though (in process of that development) it serves other kingdoms.

218. Có vẻ như mỗi Thiên Giới đều chịu trách nhiệm cho sự phát triển của chính mình, dù rằng (trong tiến trình phát triển ấy) nó phụng sự các giới khác.

Perfected men are in the councils of the planetary Logos of their particular ray; the solar Pitris are in the council of the solar Logos.[69] [All these will become solar Logoi of varying grades.]

Những con người đã hoàn thiện ở trong các hội đồng của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung riêng của họ; các thái dương tổ phụ ở trong hội đồng của Thái dương Thượng đế.69 [Tất cả những vị này sẽ trở thành các Thái dương Thượng đế với những cấp bậc khác nhau.]

219. Here again is a section of text replete with occult implication.

219. Ở đây lại là một đoạn văn đầy ắp hàm ý huyền bí học.

220. Perfected human beings are Chohans. Chohans (and some few Masters) can enter the Council Chamber of Shamballa.

220. Những con người đã hoàn thiện là các Chohan. Các Chohan (và một vài Chân sư) có thể đi vào Phòng Hội Đồng của Shamballa.

221. The term "councils", however, seems to indicate lesser gatherings—lesser than the Council Chamber itself. In this case, Masters can enter whereas not *all* Masters can enter the Council Chamber of Sanat Kumara.

221. Tuy nhiên, thuật ngữ "các hội đồng" dường như chỉ những cuộc họp nhỏ hơn—nhỏ hơn chính Phòng Hội Đồng. Trong trường hợp này, các Chân sư có thể đi vào, trong khi không phải *mọi* Chân sư đều có thể

đi vào Phòng Hội Đồng của Đức Sanat Kumara.

222. When it comes to describing the inner courts to which "solar Pitris" are privy, DK drops the plural and uses the singular word "council". Shamballa is only a dim reflection of the 'Council of the Solar Logos'.

222. Khi nói đến việc mô tả các nội điện mà "các thái dương tổ phụ" được dự phần, Chân sư DK bỏ số nhiều và dùng từ số ít "hội đồng". Shamballa chỉ là một phản ánh mờ nhạt của 'Hội Đồng của Thái dương Thượng đế'.

223. If we compare the spiritual status of a Chohan with that of a "solar Pitri", it is obvious that the latter is far more advanced.

223. Nếu chúng ta so sánh địa vị tinh thần của một Chohan với địa vị của một "thái dương tổ phụ", thì rõ ràng vị sau tiến hóa hơn rất nhiều.

224. On TCF, 844, we are told that Solar Angels, in groups, become Planetary Logoi. Here we are informed that "solar Pitris" are on their way to becoming Solar Logoi—again, inevitably, *in groups.*

224. Trong TCF, 844, chúng ta được cho biết rằng các Thái dương Thiên Thần, theo nhóm, trở thành các Hành Tinh Thượng Đế. Ở đây chúng ta được thông báo rằng "các thái dương tổ phụ" đang trên đường trở thành các Thái dương Thượng đế—một lần nữa, tất yếu là, *theo nhóm.*

225. Another way of saying this is that Planetary Logoi are on Their way to become Solar Logoi.

225. Một cách khác để nói điều này là các Hành Tinh Thượng Đế đang trên đường trở thành các Thái dương Thượng đế.

TCF 844-844: S7S9 Part II

It might be of value here if we temporarily stopped our consideration of the egoic groups and briefly tabulated the evolutions, remembering that in this tabulation, the planes of differentiation alone are concerned; on the plane of the unmanifest or of the subjective, only unity is known.

Sẽ có giá trị ở đây nếu chúng ta tạm thời dừng việc xem xét các nhóm chân ngã và ngắn gọn lập bảng các tiến hoá, nhớ rằng trong bảng này, chỉ các cõi của sự biến phân mới được xét đến; trên cõi không biểu hiện hay cõi chủ quan, chỉ có hợp nhất được biết đến.

1. The consciousness of the occultist must ever be aware of the great unity, even on the "planes of differentiation".

1. Tâm thức của nhà huyền bí học phải luôn luôn ý thức về sự hợp nhất vĩ đại, ngay cả trên các "cõi của sự biến phân".

2. Tabulation VI will include some of the most significant evolutions, but certainly not all. Still, if these are borne in mind, the progression of evolutionary development on our planet and in our solar system will be better understood.

2. Bảng VI sẽ bao gồm một số tiến hoá có ý nghĩa nhất, nhưng chắc chắn không phải tất cả. Tuy vậy, nếu ghi nhớ những điều này, sự tiến triển của phát triển tiến hoá trên hành tinh chúng ta và trong hệ mặt trời của chúng ta sẽ được thấu hiểu tốt hơn.

It must again be remembered that the term "unmanifest" is one of relative importance only, and concerns ***man's apprehension* of all that is.** To the solar Logos the planes of the unmanifest are objective.

Một lần nữa phải nhớ rằng thuật ngữ "không biểu hiện" chỉ có tầm quan trọng tương đối, và liên quan đến ***sự lĩnh hội của con người* về tất cả những gì hiện hữu.** Đối với Thái dương Thượng đế, các cõi không biểu hiện là khách quan.

3. The Solar Logos, too, is limited in His perception. There are many areas within the Cosmic Whole which, to Him, are unmanifest (i.e., unperceivable), though objective to still greater Beings.

3. Thái dương Thượng đế cũng bị giới hạn trong tri giác của Ngài. Có nhiều khu vực trong Toàn Thể Vũ Trụ mà đối với Ngài là không biểu hiện (tức không thể tri giác), dù lại là khách quan đối với những Đấng còn vĩ đại hơn nữa.

4. To the Ultimate Universal Logos, the SOURCE OF ALL is unmanifest.

4. Đối với Thượng đế Vũ Trụ Tối Hậu, NGUỒN CỘI CỦA TẤT CẢ là không biểu hiện.

Man has not as yet achieved etheric vision, and the etheric [844 Tabulation VI] [Page 845] subplanes are to him as yet unmanifest.

Con người cho đến nay vẫn chưa đạt được linh thị dĩ thái, và các cõi phụ dĩ thái [844 Tabulation VI] [Page 845] đối với y vẫn còn là không biểu hiện.

5. They exist but they are not perceived. We *believe* that they exist based upon the assertions of trusted sources.

5. Chúng tồn tại nhưng không được tri giác. Chúng ta *tin* rằng chúng tồn tại dựa trên những khẳng định của các nguồn đáng tin cậy.

6. Sensitive human beings, however, are penetrating into areas of the cosmic physical plane which to the great majority remain *apparently* unmanifest.

6. Tuy nhiên, những con người nhạy cảm đang thâm nhập vào những khu vực của cõi hồng trần vũ trụ mà đối với đại đa số vẫn còn *dường như* không biểu hiện.

The solar Logos has cosmic etheric vision fully developed, and because He is on the

Thái dương Thượng đế đã phát triển đầy đủ linh thị dĩ thái vũ trụ, và bởi vì Ngài đang ở trên Con Đường vũ trụ nên mọi sự trong hệ

cosmic Path all is known and fully revealed to Him within the solar System.

7. This means that the Solar Logos perceives easily and completely the happenings upon the systemic buddhic, atmic, monadic and logoic planes. Whether He perceives quite so consciously on the cosmic astral plane and the cosmic mental plane remains in question.

8. In this regard, we might base an analogy upon the life of a human being. The sensitive human being is beginning to be aware of the phenomena of the etheric plane. He also has some knowledge of the phenomena of the astral plane but few human beings are fully conscious on that plane or on the mental plane. Thus it may be for the Solar Logos on His own correspondingly higher levels.

9. We note that the cosmic etheric planes are linked to the solar system. It is being suggested that the Logos' knowledge of these planes is equivalent to His knowledge of the solar system. As has often been stated, that part of our Solar Logos' energy system which lies beyond the cosmic ethers is not considered to be part of our system.

10. Below is a very important tabulation. It is at first presented without commentary so that its general structure can be taken in. Commentary follows.

TABULATION VI

Lives → Goal

mặt trời đều được biết và được mặc khải trọn vẹn cho Ngài.

7. Điều này có nghĩa là Thái dương Thượng đế tri giác dễ dàng và trọn vẹn các diễn biến trên các cõi Bồ đề, atma, chân thần và thượng đế của hệ thống. Liệu Ngài có tri giác hữu thức đến mức ấy trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ hay không vẫn còn là một câu hỏi.

8. Về phương diện này, chúng ta có thể dựa vào một sự tương đồng từ đời sống của con người. Con người nhạy cảm đang bắt đầu ý thức được các hiện tượng của cõi dĩ thái. Y cũng có một ít hiểu biết về các hiện tượng của cõi cảm dục nhưng ít người hoàn toàn hữu thức trên cõi đó hay trên cõi trí. Vì vậy có thể cũng như thế đối với Thái dương Thượng đế trên các cấp độ tương ứng cao hơn của chính Ngài.

9. Chúng ta lưu ý rằng các cõi dĩ thái vũ trụ được nối kết với hệ mặt trời. Điều đang được gợi ý là tri thức của Thượng đế về các cõi này tương đương với tri thức của Ngài về hệ mặt trời. Như thường được phát biểu, phần hệ năng lượng của Thái dương Thượng đế chúng ta nằm vượt ra ngoài các dĩ thái vũ trụ không được xem là một phần của hệ thống chúng ta.

10. Dưới đây là một bảng rất quan trọng. Trước hết nó được trình bày không có bình luận để có thể nắm lấy cấu trúc tổng quát của nó. Phần bình luận sẽ theo sau.

BẢNG VI

Các Sự sống → Mục tiêu

1. Planetary Logoi; The major Three. → Cosmic liberation; the final cosmic Initiations.

2. The minor four planetary Logoi → Cosmic Initiation, or the first four Initiations.

3. The informing Lives of a planetary globe → Manus of a cosmic chain. Not a seed manu, but a periodical manu of lesser degree. This involves an unrevealable mystery, connected with certain Hierarchies of color.

4. The informing life of a kingdom in nature → Transference in one of three directions:

a. To the line of the solar Pitris.

b. To Sirius, as a karmic adjuster.

c. To the solar system of the next order to work in connection with the planetary Logos of his own line as ruler of a kingdom or life wave in the system, and not just in a scheme.

5. The solar Pitris. → The highest three groups will become major planetary Logoi; the lower four groups will become minor planetary Logoi.

1. Các Hành Tinh Thượng Đế; Bộ Ba chính yếu. → Giải thoát vũ trụ; các cuộc Điểm Đạo vũ trụ cuối cùng.

2. Bốn Hành Tinh Thượng Đế thứ yếu → Điểm Đạo vũ trụ, hay bốn cuộc Điểm Đạo đầu tiên.

3. Các Sự sống phú linh của một bầu hành tinh → Các Manu của một dãy vũ trụ. Không phải một manu hạt giống, mà là một manu tuần hoàn có cấp độ thấp hơn. Điều này bao hàm một huyền nhiệm không thể tiết lộ, liên hệ với một số Huyền Giai về màu sắc.

4. Sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên → Chuyển dịch theo một trong ba hướng:

a. Đến tuyến của các thái dương tổ phụ.

b. Đến Sirius, như một vị điều chỉnh nghiệp quả.

c. Đến hệ mặt trời của trật tự kế tiếp để làm việc liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế thuộc tuyến riêng của y như chủ thể cai quản một giới hay một làn sóng sự sống trong hệ thống, chứ không chỉ trong một hệ hành tinh.

5. Các thái dương tổ phụ. → Ba nhóm cao nhất sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế chính yếu; bốn nhóm thấp hơn sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế thứ yếu.

6. The human evolution. → To become the solar Pitris of another cycle. To follow any of the paths earlier enumerated. Those who become solar Pitris, being the bulk of humanity, return to Sirius to be breathed out again into activity.

6. Tiến hoá nhân loại. → Trở thành các thái dương tổ phụ của một chu kỳ khác. Đi theo bất kỳ con đường nào đã được liệt kê trước đó. Những ai trở thành các thái dương tổ phụ, là phần lớn nhân loại, trở về Sirius để lại được thở ra vào hoạt động.

7. The lunar Pitris → → To become men. They will in their higher grades pass directly into the animal evolution of the next cycle and so eventually individualise. Their three higher grades will become animal-men, and the lower four will contribute to the quaternic forms of the men of the next creation.

7. Các thái âm tổ phụ → → Trở thành con người. Ở các cấp độ cao hơn, họ sẽ đi thẳng vào tiến hoá động vật của chu kỳ kế tiếp và như thế cuối cùng sẽ biệt ngã hóa. Ba cấp độ cao hơn của họ sẽ trở thành người-thú, và bốn cấp độ thấp hơn sẽ góp phần vào các hình tướng tứ phân của con người trong cuộc sáng tạo kế tiếp.

8. The animal evolution → → Human kingdom.

8. Tiến hoá động vật → → giới nhân loại.

9. The vegetable evolution → → The animal kingdom.

9. Tiến hoá thực vật → → giới động vật.

10. The mineral evolution → → The vegetable kingdom.

10. Tiến hoá khoáng vật → → giới thực vật.

11. The four higher grades of lesser Builders on all planes → They will form the manifested double or form of that mysterious third evolution of the next system; that is, the etheric body of the planetary entity. This mysterious life is as yet an unfathomable mystery and one which will not be revealed till the final one of the triplicity of solar systems of our solar Logos.

11. Bốn cấp độ cao hơn của các vị tiểu kiến tạo trên mọi cõi → Họ sẽ tạo thành đối phần biểu hiện hay hình tướng của tiến hoá thứ ba huyền nhiệm ấy của hệ thống kế tiếp; tức là thể dĩ thái của Thực Thể Hành Tinh. Sự sống huyền nhiệm này hiện vẫn là một huyền nhiệm không thể dò thấu và sẽ không được tiết lộ cho đến hệ thống cuối cùng trong bộ ba các hệ mặt trời của Thái dương Thượng đế chúng ta.

12. The three lower grades of the lesser builders. → The physical body in its densest form of the planetary entity.

12. Ba cấp độ thấp hơn của các vị tiểu kiến tạo. → Thể xác trong hình thức đậm đặc nhất của Thực Thể Hành Tinh.

11. Below is the table above, with commentary included.

11. Dưới đây là bảng trên, có kèm bình luận.

12. As we consider the *goals* of these many types of L/lives, it is important to determine the distinction between "goal" and "objective", as these terms are used on TCF 384 when discussing the initiatory programs of the Solar Logos, our Planetary Logos and the human being.

12. Khi chúng ta xem xét các *mục tiêu* của rất nhiều loại S/sự sống này, điều quan trọng là phải xác định sự phân biệt giữa "mục tiêu" và "đối tượng", như các thuật ngữ này được dùng trong TCF 384 khi bàn về các chương trình điểm đạo của Thái dương Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và con người.

13. Is a "goal" an immediate "objective"? Perhaps.

13. "Mục tiêu" có phải là một "đối tượng" trước mắt không? Có lẽ vậy.

TABULATION VI

With Commentary

BẢNG VI

Kèm Bình luận

LivesGoal	Các Sự sốngMục tiêu
1. Planetary Logoi; The major Three.Cosmic liberation; the final cosmic Initiations.	1. Các Hành Tinh Thượng Đế; Bộ Ba chính yếu.Giải thoát vũ trụ; các cuộc Điểm Đạo vũ trụ cuối cùng.

14. The major three planetary Logoi are the Logoi of Saturn, Neptune, and Uranus.

14. Ba Hành Tinh Thượng Đế chính yếu là các Thượng đế của Sao Thổ, Sao Hải Vương và Sao Thiên Vương.

15. Their monadic rays are the third, second and first respectively. (cf. EPI, 420)

15. Các cung chân thần của Các Ngài lần lượt là cung ba, cung hai và cung một. (xem EPI, 420)

16. We note that this tabulation does not include our Solar Logos or any Beings of still greater scope. Thus, all L/lives mentioned below live and move and have their being with our Solar Logos.

16. Chúng ta lưu ý rằng bảng này không bao gồm Thái dương Thượng đế của chúng ta hay bất kỳ Đấng nào có phạm vi còn lớn hơn nữa. Vì vậy, tất cả các S/sự sống được nhắc đến dưới đây đều sống, vận động và hiện hữu trong Thái dương Thượng đế của chúng ta.

17. The Planetary Logoi are undergoing a series of initiations which, from all

17. Các Hành Tinh Thượng Đế đang trải qua một loạt điểm đạo mà, theo mọi bằng chứng,

evidence, are *not* identical with the series undergone by Solar Logoi.

18. The Solar Logos also has for His goal certain "final cosmic initiations" (if the fourth, fifth and sixth cosmic initiations can be called "final"), but we must not conclude that the major three Planetary Logoi are to undergo initiations *identical* with that of the Logos.

19. Our Planetary Logos (a non-sacred Planetary Logos) has before Him His second "cosmic initiation". This is His "goal" (TCF 384).

20. We might presume that the Logoi of the synthesizing planets have taken the third cosmic initiation and are preparing to take the fourth and fifth cosmic initiations—along the *planetary logoic line*. Probably, for them, the sixth cosmic initiation lies ahead in the next solar system, as is the case for the Solar Logos. Whether or not the Solar Logos will take the fifth cosmic initiation in this incarnation (i.e., solar system) remains to be seen and perhaps it is so for the Logoi of the synthesizing planets with respect to the fifth cosmic initiation in their particular series of cosmic initiations.

21. A "goal" seems to be a *major* objective. When the term "liberation" is used in relation to a human being, it usually means the fourth initiation. We are presuming that the Logoi of the synthesizing planets have taken the third cosmic initiation (a feat which the Logoi of the normal sacred planets have probably not accomplished). Perhaps, then, it is the fourth cosmic

không đồng nhất với loạt điểm đạo mà các Thái dương Thượng đế trải qua.

18. Thái dương Thượng đế cũng có làm mục tiêu của Ngài một số "cuộc điểm đạo vũ trụ cuối cùng" (nếu các cuộc điểm đạo vũ trụ thứ tư, thứ năm và thứ sáu có thể được gọi là "cuối cùng"), nhưng chúng ta không được kết luận rằng ba Hành Tinh Thượng Đế chính yếu sẽ trải qua các cuộc điểm đạo *đồng nhất* với các cuộc điểm đạo của Thượng đế.

19. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta (một Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng) đang có trước mặt Ngài cuộc "điểm đạo vũ trụ" thứ hai của Ngài. Đây là "mục tiêu" của Ngài (TCF 384).

20. Chúng ta có thể giả định rằng các Logoi của các hành tinh tổng hợp đã trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ ba và đang chuẩn bị trải qua các lần điểm đạo vũ trụ thứ tư và thứ năm—dọc theo *đường Hành Tinh Thượng Đế.* Có lẽ, đối với Các Ngài, lần điểm đạo vũ trụ thứ sáu nằm ở phía trước trong hệ mặt trời kế tiếp, cũng như trường hợp của Thái dương Thượng đế. Việc Thái dương Thượng đế có trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ năm trong lần lâm phàm này (tức là, hệ mặt trời này) hay không vẫn còn phải chờ xem, và có lẽ điều ấy cũng đúng với các Logoi của các hành tinh tổng hợp liên quan đến lần điểm đạo vũ trụ thứ năm trong chuỗi điểm đạo vũ trụ riêng biệt của Các Ngài.

21. Một "mục tiêu" dường như là một mục đích *chính yếu*. Khi thuật ngữ "giải thoát" được dùng liên hệ với một con người, nó thường có nghĩa là lần điểm đạo thứ tư. Chúng ta đang giả định rằng các Logoi của các hành tinh tổng hợp đã trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ ba (một thành tựu mà các Logoi của các hành tinh thiêng liêng thông thường có lẽ chưa đạt được). Vậy thì, có lẽ

initiation which lies immediately before them as their *next* goal.

22. Had these Logoi already taken the fourth cosmic initiation, they would not be in the developmental stages in which they now find themselves. Their physical bodies would be in process of destruction or already destroyed. But, instead, if we may judge from the evolution of Saturn, they are earlier in Their developmental process than some of the lesser (though still sacred) planets. Though Jupiter is not a synthesizing planet, it is still a *great* planet and demonstrates how the more spiritually developed planets are passing through their *earlier* rather than later developmental phases. Thus, they have not *yet* taken their *fourth* initiation.

chính lần điểm đạo vũ trụ thứ tư là mục tiêu *kế tiếp* nằm ngay trước Các Ngài.

22. Nếu các Logoi này đã trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ tư, thì Các Ngài đã không ở trong những giai đoạn phát triển mà hiện nay Các Ngài đang ở. Các thể xác của Các Ngài hẳn đang trong tiến trình hủy diệt hoặc đã bị hủy diệt rồi. Nhưng thay vào đó, nếu chúng ta có thể phán đoán từ sự tiến hoá của Sao Thổ, thì Các Ngài đang ở giai đoạn sớm hơn trong tiến trình phát triển của mình so với một số hành tinh nhỏ hơn (dù vẫn là thiêng liêng). Dù Sao Mộc không phải là một hành tinh tổng hợp, nó vẫn là một hành tinh *vĩ đại* và cho thấy cách các hành tinh phát triển tinh thần hơn đang đi qua các pha phát triển *sớm hơn* chứ không phải muộn hơn. Vì vậy, Các Ngài *chưa* trải qua lần điểm đạo *thứ tư* của mình.

"The Dense Physical Planets:

Earth4th Chain4th Globe

Jupiter3rd Chain4th Globe

Saturn3rd Chain4th Globe

Mars4th Chain4th Globe

Vulcan3rd Chain4th Globe

Venus5th Chain5th Globe

Mercury4th Chain5th Globe"

(Cosmic Fire, p. 373.)

"Các Hành Tinh Hồng Trần Đậm Đặc:

Trái ĐấtDãy Thứ TưBầu hành tinh thứ tư

Sao Mộcdãy thứ baBầu hành tinh thứ tư

Sao Thổdãy thứ baBầu hành tinh thứ tư

Sao HỏaDãy Thứ TưBầu hành tinh thứ tư

Vulcandãy thứ baBầu hành tinh thứ tư

Sao KimDãy thứ nămBầu hành tinh thứ năm

Sao ThủyDãy Thứ TưBầu hành tinh thứ năm"

(Luận về Lửa Vũ Trụ, tr. 373.)

23. Further, it would be unlikely that the Logoi of the synthesizing planets would be

23. Hơn nữa, khó có khả năng là các Logoi của các hành tinh tổng hợp lại đi trước Thái

ahead of the Solar Logos in Their initiatory schedule, for He is, to them, a still greater God.

dương Thượng đế trong tiến trình điểm đạo của Các Ngài, vì đối với Các Ngài, Ngài là một Thượng đế còn vĩ đại hơn nữa.

24. The Planetary Logos of our Earth has for objective seven initiations which, on the basis of the evidence found on TCF 384, we are presuming to be *lesser* initiations than cosmic initiations, per se. The Logos of the Earth-scheme, for instance, is passing through a fourth initiation (of seven), but has as its goal the second *cosmic* initiation.

24. Hành Tinh Thượng Đế của Trái Đất chúng ta có mục tiêu là bảy lần điểm đạo mà, dựa trên chứng cứ tìm thấy trong TCF 384, chúng ta giả định là những lần điểm đạo *thấp hơn* so với chính các điểm đạo vũ trụ. Chẳng hạn, Logos của hệ hành tinh Địa Cầu đang trải qua một lần điểm đạo thứ tư (trong bảy lần), nhưng có mục tiêu là lần điểm đạo *vũ trụ* thứ hai.

25. We cannot be sure whether the Logoi of the synthesizing planets also have seven such lesser initiations, but it is not a bad supposition. For a Planetary Logos, such lesser initiations would be taken through planetary chains, whether manifest or unmanifest. Our Planetary Logos, for instance, is taking a type of *fourth* initiation through our fourth chain and particularly through that chain's *fourth* globe.

25. Chúng ta không thể chắc liệu các Logoi của các hành tinh tổng hợp cũng có bảy lần điểm đạo thấp hơn như thế hay không, nhưng đó không phải là một giả định tồi. Đối với một Hành Tinh Thượng Đế, những lần điểm đạo thấp hơn như thế sẽ được trải qua thông qua các dãy hành tinh, dù biểu hiện hay không biểu hiện. Chẳng hạn, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang trải qua một loại điểm đạo *thứ tư* qua dãy thứ tư của chúng ta và đặc biệt qua bầu hành tinh *thứ tư* của dãy ấy.

2. The minor four planetary LogoiCosmic Initiation, or the first four Initiations.

2. Bốn Hành Tinh Thượng Đế nhỏ LogoiCosmic Điểm đạo, hay bốn lần Điểm đạo đầu tiên.

26. The hypothesis now being advanced is that "four minor planetary Logoi" are the Logoi of those four sacred planets which are not synthesizing planets.

26. Giả thuyết hiện đang được đưa ra là "bốn Hành Tinh Thượng Đế nhỏ" là các Logoi của bốn hành tinh thiêng liêng không phải là các hành tinh tổng hợp.

27. The four minor Planetary Logoi are, therefore, being considered as the systemic Lords of the four Rays of Attribute—the fourth, fifth, sixth and seventh rays.

27. Vì vậy, bốn Hành Tinh Thượng Đế nhỏ đang được xem là các Chúa Tể hệ thống của bốn Các Cung Thuộc Tính—cung bốn, cung năm, cung sáu và cung bảy.

28. When we consider the number of Planetary Logoi in our solar system, there

28. Khi chúng ta xét số lượng các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời của chúng ta,

are far more than seven—over 115 we are told. Even among the planets and their Logoi which we *usually* consider, there are more than seven. If we include Vulcan, we usually consider ten, and DK says there is evidence for considering twelve.

thì có nhiều hơn bảy rất nhiều—hơn 115 như chúng ta được cho biết. Ngay cả trong số các hành tinh và các Logoi của chúng mà chúng ta *thường* xét đến, cũng có nhiều hơn bảy. Nếu kể cả Vulcan, chúng ta thường xét đến mười, và Chân sư DK nói rằng có bằng chứng để xét đến mười hai.

29. The Logoi of the non-sacred planets are also "minor" Planetary Logoi, but are probably not the ones included under point "2".

29. Các Logoi của các hành tinh không thiêng liêng cũng là những Hành Tinh Thượng Đế "nhỏ", nhưng có lẽ không phải là những vị được bao gồm dưới điểm "2".

30. Even human beings undergo in their series of initiations what DK calls "cosmic initiations".

30. Ngay cả con người cũng trải qua trong chuỗi điểm đạo của mình điều mà Chân sư DK gọi là "các điểm đạo vũ trụ".

31. It is clear that the four minor Planetary Logoi (which are the Logoi of sacred planets) are *already* in process of undergoing cosmic initiation.

31. Rõ ràng là bốn Hành Tinh Thượng Đế nhỏ (là các Logoi của các hành tinh thiêng liêng) *đã ở* trong tiến trình trải qua điểm đạo vũ trụ.

32. We can hypothesize that the non-sacred Planetary Logoi have not yet taken the second cosmic initiation. Such a one is our Earth. We further hypothesize that the sacred Planetary Logoi which are not synthesizing planets have taken the second cosmic initiation and are applying to take the third cosmic initiation; and that the Logoi of the synthesizing planets have *already* taken the third cosmic initiation and are applying to the liberation which the fourth cosmic initiation represents.

32. Chúng ta có thể giả thuyết rằng các Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng vẫn chưa trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ hai. Trái Đất của chúng ta là một vị như thế. Chúng ta còn giả thuyết thêm rằng các Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng không phải là hành tinh tổng hợp đã trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ hai và đang xin trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ ba; và rằng các Logoi của các hành tinh tổng hợp *đã* trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ ba và đang hướng đến sự giải thoát mà lần điểm đạo vũ trụ thứ tư biểu thị.

33. There is not way we can prove this conclusively, but it may be a good place to start.

33. Chúng ta không thể nào chứng minh điều này một cách dứt khoát, nhưng đó có thể là một điểm khởi đầu tốt.

34. If the only cosmic initiations which are possible for the Logoi of the four sacred non-synthesizing planets are the first through fourth, then, *in this solar system at least,* the

34. Nếu các điểm đạo vũ trụ duy nhất có thể có đối với các Logoi của bốn hành tinh thiêng liêng không tổng hợp chỉ là từ thứ nhất đến thứ tư, thì, *ít nhất trong hệ mặt trời*

fifth is not available to Them. This suggests that the fifth cosmic initiation is also not available to *our* Planetary Logos in this solar system. But our Planetary Logos is associated with the base of the spine center of our Solar Logos—a center which must be fully activated at the fifth initiation. In other words, if our Solar Logos is to take the fifth cosmic initiation in *this* solar system (which is sometimes offered as a possibility) it would seem that our Planetary Logos would also have to take the fifth in His series of cosmic initiations so that He could play the necessary role in the fifth initiation of the Solar Logos.

này, lần thứ năm không dành cho Các Ngài. Điều này gợi ý rằng lần điểm đạo vũ trụ thứ năm cũng không dành cho *Hành Tinh Thượng Đế* của chúng ta trong hệ mặt trời này. Nhưng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta liên kết với trung tâm đáy cột sống của Thái dương Thượng đế chúng ta—một trung tâm phải được hoạt hóa hoàn toàn ở lần điểm đạo thứ năm. Nói cách khác, nếu Thái dương Thượng đế của chúng ta sẽ trải qua lần điểm đạo vũ trụ thứ năm trong *hệ mặt trời* này (điều đôi khi được nêu ra như một khả thể) thì dường như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta cũng sẽ phải trải qua lần thứ năm trong chuỗi điểm đạo vũ trụ của Ngài để Ngài có thể đóng vai trò cần thiết trong lần điểm đạo thứ năm của Thái dương Thượng đế.

35. The solution of these matters lie beyond us. Obviously, the extent of the progress of our Solar Logos and the Planetary Logoi is not rigidly determined just as it is not in the life of tiny man. In any one incarnation in the life of man, a particular initiation may be possible but it may or may not be achieved. So we will have to leave this question of whether sacred and non-sacred Planetary Logoi can achieve anything more than the fourth cosmic initiation in this particular solar system. What they *can* achieve however will have a great effect upon what the Solar Logos can achieve.

35. Lời giải cho những vấn đề này vượt ngoài tầm chúng ta. Hiển nhiên, mức độ tiến bộ của Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế không được xác định một cách cứng nhắc, cũng như không phải trong đời sống của con người bé nhỏ. Trong bất kỳ một lần lâm phàm nào trong đời sống con người, một lần điểm đạo nhất định có thể là khả hữu nhưng có thể đạt được hoặc không. Vì vậy, chúng ta sẽ phải để ngỏ câu hỏi này về việc liệu các Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng và không thiêng liêng có thể đạt được điều gì vượt quá lần điểm đạo vũ trụ thứ tư trong hệ mặt trời đặc biệt này hay không. Tuy nhiên, điều mà Các Ngài *có thể* đạt được sẽ có ảnh hưởng lớn đến điều mà Thái dương Thượng đế có thể đạt được.

3. The informing Lives of a planetary globeManus of a cosmic chain. Not a seed manu, but a periodical manu of lesser degree. This involves **an unrevealable mystery**, connected with certain Hierarchies of color.

3. Các Sự Sống phú linh của một bầu hành tinh globeManus của một dãy vũ trụ. Không phải một manu hạt giống, mà là một manu tuần hoàn ở cấp độ thấp hơn. Điều này bao hàm **một huyền nhiệm không thể tiết lộ**, liên hệ với một số Huyền Giai về màu sắc.

36. If we think carefully, we will see that DK has apparently skipped over discussing the informing Lives of a planetary *chain*! At least this appears to be the case.

37. This also happened in a significant tabulation (TCF, 331). The planes to be associated with vibration, light, sound and color were given for a Solar Logos, a Planetary Logos, and man, but not for the Life or Lives positioned *between* the Planetary Logos and man.

38. What becomes apparent is that not all L/lives which could be listed on this large and significant tabulation (844) *are* listed.

39. What is a "cosmic chain"? From a certain perspective, the planetary schemes are cosmic chains—at least they are solar systemic chains.

40. Maybe solar systems themselves are "cosmic chains"—at least this would fit analogically.

41. If we are in the presence of "an unrevealable mystery" the matter is certainly impenetrable to us. We might ask, "Unrevealable to whom? To what types of Lives *can* this mystery revealed?" Apparently, we do not have the mental/intuitive equipment to grasp it.

42. Can a Planetary Logos be called a "Manu"? Perhaps in a *cosmic* sense, He can be. The term "Manu" must be relative. It essentially refers to one who is the Director of an organized energy-field of a certain scope.

36. Nếu suy nghĩ cẩn thận, chúng ta sẽ thấy rằng Chân sư DK dường như đã bỏ qua việc bàn đến các Sự Sống phú linh của một *dãy* hành tinh! Ít nhất thì dường như là như vậy.

37. Điều này cũng đã xảy ra trong một bảng liệt kê quan trọng (TCF, 331). Các cõi được liên kết với rung động, ánh sáng, âm thanh và màu sắc đã được nêu ra cho một Thái dương Thượng đế, một Hành Tinh Thượng Đế và con người, nhưng không nêu cho Sự Sống hay các sự sống nằm *giữa* Hành Tinh Thượng Đế và con người.

38. Điều trở nên rõ ràng là không phải mọi S/sự sống có thể được liệt kê trong bảng liệt kê lớn và quan trọng này (844) *đều* được liệt kê.

39. "Dãy vũ trụ" là gì? Từ một góc nhìn nào đó, các hệ hành tinh là các dãy vũ trụ—ít nhất chúng là các dãy thuộc hệ mặt trời.

40. Có lẽ chính các hệ mặt trời là những "dãy vũ trụ"—ít nhất điều này sẽ phù hợp theo định luật tương đồng.

41. Nếu chúng ta đang đứng trước "một huyền nhiệm không thể tiết lộ" thì vấn đề này chắc chắn không thể xuyên thấu đối với chúng ta. Chúng ta có thể hỏi, "Không thể tiết lộ cho ai? Huyền nhiệm này *có thể* được tiết lộ cho những loại Sự Sống nào?" Rõ ràng, chúng ta không có bộ máy trí tuệ/trực giác để nắm bắt nó.

42. Một Hành Tinh Thượng Đế có thể được gọi là một "Manu" không? Có lẽ theo nghĩa *vũ trụ*, Ngài có thể được gọi như vậy. Thuật ngữ "Manu" hẳn phải có tính tương đối. Về bản chất, nó chỉ đến một Đấng là Đấng Điều

Hành của một trường năng lượng có tổ chức với một phạm vi nhất định.

43. Perhaps a Planetary Logos is already the Manu of a systemic chain (i.e., of a planetary scheme). Perhaps, on the way to becoming a Solar Logos Who supervises a Planetary Logos must become something less, but still more than a Planetary Logos?

43. Có lẽ một Hành Tinh Thượng Đế đã là Manu của một dãy hệ thống (tức là, của một hệ hành tinh). Có lẽ, trên đường trở thành một Thái dương Thượng đế, Đấng giám sát một Hành Tinh Thượng Đế phải trở thành một điều gì đó thấp hơn, nhưng vẫn cao hơn một Hành Tinh Thượng Đế?

44. It would seem the normal goal of a "Globe-Lord" would be to become a "Chain-Lord".

44. Dường như mục tiêu thông thường của một "Chúa Tể Bầu hành tinh" sẽ là trở thành một "Chúa Tể Dãy".

45. Planetary Logoi, it seems, are to become Solar Logoi, so "Globe-Lords" must have more modest goals.

45. Dường như các Hành Tinh Thượng Đế sẽ trở thành các Thái dương Thượng đế, vì vậy các "Chúa Tể Bầu hành tinh" hẳn phải có những mục tiêu khiêm tốn hơn.

46. Just as there are certain types of Manus to be found within a planetary scheme, so there must be certain types of Manus to be found within a solar systemic scheme and solar systemic schemes are as *chains* to a Cosmic Logos.

46. Cũng như có những loại Manu nhất định được tìm thấy trong một hệ hành tinh, thì cũng phải có những loại Manu nhất định được tìm thấy trong một hệ thuộc hệ mặt trời, và các hệ thuộc hệ mặt trời là những *dãy* đối với một Vũ Trụ Thượng đế.

47. We cannot know whether planetary schemes are, in this context, being called "cosmic chains" (since the Solar Logos is often regarded by DK as a *cosmic* Being) or whether solar systems, themselves, are really *"cosmic* chains". In this latter case, we would be reserving the term "cosmic" for Cosmic Logoi (Beings Who include Solar Logoi and Their systems as chakras).

47. Chúng ta không thể biết liệu các hệ hành tinh, trong ngữ cảnh này, có đang được gọi là "các dãy vũ trụ" hay không (vì Thái dương Thượng đế thường được Chân sư DK xem là một Hữu thể *vũ trụ*) hay liệu chính các hệ mặt trời có thực sự là các *"dãy vũ trụ"* hay không. Trong trường hợp sau, chúng ta sẽ dành thuật ngữ "vũ trụ" cho các Vũ Trụ Thượng đế (những Hữu thể bao gồm các Thái dương Thượng đế và các hệ của Các Ngài như các luân xa).

48. If a "cosmic chain" is, in fact, a planetary scheme, then we can think that a Globe-Lord, Who is *already* a kind of Manu (or Ruler) within a planetary scheme will be

48. Nếu một "dãy vũ trụ" thật ra là một hệ hành tinh, thì chúng ta có thể nghĩ rằng một Chúa Tể Bầu hành tinh, Đấng *đã* là một loại Manu (hay Đấng Cai Quản) trong một hệ

attempting to become a higher type of Manu (a Chain-Lord) within a planetary scheme and, eventually, a Planetary Logos.

hành tinh, sẽ cố gắng trở thành một loại Manu cao hơn (một Chúa Tể Dãy) trong một hệ hành tinh và cuối cùng là một Hành Tinh Thượng Đế.

49. But if a "cosmic chain" is actually a solar system, then a Globe-Lord has a more *solar* goal, and is attempting to become some sort of Manu within the solar system proper. Is such a Manu actually a Heavenly Man or Planetary Logos? Or are there Manus within a solar system which are still greater than Planetary Logoi?

49. Nhưng nếu một "dãy vũ trụ" thật sự là một hệ mặt trời, thì một Chúa Tể Bầu hành tinh có một mục tiêu mang tính *thái dương* hơn, và đang cố gắng trở thành một loại Manu nào đó trong chính hệ mặt trời. Một Manu như thế có thật sự là một Đấng Thiên Nhân hay Hành Tinh Thượng Đế không? Hay có những Manu trong một hệ mặt trời còn vĩ đại hơn các Hành Tinh Thượng Đế?

50. About this it would be difficult to speculate and, really, speculation could be considered unwarranted. Lesser and more reasonable goals seem to lie before a "Globe-Lord"—i.e., to become, minimally, a Lord of a Chain, or a Planetary Logos.

50. Về điều này thì khó mà suy đoán, và thật ra, sự suy đoán có thể bị xem là không chính đáng. Những mục tiêu thấp hơn và hợp lý hơn dường như nằm trước một "Chúa Tể Bầu hành tinh"—tức là, tối thiểu là trở thành một Chúa Tể của một Dãy, hoặc một Hành Tinh Thượng Đế.

51. Sometimes DK uses unexpected terminology to describe a Being with which we are familiar under a different name. For instance, let us suppose that the real goal of a Globe-Lord is to become a Chain-Lord. Is another name for a Chain-Lord "a periodical Manu of lesser degree"?

51. Đôi khi Chân sư DK dùng thuật ngữ bất ngờ để mô tả một Hữu thể mà chúng ta quen biết dưới một tên gọi khác. Chẳng hạn, giả sử rằng mục tiêu thật sự của một Chúa Tể Bầu hành tinh là trở thành một Chúa Tể Dãy. Có phải một tên gọi khác của Chúa Tể Dãy là "một Manu tuần hoàn ở cấp độ thấp hơn" không?

52. We know that each globe in a planetary scheme has its two kinds of *major* Manus—a "Root Manu" and a "Seed Manu" as well as lesser Manus for the various rootraces occurring upon and within that globe. We may infer that each Chain has a similar (though higher) grouping of Manus (for instance, a Root Man and Seed Man for the entire chain), and it would seem the natural objective of a Globe-Lord to become such a Manu in relation to a chain? Such a Manu

52. Chúng ta biết rằng mỗi bầu hành tinh trong một hệ hành tinh đều có hai loại Manu *chính yếu* của nó—một "Root Manu" và một "Seed Manu" cũng như các Manu thấp hơn cho các rootraces khác nhau xuất hiện trên và trong bầu hành tinh đó. Chúng ta có thể suy ra rằng mỗi Dãy có một nhóm Manu tương tự (dù cao hơn) như thế (chẳng hạn, một Root Manu và Seed Manu cho toàn bộ dãy), và dường như mục tiêu tự nhiên của một Chúa Tể Bầu hành tinh là trở thành một Manu như thế liên hệ với một dãy? Một

might be something a little less than a Chain-Lord, per se?

53. We could extend that analogy in relation to a Planetary Logos. Perhaps such a Logos has a similar though still higher grouping of Manus, for a planetary scheme is as a *chain* to the Solar Logos. Could there be such Beings as the Root Manu and Seed Manu of an entire planetary scheme? Such a Being would be solar systemic in nature.

54. Connected with every globe then, would be three Begins—the Globe-Lord and the Root and Seed Manus. Connected with every chain there would be three similar though higher Beings. And connected with every planetary scheme, there would also be three such Beings.

55. The number of Beings involved in the functioning of higher structures and Their relationships with each other is unknown to us, but when some hints are revealed, we find the structuring to be far more complex and mathematically precise than we might have expected.

56. DK's suggestion about "Hierarchies of colour" is impenetrable at this point. Perhaps all Hierarchies can be identified in terms of their colour. Color functions as a *veil*, so perhaps DK is telling us that there are certain unknown and intervening Hierarchies of Beings within a planetary or solar system (the identity of which is *veiled*) which, if Their colors were known and their 'position' within the planetary or solar Hierarchy of Lives understood, would reveal the type of Being which a Chain-Lord is seeking to become. This is another way of saying that if we know that meaning of the

Manu như thế có thể là điều gì đó thấp hơn một chút so với chính một Chúa Tể Dãy?

53. Chúng ta có thể mở rộng phép loại suy đó liên hệ với một Hành Tinh Thượng Đế. Có lẽ một Logos như thế có một nhóm Manu tương tự nhưng còn cao hơn nữa, vì một hệ hành tinh là như một *dãy* đối với Thái dương Thượng đế. Có thể có những Hữu thể như Root Manu và Seed Manu của toàn bộ một hệ hành tinh không? Một Hữu thể như thế sẽ có bản chất thuộc hệ mặt trời.

54. Khi ấy, gắn liền với mỗi bầu hành tinh sẽ là ba Hữu thể—Chúa Tể Bầu hành tinh cùng Root Manu và Seed Manu. Gắn liền với mỗi dãy sẽ có ba Hữu thể tương tự nhưng cao hơn. Và gắn liền với mỗi hệ hành tinh, cũng sẽ có ba Hữu thể như thế.

55. Số lượng các Hữu thể tham gia vào sự vận hành của các cấu trúc cao hơn và các mối liên hệ của Các Ngài với nhau là điều chúng ta chưa biết, nhưng khi một vài gợi ý được tiết lộ, chúng ta thấy cấu trúc ấy phức tạp hơn và chính xác về mặt toán học hơn nhiều so với điều chúng ta có thể đã mong đợi.

56. Gợi ý của Chân sư DK về "các Huyền Giai màu sắc" là điều không thể xuyên thấu ở thời điểm này. Có lẽ mọi Huyền Giai đều có thể được nhận diện theo màu sắc của chúng. Màu sắc hoạt động như một *bức màn che*, vì vậy có lẽ Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng có những Huyền Giai Hữu thể trung gian và chưa biết nào đó trong một hệ hành tinh hay hệ mặt trời (bản sắc của chúng được *che giấu*) mà nếu màu sắc của Các Ngài được biết đến và "vị trí" của Các Ngài trong Huyền Giai hành tinh hay thái dương của các Sự Sống được thấu hiểu, thì sẽ tiết lộ loại Hữu thể mà một Chúa Tể Dãy đang tìm cách trở

color, we will know the B/being with which it is associated.

57. There is one more point to consider. DK speaks of the "informing Lives" (plural) of a planetary globe. We have been thinking in terms of a Globe-Lord, but perhaps He is thinking of a Hierarchy of Lives upon and within a globe. It is simple to think in terms of *one* Globe-Lord, but not so simple to think of a number of lives which inform a planetary globe. Of course, a Globe-Lord would be a *group Entity* just as a Planetary Logos is. So perhaps DK is considering a Globe-Lord as both a unity and a multiplicity.

58. There is also another problem. A Planetary Logos, also, is referred to frequently as a *cosmic* Being. So when we are speaking of a "cosmic chain", the word "cosmic" remains ambiguous. This means that a "cosmic chain" could mean:

a. A solar system considered as a "cosmic chain" in the life of a Cosmic Logos

b. A planetary scheme, since a Solar Logos is a cosmic Being.

c. A *normal planetary chain* since a Planetary Logos is also a *cosmic* Being!

59. The most rational solution is to consider that a Globe-Lord (or the composite lives which together constitute a Globe-Lord) have for an immediate goal a position which is still within a planetary scheme. In other

thành. Đây là một cách khác để nói rằng nếu chúng ta biết ý nghĩa của màu sắc, chúng ta sẽ biết H/hữu thể mà nó liên kết với.

57. Còn một điểm nữa cần xem xét. Chân sư DK nói về "Sự Sống phú linhs" (số nhiều) của một bầu hành tinh. Chúng ta đã suy nghĩ theo thuật ngữ một Chúa Tể Bầu hành tinh, nhưng có lẽ Ngài đang nghĩ đến một Huyền Giai các sự sống trên và trong một bầu hành tinh. Thật đơn giản khi nghĩ theo thuật ngữ *một* Chúa Tể Bầu hành tinh, nhưng không đơn giản như vậy khi nghĩ đến một số sự sống phú linh cho một bầu hành tinh. Dĩ nhiên, một Chúa Tể Bầu hành tinh sẽ là một *Thực Thể nhóm* cũng như một Hành Tinh Thượng Đế vậy. Vì thế có lẽ Chân sư DK đang xem một Chúa Tể Bầu hành tinh vừa là một hợp nhất vừa là một đa thể.

58. Cũng còn một vấn đề khác. Một Hành Tinh Thượng Đế cũng thường được gọi là một Hữu thể *vũ trụ*. Vì vậy khi chúng ta nói về một "dãy vũ trụ", từ "vũ trụ" vẫn còn mơ hồ. Điều này có nghĩa là một "dãy vũ trụ" có thể có nghĩa là:

a. Một hệ mặt trời được xem như một "dãy vũ trụ" trong đời sống của một Vũ Trụ Thượng đế

b. Một hệ hành tinh, vì một Thái dương Thượng đế là một Hữu thể vũ trụ.

c. Một *dãy hành tinh thông thường* vì một Hành Tinh Thượng Đế cũng là một Hữu thể *vũ trụ*!

59. Giải pháp hợp lý nhất là xem rằng một Chúa Tể Bầu hành tinh (hay các sự sống tổng hợp cùng nhau cấu thành một Chúa Tể Bầu hành tinh) có mục tiêu trước mắt là một vị trí vẫn còn ở trong một hệ hành tinh. Nói

words, the destiny of a Globe-Lord would lie within a planetary *chain,* and such a Lord might become a Root Chain Manu, a Seed Chain Manu or, eventually a Chain-Lord, per se.

cách khác, định mệnh của một Chúa Tể Bầu hành tinh sẽ nằm trong một *dãy* hành tinh, và một Chúa Tể như thế có thể trở thành một Root Chain Manu, một Seed Chain Manu hoặc cuối cùng là chính một Chúa Tể Dãy.

60. In the future, each of the entries in this tabulation will admit of extensive elaboration—*when more is known.* For the moment, reasoned speculation is all that is possible.

60. Trong tương lai, mỗi mục trong bảng liệt kê này sẽ cho phép được khai triển rộng rãi—*khi biết được nhiều hơn.* Hiện giờ, suy đoán có lý là tất cả những gì có thể làm được.

4.The informing life of a kingdom in nature: Transference in one of three directions:

4.Sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên: Chuyển dịch theo một trong ba hướng:

a. To the line of the solar Pitris.

a. Đến đường của các thái dương tổ phụ.

b. To Sirius, as a karmic adjuster.

b. Đến Sirius, như một vị điều chỉnh nghiệp quả.

c. To the solar system of the next order to work in connection with the planetary Logos of his own line as ruler of a kingdom or life wave in the system, and not just in a scheme.

c. Đến hệ mặt trời của trật tự kế tiếp để hoạt động liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế thuộc đường riêng của y như Đấng Cai Quản một giới hay một làn sóng sự sống trong hệ, chứ không chỉ trong một hệ hành tinh.

61. We are given seven kingdoms of nature:

61. Chúng ta được cho biết có bảy giới trong thiên nhiên:

a. Mineral

a. Kim thạch

b. Vegetable

b. Thực vật

c. Animal

c. Động vật

d. Human

d. Nhân loại

e. Spiritual

e. Tinh thần

f. Planetary Lives

f. Các Sự Sống Hành tinh

g. Solar

62. Kingdoms of nature are found throughout the solar system (as we discover when considering the meaning of point "3." Above). At first, however, we seem to be speaking of the Lives which inform kingdoms of nature as they are found *within* a planetary scheme.

63. Can we hierarchicalize the three goals listed above? This is not easy to do. The goals seem very different and may not admit of ranking. If anything, the third goal seems the highest.

64. The first goal is "transference to the line of the solar Pitris". One could assume that "solar Pitris" are beings greater than the "informing lives of a kingdom of nature", but we see that the order of lives (listed below in this tabulation as the fifth group of lives) is a *lesser* category. The tabulation we are working with seems to arrange the L/lives it describes in descending order of power and position.

65. Of course, each of the groupings of L/lives examined is, itself, a Hierarchy and so, within itself, covers a vast range of power and consciousness.

66. For the time being, it seems best to regard with simplicity the tabulation structure with which we are presented. If we do this, we will assume that the "informing lives of a kingdom of nature" are greater Lives than the "solar Pitris" (though possible contradictions may appear to those who read with attention).

g. Thái dương

62. Các giới trong thiên nhiên được tìm thấy khắp hệ mặt trời (như chúng ta khám phá khi xét ý nghĩa của điểm "3." ở trên). Tuy nhiên, lúc đầu, dường như chúng ta đang nói về các Sự Sống phú linh cho các giới trong thiên nhiên như chúng được tìm thấy *trong* một hệ hành tinh.

63. Chúng ta có thể hierarchicalize ba mục tiêu được liệt kê ở trên không? Điều này không dễ làm. Các mục tiêu dường như rất khác nhau và có thể không cho phép xếp hạng. Nếu có thể nói gì, thì mục tiêu thứ ba dường như là cao nhất.

64. Mục tiêu thứ nhất là "chuyển dịch đến đường của các thái dương tổ phụ". Người ta có thể giả định rằng "thái dương tổ phụ" là những hữu thể lớn hơn "các sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên", nhưng chúng ta thấy rằng trật tự các sự sống (được liệt kê bên dưới trong bảng này như nhóm sự sống thứ năm) là một phạm trù *thấp hơn*. Bảng liệt kê mà chúng ta đang làm việc dường như sắp xếp các S/sự sống mà nó mô tả theo thứ tự giảm dần về quyền năng và vị trí.

65. Dĩ nhiên, mỗi nhóm S/sự sống được khảo sát tự nó là một Huyền Giai và vì vậy, trong chính nó, bao trùm một phạm vi rất rộng về quyền năng và tâm thức.

66. Hiện thời, dường như tốt nhất là nhìn cấu trúc bảng liệt kê được trình bày cho chúng ta một cách đơn giản. Nếu làm như vậy, chúng ta sẽ giả định rằng "các sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên" là những Sự Sống lớn hơn "các thái dương tổ phụ" (dù những mâu thuẫn có thể có có thể

xuất hiện đối với những ai đọc một cách chú tâm).

67. If we wish to know the meaning of "the line of the solar Pitris", we will have to know the spiritual destination of "solar Pitris". At length they can become (in group formation) a Planetary Logos or even a Solar Logos. So, a Life (such as the Life informing a kingdom of nature) could also achieve such a destiny, but apparently it would be starting on such a path *from a more advanced position* than would a member of the Creative Hierarchy of Solar Pitris.

67. Nếu chúng ta muốn biết ý nghĩa của "đường của các thái dương tổ phụ", chúng ta sẽ phải biết đích đến tinh thần của "các thái dương tổ phụ". Cuối cùng, các vị ấy có thể trở thành (trong sự hình thành nhóm) một Hành Tinh Thượng Đế hay thậm chí một Thái dương Thượng đế. Vì vậy, một Sự Sống (chẳng hạn như Sự Sống phú linh cho một giới trong thiên nhiên) cũng có thể đạt được một định mệnh như thế, nhưng rõ ràng nó sẽ bắt đầu trên con đường ấy *từ một vị trí tiến bộ hơn* so với một thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo các thái dương tổ phụ.

68. The next goal offered to the "informing life of a kingdom in nature" is to be transferred to Sirius and there to become a "karmic adjuster". This is interesting because "solar Pitris", themselves, are, as it were, *lesser* "karmic adjusters".

68. Mục tiêu kế tiếp được đưa ra cho "sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên" là được chuyển dịch đến Sirius và ở đó trở thành một "vị điều chỉnh nghiệp quả". Điều này thật thú vị vì chính "các thái dương tổ phụ", theo một nghĩa nào đó, là những "vị điều chỉnh nghiệp quả" *thấp hơn*.

69. Perhaps there are some "solar Pitris" who, originating from Sirius (or, at least *trained* there) might eventually become *greater* "karmic adjusters" (just as the "informing life of a kingdom in nature" can become).

69. Có lẽ có một số "thái dương tổ phụ" mà, xuất phát từ Sirius (hoặc ít nhất được *huấn luyện* ở đó) cuối cùng có thể trở thành những "vị điều chỉnh nghiệp quả" *cao hơn* (cũng như "sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên" có thể trở thành).

70. What is apparent is that there is a connection between "solar Pitris", the informing lives of the kingdoms in nature, and Sirius.

70. Điều rõ ràng là có một mối liên hệ giữa "các thái dương tổ phụ", các sự sống phú linh của các giới trong thiên nhiên, và Sirius.

71. We know that the various kingdoms of nature have their own karma. Apparently the informing L/life of any such kingdom is not the Intelligence which administers the karma of that kingdom. Just as man, the human being, does not administer his own karma but finds it *adjusted* by a Solar Angel,

71. Chúng ta biết rằng các giới khác nhau trong thiên nhiên có nghiệp quả riêng của chúng. Rõ ràng S/sự sống phú linh của bất kỳ giới nào như thế không phải là Trí Tuệ quản trị nghiệp quả của giới đó. Cũng như con người không tự quản trị nghiệp quả của mình mà thấy nó được *điều chỉnh* bởi một

so an informing L/life of a kingdom in nature does not administer the karma of the kingdom it informs, but finds that karma *adjusted* by the type of superior Life which it (the L/life of a kingdom) can become.

Thái dương Thiên Thần, thì một S/sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên cũng không quản trị nghiệp quả của giới mà nó phú linh, mà thấy nghiệp quả ấy được *điều chỉnh* bởi loại Sự Sống cao hơn mà nó (S/sự sống của một giới) có thể trở thành.

72. Would the responsibility of a "karmic adjuster" operate on a solar systemic level or a scheme level? We are not told, but the implication is that a "karmic adjuster" would first work in relation to a kingdom-L/life expressing *within* a planetary scheme.

72. Trách nhiệm của một "vị điều chỉnh nghiệp quả" sẽ hoạt động ở cấp độ hệ mặt trời hay cấp độ hệ hành tinh? Chúng ta không được cho biết, nhưng hàm ý là một "vị điều chỉnh nghiệp quả" trước tiên sẽ hoạt động liên hệ với một S/sự sống-giới biểu hiện *trong* một hệ hành tinh.

73. The third goal of an "informing life of a kingdom in nature" is to focus within the solar system of the next order to work in connection with the planetary Logos of his own line as Ruler of a kingdom or life wave in the system, and not just in a planetary scheme.

73. Mục tiêu thứ ba của một "sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên" là tập trung trong hệ mặt trời của trật tự kế tiếp để hoạt động liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế thuộc đường riêng của y như Đấng Cai Quản một giới hay một làn sóng sự sống trong hệ, chứ không chỉ trong một hệ hành tinh.

74. Here we find the scope of expression of such an evolving Life expanding beyond the *scheme* level. This seems to suggest that the earlier two goals were contained within the scheme level and, thus, offered less expansive possibilities.

74. Ở đây chúng ta thấy phạm vi biểu hiện của một Sự Sống đang tiến hoá như thế mở rộng vượt quá cấp độ *hệ hành tinh*. Điều này dường như gợi ý rằng hai mục tiêu trước đó được chứa trong cấp độ hệ hành tinh và do đó đưa ra những khả thể ít mở rộng hơn.

75. Two types of future rulership are offered in relation to a solar system of the next order. Given the position of our present solar system (the second major solar system of five), this would mean work within the coming third (or sixth) solar system. The present "informing life of a kingdom in nature" could work as the Ruler of a "life wave" or as the Ruler of kingdom in nature ***throughout*** *the solar system.* Kingdoms of nature are, we realize, expressing through all planetary schemes. For instance, the mineral kingdom is to be found expressing through

75. Hai loại quyền cai quản tương lai được đưa ra liên hệ với một hệ mặt trời của trật tự kế tiếp. Với vị trí của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta (hệ mặt trời lớn thứ hai trong năm hệ), điều này sẽ có nghĩa là công việc trong hệ mặt trời thứ ba (hay thứ sáu) sắp đến. "Sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên" hiện tại có thể hoạt động như Đấng Cai Quản một "làn sóng sự sống" hoặc như Đấng Cai Quản một giới trong thiên nhiên ***khắp*** *hệ mặt trời.* Chúng ta nhận ra rằng các giới trong thiên nhiên đang biểu hiện qua mọi hệ hành tinh. Chẳng hạn, giới kim thạch được tìm thấy đang biểu hiện qua *mọi* hệ

all planetary schemes in a solar system, and thus for the remaining kingdoms.

hành tinh trong một hệ mặt trời, và các giới còn lại cũng vậy.

76. A "life wave" is a group of Monads passing cyclically *through* various kingdoms of nature. Life waves are of different orders. Some are operative at the scheme level and some, far greater, at the systemic level.

76. Một "làn sóng sự sống" là một nhóm các Chân thần đi theo chu kỳ *qua* các giới khác nhau trong thiên nhiên. Các làn sóng sự sống thuộc những trật tự khác nhau. Một số hoạt động ở cấp độ hệ hành tinh và một số khác, lớn lao hơn nhiều, ở cấp độ hệ thống.

77. We are somewhat familiar with the function of life waves at a *chain* level, but how they would function at a scheme level or solar systemic level leaves much room for careful thought and speculation.

77. Chúng ta phần nào quen thuộc với chức năng của các làn sóng sự sống ở cấp độ *dãy*, nhưng việc chúng sẽ hoạt động như thế nào ở cấp độ hệ hành tinh hay cấp độ hệ mặt trời thì để lại rất nhiều chỗ cho sự suy nghĩ và suy đoán cẩn trọng.

78. From what is said, is would appear that an earlier option (for the type of life which informs a kingdom in nature at the scheme level) would have been to rule a life wave focussed *within a scheme*, but of this lesser possibility nothing is mentioned. If ruling a kingdom of nature and ruling a life wave are considered parallel possibilities at a systemic level, there is no reason why such possibilities should not exist at *both* the scheme level and systemic level (the wider level mentioned in the section of text under discussion).

78. Từ những gì được nói ra, dường như một lựa chọn sớm hơn (đối với loại sự sống phú linh cho một giới trong thiên nhiên ở cấp độ hệ hành tinh) hẳn đã là cai quản một làn sóng sự sống tập trung *trong một hệ hành tinh*, nhưng không có gì được nói đến về khả thể thấp hơn này. Nếu việc cai quản một giới trong thiên nhiên và cai quản một làn sóng sự sống được xem là những khả thể song song ở cấp độ hệ thống, thì không có lý do gì khiến những khả thể như thế lại không tồn tại ở *cả* cấp độ hệ hành tinh lẫn cấp độ hệ thống (cấp độ rộng hơn được nhắc đến trong đoạn văn đang bàn).

79. It becomes clear that an "informing life of a kingdom in nature", working presently at the scheme level of expression is eventually given the opportunity (as a composite Being, no doubt) to work at the solar systemic level, with powers and with a consciousness which extends throughout the solar system and through all planetary schemes within that solar system.

79. Rõ ràng rằng một "sự sống phú linh của một giới trong thiên nhiên", hiện đang hoạt động ở cấp độ biểu hiện của hệ hành tinh, cuối cùng được trao cơ hội (không nghi ngờ gì, như một Hữu thể tổng hợp) để hoạt động ở cấp độ hệ mặt trời, với những quyền năng và một tâm thức trải rộng khắp hệ mặt trời và qua mọi hệ hành tinh trong hệ mặt trời đó.

80. We also note that such a life is to work in conjunction with "a Planetary Logos of his

80. Chúng ta cũng lưu ý rằng một sự sống như thế sẽ hoạt động phối hợp với "một

own line" when ruling a *systemic* life wave or *systemic* kingdom. Presumably, the "line" involved is a *ray* line, and the "informing life" concerned has a ray structure just as all E/entities do.

Hành Tinh Thượng Đế thuộc đường riêng của y" khi cai quản một làn sóng sự sống *hệ thống* hay một giới *hệ thống*. Có lẽ "đường" liên quan là một đường *cung*, và "sự sống phú linh" được nói đến có một cấu trúc cung cũng như mọi Thực Thể khác.

81. When thinking of planetary or systemic life waves, we are thinking of groups of Monads. Large aggregations of Monads are, in fact, Creative Hierarchies, and Creative Hierarchies are qualified by certain rays and astrological factors.

81. Khi nghĩ đến các làn sóng sự sống hành tinh hay hệ thống, chúng ta đang nghĩ đến các nhóm Chân thần. Những tập hợp lớn các Chân thần thật ra là các Huyền Giai Sáng Tạo, và các Huyền Giai Sáng Tạo được định tính bởi một số cung và các yếu tố chiêm tinh nhất định.

82. The Creative Hierarchy of Human Monads can be considered a system-wide life wave and is qualified by the energies of the fourth ray (among others) and by the energy of Scorpio. The Planetary Logos concerned could be Mercury (in its soul aspect) or some hidden planet veiled by the Moon. Vulcan (as, hypothetically, a fourth ray Monad) could also be involved.

82. Huyền Giai Sáng Tạo của các Chân thần nhân loại có thể được xem là một làn sóng sự sống toàn hệ và được định tính bởi các năng lượng của cung bốn (trong số những năng lượng khác) và bởi năng lượng của Hổ Cáp. Hành Tinh Thượng Đế liên quan có thể là Sao Thủy (trong phương diện linh hồn của nó) hoặc một hành tinh ẩn kín nào đó được Mặt Trăng che giấu. Vulcan (như, theo giả thuyết, một chân thần cung bốn) cũng có thể liên quan.

5. The solar Pitris.The **highest three groups** will become major planetary Logoi; **the lower four groups** will become minor planetary Logoi.

5. Các thái dương tổ phụ.Ba **nhóm cao nhất** sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế lớn; **bốn nhóm thấp hơn** sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế nhỏ.

83. Now we are entering more familiar 'territory', but it is useful to think of the continuum of Lives which is found between "solar Pitris", for instance, and Planetary Logoi of different kinds. The informing Lives of the various kingdoms in nature could be considered such intervening Lives.

83. Giờ đây chúng ta đang đi vào "lãnh vực" quen thuộc hơn, nhưng thật hữu ích khi suy nghĩ về chuỗi liên tục các Sự Sống được tìm thấy giữa chẳng hạn như "các thái dương tổ phụ" và các Hành Tinh Thượng Đế thuộc những loại khác nhau. Các Sự Sống phú linh của các giới khác nhau trong thiên nhiên có thể được xem là những Sự Sống trung gian như thế.

84. From the division into three and four, we learn that there are seven groups of "solar

84. Từ sự phân chia thành ba và bốn, chúng ta biết rằng có bảy nhóm "thái dương tổ

Pitris". This is a considerable number—more than have been discussed in any detail.

phụ". Đây là một con số đáng kể—nhiều hơn số đã từng được bàn đến một cách chi tiết.

85. We have been told of Solar Angels which are related to the manasic permanent atom; of those which are related to each tier of petals of the egoic lotus and, as well, to every petal; of those which are related to the units in the atomic triangle; and of those who incarnated and moulded the human type long ago in ancient Lemuria. We have also been told of a differentiation between those which implanted the spark of mind in animal man and those who simply "fanned the flame" of the mental unit. From these different categories of solar angelic function, however, it would not be easy to discern seven distinct categories. Rather, there are both more and less.

85. Chúng ta đã được cho biết về các Thái dương Thiên Thần liên hệ với nguyên tử trường tồn manas; về những vị liên hệ với mỗi tầng cánh hoa của hoa sen chân ngã và cũng như với từng cánh hoa; về những vị liên hệ với các đơn vị trong tam giác nguyên tử; và về những vị đã nhập thể và uốn nắn loại hình nhân loại từ lâu trong Lemuria cổ xưa. Chúng ta cũng đã được cho biết về một sự biến phân giữa những vị đã cấy tia lửa trí tuệ vào người thú và những vị chỉ đơn giản "quạt bùng ngọn lửa" của đơn vị hạ trí. Tuy nhiên, từ những phạm trù chức năng thái dương thiên thần khác nhau này, sẽ không dễ để phân biện ra bảy phạm trù riêng biệt. Đúng hơn, vừa có nhiều hơn vừa có ít hơn.

86. The "solar Pitris" do not, *themselves*, become Planetary Logoi. They do so in groups.

86. Chính "các thái dương tổ phụ" không tự mình trở thành các Hành Tinh Thượng Đế. Các vị ấy làm điều đó theo nhóm.

The student must bear in mind that [Page 879] in thinking of the Pitris, he must ever think in group terms. The Pitris who formed the egoic body of a human being do not—alone and isolated—form planetary Logoi. **The forty-nine groups of solar fires concerned in the great work are those spoken of, and they become the forty-nine planetary Logoi in connexion with seven solar systems.** (TCF 878-879)

Đạo sinh phải ghi nhớ rằng [Page 879] khi suy nghĩ về các Pitris, y phải luôn luôn suy nghĩ theo thuật ngữ nhóm. Các Pitris đã tạo thành thể chân ngã của một con người không—một mình và cô lập—tạo thành các Hành Tinh Thượng Đế. **Bốn mươi chín nhóm lửa thái dương liên quan đến đại công trình là những nhóm được nói đến, và chúng trở thành bốn mươi chín Hành Tinh Thượng Đế trong sự liên kết với bảy hệ mặt trời.** (TCF 878-879)

87. The same idea is expressed in this tabulation. The three higher *groups* will become *major* Planetary Logoi. The four lower *groups* will become minor Planetary Logoi.

87. Cùng một ý tưởng được diễn đạt trong bảng liệt kê này. Ba *nhóm* cao hơn sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế *lớn*. Bốn *nhóm* thấp hơn sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế nhỏ.

88. This is not necessarily to say that "major Planetary Logoi" are Logoi of synthesizing

88. Điều này không nhất thiết có nghĩa rằng các "Hành Tinh Thượng Đế lớn" là các Logoi

planets. Perhaps the Logoi of synthesizing, sacred and non-sacred planets are *all* "major" Planetary Logoi.

89. In our solar system, there are many minor planets and planetoids. Chain-Lords and Globe-Lords may *also* be considered "minor" Planetary Logoi. There are also, so it seems, the Logoi are asteroids.

90. We will know more when we understand the exact planetary constitution of our solar system. For now, the number of planets (dense, etheric, astral or otherwise unmanifested) is not known by humanity (but is by those Masters Who specialize in such information). Further the, number of planetoids (manifested and unmanifested) is also unknown and, thus, for the asteroids.

91. When the number of such Entities is known, the destination of the different types of Solar Angels or "solar Pitris" will be better understood.

92. "Solar Pitris", we are told, are also destined to become *Solar* Logoi. This will obviously be accomplished in groups. This is, perhaps, another way of saying that Planetary Logoi are destined to become Solar Logoi, for Solar Angels/"solar Pitris" are destined to become Planetary Logoi Who are, subsequently, destined to become *Solar* Logoi.

Perfected men are in the councils of the planetary Logos of their particular ray; the solar Pitris are in the council of the solar

của các hành tinh tổng hợp. Có lẽ các Logoi của các hành tinh tổng hợp, thiêng liêng và không thiêng liêng *đều* là các Hành Tinh Thượng Đế "lớn".

89. Trong hệ mặt trời của chúng ta, có nhiều hành tinh nhỏ và tiểu hành tinh. Các Chúa Tể Dãy và các Chúa Tể Bầu hành tinh *cũng* có thể được xem là những Hành Tinh Thượng Đế "nhỏ". Cũng có, dường như vậy, các Logoi của các tiểu hành tinh.

90. Chúng ta sẽ biết nhiều hơn khi hiểu được cấu tạo hành tinh chính xác của hệ mặt trời chúng ta. Hiện nay, số lượng các hành tinh (đậm đặc, dĩ thái, cảm dục hay không biểu hiện theo cách khác) chưa được nhân loại biết đến (nhưng được biết bởi những Chân sư chuyên về loại thông tin này). Hơn nữa, số lượng các tiểu hành tinh (biểu hiện và không biểu hiện) cũng chưa được biết đến, và vì vậy, các tiểu hành tinh.

91. Khi số lượng của các Thực Thể như thế được biết đến, đích đến của các loại Thái dương Thiên Thần hay "thái dương tổ phụ" khác nhau sẽ được hiểu rõ hơn.

92. Chúng ta được bảo rằng "thái dương tổ phụ" cũng được định mệnh để trở thành các *Thái dương* Thượng đế. Điều này hiển nhiên sẽ được hoàn thành theo nhóm. Có lẽ đây là một cách khác để nói rằng các Chân Linh Hành Tinh được định mệnh trở thành các Thái dương Thượng đế, vì các Thái dương Thiên Thần/"thái dương tổ phụ" được định mệnh trở thành các Chân Linh Hành Tinh, rồi sau đó được định mệnh trở thành các *Thái dương* Thượng đế.

Những con người toàn thiện ở trong các hội đồng của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung riêng của họ; các thái dương tổ phụ ở trong hội đồng của Thái dương Thượng đế.69 [**Tất**

Logos.[69] [**All these will become solar Logoi of varying grades**.] (TCF 843)

cả những vị này sẽ trở thành các Thái dương Thượng đế với những cấp bậc khác nhau.] (TCF 843)

93. It is clear that in this tabulation we are presented with destined transformations. Some transformations represent the next immediate developmental step forward for the E/entity concerned. Some transformations indicate a goal several developmental steps ahead.

93. Rõ ràng trong bản liệt kê này, chúng ta được trình bày những sự chuyển đổi đã được định mệnh. Một số chuyển đổi tượng trưng cho bước phát triển kế tiếp trực tiếp của Thực thể liên hệ. Một số chuyển đổi khác chỉ ra một mục tiêu còn cách vài bước phát triển nữa.

94. If Solar Angels/"solar Pitris" are to become "solar Logoi of varying grades", the goal presented is several developmental steps ahead and indicates will very long developmental period.

94. Nếu các Thái dương Thiên Thần/"thái dương tổ phụ" sẽ trở thành "các Thái dương Thượng đế với những cấp bậc khác nhau", thì mục tiêu được nêu ra còn cách vài bước phát triển nữa và hàm ý một thời kỳ phát triển rất dài.

95. Now let us reflect upon the developmental step or steps ahead of "an informing life of a kingdom in nature". The goal for such a Life was to transfer to the line of Solar Pitris (which could seem a backward step) or to go to Sirius to become a "karmic adjuster", or to direct a life-wave or systemic kingdom in cooperation with a Planetary Logos "along his line" (i.e., the line of the "informing life"). These goals do not seem as exalted as the goal of becoming a Planetary Logos or Solar Logos (goals held out to "solar Pitris").

95. Bây giờ chúng ta hãy suy ngẫm về bước hay các bước phát triển ở phía trước của "một sự sống phú linh cho một giới trong thiên nhiên". Mục tiêu của một Sự Sống như thế là chuyển sang tuyến các thái dương tổ phụ (điều này có thể có vẻ là một bước lùi), hoặc đi đến Sirius để trở thành một "đấng điều chỉnh nghiệp quả", hoặc chỉ đạo một làn sóng sự sống hay một giới hệ thống trong sự hợp tác với một Hành Tinh Thượng Đế "theo tuyến của y" (nghĩa là tuyến của "sự sống phú linh"). Những mục tiêu này dường như không cao cả bằng mục tiêu trở thành một Chân Linh Hành Tinh hay một Thái dương Thượng đế (những mục tiêu được dành cho "thái dương tổ phụ").

96. Also, the goal held out to a Globe-Lord is to become the Manu of a "cosmic chain" which, depending upon how we interpret the rank of such a Manu, may be less exalted than a Planetary Logos or Solar Logos.

96. Ngoài ra, mục tiêu được dành cho một Chúa Tể bầu hành tinh là trở thành Đức Manu của một "dãy vũ trụ", điều này, tùy theo cách chúng ta diễn giải cấp bậc của một Đức Manu như thế, có thể kém cao cả hơn một Chân Linh Hành Tinh hay một Thái dương Thượng đế.

97. We have in this tabulation, therefore, some possible 'status discrepancies' which have to be clarified.

97. Vì vậy, trong bản liệt kê này chúng ta có một số khả năng về 'sự chênh lệch địa vị' cần phải được làm sáng tỏ.

98. Of one thing we can be certain—the destiny lying before "solar Pitris" is a high one. Perhaps this is why it is said that the Path to Sirius offers those who tread it unusual opportunity, for when the human being (once He becomes a Chohan) treads the Path to Sirius, He is destined to become a Solar Angel after sufficient training within the "sunshine of the major Sun".

98. Về một điều chúng ta có thể chắc chắn—định mệnh ở phía trước của "thái dương tổ phụ" là một định mệnh cao cả. Có lẽ đây là lý do vì sao người ta nói rằng Con đường đến Sirius mang lại cơ hội khác thường cho những ai bước trên đó, vì khi con người, một khi đã trở thành một Chohan, bước trên Con đường đến Sirius, Ngài được định mệnh trở thành một Thái dương Thiên Thần sau khi được huấn luyện đầy đủ trong "ánh dương quang của Mặt Trời lớn".

6. The human evolution...To become the solar Pitris of another cycle. To follow any of the paths earlier enumerated. Those who become solar Pitris, being the bulk of humanity, return to Sirius to be breathed out again into activity.

6. Tiến hoá nhân loại...Trở thành các thái dương tổ phụ của một chu kỳ khác. Đi theo bất kỳ con đường nào đã được liệt kê trước đó. Những ai trở thành thái dương tổ phụ, là đại đa số nhân loại, trở về Sirius để lại được thở ra vào hoạt động.

99. The bulk of humanity will become Solar Angels, and eventually, either minor or major Planetary Logoi, though there are other Paths open to them, as we have been told.

99. Đại đa số nhân loại sẽ trở thành các Thái dương Thiên Thần, và cuối cùng là các Chân Linh Hành Tinh nhỏ hoặc lớn, mặc dù còn có những Con Đường khác mở ra cho họ, như chúng ta đã được bảo.

100. Since Solar Angels become Planetary Logos *in groups* we might wonder whether human beings become Solar Angels *in groups.*

100. Vì các Thái dương Thiên Thần trở thành Chân Linh Hành Tinh *theo nhóm*, chúng ta có thể tự hỏi liệu con người có trở thành các Thái dương Thiên Thần *theo nhóm* hay không.

101. Each ascent along the line of the Creative Hierarchies may be a *group* ascent. Let us ponder on this for it may indicate the manner in which the 'Universal Pyramid' may be ascended.

101. Mỗi sự thăng tiến dọc theo tuyến của các Huyền Giai Sáng Tạo có thể là một sự thăng tiến *theo nhóm*. Chúng ta hãy suy ngẫm về điều này vì nó có thể chỉ ra cách thức mà 'Kim Tự Tháp Vũ Trụ' có thể được leo lên.

102. The “cycle” concerned is probably a subsequent mahamanvantara or occult century. Since we are only half way through our present mahamanvantara, we can understand that it may be a very long while before those who are presently the bulk of humanity are ”breathed out again into activity” from Sirius.

102. “Chu kỳ” được nói đến có lẽ là một Đại giai kỳ sinh hóa tiếp theo hay một thế kỷ huyền bí. Vì chúng ta mới chỉ đi được nửa chặng của Đại giai kỳ sinh hóa hiện tại, chúng ta có thể hiểu rằng sẽ còn rất lâu trước khi những ai hiện nay là đại đa số nhân loại “lại được thở ra vào hoạt động” từ Sirius.

103. The bulk of humanity is not mentally polarized and needs the manasic development which experience on Sirius will offer.

103. Đại đa số nhân loại không phân cực trí tuệ và cần sự phát triển manas mà kinh nghiệm trên Sirius sẽ mang lại.

104. As for the human beings not contained in the majority, the six other (now, in fact, eight other) cosmic paths offer the possibility for further training.

104. Còn đối với những con người không nằm trong đa số ấy, sáu con đường vũ trụ khác (nay thực ra là tám con đường khác) mở ra khả năng được huấn luyện thêm.

105. Just as there are many possible cosmic Paths which can be followed by a human being, we should not suppose that a variety of Paths do not confront other types of Beings, such as Globe-Lords, the informing lives of kingdoms in nature and Solar Angels. Each Creative Hierarchy is sevenfold and the lines of possible improvement offered to each Hierarchy should give scope for the different types within that Hierarchy.

105. Cũng như có nhiều Con Đường vũ trụ khả dĩ mà một con người có thể đi theo, chúng ta không nên cho rằng những loại Hữu thể khác, như các Chúa Tể bầu hành tinh, các sự sống phú linh cho các giới trong thiên nhiên và các Thái dương Thiên Thần, lại không đối diện với nhiều Con Đường khác nhau. Mỗi Huyền Giai Sáng Tạo đều thất phân và các tuyến cải thiện khả dĩ được dành cho mỗi Huyền Giai phải tạo phạm vi cho các loại khác nhau bên trong Huyền Giai ấy.

7. The lunar Pitris…To become men. They will in their higher grades pass directly into the animal evolution of the next cycle and so eventually individualise. Their three higher grades will become animal-men, and the lower four will contribute to the quaternic forms of the men of the next creation.

7. Các thái âm tổ phụ…Trở thành con người. Ở các cấp cao hơn, họ sẽ đi thẳng vào tiến hoá động vật của chu kỳ kế tiếp và như thế cuối cùng sẽ biệt ngã hóa. Ba cấp cao hơn của họ sẽ trở thành người-thú, và bốn cấp thấp hơn sẽ đóng góp vào các hình tướng tứ phân của con người trong cuộc sáng tạo kế tiếp.

106. Again, we are faced with a sevenfold division. Each Creative Hierarchy is sevenfold.

106. Một lần nữa, chúng ta đối diện với một phân chia thất phân. Mỗi Huyền Giai Sáng Tạo đều thất phân.

107. When examining such septenates, we find that they are divided into a three and a four—the three (in this instance) being higher.

107. Khi khảo sát những bộ bảy như thế, chúng ta thấy rằng chúng được chia thành một bộ ba và một bộ bốn—bộ ba (trong trường hợp này) là cao hơn.

108. We must ask about the meaning of "the next cycle". Is the next mahamanvantara meant?

108. Chúng ta phải hỏi về ý nghĩa của "chu kỳ kế tiếp". Có phải Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp được hàm ý không?

109. If the higher groups of lunar lords enter directly into the animal evolution of the next mahamanvantara, they should not have to wait until a succeeding mahamanvantara to become human beings. Animals on our chain became human beings *within the chain* and certainly do not have to wait until the onset of another occult century to make the necessary transition into a higher kingdom.

109. Nếu các nhóm cao hơn của các nguyệt tinh quân đi thẳng vào tiến hoá động vật của Đại giai kỳ sinh hóa kế tiếp, thì họ không phải chờ đến một Đại giai kỳ sinh hóa tiếp sau nữa mới trở thành con người. Các động vật trên dãy của chúng ta đã trở thành con người *ngay trong dãy ấy* và chắc chắn không phải chờ đến khi một thế kỷ huyền bí khác bắt đầu mới thực hiện sự chuyển tiếp cần thiết vào một giới cao hơn.

110. We see, when comparing the status of those lunar lords who comprise the quaternic forms of men and those entities who are animals, that the animals are higher in evolutionary development. We are not sure what kinds of animals are meant. All kinds? Or only the higher forms of animals?

110. Khi so sánh địa vị của những nguyệt tinh quân cấu thành các hình tướng tứ phân của con người với những thực thể là động vật, chúng ta thấy rằng động vật cao hơn về mặt phát triển tiến hoá. Chúng ta không chắc những loại động vật nào được nói đến. Mọi loại chăng? Hay chỉ những hình thức động vật cao hơn?

111. In any case, we see that the higher forms of lunar lords are already quite close to the animal kingdom. The animal kingdom is ruled by Mars and so are the lunar lords (EA, 35, Creative Hierarchy VI).

111. Dù sao đi nữa, chúng ta thấy rằng những hình thức cao hơn của các nguyệt tinh quân đã khá gần với giới động vật. Giới động vật được Sao Hỏa cai quản và các nguyệt tinh quân cũng vậy (EA, 35, Huyền Giai Sáng Tạo VI).

112. Interestingly, the lunar lords, apparently, do not enter the plant kingdom. This is probably the case because their origin is lunar—the third chain, correlating with the third kingdom, the animal kingdom.

112. Điều đáng chú ý là các nguyệt tinh quân dường như không đi vào giới thực vật. Có lẽ là vì nguồn gốc của họ là nguyệt tính—dãy thứ ba, tương ứng với giới thứ ba, giới động vật.

113. Lunar lives are transplants from the Moon-chain and, in a way, do not belong to the evolution of the fourth chain at all. They are currently in process of redemption and are being integrated into (grafted into or upon) the life expression of the Earth-chain.

113. Các sự sống nguyệt tính là những sự cấy ghép từ Dãy Mặt Trăng và, theo một nghĩa nào đó, hoàn toàn không thuộc về tiến hoá của Dãy Thứ Tư. Hiện nay họ đang trong tiến trình được cứu chuộc và đang được tích hợp vào (ghép vào hay ghép lên) biểu hiện sự sống của Dãy Địa Cầu.

114. Perhaps we can form an analogy between:

114. Có lẽ chúng ta có thể lập một sự tương đồng giữa:

a. The destiny of the three synthesizing planets and that of the other four sacred planets.

a. Định mệnh của ba hành tinh tổng hợp và định mệnh của bốn hành tinh thiêng liêng còn lại.

b. The destiny of the three Lives informing the three highest kingdoms and the four Lives informing the four lowest.

b. Định mệnh của ba Sự Sống phú linh cho ba giới cao nhất và bốn Sự Sống phú linh cho bốn giới thấp nhất.

c. The three higher types of Solar Angels and the four lower

c. Ba loại Thái dương Thiên Thần cao hơn và bốn loại thấp hơn

d. The three higher types of lunar lords and the four lower

d. Ba loại nguyệt tinh quân cao hơn và bốn loại thấp hơn

115. Perhaps, there is even a division in the types of human beings, such that there are three higher and four lower. This, however, is not so easy to see.

115. Có lẽ thậm chí còn có một sự phân chia trong các loại người, sao cho có ba loại cao hơn và bốn loại thấp hơn. Tuy nhiên, điều này không dễ thấy lắm.

8. The animal evolution…Human kingdom.

8. Tiến hoá động vật…Giới nhân loại.

116. We are assuming that Tabulation VI is organized such that the higher the number, the lower the B/being represented.

116. Chúng ta đang giả định rằng Bảng VI được tổ chức sao cho số càng cao thì Hữu thể được biểu thị càng thấp.

117. In this case, however, we can question such an arrangement, as above we have read that the higher types of lunar lords were destined to enter the animal evolution, and

117. Tuy nhiên, trong trường hợp này chúng ta có thể đặt vấn đề về cách sắp xếp ấy, vì ở trên chúng ta đã đọc rằng các loại nguyệt tinh quân cao hơn được định mệnh đi vào tiến hoá động vật, còn ở đây tiến hoá động

here, the animal evolution is listed below the "lunar Pitris".

vật lại được liệt kê bên dưới "các thái âm tổ phụ".

118. Again, we must question whether the advanced lunar lords enter only certain types of animal forms or whether they will express themselves through *all* types of animal forms.

118. Một lần nữa, chúng ta phải đặt câu hỏi liệu các nguyệt tinh quân tiến bộ chỉ đi vào một số loại hình tướng động vật nhất định hay liệu họ sẽ biểu hiện qua *mọi* loại hình tướng động vật.

119. In any case, animals are destined to enter the human kingdom. This is their natural line of evolution. The lunar lords, on the other hand, are, as it were, being *grafted* onto the evolution proceeding through the Earth-chain.

119. Dù sao đi nữa, động vật được định mệnh đi vào giới nhân loại. Đây là tuyến tiến hoá tự nhiên của chúng. Mặt khác, các nguyệt tinh quân, có thể nói, đang được *ghép* vào tiến hoá đang diễn ra qua Dãy Địa Cầu.

120. Do distinct animal units become separate human beings or do more than one animal enter into the formation of the individual human being? This is not as strange a question as may at first appear. There is a pyramidal structure to the Creative Hierarchies, there being far more distinct units lower in the structure of the pyramid and far fewer as we rise. Thus, the phenomenon of 'group coalescence' is to be seen as lesser forms of life aggregate to constitute greater forms. An example of this is the manner in which *groups* of Solar Angels become Planetary Logoi and, eventually, Solar Logoi.

120. Các đơn vị động vật riêng biệt có trở thành những con người riêng biệt hay có nhiều hơn một động vật đi vào sự hình thành của một con người cá thể? Đây không phải là một câu hỏi kỳ lạ như thoạt đầu có thể tưởng. Có một cấu trúc hình kim tự tháp đối với các Huyền Giai Sáng Tạo, trong đó có nhiều đơn vị riêng biệt hơn rất nhiều ở phần thấp của cấu trúc kim tự tháp và ít hơn nhiều khi chúng ta đi lên. Vì vậy, hiện tượng 'hợp tụ theo nhóm' phải được thấy khi các hình thức sự sống thấp hơn kết tập để cấu thành các hình thức cao hơn. Một ví dụ về điều này là cách mà các *nhóm* Thái dương Thiên Thần trở thành các Chân Linh Hành Tinh và cuối cùng là các Thái dương Thượng đế.

121. VSK inquires: "What is the difference in point "7", "to become men", and point "8", the goal being the "human kingdom"? Same, or what is the difference?

121. VSK hỏi: "Sự khác nhau giữa điểm '7', 'trở thành con người', và điểm '8', với mục tiêu là 'giới nhân loại', là gì? Giống nhau, hay khác ở chỗ nào?"

122. May it be suggested that there is no difference? The higher types of lunar lords will eventually become human beings as

122. Có thể gợi ý rằng không có sự khác nhau chăng? Các loại nguyệt tinh quân cao hơn cuối cùng sẽ trở thành con người cũng

will animals. It is simply that animals will achieve before the lunar lords.

như động vật sẽ như vậy. Chỉ là động vật sẽ đạt được trước các nguyệt tinh quân.

9. The vegetable evolution… The animal kingdom.

9. Tiến hoá thực vật… Giới động vật.

123. VSK states: "This somehow seems odd, since we hear that the vegetable kingdom is more advanced than the animal. Somehow it must seem like a backwards step".

123. VSK nói: "Điều này dường như có phần lạ, vì chúng ta nghe rằng giới thực vật tiến bộ hơn giới động vật. Bằng cách nào đó nó dường như là một bước lùi".

124. May it be suggested that the animal kingdom is, *indeed,* more advanced than the vegetable kingdom, but that the vegetable kingdom (in its place and given its spiritual status) is *relatively* more advanced than the animal kingdom (in its place and given its particular spiritual status).

124. Có thể gợi ý rằng giới động vật *quả thực* tiến bộ hơn giới thực vật, nhưng giới thực vật (trong vị trí của nó và xét theo địa vị tinh thần của nó) lại *tương đối* tiến bộ hơn giới động vật (trong vị trí của nó và xét theo địa vị tinh thần riêng của nó).

125. Another way of saying this is that the vegetable kingdom (given its intended schedule of spiritual evolution) has kept pace with expectations and (like Venus, which ruled the vegetable kingdom) has even outstripped expectation. When it comes to the animal kingdom (associated as it is with the Moon-chain failure) it has *not* kept pace with its intended schedule of spiritual evolution. It is still, relatively, more advanced that its progressive younger Brother, the vegetable kingdom.

125. Một cách khác để nói điều này là giới thực vật (xét theo lịch trình tiến hoá tinh thần đã được dự định của nó) đã theo kịp kỳ vọng và (giống như Sao Kim, vốn cai quản giới thực vật) thậm chí còn vượt quá kỳ vọng. Khi nói đến giới động vật (gắn liền như nó với thất bại của Dãy Mặt Trăng), nó đã *không* theo kịp lịch trình tiến hoá tinh thần đã được dự định của nó. Nó vẫn, một cách tương đối, tiến bộ hơn Huynh Đệ trẻ hơn đang tiến triển của nó là giới thực vật.

126. Does DK have a reason for differentiating between the term "evolution" as in "the animal evolution" and the word "kingdom", as in the "animal kingdom"? It would seem that they are the same, but some important distinction may here be hidden.

126. Liệu Chân sư DK có lý do nào để phân biệt giữa thuật ngữ "tiến hoá" như trong "tiến hoá động vật" và từ "giới" như trong "giới động vật" không? Dường như chúng là một, nhưng có thể ở đây đang ẩn giấu một phân biệt quan trọng nào đó.

10. The mineral evolution… The vegetable kingdom.

10. Tiến hoá khoáng vật… Giới thực vật.

127. We continue to deal with forms of life with which we feel more familiar. Our supposed familiarity does not compensate for the great mystery that lies at the heart of each of these kingdoms.

127. Chúng ta tiếp tục bàn đến những hình thức sự sống mà chúng ta cảm thấy quen thuộc hơn. Sự quen thuộc được cho là ấy không bù đắp được cho huyền nhiệm lớn lao nằm ở trung tâm của mỗi giới này.

128. In TCF DK has discussed the manner in which the members of one kingdom transition to the next higher. The process is (for us) mysterious in the extreme. There are, we are told, transitional forms of life which belong neither to one kingdom or the next. Clearly a mystery is present.

128. Trong TCF, Chân sư DK đã bàn đến cách thức mà các thành viên của một giới chuyển tiếp sang giới cao hơn kế tiếp. Tiến trình này (đối với chúng ta) huyền nhiệm đến tột độ. Chúng ta được bảo rằng có những hình thức sự sống chuyển tiếp không thuộc hẳn về giới này cũng không thuộc hẳn về giới kế tiếp. Rõ ràng ở đây có một huyền nhiệm hiện diện.

11. The four higher grades of lesser Builders on all planes...They will form the manifested double or form of that mysterious third evolution of the next system; that is, the etheric body of the planetary entity. This mysterious life is as yet an unfathomable mystery and one which will not be revealed till the final one of the triplicity of solar systems of our solar Logos.

11. Bốn cấp cao hơn của các vị tiểu kiến tạo trên mọi cõi...Chúng sẽ tạo thành thể đôi hay hình tướng biểu hiện của cuộc tiến hoá thứ ba huyền nhiệm ấy trong hệ thống kế tiếp; tức là thể dĩ thái của thực thể hành tinh. Sự sống huyền nhiệm này hiện vẫn là một huyền nhiệm không thể dò thấu và sẽ không được mặc khải cho đến hệ cuối cùng trong bộ ba các hệ mặt trời của Thái dương Thượng đế chúng ta.

129. Here we find a most interesting reversal. In most of the life groupings above there were a superior three and an inferior four. Here the opposite is the case.

129. Ở đây chúng ta thấy một sự đảo ngược rất thú vị. Trong hầu hết các nhóm sự sống ở trên, có một bộ ba cao hơn và một bộ bốn thấp hơn. Ở đây thì ngược lại.

130. May it be so that when dealing with "M/men", we find a superior three and that, when dealing with devic lives, we find a superior four.

130. Có thể chăng rằng khi bàn đến "con người", chúng ta thấy một bộ ba cao hơn, còn khi bàn đến các sự sống thiên thần, chúng ta thấy một bộ bốn cao hơn?

131. A term like "lesser Builders" is very protean. The eighth (third) Creative Hierarchy is the Hierarchy of Lesser Builders (cf. EA, 35). Lesser Builders, however, are also unconscious lives which are directed rather than directing.

131. Một thuật ngữ như "các vị tiểu kiến tạo" rất đa dạng. Huyền Giai Sáng Tạo thứ tám (thứ ba) là Huyền Giai của các vị tiểu kiến tạo (x. EA, 35). Tuy nhiên, các vị tiểu kiến tạo cũng là những sự sống vô thức được chỉ đạo hơn là chỉ đạo.

132. DK speaks of a destiny within the forthcoming solar system for the four higher grades of lesser Builders. Their four grades will form the four 'layers' of the etheric body of the "Planetary Entity".

132. Chân sư DK nói về một định mệnh trong hệ mặt trời sắp tới dành cho bốn cấp cao hơn của các vị tiểu kiến tạo. Bốn cấp của họ sẽ tạo thành bốn 'lớp' của thể dĩ thái của "Thực Thể Hành Tinh".

133. The lesser builders may be involutionary (in fact, mostly so) and, sometimes, evolutionary lives—at least certain evolutionary devas are referred to as "lesser builders". The "Planetary Entity" is, presently, a great *involutionary* Life, but all this may change in the next solar system and it may a probably will step upon the evolutionary path.

133. Các vị tiểu kiến tạo có thể là những sự sống giáng hạ tiến hoá (thực ra phần lớn là như vậy) và đôi khi là những sự sống thăng thượng tiến hoá—ít nhất một số thiên thần thăng thượng tiến hoá nào đó được gọi là "các vị tiểu kiến tạo". "Thực Thể Hành Tinh" hiện nay là một Sự Sống giáng hạ tiến hoá*vĩ đại*, nhưng tất cả điều này có thể thay đổi trong hệ mặt trời kế tiếp và có lẽ nó sẽ bước lên con đường tiến hoá.

12. The three lower grades of the lesser builders….The physical body in its densest form of the planetary entity.

12. Ba cấp thấp hơn của các vị tiểu kiến tạo….Thể xác ở hình thức đậm đặc nhất của thực thể hành tinh.

134. Such lesser builders must definitely be involutionary at the present time in the process of our second solar system.

134. Những vị tiểu kiến tạo như thế chắc chắn hiện nay phải là giáng hạ tiến hoá trong tiến trình của hệ mặt trời thứ hai của chúng ta.

135. One might think that a body of dense physical matter might not be necessary or even possible in the next solar system. DK does not tell us what type of dense matter will exist at that time or whether it will be comparable to the dense matter of our present, second major, solar system.

135. Người ta có thể nghĩ rằng một thể bằng vật chất hồng trần đậm đặc có thể không cần thiết hay thậm chí không thể có trong hệ mặt trời kế tiếp. Chân sư DK không cho chúng ta biết loại vật chất đậm đặc nào sẽ tồn tại vào thời điểm đó hay liệu nó có thể so sánh được với vật chất đậm đặc của hệ mặt trời lớn thứ hai hiện nay của chúng ta hay không.

136. Whatever the density of the lowest form of matter at that time, the three lower grades of lesser builders will go to its constitution.

136. Dù mật độ của hình thức vật chất thấp nhất vào thời điểm ấy là gì, ba cấp thấp hơn của các vị tiểu kiến tạo sẽ đi vào sự cấu thành của nó.

137. Of course, in point "12" we may be speaking of the physical body of the *Solar*

137. Dĩ nhiên, ở điểm "12" chúng ta có thể đang nói về thể xác của *Thái dương Thượng*

Logos and, above, in point "11", of the etheric body of that Logos. If this is the case, then the physical body under discussion will include matter of the astral and mental planes and the logoic etheric body will include matter of the four cosmic ethers.

đế và ở trên, tại điểm "11", là về thể dĩ thái của Thượng đế ấy. Nếu đúng như vậy, thì thể xác đang được bàn đến sẽ bao gồm vật chất của các cõi cảm dục và trí, còn thể dĩ thái logoi sẽ bao gồm vật chất của bốn dĩ thái vũ trụ.

138. Much depends on the 'reach' of the "Planetary Entity". How 'high' in the cosmic physical plane does it extend? If it is an Entity confined to the lower three subplanes of the cosmic physical plane, then the etheric body and physical body under discussion will be systemic in nature rather than cosmic.

138. Nhiều điều tùy thuộc vào 'tầm với' của "Thực Thể Hành Tinh". Nó vươn 'cao' đến đâu trong cõi hồng trần vũ trụ? Nếu đó là một Thực Thể bị giới hạn trong ba cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ, thì thể dĩ thái và thể xác đang được bàn đến sẽ có bản chất hệ thống chứ không phải vũ trụ.

139. Devic substance is spread throughout the our present cosmic physical plane, and we have to question whether the "lesser builders" are found on all of the seven subplanes of the cosmic physical plane. From one perspective, it seems as if they are. In this regard it will be necessary to study both "monadic essence" and "elemental essence"—both composed of different categories of "lesser builders".

139. Chất liệu thiên thần trải khắp cõi hồng trần vũ trụ hiện nay của chúng ta, và chúng ta phải đặt câu hỏi liệu "các vị tiểu kiến tạo" có được tìm thấy trên cả bảy cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ hay không. Từ một góc nhìn, dường như là có. Về phương diện này, cần phải nghiên cứu cả "tinh chất chân thần" lẫn "Tinh chất hành khí"—cả hai đều được cấu thành từ những loại khác nhau của "các vị tiểu kiến tạo".

TCF 846-848: S7S9 Part III

18 July – 1 August 2008

18 tháng Bảy – 1 tháng Tám 2008

It might here be noted that the planetary Entity [see #11, above] is **the sumtotal of all the elemental lives of the lesser Builders functioning as, or forming, the substance of any particular globe in physical objectivity**.

Cần lưu ý ở đây rằng thực thể hành tinh [xem #11, ở trên] là **tổng thể của tất cả các sự sống hành khí của các vị tiểu kiến tạo đang hoạt động như, hay tạo thành, chất liệu của bất kỳ bầu hành tinh nào trong tính khách quan hồng trần**.

1. The "planetary Entity" is a massive but low order of life.

1. "Thực thể hành tinh" là một hình thức sự sống khổng lồ nhưng thuộc cấp thấp.

2. Within any planetary scheme there are, therefore, *many* planetary Entities, yet it

2. Vì vậy, trong bất kỳ hệ hành tinh nào cũng có *nhiều* thực thể hành tinh, tuy nhiên có thể

may be presumed that (as regards the process occurring within any planetary scheme) all of these may be viewed together as *one* "planetary Entity".

giả định rằng (xét theo tiến trình diễn ra trong bất kỳ hệ hành tinh nào) tất cả những thực thể này có thể được xem chung như *một* "thực thể hành tinh".

3. Elemental lives are not only physical (i.e., to be found upon the systemic physical plane), but are found on all the planes with the physical body of a Planetary Logos (or Solar Logos).

3. Các sự sống hành khí không chỉ là hồng trần (nghĩa là được tìm thấy trên cõi hồng trần hệ thống), mà còn được tìm thấy trên mọi cõi trong thể xác của một Hành Tinh Thượng Đế (hay Thái dương Thượng đế).

4. When DK speaks of "physical objectivity" we must decide whether He is speaking of what the human being calls "objective" or what a Planetary Logos (or Solar Logos) deems as "objective". There is certainly elemental life upon the astral and mental planes, but from the human perspective, such life is not "objective" in the customary sense..

4. Khi Chân sư DK nói về "tính khách quan hồng trần", chúng ta phải quyết định xem Ngài đang nói về điều mà con người gọi là "khách quan" hay điều mà một Hành Tinh Thượng Đế (hay Thái dương Thượng đế) xem là "khách quan". Chắc chắn có sự sống hành khí trên các cõi cảm dục và trí, nhưng từ góc nhìn của con người, sự sống như thế không "khách quan" theo nghĩa thông thường..

5. Further, which globes are in "physical objectivity"? Within our Earth-scheme, for instance, only the fourth globe of the fourth chain is in systemic-physical objectivity, but from the perspective of the Planetary Logos (or Solar Logos), perhaps there are at least some aspects of *all* globes which are in physical objectivity. (We leave out of this consideration the thought that there may be globes the lowest stratum of which is found on the cosmic etheric planes.)

5. Hơn nữa, những bầu hành tinh nào ở trong "tính khách quan hồng trần"? Chẳng hạn, trong hệ Địa Cầu của chúng ta, chỉ có bầu thứ tư của dãy thứ tư là ở trong tính khách quan hồng trần hệ thống, nhưng từ góc nhìn của Hành Tinh Thượng Đế (hay Thái dương Thượng đế), có lẽ ít nhất cũng có một số phương diện của *mọi* bầu hành tinh ở trong tính khách quan hồng trần. (Chúng ta không xét ở đây ý nghĩ rằng có thể có những bầu hành tinh mà tầng thấp nhất của chúng nằm trên các cõi dĩ thái vũ trụ.)

6. From what is said below, it appears that, from the solar logoic perspective, the lesser lives to be found upon the higher mental plane must *also* be considered as "elemental".

6. Từ những gì được nói ở dưới, có vẻ như từ góc nhìn logoi thái dương, các sự sống nhỏ hơn được tìm thấy trên cõi thượng trí cũng *phải* được xem là "hành khí".

7. One wonders about the further development of this massive form of elemental life. Below, DK extends our vision

7. Người ta tự hỏi về sự phát triển xa hơn của hình thức sự sống hành khí khổng lồ này. Ở dưới, Chân sư DK mở rộng tầm nhìn của

towards the next solar system when the "planetary Entity", the 'planetary Entities' and the still more encompassing 'solar Entity' will emerge into cons as a third form of life accompanying--

chúng ta hướng về hệ mặt trời kế tiếp khi "thực thể hành tinh", các 'thực thể hành tinh' và 'thực thể thái dương' bao quát hơn nữa sẽ xuất hiện vào cons như một hình thức sự sống thứ ba đi kèm với--

a. Devic life

a. sự sống thiên thần

b. Human and subhuman life

b. sự sống con người và dưới-người

The mystery of the whole subject lies hidden in three things:

Huyền nhiệm của toàn bộ chủ đề này ẩn giấu trong ba điều:

First, the fact that our three planes, physical, astral, and mental, form the dense body of the solar Logos, and are therefore not considered as forming principles.

Thứ nhất, sự kiện rằng ba cõi của chúng ta—hồng trần, cảm dục và trí—tạo thành thể đậm đặc của Thái dương Thượng đế, và vì vậy không được xem là tạo thành các nguyên khí.

8. This includes the devic lives to be found upon the higher mental plane—a plane which, technically, is within the *dense* physical body of the Solar Logos, though, from one perspective, *not* in the dense physical body of the *Planetary* Logos.

8. Điều này bao gồm các sự sống thiên thần được tìm thấy trên cõi thượng trí—một cõi mà về mặt kỹ thuật nằm trong thể hồng trần *đậm đặc* của Thái dương Thượng đế, dù từ một góc nhìn, *không* nằm trong thể hồng trần đậm đặc của *Hành Tinh* Thượng Đế.

9. It is impossible to consider the Solar Pitris as *unprincipled* solar logoic substance, yet such Pitris are often spoken of in terms of substance. It would seem important, therefore, to differentiate the unprincipled substance to be found on the systemic higher mental plane from that type of solar logoic substance which we think of as 'solar pitric' substance.

9. Không thể xem các thái dương tổ phụ là chất liệu logoi thái dương *không nguyên khí*, tuy nhiên các tổ phụ ấy thường được nói đến theo thuật ngữ chất liệu. Vì vậy, dường như điều quan trọng là phải phân biệt chất liệu không nguyên khí được tìm thấy trên cõi thượng trí hệ thống với loại chất liệu logoi thái dương mà chúng ta nghĩ đến như chất liệu 'thái dương pitri'.

10. We must remember that "energy", "force", "substance" and "matter" can, from one perspective, be considered identical.

10. Chúng ta phải nhớ rằng "năng lượng", "mãnh lực", "chất liệu" và "vật chất", từ một góc nhìn nào đó, có thể được xem là đồng nhất.

It was the result of the internal decision on the part of the planetary Logos to turn His

Đó là kết quả của quyết định nội tại từ phía Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài chuyển sự

attention away from the act of creation on the systemic mental plane to the work of progressive evolution. This caused a cessation of certain types of activity, producing a quiescence in certain of His centres, and an increased activity in others. It also had an effect upon the solar Angels, and consequently upon the Heart of the solar system from whence they are drawn. **Floods of energy or streams of force from the heart of the sun (the subjective Sun) were arrested and directed elsewhere, while the Pitris already active began to centre their attention upon the work begun, and temporarily new beginnings were out of order.** It must not be forgotten here that the work of the solar Pitris from their point of view, is not primarily the evolution of man, but is the process of their own development within the plan of the solar Logos. The evolution of the human race is, for them, but a method. (TCF 843)

chú ý của Ngài ra khỏi hành vi sáng tạo trên cõi trí hệ thống để hướng đến công việc tiến hoá tuần tự. Điều này gây ra sự chấm dứt của một số loại hoạt động nhất định, tạo nên sự tĩnh lặng trong một số trung tâm của Ngài, và sự gia tăng hoạt động trong những trung tâm khác. Điều đó cũng có ảnh hưởng lên các Thái dương Thiên Thần, và do đó lên Trái Tim của hệ mặt trời, từ đó họ được rút ra. **Những dòng năng lượng hay những luồng mãnh lực từ trái tim của mặt trời (Mặt Trời chủ quan) đã bị chặn lại và chuyển hướng đi nơi khác, trong khi các tổ phụ đã hoạt động thì bắt đầu tập trung sự chú ý của họ vào công việc đã khởi sự, và tạm thời những khởi đầu mới không còn được đặt ra.** Ở đây không được quên rằng công việc của các thái dương tổ phụ, từ quan điểm của họ, không chủ yếu là tiến hoá của con người, mà là tiến trình phát triển của chính họ trong Thiên Cơ của Thái dương Thượng đế. Đối với họ, tiến hoá của nhân loại chỉ là một phương pháp. (TCF 843)

The **second** fact is that the lesser "lives" or the elemental essence are the "refuse" of **an** earlier system, **and react to inherent impulses so powerfully** that it was only possible to control them **through the dynamic will of the Logos, consciously applied**.

Sự kiện thứ hai là các "sự sống" nhỏ hơn hay tinh chất hành khí là "phế liệu" của **một** hệ thống trước đó, **và đáp ứng với những xung lực cố hữu mạnh mẽ đến mức** chỉ có thể kiểm soát chúng **qua ý chí năng động của Thượng đế, được áp dụng một cáchhữu thức**.

11. Here we have a very important section of text. The elemental “refuse” of an earlier solar system (and note that DK does not necessarily indicate the *immediately* previous solar system), must be associated with those forms of human life who are called the “failures” of the previous solar system.

11. Ở đây chúng ta có một đoạn văn rất quan trọng. “Phế liệu” hành khí của một hệ mặt trời trước đó (và lưu ý rằng Chân sư DK không nhất thiết chỉ ra hệ mặt trời *ngay liền trước*), phải được liên kết với những hình thức sự sống con người được gọi là những “thất bại” của hệ mặt trời trước.

12. A number of subjects are to be considered in relation as follows:

12. Có một số chủ đề cần được xem xét trong mối liên hệ như sau:

a. The quality of energy-substance/force-matter of the previous major and minor solar systems.

a. Phẩm tính của năng lượng-chất liệu/mãnh lực-vật chất của các hệ mặt trời lớn và nhỏ trước đây.

b. The "planetary Entity", the 'planetary Entities' and the composite 'solar Entity' made of all the 'planetary Entities'.

b. "Thực thể hành tinh", các 'thực thể hành tinh' và 'thực thể thái dương' tổng hợp được tạo nên từ tất cả các 'thực thể hành tinh'.

c. The role of the Lives which inform the aggregate of the lowest grade involutionary lives of any particular globe, grouping of globes within a planetary scheme, and the total grouping of globes within our solar system.

c. Vai trò của các Sự Sống phú linh cho tổng thể các sự sống giáng hạ tiến hoá cấp thấp nhất của bất kỳ bầu hành tinh riêng biệt nào, của một nhóm các bầu hành tinh trong một hệ hành tinh, và của toàn bộ nhóm các bầu hành tinh trong hệ mặt trời chúng ta.

d. The discrimination of the nature of these informing Lives from the aggregates of involutionary lives they inform.

d. Sự phân biện bản chất của các Sự Sống phú linh này với các tổng thể sự sống giáng hạ tiến hoá mà chúng phú linh.

e. The failures of the previous solar system

e. Những thất bại của hệ mặt trời trước

f. The quality of energy-substance/force-matter which characterized life upon the Moon-chain.

f. Phẩm tính của năng lượng-chất liệu/mãnh lực-vật chất đã đặc trưng cho sự sống trên Dãy Mặt Trăng.

g. The human beings who migrated from the Moon-chain to the Earth-chain just as certain human beings migrated from the previous solar system to the present one.

g. Những con người đã di cư từ Dãy Mặt Trăng sang Dãy Địa Cầu cũng như một số con người đã di cư từ hệ mặt trời trước sang hệ mặt trời hiện tại.

h. The nature, role and function of the lunar lords within the Earth-chain, and the Earth-globe.

h. Bản chất, vai trò và chức năng của các nguyệt tinh quân trong Dãy Địa Cầu và trên bầu Địa Cầu.

i. The place of the "lesser Builders" in relation to the energy-substance/force-matter of the previous solar system, of the Moon-chain, and in relation to the processes intended to occur within the present solar system and the Earth-chain/Earth-globe.

i. Vị trí của "các vị tiểu kiến tạo" trong mối liên hệ với năng lượng-chất liệu/mãnh lực-vật chất của hệ mặt trời trước, của Dãy Mặt Trăng, và trong mối liên hệ với các tiến trình được dự định xảy ra trong hệ mặt trời hiện tại và Dãy Địa Cầu/bầu Địa Cầu.

13. It is clear that we are taking on a vast and obscure subject.

13. Rõ ràng là chúng ta đang đảm nhận một chủ đề bao la và mờ tối.

14. We see that our Solar Logos has a difficult task in controlling the involutionary through which the 'solar Entity' is expressing, just as our Planetary Logos has a very difficult task controlling the aggregate of involutionary lives through which our particular "planetary Entity" is expressing.

14. Chúng ta thấy rằng Thái dương Thượng đế của chúng ta có một nhiệm vụ khó khăn trong việc kiểm soát cái giáng hạ tiến hoá mà qua đó 'thực thể thái dương' đang biểu hiện, cũng như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có một nhiệm vụ rất khó khăn trong việc kiểm soát tổng thể các sự sống giáng hạ tiến hoá mà qua đó "thực thể hành tinh" riêng của chúng ta đang biểu hiện.

15. The difficulty of these tasks is analogous to the task which faces every human being when he tries to control his lunar vehicles and the tiny elemental lives composing them.

15. Sự khó khăn của những nhiệm vụ này tương đồng với nhiệm vụ đối diện với mỗi con người khi y cố gắng kiểm soát các vận cụ nguyệt tính của mình và những sự sống hành khí nhỏ bé cấu thành chúng.

16. We are learning something about the initiatory task facing both our Solar Logos and our Planetary Logos: We are also learning that the human being must utilize (on his own tiny scaled) "the dynamic will… consciously applied". It appears from what is said that some degree of control has been exerted by our Solar Logos, as the past tense "it was" is used.

16. Chúng ta đang học được điều gì đó về nhiệm vụ điểm đạo đối diện với cả Thái dương Thượng đế lẫn Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta: chúng ta cũng đang học rằng con người phải sử dụng (trên quy mô nhỏ bé của riêng y) "ý chí năng động… được áp dụng một cách hữu thức". Từ những gì được nói, có vẻ như một mức độ kiểm soát nào đó đã được Thái dương Thượng đế của chúng ta vận dụng, vì thì quá khứ "đã là" được dùng.

17. We are discussing the principle of inertia on a systemic, planetary and human scale. By inference we can extend the discussion to a cosmic scale.

17. Chúng ta đang bàn đến nguyên lý quán tính trên quy mô hệ thống, hành tinh và con người. Bằng suy luận, chúng ta có thể mở rộng cuộc bàn luận này đến quy mô vũ trụ.

The word "refuse" must be interpreted analogically, and as is understood when it is said that **man gathers to himself in each fresh incarnation matter to form his dense physical body which is tinged with the earlier vibrations of preceding incarnations.**

Từ "phế liệu" phải được diễn giải theo định luật tương đồng, và như được thấu hiểu khi nói rằng **con người tự thu hút về mình trong mỗi lần nhập thể mới vật chất để tạo thành thể xác đậm đặc của mình, thứ vật chất đã nhuốm những rung động trước đó của các lần nhập thể đi trước.**

18. DK offers a clarification. The term "refuse" seems to indicate matter which was not successfully integrated into the plans and purposes of the Solar Logos as He expressed through previous solar systems (and especially, through the major solar system immediately preceding our own).

18. Chân sư DK đưa ra một sự làm sáng tỏ. Thuật ngữ "phế liệu" dường như chỉ vật chất đã không được tích hợp thành công vào các kế hoạch và mục đích của Thái dương Thượng đế khi Ngài biểu hiện qua các hệ mặt trời trước (và đặc biệt là qua hệ mặt trời lớn ngay trước hệ của chúng ta).

19. The matter to be gathered has not yet achieved the initiatory vibrational level which will be achieved when the indwelling Life (in this case our Solar Logos) has taken its fourth initiation.

19. Vật chất được thu hút vào vẫn chưa đạt đến cấp độ rung động điểm đạo sẽ đạt được khi Sự Sống nội tại (trong trường hợp này là Thái dương Thượng đế của chúng ta) đã trải qua lần điểm đạo thứ tư của Ngài.

20. At the onset of our particular solar system, the Solar Logos had not yet completed His task of transforming the lower type of matter in question. Complete redemption of this earlier energy-substance/force-matter will, we gather, be completed during the next and final solar system in this series of solar systems.

20. Khi hệ mặt trời riêng của chúng ta khởi đầu, Thái dương Thượng đế vẫn chưa hoàn tất nhiệm vụ chuyển đổi loại vật chất thấp hơn đang được nói đến. Sự cứu chuộc hoàn toàn năng lượng-chất liệu/mãnh lực-vật chất sớm hơn này, theo chúng ta hiểu, sẽ được hoàn tất trong hệ mặt trời kế tiếp và cuối cùng trong chuỗi các hệ mặt trời này.

21. When a human being has not yet achieved the fourth initiation, he still has much to do to redeem the matter through which he expresses in the three lower worlds. Once he has taken this initiation, he no longer incarnates in the usual way and, thus, no longer re-gathers for his vehicles of expression unredeemed (or insufficiently redeemed) matter or the "refuse" of his previous incarnations.

21. Khi một con người chưa đạt đến lần điểm đạo thứ tư, y vẫn còn rất nhiều việc phải làm để cứu chuộc vật chất mà qua đó y biểu hiện trong ba cõi thấp. Một khi đã trải qua lần điểm đạo này, y không còn lâm phàm theo cách thông thường nữa và vì vậy không còn tái thu hút cho các vận cụ biểu hiện của mình thứ vật chất chưa được cứu chuộc (hay chưa được cứu chuộc đầy đủ), tức "phế liệu" của các lần nhập thể trước của y.

22. We can see how the study of this particular analogy can clarify our minds regarding the regathering process for both the Solar Logos and human being. Of course, we must include the various Planetary Logoi in our consideration.

22. Chúng ta có thể thấy việc nghiên cứu sự tương đồng đặc biệt này có thể làm sáng tỏ trí tuệ chúng ta về tiến trình tái thu hút đối với cả Thái dương Thượng đế lẫn con người. Dĩ nhiên, chúng ta phải bao gồm các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau trong sự xem xét của mình.

These "lives"

23. The “lesser lives”, the involutionary lives —the “lesser Builders”.

have been gradually drawn in during the entire mahamanvantara as **it became safe** and **possible to control and bend them to the will of the greater Builders**.

24. This is an interesting statement. It seems to suggest that, perhaps, not *all* the residual lesser lives from the previous solar system were simultaneously gathered into the structure of the present solar system. There seems to be a *phased ingathering* of such lives, building them into the present system only as it becomes possible for the higher forms of devic Lives (the “greater Builders”) within the present solar system to control them.

25. It can be inferred that the lives under discussion are retained within a “reservoir of life” until they can be drawn in.

26. There is probably an analogy relating to the manner in which a human being re-gathers previously utilized lesser lives during the incarnation though which he is presently passing.

27. Perhaps the dynamics of the life cycle of the human being (from birth to youth to maturity and on into old age) may tell us something about the phased appropriation and utilization of previously tinged lesser lives.

28. Just as the Solar Logos apparently does not gather all previously tinged lesser lives

Những "sự sống" này

23. Các “sự sống nhỏ hơn”, các sự sống giáng hạ tiến hoá—“các vị tiểu kiến tạo”.

đã được dần dần thu hút vào trong suốt Đại giai kỳ sinh hóa khi **việc đó trở nên an toàn** và **có thể kiểm soát và uốn chúng theo ý chí của các đấng đại kiến tạo**.

24. Đây là một phát biểu thú vị. Nó dường như gợi ý rằng có lẽ không phải *tất cả* các sự sống nhỏ hơn còn sót lại từ hệ mặt trời trước đều đồng thời được thu hút vào cấu trúc của hệ mặt trời hiện tại. Dường như có một *sự thu hút vào theo từng giai đoạn* của các sự sống như thế, xây dựng chúng vào hệ hiện tại chỉ khi nào các hình thức cao hơn của các Sự Sống thiên thần (các “đấng đại kiến tạo”) trong hệ mặt trời hiện tại có thể kiểm soát chúng.

25. Có thể suy ra rằng các sự sống đang được bàn đến được giữ lại trong một “hồ chứa sự sống” cho đến khi chúng có thể được thu hút vào.

26. Có lẽ có một sự tương đồng liên quan đến cách mà một con người tái thu hút các sự sống nhỏ hơn đã được sử dụng trước đây trong lần nhập thể mà hiện nay y đang trải qua.

27. Có lẽ động lực của chu kỳ sự sống của con người (từ sinh ra đến tuổi trẻ đến trưởng thành rồi sang tuổi già) có thể cho chúng ta biết điều gì đó về sự chiếm dụng và sử dụng theo từng giai đoạn các sự sống nhỏ hơn đã bị nhuốm trước đó.

28. Cũng như Thái dương Thượng đế dường như không thu hút tất cả các sự sống nhỏ

into His present incarnational expression, so it may be for the human being, gathering more and more of such substance as he grows towards maturity and *greater control.*

hơn đã bị nhuốm trước đó vào biểu hiện nhập thể hiện tại của Ngài, con người cũng có thể như vậy, thu hút ngày càng nhiều chất liệu như thế khi y lớn lên hướng tới sự trưởng thành và *sự kiểm soát lớn hơn.*

Much of the earlier energy-substance in systemic construction has been passed on into that force-matter which we call that of the lunar Pitris, and **its place has gradually been taken by this type of energy**, gathered in from the greater sphere in which our Logos has place.

Phần lớn chất liệu-năng lượng trước kia trong sự kiến tạo hệ thống đã được chuyển vào lực-vật chất mà chúng ta gọi là của các thái âm tổ phụ, và **vị trí của nó đã dần dần được loại năng lượng này thay thế**, được thu hút từ khối cầu lớn hơn trong đó Thượng đế của chúng ta có chỗ đứng.

29. We seem to be dealing here with a replacement of substances.

29. Ở đây dường như chúng ta đang bàn đến một sự thay thế các chất liệu.

30. The "lunar Pitris" (we again see) are referred to as a particular type of force-matter". We note, in this instance, the order of the words, with the term "force" preceding that of matter.

30. "Các thái âm tổ phụ" (như ta lại thấy) được nói đến như một loại lực-vật chất đặc thù". Trong trường hợp này, ta lưu ý trật tự của các từ, với từ "lực" đứng trước từ vật chất.

31. The lunar pitris seem to be those forms of lesser lives through which the "earlier energy-substance" (again note the order of the words) is being built-up, elevated or transformed (in this solar system). The earlier energy-substance is thus being *incorporated* into certain *forms* within the present solar system. Incorporation results in elevation through exposure to systemically sanctioned patterns.

31. Các thái âm tổ phụ dường như là những hình tướng của các sự sống nhỏ hơn, qua đó "chất liệu-năng lượng trước kia" (một lần nữa hãy lưu ý trật tự của các từ) đang được xây dựng lên, nâng cao hoặc chuyển đổi (trong hệ mặt trời này). Vì vậy, chất liệu-năng lượng trước kia đang được *kết nhập* vào những *hình tướng* nhất định trong hệ mặt trời hiện tại. Sự kết nhập dẫn đến sự nâng cao thông qua việc được đặt dưới những mô hình được hệ thống chuẩn thuận.

32. As replacement of "earlier energy-substance" by what we might call '*present* energy-substance' is needed, there must be an ingathering of such substance from the reservoir of life to which our Solar Logos has access by right of His participation in the "greater sphere" (probably of the Cosmic Logos in which our Logos holds place).

32. Vì sự thay thế "chất liệu-năng lượng trước kia" bằng điều mà ta có thể gọi là '*chất liệu-năng lượng* hiện tại' là cần thiết, nên phải có một sự thu hút chất liệu ấy từ kho dự trữ của sự sống mà Thái dương Thượng đế của chúng ta có quyền tiếp cận nhờ sự tham dự của Ngài vào "khối cầu lớn hơn" (có lẽ là

của Thượng đế Vũ Trụ trong đó Thượng đế của chúng ta giữ vị trí).

33. Thus, the older, "earlier energy-substance" is built into lunar pitric forms, and is replaced by energy-substance drawn from the great reservoir of life associated with the sphere of the Cosmic Logos.

33. Như vậy, chất liệu-năng lượng cũ hơn, "trước kia", được xây dựng vào các hình tướng thái âm tổ phụ, và được thay thế bằng chất liệu-năng lượng được rút ra từ kho dự trữ lớn của sự sống gắn liền với khối cầu của Thượng đế Vũ Trụ.

The twelve evolutions

mười hai tiến hoá

34. By the "twelve evolutions" DK seems to be indicating the Twelve Creative Hierarchies.

34. Qua "mười hai tiến hoá", Chân sư DK dường như đang chỉ đến Mười Hai Huyền Giai Sáng Tạo.

35. Given that life is all-pervasive and must necessarily be found expressing through *all* cosmic planes and subplanes, there must necessarily be far more than *twelve* evolutions. It can be supposed, however, that the twelve mentioned are those about which human being can know even a little.

35. Vì sự sống thấm khắp mọi nơi và tất yếu phải được tìm thấy đang biểu lộ qua *mọi* cõi và cõi phụ vũ trụ, nên tất yếu phải có nhiều hơn *mười hai* tiến hoá. Tuy nhiên, có thể giả định rằng mười hai tiến hoá được nhắc đến là những tiến hoá mà con người có thể biết được dù chỉ một ít.

are after all but the twelve types of energy,

rốt cuộc chỉ là mười hai loại năng lượng,

36. DK has often told us that He wishes us to think in terms of energies and forces and not so much in terms of entities and personalities.

36. Chân sư DK thường nói với chúng ta rằng Ngài muốn chúng ta suy nghĩ theo các năng lượng và mãnh lực chứ không quá nhiều theo các thực thể và phàm ngã.

manifesting ever in three groups of forces,

biểu lộ luôn luôn trong ba nhóm mãnh lực,

37. We are dealing with the principle of the trinity. Each energy expresses through three groups of forces. On the human level, the soul expresses itself through the three personality vehicles which are three groups of forces.

37. Chúng ta đang bàn đến nguyên lý tam vị. Mỗi năng lượng biểu lộ qua ba nhóm mãnh lực. Ở cấp độ con người, linh hồn biểu lộ chính nó qua ba vận cụ phàm ngã, vốn là ba nhóm mãnh lực.

38. We understand that the important number forty-nine is involved in these

38. Chúng ta hiểu rằng con số quan trọng bốn mươi chín có liên quan đến các nhóm

groupings. Twelve types, each expressing as three, make forty-eight. When all twelve and their expression are taken as a whole, the forty-nine is produced.

này. Mười hai loại, mỗi loại biểu lộ thành ba, tạo nên bốn mươi tám. Khi cả mười hai và sự biểu lộ của chúng được xét như một toàn thể, số bốn mươi chín được tạo ra.

and again as one group when synthesised during the process of manifestation.

và lại như một nhóm khi được tổng hợp trong tiến trình biểu lộ.

39. It seems that the twelve are to be considered as one, just as the twelvefold zodiac is to be considered (at its final stage of development) as a synthesized unity.

39. Dường như mười hai phải được xem là một, cũng như hoàng đạo mười hai phần phải được xem (ở giai đoạn phát triển cuối cùng của nó) như một hợp nhất được tổng hợp.

They are fourfold in interaction, and have **a systemic ebb and flow about which little is known**.

Chúng là tứ phân trong sự tương tác, và có **một sự lên xuống theo hệ thống mà người ta biết rất ít**.

40. VSK queries: "These three groups would be analogous to cardinal, fixed, and mutable? And, fourfold in interaction relating to fire earth air and water?"

40. VSK nêu câu hỏi: "Ba nhóm này có tương tự với chủ yếu, cố định và biến đổi không? Và tứ phân trong sự tương tác có liên hệ với lửa, đất, khí và nước không?"

41. May it be suggested that astrological analogies can be related to what is said. While the Twelve Creative Hierarchies can be directly related to the twelve zodiacal signs, they are certainly not identical.

41. Có thể gợi ý rằng các loại suy chiêm tinh có thể liên hệ với điều được nói ở đây. Tuy Mười Hai Huyền Giai Sáng Tạo có thể được liên hệ trực tiếp với mười hai dấu hiệu hoàng đạo, chúng chắc chắn không đồng nhất.

42. It is not immediately apparent what DK means by the term "interaction". Is He saying that the twelve (as a twelvefold unit) have four modes of interaction amongst themselves, or that *each* of the twelve expresses (in totality) as a quadruplicity? Each of the twelve, as well, having a "systemic ebb and flow".

42. Không dễ thấy ngay Chân sư DK muốn nói gì qua từ "tương tác". Ngài đang nói rằng mười hai (như một đơn vị mười hai phần) có bốn phương thức tương tác giữa chúng với nhau, hay rằng *mỗi* một trong mười hai biểu lộ (trong toàn thể) như một bộ bốn? Đồng thời, mỗi một trong mười hai cũng có một "sự lên xuống theo hệ thống".

43. If we focus on the twelve (taken together) as having four modes of interaction, then, naturally, such modes of interaction could be related to those four

43. Nếu chúng ta tập trung vào mười hai (được xét chung) như có bốn phương thức tương tác, thì dĩ nhiên các phương thức tương tác ấy có thể được liên hệ với bốn

modes of energy-force expression we call the "four elements".

44. DK is speaking of the ways in which the twelve groupings of lives emerge into prominence and then subside during distinct cyclic periods, this emergence and subsiding due to a flowing and ebbing of solar logoic energy.

Third, the fact of the coming into incarnation of the [Page 846] **informing "life" of this low grade substance**, who is an **entity from a point in the Heavens which may not be mentioned**:

45. We are being given another perspective upon the planetary Entity (or perhaps, as well, upon its higher counterpart on a solar systemic level, which we have been calling the 'solar Entity').

46. We see we must differentiate between the "low grade substance" *itself* and the "informing life" *within* this low grade substance.

47. When DK speaks of "a point in the Heavens", we do not know whether He is speaking *cosmically* (i.e., extra-systemically) or systemically.

48. It could be that He is speaking of the "comic Moon" (a decaying solar system or constellation) which stands in relation to our present solar system as Earth's Moon stands in relation to the Earth-chain.

49. If we are speaking of an Entity associated with our solar system's cosmic Moon, is it important for the safe development of the

phương thức biểu lộ năng lượng-lực mà chúng ta gọi là "bốn nguyên tố".

44. Chân sư DK đang nói về những cách mà mười hai nhóm sự sống nổi lên thành nổi bật rồi lại lắng xuống trong những chu kỳ riêng biệt, sự nổi lên và lắng xuống này là do sự chảy ra và rút lại của năng lượng thái dương thượng đế.

Thứ ba, sự kiện về sự lâm phàm của [Page 846] **"sự sống" phú linh cho chất liệu cấp thấp này**, vốn là một **thực thể đến từ một điểm trên Thiên giới không thể được nhắc đến**:

45. Chúng ta đang được trao cho một góc nhìn khác về Thực Thể Hành Tinh (hoặc có lẽ cả về đối phần cao hơn của nó ở cấp độ hệ mặt trời, mà chúng ta đã gọi là 'thực thể thái dương').

46. Chúng ta thấy phải phân biệt giữa bản thân "chất liệu cấp thấp" *tự nó* và "sự sống phú linh" *bên trong* chất liệu cấp thấp này.

47. Khi Chân sư DK nói về "một điểm trên Thiên giới", chúng ta không biết liệu Ngài đang nói theo nghĩa *vũ trụ* (tức ngoài hệ thống) hay theo nghĩa hệ thống.

48. Có thể Ngài đang nói về "Mặt Trăng vũ trụ" (một hệ mặt trời hay chòm sao đang tan rã), vốn đứng trong tương quan với hệ mặt trời hiện tại của chúng ta như Mặt Trăng của Trái Đất đứng trong tương quan với Dãy Địa Cầu.

49. Nếu chúng ta đang nói về một Thực Thể gắn với Mặt Trăng vũ trụ của hệ mặt trời chúng ta, thì việc nhân loại *không biết* nó ở

human race that humanity *not know* where it is located? Perhaps.

50. The Entity of which we are speaking, therefore, could be *intra*-systemic, or if not an integral part of the present solar system, at least directly related to the Solar Logos Who expressed both through the previous solar system and the present one. Many great Entities have originated and are evolving intra-systemically—the Planetary Logoi and the three Logoi subsidiary to the Solar Logos are among them.

51. On the other hand, we could be speaking of an *extra-systemic* Entity altogether—one which did not originate within the life expression of our Solar Logos, and which was drawn in to inform residual solar logoic substance. Later, however, there emerges a reason for us not to hold the extra-systemic option to firmly. (The discussion on the "beast" and its origin in relation to the dense physical globe of the Moon-chain is to be considered in this regard.)

He embodies influences of a manasic nature, but manas at its very lowest vibration.

52. We are perhaps dealing with two types of Entities. There is the composite "planetary Entity" which embodies the elemental substance of our Earth-scheme expression, but on solar logoic levels, there may also be a 'solar Entity', which embodies such substance *throughout the solar system* and not only in relation to our planet or some other planet.

53. One must attempt to follow DK as He moves, apparently unannounced, from the

đâu có quan trọng đối với sự phát triển an toàn của nhân loại không? Có lẽ vậy.

50. Vì thế, Thực Thể mà chúng ta đang nói đến có thể là *nội*-hệ thống, hoặc nếu không phải là một phần toàn vẹn của hệ mặt trời hiện tại, thì ít nhất cũng liên hệ trực tiếp với Thái dương Thượng đế, Đấng đã biểu lộ qua cả hệ mặt trời trước lẫn hệ mặt trời hiện tại. Nhiều Thực Thể vĩ đại đã phát sinh và đang tiến hoá trong nội hệ thống—các Hành Tinh Thượng Đế và ba Thượng đế phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế nằm trong số đó.

51. Mặt khác, chúng ta cũng có thể đang nói về một Thực Thể hoàn toàn *ngoài hệ thống*—một Thực Thể không phát sinh trong biểu lộ sự sống của Thái dương Thượng đế của chúng ta, và đã được thu hút vào để phú linh cho chất liệu thái dương thượng đế còn sót lại. Tuy nhiên, về sau xuất hiện một lý do khiến chúng ta không nên giữ quá chặt khả năng ngoài hệ thống này. (Cuộc bàn luận về "con thú" và nguồn gốc của nó liên hệ với bầu hành tinh hồng trần đậm đặc của Dãy Mặt Trăng cần được xét trong phương diện này.)

Y hiện thân các ảnh hưởng có bản chất manas, nhưng manas ở mức rung động thấp nhất của nó.

52. Có lẽ chúng ta đang bàn đến hai loại Thực Thể. Có "thực thể hành tinh" tổng hợp, hiện thân cho chất liệu hành khí của biểu lộ hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta, nhưng ở các cấp độ thái dương thượng đế, cũng có thể có một 'thực thể thái dương', hiện thân cho chất liệu ấy *khắp hệ mặt trời* chứ không chỉ liên hệ với hành tinh chúng ta hay một hành tinh nào khác.

53. Người ta phải cố gắng theo sát Chân sư DK khi Ngài chuyển, dường như không báo

globe level, to chain and scheme levels and thence to the solar systemic level.

trước, từ cấp độ bầu hành tinh sang các cấp độ dãy và hệ hành tinh, rồi từ đó sang cấp độ hệ mặt trời.

54. The Moon-chain analogies are further reinforced by the statement about the manasic nature of this Entity. The informing Life of the Moon-chain was of a manasic nature. The informing Life or Entity of the low grade substance under discussion is also "of a manasic nature".

54. Các loại suy về Dãy Mặt Trăng càng được củng cố thêm bởi phát biểu về bản chất manas của Thực Thể này. Sự Sống phú linh của Dãy Mặt Trăng có bản chất manas. Sự Sống hay Thực Thể phú linh cho chất liệu cấp thấp đang được bàn đến cũng "có bản chất manas".

55. The simple point to be derived is that there is a older type of energy-substance expressing as force-matter which (whether in relation to a human being, a Planetary Logos or Solar Logos) must be redeemed or 'made *present*'—i.e., brought up to *present standards.* This is an immense evolutionary task for all three—the human being, the Planetary Logos or the Solar Logos.

55. Điểm đơn giản cần rút ra là có một loại chất liệu-năng lượng cũ hơn biểu lộ như lực-vật chất, mà (dù liên hệ với một con người, một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế) phải được cứu chuộc hoặc 'làm cho *hiện tại*'—tức là được nâng lên tới *những tiêu chuẩn hiện tại.* Đây là một nhiệm vụ tiến hoá vô cùng lớn lao đối với cả ba—con người, Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế.

Perhaps some idea of this may be gathered if it is stated that there is a resemblance between **this vibration, or this energising life**, and the basic vibration of the solar system preceding this one.

Có lẽ có thể nắm được phần nào ý niệm này nếu nói rằng có một sự tương tự giữa **rung động này, hay sự sống tiếp sinh lực này**, và rung động căn bản của hệ mặt trời đi trước hệ này.

56. The vibration of our planetary Entity or (on an expanded scale) of the 'solar Entity' is being compared to the basic or fundamental vibration of the solar system preceding this solar system.

56. Rung động của thực thể hành tinh của chúng ta hay (trên một quy mô mở rộng hơn) của 'thực thể thái dương' đang được so sánh với rung động căn bản hay nền tảng của hệ mặt trời đi trước hệ mặt trời này.

57. The planetary Entity (or corresponding 'solar Entity') as an "energising life" is being call, alternatively a "vibration".

57. Thực thể hành tinh (hay 'thực thể thái dương' tương ứng), như một "sự sống tiếp sinh lực", cũng được gọi theo cách khác là một "rung động".

58. It appears that these low-grade Entities (whether on a planetary or solar systemic level) carry the basic vibration of the

58. Có vẻ như các Thực Thể cấp thấp này (dù ở cấp độ hành tinh hay hệ mặt trời) mang

previous major solar system into our present solar system.

rung động căn bản của đại hệ mặt trời trước vào hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

We must remember that our basic vibration was the result of the evolutionary process of the entire earlier system.

Chúng ta phải nhớ rằng rung động căn bản của chúng ta là kết quả của tiến trình tiến hoá của toàn bộ hệ thống trước kia.

59. We are speaking of the "Primordial Ray" (the third) or, in another sense, of the fundamental vibration on which our entire solar system is built. We are speaking of a great vibration FA or F, and all vibrations within the Solar Logos which correlate with this great fundamental tone.

59. Chúng ta đang nói về "Cung Nguyên Sơ" (cung ba) hay, theo một nghĩa khác, về rung động nền tảng trên đó toàn bộ hệ mặt trời của chúng ta được xây dựng. Chúng ta đang nói về một rung động lớn FA hay F, và mọi rung động bên trong Thái dương Thượng đế tương ứng với âm điệu nền tảng lớn lao này.

This entity has the same analogous relation to the deva evolution as the mysterious "bridges" which baffle scientists, and which are found between the vegetable and the animal kingdom, and the mineral and the vegetable; **they are neither the one nor the other**.

Thực thể này có cùng mối tương quan tương tự với tiến hoá thiên thần như những "cầu nối" bí ẩn làm các nhà khoa học bối rối, và được tìm thấy giữa giới thực vật và giới động vật, và giữa giới kim thạch và giới thực vật; **chúng không phải cái này cũng không phải cái kia**.

60. Here DK speaks of transitional forms of life which belong neither entirely to one kingdom of nature not to another. Presumably, there are bridges which unite *each* kingdom to the next higher kingdom.

60. Ở đây Chân sư DK nói về những hình thức sự sống chuyển tiếp, không hoàn toàn thuộc về giới tự nhiên này cũng không thuộc về giới kia. Hẳn là có những cầu nối liên kết *mỗi* giới với giới cao hơn kế tiếp.

61. This bridging function, presumably, does not concern only the mineral, vegetable and animal kingdom. Domesticated animals nearly ready for individualization could be considered animal-bridges toward the human kingdom. Aspirants and disciples could be considered as bridges into the fifth kingdom of nature—the Kingdom of Souls.

61. Chức năng bắt cầu này, hẳn vậy, không chỉ liên quan đến giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật. Những động vật đã được thuần hoá gần sẵn sàng cho biệt ngã hóa có thể được xem là những cầu nối động vật hướng tới giới nhân loại. Những người chí nguyện và các đệ tử có thể được xem là những cầu nối đi vào giới thứ năm của tự nhiên—Thiên Giới của các linh hồn.

62. By analogy, there would necessarily be still higher bridges but we are in no position to do more than suppose their existence.

62. Theo loại suy, tất yếu còn có những cầu nối cao hơn nữa, nhưng chúng ta không ở vị thế để làm gì hơn ngoài việc giả định sự hiện hữu của chúng.

63. In general, we could say that elemental lives bridge towards the deva kingdom. Devas have their 'wings'. Elementals do not —yet.

63. Nói chung, chúng ta có thể nói rằng các sự sống hành khí bắt cầu hướng tới giới thiên thần. Các thiên thần có 'đôi cánh' của họ. Các hành khí thì chưa có—ít nhất là chưa.

64. The planetary Entity (or larger 'solar Entity') under discussion is, therefore, to be considered as a "bridge" towards the Deva Kingdom as a whole. It is apparently on the deva line of evolution. Would it, eventually, work itself towards the status of a Raja Deva Lord?

64. Vì vậy, thực thể hành tinh (hay 'thực thể thái dương' lớn hơn) đang được bàn đến phải được xem như một "cầu nối" hướng tới toàn thể giới Thiên thần. Rõ ràng nó ở trên đường tiến hoá thiên thần. Cuối cùng, liệu nó có tự vươn tới địa vị một Chúa Tể Raja Deva không?

65. There are some statements below, however, which lead us to believe that the Entity/Entities concerned are *on their own line* of evolution, which is neither devic nor human/subhuman. So we must proceed carefully.

65. Tuy nhiên, có một số phát biểu bên dưới khiến chúng ta tin rằng Thực Thể/các Thực Thể liên hệ đang *ở trên đường tiến hoá riêng của chúng*, vốn không phải thiên thần cũng không phải người/dưới-người. Vì vậy chúng ta phải tiến bước cẩn trọng.

On a large scale, this "life" or the informing entity of the **lower life** of the physical plane of the solar system

Trên một quy mô lớn, "sự sống" này hay thực thể phú linh cho **sự sống thấp hơn** của cõi hồng trần của hệ mặt trời

66. Here we are definitely speaking on a solar systemic level and not only a "planetary Entity" or 'planetary Entities'.

66. Ở đây rõ ràng chúng ta đang nói ở cấp độ hệ mặt trời chứ không chỉ về một "thực thể hành tinh" hay các 'thực thể hành tinh'.

67. We began this larger section of text by speaking of the "planetary Entity" but, it is certainly clear, are also speaking of its solar systemic counterpart, which we are calling the 'solar Entity'.

67. Chúng ta đã bắt đầu phần lớn hơn này của bản văn bằng việc nói về "thực thể hành tinh", nhưng chắc chắn rõ ràng là chúng ta cũng đang nói về đối phần hệ mặt trời của nó, mà chúng ta gọi là 'thực thể thái dương'.

68. The etheric plane of our solar system consists in the four higher subplanes of the systemic physical plane—the cosmic ethers.

68. Cõi dĩ thái của hệ mặt trời chúng ta gồm bốn cõi phụ cao hơn của cõi hồng trần hệ thống—các dĩ thái vũ trụ.

69. DK seems to infer that the physical plane of the solar system also has a *higher* life, or higher lives.

69. Chân sư DK dường như hàm ý rằng cõi hồng trần của hệ mặt trời cũng có một *sự sống cao hơn*, hay những sự sống cao hơn.

70. The higher lives of the physical plane of the solar system can be considered devic. The lower lives of the "physical plane of our solar system" are more related elemental life, but, perhaps, not *entirely* so, as we see below.

70. Những sự sống cao hơn của cõi hồng trần của hệ mặt trời có thể được xem là thuộc thiên thần. Những sự sống thấp hơn của "cõi hồng trần của hệ mặt trời chúng ta" liên hệ nhiều hơn với sự sống hành khí, nhưng có lẽ không *hoàn toàn* như vậy, như ta sẽ thấy bên dưới.

is neither a full exponent of the subconscious life of the earlier system, nor of the elemental life of this;

không phải là một biểu hiện đầy đủ của sự sống tiềm thức của hệ thống trước kia, cũng không phải của sự sống hành khí của hệ này;

71. DK continues to emphasize the bridging nature of this (solar systemic) Entity and how the bridging should be understood.

71. Chân sư DK tiếp tục nhấn mạnh bản chất bắt cầu của Thực Thể (ở cấp độ hệ mặt trời) này và cách mà sự bắt cầu ấy cần được hiểu.

72. The Entity in question has moved beyond the "subconscious life of the earlier system", but the elemental life of the present system seems to be in advance of the Entity's form of expression.

72. Thực Thể đang được nói đến đã vượt ra ngoài "sự sống tiềm thức của hệ thống trước kia", nhưng sự sống hành khí của hệ thống hiện tại dường như đi trước hình thức biểu lộ của Thực Thể này.

73. The whole matter is extremely mysterious.

73. Toàn bộ vấn đề này cực kỳ huyền bí.

74. Are we to differentiate between the quality of the elemental lives of the previous solar system and the quality of the elemental lives in *this* solar system?

74. Chúng ta có phải phân biệt giữa phẩm tính của các sự sống hành khí của hệ mặt trời trước và phẩm tính của các sự sống hành khí trong *hệ mặt trời* này không?

75. Perhaps, the term "full exponent" is to be emphasized, as this type of life may *an* exponent of the elemental life of this solar system but not a *full* exponent.

75. Có lẽ cần nhấn mạnh từ "biểu hiện đầy đủ", vì loại sự sống này có thể là *một* biểu hiện của sự sống hành khí của hệ mặt trời này nhưng không phải là một *biểu hiện đầy đủ*.

only in the next system will be seen the manifestation of a form of consciousness of a type at present inconceivable to man.

chỉ trong hệ thống kế tiếp mới thấy sự biểu lộ của một hình thức tâm thức thuộc loại hiện nay con người không thể hình dung nổi.

76. It is clear that the form of consciousness of which this Entity is meant to be the expression will only come into expression during the next and final solar system.

76. Rõ ràng hình thức tâm thức mà Thực Thể này được dự định làm biểu hiện cho nó sẽ chỉ đi vào biểu lộ trong hệ mặt trời kế tiếp và cuối cùng.

77. While the Entity under discussion is linked to the lower grades of manas, it may reasonably be thought that such an Entity is *also* closely linked to the energy of Will.

77. Dù Thực Thể đang được bàn đến gắn với các cấp thấp hơn của manas, vẫn có thể nghĩ một cách hợp lý rằng một Thực Thể như vậy *cũng* gắn chặt với năng lượng của Ý Chí.

Esoterically he is stated to have "neither sight nor hearing"; he is neither deva nor human **in essence**. He is occultly "blind," utterly unaware; **he is capable only of movement, and resembles the foetus in the womb**; that which is coming to the birth only the next greater cycle will reveal.

Một cách huyền bí, y được nói là "không có cả thị giác lẫn thính giác"; y không phải thiên thần cũng không phải con người **về bản chất cốt yếu**. Một cách huyền môn, y "mù", hoàn toàn không hay biết; **y chỉ có khả năng vận động, và giống như bào thai trong tử cung**; điều đang đi đến sự sinh ra ấy chỉ chu kỳ lớn hơn kế tiếp mới sẽ tiết lộ.

78. The systemically undeveloped nature of this Entity is emphasized.

78. Bản chất chưa phát triển theo hệ thống của Thực Thể này được nhấn mạnh.

79. The senses it does *not* possessed are mentioned—it possess "neither sight nor hearing", yet (in this solar system, at least) *hearing* is the very first sense to be developed.

79. Những giác quan mà nó *không* sở hữu được nêu ra—nó không có "cả thị giác lẫn thính giác", thế nhưng (ít nhất trong hệ mặt trời này) *thính giác* lại chính là giác quan đầu tiên được phát triển.

80. Does this Entity possess the sense of *touch,* interestingly not mentioned in the description? Perhaps not.

80. Thực Thể này có giác quan *xúc giác* không, một điều thú vị là không được nhắc đến trong mô tả? Có lẽ là không.

81. We see that it is unwise to draw analogies between this Entity and any other E/entity of which we may be presently aware. There are, so it is hinted, fundamental differences,

81. Chúng ta thấy rằng sẽ là không khôn ngoan nếu rút ra các loại suy giữa Thực Thể này và bất kỳ thực thể nào khác mà hiện nay chúng ta có thể biết đến. Có, như được gợi ý, những khác biệt căn bản,

82. The Entity is not a deva and not human in nature. The "essence" of this Entity is different from the essence of either deva or human.

82. Thực Thể này không phải thiên thần và cũng không phải con người về bản chất. "Tinh chất" của Thực Thể này khác với tinh chất của cả thiên thần lẫn con người.

83. In our present solar system (being a second ray system and thus dual) there is an emphasis upon the parallel deva and human evolutions. In the next solar system (the third major solar system in a series of six minor and major systems) however, there is, occultly 'room' for the emergence of yet another expression of life.

83. Trong hệ mặt trời hiện tại của chúng ta (là một hệ cung hai và do đó là nhị nguyên), có sự nhấn mạnh vào hai đường tiến hoá song song là thiên thần và con người. Tuy nhiên, trong hệ mặt trời kế tiếp (đại hệ mặt trời thứ ba trong một chuỗi gồm sáu hệ nhỏ và lớn), theo huyền môn, lại có 'chỗ' cho sự xuất hiện của một biểu lộ sự sống khác nữa.

84. The consciousness of this Entity has obviously not awakened in the least. "He is occultly "blind", utterly unaware". In our solar system, even elemental lives are said to be responsive. The term "Army of the Voice" suggests that the elemental lives of our solar system are responsive to sound and that, occultly, they "hear". The Entity under discussion does not even hear.

84. Tâm thức của Thực Thể này hiển nhiên chưa thức tỉnh chút nào. "Y một cách huyền môn 'mù', hoàn toàn không hay biết". Trong hệ mặt trời chúng ta, ngay cả các sự sống hành khí cũng được nói là có đáp ứng. Từ ngữ "Đạo Quân của Âm Thanh" gợi rằng các sự sống hành khí của hệ mặt trời chúng ta đáp ứng với âm thanh và rằng, theo huyền môn, chúng "nghe". Thực Thể đang được bàn đến thậm chí còn không nghe.

85. As we study more, the mystery deepens.

85. Càng nghiên cứu thêm, huyền nhiệm càng sâu hơn.

The mystery of the moon[70] [S. D., I, 172, see footnote] or of the "divine lunatic"

Huyền nhiệm của mặt trăng[70] [S. D., I, 172, see footnote] hay của "kẻ điên thiêng liêng"

86. An extraordinary concept for romantic 'moon gazers'…

86. Một khái niệm phi thường đối với những người lãng mạn ngắm trăng…

is connected somewhat with **the revelation** (through the **premature compassion** of our planetary Logos) **of the life of this nature**, **informing the dense globe of the moon chain**.

có liên hệ phần nào với **sự mặc khải** (qua **lòng từ bi quá sớm** của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta) **về sự sống thuộc bản chất này**, **đang phú linh cho bầu hành tinh đậm đặc của dãy mặt trăng**.

87. We have an amazing piece of occultism with deep implications.

87. Chúng ta có ở đây một mẩu huyền bí học đáng kinh ngạc với những hàm ý sâu xa.

88. It was the "premature compassion" of our Planetary Logos which revealed, obviously *prematurely,* the "life of this nature".

88. Chính "lòng từ bi quá sớm" của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã mặc khải, rõ ràng là *quá sớm*, "sự sống thuộc bản chất này".

89. Had our Planetary Logos *not* been possessed of "premature compassion", the life of the "planetary Entity" would *not* have been revealed and its detected presence would not have complicated the life of evolving kingdoms (especially the human kingdom) upon the Moon-chain.

89. Nếu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta *không* có "lòng từ bi quá sớm", thì sự sống của "thực thể hành tinh" hẳn *đã không* được mặc khải, và sự hiện diện bị phát hiện của nó hẳn đã không làm phức tạp đời sống của các giới đang tiến hoá (đặc biệt là giới nhân loại) trên Dãy Mặt Trăng.

90. This was the life informing the dense globe of our Moon-chain. We are speaking now from a planetary perspective.

90. Đây là sự sống phú linh cho bầu hành tinh đậm đặc của Dãy Mặt Trăng của chúng ta. Giờ đây chúng ta đang nói từ góc nhìn hành tinh.

91. Could the Entity (considered more broadly, i.e., solar systemically, as the 'solar Entity') be that which informed the dense nature of our "*cosmic* Moon"? This is a potentially rich analogy.

91. Liệu Thực Thể này (được xét rộng hơn, tức theo hệ mặt trời, như 'thực thể thái dương') có phải là cái đã phú linh cho bản chất đậm đặc của "Mặt Trăng *vũ trụ*" của chúng ta không? Đây là một loại suy có thể rất phong phú.

92. Obviously, though the Moon-chain 'died', the "planetary Entity" (working through the globes of that chain—especially the "dense globe of the moon chain") still remains and is slowly being brought into expression through our Earth-scheme.

92. Rõ ràng, dù Dãy Mặt Trăng đã 'chết', "thực thể hành tinh" (hoạt động qua các bầu hành tinh của dãy ấy—đặc biệt là "bầu hành tinh đậm đặc của dãy mặt trăng") vẫn còn tồn tại và đang chậm rãi được đưa vào biểu lộ qua hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta.

93. And could we say, by analogy, that, although the Life-expression which became our "cosmic Moon" apparently 'died', it too, still remains—present, though, mercifully, incompletely "revealed" in the present solar system?

93. Và liệu chúng ta có thể nói, theo loại suy, rằng mặc dù biểu lộ sự sống đã trở thành "Mặt Trăng vũ trụ" của chúng ta dường như đã 'chết', nó cũng vẫn còn tồn tại—hiện diện, nhưng may thay, được "mặc khải" chưa trọn vẹn trong hệ mặt trời hiện tại?

94. In all processes of evolutionary unfoldment, there is a proper schedule to be maintained. The consequences of altering this schedule (whether the schedule

94. Trong mọi tiến trình khai mở tiến hoá, có một thời biểu thích đáng cần được duy trì. Hậu quả của việc thay đổi thời biểu này (dù thời biểu ấy liên quan đến con người, Hành

pertains to the human being, the Planetary Logos or the Solar Logos) can be dire.

Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế) có thể rất nghiêm trọng.

On His high level, pity awoke in the heart of the planetary Logos for certain involutionary existences within the moon chain,

Ở cấp độ cao của Ngài, lòng trắc ẩn đã thức dậy trong tim của Hành Tinh Thượng Đế đối với một số hiện hữu giáng hạ tiến hoá bên trong dãy mặt trăng,

95. We are speaking of that which, in sum, is known today as the "planetary Entity" and was, in that far-off time, the Entity "informing the dense globe of the moon chain".

95. Chúng ta đang nói về cái mà ngày nay, trong tổng thể, được biết là "thực thể hành tinh", và trong thời kỳ xa xưa ấy, là Thực Thể "phú linh cho bầu hành tinh đậm đặc của dãy mặt trăng".

96. It is clear that our Planetary Logos sought to hasten the evolution of these "involutionary existences", which in their aggregate belonged to the "planetary Entity".

96. Rõ ràng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã tìm cách thúc nhanh sự tiến hoá của những "hiện hữu giáng hạ tiến hoá" này, mà trong tổng thể của chúng, thuộc về "thực thể hành tinh".

97. We note the activation of the *heart* nature of our Planetary Logos.

97. Chúng ta lưu ý sự hoạt hoá của bản chất *tim* nơi Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

and **(like the Buddha** on a lesser scale and at a much later date)

và **(giống như Đức Phật** trên một quy mô nhỏ hơn và vào một thời điểm muộn hơn rất nhiều)

98. The Buddha, though a great Being from the human perspective, is a Being of far lesser scope than our Planetary Logos.

98. Đức Phật, dù là một Đấng vĩ đại từ góc nhìn con người, vẫn là một Đấng có phạm vi nhỏ hơn rất nhiều so với Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

99. The so-called "sin of the Buddha" occurred within our present chain, the Earth-chain. The 'sin' (if we can call it that) of the Planetary Logos, occurred within the chain preceding our own—the Moon-chain

99. Cái gọi là "tội lỗi của Đức Phật" đã xảy ra trong dãy hiện tại của chúng ta, Dãy Địa Cầu. 'Tội lỗi' (nếu ta có thể gọi như vậy) của Hành Tinh Thượng Đế đã xảy ra trong dãy đi trước dãy của chúng ta—Dãy Mặt Trăng

compassionate zeal brought the karmic results with which we are still concerned.

nhiệt tâm từ bi đã mang đến những kết quả nghiệp quả mà chúng ta vẫn còn đang phải đối diện.

100. The term “compassionate zeal” applies to both the Planetary Logos and the Buddha and is the quality of energy which motivated their ‘mistakes’.

100. Từ ngữ “nhiệt tâm từ bi” áp dụng cho cả Hành Tinh Thượng Đế lẫn Đức Phật, và là phẩm tính năng lượng đã thúc đẩy những ‘sai lầm’ của Các Ngài.

101. When we study the combination of these two words (“compassionate” and “zeal”), we may with reason infer that both the second and sixth rays were highly influential in allowing to emerge forms of life which should not (yet) have emerged.

101. Khi nghiên cứu sự kết hợp của hai từ này (“từ bi” và “nhiệt tâm”), chúng ta có thể suy ra một cách hợp lý rằng cả cung hai lẫn cung sáu đều có ảnh hưởng rất mạnh trong việc cho phép xuất hiện những hình thức sự sống lẽ ra chưa nên xuất hiện.

102. The “sin of the Buddha” involved, it has been suggested, choosing a Cosmic Path which, for Him, was not the correct one. He was not destined for the Path of Earth Service and remained with humanity too long following the time of His Enlightenment.

102. “Tội lỗi của Đức Phật”, như đã được gợi ý, liên quan đến việc chọn một Con đường Vũ trụ mà đối với Ngài không phải là con đường đúng. Ngài không được định cho Con Đường Phụng Sự Địa Cầu và đã ở lại với nhân loại quá lâu sau thời điểm Giác ngộ của Ngài.

103. Is it possible that, by doing so, He caused something to emerge within humanity which should not have emerged? The whole matter is most mysterious, because we human beings think that the ongoing presence of the Buddha has had only a good effect on human and planetary evolution.

103. Có thể nào, khi làm như vậy, Ngài đã khiến một điều gì đó xuất hiện trong nhân loại mà lẽ ra chưa nên xuất hiện? Toàn bộ vấn đề này hết sức huyền bí, bởi vì chúng ta là con người nghĩ rằng sự hiện diện liên tục của Đức Phật chỉ có tác động tốt đối với sự tiến hoá của nhân loại và hành tinh.

104. Yet, an incorrect decision by a Being as great as the Buddha can upset the planetary balance—in this case, especially in relation to the human kingdom.

104. Tuy nhiên, một quyết định sai lầm của một Đấng vĩ đại như Đức Phật có thể làm xáo trộn sự quân bình hành tinh—trong trường hợp này, đặc biệt là liên hệ với giới nhân loại.

The "beast" must be driven back [Page 847] for his own good to run his cycle, hidden in his den and confined within safe limits until the dawning of a new system brings him conscious opportunity.

“Con thú” phải bị đẩy lùi [Page 847] vì lợi ích của chính nó để nó trải qua chu kỳ của mình, ẩn trong hang của nó và bị giam giữ trong những giới hạn an toàn cho đến khi bình minh của một hệ thống mới mang đến cho nó cơ hội hữu thức.

105. A “beast” has been prematurely released into a planetary system (and

105. Một “con thú” đã bị giải phóng quá sớm vào một hệ hành tinh (và có lẽ vào một hệ

perhaps, into a solar logoic system). We do not know, with certainty, whether our Solar Logos is, correspondingly, in a difficulty comparable to the difficulty in which our Planetary Logos finds Himself.

106. We see here the union of such topics as premature revelation, over-stimulation, rampant instinctuality, etc.

107. When, in the Great Invocation, we are asked to participate in sealing the "door where evil dwells" (which the Divine "Plan" must accomplish), and when we are asked in the potent meditation found under Rule X in *The Rays and the Initiations,* to assist in forcing streams of evil back onto the astral plane, we see that we are being asked participate in this process of 'driving back' which the Planetary Logos must now undertake as a result the His premature compassion He expressed on the Moon-chain. This same process may also be occurring at a solar systemic level. Our Solar Logos is not yet a *sacred* Solar Logos.

108. Much is being revealed here about the nature of evil. We hear of the "dens of evil" (on the astral plane, particularly). The use of the word "den" in relation to the "planetary Entity" (and, perhaps, its higher and solar counterpart) is not accidental.

109. The role of Saturn as guardian and 'jailor' is not to be overlooked. Saturn, in relation to, a human being, works to confine those aspects of life which cannot yet be correctly and successfully handled by the incarnating human being. We must not suppose that we human beings can manage all forces to which we may be exposed.

thái dương thượng đế). Chúng ta không biết chắc liệu Thái dương Thượng đế của chúng ta có đang ở trong một khó khăn tương ứng với khó khăn mà Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang gặp phải hay không.

106. Ở đây chúng ta thấy sự kết hợp của những chủ đề như sự mặc khải quá sớm, sự kích thích quá mức, tính bản năng thái quá, v.v.

107. Khi trong Đại Khấn Nguyện, chúng ta được yêu cầu tham gia vào việc niêm phong "cánh cửa nơi điều ác ngự trị" (điều mà Thiên Cơ phải hoàn thành), và khi trong bài tham thiền mạnh mẽ được tìm thấy dưới Quy luật X trong *Các Cung và các Điểm Đạo,* chúng ta được yêu cầu trợ giúp trong việc ép các dòng điều ác trở lại cõi cảm dục, chúng ta thấy rằng mình đang được yêu cầu tham gia vào tiến trình "đẩy lùi" này mà Hành Tinh Thượng Đế hiện nay phải đảm nhận do lòng từ bi quá sớm mà Ngài đã biểu lộ trên Dãy Mặt Trăng. Tiến trình tương tự này cũng có thể đang xảy ra ở cấp độ hệ mặt trời. Thái dương Thượng đế của chúng ta chưa phải là một Thái dương Thượng đế *thiêng liêng*.

108. Ở đây nhiều điều đang được mặc khải về bản chất của điều ác. Chúng ta nghe nói đến "những hang ổ của điều ác" (đặc biệt trên cõi cảm dục). Việc dùng từ "hang" liên hệ với "thực thể hành tinh" (và có lẽ với đối phần cao hơn và thái dương của nó) không phải là ngẫu nhiên.

109. Không nên bỏ qua vai trò của Sao Thổ như người canh giữ và 'ngục tốt'. Sao Thổ, trong liên hệ với một con người, hoạt động để giam giữ những phương diện của sự sống mà con người đang nhập thể ấy chưa thể xử lý đúng đắn và thành công. Chúng ta không được cho rằng loài người chúng ta có thể

quản trị mọi mãnh lực mà mình có thể bị đặt vào tiếp xúc.

110. The use of the word "beast" suggest Mars (the number of which may be presumed as 666). Mars is the planet ruling the Creative Hierarchy of *Lunar* Lords and is, thus, intimately related to our Moon. This Martian function probably also has application throughout the solar system, as the Creative Hierarchies tabulated in Esoteric Astrology, 35, are not only planetary in nature, but occur throughout the solar system.

110. Việc dùng từ "con thú" gợi đến Sao Hỏa (mà con số của nó có thể được giả định là 666). Sao Hỏa là hành tinh cai quản Huyền Giai Sáng Tạo của các Chúa Tể *Thái Âm* và do đó liên hệ mật thiết với Mặt Trăng của chúng ta. Chức năng Sao Hỏa này có lẽ cũng được áp dụng khắp hệ mặt trời, vì các Huyền Giai Sáng Tạo được lập bảng trong Chiêm Tinh Học Nội Môn, 35, không chỉ có bản chất hành tinh mà còn hiện diện khắp hệ mặt trời.

111. Right now the "beast" (in relation to our planetary scheme) has no consciousness, no awareness. His release has meant the introduction of chaos into the life of the Earth-scheme and, perhaps, within the entire solar system. We do not know whether the Solar Logos was afflicted with "premature compassion" (as our Planetary Logos was), but we do know that the Solar Logos has struggles which are comparable to those of our Planetary Logos.

111. Ngay lúc này "con thú" (liên hệ với hệ hành tinh của chúng ta) không có tâm thức, không có nhận biết. Việc giải phóng nó đã có nghĩa là đưa hỗn loạn vào đời sống của hệ hành tinh Trái Đất và có lẽ cả trong toàn bộ hệ mặt trời. Chúng ta không biết liệu Thái dương Thượng đế có bị "lòng từ bi quá sớm" chi phối hay không (như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã bị), nhưng chúng ta biết rằng Thái dương Thượng đế có những cuộc đấu tranh tương tự với những cuộc đấu tranh của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

112. Conscious opportunity comes for the "beast" in the *next* solar system. It (the "beast") is a Life which is neither deva nor human and will only find rightful expression in the Will System, at which time this *third* form of Life can safely emerge.

112. Cơ hội hữu thức đến cho "con thú" trong hệ mặt trời *kế tiếp*. Nó ("con thú") là một Sự Sống không phải thiên thần cũng không phải con người, và sẽ chỉ tìm được biểu lộ chính đáng trong Hệ Ý Chí, vào lúc đó hình thức Sự Sống *thứ ba* này mới có thể xuất hiện một cách an toàn.

113. It is interesting to realize that mistakes can be made by such high Beings as a Planetary Logos or a Buddha.

113. Thật thú vị khi nhận ra rằng những sai lầm có thể được tạo ra bởi những Đấng cao cả như một Hành Tinh Thượng Đế hay một Đức Phật.

114. The Universe itself, on all levels, is in a state of profound ignorance when compared

114. Chính vũ trụ, trên mọi cấp độ, ở trong một trạng thái vô minh sâu xa khi so với

to the ABSOLUTE (even though the ABSOLUTE is, technically speaking the INCOMPARALE). The density of ignorance only lessens as we ascend the Ladder of Being. Ignorance does not vanish until ABSOLUTENESS prevails ABSOLUTELY.

TUYỆT ĐỐI THỂ (dù về mặt kỹ thuật mà nói, TUYỆT ĐỐI THỂ là ĐẤNG KHÔNG THỂ SO SÁNH). Mật độ của vô minh chỉ giảm bớt khi chúng ta đi lên Thang Bản Thể. Vô minh không biến mất cho đến khi TÍNH TUYỆT ĐỐI ngự trị một cách TUYỆT ĐỐI.

115. As human beings, we must ask, whether there is something in us which must be "driven back" until it is safe to have it emerge?

115. Là con người, chúng ta phải tự hỏi liệu có điều gì trong chúng ta phải bị "đẩy lùi" cho đến khi việc để nó xuất hiện trở nên an toàn hay không?

116. Probably the answer is, "Yes". Each of us has the "beast" within, and only when we have entered those series of incarnations in which the Monad is released into the soul-infused personality life, it is safe to see the "beast" emerge. Then the "beast" can be subdued and managed.

116. Có lẽ câu trả lời là "Có". Mỗi chúng ta đều có "con thú" ở bên trong, và chỉ khi chúng ta đã bước vào chuỗi nhập thể trong đó chân thần được giải phóng vào đời sống phàm ngã được linh hồn thấm nhuần, thì mới an toàn để thấy "con thú" xuất hiện. Khi ấy "con thú" có thể được chế ngự và quản trị.

117. Such as series of lives (and they will not be many) is the analogy in the human developmental process to the onset of the third major solar system in the developmental process of our Solar Logos.

117. Một chuỗi sự sống như thế (và chúng sẽ không nhiều) là loại suy trong tiến trình phát triển của con người đối với sự khởi đầu của đại hệ mặt trời thứ ba trong tiến trình phát triển của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

More we may not say.

Chúng ta không thể nói thêm nữa.

118. We can see why this must be the case. These are profound mysteries dealing with dangerous matters. Humanity has, at times, almost *become* the "beast". This we see in times of war—ruled, interestingly, by Mars, the number of which is 666, the "Number of the Beast".

118. Chúng ta có thể thấy vì sao điều này phải là như vậy. Đây là những huyền nhiệm sâu xa liên quan đến những vấn đề nguy hiểm. Đôi khi, nhân loại hầu như đã *trở thành* "con thú". Điều này chúng ta thấy trong thời chiến—một cách thú vị, do Sao Hỏa cai quản, mà con số của nó là 666, "Con Số của Con Thú".

It must be remembered that the mysteries of existence are as yet but little cognised by man.

Cần nhớ rằng những huyền nhiệm của sự tồn tại cho đến nay vẫn chỉ mới được con người nhận biết rất ít.

119. Continued close study of *A Treatise on Cosmic Fire* reveals this to be the case. We awaken to the fact that we know virtually nothing of Reality and of the any types of L/lives which express this Reality.

119. Việc tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng *Luận về Lửa Vũ Trụ* cho thấy đúng là như vậy. Chúng ta thức tỉnh trước sự kiện rằng chúng ta hầu như không biết gì về Thực Tại và về bất kỳ loại Sự sống/sự sống nào biểu lộ Thực Tại này.

In cases where profound mysteries lie, man is often totally unaware of it; and frequently man remains blind and deaf where no mystery is but only revelation for those who have eyes to see and ears to hear.

Trong những trường hợp có các huyền nhiệm sâu xa, con người thường hoàn toàn không biết điều đó; và thường khi con người vẫn mù và điếc ở nơi không hề có huyền nhiệm mà chỉ có sự mặc khải dành cho những ai có mắt để thấy và tai để nghe.

120. We human beings customarily live in a state of profound ignorance. There is nothing we can do about this (at least *not all at once*) except slowly to lift the veil which conceals ever-deeper layers of reality from our consciousness.

120. Chúng ta, những con người, theo thói quen sống trong một trạng thái vô minh sâu đậm. Chúng ta không thể làm gì về điều này (ít nhất *không phải ngay tức thì*) ngoài việc từ từ nâng bức màn che giấu những tầng thực tại ngày càng sâu hơn khỏi tâm thức của chúng ta.

121. DK is distinguishing between "profound mysteries" and those states of potential consciousness which only *seem* to be mysteries but are, in fact, revealed "for those who have eyes to see and ears to hear".

121. Chân sư DK đang phân biệt giữa "những huyền nhiệm sâu xa" và những trạng thái tâm thức tiềm tàng chỉ *dường như* là huyền nhiệm nhưng thật ra là sự mặc khải "dành cho những ai có mắt để thấy và tai để nghe".

122. Relief from the latter type of ignorance is imminently possible. We can train ourselves in occultism (which, in many respects, is equivalent to training ourselves in ever-deepening perception). Tried and true methods have been given to us.

122. Sự giải thoát khỏi loại vô minh thứ hai này là điều có thể đạt được ngay trước mắt. Chúng ta có thể tự rèn luyện mình trong huyền bí học (mà trên nhiều phương diện tương đương với việc rèn luyện bản thân trong sự tri nhận ngày càng sâu sắc hơn). Những phương pháp đã được thử nghiệm và xác chứng đã được ban cho chúng ta.

123. With respect to the "profound mysteries" only time and much evolutionary development will make revelation possible.

123. Đối với "những huyền nhiệm sâu xa", chỉ thời gian và rất nhiều phát triển tiến hoá mới có thể làm cho sự mặc khải trở nên khả hữu.

124. Incidentally, we can see DK telling us that we must cultivate our senses—especially the subtle senses of sight and hearing.

124. Nhân tiện, chúng ta có thể thấy Chân sư DK bảo chúng ta rằng chúng ta phải trau dồi các giác quan của mình—đặc biệt là những giác quan vi tế của thị giác và thính giác.

When man has penetrated to those secrets which lie behind the lower kingdoms in nature, when he has solved the problem of the constitution of the interior of the Earth, and has from there worked his way back to knowledge of the working of the involutionary path and the lives which tread that path, then and **then only will he begin to realise the strangeness** of that which lies beyond his ken.

Khi con người đã thâm nhập vào những bí mật nằm phía sau các giới thấp trong thiên nhiên, khi y đã giải được vấn đề về cấu tạo phần nội tại của Trái Đất, và từ đó lần ngược trở lại để hiểu biết về sự vận hành của con đường giáng hạ tiến hoá và những sự sống bước đi trên con đường ấy, thì khi đó và chỉ **khi đó y mới bắt đầu chứng nghiệm sự kỳ lạ** của điều nằm ngoài tầm hiểu biết của y.

125. DK is hinting at types of knowledge which man (at his present level of ignorance) must necessarily consider very strange.

125. Chân sư DK đang gợi ý về những loại tri thức mà con người (ở cấp độ vô minh hiện nay của mình) tất yếu phải xem là hết sức kỳ lạ.

126. DK is telling us that, for humanity, reality is inconceivably strange. When studying occultism, we often are prompted to realize that "truth is [indeed] stranger than fiction".

126. Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng, đối với nhân loại, thực tại kỳ lạ đến mức không thể quan niệm được. Khi nghiên cứu huyền bí học, chúng ta thường được thúc đẩy để nhận ra rằng "quả thật chân lý còn kỳ lạ hơn hư cấu".

127. Let us tabulate what man must do to realize the strangeness with which he is surrounded:

127. Chúng ta hãy lập bảng những gì con người phải làm để chứng nghiệm sự kỳ lạ đang bao quanh mình:

a. He must penetrate those secrets which lie behind the lower kingdoms of nature.

a. Y phải thâm nhập vào những bí mật nằm phía sau các giới thấp của thiên nhiên.

b. He must solve the problem of the interior of the Earth

b. Y phải giải được vấn đề về phần nội tại của Trái Đất

c. He must, knowing something of the nature of the interior of the Earth, more fully understand the involutionary path and the lives which tread that path.

c. Y phải, khi đã biết phần nào về bản chất của phần nội tại của Trái Đất, thấu hiểu đầy đủ hơn con đường giáng hạ tiến hoá và những sự sống bước đi trên con đường ấy.

128. A number of hints are given by DK as He tells us how to proceed. May we infer that...

128. Chân sư DK đưa ra một số gợi ý khi Ngài cho chúng ta biết phải tiến hành như thế nào. Chúng ta có thể suy ra rằng...

a. the expression of the lower kingdoms of nature, are closely related to the expression of the lives upon the involutionary path?

a. sự biểu lộ của các giới thấp trong thiên nhiên có liên hệ mật thiết với sự biểu lộ của những sự sống trên con đường giáng hạ tiến hoá chăng?

b. the true nature of the "interior of the Earth" is presently unknown to man? The "hollow Earth theory" comes to mind in this respect.

b. bản chất đích thực của "phần nội tại của Trái Đất" hiện nay con người vẫn chưa biết chăng? "Thuyết Trái Đất rỗng" gợi lên trong tâm trí về phương diện này.

As said above, the aggregate of these lives is greater than the aggregate of those lives which form the sum total of solid earth as we understand the term, even though they do not exceed the number of lives which form the gaseous portion of manifestation; this gaseous portion is found in the atmosphere, interpenetrating dense matter, and filling in a large degree the **interior caverns of the planet**. The microcosmic resemblance to the great Life of the planet is seen in the fact that both forms are but outer sheaths or frameworks, sheltering an inner "vault"; both forms are **hollow**, both have their negative and positive extremities, their poles, so to speak, and internally much proceeds affecting the outer evolutions. (TCF 897)

Như đã nói ở trên, tổng thể của các sự sống này lớn hơn tổng thể của những sự sống tạo thành toàn bộ đất rắn như chúng ta hiểu thuật ngữ ấy, dù chúng không vượt quá số lượng những sự sống tạo thành phần khí của sự biểu hiện; phần khí này được tìm thấy trong khí quyển, xuyên thấm vật chất đậm đặc, và phần lớn lấp đầy các **hang động bên trong hành tinh**. Sự tương tự vi mô với Sự sống vĩ đại của hành tinh được thấy trong sự kiện rằng cả hai hình tướng chỉ là những lớp vỏ hay khung sườn bên ngoài, che chở một "vòm" bên trong; cả hai hình tướng đều **rỗng**, cả hai đều có những cực âm và cực dương của chúng, những cực của chúng, có thể nói như vậy, và bên trong có nhiều điều diễn ra tác động đến các tiến hoá bên ngoài. (TCF 897)

c. the lives which tread the involutionary path are closely connected with the interior caverns of the planet?

c. những sự sống bước đi trên con đường giáng hạ tiến hoá có liên hệ mật thiết với các hang động bên trong hành tinh chăng?

d. the evolutionary path is based upon the foundation of the involutionary path?

d. con đường tiến hoá được đặt nền trên cơ sở của con đường giáng hạ tiến hoá chăng?

129. For the human mind, as presently conditioned, it seems that the mysteries of the involutionary path are far greater than

129. Đối với trí tuệ con người, như hiện đang bị tác động, dường như những huyền nhiệm của con đường giáng hạ tiến hoá còn lớn lao

the mysteries concerning those lives who are presently treading that part of the evolutionary path which is more or less cognizable.

hơn rất nhiều so với những huyền nhiệm liên quan đến những sự sống hiện đang bước đi trên phần của con đường tiến hoá ít nhiều có thể nhận biết được.

130. An important point to be gathered from the foregoing section is that 'familiarity is not reality'—that with which we are familiar is usually a poor representation of that which is real.

130. Một điểm quan trọng cần rút ra từ phần trên là 'sự quen thuộc không phải là thực tại'—điều mà chúng ta quen thuộc thường chỉ là một biểu hiện nghèo nàn của điều là thực.

One further hint may be given, which will serve to throw a beam of light upon the problem for those who are ready, and will add to the confusion of the non-intuitive:

Có thể đưa ra thêm một gợi ý nữa, gợi ý này sẽ soi một tia sáng vào vấn đề cho những ai đã sẵn sàng, và sẽ làm tăng thêm sự rối rắm cho những người không có trực giác:

131. We note how DK works when seeking to shed more light on certain mysteries which must, necessarily, remain profound and unrevealed to any but those who are ready to understand them.

131. Chúng ta lưu ý cách Chân sư DK làm việc khi tìm cách soi sáng thêm một số huyền nhiệm mà tất yếu phải vẫn còn sâu kín và chưa được mặc khải cho bất kỳ ai ngoài những người đã sẵn sàng thấu hiểu chúng.

132. The problem with which we are concerned is to understand more of the nature of the "planetary Entity" (and 'planetary Entities') and of the 'solar systemic Entity' which is the systemic counterpart of the planetary Entity.

132. Vấn đề mà chúng ta quan tâm là hiểu thêm về bản chất của "Thực Thể Hành Tinh" (và các 'Thực Thể Hành Tinh') và của 'Thực Thể hệ mặt trời' là đối phần hệ thống của Thực Thể Hành Tinh.

—From the standpoint of the ONE ABOUT WHOM NAUGHT MAY BE SAID, to Whom our solar system is but a centre (which centre being one of the three truths revealed at the seventh Initiation)

—Từ quan điểm của ĐẤNG BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, Đấng mà hệ mặt trời của chúng ta chỉ là một trung tâm đối với Ngài (mà trung tâm ấy là một trong ba chân lý được mặc khải ở lần điểm đạo thứ bảy)

133. DK seems to be speaking in terms of the Cosmic Logos in which our solar system forms a center—namely the heart center.

133. Chân sư DK dường như đang nói theo nghĩa của Thượng đế Vũ Trụ mà trong đó hệ mặt trời của chúng ta tạo thành một trung tâm—cụ thể là trung tâm tim.

134. We remember that the term "One About Whom Naught May Be Said" may have

134. Chúng ta nhớ rằng thuật ngữ "Đấng Bất Khả Tư Nghị" có thể có nhiều nghĩa—quen

multiple meanings—the most familiar of which, for us, concern the levels of Cosmic Logos and Super-Cosmic Logos (a Being which has constellations of stars as its chakras). (cf. TCF 293)

135. We have also discussed the manner in which the term “solar system” can mean a sun surrounded by planets (or, perhaps, *not* surrounded by planets, or even a dual-sun system), OR a system of *seven* major suns (really, a constellation). Both are *systems* and the main unit or units in both are *solar.*

136. Presumably, however, the Tibetan is discussing our immediate solar system consisting of our Sun, Helios, and His seven major and many more minor planets and planetoids.

137. We learn that there are *three* truths revealed at the seventh initiation. We could wonder why DK speaks of the revelations conferred at such a high initiation.

138. We could also wonder at the idea that the revelation of which center our solar system represents is, thus far, unrevealed. At various points throughout the Teaching, DK seems to tell us that our solar system is a *heart center* within the "One About Whom Naught May Be Said"—the *lesser* One About Whom, so it seems.

139. Of course, He does not explicitly tell us which center in the "One About Whom Naught May Be Said" is represented by our *Cosmic Logos* in which our Solar Logos (and His solar system) is the heart center. We have reasoned that our local Cosmic Logos

thuộc nhất đối với chúng ta là liên quan đến các cấp độ của Thượng đế Vũ Trụ và Thượng đế Siêu Vũ Trụ (một Hữu thể có các chòm sao làm các luân xa của Ngài). (xem TCF 293)

135. Chúng ta cũng đã bàn đến cách mà thuật ngữ “hệ mặt trời” có thể có nghĩa là một mặt trời được bao quanh bởi các hành tinh (hoặc có lẽ *không* được bao quanh bởi các hành tinh, hay thậm chí là một hệ hai mặt trời), HOẶC là một hệ gồm *bảy* mặt trời lớn (thật ra là một chòm sao). Cả hai đều là *hệ thống* và đơn vị hay các đơn vị chính trong cả hai đều mang tính *thái dương.*

136. Tuy nhiên, có lẽ Chân sư Tây Tạng đang bàn về hệ mặt trời trực tiếp của chúng ta gồm Mặt Trời của chúng ta, Helios, cùng bảy hành tinh lớn và nhiều hành tinh cùng tiểu hành tinh nhỏ hơn của Ngài.

137. Chúng ta biết rằng có *ba* chân lý được mặc khải ở lần điểm đạo thứ bảy. Chúng ta có thể tự hỏi vì sao Chân sư DK lại nói về những mặc khải được ban ở một lần điểm đạo cao đến như vậy.

138. Chúng ta cũng có thể ngạc nhiên trước ý tưởng rằng sự mặc khải về việc hệ mặt trời của chúng ta tượng trưng cho trung tâm nào thì cho đến nay vẫn chưa được tiết lộ. Ở nhiều chỗ trong Giáo Huấn, Chân sư DK dường như nói với chúng ta rằng hệ mặt trời của chúng ta là một trung tâm *tim* trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị"—Đấng Bất Khả Tư Nghị *nhỏ hơn*, dường như là như vậy.

139. Dĩ nhiên, Ngài không nói rõ rằng trung tâm nào trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị" được tượng trưng bởi *Thượng đế Vũ Trụ* của chúng ta, trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta (và hệ mặt trời của Ngài) là trung tâm tim. Chúng ta đã suy luận rằng Thượng

represents the solar plexus center of that Great Entity.

đế Vũ Trụ cục bộ của chúng ta tượng trưng cho trung tâm tùng thái dương của Thực Thể Vĩ Đại ấy.

140. The seventh initiation is a highly *solar* initiation. In the scheme of *solar* initiations, it represents Mastership, and in the scheme of Sirian initiations, Transfiguration. It is fitting, then, that deep secrets about the Solar Logos and His place and position in the larger scheme of things would be revealed at this initiation.

140. Lần điểm đạo thứ bảy là một lần điểm đạo mang tính *thái dương* rất cao. Trong hệ thống các lần điểm đạo *thái dương*, nó tượng trưng cho Chân sư quả, và trong hệ thống các lần điểm đạo Sirius, là Biến hình. Vì vậy, thật thích hợp khi những bí mật sâu xa về Thái dương Thượng đế và vị trí cùng địa vị của Ngài trong sơ đồ lớn hơn của vạn vật được mặc khải ở lần điểm đạo này.

141. Below we are speaking of the organization of a center (a chakra) from which the "mysterious life" under discussion, emerged.

141. Dưới đây chúng ta đang nói về tổ chức của một trung tâm (một luân xa) mà từ đó "sự sống huyền bí" đang được bàn đến đã xuất hiện.

a. System I.....was characterised by the organisation of a centre, and the mysterious life we have been speaking about **was produced** by the "lowest vibration of the centre."

a. Hệ I.....được đặc trưng bởi sự tổ chức của một trung tâm, và sự sống huyền bí mà chúng ta đã nói đến **được tạo ra** bởi "rung động thấp nhất của trung tâm."

142. By "System I" is meant the previous solar system, the first of the major solar systems.

142. "Hệ I" có nghĩa là hệ mặt trời trước đây, hệ đầu tiên trong các hệ mặt trời lớn.

143. If this "centre" was organized *within* the ring-pass-not of the Solar Logos, then the Entity concerned is *intra*-systemic, and the "point in the Heavens" from which it originates may be considered an *intra*-systemic point.

143. Nếu "trung tâm" này được tổ chức *bên trong* vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế, thì Thực Thể liên hệ là một thực thể *nội*-hệ thống, và "điểm trên Thiên giới" mà từ đó nó phát sinh có thể được xem là một điểm *nội*-hệ thống.

144. The "centre" concerned is the origin, apparently, of the 'solar Entity' (the higher analogue of the "planetary Entity". It can be reasoned that the "planetary Entity" is an aspect of the larger 'solar Entity'.

144. "Trung tâm" được nói đến này, dường như, là nguồn gốc của 'Thực Thể thái dương' (tương đồng cao hơn của "Thực Thể Hành Tinh". Có thể suy luận rằng "Thực Thể Hành Tinh" là một phương diện của 'Thực Thể thái dương' lớn hơn.

145. We are presented with a picture of Entities emerging from solar centers or chakras.

145. Chúng ta được trình bày một bức tranh về các Thực Thể xuất hiện từ các trung tâm hay luân xa thái dương.

146. We remember that planets, themselves, are centers within a Solar Logos, and so it could be inferred that there is a certain planet from which the Entity under discussion emerged.

146. Chúng ta nhớ rằng chính các hành tinh là những trung tâm bên trong một Thái dương Thượng đế, và vì vậy có thể suy ra rằng có một hành tinh nào đó mà từ đó Thực Thể đang được bàn đến đã xuất hiện.

147. We must also remember that chakras/centers *are* E/entities in themselves.

147. Chúng ta cũng phải nhớ rằng các luân xa/trung tâm *là* những thực thể/thực thể tự thân.

b. System II.....is characterised by the activity in three dimensions of this centre,

b. Hệ II.....được đặc trưng bởi hoạt động trong ba chiều của trung tâm này,

148. The "centre", we see, persists from one major solar system to the next. We might inquire whether anything resembling this centre existed in the three minor solar systems preceding the previous solar system for certainly there was elemental substance in those systems. Yet, perhaps, that substance was not then "informed" by such an Entity.

148. "Trung tâm" này, như chúng ta thấy, tồn tại từ một hệ mặt trời lớn sang hệ kế tiếp. Chúng ta có thể tự hỏi liệu có điều gì tương tự trung tâm này đã tồn tại trong ba hệ mặt trời nhỏ trước hệ mặt trời trước đó hay không, vì chắc chắn đã có chất liệu hành khí trong các hệ ấy. Tuy nhiên, có lẽ khi đó chất liệu ấy chưa được một Thực Thể như vậy "thấm nhuần".

and the evolution of three types of consciousness, deva, human and subhuman, in all their many grades and hierarchies.

và sự tiến hoá của ba loại tâm thức, thiên thần, nhân loại và dưới nhân loại, trong mọi cấp bậc và huyền giai của chúng.

149. The three lower kingdoms of nature are considered "subhuman" but not devic.

149. Ba giới thấp của thiên nhiên được xem là "dưới nhân loại" nhưng không phải là thiên thần.

150. The "hierarchies" here mentioned are other than the Twelve Creative Hierarchies. The term "hierarchies" is used in a general sense.

150. Những "huyền giai" được nhắc đến ở đây khác với Mười Hai Huyền Giai Sáng Tạo. Thuật ngữ "huyền giai" được dùng theo nghĩa tổng quát.

151. We may infer that every center has a number of dimensions. In the previous solar

151. Chúng ta có thể suy ra rằng mọi trung tâm đều có một số chiều kích. Trong hệ mặt

system, only one (the very lowest) dimension was active—at least as regards the center under discussion.

152. In the second solar system, *three* dimensions of the center in question became active. It appears as if the lowest dimension active in the previous solar system is one of the three active in the second.

It is the period of the balancing of the forces in the centre.

153. Our solar system is apparently not meant to be the period of the emergence and release of the forces in this centre.

154. In a second ray solar system, balance can easily be achieved. We think of Libra, the third ray, and karmic balancing in relation to the matter of the dense physical plane of the Solar Logos.

c. System III....will be characterised by the fourth dimensional activity of the centre, and the twelve types of evolution will become four types of force. [Page 848]

155. We know that fourth dimensional activity immediately precedes the process of initiation. For instance, as the first initiation is approached, certain of the etheric chakras of man become fourth dimensional. As the second initiation is approached, this becomes so for certain of the astral chakras, etc. We cannot say that *all* etheric chakras become fourth dimensional in their rotation before the first initiation, and likewise of the astral chakras in relation to the second.

156. The activity of the Entity under discussion, will be truly *conscious* during the

trời trước, chỉ có một chiều kích (chiều thấp nhất) hoạt động—ít nhất là đối với trung tâm đang được bàn đến.

152. Trong hệ mặt trời thứ hai, *ba* chiều kích của trung tâm đang xét đã trở nên hoạt động. Dường như chiều kích thấp nhất hoạt động trong hệ mặt trời trước là một trong ba chiều kích hoạt động trong hệ thứ hai.

Đó là thời kỳ quân bình các mãnh lực trong trung tâm.

153. Hệ mặt trời của chúng ta dường như không nhằm là thời kỳ xuất hiện và giải phóng các mãnh lực trong trung tâm này.

154. Trong một hệ mặt trời cung hai, sự quân bình có thể dễ dàng đạt được. Chúng ta nghĩ đến Thiên Bình, cung ba, và sự quân bình nghiệp quả liên hệ đến vấn đề của cõi hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

c. Hệ III....sẽ được đặc trưng bởi hoạt động bốn chiều của trung tâm, và mười hai loại tiến hoá sẽ trở thành bốn loại mãnh lực. [Page 848]

155. Chúng ta biết rằng hoạt động bốn chiều trực tiếp đi trước tiến trình điểm đạo. Chẳng hạn, khi lần điểm đạo thứ nhất đến gần, một số luân xa dĩ thái của con người trở nên bốn chiều. Khi lần điểm đạo thứ hai đến gần, điều này xảy ra đối với một số luân xa cảm dục, v.v. Chúng ta không thể nói rằng *mọi* luân xa dĩ thái đều trở nên bốn chiều trong sự quay của chúng trước lần điểm đạo thứ nhất, và tương tự như vậy đối với các luân xa cảm dục liên hệ đến lần điểm đạo thứ hai.

156. Hoạt động của Thực Thể đang được bàn đến sẽ thật sự *có ý thức* trong hệ mặt trời kế

next solar system, "System III". Presumably, the development of the "centre" in question has much to do with the emerging consciousness of the Entity in question. The "centre" and the "Entity" appear not to be the same, the first being the source of the second.

tiếp, "Hệ III". Có lẽ sự phát triển của "trung tâm" đang xét có liên hệ rất nhiều đến tâm thức đang xuất hiện của Thực Thể đang xét. "Trung tâm" và "Thực Thể" dường như không phải là một, cái trước là nguồn của cái sau.

157. When energies become forces they are concretized. Since we will be entering a solar system of synthesis, the ingathering of *three into one* will be occurring. Perhaps among the "twelve types of evolution" there are four which are to be considered synthetic. If each of these major four ingathers a lesser three, then four major types of force will remain.

157. Khi các năng lượng trở thành các mãnh lực, chúng được cụ thể hoá. Vì chúng ta sẽ bước vào một hệ mặt trời của tổng hợp, nên sự thu về của *ba vào một* sẽ xảy ra. Có lẽ trong "mười hai loại tiến hoá" có bốn loại được xem là có tính tổng hợp. Nếu mỗi một trong bốn loại lớn này thu về một bộ ba nhỏ hơn, thì bốn loại mãnh lực lớn sẽ còn lại.

158. In relation to the kingdom of "Man" (Planetary Man, Solar Man, etc.) there are three Beings which are synthetic. Perhaps, in relation to the devic kingdom, towards which the Entity under discussion appears to be bridging, the number of synthetic Beings is *four* and not *three.*

158. Liên hệ đến giới "Người" (Con Người Hành Tinh, Con Người Thái Dương, v.v.) có ba Hữu thể mang tính tổng hợp. Có lẽ, liên hệ đến giới thiên thần, mà Thực Thể đang được bàn đến dường như đang bắt cầu tới đó, số Hữu thể tổng hợp là *bốn* chứ không phải *ba.*

This is next to impossible for man to understand and will seem inexplicable,

Điều này hầu như không thể để con người thấu hiểu và sẽ có vẻ không thể giải thích được,

159. Does it not?

159. Chẳng phải vậy sao?

but this hint is imparted in order that man may realise the interdependence of the various systems,

nhưng gợi ý này được truyền đạt để con người có thể chứngnghiệm sự tương thuộc của các hệ thống khác nhau,

160. In this case, the interdependence of the three *major* solar systems.

160. Trong trường hợp này, là sự tương thuộc của ba hệ mặt trời *lớn.*

and the place they hold in a greater scheme;

và vị trí mà chúng nắm giữ trong một hệ hành tinh lớn hơn;

161. By “the greater scheme” is meant the full evolutionary process of our Solar Logos.

161. “Hệ hành tinh lớn hơn” ở đây có nghĩa là toàn bộ tiến trình tiến hoá của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

the intent is not to give the student uncorrelated facts of no apparent use to him.

mục đích không phải là cung cấp cho đạo sinh những sự kiện rời rạc không có ích lợi bề ngoài nào đối với y.

162. The amassing of uncorrelated facts is a menace to the enlightenment of the student. When presented with a mass of detail (at first seemingly uncorrelated) our task is to begin the process of correlation. This we are attempting to do in these commentaries on *A Treatise on Cosmic Fire*. In relation to any fact, its meaning or place within the pattern of the whole is to be discovered.

162. Việc tích lũy những sự kiện không tương liên là một mối nguy đối với sự giác ngộ của đạo sinh. Khi được trình bày trước một khối lượng chi tiết (thoạt đầu dường như không tương liên), nhiệm vụ của chúng ta là bắt đầu tiến trình liên kết tương quan. Đây là điều chúng ta đang cố gắng thực hiện trong những phần bình luận này về *Luận về Lửa Vũ Trụ*. Liên hệ đến bất kỳ sự kiện nào, ý nghĩa của nó hay vị trí của nó trong mô hình của toàn thể đều cần được khám phá.

163. The use of the word “apparent” is important. The facts presented may, in fact, be of *some* use to the recipient of the facts, even if the necessary correlation has not yet been performed.

163. Việc dùng từ “bề ngoài” là quan trọng. Những sự kiện được trình bày thật ra có thể có *một vài* ích lợi đối với người tiếp nhận các sự kiện ấy, ngay cả khi sự tương liên cần thiết vẫn chưa được thực hiện.

Without the premise of **our position within a vaster scheme, man's deductions will remain inaccurate**.

Nếu không có tiềnđề về **vị trí của chúng ta trong một hệ hành tinh bao la hơn, những suy diễn của con người sẽ vẫn không chính xác**.

164. The Earth has its place within the solar systemic scheme. Of this we are customarily aware.

164. Trái Đất có vị trí của nó trong hệ hành tinh hệ mặt trời. Điều này chúng ta thường biết.

165. But we are far from accurately aware of the position of our solar system within a still larger system of seven major suns (including, as well, additional minor suns).

165. Nhưng chúng ta còn rất xa mới nhận biết chính xác vị trí của hệ mặt trời của chúng ta trong một hệ lớn hơn nữa gồm bảy mặt trời lớn (đồng thời cũng bao gồm thêm các mặt trời nhỏ hơn).

166. We are also totally unaware of the position of the body of manifestation of this Cosmic Logos within a still greater system expressing the synthetic Life of the "One About Whom Naught May Be Said".

166. Chúng ta cũng hoàn toàn không biết vị trí của thể biểu hiện của Thượng đế Vũ Trụ này trong một hệ còn lớn hơn nữa biểu lộ Sự sống tổng hợp của "Đấng Bất Khả Tư Nghị".

167. The principle emerges: when we search for meaning, we must always do so in relation to a vaster scheme, system or whole. Meaning is derived by relating the part to the whole, and in occultism, there are ever grater *wholes* to contend with.

167. Nguyên lý nổi lên là: khi chúng ta tìm kiếm ý nghĩa, chúng ta luôn phải làm như vậy trong liên hệ với một hệ hành tinh, hệ thống hay toàn thể bao la hơn. Ý nghĩa được rút ra bằng cách liên hệ phần với toàn thể, và trong huyền bí học, luôn luôn có những *toàn thể* lớn hơn nữa phải đối diện.

TCF 849-853: S7S9 Part IV

18 July – 1 August 2008

18 tháng 7 – 1 tháng 8 năm 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với cuốn *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và chính cách trình bày cô đọng trong sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

We will now proceed with our enumeration of the groups of Egos according to their characteristics, but it might be wise to deal first with a problem which may be in some minds and see if it is not capable of solution.

Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục việc liệt kê các nhóm chân ngã theo các đặc tính của chúng, nhưng có lẽ trước hết nên bàn đến một vấn đề có thể đang có trong tâm trí một số người và xem liệu nó có thể được giải quyết hay không.

1. DK frequently works to solve problems which may have arisen in the minds of

1. Chân sư DK thường làm việc để giải quyết những vấn đề có thể đã nảy sinh trong tâm trí các đạo sinh. Khi làm như vậy, Ngài

students. When doing so, He seems to work *together* with the students.

2. Of course, many of us may find that the problems which He raises have never occurred to us. Thus we may gauge the depth of our penetration into the subjects presented.

3. We may question ourselves, therefore —"are we really *thoughtful* students"?

Two problems come before the mind of the thoughtful student; one concerns the position (in connection with any particular planetary scheme) of those vast groups of Egos, which are embodied by Lives, emanating from any one of the seven Rays, and associated with any of the various schemes.

4. We learn that the vast groups of Egos are all embodied by Lives—Ray Lives which we call the Ray Lords.

5. From what spiritual 'altitude' do these emanations begin? We could reach as high as the Seven Rishis of the Great Bear (or higher) or settle for emanations from sources much closer at hand.

6. There is, we may suppose, egoic-group embodiment by the Ray Lords within the Council of any particular Planetary Logos. This is an *intra*-planetary embodiment.

7. There is also, we may suppose, a vaster embodiment (or, at least, pervasive influence within every planetary scheme) by the

dường như làm việc *cùng nhau* với các đạo sinh.

2. Dĩ nhiên, nhiều người trong chúng ta có thể thấy rằng những vấn đề Ngài nêu ra chưa từng xuất hiện với chúng ta. Như vậy chúng ta có thể đo lường độ sâu của sự thâm nhập của mình vào các chủ đề được trình bày.

3. Vì vậy, chúng ta có thể tự hỏi chính mình —"chúng ta có thật sự là những đạo sinh *biết suy tư* không"?

Hai vấn đề xuất hiện trước trí tuệ của đạo sinh biết suy tư; một vấn đề liên quan đến vị trí (liên hệ với bất kỳ hệ hành tinh đặc thù nào) của những nhóm chân ngã rộng lớn ấy, được nhập thể bởi các Sự sống, phát xuất từ bất kỳ một trong bảy cung nào, và liên kết với bất kỳ hệ hành tinh nào trong số các hệ hành tinh khác nhau.

4. Chúng ta biết rằng những nhóm chân ngã rộng lớn ấy đều được nhập thể bởi các Sự sống—các Sự sống cung mà chúng ta gọi là các Đấng Chúa Tể Cung.

5. Từ "độ cao" tinh thần nào những phát xạ này bắt đầu? Chúng ta có thể vươn cao đến Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh (hay cao hơn) hoặc bằng lòng với những phát xạ từ những nguồn gần hơn nhiều.

6. Có thể giả định rằng có sự nhập thể nhóm chân ngã bởi các Đấng Chúa Tể Cung trong Hội Đồng của bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế đặc thù nào. Đây là một sự nhập thể *nội*-hành tinh.

7. Chúng ta cũng có thể giả định rằng có một sự nhập thể bao la hơn (hoặc ít nhất là một ảnh hưởng lan tỏa trong mọi hệ hành tinh) bởi các Đấng Chúa Tể Cung *hệ thống* (Các

systemic Ray Lords (Who stand before the Throne of the Solar Logos).

Ngài đứng trước Thánh Ngai của Thái dương Thượng đế).

8. Within any planetary scheme, different groups of Egos have different functions. These functions are differentiated largely by ray quality.

8. Trong bất kỳ hệ hành tinh nào, các nhóm chân ngã khác nhau có những chức năng khác nhau. Những chức năng này được phân biệt phần lớn bởi phẩm tính cung.

9. There are also larger groupings: for instance, all ray two Egos not only within the Earth-scheme, but within the Venus-scheme, the Mercury-scheme, the Mars-scheme, etc., etc. Groupings of Egos on the same ray, no matter what their host scheme, are all related and play a particular role within the expression of the *Solar* Logos and, presumably, in greatest relation to that sacred Planetary Logos which expresses principally along the same ray line as the group of Egos concerned.

9. Cũng có những nhóm lớn hơn: chẳng hạn, tất cả các chân ngã cung hai không chỉ trong hệ Địa Cầu, mà còn trong hệ Kim Tinh, hệ Thủy Tinh, hệ Hỏa Tinh, v.v. Các nhóm chân ngã trên cùng một cung, bất kể hệ hành tinh chủ của chúng là gì, đều có liên hệ với nhau và đóng một vai trò đặc thù trong sự biểu lộ của Thái dương Thượng đế và, có lẽ, có liên hệ lớn nhất với Hành Tinh Thượng Đế thiêng liêng biểu lộ chủ yếu theo cùng đường cung với nhóm chân ngã đang xét.

10. Because every Planetary Logos expresses *all* seven rays (minimally through globes and chains) every systemic Ray Lord (i.e., Planetary Logos) participates intimately in the life expression of every other systemic Ray Lord. This is group consciousness at a solar systemic level.

10. Bởi vì mọi Hành Tinh Thượng Đế đều biểu lộ *cả* bảy cung (ít nhất qua các bầu hành tinh và các Dãy), nên mọi Đấng Chúa Tể Cung hệ thống (tức Hành Tinh Thượng Đế) đều tham dự mật thiết vào sự biểu lộ sự sống của mọi Đấng Chúa Tể Cung hệ thống khác. Đây là tâm thức nhóm ở cấp độ hệ mặt trời.

11. It is also implied that lesser Ray Lords emanate from greater Ray Lords, and that these lesser Ray Lords (all of them qualified by a certain ray) embody lesser groupings of Egos.

11. Điều này cũng hàm ý rằng các Đấng Chúa Tể Cung nhỏ hơn phát xuất từ các Đấng Chúa Tể Cung lớn hơn, và rằng các Đấng Chúa Tể Cung nhỏ hơn này (tất cả đều được định tính bởi một cung nào đó) nhập thể những nhóm chân ngã nhỏ hơn.

12. For instance, a line of emanation might be conceived as follows:

12. Chẳng hạn, một tuyến phát xạ có thể được hình dung như sau:

a. A constellational chakra within the "One About Whom Naught May Be Said"—such, for instance, as the great chakra knowns as the GB

a. Một luân xa chòm sao trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị"—chẳng hạn như luân xa lớn được biết đến là GB

b. One of the seven major stars within the Great Bear

b. Một trong bảy ngôi sao lớn trong Đại Hùng Tinh

c. One of the seven major stars within the lesser constellational chakra within the "One About Whom Naught May Be Said"—the chakra which is our local Cosmic Logos

c. Một trong bảy ngôi sao lớn trong luân xa chòm sao nhỏ hơn trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị"—luân xa là Thượng đế Vũ Trụ cục bộ của chúng ta

d. Our particular Solar Logos, Sol or Helios

d. Thái dương Thượng đế đặc thù của chúng ta, Sol hay Helios

e. A particular Planetary Logos within our solar system—Who is a systemic Ray Lord

e. Một Hành Tinh Thượng Đế đặc thù trong hệ mặt trời của chúng ta—Đấng là một Đấng Chúa Tể Cung hệ thống

f. One of the Kumaras within the Earth-scheme, Who is an *intra-planetary* Ray Lord

f. Một trong các Kumara trong hệ Địa Cầu, Đấng là một Đấng Chúa Tể Cung *nội-hành tinh*

g. A large group of Egos within our planetary ring-pass-not

g. Một nhóm lớn các chân ngã trong vòng-giới-hạn hành tinh của chúng ta

h. A smaller group of Egos within our planetary ring-pass-not

h. Một nhóm nhỏ hơn các chân ngã trong vòng-giới-hạn hành tinh của chúng ta

i. A small group of Egos within our planetary ring-pass-not

i. Một nhóm nhỏ các chân ngã trong vòng-giới-hạn hành tinh của chúng ta

j. An individual Ego among all the individual Egos

j. Một chân ngã cá biệt giữa tất cả các chân ngã cá biệt

13. While a number of potential steps have been omitted, the sequence of descent can suggest important relationships in the emanation process.

13. Dù một số bước tiềm năng đã bị lược bỏ, chuỗi giáng xuống này có thể gợi ra những mối liên hệ quan trọng trong tiến trình phát xạ.

The other deals with the effect produced by the "coming-in" of Egos on the mental plane which are not "bud" Egos, **but are possibly very fully developed**, such as disciples and initiates.

Vấn đề kia liên quan đến hiệu quả được tạo ra bởi sự "đi vào" của các chân ngã trên cõi trí vốn không phải là các chân ngã “nụ”, **mà có thể đã phát triển rất đầy đủ**, như các đệ tử và các điểm đạo đồ.

14. Presumably, one type of this "coming in" is happening all the time due to the process of progressive evolutionary development through the taking of repeated incarnations.

14. Có lẽ, một loại của sự "đi vào" này đang xảy ra mọi lúc do tiến trình phát triển tiến hoá tuần tự thông qua việc nhận lấy những lần nhập thể lặp đi lặp lại.

15. What DK may also be talking about, however, is the coming in of Egos on the mental plane (and in a developed state) from the Moon-chain or from other planetary schemes.

15. Tuy nhiên, điều Chân sư DK cũng có thể đang nói đến là sự đi vào của các chân ngã trên cõi trí (và trong một trạng thái phát triển) từ Dãy Mặt Trăng hoặc từ các hệ hành tinh khác.

These thoughts may be clarified if certain statements are made relating to the mental plane, and which will serve as indications as to the direction in which the solution of these problems may be sought.

Những tư tưởng này có thể được làm sáng tỏ nếu đưa ra một số phát biểu liên hệ đến cõi trí, và những phát biểu này sẽ đóng vai trò như những chỉ dẫn về phương hướng mà trong đó có thể tìm kiếm lời giải cho các vấn đề này.

16. For human beings at humanity's present stage of development, the mental plane is all important—especially, and increasingly, the higher mental plane.

16. Đối với con người ở giai đoạn phát triển hiện nay của nhân loại, cõi trí là tối quan trọng—đặc biệt, và ngày càng như vậy, là Cõi thượng trí.

The mental plane is, as H. P. B. has pointed out, the vastest of all the planes **with which we are concerned**.

Cõi trí, như H. P. B. đã chỉ ra, là cõi bao la nhất trong tất cả các cõi **mà chúng ta quan tâm đến**.

17. Certainly is it is the most complexly subdivided:

17. Chắc chắn đây là cõi được phân chia phức tạp nhất:

a. The lower four subplanes (home of the concrete mind)

a. Bốn cõi phụ thấp (nơi cư ngụ của trí cụ thể)

b. The second and third subplanes (home of man's Ego during the human phase of development)

b. Cõi phụ thứ hai và thứ ba (nơi cư ngụ của chân ngã của con người trong giai đoạn phát triển nhân loại)

c. The highest or atomic subplane (home of the lowest aspect of the spiritual triad)

c. Cõi phụ cao nhất hay cõi nguyên tử (nơi cư ngụ của phương diện thấp nhất của Tam Nguyên Tinh Thần)

It is the key plane of the solar system.

Đó là cõi then chốt của hệ mặt trời.

18. Presumably, it is because the Solar Logos is attempting to achieve cosmic mental polarization that the fifth plane on the cosmic physical plane (the systemic mental plane) is of such great importance.

18. Có lẽ là vì Thái dương Thượng đế đang cố gắng đạt đến sự phân cực trí tuệ vũ trụ mà cõi thứ năm trên cõi hồng trần vũ trụ (cõi trí của hệ thống) lại có tầm quan trọng lớn lao đến thế.

It is the pivotal plane upon which the great Wheel turns.

Đó là cõi bản lề mà trên đó Bánh Xe lớn xoay chuyển.

19. Lines of evolution are as "great Wheels".

19. Các tuyến tiến hoá là những "Bánh Xe lớn".

20. From a solar systemic perspective, the entire solar system is the "great Wheel". It is as if our solar systemic process depends upon the communication of all its parts via the systemic mental plane.

20. Từ góc nhìn hệ mặt trời, toàn bộ hệ mặt trời là "Bánh Xe lớn". Dường như tiến trình hệ mặt trời của chúng ta phụ thuộc vào sự thông giao của mọi phần của nó qua cõi trí của hệ thống.

It is the meeting place of the three lines of evolution and has been for this reason esoterically termed *"the council chamber of the Three Divinities."*

Đó là nơi gặp gỡ của ba tuyến tiến hoá và vì lý do này đã được gọi một cách huyền bí là *"phòng hội đồng của Ba Ngôi thiêng liêng."*

21. The Council Chamber of Sanat Kumara may be inferred to be on the highest subplane of the cosmic physical plane.

21. Có thể suy ra rằng Phòng Hội Đồng của Đức Sanat Kumara nằm trên cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

22. The systemic mental plane is a kind of reflection of this higher "Council Chamber".

22. Cõi trí của hệ thống là một loại phản chiếu của "Phòng Hội Đồng" cao hơn này.

23. VSK notes that the phrase "the council chamber of the Three Divinities" is echoed in the Word of Power of the fifth ray: "Three Minds Unite".

23. VSK lưu ý rằng cụm từ "phòng hội đồng của Ba Ngôi thiêng liêng" được vang vọng trong Quyền năng từ của cung năm: "Ba trí hợp nhất".

24. When we think of the necessary union of three types of mind, we may reasonably think that the magnetic power of Venus (Whose soul is focussed upon the fifth ray) is

24. Khi chúng ta nghĩ đến sự hợp nhất cần thiết của ba loại trí, chúng ta có thể hợp lý mà nghĩ rằng quyền năng từ tính của Sao Kim (Đấng có linh hồn tập trung trên cung

necessarily involved in bringing about this union.

năm) tất yếu có liên quan trong việc mang lại sự hợp nhất này.

On this plane, the three Persons of the logoic Trinity meet in united work.

Trên cõi này, ba Ngôi của Tam Vị logoic gặp nhau trong công việc hợp nhất.

25. What is the "logoic Trinity"? There are three great Logoi (lesser in power than the Solar Logos, Himself, but greater in power than any of the Planetary Logoi). They are diagrammatically pictured in TCF, 1238 as three circles near the circle of the Solar Logos.

25. "Tam Vị logoic" là gì? Có ba Thượng đế lớn (nhỏ hơn về quyền năng so với chính Thái dương Thượng đế, nhưng lớn hơn về quyền năng so với bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào). Các Ngài được minh họa bằng sơ đồ trong TCF, 1238 như ba vòng tròn gần vòng tròn của Thái dương Thượng đế.

26. We may think of the Third Logos as associated with the four lower subplanes of the mental plane; the Second Logos with the third and second subplanes; the First Logos with the first or atomic subplane.

26. Chúng ta có thể nghĩ đến Thượng đế thứ ba như liên kết với bốn cõi phụ thấp của cõi trí; Thượng đế thứ hai với cõi phụ thứ ba và thứ hai; Thượng đế thứ nhất với cõi phụ thứ nhất hay cõi nguyên tử.

Below two Persons may be seen associated;

Dưới đây có thể thấy hai Ngôi được liên kết;

27. Presumably, the second and third Persons.

27. Có lẽ là Ngôi thứ hai và thứ ba.

above another duality functions,

bên trên, một nhị nguyên tính khác vận hành,

28. Presumably, the first and second Persons.

28. Có lẽ là Ngôi thứ nhất và Ngôi thứ hai.

but only on this plane do the Three make an at-one-ment. [Page 849]

nhưng chỉ trên cõi này Ba Ngôi mới đạt đến sự hợp nhất. [Page 849]

29. Here we have a most interesting statement. Three aspects of divinity meet on the systemic mental plane. May we suppose that in the next solar system, these three aspects will meet on the monadic or logoic subplanes of the cosmic physical plane?

29. Ở đây chúng ta có một phát biểu hết sức thú vị. Ba phương diện của thiên tính gặp nhau trên cõi trí của hệ thống. Chúng ta có thể giả định rằng trong hệ mặt trời kế tiếp, ba phương diện này sẽ gặp nhau trên các cõi phụ chân thần hay logoic của cõi hồng trần vũ trụ chăng?

30. Perhaps we can see why the mantram "Three Minds Unite" is so especially important in *this* particular solar system. Ours is a second ray solar system striving to incorporate the influence of the cosmic fifth ray in order to achieve cosmic mental polarization.

30. Có lẽ chúng ta có thể thấy vì sao mantram "Ba trí hợp nhất" lại đặc biệt quan trọng trong *hệ mặt trời* đặc thù này. Hệ mặt trời của chúng ta là một hệ mặt trời cung hai đang nỗ lực kết hợp ảnh hưởng của cung năm vũ trụ để đạt được sự phân cực trí tuệ vũ trụ.

All the Logoi of the differing schemes are expressing Themselves upon this plane.

Tất cả Các Thượng đế của các hệ hành tinh khác nhau đều đang biểu hiện Chính Các Ngài trên cõi này.

31. DK is telling us that there is no Planetary Logos in this solar system which is *not* expressing itself upon the systemic mental plane.

31. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng không có Hành Tinh Thượng Đế nào trong hệ mặt trời này lại *không* biểu hiện chính mình trên cõi trí của hệ thống.

There are certain schemes in the system which find their lowest manifestation on this plane, and have no physical body such as the Earth, and the other dense planets.

Có những hệ hành tinh nhất định trong hệ thống lấy cõi này làm biểu hiện thấp nhất của chúng, và không có thể xác như Trái Đất và các hành tinh đậm đặc khác.

32. DK is informing us of certain planetary schemes which are not represented by any etheric-physical or astral vehicles. Naturally, the lowest globes in such schemes will have vehicles of systemic mental matter. As for the highest globes in such schemes, one can imagine that, for some, the buddhic vehicle will be the lowest and most external vehicle and for others perhaps the atmic.

32. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về một số hệ hành tinh không được biểu hiện qua bất kỳ vận cụ dĩ thái-hồng trần hay cảm dục nào. Đương nhiên, các bầu hành tinh thấp nhất trong những hệ như thế sẽ có các vận cụ bằng vật chất trí tuệ của hệ thống. Còn đối với các bầu hành tinh cao nhất trong những hệ ấy, người ta có thể hình dung rằng, với một số bầu, vận cụ Bồ đề sẽ là vận cụ thấp nhất và ngoài cùng, còn với những bầu khác có lẽ là vận cụ atma.

33. In theosophical writings, the possibility of the existence of such schemes was not discussed nor the existence of *very* subtle globes. Perhaps there were hints given.

33. Trong các trước tác Thông Thiên Học, khả năng tồn tại của những hệ như thế đã không được bàn đến, cũng như sự tồn tại của những bầu hành tinh *rất* vi tế. Có lẽ đã có những ám chỉ được đưa ra.

They *exist* through the medium of gaseous matter, and their spheres of manifestation

Chúng *tồn tại* thông qua môi trường của vật chất khí, và các khối cầu biểu hiện của chúng

are simply composed of the four cosmic ethers and the cosmic gaseous.

34. This is really a very important statement. DK is telling us of globes, the matter of which, goes no lower than the systemic mental plane.

35. While some might think that He suggests globes which are homogeneously mental, homogeneously buddhic or atmic or monadic, the theory of one homogeneous vehicle per globe does not, ultimately, make sense. All Globe-Lords are Monads and Monads have a number of principles through which they express. They cannot express exclusively through a lower principle if the principles (and the vehicles necessary for the expression of these principles) intervening between the lowest sphere of expression and the Monad itself are *missing*.

36. In any case, we are speaking of planetary globes of higher and finer construction. There is no reason to believe that such subtler globes are any less important than globes which additionally have lower and dense vehicles.

But all the great Lives of the solar system do possess bodies of our systemic mental matter, and therefore on that plane communication between all these Entities becomes a possibility.

37. This is the point. In order to communicate entities must share at least one medium of communication. For all Planetary Logoi, the body of systemic mental matter is such a vehicle.

đơn giản được cấu thành bởi bốn dĩ thái vũ trụ và khí vũ trụ.

34. Đây thực sự là một phát biểu rất quan trọng. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về những bầu hành tinh mà vật chất của chúng không đi xuống thấp hơn cõi trí của hệ thống.

35. Dù một số người có thể nghĩ rằng Ngài đang gợi ý những bầu hành tinh thuần nhất là trí tuệ, thuần nhất là Bồ đề, hay atma hoặc chân thần, nhưng rốt cuộc lý thuyết mỗi bầu hành tinh chỉ có một vận cụ đồng nhất là không hợp lý. Mọi Chúa Tể Bầu Hành Tinh đều là các chân thần, và các chân thần có một số nguyên khí qua đó Các Ngài biểu hiện. Các Ngài không thể biểu hiện độc quyền qua một nguyên khí thấp nếu các nguyên khí (và các vận cụ cần thiết cho sự biểu hiện của các nguyên khí ấy) nằm giữa khối cầu biểu hiện thấp nhất và chính chân thần lại bị *thiếu vắng*.

36. Dù sao đi nữa, chúng ta đang nói về những bầu hành tinh có cấu tạo cao hơn và tinh tế hơn. Không có lý do gì để tin rằng những bầu hành tinh vi tế hơn như thế lại kém quan trọng hơn những bầu hành tinh vốn còn có thêm các vận cụ thấp và đậm đặc.

Nhưng tất cả các Sự sống vĩ đại của hệ mặt trời đều sở hữu các thể bằng vật chất trí tuệ của hệ thống chúng ta, và vì vậy trên cõi đó sự giao tiếp giữa tất cả các Thực Thể này trở thành một khả năng.

37. Đây chính là điểm then chốt. Muốn giao tiếp, các thực thể phải chia sẻ ít nhất một môi trường giao tiếp. Đối với mọi Hành Tinh Thượng Đế, thể bằng vật chất trí tuệ của hệ thống là một vận cụ như thế.

38. It is the "great Lives" Who possess such vehicles, and not *all* lives within the solar system.

This fact is the basis of occult realisation, and the true ground for the at-one-ment.

39. The first level of occult realization occurs on the systemic mental plane. A later stage of realization occurs on the systemic atmic plane which, in its own way is a plane of mentality (the *third* subplane of the cosmic physical plane).

40. The mental plane is the plane of *vision,* and "occult realization" is based upon occult vision.

41. While the buddhic plane may be considered the first true plane of at-one-ment (since mental obstructions no longer exist and one has entered the cosmic etheric body) a form of at-one-ment can be supposed to exist on the systemic mental plane. The art of contemplation under Venus reveals this type of at-one-ment.

42. Egoic groups on the higher mental plane realize the Egoic-unity of which they are a part. While a higher type of dense physical form still conditions the Egos manifesting through Egoic groups on the higher mental plane, awareness of that form does not prevent the awareness of a fundamental unity—shall we call it the type of unity which the vibration of Venus can inspire?

43. On the higher mental plane unity is perceived in a mediated manner. On the

38. Chính các "Sự sống vĩ đại" sở hữu những vận cụ như vậy, chứ không phải *mọi* sự sống trong hệ mặt trời.

Sự kiện này là nền tảng của sự chứng nghiệm huyền bí học, và là cơ sở đích thực cho sự hợp nhất.

39. Cấp độ đầu tiên của sự chứng nghiệm huyền bí học xảy ra trên cõi trí của hệ thống. Một giai đoạn chứng nghiệm muộn hơn xảy ra trên cõi atma của hệ thống, vốn theo cách riêng của nó cũng là một cõi của trí tuệ (cõi phụ *thứ ba* của cõi hồng trần vũ trụ).

40. Cõi trí là cõi của *tầm nhìn,* và "sự chứng nghiệm huyền bí học" được đặt nền trên tầm nhìn huyền bí học.

41. Dù cõi Bồ đề có thể được xem là cõi đích thực đầu tiên của sự hợp nhất (vì các chướng ngại trí tuệ không còn nữa và người ta đã đi vào thể dĩ thái vũ trụ), vẫn có thể giả định rằng một hình thức hợp nhất tồn tại trên cõi trí của hệ thống. Nghệ thuật chiêm ngưỡng dưới Sao Kim làm lộ ra loại hợp nhất này.

42. Các nhóm chân ngã trên Cõi thượng trí chứng nghiệm sự hợp nhất chân ngã mà chúng là một phần của nó. Dù một loại hình tướng hồng trần đậm đặc cao hơn vẫn còn tác động lên các chân ngã biểu hiện qua các nhóm chân ngã trên Cõi thượng trí, sự nhận biết về hình tướng ấy không ngăn cản sự nhận biết về một hợp nhất căn bản—chúng ta có nên gọi đó là loại hợp nhất mà rung động của Sao Kim có thể truyền cảm hứng không?

43. Trên Cõi thượng trí, sự hợp nhất được tri nhận một cách gián tiếp. Trên cõi Bồ đề, sự

buddhic plane, unity is perceived directly through the intuition.

hợp nhất được tri nhận trực tiếp qua trực giác.

Matter of the abstract levels of the mental plane enters into the composition of the vehicles for all these greater Existences and through the medium of this energised substance each can get *en rapport* with each, no matter what Their individual goal of attainment may be.

Vật chất của các cấp độ trí trừu tượng của cõi trí đi vào thành phần cấu tạo các vận cụ của tất cả những Hiện Hữu lớn lao hơn này và thông qua môi trường của chất liệu được tiếp sinh lực này, mỗi vị có thể đạt được *sự tương thông* với nhau, bất kể mục tiêu thành tựu riêng của Các Ngài là gì.

44. The "at-one-ment" mentioned above takes place upon the *higher* mental plane rather than the lower. The higher mental plane, while still related to the world of form from the solar logoic angle, contains, nevertheless, (through its highest subplane) the lowest plane of the true Ego or spiritual triad. It is the least obstructed level of form in the dense physical body of the Solar Logos.

44. "Sự hợp nhất" được nhắc đến ở trên diễn ra trên cõi trí *cao* hơn là cõi thấp. Cõi trí cao, dù vẫn liên hệ với thế giới hình tướng theo góc nhìn logoic thái dương, tuy nhiên vẫn chứa đựng (qua cõi phụ cao nhất của nó) cõi thấp nhất của chân ngã đích thực hay tam nguyên tinh thần. Đó là cấp độ hình tướng ít bị cản trở nhất trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế.

45. We note that DK did *not* say that matter of the *lower* mental plane enters into though composition of the vehicles for all these greater Existences.

45. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đã *không* nói rằng vật chất của cõi trí *thấp* đi vào thành phần cấu tạo các vận cụ của tất cả những Hiện Hữu lớn lao hơn này.

46. So we find the mental plane as the basis of inter-planetary rapport.

46. Vì vậy, chúng ta thấy cõi trí là nền tảng của sự tương thông liên hành tinh.

47. We also learn that "energised substance" is the basis of inter-planetary communication.

47. Chúng ta cũng học được rằng "chất liệu được tiếp sinh lực" là nền tảng của sự giao tiếp liên hành tinh.

The units, therefore, in Their bodies can equally get in touch with all other Egos and groups **once they have achieved the consciousness of the mental plane (causal consciousness) and know the varying group "keys," the group tones and colors.**

Do đó, các đơn vị trong các thể của Các Ngài cũng có thể tiếp xúc với mọi chân ngã và nhóm khác **một khi họ đã đạt được tâmthức của cõi trí (tâm thức nguyên nhân) và biết các "chìa khóa" nhóm khác nhau, các âm điệu và màu sắc của nhóm.**

48. What an extraordinary statement promising a form of inter-Egoic

communication extending beyond planetary ring-pass-nots!

48. Thật là một phát biểu phi thường, hứa hẹn một hình thức giao tiếp liên chân ngã vượt ra ngoài vòng-giới-hạn hành tinh!

49. Probably the first kind of egoic communication to be achieved once causal consciousness is achieved, is communication between members of one's own egoic group. This type of communication will naturally expand to include different types of Egos within one's own globe or chain or planetary scheme. Eventually, it will be possible, provided the right "keys", group tones and colors are known, to communicate with egoic groups *beyond* the planetary ring-pass-not.

49. Có lẽ loại giao tiếp chân ngã đầu tiên đạt được sau khi tâm thức nguyên nhân được thành tựu là sự giao tiếp giữa các thành viên trong chính nhóm chân ngã của mình. Loại giao tiếp này tự nhiên sẽ mở rộng để bao gồm các loại chân ngã khác nhau trong chính bầu hành tinh, dãy hay hệ hành tinh của mình. Cuối cùng, với điều kiện biết đúng các "chìa khóa", các âm điệu và màu sắc của nhóm, sẽ có thể giao tiếp với các nhóm chân ngã ở *bên ngoài* vòng-giới-hạn hành tinh.

50. One impressive fact emerges here: "keys", group tones and colors are *means of communication.* When a tone is sounded in a certain "key" (musically considered) a resonance is set up with those egoic units which are conditioned primarily by that tone and its key. The same is true of the 'color resonance' which is induced in other and various egoic units and groups which respond primarily to the color which is sent forth through visualization or imagination (or physical representation).

50. Một sự kiện ấn tượng nổi lên ở đây: các "chìa khóa", các âm điệu và màu sắc của nhóm là *những phương tiện giao tiếp.* Khi một âm điệu được xướng lên trong một "chìa khóa" nhất định (xét về âm nhạc), một sự cộng hưởng được thiết lập với những đơn vị chân ngã chủ yếu được tác động bởi âm điệu ấy và chìa khóa của nó. Điều tương tự cũng đúng với "sự cộng hưởng màu sắc" được gây ra trong các đơn vị và nhóm chân ngã khác nhau, vốn chủ yếu đáp ứng với màu sắc được phát ra qua sự hình dung hoặc sự tưởng tượng (hay biểu hiện hồng trần).

51. An intricate and potent science is here revealed, and one which will gain in power throughout the impending seventh ray/ fourth ray period, during which time the fifth ray of practical and precise physical application will be in power through Aquarius.

51. Ở đây một khoa học tinh vi và mãnh liệt được mặc khải, và khoa học ấy sẽ gia tăng quyền năng trong giai đoạn cung bảy/cung bốn sắp đến, trong thời gian đó cung năm của sự ứng dụng hồng trần thực tiễn và chính xác sẽ nắm quyền qua Bảo Bình.

It will consequently be apparent to the careful student **that in this fact lies the true relationship between the various groups of**

Do đó, đối với đạo sinh cẩn trọng, sẽ hiển nhiên **rằng chính trong sự kiện này có mối liên hệ đích thực giữa các nhóm chân ngã**

Egos, no matter what degree of evolution, or what ray and in which scheme they may be.

khác nhau, bất kể mức độ tiến hoá nào, hay thuộc cung nào và ở trong hệ hành tinh nào.

52. Relationship between groups of Egos occurs via the higher subplanes of the systemic mental plane.

52. Mối liên hệ giữa các nhóm chân ngã diễn ra qua các cõi phụ cao của cõi trí hệ thống.

53. We are given a terrific inducement for achieving causal consciousness. One is offered the possibility of entering gradually into a type of universal consciousness—the consciousness embraced by the universal mind within the Solar Logos.

53. Chúng ta được trao cho một động lực mạnh mẽ để đạt đến tâm thức nguyên nhân. Người ta được mở ra khả năng dần dần đi vào một loại tâm thức phổ quát—tâm thức được bao hàm bởi Vũ Trụ Trí trong Thái dương Thượng đế.

54. Usually, degree of evolution, difference in ray and difference in scheme would be impediments to communication between human beings, but once causal consciousness is achieved and with it the necessary knowledge of "keys", group tones and colors, then inter-egoic communication will become increasingly unimpeded.

54. Thông thường, mức độ tiến hoá, sự khác biệt về cung và sự khác biệt về hệ hành tinh sẽ là những trở ngại đối với sự giao tiếp giữa con người, nhưng một khi tâm thức nguyên nhân được thành tựu và cùng với nó là tri thức cần thiết về các "chìa khóa", các âm điệu và màu sắc của nhóm, thì sự giao tiếp liên chân ngã sẽ ngày càng không bị cản trở.

The basic truth here involved may be better grasped if the following occult phrases are studied:

Chân lý căn bản liên hệ ở đây có thể được nắm bắt tốt hơn nếu các cụm từ huyền bí học sau đây được nghiên cứu:

55. This is what we seek—an increasingly better grasp of the truth—first through the mind, then through the abstract mind and finally through the intuition.

55. Đây là điều chúng ta tìm kiếm—một sự nắm bắt chân lý ngày càng tốt hơn—trước hết qua trí tuệ, rồi qua trí trừu tượng và cuối cùng qua trực giác.

"*Within the Hall of Ignorance* kama-manas rules.

"*Trong Phòng Vô Minh* trí-cảm cai quản.

56. This points to the united power of the astral and mental bodies. It is not that there is no mind within the Hall of Ignorance; it is simply that the type of mind there found is *unenlightened* mind, and it is inextricably bound up with physical sensation and astral reaction.

56. Điều này chỉ đến quyền năng hợp nhất của thể cảm dục và thể trí. Không phải là không có trí tuệ trong Phòng Vô Minh; chỉ đơn giản là loại trí tuệ được tìm thấy ở đó là trí tuệ *chưa được soi sáng*, và nó gắn chặt không thể tách rời với cảm giác hồng trần và phản ứng cảm dục.

The man, weighed down by much misplaced desire,

Con người, bị đè nặng bởi quá nhiều ham muốn đặt sai chỗ,

57. Misplaced, misdirected, wrongly oriented…

57. Đặt sai chỗ, định hướng sai, hướng sai…

58. A true sense of spiritual values has not been established.

58. Một ý thức đích thực về các giá trị tinh thần vẫn chưa được thiết lập.

59. It is interesting that, occultly, desire has "weight", is ponderous and holds one "down to earth".

59. Thật thú vị khi, theo huyền bí học, ham muốn có "trọng lượng", nặng nề và giữ người ta "dính xuống đất".

seeks for the object of his heart's attention within the murky halls of densest maya.

tìm kiếm đối tượng mà trái tim y chú ý đến trong những đại sảnh mờ đục của ảo lực đậm đặc nhất.

60. It is ultimately the heart which motivates desire. The astrally polarized man is strongly conditioned by the heart center *as well as* by the solar plexus center.

60. Rốt cuộc chính trái tim là điều thúc đẩy ham muốn. Con người phân cực cảm xúc chịu tác động mạnh mẽ bởi trung tâm tim *cũng như* bởi trung tâm tùng thái dương.

61. The man in the Hall of Ignorance is blinded and driven hither and thither by the mayavic forces.

61. Con người trong Phòng Vô Minh bị làm mù và bị các mãnh lực ảo lực xô đẩy hết nơi này đến nơi khác.

He finds it there but dies ere garnering all the longed-for fruit.

Y tìm thấy nó ở đó nhưng chết trước khi thu hoạch được tất cả trái quả hằng mong ước.

62. Man does find that which he desires, only to find its acquisition wanting.

62. Con người quả thật tìm thấy điều mình ham muốn, chỉ để nhận ra rằng sự đạt được ấy vẫn thiếu thốn.

63. But desire is ceaseless and cannot easily be satisfied; hence the impulsion towards repeated incarnations in the attempt to fulfill unfulfilled desire within the lower three worlds.

63. Nhưng ham muốn thì không ngừng nghỉ và không dễ được thỏa mãn; do đó mới có xung lực hướng đến những lần lâm phàm lặp đi lặp lại trong nỗ lực hoàn thành những ham muốn chưa được thỏa mãn trong ba cõi thấp.

The serpent stings him,

Con rắn chích y,

64. This is the "sting of the Scorpion" painfully awakening man to unsuspected levels of reality and disabusing him of the glamors and illusions in which he as sheltered.

64. Đây là "vết chích của Hổ Cáp", đau đớn đánh thức con người trước những cấp độ thực tại không ngờ tới và giải trừ cho y những ảo cảm và ảo tưởng mà trong đó y đã được che chở.

65. The sting of the serpent reveals the relative worthlessness of that which has hitherto been sought.

65. Vết chích của con rắn phơi bày tính tương đối vô giá trị của điều mà từ trước đến nay người ta vẫn tìm kiếm.

and the joy desired recedes from out his grasp.

và niềm vui mong muốn lùi xa khỏi tầm nắm bắt của y.

66. We are dealing with the polarity between Taurus and Scorpio. Taurus is the paramount sign of desire and acquisition. The detaching power of Scorpio removes that which was ignorantly grasped, thus, progressively, instilling a higher sense of values.

66. Chúng ta đang bàn đến cực tính giữa Kim Ngưu và Hổ Cáp. Kim Ngưu là dấu hiệu hoàng đạo tối thượng của ham muốn và sự thủ đắc. Quyền năng tách rời của Hổ Cáp lấy đi điều đã bị nắm giữ một cách vô minh, nhờ đó dần dần gieo vào một ý thức giá trị cao hơn.

67. In a larger sense, there is a constant interplay between Taurus and Scorpio, for each, in its own way, is *both* acquisitive and inclined to attachment.

67. Theo một nghĩa rộng hơn, có một sự tương tác liên tục giữa Kim Ngưu và Hổ Cáp, vì mỗi dấu hiệu, theo cách riêng của mình, *vừa* có tính thủ đắc vừa nghiêng về sự bám chấp.

All seeking thus the selfish fruits of karma must each despise each other;

Vì vậy, tất cả những ai tìm kiếm những quả vị ích kỷ của nghiệp quả đều phải khinh miệt lẫn nhau;

68. Hatred exists in the lower three worlds. We are in the world of lower Mars and Pluto (considered from its basest angle).

68. Hận thù tồn tại trong ba cõi thấp. Chúng ta đang ở trong thế giới của Sao Hỏa thấp và Sao Diêm Vương (xét từ góc độ thấp nhất của nó).

69. Division and cleavage rule. Under the principle of separation, scarcity is sensed, sharing is seen as foolish. One grasps for oneself alone.

69. Sự phân chia và chia cắt cai quản. Dưới nguyên lý phân ly, sự khan hiếm được cảm nhận, sự chia sẻ bị xem là ngu xuẩn. Người ta chỉ chộp lấy cho riêng mình.

70. Eventually the power of Scorpio helps the grasping individual overcome selfishness (initially at the second initiation).

70. Cuối cùng quyền năng của Hổ Cáp giúp cá nhân chộp giật vượt qua tính ích kỷ (ban đầu là ở lần điểm đạo thứ hai).

71. This despising reminds one of a similar phrase regarding the Ray Lords:

71. Sự khinh miệt này gợi nhớ đến một cụm từ tương tự liên quan đến các Đấng Chúa Tể Cung:

"The seven Brothers love each other, yet each seeketh for many aeons the path of hatred. **They hate and kill each other until they find that which dieth not and is not hurt.** Together then they stand and serve and through their service the seven suns burn up." (TCF 1249)

"The seven Brothers love each other, yet each seeketh for many aeons the path of hatred. **They hate and kill each other until they find that which dieth not and is not hurt.** Together then they stand and serve and through their service the seven suns burn up." (TCF 1249)

hence strife and greed, ill-will and hatred, death and retribution, karmic invocation and the thunderbolt of vengeance characterise this Hall. [Page 850]

do đó xung đột và tham lam, ác ý và hận thù, cái chết và sự báo ứng, sự khẩn cầu nghiệp quả và tia sét báo thù đặc trưng cho Phòng này. [Page 850]

72. Not a very pretty picture but inescapable for all. In the Hall of Ignorance it is finally learned that desire and love are not the same energies. By the time there is a concerted focus upon the second tier of petals, the rising soul is slowly learning the meaning of love, even if relatively selfish at first.

72. Không phải là một bức tranh đẹp đẽ gì, nhưng không ai tránh khỏi. Trong Phòng Vô Minh, cuối cùng người ta học được rằng ham muốn và bác ái không phải là cùng một năng lượng. Đến lúc có sự tập trung phối hợp vào tầng cánh hoa thứ hai, linh hồn đang vươn lên chậm rãi học ý nghĩa của bác ái, dù lúc đầu còn tương đối ích kỷ.

Within the Hall of Learning intellect rules and seeks to guide.

Trong Phòng Hiểu Biết trí tuệ cai quản và tìm cách hướng dẫn.

73. The Hall of Learning is loosely associated with the second tier of petals which are *love* petals. Desire is still strong, yet it is a more selfless type of desire beginning to approximate love.

73. Phòng Hiểu Biết được liên kết một cách tương đối lỏng với tầng cánh hoa thứ hai là các cánh hoa *bác ái*. Ham muốn vẫn còn mạnh, nhưng đó là một loại ham muốn vị tha hơn, bắt đầu xấp xỉ bác ái.

74. Awareness of a subjective point within the consciousness arises and man can begin

74. Sự nhận biết về một điểm chủ quan trong tâm thức phát sinh và con người có thể

his inward search for the source of that subjectivity—the soul.

bắt đầu cuộc tìm kiếm bên trong của mình để tìm nguồn gốc của tính chủ quan ấy—linh hồn.

Desire of a higher kind, the fruit of manas and its use, supplants the lower kamic urge.

Ham muốn thuộc loại cao hơn, là quả của manas và việc sử dụng nó, thay thế xung lực cảm dục thấp hơn.

75. The lower karmic urge is based entirely on *low* desire and selfishness.

75. Xung lực nghiệp quả thấp hơn hoàn toàn dựa trên ham muốn *thấp* và tính ích kỷ.

76. Increased use of manas helps one discriminate between the pairs of opposites and, as a result, a higher sense of values emerges. The mind has discriminated between that which is of greater value and that which is lesser in value.

76. Việc sử dụng manas nhiều hơn giúp người ta phân biện giữa các cặp đối đãi, và kết quả là một ý thức giá trị cao hơn xuất hiện. Trí tuệ đã phân biện giữa điều có giá trị lớn hơn và điều có giá trị thấp hơn.

Man weighs and balances,

Con người cân nhắc và quân bình,

77. The power of Libra is obviously strong. Even from the description of the first petal in the Hall of Learning (the fourth petal) we see this to be the case.

77. Quyền năng của Thiên Bình rõ ràng là rất mạnh. Ngay từ mô tả về cánh hoa thứ nhất trong Phòng Hiểu Biết (cánh hoa thứ tư), chúng ta đã thấy điều này là đúng.

1. The Petal of Knowledge, for the astral plane; unfoldment is brought about by the conscious balancing of the pairs of opposites, and the gradual utilisation of the Law of Attraction and Repulsion. The man passes out of the Hall of Ignorance where, from the egoic point of view, he works blindly and begins to appreciate the effects of his physical plane life; by a realisation of his essential duality he begins to comprehend causes. (TCF 540)

1. Cánh hoa tri thức, dành cho cõi cảm dục; sự khai mở được mang lại bởi sự quân bình có ý thức các cặp đối đãi, và việc dần dần sử dụng Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi. Con người đi ra khỏi Phòng Vô Minh, nơi mà từ quan điểm chân ngã, y hoạt động một cách mù quáng, và bắt đầu nhận thức được các hiệu quả của đời sống cõi hồng trần của mình; nhờ sự chứng nghiệm về nhị nguyên tính cốt yếu của mình, y bắt đầu thấu hiểu các nguyên nhân. (TCF 540)

and in the twilight Halls of Intellection seeks for the fruit of knowledge.

và trong những Phòng Minh Biện chạng vạng, tìm kiếm quả vị của tri thức.

78. There is a kind of light to be found in the Hall of Learning (the Halls of Intellection)

78. Có một loại ánh sáng có thể tìm thấy trong Phòng Hiểu Biết (các Phòng Minh

but it is a *twi*light rather than the light of full day (the intuition).

79. Mediated knowledge is found in the Halls of Intellection, rather than "straight knowledge", "direct knowledge".

Then the second series of petals are opened, during a period of time covering his participation intelligently in world affairs until he enters the spiritual kingdom at the first Initiation; (TCF 543)

80. This is the period found as the man seeks to participate intelligently in the affairs of every day.

He finds it but to realise that knowledge is not all; he dies upon the open field of knowledge, hearing a cry beat on his dying ears: Know that the knower greater is than knowledge; the One who seeks is greater than the sought.

81. Here we have another vivid image of unrequited desire. The man experiences futility realizing that knowledge alone can never satisfy his deeper quest.

82. Knowledge is related to the lower mind. The fruits of the lower mind can never satisfy. The Knower, however, is seated within the planes of higher mind.

83. The man now seeks Himself as the soul. He seeks to transcend the concrete mind in search of the Thinker.

Within the Hall of Wisdom the Spirit rules;

Biện), nhưng đó là ánh sáng *chạng* vạng hơn là ánh sáng ban ngày trọn vẹn (trực giác).

79. Tri thức gián tiếp được tìm thấy trong các Phòng Minh Biện, hơn là "tri thức trực tiếp", "tri thức thẳng".

Rồi loạt cánh hoa thứ hai được mở ra, trong một thời kỳ bao trùm sự tham dự một cách thông minh của y vào các công việc thế gian cho đến khi y bước vào giới tinh thần ở lần điểm đạo thứ nhất; (TCF 543)

80. Đây là giai đoạn được tìm thấy khi con người tìm cách tham dự một cách thông minh vào các công việc hằng ngày.

Y tìm thấy nó nhưng chỉ để chứng nghiệm rằng tri thức không phải là tất cả; y chết trên cánh đồng rộng mở của tri thức, nghe một tiếng kêu dội vào đôi tai hấp hối của mình: Hãy biết rằng thức giả lớn hơn tri thức; Đấng tìm kiếm lớn hơn điều được tìm kiếm.

81. Ở đây chúng ta có một hình ảnh sống động khác về ham muốn không được đền đáp. Con người trải nghiệm sự vô ích khi nhận ra rằng chỉ riêng tri thức không bao giờ có thể thỏa mãn cuộc truy cầu sâu xa hơn của mình.

82. Tri thức liên hệ với hạ trí. Những quả vị của hạ trí không bao giờ có thể thỏa mãn. Tuy nhiên, thức giả lại ngự trong các cõi của thượng trí.

83. Giờ đây con người tìm kiếm Chính Mình như linh hồn. Y tìm cách vượt lên trên trí cụ thể để tìm kiếm Đấng Tư Tưởng.

Trong Phòng Minh triết tinh thần cai quản;

84. From one perspective, the Hall of Wisdom begins when the first initiation is taken. Some see entrance into this Hall somewhat before the first initiation and some consider that full entry does not occur until the third initiation has been taken.

84. Theo một góc nhìn, Phòng Minh triết bắt đầu khi lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận. Một số người thấy việc bước vào Phòng này diễn ra sớm hơn đôi chút trước lần điểm đạo thứ nhất, và một số khác cho rằng sự bước vào trọn vẹn chỉ xảy ra khi lần điểm đạo thứ ba đã được tiếp nhận.

85. But it could hardly be said that before the first initiation (or even *at* the first initiation) "Spirit rules".

85. Nhưng khó có thể nói rằng trước lần điểm đạo thứ nhất (hay ngay cả *ở* lần điểm đạo thứ nhất) "tinh thần cai quản".

86. Yet, increasingly the Spirit is having its impact directly upon the soul (on its own plane—the higher mental) and the soul is making its presence felt in the life of the personality (thus mediating the Spirit to the personality).

86. Tuy nhiên, ngày càng nhiều hơn, tinh thần đang tác động trực tiếp lên linh hồn (trên chính cõi của nó—Cõi thượng trí), và linh hồn đang làm cho sự hiện diện của mình được cảm nhận trong đời sống của phàm ngã (nhờ đó làm trung gian cho tinh thần đến với phàm ngã).

the One within the lesser ones assumes supreme control.

Đấng Duy Nhất bên trong những cái nhỏ hơn nắm quyền kiểm soát tối thượng.

87. We can call this "One" either the soul or the Spirit. The Hall of Wisdom is a lengthy experience including full soul expression and the increasing expression of the Spirit.

87. Chúng ta có thể gọi "Đấng Duy Nhất" này là linh hồn hoặc tinh thần. Phòng Minh triết là một kinh nghiệm kéo dài, bao gồm sự biểu hiện trọn vẹn của linh hồn và sự biểu hiện ngày càng tăng của tinh thần.

Death is not known within these halls, for its two great gates are passed.

Cái chết không được biết đến trong những phòng này, vì hai cánh cổng lớn của nó đã được vượt qua.

88. Presumably, we are still speaking of the experience of the Hall of Wisdom even though the plural "halls" is used.

88. Có lẽ chúng ta vẫn đang nói về kinh nghiệm của Phòng Minh triết dù số nhiều "những phòng" được dùng.

89. The Capricornian gate or door—the "doorway into life of those who know not death" is passed at true initiation. Similarly, the man begins to pass far more consciously

89. Cánh cổng hay cánh cửa Ma Kết—"cửa ngõ đi vào sự sống của những ai không biết đến cái chết"—được vượt qua trong điểm đạo đích thực. Tương tự, con người bắt đầu đi qua một cách hữu thức hơn nhiều cánh

through the lower gate, "the doorway into life of those who must know death".

90. From another perspective, the lower doorway is "passed" when man no longer has any need for incarnation in the lower three worlds.

Discord and strife both disappear and only harmony is seen.

91. Wisdom is buddhi and the man is entering the "circle of buddhic life". The buddhic plane is the plane of harmony.

The knowers see themselves as One;

92. One becomes a "knower" on the buddhic plane, which is the first true plane of at-one-ment. Buddhic sight is *unitive* sight promoted through pure reason and love.

93. From the time the second initiation is passed, buddhic influence is penetrating the consciousness and the human energy system increasingly.

they recognise the field wherein knowledge grows as Brahmic dissonance and differentiation.

94. Such would be the concrete worlds. The realm of Vishnu is the realm of harmony, though the energy of Vishnu applied to the world of Brahma may initially cause "dissonance". Because of *love,* battles are fought.

Knowledge they know as method, an instrument of purpose utilised by all and **just a germ of eventual recognition**.

cổng thấp hơn, "cửa ngõ đi vào sự sống của những ai phải biết đến cái chết".

90. Theo một góc nhìn khác, cánh cửa thấp hơn được "vượt qua" khi con người không còn bất kỳ nhu cầu nào phải lâm phàm trong ba cõi thấp.

Bất hòa và xung đột đều biến mất và chỉ còn sự hài hòa được thấy.

91. Minh triết là Bồ đề và con người đang đi vào "vòng tròn của sự sống Bồ đề". Cõi Bồ đề là cõi của sự hài hòa.

Các thức giả thấy mình là Một;

92. Người ta trở thành một "thức giả" trên cõi Bồ đề, vốn là cõi đích thực đầu tiên của sự hợp nhất. Thị giác Bồ đề là thị giác *hợp nhất* được thúc đẩy qua lý trí thuần khiết và bác ái.

93. Kể từ khi lần điểm đạo thứ hai được vượt qua, ảnh hưởng Bồ đề đang thâm nhập vào tâm thức và hệ thống năng lượng con người ngày càng nhiều hơn.

họ nhận ra lĩnh vực trong đó tri thức tăng trưởng như là sự bất hòa và biến phân Brahmic.

94. Đó hẳn là các thế giới cụ thể. Cõi của Vishnu là cõi của hài hòa, dù năng lượng của Vishnu áp dụng vào thế giới của Brahma lúc đầu có thể gây ra "bất hòa". Chính vì *bác ái,* mà các trận chiến được tiến hành.

Trithức được họ biết như phương pháp, một công cụ của mục đích được mọi người sử

dụng và chỉ là **một mầm mống của sự nhận biết rốt ráo**.

95. The true value and place of knowledge is understood by those in the Hall of Wisdom.

95. Giá trị và vị trí đích thực của tri thức được những người ở trong Phòng Minh triết thấu hiểu.

96. Knowledge becomes recognition (which is another way of saying "straight knowledge"). The one who knows, in a outward sense, becomes the one who inwardly knows *as the Knower.*

96. Tri thức trở thành sự nhận biết (đó là một cách khác để nói "tri thức trực tiếp"). Người biết theo nghĩa bên ngoài trở thành người biết bên trong *như thức giả.*

Within this hall union of each with each, blending of one and all, and unity of action, goal and skill marks every high endeavor."

Trong phòng này, sự hợp nhất của mỗi người với mỗi người, sự hòa trộn của một và tất cả, và sự nhất quán của hành động, mục tiêu và kỹ năng đánh dấu mọi nỗ lực cao cả."

97. We might say that within the Hall of Wisdom, buddhi-manas is cultivated. We can see in the consummation just mentioned above that manasic achievements are *not* missing. The Hall of Wisdom blends mind and heart, practicality and high unitive motive.

97. Chúng ta có thể nói rằng trong Phòng Minh triết, buddhi-manas được vun bồi. Chúng ta có thể thấy trong sự viên mãn vừa được nhắc đến ở trên rằng các thành tựu manas *không* hề thiếu vắng. Phòng Minh triết hòa trộn trí tuệ và trái tim, tính thực tiễn và động cơ hợp nhất cao cả.

If these words are pondered on, it will be realised **that true union exists in the realisation that the greater life ever includes the lesser,** and that each expansion of consciousness brings man closer to this realised Oneness.

Nếu những lời này được suy ngẫm, người ta sẽ chứng nghiệm **rằng sự hợp nhất đích thực tồn tại trong sự chứng nghiệm rằng sự sống lớn hơn luôn bao gồm sự sống nhỏ hơn,** tức rằng mỗi sự mở rộng tâm thức đều đưa con người đến gần hơn với Nhất Thể đã được chứng nghiệm này.

98. We find that the principle of "holism" is not simply some satisfying theory with no practical application.

98. Chúng ta thấy rằng nguyên lý "toàn thể tính" không chỉ đơn giản là một lý thuyết làm thỏa mãn mà không có ứng dụng thực tiễn nào.

99. There is a specific realization to be achieved, and, if achieved, true union will also be achieved. In short, union is achieved through realization. The disciplines of

99. Có một sự chứng nghiệm cụ thể cần đạt được, và nếu đạt được, sự hợp nhất đích thực cũng sẽ đạt được. Tóm lại, sự hợp nhất được đạt đến qua sự chứng nghiệm. Vì vậy, các kỷ

realization must, therefore, become our objective.

luật của sự chứng nghiệm phải trở thành mục tiêu của chúng ta.

Therefore, if one might venture to express an abstraction and a state of consciousness in terms of time and space, and through the limitation of language, it might be stated that **on egoic levels, or on the three higher subplanes of the mental plane, there exists a channel of communication, based on similarity of vibration and oneness of endeavour, between every one of the planetary schemes, within the solar ring-pass-not.**

Do đó, nếu người ta có thể mạo muội diễn tả một sự trừu tượng và một trạng thái tâm thức theo các thuật ngữ thời gian và không gian, và qua sự giới hạn của ngôn ngữ, thì có thể nói rằng **trên các cấp độ chân ngã, hay trên ba cõi phụ cao của cõi trí, tồn tại một kênh giao tiếp, dựa trên sự tương đồng rung động và sự nhất quán của nỗ lực, giữa mọi hệ hành tinh, bên trong vòng-giới-hạn thái dương.**

100. We are in a second ray solar system in which those Lives known as Solar Angels play a very important bridging and fusing role. The way to bring our planet into a state of unity is, initially, via the higher mental plane. Eventually, the way to bring the entire solar system, with all its planetary schemes, into unity is, again, via the higher mental plane.

100. Chúng ta đang ở trong một hệ mặt trời cung hai, trong đó những Sự sống được biết đến như các Thái dương Thiên Thần đóng một vai trò bắt cầu và dung hợp rất quan trọng. Con đường để đưa hành tinh của chúng ta vào một trạng thái hợp nhất, lúc đầu, là qua Cõi thượng trí. Cuối cùng, con đường để đưa toàn bộ hệ mặt trời, cùng với mọi hệ hành tinh của nó, vào hợp nhất cũng lại là qua Cõi thượng trí.

101. We see the imperative that humanity learn the meaning of occult meditation which ensures the transfer of consciousness to the higher mental plane and its polarization at a point of tension representative of the higher mental plane.

101. Chúng ta thấy tính cấp thiết rằng nhân loại phải học ý nghĩa của tham thiền huyền bí học, điều bảo đảm sự chuyển dịch tâm thức lên Cõi thượng trí và sự phân cực của nó tại một điểm tập trung nhất tâm tiêu biểu cho Cõi thượng trí.

102. The higher mental plane (and especially the second subplane of the higher mental plane) is a plane of cooperation and realized group endeavor. The siddhi, "Response to Group Vibration" is there found. Our planet has a second ray soul and that soul is meant to induce harmonious cooperation between all conscious participants in any group. Our solar system has a second ray soul, and so we see that this induction of a cooperative attitude is also on

102. Cõi thượng trí (và đặc biệt là cõi phụ thứ hai của Cõi thượng trí) là một cõi của hợp tác và nỗ lực nhóm đã được chứng nghiệm. Siddhi, "Đáp Ứng với Rung Động Nhóm", được tìm thấy ở đó. Hành tinh của chúng ta có một linh hồn cung hai, và linh hồn ấy được dự định sẽ gây ra sự hợp tác hài hòa giữa mọi thành phần tham dự hữu thức trong bất kỳ nhóm nào. Hệ mặt trời của chúng ta có một linh hồn cung hai, và vì vậy chúng ta thấy rằng sự gây ra một thái độ hợp

the solar systemic agenda—the Divine Plan for our solar system.

tác này cũng nằm trong chương trình nghị sự của hệ thống thái dương—Thiên Cơ của hệ mặt trời chúng ta.

103. To teach occult meditation, and to see that it is correctly utilized by a significant number of people, is a worthy objective both upon our planet and within the solar system as a whole.

103. Dạy tham thiền huyền bí học, và bảo đảm rằng nó được một số lượng đáng kể người sử dụng đúng đắn, là một mục tiêu xứng đáng cả trên hành tinh chúng ta lẫn trong toàn thể hệ mặt trời.

Here, and here alone (as regards the three worlds and the human kingdom), **becomes possible the establishing of egoic relationships**

Chính ở đây, và chỉ ở đây thôi (xét về ba cõi giới và giới nhân loại), **mới trở nên khả hữu việc thiết lập các mối quan hệ chân ngã**

104. According to the Law of Magnetic Impulse, the relations between human beings are to become conscious, *egoic* relationships. Right now, human relations are mostly focussed on the personality level. This type of fractious interaction cannot be sustained indefinitely and can only lead to disaster.

104. Theo Định luật Xung Động Từ Tính, các mối quan hệ giữa con người sẽ trở thành những mối quan hệ hữu thức, *chân ngã*. Ngay lúc này, các quan hệ nhân loại phần lớn tập trung ở cấp độ phàm ngã. Loại tương tác đầy xung khắc này không thể kéo dài vô hạn và chỉ có thể dẫn đến tai họa.

105. The achievement of causal consciousness is a most necessary objective to be held before the intelligentsia of the human race and the men and women of goodwill.

105. Việc đạt được tâm thức nguyên nhân là một mục tiêu hết sức cần thiết cần được đặt ra trước giới trí thức của nhân loại và những người nam và nữ thiện chí.

and the transmission of thought substance between

và sự truyền dẫn chất liệu tư tưởng giữa

a. Units and egoic groups.

a. các đơn vị và các nhóm chân ngã.

b. Groups and other groups. [Page 851]

b. các nhóm này với các nhóm khác. [Page 851]

c. Greater groups with still greater or with lesser ones.

c. các nhóm lớn hơn với những nhóm còn lớn hơn hoặc với những nhóm nhỏ hơn.

d. Egos in one planetary scheme with those in another.

106. We see how the transmission of thought substance takes on increasingly greater scope. Egoic relationships are increasingly vertical but expansive horizontally as well.

The Ah-hi, the greater Builders,[71] [From a Sensa word meaning "serpents."

107. We are offered an important clarification. The Ah-hi are "greater Builders" and "serpents" as well. They are those in whom the "serpent power" has worked its complete transformation (with respect to the human kingdom). In them and through them, man has become the Angel.

108. Of course, there is a *number* of kinds of Ah-hi and of "greater Builders", so discrimination is needed to determine exactly what type of Being is under discussion.

These are the Dragons of Wisdom. See S. D., I, 55, 69, 70] Who are the Lords working out **the will of the solar Logos**, ...

109. From a certain perspective, Solar Angels (in higher and lower groupings) are "Ah-hi". From another perspective, the Planetary Logoi are Ah-hi and the name "Dragon of Wisdom" is always used with respect to Them.

mainly use two planes for communication with each other and with Their cohorts:

d. các chân ngã trong một hệ hành tinh với những chân ngã trong một hệ khác.

106. Chúng ta thấy sự truyền dẫn chất liệu tư tưởng mang lấy một phạm vi ngày càng lớn hơn. Các mối quan hệ chân ngã ngày càng có tính thẳng đứng hơn nhưng cũng mở rộng theo chiều ngang nữa.

Các Ah-hi, các đấng đại kiến tạo,71 [Từ một từ Sensa có nghĩa là "những con rắn."

107. Chúng ta được trao cho một sự làm sáng tỏ quan trọng. Các Ah-hi là "các đấng đại kiến tạo" và cũng là "những con rắn". Các Ngài là những Đấng trong đó "hỏa xà" đã hoàn tất sự chuyển hoá của nó (xét theo giới nhân loại). Trong Các Ngài và qua Các Ngài, con người đã trở thành Thiên Thần.

108. Dĩ nhiên, có một *số* loại Ah-hi và "đấng đại kiến tạo", vì vậy cần có sự phân biện để xác định chính xác loại Hiện Hữu nào đang được bàn đến.

Đây là các Rồng Minh Triết. Xem S. D., I, 55, 69, 70] Các Ngài là những Đấng đang thực hiện **Ý Chí của Thái dương Thượng đế**, ...

109. Theo một góc nhìn nào đó, các Thái dương Thiên Thần (trong các nhóm cao và thấp) là "Ah-hi". Theo một góc nhìn khác, các Hành Tinh Thượng Đế là Ah-hi, và danh xưng "Rồng Minh Triết" luôn luôn được dùng đối với Các Ngài.

chủ yếu sử dụng hai cõi để giao tiếp với nhau và với các đồng loại của Các Ngài:

110. When discussing devic life, the term "cohorts" is frequently used. Cohorts share many qualities in common. In the case of the devas, such qualities would be determined by ray, key, tone, pitch, color, etc.

110. Khi bàn đến sự sống thiên thần, thuật ngữ "đồng loại" thường được dùng. Các đồng loại chia sẻ nhiều phẩm tính chung. Trong trường hợp các thiên thần, những phẩm tính như thế sẽ được xác định bởi cung, chìa khóa, âm điệu, cao độ, màu sắc, v.v.

First, *the second plane*, where They communicate by means of a spiritual medium incomprehensible to man at present.

Thứ nhất, *cõi thứ hai*, nơi Các Ngài giao tiếp bằng một trung gian tinh thần mà hiện nay con người không thể hiểu được.

111. It is obvious that the Ah-hi cannot be exclusively those who work through the higher mental plane—i.e., the Solar Pitris as usually considered.

111. Hiển nhiên là các Ah-hi không thể chỉ riêng là những vị hoạt động qua cõi thượng trí—tức là các thái dương tổ phụ như thường được quan niệm.

112. There are, we are told, Ah-hi on the monadic plane, and they communicate in exalted ways beyond the ken of man.

112. Chúng ta được cho biết rằng có những Ah-hi trên cõi chân thần, và các vị ấy giao tiếp theo những cách cao siêu vượt ngoài tầm hiểu biết của con người.

113. Does this mean that the "Greater Builders" of the second subplane of the cosmic physical plane are to be considered as Ah-hi?

113. Điều này có nghĩa là các "đấng đại kiến tạo" của cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ được xem là các Ah-hi chăng?

114. What is the relation of Solar Angels to the monadic plane? There are certain deva Monads which, with human Monads, go to the formation of the centers of a Planetary Logos—some of those centers being found on the systemic monadic plane.

114. Mối liên hệ của các Thái dương Thiên Thần với cõi chân thần là gì? Có những chân thần thiên thần, cùng với các chân thần nhân loại, góp phần tạo thành các trung tâm của một Hành Tinh Thượng Đế—một số trung tâm ấy được tìm thấy trên cõi chân thần của hệ thống.

115. The true plane of the Solar Angels is a open to discussion. It cannot be only the higher mental plane. The buddhic plane is a candidate as is the monadic plane. There may also be ways in which the Solar Angels relate to the cosmic astral plane.

115. Cõi đích thực của các Thái dương Thiên Thần là một vấn đề còn bỏ ngỏ để thảo luận. Nó không thể chỉ là cõi thượng trí. Cõi Bồ đề là một khả năng, cũng như cõi chân thần. Cũng có thể có những cách mà các Thái dương Thiên Thần liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ.

116. When speaking of communication involving the monadic plane, Planetary Logoi (strongly expressive on that plane) are also involved. A review of Chart V in TCF (344) will reveal this.

116. Khi nói đến sự giao tiếp có liên quan đến cõi chân thần, các Hành Tinh Thượng Đế (biểu lộ mạnh mẽ trên cõi ấy) cũng được bao hàm. Việc xem lại Biểu đồ V trong TCF (344) sẽ cho thấy điều này.

117. We see that the term Ah-hi can be considered generic, and can apply at the angelic level as well as at the planetary level.

117. Chúng ta thấy rằng thuật ngữ Ah-hi có thể được xem là một thuật ngữ tổng quát, và có thể áp dụng ở cấp độ thiên thần cũng như ở cấp độ hành tinh.

118. On the monadic plane, it appears that the Ah-hi are communicating amongst themselves.

118. Trên cõi chân thần, dường như các Ah-hi đang giao tiếp với nhau.

Second, *the mental plane*, **where They communicate with all lesser lives** by means of a type of mental telepathy.

Thứ hai, *cõi trí*, **nơi Các Ngài giao tiếp với mọi sự sống thấp hơn** bằng một loại viễn cảm trí tuệ.

119. We find Ah-hi on the mental plane—actually the higher mental plane. These are the Solar Angels and Solar Pitris as usually considered.

119. Chúng ta thấy các Ah-hi trên cõi trí—thực ra là cõi thượng trí. Đó là các Thái dương Thiên Thần và thái dương tổ phụ như thường được quan niệm.

120. We see that the term “Ah-hi” like the term “Dhyan-Chohan” must be generic.

120. Chúng ta thấy rằng thuật ngữ “Ah-hi”, cũng như thuật ngữ “Dhyan-Chohan”, hẳn phải là một thuật ngữ tổng quát.

121. We note that that the type of communication mentioned is “with all lesser lives”. It seems that communication amongst themselves is not the main objective of their work on the mental plane.

121. Chúng ta lưu ý rằng loại giao tiếp được nhắc đến là “với mọi sự sống thấp hơn”. Dường như việc giao tiếp với nhau không phải là mục tiêu chính trong công việc của các vị trên cõi trí.

The "coming-in" of advanced Egos from the inner round, or from other planetary schemes, or from subtler spheres where they have been in pralaya awaiting opportunity is **produced in a triple manner and is the result of a triple activity**.

Sự “đi vào” của các chân ngã tiến hóa cao từ cuộc tuần hoàn bên trong, hoặc từ các hệ hành tinh khác, hoặc từ những khối cầu vi tế hơn nơi họ đã ở trong Giai kỳ qui nguyên để chờ cơ hội, được **tạo ra theo cách tam phân và là kết quả của một hoạt động tam phân**.

122. We now discuss a very abstruse point. DK is bringing to our attention the sources of appearance within our planetary scheme of "advanced Egos".

122. Giờ đây chúng ta bàn đến một điểm rất thâm áo. Chân sư DK đang hướng sự chú ý của chúng ta đến các nguồn gốc của sự xuất hiện, trong hệ hành tinh của chúng ta, của các "chân ngã tiến hóa cao".

a. They come in "from the inner round"

a. Họ đi vào "từ cuộc tuần hoàn bên trong"

b. They come in from other planetary schemes

b. Họ đi vào từ các hệ hành tinh khác

c. They come in from "subtler spheres"—i.e., from pralaya

c. Họ đi vào từ "những khối cầu vi tế hơn"—tức là từ Giai kỳ qui nguyên

123. The reason and method of the "coming in" of advanced Egos is now described.

123. Lý do và phương pháp của sự "đi vào" của các chân ngã tiến hóa cao nay được mô tả.

[Firstly]: It is caused by an understanding between the planetary Logos of a scheme, and a brother planetary Logos whereby an exchange is effected.

[Thứ nhất]: Nó được gây ra bởi một sự thấu hiểu giữa Hành Tinh Thượng Đế của một hệ hành tinh và một Hành Tinh Thượng Đế huynh đệ, nhờ đó một sự trao đổi được thực hiện.

124. The first cause relates to various understandings between various Planetary Logoi. They decide upon an exchange of substances. It is a form of mutual supplementation.

124. Nguyên nhân thứ nhất liên quan đến những sự thấu hiểu khác nhau giữa các Hành Tinh Thượng Đế khác nhau. Các Ngài quyết định một sự trao đổi các chất liệu. Đó là một hình thức bổ sung lẫn nhau.

The student must here think in terms of force and energy, of magnetic interaction and the conscious transmission of energy out of the body of the planetary Logos, via centres or a centre, into the body of another planetary Logos.

Ở đây đạo sinh phải suy nghĩ theo các thuật ngữ về mãnh lực và năng lượng, về sự tương tác từ tính và sự truyền chuyển năng lượng một cách hữu thức ra khỏi thân thể của Hành Tinh Thượng Đế, qua các trung tâm hoặc một trung tâm, vào thân thể của một Hành Tinh Thượng Đế khác.

125. DK seeks us to avoid anthropomorphizing. We are to think in terms of force and energy, of transmission between chakras consciously undertaken.

125. Chân sư DK tìm cách giúp chúng ta tránh việc nhân hình hóa. Chúng ta phải suy nghĩ theo các thuật ngữ về mãnh lực và

năng lượng, về sự truyền chuyển giữa các luân xa được thực hiện một cách hữu thức.

126. When human beings relate to each other, they also engage in magnetic interaction and in the consciousness transmission from one energy system to the other via certain centers or chakras. Let us ponder this type of inter-individual and inter-group transmission.

126. Khi con người liên hệ với nhau, họ cũng tham gia vào sự tương tác từ tính và vào sự truyền chuyển tâm thức từ hệ năng lượng này sang hệ năng lượng khác qua một số trung tâm hay luân xa nhất định. Chúng ta hãy suy ngẫm về loại truyền chuyển giữa cá nhân với cá nhân và giữa nhóm với nhóm này.

The cause here is the will or purpose, the object is sensation, and the method is force transference.

Nguyên nhân ở đây là ý chí hay mục đích, đối tượng là cảm ứng, và phương pháp là sự chuyển giao mãnh lực.

127. We have an italicized sentence which summarizes the entire process. Only the second statement needs interpretation —"the object is sensation".

127. Chúng ta có một câu in nghiêng tóm lược toàn bộ tiến trình. Chỉ mệnh đề thứ hai cần được giải thích—"đối tượng là cảm ứng".

128. We might say that the object is an increased sensitizing or an enhancement of sentiency. The achievement of evolutionary objectives demands increasing sensitivity.

128. Chúng ta có thể nói rằng đối tượng là sự tăng cường tính nhạy cảm hoặc sự nâng cao khả năng cảm thụ. Việc đạt được các mục tiêu tiến hoá đòi hỏi sự nhạy cảm ngày càng tăng.

[Secondly] Exactly the same understanding lies back of the coming in of egos from the inner round,

[Thứ hai] Chính cùng một sự thấu hiểu ấy nằm phía sau sự đi vào của các chân ngã từ cuộc tuần hoàn bên trong inner round,

129. Now another method of the "coming in" of advanced Egos is described.

129. Giờ đây một phương pháp khác của sự "đi vào" của các chân ngã tiến hóa cao được mô tả.

only this time the energy is sent forth **by certain existences**

chỉ khác lần này năng lượng được phóng ra **bởi một số hữu thể nhất định**

130. These "existences" are not Planetary Logoi.

130. Những "hữu thể" này không phải là các Hành Tinh Thượng Đế.

(working in connection with any planetary Logos) who are the "custodians of the inner circle."

131. The "inner round", however, can be associated with certain planets such as Mercury and, so it appears, a few other planets.

132. It seems that this mode of transference, originating with the inner round, depends upon an understanding between a Being Who is one of the "custodians of the inner circle" and another Planetary Logos.

133. When one speaks of the "inner circle" it is impossible not to think of a relation to the inner circle of sacrifice petals or to a still more recessed circle where the synthesizing petals are to be found.

This touches upon a mystery and deals with the coming-in of high Egos, of Avatars, of Buddhas, [Page 852] of masters, of initiates, and of disciples, and of all **who have to wait for group, and not individual, urge for the fulfillment of cyclic karma on a large scale,** and whose "wheels" are controlled by cosmic forces and not by purely systemic forces.

134. DK is discussing the "coming in" of very high Beings. Such Beings (at least a significant number of those listed above), it would seem, have long ago relinquished the causal body. They can still be called "Egos" because the home of the true Ego is on triadal levels.

(hoạt động liên hệ với bất kỳ Hành Tinh Thượng Đế nào) là những vị "người gìn giữ vòng tròn bên trong."

131. Tuy nhiên, "cuộc tuần hoàn bên trong" có thể được liên kết với một số hành tinh như Sao Thủy và, dường như vậy, với một vài hành tinh khác.

132. Dường như phương thức chuyển giao này, phát sinh từ cuộc tuần hoàn bên trong, tùy thuộc vào một sự thấu hiểu giữa một Hữu Thể là một trong những "người gìn giữ vòng tròn bên trong" và một Hành Tinh Thượng Đế khác.

133. Khi nói đến "vòng tròn bên trong", không thể không nghĩ đến một mối liên hệ với vòng tròn bên trong của các cánh hoa hi sinh hoặc với một vòng tròn còn sâu kín hơn nữa nơi các cánh hoa tổng hợp được tìm thấy.

Điều này chạm đến một huyền nhiệm và bàn đến sự đi vào của các chân ngã cao, của các Đấng Hoá Thân, của các Đức Phật, [Page 852] của các chân sư, của các điểm đạo đồ, và của các đệ tử, cùng của tất cả những ai **phải chờ đợi sự thôi thúc của nhóm, chứ không phải của cá nhân, để hoàn tất nghiệp quả chu kỳ trên quy mô lớn,** và những "bánh xe" của họ được kiểm soát bởi các mãnh lực vũ trụ chứ không phải chỉ bởi các mãnh lực hệ thống.

134. Chân sư DK đang bàn về sự "đi vào" của những Hữu Thể rất cao. Dường như những Hữu Thể ấy (ít nhất là một số đáng kể trong danh sách trên) từ lâu đã từ bỏ thể nguyên nhân. Các vị ấy vẫn có thể được gọi là "chân ngã" vì nơi cư ngụ của chân ngã đích thực nằm trên các cấp độ tam nguyên tinh thần.

135. How is DK differentiating between systemic forces and cosmic forces? And what is the meaning of the term "wheel", as here used?

135. Chân sư DK đang phân biệt giữa các mãnh lực hệ thống và các mãnh lực vũ trụ như thế nào? Và ý nghĩa của thuật ngữ "bánh xe", như được dùng ở đây, là gì?

136. From one perspective, we could think of such "wheels" as Egoic-lotuses, except for the fact that many of those special ones who await have already relinquished the causal body.

136. Từ một góc nhìn, chúng ta có thể nghĩ đến những "bánh xe" như vậy như là các Hoa Sen Chân Ngã, ngoại trừ sự kiện là nhiều vị đặc biệt đang chờ đợi ấy đã từ bỏ thể nguyên nhân rồi.

137. From another perspective, even very high Beings are possessed of chakras functioning through the cosmic etheric planes. These chakras are not shown on our charts, but they are mentioned obliquely.

137. Từ một góc nhìn khác, ngay cả những Hữu Thể rất cao cũng có các luân xa hoạt động qua các cõi dĩ thái vũ trụ. Những luân xa này không được trình bày trên các biểu đồ của chúng ta, nhưng được nhắc đến một cách gián tiếp.

138. From yet another perspective, the monadic vehicle, itself, is certainly a "wheel", and it is possible for the Monad to attune to and be influenced by "cosmic forces". The force emanating from a Solar Logos may be considered a *cosmic force* and as expressing through the Monad which has its home within the Sun.

138. Từ một góc nhìn khác nữa, chính vận cụ chân thần chắc chắn là một "bánh xe", và chân thần có thể chỉnh hợp với và chịu ảnh hưởng bởi các "mãnh lực vũ trụ". Mãnh lực phát ra từ một Thái dương Thượng đế có thể được xem là một *mãnh lực vũ trụ* và biểu lộ qua chân thần vốn có nơi cư ngụ trong Mặt Trời.

139. Some of the kinds of Beings listed above are, consciously and in terms of their awareness, Monads.

139. Một số loại Hữu Thể được liệt kê ở trên, một cách hữu thức và xét theo mức độ nhận biết của họ, là các chân thần.

Another factor might be termed the **karmic results of seeds sown in days long past**, and hidden in the mysteries of the earlier system, scheme, or chain as the case may be. **All these three groups of manifestation** [one yet to be mentioned] **follow karmic impulse, and this impulse it is which controls the time period, and method of the appearance in any group of planetary egos**, of newly born lotus buds, or of lotuses which are termed "mystically transplanted."

Một yếu tố khác có thể được gọi là **các kết quả nghiệp quả của những hạt giống đã được gieo trong những ngày xa xưa**, và ẩn giấu trong các huyền nhiệm của hệ thống, hệ hành tinh, hay dãy trước đó tùy trường hợp. **Tất cả ba nhóm biểu hiện này** [một nhóm còn chưa được nhắc đến] **đều theo xung lực nghiệp quả, và chính xung lực này kiểm soát chu kỳ thời gian và phương pháp xuất hiện trong bất kỳ nhóm chân ngã hành tinh nào**, của những nụ hoa sen mới sinh,

hay của những hoa sen được gọi là "được cấy ghép một cách thần bí."

140. We continue to discuss the ways and means of "coming in".

140. Chúng ta tiếp tục bàn về các cách thức và phương tiện của sự "đi vào".

141. "Coming in" is most often a karmic result of seeds sown long ago. Such karmic seeds may have been sown within various spheres of activity:

141. Sự "đi vào" thường là một kết quả nghiệp quả của những hạt giống đã được gieo từ lâu. Những hạt giống nghiệp quả ấy có thể đã được gieo trong nhiều phạm vi hoạt động khác nhau:

a. In a previous solar system

a. Trong một hệ mặt trời trước

b. Within the scheme

b. Trong hệ hành tinh

c. Within a chain

c. Trong một dãy

142. We have, therefore, "coming in" due to agreement between Planetary Logoi, or between a Planetary Logos and certain "custodians of the inner circle" and both of these conditioned by karmic impulses generated long ago and related to certain sources—a solar system, a scheme, a chain.

142. Vì vậy, chúng ta có sự "đi vào" do sự đồng thuận giữa các Hành Tinh Thượng Đế, hoặc giữa một Hành Tinh Thượng Đế và một số "người gìn giữ vòng tròn bên trong", và cả hai điều này đều được tác động bởi những xung lực nghiệp quả được tạo ra từ lâu và liên hệ với một số nguồn gốc nhất định—một hệ mặt trời, một hệ hành tinh, một dãy.

143. We now come to an important point. We may remember our discussion of Egos coming in from other planetary schemes. We wondered whether these "Egos" came in *as Monads,* in order to be individualized within the Earth-scheme, or whether they came in as already created lotuses.

143. Giờ đây chúng ta đến một điểm quan trọng. Chúng ta có thể nhớ lại cuộc thảo luận của mình về các chân ngã đi vào từ những hệ hành tinh khác. Chúng ta đã tự hỏi liệu những "chân ngã" này đi vào *như các chân thần,* để được biệt ngã hóa trong hệ Địa Cầu, hay liệu họ đi vào như những hoa sen đã được tạo thành sẵn.

144. Here we learn that already formed Egos can enter another planetary scheme through 'mystical transplantation'. It may be possible that even "newly born lotus buds" may be created within other planetary spheres and

144. Ở đây chúng ta biết rằng những chân ngã đã được hình thành sẵn có thể đi vào một hệ hành tinh khác qua sự 'cấy ghép thần bí'. Có thể ngay cả những "nụ hoa sen mới sinh" cũng có thể được tạo ra trong những khối cầu hành tinh khác rồi chuyển sang,

transferred to, for instance, the Earth-scheme, though we cannot be sure.

chẳng hạn, hệ Địa Cầu, dù chúng ta không thể chắc chắn.

145. We have learned of the presence of Egos from Venus and Jupiter among the "Lotuses of Brahman" in whom the second petal is showing signs of opening. Through an understanding of 'mystical transplantation' we may imagine that such lotuses were already formed (and perhaps slightly open) when they were transferred to our Earth-scheme and to our Earth-chain and globe in particular.

145. Chúng ta đã biết về sự hiện diện của các chân ngã từ Sao Kim và Sao Mộc trong số các "Hoa Sen của Brahma", nơi cánh hoa thứ hai đang cho thấy dấu hiệu khai mở. Qua sự thấu hiểu về 'cấy ghép thần bí', chúng ta có thể hình dung rằng những hoa sen ấy đã được hình thành sẵn (và có lẽ hơi hé mở) khi chúng được chuyển sang hệ Địa Cầu của chúng ta, và đặc biệt là sang Dãy Địa Cầu và bầu hành tinh Địa Cầu của chúng ta.

146. The other option, of course, is that only the Monads were transferred and that the individualization of these Monads occurred within the sphere of the Earth-scheme.

146. Dĩ nhiên, khả năng khác là chỉ có các chân thần được chuyển sang và sự biệt ngã hóa của các chân thần này xảy ra trong phạm vi của hệ Địa Cầu.

These latter are probably of a high degree of unfoldment.

Những vị sau này có lẽ ở một mức độ khai mở cao.

147. It is possible, we hypothesize, that mystical transplantation can refer to relatively undeveloped Egos from such sources as Venus, Jupiter and let us include Vulcan in relation to "Primary Lotuses".

147. Chúng tôi giả thuyết rằng cấy ghép thần bí có thể ám chỉ những chân ngã tương đối chưa phát triển từ các nguồn như Sao Kim, Sao Mộc và hãy kể thêm Vulcan trong liên hệ với các "Hoa Sen Sơ Cấp".

148. However, DK tells us that the mystical transplantation of Egos which are highly developed is not only a possibility but a *probability*.

148. Tuy nhiên, Chân sư DK cho chúng ta biết rằng sự cấy ghép thần bí của những chân ngã đã phát triển cao không chỉ là một khả năng mà còn là một *xác suất*.

149. Here we can see the intricacy of the subject to which DK shortly refers.

149. Ở đây chúng ta có thể thấy tính phức tạp tinh vi của chủ đề mà Chân sư DK sắp đề cập.

150. We gather that all 'comings in' (and 'goings out') are cyclically controlled and foremost among the relevant controlling cycles may be *karmic* cycles.

150. Chúng ta hiểu rằng mọi sự 'đi vào' (và 'đi ra') đều được kiểm soát theo chu kỳ, và đứng đầu trong các chu kỳ kiểm soát liên hệ có thể là các chu kỳ *nghiệp quả*.

This is possible in **individual** cases **and** in the case of entire **groups**.

Điều này có thể xảy ra trong các trường hợp **cá nhân** cũng như trong trường hợp của toàn bộ các **và nhóm**.

151. It has been a tendency to think of "coming in" (especially into incarnation) as a strictly individual, self-determined process. This is hardly true in itself, as the *group factor* is even more determining.

151. Đã có xu hướng nghĩ về sự "đi vào" (đặc biệt là vào lâm phàm) như một tiến trình hoàn toàn cá nhân, do chính mình quyết định. Tự thân điều này hầu như không đúng, vì *yếu tố nhóm* còn có tính quyết định hơn nữa.

152. The lotuses which are "mystically transplanted" may, however, enter as individuals but they also enter as "entire groups". Can we consider the entry of Moon-chain Egos as a 'mystical transplantation'? Certainly many of them were significantly unfolded lotuses.

152. Tuy nhiên, những hoa sen được "cấy ghép một cách thần bí" có thể đi vào như những cá nhân nhưng cũng đi vào như "toàn bộ các nhóm". Chúng ta có thể xem sự đi vào của các chân ngã Dãy Mặt Trăng như một sự 'cấy ghép thần bí' chăng? Chắc chắn nhiều vị trong số họ là những hoa sen đã khai mở đáng kể.

153. We now discuss the third factor which impulsed the "coming in" of Egos, of which the first two were inter-planetary agreement, and agreement between a Planetary Logos and a "custodian of the inner circle".

153. Giờ đây chúng ta bàn đến yếu tố thứ ba đã thúc đẩy sự "đi vào" của các chân ngã, trong đó hai yếu tố đầu là sự đồng thuận liên hành tinh, và sự đồng thuận giữa một Hành Tinh Thượng Đế với một "người gìn giữ vòng tròn bên trong".

[Thirdly] A third factor has to do with the **transference** of Egos or lotuses from one sphere of activity to another and this necessarily produces conditions calling for the appearance of similar centres to take their place.

[Thứ ba] Một yếu tố thứ ba liên quan đến sự **chuyển dịch** của các chân ngã hay các hoa sen từ một phạm vi hoạt động này sang một phạm vi khác, và điều này tất yếu tạo ra những điều kiện đòi hỏi sự xuất hiện của những trung tâm tương tự để thay thế chỗ của chúng.this necessarily produces conditions calling for the appearance of similar centres to take their place.

154. The third factor is related to what we might call "egoic graduation". When some Egos are transferred out of a scheme, chain or globe because they have completed their task within that particular sphere, they must be replaced to preserve the balance.

154. Yếu tố thứ ba liên hệ với điều mà chúng ta có thể gọi là "sự tốt nghiệp của chân ngã". Khi một số chân ngã được chuyển ra khỏi một hệ hành tinh, dãy hay bầu hành tinh vì họ đã hoàn tất nhiệm vụ của mình trong

phạm vi đặc thù ấy, họ phải được thay thế để giữ gìn sự quân bình.

155. The Law of Balance must ever be preserved.

155. Định luật Quân Bình phải luôn luôn được duy trì.

Energy transmitted must be supplied from elsewhere, **and this is another predisposing factor for the appearance of egoic lotuses in any scheme.** The law of the conservation of force holds good on any plane.

Năng lượng được truyền đi phải được cung cấp từ nơi khác, **và đây là một yếu tố tiền định khác cho sự xuất hiện của các hoa sen chân ngã trong bất kỳ hệ hành tinh nào.** định luật bảo toàn mãnh lực có giá trị trên bất kỳ cõi nào.

156. We are dealing, then, with a variation of the "law of the conservation of energy" with which we are familiar through the study of exoteric chemistry and physics.

156. Như vậy, chúng ta đang xử lý một biến thể của "định luật bảo toàn năng lượng" mà chúng ta quen thuộc qua việc nghiên cứu hóa học và vật lý ngoại môn.

157. We are researching the "predisposing factors" which induce the appearance of egoic lotuses in any scheme. So far we have three, all which transferences or appearances can most probably be considered related to karmic cycles.

157. Chúng ta đang khảo cứu các "yếu tố tiền định" gây ra sự xuất hiện của các hoa sen chân ngã trong bất kỳ hệ hành tinh nào. Cho đến nay chúng ta có ba yếu tố, và mọi sự chuyển dịch hay xuất hiện ấy rất có thể đều được xem là liên hệ với các chu kỳ nghiệp quả.

This whole question of the transference of egoic lotuses from any one scheme to another, or from chain to chain, on the mental plane **is one of very real intricacy**,

Toàn bộ vấn đề này về sự chuyển dịch các hoa sen chân ngã từ hệ hành tinh này sang hệ hành tinh khác, hay từ dãy này sang dãy khác, trên cõi trí, **là một vấn đề thực sự rất phức tạp**,

158. Even a little thought on the matter will reveal the truth of DK's statement.

158. Chỉ cần suy nghĩ đôi chút về vấn đề này cũng sẽ cho thấy tính chân thực trong lời phát biểu của Chân sư DK.

159. Often, when we get into a subject, we do not realize how may constituents it has. We can easily become overwhelmed by complexity because our minds are not sufficiently structured and sensitive to interacting multiplicities to avoid confusion.

159. Thường khi đi vào một chủ đề, chúng ta không nhận ra nó có bao nhiêu thành phần cấu tạo. Chúng ta dễ bị choáng ngợp bởi sự phức tạp vì trí tuệ của chúng ta chưa đủ cấu trúc và nhạy bén trước những đa thể tương tác để tránh khỏi sự lẫn lộn.

and cannot be elucidated to the unpledged disciple.

160. What does DK mean by the "unpledged disciple"? It is possible to be a pledged disciple even before being an accepted disciple, as an accepted disciple need certainly be no more than a *probationary* initiate.

161. One would think that these questions could only be elucidated only to an accepted disciple--minimally!

Only these general indications are in any way possible.

162. The book we are dealing with, although complex, is still written to be read by members of the general public. Thus much caution and reservation are required.

It must also be remembered **in connection with our planet that Egos appear in those groups whose lotuses** are **not** produced as the result of the Law of Attraction working between the animal kingdom of the globe and the higher Triads.

163. DK seems to be saying that Egos which were formed on the Earth-chain and Earth-globe were formed through the Law of Attraction operating in relation to the animal kingdom and the higher Triads.

164. It would seem that when there is sufficient attraction between the qualified members of the animal kingdom and the Triads, the Solar Angels will be called in to created the *link.* It would seem correct to say

và không thể được làm sáng tỏ cho đệ tử chưa phát nguyện.

160. Chân sư DK muốn nói gì qua cụm từ "đệ tử chưa phát nguyện"? Có thể là một đệ tử đã phát nguyện ngay cả trước khi trở thành đệ tử được chấp nhận, vì một đệ tử được chấp nhận chắc chắn có thể không hơn gì một điểm đạo đồ *dự bị.*

161. Người ta sẽ nghĩ rằng những vấn đề này chí ít cũng chỉ có thể được làm sáng tỏ cho một đệ tử được chấp nhận mà thôi!

Chỉ những chỉ dẫn tổng quát này là có thể theo bất kỳ cách nào.

162. Quyển sách mà chúng ta đang bàn đến, tuy phức tạp, vẫn được viết để công chúng nói chung có thể đọc được. Vì thế cần rất nhiều sự thận trọng và dè dặt.

Cũng phải nhớ rằng **liên quan đến hành tinh của chúng ta, các chân ngã xuất hiện trong những nhóm mà các hoa sen của họ** không **được** tạo ra như là kết quả của Định luật Hấp Dẫn hoạt động giữa giới động vật của bầu hành tinh và các Tam nguyên tinh thần cao hơn.

163. Dường như Chân sư DK đang nói rằng các chân ngã được hình thành trên Dãy Địa Cầu và bầu hành tinh Địa Cầu đã được hình thành qua Định luật Hấp Dẫn vận hành trong mối liên hệ với giới động vật và các Tam nguyên tinh thần cao hơn.

164. Dường như khi có đủ sức hút giữa những thành viên đủ phẩm tính của giới động vật và các Tam nguyên tinh thần, các Thái dương Thiên Thần sẽ được kêu gọi vào để tạo ra *mối liên kết.* Có vẻ đúng khi nói rằng

that the Solar Angels cannot and will not appear unless there is such an attraction.

165. In what follows below DK seems to be discussing the formation of such Egos as Moon-chain Egos.

but which are Egos **who have individualised elsewhere, and who therefore come in with their petals already organised, and perhaps with several** [Page 853] **petals unfolded.**

166. It is clear that "organization" and "unfoldment" are to be distinguished.

167. It is likely that Moon-chain Egos came into the Earth-chain with the first tier of petals, minimally, organized, and some such Egos with some of these petals unfolded.

168. The method of individualization on the Moon-chain (as discussed elsewhere and earlier) did not occur specifically as a result of the Law of Attraction between opposites, but through 'animal aspiration' and response from the Triadal level. There was more a 'growing into' the state of individualization than a interventional bridging progress impulses by the sacrifice of Solar Angels.

This has necessarily a profound effect both upon the groups in which they appear, and upon the type of man who will make his appearance subsequently in physical plane incarnation.

169. Moon-chain Egos, for instance, appeared in the midst of millions of Egos who had been individualized on the Earth-

các Thái dương Thiên Thần không thể và sẽ không xuất hiện trừ phi có sức hút như vậy.

165. Trong phần tiếp theo dưới đây, dường như Chân sư DK đang bàn về sự hình thành của những chân ngã như các chân ngã Dãy Mặt Trăng.

mà là những chân ngã **đã biệt ngã hóa ở nơi khác, và vì thế đi vào với các cánh hoa của họ đã được tổ chức sẵn, và có lẽ với một vài** [Page 853] **cánh hoa đã khai mở.**

166. Rõ ràng là "sự tổ chức" và "sự khai mở" cần được phân biệt.

167. Có khả năng là các chân ngã Dãy Mặt Trăng đã đi vào Dãy Địa Cầu với tối thiểu tầng cánh hoa thứ nhất đã được tổ chức, và một số chân ngã như vậy với một vài cánh hoa ấy đã khai mở.

168. Phương pháp biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng (như đã được bàn ở nơi khác và trước đây) không xảy ra đặc biệt như là kết quả của Định luật Hấp Dẫn giữa các đối cực, mà qua 'khát vọng động vật' và sự đáp ứng từ cấp độ Tam nguyên tinh thần. Đó là một sự 'lớn dần vào' trạng thái biệt ngã hóa hơn là một tiến trình bắt cầu có tính can thiệp do xung lực từ sự hi sinh của các Thái dương Thiên Thần.

Điều này tất yếu có một ảnh hưởng sâu sắc cả lên những nhóm mà họ xuất hiện trong đó, lẫn lên loại người sẽ xuất hiện về sau trong lâm phàm trên cõi hồng trần.

169. Chẳng hạn, các chân ngã Dãy Mặt Trăng đã xuất hiện giữa hàng triệu chân ngã đã được biệt ngã hóa trên Dãy Địa Cầu. Sự tương

chain. The contrast was immediately apparent, the Moon-chain Egos being, in the vast majority of cases, far more highly developed.

170. When the Moon-chain Egos made their appearance, they also conditioned the racial forms which would be procreated following their arrival. A confluence of two types of energy—one earthly and the other lunar—greatly complicated human development upon our globe, but the infusion and merging was necessary if the plans of the Planetary Logos were to be carried to success throughout our scheme.

This is touched upon in the *Secret Doctrine* when the question of the early teachers and divine kings who occupied the ill-favoured bodies of the early humanity, is broached.[72] [See the early part of the *Secret Doctrine,* V. II.] [73]

171. During the process of individualization on the Earth-chain (either immediately as the individualization process began, some twenty-one million years ago or, perhaps, rather later), certain Solar Angels chose to incarnate directly into the "ill-favoured bodies of early humanity". We are told that they greatly affected the racial form as a result of their sacrifice.

172. This was a definitely positive intervention and over time greatly enhanced the quality of the mechanism through which early man manifested. The descendant of such Solar Angels working through human forms (we are told) are to be detected in the highest type of Earth-chain beings presently found upon our planet. Their heredity, we are told, is peculiar.

phản hiện ra ngay tức khắc, vì trong đại đa số trường hợp, các chân ngã Dãy Mặt Trăng phát triển cao hơn nhiều.

170. Khi các chân ngã Dãy Mặt Trăng xuất hiện, họ cũng tác động lên các hình tướng chủng tộc sẽ được sinh sản sau khi họ đến. Sự hội tụ của hai loại năng lượng—một thuộc địa cầu và một thuộc nguyệt cầu—đã làm cho sự phát triển nhân loại trên bầu hành tinh của chúng ta phức tạp hơn rất nhiều, nhưng sự truyền nhập và hòa trộn ấy là cần thiết nếu các kế hoạch của Hành Tinh Thượng Đế phải được thực hiện thành công trong toàn bộ hệ hành tinh của Ngài.

Điều này được chạm đến trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* khi vấn đề về các huấn sư thời kỳ đầu và các vị vua thiêng liêng đã chiếm giữ những thể không thuận lợi của nhân loại thời kỳ đầu được nêu ra.72 [Xem phần đầu của *Giáo Lý Bí Nhiệm,* Tập II.] 73

171. Trong tiến trình biệt ngã hóa trên Dãy Địa Cầu (hoặc ngay khi tiến trình biệt ngã hóa bắt đầu, khoảng hai mươi mốt triệu năm trước, hoặc có lẽ muộn hơn đôi chút), một số Thái dương Thiên Thần đã chọn lâm phàm trực tiếp vào "những thể không thuận lợi của nhân loại thời kỳ đầu". Chúng ta được cho biết rằng các vị ấy đã ảnh hưởng rất lớn đến hình tướng chủng tộc do sự hi sinh của mình.

172. Đây rõ ràng là một sự can thiệp tích cực và theo thời gian đã nâng cao rất nhiều phẩm tính của bộ máy mà qua đó con người thời kỳ đầu biểu lộ. Hậu duệ của những Thái dương Thiên Thần như vậy hoạt động qua các hình tướng nhân loại (chúng ta được cho biết) có thể được nhận ra trong loại hữu thể Dãy Địa Cầu cao nhất hiện đang được tìm thấy trên hành tinh của chúng ta. Dòng di

truyền của họ, chúng ta được cho biết, là đặc biệt.

First, They themselves took bodies and thus energised certain of the higher forms of the animal kingdom, so that they appeared as man, and thus initiated a particular group. Their descendants can be seen in the highest [1147] specimens of the earth humanity now on earth. They are not even now, however, as far advanced as the groups of units from the moon chain who came in in Atlantean days. Their heredity is peculiar. (TCF 1146-1147)

Thứ nhất, chính Các Ngài đã nhận lấy các thể và nhờ đó tiếp sinh lực cho một số hình tướng cao hơn của giới động vật, khiến chúng xuất hiện như con người, và như thế khai mở một nhóm đặc biệt. Hậu duệ của các Ngài có thể được thấy trong những mẫu [1147] cao nhất của nhân loại địa cầu hiện nay trên Trái Đất. Tuy nhiên, ngay cả bây giờ họ vẫn chưa tiến xa bằng các nhóm đơn vị từ Dãy Mặt Trăng đã đi vào trong thời Atlantis. Dòng di truyền của họ là đặc biệt. (TCF 1146-1147)

Footnote 73:

Cước chú 73:

C. W. Leadbeater had a dim apprehension of this idea when he referred to those boat loads of Egos from the moon chain.

C. W. Leadbeater đã có một sự nắm bắt mờ nhạt về ý tưởng này khi ông nhắc đến những thuyền chở đầy các chân ngã từ Dãy Mặt Trăng.

173. If Leadbeater, a noted psychic and presumably a third degree initiate, had only a “dim apprehension”, we can begin to understand the impenetrability of the subject.

173. Nếu Leadbeater, một nhà thông linh nổi tiếng và có lẽ là một điểm đạo đồ cấp ba, mà chỉ có một “sự nắm bắt mờ nhạt”, thì chúng ta có thể bắt đầu hiểu tính bất khả xuyên thấu của chủ đề này.

He has of course materialised the idea far too much;

Dĩ nhiên ông đã hiện hình ý tưởng ấy quá nhiều;

174. This seemed to be his tendency, perhaps exacerbated by what appears to have been a fifth ray mind.

174. Dường như đó là khuynh hướng của ông, có lẽ còn bị làm tăng thêm bởi điều có vẻ là một trí tuệ cung năm.

if the same fundamental idea is expressed in terms of force and of the appearance of force centres within the earth chain, which force centres are the result of energy emanating from an earlier chain and producing whorls in the ether or substance of the mental

nếu cùng một ý tưởng căn bản ấy được diễn đạt theo các thuật ngữ về mãnh lực và về sự xuất hiện của các trung tâm mãnh lực trong dãy địa cầu, mà các trung tâm mãnh lực ấy là kết quả của năng lượng phát ra từ một dãy trước đó và tạo ra những xoáy cuộn trong dĩ

plane, then the true significance may be more easily grasped.

thái hay chất liệu của cõi trí, thì ý nghĩa đích thực có thể được nắm bắt dễ dàng hơn.

175. We can see that DK expresses the same idea in an entirely different type of language —much more modern, less concrete, and in terms of energies and forces. He speaks in the 'Language of Energy'.

175. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK diễn đạt cùng một ý tưởng bằng một loại ngôn ngữ hoàn toàn khác—hiện đại hơn nhiều, ít cụ thể hơn, và theo các thuật ngữ về năng lượng và mãnh lực. Ngài nói bằng 'Ngôn Ngữ của Năng Lượng'.

176. The incoming Egos from the Moon-chain were, actually, streams of energy which induced "whorls in the ether or substance of the mental plane".

176. Các chân ngã đi vào từ Dãy Mặt Trăng thực ra là những dòng năng lượng đã tạo ra "những xoáy cuộn trong dĩ thái hay chất liệu của cõi trí".

177. We note the use of the term "ether". The higher mental subplane where these whorls made their appearance is located within that portion of the systemic mental plane which, relatively, can be considered etheric—i.e., within the higher four subplanes of the mental plane.

177. Chúng ta lưu ý việc dùng thuật ngữ "dĩ thái". Cõi phụ thượng trí nơi những xoáy cuộn này xuất hiện nằm trong phần của cõi trí hệ thống mà, theo tương quan, có thể được xem là dĩ thái—tức là trong bốn cõi phụ cao của cõi trí.

178. The movement of Egos from one sphere of activity to another proceeds according to the dynamics of energy/force-transference.

178. Sự di chuyển của các chân ngã từ phạm vi hoạt động này sang phạm vi hoạt động khác diễn ra theo động lực học của sự chuyển giao năng lượng/mãnh lực.

179. If the Aquarian Age is to teach us one thing, it is to think of all 'things' in terms of energies and forces. Thus will come an end to benighted materialism and obstructive mental concretion.

179. Nếu Kỷ Nguyên Bảo Bình dạy cho chúng ta một điều, thì đó là suy nghĩ về mọi 'sự vật' theo các thuật ngữ về năng lượng và mãnh lực. Nhờ đó chủ nghĩa duy vật tăm tối và sự đông cứng trí tuệ gây cản trở sẽ chấm dứt.

TCF 854-857: S7S10 Part I

1 – 17 August 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of

1 – 17 tháng Tám 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được để ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Cước chú và tham chiếu từ các sách AAB khác và từ các trang khác của TCF được

TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

To continue with our consideration of egoic groups: It might be briefly stated that the egoic groups in connection with our planet may be roughly grouped according to the stage of lotus organisation, as follows:

1. Here we speak of "the stage of lotus organization". This phrase is being used, in this context, to indicate the *origin* of these Egos.

a. Egos who were produced through the individualisation process in Lemurian days. They are the true Earth humanity, along with the second group.

2. It is easy to think of individualization as having occurred *only* in Lemuria spark of mind twenty one million years ago. This is not the whole story, and the succeeding category must be held in mind.

3. Many of those individualized in Lemuria have made spectacular progress and some are even members of the Spiritual Hierarchy, but, in general, there is still a cleavage between the more developed Moon-chain Egos and the true Earth humanity.

With the Ancient of Days came a group of other highly evolved Entities, who represent His own individual karmic group and those

để ở cỡ chữ 14. Phần bình luận ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị đọc phần Bình Luận này **với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

Để tiếp tục việc xem xét của chúng ta về các nhóm chân ngã: Có thể nói ngắn gọn rằng các nhóm chân ngã liên hệ với hành tinh của chúng ta có thể được phân nhóm đại khái theo giai đoạn tổ chức của hoa sen, như sau:

1. Ở đây chúng ta nói về "giai đoạn tổ chức của hoa sen". Cụm từ này, trong ngữ cảnh này, được dùng để chỉ *nguồn gốc* của các chân ngã này.

a. Những chân ngã được tạo ra qua tiến trình biệt ngã hóa trong thời Lemuria. Họ là nhân loại Địa Cầu đích thực, cùng với nhóm thứ hai.

2. Rất dễ nghĩ rằng sự biệt ngã hóa đã xảy ra *chỉ* ở Lemuria với tia lửa trí tuệ cách đây hai mươi mốt triệu năm. Đó không phải là toàn bộ câu chuyện, và cần ghi nhớ loại kế tiếp.

3. Nhiều vị trong số những người được biệt ngã hóa ở Lemuria đã đạt tiến bộ ngoạn mục và một số thậm chí là thành viên của Thánh đoàn tinh thần, nhưng nhìn chung vẫn còn một sự phân cách giữa các chân ngã Dãy Mặt Trăng phát triển hơn và nhân loại Địa Cầu đích thực.

Cùng với Đấng Thái Cổ đã đến một nhóm các Thực Thể tiến hóa cao khác, đại diện cho nhóm nghiệp quả cá nhân của chính Ngài và

Beings who are the outcome of the triple nature of the Planetary Logos. If one might so express it They embody the forces emanating from the head, heart, and throat centres, and They came in with Sanat Kumara to form focal points of planetary force for the helping of the great plan for the self-conscious unfoldment of all life. Their places have **gradually been filled by the sons of men as they qualify, though this includes very few, until lately, from our immediate earth humanity.**

những Hữu Thể là kết quả của bản chất tam phân của Hành Tinh Thượng Đế. Nếu có thể diễn đạt như vậy, Các Ngài thể hiện các mãnh lực phát ra từ các trung tâm đầu, tim và cổ họng, và Các Ngài đã đến cùng với Đức Sanat Kumara để tạo thành các tiêu điểm của mãnh lực hành tinh nhằm trợ giúp đại kế hoạch cho sự khai mở ngã thức của mọi sự sống. Chỗ của Các Ngài đã **dần dần được lấp đầy bởi những người con của nhân loại khi họ đủ tư cách, mặc dù cho đến gần đây điều này bao gồm rất ít người từ chính nhân loại địa cầu trực tiếp của chúng ta.**

4. We see here that some few members of "our immediate earth humanity" *are* definitely to be found within the Spiritual Hierarchy. This represents a spectacular feat on their part, but no feat can equal that of the Christ Who, we are told, "stands uniquely alone".

4. Ở đây chúng ta thấy rằng một số ít thành viên của "chính nhân loại địa cầu trực tiếp của chúng ta" *quả thực* hiện diện rõ rệt trong Thánh đoàn tinh thần. Điều này biểu thị một thành tựu phi thường về phần họ, nhưng không thành tựu nào sánh được với thành tựu của Đức Christ, Đấng mà chúng ta được cho biết là "đứng một mình một cách độc nhất".

b. Egos who have individualised during the Atlantean root-race until the door was shut.

b. Những chân ngã đã biệt ngã hóa trong giống dân gốc Atlantis cho đến khi cánh cửa khép lại.

5. VSK states: "This would be from the animal kingdom. Are those who individualised then the same as those who are now at the door ajar? i.e., the elephant, dog, cat, and horse?"

5. VSK nói: "Điều này hẳn là từ giới động vật. Những vị đã biệt ngã hóa khi ấy có phải là những vị hiện nay đang ở nơi cánh cửa hé mở không? tức là voi, chó, mèo và ngựa chăng?"

6. May it be suggested that the animal forms to be found in those days may have been very different from animal forms today. Which were the highest forms of animals available to individualization during Atlantean (or even Lemurian days). Some writings suggest that those who were to become animal man were inhabiting huge ape-like forms rather than the vehicles

6. Có thể gợi ý rằng các hình tướng động vật được tìm thấy trong những thời kỳ ấy có thể rất khác với các hình tướng động vật ngày nay. Những hình tướng động vật cao nhất nào đã sẵn có cho sự biệt ngã hóa trong thời Atlantis (hay thậm chí thời Lemuria)? Một số trước tác gợi ý rằng những vị sẽ trở thành người thú đã cư ngụ trong những hình tướng khổng lồ giống loài vượn hơn là trong

resembling the vehicles of present dogs, cats, horses or elephants.

7. All individualization is a movement from the animal kingdom into the human kingdom.

8. It is natural to conclude that those who individualized in Atlantean days are less developed that those who individualized in Lemuria.

9. However, given the principle of *rootrace-overlap,* it was not necessary for the Lemurian race to conclude before the Atlantean race began.

10. Early Atlantean days occurred some 12,000,000 years ago.

History, as studied today, goes back but a little way and although the enlightened historian and scientist may extend the story of humanity to millions of years, there is naught known about the races of men who lived those millions of years ago; **naught is known of the civilisation which flourished in early Atlantean times twelve million years ago**; naught is known at all of the still more ancient Lemurian civilisation which goes back more than fifteen million years; still less is known of that twilight period which existed twenty-one million years ago when men were scarcely human and when they were so closely related to the animal kingdom that we call them by the cumbersome name of "animal-man." (EH 226)

11. The very large influx of Egos (really Monads) occurred at *that* time, and not at that later period in the Atlantean race, i.e., when a wide opportunity for initiation

những vận cụ giống với vận cụ của chó, mèo, ngựa hay voi hiện nay.

7. Mọi sự biệt ngã hóa đều là một sự chuyển động từ giới động vật sang giới nhân loại.

8. Tự nhiên mà kết luận rằng những vị biệt ngã hóa trong thời Atlantis kém phát triển hơn những vị biệt ngã hóa trong thời Lemuria.

9. Tuy nhiên, xét theo nguyên khí về *sự chồng lấn của các giống dân gốc,* thì không nhất thiết giống dân Lemuria phải kết thúc trước khi giống dân Atlantis bắt đầu.

10. Thời kỳ đầu Atlantis diễn ra vào khoảng 12.000.000 năm trước.

Lịch sử, như được nghiên cứu ngày nay, chỉ quay ngược lại được một quãng rất ngắn, và mặc dù nhà sử học và nhà khoa học giác ngộ có thể kéo dài câu chuyện của nhân loại đến hàng triệu năm, vẫn không biết gì về các chủng người đã sống cách đây hàng triệu năm ấy; **không biết gì về nền văn minh đã hưng thịnh trong những thời Atlantis sơ kỳ cách đây mười hai triệu năm**; hoàn toàn không biết gì về nền văn minh Lemuria còn cổ xưa hơn nữa, có niên đại hơn mười lăm triệu năm; lại càng ít biết hơn về thời kỳ chạng vạng tồn tại cách đây hai mươi mốt triệu năm, khi con người hầu như chưa phải là người và khi họ còn liên hệ chặt chẽ với giới động vật đến mức chúng ta gọi họ bằng cái tên nặng nề là “người thú”. (EH 226)

11. Sự tuôn vào rất lớn của các chân ngã (thật ra là các chân thần) đã xảy ra vào *thời* điểm đó, chứ không phải vào giai đoạn muộn hơn trong nhân loại Atlantis, tức là khi một

arose. The door of individualization, however, may have been kept open for some time following the very large influx of individualizing Egos in *early* Atlantean days.

cơ hội rộng lớn cho điểm đạo xuất hiện. Tuy nhiên, cánh cửa biệt ngã hóa có thể đã được giữ mở trong một thời gian sau sự tuôn vào rất lớn của các chân ngã đang biệt ngã hóa trong *những* ngày Atlantis sơ kỳ.

3. **There was a very large influx of individualising egos in early Atlantean days and they were practically all of the power-will type.** It might be stated that 80% of those who entered human evolution at that time were egos who were expressing the will aspect of deity, and that the remaining 20% were along the line of love-wisdom. (EP II 211)

3. **Đã có một sự tuôn vào rất lớn của các chân ngã đang biệt ngã hóa trong những ngày Atlantis sơ kỳ, và hầu như tất cả họ đều thuộc loại quyền năng-ý chí.** Có thể nói rằng 80% những vị bước vào tiến hoá nhân loại vào thời đó là các chân ngã đang biểu lộ phương diện ý chí của Thượng đế, và 20% còn lại thuộc theo đường lối bác ái-minh triết. (EP II 211)

c. Egos who have "come-in" from the moon chain and who are much more evolved than the earth humanity.

c. Các chân ngã đã "đi vào" từ Dãy Mặt Trăng và tiến hoá hơn nhiều so với nhân loại Trái Đất.

12. This is the principal group which stands in contrast to the Earth-chain Egos. Many problems which arise within humanity have their basis in the contrasts which exist between these two groups—Moon-chain and Earth-chain humanity.

12. Đây là nhóm chính đứng đối lập với các chân ngã của Dãy Địa Cầu. Nhiều vấn đề nảy sinh trong nhân loại có nền tảng ở những sự tương phản tồn tại giữa hai nhóm này—nhân loại Dãy Mặt Trăng và nhân loại Dãy Địa Cầu.

d. Egos who have been swept in since Atlantean days to take the place of those Egos who have achieved liberation, and whose causal bodies have disappeared, or whose lotuses have "died out" **leaving a vacuum in force substance which must be supplied and filled**.

d. Các chân ngã đã được cuốn vào kể từ thời Atlantis để thay thế những chân ngã đã đạt được sự giải thoát, và các thể nguyên nhân của họ đã biến mất, hoặc các hoa sen của họ đã "tàn lụi" **để lại một khoảng trống trong chất liệu mãnh lực cần phải được bù đắp và lấp đầy**.

13. Here we have a balancing process.

13. Ở đây chúng ta có một tiến trình quân bình.

14. It the liberation of the Ego the same as the dying out of a lotus? It would seem so.

14. Sự giải thoát của chân ngã có giống với sự tàn lụi của một hoa sen không? Có vẻ là như vậy.

15. We have been told that "nature abhors a vacuum". Here that adage is confirmed. One can see the influence of the sign Libra as the balance is maintained.

15. Chúng ta đã được bảo rằng "tự nhiên ghét khoảng trống". Ở đây châm ngôn ấy được xác nhận. Người ta có thể thấy ảnh hưởng của dấu hiệu Thiên Bình khi sự quân bình được duy trì.

16. It should not escape our notice that Egos *are* "force substance".

16. Không nên để thoát khỏi sự chú ý của chúng ta rằng các chân ngã *là* "chất liệu mãnh lực".

17. Should Primary Lotuses be numbered among those which have been swept in since Atlantean days to take the place of liberated Egos? Perhaps. They have certainly come in *since* Atlantean days and they are principally from another planetary sphere.

17. Có nên xếp các Hoa Sen Sơ Cấp vào số những hoa sen đã được cuốn vào kể từ thời Atlantis để thay thế các chân ngã đã được giải thoát không? Có lẽ vậy. Chắc chắn chúng đã đi vào *kể từ* thời Atlantis và chủ yếu chúng đến từ một khối cầu hành tinh khác.

18. Probably, as well, there are other varieties of Egos which have been swept in.

18. Có lẽ cũng còn có những loại chân ngã khác đã được cuốn vào.

19. The who subject is one of very real interest when considering the types of human beings who may be expressing upon the planet at this time.

19. Toàn bộ chủ đề này thật sự rất đáng quan tâm khi xem xét các loại người có thể đang biểu lộ trên hành tinh vào lúc này.

They usually come in from one of two schemes:

Chúng thường đi vào từ một trong hai hệ hành tinh:

1. From the scheme embodied by the polar opposite of our planetary Logos.

1. Từ hệ hành tinh được hiện thân bởi cực đối nghịch của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

2. From that scheme which is allied with these two in forming a systemic triangle. [Page 854]

2. Từ hệ hành tinh liên kết với hai hệ kia để tạo thành một tam giác hệ thống. [Page 854]

20. VSK questions: "This is referred to on page 841 as Venus and Jupiter?"

20. VSK hỏi: "Điều này có được nói đến ở trang 841 là Sao Kim và Sao Mộc chăng?"

21. May it be suggested that Venus is the "polar opposite of our Planetary Logos" and that Mars is "that scheme which is allied

21. Có thể gợi ý rằng Sao Kim là "cực đối nghịch của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta" và Sao Hỏa là "hệ hành tinh liên

with these two in forming a systemic triangle".

kết với hai hệ kia để tạo thành một tam giác hệ thống".

22. It does not seem too farfetched that there should an 'Ego-exchange' operating between Mars and the Earth. That there is such an exchange operative between Venus and the Earth is already confirmed. At least Egos do *come in* from Venus. Human units are also transferred to Venus, but we may question whether this transference occurs before or after they have lost their causal bodies or both.

22. Có vẻ không quá gượng ép khi cho rằng có một sự "trao đổi chân ngã" đang vận hành giữa Sao Hỏa và Trái Đất. Việc có một sự trao đổi như thế đang vận hành giữa Sao Kim và Trái Đất thì đã được xác nhận. Ít nhất các chân ngã quả thật *đi vào* từ Sao Kim. Các đơn vị nhân loại cũng được chuyển dịch sang Sao Kim, nhưng chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu sự chuyển dịch này xảy ra trước hay sau khi họ đã mất thể nguyên nhân, hay cả hai.

23. Could Jupiter be one of the planets instead of Mars? It is of course possible, as Jupiter has already been cited as a source of either Monads or egoic lotuses (when the Lotuses of Brahman were discussed). Earth, Venus and Jupiter all have a strong second ray component—Jupiter and the Earth sharing a second ray soul (hypothesized in the case of Jupiter).

23. Liệu Sao Mộc có thể là một trong các hành tinh ấy thay vì Sao Hỏa không? Dĩ nhiên điều đó có thể, vì Sao Mộc đã được nêu như một nguồn của các chân thần hoặc các hoa sen chân ngã (khi các Hoa Sen Brahma được bàn đến). Trái Đất, Sao Kim và Sao Mộc đều có một thành phần cung hai mạnh—Sao Mộc và Trái Đất cùng chia sẻ một cung linh hồn cung hai (được giả định trong trường hợp của Sao Mộc).

These cases are necessarily rare at present

Những trường hợp này hiện nay tất yếu là hiếm

24. Apparently, as regards the present Lotuses of Brahman generated from the early influx either of already formed Venusian "Bud Lotuses" or of Venusian Monads (who individualized within the Earth-scheme),such cases were not at all rare at that time, since, presently, there are many such lotuses.

24. Rõ ràng, xét về các Hoa Sen Brahma hiện nay được tạo ra từ sự tuôn vào ban đầu hoặc của các "Hoa Sen Nụ" từ Sao Kim đã được hình thành sẵn, hoặc của các chân thần từ Sao Kim (những vị đã biệt ngã hóa trong hệ hành tinh Trái Đất), thì những trường hợp như thế vào thời đó hoàn toàn không hiếm, vì hiện nay có nhiều hoa sen như vậy.

but will become more frequent as more and more of the human race take the fourth Initiation.

nhưng sẽ trở nên thường xuyên hơn khi ngày càng nhiều người trong nhân loại trải qua lần điểm đạo thứ tư.

25. Let as look at an interesting analogy: just as at the time of the "Judgment Day" a large

25. Chúng ta hãy nhìn vào một phép tương đồng thú vị: cũng như vào thời "Ngày Phán

number of Earth-chain Egos will probably be 'transported' or emanated to Mars (clearing the Earth-chain of many Egos who could not benefit from the elevated conditions then to be extant upon our planet or within our chain) so Egos from Venus (a planet of much greater development than ours) will flow into the Earth-chain and perhaps to our dense globe as more and more human beings take the fourth initiation. How far ahead this may be, we do not know. We can imagine that in reflection of the fourth initiation now being taken by our Planetary Logos through the Earth-chain and Earth-globe, there may be relatively many fourth degree initiates 'made' in the relatively near future.

Xét", một số lượng lớn các chân ngã của Dãy Địa Cầu có lẽ sẽ được "chuyển vận" hay phát xạ sang Sao Hỏa (làm sạch Dãy Địa Cầu khỏi nhiều chân ngã không thể hưởng lợi từ những điều kiện nâng cao khi ấy sẽ hiện hữu trên hành tinh chúng ta hay trong dãy của chúng ta), thì các chân ngã từ Sao Kim (một hành tinh phát triển hơn chúng ta rất nhiều) sẽ tuôn vào Dãy Địa Cầu và có lẽ vào bầu hành tinh đậm đặc của chúng ta khi ngày càng nhiều người đạt lần điểm đạo thứ tư. Điều này còn ở phía trước bao xa, chúng ta không biết. Chúng ta có thể hình dung rằng, như một phản ánh của lần điểm đạo thứ tư hiện nay đang được Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tiếp nhận qua Dãy Địa Cầu và bầu hành tinh Trái Đất, có thể sẽ có tương đối nhiều điểm đạo đồ cấp bốn được "tạo nên" trong tương lai tương đối gần.

26. As for Egos from Mars (hypothesized) this, too, may be a possibility, but presumably they would be relatively highly developed. Much depends on when they arrive. Conditions on Earth are, apparently, spiritually ahead of those in the Mars-chain, so no useful purpose would be served by sending undeveloped Egos from Mars into our Earth-chain when in the next round, our undeveloped Egos are to be sent to Mars.

26. Còn về các chân ngã từ Sao Hỏa (được giả định), điều này cũng có thể là một khả năng, nhưng có lẽ họ sẽ tương đối phát triển cao. Nhiều điều tùy thuộc vào thời điểm họ đến. Các điều kiện trên Trái Đất, rõ ràng, đi trước về mặt tinh thần so với những điều kiện trong Dãy Sao Hỏa, nên sẽ không phục vụ mục đích hữu ích nào nếu gửi các chân ngã chưa phát triển từ Sao Hỏa vào Dãy Địa Cầu của chúng ta, trong khi ở cuộc tuần hoàn kế tiếp, các chân ngã chưa phát triển của chúng ta sẽ được gửi sang Sao Hỏa.

27. All such 'in-coming' Egos, one would think, would not be of the primitive type, yet would have something very definite to 'learn' within the Earth-scheme, and presumably within the Earth-chain and upon the Earth-globe.

27. Người ta có thể nghĩ rằng tất cả những chân ngã "đi vào" như thế sẽ không thuộc loại nguyên thủy, nhưng vẫn có điều gì đó rất xác định để "học" trong hệ hành tinh Trái Đất, và có lẽ trong Dãy Địa Cầu cũng như trên bầu hành tinh Trái Đất.

e. Certain rare Egos or lotuses from schemes not enumerated in the above triplicity.

e. Một số chân ngã hay hoa sen hiếm hoi từ những hệ hành tinh không được liệt kê trong bộ ba nói trên.

28. We see the possibilities are many, but that the cases involving planets other than the two which form a triangle with Earth are rare.

28. Chúng ta thấy các khả năng là rất nhiều, nhưng những trường hợp liên quan đến các hành tinh khác ngoài hai hành tinh tạo thành tam giác với Trái Đất thì hiếm.

They are usually only brought in so that they may perfect certain developments in their own nature, to carry out experimental work in connection with the deva kingdom, or to produce certain group results desired by the planetary Logos.

Chúng thường chỉ được đưa vào để họ có thể hoàn thiện một số phát triển nhất định trong bản chất riêng của mình, thực hiện công việc thử nghiệm liên hệ với giới thiên thần, hoặc tạo ra một số kết quả nhóm nhất định mà Hành Tinh Thượng Đế mong muốn.

29. Again, could the "Primary Lotuses", presumably from Vulcan, be numbered among these?

29. Một lần nữa, liệu các "Hoa Sen Sơ Cấp", được giả định là từ Vulcan, có thể được xếp vào số này không?

30. Let us tabulate for easier reading the reasons why such Egos from certain planetary schemes are brought in:

30. Chúng ta hãy lập bảng để dễ đọc hơn về những lý do vì sao các chân ngã như thế từ một số hệ hành tinh nhất định được đưa vào:

a. To perfect certain developments in their own nature. This *would* indeed apply to "Primary Lotuses" who must see to the opening of the second petal in the knowledge tier.

a. Để hoàn thiện một số phát triển nhất định trong bản chất riêng của mình. Điều này quả thật *sẽ* áp dụng cho các "Hoa Sen Sơ Cấp", những hoa sen phải lo việc khai mở cánh hoa thứ hai trong tầng tri thức.

b. To carry out experimental work in connection with the deva kingdom. May we infer that such lotuses come in from planets which have a larger deva 'population' than human population?

b. Để thực hiện công việc thử nghiệm liên hệ với giới thiên thần. Chúng ta có thể suy ra rằng những hoa sen như thế đi vào từ các hành tinh có "dân số" thiên thần lớn hơn dân số loài người chăng?

c. To produce certain group results desired by the Planetary Logos. This is a somewhat general statement. We cannot necessarily infer that only lotuses with a highly developed group consciousness would be brought in for this task.

c. Để tạo ra một số kết quả nhóm nhất định mà Hành Tinh Thượng Đế mong muốn. Đây là một phát biểu khá tổng quát. Chúng ta không nhất thiết có thể suy ra rằng chỉ những hoa sen có tâm thức nhóm phát triển cao mới được đưa vào cho nhiệm vụ này.

They frequently do not descend into dense physical incarnation but work primarily on

Chúng thường không giáng xuống lâm phàm trong thể xác đậm đặc mà hoạt động

mental and astral levels, **returning to their own spheres eventually for the final stages of liberation**

chủ yếu trên các cấp độ trí tuệ và cảm dục, **rốt cuộc trở về các khối cầu riêng của mình để trải qua những giai đoạn cuối cùng của sự giải thoát**

31. If this is the case, "Primary Lotuses" would have to be excluded because they most definitely *do* descend onto the physical plane.

31. Nếu đúng như vậy, các "Hoa Sen Sơ Cấp" sẽ phải bị loại ra vì chúng rõ ràng *có* giáng xuống cõi hồng trần.

32. So, such Egos often do not really take incarnation as human beings usually do. They may be involved with our fourth globe (on subtle levels) but perhaps, principally, with other globes within our chain, or perhaps with other globes within other chains of the Earth-scheme. Yet, we cannot help but think that we are, principally, speaking of our own globe within the Earth-chain.

32. Vì vậy, những chân ngã như thế thường không thật sự nhập thể như con người vẫn thường làm. Họ có thể liên hệ với bầu hành tinh thứ tư của chúng ta (trên các cấp độ vi tế) nhưng có lẽ chủ yếu với các bầu hành tinh khác trong dãy của chúng ta, hoặc có lẽ với các bầu hành tinh khác trong những dãy khác của hệ hành tinh Trái Đất. Tuy nhiên, chúng ta không thể không nghĩ rằng, chủ yếu, chúng ta đang nói về chính bầu hành tinh của mình trong Dãy Địa Cầu.

33. It is interesting that they will seek final liberation (can we presume this to be the fourth initiation) on their sphere of origin?

33. Thật thú vị khi họ sẽ tìm kiếm sự giải thoát cuối cùng (chúng ta có thể giả định đó là lần điểm đạo thứ tư chăng?) trên khối cầu xuất xứ của mình?

34. What of those Egos or Monads which flowed in from Venus or Jupiter and are now Lotuses of Brahman? Are they, too, to seek final liberation upon their sphere of origin?

34. Còn những chân ngã hay chân thần đã tuôn vào từ Sao Kim hay Sao Mộc và hiện nay là các Hoa Sen Brahma thì sao? Liệu họ cũng phải tìm kiếm sự giải thoát cuối cùng trên khối cầu xuất xứ của mình chăng?

35. Judging from what is said, it would be hard for the average human being or even the disciple to have a clear idea about the presence of such Egos on our planet.

35. Xét theo những gì được nói, đối với con người trung bình hay ngay cả đệ tử, hẳn sẽ khó có được một ý niệm rõ ràng về sự hiện diện của những chân ngã như thế trên hành tinh chúng ta.

All these lotuses in their myriad differentiations

Tất cả những hoa sen này trong vô số biến phân của chúng

36. We are dealing with only preliminary facts of a vast study. Think of the clarity and intricacy of mind which are required to be certain of this subject!

36. Chúng ta chỉ đang xử lý những dữ kiện sơ bộ của một công trình nghiên cứu bao la. Hãy nghĩ đến sự minh xác và tính phức tạp của trí tuệ cần có để nắm chắc chủ đề này!

have **specific effects upon each other on mental levels**, and these effects are as yet utterly unrealised by man.

đều có **những tác động đặc thù lên nhau trên các cấp độ trí tuệ**, và những tác động này cho đến nay vẫn hoàn toàn chưa được chứng nghiệm bởi con người.

37. DK supports the idea suggested above. It is difficult for man upon the physical plane to detect the influence of certain of the various kinds of Egos.

37. Chân sư DK ủng hộ ý tưởng được gợi ra ở trên. Đối với con người trên cõi hồng trần, thật khó nhận ra ảnh hưởng của một số loại chân ngã khác nhau.

38. Inter-egoic *effect* occurs largely upon the higher mental plane (so we are led to believe). Man-the-personality does not register this egoic exchange of impression.

38. Tác động liên-chân-ngã *xảy ra* phần lớn trên Cõi thượng trí (ít nhất chúng ta được dẫn đến để tin như vậy). Con người-phàm ngã không ghi nhận sự trao đổi ấn tượng chân ngã này.

Nevertheless, **they are the basis of the true psychology**, and the grounds of all true activity.

Tuy nhiên, **chúng là nền tảng của tâm lý học chân chính**, và là cơ sở của mọi hoạt động chân chính.

39. Egoic origin, then, and egoic nature are the basis of all "true" psychology. True psychology deals with the nature of the soul—a study of man-as-Ego and not man-as-personality.

39. Như vậy, nguồn gốc chân ngã và bản chất chân ngã là nền tảng của mọi tâm lý học "chân chính". Tâm lý học chân chính xử lý bản chất của linh hồn—một nghiên cứu về con người như chân ngã chứ không phải con người như phàm ngã.

40. As well, according to the nature of the Ego on the higher mental plane, so will be the type and quality of activity in the three worlds which that Ego is destined to pursued. "True" activity is egoically purposeful.

40. Hơn nữa, tùy theo bản chất của chân ngã trên Cõi thượng trí, loại hình và phẩm tính hoạt động trong ba cõi giới mà chân ngã ấy được định để theo đuổi cũng sẽ như vậy. Hoạt động "chân chính" có mục đích một cách chân ngã.

The student would do well to ponder upon the effect **any advanced Ego** would be likely to have upon:

Đạo sinh sẽ làm tốt nếu suy ngẫm về tác động mà **bất kỳ chân ngã tiến hoá nào** có thể có lên:

41. Perhaps Egos which are not advanced will have, it seems, much less impact.

41. Có lẽ những chân ngã chưa tiến hoá sẽ có tác động ít hơn nhiều.

a. Other Egos in his group.

a. Những chân ngã khác trong nhóm của y.

42. We are aware of the effect we have upon each other *as personalities,* but little aware of inter-egoic effect. But it seems, what we are egoically affects what other human units are egoically.

42. Chúng ta ý thức được tác động mà chúng ta gây lên nhau *như những phàm ngã,* nhưng lại ít ý thức về tác động liên-chân-ngã. Nhưng dường như điều chúng ta là một cách chân ngã ảnh hưởng đến điều các đơn vị nhân loại khác là một cách chân ngã.

43. While we may be aware of how another's soul radiation affects us as a personality, are we aware of how that soul radiation affects us as soul upon the plane of soul? Probably, such a realization is relatively rare.

43. Trong khi chúng ta có thể ý thức được việc bức xạ linh hồn của người khác ảnh hưởng đến chúng ta như một phàm ngã ra sao, liệu chúng ta có ý thức được bức xạ linh hồn ấy ảnh hưởng đến chúng ta như linh hồn trên cõi linh hồn ra sao không? Có lẽ sự chứng nghiệm như vậy là tương đối hiếm.

b. The solar Pitris who are the substance of the group.

b. Các thái dương tổ phụ là chất liệu của nhóm.

44. Usually a "solar Pitri" is considered to be an advanced Being—far in advance of man. Is DK telling us that the egoic radiation of an advanced Ego will affect the "solar Pitris" who are substanding the other Egos in the group?

44. Thông thường một "thái dương tổ phụ" được xem là một Hữu thể tiến hoá cao—vượt xa con người. Chân sư DK có đang nói với chúng ta rằng bức xạ chân ngã của một chân ngã tiến hoá sẽ ảnh hưởng đến các "thái dương tổ phụ" là những vị nâng đỡ các chân ngã khác trong nhóm chăng?

45. Do we as human souls upon the higher mental plane (i.e., as Egos within the causal body) have an effect upon the Solar Angel or "solar Pitri" who substands our egoic demonstration?

45. Phải chăng chúng ta, với tư cách các linh hồn nhân loại trên Cõi thượng trí (tức là như các chân ngã trong thể nguyên nhân), có tác động lên Thái dương Thiên Thần hay "thái dương tổ phụ" đang nâng đỡ sự biểu lộ chân ngã của chúng ta?

46. Is DK saying that the solar pitric substance of an advanced Ego has a stimulating effect upon the solar pitric

46. Chân sư DK có đang nói rằng chất liệu thái dương tổ phụ của một chân ngã tiến hoá có tác động kích thích lên chất liệu thái

substance of other perhaps less advanced Egos in the group?

47. What has to be clarified is the spiritual status of the "solar Pitris". Sometimes it is assured that they are highly advanced Beings—returning Nirvanis from a previous mahamanvantara. At other times they seem to be substantial in a lesser sense. This is all part of the mystery and is related to their sacrifice. They enter to substand the expression of the human Monad on the higher mental plane, and yet have 'another life' very much of their own, *on their own true plane,* whichever plane that is (and there are many theories).

48. According to what is said later in this section of text, is wise to differentiate between the "solar Pitris" and the deva substance of the higher mental plane which these Pitris substand.

c. The lunar Pitris, who are linked with the solar Pitris through the permanent atoms.

49. We are familiar with the idea that the lunar pitris are much affected by the "solar Pitris". DK has given close attention to the result of their interplay

50. The permanent atoms (really the units in the atomic triangle) are found *within the causal body* and are thus directly related to the "solar Pitris" Who substand the egoic lotus. As well, the lower permanent atoms and mental unit are the 'control center' with which the lunar pitris are associated.

dương tổ phụ của những chân ngã khác trong nhóm, có lẽ kém tiến hoá hơn, chăng?

47. Điều cần được làm sáng tỏ là địa vị tinh thần của các "thái dương tổ phụ". Đôi khi người ta khẳng định rằng họ là những Hữu thể tiến hoá rất cao—những nirvani quay trở lại từ một Đại giai kỳ sinh hóa trước đó. Vào những lúc khác, họ dường như chỉ mang tính chất liệu theo một nghĩa thấp hơn. Tất cả điều này đều là một phần của huyền nhiệm và liên hệ đến sự hi sinh của họ. Họ đi vào để nâng đỡ sự biểu lộ của chân thần nhân loại trên Cõi thượng trí, nhưng đồng thời lại có 'một đời sống khác' rất riêng của mình, *trên cõi chân chính của họ,* dù cõi ấy là cõi nào đi nữa (và có nhiều giả thuyết).

48. Theo những gì được nói sau này trong phần văn bản này, thật khôn ngoan khi phân biệt giữa các "thái dương tổ phụ" và chất liệu thiên thần của Cõi thượng trí mà các vị Pitri này nâng đỡ.

c. Các thái âm tổ phụ, những vị được nối kết với các thái dương tổ phụ qua các nguyên tử trường tồn.

49. Chúng ta quen thuộc với ý tưởng rằng các thái âm tổ phụ chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi các "thái dương tổ phụ". Chân sư DK đã đặc biệt chú ý đến kết quả của sự tương tác giữa họ

50. Các nguyên tử trường tồn (thật ra là các đơn vị trong tam giác nguyên tử) được tìm thấy *trong thể nguyên nhân* và do đó liên hệ trực tiếp với các "thái dương tổ phụ", Các Ngài nâng đỡ hoa sen chân ngã. Đồng thời, các nguyên tử trường tồn thấp và đơn vị hạ trí là "trung tâm kiểm soát" mà các thái âm tổ phụ liên hệ với.

51. We should remember the way that certain "mantra" sounded by the Solar Pitris is taken up and elaborated by the lunar pitris. This was discussed in an earlier Commentary.

At each incarnation, finer forms are required, and the formulas therefore grow more complicated, and the sounds on which they are based become more numerous. **In time, the formulas are completed, and the lunar Pitris respond no more to the sounds or mantrams chanted on the mental plane.** This is indicative of the stage of perfection, and shows that the three worlds have no more a downward pull for the jiva concerned. Desire for lower manifestation and experience has no more sway, and only conscious purpose is left. **Then, and only then, can the true Mayavirupa be constructed; the Master then sounds the mantram for Himself, and builds *without formulas* in the three worlds**. At the time too that man begins to tread the Probationary Path, the mantrams of the solar Angels begin to die down, and slowly (as the petals of the inner circle open up) the true Word emerges until the three enshrining petals burst open, and the central spark is revealed. **Then the Word is fully known, and mantrams and formulas have no further use.** Thus is the beauty of the scheme revealed. When the planetary Logos is concerned, the Word sounded on cosmic levels is being resolved into mantrams on the cosmic etheric planes, for He is in a position to create consciously on those levels; He works nevertheless through formulas on the dense physical planes of His scheme, our three worlds of endeavour. (TCF 772)

51. Chúng ta nên nhớ cách mà một số "mantra" nhất định do các thái dương tổ phụ xướng lên được các thái âm tổ phụ tiếp nhận và khai triển. Điều này đã được bàn đến trong một Cổ Luận trước đây.

Trong mỗi lần nhập thể, những hình tướng tinh tế hơn được đòi hỏi, và vì thế các công thức trở nên phức tạp hơn, còn các âm thanh làm nền tảng cho chúng thì trở nên nhiều hơn. **Theo thời gian, các công thức được hoàn tất, và các thái âm tổ phụ không còn đáp ứng với các âm thanh hay các mantram được xướng trên cõi trí nữa.** Điều này biểu thị giai đoạn hoàn thiện, và cho thấy ba cõi giới không còn sức kéo đi xuống đối với jiva liên hệ nữa. Khát vọng đối với sự biểu hiện và kinh nghiệm thấp hơn không còn chi phối nữa, và chỉ còn lại mục đích hữu thức. **Khi ấy, và chỉ khi ấy, chân Mayavirupa mới có thể được kiến tạo; lúc đó Chân sư tự mình xướng mantram cho chính Ngài, và kiến tạo *không cần công thức* trong ba cõi giới**. Đồng thời, vào lúc con người bắt đầu bước đi trên Con Đường Dự Bị, các mantram của các Thái dương Thiên Thần bắt đầu lắng xuống, và chậm rãi (khi các cánh hoa của vòng trong khai mở) Linh từ chân chính xuất hiện cho đến khi ba cánh hoa bao bọc bung mở và tia lửa trung tâm được hiển lộ. **Khi ấy Linh từ được biết đầy đủ, và các mantram cùng công thức không còn công dụng gì nữa.** Như thế vẻ đẹp của hệ hành tinh được mặc khải. Khi Hành Tinh Thượng Đế được xét đến, Linh từ được xướng ở các cấp độ vũ trụ đang được phân giải thành các mantram trên các cõi dĩ thái vũ trụ, vì Ngài ở trong vị thế có thể sáng tạo một cách hữu thức trên những cấp độ ấy; tuy nhiên Ngài vẫn làm việc qua các công thức trên các cõi hồng trần đậm đặc của hệ hành tinh của Ngài, tức ba cõi giới nỗ lực của chúng ta. (TCF 772)

We have enumerated above certain classifications of groups of Egos

Ở trên chúng ta đã liệt kê một số phân loại các nhóm chân ngã

52. Not all, by any means—so runs the inference…

52. Hoàn toàn không phải là tất cả—đó là điều có thể suy ra…

to be found on the causal levels of the mental plane, so as to **give students some idea of the vastness of the subject, and the complexity of the problem.**

được tìm thấy trên các cấp độ nguyên nhân của cõi trí, nhằm **cho đạo sinh một ý niệm nào đó về sự bao la của chủ đề này, và sự phức tạp của vấn đề.**

53. Are we somewhat informed about the degree of complexity? Once again *A Treatise on Cosmic Fire* proves that it can induce a greatly broadened perspective.

53. Liệu chúng ta có được thông tin phần nào về mức độ phức tạp ấy không? Một lần nữa, *Luận về Lửa Vũ Trụ* chứng tỏ rằng nó có thể tạo ra một viễn tượng được mở rộng rất lớn.

54. If we think our personality lives are complicated, we have only to think of the amazingly intricate group classifications of B/beings on higher planes, no limited to the higher mental plane, but beyond as well.

54. Nếu chúng ta nghĩ đời sống phàm ngã của mình là phức tạp, thì chỉ cần nghĩ đến những phân loại nhóm cực kỳ tinh vi của các hữu thể trên các cõi cao hơn, không chỉ giới hạn ở Cõi thượng trí mà còn vượt xa hơn nữa.

55. DK calls our subject a “problem” and not merely a “subject”. Much that is problematic ‘below’, within the lower three worlds, probably has its roots in the great number of types of Egos ‘above’.

55. Chân sư DK gọi chủ đề của chúng ta là một “vấn đề” chứ không chỉ đơn thuần là một “chủ đề”. Nhiều điều có tính vấn đề ở “bên dưới”, trong ba cõi thấp, có lẽ bắt nguồn từ số lượng rất lớn các loại chân ngã ở “bên trên”.

It must be remembered that on the third subplane of the mental plane there is no individual separation such as we find when in physical manifestation, but **nevertheless group separation is to be seen.**

Cần nhớ rằng trên cõi phụ thứ ba của cõi trí không có sự tách biệt cá nhân như chúng ta thấy khi ở trong biểu hiện hồng trần, nhưng **dẫu vậy sự tách biệt nhóm vẫn có thể được thấy.**

56. This is an interesting statement. Apparently the sense of individual separation is not to be sensed, yet the sense of “group separation” is to be noted.

56. Đây là một phát biểu thú vị. Rõ ràng cảm giác tách biệt cá nhân không được cảm nhận, nhưng cảm giác “tách biệt nhóm” lại được ghi nhận.

57. When one enters the state of contemplation this type of unitive perception can be achieved.

57. Khi một người đi vào trạng thái chiêm ngưỡng, loại tri giác hợp nhất này có thể đạt được.

58. However, does a human unit focussed on causal or egoic levels not have a sense of, shall we say, 'distinctness within the field of unity'? The sense of being a unit of a certain quality amidst many units of distinctive qualities is not necessarily a sense of *separation*.

58. Tuy nhiên, liệu một đơn vị nhân loại tập trung trên các cấp độ nguyên nhân hay chân ngã lại không có cảm giác, có thể nói là, về "tính phân biệt trong trường hợp nhất" chăng? Cảm giác là một đơn vị có phẩm tính nhất định giữa nhiều đơn vị có những phẩm tính phân biệt không nhất thiết là cảm giác *tách biệt*.

These groups are far too many to enumerate in detail.

Những nhóm này quá nhiều để có thể liệt kê chi tiết.

59. How interesting it would be to become acquainted with these differentiations! Yet, knowledge for its own sake can be a trap. As such information is needed, one suspects, it will be made available.

59. Sẽ thú vị biết bao nếu được làm quen với những biến phân này! Tuy nhiên, tri thức vì chính tri thức có thể là một cạm bẫy. Người ta ngờ rằng khi nào cần đến loại thông tin ấy, nó sẽ được cung cấp.

We have outlined and named five of the larger groups as catalogued under [Page 855] **one scheme of tabulation in the Hall of Records**.

Chúng ta đã phác họa và nêu tên năm nhóm lớn hơn như được ghi mục dưới [Page 855] **một hệ thống lập bảng trong Phòng Lưu Trữ**.

60. All depends upon one's perspective. Examined from a different angle, the enumeration and groupings will be different.

60. Mọi sự đều tùy thuộc vào viễn tượng của mỗi người. Nếu được khảo sát từ một góc độ khác, sự liệt kê và các cách phân nhóm sẽ khác đi.

61. Reviewing, the groupings are:

61. Ôn lại, các nhóm là:

a. Egos individualized in Lemurian days

a. Các chân ngã được biệt ngã hóa trong thời Lemuria

b. Egos individualized in Atlantean days

b. Các chân ngã được biệt ngã hóa trong thời Atlantis

c. Moon chain Egos

c. Các chân ngã Dãy Mặt Trăng

d. Egos from two planetary schemes which with our Earth-scheme make a triangle

d. Các chân ngã từ hai hệ hành tinh mà cùng với hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta tạo thành một tam giác

e. Egos which, under rare circumstances, come in from still other planetary schemes and may work primarily upon the astral and mental planes, not taking physical incarnation at all.

e. Các chân ngã trong những hoàn cảnh hiếm hoi đi vào từ những hệ hành tinh khác nữa và có thể hoạt động chủ yếu trên các cõi cảm dục và trí tuệ, hoàn toàn không nhập thể hồng trần.

Other methods of enumeration exist, and even under the one here used, **these five groups are each subdivided into ten groups**, and these again are broken up into lesser units, all of them being known and portrayed under certain symbols.

Những phương pháp liệt kê khác vẫn tồn tại, và ngay cả trong phương pháp được dùng ở đây, **năm nhóm này mỗi nhóm lại được chia nhỏ thành mười nhóm**, rồi các nhóm ấy lại được phân thành những đơn vị nhỏ hơn, tất cả đều được biết đến và mô tả dưới những biểu tượng nhất định.

62. Amazing thought! Do we really think we can study occultism without the benefit of an acute mind?

62. Một ý nghĩ đáng kinh ngạc! Chúng ta thật sự nghĩ rằng mình có thể nghiên cứu huyền bí học mà không có lợi ích của một trí tuệ sắc bén sao?

63. Perhaps some dim sense of these intricate differentiations can be gathered from the intimate and abiding contacts we make on the physical plane.

63. Có lẽ một cảm nhận mờ nhạt nào đó về những biến phân tinh vi này có thể được thu nhận từ những tiếp xúc mật thiết và bền lâu mà chúng ta tạo ra trên cõi hồng trần.

When we come to the second subplane of the mental plane (the plane whereon the egoic bodies of **advanced humanity**, of disciples, and of initiates are found) the method of grouping will be according to:

Khi chúng ta đến cõi phụ thứ hai của cõi trí (cõi nơi các thể chân ngã của **nhân loại tiến bộ**, của các đệ tử, và của các điểm đạo đồ được tìm thấy) thì phương pháp phân nhóm sẽ theo:

64. Notice that “advanced humanity” is included along with disciples and initiates. It may be questioned whether advanced humanity has achieved the first initiation (at which time, many have supposed, the causal body is refocussed upon second subplane of the mental plane).

64. Hãy lưu ý rằng “nhân loại tiến bộ” được bao gồm cùng với các đệ tử và các điểm đạo đồ. Có thể đặt câu hỏi liệu nhân loại tiến bộ đã đạt lần điểm đạo thứ nhất hay chưa (vào thời điểm mà nhiều người cho rằng thể nguyên nhân được tái tập trung trên cõi phụ thứ hai của cõi trí).

65. Of course, the term "advanced humanity" may include aspirants and those who are *becoming* spiritually aware. In general, however, we may suppose that the causal body 'moves' to the second subplane sometime *before* the first initiation.

65. Dĩ nhiên, thuật ngữ "nhân loại tiến bộ" có thể bao gồm những người chí nguyện và những người đang *trở nên* ý thức về tinh thần. Tuy nhiên, nói chung, chúng ta có thể giả định rằng thể nguyên nhân "di chuyển" lên cõi phụ thứ hai vào một lúc nào đó *trước* lần điểm đạo thứ nhất.

66. Is this type of grouping (tabulated below) not followed in the differentiation to be found on the third subplane? DK seems to infer that it is not.

66. Liệu kiểu phân nhóm này (được lập bảng bên dưới) không được theo trong sự biến phân được tìm thấy trên cõi phụ thứ ba sao? Chân sư DK dường như hàm ý rằng không phải vậy.

a. Ray.

a. Cung.

b. Subray.

b. Cung phụ.

67. We should not assume that the "subray" is necessarily the personality ray. it can be hypothesized with reason that the egoic subray is to be found on egoic levels—i.e., sourced from the higher mental plane.

67. Chúng ta không nên giả định rằng "cung phụ" nhất thiết là cung phàm ngã. Có thể giả thuyết một cách hợp lý rằng cung phụ chân ngã được tìm thấy trên các cấp độ chân ngã —tức là có nguồn từ Cõi thượng trí.

68. Every distinction listed in this fourfold tabulation seems to be taking place on the higher mental plane.

68. Mọi sự phân biệt được liệt kê trong bảng tứ phân này dường như đều diễn ra trên Cõi thượng trí.

c. Department (whether under the Manu, the Mahachohan or the Bodhisattva on our earth scheme or their analogies on other schemes).

c. Ban ngành (dù thuộc dưới Đức Manu, Đức Mahachohan hay Đức Bồ Tát trong hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta, hay các tương đồng của Các Ngài trong những hệ hành tinh khác).

69. We note that the departmental classification precedes the ashramic classification.

69. Chúng ta lưu ý rằng sự phân loại theo ban ngành đi trước sự phân loại theo ashram.

70. In one way, the third, fourth, fifth, sixth and seventh ray Ashrams are *all* in the department of the Mahachohan. Egos from all five of these Ashrams have *something in*

70. Theo một cách nào đó, các ashram cung ba, cung bốn, cung năm, cung sáu và cung bảy *đều* nằm trong ban ngành của Đức Mahachohan. Các chân ngã từ cả năm

common even before their differentiation into five distinct types.

ashram này có *điều gì đó chung* ngay cả trước khi chúng được phân biệt thành năm loại riêng biệt.

71. We also note that the Three Departmental Heads have Their counterparts on other planetary schemes. For instance, representatives of the Cosmic Christ (such as our Christ, Lord Maitreya, is) can also be found on other planetary schemes.

71. Chúng ta cũng lưu ý rằng Ba Đấng Đầu Ban Ngành có các đối phần của Các Ngài trên những hệ hành tinh khác. Chẳng hạn, các đại diện của Đức Christ Vũ Trụ (như Đức Christ của chúng ta, Chúa Maitreya, là như vậy) cũng có thể được tìm thấy trên những hệ hành tinh khác.

d. The Master's group.

d. Nhóm của Chân sư.

72. By this, presumably, is meant the Master's Ashram.

72. Theo đó, có lẽ ý nói là ashram của Chân sư.

These egoic lotuses are all organised, **and have a number of petals unfolded whilst some are in the final stages of development.**

Những hoa sen chân ngã này đều đã được tổ chức, **và có một số cánh hoa đã khai mở trong khi một số khác đang ở những giai đoạn cuối của sự pháttriển.**

73. We are certainly not speaking of "Bud Egos" nor of the most undeveloped Egos (Brahmic Lotuses, for instance).

73. Chắc chắn chúng ta không đang nói về các "Chân Ngã Nụ" cũng không phải các chân ngã kém phát triển nhất (chẳng hạn các Hoa Sen Brahma).

74. When we are told that these lotuses are "all organised" are we to infer that even the sacrifice tier is organised? This would seem excessive with respect to those lotuses that have only a few petals open. In other words, do 'Atlantean Lotuses" with, let us say, only two petals completely unfolded, have the sacrifice tier organized? One would think not. On the Path of Probation only the second tier is organized, not the third.

74. Khi được bảo rằng các hoa sen này "đều đã được tổ chức", liệu chúng ta có nên suy ra rằng ngay cả tầng hi sinh cũng đã được tổ chức không? Điều này dường như quá mức đối với những hoa sen chỉ mới có vài cánh hoa mở. Nói cách khác, liệu các "Hoa Sen Atlantis", giả sử chỉ có hai cánh hoa hoàn toàn khai mở, có tầng hi sinh được tổ chức không? Người ta nghĩ là không. Trên Con Đường Dự Bị chỉ có tầng thứ hai được tổ chức, không phải tầng thứ ba.

75. It would seem more likely that at least the second tier is organized or in process of organization for the five types of lotuses discussed above. One could wonder

75. Có vẻ hợp lý hơn khi cho rằng ít nhất tầng thứ hai đã được tổ chức hoặc đang trong tiến trình tổ chức đối với năm loại hoa sen được bàn ở trên. Tuy nhiên, người ta có

however, about the lotuses which were created through individualization in Atlantean times. Has there been enough time for such organization.

thể tự hỏi về những hoa sen được tạo ra qua biệt ngã hóa trong thời Atlantis. Liệu đã có đủ thời gian cho sự tổ chức như thế chưa.

They have also been grouped under the following three heads:

Chúng cũng đã được nhóm lại dưới ba tiêu đề sau:

Lotuses of revelation. Those in which the "jewel" is just about to be revealed.

Những hoa sen mặc khải. Những hoa sen trong đó "ngọc" sắp được hiển lộ.

76. As it is the task of the third degree initiate to make revelation of the Monad, and as the "jewel" is only revealed following the third initiation, we can look at this type of lotus as indicating the period from the onset of the third initiation to the fourth.

76. Vì nhiệm vụ của điểm đạo đồ cấp ba là làm mặc khải chân thần, và vì "ngọc" chỉ được hiển lộ sau lần điểm đạo thứ ba, chúng ta có thể xem loại hoa sen này như chỉ giai đoạn từ lúc khởi đầu lần điểm đạo thứ ba đến lần điểm đạo thứ tư.

When the third initiation is taken the initiate becomes aware, not only of the significance of the command to Know and of his innate ability to Express the will nature of the monad in carrying out the Purpose of Shamballa, but that (through his fused personality-soul) **he is now in a position to "make revelation" to the Hierarchy that he is en rapport with the monadic source from which he originally came.** He can now obey the command to Reveal, because the Transfiguration is consummated. He is not now revealing the soul only, but all the three aspects now meet in him and he can reveal the life aspect as will and not only the soul aspect as love or the matter aspect as intelligence. (R&I 316)

Khi lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận điểm đạo đồ trở nên ý thức không chỉ về ý nghĩa của mệnh lệnh Hãy Biết và về khả năng bẩm sinh của y trong việc Biểu Lộ bản chất ý chí của chân thần khi thực hiện Thiên Ý của Shamballa, mà còn rằng (thông qua phàm ngã-linh hồn đã dung hợp của y) **y nay ở vào vị thế có thể "làm mặc khải" cho Thánh đoàn rằng y đang tương thông với nguồn chân thần mà từ đó ban đầu y đã đến.** Giờ đây y có thể tuân theo mệnh lệnh Hãy Mặc Khải, vì sự Biến hình đã hoàn tất. Giờ đây y không còn chỉ mặc khải linh hồn, mà cả ba phương diện nay gặp nhau trong y và y có thể mặc khải phương diện sự sống như ý chí chứ không chỉ phương diện linh hồn như bác ái hay phương diện vật chất như trí tuệ. (R&I 316)

Lotuses with perfume. Those whose occult "smell" or aroma is permeating their environment. They are those Egos who have not yet completely unfolded the final tier of petals, but whose lives are of **magnetic force**

Những hoa sen có hương thơm. Những hoa sen mà "mùi" hay hương thơm huyền bí của chúng đang thấm khắp môi trường quanh chúng. Đó là những chân ngã chưa hoàn toàn khai mở tầng cánh hoa cuối cùng, nhưng đời sống của họ mang **mãnh lực từ**

in the three worlds, and whose careers are distinguished by altruistic service.

77. These lotuses are in process of unfolding the final tier of petals (which, in this case, is the sacrifice tier) but they have not yet reached the period of the third initiation.

78. Given the emphasis upon *magnetism,* one could think that the period of the second initiation is indicated. The magnetic astral body is the special field of cultivation at the second initiation; it is to become a reflector of the buddhic plane and a vehicle of expression for the energy of buddhi—i.e., of love.

79. When looking at the vegetable kingdom ruled by rays two, four and six, the second ray is especially associated with perfume, just as the fourth ray with color and the sixth ray to the 'aspiration' of the uprising stem.

80. When the necessary changes in the astral body have occurred (indicating the period of the second initiation) the disciple can express himself altruistically in the environment through the power of "magnetic force".

Radiant lotuses, or those whose light is beginning to shine forth as lights in a dark place.

81. As for the "radiant lotuses", the period between the full opening of the fifth petal and the increasing opening of the seventh would seem indicated. The fifth petal is fully unfolded at the first initiation; the sixth petal is rapidly unfolding, and it can be presumed that the seventh petal has been

tính trong ba cõi giới, và sự nghiệp của họ nổi bật bởi sự phụng sự vị tha.

77. Những hoa sen này đang trong tiến trình khai mở tầng cánh hoa cuối cùng (trong trường hợp này là tầng hi sinh) nhưng họ chưa đạt đến giai đoạn của lần điểm đạo thứ ba.

78. Với sự nhấn mạnh vào *từ điện,* người ta có thể nghĩ rằng giai đoạn của lần điểm đạo thứ hai được chỉ ra. Thể cảm dục từ tính là lĩnh vực tu dưỡng đặc biệt ở lần điểm đạo thứ hai; nó phải trở thành một phản chiếu của cõi Bồ đề và một vận cụ biểu lộ cho năng lượng của Bồ đề—tức là của bác ái.

79. Khi nhìn vào giới thực vật được cai quản bởi cung hai, cung bốn và cung sáu, cung hai đặc biệt gắn với hương thơm, cũng như cung bốn gắn với màu sắc và cung sáu gắn với "khát vọng" của thân cây vươn lên.

80. Khi những thay đổi cần thiết trong thể cảm dục đã xảy ra (chỉ ra giai đoạn của lần điểm đạo thứ hai), đệ tử có thể biểu lộ mình một cách vị tha trong môi trường qua quyền năng của "mãnh lực từ tính".

Những hoa sen rạng ngời, hay những hoa sen mà ánh sáng của chúng đang bắt đầu chiếu tỏa như những ngọn đèn trong nơi tối tăm.

81. Đối với "những hoa sen rạng ngời", giai đoạn giữa sự khai mở trọn vẹn của cánh hoa thứ năm và sự khai mở ngày càng tăng của cánh hoa thứ bảy dường như được chỉ ra. Cánh hoa thứ năm được khai mở hoàn toàn ở lần điểm đạo thứ nhất; cánh hoa thứ sáu đang khai mở nhanh chóng, và có thể giả

touched by the Rod of Initiation and is unfolding.

định rằng cánh hoa thứ bảy đã được Thần Trượng Điểm đạo chạm đến và đang khai mở.

82. If with the unfoldment of the fifth petal a man can be a "genius", his light is certainly beginning to shine forth "in a dark place". This shining forth naturally continues to the third and into the fourth initiation (and beyond, but no through the medium of an egoic lotus).

82. Nếu với sự khai mở của cánh hoa thứ năm mà một người có thể là một "thiên tài", thì ánh sáng của y chắc chắn đang bắt đầu chiếu tỏa "trong nơi tối tăm". Sự chiếu tỏa này tự nhiên tiếp tục đến lần điểm đạo thứ ba và sang lần điểm đạo thứ tư (và còn hơn nữa, nhưng không qua trung gian của một hoa sen chân ngã).

83. It is interesting that in the famous mantram of the third initiation—"Let the Holy Ones Whose pupils we aspire to become, show us the Light we seek…etc.", the phrase "shine forth" is distinctly used.

83. Thật thú vị là trong mantram nổi tiếng của lần điểm đạo thứ ba—"Xin các Đấng Thiêng Liêng mà chúng con khát vọng trở thành môn sinh của Các Ngài, chỉ cho chúng con Ánh sáng mà chúng con tìm kiếm… v.v."—cụm từ "chiếu tỏa" được dùng một cách rõ rệt.

84. The period from the Path of Probation to the second initiation is one which is given to the intensification of the *light*. That intensification continues, but an intensification of love is added to it with the second initiation, and then the intensification of will towards the third (though love and light continue to be intensified).

84. Giai đoạn từ Con Đường Dự Bị đến lần điểm đạo thứ hai là giai đoạn dành cho sự tăng cường *ánh sáng*. Sự tăng cường ấy tiếp tục, nhưng một sự tăng cường bác ái được thêm vào với lần điểm đạo thứ hai, rồi đến sự tăng cường ý chí hướng tới lần điểm đạo thứ ba (dù bác ái và ánh sáng vẫn tiếp tục được tăng cường).

They are grouped also according to primary colour, to subsidiary colouring, according to key or tone, and one tabulation is entirely numerical.

Chúng cũng được nhóm lại theo màu sắc chính, theo sắc thái màu phụ, theo chủ âm hay âm điệu, và có một bảng phân loại hoàn toàn theo số học.

85. Let us tabulate the indicated grouping, according to—

85. Chúng ta hãy lập bảng sự phân nhóm đã được chỉ ra, theo—

a. Primary colour. This will indicate the major ray of the Ego.

a. Màu sắc chính. Điều này sẽ chỉ ra cung chính của Chân ngã.

b. Subsidiary colour. This may indicate the subray of the Ego.

b. Màu phụ. Điều này có thể chỉ ra cung phụ của Chân ngã.

c. Key. This is the musical note on which the primary color or major egoic ray is expressed. There will also be a musical note for the subsidiary color and subray of the Ego.

c. Chủ âm. Đây là nốt nhạc mà trên đó màu sắc chính hay cung chân ngã chính được biểu lộ. Cũng sẽ có một nốt nhạc cho màu phụ và cung phụ của Chân ngã.

d. Tone. Tone may mean the same as "key", but the question of the quality or timbre of the tone enters. This has much to do with the effectiveness of the causal body as a resonator.

d. Âm điệu. Âm điệu có thể mang cùng nghĩa như "chủ âm", nhưng ở đây có thêm vấn đề về phẩm tính hay âm sắc của âm điệu. Điều này liên quan rất nhiều đến hiệu quả của thể nguyên nhân như một bộ cộng hưởng.

86. The numerical tabulation may reflect ray structure, or may reflect groupings according to specific multiples of 7, such as 35, 28, 21, 14, etc.

86. Bảng phân loại theo số có thể phản ánh cấu trúc cung, hoặc có thể phản ánh các sự phân nhóm theo những bội số đặc biệt của 7, như 35, 28, 21, 14, v.v.

87. Suffice it to say, there is order in the heavens and our task is, increasingly, to apprehend that order and organize that which is below according to that order.

87. Chỉ cần nói rằng, trên trời có trật tự và nhiệm vụ của chúng ta là ngày càng nắm bắt trật tự ấy và tổ chức điều ở bên dưới theo trật tự đó.

It might be of interest [Page 856] to the student if we here pointed out that in the Hall of Records in connection with the human Egos certain of the records under symbological terminology keep a minute account of the following facts concerning each unit:

Điều này có thể khiến đạo sinh quan tâm [Page 856] nếu ở đây chúng ta chỉ ra rằng trong Phòng Lưu Trữ, liên hệ với các Chân ngã nhân loại, một số hồ sơ dưới thuật ngữ biểu tượng học ghi chép tỉ mỉ những sự kiện sau đây liên quan đến mỗi đơn vị:

88. We must note that the account kept is not general but "minute". There is the most acute supervision and administration. It would seem that every turn and phase of the entire evolutionary process has been noted and accounted for.

88. Chúng ta phải lưu ý rằng bản ghi chép được lưu giữ không phải là tổng quát mà là "tỉ mỉ". Có sự giám sát và quản trị hết sức sắc bén. Dường như mọi khúc quanh và mọi giai đoạn của toàn bộ tiến trình tiến hoá đều đã được ghi nhận và tính đến.

89. The symbolism would be fascinating. Phases of development are obviously

89. Tính biểu tượng hẳn sẽ rất hấp dẫn. Các giai đoạn phát triển hiển nhiên được biểu

symbolized and the essence of any particular phase revealed.

tượng hóa và tinh túy của bất kỳ giai đoạn riêng biệt nào cũng được tiết lộ.

The lunar record. This deals with all the lower vehicles and forms, employed by the human Monads and concerns itself with:

Hồ sơ thái âm. Hồ sơ này đề cập đến tất cả các vận cụ và hình tướng thấp hơn, được các chân thần nhân loại sử dụng, và liên quan đến:

90. We see that even the lowest vehicles are expressions of the human Monad.

90. Chúng ta thấy rằng ngay cả những vận cụ thấp nhất cũng là những biểu hiện của chân thần nhân loại.

a. Their rate of vibration,

a. Tốc độ rung động của chúng,

91. Vibration increases until all matter within these lower vehicles is *atomic* matter (except, of course, for the mental vehicle).

91. Rung động gia tăng cho đến khi toàn bộ vật chất bên trong các vận cụ thấp này là vật chất *nguyên tử* (dĩ nhiên, ngoại trừ thể trí).

b. Their type,

b. Loại của chúng,

92. By this, can DK mean their *ray*?

92. Bởi điều này, liệu Chân sư DK có thể muốn nói đến *cung* của chúng không?

93. Or are we simply speaking of the distinctions between physical-etheric, astral and mental lunar vehicles?

93. Hay chúng ta chỉ đơn giản đang nói về những phân biệt giữa các vận cụ thái âm hồng trần-dĩ thái, cảm dục và trí tuệ?

94. As well, there may be a typology of which we know nothing.

94. Ngoài ra, cũng có thể có một loại hình học mà chúng ta không biết gì cả.

c. Their key number,

c. Con số chủ âm của chúng,

95. This may have something to do with the frequency to which these vehicles are vibrating.

95. Điều này có thể liên quan phần nào đến tần số mà các vận cụ này đang rung động theo.

96. When the word “key” is used, there may also be musical implications. The key determines the rate or frequency of vibration. Music and mathematics, we know, are inseparable.

96. Khi từ “chủ âm” được dùng, cũng có thể có những hàm ý âm nhạc. Chủ âm quyết định tốc độ hay tần số rung động. Như chúng ta biết, âm nhạc và toán học là không thể tách rời.

d. The particular group of **lunar Lords** who are concerned with those **bodies**,

97. The "lunar lords" are not the "elemental lives". The three lower lunar lords remain associated throughout the evolution of the human being. They are, in this respect, a *group.* The same group of lunar lords is recalled into service time and time again, at the onset of each incarnation.

98. From this it must be evident that the "lunar lords" are one thing and the "bodies" they inform and influence quite another. This type of distinction should be carefully held in mind.

e. The detailed history of the elemental lives who construct the bodies.

99. The elemental lives, in this context, are the tiny, lesser lives or, from one perspective, "lesser builders". They too, so it seems, remain associated with the manifesting human being life after life.

This **information is employed by the karmic official responsible for the production of a new set of vehicles at each incarnation**, in order to assist the working out of karma.

100. The type of information required must be staggeringly complex. However, there are, it seems, many 'training stations' along the way to becoming a higher Karmic Lord.

d. Nhóm **nguyệt tinh quân** đặc biệt có liên hệ với những **thể** ấy,

97. Các "nguyệt tinh quân" không phải là "sự sống hành khí". Ba nguyệt tinh quân thấp vẫn còn liên kết trong suốt quá trình tiến hoá của con người. Về phương diện này, chúng là một *nhóm.* Cùng một nhóm nguyệt tinh quân ấy được triệu hồi trở lại để phụng sự hết lần này đến lần khác, vào lúc bắt đầu mỗi kiếp lâm phàm.

98. Từ điều này hẳn phải rõ rằng các "nguyệt tinh quân" là một chuyện, còn các "thể" mà chúng thấm nhuần và ảnh hưởng lại là một chuyện khác hẳn. Loại phân biệt này cần được ghi nhớ cẩn thận.

e. Lịch sử chi tiết của các sự sống hành khí kiến tạo nên các thể.

99. Trong ngữ cảnh này, các sự sống hành khí là những sự sống nhỏ bé, thấp hơn, hay từ một góc nhìn nào đó, là những "vị tiểu kiến tạo". Dường như chúng cũng vẫn còn liên kết với sự sống nhân loại đang biểu hiện hết kiếp này sang kiếp khác.

Thông tin này được viên chức nghiệp quả chịu trách nhiệm tạo ra một bộ vận cụ mới trong mỗi lần lâm phàm sử dụng, để hỗ trợ cho việc giải quyết nghiệp quả.

100. Loại thông tin cần thiết hẳn phải phức tạp đến kinh ngạc. Tuy nhiên, dường như có nhiều "trạm huấn luyện" trên con đường trở thành một Đấng Chúa Tể Nghiệp Quả cao hơn.

101. Hình tướng không được nắn khuôn một cách ngẫu nhiên. Việc kiến tạo các vận

101. Form is not moulded by chance. The construction of our vehicles is prepared with minute attention to detail.

cụ của chúng ta được chuẩn bị với sự chú ý tỉ mỉ đến từng chi tiết.

The history of the lunar bodies is stored up in the permanent atoms.

Lịch sử của các thể thái âm được lưu giữ trong các Nguyên tử trường tồn.

102. This is something a platitude. The permanent atom is, so to speak, the 'ultimate memory chip'.

102. Điều này phần nào là một điều hiển nhiên. Có thể nói, Nguyên tử trường tồn là "con chip ký ức tối hậu".

103. That history is minutely recorded. Nothing is left to chance.

103. Lịch sử ấy được ghi lại hết sức tỉ mỉ. Không điều gì bị phó mặc cho ngẫu nhiên.

The solar record. This deals with the more permanent egoic vehicle, and concerns itself with:

Hồ sơ thái dương. Hồ sơ này đề cập đến vận cụ chân ngã bền vững hơn, và liên quan đến:

a. The rate of vibration.

a. Tốc độ rung động.

104. The causal body must have its own rate of vibration and its note.

104. Thể nguyên nhân hẳn phải có tốc độ rung động riêng và nốt của nó.

105. Notice that the egoic vehicle is simply called "more permanent", but hardly permanent.

105. Hãy lưu ý rằng vận cụ chân ngã chỉ đơn giản được gọi là "bền vững hơn", chứ hầu như không phải là thường tồn.

b. The history of the petal unfoldment.

b. Lịch sử của sự khai mở các cánh hoa.

106. This history is not entirely generic. Idiosyncrasies exist and each process of petal unfoldment is, ultimately, distinctive.

106. Lịch sử này không hoàn toàn có tính chung chung. Có những nét đặc thù, và mỗi tiến trình khai mở cánh hoa, rốt cuộc, đều có tính riêng biệt.

c. The history of any particular group of solar Angels concerned with the formation of the lotus.

c. Lịch sử của bất kỳ nhóm Thái dương Thiên Thần đặc biệt nào có liên hệ với sự hình thành hoa sen.

107. Each human being is served by a *group* of lunar lords and also by a *group* of "solar Angels". This deserves pondering.

107. Mỗi con người được một *nhóm* nguyệt tinh quân phụng sự và cũng được một *nhóm*

"Thái dương Thiên Thần" phụng sự. Điều này đáng để suy ngẫm.

108. Solar Angels come in many varieties and their appearance in the higher and solar nature of man is a *group* experience.

108. Thái dương Thiên Thần có nhiều loại, và sự xuất hiện của các Ngài trong bản chất cao hơn và thái dương của con người là một kinh nghiệm *nhóm*.

109. It would seem that the formation of the lotus is a group project, undertaken as such from the outset.

109. Dường như sự hình thành hoa sen là một công trình nhóm, được đảm nhận như thế ngay từ lúc khởi đầu.

d. The activity of the **deva substance** out of which the lotus is constructed.

d. Hoạt động của **chất liệu thiên thần** mà từ đó hoa sen được kiến tạo.

110. Here is an important point. We must not confuse the Solar Angels Who substand the egoic lotus with the "deva substance" from which it is constructed.

110. Đây là một điểm quan trọng. Chúng ta không được nhầm lẫn các Thái dương Thiên Thần là những Đấng làm nền cho hoa sen chân ngã với "chất liệu thiên thần" mà từ đó hoa sen được kiến tạo.

111. Really, these are two kinds of energies, one of them far greater, and substanding and moulding the other.

111. Thật ra, đây là hai loại năng lượng, một loại lớn lao hơn rất nhiều, và đang làm nền và nắn khuôn loại kia.

e. Group relationships.

e. Những tương quan nhóm.

112. By this may be meant relations of Egos within an egoic group.

112. Bởi điều này có thể muốn nói đến các mối quan hệ của các Chân ngã bên trong một nhóm chân ngã.

This information is used by the Master Who has made Himself responsible for the **stimulation and the growth of any particular series of Egos**,

Thông tin này được Chân sư đã tự nhận trách nhiệm về **sự kích thích và sự tăng trưởng của bất kỳ chuỗi Chân ngã đặc biệt nào** sử dụng,

113. It is important to note that the Master makes himself responsible for a series of Egos rather than a series of personalities. He is to stimulate the Egos and see to their growth. We see this in the manner in which

113. Điều quan trọng cần lưu ý là Chân sư tự nhận trách nhiệm về một chuỗi Chân ngã hơn là một chuỗi phàm ngã. Ngài phải kích thích các Chân ngã và trông coi sự tăng trưởng của chúng. Chúng ta thấy điều này

Master DK undertook the training of certain "willing aspirants".

trong cách Chân sư DK đảm nhận việc huấn luyện một số "người chí nguyện thiện chí".

and also by advanced Egos who are consciously working with their group.

và cũng được các Chân ngã tiến bộ đang làm việc một cách hữu thức với nhóm của mình sử dụng.

114. This type of stimulation is not wielded only by Masters. "Advanced Egos" are also responsible in this manner, though to a lesser degree.

114. Loại kích thích này không chỉ do các Chân sư vận dụng. Các Chân ngã tiến bộ cũng chịu trách nhiệm theo cách này, dù ở mức độ thấp hơn.

115. We have spoken, thus far of the "lunar record" and "solar record" and now we enter upon the "consciousness record".

115. Cho đến nay chúng ta đã nói về "hồ sơ thái âm" và "hồ sơ thái dương", và giờ đây chúng ta bước vào "hồ sơ tâm thức".

The consciousness record. This concerns the **response of the indwelling Entity** to its surroundings. It deals [Page 857] with the utilisation of knowledge by the knower, and is in many ways the most intricate and the most lengthy of the records.

Hồ sơ tâm thức. Hồ sơ này liên quan đến **sự đáp ứng của Thực Thể ngự bên trong** đối với môi trường xung quanh. Nó đề cập [Page 857] đến việc sử dụng tri thức bởi thức giả, và theo nhiều phương diện, đây là loại hồ sơ phức tạp nhất và dài nhất.

116. We can imagine the subtlety of this kind of record, for consciousness is an 'intangible'. In this case we are not dealing with substance as in the first two. If consciousness is to be deemed substantial, it is certainly substantial in a sense different from the substantiality of subtle energy-substance or force-substance.

116. Chúng ta có thể hình dung sự tinh tế của loại hồ sơ này, vì tâm thức là một thứ "không thể nắm bắt". Trong trường hợp này, chúng ta không xử lý chất liệu như trong hai loại đầu. Nếu tâm thức được xem là có tính chất liệu, thì chắc chắn nó có tính chất liệu theo một nghĩa khác với tính chất liệu của chất liệu-năng lượng vi tế hay chất liệu-mãnh lực.

117. The indwelling soul is the object of attention when attempting to keep and interpret the "consciousness record".

117. Linh hồn ngự bên trong là đối tượng được chú ý khi cố gắng lưu giữ và diễn giải "hồ sơ tâm thức".

These records are mostly used by the Lord of the World and His pupils **to ascertain information in connection with the planetary centres.**

Những hồ sơ này phần lớn được Đức Chúa Tể Thế Giới và các đệ tử của Ngài sử dụng **để xác định thông tin liên quan đến các trung tâm hành tinh.**

118. When DK uses the term "these records", does He mean *all three* of those just discussed, or only the "consciousness record"?

118. Khi Chân sư DK dùng thuật ngữ "những hồ sơ này", liệu Ngài muốn nói đến *cả ba* loại vừa được bàn đến, hay chỉ riêng "hồ sơ tâm thức"?

119. We are learning that the records are related to Shamballic process, for the Lord of the World is involved.

119. Chúng ta đang học rằng các hồ sơ có liên hệ với tiến trình Shamballa, vì Đức Chúa Tể Thế Giới có dính líu đến.

120. Of course, the "pupils" of the Lord of the World are not only to be found in Shamballa, but within the ranks of Hierarchy, so we cannot be sure of who it is accessing the records.

120. Dĩ nhiên, các "đệ tử" của Đức Chúa Tể Thế Giới không chỉ được tìm thấy ở Shamballa, mà còn trong hàng ngũ của Thánh đoàn, nên chúng ta không thể chắc ai là người đang tiếp cận các hồ sơ ấy.

121. The planetary centres are formed by Monads (at least the higher ones on the monadic plane). The Lord of the World may wish to understand the quality of expression of certain Monads in incarnation, and may gather the information through a close study of the lunar record, the solar record and the consciousness record.

121. Các trung tâm hành tinh được tạo thành bởi các chân thần (ít nhất là những chân thần cao hơn trên cõi chân thần). Đức Chúa Tể Thế Giới có thể muốn hiểu phẩm tính biểu lộ của một số chân thần đang lâm phàm, và có thể thu thập thông tin ấy qua việc nghiên cứu kỹ hồ sơ thái âm, hồ sơ thái dương và hồ sơ tâm thức.

They are arranged in such a way that **the entire record of any group**, however vast and extensive, is embodied in seven sheets of symbols, each containing forty-nine symbols.

Chúng được sắp xếp theo cách sao cho **toàn bộ hồ sơ của bất kỳ nhóm nào**, dù rộng lớn và bao quát đến đâu, cũng được chứa đựng trong bảy tờ biểu tượng, mỗi tờ chứa bốn mươi chín biểu tượng.

122. This compression is a great example of the Law of Economy in action.

122. Sự nén này là một ví dụ lớn về Định luật Tiết Kiệm đang vận hành.

123. Here VSK reminds us that this is 7 x 49 = 343.

123. Ở đây VSK nhắc chúng ta rằng đây là 7 x 49 = 343.

124. There are many, many groups and yet it seems that each is fully explained through forty-nine symbols.

124. Có rất nhiều, rất nhiều nhóm, vậy mà dường như mỗi nhóm đều được giải thích đầy đủ qua bốn mươi chín biểu tượng.

125. Is not the Divine Plan 'written' on sheets of such symbols?

126. The Masters have effective ways of communicating vast quantities of information in the most essentialized form.

These sheets are changed and corrected once every seven years, and **are precipitated on astral matter by an effort of will by the Chohan responsible for the particular group involved**.

127. We are being instructed concerning certain occult methods which are designed to register the progress of any group. It would be unusual if this method were not related to the "Law of Group Progress".

128. We gather that those who can with accuracy read the "akashic record" will be able to interpret the records of such groups.

125. Chẳng phải Thiên Cơ được "viết" trên những tờ biểu tượng như thế sao?

126. Các Chân sư có những cách hữu hiệu để truyền đạt những khối lượng thông tin khổng lồ dưới hình thức được tinh yếu hóa nhất.

Những tờ này được thay đổi và hiệu chỉnh mỗi bảy năm một lần, và **được ngưng tụ trên vật chất cảm dục bằng một nỗ lực ý chí của vị Chohan chịu trách nhiệm về nhóm đặc biệt liên hệ**.

127. Chúng ta đang được chỉ dạy về một số phương pháp huyền bí được thiết kế để ghi nhận sự tiến bộ của bất kỳ nhóm nào. Sẽ là điều bất thường nếu phương pháp này không liên hệ với "Định luật Tiến Bộ Nhóm".

128. Chúng ta hiểu rằng những ai có thể đọc "akashic record" một cách chính xác sẽ có thể diễn giải các hồ sơ của những nhóm như thế.

TCF 858-862: S7S10 Part II

1 – 17 August 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall*

1 – 17 August 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được để ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được để ở cỡ chữ 14. Phần bình luận được để ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng*

meaning of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

(d.) The Petals and the Etheric Centres. It remains now to point out the close connection between the unfoldment of the petals in the egoic lotuses and the etheric centres in man. ***It is through the centres that psychic energy flows***.

1. A Master can look either at the etheric body or the egoic lotus to determine the degree of spiritual unfoldment of the human being.

2. "Psychic energy" is the energy of the true psyche or soul. It is not so much the energy of the *personal* psyche—the union of emotions and lower mind.

3. Psychic energy is qualified energy. The energy of the still higher center—the Monad—can also flow through the centers.

Students should carefully bear in mind the two following facts:

First, the etheric body is vitalised, as we know, by prana. Pranic energy is the stimulator of animal activity, and of physical plane development.

4. "Animal activity" is the movement of the dense physical body and its various organs.

5. Without animal activity and the vitalization of the dense physical body, there will be no physical plane development.

quát của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

(d.) Các Cánh Hoa và các Trung Tâm Dĩ Thái. Giờ đây còn phải chỉ ra mối liên hệ mật thiết giữa sự khai mở các cánh hoa trong các Hoa Sen Chân Ngã và các trung tâm dĩ thái trong con người. ***Chính qua các trung tâm mà năng lượng thông linh tuôn chảy***.

1. Một Chân sư có thể nhìn vào thể dĩ thái hoặc Hoa Sen Chân Ngã để xác định mức độ khai mở tinh thần của con người.

2. "Năng lượng thông linh" là năng lượng của psyche đích thực hay linh hồn. Nó không hẳn là năng lượng của psyche *cá nhân*—sự kết hợp của cảm xúc và hạ trí.

3. Năng lượng thông linh là năng lượng có phẩm tính. Năng lượng của trung tâm còn cao hơn nữa—chân thần—cũng có thể tuôn qua các trung tâm.

Đạo sinh nên cẩn thận ghi nhớ hai sự kiện sau đây:

Trước hết, thể dĩ thái được tiếp sinh lực, như chúng ta biết, bởi prana. Năng lượng prana là tác nhân kích thích hoạt động động vật và sự phát triển trên cõi hồng trần.

4. "Hoạt động động vật" là sự vận động của thể xác đậm đặc và các cơ quan khác nhau của nó.

5. Không có hoạt động động vật và sự tiếp sinh lực cho thể xác đậm đặc thì sẽ không có sự phát triển trên cõi hồng trần.

6. Prana, as a principle, is directly concerned with the activity aspect of divinity, yet it also brings about coherence and is, thus, related to the second aspect. As well it conveys "life", or that which sustains the 'presence-in-being' of the etheric body and dense physical body.

6. Prana, như một nguyên khí, trực tiếp liên hệ với phương diện hoạt động của thiên tính, tuy nhiên nó cũng tạo ra sự cố kết và vì thế liên hệ với phương diện thứ hai. Ngoài ra nó còn chuyển tải "sự sống", hay điều duy trì "sự hiện diện-trong-hiện hữu" của thể dĩ thái và thể xác đậm đặc.

Its effect is primarily upon the atoms of the physical body and it has a triple effect upon the substance of the physical body:

Tác động của nó chủ yếu lên các nguyên tử của thể xác và nó có tác động tam phân lên chất liệu của thể xác:

7. We can presume the prana also has an effect upon the etheric body.

7. Chúng ta có thể giả định rằng prana cũng có tác động lên thể dĩ thái.

8. Its effect upon the dense physical body is notable. That body will collapse and disintegrate without it.

8. Tác động của nó lên thể xác đậm đặc là đáng kể. Thể ấy sẽ sụp đổ và tan rã nếu không có nó.

a. It preserves the animal health of the body.

a. Nó bảo tồn sức khỏe động vật của thể.

9. "Animal health" is simply the correct functioning of all organs of the animal body.

9. "Sức khỏe động vật" đơn giản là sự vận hành đúng đắn của mọi cơ quan trong thể động vật.

10. Here we are talking simply of vitalization —the sustainment of all functions.

10. Ở đây chúng ta chỉ đơn giản nói về sự tiếp sinh lực—sự duy trì mọi chức năng.

b. It constructs and builds in the body, through its energy and force currents, what is needed to replace the daily wear and tear.

b. Nó kiến tạo và xây dựng trong thể, thông qua năng lượng và các dòng mãnh lực của nó, điều cần thiết để thay thế sự hao mòn hằng ngày.

11. Here we see a second ray function—that of supplying supplementation for that which is outworn. Through magnetism, the substance needed to replace that which has been damaged, destroyed or worn away, is attracted and supplied.

11. Ở đây chúng ta thấy một chức năng cung hai—đó là cung cấp phần bổ sung cho điều đã hao mòn. Qua từ điện, chất liệu cần thiết để thay thế điều đã bị hư hại, phá hủy hay mòn đi được thu hút và cung cấp.

c. It is the medium whereby man comes into physical touch with his brother man.

c. Nó là môi trường nhờ đó con người tiếp xúc hồng trần với huynh đệ mình. Từ tính

Physical magnetism is largely, even if not wholly, dependent upon prana.

hồng trần phần lớn, nếu không muốn nói là hoàn toàn, tùy thuộc vào prana.

12. When a person is in a devitalized condition, physical magnetism subsides.

12. Khi một người ở trong tình trạng mất sinh lực, từ tính hồng trần suy giảm.

13. Prana induces the exchange of subtle substances which keeps people in physical touch. Death (which is completed physical devitalization) removes the individual from the possibility of all reciprocal physical touch.

13. Prana tạo ra sự trao đổi các chất liệu vi tế giúp con người giữ được tiếp xúc hồng trần. Cái chết (là sự mất sinh lực hồng trần hoàn toàn) loại bỏ cá nhân khỏi khả năng có mọi tiếp xúc hồng trần tương hỗ.

The etheric centres are the force vortices formed in etheric matter by astral impulse, transmitted via the [Page 858] astral centres.

Các trung tâm dĩ thái là những xoáy mãnh lực được hình thành trong vật chất dĩ thái bởi xung lực cảm dục, được truyền qua các [Page 858] trung tâm cảm dục.

14. Here we see the interdependence of force centers on two levels. The impulses arising from astral force vortices induce etheric vortices. We would expect to find that mental impulses arising from mental plane vortices induce astral vortices.

14. Ở đây chúng ta thấy sự phụ thuộc lẫn nhau của các trung tâm mãnh lực trên hai cấp độ. Những xung lực phát sinh từ các xoáy mãnh lực cảm dục tạo ra các xoáy dĩ thái. Chúng ta có thể mong đợi thấy rằng những xung lực trí tuệ phát sinh từ các xoáy trên cõi trí tạo ra các xoáy cảm dục.

These astral centres in their turn are the transmitters of still higher energy, and thus the statement is technically true that the etheric centres are the source of man's psychic energy,

Đến lượt mình, các trung tâm cảm dục này là những bộ truyền dẫn của năng lượng còn cao hơn nữa, và vì thế phát biểu rằng các trung tâm dĩ thái là nguồn gốc năng lượng thông linh của con người là đúng về mặt kỹ thuật,

15. The implication is that energy from the egoic lotus induces mental plane vortices which, in turn, induce astral plane vortices, these being responsible for the induction of physical plane vortices.

15. Hàm ý ở đây là năng lượng từ Hoa Sen Chân Ngã tạo ra các xoáy trên cõi trí, rồi đến lượt chúng tạo ra các xoáy trên cõi cảm dục, và các xoáy này chịu trách nhiệm tạo ra các xoáy trên cõi hồng trần.

and are therefore affected by the unfoldment of the petals.

và do đó chúng bị ảnh hưởng bởi sự khai mở các cánh hoa.

16. As the petals of the egoic lotus unfold, the amount and quality of the energy transmitted through the chakras on various levels increases.

16. Khi các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã khai mở, số lượng và phẩm tính của năng lượng được truyền qua các chakra trên nhiều cấp độ khác nhau sẽ gia tăng.

17. With small petal unfoldment, very little psychic energy will be translated down the chakric concatenation. With considerable petal unfoldment, there will be a proportionally greater transmission.

17. Với mức khai mở cánh hoa ít ỏi, rất ít năng lượng thông linh sẽ được chuyển dịch xuống chuỗi liên kết chakra. Với mức khai mở đáng kể, sẽ có sự truyền dẫn lớn hơn theo tỉ lệ tương ứng.

Every petal is in its turn a type of force centre,

Mỗi cánh hoa đến lượt nó là một loại trung tâm mãnh lực,

18. Every petal expresses a distinct type of force governed by a particular type of Agnishvatta. Not much is said about the differentiated quality of the Agnishvattas substanding the twelve petals of the egoic lotus, but one can probably induce something of their nature or at least something of the kind of energies which they must express.

18. Mỗi cánh hoa biểu lộ một loại mãnh lực riêng biệt do một loại Agnishvatta đặc thù chi phối. Không có nhiều điều được nói về phẩm tính phân biệt của các Agnishvatta làm nền cho mười hai cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã, nhưng có lẽ người ta có thể suy ra phần nào bản chất của chúng hoặc ít nhất là loại năng lượng mà chúng hẳn phải biểu lộ.

19. In the human being there are number of different kinds of force centers:

19. Trong con người có một số loại trung tâm mãnh lực khác nhau:

a. Chakras are force centers

a. Các chakra là những trung tâm mãnh lực

b. Permanent atoms are force centers

b. Các Nguyên tử trường tồn là những trung tâm mãnh lực

c. Petals are force centers

c. Các cánh hoa là những trung tâm mãnh lực

20. Usually only chakras are considered force centers, per se.

20. Thông thường chỉ các chakra mới được xem là những trung tâm mãnh lực, chính chúng.

and the energy emanating from it affects the etheric centres, and produces every type of psychic energy of the true kind.

và năng lượng phát ra từ nó ảnh hưởng đến các trung tâm dĩ thái, và tạo ra mọi loại năng lượng thông linh chân chính.

21. Psychic energy of the "true kind" emanates from the *true* psychic center—the soul within the causal body, i.e., the Ego.

21. Năng lượng thông linh thuộc "loại chân chính" phát ra từ trung tâm thông linh *đích thực*—linh hồn bên trong thể nguyên nhân, tức là Chân ngã.

22. The energy of the astral vehicle, per se, is sometimes called "psychic energy", but it is not "true psychic energy".

22. Năng lượng của vận cụ cảm dục, tự nó, đôi khi được gọi là "năng lượng thông linh", nhưng nó không phải là "năng lượng thông linh chân chính".

23. We are gathering that there is very close interdependence between petal energy and the energy of the chakras found on all levels of the human personality.

23. Chúng ta đang nhận ra rằng có sự phụ thuộc lẫn nhau rất chặt chẽ giữa năng lượng cánh hoa và năng lượng của các chakra được tìm thấy trên mọi cấp độ của phàm ngã con người.

The energy flowing from the Ego is but little felt in the early stages of development.

Năng lượng tuôn ra từ Chân ngã chỉ được cảm nhận rất ít trong các giai đoạn phát triển ban đầu.

24. Here we are speaking of the energy pouring from the petals of the egoic lotus. The Ego is more than the causal body/egoic lotus. It is also a center of consciousness, whereas the egoic lotus/causal body is a vehicle of expression of the consciousness centralized it.

24. Ở đây chúng ta đang nói về năng lượng tuôn ra từ các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã. Chân ngã còn hơn cả thể nguyên nhân/ Hoa Sen Chân Ngã. Nó cũng là một trung tâm tâm thức, trong khi Hoa Sen Chân Ngã/ thể nguyên nhân là một vận cụ biểu lộ của tâm thức được tập trung trong đó.

Man follows his allotted path through animal and racial instinct,

Con người đi theo con đường đã được phân định của mình qua bản năng động vật và bản năng chủng tộc,

25. 'Instinctivity' impels as a result of both animal and animal-human tendencies. Man's path is "allotted" because it is limited and directed by instinct—an unthinking directionality and patterning of behaviour.

25. "Tính bản năng" thúc đẩy như là kết quả của cả các khuynh hướng động vật lẫn động vật-nhân loại. Con đường của con người "được phân định" vì nó bị giới hạn và được dẫn dắt bởi bản năng—một tính định hướng và mô thức hành vi không suy nghĩ.

and can be safely left to the stimulation emanating from his group centres,

và có thể an toàn được phó cho sự kích thích phát ra từ các trung tâm nhóm của y,

26. Group centers are shared by all who are in the mass and who are subject to mass consciousness.

26. Các trung tâm nhóm được chia sẻ bởi tất cả những ai ở trong quần chúng và chịu sự chi phối của tâm thức quần chúng.

27. From this perspective, the lower centers are *group* centers.

27. Từ góc nhìn này, các trung tâm thấp là các trung tâm *nhóm*.

and to the ordinary driving force inherent in form, and to the earlier life waves.

và cho mãnh lực thúc đẩy thông thường vốn có trong hình tướng, và cho các làn sóng sự sống trước đó.

28. There is a driving force inherent in the instinctive directionality of form. The tendencies extant in earlier life waves are also impelling—even *compelling.*

28. Có một mãnh lực thúc đẩy vốn có trong tính định hướng bản năng của hình tướng. Những khuynh hướng hiện hữu trong các làn sóng sự sống trước đó cũng thúc đẩy—thậm chí *cưỡng bách.*

It is only when he has reached a comparatively advanced stage (in comparison with that of animal man) that egoic or psychic force pours through his centres in such a way as to produce results in consciousness

Chỉ khi y đã đạt một giai đoạn tương đối tiến bộ (so với giai đoạn của người thú) thì mãnh lực chân ngã hay thông linh mới tuôn qua các trung tâm của y theo cách tạo ra những kết quả trong tâm thức

29. This is not really occurring to any great extent in the Hall of Ignorance. Naturally, as the human being proceeds to progressively organize the petals of the outer tier, effects in consciousness increase, but it is only when the individual begins to work in and unfold the second tier of petals that consciousness, per se, begins to be noticeable and meaningful and the discovery of an inner center becomes possible.

29. Điều này thực ra không xảy ra ở mức độ lớn trong Phòng Vô Minh. Đương nhiên, khi con người tiến tới việc dần dần tổ chức các cánh hoa của vòng ngoài, các hiệu quả trong tâm thức gia tăng, nhưng chỉ khi cá nhân bắt đầu hoạt động trong vòng cánh hoa thứ hai và khai mở nó thì tâm thức, tự nó, mới bắt đầu trở nên đáng chú ý và có ý nghĩa, và việc khám phá một trung tâm bên trong mới trở nên khả hữu.

30. In the earlier phases, some psychic or egoic force does pour through his centers,

30. Trong các giai đoạn sớm hơn, một ít mãnh lực thông linh hay chân ngã quả có tuôn qua các trung tâm của y, nhưng không

but not in such a way as to produce notable results in consciousness.

theo cách tạo ra những kết quả đáng kể trong tâm thức.

—of these he will eventually become profoundly aware within his physical brain.

—về những điều này cuối cùng y sẽ trở nên nhận biết sâu sắc trong bộ não hồng trần của mình.

31. As the soul increases its pressure and influence upon the personality vehicles, there eventually arises within the physical brain a keen awareness of this pressure and influence.

31. Khi linh hồn gia tăng áp lực và ảnh hưởng của nó lên các vận cụ phàm ngã, cuối cùng trong bộ não hồng trần sẽ nảy sinh một sự nhận biết sắc bén về áp lực và ảnh hưởng ấy.

32. The growth of awareness of the inner guide is, however, a very slow process.

32. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của nhận biết về vị hướng đạo bên trong là một tiến trình rất chậm.

I do not here refer to the ordinary animal psychism displayed by the higher animals, and found among certain of the post Lemurian races.

Ở đây tôi không nói đến loại thông linh động vật thông thường được biểu lộ bởi các động vật cao cấp hơn, và được tìm thấy nơi một số nhân loại hậu Lemuria.

33. Presumably, by “post Lemurian races” DK means Atlantean subraces. Perhaps such psychism was especially powerful *immediately* following the Lemurian rootrace.

33. Có lẽ, bởi “nhân loại hậu Lemuria”, Chân sư DK muốn nói đến các giống dân phụ Atlantis. Có lẽ loại thông linh ấy đặc biệt mạnh mẽ *ngay* sau giống dân gốc Lemuria.

34. Animal psychism is uncoordinated by intellect.

34. Thông linh động vật không được trí tuệ phối hợp.

This is a type of consciousness inherent in the atoms, and is a constituent part of the "soul of the world."

Đây là một loại tâm thức vốn có trong các nguyên tử, và là một phần cấu thành của "linh hồn của thế giới."

35. This type of psychism is related to the third aspect of divinity.

35. Loại thông linh này liên hệ với phương diện thứ ba của thiên tính.

36. The “soul of the world” is the aggregated consciousness of all material forms within the three lower worlds. It is sensitive yet blind and is totally unself-conscious. We can

36. “Linh hồn của thế giới” là tâm thức tổng hợp của mọi hình tướng vật chất trong ba cõi thấp. Nó nhạy cảm nhưng mù quáng và hoàn toàn không có ngã thức. Chúng ta có

call it 'unconscious responsiveness to stimulation'

thể gọi nó là "sự đáp ứng vô thức đối với kích thích"

37. We can see that this type of psychism is actually an 'inheritance' from earlier cycles in which the third ray ruled. The first solar system would be such a cycle as would be the Moon-chain.

37. Chúng ta có thể thấy rằng loại thông linh này thực ra là một "di sản" từ các chu kỳ trước đó trong đó cung ba cai quản. Hệ mặt trời thứ nhất sẽ là một chu kỳ như thế, cũng như Dãy Mặt Trăng.

It is unconscious and uncontrolled and has no part in this teaching.

Nó vô thức và không được kiểm soát, và không thuộc phần giáo huấn này.

38. DK effectively repudiates this type of instinctual psychism. It is not a type of psychism which reveals the soul and is of no interest to the true disciple.

38. Chân sư DK thực sự bác bỏ loại thông linh bản năng này. Đây không phải là loại thông linh tiết lộ linh hồn và không khiến đệ tử chân chính quan tâm.

I refer to the conscious psychism which is displayed by advanced humanity, by disciples and initiates of all grades.

Tôi nói đến loại thông linh hữu thức được biểu lộ bởi nhân loại tiến bộ, bởi các đệ tử và các điểm đạo đồ ở mọi cấp bậc.

39. This is a higher form of psychism only in the possession of those who have achieved a high level of self-consciousness.

39. Đây là một hình thức thông linh cao hơn, chỉ thuộc sở hữu của những ai đã đạt đến một mức độ ngã thức cao.

This kind is the result of the pouring in of egoic energy through the etheric centres (mainly through five of them)

Loại này là kết quả của sự tuôn vào của năng lượng chân ngã qua các trung tâm dĩ thái (chủ yếu qua năm trung tâm trong số đó)

40. If we are dealing with the higher psychism, we could expect that the sacral center would be excluded, and perhaps the solar plexus center. We have to decide whether to treat the base of the spine center as a source of energy which is only truly awakened in the later stages of human evolution.

40. Nếu chúng ta đang xét loại thông linh cao hơn, ta có thể mong đợi rằng trung tâm xương cùng sẽ bị loại ra, và có lẽ cả trung tâm tùng thái dương. Chúng ta phải quyết định liệu có nên xem trung tâm đáy cột sống như một nguồn năng lượng chỉ thực sự được đánh thức trong các giai đoạn sau của tiến hoá nhân loại hay không.

41. The pouring in of egoic energy into the personality awakens in the personality consciousness psychic energy of a higher kind.

41. Sự tuôn vào của năng lượng chân ngã vào phàm ngã đánh thức trong tâm thức phàm ngã một loại năng lượng thông linh cao hơn.

42. We note that the higher psychism depends upon the pouring into the etheric centers of egoic energy. It does not originate within the plane itself.

42. Chúng ta lưu ý rằng loại thông linh cao hơn tùy thuộc vào sự tuôn vào của năng lượng chân ngã trong các trung tâm dĩ thái. Nó không phát sinh từ chính cõi ấy.

in such a way that the consciousness of the physical brain becomes aware of it,

theo cách mà tâm thức của bộ não hồng trần trở nên nhận biết được nó,

43. Certain kinds of consciousness may exist on their own levels but the objective of evolution is to render them conscious within the physical brain.

43. Một số loại tâm thức có thể tồn tại trên các cấp độ riêng của chúng, nhưng mục tiêu của tiến hoá là làm cho chúng trở nên hữu thức trong bộ não hồng trần.

and also aware of:

và cũng nhận biết được:

a. Its purpose,

a. Mục đích của nó,

44. Here we speak of the purpose of psychic energy which, presumably, is to render a human being more conscious and the personality a greater expression of the Ego. Certain siddhis or powers come with the inpouring of psychic energy.

44. Ở đây chúng ta nói về mục đích của năng lượng thông linh, mà có lẽ là làm cho con người trở nên có tâm thức hơn và phàm ngã trở thành một biểu hiện lớn hơn của Chân ngã. Một số siddhi hay quyền năng đi kèm với sự tuôn vào của năng lượng thông linh.

b. Its technique,

b. Kỹ thuật của nó,

45. There is a difference in the manner of handling the ordinary energies of the personality and handling psychic energies.

45. Có một sự khác biệt trong cách xử lý các năng lượng thông thường của phàm ngã và cách xử lý các năng lượng thông linh.

46. Occult meditation correctly pursued is one sanctioned method of inducing the flow of psychic energy.

46. Tham thiền huyền bí được theo đuổi đúng đắn là một phương pháp được chuẩn nhận để tạo ra dòng chảy của năng lượng thông linh.

47. We must also learn the various techniques for expressing and applying psychic energy.

47. Chúng ta cũng phải học các kỹ thuật khác nhau để biểu lộ và áp dụng năng lượng thông linh.

c. The effects produced within the lower self of the man himself and also upon others, [Page 859]

48. When psychic energy descends, it will produce significant stimulation within the lower vehicles and also an elevation of quality of the vehicles.

49. It will also pass through the lower man to others. The effect upon the environment will be noticeable and not always harmonious.

50. The Teaching known as "Agni Yoga" stresses the unusual nature and value of psychic energy.

d. His ability to employ it or not as he may desire. It is under his control.

51. The path of occultism is, in many respects, a 'path of control'. Just as one is not to be entirely subject to energies and forces of a lower kind, so one is not be at the mercy of egoic energies. Too great an undisciplined receptivity to such energies could cause disorganization and even disruption within the lower vehicles and their expression.

52. One may imagine that an endless flow of egoic energy can be absorbed with only good effects upon the absorbing entity. This is not the case. The human being could not withstand a full and simultaneous influx of all psychic energies from the soul.

c. Những hiệu quả được tạo ra bên trong phàm ngã của chính con người ấy và cả trên những người khác, [Page 859]

48. Khi năng lượng thông linh giáng xuống, nó sẽ tạo ra sự kích thích đáng kể trong các vận cụ thấp hơn và cũng nâng cao phẩm tính của các vận cụ ấy.

49. Nó cũng sẽ đi qua phàm nhân đến với những người khác. Tác động lên môi trường sẽ đáng chú ý và không phải lúc nào cũng hài hòa.

50. Giáo Huấn được biết đến như "Agni Yoga" nhấn mạnh bản chất khác thường và giá trị của năng lượng thông linh.

d. Khả năng của y trong việc sử dụng nó hay không sử dụng nó tùy theo điều y mong muốn. Nó ở dưới sự kiểm soát của y.

51. Con đường huyền bí học, trên nhiều phương diện, là một "con đường kiểm soát". Cũng như người ta không được hoàn toàn lệ thuộc vào các năng lượng và mãnh lực thuộc loại thấp hơn, thì cũng không được phó mặc cho các năng lượng chân ngã. Sự tiếp nhận quá mức và thiếu kỷ luật đối với các năng lượng ấy có thể gây ra sự vô tổ chức và thậm chí sự đổ vỡ trong các hiện thể thấp cùng sự biểu lộ của chúng.

52. Người ta có thể tưởng rằng một dòng năng lượng chân ngã vô tận có thể được hấp thu mà chỉ đem lại những tác động tốt cho thực thể đang hấp thu. Điều này không đúng. Con người không thể chịu đựng được một sự tuôn vào trọn vẹn và đồng thời của mọi năng lượng thông linh từ linh hồn.

The centres with which the student is concerned are, as we know, four in number:

a. The head,

b. The heart,

c. The throat,

d. The base of the spine.

53. How interesting that the ajna—a major directing center is not included (at last *apparently* not). We can well understand why the sacral center and the solar plexus center should be excluded, for they represent, respectively, the Lemurian consciousness and the Atlantean consciousness which are unrelated to the higher psychism.

54. The base of the spine center, though early in its activation, is a center much associated with the will. As the will grows, this center will become more consciously focal in the man's awareness. Its full activation comes much later in the evolutionary process.

These are the only ones which should receive consideration.

55. DK is definite about this. The ajna center is utilized for focus personality integration. A selfishly integrated personality can be a definite inhibition to soul infusion. But it is also used to present soul vision to the consciousness and to maintain the sense of direction which the presented vision indicates. It would seem easy to consider the ajna center as one which should receive the downflow of influence from the egoic lotus.

Các trung tâm mà đạo sinh quan tâm đến, như chúng ta biết, có bốn trung tâm:

a. đầu,

b. tim,

c. cổ họng,

d. đáy cột sống.

53. Thật thú vị biết bao khi ajna—một trung tâm chỉ đạo chính—lại không được kể vào (ít nhất *dường như* là không). Chúng ta có thể dễ dàng hiểu vì sao trung tâm xương cùng và trung tâm tùng thái dương bị loại ra, vì chúng lần lượt tượng trưng cho tâm thức Lemuria và tâm thức Atlantis, vốn không liên hệ với thông linh cao hơn.

54. Trung tâm đáy cột sống, dù còn ở giai đoạn sớm của sự hoạt hóa, là một trung tâm gắn bó nhiều với ý chí. Khi ý chí tăng trưởng, trung tâm này sẽ trở thành một tiêu điểm có ý thức hơn trong nhận biết của con người. Sự hoạt hóa trọn vẹn của nó đến muộn hơn nhiều trong tiến trình tiến hoá.

Đó là những trung tâm duy nhất cần được xem xét.

55. Chân sư DK nói rất dứt khoát về điều này. Trung tâm ajna được sử dụng để tập trung sự tích hợp phàm ngã. Một phàm ngã tích hợp một cách ích kỷ có thể là một sự cản trở rõ rệt đối với việc được linh hồn thấm nhuần. Nhưng nó cũng được dùng để trình bày linh ảnh của linh hồn cho tâm thức và duy trì ý thức về phương hướng mà linh ảnh đã được trình bày ấy chỉ ra. Có vẻ như thật dễ để xem trung tâm ajna là một trung tâm nên

tiếp nhận dòng ảnh hưởng đi xuống từ Hoa Sen Chân Ngã.

56. In a tabulation below, we see a way in which the ajna center, may after all, be included in the fourfold enumeration above.

56. Trong một bảng liệt kê bên dưới, chúng ta thấy một cách mà theo đó trung tâm ajna, rốt cuộc, vẫn có thể được bao gồm trong sự liệt kê tứ phân ở trên.

57. At the same time, it is not easy to 'locate' the ajna center upon the etheric subplanes, and on the various charts its placement is not indicated, whereas the placement of the head, heart, throat center and base of the spine, are indicated.

57. Đồng thời, không dễ để "định vị" trung tâm ajna trên các cõi phụ dĩ thái, và trên các biểu đồ khác nhau vị trí của nó không được chỉ ra, trong khi vị trí của trung tâm đầu, tim, cổ họng và đáy cột sống thì được chỉ ra.

His work is to transfer the force or energy out of the two lower—the spinal and the solar plexus—into the three higher. **It is presumed that he has already transferred, or is in process of transferring, the energy of the generative organs into the centre of desire**, the solar plexus, with the aim in view of guiding it still higher to the throat centre.

Công việc của y là chuyển mãnh lực hay năng lượng ra khỏi hai trung tâm thấp hơn —trung tâm cột sống và tùng thái dương— vào ba trung tâm cao hơn. **Người ta giả định rằng y đã chuyển, hoặc đang trong tiến trình chuyển, năng lượng của các cơ quan sinh dục vào trung tâm dục vọng**, tức trung tâm tùng thái dương, với mục đích tiếp tục dẫn nó lên cao hơn nữa đến trung tâm cổ họng.

58. Here, the base of the spine center appears to be called by an interesting abbreviation—the "spinal" (center). This name reminds one of how closely related the base of the spine center is to the spine as a whole.

58. Ở đây, trung tâm đáy cột sống dường như được gọi bằng một lối viết tắt thú vị— trung tâm "cột sống". Tên gọi này gợi nhớ đến việc trung tâm đáy cột sống liên hệ mật thiết đến mức nào với toàn bộ cột sống.

59. It is presumed that the energies of the sacral center have been transferred or are in process of being transferred to the solar plexus center. This is the reason that the sacral center is not mentioned. Besides, because of its susceptibility to lunar influences, it is not a center with which the disciple of the Great White Lodge deals.

59. Người ta giả định rằng các năng lượng của trung tâm xương cùng đã được chuyển hoặc đang trong tiến trình được chuyển đến trung tâm tùng thái dương. Đây là lý do trung tâm xương cùng không được nhắc đến. Hơn nữa, vì tính dễ bị ảnh hưởng bởi các tác động thái âm của nó, đây không phải là một trung tâm mà đệ tử của Thánh đoàn đề cập đến.

60. We learn that on the way to the throat center, the energies of the sacral center pass through the solar plexus center. We could imagine that the desires common to the sacral center would be intensified during their passage through the solar plexus center.

60. Chúng ta biết rằng trên đường đến trung tâm cổ họng, các năng lượng của trung tâm xương cùng đi qua trung tâm tùng thái dương. Chúng ta có thể hình dung rằng các dục vọng thông thường của trung tâm xương cùng sẽ được tăng cường trong khi đi qua trung tâm tùng thái dương.

61. The sacral center does hold certain "ancient racial fears" and presumably desires of a low order. Yet, it is the solar plexus center which is called the "center of desire".

61. Trung tâm xương cùng quả thật giữ một số "nỗi sợ hãi chủng tộc cổ xưa" và có lẽ cả những dục vọng thuộc trật tự thấp. Tuy nhiên, chính trung tâm tùng thái dương mới được gọi là "trung tâm dục vọng".

The splenic centre, being the vehicle of prana, is specially developed under evolutionary law, and its energy is not transferred to another centre, but is consciously diffused.

Trung tâm lá lách, là hiện thể của prana, được phát triển đặc biệt dưới định luật tiến hoá, và năng lượng của nó không được chuyển sang một trung tâm khác, mà được khuếch tán một cách có ý thức.

62. Not transference but diffusion is the destiny of the energies of the splenic center. The energy remains with the center and is spread therefrom.

62. Không phải chuyển dịch mà là khuếch tán mới là định mệnh của các năng lượng của trung tâm lá lách. Năng lượng vẫn ở lại với trung tâm và được lan tỏa từ đó.

63. There comes time when diffusion of the pranic energies of the spleen becomes an act of conscious vitalization. DK has given at least one meditation in the DINA books in which the spleen was involved in such a way to consciously induce vitalization.

63. Sẽ đến lúc sự khuếch tán các năng lượng prana của lá lách trở thành một hành vi tiếp sinh lực có ý thức. Chân sư DK đã đưa ra ít nhất một bài thiền trong các sách Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới mà trong đó lá lách được sử dụng theo cách có thể chủ ý tạo ra sự tiếp sinh lực.

When its correspondence in the head centre is awakened, this becomes the organ of occult healing;

Khi đối phầncủa nó trong trung tâm đầu được đánh thức, nó trở thành cơ quan của trị liệu huyền bí;

64. This is a very important statement. Usually we think of *seven* 'greater' centers in the head corresponding to the seven normal chakras. But we can see that the head may hold a higher correspondence of *all* the centers to be found in the other parts of the

64. Đây là một phát biểu rất quan trọng. Thông thường chúng ta nghĩ đến *bảy* trung tâm "lớn hơn" trong đầu tương ứng với bảy luân xa thông thường. Nhưng chúng ta có thể thấy rằng đầu có thể chứa một đối phần cao hơn của *mọi* trung tâm được tìm thấy

body. Certainly there is at least one more than seven.

65. As to the location of this splenic correspondence within the head, it is not given. Could it be located more to the back of the head than near the front?

through it the healer (by an act of will), absorbs prana and vitality from the ethers, and then breathes it out again upon the object to be healed by an act of compassionate healing.

66. The alta major center is located near the base of the skull and can be understood as related to the center at the base of the spine, which, like the spleen, concerns vitalization.

67. We can understand that knowing the location of this center would be definitely facilitative in the act of healing.

68. The spleen center in the head is a center of absorption. Absorption precedes deliberate out-breathing.

69. We note that the breath is definitely involved in the act of healing. The idea of breathing out healing energies is most suggestive.

70. We might consider the out-breath as a splenically vitalized breath of compassion.

In connection with the etheric centres, we should note the fact that the major head centre is twofold in structure, and consists of a lotus of ninety-six petals between the eyebrows, and of a twelve-petalled lotus at the top of the head, with ninety-six petals in a subsidiary whorl.

trong các phần khác của cơ thể. Chắc chắn có ít nhất nhiều hơn bảy.

65. Về vị trí của đối phần lá lách này trong đầu, điều đó không được nêu ra. Liệu nó có thể nằm về phía sau đầu hơn là gần phía trước chăng?

qua nó, người chữa lành (bằng một hành vi ý chí), hấp thu prana và sinh lực từ các dĩ thái, rồi lại thở chúng ra trên đối tượng cần được chữa lành bằng một hành vi chữa lành đầy từ bi.

66. Trung tâm alta major nằm gần đáy sọ và có thể được hiểu là có liên hệ với trung tâm ở đáy cột sống, trung tâm này, cũng như lá lách, liên quan đến sự tiếp sinh lực.

67. Chúng ta có thể hiểu rằng việc biết vị trí của trung tâm này chắc chắn sẽ hỗ trợ rõ rệt cho hành vi chữa lành.

68. Trung tâm lá lách trong đầu là một trung tâm hấp thu. Sự hấp thu đi trước việc thở ra có chủ ý.

69. Chúng ta lưu ý rằng hơi thở chắc chắn có liên quan trong hành vi chữa lành. Ý tưởng thở ra các năng lượng chữa lành là điều hết sức gợi mở.

70. Chúng ta có thể xem hơi thở ra như một hơi thở từ bi được tiếp sinh lực bởi lá lách.

Liên quan đến các trung tâm dĩ thái, chúng ta nên lưu ý sự kiện rằng trung tâm đầu chính có cấu trúc nhị phân, và gồm có một hoa sen chín mươi sáu cánh giữa hai chân mày, và một hoa sen mười hai cánh ở đỉnh đầu, với chín mươi sáu cánh trong một vòng xoáy phụ.

71. Here we have an alternate description of the head center. Usually nine hundred sixty petals are mentioned along with the major twelve.

71. Ở đây chúng ta có một mô tả khác về trung tâm đầu. Thông thường người ta nhắc đến chín trăm sáu mươi cánh cùng với mười hai cánh chính.

72. It is clear that the two numbers—twelve and ninety-six—combine to make 108, a number very close to 104 indicating the number of Kumaras Who came with Sanat Kumara when He first journeyed to our globe. The number 108, however, represents the full complement of Kumaras if the three Esoteric Kumaras are included.

72. Rõ ràng là hai con số—mười hai và chín mươi sáu—kết hợp thành 108, một con số rất gần với 104, chỉ số lượng các Kumara đã đến cùng Đức Sanat Kumara khi Ngài lần đầu du hành đến bầu hành tinh của chúng ta. Tuy nhiên, số 108 tượng trưng cho đầy đủ số lượng các Kumara nếu ba Esoteric Kumaras được tính vào.

It has been stated that one hundred and four Kumaras came from Venus to the Earth; literally the figure was one hundred and five, when the synthesising Unit, the Lord of the World Himself, is counted as one. (TCF 386-387)

Người ta đã nói rằng một trăm lẻ bốn Kumara đã đến từ Sao Kim đến Trái Đất; theo nghĩa đen con số là một trăm lẻ năm, khi Đơn Vị tổng hợp, chính Đức Chúa Tể Thế Giới, được tính là một. (TCF 386-387)

73. We might think that when describing the head center, that the two parts to consider would be the twelve major petals and the 96 surrounding petals, but, instead, DK includes the ajna center of 96 petals within the major head center.

73. Chúng ta có thể nghĩ rằng khi mô tả trung tâm đầu, hai phần cần xét đến sẽ là mười hai cánh chính và 96 cánh bao quanh, nhưng thay vào đó, Chân sư DK lại bao gồm trung tâm ajna có 96 cánh vào trong trung tâm đầu chính.

74. Could this be the reason why the ajna center was excluded from the enumeration above? Perhaps, when DK mentioned the "head" He was intending to show us that the ajna center was included within it.

74. Liệu đây có phải là lý do vì sao trung tâm ajna bị loại khỏi sự liệt kê ở trên không? Có lẽ, khi Chân sư DK nhắc đến "đầu", Ngài có ý cho chúng ta thấy rằng trung tâm ajna đã được bao gồm trong đó.

75. Combining all the petals mentioned, the number is 204, which when reduced becomes the 24 or 6 of Shamballa—fittingly.

75. Gộp tất cả các cánh hoa được nhắc đến lại, con số là 204, và khi rút gọn thì thành 24 hay 6 của Shamballa—thật thích hợp.

76. When we consider 108, we have the central channel (the "I"), the Caduceus (the 8) and the solar sphere (the 0).

76. Khi xét đến 108, chúng ta có kênh trung tâm ("I"), Caduceus (số 8) và khối cầu thái dương (số 0).

77. The 96 sums to 15 which suggests 14 +1. The seven Kumaras; the "Radiant Seven" or intra-planetary Ray Lords; and the Planetary Logos.

77. Số 96 cộng lại thành 15, gợi ý 14 + 1. Bảy Kumara; "Bảy Đấng Rạng Ngời" hay các Đấng Chúa Tể Cung nội hành tinh; và Hành Tinh Thượng Đế.

78. 6 and 9 (as one can see from the shape of the numerals) also indicate descent and re-ascent.

78. 6 và 9 (như người ta có thể thấy từ hình dạng các chữ số) cũng chỉ sự giáng xuống và sự tái thăng lên.

The significance of these figures is profound. In every case the figure twelve is met with, showing a definite relation to the basic psychic lotuses on egoic levels.

Thâm nghĩa của các con số này thật sâu xa. Trong mọi trường hợp, con số mười hai đều xuất hiện, cho thấy một liên hệ rõ rệt với các hoa sen thông linh căn bản trên các cấp độ chân ngã.

79. We see that twelve is divisible into ninety-six eight times, and naturally divisible into itself. The number eight suggests the Christ and Christ-consciousness. It also suggests the Antahkarana as the organ of consciousness and the circulatory pattern of the petals—shaped like the figure eight (8).

79. Chúng ta thấy rằng mười hai chia vào chín mươi sáu được tám lần, và dĩ nhiên chia vào chính nó. Số tám gợi ý Đức Christ và tâm thức Christ. Nó cũng gợi ý antahkarana như cơ quan của tâm thức và mô thức tuần hoàn của các cánh hoa—có hình như số tám (8).

80. Twelve is a number directly associated with psychism. The egoic lotus is twelvefold and, as a further amplification, Pisces, the most psychic of the sign of the zodiac is the *twelfth* sign.

80. Mười hai là một con số gắn trực tiếp với thông linh. Hoa Sen Chân Ngã là mười hai cánh và, như một sự khuếch đại thêm nữa, Song Ngư, dấu hiệu hoàng đạo thông linh nhất, là dấu hiệu thứ *mười hai*.

Twelve multiplied by eight stands for the twelve petals in each case, while in the figure eight lies hidden the idea of duality: [Page 860]

Mười hai nhân với tám tượng trưng cho mười hai cánh trong mỗi trường hợp, trong khi trong số tám ẩn giấu ý niệm về nhị nguyên tính: [Page 860]

81. We can see that the eight is separated into two ovals (8), separated by a nexus. Hence the hidden idea of duality.

81. Chúng ta có thể thấy rằng số tám được tách thành hai hình bầu dục (8), được nối với nhau bởi một điểm nối. Do đó có ý niệm ẩn giấu về nhị nguyên tính.

82. The 96 found in the head center is repeated 10 times.

82. Số 96 được tìm thấy trong trung tâm đầu được lặp lại 10 lần.

83. That same 96 is found in the ajna center and, according to one way of reckoning, in the alta major center as well. This would make *twelve* ninety-sixes (12 x 96)

83. Cũng chính số 96 ấy được tìm thấy trong trung tâm ajna và, theo một cách tính, trong cả trung tâm alta major nữa. Điều này sẽ tạo thành *mười hai* số chín mươi sáu (12 x 96)

84. As for the meaning of "twelve multiplied by eight stands for the twelve petals in each case", diverse interpretations are possible including one indicated below.

84. Về ý nghĩa của câu "mười hai nhân với tám tượng trưng cho mười hai cánh trong mỗi trường hợp", có thể có nhiều cách giải thích khác nhau, kể cả một cách được nêu bên dưới.

a. The four of the quaternary,

a. Bốn của thể tứ phân,

85. The fourth of the four lunar vehicles (in ascending order) is the personality, encompassing the other three.

85. Thứ tư trong bốn hiện thể thái âm (theo thứ tự đi lên) là phàm ngã, bao gồm ba hiện thể kia.

b. The four of the egoic auric egg (the three aspects, and the ring-pass-not.)

b. Bốn của noãn hào quang chân ngã (ba phương diện, và vòng-giới-hạn.)

86. The egoic auric egg contains the knowledge petals, the love petals, and the sacrifice petals. The ring-pass-not of the auric egg is the higher correspondence of the encompassing personality.

86. Noãn hào quang chân ngã chứa các cánh hoa tri thức, các cánh hoa bác ái và các cánh hoa hi sinh. Vòng-giới-hạn của noãn hào quang là đối phần cao hơn của phàm ngã bao trùm.

87. DK is emphasizing the connection of the number twelve with the psyche.

87. Chân sư DK đang nhấn mạnh mối liên hệ của số mười hai với tâm hồn.

We must note also, that the idea of twelve in connection with the centres is found in three of them:

Chúng ta cũng phải lưu ý rằng ý niệm về mười hai liên quan đến các trung tâm được tìm thấy trong ba trung tâm:

a. The higher head centre,

a. trung tâm đầu cao hơn,

88. By this DK may mean the crown center, including both the twelve major petals and the 96 x 10 subsidiary petals

88. Qua đó Chân sư DK có thể muốn nói đến trung tâm đỉnh đầu, bao gồm cả mười hai cánh chính lẫn 96 x 10 cánh phụ

b. The secondary head centre,

b. trung tâm đầu thứ yếu,

89. By this DK may mean the ajna center, the number of petals of which are divisible by twelve.

89. Qua đó Chân sư DK có thể muốn nói đến trung tâm ajna, số cánh của nó chia hết cho mười hai.

c. The heart centre.

c. trung tâm tim.

90. The heart center is a natural twelve.

90. Trung tâm tim tự nhiên là một số mười hai.

91. It is evident that that the number twelve is a far more psychic number than the number ten. Contact with the devas (closely associated with the numbers twelve and six) leads to increased psychic sensitivity.

91. Hiển nhiên là số mười hai là một con số thông linh hơn nhiều so với số mười. Sự tiếp xúc với các thiên thần (gắn bó chặt chẽ với các số mười hai và sáu) dẫn đến sự nhạy cảm thông linh gia tăng.

92. The number 12 contains a 2. Psychism depends upon the presence of two—the perceiver and the perceived; the sensitive and that to which the sensitive is sensitive. The number ten (10) suggests centralization and does not contain the number 2 in its glyph.

92. Số 12 chứa số 2. Tính thông linh tùy thuộc vào sự hiện diện của hai yếu tố—người tri giác và điều được tri giác; kẻ nhạy cảm và điều mà kẻ nhạy cảm nhạy cảm với nó. Số mười (10) gợi ý sự tập trung hóa và không chứa số 2 trong ký hiệu của nó.

If the student studies this condition, and links up the idea of the three tiers of petals in the twelve-petalled lotus, he may find illumination. More it is not possible to give at this stage.

Nếu đạo sinh nghiên cứu tình trạng này, và liên kết ý niệm về ba tầng cánh hoa trong hoa sen mười hai cánh, y có thể tìm thấy sự soi sáng. Ở giai đoạn này không thể cho thêm gì hơn.

93. It would seem that the twelve petals of the egoic lotus are linked directly to the major twelvefold chakra within the major head center.

93. Có vẻ như mười hai cánh của Hoa Sen Chân Ngã được liên kết trực tiếp với luân xa mười hai phân chính trong trung tâm đầu chính.

94. If we look at the descent of psychic energy, we can imagine it starting from the egoic lotus, passing through the correspondences to the head center on both the astral plane and etheric planes, and thence through etheric ajna center correspondences and heart center correspondences. The twelve-petalled heart

94. Nếu chúng ta nhìn vào sự giáng xuống của năng lượng thông linh, chúng ta có thể hình dung nó bắt đầu từ Hoa Sen Chân Ngã, đi qua các đối phần đến trung tâm đầu trên cả cõi cảm dục lẫn các cõi dĩ thái, rồi từ đó qua các đối phần của trung tâm ajna dĩ thái và các đối phần của trung tâm tim. Trung tâm tim mười hai cánh là trung tâm thấp

center is the lowest of the center divisible by twelve.

It is only when the etheric centres—the two head centres and the heart centre—are fully active with their twelve petals completely unfolded that the central circle of petals in the egoic lotus (the fourth or inner circle) unfolds.

95. This is a profound statement. We have learned that each successive synthesis petal unfolds somewhat at each of the first three initiations. The final unfoldment, however, occurs only after the third initiation. It is then that the fourth or inner circle truly unfolds.

96. In a oblique way, we seem to be learning that after the third initiation and very much approaching the fourth, the heart center is completely unfolded, the ajna center (a head center with its potentials for higher psychism) is completely unfolded and the head center is also completely unfolded. One could question this last assertion, as it would seem that the head center would still be possible of further unfoldment after the fourth initiation, given its role in the fifth initiation.

The significance of the four circles in the egoic lotus, and the eight circles of twelve petals each in the **etheric lotuses on the mental plane** is of great importance.

97. The occultism only grows more profound.

98. Although we are speaking of chakras on the mental plane, there is perhaps given a hint concerning the arrangement of the

nhất trong số các trung tâm chia hết cho mười hai.

Chỉ khi nào các trung tâm dĩ thái—hai trung tâm đầu và trung tâm tim—hoàn toàn hoạt động với mười hai cánh của chúng được khai mở trọn vẹn thì vòng cánh hoa trung tâm trong Hoa Sen Chân Ngã (vòng thứ tư hay vòng bên trong) mới khai mở.

95. Đây là một phát biểu sâu sắc. Chúng ta đã học rằng mỗi cánh hoa tổng hợp kế tiếp đều khai mở phần nào ở mỗi một trong ba lần điểm đạo đầu tiên. Tuy nhiên, sự khai mở cuối cùng chỉ xảy ra sau lần điểm đạo thứ ba. Chính khi ấy vòng thứ tư hay vòng bên trong mới thật sự khai mở.

96. Theo một cách gián tiếp, dường như chúng ta đang học rằng sau lần điểm đạo thứ ba và khi rất gần lần điểm đạo thứ tư, trung tâm tim được khai mở hoàn toàn, trung tâm ajna (một trung tâm đầu với các tiềm năng thông linh cao hơn của nó) được khai mở hoàn toàn, và trung tâm đầu cũng được khai mở hoàn toàn. Người ta có thể đặt câu hỏi về khẳng định cuối cùng này, vì dường như trung tâm đầu vẫn còn có thể khai mở thêm sau lần điểm đạo thứ tư, xét đến vai trò của nó trong lần điểm đạo thứ năm.

Thâm nghĩa của bốn vòng trong Hoa Sen Chân Ngã, và tám vòng mỗi vòng mười hai cánh trong các **hoa sen dĩ thái trên cõi trí** là vô cùng quan trọng.

97. Huyền bí học chỉ càng lúc càng trở nên sâu xa hơn.

98. Mặc dù chúng ta đang nói về các luân xa trên cõi trí, ở đây có lẽ có một gợi ý liên quan đến sự sắp xếp của 96 cánh phụ trong trung

subsidiary 96 petals in the head center. It appears that they could surround the major twelve petals in eight circles of twelve petals each. Each of the major petals of the heart in the head center would, therefore, be related to eight subsidiary petals, making nine in all (repeated twelve times) 9 x 12 give us the 108—the number of the totality of Kumaras, the 108 Kumaras.

tâm đầu. Có vẻ như chúng có thể bao quanh mười hai cánh chính trong tám vòng, mỗi vòng mười hai cánh. Vì vậy, mỗi cánh chính của trung tâm tim trong đầu sẽ liên hệ với tám cánh phụ, tạo thành tổng cộng chín cánh (lặp lại mười hai lần); 9 x 12 cho chúng ta 108—con số của toàn thể các Kumara, 108 Kumara.

99. It is, perhaps, in this connection that we may analyze the following foregoing puzzling sentence: "Twelve multiplied by eight stands for the twelve petals in each case,..."

99. Có lẽ chính trong mối liên hệ này mà chúng ta có thể phân tích câu khó hiểu trước đó sau đây: "Mười hai nhân với tám tượng trưng cho mười hai cánh trong mỗi trường hợp,...

100. How the 96 are expanded into 960 is not revealed. Perhaps each of the ninety-six petals contains ten subdivisions.

100. Cách 96 được mở rộng thành 960 không được tiết lộ. Có lẽ mỗi một trong chín mươi sáu cánh chứa mười phân bộ.

101. It is clear that within the head center, the 10 and the 12 are united, and thus, in the head center, the human and deva kingdoms are united. This happens upon the monadic plane for which the head center (in its higher meaning) stands.

101. Rõ ràng là trong trung tâm đầu, số 10 và số 12 được hợp nhất, và như thế, trong trung tâm đầu, giới nhân loại và giới thiên thần được hợp nhất. Điều này xảy ra trên cõi chân thần mà trung tâm đầu (theo ý nghĩa cao hơn của nó) tượng trưng.

102. While we can see that the arrangement of the 96 petals in the head center may be hinted here, it is difficult (but necessary) to conceive of eight circles of twelve petals each on the mental plane.

102. Dù chúng ta có thể thấy rằng sự sắp xếp của 96 cánh trong trung tâm đầu có thể được gợi ra ở đây, nhưng thật khó (dù cần thiết) để hình dung tám vòng mỗi vòng mười hai cánh trên cõi trí.

103. Centers upon the mental plane (and no such center is indicated upon the usual charts which reveal the chakras to be found upon the mental plane) may correspond to centers in the head—the 'seven-plus-one' higher head centers, if we include the higher correspondence to the spleen as found within the head.

103. Các trung tâm trên cõi trí (và không có trung tâm nào như thế được chỉ ra trên các biểu đồ thông thường vốn cho thấy các luân xa được tìm thấy trên cõi trí) có thể tương ứng với các trung tâm trong đầu—bảy-cộng-một trung tâm đầu cao hơn, nếu chúng ta bao gồm đối phần cao hơn của lá lách được tìm thấy trong đầu.

104. Now, we know very little about the nature of these eight twelvefold centers which are hinted to exist upon the mental plane. If they are chakras, they have petals. Is it possible that *each* of the higher head centers *has twelve petals* and that the sum of these petals is one hundred eight petals. Certainly we are told very little about the "greater seven".

104. Hiện nay, chúng ta biết rất ít về bản chất của tám trung tâm mười hai phân này vốn được gợi ý là tồn tại trên cõi trí. Nếu chúng là các luân xa, chúng có các cánh hoa. Có thể chăng *mỗi* trung tâm đầu cao hơn *đều có mười hai cánh* và tổng số các cánh ấy là một trăm lẻ tám cánh. Chắc chắn chúng ta được cho biết rất ít về "bảy lớn hơn".

105. We are hypothesizing that such an enumeration could be occurring upon the etheric subplanes in relation to the seven/eight head centers and, on the mental plane, the mental correspondence to these chakras could also exist.

105. Chúng ta đang giả thuyết rằng một sự liệt kê như thế có thể đang diễn ra trên các cõi phụ dĩ thái liên hệ với bảy/tám trung tâm đầu và, trên cõi trí, đối phần trí tuệ của các luân xa này cũng có thể tồn tại.

106. We are told of "etheric lotuses on the mental plane". On which of the four higher metal subplanes (which in relation to that plane are "etheric") could these lotuses be found? Head chakras are *higher* chakras, and if these eight centers on the etheric levels of the mental plane are *higher* correspondences of the *higher* etheric head centers on the systemic etheric-physical, then it is reasonable to hypothesize that these higher chakras would not be found on the fourth ether of the mental plane, but really, on one or more of the three others—all three on the higher mental plane. Could these directing centers on the mental plane be found upon the atomic subplane of the mental plane? The egoic lotus is not found there; only the manasic permanent atom. Such head centers (whether etheric or on the mental plane) have a closer correspondence with willful Vulcan which is related to the atomic subplane level.

106. Chúng ta được nói đến "các hoa sen dĩ thái trên cõi trí". Trên cõi phụ nào trong bốn cõi phụ trí tuệ cao hơn (vốn, xét theo tương quan với cõi ấy, là "dĩ thái") các hoa sen này có thể được tìm thấy? Các luân xa đầu là các luân xa *cao hơn*, và nếu tám trung tâm này trên các cấp độ dĩ thái của cõi trí là các đối phần *cao hơn* của các trung tâm đầu dĩ thái *cao hơn* trên cõi dĩ thái-hồng trần của hệ, thì thật hợp lý khi giả thuyết rằng các luân xa cao hơn này sẽ không được tìm thấy trên dĩ thái thứ tư của cõi trí, mà thực sự trên một hay nhiều trong ba cõi kia—cả ba đều thuộc Cõi thượng trí. Liệu các trung tâm chỉ đạo này trên cõi trí có thể được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của cõi trí chăng? Hoa Sen Chân Ngã không được tìm thấy ở đó; chỉ có nguyên tử trường tồn manas. Những trung tâm đầu như thế (dù là dĩ thái hay trên cõi trí) có một đối phần gần gũi hơn với Vulcan đầy ý chí, vốn liên hệ với cấp độ cõi phụ nguyên tử.

107. If the egoic lotus (with its four circles of petals) is combined with the eight circles of twelve petals each *also,* we hypothesized, on the higher mental plane, we would have yet

107. Nếu Hoa Sen Chân Ngã (với bốn vòng cánh hoa của nó) được kết hợp với tám vòng mỗi vòng mười hai cánh *cũng*, như chúng ta đã giả thuyết, trên Cõi thượng trí, thì chúng

another example of a twelvefoldness upon the mental plane.

ta sẽ có thêm một ví dụ nữa về tính mười hai phân trên cõi trí.

108. If there are 108 petals in the crown center, then adding the 96 petals of the eight mental plane circles of twelve petals each, to the twelve petals of the egoic lotus (all of these on the mental plane), then we would have 108 petals on the mental plane—presumably the *higher* mental plane, thus creating a higher correspondence to the 108 petals to be found in the etheric head center—the crown center.

108. Nếu có 108 cánh trong trung tâm đỉnh đầu, thì khi cộng 96 cánh của tám vòng trên cõi trí, mỗi vòng mười hai cánh, với mười hai cánh của Hoa Sen Chân Ngã (tất cả đều trên cõi trí), chúng ta sẽ có 108 cánh trên cõi trí—hẳn là trên Cõi thượng trí, do đó tạo nên một đối phần cao hơn với 108 cánh được tìm thấy trong trung tâm đầu dĩ thái—trung tâm đỉnh đầu.*cao hơn*

The centres with which man has to deal are necessarily five at this stage **owing to the following facts**, which must be studied if a man desires to awaken his centres according to plan,

Các trung tâm mà con người phải xử lý ở giai đoạn này tất yếu là năm trung tâm **do các sự kiện sau đây**, những sự kiện phải được nghiên cứu nếu một người mong muốn đánh thức các trung tâm của mình theo đúng Thiên Cơ,

109. I.e., in the proper sequence and order.

109. Tức là theo đúng trình tự và thứ tự thích hợp.

110. We recall that, somewhat above, DK said man had to deal with *four* centers—head, heart, throat and base of the spine center.

110. Chúng ta nhớ rằng ở phần trên một chút, Chân sư DK đã nói con người phải xử lý *bốn* trung tâm—trung tâm đầu, tim, cổ họng và đáy cột sống.

111. If, however, the head center is divided into two parts, (the crown and the ajna center) we may have the five of which DK is now speaking.

111. Tuy nhiên, nếu trung tâm đầu được chia thành hai phần, (trung tâm đỉnh đầu và trung tâm ajna) thì chúng ta có thể có năm trung tâm mà Chân sư DK hiện đang nói đến.

and if he wishes safely to follow along the line of the true psychic unfoldment:

và nếu y muốn an toàn bước theo đường lối của sự khai mở thông linh chân chính:

112. The awakening of the centers is a process of psychic unfoldment.

112. Sự đánh thức các trung tâm là một tiến trình khai mở thông linh.

113. The psyche on the higher mental plane is unfolding step by step, pari passu, with

113. Tâm hồn trên Cõi thượng trí đang khai mở từng bước, song hành với sự đánh thức

the awakening of the chakras within the physical ethers and the astral ethers.

114. Several facts are now listed which indicate that the number of chakras with which a man must work are *five*. These facts all stress the importance of the number *five.*

The fact that the energy starts from the fifth plane, the mental, where man is concerned,

115. In one sense, chakric energy starts from the Ego on the higher mental plane, but in another sense from the Monad.

116. At the moment we are considering the relationship between the energy of the egoic lotus and that of the energy centers on three levels—the levels o the personality vehicles.

The fact that it is through the agency of the fifth principle that man can consciously work at his own unfoldment,

117. It is via the mind that man may work at his own unfoldment. It requires the self-conscious and intelligent application of the will via the mind of a human being is take his own spiritual unfoldment into hand.

The fact that the path of evolution is for man a fivefold one, covering the five planes of human unfoldment; and is divided into five stages as regards the Ego,

118. Human unfoldment occurs on the five planes of human *and* super-human evolution. A Master (who has focussed His consciousness on the atmic plane) is still a

các luân xa trong các dĩ thái hồng trần và các dĩ thái cảm dục.

114. Giờ đây một số sự kiện được liệt kê cho thấy rằng số luân xa mà một người phải làm việc cùng là *năm*. Tất cả những sự kiện này đều nhấn mạnh tầm quan trọng của số *năm.*

Sự kiện rằng năng lượng khởi đi từ cõi thứ năm, cõi trí, xét nơi con người,

115. Theo một nghĩa, năng lượng luân xa khởi đi từ Chân ngã trên Cõi thượng trí, nhưng theo một nghĩa khác thì từ chân thần.

116. Hiện tại chúng ta đang xét mối liên hệ giữa năng lượng của Hoa Sen Chân Ngã và năng lượng của các trung tâm năng lượng trên ba cấp độ—các cấp độ của những hiện thể phàm ngã.

Sự kiện rằng chính nhờ tác nhân của nguyên khí thứ năm mà con người có thể làm việc một cách có ý thức cho sự khai mở của chính mình,

117. Chính qua trí tuệ mà con người có thể làm việc cho sự khai mở của mình. Cần có sự vận dụng có ý thức về ngã thức và thông tuệ của ý chí qua trí tuệ của một con người để y tự mình nắm lấy sự khai mở tinh thần của mình.

Sự kiện rằng con đường tiến hoá đối với con người là một con đường ngũ phân, bao trùm năm cõi của sự khai mở nhân loại; và được chia thành năm giai đoạn xét theo Chân ngã,

118. Sự khai mở của con người diễn ra trên năm cõi của tiến hoá nhân loại *và* siêu nhân loại. Một Chân sư (Đấng đã tập trung tâm thức của Ngài trên cõi atma) vẫn là một con

human being. A Chohan of the sixth initiation is not.

người. Một Chohan của lần điểm đạo thứ sáu thì không còn như vậy.

"They are no longer men as are the Masters but having passed beyond that lesser stage, have linked Themselves with the Great Council in the highest." (R&I 21)

"Họ không còn là con người như các Chân sư nữa mà vì đã vượt qua giai đoạn nhỏ bé ấy, đã liên kết Chính Mình với Đại Hội Đồng ở cõi cao nhất." (R&I 21)

119. Can these five stages concern the five divisions of the egoic lotus—the knowledge petals, the love petals, the sacrifice petals, the synthesis petals and the Jewel in the Lotus?

119. Liệu năm giai đoạn này có thể liên quan đến năm phân bộ của Hoa Sen Chân Ngã—các cánh hoa tri thức, các cánh hoa bác ái, các cánh hoa hi sinh, các cánh hoa tổng hợp và Ngọc trong Hoa Sen chăng?

120. Can the fivefold path of evolution concern development on the etheric-physical plane, the astral plane, the mental plane, the buddhic plane, and the atmic plane?

120. Liệu con đường tiến hoá ngũ phân có thể liên quan đến sự phát triển trên cõi dĩ thái-hồng trần, cõi cảm dục, cõi trí, cõi Bồ đề và cõi atma chăng?

The fact that although this is the second solar system from the standpoint of the egoic cycles of the Logos, [Page 861] or His second major egoic cycle, yet it is the fifth when viewed from another angle, that of the lesser cycles.

Sự kiện rằng mặc dù đây là hệ mặt trời thứ hai xét từ quan điểm các chu kỳ chân ngã của Thượng đế, [Page 861] hay chu kỳ chân ngã lớn thứ hai của Ngài, nhưng nó lại là thứ năm khi được nhìn từ một góc độ khác, tức góc độ của các chu kỳ nhỏ hơn.

121. This is a point which has been frequently emphasized in these commentaries. It may be thought that, in the evolution of the Solar Logos, there is a correspondence to the Lemurian, Atlantean, Early Aryan, Middle Aryan and Later Aryan stages of consciousness. Our present solar system (the second *major* solar system, during which our Solar Logos is in His "second major egoic cycle") can be considered a correspondence to the Later Aryan phase of development.

121. Đây là một điểm đã được nhấn mạnh thường xuyên trong các phần bình giải này. Người ta có thể nghĩ rằng, trong sự tiến hoá của Thái dương Thượng đế, có một đối phần với các giai đoạn tâm thức Lemuria, Atlantis, Arya sơ kỳ, Arya trung kỳ và Arya hậu kỳ. Hệ mặt trời hiện tại của chúng ta (hệ mặt trời *lớn* thứ hai, trong đó Thái dương Thượng đế của chúng ta đang ở trong "chu kỳ chân ngã lớn thứ hai" của Ngài) có thể được xem là một đối phần với giai đoạn phát triển Arya hậu kỳ.

122. "Lesser cycles", from this point of view, are *also* solar systems.

122. "Các chu kỳ nhỏ hơn", xét từ quan điểm này, *cũng* là các hệ mặt trời.

123. We may consider the previous solar system as the system in which the intelligent *personality* of the Solar Logos was developed. That solar system should then be considered as representing the *first* major egoic cycle of the Solar Logos. The development of the human personality is an egoic achievement.

123. Chúng ta có thể xem hệ mặt trời trước đây là hệ trong đó phàm ngã thông tuệ của Thái dương Thượng đế đã được phát triển. Khi ấy hệ mặt trời đó nên được xem là *phàm ngã* của Thái dương Thượng đế. Hệ mặt trời ấy khi đó nên được xem là tượng trưng cho chu kỳ chân ngã lớn *thứ nhất* của Thái dương Thượng đế. Sự phát triển của phàm ngã con người là một thành tựu của chân ngã.

It corresponds to the fifth period in human evolution, that in which man treads the Path.

Nó tương ứng với giai đoạn thứ năm trong tiến hoá của con người, giai đoạn mà con người bước trên Con Đường.

124. From this perspective, the five major stages of human evolution are those in which the following aspects of the human being are sequentially developed: the etheric-physical body, the astral body, the lower mental body, the personality and finally, the Ego.

124. Từ góc nhìn này, năm giai đoạn lớn của tiến hoá con người là những giai đoạn trong đó các phương diện sau của con người lần lượt được phát triển: thể dĩ thái-hồng trần, thể cảm dục, thể hạ trí, phàm ngã và cuối cùng là Chân ngã.

125. A man treads the Path when he is cultivating soul expression in the three worlds.

125. Một người bước trên Con Đường khi y đang vun bồi sự biểu lộ của linh hồn trong ba cõi giới.

The Logos is now treading the cosmic Path.

Thượng đế hiện đang bước trên Con Đường vũ trụ.

126. As our Logos is an initiate of the second degree (cosmically considered) He is, of course, treading the Path. The third cosmic initiation is His goal.

126. Vì Thượng đế của chúng ta là một điểm đạo đồ bậc hai (xét theo vũ trụ), nên dĩ nhiên Ngài đang bước trên Con Đường. Mục tiêu của Ngài là lần điểm đạo vũ trụ thứ ba.

The fact that the fifth spirilla is in process of awakening.

Sự kiện rằng loa tuyến thứ năm đang trong tiến trình được đánh thức.

127. The awakening of five spirillae in man correspond to the fact that he is to work principally through five chakras.

127. Sự đánh thức năm loa tuyến nơi con người tương ứng với sự kiện rằng y phải làm việc chủ yếu qua năm luân xa.

This has to be effected before the interplay of energy between the egoic lotus and the etheric centres becomes so powerful as to awaken man's physical brain, and cause him to become aware of the inner currents.

128. We have an important piece of occult information. The process of awakening the fifth spirilla makes it possible for soul currents to be registered in the physical brain. Before that time, he cannot be conscious of soul energy within his normal consciousness.

129. Before a man awakens in his physical brain to the inner currents there *is* interplay of energy between the egoic lotus and the etheric centers, *but* it is not of sufficient intensity to awaken physical brain recognition of this interplay.

This takes place usually when the fifth petal [love love] is organised.

130. The fifth petal is *fully* opened at the first initiation, but, apparently, the awakening of the fifth spirilla occurs somewhat before that time. It is as a man begins to tread the Path of Probation that we may find the fifth petal organized, and maybe the sixth as well.

131. We should be very careful to differentiate between the stages of petal *unfoldment* and petal *organization*. The organization of the fifth petal occurs before its unfoldment and it is only as the fifth petal is fully unfolded that a man is an initiate of the first degree.

Điều này phải được thực hiện trước khi sự tương tác năng lượng giữa Hoa Sen Chân Ngã và các trung tâm dĩ thái trở nên mạnh mẽ đến mức đánh thức bộ não hồng trần của con người, và khiến y nhận biết được các dòng chảy bên trong.

128. Chúng ta có một mẩu thông tin huyền bí quan trọng. Tiến trình đánh thức loa tuyến thứ năm khiến cho các dòng chảy của linh hồn có thể được ghi nhận trong bộ não hồng trần. Trước thời điểm đó, y không thể có ý thức về năng lượng linh hồn trong tâm thức thông thường của mình.

129. Trước khi một người thức tỉnh trong bộ não hồng trần của mình đối với các dòng chảy bên trong, vẫn *có* sự tương tác năng lượng giữa Hoa Sen Chân Ngã và các trung tâm dĩ thái, *nhưng* nó không đủ cường độ để đánh thức sự nhận biết của bộ não hồng trần về sự tương tác này.

Điều này thường xảy ra khi cánh hoa thứ năm [love love] được tổ chức.

130. Cánh hoa thứ năm được mở ra *hoàn toàn* ở lần điểm đạo thứ nhất, nhưng dường như sự đánh thức loa tuyến thứ năm xảy ra sớm hơn đôi chút. Chính khi một người bắt đầu bước trên Con Đường Dự Bị mà chúng ta có thể thấy cánh hoa thứ năm được tổ chức, và có lẽ cả cánh thứ sáu nữa.

131. Chúng ta phải hết sức cẩn trọng để phân biệt giữa các giai đoạn *khai mở* cánh hoa và *tổ chức* cánh hoa. Sự tổ chức của cánh hoa thứ năm xảy ra trước sự khai mở của nó, và chỉ khi cánh hoa thứ năm được khai mở hoàn toàn thì một người mới là một điểm đạo đồ bậc một.

132. The organization of the fifth petal occurs upon the Path of Probation, which obviously, from this account, begins before the first initiation is taken.

132. Sự tổ chức của cánh hoa thứ năm xảy ra trên Con Đường Dự Bị, điều này hiển nhiên, theo tường thuật này, bắt đầu trước khi lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận.

This whole question can also be viewed in a larger manner from the standpoint of the five Kumaras.

Toàn bộ vấn đề này cũng có thể được nhìn theo một cách rộng lớn hơn từ quan điểm của năm Kumara.

133. Here it appears that we are speaking of the *intra*-planetary Kumaras, such as Sanat Kumara and the three Buddhas of Activity.

133. Ở đây dường như chúng ta đang nói về các Kumara *nội* hành tinh, như Đức Sanat Kumara và ba Đức Phật Hoạt Động.

It must be remembered that the aggregate of the etheric centres of any particular group of men form the force centres or minute "energy units" in the larger petals of their group centre.

Phải nhớ rằng tổng thể các trung tâm dĩ thái của bất kỳ nhóm người đặc thù nào tạo thành các trung tâm lực hay những "đơn vị năng lượng" nhỏ bé trong các cánh hoa lớn hơn của trung tâm nhóm của họ.

134. Structurally, how are these minute "energy units" related to these large petals? We know there are points of devic life within the petals of the egoic lotus. Perhaps we can consider an analogy. These aggregates of etheric centers of a particular group of men are as the points of devic life when compared to the "larger petals of their group centre".

134. Về mặt cấu trúc, những "đơn vị năng lượng" nhỏ bé này liên hệ thế nào với những cánh hoa lớn ấy? Chúng ta biết có những điểm sự sống thiên thần trong các cánh hoa của Hoa Sen Chân Ngã. Có lẽ chúng ta có thể xét một phép tương đồng. Những tổng thể các trung tâm dĩ thái của một nhóm người đặc thù này giống như các điểm sự sống thiên thần khi so với "những cánh hoa lớn hơn của trung tâm nhóm của họ".

135. It appears that we have to have a vision of centers within still larger centers; petals within still greater petals; lotuses within still greater lotuses.

135. Dường như chúng ta phải có một linh ảnh về các trung tâm bên trong những trung tâm còn lớn hơn nữa; các cánh hoa bên trong những cánh hoa còn lớn hơn nữa; các hoa sen bên trong những hoa sen còn lớn hơn nữa.

These again form petals in some particular planetary centre, and the aggregate of these petals form those larger centres of energy which we call "planetary centres." These in

Đến lượt chúng, những cánh hoa này lại tạo thành các cánh hoa trong một trung tâm hành tinh đặc thù nào đó, và tổng thể các cánh hoa này tạo thành những trung tâm năng lượng lớn hơn mà chúng ta gọi là "các trung tâm hành tinh". Đến lượt chúng,

their turn form centres of force for the Logos.

những trung tâm này tạo thành các trung tâm lực cho Thượng đế.

136. For clarity let us tabulate. We note that we do not begin with the *individual* but only with a "particular group of men".

136. Để rõ ràng, chúng ta hãy lập bảng. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta không bắt đầu với *cá nhân* mà chỉ với một "nhóm người đặc thù".

a. The aggregate of the etheric centres of any particular group of men form the force centres or minute "energy units" in the larger petals of their group centre

a. Tổng thể các trung tâm dĩ thái của bất kỳ nhóm người đặc thù nào tạo thành các trung tâm lực hay những "đơn vị năng lượng" nhỏ bé trong các cánh hoa lớn hơn của trung tâm nhóm của họ

b. The larger petals of this group center form petals in some particular planetary centre

b. Những cánh hoa lớn hơn của trung tâm nhóm này tạo thành các cánh hoa trong một trung tâm hành tinh đặc thù nào đó

c. The petals in some planetary center in their aggregate form those larger centres of energy we call "planetary centres". It seems as if the "planetary centres" are greater in scope than the type of "planetary centre" discussed immediately before (in point "c.")

c. Các cánh hoa trong một trung tâm hành tinh nào đó, trong hình thức tổng hợp của chúng, tạo thành những trung tâm năng lượng lớn hơn mà chúng ta gọi là "các trung tâm hành tinh". Có vẻ như "các trung tâm hành tinh" có phạm vi lớn hơn loại "trung tâm hành tinh" được bàn đến ngay trước đó (ở điểm "c.")

d. These "planetary centres" form centers of force for the Logos.

d. Những "trung tâm hành tinh" này tạo thành các trung tâm mãnh lực cho Thượng đế.

Yet the mystery in connection with this is so profound that unless the student carefully guards himself from too mathematical and material a concept, he will go astray.

Tuy nhiên, huyền nhiệm liên quan đến điều này sâu xa đến mức nếu đạo sinh không cẩn thận tự giữ mình khỏi một quan niệm quá toán học và vật chất, y sẽ lạc lối.

137. It is here that the intuition is required. One cannot successfully depict these interrelationships along strictly mathematical lines nor arrange them in patterns familiar to the concrete mind.

137. Chính ở đây trực giác là điều cần thiết. Người ta không thể mô tả thành công những tương quan liên hệ này theo những đường lối toán học nghiêm ngặt, cũng không thể sắp xếp chúng thành những mô hình quen thuộc với trí cụ thể.

The etheric centres of man are not on the same plane as the etheric centres of a planetary Logos.

138. This is clear. The systemic ethers are involve in the first case and the cosmic ethers in the second.

His centres

139. And, by analogy, not *all* of them…

are on the plane of the fourth cosmic ether, the systemic buddhic plane, and it is only when man has taken the final initiation that his energy becomes incorporated into that of the planetary centre on its own plane.

140. Is the "final initiation" the fourth? If so, at that time, the buddhic plane would become accessible to the initiate. It would seem that man could definitely be incorporated into a kind of planetary center at that time.

141. But something more may perhaps be implied. Human *Monads* are incorporated into the planetary centers of a Planetary Logos, and Monads are found upon the second cosmic subplane—the monadic (not on the buddhic plane).

142. There are planetary centers on the monadic plane (analogize from Chart Vehicle, TCF 344) and they are, it would seem, prototypical to the centers found upon the systemic buddhic plane.

Các trung tâm dĩ thái của con người không ở trên cùng một cõi với các trung tâm dĩ thái của một Hành Tinh Thượng Đế.

138. Điều này rõ ràng. Trong trường hợp thứ nhất là các dĩ thái hệ thống được bao hàm, còn trong trường hợp thứ hai là các dĩ thái vũ trụ.

Các trung tâm của Ngài

139. Và, theo phép loại suy, không phải *tất cả* trong số chúng…

đều ở trên cõi của dĩ thái vũ trụ thứ tư, tức cõi Bồ đề hệ thống, và chỉ khi nào con người đã trải qua lần điểm đạo cuối cùng thì năng lượng của y mới được hợp nhất vào năng lượng của trung tâm hành tinh trên chính cõi của nó.

140. "Lần điểm đạo cuối cùng" có phải là lần thứ tư không? Nếu vậy, vào lúc đó cõi Bồ đề sẽ trở nên khả tiếp cận đối với điểm đạo đồ. Có vẻ như khi ấy con người chắc chắn có thể được hợp nhất vào một loại trung tâm hành tinh nào đó.

141. Nhưng có lẽ còn một điều gì hơn nữa được hàm ý. Các *Chân thần* nhân loại được hợp nhất vào các trung tâm hành tinh của một Chân Linh Hành Tinh, và các chân thần được tìm thấy trên cõi phụ vũ trụ thứ hai—cõi chân thần (không phải trên cõi Bồ đề).

142. Có những trung tâm hành tinh trên cõi chân thần (suy theo Biểu đồ Vận cụ, TCF 344) và dường như chúng là nguyên mẫu của các trung tâm được tìm thấy trên cõi Bồ đề hệ thống.

143. In this case, the "final initiation" mentioned above could be considered the *sixth* at which point the man becomes a Chohan.

143. Trong trường hợp này, "lần điểm đạo cuối cùng" được nhắc đến ở trên có thể được xem là lần thứ *sáu*, tại đó con người trở thành một Chohan.

144. DK seems to be telling us that when considering the incorporation of lesser centers into greater ones, it is necessary to factor in changes of plane.

144. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng khi xét đến việc hợp nhất các trung tâm nhỏ hơn vào các trung tâm lớn hơn, cần phải tính đến những thay đổi về cõi.

145. The members of the atomic triangle, for instance, are not on the same plane as the causal body and yet they are incorporated within it.

145. Chẳng hạn, các thành viên của tam giác nguyên tử không ở trên cùng một cõi với thể nguyên nhân, thế nhưng chúng vẫn được hợp nhất bên trong nó.

The etheric centres of the planetary Logos are transmitters and transmuters of force, and bear the same relation to Him as do the physical centres to a human being.

Các trung tâm dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế là những bộ truyền dẫn và chuyển hoá mãnh lực, và có cùng mối liên hệ với Ngài như các trung tâm thể xác đối với một con người.

146. When DK speaks of the physical centers of a human being, He does not seem to be indicating the etheric centers.

146. Khi Chân sư DK nói về các trung tâm thể xác của một con người, Ngài dường như không muốn chỉ các trung tâm dĩ thái.

All the dense physical centres, such as the mouth, for instance, [Page 862] are transmitters of some type of energy arising in the human brain or will.

Tất cả các trung tâm hồng trần đậm đặc, chẳng hạn như miệng, [Page 862] đều là những bộ truyềndẫn của một loại năng lượng nào đó phát sinh trong bộ não hay ý chí của con người.

147. DK is speaking of the origin of the physical organs of man.

147. Chân sư DK đang nói về nguồn gốc của các cơ quan thể xác của con người.

148. It would seem that the etheric centers of a Planetary Logos are to Him as the strictly physical centers of a human being are to that human being.

148. Có vẻ như các trung tâm dĩ thái của một Hành Tinh Thượng Đế đối với Ngài cũng giống như các trung tâm thuần túy thể xác của một con người đối với chính con người ấy.

149. There is, of course, an analogy between a human being and a Planetary Logos, but the Planetary Logos, on His own level, is, it would seem, further developed than the average man on his level.

149. Dĩ nhiên có một phép loại suy giữa con người và một Hành Tinh Thượng Đế, nhưng Hành Tinh Thượng Đế, trên cấp độ riêng của Ngài, dường như phát triển hơn con người trung bình trên cấp độ của y.

The understanding of force, of force transmission, and of the effects of liberated force upon the higher planes is the secret of occult knowledge. **Force or energy** flows in from the Ego.

Sự thấu hiểu về mãnh lực, về sự truyền dẫn mãnh lực, và về các hiệu quả của mãnh lực được giải phóng trên các cõi cao hơn là bí mật của tri thức huyền bí. **Mãnh lực hay năng lượng** tuôn vào từ chân ngã.

150. Here it is evident that DK is not differentiating very strictly between force and energy. They *both* flow in from the Ego.

150. Ở đây rõ ràng là Chân sư DK không phân biệt quá nghiêm ngặt giữa mãnh lực và năng lượng. Cả *hai* đều tuôn vào từ chân ngã.

151. Occultism is very much the study of energy and force and the transmission of energy and force *on* various planes and *to* various planes.

151. Huyền bí học phần lớn là sự nghiên cứu năng lượng và mãnh lực, cùng sự truyền dẫn năng lượng và mãnh lực *trên* nhiều cõi khác nhau và *đến* nhiều cõi khác nhau.

It works through the etheric centres and produces results on the three planes, varying according to the age of the soul.

Nó hoạt động qua các trung tâm dĩ thái và tạo ra kết quả trên ba cõi, thay đổi tùy theo tuổi của linh hồn.

152. Here the obvious is stated. Force or energy from the Ego affects the planes in the three lower worlds, and the effect varies with the age of the soul—the greater the age of the soul the greater the impact.

152. Ở đây điều hiển nhiên được nêu ra. Mãnh lực hay năng lượng từ chân ngã tác động đến các cõi trong ba cõi thấp, và hiệu quả thay đổi theo tuổi của linh hồn—tuổi của linh hồn càng lớn thì tác động càng mạnh.

As yet, through lack of alignment, this egoic force does not reach the physical brain as fully as it later will, **but it does reach the astral centres, and is frequently the cause of much of that lack of emotional control everywhere to be seen**.

Hiện nay, do thiếu sự chỉnh hợp, mãnh lực chân ngã này chưa đạt đến bộ não thể xác đầy đủ như về sau nó sẽ đạt đến, **nhưng nó quả thật đạt đến các trung tâm cảm dục, và thường là nguyên nhân của phần lớn tình trạng thiếu kiểm soát cảmxúc có thể thấy ở khắp nơi**.

153. This is interesting. Egoic force impacting the astral centers causing

153. Điều này thật thú vị. Mãnh lực chân ngã tác động lên các trung tâm cảm dục gây ra

disturbance and lack of emotional control! The cause of the disturbance remains unknown because that force does not reach the brain.

xáo trộn và thiếu kiểm soát cảm xúc! Nguyên nhân của sự xáo trộn vẫn không được biết đến vì mãnh lực ấy không đạt đến bộ não.

The astral substance is as yet insufficiently organised, and when aroused by egoic energy moves violently.

Chất liệu cảm dục hiện vẫn chưa được tổ chức đầy đủ, và khi được năng lượng chân ngã khơi dậy thì chuyển động dữ dội.

154. It appears that correct organization with a vehicle leads to better assimilation by that vehicle. Therefore the organization of the astral body is indispensable.

154. Có vẻ như sự tổ chức đúng đắn của một vận cụ dẫn đến sự đồng hoá tốt hơn của vận cụ ấy. Vì vậy, việc tổ chức thể cảm dục là điều không thể thiếu.

155. This type of arousal seems to occur independently of the ray type of the Ego, but one can imagine that the impact of first, fourth and sixth ray egoic energy would have a more disturbing impact on the astral body.

155. Loại khơi dậy này dường như xảy ra độc lập với loại cung của chân ngã, nhưng người ta có thể hình dung rằng tác động của năng lượng chân ngã cung một, cung bốn và cung sáu sẽ gây ảnh hưởng xáo trộn hơn lên thể cảm dục.

Astral substance is played upon by two counter streams of force: first, the egoic, and secondly, that vibration set up through countless ages on the physical plane,

Chất liệu cảm dục chịu tác động của hai dòng mãnh lực đối nghịch: thứ nhất là dòng chân ngã, và thứ hai là rung động được thiết lập qua vôsố thời đại trên cõi hồng trần,

156. It is of interest to note that vibrations set up on the physical plane affect the astral vehicle. Perhaps this is also true of vibrations set up in the mind.

156. Điều đáng chú ý là những rung động được thiết lập trên cõi hồng trần lại ảnh hưởng đến vận cụ cảm dục. Có lẽ điều này cũng đúng với những rung động được thiết lập trong trí tuệ.

157. We are dealing with what may be called “cross currents”, and such always cause disturbance.

157. Chúng ta đang bàn đến điều có thể gọi là những “dòng chảy giao cắt”, và những điều như thế luôn gây xáo trộn.

which is latent in substance itself, and is the result of an earlier solar system.

vốn tiềm ẩn trong chính chất liệu, và là kết quả của một hệ mặt trời trước đây.

158. What we learn is that within the astral body there is a conflict of forces representing the second and the previous solar system.

158. Điều chúng ta học được là bên trong thể cảm dục có một sự xung đột của các mãnh

lực đại diện cho hệ mặt trời thứ hai và hệ mặt trời trước đó.

This it is which produces the violent action and reaction to be seen in every life.

Chính điều này tạo ra hànhđộng và phản động dữ dội có thể thấy trong mọi cuộc đời.

159. We have a very interesting description of the origin of emotional violence. The contest between egoic and substantial energy (in this case, energy from the previous solar system) is to blame

159. Chúng ta có một mô tả rất thú vị về nguồn gốc của bạo lực cảm xúc. Cuộc tranh chấp giữa năng lượng chân ngã và năng lượng của chất liệu (trong trường hợp này là năng lượng từ hệ mặt trời trước) là nguyên nhân.

It is not possible to give more data concerning the unfoldment of the petals and their connection with the etheric centres.

Không thể cung cấp thêm dữ kiện nào về sự khai mở của các cánh hoa và mối liên hệ của chúng với các trung tâm dĩ thái.

160. Yet, much has been given if we could only piece it together.

160. Tuy vậy, nhiều điều đã được ban cho nếu chúng ta chỉ có thể ghép nối chúng lại với nhau.

TCF 863-867: S7S10 Part III

1 – 17 August 2008

1 – 17 tháng Tám 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Giải**

Three hints of practical import anent this stupendous subject may however be given

Tuy nhiên, có thể đưa ra ba gợi ý có tầm quan trọng thực tiễn liên quan đến chủ đề kỳ vĩ này mà, nếu được suy ngẫm đúng

which, if duly pondered upon, may carry illumination to those who are ready.

1. Here we enter upon some quite esoteric material deserving careful pondering.

The first is that the etheric centres become active in a fourth dimensional sense (or become wheels turning upon themselves) when the **aspirant** has complied with certain details.

2. We must gather the other information given on fourth dimensional activity. One point of importance is that before the first three initiations, the etheric, astral and mental centers, respectively, become active in a fourth dimensional manner—the etheric centers (at least some of them) before the first initiation; the astral centers (at least some of them) before the second initiation; and the mental centers (at least some of them) before the third initiation.

Before initiation, all the centres will be rotating in **fourth-dimensional** order, but after initiation they become flaming wheels, and—seen clairvoyantly—are of rare beauty, The fire of Kundalini is then awakened and is progressing in the necessary spirals. **At the second initiation the emotional centres are similarly awakened, and at the third initiation those on the mental plane are touched.** The initiate can then stand in the Presence of the Great King, the One Initiator. (LOM 75)

He must work upon the unfoldment of the fifth and sixth petals, or the final two in the second circle and must endeavour to bring

mức, có thể mang lại sự soi sáng cho những ai đã sẵn sàng.

1. Ở đây chúng ta bước vào một số chất liệu khá huyền bí, xứng đáng được suy ngẫm cẩn trọng.

Gợi ý thứ nhất là các trung tâm dĩ thái trở nên hoạt động theo ý nghĩa chiều thứ tư (hay trở thành những bánh xe tự xoay quanh chính mình) khi **người chí nguyện** đã tuân thủ một số chi tiết nhất định.

2. Chúng ta phải tập hợp những thông tin khác đã được đưa ra về hoạt động chiều thứ tư. Một điểm quan trọng là trước ba lần điểm đạo đầu tiên, các trung tâm dĩ thái, cảm dục và trí tuệ lần lượt trở nên hoạt động theo cách thức chiều thứ tư—các trung tâm dĩ thái (ít nhất là một số trong chúng) trước lần điểm đạo thứ nhất; các trung tâm cảm dục (ít nhất là một số trong chúng) trước lần điểm đạo thứ hai; và các trung tâm trí tuệ (ít nhất là một số trong chúng) trước lần điểm đạo thứ ba.

Trước điểm đạo, tất cả các trung tâm sẽ quay theo trật tự **chiều thứ tư**, nhưng sau điểm đạo chúng trở thành những bánh xe rực lửa, và—được thấy bằng thông nhãn—có vẻ đẹp hiếm có. Lửa Kundalini khi ấy được đánh thức và đang tiến triển theo những vòng xoắn cần thiết. **Đến lần điểm đạo thứ hai, các trung tâm cảm xúc cũng được đánh thức tương tự, và đến lần điểm đạo thứ ba thì những trung tâm trên cõi trí được chạm đến.** Khi ấy điểm đạo đồ có thể đứng trong Hiện Diện của Đại Vương, Đấng Điểm đạo Duy Nhất. (LOM 75)

Y phải làm việc để khai mở cánh hoa thứ năm và thứ sáu, tức hai cánh cuối cùng trong vòng thứ hai và phải cố gắng mang lại

about two things in connection with his threefold lower nature:

hai điều liên quan đến bản chất thấp tam phân của mình:

3. This will mean that he must work at *organizing* these petals. He cannot, himself, *unfold* the petals, but they will unfold if he works, strenuously within the field of activity encompassed by the petals indicated.

3. Điều này có nghĩa là y phải làm việc để *tổ chức* các cánh hoa này. Chính y không thể *khai mở* các cánh hoa, nhưng chúng sẽ khai mở nếu y nỗ lực mạnh mẽ trong phạm vi hoạt động được bao hàm bởi các cánh hoa đã nêu.

4. We note that we are speaking of the "aspirant". If the individual concerned is working at the *unfoldment* of the fifth and sixth petals, the developmental phase indicated is definitely *before* the first initiation, because at the first initiation the fifth petal is completely unfolded.

4. Chúng ta lưu ý rằng ở đây đang nói về "người chí nguyện". Nếu cá nhân liên hệ đang làm việc để *khai mở* cánh hoa thứ năm và thứ sáu, thì giai đoạn phát triển được chỉ ra chắc chắn là *trước* lần điểm đạo thứ nhất, bởi vì ở lần điểm đạo thứ nhất cánh hoa thứ năm được khai mở hoàn toàn.

(2) The period between egoic Cycles. Herein is hid the mystery of the 777 incarnations and concerns the relation of the unit to his group on the egoic plane, prior to the unfoldment of the fifth petal. It concerns man in the period between the savage stage and that of the disciple, when he is an average man but still in the two Halls. (TCF 738)

(2) Giai đoạn giữa các Chu Kỳ chân ngã. Chính trong đây ẩn giấu huyền nhiệm của 777 lần nhập thể và liên quan đến mối tương quan của đơn vị với nhóm của y trên cõi chân ngã, trước khi cánh hoa thứ năm khai mở. Điều này liên quan đến con người trong giai đoạn giữa tình trạng man dã và tình trạng đệ tử, khi y là một người trung bình nhưng vẫn còn ở trong hai Phòng. (TCF 738)

On the buddhic plane, when flashing forth at initiation, this number signifies the full development of the fifth principle or quality, the completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan, and the assimilation of all that is to be learned upon them, and the attainment—not only of full self-consciousness, but also of the consciousness of the group wherein a man is found. It infers the full unfoldment of five of the egoic petals, leaving four to open before the final initiation. (TCF 696)

Trên cõi Bồ đề, khi lóe sáng ra vào lúc điểm đạo, con số này biểu thị sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm, chu kỳ hoàn tất của chân ngã trên năm cung dưới quyền Đức Mahachohan, và sự đồng hoá tất cả những gì phải học trên các cung ấy, cùng sự đạt được—không chỉ ngã thức trọn vẹn, mà còn cả tâm thức của nhóm trong đó con người được tìm thấy. Nó hàm ý sự khai mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã, để lại bốn cánh sẽ mở ra trước lần điểm đạo cuối cùng. (TCF 696)

[Page 863]

[Page 863]

a. He must align his three bodies so that there is a direct channel of contact formed between the Ego and the physical brain.

a. Y phải chỉnh hợp ba thể của mình để một kênh tiếp xúc trực tiếp được hình thành giữa chân ngã và bộ não thể xác.

5. The usual disciplines of occult meditation will be required. This is something the aspirant *must* do.

5. Những kỷ luật thông thường của tham thiền huyền bí sẽ là cần thiết. Đây là điều mà người chí nguyện *phải* làm.

b. He must strive to bring about a stabilisation of both the astral body and the mind, and must aim at that emotional equilibrium which is produced by the conscious "balancing of forces."

b. Y phải cố gắng mang lại sự ổn định cho cả thể cảm dục lẫn trí tuệ, và phải nhắm đến sự quân bình cảm xúc được tạo ra bởi sự "cân bằng các mãnh lực" một cách hữu thức.

6. This will require the energy of the sign Libra. Some of this kind of activity is accomplished utilizing the potencies of the fourth petal which is correlated to some extent with Libra.

6. Điều này sẽ đòi hỏi năng lượng của dấu hiệu hoàng đạo Thiên Bình. Một phần hoạt động thuộc loại này được hoàn thành bằng cách sử dụng các tiềm lực của cánh hoa thứ tư, vốn có tương quan ở một mức độ nào đó với Thiên Bình.

7. The disciplines of raja yoga will be required in the induction of the necessary stabilization.

7. Những kỷ luật của raja yoga sẽ cần thiết để tạo ra sự ổn định cần thiết ấy.

He must study the laws of transmutation and be a student of that divine alchemy which will result in a knowledge of how to transmute the lower force into the higher,

Y phải nghiên cứu các định luật chuyển hoá và là một đạo sinh của thuật luyện kim thiêng liêng, điều sẽ dẫn đến tri thức về cách chuyểnhoá mãnh lực thấp thành mãnh lực cao,

8. Here the fulfillment of the thirteenth Rule for Applicants will be useful.

8. Ở đây, việc hoàn thành Quy luật thứ mười ba dành cho Người Thỉnh Cầu sẽ hữu ích.

Four things the disciple must learn and comprehend before he can be shewn that inmost mystery: first, the laws of that which radiates; the five meanings of magnetisation make the second; **the third is transmutation, or the secret lost of alchemy;** and lastly the first letter of the

Có bốn điều mà đệ tử phải học và thấu hiểu trước khi y có thể được chỉ cho huyền nhiệm thâm sâu nhất ấy: thứ nhất, các định luật của cái phát xạ; năm ý nghĩa của từ điện hoá tạo thành điều thứ hai; **điều thứ ba là sự chuyển hoá, hay bí mật đã mất của thuật luyện kim;** và sau cùng là chữ cái đầu tiên

Word which has been imparted, or the hidden name egoic. (IHS 207)

9. Utilization of the seventh ray and of the potencies of the planet Uranus will also be necessary.

of how to transfer his consciousness into the higher vehicles, and of how to manipulate energy currents so that his own nature is transformed.

10. Let us tabulate:

a. The aspirant must study the laws of transmutation

b. He must become a student of divine alchemy

c. He must learn how to transfer his consciousness into higher vehicles

d. He must learn how to manipulate energy currents so that his own nature is transformed

He will then become a channel for the light of the Ego, and for the illumination of buddhi to pour through for the saving of the race,

11. If the aspirant becomes a channel for the light of the Ego, the illumination of buddhi will *automatically* pour it, because the Solar Angels which substand and inform the Ego are rooted in buddhi.

This is why the Sons of Wisdom, embodying the buddhic principle, the life force, or love aspect, are nevertheless known on the fifth

của Linh từ đã được truyền đạt, hay danh xưng chân ngã ẩn kín. (IHS 207)

9. Việc sử dụng cung bảy và các tiềm lực của hành tinh Sao Thiên Vương cũng sẽ là cần thiết.

về cách chuyển dịch tâmthức của mình vào các vận cụ cao hơn, và về cách điều khiển các dòng năng lượng để bản chất riêng của mình được chuyển đổi.

10. Chúng ta hãy lập bảng:

a. Người chí nguyện phải nghiên cứu các định luật chuyển hoá

b. Y phải trở thành một đạo sinh của thuật luyện kim thiêng liêng

c. Y phải học cách chuyển dịch tâm thức của mình vào các vận cụ cao hơn

d. Y phải học cách điều khiển các dòng năng lượng để bản chất riêng của mình được chuyển đổi

Khi ấy y sẽ trở thành một kênh cho ánh sáng của chân ngã, và cho sự soiáng của Bồ đề tuôn qua để cứu rỗi nhân loại,

11. Nếu người chí nguyện trở thành một kênh cho ánh sáng của chân ngã, thì sự soi sáng của Bồ đề sẽ *tự động* tuôn qua, bởi vì các Thái dương Thiên Thần làm nền và thấm nhuần chân ngã đều bén rễ trong Bồ đề.

Đây là lý do vì sao các Con của Minh Triết, hiện thân nguyên khí Bồ đề, mãnh lực sự sống, hay phương diện bác ái, tuy vậy vẫn

plane as the self-conscious principles; (TCF 684)

được biết đến trên cõi thứ năm như những nguyên khí tự ý thức; (TCF 684)

and the lighting of those who stumble in dark places.

và soi sáng cho những ai đang vấp ngã trong những nơi tối tăm.

12. This is graphic and shows us the value of throwing light upon the Path—our own Path and that of others. Unless this occurs the "blind" will lead the blind and they both will fall into a ditch.

12. Điều này thật sinh động và cho chúng ta thấy giá trị của việc rọi ánh sáng lên Con Đường—Con Đường của chính chúng ta và của người khác. Nếu điều này không xảy ra thì "người mù" sẽ dẫn người mù và cả hai sẽ cùng rơi xuống hố.

He must demonstrate the laws of radioactivity in his own life on the physical plane.

Y phải biểu lộ các định luật của tính phóng xạ trong chính đời sống của mình trên cõi hồngtrần.

13. He must learn the "laws of that which radiates". Minimally, the soul must radiate through his form, increasingly.

13. Y phải học "các định luật của cái phát xạ". Tối thiểu, linh hồn phải ngày càng bức xạ qua hình tướng của y.

His life must begin to radiate, and to have a magnetic effect upon others.

Đời sống của y phải bắt đầu bức xạ, và có một hiệu quả từ tính lên người khác.

14. The right kind of radiation produces magnetism. The two go together as we learn even from an exoteric study of electricity.

14. Loại bức xạ đúng đắn tạo ra từ điện. Hai điều này đi cùng nhau như chúng ta học được ngay cả từ việc nghiên cứu điện học ngoại môn.

By this I mean he will begin to influence that which is imprisoned in others, **for he will reach—through his own powerful vibrations—the hidden centre in each one.**

Bởi điều này tôi muốn nói rằng y sẽ bắt đầu ảnh hưởng đến điều đang bị giam hãm trong người khác, **vì y sẽ chạm tới—qua những rung động mạnh mẽ của chính mình—trung tâm ẩn kín trong mỗi người.**

15. The radiant aspirant will not stimulate directly the personality of others, but will touch their souls. Through him the inner spiritual life of others will be released. This may cause personality disturbance in the life of those he reaches, but such disturbance

15. Người chí nguyện bức xạ sẽ không kích thích trực tiếp phàm ngã của người khác, mà sẽ chạm đến linh hồn của họ. Qua y, đời sống tinh thần nội tại của người khác sẽ được giải phóng. Điều này có thể gây ra xáo trộn phàm ngã trong đời sống của những người mà y chạm đến, nhưng sự xáo trộn ấy sẽ là một

will be a secondary effect of a stimulation of their spiritual center.

hiệu quả thứ yếu của sự kích thích trung tâm tinh thần của họ.

16. Note in the three injunctions following, that the personal nature is *never* stimulated:

16. Hãy lưu ý rằng trong ba huấn lệnh tiếp theo, bản chất cá nhân *không bao giờ* được kích thích:

Rule I. Enter thy brother's heart and see his woe. Then speak. Let the words spoken convey to him the potent force he needs to loose his chains. Yet loose them not thyself. Thine is the work to speak with understanding. The force received by him will aid him in his work.

Quy luật I. Hãy đi vào trái tim huynh đệ của con và thấy nỗi khổ của huynh đệ. Rồi hãy nói. Hãy để những lời được nói ra chuyển đến cho huynh đệ mãnh lực mạnh mẽ mà huynh đệ cần để tháo xiềng xích của mình. Tuy nhiên, đừng tự mình tháo chúng. Công việc của con là nói với sự thấu hiểu. Mãnh lực mà huynh đệ nhận được sẽ trợ giúp huynh đệ trong công việc của chính mình.

Rule II. Enter thy brother's mind and read his thoughts, but only when thy thoughts are pure. Then think. Let the thoughts thus created enter thy brother's mind and blend with his. Yet keep detached thyself, for none have the right to sway a brother's mind. The only right there is, will make him say: "He loves. He standeth by. He knows. He thinks with me and I am strong to do the right." Learn thus to speak. Learn thus to think.

Quy luật II. Hãy đi vào trí tuệ của huynh đệ con và đọc những tư tưởng của huynh đệ, nhưng chỉ khi những tư tưởng của con thanh khiết. Rồi hãy suy nghĩ. Hãy để những tư tưởng được tạo ra như thế đi vào trí tuệ của huynh đệ con và hòa lẫn với tư tưởng của huynh đệ. Tuy nhiên, hãy giữ mình tách rời, vì không ai có quyền chi phối trí tuệ của một huynh đệ. Quyền duy nhất hiện hữu là quyền khiến huynh đệ nói: “Anh ấy yêu thương. Anh ấy đứng bên cạnh. Anh ấy biết. Anh ấy suy nghĩ cùng tôi và tôi mạnh mẽ để làm điều đúng.” Hãy học nói như thế. Hãy học suy nghĩ như thế.

Rule III. Blend with thy brother's soul and know him as he is. Only upon the plane of soul can this be done. Elsewhere the blending feeds the fuel of his lower life. Then focus on the plan. Thus will he see the part that he and you and all men play. Thus will he enter into life and know the work accomplished.

Quy luật III. Hãy hòa nhập với linh hồn của huynh đệ con và biết huynh đệ như huynh đệ thật sự là. Điều này chỉ có thể được thực hiện trên cõi linh hồn. Ở nơi khác, sự hòa nhập sẽ nuôi thêm nhiên liệu cho đời sống thấp của huynh đệ. Rồi hãy tập trung vào Thiên Cơ. Như thế huynh đệ sẽ thấy phần việc mà huynh đệ, con và mọi người đều đảm nhiệm. Như thế huynh đệ sẽ đi vào sự sống và biết công việc đã được hoàn thành.

A note, appended to these three rules says:

Một ghi chú được đính kèm vào ba quy luật này nói rằng:

"These three energies—of speech, of thought, and of purpose—when wielded with understanding by the chela and blended with the awakening forces of his brother whom he seeks to aid, are the three energies with which all adepts work. (TWM, 320)

“Ba năng lượng này—của lời nói, của tư tưởng, và của mục đích—khi được đệ tử vận dụng với sự thấu hiểu và hòa trộn với các mãnh lực đang thức tỉnh của huynh đệ mà y tìm cách trợ giúp, là ba năng lượng mà mọi chân sư đều làm việc cùng. (TWM, 320)

I do not mean by this the physical or magnetic effect that many quite unevolved souls have upon others.

Bởi điều này tôi không muốn nói đến hiệu quả thể xác hay từ tính mà nhiều linh hồn còn khá chưa tiến hoá có trên người khác.

17. DK is not speaking of animal magnetism.

17. Chân sư DK không nói về từ lực động vật.

I refer to that spiritual radiation that is only responded to and realised by those who themselves are becoming aware of the spiritual centre within the heart.

Tôi muốn nói đến sự bức xạ tinh thần chỉ được đáp ứng và chứng nghiệm bởi những ai chính họ đang trở nên nhận biết trung tâm tinh thần bên trong trái tim.

18. It is not the personality vehicles that are attracted, but rather the “spiritual centre”.

18. Không phải các vận cụ phàm ngã bị thu hút, mà đúng hơn là “trung tâm tinh thần”.

19. DK speaks of this centre as “within the heart”, but let us also remember that in occultism, by the “heart” is often meant the “soul”.

19. Chân sư DK nói về trung tâm này như ở “bên trong trái tim”, nhưng chúng ta cũng hãy nhớ rằng trong huyền bí học, “trái tim” thường được hiểu là “linh hồn”.

20. Here there may be an occult allusion to a hidden aspect of the heart center, per se.

20. Ở đây có thể có một ám chỉ huyền bí đến một phương diện ẩn kín của chính trung tâm tim.

At this stage the man is recognised as one who can speak occultly "heart to heart."

Ở giai đoạn này con người được nhìn nhận như một người có thể nói một cách huyền bí “tim với tim”.

21. His heart chakra will stimulate or move the heart chakra of others, but this also

21. Luân xa tim của y sẽ kích thích hay làm chuyển động luân xa tim của người khác, nhưng điều này cũng có nghĩa là người chí

means that the aspirant is learning how to speak 'soul to soul'.

22. The radiant aspirant is speaking from essence to essence.

23. The one who truly *loves* and *cares* for his brother *as he essentially is,* can speak "heart to heart".

He becomes a stimulator of the heart centre in his brother, and one who arouses men into activity for others.

24. So we must ask—"Can we reach the heart center of others?" Only if we speak as a soul will this be possible.

25. We note that the man does not seek to arouse others on behalf of himself, but for the sake of others. Speaking "heart to heart" as he does, he has become an altruist.

26. All of the processes described above have to do with the work to unfold the fifth and sixth petals.

27. Note the following important piece of occult information concerned with linking up with the heart center of others. DK is telling us about certain requirements which must be fulfilled by those who are truly members of the New Group of World Servers:

1. He must have the heart centre awakened, and be so outgoing in his "behaviour" that the heart is rapidly linked up with the heart centres of at least eight other people. Groups of nine awakened aspirants can then be occultly absorbed in the heart centre of the planetary Logos. Through it, His life can

nguyện đang học cách nói "linh hồn với linh hồn".

22. Người chí nguyện bức xạ đang nói từ tinh túy đến tinh túy.

23. Người thật sự *yêu thương* và *quan tâm* đến huynh đệ của mình *như huynh đệ thật sự là,* có thể nói "tim với tim".

Y trở thành người kích thích trung tâm tim nơi huynh đệ mình, và là người khơi dậy con người vào hoạt động vì người khác.

24. Vì vậy chúng ta phải hỏi—"Chúng ta có thể chạm đến trung tâm tim của người khác không?" Chỉ khi chúng ta nói như một linh hồn thì điều này mới có thể xảy ra.

25. Chúng ta lưu ý rằng con người không tìm cách khơi dậy người khác vì chính mình, mà vì lợi ích của người khác. Nói "tim với tim" như thế, y đã trở thành một người vị tha.

26. Tất cả các tiến trình được mô tả ở trên đều liên quan đến công việc khai mở cánh hoa thứ năm và thứ sáu.

27. Hãy lưu ý mẩu thông tin huyền bí quan trọng sau đây liên quan đến việc liên kết với trung tâm tim của người khác. Chân sư DK đang nói với chúng ta về một số yêu cầu phải được hoàn thành bởi những ai thật sự là thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian:

1. Y phải có trung tâm tim được đánh thức, và phải hướng ngoại đến mức trong "hành vi" của mình, trái tim nhanh chóng được nối kết với các trung tâm tim của ít nhất tám người khác. Khi ấy các nhóm gồm chín người chí nguyện đã thức tỉnh có thể được hấp thu một cách huyền bí vào trung tâm tim của

flow and the group members can contribute their quota of energy to the life influences circulating throughout His body. The above piece of information is only of interest to those who are spiritually awakened, and will mean little or nothing to those who are asleep. (EP II 197)

Hành Tinh Thượng Đế. Qua đó, sự sống của Ngài có thể tuôn chảy và các thành viên trong nhóm có thể đóng góp phần năng lượng của mình vào những ảnh hưởng sự sống đang lưu chuyển khắp thân thể của Ngài. Mẩu thông tin trên chỉ đáng quan tâm đối với những ai đã thức tỉnh về tinh thần, và sẽ có rất ít hoặc không có ý nghĩa gì đối với những ai còn đang ngủ. (EP II 197)

The second hint is that as the aspirant becomes progressively radioactive, and as the energy of the inner God demonstrates more and more through the lower personality,

Gợi ý thứ hai là khi người chí nguyện dần dần trở nên có tính phóng xạ, và khi năng lượng của Thượng đế nội tại ngày càng biểu lộ nhiều hơn qua phàm ngã thấp,

28. The true “inner God” resides within the Jewel in the Lotus at the heart of the egoic lotus.

28. “Thượng đế nội tại” đích thực ngự bên trong Ngọc trong Hoa Sen ở trung tâm của hoa sen chân ngã.

...when the work of unfoldment is accomplished, the seventh principle [Page 141] at the Heart of the Lotus can stand revealed. (IHS 140-141)

...khi công việc khai mở được hoàn tất, nguyên khí thứ bảy [Page 141] tại Tâm của Hoa Sen có thể đứng lộ ra. (IHS 140-141)

the "heat radiations" become so powerful that very definite results are produced of a personal, and also [Page 864] **of an environal, nature**.

các “bức xạ nhiệt” trở nên mạnh mẽ đến mức tạo ra những kết quả rất xác định có tính cách cá nhân, và cũng [Page 864] **có tính cách môi trường xung quanh**.

29. The term “heat” indicates, among other things, “spiritual energy”.

29. Thuật ngữ “nhiệt” chỉ, trong số những điều khác, “năng lượng tinh thần”.

30. “Heat” is spiritual energy working through the personality. The aspirant, through the changes effected within his nature, becomes a force in his immediate environment.

30. “Nhiệt” là năng lượng tinh thần hoạt động qua phàm ngã. Người chí nguyện, qua những thay đổi được tạo ra trong bản chất của mình, trở thành một mãnh lực trong môi trường trực tiếp của y.

A few of these results might be enumerated as follows:

Một vài kết quả trong số này có thể được liệt kê như sau:

31. We are speaking of the result of the release of “heat radiations”.

The etheric web, separating the lower physical consciousness of the brain from the astral plane begins to undergo a lengthy process of destruction, and the first "rents" in the web occur.

32. This is a technical piece of information applying to the process of rending the etheric web.

33. There are webs on different planes, but the webs here discussed separate the consciousness of the dense physical brain from the astral plane.

34. The beginning of this process of destruction is occurring *before* the first initiation, when work is occurring on the unfoldment of the fifth and sixth petals.

The etheric web, separating the lower physical consciousness of the brain from the astral plane begins to undergo a lengthy process of destruction, and the first "rents" in the web occur. (TCF 864)

It is through these that the student becomes aware of the inner planes, becomes conscious in the physical brain of the inner happenings, and can (if a disciple) make his contacts with his Ego and (via that ego) with his Guru[74] [a spiritual teacher]. This marks a very important development.

35. Let us tabulate the results of the process of rending the etheric web:

a. The etheric web is in process of being rent

31. Chúng ta đang nói về kết quả của việc giải phóng “các bức xạ nhiệt”.

Mạng dĩ thái, vốn ngăn cách tâm thức hồng trần thấp của bộ não với cõi cảm dục, bắt đầu trải qua một tiếntrình hủy diệt kéo dài, và những “vết rách” đầu tiên trong mạng bắt đầu xuất hiện.

32. Đây là một mẩu thông tin kỹ thuật áp dụng cho tiến trình xé rách mạng dĩ thái.

33. Có những mạng trên các cõi khác nhau, nhưng những mạng được bàn đến ở đây ngăn cách tâm thức của bộ não thể xác đậm đặc với cõi cảm dục.

34. Sự khởi đầu của tiến trình hủy diệt này xảy ra *trước* lần điểm đạo thứ nhất, khi công việc đang diễn ra trên sự khai mở cánh hoa thứ năm và thứ sáu.

Mạng dĩ thái, vốn ngăn cách tâm thức hồng trần thấp của bộ não với cõi cảm dục, bắt đầu trải qua một tiếntrình hủy diệt kéo dài, và những “vết rách” đầu tiên trong mạng bắt đầu xuất hiện. (TCF 864)

Chính qua những vết rách này mà đạo sinh trở nên nhận biết các cõi bên trong, trở nên hữu thức trong bộ não thể xác về những diễnbiến bên trong, và có thể (nếu là một đệ tử) tạo ra những tiếp xúc với chân ngã của mình và (qua chân ngã đó) với Guru của mình74 [một huấn sư tinh thần]. Điều này đánh dấu một sự phát triển rất quan trọng.

35. Chúng ta hãy lập bảng các kết quả của tiến trình xé rách mạng dĩ thái:

a. Mạng dĩ thái đang trong tiến trình bị xé rách

b. The student becomes aware of the inner planes

b. Đạo sinh trở nên nhận biết các cõi bên trong

c. The student becomes aware in the physical brain of inner happenings

c. Đạo sinh trở nên nhận biết trong bộ não thể xác về những diễn biến bên trong

d. The student (if a disciple) makes contact within his Ego

d. Đạo sinh (nếu là đệ tử) tạo được tiếp xúc bên trong chân ngã của mình

e. The disciple via his Ego makes contact with his Guru

e. Đệ tử qua chân ngã của mình tạo được tiếp xúc với Guru của mình

f. The higher head center increases its activity and becomes capable of receiving flashes of illumination.

f. Trung tâm đầu cao hơn gia tăng hoạt động và trở nên có khả năng tiếp nhận những tia chớp soi sáng.

g. As mentioned below: The various triangles become vivified and proceed to increased activity in due geometrical progression

g. Như được nhắc đến bên dưới: các tam giác khác nhau được tiếp sinh lực và tiến đến hoạt động gia tăng theo cấp số nhân hình học

h. The centre between the shoulder blades, the converging point for certain fires, becomes active.

h. Trung tâm giữa hai bả vai, điểm hội tụ của một số loại lửa, trởnên hoạt động.

The higher head centre increases its activity and becomes capable of receiving flashes of illumination from the higher planes.

Trung tâm đầu cao hơn gia tăng hoạt động và trở nên có khảnăng tiếp nhận những tia chớp soi sáng từ các cõi cao hơn.

36. It is clear that these flashes of illumination do not come from the astral plane. So the rending of the etheric web brings through increasing mental illumination as well, and energy impacts from planes beyond.

36. Rõ ràng là những tia chớp soi sáng này không đến từ cõi cảm dục. Vì vậy, việc xé rách mạng dĩ thái cũng mang lại sự soi sáng trí tuệ ngày càng tăng, cùng những tác động năng lượng từ các cõi vượt cao hơn.

This happens only occasionally at first but with increasing frequency as the years

Điều này lúc đầu chỉ xảy ra thỉnh thoảng nhưng với tầnsuất ngày càng tăng khi năm

progress, and the "rents" become more numerous.

tháng trôi qua, và các “vết rách” trở nên nhiều hơn.

37. The greater the progressive disintegration, the greater the influence of the higher planes upon the consciousness of the physical brain.

37. Sự tan rã tiến triển càng lớn thì ảnh hưởng của các cõi cao hơn lên tâm thức của bộ não thể xác càng mạnh.

The various triangles become vivified and proceed to increased activity in due geometrical progression,

Các tam giác khác nhau được tiếp sinh lực và tiến đến hoạt động gia tăng theo cấp số nhân hình học,

38. These are the triangles within the etheric body.

38. Đây là những tam giác bên trong thể dĩ thái.

39. According to the ray of the Monad, this geometrical progression occurs.

39. Theo cung của chân thần, sự tiến triển theo cấp số nhân hình học này xảy ra.

whilst the centre between the shoulder blades, the converging point for certain fires, becomes active.

trong khi trung tâm giữa hai bả vai, điểm hội tụ của một số loại lửa, trởnên hoạt động.

40. We may recall that by the time of the first initiation, this center between the shoulder blades becomes active. By the time of the second initiation, they rise as far as the head.

40. Chúng ta có thể nhớ lại rằng vào thời điểm lần điểm đạo thứ nhất, trung tâm giữa hai bả vai này trở nên hoạt động. Đến thời điểm lần điểm đạo thứ hai, chúng vươn lên đến tận đầu.

When the threefold basic fire and the threefold pranic fire meet and merge, then evolution proceeds with greatly increased velocity. **This is effected definitely at the first Initiation** when the polarisation becomes fixed in one or other of the three higher centres,—which centre being dependent upon a man's ray. (TCF 123-124)

Khi lửa căn bản tam phân và lửa prana tam phân gặp nhau và hòa nhập, khi ấy tiến hoá diễn ra với tốc độ gia tăng rất lớn. **Điều này được thực hiện một cách xác định vào lần điểm đạo thứ nhất** khi sự phân cực trở nên cố định trong một hay một trung tâm nào khác trong ba trung tâm cao hơn,—trung tâm nào tùy thuộc vào cung của một người. (TCF 123-124)

Suffice it to point out that the fires at the lower centres,—those below the diaphragm —have, **by the time the second initiation is**

Chỉ cần nêu ra rằng các ngọn lửa ở những trung tâm thấp hơn,—những trung tâm dưới cơ hoành—đến **thời điểm đạt đến lần**

reached, usually mounted to the centre between the shoulder blades;...(TCF 886)

41. It appears that in this section of text we are speaking the efforts of aspirants and of a time before the first initiation when the process of activating the shoulder center is begun.

This marks a definite stage in the process of transferring the fires into the higher centres.

42. We began this section by discussing the attempt to unfold the fifth and sixth petals. We also discussed the continuous rending of the etheric web. **The activation of the center between the shoulder blades indicates that we are nearing the first initiation.** Definite chakric transferences have been effected by that time.

43. If, however, we are to consider the center between the shoulder blades as one of the "pranic centers", we would expect its activation, to a sufficient degree, even in the early days of evolution.

Roughly speaking, this period of the transference of the heat or energy of the lower centres into the higher may be divided into two parts:

44. We are aware that **during the first initiation process the energy of the sacral center is transferred to the throat center** (via the solar plexus center and the heart).

điểm đạo thứ hai, thường đã dâng lên đến trung tâm giữa hai bả vai;...(TCF 886)

41. Có vẻ như trong phần văn bản này, chúng ta đang nói về những nỗ lực của những người chí nguyện và về một thời kỳ trước lần điểm đạo thứ nhất, khi tiến trình hoạt hóa trung tâm vai được bắt đầu.

Điều này đánh dấu một giai đoạn xác định trong tiến trình chuyểndịch các ngọn lửa vào các trung tâm cao hơn.

42. Chúng ta đã bắt đầu phần này bằng việc bàn đến nỗ lực khai mở cánh hoa thứ năm và thứ sáu. Chúng ta cũng đã bàn đến sự xé rách liên tục của màng dĩ thái. **Sự hoạt hóa trung tâm giữa hai xương bả vai cho thấy rằng chúng ta đang tiến gần đến lần điểm đạo thứ nhất.** Vào lúc đó, những sự chuyển dịch luân xa xác định đã được thực hiện.

43. Tuy nhiên, nếu chúng ta xem trung tâm giữa hai xương bả vai là một trong những "trung tâm prana", thì chúng ta sẽ chờ đợi sự hoạt hóa của nó, ở một mức độ đầy đủ, ngay cả trong những ngày đầu của tiến hoá.

Nói một cách khái quát, thời kỳ chuyển dịch nhiệt hay năng lượng của các trung tâm thấp vào các trung tâm cao hơn này có thể được chia thành hai phần:

44. Chúng ta biết rằng **trong tiến trình điểm đạo thứ nhất, năng lượng của trung tâm xương cùng được chuyển dịch đến trung tâm cổ họng** (qua trung tâm tùng thái dương và tim).

45. During the processes of the second initiation, the energy of the solar plexus center is transferred to the heart center.

first, that in which the centres in the lower part of the body (those below the diaphragm) are transferred into the centres in the higher part of the torso.

46. This is a transference from sub-diaphragmatic centers to super-diaphragmatic centers, though not yet into the head centers.

These centres in the torso are three in number, the heart, the throat, and the centre between the shoulder blades.

47. The center between the shoulder blades is a minor center but is mentioned in the same breath with two major centers.

48. Usually one considers that only two centers are found within the torso (heart and throat) just as one can often consider that only three centers are found below the diaphragm (base of the spine, sacral center and solar plexus) *if* we do not include the spleen, which is, however, often included in various enumerations.

We must here note that the throat centre is situated in the lower part of the throat, and properly belongs to the torso and not to the head.

49. This is important as the position of the throat center must be distinguished from that of the alta major center which is *not* part of the torso.

45. Trong các tiến trình của lần điểm đạo thứ hai, năng lượng của trung tâm tùng thái dương được chuyển dịch đến trung tâm tim.

thứ nhất, đó là phần trong đó các trung tâm ở phần dưới của thể (những trung tâm ở dưới cơ hoành) được chuyển dịch vào các trung tâm ở phần cao hơn của thân mình.

46. Đây là một sự chuyển dịch từ các trung tâm dưới cơ hoành đến các trung tâm trên cơ hoành, dù chưa đi vào các trung tâm đầu.

Ba trung tâm này trong thân mình là tim, cổ họng, và trung tâm giữa hai xương bả vai.

47. Trung tâm giữa hai xương bả vai là một trung tâm phụ nhưng lại được nhắc đến cùng lúc với hai trung tâm chính.

48. Thông thường người ta cho rằng chỉ có hai trung tâm nằm trong thân mình (tim và cổ họng), cũng như người ta thường có thể cho rằng chỉ có ba trung tâm nằm dưới cơ hoành (đáy cột sống, trung tâm xương cùng và tùng thái dương) *nếu* chúng ta không kể đến lá lách, tuy nhiên lá lách thường vẫn được bao gồm trong nhiều cách liệt kê khác nhau.

Ở đây chúng ta phải lưu ý rằng trung tâm cổ họng nằm ở phần dưới của cổ họng, và đúng ra thuộc về thân mình chứ không thuộc về đầu.

49. Điều này quan trọng vì vị trí của trung tâm cổ họng phải được phân biệt với vị trí của trung tâm alta major, vốn *không* phải là một phần của thân mình.

50. From this we may understand that **the throat is meant to come under the control of the second aspect of divinity just as the sub-diaphragmatic centers are allied to the third aspect of divinity and the centers in the head generically to the first**.

50. Từ đây chúng ta có thể hiểu rằng **cổ họng được dự định đặt dưới sự kiểm soát của phương diện thứ hai của thiên tính, cũng như các trung tâm dưới cơ hoành liên kết với phương diện thứ ba của thiên tính và các trung tâm trong đầu nói chung liên kết với phương diện thứ nhất**.

It should also be stated here that the centre between the shoulder blades is not a "sacred" centre, but is of a temporary nature, **and is created by the aspirant himself during the process of transference**. [Page 865]

Cũng nên nói thêm ở đây rằng trung tâm giữa hai xương bả vai không phải là một trung tâm "thiêng liêng", mà có tính chất tạm thời, **và được chính người chí nguyện tạo ra trong tiến trình chuyểndịch**. [Page 865]

51. If this is the case, then *is* this center between the shoulder blades actually to be considered the higher of the pranic centers (which definitely exists very early in process of human evolution)? (cf. TCF 170)

51. Nếu đúng như vậy, thì *phải chăng* trung tâm giữa hai xương bả vai này thực sự được xem là trung tâm cao hơn của các trung tâm prana (vốn chắc chắn hiện hữu rất sớm trong tiến trình tiến hoá của con người)? (x. TCF 170)

1. The pranic triangle.

1. Tam giác prana.

a. The shoulder centre.

a. Trung tâm vai.

b. The centre near the diaphragm.

b. Trung tâm gần cơ hoành.

c. The spleen. (TCF 170)

c. Lá lách. (TCF 170)

52. Perhaps, we are actually speaking of two different centers located between the shoulder blades, neither of which centers is the heart center, also between the shoulder blades.

52. Có lẽ thực ra chúng ta đang nói đến hai trung tâm khác nhau nằm giữa hai xương bả vai, và không trung tâm nào trong số đó là trung tâm tim, vốn cũng nằm giữa hai xương bả vai.

The second stage is that in which the energy of the lower six centres:

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn trong đó năng lượng của sáu trung tâm thấp:

a. The throat,

a. Cổ họng,

b. The heart,

c. The solar plexus,

d. The spleen,

e. The organs of generation,

f. The base of the spine,

are—in due order according to a man's ray and subray—

53. By ray and subray are meant **the monadic ray and the egoic ray.**

54. Note that we do not use the words "sacral center" in this context. DK often calls the sacral center the "organs of generation", seeming to indicate very physical organs and not an etheric center.

One major centre is here omitted because it is primarily related to the physical body and its expression of life perpetuation. That is the sacral centre. Just as the physical body is regarded by true esotericists as not a principle so the sacral centre is regarded as "a necessary evocation between that which is high and that which is low, and between that which is sounded forth from the centre in the throat and that which replies to a deeply sounded note." (EA 428)

55. Probably the transference is made from centers in the torso to centers in the head center. For instance, **after the energy of the organs of generation is transferred to the throat center, from there, we can imagine, it is transferred to the corresponding center in the head.** Yet, in the head, we may

b. Tim,

c. Tùng thái dương,

d. Lá lách,

e. Các cơ quan sinh sản,

f. Đáy cột sống,

được—theo đúng thứ tự tùy theo cung và cung phụ của một người—

53. Bởi cung và cung phụ ở đây được hiểu là **cung chân thần và cung chân ngã.**

54. Lưu ý rằng trong ngữ cảnh này chúng ta không dùng các từ "trung tâm xương cùng". DK thường gọi trung tâm xương cùng là "các cơ quan sinh sản", dường như để chỉ các cơ quan rất hồng trần chứ không phải một trung tâm dĩ thái.

Ở đây một trung tâm chính bị bỏ qua vì nó chủ yếu liên hệ với thể xác và sự biểu lộ của sự duy trì sự sống của nó. Đó là trung tâm xương cùng. Cũng như thể xác được các nhà bí truyền học chân chính xem là không phải một nguyên khí, thì trung tâm xương cùng cũng được xem là "một sự gợi lên cần thiết giữa cái ở trên cao và cái ở dưới thấp, và giữa cái được xướng ra từ trung tâm cổ họng và cái đáp lại một âm điệu được xướng lên từ sâu thẳm." (EA 428)

55. Có lẽ sự chuyển dịch được thực hiện từ các trung tâm trong thân mình đến các trung tâm trong trung tâm đầu. Chẳng hạn, **sau khi năng lượng của các cơ quan sinh sản được chuyển dịch đến trung tâm cổ họng, từ đó, chúng ta có thể hình dung, nó được chuyển dịch đến trung tâm tương ứng**

presume, that there is a higher center corresponding not only to the throat center but *also* to the sacral center.

trong đầu. Tuy nhiên, trong đầu, chúng ta có thể giả định rằng có một trung tâm cao hơn tương ứng không chỉ với trung tâm cổ họng mà *còn* với cả trung tâm xương cùng.

56. We may ask whether **the highest head center itself has a correspondence within itself!**

56. Chúng ta có thể hỏi liệu **chính trung tâm đầu cao nhất có một sự tương ứng bên trong chính nó hay không!**

57. Since, we are told, the spleen has a correspondence within the head (useful in healing) perhaps the center(s) between the shoulder blades has a higher correspondence as well. **Perhaps, all centers below the diaphragm and in the torso have corresponding centers within the head**. It would appear that within the head (or greater head center) is a higher correspondence to any center found elsewhere in the body.

57. Vì như chúng ta được cho biết, lá lách có một sự tương ứng trong đầu (hữu ích trong trị liệu), nên có lẽ trung tâm hay các trung tâm giữa hai xương bả vai cũng có một sự tương ứng cao hơn. **Có lẽ mọi trung tâm dưới cơ hoành và trong thân mình đều có các trung tâm tương ứng trong đầu**. Có vẻ như trong đầu (hay trung tâm đầu lớn hơn) có một sự tương ứng cao hơn đối với bất kỳ trung tâm nào được tìm thấy ở nơi khác trong thể.

58. If this were the case, however, there would be a clear line of demarcation between the many higher correspondences of lower centers within the head and the seven major centers, the “major seven”.

58. Tuy nhiên, nếu đúng như vậy, thì sẽ có một ranh giới phân định rõ ràng giữa nhiều sự tương ứng cao hơn của các trung tâm thấp trong đầu và bảy trung tâm chính, tức “bảy trung tâm lớn”.

transferred into the correspondences within the head centre.

được chuyểndịch vào các sự tương ứng trong trung tâm đầu.

59. Each of the usual chakras has **a correspondence with the head center, or within the head**.

59. Mỗi luân xa thông thường đều có **một sự tương ứng với trung tâm đầu, hay ở trong đầu**.

60. We can ask whether the higher seven head centers are to be found *within* the head center or in some other location in the head. Perhaps any location within the head is considered to be *within* the head centre.

60. Chúng ta có thể hỏi liệu bảy trung tâm đầu cao hơn có được tìm thấy *trong* trung tâm đầu hay ở một vị trí nào khác trong đầu. Có lẽ bất kỳ vị trí nào trong đầu cũng được xem là *trong* trung tâm đầu.

These seven head centres are the reflection in the microcosm of those "mansions

Bảy trung tâm đầu này là sự phản chiếu trong tiểu thiên địa của những "nơi cư ngụ

prepared in the Heavens" which receive the sevenfold energy of the monad.

61. The seven higher head centers have direct connection with the Monad. The energy of the Monad, it appears, is directed to them and is lodged within them.

62. If these centers, as a whole, are ruled by Vulcan, and if Vulcan is directly related to Shamballa and, hence, the Monad, then we can easily see the relation of the seven higher head centers to the Monad.

63. Is the "mansion prepared in the Heavens" a chakra within the Planetary Logos? The sevenfold energy of the Monad is the energy expressed through seven principles. As the principles are regathered, the lower into higher, perhaps, they all return to their emanating source the Monad, which resides within one of seven highest planetary centers upon the monadic plane (a plane within the seven cosmic ethers).

64. Just as the Monad returns to one of seven centers upon the monadic plane (cf. a higher correspondence in Chart V, 344) so the energy of the lesser centers is directed upward to the higher seven major centers in the head.

These [the seven head centres] are the chambers **prepared by the lower energy** which are to be the recipients of "soul or the higher psychic energy."

65. We have also been told (in the last Commentary, S7S10 Part II) of eight, twelvefold centers on the higher mental plane. It would appear that these eight are

được chuẩn bị trên các cõi Trời" tiếp nhận năng lượng thất phân của chân thần.

61. Bảy trung tâm đầu cao hơn có liên hệ trực tiếp với chân thần. Có vẻ như năng lượng của chân thần được hướng đến chúng và được lưu giữ trong chúng.

62. Nếu các trung tâm này, xét như một toàn thể, được Vulcan cai quản, và nếu Vulcan liên hệ trực tiếp với Shamballa và do đó với chân thần, thì chúng ta có thể dễ dàng thấy mối liên hệ của bảy trung tâm đầu cao hơn với chân thần.

63. "Nơi cư ngụ được chuẩn bị trên các cõi Trời" có phải là một luân xa trong Hành Tinh Thượng Đế không? Năng lượng thất phân của chân thần là năng lượng được biểu lộ qua bảy nguyên khí. Khi các nguyên khí được thu hồi lại, cái thấp vào cái cao, có lẽ tất cả chúng đều trở về nguồn phát xạ của mình là chân thần, vốn ngự trong một trong bảy trung tâm hành tinh cao nhất trên cõi chân thần (một cõi nằm trong bảy dĩ thái vũ trụ).

64. Cũng như chân thần trở về một trong bảy trung tâm trên cõi chân thần (x. một sự tương ứng cao hơn trong Biểu đồ V, 344), thì năng lượng của các trung tâm nhỏ hơn cũng được hướng lên bảy trung tâm chính cao hơn trong đầu.

Những [the seven head centres] này là những buồng **được năng lượng thấp hơn chuẩn bị** để trở thành những nơi tiếp nhận "linh hồn hay năng lượng thông linh cao hơn."

65. Chúng ta cũng đã được cho biết (trong phần Cổ Luận cuối cùng, S7S10 Phần II) về tám trung tâm mười hai cánh trên Cõi thượng trí. Có vẻ như tám trung tâm này

aligned with the seven above (seven planetary centers on the monadic plane) and seven below—found within the head or (perhaps more properly) within the greater head center.

66. Does it appear that the seven centers (or are there eight corresponding to the eight upon the mental plane) within the head center receive the soul or higher psychic energy even more than they receive monadic energy? It would seem so.

67. How is it that the lower can prepare the higher?

68. Perhaps these head centers are stimulated (thus "prepared") by the ascent of energy from below. Yet, we should not assume that these head centers were *created* by the rising of energy from centers below.

[Hint Three] The final hint which can be given, may be summed up in the words that as the aspirant progresses,[75] he not only balances the pairs of opposites, but the secret of his brother's heart becomes revealed to him.

69. We can correlate these developments with the energy of the sign Libra. The balancing of the pairs of opposites is a Libran process and the revelation of the secret of a brother's heart arises from loving relationship—again largely indicated by Libra.

70. Unless soul and personality are balanced, the revelation of the secret of a brother's heart will not come. Lack of soul emphasis results only in continuing blindness. But if

được chỉnh hợp với bảy trung tâm ở trên (bảy trung tâm hành tinh trên cõi chân thần) và bảy trung tâm ở dưới—được tìm thấy trong đầu hoặc (có lẽ đúng hơn) trong trung tâm đầu lớn hơn.

66. Có phải dường như bảy trung tâm (hay có tám trung tâm tương ứng với tám trung tâm trên cõi trí) trong trung tâm đầu tiếp nhận linh hồn hay năng lượng thông linh cao hơn thậm chí còn nhiều hơn là tiếp nhận năng lượng chân thần không? Có vẻ là như vậy.

67. Làm sao cái thấp hơn lại có thể chuẩn bị cái cao hơn?

68. Có lẽ các trung tâm đầu này được kích thích (và do đó "được chuẩn bị") bởi sự đi lên của năng lượng từ bên dưới. Tuy nhiên, chúng ta không nên giả định rằng các trung tâm đầu này đã được *tạo ra* bởi sự dâng lên của năng lượng từ các trung tâm bên dưới.

[Hint Three] Gợi ý cuối cùng có thể được đưa ra có thể được tóm lược trong lời rằng khi người chí nguyện tiến bộ,[75] y không những quân bình các cặp đối lập, mà bí mật của trái tim huynh đệ mình cũng được mặc khải cho y.

69. Chúng ta có thể liên hệ những phát triển này với năng lượng của dấu hiệu hoàng đạo Thiên Bình. Sự quân bình các cặp đối lập là một tiến trình của Thiên Bình, và sự mặc khải bí mật của trái tim một huynh đệ phát sinh từ mối liên hệ yêu thương—một lần nữa phần lớn được Thiên Bình biểu thị.

70. Trừ phi linh hồn và phàm ngã được quân bình, sự mặc khải bí mật của trái tim một huynh đệ sẽ không đến. Sự thiếu nhấn mạnh vào linh hồn chỉ dẫn đến tình trạng mù lòa

the personality is not considered, then the personality cannot be known, and there are many secrets which still reside within the personality nature. Thus it is that psychologists in the New Age must have a sensitive and receptive solar plexus center.

tiếp diễn. Nhưng nếu phàm ngã không được xét đến, thì phàm ngã không thể được biết, và còn nhiều bí mật vẫn cư ngụ trong bản chất phàm ngã. Vì thế mà các nhà tâm lý học trong Kỷ Nguyên Mới phải có một trung tâm tùng thái dương nhạy bén và tiếp nhận.

Group 8.—The head, heart, solar plexus and throat centres. This group of disciples will be the first to use four centres in their work as they are in a curious sense, the mediators of thought between the other groups. They are peculiarly a linking group. (DINA I, 41)

Nhóm 8.—Các trung tâm đầu, tim, tùng thái dương và cổ họng. Nhóm đệ tử này sẽ là nhóm đầu tiên sử dụng bốn trung tâm trong công việc của họ vì theo một nghĩa kỳ lạ, họ là những người trung gian của tư tưởng giữa các nhóm khác. Họ đặc biệt là một nhóm liên kết. (DINA I, 41)

He becomes an acknowledged force in the world, and is recognised as one who can be depended upon to serve.

Y trở thành một mãnh lực được thừa nhận trong thế giới, và được công nhận là người có thể được tin cậy để phụng sự.

71. Recognition comes not by demand but as a result of energy expressed.

71. Sự công nhận đến không phải do đòi hỏi mà là kết quả của năng lượng được biểu lộ.

72. The world gives testimony confirming the emergence of a true disciple or initiate. The disciple or initiate never proclaims himself.

72. Thế giới làm chứng, xác nhận sự xuất hiện của một đệ tử hay điểm đạo đồ chân chính. Đệ tử hay điểm đạo đồ không bao giờ tự xưng mình.

Men turn to him for assistance and help along his recognised line,

Con người tìm đến y để được trợ giúp và giúp đỡ theo đường lối đã được công nhận của y,

73. We do not serve along *all* lines.

73. Chúng ta không phụng sự theo *mọi* đường lối.

Certain attitudes of mind are easy for one ray type and difficult for [Page 129] another, and hence the changing personality shifts from ray to ray, from life to life, until all the qualities are developed and expressed. Certain souls, by their ray destiny, are found in certain fields of activity, and a particular field of endeavour remains relatively the same for many life expressions. A governor or statesman has learnt facility in his craft

Một số thái độ trí tuệ thì dễ đối với một loại cung này và khó đối với [Page 129] loại cung khác, và vì thế phàm ngã thay đổi chuyển từ cung này sang cung khác, từ đời này sang đời khác, cho đến khi mọi phẩm tính đều được phát triển và biểu lộ. Một số linh hồn, do định mệnh cung của mình, được tìm thấy trong những lĩnh vực hoạt động nhất định, và một lĩnh vực nỗ lực đặc thù vẫn tương đối giống nhau qua nhiều biểu hiện sự sống. Một

through much experience in that field. A world Teacher has been teaching for age-long cycles. A world Saviour has been, for many lives, at the task of salvaging. (EPI 128-129)

nhà cai trị hay chính khách đã học được sự thành thạo trong nghề của ông qua nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đó. Một Đức Chưởng Giáo thế gian đã giảng dạy qua những chu kỳ dài lâu. Một Đấng Cứu Thế thế gian đã, qua nhiều đời sống, đảm nhận công việc cứu vớt. (EPI 128-129)

and he begins to sound forth his note so as to be heard not only in human but in deva ranks as well.

và y bắt đầu xướng lên âm điệu của mình để được nghe thấy không chỉ trong hàng ngũ nhân loại mà cả trong hàng ngũ thiên thần nữa.

74. Progressive developments within the human energy system results in the sounding forth of a man's note. Let us say that correct and uninhibited alignment promotes this sounding.

74. Những phát triển tiến bộ trong hệ thống năng lượng của một người dẫn đến việc xướng lên âm điệu của người ấy. Chúng ta hãy nói rằng sự chỉnh hợp đúng đắn và không bị ngăn trở thúc đẩy sự xướng lên này.

75. Devas respond to sound and are naturally affected by the sounding of the note. We are constantly affecting the Deva Kingdom through sound. This type of effect may occur without the realization of the disciple concerned.

75. Các thiên thần đáp ứng với âm thanh và tự nhiên bị ảnh hưởng bởi việc xướng lên âm điệu. Chúng ta không ngừng tác động lên giới thiên thần qua âm thanh. Loại tác động này có thể xảy ra mà không có sự chứng nghiệm của đệ tử liên hệ.

76. At first, as regards the Deva Kingdom, it is the Army of the Voice that hears.

76. Lúc đầu, xét về giới thiên thần, chính Đạo Quân của Âm Thanh là bên nghe thấy.

This he does, at [Page 866] this stage, through the pen in literature, through the spoken word in lecturing and teaching, through music, painting and art.

Ở giai đoạn này, y làm điều này qua [Page 866] ngòi bút trong văn chương, qua lời nói trong diễn giảng và giảng dạy, qua âm nhạc, hội họa và nghệ thuật.

77. We are speaking of the development of the aspirant. He is becoming a true server. We note that there are many possible lines of expression for the developing server.

77. Chúng ta đang nói về sự phát triển của người chí nguyện. Y đang trở thành một người phụng sự chân chính. Chúng ta lưu ý rằng có nhiều đường lối biểu lộ khả dĩ cho người phụng sự đang phát triển.

He reaches the hearts of men in some way or another, and becomes a helper and server of his race.

Y chạm đến trái tim con người bằng cách này hay cách khác, và trở thành một người

trợ giúp và phụng sự cho nhân loại của mình.

78. We note that the man must reach the *heart* of others. It does not suffice to reach the mind only.

78. Chúng ta lưu ý rằng con người phải chạm đến *trái tim* của người khác. Chỉ chạm đến trí tuệ thôi thì không đủ.

79. We see that the many technical developments have a positive effect on a disciple's capacity for service.

79. Chúng ta thấy rằng nhiều phát triển kỹ thuật có ảnh hưởng tích cực lên năng lực phụng sự của một đệ tử.

Footnote 75: Aspirant:

Chú thích 75: Người chí nguyện:

"The practices which make for union with the Soul are: fervent aspiration, spiritual reading, and complete obedience to the Master.

"Những thực hành dẫn đến sự hợp nhất với linh hồn là: khát vọng mãnh liệt, đọc sách tinh thần, và hoàn toàn vâng phục Chân sư.

80. Quotations for *The Yoga Sutras* are apt here. There is definitely a place of continued aspiration as the disciple advances towards greater usefulness.

80. Những trích dẫn từ *Kinh Yoga* rất thích hợp ở đây. Chắc chắn có một chỗ cho khát vọng liên tục khi đệ tử tiến đến sự hữu dụng lớn hơn.

The word which I have rendered "fervent aspiration" means primarily "fire";

Từ mà tôi đã dịch là "khát vọng mãnh liệt" trước hết có nghĩa là "lửa";

81. In the developing disciple, the intensity of the fire is always increasing, especially the intensity of *spiritual* fire.

81. Trong đệ tử đang phát triển, cường độ của lửa luôn gia tăng, đặc biệt là cường độ của *lửa tinh thần*.

and, in the Eastern teaching, it means the fire which gives life and light, and at the same time the fire which purifies.

và trong giáo huấn phương Đông, nó có nghĩa là ngọn lửa ban sự sống và ánh sáng, đồng thời cũng là ngọn lửa thanh luyện.

82. We rely upon the transmuted fires of the solar plexus center to provide the type of aspiration required.

82. Chúng ta dựa vào các ngọn lửa đã được chuyển hoá của trung tâm tùng thái dương để cung cấp loại khát vọng cần thiết.

83. The heart also has its aspiration.

83. Tim cũng có khát vọng của nó.

84. From a larger point of view, every center has its upreaching tendency and, hence, its 'aspiration'.

84. Từ một quan điểm rộng lớn hơn, mọi trung tâm đều có khuynh hướng vươn lên của nó và do đó có 'khát vọng' của nó.

We have, therefore, as our first practice, as the first of the means of spiritual growth, that fiery quality of the will

Vì vậy, như thực hành đầu tiên của chúng ta, như phương tiện đầu tiên của sự tăng trưởng tinh thần, chúng ta có phẩm tính rực lửa của ý chí

85. Note how fiery aspiration and will are combined. The sixth and first rays are often related.

85. Hãy lưu ý cách khát vọng rực lửa và ý chí được kết hợp. Cung sáu và cung một thường có liên hệ với nhau.

86. Master Morya, a great first ray Master, advises us to "strive fierily".

86. Chân sư Morya, một Chân sư cung một vĩ đại, khuyên chúng ta "hãy nỗ lực một cách rực lửa".

which enkindles and illumines, and, at the same time, the steady practice of purification, the burning away of all known impurities."

vốn làm bừng cháy và soi sáng, đồng thời là sự thực hành thanh luyện bền bỉ, đốt cháy mọi ô uế đã biết."

87. The life of discipleship is based upon a profound and persistent spiritual aspiration and the persistent appropriation of the spiritual will.

87. Đời sống địa vị đệ tử được đặt nền trên một khát vọng tinh thần sâu xa và bền bỉ cùng sự chiếm hữu bền bỉ ý chí tinh thần.

"Their aim is, to bring soul-vision, and to wear away hindrances."

"Mục tiêu của họ là mang đến linh thị của linh hồn, và bào mòn các chướng ngại."

88. Fire wears away and burns away obstacles to vision and to empowerment.

88. Lửa bào mòn và đốt cháy những chướng ngại đối với linh thị và đối với sự trao quyền.

89. We note that we, as disciples and aspirants must "wear down" the 'opposition'. The Will-to-Persist, thus, counts for much.

89. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta, với tư cách đệ tử và người chí nguyện, phải "bào mòn" sự 'đối kháng'. Vì vậy, Ý Chí-Kiên Trì có giá trị rất lớn.

"The Rules are these: purity, serenity, fervent aspiration, spiritual reading, and perfect obedience to the Master."

"Các quy luật là thế này: thanh khiết, sự tĩnh lặng, khát vọng mãnh liệt, đọc sách tinh

thần, và sự vâng phục hoàn hảo đối với Chân sư."

90. Fervent aspiration does not involve agitation, but rather serenity.

90. Khát vọng mãnh liệt không bao hàm sự kích động, mà đúng hơn là sự tĩnh lặng.

91. The Master is the soul/Solar Angel as well as the Master in the heart. As we progress along the Path of Occultism we encounter *two* Masters (*both* of which are truly our Masters). One is the Solar Angel and the other is the Master of the Ashram with which we are destined to be affiliated.

91. Chân sư là linh hồn/Thái dương Thiên Thần cũng như Chân sư trong tim. Khi chúng ta tiến bước trên Con Đường Huyền Bí Học, chúng ta gặp *hai* Chân sư (*cả hai* đều thật sự là Chân sư của chúng ta). Một là Thái dương Thiên Thần và một là Chân sư của ashram mà chúng ta được định mệnh sẽ liên kết với.

"The perfection of the powers of the bodily vesture comes through the wearing away of impurities, and through fervent aspiration."

"Sự hoàn thiện các năng lực của y phục thân thể đến qua việc bào mòn các ô uế, và qua khát vọng mãnh liệt."

92. “Wearing away” and burning away are parallel processes. The persistent will of the second ray is needed as well s the dynamic will of the first ray.

92. “Bào mòn” và đốt cháy là những tiến trình song song. Ý chí bền bỉ của cung hai là cần thiết cũng như ý chí năng động của cung một.

—*Yoga Sutras of Patanjali,* Book II, 1, 2, 32, 43 (C. Johnston's Edition).

—*Kinh Yoga của Patanjali,* Quyển II, 1, 2, 32, 43 (Bản của C. Johnston).

Two more characteristics of this stage might here be enumerated.

Có thể liệt kê thêm hai đặc điểm nữa của giai đoạn này ở đây.

93. We are enumerating the beneficial results of the processes described.

93. Chúng ta đang liệt kê những kết quả có lợi của các tiến trình đã được mô tả.

The aspirant has an appreciation of the occult value of money in service.

Người chí nguyện có sự đánh giá đúng về giá trị huyền bí của tiền bạc trong phụng sự.

94. This is one of the first and major tests.

94. Đây là một trong những thử thách đầu tiên và lớn lao.

He seeks nothing for himself, save that which may equip him for the work to be done, and he looks upon money, and that

Y không tìm kiếm gì cho mình, ngoại trừ điều có thể trang bị cho y đối với công việc phải làm, và y nhìn tiền bạc, cùng những gì

which money can purchase, as something which is to be used for others and a means to bring about the fruition of the Master's plans as he senses those plans.

tiền bạc có thể mua được, như một điều phải được dùng cho người khác và như một phương tiện để đem lại sự thành tựu các kế hoạch của Chân sư theo như y cảm nhận các kế hoạch ấy.

95. Obviously the heart must be involved. If the aspirant is motivate only by energies below the diaphragm, then, he cannot display the necessary selflessness with respect to money.

95. Hiển nhiên tim phải được dự phần. Nếu người chí nguyện chỉ được thúc đẩy bởi các năng lượng dưới cơ hoành, thì y không thể biểu lộ tính vô ngã cần thiết đối với tiền bạc.

96. Much careful searching of motives is needed with regard to this requirement.

96. Cần phải tra xét động cơ rất cẩn thận đối với đòi hỏi này.

The occult significance of money is little appreciated, yet one of the greatest tests as to the position of a man upon the probationary path is that which concerns his attitude to and his handling of that which all men seek in order to gratify desire.

Ý nghĩa huyền bí của tiền bạc ít được đánh giá, tuy nhiên một trong những thử thách lớn nhất về vị trí của một người trên Con Đường Dự Bịlà điều liên quan đến thái độ của y đối với và cách y xử lý điều mà mọi người đều tìm kiếm để thỏa mãn dục vọng.

97. In a coming Age in which the principle of sharing will be paramount, the necessary unselfish attitudes will be cultivated.

97. Trong một Kỷ Nguyên sắp đến, trong đó nguyên khí chia sẻ sẽ là tối thượng, những thái độ vô ngã cần thiết sẽ được vun bồi.

98. This attitude will grow as the sense of identification transfers from the individual to the group.

98. Thái độ này sẽ tăng trưởng khi cảm thức đồng hoá chuyển từ cá nhân sang nhóm.

Only he who desires naught for himself can be a recipient of financial bounty, and a dispenser of the riches of the universe.

Chỉ người nào không mong muốn gì cho mình mới có thể là người tiếp nhận phúc lộc tài chính, và là người phân phát những sự giàu có của vũ trụ.

99. Many Masters have been such recipients. Their spiritual values and the behavior based on such values were sufficient to attract to them great resources for the helping of humanity and the world.

99. Nhiều Chân sư đã là những người tiếp nhận như thế. Các giá trị tinh thần của Các Ngài và cách ứng xử dựa trên những giá trị ấy đủ để thu hút đến với Các Ngài những nguồn lực lớn lao nhằm giúp đỡ nhân loại và thế giới.

In other cases where riches increase, they bring with them naught but sorrow and distress, discontent and misuse.

Trong những trường hợp khác, khi của cải gia tăng, chúng không mang theo gì ngoài buồn khổ và đau đớn, bất mãn và lạm dụng.

100. Few believe this to be the case until bitter experience teaches them otherwise.

100. Ít ai tin điều này là đúng cho đến khi kinh nghiệm cay đắng dạy cho họ điều ngược lại.

At this stage also the aspirant's life becomes an "instrument of destruction" in the occult sense of the term. Wherever he goes the force which flows through him from the higher planes, and from his own inner God, produces at times peculiar results upon his environment. It acts as a stimulator of both the good and the evil.

Ở giai đoạn này nữa, đời sống của người chí nguyện trở thành một "khí cụ hủy diệt" theo nghĩa huyền bí của thuật ngữ này. Bất cứ nơi nào y đi đến, mãnh lực tuôn qua y từ các cõi cao hơn, và từ Thượng đế nội tại của chính y, đôi khi tạo ra những kết quả đặc biệt đối với môi trường của y. Nó hoạt động như một tác nhân kích thích cả điều thiện lẫn điều ác.

101. The aspirant does not seek actively to destroy. It is simply the energy pouring through him which wields destruction.

101. Người chí nguyện không chủ động tìm cách hủy diệt. Chỉ đơn giản là năng lượng tuôn qua y vận dụng sự hủy diệt.

102. Notice that disciples and even initiates are often called “aspirants”.

102. Hãy lưu ý rằng các đệ tử và ngay cả các điểm đạo đồ cũng thường được gọi là “người chí nguyện”.

The lunar Pitris who form the bodies of his brothers and his own body are likewise stimulated, their activity is increased, and their power greatly aggravated.

Các thái âm tổ phụ tạo thành các thể của các huynh đệ y và thể của chính y cũng được kích thích; hoạt động của họ gia tăng, và quyền năng của họ bị làm trầm trọng thêm rất nhiều.

103. Again, he does not purposefully stimulate the lunar pitris in himself or in others. Rather, when he is conscious of wielding stimulation, he seeks to stimulate their soul. The lunar side-effects happen nonetheless.

103. Một lần nữa, y không cố ý kích thích các thái âm tổ phụ trong chính mình hay trong người khác. Đúng hơn, khi y có ý thức về việc vận dụng sự kích thích, y tìm cách kích thích linh hồn của họ. Tuy nhiên, các tác dụng phụ thuộc về thái âm vẫn xảy ra.

This fact is used by Those Who work on the inner side to bring about certain desired ends.

Sự kiện này được sử dụng bởi Những Đấng hoạt động ở mặt bên trong để đem lại một số cứu cánh mong muốn.

104. When a necessary disruption of the status quo is required, an aspirant may be sent where the disruption is required. He may, under certain circumstances, exert a beneficently disturbing influence.

This it is also which oft times temporarily causes the downfall of advanced souls. They cannot stand the force pouring into them, or upon them, [Page 867] and through the temporary over-stimulation of their centres and vehicles they go astray.

105. These are sections of text which first appeared in IHS. Apparently, the Tibetan considers them worth repeating.

106. It is always necessary to handle overstimulation. It is actually a greater danger than insufficient stimulation. The Path of Occultism is, among other things, a path of control. Loss of control (especially when one is "playing with fire") is an menace.

This can be seen working out in groups as well as in individuals.

107. Groups can lose control as well as individuals. An individual or group which is out of control are considered by the Masters to be hazards.

108. The behavior of aspirants and disciples is often full of surprises—even to the Master. One must watch oneself closely, attentive to the "inner monitor" if untoward responses are to be avoided.

104. Khi cần có một sự phá vỡ cần thiết đối với nguyên trạng, một người chí nguyện có thể được gửi đến nơi cần sự phá vỡ ấy. Trong một số hoàn cảnh nhất định, y có thể gây ra một ảnh hưởng gây xáo trộn nhưng có lợi.

Chính điều này cũng thường tạm thời gây nên sự sa ngã của các linh hồn tiến hóa cao. Họ không thể chịu đựng được mãnh lực tuôn vào họ, hay đổ xuống trên họ, [Page 867] và qua sự kích thích quá mức tạm thời các trung tâm và các vận cụ của họ, họ đi lạc đường.

105. Đây là những đoạn văn bản lần đầu xuất hiện trong IHS. Rõ ràng Chân sư Tây Tạng xem chúng đáng để lặp lại.

106. Luôn luôn cần phải xử lý sự kích thích quá mức. Thực ra đó là một nguy hiểm lớn hơn sự kích thích không đủ. Con Đường Huyền Bí Học, trong nhiều điều khác, là một con đường của sự kiểm soát. Sự mất kiểm soát (đặc biệt khi người ta đang "đùa với lửa") là một mối nguy.

Điều này có thể thấy diễn ra trong các nhóm cũng như trong các cá nhân.

107. Các nhóm cũng có thể mất kiểm soát như các cá nhân. Một cá nhân hay nhóm mất kiểm soát được các Chân sư xem là những mối nguy hại.

108. Hành vi của những người chí nguyện và các đệ tử thường đầy bất ngờ—ngay cả đối với Chân sư. Người ta phải quan sát chính mình chặt chẽ, chú ý đến "người giám sát bên trong", nếu muốn tránh những đáp ứng không thích đáng.

But, inversely, if the lunar Lords of the lower self have been earlier subjugated and brought under control, then the effect of the force and energy contacted is to stimulate the response of the physical brain consciousness and the head centres to egoic contact.

Nhưng ngược lại, nếu các nguyệt tinh quân của phàm ngã đã được khuất phục từ trước và được đặt dưới sự kiểm soát, thì hiệu quả của mãnh lực và năng lượng được tiếp xúc là kích thích đáp ứng của tâm thức bộ não hồng trần và các trung tâm đầu đối với tiếp xúc chân ngã.

109. We must learn to subdue the opposition. We know that the lunar lords will rebel when confronted with egoic energy (especially if they are untrained, unpurified and unsubdued). Thus, our task is indicated.

109. Chúng ta phải học cách khuất phục sự đối kháng. Chúng ta biết rằng các nguyệt tinh quân sẽ phản loạn khi đối diện với năng lượng chân ngã (đặc biệt nếu chúng không được huấn luyện, không được thanh luyện và không bị khuất phục). Vì vậy, nhiệm vụ của chúng ta đã được chỉ ra.

110. We wish for the lunar forces to become translucent and eventually non-resistant to the descent of egoic force.

110. Chúng ta mong muốn các mãnh lực thái âm trở nên trong suốt và cuối cùng không còn kháng cự đối với sự giáng xuống của mãnh lực chân ngã.

111. The alignment here required is between soul, mind and brain.

111. Sự chỉnh hợp được đòi hỏi ở đây là giữa linh hồn, trí tuệ và bộ não.

Then the otherwise destructive force becomes a factor for good and helpful stimulation,

Khi đó mãnh lực vốn nếu không sẽ có tính hủy diệt trở thành một yếu tố của điều thiện và của sự kích thích hữu ích,

112. We must not refrain from invoking egoic force for fear that the lunar vehicles will rebel and obstruct. We must set about the task (as soon as may be possible) of disciplining the potentially disruptive, rebellious forces.

112. Chúng ta không được ngần ngại khẩn cầu mãnh lực chân ngã chỉ vì sợ rằng các vận cụ thái âm sẽ phản loạn và cản trở. Chúng ta phải bắt tay vào nhiệm vụ (ngay khi có thể) là rèn luyện các mãnh lực có khả năng gây xáo trộn và phản loạn ấy.

and can be used by Those Who know how, to lead men on to further illumination.

và có thể được sử dụng bởi Những Đấng biết cách để dẫn dắt con người đến sự soi sáng hơn nữa.

113. Apparently destructive forces, under the right conditions, can be highly stimulative. In the pursuit of occultism, we

113. Những mãnh lực có vẻ hủy diệt, trong những điều kiện đúng đắn, có thể có tính kích thích rất cao. Trong việc theo đuổi

learn the meaning of the "two edged sword". We cannot always choose to deal with gentle energies. Rapid progress requires that we learn to handle *all* kinds of subtle energies.

huyền bí học, chúng ta học ý nghĩa của "thanh gươm hai lưỡi". Chúng ta không phải lúc nào cũng có thể chọn chỉ đề cập đến những năng lượng dịu nhẹ. Sự tiến bộ nhanh chóng đòi hỏi chúng ta phải học cách xử lý *mọi* loại năng lượng vi tế.

All these stages have to work out on all the three lower planes and in the three bodies; this they do according to the particular Ray and subray.

Tất cả các giai đoạn này phải được triển khai trên cả ba cõi thấp và trong ba thể; điều này chúng thực hiện tùy theo cung và cung phụ đặc thù.

114. In this case we are speaking of the monadic ray and the egoic ray. These two rays are focussed *above* the three lower planes (in this context considered the eighteen lower subplanes) and are thence directed *into* the three lower worlds.

114. Trong trường hợp này chúng ta đang nói về cung chân thần và cung chân ngã. Hai cung này được tập trung *ở trên* ba cõi thấp (trong ngữ cảnh này được xem là mười tám cõi phụ thấp) và từ đó được hướng *vào* ba cõi thấp.

115. The ray of the Ego and one of its subraces (the personality ray) is also of great importance in the training of the three bodies.

115. Cung của Chân ngã và một trong các cung phụ của nó (cung phàm ngã) cũng rất quan trọng trong việc huấn luyện ba thể.

In this fashion the work of the disciple is carried forward, and his testing and training carried out until the two circles of petals are unfolded, and the third is organised.

Theo cách này công việc của đệ tử được tiếp tục, và sự thử thách cùng huấn luyện của y được tiến hành cho đến khi hai vòngcánh hoa được khai mở, và vòng thứ ba được tổ chức.

116. We may presume that the text indicates that the period of the second initiation has been reached.

116. Chúng ta có thể giả định rằng bản văn cho thấy thời kỳ của lần điểm đạo thứ hai đã đạt đến.

117. However, were this the case, we would imagine that some unfoldment of the seventh and eighth petals would have occurred. Some unfoldment of the seventh petal occurs through the touch of the Rod at the first initiation and through the strenuous, abnormal effort of the disciple. And some unfoldment of the eighth petal occurs through the touch of the Rod at the

117. Tuy nhiên, nếu đúng như vậy, chúng ta sẽ hình dung rằng đã có một mức độ khai mở nào đó của cánh hoa thứ bảy và thứ tám. Một phần khai mở của cánh hoa thứ bảy xảy ra qua sự chạm của Thần Trượng Điểm đạo trong lần điểm đạo thứ nhất và qua nỗ lực căng thẳng, khác thường của đệ tử. Và một phần khai mở của cánh hoa thứ tám xảy ra qua sự chạm của Thần Trượng Điểm đạo

second initiation and through an intensification of fiery effort.

118. We may assume that the Tibetan does not cover all contingencies with every statement concerning the unfoldment of the petals.

119. To say that the third tier is organized does not mean that there is no petal unfoldment in the third tier. There may be organization *and* petal unfoldment.

Thus he is brought, through right direction of energy and wise manipulation of force currents, to the Portal of Initiation,

120. If DK is discussing bringing the candidate to the Portal of Initiation (before the first initiation) and is indicating that two tiers of petals must be "unfolded" if this is the case, we may gather that the two tiers are not *completely* and *perfectly* unfolded, for if they were the second initiation would have been taken, and the disciple would long before have passed through the "Portal of Initiation".

121. This may simply be an indication that the second tier is coming close to *completed* unfoldment but that such unfoldment is not yet achieved.

122. The minor discrepancies between what DK appears to be saying in different references must be carefully analyzed.

and graduates out of the Hall of Learning[76] into the great Hall of Wisdom—that Hall wherein he gradually becomes "aware" of forces, and powers, latent in his own Ego and egoic group.

trong lần điểm đạo thứ hai và qua sự tăng cường nỗ lực rực lửa.

118. Chúng ta có thể giả định rằng Chân sư Tây Tạng không bao quát mọi khả năng trong mỗi phát biểu liên quan đến sự khai mở các cánh hoa.

119. Nói rằng vòng thứ ba được tổ chức không có nghĩa là không có sự khai mở cánh hoa trong vòng thứ ba. Có thể có sự tổ chức *và* sự khai mở cánh hoa.

Như thế y được đưa, qua sự định hướng đúng đắn của năng lượng và sự vận dụng khôn ngoan các dòng mãnh lực, đến Cổng Điểm Đạo,

120. Nếu DK đang bàn về việc đưa ứng viên đến Cổng Điểm Đạo (trước lần điểm đạo thứ nhất) và cho thấy rằng hai vòng cánh hoa phải được "khai mở" nếu đúng như vậy, thì chúng ta có thể suy ra rằng hai vòng ấy không được *hoàn toàn* và *trọn vẹn* khai mở, vì nếu như thế thì lần điểm đạo thứ hai đã được tiếp nhận, và đệ tử từ lâu đã đi qua "Cổng Điểm Đạo".

121. Điều này có thể chỉ đơn giản là một dấu hiệu cho thấy vòng thứ hai đang tiến gần đến sự khai mở *hoàn tất* nhưng sự khai mở ấy vẫn chưa đạt được.

122. Những sai biệt nhỏ giữa điều DK dường như đang nói trong các tham chiếu khác nhau phải được phân tích cẩn thận.

và tốt nghiệp ra khỏi Phòng Hiểu Biết[76] để đi vào Đại Phòng Minh triết—Phòng mà trong đó y dần dần trở nên "nhận biết" các mãnh lực và quyền năng tiềm ẩn trong

chính chân ngã và nhóm chân ngã của mình.

123. This entry into the Hall of Wisdom occurs, *generically*, at the first initiation.

123. Việc đi vào Phòng Minh triết này, *một cách tổng quát*, xảy ra vào lần điểm đạo thứ nhất.

124. However, there are references which suggest that entry into that Hall occurs well before the first initiation—even as the fourth and fifth petal are being unfolded.

124. Tuy nhiên, có những dẫn chiếu gợi ý rằng việc đi vào Phòng ấy xảy ra từ rất lâu trước lần điểm đạo thứ nhất—ngay khi cánh hoa thứ tư và thứ năm đang được khai mở.

The fifth or spiritual kingdom is entered when the units of the fourth kingdom have succeeded in vitalizing the fifth spirilla in all the atoms of the threefold lower man; **when they [Page 698] have unfolded three of the egoic petals and are in process of unfolding the fourth and fifth and when they are becoming conscious of the pranic force of the Heavenly Man.**(TCF 697-698)

Giới thứ năm hay giới tinh thần được bước vào khi các đơn vị của giới thứ tư đã thành công trong việc tiếp sinh lực cho loa tuyến thứ năm trong mọi nguyên tử của phàm ngã tam phân thấp; **khi họ [Page 698] đã khai mở ba cánh hoa chân ngã và đang trong tiến trình khai mở cánh thứ tư và thứ năm, và khi họ đang trở nên hữu thức về prana lực của Đấng Thiên Nhân.**(TCF 697-698)

It is the Hall wherein he gains the right to use the force of the egoic group, for he can now be trusted to wield it only for the helping of humanity.

Đó là Phòng trong đó y đạt được quyền sử dụng mãnh lực của nhóm chân ngã, vì giờ đây y có thể được tin cậy là chỉ vận dụng nó để trợ giúp nhân loại.

125. He has used some of the powers of his Ego prior to initiation. Initiation brings with it *group consciousness* and thus access to the force of the egoic group.

125. Y đã sử dụng một số quyền năng của chân ngã mình trước khi điểm đạo. Điểm đạo mang theo *tâm thức nhóm* và do đó đem lại sự tiếp cận với mãnh lực của nhóm chân ngã.

Footnote [76]:

Cước chú 76:

The three Halls through which the soul of man must progress are spoken of in *The Voice of the Silence*, pp. 19, 20.

Ba Phòng mà linh hồn con người phải tiến qua được nói đến trong *Tiếng Nói của Im Lặng*, tr. 19, 20.

1st Hall..Hall of Ignorance...infant humanity...Physical plane.

Phòng thứ nhất..Phòng Vô Minh...nhân loại ấu thơ...cõi hồng trần.

126. Corresponding to the organization of the outer tier of petals.

126. Tương ứng với sự tổ chức vòng cánh hoa bên ngoài.

2nd Hall..Hall of Learning...average man.....astral plane.

Phòng thứ hai..Phòng Hiểu Biết...con người trung bình.....cõi cảm dục.

127. Corresponding to the unfolding of the knowledge tier of petals and the organization of some of the petals of the love tier.

127. Tương ứng với sự khai mở tầng cánh hoa tri thức và sự tổ chức một số cánh hoa của tầng bác ái.

3rd Hall..Hall of Wisdom...spiritual man.....mental plane.

Phòng thứ ba..Phòng Minh triết...con người tinh thần.....cõi trí.

128. Corresponding to the complete unfoldment of the fifth and sixth petals and later of the seventh, eighth and ninth petals, and stages beyond.

128. Tương ứng với sự khai mở hoàn toàn cánh hoa thứ năm và thứ sáu, và về sau là cánh thứ bảy, thứ tám và thứ chín, cùng các giai đoạn vượt lên trên.

The longest time is spent in the Hall of Ignorance.

Thời gian dài nhất được trải qua trong Phòng Vô Minh.

129. This is easily understood. The organization of the knowledge tier takes the longest time and so does its unfoldment. More time is spend building the foundation through the utilization of the third aspect of divinity than in erecting the superstructure upon it.

129. Điều này dễ hiểu. Việc tổ chức tầng tri thức mất thời gian lâu nhất và sự khai mở của nó cũng vậy. Người ta dành nhiều thời gian hơn để xây nền móng qua việc sử dụng phương diện thứ ba của thiên tính hơn là để dựng phần thượng tầng trên đó.

The later period in the Hall of Learning is called the Probationary Path.

Giai đoạn sau trong Phòng Hiểu Biết được gọi là Con Đường Dự Bị.

130. It would seem that only the later stages of the Hall of Learning can rightly be called the Path of Probation. The Tibetan may be making a general statement and may not be attempting the strictest accuracy.

130. Có vẻ như chỉ những giai đoạn sau của Phòng Hiểu Biết mới có thể được gọi đúng là Con Đường Dự Bị. Chân sư Tây Tạng có thể đang đưa ra một phát biểu tổng quát và có thể không cố đạt đến độ chính xác nghiêm ngặt nhất.

131. The Hall of Learning begins with the organization of the love tier, yet until the

131. Phòng Hiểu Biết bắt đầu với sự tổ chức tầng bác ái, nhưng cho đến khi tầng bác ái

love tier is completely organized, there is no true treading of the Path of Probation.

được tổ chức hoàn toàn thì chưa có sự thực sự bước đi trên Con Đường Dự Bị.

[certain Moon chain Egos] will stand ready before the close of the round [the next round] to pass on to the probationary path, having unfolded one tier of petals, and organised the second. (TCF 842)

[certain Moon chain Egos] sẽ sẵn sàng, trước khi kết thúc cuộc tuần hoàn [cuộc tuần hoàn kế tiếp], để bước lên Con Đường Dự Bị, sau khi đã khai mở một tầng cánh hoa và tổ chức tầng thứ hai. (TCF 842)

In the Hall of Wisdom the Initiate approaches the central mystery of Being.

Trong Phòng Minh triết, điểm đạo đồ tiếp cận huyền nhiệm trung tâm của Bản Thể.

132. It is the center of the Jewel in the Lotus which is the objective of understanding and contact in the Hall of Wisdom.

132. Chính trung tâm của Ngọc trong Hoa Sen là mục tiêu của sự thấu hiểu và tiếp xúc trong Phòng Minh triết.

133. The "central mystery of Being" is found in the Spirit or Monad and the representation of the Monad is the Jewel in the Lotus:

133. "Huyền nhiệm trung tâm của Bản Thể" được tìm thấy trong Tinh thần hay Chân thần, và biểu tượng của Chân thần là Ngọc trong Hoa Sen:

After the fourth Initiation, he becomes a sharer in, and can be trusted with some part of the energy of the planetary Logos

Sau lần điểm đạo thứ tư, y trở thành người cùng chia sẻ, và có thể được tin cậy với một phần nào đó của năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế

134. This, because he has truly entered the spiritual triad and can polarize on the buddhic plane.

134. Điều này là vì y đã thực sự đi vào Tam nguyên tinh thần và có thể phân cực trên cõi Bồ đề.

135. He is also sufficiently responsive to atma to be impressed with the Divine Plan.

135. Y cũng đủ đáp ứng với atma để được ghi khắc bởi Thiên Cơ.

and thus be enabled to carry forward the plans of that Logos for evolution.

và nhờ đó có thể xúc tiến các kế hoạch của Thượng đế ấy cho tiến hoá.

136. It is in the spiritual triad that the Divine Plan is worked out. At the fourth degree the man *is* a Triad (a true soul) and is no longer imprisoned within the causal body.

136. Chính trong Tam nguyên tinh thần mà Thiên Cơ được triển khai. Ở cấp thứ tư, con người *là* một Tam nguyên tinh thần (một linh hồn đích thực) và không còn bị giam hãm trong thể nguyên nhân nữa.

TCF 868-871 S7S11 Part I

17 - 31 August 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

[Page 868]

(e.) Initiation and the Petals. In considering the connection of the petals and their unfoldment through initiation, there is little which it is permissible to give out at this time [circa 1925] for the information of the general public.

1. VSK states and queries: This may still be true, close to one hundred years later? Or do we, how could we, have any more information? Why would it not be permissible? What would make it so?

2. May it be suggested that there are many intricacies in the process and that too much of a technical nature would be revealed about the accessing of energy?

3. We are not only speaking of the unfoldment of the petals but of their relations to each other. There are probably lines of connection between certain petals

17 - 31 tháng Tám 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Cước chú và các tham chiếu từ những sách AAB khác và từ các trang khác của TCF được đặt cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Xin đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

[Page 868]

(e.) Điểm đạo và các Cánh Hoa. Khi xem xét mối liên hệ của các cánh hoa và sự khai mở của chúng qua điểm đạo, có rất ít điều được phép tiết lộ vào lúc này [khoảng năm 1925] để cung cấp cho công chúng nói chung.

1. VSK nêu và hỏi: Điều này có thể vẫn còn đúng, gần một trăm năm sau chăng? Hay chúng ta, làm sao chúng ta, có thể có thêm thông tin nào nữa? Tại sao điều đó lại không được phép? Điều gì sẽ khiến nó trở thành như vậy?

2. Có thể gợi ý rằng có nhiều điều phức tạp trong tiến trình này và rằng quá nhiều điều mang tính kỹ thuật sẽ bị tiết lộ về việc tiếp cận năng lượng chăng?

3. Chúng ta không chỉ nói về sự khai mở của các cánh hoa mà còn về các mối liên hệ của chúng với nhau. Có lẽ có những đường nối giữa một số cánh hoa này với những cánh

and others, such that development in one leads to a reflexive type of development in the other or others.

hoa khác, đến mức sự phát triển ở một cánh dẫn đến một loại phát triển phản xạ ở cánh kia hay các cánh kia.

4. Perhaps we may expect greater revelation when the third installment of the Teaching begins to be presented after 2025.

4. Có lẽ chúng ta có thể mong đợi sự mặc khải lớn hơn khi phần thứ ba của Giáo Huấn bắt đầu được trình bày sau năm 2025.

All that is possible is to give certain statements, containing:

Tất cả những gì có thể làm là đưa ra một số phát biểu, bao gồm:

a. Hints as to the right direction of the energy,

a. Những gợi ý về hướng đi đúng của năng lượng,

5. This is a crucial study in the development of the would-be occultist.

5. Đây là một nghiên cứu then chốt trong sự phát triển của người muốn trở thành nhà huyền bí học.

6. "Energy follow thought and the eye directs the energy".

6. "Năng lượng đi theo tư tưởng và con mắt định hướng năng lượng".

b. Suggestions as to the basic mysteries which man has to solve,

b. Những gợi ý về các huyền nhiệm căn bản mà con người phải giải quyết,

7. One of the foremost of these is simply the "mystery of the soul" inevitably related to the "Mystery of the Solar Angel".

7. Một trong những huyền nhiệm hàng đầu trong số này đơn giản là "huyền nhiệm của linh hồn", tất yếu liên hệ với "Huyền Nhiệm của Thái dương Thiên Thần".

8. Capricorn is among the most mysterious of signs and is related to the "Secret of the Soul".

8. Ma Kết là một trong những dấu hiệu hoàng đạo huyền nhiệm nhất và có liên hệ với "Bí Mật của Linh Hồn".

c. Indications as to certain correspondences,

c. Những chỉ dẫn về một số tương ứng,

9. Through the cognition of these we gain an understanding of the larger patterns.

9. Qua sự nhận biết những điều này, chúng ta đạt được sự thấu hiểu về các mô hình lớn hơn.

d. Practical points for constructive thinking.

d. Những điểm thực tiễn cho tư duy xây dựng.

10. We are to become proficient in "constructive thinking"—thinking which builds in line with the Divine Plan.

10. Chúng ta phải trở nên thành thạo trong "tư duy xây dựng"—lối tư duy kiến tạo phù hợp với Thiên Cơ.

Students must remember that the aim of all truly occult teachers is not to give information **but to train their pupils in the use of thought energy**.

Các đạo sinh phải nhớ rằng mục tiêu của mọi huấn sư huyền bí học chân chính là không cung cấp thông tin **mà là huấn luyện học trò của mình trong việc sử dụng năng lượng tư tưởng**.

11. This, of course, is a vitally important thought. Yet, it cannot be denied that Master DK has given massive amounts of information through His numerous books.

11. Dĩ nhiên, đây là một tư tưởng cực kỳ quan trọng. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng Chân sư DK đã cung cấp một khối lượng thông tin đồ sộ qua nhiều quyển sách của Ngài.

12. The information given, however, is not for amassing but for application in service. Naturally, organization and correlation of the information must precede successful impartation and utilization in service.

12. Tuy nhiên, thông tin được trao ra không phải để tích lũy mà để áp dụng trong phụng sự. Đương nhiên, việc tổ chức và liên kết thông tin phải đi trước sự truyền đạt thành công và việc sử dụng nó trong phụng sự.

13. As well, the information given is meant to build new patterns of thought in the chela's consciousness. The juxtaposition of certain related items of knowledge tends to the realization of the certain energy patterns to which those items of thought are related.

13. Hơn nữa, thông tin được trao ra nhằm xây dựng những mô hình tư tưởng mới trong tâm thức của đệ tử. Sự đặt cạnh nhau của một số mục tri thức có liên hệ có khuynh hướng dẫn đến sự chứng nghiệm những mô hình năng lượng nhất định mà các mục tư tưởng ấy có liên hệ.

14. A student rightly trained in the use of thought energy can become a co-creator in the task of manifesting the Divine Plan.

14. Một đạo sinh được huấn luyện đúng đắn trong việc sử dụng năng lượng tư tưởng có thể trở thành một đồng sáng tạo viên trong công việc biểu hiện Thiên Cơ.

It will therefore be apparent why this method of instruction is the one invariably used. **It is the method which involves the dropping of a hint on the part of the Teacher, and the correlation perhaps of certain correspondences, coupled with a suggestion as to the sources of light.**

Do đó, sẽ hiển nhiên vì sao phương pháp giảng dạy này là phương pháp luôn luôn được sử dụng. **Đó là phương pháp bao hàm việc huấn sư đưa ra một gợi ý, và có lẽ liên kết một số tương ứng nhất định, cùng với một gợi ý về các nguồn ánh sáng.**

15. This is the method which *suggests* or *implies* the gestalt but does not *close* it. The gaps in knowledge which temporarily prevent the complete configuring of the pattern of knowledge act as stimuli to the evocation of the student' intuition.

15. Đây là phương pháp *gợi ra* hay *hàm ý* toàn thể cấu hình nhưng không *khép kín* nó. Những khoảng trống trong tri thức, vốn tạm thời ngăn cản việc cấu hình trọn vẹn mô hình tri thức, hoạt động như những kích thích để gợi lên trực giác của đạo sinh.

16. Let us tabulate the method:

16. Chúng ta hãy lập bảng phương pháp này:

a. The Teacher drops hints

a. Huấn sư đưa ra các gợi ý

b. The Teacher correlates certain correspondences but not all. Some correlations are left to the student.

b. Huấn sư liên kết một số tương ứng nhất định nhưng không phải tất cả. Một số sự liên kết được để lại cho đạo sinh.

c. The Teacher suggests the sources of light —the directions in which the light to be shed upon the hints and upon important correspondences may be found.

c. Huấn sư gợi ý các nguồn ánh sáng—những hướng mà trong đó có thể tìm thấy ánh sáng sẽ được rọi lên các gợi ý và lên những tương ứng quan trọng.

17. In this way, the Teacher *exercises* the faculties of the students rather than doing everything for them, thus producing 'spiritual weaklings' (as Master Morya has suggested).

17. Bằng cách này, huấn sư *rèn luyện* các năng lực của đạo sinh thay vì làm mọi thứ cho họ, nhờ đó không tạo ra những 'kẻ yếu đuối tinh thần' (như Chân sư Morya đã gợi ý).

It involves, on the part of the pupil, the **following recognitions**:

Điều đó đòi hỏi, về phía học trò, những **sự nhận biết sau đây**:

a. That the hint may be worth following.

a. Rằng gợi ý ấy có thể đáng để theo đuổi.

18. It is easy not to notice. Important hints may be 'dropped' and yet remain unrecognized, or if recognized, the potential value of the hint may not be anticipated and, therefore, the will to follow the hint may not be activated.

18. Rất dễ không nhận ra. Những gợi ý quan trọng có thể được 'đưa ra' mà vẫn không được nhận biết, hoặc nếu được nhận biết thì giá trị tiềm tàng của gợi ý có thể không được dự đoán, và vì thế ý chí theo đuổi gợi ý có thể không được kích hoạt.

b. That meditation is the pathway to the source of light, and that the hint dropped is the "seed" for meditation.

b. Rằng tham thiền là con đường dẫn đến nguồn ánh sáng, và rằng gợi ý được đưa ra là "hạt giống" cho tham thiền.

19. Meditation is an *act of spiritual progression.* It leads to light, to Light and eventually to the Greatest Light—the "unfettered enlightenment" of Shamballa.

19. Tham thiền là một *hành vi tiến triển tinh thần.* Nó dẫn đến ánh sáng, đến Ánh Sáng và cuối cùng đến Ánh Sáng Vĩ Đại Nhất—"giác ngộ không bị trói buộc" của Shamballa.

20. Every seed is an 'impelling unit of energy'. From the seed may grow the bridge to the Light.

20. Mỗi hạt giống là một 'đơn vị năng lượng thúc đẩy'. Từ hạt giống có thể mọc lên cây cầu dẫn đến Ánh Sáng.

c. That facts, ill-as**sort**ed and un**correlate**d, are menaces to knowledge and no help.

c. Rằng các sự kiện, nếu sắp xếp **lộn xộn** và không được **liên kết**, là những mối đe dọa đối với tri thức và không giúp ích gì.

21. It is not that the accumulation of facts is deleterious. Rather, the menace to knowledge comes if the accumulated facts remain "ill-assorted and uncorrelated".

21. Không phải là việc tích lũy sự kiện là có hại. Đúng hơn, mối đe dọa đối với tri thức xuất hiện nếu các sự kiện đã tích lũy vẫn "sắp xếp lộn xộn và không được liên kết".

22. Our task is to sort, organize and correlate accumulated facts, just as Master DK has done. The many hints He 'drops' indicate correlations which He has long ago made. Those correlations, for the most part, lie ahead for us. He does not, however, always reveal the correlations which await us. It is our task meditatively to bridge towards those correlated patterns of revelation (however vague or uncorrelated they may be for us when we begin treading the lighted path towards them).

22. Nhiệm vụ của chúng ta là sắp xếp, tổ chức và liên kết các sự kiện đã tích lũy, đúng như Chân sư DK đã làm. Nhiều gợi ý mà Ngài 'đưa ra' chỉ ra những sự liên kết mà Ngài đã thực hiện từ lâu. Phần lớn những sự liên kết ấy còn ở phía trước đối với chúng ta. Tuy nhiên, Ngài không phải lúc nào cũng tiết lộ những sự liên kết đang chờ đợi chúng ta. Nhiệm vụ của chúng ta là, qua tham thiền, bắt cầu đến những mô hình mặc khải đã được liên kết ấy (dù khi chúng ta bắt đầu bước trên Con Đường được Soi Sáng hướng về chúng, chúng có thể vẫn còn mơ hồ hay chưa được liên kết đối với chúng ta).

23. Mental digestion and assimilation are, thus, necessary.

23. Vì vậy, sự tiêu hóa và đồng hóa trí tuệ là cần thiết.

d. That every aspect of truth, progressively **grasp**ed, has to be **assimilate**d, and **weld**ed into the experience of the student.

d. Rằng mọi phương diện của chân lý, được nắm bắt dần dần, đều phải được **nắm bắt**, **đồng hóa**, và **hàn gắn** vào kinh nghiệm của đạo sinh.

24. We are given three important directives: *grasp, assimilate and weld.*

24. Chúng ta được trao ba chỉ dẫn quan trọng: *nắm bắt, đồng hóa và hàn gắn.*

25. Grasping and welding are Vulcanian acts. Assimilation belongs to Mercury and Venus.

25. Nắm bắt và hàn gắn là những hành vi thuộc Vulcan. Đồng hóa thuộc về Sao Thủy và Sao Kim.

26. That which is relatively 'low' in our nature has to undergo constructive change due to the impact of that which is 'high'. All higher substances taken-in must work their way 'down' in good order and with transformative effect upon the lower substances they touch.

26. Điều tương đối 'thấp' trong bản chất chúng ta phải trải qua sự thay đổi có tính xây dựng do tác động của điều 'cao'. Mọi chất liệu cao hơn được tiếp nhận phải vận hành dần 'đi xuống' một cách trật tự và với hiệu quả chuyển đổi lên những chất liệu thấp hơn mà chúng chạm tới.

e. That unless the correspondences agree in an atomic, personal, planetary and cosmic fashion, they are not to be trusted.

e. Rằng trừ phi các tương ứng phù hợp theo cách nguyên tử, cá nhân, hành tinh và vũ trụ, chúng không đáng được tin cậy.

27. Analogy and correspondence are not the "last word" regarding truth but they can be unusually valuable. Yet, trustworthy correspondences must be thoroughgoing. If they do not work out on all the levels emphasized by DK in this treatise (the atomic, the individual, the planetary and solar/cosmic) they cannot be relied upon.

27. Tương đồng và tương ứng không phải là "lời cuối cùng" về chân lý nhưng chúng có thể đặc biệt có giá trị. Tuy nhiên, những tương ứng đáng tin cậy phải thật triệt để. Nếu chúng không vận hành trên mọi cấp độ được DK nhấn mạnh trong bộ luận này (nguyên tử, cá nhân, hành tinh và thái dương/vũ trụ) thì không thể dựa vào chúng.

28. This statement forces us to question how we arrive at truth, and at the trustworthy premises which are intended to lead us into ever greater Truth.

28. Phát biểu này buộc chúng ta phải tự hỏi làm thế nào chúng ta đi đến chân lý, và đến những tiền đề đáng tin cậy vốn được dự định dẫn chúng ta vào Chân Lý ngày càng lớn hơn.

29. We are asked to verify the correspondences we use as a basis for our thought and our apprehension of reality. This will require patient, rigorous thought and the testimony of the intuition.

29. Chúng ta được yêu cầu kiểm chứng các tương ứng mà chúng ta dùng làm nền tảng cho tư tưởng và cho sự lĩnh hội thực tại của mình. Điều này sẽ đòi hỏi tư duy kiên nhẫn, nghiêm ngặt và chứng từ của trực giác.

f. Rằng nhiều thông tin bị giữ lại cho đến khi đạo sinh là một đệ tử, và còn nhiều hơn nữa

f. That much information is withheld until the student is a disciple, and still more until he is a pledged initiate.

cho đến khi y là một điểm đạo đồ đã tuyên thệ.

30. The stage of "pledged disciple" is omitted.

30. Giai đoạn "đệ tử đã tuyên thệ" bị bỏ qua.

31. It is also clear that one can be a *student* well before one is a *disciple*. Simply to study a great Teaching does not make one a disciple.

31. Cũng rõ ràng rằng một người có thể là một *đạo sinh* từ rất lâu trước khi là một *đệ tử*. Chỉ đơn giản nghiên cứu một Giáo Huấn vĩ đại không làm cho một người trở thành đệ tử.

32. Once the pledge is given, it is retained through various stages. The pledge is only intensified as initiations are sequentially 'passed'.

32. Một khi lời tuyên thệ đã được trao ra, nó được giữ vững qua nhiều giai đoạn khác nhau. Lời tuyên thệ chỉ được tăng cường khi các lần điểm đạo được 'vượt qua' tuần tự.

33. DK does not seem to be talking of a "probationary initiate", but of the true third degree initiate, who maintains and intensifies his pledge.

33. DK dường như không nói về một "điểm đạo đồ dự bị", mà nói về điểm đạo đồ đích thực cấp ba, người duy trì và tăng cường lời tuyên thệ của mình.

The reason for this is to be found in the [Page 869] fact that all knowledge concerns energy, its application, and its use or misuse.

Lý do của điều này được tìm thấy trong sự kiện ở [Page 869] rằng mọi tri thức đều liên quan đến năng lượng, sự áp dụng của nó, và việc sử dụng hay lạm dụng nó.

34. Growth of knowledge is growth in the capacity to apply energy, using it either correctly or incorrectly. When energy is misused much damage to the outworking of the Plan may result. It is better to withhold knowledge until a disciple or initiate can be trusted, than to run the risk of damage to the expression of the Divine Plan on our planet.

34. Sự tăng trưởng của tri thức là sự tăng trưởng trong năng lực áp dụng năng lượng, dùng nó hoặc đúng hoặc sai. Khi năng lượng bị lạm dụng, có thể gây ra nhiều tổn hại cho sự triển khai của Thiên Cơ. Tốt hơn là giữ lại tri thức cho đến khi một đệ tử hay điểm đạo đồ có thể được tin cậy, hơn là chấp nhận nguy cơ gây tổn hại cho sự biểu hiện của Thiên Cơ trên hành tinh chúng ta.

Let us now continue with our consideration of the petals and Initiation.

Giờ đây chúng ta hãy tiếp tục việc xem xét các cánh hoa và Điểm đạo.

Each of the three circles of lotus petals is closely connected with one of the three Halls. This has been earlier referred to. Much of the **work** connected with the *first tier of petals* is part of the experience in the Hall of Ignorance.

Mỗi một trong ba vòng cánh hoa sen đều liên hệ chặt chẽ với một trong ba Phòng. Điều này đã được nhắc đến trước đây. Phần lớn **công việc** liên hệ với *tầng cánh hoa thứ nhất* là một phần của kinh nghiệm trong Phòng Vô Minh.

35. Close connection, however, may not indicate that identicality. There are correlations between the Halls and the tiers which may be more complex than initially meets the eye.

35. Tuy nhiên, liên hệ chặt chẽ có thể không hàm ý sự đồng nhất. Có những tương quan giữa các Phòng và các tầng có thể phức tạp hơn điều thoạt nhìn thấy được.

36. We have already seen that the 777 incarnations (breaking into units of 700, 70 and 7) do not directly correlate with the processes to be found within the three tiers of petals.

36. Chúng ta đã thấy rằng 777 lần nhập thể (chia thành các đơn vị 700, 70 và 7) không tương ứng trực tiếp với các tiến trình được tìm thấy trong ba tầng cánh hoa.

37. We have to proceed carefully. Not *all* the work connected with the first tier of petals is experienced in the Hall of Ignorance.

37. Chúng ta phải tiến hành cẩn thận. Không phải *mọi* công việc liên hệ với tầng cánh hoa thứ nhất đều được trải nghiệm trong Phòng Vô Minh.

38. The term "work" is to be noted as it signifies the focused effort for which the man is responsible. Unfoldment follows after laborious "work".

38. Cần lưu ý thuật ngữ "công việc" vì nó biểu thị nỗ lực tập trung mà con người phải chịu trách nhiệm. Sự khai mở đến sau "công việc" nhọc nhằn.

39. The following excerpt must be linked up with the thought given in the preceding section of text:

39. Đoạn trích sau đây phải được liên kết với tư tưởng được nêu trong phần văn bản trước đó:

These three petals are organised and vitalised in the Hall of Ignorance, but remain unopened and only begin to unfold as the second circle is organised. (TCF 822)

Ba cánh hoa này được tổ chức và tiếp sinh lực trong Phòng Vô Minh, nhưng vẫn chưa mở ra và chỉ bắt đầu khai mở khi vòng thứ hai được tổ chức. (TCF 822)

40. When one organizes and vitalizes the petals of the second tier, has he stepped out of the Hall of Ignorance? It would seem so. Yet, it cannot be questioned that for such

40. Khi một người tổ chức và tiếp sinh lực cho các cánh hoa của tầng thứ hai, y đã bước ra khỏi Phòng Vô Minh chưa? Có vẻ là như vậy. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng

Egos as Brahmic Lotuses (who certainly are at work within the Hall of Ignorance) the first knowledge petal is, indeed, unfolded! So then, is it true or not that Brahmic Lotuses (and other lower forms of human expression) are actually at work in the second tier (in which the factor of discrimination, requiring a rather developed mentality) is exercised? It would seem that they are not that advanced.

đối với những chân ngã như Hoa Sen Brahma (những chân ngã chắc chắn đang hoạt động trong Phòng Vô Minh), cánh hoa tri thức thứ nhất quả thực đã được khai mở! Vậy thì, có đúng hay không rằng Hoa Sen Brahma (và những hình thức biểu hiện nhân loại thấp hơn khác) thực sự đang hoạt động trong tầng thứ hai (trong đó yếu tố phân biện, đòi hỏi một trí tuệ khá phát triển, được vận dụng)? Có vẻ như họ chưa tiến xa đến thế.

41. Or is it possible to organize and vitalize the love petals of the egoic lotus without leaving the Hall of Ignorance? It would seem that it is not possible as work within the second tier does require a degree of advancement which is not found within those working within the Hall of Ignorance.

41. Hay có thể nào tổ chức và tiếp sinh lực cho các cánh hoa bác ái của hoa sen chân ngã mà không rời khỏi Phòng Vô Minh? Có vẻ như điều đó không thể, vì công việc trong tầng thứ hai quả thật đòi hỏi một mức tiến bộ không thấy nơi những người đang hoạt động trong Phòng Vô Minh.

42. Maybe we cannot use broad and general strokes to represent the intricacies of this process of moving from the Hall of Ignorance into the Hall of Learning.

42. Có lẽ chúng ta không thể dùng những nét phác rộng và khái quát để biểu thị những điều phức tạp của tiến trình chuyển từ Phòng Vô Minh sang Phòng Hiểu Biết.

43. Probably each petal in the Hall of Learning has some correlation with the corresponding petal in the knowledge tier, in which case development within the petal in the knowledge tier would cause (at a certain point of sufficiency) a reflexive stirring of some kind in the corresponding petals in the Hall of Learning.

43. Có lẽ mỗi cánh hoa trong Phòng Hiểu Biết có một tương quan nào đó với cánh hoa tương ứng trong tầng tri thức, trong trường hợp ấy sự phát triển trong cánh hoa của tầng tri thức sẽ gây ra (ở một điểm đầy đủ nào đó) một sự khuấy động phản xạ thuộc loại nào đó trong các cánh hoa tương ứng ở Phòng Hiểu Biết.

The act of organising and preparing for unfoldment is the most important stage, and that with which man is the most concerned.

Hành vi tổ chức và chuẩn bị cho sự khai mở là giai đoạn quan trọng nhất, và là điều mà con người quan tâm nhiều nhất.

44. Here we have a sentence of the utmost importance. It indicates the process at which a man truly labors. The focussed desire and effort of the human being (the focused will later) is directed (consciously or

44. Ở đây chúng ta có một câu cực kỳ quan trọng. Nó chỉ ra tiến trình mà tại đó con người thực sự lao động. Dục vọng và nỗ lực tập trung của con người (về sau là ý chí tập trung) được hướng đến (một cách hữu thức

unconsciously) at organising and *preparing* for the unfoldment of the petals. Work within the energy fields represented by the petals is largely reflected in petal *organization*, and one may presume, by a degree of *vitalization*—though other forces like the Solar Angel and the representatives of the second aspect of divinity are largely responsible for vitalization. As well, the Rod of Initiation is a tremendous source of vitalization.

hay vô thức) việc tổ chức và *chuẩn bị* cho sự khai mở của các cánh hoa. Công việc trong các trường năng lượng được biểu thị bởi các cánh hoa phần lớn được phản ánh trong sự *tổ chức* cánh hoa, và có thể giả định là, ở một mức độ nào đó, bằng sự *tiếp sinh lực*—dù những mãnh lực khác như Thái dương Thiên Thần và các đại diện của phương diện thứ hai của thiên tính phần lớn chịu trách nhiệm về việc tiếp sinh lực. Ngoài ra, Thần Trượng Điểm đạo là một nguồn tiếp sinh lực vô cùng mạnh mẽ.

45. Labor precedes accomplishment. Labor is represented by *organisation*. Accomplishment by *unfoldment*. There is a difference between learning to play the piano and playing it like a virtuoso.

45. Lao động đi trước thành tựu. Lao động được biểu thị bằng *sự tổ chức*. Thành tựu bằng *sự khai mở*. Có một khác biệt giữa việc học chơi dương cầm và chơi nó như một bậc nghệ sĩ điêu luyện.

46. We all realize that there comes a point in the process of labor when something additional seems to take over—shall we call it a *propulsive, integrative factor*? Something additional seems to *work for* the man and he does not need to think about every step forward. He progresses as if borne along by the integrative interplay of the generated energies. There is an analogy here related to "entering the Stream". At the second initiation a man is borne along and carried forward by the spiritual energy of the group and of the Ashram. He need not take every step forward through his own individual labors. He is assisted by the forward movement of the beneficent energy-current he has entered—the "Stream".

46. Tất cả chúng ta đều nhận ra rằng có một điểm trong tiến trình lao động khi dường như có điều gì đó bổ sung tiếp quản—chúng ta có nên gọi đó là một *yếu tố thúc đẩy, tích hợp* chăng? Dường như có điều gì đó bổ sung *làm việc thay cho* con người và y không cần phải nghĩ về từng bước tiến lên. Y tiến bộ như thể được mang đi bởi sự tương tác tích hợp của các năng lượng đã được tạo ra. Ở đây có một tương đồng liên hệ với việc "đi vào Dòng". Ở lần điểm đạo thứ hai, con người được mang đi và được đưa tiến lên bởi năng lượng tinh thần của nhóm và của ashram. Y không cần phải tự mình thực hiện từng bước tiến lên bằng những lao động cá nhân riêng lẻ. Y được trợ giúp bởi chuyển động tiến tới của dòng năng lượng từ thiện mà y đã đi vào —"Dòng".

The act of petal opening is of briefer duration, and is produced by the pouring in of solar heat or fire, and thus bringing about a fresh access of energy.

Hành vi mở cánh hoa có thời lượng ngắn hơn, và được tạo ra bởi sự tuôn vào của nhiệt hay lửa thái dương, nhờ đó đem lại một sự tiếp cận năng lượng mới.

47. Again, a statement of vital importance. That which effects the opening of petals is minimally "solar heat or fire", the source of which can be considered the Solar Angels or the forces of the second aspect of divinity. The Rod of Initiation also, at first, distributes solar fire.

47. Một lần nữa, đây là một phát biểu có tầm quan trọng sống còn. Điều tạo ra sự mở của các cánh hoa, ở mức tối thiểu, là "nhiệt hay lửa thái dương", mà nguồn của nó có thể được xem là các Thái dương Thiên Thần hay các mãnh lực của phương diện thứ hai của thiên tính. Thần Trượng Điểm đạo cũng, lúc đầu, phân phối Lửa Thái dương.

48. From what is here said, it would appear that the man, individually, is not responsible of the actual *opening* of the petal. He does not force them open, as it were (though his "strenuous effort" evidence later when in the sacrifice tier surely assists in the process). He simply properly prepares the field towards which an access of solar energy is attracted. The solar heat or fire effects the opening, just as flowers in bud or with folded petals open to the rays of the sun.

48. Từ những gì được nói ở đây, có vẻ như con người, xét riêng từng cá nhân, không chịu trách nhiệm về sự *mở* thực sự của cánh hoa. Y không cưỡng ép chúng mở ra, có thể nói như vậy (dù "nỗ lực mãnh liệt" của y được chứng tỏ về sau khi ở trong tầng hi sinh chắc chắn có hỗ trợ tiến trình). Y chỉ đơn giản chuẩn bị đúng đắn trường mà về đó một sự tiếp cận của năng lượng thái dương được thu hút. Nhiệt hay lửa thái dương tạo ra sự mở, cũng như những bông hoa đang nụ hay có cánh khép lại mở ra trước tia nắng mặt trời.

49. It is significant that "petal opening" is of *briefer* opening than petal organization (and, presumably, than petal vitalization). This fact gives us some sense of how long it takes to prepare for the unfoldment of petals and sheds light upon the whole process of egoic lotus unfoldment from start to completion. One day we will be capable of ascertaining the timing of the various stages of petal and tier unfoldment and this will help us gauge with accuracy the duration of the various evolutionary stages of the human being. Such knowledge will also help us understand the stage at which a person finds himself and how long he may expect to continue within the process of that stage.

49. Điều đáng chú ý là "sự mở cánh hoa" có thời lượng *ngắn hơn* sự tổ chức cánh hoa (và có lẽ cũng ngắn hơn sự tiếp sinh lực cánh hoa). Sự kiện này cho chúng ta một cảm nhận nào đó về việc cần bao lâu để chuẩn bị cho sự khai mở các cánh hoa và soi sáng toàn bộ tiến trình khai mở hoa sen chân ngã từ đầu đến cuối. Một ngày nào đó chúng ta sẽ có khả năng xác định thời điểm của các giai đoạn khác nhau trong sự khai mở cánh hoa và tầng cánh hoa, và điều này sẽ giúp chúng ta đo lường chính xác thời lượng của các giai đoạn tiến hoá khác nhau của con người. Tri thức ấy cũng sẽ giúp chúng ta hiểu giai đoạn mà một người đang ở trong đó và y có thể mong đợi còn tiếp tục trong tiến trình của giai đoạn ấy bao lâu nữa.

50. All this goes to the answering of important questions:

50. Tất cả điều này góp phần trả lời những câu hỏi quan trọng:

a. Who am I?

b. Where am I in my process of evolutionary unfoldment?

c. What is my next step ahead?

This is produced in our earth scheme through the co-operation of the Mahachohan, of the Chohan of a man's egoic group, and the particular Ego concerned.

51. Here we learn of three forces (other than the force of the Rod of Initiation) which are responsible for petal unfoldment.

52. These are:

a. The Mahachohan

b. The Chohan of a man's egoic group.

c. The particular Ego concerned (thus implicating the Solar Angel or Solar Pitris which constitute a man's Ego)

53. We note that these are the Agencies responsible for petal unfoldment "in our earth scheme" and not on other planets, though there may be parallels.

54. To them we must add the forces generally expressing through the second aspect of divinity.

55. The Mahachohan wields the third aspect of divinity, an energy related to the devic substance of which the petals are

a. Tôi là ai?

b. Tôi đang ở đâu trong tiến trình khai mở tiến hoá của mình?

c. Bước kế tiếp của tôi là gì?

Điều này được tạo ra trong hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta qua sự hợp tác của Đức Mahachohan, của Chohan của nhóm chân ngã của một người, và của chính chân ngã liên hệ.

51. Ở đây chúng ta biết được ba mãnh lực (ngoài mãnh lực của Thần Trượng Điểm đạo) chịu trách nhiệm về sự khai mở cánh hoa.

52. Đó là:

a. Đức Mahachohan

b. Chohan của nhóm chân ngã của một người.

c. Chính chân ngã liên hệ (do đó bao hàm Thái dương Thiên Thần hay các thái dương tổ phụ cấu thành chân ngã của một người)

53. Chúng ta lưu ý rằng đây là những Tác Nhân chịu trách nhiệm về sự khai mở cánh hoa "trong hệ hành tinh Trái Đất của chúng ta" chứ không phải trên các hành tinh khác, dù có thể có những tương đồng.

54. Vào đó chúng ta còn phải thêm các mãnh lực nói chung biểu hiện qua phương diện thứ hai của thiên tính.

55. Đức Mahachohan vận dụng phương diện thứ ba của thiên tính, một năng lượng liên hệ với chất liệu thiên thần mà từ đó các cánh

constructed. The Solar Angels are *substantially* related to the egoic lotus, but their substance *underlies* the substance of the elemental essence and devas of the higher mental plane.

hoa được cấu tạo. Các Thái dương Thiên Thần có liên hệ *về mặt chất liệu* với hoa sen chân ngã, nhưng chất liệu của các Ngài *nằm bên dưới* chất liệu của tinh chất hành khí và các thiên thần của cõi thượng trí.

56. The Chohan of a man's egoic group naturally wields the energy of the second aspect of divinity, for a Chohan is an exponent of monadic energy from the *second subplane*—the systemic monadic plane.

56. Chohan của nhóm chân ngã của một người dĩ nhiên vận dụng năng lượng của phương diện thứ hai của thiên tính, vì một Chohan là một vị biểu hiện năng lượng chân thần từ *cõi phụ thứ hai*—cõi chân thần của hệ thống.

57. The Ego naturally wields solar fire.

57. Chân ngã dĩ nhiên vận dụng Lửa Thái dương.

58. That which we must understand is that it is largely the force of the *second aspect of divinity* which induces petal unfoldment but that the unfoldment of the earlier petals is also much aided by the force of the Mahachohan.

58. Điều chúng ta phải hiểu là phần lớn chính mãnh lực của *phương diện thứ hai của thiên tính* gây ra sự khai mở cánh hoa, nhưng sự khai mở của các cánh hoa đầu tiên cũng được trợ giúp rất nhiều bởi mãnh lực của Đức Mahachohan.

The following tabulation may be found helpful:

Bảng sau đây có thể thấy là hữu ích:

59. This tabulation must appear as something of a generalization. We find that there are many references to be compared if we are to understand the dynamics of organization, vitalization and unfoldment (to name the three most prominent process in the gradual opening of the egoic lotus).

59. Bảng này hẳn phải được xem như một sự khái quát hóa nào đó. Chúng ta thấy rằng có nhiều dẫn chiếu cần được so sánh nếu muốn hiểu động lực của sự tổ chức, tiếp sinh lực và khai mở (để nêu ba tiến trình nổi bật nhất trong sự mở dần của hoa sen chân ngã).

I. Knowledge Petals. First circle.

I. Các cánh hoa tri thức. Vòng thứ nhất.

a. Organised in the Hall of Ignorance.

a. Được tổ chức trong Phòng Vô Minh.

60. As previously stated, during the passage through the Hall of Ignorance, it appears that some types of lotuses have at least one

60. Như đã nói trước đây, trong khi đi qua Phòng Vô Minh, có vẻ như một số loại hoa sen có ít nhất một cánh hoa mở ra và một số

petal open and, some of them, another opening or opened.

61. So we might presume that during the experiences of the Hall of Ignorance, at least some degree of petal unfoldment is to be expected.

62. We might ask, are 'Atlantean Lotuses' with two petals opening to be considered as laboring in the Hall of Ignorance. It would seem so.

63. So much depends on how we define the term "ignorance". Probably the best definition in this context is 'ignorance of the soul"—yet even very primitive Lemurian man was, we are told *The Secret Doctrine*, aware of the presence of his indwelling 'God' or Solar Angel.

b. Guided by the force and energy of the Mahachohan.

64. This is reasonable. Both the *third* tier of petals and the Mahachohan are related to the *third* ray.

c. The third group of solar Pitris affected.

65. It is in this section of text that DK seems to differentiate between "solar Pitris", "solar Lords" and "solar Angels".

66. We must determine if there is a hint underlying this apparent differentiation. It may be, only *apparent* or something of a deep nature concerning distinctions to be

trong đó có thêm một cánh khác đang mở hoặc đã mở.

61. Vì vậy chúng ta có thể giả định rằng trong các kinh nghiệm của Phòng Vô Minh, ít nhất cũng phải có một mức độ khai mở cánh hoa nào đó được mong đợi.

62. Chúng ta có thể hỏi, liệu 'Hoa Sen Atlantis' với hai cánh hoa đang mở có được xem là đang lao động trong Phòng Vô Minh hay không. Có vẻ là như vậy.

63. Rất nhiều điều tùy thuộc vào cách chúng ta định nghĩa thuật ngữ "vô minh". Có lẽ định nghĩa tốt nhất trong bối cảnh này là 'vô minh về linh hồn'—thế nhưng ngay cả con người Lemuria rất nguyên thủy cũng, như chúng ta được cho biết trong *Giáo Lý Bí Nhiệm*, đã nhận biết sự hiện diện của 'Thượng đế' nội tại hay Thái dương Thiên Thần của mình.

b. Được hướng dẫn bởi mãnh lực và năng lượng của Đức Mahachohan.

64. Điều này là hợp lý. Cả tầng *thứ ba* của các cánh hoa lẫn Đức Mahachohan đều liên hệ với cung *thứ ba*.

c. Nhóm thứ ba của các thái dương tổ phụ bị tác động.

65. Chính trong phần này của bản văn mà Chân sư DK dường như phân biệt giữa "thái dương tổ phụ", "nhật tinh quân" và "Thái dương Thiên Thần".

66. Chúng ta phải xác định xem có một gợi ý nào nằm bên dưới sự phân biệt bề ngoài này hay không. Có thể đó chỉ là *bề ngoài*, hoặc cũng có thể một điều gì đó có bản chất sâu xa liên quan đến những phân biệt cần được

made within the rank of the Fifth Creative Hierarchy may be indicated.

67. If the outer tier of petals concern the *third* group of Solar Pitris, then it would seem that there is a second group and a first group, presumably related to the second tier and the first tier. If this were the case, then the term "solar Pitris" would apply to *all* those angelic forces which informed the petals and tiers of the egoic lotus.

II. Love Petals. Second circle.

a. Organised in the Hall of Learning.

68. If this is the case, then the petals of the knowledge tier are unfolding as the second circle of petals are being organized.

69. It is clear that the man is *organizing* as he is *learning.*

70. He is also supported by the capacity to *perform* those skills which were being learned during his passage through the Hall of Ignorance.

b. Guided by the force of the Bodhisattva.

71. This tier of petals consists, of course, of *love* petals and so its processes are guided by the energy of love—the energy of the Bodhisattva.

c. The second group of solar Lords affected.

72. It appears that "solar Lords" are being differentiated from "solar Pitris", and yet the

thực hiện trong hàng ngũ của Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm đang được chỉ ra.

67. Nếu vòng ngoài của các cánh hoa liên quan đến nhóm *thứ ba* của các thái dương tổ phụ, thì dường như có một nhóm thứ hai và một nhóm thứ nhất, có lẽ liên hệ lần lượt với tầng thứ hai và tầng thứ nhất. Nếu đúng như vậy, thì thuật ngữ "thái dương tổ phụ" sẽ áp dụng cho *tất cả* những mãnh lực thiên thần đã thấm nhuần các cánh hoa và các tầng của Hoa Sen Chân Ngã.

II. Các cánh hoa bác ái. Vòng thứ hai.

a. Được tổ chức trong Phòng Hiểu Biết.

68. Nếu đúng như vậy, thì các cánh hoa của tầng tri thức đang khai mở trong khi vòng cánh hoa thứ hai đang được tổ chức.

69. Rõ ràng là con người đang *tổ chức* khi y đang *học hỏi.*

70. Y cũng được nâng đỡ bởi khả năng *thực hiện* những kỹ năng đã được học trong khi đi qua Phòng Vô Minh.

b. Được hướng dẫn bởi mãnh lực của Đức Bồ Tát.

71. Tầng cánh hoa này dĩ nhiên gồm các cánh hoa *bác ái* và vì thế các tiến trình của nó được hướng dẫn bởi năng lượng bác ái—năng lượng của Đức Bồ Tát.

c. Nhóm thứ hai của các nhật tinh quân bị tác động.

72. Dường như "nhật tinh quân" đang được phân biệt với "thái dương tổ phụ", tuy nhiên

same reasoning applies as above. If it is the *second* group of "solar Lords" who are affected, then, presumably, there is a first and third group of such beings—assigned, it would seem, to the first and third tier respectively.

cùng một lối lý luận như trên vẫn áp dụng được. Nếu đó là nhóm *thứ hai* của các "nhật tinh quân" bị tác động, thì hẳn là có một nhóm thứ nhất và thứ ba của các hữu thể như thế—dường như được phân cho tầng thứ nhất và tầng thứ ba tương ứng.

73. We may be forced to conclude that "solar Pitris", "solar Lords" and "solar Angels" are all equivalent terms. Yet the mind cannot help but think that the Fifth Creative Hierarchy is a *hierarchy* after all, and must have within it beings of various ranks. Do these names indicate such ranks—that is the question.

73. Chúng ta có thể buộc phải kết luận rằng "thái dương tổ phụ", "nhật tinh quân" và "Thái dương Thiên Thần" đều là những thuật ngữ tương đương. Tuy nhiên, trí tuệ không thể không nghĩ rằng Huyền Giai Sáng Tạo thứ năm rốt cuộc vẫn là một *huyền giai* và hẳn phải có trong đó những hữu thể thuộc nhiều cấp bậc khác nhau. Liệu những danh xưng này có chỉ ra các cấp bậc ấy chăng—đó là câu hỏi.

III. Will or Sacrifice Petals. Third circle.

III. Các cánh hoa ý chí hay hi sinh. Vòng thứ ba.

a. Organised in the Hall of Wisdom.

a. Được tổ chức trong Phòng Minh triết.

74. This seems to be saying that when one works within the last tier, one is working within the Hall of Wisdom. And yet there is indication that work within the Hall of Wisdom contains some second tier unfoldment processes.

74. Điều này dường như muốn nói rằng khi người ta hoạt động trong tầng cuối cùng, thì người ấy đang hoạt động trong Phòng Minh triết. Tuy nhiên, vẫn có chỉ dấu cho thấy công việc trong Phòng Minh triết bao hàm một số tiến trình khai mở của tầng thứ hai.

The fifth or spiritual kingdom is entered when the units of the fourth kingdom have succeeded in vitalizing the fifth spirilla in all the atoms of the threefold lower man; [presumably the fifth spirilla of both the physical permanent atom and the astral permanent atom. The mental unit has no fifth spirilla] **when they [Page 698] have unfolded three of the egoic petals and are in process of unfolding the fourth and fifth and when they are becoming conscious of the pranic force of the Heavenly Man.**(TCF 697-698)

Giới thứ năm hay giới tinh thần được bước vào khi các đơn vị của giới thứ tư đã thành công trong việc tiếp sinh lực cho loa tuyến thứ năm trong mọi nguyên tử của phàm ngã tam phân; [có lẽ là loa tuyến thứ năm của cả nguyên tử trường tồn hồng trần lẫn nguyên tử trường tồn cảm dục. Đơn vị hạ trí không có loa tuyến thứ năm] **khi họ [Page 698] đã khai mở ba cánh hoa chân ngã và đang trong tiến trình khai mở cánh hoa thứ tư và thứ năm, và khi họ đang trở nên hữu thức về mãnh lực prana của Đấng Thiên Nhân.** (TCF 697-698)

75. It would seem that to enter the fifth or spiritual kingdom is to enter the Hall of Wisdom (the terms are usually equivalent), and yet we see man entering the fifth kingdom as he is unfolding the fourth and fifth petals. As the fourth and fifth petals are unfolding, can we say that the third tier or parts of the third tier are being organized? This is possible.

75. Dường như bước vào giới thứ năm hay giới tinh thần là bước vào Phòng Minh triết (các thuật ngữ này thường tương đương), tuy nhiên chúng ta thấy con người bước vào giới thứ năm khi y đang khai mở cánh hoa thứ tư và thứ năm. Khi cánh hoa thứ tư và thứ năm đang khai mở, liệu chúng ta có thể nói rằng tầng thứ ba hay những phần của tầng thứ ba đang được tổ chức không? Điều này là có thể.

76. Of course, again we must be careful. Is becoming conscious of the pranic force of the Heavenly Man the same as entering the fifth or spiritual kingdom? We can be sure that the spiritual kingdom is entered by the time the fifth petal is *completely* unfolded, for this unfoldment is equivalent to having taken the first initiation. But can it justifiably be said that that fifth kingdom is being entered as the fourth and fifth petal are simply unfolding?

76. Dĩ nhiên, một lần nữa chúng ta phải cẩn trọng. Việc trở nên hữu thức về mãnh lực prana của Đấng Thiên Nhân có đồng nghĩa với việc bước vào giới thứ năm hay giới tinh thần không? Chúng ta có thể chắc chắn rằng giới tinh thần được bước vào vào lúc cánh hoa thứ năm được khai mở *hoàn toàn*, vì sự khai mở này tương đương với việc đã trải qua lần điểm đạo thứ nhất. Nhưng liệu có thể nói một cách chính đáng rằng giới thứ năm ấy đang được bước vào khi cánh hoa thứ tư và thứ năm chỉ mới đang khai mở hay không?

77. Yet, the pranic forces of the Heavenly Man are (since the Heavenly Man has His chakras on the cosmic ethers) to be considered as cosmic etheric, and thus related minimally to *buddhi* (the principle found expressing through the lowest of the cosmic ethers) with its second aspect and its definite relation to the Solar Angels.

77. Tuy nhiên, các mãnh lực prana của Đấng Thiên Nhân là (vì Đấng Thiên Nhân có các luân xa của Ngài trên các dĩ thái vũ trụ) cần được xem là dĩ thái vũ trụ, và do đó liên hệ tối thiểu với *Bồ đề* (nguyên khí được biểu lộ qua cõi thấp nhất của các dĩ thái vũ trụ) với phương diện thứ hai của nó và mối liên hệ xác định của nó với các Thái dương Thiên Thần.

78. Let us consider the following reference:

78. Chúng ta hãy xem xét đoạn trích dẫn sau:

In this fashion the work of the disciple is carried forward, and his testing and training carried out until the two circles of petals are unfolded, and the third is organised. **Thus he is brought,**

Theo cách này công việc của đệ tử được tiếp tục, và sự thử thách cùng huấn luyện của y được thực hiện cho đến khi hai vòng cánh hoa được khai mở, và vòng thứ ba được tổ chức. **Như vậy y được đưa,**

through right direction of energy and wise manipulation of force currents, to the Portal of Initiation, and graduates out of the Hall of Learning[76] into the great Hall of Wisdom—that Hall wherein he gradually becomes "aware" of forces, and powers, latent in his own Ego and egoic group. (TCF 867)

qua sự định hướng đúng đắn của năng lượng và sự vận dụng khôn ngoan các dòng mãnh lực, đến Cổng Điểm Đạo, và tốt nghiệp khỏi Phòng Hiểu Biết76 để đi vào Phòng Minh triết vĩ đại —Phòng mà trong đó y dần dần trở nên "nhận biết" các mãnh lực và quyền năng tiềm tàng trong chính chân ngã và nhóm chân ngã của mình. (TCF 867)

79. If we consider this carefully, we may judge that when the two circles of petals are unfolded or well-nigh unfolded, then the third tier is *completely* organized.

79. Nếu xem xét điều này cẩn thận, chúng ta có thể phán đoán rằng khi hai vòng cánh hoa được khai mở hoặc gần như được khai mở, thì tầng thứ ba được tổ chức *hoàn toàn*.

80. The "Portal of Initiation", however, is the portal of the *first* initiation, and it is at this point that, according to the reference above, two circles of petals are unfolded and the third organized.

80. Tuy nhiên, "Cổng Điểm Đạo" là cổng của lần điểm đạo *thứ nhất*, và chính tại điểm này, theo đoạn trích dẫn trên, hai vòng cánh hoa được khai mở và vòng thứ ba được tổ chức.

81. Yet, from another perspective, the taking of the first initiation is the same as entering the fifth kingdom of nature the Kingdom of Souls.

81. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, việc trải qua lần điểm đạo thứ nhất cũng chính là bước vào giới thứ năm của thiên nhiên, Thiên Giới của các linh hồn.

82. At the first initiation, the seventh petal must be touched by the Rod of Initiation, for the sacrifice petals are unfolded to a great extent through the application of the Rod. Thus, if initiation begins, the Rod must be applied. Even the first initiation, with the initial application of the Bodhisattva's Rod, has a definite relation to the sacrifice tier and thus, minimally, to the seventh petal.

82. Ở lần điểm đạo thứ nhất, cánh hoa thứ bảy hẳn phải được chạm đến bởi Thần Trượng Điểm đạo, vì các cánh hoa hi sinh được khai mở ở mức độ lớn qua việc áp dụng Thần Trượng. Do đó, nếu điểm đạo bắt đầu, Thần Trượng hẳn phải được áp dụng. Ngay cả lần điểm đạo thứ nhất, với sự áp dụng ban đầu Thần Trượng của Đức Bồ Tát, cũng có mối liên hệ xác định với tầng hi sinh và vì thế, ở mức tối thiểu, với cánh hoa thứ bảy.

83. This would mean that as the first initiation is about to be taken, the seventh

83. Điều này có nghĩa là khi lần điểm đạo thứ nhất sắp được trải qua, cánh hoa thứ bảy có

petal is probably unfolded to at least some degree (as the initiate is initiate *before* he is *initiated*) and so it would seem that *more* than the organization of the sacrifice tier is indicated by the time that two circles of petals are unfolded.

lẽ đã được khai mở ít nhất ở một mức độ nào đó (vì điểm đạo đồ là điểm đạo đồ *trước khi* y được *điểm đạo*) và do đó dường như vào lúc hai vòng cánh hoa được khai mở thì điều được chỉ ra là *nhiều* hơn việc chỉ tổ chức tầng hi sinh.

84. Perhaps complete organization of the sacrifice tier does not preclude the unfoldment of some of the sacrifice petals.

84. Có lẽ việc tổ chức hoàn toàn tầng hi sinh không loại trừ sự khai mở của một số cánh hoa hi sinh.

85. In fact, it is reasonable to hypothesize that the second initiation is taken as the *sixth* petal is *completely* unfolded, in which case, the seventh petal (following the impact of the Rod a significant number of lives earlier) would be *quite* unfolded.

85. Thật vậy, hợp lý khi giả định rằng lần điểm đạo thứ hai được trải qua khi cánh hoa *thứ sáu* được khai mở *hoàn toàn*, trong trường hợp đó, cánh hoa thứ bảy (sau tác động của Thần Trượng từ một số lượng đáng kể kiếp sống trước đó) sẽ được khai mở *khá* nhiều.

86. Thus, again, with anything resembling the complete unfoldment of the second tier, far more than organization *only* is indicated with respect to the sacrifice tier.

86. Vì vậy, một lần nữa, với bất cứ điều gì gần giống như sự khai mở hoàn toàn của tầng thứ hai, điều được chỉ ra đối với tầng hi sinh là nhiều hơn rất nhiều so với việc *chỉ* tổ chức.

87. We can see how intricate the matter seems to be become. Nothing will substitute for direct accurate *sight* of the process of unfoldment. Until we have such sight, we must speculate as intelligently and imaginatively as we can on inference.

87. Chúng ta có thể thấy vấn đề dường như trở nên phức tạp đến mức nào. Không gì có thể thay thế cho *linh thị* trực tiếp và chính xác về tiến trình khai mở. Cho đến khi có được linh thị ấy, chúng ta phải suy đoán một cách thông minh và giàu sự tưởng tượng nhất có thể dựa trên suy luận.

b. Guided by the force and energy of the Manu.

b. Được hướng dẫn bởi mãnh lực và năng lượng của Đức Manu.

88. The Manu wields the first aspect of divinity which is correlated to the sacrifice petals.

88. Đức Manu vận dụng phương diện thứ nhất của thiên tính, phương diện tương ứng với các cánh hoa hi sinh.

c. The first group of solar Angels affected.

c. Nhóm thứ nhất của các Thái dương Thiên Thần bị tác động.

89. We are presented with the same issue and questions. Are there a second and third group of "solar Angels" and, if so, how are they focussed within the egoic lotus?

89. Chúng ta lại được đặt trước cùng một vấn đề và những câu hỏi ấy. Có chăng một nhóm thứ hai và thứ ba của các "Thái dương Thiên Thần", và nếu có, chúng được tập trung như thế nào trong Hoa Sen Chân Ngã?

At the stage which we are considering (that of the organisation and unfoldment of the first tier of petals),

Ở giai đoạn mà chúng ta đang xem xét (giai đoạn tổ chức và khai mở tầng cánh hoa thứ nhất),

90. I.e., life within in the Hall of Ignorance and transition out of the Hall of Ignorance—for we find the Tibetan differentiating concerning the results of "organisation" and "unfoldment" when speaking of the first tier.

90. Tức là đời sống trong Phòng Vô Minh và sự chuyển tiếp ra khỏi Phòng Vô Minh—vì chúng ta thấy Chân sư Tây Tạng có sự phân biệt liên quan đến kết quả của "sự tổ chức" và "sự khai mở" khi nói về tầng thứ nhất.

the egoic influence felt at the beginning is but small,

ảnh hưởng chân ngã được cảm nhận lúc ban đầu chỉ là rất nhỏ,

91. Yet the influence *is* felt, or there would not be petal unfoldment. Yet, the Ego does not, thus far, take an "active interest" in the affairs of the personality it is supervising. This does not happen until the fifth petal is beginning to open. Obviously, this opening occurs *before* the first initiation, yet, withal, at the antechamber of the Hall of Wisdom.

91. Tuy nhiên, ảnh hưởng ấy *được* cảm nhận, nếu không thì đã không có sự khai mở cánh hoa. Tuy nhiên, cho đến lúc này, chân ngã chưa có "sự quan tâm tích cực" đến các công việc của phàm ngã mà nó đang giám sát. Điều này không xảy ra cho đến khi cánh hoa thứ năm bắt đầu mở ra. Rõ ràng sự mở ra này xảy ra *trước* lần điểm đạo thứ nhất, nhưng dù sao cũng ở tiền sảnh của Phòng Minh triết.

The Ego takes no active interest in the development until the second petal in the second series is beginning to open. (TCF 543)

Chân ngã không có sự quan tâm tích cực đến sự phát triển cho đến khi cánh hoa thứ hai trong dãy thứ hai bắt đầu mở ra. (TCF 543)

but when the three petals become sufficiently active and alive **through the energy accumulated and stored up in the** [Page 870] **ego** during the activities of the personal life,

nhưng khi ba cánh hoa trở nên đủ hoạt động và sống động **nhờ năng lượng được tích lũy và chứa đựng trong** [Page 870] **chân ngã** trong các hoạt động của đời sống phàm ngã,

92. Here we are told how it is that petals become "active and alive". It is through the

92. Ở đây chúng ta được cho biết bằng cách nào các cánh hoa trở nên "hoạt động và sống

energy stored up in the Ego as a result of the activities of the personal life. At least "personal life" is the basis of such activation though, no doubt, the supervising Solar Angel/Solar Angels are involved.

động". Đó là nhờ năng lượng được tích trữ trong chân ngã như là kết quả của các hoạt động của đời sống phàm ngã. Ít nhất thì "đời sống phàm ngã" là nền tảng của sự hoạt hóa như thế, dù chắc chắn Thái dương Thiên Thần/các Thái dương Thiên Thần giám sát cũng có liên quan.

a form of initiation then takes place which is a reflection (on a lower plane) of the great manasic initiations.

khi ấy một hình thức điểm đạo diễn ra, là sự phản chiếu (trên một cõi thấp hơn) của các cuộc điểm đạo manas vĩ đại.

93. We are learning of a type of initiation which occurs when the three knowledge petals become "sufficiently active and alive". This indicates a stage of unfoldment for *all* of them, though whether we can call it complete or perfected unfoldment is still to be questioned.

93. Chúng ta đang tìm hiểu về một loại điểm đạo xảy ra khi ba cánh hoa tri thức trở nên "đủ hoạt động và sống động". Điều này chỉ ra một giai đoạn khai mở của *tất cả* chúng, dù liệu chúng ta có thể gọi đó là sự khai mở hoàn toàn hay viên mãn hay không vẫn còn cần được đặt câu hỏi.

94. With regard to the "great manasic initiations", *all* the initiations from the first to the fifth can be called "great manasic initiations". We might question whether the sixth initiation can be called "manasic", for it occurs, from one perspective, 'above' the level of atma which is the highest manasic field upon the cosmic physical plane.

94. Liên quan đến "các cuộc điểm đạo manas vĩ đại", *tất cả* các cuộc điểm đạo từ lần thứ nhất đến lần thứ năm đều có thể được gọi là "các cuộc điểm đạo manas vĩ đại". Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu lần điểm đạo thứ sáu có thể được gọi là "manas" hay không, vì từ một góc nhìn nào đó, nó xảy ra 'bên trên' cấp độ atma, vốn là trường manas cao nhất trên cõi hồng trần vũ trụ.

The energy in the outer circle of petals causes it to spring apart from the next circle, and to unfold.

Năng lượng trong vòng cánh hoa ngoài làm cho nó bung tách khỏi vòng kế tiếp, và khai mở.

95. Shall we pay attention to the sequence? Is it necessary that a tier "spring apart" first if all the petals within it are to become completely unfolded.

95. Chúng ta có nên chú ý đến trình tự này không? Có cần thiết rằng một tầng trước hết phải "bung tách" nếu tất cả các cánh hoa trong đó muốn được khai mở hoàn toàn không?

96. Perhaps any degree of unfoldment is incomplete unless there has been this springing apart.

96. Có lẽ bất kỳ mức độ khai mở nào cũng chưa hoàn chỉnh nếu chưa có sự bung tách này.

This threefold energy becomes interactive and a very definite stage is thus reached.

Năng lượng tam phân này trở nên tương tác và do đó một giai đoạn rất xác định được đạt đến.

97. Not only are the three knowledge petals unfolded, but, with the knowledge tier springing apart, the three knowledge petals become "interactive". This represents a type of synthesis and represents a further stage to mere unfoldment. Three become as one. We have a trinitization of the knowledge tier.

97. Không chỉ ba cánh hoa tri thức được khai mở, mà cùng với việc tầng tri thức bung tách, ba cánh hoa tri thức trở nên "tương tác". Điều này biểu thị một loại tổng hợp và biểu thị một giai đoạn vượt xa sự khai mở đơn thuần. Ba trở thành một. Chúng ta có một sự trinitization của tầng tri thức.

This series of initiations is seldom recognised within the physical brain consciousness owing to the relatively inchoate stage of the bodies, and the unresponsiveness of the brain matter.

Chuỗi điểm đạo này hiếm khi được nhận biết trong tâm thức bộ não hồng trần do giai đoạn còn tương đối chưa định hình của các thể, và sự không đáp ứng của vật chất não bộ.

98. We have a *series* of initiations, so we shall surely look for more than one. May we presume that when the second tier of petals springs apart and becomes interactive than another one in the series of initiations occurs? We might think so, but discover later that an exact analogy does not hold good.

98. Chúng ta có một *chuỗi* điểm đạo, vì vậy chắc chắn chúng ta sẽ tìm kiếm nhiều hơn một cuộc. Liệu chúng ta có thể giả định rằng khi tầng cánh hoa thứ hai bung tách và trở nên tương tác thì một cuộc khác trong chuỗi điểm đạo này xảy ra không? Chúng ta có thể nghĩ như vậy, nhưng rồi sau đó khám phá rằng một phép tương đồng chính xác không đứng vững.

99. Does the series consist of only *two* initiations? It would be a small series, but so it seems.

99. Chuỗi này chỉ gồm *hai* cuộc điểm đạo thôi sao? Đó sẽ là một chuỗi nhỏ, nhưng dường như là như vậy.

100. We may reason that, should the second tier spring apart, it would mean, that both the second and third petals of the love tier would be *completely* unfolded, and this would certainly indicate the first initiation and most probably the second.

100. Chúng ta có thể lý luận rằng, nếu tầng thứ hai bung tách, điều đó có nghĩa là cả cánh hoa thứ hai lẫn thứ ba của tầng bác ái đều sẽ được khai mở *hoàn toàn*, và điều này chắc chắn sẽ chỉ ra lần điểm đạo thứ nhất và rất có thể là lần điểm đạo thứ hai.

101. The following shows that when the fifth petal is opened, the first initiation is taken.

101. Điều sau đây cho thấy rằng khi cánh hoa thứ năm được mở ra, lần điểm đạo thứ nhất được trải qua.

On the buddhic plane, when flashing forth at initiation,

Trên cõi Bồ đề, khi lóe sáng ra lúc điểm đạo,

102. And by this, the *first* initiation is meant…

102. Và bởi điều này, lần điểm đạo *thứ nhất* được hàm ý…

this number signifies the full development of the fifth principle or quality, the completed cycle of the Ego upon the five Rays under the Mahachohan,

con số này biểu thị sự phát triển trọn vẹn của nguyên khí hay phẩm tính thứ năm, chu kỳ hoàn tất của chân ngã trên năm cung dưới quyền Đức Mahachohan,

103. For at initiation, the ray of the Bodhisattva comes strongly into influence.

103. Vì vào lúc điểm đạo, cung của Đức Bồ Tát đi vào ảnh hưởng một cách mạnh mẽ.

and the assimilation of all that is to be learned upon them, and the attainment—not only of full self-consciousness,

và sự đồng hóa tất cả những gì phải được học trên các cung ấy, và sự đạt được—không chỉ ngã thức trọn vẹn,

104. This self-consciousness is strictly individual, and relates to the cycle of lives spent with the Ego focussed on the third subplane of the higher mental plane.

104. Ngã thức này hoàn toàn có tính cá nhân biệt lập, và liên hệ đến chu kỳ các kiếp sống được trải qua khi chân ngã tập trung trên cõi phụ thứ ba của Cõi thượng trí.

but also of the consciousness of the group wherein a man is found.

mà còn cả tâm thức của nhóm mà một người thuộc vào.

105. Consciousness of one's group (at least *increasing* consciousness thereof) is the gift of the first initiation.

105. Tâm thức về nhóm của mình (ít nhất là tâm thức *ngày càng tăng* về điều đó) là món quà của lần điểm đạo thứ nhất.

It infers the full unfoldment of five of the egoic petals, leaving four to open before the final initiation. (TCF 696)

Điều này hàm ý sự khai mở trọn vẹn của năm cánh hoa chân ngã, còn lại bốn cánh sẽ mở ra trước lần điểm đạo cuối cùng. (TCF 696)

106. This is a clear indication that five of the egoic petals are fully opened at the first initiation.

106. Đây là một chỉ dẫn rõ ràng rằng năm cánh hoa chân ngã được mở hoàn toàn ở lần điểm đạo thứ nhất.

107. Naturally, this implies that six of the egoic petals are fully unfolded by the time the second initiation is taken, and this is usually (or almost invariably) many lives later.

107. Tự nhiên, điều này hàm ý rằng sáu cánh hoa chân ngã được khai mở hoàn toàn vào lúc lần điểm đạo thứ hai được trải qua, và điều này thường là (hoặc gần như luôn luôn là) nhiều kiếp sống về sau.

108. We see how carefully we must proceed as we attempt to untangle the sequence of petal unfoldment. There are apparently ambiguous or even contradictory references, and none of them can be dismissed. Usually, however, an interpretive key can be found to reconcile apparently contradictory references.

108. Chúng ta thấy mình phải tiến hành cẩn trọng đến mức nào khi cố gắng tháo gỡ trình tự khai mở các cánh hoa. Rõ ràng có những đoạn tham chiếu mơ hồ hoặc thậm chí mâu thuẫn, và không đoạn nào trong số đó có thể bị gạt bỏ. Tuy nhiên, thông thường vẫn có thể tìm thấy một chìa khóa diễn giải để hòa giải những đoạn tham chiếu có vẻ mâu thuẫn.

109. Returning to our theme, we find that the pre-manasic initiations are not registered in the brain of the man taking them. The bodies are relatively inchoate and so do not act as reliable transmitters of Egoic force and impression, and the substance of the brain is still unresponsive.

109. Trở lại chủ đề của chúng ta, chúng ta thấy rằng các cuộc điểm đạo tiền-manas không được ghi nhận trong bộ não của người trải qua chúng. Các thể còn tương đối chưa định hình và vì thế không hoạt động như những bộ truyền dẫn đáng tin cậy của mãnh lực và ấn tượng chân ngã, và chất liệu của não bộ vẫn chưa đáp ứng.

Yet they are nevertheless initiations of a definite though less important character, and they involve primarily the display (within the personal life of the man) of **an intelligent recognition of his group relationships on earth**.

Tuy nhiên, dầu sao chúng vẫn là những cuộc điểm đạo có tính chất xác định dù kém quantrọng hơn, và chúng chủ yếu bao hàm sự biểu lộ (trong đời sống phàm ngã của con người) của **một sự nhận biết thông minh về các mối liên hệ nhóm của y trên Trái Đất**.

110. The type of recognition suggests an interplay between the third and second aspects of divinity.

110. Loại nhận biết này gợi ý một sự tương tác giữa phương diện thứ ba và thứ hai của thiên tính.

111. If a sense of group relations is emerging, we can infer that there is

111. Nếu một cảm thức về các mối liên hệ nhóm đang xuất hiện, chúng ta có thể suy ra

unfoldment occurring in the fifth petal, as the energy of the Solar Angel will be pouring into that petal stimulating the second aspect (as one prepares for the first initiation) and is not actively interested until the fifth petal is in process of unfoldment.

rằng đang có sự khai mở xảy ra trong cánh hoa thứ năm, vì năng lượng của Thái dương Thiên Thần sẽ đang tuôn vào cánh hoa ấy, kích thích phương diện thứ hai (khi người ta chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ nhất) và không có sự quan tâm tích cực cho đến khi cánh hoa thứ năm đang trong tiến trình khai mở.

112. When this type of lesser initiation occurs, how far is the human being from taking the first initiation? Perhaps not very far considering the long history of petal organization and unfoldment involving the knowledge petals.

112. Khi loại điểm đạo nhỏ này xảy ra, con người còn cách lần điểm đạo thứ nhất bao xa? Có lẽ không quá xa nếu xét đến lịch sử dài của sự tổ chức và khai mở cánh hoa liên quan đến các cánh hoa tri thức.

113. Yet the taking of the first minor initiation, does not signify that the taking of the first of the great manasic initiations is imminent.

113. Tuy nhiên, việc trải qua lần điểm đạo nhỏ thứ nhất không có nghĩa rằng việc trải qua cuộc đầu tiên trong các cuộc điểm đạo manas vĩ đại là sắp xảy ra.

This recognition is frequently selfish in character, as, for instance, that which the union worker displays, but it is indicative of group interplay.

Sự nhận biết này thường có tính ích kỷ, chẳng hạn như điều mà người hoạt động công đoàn biểu lộ, nhưng nó là dấu hiệu của sự tương tác nhóm.

114. VSK states: “This illustrates the value and limitation of family, tribal, group and ‘economic or social movement’ groups (such as this union worker example), It is selfish stage, but it is a rightful stage (like all stages, one to be entered, experienced, and left behind).”

114. VSK nói: “Điều này minh họa giá trị và giới hạn của các nhóm gia đình, bộ lạc, nhóm và các nhóm ‘phong trào kinh tế hay xã hội’ (như ví dụ người hoạt động công đoàn này), Đây là giai đoạn ích kỷ, nhưng là một giai đoạn đúng đắn (giống như mọi giai đoạn, một giai đoạn phải được bước vào, trải nghiệm, và bỏ lại phía sau).”

115. Let us think of selfishness. The first major blow against selfishness is not struck until the second initiation. So we can see that selfishness follows us well into the sacrifice tier of petals and is present even when there is partial unfoldment of two of these petals.

115. Chúng ta hãy nghĩ về tính ích kỷ. Đòn đánh lớn đầu tiên chống lại tính ích kỷ chỉ được giáng xuống ở lần điểm đạo thứ hai. Vì vậy chúng ta có thể thấy rằng tính ích kỷ theo chúng ta đi sâu vào tầng cánh hoa hi sinh và hiện diện ngay cả khi đã có sự khai mở từng phần của hai cánh hoa này.

116. At least, in the unfolding of the first tier of petals (as a whole) the first indications of real brotherhood are manifesting.

116. Ít nhất, trong sự khai mở của tầng cánh hoa thứ nhất (xét như một toàn thể), những chỉ dấu đầu tiên của tình huynh đệ đích thực đang biểu lộ.

A similar process takes place when the second circle of petals is organised and ready for unfoldment.

Một tiến trình tương tự diễn ra khi vòng cánh hoa thứ hai được tổ chức và sẵn sàng để khai mở.

117. Let us proceed very carefully. DK did not say that such a minor initiation (the second in the series) occurs when the love tier of petals is unfolding or unfolded, but only when the circle is *organised* and *ready* for unfoldment. So the parallel is not exact, as with respect to the first tier of petals the unfoldment *has* occurred and with regard to the second tier, it has *not* yet occurred.

117. Chúng ta hãy tiến hành thật cẩn trọng. Chân sư DK không nói rằng một cuộc điểm đạo nhỏ như thế (cuộc thứ hai trong chuỗi) xảy ra khi tầng cánh hoa bác ái đang khai mở hay đã khai mở, mà chỉ khi vòng ấy được *tổ chức* và *sẵn sàng* để khai mở. Vì vậy sự song hành không hoàn toàn chính xác, bởi đối với tầng cánh hoa thứ nhất thì sự khai mở *đã* xảy ra, còn đối với tầng thứ hai thì nó *chưa* xảy ra.

118. Therefore, we see that the thought that the *complete* unfoldment of the second tier indicates the taking of the second initiation is not contradicted.

118. Do đó, chúng ta thấy rằng ý nghĩ cho rằng sự khai mở *hoàn toàn* của tầng thứ hai chỉ ra việc trải qua lần điểm đạo thứ hai không bị mâu thuẫn.

This time the World Teacher, the Master and the Ego concerned are co-operating,

Lần này Đức Chưởng Giáo Thế Gian, Chân sư và chân ngã liên hệ đang hợp tác,

119. And not the Mahachohan…

119. Và không phải Đức Mahachohan…

120. In general, petal opening occurring before initiation occurs through the agency of the Mahachohan, the Chohan of a man's egoic group and the particular Ego concerned.

120. Nói chung, sự mở cánh hoa xảy ra trước điểm đạo diễn ra qua tác nhân của Đức Mahachohan, Chohan của nhóm chân ngã của một người và chính chân ngã liên hệ.

121. Now, however, we are becoming specific. The minor initiation administered at this time (the second in the series) occurs through the agency of the Christ (or World Teacher) the Master (Who is or will be the man's Master) and, again, the Ego concerned.

121. Tuy nhiên, giờ đây chúng ta đang trở nên cụ thể. Cuộc điểm đạo nhỏ được ban truyền vào lúc này (cuộc thứ hai trong chuỗi) diễn ra qua tác nhân của Đức Christ (hay Đức Chưởng Giáo Thế Gian), Chân sư (Đấng là hoặc sẽ là Chân sư của người ấy) và,

It appears that the Mahachohan is only involved at the earlier stage.

một lần nữa, chân ngã liên hệ. Dường như Đức Mahachohan chỉ tham dự ở giai đoạn sớm hơn.

for **these smaller initiations deal with the love nature**,

vì **những cuộc điểm đạo nhỏ hơn này đề cập đến bản chất bác ái**,

122. Both of them do, not only the second minor initiation supervised by the Christ.

122. Cả hai cuộc đều như vậy, không chỉ cuộc điểm đạo nhỏ thứ hai do Đức Christ giám sát.

123. One wonders if the commonly perceived religious phenomenon of being "born again" has something to do with the taking of this second in a series of minor initiations.

123. Người ta tự hỏi liệu hiện tượng tôn giáo thường được cảm nhận là "được tái sinh" có liên quan gì đến việc trải qua cuộc thứ hai trong một chuỗi các cuộc điểm đạo nhỏ này hay không.

with astral or emotional organisation, and with the recognition (by the man in his personal life) of some form of unselfish love, and of a love for some object, person or ideal which leads to altruistic endeavor, and to the negation of the lower self.

với sự tổ chức cảm dục hay cảm xúc, và với sự nhận biết (của con người trong đời sống phàm ngã của y) về một hình thức bác ái vô ngã nào đó, và về tình thương đối với một đối tượng, một người hay một lý tưởng dẫn đến nỗ lực vị tha, và đến sự phủ nhận phàm ngã.

124. Let us tabulate the results of the taking of this second *minor* initiation.

124. Chúng ta hãy lập bảng các kết quả của việc trải qua cuộc điểm đạo *nhỏ* thứ hai này.

a. These minor initiations deal with the love nature

a. Những cuộc điểm đạo nhỏ này đề cập đến bản chất bác ái

b. These minor initiations deal with astral or emotional organisation

b. Những cuộc điểm đạo nhỏ này đề cập đến sự tổ chức cảm dục hay cảm xúc

c. They deal with the recognition by the man in his personal life of some form of unselfish love

c. Chúng đề cập đến sự nhận biết của con người trong đời sống phàm ngã của y về một hình thức bác ái vô ngã nào đó

d. They deal with a love for some object, person or ideal which leads to altruistic endeavor

d. Chúng đề cập đến tình thương đối với một đối tượng, một người hay một lý tưởng dẫn đến nỗ lực vị tha

e. These minor initiations deal with some form of negation of the lower self

e. Những cuộc điểm đạo nhỏ này đề cập đến một hình thức phủ nhận phàm ngã nào đó

125. We can see that it is certainly possible for those who are not yet initiates of the first degree to 'meet' the Christ, the Master and the Ego. In some manner He presides over this second *minor* initiation.

125. Chúng ta có thể thấy rằng chắc chắn những người chưa phải là điểm đạo đồ bậc một vẫn có thể 'gặp' Đức Christ, Chân sư và chân ngã. Theo một cách nào đó, Ngài chủ trì cuộc điểm đạo *nhỏ* thứ hai này.

126. The two types of initiation concerned seem to be occurring *before* there is any significant unfolding of the petals of the second tier, because, it would seem, that by the time the fourth and fifth petals of the second tier are in process of unfoldment, the individual is already in the early stages of entering the spiritual kingdom (having activated the fifth spirilla and having accessed the pranic, cosmic etheric nature of the Heavenly Man).

126. Hai loại điểm đạo liên hệ dường như xảy ra *trước* khi có bất kỳ sự khai mở đáng kể nào của các cánh hoa thuộc tầng thứ hai, bởi vì dường như vào lúc cánh hoa thứ tư và thứ năm của tầng thứ hai đang trong tiến trình khai mở, cá nhân ấy đã ở trong các giai đoạn đầu của việc bước vào giới tinh thần (đã hoạt hóa loa tuyến thứ năm và đã tiếp cận bản chất prana, dĩ thái vũ trụ của Đấng Thiên Nhân).

127. Those taking the first and even the second of these two minor initiations have not entered the spiritual kingdom.

127. Những người trải qua cuộc thứ nhất và thậm chí cuộc thứ hai trong hai cuộc điểm đạo nhỏ này vẫn chưa bước vào giới tinh thần.

This brings us to the third group of petals or to the unfolding of the will or sacrifice petals, based on intelligent purpose and pure love.

Điều này đưa chúng ta đến nhóm cánh hoa thứ ba hay đến sự khai mở các cánh hoa ý chí hay hi sinh, dựa trên mục đích thông minh và bác ái thuần khiết.

128. It is interesting that DK did not mention the process of *organising* first.

128. Thật thú vị khi Chân sư DK không đề cập đến tiến trình *tổ chức* trước tiên.

129. We seem to be saying that when the sacrifice petals are *unfolding*, then intelligent purpose and pure love are *demonstrating* in the life. This is different from saying that one is merely *working* upon cultivating these qualities.

129. Dường như chúng ta đang nói rằng khi các cánh hoa hi sinh đang *khai mở*, thì mục đích thông minh và bác ái thuần khiết đang *biểu lộ* trong đời sống. Điều này khác với việc nói rằng người ta chỉ đơn thuần đang *nỗ lực* vun bồi những phẩm tính ấy.

130. We must remember that, as stated above, the sacrifice petals are *organised* in the Hall of Wisdom. It would seem correct to say that they are also *unfolded* in this same Hall.

130. Chúng ta phải nhớ rằng, như đã nói ở trên, các cánh hoa hi sinh được *tổ chức* trong Phòng Minh triết. Dường như cũng đúng khi nói rằng chúng cũng được *khai mở* trong chính Phòng này.

131. Here we see a parallel, or the knowledge petals are *organized* in the Hall of Ignorance but, close scrutiny seems to show that some of them, at least, are also unfolded to some degree during the experiences of the Hall of Ignorance.

131. Ở đây chúng ta thấy một sự song hành, tức là các cánh hoa tri thức được *tổ chức* trong Phòng Vô Minh, nhưng sự khảo sát kỹ lưỡng dường như cho thấy rằng ít nhất một số trong chúng cũng được khai mở ở một mức độ nào đó trong các kinh nghiệm của Phòng Vô Minh.

The force in this group calls in a different factor, that of the Manu, as well as the force of the Bodhisattva,

Mãnh lực trong nhóm này gọi vào một yếu tố khác, đó là Đức Manu, cũng như mãnh lực của Đức Bồ Tát,

132. Let us compare:

132. Chúng ta hãy so sánh:

a. Complete unfoldment of the first tier involved the force of the Mahachohan and the Ego. It may be that the Chohan of a man's egoic group was also involved.

a. Sự khai mở hoàn toàn của tầng thứ nhất bao hàm mãnh lực của Đức Mahachohan và chân ngã. Có thể Chohan của nhóm chân ngã của một người cũng có liên quan.

b. The second *minor* initiation occurs when the second tier of petals are organized and "ready for unfoldment". Presumably, this means they have been "vitalised". The Bodhisattva and the Master are involved in this process as well as, again, the Ego.

b. Cuộc điểm đạo *nhỏ* thứ hai xảy ra khi tầng cánh hoa thứ hai được tổ chức và "sẵn sàng để khai mở". Có lẽ điều này có nghĩa là chúng đã được "tiếp sinh lực". Đức Bồ Tát và Chân sư có liên quan trong tiến trình này cũng như, một lần nữa, chân ngã.

c. The next unfoldment process calls for the intervention of the Manu and the Bodhisattva (the first Hierophant). The force of the Ego is not mentioned at first, but presumably it is involved as the Solar Angel is present during the initiation ceremonies beginning from the first and lasting, perhaps, through the fourth, at which time, the Solar Angels take their leave of the now

c. Tiến trình khai mở kế tiếp đòi hỏi sự can thiệp của Đức Manu và Đức Bồ Tát (Đấng Điểm đạo thứ nhất). Mãnh lực của chân ngã lúc đầu không được nhắc đến, nhưng có lẽ nó có liên quan vì Thái dương Thiên Thần hiện diện trong các nghi lễ điểm đạo bắt đầu từ lần thứ nhất và kéo dài, có lẽ, đến lần thứ tư, vào lúc đó các Thái dương Thiên Thần rời khỏi phàm ngã nhân loại được linh hồn thấm nhuần mà các ngài đã giám sát.

soul-infused human personality they have been supervising.

d. We learn below that the Master is also involved.

and the desired effect is produced through the full co-operation of the fully awakened Ego,

133. Yes, the Ego is fully involved and is fully awakened. We can question whether the Ego is really "fully awakened" even at the first degree, but perhaps it is sufficiently awakened to participate in a new and more influential manner.

aided by his own Master (if he is evolving in a cycle wherein hierarchical effort for humanity takes the form it does in this present one), and the Manu.

134. This is interesting. We see that the candidate for initiation will be aided by his own Master only if his initiation is occurring during a cycle wherein the Spiritual Hierarchy is aiding humanity. Was this aid transpiring on the Moon-chain, for surely there were initiations to be taken on that chain—in fact the fourth was, we are told, possible.

135. There may be initiations occurring through a more natural and less interventionist process. Individualization on the Moon-chain chain occurred through such a more natural process and so, perhaps, did initiation.

d. Chúng ta sẽ biết ở dưới rằng Chân sư cũng có liên quan.

và hiệu quả mong muốn được tạo ra qua sự hợp tác trọn vẹn của chân ngã đã hoàn toàn thức tỉnh,

133. Đúng vậy, chân ngã hoàn toàn tham dự và đã hoàn toàn thức tỉnh. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu chân ngã có thật sự "hoàn toàn thức tỉnh" ngay cả ở bậc thứ nhất hay không, nhưng có lẽ nó đã đủ thức tỉnh để tham gia theo một cách mới mẻ và có ảnh hưởng hơn.

được trợ giúp bởi chính Chân sư của y (nếu y đang tiến hoá trong một chu kỳ mà nỗ lực của Thánh đoàn đối với nhân loại mang hình thức như trong chu kỳ hiện nay), và bởi Đức Manu.

134. Điều này thật thú vị. Chúng ta thấy rằng ứng viên điểm đạo sẽ chỉ được chính Chân sư của mình trợ giúp nếu điểm đạo của y xảy ra trong một chu kỳ mà Thánh đoàn tinh thần đang trợ giúp nhân loại. Sự trợ giúp này có diễn ra trên Dãy Mặt Trăng không, vì chắc chắn đã có những cuộc điểm đạo phải được trải qua trên dãy ấy—thật vậy, như chúng ta được cho biết, lần thứ tư là có thể.

135. Có thể có những cuộc điểm đạo xảy ra qua một tiến trình tự nhiên hơn và ít có sự can thiệp hơn. Sự biệt ngã hóa trên Dãy Mặt Trăng đã xảy ra qua một tiến trình tự nhiên hơn như thế và vì vậy, có lẽ điểm đạo cũng vậy.

136. We seem to be saying that the Manu is somehow involved in *all* the great manasic initiations. The mode of His involvement is probably specific to each initiation, and more potent at the third initiation than at the earlier two.

136. Dường như chúng ta đang nói rằng Đức Manu bằng cách nào đó có liên quan đến *tất cả* các cuộc điểm đạo manas vĩ đại. Phương thức tham dự của Ngài có lẽ là đặc thù cho từng cuộc điểm đạo, và mạnh hơn ở lần điểm đạo thứ ba so với hai lần đầu.

Eventually (after the second Initiation) the Lord of the World comes [Page 871] in as a factor,—**the Lord of world power, fully expressing itself in love.**

Cuối cùng (sau lần điểm đạo thứ hai) Đức Chúa Tể Thế Giới trở thành [Page 871] một yếu tố,—**Đức Chúa Tể của quyền năng thế gian, biểu lộ trọn vẹn trong bác ái.**

137. We must be speaking of the second Initiation of the Threshold, because if the term "second initiation" meant the fourth initiation (as it occasionally it does), the Lord of the World would be entering the process later than is generally recognized and described in so many other references.

137. Chúng ta hẳn phải đang nói về lần điểm đạo thứ hai của Ngưỡng Cửa, bởi vì nếu thuật ngữ "lần điểm đạo thứ hai" lại có nghĩa là lần điểm đạo thứ tư (như đôi khi quả có như vậy), thì Đức Chúa Tể Thế Giới sẽ bước vào tiến trình này muộn hơn điều thường được nhìn nhận chung và được mô tả trong rất nhiều chỗ tham chiếu khác.

138. We are not told how soon after the third initiation this occurs. One would imagine that this emergence of the influence of the Lord of the World would occur as the third initiation is approached, but we are told that Sanat Kumara becomes a factor in the initiate's consciousness after the second initiation, as does an orientation towards identification and Will.

138. Chúng ta không được cho biết điều này xảy ra bao lâu sau lần điểm đạo thứ ba. Người ta có thể tưởng rằng sự xuất hiện này của ảnh hưởng từ Đức Sanat Kumara sẽ xảy ra khi lần điểm đạo thứ ba đang được tiến gần đến, nhưng chúng ta được cho biết rằng Đức Sanat Kumara trở thành một yếu tố trong tâm thức của điểm đạo đồ sau lần điểm đạo thứ hai, cũng như có một sự định hướng hướng về đồng hoá và Ý Chí.

The greatest problem facing aspirants and disciples prior to the third initiation is that of comprehending the nature of identification. This concerns (in the first instance) the relation of the self to the Self and of all selves to the all-inclusive SELF. (R&I 172)

Vấn đề lớn nhất đối diện với những người chí nguyện và các đệ tử trước lần điểm đạo thứ ba là việc thấu hiểu bản chất của sự đồng hoá. Điều này liên quan (trước hết) đến mối liên hệ của ngã với Chân ngã và của mọi ngã với SELF bao gồm tất cả. (R&I 172)

139. We see that during the unfoldment of the sacrifice tier, it is not only the Manu, the Bodhisattva, the Master and Ego who are

139. Chúng ta thấy rằng trong suốt sự khai mở của tầng hi sinh, không chỉ Đức Manu, Đức Bồ Tát, Chân sư và chân ngã có liên hệ,

involved, but the Lord of the World, Himself (however attenuated or modulated His influence).

mà còn cả Đức Chúa Tể Thế Giới, chính Ngài nữa (dù ảnh hưởng của Ngài có bị làm mỏng đi hay được điều biến đến đâu).

Speaking generally, therefore, it might be stated that egoic groups in whom the knowledge petals are being organised and unfolded come under the primary influence of the Mahachohan;

Nói chung, vì vậy, có thể phát biểu rằng các nhóm chân ngã nơi đó các cánh hoa tri thức đang được tổ chức và khai mở chịu dưới ảnh hưởng chủ yếu của Đức Mahachohan;

140. We note that DK is describing not only individual Egos but egoic groups with certain characteristics. Such groups as described immediately above contain those who are largely in the Hall of Ignorance or just beginning to emerge from it. They live under the sway of the third aspect of divinity and thus are related to the energy wielded by the Mahachohan—the third ray.

140. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK đang mô tả không chỉ các chân ngã cá nhân mà còn các nhóm chân ngã với những đặc tính nhất định. Những nhóm như được mô tả ngay trên gồm những người phần lớn còn ở trong Phòng Vô Minh hoặc chỉ mới bắt đầu thoát ra khỏi đó. Họ sống dưới quyền chi phối của phương diện thứ ba của thiên tính và do đó có liên hệ với năng lượng do Đức Mahachohan vận dụng—cung ba.

those in whom the love aspect, or the second circle of petals, is opening come under the primary influence of the Bodhisattva,

còn những người nơi đó phương diện bác ái, hay vòng cánh hoa thứ hai, đang mở ra thì chịu dưới ảnh hưởng chủ yếu của Đức Bồ Tát,

141. We remember that as the love petals are unfolding, the individual is standing on the threshold of the Kingdom of God.

141. Chúng ta nhớ rằng khi các cánh hoa bác ái đang khai mở, cá nhân đang đứng trên ngưỡng cửa của Thiên Giới.

142. There are other influences to which Egos in such egoic groups are subject, but the influence of the Bodhisattva is primary.

142. Có những ảnh hưởng khác mà các chân ngã trong những nhóm chân ngã như thế phải chịu, nhưng ảnh hưởng của Đức Bồ Tát là chủ yếu.

with the knowledge unfoldment paralleling the work;

với sự khai mở tri thức song hành với công việc;

143. Here we see that knowledge unfoldment continues as the love petals are unfolding. It certainly cannot be said that the processes related to the love petals are devoid of knowledge. There is even a

143. Ở đây chúng ta thấy rằng sự khai mở tri thức vẫn tiếp tục khi các cánh hoa bác ái đang khai mở. Chắc chắn không thể nói rằng các tiến trình liên hệ đến các cánh hoa bác ái lại thiếu vắng tri thức. Thậm chí còn có một

knowledge petal within the three love petals and also one within the sacrifice tier (as well as in the synthesis tier).

cánh hoa tri thức bên trong ba cánh hoa bác ái và cũng có một cánh hoa như vậy bên trong tầng hi sinh (cũng như trong tầng tổng hợp).

144. However, it may be inferred, that when the love petals are unfolding, the three petals of the knowledge tier are already unfolded, for the love petals do not unfold unless the first of the minor initiations is taken, and it is taken well before the second tier is unfolding.

144. Tuy nhiên, có thể suy ra rằng khi các cánh hoa bác ái đang khai mở, thì ba cánh hoa của tầng tri thức đã khai mở rồi, vì các cánh hoa bác ái không khai mở trừ phi lần điểm đạo nhỏ đầu tiên đã được tiếp nhận, và điều này xảy ra khá lâu trước khi tầng thứ hai khai mở.

145. The principle is, that the unfoldment of the previous aspect continues as attention is placed upon the succeeding aspect.

145. Nguyên lý là sự khai mở của phương diện trước đó vẫn tiếp tục khi sự chú ý được đặt vào phương diện kế tiếp.

whilst those in whom the third tier is being opened come under the energy direction of the Manu, with the two other types of force co-ordinated.

trong khi những người nơi đó tầng thứ ba đang được mở ra thì chịu dưới sự chỉ đạo năng lượng của Đức Manu, với hai loại mãnh lực kia được phối hợp.

146. As the Manu is influencing the opening of the sacrifice tier of petals, knowledge and love are coordinated in support of the sacrificial unfoldment.

146. Khi Đức Manu đang ảnh hưởng đến sự mở ra của tầng cánh hoa hi sinh, tri thức và bác ái được phối hợp để hỗ trợ cho sự khai mở hi sinh.

147. Knowledge and love continue to deepen in support of the development of sacrifice.

147. Tri thức và bác ái tiếp tục đào sâu để hỗ trợ cho sự phát triển của hi sinh.

It will be apparent to the careful reader

Điều này sẽ hiển nhiên đối với độc giả cẩn trọng

148. And this we must surely become, however far we are from the desired degree of carefulness..

148. Và chắc chắn chúng ta phải trở thành như thế, dù chúng ta còn xa đến đâu so với mức độ cẩn trọng mong muốn..

that in this fact lies hid the secret of **why the Mahachohan holds office longer than either of His two Brothers**, holding it as He does for an entire world period.

rằng chính trong sự kiện này ẩn giấu bí mật về **vì sao Đức Mahachohan giữ chức vụ lâu hơn hai Huynh Đệ của Ngài**, vì Ngài giữ chức vụ ấy trong suốt một chu kỳ thế giới.

149. A world period (from one perspective) is an entire globe-period of a chain-round and can last tens of millions of years. We may wonder whether the Mahachohan is present at the beginning of the world period when the round passes through our globe.

149. Một chu kỳ thế giới (xét từ một góc độ) là trọn một chu kỳ bầu hành tinh của một cuộc tuần hoàn trong một Dãy và có thể kéo dài hàng chục triệu năm. Chúng ta có thể tự hỏi liệu Đức Mahachohan có hiện diện vào lúc bắt đầu chu kỳ thế giới khi cuộc tuần hoàn đi qua bầu hành tinh của chúng ta hay không.

150. We do see, however, that while knowledge is the focal point for the first unfoldment within the knowledge tier, it continues to be emphasized both during the unfoldment of the second tier and also during the sacrifice tier. Thus the Mahachohan has a longer period of supervision for, apparently, He supervises the unfoldment of *all* knowledge petals—even those found within the love tier and sacrifice tier.. The Bodhisattva and the Manu were not required during the unfoldment of the outer or knowledge tier, and that unfoldment lasted the very longest time.

150. Tuy nhiên, chúng ta quả có thấy rằng tuy tri thức là tiêu điểm cho sự khai mở đầu tiên trong tầng tri thức, nó vẫn tiếp tục được nhấn mạnh cả trong khi tầng thứ hai khai mở lẫn trong tầng hi sinh. Vì vậy Đức Mahachohan có một thời kỳ giám sát dài hơn bởi vì, dường như, Ngài giám sát sự khai mở của *mọi* cánh hoa tri thức—ngay cả những cánh hoa nằm trong tầng bác ái và tầng hi sinh. Đức Bồ Tát và Đức Manu không được cần đến trong khi tầng ngoài hay tầng tri thức đang khai mở, và sự khai mở ấy kéo dài lâu nhất.

The key to these cycles lies hid in the following thoughts: the Bodhisattva and the Manu change more frequently and pass on to other work owing to the fact that They each embody one type of triple force, whereas the Mahachohan is the focal point for five types of energy, each in its turn triple in nature.

Chìa khóa của các chu kỳ này ẩn giấu trong những ý tưởng sau đây: Đức BồTát và Đức Manu thay đổi thường xuyên hơn và chuyển sang công việc khác bởi vì mỗi Ngài hiện thân cho một loại mãnh lực tam phân, trong khi Đức Mahachohan là tiêu điểm của năm loại năng lượng, mỗi loại đến lượt nó lại có bản chất tam phân.

151. Here we have a division of 1-1-5. We think of the fivefold nature of the third ray, the ray of the Mahachohan.

151. Ở đây chúng ta có một sự phân chia 1-1-5. Chúng ta nghĩ đến bản chất ngũ phân của cung ba, cung của Đức Mahachohan.

152. If the Mahachohan oversees the development, expression and coordination of five rays, obviously his task would have to take a far greater length of time.

152. Nếu Đức Mahachohan giám sát sự phát triển, biểu lộ và phối hợp của năm cung, hiển nhiên nhiệm vụ của Ngài hẳn phải đòi hỏi một khoảng thời gian dài hơn rất nhiều.

153. Perhaps this is another reason why the third aspect of divinity takes so very long to manifest when compared with the manifestation of the second and first aspects.

153. Có lẽ đây là một lý do khác vì sao phương diện thứ ba của thiên tính phải mất rất lâu mới biểu hiện so với sự biểu hiện của phương diện thứ hai và thứ nhất.

154. Yet, while the first aspect seems to take the shortest amount of time to run its course, it is the Bodhisattva Who (with respect to the human kingdom, at least) has the shortest term of office.

154. Tuy nhiên, trong khi phương diện thứ nhất dường như cần thời gian ngắn nhất để hoàn tất tiến trình của nó, thì chính Đức Bồ Tát lại là Đấng (ít nhất là xét đối với giới nhân loại) có nhiệm kỳ ngắn nhất.

155. Perhaps this can be somewhat explained by this the thought that the human being spends far the longest time on the monadic ray than on any other. Once he focuses truly and completely on this monadic ray, he spends the remainder of the solar system expressing upon that ray (presumably, even if he 'leaves' the solar system for training of a nature more advanced than he can receive in this solar system).

155. Có lẽ điều này phần nào có thể được giải thích bằng ý tưởng rằng con người trải qua thời gian dài nhất trên cung chân thần hơn trên bất kỳ cung nào khác. Một khi y thực sự và hoàn toàn tập trung vào cung chân thần này, y sẽ trải phần còn lại của hệ mặt trời để biểu lộ trên cung ấy (có lẽ như vậy, ngay cả nếu y "rời" hệ mặt trời để được huấn luyện theo một bản chất cao siêu hơn điều y có thể tiếp nhận trong hệ mặt trời này).

TCF 872-876 Part II

17 - 31 August 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

17 - 31 tháng Tám 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Có đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Giải**

In each case of petal unfoldment, certain types of force are generated, dealt with, assimilated, and used, at first unconsciously and finally with full intelligence.

Trong mỗi trường hợp khai mở cánh hoa, những loại mãnh lực nhất định được phát sinh, được xử lý, được đồng hoá và được sử dụng, lúc đầu một cách vô thức và sau cùng với trọn vẹn trí tuệ.

1. DK is telling us about force dynamics during petal unfoldment: There occurs—

1. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về động lực học của mãnh lực trong khi cánh hoa khai mở: Có xảy ra—

a. The generation of forces

a. Sự phát sinh các mãnh lực

b. Dealing with the forces generated

b. Việc xử lý các mãnh lực được phát sinh

c. Assimilation of the forces generated and dealt with

c. Sự đồng hoá các mãnh lực đã được phát sinh và xử lý

d. The utilization of such forces (at first unconsciously and then consciously with full intelligence)

d. Việc sử dụng các mãnh lực ấy (lúc đầu một cách vô thức rồi sau đó một cách hữu thức với trọn vẹn trí tuệ)

2. There is much unconscious, instinctive work within the fields of energy-force knowns as petals. It is a while before the individual understands consciously the forces he has begun to deal with when entering the energy-force field of a new petal.

2. Có rất nhiều công việc vô thức, bản năng trong các trường năng lượng-mãnh lực được gọi là các cánh hoa. Phải mất một thời gian trước khi cá nhân hiểu một cách hữu thức các mãnh lực mà y đã bắt đầu xử lý khi bước vào trường năng lượng-mãnh lực của một cánh hoa mới.

3. Initial human activity within the field of a petal can hardly be called petal organisation but it leads in that direction.

3. Hoạt động ban đầu của con người trong trường của một cánh hoa khó có thể được gọi là sự tổ chức cánh hoa, nhưng nó dẫn theo hướng đó.

4. Gradually, the individual becomes conscious of what he is doing in this new field. He begins to respond to the new tasks with increasing intelligence, until, finally, he expresses himself within that field with "full It intelligence".

4. Dần dần, cá nhân trở nên hữu thức về điều y đang làm trong trường mới này. Y bắt đầu đáp ứng với những nhiệm vụ mới bằng trí tuệ ngày càng tăng, cho đến cuối cùng, y biểu lộ chính mình trong trường đó với "trọn vẹn trí tuệ".

5. It is conscious labor within a petal-field which parallels the organization of the petal. It is the unfolded petal which indicates that intelligence is expressing with fulness within the field of a petal. This is the consummation of a long period of conscious labor.

5. Chính lao động hữu thức trong một trường cánh hoa song hành với sự tổ chức của cánh hoa. Chính cánh hoa đã khai mở cho thấy rằng trí tuệ đang biểu lộ một cách viên mãn trong trường của cánh hoa. Đây là sự hoàn tất của một thời kỳ dài lao động hữu thức.

In the *Hall of Ignorance* the force of the energy of Brahma (the activity and intelligence of substance) is that mostly dealt with,

Trong *Phòng Vô Minh* mãnh lực của năng lượng Brahma (hoạt động và trí tuệ của chất liệu) là điều chủ yếu được xử lý,

6. This substance is both physical and emotional, and to some extent mental at the later stages, for Brahma (like all the other members of the Trimurti) is threefold and encompasses all three activities. The rudimentary mind, however weak, is, active from the first.

6. Chất liệu này vừa là hồng trần vừa là cảm xúc, và ở một mức độ nào đó là trí tuệ trong các giai đoạn sau, vì Brahma (giống như mọi thành viên khác của Tam Vị) là tam phân và bao gồm cả ba hoạt động. Tuy nhiên, trí tuệ sơ khai, dù yếu đến đâu, vẫn hoạt động ngay từ đầu.

7. When the man is dealing mostly with mental substance, as he does when working within the third petal, it can be questioned whether he should be regarded as working, strictly speaking, with the Hall of Ignorance. While he may still be ignorant of the soul, he not ignorant of the mental nature which will serve as the bridge to the soul.

7. Khi con người đang xử lý chủ yếu với chất liệu trí tuệ, như y làm khi hoạt động trong cánh hoa thứ ba, thì có thể đặt câu hỏi liệu y có nên được xem là đang hoạt động, nói một cách nghiêm ngặt, trong Phòng Vô Minh hay không. Dù y có thể vẫn còn vô minh về linh hồn, y không vô minh về bản chất trí tuệ, vốn sẽ phục vụ như cây cầu dẫn đến linh hồn.

and **the man has to learn the meaning of activity** based on:

và **con người phải học ý nghĩa của hoạt động** dựa trên:

8. Notice that "meaning" is involved, though work in this outer tier is a long way from entering the World of Meaning via the soul.

8. Hãy lưu ý rằng ở đây có liên quan đến "ý nghĩa", dù công việc trong tầng ngoài này còn cách rất xa việc bước vào Thế giới của ý nghĩa qua linh hồn.

9. We should be reminded that the third ray is the Ray of *Active* Intelligence.

9. Chúng ta nên nhớ rằng cung ba là Cung của Trí Tuệ *Hoạt Động*.

a. Inherent energy,

10. We can assume this to be the energy inherent in his lower principles.

b. Absorbed energy,

11. This is the energy absorbed from his environal contacts including contacts with other human beings.

12. Some energy is also absorbed from the Ego which sustains the personality, the soul quality, per se, is very little in evidence.

c. Group energy,

13. This is the energy of those groups with which the man associates on the physical plane—the family, the tribe, the community.

d. Material energy or that which is hidden **in** physical plane matter.

14. This is a very ancient energy inherited from the first solar system.

In the *Hall of Learning* the disciple

15. Let us note that the term "disciple" is used to indicate one who works within the Hall of Learning—at least at a certain *later* stage of work within that Hall.

becomes aware of, and uses the energy of, the second aspect in form-building, in social relations, in family and other group affiliations.

a. Năng lượng cố hữu,

10. Chúng ta có thể giả định đây là năng lượng cố hữu trong các nguyên khí thấp của y.

b. Năng lượng được hấp thu,

11. Đây là năng lượng được hấp thu từ những tiếp xúc môi trường của y, kể cả những tiếp xúc với những con người khác.

12. Một số năng lượng cũng được hấp thu từ chân ngã vốn duy trì phàm ngã; tuy nhiên, chính phẩm tính linh hồn thì biểu lộ rất ít.

c. Năng lượng nhóm,

13. Đây là năng lượng của những nhóm mà con người liên kết trên cõi hồng trần—gia đình, bộ lạc, cộng đồng.

d. Năng lượng vật chất hay điều được ẩn giấu **trong** vật chất cõi hồng trần.

14. Đây là một năng lượng rất cổ xưa được thừa hưởng từ hệ mặt trời thứ nhất.

Trong *Phòng Hiểu Biết* đệ tử

15. Chúng ta hãy lưu ý rằng thuật ngữ "đệ tử" được dùng để chỉ người hoạt động trong Phòng Hiểu Biết—ít nhất là ở một giai đoạn *sau* nào đó của công việc trong Phòng ấy.

trở nên nhận biết và sử dụng năng lượng của phương diện thứ hai trong việc xây dựng hình tướng, trong các quan hệ xã hội, trong các liên hệ gia đình và các liên hệ nhóm khác.

16. The following are all expressions of the second aspect of divinity:

16. Những điều sau đây đều là những biểu lộ của phương diện thứ hai của thiên tính:

a. Form-building.(The second ray and not the third is the 'Ray of Form'. The third ray is the 'Ray of Matter'.)

a. Xây dựng hình tướng. (Cung hai chứ không phải cung ba là 'Cung của Hình Tướng'. Cung ba là 'Cung của Vật Chất'.)

b. Social relations

b. Các quan hệ xã hội

c. Family affiliations

c. Các liên hệ gia đình

d. Group affiliations

d. Các liên hệ nhóm

e. Sexual relations (from a higher perspective than possible within the experiences first tier of petals).

e. Các quan hệ tính dục (từ một góc nhìn cao hơn điều có thể có trong những kinh nghiệm của tầng cánh hoa thứ nhất).

17. We can see the lower energies of Venus expressing themselves.

17. Chúng ta có thể thấy các năng lượng thấp của Sao Kim đang biểu lộ.

18. It should be noted that petal activity is additive and cumulative. When organizational work begins in the second tier, continuing development occurs in the earlier tier. When organizational work begins in the sacrifice tier, the continuing development occurs in the second tier and does not cease in the outer tier, howevermuch it may begin to fall somewhat below the threshold of consciousness.

18. Cần lưu ý rằng hoạt động của cánh hoa có tính cộng thêm và tích luỹ. Khi công việc tổ chức bắt đầu trong tầng thứ hai, sự phát triển tiếp tục vẫn xảy ra trong tầng trước đó. Khi công việc tổ chức bắt đầu trong tầng hi sinh, sự phát triển tiếp tục xảy ra trong tầng thứ hai và không chấm dứt trong tầng ngoài, dù cho nó có thể bắt đầu rơi phần nào xuống dưới ngưỡng của tâm thức.

19. The principle is similar to the addition of planetary rulers in relation to a sign of the zodiac powerful in an astrological chart. When the esoteric ruler begins to function, it does not mean that the orthodox ruler or exoteric planetary ruler ceases functioning, and both of these continue to function even when the influence of the hierarchical ruler emerges.

19. Nguyên lý này tương tự như việc cộng thêm các chủ tinh hành tinh liên hệ với một dấu hiệu hoàng đạo mạnh trong một lá số chiêm tinh. Khi chủ tinh nội môn bắt đầu hoạt động, điều đó không có nghĩa là chủ tinh chính thống hay chủ tinh ngoại môn ngừng hoạt động, và cả hai vẫn tiếp tục hoạt động ngay cả khi ảnh hưởng của chủ tinh huyền giai xuất hiện.

[Page 872] He comes to the true recognition of sex and its relations but as yet views this force as something to be controlled and not something to be consciously and constructively utilised.

[Page 872] Y đi đến sự nhận biết chân chính về tính dục và các mối liên hệ của nó nhưng cho đến lúc ấy vẫn xem mãnh lực này như một điều phải được kiểm soát chứ không phải một điều để được hữu thức và có tính xây dựng sử dụng.

20. Here the Saturnian approach is demonstrated—Saturn, the planet of control. This Saturnian influence is exercised in the Hall of Learning. Indeed, Saturn is both a restraining and educative planet—a planet of the first ray and the third.

20. Ở đây cách tiếp cận theo Sao Thổ được biểu hiện—Sao Thổ, hành tinh của sự kiểm soát. Ảnh hưởng Sao Thổ này được vận dụng trong Phòng Hiểu Biết. Thật vậy, Sao Thổ vừa là một hành tinh kiềm chế vừa là một hành tinh giáo dục—một hành tinh của cung một và cung ba.

21. As the second ray grows in influence, the approach to sex will become more conscious and constructive.

21. Khi cung hai tăng trưởng ảnh hưởng, cách tiếp cận đối với tính dục sẽ trở nên hữu thức hơn và có tính xây dựng hơn.

22. Work within the Hall of Learning is essentially *affiliative* work and subject to the Law of Attraction.

22. Công việc trong Phòng Hiểu Biết về bản chất là công việc *liên kết* và chịu dưới Định luật Hấp Dẫn.

23. In this Hall, man is becoming a 'personal psyche', though not yet the soul on its own plane.

23. Trong Phòng này, con người đang trở thành một 'tâm hồn cá nhân', dù chưa phải là linh hồn trên cõi riêng của nó.

In the *Hall of Wisdom* the initiate comes to the knowledge of the first great aspect of energy, **the dynamic use of will in sacrifice,** and to him is then committed the key to the three fold mystery of energy.

Trong *Phòng Minh triết* điểm đạo đồ đi đến tri thức về phương diện lớn thứ nhất của năng lượng, **việc sử dụng năng động của ý chí trong hi sinh,** và khi ấy chìa khóa của huyền nhiệm tam phân của năng lượng được giao phó cho y.

24. The one who walks within the later corridors of the Hall of Learning can be called a "disciple"—at least a *probationary* disciple, but one newly walking within the Hall of Wisdom can *also* be called a disciple.

24. Người bước đi trong những hành lang sau của Phòng Hiểu Biết có thể được gọi là một "đệ tử"—ít nhất là một đệ tử *dự bị*, nhưng người mới bước đi trong Phòng Minh triết *cũng* có thể được gọi là một đệ tử.

25. We may remember that entry into the Hall of Wisdom does not occur precisely as

25. Chúng ta có thể nhớ rằng việc bước vào Phòng Minh triết không xảy ra chính xác khi

one takes the first initiation (as some references seem to indicate), but somewhat before, as the fourth and, especially, the fifth petals are opening. The Solar Angels is taking an active interest in the affairs of the unfolding personality and hence the growth of wisdom. At the first initiation, the fifth petal is fully unfolded and the man is unquestionably within the Hall of Wisdom.

người ta tiếp nhận lần điểm đạo thứ nhất (như một số chỗ tham chiếu dường như chỉ ra), mà xảy ra sớm hơn đôi chút, khi cánh hoa thứ tư và đặc biệt là cánh hoa thứ năm đang mở ra. Các Thái dương Thiên Thần đang dành sự quan tâm tích cực đến những công việc của phàm ngã đang khai mở và do đó đến sự tăng trưởng của minh triết. Vào lần điểm đạo thứ nhất, cánh hoa thứ năm đã hoàn toàn khai mở và con người chắc chắn ở trong Phòng Minh triết.

26. The one who treads the corridors Hall of Wisdom is, at least in general, called the "initiate". This includes the category of "probationary initiate"—the initiate of the first and second degrees.

26. Người bước trên các hành lang của Phòng Minh triết, ít nhất nói chung, được gọi là "điểm đạo đồ". Điều này bao gồm cả loại "điểm đạo đồ dự bị"—điểm đạo đồ của cấp thứ nhất và thứ hai.

27. We have presented to us a very powerful description of how the first aspect of divinity *should* be used: "the dynamic use of will in sacrifice". Too often these two—"will" and "sacrifice"—are separated.

27. Ở đây chúng ta được trình bày một mô tả rất mạnh mẽ về cách phương diện thứ nhất của thiên tính *nên* được sử dụng: "việc sử dụng năng động của ý chí trong hi sinh". Quá thường xuyên hai điều này—"ý chí" và "hi sinh"—bị tách rời nhau.

28. The threefold mystery of energy naturally concerns the three types of electricity: positive, negative and equilibrizing. The three aspect of divinity are, thus, represented.

28. Huyền nhiệm tam phân của năng lượng dĩ nhiên liên quan đến ba loại điện: dương, âm và quân bình. Như vậy ba phương diện của thiên tính được biểu hiện.

Of **this energy in its threefold aspect** he became aware in the other two halls.

Về **năng lượng này trong phương diện tam phân của nó** y đã nhận biết trong hai Phòng kia.

29. As he walked the Halls of Ignorance and Learning, he became aware (at first subconsciously and then consciously) of negative electricity and equilibrizing electricity—the electricity of the lower eighteen subplanes and the electricity of the higher mental plane whereon the soul is focussed. Some measure of the highest aspect of this energy opened to him during

29. Khi y bước qua Phòng Vô Minh và Phòng Hiểu Biết, y đã nhận biết (lúc đầu một cách tiềm thức rồi sau đó một cách hữu thức) điện âm và điện quân bình—điện của mười tám cõi phụ thấp và điện của Cõi thượng trí nơi linh hồn được tập trung. Một mức độ nào đó của phương diện cao nhất của năng lượng

the later phases of organizing the second tier.

30. As work within the sacrifice tier intensified and the sacrifice petals began to open the positive aspect of electricity was made known to him *clearly and consciously*, but he lacked the keys to any of the three types.

At the third, fourth and fifth Initiations the three keys to the three mysteries are given to him.

31. From the time of the third initiation, the threefold Monad or Spirit becomes an influential force. The three types of electricity express through the threefold Monad, though the greatest expression of two of them is through the personality and the Ego respectively.

The key to the mystery sensed in the first Hall, **the mystery of Brahma**, is handed to him and he can then unlock the hidden energies of atomic substance.

32. This, we may presume, occurs at the *third* initiation, the number of which correlates with the *third* aspect of divinity—the Brahma aspect.

33. One may wonder whether certain great scientists who unlocked some of the secrets of atomic energy—for instance, Einstein and Bohr, were initiates of the third degree.

34. We must remember that, from the occult point of view, atomic substance exists on all planes, though, in this context, we are concerned only with the lower three

này đã mở ra cho y trong các giai đoạn sau của việc tổ chức tầng thứ hai.

30. Khi công việc trong tầng hi sinh tăng cường và các cánh hoa hi sinh bắt đầu mở ra, phương diện dương của điện được làm cho y biết đến *một cách rõ ràng và hữu thức*, nhưng y thiếu các chìa khóa đối với bất kỳ loại nào trong ba loại ấy.

Vào lần điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm, ba chìa khóa của ba huyền nhiệm được trao cho y.

31. Từ thời điểm của lần điểm đạo thứ ba, Chân thần hay Tinh thần tam phân trở thành một mãnh lực có ảnh hưởng. Ba loại điện biểu lộ qua Chân thần tam phân, dù sự biểu lộ lớn nhất của hai trong số chúng lần lượt là qua phàm ngã và chân ngã.

Chìa khóa của huyền nhiệm được cảm nhận trong Phòng thứ nhất, **huyền nhiệm của Brahma**, được trao cho y và khi ấy y có thể mở khóa các năng lượng ẩn giấu của chất liệu nguyên tử.

32. Điều này, chúng ta có thể giả định, xảy ra vào lần điểm đạo thứ *ba*, con số của nó tương ứng với phương diện thứ *ba* của thiên tính—phương diện Brahma.

33. Người ta có thể tự hỏi liệu một số nhà khoa học lớn đã mở khóa vài bí mật của năng lượng nguyên tử—chẳng hạn Einstein và Bohr—có phải là những điểm đạo đồ cấp ba hay không.

34. Chúng ta phải nhớ rằng, từ quan điểm huyền bí học, chất liệu nguyên tử tồn tại trên mọi cõi, dù trong ngữ cảnh này, chúng

systemic planes—not including the higher mental plane.

ta chỉ quan tâm đến ba cõi hệ thống thấp—không bao gồm Cõi thượng trí.

35. Minimally, DK is speaking of the substance of material atoms, but by extension, He must also mean etheric atomic substance and astral atomic substance in general. The atomic substance of the *lower* mental plane would also be included.

35. Tối thiểu, Chân sư DK đang nói về chất liệu của các nguyên tử vật chất, nhưng theo nghĩa mở rộng, hẳn Ngài cũng muốn nói đến chất liệu nguyên tử dĩ thái và chất liệu nguyên tử cảm dục nói chung. Chất liệu nguyên tử của cõi hạ trí *thấp* cũng sẽ được bao gồm.

36. Thee are also secrets concerning the powers of the atomic subplanes of the etheric and astral planes, but it is unlikely the DK is indicating these.

36. Cũng có những bí mật liên quan đến các quyền năng của các cõi phụ nguyên tử của cõi dĩ thái và cõi cảm dục, nhưng khó có khả năng Chân sư DK đang chỉ đến những điều này.

The key to the mystery of sex, or of the pairs of opposites, is thrust into his hand, and he can then unlock the hidden forces within all forms.

Chìa khóa của huyền nhiệm về tính dục, hay về các cặp đối cực, được đặt vào tay y, và khi ấy y có thể mở khóa các mãnh lực ẩn giấu bên trong mọi hình tướng.

37. May we assume that this occurs at the fourth initiation?

37. Chúng ta có thể giả định rằng điều này xảy ra vào lần điểm đạo thứ tư chăng?

At the fourth initiation another of the great secrets is revealed to him. It is called "the mystery of polarity," and the clue to the significance of sex in every department of nature on all the planes is given to him. (IHS 172)

Vào lần điểm đạo thứ tư, một bí mật lớn khác được mặc khải cho y. Nó được gọi là "huyền nhiệm của cực tính", và đầu mối dẫn đến ý nghĩa của tính dục trong mọi bộ phận của bản chất trên mọi cõi được trao cho y. (IHS 172)

38. The word “thrust” cannot be accidental. It almost seems as if recognition if *forced* upon him.

38. Từ “đặt mạnh vào” hẳn không phải là ngẫu nhiên. Gần như có vẻ thể như sự nhận biết được *ép buộc* lên y.

39. The “mystery of sex” is based on the Law of Attraction and is clearly, when compared with the energies and forces animated the third aspect, a “hidden” energy or force.

39. “Huyền nhiệm của tính dục” dựa trên Định luật Hấp Dẫn và rõ ràng, khi so với các năng lượng và mãnh lực làm sinh động phương diện thứ ba, là một năng lượng hay mãnh lực “ẩn giấu”.

40. It is interesting that after the fourth initiation, the initiate need no longer incarnate in the usual way—*taking physical bodies generated through the normal sex function.*

40. Điều thú vị là sau lần điểm đạo thứ tư, điểm đạo đồ không còn cần phải lâm phàm theo cách thông thường nữa—*tức là tiếp nhận các thể xác được tạo ra qua chức năng tính dục bình thường.*

41. We may presume that at this initiation, ultimate control over the normal human sex function becomes possible, though, we are told, even Masters may marry—*for a spiritual purpose.*

41. Chúng ta có thể giả định rằng ở lần điểm đạo này, sự kiểm soát tối hậu đối với chức năng tính dục bình thường của con người trở nên khả hữu, dù chúng ta được cho biết rằng ngay cả các Chân sư cũng có thể kết hôn *—vì một mục đích tinh thần.*

The key to the **mystery of sacrifice** and to the secret of the Silent Watchers in the cosmos is revealed to him, and he learns to unlock the hidden energies of the will aspect.

Chìa khóa của **huyền nhiệm của hi sinh** và của bí mật của các Silent Watchers trong vũ trụ được mặc khải cho y, và y học cách mở khóa các năng lượng ẩn giấu của phương diện ý chí.

42. This, we may presume, occurs at the fifth initiation. It is at this initiation that the initiate 'meets' Sanat Kumara "face to face".

42. Điều này, chúng ta có thể giả định, xảy ra vào lần điểm đạo thứ năm. Chính ở lần điểm đạo này mà điểm đạo đồ "gặp" Đức Sanat Kumara "mặt đối mặt".

43. There is an inescapable implication here given: Silent Watchers are *sacrificial.*

43. Ở đây có một hàm ý không thể tránh khỏi được đưa ra: các Silent Watchers là những Đấng *hi sinh.*

44. Sanat Kumara is one of the great Silent Watchers in our solar system and, it may be presumed that His sacrifice is noteworthy in solar systemic terms—i.e., from the perspective of the Solar Logos and other Planetary Logoi.

44. Đức Sanat Kumara là một trong những Silent Watchers vĩ đại trong hệ mặt trời của chúng ta và có thể giả định rằng sự hi sinh của Ngài là điều đáng chú ý xét theo các thuật ngữ hệ mặt trời—tức là từ góc nhìn của Thái dương Thượng đế và các Hành Tinh Thượng Đế khác.

45. We have heard of the triple aspect of the Will at which the following excerpt from Rule XIII for Disciples and Initiates hints:

45. Chúng ta đã nghe nói đến phương diện tam phân của Ý Chí mà đoạn trích sau từ Quy luật XIII dành cho các Đệ tử và Điểm đạo đồ có ám chỉ:

...let the **threefold mode of working** with that which is dynamic carry the group together towards the Higher Three where the Will of God holds sway; (R&I 23)

...hãy để **phương thức hoạt động tam phân** với điều vốn năng động mang nhóm cùng tiến về Ba Đấng Cao Hơn nơi Ý Chí của Thượng Đế ngự trị; (R&I 23)

The dynamo of the solar system is shown to him, if it might so be expressed, and the intricacies of its mechanism revealed.

Động cơ năng lượng của hệ mặt trời được chỉ cho y thấy, nếu có thể diễn tả như vậy, và những phức tạp trong bộ máy của nó được mặc khải.

46. Can this occur at the fifth initiation? Perhaps? It almost sounds like a Chohanic revelation.

46. Điều này có thể xảy ra vào lần điểm đạo thứ năm chăng? Có lẽ? Nó gần như nghe giống một sự mặc khải Chohan.

47. Perhaps, it is at this point that some of the secrets of solar systemic mathematics are revealed—for instance the mathematical formulae which concern the approximately 100,000 year rotation of the entirely of our solar system.

47. Có lẽ, chính tại điểm này mà một số bí mật của toán học hệ mặt trời được mặc khải —chẳng hạn những công thức toán học liên quan đến sự quay khoảng 100.000 năm của toàn thể hệ mặt trời chúng ta.

The entire solar sphere, the logoic ring-pass-not, rotates upon its axis, and thus all that is included within the sphere is carried in a circular manner through the Heavens. The exact figures of the cycle which covers the vast rotation must remain as yet esoteric, but it may be stated that it **approximates one hundred thousand years,** being, as might be supposed, controlled by the energy of the first aspect, and therefore of the first Ray. (TCF 1057)

Toàn bộ khối cầu thái dương, vòng-giới-hạn logoic, quay trên trục của nó, và như thế mọi điều được bao gồm trong khối cầu ấy được mang theo theo cách tròn xoay xuyên qua các tầng trời. Những con số chính xác của chu kỳ bao trùm sự quay rộng lớn ấy hiện vẫn phải còn là huyền bí, nhưng có thể nói rằng nó **xấp xỉ một trăm ngàn năm,** và như có thể được giả định, bị kiểm soát bởi năng lượng của phương diện thứ nhất, và do đó của cung một. (TCF 1057)

One of the truths less recognised, yet withal of equal importance, is that the entire solar system equally revolves upon its axis but in a cycle so vast as to be beyond the powers of ordinary man to comprehend, and which necessitates mathematical formulae [1084] of great intricacy. (TCF 1083-1084)

Một trong những chân lý ít được nhìn nhận hơn, tuy vậy cũng quan trọng ngang bằng, là toàn thể hệ mặt trời cũng quay trên trục của nó nhưng trong một chu kỳ rộng lớn đến mức vượt ngoài khả năng thấu hiểu của con người bình thường, và điều này đòi hỏi những công thức toán học [1084] cực kỳ phức tạp. (TCF 1083-1084)

48. We note that we are speaking of mysteries regarding the solar system.

48. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta đang nói về những huyền nhiệm liên quan đến hệ mặt trời.

The following are the **three basic mysteries of the solar system**:

Sau đây là **ba huyền nhiệm căn bản của hệ mặt trời**:

1. The mystery of Electricity. The mystery of Brahma. The secret of the third aspect. It is latent in the physical sun.

1. Huyền nhiệm của Điện. Huyền nhiệm của Brahma. Bí mật của phương diện thứ ba. Nó tiềm ẩn trong mặt trời hồng trần.

49. We may associate this mystery with that constellational source called the Pleiades.

49. Chúng ta có thể liên kết huyền nhiệm này với nguồn gốc chòm sao được gọi là Pleiades.

50. We see that although electricity has three aspects, as a whole it is closely related to the *third* aspect.

50. Chúng ta thấy rằng dù điện có ba phương diện, xét như một toàn thể nó vẫn liên hệ chặt chẽ với phương diện thứ *ba*.

51. A mystery is a series of energy relationships which is impenetrable to a those focused at a specified level of unless they possess the "key".

51. Một huyền nhiệm là một chuỗi những tương quan năng lượng không thể xuyên thấu đối với những ai được tập trung ở một cấp độ nhất định, trừ phi họ sở hữu "chìa khóa".

52. When we speak of the "physical sun" when we speak of the systemic etheric planes as well. It is doubtful that our Sun is actually "physical" in the normal understanding of that term.

52. Khi nói đến "mặt trời hồng trần", chúng ta cũng đang nói đến các cõi dĩ thái của hệ thống. Đáng ngờ rằng Mặt Trời của chúng ta thực sự là "hồng trần" theo cách hiểu thông thường của thuật ngữ ấy.

2. The mystery of Polarity, or of the universal sex impulse. The secret of the second aspect. It is latent in the Heart of the Sun, i.e., in the subjective Sun.

2. Huyền nhiệm của Cực tính, hay của xung lực tính dục phổ quát. Bí mật của phương diện thứ hai. Nó tiềm ẩn trong Tâm của Mặt Trời, tức là trong Mặt Trời chủ quan.

53. We may presume that the solution to this mystery has much to do with the energy of the star (or of the greater constellation) known as Sirius. Our solar system with a number of other systems belongs to a group

53. Chúng ta có thể giả định rằng lời giải cho huyền nhiệm này có liên quan rất nhiều đến năng lượng của ngôi sao (hay của chòm sao lớn hơn) được gọi là Sirius. Hệ mặt trời của chúng ta cùng với một số hệ khác thuộc về

one suspects solar systems which could with reason be called the "Sirian System".

54. We see that there is no solution to the "mystery of Polarity" unless one can come en rapport with the *soul* nature of the Solar Logos, the "subjective Sun".

55. We also note that the "Heart of the Sun" and the "Subjective Sun" are, in this context, considered equivalent, which may not always be the case.

56. While sex, per se, is often considered related to the third aspect, we can see that, fundamentally, the Law of Attraction and the cosmic energy of Love lie behind it.

3. The mystery of Fire itself, or the dynamic central systemic force. The secret of the first aspect. **It is latent in the central spiritual sun.**

57. We may associated the Pleiades (in a larger sense and as a stellar cluster with hundreds of stars) with the Central Spiritual Sun

58. Sometimes the star Alcyone is called the "Central Spiritual Sun" and so its nature must be considered in relation to the "dynamic central systemic force".

59. In this context we are speaking of the first or monadic aspect of the Solar Logos:

60. In each of these cases (in the case of each of the mysteries under discussion) one of the Three Logoi (representing our Solar Logos) is

một nhóm mà người ta ngờ rằng là những hệ mặt trời có thể hợp lý được gọi là "Hệ Sirius".

54. Chúng ta thấy rằng không có lời giải nào cho "huyền nhiệm của Cực tính" trừ phi người ta có thể đi vào tương giao với bản chất *linh hồn* của Thái dương Thượng đế, "Mặt Trời chủ quan".

55. Chúng ta cũng lưu ý rằng "Tâm của Mặt Trời" và "Mặt Trời Chủ Quan" trong ngữ cảnh này được xem là tương đương, điều này có thể không phải lúc nào cũng đúng.

56. Trong khi tính dục, chính nó, thường được xem là liên hệ với phương diện thứ ba, chúng ta có thể thấy rằng về căn bản, Định luật Hấp Dẫn và năng lượng vũ trụ của Bác ái nằm phía sau nó.

3. Huyền nhiệm của Lửa tự thân, hay mãnh lực trung tâm năng động của hệ thống. Bí mật của phương diện thứ nhất. **Nó tiềm ẩn trong Mặt trời Tinh thần Trung Ương.**

57. Chúng ta có thể liên kết Pleiades (theo nghĩa rộng hơn và như một cụm sao với hàng trăm ngôi sao) với Mặt trời Tinh thần Trung Ương

58. Đôi khi ngôi sao Alcyone được gọi là "Mặt trời Tinh thần Trung Ương" và vì vậy bản chất của nó phải được xem xét trong liên hệ với "mãnh lực trung tâm năng động của hệ thống".

59. Trong ngữ cảnh này chúng ta đang nói về phương diện thứ nhất hay phương diện chân thần của Thái dương Thượng đế:

60. Trong mỗi trường hợp này (trong trường hợp của mỗi huyền nhiệm đang được bàn đến), một trong Ba Thượng đế (đại diện cho

necessarily an Agent of one of the great mysteries.

Thái dương Thượng đế của chúng ta) tất yếu là một Tác Nhân của một trong những huyền nhiệm lớn.

61. In a larger sense, when we think of the "Central Spiritual Sun", we think of a mighty Super-Constellational Logos expressing through a number of great constellations such as Draco, the Great Bear, the Sirian System, Orion, the Little Bear, etc. The Life of that great Being, is from our perspective, *fire.*

61. Theo nghĩa rộng hơn, khi chúng ta nghĩ đến "Mặt trời Tinh thần Trung Ương", chúng ta nghĩ đến một Thượng đế Siêu-Chòm-Sao hùng mạnh đang biểu lộ qua một số chòm sao lớn như Draco, Đại Hùng Tinh, Hệ Sirius, Orion, Tiểu Hùng Tinh, v.v. Sự Sống của Đấng vĩ đại ấy, từ góc nhìn của chúng ta, là *lửa.*

These three mysteries which we have touched upon above, come in a peculiar sense under the **jurisdiction** of [Page 873] certain great Lords or Existences,

Ba huyền nhiệm này mà chúng ta đã chạm đến ở trên, theo một ý nghĩa đặc biệt, thuộc dưới **thẩm quyền** của [Page 873] một số Chúa Tể hay Thực Thể vĩ đại,

62. Perhaps we could be speaking intra-systemically. If so, then the revelation of these mysteries would come under the jurisdiction of such *intra*-systemic Lords or Existences.

62. Có lẽ chúng ta có thể đang nói theo nghĩa nội hệ thống. Nếu vậy, thì sự mặc khải các huyền nhiệm này sẽ thuộc dưới thẩm quyền của những Chúa Tể hay Thực Thể *nội*-hệ thống như thế.

63. However, we could also be speaking *cosmically,* and the Lords or Existences could be cosmic Beings.

63. Tuy nhiên, chúng ta cũng có thể đang nói theo nghĩa *vũ trụ,* và các Chúa Tể hay Thực Thể ấy có thể là những Đấng vũ trụ.

64. Yet, from all that can be gathered from text below, the best interpretation seems *planetary.* We will find that a number of the Lords or Existences mentioned in this respect, while *planetary*, have not been discussed in the usual occult accounts of Planetary Lives.

64. Tuy vậy, từ tất cả những gì có thể thu thập được từ đoạn văn bên dưới, cách giải thích tốt nhất dường như là theo nghĩa *hành tinh.* Chúng ta sẽ thấy rằng một số Chúa Tể hay Thực Thể được nhắc đến trong phương diện này, tuy là *hành tinh*, nhưng chưa được bàn đến trong những tường thuật huyền bí học thông thường về Các Sự Sống Hành tinh.

and They have much to do with the revealing of the mystery to those prepared initiates Who come under Their influence during the final stages of the Path.

và Các Ngài có liên hệ rất nhiều với sự mặc khải huyền nhiệm cho những điểm đạo đồ đã được chuẩn bị, là những Vị đến dưới ảnh hưởng của Các Ngài trong các giai đoạn cuối cùng của Con Đường.

65. We cannot speculate on the modes of revelation involved.

65. Chúng ta không thể suy đoán về các phương thức mặc khải có liên quan.

66. Suffice it to say, the three great mysteries —of electricity, of polarity and of fire—are only revealed to initiates of high degree and cannot be understood by any human being unless identified to some degree as Spirit. Understand, in any degree, is not possible until the third initiation has been taken and, even, the understanding is minimal.

66. Chỉ cần nói rằng, ba huyền nhiệm lớn— về điện, về cực tính và về lửa—chỉ được mặc khải cho các điểm đạo đồ cấp cao và không một con người nào có thể thấu hiểu được chúng trừ phi đã đồng hoá với tinh thần ở một mức độ nào đó. Thấu hiểu, ở bất kỳ mức độ nào, là điều không thể cho đến khi lần điểm đạo thứ ba đã được tiếp nhận, và ngay cả khi ấy, sự thấu hiểu cũng chỉ là tối thiểu.

67. We may presume that we shall not easily 'run out of mysteries' as we, *in our monadic nature,* tread cosmic Paths to constellational destinations.

67. Chúng ta có thể giả định rằng chúng ta sẽ không dễ dàng "cạn hết các huyền nhiệm" khi chúng ta, *trong bản chất chân thần của mình,* bước đi trên các Con đường vũ trụ hướng đến những đích đến thuộc các chòm sao.

The mystery of electricity has three keys, each of which is held in the hands of one of the Buddhas of Activity.

Huyền nhiệm của điện có ba chìa khóa, mỗi chìa khóa được giữ trong tay một vị trong các Đức Phật Hoạt Động.

68. Is DK referring to the Buddhas of Activity as "great Lords or Existences"? So it seems. The Teacher of these Buddhas is knows as the "*Lord* of the World".

68. Có phải Chân sư DK đang nói đến các Đức Phật Hoạt Động như những "Đấng Chúa Tể hay những Thực Thể" vĩ đại không? Có vẻ là như vậy. Huấn sư của các Đức Phật này được biết đến như "*Chúa Tể* của Thế Giới".

69. We may presume that each of the keys is associated with one of the aspects of fire: fire by friction, solar fire, and electric fire.

69. Chúng ta có thể giả định rằng mỗi chìa khóa đều liên kết với một trong các phương diện của lửa: Lửa ma sát, Lửa Thái dương, và Lửa Điện.

70. Three kingdoms—the mineral, the vegetable and the animal are also implicated by association and each of the Buddhas has an important connection to one of them.

70. Ba giới—giới kim thạch, giới thực vật và giới động vật—cũng được hàm ý qua sự liên kết, và mỗi vị Phật đều có một mối liên hệ quan trọng với một trong ba giới ấy.

Theirs is the prerogative to control the electrical forces of the physical plane, and

Đó là đặc quyền của Các Ngài để kiểm soát các mãnh lực điện của cõi hồng trần, và **Các**

Theirs the right to direct the three major streams of this type of force in connection with *our present globe.*

71. Important occult facts are being revealed.

72. There are three major streams of electrical forces. The Buddhas of Activity are concerned with these three streams as they affect the physical plane.

73. Yet our globe concerns far more than the systemic physical plane.

74. Is the Tibetan speaking of the systemic physical plane or of the planes (in aggregate) which the Planetary Logos considers the physical plane?—the eighteen lower systemic planes?

75. Perhaps we shall learn something about the nature of our present globe—in its physical and super-physical aspects.

76. We note that it is a "right" and privilege to "direct the three major streams" of electricity.

77. We must remember that the three Buddha of Activity were three Planetary Logoi in the previous solar system, and that They had reached in that system a very high degree of manasic expression.

78. It would not seem reasonable to confine the influences of these Buddhas to the systemic physical plane alone.

Ngài có quyền chỉ đạo ba dòng chính của loại mãnh lực này liên hệ với *bầu hành tinh hiện tại của chúng ta.*

71. Những sự kiện huyền bí học quan trọng đang được mặc khải.

72. Có ba dòng chính của các mãnh lực điện. Các Đức Phật Hoạt Động liên quan đến ba dòng này khi chúng tác động lên cõi hồng trần.

73. Tuy nhiên, bầu hành tinh của chúng ta liên quan đến nhiều hơn rất nhiều so với chỉ cõi hồng trần của hệ thống.

74. Có phải Chân sư Tây Tạng đang nói về cõi hồng trần của hệ thống hay về các cõi—gộp lại—mà Đức Hành Tinh Thượng Đế xem là cõi hồng trần?—mười tám cõi phụ thấp của hệ thống?

75. Có lẽ chúng ta sẽ học được điều gì đó về bản chất của bầu hành tinh hiện tại của chúng ta—trong các phương diện hồng trần và siêu hồng trần của nó.

76. Chúng ta lưu ý rằng đó là một "quyền" và đặc ân để "chỉ đạo ba dòng chính" của điện.

77. Chúng ta phải nhớ rằng ba Đức Phật Hoạt Động đã là ba Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời trước, và rằng Các Ngài đã đạt đến trong hệ thống ấy một mức độ biểu lộ manas rất cao.

78. Có vẻ không hợp lý nếu giới hạn các ảnh hưởng của các Đức Phật này chỉ trong cõi hồng trần của hệ thống mà thôi.

These three streams are concerned with atomic substance, out of which all forms are constructed.

Ba dòng này liên quan đến chất liệu nguyên tử, từ đó mọi hình tướng được kiến tạo.

79. Again, we do not know with certainty whether we are speaking of the atomic substance of the systemic physical plane or the atomic substance of all the lower eighteen subplanes.

79. Một lần nữa, chúng ta không biết chắc liệu chúng ta đang nói về chất liệu nguyên tử của cõi hồng trần của hệ thống hay chất liệu nguyên tử của toàn bộ mười tám cõi phụ thấp.

80. The term "physical plane", above, should prevent us from summarily dismissing the possibility that DK may be talking only of the systemic physical plane.

80. Tuy nhiên, thuật ngữ "cõi hồng trần" ở trên khiến chúng ta không thể vội vàng bác bỏ khả năng rằng Chân sư DK có thể chỉ đang nói về cõi hồng trần của hệ thống.

81. Atomic substance, however, is found in *all* vehicles of the human being and, naturally, on all the lower eighteen subplanes.

81. Tuy nhiên, chất liệu nguyên tử hiện diện trong *mọi* hiện thể của con người và, dĩ nhiên, trên toàn bộ mười tám cõi phụ thấp.

82. Further, there are "forms" to be found on *all* the lower eighteen subplanes and all these forms are constructed by "atomic substance".

82. Hơn nữa, có những "hình tướng" được tìm thấy trên *mọi* cõi phụ thấp trong mười tám cõi ấy, và tất cả các hình tướng này đều được kiến tạo bởi "chất liệu nguyên tử".

In connection with our chain there are **three mysterious Entities** (of whom our three Pratyeka Buddhas are but the Earth reflections) Who perform a similar function in connection with the electrical forces of the chain.

Liên hệ với dãy của chúng ta có **ba Thực Thể huyền bí** (mà ba vị Pratyeka Buddha của chúng ta chỉ là những phản chiếu Địa Cầu) Đấng thực hiện một chức năng tương tự liên hệ với các mãnh lực điện của dãy.

83. We learn that the Buddhas of Activity are called Pratyeka Buddhas. In some traditions Pratyeka Buddhas are considered to be "selfish Buddhas"—those Who care only for Their own advancement and Who are not animated by compassion. I think we can dismiss this kind of thought as having its origin in a very limited perspective.

83. Chúng ta biết rằng các Đức Phật Hoạt Động được gọi là các Pratyeka Buddha. Trong một số truyền thống, các Pratyeka Buddha được xem là những "Đức Phật ích kỷ"—những Đấng chỉ quan tâm đến sự tiến bộ của riêng mình và không được thúc đẩy bởi lòng từ bi. Tôi nghĩ chúng ta có thể gạt bỏ loại quan niệm này như bắt nguồn từ một góc nhìn rất hạn hẹp.

84. The “three mysterious Entitles” are, it seems, far greater than the Buddhas of Activity. They hold sway at a *chain* level, whereas the Buddhas of Activity hold sway at the *globe* level.

84. Ba “Thực Thể huyền bí” này, dường như, vĩ đại hơn rất nhiều so với các Đức Phật Hoạt Động. Các Ngài nắm quyền ở cấp độ *dãy*, trong khi các Đức Phật Hoạt Động nắm quyền ở cấp độ *bầu hành tinh*.

85. We may assume that the influence of these Entities is not confined to the systemic physical plane, as there are so many subtle globes going to the constitution of even the more material chains.

85. Chúng ta có thể giả định rằng ảnh hưởng của các Thực Thể này không bị giới hạn trong cõi hồng trần của hệ thống, vì có quá nhiều bầu hành tinh vi tế cấu thành nên ngay cả các dãy vật chất hơn.

86. But then, even the influence of the Buddhas of Activity is, very likely, not confined to the systemic physical plane. When DK speaks of “Earth reflections”, He does not, thereby, confirm that the influence of the three Buddhas of Activity is limited to the systemic physical plane. Our globe has many layers and the Buddhas of Activity are associated with the highest layers found on the cosmic physical plane dimensions of our globe—the logoic plane.

86. Nhưng ngay cả ảnh hưởng của các Đức Phật Hoạt Động cũng rất có thể không bị giới hạn trong cõi hồng trần của hệ thống. Khi Chân sư DK nói đến “những phản chiếu Địa Cầu”, do đó Ngài không xác nhận rằng ảnh hưởng của ba Đức Phật Hoạt Động bị giới hạn trong cõi hồng trần của hệ thống. Bầu hành tinh của chúng ta có nhiều tầng lớp, và các Đức Phật Hoạt Động liên kết với những tầng cao nhất được tìm thấy trong các chiều kích cõi hồng trần vũ trụ của bầu hành tinh chúng ta—cõi logoi.

87. As Globe Lords are systemic Beings and may, from one perspective, be considered “cosmic” Beings, as are Planetary Logos, They obviously have astral bodies made of cosmic astral substance and mental bodies made of cosmic mental substance. We might be led, then, to inquire, “Just how many vehicular dimensions does a Globe Lord have”. We will surely have to think is terms that transcend the systemic physical plane!

87. Vì các Chúa Tể Bầu Hành Tinh là những Hữu thể của hệ thống và, từ một góc nhìn nào đó, có thể được xem là những Hữu thể “vũ trụ”, cũng như các Hành Tinh Thượng Đế, nên hiển nhiên Các Ngài có các thể cảm dục được tạo bằng chất liệu cảm dục vũ trụ và các thể trí được tạo bằng chất liệu trí tuệ vũ trụ. Khi đó, chúng ta có thể được dẫn đến câu hỏi: “Một Chúa Tể Bầu Hành Tinh có bao nhiêu chiều kích hiện thể?” Chắc chắn chúng ta sẽ phải suy nghĩ theo những thuật ngữ vượt khỏi cõi hồng trần của hệ thống!

88. Globes are part of our solar system, and our solar system (from the occult perspective) is considered not to ‘extend’ onto the cosmic astral plane and cosmic mental plane, yet, taking the analogy from

88. Các bầu hành tinh là một phần của hệ mặt trời chúng ta, và hệ mặt trời của chúng ta (theo quan điểm huyền bí học) được xem là không “mở rộng” lên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ; tuy nhiên, lấy sự tương

the human being, his physical-etheric body is, in a way, his system, and *yet* his astral body and mental body are *also* a part of his system. So, then, do Globe Lords, for instance, have vehicles composed of cosmic astral matter and cosmic mental matter? The same question can be asked of Chain Lords and Planetary Logoi. The question really is this: "In what ways can our solar system be reckoned to include expressions on the cosmic astral plane and cosmic mental plane, and in what ways not?"

đồng từ con người, thể hồng trần-dĩ thái của y, theo một cách nào đó, là hệ thống của y, và *thế nhưng* thể cảm dục và thể trí của y *cũng* là một phần của hệ thống ấy. Vậy thì, chẳng hạn, các Chúa Tể Bầu Hành Tinh có những hiện thể được cấu thành từ vật chất cảm dục vũ trụ và vật chất trí tuệ vũ trụ hay không? Cùng câu hỏi ấy có thể được đặt ra cho các Chúa Tể Dãy và các Hành Tinh Thượng Đế. Câu hỏi thực sự là thế này: "Theo những cách nào hệ mặt trời của chúng ta có thể được tính là bao gồm các biểu lộ trên cõi cảm dục vũ trụ và cõi trí vũ trụ, và theo những cách nào thì không?"

89. We are told that the Buddhas of Activity are "reflections" of these three greater Entities. From another perspective, we could consider all the Buddhas of Activity (are there twenty-one per chain) as *emanations* of these Entities.

89. Chúng ta được cho biết rằng các Đức Phật Hoạt Động là những "phản chiếu" của ba Thực Thể lớn hơn này. Từ một góc nhìn khác, chúng ta có thể xem tất cả các Đức Phật Hoạt Động (có phải là hai mươi mốt vị cho mỗi dãy không) như những *phát xạ* của các Thực Thể ấy.

90. Thus, the question may also arise whether each globe in our chain has certain Buddhas of Activity associated with it.

90. Vì vậy, câu hỏi cũng có thể nảy sinh rằng liệu mỗi bầu hành tinh trong dãy của chúng ta có những Đức Phật Hoạt Động nhất định liên kết với nó hay không.

91. We are led into the mysteries of subtle planetary structure. All these globes may be, in a way, interpenetrating, and yet maintain their 'globular integrity'. This goes to the heart of the mystery of planetary structure.

91. Chúng ta được dẫn vào các huyền nhiệm của cấu trúc hành tinh vi tế. Tất cả các bầu hành tinh này có thể, theo một cách nào đó, xuyên nhập lẫn nhau, mà vẫn duy trì "tính toàn vẹn hình cầu" của chúng. Điều này chạm đến cốt lõi của huyền nhiệm về cấu trúc hành tinh.

In the scheme, the planetary Logos has also three co-operating Existences **Who are the summation of His third Aspect**,

Trong hệ hành tinh, Hành Tinh Thượng Đế cũng có ba Hữu thể hợp tác **là tổng hợp phương diện thứ ba của Ngài**,

92. Thus far we have three Buddhas, three Entities and three Existences—each three greater than the three preceding.

92. Cho đến nay chúng ta có ba Đức Phật, ba Thực Thể và ba Hữu thể—mỗi bộ ba đều lớn hơn bộ ba đứng trước.

93. By inference, we may judge the following:

93. Bằng suy luận, chúng ta có thể phán đoán điều sau:

a. That the Buddhas of Activity are the summation of the third aspect of the Globe Lord. We may infer that the Globe Lord is an entity greater than any of the Buddhas of Activity. (In this context we should consider that Sanat Kumara is the "*Lord* of the World".)

a. Rằng các Đức Phật Hoạt Động là tổng hợp phương diện thứ ba của Chúa Tể Bầu Hành Tinh. Chúng ta có thể suy ra rằng Chúa Tể Bầu Hành Tinh là một thực thể lớn hơn bất kỳ vị nào trong các Đức Phật Hoạt Động. (Trong bối cảnh này, chúng ta nên xem Đức Sanat Kumara là "*Chúa Tể* của Thế Giới".)

b. That the three "Entities" are the summation of the third aspect of the Chain Lord and that a Chain Lord is greater than any of the three Entities.

b. Rằng ba "Thực Thể" là tổng hợp phương diện thứ ba của Chúa Tể Dãy và rằng một Chúa Tể Dãy lớn hơn bất kỳ vị nào trong ba Thực Thể ấy.

c. Just as the "three cooperating Existences" are, as stated above, the "summation of His third Aspect"—speaking of the Planetary Logos. The Planetary Logos is greater than any of the "three cooperating Existences"

c. Cũng như ba "Hữu thể hợp tác", như đã nói ở trên, là "tổng hợp phương diện thứ ba của Ngài"—ở đây nói về Hành Tinh Thượng Đế. Hành Tinh Thượng Đế lớn hơn bất kỳ vị nào trong ba "Hữu thể hợp tác" ấy.

94. How are all these Beings related? When the mysteries of *emanation* are more fully revealed to us, we may know.

94. Tất cả các Hữu thể này liên hệ với nhau như thế nào? Khi các huyền nhiệm của *phát xạ* được mặc khải đầy đủ hơn cho chúng ta, chúng ta có thể sẽ biết.

95. Every Globe Lord and every Chain Lord is really the Planetary Logos in essence and *through emanation.* Beings of the stature of those we are discussing are "mind born".

95. Mọi Chúa Tể Bầu Hành Tinh và mọi Chúa Tể Dãy thực ra đều là Hành Tinh Thượng Đế trong bản chất và *qua phát xạ.* Những Hữu thể có tầm vóc như các Đấng chúng ta đang bàn đến là "do trí sinh ra".

and who perform therefore work similar to that performed by the three aspects of Brahma in the solar system.

và do đó thực hiện công việc tương tự như công việc do ba phương diện của Brahma thực hiện trong hệ mặt trời.

96. Brahma, Vishnu and Shiva (the three Logoi subsidiary to our Solar Logos) are all *triune,* leading to a ninefold solar systemic structure.

96. Brahma, Vishnu và Shiva (ba Thượng đế phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế của chúng ta) đều là *tam vị,* dẫn đến một cấu trúc hệ mặt trời cửu phân.

97. We see that the great Beings Who represent solar systemic Brahma in triple aspect are the higher correspondences to the "three cooperating Existences" Who represent the third aspect of the Planetary Logos.

97. Chúng ta thấy rằng các Hữu thể vĩ đại đại diện cho Brahma của hệ mặt trời trong phương diện tam phân là những tương ứng cao hơn của ba "Hữu thể hợp tác" đại diện cho phương diện thứ ba của Hành Tinh Thượng Đế.

98. We can begin to infer that each of the other two aspects is also triple—on the planetary logoic level, on the chain level and on the globe level.

98. Chúng ta có thể bắt đầu suy ra rằng mỗi một trong hai phương diện kia cũng đều là tam phân—ở cấp độ logoi hành tinh, ở cấp độ dãy và ở cấp độ bầu hành tinh.

99. That is to say that the Buddhas of Activity will be complemented by three Buddhas of Love and by three Buddhas of Will (though this latter group may not yet be in full expression, especially upon a non-sacred planet such as ours).

99. Nghĩa là các Đức Phật Hoạt Động sẽ được bổ sung bởi ba Đức Phật Bác Ái và ba Đức Phật Ý Chí (mặc dù nhóm sau này có thể chưa biểu lộ đầy đủ, đặc biệt trên một hành tinh không thiêng liêng như hành tinh của chúng ta).

The mystery of this threefold type of electricity is largely connected with the lesser Builders, with the elemental essence in one particular aspect,—its lowest and most profound for men to apprehend as it concerns the secret of that which "substands" or "stands back" of all that is objective.

Huyền nhiệm của loại điện tam phân này phần lớn có liên hệ với các vị tiểu kiến tạo, với Tinh chất hành khí trong một phương diện đặc biệt,—phương diện thấp nhất và sâu xa nhất của nó đối với con người để thấuhiểu, vì nó liên quan đến bí mật của cái "nâng đỡ từ bên dưới" hay "đứng phía sau" mọi điều khách quan.

100. DK is speaking in terms highly occult.

100. Chân sư DK đang nói bằng những thuật ngữ hết sức huyền bí học.

101. By "profound", DK seem to mean 'profoundly difficult to understand' or 'deeply material'.

101. Bởi "sâu xa", Chân sư DK dường như muốn nói là "cực kỳ khó hiểu" hoặc "rất vật chất".

102. We have been told of "elemental essence" and of "monadic essence" (essence of the atomic subplanes).

102. Chúng ta đã được nói đến "Tinh chất hành khí" và "tinh chất chân thần" (tinh chất của các cõi phụ nguyên tử).

103. We know that the category of "lesser Builders" is also triune. There are three types

103. Chúng ta biết rằng phạm trù "các vị tiểu kiến tạo" cũng là tam vị. Có ba loại thái âm tổ

of lunar pitris, the lowest of which is substance-matter of the sheaths.

phụ, loại thấp nhất trong đó là chất liệu-vật chất của các thể.

a. The highest group of all receives the energy from the higher levels, and ensouls the spirillae of the three permanent atoms.

a. Nhóm cao nhất trong tất cả tiếp nhận năng lượng từ các cấp độ cao hơn, và phú linh cho các loa tuyến của ba nguyên tử trườngtồn.

b. The second group, being the positive energy that attracts, builds and forms the body of man on the three planes.

b. Nhóm thứ hai, là năng lượng dương thu hút, kiến tạo và tạo thành thân thể của con người trên ba cõi.

c. **The lowest group are the negative aspect of energised substance and the matter of the three sheaths.** (TCF 780)

c. **Nhóm thấp nhất là phương diện âm của chất liệu được tiếp năng lượng và là vật chất của ba thể.** (TCF 780)

104. In this case, DK, may be speaking of the very lowest form of pitri, i.e., of elemental essence, but if so, it would be difficult to understand why such essence would "substand" all objectivity.

104. Trong trường hợp này, Chân sư DK có thể đang nói về hình thức thấp nhất của pitri, tức là về Tinh chất hành khí, nhưng nếu vậy thì sẽ khó hiểu tại sao tinh chất ấy lại "nâng đỡ từ bên dưới" mọi tính khách quan.

105. Usually, that which substands is considered more subtle than that which is 'substood'. But let us see. He could be referring to that which 'stands under' all that is seen and is, therefore, the deeply material basis of all normal objectivity.

105. Thông thường, cái nâng đỡ từ bên dưới được xem là vi tế hơn cái được "nâng đỡ". Nhưng hãy xem. Ngài có thể đang nói đến cái "nằm bên dưới" mọi điều được thấy và do đó là nền tảng vật chất sâu đậm của mọi tính khách quan thông thường.

106. We can certainly see that threefold electricity can be seen as operative even within the level of densest objectivity (a level so commonly associated with the third aspect of divinity). Yet magnetism between the atoms of matter exists as does the electrical change of the atomic nucleus.

106. Chúng ta chắc chắn có thể thấy rằng điện tam phân có thể được xem là đang hoạt động ngay cả trong cấp độ khách quan đậm đặc nhất (một cấp độ thường được liên kết với phương diện thứ ba của thiên tính). Tuy nhiên, từ điện giữa các nguyên tử của vật chất vẫn tồn tại, cũng như sự biến đổi điện của hạt nhân nguyên tử.

In a secondary sense it concerns the forces in the ethers which are those which energise and produce the activities of all atoms.

Theo một nghĩa thứ yếu, nó liên quan đến các mãnh lực trong các cõi dĩ thái, là những mãnh lực chính là những gì tiếp năng lượng và tạo ra các hoạt động của mọi nguyên tử.

107. DK seems to be suggesting that the threefold electricity under discussion is focally expressive within the densest of all levels of the cosmic physical plane—i.e., on the densest three subplanes of the systemic physical plane.

107. Chân sư DK dường như đang gợi ý rằng điện tam phân đang được bàn đến biểu lộ tập trung nhất trong cấp độ đậm đặc nhất của toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ—tức là trên ba cõi phụ đậm đặc nhất của cõi hồng trần của hệ thống.

108. If the three streams of electricity are mostly focused on the densest of all levels, they are *secondarily* focussed on the etheric planes which energize and activate all dense material atoms.

108. Nếu ba dòng điện chủ yếu tập trung trên cấp độ đậm đặc nhất, thì chúng *thứ yếu* tập trung trên các cõi dĩ thái, là những cõi tiếp năng lượng và hoạt hóa mọi nguyên tử vật chất đậm đặc.

109. If we rise to the cosmic analogy, the threefold electrical stream would be seen to animate the lower eighteen subplanes and to work in a secondary manner on the cosmic ethers.

109. Nếu chúng ta vươn lên sự tương đồng vũ trụ, dòng điện tam phân sẽ được thấy là làm sinh động mười tám cõi phụ thấp và hoạt động theo cách thứ yếu trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

Another type deals with the electrical phenomenon which finds its expression in the light which man has somewhat harnessed, in the phenomena such as thunder storms and the manifestation of lightning, with the aurora borealis, and in the production of earthquakes and all volcanic action.

Một loại khác liên quan đến hiện tượng điện tìm thấy sự biểu lộ của nó trong ánh sáng mà con người đã phần nào chế ngự, trong các hiện tượng như giông bão và sự biểu hiện của sét, với cực quang phương bắc, và trong việc tạo ra động đất và mọi hoạt động núi lửa.

110. Let us tabulate the expressions of *another* type of electricity—*not* the threefold type of electricity of which DK has been speaking:

110. Chúng ta hãy lập bảng các biểu lộ của *một* loại điện khác—*không* phải loại điện tam phân mà Chân sư DK đã nói đến:

a. This type of electrical phenomenon finds is expression in light

a. Loại hiện tượng điện này biểu lộ trong ánh sáng

b. It finds its expression in thunderstorms and in the manifestation of lightning

b. Nó biểu lộ trong giông bão và trong sự biểu hiện của sét

c. It finds its expression in phenomena like the aurora borealis

c. Nó biểu lộ trong các hiện tượng như cực quang phương bắc

d. It finds its expression in the production of earthquakes

d. Nó biểu lộ trong việc tạo ra động đất

e. It finds its expression in all volcanic action

e. Nó biểu lộ trong mọi hoạt động núi lửa

111. Are we speaking of a type of electrical activity allied to the first and second aspects of divinity as well at to the third?

111. Có phải chúng ta đang nói về một loại hoạt động điện liên minh với phương diện thứ nhất và thứ hai của thiên tính cũng như với phương diện thứ ba không?

All these manifestations are based on electrical activity of some kind,

Tất cả các biểu hiện này đều dựa trên hoạt động điện thuộc một loại nào đó,

112. We have a very important thought expressed. We are so likely to be limited in our understanding of electrical phenomena. There are many phenomena which we do not consider electrically-based at all, and yet they are.

112. Chúng ta có một tư tưởng rất quan trọng được diễn đạt ở đây. Chúng ta rất dễ bị giới hạn trong sự thấu hiểu của mình về các hiện tượng điện. Có nhiều hiện tượng mà chúng ta hoàn toàn không xem là dựa trên điện, thế nhưng chúng lại là như vậy.

113. Our knowledge of the varieties of electrical phenomena is relatively primitive, thus far.

113. Cho đến nay, tri thức của chúng ta về các loại hiện tượng điện vẫn còn tương đối sơ khai.

and have to do with the "soul of things," or with the essence of matter.

và có liên quan đến “linh hồn của vạn vật”, hay đến tinh chất của vật chất.

114. The term “soul of things” seems to have a very special meaning.

114. Thuật ngữ “linh hồn của vạn vật” dường như có một ý nghĩa rất đặc biệt.

115. We are speaking of the “Anima Mundi” or the “Soul of Matter”. We are not speaking of the higher and more subtle aspects of the soul.

115. Chúng ta đang nói về “Anima Mundi” hay “Linh hồn của Vật chất”. Chúng ta không nói về các phương diện cao hơn và vi tế hơn của linh hồn.

The old Commentary says: [Page 874]

"The garment of God is driven aside by the energy of His movements,

116. We may assume the term "His" to refer to *a* Logos—whether the 'human Logos', the Planetary Logos or the Solar Logos.

117. The true inner "Man" (a Logos) must stand naked, unveiled by his material garment.

118. "His movements" represent the applied energy of a different (and inner) aspect of divinity than the activities of the "garment of God".

and the real Man stands revealed,

119. The soul within the outer form stands revealed.

120. From a higher perspective, the Monad within its still more subtle vestures stands revealed. There are "garments" of many levels of tenuity. Usually, the term "garment" relates to the substance-energy of the lower eighteen subplanes, but the great Logoi have other, higher and finer 'garments' which they *also* wear.

yet remains hidden, **for who knows the secret of a man as it exists in his own self-recognition.**"

121. The greatest Reality is *subjective.* The real Identity of Man-the-Spirit cannot be revealed through any form of objectivity.

Cổ Luận nói: [Page 874]

"Y phục của Thượng đế bị đẩy sang một bên bởi năng lượng của các chuyển động của Ngài,

116. Chúng ta có thể giả định rằng thuật ngữ "Ngài" ở đây chỉ đến *một* Logos—dù là 'Logos nhân loại', Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế.

117. "Con Người" nội tại đích thực (một Logos) phải đứng trần trụi, không còn bị che phủ bởi y phục vật chất của y.

118. "Các chuyển động của Ngài" biểu thị năng lượng được vận dụng của một phương diện thiên tính khác (và nội tại hơn) so với các hoạt động của "y phục của Thượng đế".

và Con Người thực sự đứng hiển lộ,

119. Linh hồn bên trong hình tướng bên ngoài đứng hiển lộ.

120. Từ một góc nhìn cao hơn, Chân thần bên trong những lớp áo còn vi tế hơn của nó đứng hiển lộ. Có những "y phục" ở nhiều cấp độ tinh vi khác nhau. Thông thường, thuật ngữ "y phục" liên hệ với chất liệu-năng lượng của mười tám cõi phụ thấp, nhưng các Thượng đế vĩ đại còn có những "y phục" khác, cao hơn và tinh tế hơn, mà các Ngài *cũng* mặc.

nhưng vẫn còn ẩn kín, **vì ai biết được bí mật của một con người như nó tồn tại trong sự tự nhận biết của chính y.**"

121. Thực Tại vĩ đại nhất là *chủ quan.* Bản Sắc thực sự của Con Người-là-Tinh thần không thể được mặc khải qua bất kỳ hình

The secret is disclosed only in a profound state of inner Self-recognition.

thức khách quan nào. Bí mật chỉ được hé lộ trong một trạng thái sâu xa của sự tự nhận biết nội tại.

122. We are inferring here the existence of a kind of 'Ultimate Secret'. Perhaps that Secret is *never* to be revealed—at least not *in Cosmos.*

122. Ở đây chúng ta đang suy ra sự hiện hữu của một loại "Bí Mật Tối Hậu". Có lẽ Bí Mật ấy *không bao giờ* được mặc khải—ít nhất là không phải *trong Vũ trụ.*

The mystery of electricity deals with the "garment" of God, just as the mystery of polarity deals with His "form."

Huyền nhiệm của điện liên quan đến "y phục" của Thượng đế, cũng như huyền nhiệm của cực tính liên quan đến "hình tướng" của Ngài.

123. This is a most important distinction. Electricity relates to the third aspect and to the "garment". Polarity relates to the second aspect and to "form".

123. Đây là một phân biệt hết sức quan trọng. Điện liên hệ với phương diện thứ ba và với "y phục". Cực tính liên hệ với phương diện thứ hai và với "hình tướng".

124. Matter is not form. Form *patterns* matter.

124. Vật chất không phải là hình tướng. Hình tướng *tạo mô hình cho* vật chất.

125. The "garment of God" is shapeless until "formed" by means of the Law of Attraction.

125. "Y phục của Thượng đế" là vô dạng cho đến khi được "tạo hình" bằng Định luật Hấp Dẫn.

126. We can, perhaps, begin to understand the relationship between polarity, love and beauty of form. The Law of Attraction tends ever towards *beauty.*

126. Có lẽ chúng ta có thể bắt đầu hiểu mối liên hệ giữa cực tính, tình thương và vẻ đẹp của hình tướng. Định luật Hấp Dẫn luôn luôn hướng về *vẻ đẹp.*

In the mystery of Polarity, we have three different types of force manifesting and thus it is apparent that the two mysteries deal with the six forces.

Trong huyền nhiệm của Cực tính, chúng ta có ba loại mãnh lực khác nhau đang biểu lộ và do đó rõ ràng là hai huyền nhiệm này liên quan đến sáu mãnh lực.

127. Each of the aspects of divinity is triune. Of this we are certain. Thus, are the links between the aspects assured.

127. Mỗi phương diện của thiên tính đều là tam vị. Điều này chúng ta chắc chắn. Vì vậy, các mối liên kết giữa các phương diện được bảo đảm.

128. The six forces representing the two mysteries combined remind of the *six* within the Kabala—harmonization represented by the Sun.

128. Sáu mãnh lực đại diện cho hai huyền nhiệm kết hợp lại gợi nhớ đến con số *sáu* trong Kabala—sự hài hòa được Mặt Trời biểu trưng.

129. In the union of the two triplicities of forces representing these two mysteries we encounter the Seal of Solomon—the six-pointed star.

129. Trong sự hợp nhất của hai bộ ba mãnh lực đại diện cho hai huyền nhiệm này, chúng ta gặp Ấn Triện của Solomon—ngôi sao sáu cánh.

These three types of force are manipulated by **the Buddhas of Love.**

Ba loại mãnh lực này được vận dụng bởi **các Đức Phật Bác Ái.**

130. Of these Buddhas practically nothing has been said. One an imagine that those who are progressing along the second ray line may be candidates for such work—eventually

130. Hầu như chẳng có gì được nói về các Đức Phật này. Người ta có thể hình dung rằng những ai đang tiến bộ trên tuyến cung hai có thể là những ứng viên cho công việc như thế—về sau.

131. May we presume that such Buddhas of Love exist at the globe level, the chain level and the planetary logoic level? Sections of text below indicate this.

131. Chúng ta có thể giả định rằng các Đức Phật Bác Ái như thế hiện hữu ở cấp độ bầu hành tinh, cấp độ dãy và cấp độ logoi hành tinh không? Những đoạn văn bên dưới cho thấy điều này.

They, through Their sacrifice, concern Themselves with the problem of sex, or of "magnetic approach" on all the planes.

Các Ngài, thông qua sự hi sinh của mình, tự đảm trách vấn đề về giới tính, hay về "sự tiếp cận từ tính" trên mọi cõi.

132. We see again that love and sacrifice are inseparable.

132. Chúng ta lại thấy rằng bác ái và hi sinh là không thể tách rời.

133. These Buddhas of Love are engaged in most interesting activities.. We see that, in relation to the highest planes, sex and love cannot be separated as they often are 'below'.

133. Các Đức Phật Bác Ái này đang tham gia vào những hoạt động hết sức thú vị. Chúng ta thấy rằng, liên hệ với các cõi cao nhất, giới tính và bác ái không thể bị tách rời như chúng thường bị tách rời ở "bên dưới".

134. The definition of sex as "magnetic approach" deserves pondering. Sex, transmuted, becomes "magnetic approach" on higher planes and can be seen as related

134. Định nghĩa về giới tính như là "sự tiếp cận từ tính" rất đáng để suy ngẫm. Giới tính, khi được chuyển hoá, trở thành "sự tiếp cận từ tính" trên các cõi cao hơn và có thể được

to the Law of Magnetic Impulse, called esoterically the "Law of Polar Union" and related to Libra—one of the foremost signs of sex (and love). Sex on the higher planes is the "magnetic approach" and fusion of souls and Spirit-units.

xem là liên hệ với Định luật Xung Động Từ Tính, được gọi một cách huyền bí là "Định luật Hợp Nhất Cực Tính", và liên hệ với Thiên Bình—một trong những dấu hiệu hàng đầu của giới tính (và bác ái). Giới tính trên các cõi cao hơn là "sự tiếp cận từ tính" và sự dung hợp của các linh hồn và các đơn vị tinh thần.

135. The only way for the universe (having been subjected to fragmentative-emanation) to *regather* itself is through sex, desire and love—all ruled by the Law of Attraction and, essentially, under the second aspect of divinity.

135. Cách duy nhất để vũ trụ (sau khi đã bị đặt dưới sự phát xạ-phân mảnh) có thể *tự quy tụ lại* là thông qua giới tính, dục vọng và bác ái—tất cả đều được cai quản bởi Định luật Hấp Dẫn và, về bản chất, nằm dưới phương diện thứ hai của thiên tính.

The Buddha of Whom we speak and Who contacts His people at the full moon of Wesak, is one of the three connected with *our globe,*

Đức Phật mà chúng ta đang nói đến và Đấng tiếp xúc với dân của Ngài vào kỳ trăng tròn Wesak, là một trong ba vị liên hệ với *bầu hành tinh của chúng ta,*

136. From this we understand that Gautama Buddha is one of the Buddhas of Love associated with our globe.

136. Từ đây chúng ta hiểu rằng Đức Phật Gautama là một trong các Đức Phật Bác Ái liên kết với bầu hành tinh của chúng ta.

137. Yet, if we imagine that the Buddhas of Love are in advance of the Buddhas of Activity, we will have to ponder. There is no way that our Buddha, Gautama, can be considered the peer of the Buddhas of Activity Who have already achieved the status of Planetary Logos in a previous solar system.

137. Tuy nhiên, nếu chúng ta tưởng rằng các Đức Phật Bác Ái tiến trước các Đức Phật Hoạt Động, thì chúng ta sẽ phải suy nghĩ lại. Không thể nào Đức Phật của chúng ta, Gautama, lại có thể được xem là ngang hàng với các Đức Phật Hoạt Động, là những Đấng đã đạt được địa vị Hành Tinh Thượng Đế trong một hệ mặt trời trước.

138. Yet, it may be presumed that, since the activity *aspect* of divinity is always first to unfold, the degree of development of the Buddhas of Love must necessarily follow that of the Buddhas of Activity. In general, in our solar system at least, third-aspect B/beings are more fully unfolded than second-aspect B/beings, and both of these are far more unfolded than first-aspect B/beings.

138. Tuy nhiên, có thể giả định rằng, vì phương diện *hoạt động* của thiên tính luôn là phương diện đầu tiên khai mở, nên mức độ phát triển của các Đức Phật Bác Ái tất yếu phải theo sau mức độ của các Đức Phật Hoạt Động. Nói chung, ít nhất trong hệ mặt trời của chúng ta, các hữu thể thuộc phương diện thứ ba được khai mở đầy đủ hơn các hữu thể thuộc phương diện thứ hai, và cả hai loại này

đều được khai mở nhiều hơn rất xa so với các hữu thể thuộc phương diện thứ nhất.

139. We note that our Buddha is one of three who work in relation to our globe. Elsewhere in TCF we are told that our Buddha (and nine others upon our planet who are possessed of a third ray Monad) are capable of generating three simultaneous appearances or manifestations. Are we to gather that the other two are (with our Buddha) two of the three possible manifestations of this Buddha *Entity* (discussed above), or that *our* Buddha can manifest simultaneously in two other manifestations directly related to Himself?

139. Chúng ta lưu ý rằng Đức Phật của chúng ta là một trong ba vị hoạt động liên hệ với bầu hành tinh của chúng ta. Ở nơi khác trong TCF, chúng ta được cho biết rằng Đức Phật của chúng ta (và chín vị khác trên hành tinh của chúng ta sở hữu một chân thần cung ba) có khả năng tạo ra ba sắc tướng hay biểu lộ đồng thời. Chúng ta có nên hiểu rằng hai vị kia là (cùng với Đức Phật của chúng ta) hai trong ba biểu lộ khả hữu của Thực Thể Phật này (đã được bàn ở trên), hay rằng Đức Phật *của chúng ta* có thể đồng thời biểu lộ trong hai biểu lộ khác trực tiếp liên hệ với chính Ngài?

having taken the place of One Who passed on to higher work in connection with the Chain, for the same hierarchical grading is seen as in connection with the Buddhas of Action.

đã thay thế vị trí của Một Đấng đã chuyển sang công việc cao hơn liên hệ với Dãy, vì cùng một sự phân cấp thứ bậc cũng được thấy trong mối liên hệ với các Đức Phật Hoạt Động.

140. We are speaking of "hierarchical grading". In this type of hierarchical structuring, we understand that there are different gradings of Buddhas of Love just as there are of Buddhas of Activity (Their higher correspondences being called, first, "Entities" and then "Existences").

140. Chúng ta đang nói về "sự phân cấp thứ bậc". Trong loại cấu trúc phân cấp này, chúng ta hiểu rằng có những cấp bậc khác nhau của các Đức Phật Bác Ái cũng như có những cấp bậc của các Đức Phật Hoạt Động (các tương ứng cao hơn của Các Ngài lần lượt được gọi là "Thực Thể" và rồi là "Hữu thể").

141. We may pause to consider that our Buddha, almost certainly has a *third ray Monad.* If this is the case, and if He is expressing as a Monad (which He is), why is He one of the Buddhas of *Love*?

141. Chúng ta có thể dừng lại để suy xét rằng Đức Phật của chúng ta gần như chắc chắn có một *chân thần cung ba.* Nếu đúng như vậy, và nếu Ngài đang biểu lộ như một chân thần (đúng là như thế), thì tại sao Ngài lại là một trong các Đức Phật của *Bác Ái*?

142. We might also ask whether every Chain Buddha emanates as seven Globe Buddhas. In other words, there would be three Chain

142. Chúng ta cũng có thể hỏi liệu mỗi Đức Phật của Dãy có phát xạ thành bảy Đức Phật của Bầu Hành Tinh hay không. Nói cách khác, sẽ có ba Đức Phật của Dãy phát xạ

Buddhas Who emanate as twenty-one Globe Buddhas.

thành hai mươi mốt Đức Phật của Bầu Hành Tinh.

One group might be considered the divine Carpenters of the planetary system,

Một nhóm có thể được xem là những Người Thợ Mộc thiêng liêng của hệ hành tinh,

143. The "divine Carpenters" are related to the third aspect. They prepare the materials for assembly.

143. Những "Người Thợ Mộc thiêng liêng" liên hệ với phương diện thứ ba. Họ chuẩn bị các vật liệu để lắp ráp.

144. We remember that Jesus (Capricorn) was a carpenter by outer profession. Capricorn, we remember, is closely associated with the third aspect of divinity.

144. Chúng ta nhớ rằng Đức Jesus (Ma Kết) có nghề nghiệp bên ngoài là thợ mộc. Chúng ta nhớ rằng Ma Kết liên hệ chặt chẽ với phương diện thứ ba của thiên tính.

the other the **divine Assemblers** of its parts and the Ones Who, **through the magnetic influence They wield, unite the diversities and build them into form.**

nhóm kia là **những Đấng Lắp Ráp thiêng liêng** các bộ phận của nó và là những Đấng, **thông qua ảnh hưởng từ tính mà Các Ngài vận dụng, hợp nhất các dị biệt và xây dựng chúng thành hình tướng.**

145. The "divine Assemblers" are to be considered related to the second aspect of divinity.

145. Những "Đấng Lắp Ráp thiêng liêng" phải được xem là liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính.

146. The description of their kind of activity is very beautiful and carries much illumination. Is it not fascinating to think of form as the 'uniting of diversities'?

146. Mô tả về loại hoạt động của Các Ngài rất đẹp và mang nhiều soi sáng. Chẳng phải thật hấp dẫn khi nghĩ về hình tướng như là "sự hợp nhất các dị biệt" sao?

147. This would be the time to consider the "Law of Assembly" (as it is presented in DINA II). Though it operates in relation to Shamballa, we can see that it comes under the second aspect of divinity.

147. Đây sẽ là lúc để xem xét "Định luật Tập Hợp" (như được trình bày trong DINA II). Dù nó hoạt động liên hệ với Shamballa, chúng ta có thể thấy rằng nó thuộc về phương diện thứ hai của thiên tính.

The process in which the initiate is now permitted to share during and after the fourth Initiation of Renunciation (which is presented to him in a successive series of points of revelation) is made possible by his submission to the Law of Sacrifice. This, in its turn, brings his consciousness under the

Tiến trình mà điểm đạo đồ hiện nay được phép tham dự trong và sau Cuộc Điểm Đạo Từ Bỏ thứ tư (được trình bày cho y trong một chuỗi liên tiếp các điểm mặc khải) trở nên khả hữu nhờ sự quy phục của y đối với Định luật Hi Sinh. Đến lượt mình, điều này đưa tâm thức của y vào dưới ảnh hưởng—qua các

influence—in developing stages—of the **Law of Assembly**. This is a law to which I have not yet made reference in any of my previous instructions. The initiate can now —through appreciated and comprehended revelation—add to his work with the Plan and its building technique, a capacity to work with divine Purpose and with those substances (etheric in nature) and those energies which permeate the cosmic etheric body (the four higher planes of our cosmic physical plane) under a law which is set in motion by the Father, but which makes the building activity of the Son possible, so that it is utterly in line with divine Purpose. (DINA II 403)

giai đoạn phát triển—của **Định luật Tập Hợp**. Đây là một định luật mà tôi chưa từng đề cập đến trong bất kỳ huấn thị nào trước đây của tôi. Giờ đây điểm đạo đồ có thể—thông qua sự mặc khải được trân trọng và thấu hiểu—bổ sung vào công việc của y với Thiên Cơ và kỹ thuật kiến tạo của nó một năng lực làm việc với Thiên Ý và với những chất liệu (có bản chất dĩ thái) cùng những năng lượng thấm nhuần thể dĩ thái vũ trụ (bốn cõi cao của cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta) dưới một định luật được khởi động bởi Đức Cha, nhưng làm cho hoạt động kiến tạo của Đức Con trở nên khả hữu, để nó hoàn toàn phù hợp với Thiên Ý. (DINA II 403)

There is, first of all, the recognition of *a great procedure* which must, under the **Law of Assembly**, be responsible for the bringing in of extra-planetary energies as the redemption of the worlds of being and of form is carried forward by the second divine aspect. Of this procedure I can tell you naught. The place or *the location* of the procedure of assembly is made clear. It is in the Council Chamber of Shamballa. (DINA II 404)

Trước hết, có sự nhận biết về *một thủ tục vĩ đại* mà, dưới **Định luật Tập Hợp**, phải chịu trách nhiệm đưa vào các năng lượng ngoài hành tinh khi sự cứu chuộc các thế giới bản thể và hình tướng được xúc tiến bởi phương diện thiêng liêng thứ hai. Về thủ tục này tôi không thể nói gì với các bạn. Nơi chốn hay *vị trí* của thủ tục tập hợp ấy được nói rõ. Nó ở trong Phòng Hội Đồng của Shamballa. (DINA II 404)

The present ideas anent Sex must be transmuted and raised from the existing lower connotation to its true significance.

Những ý niệm hiện nay liên quan đến Giới tính phải được chuyển hoá và nâng lên khỏi hàm nghĩa thấp hiện có để đạt đến thâm nghĩa chân thực của nó.

148. Such transmutation and raising will require a considerable access to buddhic energy, for upon the buddhic plane (and at the fourth initiation) the problem of sex is solved.

148. Sự chuyển hoá và nâng cao như thế sẽ đòi hỏi một sự tiếp cận đáng kể với năng lượng Bồ đề, vì trên cõi Bồ đề (và ở lần điểm đạo thứ tư) vấn đề giới tính được giải quyết.

Sex—in the three worlds—has to do with the work of the lunar Pitris and the solar Lords.

Giới tính—trong ba cõi giới—liên quan đến công việc của các thái âm tổ phụ và các nhật tinh quân.

149. The relationship between the "solar Lords" and "lunar Pitris" can be considered based upon sex broadly understood.

149. Mối liên hệ giữa "các nhật tinh quân" và "thái âm tổ phụ" có thể được xem xét dựa trên giới tính được hiểu theo nghĩa rộng.

150. If we are considering sex as it manifests through humanity, it appears that both the lunar lords and the Solar Pitris are involved.

150. Nếu chúng ta xét giới tính như nó biểu hiện qua nhân loại, thì dường như cả các nguyệt tinh quân lẫn các thái dương tổ phụ đều có liên quan.

It signifies essentially the form-building work in substance, and its energising by the spiritual aspect.

Về bản chất, nó biểu thị công việc xây dựng hình tướng trong chất liệu, và sự tiếp sinh lực của nó bởi phương diện tinh thần.

151. Human forms, for instance, could not be built unless the builders of form in the lower three worlds were internally energized by the spiritual aspect.

151. Chẳng hạn, các hình tướng con người không thể được xây dựng nếu các đấng kiến tạo hình tướng trong ba cõi thấp không được phương diện tinh thần tiếp sinh lực từ bên trong.

It signifies the **elevation of the material aspect through the influence of Spirit** as the two together perform **their legitimate function** in co-operation and thus—by their mutual union and blending—produce the Son in all His glory.

Nó biểu thị sự **nâng cao phương diện vật chất nhờ ảnh hưởng của Tinh thần** khi cả hai cùng thực hiện **chức năng chính đáng của mình** trong sự hợp tác và như thế—bằng sự kết hợp và hòa trộn lẫn nhau của chúng—sản sinh ra Con trong toàn bộ vinh quang của Ngài.

152. Here we have a higher spiritual correspondence of human and animal sexual union.

152. Ở đây chúng ta có một tương ứng tinh thần cao hơn của sự kết hợp tính dục nơi con người và động vật.

153. We see that sex is intended to contain a dimension of both soul and Spirit as well as the dimension of physicality.

153. Chúng ta thấy rằng giới tính được dự định là phải bao hàm một chiều kích của cả linh hồn lẫn tinh thần, cũng như chiều kích của tính hồng trần.

154. By the words "legitimate function", it is asserted that sex is to operate 'under the law', again suggesting the influence of the sign law and legality, Libra.

154. Qua những từ "chính đáng chức năng", điều được khẳng định là giới tính phải vận hành 'dưới định luật', một lần nữa gợi ý ảnh hưởng của dấu hiệu về định luật và tính hợp pháp, Thiên Bình.

155. It is also clear that the sex function is to lead to glorification—a blissfully effulgent display of liberated light, love and power.

155. Cũng rõ ràng rằng chức năng tính dục phải dẫn đến sự vinh hiển hóa—một sự biểu lộ rực sáng đầy chí phúc của ánh sáng, tình thương và quyền năng được giải phóng.

This method of interpreting it is equally true of all the Existences manifesting on any plane, systemic and cosmic.

Phương pháp diễn giải này cũng đúng như nhau đối với mọi Hiện Hữu đang biểu hiện trên bất kỳ cõi nào, thuộc hệ mặt trời và vũ trụ.

156. DK points to the *universality* of sex. All sexual interaction is, essentially, through the intimate interplay of the first and third aspects, a process which consummates in the "glorification of the Son".

156. Chân sư DK chỉ ra tính *phổ quát* của giới tính. Mọi tương tác tính dục, về bản chất, đều thông qua sự tương tác mật thiết của phương diện thứ nhất và thứ ba, một tiến trình hoàn tất trong "sự vinh hiển hóa của Con".

Certain [Page 875] factors enter into the thought of sex which might be enumerated as follows:

Một số [Page 875] yếu tố đi vào tư tưởng về giới tính có thể được liệt kê như sau:

157. These factors are general but can be related to sexual interplay as experienced by the human being.

157. Những yếu tố này là tổng quát nhưng có thể được liên hệ với sự tương tác tính dục như con người trải nghiệm.

a. Mutual attraction,

a. Sự hấp dẫn lẫn nhau,

158. Both poles find themselves attracted, not only one to the other.

158. Cả hai cực đều thấy mình bị thu hút, chứ không chỉ cực này đối với cực kia.

b. Complementary suitability,

b. Sự tương hợp bổ sung,

159. If the parties attracted are to remain together profitably, there must be a degree of complementarity resulting in harmony.

159. Nếu các bên bị thu hút muốn ở lại với nhau một cách hữu ích, thì phải có một mức độ bổ sung cho nhau đưa đến hài hòa.

160. Often attractions occur, not on the basis of the *whole* individual, but on the basis of part to part—a part or aspect of one individual being attracted to a part or aspect of the other, and vise-versa.

160. Thường thì các sự hấp dẫn xảy ra không dựa trên cá nhân *toàn thể*, mà dựa trên phần với phần—một phần hay phương diện của cá nhân này bị thu hút bởi một phần hay phương diện của cá nhân kia, và ngược lại.

161. If there is to be "complementary suitability", the two wholes must be complementary, thus raising the probability of harmony.

161. Nếu phải có "sự tương hợp bổ sung", thì hai toàn thể phải bổ sung cho nhau, nhờ đó nâng cao xác suất của sự hài hòa.

c. Instinctual appeal,

c. Sức hấp dẫn bản năng,

162. The lower vehicles (especially the dense physical nature) must find their own type of harmony and be gratified.

162. Các vận cụ thấp (đặc biệt là bản chất hồng trần đậm đặc) phải tìm thấy loại hài hòa riêng của chúng và được thỏa mãn.

163. It is possible for souls and minds to be attracted to each other with no presence of instinctual, 'lunar' appeal. We might call this type of appeal "animal magnetism" or 'animal appeal'.

163. Có thể các linh hồn và các trí tuệ bị thu hút lẫn nhau mà không có sự hiện diện của sức hấp dẫn bản năng, 'thái âm'. Chúng ta có thể gọi loại sức hấp dẫn này là "từ điện động vật" hay 'sức hấp dẫn động vật'.

d. Approach, and recognised co-operation,

d. Sự tiếp cận, và sự hợp tác được nhận biết,

164. When the parties attracted have somewhat transcended their animal nature, they can come together as persons serving the same purpose (or similar purposes) and thus, deliberately, cooperate.

164. Khi các bên bị thu hút đã phần nào vượt lên trên bản chất động vật của mình, họ có thể đến với nhau như những con người phụng sự cùng một mục đích (hay những mục đích tương tự) và như thế, một cách có chủ ý, hợp tác với nhau.

e. Union,

e. Sự hợp nhất,

165. Union can occur on all levels, from the physical to the spiritual

165. Sự hợp nhất có thể xảy ra trên mọi cấp độ, từ hồng trần đến tinh thần

166. An ideal marriage contains all the possible forms of union.

166. Một cuộc hôn nhân lý tưởng chứa đựng mọi hình thức hợp nhất có thể có.

f. The next stage is the temporary importance of the material aspect, that of the Mother, the feminine aspect,

f. Giai đoạn kế tiếp là tầm quan trọng tạm thời của phương diện vật chất, tức của Người Mẹ, phương diện nữ tính,

167. Presumably this occurs after the poles have come together and the transmission of life has been effected.

167. Có lẽ điều này xảy ra sau khi các cực đã đến với nhau và sự truyền sự sống đã được thực hiện.

168. The Mother is then preeminent, as the foetus is matured within her body.

168. Khi ấy Người Mẹ là tối trọng, vì thai nhi được trưởng thành trong thể của bà.

g. The withdrawal into a temporary retirement of the Father,

g. Sự rút lui vào một thời kỳ ẩn cư tạm thời của Người Cha,

169. The work at this stage, is that of the Mother. The Father has played his part in impregnating the Mother. His work will not be called for until a later period of development.

169. Công việc ở giai đoạn này là của Người Mẹ. Người Cha đã đóng vai trò của ông trong việc làm cho Người Mẹ thụ thai. Công việc của ông sẽ không được cần đến cho đến một giai đoạn phát triển muộn hơn.

h. The work of creating the Son,

h. Công việc tạo ra Người Con,

170. This proceeds within the Mother and, following the birth of the Son, concerns his rearing.

170. Điều này diễn ra trong Người Mẹ và, sau khi Người Con ra đời, liên quan đến việc nuôi dưỡng y.

i. The evolution and growth of the Son, both materially and in consciousness,

i. Sự tiến hoá và tăng trưởng của Người Con, cả về vật chất lẫn về tâm thức,

171. The child is growing up, both materially and in consciousness. He is still, however, under the supervision of the Mother far more than the Father.

171. Đứa trẻ đang lớn lên, cả về vật chất lẫn về tâm thức. Tuy nhiên, y vẫn ở dưới sự giám sát của Người Mẹ nhiều hơn là của Người Cha.

j. Emancipation of the Son from his Mother, or the liberation of the soul at maturity from matter,

j. Sự giải phóng Người Con khỏi Người Mẹ của mình, hay sự giải thoát của linh hồn khi trưởng thành khỏi vật chất,

172. The second aspect of divinity must be liberated from the field of influence of the Mother (the third aspect). The Son, however, must be mature in consciousness before this is possible.

172. Phương diện thứ hai của thiên tính phải được giải thoát khỏi trường ảnh hưởng của Người Mẹ (phương diện thứ ba). Tuy nhiên, Người Con phải trưởng thành trong tâm thức trước khi điều này có thể xảy ra.

173. If the Son remains tied to the Mother, the result is unhealthy, both physically and psychologically—especially psychologically.

173. Nếu Người Con vẫn bị ràng buộc với Người Mẹ, kết quả sẽ là không lành mạnh, cả về thể xác lẫn tâm lý—đặc biệt là về tâm lý.

174. It is the fourth initiation which demonstrates with finality this emancipation of the Son from the Mother.

174. Chính lần điểm đạo thứ tư chứng minh một cách dứt khoát sự giải phóng này của Người Con khỏi Người Mẹ.

k. Recognition by the Son of the Father and his return to that Father,

k. Sự nhận biết của Người Con về Người Cha và sự trở về của y với Người Cha ấy,

175. The "Prodigal Son" returns to the Father's Home. This return takes a long time. We can say that it begins at the first "reversal of the wheel" during work within the later fifth petal of the egoic lotus.

175. "Người Con Hoang Đàng" trở về Nhà của Cha. Sự trở về này mất một thời gian dài. Chúng ta có thể nói rằng nó bắt đầu ở "sự đảo ngược bánh xe" đầu tiên trong khi làm việc trong cánh hoa thứ năm về sau của Hoa Sen Chân Ngã.

176. Once the third initiation has been taken and the individual comes under the direct impression of the Monad, the return to the Father gathers speed and intensity.

176. Một khi lần điểm đạo thứ ba đã được tiếp nhận và cá nhân chịu dưới ấn tượng trực tiếp của chân thần, sự trở về với Người Cha sẽ tăng tốc và tăng cường độ.

The final result of all these successive stages being that **all the three aspects** have performed their functions (their dharma)

Kết quả cuối cùng của tất cả những giai đoạn kế tiếp này là **cả ba phương diện** đều đã thực hiện các chức năng của mình (dharma của chúng)

177. Dharma is function within the whole. Unless an individual has a clear idea of the larger whole in which he is immersed (at least the most *proximate* larger whole), he will not know his dharma.

177. Dharma là chức năng trong toàn thể. Trừ phi một cá nhân có một ý niệm rõ ràng về toàn thể lớn hơn mà y đang chìm trong đó (ít nhất là toàn thể lớn hơn *gần nhất*), y sẽ không biết dharma của mình.

on the physical plane and all three have demonstrated certain types of energy.

trên cõi hồng trần và cả ba đều đã biểu lộ những loại năng lượng nhất định.

178. We are now speaking of the three aspects of divinity as they demonstrate on the physical plane.

178. Hiện nay chúng ta đang nói về ba phương diện của thiên tính như chúng biểu lộ trên cõi hồng trần.

The Father aspect manifests in giving the **initial impulse** or the **positive electrical demonstration which is the germ** of the created Son, and Whose Life is embodied in the Son.

179. The Father represents *positive* electricity. From this positive electrical demonstration or germ, the Son grows.

180. It is important to realize that the Life of the Father is embodied in the Son. Thus could the Christ say, "He who hath seen me hath seen the Father".

181. From a larger view point we might ask whether we are capable of seeing the Father in all things—i.e., whether when we register any objective presentation we recognize the Father within and behind that demonstration.

The occult significance of the words of the Christ in answer to the cry "Lord, show us the Father" is little appreciated. "He that has seen Me has seen the Father, for I and my Father are One," He said.[77] [Bible. John XIV, 8.]

182. As stated above.

183. The personality *is* the Monad. The Ego or soul *is* the Monad. Our concrete minds are so divided and divisive that we loose sight of the Spirit in the midst of perceived differentiation.

The Mother, or the negative aspect, builds and nourishes, guards and cherishes the Son through the ante-natal, and the infant stages,

Phương diện Cha biểu hiện trong việc ban ra **xung lực khởi đầu** hay **biểu hiện điện dương vốn là mầm giống** của Người Con được tạo ra, và Sự Sống của Đấng ấy được thể hiện trong Người Con.

179. Người Cha tượng trưng cho điện *dương*. Từ biểu hiện điện dương hay mầm giống này, Người Con lớn lên.

180. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng Sự Sống của Người Cha được thể hiện trong Người Con. Vì thế Đức Christ có thể nói, "Ai đã thấy ta là đã thấy Cha".

181. Từ một quan điểm rộng lớn hơn, chúng ta có thể hỏi liệu chúng ta có khả năng thấy Người Cha trong mọi sự vật hay không—tức là, khi chúng ta ghi nhận bất kỳ sự trình hiện khách quan nào, chúng ta có nhận ra Người Cha ở bên trong và phía sau biểu hiện ấy hay không.

Ý nghĩa huyền bí của những lời Đức Christ đáp lại tiếng kêu "Lạy Chúa, xin chỉ cho chúng con thấy Cha" ít được đánh giá đúng mức. "Ai đã thấy Ta là đã thấy Cha, vì Ta và Cha Ta là Một," Ngài nói.77 [Bible. John XIV, 8.]

182. Như đã nói ở trên.

183. Phàm ngã *là* chân thần. Chân ngã hay linh hồn *là* chân thần. Các trí cụ thể của chúng ta bị phân chia và có tính phân chia đến mức chúng ta đánh mất tinh thần giữa sự biến phân được tri giác.

Người Mẹ, hay phương diện âm, xây dựng và nuôi dưỡng, bảo vệ và trân quý Người Con qua các giai đoạn trước khi sinh và thời kỳ ấu nhi,

184. We can certainly see the Virgo energy and imagery in expression. The four verbs —"builds", "nourishes", "guards" and "cherishes"—are a perfect expression of the Virgo activity. We must also add the words "stands around" as they indicate the close presence of the Mother as the Son is raised.

184. Chúng ta chắc chắn có thể thấy năng lượng và hình ảnh của Xử Nữ đang biểu lộ. Bốn động từ—"xây dựng", "nuôi dưỡng", "bảo vệ" và "trân quý"—là một biểu hiện hoàn hảo của hoạt động Xử Nữ. Chúng ta cũng phải thêm các từ "đứng quanh" vì chúng chỉ sự hiện diện gần gũi của Người Mẹ khi Người Con được nuôi lớn.

and stands around Him during later stages, giving of the energy of her own body and activity in ministry to His need.

và đứng quanh Ngài trong các giai đoạn về sau, ban ra năng lượng từ chính thể của bà và hoạt động phụng sự cho nhu cầu của Ngài.

[Page 876]

[Page 876]

185. Two types of energy are given—of the body and that imparted through activity.

185. Hai loại năng lượng được ban ra—năng lượng của thể và năng lượng được truyền qua hoạt động.

The Son, the combined energy of Father and of Mother, embodies both types and all the dual sets of qualities,

Người Con, năng lượng kết hợp của Cha và Mẹ, thể hiện cả hai loại và mọi cặp phẩm tính nhị nguyên,

186. The Son contains both Father and Mother and resembles them body.

186. Người Con chứa đựng cả Cha lẫn Mẹ và giống các vị ấy về thể.

187. The Son is "Janus", seeing in two directions and, really, reaching in two directions.

187. Người Con là "Janus", nhìn theo hai hướng và thực ra vươn tới theo hai hướng.

but has a character all His Own,

nhưng có một Tính cách hoàn toàn của riêng Ngài,

188. For though the Son partakes of both the Father and Mother, He is a unique, independent Being in his own right.

188. Vì tuy Người Con dự phần vào cả Cha lẫn Mẹ, Ngài là một Hữu thể độc đáo, độc lập theo quyền hiện hữu riêng của mình.

189. One day, the Son must become a Father.

189. Một ngày kia, Người Con phải trở thành một Người Cha.

190. Of course, we could say that the child of the Father/Mother is the Son *and Daughter*. If this is the case, then the Daughter must, one day, become the Mother.

190. Dĩ nhiên, chúng ta có thể nói rằng đứa con của Cha/Mẹ là Người Con *và Người Con Gái*. Nếu đúng như vậy, thì Người Con Gái một ngày kia phải trở thành Người Mẹ.

191. We might say that the 'Son-as-Sun' includes the Daughter.

191. Chúng ta có thể nói rằng 'Người Con-như-Mặt Trời' bao gồm cả Người Con Gái.

192. In Tarot the Daughter is emphasized and a quadruplicity is substituted for the usual trinity of Father-Mother-Son.

192. Trong Tarot, Người Con Gái được nhấn mạnh và một bộ bốn được thay thế cho bộ ba thông thường Cha-Mẹ-Con.

an essence which is His peculiar nature, and an energy which leads Him to fulfil His Own ends and projects,

một tinh túy là bản chất đặc thù của riêng Ngài, và một năng lượng dẫn Ngài đến chỗ hoàn thành những mục đích và những phóng chiếu của riêng Ngài,

193. All this is to say that our children are independent of us. The psychologist (and our experience) can assure us of this fact.

193. Tất cả điều này là để nói rằng con cái chúng ta độc lập với chúng ta. Nhà tâm lý học (và kinh nghiệm của chúng ta) có thể bảo đảm với chúng ta về sự thật này.

and which will eventually cause Him to repeat the process of producing,—

và cuối cùng sẽ khiến Ngài lặp lại tiến trình sản sinh,—

1. Conception,

1. Thụ thai,

2. Creation,

2. Sáng tạo,

3. Conscious growth,

3. Tăng trưởng có tâm thức,

as did His Father.

như Cha của Ngài đã làm.

194. This is another way of saying that the Son becomes the Father and follows in His Father's footsteps.

194. Đây là một cách khác để nói rằng Người Con trở thành Người Cha và bước theo dấu chân của Cha mình.

When we reach *the mystery of Fire,*

Khi chúng ta đạt đến *mầu nhiệm của Lửa,*

195. That which pertains specifically to the *first* aspect of divinity…

we are concerned with that mysterious extra-systemic energy which is the basis of both the activity of Mother and the Life of the Son. The Son in very deed "becomes His Mother's husband," as say the ancient Scriptures. This is but an enigmatical phrase unless interpreted in terms of the combination of energy.

196. VSK suggests: "This may prove the occult veracity to the mythological, psychological, 'oedipal complex'."

197. Extra-systemic energy is *cosmic* energy.

198. If we consider closely the "One About Whom Naught May Be Said", we shall find the Central Authority of our own local cosmo-system, and yet that Authority is additionally *feminine* in nature.

199. All the great Beings have their masculine and feminine sides.

200. How is it that the Son "becomes His Mother's husband"? We might consider the Mother as ever-receptive Matter and the Son (and a whole series of Sons) as the progressively generated Creators who fecundate matter with their inherent life pattern.

201. Is this another way of saying that Mulaprakriti in one form or another, is ever-receptive to every creative impulse arising

195. Điều liên hệ đặc biệt đến phương diện *thứ nhất* của thiên tính…

chúng ta quan tâm đến năng lượng ngoài-hệ mặt trời huyền nhiệm ấy, vốn là nền tảng của cả hoạt động của Người Mẹ lẫn Sự Sống của Người Con. Người Con thật sự "trở thành chồng của Mẹ mình," như các Thánh Kinh cổ xưa đã nói. Đây chỉ là một cụm từ bí nhiệm trừ phi được diễn giải theo các thuật ngữ của sự kết hợp năng lượng.

196. VSK gợi ý: "Điều này có thể chứng minh tính chân thực huyền bí của phức cảm 'Oedipus' trong thần thoại và tâm lý học."

197. Năng lượng ngoài-hệ mặt trời là năng lượng *vũ trụ*.

198. Nếu chúng ta xem xét kỹ "Đấng Bất Khả Tư Nghị", chúng ta sẽ thấy Thẩm Quyền Trung Ương của cosmo-hệ thống địa phương của chính chúng ta, và tuy vậy Thẩm Quyền ấy lại còn có bản chất vũ trụ-hệ thống địa phương, và tuy vậy Thẩm Quyền ấy lại còn có bản chất *nữ tính*.

199. Mọi Hữu thể vĩ đại đều có mặt nam tính và nữ tính của Các Ngài.

200. Làm sao Người Con lại "trở thành chồng của Mẹ mình"? Chúng ta có thể xem Người Mẹ như Vật chất luôn luôn tiếp nhận và Người Con (cùng cả một chuỗi những Người Con) như những Đấng Sáng Tạo được phát sinh dần dần, những Đấng làm cho vật chất thụ tinh bằng mô hình sự sống cố hữu của mình.

201. Đây có phải là một cách khác để nói rằng Mulaprakriti, dưới hình thức này hay hình thức khác, luôn luôn tiếp nhận mọi

within the Son Who Himself has become the Father?

xung lực sáng tạo phát sinh trong Người Con, Đấng mà chính mình đã trở thành Người Cha?

202. Every C/creator must come into relationship with Mulaprakriti (whether archetypal Mulaprakriti and modified Mulaprakriti).

202. Mọi Đấng sáng tạo đều phải đi vào mối liên hệ với Mulaprakriti (dù là Mulaprakriti nguyên mẫu hay Mulaprakriti đã biến đổi).

Only when the Son has reached maturity **and knows Himself as essentially the same as the Father** can He consciously perform His Father's function,

Chỉ khi Người Con đã đạt đến trưởng thành **và biết mình về bản chất là đồng nhất với Người Cha** thì Ngài mới có thể một cách hữu thức thực hiện chức năng của Cha mình,

203. The Son grows into being a Father.

203. Người Con lớn lên để trở thành một Người Cha.

204. The maturing Son discovers the Father within himself.

204. Người Con đang trưởng thành khám phá ra Người Cha bên trong chính mình.

205. But the Son must grow towards and into the Father's function.

205. Nhưng Người Con phải tăng trưởng hướng tới và đi vào chức năng của Người Cha.

206. Every soul may be asked: "Who or what do you know yourself to be?

206. Mỗi linh hồn có thể được hỏi: "Bạn biết mình là ai hay là gì?

and produce and perpetuate that which is needed for the sustaining of cosmic generation.

và sản sinh cũng như duy trì điều cần thiết cho việc nâng đỡ sự phát sinh vũ trụ.

207. If the Son is to become the Father, is the Daughter to become the Mother?

207. Nếu Người Con sẽ trở thành Người Cha, thì Người Con Gái có trở thành Người Mẹ không?

208. This must remain a mystery for us. Perhaps the hermaphroditic nature of the Son must always be held in mind, for the Son contains both the Father and the Mother. And yet, the Son grows towards the function of the Father and not that of the Mother,

208. Điều này phải vẫn là một huyền nhiệm đối với chúng ta. Có lẽ bản chất lưỡng tính của Người Con luôn luôn phải được ghi nhớ, vì Người Con chứa đựng cả Cha lẫn Mẹ. Tuy nhiên, Người Con tăng trưởng hướng tới chức năng của Người Cha chứ không phải của Người Mẹ, Đấng vẫn luôn là kẻ tiếp nhận

Who remains ever the receiver of future fecundation from all Her generated Sons.

sự thụ tinh tương lai từ tất cả những Người Con do chính Bà sinh ra.

209. One way of looking at the Daughter is as the offspring of the Mother alone through a process paralleling "Parthenogenesis". When the Son becomes the Father, He becomes a modified Father and relates sexually to a modified Mother (a modified Mulaprakriti—the Mother's Daughter—and not to utterly pure Mulaprakriti).

209. Một cách nhìn về Người Con Gái là xem nàng như hậu duệ của riêng Người Mẹ qua một tiến trình song song với "Parthenogenesis". Khi Người Con trở thành Người Cha, Ngài trở thành một Người Cha đã biến đổi và liên hệ tính dục với một Người Mẹ đã biến đổi (một Mulaprakriti đã biến đổi —Người Con Gái của Mẹ—chứ không phải Mulaprakriti hoàn toàn thuần túy).

210. In this way, every Son takes as His 'Wife' the Daughter in the form of a modified Mother (a less primal or foundational form of Mulaprakriti).

210. Theo cách này, mỗi Người Con lấy Người Con Gái làm 'Người Vợ' của mình dưới hình thức một Người Mẹ đã biến đổi (một hình thức Mulaprakriti ít nguyên sơ hay ít nền tảng hơn).

211. These are all 'cosmic family matters'. Of one thing we can be sure—*Three are One.* For that matter, *Four are One.*

211. Tất cả những điều này đều là 'chuyện gia đình vũ trụ'. Có một điều chúng ta có thể chắc chắn—*Ba là Một.* Về điểm ấy, *Bốn là Một.*

TCF 877-882 Part III

17 - 31 August 2008

17 - 31 tháng Tám 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Các cước chú và tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có lời gợi ý rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

The electricity of substance, the electricity of form, and the electricity of Life itself

Điện của chất liệu, điện của hình tướng, và điện của chính Sự Sống

1. We are dealing with three kinds of electricity. Let us be sure to note that "form" accords with the second aspect of divinity. This is a point often forgotten.

1. Chúng ta đang bàn đến ba loại điện. Hãy chắc chắn lưu ý rằng "hình tướng" tương ứng với phương diện thứ hai của thiên tính. Đây là một điểm thường bị quên lãng.

must blend and meet before the true Man (whether Logos, or human being) realises himself as creator.

phải hòa trộn và gặp nhau trước khi con Người đích thực (dù là Thượng đế hay con người) chứng nghiệm chính mình là đấng sáng tạo.

2. This type of meeting would signify the third initiation.

2. Loại gặp gỡ này sẽ biểu thị lần điểm đạo thứ ba.

3. The "true Man" can be considered though Self-identified Thinker.

3. "Con Người đích thực" có thể được xem như Đấng Tư Tưởng tự đồng hoá với Bản Ngã.

Man at this stage knows somewhat of the electricity of substance, and is coming to the belief as to the electricity of form (even though as yet he calls it magnetism)

Con người ở giai đoạn này biết phần nào về điện của chất liệu, và đang đi đến niềm tin về điện của hình tướng (dù hiện giờ y vẫn gọi nó là từ điện)

4. And, we may presume, "the electricity of form" works out through the astral body first and then, more consciously under soul influence.

4. Và, chúng ta có thể giả định rằng "điện của hình tướng" trước hết biểu hiện qua thể cảm dục rồi sau đó, một cách hữu thức hơn, dưới ảnh hưởng của linh hồn.

but as yet he knows nought of the electrical reality of life itself.

nhưng hiện giờ y chưa biết gì về thực tại điện của chính sự sống.

5. We call this type of electricity "electric fire". DK defines electric fire as "the electrical reality of life".

5. Chúng ta gọi loại điện này là "Lửa Điện". Chân sư DK định nghĩa Lửa Điện là "thực tại điện của sự sống".

6. Such electricity must serve the purpose of the re-amalgamation of Spirit with Spirit—the final objective before obscuration.

6. Loại điện ấy phải phụng sự mục đích tái-hòa-nhập Tinh thần với Tinh thần—mục tiêu cuối cùng trước khi sự che khuất xảy ra.

Only when the "jewel in the Lotus" is about to be revealed, or the third circle of petals is about to open up, does the initiate begin to have a realisation of the true meaning of the word "life" or spirit.

7. A cautious look at this section of text will reveal its importance. DK is revealing to us the moment in the developmental history of the egoic lotus with the third or sacrifice petals will open.

8. Presumably, some of the petals, the seventh and partially the eighth have opened to a reasonable extent before the third initiation is taken with the first application of the Rod of Initiation by the One Initiator.

9. Perhaps, the opening up here described is the opening up of the *full third tier,* just as there came a time when the first and second tiers each opened fully *as a tier.*

10. We are gathering that, as the third tier opens, the Jewel in the Lotus is exposed (perhaps not fully) but sufficiently.

11. As well, the impact of the Monad is, for the first time, consciously detected by the soul-in-incarnation.

12. We must come to the conclusion that there is a distinct difference between the opening of petals within a tier and the opening of the full tier itself.

13. During the period of the third initiation, it seems that the complete opening of the

Chỉ khi "viên ngọc trong Hoa sen" sắp được mặc khải, hay vòng cánh hoa thứ ba sắp mở ra, thì điểm đạo đồ mới bắt đầu có sự chứng nghiệm về ý nghĩa đích thực của từ "sự sống" hay tinh thần.

7. Một cái nhìn thận trọng vào phần văn bản này sẽ cho thấy tầm quan trọng của nó. Chân sư DK đang tiết lộ cho chúng ta thời điểm trong lịch sử phát triển của Hoa Sen Chân Ngã khi vòng thứ ba hay các cánh hoa hi sinh sẽ mở ra.

8. Có lẽ, một số cánh hoa, cánh thứ bảy và phần nào cánh thứ tám, đã mở ở mức hợp lý trước khi lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận với sự áp dụng đầu tiên của Thần Trượng Điểm đạo bởi Đấng Điểm đạo Duy Nhất.

9. Có lẽ, sự mở ra được mô tả ở đây là sự mở ra của *trọn vẹn tầng thứ ba,* cũng như đã từng có một thời điểm khi tầng thứ nhất và thứ hai mỗi tầng đều mở hoàn toàn *như một tầng.*

10. Chúng ta đang hiểu rằng, khi tầng thứ ba mở ra, Viên Ngọc trong Hoa Sen được phơi lộ (có lẽ không hoàn toàn) nhưng đủ mức.

11. Đồng thời, tác động của chân thần lần đầu tiên được linh hồn đang nhập thể nhận biết một cách hữu thức.

12. Chúng ta phải đi đến kết luận rằng có một sự khác biệt rõ rệt giữa việc mở các cánh hoa trong một tầng và việc mở toàn bộ chính tầng ấy.

13. Trong thời kỳ của lần điểm đạo thứ ba, dường như sự mở hoàn toàn của các cánh hoa-với-tư-cách-cánh-hoa và sự mở của

petals-as-petals and the opening of the tier-as-a-tier occur within a short period of time.

tầng-với-tư-cách-một-tầng xảy ra trong một khoảng thời gian ngắn.

The consciousness has to be fully awakened before he can ever understand that great **energising something of which the other types of energy are but expressions**. [Page 877]

Tâm thức phải được thức tỉnh hoàn toàn trước khi y có thể thấu hiểu được cái **điều tiếp sinh lực vĩ đại mà các loại năng lượng khác chỉ là những biểu hiện của nó**. [Page 877]

14. We may also judge that at the period immediately preceding the third initiation, the individual has a consciousness which is "fully awakened". Shall we say that the individual is on the verge of enlightenment.

14. Chúng ta cũng có thể phán đoán rằng vào giai đoạn ngay trước lần điểm đạo thứ ba, cá nhân có một tâm thức "được thức tỉnh hoàn toàn". Chúng ta có thể nói rằng cá nhân đang ở bên bờ giác ngộ.

15. We say "immediately preceding" because DK uses the words "is about to...".

15. Chúng ta nói "ngay trước" vì Chân sư DK dùng những từ "sắp...".

There are only two more points to be considered in connection with the petals and initiation.

Chỉ còn hai điểm nữa cần được xem xét liên quan đến các cánh hoa và điểm đạo.

First, it should be noted that the words "**knowledge, love and sacrifice**" mean much more occultly than the apparent significance of the terms.

Trước hết, cần lưu ý rằng các từ "**tri thức, bác ái và hi sinh**" có ý nghĩa huyền bí nhiều hơn rất nhiều so với ý nghĩa bề ngoài của các thuật ngữ ấy.

16. As ever in the field of occultism, superficial and customary interpretations will not reveal the intended meaning.

16. Như vẫn thường xảy ra trong lĩnh vực huyền bí học, những cách diễn giải hời hợt và thông thường sẽ không làm lộ ra ý nghĩa được dự định.

Each circle of petals stands for one of these three **ideas**,

Mỗi vòng cánh hoa tượng trưng cho một trong ba **ý tưởng** này,

17. Note that DK calls these divine qualities by the name "ideas".

17. Lưu ý rằng Chân sư DK gọi những phẩm tính thiêng liêng này bằng tên "ý tưởng".

18. Each circle represents divine qualities, divine energies and divine *ideas.*

18. Mỗi vòng tượng trưng cho các phẩm tính thiêng liêng, các năng lượng thiêng liêng và các *ý tưởng* thiêng liêng.

and each circle again embodies these three aspects of existence in a greater or lesser degree.

19. Everything depends upon the degree of unfoldment of the individual concerned.

20. All circles embody *all* of the divine qualities, but in differing degree.

21. One of the divine qualities is paramount with respect to each of the circles.

These three concepts are the modes of expression of the three great qualities which (from the standpoint of the Past, the Present and the Future) characterise the natures of all the manifesting entities—Gods, men and devas.

22. If we correlate the three concepts, ideas or qualities alongside the Past, Present and Future we shall find that knowledge correlates with the Past; love with the Present; and sacrifice with the Future.

23. When DK speaks of three great qualities, He might as well be speaking of three great Entities which are the sources of these qualities.

From the standpoint of the central factor in manifestation, man, it should be realised that *knowledge* was **inherent** in the previous solar system, and is the faculty of which **he** [the man] has to avail himself.

24. The knowledge aspect might also have been inherent in the minor system *before* the previous solar system. There is [we learn from LOM 23-26] a period of development of

và mỗi vòng lại hiện thân cho ba phương diện hiện hữu này ở mức độ nhiều hay ít hơn.

19. Mọi sự tùy thuộc vào mức độ khai mở của cá nhân liên hệ.

20. Mọi vòng đều hiện thân *mọi* phẩm tính thiêng liêng, nhưng ở những mức độ khác nhau.

21. Một trong các phẩm tính thiêng liêng là tối trọng đối với mỗi vòng.

Ba khái niệm này là những phương thức biểu lộ của ba phẩm tính vĩ đại mà (xét từ quan điểm của Quá Khứ, Hiện Tại và Tương Lai) đặc trưng cho bản chất của mọi thực thể đang biểu hiện—các Thượng đế, những người nam và nữ, và các thiên thần.

22. Nếu chúng ta tương quan ba khái niệm, ý tưởng hay phẩm tính này với Quá Khứ, Hiện Tại và Tương Lai, chúng ta sẽ thấy rằng tri thức tương quan với Quá Khứ; bác ái với Hiện Tại; và hi sinh với Tương Lai.

23. Khi Chân sư DK nói về ba phẩm tính vĩ đại, Ngài cũng có thể đang nói về ba Thực Thể vĩ đại là nguồn gốc của những phẩm tính này.

Từ quan điểm của nhân tố trung tâm trong sự biểu hiện, là con người, cần phải chứng nghiệm rằng *tri thức* đã **cố hữu** trong hệ mặt trời trước, và là năng lực mà **y** [con người] phải sử dụng.

24. Phương diện tri thức cũng có thể đã cố hữu trong tiểu hệ thống *trước* hệ mặt trời trước. Có [chúng ta học được từ LOM 23-26] một giai đoạn phát triển của đơn vị hạ trí

the mental unit which corresponds to years fourteen to twenty-eight in the development of the human being. It is a relatively long period compared with that in which the physical permanent atom or astral permanent atom was developed. Could this lengthy period of mental emphasis correspond to the development our Solar Logos from the solar system *before* the previous solar system, to the present solar system. In other words, a span *including two solar systems* (the third minor and the first major solar system) both of which were given to mental cultivation—the first (i.e., the third solar system in a series of six solar systems) given strictly to mental cultivation and the next (i.e., the fourth solar system in a series of six and the first *major* solar system) given to the cultivation of the personal-mental emphasis (i.e., the personality of the Solar Logos is also involved as well as the mental nature).

tương ứng với các năm từ mười bốn đến hai mươi tám trong sự phát triển của con người. Đó là một giai đoạn tương đối dài so với giai đoạn trong đó nguyên tử trường tồn hồng trần hay nguyên tử trường tồn cảm dục được phát triển. Liệu giai đoạn nhấn mạnh trí tuệ kéo dài này có tương ứng với sự phát triển của Thái dương Thượng đế của chúng ta từ hệ mặt trời *trước* hệ mặt trời trước, đến hệ mặt trời hiện tại hay không. Nói cách khác, một khoảng thời gian *bao gồm hai hệ mặt trời* (tiểu hệ thống thứ ba và đại hệ mặt trời thứ nhất), cả hai đều được dành cho việc trau dồi trí tuệ—hệ thứ nhất (tức hệ mặt trời thứ ba trong một chuỗi sáu hệ mặt trời) được dành riêng cho việc trau dồi trí tuệ và hệ kế tiếp (tức hệ mặt trời thứ tư trong một chuỗi sáu hệ mặt trời và là hệ mặt trời *đại* đầu tiên) được dành cho việc trau dồi sự nhấn mạnh trí tuệ-cá nhân (tức là phàm ngã của Thái dương Thượng đế cũng có liên quan cũng như bản chất trí tuệ).

25. By the way, from the section of text above, we are assured that our Planetary Logos had a definite existence in the previous solar system.

25. Nhân tiện, từ phần văn bản trên, chúng ta được bảo đảm rằng Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã có một sự hiện hữu xác định trong hệ mặt trời trước.

It is there available for his use. It is the hidden energy of the planetary Logos which **he** [the man] has to learn to focus through his physical brain, and thus apply.

Nó ở đó sẵn có để y sử dụng. Đó là năng lượng ẩn giấu của Hành Tinh Thượng Đế mà **y** [con người] phải học cách tập trung qua bộ não hồng trần của mình, và do đó vận dụng nó.

26. DK is speaking of *our* Planetary Logos.

26. Chân sư DK đang nói về Hành Tinh Thượng Đế *của chúng ta*.

27. Our Planetary Logos with His third ray personality apparently came into incarnation with the mental energy conducive to knowledge very well developed.

27. Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta với phàm ngã cung ba của Ngài dường như đã đang lâm phàm với năng lượng trí tuệ dẫn đến tri thức được phát triển rất tốt.

28. The fact that His physical brain was involved tells us of His expression on the lower eighteen subplanes.

28. Sự kiện bộ não hồng trần của Ngài có liên quan cho chúng ta biết về sự biểu lộ của Ngài trên mười tám cõi phụ thấp.

29. The third ray, Saturn and the physical brain can all be correlated.

29. Cung ba, Sao Thổ và bộ não hồng trần đều có thể được tương quan với nhau.

30. Knowledge focuses in the physical brain and love in the heart.

30. Tri thức tập trung trong bộ não hồng trần và bác ái trong tim.

31. All these aspects of energy are said to be "hidden" within the Planetary Logos. This apparently means that they have to be drawn forth.

31. Tất cả những phương diện năng lượng này được nói là "ẩn giấu" trong Hành Tinh Thượng Đế. Điều này dường như có nghĩa là chúng phải được rút ra.

32. Because knowledge has already achieved some degree of expression in an earlier system, one would think of it as less "hidden" than love.

32. Bởi vì tri thức đã đạt được một mức độ biểu lộ nào đó trong một hệ trước, người ta sẽ nghĩ về nó như ít "ẩn giấu" hơn bác ái.

33. To a certain extent all the major qualities of a Planetary Logos mental units be considered "hidden" until man learns the methods of availing himself of those energies.

33. Ở một mức độ nào đó, mọi phẩm tính chính yếu của các đơn vị hạ trí của một Hành Tinh Thượng Đế đều có thể được xem là "ẩn giấu" cho đến khi con người học được các phương pháp sử dụng những năng lượng ấy.

Love is the faculty inherent in the present. **It is the hidden energy of the planetary Logos** of which **he** [the man]must avail himself and **focus in his heart centre** and thus apply.

Bác ái là năng lực vốn có trong hiện tại. **Đó là năng lượng ẩn kín của Hành Tinh Thượng Đế** mà **y** [the man] phải tận dụng và **tập trung trong trung tâm tim của y** và nhờ đó vận dụng.

34. Man is to apply the "hidden energy of the planetary Logos" and focus in his heart center in order to apply that energy.

34. Con người phải vận dụng "năng lượng ẩn kín của Hành Tinh Thượng Đế" và tập trung trong trung tâm tim của mình để áp dụng năng lượng ấy.

35. And yet the energy of Love can be considered the most important energy of the Planetary Logos.

35. Tuy nhiên, năng lượng Bác ái có thể được xem là năng lượng quan trọng nhất của Chân Linh Hành Tinh.

The work done prior to and at the third initiation is purely preparatory to this type of service required from an "energy transmitter." That is why, at the seventh initiation, **the dominating ray of our planet—the second Ray of Love-Wisdom—is employed.** There is no energy upon our planet of equal potency, and no expression of it has so pure and constructive a quality as that to which the initiate is subjected at the seventh initiation. (R&I 689)

Công việc được thực hiện trước và tại lần điểm đạo thứ ba hoàn toàn chỉ là sự chuẩn bị cho loại phụng sự này, vốn được đòi hỏi nơi một "bộ truyền dẫn năng lượng". Đó là lý do tại sao, ở lần điểm đạo thứ bảy, **cung chi phối của hành tinh chúng ta—cung hai Bác Ái – Minh Triết—được sử dụng.** Không có năng lượng nào trên hành tinh chúng ta có uy lực tương đương, và không có biểu hiện nào của nó có phẩm tính thuần khiết và kiến tạo đến thế như điều mà điểm đạo đồ phải chịu tại lần điểm đạo thứ bảy. (R&I 689)

36. The word "dominating" is not used by chance since it implied the "dominant" in music, the fifth of the chord which is always associated with the soul. The soul ray of our Planetary Logos (as we have been assured in EA 619) is the second ray.

36. Từ "chi phối" không được dùng một cách ngẫu nhiên vì nó hàm ý "âm chủ" trong âm nhạc, nốt thứ năm của hợp âm vốn luôn gắn liền với linh hồn. Cung linh hồn của Chân Linh Hành Tinh của chúng ta (như chúng ta đã được xác nhận trong EA 619) là cung hai.

1. ARIES is the constellation through which initiating conditions will stream into our solar system. It embodies the will-to-create that which will express the will-to-good. It is the monadic ray of our planetary Logos, **Whose Soul ray is the second** and the personality ray the third. You can note here, therefore, how the transmitting ray of our planetary Logos is the first; and hence the place which the will plays in our human evolutionary process; His transforming ray is the second and that eventually brings transfiguration through the medium of the third and in this combination you have the reason why, in the evolution of the will aspect, you have the influence of Mars and Mercury—the one bringing conflict and the death of the form and the other bringing illumination and the development of the intuition as a result of that conflict and death. (EA 619)

1. BẠCH DƯƠNG là chòm sao qua đó các điều kiện điểm đạo sẽ tuôn vào hệ mặt trời của chúng ta. Nó hiện thân cho ý chí-sáng tạo ra điều sẽ biểu lộ Ý Chí-hướng Thiện. Đó là cung chân thần của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, **Đấng có cung linh hồn là cung hai** và cung phàm ngã là cung ba. Vì vậy, ở đây các bạn có thể lưu ý cách mà cung truyền dẫn của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta là cung một; và do đó là vị trí mà ý chí giữ trong tiến trình tiến hoá nhân loại của chúng ta; cung chuyển đổi của Ngài là cung hai và điều đó rốt cuộc mang lại sự Biến hình thông qua trung gian của cung ba, và trong sự kết hợp này các bạn có lý do vì sao, trong sự tiến hoá của phương diện ý chí, các bạn có ảnh hưởng của Sao Hỏa và Sao Thủy —một đằng mang đến xung đột và cái chết của hình tướng, còn đằng kia mang đến sự soi sáng và sự phát triển của trực giác như là kết quả của xung đột và cái chết ấy. (EA 619)

37. So although DK may call the second ray a "hidden energy of the planetary Logos" it is

37. Vì vậy, mặc dù Chân sư DK có thể gọi cung hai là một "năng lượng ẩn kín của

also His "dominating" energy and the energy which qualifies His soul ray. In other words, it seems as it our Planetary Logos is increasingly *dominated* by His soul ray energy and increasingly dominates His third aspect (and with it, His personality ray) body this second ray energy.

Hành Tinh Thượng Đế", nó cũng là năng lượng "chi phối" của Ngài và là năng lượng định tính cung linh hồn của Ngài. Nói cách khác, dường như Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta ngày càng *bị chi phối* bởi năng lượng cung linh hồn của Ngài và ngày càng chi phối phương diện thứ ba của Ngài (và cùng với nó, cung phàm ngã của Ngài) bằng năng lượng cung hai này.

Sacrifice **is the faculty which will be his in the future**, which he will intelligently focus through the highest head centre and thus apply.

Hi sinh **là năng lực sẽ là của y trong tương lai**, mà y sẽ tập trung một cách thông minh qua trung tâm đầu cao nhất và nhờ đó vận dụng.

38. When a man attunes with the will nature of the Planetary Logos, he experiences the power of sacrifice which he can focus in his highest head center. That head center must be His crown center, a the ajna and alta major centers are also head centers.

38. Khi một người chỉnh hợp với bản chất ý chí của Chân Linh Hành Tinh, y kinh nghiệm quyền năng của sự hi sinh mà y có thể tập trung trong trung tâm đầu cao nhất của mình. Trung tâm đầu ấy hẳn phải là trung tâm đỉnh đầu, vì ajna và alta major cũng là các trung tâm đầu.

39. It becomes clear that there is much crown center development for man as the third or sacrifice tier is opening up. This, of course, correlates with initiation, and head center development always correlates with the progressing initiatory process.

39. Rõ ràng là con người còn rất nhiều sự phát triển trung tâm đỉnh đầu khi tầng thứ ba hay tầng hi sinh đang khai mở. Dĩ nhiên, điều này tương ứng với điểm đạo, và sự phát triển trung tâm đầu luôn tương ứng với tiến trình điểm đạo đang tiến triển.

40. Speaking in terms of the Planetary Logos, per se, the head center of the Planetary Logos will be found on the logoic plane (just as the head center of man is found on the atomic systemic ether—the lower correspondence in physical matter of the logoic plane). When thinking of the planetary logoic relationship to sacrifice (i.e., to the fulness of sacrifice), we may well be speaking of developments to occur in the next or third major solar system,

40. Nói theo chính các thuật ngữ liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế, trung tâm đầu của Hành Tinh Thượng Đế sẽ được tìm thấy trên cõi logoic (cũng như trung tâm đầu của con người được tìm thấy trên dĩ thái nguyên tử hệ thống—sự tương ứng thấp hơn trong vật chất hồng trần của cõi logoic). Khi suy nghĩ về mối liên hệ logoic hành tinh với sự hi sinh (tức là với sự viên mãn của hi sinh), rất có thể chúng ta đang nói đến những phát triển sẽ xảy ra trong hệ mặt trời lớn kế tiếp hay hệ mặt trời lớn thứ ba,

41. On the other hand, if our Planetary Logos is to take, let us say, the fourth major initiation in this solar system, the head center and His first ray Monad could become very prominent. The first ray and sacrifice, as we know, are closely related.

41. Mặt khác, nếu Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta sẽ nhận, giả sử như, lần điểm đạo lớn thứ tư trong hệ mặt trời này, thì trung tâm đầu và Chân thần cung một của Ngài có thể trở nên hết sức nổi bật. Như chúng ta biết, cung một và sự hi sinh có liên hệ mật thiết với nhau.

It is dependent upon his development of consciousness,

Điều đó tùy thuộc vào sự phát triển tâm thức của y,

42. This would apply for the human being as well—the growth of sacrifice is dependent upon the development of consciousness.

42. Điều này cũng áp dụng cho con người—sự tăng trưởng của hi sinh tùy thuộc vào sự phát triển tâm thức.

and therefore upon his recognition of the esoteric purpose of his group, and of the planetary existences.

và do đó tùy thuộc vào sự nhận biết của y về mục đích huyền bí của nhóm y, và của các tồn tại hành tinh.

43. The term “esoteric” is so often used in relation to the Spirit aspect.

43. Thuật ngữ “huyền bí” rất thường được dùng trong liên hệ với phương diện Tinh thần.

44. In terms of man, the development of sacrifice is dependent upon the development of his group consciousness and also upon the realization of the purpose of the “planetary existences”. The energies of the Planetary Logoi of the solar system are to be use sacrificially in his life. Various groups correlate with various of the planetary existences and so do the chakras of man. All this has to be seen *systematically* before intelligent sacrifice becomes possible.

44. Xét theo con người, sự phát triển của hi sinh tùy thuộc vào sự phát triển tâm thức nhóm của y và cũng tùy thuộc vào sự chứng nghiệm mục đích của các “tồn tại hành tinh”. Các năng lượng của các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời phải được sử dụng một cách hi sinh trong đời sống của y. Các nhóm khác nhau tương ứng với các tồn tại hành tinh khác nhau và các luân xa của con người cũng vậy. Tất cả điều này phải được nhìn thấy một cách *có hệ thống* trước khi sự hi sinh thông minh trở nên khả hữu.

45. From a higher point of view, we understand that the Planetary Logos has a “group” and that that group has an esoteric purpose, a Spirit-purpose.

45. Từ một quan điểm cao hơn, chúng ta hiểu rằng Hành Tinh Thượng Đế có một “nhóm” và nhóm ấy có một mục đích huyền bí, một mục đích Tinh thần.

46. It would seem as if the Planetary Logos has much to learn in order to develop the kind of Spirit-consciousness upon which the development of sacrifice can be based.

As it involves what is termed **"a solar and lunar act of abnegation"** it involves, therefore, a due comprehension of solar and of lunar energy, and **a bringing of both these two groups to a stage of co-operative activity.**

47. We are here speaking of what the man must do. He must, as liberation is approached, participate in "a solar and lunar act of abnegation". But first the solar and lunar factors must be brought into a state of consummative cooperation. Their full and harmonious functioning is required before they can acquiesce fully to the Spirit aspect.

48. The advancing initiate must first see to it that lunar energies are subdued and cooperate within his thoughtful intensions. In this, he is assisted by the Solar Angels who have the same objective.

49. Why "abnegation"? May it be suggested that just as the lunar lords must enter a state of abnegation in relation to the Solar Lords, so the Solar Lords must abnegate themselves to the Spirit aspect.

50. Sacrifice represents the first aspect of divinity, and when the period for its expression occurs, not only does the energy of the Solar Angel come into increasing prominence, but that same energy must give way to the energy of the Spirit aspect within man, the energy of the Monad.

46. Dường như Hành Tinh Thượng Đế còn nhiều điều phải học để phát triển loại tâm thức Tinh thần mà trên đó sự phát triển của hi sinh có thể được đặt nền.

Vì nó bao hàm điều được gọi là **"một hành vi từ nhiệm thái dương và thái âm"** nên do đó nó bao hàm một sự thấu hiểu đúng đắn về năng lượng thái dương và thái âm, và **một sự đưa cả hai nhóm này đến một giai đoạn hoạt động hợp tác.**

47. Ở đây chúng ta đang nói về điều con người phải làm. Khi sự giải thoát đến gần, y phải tham dự vào "một hành vi từ nhiệm thái dương và thái âm". Nhưng trước hết các yếu tố thái dương và thái âm phải được đưa vào một trạng thái hợp tác viên mãn. Sự vận hành đầy đủ và hài hòa của chúng là điều cần thiết trước khi chúng có thể hoàn toàn thuận phục phương diện Tinh thần.

48. Điểm đạo đồ đang tiến lên trước hết phải bảo đảm rằng các năng lượng thái âm được chế ngự và hợp tác trong các chủ đích có suy xét của y. Trong việc này, y được các Thái dương Thiên Thần trợ giúp, vì các Ngài có cùng mục tiêu.

49. Tại sao là "từ nhiệm"? Có thể gợi ý rằng cũng như các nguyệt tinh quân phải đi vào một trạng thái từ nhiệm trong liên hệ với các nhật tinh quân, thì các nhật tinh quân cũng phải từ nhiệm chính mình trước phương diện Tinh thần.

50. Hi sinh biểu trưng cho phương diện thứ nhất của thiên tính, và khi thời kỳ biểu lộ của nó đến, không những năng lượng của Thái dương Thiên Thần ngày càng nổi bật, mà chính năng lượng ấy cũng phải nhường chỗ cho năng lượng của phương diện Tinh

thần bên trong con người, năng lượng của chân thần.

It concerns, therefore, the nature of the Jewel in the lotus, and it is only when the three sacrifice petals in the three tiers are unfolded that this particular type of energy is released.

Do đó, nó liên quan đến bản chất của Bảo Châu trong hoa sen, và chỉ khi ba cánh hoa hi sinh trong ba tầng được khai mở thì loại năng lượng đặc biệt này mới được giảiphóng.

51. We are speaking here of the release of the energy of the Jewel in the Lotus which occurs when the energy of the three tiers are unfolded. Although the Jewel in the Lotus is not *completely* revealed at that time, the revelation must be sufficient to bring about a release of the energy streaming from the Jewel in the Lotus.

51. Ở đây chúng ta đang nói về sự giải phóng năng lượng của Bảo Châu trong Hoa Sen, xảy ra khi năng lượng của ba tầng được khai mở. Mặc dù Bảo Châu trong Hoa Sen chưa được *hoàn toàn* mặc khải vào lúc ấy, sự mặc khải ấy hẳn phải đủ để đem lại một sự giải phóng năng lượng tuôn ra từ Bảo Châu trong Hoa Sen.

52. The period of the gradual unfolding of the petals of the sacrifice tier is the period of initiation. The full unfolding of the sacrifice tier can only be consummated at the third initiation.

52. Thời kỳ khai mở dần dần các cánh hoa của tầng hi sinh là thời kỳ điểm đạo. Sự khai mở trọn vẹn của tầng hi sinh chỉ có thể được hoàn tất ở lần điểm đạo thứ ba.

53. We could wonder whether the sacrifice petal of the third tier is somewhat unfolded before the application of the Rod of Initiation. Perhaps the abnormal strenuous effort of the probationary initiate does promote that unfoldment to a certain extent, but the full and complete unfoldment can only occur with the application of the Rod.

53. Chúng ta có thể tự hỏi liệu cánh hoa hi sinh của tầng thứ ba có phần nào được khai mở trước khi áp dụng Thần Trượng Điểm đạo hay không. Có lẽ nỗ lực căng thẳng bất thường của điểm đạo đồ dự bị quả thật thúc đẩy sự khai mở ấy đến một mức độ nào đó, nhưng sự khai mở đầy đủ và hoàn toàn chỉ có thể xảy ra với việc áp dụng Thần Trượng.

54. What proportion of the unfoldment of the sacrifice petals is attributable to the abnormal and strenuous effort of the man and what proportion to the application of the Rod is presently unknown by us, a in any case may differ from individual to individual.

54. Hiện nay chúng ta chưa biết tỷ lệ nào trong sự khai mở các cánh hoa hi sinh là do nỗ lực bất thường và căng thẳng của con người, và tỷ lệ nào là do việc áp dụng Thần Trượng; trong bất kỳ trường hợp nào, điều ấy cũng có thể khác nhau từ cá nhân này sang cá nhân khác.

The lunar Lords of the three bodies have been controlled, and their vibration synchronised, so that the great act of sacrifice finds them ready [Page 878] for the final process of renunciation.

55. The three dynamics involving the "lunar Lords" are as follows:

a. Subjection to control.

b. Participation in synchronization with each other

c. Renunciation

56. We can see that there is no release for the initiate until the lunar vehicles are brought under control. The Path of Occultism is in many ways the 'Path of Control'—of the *not*-Self.

The solar Lords, in their three major groups, are equally ready for the final sacrifice, which involves the "rupture between the sun and the moon" as it is called.

57. The language is poetic but occult in its nature.

58. Sacrifice is demanded of *both* the lunar and solar Lords.

59. We do not know whether Master DK is speaking of the "solar Lords" in distinction from the Solar Angels, or Solar Pitris, but, in this context, probably not.

Các nguyệt tinh quân của ba thể đã được kiểm soát, và rung động của chúng được đồng bộ hóa, để đại hành vi hi sinh thấy chúng đã sẵn sàng [Page 878] cho tiến trình từ bỏ cuối cùng.

55. Ba động lực liên quan đến các "nguyệt tinh quân" như sau:

a. Bị đặt dưới sự kiểm soát.

b. Tham gia vào sự đồng bộ hóa với nhau

c. Từ bỏ

56. Chúng ta có thể thấy rằng không có sự giải phóng nào cho điểm đạo đồ cho đến khi các vận cụ thái âm được đặt dưới sự kiểm soát. Con Đường Huyền Bí Học theo nhiều phương diện là 'Con Đường của Sự Kiểm Soát'—đối với cái *không*-ngã.

Các nhật tinh quân, trong ba nhóm lớn của các ngài, cũng sẵn sàng như nhau cho sự hi sinh cuối cùng, vốn bao hàm "sự đoạn tuyệt giữa mặt trời và mặt trăng" như nó được gọi.

57. Ngôn ngữ này mang tính thi ca nhưng bản chất của nó là huyền bí học.

58. Sự hi sinh được đòi hỏi nơi *cả* các nguyệt tinh quân lẫn nhật tinh quân.

59. Chúng ta không biết liệu Chân sư DK có đang nói về các "nhật tinh quân" như phân biệt với các Thái dương Thiên Thần hay thái dương tổ phụ hay không, nhưng trong ngữ cảnh này có lẽ là không.

60. The three major groups of “solar Lords” are probably those which express through the three tiers of petals.

60. Ba nhóm lớn của các “nhật tinh quân” có lẽ là những nhóm biểu lộ qua ba tầng cánh hoa.

61. The “solar Lords” have been persistently exerting their control over the lunar lords since individualization (though only very slowly so at first) At the time of the fourth initiation, they dissociated themselves from this lower group of pitris and return to their own source. That is the “rupture”.

61. Các “nhật tinh quân” đã kiên trì exert quyền kiểm soát của mình lên các nguyệt tinh quân kể từ khi biệt ngã hóa (dù lúc đầu chỉ rất chậm). Vào thời điểm lần điểm đạo thứ tư, các ngài tách mình ra khỏi nhóm pitris thấp hơn này và trở về nguồn cội riêng của các ngài. Đó là “sự đoạn tuyệt”.

62. As we now live, and in relation to our energy system as presently constituted, (since we have not taken the fourth initiation), the “solar Lords” and the lunar lords are very much bound to each other.

62. Theo cách chúng ta đang sống hiện nay, và trong liên hệ với hệ thống năng lượng của chúng ta như hiện đang được cấu thành, (vì chúng ta chưa nhận lần điểm đạo thứ tư), các “nhật tinh quân” và các nguyệt tinh quân gắn bó với nhau rất chặt chẽ.

This results in the breaking of the magnetic link between the true man, and the vibratory sensitive **substance** of which his three world bodies are made.

Điều này dẫn đến sự phá vỡ mối liên kết từ tính giữa con người chân thực, và chất liệu **nhạy cảm rung động** mà từ đó các thể trong ba cõi giới của y được tạo thành.

63. In this context, the “true man” may be referred to as the Ego in the causal body.

63. Trong ngữ cảnh này, “con người chân thực” có thể được gọi là chân ngã trong thể nguyên nhân.

64. The lunar vehicles are said to be compose of “vibratory sensitive substance”. The Solar Lords are magnetically linked to this sensitive substance through the duration of progress through the human kingdom. After the fourth initiation there is no need for this link as man no longer seeks incarnation in the usual way.

64. Các vận cụ thái âm được nói là được cấu thành từ “chất liệu nhạy cảm rung động”. Các nhật tinh quân được nối kết từ tính với chất liệu nhạy cảm này trong suốt thời gian tiến bộ qua giới nhân loại. Sau lần điểm đạo thứ tư, không còn cần đến mối liên kết này nữa vì con người không còn tìm kiếm sự nhập thể theo cách thông thường.

65. While the “true man” could even more essentially be called the Monad, it does not seem that this is the meaning in the present section of text.

65. Mặc dù “con người chân thực” về bản chất còn có thể được gọi là chân thần, dường như đó không phải là ý nghĩa trong phần văn bản hiện tại này.

The **need for incarnation is no longer felt**, the chains of karma are broken, and the man is liberated.

66. The ending of the necessity for incarnation is linked to the cessation of a sensed need to incarnate. We can see that the factor of desire lies behind the tendency to incarnate. This the Buddha pointed out incessantly.

67. Desire for incarnation and the "chains of karma" are intimately interrelated.

68. As well, it is only when earthly karma has been fulfilled that man is relieved of the desire to incarnate (in the normal way) and relieved, as well, of the felt sense that he *must* incarnate.

69. We can see that the fourth initiation is climactic in a number of respects. It is the moment of the first great liberation. In a way it is a moment of esoteric 'divorce'—a divorce in the marriage of the Sun and the Moon (the Solar Angels and the lunar pitris).

The "lunar Lords return to their own place" or—as the Christian expresses it—"Satan is bound for a thousand years,"[78] [Bible. Rev. XX, 2] this meaning only that pralayic peace is the lot of these entities until the return of manvantaric opportunity.

70. What an extraordinary interpretation when contrasted with the usual interpretation that "Satan is bound for a thousand years"!

Nhu cầu nhập thể **không còn được cảm thấy nữa**, các xiềng xích nghiệp quả bị phá vỡ, và con người được giải thoát.

66. Sự chấm dứt tính tất yếu của nhập thể gắn liền với sự chấm dứt của nhu cầu được cảm nhận là phải nhập thể. Chúng ta có thể thấy rằng yếu tố dục vọng nằm phía sau khuynh hướng nhập thể. Đức Phật đã không ngừng chỉ ra điều này.

67. Dục vọng nhập thể và "xiềng xích nghiệp quả" có liên hệ mật thiết với nhau.

68. Hơn nữa, chỉ khi nghiệp quả trần thế đã được hoàn tất thì con người mới được giải thoát khỏi dục vọng nhập thể (theo cách thông thường) và cũng được giải thoát khỏi cảm giác rằng y *phải* nhập thể.

69. Chúng ta có thể thấy rằng lần điểm đạo thứ tư mang tính đỉnh điểm trên nhiều phương diện. Đó là khoảnh khắc của sự giải thoát lớn đầu tiên. Theo một cách nào đó, đó là khoảnh khắc của một cuộc 'ly dị' huyền bí —một cuộc ly dị trong cuộc hôn phối của Mặt Trời và Mặt Trăng (các Thái dương Thiên Thần và các thái âm tổ phụ pitris).

"Các nguyệt tinh quân trở về chỗ riêng của chúng" hay—như người Kitô giáo diễn đạt —"Satan bị trói trong một ngàn năm,"78 [Bible. Rev. XX, 2] điều này chỉ có nghĩa rằng sự bình an pralayic là phần số của các thực thể này cho đến khi cơ hội manvantaric trở lại.

70. Thật là một cách giải thích phi thường khi đối chiếu với cách giải thích thông thường về câu "Satan bị trói trong một ngàn năm"!

71. The “place” of the “lunar Lords” is the “reservoir of life”.

71. “Chỗ” của các “nguyệt tinh quân” là “bể chứa sự sống”.

72. It is obvious that we have anthropomorphized the lunar forces by calling them “Satan” and continue to think more of the anthropomorphic figure of Satan than of the true meaning of the idea and the true nature of the lives involved.

72. Rõ ràng là chúng ta đã nhân cách hóa các mãnh lực thái âm khi gọi chúng là “Satan” và tiếp tục nghĩ nhiều hơn đến hình tượng Satan được nhân cách hóa thay vì ý nghĩa chân thực của ý tưởng ấy và bản chất chân thực của các sự sống liên quan.

73. Interestingly, *both* the lunar and solar forces have been called “Satan”. The forces of the lower eighteen subplanes are obviously satanic in the lower meaning of the term. They oppose the expression of the Christ Energy or soul. But the Solar Angels are also called “Satan” for they are the “Light Bringer”, Lucifer, known also as Prometheus. How interesting then!

73. Điều thú vị là *cả* các mãnh lực thái âm lẫn thái dương đều đã được gọi là “Satan”. Các mãnh lực của mười tám cõi phụ thấp hơn hiển nhiên là satanic theo nghĩa thấp của thuật ngữ này. Chúng chống lại sự biểu lộ của Năng lượng Christ hay linh hồn. Nhưng các Thái dương Thiên Thần cũng được gọi là “Satan” vì các Ngài là “Đấng Mang Ánh Sáng”, Lucifer, cũng được biết đến như Prometheus. Thật thú vị biết bao!

74. Manvantaric opportunity may not mean ‘*maha*manvantaric opportunity’. It may not be necessary for the lunar lords in a state of pralaya to wait until the next mahamanvantara before coming forth for future association with man (as indicated on TCF 844). Perhaps only another chain round will be needed for progress in the animal and human kingdoms continues within our planetary scheme and many forms of life continue to ‘move up’ during the continuing years of the expression of that scheme.

74. Cơ hội Manvantaric có thể không có nghĩa là cơ hội *maha*manvantaric. Có thể không cần thiết để các nguyệt tinh quân trong trạng thái pralaya phải chờ cho đến mahamanvantara kế tiếp trước khi xuất hiện trở lại để liên kết trong tương lai với con người (như được chỉ ra trong TCF 844). Có lẽ chỉ cần một cuộc tuần hoàn của dãy khác nữa, vì sự tiến bộ trong giới động vật và giới nhân loại vẫn tiếp tục trong hệ hành tinh của chúng ta và nhiều hình thái sự sống vẫn tiếp tục ‘đi lên’ trong những năm tiếp diễn của sự biểu lộ của hệ ấy.

75. The men who graduated from the human kingdom in the last solar system, however, and who were trained as Solar Angels (probably on Sirius), seem to have taken an entire mahamanvantara before returning as members of a Creative Hierarchy higher than the human—the fifth.

75. Tuy nhiên, những người đã tốt nghiệp khỏi giới nhân loại trong hệ mặt trời trước, và đã được huấn luyện thành các Thái dương Thiên Thần (có lẽ trên Sirius), dường như đã trải qua trọn một mahamanvantara trước khi trở lại như các thành viên của một Huyền Giai Sáng Tạo cao hơn giới nhân loại —giới thứ năm.

The final sacrifice involves also the disappearance of the lower triangle, or the severing of the connection **between the three permanent atoms in the lower part of the causal body or egoic lotus, and the central unit of energy.**

Sự hi sinh cuối cùng cũng bao hàm sự biến mất của tam giác thấp hơn, hay sự cắt đứt mối liên hệ **giữa ba nguyêntử trường tồn ở phần thấp của thể nguyên nhân hay Hoa Sen Chân Ngã, và đơn vị năng lượng trung tâm.**

76. It seems that DK persists in calling the members of the atomic triangle by the name "permanent atoms" even though one of them is only a "unit"—a mental unit or incomplete permanent atom.

76. Dường như Chân sư DK vẫn tiếp tục gọi các thành viên của tam giác nguyên tử bằng tên "các nguyên tử trường tồn" dù một trong số đó chỉ là một "đơn vị"—một đơn vị hạ trí hay nguyên tử trường tồn chưa hoàn chỉnh.

77. On several occasions DK speaks of the placement or positioning of the members of the atomic triangle. The "central unit of energy" seems to be the extension of the Monad as the Jewel in the Lotus. Spatially, this Jewel in the Lotus is 'located' in a higher position that the physical permanent atom, the astral permanent atom and the mental unit, yet both are within the periphery of the causal body.

77. Trong nhiều dịp, Chân sư DK nói về vị trí hay sự định vị của các thành viên trong tam giác nguyên tử. "Đơn vị năng lượng trung tâm" dường như là sự mở rộng của chân thần như Bảo Châu trong Hoa Sen. Xét về không gian, Bảo Châu trong Hoa Sen này được 'đặt' ở vị trí cao hơn nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí, tuy nhiên cả hai đều ở trong chu vi của thể nguyên nhân.

78. The three members of the atomic triangle are arranged in triangular formation. That triangle disappears as the final sacrifice is traversed.

78. Ba thành viên của tam giác nguyên tử được sắp xếp theo hình tam giác. Tam giác ấy biến mất khi sự hi sinh cuối cùng được trải qua.

79. Their disappearance ends the possibility of taking physical incarnation in the normal manner.

79. Sự biến mất của chúng chấm dứt khả năng lâm phàm hồng trần theo cách thông thường.

The energy of these atoms is set loose through the intense heat produced by the union of the three fires and is reabsorbed into the general reservoir in interplanetary space.

Năng lượng của các nguyên tử này được giải phóng nhờ sức nóng mãnh liệt do sự hợp nhất của ba ngọn lửa tạo ra và được tái hấp thu vào bể chứa chung trong không gian liên hành tinh.

80. While the energy of these three 'atoms' is to be absorbed "into the general reservoir in interplanetary space" the *quality* and experience associated with this energy

80. Trong khi năng lượng của ba "nguyên tử" này được hấp thu "vào bể chứa chung trong không gian liên hành tinh", thì *phẩm tính* và kinh nghiệm gắn liền với năng lượng

ascends and is absorbed into the permanent atoms of the spiritual triad. For instance, such beings as Masters remember what occurred to them as human beings even though they have sacrificed their lower permanent atoms.

này lại thăng lên và được hấp thu vào các nguyên tử trường tồn của Tam Nguyên Tinh Thần. Chẳng hạn, những hữu thể như các Chân sư vẫn nhớ điều đã xảy ra với các Ngài khi còn là con người dù các Ngài đã hi sinh các nguyên tử trường tồn thấp hơn của mình.

81. We note that it is not just one of the divine aspects or another which destroys the causal body, but all three in cooperation.

81. Chúng ta lưu ý rằng không chỉ một phương diện thiêng liêng này hay phương diện khác phá hủy thể nguyên nhân, mà cả ba cùng hợp tác.

The fiery triangle is lost sight of in the general blaze,

Tam giác rực lửa bị mất hút trong ngọn lửa bừng cháy chung,

82. By the time the fourth initiation is taken, the triangle has, indeed, become "fiery". It was not always so.

82. Vào lúc lần điểm đạo thứ tư được nhận, quả thật tam giác đã trở nên "rực lửa". Không phải lúc nào nó cũng như vậy.

83. In this case, a greater fire is blotting out the light of a lesser fire.

83. Trong trường hợp này, một ngọn lửa lớn hơn đang làm lu mờ ánh sáng của một ngọn lửa nhỏ hơn.

and the **deva essences** who temporarily formed it cease their activity.

và các **tinh chất thiên thần** đã tạm thời tạo thành nó chấm dứt hoạt động của chúng.

84. VSK suggests that this must again relate to the stanza describing how the two triangles become one.

84. VSK gợi ý rằng điều này hẳn lại liên hệ đến bài kệ mô tả cách hai tam giác trở thành một.

85. If we wondered about the constitution of the members of the atomic triangle, we see that they are composed of "deva essences". The formation was a temporary one—a type of relationship to be discontinued at the point of the liberation of man at the fourth initiation. The integrity of the physical permanent atom, the astral permanent atom, and the mental unit no longer is sustained.

85. Nếu chúng ta từng tự hỏi về cấu tạo của các thành viên trong tam giác nguyên tử, thì ở đây thấy rằng chúng được cấu thành từ "các tinh chất thiên thần". Sự hình thành ấy chỉ là tạm thời—một loại quan hệ sẽ bị chấm dứt tại điểm giải thoát của con người ở lần điểm đạo thứ tư. Tính toàn vẹn của nguyên tử trường tồn hồng trần, nguyên tử trường tồn cảm dục và đơn vị hạ trí không còn được duy trì nữa.

86. The term “essences” reminds us of monadic essence and elemental essence. The term “essence” suggest substantiality.

86. Thuật ngữ “tinh chất” nhắc chúng ta đến tinh chất chân thần và Tinh chất hành khí. Thuật ngữ “tinh chất” gợi ý tính chất liệu.

Again, the solar Angels complete their initial sacrifice by a final one,

Một lần nữa, các Thái dương Thiên Thần hoàn tất sự hi sinh ban đầu của các Ngài bằng một sự hi sinh cuối cùng,

87. Their initial sacrifice was to form part of the egoic body of man at the time if individualization.

87. Sự hi sinh ban đầu của các Ngài là tạo thành một phần của thể chân ngã của con người vào thời điểm biệt ngã hóa.

88. It would seem that the Solar Angels have a life of their own on another plane, but very clearly cooperate in the egoic demonstration of man on the higher mental plane. They are, as it were, ‘in man but not of man’.

88. Dường như các Thái dương Thiên Thần có một sự sống riêng của các Ngài trên một cõi khác, nhưng rất rõ ràng là các Ngài hợp tác trong sự biểu lộ chân ngã của con người trên Cõi thượng trí. Có thể nói, các Ngài ‘ở trong con người nhưng không thuộc về con người’.

and offer themselves upon the fiery altar.

và hiến mình trên bàn thờ rực lửa.

89. That fire is produced by the downflowing of monadic fire and the application of the Rod of Initiation by the One Initiator.

89. Ngọn lửa ấy được tạo ra bởi sự tuôn xuống của lửa chân thần và việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo bởi Đấng Điểm đạo Duy Nhất.

90. The place of destruction is called an altar because this destruction is equivalent to the invocation of and ascent to still higher aspects divinity. An altar is a place of meeting of the higher and lower.

90. Nơi hủy diệt được gọi là bàn thờ vì sự hủy diệt này tương đương với sự khẩn cầu và thăng lên đến các phương diện thiên tính còn cao hơn nữa. Bàn thờ là nơi gặp gỡ của cái cao và cái thấp.

The causal body is **completely** destroyed.

Thể nguyên nhân bị **hoàn toàn** phá hủy.

91. Note the word “completely”. This leaves no doubt. The causal body, as an integrated body, does not remain after the fourth initiation. Some have wondered whether it still exists in some form at the fifth initiation. Causal debris remaining after the

91. Hãy lưu ý từ “hoàn toàn”. Điều này không để lại nghi ngờ nào. Thể nguyên nhân, như một thể tích hợp, không còn tồn tại sau lần điểm đạo thứ tư. Một số người từng tự hỏi liệu nó có còn tồn tại dưới hình thức nào đó ở lần điểm đạo thứ năm hay không. Tuy nhiên, những mảnh vụn nguyên

fourth initiation, however, must be dissipated.

nhân còn lại sau lần điểm đạo thứ tư phải được làm tiêu tan.

The four lower groups of solar Pitris return to the heart of the subjective sun, or to that inmost centre of the system from whence they came,

Bốn nhóm thấp hơn của các thái dương tổ phụ trở về trái tim của mặt trời chủquan, hay về trung tâm thâm nội nhất của hệ thống từ đó các ngài đã đến,

92. There are seven groups of "solar Pitris". There are also three "major" groups. We can wonder about how to view the relationship between these Pitris. Do we have a ten or only a seven? We do know that each Creative Hierarchy expresses through seven types of form.

92. Có bảy nhóm "thái dương tổ phụ". Cũng có ba nhóm "lớn". Chúng ta có thể tự hỏi nên nhìn mối quan hệ giữa các Pitris này như thế nào. Chúng ta có mười hay chỉ có bảy? Chúng ta biết rằng mỗi Huyền Giai Sáng Tạo biểu lộ qua bảy loại hình tướng.

93. What, exactly, in relation to man, do these four lower groups of Pitris construct? With what parts of the causal body are they to be most associated? Petal substance, for instance?

93. Chính xác thì, trong liên hệ với con người, bốn nhóm Pitris thấp hơn này kiến tạo điều gì? Chúng gắn liền nhất với những phần nào của thể nguyên nhân? Chẳng hạn như chất liệu cánh hoa?

94. In any case, the number four is heart-related, because the heart has four chambers and is the fourth center.

94. Dù sao đi nữa, số bốn liên hệ với tim, vì tim có bốn ngăn và là trung tâm thứ tư.

95. The Heart of the Sun is esoterically 'lower' than the Central Spiritual Sun.

95. Trái Tim Mặt Trời theo huyền bí học thì 'thấp' hơn Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

whilst the three higher groups are carried (by the force and energy generated in the fiery furnace and blaze, and through the stimulation produced by the blazing forth of the central jewel) straight to the central spiritual sun,

trong khi ba nhóm cao hơn được mang (bởi mãnh lực và năng lượng được tạo ra trong lò lửa và ngọn lửa bừng cháy, và nhờ sự kích thích do bảo châu trung tâm bừng sáng) thẳng đến mặt trời tinh thần trung ương,

96. We are speaking of liberative, propulsive fire.

96. Chúng ta đang nói về ngọn lửa giải thoát, đẩy tới.

97. It seems clear that the higher three groups are to be associated with the Jewel in

97. Dường như rõ ràng là ba nhóm cao hơn phải được liên kết với Bảo Châu trong Hoa

the Lotus. It is apparently the blazing forth of the "central jewel" that liberates them.

Sen. Hiển nhiên chính sự bừng sáng của "bảo châu trung tâm" giải thoát các ngài.

98. By the Central Spiritual Sun in this context, we probably mean the Monad of the Solar Logos.

98. Trong ngữ cảnh này, bởi Mặt trời Tinh thần Trung Ương, có lẽ chúng ta muốn nói đến chân thần của Thái dương Thượng đế.

99. If this is the case, these Beings (the higher Pitris) must be very high, indeed.

99. Nếu đúng như vậy, thì các Hữu thể này (các Pitris cao hơn) quả thật phải rất cao siêu.

100. We see the common division of three and four as relevant to the functions of the Solar Angels.

100. Chúng ta thấy sự phân chia quen thuộc thành ba và bốn là thích đáng đối với các chức năng của các Thái dương Thiên Thần.

101. Two kinds of Solar Pitris, then, are active in the causal body of man and man, egoically considered, is definitely a group being.

101. Như vậy, hai loại thái dương tổ phụ hoạt động trong thể nguyên nhân của con người, và con người, xét theo chân ngã, rõ ràng là một hữu thể nhóm.

there to abide until another kalpa calls them forth to sacrifice Themselves, this time as planetary Logoi.

ở đó để lưu lại cho đến khi một kalpa khác gọi các ngài ra để hi sinh chính mình, lần này như các Hành Tinh Thượng Đế.

102. We may ask whether only the higher grouping of Solar Angels become Planetary Logoi in the next mahamanvantara or whether all do? This is what we read on TCF, 844:

102. Chúng ta có thể hỏi liệu chỉ nhóm cao hơn của các Thái dương Thiên Thần mới trở thành các Hành Tinh Thượng Đế trong mahamanvantara kế tiếp hay là tất cả đều như vậy? Đây là điều chúng ta đọc trong TCF, 844:

5. The solar Pitris. The highest three groups will become major planetary Logoi; the lower four groups will become minor planetary Logoi. (TCF 844)

5. Các thái dương tổ phụ. Ba nhóm cao nhất sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế lớn; bốn nhóm thấp hơn sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế nhỏ. (TCF 844)

103. So it seems that *all* types of Solar Angels become Planetary Logoi. Yet this is not the immediate inference to be gathered from the pertinent section in our present text. In this text, it seems that only the members of the three higher groups of Solar

103. Vì vậy dường như *mọi* loại Thái dương Thiên Thần đều trở thành các Hành Tinh Thượng Đế. Tuy nhiên, đó không phải là suy luận trực tiếp rút ra từ phần thích đáng trong văn bản hiện tại của chúng ta. Trong văn bản này, dường như chỉ các thành viên của ba nhóm cao hơn của các Thái dương

Angels (those destined for the Central Spiritual Sun) later become Planetary Logoi.

Thiên Thần (những vị được định cho Mặt trời Tinh thần Trung Ương) về sau mới trở thành các Hành Tinh Thượng Đế.

The student must bear in mind that [Page 879] **in thinking of the Pitris, he must ever think in group terms. The Pitris who formed the egoic body of a human being do not—alone and isolated—form planetary Logoi.**

Đạo sinh phải ghi nhớ rằng [Page 879] **khi suy nghĩ về các Pitris, y phải luôn luôn suy nghĩ theo thuật ngữ nhóm. Các Pitris đã tạo thành thể chân ngã của một con người không—một mình và cô lập—tạo thành các Hành Tinh Thượng Đế.**

104. This is one of the most important sections of text explanatory of the manner in which Planetary Logoi are formed. It seems that *groups of Solar Pitris* together *become* Planetary Logoi. The metaphysical concept is challenging. Of one thing we can be fairly certain—ascension of consciousness occurs *in group formation*.

104. Đây là một trong những phần văn bản quan trọng nhất giải thích cách thức các Hành Tinh Thượng Đế được hình thành. Dường như *các nhóm thái dương tổ phụ* cùng nhau *trở thành* các Hành Tinh Thượng Đế. Khái niệm siêu hình này đầy thách thức. Có một điều chúng ta có thể khá chắc chắn—sự thăng lên của tâm thức xảy ra *trong sự hình thành nhóm*.

105. We have an important section showing us what can develop (far into the future) from the kind of group consciousness which we are trying to develop as human beings.

105. Chúng ta có một phần quan trọng cho thấy điều gì có thể phát triển (rất xa trong tương lai) từ loại tâm thức nhóm mà chúng ta đang cố phát triển với tư cách con người.

106. It is wrong for us to think, "one day *I* shall become a Planetary Logos". One may become a Planetary Logos, but only in the company of many others—i.e., *as a group.* This will not happen, of course, until one has become a Solar Angel.

106. Sẽ là sai nếu chúng ta nghĩ, "một ngày nào đó *tôi* sẽ trở thành một Hành Tinh Thượng Đế". Một người có thể trở thành một Hành Tinh Thượng Đế, nhưng chỉ trong sự đồng hành của nhiều người khác—tức là, *như một nhóm.* Dĩ nhiên, điều này sẽ không xảy ra cho đến khi người ấy đã trở thành một Thái dương Thiên Thần.

107. In some way then, the Third Cosmic Path, treading which, man becomes a Planetary Logos, and the Fourth Cosmic Path (to Sirius) treading which man becomes a

107. Vậy thì theo một cách nào đó, Con Đường Vũ Trụ thứ ba, khi bước đi trên đó con người trở thành một Hành Tinh Thượng Đế, và Con Đường Vũ Trụ thứ tư (đến Sirius), khi bước đi trên đó con người trở thành một Thái dương Thiên Thần, hẳn phải liên hệ

Solar Angel, must be intimately related. We can see why, can we not?

108. Again we seem to have a confirmation that a group of Pitris form the egoic body of a human being. How they do this is certainly mysterious. If we think in conventional terms there would seem to be a violation of the Law of Economy—so many Pitris united for the causal expression of one human being. How can it be?

109. Perhaps there is a dynamic of 'shared presence' which we simply cannot fathom yet.

The forty-nine groups of solar fires concerned in the great work are those spoken of, and they become the forty-nine planetary Logoi in connexion with seven solar systems.

110. These must be very large groups.

111. The "great work" can be understood as the development of that center in the "One About Whom Naught May Be Said" of which our Solar Logos is a part.

112. We are here speaking of dynamics occurring within the ring-pass-not of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One".

113. All Solar Angels (Solar Lords or Solar Pitris) it would seem, belong to one or other of these forty-nine groups.

114. This material has great occult significance. Perhaps it also tells us about groups to which human beings belong (are

mật thiết với nhau. Chúng ta có thể thấy vì sao, phải không?

108. Một lần nữa dường như chúng ta có sự xác nhận rằng một nhóm Pitris tạo thành thể chân ngã của một con người. Cách các ngài làm điều này quả thật là huyền nhiệm. Nếu chúng ta nghĩ theo các thuật ngữ thông thường thì dường như có sự vi phạm Định luật Tiết Kiệm—quá nhiều Pitris hợp nhất cho biểu lộ nguyên nhân của một con người. Làm sao có thể như vậy?

109. Có lẽ có một động lực của 'sự hiện diện chia sẻ' mà chúng ta đơn giản là chưa thể fathom được.

Bốn mươi chín nhóm lửa thái dương liên quan đến đại công trình là những nhóm đã được nói đến, và chúng trở thành bốn mươi chín Hành Tinh Thượng Đế trong mối liên hệ với bảy hệ mặt trời.

110. Đây hẳn phải là những nhóm rất lớn.

111. "Đại công trình" có thể được hiểu là sự phát triển của trung tâm ấy trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị" mà Thái dương Thượng đế của chúng ta là một phần của Đấng ấy.

112. Ở đây chúng ta đang nói về các động lực xảy ra bên trong vòng-giới-hạn của "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một".

113. Dường như mọi Thái dương Thiên Thần (nhật tinh quân hay thái dương tổ phụ) đều thuộc về một trong bốn mươi chín nhóm này.

114. Tài liệu này có ý nghĩa huyền bí học lớn lao. Có lẽ nó cũng cho chúng ta biết về các nhóm mà con người thuộc về (có phải là bốn

there forty-nine?), for such groups probably reflect the groups of "solar fires".

In them is hid the mystery of the three who become the sixteen—united or synthesised by the seventeenth—a correspondence upon cosmic levels of the seven with the eighth sphere. This must remain practically an insoluble mystery to man at present.

115. Well, perhaps not *quite* insoluble otherwise the term "practically" would not be used, but certainly sufficiently insoluble.

116. There appears to be a higher seventeenth and a lower seventeenth

117. Sixteen are the powers of the Ego. Three major groups, it would seem, dominate the egoic construction. The seven which arises from the sum of one and six (i.e., from 16 considered numerologically) is a number closely related to the number three.

118. The lower seventeenth may be considered *lunar.* From a certain perspective, the dense physical body of the Planetary Logos (or Solar Logos) located on the lower eighteen subplanes (or in the case of the Solar Logos, the lower twenty-one subplanes) may be considered a kind of "lunar" expression or "eighth sphere". Can the higher seventeenth (the number seventeen sums to eight) be considered the synthesizing Monad? Can the realm of the Monad and the realm known as the eighth sphere be considered opposites?

119. Occult definitions of the "eighth sphere" show it as a kind of "dust hole" (HPB's words) trailing after the Earth. From

mươi chín không?), vì những nhóm ấy có lẽ phản ánh các nhóm của "lửa thái dương".

Trong chúng ẩn giấu huyền nhiệm của ba trở thành mười sáu—được hợp nhất hay tổnghợp bởi thứ mười bảy—một sự tương ứng trên các cấp độ vũ trụ của bảy với quả cầu thứ tám. Điều này hiện nay hẳn phải vẫn là một huyền nhiệm thực tế không thể giải nổi đối với con người.

115. Có lẽ không *hoàn toàn* không thể giải nổi, nếu không thì từ "thực tế" đã không được dùng, nhưng chắc chắn là đủ mức không thể giải nổi.

116. Dường như có một thứ mười bảy cao hơn và một thứ mười bảy thấp hơn

117. Mười sáu là các quyền năng của chân ngã. Dường như ba nhóm lớn chi phối cấu trúc chân ngã. Số bảy phát sinh từ tổng của một và sáu (tức từ 16 xét theo số học huyền bí) là một con số liên hệ chặt chẽ với số ba.

118. Thứ mười bảy thấp hơn có thể được xem là *thái âm.* Từ một góc nhìn nào đó, thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế (hay Thái dương Thượng đế) nằm trên mười tám cõi phụ thấp hơn (hay trong trường hợp của Thái dương Thượng đế, là hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn) có thể được xem như một loại biểu lộ "thái âm" hay "quả cầu thứ tám". Liệu thứ mười bảy cao hơn (số mười bảy cộng lại thành tám) có thể được xem là chân thần tổng hợp không? Liệu cõi của chân thần và cõi được biết là quả cầu thứ tám có thể được xem là các đối cực không?

119. Các định nghĩa huyền bí học về "quả cầu thứ tám" cho thấy nó như một loại "hố bụi" (lời của HPB) kéo lê phía sau Trái Đất. Từ

an occult perspective, the disintegrating Moon trails after the Earth. Is the Moon, from one perspective, our "eighth sphere"?

góc nhìn huyền bí học, Mặt Trăng đang tan rã kéo lê phía sau Trái Đất. Phải chăng Mặt Trăng, từ một góc nhìn nào đó, là "quả cầu thứ tám" của chúng ta?

120. Of course, the analogy works better in relation to the Planetary Logos, because then the sixteen potencies (generated by the three major potencies) would find expression on the *higher* mental plane which, in this context, would *not* be considered part of the dense physical body of the Planetary Logos.

120. Dĩ nhiên, phép tương đồng này vận hành tốt hơn khi liên hệ với Hành Tinh Thượng Đế, bởi vì khi ấy mười sáu tiềm năng (được tạo ra bởi ba tiềm năng chính) sẽ tìm thấy sự biểu lộ trên cõi trí *thượng* mà, trong bối cảnh này, sẽ *không* được xem là một phần của thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế.

121. Cosmically considered the lower eighteen subplanes are a kind of eighth sphere. Except for their redemptive intervention, the groups of solar fires are focused on subplanes higher than these eighteen.

121. Xét theo vũ trụ, mười tám cõi phụ thấp là một loại khối cầu thứ tám. Ngoại trừ sự can thiệp cứu chuộc của các Ngài, các nhóm lửa thái dương được tập trung trên những cõi phụ cao hơn mười tám cõi này.

122. What is said above will have its solar systemic analogies and can be related to the planets within our solar system and their various functions. One wonders whether all planets are not derived from the synthesizing three. But how does the number *sixteen* relate to the planets?

122. Điều được nói ở trên sẽ có những phép tương đồng trong hệ mặt trời và có thể được liên hệ với các hành tinh trong hệ mặt trời của chúng ta cùng những chức năng khác nhau của chúng. Người ta tự hỏi liệu mọi hành tinh có phải đều không phát sinh từ bộ ba tổng hợp hay không. Nhưng số *mười sáu* liên hệ với các hành tinh như thế nào?

The four groups who found their way to the Heart of the system will reappear as the four planetary Logoi

Bốn nhóm đã tìm được đường đến Trái Tim của hệ thống sẽ tái xuất hiện như bốn Hành Tinh Thượng Đế

123. Here we have the balancing statement. The four groups which were incorporated into the Heart of the Sun will, *indeed*, become Planetary Logoi.

123. Ở đây chúng ta có mệnh đề quân bình. Bốn nhóm đã được hợp nhất vào Trái Tim Mặt Trời quả thực sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế.

who are the twenty-eight

ai là hai mươi tám vị

124. This is a number which we can well associated with personality expression. Four

124. Đây là một con số mà chúng ta hoàn toàn có thể gắn với sự biểu lộ của phàm ngã.

is the number of personality and, given cycles of seven and fours correlated by DK with personality expression, we have four sevens or twenty-eight.

Bốn là con số của phàm ngã, và với các chu kỳ bảy và bốn được Chân sư DK liên hệ với sự biểu lộ của phàm ngã, chúng ta có bốn lần bảy hay hai mươi tám.

125. We assume that the four planetary Logoi are those which express the Rays of Attribute.

125. Chúng ta giả định rằng bốn Hành Tinh Thượng Đế là những Đấng biểu lộ Các Cung Thuộc Tính.

and who thus produce the possibility of the **ten of perfection** in another series of manifesting systems.

và như thế tạo ra khả năng của **mười của sự toàn hảo** trong một chuỗi khác của các hệ thống đang biểu hiện.

126. We may be speaking of a time when a present Planetary Logos will become a Solar Logos and produce a "series of manifesting [solar] systems". At such a time, groups of those who are now Solar Pitris will become Planetary Logoi working in relation to the newly manifesting Solar Logos.

126. Có lẽ chúng ta đang nói đến một thời điểm khi một Hành Tinh Thượng Đế hiện nay sẽ trở thành một Thái dương Thượng đế và tạo ra một "chuỗi các [hệ mặt trời] đang biểu hiện". Vào thời điểm ấy, các nhóm của những vị hiện nay là thái dương tổ phụ sẽ trở thành các Hành Tinh Thượng Đế hoạt động trong liên hệ với Thái dương Thượng đế mới đang biểu hiện.

127. There seems to be a progression:

127. Dường như có một sự tiến triển:

a. From man

a. Từ con người

b. To Solar Angels

b. Đến các Thái dương Thiên Thần

c. To Planetary Logoi

c. Đến các Hành Tinh Thượng Đế

d. To Solar Logoi

d. Đến các Thái dương Thượng đế

128. Can this mean that the twenty-eight become the ten in a system of expression ruled by the first ray, the number of which is one or ten? Probably not, because those Beings Who are presently Planetary Logoi will continue as Planetary Logoi in the next solar system of our present Logos—a system ruled by the number *one* or *ten*.

128. Điều này có thể có nghĩa rằng hai mươi tám trở thành mười trong một hệ thống biểu lộ được cai quản bởi cung một, mà con số của nó là một hay mười chăng? Có lẽ không, bởi vì những Đấng hiện đang là các Hành Tinh Thượng Đế sẽ tiếp tục là các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời kế tiếp của Thượng đế hiện tại của chúng ta—một hệ thống được cai quản bởi số *một* hay *mười*.

129. There is a connection here between the OM (which totals to twenty eight in the English Language) as the Divine Word, representing the second aspect of divinity. It can be seen as leading to the ten of the first aspect.

129. Ở đây có một mối liên hệ giữa OM (trong Anh ngữ có tổng số là hai mươi tám) như Linh từ thiêng liêng, biểu trưng cho phương diện thứ hai của thiên tính. Nó có thể được xem như dẫn đến số mười của phương diện thứ nhất.

130. We must allow for the fact that the lower Logoi will one day evolve into the higher type of Logoi.

130. Chúng ta phải chấp nhận sự kiện rằng các Thượng đế thấp hơn một ngày kia sẽ tiến hoá thành loại Thượng đế cao hơn.

131. In any case, we can see how the four (representing the quaternary) are related to the twenty-eight (also representing the quaternary) and how the twenty-eight can be resolved to the ten (the number of perfection).

131. Dù sao đi nữa, chúng ta có thể thấy bốn (đại diện cho bộ tứ) liên hệ với hai mươi tám (cũng đại diện cho bộ tứ) như thế nào, và hai mươi tám có thể được quy về mười (con số của sự toàn hảo) như thế nào.

132. We must remember, that in any solar system, there are said to be *ten* planetary schemes. This number suggests “the ten of perfection”.

132. Chúng ta phải nhớ rằng, trong bất kỳ hệ mặt trời nào, được nói là có *mười* hệ hành tinh. Con số này gợi ý “mười của sự toàn hảo”.

133. Yet the ten of perfection in any future series of solar system, should not exclude the higher forms of Planetary Logoi generated from the higher three groups of Solar Pitris.

133. Tuy nhiên, mười của sự toàn hảo trong bất kỳ chuỗi tương lai nào của các hệ mặt trời không nên loại trừ những hình thức cao hơn của các Hành Tinh Thượng Đế được tạo ra từ ba nhóm cao hơn của thái dương tổ phụ.

The seven types of solar energy find the "path of return" to their central emanating source;

Bảy loại năng lượng thái dương tìm thấy "Con Đường Trở Về" đến nguồn phát xạ trung tâm của chúng;

134. We are dealing with two sources—the Heart of the Sun and the Central Spiritual Sun.

134. Chúng ta đang bàn đến hai nguồn—Trái Tim Mặt Trời và Mặt trời Tinh thần Trung Ương.

135. Man’s path of return leads to the Monad. The path of return for the Solar Angels (the “solar fires”) leads to the Solar Logos.

135. Con Đường Trở Về của con người dẫn đến chân thần. Con Đường Trở Về của các Thái dương Thiên Thần (các “lửa thái dương”) dẫn đến Thái dương Thượng đế.

136. Where is the Monad of the Solar Angels to be 'located' for they are certainly Monads? In some sense, within the Sun? The Solar Pitris are members of the council of the Solar Logos. This must be appreciated.

136. Chân thần của các Thái dương Thiên Thần được "định vị" ở đâu, vì chắc chắn các vị ấy là các chân thần? Theo một nghĩa nào đó, ở trong Mặt Trời chăng? Các thái dương tổ phụ là thành viên trong hội đồng của Thái dương Thượng đế. Điều này phải được nhận thức.

by the disruption of the tie between them and the lunar lords (who are esoterically spoken of as "dead or dying on the field of battle")

bởi sự phá vỡ mối ràng buộc giữa họ và các nguyệt tinh quân (những vị được nói đến một cách huyền bí như là "đã chết hoặc đang chết trên chiến trường")

137. The field of battle is the personality. Four is the number of battle and conflict. The lunar lords 'die' (upon/within the field of personality) to their earlier function of forming the personality.

137. Chiến trường là phàm ngã. Bốn là con số của chiến đấu và xung đột. Các nguyệt tinh quân "chết" (trên/trong chiến trường của phàm ngã) đối với chức năng trước kia của họ là tạo thành phàm ngã.

the great sacrifice is consummated, and they are free to return in triumph.

đại hi sinh được hoàntất, và họ được tự do trở về trong khải hoàn.

138. Here we speak of the triumphant return of the Solar Angels to the Sun (i.e., to the Heart of the Sun and the Central Spiritual Sun). Let us pause to contemplate that magnificent idea!

138. Ở đây chúng ta nói đến sự trở về khải hoàn của các Thái dương Thiên Thần về Mặt Trời (tức là về Trái Tim Mặt Trời và Mặt trời Tinh thần Trung Ương). Chúng ta hãy dừng lại để chiêm ngưỡng ý tưởng huy hoàng ấy!

139. The implication, forever and always, is that sacrifice leads to triumph.

139. Hàm ý, mãi mãi và luôn luôn, là hi sinh dẫn đến khải hoàn.

The occult significance of these words in connection with the energy standing behind and working through all appearance might be expressed as follows:

Ý nghĩa huyền bí của những lời này liên hệ với năng lượng đứng đằng sau và hoạt động xuyên qua mọi sắc tướng có thể được diễn đạt như sau:

Knowledge [79] is **the right apprehension of the laws of energy**, of the conservation of force,

Tri thức 79 là **sự lĩnh hội đúng đắn các định luật của năng lượng**, của sự bảo toàn mãnh lực,

140. We notice the conservative or Saturnian coloring of knowledge.

140. Chúng ta nhận thấy sắc thái bảo tồn hay tính chất Sao Thổ của tri thức.

141. The factor of "law" is also present, aligning knowledge with the energy of Saturn (or its higher correspondences).

141. Yếu tố "định luật" cũng hiện diện, chỉnh hợp tri thức với năng lượng của Sao Thổ (hay những tương ứng cao hơn của nó).

142. In our solar system, the planet Saturn is the foremost representative of knowledge, though Mercury may be considered a purer representative.

142. Trong hệ mặt trời của chúng ta, hành tinh Sao Thổ là đại diện hàng đầu của tri thức, dù Sao Thủy có thể được xem là một đại diện thuần khiết hơn.

of the sources of [Page 880] energy, of its qualities, its types and its vibrations.

về các nguồn của [Page 880] năng lượng, về các phẩm tính, các loại và các rung động của nó.

143. Let us tabulate the factors descriptive of the nature of knowledge:

143. Chúng ta hãy lập bảng các yếu tố mô tả bản chất của tri thức:

a. Knowledge is the right apprehension of the laws of energy

a. Tri thức là sự lĩnh hội đúng đắn các định luật của năng lượng

b. Knowledge is the right apprehension of the conservation of force

b. Tri thức là sự lĩnh hội đúng đắn sự bảo toàn mãnh lực

c. Knowledge is the right apprehension of the sources of energy

c. Tri thức là sự lĩnh hội đúng đắn các nguồn của năng lượng

d. Knowledge is the right apprehension of the qualities of energy

d. Tri thức là sự lĩnh hội đúng đắn các phẩm tính của năng lượng

e. Knowledge is the right apprehension of the types of energy

e. Tri thức là sự lĩnh hội đúng đắn các loại năng lượng

f. Knowledge is the right apprehension of the vibrations of energy

f. Tri thức là sự lĩnh hội đúng đắn các rung động của năng lượng

1. There are seven branches of knowledge mentioned in the Puranas:—S. D., I, 192.

1. Có bảy ngành tri thức được nhắc đến trong các Purana:—S. D., I, 192.

144. The material here presented is fundamental to any legitimate approach to the esotericism or the Ageless Wisdom.

144. Tài liệu được trình bày ở đây là nền tảng cho bất kỳ cách tiếp cận chính đáng nào đối với huyền bí học hay Minh Triết Ngàn Đời.

2. The Gnosis, the hidden Knowledge, is the seventh Principle, the six schools of Indian philosophy are the six principles.—S. D., I, 299.

2. Gnosis, Tri thức ẩn tàng, là nguyên khí thứ bảy; sáu trường phái triết học Ấn Độ là sáu nguyên khí.—S. D., I, 299.

145. The seventh principle is surrounded by the other six. It is, in this case, the synthetic principle.

145. Nguyên khí thứ bảy được bao quanh bởi sáu nguyên khí kia. Trong trường hợp này, đó là nguyên khí tổng hợp.

146. It is obvious that the principles of man are to be correlated with the six schools of Indian Philosophy and with the synthesizing seventh.

146. Hiển nhiên là các nguyên khí của con người phải được liên hệ với sáu trường phái Triết học Ấn Độ và với nguyên khí thứ bảy tổng hợp.

147. The seventh Principle can be considered atma, but some consider it the Atman (which, in a way, is not a principle at all).

147. Nguyên khí thứ bảy có thể được xem là atma, nhưng một số người xem nó là Atman (mà theo một nghĩa nào đó, hoàn toàn không phải là một nguyên khí).

148. If we consider atma a seventh principle, then the six-pointed star formed, with the seventh central point, relates to the five planes of Brahma, and excludes the second and first cosmic physical subplanes.

148. Nếu chúng ta xem atma là nguyên khí thứ bảy, thì ngôi sao sáu cánh được hình thành, với điểm trung tâm thứ bảy, liên hệ với năm cõi của Brahma, và loại trừ cõi phụ thứ hai và thứ nhất của cõi hồng trần vũ trụ.

149. If we consider the Monad as the Atman, then the six other principles surround it. These six will then find their expression upon the five lower systemic planes and the Monad, as the central point, will pertain to the monadic plane, 'above' the Brahmic worlds.

149. Nếu chúng ta xem chân thần là Atman, thì sáu nguyên khí khác bao quanh nó. Khi ấy sáu nguyên khí này sẽ tìm thấy sự biểu lộ của chúng trên năm cõi hệ thống thấp hơn, và chân thần, như điểm trung tâm, sẽ thuộc về cõi chân thần, "ở trên" các thế giới Brahmic.

These six schools are:

Sáu trường phái này là:

a. The school of LogicProof of right perception.

a. Trường phái của LogicProof về tri giác đúng đắn.

150. This appears to be a school related to Saturn and Mercury, and expressive of the third ray of critical reasoning, and the fifth ray of discrimination.

150. Đây dường như là một trường phái liên hệ với Sao Thổ và Sao Thủy, và biểu lộ cung ba của lý luận phê phán cùng cung năm của sự phân biện.

151. The intuition is (at first) not so active in relation to this school. Truth is pursued through the reasoning power of the mind—both the concrete mind and the abstract mind (where reasoning in its higher aspect, occurs).

151. Trực giác (lúc đầu) không hoạt động mạnh mẽ lắm trong liên hệ với trường phái này. Chân lý được theo đuổi qua năng lực lý luận của trí tuệ—cả trí cụ thể lẫn Trí trừu tượng (nơi lý luận, trong phương diện cao hơn của nó, diễn ra).

b. The atomic schoolSystem of particulars. Elements. Alchemy and chemistry.

b. Trường phái nguyên tử schoolSystem của các biệt thể. Các nguyên tố. Thuật luyện kim và hóa học.

152. This school is definitely for those upon the fifth and seventh rays, and not so much upon the third which tends to generalize.

152. Trường phái này rõ ràng dành cho những người thuộc cung năm và cung bảy, chứ không nhiều cho cung ba vốn có khuynh hướng khái quát hóa.

153. We know that those upon the fifth ray study the atomic nature of all things and are most particular in their observations.

153. Chúng ta biết rằng những người thuộc cung năm nghiên cứu bản chất nguyên tử của mọi sự vật và rất tỉ mỉ trong các quan sát của họ.

154. Those upon the seventh ray pursue alchemy particularly, whereas those upon both the fifth and seventh pursue chemistry. Alchemy is the transformative aspect of chemistry. Alchemy is a much larger subject and embraces chemistry.

154. Những người thuộc cung bảy đặc biệt theo đuổi thuật luyện kim, trong khi những người thuộc cả cung năm lẫn cung bảy theo đuổi hóa học. Thuật luyện kim là phương diện chuyển hoá của hóa học. Thuật luyện kim là một chủ đề rộng lớn hơn nhiều và bao hàm hóa học.

155. In the type of perception cultivated in this school, all things are considered discrete and, initially, separate. A laser-like focus is employed.

155. Trong loại tri giác được nuôi dưỡng trong trường phái này, mọi sự vật được xem là rời rạc và, lúc ban đầu, tách biệt. Một sự tập trung như tia laser được sử dụng.

c. The Sankhya schoolSystem of numbers. The materialistic school. The theory of the seven states of matter or prakriti.

c. Trường phái Sankhya schoolSystem về các con số. Trường phái duy vật. Lý thuyết về bảy trạng thái của vật chất hay prakriti.

156. One aspect of the seventh ray tends towards materialism, and is certainly correlated with the seven states of matter of prakriti.

156. Một phương diện của cung bảy có khuynh hướng hướng về chủ nghĩa duy vật, và chắc chắn được liên hệ với bảy trạng thái của vật chất của prakriti.

157. Again, the fifth ray would be useful in the attainment of this type of knowledge.

157. Một lần nữa, cung năm sẽ hữu ích trong việc đạt được loại tri thức này.

158. Saturn will be an important planet and so will *seventh ray* Uranus. Mercury will be useful in discrimination.

158. Sao Thổ sẽ là một hành tinh quan trọng và *cung bảy* Sao Thiên Vương cũng vậy. Sao Thủy sẽ hữu ích trong sự phân biện.

159. A study of vibrations and frequencies would be indispensable in the approach utilized in this school.

159. Việc nghiên cứu các rung động và tần số sẽ là điều không thể thiếu trong cách tiếp cận được sử dụng trong trường phái này.

d. The school of YogaUnion. The rule of daily life. Mysticism.

d. Trường phái của YogaUnion. Quy luật của đời sống hằng ngày. Thần bí học.

160. Raja Yoga, it is said, is ruled by the second and the fifth rays.

160. Raja Yoga, như người ta nói, được cai quản bởi cung hai và cung năm.

161. We find here the subjective approach, and not so much the concern over the nature of form. Yet, in Yoga, the form must be controlled.

161. Ở đây chúng ta thấy cách tiếp cận chủ quan, chứ không quá chú trọng đến bản chất của hình tướng. Tuy nhiên, trong Yoga, hình tướng phải được kiểm soát.

162. When we speak of the daily rule of life, the seventh ray is involved.

162. Khi chúng ta nói đến quy luật hằng ngày của đời sống, cung bảy có liên quan.

163. As for mysticism, it is particularly, the province of the sixth ray and the entire system of Yoga is based upon fiery aspiration.

163. Còn về thần bí học, đó đặc biệt là lĩnh vực của cung sáu và toàn bộ hệ thống Yoga dựa trên khát vọng rực lửa.

164. Yoga, however, is incredibly broad and different methods of *union,* which is what Yoga means, can be found for all the rays.

164. Tuy nhiên, Yoga vô cùng rộng lớn và những phương pháp khác nhau của *sự hợp nhất,* vốn là ý nghĩa của Yoga, có thể được tìm thấy cho mọi cung.

165. In general, Yoga signifies the bringing of the lunar nature under subjugation and the solar aspect into prominence.

165. Nói chung, Yoga biểu thị việc đưa bản chất nguyệt tính vào sự phục tùng và làm cho phương diện thái dương trở nên nổi bật.

166. Those along the line of the abstract rays (two-four-six) tend to be its adherents, though no ray type can be excluded.

166. Những người đi theo đường lối của các cung trừu tượng (hai-bốn-sáu) có khuynh hướng là những người theo nó, dù không thể loại trừ bất kỳ loại cung nào.

e. The school of Ceremonial ReligionRitual. Worship of the devas or Gods.

e. Trường phái của Tôn giáo ReligionRitual Nghi lễ. Sự thờ phụng các thiên thần hay các Thượng đế.

167. This type of school is the province of Jupiter Who is the priest and suppliant in the ceremonial process.

167. Loại trường phái này thuộc lĩnh vực của Sao Mộc, Đấng là vị tư tế và người khẩn cầu trong tiến trình nghi lễ.

"Jupiter,.. is a deity who is the symbol and prototype of,.. ritualistic worship. He is the priest, sacrificer, suppliant and the medium through which the prayers of mortals reach the Gods." (II. 49. Note.) (EA 660)

"Jupiter,.. là một vị thần, biểu tượng và nguyên mẫu của,.. sự thờ phụng theo nghi lễ. Ngài là vị tư tế, người hiến tế, người khẩn cầu và là trung gian qua đó những lời cầu nguyện của người phàm đạt đến các Thượng đế." (II. 49. Note.) (EA 660)

168. Ritual is ruled by the seventh ray as is ceremonialism. Religion and worship, however, are ruled by the sixth ray.

168. Nghi lễ được cai quản bởi cung bảy, cũng như tính nghi lễ. Tuy nhiên, tôn giáo và sự thờ phụng được cai quản bởi cung sáu.

169. Here the term “devas” means greater Entities or Gods. In this type of spiritual approach, there is necessitated an upward reach to the great Deities.

169. Ở đây thuật ngữ “thiên thần” có nghĩa là các Thực Thể hay các Thượng đế cao cả hơn. Trong loại tiếp cận tinh thần này, cần phải có một sự vươn lên hướng thượng đến các Thượng đế vĩ đại.

170. However, in ceremonialism, there is also a bringing down of “Heaven to Earth” and an elaborate system of laws suitable for inducing cooperation with the deva kingdom, via which kingdom contact with the greater Devas or Gods can be effected.

170. Tuy nhiên, trong tính nghi lễ, cũng có việc đưa “Thiên Đàng xuống Trái Đất” và một hệ thống định luật tinh vi thích hợp để tạo ra sự hợp tác với giới thiên thần, qua giới này mà sự tiếp xúc với các thiên thần hay các Thượng đế cao hơn có thể được thực hiện.

171. The abstract line of rays is here involved, but the seventh ray is also of utmost importance, and with the seventh ray, the first (its abstract correspondence).

171. Đường lối trừu tượng của các cung có liên quan ở đây, nhưng cung bảy cũng cực kỳ quan trọng, và cùng với cung bảy là cung một (tương ứng trừu tượng của nó).

172. In Ceremonial Religion the factor of *control* is indispensable, and this involves the rays of will.

172. Trong Tôn giáo Nghi lễ, yếu tố *kiểm soát* là điều không thể thiếu, và điều này liên quan đến các cung ý chí.

173. The third and fifth rays are not so connected with this school or path.

173. Cung ba và cung năm không liên hệ nhiều với trường phái hay con đường này.

f. The Vedanta schoolHas to do with non-duality. Deals with the relation of Atman in man to the Logos.

f. Trường phái Vedanta schoolHas liên quan đến bất nhị. Bàn đến mối liên hệ của Atman trong con người với Thượng đế.

174. This school is found more specifically upon the first ray of 'abstraction into Being'. The number *one* resolves duality—this resolution being the key to the approach to divinity followed in this school.

174. Trường phái này được tìm thấy đặc biệt hơn trên cung một của "sự trừu xuất vào Bản Thể". Số *một* giải quyết nhị nguyên tính—sự giải quyết này là chìa khóa cho cách tiếp cận thiên tính được theo đuổi trong trường phái này.

175. Yet, Sankara, perhaps the greatest exponent of Vedanta, is said to have expressed along the second ray line. This was probably one of his major or higher rays, with the first ray being the other.

175. Tuy nhiên, Sankara, có lẽ là nhà trình bày Vedanta vĩ đại nhất, được nói là đã biểu lộ theo đường lối cung hai. Có lẽ đó là một trong những cung chính hay cung cao hơn của ông, còn cung một là cung kia.

176. From another perspective, the Atman is the Monad and the Monad, though representing the first aspect within the constitution of man, is also *more* than any aspect. It is *pure being itself* which is beyond the Trinitarian division of aspects.

176. Từ một góc nhìn khác, Atman là chân thần, và chân thần, dù đại diện cho phương diện thứ nhất trong cấu tạo của con người, cũng *hơn* bất kỳ phương diện nào. Nó là *chính Bản Thể thuần túy* vượt ngoài sự phân chia tam vị của các phương diện.

177. From this perspective, the Atman of the human being is focussed on the *second* plane of the solar system and, thus, connected with the second ray. The Monad of the man is found with the chakric system of the Planetary Logos and finds its true and later

177. Từ góc nhìn này, Atman của con người được tập trung trên cõi *thứ hai* của hệ mặt trời và do đó liên hệ với cung hai. Chân thần của con người được tìm thấy cùng với hệ thống luân xa của Hành Tinh Thượng Đế và tìm thấy "ngôi nhà trong Mặt Trời" chân

"home within the sun". From this perspective, the relation of the *Atman* in man to the Logos is really the relation of the *Monad* in man to the Logos (whether the Planetary Logos or the Solar Logos).

thực và về sau của nó. Từ góc nhìn này, mối liên hệ của *Atman* trong con người với Thượng đế thực sự là mối liên hệ của *chân thần* trong con người với Thượng đế (dù là Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế).

178. Through identification with pure being all dualities are resolved. This identification can proceed along the first ray line (though Isolated Unity) or along the second ray line through an inclusiveness which knows no boundaries.

178. Qua sự đồng hoá với bản thể thuần túy, mọi nhị nguyên tính đều được giải quyết. Sự đồng hoá này có thể tiến hành theo đường lối cung một (dù qua Hợp Nhất Cô Lập) hoặc theo đường lối cung hai qua một tính bao gồm không biết đến ranh giới.

3. There are four branches of knowledge to which H. P. B. specially refers—S.D., I, 192. These four are probably those with which man has dealt the most, in this fourth round and fourth chain. Compare S. D., I, 70, 95, 107, 227.

3. Có bốn ngành tri thức mà H. P. B. đặc biệt đề cập đến—S.D., I, 192. Bốn ngành này có lẽ là những ngành mà con người đã bàn đến nhiều nhất, trong cuộc tuần hoàn thứ tư và Dãy Thứ Tư này. So sánh S. D., I, 70, 95, 107, 227.

179. The number four is now of paramount importance in relation to the fourth of human kingdom, but will soon be supplanted in importance (at least temporarily) by the number five, as man moves into the fifth kingdom of nature.

179. Con số bốn hiện nay có tầm quan trọng tối cao trong liên hệ với giới thứ tư của giới nhân loại, nhưng sẽ sớm được thay thế về tầm quan trọng (ít nhất là tạm thời) bởi con số năm, khi con người tiến vào giới thứ năm của thiên nhiên.

180. We have seen so far that there are six Schools of Indian Philosophy (synthesized by a seventh—Atma Vidya). Additionally, DK informs us of four branches of knowledge operative at this time in planetary and human history so conditioned by the number four.

180. Cho đến nay chúng ta đã thấy rằng có sáu Trường phái Triết học Ấn Độ (được tổng hợp bởi trường phái thứ bảy—Atma Vidya). Ngoài ra, Chân sư DK cho chúng ta biết về bốn ngành tri thức đang hoạt động vào thời điểm này trong lịch sử hành tinh và nhân loại, được tác động bởi con số bốn.

181. We see that the available streams of knowledge are conditioned by the *number* of the phase through which our planet is passing (and also by the phase through which humanity is passing). Occult numerology holds the key to the presence and availability of energies.

181. Chúng ta thấy rằng các dòng tri thức sẵn có được tác động bởi *con số* của giai đoạn mà hành tinh chúng ta đang trải qua (và cũng bởi giai đoạn mà nhân loại đang trải qua). Huyền số học nắm giữ chìa khóa đối với sự hiện diện và tính khả dụng của các năng lượng.

The four Noble Truths. The four Vedas. The four Gospels.

Bốn Chân lý Cao quý. Bốn bộ Veda. Bốn Phúc Âm.

182. These are foundational quaternaries found at the heart of four great religions: Buddhism, Hinduism and Christianity

182. Đây là những bộ tứ nền tảng được tìm thấy ở trung tâm của bốn tôn giáo lớn: Phật giáo, Ấn Độ giáo và Cơ Đốc giáo

183. We could think that these religions are religions growing out of the fourth rootrace and connected with the fourth round.

183. Chúng ta có thể nghĩ rằng những tôn giáo này là những tôn giáo phát sinh từ giống dân gốc thứ tư và liên hệ với cuộc tuần hoàn thứ tư.

The four basic admissions.

Bốn sự thừa nhận căn bản.

184. What are these? Confessions of faith?

184. Đó là những gì? Những lời tuyên xưng đức tin chăng?

The four **ready** Elements.

Bốn **Nguyên tố**

185. This is an interesting phraseology. In the West, four elements are prepared and accessible—fire, earth, air and water. Aether is considered the fifth and relatively inaccessible.

185. Đây là một cách diễn đạt thú vị. Ở phương Tây, bốn nguyên tố được chuẩn bị sẵn và có thể tiếp cận—lửa, đất, khí và nước. Dĩ thái được xem là nguyên tố thứ năm và tương đối khó tiếp cận.

186. In China, five elements are considered ready and accessible.

186. Ở Trung Hoa, năm nguyên tố được xem là sẵn có và có thể tiếp cận.

The four grades of Initiation.

Bốn cấp độ Điểm đạo.

187. The following, though not couched in the usual initiatory terminology, are to be considered grades of initiation.

187. Những điều sau đây, dù không được diễn đạt bằng thuật ngữ điểm đạo thông thường, vẫn phải được xem là các cấp độ điểm đạo.

a. Yajna VidyaThe performance of religious rites in order to produce certain results. Ceremonial magic. It is concerned with Sound, therefore with the Akasha or the ether of space. The "yajna" is the invisible Deity who pervades space.

a. Yajna VidyaThe việc thực hiện các nghi thức tôn giáo nhằm tạo ra những kết quả nhất định. Huyền thuật nghi lễ. Nó liên quan đến Âm thanh, do đó liên quan đến Akasha hay dĩ thái của không gian. “yajna” là Thượng đế vô hình thấm nhuần không gian.

Perhaps this concerns the physical plane?

188. We can see that these grades of initiations overlap some of the Indian Schools. Yagna Vidya overlaps the School of Ceremonial Religion. It also focuses upon that aspect of prakriti which is called the Akasha, specifically related to the second subplane of the cosmic physical plane. If, however, the term "Akasha" is considered more generally, it becomes a pervasive etheric energy ("yajna") found throughout the cosmic physical plane—the normal "space" in which our solar system (subtle and gross) manifests.

189. If this grade of initiation, Yajna Vidya, concerns the physical plane it also concerns the first initiation. The first two initiations have strong ceremonial components.

b. MahavidyaThe great magic knowledge. It has degenerated into Tantrika worship. Deals with the feminine aspect, or the matter (mother) aspect. The basis of black magic. True mahayoga has to do with the form (second aspect) and its adaptation to Spirit and its needs.

Perhaps this concerns the astral plane?

190. There is no easy way to find one-to-one correspondences between these Hindu grades of initiation and the forms of initiation studied in the Trans-Himalayan Teaching.

191. Magic pertains specifically to the seventh ray, but the second initiation to the astral plane and to the sixth ray.

Có lẽ điều này liên quan đến cõi hồng trần?

188. Chúng ta có thể thấy rằng các cấp độ điểm đạo này chồng lấp lên một số Trường phái Ấn Độ. Yagna Vidya chồng lấp lên Trường phái Tôn giáo Nghi lễ. Nó cũng tập trung vào phương diện của prakriti được gọi là Akasha, liên hệ đặc biệt với cõi phụ thứ hai của cõi hồng trần vũ trụ. Tuy nhiên, nếu thuật ngữ "Akasha" được hiểu theo nghĩa tổng quát hơn, nó trở thành một năng lượng dĩ thái lan tỏa ("yajna") được tìm thấy khắp cõi hồng trần vũ trụ—"không gian" bình thường trong đó hệ mặt trời của chúng ta (vi tế và thô trược) biểu hiện.

189. Nếu cấp độ điểm đạo này, Yajna Vidya, liên quan đến cõi hồng trần thì nó cũng liên quan đến lần điểm đạo thứ nhất. Hai lần điểm đạo đầu có những thành phần nghi lễ mạnh mẽ.

b. MahavidyaThe tri thức huyền thuật vĩ đại. Nó đã suy thoái thành sự thờ phụng Tantrika. Bàn đến phương diện nữ tính, hay phương diện vật chất (mẹ). Nền tảng của Hắc thuật. mahayoga chân chính liên quan đến hình tướng (phương diện thứ hai) và sự thích ứng của nó với Tinh thần cùng các nhu cầu của Tinh thần.

Có lẽ điều này liên quan đến cõi cảm dục?

190. Không có cách dễ dàng nào để tìm ra những tương ứng một-một giữa các cấp độ điểm đạo Hindu này và các hình thức điểm đạo được nghiên cứu trong Giáo Huấn Xuyên Hy Mã Lạp Sơn.

191. Huyền thuật đặc biệt thuộc về cung bảy, nhưng lần điểm đạo thứ hai thuộc về cõi cảm dục và cung sáu.

192. There are, however, astral magicians to be reckoned with, and the true home of the Black Lodge, in the planetary sense, is the systemic astral plane. Black magicians are peculiarly captivated by the matter aspect, the feminine aspect. They are servants of a great material deva.

192. Tuy nhiên, có những nhà huyền thuật cảm dục cần được tính đến, và quê hương đích thực của Hắc đoàn, theo nghĩa hành tinh, là cõi cảm dục hệ thống. Các nhà hắc thuật bị mê hoặc một cách đặc biệt bởi phương diện vật chất, phương diện nữ tính. Họ là những kẻ phụng sự của một thiên thần vật chất vĩ đại.

193. While matter pertains to the third aspect of divinity, form pertains to the second. To desire the form is entirely different from adapting it to Spirit.

193. Trong khi vật chất thuộc về phương diện thứ ba của thiên tính, hình tướng thuộc về phương diện thứ hai. Ham muốn hình tướng hoàn toàn khác với việc thích ứng nó với Tinh thần.

194. One thinks in this regard of the lesson set in the Arcane School known as "The Magical Work of the Soul" and of the fact that the book *A Treatise on White Magic* was written to facilitate the control of the astral body.

194. Về phương diện này, người ta nghĩ đến bài học trong Trường Arcane được biết đến như "Công Việc Huyền Thuật của Linh Hồn" và đến sự kiện rằng cuốn sách *Luận về Chánh Thuật* đã được viết ra để tạo điều kiện cho việc kiểm soát thể cảm dục.

195. The incorrectly oriented desire body may turn to black magic. The correctly and aspirationally oriented desire body will turn towards the Great Light and the Great White Brotherhood.

195. Thể ham muốn được định hướng sai có thể quay sang Hắc thuật. Thể ham muốn được định hướng đúng đắn và đầy khát vọng sẽ quay về phía Đại Quang Minh và Huynh đệ Đoàn Chánh đạo vĩ đại.

c. Guyha vidyaThe science of mantrams. The secret knowledge of mystic mantrams. The occult potency of sound, of the Word.

c. Guyha vidyaThe khoa học về các mantram. Tri thức bí mật về các mantram thần bí. Quyền năng huyền bí của âm thanh, của Linh từ.

Perhaps this concerns the mental plane?

Có lẽ điều này liên quan đến cõi trí?

196. One sees that there is simply no one-to-one fit between the four grades of initiation here presented and the usual system of initiations with which we are familiar.

196. Người ta thấy rằng đơn giản là không có sự phù hợp một-một giữa bốn cấp độ điểm đạo được trình bày ở đây và hệ thống điểm đạo thông thường mà chúng ta quen thuộc.

197. Mantrams correlate with both the second and third aspects of divinity. The

197. Các mantram tương ứng với cả phương diện thứ hai lẫn thứ ba của thiên tính. Linh

Word pertains to the second aspect but the throat center to the third.

198. Sound itself pertains to the first, second and third aspects of divinity—i.e., to every one of them.

199. When the Solar Angel hears the "Word" (in this case correlated with the first aspect) it generates mantrams (correlated with the second aspect) and these mantrams are expressed through formulas generated by the lunar lords (who work upon the third aspect).

200. Both the seven ray and sixth are involved here as well. All incantation of mantrams comes under the rulership of the seventh ray. If the mantrams are "mystic", this implicates the sixth ray.

201. Of course, the correct utilization of mantrams is a *science* and this justifies associating Guyha Vidya with the mental plane, generically ruled by the fifth ray.

202. Is there a suggestion that Guyha Vidya can lead to the third initiation, just as Yajna Vidya to the first and Mahavidya to the second?

d. Atma vidyaTrue spiritual wisdom.

203. Here we have the summation of the four grades of initiation. We can associate this grade with the fourth initiation, although that initiation is ruled more by

từ thuộc về phương diện thứ hai nhưng trung tâm cổ họng thuộc về phương diện thứ ba.

198. Bản thân âm thanh thuộc về phương diện thứ nhất, thứ hai và thứ ba của thiên tính—tức là thuộc về từng phương diện trong số đó.

199. Khi Thái dương Thiên Thần nghe thấy "Linh từ" (trong trường hợp này được liên hệ với phương diện thứ nhất), vị ấy tạo ra các mantram (được liên hệ với phương diện thứ hai), và các mantram này được biểu lộ qua những công thức do các nguyệt tinh quân tạo ra (những vị hoạt động trên phương diện thứ ba).

200. Cả cung bảy lẫn cung sáu cũng đều có liên quan ở đây. Mọi sự xướng đọc các mantram đều thuộc dưới quyền cai quản của cung bảy. Nếu các mantram là "thần bí", điều này hàm ý cung sáu.

201. Dĩ nhiên, việc sử dụng đúng đắn các mantram là một *khoa học* và điều này biện minh cho việc liên hệ Guyha Vidya với cõi trí, vốn nói chung được cai quản bởi cung năm.

202. Có phải ở đây có một gợi ý rằng Guyha Vidya có thể dẫn đến lần điểm đạo thứ ba, cũng như Yajna Vidya dẫn đến lần điểm đạo thứ nhất và Mahavidya dẫn đến lần điểm đạo thứ hai?

d. Atma vidyaTrue minh triết tinh thần chân chính.

203. Ở đây chúng ta có sự tổng kết của bốn cấp độ điểm đạo. Chúng ta có thể liên hệ cấp độ này với lần điểm đạo thứ tư, dù lần điểm đạo ấy được cai quản bởi Bồ đề nhiều hơn là

buddhi than atma (which gives its name to this grade of initiation).

204. We realize that the seventh form of knowledge in the Indian Schools is Atma Vidya—the pure Gnosis. So the fourth grade and the seventh school are allied.

4. Knowledge of truth is a common inheritance.—S. D., II, 47, 3.

205. This is so because man the Monad *is* truth. That part of us that descended into the lower worlds may have forgotten the truth in which we participate upon the higher planes, but this does not negate our monadic identification with truth.

5. Knowledge is a relative subject, and varies according to the grade achieved.

206. Here we deal with the degree of sensitivity of the perceiver to the not-Self, for knowledge is relative, ever changing and is of the not-Self, whereas Wisdom relates to the stable archetypal patterns in the World of Being and is of the Self.

207. According to the "grade achieved" of consciousness, so will be the level of prakriti on which and through which the perceiver is focussed. According to that level, so will be the calibre of knowledge available.

a. Ranges of further knowledge open up before a planetary Logos.—S. D., II, 740.

208. Such will include knowledge of the solar system and the preliminaries of cosmic knowledge reaching towards the Divine

atma (vốn cho cấp độ điểm đạo này tên gọi của nó).

204. Chúng ta nhận ra rằng hình thức tri thức thứ bảy trong các Trường phái Ấn Độ là Atma Vidya—Gnosis thuần túy. Vì vậy cấp độ thứ tư và trường phái thứ bảy có liên hệ với nhau.

4. Tri thức về chân lý là một gia sản chung.—S. D., II, 47, 3.

205. Điều này đúng bởi vì con người, chân thần, *là* chân lý. Phần nơi chúng ta đã giáng xuống các thế giới thấp có thể đã quên chân lý mà chúng ta dự phần trên các cõi cao hơn, nhưng điều này không phủ nhận sự đồng hoá chân thần của chúng ta với chân lý.

5. Tri thức là một chủ đề tương đối, và thay đổi tùy theo cấp độ đã đạt được.

206. Ở đây chúng ta bàn đến mức độ nhạy cảm của người tri giác đối với không-phải-Bản Ngã, vì tri thức là tương đối, luôn thay đổi và thuộc về không-phải-Bản Ngã, trong khi minh triết liên hệ với các mô hình nguyên mẫu ổn định trong Thế Giới Bản Thể và thuộc về Bản Ngã.

207. Tùy theo "cấp độ đã đạt được" của tâm thức, sẽ là cấp độ prakriti mà trên đó và qua đó người tri giác được tập trung. Tùy theo cấp độ ấy, sẽ là tầm vóc của tri thức sẵn có.

a. Những phạm vi tri thức xa hơn mở ra trước một Hành Tinh Thượng Đế.—S. D., II, 740.

208. Điều đó sẽ bao gồm tri thức về hệ mặt trời và những bước đầu của tri thức vũ trụ vươn tới các Nguyên Mẫu Thiêng Liêng của

Prototypes of the Planetary Logoi—the Seven Rishis of the Great Bear.

b. The four truths can be arrived at by unaided man.—S. D., III, 420.

209. The number five connotes mastership and the type of assistance or aid which can be conferred by a Master.

210. Man, however, is a member of the Fourth Creative Hierarchy and, more immediately, a member of the fourth kingdom and, thus, can discover for himself the nature of the Four Noble Truths.

6. Finally, Knowledge is a dangerous weapon:

211. It allows the intelligent application of force in a manner which can thwart the Divine Plan:

This is due to: Personal Selfishness.

212. The Brothers of the Shadow are extremely intelligent and knowledgeable. They were initiates, we are told, in the previous solar system.

213. When knowledge becomes the instrument of personal selfishness, it is represented by the five-pointed star pointing downwards. The man is driven by desire and intelligence serves desire.

It is only safe when:

a. One gives oneself up to it, body, soul and spirit.—S. D., III, 62, 63.

các Hành Tinh Thượng Đế—Bảy Rishi của Đại Hùng Tinh.

b. Bốn chân lý có thể được con người không cần trợ giúp đạt đến.—S. D., III, 420.

209. Con số năm hàm ý chân sư quả và loại trợ giúp hay hỗ trợ có thể được một Chân sư ban cho.

210. Tuy nhiên, con người là một thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư và, trực tiếp hơn, là một thành viên của giới thứ tư, và do đó có thể tự mình khám phá bản chất của Bốn Chân lý Cao quý.

6. Sau cùng, tri thức là một vũ khí nguy hiểm:

211. Nó cho phép sự áp dụng thông minh của mãnh lực theo một cách có thể cản trở Thiên Cơ:

Điều này là do: sự ích kỷ cá nhân.

212. Các huynh đệ bóng tối cực kỳ thông minh và đầy tri thức. Chúng ta được cho biết rằng họ đã là các điểm đạo đồ trong hệ mặt trời trước.

213. Khi tri thức trở thành công cụ của sự ích kỷ cá nhân, nó được biểu trưng bằng ngôi sao năm cánh chĩa xuống dưới. Con người bị dục vọng thúc đẩy và trí tuệ phục vụ dục vọng.

Nó chỉ an toàn khi:

a. Người ta hiến dâng chính mình cho nó, thể xác, linh hồn và tinh thần.—S. D., III, 62, 63.

214. It is not used for lesser purposes.

214. Nó không được dùng cho những mục đích thấp hơn.

215. In this case the Greater Light and the quest for that Light becomes of importance. Knowledge, then, is not used with lower motive.

215. Trong trường hợp này, Đại Quang Minh và cuộc truy cầu Ánh Sáng ấy trở nên quan trọng. Khi đó, tri thức không được sử dụng với động cơ thấp kém.

b. One has an **unshakeable belief** in one's own divinity.—S. D., III, 62, 63.

b. Người ta có một **niềm tin bất lay chuyển** vào thiên tính của chính mình.—S. D., III, 62, 63.

216. Then knowledge will serve that divinity. It will be used to ensure the practical and intelligent application of that divinity.

216. Khi đó tri thức sẽ phụng sự thiên tính ấy. Nó sẽ được dùng để bảo đảm sự áp dụng thực tiễn và thông minh của thiên tính ấy.

217. Knowledge then will not be used in the pursuit of lesser objectives, because one's own divinity is the greatest of all objectives.

217. Khi đó tri thức sẽ không được dùng trong việc theo đuổi những mục tiêu thấp hơn, bởi vì thiên tính của chính mình là mục tiêu lớn lao nhất trong mọi mục tiêu.

c. One recognises one's own immortal Principle.

c. Người ta nhận ra nguyên khí bất tử của chính mình.

218. That immortal principle is the Spirit as it expresses through the soul.

218. Nguyên khí bất tử ấy là Tinh thần khi nó biểu lộ qua linh hồn.

219. When one realizes oneself to be immortal, one's sense of values changes entirely.

219. Khi người ta chứng nghiệm mình là bất tử, ý thức về giá trị của người ấy thay đổi hoàn toàn.

220. With this recognition, again, there can be no pursuit of low and lesser things, and, thus, no prostitution of knowledge to those things.

220. Với sự nhận ra này, một lần nữa, không thể có sự theo đuổi những điều thấp hèn và nhỏ nhoi, và do đó cũng không thể có việc đem tri thức phục vụ cho những điều ấy.

d. One knows oneself:—S. D., III, 435, 436.

d. Người ta biết chính mình:—S. D., III, 435, 436.

221. If this is the case, one knows oneself to be the Spirit/soul and seeks union (as a

221. Nếu đúng như vậy, người ta biết mình là Tinh thần/linh hồn và tìm kiếm sự hợp

personality) with that Spirit/soul. One will not use knowledge to seek any gains in the lower three worlds.

nhất (như một phàm ngã) với Tinh thần/linh hồn ấy. Người ấy sẽ không dùng tri thức để tìm kiếm bất kỳ lợi lộc nào trong ba cõi thấp.

222. The man for whom the wielding of knowledge has become a danger does not know himself as he is. He thinks he is the form and uses knowledge to acquire possessions within the world of form.

222. Con người mà đối với y việc sử dụng tri thức đã trở thành một mối nguy thì không biết mình như y thực sự là. Y nghĩ mình là hình tướng và dùng tri thức để đạt được những sở hữu trong thế giới hình tướng.

223. If he is more advanced, yet still selfish, he knows he is different from the form but he still thinks of his being as separate from the being of all others.

223. Nếu y tiến bộ hơn, nhưng vẫn còn ích kỷ, y biết mình khác với hình tướng, nhưng y vẫn nghĩ hữu thể của mình là tách biệt khỏi hữu thể của tất cả những người khác.

e. All the virtues are practised.—S. D., III, 262.

e. Mọi đức hạnh đều được thực hành.—S. D., III, 262.

224. The virtues, mastered, naturally temper the utilization of knowledge. Virtues are safeguards against the selfish use of knowledge.

224. Các đức hạnh, khi đã được làm chủ, một cách tự nhiên sẽ điều hòa việc sử dụng tri thức. Đức hạnh là những sự bảo vệ chống lại việc sử dụng tri thức một cách ích kỷ.

f. One has experience.—S. D., III, 481.

f. Người ta có kinh nghiệm.—S. D., III, 481.

225. Extensive experience, subject to pain, teaches a sounder sense of spiritual values.

225. Kinh nghiệm rộng lớn, chịu sự chi phối của đau khổ, dạy cho một ý thức lành mạnh hơn về các giá trị tinh thần.

g. One realises knowledge is the fruit of Spirit alone.—S. D., III, 453.

g. Người ta chứng nghiệm rằng tri thức là hoa quả chỉ của riêng Tinh thần.—S. D., III, 453.

226. Knowledge does not pertain to itself but is the servant of pure *being* which is shared by all beings. Knowledge is meant to be use to reveal the Spirit and not to bring about the acquisition of anything within the world of form.

226. Tri thức không thuộc về chính nó mà là kẻ phụng sự của *hữu thể* thuần khiết, hữu thể được chia sẻ bởi mọi chúng sinh. Tri thức được dùng để mặc khải Tinh thần chứ không phải để đem lại sự thủ đắc bất cứ điều gì trong thế giới hình tướng.

227. Spirit is seen as the reality and knowledge as that which has arisen from Spirit and must re-merge with Spirit.

227. Tinh thần được thấy là thực tại, còn tri thức là điều đã phát sinh từ Tinh thần và phải tái hòa nhập với Tinh thần.

h. Knowledge is acquired through the region of the higher mind.—S. D., III, 453.

h. Tri thức được thủ đắc qua vùng của thượng trí.—S. D., III, 453.

228. This we would call "soul knowledge", or knowledge as it is known within the spiritual triad.

228. Điều này chúng tôi gọi là "tri thức linh hồn", hay tri thức như nó được biết trong Tam Nguyên Tinh Thần.

229. By the time this is possible, the man has learned how to reason in the light of the soul.

229. Vào lúc điều này trở nên khả hữu, con người đã học được cách suy luận trong ánh sáng của linh hồn.

230. Such knowledge reveals the Divine Pattern and instills the determination to avoid damaging that Pattern. Knowledge, thereafter, becomes committed to the manifestation of this Divine Pattern and is not longer a danger to the expression of that Pattern.

230. Tri thức như thế mặc khải Mô Hình Thiêng Liêng và gieo vào ý chí quyết tâm tránh làm tổn hại Mô Hình ấy. Từ đó trở đi, tri thức trở nên tận hiến cho sự biểu hiện của Mô Hình Thiêng Liêng này và không còn là mối nguy cho sự biểu lộ của Mô Hình ấy nữa.

It involves **an apprehension of**:

Nó bao hàm **sự lĩnh hội về**:

a. The different key vibrations.

a. Những rung động chủ âm khác nhau.

231. True knowledge demands a study of differential frequency. This is musical knowledge and is revealed by the discipline of physics.

231. Tri thức chân chính đòi hỏi phải nghiên cứu tần số sai biệt. Đây là tri thức âm nhạc và được mặc khải bởi bộ môn vật lý học.

b. The centres whereby force enters.

b. Những trung tâm qua đó mãnh lực đi vào.

232. The Science of the Centers is intricate and complex. We know but the fundamentals.

232. Khoa Học về các Trung Tâm thì tinh vi và phức tạp. Chúng ta chỉ biết những điều căn bản.

233. We can see how the study of "different key vibrations" and the apprehension of the

233. Chúng ta có thể thấy việc nghiên cứu "những rung động chủ âm khác nhau" và sự lĩnh hội về "những trung tâm qua đó mãnh

"centres whereby force enters" are closely related.

234. We remember that knowledge concerns the "right apprehension of the laws of energy". Many particulars concerning vibration, pitch and quality are needed for this apprehension.

c. The channels along which it circulates. [Page 881]

235. True knowledge demands a knowledge of the system of etheric nadis and meridians. Knowledge, therefore must be achieved concerning the circulation of energy in *all* the lower vehicles, and later in the higher.

d. The triangles and other geometrical figures which it produces during evolution.

236. We are speaking of energy as it circulates produces triangles and geometrical figures. These figures arise according to the nature of a man's monadic ray.

237. We can see that true knowledge reveals the specifics and intricacies (geometrical and other) related to energy as if functions within the world of matter-form.

e. The cycles and the ebb and flow of energy in connection with the different types of planetary manifestation, including all the kingdoms of nature.

238. This is another way of saying that true knowledge involves the mastery of the Science of Cycles. We note that the siddhi called "All Knowledge" is focuses on the

lực đi vào" có liên hệ chặt chẽ với nhau như thế nào.

234. Chúng ta nhớ rằng tri thức liên quan đến "sự lĩnh hội đúng đắn các định luật của năng lượng". Nhiều chi tiết liên quan đến rung động, cao độ và phẩm tính là cần thiết cho sự lĩnh hội này.

c. Những kênh dọc theo đó nó lưu chuyển. [Page 881]

235. Tri thức chân chính đòi hỏi một tri thức về hệ thống các nadi và kinh mạch dĩ thái. Vì vậy, tri thức phải được đạt đến liên quan đến sự lưu chuyển của năng lượng trong *mọi* vận cụ thấp, và về sau trong các vận cụ cao hơn.

d. Những tam giác và những hình hình học khác mà nó tạo ra trong tiến hoá.

236. Chúng ta đang nói về năng lượng khi nó lưu chuyển và tạo ra các tam giác cùng những hình hình học. Những hình này phát sinh tùy theo bản chất của cung chân thần của một người.

237. Chúng ta có thể thấy rằng tri thức chân chính mặc khải những chi tiết đặc thù và những sự tinh vi phức tạp (hình học và các loại khác) liên quan đến năng lượng khi nó vận hành trong thế giới vật chất-hình tướng.

e. Các chu kỳ và sự lên xuống của năng lượng liên hệ với những loại biểu hiện hành tinh khác nhau, bao gồm mọi giới trong thiên nhiên.

238. Đây là một cách khác để nói rằng tri thức chân chính bao hàm sự làm chủ Khoa Học về các Chu Kỳ. Chúng ta lưu ý rằng siddhi được gọi là "Mọi Tri Thức" tập trung

atmic sub-level of the atmic plane, is ruled by the third ray, and involves a mastery of cyclic ebb and flow.

trên cõi phụ atma của cõi atma, được cai quản bởi cung ba, và bao hàm sự làm chủ sự lên xuống theo chu kỳ.

f. The true significance of those force aspects which we call "periods of pralaya" and those we call "periods of manifestation." It also involves a right realisation of the laws of obscuration.

f. Ý nghĩa chân thực của những phương diện mãnh lực mà chúng ta gọi là "các thời kỳ pralaya" và những phương diện mà chúng ta gọi là "các thời kỳ biểu hiện." Nó cũng bao hàm một sự chứng nghiệm đúng đắn về các định luật của sự che mờ.

239. True knowledge involves a mastery of the even greater cycles which appear and the beginning and end of every period of manifestation.

239. Tri thức chân chính bao hàm sự làm chủ những chu kỳ còn lớn lao hơn nữa, xuất hiện ở lúc bắt đầu và kết thúc của mọi thời kỳ biểu hiện.

240. Obviously, the duration of any period of manifestation is part of the calculation.

240. Hiển nhiên, thời lượng của bất kỳ thời kỳ biểu hiện nào cũng là một phần của phép tính.

241. With respect to these cycles, all is meticulously timed, so true knowledge involves a knowledge of time periods within the domain of matter-form.

241. Đối với các chu kỳ này, mọi sự đều được định thời một cách hết sức chính xác, vì vậy tri thức chân chính bao hàm tri thức về các thời kỳ trong phạm vi của vật chất-hình tướng.

242. Another way of viewing this is that true knowledge involves a mastery of the Science of the Breath.

242. Một cách nhìn khác về điều này là tri thức chân chính bao hàm sự làm chủ Khoa Học về Hơi Thở.

All this the man has been learning in the various Halls through practical experience,

Tất cả điều này con người đã học trong các Phòng khác nhau qua kinh nghiệm thực tiễn,

243. In the beginning he *is* learning, but does not *know* that he is learning.

243. Lúc ban đầu y *đang* học, nhưng không *biết* rằng mình đang học.

244. DK is telling us of the importance of “learning by doing”.

244. Chân sư DK đang cho chúng ta biết tầm quan trọng của việc “học bằng hành động”.

involving pleasure and pain;

bao gồm khoái lạc và đau khổ;

245. Both of these are great teachers, and perhaps pain even more so.

these, in the final initiations, **bring him to a realisation not only of the existence of these forces but of how to wield and manipulate them**.

246. DK affirms pleasure and pain as great teachers. That which is taught is principally how to transcend the pairs of opposites.

247. To know that subtle forces exist is one step; to understand the manner in which they can be *manipulated* represents a further step.

248. We seem to be saying that in the three worlds, the acquisition of knowledge is inseparable from the experiencing of pleasure and pain.

This is knowledge: to rightly direct force currents, first in the three worlds of human endeavour, and then in the solar system.

249. DK gives us an essentialized definition of knowledge. It relates to will and to the power to intelligently direct. Knowledge is inseparable from the wielding of force currents. The areas in which this wielding occurs gradually enlarges.

250. We see, therefore, the relation of knowledge to the activity aspect of divinity.

Love **is the right apprehension of the uses and purposes of form, and of the energies**

245. Cả hai điều này đều là những huấn sư lớn, và có lẽ đau khổ còn hơn thế nữa.

những điều này, trong các lần điểm đạo cuối cùng, **đưa y đến một sự chứng nghiệm không chỉ về sự hiện hữu của các mãnh lực này mà còn về cách vận dụng và điều khiển chúng**.

246. Chân sư DK khẳng định khoái lạc và đau khổ là những huấn sư lớn. Điều được dạy chủ yếu là cách siêu vượt các cặp đối đãi.

247. Biết rằng các mãnh lực vi tế hiện hữu là một bước; thấu hiểu cách thức chúng có thể được *điều khiển* là một bước xa hơn.

248. Dường như chúng ta đang nói rằng trong ba cõi thấp, việc thủ đắc tri thức không thể tách rời khỏi việc trải nghiệm khoái lạc và đau khổ.

Đây là tri thức: điều hướng đúng đắn các dòng mãnh lực, trước hết trong ba cõi giới của nỗ lực nhân loại, rồi sau đó trong hệ mặt trời.

249. Chân sư DK cho chúng ta một định nghĩa tinh yếu về tri thức. Nó liên hệ đến ý chí và quyền năng điều hướng một cách thông tuệ. Tri thức không thể tách rời khỏi việc vận dụng các dòng mãnh lực. Những lĩnh vực trong đó sự vận dụng này xảy ra dần dần được mở rộng.

250. Vì vậy, chúng ta thấy mối liên hệ của tri thức với phương diện hoạt động của thiên tính.

Bác ái **là sự lĩnh hội đúng đắn về các công dụng và mục đích của hình tướng, và về các**

involved in form-building, the utilisation of form, and the eventual dissipation of the superseded form.

năng lượng liên quan đến việc xây dựng hình tướng, việc sử dụng hình tướng, và sự làm tiêu tan sau cùng của hình tướng đã bị vượt bỏ.

251. Let us tabulate for the sake of clarity:

251. Chúng ta hãy lập bảng cho rõ ràng:

252. Love is—

252. Bác ái là—

a. The right apprehension of the uses of form

a. Sự lĩnh hội đúng đắn về các công dụng của hình tướng

b. The right apprehension of the purposes of form

b. Sự lĩnh hội đúng đắn về các mục đích của hình tướng

c. The right apprehension of the energies involved in form building

c. Sự lĩnh hội đúng đắn về các năng lượng liên quan đến việc xây dựng hình tướng

d. The right apprehension of the utilization of form

d. Sự lĩnh hội đúng đắn về việc sử dụng hình tướng

e. The right apprehension of the dissipation of the superseded form

e. Sự lĩnh hội đúng đắn về sự làm tiêu tan của hình tướng đã bị vượt bỏ

253. We see that love is inseparable from the consideration of form. He who does not consider the form and its welfare cannot be said to love.

253. Chúng ta thấy rằng bác ái không thể tách rời khỏi việc quan tâm đến hình tướng. Người không quan tâm đến hình tướng và phúc lợi của nó thì không thể nói là yêu thương.

254. However, to consider the form properly, is to consider the welfare of the consciousness within the form.

254. Tuy nhiên, quan tâm đến hình tướng một cách đúng đắn là quan tâm đến phúc lợi của tâm thức bên trong hình tướng.

255. The Father manifests through the Son. The Son is the form-builder. The correct presence of the Father within the world requires the correct building and tending of the form by the Son.

255. Đức Cha biểu hiện qua Đức Con. Đức Con là đấng kiến tạo hình tướng. Sự hiện diện đúng đắn của Đức Cha trong thế giới đòi hỏi việc xây dựng và chăm nom đúng đắn hình tướng bởi Đức Con.

It involves a realisation of the Laws of Attraction and Repulsion,

Nó bao hàm một sự chứng nghiệm về các Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi,

256. Notice that Love involves not only attraction but repulsion as well. This is often forgotten.

256. Hãy lưu ý rằng Bác ái không chỉ bao hàm hấp dẫn mà còn cả đẩy lùi nữa. Điều này thường bị quên mất.

of the magnetic interplay between all forms, great and small, of group relationships, of the galvanizing power of the unifying life, and the attractive power of one unit upon another, be it atom, man, or solar system.

về sự tương tác từ tính giữa mọi hình tướng, lớn và nhỏ, về các mối quan hệ nhóm, về quyền năng làm sinh động của sự sống hợp nhất, và quyền năng hấp dẫn của đơn vị này đối với đơn vị khác, dù đó là nguyên tử, con người, hay hệ mặt trời.

257. Let us again tabulate for the sake of clarity:

257. Chúng ta lại hãy lập bảng cho rõ ràng:

258. Love involves—

258. Bác ái bao hàm—

a. The realization of the Laws of Attraction and Repulsion

a. Sự chứng nghiệm về các Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi

b. The magnetic interplay between all forms

b. Sự tương tác từ tính giữa mọi hình tướng

c. A realization of group relationships

c. Một sự chứng nghiệm về các mối quan hệ nhóm

d. A realization of the galvanizing power of the unifying life

d. Một sự chứng nghiệm về quyền năng làm sinh động của sự sống hợp nhất

e. A realization of the attractive power of one unit upon another

e. Một sự chứng nghiệm về quyền năng hấp dẫn của đơn vị này đối với đơn vị khác

259. We can see the close relationship between love and harmony.

259. Chúng ta có thể thấy mối liên hệ mật thiết giữa bác ái và sự hài hòa.

It involves an understanding of all forms, form purposes, and form relationships;

Nó bao hàm sự thấu hiểu mọi hình tướng, các mục đích của hình tướng, và các mối quan hệ của hình tướng;

260. If one does not study the form, the purpose of form and form relationships, one cannot love.

260. Nếu người ta không nghiên cứu hình tướng, mục đích của hình tướng và các mối quan hệ của hình tướng, người ta không thể yêu thương.

261. He who identifies *only* with *pure being* in the abstract (as discounts the form as an expression of pure being, does not love.

261. Người chỉ đồng hoá *duy nhất* với *hữu thể thuần khiết* trong trừu tượng (và xem nhẹ hình tướng như một biểu hiện của hữu thể thuần khiết) thì không yêu thương.

262. Love requires the identification with both Sprit *and* form.

262. Bác ái đòi hỏi sự đồng hoá với cả Tinh thần *và* hình tướng.

it concerns the building processes in man himself, and in the solar system;

nó liên quan đến các tiến trình xây dựng trong chính con người, và trong hệ mặt trời;

263. The second aspect of divinity is both the form builder and the aspect of love.

263. Phương diện thứ hai của thiên tính vừa là đấng kiến tạo hình tướng vừa là phương diện bác ái.

264. The one who loves builds wisely and in relation to Divine Purpose.

264. Người yêu thương xây dựng một cách minh triết và trong liên hệ với Thiên Ý.

and it necessitates the development of those powers within **man which will make him a conscious Builder, a solar Pitri of a coming cycle**.

và nó đòi hỏi sự phát triển những quyền năng bên trong **con người, những quyền năng sẽ làm cho y trở thành một Đấng Kiến Tạo hữu thức, một thái dương tổ phụ của một chu kỳ tương lai**.

265. That which many of us will one day be is already to be found within us.

265. Điều mà nhiều người trong chúng ta một ngày nào đó sẽ là thì đã hiện diện sẵn bên trong chúng ta rồi.

266. Many of us are destined to become Solar Pitris, who are *conscious* Builders—substanding and building our body of causes over a very long period of time.

266. Nhiều người trong chúng ta được định mệnh trở thành các thái dương tổ phụ, là những Đấng Kiến Tạo *hữu thức*—nâng đỡ và xây dựng thể nguyên nhân của chúng ta trong một thời kỳ rất dài.

267. The expression of love necessitates the development of certain powers—the powers

267. Sự biểu lộ của bác ái đòi hỏi sự phát triển của những quyền năng nhất định—những quyền năng hiện nay được biểu lộ bởi

now displayed by Solar Angels/Solar Pitris—*building* powers.

This [Page 882] **is one of the great revelations at initiation: the unveiling to the initiate of the particular cosmic centre whence emanates the type of force or energy which he, the initiate, will be concerned with when he becomes in due course of time a solar Pitri, or divine manasaputra to coming humanity.**

268. Here it would seem that *all* initiates are destined technically speaking become Solar Pitris. Elsewhere, we learn that there are a number of Paths lying before the Chohan Who seeks to tread one of he Cosmic Paths. The Path of the Solar Pitris is only one.

269. The inference may be gathered that different Solar Pitris respond to different types of cosmic forces. It may be concluded that Solar Pitris have rays just as do human beings. Perhaps Solar Pitris qualified by a certain ray are brought into involvement with a man who is destined to demonstrate a that same type of ray (required by the plan and ray of his Monad.).

270. We may conclude that every Solar Pitri is attuned with a specific type of cosmic energy which it must wield. These could initially be the energies of the seven sacred planets and eventually the seven energies of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One".

Hence he must have, not only knowledge, but the energy of love likewise to enable him to perform the function of linking the

các Thái dương Thiên Thần/thái dương tổ phụ—những quyền năng *xây dựng*.

Đây [Page 882] **là một trong những mặc khải lớn lao tại điểm đạo: sự vén mở cho điểm đạo đồ về trung tâm vũ trụ đặc thù từ đó phát ra loại mãnh lực hay năng lượng mà y, điểm đạo đồ, sẽ phải quan tâm đến khi đến thời điểm thích hợp y trở thành một thái dương tổ phụ, hay một manasaputra thiêng liêng đối với nhân loại tương lai.**

268. Ở đây dường như mọi điểm đạo đồ, nói theo nghĩa kỹ thuật, đều được định sẵn sẽ trở thành các thái dương tổ phụ. Ở nơi khác, chúng ta biết rằng có một số Con Đường nằm trước vị Chohan đang tìm cách bước lên một trong các Con Đường Vũ Trụ. Con đường của các thái dương tổ phụ chỉ là một trong số đó.

269. Có thể suy ra rằng các thái dương tổ phụ khác nhau đáp ứng với các loại mãnh lực vũ trụ khác nhau. Có thể kết luận rằng các thái dương tổ phụ có các cung cũng như con người. Có lẽ các thái dương tổ phụ được định tính bởi một cung nào đó được đưa vào sự liên hệ với một người được định sẵn sẽ biểu lộ chính loại cung ấy (theo yêu cầu của kế hoạch và cung của chân thần của y).

270. Chúng ta có thể kết luận rằng mỗi thái dương tổ phụ đều được chỉnh hợp với một loại năng lượng vũ trụ đặc thù mà nó phải vận dụng. Ban đầu đó có thể là các năng lượng của bảy hành tinh thiêng liêng và cuối cùng là bảy năng lượng của "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ Của Chúng Ta là Một".

Do đó y không những phải có tri thức mà còn phải có cả năng lượng của bác ái nữa để giúp y thực hiện chức năng nối kết ba cao

higher three and the lower four of a future race of men at some distant period,

271. Love is the linking energy and the Solar Pitris are the "Benign Uniters" but wise knowledge directs that love.

272. Solar Pitris/Solar Angels are a union of love and mind.

273. It is clear that that spiritual triad and the personality are held together by the energy of love provided by the sustaining energies of the Solar Pitris.

thus permitting of their individualising through *the sacrifice of his own fully conscious middle principle.*

274. How is it that man individualizes? We are told it is through the agency of the sacrifice of the middle principle of the Solar Angel.

275. The consciousness of the Solar Angel is *within* the Ego which meditates between spiritual triad and lower triad.

276. The sacrifice of the Solar Pitris is to invest their *consciousness* within the causal body (which they substand) and to *remain attentive* to the development of the lower, personal man over a period of millions of years.

277. Without the sacrifice of the Solar Angel, man (at least in this chain and this round) would not individualize.

và bốn thấp của một nhân loại tương lai vào một thời kỳ xa xôi nào đó,

271. Bác ái là năng lượng nối kết và các thái dương tổ phụ là những "Đấng Hợp Nhất Từ Hòa", nhưng tri thức minh triết điều hướng bác ái ấy.

272. Các thái dương tổ phụ/Thái dương Thiên Thần là một sự kết hợp của bác ái và trí tuệ.

273. Rõ ràng Tam Nguyên Tinh Thần và phàm ngã được giữ lại với nhau bởi năng lượng bác ái do các năng lượng duy trì của các thái dương tổ phụ cung cấp.

nhờ đó cho phép sự biệt ngã hóa của họ thông qua *sự hi sinh nguyên khí trung gian hoàn toàn hữu thức của chính y.*

274. Con người biệt ngã hóa như thế nào? Chúng ta được cho biết rằng điều đó diễn ra thông qua tác nhân là sự hi sinh nguyên khí trung gian của Thái dương Thiên Thần.

275. Tâm thức của Thái dương Thiên Thần ở *bên trong* Chân ngã, vốn tham thiền giữa Tam Nguyên Tinh Thần và tam nguyên thấp.

276. Sự hi sinh của các thái dương tổ phụ là đặt *tâm thức* của mình vào trong thể nguyên nhân (mà các Ngài nâng đỡ) và *vẫn chăm chú* đến sự phát triển của con người phàm nhân thấp trong suốt hàng triệu năm.

277. Không có sự hi sinh của Thái dương Thiên Thần, con người (ít nhất trong dãy này và cuộc tuần hoàn này) sẽ không biệt ngã hóa.

278. The middle principle of the Solar Pitri is *fully* conscious. This is hardly the case for the infant human being, but as ages elapse, it becomes increasingly the case.

278. Nguyên khí trung gian của thái dương tổ phụ là *hoàn toàn* hữu thức. Điều này hầu như không đúng đối với đứa trẻ sơ sinh, nhưng khi các thời đại trôi qua, nó ngày càng trở nên đúng hơn.

279. The Solar Pitris' sacrifice is the 'Sacrifice of Consciousness' the 'Sacrifice of Attentiveness'. They could attend to many other things of loftier spiritual incentive, but the consign a part of aspect of their consciousness to attend to the development of evolving man.

279. Sự hi sinh của các thái dương tổ phụ là 'Sự Hi Sinh của Tâm Thức', là 'Sự Hi Sinh của Sự Chú Tâm'. Các Ngài có thể chú tâm đến nhiều điều khác với động cơ tinh thần cao cả hơn, nhưng Các Ngài ký thác một phần phương diện tâm thức của mình để chú tâm đến sự phát triển của con người đang tiến hoá.

TCF 883-886: S7S12 Part I

31 August – 15 September 2008

31 tháng Tám – 15 tháng Chín 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình luận được trình bày bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

Sacrifice involves even more than what has been already pointed out. It involves the following factors:

Sự hi sinh còn bao hàm nhiều hơn những gì đã được chỉ ra. Nó bao hàm các yếu tố sau:

a. Knowledge of the purposes and intentions of the planetary Logos,

a. Tri thức về các mục đích và ý định của Hành Tinh Thượng Đế,

1. Sacrifice must be intelligent and be aligned with purpose, otherwise its best possible effect is negated.

1. Sự hi sinh phải thông tuệ và phải được chỉnh hợp với mục đích, nếu không hiệu quả tốt nhất có thể của nó sẽ bị triệt tiêu.

2. How many of us, however, have knowledge of the purpose and intentions of the Planetary Logos?

2. Tuy nhiên, có bao nhiêu người trong chúng ta có tri thức về mục đích và ý định của Chân Linh Hành Tinh?

3. In a way, sacrifice is the directing of all one's energies to the highest possible purpose (given one's condition and limitations). It is a seeking to fulfill a will or desire higher than one's own, and so an expanded consciousness is necessitated if this higher will or desire are to be registered and understood.

3. Theo một cách nào đó, sự hi sinh là việc điều hướng mọi năng lượng của mình đến mục đích cao nhất có thể có (xét theo điều kiện và giới hạn của mình). Đó là sự tìm cách hoàn thành một ý chí hay khát muốn cao hơn ý chí hay khát muốn của chính mình, và vì vậy một tâm thức mở rộng là điều cần thiết nếu ý chí hay khát muốn cao hơn này phải được ghi nhận và thấu hiểu.

b. Realisation of the particular and peculiar type of energy, and of the quality of his own Ray Lord,

b. Sự chứng nghiệm về loại năng lượng đặc thù và dị biệt, và về phẩm tính của Đấng Chúa Tể Cung của chính mình,

4. Energy is here differentiated from quality. One's Ray Lord (since Ray Lords are, minimally, *shamballic* beings) is the Lord of the Ray upon which one's Monad is found. Sacrifice is impulsed by the first aspect of divinity and thus (as far as the human being is concerned) originates with the Monad—a "Lord of ceaseless persevering devotion".

4. Ở đây năng lượng được phân biệt với phẩm tính. Đấng Chúa Tể Cung của một người (vì các Đấng Chúa Tể Cung, tối thiểu, là những hữu thể *Shamballa*) là Chúa Tể của cung mà trên đó chân thần của người ấy được tìm thấy. Sự hi sinh được thúc đẩy bởi phương diện thứ nhất của thiên tính và do đó (ít nhất là đối với con người) phát nguyên từ chân thần—một "Chúa Tể của sự tận tụy bền bỉ không ngừng".

5. We all sacrifice upon the ray of the soul, but our sacrifice is even more profound upon the ray of the Monad.

5. Tất cả chúng ta đều hi sinh trên cung linh hồn, nhưng sự hi sinh của chúng ta còn sâu xa hơn nữa trên cung của chân thần.

6. Within our planet there are seven Ray Lords, and the Monad of each of us is representative of one of them. There are also systemic Ray Lords Who are Planetary Logoi, and from these Ray Lords (the sacred

6. Trong hành tinh của chúng ta có bảy Đấng Chúa Tể Cung, và chân thần của mỗi người chúng ta là đại diện của một trong các Ngài. Cũng có những Đấng Chúa Tể Cung hệ thống là các Hành Tinh Thượng Đế, và từ những Đấng Chúa Tể Cung này (đặc biệt là các vị

ones especially) each of us *as a Monad*, has, in all probability, emanated.

thiêng liêng), mỗi người chúng ta, *với tư cách một chân thần*, rất có thể, đã phát xạ ra.

7. For non-sacred Planetary Logoi the ray of the Monad is occultly non-effective, so such, probably, cannot be our original source of emanation *as a Monad.*

7. Đối với các Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng, cung của chân thần một cách huyền bí là không hữu hiệu, vì vậy những vị ấy có lẽ không thể là nguồn phát xạ nguyên thủy của chúng ta *với tư cách một chân thần.*

"A non-sacred planet, such as the Earth, is still subject to the ray of the personality of the informing Life, and the correspondence to the esoteric monadic ray is non-effective." (EA 363)

"Một hành tinh không thiêng liêng, như Trái Đất, vẫn còn chịu sự chi phối của cung phàm ngã của Sự Sống đang phú linh, và sự tương ứng với cung chân thần nội môn là không hữu hiệu." (EA 363)

8. It could be questioned, however, whether one must emanate *as a Monad,* from a planet which has for its monadic ray the same ray as one's Monad.

8. Tuy nhiên, có thể đặt câu hỏi rằng liệu người ta có nhất thiết phải phát xạ *với tư cách một chân thần,* từ một hành tinh có cung chân thần giống với cung của chân thần mình hay không.

9. Probably, each sacred planet has all seven types of Monads and probably it is ultimately more significant that one is a Jupiterian, Vulcanian or Venusian Monad than that one is a first, second or third ray Monad.

9. Có lẽ mỗi hành tinh thiêng liêng đều có đủ cả bảy loại chân thần và có lẽ rốt cuộc điều quan trọng hơn là một người là một chân thần Sao Mộc, Vulcan hay Sao Kim hơn là một chân thần cung một, cung hai hay cung ba.

10. In other words, the planet of origin may be more significant than the monadic ray. Or that one's monadic ray may be a subset of one's planet of origin *as a Monad.*

10. Nói cách khác, hành tinh nguồn gốc có thể quan trọng hơn cung chân thần. Hoặc cung chân thần của một người có thể là một tập con của hành tinh nguồn gốc của người ấy *với tư cách một chân thần.*

c. Comprehension of the different groups of existences who are participating in planetary evolution and in solar manifestation,

c. Sự thấu hiểu về các nhóm hiện hữu khác nhau đang tham gia vào tiến hoá hành tinh và vào biểu hiện thái dương,

11. Sacrifice is always purposeful and has service as its objective. There are highly intelligent and goal-fitting sacrifices and, then, there are those which are well-meant

11. Sự hi sinh luôn luôn có mục đích và lấy phụng sự làm mục tiêu. Có những sự hi sinh rất thông tuệ và thích hợp với mục tiêu, và rồi cũng có những sự hi sinh đầy thiện ý

but which do not accomplish all they could accomplish due to the ignorance of the sacrificing agent.

nhưng không hoàn thành được tất cả những gì chúng có thể hoàn thành do sự vô minh của tác nhân hi sinh.

12. To sacrifice is to express one's will in accordance with the wills of higher Beings. One must know Who these Beings *are* and what the carrying out of their will is meant to effect within the planet and solar system.

12. Hi sinh là biểu lộ ý chí của mình phù hợp với các ý chí của những Hữu thể cao hơn. Người ta phải biết các Hữu thể này *là ai* và việc thực hiện ý chí của các Ngài nhằm tạo ra điều gì trong hành tinh và hệ mặt trời.

13. Are we surprised to discover how much sacrifice really entails?

13. Chúng ta có ngạc nhiên khi khám phá ra sự hi sinh thực sự bao hàm nhiều đến thế không?

d. A revelation as to certain cosmic enterprises in which our planetary Logos is acting as an intelligent co-operator. Thus is brought in the factor of extra-systemic force.

d. Một sự mặc khải liên quan đến một số công cuộc vũ trụ trong đó Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang hành động như một cộng tác viên thông tuệ. Như thế yếu tố mãnh lực ngoài hệ được đưa vào.

14. We can see that because of the high nature of the revelation required, only high initiates will be capable of the quality of sacrifice here discussed. The average disciple can have no notion of "certain cosmic enterprises in which our planetary Logos" is engaged, unless, perhaps, informed by such a Teacher as the Tibetan.

14. Chúng ta có thể thấy rằng vì bản chất cao siêu của sự mặc khải được đòi hỏi, chỉ những điểm đạo đồ cao cấp mới có khả năng đạt đến phẩm tính hi sinh đang được bàn đến ở đây. Đệ tử trung bình không thể có khái niệm nào về "một số công cuộc vũ trụ trong đó Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta" đang tham dự, trừ phi có lẽ được một Huấn sư như Chân sư Tây Tạng cho biết.

15. Our Planetary Logos is, apparently, involved in enterprises beyond the ring-pass-not of our Solar Logos.

15. Hiển nhiên Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đang tham gia vào những công cuộc vượt ra ngoài vòng-giới-hạn của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

16. This discussion brings in the extra-systemic dimension of sacrifice. What type of member of the Fourth Creative Hierarchy can be aware of the relation of extra-systemic forces to true sacrifice? Only a high initiate, surely.

16. Cuộc thảo luận này đưa vào chiều kích ngoài hệ của sự hi sinh. Loại thành viên nào của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư có thể nhận biết mối liên hệ của các mãnh lực ngoài hệ với sự hi sinh chân chính? Chắc chắn chỉ có một điểm đạo đồ cao cấp mà thôi.

When all these and other factors are considered, it is evident that the energy set loose in sacrifice to these plans and intentions involves such **a vast field of comprehending wisdom** that it is not possible for the average man ever to sense it.

Khi tất cả những yếu tố này và những yếu tố khác được xem xét, rõ ràng rằng năng lượng được giải phóng trong sự hi sinh cho các kế hoạch và ý định này bao hàm **một lĩnh vực minh triết thấu hiểu rộng lớn đến mức** con người trung bình không bao giờ có thể cảm nhận được nó.

17. To what sort of higher plans and intentions are the energies of *our* own energy systems set loose in sacrifice, *if* they *are* set loose in sacrifice?

17. Các năng lượng của *những* hệ năng lượng riêng của chúng ta được giải phóng trong sự hi sinh cho loại kế hoạch và ý định cao hơn nào, *nếu* chúng *được* giải phóng trong sự hi sinh?

18. Is DK suggesting that disciples and initiates *can* sense this vast field of comprehending wisdom? It would seem a stretch. Certainly, average man cannot.

18. Chân sư DK có đang gợi ý rằng các đệ tử và điểm đạo đồ *có thể* cảm nhận được lĩnh vực minh triết thấu hiểu rộng lớn này không? Điều đó dường như quá xa. Chắc chắn con người trung bình thì không thể.

It [presumably, this "vast field of comprehending wisdom] deals with the purposes and plans of the Silent Watchers over the three planes—the five, and the seven;

Nó [có lẽ, "lĩnh vực minh triết thấu hiểu rộng lớn" này] đề cập đến các mục đích và kế hoạch của các Đấng Quan Sát Thầm Lặng trên ba cõi—năm cõi, và bảy cõi;

19. This seems an important piece of occult information. Usually the term "Silent Watcher" is reserved for Sanat Kumara, but here is given an expansion of the idea.

19. Đây dường như là một mẩu thông tin huyền bí quan trọng. Thông thường thuật ngữ "Đấng Quan Sát Thầm Lặng" được dành cho Đức Sanat Kumara, nhưng ở đây ý niệm ấy được mở rộng.

20. A Master may be a Silent Watcher over three planes—presumably the lower three planes.

20. Một Chân sư có thể là một Đấng Quan Sát Thầm Lặng trên ba cõi—có lẽ là ba cõi thấp.

21. What type of Being watches over the five lower planes inclusive of the atmic plane, or

21. Loại Hữu thể nào quan sát năm cõi thấp bao gồm cả cõi atma, hay bảy cõi thấp bao gồm cả cõi logoic?

over the seven lower planes inclusive of the logoic plane?

22. Is Sanat Kumara the Silent Watcher over the five lower planes?

Man unites with the Monad at the fifth initiation, through the instrumentality of the Lord of the World, the Solitary Watcher, the Great Sacrifice. (IHS 19)

He [Sanat Kumara] is the Silent Watcher, as far as our immediate humanity is concerned, although literally the Planetary Logos Himself, on the higher plane of consciousness whereon He functions, is the true Silent Watcher where the planetary scheme is concerned. (IHS 29)

23. Is the Planetary Logos, Himself, the Silent Watcher over the seven planes including the logoic.

The "Silent Watcher," that great Entity Who is the informing life of the planet, and Who holds the same position to the Lord of the World, Sanat Kumara, as the Ego does to the lower self of man. (IHS 104)

it deals with the dynamic force of the great Destroying Angels on all the planes, who will eventually—through the manipulation of the three forms of energy—bring to an end all that is.

24. Much is here being revealed. Apparently there is a Destroying Angel on every one of the cosmic subplanes—our systemic planes.

22. Đức Sanat Kumara có phải là Đấng Quan Sát Thầm Lặng trên năm cõi thấp không?

Con người hợp nhất với chân thần ở lần điểm đạo thứ năm, thông qua tác động của Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng Quan Sát Đơn Độc, Đại Hi Sinh. (IHS 19)

Ngài [Đức Sanat Kumara] là Đấng Quan Sát Thầm Lặng, xét theo nhân loại trực tiếp của chúng ta, mặc dù theo nghĩa đen, chính Hành Tinh Thượng Đế, trên cõi tâm thức cao hơn nơi Ngài hoạt động, mới là Đấng Quan Sát Thầm Lặng đích thực đối với hệ hành tinh. (IHS 29)

23. Chính Hành Tinh Thượng Đế có phải là Đấng Quan Sát Thầm Lặng trên bảy cõi bao gồm cả cõi logoic không.

"Đấng Quan Sát Thầm Lặng", Thực Thể vĩ đại là sự sống phú linh của hành tinh, và giữ cùng vị trí đối với Đức Chúa Tể Thế Giới, Đức Sanat Kumara, như Chân ngã đối với phàm ngã của con người. (IHS 104)

nó đề cập đến mãnh lực năng động của các Thiên Thần Hủy Diệt vĩ đại trên mọi cõi, những vị cuối cùng sẽ—thông qua sự điều khiển ba hình thức năng lượng—đưa mọi sự hiện hữu đến chỗ chấm dứt.

24. Ở đây nhiều điều đang được mặc khải. Hiển nhiên có một Thiên Thần Hủy Diệt trên mỗi cõi phụ vũ trụ—tức các cõi hệ thống của chúng ta.

25. The "three forms of energy" are presumably those created through fire by friction, solar fire and electric fire.

25. "Ba hình thức năng lượng" có lẽ là những năng lượng được tạo ra qua Lửa ma sát, Lửa Thái dương và Lửa Điện.

26. We are being told that pralaya is created through the agency of these "great Destroying Angels".

26. Chúng ta được cho biết rằng pralaya được tạo ra thông qua tác nhân của những "Thiên Thần Hủy Diệt vĩ đại" này.

27. Both the Silent Watchers and the great Destroying Angels are related to the dynamics of the caliber of sacrifice here considered.

27. Cả các Đấng Quan Sát Thầm Lặng lẫn các Thiên Thần Hủy Diệt vĩ đại đều liên hệ với động lực học của cấp độ hi sinh đang được xét ở đây.

These angels are a mysterious group of fohatic Lives Who sound forth the [Page 883] trumpets of destruction, and by means of the notes sounded produce that shattering which will set loose the energy of forms.

Các thiên thần này là một nhóm bí nhiệm các Sự Sống fohat, những vị xướng lên [Page 883] những tiếng kèn hủy diệt, và bằng các âm điệu được xướng lên, tạo ra sự tan vỡ sẽ giải phóng năng lượng của các hình tướng.

28. Forms exist on *all* the cosmic sub-planes.

28. Các hình tướng hiện hữu trên *mọi* cõi phụ vũ trụ.

29. The "Destroying Angels" are a group of "fohatic Lives". They release the energy which was imprisoned in the form.

29. Các "Thiên Thần Hủy Diệt" là một nhóm "Các Sự Sống fohat". Các vị giải phóng năng lượng đã bị giam giữ trong hình tướng.

30. The *trumpet* is involved in this destruction (and resurrection), and thus, perhaps, the first, fourth and sixth rays—all of which can be associated with the trumpet in some respect. The Fourth Ray Lord is called "the Trumpet of the lord" and on the fourth or buddhic plane, "form dies".

30. *Kèn* có liên quan đến sự hủy diệt này (và sự phục sinh), và do đó có lẽ là cung một, cung bốn và cung sáu—tất cả đều có thể được liên kết với kèn ở một phương diện nào đó. Đấng Chúa Tể Cung bốn được gọi là "Tiếng Kèn của chúa tể" và trên cõi thứ tư hay cõi Bồ đề, "hình tướng chết đi".

31. We are also reminded of Joshua (most probably, at that time, on the first and sixth rays) who set forth the "trumpets of destruction" which resulted in the shattering of the wall of Jericho.

31. Chúng ta cũng được nhắc đến Joshua (rất có thể vào thời đó thuộc cung một và cung sáu), người đã phát ra "những tiếng kèn hủy diệt" dẫn đến sự sụp đổ của bức tường Jericho.

32. We see here the connection between sacrifice, destruction and liberation.

32. Ở đây chúng ta thấy mối liên hệ giữa sự hi sinh, sự hủy diệt và sự giải thoát.

33. We are also told that "the trumpet shall sound and the dead shall be raised incorruptible". Again the first and sixth rays are implicated in this type of resurrection. The trumpet is solidly wedded to resurrection imagery.

33. Chúng ta cũng được cho biết rằng "kèn sẽ vang lên và người chết sẽ được nâng dậy trong trạng thái bất hoại". Một lần nữa cung một và cung sáu được hàm ý trong loại phục sinh này. Kèn gắn chặt với hình ảnh phục sinh.

34. As for the *fourth* ray, it is surely connected with death, such as for instance, the death of the causal body at the *fourth* initiation, when the buddhic energy of the *fourth* plane plays such an important role. The causal body becomes too small to contain the growing buddhic love.

34. Đối với cung *bốn*, chắc chắn nó có liên hệ với cái chết, chẳng hạn như sự chết của thể nguyên nhân ở lần điểm đạo thứ *bốn*, khi năng lượng Bồ đề của cõi thứ *bốn* đóng một vai trò quan trọng như thế. Thể nguyên nhân trở nên quá nhỏ để chứa đựng tình thương Bồ đề đang tăng trưởng.

35. As well, it is when the causal body becomes maximally beautiful (the fourth ray again) that destruction supervenes.

35. Ngoài ra, cũng chính khi thể nguyên nhân trở nên đẹp đẽ đến mức tối đa (lại là cung bốn) thì sự hủy diệt xảy đến.

The second point is very briefly given. It concerns the innermost circle of petals, or that set of three petals, or those three streams of whirling energy, which immediately surround the "jewel in the lotus."

Điểm thứ hai được trình bày rất vắn tắt. Nó liên quan đến vòng cánh hoa trong cùng, hay bộ ba cánh hoa ấy, hay ba dòng năng lượng xoáy chuyển ấy, trực tiếp bao quanh "ngọc trong hoa sen".

36. We are speaking of those petals which are called "synthesis petals". They are called "innermost" because they immediately surround the Jewel in the Lotus.

36. Chúng ta đang nói về những cánh hoa được gọi là "các cánh hoa tổng hợp". Chúng được gọi là "trong cùng" vì chúng trực tiếp bao quanh Ngọc trong Hoa Sen.

37. It is important to note that petals are really "streams of whirling energy". To call them "petals" is simply a convention of the mind, a metaphor.

37. Điều quan trọng cần lưu ý là các cánh hoa thực sự là "những dòng năng lượng xoáy chuyển". Gọi chúng là "cánh hoa" chỉ đơn giản là một quy ước của trí tuệ, một ẩn dụ.

Each of these three petals is related to one of the three circles, and *is organised as each of the three circles is unfolded.*

Mỗi cánh hoa trong ba cánh này có liên hệ với một trong ba vòng, và *được tổ chức khi mỗi một trong ba vòng được khai mở.*

38. There are a number of words used to describe the gradual development of the petals from a completely closed state to a condition of being fully opened.

38. Có một số từ được dùng để mô tả sự phát triển dần dần của các cánh hoa từ một trạng thái hoàn toàn khép kín đến tình trạng mở ra hoàn toàn.

39. The *major* two words are, however, "organised" and "unfolded".

39. Tuy nhiên, hai từ *chính* là "được tổ chức" và "được khai mở".

40. The unfolding of a "circle" is obviously different from the unfolding of a single petal, and the organizing of one of the synthesis petals is clearly different from its unfolding.

40. Sự khai mở của một "vòng" hiển nhiên khác với sự khai mở của một cánh hoa đơn lẻ, và việc tổ chức một trong các cánh hoa tổng hợp rõ ràng khác với sự khai mở của chính nó.

41. Each petal of synthesis is partially unfolded at each of the three initiations, we have been told, and completely unfolded during the period between the third and fourth initiations—we my infer.

41. Chúng ta được cho biết rằng mỗi cánh hoa tổng hợp được khai mở một phần ở mỗi một trong ba lần điểm đạo, và có thể suy ra rằng nó được khai mở hoàn toàn trong giai đoạn giữa lần điểm đạo thứ ba và thứ tư.

42. The term "as", used in "as each of the three circles is unfolded" makes us question the point in time at which the organization of a synthesis petal begins. Does such organization occur *throughout* the *entire* process of the unfoldment of a circle of petals? It could seem so.

42. Từ "khi", được dùng trong cụm "khi mỗi một trong ba vòng được khai mở", khiến chúng ta đặt câu hỏi về thời điểm mà sự tổ chức của một cánh hoa tổng hợp bắt đầu. Liệu sự tổ chức ấy có xảy ra *suốt toàn bộ* tiến trình khai mở của một vòng cánh hoa không? Có vẻ là như vậy.

43. This would be a reflex action within the synthesis petals correlated with petal unfoldment within a given circle of petals. Does it seem that the reflex would be occurring too soon were the initial phases of organization of, for instance, the first synthesis petal to occur as petal unfoldment *began* in the knowledge circle? We must remember that even quite primitive types of the first petal unfolded (Brahmic Lotuses).

43. Đây sẽ là một tác động phản xạ bên trong các cánh hoa tổng hợp, tương quan với sự khai mở cánh hoa trong một vòng cánh hoa nhất định. Có phải dường như phản xạ ấy sẽ xảy ra quá sớm nếu các giai đoạn đầu của sự tổ chức, chẳng hạn của cánh hoa tổng hợp thứ nhất, lại xảy ra khi sự khai mở cánh hoa *bắt đầu* trong vòng tri thức? Chúng ta phải nhớ rằng ngay cả những loại khá nguyên thủy cũng đã có cánh hoa thứ nhất được khai mở (các Hoa Sen Brahma).

They [the three petals of synthesis] form, therefore, a synthesis of knowledge, love or sacrifice, and are closely connected through

Chúng [ba cánh hoa tổng hợp] vì thế tạo thành một tổng hợp của tri thức, bác ái hay hi sinh, và được nối kết mật thiết qua loại

the type of force flowing through them with one of the three higher centres of the planetary Logos of a man's particular ray.

44. Here we have an important statement. The "three higher centres" are usually considered the head, heart and throat centers.

45. The energy system of each Planetary Logos is organized more or less as is the energy system of man.

46. Man as a Monad is connected principally with one or other of the Planetary Logoi, probably with a Planetary Logos of a sacred planet.

47. Each petal of synthesis, therefore, is connected with one or other of the three higher centres of that particular Planetary Logos.

48. This opens a question about how synthesis petals would unfold in such human beings as were connected with Planetary Logoi Who had not yet undergone much causal body development, as some Planetary Logoi, though of great spiritual stature, are as yet proceeding through relatively early stages of their manifestation.

49. What *is* the Planetary Logos of a man's ray? Is it a Planetary Logos for Whom the monadic ray is the same as a man's monadic ray? Is it a Planetary Logos Who has for an important ray (let us say the soul ray or monadic ray) the same ray as a man's monadic ray? Is it, in this solar system, a

mãnh lực chảy qua chúng với một trong ba trung tâm cao hơn của Hành Tinh Thượng Đế thuộc cung đặc thù của một người.

44. Ở đây chúng ta có một phát biểu quan trọng. "Ba trung tâm cao hơn" thường được xem là các trung tâm đầu, tim và cổ họng.

45. Hệ thống năng lượng của mỗi Hành Tinh Thượng Đế được tổ chức ít nhiều giống như hệ thống năng lượng của con người.

46. Con người với tư cách là một chân thần được nối kết chủ yếu với một hay một vị khác trong Các Hành Tinh Thượng Đế, có lẽ với một Hành Tinh Thượng Đế của một hành tinh thiêng liêng.

47. Vì thế, mỗi cánh hoa tổng hợp được nối kết với một hay một trung tâm khác trong ba trung tâm cao hơn của Hành Tinh Thượng Đế đặc thù ấy.

48. Điều này mở ra một câu hỏi về việc các cánh hoa tổng hợp sẽ khai mở như thế nào nơi những con người được nối kết với các Hành Tinh Thượng Đế mà các Ngài ấy chưa trải qua nhiều sự phát triển thể nguyên nhân, vì một số Hành Tinh Thượng Đế, dù có tầm vóc tinh thần lớn lao, hiện vẫn đang tiến hành qua những giai đoạn tương đối sớm của sự biểu hiện của Các Ngài.

49. Hành Tinh Thượng Đế của cung một người *là* gì? Có phải đó là một Hành Tinh Thượng Đế mà cung chân thần của Ngài giống với cung chân thần của một người không? Có phải đó là một Hành Tinh Thượng Đế mà một cung quan trọng của Ngài (giả sử là cung linh hồn hay cung chân

Planetary Logos Who has for his *soul* ray the same ray as a man's *soul* ray? We must reserve judgment though, ultimately, it seems the ray of a mans Monad will be deemed the "man's ray".

thần) giống với cung chân thần của một người không? Trong hệ mặt trời này, có phải đó là một Hành Tinh Thượng Đế mà cung *linh hồn* của Ngài giống với cung *linh hồn* của một người không? Tuy nhiên, chúng ta phải tạm đình chỉ phán đoán, dù rốt cuộc có vẻ như cung của chân thần một người sẽ được xem là "cung của người ấy".

This **central unit of threefold force** is dealt with in a specific manner at initiation.

Đơn vị trung tâm của mãnh lực tam phân này **đơn vị trung tâm của mãnh lực tam phân** được đề cập đến theo một cách đặc thù trong điểm đạo.

50. In this sentence, the three petals of synthesis as an entirety are considered as a "central unit".

50. Trong câu này, ba cánh hoa tổng hợp như một toàn thể được xem là một "đơn vị trung tâm".

51. As each of these petals is partially opened at a particular initiation (continuing to open more fully thereafter) it makes sense and may be inferred that the each of the petals within this central unit of force would be treated "in a specific manner" by the Initiator at the first three initiations.

51. Vì mỗi cánh hoa này được mở ra một phần ở một lần điểm đạo nhất định (và sau đó tiếp tục mở ra đầy đủ hơn), nên hợp lý và có thể suy ra rằng mỗi cánh hoa trong đơn vị trung tâm của mãnh lực này sẽ được Đấng Điểm đạo xử lý "theo một cách đặc thù" ở ba lần điểm đạo đầu tiên.

52. It may be that at the fourth initiation it is the Jewel in the Lotus which is the specific object of the Initiator's attention along with, perhaps, the three synthesis petals treated as a group.

52. Có thể ở lần điểm đạo thứ tư, chính Ngọc trong Hoa Sen là đối tượng đặc thù của sự chú ý của Đấng Điểm đạo, cùng với, có lẽ, ba cánh hoa tổng hợp được xử lý như một nhóm.

At the first, the second, and the third Initiations, one of the three petals opens up, permitting an **ever freer display** of the central electric point.

Ở lần Điểm đạo thứ nhất, thứ hai và thứ ba, một trong ba cánh hoa mở ra, cho phép một sự **biểu lộ ngày càng tự do hơn** của điểm điện trung tâm.

53. This opening up is due, it would seem, to the manner in which the Initiator 'deals with' that petal during the *event* we call "initiation".

53. Dường như sự mở ra này là do cách mà Đấng Điểm đạo 'đề cập đến' cánh hoa ấy trong *biến cố* mà chúng ta gọi là "điểm đạo".

54. It is important to note that the display of the central electric point occurs only *gradually*, presumably through the application of the Rod of Initiation. At none of these first three initiations is the display of the central jewel *completely* free. In other words, even at the third initiation the central electric point is not yet *completely* displayed.

54. Điều quan trọng cần lưu ý là sự biểu lộ của điểm điện trung tâm chỉ xảy ra *dần dần*, có lẽ thông qua việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo. Trong không một lần nào của ba lần điểm đạo đầu tiên này mà sự biểu lộ của viên ngọc trung tâm lại *hoàn toàn* tự do. Nói cách khác, ngay cả ở lần điểm đạo thứ ba, điểm điện trung tâm vẫn chưa được biểu lộ *hoàn toàn*.

At the fourth Initiation, the jewel (being completely revealed) through its blazing light, its intense radiatory heat, and its terrific outflow of force,

Ở lần Điểm đạo thứ tư, viên ngọc (được hoàn toàn hiển lộ) nhờ ánh sáng rực cháy, nhiệt bức xạ mãnh liệt và dòng mãnh lực tuôn ra khủng khiếp của nó,

55. Indeed, it is only at the fourth initiation that the central jewel is completely revealed.

55. Quả thật, chỉ ở lần điểm đạo thứ tư thì viên ngọc trung tâm mới được hiển lộ hoàn toàn.

56. Are all three aspects of divinity represented in the terms “blazing light”, “intense radiatory heat” and a “terrific outflow of force”? Light can be associated with either the third or second aspect of divinity and, perhaps, the same for heat. As for the terrific outflow of force, it seems to correlate with the first aspect.

56. Có phải cả ba phương diện của thiên tính đều được biểu hiện trong các thuật ngữ “ánh sáng rực cháy”, “nhiệt bức xạ mãnh liệt” và “dòng mãnh lực tuôn ra khủng khiếp” không? Ánh sáng có thể được liên kết với phương diện thứ ba hoặc thứ hai của thiên tính, và có lẽ nhiệt cũng vậy. Còn về dòng mãnh lực tuôn ra khủng khiếp, dường như nó tương quan với phương diện thứ nhất.

produces the disintegration of the surrounding form, the shattering of the causal body, the destruction of the, and the dissolution of the lotus flower.

gây ra sự tan rã của hình tướng bao quanh, sự vỡ nát của thể nguyên nhân, sự hủy diệt của, và sự tan biến của hoa sen.

57. It seems to be the influence of the Jewel in the Lotus, through light, heat and force that produces the shattering of the causal body. This statement, however, must be compared with others in which the downflow of energy from the Monad and the application of the Rod of Initiation are all involved in the process of shattering.

57. Dường như chính ảnh hưởng của Ngọc trong Hoa Sen, thông qua ánh sáng, nhiệt và mãnh lực, gây ra sự vỡ nát của thể nguyên nhân. Tuy nhiên, phát biểu này phải được so sánh với những phát biểu khác, trong đó dòng năng lượng tuôn xuống từ chân thần và việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo đều cùng tham dự vào tiến trình làm vỡ nát ấy.

58. We note that the causal body is called by various additional names, to assist us in generating the necessary perspective: the, "surrounding form", the "Temple of Solomon" as well as the "lotus flower".

58. Chúng ta lưu ý rằng thể nguyên nhân còn được gọi bằng nhiều tên bổ sung khác nhau để giúp chúng ta tạo ra viễn cảnh cần thiết: "hình tướng bao quanh", "Đền thờ Solomon" cũng như "hoa sen".

59. When we think of the "surrounding form", what is it that the form surrounds? May we say, the central point of *life* representing the true *being*?

59. Khi chúng ta nghĩ đến "hình tướng bao quanh", thì hình tướng ấy bao quanh điều gì? Chúng ta có thể nói rằng đó là điểm trung tâm của *sự sống* biểu hiện *bản thể* chân thực chăng?

60. Freedom from the "surrounding form" equates to the liberation of the Spirit from its confines on the higher mental plane.

60. Sự giải thoát khỏi "hình tướng bao quanh" tương đương với sự giải phóng Tinh thần khỏi những giới hạn của nó trên Cõi thượng trí.

61. It is well to remember that the Solar Pitris contribute greatly to the existence of this surrounding form being the substantial energy which moulds and sustains this form.

61. Nên nhớ rằng các thái dương tổ phụ góp phần rất lớn vào sự tồn tại của hình tướng bao quanh này, vì các Ngài là năng lượng chất liệu đã nắn đúc và duy trì hình tướng ấy.

The work of the Initiator in this connection is very interesting.

Công việc của Đấng Điểm đạo trong mối liên hệ này rất đáng quan tâm.

62. We are speaking of the work of the Initiator at the fourth initiation.

62. Chúng ta đang nói về công việc của Đấng Điểm đạo ở lần điểm đạo thứ tư.

Through the medium of the Rod of Initiation and of certain Words of Power, He brings about results of a co-ordinating, transmuting and liberating nature.

Thông qua trung gian của Thần Trượng Điểm đạo và một số Quyền năng từ nhất định, Ngài mang lại những kết quả có tính phối hợp, chuyển hoá và giải phóng.

63. The process of liberation, we see, is to be brought about through the application of the Rod accompanied by certain Words of Power.

63. Như chúng ta thấy, tiến trình giải phóng được mang lại thông qua việc áp dụng Thần Trượng đi kèm với một số Quyền năng từ nhất định.

64. It is important to note that the results of the use of the Rod and of the Words of Power are not only destructive, but also of a

64. Điều quan trọng cần lưu ý là các kết quả của việc sử dụng Thần Trượng và các Quyền năng từ không chỉ có tính hủy diệt, mà còn

"coordinating" and "transmuting" nature preceding the liberation which subsequently occurs.

có tính "phối hợp" và "chuyển hoá", đi trước sự giải phóng xảy ra về sau.

Through the action of the Rod as wielded at the first two Initiations, the two outer circles unfold, the energy of the two is set free and the two sets of force as embodied in the six petals are co-ordinated and become interactive.

Thông qua tác động của Thần Trượng khi được vận dụng ở hai lần Điểm đạo đầu tiên, hai vòng ngoài được khai mở, năng lượng của cả hai được giải phóng và hai bộ mãnh lực được thể hiện trong sáu cánh hoa được phối hợp và trở nên tương tác.

65. This section of text is of *vital* importance and it must be contrasted with other references which speak of the unfoldment of at least the first circle of petals during an earlier and "smaller" initiation which is reflective of the first great "manasic initiation".

65. Đoạn văn này có tầm quan trọng *thiết yếu*, và phải được đối chiếu với những tham chiếu khác nói về sự khai mở của ít nhất vòng cánh hoa thứ nhất trong một lần điểm đạo sớm hơn và "nhỏ hơn", phản ánh lần "điểm đạo manas" lớn đầu tiên.

At the stage which we are considering (that of the organisation and unfoldment of the first tier of petals), the egoic influence felt at the beginning is but small, but when the three petals become sufficiently active and alive through the energy accumulated and stored up in the [Page 870] ego during the activities of the personal life, **a form of initiation then takes place which is a reflection (on a lower plane) of the great manasic initiations. The energy in the outer circle of petals causes it to spring apart from the next circle, and to**

Ở giai đoạn mà chúng ta đang xét đến (giai đoạn tổ chức và khai mở tầng cánh hoa thứ nhất), ảnh hưởng chân ngã được cảm nhận lúc ban đầu chỉ là nhỏ, nhưng khi ba cánh hoa trở nên đủ hoạt động và sống động nhờ năng lượng được tích lũy và chứa đựng trong chân ngã trong các hoạt động của đời sống cá nhân, [Page 870] **một hình thức điểm đạo khi ấy diễn ra, là một phản ánh (trên một cõi thấp hơn) của các điểm đạo manas lớn. Năng lượng trong vòng cánh hoa ngoài làm cho nó bung ra khỏi vòng kế tiếp, và khai mở. Năng lượng**

unfold. This threefold energy becomes interactive and a very definite stage is thus reached. This series of initiations is seldom recognised within the physical brain consciousness owing to the relatively inchoate stage of the bodies, and the unresponsiveness of the brain matter. Yet they are nevertheless initiations of a definite though less important character, and they involve primarily the display (within the personal life of the man) of an intelligent recognition of his group relationships on earth. This recognition is frequently selfish in character, as, for instance, that which the union worker displays, but it is indicative of group interplay.

tam phân này trở nên tương tác và do đó một giai đoạn rất xác định được đạt đến. Loạt điểm đạo này hiếm khi được nhận biết trong tâm thức bộ não hồng trần do giai đoạn còn tương đối chưa thành hình của các thể và do vật chất não bộ không đáp ứng. Tuy nhiên, chúng vẫn là những điểm đạo có tính chất xác định dù kém quan trọng hơn, và chủ yếu liên quan đến sự biểu lộ (trong đời sống cá nhân của con người) của một sự nhận biết thông minh về các mối liên hệ nhóm của y trên Trái Đất. Sự nhận biết này thường mang tính ích kỷ, chẳng hạn như điều mà người hoạt động công đoàn biểu lộ, nhưng nó là dấu hiệu của sự tương tác nhóm.

A similar process takes place when the second circle of petals is organised and ready for unfoldment. This time the World Teacher, the Master and the Ego concerned are co-operating, for **these smaller initiations** deal with the love nature, with astral or emotional organisation, and with the recognition (by the man in his personal life) of some form of unselfish love, and of a love for some object, person or ideal which leads to altruistic endeavor, and to the negation of the lower self.

Một tiến trình tương tự diễn ra khi vòng cánh hoa thứ hai được tổ chức và sẵn sàng để khai mở. Lần này Đức Chưởng Giáo, Chân sư và chân ngã liên hệ đang hợp tác, vì **những điểm đạo nhỏ hơn này** đề cập đến bản chất bác ái, đến sự tổ chức cảm dục hay cảm xúc, và đến sự nhận biết (của con người trong đời sống cá nhân của y) về một hình thức bác ái vô ngã nào đó, và về tình thương đối với một đối tượng, một người hay một lý tưởng nào đó dẫn đến nỗ lực vị tha, và đến sự phủ nhận phàm ngã.

(TCF 869-870)

(TCF 869-870)

66. If we read the section of text under consideration and compare it with the interpolated reference just above, it is clear that we are dealing with two different phases of development, the period of the 'smaller first initiation' being considerably earlier and that the of the true (manasic) first initiation rather later.

66. Nếu chúng ta đọc đoạn văn đang được xem xét và so sánh nó với tham chiếu được chèn vào ngay bên trên, thì rõ ràng là chúng ta đang đề cập đến hai giai đoạn phát triển khác nhau, trong đó thời kỳ của 'lần điểm đạo thứ nhất nhỏ hơn' xảy ra sớm hơn đáng kể, còn thời kỳ của lần điểm đạo thứ nhất chân chính (manas) thì muộn hơn nhiều.

67. At the smaller initiation (which is, relatively, a minor initiation), the energy accumulated within the outer circle of petals causes it to spring apart from the second circle and to unfold.

67. Ở lần điểm đạo nhỏ hơn (vốn tương đối là một tiểu điểm đạo), năng lượng tích lũy bên trong vòng cánh hoa ngoài làm cho nó bung ra khỏi vòng thứ hai và khai mở.

68. It is this type of unfoldment which DK seems to be discussing in the section of text immediately below as He differentiates it from the stage of "petal adjustment" which reaches its full expression in a type of simultaneous action and interplay between the first two tiers of petals.

68. Chính loại khai mở này mà Chân sư DK dường như đang bàn đến trong đoạn văn ngay bên dưới, khi Ngài phân biệt nó với giai đoạn "điều chỉnh cánh hoa", giai đoạn đạt đến sự biểu hiện trọn vẹn trong một loại tác động đồng thời và tương tác giữa hai tầng cánh hoa đầu tiên.

69. It is easy to become confused when the same words, "unfold" or "unfoldment" (as applied to a given circle of petals) are used to indicate quite different stages of development.

69. Rất dễ trở nên nhầm lẫn khi cùng những từ "khai mở" hay "sự khai mở" (áp dụng cho một vòng cánh hoa nhất định) lại được dùng để chỉ những giai đoạn phát triển hoàn toàn khác nhau.

70. At the first of these two smaller initiations, there is definitely an unfoldment occurring within the first circle of petals, but it is *not the same type of* unfoldment as that which is caused by the "action of the Rod". The difference lies in the phrase "the energy of the two is **set free**".

70. Ở lần thứ nhất trong hai điểm đạo nhỏ hơn này, chắc chắn có một sự khai mở xảy ra trong vòng cánh hoa thứ nhất, nhưng đó *không phải là cùng một loại* khai mở như loại được gây ra bởi "tác động của Thần Trượng". Sự khác biệt nằm trong cụm từ "năng lượng của cả hai được **giải phóng**".

71. At each of the first two manasic initiations, the energy of the first two circles is not only "unfolded" but is "set free" for a type of inter-tier interplay which was not at all possible at the first two smaller initiations (both of which precede even the first of the manasic initiations).

71. Ở mỗi một trong hai điểm đạo manas đầu tiên, năng lượng của hai vòng đầu tiên không chỉ được "khai mở" mà còn được "giải phóng" cho một loại tương tác liên tầng vốn hoàn toàn không thể có ở hai điểm đạo nhỏ hơn đầu tiên (cả hai đều xảy ra trước cả lần đầu tiên trong các điểm đạo manas).

72. At the first smaller initiation, there is, indeed, a type of "interactive" process occurring *amongst* the petals of the first circle. This, apparently, must be differentiated from what Master DK calls the "coordination" of the two sets of forces found in the first two circles of petals.

72. Ở lần điểm đạo nhỏ hơn thứ nhất, quả thật có một loại tiến trình "tương tác" xảy ra *giữa* các cánh hoa của vòng thứ nhất. Điều này, rõ ràng, phải được phân biệt với điều mà Chân sư DK gọi là "sự phối hợp" của hai bộ mãnh lực được tìm thấy trong hai vòng cánh hoa đầu tiên.

73. It is clear that the type of interactivity described as occurring between the petals of the first tier (and which occurs at the first smaller initiation) must also occur later in relation to the second tier of petals. But the complete unfoldment of the second tier of petals occurs only well *after* the *second* of these smaller initiations, and also, certainly, beyond the point of the first initiation. Below we will attempt to describe in sequence when we might expect petal-interactivity amongst the petals of the second tier.

73. Rõ ràng là loại tương tác được mô tả là xảy ra giữa các cánh hoa của tầng thứ nhất (và xảy ra ở lần điểm đạo nhỏ hơn thứ nhất) cũng phải xảy ra về sau liên quan đến tầng cánh hoa thứ hai. Nhưng sự khai mở hoàn toàn của tầng cánh hoa thứ hai chỉ xảy ra rất lâu *sau lần thứ hai* trong các điểm đạo nhỏ hơn này, và chắc chắn cũng vượt quá điểm của lần điểm đạo thứ nhất. Dưới đây chúng ta sẽ cố gắng mô tả theo trình tự khi nào có thể chờ đợi sự tương tác-cánh-hoa giữa các cánh hoa của tầng thứ hai.

74. In general, we may assume that the interactivity between the petals of the second tier occurs before the second initiation and after the first. It is at the second initiation that the two tiers of petals become coordinated and interactive between themselves and, presumably, that the second tier of petals unfolds completely, the complete unfoldment of the sixth petal being especially important in relation to the second initiation.

74. Nói chung, chúng ta có thể giả định rằng sự tương tác giữa các cánh hoa của tầng thứ hai xảy ra trước lần điểm đạo thứ hai và sau lần thứ nhất. Chính ở lần điểm đạo thứ hai mà hai tầng cánh hoa trở nên được phối hợp và tương tác với nhau, và có lẽ khi ấy tầng cánh hoa thứ hai được khai mở hoàn toàn, trong đó sự khai mở hoàn toàn của cánh hoa thứ sáu đặc biệt quan trọng đối với lần điểm đạo thứ hai.

75. Let us try to be clear about the process, seeing what we can gather by inference:

75. Chúng ta hãy cố gắng làm rõ tiến trình này, bằng cách xem có thể thu thập được gì qua suy luận:

a. There is a kind of interactivity which occurs between the petals of a tier

a. Có một loại tương tác xảy ra giữa các cánh hoa của một tầng

b. And, there is a different kind of interactivity which occurs between the first

two tiers themselves and their two sets of forces embodied in six petals.

b. Và có một loại tương tác khác xảy ra giữa chính hai tầng đầu tiên và hai bộ mãnh lực của chúng được thể hiện trong sáu cánh hoa.

c. The first kind of interactivity occurs at the time of the first smaller initiations

c. Loại tương tác thứ nhất xảy ra vào thời điểm của các điểm đạo nhỏ hơn đầu tiên

d. Then follows the second smaller initiation which "takes place when the second circle of petals is organised and ready for unfoldment." But note that the second smaller initiation occurs *before* the second tier of petals is unfolded. It occurs when they are organized and on the point of unfoldment but not as they are unfolded.

d. Tiếp theo là lần điểm đạo nhỏ hơn thứ hai, "diễn ra khi vòng cánh hoa thứ hai được tổ chức và sẵn sàng để khai mở." Nhưng lưu ý rằng lần điểm đạo nhỏ hơn thứ hai xảy ra *trước* khi tầng cánh hoa thứ hai được khai mở. Nó xảy ra khi chúng được tổ chức và ở điểm sắp khai mở, chứ không phải khi chúng đang được khai mở.

e. Then follows a).an unfoldment of the second tier of petals during the period preceding the first initiation, b.) the period of the first initiation in which the fifth petal becomes fully unfolded, and the period of preparation for the second initiation (an event at which we find the sixth petal fully unfolded.

e. Tiếp theo là a). sự khai mở của tầng cánh hoa thứ hai trong giai đoạn trước lần điểm đạo thứ nhất, b.) giai đoạn của lần điểm đạo thứ nhất trong đó cánh hoa thứ năm được khai mở hoàn toàn, và giai đoạn chuẩn bị cho lần điểm đạo thứ hai (một biến cố mà ở đó chúng ta thấy cánh hoa thứ sáu được khai mở hoàn toàn).

f. At the first manasic initiation the petals of the first circle unfold in a way distinct from that in which they unfolded at the first smaller initiation, and the energies of the first tier are "set free". This process of energies being "set free" within the first circle of petals is directly correlated with the taking of the first manasic initiation. What it means exactly, we cannot know at this time.

f. Ở lần điểm đạo manas thứ nhất, các cánh hoa của vòng thứ nhất khai mở theo một cách khác với cách chúng đã khai mở ở lần điểm đạo nhỏ hơn thứ nhất, và các năng lượng của tầng thứ nhất được "giải phóng". Tiến trình các năng lượng được "giải phóng" bên trong vòng cánh hoa thứ nhất này tương quan trực tiếp với việc trải qua lần điểm đạo manas thứ nhất. Chính xác điều đó có nghĩa gì, hiện nay chúng ta chưa thể biết.

g. At some point in this process when all petals of the second tier are almost completely unfolded, but before the application of the Rod at the second initiation, we may infer that there comes a period of *petal-interactivity* which corresponds to a similar and earlier type of

g. Ở một thời điểm nào đó trong tiến trình này, khi tất cả các cánh hoa của tầng thứ hai gần như đã khai mở hoàn toàn, nhưng trước khi Thần Trượng được áp dụng ở lần điểm đạo thứ hai, chúng ta có thể suy ra rằng sẽ đến một giai đoạn của *sự tương tác-cánh-hoa* tương ứng với một loại tương tác tương tự

interactivity amongst the petals of the first circle at the time of the first smaller initiation.

h. At this point, both tiers of petals would be characterized by the interactivity of the petals within each tier, but not between tiers. Since only the first initiation has been taken, only the energies of the first tier of petals have been truly "set free".

i. When the second initiation is taken, the energy of the second tier of petals is "set free" and a new type of inter-circle (inter-tier) interactivity takes place.

j. There occurs at this point a new type of "coordination" which allows for interactivity between the first two circles of petals, the energies of which have both been "set free" for such interactivity.

k. This type of *setting free* would not occur unless the Rod of Initiation had been applied (we may presume, to the eighth petal principally).

l. At the first two smaller initiations, a type of greater freedom is achieved in relation to the functioning of the first two circles of petals, but nothing like the *setting free* which occurs during the first two manasic initiations.

76. We can see that this whole question of petal unfoldment is extremely intricate, with a number of simultaneous, overlapping activities.

77. Nothing will replace the ability to see the whole process with accurate clairvoyance. At the moment we have to piece together

nhưng sớm hơn giữa các cánh hoa của vòng thứ nhất vào thời điểm của lần điểm đạo nhỏ hơn thứ nhất.

h. Ở điểm này, cả hai tầng cánh hoa sẽ được đặc trưng bởi sự tương tác của các cánh hoa bên trong mỗi tầng, nhưng chưa có sự tương tác giữa các tầng. Vì mới chỉ trải qua lần điểm đạo thứ nhất, nên chỉ các năng lượng của tầng cánh hoa thứ nhất mới thực sự được "giải phóng".

i. Khi lần điểm đạo thứ hai được trải qua, năng lượng của tầng cánh hoa thứ hai được "giải phóng" và một loại tương tác liên-vòng (liên-tầng) mới diễn ra.

j. Lúc này xuất hiện một loại "phối hợp" mới cho phép có sự tương tác giữa hai vòng cánh hoa đầu tiên, mà các năng lượng của cả hai đều đã được "giải phóng" cho sự tương tác ấy.

k. Loại sự *giải phóng* này sẽ không xảy ra nếu Thần Trượng Điểm đạo chưa được áp dụng (chúng ta có thể giả định là chủ yếu vào cánh hoa thứ tám).

l. Ở hai lần điểm đạo nhỏ hơn đầu tiên, một loại tự do lớn hơn được đạt tới liên quan đến hoạt động của hai vòng cánh hoa đầu tiên, nhưng không có gì giống như sự *giải phóng* xảy ra trong hai lần điểm đạo manas đầu tiên.

76. Chúng ta có thể thấy rằng toàn bộ vấn đề khai mở cánh hoa này cực kỳ phức tạp, với một số hoạt động đồng thời và chồng lấn lên nhau.

77. Không gì có thể thay thế khả năng nhìn thấy toàn bộ tiến trình bằng thông nhãn chính xác. Hiện nay chúng ta phải ghép nối

that which DK has said in various references scattered not only throughout TCF but through a number of places in other books.

lại những gì Chân sư DK đã nói trong nhiều tham chiếu rải rác không chỉ khắp Luận về Lửa Vũ Trụ mà còn ở nhiều chỗ trong các sách khác.

78. It is also advisable for us to use our creative imagination as we attempt to visualize the unfoldment processes described.

78. Chúng ta cũng nên sử dụng Sự tưởng tượng sáng tạo khi cố gắng hình dung các tiến trình khai mở được mô tả.

This stage of **petal adjustment** succeeds upon that called earlier "unfoldment" and has to do with the simultaneous action of the two tiers of petals.

Giai đoạn **điều chỉnh cánh hoa** này tiếp nối giai đoạn trước đó được gọi là "khai mở" và liên quan đến tác động đồng thời của hai tầng cánh hoa.

79. The stage of "petal adjustment" seems to occur at the second initiation. We could not say that it occurred at the time of the *first manasic* initiation, because only the energy of the first circle would have been "set free" and the second tier of petals would not have been in the condition to be coordinated with, and become interactive with, the liberated energies of the first tier. In other words, when the first initiation is taken the energies of the second circle of petals have no yet been "set free".

79. Giai đoạn "điều chỉnh cánh hoa" dường như xảy ra ở lần điểm đạo thứ hai. Chúng ta không thể nói rằng nó xảy ra vào thời điểm của lần điểm đạo *manas* §*thứ nhất*, vì khi ấy chỉ năng lượng của vòng thứ nhất được "giải phóng" và tầng cánh hoa thứ hai chưa ở trong tình trạng có thể được phối hợp với, và trở nên tương tác với, các năng lượng đã được giải phóng của tầng thứ nhất. Nói cách khác, khi lần điểm đạo thứ nhất được trải qua thì các năng lượng của vòng cánh hoa thứ hai vẫn chưa được "giải phóng".

80. Just for clarity, there are three types of initiations with which we are dealing:

80. Chỉ để làm rõ, có ba loại điểm đạo mà chúng ta đang đề cập đến:

a. The great manasic initiations from the Birth of the Christ at the first initiation through Mastership (Revelation) at the fifth

a. Các điểm đạo manas lớn từ Sự Giáng Sinh của Đức Christ ở lần điểm đạo thứ nhất cho đến Chân sư vị (Mặc khải) ở lần thứ năm

b. The four minor initiations of the astral plane between the first and second manasic initiations—i.e., between the Birth and the Baptism

b. Bốn tiểu điểm đạo của cõi cảm dục giữa lần điểm đạo manas thứ nhất và thứ hai—tức là giữa Sự Giáng Sinh và Lễ Rửa Tội

c. The two "smaller" initiations which occur with the unfoldment of the first tier of

c. Hai điểm đạo "nhỏ hơn" xảy ra cùng với sự khai mở của tầng cánh hoa thứ nhất và sự tổ

petals and the organizing to the point of readiness for unfoldment of the second tier.

chức của tầng thứ hai đến mức sẵn sàng để khai mở.

The interplay between the two circles is completed, and the circulation [Page 884] of the force currents perfected.

Sự tương tác giữa hai vòng được hoàn tất, và sự lưu chuyển của các dòng mãnh lực được hoàn thiện.[Page 884]

81. This development takes us to the second initiation. We must remember however, that as the second initiation is being taken, and even as the first manasic initiation is being taken, the Rod of Power is being applied to the first and then the second petal of *the sacrifice tier*, and that petal unfoldment is going on in that tier even as the fifth and sixth petals (the second and third petals of the love tier) are undergoing their final stages of unfoldment.

81. Sự phát triển này đưa chúng ta đến lần điểm đạo thứ hai. Tuy nhiên, chúng ta phải nhớ rằng khi lần điểm đạo thứ hai đang được trải qua, và ngay cả khi lần điểm đạo manas thứ nhất đang được trải qua, Thần Trượng Quyền Năng đang được áp dụng vào cánh hoa thứ nhất rồi cánh hoa thứ hai của *tầng hi sinh*, và sự khai mở cánh hoa vẫn đang diễn ra trong tầng ấy ngay cả khi cánh hoa thứ năm và thứ sáu (cánh hoa thứ hai và thứ ba của tầng bác ái) đang trải qua các giai đoạn khai mở cuối cùng của chúng.

82. At the point of these interactivity between two circles of petals, the man is relatively highly developed. He has "entered the stream" and has a relatively high degree of mental illumination and spiritual intelligence.

82. Tại điểm có sự tương tác này giữa hai vòng cánh hoa, con người đã phát triển tương đối cao. Y đã "đi vào dòng" và có một mức độ soi sáng trí tuệ và trí tuệ tinh thần tương đối cao.

According to a man's ray and subray, **so is the Rod applied to what might be termed the "key" petal**. This of course differs according to the unit of force involved.

Tùy theo cung và cung phụ của một người, **Thần Trượng được áp dụng vào điều có thể được gọi là cánh hoa "chìa khóa" như thế nào thì cũng như vậy**. Dĩ nhiên điều này khác nhau tùy theo đơn vị mãnh lực liên hệ.

83. Regarding the *application* of the Rod—is it a 'touch' or is it a form of energy direction without a 'touch', per se?

83. Liên quan đến việc *áp dụng* Thần Trượng —đó có phải là một sự 'chạm' hay là một hình thức định hướng năng lượng không có sự 'chạm', chính nó?

84. Much may be hidden of a musical nature in relation to the word "key".

84. Có thể có nhiều điều mang tính âm nhạc được ẩn giấu liên quan đến từ "chìa khóa".

85. The "key petal" is probably that which is correlated mainly with a man's monadic ray,

85. "Cánh hoa chìa khóa" có lẽ là cánh hoa chủ yếu tương quan với cung chân thần của

but secondarily with the soul ray, which, in this context, is probably that which is referred to as the subray.

một người, nhưng thứ yếu là với cung linh hồn, mà trong ngữ cảnh này có lẽ chính là điều được gọi là cung phụ.

86. Probably for each of the circles of petals there is that petal which (in relation to a man's primary ray and subray) will be considered the "key" petal.

86. Có lẽ đối với mỗi vòng cánh hoa đều có một cánh hoa mà (liên hệ với cung chính và cung phụ của một người) sẽ được xem là cánh hoa "chìa khóa".

87. We have been dealing with the synthesis petals, but also with the petals of the other tiers, so we cannot determine whether the statement given above refers to the application of the Rod to one of the synthesis petals or to one of the sacrifice petals (which application results, in any case, in the partial opening of a synthesis petal).

87. Chúng ta đã đề cập đến các cánh hoa tổng hợp, nhưng cũng đã đề cập đến các cánh hoa của những tầng khác, nên chúng ta không thể xác định liệu phát biểu nêu trên nói đến việc áp dụng Thần Trượng vào một trong các cánh hoa tổng hợp hay vào một trong các cánh hoa hi sinh (mà trong mọi trường hợp, việc áp dụng ấy đều dẫn đến sự mở ra một phần của một cánh hoa tổng hợp).

88. We are only told that the "central unit of threefold force" is dealt with in a specific manner at initiation. We are not told what that manner is or whether the Rod of Initiation actually 'touches' any of petals in the "central unit" or the manner in which the force of the Rod may be directed towards any of these petals.

88. Chúng ta chỉ được cho biết rằng "đơn vị trung tâm của mãnh lực tam phân" được đề cập đến theo một cách đặc thù trong điểm đạo. Chúng ta không được cho biết cách ấy là gì, hay liệu Thần Trượng Điểm đạo có thực sự 'chạm' vào bất kỳ cánh hoa nào trong "đơn vị trung tâm" hay không, hoặc mãnh lực của Thần Trượng có thể được định hướng về phía bất kỳ cánh hoa nào trong số này theo cách nào.

89. We have, however, over the course of studying many of DK's books, certainly gathered that the force of the Rod of Initiation is directed towards each of the three sacrifice petals at the first, second and third initiations respectively, whether or not the Rod actually 'touches' these petals. The question of actual 'touch' is not discussed.

89. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu nhiều sách của Chân sư DK, chắc chắn chúng ta đã thu thập được rằng mãnh lực của Thần Trượng Điểm đạo được định hướng về phía mỗi một trong ba cánh hoa hi sinh lần lượt ở các lần điểm đạo thứ nhất, thứ hai và thứ ba, bất kể Thần Trượng có thực sự 'chạm' vào các cánh hoa ấy hay không. Vấn đề 'chạm' thực sự không được bàn đến.

It is of interest to note here that, as the petal substance is deva substance

Điều đáng lưu ý ở đây là, vì chất liệu cánh hoa là chất liệu thiên thần

90. The substance of the higher mental plane is considered "deva substance". Yet substance is energy, as we know. Substance, matter, force and energy are, in many respects, equivalent terms.

90. Chất liệu của Cõi thượng trí được xem là "chất liệu thiên thần". Tuy nhiên, như chúng ta biết, chất liệu là năng lượng. Chất liệu, vật chất, mãnh lực và năng lượng, trên nhiều phương diện, là những thuật ngữ tương đương.

91. This deva substance would not be formed into 'petals' without the intervention of the Solar Pitris who mould that substance into petal conformation.

91. Chất liệu thiên thần này sẽ không được tạo thành các 'cánh hoa' nếu không có sự can thiệp của các thái dương tổ phụ, những Đấng nắn đúc chất liệu ấy thành hình dạng cánh hoa.

and as the energy of the petals is the energy of certain manasadevas (one of the three higher orders of Agnishvattas)

và vì năng lượng của các cánh hoa là năng lượng của một số manasadevas (một trong ba cấp bậc cao hơn của các Agnishvatta)

92. What this is telling us is that the energy of the petals is not that of any of the *lower* manasadevas.

92. Điều này cho chúng ta biết rằng năng lượng của các cánh hoa không phải là năng lượng của bất kỳ *loại thấp* manasadevas nào.

93. This is an important thought. Differentiating between the different types of manasadevas is no easy matter. In all there appear to be seven types, just as there are in any Creative Hierarchy.

93. Đây là một tư tưởng quan trọng. Việc phân biệt giữa các loại manasadevas khác nhau không phải là điều dễ dàng. Tổng cộng dường như có bảy loại, cũng như trong bất kỳ Huyền Giai Sáng Tạo nào.

94. But what shall we say of the manasadevas associated with the manasic permanent atom? Should these not be a still *higher* type of Solar Pitri than the Solar Pitris associated with the petals?

94. Nhưng chúng ta sẽ nói gì về các manasadevas liên kết với Nguyên tử trường tồn manas? Chẳng phải các vị này phải là một loại thái dương tổ phụ còn *cao hơn* các thái dương tổ phụ liên kết với các cánh hoa sao?

95. We have not determined whether the term "Solar Angel" should be differentiated from the term "Solar Pitri". If anything, the term "Solar Angel" seems to refer to a higher type of Being.

95. Chúng ta chưa xác định được liệu thuật ngữ "Thái dương Thiên Thần" có nên được phân biệt với thuật ngữ "thái dương tổ phụ" hay không. Nếu có gì khác biệt, thì thuật ngữ "Thái dương Thiên Thần" dường như chỉ đến một loại Hữu thể cao hơn.

96. Yet, it has been shown that "Solar Pitris", "Solar Lords" and "Solar Angels" are *all* associated with petals and tiers of petals. (cf. TCF 869) In that classification, however, "Pitris" are lower than "Lords" which are lower than "Angels".

96. Tuy nhiên, đã được chỉ ra rằng "thái dương tổ phụ", "nhật tinh quân" và "Thái dương Thiên Thần" đều liên kết với các cánh hoa và các tầng cánh hoa. (x. TCF 869) Tuy vậy, trong cách phân loại đó, "Pitris" thấp hơn "Lords", và "Lords" thấp hơn "Angels".

97. In all, it appears that one entire "order of Agnishvattas" is to be associated with *all* the petals. This order is, so it appears, one of the three higher orders of Agnishvattas.

97. Tựu trung, dường như toàn bộ một "đẳng cấp Agnishvattas" được liên kết với tất cả các cánh hoa. Đẳng cấp này, dường như, là một trong ba đẳng cấp cao hơn của Agnishvattas.

98. The order of Agnishvattas associated with the petals is divided, it seems, into three subsidiary orders and each of the subsidiary three is further subdivided into a lesser subsidiary three.

98. Đẳng cấp Agnishvattas liên kết với các cánh hoa dường như được chia thành ba đẳng cấp phụ, và mỗi bộ ba phụ ấy lại được phân chia thêm thành một bộ ba phụ nhỏ hơn.

the initiate is overshadowed (the word is not entirely satisfactory in explaining the type of deva service here necessitated, but it must suffice)

điểm đạo đồ được phủ bóng (từ này không hoàn toàn thỏa đáng khi giải thích loại phụng sự của thiên thần được đòi hỏi ở đây, nhưng phải tạm dùng như vậy)

99. We appear to be speaking of a process which occurs during the spiritual *event* called initiation.

99. Dường như chúng ta đang nói đến một tiến trình xảy ra trong *biến cố* tinh thần gọi là điểm đạo.

100. Here we see how certain higher devas serve humanity.

100. Ở đây chúng ta thấy một số thiên thần cao hơn phụng sự nhân loại như thế nào.

by **a great deva who represents the equilibrium of substantial vibration** which is brought about by the efforts of the initiate, aided by the adepts who present him, and who each represent one of the two polarities of force.

bởi **một thiên thần vĩ đại biểu trưng cho sự quân bình của rung động chất liệu** được tạo ra bởi những nỗ lực của điểm đạo đồ, với sự trợ giúp của các chân sư giới thiệu y, và mỗi vị trong các Ngài biểu trưng cho một trong hai cực tính của mãnh lực.

101. We see that there is, in this initiation process, an intervention of a "great deva who represents the equilibrium of substantial

101. Chúng ta thấy rằng, trong tiến trình điểm đạo này, có sự can thiệp của "một thiên thần vĩ đại biểu trưng cho sự quân bình của rung động chất liệu". Dường như ở mỗi lần

vibration". It is as if at each initiation, some form of equilibrium is achieved.

102. The question for us to answer eventually is, "Is this great deva *the* Solar Angel considered as the Being Who overshadows the human personality and perhaps, the human causal body?"

103. Generically, a Solar Angel may be thought of as an 'Angel of Equilibrium" associated with Libra, the second ray and the equilibrizing form of electricity.

104. At initiation a certain equilibrized condition of deva substance seems to be required and this great deva of equilibrium seems to serve in such a manner as to bring about the necessary substantial equilibrium.

105. This devic intervention is invoked by the following factors—

a. The efforts of the initiate

b. The aid of the initiate's "sponsors", i.e., the adepts who present him to the Initiator.

This is temporarily stabilised by the Initiator.

106. It is the two polarities of force and, as well, all forces present at the moment of the initiation, which are stabilized by the Initiator—the third point in the triangle which sustains the candidate through the ceremony of initiation.

These three factors,

điểm đạo, một hình thức quân bình nào đó được đạt tới.

102. Câu hỏi mà rốt cuộc chúng ta phải trả lời là: "Thiên thần vĩ đại này có phải là *chính* Thái dương Thiên Thần, được xem như Đấng phủ bóng lên phàm ngã con người và có lẽ cả thể nguyên nhân của con người hay không?"

103. Theo nghĩa khái quát, một Thái dương Thiên Thần có thể được xem như một "Thiên Thần của Sự Quân Bình" liên kết với Thiên Bình, cung hai và hình thức điện lực quân bình hóa.

104. Khi điểm đạo, dường như cần có một trạng thái quân bình nào đó của chất liệu thiên thần, và thiên thần vĩ đại của sự quân bình này dường như phụng sự theo cách đem lại sự quân bình chất liệu cần thiết.

105. Sự can thiệp của thiên thần này được khẩn cầu bởi các yếu tố sau—

a. Những nỗ lực của điểm đạo đồ

b. Sự trợ giúp của các "người bảo trợ" của điểm đạo đồ, tức các chân sư giới thiệu y với Đấng Điểm đạo.

Điều này tạm thời được ổn định hóa bởi Đấng Điểm đạo.

106. Chính hai cực tính của mãnh lực, và cả mọi mãnh lực hiện diện vào lúc điểm đạo, được Đấng Điểm đạo ổn định hóa—điểm thứ ba trong tam giác nâng đỡ ứng viên suốt nghi lễ điểm đạo.

Ba yếu tố này,

1. The representing deva,

107. The term “representing deva” is interesting and important. Apparently, during the initiation ceremony through which the candidate passes, the Solar Angel is present. Is this “representing deva” the same as the Solar Angel discussed in other contexts?

108. We have been told that at initiation the initiate ‘sees’ a great Angel or that the “Angel of the Presence” is in attendance. He is “brought face to face with that manifestation of the great solar angel (Pitri) who is himself, the real self”. (IHS 114)

109. He beholds this Angel…

As a radiant angelic existence. This is seen by the inner eye with the same accuracy of vision and judgment as when a man stands face to face with another member of the human family. The great solar Angel, Who embodies the real man and is his expression on the plane of higher mind, is literally his divine ancestor, the "Watcher" Who, through long cycles of incarnation, has poured Himself out in sacrifice in order that man might BE. (IHS 115)

In the earlier two initiations, the Angel of the Presence stood between the disciple-candidate and the Presence. (R&I 176)

110. The Solar Angel or Angel of the Presence, in this context, may be considered the summation of all the solar Beings (Lords, Pitris, Manasadevas, whatever we may wish to call them) involved in forming and sustaining the causal body of man. There is no question that there are a number of such

1. thiên thần đại diện,

107. Thuật ngữ “thiên thần đại diện” thật thú vị và quan trọng. Hiển nhiên, trong nghi lễ điểm đạo mà ứng viên trải qua, Thái dương Thiên Thần hiện diện. “Thiên thần đại diện” này có phải cũng là Thái dương Thiên Thần được bàn đến trong những ngữ cảnh khác không?

108. Chúng ta đã được cho biết rằng khi điểm đạo, điểm đạo đồ “thấy” một Thiên Thần vĩ đại hoặc “Thiên Thần của Hiện Diện” có mặt. Y được “đưa đối diện với biểu hiện ấy của thái dương thiên thần vĩ đại (Pitri), là chính y, bản ngã thực sự”. (IHS 114)

109. Y chiêm ngưỡng Thiên Thần này…

Như một hiện hữu thiên thần rực sáng. Điều này được thấy bằng nội nhãn với cùng độ chính xác của linh thị và phán đoán như khi một người đứng đối diện với một thành viên khác của gia đình nhân loại. Thái dương Thiên Thần vĩ đại, Đấng thể hiện con người thực sự và là biểu hiện của y trên Cõi thượng trí, theo nghĩa đen là tổ tiên thiêng liêng của y, “Đấng Quan Sát”, Đấng qua những chu kỳ dài lâm phàm đã tự tuôn đổ chính Ngài trong hi sinh để con người có thể HIỆN HỮU. (IHS 115)

Trong hai lần điểm đạo trước đó, Thiên Thần của Hiện Diện đứng giữa đệ tử-ứng viên và Hiện Diện. (R&I 176)

110. Thái dương Thiên Thần hay Thiên Thần của Hiện Diện, trong ngữ cảnh này, có thể được xem là tổng hợp của mọi Hữu thể thái dương (Lords, Pitris, Manasadevas, hay bất cứ tên gì chúng ta muốn gọi) tham gia vào việc hình thành và duy trì thể nguyên nhân của con người. Không còn nghi ngờ gì

Beings participating in the egoic nature of man on the higher mental plane.

rằng có một số Hữu thể như thế tham gia vào bản chất chân ngã của con người trên cõi thượng trí.

2. The two adepts,

2. hai chân sư,

3. The initiator,

3. Đấng Điểm đạo,

form, for a brief second, a triangle of force with the initiate at the centre.

tạo thành, trong một giây lát ngắn ngủi, một tam giác mãnh lực với điểm đạo đồ ở trung tâm.

111. We are being presented with some of the technicalities of the initiation process.

111. Chúng ta đang được trình bày một số chi tiết kỹ thuật của tiến trình điểm đạo.

112. We are here given another version of the "point in the triangle". The initiate becomes the point.

112. Ở đây chúng ta được cho một phiên bản khác của "điểm trong tam giác". Điểm đạo đồ trở thành điểm ấy.

113. The two adepts are called "sponsors".

113. Hai chân sư được gọi là "người bảo trợ".

114. As for the great overshadowing deva, it would seem that it may be a manasadeva of the kind we have been discussing—one of the three higher orders of Agnishvattas. Or perhaps, it is a still greater deva—*the* Solar Angel, per se.

114. Còn về thiên thần vĩ đại phủ bóng, dường như đó có thể là một manasadeva thuộc loại chúng ta đã bàn đến—một trong ba đẳng cấp cao hơn của Agnishvattas. Hoặc có lẽ đó là một thiên thần còn vĩ đại hơn nữa —*chính* Thái dương Thiên Thần.

115. This touches on the mystery of the role of what we generally call "the Solar Angel" in the initiation process.

115. Điều này chạm đến huyền nhiệm về vai trò của điều mà chúng ta thường gọi là "Thái dương Thiên Thần" trong tiến trình điểm đạo.

116. Until we have a clearer idea of the arrangement of the *group* of solar Beings associated with the creation and sustainment of the causal body of man, the role of these Beings in the initiation process of man must remain somewhat uncertain.

116. Cho đến khi chúng ta có một ý niệm rõ ràng hơn về sự sắp xếp của *nhóm* các Hữu thể thái dương liên kết với việc tạo lập và duy trì thể nguyên nhân của con người, vai trò của các Hữu thể này trong tiến trình điểm đạo của con người vẫn phải còn phần nào bất định.

117. Really, in this “triangle”, there are *four* points involved—the Initiator, the representing deva and the *two* adepts.

117. Thật ra, trong “tam giác” này có *bốn* điểm tham dự—Đấng Điểm đạo, thiên thần đại diện và *hai* chân sư.

Through them circulates the terrific power, the "fire from Heaven,"

Qua các vị ấy lưu chuyển quyền năng khủng khiếp, “lửa từ Thiên Đàng”,

118. The “fire from Heaven” circulates through all three of those Who form the triangle around the initiate: the Initiator, the representing deva, and the two Adepts (considered, it appears, as a unit, or as one of the points in the triangle of forces).

118. “Lửa từ Thiên Đàng” lưu chuyển qua cả ba Đấng tạo thành tam giác quanh điểm đạo đồ: Đấng Điểm đạo, thiên thần đại diện, và hai Chân sư (dường như được xem như một đơn vị, hay như một trong các điểm của tam giác mãnh lực).

which is **brought down from the higher triad through the agency of the electrical rod.**

mà được **mang xuống từ Tam Nguyên Tinh Thần cao hơn qua trung gian của Thần Trượng Điểm đạo.**

119. What is the source of the energy which descends “from Heaven”?

119. Nguồn gốc của năng lượng giáng xuống “từ Thiên Đàng” là gì?

120. Here the source seems to be the spiritual triad, but that cannot be the *ultimate* source of such descending energy.

120. Ở đây nguồn ấy dường như là Tam Nguyên Tinh Thần, nhưng đó không thể là nguồn *tối hậu* của năng lượng giáng xuống như thế.

121. We have been told that the Initiator invokes even extra-planetary force to descend through the Rod.

121. Chúng ta đã được cho biết rằng Đấng Điểm đạo còn khẩn cầu cả mãnh lực ngoài hành tinh giáng xuống qua Thần Trượng.

122. In the following we see that the Initiator works under the influence of energies emanating from Capricorn but will work under the energies of the *constellation* Aries. This proves that very high energies are brought down through the “electrical rod”.

122. Trong đoạn sau, chúng ta thấy Đấng Điểm đạo hoạt động dưới ảnh hưởng của các năng lượng phát ra từ Ma Kết nhưng sẽ hoạt động dưới các năng lượng của *chòm sao* Bạch Dương. Điều này chứng minh rằng những năng lượng rất cao được mang xuống qua “thần trượng điện lực”.

Aries begins the process and is the "initiator of the process which leads to progress" and—at the end of the age (as it is now at the final or seventh initiation)—**the Initiator of the**

Bạch Dương khởi đầu tiến trình và là “đấng khởi xướng tiến trình dẫn đến tiến bộ” và—vào cuối thời đại (như hiện nay ở lần điểm đạo cuối cùng hay thứ bảy)—**Đấng Điểm đạo**

Mysteries will work under instructions and with energies which emanate from the Lord of the Constellation Aries. In the last analysis and esoterically speaking, fire is the great liberator and Aries is the leading fire sign which will eventually "fuse the beginning and the end, blend the opposites and dispel both time and space." **At present, the Initiator of the Mysteries acts under inspiration and with energies emanating from Capricorn**—an earth sign—because humanity is, as yet, earth-bound. The forces of initiation produce their major effects upon the physical plane, for it is there that the initiate has to demonstrate his liberation, his understanding and his divinity. (EA 304)

của các Mầu Nhiệm sẽ hoạt động dưới sự chỉ dẫn và với các năng lượng phát ra từ Chúa Tể của Chòm Sao Bạch Dương. Xét đến cùng và nói một cách huyền bí, lửa là đấng giải thoát vĩ đại và Bạch Dương là dấu hiệu hành hỏa dẫn đầu, rốt cuộc sẽ "dung hợp khởi đầu và kết thúc, hòa trộn các đối cực và làm tiêu tan cả thời gian lẫn không gian." **Hiện nay, Đấng Điểm đạo của các Mầu Nhiệm hành động dưới cảm hứng và với các năng lượng phát ra từ Ma Kết**—một dấu hiệu hành thổ—bởi vì nhân loại vẫn còn bị trói buộc vào đất. Các mãnh lực điểm đạo tạo ra những hiệu quả chủ yếu của chúng trên cõi hồng trần, vì chính tại đó điểm đạo đồ phải chứng minh sự giải thoát, sự thấu hiểu và thiên tính của y. (EA 304)

This application of extra-egoic force

Sự vận dụng mãnh lực ngoài chân ngã này

123. Here the force applied through the Rod is simply called "extra-egoic", but we can be assured that some of it is drawn from much higher sources.

123. Ở đây mãnh lực được vận dụng qua Thần Trượng đơn giản được gọi là "ngoài chân ngã", nhưng chúng ta có thể chắc chắn rằng một phần của nó được rút ra từ những nguồn cao hơn nhiều.

is in itself of a threefold nature, as symbolised by the three protective agencies and the threefold nature of the Rod itself.

tự thân có bản chất tam phân, như được biểu trưng bởi ba tác nhân bảo vệ và bản chất tam phân của chính Thần Trượng.

124. A threefold force reaches the initiate through the Rod.

124. Một mãnh lực tam phân đến với điểm đạo đồ qua Thần Trượng.

125. We are also being told something of interest about the structure of the Rod itself.

125. Chúng ta cũng đang được cho biết một điều đáng chú ý về cấu trúc của chính Thần Trượng.

126. We can point to at least two parts of the structure—the serpentine structure of a central Rod (or a structure of interwoven serpents) and the diamond which surmounts the Rod. (cf. TCF 1035-1036)

126. Chúng ta có thể chỉ ra ít nhất hai phần của cấu trúc ấy—cấu trúc hình rắn của một Thần Trượng trung tâm (hay một cấu trúc những con rắn đan xen) và viên kim cương ở đỉnh Thần Trượng. (x. TCF 1035-1036)

127. The “three protective agencies” are to be considered, the Initiator, the representing deva and the two sponsors considered as a unit.

127. “Ba tác nhân bảo vệ” cần được xem là Đấng Điểm đạo, thiên thần đại diện và hai người bảo trợ được xem như một đơn vị.

128. If the Initiator is placed in a special category and is not considered a protective agency, then we would have a true triangle consisting of the representing deva and the two adepts.

128. Nếu Đấng Điểm đạo được đặt vào một phạm trù đặc biệt và không được xem là một tác nhân bảo vệ, thì chúng ta sẽ có một tam giác thực sự gồm thiên thần đại diện và hai chân sư.

It emanates in a primary sense from the planetary Logos of a man's ray, and proceeds from that one of the planetary centres which corresponds to either the head, heart, or throat centre in a human unit.

Nó, theo nghĩa sơ khởi, phát ra từ Hành Tinh Thượng Đế của cung một người, và tiến ra từ một trong các trung tâm hành tinh tương ứng với hoặc trung tâm đầu, trung tâm tim, hoặc trung tâm cổ họng trong một đơn vị nhân loại.

129. We are speaking of the nature of the extra-egoic forces which is applied to the energy system of the human unit.

129. Chúng ta đang nói về bản chất của các mãnh lực ngoài chân ngã được vận dụng lên hệ thống năng lượng của đơn vị nhân loại.

130. Even if the force is drawn from the spiritual triad (as we have been told) its primary point of emanation is the “planetary Logos of a man’s ray” and, when it reaches our planet, is passed through one of the three higher planetary centers—representing either the head, heart or throat.

130. Ngay cả nếu mãnh lực được rút ra từ Tam Nguyên Tinh Thần (như chúng ta đã được cho biết), điểm phát xạ sơ khởi của nó vẫn là “Hành Tinh Thượng Đế của cung một người”, và khi đến hành tinh chúng ta, nó được chuyển qua một trong ba trung tâm hành tinh cao hơn—biểu trưng cho hoặc đầu, tim, hoặc cổ họng.

131. It is also possible that the force emanates from one or other of the three higher centers of the Planetary Logos of a man’s ray before reaching the corresponding center in *our* Planetary Logos.

131. Cũng có thể mãnh lực phát ra từ một trong ba trung tâm cao hơn của Hành Tinh Thượng Đế của cung một người trước khi đến trung tâm tương ứng trong *Hành Tinh Thượng Đế* của chúng ta.

132. We may infer that for third ray Monads the force is passed through the planetary throat; for second ray Monads through the planetary heart; for first ray Monads, through the planetary head. This would apply to both the higher centers found in the

132. Chúng ta có thể suy ra rằng đối với các chân thần cung ba, mãnh lực được chuyển qua cổ họng hành tinh; đối với các chân thần cung hai, qua tim hành tinh; đối với các chân thần cung một, qua đầu hành tinh. Điều này sẽ áp dụng cho cả các trung tâm cao hơn nơi

Planetary Logos of a man's ray and also in our own Planetary Logos.

Hành Tinh Thượng Đế của cung một người lẫn trong chính Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

133. Again we have confirmed for us that this extra-egoic force which passes through the Rod is of very high origin—extra-planetary in this case but intra-systemic.

133. Một lần nữa, chúng ta được xác nhận rằng mãnh lực ngoài chân ngã đi qua Thần Trượng này có nguồn gốc rất cao—trong trường hợp này là ngoài hành tinh nhưng ở bên trong hệ thống.

134. Here is another important reference which suggests that during the rite of initiation, some form of Sirian energy reaches the candidate-becoming-initiate.

134. Đây là một dẫn chiếu quan trọng khác gợi ý rằng trong nghi thức điểm đạo, một hình thức năng lượng Sirian nào đó đến với ứng viên-đang-trở-thành-điểm-đạo-đồ.

First and foremost is the energy or force emanating from the *sun Sirius*. If it might be so expressed, the energy of thought, or mind force, in its totality, reaches the solar system from a distant cosmic centre via Sirius. Sirius acts as the transmitter, or the focalising centre, whence emanate those influences which produce self-consciousness in man. **During initiation, by means of the Rod of Initiation (acting as a subsidiary transmitter and as a powerful magnet) this energy is momentarily intensified, and applied to the centres of the initiate with terrific force**; were it not that the Hierophant and the two sponsors of the initiate pass it primarily through their bodies, it would be more than he could stand. This increase of mind energy results in an expansion and an apprehension of the truth as it is, and is lasting in its effects. It is felt primarily in the throat centre, the great organ of creation through sound. (IHS 98)

Trước hết và trên hết là năng lượng hay mãnh lực phát ra từ *mặt trời Sirius*. Nếu có thể diễn đạt như vậy, năng lượng của tư tưởng, hay mãnh lực trí tuệ, trong tính toàn thể của nó, đến với hệ mặt trời từ một trung tâm vũ trụ xa xôi qua Sirius. Sirius hoạt động như đấng truyền dẫn, hay trung tâm hội tụ, từ đó phát ra những ảnh hưởng tạo nên ngã thức nơi con người. **Trong khi điểm đạo, nhờ Thần Trượng Điểm đạo (hoạt động như một đấng truyền dẫn phụ thuộc và như một nam châm mạnh mẽ), năng lượng này được tăng cường nhất thời, và được vận dụng vào các trung tâm của điểm đạo đồ với mãnh lực khủng khiếp**; nếu không có việc Đấng Giáo chủ và hai người bảo trợ của điểm đạo đồ trước hết cho nó đi qua thể của các Ngài, thì điều đó sẽ vượt quá sức chịu đựng của y. Sự gia tăng năng lượng trí tuệ này dẫn đến một sự mở rộng và một sự nắm bắt chân lý như nó vốn là, và có hiệu quả lâu bền. Nó được cảm nhận chủ yếu ở trung tâm cổ họng, cơ quan sáng tạo lớn qua âm thanh. (IHS 98)

This energy [which has emanated primarily from the Planetary Logos of a man's ray] is applied to the corresponding tier of petals and to the corresponding

Năng lượng này [đã phát ra sơ khởi từ Hành Tinh Thượng Đế của cung một người] được vận dụng vào tầng cánh hoa tương ứng và vào cánh hoa tương ứng trong một tầng

petal in a tier according to the initiation taken, and according to the primary and secondary ray.

tùy theo lần điểm đạo được tiếp nhận, và tùy theo cung chính và cung phụ.

135. Our problem in interpreting this section of text will be how to interpret the word "corresponding". Will the corresponding tier of petals and the corresponding petal in a tier and correspond correlate to the center in the Planetary Logos from which the "fire from Heaven" descended, *or* will the corresponding tier and petal be correlated with and correspond to "the initiation being taken". The wording can seem ambiguous.

135. Vấn đề của chúng ta khi diễn giải phần văn bản này sẽ là cách diễn giải từ "tương ứng". Liệu tầng cánh hoa tương ứng và cánh hoa tương ứng trong một tầng có tương quan với trung tâm trong Hành Tinh Thượng Đế mà từ đó "lửa từ Thiên Đàng" giáng xuống, *hay* tầng và cánh hoa tương ứng sẽ tương quan với và tương ứng với "lần điểm đạo đang được tiếp nhận"? Cách diễn đạt có thể có vẻ mơ hồ.

136. One would suspect that we are speaking principally of the first three initiations, and that the energy of the Rod will be applied to one of the three major tiers *according to the initiation taken*—the second of the two options above.

136. Người ta có thể ngờ rằng chúng ta đang nói chủ yếu về ba lần điểm đạo đầu tiên, và rằng năng lượng của Thần Trượng sẽ được vận dụng vào một trong ba tầng chính *tùy theo lần điểm đạo được tiếp nhận*—tức lựa chọn thứ hai trong hai lựa chọn trên.

137. This would mean that at the first initiation, energy is applied to the first tier; at the second initiation, to the second; at the third initiation to the third. This has some basis in the way DK has related the first two initiation to the first two circles of petals.

137. Điều này có nghĩa là ở lần điểm đạo thứ nhất, năng lượng được vận dụng vào tầng thứ nhất; ở lần điểm đạo thứ hai, vào tầng thứ hai; ở lần điểm đạo thứ ba, vào tầng thứ ba. Điều này có một số cơ sở trong cách Chân sư DK đã liên hệ hai lần điểm đạo đầu tiên với hai vòng cánh hoa đầu tiên.

138. However, the section of text may also suggest that the energy descending from the Logos of a man's Ray, and passing through one of the higher three planetary centers (either of the originating Logos or of our Planetary Logos), would be applied to the tier of petals in the egoic lotus that corresponds to that Ray and to the planetary center through which the energy passes.

138. Tuy nhiên, phần văn bản này cũng có thể gợi ý rằng năng lượng giáng xuống từ Thượng đế của Cung một người, và đi qua một trong ba trung tâm hành tinh cao hơn (hoặc của Thượng đế khởi nguyên hoặc của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta), sẽ được vận dụng vào tầng cánh hoa trong hoa sen chân ngã tương ứng với cung đó và với trung tâm hành tinh mà qua đó năng lượng đi qua.

139. In other words, if the ray descending from the Planetary Logos of a man's ray were

139. Nói cách khác, nếu cung giáng xuống từ Hành Tinh Thượng Đế của cung một người

the third (the man being a third ray Monad), and the planetary center (whether of the originating Planetary Logos or of our Planetary Logos—or both) through which that third ray energy passed were the throat center, then that energy would (regardless of the initiation being taken) first be applied to the *knowledge tier* of the man's egoic lotus, and subsequently to that petal within that tier which corresponded to the initiation being taken—the first petal of the knowledge tier for the first initiation, the second for the second and so forth.

là cung ba (người ấy là một chân thần cung ba), và trung tâm hành tinh (dù là của Hành Tinh Thượng Đế khởi nguyên hay của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta—hoặc cả hai) mà qua đó năng lượng cung ba ấy đi qua là trung tâm cổ họng, thì năng lượng ấy (bất kể lần điểm đạo nào đang được tiếp nhận) trước hết sẽ được vận dụng vào *tầng tri thức* của hoa sen chân ngã của người ấy, và sau đó vào cánh hoa trong tầng ấy tương ứng với lần điểm đạo đang được tiếp nhận—cánh hoa thứ nhất của tầng tri thức cho lần điểm đạo thứ nhất, cánh hoa thứ hai cho lần điểm đạo thứ hai, v.v.

140. But such a scenario cannot represent the *complete picture,* for we realize that somehow the energy of the Rod of Power *must* be applied sequentially to the petals of the sacrifice tier at the first, second and third initiations. The descending fire could not affect, for instance, the knowledge tier *only.*

140. Nhưng một kịch bản như thế không thể biểu thị *bức tranh trọn vẹn,* vì chúng ta nhận ra rằng bằng cách nào đó năng lượng của Thần Trượng Quyền năng *phải* được vận dụng tuần tự vào các cánh hoa của tầng hi sinh ở lần điểm đạo thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Chẳng hạn, ngọn lửa giáng xuống không thể chỉ tác động đến tầng tri thức mà thôi.

141. We may previously have supposed that at initiation the Rod would *only* be applied to the third or sacrifice tier of petals or to the fourth, but the section of text under consideration says otherwise.

141. Trước đây chúng ta có thể đã giả định rằng khi điểm đạo, Thần Trượng sẽ *chỉ* được vận dụng vào tầng cánh hoa thứ ba hay tầng hi sinh, hoặc vào tầng thứ tư, nhưng phần văn bản đang xét nói khác đi.

142. In tracking the descent of energy, we have two possibilities.

142. Khi theo dõi sự giáng xuống của năng lượng, chúng ta có hai khả năng.

143. The following indicates the application of the energy to the tier of petals *corresponding to the initiation being taken.*

143. Điều sau đây chỉ ra việc vận dụng năng lượng vào tầng cánh hoa *tương ứng với lần điểm đạo đang được tiếp nhận.*

144. When speaking of the application of the Rod at initiation, the following would then take place:

144. Khi nói về việc vận dụng Thần Trượng trong lúc điểm đạo, khi ấy điều sau đây sẽ diễn ra:

a. The application of the Rod to the tier of petals which corresponds to the initiation

a. Việc vận dụng Thần Trượng vào tầng cánh hoa tương ứng với lần điểm đạo đang được

being taken—the knowledge tier for the first initiation, the love tier for the second initiation and the sacrifice tier for the third.

tiếp nhận—tầng tri thức cho lần điểm đạo thứ nhất, tầng bác ái cho lần điểm đạo thứ hai và tầng hi sinh cho lần điểm đạo thứ ba.

b. The application of the Rod to the particular petal within that tier which corresponds to the initiation being taken (this process being influenced by the primary and secondary ray of the man).

b. Việc vận dụng Thần Trượng vào cánh hoa đặc thù trong tầng ấy tương ứng với lần điểm đạo đang được tiếp nhận (tiến trình này chịu ảnh hưởng bởi cung chính và cung phụ của người ấy).

c. Subsequently, the application of the Rod (and this is inferred) to that petal in the sacrifice tier, which is particularly related to the initiation being taken. This type of application of the Rod (to three tiers in sequence depending upon the initiation undergone) could relate only to the first three initiations. Beyond that point, application would have to occur to the synthesis petals directly.

c. Sau đó, việc vận dụng Thần Trượng (và điều này là suy luận) vào cánh hoa trong tầng hi sinh đặc biệt liên hệ với lần điểm đạo đang được tiếp nhận. Kiểu vận dụng Thần Trượng này (vào ba tầng theo tuần tự tùy theo lần điểm đạo đã trải qua) chỉ có thể liên hệ đến ba lần điểm đạo đầu tiên. Vượt quá điểm đó, sự vận dụng sẽ phải xảy ra trực tiếp vào các cánh hoa tổng hợp.

145. Alternatively, the following is the possibility if the application of the Rod of Initiation is applied first to that tier of petals which *corresponds to a man's major ray* and to the planetary center (whether within the Planetary Logos of the man's ray or within our *own* Planetary Logos) through which that ray energy passes on the way to the Rod. This center may well be located on the monadic plane.

145. Hoặc, sau đây là khả năng nếu việc vận dụng Thần Trượng Điểm đạo trước hết được áp dụng vào tầng cánh hoa *tương ứng với cung chính của một người* và với trung tâm hành tinh (dù ở trong Hành Tinh Thượng Đế của cung người ấy hay trong *chính* Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta) mà qua đó năng lượng cung ấy đi trên đường đến Thần Trượng. Trung tâm này rất có thể nằm trên cõi chân thần.

146. In this alternative we would have:

146. Trong phương án thay thế này, chúng ta sẽ có:

a. The application of the energy to that tier of petals corresponding to the man's major ray *and* to the planetary centers (identical within two planetary schemes—the originating planetary scheme and ours) corresponding to that ray—i.e., either the head, heart or throat center.

a. Việc vận dụng năng lượng vào tầng cánh hoa tương ứng với cung chính của người ấy *và* với các trung tâm hành tinh (giống nhau trong hai hệ hành tinh—hệ hành tinh khởi nguyên và hệ của chúng ta) tương ứng với cung ấy—tức hoặc trung tâm đầu, tim hoặc cổ họng.

b. The application of the energy to that petal in *that specific tier*, which corresponded to the initiation being taken (this application being influenced also by the primary and secondary ray of the man)

b. Việc vận dụng năng lượng vào cánh hoa trong *chính tầng đặc thù ấy*, tương ứng với lần điểm đạo đang được tiếp nhận (sự vận dụng này cũng chịu ảnh hưởng bởi cung chính và cung phụ của người ấy)

c. And following this, the application of the descending energy to that petal in the third or sacrifice tier which corresponded to the initiation being taken, if that petal had not already received the flow of energy. If, for instance, a man's major ray were the *first*, then the sacrifice tier would be initially targeted to receive the flow of energy from the planetary *head* center.

c. Và tiếp theo đó, việc vận dụng năng lượng giáng xuống vào cánh hoa trong tầng thứ ba hay tầng hi sinh tương ứng với lần điểm đạo đang được tiếp nhận, nếu cánh hoa ấy chưa nhận được dòng năng lượng. Chẳng hạn, nếu cung chính của một người là cung *một*, thì tầng hi sinh sẽ là mục tiêu ban đầu để nhận dòng năng lượng từ trung tâm *đầu* hành tinh.

147. Of these two alternatives, the reception of "fire from Heaven" *based upon the initiation being taken* seems to most reasonable and to be corroborated in other references.

147. Trong hai phương án này, việc tiếp nhận "lửa từ Thiên Đàng" *dựa trên lần điểm đạo đang được tiếp nhận* dường như hợp lý hơn cả và được xác nhận trong những dẫn chiếu khác.

148. May we assume that at the fourth initiation, there is an application to the fourth tier of petals (the synthesis tier) *as a whole,* even though there will, additionally and, presumably, more importantly, be application of the Rod to the Jewel in the Lotus?

148. Liệu chúng ta có thể giả định rằng ở lần điểm đạo thứ tư, có sự vận dụng vào tầng cánh hoa thứ tư (tầng tổng hợp) *như một toàn thể,* dù rằng ngoài ra, và có lẽ quan trọng hơn, còn có sự vận dụng Thần Trượng vào Bảo Châu trong Hoa Sen hay không?

149. These matters are very intricate and there is no assurance that we can gather a completely clear picture of the, given our present stage of evolution.

149. Những vấn đề này rất phức tạp, và không có gì bảo đảm rằng chúng ta có thể thu thập được một bức tranh hoàn toàn rõ ràng về điều đó, xét theo giai đoạn tiến hoá hiện nay của chúng ta.

150. Also, in the matter of a man's "primary and secondary ray", we are almost certainly speaking of the monadic ray and the soul ray, but if the energy of the Rod is directed to a petal corresponding to the monadic ray, then how would the soul ray qualify that

150. Ngoài ra, trong vấn đề "cung chính và cung phụ" của một người, gần như chắc chắn chúng ta đang nói đến cung chân thần và cung linh hồn, nhưng nếu năng lượng của Thần Trượng được hướng đến một cánh hoa tương ứng với cung chân thần, thì cung linh hồn sẽ định tính tiến trình ấy như thế nào?

process? Would it be influential in the sequence of energy-application?

Liệu nó có ảnh hưởng trong trình tự vận dụng năng lượng hay không?

151. Would, for instance, another petal in that tier be touched subsequently? And would that petal, then, correspond to the nature of the soul ray?

151. Chẳng hạn, liệu một cánh hoa khác trong tầng ấy sau đó có được chạm đến không? Và khi ấy cánh hoa đó có tương ứng với bản chất của cung linh hồn không?

152. These matters will have to await the descent of further light.

152. Những vấn đề này sẽ phải chờ ánh sáng sâu hơn giáng xuống.

A close connection can be traced here between the petals and the centres of the etheric level of the physical plane,

Ở đây có thể truy ra một mối liên hệ chặt chẽ giữa các cánh hoa và các trung tâm trên cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần,

153. We might think (in a general manner) of the knowledge petals as related to the sub-diaphragmatic chakras; the love petal to the chakras in the torso; and the sacrifice petals as related to the centers of the head (and there are many).

153. Chúng ta có thể nghĩ (một cách khái quát) rằng các cánh hoa tri thức liên hệ với các luân xa dưới cơ hoành; các cánh hoa bác ái với các luân xa trong thân mình; và các cánh hoa hi sinh liên hệ với các trung tâm ở đầu (và có nhiều trung tâm như thế).

154. We are not even mentioning the astral and mental centers, but, by analogy, they must also be connected to the petals.

154. Chúng ta thậm chí còn chưa đề cập đến các trung tâm cảm dục và trí tuệ, nhưng theo định luật tương ứng, chúng hẳn cũng liên kết với các cánh hoa.

155. One can examine the petals of the various tiers individually, and seek to apply them to one chakra principally though not exclusively.

155. Người ta có thể khảo sát riêng từng cánh hoa của các tầng khác nhau, và tìm cách áp dụng chúng chủ yếu, dù không riêng biệt, vào một luân xa nào đó.

[Page 885] and thus it can be seen how (when the necessary work is done) it is possible to have a direct transmission of force from the higher planes to the lower in the following order:

[Page 885] và như thế có thể thấy rằng (khi công việc cần thiết đã được thực hiện) có thể có một sự truyền dẫn trực tiếp mãnh lực từ các cõi cao xuống các cõi thấp theo trật tự sau đây:

156. We have seen how energy reaches the initiate from the Planetary Logos of a man's primary ray, through the planetary center of the Planetary Logos of a man's ray and the planetary center our Planetary Logos which

156. Chúng ta đã thấy năng lượng đến với điểm đạo đồ từ Hành Tinh Thượng Đế của cung chính của một người, qua trung tâm hành tinh của Hành Tinh Thượng Đế của cung người ấy và trung tâm hành tinh của

corresponds to that ray, and thence to the tiers of petals and the petals within the tiers.

Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta tương ứng với cung đó, rồi từ đó đến các tầng cánh hoa và các cánh hoa trong các tầng.

157. DK is now suggesting that this high energy can reach directly through to the etheric centers from the petals which correspond with those centers.

157. Giờ đây Chân sư DK đang gợi ý rằng năng lượng cao này có thể đi thẳng đến các trung tâm dĩ thái từ các cánh hoa tương ứng với những trung tâm ấy.

158. This kind of transmission, of course, cannot happen unless the necessary work has been done, and this work is of a purificatory nature.

158. Dĩ nhiên, kiểu truyền dẫn này không thể xảy ra trừ phi công việc cần thiết đã được thực hiện, và công việc này có tính chất thanh luyện.

159. The following lines of transmission could be considered most useful during visualization in the process of occult meditation.

159. Những đường truyền dẫn sau đây có thể được xem là rất hữu ích trong khi hình dung trong tiến trình tham thiền huyền bí học.

a. From the logoic centre, or the planetary Logos, to the Monad on its own plane.

a. Từ trung tâm logoic, hay Hành Tinh Thượng Đế, đến chân thần trên chính cõi của nó.

160. In this tabulated descent, we have apparently omitted the source named "the Logos of a man's ray". We can assume this source to be extra-planetary.

160. Trong sự giáng xuống được lập bảng này, hiển nhiên chúng ta đã bỏ qua nguồn được gọi là "Thượng đế của cung một người". Chúng ta có thể giả định nguồn này là ngoài hành tinh.

161. The Logos in question may be the Solar Logos, and the "logoic centre" may be considered either *our* Planetary Logos or, perhaps, the Planetary Logos of a man's ray. If this is the case, then the particular center of our Planetary Logos through which the energy must pass is not mentioned as it was in text found above.

161. Thượng đế được nói đến có thể là Thái dương Thượng đế, và "trung tâm logoic" có thể được xem là hoặc *Hành Tinh Thượng Đế* của chúng ta hoặc, có lẽ, Hành Tinh Thượng Đế của cung một người. Nếu đúng như vậy, thì trung tâm đặc thù của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta mà qua đó năng lượng phải đi qua lại không được nhắc đến như trong đoạn văn ở trên.

162. The point to note is that there is a transmission from either one or two Planetary Logoi to the Monad on its own

162. Điểm cần lưu ý là có một sự truyền dẫn từ một hoặc hai Hành Tinh Thượng Đế đến chân thần trên chính cõi của nó thuộc cõi hồng trần vũ trụ của hệ Địa Cầu chúng ta.

plane of the cosmic physical plane of our Earth-scheme.

b. From that Monad to one of the three tiers of petals, according to the aspect or ray concerned.

163. Here, the spiritual triad and its three aspects are not mentioned, but as energy descends from the Monad, certain streams of that energy will definitely pass through the spiritual triad (cf. Chart VIII, TCF 817)

164. We note that when discussing how the ray express within the spiritual triad, such rays are usually named as "aspects", appearing under the terms "atma", "buddhi" and "manas" though there is said to be a "ninefold choice of rays" for the spiritual triad.

165. We may infer that the energies of a first ray Monad will reach the sacrifice petals; the energy of a second ray Monad, the love petals; the energy of a third ray Monad, the knowledge petals.

166. We note in this transmission that the descent of energy is not being directed according to the initiation undergone, but according to the ray or aspect of the Monad.

167. Of course, we *may* be speaking of a general transmission from high to low and not of a transmission which would occur during the rite of initiation. Yet, we have been speaking of the descent of "fire from Heaven" which occur specifically during the rite of initiation.

b. Từ chân thần ấy đến một trong ba tầng cánh hoa, tùy theo phương diện hay cung liên hệ.

163. Ở đây, Tam Nguyên Tinh Thần và ba phương diện của nó không được nhắc đến, nhưng khi năng lượng giáng xuống từ chân thần, một số dòng năng lượng ấy chắc chắn sẽ đi qua Tam Nguyên Tinh Thần (x. Biểu đồ VIII, TCF 817)

164. Chúng ta lưu ý rằng khi bàn về cách cung biểu lộ trong Tam Nguyên Tinh Thần, các cung ấy thường được gọi là các "phương diện", xuất hiện dưới các thuật ngữ "atma", "buddhi" và "manas", dù có nói rằng có một "sự lựa chọn cung cửu phân" cho Tam Nguyên Tinh Thần.

165. Chúng ta có thể suy ra rằng các năng lượng của một chân thần cung một sẽ đến các cánh hoa hi sinh; năng lượng của một chân thần cung hai, các cánh hoa bác ái; năng lượng của một chân thần cung ba, các cánh hoa tri thức.

166. Chúng ta lưu ý trong sự truyền dẫn này rằng sự giáng xuống của năng lượng không được hướng dẫn theo lần điểm đạo đã trải qua, mà theo cung hay phương diện của chân thần.

167. Dĩ nhiên, chúng ta *có thể* đang nói về một sự truyền dẫn tổng quát từ cao xuống thấp chứ không phải một sự truyền dẫn xảy ra trong nghi thức điểm đạo. Tuy nhiên, chúng ta đã nói về sự giáng xuống của "lửa từ Thiên Đàng", vốn xảy ra đặc biệt trong nghi thức điểm đạo.

c. From the tier of petals, viewed as a unit,

168. The entire tier of petals can be considered as a unit of energy or energy center. It is, thus, viewed in its wholeness.

to one of the petals in the circle, according to the quality and type of force, using the petal as a transmitting agency.

169. The transmission of energy goes from the tier *considered as a unit* to a petal *within that same tier.*

170. If the energy is of the first ray, the sacrifice petal in that tier will receive the energy; if the energy is second ray energy, it will be the love petal of that tier; if third ray energy, then the knowledge petal receives the flow of energy.

d. From the particular petal in which the force is momentarily centred to one of the permanent atoms, again according to ray and type of force.

171. We are dealing with a flow of energy and, thus, with a *momentary* centering and not a permanent centering.

172. The entire transmission occurs in relation to the three aspects and here is *one way* of viewing the relationship between the petals and permanent atoms,

a. If the petal is a sacrifice petal (regardless of the tier concerned), then the permanent atom will be the mental unit (not really a permanent atom, but often named as such)

c. Từ tầng cánh hoa, được xem như một đơn vị,

168. Toàn bộ tầng cánh hoa có thể được xem như một đơn vị năng lượng hay trung tâm năng lượng. Vì vậy, nó được nhìn trong tính toàn thể của nó.

đến một trong các cánh hoa trong vòng, tùy theo phẩm tính và loại mãnh lực, dùng cánh hoa như một tác nhân truyền dẫn.

169. Sự truyền dẫn năng lượng đi từ tầng *được xem như một đơn vị* đến một cánh hoa *trong chính tầng ấy.*

170. Nếu năng lượng là cung một, cánh hoa hi sinh trong tầng ấy sẽ nhận năng lượng; nếu là năng lượng cung hai, đó sẽ là cánh hoa bác ái của tầng ấy; nếu là năng lượng cung ba, thì cánh hoa tri thức nhận dòng năng lượng.

d. Từ cánh hoa đặc thù mà trong đó mãnh lực được tập trung nhất thời đến một trong các nguyên tử trường tồn, lại tùy theo cung và loại mãnh lực.

171. Chúng ta đang xử lý một dòng năng lượng và vì vậy là một sự tập trung *nhất thời* chứ không phải một sự tập trung thường trực.

172. Toàn bộ sự truyền dẫn xảy ra trong liên hệ với ba phương diện, và đây là *một cách* nhìn mối liên hệ giữa các cánh hoa và các nguyên tử trường tồn,

a. Nếu cánh hoa là một cánh hoa hi sinh (bất kể tầng nào liên hệ), thì nguyên tử trường tồn sẽ là đơn vị hạ trí (thật ra không phải là

một nguyên tử trường tồn, nhưng thường được gọi như vậy)

b. If the petal is a love petal (regardless of the tier concerned), then the permanent atom will be the astral permanent atom.

b. Nếu cánh hoa là cánh hoa bác ái (bất kể thuộc tầng nào), thì nguyên tử trường tồn sẽ là nguyên tử trường tồn cảm dục.

c. If the petal of a knowledge petal (regardless of the tier concerned), then the permanent atom will be the physical permanent atom.

c. Nếu cánh hoa là cánh hoa tri thức (bất kể thuộc tầng nào), thì nguyên tử trường tồn sẽ là nguyên tử trường tồn hồng trần.

173. We know that in every tier there are to be found one knowledge petal, one love petal, and one sacrifice petal.

173. Chúng ta biết rằng trong mỗi tầng đều có thể tìm thấy một cánh hoa tri thức, một cánh hoa bác ái, và một cánh hoa hi sinh.

174. If the transmission were from the spiritual triad, then the *correspondence* between triadal permanent atoms and the members of the atomic triangle would be as follows; atmic permanent atom/mental unit; buddhic permanent atom/astral permanent atom; manasic permanent atom/ physical permanent atom.

174. Nếu sự truyền dẫn đến từ Tam Nguyên Tinh Thần, thì sự *tương ứng* giữa các nguyên tử trường tồn của tam nguyên và các thành viên của tam giác nguyên tử sẽ như sau: nguyên tử trường tồn atma/đơn vị hạ trí; nguyên tử trường tồn Bồ đề/nguyên tử trường tồn cảm dục; nguyên tử trường tồn manas/nguyên tử trường tồn hồng trần.

175. But since the origin *is the egoic lotus and its petals*, there is the possibility of an alteration of relationship, a *reflection* instead of a *correspondence* as follows:

175. Nhưng vì nguồn gốc *là Hoa Sen Chân Ngã và các cánh hoa của nó*, nên có khả năng xảy ra một sự thay đổi trong mối liên hệ, một sự *phản chiếu* thay vì một sự *tương ứng* như sau:

a. Sacrifice petal to the physical permanent atom

a. Cánh hoa hi sinh với nguyên tử trường tồn hồng trần

b. Love petal to the astral permanent atom

b. Cánh hoa bác ái với nguyên tử trường tồn cảm dục

c. Knowledge petal to the mental unit

c. Cánh hoa tri thức với đơn vị hạ trí

176. Correspondences and reflections are not identical.

176. Các sự tương ứng và các sự phản chiếu không đồng nhất.

177. Really, both these possibilities are somewhat true. The sacrifice petals are definitely related to the mental plane and thus to the mental unit. The love petals of course to the astral permanent atom and the knowledge petals to the etheric-physical plane and thus to the physical permanent atom.

177. Thực ra, cả hai khả năng này đều phần nào đúng. Các cánh hoa hi sinh chắc chắn liên hệ với cõi trí và do đó với đơn vị hạ trí. Dĩ nhiên, các cánh hoa bác ái liên hệ với nguyên tử trường tồn cảm dục và các cánh hoa tri thức liên hệ với cõi dĩ thái-hồng trần và do đó với nguyên tử trường tồn hồng trần.

178. However, it is also true that the knowledge petals are reflected in the mental nature and, thus, hold a relation to the mental unit, and that the sacrifice petals have an effect upon the physical plane, where the ultimate sacrifice at the fourth initiation is made through the deliberate relinquishing of the causal body.

178. Tuy nhiên, cũng đúng là các cánh hoa tri thức được phản chiếu trong bản chất trí tuệ và do đó giữ một mối liên hệ với đơn vị hạ trí, và các cánh hoa hi sinh có tác động lên cõi hồng trần, nơi sự hi sinh tối hậu ở lần điểm đạo thứ tư được thực hiện qua việc cố ý từ bỏ thể nguyên nhân.

e. From the permanent atom via the atomic triangle, and the mental, and astral centres, to that one of the three higher centres in the etheric body particularly concerned.

e. Từ nguyên tử trường tồn qua tam giác nguyên tử, và các trung tâm trí tuệ cùng các trung tâm cảm dục, đến một trong ba trung tâm cao trong thể dĩ thái có liên hệ đặc biệt.

179. The descent continue as follows:

179. Sự giáng hạ tiếp tục như sau:

a. From one of the petals in one of the tiers, a member of the atomic triangle has received the downflow of energy.

a. Từ một cánh hoa trong một tầng, một thành viên của tam giác nguyên tử đã tiếp nhận dòng năng lượng tuôn xuống.

b. From this permanent atom, the energy descends lower but *via* the atomic triangle as a whole

b. Từ nguyên tử trường tồn này, năng lượng giáng xuống thấp hơn nhưng *qua* toàn bộ tam giác nguyên tử

c. In this descent, corresponding mental centers and astral centers act as points of reception and transmission.

c. Trong sự giáng hạ này, các trung tâm trí tuệ tương ứng và các trung tâm cảm dục hoạt động như những điểm tiếp nhận và truyền dẫn.

d. Finally, according to the quality of the descending energy, one of the three higher centers in the etheric body receives the flow

d. Cuối cùng, tùy theo phẩm tính của năng lượng giáng xuống, một trong ba trung tâm cao trong thể dĩ thái tiếp nhận dòng chảy

180. It should be noted that, within the downflow, the units in the atomic triangle seem to take a precedence over the *centers* with which they are resonantly related.

180. Cần lưu ý rằng, trong dòng tuôn xuống, các đơn vị trong tam giác nguyên tử dường như giữ vị trí ưu tiên hơn các *trung tâm* mà chúng có liên hệ cộng hưởng.

f. From the etheric centre to the physical brain.

f. Từ trung tâm dĩ thái đến bộ não hồng trần.

181. The seeming final (but really penultimate) point of reception is the physical brain of man. We can also assume that the etheric brain has been a point of reception and transmission in the flow.

181. Điểm tiếp nhận có vẻ như cuối cùng (nhưng thật ra là áp chót) là bộ não hồng trần của con người. Chúng ta cũng có thể giả định rằng não dĩ thái đã là một điểm tiếp nhận và truyền dẫn trong dòng chảy.

We have here put very briefly the process of force transmission from the Monad to man on the physical plane, and hence it will be apparent why the emphasis is so consistently laid upon the necessity for bodily purity (in all the three bodies),

Ở đây chúng ta đã trình bày rất vắn tắt tiến trình truyền dẫn mãnh lực từ chân thần đến con người trên cõi hồng trần, và do đó sẽ thấy rõ vì sao sự nhấn mạnh lại được đặt nhất quán đến thế vào nhu cầu thanh khiết của các thể (trong cả ba thể),

182. Otherwise the downflow would be thwarted. The channel would be clogged with resistant energies.

182. Nếu không, dòng tuôn xuống sẽ bị cản trở. Kênh dẫn sẽ bị nghẽn bởi các năng lượng kháng cự.

and upon the alignment of those bodies so that the flow of force may be unimpeded.

và vào sự chỉnh hợp của các thể ấy để dòng mãnh lực có thể không bị ngăn trở.

183. In this short tabulation, DK has shown us how energy is transmitted from the highest to the lowest. He has given us a line of descent which can occur at any time, but, seemingly, especially during the rite of initiation when "fire from Heaven" descends.

183. Trong bảng tóm lược ngắn này, Chân sư DK đã chỉ cho chúng ta thấy năng lượng được truyền từ cao xuống thấp như thế nào. Ngài đã cho chúng ta một đường giáng hạ có thể xảy ra vào bất cứ lúc nào, nhưng dường như đặc biệt là trong nghi lễ điểm đạo khi "lửa từ Thiên Đàng" giáng xuống.

184. We should review these points of transmission and reception and practice visualizing them to see whether we can sense a complete downflow. This will not be easy, but we can be assured that during the

184. Chúng ta nên xem lại các điểm truyền dẫn và tiếp nhận này và thực hành hình dung chúng để xem liệu chúng ta có thể cảm nhận được một dòng tuôn xuống trọn vẹn hay không. Điều này sẽ không dễ, nhưng chúng ta có thể chắc chắn rằng trong biến cố

initiation event (i.e., during those special inner conditions), the downflow will occur.

185. Of course it can be assumed that before certain initiations are possible the necessary purification and alignment have already taken place.

The effects of this downflow of force may be viewed in a twofold manner, that is, in a material and in a psychic sense.

186. We must remember that the term "material" refers to the matter of the astral body and mental body as well as to the matter etheric-physical plane.

***The material effect*, or the result of this stimulation upon the forms and upon the atoms in the forms, is to render them radioactive, or to set loose the energy of substance.**

187. Throughout the books a number of definitions of radioactivity are given. Here we have one of importance—*the setting loose of the energy of substance.*

188. We thus see that radioactivity is a condition of relative freedom.

This is the liberating of the energy imprisoned within the form, and concerns the Brahma aspect, and [Page 886] the evolution of matter itself.

189. Liberation comes from above—ultimately from the Monad and those greater Sources in which the Monad is incorporated or to which the Monad is related.

điểm đạo (tức là trong những điều kiện nội tại đặc biệt ấy), dòng tuôn xuống sẽ xảy ra.

185. Dĩ nhiên có thể giả định rằng trước khi một số điểm đạo nhất định có thể xảy ra, sự thanh lọc và chỉnh hợp cần thiết đã diễn ra rồi.

Các tác động của dòng mãnh lực tuôn xuống này có thể được nhìn theo cách nhị phân, tức là theo nghĩa vật chất và theo nghĩa thông linh.

186. Chúng ta phải nhớ rằng thuật ngữ "vật chất" ám chỉ vật chất của thể cảm dục và thể trí cũng như vật chất của cõi dĩ thái-hồng trần.

***Tác động vật chất*, hay kết quả của sự kích thích này lên các hình tướng và lên các nguyên tử trong các hình tướng, là làm cho chúng trở nên phóng xạ, hay giải phóng năng lượng của chất liệu.**

187. Xuyên suốt các bộ sách có đưa ra một số định nghĩa về tính phóng xạ. Ở đây chúng ta có một định nghĩa quan trọng—*sự giải phóng năng lượng của chất liệu.*

188. Như vậy chúng ta thấy rằng tính phóng xạ là một trạng thái tự do tương đối.

Đây là sự giải phóng năng lượng bị giam giữ trong hình tướng, và liên quan đến phương diện Brahma, và [Page 886] sự tiến hoá của chính vật chất.

189. Sự giải thoát đến từ bên trên—rốt ráo là từ chân thần và từ những Nguồn cội lớn lao hơn mà trong đó chân thần được bao hàm hoặc có liên hệ.

190. If the units of matter are to evolve, they, too, must achieve the liberation of the 'unit of life' within the material unit. This is alchemy.

It affects the lunar bodies, and therefore relates to the lunar Lords or Pitris, causing a weakening of their hold upon the lesser builders, bringing them more under the force streams from the solar Angels,

191. Here we have something of considerable importance.

192. "Lunar Pitris", when true to their name, are greater entities than "lesser builders". (We are not speaking of the Creative Hierarchy of "Lesser Builders" focussed on the atmic plane.)

193. Normally, we see, the lunar pitris grip the lesser builders and prevent them from responding properly to the "force streams from the solar Angels".

194. But the descent of monadic force (set loose especially through the Rite of Initiation), weakens the hold which the lunar pitris have on the lesser builders and render them more responsive to the solar forces.

195. This type of descent, therefore, contributes to the solarization of man.

196. As a note of caution, it should be observed that the lowest category of "lunar Pitris" can be considered equivalent to the "lesser builders".

190. Nếu các đơn vị vật chất muốn tiến hoá, thì chính chúng cũng phải đạt được sự giải phóng của "đơn vị sự sống" bên trong đơn vị vật chất. Đây là thuật luyện kim.

Nó tác động đến các thể thái âm, và do đó liên hệ đến các thái âm tổ phụ hay các Pitri, làm suy yếu sự nắm giữ của họ đối với các vị tiểu kiến tạo, khiến các vị này chịu ảnh hưởng nhiều hơn dưới các dòng mãnh lực từ các Thái dương Thiên Thần,

191. Ở đây chúng ta có một điều hết sức quan trọng.

192. "Thái âm tổ phụ", khi đúng với tên gọi của họ, là những thực thể lớn hơn "các vị tiểu kiến tạo". (Chúng ta không nói đến Huyền Giai Sáng Tạo của "Các Vị Tiểu Kiến Tạo" tập trung trên cõi atma.)

193. Thông thường, như chúng ta thấy, các thái âm tổ phụ pitris nắm chặt các vị tiểu kiến tạo và ngăn họ đáp ứng đúng đắn với "các dòng mãnh lực từ các Thái dương Thiên Thần".

194. Nhưng sự giáng hạ của mãnh lực chân thần (được giải phóng đặc biệt qua Nghi Lễ Điểm Đạo) làm suy yếu sự nắm giữ mà các thái âm tổ phụ pitris có đối với các vị tiểu kiến tạo và khiến họ đáp ứng nhiều hơn với các mãnh lực thái dương.

195. Do đó, loại giáng hạ này góp phần vào sự thái dương hóa của con người.

196. Như một lời lưu ý thận trọng, cần nhận thấy rằng loại thấp nhất của "thái âm tổ phụ" có thể được xem là tương đương với "các vị tiểu kiến tạo".

and leading to a situation which will eventually result in a return of the lunar Pitris of all degrees [there are apparently three] to the central point for force substance.

và dẫn đến một tình trạng mà cuối cùng sẽ đưa các thái âm tổ phụ ở mọi cấp độ [dường như có ba loại] trở về điểm trung tâm của chất liệu mãnh lực.

197. As their hold or grip is weakened, the lunar pitris have no further reason to grip the lesser builders. The descent of energy stimulates and uplifts them too, and they are made ready to return "to the central point for force substance". All the three major categories of lunar pitris return.

197. Khi sự nắm giữ hay siết chặt của họ bị suy yếu, các thái âm tổ phụ pitris không còn lý do nào để nắm chặt các vị tiểu kiến tạo nữa. Sự giáng hạ của năng lượng cũng kích thích và nâng họ lên, và họ được chuẩn bị để trở về "điểm trung tâm của chất liệu mãnh lực". Cả ba loại chính của các thái âm tổ phụ pitris đều trở về.

198. We see the several ways in which the event of initiation liberates not only the human being, but the Solar Pitris and lunar pitris as well.

198. Chúng ta thấy nhiều cách khác nhau mà biến cố điểm đạo giải phóng không chỉ con người, mà cả các thái dương tổ phụ và các thái âm tổ phụ pitris nữa.

In a psychic sense the result of the downflow is a stimulation of consciousness, and the acquisition (through that stimulation) of the psychic powers latent in man.

Theo nghĩa thông linh kết quả của dòng tuôn xuống là một sự kích thích tâm thức, và sự đạt được (qua sự kích thích đó) các năng lực thông linh tiềm ẩn trong con người.

199. If we had wondered how the psychic powers, and especially the higher ones, are cultivated in man, it is through the downflow of stimulation from very high sources which we have been discussing.

199. Nếu chúng ta từng tự hỏi các năng lực thông linh, đặc biệt là các năng lực cao hơn, được vun bồi trong con người như thế nào, thì đó là nhờ dòng kích thích tuôn xuống từ những nguồn rất cao mà chúng ta đã bàn đến.

200. All liberation descends impellingly from above; all *occultly legitimate* cultivation of powers is also impelled from above.

200. Mọi sự giải thoát đều giáng xuống một cách thôi thúc từ bên trên; mọi sự vun bồi các năng lực một cách thôi thúc từ bên trên, một cách *huyền bí học chính đáng*, cũng vậy.

His three higher physical centres, the pineal gland, the pituitary body, and the alta major centre are affected, and man becomes psychically aware in the physical

Ba trung tâm hồng trần cao của y, tuyến tùng, tuyến yên, và trung tâm alta major đều bị tác động, và con người trở nên nhận biết một cách thông linh trong bộ não hồng

brain of the higher influences, happenings and powers.

201. The activation of these three centers is the requirement for the sensing of the higher influences, happenings and powers.

According to the ray concerned, so is the centre affected.

202. As we know, the first ray is connected with the pineal gland; the second ray with the pituitary gland; and the third with the alta major center and the carotid gland.

203. Of course, for all human beings, *all three physical centers* must eventually be stimulated, but according to a man's primary and secondary ray, so will be the main receiving point and subtle modifications in the sequence of stimulation.

204. We noted that the terminus for the descending energies was the physical brain. Now we see that within that brain there are three centers which are the (physically) final receptors (*nearly* final, really)—the three glands or bodies mentioned above. (As we learn below, however, there are, as a result of the descending energies, still lower activations in the physical body of man.)

The force of the lunar Lords, which has succeeded in keeping these three organs quiescent, is superseded and the solar Angels pour in their energy.

205. What is said here is of great importance. We find the personality and its

trần về các ảnh hưởng, biến cố và năng lực cao hơn.

201. Sự hoạt hóa ba trung tâm này là điều kiện cần để cảm nhận các ảnh hưởng, biến cố và năng lực cao hơn.

Tùy theo cung liên hệ mà trung tâm bị tác động.

202. Như chúng ta biết, cung một liên hệ với tuyến tùng; cung hai với tuyến yên; và cung ba với trung tâm alta major và tuyến cảnh.

203. Dĩ nhiên, đối với mọi con người, *cả ba trung tâm hồng trần* cuối cùng đều phải được kích thích, nhưng tùy theo cung chính và cung phụ của một người mà điểm tiếp nhận chính và những biến đổi vi tế trong trình tự kích thích sẽ khác nhau.

204. Chúng ta đã lưu ý rằng điểm tận cùng của các năng lượng giáng xuống là bộ não hồng trần. Giờ đây chúng ta thấy rằng trong bộ não ấy có ba trung tâm là những cơ quan tiếp nhận cuối cùng (về mặt hồng trần) (*gần như* là cuối cùng, thật ra vậy)—ba tuyến hay thể được nhắc đến ở trên. (Tuy nhiên, như chúng ta sẽ biết ở dưới, do kết quả của các năng lượng giáng xuống, vẫn còn những sự hoạt hóa thấp hơn nữa trong thể xác của con người.)

Mãnh lực của các nguyệt tinh quân, vốn đã thành công trong việc giữ cho ba cơ quan này ở trạng thái tĩnh lặng, bị thay thế và các Thái dương Thiên Thần tuôn đổ năng lượng của họ vào.

205. Điều được nói ở đây có tầm quan trọng lớn. Chúng ta thấy phàm ngã và các "nguyệt

"lunar Lords" to be a suppressive influence in relation to the sensing of higher energies and powers. The personality, itself, is the dominant lunar lord and is the *most* suppressive.

tinh quân" của nó là một ảnh hưởng có tính đè nén đối với việc cảm nhận các năng lượng và năng lực cao hơn. Bản thân phàm ngã là nguyệt tinh quân chi phối và là yếu tố đè nén *mạnh nhất*.

206. As the hold or grip of the lunar lords or lunar pitris is weakened, an opening is created for the inflow of *solar* energy.

206. Khi sự nắm giữ hay siết chặt của các nguyệt tinh quân hay các thái âm tổ phụ pitris bị suy yếu, một sự mở ra được tạo nên cho dòng năng lượng *thái dương* chảy vào.

207. We note that, in this sentence, we do not speak of a *single* Solar Angel but of the "solar Angels".

207. Chúng ta lưu ý rằng, trong câu này, chúng ta không nói đến một Thái dương Thiên Thần *đơn lẻ* mà là đến các "Thái dương Thiên Thần".

208. Depending upon the reference, we find a number of Solar Angels involved in the egoic expression of man.

208. Tùy theo điểm quy chiếu, chúng ta thấy có một số Thái dương Thiên Thần tham gia vào sự biểu lộ chân ngã của con người.

209. We can see that, in general, by loosening the grip of the personality upon the consciousness, the activation of these three glandular organs of reception is made possible, and with that activation, the possibility of registered impression from above.

209. Chúng ta có thể thấy rằng, nói chung, bằng cách nới lỏng sự nắm giữ của phàm ngã lên tâm thức, sự hoạt hóa ba cơ quan tuyến tiếp nhận này trở nên khả hữu, và cùng với sự hoạt hóa ấy là khả năng ghi nhận ấn tượng từ bên trên.

All this again is closely connected with the threefold energy of the physical body, and produces effects within the spinal column which arouses the kundalini fire at the base of the spine, causing it to mount along the triple spinal channel, again according to ray and aspect involved.

Tất cả điều này lại liên hệ mật thiết với năng lượng tam phân của thể xác, và tạo ra những tác động trong cột sống làm khơi dậy lửa kundalini ở đáy cột sống, khiến nó đi lên dọc theo kênh cột sống tam phân, lại tùy theo cung và phương diện liên hệ.

210. The brain was the final (*nearly* final) terminus for the descent of monadic energy, but now we see that there are further effects —the stimulation of the spinal column and the threefold energy of the physical body, corresponding to the three aspects of the kundalini energy.

210. Bộ não là điểm tận cùng cuối (*gần như* cuối) cho sự giáng hạ của năng lượng chân thần, nhưng giờ đây chúng ta thấy còn có những tác động tiếp theo—sự kích thích cột sống và năng lượng tam phân của thể xác, tương ứng với ba phương diện của năng lượng kundalini.

211. If we wish to know how it is that the kundalini comes to rise, we see that, if the rising occurs lawfully, it depends upon the descent of monadic energy and its eventual influence upon the physical brain.

211. Nếu chúng ta muốn biết vì sao kundalini lại dâng lên, thì chúng ta thấy rằng, nếu sự dâng lên ấy xảy ra đúng luật, nó tùy thuộc vào sự giáng hạ của năng lượng chân thần và ảnh hưởng cuối cùng của nó lên bộ não hồng trần.

212. The rising or mounting of the kundalini energy is correlated with the *principal aspect* which is descending, and its rising, when natural and lawful, proceeds in a geometrically regulated manner. The centers which the kundalini stimulates are impacted in a certain order which is correlated with the ray which has descended from the Monad and ultimately from the Planetary Logos which is the "Logos of a man's ray".

212. Sự dâng lên hay đi lên của năng lượng kundalini có tương quan với *phương diện chính yếu* đang giáng xuống, và sự dâng lên của nó, khi tự nhiên và đúng luật, diễn ra theo một cách được điều chỉnh về mặt hình học. Các trung tâm mà kundalini kích thích bị tác động theo một trật tự nhất định có tương quan với cung đã giáng xuống từ chân thần và rốt ráo từ Hành Tinh Thượng Đế là "Logos của cung của một người".

213. The question of how to discriminate the influence of the monadic from the soul ray in this process cannot easily be disentangled at this point.

213. Vấn đề làm sao phân biện ảnh hưởng của chân thần với cung linh hồn trong tiến trình này không thể dễ dàng được tháo gỡ ở điểm này.

More anent this may not here be said, as the dangers of a premature knowledge along this line are far greater than the dangers of ignorance.

Không thể nói thêm ở đây về điều này, vì những nguy hiểm của một tri thức non sớm theo đường lối này lớn hơn rất nhiều so với những nguy hiểm của sự vô minh.

214. This is certainly a "hard saying" for most students. We almost always think 'the more knowledge, the better', but such is not the way in occult training.

214. Đây chắc chắn là một "lời khó nghe" đối với phần lớn đạo sinh. Chúng ta hầu như luôn nghĩ rằng 'càng nhiều tri thức càng tốt', nhưng đó không phải là con đường trong sự huấn luyện huyền bí học.

Suffice it to point out that the fires at the lower centres, —those below the diaphragm —have, by the time the second initiation is reached, usually mounted to the centre between the shoulder blades;

Chỉ cần nêu ra rằng các ngọn lửa ở các trung tâm thấp—những trung tâm dưới cơ hoành —đến lúc đạt lần điểm đạo thứ hai, thường đã đi lên đến trung tâm giữa hai bả vai;

215. DK is telling us, actually, that sometime before the second initiation is taken, these

215. Thật ra, Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng vào một thời điểm nào đó trước khi

fires have mounted to the centre between the shoulder blades. In fact, by the time the first initiation is taken this should be the case.

lần điểm đạo thứ hai được tiếp nhận, các ngọn lửa này đã đi lên đến trung tâm giữa hai bả vai. Thực tế, đến lúc lần điểm đạo thứ nhất được tiếp nhận thì điều này phải là như vậy.

It produces a quickening of the normal vibration of the physical body so that it responds with more readiness to the higher note of the Ego, and causes a steady rising of the blending fires through the threefold channel in the spinal column**. In the second stage this vitalising blended fire reaches a centre between the lower part of the shoulder blades, which is the point of conjunction, and of complete merging, of the fire from the base of the [Page 124] spine and the fire circulating along the pranic triangle.** It will be remembered how one point of this triangle originates there. When the threefold basic fire and the threefold pranic fire meet and merge, then evolution proceeds with greatly increased velocity**. This is effected definitely at the first Initiation** when the polarisation becomes fixed in one or other of the three higher centres,—which centre being dependent upon a man's ray. (TCF 123-124)

Nó tạo ra một sự tăng tốc rung động bình thường của thể xác để nó đáp ứng sẵn sàng hơn với âm điệu cao hơn của chân ngã, và gây nên một sự đi lên đều đặn của các ngọn lửa đang hòa trộn qua kênh tam phân trong cột sống**. Trong giai đoạn thứ hai, ngọn lửa hòa trộn đã được tiếp sinh lực này đạt đến một trung tâm giữa phần dưới của hai bả vai, là điểm hội tụ, và hòa nhập hoàn toàn, của ngọn lửa từ đáy [Page 124] cột sống và ngọn lửa lưu chuyển dọc theo tam giác prana.** Cần nhớ rằng một điểm của tam giác này phát sinh tại đó. Khi ngọn lửa cơ bản tam phân và ngọn lửa prana tam phân gặp nhau và hòa nhập, thì tiến hoá diễn ra với tốc độ tăng lên rất lớn**. Điều này được thực hiện một cách xác định ở lần Điểm đạo thứ nhất** khi sự phân cực trở nên cố định trong một hay trung tâm nào khác trong ba trung tâm cao,—trung tâm nào tùy thuộc vào cung của một người. (TCF 123-124)

216. We can see that this interpolated paragraph suggests something of this mounting of the lower energies to the center between the shoulder blades. The wording, however, is not exactly the same.

216. Chúng ta có thể thấy rằng đoạn văn nội suy này gợi ý phần nào về sự đi lên của các năng lượng thấp đến trung tâm giữa hai bả vai. Tuy nhiên, cách diễn đạt không hoàn toàn giống nhau.

217. The fires of *all* the lower centers have mounted to the shoulder blades (and apparently beyond) by the time of the second initiation, and we cannot be sure

217. Các ngọn lửa của *mọi* trung tâm thấp đã đi lên đến hai bả vai (và dường như còn vượt lên nữa) vào lúc lần điểm đạo thứ hai, và chúng ta không thể chắc chắn rằng chính

that exactly the same is indicated in the interpolated paragraph.

xác cùng một điều được chỉ ra trong đoạn văn nội suy.

at the second initiation they rise as far as the head, and all the fires of the torso are then active.

ở lần điểm đạo thứ hai chúng đi lên đến tận đầu, và mọi ngọn lửa của thân mình khi ấy đều hoạt động.

218. It is interesting and important to associate the second initiation with the head, as at that initiation mental illumination and spiritual intelligence are required achievements.

218. Thật thú vị và quan trọng khi liên kết lần điểm đạo thứ hai với đầu, vì ở lần điểm đạo ấy sự soi sáng trí tuệ và trí tuệ tinh thần là những thành tựu bắt buộc.

219. What is of importance is to note that the energies of the physical body and etheric body respond to the descending energies of the Monad and Ego. The lower energies rise because they are impulsed to do so by the higher energies.

219. Điều quan trọng là lưu ý rằng các năng lượng của thể xác và thể dĩ thái đáp ứng với các năng lượng giáng xuống của chân thần và chân ngã. Các năng lượng thấp đi lên vì chúng được các năng lượng cao thôi thúc làm như vậy.

220. In this case, 'salvation' is not worked up from below but descends from above.

220. Trong trường hợp này, "sự cứu rỗi" không được tạo dựng từ bên dưới mà giáng xuống từ bên trên.

All that remains then to do is to centralise them, **to produce the necessary geometrical interplay between the seven head centres**, and then to focus them all prior to the final liberation in the highest centre of all.

Khi đó, tất cả những gì còn lại phải làm là tập trung chúng lại, **để tạo ra sự tương tác hình học cần thiết giữa bảy trung tâm đầu**, rồi sau đó tập chú tất cả chúng trước khi sự giải thoát cuối cùng diễn ra trong trung tâm cao nhất của tất cả.

221. We are speaking of that which remains to be done after the second initiation.

221. Chúng ta đang nói về điều còn lại phải làm sau lần điểm đạo thứ hai.

222. Let us tabulate:

222. Hãy lập bảng tóm lược:

a. To centralize the risen energies

a. Tập trung các năng lượng đã đi lên

b. To produce the necessary geometrical interplay between the seven head centers. (This is a point of importance. It is often discussed that at the third initiation, the

b. Tạo ra sự tương tác hình học cần thiết giữa bảy trung tâm đầu. (Đây là một điểm quan trọng. Người ta thường bàn rằng ở lần điểm đạo thứ ba, bảy trung tâm đầu phải được

seven head centers must be activated, but the geometrical interplay between them is not mentioned.)

hoạt hóa, nhưng không nhắc đến sự tương tác hình học giữa chúng.)

c. To focus the seven head centers before final liberation is achieved by means of the requisite activation of the "highest centre of all", presumably the crown center.

c. Tập chú bảy trung tâm đầu trước khi sự giải thoát cuối cùng đạt được nhờ sự hoạt hóa cần thiết của "trung tâm cao nhất của tất cả", có lẽ là trung tâm đỉnh đầu.

223. It becomes evident that the seven head centers are to be considered in distinction from the "highest center of all". The crown center cannot be numbered among these seven.

223. Rõ ràng là bảy trung tâm đầu phải được xem xét như khác biệt với "trung tâm cao nhất của tất cả". Trung tâm đỉnh đầu không thể được tính trong bảy trung tâm này.

224. May we assume that the Vulcan/Venus interplay which occurs at the third initiation is instrumental in creating the right geometrical interplay between the seven head centers?

224. Liệu chúng ta có thể giả định rằng sự tương tác Vulcan/Sao Kim xảy ra ở lần điểm đạo thứ ba là yếu tố tạo nên sự tương tác hình học đúng đắn giữa bảy trung tâm đầu hay không?

TCF 887-896: S7S12 Part II

31 August – 15 September 2008

31 tháng Tám – 15 tháng Chín 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được trình bày bằng cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách AAB khác và từ những trang khác của TCF được trình bày bằng cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện bằng cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* đặt bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Giải**

[Page 887]

[Page 887]

4. THE FIRE ELEMENTALS, THE LESSER BUILDERS.

1. We now begin one of the most important sections on the "deva Builders" found throughout the whole of Master DK's writings.

2. The last three hundred pager or so have focussed largely on the Agnishvattas which might be considered the "greater Builders".

a. Introductory.

It will be apparent now that in our consideration of the deva Builders, great and small, of the solar system, we have hitherto practically confined ourselves to those who are the functioning agents in the three worlds of human endeavour.

3. An "agent" is one who carries out the will of another. Even the "greater Builders" are Agents as they carry out the will of various Logoi, planetary and solar.

4. There are also Builders who serve as functioning agents upon the cosmic ethers —the higher levels of the cosmic physical plane.

We have dealt briefly with the Builders on the evolutionary arc,

5. Though far from all of the B/builders on the evolutionary arc are self-conscious…

the greater entities who either have passed through the human kingdom, and therefore

4. CÁC HÀNH KHÍ CỦA LỬA, CÁC VỊ TIỂU KIẾN TẠO.

1. Giờ đây chúng ta bắt đầu một trong những phần quan trọng nhất về các "thiên thần kiến tạo" được tìm thấy trong toàn bộ trước tác của Chân sư DK.

2. Khoảng ba trăm trang vừa qua chủ yếu tập trung vào các Agnishvatta, những vị có thể được xem là "các đấng đại kiến tạo".

a. Dẫn nhập.

Giờ đây sẽ rõ rằng trong việc chúng ta xem xét các thiên thần kiến tạo, lớn và nhỏ, của hệ mặt trời, cho đến nay chúng ta trên thực tế hầu như chỉ giới hạn vào những vị là các tác nhân hoạt động trong ba cõi giới của nỗ lực nhân loại.

3. Một "tác nhân" là kẻ thực hiện ý chí của một đấng khác. Ngay cả các "đấng đại kiến tạo" cũng là các Tác nhân vì họ thực hiện ý chí của nhiều Thượng đế khác nhau, hành tinh và thái dương.

4. Cũng có những đấng kiến tạo phục vụ như các tác nhân hoạt động trên các dĩ thái vũ trụ—những cấp độ cao hơn của cõi hồng trần vũ trụ.

Chúng ta đã bàn ngắn gọn về các đấng kiến tạo trên cung tiến hoá,

5. Dù còn xa mới bao gồm tất cả các đấng kiến tạo trên cung tiến hoá là những thực thể có ngã thức…

have left that stage of evolution behind them in earlier cycles,

những thực thể lớn hơn đã hoặc đã đi qua giới nhân loại, và do đó đã bỏ lại giai đoạn tiến hoá ấy phía sau trong các chu kỳ trước,

6. This would apply to the Solar Angels as well as to still greater Devas.

6. Điều này áp dụng cho các Thái dương Thiên Thần cũng như cho các thiên thần còn lớn lao hơn nữa.

7. "Cycles" can be as large as mahamanvantaras.

7. "Các chu kỳ" có thể lớn đến mức các Đại giai kỳ sinh hóa.

or are at this time the "solar agents" of human manifestation.

hoặc hiện nay là các "tác nhân thái dương" của sự biểu lộ nhân loại.

8. This applies specifically to Solar Angels. They, too, have at least one mahamanvantara separating them from the human stage through which they have passed.

8. Điều này áp dụng riêng cho các Thái dương Thiên Thần. Chính các vị ấy cũng có ít nhất một Đại giai kỳ sinh hóa ngăn cách họ với giai đoạn nhân loại mà họ đã đi qua.

All these forms of divine existence represent —in their own place—aspects of *positive force.*

Tất cả những hình thái tồn tại thiêng liêng này biểu hiện—trong vị trí riêng của mình—các phương diện của *mãnh lực dương.*

9. "*Positive* force" is directive and self-consciously influential.

9. "*Mãnh lực dương*" có tính chỉ đạo và gây ảnh hưởng một cách hữu thức.

We come now to the consideration of the lesser builders in the three worlds, those who represent the *negative aspect* of force, being on the involutionary arc, and who are, therefore, the recipients of energy and influences.

Giờ đây chúng ta đi đến việc xem xét các vị tiểu kiến tạo trong ba cõi giới, những vị biểu hiện *phương diện âm* của mãnh lực, đang ở trên cung giáng hạ tiến hoá, và do đó là những kẻ tiếp nhận năng lượng và ảnh hưởng.

10. We will have to proceed cautiously in order to differentiate between those builders which are not yet individualized but are on the evolutionary arc and those who are far from individualized and on the *involutionary* arc—seeking (in the trajectory of their progress) to become more 'material' rather than less so.

10. Chúng ta sẽ phải tiến hành một cách thận trọng để phân biệt giữa những đấng kiến tạo chưa biệt ngã hóa nhưng đang ở trên cung tiến hoá và những vị còn rất xa sự biệt ngã hóa và ở trên cung *giáng hạ tiến hoá* —đang tìm cách (trong quỹ đạo tiến triển của họ) trở nên "vật chất" hơn thay vì bớt vật chất đi.

11. We are dealing with the energy-force-entities who are almost totally receptive rather than positive, intelligent and instigative.

They are worked upon by energy,

12. In this context we are differentiating keenly between the terms “energy” and “force”. These lesser builders are, technically, more *forces* than *energies.*

13. We know, however, that the distinction between these terms is not thoroughly upheld throughout the course of this Teaching.

14. As we will see below, there are certain types of lesser builders who are entirely passive and whose fate it is only to respond, and there are others who both respond to higher devic energies *and* also act upon or manipulate the most passive class.

and through the activity of the greater Builders are forced into different directions in space, being built into the differing forms.

15. These lesser builders are operative in that which we call “time and space”.

16. The greater Builders build consciously according to the principles of divine geometry, and the lesser builders are directed by the greater Builders into those geometrical patterns in time and space.

11. Chúng ta đang bàn đến những thực thể-năng lượng-mãnh lực hầu như hoàn toàn tiếp nhận thay vì dương, thông tuệ và khởi phát.

Họ bị năng lượng tác động,

12. Trong ngữ cảnh này chúng ta đang phân biệt rất rõ giữa các thuật ngữ “năng lượng” và “mãnh lực”. Về mặt kỹ thuật, các vị tiểu kiến tạo này là *mãnh lực* nhiều hơn là *năng lượng.*

13. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng sự phân biệt giữa các thuật ngữ này không được duy trì triệt để trong suốt tiến trình của Giáo Huấn này.

14. Như chúng ta sẽ thấy ở dưới, có những loại vị tiểu kiến tạo hoàn toàn thụ động và số phận của họ chỉ là đáp ứng, và có những vị khác vừa đáp ứng với các năng lượng thiên thần cao hơn *vừa* tác động lên hoặc điều khiển loại thụ động nhất.

và qua hoạt động của các đấng đại kiến tạo, bị ép buộc vào những hướng khác nhau trong không gian, được kiến tạo thành các hình tướng khác nhau.

15. Các vị tiểu kiến tạo này hoạt động trong cái mà chúng ta gọi là “thời gian và không gian”.

16. Các đấng đại kiến tạo kiến tạo một cách hữu thức theo các nguyên lý của hình học thiêng liêng, và các vị tiểu kiến tạo được các đấng đại kiến tạo hướng vào những mô hình hình học ấy trong thời gian và không gian.

17. We are impressed with the thought that the lesser builders are *forced* rather than *forcing.*

17. Chúng ta bị ấn tượng bởi ý nghĩ rằng các vị tiểu kiến tạo bị *cưỡng bức* hơn là *cưỡng bức kẻ khác.*

The energy that works upon them, as is well known, emanates from the second aspect,

Năng lượng tác động lên họ, như ai cũng biết, phát ra từ phương diện hai,

18. This is the aspect which very largely qualifies the solar Beings (such as Solar Angels) Who direct the lesser builders and mould them into form.

18. Đây là phương diện phần lớn định tính các Hữu thể thái dương (như các Thái dương Thiên Thần), những Đấng chỉ đạo các vị tiểu kiến tạo và nắn họ thành hình tướng.

19. Left to themselves the most passive of the lesser builders would not be gathered into forms but would remain as inchoate substance-force-matter.

19. Nếu bị bỏ mặc cho chính mình, loại thụ động nhất trong các vị tiểu kiến tạo sẽ không được tập hợp thành các hình tướng mà sẽ vẫn là chất liệu-mãnh lực-vật chất vô định hình.

20. We must not overlook, however, the activity of the first aspect in the directive process. This aspect is, however, relatively latent at this time.

20. Tuy nhiên, chúng ta không được bỏ qua hoạt động của phương diện một trong tiến trình chỉ đạo. Tuy vậy, phương diện này hiện nay còn tương đối tiềm ẩn.

and in their totality they form the great Mother.

và trong tính toàn thể của họ, họ tạo thành Mẹ vĩ đại.

21. The lesser builders in their totality form the great receptive, form-building Mother. From their very substance emerge those forms which are considered *tangible*—i.e., forms arising within the dense physical body of the Planetary Logos.

21. Các vị tiểu kiến tạo trong tổng thể của chúng tạo thành Mẹ vĩ đại có tính tiếp nhận và kiến tạo hình tướng. Từ chính chất liệu của chúng xuất hiện những hình tướng được xem là *hữu hình*—tức là, những hình tướng phát sinh bên trong thể xác đậm đặc của Hành Tinh Thượng Đế.

I would call to the attention of all students the fact that these lesser builders are literally a "sea of fire" upon which the great breath, or the AUM, takes effect.

Tôi muốn lưu ý tất cả các đạo sinh về sự kiện rằng các vị tiểu kiến tạo này theo nghĩa đen là một "biển lửa" mà trên đó hơi thở vĩ đại, hay AUM, tác động.

22. Usually the term "Sea of Fire" is reserved for the energy-substance of the systemic logoic plane. From the cosmic point of view,

22. Thông thường, thuật ngữ "Biển Lửa" được dành cho chất liệu-năng lượng của cõi logoi hệ thống. Tuy nhiên, xét từ quan điểm

however, the lives who are the energy-substance of that plane might be considered numbered among the lesser builders.

vũ trụ, các sự sống là chất liệu-năng lượng của cõi đó có thể được xem là thuộc vào hàng các vị tiểu kiến tạo.

23. Perhaps, in more ordinary terms, we should consider this "sea of fire" as a kind of 'sea of fire by friction', the aspect of fire most associated with the lesser builders.

23. Có lẽ, nói theo những thuật ngữ thông thường hơn, chúng ta nên xem "biển lửa" này như một loại 'biển lửa ma sát', phương diện của lửa gắn liền nhất với các vị tiểu kiến tạo.

24. We shall have to see if DK is signifying the great Primordial Ray working through the Great Architect of the Universe when He speaks about the AUM in relation to the great breath. The great breath seems to be far more than an agent of the third aspect of divinity and yet the AUM is often associated with that aspect.

24. Chúng ta sẽ phải xem liệu Chân sư DK có đang hàm ý Cung Nguyên Sơ vĩ đại hoạt động qua Đấng Kiến Trúc Sư Vĩ Đại của Vũ Trụ khi Ngài nói về AUM liên hệ với hơi thở vĩ đại hay không. Hơi thở vĩ đại dường như còn hơn rất nhiều một tác nhân của phương diện thứ ba của thiên tính, thế nhưng AUM lại thường được gắn với phương diện ấy.

25. We note that the AUM, though a "Word" is called here the "great breath". This identifies the AUM with the *life aspect* rather than with the third aspect. It is certainly not, in its wholeness, representative of the second aspect.

25. Chúng ta lưu ý rằng AUM, dù là một "Linh từ", ở đây lại được gọi là "hơi thở vĩ đại". Điều này đồng nhất AUM với *phương diện sự sống* hơn là với phương diện thứ ba. Chắc chắn, trong tính toàn vẹn của nó, nó không đại diện cho phương diện thứ hai.

26. In a broad study of spiritual traditions based upon the Wisdom of India, and in a more general sense, the AUM takes on the role as the greatest of all Words-of-Power and is not considered representative of only the third aspect.

26. Trong một khảo cứu rộng về các truyền thống tinh thần dựa trên Minh Triết của Ấn Độ, và theo một nghĩa tổng quát hơn, AUM đảm nhận vai trò là vĩ đại nhất trong mọi Quyền năng từ và không được xem là chỉ đại diện cho phương diện thứ ba.

27. Yet, since devas are closely associated with the third aspect, considering the Word, AUM, as representative of that aspect (and this is how the Tibetan usually treats it) is occultly fitting.

27. Tuy nhiên, vì các thiên thần gắn bó chặt chẽ với phương diện thứ ba, nên việc xem Linh từ AUM như đại diện cho phương diện ấy (và đây là cách Chân sư Tây Tạng thường xử lý nó) là thích hợp về mặt huyền bí học.

Each fiery spark, or atom, becomes (through the action of the Word), vitalised with new life, and impregnated with a different type of energy.

Mỗi tia lửa rực cháy, hay nguyên tử, trở nên (qua tác động của Linh từ), được tiếp sinh lực bằng sự sống mới, và được thấm nhuần một loại năng lượng khác.

28. The effect of the AUM is to vitalize each atom with new life. The AUM is a great and fiery breath vitalizing the tiny fiery sparks.

28. Tác động của AUM là tiếp sinh lực cho mỗi nguyên tử bằng sự sống mới. AUM là một hơi thở vĩ đại rực lửa tiếp sinh lực cho những tia lửa nhỏ bé.

29. Every time a new definition of the term "atom" arises, we should take note.

29. Mỗi khi một định nghĩa mới về thuật ngữ "nguyên tử" xuất hiện, chúng ta nên lưu ý.

30. An atom is a "fiery spark" and a Monad is a "divine spark". In some ways there is not so much difference between them.

30. Một nguyên tử là một "tia lửa rực cháy" và một chân thần là một "tia lửa thiêng liêng". Theo một số phương diện, giữa chúng không có quá nhiều khác biệt.

31. If we wish to consider the term "Word" as representative of the formative second aspect, then this second aspect coming in contact with the fiery sparks through the "Word" vitalizes and impregnates the lesser builders with a different type of energy. They become "animated" (i.e., ensouled) in a new way and the word "impregnated" indicates that they will be made to give birth to that new aspect, the second, in form.

31. Nếu chúng ta muốn xem thuật ngữ "Linh từ" như đại diện cho phương diện thứ hai có tính tạo hình, thì phương diện thứ hai này khi tiếp xúc với các tia lửa rực cháy qua "Linh từ" sẽ tiếp sinh lực và thấm nhuần các vị tiểu kiến tạo bằng một loại năng lượng khác. Chúng trở nên "được hoạt hóa" (tức là, được phú linh) theo một cách mới, và từ "được thấm nhuần" cho thấy rằng chúng sẽ được làm cho sinh ra phương diện mới ấy, tức phương diện thứ hai, trong hình tướng.

In the union of the life of atomic substance itself with that which causes the atoms to cohere, and to form vehicles of some kind or another, can be seen demonstrating the "Son of God."

Trong sự hợp nhất của sự sống của chính chất liệu nguyên tử với cái khiến các nguyên tử cố kết, và tạo thành các vận cụ thuộc loại này hay loại khác, có thể thấy "Con của Thượng đế" được biểu lộ.

32. It must always be remembered that the second aspect of divinity is the *form-builder* causing atoms to cohere and bringing about the formation of vehicles composed of those atoms.

32. Phải luôn ghi nhớ rằng phương diện thứ hai của thiên tính là *đấng kiến tạo hình tướng* khiến các nguyên tử cố kết và mang lại sự hình thành các vận cụ được cấu tạo từ những nguyên tử ấy.

33. It is the eventual function of the "Mother of God" to demonstrate in as full an expression as possible the "Son of God".

33. Chức năng sau cùng của "Mẹ của Thượng đế" là biểu lộ "Con của Thượng đế" một cách đầy đủ nhất có thể.

Herein lies the essential duality of all manifestation; this duality is later supplemented by the life of the One Who sounds the Word.

Chính trong đó có tính nhị nguyên tính cốt yếu của mọi biểu hiện; nhị nguyên tính này về sau được bổ sung bởi sự sống của Đấng xướng Linh từ.

34. We are initially speaking of the union between the second and third aspects.

34. Ban đầu chúng ta đang nói đến sự hợp nhất giữa phương diện thứ hai và thứ ba.

35. The "One Who sounds the Word" is the first aspect of divinity.

35. "Đấng xướng Linh từ" là phương diện thứ nhất của thiên tính.

36. Sometimes the term "WORD" is associated with the first aspect, just as "mantra" is associated with the second aspect and "formula" with the third aspect.

36. Đôi khi thuật ngữ "WORD" được gắn với phương diện thứ nhất, cũng như "mantra" được gắn với phương diện thứ hai và "công thức" với phương diện thứ ba.

a. The first aspect works through a Word of Power.

a. Phương diện thứ nhất hoạt động qua một Quyền năng từ.

b The second aspect works through mantric combinations.

b Phương diện thứ hai hoạt động qua các tổ hợp mantram.

c. The third aspect works through mathematical formulas. (TCF 771)

c. Phương diện thứ ba hoạt động qua các công thức toán học. (TCF 771)

Thus is the cosmic incarnation [Page 888] brought about with the three factors entering in. This has been sufficiently dealt with in earlier pages.

Như thế sự nhập thể vũ trụ [Page 888] được mang lại với ba yếu tố cùng tham dự. Điều này đã được bàn đến đầy đủ trong các trang trước.

37. The "cosmic incarnation" (a somewhat vague term which could relate to the maximally stupendous event—i.e., the embodiment of the Universal Logos) arises through the union of all three aspects of divinity.

37. "Sự nhập thể vũ trụ" (một thuật ngữ phần nào mơ hồ, có thể liên hệ đến biến cố tối đa kỳ vĩ—tức là sự nhập thể của Thượng đế Vũ Trụ) phát sinh qua sự hợp nhất của cả ba phương diện của thiên tính.

Much that will have to be said will be of a tabulatory nature, and the only way in which students can check up the approximate accuracy of that which is

Phần lớn những gì sẽ phải nói ra sẽ có tính chất bảng biểu, và cách duy nhất để các đạo sinh có thể kiểm tra độ chính xác gần đúng

imparted will be through a careful meditation upon:

38. We see the use of one of DK's main pedagogical methods—*tabulation.*

39. We note that it is not open to us to check accuracy, per se, but only *approximate* accuracy.

40. How can we become convinced of the truth of that which is to be offered?

a. The Law of Correspondences.

41. This is ever one of most powerful and exacting tools.

b. The realisable probabilities.

42. This requires the ability of the student to speculate intelligently based upon patterns of relationship which are presently understood or accepted.

c. The indications in occult literature of a corroborative nature.

43. Here we must study the extensive occult literature to see whether there are indications supportive of what DK will write.

44. We notice that direct vision is not given as one of the methods of corroboration though, ultimately, only such vision will bring the certain confirmation of knowledge.

của điều được truyền đạt là qua sự tham thiền cẩn trọng về:

38. Chúng ta thấy việc sử dụng một trong những phương pháp sư phạm chính của Chân sư DK—*sự lập bảng.*

39. Chúng ta lưu ý rằng chúng ta không thể kiểm tra chính độ chính xác, mà chỉ kiểm tra độ chính xác *gần đúng* mà thôi.

40. Làm thế nào chúng ta có thể trở nên xác tín về chân lý của điều sắp được trình bày?

a. định luật tương ứng.

41. Đây luôn là một trong những công cụ mạnh mẽ và đòi hỏi cao nhất.

b. Những xác suất có thể chứng nghiệm.

42. Điều này đòi hỏi nơi đạo sinh khả năng suy đoán một cách thông minh dựa trên các mô hình tương quan hiện đang được thấu hiểu hoặc chấp nhận.

c. Những chỉ dẫn trong văn liệu huyền bí học có tính chất xác chứng.

43. Ở đây chúng ta phải nghiên cứu kho tàng văn liệu huyền bí học rộng lớn để xem liệu có những chỉ dẫn hỗ trợ cho điều Chân sư DK sẽ viết hay không.

44. Chúng ta nhận thấy rằng linh thị trực tiếp không được nêu ra như một trong các phương pháp xác chứng, dù rốt cuộc chỉ có linh thị như thế mới mang lại sự xác nhận chắc chắn của tri thức.

Students should remember **that we are dealing with involutionary substance, or atomic matter.**

45. This is the case when we are speaking of the lowest of the lesser builders comprising monadic essence, elemental essence and the many types of atoms made therefrom. Monadic and atomic essence is also 'atomic' for it is comprised of aggregations of the "bubbles in the koilon". Only on the very highest subplane of the cosmic physical plane do these bubbles exist in a de-aggregated condition.

46. Atomic matter, we must realize, exists upon all levels of the cosmic etheric planes as well as on the more dense levels of the cosmic physical plane.

47. Does the atomic structure of substance-matter extent to the cosmic astral plane and beyond? This we cannot know.

This atomic matter is *living* substance, each atom **being a tiny life palpitating with the vitality of the third Logos**.

48. At this point it is vital to recall the theory of Hylozoism which asserts that everything is *alive,* that there is no "inanimate matter", that everything that is, is ensouled with consciousness and identity (even if the kind of consciousness to be found within the atom remains unaware of its internal identity).

49. All in cosmos is *animate.* That which animates living atomic substance is the Anima Mundi, the Soul of the World.

Các đạo sinh nên nhớ **rằng chúng ta đang đề cập đến chất liệu giáng hạ tiến hoá, hay vật chất nguyên tử.**

45. Đây là trường hợp khi chúng ta nói về hạng thấp nhất của các vị tiểu kiến tạo cấu thành tinh chất chân thần, tinh chất hành khí và nhiều loại nguyên tử được tạo nên từ đó. Tinh chất chân thần và tinh chất nguyên tử cũng là 'nguyên tử' vì chúng được cấu thành từ những tập hợp của các "bọt trong koilon". Chỉ trên cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ thì các bọt này mới tồn tại trong trạng thái không kết tập.

46. Chúng ta phải chứng nghiệm rằng vật chất nguyên tử tồn tại trên mọi cấp độ của các cõi dĩ thái vũ trụ cũng như trên các cấp độ đậm đặc hơn của cõi hồng trần vũ trụ.

47. Liệu cấu trúc nguyên tử của chất liệu-vật chất có mở rộng đến cõi cảm dục vũ trụ và vượt xa hơn nữa hay không? Điều này chúng ta không thể biết.

Vật chất nguyên tử này là chất liệu *sống*, mỗi nguyên tử là **một sự sống nhỏ bé rung động với sinh lực của Logos thứ ba**.

48. Tại điểm này, điều tối quan trọng là nhớ lại học thuyết Hylozoism, học thuyết khẳng định rằng mọi sự đều *sống,* rằng không có "vật chất vô tri", rằng bất cứ điều gì hiện hữu đều được phú linh bằng tâm thức và bản sắc (dù loại tâm thức được tìm thấy trong nguyên tử vẫn không nhận biết bản sắc nội tại của nó).

49. Mọi sự trong vũ trụ đều *hữu sinh.* Điều làm cho chất liệu nguyên tử sống động là Anima Mundi, Linh Hồn của Thế Gian.

50. To palpitate or pulsate is evidence of *life itself.*

50. Sự rung động hay mạch động là bằng chứng của *chính sự sống.*

51. The "great breath" going forth as the AUM augments the vitality of this tiny, palpitating life.

51. "Hơi thở vĩ đại" phát ra thành AUM làm tăng thêm sinh lực của sự sống nhỏ bé đang mạch động này.

52. It is, however, Fohat which has created the atoms and sustained them with palpitating life.

52. Tuy nhiên, chính Fohat đã tạo ra các nguyên tử và duy trì chúng bằng sự sống mạch động.

These lives, being negative energy, are responsive to their polar opposite,

Các sự sống này, vì là năng lượng âm, nên đáp ứng với cực đối nghịch của chúng,

53. Presumably the polar opposite of these negative, passive lives are the Energies of the *first* aspect of divinity.

53. Có lẽ cực đối nghịch của các sự sống âm, thụ động này là các Năng Lượng của phương diện *thứ nhất* của thiên tính.

and can (under the Law of Attraction and Repulsion) be built into forms which are the expression of the second aspect.

và có thể (dưới Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi) được kiến tạo thành những hình tướng là biểu hiện của phương diện thứ hai.

54. The Law of Attraction and Repulsion is the Law which builds the tiny passive lives into form.

54. Định luật Hấp Dẫn và Đẩy Lùi là Định luật kiến tạo các sự sống nhỏ bé thụ động thành hình tướng.

55. The energies and forces of the second aspect are responsive to the energies and forces of the first, and those of the third are initially responsive to the energies and forces of the second.

55. Các năng lượng và mãnh lực của phương diện thứ hai đáp ứng với các năng lượng và mãnh lực của phương diện thứ nhất, còn các năng lượng và mãnh lực của phương diện thứ ba ban đầu đáp ứng với các năng lượng và mãnh lực của phương diện thứ hai.

56. As each of the divine aspects is contained within every other (the great Trinity is really ninefold) there will be some degree of attraction and repulsion even within the third aspect proper (thus do the constituent particles of atoms cohere), but that type of interaction inherent in the third aspect will not build third aspect lives into *forms*. It is

56. Vì mỗi phương diện thiêng liêng đều được chứa trong mọi phương diện khác (Ba Ngôi vĩ đại thật ra là cửu phân), nên sẽ có một mức độ hấp dẫn và đẩy lùi nào đó ngay cả bên trong chính phương diện thứ ba (nhờ vậy các hạt cấu thành của nguyên tử mới cố kết), nhưng kiểu tương tác vốn có trong phương diện thứ ba ấy sẽ không kiến tạo các sự sống thuộc phương diện thứ ba thành

the second aspect which is the great form builder.

Eventually the forms themselves become in their turn negative, and responsive to still another type of force, becoming recipients of the life of the first Logos when the fourth or human kingdom is reached.

57. When we speak of the "first Logos", we are speaking of the first Logos *within* our solar system.

58. At first the form-building aspect is positive to the negative substance of the lesser builders. Later, the forms, which arise from the union of the second and third aspects become receptive to the energies of the first aspect.

59. We see that the humanity becomes the point of application of the first aspect of divinity in relation to form. Before that, the first aspect of divinity is latent within the forms created by the second aspect of divinity.

60. It is important to investigate the relationship between the one and the four, both as regards the expression of the first aspect and also in relation to the later release of the first aspect from its imprisonment by the second and third aspects of divinity.

This Treatise seeks to prove, that in the fourth kingdom the three fires meet:

61. What an interesting statement of one of the main purposes of *A Treatise on Cosmic Fire*!

62. We find that the fourth kingdom is the meeting-ground for the primary three fires

hình tướng. Chính phương diện thứ hai mới là đấng kiến tạo hình tướng vĩ đại.

Rốt cuộc chính các hình tướng ấy đến lượt mình trở nên âm, và đáp ứng với một loại mãnh lực khác nữa, trở thành những kẻ tiếp nhận sự sống của Logos thứ nhất khi đạt đến giới thứ tư hay giới nhân loại.

57. Khi chúng ta nói đến "Logos thứ nhất", chúng ta đang nói đến Logos thứ nhất *bên trong* hệ mặt trời của chúng ta.

58. Thoạt đầu phương diện kiến tạo hình tướng là dương đối với chất liệu âm của các vị tiểu kiến tạo. Về sau, các hình tướng phát sinh từ sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba trở nên tiếp nhận các năng lượng của phương diện thứ nhất.

59. Chúng ta thấy rằng nhân loại trở thành điểm ứng dụng của phương diện thứ nhất của thiên tính trong liên hệ với hình tướng. Trước đó, phương diện thứ nhất của thiên tính còn tiềm ẩn bên trong các hình tướng do phương diện thứ hai của thiên tính tạo ra.

60. Điều quan trọng là phải khảo sát mối liên hệ giữa một và bốn, vừa xét về biểu hiện của phương diện thứ nhất, vừa xét về sự giải phóng về sau của phương diện thứ nhất khỏi sự giam hãm của nó bởi phương diện thứ hai và thứ ba của thiên tính.

Bộ Luận này tìm cách chứng minh rằng trong giới thứ tư, ba ngọn lửa gặp nhau:

61. Thật là một phát biểu thú vị về một trong những mục đích chính của *Luận về Lửa Vũ Trụ*!

62. Chúng ta thấy rằng giới thứ tư là nơi gặp gỡ của ba ngọn lửa hay năng lượng nguyên

or energies. Man, therefore, is a four which is a three.

sơ. Vì vậy, con người là một số bốn mà cũng là một số ba.

a. Fire by friction, or the negative Brahma Aspect, the third Aspect.

a. Lửa ma sát, hay Phương diện Brahma âm, phương diện thứ ba.

b. Solar Fire, or the positive negative Vishnu Aspect, the second Aspect.

b. Lửa Thái dương, hay Phương diện Vishnu dương âm, phương diện thứ hai.

63. We note that the second aspect of divinity is called "positive negative". It represents a state of contrasting energies. This can be explained metaphorically by the idea that the Son, born of two Parents, represents *both* Parents.

63. Chúng ta lưu ý rằng phương diện thứ hai của thiên tính được gọi là "dương âm". Nó biểu thị một trạng thái của các năng lượng tương phản. Điều này có thể được giải thích theo lối ẩn dụ bằng ý tưởng rằng Người Con, sinh ra từ hai Đấng Song Thân, biểu hiện *cả hai* Đấng Song Thân.

64. The second aspect of divinity has the protracted and agonizing choice concerning the divine aspect with which to align. When consciousness continues to remain aligned with the third aspect of divinity (for in the beginning, it necessarily is so aligned) we have the inverted pentagram and regress upon the left hand path. When consciousness aligns with the first aspect (initially via the purity of *its own* nature, i.e., the pure second aspect) we have the upright pentagram.

64. Phương diện thứ hai của thiên tính có sự lựa chọn kéo dài và đau đớn liên quan đến phương diện thiêng liêng mà nó sẽ chỉnh hợp với. Khi tâm thức tiếp tục còn chỉnh hợp với phương diện thứ ba của thiên tính (vì lúc ban đầu, tất yếu là nó được chỉnh hợp như vậy) thì chúng ta có ngôi sao năm cánh đảo ngược và sự thoái bộ trên tả đạo. Khi tâm thức chỉnh hợp với phương diện thứ nhất (ban đầu qua sự thanh khiết của *chính* bản chất của nó, tức là phương diện thứ hai thuần khiết) thì chúng ta có ngôi sao năm cánh dựng đứng.

c. Electric Fire, or the positive Shiva Aspect, the first Aspect.

c. Lửa Điện, hay Phương diện Shiva dương, phương diện thứ nhất.

65. We note how DK combines occult, scientific terminology with ancient Hindu terminology, and both with abstract terminology—numbering the aspects of divinity.

65. Chúng ta lưu ý cách Chân sư DK kết hợp thuật ngữ huyền bí học, khoa học với thuật ngữ Ấn giáo cổ xưa, và cả hai với thuật ngữ trừu tượng—đánh số các phương diện của thiên tính.

Man in the three worlds, consciously or unconsciously, recapitulates the logoic process, and becomes a creator, working in

Con người trong ba cõi giới, một cách hữu thức hay vô thức, tái hiện tiến trình logoi, và trở thành một đấng sáng tạo, hoạt động

substance through the factor of his positive energy. **He wills, he thinks, he speaks, and thought-forms eventuate**.

66. Man is described as working magically in the three worlds and engaged with all three aspects of divinity.

67. We note that man will work in this way whether or not he is aware of it.

68. Our human task is to become aware of that to which logoic will forces us to conform.

69. The sequence; will, think, and speak deserves careful attention. It is so much a part of our normal process that we ignore its magical implications.

70. Thinking and speaking should be definite *willed* acts and not careless, habitual actions.

Atomic substance is attracted to the [Page 889] enunciator.

71. This is the Army of the Voice responding to the formulated sound of the enunciator.

The tiny lives which compose that substance are forced (through the energy of the thinker), into forms, which are themselves active, vitalised and powerful.

72. When we will, think and speak we have a *forcing* effect upon a multitude of tiny lives.

trong chất liệu qua yếu tố năng lượng dương của y. **Y ý chí, y suy nghĩ, y nói, và các hình tư tưởng xuất hiện**.

66. Con người được mô tả như đang hoạt động huyền thuật trong ba cõi giới và dấn thân với cả ba phương diện của thiên tính.

67. Chúng ta lưu ý rằng con người sẽ hoạt động theo cách này dù y có nhận biết điều đó hay không.

68. Nhiệm vụ của chúng ta với tư cách con người là trở nên nhận biết điều mà ý chí logoi buộc chúng ta phải tuân theo.

69. Trình tự: ý chí, suy nghĩ, rồi nói, đáng được chú ý cẩn trọng. Nó là một phần quá lớn trong tiến trình bình thường của chúng ta đến nỗi chúng ta bỏ qua các hàm ý huyền thuật của nó.

70. Suy nghĩ và nói phải là những hành vi *được ý chí thúc đẩy* rõ rệt chứ không phải những hành động bất cẩn, theo thói quen.

Chất liệu nguyên tử bị hút về phía [Page 889] người xướng ra.

71. Đây là Đạo Quân của Âm Thanh đáp ứng với âm thanh được phát biểu thành công thức của người xướng ra.

Những sự sống nhỏ bé cấu thành chất liệu ấy bị buộc (qua năng lượng của người tư tưởng), vào trong các hình tướng, mà bản thân chúng lại hoạt động, được tiếp sinh lực và đầy quyền năng.

72. Khi chúng ta ý chí, suy nghĩ và nói, chúng ta có một tác động *cưỡng bách* lên vô

With regard to the Army of the Voice, *words compel.*

số sự sống nhỏ bé. Đối với Đạo Quân của Âm Thanh, *lời nói mang tính cưỡng lệnh.*

73. We can extrapolate the idea, considering ourselves as tiny lives with respect to greater Logoi. We, too, are "forced into forms" and over this forcing process impelled by logoic will, we have no say. We are 'configured' whether we will or no.

73. Chúng ta có thể ngoại suy ý tưởng này, xem chính mình là những sự sống nhỏ bé đối với các Thượng đế lớn hơn. Chúng ta cũng "bị buộc vào trong các hình tướng", và đối với tiến trình cưỡng bách này do ý chí logoi thúc đẩy, chúng ta không có tiếng nói nào. Chúng ta bị 'định hình' dù muốn hay không.

74. We can see that we are building towards an understanding of the magical process later to be elaborated in this book and greatly expanded in *A Treatise on White Magic*.

74. Chúng ta có thể thấy rằng mình đang tiến tới một sự thấu hiểu về tiến trình huyền thuật sẽ được khai triển sau này trong sách này và được mở rộng rất nhiều trong *Luận về Chánh Thuật.*

What man builds is either a beneficent or a maleficent creation according to the underlying desire, motive, or purpose.

Điều con người xây dựng hoặc là một sáng tạo từ thiện hoặc là một sáng tạo độc hại tùy theo dục vọng, động cơ hay mục đích nền tảng.

75. Man cannot help but *build,* yet eventually he has a choice about the *quality* of what he builds.

75. Con người không thể không *xây dựng,* nhưng rốt cuộc y có sự lựa chọn về *phẩm tính* của điều mình xây dựng.

76. That quality is determined by desire, motive and will. Desire arises in the astral body; motive represents a mixture of astral and mental processes; purpose lies behind will and is expressed through the mind (the agent of the will).

76. Phẩm tính ấy được quyết định bởi dục vọng, động cơ và ý chí. Dục vọng phát sinh trong thể cảm dục; động cơ biểu thị một sự pha trộn của các tiến trình cảm dục và trí tuệ; mục đích nằm phía sau ý chí và được biểu lộ qua trí tuệ (tác nhân của ý chí).

It is essential that we endeavour to make practical what is here to be imparted, as it is useless for man to study the groups of lesser builders, their functions and their names, unless he realises that with many of them he has an intimate connection,

Điều cốt yếu là chúng ta phải cố gắng làm cho điều sắp được truyền đạt ở đây trở nên thực tiễn, vì con người nghiên cứu các nhóm vị tiểu kiến tạo, các chức năng và tên gọi của chúng sẽ là vô ích trừ phi y chứng nghiệm rằng với nhiều vị trong số đó y có một mối liên hệ mật thiết,

77. And in this "intimate connection" lies both the opportunity and the danger.

77. Và chính trong "mối liên hệ mật thiết" này có cả cơ hội lẫn nguy hiểm.

being himself one of the great builders, and a creator within the planetary scheme.

vì chính y là một trong các đấng kiến tạo lớn, và là một đấng sáng tạo bên trong hệ hành tinh.

78. This presents an interesting perspective on man. He is self-conscious and must learn to build consciously. Man, however, is as much a destroyer as a builder, because he progresses, in the last analysis, through the *destruction* of imprisoning forms—i.e., forms which imprison his consciousness and spiritual essence.

78. Điều này đưa ra một góc nhìn thú vị về con người. Y có ngã thức và phải học cách kiến tạo một cách hữu thức. Tuy nhiên, con người cũng là kẻ hủy diệt không kém gì là đấng kiến tạo, bởi vì xét cho cùng y tiến bộ qua *sự hủy diệt* các hình tướng giam hãm—tức là những hình tướng giam hãm tâm thức và tinh túy tinh thần của y.

The devas build and humanity breaks and through the shattering of the forms man learns through discontent. Thus is acquiescence in the work of the greater Builders achieved, (DINA I 677)

Các thiên thần kiến tạo còn nhân loại phá vỡ, và qua sự đập tan các hình tướng, con người học hỏi qua sự bất mãn. Như thế sự thuận phục đối với công việc của các Đấng Kiến Tạo lớn hơn mới được đạt đến, (DINA I 677)

79. We must notice that man is numbered among the "great builders" but not among the "greater Builders". Herein lies a distinction of importance. Man is on his way to becoming a "greater Builder". When he becomes a Solar Angel he will have reached this status.

79. Chúng ta phải lưu ý rằng con người được xếp vào hàng "các đấng kiến tạo lớn" nhưng không thuộc hàng "các Đấng Kiến Tạo lớn hơn". Chính trong đó có một sự phân biệt quan trọng. Con người đang trên đường trở thành một "Đấng Kiến Tạo lớn hơn". Khi y trở thành một Thái dương Thiên Thần, y sẽ đạt đến địa vị này.

Men should remember that **through the power of their thoughts and their spoken words they definitely produce effects upon other human beings functioning on the three planes of human evolution and upon the entire animal kingdom.**

Con người nên nhớ rằng **qua quyền năng của tư tưởng và lời nói của mình, họ chắc chắn tạo ra những tác động lên những người khác đang hoạt động trên ba cõi của tiến hoá nhân loại và lên toàn thể giới động vật.**

80. The plant kingdom is not mentioned, but experiments have shown that the thoughts and spoken words of human beings have

80. Giới thực vật không được nhắc đến, nhưng các thí nghiệm đã cho thấy rằng tư tưởng và lời nói của con người cũng có tác động mạnh mẽ lên giới ấy.

their powerful effect on that kingdom as well.

81. As for an effect upon the mineral kingdom, some work has been done but far more is needed. In the Agni Yoga Teaching the necessity of using correct energy when talking to objects is emphasized.

81. Về tác động lên giới kim thạch, một số công việc đã được thực hiện nhưng còn cần nhiều hơn nữa. Trong Giáo Huấn Agni Yoga, sự cần thiết phải sử dụng năng lượng đúng khi nói với đồ vật được nhấn mạnh.

82. We know that through our speech we have a powerful effect upon other human beings. Is this effect operative only within the three lower worlds or in higher worlds as well? For man, it would seem that the thought-speech effect is mostly confined to the three lower planes of the cosmic physical plane.

82. Chúng ta biết rằng qua lời nói của mình, chúng ta có một tác động mạnh mẽ lên những người khác. Tác động này chỉ hoạt động trong ba cõi thấp hay cả trong các thế giới cao hơn nữa? Đối với con người, dường như tác động của tư tưởng-lời nói phần lớn bị giới hạn trong ba cõi thấp của cõi hồng trần vũ trụ.

83. DK emphasizes that our thought and speech affect not only the animal kingdom but the "entire animal kingdom". It would seem that caution is advised.

83. Chân sư DK nhấn mạnh rằng tư tưởng và lời nói của chúng ta không chỉ ảnh hưởng đến giới động vật mà còn đến "toàn thể giới động vật". Dường như ở đây có lời khuyên phải thận trọng.

The separative and maleficent thoughts of man are largely responsible for the savage nature of wild beasts,

Những tư tưởng chia rẽ và độc hại của con người phần lớn chịu trách nhiệm về bản chất hung dữ của thú hoang,

84. This is an extraordinary statement. What does it say about that period in Earth's history when primitive man was destroyed in great numbers by predatory beasts? Was human thought at that such that it provoked such slaughter or were other causes involved?

84. Đây là một phát biểu phi thường. Nó nói gì về giai đoạn trong lịch sử Trái Đất khi con người nguyên thủy bị các thú săn mồi tiêu diệt với số lượng lớn? Phải chăng tư tưởng của con người lúc ấy là như thế nên đã gây ra cuộc tàn sát đó, hay còn có những nguyên nhân khác?

85. Such thoughtforms—separative and maleficent—are governed by the planet Mars which also rules the animal kingdom. It would seem that we must approach that kingdom with the thoughts and speech generated under the influence of Venus.

85. Những hình tư tưởng như thế—chia rẽ và độc hại—được Sao Hỏa chi phối, mà Sao Hỏa cũng cai quản giới động vật. Dường như chúng ta phải tiếp cận giới ấy bằng những tư tưởng và lời nói được tạo ra dưới ảnh hưởng của Sao Kim.

and the destructive quality of some of nature's processes, including certain phenomena, such as plague and famine.

và phẩm tính hủy diệt của một số tiến trình của bản chất, kể cả một số hiện tượng như dịch bệnh và nạn đói.

86. We have here some very occult indications which emphasize our responsibility to the lower kingdoms and to the elements.

86. Ở đây chúng ta có một số chỉ dẫn rất huyền bí học nhấn mạnh trách nhiệm của chúng ta đối với các giới thấp và các nguyên tố.

87. What of storms—tornadoes and hurricanes. In the Bible we read of those who "reap the whirlwind" as a judgment upon their misdeeds.

87. Còn bão tố thì sao—lốc xoáy và cuồng phong? Trong Kinh Thánh chúng ta đọc về những kẻ "gặt lấy cơn lốc" như một sự phán xét đối với các hành vi sai trái của họ.

It is of no value to man to know the names of some of the "army of the voice"

Việc biết tên của một số thành phần trong "Đạo Quân của Âm Thanh" không có giá trị gì đối với con người

88. Presumably, through knowledge of the correct names of these lesser beings, they could be invoked into presence for either beneficent or maleficent purposes.

88. Có lẽ, nhờ biết đúng tên của các hữu thể thấp này, chúng có thể được khẩn cầu vào hiện diện vì những mục đích từ thiện hoặc độc hại.

unless he comprehends his relationship to that army,

trừ phi y hiểu được mối liên hệ của mình với đạo quân ấy,

89. It is a relationship which must one day *cease*. "Let the army of the voice be no more heard and let the brothers onward move within the Sound". (Rule X, R&I 22) Meanwhile, it is a relationship which is inescapable.

89. Đó là một mối liên hệ mà một ngày kia nhất định phải *chấm dứt*. "Hãy để đạo quân của âm thanh không còn được nghe nữa và hãy để các huynh đệ tiến bước bên trong Âm Thanh". (Quy luật X, R&I 22) Trong khi đó, đó là một mối liên hệ không thể tránh khỏi.

unless he apprehends the responsibility which is his to be a beneficent creator, working under the law of love, and not impelled to the creative act through selfish desire, or uncontrolled activity.

trừ phi y nhận thức được trách nhiệm của mình là phải là một đấng sáng tạo từ thiện, hoạt động dưới định luật bác ái, chứ không bị thúc đẩy vào hành vi sáng tạo bởi dục vọng ích kỷ hay hoạt động không được kiểm soát.

90. Here we encounter the ethical basis of occultism. Selfish or chaotic creativity will

90. Ở đây chúng ta gặp nền tảng đạo đức của huyền bí học. Sự sáng tạo ích kỷ hay hỗn

result unless the creator is motivated by beneficence.

loạn sẽ là kết quả trừ phi đấng sáng tạo được thúc đẩy bởi tính từ thiện.

91. To be a "beneficent creator" is to work under the influence of the second and third aspects united.

91. Là một "đấng sáng tạo từ thiện" tức là hoạt động dưới ảnh hưởng của phương diện thứ hai và thứ ba hợp nhất.

a. Physical Plane Elementals.

a. Các hành khí cõi hồng trần.

It should be remembered that the devas we have been considering are the originators of impulse, and the manipulators of energy in their own degree, and on their own plane.

Cần nhớ rằng các thiên thần mà chúng ta đã xem xét là những kẻ khởi phát xung lực, và là những kẻ điều khiển năng lượng theo cấp độ riêng của chúng và trên cõi riêng của chúng.

92. We have been considering "greater Builders"—high self-conscious Beings Who think, impel and manipulate the lesser forces.

92. Chúng ta đã xem xét "các Đấng Kiến Tạo lớn hơn"—những Hữu thể có ngã thức cao, Đấng suy tưởng, thúc đẩy và điều khiển các mãnh lực thấp hơn.

93. They are the impulsive factor in normal human evolution.

93. Các Ngài là yếu tố thúc đẩy trong tiến hoá nhân loại bình thường.

In connection with them are to be found, therefore, the recipients of force,

Do đó, liên hệ với các Ngài, người ta tìm thấy những kẻ tiếp nhận mãnh lực,

94. This is another way of considering the nature of the lowest of the lesser builders.

94. Đây là một cách khác để xem xét bản chất của hạng thấp nhất trong các vị tiểu kiến tạo.

or the multitude of lives of an elemental nature which form the sumtotal of the matter of a plane.

hay vô số sự sống có bản chất hành khí tạo thành tổng số vật chất của một cõi.

95. When lives are "of an elemental nature", it is suggested that their nature is more simple than complex, and that they are to be built into more complex structures.

95. Khi các sự sống "có bản chất hành khí", điều đó gợi ý rằng bản chất của chúng đơn giản hơn là phức tạp, và rằng chúng sẽ được kiến tạo thành những cấu trúc phức tạp hơn.

96. We might consider them as 'foundational constituents', the "building blocks of form".

96. Chúng ta có thể xem chúng như những 'thành phần nền tảng', những "khối xây dựng của hình tướng".

These are swept on waves of energy,

97. The word “swept” is apt for describing the effect of greater and positive energies upon lesser, receptive and responsive forces.

through the impulse of the Breath,

98. Every magician (great and logoic or small and human) *breathes* or vitalizes the substances through which he creates. We are also being given a hint regarding how to marshal substance which is to be built into form.

99. We recall here the association of the creative Word, AUM with the “great breath” (here called the “Breath”) and its vitalizing power.

and as the result of [Page 890] vibratory action,

100. The vibratory characteristics of these lesser lives determines the type of form into which they will be built by the higher building agencies.

into all forms as we know them on the physical plane.

101. We must notice the importance of the “Breath” in all form-building. As well we must learn the vibratory nature of the constituents which are to be built into form. Average man, an unconscious builder, cannot yet do this. The advanced initiate and Master can.

Chúng được cuốn đi trên những làn sóng năng lượng,

97. Từ “cuốn đi” rất thích hợp để mô tả tác động của các năng lượng lớn hơn và dương hơn lên các mãnh lực thấp hơn, có tính tiếp nhận và đáp ứng.

qua xung lực của Hơi Thở,

98. Mỗi nhà huyền thuật (vĩ đại và logoi hay nhỏ bé và nhân loại) đều *thở* hay tiếp sinh lực cho các chất liệu mà qua đó y sáng tạo. Chúng ta cũng đang được cho một gợi ý về cách tập hợp chất liệu sẽ được kiến tạo thành hình tướng.

99. Ở đây chúng ta nhớ lại sự liên hệ của Linh từ sáng tạo AUM với “hơi thở vĩ đại” (ở đây được gọi là “Hơi Thở”) và quyền năng tiếp sinh lực của nó.

và như là kết quả của tác động [Page 890] rung động,

100. Các đặc tính rung động của những sự sống thấp này quyết định loại hình tướng mà chúng sẽ được các tác nhân kiến tạo cao hơn xây dựng thành.

vào trong mọi hình tướng như chúng ta biết trên cõi hồng trần.

101. Chúng ta phải lưu ý tầm quan trọng của “Hơi Thở” trong mọi sự kiến tạo hình tướng. Đồng thời chúng ta phải học bản chất rung động của các thành phần sẽ được kiến tạo thành hình tướng. Con người trung bình, một đấng kiến tạo vô thức, chưa thể làm được điều này. Điểm đạo đồ cao cấp và Chân sư thì có thể.

Therefore, **in connection with manifestation on the physical plane** the **devas may be divided into three groups:**

Do đó, **liên quan đến sự biểu hiện trên cõi hồng trần** thì các **thiên thần có thể được chia thành ba nhóm:**

102. Always note the context. We are classifying the devas, but only "in connection with manifestation on the physical plane".

102. Luôn luôn lưu ý văn cảnh. Chúng ta đang phân loại các thiên thần, nhưng chỉ "liên quan đến sự biểu hiện trên cõi hồng trần".

1. The transmitters of the will of God, the originators of activity in deva substance. These are the greater builders in their various groups.

1. Các đấng truyền dẫn ý chí của Thượng đế, những đấng khởi phát hoạt động trong chất liệu thiên thần. Đây là các đấng đại kiến tạo trong những nhóm khác nhau của các vị.

103. These are great, self-conscious Devas. They are not deva substance as we normally understand such substance. They are higher. They convey the will of the Logos for Whom they act as agents.

103. Đây là những thiên thần vĩ đại, có ngã thức. Các vị không phải là chất liệu thiên thần như chúng ta thường hiểu về loại chất liệu ấy. Các vị cao hơn. Các vị chuyển đạt ý chí của Logos mà các vị hành động như những tác nhân của Ngài.

104. Their work corresponds to the sounding of that "WORD of Power" which is connected with the first aspect.

104. Công việc của các vị tương ứng với việc xướng "Quyền năng từ" được nối kết với phương diện thứ nhất ấy.

2. The manipulators of the initiated energy. These are the myriads of workers with force who transmit the impulse in their turn to the elemental essence. They are the builders of lesser degree, but are on the evolutionary arc as are the first group.

2. Các đấng vận dụng năng lượng đã được điểm đạo. Đây là vô số những người hoạt động với mãnh lực, đến lượt mình truyền xung lực đến Tinh chất hành khí. Họ là những vị tiểu kiến tạo ở cấp thấp hơn, nhưng ở trên cung tiến hoá cũng như nhóm thứ nhất.

105. This is a most important group and closer to the human being than the first group—the transmitters. We note that this group of manipulating devas was not mentioned in the foregoing text until this time. Attention was given to atomic substance.

105. Đây là một nhóm hết sức quan trọng và gần với con người hơn nhóm thứ nhất—các đấng truyền dẫn. Chúng ta lưu ý rằng nhóm thiên thần vận dụng này đã không được nhắc đến trong đoạn văn trước cho đến lúc này. Sự chú ý đã được dành cho chất liệu nguyên tử.

106. It is very important that we distinguish this group of builders from "elemental essence".

106. Điều rất quan trọng là chúng ta phải phân biệt nhóm kiến tạo này với "Tinh chất hành khí".

107. The will impulse reaches them and they, also, transmit it to involutionary elemental essence, i.e., to receptive substance.

107. Xung lực ý chí đến với họ và họ cũng truyền nó đến tinh chất hành khí giáng hạ tiến hoá, tức là đến chất liệu tiếp nhận.

108. It should be noted that these manipulating devas (though largely un-self-conscious) are still on the evolutionary arc. Some may have a degree of self-consciousness. We will have to proceed carefully in determining the extent and range of their consciousness.

108. Cần lưu ý rằng các thiên thần vận dụng này (dù phần lớn không có ngã thức) vẫn ở trên cung tiến hoá. Một số có thể có một mức độ ngã thức nào đó. Chúng ta sẽ phải tiến hành cẩn trọng khi xác định mức độ và phạm vi tâm thức của họ.

109. We will have to discover the names of those who belong to this group and learn how to assess the degree of consciousness of the various groupings within the overall group of manipulating devas.

109. Chúng ta sẽ phải khám phá tên gọi của những vị thuộc nhóm này và học cách đánh giá mức độ tâm thức của các phân nhóm khác nhau trong toàn bộ nhóm thiên thần vận dụng.

110. The first two categories of lunar pitris are found in this group. The third category of lunar pitri is roughly equivalent to elemental essence.

110. Hai loại đầu tiên của thái âm tổ phụ pitris được tìm thấy trong nhóm này. Loại thứ ba của thái âm tổ phụ pitri gần tương đương với Tinh chất hành khí.

3. The recipients of force, **the sumtotal of the living substance of a plane**. These lives are **passive** in the hands of the builders of greater degree.

3. Các đấng tiếp nhận mãnh lực, **tổng thể chất liệu sống của một cõi**. Những sự sống này **thụ động** trong tay các đấng kiến tạo ở cấp độ cao hơn.

111. Here we have the true "lesser builders"—the lowest categories of lunar pitris.

111. Ở đây chúng ta có những "vị tiểu kiến tạo" đích thực—những loại thấp nhất của thái âm tổ phụ pitris.

112. They are unconscious, passive, receptive and relatively inert.

112. Họ vô thức, thụ động, tiếp nhận và tương đối trì trệ.

113. They are directed and are manipulated rather than manipulating.

113. Họ được điều khiển và bị vận dụng hơn là tự vận dụng.

The three groups to be considered are:

Ba nhóm cần được xem xét là:

1. The elementals of densest matter.

1. Các hành khí của vật chất đậm đặc nhất.

2. The elementals of liquid matter.

2. Các hành khí của vật chất lỏng.

3. The elementals of gaseous matter.

3. Các hành khí của vật chất khí.

114. Our consideration takes us to the lowest levels of the systemic physical plane.

114. Sự khảo cứu của chúng ta đưa chúng ta đến những cấp thấp nhất của cõi hồng trần hệ thống.

115. When the term “elementals” is used, we must be careful to distinguish it from “elemental essence”. Elemental essence is the living substance of a plane. “Elementals” comprise a wide range of un-self-conscious and probably semi-self-conscious (as well as self-conscious) deva entities.

115. Khi thuật ngữ “hành khí” được dùng, chúng ta phải cẩn thận phân biệt nó với “Tinh chất hành khí”. Tinh chất hành khí là chất liệu sống của một cõi. “Hành khí” bao gồm một phạm vi rộng các thực thể thiên thần không có ngã thức và có lẽ bán ngã thức (cũng như có ngã thức).

116. All these three are to be considered as manipulators of force and “recipients of force” from the transmitting devas, though they are not passive as are the lives comprising elemental essence.

116. Cả ba loại này đều phải được xem như những đấng vận dụng mãnh lực và là “những đấng tiếp nhận mãnh lực” từ các thiên thần truyền dẫn, dù họ không thụ động như những sự sống cấu thành Tinh chất hành khí.

117. As suggested, the degree of self-consciousness of these manipulating devas is a matter for careful investigation. Some indications point to the thought that they are not self-conscious. Other indications point in the direction of their self-consciousness.

117. Như đã gợi ý, mức độ ngã thức của các thiên thần vận dụng này là một vấn đề cần được khảo cứu cẩn trọng. Một số dấu hiệu dẫn đến ý nghĩ rằng họ không có ngã thức. Những dấu hiệu khác lại chỉ theo hướng họ có ngã thức.

We must bear in mind as we study these three groups that we are not concerned with

Khi nghiên cứu ba nhóm này, chúng ta phải ghi nhớ rằng chúng ta không quan tâm đến

the transmitters, but with the manipulators and with the recipients of energy.

118. Therefore, two categories of devas are coming under our consideration—the manipulators and the recipients of energy.

119. As human beings, our relationship to the "transmitters" involves obedience and conscious cooperation. Usually we are to direct the manipulators (once we learn to do so) and certainly direct the recipients of energy.

120. Our consideration takes us into the domains of the lunar lords and also into contact with monadic and elemental essence.

121. As we proceed through these descriptions, let us be cautious to differentiate when DK is speaking of "elementals" per se, and when of that living substance which is elemental essence.

The Elementals of Densest Matter. These are the workers and builders

122. The influence of the sign Virgo will never be far away from these considerations. Virgo is the sign of all "workers" and of those who discriminatively build under the will and direction of others.

which are concerned with the tangible and objective part of all manifestation.

123. We are speaking of the *systemic* dense physical plane, and not of the cosmic dense physical plane which includes the entirety of

các đấng truyền dẫn, mà đến các đấng vận dụng và các đấng tiếp nhận năng lượng.

118. Do đó, có hai loại thiên thần đang được chúng ta xem xét—các đấng vận dụng và các đấng tiếp nhận năng lượng.

119. Là những người nam và nữ, mối liên hệ của chúng ta với các "đấng truyền dẫn" bao hàm sự vâng phục và hợp tác có ý thức. Thông thường chúng ta phải điều khiển các đấng vận dụng (một khi học được cách làm như vậy) và chắc chắn là điều khiển các đấng tiếp nhận năng lượng.

120. Sự khảo cứu của chúng ta đưa chúng ta vào các lĩnh vực của các nguyệt tinh quân và cũng vào sự tiếp xúc với tinh chất chân thần và tinh chất hành khí.

121. Khi tiếp tục qua những mô tả này, chúng ta hãy cẩn trọng phân biệt khi nào Chân sư DK nói về "hành khí" chính chúng, và khi nào nói về chất liệu sống là Tinh chất hành khí ấy.

Các Hành Khí của Vật Chất Đậm Đặc Nhất. Đây là những người hoạt động và những đấng kiến tạo

122. Ảnh hưởng của dấu hiệu hoàng đạo Xử Nữ sẽ không bao giờ xa rời những khảo cứu này. Xử Nữ là dấu hiệu của mọi "người hoạt động" và của những ai xây dựng bằng sự phân biện dưới ý chí và sự chỉ đạo của kẻ khác.

liên quan đến phần hữu hình và khách quan của mọi sự biểu hiện.

123. Chúng ta đang nói về cõi hồng trần đậm đặc *hệ thống*, chứ không phải cõi hồng trần

the systemic astral plane and the systemic mental plane.

đậm đặc vũ trụ, vốn bao gồm toàn bộ cõi cảm dục hệ thống và cõi trí hệ thống.

In their totality **they literally form that which can be touched, seen, and contacted physically** by man.

Trong tính toàn thể của họ, **họ thực sự tạo thành điều có thể được chạm đến, nhìn thấy và tiếp xúc về mặt hồng trần** bởi con người.

124. Here Master DK leaves no doubt about our focus. We are speaking about that which the average human being calls "real", that which the five normal senses reveal.

124. Ở đây Chân sư DK không để lại chút nghi ngờ nào về trọng tâm của chúng ta. Chúng ta đang nói về điều mà con người trung bình gọi là "thực", điều mà năm giác quan bình thường phơi bày.

In considering these matters we must never dissociate the various groups in our minds in a too literal sense, for **they all interpenetrate and blend**, in the same manner as man's physical body is compounded of dense, liquid, gaseous, and etheric matter.

Khi xem xét những vấn đề này, chúng ta không bao giờ được tách rời các nhóm khác nhau trong trí mình theo nghĩa quá sát mặt chữ, vì **tất cả họ đều xuyên thấm và hòa trộn**, cũng theo cách thể xác của con người được cấu thành từ vật chất đậm đặc, lỏng, khí và dĩ thái.

125. DK is advising us not to separate the physically dense from the physically liquid and gaseous subplanes and even from the etheric planes. We know that simple elevations of temperature may transform dense, crystallized matter in the liquid or gaseous states of matter. The reverse is also the case when temperature is lowered.

125. Chân sư DK đang khuyên chúng ta đừng tách biệt cõi phụ hồng trần đậm đặc với các cõi phụ hồng trần lỏng và khí, và ngay cả với các cõi dĩ thái. Chúng ta biết rằng chỉ cần tăng nhiệt độ đơn giản cũng có thể chuyển đổi vật chất đậm đặc, kết tinh sang trạng thái lỏng hay khí. Điều ngược lại cũng đúng khi nhiệt độ hạ xuống.

126. It bears repeating that, from the perspective of occultism, that which is systemically etheric is *physical.*

126. Cần nhắc lại rằng, từ quan điểm huyền bí học, điều gì thuộc dĩ thái hệ thống thì vẫn là *hồng trần.*

127. We have only to think of a human being's dense physical body, and we will understand the interpenetration of solid, liquid and gas, as well, perhaps, as the interpenetration of the systemic ethers—at least the more sensitive human beings will realize the interpenetrating presence of the ethers.

127. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến thể xác hồng trần đậm đặc của một con người, và chúng ta sẽ hiểu sự xuyên thấm của chất rắn, chất lỏng và chất khí, cũng như có lẽ cả sự xuyên thấm của các dĩ thái hệ thống—ít nhất những con người nhạy cảm hơn sẽ nhận ra sự hiện diện xuyên thấm của các dĩ thái.

Diversity, producing a unity, is everywhere to be seen; this fact must constantly be borne [Page 891] in mind by the occult student when studying the subhuman forms of existence.

Sự đa dạng, tạo ra một hợp nhất, có thể được thấy ở khắp nơi; sự kiện này phải luôn được [Page 891] đạo sinh huyền bí ghi nhớ khi nghiên cứu các hình tướng tồn tại dưới nhân loại.

128. It would not serve to become caught in the perception of diversity without realizing the underlying unity of all diverse factors. Training in occultism allows this unity to be perceived.

128. Sẽ không ích gì nếu bị mắc kẹt trong nhận thức về sự đa dạng mà không nhận ra sự hợp nhất nền tảng của mọi yếu tố đa dạng. Sự huấn luyện trong huyền bí học cho phép sự hợp nhất này được tri nhận.

129. To perceive as the soul is to perceive unity.

129. Tri nhận như linh hồn là tri nhận sự hợp nhất.

There is a distinct danger in all tabulations, for they tend to the forming of hard and fast divisions, whereas unity pervades all.

Có một nguy hiểm rõ rệt trong mọi sự lập bảng, vì chúng có khuynh hướng tạo ra những phân chia cứng nhắc và cố định, trong khi sự hợp nhất thấm nhuần tất cả.

130. DK understands how the tendency to classification characteristic of the fifth ray can be misused. It produces clarity but does not much allow for the principle of overlap.

130. Chân sư DK hiểu cách mà khuynh hướng phân loại đặc trưng của cung năm có thể bị lạm dụng. Nó tạo ra sự sáng tỏ nhưng không cho phép nhiều đối với nguyên lý chồng lấn.

131. The true spiritual occultist lives in the sense of the unity that pervades all.

131. Nhà huyền bí học tinh thần chân chính sống trong cảm thức về sự hợp nhất thấm nhuần tất cả.

Among the **manipulating devas** of the lowest level of the dense physical plane are to be found certain subterranean forms of existence, of which hints are to be found in the ancient and occult books.

Trong số các **thiên thần vận dụng** ở cấp thấp nhất của cõi hồng trần đậm đặc có thể tìm thấy một số hình thức tồn tại dưới lòng đất nhất định, mà những gợi ý về chúng có thể được tìm thấy trong các sách cổ và huyền bí.

132. Again, let us note, we are not speaking here of the devas which are purely recipients of energy and influence. We are not speaking of passive but living substance.

132. Một lần nữa, chúng ta hãy lưu ý, ở đây chúng ta không nói về các thiên thần chỉ thuần túy là những đấng tiếp nhận năng lượng và ảnh hưởng. Chúng ta không nói về chất liệu sống nhưng thụ động.

133. These are presumably *semi-intelligent* beings, but the degree to which they are self-conscious remains to be seen.

133. Có lẽ đây là những hữu thể *bán thông minh*, nhưng mức độ ngã thức của họ đến đâu vẫn còn phải chờ xem.

134. The factual information offered in TCF now finds itself approaching the realm of folklore. Master M. has stated that all legend is based on truth.

134. Thông tin thực tế được đưa ra trong Luận về Lửa Vũ Trụ giờ đây tiến gần đến lĩnh vực dân gian truyền thuyết. Chân sư M. đã nói rằng mọi huyền thoại đều dựa trên chân lý.

There is to be found in the very bowels of the earth, an evolution of a peculiar nature, **with a close resemblance to the human.** They have bodies of a **peculiarly gross kind**, which might be regarded as **distinctly physical** as we understand the term.

Trong chính lòng đất có thể tìm thấy một tiến hoá có tính chất đặc biệt, **rất giống với con người.** Họ có những thể **thuộc loại thô nặng đặc biệt**, có thể được xem là **rõ rệt là hồng trần** như chúng ta hiểu thuật ngữ này.

135. We must question whether the term "bowels of the earth" contains an anatomical hint.

135. Chúng ta phải đặt câu hỏi liệu thuật ngữ "lòng đất" có hàm chứa một gợi ý giải phẫu hay không.

136. VSK wonders whether "these are like dwarves or gnomes. Do they (can they) walk on the surface?"

136. VSK tự hỏi liệu "đây có phải giống như người lùn hay thần đất không. Họ có đi trên bề mặt được không?"

137. She further asks: "What does 'distinctly physical' mean, in distinction to 'physical'; e.g., not as much water or air?"

137. Bà còn hỏi thêm: "'rõ rệt là hồng trần' có nghĩa gì, phân biệt với 'hồng trần'; thí dụ, ít nước hay khí hơn chăng?"

138. It is possible that these forms of life have a physical body *more dense* than has the human being. There would be great pressures to be withstood within the caverns of the Earth.

138. Có thể những hình thức sự sống này có một thể xác *đậm đặc hơn* con người. Sẽ có những áp lực rất lớn phải chịu đựng trong các hang động của Trái Đất.

139. In some of the old stories they seem to live rather near the surface or, at least, to have access to the surface, but DK tells us that their habitat is miles below the Earth's surface.

139. Trong một số truyện cổ, dường như họ sống khá gần bề mặt hoặc ít nhất có lối tiếp cận lên bề mặt, nhưng Chân sư DK cho chúng ta biết rằng nơi cư trú của họ ở sâu nhiều dặm dưới bề mặt Trái Đất.

They dwell in settlements, or groups, under a form of government suited to their needs in the central caves several miles below the crust of the earth.

Họ cư ngụ trong những khu định cư, hay những nhóm, dưới một hình thức cai quản thích hợp với nhu cầu của họ trong các hang động trung tâm sâu nhiều dặm dưới lớp vỏ trái đất.

140. Here we have the a specific statement concerning the location of their habitat. Compared to the diameter of the Earth, several miles is not a very long distance, but if one imagines penetrating several miles beneath the crust of the Earth, there is as sense of those settlements as being 'a long way down'.

140. Ở đây chúng ta có một phát biểu cụ thể về vị trí nơi cư trú của họ. So với đường kính Trái Đất, vài dặm không phải là khoảng cách quá lớn, nhưng nếu hình dung xuyên xuống vài dặm dưới lớp vỏ Trái Đất, người ta sẽ có cảm giác những khu định cư ấy ở "rất sâu bên dưới".

141. VSK wonders: "Central caves?" Is the 'hollow Earth theory" being suggested, or is DK speaking simply of a few or many deep underground caves."

141. VSK tự hỏi: "Hang động trung tâm?" Có phải "thuyết Trái Đất rỗng" đang được gợi ý, hay Chân sư DK chỉ đơn giản nói về một vài hay nhiều hang động sâu dưới lòng đất?"

142. While estimates differ, the crust of the Earth, per se, is said to be some two miles thick. The Earth's crust is to be differentiated from the Earth's "mantle" which extends to a depth of some sixty miles. The caverns in which these existences live seems, therefore, to be within the mantle of the physical globe.

142. Dù các ước tính khác nhau, lớp vỏ Trái Đất, chính nó, được cho là dày chừng hai dặm. Lớp vỏ Trái Đất phải được phân biệt với "manti" của Trái Đất, kéo dài đến độ sâu khoảng sáu mươi dặm. Vì vậy, những hang động mà các hữu thể này sinh sống dường như nằm trong manti của bầu hành tinh hồng trần.

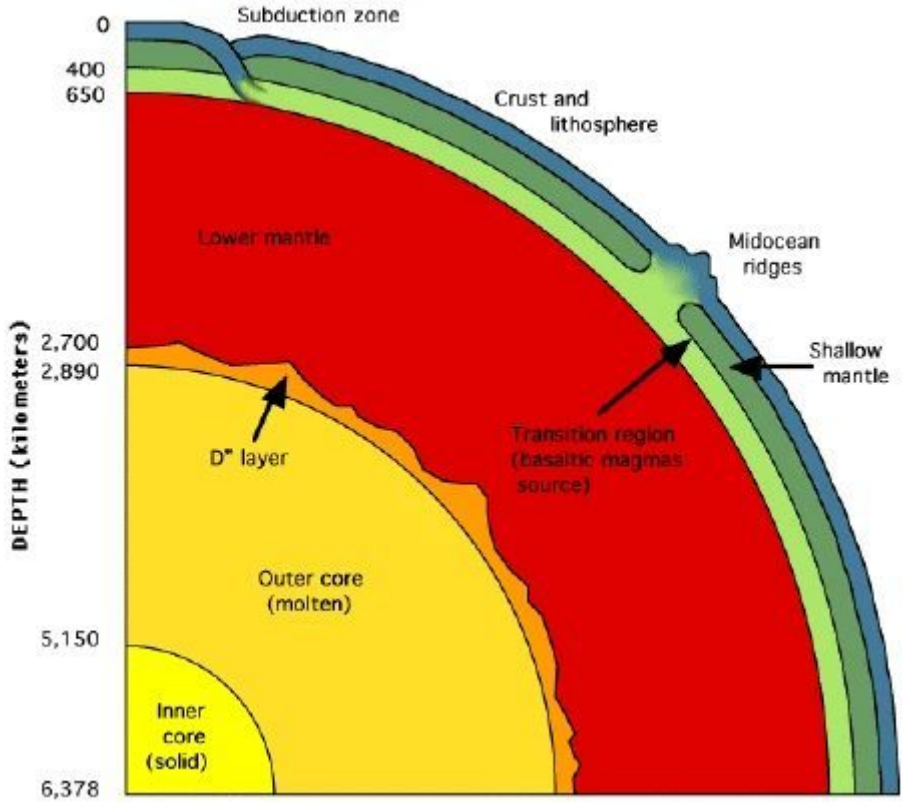

143. In any case, we can see that the settlements of these creatures would not be easily reached by surface dwellers and that is probably the way it is intended.

143. Dù sao đi nữa, chúng ta có thể thấy rằng những khu định cư của các sinh vật này sẽ không dễ gì được những cư dân bề mặt tiếp cận, và có lẽ đó chính là điều được dự định.

144. It is interesting that DK mentions their mode of "government". Perhaps He is giving us this piece of information so that we can realize something about their consciousness and that they have a type of civilization with laws and rules.

144. Điều thú vị là Chân sư DK nhắc đến hình thức "cai quản" của họ. Có lẽ Ngài cho chúng ta mẩu thông tin này để chúng ta có thể nhận ra điều gì đó về tâm thức của họ và rằng họ có một loại văn minh với luật lệ và quy luật.

145. Since they do have a "government", we must probably view them as being at least *somewhat* self-conscious. One can speak of *instinct* where there is no self-conscious, but how can one speak of "government"? If, however, "government" is meant to mean strict regimentation of unthinking creatures, then they would not need to be self-conscious. Their "close resemblance to the human", however, suggests some degree of self-consciousness.

145. Vì họ quả có một "hình thức cai quản", có lẽ chúng ta phải xem họ ít nhất là *phần nào* có ngã thức. Người ta có thể nói đến *bản năng* nơi không có ngã thức, nhưng làm sao có thể nói đến "cai quản"? Tuy nhiên, nếu "cai quản" được hiểu là sự quản thúc nghiêm ngặt đối với những sinh vật không suy nghĩ, thì họ sẽ không cần có ngã thức. Tuy vậy, "sự giống gần với con người" của họ gợi ý một mức độ ngã thức nào đó.

146. We might ask what role the planet Vulcan might play in qualifying their type of government.

146. Chúng ta có thể hỏi hành tinh Vulcan có thể đóng vai trò gì trong việc định tính loại hình cai quản của họ.

Their work is closely connected with the mineral kingdom, and the "agnichaitans" of the central fires are **under their control.**

Công việc của họ liên hệ chặt chẽ với giới kim thạch, và các "agnichaitans" của các lửa trung tâm **nằm dưới sự kiểm soát của họ.**

147. Their work with the mineral kingdom relates them closely to Vulcan and to the seventh, first and fifth rays (considering the fifth ray as the 'Ray of Concretion').

147. Công việc của họ với giới kim thạch liên kết họ chặt chẽ với Vulcan và với các cung bảy, một và năm (xét cung năm như "Cung của Sự Cụ Thể Hóa").

148. It is often considered that the dwarves and gnomes work closely with the internal fire devas—the "Agnichaitans".

148. Người ta thường cho rằng người lùn và thần đất làm việc chặt chẽ với các thiên thần của lửa nội tại—các "Agnichaitans".

149. Again, in speaking of "control", we must speak of self-consciousness.

149. Một lần nữa, khi nói đến "kiểm soát", chúng ta phải nói đến ngã thức.

Their bodies are constituted so as to stand much pressure, and they are not dependent upon as free a circulation of air as man is, nor do they resent the great heat to be found in the earth's interior.

Thể của họ được cấu tạo để chịu được áp lực lớn, và họ không lệ thuộc vào sự lưu thông tự do của không khí nhiều như con người, cũng không khó chịu trước sức nóng lớn tìm thấy trong nội địa trái đất.

150. VSK muses: "Not so dependent upon free a circulation of air, at a minimum, involves some adaptation of the lungs, and perhaps a diminution of access to buddhi—the principle of which air is the symbol?"

150. VSK suy ngẫm: "Ít lệ thuộc hơn vào sự lưu thông tự do của không khí, tối thiểu, hàm ý một sự thích nghi nào đó của phổi, và có lẽ là sự giảm bớt khả năng tiếp cận Bồ đề—nguyên khí mà không khí là biểu tượng?"

151. It definitely sounds as if the gaseous and liquid aspects of their bodies are reduced in relation to the dense aspect.

151. Quả thật nghe như thể các phương diện khí và lỏng trong thể của họ bị giảm bớt so với phương diện đậm đặc.

152. Yet, it does seem as if they *do* require air even if the air is not as freely circulating.

152. Tuy nhiên, dường như họ *quả thực* cần không khí dù không khí ấy không lưu thông tự do đến thế.

153. Their environment is entirely different from our own. We can wonder about their

153. Môi trường của họ hoàn toàn khác với môi trường của chúng ta. Chúng ta có thể tự

relationship to the Sun and to prana. By what means are they vitalized?

hỏi về mối liên hệ của họ với Mặt Trời và với prana. Bằng phương tiện nào họ được tiếp sinh lực?

154. Recently, the film "Lord of the Rings" (based on a novel written by a Capricornian individual) offered a glimpse of this kind of creature and its environs.

154. Gần đây, bộ phim "Lord of the Rings" (dựa trên một tiểu thuyết do một cá nhân Ma Kết viết) đã đưa ra một thoáng nhìn về loại sinh vật này và môi trường của nó.

Little can here be communicated anent these existences, for they are connected with the lesser vital portions of the physical body of the planetary Logos, finding their microcosmic correspondence in the feet and legs of a man.

Ít điều có thể được truyền đạt ở đây liên quan đến các hữu thể này, vì họ liên hệ với những phần sinh lực nhỏ hơn của thể xác hồng trần của Hành Tinh Thượng Đế, tìm thấy định luật tương ứng vi mô của mình trong bàn chân và cẳng chân của con người.

155. VSK comments: "This is similar to esoteric Maori lore, perhaps, in that the Maoris also have seven planes; however the match is only of the 'lower five' (i.e., atmic, buddhic, mental, astral, and etheric/physical) – as symbolism is similar. The Maoris also have two planes below, which may well equate to these lower centers, of knees, or legs and feet, etc."

155. VSK bình luận: "Điều này có lẽ tương tự với truyền thuyết nội môn của người Maori, ở chỗ người Maori cũng có bảy cõi; tuy nhiên sự tương ứng chỉ là của 'năm cõi thấp' (tức atma, Bồ đề, trí tuệ, cảm dục, và dĩ thái/hồng trần) – vì biểu tượng học là tương tự. Người Maori cũng có hai cõi bên dưới, có thể rất tương ứng với các trung tâm thấp này, của đầu gối, hay chân và bàn chân, v.v."

156. According to DK the feet and legs of man (not the arms and hands) are named "the lesser vital portions of the physical body". We may remark that it is possible to live without feet and legs but not without those functions which are included in the 'greater vital portions of the physical body' found in the torso and head.

156. Theo Chân sư DK, bàn chân và cẳng chân của con người (không phải cánh tay và bàn tay) được gọi là "những phần sinh lực nhỏ hơn của thể xác hồng trần". Chúng ta có thể nhận xét rằng có thể sống mà không có bàn chân và cẳng chân, nhưng không thể sống mà không có những chức năng được bao gồm trong các 'phần sinh lực lớn hơn của thể xác hồng trần' nằm trong thân và đầu.

157. This means that these creatures are not *central* to the planetary energy system, though their role, no doubt, is important in its own way.

157. Điều này có nghĩa là các sinh vật này không *trung tâm* đối với hệ thống năng lượng hành tinh, dù vai trò của họ, không nghi ngờ gì, là quan trọng theo cách riêng của nó.

158. In some manner, these existences must provide support and mobility, just as legs and feet do.

158. Theo một cách nào đó, các hữu thể này hẳn phải cung cấp sự nâng đỡ và tính động, cũng như chân và bàn chân vẫn làm.

159. We can wonder about the relation of these groups to earth tremors and earthquakes.

159. Chúng ta có thể tự hỏi về mối liên hệ của các nhóm này với các chấn động đất và động đất.

They are one of the factors which make possible the **revolutionary progressive activity** of a planet.

Họ là một trong những yếu tố làm cho **hoạt động tiến bộ mang tính cách mạng** của một hành tinh trở nên khả hữu.

160. VSK asks: "Does this refer to the earth rotating on its axis?"

160. VSK hỏi: "Điều này có ám chỉ việc Trái Đất quay trên trục của nó không?"

161. Usually the term "rotation" is used to indicate the turning of the Earth on its axis. (It was interesting when visiting a display given to Santa Claus and his workers and on the arctic circle, that a great wooden ratcheted pole was placed in the center of the display. The implication was that Santa and his helpers—all rather gnome-like—were somehow responsible for turning the Earth on its axis!)

161. Thông thường thuật ngữ "rotation" được dùng để chỉ sự quay của Trái Đất trên trục của nó. (Thật thú vị là khi viếng thăm một cuộc trưng bày dành cho Santa Claus và những người phụ việc của ông ở vòng Bắc Cực, một cột gỗ lớn có bánh cóc đã được đặt ở trung tâm cuộc trưng bày. Hàm ý là Santa và những người trợ giúp của ông—tất cả đều khá giống thần đất—bằng cách nào đó chịu trách nhiệm làm cho Trái Đất quay trên trục của nó!)

162. When we speak of "revolution", however, it usually signifies the circling of a body around a more central body, such as the Earth around the Sun.

162. Tuy nhiên, khi chúng ta nói đến "revolution", nó thường biểu thị sự quay vòng của một thiên thể quanh một thiên thể trung tâm hơn, như Trái Đất quanh Mặt Trời.

163. As well, the term "revolutionary progressive activity" suggests spiral-cyclic motion related to the second ray. When discussing the elementals of the lowest systemic subplanes, we are not dealing with particularly second ray existences.

163. Ngoài ra, thuật ngữ "hoạt động tiến bộ mang tính cách mạng" còn gợi ý chuyển động xoắn ốc-chu kỳ liên hệ với cung hai. Khi bàn về các hành khí của những cõi phụ hệ thống thấp nhất, chúng ta không đang xử lý những hữu thể đặc biệt thuộc cung hai.

164. It seems more reasonable to associate such existences with the rotary *motion* of

164. Có vẻ hợp lý hơn khi liên kết những hữu thể như thế với *chuyển động* quay tròn của

the third aspect of divinity, so identified are they with the material aspect.

165. We should note that these existences are only *one* of the factors which makes "revolutionary progressive activity" possible.

166. May it be that they tend certain internal fires which make the rotation of the Earth upon its axis possible?

Allied with them are **several other groups of low class entities**, whose place in the scheme of things can only be described as having relation to the grosser planetary functions.

167. We can imagine that such beings as here mentioned are associated with the *excretory* functions of the planet. Every E/entity in cosmos intakes nourishment and excretes waste. What this waste may be, we do not know. May such entities and their processes be related to the eighth sphere, which is said to trail in the wake of Earth like a giant "dust hole—a place where all its garbage and filth are consumed".

Little is gained by enlarging upon these lives and their work; it is not possible for man **in any way** to contact them, nor would it be desirable.

168. DK is emphatic about the point because He uses the phrase "in any way".

169. One wonders, given the increasingly deep penetration into the crust and mantle of the Earth now technologically possible,

phương diện thứ ba của thiên tính, vì họ được đồng hoá với phương diện vật chất đến thế.

165. Chúng ta nên lưu ý rằng các hữu thể này chỉ là *một* trong những yếu tố làm cho "hoạt động tiến bộ mang tính cách mạng" trở nên khả hữu.

166. Có thể chăng họ chăm nom một số lửa nội tại nào đó khiến cho sự quay của Trái Đất trên trục của nó trở nên khả hữu?

Liên minh với họ là **một số nhóm thực thể hạ đẳng khác**, mà vị trí của chúng trong hệ thống sự vật chỉ có thể được mô tả là có liên hệ với những chức năng hành tinh thô nặng hơn.

167. Chúng ta có thể hình dung rằng những hữu thể được nhắc đến ở đây có liên hệ với các chức năng *bài tiết* của hành tinh. Mọi Thực thể/thực thể trong vũ trụ đều tiếp nhận dinh dưỡng và bài tiết chất thải. Chúng ta không biết chất thải này có thể là gì. Liệu những thực thể như thế và các tiến trình của chúng có liên hệ với khối cầu thứ tám, vốn được nói là kéo theo sau Trái Đất như một "hố bụi" khổng lồ—một nơi mà mọi rác rưởi và ô uế của nó bị tiêu hủy?

Ít điều đạt được khi nói rộng thêm về những sự sống này và công việc của chúng; con người không thể **bằng bất cứ cách nào** tiếp xúc với chúng, và điều đó cũng không đáng mong muốn.

168. Chân sư DK nhấn mạnh điểm này vì Ngài dùng cụm từ "bằng bất cứ cách nào".

169. Người ta tự hỏi, với sự xuyên sâu ngày càng lớn vào lớp vỏ và manti của Trái Đất hiện nay có thể thực hiện được về mặt công

whether some form of contact is not possible now, however undesirable. It would seem that man *now* has the power to disturb the habitats of such existences.

nghệ, liệu một hình thức tiếp xúc nào đó hiện nay có còn là không thể hay không, dù điều ấy không đáng mong muốn. Dường như con người *hiện nay* có quyền năng làm xáo trộn nơi cư trú của những hữu thể như thế.

170. The human race is not yet renown for its wisdom. Probably such existences would be considered almost as aliens and wrong relations might result.

170. Nhân loại chưa nổi tiếng về minh triết. Có lẽ những hữu thể như thế sẽ bị xem gần như người ngoài hành tinh và những quan hệ sai lầm có thể phát sinh.

171. The value of this knowledge is to expand man's understanding of the amazing Earth on which he lives and *in which* others live!

171. Giá trị của tri thức này là mở rộng sự thấu hiểu của con người về Trái Đất kỳ diệu mà y đang sống trên đó và *trong đó* những kẻ khác cũng sống!

When they have pursued their evolutionary cycle, they will take their place in a later cycle **in the ranks of certain deva bodies that are related to the animal kingdom**. [Page 892]

Khi họ đã hoàn tất chu kỳ tiến hoá của mình, họ sẽ đảm nhận vị trí của mình trong một chu kỳ sau **trong hàng ngũ của một số thể thiên thần có liên hệ với giới động vật**. [Page 892]

172. VSK reflects: "Could be like worms, or bacteria involved with the breaking down of waste in the bowels of man. Certainly it would profit us little, in development of soul consciousness, to have a play with (the necessary function of) feces, and perhaps this is too literal of a correspondence, but what would be the analogy to grosser planetary functions, if not this?

172. VSK suy tư: "Có thể giống như giun, hay vi khuẩn liên quan đến việc phân hủy chất thải trong ruột của con người. Chắc chắn việc đùa nghịch với (chức năng cần thiết của) phân sẽ ít có lợi cho chúng ta trong sự phát triển tâm thức linh hồn, và có lẽ đây là một tương ứng quá sát nghĩa đen, nhưng nếu không phải thế thì phép loại suy với những chức năng hành tinh thô nặng hơn sẽ là gì?

173. We return to the question of whether such existences (the ones dwelling in settlements and groups and living under a type of government) and are *self*-conscious, especially since their dense physical bodies resemble those of man.

173. Chúng ta trở lại câu hỏi liệu những hữu thể như thế (những hữu thể sống trong các khu định cư và nhóm, và sống dưới một loại hình cai quản) có *ngã* thức hay không, nhất là vì thể xác hồng trần đậm đặc của họ giống với thể của con người.

174. If they are self-conscious (as the mention of government would suggest) then their progressive development would not

174. Nếu họ có ngã thức (như việc nhắc đến hình thức cai quản dường như gợi ý) thì sự phát triển tiến bộ của họ hẳn sẽ không có

likely see a regression into un-self-consciousness.

khả năng thoái lui vào tình trạng không có ngã thức.

175. Thus we may tentatively infer that these "certain deva bodies" related to the animal kingdom would exhibit some degree of self-consciousness.

175. Vì vậy, chúng ta có thể tạm thời suy ra rằng những "thể thiên thần nhất định" có liên hệ với giới động vật này sẽ biểu lộ một mức độ ngã thức nào đó.

176. The matter if the nature and quality of their consciousness is still shrouded in obscurity and we must remain alert to the solution.

176. Vấn đề về bản chất và phẩm tính của tâm thức họ vẫn còn bị che phủ trong mờ tối, và chúng ta phải luôn tỉnh táo đối với lời giải.

It is commonly supposed that all the fairies, gnomes, elves, and like nature spirits are to be found solely in etheric matter, but this is not so.

Người ta thường cho rằng tất cả các fairies, gnomes, elves, và những tinh linh tự nhiên tương tự chỉ được tìm thấy trong vật chất dĩ thái, nhưng điều này không đúng.

177. DK is clarifying our understanding of the manipulating devas, especially those which are found prominently in the folklore of many lands.

177. Chân sư DK đang làm sáng tỏ sự hiểu biết của chúng ta về các thiên thần vận dụng, đặc biệt là những vị nổi bật trong dân gian truyền thuyết của nhiều xứ sở.

178. Apparently, fairies, gnomes and elves and other similar nature spirits *are* to be found in etheric matter *but not solely so.*

178. Rõ ràng, fairies, gnomes và elves cùng những tinh linh tự nhiên tương tự *quả có* thể được tìm thấy trong vật chất dĩ thái *nhưng không chỉ như vậy mà thôi.*

They are to be found in bodies of gaseous and liquid substance likewise, …

Họ cũng được tìm thấy trong những thể bằng chất liệu khí và lỏng, …

179. DK is suggesting that the bodies of fairies, gnomes and elves may also be composed of gaseous and liquid substance. He does not go so far as to say that their bodies can be grossly physical as are the bodies of the kinds of intra-terrestrial existences which live several miles beneath the Earth's crust.

179. Chân sư DK đang gợi ý rằng thể của fairies, gnomes và elves cũng có thể được cấu thành từ chất liệu khí và lỏng. Ngài không đi xa đến mức nói rằng thể của họ có thể thô nặng hồng trần như thể của những loại hữu thể nội địa cầu sống sâu nhiều dặm dưới lớp vỏ Trái Đất.

180. From this perspective, would we be going too far to name those with gross, pressure-resistant bodies as fairies, gnomes,

180. Từ góc nhìn này, liệu chúng ta có đi quá xa nếu gọi những hữu thể có thể thô nặng, chịu áp lực cao ấy là fairies, gnomes, elves

elves or nature spirits? Because of their dense physicality, the first mentioned group of elementals seem distinct.

hay tinh linh tự nhiên không? Vì tính hồng trần đậm đặc của họ, nhóm hành khí được nhắc đến trước dường như khác biệt.

... but the mistake has arisen for the reason that the basis of all that which can be objectively seen is the etheric structure, and **these little busy lives** frequently protect their dense physical activities through the agency of glamour, and cast a veil over their objective manifestation.

... nhưng sai lầm đã phát sinh vì lý do rằng nền tảng của mọi điều có thể được thấy một cách khách quan là cấu trúc dĩ thái, và **những sự sống nhỏ bé bận rộn này** thường xuyên bảo vệ các hoạt động hồng trần đậm đặc của mình qua tác nhân của ảo cảm, và phủ một bức màn lên sự biểu hiện khách quan của họ.

181. What we gather is that fairies, gnomes and elves are "little busy lives" and they do have *physical* activities which they can conceal if they wish to.

181. Điều chúng ta rút ra là fairies, gnomes và elves là những "sự sống nhỏ bé bận rộn" và họ quả có những hoạt động *hồng trần* mà họ có thể che giấu nếu muốn.

182. Had we thought that glamor could cast a veil over objective manifestation?

182. Liệu chúng ta đã từng nghĩ rằng ảo cảm có thể phủ màn lên sự biểu hiện khách quan chưa?

183. It appears that they can manipulate the forces of glamor at their will.

183. Dường như họ có thể vận dụng các mãnh lực của ảo cảm theo ý mình.

184. But do they wield glamor purposefully? Does the word "protect" suggest self-consciousness? We must remember that there are animals in nature who protect themselves in many ways (camouflage among them) and that these animals are not at all self-conscious.

184. Nhưng liệu họ có sử dụng ảo cảm một cách có chủ đích không? Từ "bảo vệ" có gợi ý ngã thức không? Chúng ta phải nhớ rằng trong thiên nhiên có những loài động vật tự bảo vệ mình bằng nhiều cách (ngụy trang là một trong số đó), và những động vật này hoàn toàn không có ngã thức.

185. We must still be cautious as their degree of self-conscious is yet to be proven.

185. Chúng ta vẫn phải thận trọng vì mức độ ngã thức của chúng vẫn còn phải được chứng minh.

186. We might additionally ask whether, when they use glamor as a veil, the veil is cast over only their *physical* activities or also over their *etheric* activities?

186. Ngoài ra, chúng ta có thể hỏi rằng liệu, khi chúng dùng ảo cảm như một bức màn che, thì bức màn ấy chỉ được phủ lên các hoạt động *hồng trần* của chúng hay cũng phủ lên các hoạt động *dĩ thái* của chúng?

187. In light of what DK says below, the first possibility seems more probable.

187. Dưới ánh sáng của điều Chân sư DK nói dưới đây, khả năng thứ nhất dường như có xác suất cao hơn.

When etheric vision is present then they can be seen, for the glamour, as we understand it, is only a veil over that which is tangible.

Khi có linh thị dĩ thái thì chúng có thể được nhìn thấy, vì ảo cảm, như chúng ta hiểu, chỉ là một bức màn che phủ điều gì đó hữu hình.

188. VSK speculates about etheric vision: "We recall that etheric vision is a function of the physical eye. What is it that inhibits or accelerates the development of etheric vision? And WHERE is the physical visual portion of the electro-magnetic spectrum activated? If etheric vision, using the physical eye, is not activated by (physical) light waves (and hence locatable on the spectrum), what may it be? (Could there be a 'parallel etheric spectrum'?)

188. VSK suy đoán về linh thị dĩ thái: "Chúng ta nhớ rằng linh thị dĩ thái là một chức năng của mắt hồng trần. Điều gì ngăn trở hoặc thúc đẩy sự phát triển của linh thị dĩ thái? Và phần thị giác hồng trần của phổ điện từ được hoạt hóa ở ĐÂU? Nếu linh thị dĩ thái, sử dụng mắt hồng trần, không được hoạt hóa bởi các làn sóng ánh sáng (hồng trần) (và do đó có thể định vị trên phổ), thì nó có thể là gì? (Liệu có thể có một 'phổ dĩ thái song song' chăng?)

189. In the section of text above, the answer is given. It seems that the glamor which is under their control can only prevent *objective* vision or evade objective detection, but cannot mislead genuine etheric vision.

189. Trong phần văn bản trên, câu trả lời đã được đưa ra. Dường như ảo cảm nằm dưới sự kiểm soát của chúng chỉ có thể ngăn cản linh thị *khách quan* hoặc tránh bị phát hiện một cách khách quan, nhưng không thể đánh lừa linh thị dĩ thái chân chính.

190. Some of these little existences have been associated with thievery. Is it possible that missing objects may not be missing at all, but may simply be concealed by a veil of glamor cast over them?

190. Một số sự sống nhỏ bé này đã được gắn với hành vi trộm cắp. Có thể nào những vật bị mất thực ra không hề mất, mà chỉ đơn giản bị che giấu bởi một bức màn ảo cảm phủ lên chúng?

191. The true magician must be aware of the modus operandi of such methods.

191. Nhà huyền thuật chân chính phải nhận biết phương thức vận hành của những phương pháp như thế.

Students must at this juncture remember that all dense physical forms, whether of a tree, an animal, a mineral, a drop of water, or a precious stone, are in themselves elemental lives **constructed of living substance by the aid of living**

Ở thời điểm này, các đạo sinh phải nhớ rằng mọi hình tướng hồng trần đậm đặc, dù là của một cái cây, một con vật, một khoáng vật, một giọt nước hay một viên đá quý, tự chúng đều là các sự sống hành khí **được cấu tạo bằng chất liệu sống với sự trợ giúp của**

manipulators, acting under the direction of intelligent architects.

các đấng thao tác sống, hoạt động dưới sự chỉ đạo của các đấng kiến trúc sư thông tuệ.

192. It seems that all three types of devic lives are mentioned in this section of text.

192. Dường như cả ba loại sự sống thiên thần đều được nhắc đến trong phần văn bản này.

193. The elemental lives (in this context) are the receptive forces of true lesser builders who are "living substance" itself.

193. Các sự sống hành khí (trong ngữ cảnh này) là những mãnh lực tiếp nhận của các vị tiểu kiến tạo chân chính, vốn chính là "chất liệu sống".

194. The "living manipulators" are the interim group, such as those we have been discussing and they aid in the construction of these elemental lives.

194. Các "đấng thao tác sống" là nhóm trung gian, chẳng hạn như những vị chúng ta đã bàn đến, và họ trợ giúp trong việc cấu tạo các sự sống hành khí này.

195. Can the "transmitting devas" be associated with those which DK here calls the "intelligent architects"? It would seem so.

195. Liệu các "thiên thần truyền dẫn" có thể được liên kết với những vị mà Chân sư DK ở đây gọi là các "kiến trúc sư thông tuệ" chăng? Dường như là như vậy.

196. In fact, if we look closely at this paragraph, we may find that *four* kinds of deva lives are indicated:

196. Thật vậy, nếu chúng ta xem kỹ đoạn này, chúng ta có thể thấy rằng có *bốn* loại sự sống thiên thần được chỉ ra:

a. Living substance

a. Chất liệu sống

b. Elemental lives constructed of living substance

b. Các sự sống hành khí được cấu tạo từ chất liệu sống

c. Manipulating devas who aid in the construction of the elemental lives

c. Các thiên thần thao tác trợ giúp trong việc cấu tạo các sự sống hành khí

d. Intelligent architects who direct the entire process

d. Các kiến trúc sư thông tuệ chỉ đạo toàn bộ tiến trình

It will immediately become apparent why it is not possible in any way to tabulate in connection with this particular lowest group.

Sẽ lập tức trở nên hiển nhiên vì sao không thể bằng bất cứ cách nào lập bảng liên hệ với nhóm thấp nhất đặc biệt này.

197. We are speaking of the combination of "elemental lives" and "living substance".

197. Chúng ta đang nói đến sự kết hợp của "các sự sống hành khí" và "chất liệu sống".

198. The variety would be immense.

198. Sự đa dạng sẽ vô cùng lớn.

A beautiful diamond, a stately tree, or a fish in the water are but devas after all.

Một viên kim cương tuyệt đẹp, một cái cây uy nghi, hay một con cá trong nước, rốt cuộc cũng chỉ là các thiên thần mà thôi.

199. Devas of very different kinds but devas nonetheless...

199. Các thiên thần thuộc những loại rất khác nhau, nhưng dẫu sao vẫn là thiên thần...

200. It is interesting that the fish is mentioned. In some of the theosophical books, the fish is mentioned along with the bird as being on the path of entry into the Deva Kingdom. This is not the case with the amphibian, the reptile and the mammal.

200. Điều thú vị là con cá được nhắc đến. Trong một số sách Thông Thiên Học, cá được nhắc cùng với chim như đang ở trên con đường đi vào giới thiên thần. Điều này không đúng với loài lưỡng cư, loài bò sát và loài có vú.

It is the recognition of this essential livingness which constitutes the basic fact in all occult investigation, and is the secret of all beneficent magic.

Chính sự nhận biết về tính sống thiết yếu này tạo thành sự kiện căn bản trong mọi cuộc khảo cứu huyền bí, và là bí mật của mọi huyền thuật từ thiện.

201. At the center of every form, even the tiniest, is a point of "essential livingness". Beneficent magic respects this point and seeks to draw it forth into expression. Black magic seeks to confine and imprison it.

201. Ở trung tâm của mọi hình tướng, dù nhỏ bé đến đâu, đều có một điểm của "tính sống thiết yếu". Huyền thuật từ thiện tôn trọng điểm này và tìm cách rút nó ra để biểu hiện. Hắc thuật tìm cách giam hãm và cầm tù nó.

202. Planetarily, "beneficent magic" represents a union of the energies of Jupiter and Uranus.

202. Xét theo hành tinh, "huyền thuật từ thiện" biểu thị một sự hợp nhất của các năng lượng Sao Mộc và Sao Thiên Vương.

203. True occult investigation names nothing as "inanimate". The essential livingness of all things is the object of search.

203. Khảo cứu huyền bí chân chính không gọi bất cứ điều gì là "vô sinh". Tính sống thiết yếu của mọi sự vật là đối tượng được truy tìm.

204. VSK states: “This also re-emphasizes the seventh ray and plane aspect of magic, and is reminiscent of the daily ritual of Sanat Kumara”

204. VSK nói: “Điều này cũng một lần nữa nhấn mạnh phương diện cung bảy và cõi của huyền thuật, và gợi nhớ đến nghi lễ hằng ngày của Đức Sanat Kumara”

It is not my purpose, therefore, to deal more specifically with these lowest forms of divine life,

Vì vậy, mục đích của tôi không phải là bàn đến một cách cụ thể hơn về những hình thức thấp nhất này của sự sống thiêng liêng,

205. Presumably DK must mean elemental lives (composed of living substance) and not the manipulating devas.

205. Có lẽ Chân sư DK phải muốn nói đến các sự sống hành khí (được cấu tạo từ chất liệu sống) chứ không phải các thiên thần thao tác.

except to impart two facts, and thus give indication of the solution of two problems which have oft disturbed the average student;

ngoại trừ việc truyền đạt hai sự kiện, và như thế đưa ra chỉ dẫn về lời giải của hai vấn đề vốn thường làm xáo trộn đạo sinh trung bình;

206. DK hints at the solution of two problems which average students may not even have detected.

206. Chân sư DK gợi ý lời giải cho hai vấn đề mà các đạo sinh trung bình có thể thậm chí còn chưa nhận ra.

these are, first, the problem as to the purpose of all reptilian life, and, secondly, the specific connection of the bird evolution with the deva kingdom.

đó là, thứ nhất, vấn đề về mục đích của mọi sự sống bò sát, và thứ hai, mối liên hệ đặc thù của sự tiến hóa của loài chim với giới thiên thần.

207. VSK calls our attention to the following: “One thing we can note with both reptiles and birds is that they are egg-bearers (non mammals). They bear young in shells.”

207. VSK lưu ý chúng ta điều sau đây: “Một điều chúng ta có thể nhận thấy ở cả loài bò sát lẫn loài chim là chúng đều đẻ trứng (không phải loài có vú). Chúng sinh con trong vỏ.”

208. Scientists have noticed what they believe to be evolutionary links between reptiles and birds—certain bird-like reptiles and reptile-like birds which emerged within the evolutionary panorama towards the close of the Age of Reptiles. What shall we say of birds with teeth and scales instead of feathers?

208. Các nhà khoa học đã nhận thấy điều mà họ tin là những mắt xích tiến hóa giữa loài bò sát và loài chim—một số bò sát giống chim và chim giống bò sát đã xuất hiện trong toàn cảnh tiến hóa vào lúc gần cuối Kỷ Nguyên Bò Sát. Chúng ta sẽ nói gì về những loài chim có răng và có vảy thay vì lông vũ?

209. We also have the tradition of the "Feathered Serpent" Quetzalquatal.

The secret of the ***reptile kingdom*** is one of the mysteries of the second round, and there is a profound significance connected with the expression "the serpents of wisdom" which is applied to all adepts of the good law. [Page 893]

210. There are many thoughts to put together in this regard. Sources like Draco, the Pleiades, Sirius and Venus are all connected with the dragon or serpent tradition. The Planetary Logoi, Themselves, are called "Dragons of Wisdom".

211. The four sources mentioned—Draco, the Pleiades, Sirius and Venus also have a profound *second ray* associated with them on some level of their energy system. The second ray and the second round are numerically connected.

212. The "serpents of wisdom" are reflections of the Dragons of Wisdom Who are the Planetary Logoi.

213. The Solar Angels, themselves, can be viewed under the guise of serpents as represented in the lore of many ancient civilizations.

214. The Secret Doctrine informs us that the Solar Angels or Agnishvattas "looked in" (during the *second round* of our fourth chain) on the forms which were to become human forms and decided that these forms were as yet unprepared for their immersion in them.

209. Chúng ta cũng có truyền thống về "Con Rắn Có Lông Vũ" Quetzalquatal.

Bí mật của ***giới bò sát*** là một trong những huyền nhiệm của cuộc tuần hoàn thứ hai, và có một thâm nghĩa sâu xa gắn liền với cụm từ "những con rắn minh triết" vốn được áp dụng cho mọi chân sư của thiện luật. [Page 893]

210. Có nhiều điều đáng suy ngẫm cần được kết hợp lại về phương diện này. Các nguồn như Draco, Pleiades, Sirius và Venus đều có liên hệ với truyền thống rồng hay rắn. Chính các Hành Tinh Thượng Đế cũng được gọi là "Những Con Rồng Minh Triết".

211. Bốn nguồn được nhắc đến—Draco, Pleiades, Sirius và Venus—cũng có một *cung hai* sâu xa gắn với chúng ở một cấp độ nào đó trong hệ thống năng lượng của chúng. Cung hai và cuộc tuần hoàn thứ hai có liên hệ với nhau về mặt số học.

212. "Những con rắn minh triết" là những phản chiếu của các Con Rồng Minh Triết, là các Hành Tinh Thượng Đế.

213. Bản thân các Thái dương Thiên Thần có thể được nhìn dưới hình tượng những con rắn như được trình bày trong truyền thuyết của nhiều nền văn minh cổ đại.

214. Giáo Lý Bí Nhiệm cho chúng ta biết rằng các Thái dương Thiên Thần hay Agnishvattas đã "nhìn vào" (trong *cuộc tuần hoàn thứ hai* của dãy thứ tư của chúng ta) các hình tướng sẽ trở thành hình tướng con người và quyết định rằng các hình tướng ấy vẫn chưa được chuẩn bị cho sự nhập vào của các Ngài.

215. Sanat Kumara also can be considered as a 'Great Serpent' or Naga. His closest Co-Workers (the three Buddhas of Activity) were Planetary Logoi in the previous solar system and, thus, were Dragons of Wisdom.

215. Đức Sanat Kumara cũng có thể được xem là một 'Đại Xà' hay Naga. Những Vị Cộng Tác Viên gần gũi nhất của Ngài (ba vị Phật Hoạt Động) là các Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời trước, và do đó là các Con Rồng Minh Triết.

210. Có rất nhiều suy nghĩ được tập hợp lại về vấn đề này. Các nguồn như Draco, Pleiades, Sirius và Venus đều có liên quan đến truyền thống rồng hoặc rắn. Chính các Hành tinh Thượng Đế, được gọi là "Những con rồng trí tuệ".

210. Có rất nhiều suy nghĩ được tập hợp lại về vấn đề này. Các nguồn như Draco, Pleiades, Sirius và Venus đều có liên quan đến truyền thống rồng hoặc rắn. Chính các Hành tinh Thượng Đế, được gọi là "Những con rồng trí tuệ".

211. Bốn nguồn được đề cập—Draco, Pleiades, Sirius và Venus cũng có cung hai sâu sắc liên quan đến chúng ở một mức độ nào đó trong hệ thống năng lượng của chúng. Cung hai và vòng tuần hoàn thứ hai được kết nối theo số học.

211. Bốn nguồn được đề cập—Draco, Pleiades, Sirius và Venus cũng có cung hai sâu sắc liên quan đến chúng ở một mức độ nào đó trong hệ thống năng lượng của chúng. Cung hai và vòng tuần hoàn thứ hai được kết nối theo số học.

212. "Những con rắn trí tuệ" là hình ảnh phản chiếu của những Con Rồng Trí tuệ là Hành tinh Thượng Đế.

212. "Những con rắn trí tuệ" là hình ảnh phản chiếu của những Con Rồng Trí tuệ là Hành tinh Thượng Đế.

213. Bản thân các Thái dương Thiên Thần có thể được xem dưới hình dạng con rắn như được thể hiện trong truyền thuyết của nhiều nền văn minh cổ đại.

213. Bản thân các Thái dương Thiên Thần có thể được xem dưới hình dạng con rắn như được thể hiện trong truyền thuyết của nhiều nền văn minh cổ đại.

214. Giáo lý Bí truyền cho chúng ta biết rằng các Thái dương Thiên Thần hay Agnishvattas đã "*nhìn vào*" (vào lúc cuộc tuần hoàn thứ hai của chuỗi thứ tư của chúng ta) các hình tướng sẽ trở thành hình tướng con người,và quyết định rằng những hình tướng này vẫn chưa được chuẩn bị cho việc các Ngài nhập vào đó.

214. Giáo lý Bí truyền cho chúng ta biết rằng các Thái dương Thiên Thần hay Agnishvattas đã "*nhìn vào*" (vào lúc cuộc tuần hoàn thứ hai của chuỗi thứ tư của chúng ta) các hình tướng sẽ trở thành hình tướng con người,và quyết định rằng những hình tướng này vẫn chưa được chuẩn bị cho việc các Ngài nhập vào đó.

215. Đức Sanat Kumara cũng có thể được coi là 'Con rắn vĩ đại' hay Naga. Những Vị đồng sự thân cận nhất của Ngài (ba vị Phật Hoạt động) là Hành tinh Thượng Đế trong hệ mặt

215. Đức Sanat Kumara cũng có thể được coi là 'Con rắn vĩ đại' hay Naga. Những Vị đồng sự thân cận nhất của Ngài (ba vị Phật Hoạt động) là Hành tinh Thượng Đế trong hệ mặt

trời trước đó và do đó là những Con Rồng Trí tuệ.

trời trước đó và do đó là những Con Rồng Trí tuệ.

The reptile kingdom has an interesting place in all mythologies, and **all ancient forms of truth impartation**, and this for no arbitrary reason.

Giới bò sát có một vị trí thú vị trong mọi thần thoại, và trong mọi **hình thức truyền đạt chân lý cổ xưa**, và điều này không phải không có lý do.

216. We remember the serpent in the "Tree of Knowledge" found in the biblical "Garden of Eden". This serpent has been much abused for the knowledge it imparted.

216. Chúng ta nhớ đến con rắn trong "Cây Tri Thức" được tìm thấy trong "Vườn Địa Đàng" của Kinh Thánh. Con rắn này đã bị lạm dụng rất nhiều vì tri thức mà nó truyền đạt.

217. The impartation of knowledge in the Garden of Eden can be considered symbolic of individualization. After that momentous happening (when Eve, following the serpent's advice, took from the tree the 'Fruit of Knowledge' and tasted of it, proffering it also to Adam) it was impossible for human consciousness to return to its primitive "participation mystique".

217. Sự truyền đạt tri thức trong Vườn Địa Đàng có thể được xem là biểu tượng của sự biệt ngã hóa. Sau biến cố trọng đại ấy (khi Eva, theo lời khuyên của con rắn, lấy từ cây "Trái Tri Thức" và nếm nó, rồi cũng đưa cho Adam), tâm thức con người không thể quay trở lại "participation mystique" nguyên thủy của nó nữa.

218. The Dragons of Wisdom (the Planetary Logoi Who are great spiritual 'Serpents') are already endowed with a powerful manas (and love). The Solar Angels represent them and are also as serpents.

218. Các Con Rồng Minh Triết (các Hành Tinh Thượng Đế là những 'Con Rắn' tinh thần vĩ đại) đã được phú cho một manas mạnh mẽ (và bác ái). Các Thái dương Thiên Thần đại diện cho các Ngài và cũng là những con rắn.

219. One learns to be "as wise as serpents" by listening carefully to the 'Inner Serpent', the Solar Angel, Who will reveal to man the secret of the "Serpent Power", or the liberating kundalini.

219. Người ta học cách "khôn ngoan như rắn" bằng cách lắng nghe cẩn thận 'Con Rắn Bên Trong', Thái dương Thiên Thần, Đấng sẽ tiết lộ cho con người bí mật của "Mãnh lực Rắn", hay kundalini giải phóng.

216. Chúng ta nhớ đến con rắn trong "Cây Tri thức" được tìm thấy trong "Vườn Địa đàng" trong Kinh thánh. Con rắn này đã bị lạm dụng rất nhiều vì kiến thức mà nó truyền đạt.

216. Chúng ta nhớ đến con rắn trong "Cây Tri thức" được tìm thấy trong "Vườn Địa đàng" trong Kinh thánh. Con rắn này đã bị lạm dụng rất nhiều vì kiến thức mà nó truyền đạt.

217. Việc truyền đạt kiến thức trong Vườn Địa Đàng có thể được coi là biểu tượng của sự biệt ngã hóa. Sau sự kiện quan trọng đó (khi Eva, theo lời khuyên của con rắn, lấy 'Trái Kiến thức' từ trên cây và nếm thử, rồi đưa cho Adam), ý thức của con người không thể quay trở lại "tham dự bí ẩn " nguyên thủy của nó.

217. Việc truyền đạt kiến thức trong Vườn Địa Đàng có thể được coi là biểu tượng của sự biệt ngã hóa. Sau sự kiện quan trọng đó (khi Eva, theo lời khuyên của con rắn, lấy 'Trái Kiến thức' từ trên cây và nếm thử, rồi đưa cho Adam), ý thức của con người không thể quay trở lại "tham dự bí ẩn " nguyên thủy của nó.

218. Những con Rồng Trí tuệ (Hành tinh Thượng đế là những 'Con rắn' tâm linh vĩ đại) đã được ban cho một manas (và tình yêu) mạnh mẽ. Các Thái dương Thiên Thần đại diện cho các Ngài và cũng giống như những con rắn.

218. Những con Rồng Trí tuệ (Hành tinh Thượng đế là những 'Con rắn' tâm linh vĩ đại) đã được ban cho một manas (và tình yêu) mạnh mẽ. Các Thái dương Thiên Thần đại diện cho các Ngài và cũng giống như những con rắn.

219. Người ta học cách "khôn ngoan như rắn" bằng cách lắng nghe cẩn thận 'Con rắn bên trong', Thái dương Thiên Thần, Đấng sẽ tiết lộ cho con người bí mật về "Sức mạnh của Rắn", hay kundalini giải phóng.

219. Người ta học cách "khôn ngoan như rắn" bằng cách lắng nghe cẩn thận 'Con rắn bên trong', Thái dương Thiên Thần, Đấng sẽ tiết lộ cho con người bí mật về "Sức mạnh của Rắn", hay kundalini giải phóng.

It is not possible to enlarge upon the underlying truth which is hidden in the karmic history of our planetary Logos,

Không thể khai triển thêm về chân lý nền tảng được ẩn giấu trong lịch sử nghiệp quả của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta,

220. This history probably relates to our Planetary Logos' relationship to the planet Venus, in relation to which the serpent mythology is very strong.

220. Lịch sử này có lẽ liên quan đến mối quan hệ của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta với hành tinh Venus, mà trong mối liên hệ ấy thần thoại về rắn rất mạnh.

221. A relationship with still greater Beings (who endowed the fire of manas to the Planetary Logoi and to the Solar Logos, Himself) is also probably indicated here.

221. Một mối quan hệ với những Đấng còn vĩ đại hơn nữa (những Đấng đã phú cho lửa của manas đối với các Hành Tinh Thượng Đế và đối với chính Thái dương Thượng đế) cũng có lẽ được chỉ ra ở đây.

220. Lịch sử này có lẽ liên quan đến mối quan hệ của Hành tinh Thượng Đế của chúng ta với hành tinh Sao Kim, mối liên hệ mà thần thoại về con rắn rất mạnh mẽ.

220. Lịch sử này có lẽ liên quan đến mối quan hệ của Hành tinh Thượng Đế của chúng ta với hành tinh Sao Kim, mối liên hệ mà thần thoại về con rắn rất mạnh mẽ.

221. Mối quan hệ với các Đấng còn vĩ đại hơn nữa (những Đấng ban lửa manas cho Hành tinh Thượng Đế và cho Chính Thái dương Thượng Đế) cũng có lẽ được chỉ ra ở đây.

221. Mối quan hệ với các Đấng còn vĩ đại hơn nữa (những Đấng ban lửa manas cho Hành tinh Thượng Đế và cho Chính Thái dương Thượng Đế) cũng có lẽ được chỉ ra ở đây.

and is revealed as part of the teaching given to initiates of the second degree.

và được mặc khải như một phần của giáo huấn được ban cho các điểm đạo đồ của cấp thứ hai.

222. Presumably, it is revealed in the chamber of initiation to those are taking the second degree. Such revelation could also occur through instruction on the inner planes to those who have passed through this initiation. Perhaps even now there are physical-plane instances of instruction in these matters for such initiates.

222. Có lẽ điều này được mặc khải trong phòng điểm đạo cho những ai đang nhận cấp thứ hai. Sự mặc khải như thế cũng có thể xảy ra qua sự huấn luyện trên các cõi bên trong cho những ai đã vượt qua lần điểm đạo này. Có lẽ ngay cả hiện nay cũng có những trường hợp được huấn luyện trên cõi hồng trần về những vấn đề này cho các điểm đạo đồ như thế.

223. Note the connection to the *second* round, to the solar serpents or Angels (strongly qualified by the second ray), and to the influence of Venus which is strongly conditioned by the *second* ray.

223. Hãy lưu ý mối liên hệ với *cuộc tuần hoàn thứ hai*, với các rắn thái dương hay các Thiên Thần (được phẩm định mạnh mẽ bởi cung hai), và với ảnh hưởng của Venus vốn được tác động mạnh mẽ bởi *cung hai*.

224. It is at the second degree that one can earnestly being the process of becoming “as wise as serpents”.

224. Chính ở cấp thứ hai mà người ta có thể nghiêm túc bắt đầu tiến trình trở nên “khôn ngoan như rắn”.

225. The serpent sign, Scorpio, is involved, as is serpentine Mercury (the hierarchical ruler in Scorpio) with the building of the ‘serpentine’ antahkarana.

225. Dấu hiệu rắn, Hổ Cáp, có liên quan, cũng như Sao Thủy có tính rắn (chủ tinh của Huyền Giai trong Hổ Cáp) với việc xây dựng antahkarana ‘dạng rắn’.

226. At the second degree, via the antahkarana, one is building the “tree of knowledge” to the triadal realms.

226. Ở cấp thứ hai, thông qua antahkarana, người ta đang xây dựng “cây tri thức” hướng đến các cõi của Tam nguyên tinh thần.

222. Có lẽ nó được tiết lộ trong phòng điểm đạo đối với những người đang ở cấp độ thứ hai. Sự tiết lộ như vậy cũng có thể xảy ra thông qua sự hướng dẫn trên các cõi bên

222. Có lẽ nó được tiết lộ trong phòng điểm đạo đối với những người đang ở cấp độ thứ hai. Sự tiết lộ như vậy cũng có thể xảy ra thông qua sự hướng dẫn trên các cõi bên

trong cho những người đã trải qua cuộc điểm đạo này. Có lẽ ngay cả bây giờ cũng có những trường hợp giảng dạy ở cõi trần về những vấn đề này cho những điểm đạo đồ như vậy.

223. Hãy lưu ý mối liên hệ với *cuộc tuần hoàn thứ hai*, với các con rắn thái dương hoặc các Thiên thần (được phẩm định mạnh mẽ bởi cung hai), và với ảnh hưởng của sao Kim vốn bị chi phối mạnh mẽ bởi cung hai.

224. Ở cấp độ thứ hai, người ta có thể nghiêm túc thực hiện quá trình trở nên "khôn ngoan như rắn".

225. Dấu hiệu rắn, Bò Cạp, có liên quan, cũng như Sao Thủy "rắn" (chủ tinh Huyền Giai của Bò Cạp) với việc xây dựng antahkarana 'rắn'.

226. Ở cấp độ thứ hai, thông qua antahkarana, người ta đang xây dựng "cây tri thức" về các cõi tam nguyên.

trong cho những người đã trải qua cuộc điểm đạo này. Có lẽ ngay cả bây giờ cũng có những trường hợp giảng dạy ở cõi trần về những vấn đề này cho những điểm đạo đồ như vậy.

223. Hãy lưu ý mối liên hệ với *cuộc tuần hoàn thứ hai*, với các con rắn thái dương hoặc các Thiên thần (được phẩm định mạnh mẽ bởi cung hai), và với ảnh hưởng của sao Kim vốn bị chi phối mạnh mẽ bởi cung hai.

224. Ở cấp độ thứ hai, người ta có thể nghiêm túc thực hiện quá trình trở nên "khôn ngoan như rắn".

225. Dấu hiệu rắn, Bò Cạp, có liên quan, cũng như Sao Thủy "rắn" (chủ tinh Huyền Giai của Bò Cạp) với việc xây dựng antahkarana 'rắn'.

226. Ở cấp độ thứ hai, thông qua antahkarana, người ta đang xây dựng "cây tri thức" về các cõi tam nguyên.

The second great life impulse, or life wave, initiated by our planetary Logos, when brought in conjunction with the first, was the basis of that activity which we call evolutionary energy; it resulted in a gradual unrolling, or revelation, of the divine form.

Xung lực sự sống vĩ đại thứ hai, hay làn sóng sự sống, do Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta khởi xướng, khi được đưa vào kết hợp với xung lực thứ nhất, đã là nền tảng của hoạt động mà chúng ta gọi là năng lượng tiến hóa; nó dẫn đến một sự mở cuộn dần dần, hay sự mặc khải, của hình tướng thiêng liêng.

227. We are speaking of the union of the second and third aspects. Each of these aspects can be connected with serpent mythology. The sinuosity of the serpent is associated with the third aspect. The revelatory power of the serpent is connected with the second aspect as is its wave-like, undulatory movement.

227. Chúng ta đang nói đến sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba. Mỗi phương diện này đều có thể được nối kết với thần thoại về rắn. Tính uốn lượn của con rắn gắn với phương diện thứ ba. Quyền năng mặc khải của con rắn gắn với phương diện thứ hai, cũng như chuyển động gợn sóng, nhấp nhô của nó.

228. Life waves are initiated by the Solar Logos but also by our Planetary Logos.

228. Các làn sóng sự sống được khởi xướng bởi Thái dương Thượng đế nhưng cũng bởi Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta.

229. The first life wave relates to the preparation and conditioning of matter and expresses the third aspect of divinity. The second life wave relates to the building of form out of the prepared matter and relates, naturally, to the second aspect of divinity.

229. Làn sóng sự sống thứ nhất liên hệ với việc chuẩn bị và tác động lên vật chất, và biểu lộ phương diện thứ ba của thiên tính. Làn sóng sự sống thứ hai liên hệ với việc xây dựng hình tướng từ vật chất đã được chuẩn bị, và dĩ nhiên liên hệ với phương diện thứ hai của thiên tính.

230. That aspect of will which is associated with the third aspect is called the Will to Evolve.

230. Phương diện ý chí gắn với phương diện thứ ba được gọi là Ý Chí Tiến Hóa.

231. The process of unrolling, or unfolding towards revelation of the divine form is under the influence of the progressively revelatory second aspect which holds the energy pattern upon which evolutionary unfoldment is based.

231. Tiến trình mở cuộn, hay khai mở hướng đến sự mặc khải của hình tướng thiêng liêng, nằm dưới ảnh hưởng của phương diện thứ hai ngày càng có tính mặc khải, phương diện này nắm giữ mô hình năng lượng mà sự khai mở tiến hóa dựa trên đó.

232. When the Solar Angel asserts its influence over the human being, we have a union of the second and third aspects of divinity.

232. Khi Thái dương Thiên Thần khẳng định ảnh hưởng của mình lên con người, chúng ta có sự hợp nhất của phương diện thứ hai và thứ ba của thiên tính.

233. The unrolling of the divine pattern occurs in a serpentine manner. DK speaks of diamond design on the back of a serpent when discussing the interweaving of ray cycles.

233. Sự mở cuộn của mô hình thiêng liêng diễn ra theo cách uốn lượn như rắn. Chân sư DK nói về mô hình kim cương trên lưng một con rắn khi bàn về sự đan dệt của các chu kỳ cung.

234. The dynamic of weaving (the motion of the third ray) suggests the sinuous motion of the serpent.

234. Động lực của sự dệt (chuyển động của cung ba) gợi ra chuyển động uốn lượn của con rắn.

These coloured rings do not follow a straight unimpeded course, but interweave in a most curious manner, blending with each other, absorbing each other in stated cycles, and

Những vòng màu này không đi theo một đường thẳng không bị cản trở, mà đan dệt theo một cách hết sức kỳ lạ, hòa lẫn với nhau, hấp thụ lẫn nhau trong những chu kỳ

grouping themselves in groups of threes or fives, yet ever moving onwards. This is the real foundation to the diamond pattern upon the back of the serpent of wisdom. Three major lines of colour should be portrayed as forming the lattice work on the serpent's skin, with the four other colours interweaving. Some day some student of colour and of the Divine Wisdom should compile a large chart of the seven planes, and superimposed upon those planes should be placed a seven-coloured serpent of wisdom. If correctly drawn to scale some interesting geometrical patterns will be found as the circles cut across the planes, and some impression will be conveyed occularly of the complexity of the matter of the seven rays..... (LOM 212)

nhất định, và tự nhóm lại thành những nhóm ba hoặc năm, nhưng vẫn luôn tiến tới. Đây là nền tảng thực sự của mô hình kim cương trên lưng con rắn minh triết. Ba đường màu chính nên được mô tả như tạo thành mạng lưới trên da con rắn, với bốn màu kia đan xen vào. Một ngày nào đó, một đạo sinh về màu sắc và Minh Triết Thiêng Liêng nên biên soạn một biểu đồ lớn về bảy cõi, và chồng lên các cõi ấy một con rắn minh triết bảy màu. Nếu được vẽ đúng theo tỷ lệ, một số mô hình hình học thú vị sẽ được tìm thấy khi các vòng tròn cắt ngang các cõi, và một số ấn tượng sẽ được truyền đạt bằng mắt về tính phức tạp của vật chất của bảy cung..... (LOM 212)

235. The second ray holds hid the great revelation. The third ray uncoils, unrolls or unfolds this revelation. The two aspects are working closely together especially on our planet.

235. Cung hai giữ kín sự mặc khải vĩ đại. Cung ba tháo cuộn, mở cuộn hay khai mở sự mặc khải này. Hai phương diện ấy đang hoạt động chặt chẽ cùng nhau, đặc biệt trên hành tinh của chúng ta.

236. When the second and third aspects unite, we have spiral cyclic motion reconditioning rotary motion.

236. Khi phương diện thứ hai và thứ ba hợp nhất, chúng ta có chuyển động chu kỳ xoắn ốc tái tác động lên chuyển động quay.

The heavenly serpent manifested, being produced out of the egg, and began its convolutions, gaining in strength and majesty, and producing through its immense fecundity millions of lesser "serpents."

Con rắn thiên thượng biểu hiện, được sinh ra từ quả trứng, và bắt đầu những vòng cuộn của nó, lớn lên trong sức mạnh và uy nghi, và sản sinh qua khả năng sinh sản vô cùng lớn của nó hàng triệu "con rắn" nhỏ hơn.

237. This is the great Serpent which emerges from the World Egg. Through the process of emanation, the "heavenly serpent" produces many other versions of itself, each mind-born.

237. Đây là Đại Xà xuất hiện từ Thế Giới Noãn. Thông qua tiến trình xuất lộ, "con rắn thiên thượng" sản sinh ra nhiều phiên bản khác của chính nó, mỗi phiên bản đều do trí sinh ra.

238. The serpent and the egg is a symbol applicable to a wide range of creative

238. Con rắn và quả trứng là một biểu tượng có thể áp dụng cho một phạm vi rộng các

processes—from the Ego's creation of a man, to the creation of a planetary scheme, a solar system, and still greater creative processes.

239. In a way the "serpent power" is "fire from Heaven".

240. One must research the relationship of the serpent to solar fire. From one perspective, the serpent is the symbol of duality expressed through the 'positive-negative' second aspect, the Vishnu aspect.

The reptile kingdom is the most important part of the animal kingdom in certain aspects, if such an apparently contradictory statement can be made.

241. Surely this is a mysterious statement. Dragons and serpents can be understood as immensely good, but also as deeply evil. The battle is on between the two dragons or serpents resident within every man, and crocodiles play their part as well.

242. The reptile in man suggests the mode of his redemption. It also suggests all in him that resists redemption—his crocodilian nature (negatively understood).

For all animal life can be seen passing through it during the prenatal stage, or returning to it when the form is in advanced decomposition.

243. Man and all animals (in all animal groupings more advanced than the reptile—for instance, mammals) replicate the appearance of the reptile prenatally and in the post mortem state (when not cremated). The reptile represents transitions through

tiến trình sáng tạo—từ sự sáng tạo một con người của Chân ngã, cho đến sự sáng tạo một hệ hành tinh, một hệ mặt trời, và những tiến trình sáng tạo còn vĩ đại hơn nữa.

239. Theo một nghĩa nào đó, "mãnh lực rắn" là "lửa từ Thiên giới".

240. Người ta phải khảo cứu mối liên hệ giữa con rắn và Lửa Thái dương. Từ một góc nhìn, con rắn là biểu tượng của nhị nguyên tính được biểu lộ qua phương diện thứ hai 'dương-âm', phương diện Vishnu.

Giới bò sát là phần quan trọng nhất của giới động vật trong một số phương diện, nếu có thể đưa ra một phát biểu có vẻ mâu thuẫn như thế.

241. Chắc chắn đây là một phát biểu đầy huyền nhiệm. Rồng và rắn có thể được hiểu là vô cùng thiện, nhưng cũng là sâu sắc ác. Cuộc chiến đang diễn ra giữa hai con rồng hay hai con rắn cư ngụ trong mỗi con người, và cá sấu cũng đóng vai trò của chúng.

242. Loài bò sát trong con người gợi ra phương thức cứu chuộc của y. Nó cũng gợi ra mọi điều trong y chống lại sự cứu chuộc—bản chất cá sấu của y (được hiểu theo nghĩa tiêu cực).

Vì mọi sự sống động vật đều có thể được thấy là đi qua nó trong giai đoạn trước khi sinh, hoặc trở về với nó khi hình tướng ở trong tình trạng phân hủy cao độ.

243. Con người và mọi loài vật (trong mọi nhóm động vật tiến hóa cao hơn loài bò sát—thí dụ, loài có vú) đều tái hiện hình dạng của loài bò sát trong giai đoạn trước khi sinh và trong trạng thái sau khi chết (khi không bị hỏa táng). Loài bò sát biểu thị những chuyển

which man (and mammalian life) must pass when entering the world and leaving it.

tiếp mà con người (và sự sống loài có vú) phải đi qua khi bước vào thế giới và khi rời khỏi nó.

244. Does embryology reveal, as well, the replication of still earlier forms of life in the embryo? It would seem so.

244. Liệu phôi thai học cũng cho thấy sự tái hiện của những hình thức sự sống còn sớm hơn trong bào thai chăng? Dường như là như vậy.

245. Profundities concerning the origin and influence of the true inner man are symbolized by the reptile kingdom.

245. Những thâm nghĩa liên quan đến nguồn gốc và ảnh hưởng của con người nội tại chân chính được biểu tượng hóa bởi giới bò sát.

246. On a macrocosmic level, the relationship between Venus and the Earth can be expressed as the interplay between higher and lower members of the reptile kingdom. The story of the origin, struggles and redemption of man can be expressed in terms of dragons, serpents and crocodiles.

246. Ở cấp độ đại thiên địa, mối quan hệ giữa Venus và Trái Đất có thể được biểu lộ như sự tương tác giữa những thành viên cao và thấp của giới bò sát. Câu chuyện về nguồn gốc, những cuộc đấu tranh và sự cứu chuộc của con người có thể được diễn tả bằng các thuật ngữ rồng, rắn và cá sấu.

The connection is not purely a physical one, but it is also psychic.

Mối liên hệ này không thuần túy là một mối liên hệ hồng trần, mà còn là thông linh nữa.

247. The true psyche is the soul. The soul is, in one respect, the "solar serpent", the conveyer of fire emanating from the cosmic mental plane (whereon the vast Solar Angel ensouling the causal body of the Solar Logos may be conceived as the solar systemic "Solar Serpent").

247. Psyche chân thực là linh hồn. Linh hồn, theo một phương diện, là "thái dương xà", kẻ chuyên chở lửa phát ra từ cõi trí vũ trụ (nơi mà Thái dương Thiên Thần bao la phú linh thể nguyên nhân của Thái dương Thượng đế có thể được quan niệm như "Thái Dương Xà" của hệ thống thái dương).

248. Man must discover his higher serpent nature (the soul) so as to redeem his lower serpent nature (his lunar nature, lower "Satan", the "serpent of illusion") through the arousal of the "serpent power", the kundalini.

248. Con người phải khám phá bản chất xà cao hơn của mình (linh hồn) để cứu chuộc bản chất xà thấp hơn của mình (bản chất nguyệt của y, "Satan" thấp hơn, "con rắn của ảo tưởng") thông qua sự khơi dậy "xà lực", kundalini.

When the real nature and method of the **kundalini, or serpent fire**, is known, this relation will be better understood, and the

Khi bản chất thực sự và phương pháp của **kundalini, hay xà hỏa**, được biết đến, mối liên hệ này sẽ được thấu hiểu rõ hơn, và lịch

history of the second round assume a new importance.

sử của lần tuôn đổ thứ hai sẽ mang một tầm quan trọng mới.

249. DK gives us an occult hint which will not be easy to follow.

249. Chân sư DK cho chúng ta một gợi ý huyền bí mà sẽ không dễ theo dõi.

250. Let us say that the higher serpent in man arouses the serpent fire according to law. The rising of kundalini (the serpent coiled at the base of the spine) is inspired from above by the downflow of the energy of the higher serpent.

250. Chúng ta hãy nói rằng con rắn cao hơn trong con người khơi dậy xà hỏa theo quy luật. Sự trỗi dậy của kundalini (con rắn cuộn nơi đáy cột sống) được cảm hứng từ trên cao bởi dòng năng lượng tuôn xuống của con rắn cao hơn.

251. The Planetary Logos is a Dragon of Wisdom and man-as-Master is a lesser or minor Dragon of Wisdom. When we express as a Monad we are expressing the dragon power of our Planetary Logos, in one of Whose centers of force the Monad holds place.

251. Đức Hành Tinh Thượng Đế là một Rồng Minh Triết và con người-trong-tư-cách-Chân sư là một Rồng Minh Triết nhỏ hơn hay thứ yếu. Khi chúng ta biểu hiện như một chân thần, chúng ta đang biểu hiện quyền năng rồng của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, trong một trong những trung tâm lực của Ngài mà chân thần giữ vị trí.

252. It is true that the serpent power is particularly related to the soul (which is animated principally by the undulatory, bi-polar second ray), however, it is possible to see the Monad as a representative of the Planetary Logos (the Dragon of Wisdom) and, thus, again as a dragon or serpent of lesser degree.

252. Đúng là xà lực đặc biệt liên hệ với linh hồn (vốn được làm sinh động chủ yếu bởi cung hai lưỡng cực, lượn sóng), tuy nhiên, có thể xem chân thần như một đại diện của Đức Hành Tinh Thượng Đế (vị Rồng Minh Triết) và, như thế, lại là một rồng hay rắn ở cấp độ thấp hơn.

The secret of life lies hidden in the serpent stage,—not the life of the Spirit, but the life of the soul, and this will be revealed as the "serpent of the astral light" is truly approached, and duly studied.

Bí mật của sự sống ẩn kín trong giai đoạn rắn,—không phải sự sống của tinh thần, mà là sự sống của linh hồn, và điều này sẽ được mặc khải khi "con rắn của ánh sáng cảm dục" được tiếp cận một cách chân thực, và được nghiên cứu đúng đắn.

253. VSK asks: "Could we reword this and still be accurate? Thus, e.g.: The secret of the life of the soul is hidden in the serpent stage, and may be revealed by studying the astral light, in its serpentine nature."

253. VSK hỏi: "Liệu chúng ta có thể diễn đạt lại điều này mà vẫn chính xác không? Thí dụ như: Bí mật của sự sống của linh hồn ẩn kín trong giai đoạn rắn, và có thể được mặc khải

bằng cách nghiên cứu ánh sáng cảm dục, trong bản chất uốn lượn như rắn của nó."

254. VSK continues with a number of illuminating points. "This is again evocative of the first Stanza, (and its three instances, of 'the secret of fire", i.e., TCF, 11, 172, and 1231.) Below are these six references to this phrase, "the secret of life", whether the life of the spirit or the life of the soul, or what else may have a secret of life?"

254. VSK tiếp tục với một số điểm soi sáng. "Điều này lại gợi lên bài kệ thứ nhất, (và ba trường hợp của nó, về 'bí mật của lửa', tức TCF, 11, 172, và 1231.) Dưới đây là sáu tham chiếu này đến cụm từ, "bí mật của sự sống", dù là sự sống của tinh thần hay sự sống của linh hồn, hay còn điều gì khác có thể có một bí mật của sự sống?"

a. The mystery of manas is hidden in existence itself, and holds the secret of life and conceals and veils those Entities Whose outstanding quality and characteristic it is. (TCF 394)

a. Huyền nhiệm của manas ẩn kín trong chính sự tồn tại, và nắm giữ bí mật của sự sống và che giấu, phủ màn những Thực Thể mà phẩm tính và đặc trưng nổi bật của Các Ngài chính là điều đó. (TCF 394)

b. The secret of life lies hidden in the serpent stage,—not the life of the Spirit, but the life of the soul, and this will be revealed as the "serpent of the astral light" (TCF 893)

b. Bí mật của sự sống ẩn kín trong giai đoạn rắn,—không phải sự sống của tinh thần, mà là sự sống của linh hồn, và điều này sẽ được mặc khải khi "con rắn của ánh sáng cảm dục" (TCF 893)

c. In man, God the Father has hidden the secret of life; (EPI, 312)

c. Trong con người, Thượng đế Cha đã ẩn giấu bí mật của sự sống; (EPI, 312)

d. The secret (so-called) of the Cardinal Cross is the secret of Life itself, just as that of the Fixed Cross is that of the soul or the mystery of self-conscious entity, whilst the Mutable Cross holds hid the mystery of form. (EA, 314)

d. Bí mật (được gọi như thế) của Thập Giá Chủ Yếu là bí mật của chính Sự sống, cũng như bí mật của Thập Giá Cố Định là bí mật của linh hồn hay huyền nhiệm của thực thể ngã thức, trong khi Thập Giá Biến đổi che giấu huyền nhiệm của hình tướng. (EA, 314)

e. a. The unknown, unseen and unheard purpose of Sanat Kumara. It is the secret of life itself and is known only to Him alone. In its initial phase of this new expression, it works through the Manu and the Master Morya; it is that which veils the central mystery which all esoteric schools—if true to their inaugurating impulse—will eventually reveal. What that is we do not yet

e. a. Mục đích chưa biết, vô hình và không nghe thấy của Đức Sanat Kumara. Đó là bí mật của chính sự sống và chỉ một mình Ngài biết mà thôi. Trong giai đoạn khởi đầu của biểu hiện mới này, nó hoạt động qua Đức Manu và Chân sư Morya; đó là điều che phủ huyền nhiệm trung tâm mà mọi trường phái huyền bí học—nếu trung thành với xung lực khai sáng của mình—rốt cuộc sẽ mặc khải.

know, but it is hinted at in Rule XIII. (R&I, 242)

Điều đó là gì thì chúng ta chưa biết, nhưng được ám chỉ trong quy luật XIII. (R&I, 242)

f. The Christ did not rise out of a rocky sepulchre and re-assume His discarded body. He passed through the great seventh initiation which we will consider today, and knew the secret of life, of which immortality is only one of its many attributes. (R&I, 730)

f. Đức Christ đã không bước ra khỏi một mộ đá và lại khoác lấy thể xác đã bỏ đi của Ngài. Ngài đã đi qua lần điểm đạo thứ bảy vĩ đại mà hôm nay chúng ta sẽ xem xét, và biết bí mật của sự sống, mà sự bất tử chỉ là một trong nhiều thuộc tính của nó. (R&I, 730)

255. The "serpent of the astral light" must come to reflect the "serpent of the soul". The pulsations of the soul are to be registered in the undulations of the astral light.

255. "Con rắn của ánh sáng cảm dục" phải đi đến chỗ phản chiếu "con rắn của linh hồn". Những nhịp đập của linh hồn phải được ghi nhận trong những làn sóng lượn của ánh sáng cảm dục.

256. We are dealing here with the overcoming of the serpent of illusion by the 'Serpent of Wisdom'.

256. Ở đây chúng ta đang đề cập đến việc vượt thắng con rắn của ảo tưởng bởi 'Con Rắn Minh Triết'.

One of the four Lipika Lords, Who stand **nearest** to our planetary Logos, is called "The Living Serpent," and His emblem is a **serpent of blue** with **one eye, in the form of a ruby**, in its head.

Một trong bốn Đấng Lipika, Đấng đứng **gần nhất** với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta, được gọi là "Con Rắn Sống," và biểu tượng của Ngài là một **con rắn màu lam** với **một con mắt, dưới hình thức một hồng ngọc**, ở đầu nó.

257. VSK wisely suggests: "Blue is the colour of the love or second solar system and thus blue (dual, indigo-blue) is the colour of spiral-cyclic motion (a likely result of the electrical and magnetic waves of light). This is the serpent in living movement. His eye, being ruby-red, can be construed as related to the first aspect, a single eye, the eye of Shiva, as explained below, and to be opened during the final, or first aspect or red solar system to come."

257. VSK khôn ngoan gợi ý: "Màu lam là màu của tình thương hay hệ mặt trời thứ hai và do đó màu lam (nhị nguyên, chàm-lam) là màu của chuyển động xoắn ốc-tuần hoàn (một kết quả có thể có của các làn sóng điện và từ của ánh sáng). Đây là con rắn trong chuyển động sống động. Con mắt của Ngài, mang màu đỏ hồng ngọc, có thể được hiểu là liên hệ với phương diện thứ nhất, một con mắt duy nhất, con mắt của Shiva, như được giải thích dưới đây, và sẽ được mở ra trong hệ mặt trời cuối cùng, hay hệ mặt trời của phương diện thứ nhất hoặc màu đỏ sẽ đến."

258. She continues: "Pertinent question is, which Lipika Lord is this? Who stands nearest our Logos?"

259. The Lipika Lords are Sirian Beings. May this Lipika Lord be one that works most closely with the Solar Angels of Earth in their role as karmic Agents?

260. Spiral-cyclic motion suggests an ascending serpent.

261. The red eye is the eye of synthesis—the first aspect being correlated with the color red as stated.

262. Through the agency of this Living Serpent, perhaps the Ego can ascend towards the Spirit.

263. We know that the Lipika Lords are (outwardly at least) great first ray Beings Who are motivated by the second ray, and in order to achieve second ray objectives utilize third and fifth ray methods along with methods of the first ray.

264. Our Planetary Logos has a first ray Monad, and "The Living Serpent" is strongly correlated *in purpose and objective* with the first ray, symbolized by His red eye.

265. On our planet, a fusion will eventually be sought between the second and first rays. This Serpent may be involved in promoting this fusion which will occur when the kundalini of our planet is fully aroused under the impression of His first ray Monad.

258. Bà tiếp tục: "Câu hỏi thích đáng là, đây là Đấng Lipika nào? Đấng nào đứng gần nhất với Thượng đế của chúng ta?"

259. Các Đấng Lipika là các Hữu thể Sirian. Liệu Đấng Lipika này có phải là Đấng làm việc mật thiết nhất với các Thái dương Thiên Thần của Trái Đất trong vai trò các Tác nhân nghiệp quả không?

260. Chuyển động xoắn ốc-tuần hoàn gợi ra một con rắn đang đi lên.

261. Con mắt đỏ là con mắt của tổng hợp—phương diện thứ nhất được tương liên với màu đỏ như đã nói.

262. Có lẽ qua tác động của Con Rắn Sống này, chân ngã có thể thăng lên hướng về tinh thần.

263. Chúng ta biết rằng các Đấng Lipika là (ít nhất là về mặt bên ngoài) những Hữu thể cung một vĩ đại, được thúc đẩy bởi cung hai, và để đạt các mục tiêu cung hai thì sử dụng các phương pháp của cung ba và cung năm cùng với các phương pháp của cung một.

264. Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có một chân thần cung một, và "Con Rắn Sống" tương liên mạnh mẽ *trong mục đích và cứu cánh* với cung một, được biểu tượng hóa bởi con mắt đỏ của Ngài.

265. Trên hành tinh của chúng ta, rốt cuộc sẽ tìm kiếm một sự dung hợp giữa cung hai và cung một. Con Rắn này có thể dự phần vào việc thúc đẩy sự dung hợp ấy, điều sẽ xảy ra khi kundalini của hành tinh chúng ta được khơi dậy hoàn toàn dưới ấn tượng của chân thần cung một của Ngài.

266. The Four Lipika Lords (also called the "Four Maharajas") are positioned within the solar system, in the form of a great Cross.. Some, it seems, stand closer to certain Planetary Logoi than others.

266. Bốn Đấng Lipika (cũng được gọi là "Bốn Maharaja") được định vị trong hệ mặt trời, dưới hình thức một Thập Giá lớn. Có vẻ như một số Đấng đứng gần với một số Hành Tinh Thượng Đế nào đó hơn những Đấng khác.

267. The one nearest our Planetary Logos has primary second and first ray characteristics. It seems as if the third ray personality of our Planetary Logos is already a factor being overcome and is not related so much to His future:

267. Đấng gần nhất với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta có các đặc tính chủ yếu của cung hai và cung một. Có vẻ như phàm ngã cung ba của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta đã là một yếu tố đang được vượt thắng và không liên hệ nhiều đến tương lai của Ngài:

Students who care to carry the symbology a little further can connect this idea with the "eye of Shiva" which sees and knows all, and records all,

Những đạo sinh nào muốn theo đuổi biểu tượng học xa hơn một chút có thể nối kết ý tưởng này với "con mắt của Shiva" vốn thấy và biết mọi sự, và ghi lại mọi sự,

268. The "Lipika Lords" are the "Recorders". This is the meaning of the word "Lipika".

268. Các "Đấng Lipika" là các "Đấng Ghi Chép". Đó là ý nghĩa của từ "Lipika".

269. The 'Eye of Synthesis" is all-seeing. Nothing escapes it.

269. 'Con Mắt của Tổng Hợp" là con mắt thấy tất cả. Không gì thoát khỏi nó.

270. Obviously, nothing escapes the Eye of a major Lipika Lord.

270. Hiển nhiên, không gì thoát khỏi Con Mắt của một Đấng Lipika lớn.

271. In a way, the One Eye is *many eyes.* That Observer is found within every being.

271. Theo một nghĩa nào đó, Con Mắt Duy Nhất là *nhiều con mắt.* Đấng Quan Sát ấy hiện diện trong mọi hữu thể.

272. The time of karmic freedom is approaching when the third initiation is taken and the "eye of Shiva" begins to open.

272. Thời điểm tự do khỏi nghiệp quả đang đến gần khi lần điểm đạo thứ ba được tiếp nhận và "con mắt của Shiva" bắt đầu mở ra.

as [Page 894] does the human eye in lesser degree;

cũng như [Page 894] con mắt người làm ở mức độ thấp hơn;

273. All experience which the human eye witnesses is seen and recorded even if not

273. Mọi kinh nghiệm mà mắt người chứng kiến đều được thấy và ghi lại ngay cả khi

consciously registered. Hypnotism proves this.

không được ghi nhận một cách hữu thức. Thuật thôi miên chứng minh điều này.

all is photographed upon the astral light, as the human eye receives impressions upon the retina.

mọi sự đều được chụp lại trên ánh sáng cảm dục, cũng như mắt người tiếp nhận các ấn tượng trên võng mạc.

274. This is an important piece of occultism. It would appear that that "astral light" is not "astral" at all, but rather etheric, since the ethers are physical and the human eye, in its subtle aspect, can reasonably be connected to them.

274. Đây là một mẩu huyền bí học quan trọng. Có vẻ như "ánh sáng cảm dục" ấy thực ra hoàn toàn không phải là "cảm dục", mà đúng hơn là dĩ thái, vì các dĩ thái là hồng trần và mắt người, trong phương diện vi tế của nó, có thể được nối kết một cách hợp lý với chúng.

275. We are told, in similar vein, that the ability to see the ethers is an ability of the rightly focussed physical human eye.

275. Theo cùng một chiều hướng, chúng ta được bảo rằng khả năng thấy các dĩ thái là khả năng của con mắt hồng trần của con người khi được tập trung đúng cách.

276. What a Lord of Karma has developed in great measure, we have developed in small. Something within us 'sees' everything we do and such doings are registered with accuracy in the astral light and 'read' by karmic agents.

276. Điều mà một Đấng Nghiệp Quả đã phát triển ở mức độ lớn lao, chúng ta đã phát triển ở mức nhỏ. Có điều gì đó bên trong chúng ta 'thấy' mọi điều chúng ta làm và những hành vi ấy được ghi nhận chính xác trong ánh sáng cảm dục và được các tác nhân nghiệp quả 'đọc'.

277. VSK asks several interesting questions: "See the astral light above. What could it be about the astral light that is serpent like? Does it rotate, spiral, cyclic. It is related to the motion of time and space, and, thus, how time itself must be unrolled?

277. VSK nêu ra vài câu hỏi thú vị: "Hãy xem ánh sáng cảm dục ở trên. Điều gì nơi ánh sáng cảm dục có thể giống rắn? Nó có quay, xoắn ốc, tuần hoàn không. Nó liên hệ với chuyển động của thời gian và không gian, và do đó, với cách chính thời gian phải được mở cuộn ra sao?

278. We gather that the astral light is as a great receptive film or plate, registering all that has transpired. It is also the medium through which the future can be created when it is impressed by thought. It is a magical agent or instrument.

278. Chúng ta hiểu rằng ánh sáng cảm dục giống như một tấm phim hay bản ghi tiếp nhận khổng lồ, ghi lại mọi điều đã xảy ra. Nó cũng là môi trường qua đó tương lai có thể được tạo ra khi được tư tưởng in dấu lên. Nó là một tác nhân hay công cụ huyền thuật.

279. This ‘light’ can be viewed somewhat in a semi-dark room when the ethers are highly activated. When viewing this phenomenon, one sees how difficult it would be to *control* this ever-moving ‘serpent’. The power of mental fixation is strongly needed.

279. ‘Ánh sáng’ này có thể được nhìn thấy phần nào trong một căn phòng nửa tối khi các dĩ thái được hoạt hóa mạnh. Khi quan sát hiện tượng này, người ta thấy việc *kiểm soát* ‘con rắn’ luôn chuyển động này sẽ khó đến mức nào. Quyền năng cố định trí tuệ là điều rất cần thiết.

The same thought is frequently conveyed in the Christian Bible, in the Hebrew and Christian recognition of the all-seeing eye of God.

Cùng một tư tưởng này thường được chuyển tải trong Kinh Thánh Cơ Đốc, trong sự thừa nhận của Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo về con mắt toàn kiến của Thượng đế.

280. We have the equivalence of the "eye of Shiva", the ‘Serpent Eye’ and the “all-seeing eye of God”, so strongly promoted in Masonic ritual.

280. Chúng ta có sự tương đương giữa "con mắt của Shiva", ‘Con Mắt Rắn’ và “con mắt toàn kiến của Thượng đế”, vốn được đề cao mạnh mẽ trong nghi lễ Tam Điểm.

281. Can we see how the cultivation of the attitude of the Observer leads eventually to the cultivation of the lesser “all-seeing eye” within man, the third eye, the “eye of Shiva”?

281. Chúng ta có thể thấy việc vun bồi thái độ của Đấng Quan Sát rốt cuộc dẫn đến việc vun bồi “con mắt toàn kiến” nhỏ hơn bên trong con người, con mắt thứ ba, “con mắt của Shiva”, như thế nào không?

The application and value of the hints here given may be apparent if the subject of the third eye is studied, and its relation to the spine, and the spinal currents investigated.

Sự áp dụng và giá trị của những gợi ý được đưa ra ở đây có thể trở nên hiển nhiên nếu chủ đề về con mắt thứ ba được nghiên cứu, và mối liên hệ của nó với cột sống, cùng các dòng chảy trong cột sống được khảo sát.

282. DK is suggesting that the third eye is awakened by the rising serpent power.

282. Chân sư DK đang gợi ý rằng con mắt thứ ba được đánh thức bởi xà lực đi lên.

283. The one who has awakened the third eye is like the “The Living Serpent”, the ‘Lipika Serpent’ with the ruby-red ‘Eye of Synthesis’. We human beings can become as serpents with the single eye. As we become so, we reflect our individual ‘Serpent in Heaven’, the Solar Angel.

283. Người đã đánh thức con mắt thứ ba thì giống như “Con Rắn Sống”, ‘Con Rắn Lipika’ với ‘Con Mắt Tổng Hợp’ đỏ hồng ngọc. Chúng ta, những con người, có thể trở thành như những con rắn với một con mắt duy nhất. Khi trở nên như thế, chúng ta phản chiếu ‘Con Rắn trên Trời’ cá nhân của mình, Thái dương Thiên Thần.

This third eye **is one of the objects of kundalinic vivification.**

284. Note that it is not the *only* object of kundalinic vivification.

and in the spinal territory there is first the centre at the base of the spine, the home of the sleeping fire.

285. The center at the base of the spine is a first ray center and the "eye of Shiva" is a first ray evocation—it is the “eye of synthesis”—really a blend of first and second ray attributes, for synthesis conveys the second aspect of the first ray.

286. DK is connecting for us the base of the spine center and the third eye. We can see that the kundalini serpent must rise with power if the third eye is to be opened. This requires the conservation of the energies of the body, purification and a general disciplining of the energy system.

287. VSK continues her speculations on the ‘Lipika Serpent’: “This third eye, is like that ruby eye of the blue serpent. Who is our kundalinic-like Lipika Lord, who is ‘the closest’ to our Logos? Could this be literal, that he is near is proximity, as if the Planetary Logos is a localized center? If a Logos is Head Center (heart in head), then is the pineal and pituitary relationship a decent analogy for the Logos and the Lipika Lord, with one ruby red eye, and a lovely blue serpent?”

Con mắt thứ ba này **là một trong những đối tượng của sự tiếp sinh lực kundalini.**

284. Lưu ý rằng nó không phải là đối tượng *duy nhất* của sự tiếp sinh lực kundalini.

và trong khu vực cột sống trước hết có trung tâm ở đáy cột sống, nơi cư ngụ của ngọn lửa đang ngủ.

285. Trung tâm ở đáy cột sống là một trung tâm cung một và "con mắt của Shiva" là một sự gợi lên cung một—nó là “con mắt của tổng hợp”—thực ra là một sự pha trộn các thuộc tính của cung một và cung hai, vì tổng hợp chuyển tải phương diện thứ hai của cung một.

286. Chân sư DK đang nối kết cho chúng ta trung tâm đáy cột sống và con mắt thứ ba. Chúng ta có thể thấy rằng xà kundalini phải trỗi dậy mạnh mẽ nếu con mắt thứ ba được mở ra. Điều này đòi hỏi sự bảo tồn các năng lượng của thể, sự thanh lọc và một sự kỷ luật tổng quát đối với hệ thống năng lượng.

287. VSK tiếp tục những suy đoán của bà về ‘Con Rắn Lipika’: “Con mắt thứ ba này giống như con mắt hồng ngọc của con rắn màu lam ấy. Đấng Lipika giống-kundalini của chúng ta, Đấng ‘gần nhất’ với Thượng đế của chúng ta, là ai? Điều này có thể là nghĩa đen không, rằng ông ở gần về khoảng cách, như thể Đức Hành Tinh Thượng Đế là một trung tâm được định vị cục bộ? Nếu một Thượng đế là Trung tâm Đầu (tim trong đầu), thì mối liên hệ giữa tuyến tùng và tuyến yên có phải là một phép loại suy thích đáng cho Thượng đế và Đấng Lipika, với một con mắt đỏ hồng ngọc, và một con rắn màu lam tuyệt đẹp không?”

288. Interestingly, however, the third eye may also be called the ‘eye of blue’.

The "Eye of Shiva," when perfected, is blue in colour, and as our solar Logos is the "Blue Logos" so do His children occultly resemble Him; but this colour must be interpreted esoterically. (TCF 1011)

289. Thus the first ray/second ray nature of this ‘Wisdom Eye’ is revealed.

290. It would seem that man must perfect the blue before moving to the red. The powerful Lipika Lord under discussion, long ago perfected the second aspect symbolized by blue.

291. The name of one of the four Karmic Lords is “Pain”(cf. Externalization of the Hierarchy 116-117). Could this be the Lord most closely related to our Planetary Logos?

Next we have the triple channel along which that fire will travel in due course of evolution, and finally we find at the summit of the column, and surmounting all, that small organ called the pineal gland, which when vivified causes the third eye to open, and the beauties of the higher, subtler planes to stand revealed.

292. It must be evident that, in the occult anatomy depicted, we have the living structure upon which the Rod of Initiation is modelled.

293. The diamond atop the Rod of Initiation can be construed as the pineal gland.

288. Tuy nhiên, điều thú vị là con mắt thứ ba cũng có thể được gọi là ‘con mắt màu lam’.

Con Mắt của Shiva," khi được hoàn thiện, có màu lam, và cũng như Thái dương Thượng đế của chúng ta là "Thượng đế Lam", thì con cái của Ngài một cách huyền bí cũng giống Ngài; nhưng màu sắc này phải được giải thích một cách huyền bí. (TCF 1011)

289. Như vậy, bản chất cung một/cung hai của ‘Con Mắt Minh Triết’ này được mặc khải.

290. Có vẻ như con người phải hoàn thiện màu lam trước khi chuyển sang màu đỏ. Đấng Lipika quyền năng đang được bàn đến đã từ lâu hoàn thiện phương diện thứ hai được biểu tượng hóa bằng màu lam.

291. Tên của một trong bốn Đấng Nghiệp Quả là “Đau Đớn” (xem Sự Hiển Lộ của Thánh đoàn 116-117). Liệu đây có phải là Đấng liên hệ mật thiết nhất với Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta không?

Tiếp theo chúng ta có kênh tam phân mà theo đó ngọn lửa ấy sẽ di chuyển trong tiến trình tiến hoá đúng lúc, và cuối cùng chúng ta thấy ở đỉnh của trụ, và vượt lên trên tất cả, cơ quan nhỏ gọi là tuyến tùng, mà khi được tiếp sinh lực sẽ khiến con mắt thứ ba mở ra, và vẻ đẹp của các cõi cao hơn, vi tế hơn được mặc khải.

292. Hiển nhiên là, trong giải phẫu huyền bí được mô tả, chúng ta có cấu trúc sống động mà trên đó Thần Trượng Điểm đạo được mô phỏng theo.

293. Viên kim cương trên đỉnh Thần Trượng Điểm đạo có thể được hiểu là tuyến tùng.

294. The triple channel suggests the structure of that particular Rod of Initiation called the "Flaming Diamond".

294. Kênh tam phân gợi ra cấu trúc của Thần Trượng Điểm đạo đặc biệt được gọi là "Kim Cương Rực Lửa".

The Rod of Sanat Kumara is far more intricate, and instead of the central Rod, or Serpent, standing on the tip of its tail, **all the three serpents are interwoven in a spiral fashion,** and the Flaming Diamond which surmounts it is of such radiance that the effect is produced of a spheroidal aura, cast around the interlaced serpents, typifying the form-building nature of the Vishnu activity. (TCF 1035-1036)

Thần Trượng của Đức Sanat Kumara còn phức tạp hơn nhiều, và thay vì cây Trượng trung tâm, hay Con Rắn, đứng trên chót đuôi của nó, **cả ba con rắn đều đan xen nhau theo hình thức xoắn ốc,** và Kim Cương Rực Lửa ở trên cùng của nó có độ rực sáng đến mức tạo ra hiệu quả của một hào quang hình cầu bao quanh các con rắn đan xen, tượng trưng cho bản chất kiến tạo hình tướng của hoạt động Vishnu. (TCF 1035-1036)

295. We will suspect that the application of the Rod of Initiation (especially at the third initiation) does much to open the third eye.

295. Chúng ta sẽ ngờ rằng việc áp dụng Thần Trượng Điểm đạo (đặc biệt ở lần điểm đạo thứ ba) góp phần rất nhiều vào việc mở con mắt thứ ba.

296. That part of the third eye correlated with synthesis and with the first ray is stimulated by the conscious touch of the Monad which occurs at that initiation.

296. Phần của con mắt thứ ba tương liên với tổng hợp và với cung một được kích thích bởi sự tiếp xúc hữu thức của chân thần xảy ra ở lần điểm đạo ấy.

All this physico-psychical occurrence is possible to man owing to certain events which happened to the Heavenly Serpent in the second, or serpent, round.

Tất cả biến cố hồng trần-thông linh này đều có thể xảy ra cho con người nhờ những biến cố nhất định đã xảy ra với Thiên Xà trong cuộc tuần hoàn thứ hai, hay cuộc tuần hoàn rắn.

297. We can see the profound hint offered even if it is difficult to understand.

297. Chúng ta có thể thấy gợi ý sâu xa được đưa ra dù khó hiểu.

298. It would seem that the entire program of initiation now possible to man had its origin (as far as our planetary chain is concerned) in events occurring during the second round of our Earth-chain.

298. Có vẻ như toàn bộ chương trình điểm đạo hiện nay có thể có đối với con người đã bắt nguồn (xét theo dãy hành tinh của chúng ta) từ những biến cố xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ hai của Dãy Địa Cầu.

299. Was it *then* that the Sirian influence was particularly potent, as it is the Sirian

299. Có phải *khi ấy* ảnh hưởng Sirian đặc biệt mạnh mẽ, vì chính ảnh hưởng Sirian thúc

influence which impels the entire program of initiation, not only on this planet but in our solar system as well?

300. Initiation is both physical and psychical —DK calls it a "physico-psychical occurrence".

301. Is the "Heavenly Serpent" that particular *great* Solar Angel associated with our particular Planetary Logos upon the cosmic mental plane? Planetary Logoi have associated with them such Solar Angels (building and sustaining their egoic structure) as do Solar Logoi.

302. When we think of the motion of a round, we can easily envision the serpent swallowing its tail.

These happenings necessitated the formation and evolution of **that peculiar and mysterious family we call the reptilian**.

303. It would seem that, as far as promoting the relationship between our Planetary Logos and the Planetary Logos of Venus (in relation to our Earth-chain), the *second round* of our chain would have offered a particularly propitious opportunity.

304. Different types of animals originated in different rounds. The implication here is that the reptilian family originated in the second round.

305. We could begin to wonder whether the reptile kingdom came into being as a result of the soul (the "Heavenly Serpent") influence of our Planetary Logos and as a

đẩy toàn bộ chương trình điểm đạo, không chỉ trên hành tinh này mà cả trong hệ mặt trời của chúng ta nữa?

300. Điểm đạo vừa là hồng trần vừa là thông linh—Chân sư DK gọi nó là một "biến cố hồng trần-thông linh".

301. "Thiên Xà" có phải là Thái dương Thiên Thần *vĩ đại* đặc biệt ấy liên kết với Đức Hành Tinh Thượng Đế đặc thù của chúng ta trên cõi trí vũ trụ không? Các Hành Tinh Thượng Đế có liên kết với các Thái dương Thiên Thần như thế (kiến tạo và duy trì cấu trúc chân ngã của các Ngài) cũng như các Thái dương Thượng đế vậy.

302. Khi nghĩ đến chuyển động của một cuộc tuần hoàn, chúng ta có thể dễ dàng hình dung con rắn nuốt đuôi mình.

Những biến cố này đòi hỏi sự hình thành và tiến hoá của **gia đình đặc thù và huyền bí mà chúng ta gọi là loài bò sát**.

303. Có vẻ như, xét về việc thúc đẩy mối liên hệ giữa Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và Đức Hành Tinh Thượng Đế của Sao Kim (liên hệ với Dãy Địa Cầu của chúng ta), *cuộc tuần hoàn thứ hai* của dãy chúng ta hẳn đã đem lại một cơ hội đặc biệt thuận lợi.

304. Các loại động vật khác nhau phát sinh trong các cuộc tuần hoàn khác nhau. Hàm ý ở đây là gia đình bò sát phát sinh trong cuộc tuần hoàn thứ hai.

305. Chúng ta có thể bắt đầu tự hỏi liệu giới bò sát có xuất hiện như là kết quả của ảnh hưởng linh hồn ("Thiên Xà") của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và như là kết quả của sự tương tác của Ngài với Đức Hành

result of His interplay with the Planetary Logos of the Venus-scheme.

306. According to contemporary scientific theory, that period for the arising of the reptile family may have been *too many* millions of years ago to be reasonable, for each round seems to take more than 300 million years, with the length of the earlier rounds being probably greater rather than equal or lesser. This could suggest a second round occurring more than 600 million years ago. As far as science is concerned, the reptiles arose much more recently.

307. Yet, we can ask whether there might not have been a reptile family in the second round, the third round and in the fourth—all three. In such a case, the arising of the reptile family in our fourth round would simply be linked to predecessor reptile families in the third and second rounds.

308. The mystery, really, is profound. Perhaps some deep meditation is needed to consider ourselves as a congery of serpents/reptiles of different kinds. The battle between the serpents (between the "Devil" and the "Angels") is surely the predominating issue of human living.

These forms of divine life [the reptile family] are very intimately connected with the second planetary scheme,

309. That planetary scheme is Venus. The "Feathered Serpent", Quetzalquatal, may be considered Venusian in origin, and the coming of the 'solar serpents' (HPB calls this host "Satan" in the higher sense of the word) are strongly impulsed from Venus.

Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh Kim Tinh hay không.

306. Theo lý thuyết khoa học đương đại, thời kỳ cho sự xuất hiện của gia đình bò sát có thể đã là *quá nhiều* triệu năm trước để có vẻ hợp lý, vì mỗi cuộc tuần hoàn dường như kéo dài hơn 300 triệu năm, với độ dài của các cuộc tuần hoàn sớm hơn có lẽ lớn hơn chứ không phải bằng hay ngắn hơn. Điều này có thể gợi ý một cuộc tuần hoàn thứ hai xảy ra hơn 600 triệu năm trước. Theo khoa học, loài bò sát xuất hiện muộn hơn nhiều.

307. Tuy vậy, chúng ta có thể hỏi liệu đã không thể có một gia đình bò sát trong cuộc tuần hoàn thứ hai, cuộc tuần hoàn thứ ba và trong cuộc tuần hoàn thứ tư—cả ba hay sao. Trong trường hợp như thế, sự xuất hiện của gia đình bò sát trong cuộc tuần hoàn thứ tư của chúng ta đơn giản sẽ được nối kết với các gia đình bò sát tiền nhiệm trong các cuộc tuần hoàn thứ ba và thứ hai.

308. Huyền nhiệm này thực sự sâu xa. Có lẽ cần một sự tham thiền sâu để xem xét chính chúng ta như một tập hợp hỗn tạp của những con rắn/loài bò sát thuộc nhiều loại khác nhau. Trận chiến giữa các con rắn (giữa "Quỷ" và "các Thiên Thần") chắc chắn là vấn đề nổi trội của đời sống con người.

Những hình tướng của sự sống thiêng liêng này [gia đình bò sát] liên hệ rất mật thiết với hệ hành tinh thứ hai,

309. Hệ hành tinh đó là Sao Kim. "Con Rắn Có Lông Vũ", Quetzalquatal, có thể được xem là có nguồn gốc Kim Tinh, và sự xuất hiện của các 'thái dương xà' (HPB gọi đạo quân này là "Satan" theo nghĩa cao hơn của từ này) được thúc đẩy mạnh mẽ từ Sao Kim.

310. Quetzalquatal is, in one manner of interpretation, the Christ and Christ is uniquely related to Venus, just as Buddha is to Mercury.

310. Quetzalquatal, theo một cách giải thích, là Đức Christ và Đức Christ có liên hệ độc đáo với Sao Kim, cũng như Đức Phật với Sao Thủy.

311. We might say that Venus rules the second or serpent round in which, ostensibly, the reptiles emerged.

311. Chúng ta có thể nói rằng Sao Kim cai quản cuộc tuần hoàn thứ hai hay cuộc tuần hoàn rắn, trong đó, bề ngoài, loài bò sát đã xuất hiện.

312. We might think that Scorpio (the serpent sign) was very influential in that round. In Scorpio occurs the great battle between the lesser serpents and the greater.

312. Chúng ta có thể nghĩ rằng Hổ Cáp (dấu hiệu con rắn) đã rất có ảnh hưởng trong cuộc tuần hoàn ấy. Trong Hổ Cáp xảy ra trận chiến lớn giữa những con rắn nhỏ hơn và những con rắn lớn hơn.

313. The entire battle between the Black Lodge and the White Lodge is the battle between two types of serpents or dragons, and this battle is waged strongly under the influence of Scorpio (in which, interestingly, Venus is detrimented).

313. Toàn bộ trận chiến giữa Hắc đoàn và Thánh đoàn là trận chiến giữa hai loại rắn hay rồng, và trận chiến này được tiến hành mạnh mẽ dưới ảnh hưởng của Hổ Cáp (trong đó, điều thú vị là Sao Kim bị suy yếu).

314. Our image of Venus would not usually support the idea that it was connected with the reptilian family, but so it appears to be.

314. Hình ảnh của chúng ta về Sao Kim thường sẽ không ủng hộ ý tưởng rằng nó liên hệ với gia đình bò sát, nhưng dường như đúng là như vậy.

being responsive to energy emanating from that scheme, and reaching the earth via the second globe in the second chain.

đáp ứng với năng lượng phát ra từ hệ hành tinh ấy, và đến trái đất qua bầu hành tinh thứ hai trong dãy thứ hai.

315. We must meditate upon the relationship of Venus to the reptile kingdom or family. We know already that Venus rules that Creative Hierarchy called the “Crocodiles”. Interestingly, Lakshmi (Venus) rides on the back of a crocodile! This is the symbol of the conquest of the lower reptile by the ‘Greater Serpent’, the soul.

315. Chúng ta phải tham thiền về mối liên hệ của Sao Kim với giới hay gia đình bò sát. Chúng ta đã biết rằng Sao Kim cai quản Huyền Giai Sáng Tạo được gọi là “Cá Sấu”. Điều thú vị là Lakshmi (Kim Tinh) cưỡi trên lưng một con cá sấu! Đây là biểu tượng của sự chinh phục loài bò sát thấp hơn bởi ‘Con Rắn Lớn Hơn’, linh hồn.

316. Those who would become Solar Angels are on the 'Serpent Path' and will be treading their way to Sirius (a star closely related to serpent symbolism just as Venus is).

316. Những ai sẽ trở thành các Thái dương Thiên Thần đang ở trên 'Con Đường Rắn' và sẽ bước đi trên con đường của mình đến Sirius (một ngôi sao liên hệ mật thiết với biểu tượng rắn cũng như Sao Kim vậy).

A group of special devas (connected with a particular open sound in the planetary Word), work with the reptile evolution.

Một nhóm thiên thần đặc biệt (liên hệ với một âm mở đặc biệt trong Linh từ hành tinh), làm việc với sự tiến hoá của loài bò sát.

317. Simply amazing information. We are not yet in a position to do much with it.

317. Thông tin thật đáng kinh ngạc. Chúng ta chưa ở vào vị thế có thể làm được nhiều với nó.

318. We note that the sound is "open" which means that it is not a consonant, nor is it likely to be a vowel produced through a small aperture. DK is hinting at much when calling the sound "open".

318. Chúng ta lưu ý rằng âm ấy là "mở", nghĩa là nó không phải là một phụ âm, cũng không có vẻ là một nguyên âm được tạo ra qua một khẩu độ nhỏ. Chân sư DK đang gợi ý rất nhiều khi gọi âm ấy là "mở".

319. We could associate this sound with the letter "O" which is particularly open and can be seen as the serpent swallowing its tail.

319. Chúng ta có thể liên kết âm này với chữ "O", vốn đặc biệt mở và có thể được xem như con rắn nuốt đuôi mình.

320. The letter would have to represent the *second* aspect.

320. Chữ ấy hẳn phải biểu thị phương diện *thứ hai*.

321. We do not know the Planetary Word. Even the Masters of the Wisdom do not. The OM, however, is a symbol of this Word, and the OM is the word of the second aspect.

321. Chúng ta không biết Linh từ Hành Tinh. Ngay cả các Chân sư Minh Triết cũng không biết. Tuy nhiên, OM là một biểu tượng của Linh từ này, và OM là linh từ của phương diện thứ hai.

322. Interestingly, the letter "O" is a Jupiterian sound and Jupiter is a expression on the soul level of the second ray.

322. Điều thú vị là, chữ cái "O" là một âm thanh thuộc Sao Mộc, và Sao Mộc là một biểu hiện trên cấp độ linh hồn của cung hai.

323. From another perspective, the letter A in AUM, is pronounced "ah" which, according to Rudolf Steiner, is the sound associated with Venus (and is surely the most "open" of sounds). Yet, in a way, the A

323. Từ một góc nhìn khác, chữ A trong AUM được phát âm là "ah", mà theo Rudolf Steiner, là âm liên hệ với Sao Kim (và chắc chắn là âm "mở" nhất trong các âm). Tuy vậy, theo một nghĩa nào đó, A liên hệ với

is connected to the first aspect rather than the second.

phương diện thứ nhất hơn là phương diện thứ hai.

324. When thinking about the "U", although a vowel sound, it is rather constrained and not particularly open.

324. Khi nghĩ về "U", dù là một nguyên âm, nó khá bị hạn chế và không đặc biệt mở.

325. VSK offers her opinion regarding DK's hints: "This is the "U". (Again, similar to the 'secret of fire lies hid in the second letter of the sacred word'.) Thus, how dissimilar is the secret of the life of the soul from that of the spirit as this 'open sound', O of OM, or U of AUM?"

325. VSK đưa ra ý kiến của bà về những gợi ý của Chân sư DK: "Đây là "U". (Một lần nữa, tương tự như 'bí mật của lửa ẩn kín trong chữ thứ hai của linh từ thiêng liêng'.) Vậy thì bí mật của sự sống của linh hồn khác với bí mật của tinh thần đến mức nào khi là 'âm mở' này, O của OM, hay U của AUM?"

326. We can definitely connect the "U" with the second aspect, but, again, it is not a particularly 'open' sound. Its aperture is smaller and it is more constrained.

326. Chúng ta chắc chắn có thể nối kết "U" với phương diện thứ hai, nhưng một lần nữa, nó không phải là một âm đặc biệt 'mở'. Khẩu độ của nó nhỏ hơn và nó bị hạn chế hơn.

327. The "U", however, does signify descent and re-ascent. When a dome is placed atop the "U", capping it, the "U" becomes an oval suggesting the "O" but in a less rounded manner. When domed, the "U" becomes the symbol of the Egg out of which the 'Heavenly Serpent" is hatched.

327. Tuy nhiên, "U" quả thực biểu thị sự giáng xuống và lại đi lên. Khi một mái vòm được đặt trên đỉnh chữ "U", phủ lên nó, thì "U" trở thành một hình bầu dục gợi ra chữ "O" nhưng theo cách ít tròn hơn. Khi được chụp vòm, "U" trở thành biểu tượng của Quả Trứng mà từ đó 'Thiên Xà" nở ra.

It should be noted here that this evolution on the etheric planes has a closer effect upon man than on the physical.

Cần lưu ý rằng ở đây sự tiến hoá này trên các cõi dĩ thái có tác động gần gũi lên con người hơn là lên cõi hồng trần.

328. The etheric planes are most probably the planes of the astral light. The undulatory motion of the ethers suggest the serpent and the stronger influence of the reptilian evolution on the ethers than on the physical plane.

328. Các cõi dĩ thái rất có thể là các cõi của ánh sáng cảm dục. Chuyển động gợn sóng của các dĩ thái gợi ra loài rắn và ảnh hưởng mạnh hơn của sự tiến hoá loài bò sát trên các dĩ thái hơn là trên cõi hồng trần.

If students will apply themselves to the consideration of these facts, to the investigation of the serpent lore in all lands, mythologies and scriptures, and if they will

Nếu các đạo sinh chuyên tâm suy xét các sự kiện này, khảo cứu truyền thuyết về rắn ở mọi xứ sở, các thần thoại và kinh điển, và nếu họ liên kết tất cả tri thức này với tri thức

link up all this knowledge with that concerning those heavenly constellations which have a serpent appellation (such as, for instance, the Dragon), much [Page 895] illumination may come.

liên quan đến những chòm sao thiên giới mang tên gọi của rắn (chẳng hạn như Rồng), thì nhiều [Page 895] sự soi sáng có thể đến.

329. VSK suggests that "This requires a full course".

329. VSK gợi ý rằng: "Điều này đòi hỏi cả một khóa học đầy đủ".

330. She is correct. It suggests a full book or thesis that could be written. Vast will be the research required, but great mysteries will be revealed. The serpent is surely (to man) the most mysterious of creatures.

330. Bà ấy đúng. Điều này gợi ra cả một cuốn sách hoặc luận án có thể được viết. Sẽ cần đến sự nghiên cứu rộng lớn, nhưng những huyền nhiệm lớn lao sẽ được mặc khải. Đối với con người, rắn quả thật là loài thụ tạo bí ẩn nhất.

If the intuition suffices, knowledge may then be imparted which will make clearer the connection between the physical bodies with their centres, and the psychic nature.

Nếu trực giác là đủ, tri thức khi ấy có thể được truyền đạt, điều sẽ làm sáng tỏ hơn mối liên hệ giữa các thể xác với các trung tâm của chúng, và bản chất thông linh.

331. We are looking for the relationship between the soul nature (the true psychic nature) and the various vehicles of the personality with their chakras.

331. Chúng ta đang tìm kiếm mối liên hệ giữa bản chất linh hồn (bản chất thông linh chân thực) và các vận cụ khác nhau của phàm ngã cùng với các luân xa của chúng.

332. It would appear that influence from the psychic nature travels to the centers in serpentine waves.

332. Dường như ảnh hưởng từ bản chất thông linh truyền đến các trung tâm theo những làn sóng uốn lượn như rắn.

333. Interestingly, some early depictions of the antahkarana (passed among the early groupings of students of Master DK) showed it to be a serpentine structure representing the letter "S".

333. Điều thú vị là, một số hình mô tả ban đầu về antahkarana (được truyền trong các nhóm đạo sinh đầu tiên của Chân sư DK) cho thấy nó là một cấu trúc hình rắn biểu thị chữ "S".

The bird kingdom is specifically allied to the deva evolution.

Giới chim được liên kết đặc biệt với sự tiến hoá thiên thần.

334. This is shown graphically in Jinarajadasa's *First Principles of Theosophy.*

334. Điều này được trình bày bằng hình ảnh trong tác phẩm *First Principles of Theosophy.*

335. In the charts he presents, fishes and birds are destined to become devas.

335. Trong các biểu đồ ông trình bày, cá và chim được định sẵn sẽ trở thành thiên thần.

336. Interestingly, amphibians, reptiles and mammals are destined to become men.

336. Điều thú vị là, loài lưỡng cư, bò sát và thú có vú được định sẵn sẽ trở thành con người.

337. The common denominator between these two kingdoms is the possession of *wings.*

337. Mẫu số chung giữa hai giới này là việc sở hữu *cánh.*

It is the bridging kingdom between the purely deva evolution and two other manifestations of life.

Đó là giới bắt cầu giữa sự tiến hoá thiên thần thuần túy và hai biểu hiện khác của sự sống.

338. These two other manifestations of life are the human kingdom and the animal kingdom.

338. Hai biểu hiện khác của sự sống này là giới nhân loại và giới động vật.

First. Certain groups of devas who **desire** to pass into the human kingdom, having developed certain faculties, can do so via the bird kingdom,

Thứ nhất. Một số nhóm thiên thần mong muốn đi vào giới nhân loại, sau khi đã phát triển một số năng lực nhất định, có thể làm như vậy qua giới chim,

339. We note that only those devas who have "developed certain faculties" can pass into the human kingdom. It seems that there are not a great number of devas who undergo this type of transition.

339. Chúng ta lưu ý rằng chỉ những thiên thần đã "phát triển một số năng lực nhất định" mới có thể đi vào giới nhân loại. Dường như không có nhiều thiên thần trải qua loại chuyển tiếp này.

340. Are these devas self-conscious? It would seem not, as birds are not self-conscious. And yet the factor of desire is present. If they are not self-conscious, then the desire cannot be *conscious* desire. Animals have desire but not *conscious* desire, so that while they do desire, they do not *know* they desire.

340. Những thiên thần này có ngã thức không? Dường như là không, vì chim không có ngã thức. Tuy nhiên, yếu tố ham muốn vẫn hiện diện. Nếu họ không có ngã thức, thì ham muốn ấy không thể là ham muốn *có ý thức/hữu thức*. Động vật có ham muốn nhưng không có ham muốn *có ý thức/hữu thức*, nên tuy chúng có ham muốn, chúng không *biết* rằng chúng ham muốn.

341. VSK asks: "What sort of implication are here monadically. Are there not separate

341. VSK hỏi: "Ở đây hàm ý gì về mặt chân thần? Chẳng phải có các Chân thần Nhân

Human Monads and Deva Monads. How does the Monad 'change' kingdoms at this level? Curious. If it's a buddhic level change (sub-monadic) then that may offer some changeover where 'men and deva 'meet' on the buddhic? What does that mean? Are the birds most representative of the buddhic or plane of air, and that of messengers, Mercury (the ruler of the Buddhic Hierarchy)?"

loại riêng biệt và các Chân thần Thiên thần riêng biệt sao. Chân thần 'thay đổi' các giới ở cấp độ này như thế nào? Thật lạ. Nếu đó là một sự thay đổi ở cấp độ Bồ đề (dưới chân thần) thì điều đó có thể gợi ra một sự chuyển đổi nào đó nơi 'con người và thiên thần' 'gặp nhau' trên cõi Bồ đề chăng? Điều đó có nghĩa là gì? Có phải chim tiêu biểu nhất cho cõi Bồ đề hay cõi khí, và cho những sứ giả, Sao Thủy (chủ tinh của Huyền Giai Bồ đề) không?"

342. The implication in this first point seems to contradict that which Jinarajadasa tabulated—that birds enter the deva kingdom and not the human kingdom. From what DK here suggests, it would be possible to become a human being via the bird kingdom.

342. Hàm ý trong điểm thứ nhất này dường như mâu thuẫn với điều Jinarajadasa đã lập bảng — rằng chim đi vào giới thiên thần chứ không phải giới nhân loại. Theo điều DK gợi ra ở đây, sẽ có thể trở thành một con người qua giới chim.

343. In answer to VSK's query, while there are human Monads and deva Monads, there is nothing in the lore which tells us that no crossover is possible. Whether a Monad manifests as a deva or a human depends upon the quality of the *vehicle*, and the vehicle can change.

343. Để trả lời câu hỏi của VSK, tuy có các Chân thần nhân loại và các Chân thần thiên thần, không có gì trong truyền thống huyền môn cho chúng ta biết rằng không thể có sự giao thoa. Một Chân thần biểu hiện như một thiên thần hay một con người tùy thuộc vào phẩm tính của *vận cụ/hiện thể*, và vận cụ ấy có thể thay đổi.

344. The highest type of Beings are consciously *both* deva and 'man' (for instance, Heavenly Man and Grand Heavenly Man). In this they are Hermaphrodites.

344. Loại Hữu thể cao nhất một cách hữu thức là *cả* thiên thần lẫn 'con người' (chẳng hạn, Đấng Thiên Nhân và Grand Heavenly Man). Trong điều này Các Ngài là lưỡng tính.

345. Monads are pure spirit. Pure spirit can manifest through *any* kind of vehicle provided it is suitably refined and strong.

345. Các chân thần là tinh thần thuần túy. Tinh thần thuần túy có thể biểu hiện qua *bất kỳ* loại vận cụ nào miễn là nó được tinh luyện thích đáng và đủ mạnh.

and certain devas who wish to get in communication with human beings can do so via the bird kingdom.

và một số thiên thần muốn liên lạc với con người có thể làm như vậy qua giới chim.

346. This type of communication would come under the category of 'bird omens'. Black birds are considered ominous. Other birds, perhaps, more fortunate.

346. Loại giao tiếp này sẽ thuộc phạm trù 'điềm chim'. Chim đen được xem là điềm gở. Những loài chim khác, có lẽ, may mắn hơn.

347. Presumably the types of devas who wish to get in communication with human beings would be transmitting devas, highly self-conscious and intelligent.

347. Có lẽ những loại thiên thần muốn liên lạc với con người sẽ là các thiên thần truyền đạt, có ngã thức cao và thông minh.

348. It must be that birds are especially sensitive to devic currents.

348. Ắt hẳn chim đặc biệt nhạy cảm với các dòng thiên thần.

This truth is hinted at in the Christian Bible and Christian religious representations by angels or devas being frequently represented as having wings.

Chân lý này được gợi ý trong Kinh Thánh Cơ Đốc và trong các hình tượng tôn giáo Cơ Đốc khi các thiên thần thường được biểu hiện là có cánh.

349. Both birds and angels, therefore, are closely related to the buddhic plane or "plane of air".

349. Vì vậy, cả chim lẫn thiên thần đều có liên hệ mật thiết với cõi Bồ đề hay "cõi khí".

350. Devas are "winged messengers"(Mercury) and, to a lesser degree, this can be true of responsive birds.

350. Thiên thần là "những sứ giả có cánh" (Sao Thủy) và, ở mức độ thấp hơn, điều này cũng có thể đúng với những loài chim có tính đáp ứng.

These cases are not many, as the usual method is for the devas gradually to work themselves towards individualisation through expansive feeling,

Những trường hợp này không nhiều, vì phương pháp thông thường là để các thiên thần dần dần tự tiến tới biệt ngã hóa qua cảm xúc mở rộng,

351. This is such an important statement and reveals to us the devic nature of great artists and their art.

351. Đây là một phát biểu rất quan trọng và mặc khải cho chúng ta bản chất thiên thần của các nghệ sĩ lớn và nghệ thuật của họ.

352. The statement also confirms that which was suggested above—that not many devas become self-conscious in this manner (i.e., reaching participation in the human kingdom through the kingdom of birds).

352. Phát biểu này cũng xác nhận điều đã được gợi ý ở trên — rằng không nhiều thiên thần trở nên có ngã thức theo cách này (tức là đạt đến sự tham dự vào giới nhân loại qua giới chim).

353. Any experience of unusual intensity calls attention to itself as being other than the customary experiences within the environment in which the experiencer is imbedded—and, thus, calls attention to the experiencer as a *center* within the field of experience. This calling of attention to itself is an intensification of attention promoting that state of self-realization or self-centering called "individualization".

353. Bất kỳ kinh nghiệm nào có cường độ khác thường đều tự làm nổi bật mình như là khác với những kinh nghiệm thông thường trong môi trường mà kẻ trải nghiệm đang được đặt vào — và do đó làm nổi bật kẻ trải nghiệm như một *trung tâm* trong trường kinh nghiệm. Sự tự làm nổi bật này là một sự tăng cường chú ý, thúc đẩy trạng thái tự chứng nghiệm hay tự tập trung vào bản thân được gọi là "biệt ngã hóa".

but in the cases which do occur **these devas pass several cycles in the bird kingdom**, building in a response to a vibration which will ultimately swing them into the human family.

nhưng trong những trường hợp có xảy ra **các thiên thần này trải qua nhiều chu kỳ trong giới chim**, xây dựng trong mình một sự đáp ứng đối với một rung động mà rốt cuộc sẽ đưa họ vào gia đình nhân loại.

354. One could wonder whether such devas transiting to the human kingdom as birds become those birds which have a close relation to man—parrots, falcons, carrier pigeons, parrots, songbirds of the domesticated type.

354. Người ta có thể tự hỏi liệu những thiên thần như thế đang chuyển sang giới nhân loại qua hình thức chim có trở thành những loài chim có quan hệ gần gũi với con người hay không — vẹt, chim ưng, bồ câu đưa thư, vẹt, chim hót loại được nuôi trong nhà.

355. It is clear from DK writes that the human kingdom *can* be reached via the bird kingdom.

355. Từ điều DK viết, rõ ràng là giới nhân loại *có thể* đạt đến qua giới chim.

356. When dealing with birds, one wonders which ones are particularly an expression of deva life and which are more normal.

356. Khi bàn đến chim, người ta tự hỏi loài nào đặc biệt là một biểu hiện của sự sống thiên thần và loài nào bình thường hơn.

357. While most birds cannot be as easily trained or domesticated as the usual domesticated mammals, there are many instances in which this does occur.

357. Dù phần lớn chim không thể được huấn luyện hay thuần hóa dễ dàng như các loài thú nuôi thông thường, vẫn có nhiều trường hợp điều này xảy ra.

358. We are led to ask about the duration of these “several cycles”. A cycle is not necessarily the same as a incarnation. In fact, a cycle may be of very long duration.

In this way they become accustomed to the use of a gross form without the limitations, and impurities, which the animal kingdom engenders.

359. DK is telling us about passageways into the human kingdom. The passage way via the animal kingdom is of lesser purity than the passageway via the bird kingdom.

360. It is interesting that birds, in this context, are not really considered to be members of the animal kingdom.

361. The form of birds is less gross than the animal.

362. VSK reflects: “Well, what limitations and impurities do other animals give that the bird has not? They both have digestive systems, and birds of prey are certainly carnivorous. Is this only certain birds in ‘the bird kingdom’. Only those that fly? Not ostriches? Kiwi’s? Parrots and blackbirds alike? Song birds? Birds of prey? Or, only those domesticated and living near to man? (I mean, are we going to have past life recall with, “When I was a budgie.”)

363. What vibration swings (devas in) birds into the human family?

364. May it be suggested that domestication is the royal road into the human kingdom? A form of life seeking to enter a higher

358. Chúng ta được dẫn đến chỗ đặt câu hỏi về thời lượng của “nhiều chu kỳ” này. Một chu kỳ không nhất thiết giống như một lần lâm phàm. Thật ra, một chu kỳ có thể kéo dài rất lâu.

Theo cách này chúng trở nên quen với việc sử dụng một hình tướng thô nặng mà không có những giới hạn và tạp chất do giới động vật tạo ra.

359. DK đang cho chúng ta biết về những lối đi vào giới nhân loại. Lối đi qua giới động vật có độ thanh khiết thấp hơn lối đi qua giới chim.

360. Điều thú vị là, trong bối cảnh này, chim thực ra không được xem là thành viên của giới động vật.

361. Hình tướng của chim ít thô nặng hơn động vật.

362. VSK suy ngẫm: “Những giới hạn và tạp chất nào mà các động vật khác có còn chim thì không? Cả hai đều có hệ tiêu hóa, và chim săn mồi chắc chắn là loài ăn thịt. Có phải điều này chỉ áp dụng cho một số loài chim nào đó trong ‘giới chim’ không? Chỉ những loài biết bay thôi sao? Không phải đà điểu? Kiwi? Vẹt và chim sáo đen như nhau chăng? Chim hót? Chim săn mồi? Hay chỉ những loài được thuần hóa và sống gần con người? (Ý tôi là, liệu chúng ta có hồi tưởng tiền kiếp với câu, “Khi tôi là một con vẹt yến phụng.”)

363. Rung động nào đưa (các thiên thần trong) chim vào gia đình nhân loại?

364. Có thể gợi ý rằng sự thuần hóa là con đường vương giả đi vào giới nhân loại chăng? Một hình thức sự sống tìm cách đi

kingdom must undergo sufficient exposure to that kingdom via at least a few of its members. This is undergone through association and domestication.

vào một giới cao hơn phải trải qua sự tiếp xúc đầy đủ với giới ấy qua ít nhất một vài thành viên của nó. Điều này được trải qua qua sự kết hợp và thuần hóa.

Second. Many devas pass out of the group of passive lives in the effort to become manipulating lives via the bird kingdom, and before becoming fairies, elves, gnomes, or other sprites, pass a certain number of cycles in the bird realm.

Thứ hai. Nhiều thiên thần đi ra khỏi nhóm các sự sống thụ động trong nỗ lực trở thành các sự sống thao tác qua giới chim, và trước khi trở thành tiên, yêu tinh, thần lùn, hay các tinh linh khác, họ trải qua một số chu kỳ nhất định trong cõi chim.

365. VSK explains: "This means, that lesser devas who are the elemental lives called "passive lives", FIRST experience the bird lives and THEN become fairies or elves and gnomes or other sprites. So, we could say that any of these nature spirits or sprites may have been birds in their history. Passive devas become birds, and then become fairies, elves, gnomes and other sprites.

365. VSK giải thích: "Điều này có nghĩa là, các thiên thần thấp là những sự sống hành khí được gọi là 'các sự sống thụ động', TRƯỚC HẾT trải nghiệm các sự sống chim rồi SAU ĐÓ trở thành tiên hay yêu tinh và thần lùn hoặc các tinh linh khác. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng bất kỳ tinh linh tự nhiên hay tinh linh nào trong số này có thể đã từng là chim trong lịch sử của chúng. Các thiên thần thụ động trở thành chim, rồi trở thành tiên, yêu tinh, thần lùn và các tinh linh khác.

366. VSK continues: "Elves and gnomes and fairies manipulate matter. As devas do they not have direct-enough contact?"

366. VSK tiếp tục: "Yêu tinh, thần lùn và tiên thao tác vật chất. Là thiên thần, chẳng phải họ đã có sự tiếp xúc đủ trực tiếp rồi sao?"

367. The Tibetan offers some very interesting thoughts. We are still not told whether fairies, elves, gnomes and other sprites are to be considered *self-conscious.* However, lives which are their equivalent (found far under the Earth's crust) have forms of government—a fact which seems to require them to be self-conscious and intelligent.

367. Chân sư Tây Tạng đưa ra một số tư tưởng rất thú vị. Chúng ta vẫn chưa được cho biết liệu tiên, yêu tinh, thần lùn và các tinh linh khác có nên được xem là *có ngã thức* hay không. Tuy nhiên, những sự sống tương đương với họ (được tìm thấy sâu dưới lớp vỏ Trái Đất) có các hình thức chính quyền — một sự kiện dường như đòi hỏi họ phải có ngã thức và thông minh.

368. We must infer that since certain birds are almost on the point of entry into the human kingdom (which implies individualization), their passage into the kingdom of sprites could bring with it a type

368. Chúng ta phải suy ra rằng vì một số loài chim gần như ở ngay điểm đi vào giới nhân loại (điều này hàm ý biệt ngã hóa), nên việc chúng đi vào giới các tinh linh có thể mang theo một loại tự nhận biết nào đó — trừ phi

of self-awareness—unless we assume that it requires a *very highly developed bird* to pass into the human kingdom (where self-consciousness is achieved) and that most birds (for instance, those who become sprites) are not sufficiently developed.

chúng ta giả định rằng cần phải là một *loài chim phát triển rất cao* mới có thể đi vào giới nhân loại (nơi đạt được ngã thức) và rằng phần lớn chim (chẳng hạn, những loài trở thành tinh linh) không phát triển đủ.

369. What we have learned so far is that certain devas become human by passage of several cycles through the bird kingdom. Also, certain lesser devas become manipulating devas via incarnation in the bird kingdom. Does this not suggest that the manipulating devas are at least 'semi-self-conscious' or vaguely self-conscious?

369. Điều chúng ta đã học được cho đến nay là một số thiên thần trở thành con người bằng cách trải qua nhiều chu kỳ qua giới chim. Ngoài ra, một số thiên thần thấp trở thành các thiên thần thao tác qua việc lâm phàm trong giới chim. Chẳng phải điều này gợi ý rằng các thiên thần thao tác ít nhất là 'bán-ngã-thức' hay mơ hồ có ngã thức sao?

370. Of course, to answer this, we would have to understand something about the relative degrees of consciousness to be found within the bird kingdom, as surely such consciousness is distributed over a range, just as in any other kingdom of grouping of lives.

370. Dĩ nhiên, để trả lời điều này, chúng ta sẽ phải hiểu điều gì đó về các mức độ tâm thức tương đối được tìm thấy trong giới chim, vì chắc chắn tâm thức như thế được phân bố trên một phổ rộng, cũng như trong bất kỳ giới hay nhóm sự sống nào khác.

Why the two above events occur will not be apparent to the casual reader, nor will **the true connection between the birds and the devas be accurately realised** by the occult student unless he applies himself to the consideration of the "bird or swan out of time and space,"

Lý do vì sao hai biến cố trên xảy ra sẽ không hiển nhiên đối với độc giả thông thường, và **mối liên hệ chân thực giữa chim và thiên thần cũng sẽ không được chứng nghiệm** một cách chính xác bởi đạo sinh huyền bí học trừ phi y chuyên tâm suy xét về "con chim hay thiên nga ngoài thời gian và không gian,"

371. Here we have mention of Hamsa (the "bird or swan out of time and space") We have three constellational "gates" associated with the three Stymphalian Birds—Cygnus (the Swan related to Aquarius) Aquila (the Eagle related to Capricorn) and the "Falling Gryfe" related to Sagittarius (the sign in which Hercules kills the Stymphalian Birds).

371. Ở đây chúng ta thấy nhắc đến Hamsa ("con chim hay thiên nga ngoài thời gian và không gian"). Chúng ta có ba "cổng" chòm sao gắn với ba Con Chim Stymphalian — Cygnus (Thiên Nga liên hệ với Aquarius), Aquila (Đại Bàng liên hệ với Capricorn) và "Falling Gryfe" liên hệ với Sagittarius (dấu hiệu hoàng đạo trong đó Hercules giết các Con Chim Stymphalian).

372. We have an implication here that some human beings are more bestial, having arisen from the animal kingdom, and some (far fewer) more refined having entered via the bird kingdom.

372. Ở đây có một hàm ý rằng một số con người mang tính thú vật hơn, vì đã phát sinh từ giới động vật, và một số khác (ít hơn nhiều) tinh luyện hơn vì đã đi vào qua giới chim.

373. Are the constellational gates active when such passage occurs from the bird kingdom into the human and from the lowest deva lives, via the bird kingdom, into the realm of manipulating sprites?

373. Các cổng chòm sao có hoạt động khi sự chuyển tiếp như thế xảy ra từ giới chim vào giới nhân loại và từ các sự sống thiên thần thấp nhất, qua giới chim, vào cõi của các tinh linh thao tác không?

and the place that birds play in the mysteries. Herein lies for him the clue.

và vai trò mà chim giữ trong các huyền nhiệm. Chính trong đó có đầu mối cho y.

374. VSK offers: "This swan is Hamsa. HPB refers to the Swan-man (Stanzas, VI, 22. SD Vol. II.)"

374. VSK nêu ra: "Thiên nga này là Hamsa. HPB nhắc đến Người-thiên-nga (Các bài kệ, VI, 22. SD Tập II.)"

He must remember likewise the fact that every life of every degree, from a god to the most [Page 896] insignificant of the lesser devas, or builders, **must at some time or another pass through the human family**.

Y cũng phải nhớ tương tự sự kiện rằng mọi sự sống ở mọi cấp độ, từ một vị thần cho đến kẻ [Page 896] nhỏ bé nhất trong các thiên thần thấp, hay các đấng kiến tạo, **đều phải vào một lúc nào đó đi qua gia đình nhân loại**.

375. This is an extraordinary statement. One could wonder whether this passage through the human family will be done by each lesser life *singly* or in group formation.

375. Đây là một phát biểu phi thường. Người ta có thể tự hỏi liệu sự đi qua gia đình nhân loại này sẽ được thực hiện bởi từng sự sống thấp *riêng lẻ* hay theo đội hình nhóm.

376. If in group formation, we must wonder about the extent to which the human being is a *group being* even now.

376. Nếu theo đội hình nhóm, chúng ta phải tự hỏi về mức độ mà con người là một *hữu thể nhóm* ngay cả bây giờ.

377. When looking at the lunar lords and Solar Lords who compose him, his group nature stands out.

377. Khi nhìn vào các nguyệt tinh quân và các nhật tinh quân cấu thành nên y, bản chất nhóm của y nổi bật lên.

378. DK's statement may seem obvious, but it is problematic. It is like saying that ever human being must become a planet or a star.

378. Phát biểu của DK có vẻ hiển nhiên, nhưng lại gây vấn đề. Nó giống như nói rằng mọi con người đều phải trở thành một hành

Will each human being do this *singly* or in groups? Solar Angels become Planetary Logoi *in groups!*

tinh hay một ngôi sao. Mỗi con người sẽ làm điều này *riêng lẻ* hay theo nhóm? Các Thái dương Thiên Thần trở thành các Hành Tinh Thượng Đế *theo nhóm!*

379. VSK asks: "Does passing through the human family not make one (or require one to be) a human monad?

379. VSK hỏi: "Việc đi qua gia đình nhân loại chẳng phải làm cho một người (hay đòi hỏi một người phải là) một chân thần nhân loại sao?

380. May it be suggested that Monads are *essentially unrelated* to any kingdoms through which they may be manifesting. All Monads are, essentially, identical. What distinguishes them is the vehicles and the planes through which they manifest at any one time.

380. Có thể gợi ý rằng các chân thần *về bản chất không liên hệ* với bất kỳ giới nào mà qua đó chúng có thể đang biểu hiện. Mọi chân thần, về bản chất, đều đồng nhất. Điều phân biệt chúng là các vận cụ và các cõi qua đó chúng biểu hiện tại bất kỳ thời điểm nào.

381. We have to remember that the "human family" can be traversed without the use of that which we on Earth recognize as the human form. The "human family" is a state of consciousness arising from the union of an animal plus a living god.

381. Chúng ta phải nhớ rằng "gia đình nhân loại" có thể được đi qua mà không cần dùng đến điều mà chúng ta trên Trái Đất nhận ra là hình tướng con người. "Gia đình nhân loại" là một trạng thái tâm thức phát sinh từ sự hợp nhất của một con vật cộng với một vị thần sống động.

H.P.B. defines man accurately as an "animal plus a God". (TWM 38)

H.P.B. định nghĩa con người một cách chính xác là "một con vật cộng với một Thượng đế". (TWM 38)

As H.P.B. has pointed out,[80] [S.D., Section X, Vol. I, 384, 435; II, 306] birds and serpents are closely connected with wisdom, and therefore with the psychic nature of God, of men, and of devas.

Như H.P.B. đã chỉ ra,80 [S.D., Section X, Vol. I, 384, 435; II, 306] chim và rắn có liên hệ mật thiết với minh triết, và do đó với bản chất thông linh của Thượng đế, của con người, và của thiên thần.

382. Wisdom, buddhi, wings, devas and serpents are all related. There are "winged serpents" which suggests the adding of buddhi to manas.

382. Minh triết, Bồ đề, cánh, thiên thần và rắn đều có liên hệ với nhau. Có những "con rắn có cánh", điều này gợi ra việc thêm Bồ đề vào manas.

383. Gods, men and devas *all* have a psychic nature.

383. Thượng đế, con người và thiên thần *đều* có một bản chất thông linh.

384. Wings and wisdom are intimately related. Mercury, God of Wisdom (in one respect) is *winged* and is a ruler of the buddhic plane—the plane of Wisdom.

384. Cánh và minh triết liên hệ mật thiết với nhau. Sao Thủy, Thượng đế của Minh triết (trong một phương diện), là *có cánh* và là một chủ tinh của cõi Bồ đề — cõi của Minh triết.

The study of mythology should reveal certain stages and relationships which will make this matter clearer.

Việc nghiên cứu thần thoại sẽ mặc khải một số giai đoạn và mối liên hệ nhất định, điều sẽ làm cho vấn đề này sáng tỏ hơn.

385. We see why a study of HPB is so important. She is so well attuned to the mythologies of various civilizations and cultures, both extant and long defunct.

385. Chúng ta thấy vì sao việc nghiên cứu HPB lại quan trọng đến thế. Bà rất hòa điệu với các thần thoại của nhiều nền văn minh và văn hóa khác nhau, cả còn tồn tại lẫn đã mất từ lâu.

386. The fourth ray (the ray which interprets the symbolism of mythology) is needed in this study. This ray is the ray of winged Mercury and a ray intimately related to buddhi (Wisdom) and the buddhic plane.

386. Cung bốn (cung diễn giải biểu tượng của thần thoại) là cần thiết trong việc nghiên cứu này. Cung này là cung của Sao Thủy có cánh và là một cung liên hệ mật thiết với Bồ đề (Minh triết) và cõi Bồ đề.

TCF 897-901 S13 Part I

15 - 29 September 2008

15 - 29 September 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách AAB khác và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall*

Có gợi ý rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với cuốn *TCF* ở bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát*

meaning of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

1. We continue our discussion of the lesser devas. During the last Commentary we focussed particularly on the devas of the earth, noting certain unusual man-like lives who lived in caverns within the Earth, several miles beneath the Earth's crust.

The Elementals and Lesser Devas of Liquid Matter.

2. We are now focussing particularly on the elementals found in liquid matter.

A very interesting illustration of the **interpenetration** of all the living matter of creation can be seen in connection with the atmosphere surrounding our planet. In it is to be found:

3. When we have come to an understanding of interpenetration, we will have a better understanding of the interplay between various lives and the planes in which they express.

4. We remember that "air" is the symbol of the buddhic plane which is a plane of fusion, merging and blending.

5. "Air" itself, is a symbol of fusion and interconnectedness.

a. Moisture, or those **living essences** which are the liquid elementals.

của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

1. Chúng ta tiếp tục cuộc thảo luận về các thiên thần thấp. Trong phần Bình Luận trước, chúng ta đặc biệt tập trung vào các thiên thần của đất, lưu ý một số sự sống khác thường giống người sống trong các hang động bên trong Trái Đất, sâu nhiều dặm dưới lớp vỏ Trái Đất.

Các hành khí và các thiên thần thấp của vật chất lỏng.

2. Hiện nay chúng ta đặc biệt tập trung vào các hành khí được tìm thấy trong vật chất lỏng.

Một minh họa rất thú vị về sự **xuyên nhập lẫn nhau** của toàn bộ vật chất sống của tạo thành có thể được thấy liên quan đến bầu khí quyển bao quanh hành tinh chúng ta. Trong đó có thể tìm thấy:

3. Khi chúng ta đi đến chỗ thấu hiểu sự xuyên nhập lẫn nhau, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn sự tương tác giữa các sự sống khác nhau và các cõi mà trong đó chúng biểu hiện.

4. Chúng ta nhớ rằng "khí" là biểu tượng của cõi Bồ đề, vốn là một cõi của sự dung hợp, hòa nhập và pha trộn.

5. Bản thân "khí" là một biểu tượng của sự dung hợp và tính liên kết lẫn nhau.

a. Độ ẩm, hay những **tinh chất sống** là các hành khí lỏng.

6. Note this term “living essences”, They are the “essence” of that which we consider to be matter or substance.

6. Hãy lưu ý thuật ngữ “tinh chất sống” này. Chúng là “tinh chất” của điều mà chúng ta xem là vật chất hay chất liệu.

7. It seems that we are here talking of *substance*, or of the receptive lives and not of the manipulating devas.

7. Dường như ở đây chúng ta đang nói về *chất liệu*, hay về các sự sống tiếp nhận chứ không phải các thiên thần thao tác.

b. Gaseous substance, or those lives which are linked to all fiery essences, being volatile and the result of heat.

b. Chất liệu khí, hay những sự sống được liên kết với mọi tinh chất lửa, vốn dễ bay hơi và là kết quả của nhiệt.

8. Yes, our subject is “substance”.

8. Đúng vậy, chủ đề của chúng ta là “chất liệu”.

9. We note that the gaseous essences (we can call them that, as the watery lives were called “essences”) are linked to the fiery essences (presumably of the etheric-physical plane, where latent and radiatory fires are to be found) and also linked to the mental elemental fires of the mental plane. Mind is fire, and from the cosmic physical perspective, the mental plane is the gaseous subplane, and the lives which express within it are a certain type of fire.

9. Chúng ta lưu ý rằng các tinh chất khí (chúng ta có thể gọi chúng như vậy, vì các sự sống thủy đã được gọi là “tinh chất”) được liên kết với các tinh chất lửa (có lẽ của cõi dĩ thái-hồng trần, nơi có thể tìm thấy các lửa tiềm ẩn và phóng xạ) và cũng liên kết với các lửa hành khí trí tuệ của cõi trí. Trí tuệ là lửa, và từ quan điểm hồng trần vũ trụ, cõi trí là cõi phụ khí, và các sự sống biểu hiện trong đó là một loại lửa nhất định.

10. Gas is volatile and the mental elementals are volatile.

10. Khí là dễ bay hơi và các hành khí trí tuệ cũng dễ bay hơi.

11. Gas is certainly volatile when compared to the same substance in the liquid or dense state.

11. Khí chắc chắn là dễ bay hơi khi so với cùng chất liệu ấy trong trạng thái lỏng hay đậm đặc.

12. The different states of matter exist because of differential applications of heat to the same fundamental substance. For instance, the molecules of liquid water, of ice and of steam are the same, but the differential application of heat has changed their “state”.

12. Các trạng thái khác nhau của vật chất tồn tại do những sự áp dụng nhiệt khác nhau lên cùng một chất liệu căn bản. Chẳng hạn, các phân tử của nước lỏng, của băng và của hơi nước là như nhau, nhưng sự áp dụng nhiệt khác nhau đã thay đổi “trạng thái” của chúng.

13. Essentially, the same type of matter can be found in a solid, liquid or gaseous state.

13. Về căn bản, cùng một loại vật chất có thể được tìm thấy trong trạng thái rắn, lỏng hay khí.

c. Etheric matter, or the lowest orders of the devas of the ethers.

c. Vật chất dĩ thái, hay các cấp thấp nhất của các thiên thần của các dĩ thái.

14. It is clear that within the ethers, devas of various orders exist. The lowest types are fundamentally substantial—devas which are passive recipients of impulses from higher types of devas. The devas which are the embodiment of prana must be of a higher order, though still substantial. The violet devas of four shades are, it would seem, etheric manipulating devas

14. Rõ ràng là trong các dĩ thái có các thiên thần thuộc nhiều cấp bậc khác nhau tồn tại. Những loại thấp nhất về căn bản là có tính chất liệu — các thiên thần là những kẻ tiếp nhận thụ động các xung lực từ những loại thiên thần cao hơn. Các thiên thần là hiện thân của prana hẳn phải thuộc một cấp cao hơn, dù vẫn còn có tính chất liệu. Các thiên thần tím thuộc bốn sắc độ, dường như, là các thiên thần thao tác dĩ thái

15. All three of these three types of lives are found interpenetrating within our atmosphere.

15. Cả ba loại sự sống này đều được tìm thấy đang xuyên nhập lẫn nhau trong bầu khí quyển của chúng ta.

This major triplicity, when in conjunction, produces that which we breathe, and that in which we live and move and have our being.

Bộ ba lớn này, khi kết hợp với nhau, tạo ra điều mà chúng ta hít thở, và điều trong đó chúng ta sống, vận động và hiện hữu.

16. We breath, therefore, a combination of gaseous substance, watery substance and, importantly, etheric substance.

16. Vì vậy, chúng ta hít thở một sự kết hợp của chất liệu khí, chất liệu thủy và, quan trọng là, chất liệu dĩ thái.

17. The most subtle of the lives which we in-breathe are etheric. This may be a new thought to some.

17. Loại sự sống vi tế nhất mà chúng ta hít vào là dĩ thái. Điều này có thể là một ý tưởng mới đối với một số người.

To the thoughtful student the air is full of symbology, for it is a synthesis,

Đối với đạo sinh biết suy tư, khí đầy biểu tượng, vì nó là một tổng hợp,

18. And the buddhic plane (the plane of air) is the first plane of synthesis within the cosmic physical plane.

18. Và cõi Bồ đề (cõi khí) là cõi tổng hợp đầu tiên trong cõi hồng trần vũ trụ.

19. In a way, all the cosmic etheric planes are planes of synthesis.

19. Theo một nghĩa nào đó, mọi cõi dĩ thái vũ trụ đều là các cõi tổng hợp.

and that which bridges the higher and the lower strata of manifestation.

và là điều bắt cầu giữa các tầng cao và thấp của biểu hiện.

20. As the fourth of the seven cosmic physical subplanes, the buddhic plane is the plane which bridges the higher and lower strata of manifestation.

20. Là cõi phụ thứ tư trong bảy cõi phụ hồng trần vũ trụ, cõi Bồ đề là cõi bắt cầu giữa các tầng cao và thấp của biểu hiện.

We must centre our attention first upon those lives which constitute the sumtotal of all that is **watery**, and liquid throughout manifestation,

Trước hết chúng ta phải tập trung sự chú ý vào những sự sống cấuthành tổng số của mọi điều **thuỷ** và lỏng trong toàn thể biểu hiện,

21. We must pay attention to the quality of adhesion which produces liquidity.

21. Chúng ta phải chú ý đến phẩm tính kết dính tạo ra tính lỏng.

22. We note that this quality is missing from the gaseous plane. The usual adhesions are removed and, instead, we have a state of relative detachment and volatility.

22. Chúng ta lưu ý rằng phẩm tính này không có trên cõi khí. Những sự kết dính thông thường bị loại bỏ và thay vào đó, chúng ta có một trạng thái tách rời tương đối và dễ bay hơi.

and in dealing with this we must remember that we are **concerned with the most occult of investigations,**

và khi bàn đến điều này, chúng ta phải nhớ rằng chúng ta đang **quan tâm đến những khảo cứu huyền bí nhất,**

23. By comparison, such investigations make even the complex and intricate knowledge of present-day chemistry and physics look relatively simple.

23. So sánh mà nói, những khảo cứu như thế khiến ngay cả tri thức phức tạp và tinh vi của hóa học và vật lý hiện đại cũng có vẻ tương đối đơn giản.

24. DK uses the term “occult” advisedly as we have entered deeply into a consideration of the form and of the matter/substance which is built into form.

24. DK dùng thuật ngữ “huyền bí” một cách có chủ ý vì chúng ta đã đi sâu vào việc xem xét hình tướng và vật chất/chất liệu được xây dựng vào trong hình tướng.

and with matters which are very closely connected with man's evolution.

và với những vấn đề có liên hệ rất mật thiết với sự tiến hoá của con người.

25. The nature and quality of man's substantial vehicles are intimately concerned with the manner of his evolution.

25. Bản chất và phẩm tính của các vận cụ bằng chất liệu của con người có liên hệ mật thiết với cách thức tiến hoá của y.

26. The chakras too are formed of devic essence and, as we know, the condition and unfoldment of the chakras are directly related to the unfoldment of man's personality instrument and of soul consciousness within that instrument.

26. Các luân xa cũng được cấu tạo bằng tinh chất thiên thần và, như chúng ta biết, tình trạng và sự khai mở của các luân xa có liên hệ trực tiếp với sự khai mở của bộ máy phàm ngã của con người và của tâm thức linh hồn bên trong bộ máy ấy.

The many groups of the water devas of the manipulatory class have been roughly grouped by mythological writers, under the terms **undines, mermaids**, and other [Page 897] expressions,

Nhiều nhóm thiên thần của nước thuộc loại thao tác đã được các tác giả thần thoại học xếp đại khái dưới các thuật ngữ **undines, mermaids**, và những [Page 897] cách gọi khác,

27. Undines, mermaids and the others are not substantial, receptive devas. Rather, they are devas of the manipulating class receiving direction from the transmitting devas (which transmit the will of the Planetary Logos).

27. Undines, mermaids và các loại khác không phải là những thiên thần tiếp nhận có chất liệu. Đúng hơn, họ là các thiên thần thuộc loại thao tác, nhận chỉ đạo từ các thiên thần truyền dẫn (là những vị truyền đạt ý chí của Hành Tinh Thượng Đế).

28. Probably each of these types of devas has its own functions and ways of manifesting. Folklore may give us certain hints concerning their occult properties.

28. Có lẽ mỗi loại thiên thần này đều có những chức năng và cách biểu hiện riêng. Văn học dân gian có thể cho chúng ta một vài gợi ý về các đặc tính huyền bí của họ.

but their diversity is great,

nhưng tính đa dạng của họ thì rất lớn,

29. This is something for which ancient lore has not accounted.

29. Đây là điều mà tri thức cổ xưa chưa giải thích được.

and this will be necessarily apparent when it is remembered that **the sumtotal of water upon the earth (oceans, seas, rivers, lakes and streams), far exceeds the dry portion, or land**,

và điều này tất yếu sẽ hiển nhiên khi nhớ rằng **tổng số nước trên trái đất (đại dương, biển, sông, hồ và suối) vượt xa phần khô, hay đất liền**,

30. The amount of water (and, presumably, other liquids) on the surface of the Earth far

30. Lượng nước (và có lẽ cả các chất lỏng khác) trên bề mặt Trái Đất vượt xa các phần

exceeds dry portions of the Earth's surface. But we might ask about water or liquid as found *within* the Earth? Does the same type of proportion of liquid to dry persist?

khô của bề mặt Trái Đất. Nhưng chúng ta có thể hỏi về nước hay chất lỏng được tìm thấy *bên trong* Trái Đất thì sao? Tỉ lệ giữa chất lỏng và phần khô có còn được duy trì như vậy không?

and **every drop of moisture is in itself a tiny life**, fulfilling its function and running its cycle.

và **mỗi giọt ẩm ướt tự thân là một sự sống nhỏ bé**, hoàn thành chức năng của nó và vận hành chu kỳ của nó.

31. Much will depend on what is meant by the term "drop". It seems an imprecise term. Would it not be more accurate to say that each drop or droplet contains *many* tiny lives?

31. Phần lớn tùy thuộc vào điều được hàm ý bởi thuật ngữ "giọt". Dường như đây là một thuật ngữ không chính xác. Có phải sẽ chính xác hơn nếu nói rằng mỗi giọt hay giọt nhỏ chứa *nhiều* sự sống nhỏ bé?

32. We have already become convinced that every tiny atom is a life, every molecule is a life. What is the smallest unit of life to be found in the ranks of manipulating water devas?

32. Chúng ta đã tin chắc rằng mỗi nguyên tử nhỏ bé đều là một sự sống, mỗi phân tử đều là một sự sống. Đơn vị sự sống nhỏ nhất được tìm thấy trong hàng ngũ các thiên thần của nước thuộc loại thao tác là gì?

The mythic forms above referred to are but those myriad lives built into a form through which an evolutionary deva is seeking expression.

Những hình tướng thần thoại được nhắc đến ở trên chỉ là những vô số sự sống được xây dựng vào trong một hình tướng, qua đó một thiên thần đang tiến hoá đang tìm cách biểu hiện.

33. In speaking of "those myriad lives", is DK speaking of the third class of devas—namely, strictly substantial devas of the receptive kind?

33. Khi nói về "những vô số sự sống ấy", có phải Chân sư DK đang nói đến loại thiên thần thứ ba—tức là các thiên thần thuần chất liệu thuộc loại tiếp nhận?

34. We remember DK's description of such lives as follows:

34. Chúng ta nhớ mô tả của Chân sư DK về những sự sống như thế như sau:

The recipients of force, **the sumtotal of the living substance of a plane**. These lives are **passive** in the hands of the builders of greater degree" (TCF 890)

Những vị tiếp nhận mãnh lực, **tổng thể của chất liệu sống của một cõi**. Những sự sống này thì **thụ động** trong tay các đấng kiến tạo bậc cao hơn" (TCF 890)

35. In speaking of "an evolutionary deva", is DK speaking of the following type of life?

35. Khi nói về "một thiên thần đang tiến hoá", có phải Chân sư DK đang nói đến loại sự sống sau đây không?

The manipulators of the initiated energy. These are the myriads of workers with force who transmit the impulse in their turn to the elemental essence. They are the builders of lesser degree, **but are on the evolutionary arc as are the first group**.

Những vị thao tác năng lượng đã được điểm đạo. Đây là vô số những người hoạt động với mãnh lực, đến lượt mình truyền xung lực đến tinh chất hành khí. Họ là những vị tiểu kiến tạo, **nhưng ở trên cung tiến hoá cũng như nhóm thứ nhất**.

36. The manipulating devas are certainly "builders of greater degree" when compared with the "recipients of force".

36. Các thiên thần thao tác chắc chắn là "các đấng kiến tạo bậc cao hơn" khi so với "những vị tiếp nhận mãnh lực".

37. It seems important for us to bear in mind that "manipulating devas" are to be considered "on the evolutionary arc". Presumably, this means the mermaids, undines, etc., are on the evolutionary arc.

37. Dường như điều quan trọng là chúng ta phải ghi nhớ rằng "các thiên thần thao tác" được xem là "ở trên cung tiến hoá". Có lẽ điều này có nghĩa là mermaids, undines, v.v. đều ở trên cung tiến hoá.

38. There are differences in the forms through which the different manipulating devas on the evolutionary devas work. These different forms are all constructed of substantial devas—"recipients of force".

38. Có những khác biệt trong các hình tướng mà qua đó các thiên thần thao tác khác nhau trên cung tiến hoá hoạt động. Những hình tướng khác nhau này đều được cấu tạo bằng các thiên thần chất liệu—"những vị tiếp nhận mãnh lực".

The extreme interest of this subject

Mối quan tâm cực lớn của đề tài này

39. Among those interested in the magical process…

39. Đối với những người quan tâm đến tiến trình huyền thuật…

might be expressed under certain statements which will give the student some idea of the close attention which should, and eventually will be paid to this subject of the deva lives of watery manifestation.

có thể được diễn tả qua một số phát biểu sẽ cho đạo sinh một ý niệm nào đó về sự chú ý sát sao cần phải được, và rốt cuộc sẽ được, dành cho chủ đề này về các sự sống thiên thần của biểu hiện thủy tính.

40. We are hardly dealing with a minor subject, even though it represents a close study of matter/substance, and even though

40. Chúng ta hầu như không bàn đến một chủ đề nhỏ nhặt, dù nó biểu thị một sự nghiên cứu kỹ lưỡng về vật chất/chất liệu, và

the main focus of the modern occultist is to be upon consciousness or the second aspect.

dù trọng tâm chính của nhà huyền bí học hiện đại phải đặt vào tâm thức hay phương diện thứ hai.

As said above, **the aggregate of these lives is greater than the aggregate of those lives which form the sum total of solid earth** as we understand the term,

Như đã nói ở trên, **tổng số những sự sống này lớn hơn tổng số những sự sống tạo thành toàn thể của đất rắn** theo cách chúng ta hiểu thuật ngữ ấy,

41. DK adds the caveat "as we understand the term". Is He excluding the regions of "solid earth" as they may occur *within* the Earth's interior, or is that which occurs within the interior of the Earth not to be considered "solid"? Certainly, as descent into the interior of the Earth proceeds, there is a greater tendency for matter to assume a molten or gaseous state.

41. Chân sư DK thêm điều lưu ý "theo cách chúng ta hiểu thuật ngữ ấy". Có phải Ngài đang loại trừ những vùng "đất rắn" như chúng có thể hiện hữu *bên trong* nội địa của Trái Đất, hay điều hiện hữu bên trong nội địa Trái Đất không được xem là "rắn"? Chắc chắn rằng, khi đi xuống nội địa Trái Đất, vật chất có xu hướng lớn hơn để mang trạng thái nóng chảy hoặc khí.

even though they do not exceed the number of lives which form the gaseous portion of manifestation;

mặc dù chúng không vượt quá số lượng các sự sống tạo thành phần khí của biểu hiện;

42. The proportion indicated seems clear: the number of lives which form the gaseous portion of earthly manifestation is greatest; the lives forming the liquid portion are less numerous than the gaseous lives, and the number of lives forming the solid portion is still smaller.

42. Tỉ lệ được nêu ra dường như rõ ràng: số lượng các sự sống tạo thành phần khí của biểu hiện trên trái đất là lớn nhất; các sự sống tạo thành phần lỏng ít hơn các sự sống khí, và số lượng các sự sống tạo thành phần rắn còn ít hơn nữa.

this gaseous portion is found in the atmosphere, interpenetrating dense matter, and filling in a large degree the interior caverns of the planet.

phần khí này được tìm thấy trong khí quyển, xuyên thấm vật chất đậm đặc, và lấp đầy ở mức độ lớn các hang động bên trong hành tinh.

43. This is important. We learn that there are three 'locations' where gaseous lives may be found.

43. Điều này rất quan trọng. Chúng ta biết rằng có ba "vị trí" nơi các sự sống khí có thể được tìm thấy.

44. It may be presumed that, in the interior caverns of our planet, liquid substantial lives are not nearly so abundant as gaseous lives.

44. Có thể giả định rằng, trong các hang động bên trong hành tinh chúng ta, các sự

sống chất liệu lỏng không phong phú gần bằng các sự sống khí.

The microcosmic resemblance to the great Life of the planet is seen in the fact that both forms are but outer sheaths or frameworks, sheltering an inner "vault"; both forms are hollow,

Sự tương đồng vi mô với Sự sống vĩ đại của hành tinh được thấy trong sự kiện rằng cả hai hình tướng chỉ là những vỏ bọc bên ngoài hay những khungsườn, che chở một "vòm" bên trong; cả hai hình tướng đều rỗng,

45. Here is a direct confirmation of the "hollow Earth theory"—a theory also advanced in the purported writings of Master Hilarion.

45. Đây là một sự xác nhận trực tiếp cho "thuyết Trái Đất rỗng"—một lý thuyết cũng được nêu ra trong những trước tác được cho là của Chân sư Hilarion.

46. How shall we describe the "inner vault" of the microcosm? It certainly seems a if the microcosmic inner vault is filled with organs of various kinds. If this is the case, what is the macrocosmic analogy—as there must be one?

46. Chúng ta sẽ mô tả "vòm bên trong" của tiểu thiên địa như thế nào? Chắc chắn dường như vòm bên trong của tiểu thiên địa được lấp đầy bằng các cơ quan đủ loại. Nếu đúng như vậy, thì sự tương đồng đại thiên địa là gì—vì hẳn phải có một sự tương đồng như thế?

47. In this section, we are speaking of the structure of the Earth-globe.

47. Trong phần này, chúng ta đang nói về cấu trúc của bầu hành tinh Trái Đất.

both have their negative and positive extremities, their poles, so to speak,

cả hai đều có những cực âm và cực dương của chúng, những cực của chúng, có thể nói như vậy,

48. For man, and etherically, these would be the crown center and the base of the spine center. Physically, one of the extremities would be the depression at the top of the skull, the other, perhaps, the orifice of excretion.

48. Đối với con người, và về mặt dĩ thái, đó sẽ là trung tâm đỉnh đầu và trung tâm đáy cột sống. Về mặt hồng trần, một trong các đầu mút sẽ là chỗ lõm ở đỉnh sọ, còn đầu kia có lẽ là lỗ bài tiết.

and internally much proceeds affecting the outer evolutions.

và ở bên trong, nhiều điều diễn ra ảnh hưởng đến các tiến hoá bên ngoài.

49. DK is telling us of important events occurring within the central caverns of the Earth.

49. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về những biến cố quan trọng xảy ra trong các hang động trung tâm của Trái Đất.

50. It is also obvious that the organs within the 'central cavern of man' are responsible for affecting many bodily processes which occur closer to the surface.

50. Cũng hiển nhiên rằng các cơ quan bên trong "hang động trung tâm của con người" chịu trách nhiệm ảnh hưởng đến nhiều tiến trình cơ thể xảy ra gần bề mặt hơn.

One of the most occult of the planets,, presides over the "devas of the waters";

Một trong những hành tinh huyền bí nhất,, chủ quản "các thiên thần của nước";

51. How interesting that the planet most associated with *mysticism* should be considered "one of the most occult planets"!

51. Thật thú vị biết bao khi hành tinh gắn liền nhiều nhất với *Thần bí học* lại được xem là "một trong những hành tinh huyền bí nhất"!

52. We must realize that the influences of all planets in the solar system are present upon and within our planet. This presence each planet is to be found upon and within every other planet. Each and all are present upon and within each and all.

52. Chúng ta phải nhận ra rằng các ảnh hưởng của mọi hành tinh trong hệ mặt trời đều hiện diện trên và trong hành tinh chúng ta. Sự hiện diện này của mỗi hành tinh được tìm thấy trên và trong mọi hành tinh khác. Mỗi và tất cả đều hiện diện trên và trong mỗi và tất cả.

their presiding deva Lord, Varuna, the Raja of the astral plane, being an emanation from that planet.

Đấng Chúa Tể thiên thần chủ quản của họ, Varuna, vị Raja của cõi cảm dục, là một phát xạ từ hành tinh ấy.

53. Varuna is the Raja Deva Lord of the astral plane *of the Earth*. There is another Entity (not named) who is the Raja Deva Lord of the entire astral plane within the solar system and still another and greater Lord Who is the Raja Deva Lord of the cosmic astral plane.

53. Varuna là Đấng Chúa Tể Raja Deva của cõi cảm dục *của Trái Đất*. Có một Thực Thể khác (không được nêu tên) là Đấng Chúa Tể Raja Deva của toàn bộ cõi cảm dục trong hệ mặt trời và còn một Đấng Chúa Tể khác lớn lao hơn nữa là Đấng Chúa Tể Raja Deva của cõi cảm dục vũ trụ.

First. ***The Raja-Lord of the Plane*, the great deva Varuna, Who is the central Life of the substance of the astral plane of our planetary scheme.** He is Himself an outpost of the consciousness of that greater Deva Who embodies the substance of the solar astral plane, or the sixth subplane of the cosmic physical plane. He again in His turn reflects His prototype, that great cosmic

Thứ nhất. ***Đấng Chúa Tể Raja của Cõi, đại thiên thần Varuna, Đấng là Sự sống trung tâm của chất liệu của cõi cảm dục của hệ hành tinh chúng ta.*** Chính Ngài là một tiền đồn của tâm thức của vị Deva vĩ đại hơn kia, Đấng hiện thân chất liệu của cõi cảm dục thái dương, hay cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ. Đến lượt mình, Ngài lại phản chiếu nguyên mẫu của Ngài, là Thực Thể vũ

Entity Who ensouls the cosmic astral plane. (TCF 676)

54. Lord Varuna is the Raja Deva Lord of the astral plane of our Earth. We do not know the names of those Entities Who rule the solar systemic astral plane and the cosmic astral plane (beyond the solar system).

55. Notice that Varuna is an "emanation" from Neptune. Is this also the case with regard to the Raja Deva Lord of the systemic astral plane?

56. Conceivably, Neptune could emanate a number of Raja Deva Lords Who serve as Lords of the astral plane for each planet within our solar system. Of course, the solar astral plane is greater than the sum total of astral bodies of all the Planetary Logoi within our solar system. Would the emanating Entity be one of the other six major Solar Logoi with Whom our Solar Logos is associated?

57. While Neptune is closely attuned to the cosmic astral plane, it could not be said that that cosmic plane is an emanation of Neptune. Would the emanating Source in this case be a Constellational Logos?

58. Notice that great Beings are, as it were, mind-born or emanations of still greater Beings. They do not arise through generation as does man.

59. It may be inferred, that Solar Angels are also mind-born and do not arise through the conjunction of opposites as it the case with physical man.

trụ vĩ đại phú linh cõi cảm dục vũ trụ. (TCF 676)

54. Chúa Varuna là Đấng Chúa Tể Raja Deva của cõi cảm dục của Trái Đất chúng ta. Chúng ta không biết tên của những Thực Thể cai quản cõi cảm dục của hệ mặt trời và cõi cảm dục vũ trụ (vượt ngoài hệ mặt trời).

55. Hãy lưu ý rằng Varuna là một "phát xạ" từ Sao Hải Vương. Điều này có đúng cả đối với Đấng Chúa Tể Raja Deva của cõi cảm dục hệ thống không?

56. Có thể hình dung rằng Sao Hải Vương có thể phát xạ một số Đấng Chúa Tể Raja Deva phục vụ như các Chúa Tể của cõi cảm dục cho mỗi hành tinh trong hệ mặt trời chúng ta. Dĩ nhiên, cõi cảm dục thái dương lớn hơn tổng số các thể cảm dục của mọi Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời chúng ta. Có phải Thực Thể phát xạ là một trong sáu Thái dương Thượng đế lớn khác mà Thái dương Thượng đế của chúng ta có liên hệ?

57. Trong khi Sao Hải Vương được chỉnh hợp mật thiết với cõi cảm dục vũ trụ, không thể nói rằng cõi vũ trụ ấy là một phát xạ của Sao Hải Vương. Trong trường hợp này, Nguồn phát xạ có phải là một Thượng đế Chòm sao không?

58. Hãy lưu ý rằng các Đấng vĩ đại, có thể nói như vậy, là do trí tuệ sinh ra hay là những phát xạ của các Đấng còn vĩ đại hơn nữa. Các Ngài không phát sinh qua sự sinh sản như con người.

59. Có thể suy ra rằng các Thái dương Thiên Thần cũng do trí tuệ sinh ra và không phát sinh qua sự kết hợp của các đối cực như trường hợp của con người hồng trần.

Students will find it of profound interest to study the close interaction therefore between:

Các đạo sinh sẽ thấy vô cùng quan trọng khi nghiên cứu sự tương tác mật thiết do đó giữa:

1. The sixth plane, the astral plane, and the sixth subplane of the physical plane, the liquid subplane. [Page 898]

1. Cõi thứ sáu, cõi cảm dục, và cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần, cõi phụ lỏng. [Page 898]

60. These two are related through numerical resonance. Much about the Law of Correspondences can be learned simply by tracing the relationships between identical numbers.

60. Hai cõi này có liên hệ với nhau qua cộng hưởng số học. Có thể học được nhiều điều về định luật tương ứng chỉ bằng cách truy theo các mối liên hệ giữa những con số giống nhau.

61. It will become important to compare the *liquidity* of the astral plane with that which causes liquidity upon the dense physical subplanes.

61. Sẽ trở nên quan trọng khi so sánh *tính lỏng* của cõi cảm dục với điều gây ra tính lỏng trên các cõi phụ hồng trần đậm đặc.

62. A certain state of bonding between the substances which comprise planes characterized by liquidity must be analyzed. If what is known in ordinary chemistry about liquidity is analogized to the systemic astral plane and, thence, to the cosmic astral plane, much may be learned or at least inferred.

62. Một trạng thái liên kết nào đó giữa các chất liệu cấu thành những cõi được đặc trưng bởi tính lỏng phải được phân tích. Nếu điều được biết trong hóa học thông thường về tính lỏng được áp dụng theo phép tương đồng vào cõi cảm dục hệ thống và từ đó vào cõi cảm dục vũ trụ, nhiều điều có thể được học hỏi hoặc ít nhất được suy ra.

2. The sixth subplane of each plane in the solar system, and their relation to each other.

2. Cõi phụ thứ sáu của mỗi cõi trong hệ mặt trời, và mối liên hệ của chúng với nhau.

63. We have already examined this relationship somewhat when considering the siddhis which appear on the various physical subplanes. For instance, planetary psychometry on the mental plane, is related to healing on the buddhic plane, and the active service on the atmic plane.

63. Chúng ta đã phần nào khảo sát mối liên hệ này khi xem xét các siddhi xuất hiện trên các cõi phụ hồng trần khác nhau. Chẳng hạn, thuật trắc tâm hành tinh trên cõi trí có liên hệ với trị liệu trên cõi Bồ đề, và với sự phụng sự tích cực trên cõi atma.

64. We are not given any siddhi related to the sixth subplane of the systemic astral

64. Chúng ta không được cho biết siddhi nào liên hệ với cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục

plane because that subplane is considered 'off limits' for the human being. The astral body of even the average human being is not to contain sixth subplane matter.

hệ thống vì cõi phụ ấy được xem là 'ngoài giới hạn' đối với con người. Thể cảm dục của ngay cả con người trung bình cũng không được chứa vật chất cõi phụ thứ sáu.

65. Presumably, these sixth subplanes are also related to the cosmic astral plane.

65. Có lẽ các cõi phụ thứ sáu này cũng có liên hệ với cõi cảm dục vũ trụ.

66. Between those fields characterized by identical numbers, energy flows freely.

66. Giữa những trường được đặc trưng bởi các con số giống nhau, năng lượng lưu chuyển tự do.

Herein will be found one reason why men of a relatively low type of physical body, and having an astral body with some sixth subplane matter

Chính trong đây có một lý do vì sao những người có loại thể xác tương đối thấp, và có một thể cảm dục với một ít vật chất cõi phụ thứ sáu

67. Let us remember that this is a type of matter with which the human being should have nothing to do; only matter of the higher five subplanes are supposed to be within the astral body of the human being.

67. Chúng ta hãy nhớ rằng đây là một loại vật chất mà con người không nên có bất cứ liên hệ nào; chỉ vật chất của năm cõi phụ cao hơn mới được giả định là ở trong thể cảm dục của con người.

In the two lower planes in the three worlds —the astral and the physical—the five subplanes of human endeavour are the five highest. The two lowest subplanes, the sixth and seventh, are what we might express as "below the threshold," and concern forms of life beneath the human altogether. (TCF 187)

Trong hai cõi thấp trong ba cõi giới—cõi cảm dục và cõi hồng trần—năm cõi phụ của nỗ lực nhân loại là năm cõi cao nhất. Hai cõi phụ thấp nhất, thứ sáu và thứ bảy, là điều chúng ta có thể diễn tả là "bên dưới ngưỡng", và liên quan đến những hình tướng sự sống hoàn toàn thấp hơn con người. (TCF 187)

68. Could the Tibetan mean *second* subplane matter when He speaks of sixth subplane matter? It is unlikely.

68. Có phải Chân sư Tây Tạng muốn nói đến vật chất cõi phụ *thứ hai* khi Ngài nói đến vật chất cõi phụ thứ sáu? Điều đó khó có thể xảy ra.

69. We learn something here about the possibility for religious or spiritual responsiveness in those types of human beings who are working at organizing and vitalizing the second petal of the egoic lotus or for whom that petal is beginning to

69. Ở đây chúng ta học được điều gì đó về khả năng đáp ứng tôn giáo hay tinh thần nơi những loại người đang hoạt động để tổ chức và tiếp sinh lực cho cánh hoa thứ hai của hoa sen chân ngã hoặc nơi những người mà cánh hoa ấy đang bắt đầu khai mở. Đây là một

unfold. This is a relatively early task given the entire process of the unfoldment of the egoic lotus.

nhiệm vụ tương đối sớm nếu xét toàn bộ tiến trình khai mở của hoa sen chân ngã.

in it are responsive to higher things and have a spiritual aspiration.

trong đó có sự đáp ứng với những điều cao hơn và có khát vọng tinh thần.

70. Such people, even thought relatively low in the scale of human development, may have responsiveness to higher things and be possessed of spiritual aspiration.

70. Những người như thế, dù tương đối thấp trên thang phát triển nhân loại, vẫn có thể có sự đáp ứng với những điều cao hơn và sở hữu khát vọng tinh thần.

71. The implication is that energy from the higher sixth subplanes of the various higher systemic planes may have an effect upon the matter of the sixth astral subplane. How this happens (i.e., the occult physics involved) remains for us mysterious.

71. Hàm ý ở đây là năng lượng từ các cõi phụ thứ sáu cao hơn của những cõi hệ thống cao hơn khác nhau có thể có tác động lên vật chất của cõi phụ cảm dục thứ sáu. Điều này xảy ra như thế nào (tức là, vật lý học huyền bí liên quan) vẫn còn là điều bí ẩn đối với chúng ta.

72. If we consider what is here said, we may learn something about Atlantean religious or spiritual tendencies.

72. Nếu suy xét điều được nói ở đây, chúng ta có thể học được điều gì đó về các khuynh hướng tôn giáo hay tinh thần của Atlantis.

The influence emanating from the sixth subplane of the buddhic plane **calls out a reciprocal response from the sixth subplane matter in other bodies**, and the sixth principle of buddhi under the Law of Correspondences intensifies that vibration.

Ảnh hưởng phát ra từ cõi phụ thứ sáu của cõi Bồ đề **gọi ra một sự đáp ứng tương hỗ từ vật chất cõi phụ thứ sáu trong các thể khác**, và nguyên khí thứ sáu của Bồ đề dưới định luật tương ứng làm tăng cường rung động ấy.

73. From the sixth subplane of the buddhic plane emanates the siddhi known as “Healing”.

73. Từ cõi phụ thứ sáu của cõi Bồ đề phát ra siddhi được gọi là “Trị liệu”.

74. Matter of the sixth subplane of the astral plane responds to the influences emanating from the sixth subplane of the buddhic plane. Presumably, something of a higher nature is added to the usual sixth subplane astral response.

74. Vật chất của cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục đáp ứng với các ảnh hưởng phát ra từ cõi phụ thứ sáu của cõi Bồ đề. Có lẽ một điều gì đó thuộc bản chất cao hơn được thêm vào sự đáp ứng cảm dục cõi phụ thứ sáu thông thường.

75. Additionally, it seems as if the sixth principle operates to intensify the quality of aspiration. Aspiration is related to the sixth ray and, thus, to the sixth principle.

75. Ngoài ra, dường như nguyên khí thứ sáu hoạt động để tăng cường phẩm tính khát vọng. Khát vọng có liên hệ với cung sáu và do đó với nguyên khí thứ sáu.

76. It seems we should not exclude the response of the sixth subplane of the systemic physical plane and the sixth subplane of the mental plane to the influence emanating from the sixth subplane of the buddhic plane.

76. Dường như chúng ta không nên loại trừ sự đáp ứng của cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần hệ thống và cõi phụ thứ sáu của cõi trí đối với ảnh hưởng phát ra từ cõi phụ thứ sáu của cõi Bồ đề.

77. Can the "healing" energy of the sixth subplane of the buddhic plane have an effect upon the 'waters' of the dense physical body? It would seem so.

77. Năng lượng "trị liệu" của cõi phụ thứ sáu của cõi Bồ đề có thể có tác động lên "nước" của thể xác đậm đặc không? Dường như là có.

78. Can this same healing energy affect that quality of consciousness we call "kama-manas", focussed, it would seem, on the sixth subplane of the mental plane? Again, it would seem so. This is a type of mental response in which some initial responsiveness to the buddhic quality of intuition is to be detected.

78. Cũng năng lượng trị liệu này có thể ảnh hưởng đến phẩm tính tâm thức mà chúng ta gọi là "trí-cảm", dường như tập trung trên cõi phụ thứ sáu của cõi trí không? Một lần nữa, dường như là có. Đây là một loại đáp ứng trí tuệ trong đó có thể nhận ra một sự đáp ứng ban đầu nào đó đối với phẩm tính trực giác của Bồ đề.

79. Perhaps those with fourth ray minds have a particular responsiveness long this line.

79. Có lẽ những người có thể trí cung bốn có một sự đáp ứng đặc biệt theo đường hướng này.

The name is one under which the planetary Logos of one of the major three schemes is known upon our planet.

Tên gọi ấy là một tên mà dưới đó Hành Tinh Thượng Đế của một trong ba hệ hành tinh lớn được biết đến trên hành tinh chúng ta.

80. We understand that Neptune is not the real name of the Planetary Logos of that major planetary scheme the monadic ray of which is the second.

80. Chúng ta hiểu rằng Neptune không phải là tên thật của Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh lớn ấy, mà cung chân thần của nó là cung hai.

81. On other planets, this Deity would be known by other names. Perhaps none of

81. Trên những hành tinh khác, Thượng đế này sẽ được biết đến bằng những tên khác.

them, however, is the true name of that exalted Planetary Logos.

Tuy nhiên, có lẽ không tên nào trong số đó là tên thật của Hành Tinh Thượng Đế cao cả ấy.

82. It is interesting that Neptune, from one perspective, is considered as the Planetary Logos of one of the three "major" schemes, and yet, from another perspective, it is considered *not* be a member of our solar system at all.

82. Thật thú vị khi Neptune, từ một góc nhìn, được xem là Hành Tinh Thượng Đế của một trong ba hệ hành tinh "lớn", nhưng từ một góc nhìn khác, lại được xem là *không* thuộc hệ mặt trời của chúng ta chút nào.

Certain of His influences and energies affect paramountly the deva essence of this sixth subplane matter, reaching them via the Raja Lord Varuna.

Một số ảnh hưởng và năng lượng của Ngài tác động một cách tối thượng lên tinh chất thiên thần của vật chất cõi phụ thứ sáu này, đến với chúng qua Đấng Chúa Tể Raja Varuna.

83. The chain of transmission is important. From Neptune, through Varuna to the deva essence of the systemic astral plane. Perhaps the Deva Lord of the solar systemic astral plane is also involved in this transmission.

83. Chuỗi truyền dẫn này rất quan trọng. Từ Neptune, qua Varuna đến tinh chất thiên thần của cõi cảm dục hệ thống. Có lẽ Đấng Chúa Tể Deva của cõi cảm dục hệ mặt trời cũng tham gia vào sự truyền dẫn này.

84. What is the nature of the influence? What is the mode of impact? How actually does it happen? The answer to these questions is not within our reach.

84. Bản chất của ảnh hưởng ấy là gì? Phương thức tác động là gì? Thực sự nó diễn ra như thế nào? Câu trả lời cho những câu hỏi này nằm ngoài tầm với của chúng ta.

This knowledge is of practical value astrologically, for it will enable men to understand the nature of their own physical bodies, and above all of their astral bodies.

Tri thức này có giá trị thực tiễn về mặt chiêm tinh học, vì nó sẽ giúp con người hiểu bản chất của chính thể xác của mình, và trên hết là của thể cảm dục của mình.

85. The astral body is the vehicle with which man has the greatest 'wrestling match' at this time.

85. Thể cảm dục là vận cụ mà hiện nay con người có "cuộc vật lộn" lớn nhất.

86. We can see how important is the influence of Neptune in indicating the quality and sensitivity of the astral body of man. Probably, the position and aspects of the planet Neptune in the astrological chart will reveal much about the condition of the astral body within a particular personal

86. Chúng ta có thể thấy ảnh hưởng của Neptune quan trọng biết bao trong việc chỉ ra phẩm tính và độ nhạy cảm của thể cảm dục của con người. Có lẽ vị trí và các góc hợp của hành tinh Neptune trong lá số chiêm tinh sẽ tiết lộ nhiều điều về tình trạng của thể cảm dục trong một hệ năng lượng cá

energy system and what may be done to improve that condition.

87. This position astrologically may also reveal much concerning the 'waters' of the dense physical body. We can sense the implications for medical astrology as it will be unfolded in the future.

It is an occult fact that the type of astral matter in a man's body decides the quality of the watery substance of his physical body.

88. This is such an important physiological hint and would seem open even today to some type of investigation.

89. It is reasonable to conclude that much concerning the blood stream of man can be deduced from the condition of his astral body, and presumably, from the position and aspects of Neptune.

4. The blood stream is governed by. (EH 143)

There is, in occultism, no dissociating the physico-psychic natures, for the latter determines the former.

90. Here we find ourselves in the realm of Cancer, with the Moon (in this context) indicating the dense physical body and Neptune the condition of the astral body.

91. The psychological nature of man is today little understood. It is hypothesized by many that the condition of the psyche (and even the psyche itself) is derived from the physical organism. Exactly the reverse is the case from the occult perspective.

nhân nhất định và về điều có thể được thực hiện để cải thiện tình trạng ấy.

87. Vị trí này về mặt chiêm tinh cũng có thể tiết lộ nhiều điều liên quan đến "nước" của thể xác đậm đặc. Chúng ta có thể cảm nhận những hàm ý đối với chiêm tinh y học khi ngành này sẽ được khai mở trong tương lai.

Đó là một sự kiện huyền bí rằng loại vật chất cảm dục trong thể cảm dục của một người quyết định phẩm tính của chất liệu thủy trong thể xác của y.

88. Đây là một gợi ý sinh lý học rất quan trọng và dường như ngay cả ngày nay cũng có thể mở ra cho một loại nghiên cứu nào đó.

89. Thật hợp lý khi kết luận rằng nhiều điều liên quan đến dòng máu của con người có thể được suy ra từ tình trạng của thể cảm dục của y, và có lẽ từ vị trí cùng các góc hợp của Neptune.

4. Dòng máu được cai quản bởi. (EH 143)

Trong huyền bí học, không có sự tách rời giữa các bản chất hồng trần-thông linh, vì bản chất sau quyết định bản chất trước.

90. Ở đây chúng ta thấy mình trong lĩnh vực của Cự Giải, với Mặt Trăng (trong ngữ cảnh này) chỉ thể xác đậm đặc và Neptune chỉ tình trạng của thể cảm dục.

91. Bản chất tâm lý của con người ngày nay ít được thấu hiểu. Nhiều người giả thuyết rằng tình trạng của psyche (và thậm chí chính psyche) phát sinh từ cơ thể vật lý. Theo quan điểm huyền bí, sự thật hoàn toàn ngược lại.

The planet therefore has a profound effect and a close connection under the Law of Correspondences **with the sixth, or astral plane, which is the plane of the liquid portion of the logoic physical body**,

Hành tinh do đó có một tác động sâu xa và một liên hệ mật thiết dưới định luật tương ứng **với cõi thứ sáu, hay cõi cảm dục, là cõi của phần lỏng của thể hồng trần của Thượng đế**,

92. Presumably this means *both* the solar logoic astral body and the planetary logoic astral body.

92. Có lẽ điều này có nghĩa là *cả hai* thể cảm dục của Thái dương Thượng đế và thể cảm dục của Hành Tinh Thượng Đế.

with the sixth subplane of the physical plane, or with the liquid portion of the human physical body and **of the planetary physical body**, also with the sixth type of energy or force, or the sixth ray.

với cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần, hay với phần lỏng của thể xác con người và **của thể hồng trần hành tinh**, cũng như với loại năng lượng hay mãnh lực thứ sáu, hay cung sáu.

93. Here we have a fourfold relationship suggested—a relationship capable of even further expansion.

93. Ở đây chúng ta có một mối liên hệ tứ phân được gợi ra—một mối liên hệ còn có thể được mở rộng hơn nữa.

94. There is a relationship between:

94. Có một mối liên hệ giữa:

a. The planet Neptune—in one respect, the planet of the sixth ray

a. Hành tinh Neptune—xét theo một phương diện, là hành tinh của cung sáu

b. The sixth of astral plane—the liquid portion of the logoic dense physical body

b. Cõi thứ sáu của cõi cảm dục—phần lỏng của thể hồng trần đậm đặc của Thượng đế

c. The sixth physical subplane—the liquid portion of both the human physical body

c. Cõi phụ hồng trần thứ sáu—phần lỏng của cả thể xác con người

d. The sixth ray

d. Cung sáu

e. We may presume that the planets Venus and Mars, both prominently expressive of the sixth ray, can also be brought into this network of relationships based on the number six.

e. Chúng ta có thể giả định rằng các hành tinh Sao Kim và Sao Hỏa, cả hai đều biểu lộ nổi bật cung sáu, cũng có thể được đưa vào mạng lưới các mối liên hệ dựa trên số sáu này.

95. What does DK mean above by "the planetary physical body"? Usually it comprises three two and half systemic

95. Chân sư DK muốn nói gì ở trên bởi "thể hồng trần hành tinh"? Thông thường nó bao gồm ba cõi rưỡi thấp của hệ thống. Chúng ta

planes. We cannot equate the planetary physical body with a body composed only of etheric-physical matter.

The major scheme over which presides forms a systemic triangle of great interest for esoteric astrologers with the sixth scheme and one **other**.

96. There is some extraordinary occultism being hinted here.

97. For one thing, even though Neptune is related to the sixth ray, it is not to be considered the sixth scheme.

98. Presumably the Venus-scheme is to be considered one of these three, as its Monad is on the sixth ray and in some systems of numbering it is considered the sixth scheme (depending upon the direction of counting the schemes).

99. The Mars-chain (remembering the prominent sixth ray personality of Mars) is considered the sixth chain of the Earth-scheme.

100. The Mars-*scheme* is numbered as the third and the Jupiter-scheme the sixth.

101. Of these four—Neptune, Venus, Mars, Jupiter, the correct three will probably found.'

102. We must remember that Mars is not an *esoteric* planet, so perhaps there is a hint that Mars is to be excluded from this triangle because it is "esoteric astrologers" who will take an interest in this systemic triangle.

không thể đồng nhất thể hồng trần hành tinh với một thể chỉ được cấu tạo bằng vật chất dĩ thái-hồng trần.

Hệ hành tinh lớn mà chủ quản tạo thành một tam giác hệ thống rất đáng quan tâm đối với các nhà chiêm tinh học nội môn cùng với hệ thứ sáu và một hệ **khác**.

96. Ở đây đang có một huyền bí học phi thường được gợi ý.

97. Trước hết, dù Neptune có liên hệ với cung sáu, nó không được xem là hệ thứ sáu.

98. Có lẽ hệ Sao Kim được xem là một trong ba hệ này, vì Chân thần của nó ở trên cung sáu và trong một số hệ thống đánh số, nó được xem là hệ thứ sáu (tùy theo hướng đếm các hệ hành tinh).

99. Dãy Sao Hỏa (ghi nhớ cung phàm ngã cung sáu nổi bật của Sao Hỏa) được xem là dãy thứ sáu của hệ Địa Cầu.

100. Hệ *Sao Hỏa* được đánh số là thứ ba và hệ Sao Mộc là thứ sáu.

101. Trong bốn hành tinh này—Neptune, Sao Kim, Sao Hỏa, Sao Mộc—có lẽ sẽ tìm ra đúng ba hành tinh.'

102. Chúng ta phải nhớ rằng Sao Hỏa không phải là một hành tinh *nội môn*, vì vậy có lẽ có một gợi ý rằng Sao Hỏa phải bị loại khỏi tam giác này bởi vì chính "các nhà chiêm tinh học nội môn" sẽ quan tâm đến tam giác hệ thống này.

103. There are a number of reasons for considering Jupiter as related to the sixth ray.

103. Có một số lý do để xem Sao Mộc là có liên hệ với cung sáu.

This is symbolised in the **three pronged trident** which the god Neptune [Page 899] is always portrayed as holding, **the prongs being literally the symbolic triangleS connected with each other by three lines of force**.

Điều này được biểu tượng hoá trong **cây đinh ba ba chĩa** mà thần Neptune [Page 899] luôn luôn được mô tả là đang cầm, **các chĩa theo nghĩa đen là những tam giác biểu tượng được nối kết với nhau bằng ba đường mãnh lực**.

104. We can see the many meanings of the "trident". There is more here, however, than meets the eye. DK does not speak of the members of *one* symbolic triangle. Rather, He speaks of symbolic "triangles" connected to each other by three lines of force. It would seem that there are three groupings of triangles, all connected with each other.

104. Chúng ta có thể thấy nhiều ý nghĩa của "cây đinh ba". Tuy nhiên, ở đây còn có nhiều điều hơn là điều đập vào mắt. Chân sư DK không nói về các thành viên của *một* tam giác biểu tượng. Đúng hơn, Ngài nói về những "tam giác" biểu tượng được nối kết với nhau bằng ba đường mãnh lực. Có vẻ như có ba nhóm tam giác, tất cả đều nối kết với nhau.

105. As well, from each of these triangles, three lines of force may emanate, each triplicity of lines going to each of the other triangles.

105. Ngoài ra, từ mỗi tam giác này, ba đường mãnh lực có thể phát ra, mỗi bộ ba đường đi đến mỗi tam giác khác.

106. One must watch singulars and plurals very carefully as hints are contained in the use of one or the other.

106. Người ta phải theo dõi số ít và số nhiều thật cẩn thận vì những gợi ý được chứa đựng trong việc dùng cái này hay cái kia.

107. In EP II we find DK dividing the planets into threes: Earth, Mars, Saturn; Venus, Jupiter, Uranus; and by inference, Vulcan, Pluto, Neptune. Mercury, we may infer, is the relational factor and is left out of any particular grouping.

107. Trong EP II, chúng ta thấy Chân sư DK chia các hành tinh thành ba bộ: Trái Đất, Sao Hỏa, Sao Thổ; Sao Kim, Sao Mộc, Sao Thiên Vương; và theo suy luận, Vulcan, Sao Diêm Vương, Neptune. Chúng ta có thể suy ra rằng Sao Thủy là yếu tố liên hệ và được để ngoài bất kỳ nhóm riêng biệt nào.

108. There are also other ways of dividing the triangles into threes; the three synthesizing planets; Venus, Jupiter, Vulcan;

108. Cũng có những cách khác để chia các tam giác thành ba bộ; ba hành tinh tổng hợp; Sao Kim, Sao Mộc, Vulcan; Trái Đất, Sao

Earth, Mars, Pluto; and again Mercury as the relational factor.

Hỏa, Sao Diêm Vương; và một lần nữa Sao Thủy là yếu tố liên hệ.

109. Apparently, the trident of Neptune conceals some profound structural principles within our solar system.

109. Rõ ràng, cây đinh ba của Neptune che giấu một số nguyên lý cấu trúc sâu xa trong hệ mặt trời của chúng ta.

This planet has also a vital relation to the sixth logoic principle, or Buddhi, and therefore the sixth principle of man.

Hành tinh này cũng có một liên hệ thiết yếu với nguyên khí logoic thứ sáu, hay Bồ đề, và do đó với nguyên khí thứ sáu của con người.

110. We are discussing Neptune and its various correlations.

110. Chúng ta đang bàn đến Neptune và những tương quan khác nhau của nó.

111. Buddhi is the sixth principle of man and of the Logos, but that principle expresses the second aspect of divinity and relates to the fourth systemic plane.

111. Bồ đề là nguyên khí thứ sáu của con người và của Thượng đế, nhưng nguyên khí ấy biểu lộ phương diện thứ hai của thiên tính và liên hệ với cõi hệ thống thứ tư.

112. We see, therefore, Neptune related to the astral body (and presumably, kama) and also to buddhi (the sixth principle for both man and the Logoi).

112. Do đó, chúng ta thấy Neptune liên hệ với thể cảm dục (và có lẽ là kama) và cũng liên hệ với Bồ đề (nguyên khí thứ sáu đối với cả con người lẫn Các Thượng đế).

No man begins to co-ordinate the **buddhic vehicleS** until he comes under Neptunian influence in some life or another.

Không người nào bắt đầu phối hợp **vận cụ Bồ đề** cho đến khi y chịu ảnh hưởng của Neptune trong một kiếp sống nào đó.

113. The idea is straightforward, but again note the *plural.* Why does DK speak of the buddhic vehicles—plural. Are there more than one? Are various of these vehicles to be related to the various subplanes of the buddhic plane? Or are we simply dealing with a misprint?

113. Ý tưởng thì rõ ràng, nhưng một lần nữa hãy lưu ý *số nhiều.* Tại sao Chân sư DK lại nói về các vận cụ Bồ đề — số nhiều? Có nhiều hơn một chăng? Có phải các vận cụ khác nhau này phải được liên hệ với các cõi phụ khác nhau của cõi Bồ đề chăng? Hay chúng ta chỉ đang đối diện với một lỗi in?

114. DK has informed us elsewhere that this coordination really begins after the third initiation.

114. Chân sư DK đã cho chúng ta biết ở nơi khác rằng sự phối hợp này thực sự bắt đầu sau lần điểm đạo thứ ba.

He **begins rapidly to co-ordinate the buddhic vehicle, and in its co-ordination**

Y **bắt đầu nhanh chóng phối hợp vận cụ Bồ đề, và trong sự phối hợp ấy y phát triển**

he develops the power of synthesis, at first in small measure, and gradually in fuller detail. (IHS 89)

quyền năng tổng hợp, lúc đầu ở mức nhỏ, rồi dần dần đầy đủ chi tiết hơn. (IHS 89)

a corresponding stimulation takes place in the permanent atoms of the Triad, **After the third initiation leading to a co-ordination of the buddhic vehicle**, and the transference of the lower polarisation into the higher. (IHS 139)

một sự kích thích tương ứng diễn ra trong các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần, **Sau lần điểm đạo thứ ba dẫn đến sự phối hợp vận cụ Bồ đề**, và sự chuyển dịch phân cực thấp lên cao. (IHS 139)

After the third Initiation, a corresponding stimulation takes place in the permanent atoms of the Triad, leading to the co-ordination of the buddhic vehicle, and the transference of the lower polarisation into the higher. (TCF 208)

Sau lần điểm đạo thứ ba, một sự kích thích tương ứng diễn ra trong các nguyên tử trường tồn của Tam nguyên tinh thần, dẫn đến sự phối hợp vận cụ Bồ đề, và sự chuyển dịch phân cực thấp lên cao. (TCF 208)

When this is the case, his personality horoscope will show Neptunian influence dominating somewhere.

Khi điều này xảy ra, lá số chiêm tinh phàm ngã của y sẽ cho thấy ảnh hưởng Neptune chi phối ở đâu đó.

115. The personality horoscope can be relevant for even such an advanced process as the coordination of the buddhic vehicle or vehicles.

115. Lá số chiêm tinh phàm ngã có thể thích đáng ngay cả đối với một tiến trình cao cấp như sự phối hợp vận cụ Bồ đề hay các vận cụ Bồ đề.

116. An "influence dominating somewhere" can exist through rulership (with Cancer, Leo, Virgo, or Pisces prominent); or the planet Neptune may be placed on an angle of the chart or in close aspect with an important planet.

116. Một "ảnh hưởng chi phối ở đâu đó" có thể tồn tại qua chủ tinh (với Cự Giải, Sư Tử, Xử Nữ, hay Song Ngư nổi bật); hoặc hành tinh Neptune có thể nằm trên một góc của lá số hay ở trong góc hợp chặt với một hành tinh quan trọng.

The Neptunian scheme governs one of the three paths of return, and gathers to itself eventually all those Egos who attain primarily through the manipulation of the **sixth type of energy usually called devotion**.

Hệ hành tinh Neptune cai quản một trong ba Con Đường Trở Về, và cuối cùng quy tụ về mình tất cả những chân ngã đạt được chủ yếu nhờ sự vận dụng **loại năng lượng thứ sáu thường được gọi là lòng sùng tín**.

117. By this "three paths of return", we can be quite sure that DK is *not* speaking of one

117. Với "ba Con Đường Trở Về" này, chúng ta có thể khá chắc rằng Chân sư DK *không* nói

of the seven or nine Cosmic Paths taken at the sixth initiate and leading in almost all cases lead out of the solar system altogether —eventually.

về một trong bảy hay chín Con Đường Vũ Trụ được chọn ở cấp điểm đạo đồ thứ sáu và trong hầu như mọi trường hợp cuối cùng đều dẫn ra khỏi toàn bộ hệ mặt trời.

118. He may well mean a path or return to the Sun, via one or other of the three synthesizing planets—Saturn, Neptune or Uranus.

118. Ngài rất có thể muốn nói đến một con đường trở về Mặt Trời, qua một trong ba hành tinh tổng hợp — Sao Thổ, Neptune hay Sao Thiên Vương.

119. It could be questioned whether a synthesizing planet gathers "Egos" or Monads. Yet, we cannot be sure of how the word "Egos" is used, as it could indicate Monads.

119. Người ta có thể đặt câu hỏi liệu một hành tinh tổng hợp có quy tụ các "chân ngã" hay các chân thần. Tuy nhiên, chúng ta không thể chắc từ "chân ngã" được dùng theo nghĩa nào, vì nó có thể chỉ các chân thần.

120. As **the period for obscuration and absorption of various planets is reached**, the Monads/Egos associated with those planets find themselves on a path of return.

120. Khi **thời kỳ làm mờ tối và hấp thụ của các hành tinh khác nhau đến nơi**, các chân thần/chân ngã gắn liền với những hành tinh ấy thấy mình ở trên một con đường trở về.

121. That path of return leads eventually to the Sun—the 'Final Absorber'.

121. Con đường trở về ấy cuối cùng dẫn đến Mặt Trời — 'Đấng Hấp Thụ Cuối Cùng'.

It is Neptunian influence likewise which presides over and makes possible the second Initiation,

Ảnh hưởng Neptune cũng chính là ảnh hưởng chủ trì và làm cho lần điểm đạo thứ hai trở nên khả hữu,

122. Jupiter and Venus have co-rulership over this initiation, and yet, it may be Neptune which preeminently presides.

122. Sao Mộc và Sao Kim cùng đồng cai quản lần điểm đạo này, tuy nhiên có thể chính Neptune là hành tinh chủ trì nổi bật nhất.

123. It is the second initiation which renders the astral body sensitive to the buddhic plane, and Neptune, more than the other two planets, is ruler of the buddhic plane.

123. Chính lần điểm đạo thứ hai làm cho thể cảm dục trở nên nhạy cảm với cõi Bồ đề, và Neptune, hơn hai hành tinh kia, là chủ tinh của cõi Bồ đề.

124. We might infer that some degree of buddhic coordination occurs at this initiation. This would be a reasonable inference. The other references, however,

124. Chúng ta có thể suy ra rằng một mức độ phối hợp Bồ đề nào đó xảy ra ở lần điểm đạo này. Đây sẽ là một suy luận hợp lý. Tuy

point to period following the third initiation.

nhiên, các dẫn chiếu khác lại chỉ đến giai đoạn sau lần điểm đạo thứ ba.

wherein the initiate produces results in the astral body, and wherein his astral centres are the object of the Hierophant's attention.

trong đó điểm đạo đồ tạo ra các kết quả trong thể cảm dục, và trong đó các trung tâm cảm dục của y là đối tượng chú ý của Đấng Điểm đạo.

125. While the astral centers may be to a certain extent awakened before the second initiation takes place (they would have to be, because astral responsiveness is well developed before that initiation), the Hierophant directs His attention to those centers, *particularly*, at the second degree.

125. Dù các trung tâm cảm dục có thể được thức tỉnh ở một mức độ nào đó trước khi lần điểm đạo thứ hai diễn ra (chúng hẳn phải như vậy, vì khả năng đáp ứng cảm dục đã phát triển khá đầy đủ trước lần điểm đạo ấy), Đấng Điểm đạo hướng sự chú ý của Ngài đến các trung tâm ấy, *đặc biệt*, ở cấp thứ hai.

126. Initiations are taken within the causal body. Nonetheless, the centers must be visible and available for stimulation if they (in this case the astral centers) "are the object of the Hierophant's attention".

126. Các cuộc điểm đạo được tiếp nhận bên trong thể nguyên nhân. Tuy nhiên, các trung tâm phải hữu hình và sẵn sàng để được kích thích nếu chúng (trong trường hợp này là các trung tâm cảm dục) "là đối tượng chú ý của Đấng Điểm đạo".

127. During initiation it appears that both the petals and the centers are objects of the Initiator's attention.

127. Trong khi điểm đạo, dường như cả các cánh hoa lẫn các trung tâm đều là đối tượng chú ý của Đấng Điểm đạo.

This particular type of energy flows through three centres

Loại năng lượng đặc biệt này chảy qua ba trung tâm

a. That particular head centre which is linked to the heart centre.

a. Trung tâm đầu đặc biệt ấy vốn được nối kết với trung tâm tim.

128. Although the heart within the head (the major twelve petalled lotus) is linked to the heart center, it is probably **not this major center to which the Tibetan is referring**.

128. Mặc dù tim trong đầu (hoa sen lớn mười hai cánh) được nối kết với trung tâm tim, có lẽ **không phải trung tâm lớn này là điều Chân sư Tây Tạng đang nói đến**.

129. Rather, it is, presumably, ***one of seven* major head centers**. There may be centers *above* the head and centers *within* the head. In other words, ***there may be a pair of centers***

129. Đúng hơn, có lẽ đó là ***một* trong *bảy* trung tâm đầu lớn**. Có thể có những trung tâm *ở trên* đầu và những trung tâm *ở trong* đầu. Nói cách khác, ***có thể có một cặp trung***

associated with the head which are linked to one of the usual chakras.

130. However, we must be cautious, because the words "within the head" may simply mean, 'included within the general vicinity of the head'. So "within" may not be indicative of a literal interior location.

It is not necessary to enlarge upon this point beyond pointing out that as **the seven centres within the head** become responsive to the Ego the following seven centres,

1. The head, considered as a unit,

2. The heart,

3. The throat,

4. The solar plexus,

5. The base of the spine,

6. The spleen,

7. The organs of generation,

are also affected, but affected along the line of purification and control. (IHS 200-201)

2. Making a definite channel between the heart centre (wherein he is endeavouring to focus his consciousness) and its corresponding head centre. **Each of the seven centres in the body, as you know, has a counterpart within the head.** It is in the linking up of the centre with its counterpart in the head that illumination comes. This,—in the case in point—has been accomplished

tâm gắn liền với đầu được nối kết với một trong các luân xa thông thường.

130. Tuy nhiên, chúng ta phải thận trọng, vì các từ "ở trong đầu" có thể chỉ đơn giản có nghĩa là 'được bao gồm trong vùng lân cận chung của đầu'. Vì vậy "ở trong" có thể không hàm ý một vị trí nội tại theo nghĩa đen.

Không cần khai triển thêm điểm này ngoài việc chỉ ra rằng khi **bảy trung tâm trong đầu** trở nên đáp ứng với chân ngã thì bảy trung tâm sau đây,

1. Đầu, được xem như một đơn vị,

2. Tim,

3. Cổ họng,

4. Tùng thái dương,

5. Đáy cột sống,

6. Lá lách,

7. Các cơ quan sinh sản,

cũng bị ảnh hưởng, nhưng bị ảnh hưởng theo đường lối thanh lọc và kiểm soát. (IHS 200-201)

2. Tạo một kênh xác định giữa trung tâm tim (nơi y đang cố gắng tập trung tâm thức của mình) và trung tâm đầu tương ứng của nó. **Mỗi một trong bảy trung tâm trong thể, như các bạn đã biết, đều có một đối phần bên trong đầu.** Chính trong sự nối kết trung tâm với đối phần của nó trong đầu mà sự soi sáng đến. Điều này — trong trường hợp đang

by the student. He has connected the heart with its head centre. (LOM 290)

The second stage is that in which the energy of the lower six centres:

a. The throat,

b. The heart,

c. The solar plexus,

d. The spleen,

e. The organs of generation,

f. The base of the spine,

are—in due order according to a man's ray and subray—**transferred into the correspondences within the head centre.** These seven head centres are the reflection in the microcosm of those "mansions prepared in the Heavens" which receive the sevenfold energy of the monad. These are the chambers prepared by the lower energy which are to be the recipients of "soul or the higher psychic energy." (TCF 865)

131. While there is no text indicating centers "*above* the head", **there are numerous ancient diagrams which show these centers clearly. In the more occult Hindu texts on the head chakras, a number of them are clearly indicated *above* the head.**

132. The esotericism involved in the location of such centers, and whether there are *fourteen* such centers (reflective of both

xét — đã được đạo sinh hoàn thành. Y đã nối kết tim với trung tâm đầu của nó. (LOM 290)

Giai đoạn thứ hai là giai đoạn trong đó năng lượng của sáu trung tâm thấp:

a. Cổ họng,

b. Tim,

c. Tùng thái dương,

d. Lá lách,

e. Các cơ quan sinh sản,

f. Đáy cột sống,

được — theo đúng thứ tự tùy theo cung và cung phụ của một người — **chuyển dịch vào các tương ứng bên trong trung tâm đầu.** Bảy trung tâm đầu này là sự phản chiếu trong tiểu thiên địa của những "nơi cư ngụ đã được chuẩn bị trên các cõi trời" tiếp nhận năng lượng thất phân của chân thần. Đây là những gian phòng được năng lượng thấp chuẩn bị để trở thành những nơi tiếp nhận "linh hồn hay năng lượng thông linh cao hơn." (TCF 865)

131. Mặc dù không có văn bản nào chỉ ra các trung tâm "*ở trên* đầu", **vẫn có nhiều sơ đồ cổ xưa cho thấy rõ các trung tâm này. Trong các bản văn Ấn giáo huyền bí hơn về các luân xa đầu, một số trong đó được chỉ rõ là ở *trên* đầu.**

132. Tính huyền bí liên quan đến vị trí của các trung tâm như thế, và liệu có phải có *mười bốn* trung tâm như vậy (phản chiếu cả Đại Hùng Tinh lẫn Tiểu Hùng Tinh) thay vì

the Great Bear and Little Bear) rather than seven, must remain for further elucidation.

b. The heart centre.

c. The solar plexus.

133. We may be speaking here of the astral counterparts of these centers.

134. If there are, for instance, seven head centers, it may well be that there are seven *astral* head centers which are the higher counterparts of the ones found on the etheric subplanes.

The planet, **along with the planetary Logos of the sixth ray controls the astral centres in man**. This statement involves much esoteric macrocosmic significance.

135. Yes, it is a great hint. In this statement, DK reveals that Neptune is *not* the "planetary Logos of the sixth ray".

136. Since the monadic ray of Venus is the sixth (not the *major* monadic ray but the monadic ray nonetheless), it is likely that Venus should be considered the that Logos Who, *along with the Logos of Neptune*, controls the astral centers in man.

137. The reason that this statement involves so much macrocosmic significance, is that DK is giving important hints about which chakras within the Solar Logos are represented by particular planets.

bảy, phải được để lại cho sự làm sáng tỏ thêm về sau.

b. Trung tâm tim.

c. Tùng thái dương.

133. Ở đây, có thể chúng ta đang nói đến các đối phần cảm dục của những trung tâm này.

134. Chẳng hạn, nếu có bảy trung tâm đầu, thì rất có thể cũng có bảy trung tâm đầu *cảm dục* là các đối phần cao hơn của những trung tâm được tìm thấy trên các cõi phụ dĩ thái.

Hành tinh, **cùng với Hành Tinh Thượng Đế của cung sáu kiểm soát các trung tâm cảm dục trong con người**. Mệnh đề này bao hàm nhiều thâm nghĩa đại thiên địa huyền bí.

135. Đúng vậy, đây là một gợi ý lớn. Trong mệnh đề này, Chân sư DK tiết lộ rằng Neptune *không* phải là "Hành Tinh Thượng Đế của cung sáu".

136. Vì cung chân thần của Sao Kim là cung sáu (không phải cung chân thần *chính yếu* nhưng vẫn là cung chân thần), nên có khả năng Sao Kim phải được xem là Đấng Thượng đế ấy, Đấng mà, *cùng với Thượng đế của Neptune*, kiểm soát các trung tâm cảm dục trong con người.

137. Lý do mệnh đề này bao hàm quá nhiều thâm nghĩa đại thiên địa là vì Chân sư DK đang đưa ra những gợi ý quan trọng về việc những luân xa nào bên trong Thái dương Thượng đế được biểu hiện bởi những hành tinh nhất định.

When it is remembered that **all centres—human and divine—are composed of deva essence**, the connection between this influence and the devas, and their reflex effect upon man, will immediately become apparent.

Khi nhớ rằng **mọi trung tâm — nhân loại và thiêng liêng — đều được cấu thành từ tinh chất thiên thần**, mối liên hệ giữa ảnh hưởng này với các thiên thần, và tác động phản xạ của họ lên con người, sẽ lập tức trở nên hiển nhiên.

138. This is such an important statement. According to the condition, purity and vitalization of that deva essence, so will be the vitality, power and effectiveness of the centers. We can see why transmutation is so very necessary.

138. Đây là một mệnh đề rất quan trọng. Tùy theo tình trạng, sự thanh khiết và sự tiếp sinh lực của tinh chất thiên thần ấy mà sức sống, quyền năng và hiệu quả của các trung tâm sẽ như thế. Chúng ta có thể thấy vì sao sự chuyển hoá lại cần thiết đến vậy.

139. It is clear then that the upgrading of deva essence is a necessity for the maximal stimulation and vitalization of the chakras.

139. Rõ ràng, việc nâng cấp tinh chất thiên thần là một điều cần thiết để các luân xa được kích thích và tiếp sinh lực tối đa.

140. Just as many orders of devas respond reflexively to man, it seems that there is a "reflex effect upon man" as well. In other words, at the lower levels of evolution, we respond automatically to the devas. We are or become (at least in expression) what they make us

140. Cũng như nhiều cấp thiên thần đáp ứng theo phản xạ với con người, dường như cũng có một "tác động phản xạ lên con người". Nói cách khác, ở các cấp tiến hoá thấp, chúng ta đáp ứng một cách tự động với các thiên thần. Chúng ta là hay trở thành (ít nhất trong biểu hiện) điều mà họ làm cho chúng ta thành

In the mystery of the sea and the secret of its occult "drying up" or absorption, will be revealed eventually the significance underlying:

Trong huyền nhiệm của biển cả và bí mật của sự "khô cạn" hay hấp thụ huyền bí của nó, cuối cùng sẽ được mặc khải thâm nghĩa nằm bên dưới:

141. This means that the astral plane (functioning as it *usually* does) will be no more. The energy of buddhic love will take its place. Again, how this transposition occurs is mysterious.

141. Điều này có nghĩa là cõi cảm dục (vận hành như nó *thường* vận hành) sẽ không còn nữa. Năng lượng của bác ái Bồ đề sẽ thay thế nó. Một lần nữa, cách sự chuyển vị này xảy ra vẫn là điều huyền nhiệm.

142. Perhaps the astral waters will evaporate and be absorbed within the 'plane of the Sun' (which can be considered another name for the buddhic plane). Such precipitation as

142. Có lẽ các thủy giới cảm dục sẽ bốc hơi và được hấp thụ vào trong 'cõi của Mặt Trời' (có thể được xem là một tên gọi khác của cõi Bồ

then occurs will be the precipitation of the energy of love-wisdom.

143. It is obvious that that the *solar factor* is that which is responsible for the drying of the sea.

144. The term "absorption" is here used. May this absorption occur at the time of planetary absorption—i.e., the time of synthesis and obscuration, followed by absorption of the essence of the various planets by the synthesizing planets?

145. Perhaps there are a number of 'dryings of the sea'.

[Page 900]

a. The sex impulse, macrocosmically and microcosmically interpreted.

146. The sex impulse is driven by the sixth ray and by astral impulse. Sex is the result of the *desire* of the *material opposites* for union with each other. Sexual longing is closely related to certain uses of Martian, Neptunian and Venusian energies.

b. The cessation of desire.

147. If the substance of the 'plane of the waters' dries up or evaporates, then desire (as usually considered) will cease.

c. The direction of fire to the throat centre instead of to the generative organs.

148. It is often considered that that sacral center is of a 'watery' rather than fiery nature. Although sex passion may be

đề). Sự ngưng tụ nào xảy ra khi ấy sẽ là sự ngưng tụ của năng lượng bác ái-minh triết.

143. Hiển nhiên là *yếu tố thái dương* chính là điều chịu trách nhiệm cho sự làm khô biển cả.

144. Ở đây thuật ngữ "hấp thụ" được dùng. Liệu sự hấp thụ này có thể xảy ra vào lúc hấp thụ hành tinh — tức là thời kỳ tổng hợp và làm mờ tối, tiếp theo là sự hấp thụ tinh túy của các hành tinh khác nhau bởi các hành tinh tổng hợp chăng?

145. Có lẽ có một số lần 'biển cả khô cạn'.

[Page 900]

a. Xung lực tính dục, được diễn giải theo đại thiên địa và tiểu thiên địa.

146. Xung lực tính dục được thúc đẩy bởi cung sáu và bởi xung lực cảm dục. Tính dục là kết quả của *dục vọng* của các *đối cực vật chất* muốn hợp nhất với nhau. Sự khao khát tính dục liên hệ chặt chẽ với một số cách sử dụng các năng lượng của Sao Hỏa, Neptune và Sao Kim.

b. Sự chấm dứt dục vọng.

147. Nếu chất liệu của 'cõi nước' khô cạn hay bốc hơi, thì dục vọng (theo cách hiểu thông thường) sẽ chấm dứt.

c. Sự hướng lửa đến trung tâm cổ họng thay vì đến các cơ quan sinh sản.

148. Người ta thường cho rằng trung tâm xương cùng có bản chất 'thuỷ' hơn là hoả. Dù đam mê tính dục có thể được xem là

considered Martian and fiery, the substances involved in the procreative processes are definitely watery.

149. This type of energy elevation must be accomplished in large measure at the first initiation.

150. We can see that the buddhic impulse (love) which emerges on soul levels at the period of the first initiation, contributes to this elevation.

151. We can also see that astrological relationship between Neptune/Saturn, Mars/Saturn and even Venus/Saturn. Saturn rules the throat center and must absorb certain energies usually associated with the lower influences of these planets.

152. Since Uranus is also to be found as a planet presumably closely related to the throat center between the first and third initiations (since the seventh ray emerges into rulership at that time), Uranian relations with Neptune, Mars and Venus may also tell us something of the transference of sacral energies to the throat. In fact, even before the first initiation, the seventh ray rulership of the throat center may begin.

It must be remembered also that the Rays of Attribute shift and change constantly; for instance, humanity as the planetary throat centre is under the constant influence of the seventh ray, as is the solar plexus centre of the planet. To that sub-diaphragmatic centre I give no name. **Though the human throat centre is primarily expressing the third ray, there is an interesting situation to be**

thuộc Sao Hỏa và có tính lửa, các chất liệu liên quan đến các tiến trình sinh sản rõ ràng là có tính nước.

149. Loại nâng cao năng lượng này phải được hoàn thành ở mức lớn trong lần điểm đạo thứ nhất.

150. Chúng ta có thể thấy rằng xung lực Bồ đề (bác ái) xuất hiện trên các cấp linh hồn vào thời kỳ lần điểm đạo thứ nhất góp phần vào sự nâng cao này.

151. Chúng ta cũng có thể thấy mối liên hệ chiêm tinh giữa Neptune/Sao Thổ, Sao Hỏa/Sao Thổ và ngay cả Sao Kim/Sao Thổ. Sao Thổ cai quản trung tâm cổ họng và phải hấp thụ một số năng lượng thường gắn với các ảnh hưởng thấp của những hành tinh này.

152. Vì Sao Thiên Vương cũng được thấy là một hành tinh có lẽ liên hệ chặt chẽ với trung tâm cổ họng giữa lần điểm đạo thứ nhất và thứ ba (vì cung bảy xuất hiện để nắm quyền cai quản vào thời gian ấy), các mối liên hệ của Sao Thiên Vương với Neptune, Sao Hỏa và Sao Kim cũng có thể cho chúng ta biết điều gì đó về sự chuyển dịch các năng lượng xương cùng lên cổ họng. Thật ra, ngay cả trước lần điểm đạo thứ nhất, sự cai quản của cung bảy đối với trung tâm cổ họng có thể đã bắt đầu.

Cũng phải nhớ rằng Các Cung Thuộc Tính luôn luôn dịch chuyển và thay đổi; chẳng hạn, nhân loại với tư cách là trung tâm cổ họng hành tinh chịu ảnh hưởng liên tục của cung bảy, cũng như trung tâm tùng thái dương của hành tinh. Với trung tâm dưới cơ hoành ấy tôi không nêu tên. **Dù trung tâm cổ họng của con người chủ yếu biểu lộ cung ba, vẫn có một tình huống đáng chú ý**

noted in this connection: two ray energies control this centre at this time.

The throat centre of the average integrated personality is governed by the third ray and is strongly energised by third ray energies (again seven in number), whilst the throat centre of the spiritual aspirant, of disciples and initiates below the third initiation is responding primarily to seventh ray influence, and this is peculiarly the case now as the seventh ray is in incarnation. The rays which are manifesting at any particular time affect powerfully all the other centres as well as the one through which they are normally expressing. This is a point oft forgotten. (TEV 136-137)

The seventh ray governs the sacral centre and the sublimation of its energy into the throat or into the higher creative centre; this ray is therefore setting in motion a period of tremendous creative activity, both on the material plane through the stimulation of the sex life of all peoples and in the three worlds through the stimulation brought about when soul and form are consciously related. (R&I 572)

d. Pralaya and obscuration.

153. This fits well as Neptune is a special ruler of the sign Pisces, the sign of Pralaya. Neptune presides over the dissolution (the dissolving) of all.

154. At pralaya, the "ocean of matter" dries up and returns to that which for it is the Sun —the *Source*. "Water" and "matter" we have been told, are synonymous terms.

trong mối liên hệ này: hiện nay có hai năng lượng cung kiểm soát trung tâm này.

Trung tâm cổ họng của Phàm ngã tích hợp trung bình được cai quản bởi cung ba và được tiếp năng lượng mạnh mẽ bởi các năng lượng cung ba (một lần nữa, số lượng là bảy), trong khi trung tâm cổ họng của người chí nguyện tinh thần, của các đệ tử và các điểm đạo đồ dưới lần điểm đạo thứ ba chủ yếu đáp ứng với ảnh hưởng cung bảy, và điều này đặc biệt đúng hiện nay vì cung bảy đang lâm phàm. Các cung đang biểu hiện vào bất kỳ thời điểm đặc biệt nào cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến tất cả các trung tâm khác cũng như trung tâm mà qua đó chúng thường biểu lộ. Đây là một điểm thường bị quên lãng. (TEV 136-137)

Cung bảy cai quản trung tâm xương cùng và sự thăng hoa năng lượng của nó lên cổ họng hay lên trung tâm sáng tạo cao hơn; vì vậy cung này đang khởi động một thời kỳ hoạt động sáng tạo to lớn, cả trên cõi hồng trần qua sự kích thích đời sống tính dục của mọi dân tộc lẫn trong ba cõi thấp qua sự kích thích được tạo ra khi linh hồn và hình tướng được liên hệ một cách hữu thức. (R&I 572)

d. Giai kỳ qui nguyên và sự làm mờ tối.

153. Điều này rất phù hợp vì Neptune là chủ tinh đặc biệt của dấu hiệu Song Ngư, dấu hiệu của Giai kỳ qui nguyên. Neptune chủ trì sự tan rã (sự hoà tan) của mọi sự.

154. Trong giai kỳ qui nguyên, "đại dương vật chất" khô cạn và trở về với điều mà đối với nó là Mặt Trời — *Nguồn Cội*. Chúng ta đã được bảo rằng "nước" và "vật chất" là những thuật ngữ đồng nghĩa.

b. The meaning of the words "There shall be no more sea" found in the Christian Bible.

b. Ý nghĩa của những lời “sẽ không còn biển nữa” được tìm thấy trong Kinh Thánh Cơ Đốc giáo.

155. Presumably, this means that pralaya has come. It also may mean the end of matter/form. In lesser measure, this phrase can indicate the transformation of the astral body (its so-called disappearance) and the substitution of the energy of love for astral reaction.

155. Có lẽ điều này có nghĩa là giai kỳ qui nguyên đã đến. Nó cũng có thể có nghĩa là sự chấm dứt của vật chất/hình tướng. Ở mức độ nhỏ hơn, cụm từ này có thể chỉ sự chuyển đổi của thể cảm dục (cái gọi là sự biến mất của nó) và sự thay thế phản ứng cảm dục bằng năng lượng bác ái.

156. One wonders about the fate of Neptune at that time when there is “no more sea”, for Neptune is the “God of the Waters”.

156. Người ta tự hỏi về số phận của Neptune vào lúc ấy khi “không còn biển nữa”, vì Neptune là “Thần của Nước”.

157. In this respect, one is also tempted to think of the proposition that Neptune does not really belong to our solar system at all. Does this mean that at the time of the drying up or absorption of the “sea”, it will ‘return’ to the place from whence it came?

157. Về phương diện này, người ta cũng bị thôi thúc nghĩ đến mệnh đề cho rằng Neptune thực ra hoàn toàn không thuộc về hệ mặt trời của chúng ta. Điều này có nghĩa là vào lúc sự “biển cả” khô cạn hay bị hấp thụ, nó sẽ ‘trở về’ nơi mà nó đã đến từ đó chăng?

When meditating upon these thoughts, students will find it well to bear in mind the fact that is one of the major or synthesising planets,

Khi tham thiền về những tư tưởng này, các đạo sinh sẽ thấy tốt khi ghi nhớ sự kiện rằng là một trong những hành tinh lớn hay tổng hợp,

158. Perhaps for *this* solar system, it is even the *major* synthesizing planet.

158. Có lẽ đối với *hệ mặt trời này*, nó thậm chí còn là hành tinh tổng hợp *chính yếu*.

that it is an "absorbing" or "abstracting" planet,

rằng nó là một hành tinh “hấp thụ” hay “trừu xuất”,

159. This is so because its major rays are the second and the sixth, although, through the Shiva aspect (the Neptunian Trident carried by Shiva) it is also related to the first ray (and, thus, to destruction through dissolution).

159. Điều này đúng vì các cung chính của nó là cung hai và cung sáu, mặc dù qua phương diện Shiva (cây đinh ba Neptune do Shiva cầm) nó cũng liên hệ với cung một (và do đó với sự hủy diệt qua sự hoà tan).

160. The first ray, we realize, is the major ray of *abstraction.*

160. Chúng ta nhận ra rằng cung một là cung chính của sự *trừu xuất.*

and that it is connected with the process whereby eventual perfection is demonstrated.

và rằng nó được nối kết với tiến trình nhờ đó sự toàn thiện cuối cùng được chứng tỏ.

161. The planet Neptune is realized to contribute a great longing for ideal perfection. Nothing in the world is 'good enough' to satisfy the Neptunian Vision.

161. Người ta nhận ra rằng hành tinh Neptune góp phần tạo nên một sự khao khát lớn lao đối với sự toàn thiện lý tưởng. Không gì trên thế gian là 'đủ tốt' để thỏa mãn linh thị Neptune.

The Son is made perfect, and the cosmic incarnation is brought to a close.

Con được làm cho hoàn thiện, và sự nhập thể vũ trụ được khép lại.

162. The drying up of the astral sea contributes to the perfecting of the Son. Neptune is closely allied to that aspect of the Logos called the "Son of God".

162. Sự khô cạn của biển cảm dục góp phần vào việc hoàn thiện Con. Neptune liên hệ rất chặt với phương diện của Thượng đế được gọi là "Con của Thượng đế".

163. We see this through Neptune's relation to Leo (that one of the three fire signs which stands for the "Son" or consciousness aspect). Neptune is the veiled esoteric ruler of Leo.

163. Chúng ta thấy điều này qua mối liên hệ của Neptune với Sư Tử (một trong ba dấu hiệu hành hỏa tượng trưng cho "Con" hay phương diện tâm thức). Neptune là chủ tinh nội môn được che giấu của Sư Tử.

164. One would almost suspect that Neptune will remain as the *final* synthesizing planet in this solar system—a system expressive of the second ray of Love Wisdom—Neptune's monadic ray.

164. Người ta gần như có thể nghi ngờ rằng Neptune sẽ còn lại như hành tinh tổng hợp *cuối cùng* trong hệ mặt trời này — một hệ biểu lộ cung hai của Bác Ái – Minh Triết — cung chân thần của Neptune.

There is again a very close esoteric connection between the fact lying behind the Biblical words "the Spirit of God moved upon the face of the waters,"[81]

Lại có một mối liên hệ huyền bí rất chặt chẽ giữa sự kiện nằm sau những lời trong Kinh Thánh "Tinh thần của Thượng đế vận hành trên mặt nước,"81

165. DK tells us of the relation of the sign Cancer to this process which preceded “Manifestation” (the word associated with Cancer).

When you, for instance, read that the keynotes of this sign can be expressed in the Biblical phrase "**the Spirit of God moved upon the face of the waters**" does it, in reality, mean anything specific to you? You might reply by saying that it means, God moved in substance and produced by moving the outer tangible forms. But does that truly convey to you an intelligible truth? In Cancer, God breathed into man's nostrils the breath of life and man became a living soul. In these words, you have established the relation which exists in the mind of God between spirit (the breath of life) the soul (consciousness) and man (the form). However, does that statement convey an intelligible concept to your mind? I think not, because the synthesis of the final relation is beyond the average grasp and its `linking' or essential unity (lying as it does outside of consciousness and known reality) takes place first of all in this sign—one of the most ancient of the signs and one of the first to be recognised and established as an influencing factor by ancient humanity. (EA 313)

165. Chân sư DK cho chúng ta biết về mối liên hệ của dấu hiệu Cự Giải với tiến trình này, vốn đi trước “Biểu hiện” (từ gắn liền với Cự Giải).

Khi chẳng hạn bạn đọc rằng các chủ âm của dấu hiệu này có thể được diễn tả trong cụm từ Kinh Thánh "**Tinh thần của Thượng đế vận hành trên mặt nước**" thì điều đó, trên thực tế, có thực sự mang ý nghĩa cụ thể nào đối với bạn không? Bạn có thể đáp lại bằng cách nói rằng điều đó có nghĩa là Thượng đế vận hành trong chất liệu và bằng sự vận hành ấy đã tạo ra các hình tướng hữu hình bên ngoài. Nhưng điều đó có thực sự chuyển tải đến bạn một chân lý khả tri không? Trong Cự Giải, Thượng đế đã thổi vào lỗ mũi con người hơi thở của sự sống và con người trở thành một linh hồn sống động. Trong những lời này, bạn đã thiết lập mối liên hệ tồn tại trong Trí của Thượng đế giữa tinh thần (hơi thở của sự sống), linh hồn (tâm thức) và con người (hình tướng). Tuy nhiên, mệnh đề ấy có chuyển tải đến trí tuệ bạn một khái niệm khả tri không? Tôi nghĩ là không, bởi vì sự tổng hợp của mối liên hệ cuối cùng vượt quá tầm nắm bắt trung bình và sự ‘nối kết’ hay hợp nhất cốt yếu của nó (vì nó nằm ngoài tâm thức và thực tại đã biết) trước hết diễn ra trong dấu hiệu này — một trong những dấu hiệu cổ xưa nhất và là một trong những dấu hiệu đầu tiên được nhân loại cổ xưa nhận biết và xác lập như một yếu tố ảnh hưởng. (EA 313)

166. Cancer as we realize is esoterically and hierarchically ruled by Neptune.

166. Như chúng ta nhận ra, Cự Giải được Neptune cai quản theo nội môn và theo huyền giai.

167. The “Spirit” is the masculine aspect and the “waters”, of course, the great feminine aspect, “prima material”, Mulaprakriti.

167. “Tinh thần” là phương diện nam tính và “nước”, dĩ nhiên, là phương diện nữ tính lớn lao, “prima material”, Mulaprakriti.

[Bible. Gen., 1:2] and the ordered lawful activity of the Great Mother as she performs her work of body-building under the impulse of desire.

[Bible. Gen., 1:2] và hoạt động có trật tự, đúng luật của Đại Mẫu khi bà thực hiện công việc xây dựng thể dưới xung lực của dục vọng.

168. The sign Virgo is involved in this process. These lawful activities proceed under the seventh ray (a ray closely associated with Virgo as a result of processes occurring during the previous solar system).

168. Dấu hiệu Xử Nữ có liên quan đến tiến trình này. Những hoạt động đúng luật này diễn ra dưới cung bảy (một cung liên hệ chặt chẽ với Xử Nữ do các tiến trình xảy ra trong hệ mặt trời trước).

169. In the building of the form ("body-building") the sixth and seventh ray cooperate. The sustained desire to build is a sixth ray factor. The lawful processes proceed under the seventh ray.

169. Trong việc xây dựng hình tướng ("xây dựng thể"), cung sáu và cung bảy hợp tác với nhau. Dục vọng bền bỉ muốn xây dựng là một yếu tố cung sáu. Các tiến trình đúng luật diễn ra dưới cung bảy.

The true relation between the astral plane and the physical plane will only become apparent as students carefully bear in mind that the astral plane of the solar system is the sixth subplane of the cosmic physical plane, and **constitutes the sumtotal of the liquid substance of the logoic physical body**.

Mối liên hệ đích thực giữa cõi cảm dục và cõi hồng trần sẽ chỉ trở nên hiển nhiên khi các đạo sinh cẩn thận ghi nhớ rằng cõi cảm dục của hệ mặt trời là cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần vũ trụ, và **cấu thành tổng thể chất liệu lỏng của thể xác logoic**.

170. Again, we must think of the sign of incarnation (Cancer) and its relation through its rulers, the Moon and Neptune, to the physical body and astral body respectively, and also to the seventh ray and sixth ray respectively.

170. Một lần nữa, chúng ta phải nghĩ đến dấu hiệu lâm phàm (Cự Giải) và mối liên hệ của nó, qua các chủ tinh là Mặt Trăng và Sao Hải Vương, với thể xác và thể cảm dục tương ứng, và cũng với cung bảy và cung sáu tương ứng.

171. It would seem that a close study of "fluid dynamics" within the realm of material physics would reveal much about the liquidity of the astral plane.

171. Dường như việc nghiên cứu kỹ lưỡng "động lực học lưu chất" trong lĩnh vực vật lý vật chất sẽ tiết lộ nhiều điều về tính lỏng của cõi cảm dục.

When this is realised, the work of the deva essence takes due place; the factor **of desire, or of astral motion**

Khi điều này được chứng nghiệm, công việc của tinh chất thiên thần sẽ giữ đúng vị trí của nó; yếu tố **của dục vọng, hay của chuyển động cảm dục**

172. Here is an important definition of desire—"astral motion". Presumably, then, a motionless desire body will be devoid of desire.

172. Đây là một định nghĩa quan trọng về dục vọng—"chuyển động cảm dục". Do đó, có lẽ một thể dục vọng bất động sẽ không còn dục vọng.

173. In Raja Yoga a motionless desire body is as important as a motionless lower mind.

173. Trong Raja Yoga, một thể dục vọng bất động cũng quan trọng như một hạ trí bất động.

and its reflex action upon the physical body via the sixth subplane will become apparent,

và tác động phản xạ của nó lên thể xác qua cõi phụ thứ sáu sẽ trở nên hiển nhiên,

174. The sixth subplane here referenced is likely the liquid portion of the dense physical body.

174. Cõi phụ thứ sáu được nhắc đến ở đây có lẽ là phần lỏng của thể hồng trần đậm đặc.

175. Presumably, the sixth subplane of the astral plane and the sixth subplane of the physical plane will be connected in this influencing of the dense physical body.

175. Có lẽ cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục và cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần sẽ được nối kết trong sự tác động này lên thể hồng trần đậm đặc.

and the Great Mother will be seen actively engaged, under the influence of desire, in the work of building, nourishing, and producing that warmth and moisture which make manifestation possible.

và Đại Mẫu sẽ được thấy đang tích cực tham dự, dưới ảnh hưởng của dục vọng, vào công việc kiến tạo, nuôi dưỡng, và tạo ra sự ấm áp cùng độ ẩm khiến cho sự biểu hiện trở nên khả hữu.

176. The warmth and moisture of the "Great Mother" is latent heat.

176. Sự ấm áp và độ ẩm của "Đại Mẫu" là nhiệt ẩn.

177. Moisture relates to the sixth subplane of the systemic physical plane. Without adequate warmth and moisture there can be no exchange of substances within the dense physical nature and physical life processes, a we understand them, could not take place.

177. Độ ẩm liên hệ với cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần hệ thống. Không có đủ sự ấm áp và độ ẩm thì không thể có sự trao đổi chất liệu trong bản chất hồng trần đậm đặc, và các tiến trình của sự sống hồng trần, như chúng ta hiểu, sẽ không thể diễn ra.

The Mother is the greatest of the devas, and closely linked [Page 901] with the devas of the waters, for moisture of some kind or another is an essential to all life.

Mẹ là vĩ đại nhất trong các thiên thần, và liên kết mật thiết [Page 901] với các thiên thần của nước, vì một loại độ ẩm nào đó là điều thiết yếu cho mọi sự sống.

178. We see this relation of the Mother to moisture via the Moon, at once the symbol of the Mother and the indicator of the moisture of the astral plane.

178. Chúng ta thấy mối liên hệ này của Mẹ với độ ẩm qua Mặt Trăng, vừa là biểu tượng của Mẹ vừa là chỉ dấu của độ ẩm của cõi cảm dục.

179. In the two signs of the Mother (Cancer and Virgo) the Moon and Neptune (both planets associated with moisture) are prominent.

179. Trong hai dấu hiệu của Mẹ (Cự Giải và Xử Nữ), Mặt Trăng và Sao Hải Vương (đều là những hành tinh gắn với độ ẩm) nổi bật.

180. When we think of the physical processes associated with motherhood, we see that they are far from densely physical only. The factor of moisture is extremely prominent—in the processes of reproduction, birth and motherly nurturance through the breasts.

180. Khi chúng ta nghĩ đến các tiến trình hồng trần gắn với thiên chức làm mẹ, chúng ta thấy rằng chúng không hề chỉ thuần túy là hồng trần đậm đặc. Yếu tố độ ẩm cực kỳ nổi bật—trong các tiến trình sinh sản, sinh nở và sự nuôi dưỡng của người mẹ qua bầu vú.

(To be continued in Part II)

(Sẽ tiếp tục trong Phần II)

TCF 902-904: S7S13 Part II

15 - 29 September 2008

15 - 29 tháng Chín 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và tham chiếu từ các sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* đặt sẵn bên cạnh,** để giữ tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính cuốn sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

The **sixth principle, therefore, or the love aspect (the Christ** principle), and the sixth plane, are connected;

Do đó, nguyên khí thứ sáu, hay phương diện bác ái (nguyên khí Christ), và cõi thứ sáu, có liên hệ với nhau;

1. The astral plane (the sixth) and the sixth principle (which expresses as buddhi especially on the buddhic plane) are numerically connected.

1. Cõi cảm dục (cõi thứ sáu) và nguyên khí thứ sáu (được biểu lộ thành Bồ đề đặc biệt trên cõi Bồ đề) có liên hệ với nhau về mặt số học.

2. Buddhi is the quality which is to express through the regenerated astral body.

2. Bồ đề là phẩm tính sẽ biểu lộ qua thể cảm dục đã được tái sinh.

there is an interplay of energy between the fourth cosmic ether, or buddhic energy, and the sixth plane, or astral energy.

có một sự tương tác năng lượng giữa dĩ thái vũ trụ thứ tư, hay năng lượng Bồ đề, và cõi thứ sáu, hay năng lượng cảm dục.

3. When the second initiation occurs, this interplay is reasonably established. The second initiation sees the regeneration of the astral body through the potencies of Neptune, Venus, and Jupiter. All of these planets can, in various ways, be associated with buddhi and the buddhic plane.

3. Khi lần điểm đạo thứ hai xảy ra, sự tương tác này được thiết lập ở mức hợp lý. Lần điểm đạo thứ hai chứng kiến sự tái sinh của thể cảm dục qua các mãnh lực của Sao Hải Vương, Sao Kim và Sao Mộc. Tất cả các hành tinh này, theo nhiều cách khác nhau, đều có thể được liên kết với Bồ đề và cõi Bồ đề.

The devas on both these planes belong essentially to groups over which **Neptunian** influence presides,

Các thiên thần trên cả hai cõi này về bản chất đều thuộc về những nhóm mà ảnh hưởng **Hải Vương tinh** chủ trì,

4. As we have noted in earlier discussions, there are Agnisuryans to be found expressing on both the astral plane and the buddhic plane.

4. Như chúng ta đã lưu ý trong các thảo luận trước, có thể tìm thấy các Agnisuryan biểu lộ trên cả cõi cảm dục lẫn cõi Bồ đề.

These elementals and devas are called the Agnisuryans, and in their totality are the fiery essences of buddhi, hence their lowest manifestation is on the sixth plane, the astral. (TCF 67/68)

Những hành khí và thiên thần này được gọi là các Agnisuryan, và trong tổng thể của chúng là các tinh chất rực lửa của Bồ đề, do đó biểu hiện thấp nhất của chúng là trên cõi thứ sáu, cõi cảm dục. (TCF 67/68)

5. DK is telling us that Neptune presides over the Agnisuryans.

5. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng Sao Hải Vương chủ trì các Agnisuryan.

hence the astral plane can, and eventually will, directly reflect the buddhic.

do đó cõi cảm dục có thể, và rốt cuộc sẽ, phản chiếu trực tiếp cõi Bồ đề.

6. What is this *reflection* really? Perhaps we can consider it as a special conditioning of astral energy which is resonant to the energy of buddhi. We must ask whether *any* higher energy can express itself fully 'on' a lower plane. Probably, the matter of the lower plane always presents some degree of limitation or resistance to the expression. Yet the factor of planar interpenetration must be considered.

6. Sự *phản chiếu* này thực sự là gì? Có lẽ chúng ta có thể xem đó là một sự tác động đặc biệt lên năng lượng cảm dục khiến nó cộng hưởng với năng lượng Bồ đề. Chúng ta phải hỏi liệu *bất kỳ* năng lượng cao hơn nào có thể biểu lộ trọn vẹn 'trên' một cõi thấp hơn hay không. Có lẽ vật chất của cõi thấp hơn luôn tạo ra một mức độ giới hạn hay kháng cự nào đó đối với sự biểu lộ. Tuy nhiên, yếu tố các cõi xuyên thấm lẫn nhau phải được xét đến.

The **greater building devas on the second plane of the solar system**, the monadic plane or the second cosmic ether, direct the energies of **the manipulating devas of the fourth cosmic ether**, the buddhic plane.

các đấng đại kiến tạo trên cõi thứ hai của hệ mặt trời, cõi chân thần hay dĩ thái vũ trụ thứ hai, chỉ đạo các năng lượng của **các thiên thần điều khiển của dĩ thái vũ trụ thứ tư**, cõi Bồ đề.

7. There can be no question that devas are to be found on *all* the systemic planes and, we must infer, on all the cosmic planes as well. In a way, the substance of the entire universe is devic.

7. Không thể nghi ngờ rằng thiên thần hiện diện trên *mọi* cõi hệ thống và, chúng ta phải suy ra, trên mọi cõi vũ trụ nữa. Theo một nghĩa nào đó, chất liệu của toàn thể vũ trụ là chất liệu thiên thần.

8. The Creative Hierarchy which expresses through the monadic plane are called the "Greater Builders". It would seem that this particular Creative Hierarchy must be considered *devic.* These Beings are the prototypes of our Monads and may be considered responsible for providing the human being with his monadic vehicle.

8. Huyền Giai Sáng Tạo biểu lộ qua cõi chân thần được gọi là "Các Đấng Đại Kiến Tạo". Có vẻ như Huyền Giai Sáng Tạo đặc biệt này phải được xem là *thuộc thiên thần.* Các Đấng này là nguyên mẫu của các chân thần của chúng ta và có thể được xem là chịu trách nhiệm cung cấp cho con người vận cụ chân thần của y.

9. When it comes to the manipulating devas of the cosmic ethers, we can assume that they are self-conscious and highly developed. Are there "recipients of force" on these levels too? There would have to be, it seems. Yet what of their degree of development? Is the development of "recipients of force" greater on lower planes and lesser on higher or the reverse? There is something to be said for the first option.

9. Khi nói đến các thiên thần điều khiển của các dĩ thái vũ trụ, chúng ta có thể giả định rằng họ có ngã thức và phát triển cao. Liệu trên các cấp độ này cũng có những "kẻ tiếp nhận mãnh lực" hay không? Có vẻ là phải có. Tuy nhiên, mức độ phát triển của họ thì sao? Sự phát triển của "kẻ tiếp nhận mãnh lực" lớn hơn ở các cõi thấp và nhỏ hơn ở các cõi cao, hay ngược lại? Có điều đáng nói ủng hộ khả năng thứ nhất.

10. Usually when we discuss "manipulating devas" they belong to the lunar levels.

10. Thông thường khi chúng ta bàn đến "các thiên thần điều khiển" thì họ thuộc các cấp độ thái âm.

11. It would seem that the "greater building devas" of the monadic plane are "transmitting devas" which guide and control the manipulating devas of the buddhic plane.

11. Có vẻ như "các đấng đại kiến tạo" của cõi chân thần là "các thiên thần truyền dẫn", những vị hướng dẫn và kiểm soát các thiên thần điều khiển của cõi Bồ đề.

The **manipulating devas of the fourth cosmic ether** will, in due course of evolution, work out the plan in objective perfection through the medium of the living substance of the lesser devas of the liquid or astral plane.

các thiên thần điều khiển của dĩ thái vũ trụ thứ tư sẽ, trong tiến trình tiến hoá thích đáng, triển khai Thiên Cơ đến mức hoàn hảo khách quan qua trung gian của chất liệu sống của các thiên thần nhỏ hơn thuộc cõi lỏng hay cõi cảm dục.

12. We remember that man and deva meet, approximate and harmonize on the buddhic plane. We may infer that the manipulating devas of the fourth cosmic ether are closely involved in this approximation.

12. Chúng ta nhớ rằng con người và thiên thần gặp nhau, xích lại gần nhau và hòa hợp trên cõi Bồ đề. Chúng ta có thể suy ra rằng các thiên thần điều khiển của dĩ thái vũ trụ thứ tư có liên hệ mật thiết với sự xích lại gần này.

The fourth plane is the plane of at-one-ment for certain deva and human units, and certain groups (the fourth Creative Hierarchy and the sixth Deva Hierarchy) have a pronounced karma to work out together. One can now see the supreme importance of the human Hierarchy, the fourth in this sequence of planes and ideas. (TCF 432)

Cõi thứ tư là cõi của sự hợp nhất đối với một số đơn vị thiên thần và nhân loại, và một số nhóm (Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư và Huyền Giai Thiên thần thứ sáu) có một nghiệp quả nổi bật phải cùng nhau giải quyết. Giờ đây người ta có thể thấy tầm quan trọng tối thượng của Huyền Giai nhân loại, thứ tư trong chuỗi cõi và ý tưởng này. (TCF 432)

13. Could the manipulating devas of the buddhic plane be even more developed than the average human being? It would seem to be the case.

13. Liệu các thiên thần điều khiển của cõi Bồ đề có thể còn phát triển hơn cả con người trung bình không? Có vẻ đúng là như vậy.

When they have done this [working "out the plan in objective perfection through the medium of the living substance of the lesser devas of the liquid or astral plane"] two

Khi họ đã làm được điều này [triển khai "Thiên Cơ đến mức hoàn hảo khách quan qua trung gian của chất liệu sống của các thiên thần nhỏ hơn thuộc cõi lỏng hay cõi

results will be seen: first, the astral plane will perfectly reflect the buddhic plane

cảm dục"] thì sẽ thấy hai kết quả: thứ nhất, cõi cảm dục sẽ phản chiếu hoàn hảo cõi Bồ đề

14. We can speak of this development casually, but what, actually, does it mean? In general, we might say, that loving emotion and feeling will be expressed, but this comes nowhere near the complete truth.

14. Chúng ta có thể nói về sự phát triển này một cách dễ dãi, nhưng thực ra nó có nghĩa là gì? Nói chung, chúng ta có thể nói rằng cảm xúc và cảm giác đầy bác ái sẽ được biểu lộ, nhưng điều này còn rất xa mới chạm đến toàn bộ chân lý.

15. Certainly the resonant transmission of buddhi through astral substance will be accomplished.

15. Chắc chắn sự truyền dẫn cộng hưởng của Bồ đề qua chất liệu cảm dục sẽ được hoàn thành.

and, secondly, the result of that will be that **the physical plane will produce the exact vehicle needed for microcosmic or macrocosmic expression through the force of water, or desire**.

và, thứ hai, kết quả của điều đó sẽ là **cõi hồng trần sẽ tạo ra đúng vận cụ cần thiết cho sự biểu lộ vi mô hay vĩ mô qua mãnh lực của nước, hay dục vọng**.

16. The plane of buddhi is the plane of beauty. When the devas of the astral plane are manipulated properly by the manipulating devas of the buddhic plane, then desire will be of such a nature that "the exact vehicle needed for microcosmic or macrocosmic expression" will be produced.

16. Cõi Bồ đề là cõi của cái đẹp. Khi các thiên thần của cõi cảm dục được các thiên thần điều khiển của cõi Bồ đề điều khiển đúng cách, thì dục vọng sẽ có bản chất như thế nào đó để "đúng vận cụ cần thiết cho sự biểu lộ vi mô hay vĩ mô" được tạo ra.

17. We are informed that the quality of desire must be of a certain calibre if perfection of physical form is to be achieved.

17. Chúng ta được cho biết rằng phẩm chất của dục vọng phải đạt một mức độ nhất định nếu muốn đạt đến sự hoàn hảo của hình tướng hồng trần.

18. While water is equated with desire, it is possible that the tangible water of the physical plane will be involved in the production of the exactly needed vehicle on the physical plane.

18. Trong khi nước được đồng nhất với dục vọng, có thể nước hữu hình của cõi hồng trần cũng sẽ tham gia vào việc tạo ra vận cụ chính xác cần thiết trên cõi hồng trần.

All this is revealed to esotericists in the symbology of the circulatory system in man.

Tất cả điều này được mặc khải cho các nhà bí truyền học trong biểu tượng học của hệ tuần hoàn ở con người.

19. Water, the red of blood and the red of desire are all related. We see the participation of the planet Mars.

19. Nước, màu đỏ của máu và màu đỏ của dục vọng đều có liên hệ với nhau. Chúng ta thấy sự tham dự của hành tinh Sao Hỏa.

20. We may infer that circulatory systems, in general, have a responsibility in the building of forms or vehicles which reflect microcosmic or macrocosmic intent.

20. Chúng ta có thể suy ra rằng các hệ tuần hoàn, nói chung, có trách nhiệm trong việc xây dựng các hình tướng hay vận cụ phản chiếu ý định vi mô hay vĩ mô.

As the blood system, with its two types of channels (arteries and veins)

Khi hệ máu, với hai loại kênh của nó (động mạch và tĩnh mạch)

21. Arteries ruled by Mars and the veins by Venus…

21. Động mạch do Sao Hỏa cai quản và tĩnh mạch do Sao Kim cai quản…

and its two types of builders (the red and the white corpuscles),

và hai loại đấng kiến tạo của nó (các huyết cầu đỏ và trắng),

22. The red corpuscles, presumably, ruled by Mars and the white corpuscles more by Neptune…

22. Có lẽ các huyết cầu đỏ do Sao Hỏa cai quản và các huyết cầu trắng chịu ảnh hưởng nhiều hơn của Sao Hải Vương…

is studied from the occult standpoint, much will be ascertained of a revolutionary nature.

được nghiên cứu từ quan điểm huyền bí học, thì nhiều điều có tính cách cách mạng sẽ được xác định.

23. In other words, there will come a Uranian revelation.

23. Nói cách khác, sẽ có một sự mặc khải mang tính Uranus.

24. From such a study we might learn much about the path of outgoing and the path of return.

24. Từ một sự nghiên cứu như thế, chúng ta có thể học được nhiều điều về con đường đi ra và Con Đường Trở Về.

25. We see how much the sixth ray (working through both Mars and Neptune, and, really, through Venus as well) has to do with the blood stream.

25. Chúng ta thấy cung sáu (hoạt động qua cả Sao Hỏa lẫn Sao Hải Vương, và thực ra cả qua Sao Kim nữa) có liên hệ nhiều thế nào với dòng máu.

The laws of the path of outgoing, and of the path of return, with the two groups of deva lives therein concerned, will be apprehended by man.

Các định luật của con đường đi ra, và của Con Đường Trở Về, cùng với hai nhóm sự sống thiên thần liên hệ trong đó, sẽ được con người thấu hiểu.

26. As stated. Mars is usually involved with a penetration more deeply into matter. Neptune (with its sixth ray, second ray, and subtle first ray vibrations) is involved with the path of abstraction or return—synthesis, obscuration, absorption.

26. Như đã nói. Sao Hỏa thường liên hệ với sự xuyên nhập sâu hơn vào vật chất. Sao Hải Vương (với các rung động cung sáu, cung hai và cung một vi tế của nó) liên hệ với con đường trừu xuất hay trở về—tổng hợp, che khuất, hấp thụ.

A further hint may here be given. In the physical body of man in connection with the circulatory system, we find, in the three factors—the heart, the arteries, and the veins—the clue to the three types [Page 902] of devas,

Một gợi ý thêm nữa có thể được đưa ra ở đây. Trong thể xác của con người, liên quan đến hệ tuần hoàn, chúng ta tìm thấy, trong ba yếu tố—tim, động mạch và tĩnh mạch—manh mối về ba loại [Page 902] thiên thần,

27. Presumably the transmitting devas, the manipulating devas and the recipients of force, respectively, are implicated—the heart to be associated with the transmitting devas, the arteries with the manipulating devas and the veins with the "recipients of force".

27. Có lẽ các thiên thần truyền dẫn, các thiên thần điều khiển và các kẻ tiếp nhận mãnh lực tương ứng đều được hàm ý—tim liên hệ với các thiên thần truyền dẫn, động mạch với các thiên thần điều khiển, và tĩnh mạch với "các kẻ tiếp nhận mãnh lực".

28. Compared to the outward thrusting of the blood passing through the arteries, the returning flow of blood seems relatively passive.

28. So với lực đẩy ra ngoài của máu đi qua động mạch, dòng máu trở về dường như tương đối thụ động.

29. It may be that the three types of devas can be related to the three closely related planes we have been discussing—the monadic plane, the buddhic plane, and the astral plane.

29. Có thể ba loại thiên thần này có thể được liên hệ với ba cõi gắn bó mật thiết mà chúng ta đã bàn đến—cõi chân thần, cõi Bồ đề và cõi cảm dục.

30. The correlations of Mars with manipulating devas and Venus with "recipients of force" does not work out perfectly, as Venus is a more highly developed planet than Mars, and yet,

30. Sự tương quan giữa Sao Hỏa với các thiên thần điều khiển và Sao Kim với "các kẻ tiếp nhận mãnh lực" không hoàn toàn khớp, vì Sao Kim là một hành tinh phát triển cao hơn

"recipients of force" are not yet on the evolutionary arc.

and also to the systemic triangle which they represent, and further, to the three modes of divine expression.

31. Which should be considered the "systemic triangle"? Neptune and Venus, it seems, would have to be included. We have seen how closely related is Neptune to all questions concerning the blood stream. Venus (even through its bluish color—esoterically considered) is related to venous blood and its relatively darker color. Mars, it seems would have to be included for the outgoing, centrifugal nature of arterial blood—of a brighter red we are told.

32. All matters of circulation are connected with the sign Aquarius and to its ruler Uranus, so closely related to the electrical impulses which stimulate the heart.

33. When one thinks of the contractions of the heart muscle, it is impossible not to think of Vulcan which is related to the fist and its own tightening and release. The heart and the fist are related, the size of the fist said to correlate with the size of the heart.

34. The three modes of expression work through the three major aspects. In this case the heart would represent the first ray dynamo; the activity of arterial blood would represent the third or activity aspect; the blood returning by magnetic draw could be related to the magnetic second aspect. There are several ways to look at apportioning the aspects to the processes.

Sao Hỏa, trong khi "các kẻ tiếp nhận mãnh lực" vẫn chưa ở trên cung tiến hoá.

và cũng với tam giác hệ thống mà chúng biểu trưng, và hơn nữa, với ba phương thức biểu lộ thiêng liêng.

31. "Tam giác hệ thống" nên được xem là gì? Có vẻ như Sao Hải Vương và Sao Kim phải được bao gồm. Chúng ta đã thấy Sao Hải Vương liên hệ mật thiết thế nào với mọi vấn đề liên quan đến dòng máu. Sao Kim (ngay cả qua màu xanh lam của nó—xét theo huyền bí học) liên hệ với máu tĩnh mạch và màu sắc tương đối sẫm hơn của nó. Có vẻ như Sao Hỏa cũng phải được bao gồm vì bản chất đi ra, ly tâm của máu động mạch—có màu đỏ sáng hơn như chúng ta được cho biết.

32. Mọi vấn đề về tuần hoàn đều liên hệ với dấu hiệu Bảo Bình và với chủ tinh của nó là Sao Thiên Vương, vốn liên hệ rất mật thiết với các xung điện kích thích tim.

33. Khi người ta nghĩ đến các co bóp của cơ tim, không thể không nghĩ đến Vulcan, vốn liên hệ với nắm tay và sự siết chặt rồi buông ra của chính nó. Tim và nắm tay có liên hệ với nhau; người ta nói kích thước của nắm tay tương ứng với kích thước của tim.

34. Ba phương thức biểu lộ hoạt động qua ba phương diện chính. Trong trường hợp này tim sẽ tượng trưng cho động lực cung một; hoạt động của máu động mạch sẽ tượng trưng cho phương diện thứ ba hay phương diện hoạt động; máu trở về nhờ lực hút từ tính có thể được liên hệ với phương diện từ tính thứ hai. Có nhiều cách để xem xét việc phân phối các phương diện vào các tiến trình này.

35. The gunas of tamas, rajas and sattva would also be implicated. Rajas would be represented by the forceful outgoing action of arterial blood; returning blood would be the symbol of tamasic response. The heart would sustain the sattvic rhythm.

35. Ba guna là tamas, rajas và sattva cũng được hàm ý. Rajas sẽ được biểu hiện bởi hành động đi ra đầy mãnh lực của máu động mạch; máu trở về sẽ là biểu tượng của đáp ứng tamas. Tim sẽ duy trì nhịp điệu sattva.

There is a planetary as well as a systemic circulation, and it is carried on through the medium of deva substance everywhere, macrocosmically as well as microcosmically.

Có một sự tuần hoàn hành tinh cũng như tuần hoàn hệ thống, và nó được thực hiện qua trung gian của chất liệu thiên thần ở khắp nơi, ở cấp vĩ mô cũng như vi mô.

36. DK is telling us of *devic substance in circulation* throughout the microcosm and macrocosm.

36. Chân sư DK đang cho chúng ta biết về *chất liệu thiên thần đang tuần hoàn* khắp tiểu thiên địa và đại thiên địa.

I would here point out the connection or correspondence in this statement to an earlier one made when speaking of solar radiation, and the channels through which it can be felt. These currents or radiations we call

Ở đây tôi muốn chỉ ra mối liên hệ hay sự tương ứng trong phát biểu này với một phát biểu trước đó khi nói về bức xạ mặt trời, và các kênh qua đó nó có thể được cảm nhận. Những dòng hay bức xạ này chúng ta gọi là

a. Akashic.

a. Akashic.

b. Electrical.

b. Điện.

c. Pranic. (TCF 156)

c. Prana. (TCF 156)

37. The Sun is as a great heart. We can involve the synthesizing planets in a vision of how circulation proceed. From this perspective, the outgoing can be seen as related to Uranus and the ingathering to Neptune. Saturn would represent the formal channels through which this outgoing and incoming occurs.

37. Mặt Trời như một trái tim vĩ đại. Chúng ta có thể đưa các hành tinh tổng hợp vào một linh ảnh về cách sự tuần hoàn diễn ra. Từ góc nhìn này, chiều đi ra có thể được xem là liên hệ với Sao Thiên Vương và chiều thu về liên hệ với Sao Hải Vương. Sao Thổ sẽ tượng trưng cho các kênh hình tướng qua đó sự đi ra và đi vào này xảy ra.

38. We can easily see the analogy to the circulation of the kundalini within the solar system. Would this be the correspondence to the circulation of “electrical currents” in the

38. Chúng ta có thể dễ dàng thấy sự tương đồng với sự tuần hoàn của kundalini trong hệ mặt trời. Liệu đây có phải là sự tương ứng với sự tuần hoàn của “các dòng điện” trong

microcosm and macrocosm? There would also be pranic circulation. As well, there would have to be an analogy to the circulation of the blood. Would this be akashic matter? We are speaking of the circulation of three types of currents.

tiểu thiên địa và đại thiên địa không? Cũng sẽ có sự tuần hoàn prana. Ngoài ra, hẳn cũng phải có một sự tương đồng với sự tuần hoàn của máu. Liệu đây có phải là vật chất akashic không? Chúng ta đang nói về sự tuần hoàn của ba loại dòng.

39. That which circulates is deva substance. Circulation is the movement of substances.

39. Điều đang tuần hoàn là chất liệu thiên thần. Tuần hoàn là sự chuyển động của các chất liệu.

The devas of the sixth physical subplane can be divided into three groups, and these again into seven and into forty-nine, thus corresponding with all groups in the solar system.

Các thiên thần của cõi phụ hồng trần thứ sáu có thể được chia thành ba nhóm, và các nhóm này lại chia thành bảy và thành bốn mươi chín, do đó tương ứng với mọi nhóm trong hệ mặt trời.

40. The sixth physical subplane is the plane of water.

40. Cõi phụ hồng trần thứ sáu là cõi của nước.

41. DK proposes three major subdivisions of the devas of the watery plane; seven minor subdivisions and forty-nine minute subdivisions. There seems to be a correspondence of this type of division with the division of the chakra system into “major”, “minor” and “minute” chakras, though the numbers used are different..

41. Chân sư DK nêu ra ba phân bộ chính của các thiên thần thuộc cõi nước; bảy phân bộ phụ và bốn mươi chín phân bộ vi tế. Dường như có một sự tương ứng giữa kiểu phân chia này với sự phân chia hệ thống luân xa thành các luân xa “chính”, “phụ” và “vi tế”, dù các con số được dùng là khác nhau..

42. DK is not speaking of the sixth *cosmic physical subplane,* but only of the sixth subplane of the systemic physical plane.

42. Chân sư DK không nói về cõi phụ thứ sáu của *cõi hồng trần vũ trụ,* mà chỉ nói về cõi phụ thứ sáu của cõi hồng trần hệ thống.

43. Each systemic subplane, has, it would seem, forty-nine lesser divisions. It seems that the three become seven and the seven become forty-nine. It does not seem that each of the three divide into seven lesser and each of the seven into forty-nine lesser. Were the latter the case, the number of subdivisions on a systemic subplane would be too great.

43. Mỗi cõi phụ hệ thống, dường như, có bốn mươi chín phân bộ nhỏ hơn. Có vẻ như ba trở thành bảy và bảy trở thành bốn mươi chín. Dường như không phải mỗi nhóm trong ba lại chia thành bảy nhóm nhỏ hơn và mỗi nhóm trong bảy lại chia thành bốn mươi chín nhóm nhỏ hơn. Nếu trường hợp sau là đúng, số lượng phân bộ trên một cõi phụ hệ thống sẽ quá lớn.

These groups (in their essential nature) respond to that "which lies above more than that which lies below,"

Những nhóm này (trong bản chất cốt yếu của chúng) đáp ứng với điều "nằm ở trên nhiều hơn điều nằm ở dưới,"

44. We are focussing on subplanes. The devas of the physical watery systemic subplane, are surrounded by physical gaseous devas which are fiery and by densely physical devas which are earthy.

44. Chúng ta đang tập trung vào các cõi phụ. Các thiên thần của cõi phụ nước hồng trần hệ thống được bao quanh bởi các thiên thần khí hồng trần, vốn có tính lửa, và bởi các thiên thần hồng trần đậm đặc, vốn có tính đất.

45. The dense watery devas are more closely allied to the gaseous devas than to the densely earthy devas. DK's discussion of evaporation, condensation and precipitation may give a hint regarding this closer relationship between watery and gaseous devas.

45. Các thiên thần nước đậm đặc liên minh mật thiết với các thiên thần khí hơn là với các thiên thần đất đậm đặc. Thảo luận của Chân sư DK về sự bốc hơi, ngưng tụ và ngưng tụ thành hình có thể gợi ra một manh mối về mối liên hệ gần gũi hơn này giữa các thiên thần nước và các thiên thần khí.

46. If we spiral the relationship upward, we may infer that the devas of the astral waters are surrounded—'above' by the devas of mental fire and below by the devas of the earth—the etheric-physical devas. Yet the connection of astral water devas with earth devas would be less intimate than that between the water devas and the devas of the mental plane.

46. Nếu chúng ta xoắn ốc mối liên hệ này đi lên, chúng ta có thể suy ra rằng các thiên thần của nước cảm dục được bao quanh—'ở trên' bởi các thiên thần của lửa trí tuệ và ở dưới bởi các thiên thần của đất—các thiên thần dĩ thái-hồng trần. Tuy nhiên, mối liên hệ của các thiên thần nước cảm dục với các thiên thần đất sẽ kém mật thiết hơn mối liên hệ giữa các thiên thần nước và các thiên thần của cõi trí.

47. In these two sets of relationships we are dealing first with three systemic subplanes and then with three subplanes of the cosmic physical plane.

47. Trong hai bộ mối liên hệ này, trước hết chúng ta đang xử lý ba cõi phụ hệ thống rồi sau đó là ba cõi phụ của cõi hồng trần vũ trụ.

which is only an occult way of expressing **a relationship of an intimate nature between the devas of fire and the devas of water,**

điều này chỉ là một cách diễn đạt huyền bí về **một mối liên hệ mật thiết giữa các thiên thần của lửa và các thiên thần của nước,**

48. This, of course, is interesting considering that, usually, fire and water are considered

48. Điều này, dĩ nhiên, thật thú vị khi xét rằng thông thường lửa và nước được xem là

to oppose each other, to neutralize or negate each other.

đối nghịch nhau, trung hòa hay phủ định lẫn nhau.

and a negation of a close connection between the water devas and the earth.

và là sự phủ nhận một mối liên hệ gần gũi giữa các thiên thần nước và đất.

49. From the usual astrological perspective, the elements of water and earth are more closely related than the elements of water and fire.

49. Từ quan điểm chiêm tinh học thông thường, các nguyên tố nước và đất liên hệ với nhau mật thiết hơn các nguyên tố nước và lửa.

50. Perhaps in the formation of kama-manas (water and fire) we see an indication of what DK means—the easier and more intimate alliance between devas of desire/water and of mind,

50. Có lẽ trong sự hình thành thể trí cảm (nước và lửa) chúng ta thấy một chỉ dẫn về điều Chân sư DK muốn nói—sự liên minh dễ dàng và mật thiết hơn giữa các thiên thần của dục vọng/nước và của trí tuệ,

Occultly expressed,

Được diễn đạt theo huyền bí học,

51. And it is precisely occultism that were are here discussion as so much attention is being given to the lives which *are* matter and form…

51. và chính huyền bí học là điều chúng ta đang bàn đến ở đây vì quá nhiều chú ý đang được dành cho các sự sống *là* vật chất và hình tướng…

through the action of the fire devas, the water devas find liberation.

qua tác động của các thiên thần lửa, các thiên thần nước tìm thấy sự giải thoát.

52. The strictly watery devas of the forty-eighth subplane find liberation from the action of the gaseous fire devas of the forty-seventh subplane.

52. Các thiên thần thuần nước của cõi phụ thứ bốn mươi tám tìm thấy sự giải thoát khỏi tác động của các thiên thần lửa khí của cõi phụ thứ bốn mươi bảy.

53. On a higher turn of the spiral, the attachment of the water devas to material processes is loosened through the action of mind (i.e., through the action of the fire devas).

53. Trên một vòng xoắn cao hơn của đường xoắn ốc, sự gắn chặt của các thiên thần nước vào các tiến trình vật chất được nới lỏng qua tác động của trí tuệ (tức là qua tác động của các thiên thần lửa).

54. This is also true in the life of man—through his mind (allied with his soul) he is able to free himself from the attachments caused and sustained by desire.

54. Điều này cũng đúng trong đời sống con người—qua trí tuệ của y (liên minh với linh hồn của y), y có thể giải thoát mình khỏi

những ràng buộc do dục vọng gây ra và duy trì.

55. We note that fire devas are gaseous from the strictly material perspective and mental from a higher perspective. One may infer that on the third subplane of every systemic plane numbering from below) a fiery condition is to be found—i.e., the presence of devas which are fiery with respect to that particular systemic plane.

55. Chúng ta lưu ý rằng các thiên thần lửa là khí xét từ quan điểm vật chất thuần túy và là trí tuệ xét từ quan điểm cao hơn. Người ta có thể suy ra rằng trên cõi phụ thứ ba của mọi cõi hệ thống tính từ dưới lên) có thể tìm thấy một trạng thái rực lửa—tức là sự hiện diện của các thiên thần có tính lửa đối với cõi hệ thống đặc thù đó.

The devas of water find for themselves the path of service in their great work of nourishing all the vegetable and animal life upon the planet;

Các thiên thần của nước tự tìm cho mình con đường phụng sự trong công việc lớn lao là nuôi dưỡng mọi sự sống thực vật và động vật trên hành tinh;

56. If one thinks of the role of water on our planet, one sees immediately the outworking of the process DK here describes.

56. Nếu người ta nghĩ đến vai trò của nước trên hành tinh chúng ta, người ta sẽ lập tức thấy sự triển khai của tiến trình mà Chân sư DK mô tả ở đây.

57. All constructive, biological life-processes would cease were the devas of water to cease from their nurturing function.

57. Mọi tiến trình sự sống sinh học có tính xây dựng sẽ chấm dứt nếu các thiên thần nước ngừng chức năng nuôi dưỡng của họ.

the **goal for them is to enter into that higher group of devas which we call the gaseous or fire devas**.

mục tiêu **của họ là đi vào nhóm thiên thần cao hơn mà chúng ta gọi là các thiên thần khí hay thiên thần lửa**.

58. We see that among the devas of the elements there is a progression, with, apparently the devas of earth being the lowest, the devas of water higher and the gaseous devas of fire, still higher. Presumably, the devas of the air would be higher still and would be found upon the systemic etheric subplanes.

58. Chúng ta thấy rằng giữa các thiên thần của các nguyên tố có một sự tiến triển, trong đó, dường như các thiên thần đất là thấp nhất, các thiên thần nước cao hơn, và các thiên thần lửa khí còn cao hơn nữa. Có lẽ các thiên thần của khí sẽ còn cao hơn nữa và sẽ được tìm thấy trên các cõi phụ dĩ thái hệ thống.

59. May we say that plane after plane (and subplane after subplane) the calibre of the devas rises? If we say this, should it be said only of the evolutionary manipulating devas

59. Liệu chúng ta có thể nói rằng hết cõi này đến cõi khác (và hết cõi phụ này đến cõi phụ khác), mức độ của các thiên thần tăng lên không? Nếu nói như vậy, có nên chỉ nói điều

and not of the "recipients of force", the lowest elementals?

đó về các thiên thần điều khiển tiến hoá chứ không phải về "các kẻ tiếp nhận mãnh lực", tức các hành khí thấp nhất, hay không?

These, through the action of their fire upon the waters, produce that sequence of evaporation, condensation, and eventual precipitation which—through its constant activity—nourishes all life upon the earth.

Những vị này, qua tác động của lửa của họ lên nước, tạo ra chuỗi bốc hơi, ngưng tụ, và cuối cùng là ngưng tụ thành hình mà—qua hoạt động không ngừng của nó—nuôi dưỡng mọi sự sống trên trái đất.

60. Let us think of the higher correspondences of evaporation, condensation and eventual precipitation. We are speaking, in general, about the action of fire devas upon water devas. Can we think of this sequence as applying to the action of the Solar Angels (which are higher fire devas) upon the human personality (which is composed of the matter of the cosmic dense physical plane)? "Matter", we should remember, is "water".

60. Hãy nghĩ đến các tương ứng cao hơn của sự bốc hơi, ngưng tụ và cuối cùng là ngưng tụ thành hình. Nói chung, chúng ta đang nói về tác động của các thiên thần lửa lên các thiên thần nước. Liệu chúng ta có thể nghĩ đến chuỗi này như áp dụng cho tác động của các Thái dương Thiên Thần (là các thiên thần lửa cao hơn) lên phàm ngã con người (được cấu thành từ vật chất của cõi hồng trần đậm đặc vũ trụ) không? Chúng ta nên nhớ rằng "vật chất" là "nước".

61. Perhaps the 'rising of quality' from the life of the personality into the causal body can be considered a type of evaporation or distillation; the building-in of that quality into the causal body can be considered a type of condensation; as for precipitation, it could be seen as a kind of precipitation or return of the distilled quality (as capacity) to the realm from which it arose.

61. Có lẽ "sự thăng cao của phẩm tính" từ đời sống của phàm ngã vào thể nguyên nhân có thể được xem là một loại bốc hơi hay chưng cất; việc xây dựng phẩm tính đó vào thể nguyên nhân có thể được xem là một loại ngưng tụ; còn về sự ngưng tụ thành hình, nó có thể được xem như một loại sự ngưng tụ thành hình hay sự trở lại của phẩm tính đã được chưng cất (như năng lực) về cõi giới mà từ đó nó phát sinh.

Thus again can the psychic laws of love be seen at work in the deva kingdom as in the human; **first, the withdrawal or segregation of the unit from the group (called individualisation in man, and evaporation in the water realm**).

Như vậy, một lần nữa, có thể thấy các định luật thông linh của bác ái đang hoạt động trong giới thiên thần cũng như trong giới nhân loại; **trước hết, sự rút lui hay tách biệt đơn vị ra khỏi nhóm (được gọi là biệt ngã hóa ở con người, và là sự bốc hơi trong giới nước**).

62. DK offers His own more extensive analogy.

62. Chân sư DK đưa ra phép tương đồng rộng hơn của riêng Ngài.

63. The laws particularly associated with the psyche (considering the psyche as soul) are the "laws of love". Note the plural. Evaporation occurs under the influence of fiery magnetism (a lower analogy to 'love').

63. Các định luật đặc biệt gắn với psyche (xét psyche như linh hồn) là "các định luật của bác ái". Hãy lưu ý số nhiều. Sự bốc hơi xảy ra dưới ảnh hưởng của từ điện rực lửa (một tương đồng thấp hơn của 'bác ái').

64. DK points out a parallel in the human kingdom to the processes just discussed in relation to the deva kingdom.

64. Chân sư DK chỉ ra một sự song hành trong giới nhân loại với các tiến trình vừa được bàn đến liên quan đến giới thiên thần.

65. A parallel is cited between evaporation and individualization. Individualization occurs under the influence of *fire* as does evaporation.

65. Một sự song hành được nêu ra giữa sự bốc hơi và sự biệt ngã hóa. Sự biệt ngã hóa xảy ra dưới ảnh hưởng của *Lửa* cũng như sự bốc hơi.

66. With individualization, there is both a descent of essence (fiery essence) and a rising (eventually) of distilled essence into the causal body.

66. Với sự biệt ngã hóa, có cả một sự giáng xuống của tinh chất (tinh chất lửa) lẫn một sự vươn lên (rốt cuộc) của tinh chất được chưng cất vào thể nguyên nhân.

67. There is also a rising ('evaporation') of the consciousness of animal man (however feeble the consciousness) from animal preoccupation with the physical and astral planes onto the lower mental plane.

67. Cũng có một sự vươn lên ("bốc hơi") của tâm thức của người thú (dù tâm thức ấy yếu ớt đến đâu) từ sự bận tâm của thú vật với cõi hồng trần và cõi cảm dục lên cõi hạ trí.

68. As matter is water, man is (considering the cosmic physical plane as a whole) being removed, through individualization/ evaporation, from the crudest expression of the watery realm—the two lower cosmic physical subplanes.

68. Vì vật chất là nước, con người (nếu xét toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ) đang được đưa ra khỏi biểu hiện thô trược nhất của lĩnh vực nước—hai cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần vũ trụ—thông qua sự biệt ngã hóa/sự bốc hơi.

69. A certain type of adhesiveness within the realm of water is broken through the occurrence of evaporation. The binding quality of liquidity is overcome and the 'evaporating' (or individualizing) unit is elevated into a condition of greater freedom on the gaseous (i.e., mental) plane. Water vapour rises into the 'air'

69. Một loại tính kết dính nào đó trong lĩnh vực nước bị phá vỡ do sự xuất hiện của sự bốc hơi. Phẩm tính ràng buộc của tính lỏng được vượt qua và đơn vị đang "bốc hơi" (hay đang biệt ngã hóa) được nâng lên một trạng thái tự do lớn hơn trên cõi khí (tức cõi trí). Hơi nước bốc lên vào "khí"

Next, condensation, or **the amalgamation of the unit with a newer or higher group**, this we call **condensation for the devas of the waters, and initiation in man**;

Tiếp theo là sự ngưng tụ, hay **sự hòa nhập của đơn vị với một nhóm mới hơn hay cao hơn**; điều này chúng ta gọi là **sự ngưng tụ đối với các thiên thần của nước, và điểm đạo nơi con người**;

70. Condensation is equated with initiation. In this case, initiation is a kind of merging or amalgamation. There is an emphasis upon *a new type of bonding*, free from the impurities left behind through the evaporation/ distillation process.

70. Sự ngưng tụ được đồng nhất với điểm đạo. Trong trường hợp này, điểm đạo là một loại hợp nhất hay hòa nhập. Ở đây nhấn mạnh đến *một loại liên kết mới*, thoát khỏi những tạp chất bị bỏ lại qua tiến trình bốc hơi/chưng cất.

71. There are bonds of liquidity which unite members of the "newer or higher group"—for man, this group consists of the members of the Spiritual Hierarchy of the planet.

71. Có những mối liên kết của tính lỏng gắn kết các thành viên của "nhóm mới hơn hay cao hơn"—đối với con người, nhóm này gồm các thành viên của Thánh đoàn tinh thần của hành tinh.

finally, the sacrifice of the group of human or deva atoms to the good of the whole.

sau cùng, là sự hi sinh của nhóm các nguyên tử người hay thiên thần vì lợi ích của toàn thể.

72. Sacrifice is a sort of *precipitation*. The sign Pisces, the 'sign of tears' is the astrological sign most closely related to sacrifice. We can think of sacrifice as the 'precipitation of tears' to nourish the realm of matter with a higher form of watery substance.

72. Sự hi sinh là một loại *ngưng tụ*. Dấu hiệu Song Ngư, "dấu hiệu của nước mắt", là dấu hiệu hoàng đạo liên hệ mật thiết nhất với sự hi sinh. Chúng ta có thể nghĩ về sự hi sinh như "sự ngưng tụ của nước mắt" để nuôi dưỡng lĩnh vực vật chất bằng một dạng chất liệu nước cao hơn.

73. Master M. has suggested that the chemistry of tears must be investigated.

73. Chân sư M. đã gợi ý rằng hóa học của nước mắt cần phải được khảo cứu.

74. Through sacrifice, purified moisture from above merges again with the moisture to be found below and also moistens the arid places in the 'great desert of life' to be found upon the physical plane. The 'desert', in fact, includes the astral and lower mental planes —all planes within the *physical* body of the Planetary Logos.

74. Thông qua sự hi sinh, độ ẩm đã được thanh lọc từ bên trên lại hòa nhập với độ ẩm tìm thấy bên dưới và cũng làm ẩm những nơi khô cằn trong "sa mạc lớn của sự sống" hiện diện trên cõi hồng trần. Thật ra, "sa mạc" này bao gồm cả cõi cảm dục và cõi hạ trí—mọi cõi nằm trong thể *hồng trần* của Hành Tinh Thượng Đế.

75. Just as water droplets precipitate in groups, so we may infer that human units ready for precipitation precipitate in groups in acts of group-sacrifice.

75. Cũng như những giọt nước ngưng tụ theo nhóm, chúng ta có thể suy ra rằng các đơn vị nhân loại sẵn sàng cho sự ngưng tụ cũng ngưng tụ theo nhóm trong những hành vi hi sinh nhóm.

So does the law of service and sacrifice govern all the second aspect divine in all its departments great [Page 903] or small. Such is the law.

Như vậy định luật phụng sự và hi sinh chi phối toàn bộ phương diện thứ hai thiêng liêng trong mọi bộ phận lớn [Page 903] hay nhỏ. Đó là định luật.

76. It would seem that the entire process of evaporation, condensation and precipitation takes place, generally, under the influence of the second aspect. The actions of drawing up (individualization), merging (initiation) and returning flow (sacrifice) all carry the quality of the second aspect.

76. Dường như toàn bộ tiến trình bốc hơi, ngưng tụ và ngưng tụ đều diễn ra, nói chung, dưới ảnh hưởng của phương diện thứ hai. Các hành động kéo lên (biệt ngã hóa), hòa nhập (điểm đạo) và dòng chảy trở lại (hi sinh) đều mang phẩm tính của phương diện thứ hai.

77. One can also look at the three phases in relation to the three major rays.

77. Người ta cũng có thể xem xét ba giai đoạn này trong liên hệ với ba cung chính.

78. There is something about considering the dynamics of individualization, initiation and sacrifice (through identification) in relation to the tangible watery element which brings a new level of clarity to the human developmental process.

78. Có điều gì đó trong việc xem xét động lực của sự biệt ngã hóa, điểm đạo và hi sinh (thông qua đồng hoá với) trong liên hệ với nguyên tố nước hữu hình, đem lại một cấp độ minh bạch mới cho tiến trình phát triển của con người.

79. It is clear that sacrificial precipitation occurs under the influence of love and because of a close identification of the precipitating factor with the watery element ('below') which is still insufficiently 'heated' to rise into an elevated state in which condensation (and later precipitation) become possible.

79. Rõ ràng là sự ngưng tụ hi sinh xảy ra dưới ảnh hưởng của bác ái và do sự đồng hoá mật thiết của yếu tố ngưng tụ với nguyên tố nước ("bên dưới"), vốn vẫn chưa được "nung nóng" đủ để vươn lên một trạng thái cao hơn, trong đó sự ngưng tụ (và về sau là ngưng tụ) trở nên khả hữu.

But in the human kingdom, **though love is the fulfilling of the law, it is arrived at along the path of pain and sorrow**,

Nhưng trong giới nhân loại, **dù bác ái là sự hoàn tất của định luật, nó vẫn đạt đến dọc theo con đường đau đớn và buồn khổ**,

80. This is especially the case upon our planet which is the "planet of releasing sorrow and purifying pain".

80. Điều này đặc biệt đúng trên hành tinh của chúng ta, vốn là "hành tinh giải thoát buồn khổ và thanh lọc đau đớn".

81. There is a very close relation between the second and fourth rays. On our planet, love is reached most directly via the "path of pain and sorrow". (EA 361)

81. Có một mối liên hệ rất mật thiết giữa cung hai và cung bốn. Trên hành tinh của chúng ta, bác ái được đạt đến trực tiếp nhất qua "con đường đau đớn và buồn khổ". (EA 361)

and every true lover and server of humanity is stretched upon the cross until for them the sixth principle dominates,

và mọi người yêu thương và phụng sự chân chính của nhân loại đều bị căng trên thập giá cho đến khi đối với họ nguyên khí thứ sáu chi phối,

82. The dominating sixth principle (the buddhic principle) brings relief from the cross of pain and sorrow and signals the beginning of release onto the Cardinal Cross.

82. Nguyên khí thứ sáu chi phối (nguyên khí Bồ đề) đem lại sự giải thoát khỏi thập giá của đau đớn và buồn khổ, đồng thời báo hiệu sự khởi đầu của việc được giải thoát lên Thập Giá Chủ Yếu.

83. The sixth principle dominates at the fourth initiation when the consciousness is released from the causal body and onto the buddhic plane.

83. Nguyên khí thứ sáu chi phối ở lần điểm đạo thứ tư khi tâm thức được giải thoát khỏi thể nguyên nhân và lên cõi Bồ đề.

and the **sixth type of matter in their bodieS** is completely subjected to the higher energy.[82]

và **loại vật chất thứ sáu trong các thể của họ** hoàn toàn bị đặt dưới năng lượng cao hơn.82

84. Presumably the "sixth type of matter" is astral matter, and so we may presume that, as the fourth initiation approaches (at which time the buddhic principle dominates), astral matter still exists.

84. Có lẽ "loại vật chất thứ sáu" là vật chất cảm dục, và vì thế chúng ta có thể giả định rằng, khi lần điểm đạo thứ tư đến gần (vào lúc nguyên khí Bồ đề chi phối), vật chất cảm dục vẫn còn hiện hữu.

85. Yet, it may be necessary to look more closely at the nature of this "sixth type of matter", for apparently it is found in *more than one body* (note the plural, "bodies"). So, we are probably talking about matter of the sixth subplane in each of the lower vehicles.

85. Tuy nhiên, có lẽ cần xem xét kỹ hơn bản chất của "loại vật chất thứ sáu" này, vì dường như nó được tìm thấy trong *nhiều hơn một thể* (lưu ý số nhiều, "các thể"). Vì vậy, có lẽ chúng ta đang nói đến vật chất của cõi phụ thứ sáu trong mỗi vận cụ thấp. Điều này sẽ

This would involve matter of the physical liquid subplane, matter of the sixth subplane of the astral plane (though such matter we have been told should not constitute part of the astral body of man) and matter of the sixth subplane of the mental plane as found in the lower mental body of man (and probably associated with the expression of kama-manas).

bao gồm vật chất của cõi phụ lỏng hồng trần, vật chất của cõi phụ thứ sáu của cõi cảm dục (dù chúng ta đã được cho biết rằng loại vật chất ấy không nên cấu thành một phần của thể cảm dục của con người) và vật chất của cõi phụ thứ sáu của cõi trí như được tìm thấy trong thể hạ trí của con người (và có lẽ liên kết với sự biểu lộ của trí-cảm).

86. In general, the entire astral body of man can be considered to be composed of "the sixth type of matter", and, in general, *all* astral matter in the astral body of man should be subjected to the influence of the sixth or buddhic principle.

86. Nói chung, toàn bộ thể cảm dục của con người có thể được xem là được cấu thành bởi "loại vật chất thứ sáu", và, nói chung, *mọi* vật chất cảm dục trong thể cảm dục của con người nên bị đặt dưới ảnh hưởng của nguyên khí thứ sáu hay nguyên khí Bồ đề.

Footnote 82:

Chú thích 82:

"Measure thy life by loss instead of gain,

Not by the wine drunk but by the wine poured forth;

For Love's strength standeth in Love's sacrifice;

And he who suffers most has most to give."

"Hãy đo đời em bằng mất mát thay vì thu đạt,

Không bằng rượu đã uống mà bằng rượu đã rót ra;

Vì sức mạnh của Bác ái đứng vững trong sự hi sinh của Bác ái;

Và ai chịu khổ nhiều nhất thì có nhiều nhất để cho đi."

—The Disciples, by Mrs. Hamilton King.

—The Disciples, của bà Hamilton King.

87. A very beautiful little verse, seemingly under the influence of a high Piscean vibration or a high vibration of the planet Neptune.

87. Một bài thơ ngắn rất đẹp, dường như chịu ảnh hưởng của một rung động Song Ngư cao hoặc một rung động cao của hành tinh Sao Hải Vương.

88. One recalls that DK told an advanced disciple that he could be trusted because he had undergone enough pain and suffering. And this as well—

88. Người ta nhớ rằng Chân sư DK đã nói với một đệ tử tiến bộ rằng y có thể được tin cậy vì y đã trải qua đủ đau đớn và khổ đau. Và điều này nữa—

Hitherto this has never been possible on a large scale, owing to the fact that humanity had not suffered enough and therefore was not adequately sensitive to others. (EP II 729-730)

Cho đến nay điều này chưa bao giờ có thể thực hiện trên quy mô lớn, do sự kiện là nhân loại chưa chịu khổ đủ và vì thế chưa đủ nhạy cảm với người khác. (EP II 729-730)

In the case of the devas, love is the fulfilling of the law without pain or sorrow.

Trong trường hợp các thiên thần, bác ái là sự hoàn tất của định luật mà không có đau đớn hay buồn khổ.

89. If this is the case, the factor of resistance must be missing.

89. Nếu đúng như vậy, thì yếu tố kháng cự hẳn là vắng mặt.

It is for them the line of least resistance, for they are the mother aspect, **the feminine side of manifestation, and the easy path for them is to give, to nourish, and to tend.**

Đối với họ, đó là con đường ít trở ngại nhất, vì họ là phương diện mẹ, **mặt nữ tính của biểu hiện, và con đường dễ dàng đối với họ là cho đi, nuôi dưỡng và chăm nom.**

90. The factor of centralization, therefore, must be weaker in the deva kingdom than in the human.

90. Vì vậy, yếu tố tập trung hóa hẳn là yếu hơn trong giới thiên thần so với trong giới nhân loại.

91. We can see, then, that in the deva, the first and second aspects of divinity (law and love) work in greater harmony.

91. Do đó, chúng ta có thể thấy rằng nơi thiên thần, phương diện thứ nhất và thứ hai của thiên tính (định luật và bác ái) hoạt động trong sự hài hòa lớn hơn.

92. The factor of individual desire complicates harmonious working in the case of man.

92. Yếu tố ham muốn cá nhân làm phức tạp sự hoạt động hài hòa trong trường hợp con người.

93. The lunar factor is very present in the devas' approach. Astrologers will recognize the signature of the Moon in the tendency "to give, to nourish and to tend".

93. Yếu tố nguyệt tính hiện diện rất rõ trong cách tiếp cận của các thiên thần. Các nhà chiêm tinh sẽ nhận ra dấu ấn của Mặt Trăng trong khuynh hướng "cho đi, nuôi dưỡng và chăm nom".

Therefore, the devas of the waters pour themselves out in service to the vegetable and animal kingdoms,

Vì vậy, các thiên thần của nước tuôn đổ chính mình ra trong sự phụng sự đối với giới thực vật và giới động vật,

94. And also to sustain the animal aspect of man…

94. Và cũng để duy trì phương diện thú tính của con người…

and in the transmutative fires all that holds them on the sixth subplane will eventually be overcome,

và trong những ngọn lửa chuyển hoá, mọi điều giữ họ lại trên cõi phụ thứ sáu rốt cuộc sẽ được vượt qua,

95. That which holds them is that adhesive, binding factor which causes liquidity and prevents the evaporation which lifts them into what they might call (had they self-consciousness) 'the gaseous kingdom'.

95. Điều giữ họ lại là yếu tố kết dính, ràng buộc ấy, yếu tố gây ra tính lỏng và ngăn cản sự bốc hơi vốn nâng họ lên điều mà họ có thể gọi là (nếu họ có ngã thức) "giới khí".

96. The gaseous plane is the goal of the watery devas just as the lower mental plane is the goal for the animal on the verge of becoming man, and the higher mental plane is the goal for the human being.

96. Cõi khí là mục tiêu của các thiên thần nước, cũng như cõi hạ trí là mục tiêu của con thú đang ở ngưỡng trở thành người, và cõi thượng trí là mục tiêu của con người.

97. It is clear that transmutative fires elevate through evaporation. Where evaporation occurs there is a de facto *distillation* and, thus, purification, for in such a process the heavier particles (belonging to the earth element) are left behind.

97. Rõ ràng là những ngọn lửa chuyển hoá nâng lên thông qua sự bốc hơi. Nơi nào có sự bốc hơi, nơi đó trên thực tế có sự *chưng cất* và do đó là sự thanh lọc, vì trong một tiến trình như vậy các hạt nặng hơn (thuộc nguyên tố đất) bị bỏ lại phía sau.

and through occult "distillation and evaporation" these devas will eventually form part of the **gaseous fiery group and become those fires which are the basis of the divine alchemy**.

và thông qua "sự chưng cất và bốc hơi" huyền bí, các thiên thần này rốt cuộc sẽ tạo thành một phần của **nhóm khí-lửa và trở thành những ngọn lửa là nền tảng của thuật luyện kim thiêng liêng**.

98. It would seem that the watery devas are entering, through this process, a domain expressive of what for them is the *second* aspect.

98. Dường như các thiên thần nước đang đi vào, thông qua tiến trình này, một lĩnh vực biểu lộ điều mà đối với họ là phương diện *thứ hai*.

99. We note that DK mentions "distillation" along with "evaporation". These two concepts are inseparable, though "distillation" carries the connotation of a more deliberate process.

99. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK nhắc đến "sự chưng cất" cùng với "sự bốc hơi". Hai khái niệm này không thể tách rời, dù "sự chưng cất" mang hàm ý của một tiến trình có chủ ý hơn.

100. We are given an important hint—that the "gaseous fiery group" is that group of devas or fires which "are the basis of divine alchemy".

100. Chúng ta được trao cho một gợi ý quan trọng—rằng "nhóm khí-lửa" là nhóm các thiên thần hay các ngọn lửa "là nền tảng của thuật luyện kim thiêng liêng".

101. Alchemy is, essentially, the transmutative process, and transmutation is "the passage across from one state of being to another through the agency of **fire**". Transmutation requires fire.

101. Thuật luyện kim, về bản chất, là tiến trình chuyển hoá, và sự chuyển hoá là "sự vượt qua từ một trạng thái hiện hữu này sang một trạng thái khác thông qua tác nhân của **Lửa**". Sự chuyển hoá đòi hỏi Lửa.

102. When we seek to help various forms of life rise to their next possible level of attainment, we must, in some matter, apply the fire.

102. Khi chúng ta tìm cách giúp các hình tướng sự sống khác nhau vươn lên cấp độ thành tựu khả hữu kế tiếp của chúng, chúng ta phải, theo một cách nào đó, áp dụng lửa.

Speaking generally, it must be remembered that the earth devas of densest matter become, in the course of evolution, the devas of the waters, and find their way eventually on to the astral plane, the cosmic liquid;

Nói chung, cần nhớ rằng các thiên thần đất của vật chất đậm đặc nhất trở thành, trong tiến trình tiến hoá, các thiên thần của nước, và rốt cuộc tìm được đường đi lên cõi cảm dục, chất lỏng vũ trụ;

103. This progression is as we would expect.

103. Sự tiến triển này đúng như điều chúng ta mong đợi.

104. Are we also to conclude that the manipulating devas of earth become the manipulating devas of the waters and, eventually, the manipulating devas of the cosmic gaseous or mental plane?

104. Chúng ta cũng có nên kết luận rằng các thiên thần thao tác của đất trở thành các thiên thần thao tác của nước và, rốt cuộc, các thiên thần thao tác của cõi khí vũ trụ hay cõi trí không?

105. We see that devas do, indeed, *evolve*, just as man does. Perhaps this is accomplished through the ability to build themselves into ever more pliant forms, or into forms which represent ever higher forms of life.

105. Chúng ta thấy rằng các thiên thần quả thực *tiến hoá*, cũng như con người vậy. Có lẽ điều này được thực hiện thông qua khả năng tự kiến tạo mình vào những hình tướng ngày càng mềm dẻo hơn, hay vào những hình tướng biểu hiện những dạng sự sống ngày càng cao hơn.

the devas of the waters of the physical plane find their way, through service,

các thiên thần của nước của cõi hồng trần tìm được đường đi, thông qua phụng sự,

106. We were not told by what *means* the devas of earth found their way onto the cosmic watery (systemic astral) plane,(via the systemic watery subplane) but we *are* told that the devas of the physical waters find their way first onto the physical gaseous plane and, thence, onto the cosmic gaseous subplane "through service". That type of service—moisturizing, nurturing, sustaining of life—as been described above —may indicate how the physical watery devas find their way onto the physical gaseous plane, but we are not told how their continuing progression onto the cosmic gaseous plane (the systemic mental) is undertaken.

106. Chúng ta không được cho biết bằng *phương tiện* nào các thiên thần đất đã tìm được đường đi lên cõi nước vũ trụ (cõi cảm dục hệ thống), (qua cõi phụ nước của hệ thống) nhưng chúng ta *được* cho biết rằng các thiên thần của nước hồng trần trước hết tìm được đường đi lên cõi khí hồng trần và từ đó, lên cõi phụ khí vũ trụ "thông qua phụng sự". Loại phụng sự ấy—làm ẩm, nuôi dưỡng, duy trì sự sống—đã được mô tả ở trên —có thể cho thấy cách các thiên thần nước hồng trần tìm được đường đi lên cõi khí hồng trần, nhưng chúng ta không được cho biết sự tiến triển tiếp tục của họ lên cõi khí vũ trụ (cõi trí hệ thống) được thực hiện như thế nào.

107. In general, we are dealing with a two step process. The devas of the watery systemic subplane find their way onto the gaseous systemic subplane plane. The gaseous systemic subplane is lower, however, than the *cosmic* subplane of water, and this cosmic subplane is lower than the cosmic subplane of gas (the mental plane). One wonders if the systemic astral plane is involved in the transition of the systemic gaseous devas (of subplane forty-seven) to the cosmic gaseous subplane (the systemic mental plane).

107. Nói chung, chúng ta đang xử lý một tiến trình hai bước. Các thiên thần của cõi phụ nước hệ thống tìm được đường đi lên cõi phụ khí hệ thống. Tuy nhiên, cõi phụ khí hệ thống lại thấp hơn cõi phụ *vũ trụ* của nước, và cõi phụ vũ trụ này lại thấp hơn cõi phụ vũ trụ của khí (cõi trí). Người ta tự hỏi liệu cõi cảm dục hệ thống có liên quan đến sự chuyển tiếp của các thiên thần khí hệ thống (của cõi phụ bốn mươi bảy) lên cõi phụ khí vũ trụ (cõi trí hệ thống) hay không.

on to the gaseous subplane, and then to the cosmic gaseous, becoming the devas of the mental plane.

lên cõi phụ khí, rồi đến cõi khí vũ trụ, trở thành các thiên thần của cõi trí.

108. We had been given the evolutionary objective of the watery lives of the dense systemic levels. Eventually they will become devas of the mental plane, passing first, it would seem, though the gaseous levels of the systemic gaseous subplane, thence (so it would seem, hypothetically) to the cosmic watery subplanes (the systemic astral plane) and thence to the cosmic gaseous subplanes

108. Chúng ta đã được trao cho mục tiêu tiến hoá của các sự sống nước thuộc các cấp độ hệ thống đậm đặc. Rốt cuộc chúng sẽ trở thành các thiên thần của cõi trí, trước hết dường như đi qua các cấp độ khí của cõi phụ khí hệ thống, rồi từ đó (dường như vậy, theo giả thuyết) đến các cõi phụ nước vũ trụ (cõi cảm dục hệ thống) và từ đó đến các cõi phụ khí vũ trụ (cõi trí hệ thống). Chúng ta đang đặt

(the systemic mental plane). We are asking if the astral plane is a plane of transition in this process by which the systemic watery devas reach the mental plane.

câu hỏi liệu cõi cảm dục có phải là một cõi chuyển tiếp trong tiến trình mà qua đó các thiên thần nước hệ thống đạt đến cõi trí hay không.

This literally and occultly constitutes the transmutation of desire into thought.

Điều này theo nghĩa đen và theo huyền bí cấu thành sự chuyển hoá ham muốn thành tư tưởng.

109. This method of describing the transmutation of desire into thought is given from the *occult* perspective. We are not given a mystical formula, but one that is expressed in terms of the occult development of devic/elemental lives.

109. Phương pháp mô tả sự chuyển hoá ham muốn thành tư tưởng này được đưa ra từ quan điểm *huyền bí học*. Chúng ta không được trao cho một công thức thần bí học, mà là một công thức được diễn đạt theo sự phát triển huyền bí của các sự sống thiên thần/ hành khí.

110. Because we are speaking of the transmutation of desire into the thought, the astral plane (it seems) must be involved, for that plane is the plane of desire.

110. Vì chúng ta đang nói về sự chuyển hoá ham muốn thành tư tưởng, nên cõi cảm dục (dường như) phải có liên quan, vì cõi ấy là cõi của ham muốn.

111. We can see that the human being who gradually works his way from one who desires to one who thinks is experiencing an elevation of the devic lives which comprise his vehicles.

111. Chúng ta có thể thấy rằng con người dần dần tự mình đi từ kẻ ham muốn đến kẻ suy tư đang trải nghiệm một sự nâng cao của các sự sống thiên thần cấu thành các vận cụ của y.

112. One can wonder what happens to the astral body when the devic lives of that astral body have worked themselves onto the mental plane. Will this coincide with the taking of the fourth initiation and, even before this climactic moment, with the growing influence of the sixth principle upon the astral body?

112. Người ta có thể tự hỏi điều gì xảy ra với thể cảm dục khi các sự sống thiên thần của thể cảm dục ấy đã tự vận hành lên cõi trí. Liệu điều này có trùng hợp với việc tiếp nhận lần điểm đạo thứ tư và, ngay cả trước thời điểm cao trào này, với ảnh hưởng ngày càng tăng của nguyên khí thứ sáu lên thể cảm dục hay không?

113. We can see that the gradual etherealization of the lower vehicles of man is related to the developmental elevation of the devic lives which comprise those vehicles. All evolutionary lives are “on their way up” and this has definite affects upon

113. Chúng ta có thể thấy rằng sự dĩ thái hóa dần dần các vận cụ thấp của con người có liên hệ với sự nâng cao phát triển của các sự sống thiên thần cấu thành các vận cụ ấy. Mọi sự sống tiến hoá đều “đang trên đường đi lên” và điều này có những tác động xác định

the vehicles in which they have played their part.

lên các vận cụ trong đó chúng đã đóng vai trò của mình.

The gaseous devas become eventually the devas of the fourth ether,

Các thiên thần khí rốt cuộc trở thành các thiên thần của dĩ thái thứ tư,

114. All proceeds in a sequential manner.

114. Mọi sự đều tiến hành theo trình tự.

115. We can judge (extrapolate) from these descriptions how the members of various Creative Hierarchies merge into what for them is the next higher Creative Hierarchy.

115. Từ những mô tả này, chúng ta có thể phán đoán (ngoại suy) cách các thành viên của những Huyền Giai Sáng Tạo khác nhau hòa nhập vào điều mà đối với họ là Huyền Giai Sáng Tạo cao hơn kế tiếp.

116. If, from what is here said, we analogize to the human condition, man entrapped within the causal body becomes man liberated onto the buddhic plane.

116. Nếu từ điều được nói ở đây chúng ta áp dụng phép tương đồng vào tình trạng con người, thì con người bị giam hãm trong thể nguyên nhân trở thành con người được giải thoát lên cõi Bồ đề.

and from thence in long aeons, **find their way** to the cosmic fourth ether, the buddhic plane.

và từ đó trong những đại kiếp dài lâu, **tìm được đường đi** đến dĩ thái thứ tư vũ trụ, cõi Bồ đề.

117. We are given the developmental process of gaseous devas. They move towards the fourth etheric plane and, eventually, from thence (so it would seem) to the buddhic plane.

117. Chúng ta được trao cho tiến trình phát triển của các thiên thần khí. Chúng tiến về cõi dĩ thái thứ tư và, rốt cuộc, từ đó (dường như vậy) đến cõi Bồ đề.

118. Again, we must ask if this movement from the fourth systemic ether to the fourth cosmic ether is *direct* or if intervening planes are involved. In all these cases of movement from a systemic subplane to a cosmic subplane this is the question—is the movement direct or meditated?

118. Một lần nữa, chúng ta phải hỏi liệu sự chuyển động từ dĩ thái thứ tư hệ thống đến dĩ thái thứ tư vũ trụ này có *trực tiếp* hay có những cõi xen giữa tham dự vào. Trong mọi trường hợp chuyển động từ một cõi phụ hệ thống đến một cõi phụ vũ trụ, đây là câu hỏi —sự chuyển động là trực tiếp hay được trung giới qua trung gian?

119. The phrase “find their way” seems to indicate a process meditated through intervening subplanes and planes.

119. Cụm từ “tìm được đường đi” dường như chỉ ra một tiến trình được trung giới qua các cõi phụ và cõi xen giữa.

120. Within the human kingdom, the analogy to such devic movement would be as follows: man moves from the higher mental plane to the systemic buddhic plane, and later, after many cycles, to the cosmic buddhic plane—a *VERY* long time in the future.

120. Trong giới nhân loại, phép tương đồng với sự chuyển động thiên thần như thế sẽ là như sau: con người chuyển từ cõi thượng trí lên cõi Bồ đề hệ thống, và về sau, sau nhiều chu kỳ, lên cõi Bồ đề vũ trụ—một thời gian *RẤT* dài trong tương lai.

121. We might question whether man will be involved with other (and lower) cosmic planes before reaching the cosmic buddhic plane, and it seems as if it must certainly be the case.

121. Chúng ta có thể đặt câu hỏi liệu con người có sẽ liên quan đến những cõi vũ trụ khác (và thấp hơn) trước khi đạt đến cõi Bồ đề vũ trụ hay không, và dường như chắc chắn phải là như vậy.

122. This conclusion will have bearing on whether the movement of devas from systemic subplanes to cosmic subplanes is direct or mediated through subplanes and planes which intervene between the point of departure and the point of destination.

122. Kết luận này sẽ có ảnh hưởng đến việc liệu sự chuyển động của các thiên thần từ các cõi phụ hệ thống đến các cõi phụ vũ trụ là trực tiếp hay được trung giới qua các cõi phụ và cõi nằm xen giữa điểm khởi hành và điểm đến.

123. Can we see the value of analogizing between the developmental stages of the lesser devas and the developmental states of man? A new type of clarity is truly introduced.

123. Chúng ta có thể thấy giá trị của việc áp dụng phép tương đồng giữa các giai đoạn phát triển của các thiên thần nhỏ và các trạng thái phát triển của con người không? Quả thật một loại minh bạch mới được đưa vào.

These three groups are therefore cosmically connected with: [Page 904]

Vì vậy ba nhóm này có liên hệ vũ trụ với: [Page 904]

124. Now we venture into vast speculations.

124. Giờ đây chúng ta mạo hiểm đi vào những suy đoán bao la.

1. The cosmic astral plane and the constellation whence emotional and desire energy originates.

1. Cõi cảm dục vũ trụ và chòm sao từ đó năng lượng cảm xúc và ham muốn phát sinh.

125. One could wonder which of the great Constellational Logoi within the "One About Whom Naught May Be Said" may be meant.

125. Người ta có thể tự hỏi vị nào trong các Đấng Thượng đế Chòm sao vĩ đại bên trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị" được hàm ý ở đây.

126. Could it be our very own sevenfold constellation which includes our Sun, Sirius, Alpha and Beta Centauri, Procyon and others? In many ways it seems as if our particular Cosmic Logos serves a *solar plexus* center function.

126. Liệu đó có thể là chính chòm sao thất phân của chúng ta, bao gồm Mặt Trời của chúng ta, Sirius, Alpha và Beta Centauri, Procyon và những sao khác không? Theo nhiều phương diện, dường như Cosmic Logos đặc thù của chúng ta đảm nhiệm một chức năng trung tâm *tùng thái dương*.

127. Let us take note that we are dealing with emotion and desire of *cosmic* origin.

127. Chúng ta hãy lưu ý rằng chúng ta đang xử lý cảm xúc và ham muốn có nguồn gốc *vũ trụ*.

128. There is some sense in which the Pleiades could be involved in this origin and also the energy of Scorpio (featuring the central red star, Antares).

128. Có một ý nghĩa nào đó trong đó Pleiades có thể liên quan đến nguồn gốc này và cả năng lượng của Hổ Cáp (nổi bật với ngôi sao đỏ trung tâm, Antares).

2. The cosmic mental plane, and therefore with the constellation Sirius.

2. Cõi trí vũ trụ, và vì thế với chòm sao Sirius.

129. Those who venture towards the star, Sirius, make their way onto the cosmic *astral* plane. However, Sirius is as often associated with the cosmic mental plane.

129. Những ai mạo hiểm tiến về ngôi sao Sirius sẽ đi lên cõi *cảm dục* vũ trụ. Tuy nhiên, Sirius cũng thường được liên kết với cõi trí vũ trụ.

Path 1. The Path of Earth Service leads to the cosmic astral plane.

Con Đường 1. Con Đường Phụng Sự Địa Cầu dẫn đến cõi cảm dục vũ trụ.

Path 2. The Path of Magnetic Work leads to the cosmic astral plane.

Con Đường 2. Con Đường Công Tác Từ Tính dẫn đến cõi cảm dục vũ trụ.

Path 3. The Path for Training for Planetary Logoi leads to the higher levels of the cosmic mental plane.

Con Đường 3. Con Đường Huấn Luyện cho các Hành Tinh Thượng Đế dẫn đến các cấp độ cao hơn của cõi trí vũ trụ.

Path 4. The Path to Sirius leads to the cosmic astral plane.

Con Đường 4. Con Đường đến Sirius dẫn đến cõi cảm dục vũ trụ.

Path 5. The Ray Path leads to the cosmic mental plane.

Con Đường 5. Con Đường Cung dẫn đến cõi trí vũ trụ.

Path 6. The Path the Logos Himself is on leads to the cosmic buddhic plane.

Con Đường 6. Con Đường mà chính Thượng đế đang đi dẫn đến cõi Bồ đề vũ trụ.

Path 7. The Path of Absolute Sonship leads to the cosmic mental plane. (TCF 399)

Con Đường 7. Con Đường của Cương vị Con tuyệt đối dẫn đến cõi trí vũ trụ. (TCF 399)

130. We note that DK does not speak of the *star* Sirius but of the "constellation" Sirius. This use of words may convey a quite specific meaning. Does the "constellation Sirius" include our Sun and a number of other local Suns in the major seven? It is possible, but there is no certain way to know if DK is indicating that *cosmic group of stars* of which our Sun and Sirius are a part.

130. Chúng ta lưu ý rằng Chân sư DK không nói về *ngôi sao* Sirius mà nói về "chòm sao" Sirius. Cách dùng từ này có thể chuyển tải một ý nghĩa khá đặc thù. Liệu "chòm sao Sirius" có bao gồm Mặt Trời của chúng ta và một số Mặt Trời địa phương khác trong bộ bảy lớn không? Điều đó có thể, nhưng không có cách chắc chắn nào để biết liệu Chân sư DK có đang chỉ đến *nhóm sao vũ trụ* mà Mặt Trời của chúng ta và Sirius là một phần của nó hay không.

3. The cosmic buddhic plane, and the constellation of the Pleiades.

3. Cõi Bồ đề vũ trụ, và chòm sao Pleiades.

131. The cosmic buddhic association of the Pleiades is definite. This association is also suggested on TCF, 1162. Because of this association, and because of the association any buddhic plane with its corresponding astral plane, we must infer that the Pleiades also have an important expression on the cosmic astral plane.

131. Sự liên kết Bồ đề vũ trụ của Pleiades là xác định. Sự liên kết này cũng được gợi ý ở TCF, 1162. Vì sự liên kết này, và vì sự liên kết của bất kỳ cõi Bồ đề nào với cõi cảm dục tương ứng của nó, chúng ta phải suy ra rằng Pleiades cũng có một biểu hiện quan trọng trên cõi cảm dục vũ trụ.

132. One wonders whether Sirius is both a member of our most local Cosmic Logos (i.e., the *defining* member) and yet is *also* a member of another Cosmic Logos more associated with the ajna center of the "One About Whom Naught May Be Said" than with the solar plexus center. Both associations seem to have validity.

132. Người ta tự hỏi liệu Sirius vừa là một thành viên của Cosmic Logos cục bộ nhất của chúng ta (tức thành viên *xác định*) mà lại *cũng* là một thành viên của một Cosmic Logos khác, liên kết với trung tâm ajna của "Đấng Bất Khả Tư Nghị" hơn là với trung tâm tùng thái dương. Cả hai liên kết dường như đều có giá trị.

133. Is Sirius as member of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One"? It is so closely associated with our Solar Logos and so proximate to our solar system (only a bit

133. Liệu Sirius có là thành viên của "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một" không? Nó liên kết mật thiết với Thái dương Thượng đế của chúng ta và ở rất gần hệ mặt trời của

more than eight light years away), that is would seem so. And yet, from the information on EA, 50, it would seem that Sirius is independent of the "Seven Solar Systems of Which Ours is One". This will, it seems, have to remain mysterious for us given our present stage of understanding.

chúng ta (chỉ cách hơn tám năm ánh sáng một chút), nên dường như là như vậy. Tuy nhiên, từ thông tin ở EA, 50, dường như Sirius độc lập với "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một". Điều này, dường như, sẽ phải vẫn còn là điều huyền nhiệm đối với chúng ta xét theo giai đoạn thấu hiểu hiện nay của mình.

134. As for the Pleiades, they have a cosmic buddhic association certainly, but also a throat center association and, as the Pleiadian cluster, a completely *central* association within the "One About Whom Naught May Be Said" as, perhaps, its major head center.

134. Còn về Pleiades, chắc chắn chúng có một liên kết Bồ đề vũ trụ, nhưng cũng có một liên kết với trung tâm cổ họng và, với tư cách là cụm Pleiades, một liên kết hoàn toàn *trung tâm* bên trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị" như có lẽ là trung tâm đầu chính yếu của Ngài.

135. Usually, Sirius, the Pleiades and the Great Bear are mentioned as a great cosmic triangle. It would seem difficult, however, to associate the Great Bear with the cosmic astral plane. A much more likely association is the cosmic *atmic* plane.

135. Thông thường, Sirius, Pleiades và Đại Hùng Tinh được nhắc đến như một tam giác vũ trụ lớn. Tuy nhiên, dường như khó có thể liên kết Đại Hùng Tinh với cõi cảm dục vũ trụ. Một liên kết có khả năng hơn nhiều là cõi *atma* vũ trụ.

136. Ursa Minor must also fit into this picture as a kind of prototype of Sirius. Ursa Minor is hypothesized to be associated with the ajna center of the "One About Whom Naught May Be Said", and Sirius has a similar connection to that great chakra, though may only be resonant to rather than included within that chakra.

136. Tiểu Hùng Tinh cũng phải phù hợp với bức tranh này như một loại nguyên mẫu của Sirius. Tiểu Hùng Tinh được giả thuyết là liên kết với trung tâm ajna của "Đấng Bất Khả Tư Nghị", và Sirius có một liên hệ tương tự với đại luân xa ấy, dù có thể chỉ cộng hưởng với chứ không nằm bên trong luân xa đó.

Thus can the whole process be worked out, if man carefully studies his own nature, and the law of analogy.

Như vậy toàn bộ tiến trình có thể được khai triển, nếu con người cẩn thận nghiên cứu bản chất của chính mình, và định luật tương đồng.

137. It will take long to do so, but the result should be most profitable.

137. Sẽ mất nhiều thời gian để làm như vậy, nhưng kết quả hẳn sẽ rất hữu ích.

138. Naturally we cannot yet *ascertain* the truth of these great cosmic relations. We

138. Đương nhiên chúng ta chưa thể *xác định* chân lý của những mối liên hệ vũ trụ

can, however, produce reasonable inferences.

lớn lao này. Tuy nhiên, chúng ta có thể đưa ra những suy luận hợp lý.

TCF 905-910: S7S13 Part III

15 - 29 September 2008

15 - 29 tháng Chín 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được đặt ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích và tham chiếu từ các sách AAB khác và từ các trang khác của TCF được đặt ở cỡ chữ 14. Phần bình giải xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Đề nghị rằng phần Bình Giải này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiếp tục, nhiều đoạn được chia ra, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ chuyển tải *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Giải**

The Devas of the Gaseous Subplane.

Các thiên thần của Cõi Phụ Khí.

1. We now start the third in our series of explorations of the lesser devas—both "recipients of force" and manipulating devas.

1. Giờ đây chúng ta bắt đầu phần thứ ba trong chuỗi khảo cứu của mình về các thiên thần nhỏ—cả "những kẻ tiếp nhận mãnh lực" lẫn các thiên thần thao tác.

2. We are still focussed within the dense physical subplanes of the systemic physical plane.

2. Chúng ta vẫn đang tập trung trong các cõi phụ hồng trần đậm đặc của cõi hồng trần hệ thống.

In dealing with the elementals, or lesser devas,

Khi đề cập đến các hành khí, hay các thiên thần nhỏ,

3. The term "elementals" does not mean only one thing. "Recipients of force" are lower elementals and manipulating devas on the evolutionary arc can be thought of as higher elementals.

3. Thuật ngữ "hành khí" không chỉ có một nghĩa. "Những kẻ tiếp nhận mãnh lực" là các hành khí thấp, còn các thiên thần thao tác trên cung tiến hoá có thể được xem là các hành khí cao hơn.

4. It will be necessary to discriminate between elemental lives, elementals and

4. Cần phải phân biệt giữa sự sống hành khí, hành khí và các elemental. Không một thuật

elementaries. None of these terms has one and only one significance. Perhaps, the term "elementary" as indicative of disembodied souls upon the astral plane has the most specific meaning.

ngữ nào trong số này chỉ có một và chỉ một thâm nghĩa. Có lẽ thuật ngữ "elementary", khi chỉ các linh hồn không còn thể xác trên cõi cảm dục, có ý nghĩa chuyên biệt nhất.

5. Overlapping in the use of terms can be confusing, but that overlapping cannot be ignored or clarity of thought will be compromised.

5. Sự chồng lấn trong cách dùng thuật ngữ có thể gây bối rối, nhưng không thể bỏ qua sự chồng lấn ấy, nếu không sự sáng tỏ của tư tưởng sẽ bị tổn hại.

under the manipulatory devas of this extensive group,

dưới các thiên thần điều khiển của nhóm rộng lớn này,

6. We remember that this group of lives outnumbers the devas of water and of earth.

6. Chúng ta nhớ rằng nhóm sự sống này đông hơn các thiên thần của nước và của đất.

we are dealing with the devas of fire,

chúng ta đang bàn đến các thiên thần của lửa,

7. The devas of the systemic gaseous plane are "devas of fire" and so are the devas of the mental plane.

7. Các thiên thần của cõi khí thuộc hệ thống là "thiên thần của lửa", và các thiên thần của cõi trí cũng vậy.

and with the **fiery essences of substantial nature** which can be seen manifesting in myriads of forms.

và với các **tinh chất rực lửa có bản chất chất liệu** có thể được thấy đang biểu hiện trong vô số hình tướng.

8. The phrase "fiery essences of substantial nature" is quite precise. All "recipients of force" are essences of substantial nature. There are, we presume, *watery* essences of substantial nature and *earthy* essences of substantial nature.

8. Cụm từ "tinh chất rực lửa có bản chất chất liệu" khá chính xác. Mọi "vật tiếp nhận mãnh lực" đều là những tinh chất có bản chất chất liệu. Có lẽ, theo chúng ta giả định, cũng có những tinh chất *thủy* có bản chất chất liệu và những tinh chất *thổ* có bản chất chất liệu.

9. Are the manipulatory devas on the evolutionary arc to be considered "of substantial nature". In one respect, yes.

9. Có phải các thiên thần điều khiển trên cung tiến hoá được xem là "có bản chất chất liệu" hay không. Xét trên một phương diện, đúng là như vậy.

10. It is as if the manipulating devas *manipulate from within* the forms with which they are associated.

10. Dường như các thiên thần điều khiển ấy *điều khiển từ bên trong* các hình tướng mà họ liên kết với.

Certain of the subdivisions of this group are known to students, such as:

Một số phân bộ của nhóm này đã được các đạo sinh biết đến, như:

The Salamanders, or the fiery lives which can be seen by clairvoyants leaping in the flames of a furnace or of a volcano;

Các Salamanders, hay những sự sống rực lửa mà các nhà thông nhãn có thể thấy nhảy múa trong ngọn lửa của lò nung hoặc núi lửa;

11. It would seem that the Salamanders are not the flames themselves but work *within* the field of flames. At least, this is what the language here used suggests.

11. Dường như các Salamanders không phải chính là ngọn lửa, mà hoạt động *bên trong* trường lửa. Ít nhất, đó là điều mà ngôn ngữ được dùng ở đây gợi ý.

12. In a certain respect it seems that the Salamanders *tend* the flames or give form to the flames.

12. Xét theo một phương diện nào đó, dường như các Salamanders *chăm nom* ngọn lửa hoặc ban hình cho ngọn lửa.

13. Salamanders are to be considered as *gaseous* devas.

13. Các Salamanders phải được xem là các thiên thần *khí*.

this group can be subdivided into four groups according to color—**red, orange, yellow, and violet**—the last of which **approximate very closely to the devas of the fourth ether**.

nhóm này có thể được chia thành bốn nhóm theo màu sắc—**đỏ, cam, vàng và tím**—nhóm cuối trong số đó **rất gần với các thiên thần của dĩ thái thứ tư**.

14. VSK states: "This is an interesting order given of the colours: red, orange, yellow and violet. A more probably spectral or order given in the chapter on colour in LOM, would be yellow, orange, red and violet. Perhaps the order doesn't matter, but a relation of colour to subplane would be buddhi to yellow, orange/mental, red/astral, and violet, as mentioned here, to etheric. I don't suggest these higher subplanes are related to the salamanders, but there could be some resonance to the etheric subplanes."

14. VSK nói: "Đây là một trật tự màu sắc thú vị: đỏ, cam, vàng và tím. Một trật tự có lẽ mang tính quang phổ hơn, hay trật tự được nêu trong chương về màu sắc trong LOM, sẽ là vàng, cam, đỏ và tím. Có lẽ trật tự này không quan trọng, nhưng một mối liên hệ giữa màu sắc và cõi phụ có thể là Bồ đề với vàng, cam/cõi trí, đỏ/cõi cảm dục, và tím, như được nêu ở đây, với dĩ thái. Tôi không gợi ý rằng các cõi phụ cao hơn này có liên hệ với các salamanders, nhưng có thể có một sự cộng hưởng nào đó với các cõi phụ dĩ thái."

15. It seems that DK is categorizing the Salamanders as physically-fiery substantial lives, particularly associated with the physical gaseous subplane.

15. Dường như Chân sư DK đang xếp loại các Salamanders như những sự sống chất liệu rực lửa thuộc cõi hồng trần, đặc biệt liên hệ với cõi phụ khí của cõi hồng trần hệ thống.

16. Although the mental plane is, technically, the plane of fire, it does not seem correct to associate the Salamanders with the mental plane, though on that plane there may be higher correspondences to Salamanders.

16. Mặc dù cõi trí, về mặt kỹ thuật, là cõi lửa, nhưng dường như không đúng khi liên kết các Salamanders với cõi trí, dù trên cõi ấy có thể có những tương ứng cao hơn với Salamanders.

17. It appears that the Salamanders in their violet category, while approximating the devas of the fourth ether, are *not* those devas. We can imagine that the classifications of these many lives are complex. Between some there may be similarity without identicality.

17. Dường như các Salamanders trong loại tím của chúng, tuy rất gần với các thiên thần của dĩ thái thứ tư, nhưng *không* phải là các thiên thần ấy. Chúng ta có thể hình dung rằng các cách phân loại của vô số sự sống này rất phức tạp. Giữa một số loại có thể có sự tương tự mà không đồng nhất.

18. It is clear that Master DK 'sees' these lives.

18. Rõ ràng là Chân sư DK "thấy" các sự sống này.

19. We will be tempted to correlate the colors given above with various subplanes of the systemic physical plane.

19. Chúng ta sẽ có xu hướng liên hệ các màu sắc nêu trên với các cõi phụ khác nhau của cõi hồng trần hệ thống.

20. The following can be said of a sequential treatment of the subplanes and colors. These thoughts can be added to and compared with the insights given by VSK above.

20. Có thể nói điều sau đây về một cách khảo sát tuần tự các cõi phụ và màu sắc. Những ý nghĩ này có thể được bổ sung và so sánh với các nhận định do VSK nêu ở trên.

a. Red can easily be associated with the first ray and the first subplane of the systemic etheric plane.

a. Màu đỏ có thể dễ dàng được liên kết với cung một và cõi phụ thứ nhất của cõi dĩ thái hệ thống.

b. Orange is usually associated with the fifth ray and we would expect it to connect with the fifth or gaseous subplane of the systemic etheric plane, but also with the third etheric subplane—the *fifth* from below.

b. Màu cam thường được liên kết với cung năm và ta sẽ chờ đợi nó nối kết với cõi phụ thứ năm hay cõi khí của cõi dĩ thái hệ thống, nhưng cũng với cõi phụ dĩ thái thứ ba—cõi phụ *thứ năm* tính từ dưới lên.

c. From another perspective however, orange is the complement of blue, which could connect it with the second subplane. We know that often a given colour is expressed in terms of its complementary colour.

c. Tuy nhiên, từ một góc nhìn khác, màu cam là màu bổ sung của màu xanh lam, điều này có thể nối nó với cõi phụ thứ hai. Chúng ta biết rằng thường một màu sắc nhất định được biểu lộ theo màu bổ sung của nó.

d. Yellow often represents both the third and fifth rays, and so its connection with the third subplane (which is also the fifth from below) is reasonable.

d. Màu vàng thường biểu thị cả cung ba lẫn cung năm, và vì vậy sự nối kết của nó với cõi phụ thứ ba (cũng là cõi phụ thứ năm tính từ dưới lên) là hợp lý.

e. Violet has a definite connection with the lowest levels of manifestation. All the etheric subplanes are of a more or less violet hue, the fourth subplane having the darkest shade akin to purple.

e. Màu tím có một liên hệ xác định với các cấp độ thấp nhất của sự biểu hiện. Tất cả các cõi phụ dĩ thái đều có sắc tím ít nhiều, cõi phụ thứ tư có sắc độ đậm nhất, gần với màu tía.

The Agnichaitans; **this is a term applied to the fiery lives, which are the sumtotal of the plane substance**, [we are speaking primarily of the systemic physical plane] as seen in the first part of our treatise, and also to the **tiny essences which compose the fires of manifestation**. As the **nature of physical plane electricity** is understood and studied, and its true condition realised, the reality of the existence of these agnichaitans will stand revealed.

Các Agnichaitans; **đây là một thuật ngữ được áp dụng cho các sự sống rực lửa, là tổng thể của chất liệu cõi**, [chúng ta đang nói chủ yếu về cõi hồng trần hệ thống] như đã thấy trong phần đầu của luận thuyết chúng ta, và cũng áp dụng cho các **tinh chất nhỏ bé cấu thành các ngọn lửa của sự biểu hiện**. Khi **bản chất của điện lực cõi hồng trần** được thấu hiểu và nghiên cứu, và tình trạng chân thực của nó được chứng nghiệm, thì thực tại về sự hiện hữu của các agnichaitans này sẽ được mặc khải.

21. It seems that, in the matter of Agnichaitans, we are dealing with a vast array of lives.

21. Dường như, trong vấn đề Agnichaitans, chúng ta đang bàn đến một tập hợp vô cùng rộng lớn các sự sống.

22. When DK speaks of "plane substance" He may be speaking not only of the lowest levels of substance—the "recipients of force" but of all devas, not only of the systemic physical plane but of the cosmic physical plane as an entirety. This latter perspective

22. Khi Chân sư DK nói về "chất liệu cõi", có thể Ngài không chỉ nói về các cấp độ thấp nhất của chất liệu—các "vật tiếp nhận mãnh lực"—mà còn nói về mọi thiên thần, không chỉ của cõi hồng trần hệ thống mà của toàn thể cõi hồng trần vũ trụ. Góc nhìn sau này sẽ

would be a more comprehensive way of understanding the nature of Agnichaitans.

là một cách thấu hiểu bao quát hơn về bản chất của Agnichaitans.

23. The plane with which the Agnichaitans are usually most closely connected is the *systemic* physical plane.

23. Cõi mà các Agnichaitans thường được nối kết chặt chẽ nhất là cõi hồng trần *hệ thống*.

24. Are we, according to the text given, to differentiate "the plane substance" from the "tiny essences which compose the fires of manifestation". The word "also" makes it seem as if we must.

24. Theo đoạn văn đã cho, có phải chúng ta cần phân biệt "chất liệu cõi" với "các tinh chất nhỏ bé cấu thành các ngọn lửa của sự biểu hiện" hay không. Từ "cũng" khiến có vẻ như chúng ta phải làm vậy.

25. Because the Agnichaitans are involved in the manifestation of physical plane electricity, it is clear that there are Agnichaitans which are definitely etheric in nature.

25. Vì các Agnichaitans dự phần vào sự biểu hiện của điện lực cõi hồng trần, rõ ràng có những Agnichaitans chắc chắn mang bản chất dĩ thái.

26. We may presume that different strata of Agnichaitans can be found in relation to latent fire, akashic fire and also to pranic/ radiatory fire.

26. Chúng ta có thể giả định rằng những tầng lớp khác nhau của Agnichaitans có thể được tìm thấy liên hệ với lửa tiềm tàng, lửa akasha và cả lửa prana/phóng xạ.

27. If Agnisuryans are to be found on both the buddhic and astral planes, then (following the probable pattern of reflection) Agnichaitans are to be looked for not only on the systemic physical plane but on the atmic plane. Also, as stated, from the cosmic perspective, *all* the devas of the cosmic physical plane can be considered Agnichaitans.

27. Nếu các Agnisuryans được tìm thấy trên cả cõi Bồ đề lẫn cõi cảm dục, thì (theo mô hình phản chiếu có thể có) các Agnichaitans phải được tìm kiếm không chỉ trên cõi hồng trần hệ thống mà còn trên cõi atma. Ngoài ra, như đã nói, từ góc nhìn vũ trụ, *mọi* thiên thần của cõi hồng trần vũ trụ đều có thể được xem là Agnichaitans.

28. This entire section of the book presents a vision of *living substance.*

28. Toàn bộ phần này của quyển sách trình bày một linh ảnh về *chất liệu sống động.*

As the race becomes clairvoyant, as it surely will in a great degree before the close of this rootrace,

Khi nhân loại trở nên thông nhãn, như chắc chắn sẽ xảy ra ở mức độ lớn trước khi giống dân gốc này kết thúc,

29. We are speaking of the close of the fifth rootrace which may occur many thousands

29. Chúng ta đang nói về sự kết thúc của giống dân gốc thứ năm, điều có thể xảy ra

of years into the future. We find ourselves, now, at the beginning of the sixth sub-race of the fifth rootrace.

sau nhiều ngàn năm nữa trong tương lai. Hiện nay, chúng ta đang ở đầu giống dân phụ thứ sáu của giống dân gốc thứ năm.

30. We must remember that our particular rootrace is closely related to the development of both mind and vision.

30. Chúng ta phải nhớ rằng giống dân gốc đặc thù của chúng ta liên hệ chặt chẽ với sự phát triển của cả trí tuệ lẫn tầm nhìn.

these gaseous devas will stand revealed,

các thiên thần khí này sẽ được mặc khải,

31. It is confirmed that Salamanders and Agnichaitans are *gaseous* devas—devas of the systemic gaseous subplane. Agnichaitans, however, come in more subtle categories related to the etheric subplanes of the systemic physical plane. Whether this is true of Salamanders has yet to be determined.

31. Điều này xác nhận rằng Salamanders và Agnichaitans là các thiên thần *khí*—các thiên thần của cõi phụ khí hệ thống. Tuy nhiên, Agnichaitans còn hiện hữu trong những loại tinh tế hơn liên hệ với các cõi phụ dĩ thái của cõi hồng trần hệ thống. Điều này có đúng với Salamanders hay không thì vẫn còn phải xác định.

and men will realise that they are working with fiery lives,

và những người nam và nữ sẽ chứng nghiệm rằng họ đang làm việc với những sự sống rực lửa,

32. At the present time, we call these fiery lives by the crude term “matter”.

32. Hiện nay, chúng ta gọi những sự sống rực lửa này bằng thuật ngữ thô sơ là “vật chất”.

and that they are themselves closely allied to these lives through the fires of their own bodies.

và rằng họ chính họ có liên hệ mật thiết với những sự sống này qua các ngọn lửa trong chính các thể của họ.

33. The fires of the human body are devic in nature. How shall we discriminate the latent and radiatory fires within the human being from the Salamanders, Agnichaitans and “tiny essences” of a fiery nature—all now under discussion?

33. Các ngọn lửa của thể người mang bản chất thiên thần. Làm sao chúng ta sẽ phân biệt lửa tiềm tàng và lửa phóng xạ bên trong con người với các Salamanders, Agnichaitans và “các tinh chất nhỏ bé” mang bản chất rực lửa—tất cả hiện đang được bàn đến?

34. VSK inquires: “Does this suggests that gaseous level bodies require clairvoyance to be seen?”

34. VSK hỏi: “Điều này có gợi ý rằng các thể ở cấp độ khí cần phải có thông nhãn mới thấy được không?”

35. To this one might respond—"How well, presently, does one 'see' the air—the effects of pollution notwithstanding?"

35. Đối với điều này, người ta có thể đáp lại —"Hiện nay, người ta 'thấy' không khí rõ đến mức nào—bất chấp các tác động của ô nhiễm?"

The clairvoyance which is in process [Page 905] of developing in this rootrace is **entirely physical**,

Loại thông nhãn hiện đang trong tiến trình [Page 905] phát triển trong giống dân gốc này là **hoàn toàn hồng trần**,

36. There are obviously other more refined types of clairvoyance.

36. Hiển nhiên còn có những loại thông nhãn tinh tế hơn khác.

37. This physical clairvoyance is naturally a demonstration of *etheric* perception.

37. Loại thông nhãn hồng trần này tự nhiên là một biểu hiện của tri giác *dĩ thái*.

and, under the law, its development is to be anticipated, for the **Aryan rootrace is that one wherein man—in this fourth round—comes to full self-consciousness**.

và, theo định luật, sự phát triển của nó là điều có thể được dự liệu, vì **giống dân gốc Arya là giống dân màtrong con người—trong cuộc tuần hoàn thứ tư này—đạt đến ngã thức trọn vẹn**.

38. By "full self-consciousness" we may mean (ideally) consciousness of the processes of all lunar vehicles and also of those processes which occur within the causal body. However, such *full* self-consciousness may have to be deferred until other rootraces have elapsed.

38. Bởi "ngã thức trọn vẹn", chúng ta có thể muốn nói (một cách lý tưởng) là tâm thức về các tiến trình của mọi vận cụ nguyệt tinh, và cả những tiến trình xảy ra bên trong thể nguyên nhân. Tuy nhiên, ngã thức *trọn vẹn* như thế có thể phải được hoãn lại cho đến khi các giống dân gốc khác đã trôi qua.

39. Obviously, etheric perception is only the beginning of "full self-consciousness".

39. Hiển nhiên, tri giác dĩ thái chỉ mới là khởi đầu của "ngã thức trọn vẹn".

40. It is also to be remembered that the Aryan rootrace is a very *physical* rootrace and not, particularly, at first, a psychic rootrace. The physical plane is a reflection of the mental plane on which the Aryan consciousness focusses.

40. Cũng cần nhớ rằng giống dân gốc Arya là một giống dân gốc rất *hồng trần* và không đặc biệt, ít nhất lúc đầu, là một giống dân gốc thông linh. Cõi hồng trần là sự phản chiếu của cõi trí, nơi tâm thức Arya tập trung vào.

This involves complete physical vision, and the use in perfection of the three physical plane senses of hearing, touch, and sight.

Điều này bao hàm linh thị hồng trần hoàn chỉnh, và việc sử dụng một cách hoàn hảo ba

giác quan của cõi hồng trần là thính giác, xúc giác và thị giác.

41. The “use in perfection” of the three physical plane sense of hearing, touch and sight seems to apply principally to the extension of these senses onto the systemic etheric planes.

41. “Việc sử dụng một cách hoàn hảo” ba giác quan của cõi hồng trần là thính giác, xúc giác và thị giác dường như chủ yếu áp dụng cho sự mở rộng các giác quan này lên các cõi dĩ thái hệ thống.

42. Perhaps we might say that in the Aryan rootrace, man is to come to full self-consciousness on *both* the physical and etheric subplanes, but that *truly* full self-consciousness will have to be deferred until later rootrace development (except in the case of more advanced souls).

42. Có lẽ chúng ta có thể nói rằng trong giống dân gốc Arya, con người sẽ đạt đến ngã thức trọn vẹn trên *cả* các cõi phụ hồng trần lẫn dĩ thái, nhưng ngã thức trọn vẹn *thực sự* sẽ phải được hoãn lại cho đến sự phát triển của các giống dân gốc về sau (trừ trường hợp các linh hồn tiến hoá hơn).

In the next rootrace, astral clairvoyance will be prevalent,

Trong giống dân gốc kế tiếp, thông nhãn cảm dục sẽ trở nên phổ biến,

43. We are speaking of the sixth rootrace. This statement almost certainly confirms that the type of clairvoyance to be *widely* developed during the Aryan root race will be of the *physical-etheric* kind.

43. Chúng ta đang nói về giống dân gốc thứ sáu. Phát biểu này gần như chắc chắn xác nhận rằng loại thông nhãn sẽ được phát triển *rộng rãi* trong giống dân gốc Arya sẽ thuộc loại *hồng trần-dĩ thái*.

44. Yet, of course, many disciples will achieve the second and third initiations during the Aryan root race, and so the types of clairvoyance available to them (as examples of more advanced types) will be deeper and more extensive.

44. Tuy nhiên, dĩ nhiên, nhiều đệ tử sẽ đạt lần điểm đạo thứ hai và lần điểm đạo thứ ba trong giống dân gốc Arya, và vì vậy các loại thông nhãn dành cho họ (như những ví dụ về các loại cao hơn) sẽ sâu hơn và rộng hơn.

though not universal,

dù không có tính phổ quát,

45. Many, after all, will, even then, not yet be upon the Path.

45. Rốt cuộc, ngay cả khi ấy, nhiều người vẫn chưa bước trên Con Đường.

and thus contact with the buddhic plane will be more easily achieved.

và do đó sự tiếp xúc với cõi Bồ đề sẽ đạt được dễ dàng hơn.

46. DK is telling us that if astral clairvoyance is achieved, contact with the buddhic plane will be more easily achieved.

46. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng nếu đạt được thông nhãn cảm dục, thì sự tiếp xúc với cõi Bồ đề sẽ đạt được dễ dàng hơn.

47. We may infer from this that if etheric clairvoyance is achieved, contact with the mental plane and higher mental plane will be more easily achieved. The Aryan root race is a developmental period in which a significant number of human beings should be achieving causal consciousness.

47. Từ điều này, chúng ta có thể suy ra rằng nếu đạt được thông nhãn dĩ thái, thì sự tiếp xúc với cõi trí và Cõi thượng trí sẽ đạt được dễ dàng hơn. Giống dân gốc Arya là một giai đoạn phát triển trong đó một số lượng đáng kể con người nên đạt được tâm thức nguyên nhân.

In the earlier rootraces of the next round, the fifth, there will be a recapitulation of the activities of this round,

Trong các giống dân gốc đầu tiên của cuộc tuần hoàn kế tiếp, cuộc tuần hoàn thứ năm, sẽ có một sự lặp lại các hoạt động của cuộc tuần hoàn này,

48. This is ever the case. As nature progresses, recapitulatory periods occur at the beginning of every cycle.

48. Điều này luôn luôn là như vậy. Khi bản chất tiến hoá, các giai đoạn lặp lại xuất hiện vào đầu mỗi chu kỳ.

49. We can look for such periods even in the microcosmic life of tiny man.

49. Chúng ta có thể tìm thấy những giai đoạn như thế ngay cả trong đời sống tiểu thiên địa của con người nhỏ bé.

until, in the fifth rootrace [of the fifth round], the sumtotal of that achieved in this round will be seen.

cho đến khi, trong giống dân gốc thứ năm [of the fifth round], toàn thể những gì đạt được trong cuộc tuần hoàn này sẽ được thấy.

50. So the entire fourth round will be mirrored in the fifth round and probably in the *fourth rootrace* of that round—if the numerological correspondences hold.

50. Vì vậy toàn bộ cuộc tuần hoàn thứ tư sẽ được phản chiếu trong cuộc tuần hoàn thứ năm và có lẽ trong *giống dân gốc thứ tư* của cuộc tuần hoàn ấy—nếu các tương ứng số học được giữ vững.

51. Each cycle demonstrates´(in one of its smaller cycles) the entirety of a previous greater cycle.

51. Mỗi chu kỳ đều biểu lộ (trong một chu kỳ nhỏ hơn của nó) toàn thể một chu kỳ lớn hơn trước đó.

52. If this is the case, then probably in the fourth sub-race of our present Aryan root

52. Nếu đúng như vậy, thì có lẽ trong giống dân phụ thứ tư của giống dân gốc Arya hiện

race, the entirety of the fourth rootrace should have been mirrored.

53. Since we are now in the fourth round, may it have been the case that the entirety of the third round was demonstrated in the third rootrace of the present round?

54. We must also question whether this full demonstration or mirroring of the previous round must await appearance on a globe the number of which is at least one greater than the number of the round. In other words, we are on the fourth globe of the fourth round. Perhaps the full mirroring of the third round could not have occurred on globes one, two or three of this round, but only on globe four, as its number is one greater than the round to be mirrored.

55. One could also ask whether that which occurred in the third round would not be mirrored in the processes of the third globe of *this* round (the fourth round)?

56. Rounds can be mirrored in rootraces, but also, it would seem, on globes of a corresponding number in the succeeding round.

Men will then begin to demonstrate mental clairvoyance.

57. It is fitting that this occur in the fifth round, the number of which correlates with the fifth or mental principle.

nay của chúng ta, toàn thể giống dân gốc thứ tư đáng lẽ đã được phản chiếu.

53. Vì hiện nay chúng ta đang ở cuộc tuần hoàn thứ tư, liệu có phải toàn thể cuộc tuần hoàn thứ ba đã được biểu lộ trong giống dân gốc thứ ba của cuộc tuần hoàn hiện tại hay không?

54. Chúng ta cũng phải đặt câu hỏi liệu sự biểu lộ hay phản chiếu trọn vẹn của cuộc tuần hoàn trước đó có phải chờ đến khi xuất hiện trên một bầu hành tinh có số thứ tự ít nhất lớn hơn số của cuộc tuần hoàn một đơn vị hay không. Nói cách khác, chúng ta đang ở bầu hành tinh thứ tư của cuộc tuần hoàn thứ tư. Có lẽ sự phản chiếu trọn vẹn của cuộc tuần hoàn thứ ba không thể xảy ra trên các bầu hành tinh một, hai hay ba của cuộc tuần hoàn này, mà chỉ trên bầu hành tinh bốn, vì số của nó lớn hơn một đơn vị so với cuộc tuần hoàn được phản chiếu.

55. Người ta cũng có thể hỏi liệu những gì đã xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ ba lại không được phản chiếu trong các tiến trình của bầu hành tinh thứ ba của *cuộc tuần hoàn* này (cuộc tuần hoàn thứ tư) hay sao?

56. Các cuộc tuần hoàn có thể được phản chiếu trong các giống dân gốc, nhưng dường như cũng được phản chiếu trên các bầu hành tinh có số tương ứng trong cuộc tuần hoàn kế tiếp.

Khi ấy những người nam và nữ sẽ bắt đầu biểu lộ thông nhãn trí tuệ.

57. Điều này thích hợp xảy ra trong cuộc tuần hoàn thứ năm, mà con số của nó tương ứng với nguyên khí thứ năm hay nguyên khí trí tuệ.

Thus the cycles mingle and overlap, in order that no unit of life, however small and unimportant, may fail in opportunity.

Do đó các chu kỳ hòa lẫn và chồng lấn lên nhau, để không một đơn vị sự sống nào, dù nhỏ bé và không quan trọng đến đâu, lại thiếu cơ hội.

58. Since the principle of repetition is so firmly established in the developmental process of nature, it should also be employed in the teaching process so that no student may "fail in opportunity".

58. Vì nguyên lý lặp lại được thiết lập rất vững chắc trong tiến trình phát triển của bản chất, nên nó cũng cần được vận dụng trong tiến trình giảng dạy để không một đạo sinh nào "thiếu cơ hội".

59. We can see from what is said that if full development of some quality was not achieved during a particular cycle, opportunity for completion of development will be re-presented in a lesser cycle which has the same number as the cycle in which development was to have taken place.

59. Từ những gì đã được nói, chúng ta có thể thấy rằng nếu sự phát triển trọn vẹn của một phẩm tính nào đó không đạt được trong một chu kỳ nhất định, thì cơ hội để hoàn tất sự phát triển sẽ được trình hiện lại trong một chu kỳ nhỏ hơn có cùng con số với chu kỳ mà trong đó sự phát triển lẽ ra phải diễn ra.

These agnichaitans of the third subplane come particularly under the influence of Saturnian energy.

Các agnichaitans của cõi phụ thứ ba này đặc biệt chịu ảnh hưởng của năng lượng Thổ Tinh.

60. We might presume that DK is speaking of the third subplane number from above. This would mean that He is speaking of an *etheric* subplane. Yet we cannot be certain of the direction in which DK may be counting. Evidence gathered from text which follows suggests that He is speaking of the third subplane from *below.*

60. Chúng ta có thể giả định rằng Chân sư DK đang nói về cõi phụ thứ ba tính từ trên xuống. Điều này có nghĩa là Ngài đang nói về một cõi phụ *dĩ thái*. Tuy nhiên, chúng ta không thể chắc chắn về hướng mà Chân sư DK có thể đang đếm. Chứng cứ thu thập từ đoạn văn tiếp theo gợi ý rằng Ngài đang nói về cõi phụ thứ ba tính từ *dưới lên.*

61. The third subplane from below must also, in one respect, be called the "third subplane", and the two subplanes mentioned will have a reciprocal effect upon one another.

61. Cõi phụ thứ ba tính từ dưới lên cũng phải, trên một phương diện nào đó, được gọi là "cõi phụ thứ ba", và hai cõi phụ được nhắc đến sẽ có tác động hỗ tương lên nhau.

They are the **great fusers of substance**, and it is in connection with them that the transmutation of metals becomes possible.

Họ là **những đấng đại dung hợp của chất liệu**, và chính trong mối liên hệ với họ mà sự chuyển hoá kim loại trở nên khả hữu.

62. When speaking of "transmutation" the ethers are usually involved. Uranus, the planet of transmutation, is the planet representing etheric substance, whereas Saturn represents more physical substance.

62. Khi nói về "sự chuyển hoá", các dĩ thái thường có liên quan. Sao Thiên Vương, hành tinh của sự chuyển hoá, là hành tinh biểu trưng cho chất liệu dĩ thái, trong khi Thổ Tinh biểu trưng cho chất liệu hồng trần hơn.

63. We are given the hint that in alchemical processes, there is to be found a fusion process applied to substances.

63. Chúng ta được cho một gợi ý rằng trong các tiến trình luyện kim, có thể tìm thấy một tiến trình dung hợp được áp dụng lên các chất liệu.

They have a relationship to the mineral kingdom analogous to that which the watery devas have to the vegetable and animal.

Họ có một mối liên hệ với giới kim thạch tương tự như mối liên hệ mà các thiên thần của nước có với giới thực vật và giới động vật.

64. The "watery devas" here discussed are definitely material in nature, 'inhabiting' water (considering water as the central aspect of the three systemic dense physical subplanes). This being the case, perhaps the Agnichaitans discussed above are also (systemically considered) *material* in nature. In this case, the subplane involved would be the third from below or gaseous subplane.

64. Các "thiên thần của nước" được bàn đến ở đây chắc chắn mang bản chất vật chất, "cư ngụ" trong nước (xét nước như phương diện trung tâm của ba cõi phụ hồng trần đậm đặc hệ thống). Nếu đúng như vậy, thì có lẽ các Agnichaitans được bàn ở trên cũng mang bản chất *vật chất* theo nghĩa hệ thống. Trong trường hợp này, cõi phụ liên hệ sẽ là cõi phụ thứ ba tính từ dưới lên, tức cõi phụ khí.

65. There are, of course, Agnichaitans of the etheric planes.

65. Dĩ nhiên, có những Agnichaitans của các cõi dĩ thái.

They are, as will be apparent, connected with the throat centre of a planetary Logos and of a solar Logos, and it is through their activity that **the transmission of sound through the air becomes possible**.

Họ, như sẽ thấy rõ, được nối kết với trung tâm cổ họng của một Hành Tinh Thượng Đế và của một Thái dương Thượng đế, và chính nhờ hoạt động của họ mà **sự truyền dẫn âm thanh qua không khí trở nên khả hữu**.

66. Yes, it appears we are speaking of Agnichaitans related to the gaseous subplane of the systemic physical plane.

66. Đúng vậy, dường như chúng ta đang nói về các Agnichaitans liên hệ với cõi phụ khí của cõi hồng trần hệ thống.

67. DK is reasonably connecting Saturn (a third ray planet) with the throat center, with sound and the sense of hearing.

67. Chân sư DK đang nối kết một cách hợp lý Thổ Tinh (một hành tinh cung ba) với trung

tâm cổ họng, với âm thanh và giác quan thính giác.

68. This is one of those piece of occult information which would not be suspected —the involvement of the Agnichaitans in the transmission of sound through the air.

68. Đây là một trong những mẩu thông tin huyền bí mà người ta sẽ không ngờ tới—sự dự phần của các Agnichaitans trong việc truyền dẫn âm thanh qua không khí.

69. We can see that various devas are involved the proper functioning of the senses. They serve as a kind of *relation* or bridge between the senses and the not-self which the senses detect. The devas, in this respect, are *relational.*

69. Chúng ta có thể thấy rằng nhiều loại thiên thần khác nhau dự phần vào sự vận hành đúng đắn của các giác quan. Họ phụng sự như một loại *liên hệ* hay cây cầu giữa các giác quan và cái không-phải-ngã mà các giác quan phát hiện. Xét theo phương diện này, các thiên thần mang tính *liên hệ.*

70. If these devas are involved with the transmission of sound, we must suspect that other devas are involved with the transmission of light, with other devas playing their role in the kind of contact which produces the registration of smell, taste and, in general, touch.

70. Nếu các thiên thần này dự phần vào sự truyền dẫn âm thanh, chúng ta phải nghi ngờ rằng các thiên thần khác dự phần vào sự truyền dẫn ánh sáng, và những thiên thần khác nữa đóng vai trò của mình trong loại tiếp xúc tạo ra sự ghi nhận mùi, vị và nói chung là xúc giác.

It might surprise students and inventors could they but realise that the present rapid growth of wireless communication everywhere is **due to the swinging into contact with the human vibration of a group of fiery deva lives hitherto uncontacted**.

Điều này có thể làm các đạo sinh và các nhà phát minh ngạc nhiên nếu họ có thể chứng nghiệm rằng sự tăng trưởng nhanh chóng hiện nay của truyền thông không dây ở khắp nơi là **do một nhóm sự sống thiên thần rực lửa từ trước đến nay chưa từng được tiếp xúc đang dao động để tiếp xúc với rung động của con người**.

71. We think we are dealing with so-called 'blind forces', but, instead, subtle intelligent lives are at work. Are these lives to be found on the gaseous or on etheric planes? The answer is not given, but as we have been speaking of the gaseous subplane, these lives *may* be found on that level.

71. Chúng ta nghĩ rằng mình đang xử lý những cái gọi là 'mãnh lực mù quáng', nhưng thay vào đó, những sự sống thông tuệ tinh tế đang hoạt động. Những sự sống này có được tìm thấy trên cõi khí hay trên các cõi dĩ thái không? Câu trả lời không được đưa ra, nhưng vì chúng ta đã nói về cõi phụ khí, nên những sự sống này *có thể* được tìm thấy ở cấp độ ấy.

72. Whether these lives 'inhabit' the systemic gaseous subplane or the lowest etheric subplane, they can be considered "fiery deva lives".

72. Dù những sự sống này "cư ngụ" trên cõi phụ khí hệ thống hay trên cõi phụ dĩ thái thấp nhất, chúng vẫn có thể được xem là "những sự sống thiên thần rực lửa".

Just as each plane has its seven subplanes, so likewise each subplane can be subdivided,

Cũng như mỗi cõi có bảy cõi phụ của nó, thì tương tự như vậy mỗi cõi phụ cũng có thể được phân chia nhỏ hơn,

73. This subdivision is presumably into seven.

73. Sự phân chia nhỏ này có lẽ là thành bảy phần.

74. Since there are certain devic lives associated with each of the subplanes and sub-sub-planes of the cosmic physical plane, the number of such lives is considerable.

74. Vì có những sự sống thiên thần nhất định liên hệ với mỗi cõi phụ và mỗi cõi phụ-phụ của cõi hồng trần vũ trụ, nên số lượng những sự sống như thế là rất lớn.

thus making forty-nine fires on every plane,

do đó tạo thành bốn mươi chín ngọn lửa trên mỗi cõi,

75. On each systemic plane...

75. Trên mỗi cõi hệ thống...

76. Above, we have been told that each subplane can be divided into forty-nine subdivisions!

76. Ở trên, chúng ta đã được cho biết rằng mỗi cõi phụ có thể được chia thành bốn mươi chín phân bộ!

The devas of the sixth physical subplane can be divided into three groups, and these again into seven and into forty-nine, thus corresponding with all groups in the solar system. (TCF 902)

Các thiên thần của cõi phụ hồng trần thứ sáu có thể được chia thành ba nhóm, và các nhóm này lại chia thành bảy và thành bốn mươi chín, do đó tương ứng với mọi nhóm trong hệ mặt trời. (TCF 902)

or the three hundred and forty-three fires of the solar system.

hoặc ba trăm bốn mươi ba ngọn lửa của hệ mặt trời.

77. The solar system exists on the cosmic physical plane. This means that on the cosmic physical plane there are three hundred and forty-three fires, and presumably an equal or greater number of kinds of devic lives.

77. Hệ mặt trời hiện hữu trên cõi hồng trần vũ trụ. Điều này có nghĩa là trên cõi hồng trần vũ trụ có ba trăm bốn mươi ba ngọn lửa, và có lẽ một số lượng bằng hoặc lớn hơn các loại sự sống thiên thần.

78. The number three hundred and forty-three is derived by dividing each systemic subplane into seven division rather than forty-nine.

78. Con số ba trăm bốn mươi ba được rút ra bằng cách chia mỗi cõi phụ hệ thống thành bảy phần thay vì bốn mươi chín.

79. If we subdivide each subplane into forty-nine sections, then the cosmic physical plane will have 2401 subdivisions.

79. Nếu chúng ta chia mỗi cõi phụ thành bốn mươi chín phần, thì cõi hồng trần vũ trụ sẽ có 2401 phân bộ.

Herein can be found the clue to the mystery of the "fourth between the three" [Page 906] which has at times bewildered students of the occult records.

Chính trong đây có thể tìm thấy manh mối cho huyền nhiệm của "thứ tư ở giữa ba" [Page 906] vốn đôi khi đã làm các đạo sinh của các biên niên huyền bí bối rối.

80. The "fourth between the three" can have, therefore, three meanings:

80. Vì vậy, "thứ tư ở giữa ba" có thể có ba ý nghĩa:

a. The buddhic plane as the fourth or central plane between two sets of three systemic planes

a. Cõi Bồ đề như cõi thứ tư hay cõi trung tâm giữa hai bộ ba cõi hệ thống

b. The fourth subplane found on any systemic plane

b. Cõi phụ thứ tư được tìm thấy trên bất kỳ cõi hệ thống nào

c. The fourth sub-subplane found on any of the forty-nine systemic subplanes

c. Cõi phụ-phụ thứ tư được tìm thấy trên bất kỳ cõi phụ nào trong bốn mươi chín cõi phụ hệ thống

There are several ways of reading these figures, 3 4 3, but the only occult method which can be hinted at here,

Có nhiều cách để đọc các con số này, 3 4 3, nhưng phương pháp huyền bí duy nhất có thể được gợi ra ở đây,

81. Obviously, there are *other* occult methods. We note also that nothing *explicit* is being offered—only hints.

81. Hiển nhiên là có những phương pháp huyền bí *khác*. Chúng ta cũng lưu ý rằng không có gì được đưa ra một cách *minh nhiên* —chỉ là những gợi ý.

lies in the recognition of the three higher planes, the three lower planes, the fourth plane of meeting between them. **This fourth**

chính trong sự nhận biết ba cõi cao, ba cõi thấp, và cõi thứ tư là nơi gặp gỡ giữa chúng. **Cõi thứ tư này, theo huyền bí học, đã được gọi là "nơi gặp gỡ".**

plane has occultly been called "the meeting place."

82. This is as suggested above.

83. Could this “meeting place” that “place” in the magical process “where land and water meet”?

Let the magician guard himself from drowning at the point where land and water meet. The midway spot, which is neither dry nor wet, must provide the standing place whereon his feet are set. When water, land and air meet, there is the place for magic to be wrought. (TWM xiii)

When it is remembered that the goal for these gaseous devas is the fourth cosmic ether, or the buddhic plane

84. The buddhic plane *eventually*…

and that they (in their major and minor groups) are the internal macrocosmic and microcosmic fires, some idea may be gained as to the true significance of the eventual at-one-ment between the two lines of evolution for the goal for man likewise is the buddhic plane.

82. Điều này đúng như đã được gợi ý ở trên.

83. “Nơi gặp gỡ” này có thể là “nơi” trong tiến trình huyền thuật “nơi đất và nước gặp nhau” chăng?

Hãy để nhà huyền thuật tự bảo vệ mình khỏi chết đắm tại điểm nơi đất và nước gặp nhau. Nơi ở giữa, không khô cũng không ướt, phải cung cấp vị trí đứng mà trên đó y phải đặt bàn chân. Khi nước, đất và không khí gặp nhau, đó là nơi để huyền thuật được thực hiện. (TWM xiii)

Khi nhớ rằng mục tiêu của các thiên thần thể khí này là dĩ thái vũ trụ thứ tư, hay cõi Bồ đề

84. Cõi Bồ đề *rốt cuộc*…

và rằng họ (trong các nhóm lớn và nhỏ của họ) là các lửa bên trong của đại thiên địa và tiểu thiên địa, người ta có thể đạt được một vài ý niệm về thâm nghĩa đích thực của sự hợp nhất tối hậu giữa hai đường tiến hoá, vì mục tiêu của con người cũng là cõi Bồ đề.

85. The eventual at-one-ment between man and deva is to occur on the buddhic plane. We see however, that the gaseous devas, after having been elevated to the fourth etheric subplane, have for an *eventual* destination the buddhic plane, whereon the human and deva evolutions become reconciled. It is clear that the development of the gaseous devas (the macrocosmic and microcosmic fires) tending as it does towards the buddhic plane, is part of this reconciliation.

85. Sự hợp nhất tối hậu giữa con người và thiên thần sẽ xảy ra trên cõi Bồ đề. Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng các thiên thần thể khí, sau khi đã được nâng lên cõi phụ dĩ thái thứ tư, có đích đến *cuối cùng* là cõi Bồ đề, nơi mà hai dòng tiến hoá nhân loại và thiên thần được hoà giải. Rõ ràng sự phát triển của các thiên thần thể khí (các lửa của đại thiên địa và tiểu thiên địa), vì hướng về cõi Bồ đề, là một phần của sự hoà giải này.

On the third subplane, therefore,

Do đó, trên cõi phụ thứ ba,

86. And we are, indeed, speaking of the third subplane from below—the gaseous subplane of the systemic dense subplanes…

86. Và quả thật, chúng ta đang nói về cõi phụ thứ ba tính từ dưới lên—cõi phụ thể khí của các cõi phụ đậm đặc của hệ thống…

in its fifth division of deva essences,

trong phân bộ thứ năm của nó của các tinh chất thiên thần,

87. Shall we again count from below, and thus focus on the fifth sub-sub level of the systemic gaseous subplane?

87. Chúng ta có nên lại đếm từ dưới lên, và như vậy tập trung vào cấp độ phụ-phụ thứ năm của cõi phụ thể khí của hệ thống chăng?

certain groups are now being contacted in this, the fifth rootrace;

một số nhóm hiện đang được tiếp xúc trong giống dân gốc thứ năm này;

88. We see the infallible working out of numerical correspondences…

88. Chúng ta thấy sự vận hành không sai chạy của các tương ứng số học…

the result of this contact can be seen in the stimulation of responsive vibration, which is demonstrated already in the discovery of wireless intercourse and of radium.

kết quả của sự tiếp xúc này có thể thấy trong sự kích thích rung động đáp ứng, điều đã được biểu lộ ngay trong việc khám phá liên lạc vô tuyến và radium.

89. We are speaking of developments upon the fifth sub level of the systemic gaseous subplane.

89. Chúng ta đang nói về các phát triển trên cấp độ phụ thứ năm của cõi phụ thể khí của hệ thống.

90. We have learned that what is loosely called “wireless” or, perhaps, radio waves, are concerned with the systemic gaseous subplane.

90. Chúng ta đã học rằng điều được gọi một cách lỏng lẻo là “vô tuyến” hay có lẽ là sóng radio, có liên quan đến cõi phụ thể khí của hệ thống.

91. It would be surprising if the fourth etheric plane were not *also* involved, at least in the case of radium. Also with regard to what we usually call “electrical phenomena”, the fourth ether should be involved. DK speaks elsewhere of its influence.

91. Sẽ là điều đáng ngạc nhiên nếu cõi dĩ thái thứ tư không *cũng* liên quan, ít nhất trong trường hợp của radium. Ngoài ra, đối với điều mà chúng ta thường gọi là “các hiện tượng điện”, dĩ thái thứ tư hẳn cũng phải liên quan. Chân sư DK ở nơi khác có nói về ảnh hưởng của nó.

the fourth ether of the physical systemic plane is likewise assuming its rightful place in the minds of men, and the electrical force of that subplane is already being adapted and utilised by man in the assistance of the mechanical arts, for methods of transportation, for widespread illumination, and in healing. (TCF 320)

dĩ thái thứ tư của cõi hồng trần hệ thống cũng đang đảm nhận vị trí chính đáng của nó trong tâm trí của những người nam và nữ, và mãnh lực điện của cõi phụ đó đã đang được con người thích nghi và sử dụng để hỗ trợ các ngành cơ khí, cho các phương pháp vận chuyển, cho sự soi sáng rộng khắp, và trong trị liệu. (TCF 320)

There will also be seen a paralleling increased vibration of the human spirillae which will result, before the end of the round, in the awakening to full activity of the fifth spirilla of the human physical permanent atom.

Cũng sẽ thấy có một sự gia tăng rung động song hành của các loa tuyến nơi con người, điều này sẽ dẫn đến, trước khi cuộc tuần hoàn chấm dứt, sự thức tỉnh đến hoạt động trọn vẹn của loa tuyến thứ năm của Nguyên tử trường tồn hồng trần của con người.

92. This awakening will indicate that many human beings will be entering the kingdom of souls.

92. Sự thức tỉnh này sẽ cho thấy rằng nhiều con người sẽ bước vào giới linh hồn.

93. We are still in the fourth round but are speaking of the awakening of the *fifth* spirilla. Probably this awakening will occur on a massive scale during the fifth round, but even now, in our fifth rootrace, many will find their fifth spirilla awakened as they pass through a transition from the fourth into the fifth kingdom.

93. Chúng ta vẫn còn ở cuộc tuần hoàn thứ tư nhưng đang nói về sự thức tỉnh của loa tuyến thứ *năm*. Có lẽ sự thức tỉnh này sẽ xảy ra trên quy mô lớn trong cuộc tuần hoàn thứ năm, nhưng ngay cả bây giờ, trong giống dân gốc thứ năm của chúng ta, nhiều người sẽ thấy loa tuyến thứ năm của mình được thức tỉnh khi họ đi qua một Chuyển tiếp từ giới thứ tư sang giới thứ năm.

94. It seems that those spirillae already awakened will also be further stimulated —"a paralleling increased vibration". There seems to be an implication that it is the increasing vibration of the lower spirillae which contributes to the awakening of the fifth spirilla.

94. Có vẻ như những loa tuyến đã được thức tỉnh cũng sẽ còn được kích thích thêm nữa —"một sự gia tăng rung động song hành". Dường như có hàm ý rằng chính sự gia tăng rung động của các loa tuyến thấp góp phần vào sự thức tỉnh của loa tuyến thứ năm.

Hence the work of the **Mahachohan** at this time in connection with seventh ray (which is temporarily acting as the synthesis of the five types of energy over which He presides), might be summed up as follows:

Do đó, công việc của **Đức Mahachohan** vào lúc này liên quan đến cung bảy (vốn đang tạm thời hoạt động như sự tổng hợp của năm loại năng lượng mà Ngài chủ trì), có thể được tóm lược như sau:

95. We note in the seventh ray a *temporary* synthesis of the five rays over which the Maha-Chohan presides.

95. Chúng ta lưu ý rằng trong cung bảy có một sự tổng hợp *tạm thời* của năm cung mà Đức Mahachohan chủ trì.

96. The third ray holds the greater synthesis over time, but due to the prominence of the seventh ray in the particular Age of Aquarius into which we are passing, the seventh ray now holds the synthetic position.

96. Cung ba nắm giữ sự tổng hợp lớn hơn theo thời gian, nhưng do sự nổi bật của cung bảy trong Kỷ Nguyên Bảo Bình đặc biệt mà chúng ta đang đi vào, nên hiện nay cung bảy giữ vị trí tổng hợp.

97. It is probable that at the time TCF was written, the Master R. had not yet assumed the role of Mahachohan.

97. Có lẽ vào thời điểm Luận về Lửa Vũ Trụ được viết, Chân sư R. vẫn chưa đảm nhận vai trò Mahachohan.

First, He is utilising the seventh type of energy in order to further the recognition by the human unit of the subtler substance of the physical plane.

Thứ nhất, Ngài đang sử dụng loại năng lượng thứ bảy để thúc đẩy sự nhận biết của đơn vị nhân loại về chất liệu vi tế hơn của cõi hồng trần.

98. The seventh ray is particularly associated with the *etheric* subplanes of the systemic physical plane.

98. Cung bảy đặc biệt liên hệ với các cõi phụ *dĩ thái* của cõi hồng trần hệ thống.

This seventh ray is a primary factor in the production of objectivity.

Cung bảy này là một yếu tố chính trong việc tạo ra tính khách quan.

99. By this, in this context, we mean *dense* physical objectivity.

99. Bởi điều này, trong ngữ cảnh này, chúng ta muốn nói đến tính khách quan hồng trần *đậm đặc*.

100. This type of objectivity is precipitated from the systemic etheric planes.

100. Loại tính khách quan này được ngưng tụ từ các cõi dĩ thái của hệ thống.

The energy of the planetary Logos of the seventh scheme dominates the seventh plane;

Năng lượng của Hành Tinh Thượng Đế của hệ hành tinh thứ bảy chi phối cõi thứ bảy;

101. For the time being we may presume this Logos to be the Logos of Uranus.

101. Hiện thời chúng ta có thể giả định Thượng đế này là Thượng đế của Sao Thiên Vương.

it is the ray whereon deva substance and Spirit can meet and adapt [Page 907] themselves to each other with greater facility than on any other ray except the third.

đó là cung mà trên đó chất liệu thiên thần và tinh thần có thể gặp nhau và thích nghi [Page 907] với nhau dễ dàng hơn trên bất kỳ cung nào khác ngoại trừ cung ba.

102. The two magical rays are the seventh and the third. The seventh ray rules ritualism, per se, and the third ray rules magic in a general sense.

102. Hai cung huyền thuật là cung bảy và cung ba. Cung bảy cai quản chính nghi thức, còn cung ba cai quản huyền thuật theo nghĩa tổng quát.

103. We have an alignment here between the logoic, atmic and systemic etheric planes. The logoic plane is the ultimate plane of Spirit; the atmic plane is the plane most closely associate with the third ray; the etheric subplanes are most closely associated with the seventh ray.

103. Ở đây chúng ta có một sự chỉnh hợp giữa các cõi logoic, atma và dĩ thái hệ thống. Cõi logoic là cõi tối hậu của tinh thần; cõi atma là cõi liên kết mật thiết nhất với cung ba; các cõi phụ dĩ thái liên kết mật thiết nhất với cung bảy.

104. The meeting of Spirit with deva substance is required for the highest magical processes.

104. Sự gặp gỡ của tinh thần với chất liệu thiên thần là điều cần thiết cho các tiến trình huyền thuật cao nhất.

105. On the seventh ray, then, the "Highest and the Lowest Meet", but Spirit meets deva substance on the third ray as well. From a more general perspective, Spirit is the

105. Vậy thì, trên cung bảy, "Đấng Cao Nhất và Thấp Nhất Gặp Nhau", nhưng tinh thần cũng gặp chất liệu thiên thần trên cung ba. Từ một góc nhìn tổng quát hơn, tinh thần là

"Highest" and the third ray represents objectivity or the "Lowest".

"Cao Nhất" và cung ba biểu hiện tính khách quan hay "Thấp Nhất".

106. The seventh ray, we realize, is the objective expression of the first ray (the ray most closely associated with Spirit).

106. Chúng ta nhận ra rằng cung bảy là biểu hiện khách quan của Cung một (cung liên hệ mật thiết nhất với tinh thần).

Man, at present, is fully conscious, through some one or other of his senses, on the three lower subplanes; **it is intended that he shall be equally conscious on the four higher.**

Hiện nay, con người hoàn toàn có ý thức, qua giác quan này hay giác quan khác của y, trên ba cõi phụ thấp; **mục đích là để y cũng có ý thức ngang như vậy trên bốn cõi cao.**

107. This will mean the development of *etheric* consciousness, even though DK has emphasised that consciousness does not really exist on the etheric planes.

107. Điều này sẽ có nghĩa là sự phát triển của tâm thức *dĩ thái*, mặc dù Chân sư DK đã nhấn mạnh rằng tâm thức thật ra không tồn tại trên các cõi dĩ thái.

I would have you note that I did not say the etheric levels of consciousness, for there is no such thing as consciousness upon the etheric planes. (R&I 178)

Tôi muốn các bạn lưu ý rằng tôi đã không nói các cấp độ tâm thức dĩ thái, vì không có cái gọi là tâm thức trên các cõi dĩ thái. (R&I 178)

108. The situation with respect to consciousness on the etheric planes remains ambiguous. There is certainly an attempt to help man consciously register etheric phenomena.

108. Tình hình liên quan đến tâm thức trên các cõi dĩ thái vẫn còn mơ hồ. Chắc chắn có một nỗ lực nhằm giúp con người ghi nhận một cách hữu thức các hiện tượng dĩ thái.

109. When man becomes conscious on the higher four subplanes of the systemic physical plane, he will be aware of the activities of his chakras on all those four levels, and of the transmission of force via the nadis and meridians.

109. Khi con người trở nên có ý thức trên bốn cõi phụ cao của cõi hồng trần hệ thống, y sẽ nhận biết các hoạt động của các luân xa của mình trên cả bốn cấp độ ấy, và sự truyền dẫn mãnh lực qua các nadis và kinh mạch.

This has to be brought about by the **stimulation of the deva substance which composes his bodies**.

Điều này phải được mang lại nhờ **sự kích thích chất liệu thiên thần cấu thành các thể của y**.

110. With greater stimulation, greater vision appears.

110. Với sự kích thích lớn hơn, tầm nhìn lớn hơn xuất hiện.

This will be accomplished through the dynamic will of the transmitting devas as they energise the manipulatory devas, and thus affect the **myriads of lesser lives** which compose man's body,

111. We have a threefold progression—

a. Transmitting devas with dynamic will

b. Manipulatory devas energized by the transmitting devas

c. The myriads of lesser lives who are the "recipients of force", the tiny substantial essences of the various planes.

112. How interesting that the development of human clairvoyance is dependent on a line of transmitted energy emanating from the transmitting devas on the higher planes.

and also by an increased responsiveness of the indwelling man or thinker to the contact made upon his body.

113. It is not the threefold deva transmission alone which accounts of the growth of human clairvoyance. The increasingly close relation between the Ego on the higher mental plane and the etheric-physical body is also responsible.

114. Presumably, the Ego-as-spiritual-triad will also be involved in promoting etheric awareness. That Ego inhabits the cosmic ethers and is thus in position to stimulate the systemic ethers.

Điều này sẽ được hoàn thành nhờ ý chí năng động của các thiên thần truyền dẫn khi họ tiếp sinh lực cho các thiên thần thao tác, và như vậy tác động đến **vô số sự sống nhỏ bé** cấu thành thân thể của con người,

111. Ở đây chúng ta có một tiến trình tam phân—

a. Các thiên thần truyền dẫn với ý chí năng động

b. Các thiên thần thao tác được các thiên thần truyền dẫn tiếp sinh lực

c. Vô số sự sống nhỏ bé là những "kẻ tiếp nhận mãnh lực", các tinh chất chất liệu vi tiểu của những cõi khác nhau.

112. Thật thú vị biết bao khi sự phát triển của thông nhãn nơi con người lại tùy thuộc vào một đường năng lượng được truyền dẫn phát ra từ các thiên thần truyền dẫn trên các cõi cao.

và cũng nhờ sự đáp ứng gia tăng của con người nội tại hay thức giả đối với sự tiếp xúc được tạo ra trên thể của y.

113. Không phải chỉ riêng sự truyền dẫn tam phân của thiên thần giải thích cho sự tăng trưởng của thông nhãn nơi con người. Mối liên hệ ngày càng mật thiết giữa chân ngã trên Cõi thượng trí và thể dĩ thái-hồng trần cũng chịu trách nhiệm.

114. Có lẽ chân ngã-với-tư-cách-tam nguyên tinh thần cũng sẽ liên quan đến việc thúc đẩy nhận biết dĩ thái. Chân ngã ấy cư ngụ trong các dĩ thái vũ trụ và do đó ở vào vị trí có thể kích thích các dĩ thái hệ thống.

This increased awareness will be brought about by the arousing of the fifth spirilla, by the unfolding of the fifth petal in the egoic lotus,

115. The arousing of the fifth spirilla gives entré into the Kingdom of Souls.

116. The opening of the fifth petal signals that the first initiation is in process. By the time the fifth petal is fully unfolded the first initiation has been taken.

117. It is advisable that the student grasp the *many parallel processes* occurring at specific stages of spiritual development.

118. In any case, this arousal and this opening accompany the opening up of etheric vision.

and by the gradual opening of the third eye through the arousing and uniform activity of five factors: **the centre at the base of the spine, the three channels in the spinal column, and the pineal gland.**

119. Here we have an important statement. The third eye opens as a result of the following *five* activities:

a. The measured arousal of the base of the spine center

b. The activation of the three channels in the spinal column (presumably this includes *etheric* activation.

Sự nhận biết gia tăng này sẽ được mang lại nhờ sự khơi dậy loa tuyến thứ năm, nhờ sự khai mở cánh hoa thứ năm trong Hoa Sen Chân Ngã,

115. Sự khơi dậy loa tuyến thứ năm cho phép đi vào Thiên Giới của các linh hồn.

116. Sự mở ra của cánh hoa thứ năm báo hiệu rằng lần điểm đạo thứ nhất đang diễn ra. Đến khi cánh hoa thứ năm hoàn toàn khai mở thì lần điểm đạo thứ nhất đã được tiếp nhận.

117. Điều nên làm là đạo sinh nắm được *nhiều tiến trình song hành* xảy ra ở những giai đoạn nhất định của sự phát triển tinh thần.

118. Dù sao đi nữa, sự khơi dậy này và sự mở ra này đi kèm với sự khai mở linh thị dĩ thái.

và nhờ sự mở dần của con mắt thứ ba qua sự khơi dậy và hoạt động đồng đều của năm yếu tố: **trung tâm ở đáy cột sống, ba kinh đạo trong cột sống, và tuyến tùng.**

119. Ở đây chúng ta có một phát biểu quan trọng. Con mắt thứ ba mở ra do kết quả của năm hoạt động sau đây:

a. Sự khơi dậy có chừng mực của trung tâm đáy cột sống

b. Sự hoạt hóa ba kinh đạo trong cột sống (có lẽ điều này bao gồm sự hoạt hóa *dĩ thái*.

c. The stimulation to a certain degree of the pineal gland

All these factors involve the activity of deva essence, plus the resultant awareness of the thinker.

120. So the ability to be aware on the higher etheric planes involves the activity of deva essence and the awareness of the thinker or Ego on the higher mental plane which, as a result of the activity of the deva essence in the five processes noted, becomes sufficiently aware to affect the process of increasing awareness on the etheric planes.

This will be followed by the conscious use of the newly-awakened powers.

121. First new consciousness must emerge. Then that which has emerged must be deliberately used.

122. We can see how many *parallel processes* are occurring and how retardation in any one of them could retard the entire process.

In this manner the close **interrelation and interdependence of the two lines of evolution becomes magnificently apparent**.

123. This has been one of the main points advanced in these sections of text—that human and deva development are parallel, interrelated and interdependent processes. Their mutual influence is inescapable.

c. Sự kích thích đến một mức độ nào đó của tuyến tùng

Tất cả các yếu tố này đều bao hàm hoạt động của tinh chất thiên thần, cộng với sự nhận biết kết quả của thức giả.

120. Vì vậy, khả năng nhận biết trên các cõi dĩ thái cao bao hàm hoạt động của tinh chất thiên thần và sự nhận biết của thức giả hay chân ngã trên Cõi thượng trí; do kết quả của hoạt động của tinh chất thiên thần trong năm tiến trình đã nêu, chân ngã trở nên đủ nhận biết để tác động đến tiến trình gia tăng nhận biết trên các cõi dĩ thái.

Tiếp theo sau điều này sẽ là việc sử dụng một cách hữu thức các quyền năng mới được thức tỉnh.

121. Trước hết tâm thức mới phải xuất hiện. Sau đó điều đã xuất hiện phải được sử dụng một cách có chủ ý.

122. Chúng ta có thể thấy có biết bao *tiến trình song hành* đang xảy ra và sự trì hoãn trong bất kỳ tiến trình nào trong số đó đều có thể làm trì hoãn toàn bộ tiến trình.

Theo cách này, **mối tương liên và tương thuộc chặt chẽ của hai đường tiến hoá trở nên hiển nhiên một cách huy hoàng**.

123. Đây là một trong những điểm chính được nêu ra trong các phần văn bản này—rằng sự phát triển của con người và thiên thần là những tiến trình song hành, tương liên và tương thuộc. Ảnh hưởng hỗ tương của họ là điều không thể tránh khỏi.

124. As each grows or move forward, the growth and forward movement of the other is supported.

124. Khi mỗi bên tăng trưởng hay tiến lên, sự tăng trưởng và tiến bước của bên kia cũng được nâng đỡ.

Second, the Mahachohan is working specifically at this time (in co-operation with the Manu), with the devas of the gaseous subplane;

Thứ hai, Đức Mahachohan hiện đang làm việc đặc biệt (phối hợp với Đức Manu) với các thiên thần của cõi phụ thể khí;

125. Thus, are rays one and three represented and ray seven as well (since that is the present emphasis during the emerging smaller Age of Aquarius).

125. Như vậy, cung một và cung ba đều được biểu hiện, và cả cung bảy nữa (vì đó là trọng điểm hiện nay trong Kỷ Nguyên Bảo Bình nhỏ đang xuất hiện).

this is in connection with the destroying work they are to effect by the end of this rootrace, in order to liberate Spirit from constricting forms.

điều này liên quan đến công việc hủy diệt mà họ sẽ thực hiện vào cuối giống dân gốc này, để giải thoát tinh thần khỏi các hình tướng gò bó.

126. The fifth rootrace will be destroyed by the combined efforts of the Manu and the Mahachohan.

126. Giống dân gốc thứ năm sẽ bị hủy diệt bởi những nỗ lực phối hợp của Đức Manu và Đức Mahachohan.

127. The rootrace is not yet in process of destruction, but speaking relatively, the time will not be too distant.

127. Giống dân gốc này chưa ở trong tiến trình bị hủy diệt, nhưng nói theo tương đối thì thời điểm ấy sẽ không quá xa.

128. We note that the intended destruction is an act of beneficence. The Spirit must always be liberated from its involvement with form.

128. Chúng ta lưu ý rằng sự hủy diệt được dự định là một hành động từ thiện. Tinh thần luôn luôn phải được giải thoát khỏi sự vướng mắc của nó với hình tướng.

129. If the gaseous devas are involved in this destruction, the destruction will, perhaps, be *by fire.*

129. Nếu các thiên thần thể khí có liên quan đến sự hủy diệt này, thì sự hủy diệt ấy có lẽ sẽ diễn ra *bằng lửa.*

Volcanic action therefore may be looked for, demonstrating in unexpected localities, as well as within the sphere of the present earthquake and volcanic zones.

Do đó có thể chờ đợi hoạt động núi lửa, biểu lộ ở những địa phương bất ngờ, cũng như trong phạm vi các vùng động đất và núi lửa hiện nay.

130. These will be, presumably, largely under the control of the Manu.

130. Có lẽ phần lớn những điều này sẽ nằm dưới sự kiểm soát của Đức Manu.

131. The thought of demonstration in "unexpected localities" is arresting. Some earthquake activity has already demonstrated in zones far from those usually associated with earthquakes.

131. Ý nghĩ về sự biểu lộ tại những "địa phương bất ngờ" thật đáng chú ý. Một số hoạt động động đất đã biểu lộ ở những vùng xa những nơi thường gắn với động đất.

Serious disturbance may be looked for in before the end of the century, and in likewise.

Có thể chờ đợi những xáo trộn nghiêm trọng tại trước khi thế kỷ kết thúc, và tại cũng vậy.

132. We are not to assume, however, that the end of the fifth rootrace coincides with the "end of the century" (the twentieth century).

132. Tuy nhiên, chúng ta không nên giả định rằng sự kết thúc của giống dân gốc thứ năm trùng với "cuối thế kỷ" (thế kỷ hai mươi).

133. They may have been "looked for" but did they actually occur? There have been *some* disturbances, but nothing to rival the great San Francisco earthquake in the early part of the 20th century.

133. Chúng có thể đã được "chờ đợi", nhưng liệu chúng có thực sự xảy ra không? Đã có *một vài* xáo trộn, nhưng không có gì sánh được với trận động đất lớn ở San Francisco vào đầu thế kỷ 20th.

134. Have plans been deferred due to other serious situations which needed attention? We are not in a position in a position to know.

134. Phải chăng các kế hoạch đã bị hoãn lại do những tình huống nghiêm trọng khác cần được chú ý? Chúng ta không ở vào vị trí để biết.

135. Apparently the Mahachohan is *also* involved in such earth changes, although it is usually the Department of the Manu which is noted for inducing such changes.

135. Rõ ràng Đức Mahachohan *cũng* liên quan đến những biến đổi địa cầu như thế, mặc dù thông thường chính Ban của Đức Manu được biết đến là gây ra những biến đổi ấy.

The work of the Mahachohan can also be seen in the [Page 908] effect that the devas of the kundalini fire are producing upon man.

Công việc của Đức Mahachohan cũng có thể được thấy trong [Page 908] tác động mà các thiên thần của lửa kundalini đang tạo ra trên con người.

136. It would seem that there will be an increase in kundalinic demonstrations.

136. Dường như sẽ có sự gia tăng các biểu hiện kundalini.

These are a peculiar group of Agnichaitans

Đây là một nhóm đặc biệt của các Agnichaitans

137. There are so many varieties of Agnichaitans largely unknown to humanity.

137. Có rất nhiều loại Agnichaitans mà phần lớn nhân loại không biết đến.

who have reached a stage of evolution which permits of their being separated off from their group into a group connected with a certain fire in man's bodies.

đã đạt đến một giai đoạn tiến hoá cho phép họ được tách ra khỏi nhóm của mình thành một nhóm liên kết với một loại lửa nhất định trong các thể của con người.

138. Yes, it is clear that the Agnichaitans are usually to be considered as separate from the fires in man's bodies. This particular group, however, is separated off and being brought into closer contact with certain such fires. This represents an approximation of certain devas of the systemic physical plane to devas within the energy system of man.

138. Đúng vậy, rõ ràng các Agnichaitans thường phải được xem là tách biệt với các lửa trong các thể của con người. Tuy nhiên, nhóm đặc biệt này được tách ra và được đưa vào tiếp xúc gần gũi hơn với một số lửa như thế. Điều này biểu thị sự xích lại gần của một số thiên thần của cõi hồng trần hệ thống với các thiên thần bên trong hệ thống năng lượng của con người.

This fire owing to its present activity, and the direction of that activity**, is responsible for the reaction against physical marriage, and for the desire evinced by highly evolved men everywhere to evade the marriage relation, and confine themselves to creation upon the mental or astral planes**.

Loại lửa này, do hoạt động hiện nay của nó, và hướng đi của hoạt động ấy**, chịu trách nhiệm cho phản ứng chống lại hôn nhân hồng trần, và cho ước muốn được biểu lộ ở khắp nơi nơi những người nam và nữ tiến hoá cao là né tránh quan hệ hôn nhân, và tự giới hạn mình vào sự sáng tạo trên cõi trí hay cõi cảm dục**.

139. We must be speaking of an upward tending Agnichaitanic effect which elevates the fires of men's physical frame, focusing fire in the higher chakras and their corresponding vehicles.

139. Hẳn chúng ta đang nói đến một tác động Agnichaitanic hướng thượng, nâng các lửa trong cơ cấu hồng trần của con người lên cao, tập trung lửa vào các luân xa cao hơn và các vận cụ tương ứng của chúng.

140. These particular Agnichaitans must be involved with the transfer of energy from the sacral center to the throat center.

140. Các Agnichaitans đặc biệt này hẳn phải liên quan đến việc chuyển dịch năng lượng

từ trung tâm xương cùng lên trung tâm cổ họng.

141. Simply because the marriage relation is evaded does not mean that there sexual response has been neutralized, through during periods of creative intensity upon the astral an mental planes (and even the physical plane), sexual response may be transmuted or subdued.

141. Chỉ vì quan hệ hôn nhân bị né tránh không có nghĩa là đáp ứng tính dục đã được trung hòa, mặc dù trong những giai đoạn cường độ sáng tạo trên cõi cảm dục và cõi trí (và ngay cả cõi hồng trần), đáp ứng tính dục có thể được chuyển hoá hoặc chế ngự.

This is due to the **present** inclination of the manipulatory devas of the lower generative organs to seek the throat centre,

Điều này là do **xu hướng** hiện nay của các thiên thần thao tác của các cơ quan sinh dục thấp tìm đến trung tâm cổ họng,

142. This is easily said, but what, precisely, does it mean?

142. Điều này thì dễ nói, nhưng chính xác nó có nghĩa là gì?

143. There seems to be an alliance between such manipulatory devas and this special group of Agnichaitans. The tendency of the manipulatory devas seems promoted or energized by the Agnichaitans.

143. Dường như có một sự liên minh giữa các thiên thần thao tác như thế và nhóm Agnichaitans đặc biệt này. Khuynh hướng của các thiên thần thao tác dường như được các Agnichaitans thúc đẩy hay tiếp năng lượng.

144. May it be that the first intensified effect of devic life upon the human being will affect primarily the etheric-physical body?

144. Phải chăng tác động tăng cường đầu tiên của sự sống thiên thần lên con người sẽ ảnh hưởng chủ yếu đến thể dĩ thái-hồng trần?

and to function there, utilising the strength of the kundalini fire to bring this about.

và hoạt động ở đó, sử dụng sức mạnh của lửa kundalini để thực hiện điều này.

145. Three factors seem to be involved in this type of elevation:

145. Dường như có ba yếu tố liên quan đến loại sự nâng cao này:

a. The natural tendency of the manipulatory devas usually associated with the generative organs. It is their inclination, now, to function increasingly through the throat center.

a. Khuynh hướng tự nhiên của các thiên thần thao tác thường liên kết với các cơ quan sinh sản. Hiện nay khuynh hướng của họ là hoạt động ngày càng nhiều qua trung tâm cổ họng.

b. A sufficient activation of the kundalini fire

c. The new impact of a special group of Agnichaitans which have been separated off from other Agnichaitans and which have a powerful effect upon the lower fires of the human body.

146. It is clear that the kundalini, in some respect, is the means by which the fires of the sacral center reach the throat center.

All this is under the law of evolution, but in the interim between cause and justified effect much harm, evasion of the law, and consequent suffering can be seen.

147. Even when transitional process occur under the law or according to law, certain developments may arise which cause harm, distress and suffering. All transitions, even lawful ones, are not yet smoothly accomplished on our planet within which Spirit/soul is out of right adjustment with matter. In short, the type of matter to be found on the lower levels of our planetary life is too resistant.

148. We are reminded that the pressure which the soul/Solar Angel placed upon its personality can be the cause of acute distress and even disease within the personality.

Owing, therefore, to the **violent reaction at this time against the safeguarding laws of civilisation**,

b. Sự hoạt hóa đầy đủ của lửa kundalini

c. Tác động mới của một nhóm Agnichaitans đặc biệt đã được tách ra khỏi các Agnichaitans khác và có ảnh hưởng mạnh mẽ lên các lửa thấp của thể con người.

146. Rõ ràng kundalini, trong một phương diện nào đó, là phương tiện nhờ đó các lửa của trung tâm xương cùng đạt đến trung tâm cổ họng.

Tất cả điều này đều nằm dưới định luật tiến hoá, nhưng trong khoảng trung gian giữa nguyên nhân và kết quả chính đáng, có thể thấy nhiều tổn hại, sự né tránh định luật, và đau khổ phát sinh theo sau.

147. Ngay cả khi các tiến trình chuyển tiếp xảy ra dưới định luật hay theo đúng định luật, vẫn có thể nảy sinh một số phát triển gây ra tổn hại, đau đớn và khổ sở. Mọi chuyển tiếp, ngay cả những chuyển tiếp hợp luật, vẫn chưa được hoàn thành một cách êm thuận trên hành tinh của chúng ta, nơi tinh thần/linh hồn chưa được chỉnh hợp đúng đắn với vật chất. Nói ngắn gọn, loại vật chất được tìm thấy ở các cấp thấp của sự sống hành tinh của chúng ta quá kháng cự.

148. Chúng ta được nhắc rằng áp lực mà linh hồn/Thái dương Thiên Thần đặt lên phàm ngã của nó có thể là nguyên nhân của sự đau đớn dữ dội và thậm chí bệnh tật trong phàm ngã.

Do đó, vì **phản ứng dữ dội hiện nay chống lại các định luật bảo vệ của nền văn minh**,

149. These safeguarding laws are those which protect the generation of the race and the formation of families to promote this safeguarding.

149. Các định luật bảo vệ này là những định luật bảo vệ sự sinh sản của nhân loại và sự hình thành gia đình để thúc đẩy sự bảo vệ ấy.

150. The violent reaction can be understood as unadvisedly Uranian in nature.

150. Phản ứng dữ dội này có thể được hiểu là mang bản chất Sao Thiên Vương một cách thiếu khôn ngoan.

151. Man is unwisely asserting his individualism and is rejecting that which has guarded the racial form and the social order.

151. Con người đang thiếu khôn ngoan khi khẳng định chủ nghĩa cá nhân của mình và bác bỏ điều đã bảo vệ hình tướng chủng tộc và trật tự xã hội.

it has been decided that the nature and functions of the devas must be somewhat revealed to man, and that their place in the scheme of things, and man's close connection and dependence upon them, must be given out.[83]

bản chất và chức năng của các thiên thần phải được tiết lộ phần nào cho con người, và vị trí của họ trong hệ thống sự vật, cùng mối liên hệ gần gũi và sự lệ thuộc của con người vào họ, phải được công bố.83

152. We see the problem with which Hierarchy is faced. Man begins to misuse energy and so the risk must be taken to demonstrate to his consciousness the error of his ways. Additional harm, however, could arise if the knowledge imparted is used to promote further rebellion and perversion of the intended use of force.

152. Chúng ta thấy vấn đề mà Thánh đoàn đang đối diện. Con người bắt đầu lạm dụng năng lượng và vì thế phải chấp nhận rủi ro để chỉ ra cho tâm thức của y thấy sự sai lầm trong cách hành xử của y. Tuy nhiên, tổn hại bổ sung có thể phát sinh nếu tri thức được truyền đạt bị dùng để thúc đẩy sự phản loạn và sự lệch lạc hơn nữa trong việc sử dụng mãnh lực theo đúng mục đích.

At the same time, the means whereby they can be contacted, and the words whereby they can be controlled, will be withheld.

Đồng thời, các phương tiện nhờ đó họ có thể được tiếp xúc, và những linh từ nhờ đó họ có thể bị kiểm soát, sẽ bị giữ lại.

153. It would be extremely ill-advised to allow humanity to come again into that kind of contact with the deva kingdom which was possible in Atlantean days. Humanity, by in large, is still far too selfish.

153. Sẽ là cực kỳ thiếu khôn ngoan nếu cho phép nhân loại lại đi vào loại tiếp xúc với giới thiên thần vốn có thể có được trong thời Atlantis. Nhìn chung, nhân loại vẫn còn quá ích kỷ.

Footnote [83]:

Cước chú 83:

If man can be brought to a realisation of the nature of his own being and of his constitution, and can be led to comprehend the rationale of that which can be seen occurring, **and if the thinkers of the race can be shown the risks incident upon present happenings in the deva evolution, much danger may be averted**.

Nếu con người có thể được đưa đến sự chứng nghiệm về bản chất của chính mình và về cấu tạo của mình, và có thể được dẫn dắt để hiểu được cơ sở hợp lý của những gì có thể thấy đang xảy ra, **và nếu các nhà tư tưởng của nhân loại có thể được chỉ cho thấy những rủi ro gắn liền với các diễn biến hiện nay trong tiến hoá thiên thần, thì nhiều nguy hiểm có thể được ngăn tránh**.

154. It is clear that there is much unwitting abuse, today, of the deva kingdom. This is laying up many problems which will have to be solved in the future.

154. Rõ ràng ngày nay có nhiều sự lạm dụng vô tình đối với giới thiên thần. Điều này đang tích lũy nhiều vấn đề sẽ phải được giải quyết trong tương lai.

155. The emphasis upon environmentalism today is, at a preliminary level, attempting to address at least some of these abuses.

155. Sự nhấn mạnh vào chủ nghĩa môi trường ngày nay, ở một cấp độ sơ bộ, đang cố gắng đề cập đến ít nhất một số sự lạm dụng ấy.

156. So, at least we understand why this type of information is being released to humanity at this time. It is not simply for the accumulation of knowledge, but to be used to avoid dangers imminent in the present relationship between man and the deva kingdom.

156. Vì vậy, ít nhất chúng ta hiểu vì sao loại thông tin này đang được công bố cho nhân loại vào lúc này. Không chỉ để tích lũy tri thức, mà để được dùng nhằm tránh những nguy hiểm đang cận kề trong mối quan hệ hiện nay giữa con người và giới thiên thần.

Hence the decision to extend the scope of this book to include more detailed information anent the deva evolution.

Do đó có quyết định mở rộng phạm vi của cuốn sách này để bao gồm thông tin chi tiết hơn liên quan đến tiến hoá thiên thần.

157. One could wonder what was originally intended. The book is presently of great length (relatively) though DK has told us He is writing with brevity.

157. Người ta có thể tự hỏi điều gì đã được dự định ban đầu. Hiện nay quyển sách này có độ dài rất lớn (tương đối), dù Chân sư DK đã nói với chúng ta rằng Ngài đang viết một cách vắn tắt.

158. Of all the books by the Tibetan, *A Treatise on Cosmic Fire* is the one with the most detailed information concerning the deva kingdom.

158. Trong tất cả các sách của Chân sư Tây Tạng, *Luận về Lửa Vũ Trụ* là cuốn có thông tin chi tiết nhất liên quan đến giới thiên thần.

Laxness in the marriage relation, due to this particular cause, is only seen amongst the highly evolved and amongst the independent thinkers of the race.

Sự lỏng lẻo trong quan hệ hôn nhân, do nguyên nhân đặc biệt này, chỉ thấy nơi những cá nhân tiến hóa cao và nơi những nhà tư tưởng độc lập của nhân loại.

159. Presumably this means that there are many highly developed individuals who do not engage sexually.

159. Có lẽ điều này có nghĩa là có nhiều cá nhân phát triển cao không tham gia vào quan hệ tình dục.

160. It could also mean that a degree of promiscuity exists among some of the more highly evolved and thinkers of the race because they avoid the more traditional kinds of social/sexual forms of relationship —i.e., marriage, traditionally considered.

160. Nó cũng có thể có nghĩa là một mức độ phóng túng tình dục nào đó tồn tại nơi một số người tiến hóa cao hơn và các nhà tư tưởng của nhân loại, bởi vì họ tránh những loại hình quan hệ xã hội/tình dục truyền thống hơn—tức là hôn nhân, theo quan niệm truyền thống.

Similar laxness amongst the masses, and the low types of humanity, is based upon a different reason, **and their promiscuity is due to certain developments of the animal nature in its lowest manifestation.**

Sự lỏng lẻo tương tự nơi quần chúng, và nơi những hạng người thấp của nhân loại, lại dựa trên một lý do khác, **và sự phóng túng của họ là do những phát triển nào đó của bản chất thú tính trong biểu hiện thấp nhất của nó.**

161. DK does appear to be speaking of promiscuity when He speaks of “laxness”. There can be laxity in honoring ones physical commitments and laxity in honoring ones moral commitments. They lead to different results.

161. Chân sư DK quả thực dường như đang nói về sự phóng túng khi Ngài nói đến “sự lỏng lẻo”. Có sự lỏng lẻo trong việc tôn trọng những cam kết thể xác của một người và sự lỏng lẻo trong việc tôn trọng những cam kết đạo đức của một người. Chúng dẫn đến những kết quả khác nhau.

162. Promiscuity among the less evolved human beings has a basis in the animal nature. This is not the case with promiscuity among the highly evolved which has, it would seem, a more psychological basis and is related, as well, to the association with such individuals of the group of Agnichaitans under consideration.

162. Sự phóng túng nơi những con người kém tiến hóa hơn có nền tảng trong bản chất thú tính. Điều này không đúng đối với sự phóng túng nơi những người tiến hóa cao, vốn dường như có một nền tảng tâm lý hơn và cũng liên hệ đến sự kết hợp của những cá nhân ấy với nhóm Agnichaitan đang được bàn đến.

These two causes [Page 909] will bear consideration by those who have the present needs of civilisation at heart.

163. The needs of *all kinds* of people must be met by the wise leader. One type of approach cannot be recommended for all, so great are the differences between human beings.

They can then co-operate with the Mahachohan in the work of effecting **the very necessary transfer of force from a lower to a higher centre, and prevent (through knowledge), the incidental license.**

164. So we have two kinds of sexual license. One type is incidental to the stimulation of the animal nature and occurs in the lives of low grade individuals.

165. The other type of license occurs in the lives of those who are highly evolved and who are effecting a transference of energy from the sacral center to the throat center.

166. The Mahachohan (being the spiritual Executive Who wields the third ray) is involved in this first type of transference—from the sacral center to the throat. This type of transference has particular connection with the third aspect, just as the transference from the solar plexus center to the heart center involves the second aspect and the transference from the base of the spine center to the major head center involves the first aspect.

167. If human beings know what to expect as a result of such transference (from the sacral center to the throat center), they can

Hai nguyên nhân này [Page 909] sẽ đáng để những ai quan tâm đến các nhu cầu hiện tại của nền văn minh suy xét.

163. Nhu cầu của *mọi loại* người đều phải được nhà lãnh đạo minh triết đáp ứng. Không thể khuyến nghị một kiểu tiếp cận duy nhất cho tất cả mọi người, vì sự khác biệt giữa con người với nhau là rất lớn.

Khi đó họ có thể hợp tác với Đức Mahachohan trong công việc thực hiện **sự chuyển dịch mãnh lực rất cần thiết từ một trung tâm thấp lên một trung tâm cao hơn, và ngăn ngừa (nhờ tri thức) sự phóng túng ngẫu phát.**

164. Vì vậy chúng ta có hai loại phóng túng tình dục. Một loại đi kèm với sự kích thích bản chất thú tính và xảy ra trong đời sống của những cá nhân cấp thấp.

165. Loại phóng túng kia xảy ra trong đời sống của những người tiến hóa cao và đang thực hiện sự chuyển dịch năng lượng từ trung tâm xương cùng lên trung tâm cổ họng.

166. Đức Mahachohan (là Đấng Điều Hành tinh thần nắm giữ cung ba) có liên hệ với loại chuyển dịch đầu tiên này—từ trung tâm xương cùng lên trung tâm cổ họng. Loại chuyển dịch này có liên hệ đặc biệt với phương diện thứ ba, cũng như sự chuyển dịch từ trung tâm tùng thái dương lên trung tâm tim liên quan đến phương diện thứ hai, và sự chuyển dịch từ trung tâm đáy cột sống lên trung tâm đầu chính liên quan đến phương diện thứ nhất.

167. Nếu con người biết phải chờ đợi điều gì như là kết quả của sự chuyển dịch như thế (từ trung tâm xương cùng lên trung tâm cổ

be prepared to counter the inevitable effects with knowledge, understand and will.

họng), họ có thể được chuẩn bị để hóa giải những hiệu quả tất yếu bằng tri thức, sự thấu hiểu và ý chí.

This will bring about a refusal to besmirch the great love or sex impulse of nature.

Điều này sẽ dẫn đến sự từ chối không làm hoen ố xung lực lớn lao của tình thương hay tình dục trong bản chất.

168. This is a very strong statement using a rather ancient and pictographic word —"besmirch". It means to "make dirty"—*really* dirty, to the point where cleaning that which has been dirtied becomes very difficult, even impossible. The term is used usually in terms of *reputation.*

168. Đây là một phát biểu rất mạnh, dùng một từ khá cổ và có tính tượng hình—"làm hoen ố". Nó có nghĩa là "làm bẩn"—bẩn *thực sự*, đến mức việc làm sạch điều đã bị làm bẩn trở nên rất khó, thậm chí không thể. Từ này thường được dùng liên quan đến *danh tiếng.*

169. DK combines the love impulse and the sex impulse, though elsewhere He distinguishes between them.

169. Chân sư DK kết hợp xung lực tình thương và xung lực tình dục, dù ở nơi khác Ngài có phân biệt giữa chúng.

The ceremonial ray has been often called "the marriage ritual of the Son,"

Cung nghi lễ thường được gọi là "nghi thức hôn phối của Người Con,"

170. Such an important name for this ray! One can see the relation to the sign Libra, the seventh sign and the sign of marriage.

170. Thật là một tên gọi quan trọng đối với cung này! Người ta có thể thấy mối liên hệ với dấu hiệu hoàng đạo Thiên Bình, dấu hiệu thứ bảy và dấu hiệu của hôn nhân.

because upon this ray Spirit and matter can meet and have union.

bởi vì trên cung này Tinh thần và vật chất có thể gặp nhau và kết hợp.

171. Interestingly, the ritual occurs between "Father" and "Mother", (Spirit and Matter) and the result is the birth of the "Divine Son".

171. Điều thú vị là nghi thức này diễn ra giữa "Cha" và "Mẹ", (Tinh thần và Vật chất) và kết quả là sự sinh ra của "Người Con Thiêng Liêng".

This fact also should be borne in mind during the next one hundred years, for they will see great changes in the marriage laws. **The present laxity will inevitably bring a reaction, and the laws will become more**

Sự kiện này cũng nên được ghi nhớ trong một trăm năm tới, vì chúng sẽ chứng kiến những thay đổi lớn trong luật hôn nhân. **Sự lỏng lẻo hiện nay tất yếu sẽ đem lại một phản ứng, và luật pháp sẽ trở nên nghiêm**

stringent, in order to safeguard the race during a transition period.

ngặt hơn, để bảo vệ nhân loại trong một thời kỳ chuyển tiếp.

172. VSK states: “This has yet to be seen, obviously”.

172. VSK nói: “Điều này rõ ràng vẫn còn phải chờ xem”.

173. Yet in more traditional cultures, there is a type of social conservatism which tends in this direction. We are looking for a similar type of neo-conservatism in our more advanced nations and cultures.

173. Tuy nhiên, trong những nền văn hóa truyền thống hơn, có một loại bảo thủ xã hội có khuynh hướng đi theo hướng này. Chúng ta đang tìm kiếm một loại tân bảo thủ tương tự trong các quốc gia và nền văn hóa tiến bộ hơn của chúng ta.

174. The race will definitely need protecting and various types of degeneration are to be seen on all hands. It reminds one of the “uprising of lawlessness” which is a harbinger of the coming of Krishna, Bodhisattva.

174. Nhân loại chắc chắn sẽ cần được bảo vệ, và nhiều loại suy đồi có thể được thấy ở khắp nơi. Điều này gợi nhớ đến “sự trỗi dậy của vô pháp”, là điềm báo cho sự xuất hiện của Krishna, Đức Bồ Tát.

175. The pairs of opposites always counterbalance each other. Such is the condition on our planet especially, for it is here that there occurs the adjudication “between the pairs of opposites”.

175. Các cặp đối cực luôn đối trọng lẫn nhau. Đó luôn là tình trạng trên hành tinh chúng ta, đặc biệt là như vậy, vì chính tại đây diễn ra sự phán định “giữa các cặp đối cực”.

176. Libra, the sign of marriage, is growing stronger in the planetary horoscope. With this strengthening will come, we may suppose, changes in marriage laws. Saturn (the planet of law and of discipline) is, let us remember, is very strong in Libra. Uranus, the planet of ‘change in structure’ is an esoteric ruler of Libra.

176. Thiên Bình, dấu hiệu của hôn nhân, đang trở nên mạnh hơn trong lá số chiêm tinh hành tinh. Cùng với sự tăng cường này, như ta có thể giả định, sẽ đến những thay đổi trong luật hôn nhân. Sao Thổ (hành tinh của luật pháp và kỷ luật), hãy nhớ rằng, rất mạnh trong Thiên Bình. Sao Thiên Vương, hành tinh của ‘thay đổi trong cấu trúc’, là một chủ tinh huyền bí của Thiên Bình.

These laws will not be along the line of making escape from the marriage relation more difficult,

Những luật này sẽ không theo hướng làm cho việc thoát khỏi quan hệ hôn nhân trở nên khó khăn hơn,

177. In conventional Catholicism, divorce is extremely difficult. This is not what DK is suggesting.

177. Trong Công giáo quy ước, ly hôn là điều cực kỳ khó khăn. Đây không phải là điều Chân sư DK đang gợi ý.

but will take effect at the other end, so to speak; the rising generation will be properly taught and guarded, and indiscriminate, hasty marriage will not be permitted,

mà sẽ có hiệu lực ở đầu kia, có thể nói như vậy; thế hệ đang lớn lên sẽ được giáo dục và bảo vệ đúng đắn, và hôn nhân bừa bãi, vội vàng sẽ không được cho phép,

178. Social norms and laws will militate against this.

178. Các chuẩn mực xã hội và luật pháp sẽ chống lại điều này.

nor will juveniles be allowed rashly to enter into the marriage obligation.

cũng như thanh thiếu niên sẽ không được phép hấp tấp bước vào nghĩa vụ hôn nhân.

179. The marriage relation will be treated with the utmost respect and seriousness. Today's frivolous attitudes will be dropped. The Saturnian factor of discrimination will be strengthened and the approach to such decisions will be based on much clearer mentality.

179. Quan hệ hôn nhân sẽ được đối xử với sự tôn trọng và nghiêm túc cao nhất. Những thái độ hời hợt ngày nay sẽ bị loại bỏ. Yếu tố Sao Thổ của sự phân biện sẽ được tăng cường và cách tiếp cận đối với những quyết định như thế sẽ dựa trên một trí tuệ sáng rõ hơn nhiều.

There is no need to enlarge further upon this, for in working out their own problems men learn, and all that those upon the inner side are permitted to do is to give a hint or an indication.

Không cần phải bàn rộng thêm về điều này, vì trong khi tự giải quyết những vấn đề của mình, những người nam và nữ học hỏi, và tất cả những gì những vị ở phía bên trong được phép làm chỉ là đưa ra một gợi ý hay một chỉ dẫn.

180. DK cannot elaborate fully. To do so would take from men the opportunity to learn their own lessons.

180. Chân sư DK không thể khai triển đầy đủ. Làm như vậy sẽ lấy mất khỏi những người nam và nữ cơ hội học những bài học của chính họ.

181. The Master hints in a general direction and the intuition of those who receive the hint must serve to direct thought along the line indicated.

181. Chân sư gợi ý theo một hướng tổng quát, và trực giác của những người tiếp nhận gợi ý ấy phải giúp định hướng tư tưởng theo đường lối đã được chỉ ra.

182. Notice that we are talking about the *Mahachohan*. One gathers that this great

182. Hãy lưu ý rằng chúng ta đang nói về *Đức Mahachohan*. Người ta hiểu rằng Đấng

Being, or His office at least, is very connected with the sign Libra responsible for the preservation of the balance—in civilization and culture.

Vĩ Đại này, hay ít nhất là chức vụ của Ngài, có liên hệ rất nhiều với dấu hiệu hoàng đạo Thiên Bình, vốn chịu trách nhiệm cho việc duy trì sự quân bình—trong nền văn minh và văn hóa.

Another angle of the Mahachohan's work at this time is connected with *sound*, and therefore with the particular devas whom we are considering.

Một phương diện khác trong công việc của Đức Mahachohan vào lúc này có liên hệ với *âm thanh*, và do đó với những thiên thần đặc biệt mà chúng ta đang xét đến.

183. We have discussed the transmission of voices "through the air" via radio waves and other newly discovered wave forms.

183. Chúng ta đã bàn về sự truyền dẫn tiếng nói "qua không khí" bằng sóng vô tuyến và những dạng sóng mới được khám phá khác.

Through the mismanagement of men, and their unbalanced development, the sounds of earth, such as those of the great cities, of the manufactories, and of the implements of war, have brought about a very serious condition among the gaseous devas.

Do sự quản lý sai lầm của con người, và sự phát triển mất quân bình của họ, những âm thanh của trái đất, như âm thanh của các thành phố lớn, của các nhà máy, và của các công cụ chiến tranh, đã gây ra một tình trạng rất nghiêm trọng nơi các thiên thần khí thể.

184. Libra is a sign of beauty and peace, closely related to the third ray and thus to sound. We can see that a condition of greater quiet and peacefulness must be brought to bear to restore balance to this gaseous devas.

184. Thiên Bình là một dấu hiệu của vẻ đẹp và hòa bình, liên hệ chặt chẽ với cung ba và do đó với âm thanh. Chúng ta có thể thấy rằng một tình trạng yên tĩnh và an hòa lớn hơn phải được tạo ra để khôi phục quân bình cho các thiên thần khí thể này.

185. If they remain in an unbalanced condition, it will not be possible to transmute the emotional nature of the human being.

185. Nếu họ vẫn ở trong tình trạng mất quân bình, sẽ không thể chuyển hoá bản chất cảm xúc của con người.

This has to be offset in some way and the future efforts of civilisation will be directed towards the **spreading of a revolt against the evils of congested living and to the dissemination of an impulse of a widespread [Page 910] nature to seek the country and wide spaces.**

Điều này phải được hóa giải bằng cách nào đó và những nỗ lực tương lai của nền vănminh sẽ được hướng tới **việc lan truyền một sự phản kháng chống lại những tai hại của đời sống chen chúc và việc phổ biến một xung lực có tính chất [Page 910] rộng khắp nhằm tìm đến miền quê và những không gian rộng lớn.**

186. Maser M. predicted this as well. He called men's tendency to city living, "fratricidal crowding". Animal experiments have revealed the ways in which aggression is stimulated among animals who are crowded too closely together.

186. Chân sư M. cũng đã tiên đoán điều này. Ngài gọi khuynh hướng sống ở thành phố của con người là "sự chen chúc huynh đệ tương tàn". Các thí nghiệm trên động vật đã cho thấy những cách thức mà tính hung hăng được kích thích nơi các loài vật bị nhốt quá sát nhau.

187. Again, we can see the coming influence of the planet Venus, planet of beauty and ruler of Libra which is growing consistently stronger in the planetary horoscope.

187. Một lần nữa, chúng ta có thể thấy ảnh hưởng đang đến của Sao Kim, hành tinh của vẻ đẹp và là chủ tinh của Thiên Bình, đang ngày càng mạnh lên trong lá số chiêm tinh hành tinh.

One of the main interests in the future will be a tendency towards the elimination of noise, owing to the increased sensitiveness of the race.

Một trong những mối quan tâm chính trong tương lai sẽ là xu hướng loại bỏ tiếng ồn, do tính nhạy cảm ngày càng tăng của nhân loại.

188. Noise is discordant sound and has a disintegrative effect upon the relationships which create form. If the integration of the personality is to occur and its fusion with the soul, a degree of harmony within the vehicles of man must supervene and enough silence to allow for harmonious rapport between soul and personality. Otherwise, personality noise cancels the impression of the soul.

188. Tiếng ồn là âm thanh bất hòa và có tác động phân rã lên những mối liên hệ tạo nên hình tướng. Nếu sự tích hợp của phàm ngã phải xảy ra và sự dung hợp của nó với linh hồn cũng vậy, thì một mức độ hài hòa nào đó trong các vận cụ của con người phải xuất hiện, cùng với đủ sự im lặng để cho phép có sự tương giao hài hòa giữa linh hồn và phàm ngã. Nếu không, tiếng ồn của phàm ngã sẽ triệt tiêu ấn tượng của linh hồn.

When the energy of water and of the atom is harnessed for the use of man, our present types of factories, our methods of navigation and of transportation, such as steamers and railway apparatus, will be entirely revolutionised.

Khi năng lượng của nước và của nguyên tử được khai thác để phục vụ con người, những loại nhà máy hiện nay của chúng ta, những phương pháp hàng hải và vận chuyển của chúng ta, như tàu thủy và thiết bị đường sắt, sẽ hoàn toàn được cách mạng hóa.

189. We are already in process of harnessing the power of the atom, though our understanding of how to do this is still relatively primitive.

189. Chúng ta đã đang trong tiến trình khai thác năng lượng của nguyên tử, dù sự hiểu biết của chúng ta về cách làm điều này vẫn còn tương đối sơ khai.

190. One gathers that DK is pointing to certain kinds of 'water technology' which have not yet been brought into functioning.

191. He also speaks of the "energy of water". Presumably vast quantities of much-needed energy are locked within this common substance.

This will have a potent effect not only on man but on the devas.

192. The fifth ray will grow in potency during the Aquarian Age. The Aquarian Age will be an 'Age of Wings'. Man's contact with the angels will become real and his greater understanding of the use of devic energies and forces will meet his energy needs, meanwhile advancing the evolution of the deva kingdom.

193. In the Aquarian Age men and devas will advance *together,* and will meet for reconciliation upon the buddhic plane.

190. Người ta hiểu rằng Chân sư DK đang chỉ đến những loại 'công nghệ nước' nào đó vẫn chưa được đưa vào hoạt động.

191. Ngài cũng nói về "năng lượng của nước". Có lẽ những lượng năng lượng khổng lồ rất cần thiết đang bị khóa kín trong chất liệu thông thường này.

Điều này sẽ có một tác động mạnh mẽ không chỉ lên con người mà còn lên các thiên thần.

192. Cung năm sẽ tăng trưởng về hiệu lực trong Kỷ Nguyên Bảo Bình. Kỷ Nguyên Bảo Bình sẽ là một 'Kỷ Nguyên của Đôi Cánh'. Sự tiếp xúc của con người với các thiên thần sẽ trở nên thực sự, và sự thấu hiểu lớn hơn của y về việc sử dụng các năng lượng và mãnh lực thiên thần sẽ đáp ứng nhu cầu năng lượng của y, đồng thời thúc đẩy sự tiến hoá của giới thiên thần.

193. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, những người nam và nữ và các thiên thần sẽ tiến lên *cùng nhau,* và sẽ gặp nhau để hòa giải trên cõi Bồ đề.

TCF 911-915: S7S14 Part I

29 September - 15 October 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall*

29 tháng Chín - 15 tháng Mười 2008

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được để ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được để ở cỡ chữ 14. Phần bình luận được để ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

Người ta đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích duy trì tính liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn văn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong

meaning of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

c. The Elementals of the Ethers.

We will consider now the etheric levels of the physical plane or the four highest subplanes of the physical plane.

1. Our previous commentary focussed on the devas of the systemic/solar gaseous subplane.

2. Now we enter the systemic ethers.

These etheric levels are but gradations of physical plane matter of a rarer and more refined kind, but physical nevertheless.

3. The factor of their graded nature is important. By studying occult chemistry we learn something about the structural nature of the gradations.

4. In the previous commentary we again discussed Agnichaitans, particularly in relation to the systemic gaseous subplane, but noting that varieties of Agnichaitans had, necessarily, to be found upon the etheric planes.

They are termed in most textbooks:

1. The first ether, or atomic matter.

2. The second ether, or sub-atomic matter.

chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng quát* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn văn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

c. Các hành khí của các cõi dĩ thái.

Bây giờ chúng ta sẽ xét đến các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần hay bốn cõi phụ cao nhất của cõi hồng trần.

1. Phần bình luận trước của chúng ta tập trung vào các thiên thần của cõi phụ khí thể hệ thống/thái dương.

2. Giờ đây chúng ta đi vào các cõi dĩ thái hệ thống.

Những cấp độ dĩ thái này chỉ là những cấp độ khác nhau của vật chất cõi hồng trần thuộc loại hiếm hơn và tinh luyện hơn, nhưng dù sao vẫn là hồng trần.

3. Yếu tố về bản chất phân cấp của chúng là quan trọng. Bằng cách nghiên cứu thuật luyện kim huyền bí, chúng ta học được đôi điều về bản chất cấu trúc của các cấp độ ấy.

4. Trong phần bình luận trước, chúng ta lại bàn về các Agnichaitan, đặc biệt trong liên hệ với cõi phụ khí thể hệ thống, nhưng lưu ý rằng các loại Agnichaitan, tất yếu, cũng phải được tìm thấy trên các cõi dĩ thái.

Trong hầu hết các giáo trình, chúng được gọi là:

1. Dĩ thái thứ nhất, hay vật chất nguyên tử.

2. Dĩ thái thứ hai, hay vật chất hạ nguyên tử.

3. The third ether, or super-etheric matter.

3. Dĩ thái thứ ba, hay vật chất siêu dĩ thái.

4. The fourth ether, or simply etheric matter.

4. Dĩ thái thứ tư, hay đơn giản là vật chất dĩ thái.

5. "Etheric matter" is a generic term. We must use the term carefully if by its use we are intending to specify matter of the fourth etheric subplane.

5. "Vật chất dĩ thái" là một thuật ngữ tổng quát. Chúng ta phải dùng thuật ngữ này cẩn thận nếu khi dùng nó chúng ta có ý định chỉ rõ vật chất của cõi phụ dĩ thái thứ tư.

6. In general, all four of the higher subplanes of the systemic physical plane are *etheric.*

6. Nói chung, cả bốn cõi phụ cao hơn của cõi hồng trần hệ thống đều là *dĩ thái.*

The fourth ether is the only one as yet recognised by scientists, and is the subject of their present investigations, little though they may realise it.

Dĩ thái thứ tư là loại duy nhất cho đến nay được các nhà khoa học thừa nhận, và là đối tượng của những cuộc nghiên cứu hiện nay của họ, dù họ có thể chứng nghiệm điều đó ít đến đâu đi nữa.

7. The fourth ether is not considered "esoteric" and neither is the third. So scientists, unbeknownst to themselves, are simply working on the outer fringes of the ethers.

7. Dĩ thái thứ tư không được xem là "huyền bí", và dĩ thái thứ ba cũng vậy. Vì thế các nhà khoa học, mà không hề biết, chỉ đơn giản đang làm việc ở những rìa ngoài của các cõi dĩ thái.

8. Scientists little realize that the are dealing with the fourth ether because the ether has been largely dismissed from scientific thought as non-existent because unnecessary.

8. Các nhà khoa học ít nhận ra rằng họ đang xử lý dĩ thái thứ tư, bởi vì dĩ thái phần lớn đã bị loại bỏ khỏi tư tưởng khoa học như là không hiện hữu vì không cần thiết.

On the atomic subplane are the permanent physical atoms of all humanity and the *appropriated atoms* of the deva kingdom.

Trên cõi phụ nguyên tử có các nguyên tử hồng trần trường tồn của toàn thể nhân loại và *các nguyên tử được chiếm dụng* của giới thiên thần.

9. We must note the distinction, for it points to the manner in which the structure of the devas differs from that of the humans, and also to significant differences in their developmental process.

9. Chúng ta phải lưu ý sự phân biệt này, vì nó chỉ ra cách thức mà cấu trúc của các thiên thần khác với cấu trúc của con người, và cả những khác biệt đáng kể trong tiến trình phát triển của họ.

10. We must ask the function of these "appropriated atoms". Do they function as do permanent atoms? What is their purpose? Are they appropriated anew with each deva incarnation? How many are there? Are certain of them central to the building of the body of the deva? Or are none of them particularly central?

10. Chúng ta phải hỏi chức năng của những "nguyên tử được chiếm dụng" này là gì. Chúng có hoạt động như các nguyên tử trường tồn không? Mục đích của chúng là gì? Chúng có được chiếm dụng lại mới trong mỗi lần thiên thần nhập thể không? Có bao nhiêu nguyên tử như thế? Có phải một số trong chúng là trung tâm đối với việc kiến tạo thể của thiên thần không? Hay không có nguyên tử nào đặc biệt mang tính trung tâm?

11. One probability is implied—that these "appropriated atoms" are not retained when the deva incarnation ends.

11. Một khả năng được hàm ý—rằng những "nguyên tử được chiếm dụng" này không được giữ lại khi lần thiên thần nhập thể chấm dứt.

The devas do not develop as do the human race.

Các thiên thần không phát triển như nhân loại.

12. It becomes clear that devas do not have *permanent* atoms.

12. Rõ ràng là các thiên thần không có các nguyên tử *trường tồn*.

13. During the second outpouring, the permanent atoms of the human Monad were *appropriated,* but since that time have remained *permanent.*

13. Trong lần tuôn đổ thứ hai, các nguyên tử trường tồn của chân thần con người đã được *chiếm dụng,* nhưng từ thời điểm đó đã vẫn *trường tồn.*

They reincarnate in groups, and not as individuals, though each group is composed of **units**,

Họ tái sinh theo nhóm, chứ không như những cá nhân, dù mỗi nhóm được cấu thành bởi những **đơn vị**,

14. Presumably this means that even though certain types of devas may be individualized, they still reincarnate in groups. The term "unit" is often used to indicate an individualized life.

14. Có lẽ điều này có nghĩa là dù một số loại thiên thần nào đó có thể đã được biệt ngã hóa, họ vẫn tái sinh theo nhóm. Thuật ngữ "đơn vị" thường được dùng để chỉ một sự sống đã được biệt ngã hóa.

15. Human units also tend to reincarnate in groups, but to a lesser degree. The factor of individuality is stronger in their reincarnational process.

15. Các đơn vị con người cũng có khuynh hướng tái sinh theo nhóm, nhưng ở mức độ thấp hơn. Yếu tố cá thể tính mạnh hơn trong tiến trình tái sinh của họ.

16. It is important to note that devas do, indeed "reincarnate". Do devas then "die" as do human beings? Do they in some manner lose the vehicles through which they are expressing and have to generate new vehicles?

16. Điều quan trọng là phải lưu ý rằng các thiên thần quả thực "tái sinh". Vậy thì các thiên thần có "chết" như con người không? Họ có bằng cách nào đó mất đi các vận cụ qua đó họ đang biểu hiện và phải tạo ra những vận cụ mới không?

and has nothing of the nature of the involutionary group soul.

và không có gì thuộc bản chất của hồn nhóm giáng hạ tiến hoá.

17. Apparently we are not speaking of involutionary devas at all. Before individualization, the Monads which will become man, incarnate through the various lower kingdoms in involutionary group souls. This type of association depends upon the existence of permanent atoms.

17. Rõ ràng là ở đây chúng ta hoàn toàn không nói về các thiên thần giáng hạ tiến hoá. Trước khi biệt ngã hóa, các chân thần sẽ trở thành con người nhập thể qua các giới thấp khác nhau trong các hồn nhóm giáng hạ tiến hoá. Loại liên kết này tùy thuộc vào sự hiện hữu của các nguyên tử trường tồn.

The **group soul** on the involutionary path and that upon the evolutionary are unlike;

Hồn nhóm trên cung giáng hạ tiến hoá và hồn nhóm trên cung tiến hoá thì không giống nhau;

18. It is the human Monads (as they journey through the lower kingdoms) which incarnate through the functioning of the "group soul on the involutionary path".

18. Chính các chân thần con người (khi chúng du hành qua các giới thấp) nhập thể qua sự vận hành của "hồn nhóm trên cung giáng hạ tiến hoá".

19. The deva units on the evolutionary arc also incarnate through a group soul, but it might be called an 'evolutionary group soul'.

19. Các đơn vị thiên thần trên cung tiến hoá cũng nhập thể qua một hồn nhóm, nhưng có thể gọi đó là một 'Hồn nhóm tiến hoá'.

one is passing on to differentiation and **is composed of entities animated by one general life**;

một bên đang tiến tới sự biến phân và **được cấu thành bởi những thực thể được linh hoạt bởi một sự sống tổng quát duy nhất**;

20. This is the involutionary group soul and the entities involved are the extensions of the human Monad.

20. Đây là hồn nhóm giáng hạ tiến hoá và các thực thể liên hệ là những phần mở rộng của chân thần con người.

21. That "one general life" is, ultimately, the life of the Second Logos.

21. "Một sự sống tổng quát duy nhất" đó, rốt ráo, là sự sống của Đấng Logos thứ hai.

22. We are speaking here of a group soul which is still not differentiated.

22. Ở đây chúng ta đang nói về một hồn nhóm vẫn chưa được biến phân.

the other has differentiated, and each entity is a separate unit of the one life, complete in itself, yet one with the whole. [Page 911]

bên kia đã biến phân, và mỗi thực thể là một đơn vị riêng biệt của sự sống duy nhất ấy, tự nó hoàn chỉnh, nhưng vẫn là một với toàn thể. [Page 911]

23. The description immediately above concerns the 'differentiated group soul' composed of deva units on the evolutionary arc.

23. Mô tả ngay bên trên liên quan đến 'hồn nhóm đã biến phân' được cấu thành bởi các đơn vị thiên thần trên cung tiến hoá.

24. It would seem that, for devas, the kind of group consciousness towards which human beings strive is innate and arises from the structure of their reincarnational method.

24. Dường như đối với các thiên thần, loại tâm thức nhóm mà con người nỗ lực đạt tới là bẩm sinh và phát sinh từ cấu trúc của phương pháp tái sinh của họ.

25. Since devas represent the feminine aspect of nature, perhaps group consciousness is far easier for them to achieve. Their 'evolutionary coherence' seems to demonstrate this.

25. Vì các thiên thần biểu trưng cho phương diện nữ tính của bản chất, có lẽ tâm thức nhóm đối với họ dễ đạt được hơn nhiều. "Sự cố kết tiến hoá" của họ dường như chứng minh điều này.

There are **many types of life to be contacted on the four etheric levels,**

Có **nhiều loại sự sống để tiếp xúc trên bốn cấp độ dĩ thái,**

26. If the life of the physical plane is rich with a great variety of entities expressing through dense physical forms, why should there not be many types of life on the etheric levels? And on still subtler levels?

26. Nếu sự sống của cõi hồng trần phong phú với vô số thực thể biểu hiện qua các hình tướng hồng trần đậm đặc, thì tại sao lại không có nhiều loại sự sống trên các cấp độ dĩ thái? Và trên những cấp độ còn vi tế hơn nữa?

27. We must keep in mind that Master DK is simply discussing a few types of life to be encountered on the various etheric levels and that the true number is far greater.

27. Chúng ta phải ghi nhớ rằng Chân sư DK chỉ đang bàn đến một vài loại sự sống có thể gặp trên các cấp độ dĩ thái khác nhau và rằng con số thực sự còn lớn hơn nhiều.

28. Imagine a naturalist charged with the responsibility of classifying and discussing the type of lives to be found expressing in

28. Hãy hình dung một nhà tự nhiên học được giao trách nhiệm phân loại và bàn về các loại sự sống được tìm thấy đang biểu

the jungle of the Amazon. Where would he begin? How many could he possibly discuss in a few paragraphs?

hiện trong rừng Amazon. Ông ấy sẽ bắt đầu từ đâu? Ông ấy có thể bàn đến bao nhiêu loại chỉ trong vài đoạn văn?

but we can only concern ourselves at present with the deva life, remembering that the deva evolution is of equal importance to that of the human.

nhưng hiện nay chúng ta chỉ có thể quan tâm đến sự sống thiên thần, đồng thời ghi nhớ rằng sự tiến hoá thiên thần có tầm quan trọng ngang bằng với sự tiến hoá của con người.

29. This is a very interesting thought. Apparently there are types of life on the etheric planes which are *not* deva lives. This may be a new thought to us.

29. Đây là một ý tưởng rất thú vị. Rõ ràng có những loại sự sống trên các cõi dĩ thái *không* phải là sự sống thiên thần. Điều này có thể là một ý tưởng mới đối với chúng ta.

30. We can only imagine the incredible variety of lives expressing on the various planes and subplanes of our planetary scheme. We are mostly ignorant of the wide variety of plant and animal lives known to the naturalist. How ignorant are we of the lives expressing through the many subtle planes and subplanes?

30. Chúng ta chỉ có thể hình dung sự đa dạng đáng kinh ngạc của các sự sống đang biểu hiện trên các cõi và cõi phụ khác nhau của hệ hành tinh chúng ta. Chúng ta hầu như không biết gì về sự đa dạng rộng lớn của các sự sống thực vật và động vật mà nhà tự nhiên học biết đến. Vậy chúng ta còn vô minh đến mức nào về các sự sống đang biểu hiện qua nhiều cõi và cõi phụ vi tế?

31. Master DK tries to help us maintain a sense of proportion, avoiding a quite natural but quite distorted anthropocentric perspective.

31. Chân sư DK cố gắng giúp chúng ta duy trì Ý thức về tỉ lệ, tránh một quan điểm lấy con người làm trung tâm vốn khá tự nhiên nhưng cũng khá méo mó.

These devas are **many in number, are of involutionary and evolutionary nature, and of all grades and types**.

Những thiên thần này **rất đông về số lượng, có bản chất giáng hạ tiến hoá và tiến hoá, và thuộc mọi cấp bậc cùng mọi loại**.

32. There few words point to the immense variety of deva lives to be found upon the systemic etheric subplanes.

32. Những lời ít ỏi này chỉ ra sự đa dạng mênh mông của các sự sống thiên thần được tìm thấy trên các cõi phụ dĩ thái hệ thống.

33. We note that on the same etheric subplanes, *both* involutionary and evolutionary lives are to be found.

33. Chúng ta lưu ý rằng trên cùng những cõi phụ dĩ thái ấy, *cả* các sự sống giáng hạ tiến hoá lẫn tiến hoá đều được tìm thấy.

34. Much care must be exerted in the task of differentiating between involutionary and evolutionary lives and their names.

34. Phải hết sức cẩn trọng trong nhiệm vụ phân biệt giữa các sự sống giáng hạ tiến hoá và tiến hoá cùng tên gọi của chúng.

Ruling over them on the physical plane is the great deva Kshiti.

Cai quản họ trên cõi hồng trần là vị đại thiên thần Kshiti.

35. Kshiti is the Raja Deva Lord of the systemic physical plane. He is also, we will learn, a type of devic life known as a "Transmitter of the Word".

35. Kshiti là Chúa Tể Raja Deva của cõi hồng trần hệ thống. Chúng ta cũng sẽ biết rằng Ngài là một loại sự sống thiên thần được gọi là "Đấng Truyền Đạt Linh từ".

36. May we say that Kshiti rules over the devas of the dense physical subplanes as well as over the devas of the systemic ethers? It has seemed to be the case.

36. Chúng ta có thể nói rằng Kshiti cai quản các thiên thần của những cõi phụ hồng trần đậm đặc cũng như các thiên thần của các cõi dĩ thái hệ thống chăng? Dường như là như vậy.

He is a deva of rank and power equal to a Chohan of a Ray;

Ngài là một thiên thần có cấp bậc và quyền năng ngang với một Chohan của một cung;

37. By this, we probably mean that He has a rank equal to that of a sixth degree initiate within the Fourth Creative Hierarchy.

37. Bởi điều này, có lẽ chúng ta muốn nói rằng Ngài có cấp bậc ngang với một điểm đạo đồ cấp sáu trong Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư.

38. May we say that all the deva lives of the etheric-physical plane are, as it were, incorporated within the substance through which Kshiti expresses?

38. Chúng ta có thể nói rằng mọi sự sống thiên thần của cõi dĩ thái-hồng trần, theo một nghĩa nào đó, đều được bao hàm trong chất liệu mà qua đó Kshiti biểu hiện chăng?

He presides over everything outside the human kingdom upon the physical plane,

Ngài chủ trì mọi sự bên ngoài giới nhân loại trên cõi hồng trần,

39. Yes, it appears that the *entire* systemic physical plane must be included in the province over which He rules.

39. Đúng vậy, dường như *toàn bộ* cõi hồng trần hệ thống phải được bao gồm trong phạm vi mà Ngài cai quản.

40. The forms within the lower kingdoms are under his sway, but not the *human* kingdom. This is interesting. Does He work

40. Các hình tướng trong những giới thấp nằm dưới quyền của Ngài, nhưng không phải *giới nhân loại*. Điều này thật thú vị. Có

only with those forms of life which are individualized?

phải Ngài chỉ làm việc với những hình thức sự sống đã được biệt ngã hóa chăng?

and He has for His council the **four subordinate deva lords of the four etheric levels**.

và Ngài có trong hội đồng của Ngài **bốn chúa tể thiên thần phụ thuộc của bốn cấp độ dĩ thái**.

41. Although Kshiti rules seemingly over the entire physical plane, the deva lords who serve in a subordinate capacity are associated with the four *etheric* subplanes and not with the dense physical subplanes.

41. Mặc dù Kshiti dường như cai quản toàn bộ cõi hồng trần, các chúa tể thiên thần phục vụ trong năng lực phụ thuộc lại gắn với bốn cõi phụ *dĩ thái* chứ không phải với các cõi phụ hồng trần đậm đặc.

42. The number to watch, so far, are one and four: one Raja Deva Lord to rule the systemic etheric-physical plane, and four "subordinate deva lords" to rule the four systemic etheric subplanes.

42. Cho đến nay, những con số cần lưu ý là một và bốn: một Chúa Tể Raja Deva cai quản cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống, và bốn "chúa tể thiên thần phụ thuộc" cai quản bốn cõi phụ dĩ thái hệ thống.

He, with these subordinate devas, **presides over a subsidiary council of seven devas**

Ngài, cùng với các thiên thần phụ thuộc này, **chủ trì một hội đồng phụ gồm bảy thiên thần**

43. Here we probably have, in this council of seven devas, one such deva assigned to each of the seven subplanes of the systemic physical plane.

43. Ở đây có lẽ chúng ta có, trong hội đồng bảy thiên thần này, một thiên thần như thế được chỉ định cho mỗi một trong bảy cõi phụ của cõi hồng trần hệ thống.

44. We see that in this system of governance, the numbers are exact.

44. Chúng ta thấy rằng trong hệ thống quản trị này, các con số là chính xác.

45. The numbers to which we must attend so far are 1—4—7 in that hierarchical order.

45. Các con số mà cho đến nay chúng ta phải lưu ý là 1—4—7 theo trật tự huyền giai đó.

46. Our summed number, therefore, is *twelve*—a particularly important devic number.

46. Vì vậy, tổng số của chúng ta là *mười hai*—một con số thiên thần đặc biệt quan trọng.

who handle all that concerns the deva evolution, and the work of the greater and the lesser builders.

những vị xử lý mọi điều liên quan đến tiến hoá thiên thần, và công việc của các đấng đại kiến tạo và các vị tiểu kiến tạo.

47. Presumably, we are speaking of all that concerns the deva evolution and the work of the greater and lesser builders *upon the systemic physical plane.*

47. Có lẽ, chúng ta đang nói về mọi điều liên quan đến tiến hoá thiên thần và công việc của các đấng đại kiến tạo và các vị tiểu kiến tạo *trên cõi hồng trần hệ thống.*

48. Our hierarchy continues to expand:

48. Huyền giai của chúng ta tiếp tục mở rộng:

a. One Raja Deva Lord—Kshiti

a. Một Raja Deva Lord—Kshiti

b. Four subordinate Lords for the four systemic etheric levels

b. Bốn Chúa Tể phụ thuộc cho bốn cấp độ dĩ thái hệ thống

c. A subsidiary council of seven devas

c. Một hội đồng phụ gồm bảy thiên thần

d. Other greater and lesser builders

d. Các đấng đại kiến tạo và các vị tiểu kiến tạo khác

The deva Ruler of the fourth, or lowest ether,

Thiên thần chủ tinh của dĩ thái thứ tư, hay dĩ thái thấp nhất,

49. Presumably, one of the major four who are the chief subordinates of Kshiti…

49. Có lẽ là một trong bốn vị lớn, là những vị phụ tá chính của Kshiti…

has delegated a member of His council

đã ủy nhiệm một thành viên trong hội đồng của Ngài

50. Presumably, one of the seven…

50. Có lẽ là một trong bảy vị…

51. (Note her the four and seven—numbers associated with personality expression).

51. (Lưu ý ở đây số bốn và số bảy—những con số gắn với sự biểu lộ của phàm ngã).

to meet with certain of the Masters

để gặp một số Chân sư

52. Perhaps not Masters with Whom we are familiar…

52. Có lẽ không phải những Chân sư mà chúng ta quen thuộc…

53. This also reveals that members of the council are developed enough to meet with a Master.

53. Điều này cũng cho thấy rằng các thành viên của hội đồng đã phát triển đủ để gặp một Chân sư.

at this time for two specific purposes, first, to see whether **the approximation of the two lines of evolution, human and deva, might be now tentatively permitted**, and, secondly, **to reveal some of the methods of healing and the causes of physical disability which are inherent in the etheric double**.

54. Let us tabulate the purposes for which a member of the council of the deva who rules the fourth ether meets with certain of the Masters:

a. To see whether the approximation of the human and deva evolutions might be permitted (tentatively), presumably on the etheric subplanes (all four of which have a lower resonance with the buddhic plane whereon a true harmonization between the human and deva kingdoms will occur.

b. To reveal some of the methods of healing and the causes of physical disability which are inherent in the etheric double.

55. We note that if approximation between the two kingdoms is permitted the permission given will be *tentative* and will depend upon the results achieved.

56. In the second point under discussion, we are reminded of the healing devas (some powerful ones being *green* in color) and of the knowledge of healing carried by certain members of the deva kingdom.

57. DK has earlier discussed with us certain causes of disease which arise from conditions within the etheric double.

vào lúc này vì hai mục đích đặc biệt, thứ nhất, để xem liệu **sự xích lại gần của hai đường tiến hoá, nhân loại và thiên thần, giờ đây có thể được tạm thời cho phép hay không**, và, thứ hai, **để tiết lộ một số phương pháp trị liệu và các nguyên nhân của sự bất toàn thể xác vốn cố hữu trong bản sao dĩ thái**.

54. Chúng ta hãy lập bảng các mục đích vì đó một thành viên của hội đồng của vị thiên thần cai quản dĩ thái thứ tư gặp một số Chân sư:

a. Để xem liệu sự xích lại gần của hai đường tiến hoá nhân loại và thiên thần có thể được cho phép hay không (một cách tạm thời), có lẽ trên các cõi phụ dĩ thái (cả bốn cõi này đều có một sự cộng hưởng thấp hơn với cõi Bồ đề, nơi sẽ xảy ra một sự hài hoà chân chính giữa giới nhân loại và giới thiên thần.

b. Để tiết lộ một số phương pháp trị liệu và các nguyên nhân của sự bất toàn thể xác vốn cố hữu trong bản sao dĩ thái.

55. Chúng ta lưu ý rằng nếu sự xích lại gần giữa hai giới được cho phép thì sự cho phép ấy sẽ là *tạm thời* và sẽ tùy thuộc vào các kết quả đạt được.

56. Trong điểm thứ hai đang được bàn đến, chúng ta được nhắc nhớ về các thiên thần trị liệu (một số vị đầy quyền năng có màu *xanh lục*) và về tri thức trị liệu do một số thành viên của giới thiên thần mang theo.

57. Trước đây Chân sư DK đã bàn với chúng ta về một số nguyên nhân của bệnh tật phát sinh từ các điều kiện bên trong bản sao dĩ thái.

Devas **of all kinds and colours** are found on the physical etheric levels,

Các thiên thần **thuộc mọi loại và mọi màu sắc** đều được tìm thấy trên các cấp độ dĩ thái hồng trần,

58. This is important to note, otherwise we could fall under the mistaken notion that only *violet* devas are to be found within and upon the systemic ethers.

58. Điều này cần được lưu ý, nếu không chúng ta có thể rơi vào quan niệm sai lầm rằng chỉ có các thiên thần *tím* mới được tìm thấy bên trong và trên các dĩ thái hệ thống.

but the prevailing hue is violet, hence the term so often employed, the "devas of the shadows."

nhưng sắc thái thịnh hành là tím, vì thế mới có thuật ngữ thường được dùng là "các thiên thần của bóng tối".

59. The color violet (relatively a darker color by comparison with other colors) contributes, apparently, to the perception of their etheric habitat as shadowy.

59. Màu tím (tương đối là một màu tối hơn khi so với các màu khác) dường như góp phần khiến nơi cư trú dĩ thái của họ được cảm nhận như có bóng tối.

With the coming in of the ceremonial ray of violet, we have the **amplification** therefore of the violet vibration, always inherent on these levels, and the great opportunity therefore for contact between the two kingdoms.

Cùng với sự xuất hiện của cung nghi lễ màu tím, chúng ta có **sự khuếch đại** do đó của rung động tím, vốn luôn cố hữu trên các cấp độ này, và do đó có cơ hội lớn cho sự tiếp xúc giữa hai giới.

60. With additional stimulation of the inherent violet vibration of the etheric subplanes arises a *sufficient intensity of vibration* to create a more possible 'bridge of communication' between the human and deva kingdom on etheric levels.

60. Với sự kích thích bổ sung đối với rung động tím cố hữu của các cõi phụ dĩ thái, nảy sinh một *cường độ rung động đủ mạnh* để tạo nên một "cây cầu giao tiếp" khả hữu hơn giữa giới nhân loại và giới thiên thần trên các cấp độ dĩ thái.

61. While the opportunity is there, the manner in which the opportunity is pursued must be handled with great care.

61. Tuy cơ hội có đó, cách thức theo đuổi cơ hội ấy phải được xử lý hết sức cẩn trọng.

62. In this matter of "amplification", we are speaking wave addition, of adding together the amplitudes of similar wave forms. This will naturally lead to the strengthening or reinforcement of the wave form.

62. Trong vấn đề "khuếch đại" này, chúng ta đang nói đến sự cộng thêm sóng, tức là cộng các biên độ của những dạng sóng tương tự lại với nhau. Điều này tự nhiên sẽ dẫn đến sự tăng cường hay củng cố dạng sóng.

It is in the development of etheric vision (which is a capacity of the physical human eye) and **not in clairvoyance** that this mutual apprehension will become possible.

63. Yet, Master DK *does* speak of a kind of "clairvoyance" which pertains to the physical plane (gaseous level) and to the etheric plane.

The **clairvoyance** which is in process [Page 905] of developing in this rootrace is **entirely physical**, and, under the law, its development is to be anticipated, for the **Aryan rootrace is that one wherein man—in this fourth round—comes to full self-consciousness**. (TCF 904-905)

With the coming in likewise of this ray

64. The seventh ray…

will arrive those who belong thereon,

65. Souls on a particular ray come into incarnation in large numbers when their ray is the major ray of a particular historical period.

with a natural gift of seeing etherically.

66. Seventh ray souls have a particular resonance with the systemic etheric plane.

67. This is one of the reasons that they will become outstanding occultists and magicians in the coming Age.

Chính trong sự phát triển của linh thị dĩ thái (vốn là một năng lực của mắt hồng trần con người) và **không phải trong thông nhãn** mà sự lĩnh hội lẫn nhau này sẽ trở nên khả hữu.

63. Tuy vậy, Chân sư DK *quả thật* có nói đến một loại "thông nhãn" thuộc về cõi hồng trần (cấp độ khí) và cõi dĩ thái.

Loại **thông nhãn** đang trong tiến trình [Page 905] phát triển trong giống dân gốc này là **hoàn toàn hồng trần**, và theo định luật, sự phát triển của nó là điều có thể được dự liệu, vì **giống dân gốc Arya là giống dân trong đó con người—trong cuộc tuần hoàn thứ tư này—đạt đến ngã thức trọn vẹn**. (TCF 904-905)

Cùng với sự xuất hiện tương tự của cung này

64. Cung bảy…

sẽ đến những người thuộc về cung ấy,

65. Các linh hồn trên một cung nhất định đi vào lâm phàm với số lượng lớn khi cung của họ là cung chính của một thời kỳ lịch sử nhất định.

với thiên phú tự nhiên là nhìn thấy bằng linh thị dĩ thái.

66. Các linh hồn cung bảy có một sự cộng hưởng đặc biệt với cõi dĩ thái hệ thống.

67. Đây là một trong những lý do khiến họ sẽ trở thành những nhà huyền bí học và nhà huyền thuật nổi bật trong Kỷ nguyên sắp đến.

Children will frequently be born who will [Page 912] see etherically as easily as the average human being sees physically;

Trẻ em sẽ thường xuyên được sinh ra mà [Page 912] nhìn thấy bằng linh thị dĩ thái dễ dàng như con người trung bình nhìn thấy bằng mắt hồng trần;

68. We can imagine how beneficial this will be. Humanity has been blind to so many subtle occurrences of real importance. In time, this will no longer be the case. The veil between the dense physical subplanes and the more vibrant and luminous etheric subplanes will lift.

68. Chúng ta có thể hình dung điều này sẽ lợi ích biết bao. Nhân loại đã mù lòa trước quá nhiều hiện tượng vi tế có tầm quan trọng thực sự. Theo thời gian, điều này sẽ không còn như thế nữa. Bức màn giữa các cõi phụ hồng trần đậm đặc và các cõi phụ dĩ thái sinh động hơn, sáng chói hơn sẽ được nâng lên.

as conditions of harmony gradually evolve out of the present world chaos, **devas and human beings will meet as friends**.

khi các điều kiện hài hoà dần dần tiến hoá ra khỏi tình trạng hỗn loạn hiện nay của thế giới, **thiên thần và con người sẽ gặp nhau như những người bạn**.

69. DK is anticipating the entry of the fourth ray (in its monadic aspect) in 2025. Even at the close of 1924, the fourth Ray of Harmony was already making an intensified impact.

69. Chân sư DK đang dự liệu sự đi vào của cung bốn (trong phương diện chân thần của nó) vào năm 2025. Ngay cả vào cuối năm 1924, cung bốn của Hài Hoà đã tạo ra một tác động tăng cường rồi.

The coming into power of this fourth Ray at any time (**and such an advent may be looked for towards the close of this lesser cycle, which ended in 1924**) will produce a corresponding activity in connection with the fourth subplane in each plane, beginning with the fourth physical ether; (TCF 428)

Sự đi vào quyền lực của cung bốn này vào bất cứ lúc nào (**và có thể chờ đợi sự xuất hiện như thế vào khoảng cuối chu kỳ nhỏ này, vốn chấm dứt vào năm 1924**) sẽ tạo ra một hoạt động tương ứng liên quan đến cõi phụ thứ tư trong mỗi cõi, bắt đầu với dĩ thái hồng trần thứ tư; (TCF 428)

As the two planes, astral and physical, merge and blend, and continuity of consciousness is experienced upon the two,

Khi hai cõi, cảm dục và hồng trần, hòa nhập và dung hợp, và sự liên tục của tâm thức được kinh nghiệm trên cả hai cõi,

70. Continuity of consciousness is a condition which any and all systemic planes can be experienced while experience normal consciousness upon the dense physical

70. Sự liên tục của tâm thức là một trạng thái trong đó bất kỳ và mọi cõi hệ thống nào cũng có thể được kinh nghiệm trong khi vẫn kinh nghiệm tâm thức bình thường trên cõi

plane. It represents an expansion of the usual brain consciousness.

hồng trần đậm đặc. Nó biểu thị một sự mở rộng của tâm thức thông thường của bộ não.

71. We are to anticipate a merging and blending of the astral and physical planes. Now it is the beginning of the twenty-first century and we can already detect signs of this process. Unfortunately, the present merging and blending seems to involve the lower levels of the astral plane and is found in increasing cases of obsession.

71. Chúng ta phải dự liệu một sự hòa nhập và dung hợp của cõi cảm dục và cõi hồng trần. Hiện nay là đầu thế kỷ hai mươi mốt và chúng ta đã có thể nhận ra những dấu hiệu của tiến trình này. Đáng tiếc thay, sự hòa nhập và dung hợp hiện nay dường như liên quan đến các cấp độ thấp của cõi cảm dục và được thấy trong những trường hợp ám nhập ngày càng gia tăng.

it will be **difficult for human beings to differentiate at first between devas of the astral plane, and those of the physical**.

ban đầu sẽ **khó cho con người phân biệt giữa các thiên thần của cõi cảm dục và những thiên thần của cõi hồng trần**.

72. An interesting idea. New vibratory fields will be opened to human perception and it will take a while to clarify and classify that which is there to be perceived.

72. Đây là một ý tưởng thú vị. Những trường rung động mới sẽ được mở ra cho tri giác của con người và sẽ cần một thời gian để làm sáng tỏ và phân loại điều đang hiện hữu để được tri giác.

73. When DK speaks of the physical plane, He obviously includes the etheric subplanes and their devic life.

73. Khi Chân sư DK nói về cõi hồng trần, hiển nhiên Ngài bao gồm các cõi phụ dĩ thái và sự sống thiên thần của chúng.

At the beginning of this period of recognition, men will principally contact the **violet devas**,

Vào lúc bắt đầu thời kỳ nhận biết này, con người chủ yếu sẽ tiếp xúc với các **thiên thần tím**,

74. This is natural, as these devas are closest to the dense physical plane in relation to which the average human consciousness functions.

74. Điều này là tự nhiên, vì các thiên thần này gần với cõi hồng trần đậm đặc nhất, xét theo tương quan với cõi ấy là nơi tâm thức trung bình của con người hoạt động.

for those of the higher ranks amongst them are definitely making the attempt to contact the human.

vì những vị thuộc hàng ngũ cao hơn trong số họ rõ ràng đang nỗ lực tiếp xúc với con người.

75. It is important to note that the process of attempted contact is reciprocal.

75. Điều quan trọng cần lưu ý là tiến trình nỗ lực tiếp xúc này có tính hỗ tương.

76. When we speak of the “higher ranks amongst them”, we are necessarily speaking of evolutionary, self-conscious devas. When one “makes an attempt”, self-consciousness is implied.

76. Khi chúng ta nói về “những vị thuộc hàng ngũ cao hơn trong số họ”, tất yếu chúng ta đang nói về các thiên thần thăng thượng tiến hoá, có ngã thức. Khi một vị “nỗ lực”, ngã thức được hàm ý.

77. Presumably, every etheric subplane has devas of higher and lower rank.

77. Có lẽ mỗi cõi phụ dĩ thái đều có các thiên thần thuộc hàng ngũ cao và thấp.

78. But is DK saying that the devas of the two esoteric ethers (the first and second) are making the attempt to contact the human kingdom, or only that the higher devic life upon the fourth ether and perhaps of the third are making such an attempt.

78. Nhưng phải chăng Chân sư DK đang nói rằng các thiên thần của hai dĩ thái bí truyền (thứ nhất và thứ hai) đang nỗ lực tiếp xúc với giới nhân loại, hay chỉ rằng sự sống thiên thần cao hơn trên dĩ thái thứ tư và có lẽ cả thứ ba đang thực hiện nỗ lực ấy.

79. It will be along time, we understand, before the first and second ethers become exoteric.

79. Theo chúng ta hiểu, sẽ còn rất lâu trước khi dĩ thái thứ nhất và thứ hai trở nên ngoại môn.

These devas of the shadows are of a dark purple on the fourth etheric level, of a lighter purple, much the same colour as violet, on the third etheric level, a light violet on the second, whilst on the atomic subplane they are of a glorious translucent lavender.

Các thiên thần của bóng tối này có màu tím sẫm ở cấp độ dĩ thái thứ tư, màu tím nhạt hơn, gần như cùng màu với tím violet, ở cấp độ dĩ thái thứ ba, màu tím nhạt ở cấp độ thứ hai, còn ở cõi phụ nguyên tử thì họ có màu oải hương rực rỡ, trong suốt.

80. We note that there is a lightening of hue as we progress from lower to higher subplanes.

80. Chúng ta lưu ý rằng sắc độ trở nên sáng hơn khi chúng ta tiến từ các cõi phụ thấp lên các cõi phụ cao.

81. Let us tabulate:

81. Chúng ta hãy lập bảng:

a. Fourth ether—dark purple

a. Dĩ thái thứ tư—tím sẫm

b. Third ether—violet (though perhaps not *exactly* violet). Determining an exact color depends upon designating an exact frequency for that color.

b. Dĩ thái thứ ba—tím violet (dù có lẽ không *chính xác* là tím violet). Việc xác định một màu chính xác tùy thuộc vào việc chỉ định một tần số chính xác cho màu ấy.

c. Second ether—light violet

d. First ether—glorious, translucent lavender

82. VSK offers some thoughts on these matters: "LOM references tend, to my reading, to indicate both that white is esoterically violet, and violet is esoterically white. (Such references are within three or four pages of each other in the colour chapter.) The physical plane is violet, at any rate, as the *seventh*, but also white, as it is a synthesis.

83. Several colours are synthesizing: Thus, as white is the 'colour' of synthesis, is it indicated on 'all' planes? Is the physical plane as a whole to be considered white because it has seven subplanes and is the synthesis of those subplanes? Other synthesizing colours are:

a. Orange (for three planes, personality)

b. Yellow (for four planes; from the buddhic plane downwards; solarized magic)

c. Green, for five planes (from the atmic plane downwards)

d. Indigo, for six planes (from the monadic plane downwards)

e. Blue can be viewed as a synthesises for seven planes (for the Blue Logos, as a whole).

f. Rose does not seem to be indicated as a synthesizer anywhere; otherwise,

c. Dĩ thái thứ hai—tím nhạt

d. Dĩ thái thứ nhất—oải hương rực rỡ, trong suốt

82. VSK đưa ra một vài suy nghĩ về những vấn đề này: "Theo cách đọc của tôi, các dẫn chiếu trong LOM có xu hướng cho thấy cả việc màu trắng về mặt huyền bí là tím, lẫn màu tím về mặt huyền bí là trắng. (Những dẫn chiếu như thế nằm trong khoảng ba hay bốn trang gần nhau trong chương về màu sắc.) Dù sao đi nữa, cõi hồng trần là tím, với tư cách là cõi *thứ bảy*, nhưng cũng là trắng, vì nó là một tổng hợp.

83. Một số màu sắc đang tổng hợp: Vì vậy, vì màu trắng là "màu" của sự tổng hợp, phải chăng nó được chỉ ra trên "mọi" cõi? Có nên xem toàn bộ cõi hồng trần là trắng vì nó có bảy cõi phụ và là sự tổng hợp của các cõi phụ ấy không? Những màu tổng hợp khác là:

a. Cam (cho ba cõi, phàm ngã)

b. Vàng (cho bốn cõi; từ cõi Bồ đề trở xuống; huyền thuật được thái dương hóa)

c. Xanh lục, cho năm cõi (từ cõi atma trở xuống)

d. Chàm, cho sáu cõi (từ cõi chân thần trở xuống)

e. Xanh lam có thể được xem như một sự tổng hợp cho bảy cõi (đối với Blue Logos, như một toàn thể).

f. Hồng dường như không được chỉ ra như một yếu tố tổng hợp ở đâu cả; ngoài ra, mọi

everything else is, for some one or more planes.

màu khác đều như vậy, đối với một hay nhiều cõi nào đó.

Some of the groups of devas to be contacted on the physical plane are as follows:

Một số nhóm thiên thần sẽ được tiếp xúc trên cõi hồng trần như sau:

84. By "the physical plane" is apparently meant the entirety of the systemic etheric-physical plane, with its seven subplanes. We seem, however, to be focusing mostly on the devas to be found upon the etheric levels the systemic physical plane.

84. Rõ ràng "cõi hồng trần" ở đây có nghĩa là toàn bộ cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống, với bảy cõi phụ của nó. Tuy nhiên, dường như chúng ta chủ yếu đang tập trung vào các thiên thần được tìm thấy trên các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần hệ thống.

85. It will be necessary to remember that we are speaking of groups of *devas*—violet, green and white. In these groups will also be found associated elementals.

85. Cần nhớ rằng chúng ta đang nói về các nhóm *thiên thần*—tím, xanh lục và trắng. Trong các nhóm này cũng sẽ có các hành khí đi kèm.

86. It is constantly necessary to keep the distinction between the two—devas and elementals—even though certain wording at times seems to blur the distinction.

86. Luôn luôn cần giữ sự phân biệt giữa hai loại này—thiên thần và hành khí—dù đôi khi một số cách diễn đạt dường như làm mờ đi sự phân biệt ấy.

Four groups of violet devas,

Bốn nhóm thiên thần tím,

87. As detailed above in relation to the four etheric subplanes.

87. Như đã trình bày chi tiết ở trên liên quan đến bốn cõi phụ dĩ thái.

associated with the etheric doubles of all that exists on the physical plane. These four are in two divisions, **those associated with the building of the etheric doubles**, and **those out of whose substance these doubles are built**.

gắn liền với các bản sao dĩ thái của mọi thứ hiện hữu trên cõi hồng trần. Bốn nhóm này được chia thành hai phân bộ, **những nhóm gắn liền với việc kiến tạo các bản sao dĩ thái**, và **những nhóm từ chất liệu của họ mà các bản sao ấy được xây dựng nên**.

88. May we assume that those devas involved in the building of the etheric doubles are *manipulating devas* and that those "out of whose substance these doubles are built" are to be considered "recipients of

88. Chúng ta có thể giả định rằng những thiên thần tham gia vào việc kiến tạo các bản sao dĩ thái là các *thiên thần thao tác* và rằng những vị "từ chất liệu của họ mà các bản sao ấy được xây dựng nên" phải được

force", the more passive involutionary devas?

xem là "những kẻ tiếp nhận mãnh lực", tức các thiên thần giáng hạ tiến hoá thụ động hơn chăng?

89. We seem to be speaking of "devas", but could this be one of those section of text when the term "devas" means "elementals"?

89. Dường như chúng ta đang nói về "thiên thần", nhưng liệu đây có phải là một trong những đoạn văn mà thuật ngữ "thiên thần" lại có nghĩa là "hành khí" không?

90. The description of "those out of whose substance these doubles are built" seems to point to recipient elemental lives.

90. Mô tả về "những vị từ chất liệu của họ mà các bản sao ấy được xây dựng nên" dường như chỉ đến các sự sống hành khí tiếp nhận.

91. Our distinction so far (and there will be many such distinctions in this commentary) highlights the contrast between the 'builders' and 'the built'.

91. Sự phân biệt của chúng ta cho đến nay (và sẽ còn nhiều sự phân biệt như thế trong phần bình giải này) làm nổi bật sự tương phản giữa "các đấng kiến tạo" và "cái được kiến tạo".

The green devas of the vegetable kingdom. These exist in two divisions also. They are of **high development**, and will be contacted principally along the lines of magnetisation.

Các thiên thần xanh lục của giới thực vật. Các vị này cũng tồn tại trong hai phân bộ. Họ có **sự phát triển cao**, và sẽ được tiếp xúc chủ yếu theo đường lối từ điện hóa.

92. Apparently they are of higher development, in general, than the violet devas.

92. Rõ ràng nhìn chung họ có sự phát triển cao hơn các thiên thần tím.

93. Both colors, violet and green, were prominent in relation to the earlier solar system.

93. Cả hai màu, tím và xanh lục, đều nổi bật liên quan đến hệ mặt trời trước.

94. As well, this combination of colors (violet and green) suggest the sign Cancer (ruled by the green third ray and the violet seventh ray)—a sign very prominent in the earlier part of the previous solar system.

94. Ngoài ra, sự kết hợp các màu này (tím và xanh lục) gợi ra dấu hiệu hoàng đạo Cự Giải (được cai quản bởi cung ba màu xanh lục và cung bảy màu tím)—một dấu hiệu rất nổi bật trong phần đầu của hệ mặt trời trước.

95. These are devas from which certain of the healing devas arise. Being connected with the vegetable kingdom (with its prominent soft-line rays—2/4/6), it is

95. Đây là những thiên thần mà từ đó một số thiên thần trị liệu phát sinh. Vì được nối kết với giới thực vật (với các cung đường mềm nổi bật của nó—2/4/6), có thể hiểu được vì

understandable that "magnetisation" is prominent in the manner in which they may be contacted.

sao "từ điện hóa" lại nổi bật trong cách thức mà họ có thể được tiếp xúc.

More and more, during the next fifteen years, will men receive definite teaching, often subconsciously, from devas to whom they are linked. This will be done telepathically at first. Doctors today get much information from certain devas. **There are two great devas belonging to the green group on mental levels who assist in this work, and some physicians get much knowledge subjectively from a violet deva working on the atomic subplane of the physical plane, aided by a deva of the causal level who works with, or through, their egos.** As men learn to sense and recognise these devas, more and more teaching will be given. They teach in three ways: (EP 1 125)

Ngày càng nhiều hơn, trong mười lăm năm tới, con người sẽ nhận được giáo huấn rõ rệt, thường là một cách tiềm thức, từ các thiên thần mà họ được liên kết với. Ban đầu điều này sẽ được thực hiện bằng viễn cảm. Các bác sĩ ngày nay nhận được nhiều thông tin từ một số thiên thần. **Có hai đại thiên thần thuộc nhóm xanh lục trên các cấp độ trí tuệ hỗ trợ trong công việc này, và một số y sĩ nhận được nhiều tri thức một cách chủ quan từ một thiên thần tím hoạt động trên cõi phụ nguyên tử của cõi hồng trần, được một thiên thần ở cấp độ nguyên nhân trợ giúp, vị này làm việc với, hoặc thông qua, các chân ngã của họ.** Khi con người học cách cảm nhận và nhận biết các thiên thần này, ngày càng nhiều giáo huấn sẽ được ban ra. Họ dạy theo ba cách: (EP 1 125)

96. Magnetisation is one of the principal methods of healing.

96. Từ điện hóa là một trong những phương pháp trị liệu chính.

The greater devas of this order preside over the magnetic spots of the earth, guard the solitude of the forests, reserve intact spaces on the planet which are required to be kept inviolate;

Các đại thiên thần thuộc loại này chủ trì các điểm từ tính của địa cầu, canh giữ sự tịch mịch của các khu rừng, bảo tồn nguyên vẹn những không gian trên hành tinh cần phải được giữ bất khả xâm phạm;

97. Some of these kinds of devas have been draws in Geoffrey Hodson's book, *"The Kingdom of the Gods"*. They appear to be very beautiful.

97. Một số loại thiên thần này đã được vẽ trong cuốn sách của Geoffrey Hodson, *"The Kingdom of the Gods"*. Họ dường như rất đẹp.

98. We note that there are certain spaces on the planet which are "required to be kept inviolate". It was probably easier in 1925 to keep such spaces inviolate than it is now—man's mobility and ability to penetrate into

98. Chúng ta lưu ý rằng có những không gian nhất định trên hành tinh "cần phải được giữ bất khả xâm phạm". Có lẽ vào năm 1925 việc giữ những không gian như thế bất khả xâm phạm dễ hơn bây giờ—tính động và khả năng thâm nhập vào mọi khu vực của

all areas of the planet have so greatly increased.

hành tinh của con người đã gia tăng quá nhiều.

99. One wonders how such greater devas perform their function—how they "guard" and how they preserve inviolable certain spaces.

99. Người ta tự hỏi những đại thiên thần như thế thực hiện chức năng của họ ra sao—họ "canh giữ" như thế nào và họ bảo tồn một số không gian nào đó bất khả xâm phạm bằng cách nào.

they defend them from molestation,

họ bảo vệ chúng khỏi sự quấy nhiễu,

100. It would seem that certain members of today's environmental movement must work in close (if mostly unconscious) cooperation with these great green devas.

100. Dường như một số thành viên của phong trào môi trường ngày nay hẳn phải làm việc trong sự hợp tác chặt chẽ (dù phần lớn là vô thức) với các đại thiên thần xanh lục này.

101. The question of the manner of defense is naturally of great interest.

101. Câu hỏi về cách thức phòng vệ tự nhiên là rất đáng quan tâm.

and with the violet devas are **at this time working definitely, though temporarily, under the Lord Maitreya**.

và cùng với các thiên thần tím đang **vào lúc này làm việc một cách rõ rệt, dù tạm thời, dưới quyền Đức Chúa Maitreya**.

102. It would seem that both the green and violet devas must, together, be important in the process we understand as the "Reappearance of the Christ".

102. Dường như cả các thiên thần xanh lục lẫn tím, cùng nhau, đều phải quan trọng trong tiến trình mà chúng ta hiểu là "Sự Tái Xuất Hiện của Đức Christ".

103. Perhaps the Christ, Lord Maitreya, works in cooperation with such devas in a manner which better prepare the Earth for His advent.

103. Có lẽ Đức Christ, Đức Chúa Maitreya, làm việc trong sự hợp tác với các thiên thần như thế theo một cách chuẩn bị Trái Đất tốt hơn cho sự giáng lâm của Ngài.

104. Green and violet are certainly important for the task of healing, and the Lord Maitreya is, among the members of the Fourth Creative Hierarchy the Great Healer.

104. Xanh lục và tím chắc chắn quan trọng đối với nhiệm vụ trị liệu, và Đức Chúa Maitreya, trong số các thành viên của Huyền Giai Sáng Tạo thứ tư, là Đấng Đại Trị Liệu.

105. We recall that Master Jesus is assisted by violet devas.

105. Chúng ta nhớ rằng Chân sư Jesus được các thiên thần tím trợ giúp.

The Raja Lord of the astral plane, Varuna [Page 913] and his brother Kshiti, have been called to the council chamber of the Hierarchy for specific consultation,

106. Do we mean by "the council chamber of the Hierarchy", the Council Chamber of *Shamballa*? Sometimes the term, "Hierarchy" is used broadly to include the *entire* planetary Hierarchy inclusive of Shamballa.

and just as the Masters are endeavouring to prepare humanity for service when the World Teacher comes, **so these Raja Lords are working along similar lines in connection with the devas**.

107. Kshiti and Varuna are great Intelligences and work with the rank and file of the devas to prepare for the externalization of the World Teacher.

108. They probably work with all manner of devas, but their work with the self-conscious evolutionary devas would seem to be of critical importance.

109. We see that the Reappearance of the Christ is a *planetary* event and that both of these parallel kingdoms are intensively involved in the preparatory processes.

They are **arduous** in Their work, **intense** in Their zeal, but much obstructed by man.

110. This statement tells us much about these great Beings.

111. There seems to be a great ceaselessness which characterizes their work. Perhaps the

Raja Lord của cõi cảm dục, Varuna [Page 913] và huynh đệ của Ngài là Kshiti, đã được triệu đến phòng hội đồng của Thánh đoàn để tham vấn đặc biệt,

106. Phải chăng "phòng hội đồng của Thánh đoàn" ở đây có nghĩa là Phòng Hội Đồng của *Shamballa*? Đôi khi thuật ngữ "Thánh đoàn" được dùng theo nghĩa rộng để bao gồm *toàn bộ* Thánh đoàn hành tinh kể cả Shamballa.

và cũng như các Chân sư đang nỗ lực chuẩn bị nhân loại cho phụng sự khi Đức Chưởng Giáo đến, **thì các Raja Lord này cũng đang làm việc theo những đường lối tương tự liên quan đến các thiên thần**.

107. Kshiti và Varuna là những Trí Tuệ vĩ đại và làm việc với hàng ngũ đông đảo của các thiên thần để chuẩn bị cho sự ngoại hiện của Đức Chưởng Giáo.

108. Có lẽ họ làm việc với mọi loại thiên thần, nhưng công việc của họ với các thiên thần thăng thượng tiến hoá có ngã thức dường như có tầm quan trọng then chốt.

109. Chúng ta thấy rằng Sự Tái Xuất Hiện của Đức Christ là một biến cố *hành tinh* và rằng cả hai giới song song này đều tham dự mạnh mẽ vào các tiến trình chuẩn bị.

Họ **miệt mài** trong công việc của Các Ngài, **mãnh liệt** trong nhiệt tâm của Các Ngài, nhưng bị con người cản trở rất nhiều.

110. Lời phát biểu này cho chúng ta biết nhiều điều về các Đấng vĩ đại này.

111. Dường như có một sự không ngừng nghỉ lớn lao đặc trưng cho công việc của họ.

phrase “arduous in Their work” applies most to Kshiti, the Ruler of the systemic physical plane. Perhaps “intense in Their zeal” applies most to Varuna, the Raja Deva Lord of the systemic astral plane.

Có lẽ cụm từ “miệt mài trong công việc của Các Ngài” áp dụng nhiều nhất cho Kshiti, Đấng Cai Quản cõi hồng trần hệ thống. Có lẽ “mãnh liệt trong nhiệt tâm của Các Ngài” áp dụng nhiều nhất cho Varuna, Raja Deva Lord của cõi cảm dục hệ thống.

112. The description of their relationship to work and zeal suggest the combination of the seventh and sixth rays.

112. Mô tả về mối liên hệ của họ với công việc và nhiệt tâm gợi ra sự kết hợp của cung bảy và cung sáu.

*The **white devas of the air and water*** who preside over the atmosphere work with certain aspects of electrical phenomena, and control the seas, rivers, and streams.

*Các **thiên thần trắng của khí và nước*** chủ trì công việc của khí quyển, làm việc với một số phương diện của các hiện tượng điện, và kiểm soát biển cả, sông ngòi và suối lạch.

113. Presumably we are still discussing the devas of the systemic etheric subplanes, yet the elements of air and water area are also mentioned, and these elements could be seen as related to the systemic gaseous subplane and the systemic watery subplane respectively.

113. Có lẽ chúng ta vẫn đang bàn về các thiên thần của các cõi phụ dĩ thái hệ thống, tuy nhiên các nguyên tố khí và nước cũng được nhắc đến, và các nguyên tố này có thể được xem là liên hệ lần lượt với cõi phụ khí hệ thống và cõi phụ nước hệ thống.

114. From another perspective, the element of “air” carries an etheric connotation.

114. Từ một góc nhìn khác, nguyên tố “khí” mang một hàm ý dĩ thái.

115. When we think of “electrical phenomena” and the relation of air and water, it is natural to think of displays of lightning.

115. Khi chúng ta nghĩ đến “các hiện tượng điện” và mối liên hệ của khí và nước, thật tự nhiên khi nghĩ đến những biểu hiện của sấm chớp.

From among them, **at a certain stage in their evolution**, are gathered the **guardian angels** of the race when in physical plane incarnation.

Từ trong số họ, **ở một giai đoạn nhất định trong tiến hoá của họ**, các **thiên thần hộ vệ** của nhân loại khi đang lâm phàm trên cõi hồng trần được tuyển chọn.

116. These “guardian angels” are not Solar Angels but embody as much of the Solar Angel as may be possible during any one incarnation.

116. Các “thiên thần hộ vệ” này không phải là các Thái dương Thiên Thần mà thể hiện được nhiều đến mức có thể của Thái dương Thiên Thần trong bất kỳ một kiếp lâm phàm nào.

A glimpse of the "Guardian Angel," who is the dim reflection of the Angel of the Presence, the Solar Angel, which walks with each human being from the moment of birth until death, embodying as much of the available light as the man—at any given moment upon the path of evolution—can use and express. (EP II 357)

Thoáng thấy "Thiên Thần Hộ Vệ", là sự phản chiếu mờ nhạt của Thiên Thần của Hiện Diện, Thái dương Thiên Thần, Đấng đồng hành với mỗi con người từ lúc sinh ra cho đến khi chết, thể hiện được nhiều đến mức có thể của ánh sáng sẵn có mà con người—vào bất kỳ thời điểm nào trên đường tiến hoá—có thể sử dụng và biểu lộ. (EP II 357)

117. We note that guardian angels are only gathered from those white devas who have reached "a certain stage in their evolution". We are not yet in any position to know what that stage may be, but we presume that it must be advanced and that such a white deva must be fully self-conscious.

117. Chúng ta lưu ý rằng các thiên thần hộ vệ chỉ được tập hợp từ những thiên thần trắng đã đạt đến "một giai đoạn nào đó trong tiến hoá của họ". Chúng ta chưa ở vào vị thế nào để biết giai đoạn ấy có thể là gì, nhưng chúng ta giả định rằng đó hẳn phải là một giai đoạn cao, và rằng một thiên thần trắng như thế phải hoàn toàn có ngã thức.

Each unit of the human family has his guardian deva.

Mỗi đơn vị của gia đình nhân loại đều có thiên thần hộ vệ của y.

118. This is such an important statement. One day it will be known how the guardian deva and the human being interplay. People often imagine that they have been protected by their "guardian angel". This may often be true, but the mechanism of the protection and, in general, of the interaction are still obscure to human beings.

118. Đây là một phát biểu hết sức quan trọng. Một ngày kia người ta sẽ biết thiên thần hộ vệ và con người tương tác với nhau như thế nào. Mọi người thường tưởng rằng họ đã được "thiên thần hộ vệ" của mình bảo vệ. Điều này thường có thể là đúng, nhưng cơ chế của sự bảo vệ ấy và nói chung của sự tương tác ấy vẫn còn mơ hồ đối với con người.

119. May we assume that sylphs (probably manipulating devas of the air) are also to be found among the white devas?

119. Liệu chúng ta có thể giả định rằng các sylphs (có lẽ là các thiên thần thao tác của khí) cũng được tìm thấy trong số các thiên thần trắng hay không?

Each group of devas has **some specific method of development** and some means whereby they evolve and attain a particular goal.

Mỗi nhóm thiên thần đều có **một phương pháp phát triển đặc thù nào đó** và một phương tiện nào đó nhờ đó họ tiến hoá và đạt đến một mục tiêu đặc biệt.

120. We are confronted with an amazing panorama of possibilities. Each group of

120. Chúng ta đang đối diện với một toàn cảnh kỳ diệu của những khả thể. Mỗi nhóm

devas is of a specific kind and its methods of development and evolution are unique.

thiên thần đều thuộc một loại đặc thù và các phương pháp phát triển và tiến hoá của họ là độc nhất.

121. We note again that devas are spoken of in terms of *groups.*

121. Chúng ta lại lưu ý rằng các thiên thần được nói đến theo phương diện *nhóm.*

122. The implication is that groups of human beings also have specific means of development and evolution.

122. Hàm ý ở đây là các nhóm người cũng có những phương tiện phát triển và tiến hoá đặc thù.

For the *violet* devas the path of attainment lies through feeling, and through **educating the race in the perfecting of the physical body in its two departments**.

Đối với các thiên thần *tím*, con đường thành tựu nằm qua cảm giác, và qua việc **giáo dục nhân loại trong sự hoàn thiện thể xác trong hai bộ phận của nó**.

123. The method of feeling would not seem to accord with the color violet. Perhaps they are seeking ways to elevate themselves to the astral plane, the plane whereon the faculty of feeling is pronouncedly developed.

123. Phương pháp cảm giác dường như không phù hợp với màu tím. Có lẽ họ đang tìm cách nâng mình lên cõi cảm dục, cõi mà năng lực cảm giác được phát triển rõ rệt.

124. Yet the Master Jesus on the sixth ray (and the sixth ray is full of feeling) works especially with violet devas.

124. Tuy nhiên, Chân sư Jesus trên cung sáu (và cung sáu đầy cảm giác) lại đặc biệt làm việc với các thiên thần tím.

125. It would seem that violet devas are definitely self-conscious if their role is to educate.

125. Dường như các thiên thần tím chắc chắn là có ngã thức nếu vai trò của họ là giáo dục.

126. The two departments of the physical body are obviously the dense physical body and the etheric body.

126. Hai bộ phận của thể xác hiển nhiên là thể xác đậm đặc và thể dĩ thái.

127. Seventh ray individuals are particularly good at this perfecting process and it is they who, we would think, are most closely related to the violet devas through the violet color of the seventh ray.

127. Những người cung bảy đặc biệt giỏi trong tiến trình hoàn thiện này, và chúng ta nghĩ rằng chính họ là những người có liên hệ mật thiết nhất với các thiên thần tím qua màu tím của cung bảy.

128. For the violet devas the "path of attainment" is also a path of service.

128. Đối với các thiên thần tím, "con đường thành tựu" cũng là một con đường phụng sự.

For the *green* **devas the path of service is seen in magnetisation, of which the human race knows nothing as yet**.

Đối với các thiên thần *xanh lục* **con đường phụng sự được thấy trong sự từ hoá, điều mà nhân loại cho đến nay chưa biết gì cả**.

129. We are speaking here of paths of service trodden by certain intelligent devas on the evolutionary arc.

129. Ở đây chúng ta đang nói về những con đường phụng sự được một số thiên thần thông minh trên cung tiến hoá bước đi.

130. Is it that the human race knows nothing of magnetisation at all, or of the kind of magnetisation pursued by the green devas?

130. Có phải là nhân loại hoàn toàn không biết gì về sự từ hoá, hay là không biết về loại sự từ hoá mà các thiên thần xanh lục theo đuổi?

131. The color green pertains to the third ray, but the factor of magnetisation is related to the second ray.

131. Màu xanh lục thuộc về cung ba, nhưng yếu tố sự từ hoá lại liên hệ với cung hai.

132. We must remind ourselves of the work of "magnetic healers" and the role of green devas in the healing process.

132. Chúng ta phải tự nhắc mình về công việc của các "nhà trị liệu từ tính" và vai trò của các thiên thần xanh lục trong tiến trình trị liệu.

Through this power [the power of magnetisation] they act as the protectors of the vegetable plant life, and of the sacred spots of the earth;

Nhờ quyền năng này [quyền năng của sự từ hoá] họ hành động như những vị bảo hộ của đời sống thực vật, và của các nơi chốn thiêng liêng trên Trái Đất;

133. Magnetism can be both attractive and repulsive. We can imagine that the magnetisation would draw to vegetable plant life and to sacred spots of the Earth certain much needed influences and ward off others.

133. Từ điện có thể vừa hấp dẫn vừa đẩy lùi. Chúng ta có thể hình dung rằng sự từ hoá sẽ thu hút đến đời sống thực vật và các nơi chốn thiêng liêng của Trái Đất một số ảnh hưởng rất cần thiết, đồng thời xua đuổi những ảnh hưởng khác.

in their work lies the safety of man's body, for from the vegetable kingdom for the remainder of this round comes the nourishment of that body.

trong công việc của họ có sự an toàn của thể con người, vì từ giới thực vật, trong phần còn lại của cuộc tuần hoàn này, đến sự nuôi dưỡng của thể ấy.

134. Perhaps nourishment for the human physical body will one day come entirely from prana, but it seems to be suggested that the vegetable kingdom will have the responsibility of nourishing man's body for the remainder of the fourth round.

134. Có lẽ một ngày kia sự nuôi dưỡng cho thể xác con người sẽ hoàn toàn đến từ prana, nhưng dường như ở đây gợi ý rằng giới thực vật sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng thể con người trong phần còn lại của cuộc tuần hoàn thứ tư.

135. This says something about the place and fate of meat-eating for the duration of this round.

135. Điều này nói lên điều gì đó về vị trí và số phận của việc ăn thịt trong suốt thời gian còn lại của cuộc tuần hoàn này.

136. During the Aquarian Age we may see a movement towards relinquishing meat eating. This may not happen all at once. Aquarius is associated with birds and fish. The lighter meat of these animals may be eaten instead of red meet. Already there is such a trend in progress.

136. Trong Kỷ Nguyên Bảo Bình, chúng ta có thể thấy một phong trào hướng tới việc từ bỏ ăn thịt. Điều này có thể không xảy ra ngay lập tức. Bảo Bình liên hệ với chim và cá. Thịt nhẹ hơn của các loài này có thể được dùng thay cho thịt đỏ. Ngay từ bây giờ đã có một xu hướng như thế đang tiến triển.

For the *white* devas the path of service lies in the guarding of the individuals of the human family, in the care and segregation of types, in the control of the water and air elementals, and much that concerns the fish kingdom.

Đối với các *thiên thần trắng* con đường phụng sự nằm trong việc canh giữ các cá nhân của gia đình nhân loại, trong việc chăm sóc và phân loại các kiểu loại, trong việc kiểm soát các hành khí của nước và khí, và nhiều điều liên quan đến giới cá.

137. While the green devas work mostly magnetically and in relation to the vegetable kingdom (and thus have an important but basically indirect effect upon the human race), the white devas work *specifically* with the guarding of individuals in the human family.

137. Trong khi các thiên thần xanh lục làm việc chủ yếu bằng từ tính và trong liên hệ với giới thực vật (và do đó có một tác động quan trọng nhưng về căn bản là gián tiếp lên nhân loại), thì các thiên thần trắng làm việc *đặc biệt* với việc canh giữ các cá nhân trong gia đình nhân loại.

138. Let us tabulate some of their functions, which are most interesting.

138. Chúng ta hãy lập bảng một số chức năng của họ, rất đáng quan tâm.

a. They guard the individual in the human family

a. Họ canh giữ cá nhân trong gia đình nhân loại

b. They care for various types of human beings

b. Họ chăm sóc các kiểu loại người khác nhau

c. They help to segregate certain types of human beings. In this respect they might work in relation to the Department of the Manu which is usually charged with the responsibility of segregating the various types of human beings.

c. Họ giúp phân loại một số kiểu loại người nhất định. Về phương diện này, họ có thể làm việc trong liên hệ với Ban của Đức Manu, vốn thường được giao trách nhiệm phân loại các kiểu loại người khác nhau.

The work of the Manu is largely concerned with government, with planetary politics, and with the founding, direction, and dissolution of racial types and forms. (IHS 42)

Công việc của Đức Manu phần lớn liên quan đến chính quyền, đến chính trị hành tinh, và đến việc thiết lập, chỉ đạo và giải thể các kiểu loại và hình tướng chủng tộc. (IHS 42)

d. They control the water and air elementals. This seems to suggest that white devas are, indeed, *of the ethers* but have control of those lesser devas which are to be found in the water and gaseous layers of the systemic dense physical subplanes. We note that it is the devas who control the elementals.

d. Họ kiểm soát các hành khí của nước và khí. Điều này dường như gợi ý rằng các thiên thần trắng quả thực *thuộc các dĩ thái* nhưng có quyền kiểm soát những thiên thần thấp hơn được tìm thấy trong các lớp nước và khí của các cõi phụ hồng trần đậm đặc của hệ thống. Chúng ta lưu ý rằng chính các thiên thần kiểm soát các hành khí.

e. They are much involved with the fish kingdom. We realize that the kingdom of fishes and of birds are both closely related to the deva kingdom and entry into the deva kingdom may use birds or fishes as bridges.

e. Họ liên hệ rất nhiều với giới cá. Chúng ta nhận ra rằng giới cá và giới chim đều có liên hệ mật thiết với giới thiên thần, và việc đi vào giới thiên thần có thể dùng chim hoặc cá như những cây cầu.

Thus in the service of humanity in some form or another lies attainment for these physical plane devas.

Như vậy trong sự phụng sự nhân loại dưới hình thức này hay hình thức khác có thành tựu cho các thiên thần cõi hồng trần này.

139. We call them “physical plane devas”, but it must be borne in mind that the physical plane includes the etheric subplanes.

139. Chúng ta gọi họ là “các thiên thần cõi hồng trần”, nhưng cần ghi nhớ rằng cõi hồng trần bao gồm các cõi phụ dĩ thái.

They have much to give and do for humanity, and in time [Page 914] it will be apparent to the human unit what he has to give towards the perfecting of the deva kingdom.

Họ có nhiều điều để ban cho và làm cho nhân loại, và theo thời gian [Page 914] điều mà đơn vị nhân loại phải cống hiến cho sự hoàn thiện của giới thiên thần sẽ trở nên hiển nhiên.

140. As humanity begins to understand beauty of form and the manner in which beautiful forms reflect inner archetypes, humanity will have more to offer the deva kingdom.

140. Khi nhân loại bắt đầu hiểu vẻ đẹp của hình tướng và cách mà các hình tướng đẹp phản chiếu các nguyên mẫu bên trong, nhân loại sẽ có nhiều điều hơn để cống hiến cho giới thiên thần.

141. The spiritualization of matter promised for the Age of Aquarius requires a much better and more intelligent relationship between man and deva.

141. Sự tinh thần hoá vật chất được hứa hẹn cho Kỷ Nguyên Bảo Bình đòi hỏi một mối quan hệ tốt đẹp hơn và thông minh hơn nhiều giữa con người và thiên thần.

142. We would naturally expect the necessity for reciprocity between these two kingdoms.

142. Một cách tự nhiên, chúng ta sẽ mong đợi sự cần thiết của tính tương hỗ giữa hai giới này.

A great hastening of their evolution goes forward now coincident with that of the human family.

Một sự thúc đẩy lớn lao trong tiến hoá của họ hiện đang diễn ra đồng thời với tiến hoá của gia đình nhân loại.

143. The entire planet is in a condition of accelerated evolution. Both of the parallel kingdoms are involved and progressing rapidly—together.

143. Toàn bộ hành tinh đang ở trong một tình trạng tiến hoá được gia tốc. Cả hai giới song hành đều được bao hàm và đang tiến triển nhanh chóng—cùng nhau.

144. We might be led to infer that the great delay experienced by humanity because of events within the Moon-chain and also, within the first solar system, may also have been experienced by many members of the deva kingdom. Some compensatory acceleration is now in order.

144. Chúng ta có thể được dẫn đến chỗ suy ra rằng sự trì hoãn lớn lao mà nhân loại đã trải qua do các biến cố trong Dãy Mặt Trăng và cả trong hệ mặt trời thứ nhất, cũng có thể đã được nhiều thành viên của giới thiên thần trải qua. Hiện nay một sự gia tốc bù trừ là điều cần thiết.

There is another group of devas about which much may not as yet be communicated.

145. Yet, DK sees fit to mention them.

They have come in from another planetary scheme, and are **specialists** in their particular line.

146. Human visitors from other planets and also *deva* visitors must both be acknowledged.

147. Two planetary schemes which seem especially devic are Venus and Neptune.

They have attained, or passed through, the human kingdom, and **are of equal rank with certain members of the Hierarchy**,

148. They are, therefore, relative to the average human being, of high status.

149. We see the extraordinary range of consciousness to be found within the deva kingdom.

150. They are not Raja Deva Lords. We remember that Raja Deva Lords have a rank equal to that of a hierarchical Chohan.

having chosen to stay and work in connection with the physical plane evolution.

Có một nhóm thiên thần khác mà hiện nay chưa thể truyền đạt nhiều về họ.

145. Tuy nhiên, Chân sư DK thấy thích hợp để nhắc đến họ.

Họ đã đến từ một hệ hành tinh khác, và là những **chuyên gia** trong lĩnh vực riêng của họ.

146. Cả những vị khách nhân loại từ các hành tinh khác lẫn những vị khách *thiên thần* đều phải được thừa nhận.

147. Hai hệ hành tinh dường như đặc biệt có tính thiên thần là Sao Kim và Sao Hải Vương.

Họ đã đạt đến, hoặc đã đi qua, giới nhân loại, và **có địa vị ngang hàng với một số thành viên của Thánh đoàn**,

148. Vì vậy, so với con người trung bình, họ có địa vị cao.

149. Chúng ta thấy phạm vi tâm thức phi thường được tìm thấy trong giới thiên thần.

150. Họ không phải là các Raja Deva Lords. Chúng ta nhớ rằng các Raja Deva Lords có cấp bậc ngang với một Chohan của Thánh đoàn.

đã chọn ở lại và làm việc liên hệ với tiến hoá của cõi hồng trần.

151. There is, therefore, something within them akin to those human beings who tread the Path of Earth Service.

They are not many in number, **being only twelve**.

152. It seems a special hierarchical group, twelve being the number of the heart. The Hierarchy is the heart center of the planet.

153. Let us review the numbers we have been given concerning various devas and deva groups which interact: 1—4—7—12

154. These twelve devas are, it would seem, in a supervisory role regarding devic development on our planet.

155. Remember, in relation to the groups mentioned below, they are groups of *devas* and associated elementals.

Four work in the violet group [this is group one], five in the green group [this is group two], and two in the white [this is group three], with a presiding officer of rank equal to a Chohan.

156. There are eleven, it seems, of relatively equal rank, with one of greater rank.

157. If the rank of the "presiding officer" is that of a Chohan, then that deva Being has a rank approximately equal to that of the Raja Deva Lords Kshiti or Varuna.

158. The relationship of four and five reminds one of the relationship of the square (the four) to the pentagram(the five

151. Vì vậy, trong họ có điều gì đó tương tự như những con người bước đi trên Con Đường Phụng Sự Địa Cầu.

Số lượng của họ không nhiều, **chỉ có mười hai vị**.

152. Dường như đây là một nhóm Thánh đoàn đặc biệt, vì mười hai là con số của tim. Thánh đoàn là trung tâm tim của hành tinh.

153. Chúng ta hãy điểm lại các con số đã được cho liên quan đến các thiên thần và các nhóm thiên thần khác nhau có tương tác: 1—4—7—12

154. Dường như mười hai thiên thần này giữ vai trò giám sát đối với sự phát triển thiên thần trên hành tinh chúng ta.

155. Hãy nhớ rằng, liên hệ với các nhóm được nhắc đến dưới đây, đó là các nhóm *thiên thần* và các hành khí liên kết với họ.

Bốn vị làm việc trong nhóm tím [đây là nhóm một], năm vị trong nhóm xanh lục [đây là nhóm hai], và hai vị trong nhóm trắng [đây là nhóm ba], với một vị chủ tọa có cấp bậc ngang với một Chohan.

156. Dường như có mười một vị có cấp bậc tương đối ngang nhau, và một vị có cấp bậc cao hơn.

157. Nếu cấp bậc của "vị chủ tọa" là cấp bậc của một Chohan, thì Thực Thể thiên thần ấy có cấp bậc xấp xỉ ngang với các Raja Deva Lords Kshiti hoặc Varuna.

158. Mối liên hệ giữa bốn và năm gợi nhớ đến mối liên hệ giữa hình vuông (bốn) với ngôi sao năm cánh (năm của linh hồn). Các

of the soul). The green devas, working with magnetisation, are perhaps more in line with the second aspect.

159. Are the two of these devas who work with the white group more related to Spirit, just as we might presume the four in the violet group are related to the quaternary and the five in the green group to the soul?

160. We can also wonder if the violet group is more connected with the etheric-physical plane; the green group with the astral plane; and the white group with the mental plane.

161. While this may be the case, we must remember that on the etheric-physical plane are to be found devas of many different colors.

The number of the deva evolution is six, as that of man is now five, and as ten stands for perfected man, so twelve stands for perfection in the deva kingdom. This group [presumably the group of twelve] presides over the three earlier enumerated. Certain subsidiary groups are found.

162. This is numerological information of very great importance.

163. The devic numbers are larger than the numbers pertaining to humanity.

164. The man is associated with the five-pointed star and the deva with the six-pointed star.

165. The six and five together are the master number eleven.

thiên thần xanh lục, làm việc với sự từ hoá, có lẽ phù hợp hơn với phương diện thứ hai.

159. Liệu hai vị trong số các thiên thần này làm việc với nhóm trắng có liên hệ nhiều hơn với tinh thần chăng, cũng như chúng ta có thể giả định rằng bốn vị trong nhóm tím liên hệ với bộ tứ và năm vị trong nhóm xanh lục liên hệ với linh hồn?

160. Chúng ta cũng có thể tự hỏi liệu nhóm tím có liên hệ nhiều hơn với cõi dĩ thái-hồng trần; nhóm xanh lục với cõi cảm dục; và nhóm trắng với cõi trí hay không.

161. Dù có thể là như vậy, chúng ta phải nhớ rằng trên cõi dĩ thái-hồng trần có thể tìm thấy các thiên thần thuộc nhiều màu sắc khác nhau.

Con số của tiến hoá thiên thần là sáu, cũng như con số của con người hiện nay là năm, và cũng như mười tượng trưng cho con người hoàn thiện, thì mười hai tượng trưng cho sự hoàn thiện trong giới thiên thần. Nhóm này [có lẽ là nhóm mười hai] chủ trì ba nhóm đã được liệt kê trước đó. Có những nhóm phụ thuộc nhất định.

162. Đây là thông tin số học có tầm quan trọng rất lớn.

163. Các con số của thiên thần lớn hơn các con số thuộc về nhân loại.

164. Con người liên hệ với ngôi sao năm cánh và thiên thần liên hệ với ngôi sao sáu cánh.

165. Sáu và năm cùng nhau là con số chủ mười một.

166. The ten and twelve together, give us the very important master number twenty-two.

166. Mười và mười hai cùng nhau cho chúng ta con số chủ rất quan trọng là hai mươi hai.

167. The perfected man correlates with the number *ten* and with the *tenth* sign of the zodiac, Capricorn.

167. Con người hoàn thiện tương ứng với con số *mười* và với dấu hiệu hoàng đạo *thứ mười*, Ma Kết.

168. Perfection in the deva kingdom correlates with the number *twelve* and with the twelfth sign of the zodiac, Pisces.

168. Sự hoàn thiện trong giới thiên thần tương ứng với con số *mười hai* và với dấu hiệu hoàng đạo thứ mười hai, Song Ngư.

169. In this case, Pisces represents the heart and Capricorn the head.

169. Trong trường hợp này, Song Ngư tượng trưng cho tim và Ma Kết tượng trưng cho đầu.

170. May we think that Aquarius (between Capricorn and Pisces), a winged sign, having much to do with the third and fourth initiations as a meeting ground for men (Capricorn) and devas (Pisces)?

170. Liệu chúng ta có thể nghĩ rằng Bảo Bình (nằm giữa Ma Kết và Song Ngư), một dấu hiệu có cánh, có nhiều liên hệ với lần điểm đạo thứ ba và lần điểm đạo thứ tư như một nơi gặp gỡ của con người (Ma Kết) và thiên thần (Song Ngư) chăng?

171. We are told that the special group of twelve devas under discussion presides over the violet, green and white devas, just as some of these three preside over still lesser devas (white devas over certain of those of the water and air).

171. Chúng ta được cho biết rằng nhóm đặc biệt gồm mười hai thiên thần đang được bàn đến chủ trì các thiên thần tím, xanh lục và trắng, cũng như một số trong ba nhóm này chủ trì các thiên thần còn thấp hơn nữa (các thiên thần trắng chủ trì một số vị thuộc nước và khí).

172. As we read what is found below, it is important to distinguish between elementals and devas. It is also important to determine whether a particular life is a deva life or an elemental life. Some forms of life mentioned seem to be called devic (lesser devic) in one context and elemental in another.

172. Khi đọc những gì được trình bày dưới đây, điều quan trọng là phải phân biệt giữa hành khí và thiên thần. Cũng quan trọng không kém là xác định xem một sự sống cụ thể là sự sống thiên thần hay sự sống hành khí. Một số dạng sự sống được nhắc đến dường như được gọi là thiên thần (thiên thần thấp) trong một bối cảnh và là hành khí trong một bối cảnh khác.

Under *group 1* [and presumably associated with it] are found all the **elementals**

Dưới *nhóm 1* [và có lẽ liên kết với nhóm này] được tìm thấy tất cả các **hành khí** **làm việc**

working with the etheric doubles of men, all the elementals forming the etheric bodies wherein is life, and all the elementals working with the etheric counterparts of so-called inanimate objects.

với các bản sao dĩ thái của con người, tất cả các hành khí tạo thành các thể dĩ thái trong đó có sự sống, và tất cả các hành khí làm việcvới các đối phần dĩ thái của những vật được gọi là vô sinh.

173. We continue to speak of both devas and elementals, and of devas supervising elementals (i.e., of certain elementals working "under" certain deva groups.

173. Chúng ta tiếp tục nói đến cả thiên thần lẫn hành khí, và đến các thiên thần giám sát các hành khí (tức là một số hành khí làm việc "dưới" một số nhóm thiên thần nhất định.

174. Here we have three groups of *elementals* working under the first group of violet devas. Let us tabulate:

174. Ở đây chúng ta có ba nhóm *hành khí* làm việc dưới nhóm thứ nhất của các thiên thần tím. Chúng ta hãy lập bảng:

a. Those elementals who are working with the etheric bodies of men

a. Những hành khí đang làm việc với các thể dĩ thái của con người

b. Those elementals forming the etheric bodies of those forms wherein life is found. (All things are *alive* from the hylozoistic perspective, but in this context, "life" seems to mean *biological* life).

b. Những hành khí tạo thành các thể dĩ thái của những hình tướng trong đó có sự sống. (Mọi sự vật đều *sống* theo quan điểm vật hoạt luận, nhưng trong ngữ cảnh này, "sự sống" dường như có nghĩa là sự sống *sinh học*).

c. Those elementals working with the etheric counterparts of so-called inanimate objects. Every physical object or form has its etheric counterpart or it could not exist tangibly.

c. Những hành khí làm việc với các đối phần dĩ thái của những vật được gọi là vô sinh. Mọi vật thể hay hình tướng hồng trần đều có đối phần dĩ thái của nó, nếu không nó không thể tồn tại một cách hữu hình.

175. We need to know whether we must discriminate between the words "working with" and "forming". The words "working with" suggest the factor of *manipulation.* Are we, therefore, dealing with manipulating devas? This would be significant as manipulating devas are to be found on the *evolutionary* arc (and, yet, we are speaking of "elementals" which are usually on the involutionary arc).

175. Chúng ta cần biết liệu có phải phân biệt giữa các từ "làm việc với" và "tạo thành" hay không. Các từ "làm việc với" gợi ý yếu tố *thao tác.* Vậy phải chăng chúng ta đang đề cập đến các thiên thần thao tác? Điều này sẽ có ý nghĩa, vì các thiên thần thao tác được tìm thấy trên cung tiến hoá (thế nhưng ở đây chúng ta lại đang nói đến "hành khí", vốn thường ở trên cung giáng hạ tiến hoá).

176. Or perhaps the words "working with" must not be taken too literally and must not be seen to suggest *conscious* purposefulness, as these same words are used again in relation to the lowest of the elementals "working with" the etheric counterparts of so-called inanimate objects".

176. Hoặc có lẽ các từ "làm việc với" không nên được hiểu quá sát nghĩa và không nên bị xem là gợi ý một tính mục đích *hữu thức*, vì chính những từ ấy lại được dùng trong liên hệ với loại hành khí thấp nhất "làm việc với" các đối phần dĩ thái của những vật được gọi là vô sinh".

177. The words "forming" suggest greater passivity and almost definitely that caliber of deva known as "recipients of force".

177. Các từ "tạo thành" gợi ý tính thụ động lớn hơn và gần như chắc chắn chỉ cấp bậc thiên thần được biết đến như "những kẻ tiếp nhận mãnh lực".

These [DK is about to name both devas and elementals-we have to keep them distinct] are named in the order and the importance of their development.

Những điều này [Chân sư DK sắp gọi tên cả thiên thần lẫn hành khí—chúng ta phải giữ chúng tách biệt] được nêu tên theo thứ tự và tầm quan trọng của sự phát triển của chúng.

178. The higher the type of being with which the elemental is associated, the higher the type of elemental.

178. Loại hữu thể mà hành khí liên kết với càng cao thì loại hành khí ấy càng cao.

The violet devas are on the evolutionary path;

Các thiên thần tím ở trên con đường tiến hoá;

179. We have been told of four different kinds of violet devas, each associated with one of the systemic etheric subplanes.

179. Chúng ta đã được cho biết về bốn loại thiên thần tím khác nhau, mỗi loại liên kết với một trong các cõi phụ dĩ thái của hệ thống.

the elementals are on the involutionary path,

các hành khí ở trên con đường giáng hạ tiến hoá,

180. This seems to be a *general* classification —that elementals are on the involutionary path. We have to be cautious, however, lest the term "elementals", on occasion, be used more loosely and be applied to evolutionary devas, usually of lower calibre.

180. Dường như đây là một sự phân loại *tổng quát*—rằng các hành khí ở trên con đường giáng hạ tiến hoá. Tuy nhiên, chúng ta phải thận trọng, kẻo thuật ngữ "hành khí" đôi khi lại được dùng lỏng hơn và áp dụng cho các thiên thần tiến hoá, thường thuộc cấp *thấp hơn*.

181. Group 1 is a group of violet devas with an associated group of elementals which the violet devas control. Overall of them and working with them are certain deva lives from another planetary scheme.

181. Nhóm 1 là một nhóm thiên thần tím với một nhóm hành khí liên kết mà các thiên thần tím kiểm soát. Bao quát lên tất cả họ và làm việc với họ là một số sự sống thiên thần đến từ một hệ hành tinh khác.

182. There are other supervisors as well, numbered among the initial *four* Lords and *seven* in the council.

182. Cũng còn có những vị giám sát khác nữa, được tính trong số bốn Đấng đầu tiên và bảy vị trong hội đồng..

the goal for them being to pass into the deva kingdom of violet hue.

mục tiêu của họ là đi vào giới thiên thần màu tím.

183. In general, we are reading that those three groups of elementals in Group 1—elementals which work with or form the etheric bodies of men, living things and so-called inanimate objects are *not yet* violet devas on the evolutionary path but are bound to permanent atoms into the deva kingdom and because devas of violet hue.

183. Nói chung, điều chúng ta đang đọc là ba nhóm hành khí trong Nhóm 1—những hành khí làm việc với hoặc tạo thành các thể dĩ thái của con người, các sinh vật sống và những vật được gọi là vô sinh—*chưa* phải là các thiên thần tím trên con đường tiến hoá, nhưng bị ràng buộc vào các Nguyên tử trường tồn đi vào giới thiên thần và sau này trở thành các thiên thần màu tím.

184. Immediately below we speak of the "green group".

184. Ngay bên dưới, chúng ta nói đến "nhóm xanh lục".

185. We remember that that advanced devas from another planetary scheme are working with these three groups—of violet, green and white devas and elementals.

185. Chúng ta nhớ rằng các thiên thần cao cấp từ một hệ hành tinh khác đang làm việc với ba nhóm này—các thiên thần và hành khí tím, xanh lục và trắng.

Under *group 2* work the fairies of plant life, the elves who build and paint the flowers, the radiant little beings who inhabit the woods and the fields, **the elementals** who work with the fruits, vegetables, and with all that leads to the covering of the earth's surface with verdure.

Dưới *nhóm 2* làm việc các tiên của đời sống thực vật, các yêu tinh xây dựng và tô điểm hoa lá, những hữu thể nhỏ bé rạng ngời cư ngụ trong rừng và đồng nội, **các hành khí** làm việc với trái cây, rau cỏ, và với tất cả những gì dẫn đến việc phủ xanh bề mặt Trái Đất.

186. Immediately above, we find that there are elementals who "work with" fruits,

186. Ngay bên trên, chúng ta thấy rằng có những hành khí "làm việc với" trái cây, rau

vegetables, etc. This gives us one of the following two possibilities:

a. Either “elementals” can be manipulating devas

b. Or, the words “working with” are to be considered rather loosely, and imply no such abilities as manipulating devas have.

187. It would seem that it is possible to be unconscious, to work with and still to be *directed* by higher devas in the group concerned.

188. So many elementals are listed here that we must tabulate for the sake of clarity.

189. In this green group we have the following:

a. The fairies of plant life

b. The elves who build and paint the flowers

c. The radiant little beings who inhabit the woods and the fields

d. The elementals who work with the fruits, vegetables

e. All those whose work leads to the covering of the earth’s surface with verdure

190. Let us note that nothing is said here about whether *all* of these beings are on the involutionary or evolutionary arc. In this paragraph, only one grouping are called “elementals”. Are we to assume that fairies and elves are also “elementals” and are on the involutionary arc as it seems all or most

cỏ, v.v. Điều này cho chúng ta một trong hai khả năng sau:

a. Hoặc là “hành khí” có thể là các thiên thần thao tác

b. Hoặc là các từ “làm việc với” phải được hiểu khá lỏng, và không hàm ý những năng lực như các thiên thần thao tác có.

187. Dường như có thể là vô thức, vẫn làm việc với, và vẫn được các thiên thần cao hơn trong nhóm liên hệ *điều khiển*.

188. Có quá nhiều hành khí được liệt kê ở đây đến nỗi chúng ta phải lập bảng cho rõ ràng.

189. Trong nhóm xanh lục này, chúng ta có những loại sau:

a. Các tiên của đời sống thực vật

b. Các yêu tinh xây dựng và tô điểm hoa lá

c. Những hữu thể nhỏ bé rạng ngời cư ngụ trong rừng và đồng nội

d. Các hành khí làm việc với trái cây, rau cỏ

e. Tất cả những vị có công việc dẫn đến việc phủ xanh bề mặt Trái Đất

190. Chúng ta hãy lưu ý rằng ở đây không nói gì về việc liệu *tất cả* các hữu thể này ở trên cung giáng hạ tiến hoá hay cung tiến hoá. Trong đoạn này, chỉ có một nhóm được gọi là “hành khí”. Liệu chúng ta có nên giả định rằng các tiên và yêu tinh cũng là “hành khí” và ở trên cung giáng hạ tiến hoá như

elementals are? Popular lore, however, seems to attribute a kind of selfhood to fairies and elves, a kind of consciousness closely akin to *self*-consciousness. The way Master DK describes them, their work seems purposeful and perhaps conscious.

dường như tất cả hay phần lớn hành khí đều như vậy chăng? Tuy nhiên, truyền thuyết dân gian dường như quy cho các tiên và yêu tinh một loại tự ngã tính, một loại tâm thức rất gần với ngã thức. Theo cách Chân sư DK mô tả họ, công việc của họ dường như có mục đích và có lẽ là hữu thức.

191. So several questions we are holding in reserve—"What is the quality of consciousness of fairies and elves?" "Are they on the involutionary or evolutionary arc?" "Are fairies and elves not to be considered manipulating devas"? "Are manipulating devas not on the evolutionary arc?" "Can fairies and elves be called "elementals", or, if they can be called "elementals", in what sense are they so called?"

191. Vì vậy có một số câu hỏi chúng ta tạm giữ lại—"Phẩm tính tâm thức của các tiên và yêu tinh là gì?" "Họ ở trên cung giáng hạ tiến hoá hay cung tiến hoá?" "Các tiên và yêu tinh không được xem là các thiên thần thao tác sao?" "Các thiên thần thao tác không ở trên cung tiến hoá sao?" "Các tiên và yêu tinh có thể được gọi là 'hành khí' không, hay nếu có thể được gọi là 'hành khí', thì theo nghĩa nào họ được gọi như vậy?"

192. In the following description of those who are associated with the fairies, elves and others, the term "deva" is mentioned for the first time—*in relation to group two.* The association, in general, seems a *higher* type of association.

192. Trong phần mô tả tiếp theo về những vị liên kết với các tiên, yêu tinh và những hữu thể khác, thuật ngữ "thiên thần" được nhắc đến lần đầu tiên—*trong liên hệ với nhóm hai.* Nói chung, sự liên kết ấy dường như là một loại liên kết *cao hơn.*

Associated with them [fairies, elves, etc.] are the [Page 915] lesser devas of magnetisation, those attached to sacred spots, to talismans and to stones, and also a special group to be found around the habitations of the Masters wherever situated.

Liên kết với các vị ấy [fairies, elves, etc.] là các [Trang 915] thiên thần nhỏ hơn của sự từ điện hoá, những vị gắn với các nơi chốn thiêng liêng, với các bùa hộ mệnh và với đá, và cũng có một nhóm đặc biệt được tìm thấy quanh nơi cư ngụ của các Chân sư ở bất cứ nơi nào.

193. Again, let us tabulate to bring the eye maximum clarity.

193. Một lần nữa, chúng ta hãy lập bảng để đem lại cho mắt sự rõ ràng tối đa.

194. Associated, thus, with the elves and fairies are those which seem to be specifically "devas" and thus of higher rank than the "elementals" we have been discussing. These are:

194. Do đó, liên kết với elves và fairies là những vị dường như đặc biệt là "thiên thần", và vì thế có cấp bậc cao hơn các "hành khí" mà chúng ta đã bàn đến. Đó là:

a. Lesser devas of magnetization. Presumably, there are *greater* devas of magnetization

a. Các thiên thần nhỏ hơn của sự từ điện hoá. Có lẽ có những thiên thần của sự từ điện hoá *cao hơn*.

b. Devas attached to sacred spots. Obviously this is a very responsible position and they are necessarily highly conscious and alert.

b. Các thiên thần gắn với các nơi chốn thiêng liêng. Hiển nhiên đây là một vị trí đầy trách nhiệm, và các vị ấy tất yếu có tâm thức cao và tỉnh thức.

c. Devas attached to talismans and to stones (hence the efficacy of these objects).

c. Các thiên thần gắn với các bùa hộ mệnh và với đá (do đó có hiệu lực của các vật này).

d. A special group of devas found around the habitations of the Masters.

d. Một nhóm thiên thần đặc biệt được tìm thấy quanh nơi cư ngụ của các Chân sư.

Under group 3 work the elementals of the air and the sea, the sylphs, the water fairies, and the devas who guard each human being.

Dưới nhóm 3 hoạt động các hành khí của không khí và biển cả, các sylphs, các thủy tiên, và các thiên thần canh giữ mỗi con người.

195. We see how often DK uses the word "elementals". Our problem is to determine the *scope* of this term and whether it includes manipulating devas on the evolutionary arc.

195. Chúng ta thấy Chân sư DK dùng từ "hành khí" thường xuyên đến mức nào. Vấn đề của chúng ta là xác định *phạm vi* của thuật ngữ này và liệu nó có bao gồm các thiên thần thao tác trên cung tiến hoá hay không.

196. From the manner in which the entities who work "under" Group 3, we cannot know whether sylphs and water fairies are to be considered elementals of the air and the sea.. There could be five separate categories:

196. Từ cách thức các thực thể hoạt động "dưới" Nhóm 3, chúng ta không thể biết liệu sylphs và thủy tiên có nên được xem là các hành khí của không khí và biển cả hay không. Có thể có năm loại riêng biệt:

a. Elementals of the air

a. Các hành khí của không khí

b. Elementals of the sea

b. Các hành khí của biển cả

c. Sylphs (of the air)—possibly manipulating devas

c. Các sylphs (của không khí)—có thể là các thiên thần thao tác

d. Water fairies (of the sea)—possibly manipulating devas

e. The devas who guard each human being (obviously *not* elementals)

197. From the following quotation (which light on our immediately foregoing consideration) we realize that fairies, sylphs, gnomes, sprites, etc. are to be considered "manipulating devas":

Second. Many devas pass out of the group of passive lives [i.e., elementals or "recipients of force"] in the effort to become **manipulating lives** via the bird kingdom, and before becoming fairies, elves, gnomes, or other sprites, pass a certain number of cycles in the bird realm. (TCF 895)

198. So, from the perspective of the interpolated paragraph, fairies, elves, gnomes and other sprites are *definitely* manipulating devas ("manipulating lives").

199. Yet the following paragraph shows how *tenuous* may be the boundary between "elementals" and "manipulating devas", and how these words must be studied carefully in every context:

The Dark Brothers who occasionally employ these **elemental forces** to wreak their will and vengeance on all opponents. Under their control work sometimes the **elementals of the earth plane**, the gnomes and the elemental essence as found in evil form, some of the brownies, and the fairy folk of colours brown, grey and sombre-hued. They cannot control the devas of high development, nor the fairies of colours blue, green and yellow, though a few of the red

d. Các thủy tiên (của biển cả)—có thể là các thiên thần thao tác

e. Các thiên thần canh giữ mỗi con người (hiển nhiên *không* phải là hành khí)

197. Từ đoạn trích sau đây (đoạn soi sáng cho điều chúng ta vừa xét ngay trước đó), chúng ta nhận ra rằng fairies, sylphs, gnomes, sprites, v.v. phải được xem là "các thiên thần thao tác":

Thứ hai. Nhiều thiên thần ra khỏi nhóm các sự sống thụ động [tức là, các hành khí hay "những kẻ tiếp nhận mãnh lực"] trong nỗ lực trở thành **các sự sống thao tác** qua giới chim, và trước khi trở thành fairies, elves, gnomes, hay các sprites khác, trải qua một số chu kỳ nhất định trong giới chim. (TCF 895)

198. Vì vậy, từ quan điểm của đoạn văn nội suy, fairies, elves, gnomes và các sprites khác *chắc chắn* là các thiên thần thao tác ("các sự sống thao tác").

199. Tuy nhiên, đoạn sau cho thấy ranh giới giữa "hành khí" và "thiên thần thao tác" có thể *mong manh* đến mức nào, và những từ này phải được nghiên cứu cẩn thận trong mọi ngữ cảnh:

Các huynh đệ bóng tối đôi khi sử dụng các **mãnh lực hành khí** này để thực hiện ý chí và sự báo oán của chúng trên mọi kẻ đối nghịch. Dưới sự kiểm soát của chúng đôi khi hoạt động các **hành khí của cõi đất**, các gnomes và tinh chất hành khí như được thấy trong hình thức ác độc, một số brownies, và dân fairy có màu nâu, xám và u tối. Chúng không thể kiểm soát các thiên thần đã phát triển cao, cũng không thể kiểm soát các fairies có màu xanh lam, xanh lục và vàng,

fairies can be made to work under their direction. The water elementals (though not the sprites or sylphs) move on occasion to their assistance, and in the control of these forces of involution they at times damage the furtherance of our work. (LOM 135)

mặc dù một vài fairies đỏ có thể bị khiến phải hoạt động dưới sự chỉ đạo của chúng. Các hành khí của nước (mặc dù không phải các sprites hay sylphs) đôi khi chuyển động để trợ giúp chúng, và trong việc kiểm soát các mãnh lực của giáng hạ tiến hoá này, đôi lúc chúng gây tổn hại cho sự thúc đẩy công việc của chúng ta. (LOM 135)

200. This paragraph must be closely studied as, perhaps, many types of lives (elemental and deva) are grouped together. They may be related but may not be the same (i.e., may not all be on the involutionary arc).

200. Đoạn này phải được nghiên cứu kỹ lưỡng vì có lẽ nhiều loại sự sống (hành khí và thiên thần) được gom lại với nhau. Chúng có thể có liên hệ nhưng có thể không giống nhau (tức là, có thể không phải tất cả đều ở trên cung giáng hạ tiến hoá).

201. Because of the manner in which these different lives are associated, we cannot tell whether they all belong to one general category—"elementals" or "elemental forces"—or whether such beings as the gnomes *are* to be considered "elementals of the earth plane" or distinct from such elementals (distinct, because they are really "manipulating devas").

201. Do cách thức các sự sống khác nhau này được liên kết, chúng ta không thể biết liệu tất cả chúng có thuộc về một loại tổng quát —"hành khí" hay "mãnh lực hành khí"—hay không, hoặc liệu những hữu thể như gnomes *có phải* được xem là "các hành khí của cõi đất" hay là khác biệt với các hành khí ấy (khác biệt, vì chúng thực sự là "các thiên thần thao tác").

202. Although the terms "elementals", "elemental lives" or "elemental forces" at times seem elastic and applicable to the manipulating devas (who, presumably, are on the evolutionary arc) it may be better to think of "elementals" as related mostly to the "passive lives", the "recipients of force" who are *definitely* on the involutionary arc.

202. Mặc dù các thuật ngữ "hành khí", "các sự sống hành khí" hay "các mãnh lực hành khí" đôi khi có vẻ linh hoạt và có thể áp dụng cho các thiên thần thao tác (những vị, có lẽ, ở trên cung tiến hoá), có lẽ tốt hơn nên nghĩ về "hành khí" như chủ yếu liên hệ với "các sự sống thụ động", "những kẻ tiếp nhận mãnh lực", là những kẻ *chắc chắn* ở trên cung giáng hạ tiến hoá.

203. We note in the paragraph above sprites and sylphs (presuming manipulating devas) are definitely distinguished form "water elementals" which can be swayed by the dark brother.

203. Chúng ta lưu ý rằng trong đoạn trên, sprites và sylphs (giả định là các thiên thần thao tác) được phân biệt rõ ràng với "các hành khí của nước", những kẻ có thể bị huynh đệ bóng tối chi phối.

204. Let us again tabulate these elementals and devas to be found in the “third group” which is the *white* group:

a. Elementals of the air

b. Elementals of the sea

c. Sylphs

d. Water fairies. We see that fairies are not only associated with the green group and with land.

e. The devas who guard each human being. Presumably these devas are individualized and self-consciousness.

Here only general hints are given.

205. Yes, we can perceive that the subject is somewhat veiled.

This list is not complete and does not include the grosser elementals, the brownies, and those that inhabit the dark spaces of the earth, the cities and the subterranean spots of the earth's crust.

206. Here we have three categories of beings:

a. The grosser elementals

b. The brownies

c. Those who inhabit dark spaces and subterranean spots

We do not know whether DK is equating all these as elementals or whether He is distinguishing “brownies” (a term which

204. Một lần nữa, chúng ta hãy lập bảng các hành khí và thiên thần được tìm thấy trong “nhóm thứ ba”, là nhóm *trắng*:

a. Các hành khí của không khí

b. Các hành khí của biển cả

c. Các sylphs

d. Các thủy tiên. Chúng ta thấy rằng fairies không chỉ liên kết với nhóm xanh lục và với đất liền.

e. Các thiên thần canh giữ mỗi con người. Có lẽ các thiên thần này đã được biệt ngã hóa và có ngã thức.

Ở đây chỉ đưa ra những gợi ý tổng quát.

205. Đúng vậy, chúng ta có thể nhận ra rằng chủ đề này phần nào được che phủ.

Danh sách này chưa đầy đủ và không bao gồm các hành khí thô nặng hơn, các brownies, và những kẻ cư ngụ trong các khoảng tối của trái đất, các thành phố và các nơi chốn dưới lòng đất trong lớp vỏ Trái Đất.

206. Ở đây chúng ta có ba loại hữu thể:

a. Các hành khí thô nặng hơn

b. Các brownies

c. Những kẻ cư ngụ trong các khoảng tối và các nơi chốn dưới lòng đất

Chúng ta không biết liệu Chân sư DK có đồng nhất tất cả những loại này là hành khí hay không, hoặc liệu Ngài có đang phân biệt

suggests "manipulating devas") from elementals. Probably when the names of groups appearing in folklore are mentioned —brownies, gnomes, undines, fairies, sylphs, elves, etc.—it is good to consider them as *manipulating devas*. As to their degree of consciousness, it is a matter which must be carefully researched

"brownies" (một thuật ngữ gợi ý "các thiên thần thao tác") với hành khí hay không. Có lẽ khi các tên gọi của những nhóm xuất hiện trong dân gian được nhắc đến—brownies, gnomes, undines, fairies, sylphs, elves, v.v.—thì nên xem chúng là *các thiên thần thao tác*. Còn về mức độ tâm thức của chúng, đó là một vấn đề phải được nghiên cứu cẩn thận

TCF 916-925: S7S14 Part II

29 September - 15 October 2008

29 tháng Chín - 15 tháng Mười 2008

(Most of the Tibetan's text is put in font 16, to provide better legibility when projected during classes. Footnotes and references from other AAB Books and from other pages of TCF are put in font 14. Commentary appears in font 12. Underlining, Bolding and Highlighting by MDR)

(Phần lớn văn bản của Chân sư Tây Tạng được để ở cỡ chữ 16, để dễ đọc hơn khi chiếu trong các lớp học. Chú thích cuối trang và các tham chiếu từ những sách khác của AAB và từ các trang khác của TCF được để ở cỡ chữ 14. Phần bình luận xuất hiện ở cỡ chữ 12. Gạch dưới, in đậm và tô sáng do MDR thực hiện)

It is suggested that this Commentary be **read with the *TCF* book handy,** for the sake of continuity. As analysis of the text is pursued, many paragraphs are divided, and the compact presentation in the book, itself, will convey the *overall meaning* of the paragraph. **So please read an entire paragraph and then study the Commentary**

Có đề nghị rằng phần Bình Luận này nên được **đọc với quyển *TCF* ở bên cạnh,** vì mục đích liên tục. Khi việc phân tích văn bản được tiến hành, nhiều đoạn được chia nhỏ, và cách trình bày cô đọng trong chính quyển sách sẽ truyền đạt *ý nghĩa tổng thể* của đoạn văn. **Vì vậy xin hãy đọc trọn một đoạn rồi sau đó nghiên cứu phần Bình Luận**

The devas of the ethers

Các thiên thần của các cõi dĩ thái

1. We are now speaking of the devas of generically violet hue

1. Hiện nay chúng ta đang nói về các thiên thần có sắc tím nói chung

carry **on their foreheads** a translucent symbol

mang **trên trán của họ** một biểu tượng trong suốt

2. A symbol through which light passes or is radiated…

2. Một biểu tượng mà qua đó ánh sáng đi xuyên qua hoặc được phát ra…

3. One is also reminded of the lighted condition of the ethers which is desirable, even though these devas are called “devas of the shadows”.

3. Người ta cũng được nhắc nhớ đến trạng thái sáng rực của các cõi dĩ thái, là điều đáng mong muốn, dù các thiên thần này được gọi là “các thiên thần của bóng tối”.

in the form of a crescent moon,

dưới hình thức một trăng lưỡi liềm,

4. The Moon is the ruler of the sign Cancer, the color of which, as given by the Tibetan, is *violet.*

4. Mặt Trăng là chủ tinh của dấu hiệu hoàng đạo Cự Giải, mà màu sắc của nó, như Chân sư Tây Tạng đã cho biết, là *tím.*

5. The Moon is also the ruler of the seventh *manifested* Creative Hierarchy, ruled by the seventh ray (a ray so intimately related to the embodiment of the form). This, as well, is the meaning of the Moon—the “Mother of the form”. The color of the seventh ray is violet. The seventh ray is easily seen, therefore, to be associated with the rhythmically cyclic Moon.

5. Mặt Trăng cũng là chủ tinh của Huyền Giai Sáng Tạo thứ bảy *biểu hiện*, được cung bảy cai quản (một cung có liên hệ mật thiết đến sự nhập thể của hình tướng). Đây cũng là ý nghĩa của Mặt Trăng—“Mẹ của hình tướng”. Màu của cung bảy là tím. Vì vậy, dễ thấy cung bảy liên kết với Mặt Trăng có tính chu kỳ nhịp nhàng.

6. In this symbol we see the etheric, form-building significances of the Moon. It is also associated with the dense physical body, which is not considered a principle in this solar system.

6. Trong biểu tượng này, chúng ta thấy các ý nghĩa dĩ thái, kiến tạo hình tướng của Mặt Trăng. Nó cũng liên kết với thể xác đậm đặc, vốn không được xem là một nguyên khí trong hệ mặt trời này.

7. It would seem that the symbol designates the function of form production. As far as the physical plane is concerned, this function originates on the etheric plane and is facilitated by the violet devas.

7. Dường như biểu tượng này chỉ định chức năng sản sinh hình tướng. Xét về cõi hồng trần, chức năng này khởi nguồn trên cõi dĩ thái và được các thiên thần tím hỗ trợ.

and by this they may be distinguished from the astral devas by those able to see clairvoyantly.

và nhờ đó chúng có thể được phân biệt với các thiên thần cảm dục bởi những ai có thể thấy bằng thông nhãn.

8. This seems an important piece of occult information.

8. Điều này dường như là một mẩu thông tin huyền bí quan trọng.

9. We have been told that when the astral and etheric-physical planes begin to merge,

9. Chúng ta đã được cho biết rằng khi cõi cảm dục và các cõi dĩ thái-hồng trần bắt đầu

it will be at first difficult to distinguish the devic lives of the two planes.

hòa nhập, lúc đầu sẽ khó phân biệt các sự sống thiên thần của hai cõi ấy.

10. May we think that astral devas also carry a kind of symbol which suggests their function?

10. Liệu chúng ta có thể nghĩ rằng các thiên thần cảm dục cũng mang một loại biểu tượng gợi ra chức năng của chúng không?

11. It is significant that such devas (etheric devas specifically) actually have "foreheads"! Perhaps this tells us much about their appearance and their at least partial resemblance to the form of man. We have much to learn about devic form.

11. Điều đáng chú ý là những thiên thần như thế (đặc biệt là các thiên thần dĩ thái) thực sự có "trán"! Có lẽ điều này cho chúng ta biết nhiều về diện mạo của chúng và về sự giống với hình thể con người ít nhất là một phần. Chúng ta còn nhiều điều phải học về hình tướng thiên thần.

12. The directed vision of such violet devas (through the forehead, the place in man for the ajna vortex) is towards form production.

12. Tầm nhìn được định hướng của những thiên thần tím như thế (qua trán, nơi ở con người là xoáy ajna) hướng về việc sản sinh hình tướng.

As we consider **the devas of the ethers**, we find that they fall naturally—as far as manifestation is concerned—**into two main groups.**

Khi chúng ta xem xét **các thiên thần của các cõi dĩ thái**, chúng ta thấy rằng chúng tự nhiên rơi—xét theo phương diện biểu hiện—**vào hai nhóm chính.**

13. We are now, it seems, speaking of devas rather than elementals. We always have to monitor the focus of our topic carefully. The Tibetan seems to switch quickly between speaking of devas or of elementals.

13. Hiện nay, dường như chúng ta đang nói về các thiên thần hơn là các hành khí. Chúng ta luôn phải theo dõi cẩn thận trọng tâm của chủ đề. Chân sư Tây Tạng dường như chuyển rất nhanh giữa việc nói về thiên thần hay hành khí.

14. DK speaks of "two main groups", but let us see how these groups relate to the four different kinds of devas—one type for each subplane of the etheric plane.

14. Chân sư DK nói về "hai nhóm chính", nhưng hãy xem các nhóm này liên hệ thế nào với bốn loại thiên thần khác nhau—một loại cho mỗi cõi phụ của cõi dĩ thái.

Each group is represented on each of the four subplanes, and this grouping must be considered as **but one method** of differentiation **out of the many possible**.

Mỗi nhóm được biểu hiện trên mỗi một trong bốn cõi phụ, và sự phân nhóm này phải được xem chỉ là **một phương pháp** biến phân **trong số nhiều phương pháp có thể có**.

15. He seems to suggest that the two main groupings are each to be found on each of the etheric subplanes.

15. Ngài dường như gợi ý rằng mỗi một trong hai nhóm chính đều được tìm thấy trên mỗi cõi phụ dĩ thái.

16. If there are four main types of devas (of four distinct shades of purple or violet) then there will be, in all, eight different classifications.

16. Nếu có bốn loại thiên thần chính (thuộc bốn sắc độ tím khác biệt) thì tổng cộng sẽ có tám cách phân loại khác nhau.

17. Again, we must notice that there are *many ways* of differentiating the devas (and elementals) to be found on the systemic etheric subplanes. Before we could understand such ways, we would have to know just how many different types of devas and elementals are to be found on the systemic etheric subplanes.

17. Một lần nữa, chúng ta phải lưu ý rằng có *nhiều cách* để biến phân các thiên thần (và hành khí) được tìm thấy trên các cõi phụ dĩ thái của hệ thống. Trước khi có thể hiểu những cách ấy, chúng ta sẽ phải biết chính xác có bao nhiêu loại thiên thần và hành khí khác nhau được tìm thấy trên các cõi phụ dĩ thái của hệ thống.

18. It is always necessary to remind ourselves of the group of devas which are under discussion. We are speaking of the devas of the systemic ethers.

18. Luôn luôn cần phải nhắc mình về nhóm thiên thần đang được bàn đến. Chúng ta đang nói về các thiên thần của các cõi dĩ thái của hệ thống.

These groups are, **first, those devas who are the transmitters of prana to all forms of life**; **they are a group of intermediary devas,** and may be regarded as the **energy providers in their various differentiations**; secondly, **those devas who form the etheric bodies of every form in manifestation**. These constitute the **bulk of the lesser devas.**

Các nhóm này là, **thứ nhất, những thiên thần là các vị truyền dẫn prana đến mọi hình thức sự sống**; **họ là một nhóm thiên thần trung gian,** và có thể được xem là các **nhà cung cấp năng lượng trong những sự biến phân khác nhau của họ**; thứ hai, **những thiên thần tạo nên các thể dĩ thái của mọi hình tướng đang biểu hiện**. Những vị này cấu thành **phần lớn các thiên thần nhỏ hơn.**

19. When we look at the two main groups found on each etheric subplane, we realize that they are hierarchicalized. One group is higher or more evolved than the other.

19. Khi nhìn vào hai nhóm chính được tìm thấy trên mỗi cõi phụ dĩ thái, chúng ta nhận ra rằng chúng được phân cấp. Một nhóm cao hơn hay tiến hoá hơn nhóm kia.

20. The first group are “transmitters of prana to all forms of life”. It would seem that this is the more *dynamic* of the two main groups.

20. Nhóm thứ nhất là “các vị truyền dẫn prana đến mọi hình thức sự sống”. Dường như đây là nhóm *năng động* hơn trong hai nhóm chính.

21. We must see why DK calls them a “group of intermediary devas”. Between what and what are they intermediary? Usually, manipulating devas are considered intermediary between transmitting devas and more passive, devas who are part of established structures.

21. Chúng ta phải thấy vì sao Chân sư DK gọi họ là “một nhóm thiên thần trung gian”. Họ là trung gian giữa cái gì và cái gì? Thông thường, các thiên thần thao tác được xem là trung gian giữa các thiên thần truyền dẫn và các thiên thần thụ động hơn, là những vị thuộc về các cấu trúc đã được thiết lập.

22. We will visit the term “intermediary” later in the Commentary. We will see that these transmitters of prana are much associated with the second aspect and the second ray. They are influenced by the "Transmitter of the Word" (the transmitting devas associated with the Father aspect).

22. Chúng ta sẽ trở lại thuật ngữ “trung gian” ở phần sau của Bình Luận. Chúng ta sẽ thấy rằng các vị truyền dẫn prana này liên hệ rất nhiều với phương diện thứ hai và cung hai. Họ chịu ảnh hưởng của "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" (các thiên thần truyền dẫn liên kết với phương diện Cha).

23. This group of pranic transmitters is definitely differentiated. We can certainly understand that there would be at least *four* differentiations—one for each etheric subplane.

23. Nhóm các vị truyền dẫn prana này chắc chắn được biến phân. Chúng ta hẳn có thể hiểu rằng sẽ có ít nhất *bốn* sự biến phân—một cho mỗi cõi phụ dĩ thái.

24. The second type of deva within the two main groups are “those who form the etheric bodies of every form in manifestation”—biologically ‘living’ and also apparently inanimate.

24. Loại thiên thần thứ hai trong hai nhóm chính là “những vị tạo nên các thể dĩ thái của mọi hình tướng đang biểu hiện”—vừa sinh học ‘sống’, vừa cả những gì dường như vô sinh.

25. Here we are dealing with lesser devas. Notice they are still *devas*, apparently, and not *elementals* per se. This is an important distinction at this point.

25. Ở đây chúng ta đang đề cập đến các thiên thần nhỏ hơn. Hãy lưu ý rằng họ vẫn rõ ràng là *thiên thần*, chứ không phải *hành khí* chính

chúng. Đây là một sự phân biệt quan trọng ở điểm này.

26. We must focus on the word “form”. Does it mean, “give form to”, or does it mean “go to the formation of”? Obviously the first wording suggests greater dynamism and the second wording, more passivity. The first wording suggest the possible function of manipulating devas. So we will have to be alert to this question.

26. Chúng ta phải tập trung vào từ “tạo nên hình tướng”. Nó có nghĩa là “ban hình tướng cho”, hay có nghĩa là “đi vào sự hình thành của”? Hiển nhiên, cách diễn đạt thứ nhất gợi ý tính năng động lớn hơn, còn cách thứ hai gợi ý tính thụ động hơn. Cách diễn đạt thứ nhất gợi ra chức năng có thể có của các thiên thần thao tác. Vì vậy chúng ta sẽ phải tỉnh táo với câu hỏi này.

27. It would seem that those devas “who form the etheric bodies of every form in manifestation” must be considered manipulating devas and not elementals of any kind.

27. Dường như những thiên thần “tạo nên các thể dĩ thái của mọi hình tướng đang biểu hiện” phải được xem là các thiên thần thao tác chứ không phải hành khí thuộc bất kỳ loại nào.

28. As for “transmitters of prana”, it would appear that we have to classify them as “transmitting devas”, along with those greater devas who are "Transmitters of the Word".

28. Còn đối với “các vị truyền dẫn prana”, có vẻ như chúng ta phải xếp họ vào loại “các thiên thần truyền dẫn”, cùng với những thiên thần cao cả hơn là "Đấng Truyền Dẫn Linh từ".

29. In earlier texts, DK spoke of transmitting devas, manipulating devas and “recipients of force” (are they devas at all or are they elementals).

29. Trong các văn bản trước đây, Chân sư DK đã nói về các thiên thần truyền dẫn, các thiên thần thao tác và “những kẻ tiếp nhận mãnh lực” (liệu họ có phải là thiên thần hay hoàn toàn là hành khí).

30. It is clear that in the important paragraph above, DK is speaking only of transmitting devas and of manipulating devas but not of elemental “recipients of force” or elemental essence on the involutionary arc.

30. Rõ ràng là trong đoạn quan trọng ở trên, Chân sư DK chỉ nói về các thiên thần truyền dẫn và các thiên thần thao tác, chứ không nói về các “kẻ tiếp nhận mãnh lực” là hành khí hay tinh chất hành khí trên cung giáng hạ tiến hoá.

There are naturally many other organised intelligences in the great Army of the Voice in connection with this primary division of the physical plane,

Có một cách tự nhiên nhiều trí tuệ có tổ chức khác trong Đạo Quân của Âm Thanh vĩ đại liên hệ với sự phân chia sơ khởi này của cõi hồng trần,

31. Can a being be an "organized intelligence" and still not be self-conscious?

31. Liệu một hữu thể có thể là một "trí tuệ có tổ chức" mà vẫn không có ngã thức không?

32. In a large and general way we are dealing with the Army of the Voice. The devas and elementals under discussion in this section of text, are all members of the Army of the Voice because they respond to immediately to sound.

32. Theo một cách rộng lớn và tổng quát, chúng ta đang đề cập đến Đạo Quân của Âm Thanh. Các thiên thần và hành khí được bàn đến trong phần văn bản này đều là thành viên của Đạo Quân của Âm Thanh vì chúng đáp ứng ngay lập tức với âm thanh.

33. As always, the question is, "whose *voice*"? There are great Voices and far lesser voices such as the voice of man.

33. Như mọi khi, câu hỏi là, "âm thanh của *ai*?" Có những Âm Thanh vĩ đại và những âm thanh nhỏ bé hơn rất nhiều như âm thanh của con người.

34. When dealing with the Army of the Voice, it would seem that some members are self-conscious and highly evolved and other are still somewhat in the category of blind forces—unconscious, passive, receptive, relatively inert.

34. Khi đề cập đến Đạo Quân của Âm Thanh, dường như một số thành viên có ngã thức và đã tiến hoá cao, còn những thành viên khác vẫn phần nào thuộc loại các mãnh lực mù quáng—vô thức, thụ động, tiếp nhận, tương đối trì trệ.

but if the student will consider these two groups, and will investigate their relationship to man and to the Heavenly Man within Whose body they are to be found, he will learn much which will enable him to comprehend problems hitherto considered insoluble,

nhưng nếu đạo sinh xem xét hai nhóm này, và sẽ khảo cứu mối liên hệ của chúng với con người và với Đấng Thiên Nhân mà trong thân thể của Ngài chúng được tìm thấy, y sẽ học được nhiều điều giúp y thấu hiểu những vấn đề từ trước đến nay vẫn được xem là không thể giải quyết,

35. This is very promising.

35. Điều này rất hứa hẹn.

36. In general we have devas responsible for the dynamic movement of energy (the energy of prana), *and* we have the devas responsible (either forming or going to the formation of) more stable etheric structures *through which* pranic energy is transmitted. The 'structural and structuring devas' (can we call them that) are of lower orders than the transmitting devas—whether it is the "Word" that is transmitted or prana.

36. Nói chung, chúng ta có các thiên thần chịu trách nhiệm cho sự vận động năng động của năng lượng (năng lượng của prana), *và* chúng ta có các thiên thần chịu trách nhiệm (hoặc tạo nên, hoặc đi vào sự hình thành của) những cấu trúc dĩ thái ổn định hơn *qua đó* năng lượng prana được truyền dẫn. Các 'thiên thần cấu trúc và kiến tạo cấu trúc' (chúng ta có thể gọi họ như vậy chăng) thuộc các cấp thấp hơn các thiên

thần truyền dẫn—dù cái được truyền là "Linh từ" hay prana.

37. Perhaps it is because of these two main groups of devas that, in listings of man's seven principles, *both* the etheric body and prana are listed as principles (though really, only one of them is).

37. Có lẽ chính vì hai nhóm thiên thần chính này mà trong các bảng liệt kê bảy nguyên khí của con người, *cả* thể dĩ thái lẫn prana đều được liệt kê là các nguyên khí (mặc dù thực ra chỉ một trong hai là như vậy).

38. Obviously, the principle known as "prana" is closely allied with the "transmitters of prana" and the principle known in some tabulations as the etheric body is closely allied with the 'structural and structuring devas'.

38. Hiển nhiên, nguyên khí được gọi là "prana" liên hệ mật thiết với "các vị truyền dẫn prana", và nguyên khí trong một số bảng được gọi là thể dĩ thái liên hệ mật thiết với các 'thiên thần cấu trúc và kiến tạo cấu trúc'.

and will find many things [Page 916] revealed which will tend to revolutionise the findings of modern science, and bring about changes in the care of the physical body.

và sẽ thấy nhiều điều [Trang 916] được mặc khải sẽ có khuynh hướng cách mạng hoá những phát hiện của khoa học hiện đại, và đem lại những thay đổi trong việc chăm sóc thể xác.

39. We all realize that the health of the physical body lies in the proper care of the etheric body.

39. Tất cả chúng ta đều nhận ra rằng sức khỏe của thể xác nằm ở việc chăm sóc đúng đắn thể dĩ thái.

40. Modern science seeks to unlock the mysteries of the form. In the work of these two types of devas these secrets seem to be concealed.

40. Khoa học hiện đại tìm cách mở khóa các huyền nhiệm của hình tướng. Trong công việc của hai loại thiên thần này, những bí mật ấy dường như được che giấu.

41. As we consider the two groups and their relationship, we must remember that on all the systemic planes there are subplanes which correspond more to the systemic dense physical subplanes and those which correspond more to the etheric subplanes. In this respect, every systemic plane has its quasi-dense and quasi-etheric portion.

41. Khi xem xét hai nhóm và mối liên hệ của chúng, chúng ta phải nhớ rằng trên mọi cõi của hệ thống đều có những cõi phụ tương ứng nhiều hơn với các cõi phụ hồng trần đậm đặc của hệ thống và những cõi phụ tương ứng nhiều hơn với các cõi phụ dĩ thái. Về phương diện này, mỗi cõi của hệ thống đều có phần gần-đậm-đặc và phần gần-dĩ-thái của nó.

42. Latent heat accords with the quasi-dense portions and active or radiatory heat with the quasi-etheric portions.

42. Nhiệt tiềm ẩn tương ứng với các phần gần-đậm-đặc, còn nhiệt hoạt động hay bức xạ tương ứng với các phần gần-dĩ-thái.

The Devas and Energy. Before we take up the consideration of these two groups it might be wise here to emphasise the necessity of remembering **that when we consider the etheric levels of the physical plane we are dealing with those planes upon which the true form is to be found**, and are approaching the solution of the mystery of the Holy Spirit and the Mother.

Các thiên thần và Năng lượng. Trước khi chúng ta bắt đầu xem xét hai nhóm này, ở đây có lẽ khôn ngoan khi nhấn mạnh sự cần thiết phải nhớ **rằng khi chúng ta xem xét các cấp độ dĩ thái của cõi hồng trần, chúng ta đang đề cập đến những cõi mà trên đó hình tướng chân thực được tìm thấy**, và đang tiến gần đến lời giải của huyền nhiệm về Chúa Thánh Thần và Mẹ.

43. What is "true form"? It is not the aggregation (or "congestion") of dense physical matter that *appears* on the lowest two systemic subplanes. Rather, it is the energy-form on the etheric plane which *causes* such aggregations/concretions/ congestions to appear.

43. "Hình tướng chân thực" là gì? Nó không phải là sự kết tập (hay "sự ùn tụ") của vật chất hồng trần đậm đặc *xuất hiện* trên hai cõi phụ thấp nhất của hệ thống. Đúng hơn, đó là hình tướng-năng lượng trên cõi dĩ thái, cái *gây ra* sự xuất hiện của những kết tập/kết tinh/ùn tụ như thế.

44. The Holy Spirit, therefore, relates to the etheric levels and the Mother to the dense physical levels.

44. Do đó, Chúa Thánh Thần liên hệ với các cấp độ dĩ thái, còn Mẹ liên hệ với các cấp độ hồng trần đậm đặc.

In this realisation, and its extension to include an entire solar system, will come a clarifying of the connection between the four higher planes of the system and the three worlds of human endeavour.

Trong (sự)chứng nghiệm này, và trong sự mở rộng của nó để bao gồm toàn bộ một hệ mặt trời, sẽ đến một sự làm sáng tỏ mối liên hệ giữa bốn cõi cao hơn của hệ thống và ba cõi thấp của nỗ lực nhân loại.

45. The cosmic etheric planes are formative, the home of *true forms* when considering the entirety of the cosmic physical plane. The lower three worlds are *formed* rather than *formative*. No *true* forms exist upon them, but only aggregations formed by the formative potencies of the cosmic physical plane.

45. Các cõi dĩ thái vũ trụ có tính tạo hình, là nơi cư ngụ của các *hình tướng chân thực* khi xét toàn thể cõi hồng trần vũ trụ. Ba cõi thấp là những cõi *được tạo thành* hơn là *có tính tạo hình*. Không có hình tướng *chân thực* nào tồn tại trên chúng, mà chỉ có những kết tập được tạo thành bởi các tiềm lực tạo hình của cõi hồng trần vũ trụ.

We have, in the *macrocosm*, the four planes of super-conscious life,

Trong *Đại thiên địa*, chúng ta có bốn cõi của sự sống siêu hữu thức,

46. These are the cosmic etheric planes, the four highest systemic subplanes on the cosmic physical plane.

46. Đó là các cõi dĩ thái vũ trụ, bốn cõi phụ cao nhất của hệ thống trên cõi hồng trần vũ trụ.

47. Technically, the systemic subplanes on which the causal body is to be found are not to be considered sub-planes of super-conscious life.

47. Về mặt kỹ thuật, các cõi phụ của hệ thống mà trên đó thể nguyên nhân được tìm thấy không nên được xem là các cõi phụ của sự sống siêu hữu thức.

or those **four central vibrations** which are the basis of the life and energy of the etheric body of a planetary Logos and of a solar Logos,

hay những **rung động trung tâm bốnfold** là nền tảng của sự sống và năng lượng của thể dĩ thái của một Hành Tinh Thượng Đế và của một Thái dương Thượng đế,

48. These cosmic etheric subplanes are certainly etheric with respect to the Solar Logos, but, as we have often pointed out, for the Planetary Logos another factor may be operative. Could it be that for the Planetary Logos, the higher mental plane is, in some sense, to be considered the 'lowest ether'?

48. Các cõi phụ dĩ thái vũ trụ này chắc chắn là dĩ thái đối với Thái dương Thượng đế, nhưng như chúng ta thường chỉ ra, đối với Hành Tinh Thượng Đế có thể một yếu tố khác đang vận hành. Liệu có thể chăng rằng đối với Hành Tinh Thượng Đế, Cõi thượng trí, theo một nghĩa nào đó, được xem là 'dĩ thái thấp nhất'?

49. There are pros and cons to this question and we cannot explore it extensively here.

49. Có những lý lẽ thuận và nghịch cho câu hỏi này, và chúng ta không thể khảo sát nó rộng rãi ở đây.

50. Note the phrase "four central vibrations". It gives a different image from the apparent 'stacking of the planes'—as planes are so

50. Hãy lưu ý cụm từ "bốn rung động trung tâm". Nó gợi ra một hình ảnh khác với sự "xếp chồng các cõi" có vẻ bề ngoài—vì các cõi

often represented in two dimensional diagrams.

thường được trình bày trong các sơ đồ hai chiều.

and the three planes of conscious and of self-conscious life which form the dense physical vehicle of a Heavenly Man, and of the Grand Man of the Heavens.

và ba cõi của sự sống hữu thức và ngã thức, vốn tạo thành hiện thể hồng trần đậm đặc của một Đấng Thiên Nhân, và của Đại Nhân trên Thiên Giới.

51. On these three lower planes *both* conscious and self-conscious life exists. It goes without saying that it is possible to be conscious without being self-conscious.

51. Trên ba cõi thấp này, *cả* sự sống hữu thức lẫn ngã thức đều tồn tại. Không cần phải nói cũng rõ rằng có thể hữu thức mà không ngã thức.

52. Here again we have to proceed carefully. The dense physical vehicle of the Solar Logos is found upon the entirety of the lower three planes, and includes the higher mental subplanes.

52. Ở đây một lần nữa chúng ta phải tiến hành cẩn trọng. Hiện thể hồng trần đậm đặc của Thái dương Thượng đế được tìm thấy trên toàn bộ ba cõi thấp, và bao gồm các cõi phụ của Cõi thượng trí.

53. However, what are usually called the "lower three worlds" are the physical vehicle of the Heavenly Man and these do not include the subplanes of the higher mental plane. In other references this seems an irrefutable inference.

53. Tuy nhiên, điều thường được gọi là "ba cõi thấp" lại là hiện thể hồng trần của Đấng Thiên Nhân và những cõi này không bao gồm các cõi phụ của Cõi thượng trí. Trong những chỗ dẫn khác, điều này dường như là một suy luận không thể bác bỏ.

By a close scrutiny of these conditions in the macrocosm and in the microcosm will come a comprehension of the reason why the physical vehicle is never considered a principle at all by occultists.

Qua sự khảo sát kỹ lưỡng các điều kiện này trong Đại thiên địa và trong Tiểu thiên địa, sẽ xuất hiện sự thấu hiểu lý do vì sao hiện thể hồng trần không bao giờ được các nhà huyền bí học xem là một nguyên khí cả.

54. Presumably "close scrutiny" will reveal what is causative and what is caused. That which is relatively passive and has no originating energy in our solar system cannot be considered a principle (an integral energy-aspect of our solar system).

54. Có lẽ "sự khảo sát kỹ lưỡng" sẽ làm lộ ra điều gì là nguyên nhân và điều gì là kết quả. Điều tương đối thụ động và không có năng lượng khởi nguyên trong hệ mặt trời của chúng ta thì không thể được xem là một nguyên khí (một phương diện năng lượng toàn vẹn của hệ mặt trời chúng ta).

The Holy Spirit, the One Who overshadows and Who implants the germ of life in the waiting acquiescent Virgin Mother or matter

Chúa Thánh Thần, Đấng phủ bóng và cấy mầm sống vào Đức Mẹ Đồng Trinh hay vật chất đang chờ đợi và thuận phục (khiến bà

(causing her to awaken and to commence her great work of producing the divine incarnation) is a **primary factor** from the standpoint of the second solar system.

55. The Holy Spirit, therefore, *presents* (in relation to the dense physical plane) the third aspect of our present second ray solar system. The Mother *presents* the third aspect of the system preceding our own—a third ray solar system.

56. When we think of the Holy Spirit, we must realize that it *represents* the second aspect and the second ray, even though *presenting* the third aspect and the third ray. This is not the case for dense physical matter per se.

In a way incomprehensible to modern thinkers,

57. Incomprehensible certainly to those thinkers who know nothing of occultism, but also more than obscure even to the modern student of occultism…

the Mother, or the divine Aspirant to the mysteries of the cosmic marriage, was (in a previous system) the dominant factor.

58. If there was an etheric body in the previous solar system (as it seems there must have been) it did not dominate, apparently, the matter aspect.

59. It is interesting to think of matter as Mother and Mother as the "divine Aspirant to the mysteries of the cosmic marriage". DK seems to be speaking of the union of matter

thức tỉnh và bắt đầu công việc vĩ đại của mình là sản sinh ra sự nhập thể thiêng liêng) là một **nhân tố sơ yếu** theo quanđiểm của hệ mặt trời thứ hai.

55. Do đó, Chúa Thánh Thần *trình hiện* (liên hệ với cõi hồng trần đậm đặc) phương diện thứ ba của hệ mặt trời cung hai hiện tại của chúng ta. Đức Mẹ *trình hiện* phương diện thứ ba của hệ thống đi trước hệ thống chúng ta —một hệ mặt trời cung ba.

56. Khi chúng ta nghĩ đến Chúa Thánh Thần, chúng ta phải nhận ra rằng Ngài *đại diện cho* phương diện thứ hai và cung hai, dù rằng Ngài đang *trình hiện* phương diện thứ ba và cung ba. Điều này không đúng đối với chính vật chất hồng trần đậm đặc.

Theo một cách mà các nhà tư tưởng hiện đại không thể hiểu được,

57. Chắc chắn là không thể hiểu được đối với những nhà tư tưởng không biết gì về huyền bí học, nhưng cũng còn mơ hồ hơn nhiều ngay cả đối với đạo sinh huyền bí học hiện đại…

Đức Mẹ, hay người chí nguyện thiêng liêng hướng đến các huyền nhiệm của cuộc hôn phối vũ trụ, là (trong một hệ thống trước) nhân tố chi phối.

58. Nếu có một thể dĩ thái trong hệ mặt trời trước (và dường như hẳn phải có), thì rõ ràng nó đã không chi phối phương diện vật chất.

59. Thật thú vị khi nghĩ về vật chất như là Mẹ và Mẹ như là "người chí nguyện thiêng liêng hướng đến các huyền nhiệm của cuộc hôn phối vũ trụ". Chân sư DK dường như đang nói về sự hợp nhất của vật chất với tinh

with Spirit. This we can interpret as the "cosmic marriage".

60. The Mother is the "divine Aspirant" (note, *divine*) because she must be uplifted through contact with Father Spirit. She aspires towards elevation and union with Spirit.

61. This is another way of saying that that the energy-force of matter reaches upward towards Spirit, yearning to merge with it.

62. When we think of this type of aspiration, the mode of individualization found within the first solar system and upon the Moon-chain comes to mind. It took place precisely through such aspiration or upreaching of matter towards Spirit.

In this system in connection with substance it is the Holy Spirit.

63. DK is telling us that in this solar system, the Holy Spirit is the *dominant* factor—dominant, at least, over matter.

64. Also, with respect to the union of Spirit and dense physical matter, that union is mediated *via* the Holy Spirit, the etheric energy which transmits the energy of Spirit to passive, dense matter.

65. We can say that the marriage of matter with Spirit is not yet complete. Perhaps this will occur towards the end of our present solar system.

66. Will dense matter of the kind prevalent in our solar system remain after our solar system? May it be that in the next solar

thần. Chúng ta có thể diễn giải điều này là "cuộc hôn phối vũ trụ".

60. Đức Mẹ là "người chí nguyện thiêng liêng" (hãy lưu ý, *thiêng liêng*) vì bà phải được nâng lên nhờ tiếp xúc với Cha Tinh thần. Bà khát vọng hướng đến sự nâng cao và sự hợp nhất với Tinh thần.

61. Đây là một cách khác để nói rằng mãnh lực-năng lượng của vật chất vươn lên hướng về Tinh thần, khao khát hòa nhập với Ngài.

62. Khi chúng ta nghĩ đến loại khát vọng này, phương thức biệt ngã hóa được tìm thấy trong hệ mặt trời thứ nhất và trên Dãy Mặt Trăng hiện ra trong tâm trí. Nó diễn ra chính xác qua loại khát vọng hay sự vươn lên của vật chất hướng về Tinh thần như thế.

Trong hệ thống này, liên quan với chất liệu, đó là Chúa Thánh Thần.

63. Chân sư DK đang cho chúng ta biết rằng trong hệ mặt trời này, Chúa Thánh Thần là nhân tố *chi phối*—ít nhất là chi phối đối với vật chất.

64. Ngoài ra, xét về sự hợp nhất giữa Tinh thần và vật chất hồng trần đậm đặc, sự hợp nhất ấy được trung gian hoá *qua* Chúa Thánh Thần, năng lượng dĩ thái truyền năng lượng của Tinh thần đến vật chất đậm đặc thụ động.

65. Chúng ta có thể nói rằng cuộc hôn phối của vật chất với Tinh thần vẫn chưa hoàn tất. Có lẽ điều này sẽ xảy ra vào gần cuối hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

66. Liệu vật chất đậm đặc thuộc loại phổ biến trong hệ mặt trời của chúng ta có còn tồn tại sau hệ mặt trời này không? Có thể

system the substance of the ethers will be the lowest type of matter extant?

chăng trong hệ mặt trời kế tiếp, chất liệu của các dĩ thái sẽ là loại vật chất thấp nhất hiện hữu?

The work, therefore, on etheric levels, and the energy and activity originating therefrom, are the factors that **primarily are responsible on the physical [Page 917] plane for all that is tangible, objective, and manifested.**

Do đó, công việc trên các cấp độ dĩ thái, và năng lượng cùng hoạt động phát sinh từ đó, là những nhân tố **trước hết chịu trách nhiệm trên cõi hồng trần [Page 917] đối với mọi điều hữu hình, khách quan và biểu hiện.**

67. While this is, in a sense, an occult platitude, it is necessary for us to really absorb its meaning.

67. Dù theo một nghĩa nào đó đây là một sáo ngữ huyền bí học, chúng ta vẫn cần thật sự hấp thụ ý nghĩa của nó.

68. Tangibility, objectivity and manifestation in dense matter are all etherically propelled.

68. Tính hữu hình, tính khách quan và sự biểu hiện trong vật chất đậm đặc đều được dĩ thái thúc đẩy.

69. If we want to live a *causative* life, we have to learn to manage physical plane life from an *etheric* point of polarization.

69. Nếu chúng ta muốn sống một đời sống *nhân quả tác động*, chúng ta phải học cách quản trị đời sống cõi hồng trần từ một điểm phân cực *dĩ thái*.

The **accretion** of matter around the vital body, and the **densification** of substance around the vital etheric nucleus are in themselves the result of interaction, **and the final interchange of vibration** between that which might be called the residue from an earlier manifestation, and the vibration of this present one.

Sự **bồi tụ** của vật chất quanh thể sinh lực, và sự **làm đậm đặc** của chất liệu quanh hạt nhân dĩ thái sinh lực, tự chúng là kết quả của sự tương tác, **và của sự traođổi rung động sau cùng** giữa điều có thể được gọi là tàndư từ một biểu hiện trước kia, và rung động của biểu hiện hiện tại này.

70. The description is straightforward. The words “accretion” and “densification” are highly descriptive of the relationship between dense physical matter and etheric substance.

70. Lời mô tả này rất trực tiếp. Các từ “bồi tụ” và “làm đậm đặc” diễn tả rất rõ mối liên hệ giữa vật chất hồng trần đậm đặc và chất liệu dĩ thái.

71. Dense physical matter is a "residue" from the previous solar system and it is being magnetised and reconditioned by the etheric vibration of the present solar system.

71. Vật chất hồng trần đậm đặc là một "tàn dư" từ hệ mặt trời trước và nó đang được từ hoá và được tác động định hình lại bởi rung động dĩ thái của hệ mặt trời hiện tại.

72. We are given an intriguing phrase—"the final interchange of vibration". Two levels of vibration are, as it were, exchanging vibrations. There is a mutual conditioning in process. However, ultimately, it will be the residual substance of the previous solar system that is reconditioned and not the *principled* ethers of our present solar system.

72. Chúng ta được trao cho một cụm từ đầy gợi mở—"sự trao đổi rung động sau cùng". Có thể nói, hai cấp độ rung động đang trao đổi rung động với nhau. Một sự tác động lẫn nhau đang diễn ra. Tuy nhiên, rốt cuộc, chính chất liệu tàn dư của hệ mặt trời trước sẽ được tác động định hình lại chứ không phải các dĩ thái *nguyên khí* của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

73. There may have been a recapitulatory time in our planetary scheme when dense matter was stronger than etheric matter, but that time has long passed. Initiatory achievement in the Lemurian period of our globe (in the third rootrace of this fourth round) concerned precisely the balance between etheric substance and dense physical matter. Initiation necessitated that etheric substance prevail.

73. Có thể đã từng có một thời kỳ tái diễn trong hệ hành tinh của chúng ta khi vật chất đậm đặc mạnh hơn vật chất dĩ thái, nhưng thời kỳ đó đã qua từ lâu. Thành tựu điểm đạo trong thời Lemuria của bầu hành tinh chúng ta (trong giống dân gốc thứ ba của cuộc tuần hoàn thứ tư này) liên hệ chính xác đến sự quân bình giữa chất liệu dĩ thái và vật chất hồng trần đậm đặc. Điểm đạo đòi hỏi chất liệu dĩ thái phải thắng thế.

It is here—in the relation between **positive electrical energy in its fourfold differentiation**, and the **triple negative receptive lower substance**—that scientists will eventually arrive at certain definite deductions and discover:

Chính ở đây—trong mối liên hệ giữa **năng lượng điện dương trong sự biến phân tứ phân của nó**, và **chất liệu thấp tam phân âm, tiếp nhận**—mà các nhà khoa học cuối cùng sẽ đi đến những suy luận xác định và khám phá ra:

74. Here are important prophecies.

74. Đây là những lời tiên tri quan trọng.

75. Scientists will study the interplay between positive and negative electrical energy.

75. Các nhà khoa học sẽ nghiên cứu sự tương tác giữa năng lượng điện dương và âm.

76. The systemic ethers are the proximate source (for the dense physical plane) of "positive electrical energy".

76. Các dĩ thái hệ thống là nguồn gần nhất (đối với cõi hồng trần đậm đặc) của "năng lượng điện dương".

77. The dense physical matter of the lowest three subplanes of the systemic physical plane is called “the triple negative receptive lower substance”.

77. Vật chất hồng trần đậm đặc của ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần hệ thống được gọi là “chất liệu thấp tam phân âm, tiếp nhận”.

78. “Negative receptive lower substance” is identical with those types of involutionary lesser builders called “recipients of force”.

78. “Chất liệu thấp âm, tiếp nhận” đồng nhất với những loại vị tiểu kiến tạo giáng hạ tiến hoá được gọi là “những kẻ tiếp nhận mãnh lực”.

a. The secret of matter itself, that is, matter as we know and see it.

a. Bí mật của chính vật chất, tức là vật chất như chúng ta biết và thấy nó.

79. DK is speaking of dense physical matter and not of etheric substance.

79. Chân sư DK đang nói về vật chất hồng trần đậm đặc chứ không phải chất liệu dĩ thái.

80. He is speaking of a “secret”. May it be that we are dealing with the manner in which dense physical matter is constructed—a construction underlay by etheric constituents?

80. Ngài đang nói về một “bí mật”. Có thể chăng chúng ta đang đề cập đến cách thức vật chất hồng trần đậm đặc được cấu tạo—một cấu tạo được nâng đỡ bởi các thành phần dĩ thái?

81. We know today that matter and energy are equivalent. Dense physical matter can always be decomposed into etheric energy, and etheric energy densified into dense physical matter.

81. Ngày nay chúng ta biết rằng vật chất và năng lượng là tương đương. Vật chất hồng trần đậm đặc luôn có thể được phân giải thành năng lượng dĩ thái, và năng lượng dĩ thái được làm đậm đặc thành vật chất hồng trần đậm đặc.

b. The key to the process of creation upon the physical plane, and the method whereby density and concretion on the three lower levels are brought about.

b. Chìa khóa của tiến trình sáng tạo trên cõi hồng trần, và phương pháp nhờ đó sự đậm đặc và sự kết tụ trên ba cấp độ thấp được tạo ra.

82. This is somewhat understandable. With regard to the systemic physical plane, the truly formative forces are to be found upon the etheric subplanes of that plane.

82. Điều này phần nào có thể hiểu được. Xét về cõi hồng trần hệ thống, các mãnh lực thật sự tạo hình được tìm thấy trên các cõi phụ dĩ thái của cõi đó.

83. The present study of morphogenic fields is a step in this direction.

83. Nghiên cứu hiện nay về các trường tạo hình là một bước theo hướng này.

84. It is clear that, by pursuing this thought, we would be entering the field of practical magic—the precipitation into dense physical form of subtle, etheric patterns.

84. Rõ ràng là, nếu theo đuổi tư tưởng này, chúng ta sẽ bước vào lĩnh vực huyền thuật thực hành—sự ngưng tụ thành hình tướng hồng trần đậm đặc của các mô hình dĩ thái vi tế.

c. The formulas for organic transmutation, or the key to the processes whereby the elements as we know them can be disintegrated and recombined.

c. Các công thức cho sự chuyển hoá hữu cơ, hay chìa khóa cho những tiến trình nhờ đó các nguyên tố như chúng ta biết có thể bị phân rã và tái kết hợp.

85. The word "organic" is interesting. We are probably not speaking of the distinction between so-called "organic" and "in-organic" matter. It is likely that we are speaking of the manner in which matter is organized and disorganized.

85. Từ "hữu cơ" thật đáng chú ý. Có lẽ chúng ta không đang nói về sự phân biệt giữa vật chất được gọi là "hữu cơ" và "vô cơ". Có khả năng là chúng ta đang nói về cách thức vật chất được tổ chức và giải tổ chức.

86. We are dealing with one of the secrets of alchemy—the transmutation of one element into another. This is elementary 'shape-shifting'.

86. Chúng ta đang đề cập đến một trong những bí mật của thuật luyện kim—sự chuyển hoá từ nguyên tố này sang nguyên tố khác. Đây là sự "biến đổi hình dạng" ở mức sơ đẳng.

87. Of course, so-called "organic" forms of life can also be transmuted—the kingdom in which they express raised to the next higher kingdom.

87. Dĩ nhiên, những hình thức sự sống được gọi là "hữu cơ" cũng có thể được chuyển hoá —giới mà chúng biểu lộ trong đó được nâng lên giới cao hơn kế tiếp.

Only when scientists are prepared to admit the fact that there is a body of vitality which acts as a focal point in every organised form, and only when they are willing to consider each element and form of every degree as constituting part of a still greater vital body, **will the true methods of the great goddess Nature become their methods**.

Chỉ khi nào các nhà khoa học sẵn sàng thừa nhận sự kiện rằng có một thể sinh lực hoạt động như một tiêu điểm trong mọi hình tướng có tổ chức, và chỉ khi nào họ sẵn lòng xét đến mỗi nguyên tố và hình tướng ở mọi cấp độ như cấu thành một phần của một thể sinh lực còn lớn hơn nữa, **thì các phương pháp chân chính của nữ thần vĩ đại Thiên Nhiên mới trở thành phương pháp của họ**.

88. Scientists must admit not only the presence of a vital body in every organized form but the presence of a greater vital body of which each lesser vital body is a part. Can this realization of incorporation of the lesser into the greater can be considered an aspect of "unified field theory" from the occult perspective?

88. Các nhà khoa học không chỉ phải thừa nhận sự hiện diện của một thể sinh lực trong mọi hình tướng có tổ chức mà còn phải thừa nhận sự hiện diện của một thể sinh lực lớn hơn mà mỗi thể sinh lực nhỏ hơn là một phần của nó. Liệu sự chứng nghiệm này về việc cái nhỏ được bao hàm trong cái lớn có thể được xem là một phương diện của "lý thuyết trường thống nhất" theo quan điểm huyền bí học hay không?

89. Nature is called "the great goddess", a representative it would seem, of the Divine Feminine aspect.

89. Thiên Nhiên được gọi là "nữ thần vĩ đại", dường như là một đại diện của phương diện Nữ tính Thiêng liêng.

90. The implication is that the methods of present scientists are out of harmony with the "true methods of the great goddess".

90. Hàm ý ở đây là các phương pháp của các nhà khoa học hiện nay không hài hòa với "các phương pháp chân chính của nữ thần vĩ đại".

91. Nature, we are led to believe, works creatively and constructively through the etheric subplanes and their interactive relationship with the dense physical subplanes.

91. Chúng ta được dẫn đến chỗ tin rằng Thiên Nhiên hoạt động một cách sáng tạo và kiến tạo qua các cõi phụ dĩ thái và mối liên hệ tương tác của chúng với các cõi phụ hồng trần đậm đặc.

92. On a microcosmic level, it is time for all students of spirituality to attempt to focus with a requisite degree of 'etheric attentiveness' as they attempt to bring about desirable changes within the dense physical mechanism.

92. Ở cấp độ tiểu thiên địa, đã đến lúc mọi đạo sinh của tinh thần phải cố gắng tập trung với một mức độ "chú tâm dĩ thái" cần thiết khi họ tìm cách tạo ra những thay đổi mong muốn trong bộ máy hồng trần đậm đặc.

To do this they must be prepared to accept the sevenfold differentiation of the physical plane as stated by Eastern occultism, to recognise the triple nature of the septenary manifestation.

Để làm được điều này, họ phải sẵn sàng chấp nhận sự biến phân thất phân của cõi hồng trần như huyền bí học phương Đông đã nêu, phải nhận ra bản chất tam phân của biểu hiện thất phân.

93. Fortunately, there are many enlightened scientists today who are willing to do so.

93. May mắn thay, ngày nay có nhiều nhà khoa học giác ngộ sẵn lòng làm như vậy. Dần

Gradually, confirmatory experimentation is made and resistance fades away.

dần, các thực nghiệm xác nhận được tiến hành và sự kháng cự phai biến đi.

94. Every sevenfold system is resolvable into three primary parts. The seven rays can be derived from the major three.

94. Mọi hệ thống thất phân đều có thể được quy giải thành ba phần chính yếu. Bảy cung có thể được rút ra từ ba cung lớn.

95. Below DK differentiates the subplanes of the systemic physical plane according to the method 1—3—3.

95. Dưới đây Chân sư DK phân biệt các cõi phụ của cõi hồng trần hệ thống theo phương pháp 1—3—3.

a. **The atomic or Shiva energy**, the energy of the first subplane or the first etheric plane.

a. **Năng lượng nguyên tử hay Shiva**, năng lượng của cõi phụ thứ nhất hay cõi dĩ thái thứ nhất.

96. With respect to the systemic physical plane, the atomic subplane is the '*archetypal* subplane'. Correspondingly, and with respect to the cosmic physical plane, the systemic logoic plane is the archetypal plane.

96. Xét về cõi hồng trần hệ thống, cõi phụ nguyên tử là cõi phụ "*nguyên mẫu*". Tương ứng như vậy, và xét về cõi hồng trần vũ trụ, cõi logoic hệ thống là cõi nguyên mẫu.

b. The **vital form building energy** of the three ensuing etheric levels.

b. **Năng lượng kiến tạo hình tướng sinh lực** của ba cấp độ dĩ thái tiếp theo.

97. If the archetypal pattern emerges on the first subplane, the building processes (correlated with the second aspect) occur within and upon the lower three systemic ethers.

97. Nếu mô hình nguyên mẫu xuất hiện trên cõi phụ thứ nhất, thì các tiến trình kiến tạo (tương quan với phương diện thứ hai) xảy ra trong và trên ba dĩ thái hệ thống thấp hơn.

98. From the chakric perspective, the head center found upon the atomic subplane is involved with the presentation of the 'pattern of purpose'. The heart, throat and other chakras (the other six) are involved in various ways in building into form the pattern of that purpose.

98. Từ quan điểm các luân xa, trung tâm đầu nằm trên cõi phụ nguyên tử liên quan đến việc trình hiện "mô hình của mục đích". Tim, cổ họng và các luân xa khác (sáu luân xa còn lại) tham gia theo nhiều cách khác nhau vào việc xây dựng mô hình của mục đích ấy thành hình tướng.

c. **The negative receptive energy** of the three planes [Page 918] of the dense physical, the gaseous, the liquid and the truly dense.

c. **Năng lượng âm tiếp nhận** của ba cõi [Page 918] của hồng trần đậm đặc, thể khí, thể lỏng và thể thật sự đậm đặc.

99. Here we have the work of the 'structural and structuring devas', the more passive builders. They are made to embody the etheric patterns which reflect the purpose/ pattern emerging on the atomic subplane. Their response to the etheric pattern is quite automatic.

99. Ở đây chúng ta có công việc của các "thiên thần cấu trúc và tạo cấu trúc", những đấng kiến tạo thụ động hơn. Họ được khiến phải thể hiện các mô hình dĩ thái phản chiếu mục đích/mô hình xuất hiện trên cõi phụ nguyên tử. Sự đáp ứng của họ đối với mô hình dĩ thái khá là tự động.

100. We must differentiate between those manipulating devas (on the evolutionary arc) who work on the lowest subplanes of matter and the elemental essences of those subplanes which is entirely passive, receptive and worked upon.

100. Chúng ta phải phân biệt giữa những thiên thần thao tác (trên cung tiến hoá) hoạt động trên các cõi phụ thấp nhất của vật chất và các tinh chất hành khí của những cõi phụ ấy, vốn hoàn toàn thụ động, tiếp nhận và bị tác động lên.

101. The 'structural and structuring" devas are the lowest of the *devas* and are truly lesser builders, but they are far above the elemental essence which is truly passive and receptive and moulded into form by the manipulating devas.

101. Các thiên thần "cấu trúc và tạo cấu trúc" là thấp nhất trong các *thiên thần* và thật sự là các vị tiểu kiến tạo, nhưng họ cao hơn rất nhiều so với Tinh chất hành khí vốn thật sự thụ động, tiếp nhận và được nắn đúc thành hình tướng bởi các thiên thần thao tác.

102. These manipulating devas are 'structuring energy fields' which create form out of elemental essence.

102. Các thiên thần thao tác này là những "trường năng lượng tạo cấu trúc" tạo ra hình tướng từ Tinh chất hành khí.

They will also eventually consider the interplay between the lower three and the higher four **in that great atom called the physical plane.**

Cuối cùng họ cũng sẽ xem xét sự tương tác giữa ba thấp và bốn cao **trong nguyên tử vĩ đại ấy được gọi là cõi hồng trần.**

103. It appears that each systemic plane is to be considered a great atom. This would also apply to the entire cosmic physical plane as a cosmic atom.

103. Dường như mỗi cõi hệ thống đều phải được xem là một nguyên tử vĩ đại. Điều này cũng sẽ áp dụng cho toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ như một nguyên tử vũ trụ.

104. It appears that planes are not only atoms but spirillae as well. What we call a plane depends upon the context in which we are considering it.

104. Dường như các cõi không chỉ là các nguyên tử mà còn là các loa tuyến nữa. Điều chúng ta gọi là một cõi tùy thuộc vào bối cảnh mà chúng ta đang xem xét nó.

This can be seen duplicated in the atom of the physicist or chemist.

Điều này có thể được thấy lặp lại trong nguyên tử của nhà vật lý hay nhà hoá học.

105. There is a certain interchangeability, depending on the perspective, between the atom and a spirilla. What may be considered an atom from one perspective, may be a spirilla from another and higher perspective.

105. Có một mức độ hoán đổi nhất định, tùy theo góc nhìn, giữa nguyên tử và một loa tuyến. Điều có thể được xem là một nguyên tử từ một góc nhìn này, có thể là một loa tuyến từ một góc nhìn khác và cao hơn.

Scientific students who are interested in these matters will find it worth while to **consider the correspondence between these three types of energy, and that which is understood by the words, atoms, electrons, and ions**.

Những đạo sinh khoa học quan tâm đến các vấn đề này sẽ thấy đáng công khi **xem xét sự tương ứng giữa ba loại năng lượng này, và điều được hiểu qua các từ nguyên tử, electron, và ion**.

106. The details of this will have to be worked out by the more scientifically educated members of our group. There are such.

106. Chi tiết của điều này sẽ phải được các thành viên được đào tạo khoa học hơn trong nhóm chúng ta triển khai. Có những người như thế.

107. We are dealing with the forces of the atomic subplane, the three lesser etheric subplanes, and the three dense subplanes (in three “states” of matter).

107. Chúng ta đang đề cập đến các mãnh lực của cõi phụ nguyên tử, ba cõi phụ dĩ thái thấp hơn, và ba cõi phụ đậm đặc (trong ba “trạng thái” của vật chất).

108. It is quite clear that electrons will be associated with the forces of the dense subplanes. Ions are charged particles and represent polarity. Their position then, would seem to fit with the forces of the three lower ethers. The atom itself would seem best correlated with the forces of the atomic subplane.

108. Khá rõ ràng rằng electron sẽ được liên kết với các mãnh lực của các cõi phụ đậm đặc. Ion là các hạt mang điện và biểu thị cực tính. Khi đó, vị trí của chúng dường như phù hợp với các mãnh lực của ba dĩ thái thấp. Bản thân nguyên tử dường như tương quan tốt nhất với các mãnh lực của cõi phụ nguyên tử.

Insert from Dr. Jose Becerra:

Trích từ Tiến sĩ Jose Becerra:

I realized that "**the words "proton" (discovered by Rutherford in 1919) and "neutron" (discovered by Chadwick in 1932) do not exist in the AAB-DK books**."

Tôi nhận ra rằng "**các từ "proton" (được Rutherford khám phá năm 1919) và "neutron" (được Chadwick khám phá năm**

1932) <u>không tồn tại</u> trong các sách của AAB-DK."

So, I think that DK meant **protons** (positive), **electron**s (negatives) and **neutrons** (vital form building energy). "Ions" may be a loose term for isotopes of an element, but the analogy seems to fit better with the -1, 0, +1 symmetry of the electron (-1), neutron (0) and proton (+1). Interestingly, neutrons and protons are made up of 3 quarks each (to keep the 1: 3: 3).

Vì vậy, tôi nghĩ rằng Chân sư DK muốn nói đến **proton** (dương), **electron** (âm) và **neutron** (năng lượng kiến tạo hình tướng sinh lực). "Ion" có thể là một thuật ngữ lỏng để chỉ các đồng vị của một nguyên tố, nhưng phép loại suy dường như phù hợp hơn với tính đối xứng -1, 0, +1 của electron (-1), neutron (0) và proton (+1). Điều thú vị là neutron và proton đều được cấu tạo từ 3 quark mỗi hạt (để giữ tỉ lệ 1: 3: 3).

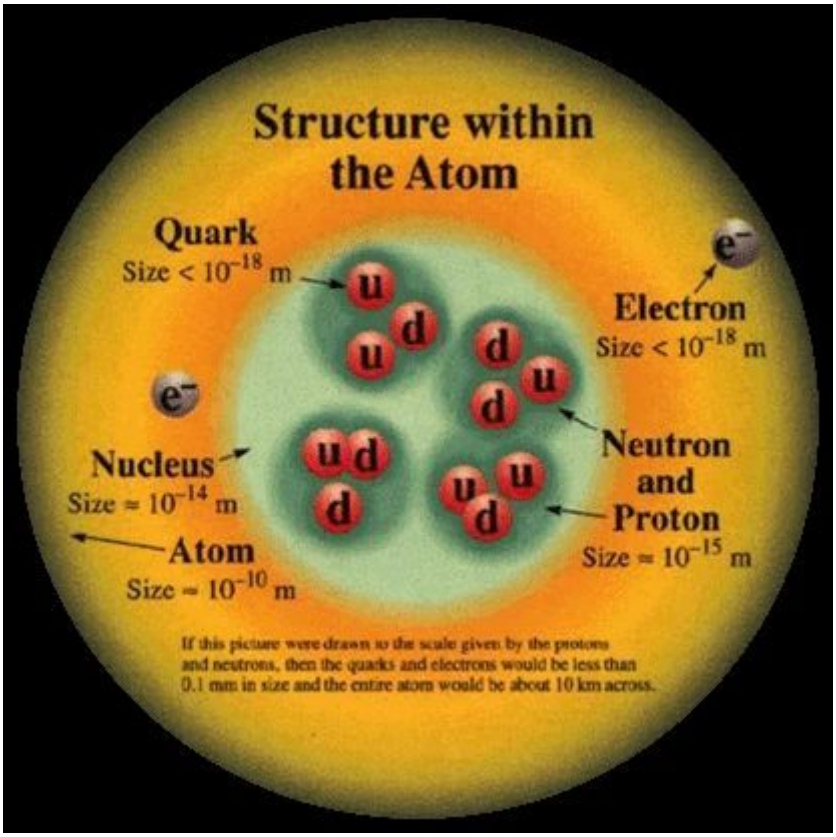

AAB and DK do mention "positive electricity"

AAB và Chân sư DK quả có nhắc đến "điện dương"

Life is as positive electricity, substance negative. Life is dynamic, substance static. Life is activity or spirit, and substance form or matter. Life is the father and begets, substance is the mother and conceives. -The Soul and its Mechanism 58

Sự sống là điện dương, chất liệu là âm. Sự sống là động, chất liệu là tĩnh. Sự sống là hoạt động hay tinh thần, còn chất liệu là hình tướng hay vật chất. Sự sống là người cha và sinh ra, chất liệu là người mẹ và thụ thai. -The Soul and its Mechanism 58

TCF 325: man is essentially positive in his own nature but his vehicles are negative; hence he is the central unit of positive electricity that draws and holds to him atoms of an opposite polarity.

TCF 325: con người về bản chất của mình thì chủ yếu là dương nhưng các hiện thể của y thì âm; do đó y là đơn vị trung tâm của điện dương, thứ thu hút và giữ lại nơi y các nguyên tử có cực tính đối nghịch.

TCF 482: positive electricity, or with the energy of the positive nucleus of force within the atom, whether it is the atom of chemistry, for instance, or the human atom.

TCF 482: điện dương, hay năng lượng của hạt nhân dương của mãnh lực bên trong nguyên tử, dù đó là nguyên tử hoá học chẳng hạn, hay nguyên tử con người.

TCF 492: Fire by friction, the negative electricity of substance, has been for some time the subject of the attention of exoteric science, and investigation of the nature of positive electricity has become possible through the discovery of radium.

TCF 492: Lửa ma sát, điện âm của chất liệu, đã từ lâu là đối tượng chú ý của khoa học ngoại môn, và việc khảo cứu bản chất của điện dương đã trở nên khả hữu nhờ sự khám phá ra radium.

[JB] As the nucleus of an atom contains both neutrons and protons (except for Hydrogen with a proton only), the nucleus of any atom is positive (because protons are positive and neutrons carry no charge).

[JB] Vì hạt nhân của một nguyên tử chứa cả neutron lẫn proton (ngoại trừ Hydrogen chỉ có một proton), nên hạt nhân của bất kỳ nguyên tử nào cũng là dương (vì proton là dương còn neutron không mang điện tích).

The word "ion" could have referred to the process of radioactive decay (as in radium, interestingly, atomic number =88=number of protons). As it decays, radium gives off alpha particles, beta particles (electrons or positron), and gamma rays (light). Alpha particles consist of two protons and two neutrons bound together into a particle identical to a helium nucleus, a highly ionizing form of particle radiation.

Từ "ion" có thể đã ám chỉ tiến trình phân rã phóng xạ (như trong radium, điều thú vị là số nguyên tử =88=số proton). Khi phân rã, radium phát ra các hạt alpha, các hạt beta (electron hay positron), và tia gamma (ánh sáng). Các hạt alpha gồm hai proton và hai neutron liên kết với nhau thành một hạt giống hệt hạt nhân helium, một dạng bức xạ hạt có tính ion hoá rất cao.

An ion is an atom which has lost or gained one or more electrons, giving it a positive or negative electrical charge. Ionization is the physical process of converting an atom into an ion by adding or removing charged particles such as electrons. Examples of ionizing radiation are beta particles,

Một ion là một nguyên tử đã mất hoặc nhận thêm một hay nhiều electron, khiến nó mang điện tích dương hoặc âm. Ion hoá là tiến trình hồng trần chuyển đổi một nguyên tử thành một ion bằng cách thêm vào hoặc lấy đi các hạt mang điện như electron. Ví dụ về bức xạ ion hoá là các hạt beta, neutron, và

neutrons, and alpha particles (as described in the radioactive decay of radium).

-JB

All that manifests (from God to man)[84] is the result of these three types of energy or force, of their **combination, their interplay, and their psychic action and reaction**.

109. We are speaking generally of the interplay of positive force, negative force and equilibrizing force.

110. We are dealing with a manifestational trinity of forces—1—3—3. It has broad implications microcosmically and macrocosmically. If we wish to study and apply the magical/creative process, a study of the interplay of these three forces is inevitable.

Footnote 84: *The Secret Doctrine* says that:

God, Monad, and Atom are the correspondences of Spirit, Mind and Body.—S. D., I, 679.

111. The really interesting correlation here is that of Monad with Mind. Of course, the Monad is the architect of all patterns which materialize on the lower five systemic planes.

The Logos is manifesting in this mahamanvantara as Manas (the Divine Manasaputras in their totality) **utilising atomic sheaths for purposes of evolution** and with the aim in view of developing the **second aspect of buddhi or wisdom**.

các hạt alpha (như được mô tả trong sự phân rã phóng xạ của radium).

-JB

Mọi điều biểu hiện (từ Thượng đế đến con người)84 đều là kết quả của ba loại năng lượng hay mãnh lực này, của **sự kết hợp, sự tương tác, và tác động cùng phản ứng thông linh của chúng**.

109. Nói chung, chúng ta đang nói về sự tương tác của mãnh lực dương, mãnh lực âm và mãnh lực quân bình hoá.

110. Chúng ta đang đề cập đến một tam vị mãnh lực biểu hiện—1—3—3. Nó có những hàm ý rộng lớn trong tiểu thiên địa lẫn đại thiên địa. Nếu chúng ta muốn nghiên cứu và áp dụng tiến trình huyền thuật/sáng tạo, thì việc nghiên cứu sự tương tác của ba mãnh lực này là điều không thể tránh khỏi.

Chú thích 84: *Giáo Lý Bí Nhiệm* nói rằng:

Thượng đế, chân thần, và nguyên tử là những tương ứng của Tinh thần, Trí tuệ và Thể.—S. D., I, 679.

111. Sự tương quan thật sự thú vị ở đây là giữa chân thần và Trí tuệ. Dĩ nhiên, chân thần là kiến trúc sư của mọi mô hình hiện hình trên năm cõi hệ thống thấp hơn.

Thượng đế đang biểu hiện trong Đại giai kỳ sinh hóa này như Manas (các Manasaputra Thiêng liêng trong tính toàn thể của Các Ngài) **sử dụng các vỏ bọc nguyên tử cho các mục đích tiến hoá** và với mục tiêu phát triển **phương diện thứ hai của Bồ đề hay minh triết**.

112. We presume that DK is speaking of the Solar Logos as He mentions the mahamanvantara—the time unit which correlates with the life demonstration of the Solar Logos.

112. Chúng ta giả định rằng Chân sư DK đang nói về Thái dương Thượng đế vì Ngài đề cập đến Đại giai kỳ sinh hóa—đơn vị thời gian tương ứng với sự biểu lộ sự sống của Thái dương Thượng đế.

113. The "Divine Manasaputras in their totality" include all the Planetary Logoi and all the lesser Manasaputras such as Solar Angels.

113. "Các Manasaputras Thiêng liêng trong tính toàn thể của Các Ngài" bao gồm mọi Hành Tinh Thượng Đế và mọi Manasaputras nhỏ hơn như các Thái dương Thiên Thần.

114. There is something here that should not escape our notice: *wisdom* is given as the *second aspect* of buddhi. Presumably, *love* is the first aspect.

114. Ở đây có một điều không nên thoát khỏi sự chú ý của chúng ta: *minh triết* được nêu ra như là *phương diện thứ hai* của Bồ đề. Có lẽ *bác ái* là phương diện thứ nhất.

115. In a way, wisdom is 'older' than 'love', relating more to the previous solar system.

115. Theo một nghĩa nào đó, minh triết "cổ xưa" hơn "bác ái", liên hệ nhiều hơn với hệ mặt trời trước đây.

Wisdom must have manas, or intelligent mind for its basis.

Minh triết phải có manas, hay trí tuệ thông minh, làm nền tảng của nó.

116. Manas, here, correlates with the material/substantial sheaths through which consciousness develops.

116. Ở đây, manas tương ứng với các thể vỏ vật chất/chất liệu mà qua đó tâm thức phát triển.

117. Buddhi is based upon manas just as wisdom is based upon knowledge.

117. Bồ đề được đặt nền trên manas cũng như minh triết được đặt nền trên tri thức.

He [the Solar Logos] is the sumtotal of Intelligence, evolving in order to develop Love.

Ngài [Thái dương Thượng đế] là tổng thể của Trí Tuệ, tiến hoá để phát triển Bác Ái.

118. We are speaking of the relationship between the Primordial Ray and the Divine Ray emerging from and through primordial processes.

118. Chúng ta đang nói về mối liên hệ giữa cung Nguyên Sơ và cung Thiêng liêng xuất hiện từ và xuyên qua các tiến trình nguyên sơ.

119. We are dealing with the relationship between the great third ray and third aspect

119. Chúng ta đang bàn đến mối liên hệ giữa cung ba vĩ đại và phương diện thứ ba với

and the emerging second ray and second aspect.

cung hai đang xuất hiện và phương diện thứ hai.

During the great cycle of logoic appearance it is the second type of energy which dominates

Trong chu kỳ lớn của sự sắc tướng logoic, chính loại năng lượng thứ hai là loại chi phối

120. The word “dominates” is all important as it points to the musical “dominant”—the tone known as the “fifth”, the note of the soul and of the second aspect and second ray.

120. Từ “chi phối” cực kỳ quan trọng vì nó chỉ đến “âm chủ” trong âm nhạc—âm được biết như là “quãng năm”, nốt của linh hồn và của phương diện thứ hai cùng cung hai.

and which is of evolutionary importance,

và điều vốn có tầm quan trọngtiến hoá,

121. It is the second ray and second aspect which must unfold.

121. Chính cung hai và phương diện thứ hai phải khai mở.

122. The focus of this particular solar system is not the evolution of matter but, rather, the evolution of consciousness.

122. Trọng điểm của hệ mặt trời đặc biệt này không phải là sự tiến hoá của vật chất mà đúng hơn là sự tiến hoá của tâm thức.

and this is why the etheric body which **lies back of all that is visible** is the most important.

và đây là lý do vì sao thể dĩ thái **nằm phía sau mọi điều hữu hình** là quan trọng nhất.

123. The etheric body and prana are often considered as principles. The etheric body represents the evolving second aspect. It has a close connection to both subtle and more tangible solar energy. In this instance solar energy represents the great *second* aspect.

123. Thể dĩ thái và prana thường được xem là các nguyên khí. Thể dĩ thái biểu hiện phương diện thứ hai đang tiến hoá. Nó có liên hệ mật thiết với cả năng lượng thái dương vi tế lẫn hữu hình hơn. Trong trường hợp này, năng lượng thái dương biểu hiện phương diện *thứ hai* vĩ đại.

124. The etheric body (in its higher functions) represents the Sun and the second aspect (though the violet devas of the systemic etheric subplanes are also related to the Moon). The dense physical body represents the Moon and the third aspect.

124. Thể dĩ thái (trong các chức năng cao hơn của nó) biểu hiện Mặt Trời và phương diện thứ hai (dù các thiên thần tím của các cõi phụ dĩ thái hệ thống cũng liên hệ với Mặt Trăng). Thể xác đậm đặc biểu hiện Mặt Trăng và phương diện thứ ba.

125. In our solar system and on our planet particularly, the second ray and second aspect must triumph over the third ray and third aspect.

125. Trong hệ mặt trời của chúng ta và đặc biệt trên hành tinh của chúng ta, cung hai và phương diện thứ hai phải chiến thắng cung ba và phương diện thứ ba.

This is equally true of gods, of men and of atoms.

Điều này cũng đúng như nhau đối với các vị thần, những người nam và nữ, và các nguyên tử.

126. In our solar system, this type of triumph must be engineered within all these three spheres of divine activity.

126. Trong hệ mặt trời của chúng ta, loại chiến thắng này phải được tạo tác trong cả ba khối cầu hoạt động thiêng liêng ấy.

Much time is spent in speculating upon the **sources** of life, upon the **springs** of action, and upon the **impulses** which underlie the creative processes.

Người ta dành nhiều thời gian để suy đoán về các **nguồn** của sự sống, về các **suối nguồn** của hành động, và về các **xung lực** làm nền cho các tiến trình sáng tạo.

127. This section of text references the much explored question of the "origin of life" and, in greater context, of the "cause of the universe".

127. Phần văn bản này nhắc đến câu hỏi đã được khảo cứu nhiều về "nguồn gốc của sự sống" và, trong bối cảnh rộng hơn, về "nguyên nhân của vũ trụ".

Hitherto science has worked somewhat blindly and **has spent much time investigating the lower three planes**.

Cho đến nay khoa học đã hoạt động phần nào một cách mù quáng và **đã dành nhiều thời gian khảo cứu ba cõi thấp**.

128. It is natural at first to become preoccupied with the obvious. Occultism, however, calls for a deeper and subtler search.

128. Thoạt đầu, việc trở nên bận tâm với điều hiển nhiên là tự nhiên. Tuy nhiên, huyền bí học đòi hỏi một sự tìm kiếm sâu hơn và vi tế hơn.

It has dealt principally with the Mother, with the **negative receptive matter**, and is only now becoming aware of the Holy Spirit aspect, or of the energy which enables that Mother to fulfill her function, and to carry on her work.

Nó chủ yếu đã bàn đến Mẹ, đến **vật chất tiếp nhận âm tính**, và chỉ nay mới bắt đầu nhận biết phương diện Chúa Thánh Thần, hay năng lượng giúp cho Mẹ ấy hoàn thành chức năng của mình và tiếp tục công việc của mình.

129. All this is very clear. The Holy Spirit represents the Sun and the second aspect

129. Tất cả điều này rất rõ ràng. Chúa Thánh Thần biểu hiện Mặt Trời và phương diện thứ hai, và tác động lên phương diện âm tính,

and acts upon the negative, Mother aspect in that role as Representative.

130. The Holy Spirit is, in a way, the third aspect representing the second. The Mother is the third aspect representing only the third.

131. The "Mother" is closely related to the densest elemental life, upon the systemic physical plane.

132. Science is now becoming aware of the "Holy Spirit aspect".

Considering the same problem *microcosmically* it may be pointed out that men are only now beginning to be [Page 919] aware of **the springs of spiritual action**, and of the sources of spiritual life.

133. The etheric body is deeply connected with all the subtle vehicles and is the conduit through which they naturally express.

134. The real "springs of spiritual action" originate on subplanes and planes above the eighteen lower subplanes.

135. Such "springs" are to be found originally within the Ego within the causal body, the true Ego on the higher two planes of the spiritual triad, and, ultimately (as far as man is concerned) within the Monad.

The energy of the higher planes is only revealing itself as men begin to tread the Way,

phương diện Mẹ, trong vai trò là Đấng Đại Diện ấy.

130. Theo một nghĩa nào đó, Chúa Thánh Thần là phương diện thứ ba biểu hiện phương diện thứ hai. Mẹ là phương diện thứ ba chỉ biểu hiện phương diện thứ ba.

131. "Mẹ" có liên hệ mật thiết với sự sống hành khí đậm đặc nhất trên cõi hồng trần hệ thống.

132. Khoa học hiện nay đang bắt đầu nhận biết "phương diện Chúa Thánh Thần".

Xét cùng vấn đề ấy trong *tiểu thiên địa*, có thể chỉ ra rằng những người nam và nữ chỉ nay mới bắt đầu [Page 919] nhận biết **các suối nguồn của hành động tinh thần**, và các nguồn của sự sống tinh thần.

133. Thể dĩ thái liên hệ sâu sắc với mọi vận cụ vi tế và là ống dẫn mà qua đó chúng biểu lộ một cách tự nhiên.

134. Các "suối nguồn của hành động tinh thần" thực sự phát sinh từ các cõi phụ và các cõi ở trên mười tám cõi phụ thấp hơn.

135. Những "suối nguồn" như thế nguyên thủy được tìm thấy trong chân ngã bên trong thể nguyên nhân, chân ngã đích thực trên hai cõi cao hơn của Tam nguyên tinh thần, và sau cùng (xét theo con người) trong chân thần.

Năng lượng của các cõi cao hơn chỉ đang tự bộc lộ khi những người nam và nữ bắt đầu bước đi trên Con Đường,

136. To "tread the Way" is to open a conduit from the lower planes to the higher and the higher planes to the lower.

136. "Bước đi trên Con Đường" là mở ra một ống dẫn từ các cõi thấp lên các cõi cao và từ các cõi cao xuống các cõi thấp.

137. To "tread the Way" is to invoke and entertain unaccustomed energies of a *higher* nature. There are also unaccustomed (i.e., long forgotten) energies of a *lower* nature with which man should have nothing to do.

137. "Bước đi trên Con Đường" là khẩn cầu và tiếp nhận những năng lượng chưa quen thuộc có bản chất *cao hơn*. Cũng có những năng lượng chưa quen thuộc (tức đã bị quên lãng từ lâu) có bản chất *thấp hơn* mà con người không nên dính dáng gì đến.

and to come under the influence of buddhi, which flows from the fourth cosmic etheric plane.

và đi vào dưới ảnh hưởng của Bồ đề, vốn tuôn chảy từ cõi dĩ thái vũ trụ thứ tư.

138. To tread the Way is to approach the soul which, upon the higher mental plane, is the representative of buddhi.

138. Bước đi trên Con Đường là tiến gần đến linh hồn, vốn trên Cõi thượng trí là đại diện của Bồ đề.

139. DK has frequently discussed the relationship between the buddhic plane and the fourth systemic ether. This relationship is now emergent for all advanced and sensitive people, though they may not be able to describe the relationship in occult terminology.

139. Chân sư DK đã thường xuyên bàn đến mối liên hệ giữa cõi Bồ đề và dĩ thái hệ thống thứ tư. Mối liên hệ này hiện đang xuất hiện đối với mọi người tiến bộ và nhạy cảm, dù họ có thể không mô tả được mối liên hệ ấy bằng thuật ngữ huyền bí học.

140. We can see that DK is offering many procedural suggestions to those of scientific inclination. If they follow His suggestions they will be rewarded with unsuspected realizations.

140. Chúng ta có thể thấy rằng Chân sư DK đang đưa ra nhiều gợi ý về tiến trình cho những người có khuynh hướng khoa học. Nếu họ làm theo các gợi ý của Ngài, họ sẽ được đền đáp bằng những chứng nghiệm không ngờ tới.

Finally, when scientists are willing to recognise and to co-operate with the **intelligent forces** that are to be found on etheric levels,

Sau cùng, khi các nhà khoa học sẵn lòng thừa nhận và hợp tác với các **mãnh lực thông minh** được tìm thấy trên các cấp độ dĩ thái,

141. Such forces seem to be manipulating devas and not elemental forces, though even

141. Những mãnh lực như thế dường như đang điều khiển các thiên thần chứ không phải các lực hành khí, mặc dù ngay cả các lực

these are guided by intelligence—an intelligence not their own.

142. One cannot "cooperate" with blind, unintelligent forces.

and when they become convinced of the hylozoistic nature of all that exists,

143. The cleavage between "organic" and "inorganic", between 'living matter' and 'dead matter' will end.

their findings and their work will be brought into a more accurate correspondence with things as they really are.

144. This is all part of the general etheric/dense alignment. It is the approximation between Uranus and Saturn, between the seventh ray and the third.

145. It is interesting that the seventh ray represents substance and the third ray the densest matter which substance substands.

This, as has been earlier pointed out, will be brought about as **the race develops etheric vision**, and **the truth of the contentions of the occultist is proved past all controversy**.

146. These developments are under way through changes in the ethers as well as changes in the sensitivity of the eye.

147. Occultism does not have to be *believed.* Its tenets will be *proven*. H.P.B. suggests that this proof must occur before the end of the twenty-first century.

này cũng được trí tuệ hướng dẫn—một trí tuệ không phải của chính chúng.

142. Người ta không thể "hợp tác" với các lực mù quáng, không thông minh.

và khi họ trở nên xác tín về bản chất hylozoistic của mọi cái hiện hữu,

143. Sự phân chia giữa "hữu cơ" và "vô cơ", giữa 'vật chất sống' và 'vật chất chết' sẽ chấm dứt.

những phát hiện và công trình của họ sẽ được đưa vào một sự tương ứng chính xác hơn với sự vật như chúng thực sự là.

144. Tất cả điều này đều là một phần của sự chỉnh hợp dĩ thái/đậm đặc tổng quát. Đó là sự xích lại gần giữa Sao Thiên Vương và Sao Thổ, giữa cung bảy và cung ba.

145. Điều đáng chú ý là cung bảy biểu hiện chất liệu còn cung ba biểu hiện vật chất đậm đặc nhất mà chất liệu làm nền cho.

Điều này, như đã được chỉ ra trước đây, sẽ được thực hiện khi **nhân loại phát triển linh thị dĩ thái**, và khi **chân lý của những khẳng định của nhà huyền bí học được chứng minh vượt ngoài mọi tranh cãi**.

146. Những phát triển này đang diễn ra qua các biến đổi trong các dĩ thái cũng như các biến đổi trong độ nhạy của mắt.

147. Huyền bí học không cần phải được *tin.* Các giáo lý của nó sẽ được *chứng minh*. H.P.B. gợi ý rằng sự chứng minh này phải xảy ra trước cuối thế kỷ hai mươi mốt.

It will have been noted that in the enumeration of these two main groups, we did not touch upon that great group of Builders who are called esoterically "Those who transmit the Word."

148. It seems fairly evident then, that the highest group of devas are “Those who transmit the Word”. Rather, we have been dealing with one group of transmitting devas (“transmitters of prana”) and one group of manipulating devas (“those devas who form the etheric bodies of every form in manifestation”), as discussed in the reference below.

149. The members of the “two main groups” are still “devas”. The lowest members are not elementals, apparently.

150. We remind ourselves of the following:

These groups are, **first, those devas who are the transmitters of prana to all forms of life**; **they are a group of intermediary devas,** and may be regarded as the **energy providers in their various differentiations**; secondly**, those devas who form the etheric bodies of every form in manifestation**. These constitute the **bulk of the lesser devas.**

I have only dealt with the two groups who constitute the "Army of the Voice." This is due to the fact that in this section we are only dealing with that army, or with those builders, great and small, **who are swept into activity as the Word of the physical plane sounds forth.**

Cần lưu ý rằng trong việc liệt kê hai nhóm chính này, chúng ta đã không đề cập đến nhóm lớn các đấng kiến tạo được gọi một cách huyền bí là "Những Đấng truyền đạt Linh từ."

148. Vậy thì dường như khá hiển nhiên rằng nhóm thiên thần cao nhất là “Những Đấng truyền đạt Linh từ”. Đúng hơn, chúng ta đã bàn đến một nhóm thiên thần truyền đạt (“những đấng truyền đạt prana”) và một nhóm thiên thần điều khiển (“những thiên thần tạo thành các thể dĩ thái của mọi hình tướng đang biểu hiện”), như được thảo luận trong đoạn dẫn dưới đây.

149. Các thành viên của “hai nhóm chính” này vẫn là “thiên thần”. Các thành viên thấp nhất, dường như, không phải là hành khí.

150. Chúng ta nhắc lại điều sau đây:

Các nhóm này là, **thứ nhất, những thiên thần là các đấng truyền đạt prana đến mọi hình tướng sự sống**; **họ là một nhóm thiên thần trung gian,** và có thể được xem như là các **đấng cung ứng năng lượng trong các biến phân khác nhau của họ**; thứ hai**, những thiên thần tạo thành các thể dĩ thái của mọi hình tướng đang biểu hiện**. Những vị này tạo thành **phần lớn các thiên thần nhỏ hơn.**

Tôi chỉ bàn đến hai nhóm tạo thành "Đạo Quân của Âm Thanh." Điều này là do trong phần này chúng ta chỉ đang bàn đến đạo quân ấy, hay đến những đấng kiến tạo ấy, lớn và nhỏ, **những vị được cuốn vào hoạt động khi Linh từ của cõi hồng trần được xướng lên.**

151. Cả các thiên thần điều khiển lẫn những kẻ tiếp nhận các lực (các hành khí) đều được

151. Both manipulating devas and recipients of forces (elementals) are swept into activity by the transmitted Word.

152. But can we call “transmitters of prana” “manipulating devas”? Perhaps not. Perhaps they must indeed be called “transmitters”. Yet they are swept into activity by the "Transmitters of the Word" just as manipulating devas and elementals are.

153. When looking at three categories of *devas* (not elementals) of the systemic etheric plane we have:

a. "Transmitters of the Word"

b. “Transmitters of Prana”

c. ‘Formulators of the etheric bodies of every form in manifestation’

d. Elementals, per se, are not listed among these three.

154. In the foregoing section of text, we have been dealing, therefore, with only the central and lowest category of etheric devas.

155. It becomes apparent that the “Transmitters of the Word” are not members of the “Army of the Voice”. *Two* groups constitute the Army of the Voice on the etheric-physical plane—the “transmitters of prana” and the ‘structural, structuring or formulating devas’ who form the etheric bodies of every form in manifestation.

cuốn vào hoạt động bởi Linh từ được truyền đạt.

152. Nhưng liệu chúng ta có thể gọi “những đấng truyền đạt prana” là “các thiên thần điều khiển” không? Có lẽ không. Có lẽ quả thực phải gọi họ là “những đấng truyền đạt”. Tuy vậy, họ được cuốn vào hoạt động bởi "Những Đấng truyền đạt Linh từ" cũng như các thiên thần điều khiển và các hành khí vậy.

153. Khi xem xét ba loại *thiên thần* (không phải hành khí) của cõi dĩ thái hệ thống, chúng ta có:

a. "Những Đấng truyền đạt Linh từ"

b. “Những Đấng truyền đạt Prana”

c. ‘Những vị kiến tạo các thể dĩ thái của mọi hình tướng đang biểu hiện’

d. Chính các hành khí không được liệt kê trong ba loại này.

154. Vì vậy, trong phần văn bản vừa qua, chúng ta chỉ đang bàn đến loại trung tâm và loại thấp nhất của các thiên thần dĩ thái.

155. Rõ ràng là “Những Đấng truyền đạt Linh từ” không phải là thành viên của “Đạo Quân của Âm Thanh”. *Hai* nhóm tạo thành Đạo Quân của Âm Thanh trên cõi dĩ thái-hồng trần—“những đấng truyền đạt prana” và các ‘thiên thần cấu trúc, kiến tạo cấu trúc hay tạo lập hình tướng’ tạo thành các thể dĩ thái của mọi hình tướng đang biểu hiện.

156. Yet there are other references which greatly extent the scope of the Army of the Voice and which seem to suggest that some very high devas on the cosmic etheric planes (could they by *transmitting* devas) are involved in that Army. (cf. R&I 179)

156. Tuy nhiên, có những đoạn dẫn khác mở rộng rất nhiều phạm vi của Đạo Quân của Âm Thanh và dường như gợi ý rằng một số thiên thần rất cao trên các cõi dĩ thái vũ trụ (liệu họ có thể là các thiên thần *truyền đạt* chăng) có liên quan đến đạo quân ấy. (xem R&I 179)

The "Transmitters of the Word" upon the first subplane or atomic level are those who take up the vibratory sound as it reaches them from the astral plane and—passing it through their bodies—send it forth to the remaining subplanes.

"Những Đấng truyền đạt Linh từ" trên cõi phụ thứ nhất hay cấp độ nguyên tử là những vị tiếp nhận âm thanh rung động khi nó đến với họ từ cõi cảm dục và—chuyển nó qua các thể của họ—gửi nó ra đến các cõi phụ còn lại.

157. Here we have the manner in which the "Transmitters of the Word" work. From whence have they received the "Word"? Has it passed to them via other "Transmitters" through the connection between all atomic subplanes of all planes, or has it reached them from some of the lower levels of the astral plane, having passed through the bodies of the central and lesser devas of that plane?

157. Ở đây chúng ta có cách thức hoạt động của "Những Đấng truyền đạt Linh từ". Các vị ấy đã nhận "Linh từ" từ đâu? Nó đã đến với họ qua các "Đấng truyền đạt" khác thông qua sự nối kết giữa mọi cõi phụ nguyên tử của mọi cõi, hay nó đã đến với họ từ một số cấp độ thấp hơn của cõi cảm dục, sau khi đi qua các thể của các thiên thần trung tâm và nhỏ hơn của cõi ấy?

158. There are, we may suppose, two methods by which the transmission can reach them as there is said to be a direct atomic channel.

158. Chúng ta có thể giả định rằng có hai phương pháp để sự truyền đạt đến được với họ, vì người ta nói có một kênh nguyên tử trực tiếp.

159. One thing is clear—the vibratory sound reaches them via the astral plane, from whatever other source it may originate.

159. Có một điều rõ ràng—âm thanh rung động đến với họ qua cõi cảm dục, dù nó có thể phát sinh từ bất kỳ nguồn nào khác.

These transmitters may be, for purposes of clarity, considered as ***seven in number***.

Vì mục đích làm sáng tỏ, những đấng truyền đạt này có thể được xem là ***gồm bảy vị***.

160. Are we speaking of only seven transmitters (just as there were only twelve of certain extra-planetary devas from another planetary scheme supervising

160. Chúng ta đang nói về chỉ bảy đấng truyền đạt (cũng như chỉ có mười hai thiên thần ngoài hành tinh nào đó từ một hệ hành tinh khác giám sát các nhóm thiên thần tím,

violet, green and white deva groups) or of seven groups or types of transmitters?

161. Are we speaking of—

a. Seven "Transmitters of the Word" found on the atomic level of the etheric-physical plane? (This seems the most likely option, as the word “Transmitters” is plural and is associated with the etheric atomic subplane).

b. Seven "Transmitters of the Word", each one found upon one of the systemic atomic planes? Thus, only *one* "Transmitter of the Word" found upon the atomic subplane of the etheric-physical plane. (Maybe this applies for that very highest “Transmitter”—possibly a Raja Deva Lord—Who is the sum of the proposed seven “Transmitters”)

c. Seven *groups* of "Transmitters of the Word" to be found upon the atomic level of the etheric-physical plane? (Of course, differentiations and subdivisions are inevitable.)

d. Seven groups of "Transmitters of the Word", one group of the seven to be found on each of the atomic subplanes of each systemic plane?

e. DK did not speak of what is transpiring on other systemic planes with respect to "Transmitters of the Word", but one may infer that they will, necessarily, be found on the atomic levels of those systemic planes.

162. If there are, as we suspect, seven "Transmitters of the Word" to be found on the atomic level of the etheric-physical

lục và trắng) hay về bảy nhóm hoặc bảy loại đấng truyền đạt?

161. Chúng ta đang nói về—

a. Bảy "Đấng truyền đạt Linh từ" được tìm thấy trên cấp độ nguyên tử của cõi dĩ thái-hồng trần? (Đây có vẻ là khả năng có thể nhất, vì từ “Đấng truyền đạt” ở số nhiều và gắn với cõi phụ nguyên tử dĩ thái).

b. Bảy "Đấng truyền đạt Linh từ", mỗi vị được tìm thấy trên một trong các cõi nguyên tử hệ thống? Như vậy, chỉ có *một* "Đấng truyền đạt Linh từ" được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của cõi dĩ thái-hồng trần. (Có lẽ điều này áp dụng cho “Đấng truyền đạt” rất cao ấy—có thể là một Chúa Tể Raja Deva—Đấng là tổng thể của bảy “Đấng truyền đạt” được giả định)

c. Bảy *nhóm* "Đấng truyền đạt Linh từ" được tìm thấy trên cấp độ nguyên tử của cõi dĩ thái-hồng trần? (Dĩ nhiên, các biến phân và phân bộ là điều không thể tránh khỏi.)

d. Bảy nhóm "Đấng truyền đạt Linh từ", mỗi cõi nguyên tử của mỗi cõi hệ thống đều có một nhóm trong bảy nhóm ấy?

e. Chân sư DK không nói về điều đang diễn ra trên các cõi hệ thống khác liên quan đến "Đấng truyền đạt Linh từ", nhưng người ta có thể suy ra rằng các vị ấy tất yếu sẽ được tìm thấy trên các cấp độ nguyên tử của những cõi hệ thống ấy.

162. Nếu quả có, như chúng ta nghi ngờ, bảy "Đấng truyền đạt Linh từ" được tìm thấy trên cấp độ nguyên tử của cõi dĩ thái-hồng trần,

plane, then each one of them must be connected to one of the seven ray streams.

163. We will see later that there is a close connection, and even an *identity* between a "Transmitter of the Word" and a Raja Deva Lord If this is the case, then there will be only *one principal* "Transmitter of the Word" on the atomic level of the etheric-physical plane, no matter how many emanations and subdivisions may be associated with that "Transmitter of the Word".

164. The following excerpt from forthcoming text demonstrate this—

These three **Raja Lords, devas, or transmitters**, form the three centres of logoic force in the three worlds (TCF 921)

165. From this we gather that Raja Deva Lords are definitely *transmitters.*

In their totality [i.e., in all their divisions and subdivisions] they form the atomic physical bodies of the Raja Lord of the plane and **in a peculiarly occult sense these seven form (in their lower differentiations on etheric levels) the sumtotal of the etheric centres of all human beings**, just as on the cosmic etheric levels are found the centres of a Heavenly Man.´

166. Here is a statement of occult importance though not necessarily easy to decipher.

thì mỗi vị trong các vị ấy hẳn phải được nối kết với một trong bảy dòng cung.

163. Về sau chúng ta sẽ thấy rằng có một mối liên hệ mật thiết, và thậm chí một *bản sắc* giữa một "Đấng truyền đạt Linh từ" và một Chúa Tể Raja Deva. Nếu đúng như vậy, thì sẽ chỉ có *một Đấng truyền đạt Linh từ* chính yếu trên cấp độ nguyên tử của cõi dĩ thái-hồng trần, bất kể có bao nhiêu xuất lộ và phân bộ có thể gắn liền với "Đấng truyền đạt Linh từ" ấy.

164. Đoạn trích sau đây từ phần văn bản sắp tới chứng minh điều này—

Ba **Chúa Tể Raja, thiên thần, hay đấng truyền đạt** này tạo thành ba trung tâm của mãnh lực logoic trong ba cõi thấp (TCF 921)

165. Từ đây chúng ta rút ra rằng các Chúa Tể Raja Deva chắc chắn là các *đấng truyền đạt.*

Trong tính toàn thể của họ [tức là, trong mọi phân bộ và phân nhánh của họ] họ tạo thành các thể hồng trần nguyên tử của Chúa Tể Raja của cõi và **theo một ý nghĩa huyền bí đặc biệt, bảy vị này tạo thành (trong các biến phân thấp hơn của họ trên các cấp độ dĩ thái) tổng thể các trung tâm dĩ thái của mọi con người**, cũng như trên các cấp độ dĩ thái vũ trụ có thể tìm thấy các trung tâm của một Đấng Thiên Nhân.´

166. Đây là một phát biểu có tầm quan trọng huyền bí học, dù không nhất thiết dễ giải mã.

167. If we speak of "the Raja Lord of the plane" we are only speaking of *one* systemic plane.

167. Nếu chúng ta nói về "Chúa Tể Raja của cõi" thì chúng ta chỉ đang nói về *một* cõi hệ thống.

168. Each Raja Lord has apparently seven "physical bodies"—an *atomic* physical body (and the many types of physical bodies within that atomic physical body), a *sub-atomic* physical body (and the many type of physical bodies within that sub-atomic physical body)—and the same for the super-etheric, etheric, gaseous, liquid and dense levels.

168. Mỗi Chúa Tể Raja dường như có bảy "thể hồng trần"—một thể hồng trần *nguyên tử* (và nhiều loại thể hồng trần trong thể hồng trần nguyên tử ấy), một thể hồng trần *dưới-nguyên tử* (và nhiều loại thể hồng trần trong thể hồng trần dưới-nguyên tử ấy)—và cũng như thế đối với các cấp độ siêu dĩ thái, dĩ thái, khí, lỏng và đậm đặc.

169. The transmitting devas, apparently, differentiate into lower types of devas on etheric levels. We must remember that every systemic subplane is *also* differentiated into seven *sub*-subplanes. The first of each sub-subplanes is, from this perspective, *atomic* in nature and would be connected with the atomic subplane of the *systemic* plane of which it is a part.

169. Các thiên thần truyền đạt, dường như, biến phân thành các loại thiên thần thấp hơn trên các cấp độ dĩ thái. Chúng ta phải nhớ rằng mỗi cõi phụ hệ thống *cũng* được biến phân thành bảy cõi phụ-*phụ*. Cõi thứ nhất của mỗi cõi phụ-phụ, từ góc nhìn này, có bản chất *nguyên tử* và sẽ được nối kết với cõi phụ nguyên tử của cõi *hệ thống* mà nó là một phần.

170. Much depends on what is meant by the phrase "in their lower differentiations on etheric levels". Are *all* the devas found on the lower three systemic ethers to be considered differentiations of the transmitters or are only those devas on the *atomic* sub-subplanes to be considered as differentiations of the transmitters?

170. Nhiều điều tùy thuộc vào ý nghĩa của cụm từ "trong các biến phân thấp hơn của họ trên các cấp độ dĩ thái". Có phải *mọi* thiên thần được tìm thấy trên ba dĩ thái hệ thống thấp hơn đều được xem là các biến phân của các đấng truyền đạt, hay chỉ những thiên thần trên các cõi phụ-phụ *nguyên tử* mới được xem là các biến phân của các đấng truyền đạt?

171. In a peculiar way, is DK telling us that the chakras of the human being consist *only* of transmitting devas and their lower differentiations on etheric levels lower than the atomic subplane of each systemic plane?

171. Theo một cách đặc biệt, có phải Chân sư DK đang nói với chúng ta rằng các luân xa của con người *chỉ* gồm các thiên thần truyền đạt và các biến phân thấp hơn của họ trên những cấp độ dĩ thái thấp hơn cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi hệ thống?

172. What we may infer is that chakras (composed of transmitting devas and their

172. Điều chúng ta có thể suy ra là các luân xa (được cấu thành bởi các thiên thần truyền

lower differentiations) have *'transmittive' functions.*

đạt và các biến phân thấp hơn của họ) có các chức năng *'truyền dẫn'.*

173. What is predicated of the seven transmitting devas (or groups of transmitting devas) on the seven atomic subplanes of each of the systemic planes, can be predicated of the seven *cosmic* transmitting devas (or groups of devas) in relation to the seven cosmic planes. We have but to analogize from the systemic pattern to the cosmic pattern.

173. Điều được khẳng định về bảy thiên thần truyền đạt (hay các nhóm thiên thần truyền đạt) trên bảy cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi hệ thống, cũng có thể được khẳng định về bảy thiên thần truyền đạt *vũ trụ* (hay các nhóm thiên thần) trong mối liên hệ với bảy cõi vũ trụ. Chúng ta chỉ cần suy theo phép tương đồng từ mô hình hệ thống sang mô hình vũ trụ.

174. With regard to the cosmic physical plane, the major transmitting deva (or group of seven transmitting devas) will be found upon the logoic subplane of the cosmic physical plane.

174. Liên quan đến cõi hồng trần vũ trụ, thiên thần truyền đạt chính yếu (hay nhóm bảy thiên thần truyền đạt) sẽ được tìm thấy trên cõi phụ logoic của cõi hồng trần vũ trụ.

175. The chakras of the Solar Logos (or Heavenly Man) will, then, be composed of the substance of the cosmic transmitting deva (or group of devas) and their lower differentiations on the three lower cosmic ethers—however that differentiating may occur.

175. Vậy thì các luân xa của Thái dương Thượng đế (hay của Đấng Thiên Nhân) sẽ được cấu thành bởi chất liệu của thiên thần truyền đạt vũ trụ (hay nhóm thiên thần) và các biến phân thấp hơn của họ trên ba dĩ thái vũ trụ thấp hơn—dù sự biến phân ấy diễn ra theo cách nào đi nữa.

176. Since there are *seven* "Transmitters of the Word" essentially responsible for forming the seven chakras, and these seven are probably correlated with each of the seven rays, one suspects that each of the seven ray influences is found within *each* chakra.

176. Vì có *bảy* "Đấng truyền đạt Linh từ" chịu trách nhiệm chủ yếu trong việc hình thành bảy luân xa, và bảy vị này có lẽ tương quan với mỗi một trong bảy cung, nên người ta nghi ngờ rằng mỗi ảnh hưởng của bảy cung đều hiện diện trong *mỗi* luân xa.

177. Through analogy, this stands to reason. Any planet, for instance, is a chakra and every planet has *all* seven ray influences. When we look at the *larger* chakras such as planets and stars, we can more easily see the influence of the seven rays in each.

177. Theo phép tương đồng, điều này là hợp lý. Chẳng hạn, bất kỳ hành tinh nào cũng là một luân xa và mọi hành tinh đều có *đủ cả* bảy ảnh hưởng cung. Khi chúng ta nhìn vào các luân xa *lớn hơn* như các hành tinh và các ngôi sao, chúng ta có thể dễ dàng thấy ảnh hưởng của bảy cung trong mỗi luân xa hơn.

178. By one theory, the devas of the second, third and fourth systemic atomic subplanes will be the higher correspondences of the devas of the second, third and fourth atomic *sub*-subplanes on the three lower systemic etheric planes. This is to say that the transmitting devas of the three systemic atomic planes immediately below the systemic logoic plane will be considered lower differentiations of the major cosmic transmitting deva to be found on the systemic logoic plane as a whole, since (from the perspective of the cosmic planes) the systemic logoic plane is the *atomic* subplane of the cosmic physical plane.

178. Theo một lý thuyết, các thiên thần của các cõi phụ nguyên tử hệ thống thứ hai, thứ ba và thứ tư sẽ là các tương ứng cao hơn của các thiên thần của các cõi phụ-phụ nguyên tử thứ hai, thứ ba và thứ tư trên ba cõi dĩ thái hệ thống thấp hơn. Điều này có nghĩa là các thiên thần truyền đạt của ba cõi nguyên tử hệ thống nằm ngay dưới cõi logoic hệ thống sẽ được xem là các biến phân thấp hơn của thiên thần truyền đạt vũ trụ chính yếu được tìm thấy trên toàn bộ cõi logoic hệ thống, vì (xét từ góc độ các cõi vũ trụ) cõi logoic hệ thống là cõi phụ *nguyên tử* của cõi hồng trần vũ trụ.

179. All this is not so difficult. It is just a question of making a good map and working out the correspondences.

179. Tất cả điều này không quá khó. Chỉ là vấn đề lập một bản đồ tốt và triển khai các tương ứng.

180. Later we shall find that the "Transmitters of the Word" on the systemic logoic plane work only on the *three lower subplanes* of that plane. This is interesting and suggests an incomplete picture.

180. Về sau chúng ta sẽ thấy rằng "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" trên cõi logoi hệ thống chỉ hoạt động trên *ba cõi phụ thấp* của cõi ấy. Điều này thật thú vị và gợi ý một bức tranh chưa hoàn chỉnh.

The connection between the centres and etheric substance, systemic and human, opens up a vast range for [Page 920] thought.

Mối liên hệ giữa các trung tâm và chất liệu dĩ thái, ở cấp hệ thống và nhân loại, mở ra một phạm vi [Page 920] tư tưởng bao la.

181. What thoughts come to mind when we contemplate this relationship?

181. Những ý nghĩ nào xuất hiện trong trí khi chúng ta chiêm ngưỡng mối liên hệ này?

182. Are we reminded of the two major types of devas to be found on every plane? Of those devas who are transmitters of prana to all forms of life and of those devas who form the bodies of every form in manifestation?

182. Chúng ta có được nhắc nhớ đến hai loại thiên thần lớn hiện diện trên mọi cõi chăng? Đó là những thiên thần truyền prana đến mọi hình tướng sự sống và những thiên thần tạo nên các thể của mọi hình tướng trong biểu hiện.

183. We must remember that the chakras are composed of transmitting devas and their lower differentiations.

183. Chúng ta phải nhớ rằng các luân xa được cấu thành bởi các thiên thần truyền dẫn và những biến phân thấp hơn của họ.

184. We must further remember that chakric whorls originate from the Monad itself. Thus, in a way, the transmitting devas upon each of the atomic subplanes (and *sub*-subplanes) must carry the impulse from the Monad in the process of creating the chakras.

184. Chúng ta còn phải nhớ thêm rằng các xoáy luân xa phát sinh từ chính chân thần. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, các thiên thần truyền dẫn trên mỗi cõi phụ nguyên tử (và các cõi phụ-*phụ*) phải mang xung lực từ chân thần trong tiến trình tạo ra các luân xa.

185. In this scheme of relationships, the Monad is a major *transmitter* and the transmitting devas responsible for creating the chakras must receive this transmission.

185. Trong hệ thống các mối liên hệ này, chân thần là một *đấng truyền dẫn* lớn, và các thiên thần truyền dẫn chịu trách nhiệm tạo ra các luân xa phải tiếp nhận sự truyền dẫn này.

186. The intricacy is staggering and suggests areas of investigation for the etheric sciences of the future. Before this subject can be elucidated, far more than just the systemic etheric plane will have to be discovered.

186. Sự phức tạp này thật choáng ngợp và gợi ra những lĩnh vực khảo cứu cho các khoa học dĩ thái của tương lai. Trước khi chủ đề này có thể được làm sáng tỏ, sẽ cần phải khám phá nhiều hơn là chỉ cõi dĩ thái hệ thống.

The "Transmitters of the Word" on the atomic subplane of each plane are devas of vast power and prerogative who may be stated to be connected with the Father aspect, and embodiments of electric fire.

“Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ” trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi là những thiên thần có quyền năng và đặc quyền bao la, có thể nói là có liên hệ với phương diện Cha, và là những hiện thân của Lửa Điện.

187. Here we have a powerful description of the “Transmitters of the Word”. They are obviously initiate devas of high development.

187. Ở đây chúng ta có một mô tả đầy uy lực về “Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ”. Hiển nhiên họ là những thiên thần điểm đạo đồ có mức phát triển cao.

188. If there is one *principal* "Transmitter of the Word" who embodies the seven, that one is probably the Raja Deva Lord of a particular systemic plane.

188. Nếu có một “Đấng Truyền Dẫn Linh từ” *chính yếu* hiện thân cho cả bảy vị, thì vị ấy có lẽ là Chúa Tể Raja Deva của một cõi hệ thống đặc biệt nào đó.

189. We know the Raja Deva Lords are great Beings. We are gathering that each of the seven "Transmitters of the Word" on each of the systemic atomic subplanes are *also* great Beings.

189. Chúng ta biết các Chúa Tể Raja Deva là những Đấng vĩ đại. Chúng ta đang dần hiểu rằng mỗi một trong bảy "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" trên mỗi cõi phụ nguyên tử hệ thống *cũng* là những Đấng vĩ đại.

190. Working on the first subplane of each of the systemic planes, they are obviously connected with the *first* aspect of divinity (the "Father aspect") and with electric fire.

190. Hoạt động trên cõi phụ thứ nhất của mỗi cõi hệ thống, hiển nhiên họ có liên hệ với phương diện *thứ nhất* của thiên tính (phương diện "Cha") và với Lửa Điện.

191. If they are "embodiments of electric fire", then the electric fire of the Father passes through them.

191. Nếu họ là "những hiện thân của Lửa Điện", thì Lửa Điện của Cha đi xuyên qua họ.

192. The division of 1—3—3 (whether in relation to cosmic planes, systemic planes, or systemic subplanes) is of great interpretive value.

192. Sự phân chia 1—3—3 (dù liên hệ đến các cõi vũ trụ, các cõi hệ thống hay các cõi phụ hệ thống) có giá trị diễn giải rất lớn.

193. It would seem that the "Transmitters of the Word" have great scope for the exercise of their own will, as they have not only "vast power" but vast "prerogative". Thus, they have many 'divine *rights and* privileges'. Of course, all that they do will be *willingly* in line with a higher law.

193. Dường như "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" có phạm vi rất lớn để vận dụng ý chí riêng của họ, vì họ không chỉ có "quyền năng" bao la mà còn có "đặc quyền" bao la. Vì vậy, họ có nhiều 'quyền *và* đặc ân thiêng liêng'. Dĩ nhiên, mọi điều họ làm đều sẽ *tự nguyện* phù hợp với một định luật cao hơn.

They are all fully self-conscious,

Họ đều hoàn toàn có ngã thức,

194. As stated…

194. Như đã nói…

195. DK is speaking of the seven transmitters on the atomic level of all systemic planes.

195. Chân sư DK đang nói về bảy đấng truyền dẫn ở cấp nguyên tử của mọi cõi hệ thống.

having passed through the human stage in earlier kalpas.

đã đi qua giai đoạn nhân loại trong những kalpa trước đó

196. Here we do not know whether the term "kalpas" signifies mahakalpas

196. Ở đây chúng ta không biết liệu thuật ngữ "kalpa" có hàm ý mahakalpa

(mahamanvantaras) or simply "Days of Brahma" (yet within the present solar system).

(mahamanvantara) hay chỉ đơn giản là "Những Ngày của Brahma" (nhưng vẫn ở trong hệ mặt trời hiện tại).

197. Since even Raja Deva Lords like Kshiti and Varuna are equivalent to Chohans (or initiates of the sixth degree), it is probable that the term "kalpas" does not mean mahamanvantaras.

197. Vì ngay cả các Chúa Tể Raja Deva như Kshiti và Varuna cũng tương đương với các Chohan (hay các điểm đạo đồ cấp sáu), nên có lẽ thuật ngữ "kalpa" không có nghĩa là mahamanvantara.

198. From a holistic perspective, it is probably safe to infer that there are only *seven* ***major*** "Transmitters of the Word" on every cosmic plane, no matter how many may be their differentiations (even on systemic atomic subplanes).

198. Từ một quan điểm toàn thể, có lẽ có thể an toàn suy ra rằng chỉ có *bảy* ***đấng lớn*** "Truyền Dẫn Linh từ" trên mỗi cõi vũ trụ, bất kể những biến phân của họ có thể nhiều đến đâu (ngay cả trên các cõi phụ nguyên tử hệ thống).

They are also **corporate parts** of the seven primary head centres in the body of a solar Logos or planetary Logos.

Họ cũng là **những bộ phận hợp thành** của bảy trung tâm đầu chính yếu trong thể của một Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế.

199. One senses that one is in the presence of rapidly deepening occultism.

199. Người ta cảm thấy mình đang hiện diện trước một huyền bí học ngày càng sâu sắc nhanh chóng.

200. Do these seven "Transmitters of the Word" together constitute the *entirety* of the seven primary head centers of a Solar Logos or Planetary Logos? Or are they simply "corporate parts of the seven primary head centers", meaning that there are also other parts to these head centers.

200. Bảy "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" này hợp lại có cấu thành *toàn bộ* của bảy trung tâm đầu chính yếu của một Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế không? Hay họ chỉ đơn giản là "những bộ phận hợp thành của bảy trung tâm đầu chính yếu", nghĩa là các trung tâm đầu này còn có những phần khác nữa.

201. We remember that (the normal?) chakras (in a peculiar occult sense) are formed by transmitting devas and their lower differentiations. In fact, the chakras "in their sumtotal" are thus formed.

201. Chúng ta nhớ rằng các luân xa (bình thường?) theo một nghĩa huyền bí đặc biệt được tạo thành bởi các thiên thần truyền dẫn và những biến phân thấp hơn của họ. Thật vậy, các luân xa "trong tổng thể của chúng" được hình thành như thế.

202. Thus, if we eliminate the phrase "in their lower differentiations on etheric levels" and consider only the "Transmitters of the Word" on the systemic atomic levels, perhaps they form the *entirety* of *sumtotal* of the seven primary head centers—as DK calls them, "the greater seven".

202. Vì vậy, nếu chúng ta loại bỏ cụm từ "trong những biến phân thấp hơn của họ trên các cấp dĩ thái" và chỉ xét "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" trên các cấp nguyên tử hệ thống, thì có lẽ họ tạo thành *toàn bộ* của *tổng thể* bảy trung tâm đầu chính yếu—như Chân sư DK gọi chúng, "bảy trung tâm lớn hơn".

203. We remind ourselves that chakras are formed of devic substance.

203. Chúng ta tự nhắc mình rằng các luân xa được tạo thành từ chất liệu thiên thần.

204. However, where are the seven primary head centers of "a solar Logos or planetary Logos" located? They will not be found on *all* the systemic planes. Rather, they will be found, probably, only on the highest two systemic planes. (We take our analogy from TCF Chart VIII.)

204. Tuy nhiên, bảy trung tâm đầu chính yếu của "một Thái dương Thượng đế hay Hành Tinh Thượng Đế" nằm ở đâu? Chúng sẽ không được tìm thấy trên *mọi* cõi hệ thống. Đúng hơn, có lẽ chúng chỉ được tìm thấy trên hai cõi hệ thống cao nhất. (Chúng ta lấy phép loại suy từ Biểu đồ VIII của TCF.)

205. May we say that the seven primary head centers of the Solar Logos will be found on the systemic *logoic* plane and that the seven primary head centers of a Planetary Logos (such as our Earth, at least) will be found on the systemic *monadic* plane? There are ways in which the highest etheric field for a non-sacred Planetary Logos is the monadic plane (home of the Monads which form the highest centers within such a Planetary Logos).

205. Chúng ta có thể nói rằng bảy trung tâm đầu chính yếu của Thái dương Thượng đế sẽ được tìm thấy trên cõi *logoi* hệ thống, và bảy trung tâm đầu chính yếu của một Hành Tinh Thượng Đế (chẳng hạn như Trái Đất của chúng ta, ít nhất là vậy) sẽ được tìm thấy trên cõi *chân thần* hệ thống chăng? Có những phương diện theo đó trường dĩ thái cao nhất đối với một Hành Tinh Thượng Đế không thiêng liêng là cõi chân thần (nơi cư ngụ của các chân thần tạo thành những trung tâm cao nhất bên trong một Hành Tinh Thượng Đế như thế).

206. If this were true, then the "Transmitters of the Word" which are found on the atomic subplanes of the *lower* systemic planes would be *part* of or *related to* these major logoic and planetary logoic head centers but would not constitute the *entirety* of them. They would be resonantly related, though positioned on a plane different from the systemic plane on which the major head

206. Nếu điều này đúng, thì "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" được tìm thấy trên các cõi phụ nguyên tử của các cõi hệ thống *thấp hơn* sẽ là *một phần* của hoặc *có liên hệ với* các trung tâm đầu lớn lao logoi và hành tinh logoi này, nhưng sẽ không cấu thành *toàn bộ* của chúng. Tuy vậy, chúng sẽ có liên hệ cộng hưởng, dù được định vị trên một cõi khác với cõi hệ thống nơi các trung tâm đầu lớn thực

centers were actually found. This must be thought-through carefully.

sự hiện diện. Điều này phải được suy xét cẩn trọng.

207. So again, attention is drawn to what is meant by "corporate parts". Apparently a 'corporate part' of a major head chakra can be positioned on a plane lower than the plane on which the head chakra is positioned.

207. Vì vậy, một lần nữa, sự chú ý được hướng đến điều được hàm ý bởi "những bộ phận hợp thành". Rõ ràng một 'bộ phận hợp thành' của một luân xa đầu lớn có thể được định vị trên một cõi thấp hơn cõi mà luân xa đầu ấy được định vị.

208. There are many mysteries surrounding the nature and positioning of the greater seven head centers—whether for a man, a Planetary Logos or a Solar Logos.

208. Có nhiều huyền nhiệm bao quanh bản chất và vị trí của bảy trung tâm đầu lớn hơn —dù là đối với con người, một Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế.

209. Notice in the map found in Chart V, TCF 344, there are not seven but three triangles on the logoic plane, yet on the atomic subplanes of the seven systemic planes, it is suggested that there are *seven* "Transmitters of the Word". Somehow, a *seveness* should appear on the systemic logoic plane and also on the systemic atomic correspondences to that highest systemic plane.

209. Hãy lưu ý rằng trong sơ đồ ở Biểu đồ V, TCF 344, trên cõi logoi không phải có bảy mà là ba tam giác, thế nhưng trên các cõi phụ nguyên tử của bảy cõi hệ thống, người ta lại gợi ý rằng có *bảy* "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ". Bằng cách nào đó, một tính *bảy* phải xuất hiện trên cõi logoi hệ thống và cũng trên các tương ứng nguyên tử hệ thống với cõi hệ thống cao nhất ấy.

Though connected with the Father aspect, they are nevertheless part of the body of the Son, and each of them, according to the plane which he energises**, is a component part of one or other of the seven centres, either solar or planetary—planetary when only the particular centre is concerned, systemic when that centre is viewed as an integral part of the whole.**

Dù có liên hệ với phương diện Cha, họ nevertheless vẫn là một phần của thể của Con, và mỗi vị, tùy theo cõi mà y tiếp sinh lực**, là một bộ phận cấu thành của một trong bảy trung tâm, hoặc thái dương hoặc hành tinh—hành tinh khi chỉ xét trung tâm riêng biệt ấy, hệ thống khi trung tâm ấy được nhìn như một phần toàn vẹn của toàn thể.**

210. The whole matter is getting very intricate as I am sure you will agree.

210. Toàn bộ vấn đề đang trở nên rất phức tạp, như chắc hẳn các bạn sẽ đồng ý.

211. Each one of the "Transmitters of the Word" is connected to the "Father aspect" and to electric fire.

211. Mỗi một "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" đều có liên hệ với "phương diện Cha" và với Lửa Điện.

212. Because they are positioned on the atomic subplane of each systemic plane, they are connected to the Father.

212. Bởi vì họ được định vị trên cõi phụ nguyên tử của mỗi cõi hệ thống, nên họ có liên hệ với Cha.

213. But because the various other chakras of the Planetary Logos or Solar Logos are positioned on the monadic, atmic and buddhic systemic planes, these "Transmitters of the Word", being 'positioned' on those systemic planes are, therefore, *part* of those other chakras—even while being responsive to the Father aspect.

213. Nhưng bởi vì các luân xa khác nhau của Hành Tinh Thượng Đế hay Thái dương Thượng đế được định vị trên các cõi chân thần, atma và Bồ đề hệ thống, nên các "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" này, do được 'định vị' trên các cõi hệ thống ấy, vì thế là *một phần* của các luân xa khác ấy—ngay cả khi vẫn đáp ứng với phương diện Cha.

214. What is the "body of the Son"? Is it the body consisting of all centers other than the head center? Is anything that transpires on the six systemic planes lower than the systemic logoic plane to be considered as in the "body of the Son"?

214. "Thể của Con" là gì? Có phải đó là thể gồm tất cả các trung tâm khác ngoài trung tâm đầu không? Có phải bất cứ điều gì diễn ra trên sáu cõi hệ thống thấp hơn cõi logoi hệ thống đều được xem là ở trong "thể của Con" không?

215. From another perspective, the *entire solar system* (consisting of all seven systemic planes) is the body of the Son. In a way, the "Father" is to be found extraneous to the solar system (which is the 'System of the Son') altogether. The Father is simply reflected on atomic planes, subplanes and sub-subplanes of the cosmic physical planes.

215. Từ một góc nhìn khác, *toàn bộ hệ mặt trời* (gồm cả bảy cõi hệ thống) là thể của Con. Theo một nghĩa nào đó, "Cha" được tìm thấy hoàn toàn ở bên ngoài hệ mặt trời (vốn là 'Hệ của Con'). Cha chỉ đơn giản được phản chiếu trên các cõi nguyên tử, cõi phụ và cõi phụ-phụ của các cõi hồng trần vũ trụ.

216. The Father is not an embodiment but is to be embodied within the Son.

216. Cha không phải là một hiện thân mà là Đấng sẽ được hiện thân bên trong Con.

Each of these great lives (embodying deva energy of the first degree) is an emanation from the central spiritual sun in the first instance and from one of the three major constellations in the second instance.

Mỗi một trong các sự sống lớn lao này (hiện thân cho năng lượng thiên thần của cấp thứ nhất) trước hết là một phát xạ từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương và kế đó từ một trong ba chòm sao lớn.

217. The occultism deepens further.

217. Huyền bí học lại càng sâu hơn nữa.

218. From whence these seven great lives found on the cosmic physical plane?

218. Bảy sự sống lớn lao này được tìm thấy trên cõi hồng trần vũ trụ đến từ đâu?

219. DK seems to be telling us that each of the "Transmitters of the Word" is to be considered as an emanation.

a. First, as an emanation from the "central spiritual sun", from one perspective, the monadic aspect of our Solar Logos.

b. Secondly, from one of the three major constellations—the Great Bear, the Pleiades and Sirius.

220. Of course, we can interpret this differently, and it is probably better to do so, in which case—

a. The Central Spiritual Sun will be the center point of our entire local cosmos, will be found in the Pleiades and will not be directly related to our Solar Logos at all.

b. Then the words "in the second instance", will indicate secondary points of emanation within the system of the Central Spiritual Sun, for the Great Bear, Sirius (and its system) and the Seven Pleiades *all* can be seen as chakras or centers within the system of the Central Spiritual Sun (the hub of the wheel of our local cosmos through which the "One About Whom Naught May Be Said" expresses).

Systemically they fall into three groups:

221. We continue to deal with a very high form of devic life—with "Transmitters of the Word"—which, we now assume, are sub-Raja Deva Lords. We remember that Raja Deva Lords are the *greatest* of the

219. Chân sư DK dường như đang nói với chúng ta rằng mỗi một "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" phải được xem như một phát xạ.

a. Thứ nhất, như một phát xạ từ "Mặt trời Tinh thần Trung Ương", theo một góc nhìn nào đó, là phương diện chân thần của Thái dương Thượng đế của chúng ta.

b. Thứ hai, từ một trong ba chòm sao lớn—Đại Hùng Tinh, Thất Nữ và Sirius.

220. Dĩ nhiên, chúng ta có thể diễn giải điều này theo cách khác, và có lẽ làm như vậy sẽ tốt hơn, trong trường hợp đó—

a. Mặt trời Tinh thần Trung Ương sẽ là điểm trung tâm của toàn bộ vũ trụ địa phương của chúng ta, sẽ được tìm thấy trong Thất Nữ, và hoàn toàn không liên hệ trực tiếp với Thái dương Thượng đế của chúng ta.

b. Khi đó các từ "trong trường hợp thứ hai" sẽ chỉ những điểm phát xạ thứ cấp bên trong hệ của Mặt trời Tinh thần Trung Ương, vì Đại Hùng Tinh, Sirius (và hệ của nó) và Bảy Sao Thất Nữ *đều* có thể được xem là các luân xa hay trung tâm bên trong hệ của Mặt trời Tinh thần Trung Ương (trục bánh xe của vũ trụ địa phương chúng ta, qua đó "Đấng Bất Khả Tư Nghị" biểu lộ).

Ở cấp hệ thống, họ được chia thành ba nhóm:

221. Chúng ta tiếp tục bàn đến một dạng sự sống thiên thần rất cao—"Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ"—mà giờ đây chúng ta giả định là các Chúa Tể Raja Deva phụ. Chúng ta nhớ rằng các Chúa Tể Raja Deva là

"Transmitters of the Word" upon the cosmic physical plane.

những vị *vĩ đại nhất* trong số "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" trên cõi hồng trần vũ trụ.

222. What follows is very interesting, since at no point in the foregoing discussion have we been told *where* on the systemic logoic plane the "Transmitters of the Word" were to be positioned.

222. Điều tiếp theo đây rất thú vị, vì trong toàn bộ phần thảo luận trước đó, không lúc nào chúng ta được cho biết *ở đâu* trên cõi logoi hệ thống mà "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" được định vị.

Group 1 **includes** those transmitters of the Word who are found on the **three lower subplanes** of the plane Adi, or the logoic plane.

Nhóm 1 **bao gồm** những đấng truyền dẫn Linh từ được tìm thấy trên **ba cõi phụ thấp** của cõi Adi, hay cõi logoi.

223. The transmitters in Group 1 are to be found on the *three lower subplanes* of the logoic plane. This would place them into correspondence with the lowest third of the sequence 1—3—3, and would immediately make us question whether there were any kind of transmitters to be found upon the atomic subplane of the logoic plane and the three lower 'etheric' subplanes of the logoic plane. One senses that these cannot be the *highest* of the "Transmitters of the Word".

223. Các đấng truyền dẫn trong Nhóm 1 được tìm thấy trên *ba cõi phụ thấp* của cõi logoi. Điều này sẽ đặt họ vào sự tương ứng với một phần ba thấp nhất của chuỗi 1—3—3, và ngay lập tức khiến chúng ta đặt câu hỏi liệu có bất kỳ loại đấng truyền dẫn nào được tìm thấy trên cõi phụ nguyên tử của cõi logoi và ba cõi phụ 'dĩ thái' thấp hơn của cõi logoi hay không. Người ta cảm thấy rằng đây không thể là những vị *cao nhất* trong số "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ".

224. When dealing with the word "includes" we realize a hint. There may be more to Group 1 than the type of "Transmitters of the Word" here described. In other words, Group 1 may be more complete and may include transmitters from the higher subplanes of the logoic plane.

224. Khi xét đến từ "bao gồm", chúng ta nhận ra một gợi ý. Có thể Nhóm 1 còn nhiều hơn loại "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" được mô tả ở đây. Nói cách khác, Nhóm 1 có thể đầy đủ hơn và có thể bao gồm các đấng truyền dẫn từ các cõi phụ cao hơn của cõi logoi.

225. We must remember at this point that "Transmitters of the Word" are usually associated with the atomic level of any plane, and now with the lower subplanes.

225. Tại điểm này chúng ta phải nhớ rằng "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" thường được liên kết với cấp nguyên tử của bất kỳ cõi nào, và giờ đây là với các cõi phụ thấp hơn.

226. In this case, however, we must remember that, from the cosmic point of

view, the entire systemic logoic plane is *atomic.*

226. Tuy nhiên, trong trường hợp này, chúng ta phải nhớ rằng, từ quan điểm vũ trụ, toàn bộ cõi logoi hệ thống là *nguyên tử.*

Group 2 **comprises** those great builders who transmit the Word on the three next systemic planes, the monadic, the atmic and the buddhic.

Nhóm 2 **gồm** những đấng kiến tạo lớn lao truyền Linh từ trên ba cõi hệ thống kế tiếp, tức cõi chân thần, cõi atma và cõi Bồ đề.

227. Here the word "comprises" is used and in the next paragraph, "is formed of". These are terms more suggestive of completion than the term "includes".

227. Ở đây từ "gồm" được dùng, và trong đoạn kế tiếp là "được tạo thành từ". Đây là những thuật ngữ gợi ý tính hoàn chỉnh nhiều hơn thuật ngữ "bao gồm".

228. We are in the realm of "great builders". In fact, on the monadic plane resides that Creative Hierarchy known as the "Greater Builders". (cf. EA 35)

228. Chúng ta đang ở trong lĩnh vực của "các đấng đại kiến tạo". Thật vậy, trên cõi chân thần cư ngụ Huyền Giai Sáng Tạo được biết đến như "Các Đấng Đại Kiến Tạo". (xem EA 35)

229. Now, instead of speaking of systemic *subplanes* (as was done in relation to Group 1), we are speaking of entire systemic planes (though, no doubt, there are important subdivisions occurring on each of these systemic planes—monadic, atmic and buddhic).

229. Giờ đây, thay vì nói về các cõi hệ thống *phụ* (như đã làm khi nói về Nhóm 1), chúng ta đang nói về toàn bộ các cõi hệ thống (dù chắc chắn có những phân chia quan trọng xảy ra trên mỗi cõi hệ thống này—chân thần, atma và Bồ đề).

230. We are not told (as in the case of Group 1) that the location of these particular great builders is found on the three *lower* subplanes of their respective planes. Perhaps, they are found on the higher four subplanes of the monadic, atmic and buddhic planes as well.

230. Chúng ta không được cho biết (như trong trường hợp của Nhóm 1) rằng vị trí của các đấng đại kiến tạo đặc biệt này nằm trên ba cõi phụ *thấp* của các cõi tương ứng của họ. Có lẽ họ cũng được tìm thấy trên bốn cõi phụ cao hơn của các cõi chân thần, atma và Bồ đề.

Group 3 **is formed of** those who carry on a similar function in the three worlds of human endeavour.

Nhóm 3 **được tạo thành từ** những vị thực hiện một chức năng tương tự trong ba cõi giới của nỗ lực nhân loại.

231. We are still speaking of great Beings—or "Transmitters of the Word".

231. Chúng ta vẫn đang nói về những Đấng vĩ đại—hay "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ".

232. The three worlds of human endeavor are not located within the cosmic ethers. The line of transmission, however, from the very highest systemic plane to the lowest systemic planes whereon man usually functions, remains unbroken.

232. Ba cõi giới của nỗ lực nhân loại không nằm trong các dĩ thái vũ trụ. Tuy nhiên, đường truyền dẫn từ cõi hệ thống cao nhất cho đến các cõi hệ thống thấp nhất nơi con người thường hoạt động vẫn không bị gián đoạn.

233. Systemically there are seven (shall we say?) 'ultimate' "Transmitters of the Word" subdivided into many lesser devas on the various systemic planes. The seven "Transmitters of the Word" on each of the systemic atomic subplanes are corporate parts of the seven 'ultimate' "Transmitters of the Word" Who are, really, Raja Deva Lords.

233. Ở cấp hệ thống có bảy "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" 'tối hậu' (chúng ta có thể nói vậy chăng?) được phân chia thành nhiều thiên thần nhỏ hơn trên các cõi hệ thống khác nhau. Bảy "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" trên mỗi cõi phụ nguyên tử hệ thống là những bộ phận hợp thành của bảy "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" 'tối hậu', mà thực ra là các Chúa Tể Raja Deva.

234. From a larger perspective, there are *three* major groupings of transmitters.

234. Từ một quan điểm rộng lớn hơn, có *ba* nhóm truyền dẫn chính yếu.

a. Those found on the three lower subplanes of the logoic plane

a. Những vị được tìm thấy trên ba cõi phụ thấp của cõi logoi

b. Those found on the second, third and fourth systemic planes (numbering from above) and especially upon the first subplane of those systemic planes (which is not to say that transmitters cannot be found on lower subplanes of those planes as well—as has been demonstrated in relation to Group 1).

b. Những vị được tìm thấy trên cõi hệ thống thứ hai, thứ ba và thứ tư (đếm từ trên xuống) và đặc biệt trên cõi phụ thứ nhất của các cõi hệ thống ấy (điều này không có nghĩa là không thể tìm thấy các đấng truyền dẫn trên các cõi phụ thấp hơn của các cõi ấy nữa—như đã được chứng minh liên hệ với Nhóm 1).

c. Those found on the fifth, sixth and seventh systemic planes and especially upon the first subplane of those systemic planes (which is not to say that transmitters cannot be found on the lower subplanes of those planes as well—as has been demonstrated in relation to Group 1).

c. Những vị được tìm thấy trên cõi hệ thống thứ năm, thứ sáu và thứ bảy và đặc biệt trên cõi phụ thứ nhất của các cõi hệ thống ấy (điều này không có nghĩa là không thể tìm thấy các đấng truyền dẫn trên các cõi phụ thấp hơn của các cõi ấy nữa—như đã được chứng minh liên hệ với Nhóm 1).

d. There is almost certainly a transmitting function occurring upon the *first sub*-subplane of each of the 'etheric' subplanes of each of the systemic planes. There may also be a transmitting function occurring upon the first sub-subplane of each of the dense subplanes of the systemic planes. We need a map to more clearly reveal the intricacy.

d. Gần như chắc chắn có một chức năng truyền dẫn diễn ra trên cõi phụ-*phụ* thứ *nhất* của mỗi cõi phụ 'dĩ thái' của mỗi cõi hệ thống. Cũng có thể có một chức năng truyền dẫn diễn ra trên cõi phụ-phụ thứ nhất của mỗi cõi phụ đậm đặc của các cõi hệ thống. Chúng ta cần một sơ đồ để làm lộ rõ hơn sự phức tạp này.

235. In the simplest possible terms and in relation to what we must know—somehow 'the Word gets through'!

235. Nói theo những thuật ngữ đơn giản nhất có thể và liên hệ với điều chúng ta cần biết—bằng cách nào đó 'Linh từ vẫn truyền qua được'!

Fundamentally they are also emanations from one of the seven stars of the Great Bear <u>in the third instance.</u>

Về căn bản, họ cũng là những phát xạ từ một trong bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh <u>trong trường hợp thứ ba.</u>

236. We have had the first, second and, now, the *third* instance.

236. Chúng ta đã có trường hợp thứ nhất, thứ hai và giờ đây là trường hợp *thứ ba*.

237. From the way they are listed, it is seeming more certain that the Central Spiritual Sun is to be located within the Pleiades or *as* the Pleiades *as a whole,* rather than considering it (in this context) as the monadic nature of the Solar Logos. (That Monad is, however, legitimately called the Central Spiritual Sun if we are taking a solar systemic perspective.)

237. Từ cách chúng được liệt kê, dường như ngày càng chắc chắn hơn rằng Mặt trời Tinh thần Trung Ương phải được định vị trong Thất Nữ hoặc *là* toàn bộ Thất Nữ, *xét như một toàn thể,* hơn là xem nó (trong ngữ cảnh này) như bản chất chân thần của Thái dương Thượng đế. (Tuy nhiên, chân thần ấy vẫn có thể được gọi một cách chính đáng là Mặt trời Tinh thần Trung Ương nếu chúng ta lấy quan điểm hệ mặt trời.)

238. Thus—

238. Vì vậy—

a. The *first* instance embraces the entirety of the system of the "One About Whom Naught May Be Said"

a. Trường hợp *thứ nhất* bao trùm toàn bộ hệ của “Đấng Bất Khả Tư Nghị”

b. The *second* instance speaks of emanative points as the constellational chakras within the "One About Whom Naught May Be Said"—the Great Bear, the Pleiades and either Sirius (i.e., the Sirian system) or the Little Bear—the higher correspondence of Sirius).

b. Trường hợp *thứ hai* nói đến các điểm phát xạ như những luân xa chòm sao bên trong “Đấng Bất Khả Tư Nghị”—Đại Hùng Tinh, Thất Nữ và hoặc Sirius (tức hệ Sirius) hoặc Tiểu Hùng Tinh—tương ứng cao hơn của Sirius).

c. The third instance speaks of specific stars or chakras within one of the constellational chakras within the "One About Whom Naught May Be Said". Each major star in the Great Bear is a major ‘solar’ chakra in that major constellational chakra known as the Great Bear.

c. Trường hợp thứ ba nói đến những ngôi sao hay luân xa đặc thù bên trong một trong các luân xa chòm sao bên trong “Đấng Bất Khả Tư Nghị”. Mỗi ngôi sao lớn trong Đại Hùng Tinh là một luân xa ‘thái dương’ lớn trong luân xa chòm sao lớn được biết đến là Đại Hùng Tinh ấy.

239. We see that these great ‘Transmitting Lives’ come to their present ‘positions’ on our cosmic physical plane from a great distance, but then, so does man.

239. Chúng ta thấy rằng những ‘Sự Sống Truyền Dẫn’ lớn lao này đến với những ‘vị trí’ hiện tại của họ trên cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta từ một khoảng cách rất xa, nhưng con người cũng vậy.

240. We do not know all the steps along the way of the emanatory path, but there are surely many ‘stops’ which would be of great interest to the student of these matters.

240. Chúng ta không biết hết mọi chặng trên con đường phát xạ, nhưng chắc chắn có nhiều ‘điểm dừng’ sẽ rất đáng quan tâm đối với đạo sinh của những vấn đề này.

241. Suffice it to say that the line of transmission here described is one that conducts the Will of God and electric fire right onto the cosmic physical plane and into the three lower worlds of human evolution and, finally, ‘down’ onto the lowest of all systemic planes—the etheric-physical plane.

241. Chỉ cần nói rằng đường truyền dẫn được mô tả ở đây là đường dẫn Ý Chí của Thượng Đế và Lửa Điện đi thẳng xuống cõi hồng trần vũ trụ và vào ba cõi thấp của tiến hoá nhân loại, và cuối cùng ‘xuống’ đến cõi thấp nhất trong mọi cõi hệ thống—cõi dĩ thái-hồng trần.

242. We are learning about the structural divisions within the deva kingdom and of

242. Chúng ta đang học về các phân chia cấu trúc bên trong giới thiên thần và về các mối

the relations of the members of that kingdom to each other.

liên hệ của các thành viên trong giới ấy với nhau.

In these triple emanatory forces may be found the origin of all that is visible and objective, and through their agency our solar system takes its place within the greater cosmic scheme, and a certain basic cosmic fire is formed.

Trong các mãnh lực phát xạ tam phân này có thể tìm thấy nguồn gốc của mọi điều hữu hình và khách quan, và qua tác động của họ, hệ mặt trời của chúng ta chiếm vị trí của nó trong hệ thống vũ trụ lớn hơn, và một loại lửa vũ trụ căn bản nào đó được hình thành.

243. A great part of the value of reading this section of text is to realize something of the depth of occultism which is being conveyed.

243. Một phần lớn giá trị của việc đọc phần văn bản này là nhận ra phần nào chiều sâu của huyền bí học đang được truyền đạt.

244. These "Transmitters of the Word" are called "triple emanatory forces" because they originate from three great sources which represent three great levels of being.

244. Những "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" này được gọi là "các mãnh lực phát xạ tam phân" vì họ phát sinh từ ba nguồn lớn, tượng trưng cho ba cấp độ hiện hữu lớn.

245. We may suppose that, due to their origin, they have much to do with the conduction of the seven rays into our solar system, onto our planet and into our lives as man.

245. Chúng ta có thể giả định rằng, do nguồn gốc của họ, họ có liên hệ rất nhiều với việc dẫn truyền bảy cung vào hệ mặt trời của chúng ta, lên hành tinh của chúng ta và vào đời sống của chúng ta với tư cách con người.

246. Three great orders of devas (broadly, transmitting devas, manipulatory devas, and the third and lowest class which are more 'structural and structuring' devas—though not necessarily to be considered "elementals in the usual sense") are responsible for all of manifestation upon the cosmic physical plane.

246. Ba đẳng cấp thiên thần lớn (nói rộng ra là các thiên thần truyền dẫn, các thiên thần thao tác, và đẳng cấp thứ ba thấp nhất là những thiên thần mang tính 'cấu trúc và kiến tạo cấu trúc' nhiều hơn—dù không nhất thiết phải được xem là "hành khí theo nghĩa thông thường") chịu trách nhiệm cho toàn bộ biểu hiện trên cõi hồng trần vũ trụ.

247. DK is speaking here of the origin of all that is "visible and objective" in the outer sense.

247. Ở đây Chân sư DK đang nói về nguồn gốc của mọi điều "hữu hình và khách quan" theo nghĩa bên ngoài.

248. Let us tabulate that for which these "Transmitters of the Word" are responsible:

248. Chúng ta hãy lập bảng những điều mà các "Những Đấng Truyền Dẫn Linh từ" này chịu trách nhiệm:

a. They are the origin of all that is visible and objective

a. Họ là nguồn gốc của mọi điều hữu hình và khách quan

b. They are responsible for assisting our solar system to take its place within the “cosmic scheme”. That scheme is the "Seven Solar Systems of Which Ours is One".

b. Các Ngài chịu trách nhiệm trợ giúp hệ mặt trời của chúng ta đảm nhận vị trí của nó trong “hệ vũ trụ”. Hệ ấy là “Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một”.

c. Through their agency a “certain basic cosmic fire is formed”. We may be speaking here of fire by friction considered in a *cosmic* sense—the basic fire of the cosmic physical plane (in two categories, “latent” cosmic fire by friction and “radiatory or active” cosmic fire by friction).

c. Thông qua tác động của các Ngài, “một loại lửa vũ trụ căn bản nào đó được hình thành”. Ở đây có lẽ chúng ta đang nói đến Lửa ma sát được xét theo nghĩa *vũ trụ*—loại lửa căn bản của cõi hồng trần vũ trụ (trong hai phạm trù, Lửa ma sát vũ trụ “tiềm ẩn” và Lửa ma sát vũ trụ “phóng xạ hay hoạt động”).

249. We gather that without them, there could be no objective solar system—i.e., no solar system demonstrating throughout the entirety of the cosmic physical plane.

249. Chúng ta hiểu rằng nếu không có các Ngài, sẽ không thể có một hệ mặt trời khách quan—tức là, không có một hệ mặt trời biểu lộ xuyên suốt toàn thể cõi hồng trần vũ trụ.

250. Further, without the transmittive impulse emanating from the Central Spiritual Sun, from the three great constellations and from the seven stars of the Great Bear, our solar system would not have taken form. From these sources emanate the great transmitting devas which we have under discussion.

250. Hơn nữa, nếu không có xung lực truyền dẫn phát ra từ Mặt trời Tinh thần Trung Ương, từ ba chòm sao lớn và từ bảy ngôi sao của Đại Hùng Tinh, hệ mặt trời của chúng ta đã không thể thành hình. Từ các nguồn này phát ra các thiên thần truyền dẫn vĩ đại mà chúng ta đang bàn đến.

They [in their three divisions] **are the sumtotal of the head, the heart and the throat centres of the solar Logos**, and their correspondences will be found within a Heavenly Man, a human [Page 921] being, and an atom.

Các Ngài [trong ba phân bộ của mình] **là tổng thể của các trung tâm đầu, tim và cổ họng của Thái dương Thượng đế**, và các tương ứng của các Ngài sẽ được tìm thấy trong một Đấng Thiên Nhân, một con người [Page 921], và một nguyên tử.

251. There are three great groups of transmitting devas—Group 1, Group 2 and Group 3, and these groups relate to three great or major centers within the Solar Logos (with correspondences within the

251. Có ba nhóm lớn các thiên thần truyền dẫn—Nhóm 1, Nhóm 2 và Nhóm 3, và các nhóm này liên hệ với ba trung tâm lớn hay chính yếu bên trong Thái dương Thượng đế

Heavenly Man, the human being and the atom of substance).

252. One wonders why the other chakras are not included. Perhaps we are speaking only of the primary chakric correspondences of these transmitting devas.

253. From the higher and wider perspective, however, we can see that those transmitters found on the lower subplanes of the systemic logoic plane correspond to the head center. Those upon the monadic, atmic, and buddhic systemic planes correspond to the heart center. Those who function within the systemic planes of the three lower worlds correspond to the throat center.

254. We must suspect that there are higher "Transmitters of the Word" to be found on the systemic logoic plane, and that these might correlate with the higher aspects of the head center.

255. We remind ourselves—

a. The chakras are devic.

b. The chakras are composed, it seems, of transmitting devas.

c. The etheric chakras of the great Beings are located on three or four of the cosmic ethers —depending on whether we are speaking of a Planetary Logos or a Solar Logos.

d. The major head centers of the great Beings are not located within the lower two subdivisions (the monadic, atmic, and buddhic planes on the one hand, or the mental, astral and etheric-physical planes on the other). At least for the Solar Logos, the

(với các tương ứng bên trong Đấng Thiên Nhân, con người và nguyên tử của chất liệu).

252. Người ta tự hỏi vì sao các luân xa khác không được bao gồm. Có lẽ chúng ta chỉ đang nói đến các tương ứng luân xa chính yếu của các thiên thần truyền dẫn này.

253. Tuy nhiên, từ viễn tượng cao hơn và rộng hơn, chúng ta có thể thấy rằng những vị truyền dẫn được tìm thấy trên các cõi phụ thấp của cõi logoic hệ thống tương ứng với trung tâm đầu. Những vị ở trên các cõi hệ thống chân thần, atma và Bồ đề tương ứng với trung tâm tim. Những vị hoạt động trong các cõi hệ thống của ba cõi thấp tương ứng với trung tâm cổ họng.

254. Chúng ta phải ngờ rằng có những "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" cao hơn được tìm thấy trên cõi logoic hệ thống, và rằng các Ngài này có thể tương quan với các phương diện cao hơn của trung tâm đầu.

255. Chúng ta tự nhắc mình—

a. Các luân xa thuộc về thiên thần.

b. Dường như các luân xa được cấu thành bởi các thiên thần truyền dẫn.

c. Các luân xa dĩ thái của các Đấng vĩ đại được định vị trên ba hay bốn dĩ thái vũ trụ— tùy theo chúng ta đang nói về một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế.

d. Các trung tâm đầu chính yếu của các Đấng vĩ đại không nằm trong hai phân bộ thấp hơn (một bên là các cõi chân thần, atma và Bồ đề, hay bên kia là các cõi trí, cảm dục và dĩ thái-hồng trần). Ít nhất đối với Thái dương Thượng đế, bảy trung tâm đầu chính yếu

seven major head centers must be considered to be located on the logoic plane —on what subplanes we do not know, but may infer according to the nature of the particular head centers). Probably, this positioning is to be looked for on the higher three subplanes of the logoic plane.

phải được xem là nằm trên cõi logoic—trên những cõi phụ nào thì chúng ta không biết, nhưng có thể suy ra theo bản chất của các trung tâm đầu đặc thù). Có lẽ, vị trí này phải được tìm trên ba cõi phụ cao hơn của cõi logoic.

Hence the scientist, as he discovers the nature of the atom, is putting himself in touch with these three types of solar energy, and is unravelling the central mystery of the system.

Do đó nhà khoa học, khi khám phá bản chất của nguyên tử, đang đặt mình vào sự tiếp xúc với ba loại năng lượng mặt trời này, và đang tháo gỡ bí ẩn trung tâm của hệ thống.

256. Now DK calls these three types of emanatory energies “solar energy”. Since they find a place for expression within our solar system, He is justified in calling them that.

256. Giờ đây Chân sư DK gọi ba loại năng lượng phát xạ này là “năng lượng mặt trời”. Vì chúng tìm được nơi biểu lộ bên trong hệ mặt trời của chúng ta, Ngài có lý khi gọi chúng như vậy.

257. What DK is suggesting is that the scientist may extrapolate from what he learns about the atom, to knowledge concerning man, the Planetary Logos, the Solar Logos and even beyond.

257. Điều Chân sư DK gợi ý là nhà khoa học có thể ngoại suy từ những gì y học được về nguyên tử sang tri thức liên quan đến con người, Đức Hành Tinh Thượng Đế, Thái dương Thượng đế và thậm chí còn vượt xa hơn nữa.

258. We seem to be discussing a fourfold process:

258. Dường như chúng ta đang bàn đến một tiến trình tứ phân:

a. Origin of the impulse within the "One About Whom Naught May Be Said"

a. Nguồn gốc của xung lực bên trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị"

b. Transmission of the impulse through the Three Major Constellations (and we must decide whether to use Sirius or the Little Bear).

b. Sự truyền dẫn xung lực qua Ba Chòm Sao Chính Yếu (và chúng ta phải quyết định nên dùng Sirius hay Tiểu Hùng Tinh).

c. Transmission of the impulse through the seven major stars of *one* of the Three Major Constellations (the Great Bear), but there is no reason why the impulse should not be transmitted through the seven major stars

c. Sự truyền dẫn xung lực qua bảy ngôi sao chính yếu của *một* trong Ba Chòm Sao Chính Yếu (Đại Hùng Tinh), nhưng không có lý do gì khiến xung lực không được truyền qua

of the Little Bear and of the sevenfold Sirian System.

bảy ngôi sao chính yếu của Tiểu Hùng Tinh và của Hệ Sirius thất phân.

d. The *anchoring* of the impulse within our solar system.

d. Sự *neo giữ* xung lực bên trong hệ mặt trời của chúng ta.

As the triple nature of the atom stands revealed, so likewise the triple nature of man and of God gradually becomes proven.

Cũng như bản chất tam phân của nguyên tử được hiển lộ, thì tương tự như vậy, bản chất tam phân của con người và của Thượng đế dần dần được chứng minh.

259. So the process suggested is, "As *below* so above".

259. Vì vậy tiến trình được gợi ý là, "trên sao, dưới vậy".

260. The triple nature of man and God shall not only be revealed but "proven". This is a powerful anticipation.

260. Bản chất tam phân của con người và Thượng đế sẽ không chỉ được hiển lộ mà còn được "chứng minh". Đây là một sự dự báo mạnh mẽ.

The energy of these groups passes through the physical sun, **and from thence they sound the Word for the particular plane of their specific endeavour.**

Năng lượng của các nhóm này đi qua mặt trời vật lý, **và từ đó các Ngài xướng Linh từ cho cõi đặc thù của nỗ lực chuyên biệt của mình.**

261. We are speaking of the descent of the "Transmitters of the Word".

261. Chúng ta đang nói về sự giáng xuống của các "Đấng Truyền Dẫn Linh từ".

262. We are reminded of the 'Double Diamond Diagrams" to be found in Esoteric Astrology, p.610.

262. Chúng ta được nhắc nhớ đến các "Biểu Đồ Song Kim Cương" được tìm thấy trong Chiêm Tinh Học Nội Môn, tr.610.

263. The emanatory sequence here proposed is more inclusive than the diagram offered in EA, but the descent of energy in both cases seems to be part of the same flow.

263. Chuỗi phát xạ được đề xuất ở đây bao gồm hơn sơ đồ được đưa ra trong EA, nhưng sự giáng xuống của năng lượng trong cả hai trường hợp dường như là một phần của cùng một dòng chảy.

264. It is important to realize that the transmission of the impulse must pass through our Sun before reaching the particular plane from which a certain phase

264. Điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng sự truyền dẫn xung lực phải đi qua Mặt Trời của chúng ta trước khi đến cõi đặc thù mà từ đó một giai đoạn nào đó của "Sự Truyền Dẫn Linh từ" phát ra.

of the “Transmission of the Word” goes forth.

265. The line of descent, then, is thus *more* than fourfold—it is fivefold, even, perhaps, sixfold, if one considers that a planet other than the Earth probably intervenes before the impulse can reach our planet.

265. Vậy thì đường giáng xuống không chỉ là tứ phân—nó là ngũ phân, thậm chí có lẽ là lục phân, nếu người ta xét rằng một hành tinh khác ngoài Trái Đất có lẽ can thiệp trước khi xung lực có thể đến hành tinh của chúng ta.

266. We are learning that these groups “sound the Word” “from thence”. Does this mean that *after* being transmitted through the Sun, they sound the Word or that while they are passing ‘through the Sun’ as it were, they sound the Word? The second option seems more accurate.

266. Chúng ta đang học rằng các nhóm này “xướng Linh từ” “từ đó”. Điều này có nghĩa là *sau khi* được truyền qua Mặt Trời, các Ngài xướng Linh từ, hay là trong khi các Ngài đang đi “qua Mặt Trời” như vậy, các Ngài xướng Linh từ? Khả năng thứ hai dường như chính xác hơn.

267. Whichever is correct, there is a strong *solar factor* in the sounding of the Word for each particular systemic plane.

267. Dù cách nào là đúng, vẫn có một *yếu tố mặt trời* mạnh mẽ trong việc xướng Linh từ cho mỗi cõi hệ thống đặc thù.

268. This is a good time to remember that each of the systemic planes is a spirilla in the main permanent atom (found on the logoic plane) of the cosmic physical plane.

268. Đây là lúc thích hợp để nhớ rằng mỗi cõi hệ thống là một loa tuyến trong nguyên tử trường tồn chính yếu (được tìm thấy trên cõi logoic) của cõi hồng trần vũ trụ.

269. In a way, of course, the entire cosmic physical plane is an atom.

269. Dĩ nhiên, theo một nghĩa nào đó, toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ là một nguyên tử.

The student must not make the mistake of thinking that these seven great transmitters are the seven Heavenly Men. They form one half of Their real nature.

Đạo sinh không được phạm sai lầm khi nghĩ rằng bảy đấng truyền dẫn vĩ đại này là bảy Đấng Thiên Nhân. Các Ngài tạo thành một nửa bản chất thực sự của Các Ngài.

270. We know that Heavenly Men are Divine Hermaphrodites. Part of them is devic and the other part a higher correspondence to the “man”. The structure seems equally divided between “man” (Heavenly *Man*) and deva.

270. Chúng ta biết rằng các Đấng Thiên Nhân là những Đấng Lưỡng Tính Thiêng Liêng. Một phần của Các Ngài thuộc về thiên thần và phần kia là một tương ứng cao hơn với “con người”. Cấu trúc dường như được chia đều giữa “con người” (Đấng Thiên *Nhân*) và thiên thần.

271. It is obvious that the emanatory stream of these transmitters has a origin much higher than that of the Heavenly Men. When they reach the Heavenly Men, they are at the fifth stage of the emanatory process:

271. Hiển nhiên là dòng phát xạ của các đấng truyền dẫn này có nguồn gốc cao hơn rất nhiều so với nguồn gốc của các Đấng Thiên Nhân. Khi các Ngài đến với các Đấng Thiên Nhân, các Ngài đang ở giai đoạn thứ năm của tiến trình phát xạ:

a. "One About Whom Naught May Be Said"

a. "Đấng Bất Khả Tư Nghị"

b. Three Great Constellations

b. Ba Chòm Sao Vĩ Đại

c. Seven major stars of the Great Bear

c. Bảy ngôi sao chính yếu của Đại Hùng Tinh

d. Our Sun (or a Sun in the "Seven Solar Systems of Which Ours is One")

d. Mặt Trời của chúng ta (hay một Mặt Trời trong "Bảy Hệ Mặt Trời mà Hệ của Chúng Ta là Một")

e. A Heavenly Man

e. Một Đấng Thiên Nhân

272. We must be watchful, for DK seems rapidly to switch from speaking of seven "Transmitters of the Word" on each systemic plane to only “seven treat transmitters” each of which is related to one of the major Heavenly Men.

272. Chúng ta phải cảnh giác, vì Chân sư DK dường như nhanh chóng chuyển từ việc nói về bảy "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" trên mỗi cõi hệ thống sang chỉ còn “bảy đấng truyền dẫn vĩ đại” mà mỗi vị liên hệ với một trong các Đấng Thiên Nhân chính yếu.

This is all that can be said of this great mystery,

Đó là tất cả những gì có thể nói về bí ẩn lớn lao này,

273. After such a discussion, we do not doubt that it is a “great mystery” do we?

273. Sau một cuộc bàn luận như thế, chúng ta không nghi ngờ rằng đây là một “bí ẩn lớn lao”, phải không?

though it might be added that from another angle of vision, **they form but one third of his threefold divine nature.**

mặc dù có thể nói thêm rằng từ một góc độ tầm nhìn khác, **các Ngài chỉ tạo thành một phần ba bản chất thiêng liêng tam phân của y.**

274. The angle of vision changes and so does the perspective.

274. Góc độ tầm nhìn thay đổi và viễn tượng cũng thay đổi theo.

275. From this second angle of vision, the great "Transmitters of the Word" once they reach the solar system and the Heavenly Men within that solar system, form but one third of the nature of the Heavenly Men and not one half. Let us see how this may be.

275. Từ góc độ tầm nhìn thứ hai này, các "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" vĩ đại, một khi đến hệ mặt trời và các Đấng Thiên Nhân bên trong hệ mặt trời ấy, chỉ tạo thành một phần ba bản chất của các Đấng Thiên Nhân chứ không phải một nửa. Hãy xem điều này có thể như thế nào.

Man is **dual**, being Spirit and matter; he is also, during evolution, a **triplicity**, so it is with a Heavenly Man, and hence the mystery.

Con người là **Kép**, là Tinh thần và vật chất; trong tiến hoá, y cũng là một **bộ ba**, Đấng Thiên Nhân cũng vậy, và do đó mới có bí ẩn này.

276. If man or a Heavenly Man were only dual, then the "Transmitters of the Word" could be considered as related to the matter or Mother aspect and the "man" part of the man or the Heavenly Man, to the Spirit aspect.

276. Nếu con người hay một Đấng Thiên Nhân chỉ là nhị phân, thì các "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" có thể được xem là liên hệ với phương diện vật chất hay Mẹ, còn phần "con người" của con người hay của Đấng Thiên Nhân thì liên hệ với phương diện Tinh thần.

277. But since, in evolutionary process, man and the Heavenly Man are *triple,* the nature of the soul which is neither Spirit nor matter, but both, must be considered.

277. Nhưng vì trong tiến trình tiến hoá, con người và Đấng Thiên Nhân là *tam phân,* nên bản chất của linh hồn, vốn không phải là Tinh thần cũng không phải là vật chất mà là cả hai, phải được xét đến.

278. In the union of Spirit and matter in soul, a new amalgam is formed. This new amalgam, characterized by consciousness represents the other third which is neither entirely "man" nor "deva".

278. Trong sự hợp nhất của Tinh thần và vật chất trong linh hồn, một hỗn hợp mới được hình thành. Hỗn hợp mới này, được đặc trưng bởi tâm thức, biểu hiện phần ba còn lại, phần không hoàn toàn là "con người" cũng không hoàn toàn là "thiên thần".

The great Transmitter of the Word **on the physical plane**,

Đấng Truyền Dẫn Linh từ vĩ đại **trên cõi hồng trần**,

279. We are speaking of the systemic physical plane.

279. Chúng ta đang nói về cõi hồng trần hệ thống.

which is the one under our consideration,

là cõi đang được chúng ta xem xét,

280. Even though we have laid out a much larger scheme…

is the energising factor of the throat centre of Brahma.

281. Again, we have a very occult statement.

282. Brahma, in this context, is a solar systemic Being. Brahma rules particularly the lower three systemic planes of the cosmic physical plane.

283. The chakras of a Planetary Logos or Solar Logos cannot be found in the lower three worlds, even though certain of those chakras are directly connected with these lower three worlds.

284. It would seem that even though the particular "Transmitter of the Word" under discussion is directly working upon the systemic physical plane, it has a energizing effect upon the throat center of Brahma.

285. Where is that throat center to be found? *Upon the atmic plane?.* Let us think this through and see where we would locate the throat center of Brahma.

286. Brahma and the Holy Spirit are one and the same, and so we cannot locate systemic or planetary Brahma within *dense* cosmic matter but only within cosmic *etheric* matter.

287. From another perspective, however, if we confine ourselves to the systemic physical plane, then we could speak of the manner in which the throat center of man, found on the super-etheric subplane of the

280. Dù chúng ta đã trình bày một hệ thống lớn hơn nhiều…

là nhân tố tiếp năng lượng cho trung tâm cổ họng của Brahma.

281. Một lần nữa, chúng ta có một phát biểu rất huyền bí.

282. Trong ngữ cảnh này, Brahma là một Đấng của hệ mặt trời. Brahma đặc biệt cai quản ba cõi hệ thống thấp hơn của cõi hồng trần vũ trụ.

283. Các luân xa của một Đức Hành Tinh Thượng Đế hay một Thái dương Thượng đế không thể được tìm thấy trong ba cõi thấp, mặc dù một số luân xa ấy có liên hệ trực tiếp với ba cõi thấp này.

284. Dường như dù "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" đặc thù đang được bàn đến trực tiếp hoạt động trên cõi hồng trần hệ thống, nó vẫn có tác động tiếp năng lượng lên trung tâm cổ họng của Brahma.

285. Trung tâm cổ họng ấy được tìm thấy ở đâu? *Trên cõi atma chăng?.* Hãy suy nghĩ thấu đáo điều này và xem chúng ta sẽ định vị trung tâm cổ họng của Brahma ở đâu.

286. Brahma và Chúa Thánh Thần là một và như nhau, vì vậy chúng ta không thể định vị Brahma hệ thống hay hành tinh trong vật chất vũ trụ *đậm đặc* mà chỉ trong vật chất vũ trụ *dĩ thái.*

287. Tuy nhiên, từ một viễn tượng khác, nếu chúng ta tự giới hạn trong cõi hồng trần hệ thống, thì chúng ta có thể nói về cách trung tâm cổ họng của con người, được tìm thấy trên cõi phụ siêu dĩ thái của cõi dĩ thái-hồng

etheric-physical plane, is energized. Brahma would seem to be behind this energization.

288. We are faced with two possible ways of thinking:

a. Either we think of Brahma, Vishnu and Shiva as expressing through the cosmic etheric planes. This is a somewhat cosmic perspective.

b. Or, we spread the influence of Brahma, Vishnu and Shiva across the entire cosmic physical plane, which would 'locate' Brahma's expression in that part of the cosmic physical plane which is *not principled* —i.e., within the lower three worlds. If we think in this manner, we will think of Brahma, Vishnu and Shiva as the Three Logoi Who surround the Solar Logos jus as the three Buddhas of Activity surround Sanat Kumara.

289. From one perspective (a higher one), the throat center of Brahma must necessarily be found *only* within the cosmic etheric planes.

290. From another perspective, however, that throat center could be found within the lower three worlds which are (cosmically considered) unprincipled planes of density rather than etheric planes.

291. It seems to be this latter approach that DK is taking.

An interesting tabulation of the threefold centres

292. We will have to see what Master DK means by "the threefold centers". Certainly

trần, được tiếp năng lượng. Brahma dường như đứng đằng sau sự tiếp năng lượng này.

288. Chúng ta đang đối diện với hai cách suy nghĩ khả dĩ:

a. Hoặc là chúng ta nghĩ về Brahma, Vishnu và Shiva như biểu lộ qua các cõi dĩ thái vũ trụ. Đây là một viễn tượng phần nào mang tính vũ trụ.

b. Hoặc là chúng ta trải ảnh hưởng của Brahma, Vishnu và Shiva khắp toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ, điều này sẽ "định vị" sự biểu lộ của Brahma trong phần của cõi hồng trần vũ trụ vốn *không phải nguyên khí*—tức là, trong ba cõi thấp. Nếu chúng ta suy nghĩ theo cách này, chúng ta sẽ nghĩ về Brahma, Vishnu và Shiva như Ba Thượng đế bao quanh Thái dương Thượng đế cũng như ba Đức Phật Hoạt Động bao quanh Đức Sanat Kumara.

289. Từ một viễn tượng (cao hơn), trung tâm cổ họng của Brahma tất yếu chỉ có thể được tìm thấy *duy nhất* trong các cõi dĩ thái vũ trụ.

290. Tuy nhiên, từ một viễn tượng khác, trung tâm cổ họng ấy có thể được tìm thấy trong ba cõi thấp, là những cõi (xét theo vũ trụ) không phải là các cõi nguyên khí mà là các cõi đậm đặc thay vì các cõi dĩ thái.

291. Dường như chính cách tiếp cận sau này là điều Chân sư DK đang áp dụng.

Một bảng liệt kê thú vị về các trung tâm tam phân

292. Chúng ta sẽ phải xem Chân sư DK muốn nói gì qua "các trung tâm tam phân". Chắc chắn mỗi trung tâm đều có ba phân bộ: viên

each center has three divisions: the jewel, the petals and the support or foundation.

ngọc, các cánh hoa và phần nâng đỡ hay nền tảng.

293. As well, it is important to realize that Brahma, Vishnu and Shiva are all actually or potentially *threefold*.

293. Ngoài ra, điều quan trọng là phải chứng nghiệm rằng Brahma, Vishnu và Shiva tất cả đều thực sự hay tiềm tàng là *tam phân*.

and the three divine aspects might here be given which may prove of use to the student, though he should carefully bear in mind that these centres are for the purpose of generating and transmitting energy.

và ở đây có thể nêu ra ba phương diện thiêng liêng, điều có thể tỏ ra hữu ích cho đạo sinh, mặc dù y nên cẩn thận ghi nhớ rằng các trung tâm này nhằm mục đích tạo ra và truyền dẫn năng lượng.

294. DK is always watchful lest we over-materialize our concept of the centers, regarding them as objects rather than as energy-fields participating in the transmission and passage of energy.

294. Chân sư DK luôn cảnh giác để chúng ta không vật chất hóa quá mức khái niệm của mình về các trung tâm, xem chúng như những vật thể thay vì như những trường năng lượng tham dự vào sự truyền dẫn và sự đi qua của năng lượng.

1. **The transmitter of energy on the physical plane** forms the throat centre in the body of Brahma, the third aspect.

1. **Đấng truyền dẫn năng lượng trên cõi hồng trần** tạo thành trung tâm cổ họng trong thể của Brahma, phương diện thứ ba.

295. What we are here discussing is all occurring with the dense physical body of the Solar Logos. This is not where solar logoic chakras are *usually* said to be found.

295. Điều chúng ta đang bàn đến ở đây đều đang xảy ra trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Đây không phải là nơi các luân xa logoic mặt trời *thường* được nói là tọa lạc.

296. We are speaking of a great deva who works upon the systemic physical plane.

296. Chúng ta đang nói về một vị thiên thần vĩ đại hoạt động trên cõi hồng trần hệ thống.

297. We remember that when speaking of the "body" of Brahma, we are speaking of the twenty-one lower subplanes (in the case of the Solar Logos) and, probably, of the eighteen lower subplanes (in the case of our Planetary Logos).

297. Chúng ta nhớ rằng khi nói về "thể" của Brahma, chúng ta đang nói về hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn (trong trường hợp của Thái dương Thượng đế) và có lẽ là mười tám cõi phụ thấp hơn (trong trường hợp của Đức Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta).

298. All the many throat centers upon the third subplane of the etheric-physical plane

298. Tất cả các trung tâm cổ họng trên cõi phụ thứ ba của cõi dĩ thái-hồng trần đều như

are as one throat center in the body of Brahma.

299. It should not be ignored however, that there are also throat centers to be found upon the third subplane of the systemic astral plane.

300. Yet there is no assurance that our attention should be focused on the super-etheric subplane, because the transmitters of energy are, we have been told, principally associated with *atomic* subplanes.

301. In anticipation of what we will discover shortly below, are we saying that the Raja Deva Lord Kshiti (or His higher systemic correspondence) is the throat center in the body of Brahma (considering Brahma as one of the three Logoi subsidiary to the Solar Logos)?

2. **The transmitter of energy upon the astral plane** forms the heart centre of Brahma.

302. We are speaking of a great deva who works upon the systemic astral plane.

303. Typically the heart center is to be found upon the second ether, the sub-atomic ether.

304. Throughout the solar system, the many heart centers to be found upon the second subplane of the systemic astral plane form the heart center of Brahma (if we confine Brahma to the dense physical body of the Solar Logos)

305. We cannot ignore, however, the presence of a second subplane heart center

một trung tâm cổ họng trong thể của Brahma.

299. Tuy nhiên, cũng không nên bỏ qua rằng còn có các trung tâm cổ họng được tìm thấy trên cõi phụ thứ ba của cõi cảm dục hệ thống.

300. Tuy vậy, không có gì bảo đảm rằng sự chú ý của chúng ta nên tập trung vào cõi phụ siêu dĩ thái, bởi vì như đã được cho biết, các đấng truyền dẫn năng lượng chủ yếu liên hệ với các cõi phụ *nguyên tử*.

301. Để đón trước điều chúng ta sẽ khám phá ngay bên dưới, phải chăng chúng ta đang nói rằng Raja Deva Chúa Tể Kshiti (hay tương ứng hệ thống cao hơn của Ngài) là trung tâm cổ họng trong thể của Brahma (xét Brahma như một trong ba Thượng đế phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế)?

2. **Đấng truyền dẫn năng lượng trên cõi cảm dục** tạo thành trung tâm tim của Brahma.

302. Chúng ta đang nói về một vị thiên thần vĩ đại hoạt động trên cõi cảm dục hệ thống.

303. Thông thường trung tâm tim được tìm thấy trên dĩ thái thứ hai, dĩ thái hạ-nguyên tử.

304. Xuyên suốt hệ mặt trời, nhiều trung tâm tim được tìm thấy trên cõi phụ thứ hai của cõi cảm dục hệ thống tạo thành trung tâm tim của Brahma (nếu chúng ta giới hạn Brahma trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế)

305. Tuy nhiên, chúng ta không thể bỏ qua sự hiện diện của một trung tâm tim cõi phụ

upon the second subplane of the etheric-physical plane.

306. Just as stated in relation to the throat center of Brahma, we must look for the major focus of the transmitter of energy upon the astral plane as the *atomic level* of the astral plane.

307. Obviously, the centers thus far discussed and the one discussed in the follow section, are all to be correlated with planetary and solar logoic centers found within the cosmic ethers (centers within the body of the Logos, Vishnu).

308. In anticipation of what we will discover shortly below, are we saying that the Raja Deva Lord Varuna (or His higher systemic correspondence) is the heart center in the body of Brahma (considering Brahma as one of the three Logoi subsidiary to the Solar Logos)?

3. The transmitter of the Word on the mental plane forms the head centre of this, the third aspect.

309. We do not know whether this Word is transmitted upon the higher mental plane or within the lower mental plane.

310. It is probable that we must think in terms of the Solar Logos and the fact that the higher mental plane is included within the dense physical body of the Solar Logos. In this case the transmitter concerned will work centrally on the *atomic* subplane of the higher mental plane.

311. Until the causal body of man is destroyed, we cannot speak of a head center

thứ hai trên cõi phụ thứ hai của cõi dĩ thái-hồng trần.

306. Cũng như đã nói liên quan đến trung tâm cổ họng của Brahma, chúng ta phải tìm tiêu điểm chính yếu của đấng truyền dẫn năng lượng trên cõi cảm dục như là *cấp độ nguyên tử* của cõi cảm dục.

307. Hiển nhiên, các trung tâm được bàn đến cho đến nay và trung tâm được bàn trong phần tiếp theo, tất cả đều phải được tương quan với các trung tâm logoic hành tinh và mặt trời được tìm thấy trong các dĩ thái vũ trụ (các trung tâm trong thân thể của Thượng đế, Vishnu).

308. Để đón trước điều chúng ta sẽ khám phá ngay bên dưới, phải chăng chúng ta đang nói rằng Raja Deva Chúa Tể Varuna (hay tương ứng hệ thống cao hơn của Ngài) là trung tâm tim trong thể của Brahma (xét Brahma như một trong ba Thượng đế phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế)?

3. Đấng Truyền Dẫn Linh từ trên cõi trí tạo thành trung tâm đầu của phương diện thứ ba này.

309. Chúng ta không biết liệu Linh từ này được truyền trên Cõi thượng trí hay trong cõi hạ trí.

310. Có lẽ chúng ta phải suy nghĩ theo Thái dương Thượng đế và sự kiện rằng Cõi thượng trí được bao gồm trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế. Trong trường hợp này, đấng truyền dẫn liên hệ sẽ hoạt động trung tâm trên cõi phụ *nguyên tử* của Cõi thượng trí.

311. Cho đến khi thể nguyên nhân của con người bị hủy diệt, chúng ta không thể nói về

being located on the highest level of the higher mental plane, however, there are associated head centers located on the highest levels of the systemic astral plane and the systemic physical plane. Taken all together, these head centers could be considered as contributing to the head center of Brahma (expressive within the physical body of Brahma—the lower twenty-one systemic subplanes).

một trung tâm đầu nằm trên cấp độ cao nhất của Cõi thượng trí; tuy nhiên, có những trung tâm đầu liên hệ nằm trên các cấp độ cao nhất của cõi cảm dục hệ thống và cõi hồng trần hệ thống. Gộp tất cả lại, các trung tâm đầu này có thể được xem là góp phần vào trung tâm đầu của Brahma (biểu lộ trong thể hồng trần của Brahma—hai mươi mốt cõi phụ hệ thống thấp hơn).

312. Perhaps there are certain petal functions within the egoic lotus (or even "jewel" functions) which should be considered part of the expression of the head center of Brahma (if we confine Brahma to the dense physical body of the Solar Logos).

312. Có lẽ có những chức năng cánh hoa nào đó trong Hoa Sen Chân Ngã (hay thậm chí những chức năng của "viên ngọc") nên được xem là một phần của sự biểu lộ của trung tâm đầu của Brahma (nếu chúng ta giới hạn Brahma trong thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế).

313. It must be obvious that (in this section of text) we are considering Brahma from a *very **material** perspective,* associating Him, as we are, with the dense physical body of the Solar Logos (a body which is, cosmically, not a principle).

313. Hiển nhiên là (trong phần văn bản này) chúng ta đang xét Brahma từ một viễn tượng *rất **vật chất**,* khi liên hệ Ngài với thể xác đậm đặc của Thái dương Thượng đế (một thể mà, xét theo vũ trụ, không phải là một nguyên khí).

314. In anticipation of what we will discover immediately below, are we saying that the Raja Deva Lord Agni (or his higher systemic correspondence) is the head center in the body of Brahma (considering Brahma as one of the three Logoi subsidiary to the Solar Logos)?

314. Để đón trước điều chúng ta sẽ khám phá ngay bên dưới, phải chăng chúng ta đang nói rằng Raja Deva Chúa Tể Agni (hay tương ứng hệ thống cao hơn của ngài) là trung tâm đầu trong thể của Brahma (xét Brahma như một trong ba Thượng đế phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế)?

These three Raja Lords, devas, or transmitters, form the three centres of logoic force in the three worlds.

Ba Raja Chúa Tể này, các thiên thần hay các đấng truyền dẫn, tạo thành ba trung tâm của mãnh lực logoic trong ba cõi thấp.

315. We have jut come to a most important statement.

316. We have approached this entire subject without mentioning that the greatest or 'ultimate' "Transmitters of the Word" are really Raja Deva Lords!

317. Since in the foregoing pages we are begin taught something of the origin of the "Transmitters of the Word", we are also being taught about the origin of the Raja Deva Lords, for the "Transmitters" *are* the Raja Deva Lords! The seven "Transmitters of the Word" found on each systemic atomic subplane are not the Raja Deva Lords. They are lesser though powerful Beings. The Raja Deva Lord is the 'ultimate' "Transmitter" for each systemic plane and subsumes the seven within His Being.

318. Thus, so it appears, the Raja Deva Lords have origin within the "One About Whom Naught May Be Said", within the three Major Constellations, within the seven major stars of the Great Bear, within the Sun and probably are related to Planetary Logoi in our solar system senior to the Logos of our Earth. Let us ponder on this.

319. So, in DK's statement above, we have been given a very elucidating and synthetic thought.

They are the lowest energy aspect of Brahma. [Page 922]

320. Since we have just been told that the three "Transmitters of the Word" working upon the lower three systemic planes are the

315. Chúng ta vừa đi đến một phát biểu hết sức quan trọng.

316. Chúng ta đã tiếp cận toàn bộ chủ đề này mà không nhắc đến rằng các "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" lớn nhất hay 'tối hậu' thực ra chính là các Raja Deva Chúa Tể!

317. Vì trong các trang trước chúng ta đang được dạy đôi điều về nguồn gốc của các "Đấng Truyền Dẫn Linh từ", nên chúng ta cũng đang được dạy về nguồn gốc của các Raja Deva Chúa Tể, bởi các "Đấng Truyền Dẫn" *chính là* các Raja Deva Chúa Tể! Bảy "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" được tìm thấy trên mỗi cõi phụ nguyên tử hệ thống không phải là các Raja Deva Chúa Tể. Các Ngài là những Đấng thấp hơn nhưng đầy quyền năng. Raja Deva Chúa Tể là "Đấng Truyền Dẫn" 'tối hậu' cho mỗi cõi hệ thống và bao hàm bảy vị ấy trong Bản thể của Ngài.

318. Như vậy, dường như các Raja Deva Chúa Tể có nguồn gốc trong "Đấng Bất Khả Tư Nghị", trong ba Chòm Sao Chính Yếu, trong bảy ngôi sao chính yếu của Đại Hùng Tinh, trong Mặt Trời và có lẽ liên hệ với các Đức Hành Tinh Thượng Đế trong hệ mặt trời của chúng ta cao cấp hơn Đấng Logos của Trái Đất chúng ta. Hãy suy ngẫm điều này.

319. Vì vậy, trong phát biểu trên của Chân sư DK, chúng ta đã được trao cho một tư tưởng rất sáng tỏ và tổng hợp.

Các Ngài là phương diện năng lượng thấp nhất của Brahma. [Page 922]

320. Vì chúng ta vừa được cho biết rằng ba "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" hoạt động trên ba cõi hệ thống thấp hơn là các trung tâm cổ

throat, heart and head centers of Brahma, the statement above seeks a little perplexing.

321. To make sense of it, we will have to expand our conception of Brahma and the reach of His expression. There is, we see, far more to Brahma than the suggested in the foregoing discussion.

322. There are four higher Raja Deva Lords Who, presumably, are the higher energy aspect of Brahma—*if* we greatly expand the idea of Brahma, thinking of Him from a more cosmic perspective.

323. From the higher perspective, Brahma rules over the *entire* cosmic physical plane, not just the lower three subplanes, but in such a case, we would be considering Brahma cosmically rather than systemically.

324. Thus, there is a cosmic way of looking at Brahma which sees Him *include* that which we have been calling Brahma, Vishnu and Shiva.

4. **The Transmitter of the Word upon the buddhic plane forms the throat centre of Vishnu, the second aspect**. From thence the Word goes forth that builds the dense physical form of a Heavenly Man or of a solar Logos.

325. Notice we have switched our focus to Vishnu, the Lord of the second aspect and the second ray.

326. We will note as we progress that the sequence of the planes will not match with the sequence of the centers.

họng, tim và đầu của Brahma, nên phát biểu trên có vẻ hơi khó hiểu.

321. Để hiểu được điều đó, chúng ta sẽ phải mở rộng quan niệm của mình về Brahma và tầm với của sự biểu lộ của Ngài. Như chúng ta thấy, Brahma còn nhiều hơn rất nhiều so với điều được gợi ra trong cuộc bàn luận trước đó.

322. Có bốn Raja Deva Chúa Tể cao hơn, mà theo giả định, là phương diện năng lượng cao hơn của Brahma—*nếu* chúng ta mở rộng rất nhiều ý niệm về Brahma, suy nghĩ về Ngài từ một viễn tượng vũ trụ hơn.

323. Từ phối cảnh cao hơn, Brahma cai quản *toàn bộ* cõi hồng trần vũ trụ, không chỉ ba cõi phụ thấp, nhưng trong trường hợp như thế, chúng ta sẽ xét Brahma theo vũ trụ luận hơn là theo hệ thống.

324. Do đó, có một cách nhìn vũ trụ về Brahma, theo đó thấy Ngài *bao gồm* điều mà chúng ta đã gọi là Brahma, Vishnu và Shiva.

4. **Đấng Truyền Dẫn Linh từ trên cõi Bồ đề tạo thành trung tâm cổ họng của Vishnu, phương diện thứ hai**. Từ đó Linh từ phát ra để xây dựng hình tướng hồng trần đậm đặc của một Đấng Thiên Nhân hay của một Thái dương Thượng đế.

325. Hãy lưu ý rằng chúng ta đã chuyển trọng tâm sang Vishnu, Chúa Tể của phương diện thứ hai và cung hai.

326. Khi tiếp tục, chúng ta sẽ nhận thấy rằng trình tự các cõi sẽ không khớp với trình tự các trung tâm.

327. The buddhic plane is the lowest of the cosmic ethers and consequently relates to the lowest of the three major centers—the throat center.

327. Cõi Bồ đề là cõi thấp nhất trong các dĩ thái vũ trụ và vì thế liên hệ với trung tâm thấp nhất trong ba trung tâm chính—trung tâm cổ họng.

328. Each of the three aspects has three major centers, though it may be that the first aspect, not entirely developed in this solar system, still expresses through an undifferentiated union of the three.

328. Mỗi một trong ba phương diện đều có ba trung tâm chính, dù có thể phương diện thứ nhất, chưa phát triển hoàn toàn trong hệ mặt trời này, vẫn còn biểu lộ qua một sự hợp nhất chưa phân hoá của cả ba.

329. In the next solar system, will there be *nine* systemic planes for each cosmic plane? This may not be as far fetched as it may seem to be at first.

329. Trong hệ mặt trời kế tiếp, liệu sẽ có *chín* cõi hệ thống cho mỗi cõi vũ trụ chăng? Điều này có thể không xa vời như thoạt đầu tưởng vậy.

330. Vishnu is a "Singer" and from Him a great building "Word" goes forth. The second aspect of divinity is the *building* aspect, and the energy of the buddhic plane is essentially unitive and constructive.

330. Vishnu là một "Đấng Ca Xướng" và từ Ngài một "Linh từ" kiến tạo vĩ đại phát ra. Phương diện thứ hai của thiên tính là phương diện *kiến tạo*, và năng lượng của cõi Bồ đề về bản chất là hợp nhất và xây dựng.

331. The dense physical form of the Heavenly Man or Solar Logos is found on the lower eighteen or twenty-one subplanes.

331. Hình tướng hồng trần đậm đặc của Đấng Thiên Nhân hay Thái dương Thượng đế được tìm thấy trên mười tám hay hai mươi mốt cõi phụ thấp hơn.

332. Mercury, profoundly related to the third aspect, is also related to buddhi. Mercury also is a planet of speech and articulation. We can see the function of Mercury expressive of the throat center of Vishnu on the buddhic plane.

332. Sao Thủy, liên hệ sâu xa với phương diện thứ ba, cũng liên hệ với Bồ đề. Sao Thủy cũng là một hành tinh của lời nói và sự phát âm. Chúng ta có thể thấy chức năng của Sao Thủy biểu lộ trung tâm cổ họng của Vishnu trên cõi Bồ đề.

333. The name of the Raja Deva Lord of the buddhic plane is Indra.

333. Danh xưng của Raja Deva Lord của cõi Bồ đề là Indra.

334. Indra then embodies the throat center of that one of the Three Logoi (subsidiary to the Solar Logos) Who expresses the second aspect or second ray.

334. Như vậy, Indra hiện thân cho trung tâm cổ họng của một trong Ba Thượng đế (phụ thuộc vào Thái dương Thượng đế), Đấng biểu lộ phương diện thứ hai hay cung hai.

335. Another way of saying this is that Indra is the throat center of Vishnu (if we understand Vishnu to be confined to the cosmic physical plane, which really, He is *not*).

335. Một cách khác để nói điều này là Indra là trung tâm cổ họng của Vishnu (nếu chúng ta hiểu Vishnu bị giới hạn trong cõi hồng trần vũ trụ, điều mà thật ra Ngài *không* phải như vậy).

5. The Transmitter of energy upon the **monadic plane** **forms the heart centre of Vishnu**, the second aspect.

5. Đấng Truyền Dẫn năng lượng trên **cõi chân thần** **tạo thành trung tâm tim của Vishnu**, phương diện thứ hai.

336. Shall we call the Raja Deva Lord of the monadic plane, Surya?

336. Chúng ta có nên gọi Raja Deva Lord của cõi chân thần là Surya chăng?

337. Notice, we have changed the sequence of systemic planes in relation to systemic centers. This is justified considering that in our second solar system the heart aspect is preeminent over the head and will aspect.

337. Hãy lưu ý, chúng ta đã thay đổi trình tự các cõi hệ thống trong tương quan với các trung tâm hệ thống. Điều này là chính đáng nếu xét rằng trong hệ mặt trời thứ hai của chúng ta, phương diện tim là nổi trội hơn phương diện đầu và ý chí.

338. In case we might think that the Monad expresses only *will,* DK's statement will show it as the expression of *love* as well.

338. Trong trường hợp chúng ta có thể nghĩ rằng chân thần chỉ biểu lộ *ý chí,* phát biểu của Chân sư DK sẽ cho thấy nó cũng là biểu lộ của *bác ái.*

339. Shamballa, we realize, is an expression of both head and heart, and on the monadic plane the heart expression may be stronger than the head expression, just as on the logoic plane the head expression may be stronger than the heart expression. Both of these higher two planes are 'located' in Shamballa (though, from another perspective, all the cosmic etheric planes are Shamballic 'domains').

339. Shamballa, như chúng ta nhận ra, là một biểu lộ của cả đầu lẫn tim, và trên cõi chân thần biểu lộ tim có thể mạnh hơn biểu lộ đầu, cũng như trên cõi logoic biểu lộ đầu có thể mạnh hơn biểu lộ tim. Cả hai cõi cao này đều 'tọa lạc' trong Shamballa (dù từ một phối cảnh khác, tất cả các cõi dĩ thái vũ trụ đều là những 'lãnh vực' Shamballa).

6. The Transmitter of force upon the atmic plane forms the head centre of Vishnu.

6. Đấng Truyền Dẫn mãnh lực trên cõi atma tạo thành trung tâm đầu của Vishnu.

340. Head is subservient to heart—in this solar system; atma is subservient to the pure Spirit expressed through the Monad.

340. Đầu phụ thuộc vào tim—trong hệ mặt trời này; atma phụ thuộc vào Tinh thần thuần khiết được biểu lộ qua chân thần.

341. The atmic plane is the home of spiritual will, which relates to the head center.

341. Cõi atma là nơi cư ngụ của ý chí tinh thần, vốn liên hệ với trung tâm đầu.

342. Interestingly, when the major chakras are being aligned with the systemic planes, the head center is assigned to the atmic plane. (cf. TCF 165)

342. Điều đáng chú ý là khi các luân xa chính được chỉnh hợp với các cõi hệ thống, trung tâm đầu được gán cho cõi atma. (xem TCF 165)

5. That above the top of the head, which is the crown, and has relation with the atmic plane. (TCF 165)

5. Cái ở phía trên đỉnh đầu, tức là vương miện, và có liên hệ với cõi atma. (TCF 165)

343. From another perspective, the second aspect (the solar fire aspect) of *Agni* expresses through the monadic plane, the atmic plane and the buddhic plane. This is confirmed in the discussion we are undertaking.

343. Từ một phối cảnh khác, phương diện thứ hai (phương diện lửa thái dương) của *Agni* biểu lộ qua cõi chân thần, cõi atma và cõi Bồ đề. Điều này được xác nhận trong cuộc bàn luận mà chúng ta đang tiến hành.

He [Lord Agni] shows forth as solar fire on the second, third and fourth, and as 'fire by friction' on the fifth, sixth and seventh. (TCF 521-522)

Ngài [Lord Agni] biểu lộ như lửa thái dương trên cõi thứ hai, thứ ba và thứ tư, và như 'Lửa ma sát' trên cõi thứ năm, thứ sáu và thứ bảy. (TCF 521-522)

This tabulation will be confusing to students unless it is realised that we are here considering these aspects **only as dualities**, and are dealing with one of the dual parts.

Bảng liệt kê này sẽ gây bối rối cho các đạo sinh trừ phi người ta chứng nghiệm rằng ở đây chúng ta đang xét các phương diện này **chỉ như những nhị nguyên tính**, và đang bàn đến một trong hai phần của nhị nguyên ấy.

344. Every time we have a three we have a nine. The Brahma and Vishnu aspects have been divided into three. The Shiva aspect has, perhaps, not yet been divided into three, though such a division is potential (and more than likely to be expressed in the *next* solar system).

344. Mỗi khi chúng ta có một bộ ba, chúng ta có một bộ chín. Các phương diện Brahma và Vishnu đã được chia thành ba. Phương diện Shiva có lẽ chưa được chia thành ba, dù sự phân chia như thế là tiềm tàng (và rất có thể sẽ được biểu lộ trong hệ mặt trời *kế tiếp*).

345. The duality here discussed concerns “man” and “deva”. We are only discussing the deva part of this duality. The deva

345. Nhị nguyên tính được bàn ở đây liên quan đến “người” và “deva”. Chúng ta chỉ đang bàn đến phần deva của nhị nguyên

kingdom is a feminine kingdom. Could it be that the attribution of the centers in relation to planes would change for the “man” aspect of the duality?

tính này. Giới deva là một giới nữ tính. Có thể chăng sự quy thuộc các trung tâm trong tương quan với các cõi sẽ thay đổi đối với phương diện “người” của nhị nguyên tính?

346. For devas, at least, heart is preeminent over will/mind and our Solar Logos is much more a Deva than a Man (though He is called the Grand Heavenly Man). Self-consciousness deva life within our Solar Logos outnumbers by far human life.

346. Ít nhất đối với các deva, tim nổi trội hơn ý chí/trí tuệ và Thái dương Thượng đế của chúng ta là Deva nhiều hơn là Người (dù Ngài được gọi là Đấng Thiên Nhân Vĩ Đại). Sự sống deva có ngã thức bên trong Thái dương Thượng đế của chúng ta đông hơn rất nhiều so với sự sống nhân loại.

347. We have discussed six "Transmitters of the Word" and there will be, correspondingly, six “Men” to complete the duality. This gives us the number twelve.

347. Chúng ta đã bàn đến sáu "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" và tương ứng sẽ có sáu “Người” để hoàn tất nhị nguyên tính. Điều này cho chúng ta con số mười hai.

348. If we ascend to the logoic plane, and find there another duality, we shall have fourteen.

348. Nếu chúng ta thăng lên cõi logoic, và ở đó tìm thấy một nhị nguyên tính khác, chúng ta sẽ có mười bốn.

349. It is always difficult to relate systems of twelve to systems of fourteen, but the pattern we have been discussing shows one potentially significant relation between these two numbers.

349. Luôn luôn khó liên hệ các hệ thống mười hai với các hệ thống mười bốn, nhưng mô hình mà chúng ta đã bàn cho thấy một tương quan có ý nghĩa tiềm tàng giữa hai con số này.

It will be apparent that in the Vishnu aspect, for instance, which manifests upon the second plane, the energy of that plane will act as the head centre to the succeeding planes, and this apprehension, rightly grasped, will clarify the others.

Hiển nhiên là trong phương diện Vishnu, chẳng hạn, biểu lộ trên cõi thứ hai, năng lượng của cõi đó sẽ hoạt động như trung tâm đầu đối với các cõi kế tiếp, và sự lĩnh hội này, nếu được nắm bắt đúng đắn, sẽ làm sáng tỏ những điều khác.

350. DK offers a point of clarification.

350. Chân sư DK đưa ra một điểm làm sáng tỏ.

351. Every superior plane *directs* the processes of the planes inferior to it. The head center is the center of *direction.*

351. Mỗi cõi cao hơn đều *định hướng* các tiến trình của những cõi thấp hơn nó. Trung tâm đầu là trung tâm của sự *định hướng.*

352. So even though the "Transmitter of Force" upon the atmic plane forms the head center of Vishnu, the head center function (the *directing* function) in relation to this center is found upon the monadic plane.

352. Vì vậy, dù "Đấng Truyền Dẫn Mãnh Lực" trên cõi atma tạo thành trung tâm đầu của Vishnu, chức năng trung tâm đầu (chức năng *định hướng*) trong tương quan với trung tâm này lại được tìm thấy trên cõi chân thần.

353. The *major* center *within* the head center is the heart in the head—a major twelve petalled lotus. We can easily associate the heart in the head center with the monadic plane, as that center is a major *second* ray center within the overall field of a first-ray purpose-center.

353. Trung tâm *chính yếu bên trong* trung tâm đầu là tim trong đầu—một hoa sen mười hai cánh chính yếu. Chúng ta có thể dễ dàng liên kết trung tâm tim trong đầu với cõi chân thần, vì trung tâm ấy là một trung tâm cung *hai* chính yếu trong toàn bộ trường của một trung tâm mục đích cung một.

354. The function of a center is always relative. That which serves as a lesser center in relation to a center higher than itself, may serve as a major center in relation to a center lower than itself.

354. Chức năng của một trung tâm luôn luôn có tính tương đối. Điều phục vụ như một trung tâm nhỏ hơn trong tương quan với một trung tâm cao hơn chính nó, có thể phục vụ như một trung tâm chính trong tương quan với một trung tâm thấp hơn chính nó.

The Transmitter of the Word on the first plane of Adi is the embodiment of the throat centre of a cosmic entity.

Đấng Truyền Dẫn Linh từ trên cõi thứ nhất của Adi là hiện thân của trung tâm cổ họng của một thực thể vũ trụ.

355. The occultism continues to deepen. We are no longer speaking of a Solar Logos or Planetary Logos. The next order of Logos is a Cosmic Logos, with seven major Solar Logoi as seven major centers.

355. Huyền bí học tiếp tục đi vào chiều sâu. Chúng ta không còn nói về một Thái dương Thượng đế hay Chân Linh Hành Tinh nữa. Cấp Thượng đế kế tiếp là một Cosmic Logos, với bảy Thái dương Thượng đế chính như bảy trung tâm chính.

356. While this is the case, we cannot be sure that the "cosmic entity" is so August as a Cosmic Logos. Perhaps, the Entity is simply a Solar Logos superior to our Solar Logos.

356. Dù là như vậy, chúng ta không thể chắc rằng "thực thể vũ trụ" ấy cao cả đến mức là một Cosmic Logos. Có lẽ Thực Thể ấy chỉ đơn giản là một Thái dương Thượng đế cao hơn Thái dương Thượng đế của chúng ta.

357. Could that superior Solar Logos be the Logos of Sirius?

357. Liệu Thái dương Thượng đế cao hơn ấy có thể là Thượng đế của Sirius chăng?

358. That the "Transmitter" on the seventh/first plane represents the throat center (of Shiva) suggests a ninefold pattern. We immediately think of an allied heart and head center and wonder about their 'location' in relation to the planes.

358. Việc "Đấng Truyền Dẫn" trên cõi thứ bảy/thứ nhất tượng trưng cho trung tâm cổ họng (của Shiva) gợi ý một mô hình chín phân. Chúng ta lập tức nghĩ đến một trung tâm tim và trung tâm đầu tương ứng, và tự hỏi về 'vị trí' của chúng trong tương quan với các cõi.

359. We remember that five is the number of Brahma, seven of Vishnu and nine of Shiva.

359. Chúng ta nhớ rằng năm là con số của Brahma, bảy của Vishnu và chín của Shiva.

360. We must presume that only in the next solar system will the heart center and head center of Shiva appear. Again, will there be nine systemic planes?

360. Chúng ta phải giả định rằng chỉ trong hệ mặt trời kế tiếp thì trung tâm tim và trung tâm đầu của Shiva mới xuất hiện. Một lần nữa, liệu sẽ có chín cõi hệ thống chăng?

361. From another perspective, we remember that the "Transmitters of the Word" on the logoic plane works only on the lowest three subplanes (associated with the third ray and third aspect). We will want to find two higher types of transmitters on the second, third and fourth logoic subplanes, and a still higher type upon the atomic subplane of the logoic plane. It is on this atomic subplane that Shiva (considering His as a Raja Deva Lord) would be found.

361. Từ một phối cảnh khác, chúng ta nhớ rằng các "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" trên cõi logoic chỉ hoạt động trên ba cõi phụ thấp nhất (gắn với cung ba và phương diện thứ ba). Chúng ta sẽ muốn tìm hai loại đấng truyền dẫn cao hơn trên cõi phụ logoic thứ hai, thứ ba và thứ tư, và một loại còn cao hơn nữa trên cõi phụ nguyên tử của cõi logoic. Chính trên cõi phụ nguyên tử này mà Shiva (xét Ngài như một Raja Deva Lord) sẽ được tìm thấy.

362. We may ask whether a certain *cosmic* Entity embodies the *entire* logoic plane of our cosmic physical plane. The logoic plane has a close connection to Leo and Leo to Sirius. The link is there.

362. Chúng ta có thể hỏi liệu một Thực Thể *vũ trụ* nào đó có hiện thân cho *toàn bộ* cõi logoic của cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta hay không. Cõi logoic có liên hệ mật thiết với Leo và Leo với Sirius. Mối liên kết ở đó.

From this statement will come a just realisation of our place in the cosmic scheme, and the fundamentally physical nature of the seven planes of the solar system is also here demonstrated, the nature

Từ phát biểu này sẽ đến một sự chứng nghiệm đúng đắn về vị trí của chúng ta trong hệ vũ trụ, và bản chất căn bản là hồng trần của bảy cõi của hệ mặt trời cũng được

of Brahma, or the Holy Spirit, becoming apparent.

363. We are presented here with the possibility of an advanced realization.

364. The highest source of transmission upon our cosmic physical plane is a kind of *throat center* transmission, related to the third aspect. This tells us something about the third ray nature or cosmic materiality of our entire cosmic physical plane.

365. A "just realization" (are Libra and the third ray involved?) may dawn upon us, but the matter at first is vague.

366. When speaking of the throat center upon the logoic systemic plane, there may be an inference that an extension onto the *cosmic astral plane* is required to express the heart center and head center of Shiva.

367. Interestingly, the Trident of Shiva, is the same as the symbol for Neptune, Who is, in a way, one of the rulers of the cosmic astral plane.

368. Seven is a *material* number, a number of form. Nine is a number of consciousness though also related to the third ray of matter.

369. In the expression of Brahma and Vishnu, systemically considered, we are still very much working in the world of matter (cosmically considered).

370. DK seems to be pointing to the *cosmic* nature of Brahma or the Holy Spirit. From

chứng minh ở đây, bản chất của Brahma, hay Chúa Thánh Thần, trở nên hiển nhiên.

363. Ở đây chúng ta được trình bày một khả năng về sự chứng nghiệm cao cấp.

364. Nguồn truyền dẫn cao nhất trên cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta là một loại truyền dẫn *trung tâm cổ họng*, liên hệ với phương diện thứ ba. Điều này cho chúng ta biết điều gì đó về bản chất cung ba hay tính vật chất vũ trụ của toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta.

365. Một "sự chứng nghiệm đúng đắn" (có phải Thiên Bình và cung ba có liên quan chăng?) có thể lóe sáng nơi chúng ta, nhưng lúc đầu vấn đề còn mơ hồ.

366. Khi nói về trung tâm cổ họng trên cõi hệ thống logoic, có thể có một hàm ý rằng cần có một sự mở rộng sang *cõi cảm dục vũ trụ* để biểu lộ trung tâm tim và trung tâm đầu của Shiva.

367. Điều đáng chú ý là Tam Xoa Kích của Shiva cũng chính là biểu tượng của Sao Hải Vương, Đấng theo một nghĩa nào đó là một trong những chủ tinh của cõi cảm dục vũ trụ.

368. Bảy là một con số *vật chất*, một con số của hình tướng. Chín là một con số của tâm thức, dù cũng liên hệ với cung ba của vật chất.

369. Trong sự biểu lộ của Brahma và Vishnu, xét theo hệ thống, chúng ta vẫn còn đang hoạt động rất nhiều trong thế giới vật chất (xét theo vũ trụ).

370. Chân sư DK dường như đang chỉ đến bản chất *vũ trụ* của Brahma hay Chúa Thánh

the cosmic perspective, the higher four systemic subplanes (i.e., the cosmic etheric planes) are the domain of Brahma/Holy Spirit.

Thần. Từ phối cảnh vũ trụ, bốn cõi phụ hệ thống cao hơn (tức các cõi dĩ thái vũ trụ) là lãnh vực của Brahma/Chúa Thánh Thần.

371. We see that it is important to consider the context when considering the Holy Spirit, for instance. We are not only considering systemic etheric energies, but cosmic etheric energies as well.

371. Chúng ta thấy rằng điều quan trọng là phải xét ngữ cảnh khi xem xét Chúa Thánh Thần, chẳng hạn. Chúng ta không chỉ xét các năng lượng dĩ thái hệ thống, mà còn cả các năng lượng dĩ thái vũ trụ nữa.

372. From this perspective, the energy of the Holy Spirit is cosmic etheric, and the energy of the Christ aspect is an emanation of the cosmic astral plane.

372. Từ phối cảnh này, năng lượng của Chúa Thánh Thần là dĩ thái vũ trụ, và năng lượng của phương diện Christ là một phát xạ của cõi cảm dục vũ trụ.

373. From this cosmic perspective, the entire cosmic physical plane is under the sway of the third ray and the Holy Spirit.

373. Từ phối cảnh vũ trụ này, toàn bộ cõi hồng trần vũ trụ nằm dưới sự chi phối của cung ba và Chúa Thánh Thần.

The old Commentary says:

Cổ Luận nói rằng:

"Brahma is One, yet includes His brother. Vishnu is One, yet existeth not apart from His brother, younger in point of time yet older far. Shiva is One, and antedates Them both, yet He appeareth not nor is He seen, until They both have cycled through Their courses."

"Brahma là Một, nhưng bao gồm huynh đệ của Ngài. Vishnu là Một, nhưng không hiện hữu tách rời huynh đệ của Ngài, trẻ hơn về thời gian nhưng lại cổ xưa hơn rất nhiều. Shiva là Một, và có trước cả Hai Vị, nhưng Ngài không xuất hiện cũng không được thấy, cho đến khi cả Hai Vị đã tuần hoàn qua các chu kỳ của Các Ngài."

374. Each of the three aspects expressing through the Gods Brahma, Vishnu and Shiva embodies the other two.

374. Mỗi một trong ba phương diện biểu lộ qua các Thượng đế Brahma, Vishnu và Shiva đều hiện thân cho hai phương diện kia.

375. From an emanationist point of view, Shiva appears first and emanates Vishnu Who emanates Brahma. Thus, with regard to origin, Shiva is oldest and Brahma is youngest.

375. Từ quan điểm xuất lộ luận, Shiva xuất hiện trước và phát xạ Vishnu, Đấng phát xạ Brahma. Do đó, xét về nguồn gốc, Shiva là cổ xưa nhất và Brahma là trẻ nhất.

376. Yet Brahma (with regard to the lower planes) manifests first, and Vishnu second.

376. Tuy nhiên Brahma (xét về các cõi thấp) biểu lộ trước, và Vishnu biểu lộ thứ hai.

377. One can, therefore, be "younger in point of time" on the planes of manifestation, but older in terms of *subjective duration*.

377. Vì vậy, một Đấng có thể "trẻ hơn về thời gian" trên các cõi biểu lộ, nhưng cổ xưa hơn xét theo *thời lượng chủ quan*.

378. We all know that the Spirit or Shiva aspect doest not express within the fields of manifestation until a vehicle for manifestation and a consciousness suitable for such manifestation has been built by both Brahma and Vishnu. Yet, for all that, Shiva appeared on the highest planes *first.*

378. Tất cả chúng ta đều biết rằng phương diện Tinh thần hay Shiva không biểu lộ trong các trường biểu lộ cho đến khi một vận cụ biểu lộ và một tâm thức thích hợp cho sự biểu lộ ấy đã được cả Brahma lẫn Vishnu xây dựng. Tuy vậy, bất chấp điều đó, Shiva đã xuất hiện trên các cõi cao nhất *trước tiên.*

The above sevenfold tabulation can be, under the law of correspondences, **applied equally to every plane,**

Bảng thất phân trên đây, theo định luật tương ứng, có thể được **áp dụng đồng đều cho mọi cõi,**

379. This we have suspected and suggestions have been made.

379. Điều này chúng ta đã nghi ngờ và những gợi ý cũng đã được đưa ra.

380. Are we to locate the highest Transmitters of the Word for a particular systemic plane on the three lowest sub-subplanes of the atomic subplane of a particular plane? The analogy is clear, is it not? Though clear, we cannot know whether the assumption is true.

380. Liệu chúng ta có phải định vị các Đấng Truyền Dẫn Linh từ cao nhất cho một cõi hệ thống nhất định trên ba cõi phụ-phụ thấp nhất của cõi phụ nguyên tử của một cõi nhất định chăng? Sự tương đồng thì rõ ràng, phải không? Dù rõ ràng, chúng ta không thể biết giả định ấy có đúng hay không.

381. If we are to take the large cosmic physical plane picture and collapse it onto the systemic planes, naturally the sub-subplanes will have to play their role.

381. Nếu chúng ta lấy bức tranh lớn của cõi hồng trần vũ trụ và thu gọn nó xuống các cõi hệ thống, dĩ nhiên các cõi phụ-phụ sẽ phải đóng vai trò của chúng.

for the transmitters and workers on each plane form similar groups.

vì các đấng truyền dẫn và những người hoạt động trên mỗi cõi tạo thành những nhóm tương tự.

382. Parallel groups…

382. Các nhóm song song…

Equally well can man consider this tabulation in connection with his seven centres, and from a study [Page 923] of the two together he will gain knowledge as to the type of energy which flows through any particular centre.

Con người cũng có thể xét bảng liệt kê này trong liên hệ với bảy trung tâm của mình, và từ việc nghiên cứu [Page 923] cả hai cùng nhau, y sẽ đạt được tri thức về loại năng lượng chảy qua bất kỳ trung tâm đặc thù nào.

383. We will try to follow the parallels existing between the macrocosm and the microcosm.

383. Chúng ta sẽ cố gắng theo dõi những sự song hành hiện hữu giữa Đại thiên địa và Tiểu thiên địa.

384. Man's three lower centers representing the World of Brahma, are the base of the spine center, the sacral center and the solar plexus center.

384. Ba trung tâm thấp của con người, tượng trưng cho Thế Giới của Brahma, là trung tâm đáy cột sống, trung tâm xương cùng và trung tâm tùng thái dương.

385. With regard to the microcosm, the throat center of Brahma will correlate with man's etheric mechanism and etheric centers in general.

385. Xét về Tiểu thiên địa, trung tâm cổ họng của Brahma sẽ tương ứng với bộ máy dĩ thái của con người và các trung tâm dĩ thái của y nói chung.

386. The heart center of Brahma will correlate with man's astral body and his astral centers.

386. Trung tâm tim của Brahma sẽ tương ứng với thể cảm dục của con người và các trung tâm cảm dục của y.

387. The head center of Brahma will correlate with man's mental centers and with his mental body.

387. Trung tâm đầu của Brahma sẽ tương ứng với các trung tâm trí tuệ của con người và với thể trí của y.

388. Man's life as Vishnu begins on the higher mental plane in his soul nature. The spiritual triad as a whole is an instrument of Vishnu.

388. Sự sống của con người như Vishnu bắt đầu trên Cõi thượng trí trong bản chất linh hồn của y. Tam Nguyên Tinh Thần như một toàn thể là một công cụ của Vishnu.

389. However, if we follow the pattern previously laid out, we will have to look to man's buddhic vehicle as the areas of expression for the throat center of Vishnu. This will involve man's heart center, the organ of buddhi.

389. Tuy nhiên, nếu chúng ta theo mô hình đã được trình bày trước đó, chúng ta sẽ phải tìm nơi thể Bồ đề của con người như những khu vực biểu lộ cho trung tâm cổ họng của Vishnu. Điều này sẽ liên quan đến trung tâm tim của con người, cơ quan của Bồ đề.

390. The head center of Vishnu will express through the atmic vehicle and through the head center in general.

390. Trung tâm đầu của Vishnu sẽ biểu lộ qua vận cụ atma và qua trung tâm đầu nói chung.

391. The heart center of Vishnu will express through his monadic vehicle and through the heart in the head center.

391. Trung tâm tim của Vishnu sẽ biểu lộ qua vận cụ chân thần của y và qua tim trong trung tâm đầu.

392. Chakras are like planets. Through every planet *all* energies flow—ray energies, planetary energies, zodiacal energies and of course the energy of the great "Transmitters" and their numerous emanative subdivisions. Thus it will be for the chakras of the human being.

392. Các luân xa giống như các hành tinh. Qua mỗi hành tinh, *mọi* năng lượng đều lưu chuyển—năng lượng cung, năng lượng hành tinh, năng lượng hoàng đạo và dĩ nhiên là năng lượng của các "Đấng Truyền Dẫn" vĩ đại cùng vô số phân bộ phát xạ của Các Ngài. Đối với các luân xa của con người cũng sẽ như vậy.

393. We have been trying to see which particular "Transmitter of the Word" sends forth a major conditioning energy to a particular chakra in man.

393. Chúng ta đã cố gắng xem "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" đặc thù nào phát ra một năng lượng tác động chính yếu đến một luân xa đặc thù nơi con người.

These transmitters likewise can be heard sounding forth the Word with particular force and power in that planetary scheme which corresponds to their note and is keyed to their vibration.

Các đấng truyền dẫn này cũng có thể được nghe thấy đang xướng Linh từ với mãnh lực đặc thù và quyền năng trong hệ hành tinh tương ứng với âm điệu của các Ngài và được điều chỉnh theo rung động của các Ngài.

394. The "Transmitters of the Word" are, effectively, solar systemic Beings regardless of their threefold *cosmic* origin. In an 'ultimate' sense, there are seven of them and there are seven major planets. One of the major planets will correlate with one particular "Transmitter of the Word" (i.e., with one particular Raja Deva Lord), just as one particular planet correlates with one particular star in the Great Bear and with one particular constellation within the chakra system of the "One About Whom Naught May Be Said" (though *three* constellational chakras are major and may

394. Các "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" thực chất là những Hữu thể hệ thống mặt trời, bất kể nguồn gốc *vũ trụ* tam phân của các Ngài. Theo nghĩa 'tối hậu', có bảy vị như thế và có bảy hành tinh chính. Một hành tinh chính sẽ tương ứng với một "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" đặc thù (tức với một Raja Deva Lord đặc thù), cũng như một hành tinh đặc thù tương ứng với một ngôi sao đặc thù trong Đại Hùng Tinh và với một chòm sao đặc thù trong hệ luân xa của "Đấng Bất Khả Tư Nghị" (dù *ba* luân xa chòm sao là chính và có thể bao hàm cả bảy, cũng như chỉ có ba Kỹ Thuật Dung Hợp hoạt động cho cả bảy loại linh hồn).

subsume all the seven, just as there are only three Techniques of Fusion operative for all seven soul types).

395. One wonders, given the cosmic astral polarization of our Planetary Logos and His second ray soul, whether the "Transmitter of the Word" for the astral plane is not the one sounding with particular force and power upon our planet—at this time.

The planetary schemes, therefore, will fall into a similar grouping, and this will open up for students a vast field of conjecture.

396. Well, great vistas are unfolding. We are working through quite an extraordinary part of TCF. Great extensions of thought are possible.

397. DK is asking us to divide the planets according to the pattern of 1—3—3.

398. It is easier to divide the planets into 3—3—3 with Mercury retaining its mobile, relational function.

a. Uranus/Neptune/Saturn (Synthesizing)

b. Jupiter/Venus/Vulcan (Sacred but not Synthesizing)

c. Earth/Mars/Pluto (Non-sacred)

399. When it comes to a division within a field of seven—seven *sacred* planets for instance, we might have—

395. Người ta tự hỏi, xét đến sự phân cực cảm dục vũ trụ của Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta và linh hồn cung hai của Ngài, liệu "Đấng Truyền Dẫn Linh từ" cho cõi cảm dục có phải là vị đang xướng lên với mãnh lực và quyền năng đặc thù trên hành tinh của chúng ta—vào lúc này—hay không.

Do đó, các hệ hành tinh sẽ rơi vào một cách phân nhóm tương tự, và điều này sẽ mở ra cho các đạo sinh một lãnh vực phỏng đoán rộng lớn.

396. Những viễn cảnh lớn lao đang mở ra. Chúng ta đang làm việc qua một phần thật phi thường của TCF. Những mở rộng lớn lao của tư tưởng là điều có thể.

397. Chân sư DK đang yêu cầu chúng ta phân chia các hành tinh theo mô hình 1—3—3.

398. Sẽ dễ hơn nếu chia các hành tinh thành 3—3—3 với Sao Thủy vẫn giữ chức năng linh động và liên hệ của nó.

a. Sao Thiên Vương/Sao Hải Vương/Sao Thổ (Tổng hợp)

b. Sao Mộc/Sao Kim/Vulcan (Thiêng liêng nhưng không Tổng hợp)

c. Trái Đất/Sao Hỏa/Sao Diêm Vương (Không thiêng liêng)

399. Khi nói đến một sự phân chia trong một trường bảy—chẳng hạn bảy hành tinh *thiêng liêng*—chúng ta có thể có—

a. Neptune, the hypothetical ultimate synthesizers in the second ray solar system

b. Uranus/Saturn/Jupiter

c. Mercury/Venus/Vulcan

400. If we wish to correlate these planets with the planes involved in the activities of the "Transmitters of the Word", we might have

a. Uranus representing the logoic plane—the "Sea of Fire" related to Leo

b. Neptune representing the monadic plane, the 'Home' of the love aspect of Sanat Kumara, the Great Sacrifice

c. Saturn representing the atmic plane which it is said to rule (cf. EA 35)

d. Jupiter representing the buddhic plane, fittingly

e. Mercury (the planet of mentality) representing the mental plane

f. Venus (with its sixth ray Monad) representing the astral plane,

g. Vulcan (so related to material processes) representing the systemic physical plane.

401. There is no way for us to presently ascertain which is the final synthesizing planet—Neptune or Uranus. There would be good reasons to select either one.

a. Sao Hải Vương, đấng tổng hợp tối hậu giả định trong hệ mặt trời cung hai

b. Sao Thiên Vương/Sao Thổ/Sao Mộc

c. Sao Thủy/Sao Kim/Vulcan

400. Nếu chúng ta muốn tương quan các hành tinh này với các cõi liên quan trong hoạt động của các "Đấng Truyền Dẫn Linh từ", chúng ta có thể có

a. Sao Thiên Vương tượng trưng cho cõi logoic—"Biển Lửa" liên hệ với Leo

b. Sao Hải Vương tượng trưng cho cõi chân thần, 'Quê Nhà' của phương diện bác ái của Đức Sanat Kumara, Đại Hy Sinh

c. Sao Thổ tượng trưng cho cõi atma mà nó được nói là cai quản (xem EA 35)

d. Sao Mộc tượng trưng cho cõi Bồ đề, thật thích hợp

e. Sao Thủy (hành tinh của trí tuệ) tượng trưng cho cõi trí

f. Sao Kim (với chân thần cung sáu của nó) tượng trưng cho cõi cảm dục,

g. Vulcan (liên hệ rất nhiều với các tiến trình vật chất) tượng trưng cho cõi hồng trần hệ thống.

401. Hiện nay chúng ta không có cách nào xác định hành tinh tổng hợp cuối cùng là Sao Hải Vương hay Sao Thiên Vương. Có những lý do xác đáng để chọn một trong hai.

The seven Prajapatis fall into two groups of three, with one dominating.

Bảy Prajapatis rơi vào hai nhóm ba, với một vị chi phối.

402. We can consider these Prajapatis are related to the planets conventionally considered:

402. Chúng ta có thể xem các Prajapatis này có liên hệ với các hành tinh được quy ước xem xét như sau:

a. Sun (veiling Uranus—the "mystery planet")

a. Mặt Trời (che giấu Sao Thiên Vương —"hành tinh bí ẩn")

b. Mercury

b. Sao Thủy

c. Venus

c. Sao Kim

d. Earth

d. Trái Đất

e. Mars

e. Sao Hỏa

f. Jupiter

f. Sao Mộc

g. Saturn

g. Sao Thổ

403. Or we can consider them in relation to the seven sacred planets.

403. Hoặc chúng ta có thể xem xét chúng trong tương quan với bảy hành tinh thiêng liêng.

a. Vulcan

a. Vulcan

b. Mercury

b. Sao Thủy

c. Venus

c. Sao Kim

d. Jupiter

d. Sao Mộc

e. Saturn

e. Sao Thổ

f. Uranus

f. Sao Thiên Vương

g. Neptune

g. Sao Hải Vương

404. If we look at the entire solar system, there are certainly more than seven Prajapatis or "Mind-born Sons".

404. Nếu chúng ta nhìn vào toàn bộ hệ mặt trời, chắc chắn có nhiều hơn bảy Prajapatis hay "Các Con sinh ra từ Trí Tuệ".

Students will do well to remember in studying the solar system, the planes, the schemes, man and the atom, that the groupings of the lines or streams of energy during the evolutionary cycles fall naturally into four divisions:

Khi nghiên cứu hệ mặt trời, các cõi, các hệ hành tinh, con người và nguyên tử, các đạo sinh sẽ làm tốt nếu ghi nhớ rằng các nhóm đường hay dòng năng lượng trong các chu kỳ tiến hoá tự nhiên rơi vào bốn phân chia:

405. And there are other divisions as well, involving the figures 5 and 2, as well as 6 and 1.

405. Ngoài ra còn có những phân chia khác nữa, liên quan đến các con số 5 và 2, cũng như 6 và 1.

1. 1-3-3

1. 1-3-3

406. This is the division which we have been studying.

406. Đây là phân chia mà chúng ta đã nghiên cứu.

407. It represents the dominant Shiva aspect over the equally balanced Vishnu and Brahma aspects.

407. Nó biểu thị phương diện Shiva trội vượt trên các phương diện Vishnu và Brahma đang ở thế quân bình ngang nhau.

2. 4-3

2. 4-3

408. This is the etheric subdivision. It represents the four systemic ethers preeminent over the three denser systemic subplanes of the systemic etheric-physical plane.

408. Đây là phân khu dĩ thái. Nó biểu thị bốn dĩ thái hệ thống trội vượt trên ba cõi phụ hệ thống đậm đặc hơn của cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống.

409. This division also suggests the four *cosmic* ethers in their relation to the three lower systemic planes.

409. Phân chia này cũng gợi ra bốn dĩ thái *vũ trụ* trong tương quan của chúng với ba cõi hệ thống thấp hơn.

3. 3-4

3. 3-4

410. This division suggests the triangle of spirit hovering over the quaternary.

410. Phân chia này gợi ra tam giác của tinh thần lơ lửng trên bộ tứ.

411. It is outpictured for us on the mental plane with the division of the threefold higher mental plane above the four concrete subplanes.

411. Điều này được biểu hiện thành hình ảnh cho chúng ta trên cõi trí với sự phân chia của cõi thượng trí tam phân ở trên bốn cõi phụ cụ thể.

412. We can imagine this as the triangle over the square.

412. Chúng ta có thể hình dung điều này như tam giác ở trên hình vuông.

4. 3-1-3

4. 3-1-3

413. This division suggests the fourth plane or subplane as the central meeting point for the higher and lower triad. The fourth ether and the fourth or buddhic plane thus become important.

413. Phân chia này gợi ra cõi thứ tư hay cõi phụ thứ tư như điểm gặp gỡ trung tâm cho tam nguyên tinh thần cao hơn và tam nguyên thấp hơn. Vì thế dĩ thái thứ tư và cõi thứ tư hay cõi Bồ đề trở nên quan trọng.

Division 1 can be understood under the law of correspondences when the nature of the atomic plane of the solar system, the three cosmic etheric planes, and the three planes of human endeavour are investigated in connection with each other.

Phân chia 1 có thể được thấu hiểu theo định luật tương ứng khi bản chất của cõi nguyên tử của hệ mặt trời, ba cõi dĩ thái vũ trụ, và ba cõi của nỗ lực nhân loại được khảo cứu trong mối liên hệ với nhau.

414. This is the mode of division which we have been examining through a greater part of this commentary.

414. Đây là phương thức phân chia mà chúng ta đã khảo sát trong phần lớn bản luận giải này.

Division 2 becomes easier of comprehension when the close relation between the four cosmic etheric planes and the three lower planes is grasped. This can be illuminated by a study of the four physical ethers and the three lower subplanes of our physical plane.

Phân chia 2 trở nên dễ hiểu hơn khi mối liên hệ chặt chẽ giữa bốn cõi dĩ thái vũ trụ và ba cõi thấp hơn được nắm bắt. Điều này có thể được soi sáng bằng việc nghiên cứu bốn dĩ thái hồng trần và ba cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần của chúng ta.

415. As stated.

415. Như đã nói.

416. This is the division towards which we are all striving during the coming Aquarian Age in which the seventh ray (the etheric ray) will become so important.

416. Đây là phân chia mà tất cả chúng ta đang phấn đấu hướng tới trong Kỷ Nguyên Bảo Bình sắp đến, trong đó cung bảy (cung dĩ thái) sẽ trở nên rất quan trọng.

417. We have been engrossed (literally) in the lower three subplanes. We are trying to shift our attention into the four etheric subplanes—at least into the first two which are relatively exoteric. Ideally, the shift will involve the second subplane whereon the heart center will be found.

418. DK suggests that we should study the relationship between etheric subplanes and dense subplanes on our systemic etheric-physical plane if we wish more deeply to understand our cosmic etheric planes.

Division 3 finds the clue to its mystery in the constitution of the mental plane, with its three formless levels, and its four levels of form.

419. As stated.

420. Here we find our first really meaningful division into rupa (form) and arupa (formless) worlds.

421. The higher three levels of the mental plane are not really an arupa world (at least from the perspective of the Solar Logos), but, relatively, they are when compared to the concrete nature of the eighteen lower subplanes.

422. The whole question of approaching the soul comes up in the relation between the higher three and the lower four. This involves the first section of the antahkarana and admits of a growing soul infusion.

423. The goal is the achievement of the triangle within the square.

417. Chúng ta đã bị cuốn chặt (theo nghĩa đen) vào ba cõi phụ thấp hơn. Chúng ta đang cố gắng chuyển sự chú ý của mình vào bốn cõi phụ dĩ thái—ít nhất là vào hai cõi đầu vốn tương đối ngoại môn. Lý tưởng nhất, sự chuyển dịch sẽ bao gồm cõi phụ thứ hai, nơi trung tâm tim sẽ được tìm thấy.

418. Chân sư DK gợi ý rằng chúng ta nên nghiên cứu mối liên hệ giữa các cõi phụ dĩ thái và các cõi phụ đậm đặc trên cõi dĩ thái-hồng trần hệ thống của chúng ta nếu muốn thấu hiểu sâu hơn các cõi dĩ thái vũ trụ của mình.

Phân chia 3 tìm thấy manh mối cho huyền nhiệm của nó trong cấu tạo của cõi trí, với ba cấp độ vô tướng và bốn cấp độ hữu tướng.

419. Như đã nói.

420. Ở đây chúng ta tìm thấy sự phân chia đầu tiên thật sự có ý nghĩa thành các thế giới rupa (hình tướng) và arupa (vô tướng).

421. Ba cấp độ cao hơn của cõi trí thật ra không phải là một thế giới arupa (ít nhất từ góc nhìn của Thái dương Thượng đế), nhưng một cách tương đối, chúng là như vậy khi so với bản chất cụ thể của mười tám cõi phụ thấp hơn.

422. Toàn bộ vấn đề tiếp cận linh hồn xuất hiện trong mối liên hệ giữa ba phần cao hơn và bốn phần thấp hơn. Điều này bao hàm phần đầu tiên của antahkarana và cho phép sự thấm nhuần linh hồn ngày càng tăng.

423. Mục tiêu là đạt được tam giác bên trong hình vuông.

Division 4 can be grasped as the student arrives at a comprehension of his own nature as a spiritual triad, an egoic body and a threefold lower man.

Phân chia 4 có thể được nắm bắt khi đạo sinh đi đến chỗ thấu hiểu bản chất của chính mình như là một Tam Nguyên Tinh Thần, một thể chân ngã và một phàm nhân thấp hơn tam phân.

424. Here the division is slightly different from that suggested above.

424. Ở đây sự phân chia hơi khác với điều đã được gợi ra ở trên.

425. The division here suggested concerns the vehicles within man's energy system rather than the planes, although focus on the etheric subplane and the buddhic plane as the middle point between the three and three is also legitimate.

425. Sự phân chia được gợi ra ở đây liên quan đến các vận cụ bên trong hệ thống năng lượng của con người hơn là các cõi, mặc dù việc tập trung vào cõi phụ dĩ thái và cõi Bồ đề như điểm giữa giữa ba và ba cũng là chính đáng.

426. Notice in relation to Division 4, the Monad is left out of the picture.

426. Hãy lưu ý rằng trong tương quan với Phân chia 4, chân thần bị bỏ ra ngoài bức tranh.

He can likewise approach the first division in a similar manner, and view himself as a primary force or Monad, a triple secondary [Page 924] force or Ego, and a threefold lower energy, or personality,

Y cũng có thể tiếp cận phân chia thứ nhất theo cách tương tự, và xem chính mình như một mãnh lực sơ cấp hay chân thần, một mãnh lực thứ cấp tam phân [Page 924] hay chân ngã, và một năng lượng thấp hơn tam phân, hay phàm ngã,

427. Yes, this fits very well. We would be dealing then with the three periodical vehicles.

427. Đúng vậy, điều này rất phù hợp. Khi đó chúng ta sẽ đề cập đến ba hiện thể chu kỳ.

428. The more permanent Ego, let us remember, is the spiritual triad.

428. Xin nhớ rằng chân ngã bền vững hơn chính là Tam Nguyên Tinh Thần.

429. We see there are number of ways for us to apply these divisions.

429. Chúng ta thấy có nhiều cách để áp dụng các phân chia này.

remembering that we are here dealing only with creative energy and with the Brahma aspect of manifestation as it co-ordinates itself with the Vishnu aspect.

hãy nhớ rằng ở đây chúng ta chỉ đang đề cập đến năng lượng sáng tạo và đến phương diện Brahma của biểu hiện khi nó tự phối hợp với phương diện Vishnu.

430. The emphasis in this section of the book is very much on the deva kingdom which represents the deva aspect of the duality “man and deva”.

430. Trọng tâm trong phần này của cuốn sách đặt rất nhiều vào giới thiên thần, giới này biểu thị phương diện thiên thần của nhị nguyên tính “con người và thiên thần”.

431. The devas as a whole represent largely the third or creative aspect. The name which Master DK prefers for the third ray is the “Ray of Creative Intelligence”.

431. Các thiên thần nói chung phần lớn biểu thị phương diện thứ ba hay phương diện sáng tạo. Tên gọi mà Chân sư DK ưa dùng cho cung ba là “Cung của Trí Tuệ Sáng Tạo”.

432. The devas are related most to the third and second aspects of divinity whereas man is related to the second and first aspects.

432. Các thiên thần liên hệ nhiều nhất với các phương diện thứ ba và thứ hai của thiên tính, trong khi con người liên hệ với các phương diện thứ hai và thứ nhất.

The Transmitters of Prana. We have in an earlier section of this treatise considered somewhat the devas who are the transmitters of prana for the etheric body of man and of the planet.

Các Đấng Truyền Dẫn Prana. Trong một phần trước của luận thuyết này, chúng ta đã phần nào xem xét các thiên thần là những đấng truyền dẫn prana cho thể dĩ thái của con người và của hành tinh.

433. This group was called an “intermediary” group. They were called “a group of intermediary devas”.

433. Nhóm này được gọi là một nhóm “trung gian”. Họ được gọi là “một nhóm thiên thần trung gian”.

434. We can see that the "Transmitters of the Word" are related to the first aspect.

434. Chúng ta có thể thấy rằng "Các Đấng Truyền Dẫn Linh từ" liên hệ với phương diện thứ nhất.

435. We may assume that the “Transmitters of Prana” are to be related to the second or *solar* aspect.

435. Chúng ta có thể giả định rằng “Các Đấng Truyền Dẫn Prana” phải được liên hệ với phương diện thứ hai hay phương diện *thái dương*.

436. The third group consists of those devas who form (or ‘structure’) the physical body of every form in manifestation. They are still *devas* and not elementals.

436. Nhóm thứ ba gồm những thiên thần tạo thành (hay ‘cấu trúc’) thể xác của mọi hình tướng trong biểu hiện. Họ vẫn là *thiên thần* chứ không phải hành khí.

They are the reflection upon the lowest plane of the Vishnu aspect of divinity;

Họ là sự phản chiếu trên cõi thấp nhất của phương diện Vishnu của thiên tính;

437. We are returning to our consideration of the etheric-physical plane and especially its etheric aspect.

437. Chúng ta đang quay lại việc xem xét cõi dĩ thái-hồng trần và đặc biệt là phương diện dĩ thái của nó.

438. The lowest plane of the Vishnu aspect of divinity is the buddhic plane.

438. Cõi thấp nhất của phương diện Vishnu của thiên tính là cõi Bồ đề.

439. The lowest plane, the etheric-physical plane (and, in this case, especially the *etheric* levels of the etheric-physical plane) receives the reflection of the buddhic plane. The fourth plane of the cosmic physical plane is reflected in the fourfold systemic etheric subplanes.

439. Cõi thấp nhất, cõi dĩ thái-hồng trần (và trong trường hợp này, đặc biệt là các cấp độ *dĩ thái* của cõi dĩ thái-hồng trần) tiếp nhận sự phản chiếu của cõi Bồ đề. Cõi thứ tư của cõi hồng trần vũ trụ được phản chiếu trong bốn cõi phụ dĩ thái hệ thống.

440. Naturally, the "Transmitters of Prana" work within the systemic etheric planes.

440. Một cách tự nhiên, "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" hoạt động trong các cõi dĩ thái hệ thống.

the seven subplanes of our physical plane **reflect in a dim and distorted fashion the three aspects**,

bảy cõi phụ của cõi hồng trần của chúng ta **phản chiếu một cách mờ nhạt và méo mó ba phương diện**,

441. We are speaking of the *systemic* physical plane.

441. Chúng ta đang nói về cõi hồng trần *hệ thống*.

442. The Brahmic aspect is reflected in the three dense subplanes (solid, liquid and gaseous).

442. Phương diện Brahma được phản chiếu trong ba cõi phụ đậm đặc (rắn, lỏng và khí).

443. The Vishnu aspect is reflected in the etheric, super-etheric and sub-atomic subplanes of the etheric-physical plane.

443. Phương diện Vishnu được phản chiếu trong các cõi phụ dĩ thái, siêu dĩ thái và hạ nguyên tử của cõi dĩ thái-hồng trần.

444. The Shiva aspect of divinity is reflected upon the systemic atomic etheric plane.

444. Phương diện Shiva của thiên tính được phản chiếu trên cõi dĩ thái nguyên tử hệ thống.

445. In proposing this, we are simply collapsing the pattern of expression found

445. Khi đề xuất điều này, chúng ta chỉ đơn giản là thu gọn mô hình biểu hiện được tìm

upon the cosmic physical plane and bringing it down to the systemic physical plane.

thấy trên cõi hồng trần vũ trụ và đưa nó xuống cõi hồng trần hệ thống.

and are a shadow, dark and unrevealing, of the Godhead.

và là một cái bóng, tối tăm và không mặc khải, của Thượng đế.

446. More, however, can be revealed through the ethers than through the very lowest physical subplanes.

446. Tuy nhiên, nhiều điều có thể được mặc khải qua các dĩ thái hơn là qua các cõi phụ hồng trần thấp nhất.

This group of transmitters are responsible for three principal results, and are active along three main lines.

Nhóm các đấng truyền dẫn này chịu trách nhiệm về ba kết quả chính, và hoạt động theo ba đường lối chủ yếu.

447. We are speaking of the Transmitters of Prana, of that intermediate group of devas working between the "Transmitters of the Word" and the 'devas of structure and formation', as we might call them.

447. Chúng ta đang nói về Các Đấng Truyền Dẫn Prana, về nhóm thiên thần trung gian hoạt động giữa "Các Đấng Truyền Dẫn Linh từ" và các 'thiên thần của cấu trúc và tạo thành', như chúng ta có thể gọi họ.

They are the devas who vitalise and produce the energy of all forms of sentient life. Theirs is the life which pulsates through the etheric body of every plant and animal and of all intermediate forms of life, and which constitutes the raging fire which is seen circulating through all etheric vehicles.

Họ là những thiên thần tiếp sinh lực và tạo ra năng lượng của mọi hình thái sự sống hữu cảm. Sự sống của họ là sự sống đang đập nhịp xuyên qua thể dĩ thái của mọi thực vật và động vật cùng mọi hình thái sự sống trung gian, và cấu thành ngọn lửa dữ dội được thấy đang lưu chuyển qua mọi hiện thể dĩ thái.

448. Let us tabulate for clarity:

448. Hãy lập bảng cho rõ ràng:

a. These pranic transmitters vitalize and produce the energy of all forms of sentient life

a. Các đấng truyền dẫn prana này tiếp sinh lực và tạo ra năng lượng của mọi hình thái sự sống hữu cảm

b. Their life pulsates through the etheric body of every plant, animal, and intermediate form of life. (DK has spoken of these *transitional* life forms acting as bridges between adjacent kingdoms.)

b. Sự sống của họ đập nhịp xuyên qua thể dĩ thái của mọi thực vật, động vật, và hình thái sự sống trung gian. (Chân sư DK đã nói về các hình thái sự sống *chuyển tiếp* này như những cây cầu nối giữa các giới kế cận.)

c. Their life is seen as the raging fire circulating through the form of the etheric body.

c. Sự sống của họ được thấy như ngọn lửa dữ dội đang lưu chuyển qua hình tướng của thể dĩ thái.

Among many other functions they produce the warmth of the sun and of all bodies; they are the cause of solar, planetary, and human radiation, and they nourish and preserve all forms. They occultly mediate between the Father and the Mother on each plane, whether cosmic or systemic.

Trong nhiều chức năng khác, họ tạo ra hơi ấm của mặt trời và của mọi thể; họ là nguyên nhân của bức xạ thái dương, hành tinh và nhân loại, và họ nuôi dưỡng cũng như bảo tồn mọi hình tướng. Một cách huyền bí, họ làm trung gian giữa Cha và Mẹ trên mỗi cõi, dù là vũ trụ hay hệ thống.

449. Again let us tabulate with respect to their functions:

449. Một lần nữa, hãy lập bảng liên quan đến các chức năng của họ:

a. They produce the warmth of the sun

a. Họ tạo ra hơi ấm của mặt trời

b. They produce the warmth of all bodies

b. Họ tạo ra hơi ấm của mọi thể

c. They cause solar, planetary and human radiation

c. Họ gây ra bức xạ thái dương, hành tinh và nhân loại

d. They nourish and preserve all forms

d. Họ nuôi dưỡng và bảo tồn mọi hình tướng

e. They mediate between Father and Mother on each plane.

e. Họ làm trung gian giữa Cha và Mẹ trên mỗi cõi.

450. We can see, by examining their functions, that these devas are closely connected to the Solar Angels. Within this devic world they represent the mediating second aspect.

450. Qua việc khảo sát các chức năng của họ, chúng ta có thể thấy rằng các thiên thần này liên hệ chặt chẽ với các Thái dương Thiên Thần. Trong thế giới thiên thần này, họ biểu thị phương diện thứ hai mang tính trung gian.

They originate in the sun,

Họ phát nguyên trong mặt trời,

451. Here we seem to be talking of the physical sun and not of higher planes associated with the Sun or Solar Logos.

451. Ở đây dường như chúng ta đang nói về mặt trời hồng trần chứ không phải các cõi cao hơn liên hệ với Mặt Trời hay Thái dương Thượng đế.

and are closely related to the logoic and planetary solar plexus, for the evolutionary process, as in all manifestation, is the result of desire, acting upon the creative faculties and producing that which is objective.

452. We might say that we human beings have energy (prana) for that which we *desire*. When the desire ceases, prana seems less available to us.

453. We note that that solar plexus is the ***solar*** plexus and is a source of considerable animation within the energy system of man.

454. People with a highly activated solar plexus center are considered to be 'alive' and demonstrate enthusiasm and energy in the pursuit of what they desire.

They are the devas who energise the myriads of minute lives which build the etheric bodies of all that is seen and tangible,

455. Presumably these "myriads of minute lives" are elemental in their nature, yet they *could* be devic.

456. They have, however, not been called "devic"—at least not in this context.

457. Devas, however, are true *builders* whereas elementals are *built into* rather than building.

và liên hệ chặt chẽ với tùng thái dương logoic và hành tinh, vì tiến trình tiến hoá, cũng như trong mọi biểu hiện, là kết quả của dục vọng tác động lên các năng lực sáng tạo và tạo ra điều khách quan.

452. Chúng ta có thể nói rằng chúng ta, những con người, có năng lượng (prana) cho điều mà chúng ta *ham muốn*. Khi ham muốn chấm dứt, prana dường như ít sẵn có hơn đối với chúng ta.

453. Chúng ta lưu ý rằng tùng thái dương ấy là tùng thái dương ***thái dương*** và là một nguồn sinh động hóa đáng kể trong hệ thống năng lượng của con người.

454. Những người có trung tâm tùng thái dương được hoạt hóa mạnh được xem là 'đầy sức sống' và biểu lộ nhiệt tâm cùng năng lượng trong việc theo đuổi điều họ ham muốn.

Họ là những thiên thần tiếp năng lượng cho vô số sự sống nhỏ bé xây dựng các thể dĩ thái của mọi điều được thấy và sờ chạm được,

455. Có lẽ những "vô số sự sống nhỏ bé" này có bản chất hành khí, tuy nhiên chúng *có thể* là thiên thần.

456. Tuy nhiên, chúng đã không được gọi là "thuộc thiên thần"—ít nhất không phải trong ngữ cảnh này.

457. Tuy nhiên, các thiên thần là những *đấng kiến tạo* đích thực, trong khi hành khí là những gì được *xây vào trong* hơn là tự xây dựng.

458. Yet, we are missing a discussion of those devas which go to the formation of etheric structures.

458. Tuy vậy, chúng ta đang thiếu một cuộc bàn đến về những thiên thần góp phần vào việc hình thành các cấu trúc dĩ thái.

and who are the **instigators** of the creative processes on the three lowest subplanes of the physical plane.

và là những vị khởi **xướng** các tiến trình sáng tạo trên ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần.

459. The Transmitters of Prana are here called "instigators" in relation to the processes on the lower subplanes of the physical plane.

459. Ở đây Các Đấng Truyền Dẫn Prana được gọi là những "vị khởi xướng" trong tương quan với các tiến trình trên các cõi phụ thấp hơn của cõi hồng trần.

460. Prana drives the physical form forward. Interestingly, the Rising-sign is said to *animate* the human being and to be possessed of "driving energies". We might, therefore, think of them as 'animators' or 'life givers', if we understand life as vitality.

460. Prana thúc đẩy hình tướng hồng trần tiến lên. Điều thú vị là dấu hiệu mọc được nói là *sinh động hóa* con người và sở hữu "các năng lượng thúc đẩy". Vì vậy, chúng ta có thể nghĩ về họ như những 'đấng sinh động hóa' hay 'đấng ban sự sống', nếu chúng ta hiểu sự sống là sinh lực.

461. Without these "Transmitters of Prana" there would be no creative processes on the three lowest subplanes of the physical plane.

461. Nếu không có những "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" này thì sẽ không có các tiến trình sáng tạo trên ba cõi phụ thấp nhất của cõi hồng trần.

Systemically, the devas engaged in this line of activity can be subdivided into two groups: [Page 925]

Về mặt hệ thống, các thiên thần tham gia vào đường hoạt động này có thể được phân thành hai nhóm: [Page 925]

462. So many divisions and subdivisions! It becomes necessary to keep the entire structure clear. Diagramming is needed.

462. Quá nhiều phân chia và phân chia phụ! Cần phải giữ cho toàn bộ cấu trúc được rõ ràng. Cần có sơ đồ hóa.

a. Those who work on the four higher systemic planes and from thence influence in the three worlds, producing through reflex action the desired results.

a. Những vị hoạt động trên bốn cõi hệ thống cao hơn và từ đó ảnh hưởng trong ba cõi giới, tạo ra qua tác động phản xạ các kết quả mong muốn.

463. Here our perspective is the cosmic physical plane. These "Transmitters of Prana" work upon the cosmic etheric planes.

463. Ở đây góc nhìn của chúng ta là cõi hồng trần vũ trụ. Những "Các Đấng Truyền Dẫn

Prana" này hoạt động trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

464. We remember that the "Transmitters of the Word" on the logoic plane worked only on the *lowest* three levels of that plane.

464. Chúng ta nhớ rằng "Các Đấng Truyền Dẫn Linh từ" trên cõi logoic chỉ hoạt động trên ba cấp độ *thấp nhất* của cõi ấy.

465. Yet "Transmitters of Prana" are *lower* in their nature than "Transmitters of the Word". We can see that some need of clarification lies before us.

465. Tuy nhiên, "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" lại *thấp hơn* về bản chất so với "Các Đấng Truyền Dẫn Linh từ". Chúng ta có thể thấy rằng trước mắt chúng ta có một nhu cầu cần được làm sáng tỏ.

466. On which of the subplanes of the logoic plane do the "Transmitters of Prana" resident on that plane actually work?

466. Trên những cõi phụ nào của cõi logoic mà các "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" cư ngụ trên cõi ấy thực sự hoạt động?

467. If we follow the analogy (remembering the "Transmitters of Prana" to be an "intermediary group"), we would expect them to be at work on the second, third and fourth subplanes of the "four higher systemic planes" under discussion, yet there are "Transmitters of the Word" working *beneath* those levels.

467. Nếu chúng ta theo phép tương đồng (nhớ rằng "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" là một "nhóm trung gian"), chúng ta sẽ mong đợi họ hoạt động trên các cõi phụ thứ hai, thứ ba và thứ tư của "bốn cõi hệ thống cao hơn" đang được bàn đến, tuy nhiên lại có những "Các Đấng Truyền Dẫn Linh từ" hoạt động *bên dưới* các cấp độ ấy.

b. Those who work in the three worlds of human endeavour, producing directly dense physical manifestation.

b. Những vị hoạt động trong ba cõi của nỗ lực nhân loại, trực tiếp tạo ra biểu hiện hồng trần đậm đặc.

468. Presumably these "Transmitters of Prana" do not *only* work on the systemic physical plane. DK here discusses the "three worlds of human endeavour".

468. Có lẽ những "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" này không *chỉ* hoạt động trên cõi hồng trần hệ thống. Ở đây Chân sư DK bàn đến "ba cõi của nỗ lực nhân loại".

469. All systemic planes must be pranically vitalized.

469. Mọi cõi hệ thống đều phải được tiếp sinh lực prana.

470. Just how 'etheric' are the higher four subplanes of the astral and mental planes?

470. Bốn cõi phụ cao hơn của cõi cảm dục và cõi trí thật sự "dĩ thái" đến mức nào?

471. Certainly, however, the second and lower group of these "Transmitters of Prana" work within the four systemic ethers, from there "producing directly dense physical manifestation".

471. Tuy nhiên, chắc chắn nhóm thứ hai và thấp hơn của những "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" này hoạt động trong bốn dĩ thái hệ thống, từ đó "trực tiếp tạo ra biểu hiện hồng trần đậm đặc".

472. It becomes necessary to see on which planes the Army of the Voice work. Then, maybe, we can clarify the planes of focus for the "Transmitters of Prana".

472. Cần phải thấy Đạo Quân của Âm Thanh hoạt động trên những cõi nào. Khi đó, có lẽ chúng ta có thể làm sáng tỏ các cõi tập trung của "Các Đấng Truyền Dẫn Prana".

473. The following statement about the Army of the Voice must be factored into our considerations:

473. Phát biểu sau đây về Đạo Quân của Âm Thanh phải được đưa vào các cân nhắc của chúng ta:

They work only on etheric levels—either upon our physical plane or on the cosmic etheric levels. They are therefore active in the realm of maya, which is the etheric plane as we usually understand it, or upon the planes of the Spiritual Triad. They are not active on the three gross physical levels or upon the astral or mental planes, nor are they active upon the highest or logoic plane. **There they are implicit or latent but not active.** (R&I 179)

Họ chỉ hoạt động trên các cấp độ dĩ thái—hoặc trên cõi hồng trần của chúng ta hoặc trên các cấp độ dĩ thái vũ trụ. Vì vậy họ hoạt động trong lĩnh vực của ảo lực, tức là cõi dĩ thái như chúng ta thường hiểu, hoặc trên các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần. Họ không hoạt động trên ba cấp độ hồng trần thô trược, cũng không hoạt động trên cõi cảm dục hay cõi trí, và cũng không hoạt động trên cõi cao nhất hay cõi logoic. **Tại đó họ hàm ẩn hay tiềm tàng nhưng không hoạt động.** (R&I 179)

474. "Transmitters of Prana" work on *all* the four cosmic ethers, and yet, the highest members of the Army of the Voice do not. Yet earlier, "Transmitters of Prana" were to be considered members of the Army of the Voice.

474. "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" hoạt động trên *tất cả* bốn dĩ thái vũ trụ, thế nhưng các thành viên cao nhất của Đạo Quân của Âm Thanh thì không. Tuy nhiên trước đó, "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" đã được xem là các thành viên của Đạo Quân của Âm Thanh.

All the etheric devas who transmit energy on the physical plane belong to the **second division** [a lower division] above enumerated, and according to the subplane on which they work **come under the guidance of a greater intelligence on a corresponding plane**.

Tất cả các thiên thần dĩ thái truyền dẫn năng lượng trên cõi hồng trần đều thuộc về **phân chia thứ hai** [một phân chia thấp hơn] đã được liệt kê ở trên, và tùy theo cõi phụ mà họ hoạt động, họ **chịu sự hướng dẫn của một trí tuệ lớn hơn trên một cõi tương ứng**.

475. We are speaking of etheric devas who transmit energy on the physical plane. By this is meant the etheric-physical plane.

475. Chúng ta đang nói về các thiên thần dĩ thái truyền dẫn năng lượng trên cõi hồng trần. Điều này có nghĩa là cõi dĩ thái-hồng trần.

476. All such devas belong to the second division, "Group b."

476. Mọi thiên thần như thế đều thuộc về phân chia thứ hai, "Nhóm b."

477. We are speaking here of linking the systemic etheric subplanes with the cosmic etheric planes. There are four cosmic ethers and four systemic ethers.

477. Ở đây chúng ta đang nói về việc nối kết các cõi phụ dĩ thái hệ thống với các cõi dĩ thái vũ trụ. Có bốn dĩ thái vũ trụ và bốn dĩ thái hệ thống.

478. Upon and within the cosmic ethers, there are greater intelligences than are to be found upon and within the systemic etheric subplanes. No lesser form of life is left without guidance.

478. Trên và trong các dĩ thái vũ trụ có những trí tuệ lớn hơn những gì được tìm thấy trên và trong các cõi phụ dĩ thái hệ thống. Không một hình thái sự sống thấp hơn nào bị bỏ mặc mà không có sự hướng dẫn.

479. We are being told that the various "Transmitters of Prana" on the systemic etheric subplanes are being guided by higher, and corresponding Transmitters of Prana on the cosmic etheric planes.

479. Chúng ta đang được cho biết rằng các "Các Đấng Truyền Dẫn Prana" khác nhau trên các cõi phụ dĩ thái hệ thống đang được hướng dẫn bởi các Đấng Truyền Dẫn Prana cao hơn và tương ứng trên các cõi dĩ thái vũ trụ.

There are **also the devas** who form the attractive force of all subhuman forms, holding the forms of the three lower kingdoms of nature together in coherency,

Cũng có **các thiên thần** tạo thành lực hấp dẫn của mọi hình tướng dưới nhân loại, giữ cho các hình tướng của ba giới thấp trong thiên nhiên kết hợp với nhau một cách cố kết,

480. Here we may have the necessary distinction between devic life and elemental life.

480. Ở đây chúng ta có thể có được sự phân biệt cần thiết giữa sự sống thiên thần và sự sống hành khí.

481. DK seems to be speaking of a third kind of deva—not a "Transmitter of Prana" (though prana does serve coherency) but one that holds the substantial forms of all subhuman entities together.

481. Dường như Chân sư DK đang nói đến một loại thiên thần thứ ba—không phải một "Đấng Truyền Dẫn Prana" (dù prana quả có phụng sự sự cố kết) mà là một loại giữ cho các hình tướng bằng chất liệu của mọi thực thể dưới nhân loại được kết hợp với nhau.

482. Such a devic type would essential *hold* the elemental lives in coherency. This type of deva would be closely related to the third aspect of divinity and yet use the force of coherency which functions of the second aspect.

482. Một loại thiên thần như thế về căn bản sẽ *giữ* các sự sống hành khí trong trạng thái cố kết. Loại thiên thần này sẽ có liên hệ mật thiết với phương diện thứ ba của thiên tính, nhưng lại sử dụng lực cố kết vốn hoạt động thuộc phương diện thứ hai.

483. We have ben calling such devas "structural, structuring or formative" devas.

483. Chúng ta đã gọi các thiên thần như thế là các thiên thần "cấu trúc, kiến tạo cấu trúc hay tạo hình".

and thus producing the body of manifestation of the great Entity who is the sumtotal of the life of the kingdom, and of the lesser beings who ensoul different families and groups within any specific kingdom.

và nhờ đó tạo ra thể biểu hiện của Thực Thể vĩ đại là tổng thể sự sống của giới ấy, và của các hữu thể nhỏ hơn phú linh cho những họ và nhóm khác nhau bên trong bất kỳ giới đặc thù nào.

484. This type of devic being can hold together bodies of manifestation for very great entities and for all the many differentiated lives within the "great Entity".

484. Loại hữu thể thiên thần này có thể giữ kết hợp các thể biểu hiện cho những thực thể rất vĩ đại và cho tất cả vô số sự sống đã được biến phân bên trong "Thực Thể vĩ đại".

485. Thus, in the course of this Commentary, we have discussed great devas who are "Transmitters of the Word", those who are "Transmitters of Prana" and those who hold in coherency those etheric forms through which the "Word" and prana are to be transmitted.

485. Vì vậy, trong tiến trình của phần Cổ Luận này, chúng ta đã bàn đến các thiên thần vĩ đại là "Đấng Truyền Dẫn Linh từ", những vị là "Đấng Truyền Dẫn Prana" và những vị giữ cho các hình tướng dĩ thái mà qua đó "Linh từ" và prana sẽ được truyền dẫn ở trong trạng thái cố kết.

486. We have been given many classifications of devas, yet some steps and links have been deliberately left out. Our task is to piece things together from what we have been given, and, indeed, we have been given enough to erect a useful hypothetical structure of inter-devic relations and deva-human relations.

486. Chúng ta đã được trao cho nhiều cách phân loại các thiên thần, tuy nhiên một số bước và mối liên kết đã được cố ý lược bỏ. Nhiệm vụ của chúng ta là ghép nối mọi điều lại với nhau từ những gì đã được trao cho, và quả thật, chúng ta đã được trao đủ để dựng nên một cấu trúc giả thuyết hữu ích về các tương quan giữa các thiên thần với nhau và giữa thiên thần với con người.